

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP SÁU



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP SÁU



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP SÁU

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục

67-2006/CXB/5-56/GD

Mã số : 7X409N6 -CNĐ

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUẢN TRIỀU NGUYỄN

Tổ Phiên dịch Viện Sử học phiên dịch

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP SÁU

Phiên dịch : Cao Huy Giu, Trịnh Đình Rư,
Trần Huy Hân, Nguyễn Trọng Hân

Hiệu đính : Hoa Bằng

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN THỨ

[DỤ]

Tự Đức năm thứ 30 [1877], tháng 11, ngày 21, dụ rằng : Các đế vương ngày xưa, bậc khai sáng cơ nghiệp để lại cho người sau, bậc nối giữ cơ nghiệp đã thành, đời nào cũng có chính sử của đời ấy, để ghi chép công đức, lưu lại làm gương mẫu cho người sau. Từ xưa đến nay, sử biên chép chính sự hằng ngày và bản đồ của nhà vua để trong hòm vàng, đều là điển chương lớn của Nhà nước. Công việc chế tác ra và sửa sang lại, không gì to bằng việc ấy.

Bản triều ta, gây dựng cơ nghiệp ở cõi Nam, thánh thân truyền nối, đã hơn 200 năm nay, đức sáng của tổ tiên để lại, kể đã lâu lắm. Nguồn phúc dài lâu, rực rỡ trong sử sách ; công liệt giống như vua Văn vua Vũ, thịnh trị hơn vua Thành, vua Khang nhà Chu ngày xưa, công dày đức thịnh, sáng rõ như Mặt Trời, Mặt Trăng. Bộ *Thực lục Tiên biên* của các thánh trước⁽¹⁾, bộ *Chính biên Đệ nhất kỷ* của Thế tổ Cao hoàng đế và bộ *Chính biên Đệ nhị kỷ* của Thánh tổ Nhân hoàng đế ta đã lần lượt làm xong đưa ra khắc in và cất vào kho sách, thực là của quý báu như khắc vào đồng, tạc vào đá không bao giờ mất được nữa.

Kính nghĩ Hoàng khảo Hiến tổ Chương hoàng đế ta, tư chất bẩm sinh là bậc thượng thánh, nối giữ cơ nghiệp thịnh trị, về công việc trị nước thì kính trời, noi theo pháp độ của tổ tiên, hiếu thảo với đấng thân, hoà mục với họ hàng, dùng người hiền tài, tìm lời nói thẳng, thương dân, trọng nghề gốc, sửa việc văn, rèn việc võ, ưa

(1) Chỉ các chúa Nguyễn trước đời Gia Long.

chuộng sự kiệm ước, nén bỏ sự xa xỉ, biết bao chính sự hay, sử sách không sao chép hết được. Cho nên lúc bấy giờ, chính sự bình hoà, giáo hoá thấm khắp, thời tiết hoà thuận, năm thường được mùa, số hộ khẩu ngày một tăng thêm, việc hình phạt ngày bớt đi nhiều, việc võ không dùng đến, nơi biên cảnh yên tĩnh. Trong khoảng 7 năm, ơn trạch thấm nhuần, các sĩ phu và dân chúng đều ca ngợi thái bình, đến ngày nay cũng vẫn như ngày xưa. Đạo đức và công liệt của Hoàng khảo ta làm cho công đức của hai Thánh tổ tỏ rạng thêm. Còn về việc làm cho đức được sánh với đời trước, là ở người sau như ta này.

Ta nhờ anh linh của ba vua trước ⁽¹⁾ ở trên trời, được nối ngôi trị dân, hàng ngày kính cẩn, lúc nào cũng nghĩ đến tổ tiên, hình như anh linh vẫn thường lên xuống đâu đây, nên dạ vẫn chăm chăm. Bộ *Thực lục Chính biên Đệ tam kỷ* về Hoàng khảo ta, năm trước đã sai sử thần hết lòng biên chép, đã nhiều lần phê chuẩn kiểm xét bổ thêm vào, khiến cho mọi việc đều tường tận xác đáng, ngõ hầu làm sáng tỏ được điển tắc, truyền mãi được lâu dài, để giải chút lòng nối theo ý chí và sự nghiệp của tổ tiên ta.

Nay căn cứ vào bọn Sử quán Tổng tài là Trần Tiến Thành, Phó tổng tài là Lê Bá Thận, Toàn tu là Phạm Huy Bính tâu rằng bản mẫu về bộ *Chính biên Đệ tam kỷ* đã làm xong, xin đem khắc in. Ta xem tờ tâu, rất hài lòng, cho rằng đáng nên đem ra khắc in, để tỏ rõ công liệt to tát của Hoàng khảo ta, cùng với các bộ *Thực lục Tiên biên*, *Chính biên* của các thánh tổ trước cùng lưu truyền đến ức muôn năm về sau, để theo làm gương mẫu. Lần này, đã làm xong bộ *Thực lục Chính biên* về Hiến tổ Chương hoàng đế được bao nhiêu quyển, giao cho quan Thái sử chọn ngay ngày tốt khởi công làm việc khắc in ở trong Sử quán, và giao cho các viên toàn tu phải kiểm soát sửa chữa các chữ viết và khoản thức cho rất kỹ, cốt phải chu đáo thoả đáng. Các quan tổng tài cũng phải hết lòng kiểm đóc, để cho điển chương to lớn này được chóng hoàn thành. Có những việc gì đáng phải làm, thì các viên có trách nhiệm kính cẩn cung ứng để làm. Phải tuân theo mệnh lệnh này.

[CÁC BÀI BIỂU]

[I]⁽²⁾

Lũ chúng tôi là Tổng tài và các Toàn tu ở Quốc sử quán kính tâu về việc đã làm xong bộ *Thực lục Chính biên* về Hiến tổ Chương hoàng đế, xin đem ra khắc in

(1) Chỉ Gia Long, Minh Mệnh và Thiệu Trị.

(2) Bài Biểu thứ I này, theo bộ *Thực lục Chính biên*, sách Thư viện Khoa học, ký hiệu A.2772, đặt ở ngay sau bài Dụ. Còn ký hiệu số A.27 thì lại đặt ở dưới bài Biểu thứ II sau đây. Đó vì sự đóng sách có sai biệt. Nhưng chúng tôi thấy trình bày theo ký hiệu A.2772 là đúng thứ tự hơn, nên cứ để vậy, mà chỉ điều chỉnh từ để ngày tháng và danh sách người ký tên của bài Biểu thứ II cho xuống cuối bài, như trong ký hiệu A.27 đã xếp đặt thời.

để tỏ rõ đức sáng to tát. Kính nghĩ : một nước phải có chính sự, là để ghi chép các chính sự, chính sự ấy có thể làm khuôn phép cho thiên hạ muôn đời về sau, thì sách sử phải được lưu truyền đến muôn đời sau. Xem như vua Thuấn nối ngôi vua Nghiêu thì có thiên *Nghiêu điển*, vua Vũ nối vua Thuấn thì có thiên *Thuấn điển*. Từ đời Hạ, Thương trở về sau, từ đời Tống, Minh trở về trước, người làm chủ thiên hạ, phàm những chính sự hay, lời nói tốt của các vua trước, thì vua sau đều phải phỏng như có trông thấy nghe thấy cả, mà ghi chép lại, để thuật lại công tốt của vua trước truyền lại cho con cháu về sau mãi mãi.

Bản triều ta, thánh thần truyền nối, mưu xa để lại từ trước. Thế tổ Cao hoàng đế ta : lấy vũ công mà bình định thiên hạ, lấy giáo hoá mà trong nước được thái bình, quy mô sáng nghiệp và thủ thành đã rõ ràng lại đầy đủ.

Thánh tổ Nhân hoàng đế ta : đức tốt sánh với đời trước, làm thêm rực rỡ công người xưa. Năm Minh Mệnh thứ 2 [1821], đầu tiên mở ra Sử quán, sai quan sử thần làm bộ *Thực lục* về Liệt thánh⁽¹⁾ và Thế tổ Cao hoàng đế, chia làm *Tiền biên* và *Chính biên* ; cân nhắc ý nghĩa và điều lệ, để làm khuôn phép cho nghìn muôn đời sau.

Hiến tổ Chương hoàng đế ta : nối theo chí của tổ tiên, lại đặt thêm Sử cục để làm bộ *Thực lục Chính biên* về Thánh tổ Nhân hoàng đế, định thêm chương trình để sáng tỏ hơn lên. Năm Thiệu Trị thứ 4 [1844], bộ *Thực lục Tiền biên* về Liệt thánh làm xong, đã đem khắc in để làm gương mẫu cho sau này.

Hoàng thượng ta : kính theo trị đạo của đời trước, làm tỏ rạng thêm văn giáo. Năm Tự Đức thứ 1 [1848], bộ *Thực lục Chính biên* về Thế tổ Cao hoàng đế làm xong ; năm thứ 14 [1861], bộ *Thực lục Chính biên* về Thánh tổ Nhân hoàng đế cũng làm xong, đã lần lượt được đưa ra khắc in và cất vào kho sách của nhà vua rồi.

Công đức rực rỡ của tổ tông ta đã thấy rõ ở trong các *Tiền kỷ*⁽²⁾ và *Chính biên* ghi chép, gương soi quý báu đã nêu ra rõ rệt, thế đạo rực rỡ mỗi ngày một mới.

Kính nghĩ : Hiến tổ Chương hoàng đế ta : ý tứ tự nhiên như vua Đường Nghiêu, lòng thường cố gắng như vua Văn vương. Nơi nhạc phủ vịnh câu “tứ trùng”⁽³⁾, lòng trời đã chọn người đức lớn ; trong Cơ trù⁽⁴⁾ nêu lên “ngũ thủy”⁽⁵⁾, đức trung chính

(1) Chỉ các chúa Nguyễn trước đời Gia Long.

(2) Tức là *Thực lục Tiền biên*

(3) *Tứ trùng* : Bốn sự thêm lên : nhật trùng quang, nguyệt trùng luân, tinh trùng huy, hải trùng nhuận, nghĩa là Mặt Trời vốn đã sáng lại sáng thêm, Mặt Trăng vốn đã sáng lại có vành sáng thêm, sao vốn đã sáng lại sáng tỏ thêm, biển vốn đã thấm nhuận lại thấm nhuận thêm.

(4) *Cơ trù* : Chín trù của Cơ tử trong thiên Hồng phạm, *Kinh Thư*.

(5) *Ngũ thủy* : Năm sự bắt đầu. Trong kinh *Xuân thu* chép rằng : “Nguyên niên, xuân vương chính nguyệt, công tức vị” nghĩa là năm thứ nhất, mùa xuân, tháng giêng của nhà vua, ông Ân công nước Lỗ lên ngôi. Thì “Nguyên” là bắt đầu của khí, “Xuân” là bắt đầu của bốn mùa, “vương” là bắt đầu chịu mệnh nhà vua, “chính nguyệt” là bắt đầu ban ra chính giáo, “công tức vị” là bắt đầu làm vua một nước. Nghĩa này là nghĩa trong kinh *Xuân thu*. Không rõ sao lại gọi là cơ trù.

nổi giữ ngôi trời. Việc lễ, nhạc, hình, chính, phép cũ tuân theo ; việc tu, tề, trị, bình, đức hay rất mực. Chay sạch kính thờ thượng đế, chăm chú hàng ngày ; hiếu thảo đối với Từ cung, sớm khuya thăm hỏi. Rất trọng đãi các vị phiên vương có tuổi, thế là lấy ân mà hoà mục với họ hàng ; không gọi tên các bậc sư phó hiền tài, thế là lấy lễ mà đối với người dưới. Kính sợ những điềm trời răn bảo, rộng đường dư luận, cầu người trực ngôn ; khuyến thiên hạ chăm chỉ nghề nông, mở Vụ Bản đường để trọng nghề gốc. Sự đau khổ của dân gian đều xét thấu, việc nào hại thì bỏ đi, việc nào lợi thì quyết làm ; xét công quá của quan chức được công bằng, kẻ có tội thì trừng trị, kẻ có công thì khuyến khích. Khoa Hương, khoa Hội, thịnh điển, được mở rộng ra ; xá tội xá tồ, chiếu Chi thường thường ban xuống. Làm ra *Hội điển*, để pháp độ nhà vua được đầy đủ ; làm thành văn quy, để đạo học Nho giáo được rõ thêm. Lời hoàng huấn ban ra, tỏ bày đức tốt, phép thủy trận đặt mới, nối theo võ công. Đặt bài ngâm, câu vịnh để nói ra tính tình, đều giống như các thiên Nhã, Tung của nhà Thương, nhà Chu thuở trước ; có *Tiên tập*, *Hậu tập*, để giải nghĩa *Kinh Dịch*, chẳng khác gì các thứ bào, phù⁽¹⁾ của sông Hà, sông Lạc ngày xưa. Chính trị, giáo hoá, thấm khắp trong nước nhà ; oai hùng, đức độ đến cả nơi xa tít. Sai quân đi đánh Xiêm La xa cách, là lấy chính nghĩa mà hỏi tội kẻ thù ; rộng lượng võ về Chân Lạp gần kề, là lấy lòng nhân mà thân yêu nước nhỏ. Trong 7 năm trừ tính thay trời làm việc, cách sửa sang giúp đỡ đều hợp nghi ; cả muôn việc mở mang, vì nước lo toan, mọi tác dụng giã co đều đúng mức. Được thịnh trị bởi ở người trên điều khiển, thế mới biết người làm ra là thánh, người noi theo là hiền minh ; những trị đạo chép trong sử sách lưu truyền, thực đúng câu người dựng lên không trái, người khảo lại không lầm lẫn.

Kính nghĩ : Hoàng thượng, cố gắng để đức tốt sánh với trời trước, làm sáng tỏ công nghiệp của người xưa. Nghĩ rằng : Những đức chính tốt, lời nói hay của các đời trước có thể làm khuôn phép cho thiên hạ, mà mưu hay của các đời trước có thể nêu lên tiếng tốt cho muôn đời về sau mãi mãi.

Lũ chúng tôi kính cẩn chiếu theo công việc từ năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] đến năm thứ 7 [1847], biên chép từng việc, lần lượt tâu lên, đã được xét định. Về những tâm pháp và trị pháp, đức to công lớn của tiền thánh, tỏ rõ như sao sáng, như Mặt Trời. Nay xin đem bản mẫu bộ *Thực lục Chính biên Đệ tam kỷ* về đức Hiến tổ Chương hoàng đế hiện đã làm xong, được chuẩn cho chọn ngày tốt khởi công khắc in, để hoàn thành điển chương to lớn này, mà nêu rõ công liệt giáo hoá tốt đẹp của tiền thánh, tỏ rõ lòng hiếu của Hoàng thượng ta đã noi theo ý chí và công việc của đời trước, truyền lại về sau mãi mãi. Lũ chúng tôi xiết nỗi trông ngóng.

(1) *Bào, phù* : tức là Hà đồ, Lạc thư (đồ của sông Hà nét chữ của sông Lạc).

Kính tâu.

Đề : Tự Đức năm thứ 30 [1877], tháng 11, ngày mồng 3.

[Lời phê] : Chuẩn y lời tâu, chọn ngày tốt, kính cẩn khởi công làm.

Lũ chúng tôi là :

Trần Tiến Thành

Lê Bá Thận

Phạm Huy Bình.

[II]

Lũ chúng tôi : Quốc sử quán Tổng tài, Phó tổng tài và Toàn tu, kính cẩn tâu về việc bộ *Thực lục Chính biên* về đức Hiến tổ Chương hoàng đế đã khắc in xong.

Gỗ khắc bản in nêu lên về sáng ; lụa để bọc sách, tờ rõ diêm hay. Lũ chúng tôi rất vui mừng, kính xin dâng biểu kèm theo bộ sách này tiến lên.

Kính nghĩ : ngôi báu tự trời mở ra, cơ nghiệp như núi vững, đá bền còn mãi ; hòm sách thức mây rực rỡ, vẻ sáng của sao Khuê, sao Bích tỏ thêm. Điển lớn huy hoàng, chứng cứ rõ rệt.

Lũ chúng tôi thiết nghĩ : trị nước có quy mô to lớn, dù thánh trước, thánh sau, trị đạo chỉ có một thời ; làm sử chép công việc đương thời, nêu tâm pháp, trị pháp, truyền thụ về sau bởi đó. Sách của nhà Đường, nhà Ngu lấy chữ “điển”⁽¹⁾ mà gọi, là có ý nêu lại điển chương cho đời sau ; sử của đời đế, đời vương lấy chữ “kỷ”⁽²⁾ đặt tên, là có ý để lại kỷ cương cho con cháu. Kịp đến hai nhà Hán và các đời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh nối nhau trỗi dậy, và đến các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê nước ta nối nhau dấy lên, tuy rằng chính trị có thuần hay bác⁽³⁾ khác nhau, thế vận có xua hay nay không giống, nhưng đời nào dấy lên, đều có sử sách riêng của đời ấy. Cho nên, nghìn năm về sau có thể tìm biết được công việc của nghìn năm về trước. Huống chi gặp lúc vận hội đương hưng thịnh, trị đạo đã thái bình, có thể góp lại những điều truyền tâm cốt yếu của Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, đã sánh được với Ngũ đế, lại hơn cả tam vương, tóm suốt những việc chép về trị đạo của *Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân thu*, theo sáu kinh cũ, thêm sử là bảy, như ngày nay !

Bản triều ta, thánh thần truyền nối, ơn trạch dày sâu ; nghiệp vua gây mới cơ đồ, lòng trời mở ra thịnh trị. Thế tổ Cao hoàng đế ta, hợp các khí thiêng, bói đã

(1) Thí dụ : *Nghiêu điển, Thuấn điển* trong *Kinh Thư*.

(2) Thí dụ : *Ngũ đế kỷ, Hạ kỷ* trong *Sử ký*.

(3) Thuần : chính trị toàn theo vương đạo. Bác : chính trị có tham tạp về bá đạo.

được tốt ; thừa thời mở vận giữ cơ đồ ; làm xong công việc sáng nghiệp thủ thành, quy mô riêng biệt ; dùng cả văn hoá, chất phác, điển tác rõ ràng. Có người trước mở ra, để đời sau được thịnh.

Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, khéo nối chí hướng của người xưa, trị đạo được thịnh ; sáng thêm công liệt của đời trước, đức tốt thêm lên. Muu xa để yên người sau, lâu dài truyền nối ; tô điểm thái bình thêm đẹp, rạng rỡ thành công. Tốt đẹp thay ! Bộ *Thực lục Chính biên* về đức Hiến tổ Chương hoàng đế, tự khi vàng mệnh biên chép đến nay, hằng được nhà vua dạy bảo, đã nghiêm hạn để kích lệ kẻ lười biếng, lại khoan dung để mong được chóng thành công. Khi lũ chúng tôi biên chép

Chúng tôi nghĩ : sau khi nước nhà vận mở thái bình, nhân văn ngày một to rõ, thế đạo ngày một tiến lên ; tô điểm cho thái bình, chính là lúc này.

Kính nghĩ : Hiến tổ Chương hoàng đế ta, nhân được vận thái bình thịnh trị, lấy việc rõ đức sáng nêu công trước làm lòng. Việc lễ, nhạc, binh, hình, đều theo phép cũ ; việc tu, tể, trị, bình, cầu đến mức hay. Kính thờ cung Từ Ninh, là dốc lòng hiếu thảo bề thân đó ; trọng đãi các phiến vương già, là dạy việc hoà mục họ hàng đó. Về sự kính trời, thì ban chiếu cầu người nói thẳng ; về lòng thương dân thì Vụ Bản đường được mở ra. Hoàng huấn ban xuống, sử luận ban cho, mà giáo hoá được thấm khắp ; thuỷ trận đặt ra, thân đến xem tập, mà võ bị được nghiêm minh. Còn như, nước Chân Lạp vào phe đảng với nước Xiêm, gây sự quấy nhiễu, thì lấy binh mà trừng trị, dùng ân đức để vỗ về ; việc binh nhung đã xong, nơi biên cảnh yên tĩnh. Thịnh đại biết là nhường nào ! Trong khoảng 7 năm, đạo hoá thấm khắp, phúc trời hưởng nhiều ; thời tiết thuận hoà, hằng năm được mùa. Số hộ khẩu mỗi năm tăng lên ; việc hình phạt mỗi ngày giảm bớt ; trí trị tốt đẹp, thành công rõ ràng. Trên có thể làm vẻ vang cho quy mô rực rỡ, công nghiệp đáng nối theo của thời đại thái bình, để lại phúc tốt cho người sau, là nhờ được nhà vua có ý chu chuân sai bộn nho thần tu sửa ra bộ sử này. Bắt đầu từ năm Tân Sửu [1841] đến tháng 9 năm Đinh Mùi [1847], việc chép được đúng mà vẫn đủ làm bằng chứng, khởi công từ năm Kỷ Dậu [1849] đến mùa đông Đinh Sửu [1877] biên tập đã xong mà pho sử đáng tin. Thấy rằng : tiếng tốt công cả của tiên đế, lồng lộng như trời, khó nói ra hết ; còn để lại ở trong sử sách quý báu, rành rành từng việc, đáng nên chép ghi ; làm xong điển chương quý báu này, sẽ cùng với hai kỷ thứ nhất, thứ hai⁽¹⁾ cùng lưu truyền mãi mãi, dùng làm bộ sách để lại về sau, dù đến nghìn muôn năm vẫn như ngày nay.

(1) Tức là *Đệ nhất kỷ* chép về Gia Long và *Đệ nhị kỷ* chép về Minh Mệnh.

Lũ chúng tôi, lạm dự trong bọn sử thần chép sử, chưa đáng vào hạng cầm bút nên tôn trọng những điều nghe thấy, đem lòng người làm lòng mình; tay cầm bút làm nơi tựa nương, để thịnh trị lại thịnh trị hơn nữa. Sáng thêm đức sáng, có dân có chúng ban cho tự trời, giữ vững cơ đồ, bói đời, bói năm, được quá lịch số.

Lũ chúng tôi xiết nỗi trông ngóng vui mừng kính xin đem bộ *Thực lục Đệ tam kỷ* 72 quyển, mục lục 2 quyển, cộng 74 quyển, vừa mới in xong lần này dâng lên và kèm theo tờ biểu tâu lên.

Đề : Tự Đức năm thứ 32 [1879] tháng 7, ngày mồng 4.

[Lời phê] : Xem rồi.

Lũ chúng tôi là :

Trần Tiến Thành

Đỗ Đăng Đệ

Đặng Văn Kiêu

Nguyễn Khuyến

Trần Khánh Tiến

PHẠM LỆ

1. ⁽¹⁾ Trong *Bản kỷ* này tự năm thứ nhất [1841] trở về sau, có chia ra, chưa niên hiệu nhà Thanh ở dưới, là để làm tài liệu tham khảo.

2. Chép việc gì thì biên tháng liền với mùa, mùa liền với năm. Các việc thường không chép ngày làm, duy có việc gì to tát phải cẩn thận mới chép ngày.

3. Các lễ : tế Giao, cúng ở Tôn miếu, yết cáo các lăng là những việc tối trọng, năm nào cũng chép ; còn như các lễ châu, mừng, ban sóc, đều chỉ chép lần đầu, còn sau không chép nữa.

4. Đầu xuân duyệt binh, giữa mùa hạ cày ruộng tịch điền, là việc quan trọng, thì năm nào cũng chép ; gián hoặc bận có việc gì thì chép là hoãn việc duyệt binh, và chép là sai quan đi cày thay ruộng tịch điền.

(1) Đầu mỗi khoản trong *Phạm lệ*, nguyên thư đều nêu là chữ “nhất”. Đây chúng tôi đánh số thứ tự từ 1 đến 14 cho tiện phân biệt.

5. Các việc to như lễ, nhạc, hình, chính, tên quan chức và chế độ, hễ việc gì mới làm ra thì chép là “sơ” [bắt đầu], nếu sau có đổi lại thì chép là “cải” [đổi lại], nhân cũ đã có rồi mà làm cho rõ thêm ra thì chép là “thân định” [định thêm cho rõ ra].

6. Phạm việc gì có Chỉ dụ của vua thì là mệnh lệnh, là định lệ và là chuẩn y lời tâu, còn từ sau cứ theo lệ mà làm thì đều chép là “chuẩn định”.

7. Các chương sớ của trong Kinh và ngoài các tỉnh tâu lên đã được Chỉ vua chuẩn y đều chép cả, duy có việc gì nhỏ nhặt thì lược đi.

8. Việc gì có quan hệ đến điển lệ thì những điều khoản, số mục, đều chép đủ cả, và chia ra chua rõ, là để cho rõ sự thực.

9. Việc gì chép có đầu đuôi nối liền với nhau, thuộc về việc trước thì dùng những chữ “sơ” 初 [khi trước], “tiên thị” 先是 [trước đây], “chí thị” 至是 [đến đây], thuộc về việc sau thì dùng những chữ “tâm” 尋 [rồi], “cập” 及 [kip đến] để cho phân biệt.

10. Các hoàng đệ, hoàng tử và công chúa được tấn phong tước hiệu đều chép cả.

11. Quan văn từ tứ phẩm trở lên, quan võ từ tam phẩm trở lên được bổ thụ chức hàm gì đều chép cả ; duy có đốc học là chức giữ việc học cả một tỉnh, tuy mới ngũ phẩm cũng chép. Còn thì tùy việc mới chép.

12. Các thân công, hoàng đệ, thái, trưởng công chúa ai mất đi, đều chép là “hoãng” [chết].

13. Quan văn từ tứ phẩm ấn quan, quan võ từ tam phẩm lãnh binh trở lên, có ai mất đi, đều chép là “tất” [chết]. Quan văn từ tứ phẩm, quan võ từ tam phẩm trở xuống, người nào có công lao, tài năng hay tiết liệt, sau khi chết được tuất, tặng cũng chép. Chức đốc học, khi chết, gián hoặc cũng chép là “tất” [chết] ; còn thì không chép.

14. Về tên người, tên đất, nếu gặp chữ huý phải kiêng thì đều đổi chữ khác ; duy có hai chữ : bên tả bộ “mịch” 糸, bên hữu chữ “bạch” 帛 [tức là chữ “miên” 綿] và bên tả bộ thủy : bên hữu chữ cộng 共 [tức chữ “hồng” 洪], tuân theo trong sổ đặt tên, xin kính cẩn bớt đi một nét, để tỏ ra có ý thận trọng. Còn thì đổi dùng chữ khác cả ; nhưng chỉ chua rõ một lần đầu, còn sau khi đã chua rồi, thì chép thẳng ngay tên đổi lại sau này. Còn tên đất như ấp An Long thuộc phủ Tây Ninh, theo dụ ở trước không đổi.

“Phạm lệ” của bộ *Đại Nam thực lục Chính biên*, *Đệ tam kỷ* đến đây là hết.

TỔNG MỤC ⁽¹⁾

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

- Quyển thứ 1* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa xuân, tháng giêng.
- Quyển thứ 2* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa xuân, tháng giêng.
- Quyển thứ 3* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa xuân, tháng 2.
- Quyển thứ 4* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa xuân, tháng 2.
- Quyển thứ 5* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa xuân, tháng 3.
- Quyển thứ 6* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa xuân, tháng 3 nhuận.
- Quyển thứ 7* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa hạ, tháng 4.
- Quyển thứ 8* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa hạ, tháng 5.
- Quyển thứ 9* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa hạ, tháng 6.
- Quyển thứ 10* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa thu, tháng 7.
- Quyển thứ 11* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa thu, tháng 8 đến tháng 9.
- Quyển thứ 12* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa đông, tháng 10.
- Quyển thứ 13* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa đông, tháng 11.
- Quyển thứ 14* : Tân Sửu [1841], Thiệu Trị năm thứ nhất, mùa đông, tháng 12.
- Quyển thứ 15* : Nhâm Dần [1842], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa xuân, tháng giêng.
- Quyển thứ 16* : Nhâm Dần [1842], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa xuân, tháng 2.
- Quyển thứ 17* : Nhâm Dần [1842], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa xuân, tháng 2.
- Quyển thứ 18* : Nhâm Dần [1842], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa xuân, tháng 3.
- Quyển thứ 19* : Nhâm Dần [1842], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa hạ, tháng 4.
- Quyển thứ 20* : Nhâm Dần [1842], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa hạ, tháng 5.
- Quyển thứ 21* : Nhâm Dần [1842], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa hạ, tháng 6.
- Quyển thứ 22* : Nhâm Dần [1842], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa thu, tháng 7.
- Quyển thứ 23* : Nhâm Dần [1842], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa thu, tháng 8.
- Quyển thứ 24* : Nhâm Dần [1842], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa thu, tháng 9.
- Quyển thứ 25* : Nhâm Dần [1842], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa đông, tháng 10.

(1) Theo sự đóng sách, ký hiệu A.2772 (sách Thư viện Khoa học) thì *Tổng mục* này đặt ngay sau *Phàm lệ*. Còn ký hiệu A.27 lại đặt ở sau mục *Chức danh*.

- Quyển thứ 26* : Nhâm Dần [1842], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa đông, tháng 11 đến tháng 12.
- Quyển thứ 27* : Quý Mão [1843], Thiệu Trị năm thứ ba, mùa xuân, tháng giêng.
- Quyển thứ 28* : Quý Mão [1843], Thiệu Trị năm thứ ba, mùa xuân, tháng 2.
- Quyển thứ 29* : Quý Mão [1843], Thiệu Trị năm thứ ba, mùa xuân, tháng 3.
- Quyển thứ 30* : Quý Mão [1843], Thiệu Trị năm thứ ba, mùa hạ, tháng 4.
- Quyển thứ 31* : Quý Mão [1843], Thiệu Trị năm thứ ba, mùa hạ, tháng 5 đến tháng 6.
- Quyển thứ 32* : Quý Mão [1843], Thiệu Trị năm thứ ba, mùa thu, tháng 7.
- Quyển thứ 33* : Quý Mão [1843], Thiệu Trị năm thứ ba, mùa thu, tháng 8 đến tháng 9.
- Quyển thứ 34* : Quý Mão [1843], Thiệu Trị năm thứ ba, mùa đông, tháng 10 đến tháng 11.
- Quyển thứ 35* : Quý Mão [1843], Thiệu Trị năm thứ hai, mùa đông, tháng 12.
- Quyển thứ 36* : Giáp Thìn [1844], Thiệu Trị năm thứ tư, mùa xuân, tháng giêng đến tháng 2.
- Quyển thứ 37* : Giáp Thìn [1844], Thiệu Trị năm thứ tư, mùa xuân, tháng 3.
- Quyển thứ 38* : Giáp Thìn [1844], Thiệu Trị năm thứ tư, mùa hạ, tháng 4.
- Quyển thứ 39* : Giáp Thìn [1844], Thiệu Trị năm thứ tư, mùa hạ, tháng 5 đến tháng 6.
- Quyển thứ 40* : Giáp Thìn [1844], Thiệu Trị năm thứ tư, mùa thu, tháng 7.
- Quyển thứ 41* : Giáp Thìn [1844], Thiệu Trị năm thứ tư, mùa thu, tháng 8.
- Quyển thứ 42* : Giáp Thìn [1844], Thiệu Trị năm thứ tư, mùa thu, tháng 9.
- Quyển thứ 43* : Giáp Thìn [1844], Thiệu Trị năm thứ tư, mùa đông, tháng 10.
- Quyển thứ 44* : Giáp Thìn [1844], Thiệu Trị năm thứ tư, mùa đông, tháng 11.
- Quyển thứ 45* : Giáp Thìn [1844], Thiệu Trị năm thứ tư, mùa đông, tháng 12.
- Quyển thứ 46* : Ất Ty [1845], Thiệu Trị năm thứ năm, mùa xuân, tháng giêng đến tháng 2.
- Quyển thứ 47* : Ất Ty [1845], Thiệu Trị năm thứ năm, mùa xuân tháng 3 đến mùa hạ tháng 4.
- Quyển thứ 48* : Ất Ty [1845], Thiệu Trị năm thứ năm, mùa hạ, tháng 5 đến tháng 6.
- Quyển thứ 49* : Ất Ty [1845], Thiệu Trị năm thứ năm, mùa thu, tháng 7 đến tháng 8.
- Quyển thứ 50* : Ất Ty [1845], Thiệu Trị năm thứ năm, mùa thu, tháng 9.
- Quyển thứ 51* : Ất Ty [1845], Thiệu Trị năm thứ năm, mùa đông, tháng 10.
- Quyển thứ 52* : Ất Ty [1845], Thiệu Trị năm thứ năm, mùa đông, tháng 11.

- Quyển thứ 53* : Ất Tỵ [1845], Thiệu Trị năm thứ năm, mùa đông, tháng 12.
Quyển thứ 54 : Bính Ngọ [1846], Thiệu Trị năm thứ sáu, mùa xuân, tháng giêng.
Quyển thứ 55 : Bính Ngọ [1846], Thiệu Trị năm thứ sáu, mùa xuân, tháng 2.
Quyển thứ 56 : Bính Ngọ [1846], Thiệu Trị năm thứ sáu, mùa xuân tháng 3 đến mùa hạ tháng 4.
Quyển thứ 57 : Bính Ngọ [1846], Thiệu Trị năm thứ sáu, mùa hạ, tháng 5.
Quyển thứ 58 : Bính Ngọ [1846], Thiệu Trị năm thứ sáu, mùa hạ, tháng 5 nhuận.
Quyển thứ 59 : Bính Ngọ [1846], Thiệu Trị năm thứ sáu, mùa hạ, tháng 6.
Quyển thứ 60 : Bính Ngọ [1846], Thiệu Trị năm thứ sáu, mùa thu, tháng 7 đến tháng 8.
Quyển thứ 61 : Bính Ngọ [1846], Thiệu Trị năm thứ sáu, mùa thu tháng 9 đến mùa đông tháng 10.
Quyển thứ 62 : Bính Ngọ [1846], Thiệu Trị năm thứ sáu, mùa đông, tháng 11.
Quyển thứ 63 : Bính Ngọ [1846], Thiệu Trị năm thứ sáu, mùa đông, tháng 12.
Quyển thứ 64 : Đinh Mùi [1847], Thiệu Trị năm thứ bảy, mùa xuân, tháng giêng.
Quyển thứ 65 : Đinh Mùi [1847], Thiệu Trị năm thứ bảy, mùa xuân, tháng 2.
Quyển thứ 66 : Đinh Mùi [1847], Thiệu Trị năm thứ bảy, mùa xuân, tháng 3.
Quyển thứ 67 : Đinh Mùi [1847], Thiệu Trị năm thứ bảy, mùa hạ, tháng 4.
Quyển thứ 68 : Đinh Mùi [1847], Thiệu Trị năm thứ bảy, mùa hạ, tháng 5.
Quyển thứ 69 : Đinh Mùi [1847], Thiệu Trị năm thứ bảy, mùa hạ, tháng 6.
Quyển thứ 70 : Đinh Mùi [1847], Thiệu Trị năm thứ bảy, mùa thu, tháng 7.
Quyển thứ 71 : Đinh Mùi [1847], Thiệu Trị năm thứ bảy, mùa thu, tháng 8.
Quyển thứ 72 : Đinh Mùi [1847], Thiệu Trị năm thứ bảy, mùa thu, tháng 9.

[CHỨC DANH]

Vàng sắc Chỉ của vua cho chép rõ các quan chức tên họ những viên (sung vào làm bộ *Thực lục Đệ tam kỷ*) này : (từ năm Tự Đức thứ 29 [1876] trở về trước đã từng tiết thứ sửa làm).

Tổng tài :

Cố mệnh lương thân, Thái bảo, Cản chính điện Đại học sĩ, quản lý Binh bộ sự vụ, sung Cơ mật viện đại thân, sung Kinh diên giảng quan, kiêm lĩnh Khâm thiên giám, Tuy Thịnh quân công, thân : Trương Đăng Quế.

Văn minh điện Đại học sĩ, lĩnh Binh bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện đại thân, kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ, sung Kinh kỳ hải phòng sứ, thân : Trần Tiến Thành.

Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Hộ bộ Thượng thư, kiêm lĩnh Quốc tử giám, sung Cơ mật viện đại thân, thân : Phan Thanh Giản.

Phó tổng tài :

Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Lễ bộ Thượng thư, thân : Lâm Duy Thiếp.

Thự Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Lễ bộ Thượng thư, thân : Lê Bá Thận.

Hình bộ Thượng thư, sung Kinh diên nhật giảng quan, kiêm biện Khâm thiên giám sự vụ, thân : Trương Quốc Dụng.

Thự Hình bộ Thượng thư kiêm quản Quốc tử giám, thân : Phan Huy Vịnh.

Tham tri quyền lĩnh Lại bộ Thượng thư, thân : Nguyễn Tư Giản.

Hình bộ Tả tham tri quyền sung Thương bạc, thân : Lê Tuấn.

Toán tu :

Lễ bộ Tả tham tri : Tô Trân

Lễ bộ Hữu tham tri kiêm quản Hàn lâm viện ấn triện, thân : Phạm Hữu Nghi

Công bộ Hữu tham tri kiêm quản Đô sát viện ấn triện, thân : Phạm Chi Hương

Thự Lại bộ Tả tham tri, thân : Bùi Quỳ

Hàn lâm viện Trục học sĩ, thân : Vũ Phạm Khải

Quang lộc Tự khanh, biện lý Hình bộ sự vụ, thân : Phạm Huy

Hồng lô Tự khanh, thân : Lê Lượng Bạt

Hồng lô Tự khanh, thân : Bùi Sĩ Tuyển

Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, thân : Phạm Huy Bính

Thự Hồng lô Tự khanh, thân : Phạm Huy

Thự Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, thân : Nguyễn Phong

Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, thân : Đặng Văn Kiêu

Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, thân : Phạm Quý Đức

Lĩnh Quang lộc Tự khanh, thân : Trần Liên Huy

Hồng lô tự thiếu khanh, thân : Phan Văn Nhã

Biên tu :

Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, thân :	Vũ Văn Tuấn
Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, thân :	Phan Đình Dương
Hàn lâm viện Thị độc, thân :	Nguyễn Huy Lịch
Hàn lâm viện Thị độc, thân:	Phan Lịch
Hàn lâm viện Thị độc, thân :	Hoàng Tịch
Hàn lâm viện Thị giảng, thân :	Nguyễn Huy Huynh
Hàn lâm viện Thị giảng, thân :	Cát Văn Tuy
Hàn lâm viện Thị giảng, thân :	Nguyễn Viện
Hàn lâm viện Thị giảng, thân :	Lê Ky
Thự Hàn lâm viện Thị giảng, thân :	Trịnh Xuân Thương
Hàn lâm viện Thừa chỉ, thân :	Tô Đăng
Hàn lâm viện Trước tác, thân :	Vũ Thấu
Hàn lâm viện Trước tác, thân :	Nguyễn Đăng Tuyển
Hàn lâm viện Trước tác, thân :	Vương Đình Chiêu
Hàn lâm viện Trước tác, thân :	Tạ Khắc Quân
Hàn lâm viện Trước tác, thân :	Lê Danh Lâm
Hàn lâm viện Tu soạn, thân :	Đặng Long Đống
Hàn lâm viện Tu soạn, thân :	Phan Danh
Hàn lâm viện Tu soạn, thân :	Nguyễn Hiến
Hàn lâm viện Tu soạn, thân :	Lã Năng Hoàng
Hàn lâm viện Tu soạn, thân :	Trần Huy Sán

Khảo hiệu :

Hàn lâm viện Biên tu, thân :	Nguyễn Văn Lương
Hàn lâm viện Điển tịch, thân :	Nguyễn Hữu Dục
Hàn lâm viện Điển bạ, thân :	Tôn Thất Thụ
Hàn lâm viện Điển bạ, thân :	Nguyễn Khắc Lý
Hàn lâm viện Điển bạ, thân:	Cao Duy Tự
Hàn lâm viện Điển bạ, thân :	Hồ Sỹ Đĩnh
Hàn lâm viện Điển bạ, thân :	Nguyễn Văn Dương

Chánh cửu phẩm hàm, thân :	Trương Hữu Tự
Chánh cửu phẩm hàm, thân :	Phạm Quang Khản
Chánh cửu phẩm hàm, thân :	Hồ Điện
Hàn lâm viện Cung phụng, thân :	Phan Huy Khiêm
Hàn lâm viện Cung phụng, thân :	Phạm Duy Lộc
Hàn lâm viện Cung phụng, thân :	Lê Văn Tuyển
Hàn lâm viện Cung phụng, thân :	Lưu Dao

Đề lục :

Chánh bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Trương Giảng
Chánh bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Nguyễn Văn Diên
Chánh bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Lê Văn Thi
Hàn lâm viện Tòng bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Trần Viết Khai
Hàn lâm viện Tòng bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Lê Văn Chân
Hàn lâm viện Chánh cửu phẩm Bút thiệp thức, thân :	Nguyễn Lý
Hàn lâm viện Tòng cửu phẩm Bút thiệp thức, thân :	Trần Quang Quýnh
Hàn lâm viện Tòng cửu phẩm Bút thiệp thức, thân :	Trần Huy

Thu chương :

Hàn lâm viện Kiểm thảo, thân :	Tôn Thất Nghi
Hàn lâm viện Chánh bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Mai Văn Trí
Hàn lâm viện Chánh bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Nguyễn Diễm
Chánh bát phẩm, thân :	Đặng Văn Tài
Hàn lâm viện Điển bạ, thân :	Đặng Huy Trinh
Hàn lâm viện Tòng bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Hoàng Hữu Đường
Hàn lâm viện Tòng bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Nguyễn Văn Dĩnh
Hàn lâm viện Tòng bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Nguyễn Hữu Thăng
Hàn lâm viện Tòng bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Bùi Xuân Hiến
Hàn lâm viện Tòng bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Hoàng Đức Trị
Tòng bát phẩm Bút thiệp thức, thân :	Phan Thứ
Chánh cửu phẩm Thư lại, thân :	Hoàng Hữu Trinh
Chánh cửu phẩm Bút thiệp thức, thân :	Trương Vịnh

Chánh cửu phẩm Bút thiệp thức, thân : Lê Văn Tú
Hàn lâm viện Tòng cửu phẩm Bút thiệp thức, thân : Lê Văn Côn
Hàn lâm viện Tòng cửu phẩm Bút thiệp thức, thân : Lê Thanh
Tòng cửu phẩm Bút thiệp thức, thân : Đỗ Đoan

Chép thêm (từ năm Tự Đức thứ 30 [1877] đến năm thứ 32 [1879] tiết thứ làm nối tiếp) :

Phó tổng tài :

Thự Lễ bộ Thượng thư kiêm quản Quốc tử giám, thân : Đỗ Đăng Đệ

Toán tu :

Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, thân : Đặng Đức Dịch
Hàn lâm viện Thị độc, thân : Nguyễn Khuyến
Hàn lâm viện Thị độc, thân : Trần Khánh Tiến

Biên tu :

Hàn lâm viện Thị độc, thân : Nguyễn Liên
Hàn lâm viện Trước tác, thân : Nguyễn Quán
Hàn lâm viện Kiểm thảo, thân : Nguyễn Hữu Chính

Khảo hiệu :

Hàn lâm viện Điển bạ, thân : Nguyễn Du
Hàn lâm viện Đãi chiếu, thân : Nguyễn Văn Bính

Thu chương :

Hàn lâm viện Điển bạ, thân : Vũ Đức Vọng

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN I

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Hiến tổ Thiệu thiên Long vận, Chí thiện Thuần hiếu, Khoan minh Duệ đoán, Văn trị Vũ công, Thánh triết Chương hoàng đế.

Tên húy là [Miên Tông, 綿宗], lại húy là [Tuyền 璣] tên tự là... sinh ngày Nhâm Tí, 11 tháng 5, năm Đinh Mão, Thế tổ Cao hoàng đế Gia Long năm thứ 6 (Thanh, Gia Khánh năm thứ 12) [1807], là con trưởng của Thánh tổ Nhân hoàng đế. Mẹ là Thuận đức Nhân hoàng hậu họ Hồ, sinh nhà vua ở ấp Xuân Lộc phía đông Kinh thành (sau này lập lên chùa Diệu Đế ở ngay chỗ đất ấy).

Vua sinh ra được 13 ngày thì mẫu hậu mất, vua khóc thương mãi không thôi, Thuận thiên Cao hoàng hậu đem về nuôi ở trong cung. Thế tổ Cao hoàng đế đến thăm, mừng, nói : “Trẻ con mới sinh ra mà biết khóc thương, là tính trời sinh, ngày sau thế nào cũng giữ trọn đạo hiếu”. Ấm đến, Thế tổ phán cho lấy chữ về bộ “nhật” 日 để đặt tên.

Đầu năm Minh Mệnh, đến nhà học đọc sách. Thánh tổ Nhân hoàng đế dụ bảo cho biết đạo trị nước, bình thiên hạ cốt ở chí thiện của sách *Đại học* ; nhân thế đặt tên cho nhà học ấy là Chí Thiện đường. Năm Minh Mệnh thứ 11 [1830], sách phong là Trường Khánh công. Năm thứ 17 [1836], tháng 8, vâng tể thư kiêm nhiếp chức Tôn nhân phủ Tả tôn chính giữ việc định chương trình, chính phủ hệ, ban giáo lệnh, xếp đặt tước lộc, nêu ra những người liêm khiết tài năng, đức tốt ở Tôn nhân phủ mỗi ngày một nổi tiếng.

Vua là người thông minh nhân hiếu, được vua cha yêu quý đặc biệt. Mỗi khi nhân có việc tế Giao, đem tên vua mặt cáo với trời để xin trời trao mệnh lớn cho vua. Thế là việc quan trọng của Xã Tắc đã được định trước rồi.

[Minh Mệnh] năm thứ 21, ngày 19, Thánh tổ se mình, cho gọi vua vào hầu ; ngày 28, gọi vua đến trước giường ngự, Thánh tổ cầm lấy tay vua bảo cho biết là được nối ngôi. Ngày hôm ấy, Thánh tổ Nhân hoàng đế mất. Quân thần dâng bản tâu lên cung Từ Thọ biết. Vâng dụ Chỉ của cung Từ Thọ, quân thần dâng biểu khuyến tiến. Vua mới lên ngôi, nối nghiệp lớn.

Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ 1 [1841] (Thanh Đạo Quang năm thứ 21) mùa xuân, tháng giêng (từ ngày 19 tháng ấy về trước, là năm Minh Mệnh thứ 22 ; từ ngày 20 trở về sau, là năm Thiệu Trị thứ 1).

Ngày Đinh Hợi, đem lệnh Chỉ bá cáo trong ngoài rằng : Minh Mệnh năm thứ 21 [1840], tháng 12, ngày 19, buổi chiều, đức Đại hành hoàng đế⁽¹⁾ se mình, cho gọi hoàng tử, các tước công và Cơ mật viện đại thần là Trương Đăng Quế cùng vào hầu ở điện Quang Minh. Đại hành hoàng đế diện dụ Trương Đăng Quế rằng : “Hoàng tử Trường Khánh công, [Miên Tông], kể về tuổi và đức, đáng lên nối ngôi báu. Lũ các khanh nên hết lòng giúp đỡ để cho phúc của nước nhà được lâu bền”. Giờ Hợi ngày hôm ấy, Đại hành hoàng đế mất. Ta rất thương xót, trong lòng như cắt. Ngày hôm sau, hoàng tử, các tước công và văn võ đình thần kính theo mệnh lệnh của Đại hành hoàng đế khi còn tỉnh, tâu lên đức Nhân tuyên từ Khánh hoàng thái hậu biết. Vâng theo Từ Chỉ : cha truyền con nối là đạo thường xưa nay ; rất mong các quan cùng giúp tự quân, để phúc nước nhà được lâu bền. Ngày hôm ấy, hoàng tử, các tước công và đình thần văn võ đồng thanh dâng biểu khuyến tiến. Ta nghĩ : ngôi báu rất quan trọng, nên phải theo lòng mọi người. Chọn ngày 20 tháng này, là ngày tốt, lên nối ngôi, vẫn theo lễ chế đời xưa, để tang 3 năm. Còn quy chế về thứ bậc để tang và các công việc nên làm, sẽ có đình thần và bộ Lễ họp bàn chuẩn định thi hành. Duy có xứ Trấn Tây, thổ dân vẫn còn không yên tĩnh, lại thêm giặc Xiêm giúp sức quấy nhiễu nơi biên giới, tất phải một phen hết sức tiểu trừ, cho bờ cõi được yên. Các chức Kinh lược Tham tán Tấn lý, và Tướng quân Tham tán, Tổng đốc đều là đại thần của nhà nước, đem quân đi đánh giặc, phải nên khuyến khích các tướng sĩ đều hết sức cùng lòng tiểu trừ cho hết bọn giặc, sớm được yên tĩnh. Các tướng sĩ đi đánh giặc, nhất thiết áo mũ về nhưng trang đều cho dùn nhưng trang như thường lệ để cho quân oai được hùng tráng ; đợi khi xong việc,

(1) Chỉ Minh Mệnh. Theo lễ giáo phong kiến, khi một vua mới chết, chưa đặt tên thụy hoặc miếu hiệu thì gọi là Đại hành hoàng đế.

đến ngày khải hoàn, sẽ theo lễ chế để tang. Thế là lũ các khanh nhớ lại cái ơn hậu đãi của tiên đế mà nghĩ việc báo đáp ở ngày nay vậy. Các khanh nên cố gắng”.

Định quy chế về việc để tang cho trong Kinh, ngoài trấn.

Vua bảo bộ Lễ rằng : Tang để 3 năm, là thông tang của thiên hạ. Ta là con, phải để tang đúng như lễ. Còn Thánh tổ mẫu Thái hoàng thái hậu, tuổi đã già, lấy lễ mà giảm bớt đi, nên để tang một năm, áo vén gấu, là phải. Từ hoàng tử trở xuống, thì bộ Lễ nên bàn cho tường tất :

1. Các hoàng tử, thân công, hoàng nữ, hoàng tôn, hoàng nữ tôn, các con trai con gái của các thân công, trưởng công chúa và các con trai con gái của các vị ấy, các phi tần trong nội đình, các cung tần của các vị vua trước, các vợ lẽ của hoàng tử, hoàng tôn về vua trước, vợ lẽ của thân công, đều để tang 3 năm, áo sổ gấu. Những họ hàng về năm bậc để tang thuộc bên nội bên ngoài, người nào phẩm cao thì theo phẩm mà mang áo tang, người nào phẩm thấp cũng theo phẩm mà mang áo tang. Còn về hạng “đản vấn”⁽¹⁾, nếu có quan phẩm thì theo quan phẩm mà mang áo tang, chưa có quan phẩm thì dùng khăn áo bằng vải trắng.

2. Các quan viên trong Kinh, ngoài trấn từ tam phẩm trở lên, và chức Biện lý, Án sát, tứ phẩm án quan, đều để tang 3 năm, áo sổ gấu ; từ lục phẩm trở lên để tang 1 năm ; từ cửu phẩm trở lên, để tang 9 tháng. Các con trưởng của quan nhất phẩm để tang 1 năm, của quan nhị phẩm để tang 9 tháng, của quan tam phẩm để tang 5 tháng. Các mệnh phụ của quan viên từ tam phẩm trở lên đều theo phẩm của chồng mà để tang. Các người được dự để tang thì cứ theo lễ mà may áo tang. Ở trấn ngoài thì dùng áo khăn vải trắng. Từ lục phẩm trở lên, người vợ cả thì dùng khăn áo vải trắng. Ở Kinh đô thì bắt đầu kể tự ngày phát tang ; ở các trấn ngoài thì bắt đầu tự ngày nhận được lệnh này. Từ ngày bắt đầu để tang cho đến hết trong 27 tháng, miễn hết các việc châu sóc vọng và triều tham. Các quan viên ở ngoài Kinh, có việc đánh giặc, việc cúng tế, đều mặc cát phục cả.

3. Cấm dùng áo sắc đỏ, sắc tía. Về các quan viên thì lấy số tháng để tang làm hạn định, quân lính và nhân dân thì hạn cấm là 100 ngày.

4. Cấm dùng âm nhạc hát xướng trong 27 tháng.

5. Cấm gả chồng lấy vợ. Từ tam phẩm trở lên thì cấm 100 ngày ; từ tứ phẩm trở xuống, cấm 2 tháng ; các quân lính, nhân dân cấm 27 ngày).

Ban ra các công việc nên làm cộng 7 điều :

(1) *Đản vấn* : anh em xa cùng chung tổ năm đời.

1. Minh Mệnh năm thứ 22 [1841], tháng giêng từ ngày 19 về trước, phàm có mệnh lệnh gì đều dùng chữ “lệnh Chi”, đóng ấn “Ngự tiền chi bảo”, dấu kiểm thì dùng ấn “Văn lý mật sát”, còn bảo tể thì đợi khi nào lên ngôi rồi mới dùng.

2. Phàm có phê phán việc gì, thì bảo tể và ấn triện của các nha đều theo như lệ thường, đóng bằng son đỏ, bất tất nhất khái câu nệ phải đóng bằng chàm như lệ của nhà Thanh.

3. Trước khi chưa đổi niên hiệu, phàm những chương số và giấy tờ của các nha môn, về niên hiệu đều cứ dùng năm Minh Mệnh thứ 22 ; đợi đến sau khi đổi niên hiệu, ở Kinh thì ngay ngày cải nguyên ấy, ở trấn ngoài thì bắt đầu từ ngày nhận được lệnh, lập tức theo niên hiệu mới mà làm.

4. Từ tháng giêng, ngày 19 trở về trước, các bề tôi trong ngoài, phàm có đề thỉnh công việc gì, đều dùng chữ “khải”, chỗ biên chức hàm thì xưng là “thần”.

5. Sau khi lên ngôi, theo lễ có tấn tôn Hoàng thái hậu làm Thái hoàng thái hậu, nhưng vì là điển lễ long trọng, cần phải nghĩ soạn. Phàm có việc gì tâu lên cung Từ Thọ thì xưng là Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng thái hậu. Phàm về triều trước gọi là hoàng tử mỗ công thì nay gọi là hoàng đệ mỗ công, trước gọi là hoàng tử thì nay gọi là hoàng đệ ; các thân công thì nay gọi là hoàng thân mỗ công ; trưởng công chúa nay gọi là thái trưởng công chúa : công chúa nay gọi là trưởng công chúa ; hoàng nữ nay gọi là hoàng muội.

6. Điện Hoàng Phúc ở vườn Thiệu Phương dùng làm nơi để tang ; điện Văn Minh, điện Vũ Hiến dùng làm tiện điện là chỗ triệu kiến các bề tôi. Đợi khi hết tang, sẽ dời đến ngự ở điện Càn Thanh để coi châu, nghe việc.

7. Phàm có lệnh Chi ban bố, phải có đóng triện vuông của đình thần khắc 4 chữ “Đông di hiệp cung” để làm tin, bất tất nhất khái câu nệ trong hạn niêm ấn. Còn ấn triện của các nha môn phải đợi đến sau hạn khai ấn mới dùng).

Sai bọn thự Chương phủ Tạ Quang Cự, Thượng thư Lê Đăng Doanh, Hà Duy Phiên, Chương vệ Lê Văn Phú đứng trông coi về nghi lễ việc tang. Thống chế Nguyễn Trọng Tính, Tham tri Lý Văn Phúc và Chương vệ Hoàng Đăng Thận sửa chữa cung Khánh Ninh. Làm thêm điện đằng trước, dỡ bỏ hai viện Lý thuận và Đoan trang dời vào làm ở vườn Vĩnh Trạch sau cung, gọi là Tả Hữu tông viện ; nhà hậu đường gọi là Đông Tây tông viện, để làm chỗ ở cho các cung nhân của triều trước.

Cho Hồ Văn Thập, Phó vệ úy ở vệ Tả nhị quân Vũ lâm, được quyền sung chức Hiệp lĩnh thị vệ.

Cho : Phan Bá Đạt, Tham tri bộ Hình, lấy nguyên chức quyền biện công việc bộ Lễ ; Phan Thanh Giản, Tả thị lang bộ Binh, quyền sung Cơ mật viện đại thần ; Nguyễn Văn Đạt, Chuông ấn Cấp sự trung ở Hình khoa, quyền biện công việc bộ Công ; Lê Văn Du, Lang trung bộ Công, quyền hộ quan phòng Nội vụ phủ. Lại cho : Nguyễn Tri Phương, quyền thự Tuần phủ Nam Ngãi, đang về Kinh đợi vua chọn, được quyền quản công việc Nội vụ phủ ; Trương Quốc Dụng, Án sát Hưng Yên, quyền biện công việc bộ Lễ.

Ngày Canh Dần, làm lễ thành phục (ở điện Càn Thanh). Buổi chiều ngày ấy, vua mặc áo thường (khăn áo thâm) mở hòm Kim Đàng (ở gian chính giữa điện Văn Minh đặt án thép vàng để hòm Kim Đàng. Đặt chỗ vua ngồi xem, và chỗ làm lễ. Các đại thần văn võ, các đường quan ở bộ Lễ và Nội các đều mặc thường phục), xem kim sách về đế hệ của Thánh tổ làm ra, lấy chữ thứ nhất (bên tả chữ 日, giữa chữ 方, bên hữu chữ 定) [tức là chữ Tuyên 璇] làm tên của vua. Khoảng năm Minh Mệnh, Thánh tổ Nhân hoàng đế thân soạn ra 20 chữ về bộ “nhật 日”, cất trong hòm Kim Đàng, để cho con cháu nối ngôi về sau, đến ngày lên ngôi lấy một chữ làm tên. Chữ “nhật”, lấy nghĩa là Mặt Trời, tượng trưng cho vua. Còn tên đặt lúc bé thì dùng làm tên tự.

Ngày hôm sau, đem tên mới của vua kính cáo bàn thờ tiên đế, và sai quan kính cáo các miếu thờ tổ tiên, tâu lên cung Từ Thọ biết.

Đúc sách vàng. Lời văn trong sách nói : Có vua để trị, có thầy để dạy, là ý chu chí của Trời giúp dân. Chữ “hoàng” là lớn, chữ “đế” là trông, là danh hiệu to của thánh nhân chịu mệnh. Kính nghĩ : Hoàng trưởng tử Trường Khánh công điện hạ, là con trưởng sớm mở điểm hay, hợp đạo trời xiết bao đức tốt. Đạo tâm truyền được vâng lời dạy, công tác thánh ngày nổi sáng thêm ; nơi thân đài thử thách việc làm, đạo di luân trở lên hoà mục. Việc then chốt riêng mình được dự, lòng tiên đế tính sẵn từ lâu. Nhân hiếu đồn dậy trong ngoài, nhân dân thoả lòng trông ngóng. Trước khi tiên đế sắp mất, tựa vào ghế ngọc, đã bảo rõ cho được nối ngôi. Lũ chúng tôi kính tuân mệnh lệnh của tiên đế khi hãy còn tỉnh, tâu lên đức Nhân tuyên Từ khánh Hoàng thái hậu biết. Vâng dụ Chỉ phán rằng : điện hạ, tuổi đã lớn, đức lại hay, đáng bậc trưởng quân của xã tắc ; theo mệnh cha, nối ngôi báu, là lẽ chính đáng của xưa nay. Nay mệnh trời đã định, lũ chúng tôi kính dâng Kim sách dâng tôn hiệu là hoàng đế. Kính mong điện hạ, trên nghĩ đến kế lâu dài của Nhà nước, dưới y theo lòng suy tôn của thần dân, nhận lấy danh hiệu to này, sớm lên nối giữ ngôi báu. Noi theo phép lớn, đức sáng nổi soi cả bốn phương ; giữ lấy nhân dân, cơ đồ lâu dài đến muôn thuở.

Ngày Giáp Ngọ, đặt tử cung⁽¹⁾ của Đại hành hoàng đế ở cung Khánh Ninh (năm đầu thời Minh Mệnh, đồ tang nghi sơn lại 36 lần ; năm nay, đồ tang nghi sơn lại 54 lần).

Ban đầu, bộ Lễ bàn : từ bên ngoài cửa Càn Thanh, xin nhà vua lên võng đi theo sau tử cung. Vua dụ rằng : “Tử cung ở trước, bám vào mà gào khóc cũng còn chưa đủ, lại ngồi võng mà theo sau, thì có nên không ? Ta phải đi bộ theo sau, để tỏ lòng hiếu kính”.

Trước khi đưa đám một ngày, gió bắc mưa rét. Sai quan Tham tri bộ Lễ là Tôn Thất Bạch đến miếu Thành hoàng ở Kinh đô cầu tạnh. Đến ngày đưa đám, giờ Tị, mưa gió càng to hơn ; đến giờ Ngọ, rước linh giá từ điện Càn Thanh ra, được một lát thì mây tan, mưa tạnh, suốt dọc đường lúc đi lúc dừng đều được chỉnh túc. Sau khi làm lễ xong, lại mưa gió như trước. Ai cũng cho là nhờ ở anh linh của tiên đế ở trên trời vậy. Lại sai Tôn Thất Bạch đem lễ vật cúng tạ miếu Thành hoàng và thưởng cho Bạch 1 đồng kim tiền nhỏ, ghi kỷ lục một thứ. Thưởng cho các quan trông coi việc tang, từ Tạ Quang Cự trở xuống đến chức quản vệ đều được kim tiền lớn nhỏ có thứ bậc. Hàng võ từ suất đội, hàng văn từ lục phẩm cho đến cả lại dịch, binh lính, công tượng được thưởng tất cả là 2.000 quan tiền. Các kỳ lão ở phủ Thừa Thiên ra quỳ đón cũng thưởng cho 100 quan tiền (Ngày hôm ấy, bộ Lễ xin treo cờ trắng ở trên kỳ đài. Vua không cho. Chuẩn cho đặt một cán cờ to ở cung Khánh Ninh bên Nam sông Ngự để treo cờ trắng).

Vua về cung. Bảo bộ Lễ rằng : Quy chế về cung điện của cổ nhân, cung là tên gọi chung cả ; trong cung lại có điện, điện thì treo biển vào cột, cung thì treo biển ở cửa, là cốt để phân biệt bên ngoài bên trong, mà nghiêm túc sự quan chiêm vậy. Cung, điện Khánh Ninh do hoàng khảo ta làm sẵn để làm nơi chí kế muôn năm. Cung thì đã có biển cũ rồi, còn điện thì chưa có biển. Nay ta kính tuân mệnh lệnh khi còn tỉnh, đặt bàn thờ ở điện ấy, tinh linh lên xuống, khói hương nghi ngút ở chỗ ấy, tấm lòng hiếu thảo, thương nhớ không cùng cũng ở chỗ ấy. Nay nên tôn điện này tên là điện Hiếu Tư, lấy nghĩa là “lòng hiếu phải bền mãi, để làm khuôn phép cho đời sau”⁽²⁾. Bộ thần theo đúng mẫu, làm tấm biển đem treo ở chính giữa điện, và dời cái biển cũ ra treo ở ngoài cửa cung.

Định lệ chực hầu hằng ngày ở ban thờ tiên đế : Mỗi ngày bốn lễ cúng (cúng sáng sớm, cúng dâng cơm, cúng điểm tâm, cúng buổi chiều), thì các hoàng đệ tước công, hoàng đệ, các văn võ đình thần thay lượt nhau chực hầu. Các ngày rằm, mồng

(1) Chỉ quan tài vua chúa (bằng gỗ tử).

(2) Do chữ trong *Kinh Thi* : “Vĩnh ngôn hiếu tư, hiếu tư duy tắc”.

một, làm lễ Ân tiến⁽¹⁾, vua thân đem quần thân đến làm lễ ; nếu vua có bận việc gì, thì sai hoàng đệ tước công hay hoàng đệ làm lễ thay. Ở trong ngoài cung này, sự ra vào đều có hạn cấm. Các Khoa, Đạo thay phiên nhau phái hai người, ngày đêm coi giữ ; nếu thấy có việc gì không đúng phép thì lập tức đàn hặc ngay.

(Vệ Cẩm y, vệ Kim ngô cất quản vệ 2 người, suất đội 4 người, biên binh 100 người đến hộ vệ bên trong tường về mặt đằng trước. Vệ Thân binh, vệ Cẩm binh cất quản vệ 2 người, suất đội 6 người, biên binh 300 người, đi tuần kiểm bên ngoài tường và mang cấm các đồ nghi trượng. Lĩnh Thị vệ nhị, tam đẳng cất thị vệ 6 người, Hộ vệ 20 người, Cảnh tất Kim sang 15 người, Thượng trà 15 người. Ty Loan giá cất suất đội 1 người, biên binh 40 người, để kiểm xét các lễ vật dâng tiến và hương nến mọi việc. Cửa cung cứ sau khi cúng chiều xong thì đóng lại, còn các cửa khác thì nghe tiếng chuông tối phải đóng lại, nghe tiếng báo sáng thì mở ra, đều có hạn cấm. Lễ Ân tiến ngày rằm, mồng một, và các ngày đại lễ thì ngoài cửa cũng treo cờ trắng).

Sắc dụ rằng : Phàm các quan ở Kinh phái đi việc quan trở về và quan ngoài hay hưu quan đến Kinh, thì ngày hôm trước vào làm lễ khóc trước ban thờ, ngày hôm sau mới vào bái yết ở tiền điện (ba bộ Lại, Lễ, Binh đều theo chức giữ mà làm).

Cho Hoàng đệ là Miên Phú được dự vào ban làm lễ (Miên Phú là con thứ 8 của Thánh tổ Nhân hoàng đế. Trước đây, vì tội phóng ngựa làm bị thương người, không được dự vào ban. Đến đây, Tôn nhân phủ, viện Cơ mật và bộ Lễ bàn xin cho được để tang 3 năm áo sớ gấu, phàm gặp lễ ân tiến và các ngày đại lễ được dự vào làm lễ đứng ở hàng sau các hoàng đệ ; còn những buổi cúng sáng, cúng chiều thì không được dự. Sau này nếu biết hối lỗi, chăm học, thì cho theo ban hoàng đệ làm lễ, duy không được sung làm thừa tế hay nhiếp tế).

Hoãn việc điểm duyệt binh lính ở trong Kinh. Lệ cũ, cứ đến đầu mùa xuân, các binh lính ở trong Kinh đều họp cả ở ngoài cửa Ngọ Môn để điểm duyệt. Năm ấy, vì phải làm nhiều công việc, hãy tạm hoãn việc điểm duyệt. Các biên binh ở bên ngoài, trước kia, cứ đến mồng 1, tháng 2, đều hội họp để ứng điểm, rồi luyện tập nửa tháng, xong việc thì ban nào về ban ấy. Đến đây, vì chính lệnh đổi mới, chuẩn định đến ngày 15 tháng giêng, gọi về để duyệt và luyện tập, đợi đến cuối tháng 2, chiếu theo lệ mà làm. Lại, hiện nay ở Tả kỳ, Hữu kỳ và các hạt ở Bắc Kỳ đúng vào kỳ phái các quan ra kiểm duyệt, hãy tạm hoãn một lần, nhưng Thượng ty ở các nơi ấy phải giữ công tâm mà xét duyệt định kẻ hơn người kém tâu lên.

(1) Ân tiến : cúng tuần trong thời gian để tang.

Ngày Kỷ Hợi, làm lễ đón xuân. Phủ Thừa Thiên đem tiến trâu đất và mang thân, nhưng không làm núi xuân, vì cơ đương có quốc tang. Chỉ có việc cung tiến lên cung Từ Thọ theo như lệ cũ.

Làm đại giá và lỗ bộ.

(Cờ tả đạo 1 lá, cờ ngũ nhạc 5 lá, cờ tứ hải 4 lá, cờ ngũ trấn 5 lá, cờ tứ độc 4 lá, cờ ngũ tinh 5 lá, cờ ngũ hành 20 lá, cờ long vân màu vàng 20 lá, cờ vân cẩm 20 lá, cờ thanh long, bạch hổ 2 lá, cờ chu tước, huyền vũ 2 lá, cờ long đạo năm sắc 6 lá, cờ chinh cổ 2 lá, cờ cảnh tất 2 lá, cờ bát quái 8 lá, cờ bắc đẩu 1 lá, cờ môn kỳ 8 lá, cờ túc tinh 2 lá, cờ nhật nguyệt 2 lá, cờ phong vũ 2 lá, cờ vân lôi 2 lá, cờ liệt tú 28 lá, cờ chư thú 12 lá, cờ thủy anh 2 lá, cờ tinh tiến thiện 2 lá, cờ tinh nạp ngôn 2 lá, cờ tinh phu văn 2 lá, cờ tinh chấn vũ 2 lá, cờ tinh bao công hoài viễn 2 lá, cờ tinh hành khánh thi huệ 2 lá, cờ tinh minh hình bặt giáo 2 lá, cờ tinh giáo hiệu biểu tiết 2 lá, phướn dẫn màu đỏ sẫm 4 cái, phướn báo vĩ 4 cái, phướn tín 4 cái, phướn đôn giáo 4 cái, phướn cáo chỉ 4 cái, cờ huy màu vàng 4 lá, cờ xí ngũ sắc 20 lá, sào long đầu 8 cái, dù che bằng lông 8 cái, kích xương 4 cái, qua xương 8 cái, nghi hoàng xương 8 cái, kim phủ 16 cái, kim việt 16 cái, lập trào 16 cái, ngoạ trào 16 cái, tàn cán cong thêu 9 rồng hạng lớn 1 cái, tàn cán cong thêu 9 rồng hạng nhỏ 1 cái, tán tròn sắc vàng 20 cái, quạt vả các hạng 16 cái. Các xe kiệu : tượng lộ, cách lộ, mộc lộ, kim lộ, ngọc lộ, mỗi thứ một chiếc ; ấn để kim bảo 1 cái, kim tiết 4 cái, ngọc tiết 6 cái, phát trần, quạt lông 8 cái, báo vĩ sang 32 cái, tán vuông ngũ vân 4 cái, lò hương mang tay 4 chiếc, hộp hương 4 chiếc, đèn rồng 4 chiếc, đại nhạc 2 bộ, tiểu nhạc 1 bộ).

Bàn về việc bang giao. Sắc cho bộ Lễ xét kỹ điển lệ cũ, phạm gặp những việc quốc tang, báo tang và xin phong, thì quốc thư làm như thế nào, việc cống, việc mừng (phạm lệ sai sứ sang nhà Thanh, cứ 4 năm sai sứ sang 1 lần. Năm ấy đúng vào kỳ sang cống, lại gặp khánh tiết vua nhà Thanh 60 tuổi) thì sứ bộ có đi hay không như thế nào. Bộ Lễ nói : Việc bang giao của nhà Lê xưa : Phạm gặp quốc tang, sai sứ sang báo tang, trong quốc thư chỉ nói là vua nối ngôi tạm giữ quốc ấn, đợi lệnh của thiên triều, chứ không sai riêng sứ bộ sang xin phong, cũng không có tờ biểu khác nữa. Lại việc tuế cống của nhà Lê xưa : nếu gặp có quốc tang, thì sứ bộ sang cống không phải đi nữa, các phẩm vật tiến cống do sứ bộ báo tang mang đi cả. Nay đã có sứ bộ sang cống mừng, lại có sứ bộ sang tuế cống, hai sứ bộ cùng đi, thì sự thể hơi khác, từ trước đến nay chưa có lệ làm thế bao giờ.

Vua dụ rằng : khóc thì không hát, việc cát việc hung không cùng chung làm một, thế là lễ. Đã sang báo quốc tang thì không có lễ nào lại mừng nữa. Nhà Thanh chỉ trọng tiến cống, việc cống còn miễn cho, hướng chi việc mừng ! Nay nên làm quốc thư sai sứ sang báo tang, làm theo lệ cũ. Trước hết tư sang Tổng đốc,

Tuần phủ hai tỉnh Quảng xét duyệt và đề đạt lên cho (phàm quốc thư của ta gửi sang, do tỉnh Quảng Tây xét rồi cho người đệ về Yên Kinh ; duy việc báo tang là việc lớn, phải được cả Tổng đốc Quảng Đông xét duyệt, rồi chuyên do Tuần phủ Quảng Tây đề đạt. Còn các tư văn của nhà Thanh gửi sang ta thì do tỉnh Quảng Tây giao cho ta, chứ không do tỉnh Quảng Đông). Đợi khi nhận được tờ tư của nhà Thanh, rồi việc nên sai sứ bộ đi hay không thế nào sẽ định sau, thế là thoả đáng. Đình thần nên chọn người nào đáng sung chức hậu mệnh và người nào có thể đi sứ được, kê tên tâu lên ngay. Còn hai sứ bộ đã cử từ mùa đông năm ngoái là bọn Nguyễn Đình Tân, Phan Tĩnh, Trần Huy Phác, Bùi Nhật Tiến và Đặng Huy Thuật đều gọi về Kinh ; duy có bọn Hoàng Tế Mỹ và các người đi theo hãy tạm ở lại Hà Nội đợi lệnh. Các cống phẩm đều để lại ở đấy, đợi sau sẽ hay.

Ngày hôm ấy, đình thần bàn cử Nguyễn Đình Tân và Hoàng Tế Mỹ sung làm chức chánh, phó hậu mệnh ; thự Tham tri bộ Công là Lý Văn Phúc, thự Bố chính Nghệ An là Nguyễn Đức Hoạt, Biện lý bộ Binh là Bùi Phụ Phong sung làm Chánh, phó sứ. Tập tâu dâng lên, vua chuẩn y. Cho gọi Nguyễn Đức Hoạt đi ngựa trạm về Kinh.

Sai đình thần nghĩ soạn các điều khoản về câu hỏi câu trả lời để trao cho quan hậu mệnh. Vua bảo bộ Lễ rằng : Các câu hỏi, câu trả lời ở nơi cửa ải, chỉ là những câu làm phòng sẵn đó mà thôi, vị tất họ đã hỏi đến, nhưng ở trong cũng có nhiều chỗ trọng yếu : năm đầu Minh Mệnh, quốc tang báo vào tháng 7, năm nay báo vào tháng giêng, khi báo chậm khi báo chóng, là một điều ; sứ thiên triều chưa sang làm lễ sách phong mà đã dùng quốc ấn, là hai điều. Kể ra, việc trong thiên hạ, có lúc thường, có lúc biến, cách xử sự cho hợp lẽ, có lúc theo kinh, có lúc tòng quyền. Quốc tang lần trước không gặp vào kỳ tuế cống, quốc tang lần này thì vừa đúng vào kỳ tuế cống, mà kỳ hạn của sứ bộ đi qua cửa ải là về tháng 2, vì việc có lúc hoãn, lúc cấp, cho nên báo tin có khi muộn, khi sớm, miễn được phải lễ thì thôi. Quốc ấn cốt để làm tin : về phía nhà Thanh, dùng để sách phong ; về phía nước nhà, dùng để truyền nối. Văn phong tờ biểu, đã có nói là “phụng thủ quốc ấn” rồi, thì dùng quốc ấn đóng vào quốc thư cũng không hại gì. Nếu họ có hỏi, thì ta đã có câu để trả lời. Những đại ý như thế, bộ Lễ các khanh nên nói rõ cho đình thần châm chước mà làm.

Ngày Nhâm Dần, vua đem việc lên ngôi kính cáo trước ban thờ tiên đế, làm lễ nhận ấn truyền quốc kim bảo, áo bào vạn niên tự vị (sáng sớm ngày ấy, trong Đại Nội ban ra hòm ấn truyền quốc kim bảo và hòm áo bào vạn niên tự vị. Đường quan ở Cơ mật và Nội các mặc lễ phục bung ra để ở trên long đình. Hữu ty sắp đủ nghi trượng do cửa giữa của Đại Cung đi ra, qua cầu Trung Đạo, ra cửa giữa Ngọ Môn đến cung Khánh Ninh, đặt lên án thép vàng ở bên tả. Ngự giá đến, mặc lễ phục, quỳ ở trước bàn thờ tiên đế. Lễ quan đến trước ban thờ khấn. Trước dâng hòm ấn, thứ

đến hòm áo. Vua giơ tay lên ngang trán nhận lấy. Rồi các đại thần văn võ bưng đỡ đặt lên án thếp vàng ở bên hữu. Vua làm lễ nhận ấn và áo xong, ngự về cung. Hòm ấn và hòm áo do các đường quan ở Viện và Các kính rước đi, nghi trọng cũng như lần trước. Khi đến điện Cần Chính, quan thái giám nhận lấy, tiến vào trong nội.

Ngày Giáp Thìn, vua mặc lễ phục, đến cung Từ Thọ, ngoảnh mặt về hướng Bắc, quỳ dâng biểu tâu (lạy 5 lạy). Thái hoàng Thái hậu cũng mặc lễ phục, ra yết kiến. Qua 3 ngày, sai hoàng tử mặc áo có bổ tử, đến kính cáo đền thờ hoàng tử là Thần phi.

Sắc cho Cơ mật viện và Nội các rằng : Từ năm Minh Mệnh thứ nhất [1820] về sau, phàm các giấy tờ, trừ các bản tâu của các nha phải để vào giá hồ sơ cho đủ, còn ngoài ra, bất thần có một chữ hay một mảnh giấy nào có bút tích của Tiên đế phê bảo, đều phải kính cẩn thu nhật gói kín dâng trình để kính cẩn cất giữ ở tầng trên Nội các, đợi đến ngày Ninh lãng⁽¹⁾ sẽ đem thiêu hoá đi.

Lại bảo bọn đại thần là Trương Đăng Quế, Nội các là Lâm Duy Thiếp rằng : Hoàng khảo ta, trời cho nhiều tài năng, thơ văn ngày một phong phú, những thơ làm ra từ tập đầu đến tập thứ năm⁽²⁾, các bài văn ở sơ tập, và các tập thơ *Tiểu bình Nam Bắc Xiêm khấu nghịch phỉ*, cùng là các bài minh khắc vào cổ khí, đều đã khắc in, ban hành khắp thiên hạ ; duy còn tập thơ thứ sáu, tập văn thứ hai và tập thơ *Thiên cơ dự triệu* chưa khắc in được, và một thiên "*Trù biên*" chưa kịp làm xong, thành ra bỏ dở. Văn chương rực rỡ của Hoàng khảo ta do chính tay ngài viết ra, nét chữ còn mới. Đau xót biết nhường nào ! Lũ các Khanh nên hội đồng xem xét làm ngay, nối với các tập trước đưa ra khắc in, để có thể tuyên dương trị hoá văn minh của Hoàng khảo ta đến muôn vạn đời. (Tập thơ thứ sáu từ năm Kỷ Hợi [1839] đến năm Canh Tý [1840] được 573 bài, đóng thành 10 quyển ; tập văn thứ hai từ năm Tân Mão [1831] đến năm Canh Tý [1840] được 247 thiên, đóng thành 10 quyển ; trong đó mục lục 1 quyển, dụ, chương 8 quyển, các bài tự, ký, minh, câu đối, điền từ⁽³⁾, văn dụ tế thì xếp làm quyển cuối).

(1) Lễ mai táng vua chúa.

(2) Tập thơ này (từ sơ tập đến tập thứ 5), tác giả Minh Mệnh làm từ năm 1827 đến năm 1838. (Theo lời *Chí* của Trương Đăng Quế và Nguyễn Trung Mậu để ở cuối *Ngự chế thi lục tập*, sách Thư viện Khoa học, ký hiệu A.134, tờ 3a.

(3) *Điền từ* 填詞: một hình thức văn vần ngày trước, theo thanh luật của tự điệu mà lựa chữ đặt câu dài ngắn khác nhau, khiến cho âm tiết được phù hợp với từng điệu mà mình muốn làm. Trong *Điền từ* gồm có những điệu như : *Giá cô thiên* 鷓鴣天, *Cán Khê sa* 浣溪沙, *Bồ tát man* 菩薩蠻 và *Yến quy lương* 燕歸梁. (Xem những bài từ khúc của Minh Mệnh đã làm theo thể *Điền từ* này trong *Ngự chế văn, sơ tập*, sách Thư viện Khoa học, ký hiệu A.188, quyển 13, tờ 25b-31b).

Sắc cho Nội các rằng : Phàm những sắc lệnh và sách vở từ khi còn ở Tiềm đế⁽¹⁾ phải nên kính cẩn kiểm nhận cất giữ, làm danh sách kê khai rõ ràng đợi sẽ dâng vào trong Nội điện.

Trước đây, Kinh lược tham tán đại thân ở Trấn Tây là Nguyễn Tiến Lâm, Tán lý cơ vụ là Nguyễn Công Trứ đến nơi quân thứ, đầu tiên dâng sớ nói : Thành Trấn Tây là nơi chứa để những thuyền bè, súng đạn, khí giới, lương thực, quan binh ở các đạo và các phủ, đồn đều do ở thành này cung cấp cho cả, thực là một nơi căn bản trọng yếu. Thế mà trong thành thì chật hẹp, không đủ chỗ chứa quân lính, mà đối ngạn về phía đông nam, một dải đất La Kết, khoảng độ vài dặm, thuyền công và thuyền tư đổ ở đấy liền như vảy cá, nhờ có việc gì bất ngờ, sinh ra mối lo không nhỏ. Nay cả hạt Chân Lạp về bề với nước Xiêm, vừa rồi nghe nói Chất Tri gọi họp các phiên mục đến cả Hải Tây, yêu cầu ta lui quân, mới ra đầu thú. Thế cũng đủ biết đại khái được sự giao quyết của chúng. Nhờ ra chúng đi đường tắt để đến đánh Trấn Tây, hoặc là nhân chỗ hiểm để chặn đường vận lương của mình, cũng chưa biết chừng. Và lại, lấy được đất phải cần lấy được cả người, nay man dân ấy coi ta là cừ địch, tuyệt nhiên không chịu về với ta, thì ta chỉ giữ được cái thành không mà thôi. Quan quân muốn đi đến nơi nào, đều phải do đường thủy, thế mà tình hình của địch hư thực thế nào, đường đi xa gần bao nhiêu, núi rừng chằm lầy đi lại khó để ra sao, mình không biết một tý gì cả ! Khi bỏ thuyền, lên bộ, tất phải chia quân đóng giữ. Vận lương qua nơi hiểm trở, chỉ đủ dùng cho 3-4 ngày thôi ; dù có lấy được, rồi cũng phải bỏ. Thế là sở đắc không đủ bù cho sở tổn. Việc trước tiên xin đắp cao rộng thêm thành cũ Trấn Tây, đào hào, cắm chông, cho được bền vững ; lại đắp thêm thành ngoài ở La Kết, phái đại binh đến đóng giữ ; phàm những đường lối ra vào, chia đặt đồn lẻ đóng chặn ngăn giữ, để cho đường sá bình yên, đi lại không có sự gì lo ngại ; rồi sau sẽ tùy nghi dẹp yên và vỗ về, mưu tính cho sau này được tốt.

Và lại, chia đồn, đặt bảo, tất phải thêm số quân, không khỏi có sự tổn phí, nhưng vì sự thể như thế, nên bắt buộc phải như thế.

[Chúng tôi] lại nghe nói bố viên Quản cơ hai cơ An man nhất và nhị ở Sơn Tĩnh bị bọn man tù giết chết, nên quản cơ ấy đối với man tù là thế thù. Hấn tự nguyện để vợ con ở trong thành, đi hướng dẫn đường lối cho quan quân. Xét về chân tình thì hấn cũng có lòng muốn quy thuận, nhân cơ hội này mà vỗ về hấn thì hấn cũng có thể là người đắc lực. Xin đặc cách gia ơn cho hấn để thêm khuyến khích.

Khi tờ sớ này đến Kinh, gặp việc quốc tang, chưa được trả lời.

(1) *Tiềm đế* : nơi vua ở khi còn làm Thái tử, chưa lên nối ngôi.

Bọn Tiến Lâm và Công Trứ lại cùng với Kinh lược sứ đại thần Phạm Văn Điển, và Tá lý cơ vụ Đinh Văn Huy tiếp tục dâng sớ nói về tình hình biên giới ở Trấn Tây, đại lược : Trước đây, đã gửi thư cho bọn đầu mục nước Xiêm bảo cho biết đại ý về việc hoà hay đánh, nhưng vì thể thống của nước, mưu kế việc binh, rất là quan trọng, mà sự thế ở nơi biên cương, sớm chiều biến đổi một khác. Hiện nay, bọn thổ phỉ chỗ nào cũng đóng đồn liên kết, dựa chỗ hiểm, đóng quân chống lại, làm kế cố thủ. Từ trước đến nay, ta chỉ đánh phá được ở nơi ven sông và những chỗ tiếp cận đồn, bảo của địch mà thôi ; còn chỗ sào huyệt chứa để của chúng thì ta chưa từng đến được, như : đạo quân Định - Biên chưa thể qua được đất Nam Thái ; đạo quân Long - Tường cũng chỉ đi lũng bắt theo ven bờ ở đất Sơn Tinh, rồi lại đem quân về ; đạo binh thành hạt Mỹ Lâm cũng chỉ từ phủ Hải Đông đi phủ Hải Tây, rồi lại từ phủ Hải Tây về phủ Hải Đông ; đạo binh Kinh lược cũng chỉ đi về những chỗ tiếp giáp phủ Trấn Tây, còn ở bên ngoài thành, bảo đóng quân thì bị ngăn trở không đi thông được. Cho nên, bọn địch vẫn được tự do, chưa từng cùng quẫn. Vì rằng địa thế rộng xa, đường rừng nhiều lối, nếu có đem quân chia đường tiến đánh, cũng cần phải nghe tâm hơi nhau, hăng hái tiến lên. Bọn giặc nếu thấy thế không chống nổi, thì chạy tan đi các ngả, không thể bắt được. Quan quân đem lương đi sâu vào, không thể ở lâu, một khi vừa mới rút về, thì bọn giặc lại tụ tập như cũ. Hướng chi, khí hậu ở Trấn Tây khác với nơi trung thổ : đương mùa đông mà khí nóng dữ dội, suốt ngày gió lốc, cát bay bụi mù. Nếu không sớm xong việc binh nhưng, thì quân lính bị cảm nhiễm ngày càng nhiều, thành ra không tiện. [Chúng tôi] vâng theo ý nhà vua dụ, đã nhiều cách dỗ bảo, nhưng họ bị che bịt mê hoặc đã quá sâu sắc, đi đến đâu họ cũng đều nói rằng : “Đại đức của thiên triều, thực không dám quên, chỉ vì chúng tôi bị khổ sở bức bách lừa dối đã lâu, không thể tự mình bày tỏ lên trên được, đến nỗi phải rú nhau làm giặc. Nay sợ phải tội, không dám quay đầu về nữa”. Theo lời họ nói, xét việc làm trước, thì ra bọn lại địch không tốt, bọn còn đồ vô lại, hống hách sách nhiễu man dân không biết thế nào mà kể, không trách bọn man dân làm phản là phải. Việc đã qua rồi, không thể lấy lại được nữa, lương để triều đình phải một phen mưu tính một cách đại đoạn. Nay đã không thể lấy lời suông bảo cho họ hiểu được, tất phải dùng đến binh uy ; nhưng quân lính ít thì vây bắt không khắp, binh lính nhiều thì lương thực phiền phí, chưa chắc đã được việc gì. Vậy xin trước hết chia quân các ngả bao vây lũng bắt ngay ở Trấn Tây để cho bọn giặc không thể trốn thoát được. Kẻ nào bị cưỡng ép theo giặc thì cho ra thú, kẻ nào ngoan ngoãn không theo ta thì phải trị tội ; tùy tiện chia đặt để võ về trị yên. Khi đã bình định được Trấn Tây rồi, sẽ dời quân đến Nghi Hoà, Vũ Công, rồi đến Mỹ Lâm và Sơn Tinh, nơi xa nơi gần có thứ tự trước sau, mới có thể thành công được. Nếu không làm như thế thì sở đắc không bù với sở tổn, không bao giờ xong được.

Sớ dâng lên, vua phê vào tập tâu rằng : Rất mong ở các khanh, cốt làm thế nào cho xong việc sớm, để yên chí của Hoàng khảo ta. Còn thì sẽ có Chỉ dụ sau.

Vua để tang ở nhà Dục Thất, bỏ hết những sự chơi thích, màn trướng và đồ mặc đều dùng vải mộc, không có thêu thùa văn vẽ.

Từ tháng chạp năm ngoái [Canh Tý, 1840] gặp việc quốc tang, phàm những chương sớ của các nha chưa được tâu lên để phê chuẩn, nay tiếp tục theo thứ tự dâng trình, đợi vua xử quyết, theo lệnh Chỉ để thi hành. Trong thì sửa sang việc lớn, ngoài thì xét đoán muôn việc, chỉ trong khoảng 24 ngày, mọi việc đều lần lượt đâu vào đấy cả.

Bộ Lễ dâng nghi chú về việc lên ngôi. Hôm ấy, điện Thái Hoà đặt nghi tiết đại triều, dàn nhạc khí mà không tấu nhạc. Trên kỳ đài và các cửa thành đều treo các thứ cờ vui mừng. Vua đội mũ cửu long, mặc áo bào vàng, đeo đai ngọc, cầm ngọc trấn khuê. Ngự giá đến lên ngôi bảo tọa. Phát 9 tiếng ống lệnh. Các quan vào làm lễ, đầu tiên dâng lễ tấn tôn : dâng sách vàng, tuyên đọc sách vàng ; thứ đến dâng khánh hạ : dâng biểu mừng và lễ vật mừng. Tuyên đọc tờ biểu xong, Nội các xin đóng ấn ngọc của Hoàng đế vào tờ ân chiếu để vào trong ống Kim phượng. Khi làm lễ xong, phát 9 tiếng ống lệnh. Vua ngự vào điện Cần Chính, hoàng tử bé, hoàng đệ bé, các công tử và hoàng đệ làm lễ mừng. Vua ngự vào trong nội. Nội đình làm lễ mừng đúng như nghi thức (trung cung và phi tần của tiên triều, Thái trưởng công chúa, Trưởng công chúa cùng là các phủ thiếp và mệnh phụ đều làm lễ 3 lần quỳ, 6 lần vái). Tuyên đọc ân chiếu treo ở lầu Phú Văn. Quan Kinh doãn đem các quan và thuộc viên ở Kinh huyện⁽¹⁾ cùng các kỳ lão trong 6 huyện⁽²⁾ làm lễ lạy ân chiếu. Ngày hôm sau, ban bố trong ngoài.

Lời bàn này của bộ Lễ dâng lên, vua phê vào tập tâu rằng : có một đoạn bàn về việc các phi tần của tiên triều chúc mừng, so với lễ, chưa được ổn, nên bỏ đi ; còn các việc khác cứ theo thế mà làm.

Sắc cho viện Cơ mật và Nội các lau chùi bảo tỳ (ấn ngọc) và làm sổ kê rõ trong một năm dùng bảo tỳ bao nhiêu lần dâng lên ; các hòm bảo sách để vào trong hòm vàng.

Lệ cũ, cứ đến cuối năm, sau khi đã đóng hòm ấn lại rồi, thì đường quan ở Viện và Các mặc bổ phục, tâu xin ban bảo tỳ ra, kính cẩn lau chùi, rồi kèm cả sổ biên việc đóng bảo tỳ hàng năm dâng vào trong nội. Tháng chạp năm ngoái [Canh Tý, 1840], vì có quốc tang, nên đến bây giờ mới làm việc này.

(1) Tức huyện Hương Trà.

(2) Sáu huyện thuộc Thừa Thiên.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN II

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất [1841], mùa xuân, tháng giêng, ngày Bính Ngọ. Vua lên ngôi Hoàng đế ở điện Thái Hoà. Đại xá. Đổi niên hiệu. Ban chiếu thư cho thiên hạ. Tờ chiếu rằng : “Ta nghĩ : Mệnh lớn vốn từ trời định sẵn, truyền nói riêng là bởi tại tam vương ; bậc vua cốt có đức đứng đầu, chính danh vị để tỏ ra nhất thống. Cho nên làm chủ việc tế chép trong *Chu dịch*, năm đầu niên hiệu nói ở *Xuân Thu*, là để nêu đạo thường của muôn đời và tỏ ý nghĩa về đổi mới vậy.

Bản triều ta : cõi Nam gây dựng cơ đồ, thánh thần bao đời truyền nói ; chứa nhân đức, dày giáo hoá, đã đến hơn hai trăm năm.

Thế tổ Cao hoàng đế ta : dựng lại dư đồ, thống nhất bờ cõi ; nhận giữ cơ nghiệp to lớn, để phúc con cháu về sau.

“Hoàng khảo ta : kính theo đức tốt người xưa, noi theo phép lớn đời trước, trị vì 21 năm, lễ, nhạc được tu sửa, hình, chính được thanh bình ; hộ khẩu mỗi năm một tăng, bờ cõi mỗi ngày một rộng. Đức công văn võ, từ nghìn xưa để mấy đời hơn ; nhân trạch sâu dày, khắp thiên hạ thấy đều nhuần thấm. Tuổi hạc còn muốn thè dây nhà biển⁽¹⁾, cờ rồng đã vội trở lại quê trời⁽²⁾. Cảm động đến cả non, hồ ; thương xót

(1) Bởi câu chữ Hán : “*Hải ốc thiên trụ*”, nghĩa là nhà ở ngoài biển bỏ thè mỗi ngày thêm dây. Ý nói tuổi thọ.

(2) Bởi câu chữ Hán : “*Quy vu đế hương*”, nghĩa là về nơi quê trời. Ý nói là chết.

khấp vời hang, núi. Tuy lòng thương nhớ muốn bấu theo không kịp, nhưng việc nối ngôi là hệ trọng khó khăn.

Ta là con trưởng của Hoàng khảo, khi Hoàng khảo còn sống, ta sớm hôm thăm hỏi, hết phận làm con ; Hoàng khảo cũng chăm chú bảo ban, nhủ tận mật, rỉ tận tai, ta luôn được dạy dỗ. Chốn thân dài đã giao cho tập việc, việc cơ yếu lại thường được dự bàn, là cốt muốn cho ta quen biết việc đời, để cho trị đạo có thành hiệu. Dù biết là chí của Hoàng khảo ta đã định trước, sẽ đem cái gánh nặng của thiên hạ quốc gia mà giao phó cho ta. Điều đó, thân dân trong ngoài ai cũng biết cả. Đến khi Hoàng khảo ta bệnh nặng gần mất, cho gọi các hoàng tử, thân công và Cơ mật đại thần, bảo rõ lời cố mệnh, cho ta nối ngôi.

Ta nghĩ : phó thác rất nặng nề, gánh vác thực khó nổi, nghĩ mình đức bạc lầy lảm lo sợ. Năm Minh Mệnh thứ 21 [1840], tháng 12, ngày 29, triều thần trăm quan tuân theo mệnh lệnh của Hoàng khảo ta khi còn tỉnh, tâu lên đức Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng Thái hậu, được Chỉ dụ chuẩn y, các quan lại cùng nhau dâng biểu khuyến tiến. Ta đương khi để tang xót thương, lòng đau như cắt, song ta nghĩ : nối chí trước, theo việc trước là đại hiếu, ngôi báu không thể bỏ không lâu ngày, nên mới nén lòng xót thương, lựa theo cảnh biến trên kính theo mệnh lệnh của Hoàng khảo đã định trước, dưới thuận theo lòng tin mến của mọi người, định đến ngày 13, tháng giêng năm nay làm lễ kính cáo Trời Đất, Giao, Miếu và Xã Tắc ; ngày 16, kính cáo ban thờ Hoàng khảo ; ngày 18, thân đến cung Từ Thọ, tâu lên đức Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng Thái hậu biết ; ngày 20 là ngày Bính Ngọ, lên ngôi Hoàng đế ở điện Thái Hoà.

Ta, một lòng kính sợ, để giữ mãi mệnh Trời đã ban cho ; mọi việc chăm lo, để nối tỏ tỵ công của Hoàng khảo. Lấy năm Tân Sửu làm năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] để chính huy xưng, để tỏ đại thống. Đã thể đạo trời lên ngôi báu, nên ra mệnh lệnh để ban ơn. Những ơn ban ra gồm có 23 điều :

(1. Các hoàng thân tước công, quốc công, hoàng đệ và Tôn nhân phủ đều được gia thưởng cho có thứ bậc.

2. Các hoàng tử đã được phong tước, và hoàng thân tước công, quốc công, quận công, quan ở Kinh từ Chánh tứ phẩm trở lên, quan ở ngoài trấn từ Tông tam phẩm trở lên và chức án sát mà ở dưới tên không chưa là bị giáng, đều được thưởng ngang với có quân công gia thêm một cấp ; còn về hàng văn quan trong Kinh từ Bộ, Viện, Tứ, các chính nha, người nào hàm từ Chánh thất phẩm trở lên ; quan ngoài trấn từ Tông lục phẩm trở lên và thổ Tri châu, Tri huyện ; về hàng võ từ hiện đang làm suất đội trở lên, đều được thưởng theo mức thường gia thêm một cấp.

3. Ở ngoài Kinh thành, đàn Xã Tắc, miếu thờ các đế vương triều đại trước, miếu đô thành hoàng, miếu thành hoàng và các thần kỳ được dự vào điển lệ cúng tế, đều được cúng tế một tuần.

4. Các núi to sông lớn ở các địa phương đều được tế một tuần.

5. Thuế lệ tiền thóc về nhân đinh, điền, thổ các địa phương thuộc về năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] này, đều tha cho không phải nộp.

6. Từ năm Minh Mệnh thứ 20 [1839] trở về trước, nhân dân ở địa phương nào còn thiếu lại tiền, thóc về các thuế sản vật, hoặc vay mượn thóc công chưa trả xong, đều tha cho cả.

7. Khoa Canh Tý là khoa thi chính vào thời Minh Mệnh thứ 21 [1840], trước đã chuẩn cho hoãn đến năm nay, là năm Tân Sửu [1841], mùa thu thi Hương, đến mùa xuân năm Nhâm Dần [1842] thì thi Hội, nay chuẩn đến mùa thu năm nay thi Hương, mùa xuân sang năm thi Hội là ân khoa ; còn khoa chính của năm Canh Tý lại hoãn đến sang năm tức là năm Nhâm Dần (1842), mùa thu thì thi Hương, năm sau là năm Quý Mão (1843), mùa xuân thì thi Hội.

8. Các quan viên ở trong Kinh và ngoài trấn, từ thất phẩm đến cửu phẩm chưa được gia cấp hoặc khai phục đều thưởng cho hai tháng lương bổng.

9. Các Vị nhập lưu Thư lại ở các nha môn trong Kinh và hai thừa, ty ở phủ Thừa Thiên, cùng là hai ty Phiên, Niết ở các tỉnh ngoài, và ty An biên ở Trấn Tây, đều được thưởng lương tiền 1 tháng. Còn các thuộc lại, lễ sinh, y sinh, tượng sinh, pháp lục, chiêm hậu và các ty lại tạp ngạch, không kể ở trong Kinh hay ngoài trấn, có lương hay không, đều được hưởng tiền lương nửa tháng.

10. Các giám sinh, ẩm sinh, học sinh theo học ở Quốc tử giám và các cử nhân, tú tài, sĩ nhân theo làm việc ở bộ hay ở tỉnh đều được thưởng tiền lương một tháng.

11. Các hạng biên binh chính ngạch ở trong Kinh, ngoài trấn và các thợ hiện làm việc ở các cục trong Kinh đều được thưởng tiền lương 1 tháng. Còn hết thầy các binh phụ tạp ngạch ở trong Kinh, ngoài trấn và các người làm thịt các loài súc sinh ở Kinh, trạm, đều được thưởng tiền lương nửa tháng.

12. Các giản binh ở các địa hạt theo lệ, mỗi tháng được 5 tiền và 1 phương gạo, chuẩn chiếu theo những người nào hiện tại ngũ từ tháng giêng đến tháng 6, thì đều được cấp đủ lương mỗi tháng là 1 quan tiền.

13. Các lính trạm đều được cấp cho tiền lương tự tháng giêng đến tháng 6 có thứ bậc.

14. Các hộ biệt nạp ở các địa phương, người nào lệ không phải nộp tiền thuế thân, thì về tráng hạng mỗi người được thưởng 1 quan 2 tiền ; về hạng dân đinh già ốm mỗi người 6 tiền.

15. Các quan viên lớn nhỏ ở trong Kinh, ngoài trấn, người nào phải giáng, cách mà còn được lưu chức, không kể là phạm tội về việc công hay việc tư, hễ bị giáng 5 cấp trở lên, thì chuẩn cho đổi làm giáng 3 cấp, bị giáng 4 cấp đổi làm giáng 2 cấp, bị giáng 3 cấp đổi làm giáng 1 cấp, bị giáng 1, 2 cấp cho được khai phục cả. Người nào bị cách mà được lưu chức, cho đổi làm giáng 4 cấp được lưu chức.

16. Các viên chức trong Kinh, ngoài trấn từ cửu phẩm trở lên, nếu người nào đã bị xử phạt bổng, thì không kể phạm tội vì việc công hay việc tư, đều khoan tha cho cả.

17. Các địa phương có người nào ẩn dật ở rừng núi mà tài phẩm giỏi giang hơn người, chuẩn cho thượng ty sát hạch, làm tờ tâu lên sẽ liệu lượng bổ dùng.

18. Ở trong Kinh, ngoài trấn nếu có người nào đã từng nghiên cứu về quân lược, mạnh khoẻ bạo dạn, biết phương pháp về việc dụng binh, hoặc là người nào bán cung cuối ngựa tài giỏi, thạo thuộc nghề võ, hoặc người nào sức khoẻ hơn người, có thể vác đồ nặng đem đi xa được, thì không cứ là có tên trong quân tịch hay dân tịch, đều cho các thượng ty kiểm xét rồi đưa về bộ sát hạch lại, làm bản tâu lên đợi Chỉ, sẽ tuyền tài bổ dùng.

19. Những tú tài các khoa tuổi từ 40 tuổi trở lên, cho phép các quan địa phương cấp giấy cho về Kinh, do bộ Lại làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ cho sát hạch, sẽ liệu lượng bổ làm giáo chức. Nếu người nào tình nguyện ở làng học tập để đợi thi khoa sau cũng cho.

20. Từ lúc mờ mờ sáng ngày 20, tháng giêng, năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] trở về trước, những người nào phạm tội xử tử và những tội nhân đang bị giam cầm, chuẩn cho bộ Hình hội đồng với Đô sát viện và Đại lý tự xét rõ tội trạng nguyên án, châm chức bản luận rồi làm bản tâu lên, đợi Chỉ khoan giảm cho.

21. Từ mờ mờ sáng ngày 20 tháng giêng, năm Thiệu Trị thứ nhất trở về trước, phạm những người nào phạm tội từ sung quân, phát lưu trở xuống, không kể là phạm tội gì, đã kết án hay chưa kết án, đều khoan miễn tha cho về cả.

22. Từ mờ mờ ngày 20 tháng giêng, năm Thiệu Trị thứ nhất trở về trước, phạm những phạm nhân can án đi trốn tránh, không kể là thủ phạm hay tông phạm, hễ biết hối tội quay đầu về đều cho được ra thú ở địa phương, hạn đến cuối tháng 6 năm nay là hết. Nhưng phải do thượng ty ở địa phương ấy kê rõ tuổi, quê quán, can tội gì, làm thành danh sách, do Bộ tâu lên, sẽ liệu lượng cho khoan giảm.

23. Phạm các án phải bồi lại tang vật mà chưa bồi xong, trừ những án nào xét ra rõ ràng là có tình trạng xẻo xén vào đấy thì không kể, còn thì ở Kinh do bộ Hình, ở ngoài trấn do các thượng ty đem các nguyên án của những người can phạm ấy và số tang phải bồi làm danh sách tâu lên, sẽ liệu lượng cho khoan giảm hay miễn hẳn).

“Ôi ! Chính ngôi giữ mệnh, ta một người nối dõi không quên, thu phúc cho dân, người muôn họ hưởng phúc còn chán. Vậy nên bá cáo rộng khắp, để cho mọi người đều biết”.

Từ xá thư ban xuống, trong ngoài đều hả lòng. Trước đây mưa dầm liền mấy tuần, đến hôm nay, trời sáng, khí thanh, ai cũng bảo là điềm thái bình thịnh trị.

Dâng lên cung Từ Thọ 2 000 quan tiền.

Ban cho các hoàng thân tước công, quốc công, trở xuống đến các nam nữ trong họ Tôn thất không làm chức gì và họ Trần ở xã Văn Xá, họ Hồ ở giáp Tây, thôn Linh Chiêu một số tiền có thứ bậc (10 vị thân công ban tiền 6.000 quan, 6 vị quốc công, ban tiền 2.400 quan ; 18 vị quận công, ban tiền 5.400 ; 4 vị đã được phong làm thái trưởng công chúa, ban tiền 1.600 quan ; 7 vị chưa được phong làm thái trưởng công chúa và trưởng công chúa, ban tiền 2.000 quan ; 30 vị hoàng đệ, ban tiền 6.000 quan ; 48 vị hoàng muội, ban tiền 9.600 quan ; bọn Tôn thất chi gần có quận công, hầu tước, con trai, con gái về cháu vua, con trai con gái của các thân công, ban tiền 4.000 quan ; các chức quan về họ Tôn thất chi xa, cùng con trai, con gái về các ngành, ban tiền 3.000 quan : họ Trần được ban 500 quan ; cả xã Văn Xá được ban 200 quan ; họ Hồ được ban 500 quan, cả giáp Tây thôn Linh Chiêu được ban 200 quan). Thường ngân tiền hạng lớn và hạng nhỏ cho các kỳ lão ở phủ Thừa Thiên (từ 90 tuổi trở lên, mỗi người được thưởng ngân tiền hạng lớn và hạng nhỏ mỗi thứ 1 đồng ; từ 80 tuổi trở lên, mỗi người 1 đồng ngân tiền lớn ; từ 70 tuổi trở lên, mỗi người 1 đồng ngân tiền nhỏ).

Vua đã thân ra coi chính sự, mỗi ngày buổi sáng, buổi chiều, mặc áo trắng, ngự ra tiện điện, cho gọi các quan vào bàn luận chính sự. Các quan viên văn võ được dự vào hàng hầu và chiêm bái đều theo như lệ ngự ở chính điện. Các bề tôi vào ra mắt, vua cho ngồi và cho uống trà một cách ung dung. Đối với các đại thần như bọn Trương Đăng Quế, Vũ Xuân Cẩn và Tạ Quang Cự, vua chỉ gọi tên quan, chứ không gọi tên thực.

Định thứ bậc từng ban trong Tôn nhân phủ (như biểu văn chúc mừng, trước hết viết tên hoàng tử, rồi đến hoàng thân có tước công, hoàng đệ có tước công và hoàng đệ. Khi đứng vào ban thứ ở điện Thái Hoà thì hoàng thân có tước công đứng trước, rồi đến hoàng đệ có tước công, thứ đến hoàng đệ, rồi đến hoàng tử, đều liệt vào làm một hàng, khi ở điện Cần Chính thì trước hết là hoàng đệ còn bé, rồi đến hoàng tử còn bé, cũng liệt vào một hàng.

Đình việc các địa phương dâng tập hạp⁽¹⁾ vào hỏi thăm sức khoẻ nhà vua.

(1) Tập hạp : tờ biểu để trong hộp gỗ, ngoài có bọc cái túi bằng lụa.

Lệ cũ, các chức tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát ở các địa phương đều phải đúng kỳ hạn dâng tập hạp. Đến đây, vì vua đương để tang, dụ cho các thượng ty nếu gặp có việc gì quan trọng khẩn cấp hoặc có tâu bày việc gì, đều làm mật tập tâu lên; còn những tập tâu về hỏi thăm sức khoẻ tầm thường đều cho đình cả, đợi sau khi hết tang, sẽ theo lệ cũ mà làm.

Định màu sắc về mũ áo của các quan viên.

(1. Những người chức hầu ở ban thờ Tiên đế, trừ ra các biên binh ở ty Lễ bộ đều phải mặc phục sắc theo như thường lệ, còn những người ngày thường sung vào ban, thì hoàng đệ có tước công, hoàng đệ và quan viên văn, võ đều dùng khăn áo trắng ; đến khi hành lễ, đều mặc áo tang. Các thái giám, cung giám khi ứng trực, dùng khăn trắng áo đen hoặc cùng một loạt áo màu chàm hay áo đen ; ngày hành lễ, đều dùng khăn áo trắng. Các thị vệ, hộ vệ, thượng thiện⁽¹⁾, thượng trà đều dùng khăn áo trắng. Còn các binh đinh thì đều dùng khăn áo đen.

2. Các quan ở trong Kinh, ngày thường vào chầu ở tiện điện hoặc chức hầu ở tả, hữu vu, cũng là ngày thường làm việc, người nào để tang 3 năm, áo sớ gấu, thì trong 27 tháng đều dùng khăn trắng áo đen ; người nào để tang 1 năm, thì còn trong giỗ tiểu tường⁽²⁾, đều dùng khăn trắng áo đen. Còn như người để tang đại công thì trong vòng 9 tháng, ngày thường làm việc, cũng dùng khăn trắng áo đen. Nếu có việc đến miếu, điện Phụng Tiên, cung Từ Thọ, sở Thực lục, quán Quốc sử, cũng là được cất nhắc lên, theo lệ phải vào bái mạng thì không cứ là đã hết tang hay chưa, đều dùng khăn áo đen. Phạm được sai phái đi việc quan, nếu là việc binh thì dùng nhung phục, nếu là việc thường thì dùng khăn áo đen.

3. Khi vua đến ban thờ tiên đế, và ngự ra đầu, từ ngoài cửa cung trở ra, không cứ là còn trong hay đã ngoài lễ tiểu tường, những viên chức hàng võ theo hầu mang đồ nghi trượng, từ chức quản vệ trở xuống đều dùng khăn áo đen, còn các người dự vào hàng theo hầu như hoàng tử, hoàng thân có tước công, hoàng đệ cùng các quan văn võ chưa hết tang đều dùng khăn trắng áo đen. Nếu gặp các ngày lễ sóc⁽³⁾, vọng⁽⁴⁾, lễ ăn, tiến, vua thân đến làm lễ, những người nào dự vào ban chào lạy, thì cứ chiếu theo áo để tang mà chào lạy, trong cả 27 tháng đều như thế.

4. Gặp những ngày kỵ ở các miếu hay điện Phụng Tiên và tiết Thanh minh làm lễ cáo yết các lăng, theo lệ vua thân đến làm lễ, hoặc sai quan đến làm lễ thay, đều dùng lễ phục để làm lễ ; còn các quan viên chức võ và binh lính đi hộ giá đều dùng khăn áo đen.

(1) *Thượng thiện* : người dâng cơm cho vua.

(2) *Tiểu tường* : giỗ đầu.

(3) *Sóc* : mồng một.

(4) *Vọng* : ngày rằm.

5. Các chức diễn hộ, viên chức võ và binh lính giữ các điện Cần Chính, Thái Hoà, cửa Đại Cung, Ngọ Môn, kỳ đài và các cửa thành đều dùng khăn áo đen.

6. Phàm ai đi qua sân điện Cần Chính, điện Thái Hoà, trước cửa Đại Cung, không được đội khăn trắng trên đầu.

7. Phàm quan viên ở các tỉnh ngoài Kinh đô, viên nào chưa hết tang, ngày thường làm việc, đều dùng khăn trắng áo đen. Nếu có sai phái đi việc quan : việc binh thì mặc nhung phục, việc thường thì dùng khăn áo đen. Những viên nào đã hết tang thì ngày thường làm việc đều dùng khăn áo đen.

8. Về đại lễ lên ngôi, có đổi niên hiệu, thì ngày ân chiếu ban đến, đều phải đủ tàn, tán, nghi trượng, phẩm phục, đón tiếp đúng như nghi thức, có bày nhã nhạc nhưng không tấu nhạc. Còn khi có Chỉ dụ ban đến, theo lệ phải đón tiếp, thì dùng khăn áo đen).

Sai sứ sang nhà Thanh báo tang. Cho : thự Công bộ Hữu tham tri Lý Văn Phúc làm Lễ bộ Hữu tham tri sung chức Chánh sứ ; thự Bó chính Nghệ An Nguyễn Đức Hoạt làm Lễ bộ Hữu thị lang, sung chức Giáp phó sứ ; Biện lý Binh bộ Bùi Phụ Phong làm Quang lộc Tự khanh, sung chức Ất phó sứ. Đặc cách thưởng cho mũ áo được cao hơn một bậc (Các năm thường, thưởng mũ áo cho sứ bộ thì : chánh sứ mũ áo chánh tam phẩm, giáp ất phó sứ mũ áo tòng tam phẩm. Năm nay, chánh sứ được thưởng mũ áo chánh nhị phẩm, giáp ất phó sứ mũ áo chánh tam phẩm. Lại gia thưởng cho chánh sứ và giáp phó sứ mỗi người một cái áo ngắn, tay rộng, bằng vóc toàn tơ màu lam sẫm, 1 cái áo ngắn, tay hẹp, bằng đoạn đậu 8 sợi tơ bông tròn nhị tấc, màu xanh da trời, 1 cái áo dài tay hẹp, bằng vũ ti, màu quan lục sẫm, 1 cái quần nhiều ta màu lam nhạt. Quần áo của ất phó sứ cũng như thế, duy không có cái áo tay rộng. Lại ban thêm 3 bộ mũ, áo bào đen, đai sừng. Các hành nhân thì ban cho 8 bộ lễ phục).

Cho : Binh bộ Hữu thị lang Nguyễn Đình Tân được gia hàm Lễ bộ Tham tri, sung chức Chánh hậu mệnh ; Án sát Hải Dương gia hàm Thị lang Hoàng Tế Mỹ làm thự Lễ bộ Tả thị lang, sung chức Phó hậu mệnh. Mỗi người được mũ, áo, bào đen, đai sừng mỗi thứ 1 bộ ; các quan tỉnh ở Lạng Sơn cũng thế. Thưởng thêm cho Đình Tân 60 lượng bạc, Tế Mỹ 40 lượng bạc. Bọn Đình Tân cưỡi ngựa trạm đi trước, sứ bộ nối tiếp chia đi sau, đợi ngày sang qua cửa ải.

Cho Hiệp biện Đại học sĩ Trương Đăng Quế thự Văn Minh điện Đại học sĩ, gia thêm hàm Thái bảo, vẫn lĩnh chức Thượng thư bộ Binh, sung làm Cơ mật viện đại thần. Dụ rằng : “Thái tử Thiếu bảo Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Binh bộ Thượng thư, Cơ mật viện đại thần, Tuy Thịnh nam Trương Đăng Quế vào năm đầu thời Minh Mệnh, Hoàng khảo ta nghĩ việc con nối ngôi, giữ thừa tự là quan trọng, rất cẩn thận

trong việc chọn người làm sư phó, đặc mệnh cho Khanh sung chức Bạt độc ở toà Kinh Diên, rồi thăng chức Tấn thiện. Khuyến giúp ta trong tuổi non trẻ, 9 năm hun đúc, mong được thành tựu, Hoàng khảo ta rất khen ngợi và hài lòng. Đến khi bắt đầu đặt ra Nội các, Khanh được triệu vào Các làm việc : vàng Chỉ tinh tường, mọi việc đều được thanh thoả. Viện Cơ mật mới dựng ra, lại được sung làm Cơ mật đại thần, thi thố các mưu kế, bàn giúp việc quân quốc ; đi Kinh lược ở tỉnh Thanh Hoá thì quét sạch bọn giặc trốn, đi đặc điển ở Nam, thì làm lợi dân ích nước, đã từng được Hoàng khảo ta khen ngợi là cùng lòng cùng đức, đáng là người chân tay. Đến kỳ xét công, nhiều lần gia cho ơn điển như : vinh phong cho thế tập, là ghi công cùng sông núi lâu dài ; gia ban kim ngư⁽¹⁾ là ngụ ý được vua tôi tương đắc.

“Ngày tháng 12 năm ngoái, Hoàng khảo ta se mình, trong khi bệnh nặng sắp mất, có gọi ta đến, cầm tay, bảo tận mặt rằng : “Trương Đăng Quế hầu ta đến nay đã 21 năm, làm tôi hết đạo, công trung một lòng, khi tính mưu kế trong quân tướng, khi ra công sức nơi biên đình, thực là một vị đại thần kỳ cựu, con nên lấy lễ ưu đãi, nói câu gì cũng phải nghe, bày kế gì cũng nên theo, sau này sẽ cho dự vào hàng phối hưởng ở nhà thế thất”. Ta đau thương khôn xiết, kính cẩn ghi lòng, vẫn mong Hoàng khảo ta thánh thể vô sự, ban phúc cho thiên hạ thần dân còn lâu, ngờ đâu lòng trời không thương xót, Hoàng khảo ta xe mây lên châu trời ! Trông nơi Đỉnh Hồ⁽²⁾, lòng những thảm thiết, vúi lấy kêu gào cũng không kịp nữa ! Nhưng ta nghĩ : sự phó thác rất trọng, công đức của Hoàng khảo, như trời không cùng, ơn sâu chưa chút báo đáp, cốt làm sao cho nêu ra công liệt, tỏ rõ đức sáng, chăm lo việc chính trị, nhờ được người giúp việc tốt, mới có thể nối được tiếng tốt của đời trước.

Nay kính theo di chỉ, ưu đãi người cố mệnh công thần, chuẩn cho Hiệp biện Đại học sĩ Trương Đăng Quế thăng thự Văn Minh điện Đại học sĩ, gia thêm hàm Thái bảo, vẫn lĩnh chức Thượng thư bộ Binh, sung Cơ mật viện đại thần. Khanh nên kính theo di chỉ của Tiên đế, phàm các công việc không cứ lớn hay nhỏ, cần phải thường thường sửa chữa, cố công giúp rập, để được yên lòng của Tiên đế ký thác và giúp đỡ những chỗ ta thiếu sót”.

Gia hàm Thái bảo cho Tiên quân Chương phủ Phạm Hữu Tâm nhưng vẫn lĩnh chức Tổng đốc Hà - Ninh⁽³⁾. Dụ rằng : “Thái tử Thiếu bảo, Tiên quân Đô thống phủ Đô thống Chương phủ sự, lĩnh Hà - Ninh Tổng đốc, Tân Phúc hầu Phạm Hữu Tâm, tỏ ra công trạng về thời Gia Long, dựng nên công nghiệp ở thời Minh Mệnh, cõi Tây giết đuổi quân Xiêm, lập công nơi biên tái, miền Nam dẹp yên nghịch tặc,

(1) Kim ngư : con cá đức bằng vàng dùng để đeo.

(2) Đỉnh Hồ : nơi hoàng đế ngày xưa cưỡi rồng bay lên trời (thành ngữ chỉ vua chết).

(3) Hà Nội và Ninh Bình.

rạng rỡ nhiều quân công. Hoàng khảo ta ưu đãi ân lễ, cho tước đến công, thường bảo ta rằng : “Phạm Hữu Tâm giữ lòng trung chính, thực là người bề tôi chính trực”. Ta nghe lời dạy bảo ấy, vẫn thường ghi lòng. Năm ngoái Phạm Hữu Tâm có về Kinh chúc mừng. Hoàng khảo ta bảo Phạm Hữu Tâm rằng : “Ta tin dùng ngươi, giao phó cho giữ trấn lớn, ngươi hãy về tỉnh thành, vỗ về nhân dân, để cho nhân dân một phương được yên chỗ ở, sau này trăm sẽ gọi về Kinh cũng chưa muộn gì !”. Ngờ đâu, Tiên đế lên châu trời, khiến người thương nhớ, không được thỏa lòng mong muốn. Tiếng nói đáng người còn phảng phát đó, trông thấy cung kiếm còn để lại, thêm nỗi xót thương !

“Ta, buổi đầu nối ngôi, noi theo chí người trước, lo nghĩ việc trị đạo, ưu đãi bạc đại thân. Nay chuẩn cho Tiên quân Chương phủ sự, Tân Phúc hầu Phạm Hữu Tâm được gia thêm hàm Thái bảo, vẫn lĩnh chức Tổng đốc Hà - Ninh. Khanh nên thi thố ra nhiều mưu kế việc làm, để cho nơi biên quận được vững chắc, tức là làm cho triều đình được vững chắc, giúp ta là người tuổi trẻ giữ vững được cơ nghiệp to lớn này. Thế là Khanh đã báo đáp được ơn hậu tri ngộ và ý uỷ nhiệm mong được thành hiệu của Hoàng khảo ta đó”.

Cho Vũ Lao hầu Tạ Quang Cự làm Trung quân Đô thống phủ Đô thống Chương phủ sự. Cho Hữu quân Đô thống phủ Đô thống, Văn Hội nam Nguyễn Tăng Minh làm thự Hữu quân Đô thống phủ Đô thống Chương phủ sự. Cho Hiệp biện Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn làm thự Đông các Đại học sĩ vẫn lĩnh chức Thượng thư bộ Hình. Cho Thương thự bộ Lại Lê Đăng Doanh được thự Hiệp biện Đại học sĩ vẫn lĩnh chức Thượng thư bộ Lại. Cho Thượng thư bộ Hộ Hà Duy Phiên được gia hàm Hiệp biện Đại học sĩ, vẫn lĩnh chức Thượng thư bộ Hộ. Bỏ Phan Huy Thực làm Thượng thư bộ Lễ, Nguyễn Trung Mậu làm Thượng thư bộ Công. Còn các viên sung chức trông coi các nha đều chuẩn cho như cũ.

Cho : Binh bộ Thị lang Trương Minh Giảng được khai phục Hiệp biện Đại học sĩ, vẫn lĩnh chức Trấn Tây tướng quân, quyền Tổng đốc An - Hà⁽¹⁾. Dương Văn Phong được khai phục Binh bộ Thị lang, vẫn lĩnh chức Tổng đốc An - Hà. Bỏ Binh bộ Tả tham tri Lê Văn Đức làm Thượng thư bộ Binh, vẫn lĩnh chức Trấn Tây tham tán.

Cho : Chương vệ Lê Văn Phú làm thự Thống chế dinh Thân cơ ; Chương vệ Vũ Văn Giải làm thự Thống chế dinh Hồ oai, đều vẫn kiêm chức Quản thị vệ, dự vào ban đình nghị.

(1) An Giang và Hà Tiên.

Cho Phó vệ úy Lê Mậu Hạnh làm Nhất đẳng thị vệ, sung chức Quản lĩnh thị vệ kiêm coi quản các đội Dục võ, Hoả pháo, Tài thụ. Cho Phó vệ úy ở vệ Tả nhị, quân Vũ lâm Hồ Văn Thập làm Nhất đẳng thị vệ, sung chức Quản lĩnh thị vệ, kiêm coi quản các đội Dục chấn, Kim sang và Lý thiện. Cho Ngũ đẳng thị vệ Vũ Huy Dung làm Nhị đẳng thị vệ, sung chức Hiệp lĩnh thị vệ, kiêm coi quản đội Thượng thiện. Cho Thị vệ trưởng ở thự Hoà thanh Hoàng Văn Trấn làm Nhị đẳng thị vệ, sung chức Hiệp lĩnh thị vệ, kiêm coi quản viện Thượng trà. Cho Vệ úy ở vệ Hậu nhị quân Vũ lâm Hồ Văn Lưu làm Chương vệ vệ Cẩm y, chuyên coi quản các đội túc trực. Cho Vệ úy vệ Cẩm y Hoàng Văn Hậu làm Chương vệ vệ Cẩm y, chuyên coi quản các đội Trường trực và Thường trực, kiêm coi quản ty trấn phủ. Điều bổ Phó vệ úy ở Hậu vệ Long vũ là Nguyễn Văn Tình làm Phó vệ úy vệ Cẩm y, chuyên coi quản các đội túc trực. Cải bổ Phó vệ úy Nguyễn Tiến Song sang Phó vệ úy vệ Cẩm y, chuyên coi quản các đội Trường trực và Thường trực. Điều bổ Phó vệ úy vệ Cẩm y là Nguyễn Tuyên làm Phó vệ úy ở Tả vệ quân Tiên phong, nhưng sung chức Phó vệ úy vệ Cẩm y.

Thường cho quan quân thuộc ngạch Tuần sát điển hộ. Lệ cũ phàm gặp khi mới có quốc tang, thì cả ba thành⁽¹⁾ ở Kinh đô đều có lệnh giới nghiêm, các cửa trong ngoài thành đều phải thêm quan quân tuần sát trông coi, cứ nghe tiếng chuông buổi tối thì đóng cửa lại, nghe tiếng chuông buổi sáng thì mở ra. Đến đây bỏ lệnh giới nghiêm, những quan quân phải đến từ trước được thưởng tiền lương bổng 1 tháng, còn những quan quân phải đến thêm thì được thưởng nửa tháng và rút về đội ngũ cũ, cửa thành lại mở đóng như ngày thường.

Sắc cho bộ Binh rằng : Phàm những quản suất, viên biên thuộc đội ngũ trong Kinh có khuyết, thì lấy những chức quan ngoài trấn có công trạng và lâu năm thăng bổ vào. Các vệ binh ở vệ Cẩm y có khuyết cũng theo lệ sung điền ngay.

Lại sắc cho ba bộ Hộ, Binh, Công hội đồng trừ tính : Phàm công việc xây dựng sơn lăng, cần đến những vật liệu gì, thì phải đem các biên binh đến sẵn ở nơi làm việc, đợi khi hết tang sẽ khởi công. Về mặt trước Hiếu Sơn cũng phải phái binh lính sửa sang cho được sáng khải. Những nhà nhân dân ở gần liền Sơn lăng nếu tình nguyện dời đi chỗ khác, thì liệu lượng cấp tiền cho.

Tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Lê Văn Đức dâng tâu rằng : “Xiêm mục là Phi Nhã Chất Tri trước đây có đưa thư sang xin hoà. Thành hạt chúng tôi đã đưa thư trả lời, giục họ phải lui quân trước, để thử xem lòng họ thực đối thế nào. Thư ấy giao cho Viên ngoại lang Lê Quốc Hương mang đi. Chất Tri mời vào hội kiến rất niềm nở, lại đưa thư trả lời nói rõ ý nghĩa nếu hoà thì quân và dân hai nước đều được phúc cả. Sau đó họ đã rút quân về Bắc Tâm Bôn rồi”. Vua phê rằng :

(1) Ba thành : Cung thành, Hoàng thành và Kinh thành.

“Ta mới bắt đầu trông coi chính sự, đã có tin tốt như thế, mình không phải đánh mà họ tự rút quân, là nhờ ở anh linh của Hoàng khảo ở trên trời và uy liệt của Hoàng khảo để lại, nên mới được thế”.

Tập tâu ấy giao xuống cho các đình thần xét bàn, đều nói là bọn man dân trở mặt làm loạn, cho nên triều đình phải đem quân đến đánh, đối với nước Xiêm không có can thiệp gì, nước Xiêm tự đến giúp sức cho kẻ làm càn, một trận ở Sa Tôn, bị quân ta đánh giết, đẩy lùi rồi phải lập tức xin hoà, rút quân bỏ về. Và lại, họ đã biết đuối lý, tự xin hoà trước, ta cũng nên lấy việc không đánh mà khuất phục được người là thượng sách. Xin truyền cho Tướng quân và Tham tán ⁽¹⁾ làm thư đáp lại (trong thư đại lược như sau : Nước ta đối với nước Xiêm xưa nay không có hiềm khích gì, năm trước vì có nước Vạn Tượng, nước Xiêm đón đường giết bọn hành nhân, triều đình ta cũng chỉ đưa thư trách hỏi mà thôi, chưa vội dùng đến binh lực. Kịp đến khi giặc Khôi làm phản, nước Xiêm lại đem quân giúp sức làm bậy, triều đình ta mới đem quân giao chiến với Xiêm. Những trận đánh ở Thuận Cảng và Phú Lật, quân Xiêm mấy lần thua chạy, quân ta cũng chỉ đi kiểm soát bờ cõi đến địa đầu Hải Đông và Hải Tây mà thôi, không nỡ vượt qua biên giới đuổi theo đến cùng.

Năm trước, Nặc Ong Giun gửi mật thư xin nước ta đem quân sang đánh lấy xứ Bắc Tầm Bôn, hấn xin làm nội ứng. Năm sau, Nặc Ong Em trốn về, cũng nói đánh lấy xứ Bắc Tầm Bôn để như trở bàn tay. Triều đình ta đều không thèm nghe cả. Cốt lấy tình nghĩa giao hảo với nước láng giềng chưa từng hành động gì để khởi hấn nơi biên giới cả. Duy có nước Cao Miên, xưa nay vẫn được triều đình ta bồi đắp gây dựng cho, sau vua nước ấy là Chấn không có con nối, lại lập con gái là Ngọc Vân để làm chủ việc thờ cúng. Đến khi phát ra cái án Ngọc Biện mưu trốn, thì chỉ bắt tội Ngọc Biện thôi, còn Ngọc Vân thì lại dời đi nơi khác để được bảo toàn. Bọn thổ mục cũng được phong cho quan chức, các thổ dân cũng được để ý vỗ nuôi. Gián hoặc cũng có một vài người thổ mục không được thoả chí, lừa dối mê hoặc bọn dân ngu, rủ nhau làm giặc, triều đình ta bắt đắc dĩ mới phải dùng đến binh lực. Bấy giờ nước Xiêm đã trót nhẹ dạ nghe theo lời nói của bọn làm bậy ấy, đem quân vượt biên giới mà đến, nay đã hiểu rõ phải trái, tự xin hoà trước. Bản quân môn đã tâu rõ, vâng thánh Chỉ phê phán rằng : “ngừng việc binh, thôi chiến tranh, cũng là phúc cho quân dân, và là lợi ích cho cả hai nước. Nay nước Xiêm đã rút quân về thì quan quân bản quốc phải nên theo giới mốc mà canh giữ bờ cõi của mình, không được khởi hấn nơi biên giới một cách càn bậy”. Còn như sự thể hoà hảo như thế nào, bản quân môn không dám tự chuyên, phải đợi có thư của nước Xiêm gửi sang, sẽ lại

(1) Chỉ Trương Minh Giảng và Lê Văn Đức.

chuyển tàu lên, đợi có thánh Chỉ, chắc rằng việc hoà hảo thế nào cũng thành, v.v...). Xem họ đáp lại như thế, đợi có quốc thư của họ gửi đến, sẽ tùy nghi mà làm.

Vua phê rằng : Mọi lời bàn đã hợp nhau, chuẩn cho theo nghị mà làm. Các khanh ở ngoài cõi Tây, nên liệu lý cho được thoả đáng, để có thể báo đáp được ơn hậu về sự tri ngộ của Tiên đế và giúp đỡ chỗ thiếu sót của ta.

Bàn công đánh giặc ở huyện Hà Âm. Trước đây, bọn giặc rủ nhau tụ họp ở xứ Liệt Diệt (thuộc tỉnh Hà Tiên), Tổng đốc Long - Tường ⁽¹⁾ là Dương Văn Phong sai Cẩm y Phó vệ úy Hoàng Văn Quý chia đường tiến đánh, lấy luôn được 4 đồn, thừa thắng chuyển sang đánh ở Cấn Sư. Phong lại tiến đánh các miền núi ở huyện Hà Dương, vừa gặp thợ Tuần phủ Hà Tiên Lê Quang Huyền đem quân từ Giang Thành đến, chia nhau đi dẹp các bọn giặc ở Hà Âm. Quân ta đến đâu, đốt các nhà cửa và các thứ tích trữ, cháy gần hết sạch, chém bắt được quân giặc rất nhiều. Phong ở lại để dẹp trong hạt Tĩnh Biên, còn Huyền thì lại trở về Giang Thành. Rồi sau, bọn giặc lại ngấm về Hà Âm, đặt trại đóng quân ở thành Cổ Man. Quân chống cự có đến vài nghìn người. Thế rất hăng hái. Phong bèn đem bọn thợ Lãnh binh Nguyễn Duy Tráng, Phó vệ úy Hoàng Văn Quý, Quản cơ Trần Tri và Trần Văn Hoàng dẫn phá nơi đường tắt hiểm trở, đầu tiên đánh phá được sào huyệt của bọn giặc ở hai núi Chân Chiêm và Tham Đẳng (đều thuộc huyện Hà Âm). Lại phục binh ở thành cũ núi Chân Chiêm để dụ giặc, ba mặt đánh ập lại, chém ngay ở mặt trận được 3 tên đầu mục và 20 tên đồng đảng của địch ; còn thì bắn chết, đâm chết cũng nhiều, lấy được khí giới các hạng.

Vua thấy quân ta đánh được luôn mấy trận rất khen ngợi, thưởng cho : Phong 1 cái nhẫn vàng, 1 đồng kim tiền Phi long hạng to ; Duy Tráng 1 cái nhẫn vàng mặt thủy tinh, 1 đồng kim tiền nhỏ, 1 bộ ngọc đeo sắc trắng có dây xâu ngọc san hô rủ xuống. Cả hai đều được gia thưởng quân công 1 cấp. Từ bọn Hoàng Văn Quý trở xuống, đều được thưởng nhẫn, ngân tiền và kỷ lục về quân công có thứ bậc. Người nào chém, bắt được đầu mục của địch được thưởng 50 quan tiền, chém, bắt được đồng đảng của địch được thưởng 5 quan tiền, đều được thưởng 1 tấm ngân bài. Người nào bắn chết hay đâm chết bọn giặc được thưởng 1 quan tiền. Người nào bị thương nặng được cấp 2 quan tiền, bị thương nhẹ thì được một nửa (từ đây, về chiến trận, phàm ban thưởng và cấp tiền tuất cũng như thế). Còn các binh, đồng trong hàng đi đánh trận thưởng chung cho 800 quan tiền.

Lại dụ cho bọn Phong rằng : Nay sào huyệt của bọn giặc trong huyện hạt Hà Âm và Hà Dương đã bị quan quân phá tan hết cả, không còn chỗ nào ẩn náu để

(1) Vĩnh Long và Định Tường.

sống nữa, nên nhân thế thắng ấy, dò bắt bọn đầu mục của địch đem ra xử tội, và chiêu phủ nhân dân ở vùng ấy trở về yên nghiệp.

Sau đó, bọn giặc lại rủ nhau tụ họp cướp bóc ở miền thượng du Châu Đốc. Phong nhân lúc ban đêm, đến đánh úp, phá tan được cả. Lại thường cho Phong kỷ lục quân công 1 thứ.

Sai Tổng đốc Định - Biên ⁽¹⁾ Nguyễn Văn Trọng, thụ Bối chính Định Tường Trương Văn Uyển và Phó lãnh binh Tạ Văn Linh hợp sức nhau cùng dẹp bọn thổ phỉ ở Nam Ninh và Nam Thái. Trước đây, thổ dân ở Trấn Tây nổi loạn, sai Văn Trọng đến đày cùng với quan địa phương ấy xếp đặt công việc, sau lại gọi về đóng ở Tây Ninh và Nam Ninh, khi đi khi về để đánh dẹp và phủ dụ. Khi ấy có tên đầu mục bọn giặc là Đinh Tuấn tự xưng là Thiên thượng tướng, đem hơn 700 người Mán chằm tiến sát đến bảo ⁽²⁾ phủ Tây Ninh. Viên nhiếp phủ là Phan Khắc Thận hết sức cố giữ, bắt giết được tên Tuấn, bọn giặc do đó tan vỡ. Việc đến tai vua, thưởng cho Thận quân công 1 cấp và 1 đồng kim tiền nhỏ.

Văn Trọng tự tiến quân đến phủ Nam Ninh, cùng với đạo binh Định Tường chia nhau đi dẹp. Vì thấy thổ dân ở đấy đều theo giặc cả, mà đường rừng xa rộng, khó lòng đuổi đến cùng được, bèn tư cho Trấn Tây phái quân từ đồn Lu An đi xuống để hai bên đánh ập lại. Vua nghe thấy thế, quở trách rằng : Nguyễn Văn Trọng là đại viên giữ một phương diện, đã nhiều lần đối địch với bọn giặc, không có công trạng rõ rệt gì về việc chém được quân giặc, bắt được đầu mục giặc, tự tiện tư cho Trấn Tây thêm binh tiếp viện để dẹp, sao lại trì trệ đến thế. Bọn Trương Văn Uyển đốc suất quân lính, sao cũng lâu nay không lập được công cán gì, đáng khinh bỉ lắm ! [Các khanh] đều phải nên ra sức cố gắng, diệt trừ cho hết giống giặc ở trong hạt ấy, không nên trùng trùng kéo dài, chờ quân tiếp viện, nhờ người khác để làm xong việc, mới phải.

Kinh lược Phạm Văn Điển đánh nhau với bọn giặc ở cầu Nhâm Lịch bị thua. Hồi tháng chạp năm ngoái, Văn Điển cùng với Tham tán Nguyễn Tiến Lâm, Tán lý Nguyễn Công Trứ và Tá lý Đinh Văn Huy đến Trấn Tây, Văn Điển ở thành hạt để đàn áp, thương lượng uỷ cho bọn Tiến Lâm, Công Trứ đem 4 vệ quân Kinh binh đi đến chỗ quân thứ của Trương Minh Giảng và Lê Văn Đức. Khi đến tấn Xà Năng, làm sớ tâu xin đắp thêm thành Trấn Tây và đắp thành bao ngoài La Kết, chia đóng đồn chấn giữ để đi lại được thông đồng.

Vua cho lời tâu của bọn Công Trứ chỉ tỏ ra cho người ta biết mình là yếu, nên không cho làm. Chợt nghe thấy bốn xung quanh thành đều có bọn giặc rủ nhau tụ

(1) Định Tường và Biên Hoà.

(2) *Bảo* : thành nhỏ đắp bằng đất.

tập, bọn Tiến Lâm và Công Trứ lại quay về Trấn Tây, dò thám biết có bọn đầu mục của giặc là tên Cổ, tên Mê, tên Đột đóng đồn hạp quân ở cầu Nhâm Lịch, Văn Điển bên chia đường đến đánh. Khi đến đầu cầu, bọn giặc đã trước đưa thư xin hàng. Văn Điển sai nhận lấy thư, chưa kịp phiên dịch, thì bọn giặc hơn 1.000 tên đã xông ra khiêu chiến. Văn Điển tính nóng nảy, không đợi cho các đạo quân đều đến đủ, một mình đem quân lính và voi sang qua cầu, thẳng tới lũy giặc. Nguyễn Công Trứ sai người ngăn lại, không kịp. Bọn giặc chặn ngang đường đi, dựa vào chỗ hiểm trở bắn ra. Quân lính của Văn Điển chết mất hơn 100 người, bị thương hơn 60 người. Văn Điển đem quân về, dâng sớ xin chịu tội. Vua quả trách rằng : Đại tướng xuất quân, mới gặp bọn giặc nhỏ, mũi nhọn đã bị toả chiết, làm cho người ta xiết nổi kinh ngạc ! Ta nhớ lại khi Văn Điển bắt đầu ra đi, Hoàng khảo ta đã bảo tận mặt là không nên nóng nảy, hấp tấp để cho người ta thừa cơ chỗ mình sơ hở, nay quả nhiên thế. Nghĩ lại sự sáng suốt biết trước của Hoàng khảo, ta bất giác ứa nước mắt! Chỉ có điều đáng lạ là Nguyễn Công Trứ từng trải trận mạc đã nhiều, sao lại không biết ngăn cản thì còn trông mong gì nữa ! Tội ấy sẽ đáng nên trị, nhưng vì tội ấy xảy ra trước khi đại xá, thì tha cho. Chuẩn cho được đeo tội lập công.

Lại dụ cho bọn Phạm Văn Điển, Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Công Trứ rằng : Trước đây, lũ các khanh mấy lần tâu bày xin đắp thêm thành bảo, phải binh chia giữ, là vì bọn thổ phỉ dựa thế nước Xiêm làm tiếp viện, càn rỡ ngông cuồng, tất phải có thành cao, hào sâu, chứa nhiều lương cỏ, mới có thể chống giữ được. Nay, đầu mục nước Xiêm cũng đã xin hoà, các tỉnh An Giang và Hà Tiên nhiều lần báo tin thắng trận. Lũ các khanh đem đi 3.000 quân mạnh, mà bấy lâu không làm được việc gì, chỉ thấy đắp đê, bo bo giữ thành, để cho kẻ địch được nhân rồi, thì có nên không ? Lũ các khanh có trách nhiệm coi việc quân, còn cho việc vào sâu trong đất giặc để đánh bắt là khó, thì đến ngày nào cho xong việc ? Kể ra, trong việc hành quân, đổi bước thay hình, thực khó lòng ở xa mà liệu lượng được, ta cũng không ngăn trở việc của các khanh làm đâu. Nhưng nên thương lượng với bọn Tướng quân Trương Minh Giảng, hoặc chia nhau đi tiểu hoặc hạp sức cùng vậy, tùy nghi nên làm thế nào thì làm, để thành công được sớm thì thôi. Nếu cứ tâu bày rồi rút lên, đến nỗi làm cho quân cấm một chỗ, lương thực hao phí, không được việc gì, thì ta dù có nghĩ thương tới cũ, không nở trị tội, nhưng còn việc phụ ơn đối thương và tri ngộ của Tiên đế thì sao ? Các khanh có yên tâm không ? Các khanh phải toan tính đấy, chớ cho lời ta nói là câu văn viết cho đủ lễ lối.

Thự Tuấn phủ Hà Tiên là Lê Quang Huyền dẹp tan bọn giặc ở đất Sĩ Gia (tên đất thuộc tỉnh Hà Tiên). Trước đây, Huyền từ Hà Dương chuyển về Giang Thành, đi dẹp bọn thổ phỉ ở Cổ Thơm, lại đánh tan các xứ Suy Tồn, Mông Mậu, luôn luôn thắng trận, được vua nhiều lần ban chiếu khen thưởng. Đến đây, Huyền đem quân

về Giang Thành, bọn giặc lại rủ nhau về tụ họp ở xứ Sĩ Gia, dựng trại sách, có độ hơn 1.000 quân. Huyền cùng với bọn Phó lãnh binh Nguyễn Văn Thai, quyền Chương lãnh binh Đoàn Quang Mật đem bọn Quân cơ Mai Văn Tích chia đốc quân lính đào núi, mở đường, hăng hái tiến lên trước. Bọn giặc không chống lại được, đều chạy tan. [Quan quân] chém ngay ở trận tiền được 3 tên, bắn chết được 28 tên, đốt cháy những nơi kho chứa, lấy được rất nhiều khí giới, báo tin thắng trận. Vua phê rằng : “cũng tạm thoả lòng người”. Thưởng cho bọn Huyền mỗi người kỷ lục quân công 1 thứ. Lại dụ rằng : Cho phép tùy nghi đánh dẹp để sớm được yên, rồi chuyển về địa đầu Quảng Khai, chia đi vỗ yên nhân dân.

Thưởng cho các binh đồng đóng ở các tỉnh Gia Định, Định Tường, An Giang và Hà Tiên đã đi đánh giặc mỗi người tiền lương bổng 1 tháng, còn những người đi chuyển vận lương thực được nửa tháng. Lại dụ cho biết ý của triều đình là bất đắc dĩ mới phải dùng đến viện binh, vì nơi biên giới có giặc cướp ; [mọi người] phải nên cố gắng bội phần, để sớm xong việc, rồi sẽ đều được về đội ngũ hay dân tịch. Còn các binh, đồng ở tỉnh Biên Hoà đóng chặn ở địa đầu cũng được thưởng mỗi người tiền lương bổng nửa tháng.

Các tù giam ở tỉnh Định Tường và Vĩnh Long mưu vượt ngục, việc phát giác, bị giết chết cả. Trong bọn tù giam, người đã tố giác ra được tha tội, lại được thưởng 200 quan tiền. Nhân thế, truyền Chỉ cho thượng ty ở các hạt Gia Định, Biên Hoà, An Giang, Hà Tiên và Trấn Tây đều nghiêm sức cho quan đề lao và lính coi ngục phải để ý canh giữ, cẩn thận những sự bất ngờ.

Ngự sử Bạch Đông Ôn tâu rằng : Tỉnh Thanh Hoá năm ngoái riêng bị tai hoạ, lại bị mất mùa, xin cấm chỉ các việc tạp tung, tạm hoãn việc gọi lính, để dân được đỡ khổ. Vua dụ rằng : Nhân dân có việc bất bình phải đi thưa kiện, pháp luật chưa từng ngăn cấm. Nay nhất khái cấm hết, thì tình trạng oan uổng biết làm thế nào để biện bạch ra được ? Chuẩn cho viên tổng đốc, chuyển sức cho các nha môn xét kiện, trừ ra những việc thuộc về án mạng cướp bóc, tham tang thì tình trạng quan trọng, thì cứ theo lệ mà làm, còn hết thảy những việc kiện vặt tầm thường, qua tổng lý xử đoán không được công bằng hay những kẻ có tình trạng oan khuất bách thiết, thì lập tức phải theo lý mà phán đoán, xét xử cho chóng, chứ không được bắt bố dây dưa, làm liên lụy đến nhiều người. Còn việc gọi số lính thiếu thì tạm hoãn cho 3 tháng.

Cho : Phó vệ úy vệ Loan giá Tôn Thất Tường được thăng Vệ úy vệ áy ; Vệ úy vệ Sơn Tây Tôn Thất Đàm được bổ Phó vệ úy ở vệ Loan giá. Vệ Loan giá trước kia chỉ đặt có một chức Phó vệ, đến đây mới đặt thêm chức Vệ úy.

Cho các quan văn võ ở trong Kinh, ngoài trấn từ nhị phẩm trở lên tiền bổng hằng năm được chi theo lệ cũ. Khoảng năm Minh Mệnh [1820 - 1840] đình thần

bàn giảm bớt tiền bổng, định đến năm thứ 21 [1840] bắt đầu thi hành. Sau nhân ngày khánh tiết, gia hạn cho một năm nữa. Vua mới lên ngôi, quý mến các đại thần, gia ơn cho viên nào từ nhị phẩm trở lên, tiền bổng về năm ấy vẫn được chi theo lệ cũ ; đến năm Thiệu Trị thứ 2 [1842] trở đi, mới cấp theo lệ mới.

Xét công các nhân viên làm việc hầu vua khi còn ở tiềm để. Cho Trương sử Trần Đăng Chí bổ thụ Thái bộc tự Thiếu khanh bang biện Thị vệ xứ ; còn mọi người đều được cất lên bổ đi chỗ khác hay thăng bổ có thứ bậc. Khởi phục cho Nguyễn Ba làm Tư vụ, nhưng do xứ Trấn Tây phái bổ (Ba trước bị tội phát vãng làm binh ở Trấn Tây). Cho Nguyễn Hàm Ninh làm Kiểm thảo sung chức Hành tẩu ở Nội các (Ninh trước bị cách về). Các đội quân Dục chấn khi trước đồn làm 3 đội Nhất, Nhị, Tam và sung vào các đội ở vệ Loan giá, lệ thuộc dưới đội quân Dục vũ ; số mộ binh còn thừa thì bổ làm thuộc binh của hoàng tử.

Ngày Tân Hợi, yết miếu Triệu tổ⁽¹⁾, yết miếu Thái tổ⁽²⁾. Ngày Nhâm Tý yết miếu Hưng tổ⁽³⁾, yết miếu Thế tổ⁽⁴⁾. Thưởng cho các viên, nhân bồi tế, chấp sự, theo hầu mỗi người được kim tiền, ngân tiền, kỷ lục hay là tiền có thứ bậc. Rồi sai quan trong họ Tôn thất đến tế cáo Nguyên miếu⁽⁵⁾ và miếu thờ Trùng Quốc công⁽⁶⁾.

Cho : Tả thị lang bộ Lễ, gia hàm Tham tri Nguyễn Tri Phương làm Tả tham tri bộ Công ; Hữu thị lang bộ Binh Phan Thanh Giản lên thụ Hữu tham tri bộ Binh, vẫn sung Cơ mật viện đại thần ; Tả thị lang bộ Hình Bùi Quỹ lên thụ Hữu tham tri bộ Hình ; thụ Thông chính phó sứ, biện lý Thương trường sự vụ Nguyễn Đồng Khoa thăng thụ Hữu thị lang bộ Lại. Bổ Nguyễn Trạch làm Hữu thị lang bộ Hộ. Cho Bó chính Phú Yên là Phạm Thế Hiển làm Tả thị lang bộ Hộ. Cho nguyên Án sát Hưng Yên quyền biện lý Lễ bộ sự vụ là Trương Quốc Dụng thăng thụ Tả thị lang bộ Lễ. Lang trung bộ Công biện lý bộ vụ là Nguyễn Văn Điển thăng thụ Tả thị lang bộ Công. Lang trung bộ Binh, biện lý bộ vụ là Nguyễn Đức Chính thăng thụ Hữu thị lang bộ Binh. Án sát Quảng Trị là Đỗ Quang thăng thụ Hữu thị lang bộ Công. Lang trung bộ Binh là Trương Tiến Sĩ làm Lang trung bộ Hộ, biện lý bộ vụ. Lễ khoa Cấp sự trung là Vũ Phạm Khải làm Lang trung bộ Hình, biện lý bộ vụ. Hộ khoa Chương ấn là Phan Tính là Lang trung Nội vụ phủ. Lang trung bộ Công là Lê Văn Du làm Lang trung Nội vụ phủ, hội đồng coi giữ quan phòng của Nội vụ phủ. Lang trung bộ Hộ là Trần Đại Bản làm biện lý Thương trường sự vụ.

(1) Triệu tổ Tĩnh hoàng đế (Nguyễn Kim).

(2) Thái tổ Gia dụ Hoàng đế (Nguyễn Hoàng).

(3) Hưng tổ Hiếu Khang Hoàng đế (Nguyễn Phúc Noãn).

(4) Thế tổ Cao hoàng đế (Gia Long, Nguyễn Phúc Ánh).

(5) Nguyên miếu : thờ Triệu tổ Tĩnh hoàng đế, miếu này ở Thanh Hoá.

(6) Túc Nguyễn Hoàng Dụ, sinh ra Nguyễn Kim.

Cho Tả thị lang bộ Lễ sung làm việc trong Các là Lâm Duy Thiếp gia hàm Tham tri. Cho Lê Bá Tú làm Hữu thị lang bộ Lễ, Nguyễn Bá Nghi làm Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, đều vẫn tham biện công việc trong Các.

Triệu Hữu tham tri bộ Lễ, quyền lĩnh công việc phủ Thừa Thiên là Tôn Thất Bạch về bộ. Cho : Phủ thừa phủ Thừa Thiên là Phạm Quý Thăng thự Phủ doãn ; nguyên Lang trung bộ Binh là Bùi Nhật Tiến làm Phủ thừa ở Thừa Thiên ; thự Lang trung Nội vụ phủ là Lê Nguyên Trung làm Án sát sứ Hưng Yên ; Án sát Phú Yên là Lê Khiêm Quang làm thự Bố chính sứ Phú Yên ; Lang trung bộ Hình là Nguyễn Văn Lý làm Án sát sứ Phú Yên, hội đồng với Lê Khiêm Quang hộ lý quan phòng của chức Tuần phủ ; Án sát Khánh Hoà là Vũ Doãn Cung làm thự Bố chính sứ Thanh Hoá ; thự Lang trung bộ Lễ là Trương Đăng Đệ làm thự Án sát sứ Khánh Hoà ; nguyên Phủ thừa phủ Thừa Thiên là Đặng Huy Thuật làm Án sát sứ Bình Định ; Hình khoa Cấp sự trung quyền biện Công bộ sự vụ là Nguyễn Văn Đạt làm thự Án sát sứ Quảng Trị, hội đồng với Bố chính sứ là Nguyễn Đăng Uẩn hộ lý quan phòng của chức Tuần phủ ; Án sát Nghệ An là Vũ Tuấn làm thự Bố chính sứ Nghệ An ; Án sát Hưng Hoá là Hoàng Thu làm Án sát sứ Nghệ An ; thự Lang trung bộ Lại là Đinh Văn Minh làm thự Án sát sứ Hưng Yên.

Bộ Hình làm danh sách các tù phạm từ tội sung quân và tội lưu trở xuống, người nào nên lưu lại, hay nên tha, phân biệt rõ ràng tâu xin vua định. Vua dụ rằng : Ân điển mới lần đầu không như ân điển tầm thường, đáng nên nhất luật giảm tha cho cả, nhưng vì bọn thổ phỉ hạt Trấn Tây chưa dẹp xong. Trước đây, các tù phạm được tha ra phát vãng đi các nơi quân thứ, hiện đương có việc sai phái, phải đợi đến khi công việc dẹp giặc xong sẽ xét. Lại như con cháu nhà Lê, trước đã dời đến ở các hạt từ tỉnh Quảng Nam trở về phía nam, cấp cho tiền và ruộng đất, đó là lòng thương của Tiên đế nghĩ đến con cháu của triều trước, cho họ đến ở chỗ đất yên vui, biệt riêng giới hạn, để được cùng hưởng phúc thăng bình. Nay họ đã được sinh sống yên nghiệp, không nên lại dời đổi đi nơi khác nữa. Còn những người xã Sơn Âm là thổ dân của người Miên, trước đây, đã chia đi cho ở một nơi biên cương, đã được ở yên rồi ; những tù phạm bị an trí ở Hòn Cỏ ⁽¹⁾ đều là kẻ điên cuồng giết người, hoặc kẻ đầu mục của giặc ra thú, nếu nhất khái tha cho cả, thì là một việc không may cho lương dân. Bộ Hình bàn xin cứ theo như cũ, cũng tạm tha đáng.

Còn như thân thuộc của bọn tội phạm là Lê Chất và Lê Văn Duyệt đã chết, những người bị tội lây đem đi an trí ở tỉnh Biên Hoà, thì cha ông họ đều đã chịu tội, phép nước đã xứng đáng rồi. Huống chi, họ đều là trẻ thơ không biết gì, nên gia ơn giảm tha cho họ ngay. Đến như cơ Định man ở Quảng Trị, đội Ninh Biên ở Hưng

(1) Nguyên thư chép là Thảo Dữ (ở trước Cửa Tùng).

Hoá, cùng với các bọn trước đã bắt phải ở các tỉnh từ Quảng Nam đến Bình Thuận, theo sự nghĩ định trước, được lưu lại ở chỗ phát phối cũ. Và lại đem đi cho ở linh tinh và cho đi canh tác ở các đồn điền, hạt nào cũng nhiều, không những là ở các hạt kia mà thôi. Hướng chi, tội sung làm binh, còn nhẹ hơn tội sung quân và tội lưu, nếu kẻ này được tha, kẻ kia phải ở lại thì làm sao tỏ được lòng nhân thương dân như một ? Trừ ra những tội phạm đã đem đi cho ở xã thôn nào từ trước, nay hiện đã có tên trong sổ binh, sổ dân rồi, và những kẻ xuất thân từ binh ngũ bị can án đuổi về nguyên ngũ, nên cho lưu lại ngạch cũ, còn thì không kể là phạm tội vì quan sự hay vì dân sự, ngày nhận được dụ này, đều phải theo ân chiếu tha về nguyên quán, yên nghiệp làm ăn, chịu sai dịch. Nếu kẻ nào đã lập thành sản nghiệp, tình nguyện ở lại, thì cho sáp nhập vào xã thôn sở tại, làm binh lính thì cấp cho lương tháng theo lệ, mỗi tháng 1 quan tiền, 1 phương gạo ; năm phát quần áo một lần. Ai phạm tội vì việc quân mà không phải là tội tham tang, tuổi và sức còn có thể làm việc được, thì do quan địa phương ở nơi nguyên quán tiếp tục tâu lên, sẽ liệu lượng bổ dụng, để tỏ lòng châm chước cân nhắc, cầu cho đến phải lẽ của ta.

Ngày Nhâm Tý, sai Thống chế Nguyễn Trọng Tính tế thần Kỳ đạo ⁽¹⁾ (năm Minh Mệnh thứ 10 [1829], nghị định đặt đàn tế ở ngoài thành quay về phía nam Kinh thành. Ấn ở chính giữa đặt một bài vị của thần Kỳ đạo ; ấn bên tả đặt 3 bài vị của thần : Kỳ đầu đại tướng, Lục đạo đại tướng, Ngũ phương kỳ ; ấn bên hữu đặt 4 bài vị của bốn thần : Chủ tế chiến thuyền chính thần, thần Kim, cổ, giác, súng, pháo, thần cung nỏ, phi sang, phi thạch, thần kỳ về trận tiền, trận hậu, thần Ngũ Xương, đều quay mặt về hướng Nam). Trước đây, bộ Lễ tâu rằng : theo như điển lệ của nhà Minh, nhà Thanh thì việc tế các thần bên ngoài Kinh đô, đều không bỏ. Duy có điển lệ nhà Minh, nếu gặp có đại tang thì các lễ tế đàn Xã Tắc và tế trung tự ⁽²⁾ đều sai quan mặc tế phục làm lễ, đặt đồ nhạc mà không tấu nhạc. Nay đầu xuân tế thần Kỳ đạo, cũng thuộc về binh, xin đến ngày, sai quan khâm mạng và các viên phân hiến đều phải đủ áo măng phục làm lễ, đặt nhã nhạc mà không tấu nhạc. Khi tế xong, chiếu lệ, bắn 3 phát đại bác. Còn như tế ở đàn Xã Tắc và các miếu đế vương triều trước, Văn Miếu, đàn Tiên Nông, cũng đều phải đủ phẩm phục làm lễ ; còn tế ở các nơi đều phải đủ lễ phục làm lễ. Đều đặt nhã nhạc mà không tấu nhạc. Còn lệ làm lễ ở các địa phương cũng theo thế mà làm. Vua y theo.

Sai Văn Minh điện Đại học sĩ Trương Đăng Quế bói chọn ngày tế Giao.

(1) *Thần Kỳ đạo* : các thần cờ và khí giới.

(2) *Trung tự* : thể lệ về việc tế của nhà Thanh chia làm ba thứ tế : *Đại tự* như tế Trời Đất, Xã Tắc, Thái miếu v.v... *Trung tự* như tế Mặt Trời, Mặt Trăng, Tiên Nông v.v... *Tiểu tự* như tế các đền, các miếu thần v.v...

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN III

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất [1841], mùa xuân, tháng 2, mông một là ngày Bính Thìn. Xây dựng sơn lăng. Sai các văn võ đại thần là Trung quân Đô thống phủ Chương phủ sự Tạ Quang Cự, gia hàm Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Hộ Hà Duy Phiên làm Đồng lý trông coi việc làm, Thống chế Nguyễn Hữu Lễ, Tham tri Nguyễn Tri Phương và thự Chương vệ Tôn Thất Đường làm phó.

Dụ rằng : ‘Xưa Hoàng khảo ta trù tính nơi phần mộ muôn năm, đã xem được chỗ đất tốt ở núi Cẩm Kê xã An Bằng. Chỗ đất ấy nước uốn quanh, núi châu lại, khí vượng mạch tốt, lại hơi gần với sơn lăng của liệt thánh, nhân thế đặt tên cho núi ấy là “Hiếu Sơn”. Phàm từ nơi thành đắp quanh huyết, và thành bọc bên ngoài, chỗ nào nên dựng điện, lầu, đình, tạ, đường, viện cho đến những nơi nên đào hồ ao, làm cầu, dựng cửa, đều đã nhất nhất phê bảo rõ ràng ở trong bản đồ. Mùa thu năm ngoái, chọn được ngày tốt, đã sửa sang qua loa rồi. Nay kính theo mệnh lệnh của Hoàng khảo khi còn sống chiếu theo kiểu mẫu đã định, kính khẩn khởi công làm ở núi ấy. Công trình to tát, cần phải dùng lính và thợ đến hàng vạn người, thì hai bộ Binh và Công phải lập tức phái đến làm việc (7 viên quản vệ, 140 viên suất đội, 7.000 biên binh, lại dịch các nha, Khâm thiên giám, giám thành và các hạng thợ, tổng cộng hơn 2.000 người). Từ viên đồng lý cho đến các viên biên, binh tượng đều được thưởng trước tiền lương 3 tháng. Binh thì cứ 2 tháng một lần thay phiên.

Thự Văn Minh điện Đại học sĩ Trương Đăng Quế phải thời thương qua lại bàn tính, để được chu đáo, ổn thoả”.

Sai lĩnh Thượng thư bộ Lại là Lê Đăng Doanh, Thống chế Nguyễn Trọng Tính, thự Thống chế Lê Văn Phú và Tham tri Tôn Thất Bạch đứng trông coi về nghi tiết việc tang.

Vua dụ bọn Tạ Quang Cự và Hà Duy Phiên rằng : “Công trình xây son lăng rất là to lớn. Làm đường đưa quan tài đi dưới đất là quy chế của đời xưa, nước ta làm theo, bắt đầu từ nay. Ngày nay ta là con, các khanh là bề tôi, phải kính cẩn, thận trọng, chớ để có sự ăn năn về sau”.

Dụ bọn Lê Đăng Doanh rằng : “Chế biện ra nghi thức việc tang, rất quan hệ đến điển lễ, nếu sai một ly thì lầm lỗi không nhỏ. Lũ các khanh phải mười phần kính cẩn, để yên ủi tấm lòng hiếu thảo của ta”. Các viên này đều lạy xin vâng mệnh.

Vua, trước quân thần, trong khi xung tụng công đức của Tiên đế, thương xót nước nở không thôi. Từ bấy giờ trở đi, phàm những mẫu mực đã vẽ ra cho việc xây dựng, vua đều chỉ bảo rõ ràng đến 2-3 lần. Từ chỗ xây cung điện cho đến nơi đào hồ ao cùng là nghi trượng đồ dùng, không cái gì là không rất mực kỹ càng, thận trọng, tươm tất đầy đủ. Mỗi khi rồi việc, thân đến coi xem. Lại bảo thị thần rằng : “Một lòng tôn thân người làm tôi con, ai ai cũng thế. Từ hoàng thân cho đến đình thần văn võ, cũng cho phép được thay đổi nhau đến nơi công trường xây lăng, nếu có thấy nghe sự gì, nghĩ được việc gì thì bàn với các viên đồng lý trừ nghĩ mà làm, cốt làm thế nào mọi người hết lòng, để tỏ ra ý nghĩa người ở nhà và người đi làm việc không suy bì gì nhau”. Các vệ Cẩm y, Thị vệ, Hộ vệ cùng với Bộ, Viện và các Nha cũng đều chước lượng phái thuộc viên chia đóng ở hai sở công trường (mỗi sở : suất đội của vệ Cẩm y 1 viên, biên binh 20 người ; thị vệ 2 viên, hộ vệ 4 viên, thuộc viên của Bộ, Viện và các Nha mỗi nơi 1 người) để theo làm việc, được thưởng cho lương bổng đều có thứ bạc. Nội các là Lâm Duy Thiếp có tâu về việc thưởng cho bọn biên binh quá hậu. Vua phán rằng : “Công việc này không ví như công tác tầm thường khác, sao ý của người nhỏ nhặt thế ! Người phải nhớ lấy : lần sau bọn biên binh luân phiên được đổi đến cũng theo thế mà hậu thưởng cho họ”.

Vua ở nhà để tang, chăm lo mọi việc. Những chương tấu của các nha dâng lên, dù rằng đêm khuya cũng phê phán việc nào ra việc ấy, chưa từng chút nào nhàn rỗi. Một hôm, vua bảo các đại thần rằng : Hoàng khảo ta là bậc sinh tri, ta là kẻ ít đức, đâu dám sánh được một phần muôn ; song, ta nghĩ việc phó thác là hệ trọng, không dám yên rỗi lúc nào. Mỗi khi xem thấy các nha có bướm lên nghĩ xin việc gì, ta tiện bút phê đối lại. Lũ các khanh phải nên xét kỹ lại, nếu thấy việc gì chưa phải, thì nên đem việc ấy tâu lên. Trương Đăng Quế tâu rằng : “Lũ chúng tôi việc nào cũng kính cẩn xét lại, đều thấy đã rõ ràng, không có sự gì quản ngại cả”.

Thường bổ cho Nguyễn Đăng Tuấn, Lễ bộ Hữu tham tri, gia hàm Thượng thư, hưu trí, làm Lễ bộ Thượng thư. Tuấn khi mới nghe có quốc tang, từ tỉnh Quảng Bình vào Kinh làm lễ viếng, sau lại theo ban vào chiêm bái. Vua mời vào ra mắt, hỏi thăm và yên ủi hồi lâu. Vua dụ rằng : “Tiên sinh, người tuy ở điển viên mà lòng vẫn mến cung vua, ta rất khen ngợi”. Vì thế, nên có mệnh lệnh được thưởng bổ này. Tuấn lấy cớ là tuổi già hay ốm, xin về. Vua lại sai gia thường cho 100 lạng bạc, 30 súc lụa, chuẩn cho về hưu trí. Tuấn dâng biểu tỏ tình và tạ ơn, đại lược như sau : “Thần không có công trạng gì mà được làm quan, được làm quan lại được về hưu, thế là nguyện vọng của lúc tuổi thừa đã đủ rồi. Duy có mong rằng nhà vua rộng lòng hiếu để hậu luân thường, tỏ 9 kinh⁽¹⁾ để dựng trị đạo ; phải cân phải kiệm, có khoan có nhân, để cho thiên hạ thần dân đều được hưởng phúc thái bình, thế là điều rất mong của thần”. Vua phê vào tờ biểu rằng : “Mấy câu nói trong bài biểu tạ, có phần hơn hẳn hai họ Sớ⁽²⁾ ngày xưa. Vua lại bảo Nội các rằng : “Ngày xưa, đời nhà Hán, hai họ Sớ sau khi từ quan về hưu, không thấy đến cung khuyết lần nào, cũng không có một câu khuyên can gì thấy chép trong sử cả. Nay tiên sinh chống gậy vào Kinh làm lễ viếng, do lòng cảm kích nhân việc tạ ơn để khuyên răn, càng rõ lòng thành khẩn. Lấy đấy mà bàn, thì hai họ Sớ bằng thế nào được”.

Sửa chữa đê bồi tỉnh Hưng Yên. Trước đây, dân ba huyện Kim Động, Tiên Lữ, Phù Cừ ở về hữu ngạn sông Cửu An, kêu xin đắp thêm đê điều. Tuần phủ Hà Thúc Lương tâu xin đắp ngang lòng sông để bớt công đắp lấp. Việc này giao xuống đình nghị, đều cho là không nên. Xin về tả ngạn sông ấy cứ theo đê cũ bồi đắp thêm, về hữu ngạn thì đắp đê mới, để khỏi lo ngập lụt. Vua cho lời bàn ấy là thoả hợp. Dụ rằng : “Tập tâu của đình thần này đã được Tiên đế phê chuẩn. Ta tuân theo lời dạy cũ, lòng ta thực không nỡ để cho dân ba huyện ấy chịu tai hoạ riêng, song, một phen sửa đắp, công trình trọng đại, phải đến muôn người làm việc, quan hệ không nhỏ, nên xét cho rất kỹ rồi sẽ làm. Và lại, đào ra sông Cửu An, cốt để tiêu tiết nước lũ. Theo như lời bàn đắp ngang lòng sông, thì nước tiêu tiết đi đằng nào, e rằng các tỉnh thượng du khó được cái lợi hàng năm, mà con đê mới đắp ngang, chính là chỗ thế nước xung kích, gặp khi nước to, chất đất chưa được bền chắc, tất nhiên không thể giữ được không có sự lo ngại. So sánh về mặt lợi hại, thì việc ấy không thể làm được, đình thần bác đi là phải. Duy có nhân dân ba huyện ấy, mấy năm cày cấy không tiện, riêng chịu tai hại, thì trừ tính kế thứ hai là, về mạn tả ngạn sông ấy, cứ

(1) Cửu kinh : 9 đạo thường trị thiên hạ : 1 - sửa mình, 2 - tôn trọng người hiền, 3 - kính bê thân, 4 - kính bậc đại tài, 5 - thể tất các bề tôi, 6 - coi dân như con, 7 - làm cho các thợ về với mình, 8 - vỗ về người xa, 9 - làm cho chư hầu mến.

(2) Hai họ Sớ : tức Sớ Quảng, Sớ Thụ đời Hán. Quảng là Thái phó, cháu gọi bằng chú là Thụ làm Thiệu phó, làm quan đồng thời, sau 2 chú cháu từ quan về hưu.

theo đê cũ, sửa đắp lại, rồi sẽ đắp con đê mới ở bên hữu sông ấy, bỏ cách hơi rộng, để làm công việc cho dễ. Còn con sông cũ đoạn nào uốn vòng, nông hẹp, thì sẽ lần lượt khai rộng đào sâu, để cho lối nước lưu thông là được. Nhưng về việc xin đến ngày khai ấn tháng giêng năm nay, mới liệu lượng điều bắt dân phu khởi công sửa đắp, thì đã quá kỳ rồi. Và lại, việc đi khám địa thế để đắp con đê mới, công cuộc trừ tính hồ giá, và đi về tâu báo, không khỏi mất nhiều thì giờ. Kỳ Tiểu mãn lại tiếp đến, sợ chậm quá không kịp việc. Nửa chừng bỏ dở, công trước mất toi, cũng không phải là cách dự phòng cho dân được chu đáo tường tận vậy. Tỉnh thần Hà Thúc Lương lập tức phải nên : một mặt, chuyển sức cho dân trong hạt sửa đắp đê cũ để giữ vụ lúa chiêm năm nay ; một mặt, thân đi khám xét địa thế chỗ đắp các đoạn đê mới, trừ tính công trình vật liệu, cho được mười phần xác đáng, đợi đến kỳ cuối đông, đầu xuân, khi nước xuống hết và nhà nông rỗi việc, thuê mướn, đều bắt dân phu và dân ba huyện, theo như lời đình nghị, khởi công sửa đắp, mới có thể mong đê được bền vững, để bảo vệ sự sinh sống của dân và để tỏ lòng người nên phòng ngừa tai hoạn một cách có phương pháp, chứ không dám dùng sức dân bừa bãi”.

Cho các địa phương tiến cử những người hiền lương phương chính, dám nói thẳng, mạnh dạn can ngăn. Dụ rằng : “Từ xưa các thánh đế minh vương thống trị thiên hạ, tất phải lấy việc cầu người hiền, nghe lời thẳng làm trước tiên, như vua Nghiêu thì dựng cờ ⁽¹⁾ làm bảng ⁽²⁾, vua Thuấn thì trông nghe xa rộng, vua Vũ thì theo các thứ đánh thành ngũ âm. Vua Văn Vương hỏi cả tám người Ngu quan ⁽³⁾. Nhà Hán, nhà Tống trong thời thịnh trị, đều cho tiến cử những người hiền lương phương chính, nói thẳng, can thẳng, để bàn hỏi về trị đạo. Cho nên, bấy giờ bề tôi hay, người giúp giải, người có tài cao, nét tốt ra làm quan rất nhiều, trị công tốt đẹp, nhà nước hưng thịnh, là vì cố ấy. Ta nối giữ nghiệp lớn, hưởng cơ nghiệp thái bình, nghĩ việc gánh vác nặng nề, sợ không cáng đáng nổi. Nhưng nghĩ : trong khắp thiên hạ, nghĩa lý không cùng, mà sự nghe biết của một người thì có hạn. Khi mới lên ngôi, vẫn nom nớp như dùng dây cương nạt mà kìm sáu ngựa. Cho nên, muốn khắp tìm các người tài giỏi, rộng mở mọi đường thấy nghe, mới mong có sự bổ ích. Trước đã có Chỉ mở án khoa thi Hương, thi Hội ; phạm người nào có một tài nghệ, một kỹ năng gì, đều do quan địa phương cấp giấy cho về Kinh, để tùy tài bổ dụng.

Ta lại nghĩ : tìm người hiền tài không cứ về mặt nào, hoặc có người được cất dùng vì việc làm tốt, hoặc có người được nêu ra vì lời nói hay, không nên hạn chế

(1) *Dựng cờ* : vua Thuấn (không phải vua Nghiêu) đặt ra cờ tiểu thiên để cầu lời nói hay.

(2) *Làm bảng* : ngày xưa ở triều đình có cái bảng phỉ bảng để ai có can ngăn việc gì biên vào đấy.

(3) *Tám Ngu quan* : vua Văn Vương nhà Chu hỏi đến cả tám người Ngu quan, tức là quan trông coi chằm núi. Bản chữ Hán chép là tám họ Quắc là sai, vì họ Quắc chỉ có hai là Đông Quắc và Tây Quắc.

về một mặt nào, phải nên tìm xa hỏi rộng, thì những lời nói hay mới không bị che lấp ở dưới, do đó hiền tài mới cầu được nhiều và trị đạo càng thêm hưng thịnh. Phải nên truyền dụ này cho các trực kỳ và các tỉnh hỏi xét cho thực kỹ, phàm có những người hiền lương phương chính dám nói thẳng, mạnh dạn can ngăn, đều cho thưởng ty ở các địa phương cấp giấy dẫn về Kinh, do Bộ sát hạch, đợi Chỉ bổ dùng. Lại hoặc có người nào chỉ lấy núi khe làm thích, không cầu tiến đạt, mà có đạo đức, có tài kinh luân, vẫn được mọi người mong mỗi xưa nay, cũng cho kê tên tâu lên, sẽ sai đem lễ vật đến mời, để tỏ lòng ân cần của ta lúc nào cũng nhường một bên chiếu để cầu người hiền”.

Cho Tả tham tri bộ Hình là Phan Bá Đạt, cải bổ làm Tham tri bộ Lễ nhưng kiêm quản Quang lộc tự ẩn vụ.

Trương Đãng Quế và Lâm Duy Thiếp tâu rằng : “Tập thơ thứ sáu và tập văn thứ hai của Tiên đế làm ra, sau khi khắc xong, xin nhà vua làm bài tựa nêu lên đầu tập”. Vua nói : “Các tập văn thơ, có bài Tựa, có bài Bạt, nhưng Tựa là lời của người trên, Bạt là lời của người dưới. Đối với thơ văn của Hoàng khảo ta, ta là con, chỉ làm bài Bạt là phải, còn Tựa đâu dám?”. Vua bèn thân làm bài Bạt phụ ở dưới⁽¹⁾. Lại sai các quan ở Cơ mật và Nội các làm lời *Chí* phụ sau tập. Còn về tập thơ *Thiên cơ dụ triệu* thì sai Các thần⁽²⁾ là bọn Nguyễn Đình Tân làm bài Bạt.

Cho gọi Lãnh binh Quảng Ngãi Tôn Thất Đường về Kinh, thăng thự Chương vệ kiêm quản công việc viện Thượng tứ, cho dự vào ban đình nghị. Cho Phó lãnh binh Quảng Ngãi Ngô Văn Trạch, thăng thự Lãnh binh quan ; Phó vệ úy vệ Long võ Phan Văn Lăng, bổ ra làm Phó lãnh binh quan [tỉnh Quảng Ngãi].

Xét các người phạm tội về quan sự⁽³⁾ ở trong Kinh và ngoài các tỉnh. Trước đây, bộ Hình tuân theo ân chiếu năm ngoái xét lại các người quan phạm ở trong Kinh và ngoài các tỉnh đã xin làm lính để gắng sức chuộc tội. Bộ Hình làm thành danh sách dâng lên, cộng 161 người. Vua xem bản danh sách rồi phán rằng : “Việc can phạm của họ, tình tội nặng nhẹ không giống nhau, cũng có người tuổi và sức còn có thể sai khiến được ; vả lại, trong khi có khánh điển, cũng nên liệu lượng gia ơn để cho ơn huệ của Hoàng khảo ta thu phúc ban cho dân được thêm rộng”. Vua bèn tha cho không phải làm lính gắng sức chuộc tội nữa. Tôn Thất Cạn và Đỗ Tuấn Đại được khai phục hàm Tư vụ, Lê Văn Luyện được dùng làm Huấn đạo. Còn thì hoặc người được khởi phục làm đội trưởng, hoặc bắt cử phẩm thư lại. Những người

(1) Bài Bạt trong *Thánh chế văn đệ nhị tập* đề ngày 2, tháng 6, năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] ; bài Bạt trong *Thánh chế thi lục tập* đề ngày 8, tháng 6, năm Thiệu Trị thứ nhất [1841].

(2) Các thần : bề tôi trong Nội các.

(3) Nguyên văn là “quan phạm”.

trong họ Tôn thất thì sung bổ làm hộ vệ. Người nào tuổi và sức còn mạnh khoẻ thì giao đi sai phái ở Trấn Tây, người nào già yếu thì tha cho về. Người nào có bố mẹ già hay là con một cùng là do binh ngũ xuất thân thì giao về nguyên quán hay nguyên ngũ. Người nào bồi tiền tang còn thiếu, phải bồi xong rồi tha cho về.

Sau đó, quan ở Khoa Đạo là bọn Nguyễn Như Khuê, Nguyễn Viết Du tâu rằng : “Những tù phạm về quan sự đem phát vãng đi Trấn Tây, đường sá xa xôi, lương thực phải tự lo lấy, không khỏi có sự không chu biện kịp”. Vua quở rằng : “trong lúc biên giới có việc, chính là lúc các người tôi con phải nên gắng sức khó nhọc, chức làm quan ở Khoa Đạo phải nên khuyên người cố gắng làm công việc mới phải, nay lại cho là đi lại khó nhọc xa cách, chả hoá ra mở môi cho người tránh chỗ nạn đến chỗ kia ư ? Thế là ý kiến thế nào ? Lời thỉnh cầu ấy không cần bàn đến nữa. Về số 25 tên nên phát vãng ấy, mỗi tên đều cấp cho 3 quan tiền. Khi đến hạt Trấn Tây rồi lại cấp cho mỗi tháng 1 quan tiền, 1 phương gạo nữa. Đợi khi nào xét ra có tình trạng đích xác là làm việc cố gắng, chuẩn cho Tướng quân và Tham tán làm giấy tâu lên”.

Sai Tổng đốc Long - Tường⁽¹⁾ là Bùi Công Huyền đem quân đi tiêu dư đảng của bọn giặc ở Mỹ Lâm. Huyền, khi trước ở Hải Đông, dời quân về thương lượng với Tướng quân Trương Minh Giảng, rồi chuyển sang Hải Tây để hội tiêu, dọc đường lại chuyển về Sơn Tĩnh, bị viên Chương ấn ở Kinh phái đến là Trần Văn Triệu tham hặc. Vua cho là trong khi đương có việc đi dẹp giặc, hãy tạm chuẩn cho giết giặc lập công. Huyền về đến Trấn Tây, vừa gặp bọn thổ phỉ hơn 3 vạn người, nhân ban đêm, vây đánh thành hạt. Huyền cùng với Bang biện Doãn Uẩn và Hiệp tán Cao Hữu Dục chia đường đánh giết rất dữ, bọn giặc phải lui. Huyền lại chuyển về Sơn Tĩnh, nghe có bọn giặc 500 tên rù nhau tụ họp ở sóc⁽²⁾ Sơn Bốc, Huyền lập tức tách phái thự Lãnh binh Vĩnh Long Lê Khoan Mạnh, Phó lãnh binh Nguyễn Văn Đức và Phó vệ úy vệ Kỳ võ Nguyễn Văn Hoàng chia đường thủy bộ cùng tiến đánh. Huyền đốc suất binh đồng nối theo sau. Bọn giặc dựa vào nơi hiểm yếu, dàn quân chống cự. Quan quân hết sức đánh phá, chém ngay trận tiền được 4 tên, giết chết hơn 50 tên. Bọn giặc chạy tan. Quan quân đốt hết các chỗ kho chứa của bọn giặc rồi về. Vua cho là công và tội của Huyền cùng ngang nhau, bèn tha cho tội trước, lại thưởng cho 1 đồng kim tiền Phi long hạng lớn, Lê Khoan Mạnh và Nguyễn Văn Đức mỗi người được thưởng 1 đồng kim tiền nhỏ : từ Nguyễn Văn Hoàng trở xuống đều được thưởng đồng ngân tiền hạng lớn, hạng nhỏ có thứ bậc ; thưởng chung cho các biên binh 500 quan tiền.

(1) Vĩnh Long và Định Tường.

(2) Ngang với đơn vị thôn, xóm Việt Nam.

Vua dụ lại rằng : “Phải nên thừa thắng diệt trừ bọn dư đảng giặc ở Mỹ Lâm để cho hạt ấy được yên. Thế rồi Huyền dời quân đến Mỹ Lâm, các viên quân cơ thuộc cơ An man Nhất, Nhị là Vu Khiêm và Tôn Ly đều đến nơi quân thứ xin theo đi để gắng sức giúp việc. Vu Khiêm làm hướng đạo, tiến đến sóc Hương Di, gặp bọn giặc ước hơn 1.000 người, đánh được bọn giặc. Bọn Lê Khoan Mạnh và Nguyễn Văn Hoàng lại tiến quân hợp tiểu ở sóc Chế Lăng, bọn giặc chạy tan trốn ẩn, rồi lại rủ nhau tụ họp ở ngòi Bông Trật. Mạnh và Hoàng chia quân ra hai bên tả hữu ngòi ấy, đóng quân phòng ngự. Liên mấy ngày đánh nhau với bọn giặc đều được thắng trận. Hoàng bỗng bị ốm, trở về quân thứ, Huyền sai Quản cơ Phan Đức Chiêu đến thay. Chợt có bọn thổ phỉ 8.000 người đột nhiên kéo đến. Chiêu vừa đánh vừa lùi, bọn giặc thừa cơ đuổi đánh, bang biện Phó cơ Nguyễn Nhật Điem cố sức đánh, bị chết trận ; binh丁 bị chết 7 người, súng và khí giới bị mất nhiều. Mạnh đến cứu viện, bọn giặc mới lui. Đêm hôm ấy, Tôn Ly cũng trốn đi, Huyền bèn tiếp hộ các binh dân ở cơ An man và những người Thanh⁽¹⁾ đầu hàng hơn 1.600 người chuyển về cho ở tại Trấn Tây.

Việc đến tai vua, Đức Chiêu bị xử trăm giam hậu⁽²⁾, Huyền và Mạnh đều phải giáng cấp có thứ bậc ; Nguyễn Nhật Điem được truy tặng làm Phó quản cơ ; Nguyễn Văn Hoàng được thưởng quân công 1 cấp. Huyền lại đem quân từ Mỹ Lâm về Sơn Tĩnh, nhân nhật được thư của bọn Man xin hoà, bèn đóng quân lại không tiến nữa. Vua xuống Chỉ quả trách quá lắm.

Thụ Tổng đốc An - Hà⁽³⁾ là Dương Văn Phong dẹp giặc ở Ba Xuyên, đánh được liền mấy trận. Thổ mục ở Ba Xuyên là Sơn Tốt (trước làm Quản cơ) ngầm thông với thổ tăng ở Trấn Tây mưu toan gây việc. Người nhà Thanh, Trần Lâm (trước làm Án phủ sứ) có hai chiếc thuyền riêng, bị Tri phủ Lê Quang Khiêm ức hiếp lấy mất. Nhân thế, Lâm mang lòng oán, đem đảng khoá hợp với bọn Sơn Tốt, quân đông đến 5, 6 nghìn người, đánh phá huyện Vĩnh Định, vây sát bảo phủ Ba Xuyên. Tri huyện Lê Văn Thành bỏ huyện chạy, Nhiếp phủ Nguyễn Đức Thành cố giữ, đợi quân cứu viện. Phong ở Tĩnh Biên, được báo tin, lập tức cùng với Phó lãnh binh Nguyễn Duy Tráng đem Phó cơ Chu Văn Tuyên và Nguyễn Văn Tuấn đi vội đến cứu : đầu tiên lấy lại huyện Vĩnh Định, đánh giết phá hết những quăng đường vương tác, tiến thẳng đến Ba Xuyên. Phó quản cơ Nguyễn Văn Văn đâm chết Sơn Tốt ở trận tiền. Trần Lâm lại thu nhật bọn vô lại người Thanh được vài nghìn tên đóng ở chợ Bãi Sao (tức phố Vĩnh Xuyên), đắp lũy giữ hiểm, làm rào tre chắn ngăn ngòi, đường vận lương của quan quân bị ngăn trở. Phong đốc các tướng hiệu do đường thủy,

(1) Tức là Hoa kiều.

(2) Tội đáng phải chém nhưng còn giam để xét lại.

(3) An Giang và Hà Tiên.

đường bộ hai mặt đánh ập vào, thắng luôn mấy trận, lại vừa gặp viện binh đến, thừa thắng đuổi theo đến xứ Chế Hùng, bắt sống được tên cừ mục của bọn giặc và đảng khoảng 69 đứa đem chém đầu bêu đi các nơi, giết chết được hơn 140 tên. Trần Lâm chạy trốn, quan quân thu hết các thứ tích trữ, đốt hết đôn bảo, bắt được thuyền, bè, khí giới vô kể.

Vua thấy Phong thắng trận luôn luôn, rất khen ngợi, thưởng cho hàm Tham tri, gia quân công 2 cấp, cho kim bài, nhẫn vàng, đồng hồ, đồng kim tiền Phi long hạng lớn mỗi thứ một chiếc, để nêu rõ tài năng : cho Nguyễn Duy Tráng quân công 1 cấp, kim tiền hạng nhỏ 1 đồng ; Chu Văn Tuyên, Nguyễn Văn Tuấn đều được thưởng thụ Quận cơ, và mỗi người được 1 đồng kim tiền hạng nhỏ ; Nguyễn Văn Văn được thưởng 5 đồng ngân tiền hạng lớn. Còn các tướng hiệu đều thưởng cho có thứ bậc. Lại thưởng cho 2.000 quan tiền dùng khao thưởng công khó nhọc. Lại sai Ngự sử Phan Văn Xường xét rõ về cơ khởi hấn ở Ba Xuyên, Lê Quang Khiêm bị khép vào tội làm khích động biến loạn, sung làm quân ở tỉnh An Giang.

Khoa đạo Lưu Quĩ và Ngô Bình Đức dâng thư điều trần mười việc :

(1 – *Thận trọng trong sự ham chuộng* (Kinh Thư có nói rằng : Phải cẩn thận sự ham chuộng. Vì trong tấm lòng của vua, muôn việc bởi đấy mà ra. Người trên ham thích cái gì, thì người dưới hết thầy hưởng ứng theo. Thế cho nên bậc làm vua ngày xưa ưa thích điều nhân, thì ai ai cũng đều có lòng nhân cả ; ưa thích điều nghĩa thì ai ai cũng đều có lòng nghĩa cả ; thích an nhàn hưởng lạc thì mọi thứ thanh sắc đều đến ; thích đồ chơi quý thì các thứ trân kỳ quái lạ đều đến. Khắp trong thiên hạ, hết mọi nhân dân đều xem ý sở thích của người trên mà làm cho thoả mãn cái sở thích ấy. Bắt đầu từ lòng nghĩ nhỏ, rồi lộ ra cái việc làm rõ rệt, mà việc chính sự hay dờ quan hệ vào đấy, phải nên cẩn thận lắm. Nay Hoàng thượng đạo tâm tỏ rạng, trong lòng trong sáng, cố nhiên đã được giống như trời rồi, càng mong đức trong sáng ấy mở rộng thêm ra, cẩn thận việc ưa chuộng trong lòng từ lúc ban đầu, thì mọi sự chạy theo hiếu thượng của thiên hạ đều được chính đáng cả).

2 – *Mở rộng lòng thành tín*. (Kinh Dịch có nói : Bậc thánh nhân cảm hoá được lòng người mà thiên hạ hoà bình. Vì dân tuy trí ngu, nhưng cũng có linh tính, sự ưa ghét của người trên, không sự gì không biết, điều phải trái, không điều gì không rõ. Cho nên, điều khiển họ bằng mưu trí thì sinh ra gian trá, chỉ bảo họ bằng sự nghi ngờ thì sinh ra đơn bạc, chỉ có lấy thành tín mà cảm hoá họ, mới có thể thông suốt được chí hướng của thiên hạ. Từ đời Hán, Đường trở về sau, không có đạo đức chân thực, chuyên lấy trí thuật mà trị thiên hạ, cho nên giả làm việc nhân, mà việc nhân ấy không đủ cảm hoá được lòng người, gượng làm việc nghĩa, mà việc nghĩa ấy không đủ sửa chữa được nét dân. Trị hoá chưa được thuần mỹ vì cố thành tín chưa được đầy đủ vậy. Cúi xin Hoàng thượng, vốn đã có đức tốt rất thành thực không

ngừng, để làm theo đạo rất là trung chính, một chính lệnh nào ban ra, chắc như vàng đá, một mệnh lệnh nào thi hành, đúng như bốn mùa, thì không có người nào sai trái, mà hoà thuận ứng theo ngay).

3 – *Biết rõ trị thế.* (Kể ra, về trị đạo, cốt phải biết thế cách. Thế cách về trị đạo, không có gì khác, chỉ có khoan và nghiêm mà thôi. *Kinh Thư* nói rằng : “Trị dân phải khoan”. Khổng Tử nói rằng : “Khoan thì được lòng người”. Thì đủ biết là cổ nhân làm việc chính trị, cốt yếu phải khoan ; còn nghiêm chỉ giúp cho khi nào không thể dùng khoan được mà thôi. Nhất thiết việc gì cũng dùng khoan cả, thì không thể trừng trị được những kẻ bạo nghịch. Nghiêm, cố nhiên không nên bỏ hết, nhưng tất phải lấy khoan làm chủ, thì nghiêm cũng không đến nỗi thái quá. Tóm lại, cốt phải chăm chức cho đúng việc làm mà thôi. Tiên hoàng đế ta nối ngôi sau khi thiên hạ đã đại định, chấn hưng giềng mối, sửa sang mọi việc, tuy việc nào cũng dùng khoan hậu, nhưng chưa từng chuyên lấy khoan làm cốt yếu. Hiện nay, việc phòng giữ đầy đủ, pháp độ nghiêm chỉnh, những pháp điển về trị kẻ bạo, cấm kẻ gian đã đầy đủ và tường tận lắm, thần dân ai cũng kính thuận cả rồi. Cúi vọng nhà vua tỏ lòng vui vẻ dễ dàng, để làm chính sách khoan rộng, trong khi các quan đương rõ ràng phấn khởi làm việc, phải có đạo thuận hậu rộng rãi để lập nên chính sách khoan rộng, để tôn trọng sự trung hậu, giữ khắp khí hoà hợp, như thế thì trị đạo rất thuần tuý không gì hơn nữa).

4 – (*Kinh Thư* nói rằng : “Cần phải biết người”, Khổng Tử nói rằng : “Làm chính sự cốt ở được người tốt”. Các đời Đường, Ngu, Tam đại sở dĩ được thịnh, các đời Hán, Đường, Tống sở dĩ bị suy, là do ở quân tử, tiểu nhân tiến hay lui mà thôi. Kể ra, các vua đời Hán, Đường không phải không biết quân tử thì nên cho tiến, tiểu nhân thì phải cho lui, nhưng vì người quân tử thì dễ làm cho người sợ mà tiểu nhân thì dễ làm cho người ưa, cho nên bị mê hoặc mà không tỉnh ngộ ra được. Nay nhà vua là bậc thánh minh, những người được sử dụng đều là người giỏi cả rồi. Mong rằng : tỏ rộng thêm ánh sáng của Mặt Trời, Mặt Trăng, phân biệt rõ là ngọc hay là đá. Người nào trọng hậu cần tín thì thân cận, kẻ nào khinh suất nóng nảy, hay sinh sự thì xa ra. Thế thì người hiền kéo nhau ra nhiều mà chính sự được tốt).

5 – *Chăm sóc dân đen.* (*Kinh Thư* có nói : “Đức cốt ở có chính sự hay, mà chính sự hay cốt ở chăm sóc cho dân”. Mạnh Tử nói rằng : “Giữ được dân thì được thịnh trị”. Vì rằng, dân là gốc của nước, gốc có vững thì nước mới được yên. Trái xem các đời từ xưa, đời nào giữ được dân thì thế nào cũng hưng thịnh, đời nào không giữ được dân thì thế nào cũng suy vong. Đó là chứng nghiệm rõ ràng từ xưa vẫn thế rồi. Kể ra, lòng con người ta, ai chẳng ghét sự khó nhọc mà muốn được nghỉ ngơi, ghét chỗ nguy mà muốn đến chỗ yên. Thánh nhân biết rõ là lòng người không thể gò ép được, nên mới chăm vỗ nuôi, cho nghỉ ngơi, cho làm có chừng

mục, sai bảo có kỳ hạn, để không một ai là không được yên sở. Đó chính vì thế chính sự của vương giả được hay, mà muôn dân ai cũng mến. Bản triều ta, từ sau khi đại định, dân được bồi dưỡng yên rồi, hơn 40 năm vết thương đã dần lành lại được như cũ rồi. Song, từ mấy năm nay, nước lụt, đại hạn và tật dịch, không may có một vài nơi, cầu được mười phần phong phú thì còn chưa được. Nay Hoàng thượng mới lên ngôi báu, ra chính lệnh, ban nhân ân, ơn trạch to lớn đã thấm khắp, không một người nào là không được đội ơn cả. Càng mong nhà vua chăm sóc đến sự đau khổ ngấm ngấm của dân, dè dặt và chăm nuôi sức dân. Phàm những công việc gì có quan hệ đến của dân, sức dân mà còn có thể thôi được đều phải thận trọng, không vội vã mà làm, thì dân được yên nghiệp mà nhân ân khắp cả bốn biển vậy).

6 – *Cẩn thận về tài lợi*. (Kể ra, của dùng là việc lớn của Nhà nước, người có quyền trị nước không thể không lo tích lũy trước khi có việc xảy ra. Song sự lấy của dân phải có pháp chế, cách làm ra của phải có đường lối để cho không mất lẽ phải mới được. Nếu làm tổn của dân để cho của nước được nhiều, một khi dân đã nghèo thì nước giàu với ai ! Cho nên, thánh nhân biết rõ là nguồn lợi không thể lấp được, tất phải làm cho dân giàu, của của dân tức là của của vua. Của để ở dân tức như là để ở kho bên ngoài mà thôi, không có lẽ nào dân giàu mà vua lại thiếu tiêu bao giờ ! Mạnh Tử nói rằng : “Cẩn gì phải nói đến lợi”. Sách *Đại học* nói rằng : “tụ của lại thì dân phải tan, tán của ra thì dân tụ lại”. Đủ biết rằng, lấy tài lợi làm lợi vẫn không bằng lấy nhân nghĩa làm lợi. Vua Thành Thang ngày xưa không để ý làm cho tài lợi sinh ra nhiều, mà muốn dân tin mến ; vua Vũ Vương tung của, phát thóc, mà muốn họ vui thích cảm phục, thế thì của tuy tán ra, nhưng dân tụ lại, thì của chưa từng tan đi mất. Năm Minh Mệnh thứ 14 [1833], viên Hộ phủ ở Quảng Trị là Dương Văn Phong xin đặt một sở quan thuế ở Như Lệ. Tiên đế dụ rằng : “Sự thiếu của Nhà nước không phải ở chỗ của cải. Nay lại đặt thêm quan ải đánh thuế, có phải là bản ý của người trên làm cho đời sống của dân được đầy đủ, người dưới được lợi ích không ? Dương Văn Phong đáng nên bắt tội, để làm răn cho những kẻ nói đến mối lợi sau này, nhưng hãy tạm tha cho. Lại phải bảo cho các người có chức vụ chăn dân biết rằng : phải vâng theo chính lệnh ở trên mà tuyên bố đức hoá để cho trộm cướp không có, dân được yên nghiệp, ruộng đồng ngày một mở mang, hộ khẩu ngày một thêm lên, thì ích quốc lợi dân còn gì to hơn nữa. Nếu cứ lấy lợi làm lợi mà nói, thì chỉ là một người bề tôi chuyên về vợ vét cốp nhặt, ta không thích nghe”. Xem như thế, lũ thần cũng đã thấy lòng nhân của Tiên hoàng để đối với người dưới rất hậu không biết thế nào mà kể. Lời nói của Tiên đế còn rục rờ trong sử sách, có thể làm khuôn phép cho nghìn muôn đời về sau. Nay Hoàng thượng mới nối ngôi, trông nom việc chính trị, phàm những thuế lệ của dân gian về năm nay và từ năm Minh Mệnh thứ 20 [1839] về trước, ai còn thiếu lại, đều tha cho cả, thực đã

thể theo lòng thương dân của Tiên hoàng đế, để cho dân giàu vậy. Càng mong nhà vua lấy đức làm gốc, cho tài lợi làm ngọn, làm theo chính sách cho dân được giàu, lấy của dân chỉ trong số chính cung mà thôi. Nhà nào cũng đủ ăn, người nào cũng đủ dùng, [thì nước sẽ] không lo gì thiếu của dùng nữa).

7 – *Không dùng vật lạ*. Thiên Lữ ngao trong *Kinh Thu* nói rằng : “Không quý vật lạ, coi khinh các đồ dùng”. Vũ vương là bậc đại thánh nhân, mà Thiệu Công còn phải răn như thế, vì sợ rằng nếu theo sự ưa muốn của tai mắt mình, thì lòng lười biếng và càn rỡ bởi đó sinh ra, không thể cho là nét nhỏ nhặt mà không giữ gìn được. Và lại, tiền và thuế của triều đình đều do dân cung ứng cả, mà dân thì suốt năm khó nhọc mới có tiền, vua thì vỗ về giúp đỡ mới thành ra có tiền. Những tiền của hữu dụng ấy có nên đem tiêu phí vào những việc vô ích không ? Nước Đại Nam ta, bờ cõi muôn dặm, sản vật do đất sinh ra cũng đủ cung cấp cho việc chi dùng trong một nước. Những thứ quý báu kỳ lạ của phương xa, đều là những vật mà thánh nhân không cho là quý. Cúi xin nhà vua đừng lấy vật hữu dụng đổi lấy những vật vô dụng, đừng lấy thứ vô ích làm hại vật có ích, thì rất là thiện mỹ, không gì hơn nữa).

8 – *Công bình trong việc hình phạt*. Kể ra, hình phạt để giúp đỡ giáo hoá, cấm dân làm bậy, người làm việc chính trị, không thể bỏ được. Nhưng xét ra, *Kinh Thu* nói rằng : “Phải nên kính cẩn, việc hình phạt rất là thận trọng. Tiên vương ngày xưa bắt đấng dĩ mới phải dùng đến việc hình, nhưng lòng sáng suốt, cẩn thận, thương xót bao giờ vẫn để vào việc ấy, vì cho rằng hình ngục là tính mạng của dân liên quan vào đấy, nguyên khí của Nhà nước quan hệ ở đó. Hình phạt không đúng, thì dân không còn xoay trở làm sao được. Cho nên, cần phải xót thương, phải tin đúng, để cho không có một mảy nào quá nhẹ hay quá nặng. Từ đời Tần, Hán trở xuống, về ân đức ngày một kém đi, chỉ chuyên lấy pháp luật trói buộc thiên hạ, điều luật mỗi ngày thêm ngặt, lưới phép mỗi ngày thêm nhiều. Người xét xử hình ngục chỉ lấy sự quá nghiệt làm đặc sách, coi mạng người như cỏ rác. Dưới kết lòng oán của dân, trên trái khí hoà của trời, thực bởi ở đó. Nay được thấy : khi Tiên hoàng đế còn sinh thời, thận trọng việc xét ngục, công minh trong việc xử tội, những án thuộc về đại hình, tất phải hai ba lần phúc tâu. Người nào phạm phép mà tình còn có thể thương được, thì lại thường khoan giảm cho, để nối cái đức của trời đất làm cho sinh vật được thoả đời sống, mà nuôi nguyên khí của Nhà nước, thế là lòng rất nhân hậu. Cúi xin nhà vua mở rộng đức hiếu sinh của trời đất, thể theo ý của Tiên đế thận trọng việc hình, định thêm điều luật bắt tội kẻ buộc tội người nặng quá, nghiêm cấm những việc xử ra ngoài pháp luật, tội nào còn ngờ thì xử nhẹ, kẻ lầm lỡ thì tha cho. Xét tội phải theo đúng các điều trong luật. Các ty xét tội không được gia nặng thêm trên bản tội của người có tội ; cốt làm thế nào cho không có ai được nhẹ quá

hay bị nặng quá, đều đúng mức trung bình, thì việc hình được công minh mà dân đều phục).

9 – *Tỏ rõ giáo hoá.* (Kể ra, giáo hoá là việc rất cần của Nhà nước, giáo hoá có tốt thì phong tục mới đổi ra hay được. Ngày xưa, sự dạy dỗ ở nhà học hiệu, bắt đầu từ việc quét rửa, ứng đối cho đến những việc sửa mình, xếp đặt trong nhà, trị nước, bình thiên hạ, phép dạy rất đủ và kỹ lắm. Cho nên, trên thì trị đạo được thịnh, dưới thì phong tục được tốt. Từ các đời Hán, Đường về sau, sự dạy dỗ ở nhà học hiệu không sửa sang, những thuyết dị đoan nổi lên như ong, về việc dạy dỗ chẳng qua chỉ traу giỏi về nghề nhỏ mọn là chương cú, văn tự mà thôi ; còn về cách dạy để tỏ rõ luân thường như của đời Tam đại thì chưa từng thấy bao giờ. Cho nên, nhân tài ngày một kém, phong tục ngày một suy, là do ở sự giáo hoá chưa được tốt. Được biết Tiên hoàng đế khi còn sinh thời, chăm chăm lấy việc dạy bảo dân, gây phong tục tốt làm việc trước hết. Chia đặt các học quan, ban bố ra huấn điều ; về chính học thì nêu rõ lên, về tà giáo thì ruồng bỏ hẳn. Phàm đã đem dạy, không điều gì không rất hay. Được thấm nhuần giáo hoá của Tiên đế, chắc ai cũng đều nên hay cả. Nay Hoàng thượng đứng chủ giáo hoá ở trên, làm gương mới cho bốn phương, trông thấy khuôn phép của đại thánh nhân, ai cũng cảm hoá và hưng khởi cả. Càng mong nhà vua tỏ ra phong cách vui vẻ dễ dàng, khuyên những người có nết tốt biết liêm sỉ. Phàm những dị đoan, tà thuyết làm mê hoặc dân, tất phải nghiêm cấm mà cự tuyệt hết đi. Người nào trung trinh tiết nghĩa thì cất dùng các con cháu để nêu rết, người nào làm quan trong sạch ngay thẳng thì đến kỳ xét hỏi cho kỹ để khen thưởng. Sự dạy dỗ của các chức giữ việc học, không những dạy về biên chép xem đọc và làm văn bài mà thôi, còn phải ngày đêm dìu mài làm thế nào để chỉnh đốn được phong hoá của dân. Chức trách của các quan phủ huyện không những chỉ coi về xử kiện, thu thuế mà thôi, còn phải hiểu dụ mở bảo nghĩa lý, làm thế nào để sửa chữa được hạnh kiểm của dân. Như thế thì đạo học càng sáng tỏ ra, tâm thuật người ta được sửa chữa lại, sẽ thu hút được nhiều người hiền và gây thành được phong tục lương thiện).

10 – *Rộng đường ngôn luận.* (Kinh Thi nói rằng : “Hỏi cả đến người cát cỏ, kiếm củi”. Kinh Thư nói rằng : “Bàn cả với người thứ dân”. Cát cỏ, kiếm củi là hạng người rất nhỏ mọn ; thứ dân là hạng người rất hèn. Những lời thiếu cần, có chí lý ở trong đó, thánh nhân cũng không bỏ qua. Ngu Thuấn ngày xưa đặt ra cờ Tiến thiện, dựng lên cái bảng phi báng. Kể ra, vua Thuấn là bậc thánh nhân, làm gì còn có lỗi đáng can, cần gì phải chăm chú lo ngại như thế ? Nhưng mà, hay hỏi thì biết rộng, nghe nhiều thì sáng thêm. Cũng có những người nói diên đại viễn vông, thì càng thấy thánh nhân có lòng tha thứ. Vì thế, cho nên lòng của người dưới được thông đạt lên người trên mà thánh nhân lại càng thêm thánh. Nay được thấy : nhà vua khi

mới trông coi chính trị, đặc cách cho các địa phương có điều gì kiến nghị cho thêm sáng tỏ thì làm tập tâu bày lên. Lời nói của nhà vua rộng rãi biết nhường nào ! Lòng của nhà vua nhất trí biết là bao ! Thực giống như đức tốt của Ngu Thuấn ưa lời nói hay, câu lời nói thẳng. Càng mong nhà vua mở rộng đường cho những người muốn can ngăn, tỏ lòng thành thực để tiếp thu lời can. Lấy trí lự của thiên hạ làm trí lự mình, lấy tai mắt của bốn phương làm tai mắt mình, thì đức thịnh càng sáng mà trị càng thêm rộng vậy).

Vua dụ rằng : “Những lời của bọn Lưu Quý phần nhiều đều nhạt lợm ở trong sách ra. Hoàng khảo ta trị vì 21 năm, đem lòng thành tín để giá ngự mọi người, xét rõ trị thể để ban ra chính sự : thương nuôi nhân dân thì tha thuế tô, xuống lệnh xá, cẩn thận dùng của thì chuộng tiết kiệm, bớt xa xỉ. Đặt nhà học hiệu, ban ra huấn điều, để tỏ rõ việc giáo hoá. Đặt trống để ai muốn can ngăn thì đánh lên ; chế hòm dâng thư để mở rộng đường cho người được nói. Những chính tốt phép hay, rõ rệt là điển chương rất hay của đời thái bình. Ta cứ kính theo như thế, cũng đủ để nương tựa duy trì rồi, cần gì phải nói thừa ra nữa. Hướng chi trong thư ấy có một mục “Công bình trong việc hình phạt”, lại chưa nói được rõ ràng. Kể ra, việc hình ngục là tính mệnh của dân, không thể không cẩn thận được. Nếu chỉ lấy tiếng là khoan rộng, mà nhất khải tội nào ngờ thì xử nhẹ, lầm lỡ thì tha bổng, biết đâu rằng không có kẻ vin lấy câu ấy mà dụng tình tha buộc vào đấy ư ? Duy có hai mục về “Thận trọng trong sự ham chuộng” và “Cẩn thận dùng người”, thì còn có thể dùng để làm được. Ta buổi đầu nối ngôi, mà các Khanh không quên chức sự của mình, biết điều trần đầu tiên, nên thưởng cho mỗi người một tấm lụa”.

Truy xét lại chiến công ở Sa Tôn. Trước đây cuộc thắng trận ở Sa Tôn, thì Đoàn Văn Sách và Nguyễn Công Nhân đã được thăng chức ban thưởng rồi. Đến đây, bản danh sách kê công trạng dâng lên, thì từ các viên biên, binh đồng, lại dịch ở các đạo cho đến những người phải tội sung làm binh để gắng sức chuộc tội đều được phân biệt ban thưởng có thứ bậc.

Tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Lê Văn Đức đem quân về Trấn Tây. Giảng, khi trước, ở Hải Tây, cho rằng công việc đi tiểu, đi bắt đã tạm rồi, bèn để Tôn Thất Quý ở lại coi giữ, rồi trở về Hải Đông, khởi công đắp núi đất, lũy đất, và chia đường đi lũng bắt. Bọn thổ phỉ đều chạy trốn vào rừng. Đến đây, Giảng nghe nói mạn sau Trấn Tây có nhiều bọn giặc quấy nhiễu, bèn sai Đoàn Văn Sách lưu lại ở bảo Sa Tôn đóng quân chống giữ. Bọn Giảng đem quân về Trấn Tây, thì đảng giặc tụ họp khắp mọi nơi, lũ lớn 3.000 đến 4.000, lũ nhỏ không kém 400 đến 500 tên. Về mạn tây cầu Nhâm Lịch, một giải lũy dài hơn 1.000 trượng, bọn giặc dựa chỗ hiểm, dàn quân chống lại, làm cho đường đi lại bị ngăn trở. Giảng cùng với bọn Nguyễn Tiến Lâm, Lê Văn Đức và Nguyễn Công Trứ đem 5.000 binh đồng,

chia 3 đường tiến đánh. Đầu tiên phá được lũy Thuyết Nột, lại tiến quân xuyên qua đường núi để đánh : bọn giặc nhiều người bị thương và chết, chạy tan cả. Quan quân thừa thắng lùng bắt, đánh phá luôn được 12 sở đồn lũy, đều phá bằng đi cả. Sau vì không tiếp tục vận được lương, [quan quân] phải rút về. Việc đến tai vua, thưởng cho bọn Giảng mỗi người quân công 1 cấp, kim tiền 1 đồng ; từ Lãnh binh là Nguyễn Công Nhân trở xuống thưởng cho kim tiền, ngân tiền và kỷ lục có thứ bậc ; binh dõng được thưởng chung 1.000 quan tiền.

Lại dụ rằng : “Hiện nay, bọn giặc nhiều lần bị quan quân đánh giết tan rã, ngày một cùng quẫn, nay đã có cơ hội chiêu phủ được. Trừ ra, những kẻ nào chống cự lại quan quân thì giết hết không tha, còn thì bắt luận là người Thổ, người Thanh, người Chăm đã trót bị bọn giặc bắt ép phải theo, nếu kẻ nào có thể bắt hay chém được kẻ đầu mục của giặc đem nộp quan thì có thưởng, hoặc kẻ nào ra thú tội ở quân môn hay nơi sở tại nào, đều tha tội cho về yên nghiệp làm ăn. Còn như những thổ mục nào trước sau vẫn quy thuận sai phái đắc lực, thì cho cứ thực tâu lên, sẽ liệu lượng ban cho quan chức, cấp cho lương bổng. Các thổ dân theo quan quân đi đánh dẹp, cũng cấp cho lương ăn để họ vui lòng làm việc với ta. Sau đó, quan ở hạt ấy kê khai các biên binh, đầu mục người hạt ấy hơn 50 người, đều được chức lượng cất bỏ, lại thưởng cho ngân tiền Phi long và tiền gạo có thứ bậc.

Bọn Trương Minh Giảng và Lê Văn Đức tâu rằng : Các biên binh hiện nay còn lưu lại ở bảo Hải Đông có hơn 2.600 người, đường vận lương đã khó, các biên binh lại bị ốm nhiều. Hơn nữa, các thổ dân ở xung quanh bảo ấy đều trốn đi hết cả. Ngồi giữ đất không, cũng không ích gì. Xin rút Chương vệ Đoàn Văn Sách, Tuyên phủ Trần Văn Thông và Phó lãnh binh Phan Đình Vinh đem quân về tấn Sà Năng để phòng giữ. Vua nghe theo. Rồi sau lại rút về Trấn Tây.

Cho Lãnh binh Nghệ An là Nguyễn Cửu Đức thăng thự Đề đốc ở Kinh thành, kiêm lý công việc phủ Thừa Thiên. Cho Lãnh binh Bình Thuận là Nguyễn Lương Nhân thăng thự Lãnh binh Nghệ An. Điều bổ Vệ úy vệ Cẩm y là Đỗ Văn Sửu làm Lãnh binh Bình Thuận ; Vệ úy Tả vệ ở Hà Tĩnh là Nguyễn Tiến Tuyên làm Phó vệ úy Hậu vệ vệ Long võ ; thự Vệ úy vệ Hữu bảo nhị là Trần Hưng Biểu làm thự Vệ úy Tả vệ ở Hà Tĩnh.

Sắc cho hai bộ Hộ và Công cùng là Nội vụ, Vũ khố, các nha Đốc công, Mộc thương rằng : Phạm hai sở làm công việc xây lãng cần dùng đến những vật liệu gì, phải trừ tính trước, như các hạng đá Thanh Hoá và gạch tốt thì bộ Công phải lập tức tư giấy đi mua cho đủ. Sau đó, tỉnh Bắc Ninh đem nộp thứ gạch vuông cạnh của xã Bát Tràng 10 vạn viên. Trả tiền theo giá công, dân ấy không dám nhận, tự nguyện xin nộp vào của công. Hộ đốc Nguyễn Đăng Khải đem việc ấy tâu lên ; vua phán rằng : “Dân môn thích làm việc nghĩa, đáng khen”. Thưởng cho 3.000 quan tiền và

hoãn giảm cho tiền thuế còn thiếu (về lệ nộp gạch tốt của năm nay, và tô ruộng bị tai hại của năm ngoái).

Cho các Hoàng đệ : Nghi Hoà quận công Miên Thân, Tư Nghĩa quận công Miên Tế, Trấn Man quận công Miên Thực, Sơn Tĩnh quận công Miên Lang và Điện quốc công Miên Tịnh mỗi người một chiếc thuyền mui đen để dự bị khi theo hầu.

Dụ rõ các nha môn xét việc hình. Dụ rằng : “Ta suy lòng thương người, làm ra chính sách thương người. Những người ở các hạt được tha về, phải nên cảm kích, phát sinh mới lương tâm, hết sức ăn năn tội lỗi của mình khi trước, yên phận giữ phép, để cùng hưởng phúc thái bình, lại không tốt ư. Nếu cứ giữ mãi thói cũ, quen làm việc ác không chừa, thì cho bọn bộ biên hay xã dân bắt giải trị tội. Chớ bảo là không dạy bảo trước mà đã giết. Chuẩn cho sao đạo dụ này gửi các nha môn xét việc hình bên ngoài sao lục lấy, rồi đem treo dán lên, để nhân dân đều biết.

Bộ Lại tuân theo ân chiếu làm danh sách kê các nhân viên được gia cấp và đem các chức nhàn tản liệt vào làm nha môn chính ngạch, tâu lên xin làm định lệ. Vua phán rằng : ‘Việc ấy, năm Minh Mệnh thứ 16 [1835], bộ Lại bàn xin phân biệt, đã được Tiên đế tự tay phê bảo, cho lời tâu là phải rồi. Nay nên cứ theo thế mà làm, sao lại sinh ra nghị luận khác đi nữa ? Duy có Tôn nhân phủ hiện đã đặt ra các chức giữ việc, không ví như ngày trước nữa, thì Tôn nhân phủ nay cho đem lên làm Chính nha cho hợp sự thể. Còn thì đều theo lệ năm ấy đã làm qua. Còn như các viên được thụ hàm, thí thụ, quyền thụ và thí sai đều chiếu theo hàm cũ mà làm’.

Lại dụ rằng : “Thành pháp về việc trí trị, trăm vua cũng giống nhau, mà noi theo phép cũ, lời dạy xưa đã rõ ràng. Hoàng khảo ta, thông minh tự trời phú tính, công học rất uyên thâm, trị vì 21 năm, một lòng chăm lo, muôn việc chấn chỉnh ; phạm những lễ nhạc pháp độ đã làm ra, công việc kiến thiết rõ ràng được đầy đủ, không việc gì là không xét nghiệm xưa và nay, rồi họp lại chọn lấy những cái đã đúc kết. Cho nên chính sự tốt, pháp độ hay, có thể để lại cho con cháu và làm khuôn phép cho muôn đời. Ta vâng nhận sự phó thác, vẫn nghĩ việc noi theo phép lớn của tổ tiên, để nối được tiếng tốt của đời trước. Ta đương nghĩ cùng với các bề tôi trong ngoài cùng giữ quy mô đã có sẵn, để cùng được đến chỗ không có lỗi lệch gì. Mới đây, cứ theo như bộ Lại làm tập tâu lên những nhân viên đáng được gia cấp, lại đem các chức nhàn tản liệt vào hàng chính nha, ta xuống Chỉ hiểu dụ, bảo phải tuân theo lệ cũ mà làm rồi. Song, ta còn nghĩ : việc thiên hạ không phải chỉ có một mối. Các người phụng hành ở dưới, hoặc còn có người chưa thể theo được ý ấy của ta. Vậy truyền bảo cho các nha môn trong Kinh ngoài tỉnh : tự đây về sau, phạm làm việc gì chưa có lệ nhất định và việc gì giống nhau mà làm tình lý hơi khác, tất phải tùy nghi châm chước, lấy ý kiến của mình mà bàn xin, cũng không hại gì, để

cho đều được chu tất thoả đáng. Ngoài ra, việc gì từ khoảng năm Gia Long [1802-1819], Minh Mệnh [1820-1840] đã có lệ nhất định và đã làm qua rồi, thì chuẩn cho sức xuống các sở thuộc khảo sát lại cho kỹ càng, làm thành tác lệ, sau cứ theo thế mà làm. Việc gì nên tâu, thì trong tờ tâu phải viện dẫn cho xác đáng, nghĩ xin thi hành. Việc gì nên buồm lên, thì trong giấy buồm lên ấy phải kể ra rõ ràng, buồm lên phân biệt, khiến cho mọi người đều biết là chính sách ấy bởi đâu mà ra, việc gì cũng phải có lệ thường, để được noi theo hiến chương nhất định đến mãi lâu dài, giúp cho trị đạo của nhà vua được tốt, hưởng phúc thái bình mãi mãi, há chẳng tốt ư ! Chớ nên tự làm ra vẻ thông minh, cố biện luận cưỡng ép, làm cho rối ren mà không có ích gì cho việc cả.

Sai Tả tham tri bộ Công Nguyễn Tri Phương, quyền lĩnh công việc Thuỷ sự ở Kinh kỳ.

Miễn cho các thân công ⁽¹⁾ quỳ lạy ở Nội đình. Dụ rằng : Hoàng thân như các thân công Kiến An, Định Viễn, Diên Khánh, Điện Bàn, Thường Tín, An Khánh và Từ Sơn đều là em Hoàng khảo ta, và là chú ta, hưởng chi các thân công ấy tuổi ngày một cao, lễ nên trọng đãi, há nên bắt phải ngày thường châu hầu, hơi một tí là quỳ lạy. Về phần các bậc chú ấy cố nhiên là theo đúng lễ, nhưng ta thì cảm thấy không yên lòng. Còn như những khi triều hội và các điển lễ lớn, thì phạn vua tôi cố nhiên phải thế. Ta không dám lấy lòng riêng một mình làm trái quy chế ngàn xưa. Đến như những khi gọi vào hỏi han ở nội điện thì khác hẳn khi có điển lễ ở nơi đại đình. Xưa có câu : “Lễ là bởi sự phải lễ mà ra” đáng nên châm chước tuý nghi. Vậy chuẩn định : Từ nay trở đi, phàm những khi được gọi vào nội đình để hỏi han hoặc được ban thưởng ngay ở ngự tiền, thì gia ân cho các thân công bậc chú không phải quỳ lạy, chỉ làm lễ một vái cũng đã đủ tỏ ra định phạn vua tôi, và để cho có phân biệt với các quan một chút. Các thân công nên hiểu rõ ý của ta kính người nhiều tuổi, quý người thân thuộc, chớ nên khiếm tốn, tự nhún mình quá. Phải nên vui làm điều thiện để hưởng phúc tốt lâu dài, làm phên che cho nhà vua mãi mãi mới được. Chuẩn cho Nội các sao lục đạo dụ này, cấp cho mỗi vị một bản.

Các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Ninh Bình, Hưng Yên gạo kém, vua cho lấy giá hạ bán cho các tỉnh ấy.

Sai quan Khoa đạo là Đặng Quốc Lang và Mai Khắc Mẫn đi khám và làm công việc quân điền ở tỉnh Bình Định. Khoảng Minh Mệnh, sai quan đi quân cấp ruộng ở tỉnh Bình Định. Phần nhiều vì bọn hương hào bá chiếm, nên phần ruộng của người

(1) Những người họ gần trong Tôn thất và có tước công.

được ruộng tốt, ruộng xấu không đều nhau. Vì thế, dân tranh kiện lẫn nhau trước sau có đến hơn 300 lá đơn, đại để đều kêu về phần ruộng rộng hẹp, nhiều ít, xin chia từng xứ cấp lại. Đến đây, Tổng đốc là Đặng Văn Thiêm (trước là Văn Hoà) xin cứ theo số ruộng mà dân trong hạt đã thú ra ấy, chia làm hai phần đều nhau : một phần sung công, một phần cho làm ruộng tư, nhưng phải chữa lại địa bạ. Lại xin phái hai viên quan ở Khoa Đạo, có tiếng là hiền năng công chính, đi đến tỉnh ấy, hội đồng để làm.

Vua dụ rằng : “Việc quân điền là việc lớn, cốt để làm cho dân ai cũng có tài sản, người giàu người nghèo cùng giúp lẫn nhau. Thực là phép hay của muôn đời. Nay bọn hương hào, lý dịch thay đổi thêm bớt, chiếm lấy tiện lợi một mình, làm cho dân nghèo hèn yếu, không nhờ vào đâu được, thì tuy là chia đều mà vẫn không đều, không phải là ý ban đầu đặt ra pháp chế. Lời nghĩ xin của Đặng Văn Thiêm tưởng cũng không phải là không có chủ kiến. Nhưng làm việc chính trị, quý ở chỗ có thể thống. Chia từng đoạn, tách làm đôi, vị tất đã hay cả, toàn cấp cho cùng một xứ, vị tất đã dở cả. Phải khéo trừ tính mà làm, bỏ cái không hay để đến cái hay là được rồi. Và lại, bắt đầu sửa sang, công việc bận nhiều, có một vài kẻ không ra gì, thừa cơ gây ra mối tệ, thế tất nhiên là không tránh khỏi. Bây giờ nên tùy nghi chăm chước, bỏ những sự gì quá lắm mà thôi, hà tất phải thay đổi hết cả, làm cho rối ren lại thêm náo động phiền nhiễu một lần nữa”.

Vua bèn sai bọn Quốc Lang đi đến Bình Định, hội đồng khám xét để làm. Bọn Quốc Lang đến nơi, đầu tiên trích ra những việc không thiệt hại gì lắm, phê bác đơn đi, còn thì đều lấy lời hiểu bảo, tùy việc phân xử, dân mới thôi không tranh kiện nhau nữa.

Đặng Văn Thiêm lại tâu rằng : Số ruộng tư, những thửa linh tinh không đây một sào trở xuống, cộng tất cả được hơn 60 mẫu, xin miễn cho không phải cất ra từng đoạn để quân cấp. Vua đem việc ấy hỏi bộ Hộ là bọn Thế Hiến và Nguyễn Trạch. Hộ thưa rằng : Dân trong hạt đã xin được tùy tiện, sổ sách cứ theo như cũ. Nếu đem số ruộng ấy giao hết cho bọn điền chủ, thì sổ điền không khỏi một phen thay đổi. Thành ra thêm việc. Và lại, số ruộng thừa lẽ, không những có thế mà thôi, nếu theo lời xin ấy, thì ngoài 300 lá đơn ấy lại còn đơn khác tới tấp khiếu nại, phiền nhiễu không biết thế nào mà kể. Vua cho là phải mà phán rằng : “Triều đình đối với dân, không có ngại tiếc gì. Song nếu làm lại sổ sách, không khỏi có sự bận rộn, cầu cho thôi hẳn việc tranh nhau mà mối tranh giành vẫn không thôi, không phải là làm cho dân bớt sự tổn phí vậy. Ruộng đất lấy sổ sách làm nhất định, đem chia ra quân cấp là phải”. Khi bọn Quốc Lang về, vua khen là làm được gọn việc.

Cho : Quận chúa Ngọc Vân⁽¹⁾ 1.000 quan tiền, Huyện quân Ngọc Thu và Ngọc Nguyên⁽²⁾ mỗi người 500 quan tiền. Bọn Ngọc Vân tự nghĩ rằng mình được ân phong mà trước đây ở bộ bàn việc mặc áo tang, lại không kể đến mình, trong lòng thắc mắc, đem việc ấy nói với tinh thần, tinh thần không biết cho để tang thế nào, đem việc ấy tâu lên. Vua phán rằng : “Hiện nay việc đánh dẹp ở nơi biên thủy chưa xong, từ Tướng quân và Tham tán trở xuống còn phải mặc đồ nhung phục. Bọn Ngọc Vân là nữ lưu chưa nên cho để tang trước tướng sĩ, hãy đợi khi xong việc binh, rồi sẽ bàn làm cũng chưa muộn”.

Đặt thêm một phủ Hoà Thịnh và hai huyện Tân Thịnh và Bình Long ở tỉnh Gia Định. Tinh thần Gia Định cho là tỉnh ấy người nhiều đất rộng, xin tâu theo địa thế chia đặt thêm phủ huyện để tiện việc thống trị. Vua nghe theo. (Trích lấy hai tổng Hoà Đông, Hoà Lạc của huyện Tân Hoà, chia làm bốn tổng Hoà Đông thượng, Hoà Đông hạ, Hoà Lạc thượng, Hoà Lạc hạ, theo tên cũ, gọi là huyện Tân Hoà, đặt phủ Hoà Thịnh để kiểm lý. Phủ lý đặt ở thôn Thuận Nghĩa. Lấy hai tổng Thịnh Hội, Thịnh Mục chia làm bốn tổng Thịnh Hội thượng, Thịnh Hội hạ, Thịnh Mục thượng, Thịnh Mục hạ, đặt làm huyện Tân Thịnh, lệ thuộc vào phủ Hoà Thịnh, đặt huyện lý ở thôn Bình Quý. Lại trích lấy 60 xã thôn ở huyện Bình Dương, 8 thôn ở huyện Tân Long, 6 thôn ở huyện Cửu An, chia làm 4 tổng Bình Thịnh thượng, Bình Thịnh hạ, Cầu An thượng, Cầu An hạ, đặt làm huyện Bình Long, lệ thuộc vào phủ Tân Bình, đặt huyện lý ở thôn Tân Thái. Về việc chi dùng công cho bọn lại, lệ của 3 nha này đều theo như lệ các phủ huyện thuộc ngạch gián khuyết).

Thự phủ là Lê Quang Huyền đánh tan bọn thổ phỉ ở Kiên Giang. Trước đây, bọn thổ dân ở huyện Kiên Giang nổi dậy, bị quan quân mấy lần tiểu diệt, bọn giặc trốn thoát là lũ tên Suy, tên Sốc (nguyên trước làm An phủ sứ) lại họp đồ đảng liên kết với nhau, mưu toan gây việc. Ở tỉnh phái cho trú phòng thự Phó quản cơ Nguyễn Văn Điều cùng với quyền sung Phó cơ Nguyễn Quỳnh, Cai đội Nguyễn Trọng, nhiếp huyện Trần Văn Tập hẹn ngày cùng nhau đi tiểu diệt. Văn Điều đi trước, gặp giặc, liền đánh nhau. Quỳnh nghe thấy tiếng súng thì dừng lại. Trọng và Tập lại trùng trùng đi sau. Văn Điều quân ít, không địch nổi, cố sức đánh, bị chết ở trận tiền. Các viên biên và binh đinh bị giặc bắn chết 19 người ; bỏ mất hai cỗ súng quá sơn. Việc đến tai vua, Quỳnh, Trọng và Tập đều bị cách chức, phát phối làm quân tiền khu gắng sức làm việc để chuộc tội. Truy tặng cho Văn Điều chức Phó quản cơ. Huyền ở Hà Châu được tin báo lập tức cùng với Lãnh binh Đoàn Quang Mật đem 600 binh đồng đi đường biển tiến đến. Bọn Thổ phỉ và Thanh phỉ họp

(1) (2) Bọn Ngọc Vân là con gái của Nặc Chân, chúa nước Cao Miên. Sau khi Nặc Chân chết không có con trai, Minh Mạng bèn phong cho bọn Ngọc Vân làm Quận chúa hoặc Huyện quân. (Thực lục chính biên. Kỷ III, quyển IV, tờ 18a-19b).

nhau đóng đồn ở các xứ Cây Trâm, Cù Hoá và Lãng Tượng (đều là tên đất thuộc huyện Kiên Giang) từng đàn từng lũ, hàng nghìn hàng trăm tên, nương chỗ hiểm, dàn quân chống lại. Quan quân hăng hái đua nhau tiến lên trước để đánh. Tôn Thất Năng do kinh phái đến, bắn hai phát súng “Đại luân xa”⁽¹⁾, bọn giặc bị chết luôn 17 đứa, hoảng sợ chạy tan. Quan quân cần quét luôn mấy ngày, phá tan sào huyệt, đốt hết đồn trại, ba lần đánh ba lần được cả. Huyền được khai phục 2 cấp, Quang Mật được gia quân công kỷ lục 2 thứ, mỗi người được thưởng 1 cái nhẫn vàng. Tôn Thất Năng được thưởng thụ Quán cơ, kỷ lục 2 thứ, 1 nhẫn vàng, 1 kim bài, 5 đồng ngân tiền hạng lớn. Từ Suất đội Mai Văn Tích trở xuống đều được thưởng kỷ lục. Các biên binh được thưởng chung 300 quan tiền. Hơn 700 người Kinh, Thổ và Thanh ra thú. Sức cho được tùy tiện an nghiệp. Trần Văn Tập vì có công chiêu dụ dân, võ về đặc lực, được tha cho không phải tòng quân nữa, được lưu ở huyện để cố sức chiêu tập. Sau đó bọn giặc lại rủ nhau tụ họp ở hạt Quảng Biên. Án phủ sứ Lê Quang Nguyên cùng với Vệ úy Nguyễn Văn Do và Phó cơ Nguyễn Túc đánh đuổi được. Bọn Nguyễn mỗi người được thưởng kỷ lục 1 thứ.

Vua thấy thành Trấn Tây chậm báo tin về công việc ở biên giới, truyền cho bọn Tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Lê Văn Đức, Kinh lược Phạm Văn Điển, Tham tán Nguyễn Tiến Lâm, và Tấn lý Nguyễn Công Trứ lập tức đem sự trạng dẹp giặc tâu lên. Lại căn cứ vào số hương dưng hiện đã gọi ra, chức lượng xem nên để lại hay nên thả ra về, nơi nào thiếu cũng không gọi ra bổ sung nữa.

Sau đó, bọn Giảng dâng sớ tâu rằng : “Từ khi thành Trấn Tây không yên, đến nay đã hơn sáu tháng, mà nơi biên thủy chưa được yên tĩnh, để nhà vua phải sớm trưa vất vả, thực là lỗi của bọn thần, không thể chối được. Duy bọn Thổ nhân xuẩn động, không những 10 phủ 23 huyện trong hạt đều làm giặc cả, lan cả đến trong địa hạt các tỉnh Gia Định, Định Tường, An Giang, Hà Tiên, và Biên Hoà, bọn lớn đến hàng nghìn, bọn nhỏ chẳng kém vài trăm. Thổ mục các nơi thúc đẩy phiến hoặc các thổ dân, tự lập bè đảng, không phục thuộc lẫn nhau. Lúc đầu, chúng nhờ nước Xiêm viện trợ, lại rủ rê các tên tội phạm trốn đi là lũ giặc Ma, giặc Cớ, giặc Y, giặc Yết cùng họp lại giúp nhau làm bậy. Chúng cho là vây cánh nhiều đông, địa thế hiểm trở quan quân không làm gì được. Từ trận đánh ở Sa Tôn, người Xiêm bị thua chạy tan. Xiêm mục là Phi Nhã Chất Tri từ trấn Hải Tây rút về, thì bọn chúng đều trốn vào rừng rậm, sợ quân ta lùng bắt đến cùng, mưu tính cố chết để giữ. Từ các phủ Sơn Tinh, Hải Tây và Hải Đông trở xuống, hai bên bờ dọc sông, cho đến cả những nơi hiểm yếu lợi hại ở bốn xung quanh gần hạt ấy đặt ra đồn bảo từng đoạn một, lúc xuất hiện, lúc rút đi, không chừng mực nào. Chỉ vì địa thế rất rộng lớn, cho nên bọn

(1) Đại luân xa : xe bánh lớn chở súng.

chúng nương tựa vào đó làm mạng sống. Quân ta đánh mạn Đông thì chúng trốn sang mạn Tây, lấp được chỗ nọ thì hờ chỗ kia. Phàm những nơi chúng tụ họp đều là rừng rậm cây kín, xen vào đó những chằm sâu đầm lớn, quan quân không thể tiến nhanh được. Ngoài đấy ra, cỏ rậm ngập mắt, cát bụi mù trời, lại thêm nắng nóng dữ quá, quân đi suốt ngày không chỗ nào có hộp nước để uống. Và lại, không có người làm trinh sát và dẫn đường, tình thế của giặc hư thực thế nào, đường đi khó dễ ra sao, không làm thế nào mà biết được. Hướng chi lại, quân mang lương đi, chỉ cung cấp đủ 4 - 5 ngày, nhớ ra có khi không cung cấp nối tiếp được lương thực, bắt buộc phải đem quân trở về. Cung cách tiến lui, xét ra có nhiều sự không tiện. Thế theo đức ý của triều đình, chúng tôi đã dùng nhiều cách để chiêu phủ, nhưng bọn chúng nhất hướng mê hoặc, từ trước đến giờ, tuyệt nhiên không có một đứa nào ra thú cả ! Chắc rằng trong hằng tuần, hằng tháng không thể dẹp xong được bọn giặc này. Nếu để chậm đến tháng 4, tháng 5 trở đi thì khi ấy đương kỳ mưa lụt, quân đi lại càng khó khăn lắm. Còn đến việc lương ăn của quân, cả hạt này chi dùng mỗi tháng tiền và thóc đều đến hơn 2 vạn 6 - 7 nghìn. Từ trước đến giờ, vẫn nhờ ở tỉnh An Giang chở đến cấp cho, nhưng đi đường sông, thế nước chảy xiết, ngược dòng nước đi lên, không khỏi tốn mất nhiều ngày ; hai bên bờ dọc sông còn có bọn giặc làm ngăn trở một chút, tất phải phái quân đi hộ tống, mới giữ được không có sự lo ngại. Nay ở Ba Xuyên đương có việc, thì quân như hiện nay, buộc phải do một mình tỉnh An Giang vận chở cung cấp như trước, lại cần phái một đạo thuyền binh để làm công việc áp tải lương thực. Lại như, những phủ bảo ở địa đầu các phủ Sơn Tĩnh và Hải Đông, địa thế xa cách nhau, để quân đóng giữ, thì chẳng qua ngồi giữ một vòng đất không, mà mỗi tháng phải chuyên chở tiếp tế lương thực, chỉ thêm cho sự áp tải khó nhọc. Lũ thần sớm khuya hết lòng hết sức nghĩ ngợi, chưa biết làm thế nào cho được thoả đáng, nên mới chậm việc tấu báo. Việc biên giới một ngày nào chưa yên, thì một ngày ấy còn là trách nhiệm của lũ thần, chứ đâu dám ngại sự khó nhọc, sợ việc nguy hiểm, để nhà vua phải lo ngại đến việc trông về miền Tây ! Vì sự thế khó, nên phải chậm, không giống như năm trước, bọn thổ mục, thổ dân còn đều là những kẻ vẫn thân phục xưa nay, sự thế còn dễ hơn.

Vua dụ rằng : “Những câu nói trong tờ sớ, có nhiều chỗ chưa được thoả mãn lòng người. Bọn giặc Man, Thổ, là những kẻ trốn chết chạy vào rừng rậm, tưởng cũng dễ đánh, mà lại nói rằng chưa biết ngày nào xong việc, thế thì việc quân việc nước, hằng ngày chi phí rất nhiều, binh và dân đều khốn, đến ngày nào cho xong việc ? Bọn các khanh đều là bề tôi giỏi, tưởng lâu ngày, đã từng trải ở trong Kinh, ngoài tỉnh. Ta mới lên nối ngôi, tuy ân tín chưa được mọi người tin, nhưng cũng chưa từng dám lổi đạo thế tất đến người làm tôi. Thế mà tính đốt ngón tay đến nay đã nửa năm rồi, mà còn cầm cự với bọn giặc mọn mõi, hoặc giả ta đối với các

khanh chưa hết đạo chăng ? Nếu không phải thế, thì sao lại chậm chạp đến thế ? Tuy rằng địa thế rộng lớn, chạy khắp núi mà tìm giống thú, sự thế cũng có chậm và khó thực. Song, các khanh đều là những người lập công ở nơi biên tái, cơ mưu công việc đã quen, sao lại không thể vận dụng một cơ mưu, quyết định một phương kế để cho công trước được trọn, mà lại ngồi yên để cho quân lính thành biếng nhác, lương thực bị tổn phí, hoặc để cho nước láng giềng thấy thế khinh nhờn, sinh lòng dòm dò, thì ta còn trông mong gì nữa. Kể ra, thế tuy có khó dễ, nhưng việc binh cần phải biến thông, hoặc nên trước chỗ khó mà sau chỗ dễ, hoặc nên bỏ nơi xa mà đánh nơi gần, không nên một mực câu nệ. Nếu cứ đóng lại một chỗ, suốt ngày không làm được gì, sao bằng hãy mưu tính chỗ dễ đánh đã, rồi sau đánh đến chỗ khó là hơn. Hiện nay, huyện Ba Xuyên ở An Giang còn có bọn giặc xuẩn động, Dương Văn Phong tuy nhiên lần báo tin thắng trận, nhưng chưa dẹp yên được hết, còn đương lấy thêm biên binh ở Trấn Tây đem về để hội tiểu. Về địa hạt Nam Sinh, Nam Thái, dư đảng của giặc vẫn thường thường ra vào thì thụt ở quãng Thông Bình và Quang Hoá. Bọn Nguyễn Văn Trọng, Trương Văn Uyển hợp quân bao vây, cũng chưa quét sạch được. Hai việc này cũng là quan trọng khẩn cấp. Nay chuẩn cho : Lê Văn Đức trích lấy hơn 1.000 biên binh trở về An Giang, thống suất trông coi việc đi lùng bắt giặc ở 2 xứ An Giang và Hà Tiên ; Nguyễn Tiến Lâm đem 1.000 biên binh từ Trấn Tây đi gấp đường về Nam Ninh, cùng với đạo quân của bọn Nguyễn Văn Trọng, Trương Văn Uyển định ngày cùng hợp lại, ba đường đánh ập lại. Còn ở Trấn Tây thì hiện đã có bọn Phạm Văn Điển, Trương Minh Giảng, Nguyễn Công Trứ, Cao Hữu Dực và Đinh Văn Huy, cũng nên chước lượng cơ nghi, tùy thế chia đi đánh dẹp ; hoặc thừa lúc bọn giặc không ngờ, đem quân đến đánh úp, hoặc đốt cháy những nơi chứa đồ của giặc, để chúng không còn trông nhờ lương thực vào đâu được. Trong 3 cơ An man, đã có lòng quy thuận, nên gia tâm vỗ về, chọn lấy người nào thông thuộc đường tắt, dùng làm hướng đạo. Ở Sơn Tĩnh và Hải Đông tuy là một vòng đất không, nhưng cũng không nên vứt bỏ, phải đặt quân đóng giữ, để tính việc tốt đẹp cho sau này. Phải liệu lượng chỉ lưu lại độ trên dưới 1.000 quân, đủ chống giữ thôi, bất tất phải lưu lại nhiều quân làm gì, để nhẹ đỡ việc vận lương. Hải Tây là nơi địa đầu trọng yếu, phải đặt đồn đóng quân, để phòng giữ sự quấy rối bên ngoài. Đó là ý kiến của ta biết đến đâu, thì bảo rõ đến đó để các khanh liệu thôi. Nếu các khanh có mưu kế gì hay hơn thế nữa, cũng cứ được phép bày tỏ rõ ràng rồi cho chạy ngựa trạm đem về tâu lên ta biết, để tùy nghi mà làm cho được thoả đáng, chứ đừng nên họp cả ở một nơi, chỉ ngồi đấy làm mất cả thời cơ, công việc. Các tướng sĩ một ngày chưa được nghỉ vai, thì ta một ngày chưa được yên giấc. Lũ các khanh phải nghĩ lắm mới được”. Sau đó, dò xét ra Xiêm mục là Chất Tri muốn lại đến Trấn Tây mưu lập Nặc Ong Giun làm Cao Miên trưởng. Bọn Giảng đem việc ấy

tâu lên. Vua lại sai Lê Văn Đức và Nguyễn Tiến Lâm hãy tạm ở lại Trấn Tây để bàn tính làm việc.

Bớt thuế tô cho những ruộng mùa thu năm ngoái bị mất mùa ở các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh. Những thuế nào phải nộp, cho dân được chiết nộp bằng tiền.

Sai Viên ngoại lang ở Nội vụ phủ là Nguyễn Văn Công đi thuyền Phấn bằng sang Hạ Châu⁽¹⁾ có việc công.

(1) Tức là Xin-ga-po (Singapour).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN IV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất [1841], mùa xuân, tháng 2, ban lịch Hiệp kỷ về năm Thiệu Trị thứ nhất.

Cho Hoàng tử thứ hai (tức Hoàng thượng ngày nay)⁽¹⁾ ra ở giảng đường để học tập.

Cấp lương hằng năm cho các hoàng tử, hoàng nữ và cung nhân, bắt đầu từ mồng 1 tháng giêng năm ấy.

Định lệ cung đón cho các hoàng tử từ ngày ra nhà giảng đường học tập (mỗi tháng 39 cân dầu, 6 cân 9 lạng sáp ong, 1 cân 14 lạng chè tàu, 2 chĩnh nước mắm, 600 cân củi, 150 cân than, 1 phương muối).

Đúc sách vàng, ấn vàng về lễ tấn tôn (sách làm 9 tờ bằng vàng 10 tuổi, mỗi tờ dài 6 tấc 3 phân 4 ly, rộng 3 tấc 5 phân 1 ly, cân nặng hơn 97 lạng. Ấn dùng thứ vàng từ 5 đến 8 tuổi, cân nặng hơn 111 lạng) làm sách bằng gỗ thơm, ấn bằng gỗ thơm (dùng gỗ thơm bạch đàn), sách bọc bằng lụa, ấn bọc bằng lụa (dùng thứ gấm đoạn tốt nhất, thêu kim tuyến, bát bảo và rồng ở nhỏ).

Bộ Lễ dâng các chữ quốc huy :

- Khi làm văn thì đổi dùng chữ khác, khi đọc thì đọc tránh sang âm khác, tên người, tên đất không được dùng gồm có 3 chữ sau đây :

(1) Chi Tự Đức [1848-1883].

Chữ : về tả là chữ *nhật* (日), ở giữa là chữ *phương* (方), bên hữu là chữ *đi* (走), tức chữ *tuyền* (旋). Chữ, trên là chữ *nhật* (日), bên tả là chữ *cách* (鬲), bên hữu là chữ *trùng* (虫), tức là chữ *dung* (融). Chữ, bên trên là chữ *miên* (宀), bên dưới là chữ *thị* (示), tức là chữ *Tông* (宗).

- Các chữ đồng âm, khi làm văn thì tùy nghĩa trong câu văn đổi dùng chữ khác, khi đọc thì đọc sang âm khác, tên người, tên đất đều không được dùng, gồm có 21 chữ :

Chữ, bên tả là chữ *ngọc* (玉), ở giữa chữ *phương* (方), bên hữu chữ *đi*, tức là chữ *Tuyền* (旋). Chữ, bên tả là chữ *mục* (目), ở giữa là chữ *phương* (方), bên hữu là chữ *đi*, tức là chữ *Tuyền* (旋).

Chữ, bên tả là chữ *ngư* (魚), ở giữa là chữ *phương* (方), bên hữu là chữ *đi*, tức chữ *Tuyền* (旋).

Chữ, bên tả là chữ *nhân* (亻), bên hữu trên chữ *miên* (宀), dưới liền với chữ *thị* (示), tức là chữ *Tông* (宗).

Chữ, bên tả là chữ *y* (衤), bên hữu trên là chữ *miên* (宀), dưới liền với chữ *cốc* (谷), tức là chữ *Dung* (容).

Chữ, bên tả là chữ *ngọc* (玉), bên hữu trên là chữ *miên* (宀), dưới liền với chữ *cốc* (谷), tức là chữ *Dung* (瑤).

Chữ, bên tả là chữ *xa* (車), bên hữu trên là chữ *miên* (宀), dưới liền với chữ *cốc* (谷), tức là chữ *Dung* (車容).

Chữ, bên tả là chữ *kim* (金), bên hữu trên là chữ *miên* (宀), dưới liền với chữ *cốc* (谷), tức là chữ *Dung* (鎔).

Chữ, bên tả là chữ *kim* (金), bên hữu, trên là chữ *nghiêm* (广), dưới liền với chữ *túc* (肅), tức là chữ *Dung* (鏞).

Chữ, bên tả là chữ *mộc* (木), bên hữu, trên là chữ *miên* (宀), dưới liền với chữ *cốc* (谷), tức là chữ *Dung* (榕).

Chữ, bên tả là chữ *xa* (車), bên hữu là chữ *công* (公), tức là chữ *Dung* (輅).

Chữ, bên tả là chữ *nghiêm* (广), liền với chữ *túc* (肅), bên hữu chữ *áp* (卩), tức là chữ *Dung* (廡).

Chữ, bên tả là chữ *nghiêm* (广), dưới liền với chữ *túc* (肅), bên hữu chữ *qua* (戈), tức là chữ *Dung* (庸戈).

Chữ, bên tả là chữ *thủy* (氵), giữa chữ *cách* (鬲), bên hữu là chữ *trùng* (虫), tức là chữ *Dung* (融).

Chữ, bên tả là chữ *thủy* (氵), bên hữu là chữ *nghiêm* (广), dưới liền với chữ *túc* (肅), tức là chữ *Dung* (滹).

Chữ, bên tả là chữ *cách* (𠂔), bên hữu là chữ *trùng* (虫), tức là chữ *Dung* (融).

Chữ, bên tả là chữ *tâm* (忝), bên hữu là chữ *nghiêm* (广), dưới liền với chữ *túc* (肅), tức là chữ *Dung* (慵).

Chữ, bên tả là chữ *ngư* (魚), bên hữu là chữ *nghiêm* (广), dưới liền với chữ *túc* (肅), tức là chữ *Dung* (鰲).

Chữ, trên là chữ *nhập* (入), dưới là chữ *vuơng* (王), tức là chữ *Tuyên* (全).

Chữ, bên tả là chữ *ngư* (魚), bên hữu, trên là chữ *bạch* (白), dưới liền với chữ *thủy* (水), tức là chữ *Tuyên* (泉).

Chữ, bên tả là chữ *trùng* (虫), bên hữu, trên là chữ *bạch* (白), dưới liền với chữ *thủy* (水), tức là chữ *Tuyên* (蛭).

- Các chữ cùng âm mà lại có âm khác nữa, khi đọc thì đọc sang âm khác, làm văn thì viết bớt nét đi, tên người, tên đất không được dùng, gồm có 27 chữ như sau :

Các chữ :

璿, 媛, 璇, 漩, 掇, 旋, 埶, 淀, 泉, 跄, 驂, 容, 榕,
溶, 蓉, 庸, 壟, 櫛, 儻, 俗, 鏞, 彤, 稜, 菱, 蠓, 淥,
嶼.

- Các chữ âm hơi giống nhưng không giống lắm, khi đọc thì cứ đọc âm chính của nó, làm văn thì cho viết bớt đi một nét, gồm có 7 chữ như sau :

Các chữ :

琮, 棕, 諒, 淙, 賓, 棕, 踪。

- Các chữ khi làm văn phải viết chữ *xuyên* (𠂔) lên trên chữ ấy, khi đọc thì đọc trạnh sang tiếng khác, tên người, tên đất không được dùng, gồm hai chữ như sau :

Chữ, trên là chữ *hoa* (華), dưới là chữ *thập* (十), tức là chữ *Hoa* (華).

Chữ, trên là chữ *miên* (宀), dưới là chữ *quán* (貫), tức là chữ *Thật* (實).

- Chữ, khi làm văn phải bớt nét, khi đọc tránh sang âm khác, tên người, tên đất không được dùng có một chữ :

Chữ, trên là chữ *thảo* 艸, dưới là chữ *hoá* 化, tức là chữ *Hoa* (花).

Lại xin đổi Tôn nhân phủ là Thân đài, Tôn thất làm Kinh thất.

Vua dụ rằng : Tôi con tôn kính vua cha, nên mới kiêng tên huý, là lễ phải nên thế. Song, cần nên phân biệt, bảo cho rõ ràng, để mọi người biết kính mà kiêng huý, mới có thể truyền lại cho sau này. Nếu nhất nhất câu nệ, chữ gì cũng cấm cả, thì làm thế nào phân biệt được ? Ta nhớ lại khi còn bé, hồi niên hiệu Gia Long, Hoàng khảo ta ốm ta đến làm lễ cháu ra mắt ông, Thế tổ Cao hoàng đế ta mừng mới có cháu đích tôn, chuẩn cho lấy bộ “nhật” 日 đặt tên. Hoàng tổ chính tay viết chữ “dung” trên là chữ *nhật* (日), dưới về bên tả là chữ *cách* 鬲, bên hữu là chữ *trùng* 虫, tức là chữ *Dung* 蟲 để cho đặt tên. Về sau, hoàng tộc ngày một đông nhiều, Hoàng tổ ta định làm ra phải đặt tên, cho rõ chi phái gần hay xa, để dòng dõi nhà vua được tỏ rõ đến muôn năm. Tiếc rằng chưa kịp làm. Hoàng khảo ta noi theo chí người trước, bắt chước nhà Chu ngày xưa. Để bói xem số năm hưởng quốc, số đời truyền nối, bèn đặt ra bài thơ, chia ra thế hệ về dòng vua, thế hệ về dòng các phiên vương, để phân biệt kẻ thân người sơ. Một chữ trên thì lấy chữ trong bài thơ để chia thế thứ, một chữ dưới đều chọn theo bộ để phân biệt là cùng ngang vai. Bài thơ về dòng làm vua rằng :

棉 洪 應 保 永
寶 貴 定 隆 長
賢 能 堪 繼 述
世 瑞 國 家 昌

“Miên hồng ứng bảo vĩnh
Bảo quý định long trường,
Hiên năng kham kế thuật,
Thế thụy quốc gia xương”⁽¹⁾.

Cho nên mới có mệnh lệnh cho đặt tên 2 chữ (棉宗)⁽²⁾. Và lại, đã được điện dụ rằng : “Phải nên càng thêm cảnh tỉnh để nhận lấy tên tốt đẹp này”. Hoàng khảo ta lại thân soạn ra 20 chữ về bộ “nhật”, cất trong hòm chằng dây vàng, để truyền lại cho người nối sau. Hoàng khảo ta lại làm bài tựa có câu rằng : “Đến lúc nào nối

(1) Nghĩa là : dài lớn giữ ngôi báu được lâu, hưởng ngôi tôn quý lâu dài thịnh vượng, bậc hiền năng đều nối chí noi việc, đời đời có điềm hay, nước thịnh tốt.

(2) Miên Tông, tên của Thiệu Trị.

ngôi, mới nên lấy một chữ làm tên. Đặt bộ “nhật” là Mặt Trời, lấy ý nghĩa Mặt Trời tượng trưng cho vua, và lấy tên đặt cho lúc bé làm tên tự. Kính vâng lời đấy”. Đến khi ta vâng theo di mệnh, lên nối ngôi báu, kính cáo ban thờ Hoàng khảo, thân đem các đại thần kính cẩn mở hòm chằng dây vàng, kính theo mệnh lệnh của Hoàng khảo khi còn sinh thời, lấy chữ về đời thứ 1 (bên tả là chữ nhật 日, ở giữa là chữ phương 方, bên hữu là chữ 定, tức là chữ *Tuyên* 璇 làm tên; kính cáo nhà tôn miếu, tâu lên đức Thánh tổ mẫu Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng hậu biết, và lấy tên ta đặt cho từ lúc bé làm tên tự. Thế mới biết là ý của Hoàng khảo ta sâu xa nhiệm nhặt: ngày trước đặt tên hai chữ, là lấy nghĩa rằng mong cho tông thống được lâu dài, để giao phó cho trách nhiệm ngày nay đó. Nghĩ lại ngày xưa tổ khảo đặt cho ta tên tốt đẹp này, đều có ngụ ý ở trong, xiết bao thương cảm, khóc chảy nước mắt. Nay bộ Lễ bàn dâng chữ huý, nhân thể ta kể chuyện lại, để ghi lòng cảm nhớ của ta. Tự trung lời bàn về tên huý, tên tự, bộ Lễ đều xin nhất khái cấm không được dùng, thì không tỏ rõ được ý nghĩa của Hoàng khảo ta về việc đặt tên huý, tên tự cho ta, mà nghìn muôn đời về sau, công đức của tổ tông, con cháu biết xưng hô ra làm sao? Ngày xưa có câu nói rằng: “Chỉ kiêng tên huý chứ không kiêng tên tự”. Thái Tông nhà Đường tên huý là Thế Dân, cho nên bộ Dân đổi làm bộ Hộ, còn có thể nghe được, đến sau có tên xưng là Đại Tông⁽¹⁾ thì không lấy ý nghĩa gì. Vì tên huý và tên tự không chia ra rõ ràng, nên con cháu cũng khó mà kiêng tránh được. Nay bộ Lễ các khanh lại vì chữ tên tiểu tự của ta⁽²⁾, xin đem Tông nhân phủ đổi làm Thân đài, đã là túng chữ, huống chi lại xin đổi Tông thất làm Kinh thất, thì càng què hủ quá! Như thế, lấy gì làm lời xác đáng để bảo rõ cho đời sau? Nay định: chữ tên của ta là chữ *Dung* 澐, khi làm văn thì đổi làm chữ *Hỷ* 曦, chữ *Tuyên* 璇 thì đổi làm chữ *Minh* 明, còn chữ tiểu tự là *Miền Tông* (綿宗) thì khi làm văn hay khi xưng hô, chỉ cấm không được dùng 2 chữ liền mà thôi. Nếu chỉ dùng 1 chữ *Tông* 宗 thì khi dùng vào việc tế trời, tế tôn miếu thì cứ theo đúng mặt chữ mà viết. Còn về chức chế hay làm văn phải dùng đến, thì cho viết bớt đi một nét, khi đọc thì đọc là “tôn”, cũng đủ tỏ ra kính trọng rồi. Còn các chữ đồng âm, tra theo điển lệ, khi làm văn, tuy có cấm, nhưng ta nghĩ: chữ viết đã khác, thì không quan hệ gì lắm, nếu chữ nào cũng bắt phải dùng chữ khác, thì chữ nghĩa không khỏi có sự sai lầm, không phải là điển tắc truyền mãi lâu dài được. Các chữ đồng âm nói trên, thì tên người, tên đất đều nên theo lệ cấm chỉ không được dùng, còn khi làm văn đều không cấm nữa, để đời sau có thể noi theo dùng làm phép nhất định. Nên

(1) Đại Tông: một vua nhà Đường.

(2) Tiểu tự của Thiệu Trị là Miên Tông.

đem dụ này thông báo trong ngoài, lại sao lục cho Quốc sử quán tuân theo, để bảo rõ cho con cháu trăm đời về sau đều biết ý ta.

Cho gọi bọn lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh là Phạm Hữu Tâm, Bang biện Trấn Tây là Doãn Uẩn, Bố chính Quảng Trị là Nguyễn Đăng Uẩn, Bố chính Quảng Ngãi là Đặng Đức Thiệm, thự Bố chính tỉnh Thanh là Vũ Doãn Cung, Bố chính Quảng Yên là Vũ Viết Sĩ, Bố chính Tuyên Quang là Trần Ngọc Lâm, thự Bố chính Cao Bằng là Phan Trước, Án sát Bình Định là Đặng Huy Thuật, Lãnh binh Bình Thuận là Đỗ Văn Sửu, thự Lãnh binh Nghệ An là Nguyễn Lương Nhân, Lãnh binh Nam Định là Nguyễn Văn Tiến, Lãnh binh Thái Nguyên là Trần Văn Luận về Kinh làm lễ tiến hương, đợi làm đại lễ tôn dâng tên thụy [cho Thánh tổ]⁽¹⁾.

Cho : Tổng đốc Hải - Yên⁽²⁾ là Tôn Thất Bật quyền lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh, Tuần phủ Ninh Bình là Trần Văn Trung quyền tạm hộ lý quan phòng Tổng đốc Hải - Yên, Bố chính Sơn Tây là Nguyễn Văn Nhị quyền tạm hộ lý quan phòng Tuần phủ Ninh Bình, Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên⁽³⁾ là Nguyễn Công Hoán kiêm giữ ấn triện Bố chính Sơn Tây.

Bọn Lê Văn Đức, Nguyễn Công Trứ ở lâu nơi quân thứ, dâng sớ xin số tiền và thóc về lương bổng hàng năm cho phép người nhà được lĩnh tại kho ở Kinh. Vua y cho. Nhân việc ấy, vua xuống sắc chỉ rằng : Từ nay về sau, phạm viên chức nào ở Kinh sai đi ra ngoài, tình nguyện để người nhà lĩnh thay lương bổng cũng đều cho cả.

Cho Lang trung bộ Lễ là Lê Vạn Hanh làm Lang trung Vũ khố. Khi ấy có viên phó sứ sang nhà Thanh về là Trần Huy Phác (nguyên là Viên ngoại lang gia hàm Thị giảng học sĩ) từ Hà Nội về Kinh chiêm bái vua. Vua sai bộ Lại xét xem chức Lang trung trong sáu bộ có bộ nào khuyết thì bổ cho. Chiều hôm ấy, bộ Hình suy cử chức Viên ngoại lang ở bộ ấy là Lê Từ thăng thự Lang trung. Ngự sử Phan Văn Xưởng hặc bộ Hình là trái lời và khinh nhờn (trong tập tâu nói rằng : Buổi sáng hôm ấy, Trần Huy Phác vào chiêm bái, đã được sắc chỉ thăng thự Lang trung, xét bộ nào khuyết thì điều bổ. Bộ Hình hiện dự trong ban châu, đã được nghe rồi, thế mà buổi chiều hôm ấy đã vội suy cử Lê Từ thăng lên Lang trung. Sớ tâu ấy có phần trái lời và khinh nhờn). Vua phán rằng : “Bộ Hình tuy là trong lòng không có vết tích tư tình gì đáng trách, nhưng bọn đường quan Vũ Xuân Cẩn, Bùi Quý và Vũ Phạm Khải đều đáng truyền Chỉ nghiêm quở. Thường cho Xưởng 1 tấm lụa ; còn Từ thì cho cứ giữ chức cũ, lại lấy Phác thăng thự Lang trung bộ Lễ.

(1) Chỉ Minh Mệnh.

(2) Hải Dương và Quảng Yên.

(3) Sơn Tây, Hưng Hoá và Tuyên Quang.

Quan ở Khoa đạo là Đặng Quốc Lang, Mai Khắc Mẫn, Phan Văn Xương, Vũ Danh Trì và Vũ Trọng Bình dâng sớ nói rằng : Quân lính chỉ làm việc đắc lực trong vòng từ 40 tuổi trở xuống thôi, tự ngoài 40 tuổi trở đi, khí lực đã suy, không làm nổi việc nữa, mà lại hạn đến 60 tuổi mới được thoái ngũ, vì thế có nhiều người lên trốn. Sáu năm một lần tuyển lính, dân số tăng háo không thực, không khỏi nhân dân vì thế mà xiêu tán. Nay xin việc tuyển lính tính đến sau khi tuyển vào 20 năm làm hạn, mãn hạn cho về nguyên tịch chịu sai dịch. Tuyển duyệt thì cứ 10 năm một lần, không cần số nhiều hay ít.

Vua dụ rằng : “Lời bàn có phần chưa được hợp lý. Kể ra, người ta 40 tuổi, chính là lúc đương mạnh. Hiện nay, các binh ở trong Kinh và ngoài các tỉnh, trạc tuổi 40 trở lên có đến hàng nghìn hàng vạn, nếu cứ như lời bàn xin của các khanh, thì không những là những kẻ có thể sai khiến được bị bỏ rơi ở nơi thôn dã, mà thay đổi luôn luôn, sẽ có nhiều sự phiền nhiễu.

“Lại việc xin hạn phải ra lính, tính đến 20 năm làm mức, mãn hạn cho về nguyên tịch làm dân, thế thì binh đình ở đội ngũ đã 20 năm, người nào cũng đã am hiểu việc công, lại tập quen việc trận mạc, chính đương vào lúc sai phái đắc lực, sao lại bỏ những người ấy mà lấy những người khác chưa quen việc ở nơi hàng ngũ ? Huống chi, trong bọn ấy có những người xuất sắc đã được cất nhắc lên, bấy giờ lại không để cho họ được gắng sức làm việc, lại lấy niên hạn mà bỏ họ ư ? Còn những người không may bị ốm đau không thể sai phái được nữa, thì cũng cho là niên hạn chưa đủ mà không thải về ư ? Lại càng bất thông lắm.

“Lại nói rằng : Hạn ra lính đến 60 tuổi mới được về, thì lời ấy cũng sai nhầm lắm. Vả, việc lấy binh đã có lệ định là đến 55 tuổi, thì thải cho về, nhưng tựu trung có người nào ốm yếu, ở Kinh do bộ Binh, ở ngoài do các quan địa phương xét nghiệm, nếu quả là không thể làm được việc nữa, cũng cho được thải về, không cứ gì đã đến 55 tuổi hay chưa. Thế thì có hạn định phải đến 60 tuổi bao giờ ?

“Triều đình nuôi quân lính, ở hàng ngũ thì có lương tháng, ở nhà thì có ruộng khẩu phần, để nuôi cha mẹ vợ con. Còn việc vẫn có kẻ lẩn trốn, là vì lòng người ta trong sự đi hay ở, không khỏi có cảnh huống riêng biệt. Những kẻ tiết thứ lẩn trốn phần nhiều là bọn binh mới điền thế, lười biếng quen thân, chứ có vì tuổi già mà lẩn trốn đâu ? Đổ cho là vì cố ấy, cũng lại không phải.

“Lại, việc 6 năm một lần tuyển duyệt, là cốt để biết rõ dân số tăng hay háo mà chia thuế má tạp dịch cho được đều, chứ không phải để lấy thêm lên. Đã từng vàng thánh dụ ban ra nghiêm sức cho quan khâm mạng coi việc tuyển duyệt và các quan lại địa phương phải nên xét kỹ nơi nào số hộ tăng hay háo, để chước lượng cho nơi nào dân đông hay dân ít, không được bắt buộc dân xã nào cũng phải tăng lên số

nhiều. Một khi có phát xuất ra chuyện gì, thì đem ngay quan lại giữ việc tuyển duyệt và quan địa phương giao cho bộ Lễ nghĩ trị rất nghiêm không tha. Lời thánh dụ rõ ràng, mà chu chuân tha thiết biết nhường nào ! Xưa nay vẫn noi theo mà làm, thực là phép hay. Nếu quả có quan địa phương hay quan coi việc tuyển duyệt nào bắt ép dân xã nào tăng lên số hã không đúng, thì là tệ hại do người làm ra đó thôi. Nay Khoa đạo có trách nhiệm phải nói ra, sao không nêu người làm bậy ấy ra mà đàn hặc nghiêm ngặt, để răn người sau, lại đổ cho là phép chưa hay, vội vã muốn đổi lại, thế là kiến thức thế nào ? Và lại, trong hạn 6 năm, những tráng hạng có tên trong sổ, phần nhiều đã đến hạng lão, hạng lão nhiều người đã gần đến suy yếu. Nếu lấy 10 năm một kỳ, thì những người già yếu vẫn phải đóng góp sai phái, thành ra chỉ làm khổ cho dân ta mà thôi. Lời bàn ấy lại làm phiền lụy cho dân, chứ không phải là ý tốt yêu dân và chăn nuôi dân".

“Và lại, binh và dân là việc to, các liệt thánh ta ngày xưa, kiểm chế đến hết mức, ngăn ngừa cả mọi việc, lo sâu nghĩ xa, sáng lập ra phép tắc, thực đã đều đến mức thoả đáng và hay lắm rồi. Để lưu truyền rõ ràng cho con cháu muôn đời về sau, cứ noi theo phép cũ đã lập thành. Ta phải nên lo nghĩ, để nối đầu hay của tổ tiên, những chính tốt phép hay, phải giữ mãi không dám sai. Lỡ ra khi nào ta có ý kiến gì sai lầm, thích thay đổi hã huyền, thì Khoa đạo phải cố can ngăn cho bằng được, mới xứng đáng là người cầm hốt ngay thẳng đứng giữa triều đình, bày tỏ điều phải, mong cho vua làm được những việc khó làm. Sao lại đương lúc ban đầu ta mới lên ngôi, đầu tiên dâng thư nói đến việc thay đổi phép cũ ? Dưới tai mắt quan chiêm của mọi người, sẽ bảo ta là người không có lượng rộng để thu nhặt lời nói chăng ? Hay bảo ai là người nói lời huỷ hoặc để làm hỏng phép chăng ? Tờ tấu này không cần phải bàn đến, nhưng phải đem tờ dụ này biên vào làm quy chế của đài Khoa đạo, để răn người sớm thay, tối đổi, làm huyền hoặc việc phải trái”.

Dụng miếu thờ Quốc vương Cao Miên ở xã Dương Xuân, hàng năm cứ đến mùa xuân, mùa thu thì làm lễ. Lệ tế và đồ thờ cũng giống như miếu thờ Quốc vương Chiêm Thành. Đặt 10 người miếu phu. Trước kia, năm Minh Mệnh thứ 16 [1835], đặt ra thành Trấn Tây ; năm thứ 21 [1840], sắc cho bộ Lễ chọn nơi làm miếu thờ Quốc vương Cao Miên, nhưng chưa khởi công, nay mới bắt đầu làm. (Năm Tự Đức thứ 10 [1857], quan Khoa đạo tâu xin đình bãi lệ tế ở miếu ấy. Vâng Chỉ phán rằng : Nặc Ong Giun là dòng dõi quốc vương nước ấy đã được phong tước vương, quản lĩnh thổ dân, để nối việc thờ cúng đời đời, thì các cố vương của nước ấy, tức thời hương khói, đã có chỗ tựa nương, không như ngày xưa để hương lạnh khói tàn nữa, thì lệ làm lễ ở miếu ấy, chuẩn y lời bộ Lễ đã tâu, cho đình bãi ngay).

Quan Khoa đạo là bọn Lưu Quý, Đặng Quốc Lang, Bạch Đông Ôn, Phan Văn Xưởng, Ngô Bình Đức, Phan Trí Hoà dâng sớ nói rằng : “Việc sứ bộ sang nhà

Thanh và phái viên xuất dương, Nội vụ phủ có đưa thanh đơn sang, xét ra trong ấy có những vật hạng dùng để bày chơi, chúng tôi tưởng những thứ ấy là vật quý báu, hiện nay không cần dùng đến, xin chỉ mua sách vở, bút mực, vị thuốc, đoạn bằng lông, đoạn màu, còn thì xin bỏ bớt đi”.

Vua dụ rằng : “Nhà nước không thiếu gì tiền, vốn không lấy những thứ ấy làm lợi, mà bảo là thứ nên mua thứ không nên mua, đã là không phải, huống chi trong thanh đơn kê ra các hạng đều không phải là thứ ngọc châu minh nguyệt để soi xe, sao lại bảo là đồ quý lạ mà phân biệt là thứ cần dùng, thứ không cần dùng ? Ta buổi đầu nối ngôi, trên nghĩ làm thế nào để cáng đáng nổi gánh nặng phó thác, dưới nghĩ làm thế nào cho thoả mãn được lòng dân trông ngóng, lúc nào cũng lo lắng cố gắng, chăm chú, không có lúc rỗi để ăn cơm. Và lại, đương lúc để tang thương buồn, hết thấy các đồ dùng, thứ gì hơi có hoa mỹ một chút, đều bỏ không dùng. Thi hành ra một chính lệnh nào, các đình thần đều nghĩ cách giúp đỡ can ngăn, nếu có một chút nào chưa được thoả đáng, thì cho can ngăn để sửa chữa ngay, lúc nào ta cũng sẵn lòng tiếp thu. Bọn Khoa đạo các Khanh hàng ngày châu hầu ở trước, lại không mất thấy tai nghe hay sao ? Thế mà năm ngoái bọn Lưu Quỹ đã từng cho việc ấy là có quan hệ đến quốc thể, làm sớ tâu lên, để Hoàng khảo ta biết. Hoàng khảo ta đã ban dụ hiểu thị rõ ràng. Bọn Khanh đáng lẽ phải nhận xét cho rõ duyên cớ ấy là do người có chức trách cứ theo lệ thường, tu đi để làm. Đem cái có đổi lấy cái không là lẽ thường xưa nay, có liên quan gì đến quốc thể mà phải sảng sắc nói mãi ? Sao không sợ rằng con người cố bệnh vực biện bác những điều không phải của mình, có can phạm vào công nghị của quan lại ư ? Nay nhân lúc ta mới lên ngôi, thiếu gì việc đáng nói, lại cứ đem việc ấy mà chương này sớ khác tâu bày làm nhảm mãi, không biết câu nói ấy là mù quáng ư ? Có điều là ta hiện nay đương dành chỗ để câu người hiền, mở rộng đường cho người được nói, ai biết điều gì cũng được nói, đã nói thì được giải bày hết lòng. Tờ tâu ấy ta hãy tạm tha cho, không nghiêm trách. Chuẩn cho Nội vụ phủ đem thanh đơn của hai phái bộ ấy cứ theo như lệ trước mà làm, bắt tất phải trình lên ta xem để đợi Chỉ nữa, khiến cho mọi người đều biết việc đó không phải là do tự ý ta. Lại cho Các thần sao lục lời thánh dụ ban cho bọn Khoa đạo xem để họ biết tự tỉnh ngộ.

Cho binh bị đạo Trấn Tây là Hồ Ngọc Tài làm thự Tuần phủ sứ Hải Tây ; thự Lang trung bộ Lại là Phan Tĩnh kiêm nhiếp Tả tá lý Tôn nhân phủ ; Lại khoa Cấp sự trung là Lê Chân làm thự Hộ khoa Chương ấn Cấp sự trung ; Giám sát ngự sử Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Văn Chấn làm thự Hình khoa Chương ấn Cấp sự trung ; Chủ sự bộ Công sung Mộc thương đốc công Doanh thiện ty là Nguyễn Văn Huân làm thự Viên ngoại lang bộ Công, sung Mộc thương đốc công sự vụ ; Giáo

thụ phủ Khoái Châu là Phạm Huy Thục làm thụ Đốc học tỉnh Bình Định ; Giáo thụ phủ Tiên Hưng là Dương Bá Cung làm thụ Đốc học tỉnh Biên Hoà.

Cải bổ Lang trung biện lý bộ vụ ở bộ Hộ là Trương Tiến Sĩ làm Hàn lâm viện Thị độc học sĩ sung làm công việc trong Nội các.

Cho Vũ Thành Phong là viên chức bị cách được khởi phục làm Lang trung biện lý bộ vụ ở bộ Hộ. Phong, trước đây làm Bố chính tỉnh Thanh, vì ốm phải cách ; đến đây, bệnh đã khỏi, lại được khởi phục bổ dùng (không bao lâu, lại vì ốm, bắt về hưu).

Cho Chương vệ sung Phó lãnh binh Hải Đông là Đoàn Văn Sách thăng thụ Đề đốc Trấn Tây, Lãnh binh Trấn Tây là Nguyễn Công Nhân thăng thụ Chương vệ nhưng vẫn sung làm Lãnh binh Trấn Tây.

Bố chính Hưng Hoá là Ngụy Khắc Tuấn dâng sớ tâu xin : Phàm những kẻ cừu khôi, đầu mục của bọn giặc ra thú, hãy tạm giam giữ lại ; còn những kẻ tòng phạm cho dân cam kết, nhận đem về.

Vua cho là sự thế của các hạt, hạt nào cũng thế cả. Lại thông dụ cho các địa phương bên ngoài biết : Phàm những bọn cừu khôi, đầu mục của bọn giặc, kẻ nào trong hạn tự ra thú tội, chuẩn cho hãy tạm giam giữ lại, nhưng trước hết phải biên rõ họ tên và tội trạng của chúng, làm danh sách tâu lên, sẽ chước lượng cho khoan giảm. Còn các đồ đảng của giặc, bọn kẻ cướp, và các tạp phạm khác, tình tội hơi nhẹ, thì chuẩn cho dân xã sở tại lĩnh về yên nghiệp, nhưng phải đợi hết hạn mới làm danh sách hết thầy tiếp tục tâu lên, đợi Chỉ cho khoan giảm hoặc tha.

Giam hai thầy thuốc là Hoàng Đức Hạ và Đặng Công Tuấn vào ngục. Khi trước, Thánh tổ Nhân hoàng đế yếu nặng, bọn Hạ chữa thuốc không có công hiệu, đưa xuống đình thần bàn xét, đều nói là : [bọn Hạ] biết mà không nói, là bất trung ; dám tự theo ý mình, là bất kính. Tội bất trung và bất kính không gì to bằng. Xin khép vào tội trăm giam hậu. Quan Khoa đạo là bọn Lưu Quý và Nguyễn Văn Chấn lại cho rằng tội của bọn Hạ chỉ là chữa thuốc không công hiệu mà thôi, không phải là có sự lầm lỡ, không đáng khép vào tội nặng.

Vua phán rằng : “Bọn Hạ giữ việc chữa thuốc, thường thường gọi vào thăm bệnh, thì xem mạch hỏi bệnh, trông khí sắc, nghe tiếng nói, không phải là không kỹ, kẻ dâng phương thuốc không phải là không hiểu, thế mà mỗi khi ta có Chỉ hỏi, thì cứ nói là có thể qua khỏi. Câu nói lơ mờ như thế, để nói dối ai chăng ? Đình thần khép vào tội bất trung, bất kính, thực đã xác đáng. Nay Khoa đạo lại cho là bác thuốc không lầm để bênh vực. Nếu quả là bác thuốc lầm, thì khi ấy đã lập tức đem ra chính pháp rồi, và không những chỉ xử tội một thân một mạng bọn Hạ mà thôi, chứ còn để đầu đến ngày nay phải bàn luận lời thôi nũa ?” Vua bèn chuẩn theo lời đình nghị, nhưng sau giảm xuống tội đưa lên làm việc đồn điền ở trên nguồn.

Xưởng thuyền Hải Yến của quân thủy bị cháy. Đế đốc Vũ Văn Từ thân đốc bọn biên binh chữa tắt được, thưởng 100 quan tiền. Người giữ xưởng bị tội đồ ; quản viên Đoàn Kim vì tội thất sát, phải giáng cấp.

Nêu thưởng những người dân các tỉnh tuổi thọ 100 tuổi. (Tỉnh Quảng Trị 3 người, có 1 người thọ 110 tuổi ; tỉnh Hà Tĩnh 1 người).

Thưởng những người con hiếu thảo, đàn bà trinh tiết ở các tỉnh. (Nguyễn Văn Lương, người huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh, lúc bé, để tang mẹ, thương buồn hết đạo ; lúc lớn, để tang cha, làm nhà ở cạnh mộ, thú rừng không dám xâm phạm đến. Lương được thưởng 20 lạng bạc, 2 tấm sa, 1 tấm biển gạch. Lê Thị Tể, người huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây, goá chồng từ khi còn trẻ, ở vậy hầu mẹ chồng, nuôi em đến khi con gái của Thị Tể chết, mẹ chồng thương tình, bảo đi lấy chồng khác, không nghe, sau mẹ chồng chết, trước sau giữ tiết, được thưởng 20 lạng bạc).

Tổng đốc Định - Biên⁽¹⁾ Nguyễn Văn Trọng và Bó chính Định Tường Trương Văn Uyển hội tiểu bọn thổ phỉ ở huyện Nam Thái, đánh được luôn mấy trận. Trước đây, bọn thổ phỉ rủ nhau tụ họp ở địa hạt phủ Nam Ninh, từng đàn lũ đến hàng trăm, hàng nghìn tên. Trọng đem theo binh dõng hơn 1.000 người từ đất Lộ Cô (thuộc hạt Trấn Tây) tiến đi, bắt đầu đánh các xứ Xô Mô, Bào Xuy và Dân Thăng (đều là tên đất, thuộc Trấn Tây) đều phá tan cả. Lại tiến quân đến huyện Nam Thái cùng với đạo quân Định Tường hợp làm một, rồi chia đi vây tiểu ở Trà Cầu, Đạm Đà và Bích Động (đều là tên đất, thuộc hạt Trấn Tây), đánh được luôn mấy trận. Tin thắng trận báo lên, vua thưởng cho Trọng quân công 1 cấp, Trương Văn Uyển và Tạ Văn Linh mỗi người được quân công kỷ lục 2 thứ ; từ Quản cơ trở xuống đều thưởng hay cất nhắc lên có thứ bậc.

Rồi Trọng lại tâu rằng : Bọn thổ phỉ phần nhiều đã đi trốn cả, binh dõng của hai đạo tiến thẳng đến xứ Gò Bắc sát với phủ lỵ Nam Ninh, tướng cũng dân đi đến chỗ dẹp yên được. Vua thấy Trọng tuổi đã nhiều, không muốn để phải khó nhọc ở nơi hàng trận mãi, chuẩn cho về Gia Định làm việc, còn những biên binh của Trọng đem đi thì giao cho Lãnh binh Ngô Văn Giai và Phó lãnh binh Trần Nhữ Đoan quản lĩnh đem về Tây Ninh ; đạo quân Định Tường thì rút về bảo Thông Bình.

Vua lại Dụ cho bọn Giai và Uyển đều phải giữ nơi địa đầu trong hạt như Thanh Lưu, Quang Hoá, Tân Thuận, Sóc Lam (đều thuộc tỉnh Gia Định), Thông Bình và Bông Nguyên (đều thuộc tỉnh Định Tường) là những chỗ quan yếu lợi hại, chia đi phòng giữ, nhưng phải hiểu thị cho rộng khắp là bất cứ đâu mục hay đồ đảng của giặc đều cho được ra thú và tha tội cho.

(1) Định Tường và Biên Hoà.

Thả cho Quận chúa là Ngọc Vân, Huyện quân là Ngọc Thu và Ngọc Nguyên về Trấn Tây. Kinh lược Phạm Văn Điển và Tướng quân Trương Minh Giảng tâu rằng : “Trấn Tây đời đời làm tôi tớ triều đình. Gần đây ta lại trừ tính chia rõ khu vực, nhưng dân thì chưa lập thành sổ đinh, binh thì chưa lập thành sổ lính, ruộng đất chưa đo tính thành sổ mẫu sào, sông, ngòi, quan ải và bến đò chưa đặt thành ngạch thuế. Năm ngoái, Ngọc Biện mưu trốn đi, nên bọn Ngọc Vân phải đem về Gia Định. Rồi bọn thổ mục không được thoả chí ngoa truyền là bắt quân trưởng của họ, giết đầu mục của họ, xui giục các thổ dân hòa nhau sinh việc. Người Xiêm nhân thế xúi thêm vào, mượn danh nghĩa đem tên Giun về để lập, nhưng ngầm có ý tranh đất Cao Miên với ta. Bọn kia ngu mê không biết gì, đến nỗi coi ta là cừ địch, coi người Xiêm là ân nhân, cho nên 10 phủ, 23 huyện đều phản ta mà theo nước Xiêm, cả đến thổ dân 6 tỉnh Nam Kỳ cũng đều có ý muốn theo về với nước Xiêm. Người Xiêm đối với Cao Miên, hô ứng rất nhạy bén, thì đất đai nhân dân ở Cao Miên nay tuy không phải nước Xiêm có được hết cả, nhưng đã không phải là đất đai nhân dân ngày xưa nữa. Nếu đem đại binh đi lùng bắt hết khắp hết rừng núi, thì không những là không có ích lợi gì, mà lại thành ra xua đuổi bọn Man dân về với nước Xiêm, còn ta sở đắc chẳng qua chỉ có đất không mà thôi. Gần đây, đã dịch ra chữ Man, niêm yết ở các đường rừng, để cho họ biết đường quay về với ta, nhưng bọn họ cầm lòng cố chết, tuyệt nhiên không dám quay về, thì ta có muốn lấy đất của họ làm quận huyện, lấy người của họ làm binh dân, cũng không có lý nào được nữa rồi !

“Trước giờ những người Thổ qua lại, họ vẫn thường hỏi Ngọc Vân ở đâu, và tên Yểm bây giờ thế nào. Họ muốn được trông thấy mặt. Và lại, tập quán của người Thổ, dù sống chết cũng phải nghe mệnh lệnh của người đầu mục, huống chi bọn Ngọc Vân là nữ chúa của họ ư ! Xin ban sắc xuống cho tỉnh Gia Định đưa bọn Ngọc Vân, Ngọc Thu, Ngọc Nguyên về tất cả ở Trấn Tây. Còn như bọn tên Yểm, tên Giao, Trà Long, Nhâm Vu, La Kiên, Ốc Tâm đều tha tội cho, sai quân hộ dẫn về an trí ở bản hạt, bắt chúng phải đi chiêu tập các thổ mục và thổ dân”.

Vua đưa tờ sớ ấy xuống cho đình thần bàn, đều cho là sự thế trong thiên hạ không phải chỉ câu nệ một mối, nếu không có hại gì đến đại thể, cũng có thể nhân cơ hội mà làm cho xong việc. Và lại, bọn Ngọc Vân là nữ lưu, nay người Man đã có lòng thương nhớ mong, cho về xứ cũ để thoả lòng mong của người Man, cũng không hại gì. Còn như lũ tên Yểm, tên Giao, Trà Long, Nhâm Vu và La Kiên đều là người có tội, không có lẽ nào tha cho về được. Xin cho đem Ngọc Vân, Ngọc Thu, Ngọc Nguyên và những kẻ nô bộc theo hầu cùng là tên Ốc Tâm giải về Trấn Tây, đặt dưới quyền coi quản của Tướng quân và Tham tán, bắt phải chiêu tập bọn thổ dân, bảo nhau về quy thuận, cho họ được đổi tội lỗi cũ, sinh sống đời mới. Nếu còn

kẻ nào giữ lòng mê muội không biết tình ngộ, thì lập tức đem đại binh đến tiêu và giết. Như thế là vừa vỗ về vừa càn quét, để được xong việc.

Vua nghe theo. Sai tha cho bọn Ngọc Vân về. Tiền của Ngọc Vân còn gửi ở Gia Định hơn 5.000 quan, gạo 3.000 phượng, đều trả lại cho cả. Bọn Ngọc Vân khi đã về đến Trấn Tây, sai người đi chiêu dụ dân, nhưng không có công trạng gì cả.

Khao thưởng và uỷ lạo các tướng sĩ ở Trấn Tây. Dụ rằng : “Nước Cao Miên làm tôi triều ta, lâu đến bao nhiêu đời nay rồi. Người họ rất là nhu nhược, thường bị nước Xiêm bên cạnh chà đạp tranh chiếm mất đất. Khoảng năm Gia Long [1802-1819], Hoàng tổ ta, Thế tổ Cao hoàng đế, đã từng rộng ơn giúp cho nước bị diệt được nổi dậy, dòng dõi không ai thờ cúng được có người thừa tự, sai tướng đến giữ yên nơi biên giới, gây dựng lại nước, lập Chấn làm phiên vương, lại đặt quan để bảo hộ cho. Chỉ vì Quốc vương ấy không khéo vỗ về dân chúng, để cho em hán là tên Nguyên, tên Yếm, tên Giun mưu làm việc trái phép, ngầm sang nước Xiêm, định đem viện binh về đánh, rốt cuộc lại sợ không dám hành động. Tóm lại là hoàn toàn nhờ ở uy đức của triều đình ta nên mới được như thế. Thế mà phiên vương ấy không biết tự cường để chống lại kẻ đối địch bên ngoài. Rồi đến năm Quý Ty [1833], bọn giặc Xiêm thừa cơ, sơ hở, đốc hết quân trong nước sang xâm chiếm đốt phá hết cả nước Cao Miên, Phiên vương nước ấy một mình chạy sang nương náu nước ta, thì nước Cao Miên lúc bấy giờ còn có gì nữa không !.

“Khi ấy, Hoàng khảo ta nghĩ thương nước Cao Miên đã từng làm tôi bản triều lâu năm, không nỡ để cho đến nỗi phải tuyệt diệt mới đặc cách sai bọn Bình khấu Tướng quân Trấn Văn Năng, Tham tán Nguyễn Xuân và nguyên Tham tán hiện nay là Trấn Tây Tướng quân Trương Minh Giảng đem quân sang đánh, dẹp yên giặc Xiêm, sửa sang lại nơi biên cương để hộ tống phiên vương về nước, nhưng phiên vương đã chết, thì Cao Miên đã không còn nước nữa rồi.

“Hoàng khảo ta nghĩ đến vua cũ Cao Miên không có con nối dõi, chỉ để lại có mấy người con gái, đều phong cho làm Quận chúa và Huyện quân, cấp cho bổng lộc, mũ áo để nối nghiệp, nhân đặt làm toàn hạt Trấn Tây : chia đặt quận huyện, bổ quan, phân chức để giữ đất ấy trông nom cho dân. Thổ tù các bộ lạc đều được tùy tài bổ dùng, trao cho quan chức, để tấm thân họ được về vang. Các thổ dân ở đấy và ở Xiêm quay về có đến hàng nghìn vạn. Phàm có năm nào bị mất mùa đói kém, đều chẩn cấp cho, để sinh sống được thoả mãn. Lại cho tên họ, bỏ hết chính lệnh phiên hà, cứu vớt dân từ nơi lâm than, đặt lên chân chiếu để được yên ở. Trong 8 năm nay, sửa sang xếp đặt, tổn phí đến hàng nghìn vạn cũng không tiếc. Việc gì cũng đến Hoàng khảo ta phải nghĩ ngợi, mưu tính không sót việc gì. Từ đó việc ở ngoài biên cương đã đâu vào đấy, nhân dân đã được yên, cõi xa nước ngoài, nơi nào cũng

phải kính sợ vũ lược của nước ta. Thế mà mùa thu năm ngoái [1840], các thổ mục lòng lang sói, tính man rợ từ bên ngoài gây nên, xui giục bọn thổ dân kéo nhau nổi loạn. Đó cũng do ở bọn quan địa phương võ về chống giữ không phải đạo, lỗi ấy không chối cãi được nữa. Nhưng nhờ ơn Hoàng khảo ta còn để thể diện cho Tướng quân và Tham tán, chỉ trừng trị qua loa, vẫn cho giữ quyền tiểu bắt, để mong được báo hiệu sau này. Lại nhờ ở Hoàng khảo ta ngầm vận mưu sâu, biết trước cơ sự, sai Chương Tả quân Phạm Văn Điển sung làm Kinh lược đại thần, Thống chế Nguyễn Tiến Lâm sung làm Tham tán, thụ Tả đô ngự sử Nguyễn Công Trứ sung làm Tán lý, đem quân ở các hạt từ Kinh trở về Nam tiến đi hội tiểu. Quân biên binh đông như mây kín, kể có hàng vạn người. Trận đánh ở Hải Đông, người tỳ tướng là Đoàn Văn Sách trước chiếm công đầu. Nước Xiêm sợ mất vĩa, bọn đầu mục của giặc giúp sức làm bậy ở Hải Tây cũng phải xin hoà lui quân ra ngay khỏi cõi. Bọn thổ phỉ đã không có ngoại viện, thì có khó gì không đánh một trận dẹp tan được ? Ta tưởng đến cuối mùa đông năm ngoái là xong việc, cớ đó báo tin thắng trận, để Hoàng khảo ta được thư lòng lo nghĩ về mạn Tây. Không ngờ kéo dài ngày tháng, lại gặp đến quốc tang, mà nơi biên giới vẫn chưa được yên, để cho bọn giặc mọn sinh lòng, lại mưu toan dòm ngó. Ta là người đức bạc, lại buổi mới nối ngôi, ân tín chưa đủ cho mọi người tin, uy lệnh chưa đủ cho mọi người sợ. Song, ta cố nói chí người trước, để hoàn thành công việc người trước chưa làm xong, đầu đảm ăn không ngồi rồi mà đùn trách nhiệm cho người khác !

“Mới đây, các kinh lược, tướng quân, tham tán và tán lý cùng đứng tên tâu lên, mưu tính tình hình nơi biên giới, và nghĩ xin các điều. Ta xem xong, suy nghĩ đến vài bốn lần, thấy có nhiều điều còn làm cho người ta chưa được thoả lòng. Đã giao ngay xuống cho đình thần bàn lại tường tận. Kịp khi dâng lời bàn lên, ta lập tức chuẩn y lời bàn giao xuống để theo mà thi hành. Thế là ta cũng đành miễn cưỡng theo lời bàn của các Khanh đó. Nhưng xét ra sự thể hiện nay, gày con toán mà tính cho đến phải, thì cả hạt Trấn Tây phải nên thời thường trông nom xử trí, mà cốt yếu trong việc trông nom xử trí ở Trấn Tây là đầu tiên phải làm cho người Xiêm sợ và phục mình, rồi sau mới có thể làm được. Nay cứ trong tờ sớ nói rằng : người Xiêm ý muốn lại đến Hải Tây, chẳng qua yêu cầu ta lại lập lên nước Cao Miên mà thôi. Nhưng đất cát của nước Cao Miên, thuộc về bản đồ nước ta đã lâu, việc ấy nhất định không thể theo được. Nếu họ biết dưới lý mà rút quân về, thì hai nước thôi việc chiến tranh, ta giao hảo với nước họ cũng không hại gì. Nếu họ không thế, thế tất phải đánh. Họ đem quân đi xa, lương thực phải lấy ở thổ dân. Nay, thổ dân lo ăn còn chưa đủ, lấy đâu giúp được cho kẻ địch, liệu kẻ địch có thể cầm cự với ta được lâu không ? Huống chi, quan quân ta ở đây, lương đủ dùng, quân tinh nhuệ, chỉ một

thành Trấn Tây cũng có thể chống giữ nổi, cả sáu tỉnh Nam Kỳ cũng đủ cung cấp quân nhu. Tình thế chủ khách có khác nhau, thì cơ được thua đã quyết định, tất phải đánh dữ một phen cho chừa, để họ sợ khiếp mãi mãi, thì dù đường Thục hiểm trở, cũng có lối thông, nước Hồ ở nơi sa mạc, không sào huyết nào là không quét sạch, còn lo gì là rộng lớn, ngại gì là hiểm trở nữa ?

“Lũ các khanh đều là quan to, tài giỏi, làm tướng lâu ngày, giúp rập hai triều, nối đời chịu ơn của nước, lịch duyệt trong ngoài, đã từng lập công nơi biên giới, tiến lên chức cao. Các tỳ tướng, các binh đồng cũng được triều đình dạy dỗ rèn luyện sẵn sàng cho mặc đẹp, ăn ngon, chăn nuôi đã lâu năm. Đương lúc biên giới có việc này, phải nên nhớ lại ơn hậu đãi của Hoàng khảo ta đã tác thành nuôi dạy mà tính đường báo đáp ở ngày nay. Vì thế, nay ta lại ra mệnh lệnh này, để hiểu thị cho các tướng sĩ ở nơi hàng trận biết.

“Vả lại, tự mùa thu năm ngoái đến nay, các tướng sĩ gối guom nằm giáo, ra sức khó nhọc ở ngoài biên giới đã lâu, ta vẫn thường thường nghĩ đến, thức ngủ không yên lòng. Tuy rằng đã từng tiết thứ, tùy việc thưởng cấp cho, song cũng chưa đủ yên ủi công khó nhọc. Nay chuẩn cho bộ Hộ trích ra 1.000 lạng bạc và 10.000 quan tiền, đưa đến thành Trấn Tây, để khao thưởng và ban cho. Lại phái cho Ngự sử Phan Văn Xương và Thị vệ trưởng Hoàng Bá Bằng mang tờ dụ này đến quân thứ Trấn Tây tuyên đọc và khao thưởng úy lạo từ Kinh lược Tín Vũ hầu Phạm Văn Điển, Tướng quân Bình Thành bá Trương Minh Giảng, Tham tán Ân Quang tử Lê Văn Đức, Ninh Lạc nam Nguyễn Tiến Lâm, Long - Tường Tổng đốc Bùi Công Huyền, Tán lý thự Tả đô ngự sử Nguyễn Công Trứ, thự Đề đốc Diên Hựu tử Đoàn Văn Sách, Hiệp tán Cao Hữu Dục, Tả lý Đinh Văn Huy cho đến bọn lãnh binh, quản vệ, quản suất, các cơ đội binh đồng, tùy từng hạng mà ban cho.

“Lần này là do ta nhớ đến các tướng sĩ ở nơi hàng trận, đãi cho ơn huệ ưu hậu, truyền bảo cho biết công việc nên làm. Ai nấy đều phải nên hết lòng hết sức. Tướng suý thì phải xem xét cơ hội, để đối phó với quân địch, cho sự quyết thắng được vạn toàn : các tỳ tướng thì phải tự mình tiến lên trước quân lính, chém quân giặc, bắt kẻ đầu mục của giặc ; binh đồng thì hăng hái không nghĩ đến mình, xông pha nơi giáo mác, chỉ nghĩ đến việc giết giặc lập công. Phàm khi ra trận, nếu có các đại viên như kinh lược, tướng quân, tham tán, tán lý, đề đốc cũng đi vào đấy, thì từ lãnh binh trở xuống, người nào nhút nhát lùi bước, chuẩn cho chém đầu ngay ở trước quân lính, bêu cho mọi người biết, để nghiêm quân luật. Cốt phải tướng hiệu một lòng, quân sĩ theo lệnh, thì không mấy chốc mà nơi biên cảnh được yên tĩnh, binh dân được nghỉ ngơi, ta có thể tỏ rõ đức sáng, nêu ra huân liệt của đời trước, làm công nghiệp của

người xưa thêm phần rục rĩ, mà lũ các khanh cũng có thể báo đáp được ơn của Hoàng khảo ta, tất nhiên nhận được phần thưởng to nhất, khắc bia ghi công, càng được triều đình quý trọng hơn nữa. Nếu cứ lững lờ trông ngóng, sợ co lại không dám tiến quân, thì việc thưởng phạt của Nhà nước rất nghiêm minh, ta cũng không thể lấy tình riêng mà bỏ phép công được. Các khanh phải cố gắng lên !”.

Cho : Phó vệ úy vệ Hậu nhị, quân Vũ lâm là Tôn Thất Cung làm thự Vệ úy, nhưng sung Vệ úy vệ Kim ngô ; Phó vệ úy ở Hùng nhuệ Tả vệ là Nguyễn Sáng sung Phó vệ úy vệ Kim ngô.

Đổi : Phố Đông Ba phủ Thừa Thiên làm phố Đông Gia ; cầu Đông Ba làm cầu Đông Gia, núi Thủy Ba làm núi Thủy Vân, cửa biển Tư Dung làm cửa biển Tư Hiền.

Phủ Thừa Thiên và các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Thanh Hoá có bệnh dịch. Vua sai các quan ở tỉnh hạt ấy lập đàn để cúng. Người bị bệnh thì cấp cho thuốc, người nào chết thì cấp cho tiền tuất.

Quy định kiểu mẫu bài ngà của thuộc viên ở Tôn nhân phủ (Mặt bài trên biên chức tước của công tước nào, dưới biên thuộc lại là chức gì như những chữ “trưởng sử, phó trưởng sử, quản gia”... Còn các phủ thuộc của hoàng tử, hoàng đệ chưa được phong tước, mà nên cấp cho bài ngà, thì biên rõ chỗ nhà cùng ở vào hàng mấy, thứ mấy, chiếu biên chức quan thuộc vào nhà nào, tên để là gì).

Đổi cấp lại bài ngà của thuộc lại Tôn nhân phủ cái nào có biên chữ cùng dạng với chữ huý ; còn các ấn triện, biển ngạch và my môn của các sảnh đường thì vẫn cứ để như lối cũ.

CHÍNH BIÊN

ĐỀ TAM KỶ - QUYỂN V

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất [1841], mùa xuân, tháng 3, đúc tiền “Thiệu Trị thông bảo” (tiền đồng hạng lớn, nặng 9 phân ; tiền đồng hạng nhỏ và tiền kẽm mới đều nặng 6 phân). Bộ Hộ xin đúc tiền kiểu mới, để tỏ rõ là chính lệnh mới. Vua cho lời tâu ấy là phải. Sai đúc thử đồng tiền mẫu mới. Tiền mẫu đúc xong. Sai giao cho cục Thông bảo ở Hà Nội để khởi công đúc. Thợ chính ngạch, thợ thuê, lò chính, lò phụ đều do bộ cấp theo như lệ (lệ năm Minh Mệnh thứ 16 [1835]).

Sai Thủy sư Chương vệ Phạm Văn Cục quản lĩnh các hiệu thuyền (thuyền Hải vận, thuyền Hiệu, thuyền Bắc tào) gồm 124 chiếc để chở các vật hạng của công ở Bắc Kỳ vào Kinh.

Lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh là Phạm Hữu Tâm, Bang biện Trấn Tây là Doãn Uẩn và các quan to ở các địa phương đến họp ban làm lễ tiến hương. Theo như hội điển của nhà Minh và nhà Thanh thì gặp khi có quốc tang, các địa phương họp nhau phúng phải tự biện lấy hương và phẩm vật. Bộ Lễ đem việc ấy tâu lên. Vua phán rằng : “Sự cảm cách không ở lễ vật, mà cảm cách ở lòng thành kính”, một mảnh tâm hương, cốt ở tỏ lòng trung tín mà thôi. Nếu bắt người ta người nào cũng phải tự biện lấy lễ vật thì không đóng góp riêng với nhau, cũng ganh nhau dâng lễ để phò phỉnh. Việc ấy không phải là điển lệ, hà tất phải bắt chước cái xấu ấy ? Vua bèn sai Nội vụ phủ phát ra các thứ hương thực tốt làm bằng kỳ nam, bạch đàn, long não, xạ hương, Bộ phải sửa biện lễ vật. Làm lễ xong, ngày hôm sau, vào lạy chào vua ở tiện điện.

Vua cho gọi vào, đều hỏi đến tình hình ở sở tại các địa phương. Rồi khóc bảo Phạm Hữu Tâm rằng : “Khanh là bậc đại thần, người cũ, có công lao được Tiên đế rất quý trọng, nay Tiên đế một sớm xa bỏ thiên hạ, để lại sự khó nhọc lớn lao cho ta ! Ta mong ở các bậc nguyên lão đại thần đồng lòng xúm lại giúp đỡ. Khanh trước đây nghe tin quốc tang, dâng sớ xin vào làm lễ viếng. Nhưng ta nghĩ rằng : Hà Nội là một nơi trọng yếu của Bắc Kỳ, hãy tạm lưu khanh ở lại, nay ta gọi khanh về. Khanh có thể giúp đỡ ta những chỗ thiếu sót, tức là để báo đáp Tiên đế đó”. Hữu Tâm cảm kích khóc lên, rồi lạy tạ. Vua lại truyền cho ngồi, ban trà, rồi thông thả hỏi : “Ta là người còn ít tuổi, vâng nối nghiệp lớn, ở bên ngoài có được ổn thoả yên tĩnh hay không?”. Tâm thưa : “Trong nước có bậc trưởng quân là phúc của xã tắc, nhân tình bên ngoài đều ổn thoả yên tĩnh cả. Tôi lại nghe nói khi ân chiếu đưa đến, chỗ nào cũng vui mừng cổ vũ, tưởng mong thái bình”. Vua nói : “Trước đây, ta thấy Bó chính Quảng Nam là Phạm Duy Trinh dâng sớ nói là ta mới lên ngôi, lòng người chưa yên, xin luyện tập binh lính trong tỉnh để giúp thêm việc trấn tĩnh. Ta biết là Trinh không đặt sự lý, nên thử hỏi khanh đó thôi”.

Vua lại hỏi Doãn Uẩn rằng : “Tên Xiêm mục là Chất Tri vẫn làm thanh thế bên ngoài cho bọn người Man, phỏng chừng chúng có thể ở lâu đấy được không?”. Uẩn thưa rằng : “Chất Tri đem quân Xiêm đến không mang theo một đấu lương thực nào, đều do người Man cung cấp cho cả. Người Man khốn quẫn, tất nhiên không thể cung cấp nối tiếp được mãi, thì người Xiêm có muốn vượt cõi mà đến, cũng không thể nào ở đấy được lâu”. Vua nói : “Chúng đã thiếu ăn, ta nên nhân lúc quân mình rỗi rãi, đối địch với chúng khó nhọc từ xa đến, tưởng cũng dễ thành công. Kỹ năng của bọn họ như con chim Tinh vệ lấp biển, chim Ưng thúu làm thêm tổ, chẳng đánh cũng phải tan”.

Được một lúc, vua dụ quần thần rằng : “Đường, Ngu lấy thiên hạ làm của công, Tam vương lấy thiên hạ làm của riêng, làm của công thì truyền cho người hiền, làm của riêng thì truyền cho con. Truyền cho con tất phải cho con trưởng, là lấy sự ở ngôi chính thống làm trọng. Vua Văn đế nhà Hán là con vợ lẽ, làm phiên vương ở đất Đại, được các đại thần đón về, lập làm vua. Cho nên, khi mới lên ngôi, ngảnh về hướng tây khiêm nhường ba lần, ngảnh về hướng nam khiêm nhường hai lần, là bởi có ấy. Lời bàn của người đời còn chê là giả dối. Vì sự khiêm nhường không do lòng thực, thì gần như là màu mè.

Quốc triều ta, lễ chính đáng về việc nối dõi rất là minh bạch, Hoàng khảo ta là Thái tử, vâng nối ngôi Trời ; ta là con trưởng, nối giữ nghiệp lớn. Trong khoảng trước sau, quang minh chính đại, cần gì phải làm ra hư văn khiêm nhường ấy nữa ? Ta kính nhớ lại : đầu năm Minh Mệnh [1820-1840], Hoàng khảo ta lên ngôi, trong đình thần có người nói là nên theo lối khiêm nhường như Hán Văn ngày xưa.

Câu nói ấy là nghĩa lý gì, mê hoặc quá lắm ! Mới rồi, ta nhân khi ghi chép công việc, kê lại lời huấn của Hoàng khảo ta trong lúc nhàn rỗi, ngẫu nhiên làm thành bài thơ, mỗi câu là một giọt nước mắt, gạt nước mắt mà viết ra. Nay ta đọc cho các khanh nghe, để rõ ý ta. Ta chỉ biết sớm tối kính sợ, cố gắng nối noi ý chí và công việc của người trước, đâu dám bắt chước cái lối khiêm nhường màu mè ấy ! (Trong bài thơ có câu : “*Văn nhượng hư tình cổ sở nghi*”, nghĩa là khiêm nhượng màu mè là cái tình hão, người xưa đã lấy làm ngờ !).

Ngày Đinh Mùi, tế Trời Đất ở đàn Nam Giao. Trước đây bộ Lễ tâu rằng : “Tế Giao, là việc lớn nhất, trước nhất, để báo đáp nguồn gốc, nhớ lại lúc bắt đầu. Sách *Lễ ký* nói rằng : “Để tang thì trong ba năm không đi tế, chỉ có tế Trời và tế Xã Tắc thì bỏ dây thắt để tang mà đi làm lễ”. Tế Giao năm nay, xin nhà vua mặc áo cổn, đội mũ nhọn, đem đủ nghi trượng đại giá, thân đến làm lễ ; trăm quan đều mặc mũ áo làm lễ, chín lần tấu đều nổi nhạc, duy có phường âm nhạc theo hầu kiệu vua, chỉ đặt các đồ nhạc nhưng không tấu nhạc. Khi nhà vua trở về trai cung, trăm quan làm lễ chúc mừng theo như lệ cũ”.

Vua bảo đại thần là Trương Đăng Quế và Vũ Xuân Cẩn rằng : “Tế Giao năm nay cũng là bỏ dây thắt, đi làm lễ, mà lại nhận lễ mừng ở trai cung, ta thấy chưa được yên lòng, vậy muốn miễn cho việc làm lễ mừng ấy”. Bọn Cẩn tâu rằng : “Tế xong làm lễ chúc mừng, là theo lệ cũ. Hoàng thượng, mới đi tế Trời lần đầu, tai mắt nhân dân buổi mới, phạm việc gì cũng nên noi theo điển cũ. Ý vua vẫn chưa cho là phải. Khi đến trai cung, các quan vào hầu, vua lại dụ rằng : “Hoàng khảo ta trị vì 21 năm, những việc tế lễ to lớn, tất phải thân đến làm lễ và tất phải kính cẩn. Trong khoảng đó, nhân bận việc, có ba lần (2 lần kính cáo, 1 lần lễ tạ) sai ta làm thay, đó là đặc ân. Năm Minh Mệnh thứ 20 [1839], trước ngày tế Giao mấy ngày, Hoàng khảo ta trong người không được khoẻ, ta xin chọn ngày khác làm lễ. Hoàng khảo ta dụ rằng : “Con chỉ biết có một, chưa biết đến hai. Làm vua cai trị muôn nước, phải kính Trời, bắt chước tổ tiên, chăm chính sự, thương yêu dân, bốn việc ấy không lúc nào lãng quên được. Hướng chi, vì dân cầu phúc, lập lên lễ tế kính cẩn, đã có ngày nhất định, thay đổi sao được ? Con không nhớ việc Thần Tông nhà Minh ư ?”. Ta không dám nói nữa. Tối hôm ở trai cung, ta hầu ở bên cạnh, suốt đêm không ngủ. Hoàng khảo khen ta là hiếu kính, lấy cái nhẫn mặt kim cương to của Hoàng khảo vẫn đeo ở tay ban cho ta ngay trước mặt. Lời vàng ngọc còn văng vẳng bên tai, tinh linh của Hoàng khảo vẫn phảng phất ở trên Trời. Nay nghĩ lại chuyện cũ, trong lòng bồi hồi, xiết bao thương cảm ! Việc làm lễ mừng ta ở trai cung, nên miễn đi là phải”. Quân thần 2 - 3 lần nài xin, vua mới cho.

Khi làm lễ xong, vua trở về, thưởng cho các quan viên chấp sự và bồi tế đình bạc và kỷ lục có thứ bậc ; quan văn từ tông ngũ phẩm, quan võ từ tông tứ phẩm cho

đến các lại dịch, biên binh được thưởng 4.000 quan tiền. Suốt dọc đường phủ Thừa Thiên, những nơi đặt hương án bái vọng được thưởng chung 3.000 quan tiền. Từ đây hàng năm định làm lệ thường.

Trước đây, trong Kinh kỳ lâu không mưa, sai Kinh doãn Phạm Khôi, Bùi Nhật Tiến, Tham tri bộ Lễ Phan Bá Đạt kế tiếp nhau cầu đảo, vẫn chưa được mưa. Đến đây, vua nhân việc tế Giao, làm lễ mật đảo, đến ngày hôm sau, mưa rất to, thấm khắp gần xa.

Đổi lại danh hiệu hai nước Thủy Xá, Hoả Xá. Hai nước này xưa gọi là Nam Bàn, là dòng dõi Chiêm Thành, Lê Thánh Tông đánh được Chiêm Thành, lập cho con cháu vua nước ấy gọi là nước Nam Bàn, ở phía tây núi Thạch Bi. Nước Thủy Xá : phía tây giáp nước Hoả Xá, đông giáp đồn Phúc Sơn tỉnh Phú Yên và bọn Man chịu thuế ở Thạch Thành, bắc giáp bọn Man chưa quy phục ở Bình Định. Nước Hoả Xá : phía đông giáp Thủy Xá, tây giáp đất Sơn Phủ thành Trấn Tây, bắc giáp bọn Man có bộ lạc nhất định. Khi bản triều mới bắt đầu dựng nước, thường cứ 5 năm một lần sai sứ tiến cống sản vật địa phương (nước Hoả Xá không thể tự đến được, phụ với nước Thủy Xá). Được nước ta thưởng cho thứ gì, họ đều lưu truyền lại làm của báu đời đời. Đầu năm Gia Long [1802-1819], sứ của nước ấy đến Phú Yên, được thưởng cho rất hậu và cho về nước. Sau, vì nước ấy không yên, không sai sứ đến cống được. Năm Minh Mệnh thứ 12 [1831], nước Thủy Xá mới sai sứ đến cống, người thông dịch lại nói nhầm là Hoả Xá, triều đình nhân theo cũng cho là Hoả Xá. Đến đây, tinh thần Phú Yên là Lê Khiêm Quang và Nguyễn Văn Lý vâng lời thánh dụ, sai người đến tận nước ấy, hỏi rõ tình trạng rồi tâu lên. Lại tâu rằng : “Nước Thủy Xá liệt vào hàng chức cống của nước ta đã gần 20 năm nay, chỉ vì người thông dịch nhầm “thủy” ra “hoả”. Quốc trưởng nước ấy là Vĩnh Liệt vẫn không yên lòng, xin đổi tên nước ấy lại cho đúng. Nước Hoả Xá cũng ngưỡng mộ đức hoá của nhà vua đã lâu, nhưng không thể tự đến được. Quốc trưởng nước ấy là Ma Thát cũng muốn phụ với nước Thủy Xá hợp nhau dâng lễ cống như lệ cũ”.

Vua phán rằng : “Hoàng khảo ta uy đức rộng khắp. Những người tuy ở cõi xa, nơi hoang, chẳng ai không muốn dâng bày lễ cống ở trước sân, cũng tỏ lòng thành tôn kính bề trên. Thủy, Hoả vốn là hai nước, nước Hoả nhỏ mà ở xa, nước Thủy ở gần mà lại to, năm trước vào cống, nói là nước Hoả, chứ không nói nước Thủy. Hoàng khảo ta là bậc thánh minh, đã lấy làm ngờ, biết là thế nào cũng có duyên cớ ; cho nên bắt đầu sai quan thành Trấn Tây, rồi lại sai quan tỉnh Phú Yên (năm Minh Mệnh thứ 21 [1840] mùa thu, sai quan ở thành Trấn Tây và tỉnh Phú Yên cho người đến hỏi sự trạng nước Thủy Xá, hỏi đi hỏi lại, cốt để biết rõ tình trạng, đến nay quả nhiên như thế. Vậy, giao cho bộ Lễ bàn luận cho kỹ, nếu là nhầm thì đổi lại cho

đúng, nước nào đến cống thì tiến dần cho họ. Còn việc tiến cống chung nhau, ba năm một lần sai sứ đến, đều cho tùy ý để người xa, được thoả lòng thành”.

Khi tờ dụ đưa đến, cả hai nước đều rất mừng, xin đến tháng 6 sai sứ đến Kinh (một người sứ sang làm lễ tiến hương, một người sứ sang mừng vua lên ngôi). Vua ưng cho. Rồi ban cho Quốc trưởng nước Hoả Xá là Ma Thất : họ là Cửu, tên là Lại, để tỏ mệnh lệnh mới. Lại thưởng cho phái nhân của tỉnh Phú Yên là bọn Nguyễn Văn Quyền và Đặng Văn Hoạt có thứ bạc. Hai nước Thuỷ Xá và Hoả Xá cống chung với nhau bắt đầu từ đây (các phẩm vật đem cống : nước Thuỷ Xá thì cống 2 chiếc ngà voi, 2 cái sừng tê. Nước Hoả Xá thì cống 1 chiếc ngà voi, 1 sừng tê. Cứ đến năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thì nước Thuỷ Xá phải chọn sai người đi sứ và mang cả phẩm vật của hai nước đến tỉnh Phú Yên làm lễ tiến cống. Theo lệ, thưởng cho Quốc vương nước Thuỷ Xá 1 cái khăn nhiễu màu lam dài 8 thước, áo dài bằng sa dày màu lam, màu trắng 1 cặp, áo nhung vải trong lót lụa màu, tay hẹp 1 cái, áo sa dày màu lam, màu trắng tay hẹp 1 cặp, áo sa nam toàn tơ, tay hẹp các màu 5 chiếc, quần nhiễu màu lam, màu hồng mỗi màu 1 chiếc, quần lụa nam màu cánh kiến 2 chiếc, 1 bộ đồ uống rượu có 1 cái nệm, 3 cái chén, 1 cái khay. Quốc vương nước Hoả Xá được 1 cái khăn nhiễu màu lam dài 8 thước, áo dài bằng sa dày màu lam, màu trắng 1 cặp, áo nhung vải trong lót lụa màu, tay hẹp 1 chiếc, áo sa nam toàn tơ, tay hẹp các màu 3 chiếc, quần nhiễu màu lam, màu hồng mỗi màu 1 chiếc, 1 bộ đồ uống rượu. Lại cấp cho Quốc vương hai nước đều 1 cặp áo măng tam phẩm về võ giai. Thưởng cho Nguyễn Văn Quyền làm Đội trưởng ở tỉnh ấy, Đặng Văn Hoạt làm Cửu phẩm thư lại, bọn tùy phái, thông ngôn, mỗi người 1 cặp áo bằng nhiễu nam vải Tây dương và 10 lạng bạc).

Bọn Kinh lược Phạm Văn Điển, Tướng quân Trương Minh Giảng dâng sớ tâu rằng : “Trước đây, thành hạt chúng tôi có phái Phó cơ Nguyễn Văn Lương mang thư sang Bắc Tâm Bôn. Khi mới đến, thì sự khoản đãi cũng khá ân cần, đến sau khi đã dịch thư ấy ra, thì Xiêm mục là Chất Tri không tiếp phái uỷ của ta nữa, mà giục phải về ngay, cũng không có thư trả lời. Hạt tôi lại làm một lá thư nữa, sai Viên ngoại lang ở ty An Biên là Lê Quốc Hương lại đem đi và thăm dò tình hình của địch. Khi đi đến đất Mật Thường Thủ vì đường nghẽn, không đi được, phải trở về. Lại nghe nói rằng : Chất Tri viện cố là Vũ Đức Trung và Nguyễn Song Thanh hứa hẹn hảo với họ là quan quân sẽ rút về Châu Đốc, rồi sau không giữ đúng lời hứa. Họ sẽ lại đem quân đến Hải Tây, sửa đắp lại thành cũ Long Tôn, lập tên Giun làm Quốc trưởng Cao Miên, chia quân đóng đồn những nơi hiểm yếu lợi hại, mưu tính chắn ngang con đường qua lại từ Hải Đông đến Xà Năng. Hạt chúng tôi đã phải phòng giữ cẩn mật hơn lên rồi”. Và lại tâu rằng : “Quân ở hai tỉnh An Giang và Hà Tiên hiện nay ít quá, xin phái Kinh binh đến ngay để thêm sức đánh và giữ”.

Vua dụ rằng : “Phái nhân đi thăm dò về nói vị tất đã được thực cả. Khi nào kẻ địch muốn đến cướp nơi biên giới mà lại đem tình hình định đến chỗ nào tiết lộ cho người biết bao giờ ! Vô luận là lời nói của họ thực hay không thực, quân giặc Xiêm có đến hay không đến, quý hồ tự mình phải hằng hái tự cường, kích lệ các tướng sĩ, sắp sẵn giáo mác, cốt làm thế nào cho mọi người đều hết lòng cố gắng làm việc, chớ nên lộ ra một ít nào có ý nhụt nhất mới được. Trong binh pháp có nói rằng : “Chớ cậy là quân địch không đến, cốt cậy ở mình đã có phòng bị sẵn”, chính là thế đó. Nay biên binh ở Hải Đông đã về ở Xà Năng, đạo quân của Bùi Công Huyền và quân ở đồn Sơn Tĩnh đều rút về một loạt để cho sức quân thêm mạnh. Ta nghĩ : Sự thể ngày nay, tự họ đã vi bội trước, thì mình cũng không nên lại gửi thư sang họ làm gì. Chỉ nên do đoán sức mình, sức người, cốt tính thế nào cho việc nên đánh nay nên giữ được vạn toàn là hơn.

“Năm nay hai vệ biên binh của tỉnh Bình Định và Khánh Hoà phải sang đóng ở Trấn Tây, đã có Chi rút về đóng ở An Giang để sai phái ; lại phái thêm 2 vệ cơ binh ở Tả Kỳ đến ngay đóng giữ, để có thêm sinh lực. Lũ các khanh phải giữ vững trong lòng, vỗ về quân lính, nuôi sẵn nhuệ khí, chứa sẵn oai hùng, để phòng khi dưng đến. Nếu bọn giặc Xiêm dám đem quân đến xâm lược, thì đánh cho một trận rất hăng, giết cho rất nhiều, làm cho họ phải khiếp sợ. Nếu sự thắng lợi của họ ở chỗ đánh ngay, mà ta chưa tiện càn quét tiêu diệt được ngay, thì phía ta, quân giỏi, lương nhiều, khí giới tốt, thành bên vững, phạm những chỗ hiểm yếu lợi hại, ta đã có hào sâu, lũy cao để giữ, lo gì không chắc chắn ? Họ đem quân ở xa đến, quân càng nhiều thì lương thực càng không tiếp tế được đủ, đường đi càng xa thì quân lính càng dễ mỏi mệt, tiến lên không có ích lợi gì, rút lui không nương nhờ vào đâu được, tất phải khốn quẫn ngay. Ta đem quân no đủ mà đối địch với quân bị đói, đem quân nhàn rỗi mà đối địch với quân bị nhọc mệt, tình thế chủ và khách có khác nhau, thì bấy giờ thừa cơ hội mà hành động, đánh một trận là thành công, tự thấy mình có thừa sức đánh. Cần gì phải luôn luôn sai người sang giảng giải, để cho họ hiểu được sự khoẻ yếu của mình làm gì !”.

Quản cơ Hà Tiên là Lê Công Chất đánh được bọn thổ phỉ ở đất Bút Lê. Trước đây, bọn thổ dân ở Long Xuyên giao thông với bọn thổ phỉ ở Ba Xuyên, dẫn vào đồn Giang Thành, giết viên Thủ ngữ Đoàn Văn Thạch, Suất đội Nguyễn Văn Tự và mấy tên biên binh. Tỉnh thần được tin báo, sai Chất đem quân đến chống giữ, Chất đốc suất Thủ ngữ ở Gành Xay là bọn Lê Văn Lắm chia đường đi tiểu bắt, đến xứ Cái Hươu, đánh phá được bọn giặc, đuổi theo đến đất Bút Lê, bọn giặc lại tụ họp đến hơn 200 đứa, chống cự lại. Chất và Lắm chém ngay tại trận được 15 tên vừa đầu mục và đảng khoẻ của giặc. Bọn giặc nhiều tên bị thương và chết, đều chạy tan cả, phá bằng hơn 30 nơi đồn trại, đốt hết các kho chứa. Việc đến tai vua, thưởng

cho Chất hàm Phó vệ úy, cho Lâm chức Cai đội, nhưng vẫn làm Thủ ngữ ; lại thưởng cho mỗi người 1 cái nhẫn vàng và 1 cái ngân bài.

Dương Văn Phong bị thua trận ở sông nhánh thuộc địa phận Sóc Trấn. Đất Vĩnh Xuyên đã bị phá, bọn giặc Thổ và giặc Thanh trốn vào các xứ Mã Tộc, Sóc Trấn và Trà Tâm, đồ đảng đến hơn 6.000 tên. Phong tập hợp binh đồng được 1.200 tên, chia làm 3 đạo : Phó vệ úy ở Thần cơ Trung vệ là Phạm Văn Đại, Phó cơ là Chu Văn Tuyên, Nguyễn Văn Nội đốc suất quân trung đạo ; Phó quản cơ là Nguyễn Văn Tuấn, thí sai Phó cơ là Nguyễn Văn Niên, bang biện Phó cơ là Nguyễn Văn Nhạn, Lê Văn Thú đốc suất quân Tiền đạo ; Cẩm y Phó vệ úy là Hoàng Văn Quý, thí sai Phó cơ là Trần Văn Nguyệt, bang biện Phó cơ là Nguyễn Văn Long, đốc suất quân Hậu đạo, định ngày tiến quân đi đánh. Đến ngày tiến quân, Phong cáo ốm không đi, uỷ cho Lãnh binh là Nguyễn Duy Tráng suất các đạo quân đến đánh chỗ sông nhánh thuộc xứ Mã Tộc. Văn Tuấn và Văn Nguyệt bảo Tráng rằng : “Nước thủy triều xuống mà sông nhánh lại nhỏ, không nên vào sâu”. Tráng nói : “Triển sông nhánh này là nơi giàu có phì nhiêu, bỏ nơi này còn đi chỗ nào hơn ?”. Tráng ra hiệu cho quân các đạo tiến vào. Lúc ấy bọn giặc đương mở tiệc uống rượu, đều bỏ chạy trốn. Các binh đồng đi đẩy tranh nhau xông vào : người thì cướp lấy tài vật, kẻ thì ngồi xuống ăn uống, ngả cờ, vất khí giới, không chuẩn bị một chút nào. Bọn giặc thừa cơ, đánh úp toán quân hậu đạo, giết hại quân lính, cướp lấy súng và khí giới. Hoàng Văn Quý kêu gọi quân cứu viện. Tráng nói truyền đi là không còn có quân nào đến cứu viện được. Bọn giặc nghe thấy nói thế, càng đánh gấp. Văn Quý và Văn Nguyệt đều bị bọn giặc đâm chết ; Văn Long cố sức đánh, bị chết. Quân hậu đạo bị tan rã. Quân hai đạo trung và tiền vất cả khí giới mà chạy. Tráng kinh sợ liều xông vào trong đám giáo mác, một mình thoát ra được. Văn Tuấn, Văn Đại, Văn Nội và Văn Niên đều chết ở trận. Văn Nhạn đường trường thúc đánh, chém được 11 tên giặc, Văn Tuyên chém được 7 tên, rồi sức kiệt, không có cứu viện đều bị chết ở trận, biển đồng bị chết hơn 100 người, mất 14 cỗ súng lớn, bỏ mất binh khí rất nhiều. Duy có Tráng và Văn Thú đều bị thương chạy về.

Tướng quân Trương Minh Giảng được tin báo, liền tiếp tục phái phó lãnh binh Mai Văn Đống đem 600 binh đồng đến ngay quân thứ của Văn Phong, nhân ban đêm, đánh úp, phá luôn được hơn 20 sở đồn lũy của giặc, bọn giặc đều bỏ lũy chạy hết. Phong cho là đường đi có nhiều ngòi và sông nhánh không tiện đuổi theo đến cùng, lại đem quân về.

Được hơn 10 ngày, bọn giặc lại đến Sóc Trấn và Tâm Vu Gia là hai nơi hiểm yếu, cắm rào lấp sông nhánh, hai bên bờ sông nhánh đều đắp lũy đất, đường thủy đường bộ đều bị nghẽn. Phong chia uỷ cho Quản cơ là bọn Trần Văn Hoàng đem 600 quân do đường thủy chở thuyền đến xứ Tâm Vu Gia ; Phó lãnh binh là

Mai Văn Đổng đốc suất Phó vệ úy là Nguyễn Tiến Quang, bang biện Phó vệ úy là Nguyễn Văn Nương, Phó cơ là Nguyễn Văn Chính, bang biện Phó cơ là Cao Văn Hiên đem 800 binh đồng chia hai mặt thủy bộ tiến đánh nơi sông nhánh ở Sóc Trăng. Phong lại lấy cơ là chân chưa được khoẻ xin lưu lại đóng ở phủ bảo để phòng giữ.

Rồi thì bọn giặc hơn 1.000 đũa đến quấy rối thủy đồn ở phủ. Phong đốc quân đánh lại, bọn giặc lui chạy. Phong cho rằng giặc đã cùng quần thì không đuổi theo nữa, bèn thu quân về. Quân của Văn Hoàng đến xứ Tâm Vu Gia, cũng chém và bắt được chút ít, rồi phá các đồn lũy, rút về. Quân của Văn Đổng đến xứ Sóc Trăng hết sức đánh phá, bắt sống được 6 tên và chém được hơn 10 tên giặc, phá bằng lũy đất, khai thông đường sông ; đến chiều, đem quân về. Bọn giặc đã mai phục sẵn ở rừng rậm bên bờ sông lấy nhiều giáo nhọn phóng bừa ra : Nguyễn Văn Chính và Nguyễn Văn Nương đều bị chết ; binh dinh ngã xuống sông chết đuối cũng nhiều ; Mai Văn Đổng cũng bị bọn giặc đâm chết ; Nguyễn Tiến Quang và Cao Văn Hiên đến cứu cũng đều bị chết ở trận. Bị mất khẩu súng quá sơn lớn bằng đồng và khí giới các hạng.

Trước đây, Duy Tráng bị thua, việc đến tai vua, Phong bị cách chức nhưng vẫn được lưu nhiệm, Tráng bị cách chức, đóng xiềng giải về. Vua sai Ngự sử ở Kinh là Phan Văn Xưởng gấp đến quân thứ ở Ba Xuyên để xét rõ duyên cớ bị thua trận. Đến khi lại nghe tin bị thua lần này, vua than rằng : “Kẻ tài hèn không biết cách điều khiển, còn nói làm gì nữa ! Lập tức lại sai Tham tán Lê Văn Đức lại theo Chỉ trước, đến ngay để cầm quân thay. (Trước đây, có Chỉ cho Đức tổng thống công việc các quân đi tiểu bắt giặc ở các tỉnh An Giang và Hà Tiên, lại kiêm lĩnh Quan phòng tổng đốc, sau đó nghe tin Xiêm mục lại đem quân đến, Đức lại lưu lại ở Trấn Tây). Đức bấy giờ bị ốm, uỷ cho Tổng đốc Long - Tường là Bùi Công Huyền đi thay. Nhân đó, vua chuẩn cho Huyền vẫn giữ chức đang làm quyền lĩnh công việc Tổng đốc An - Hà. Sau đó, Huyền gặp việc gì cũng sợ sệt, bị ngôn quan⁽¹⁾ thường thường đàn hặc. Vua lại sai Huyền chỉ chuyên giữ việc dẹp giặc. Vua lại sai Tham tri bộ Công là Nguyễn Tri Phương làm Tuần phủ tỉnh An Giang, hộ lý Quan phòng tổng đốc An - Hà, di ngựa trạm đến ngay.

Tri Phương vào từ biệt vua để đi nhận chức, vua yên ủi rằng : “Khanh có lòng trung trinh, chăm việc, ta đã biết rồi, chuyến đi này không phải là đem việc khó khăn mà giao cho khanh, chính là dịp để cho khanh lập công và báo đáp ta đó. Chỗ đất ấy do Dương Văn Phong đã làm sinh chuyện ra, bọn thổ dân nhân thế mới hung hăng nổi dậy, quân lính nhân thế mới sợ hãi mà mất tinh thần. Khanh khi đến tỉnh ấy, phạm các công việc trong tỉnh, trước hết phải chấn chỉnh lại cả, rồi sau sẽ cùng

(1) Chức quan có nhiệm vụ phải nói để đàn hặc những người làm điều sai trái.

với Bùi Công Huyền bàn tính việc binh, tùy cơ đánh dẹp, để một dải Ba Xuyên sớm được yên tĩnh, dần dần sẽ mưu tính đến việc hợp quân với thành Trấn Tây. Ngày xưa có câu : “Không gặp chỗ gốc vắn thớ quánh, thì không phân biệt được đồ dùng sắc bén”, khanh phải cố gắng lo nghĩ, chớ phụ lòng ta ân cần mong khanh làm cho kỳ được thành công. Độ này dương nắng, nóng dữ, khanh hãy tạm nghỉ, tám gọi 2-3 ngày rồi sẽ đi.

Vua thấy thua trận ở Sóc Trấn, tướng sĩ hao hụt mất nhiều đều do Dương Văn Phong làm lỡ việc. Xướng dụ rằng : “Trước đây, đánh trận ở phố Vĩnh Xuyên, vì Dương Văn Phong không phân biệt dân hay giặc, cho quân vào lòng cướp tràn, không khỏi có hại lây đến những lương dân, làm cho họ oán giận quá lắm, đến nỗi bọn giặc thu hút tụ tập được mỗi ngày một nhiều, càng thêm hung hăng. Xét ra là bởi tự Phong khêu chuyện ra cả. Huống chi Phong xưa nay vẫn quen miệng lưỡi lém lỉnh, hơi đánh được một trận nho nhỏ nào, thì múa mép khua môi, thêu dệt công trạng, để hòng nhận thưởng, nếu có trận nào hơi thất lợi một chút, lại đổ lỗi cho người khác. TỨC như trận đánh ở Sóc Trấn, cáo ốm không đi, sau lại lấy cớ đau chân ở lại giữ đồn, thậm chí khi bọn giặc rút lui, lại cho là đường nhiều khe ngòi, giặc đã cùng quần, thì không nên đuổi nữa. Lẩn tránh đối trá hèn nhát như thế, muốn giấu đi bao nhiêu lại càng lộ ra bấy nhiêu, tội không kể xiết được. Dương Văn Phong, chuẩn nên cách chức lập tức, không cho làm nữa, sung làm quân tiền khu để gắng sức chuộc tội, nếu hơi có lùi bước nhút nhát chút nào, thì cho chém ngay ở trận tiền cho mọi người biết. Còn những người trận vong như Nguyễn Văn Nhạn, Chu Văn Tuyên, Mai Văn Đổng mỗi người đều được gia tặng một hàm và 20 lạng bạc ; Phạm Văn Đại, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Văn Niên, Nguyễn Văn Nội Nguyễn Văn Long, Nguyễn Tiến Quang, Nguyễn Văn Chính, Cao Văn Hiên và Nguyễn Văn Nhung cũng đều gia tặng cho một hàm. Cứ chiếu theo hàm được tặng mà cấp tiền tuất ; lại cho [mỗi người] được một người con tập ấm làm Cẩm y thiên hộ.

Vua gặp tờ sớ của Phan Văn Xưởng gửi đến, nói rõ những duyên do Phong cho quân lính đi cướp của mang về, sinh ra lỡ việc, khởi đầu từ Tráng, gây nên ở Phong ; và lại Tráng với Phong là chỗ thông gia, cho nên trước đây vẫn che chở, tăng bốc cho nhau, đến đây mới biết được rõ hết tình trạng.

Vua giận, phán rằng : “Tráng khi trước đã tham của, khinh suất tiến quân, sau lại vội vàng chạy trước, thì cái lỗi làm hỏng việc hao quân, còn gì hơn nữa ! hà tất phải tra xét làm gì ? Truyền cho Nguyễn Tri Phương, khi đến quân thú, cho dẫn ngay Tráng đi khắp các quân doanh để bêu tội, rồi lập tức đem chém. Phong cũng phải đóng xiềng giải giao cho tỉnh An Giang xét hỏi, trị tội. Dụ này chưa đưa đến nơi thì Phong đã ốm chết. Đến sau kết án xong dâng lên, các con của Phong

từ 15 tuổi trở lên, đều phải đưa ra làm quân tiên khu ở nơi quân thứ gắng sức làm việc để chuộc tội.

Vua dụ cho các thổ dân ở hạt Trấn Tây và các tỉnh Nam Kỳ. Dụ rằng : “Trước đây, người Man quấy rối, thổ dân ở các tỉnh Hà Tiên, Vĩnh Long, An Giang cho đến Gia Định, Định Tường và Biên Hoà cũng bị bọn chúng khua động. Ta nghĩ : bọn thổ dân tuy ngu tối, nhưng cũng là con đỏ của triều đình cả, bị chúng phiến hoặc đưa mình vào tội, lòng ta lấy làm đau xót lắm, cần nên mở rộng lối thoát, chỉ bảo đường sống cho họ. Phàm những kẻ nào trước đã trót đi làm giặc hay bị bọn giặc bắt ép phải theo, thì không kể là đầu mục hay đồ đảng của giặc, đều cho đến thú tội ở trước quân môn hoặc ở nha môn sở tại, đều được khoan tha cho tội trước, và lập tức cho về yên nghiệp làm ăn ; rồi về báo cáo lẫn nhau, rủ các đồng đảng sớm biết quay đầu trở về, khỏi bị chém giết. Nếu người nào đã trót chứa giấu súng đạn tư, đem nộp hết cho nhà nước sẽ được tùy giá trả lại tiền cho. Hoặc giả có kẻ nào khi trước bị bọn quan lại những nhiều khổ ức, cũng cho làm đơn nói rõ lý do, sẽ được lập tức rửa sạch cho nổi oan uổng. Khi tờ dụ này gửi đến thượng ty các hạt đều phải dịch ra tiếng địa phương, cho dán ở nhiều nơi, để cho mọi người đều biết. Hạn ra thú đến hết năm nay là cùng.

Quy định mẫu tờ tâu của các hoàng thân, hoàng đệ (từ nay trở đi, phàm các hoàng thân, hoàng đệ có việc gì cần phải tâu, vị nào đã được phong tước rồi, thì trong tờ tâu trước hết biên tước, sau biên đến tên ; vị nào chưa được phong tước, thì chỉ biên mấy chữ thân tên là... thôi).

Cho : thự Lãnh binh Nghệ An là Nguyễn Lương Nhân đổi làm thự Chưởng vệ giữ chức Lãnh binh An Giang ; Phó lãnh binh Hải Dương là Đông Bá Huyền thăng thự Lãnh binh Nghệ An ; Phó lãnh binh Cao Bằng là Đặng Văn Đình thăng thự Lãnh binh Hải Dương ; Phó vệ úy ở Tiền phong Tả vệ là Nguyễn Tuyên Điều bổ làm Phó lãnh binh Cao Bằng ; Phó vệ úy ở Hùng nhuệ Tả vệ là Nguyễn Sáng thăng thự Vệ úy.

Lương Nhân vào từ biệt vua để đi, vua dụ rằng : “Người làm việc lâu năm, đã từng theo đi bắt giặc, cơ mưu về việc binh chắc là thông thạo lắm. Nay bọn thổ phỉ ở An Giang, lúc xuất hiện, lúc ẩn náu, không biết đâu là chùng, phải nên trù tính cho đúng cơ nghi, để xứng đáng với sự đã được uỷ nhiệm. Lương Nhân lay tạ, vua lại ban cho chiếc áo mỡ bụng bằng nhung vải màu quan lục, trong lót lụa màu, cái quần nhiều màu lam và 20 lượng bạc.

Dâng tôn hiệu lăng hoàng tử ⁽¹⁾ là Hiếu Đông lăng, phái các bộ, ty, khoa đạo, thị vệ mỗi tháng đi tuần và kiểm soát 2 lần.

(1) Hoàng tử : mẹ sinh vua.

Ngày Tân Hợi, là tiết Thanh minh. Trước một ngày, vua đi thuyền về thăm công việc xây lăng ở Hiếu Sơn. Dụ rằng : “Công trình xây dựng sơn lăng rất là nặng nề, lớn lao, không phải ta không nghĩ đến quan quân khó nhọc, mỗi mọt, nhưng ngại vì việc làm đại lễ ở Sơn lăng, ngày tháng đã định, hiện nay việc làm ruộng mùa xuân đương bận, ta không nỡ để dân phải khó nhọc vào việc này, cho nên bắt đắc dĩ phải dùng sức quân lính nhiều. Kể từ khi khởi công đến nay, chưa quá hai tháng, mà vạn niên cơ đã được gần xong. Tấm lòng chân thật, báo nghĩa, làm gấp việc công như thế, ta rất khen ngợi. Thường cho quan đồng lý và các đại thần bạc lạng có thứ bậc (2 đồng lý mỗi người 10 lạng bạc ; 3 phó đồng lý mỗi người 7 lạng bạc ; 9 tùy biện và quản vệ mỗi người 2 lạng bạc ; 4 lang trung, viên ngoại và khoa đạo mỗi người 1 lạng bạc ; suất đội 154 người, mỗi người 3 quan tiền ; các chủ sự, tư vụ, kiểm thảo, linh đài lang, thị vệ, y viện 15 người, mỗi người 2 quan tiền). Biền binh và các hạng thợ được thưởng chung hơn 3.000 quan tiền. Đại thần đi lại trông coi là Trương Đăng Quế cũng được thưởng hậu (10 lạng bạc).

Vua lại bảo Tạ Quang Cự và Hà Duy Phiên rằng : “Triều Thanh lấy của và sức dân để làm sơn lăng, có khi đến mấy năm không xong, nước ở hang đường hầm đầy ứ lên, hại đến ruộng của dân, ta không làm thế. Công việc lần này, không từng bắt dân phải khó nhọc, chỉ đem quân lính túc vệ ra làm, cấp cho nhiều lương. Dân không hại gì đến việc làm ruộng, mà binh cũng được tí chút để trông nhờ, há chẳng phải là binh và dân đều được lợi cả ư ? Lũ các Khanh nên gia tâm vỗ về thương yêu, chớ nên đốc trách nghiệt quá, để xứng với ý ta.

Đến ngày làm lễ, vua thân đến cáo yết lăng Thiên Thụ ⁽¹⁾, lăng Cơ Thánh ⁽²⁾, lăng Thụy Thánh ⁽³⁾. Sai hoàng thân chia nhau đến cáo yết các tôn lăng, hoàng tử đến lăng Hiếu Đông kính cẩn làm lễ. Thường cho quan quân thủ hộ lăng mỗi người 2 tháng tiền lương ; các nữ quan và nô tỳ 200 quan ; các quân lính theo lệ cũ thưởng tiền. Gia thưởng cho quan lại đi theo hầu 1.000 quan tiền. Tiết Thanh minh, thưởng cho các quan theo hầu bắt đầu từ đây, sau này theo làm lệ thường.

Vua về đến bến lều Phu Văn, đổi mặc áo trắng về cung. Quân cảnh tất hộ vệ đi trước, dùng khăn mũ đi trận. Vua phán rằng : “Vệ sĩ ăn mặc không đúng lễ nghi là lỗi ở quan cai quản. Vua giao việc này xuống cho bộ Binh để nghị tội”.

Ngày hôm sau, hoàng tử thứ hai vào chầu. Vua dụ rằng : “Ta thân đến cáo yết các tôn lăng, phái các hoàng tử làm lễ ở lăng Hiếu Đông, khi làm lễ xong, đáng lẽ

(1) Lăng Thiên Thụ : lăng của Thế tổ Cao hoàng đế (Gia Long).

(2) Lăng Cơ Thánh : lăng của Hưng tổ Hiếu Khang hoàng đế (Nguyễn Phúc Noãn), thân phụ của Gia Long.

(3) Lăng Thụy Thánh : lăng của Hiếu Khang hoàng hậu (mẹ của Gia Long).

phải theo ban đúng hâu, có gì lại đi nơi khác, đến gần chiều cũng không thấy về ban. Con thử nghĩ xem : học quy ở cung Kiều Đông có dạy thế không ? Ta kính theo phép nhà, ân cần dạy bảo, muốn chỉ dẫn cho biết lẽ nghi, để đều theo đúng khuôn phép, giữ mãi được tiếng tốt. Có một điều gì trái lẽ, ta không thích nghe đến. Lần này hãy tạm ghi lỗi, phạt bổng 1 năm. Còn các người tán thiện và giảng tập thì trách nhiệm khuyên dạy ở đâu ? Cũng đều phải phân biệt từng hạng mà giảng trách để răn dạy. Phải truyền Chỉ này cho cả Hồng Bảo kính theo. Ta không nói nữa, nếu lần sau còn như thế, thì lập tức đánh trượng ở trước điện đình".

Cho phép các đại thần ở trong Kinh, ngoài các tỉnh đều được tiến cử những người tài giỏi mà mình biết. Dụ rằng : "Đường lối làm chính trị, cốt phải được người tài giỏi. Ta buổi đầu nối ngôi trông coi chính sự, chỉ nghĩ chuyên dùng người cũ, chăm tìm trị đạo, song, việc biết người hay kẻ dở, Nghiêu, Thuấn ngày xưa còn lấy làm khó, cũng như người làm nhà, tất phải tìm kiếm được nhiều gỗ tốt, mới có thể đủ dùng vào những rường cột rui mè. Những khanh, tể và quan lại tốt của ta đều là bấy tôi kỳ cựu của Hoàng khảo ta cả. Xưa nay vẫn uỷ thác cho những chức trọng yếu như thế tai mắt, trong ngoài cùng giúp lẫn nhau, để sửa chữa những chỗ thiếu sót của kẻ ít đức này. Nhưng bề tôi thờ vua, tiến cử người tài giỏi để giúp việc, mới là trung ái rất mực. Chuẩn cho các đại thần ở trong Kinh và ngoài các tỉnh mỗi người đều tiến cử một người mà mình biết là có tài đức giỏi giang. Về bên văn : đại học sĩ tiến cử người có thể làm bố chính ; thượng thư, đô ngự sử và thượng thư kiêm tổng đốc tiến cử người có thể làm án sát và lang trung trong sáu bộ ; tham tri, phó đô ngự sử và tuần phủ tiến cử người có thể làm viên ngoại lang ở các khoa đạo ; thị lang, kinh doãn và bố chính tiến cử người có thể làm tri phủ, đồng tri phủ ; lang trung, biện lý bộ vụ, phủ thừa và án sát tiến cử người có thể làm tri huyện, tri châu. Về bên võ : chưởng quân đô thống, kinh lược, tướng quân và đô thống lĩnh tổng đốc tiến cử người có thể làm lãnh binh và phó lãnh binh ; thống chế, đề đốc và thống chế kiêm tổng đốc tiến cử người có thể làm chưởng vệ và quản vệ ; lãnh binh và phó lãnh binh tiến cử người có thể làm quản cơ. Không kể là người thuộc hạt mình hay hạt khác, tất phải biết đích xác người ấy nhân phẩm hơn người, xứng đáng với cấp bậc được tiến cử, thì chuẩn cho kê tên ra tiến cử, làm bản tâu lên, giao cho bộ dẫn vào ra mắt, để tùy tài bổ dùng. Không được tiến cử người họ hàng, bè đảng, người không xứng đáng. Nếu nhân việc công để được việc riêng, chỉ tự mua lấy tội lỗi mà thôi. Ngoài ra, nếu có người nào có tài kinh luân thao lược, học rộng, văn hay, xứng đáng làm chức gì, thì không cứ phẩm cấp cao thấp, đều được kê tên tâu trình, ta cũng đặc cách cho thăng lên để được trở sức giúp việc. "Muốn xét người làm quan, thì xét ở chỗ tiến cử người ấy thế nào", người xưa đã nói rõ ràng.

Đều phải nên hết lòng giúp nước, một niềm công trung, cốt sao cho tiến cử được người, để đáp lại tấm lòng chu chí của ta tìm hỏi người tài ra giúp chính sự”.

Cho Thị lang bộ Lễ sung biện các vụ là Lê Bá Tú làm thự Hữu tham tri bộ Công, lại sung làm Doanh kiến phó đồng lý. Phái thêm hai vệ binh trong Kinh và cơ binh ở Quảng Bình (cơ binh này thao diễn ở Kinh) đến sở công trường ở Hiếu Sơn làm việc. Từ quản vệ và quản cơ trở xuống hiện đang làm việc tại đó đều được thưởng trước tiền lương bổng 2 tháng.

Làm bài ngà cấp cho các lãnh binh và phó lãnh binh các tỉnh. (Trên mặt bài khắc mấy chữ “lãnh binh hoặc phó lãnh binh ở tỉnh, hạt nào”).

Cho làm lễ, tế các tướng hiệu binh đồng chết trận ở các đạo binh Trấn Tây, An Giang, Hà Tiên, Gia Định và Định Tường tại ngoài cõi nam Kinh thành. Sai một viên đường quan bộ Binh đến làm lễ.

Sai tỉnh Gia Định mua thuốc theo thời giá đem đến An Giang và Trấn Tây dùng để cấp phát.

Đổi : phủ Thăng *Ba*⁽¹⁾ tỉnh Quảng Nam làm phủ Thăng Bình ; huyện Mộ *Ba* tỉnh Quảng Ngãi làm huyện Mộ Đức ; phủ Hà *Ba* tỉnh Hà Tĩnh làm phủ Hà Thanh, huyện Kỳ *Ba* làm huyện Kỳ Anh, huyện *Ba* Xuyên làm huyện Cẩm Xuyên ; huyện Hạ *Ba* tỉnh Sơn Tây làm huyện Hạ Hoa, huyện *Ba* Khê làm huyện Cẩm Khê ; huyện Phù *Ba* tỉnh Hưng Hoá làm huyện Phù An ; huyện Kim *Ba* tỉnh Bắc Ninh làm huyện Kim Anh ; huyện Thất Tuyền tỉnh Lạng Sơn làm huyện Thất Khê ; huyện Bình Tuyên tỉnh Thái Nguyên làm huyện Bình Xuyên ; huyện *Ba* Lâm ở thành Trấn Tây làm huyện Đào Lâm ; huyện Phù Dung ở tỉnh Hưng Yên làm huyện Phù Cừ ; huyện *Ba* Phong tỉnh Quảng Yên làm huyện Nghiêm Phong ; cục Bảo tuyền ở Hà Nội làm cục Thông báo. Ấn triện của các nơi ấy đều đổi lại mà cấp cho cả. Duy có tỉnh Thanh *Ba* là nơi phát phúc, chưa nỡ thay đổi. Khi làm văn cho viết là Thanh tỉnh, còn quan phòng ấn triện, cứ theo như cũ. Đổi : Thanh *Ba* tả vệ làm Thanh tỉnh Tả vệ ; Thanh *Ba* tả hữu Thủy vệ làm Thanh tỉnh tả hữu Thủy hai vệ ; đội *Ba* tượng làm đội Thanh tượng ; vệ Tuyên vũ tỉnh Hà Tĩnh làm vệ Tiếp vũ. Đồ ký, ấn và kiểm đều đổi lại mà cấp cho. Còn các tổng, xã, thôn, phường, cửa ải, bến sông, đầu nguồn, đồn canh có chỗ nào đồng âm với chữ huy hay tự dạng giống nhau, đều cho quan địa phương kiểm tra đổi lại. Duy có các cáo sắc từ ngày 28 tháng 12 năm Minh Mệnh thứ 21 [1840] trở về trước đã cấp cho các quan viên ở Kinh và ngoài các tỉnh thì vẫn được cứ để như cũ, không đổi lại.

(1) Phạm những chữ “ba” 葩 ở chỗ này đáng phải viết là “hoa” 華 cả. Vì nguyên thư kiêng huy, nên đổi “hoa” ra “ba”.

Đặt ba cửa ải Trung Thăng, Na Lạn và Lệnh Cấm ở tỉnh Cao Bằng. Tỉnh thần nơi ấy tâu rằng : “Ba đồn Trung Thăng, Na Lạn và Phân Hà đều là bọn lái buôn người Thanh qua lại, nên đặt hai cửa ải ở Trung Thăng và Na Lạn. Duy có đồn Phân Hà thì bọn lái buôn người nhà Thanh phần nhiều đi đường tắt để trốn thuế, nên đặt cửa ải ở phố Lệnh Cấm gọi là cửa ải Lệnh Cấm, chiếu theo lệ ngạch, cấp giấy và thu thuế (ngạch thuế quan ở Na Lạn là 100 lạng bạc, ở Trung Thăng là 80 lạng, ở Lệnh Cấm là 70 lạng). Bắt đầu thu thuế từ tháng 3 năm nay. Vua y theo.

Cho Tán lý Nguyễn Công Trứ quyền sung Tham tán đại thần ở Trấn Tây, Lê Văn Đức bị ốm, cho về Gia Định để điều dưỡng. Vua lại ban cho sâm quế ở kho Thượng phương và dụ rằng : “Ta vốn biết khanh trước là người chăm chỉ, cẩn thận, nhưng muốn yêu vua, phải bảo dưỡng lấy mình, chớ nên lo nghĩ quá, ngày thờ vua còn dài, việc báo đáp ơn vua còn nhiều !...”.

Sung phái Ngự sử Trần Văn Triện tâu rằng : “Hạt thần ở Trấn Tây đi tiểu phủ đã lâu mà chưa được công trạng gì, xin từ Quảng Nam đến Bình Thuận mỗi hạt chức lượng lấy hương đồng 1.000 hoặc 500 người đi đến thành hạt Trấn Tây sai phái để binh lực được thêm mạnh”. Vua ghét là khinh suất nói càn, quở rằng : “Binh ở Trấn Tây không phải là không nhiều, chỉ lo việc khó vận lương mà thôi. Hướng chi cơ mưu đánh dẹp đã có bọn kinh lược, tướng quân, tham tán trừ tính để làm. Triện không biết sự thế, lại muốn gọi bắt dân đinh, không những hoang mang vô ích lại còn gây ra kinh hãi rối ren nữa. Lời xin ấy không cần phải bàn đến”.

Ngự sử Phan Văn Xướng lại tâu rằng : “Hiện nay bọn thổ phi ở Biên Hoà xâm nhiễu đồn Chu Nham, con đường phía trước Ba Xuyên, lại bị bọn giặc ngăn trở. Vậy xin lấy 2.000 quân ở Kinh hoặc ở các tỉnh, chia làm hai đạo : một đạo từ cửa Kim Dữ đến Hà Tiên, một đạo từ Mỹ Thanh tấn đến Ba Xuyên, đánh giết cho thật dữ, rồi đem quân thắng trận ấy đến thẳng Trấn Tây, tùy cơ đánh dẹp”.

Vua lại quở rằng : “Xướng là một thư sinh nhỏ mọn, công việc binh cơ đã thành thuộc gì, mà dám dâng tấu tập một mình xin phái thêm quân, thì để các đại thần kinh lược, tướng quân, tham tán vào chỗ nào ? Truyền Chỉ bảo cho biết từ nay về sau, không được nói năng khinh suất như thế, sẽ bị lỗi không nhỏ”.

Rút bỏ binh ở thượng đạo tỉnh Biên Hoà. Trước đây, bọn giặc Man tràn đến thượng du tỉnh Biên Hoà, Phó lãnh binh Trần Văn Tuấn đem quân đi dò bắt. Khi đến đất Trà La, bọn giặc ở trong rừng kéo ra, Tuấn đốc quân tiến đánh. Có Đội trưởng Bùi Văn An chém tại trận được tên đầu mục giặc là Xà Non, dư đảng chạy tan cả. Việc đến tai vua, An được bổ vượt lên Chánh đội trưởng suất đội, Tuấn được gia quân công kỷ lục 1 thứ. Sau đó, vì bọn giặc Man trốn xa, vua lại sai rút quân về.

Ngày Kỷ Dậu, vua thân đem quần thân tôn dâng tên thụy và miếu hiệu của Đại hành hoàng đế. Trước đây, vua dụ các quan rằng : “Từ xưa các bậc thánh đế minh vương, nêu lên công to, tỏ được đức tốt, nói đến thế nào cũng khó tỏ ra được, phải lấy chữ “thiên” (天) để đặt tên hèm. Duy có làm thế nào cho hợp với sự rất công của thiên hạ, để làm định luận cho muôn đời sau, điển lễ rất là to.

“Kính nghĩ : Hoàng khảo, Đại hành hoàng đế ta, là bậc thượng thánh, nối nghiệp đã bình yên, dựng nên nền thịnh trị, được đến thái bình, dạy bảo lâu ngày, phong hoá nên tốt, đến nay đã 21 năm, lúc nào cũng lấy việc kính trời bắt chước tổ tiên làm lòng, chăm chính sự, thương nhân dân làm gốc. Về việc hiếu thờ Từ vi ⁽¹⁾ thì tuần nào tiết ấy, dâng chén chúc mừng, vật lạ của ngon hết lòng phụng dưỡng ; tự cầm cương ngựa, để dẫn xe đi. Thực là một bậc rất hiếu, xưa nay chưa từng thấy. Vì việc yêu nuôi dân chúng, thì xá tội, tha tô, bỏ xa xỉ, chuộng tiết kiệm, ban gạo và lụa để nuôi người già, phát thóc và tiền để giúp dân túng, không một người nào là không thoả bề sinh sống. Thế là bậc rất nhân. Thân ra cày, chuộng nghề gốc, khuyên thiên hạ chăm chỉ việc nông ; cất người hiền, chọn người tài, cùng quần thần mưu toan việc trị. Nắng mưa suy tính, liệu trước không trái đạo trời ; lễ nhạc dựng nên, người sau chẳng còn nghi hoặc. Hướng chi, Hoàng khảo ta, vốn bậc chí thánh, lại nhiều tài năng ; lúc thư nhàn, để tâm vào đạo chính thống, tập văn tỏ nghĩa sáu kinh ; khi rỗi việc, sáng tác ra mọi bài, thơ vịnh lưu truyền muôn thuở. Mở mang văn trị, đặt quan chức cho sáu cõi đều xuân ; rức rở võ công, mở cõi bờ cho đất đai nhất thống. Bản đồ ngày rộng, hộ khẩu ngày tăng. Đã có công lớn vẽ thủ thành, lại kiêm cả khai sáng. Những mưu lược xa rộng, chính sách giỏi giang, không những là cõi Viêm Bang này hiếm thấy, mà từ xưa đến nay cũng chưa từng nghe. Thực là đức của Hoàng khảo ta cao ngất, to lớn như trời, thu nhật cả của nghìn xưa mà hợp lại nên bậc đại thành, để lại phúc ảm cho nước Đại Nam ta ưc muôn đời làm nơi nương tựa, rất hay, rất tốt, khó nói cho hết được.

Ta kính theo di mệnh, nối nghiệp lớn này, đương nghĩ việc cáng nổi gánh nặng chưa xong, bỗng gặp buổi ốm cung kêu gào ⁽²⁾ không kịp, đau xót trong dạ, cất xé nào bằng. Công đức mãi đến trăm đời, khó bày tỏ ra hết được. Ta chỉ nghĩ nối theo lòng nhân như trời của Hoàng khảo, mới gọi là giải tỏ chút lòng hiếu kính của ta. *Kinh Lễ* nói rằng : “Thờ người có công là tổ, thờ người có đức là tông”. Hoàng khảo ta là bậc thông minh thánh triết, sáng nghiệp thủ thành đều hay cả. Kính dâng miếu hiệu là Thánh tổ, để nối theo công đức thịnh lớn của Hoàng tổ. Thế tổ Cao hoàng đế ta làm phép nhất định cho con cháu muôn đời sau theo mãi. Vậy nên hợp bàn dưng

(1) Chỉ mẹ vua.

(2) Xưa hoàng đế tu đắc, cưới rỗng lên trời, người bề tôi giương cung bắn con rỗng không kịp, ốm lấy cung mà kêu.

những chữ tốt đẹp về tên thụy dâng lên. Chuẩn cho Tôn nhân phủ truyền Chi hợp các hoàng thân hội đồng với văn võ đại thân và đô, đài, bộ, các đều được dự bàn. Cần phải tra xét cổ lễ cho kỹ, tham chước đời xưa đời nay, cho được rất mực thoả đáng, để phụ lòng ta báo đáp ơn sâu yêu dấu của Hoàng khảo ta như trời không cùng, và để thoả lòng nhớ mến của thần dân trong thiên hạ".

Đình nghị đều nói rằng : "Lễ chế của đời xưa, tên hiệu thờ ở miếu xưng là "tổ", vì là người có công. Từ Hán, Đường, Tống, Minh cho đến Thanh, chế độ mỗi đời một khác. Quốc triều ta tham chước lễ chế xưa nay, dựng lên bốn miếu, tôn dâng miếu hiệu, công đức của Tiên đế, rõ rệt muôn đời, cho nên đặt tên hèm phải xưng chữ "thiên", chứ không phải là kẻ thân tử dám tự ý mà đặt ra. Người có đức lớn thì được nhận danh hiệu lớn, đều có ý nghĩa cả. Kính nghĩ : Đại hành hoàng đế ta, tài chí thấu khắp muôn vật, đạo hoá che chở muôn phương. Kính trời, bắt chước tổ tiên, chăm việc yêu thương dân chúng. Trong 21 năm thường như một ngày. Tôn vua cha phối với trời, báo đáp rất long hậu ; thăm sơn lăng, tế tôn miếu, lễ nào cũng thân đi. Làm mới miếu Thế tổ, cho chính thống được rõ ràng ; dựng lên cung Từ Thọ, để hiếu dưỡng được đầy đủ. Khi hầu cơm, khi thăm hỏi, đủ lễ nghi dâng miếng ngọt bùi ; việc tang ma, việc phụng thờ, lòng thành khẩn chép trong điển lễ. Nói anh linh lên xuống trước sân, công lớn làm rõ ràng đức trước ; rộng lòng nhân từ. Thăm địa phương, kính việc trời, lòng riêng vận dụng ; gắng tinh thần, mưu trị đạo, đức rất tinh thuần. Ngày hai buổi ra coi châu, lăm số nhiều chương, không hề bỏ động ; đêm đã khuya còn xét việc, sáu bộ trăm ty, thường vẫn hội bàn. Những sáng tác ban ra, làm cho đạo nguyên sáng thêm, văn giáo rộng khắp. Văn hai tập, thơ sáu tập, lời thánh rõ tựa trời, sao ; dân có huấn, quan có châm, phép nước chắc như vàng ngọc. Mở ra sử quán, sách vở san định ngày nhiều ; đặt thêm học quan, trường học dạy nuôi càng giỏi. Mở thêm khoa thi, định mẫu văn mới. Sách vở ban ra, chữ viết rành rọt. Phàm những việc làm để giúp đỡ kẻ sĩ, chấn hưng đạo Nho, không việc gì là không đến nơi đến chốn. Suy ra làm mọi công việc chính sự thì : dùng vũ nhưng không muốn giết người, đã thánh nhưng lại nhiều tài năng ; săn bắn có chừng, cưỡi ngựa bắn súng đều biết ; trị quân có lễ, kỷ luật rất mực nghiêm minh. Quân nhà vua đi đánh nơi nào, mưu như thần, để ai đã biết ? Bọn cướp ở Xiêm La, bọn giặc ở Phiên An định ngày đánh được ; đất Sơn Âm ở Ninh Bình, đất Đê Định ở Tuyên Quang, dù hiểm cũng tan. Trấn Tây đặt ra hơn 20 phủ huyện cõi mới, hộ khẩu biên trong số đó đến hàng vài vạn. Mạn Nam Bắc thì đẹp yên, mạn Tây Nam thì mở rộng. Cõi bờ gần đến muôn dặm, oai thần lừng đến phương xa. Công lớn đã nên, việc vũ cũng xong, mà việc binh nhưng không quên rèn luyện, việc dạy võ vẫn thường mở mang. Đặt ra Võ miếu, dựng bia Võ công. Phàm những việc để kích lệ tướng sĩ hùng mạnh oai quân thường làm ngay từ khi chưa có việc.

Vì là bậc sáng suốt, cho nên làm việc gì cũng không ngăn ngại. Trừ tính tình thế của bọn giặc ở ngoài muôn dặm, thấy rõ tiên cơ ; mưu toan phương lược của triều đình ở trong cửu trùng, đúng như khốp dấu. Cho đến những nỗi dân gian ngấm ngấm đau khổ, những người ngay thẳng hoặc gian tà, dù việc nhỏ hay to, thế khó hay dễ, cũng do ở trí tuệ cao cả biết hết được mọi việc, xét rõ được các loài, vì là có quyết đoán, cho nên làm việc gì không bị ngăn trở. Bãi các thổ mục, đặt ra lưu quan, cách bỏ hết tệ hại nơi theo tục cũ ; nén quyền tư gia, nghiêm cấm phe đảng, không còn cái thói bè phái hòa nhau. Phàm những việc lợi hay hại, nên làm nên bỏ, những phép cũ hay mới cần phải đổi thay, cũng từng tham chước với nhân tình và dư luận, mà bỏ cái trái, dùng cái phải, đều tự mình quyết đoán. Cho nên tùy thời lập ra phép mà không trái, chuyển biến cho tiện dân mà không biết mỏi. Mở ra Tôn nhân phủ ⁽¹⁾, là chính sự trước phải hoà mục họ hàng ; đặt ra thứ bậc trong cung, là ý nghĩa bảo cho nghiêm chỉnh gia pháp. Soạn ra dòng làm đế, dòng làm phiên, để rõ rệt thống kỷ ; chép ra phủ của vua, phủ của họ, để tỏ rõ luân thường. Chín vạc ⁽²⁾ đúc xong, để vững cơ đồ lâu mãi, hai cửa mới mở, cho nơi để khuyết thêm tôn. Chỉ điển lễ, đặt nhã nhạc, ban ra phong hoá của triều đình ; cày tịch điền, chăm tằm tang, khuyến khích nghề gốc của thiên hạ. Suy từng ngày mưa, tính từng ngày nắng, để điều hoà âm dương, giúp công hoá dục ; bắt chước hình tượng, chế ra đồ vật, để so đều luật độ, thống nhất dấu cán. Đặt Công Chính đường để sự đau khổ của dân gian được đặt lên ; đặt trống Đãng Văn để sự oan uổng của kẻ dưới được thấu tới. Tên quan trong ngoài được định rõ, để làm quan có phép tắc thường ; áo mặc Nam Bắc đều như nhau, để mọi nhà không khác phong tục. Phân châu, chia tỉnh, lớn nhỏ cùng giữ nhau ; tính mẫu, chia ruộng, cõi bờ đều một loạt. Đặt ra viện Đò sắt, là để cho phong hoá phép độ được trang nghiêm ; lập ra viện Cơ mật là để cho cơ mưu then chốt được cẩn mật. Chức Nội các chỉ hàm tam phẩm, phòng sự chuyên quyền, bản thành huấn sử quán được nhận ; ngạch thái giám chia làm năm bậc, không dự chính sự, lời thánh dụ nhà học còn ghi. Cùng là, khảo xét công tội mà quan lại được giải giang ; sửa lại luật lệ mà tự điển được nghiêm túc. Phò *Chính yếu* lưu truyền làm mẫu mực ; tập *Tiểu bình* kể lại sự chăm lo. Phàm những việc lập nên kinh kỷ, đặt ra pháp chế, đều là thu nhặt những đại thành của trăm vua, để cho trị thế của đời thịnh trị được thêm hay. Việc nào phải tùy theo thế tục mà cải cách, đều làm tham chước đời xưa cho hợp đời nay ; trị hoá cùng đạo hoá là một, không ngoài sự biến thông cho đều được tiện lợi. Đã cấm là phải thôi, ra lệnh thì phải làm, đã được Bắc triều

(1) *Tôn nhân phủ* chính thực ra là Tông nhân phủ. Bấy giờ vì kiêng húy “Mỹ Tông” nên đổi ra là Thân đài (việc đổi này đã bị Thiệu Trị bác bỏ).

(2) *Chín vạc* : tức cửu đỉnh, chạm khắc hình tượng : Mặt Trời, Mặt Trăng, núi, sông, hoa cỏ và bách vật : 1. Cao đỉnh, 2. Nhân đỉnh, 3. Chương đỉnh, 4. Anh đỉnh, 5. Nghị đỉnh, 6. Thuần đỉnh, 7. Tuyên đỉnh, 8. Dụ đỉnh, 9. Huyền đỉnh (đúc năm Minh Mệnh thứ 17 [1836]).

khen phục : đức độ đã rất hay, giáo hoá lại càng rộng khắp, làm cho nước người tin theo. Đối đãi với quần thần thì nhiều đường khuyên bảo, hết lòng gầy dựng, bỏ dùng cho con cháu, về vàng cho mẹ cha. Yêu mến các sĩ phu thì ai tài năng được khen thưởng, mọi ân lễ đều ban cho, ở nhà học được cấp lương hậu, đường khoa cử ban ơn về vàng. Về việc nuôi quân lính thì nghiêm cấm việc sai lính làm việc tư, hậu đãi khi có việc đi ra hàng trận. Việc xét hình ngục thì lòng hiếu sinh tỏ ra ở việc phúc lại mới tâu thêm ; ý công bằng thận trọng ở tội được tha hay phải giết. Án đã thành rồi mà điển khoan hồng thường vẫn ban ra ; tội đã định rồi mà tù xử tử phần nhiều được hoãn. Lại như : tha tô ruộng, giảm bớt thuế, thường có hàng năm ; nuôi người già, giúp kẻ cùng, có lòng thương xót. Đắp thành, sửa đôn, kẻ làm việc được trả tiền thuê ; đào sông, đắp đê, việc lợi dân không hề ngại phí. Dù là Man, Lao ở ngoài cõi xa, lấy một lòng nhân mà đối đãi ; cho đến dân thường mới về quy phụ cũng một lòng thương mà dạy nuôi. Nhân trạch ban xuống ngày một sâu dày ; đạo hoá thấm nhuần lâu ngày thành nếp. Thịnh trị hơn cả trăm vua ; công to đứng đầu nghìn thuở. Tốt đẹp rộng lớn, lòng trời thuận theo. Dưới sông mừng được sóng êm, hàng năm điếm ra lúa tốt. Tỏ ra khí thuận, đủ mọi điềm lành. Để được vun đắp cội gốc của nước, cố kết lòng tin của dân, nước nhà ta ức muôn năm về sau được giữ gìn nương nhờ đều do ở đó. Công đức đều tốt cả hai, có thể truyền mãi lâu dài cho người sau nối theo, không phải là bạc có toàn thể về chí nhân, làm thế nào được thế ? Xin kính cẩn dâng tôn thụy là Thế thiên Xương vận Chí hiếu Thuần đức Văn võ Minh đoán Sáng thuật Đại thành Hậu trạch Phong công Nhân hoàng đế, miếu hiệu là Thánh tổ". Vua y theo.

Đến ngày làm lễ, vua thân dẫn quần thần đem sách vàng, ấn vàng dâng tôn thụy. Lời sách văn rằng :

Tôi nghe : Dựng nên công lớn trong thiên hạ, tất phải có đức lớn đứng đầu thiên hạ ; làm nên nghiệp lớn trong thiên hạ, tất phải được nhận tiếng lớn nhất cả thiên hạ. Cho nên cái đỉnh có lời minh mà công lớn tỏ bày ; ở miếu có bài tụng mà đức tốt rõ rệt ; đều cùng một ý nghĩa cả. Kính nghĩ : Hoàng khảo, Đại hành hoàng đế bệ hạ, có đủ thể cách của thánh nhân, lại được đức tuỳ thời của thánh nhân. Chí thành khéo vận chuyển không thôi, kém gì tạo hoá ; vận lớn mỗi ngày thêm mở mới, tiếng vượt nghìn xưa. Hơn 200 năm phúc tốt trời dành, trong 21 năm đạo lớn tin thực. Kính bề thân đủ lễ, theo phép tổ làm mẫu, lòng chí hiếu cảm cách đến trời ; hợp với khí thái hoà, làm nên đạo dài lâu, đức tinh thuần sánh với mệnh lớn. Toát ra làm văn chương, thì văn thơ lời tươi sáng, ban bố ra sách vở ; chuyển ra thành vũ công, thì cõi tây nam mở rộng, mạn nam bắc đẹp yên. Văn để dạy bảo đời sau, vũ có công lao to lớn. Nổi ẩn khúc của dân xét rõ hết cơ vi mọi việc, tính cơ mưu trong nước, ngoài nghìn dặm quyết đoán không sai, thiên hạ ai cũng phục là sáng suốt.

Hiệu lệnh chắc như vàng đá, thưởng phạt đúng như bốn mùa, thiên hạ ai cũng khen là minh đoán. Phép tâm truyền, phép trí trị, nguồn gốc truyền thụ được ở đế, vương ; làm trước trời, làm sau trời, sáng tác thuật theo gồm cả minh, thánh. Ngọc phả chia ra dòng đế, dòng phiên, để thống hệ nhà vua được rõ ; cấp bậc đặt ra ở nơi cung cấm, cho phong hoá trong nhà được nghiêm. Định điển lễ, chế nhã nhạc, sửa chế độ, khảo văn từ, rất là kỹ càng ; chia trong nước, đặt quan chức trị việc quân, ban pháp luật, rất là đầy đủ. Chăm chúc cả đời nay, đời trước, thu lấy đạo đại thành của trăm vua ; thông đạt mọi chuyển biến thời cơ, đặt ra phép thích trung cho muôn thuở. Tập *Chính yếu* chép đủ điển tắc, bộ *Đại Nam* mở nền văn minh. Không những từ đời Đinh, Lý, Trần, Lê đến giờ chưa từng nghe, cho đến cả nhà Đường, Tống, Minh, Thanh đến nay cũng ít thấy. Đạo hay càng rõ thì ơn huệ càng dày, hợp với đức vô cùng của đất trời ; nhân thấm đến đâu thì giáo hoá đến đấy, ngang với đức sáng mãi của nhật nguyệt. Từ gần đến xa, cùng được sự che chở, đều một lòng tôn thân ; cả thần lẫn dân, chúc tụng điều kính thân, ca ngợi sự lạc lợi. Trời dành cho mệnh lớn, cơ đồ chắc dài lâu như nhà Chu xưa⁽¹⁾ ; trời xét đến công to, điềm lành sớm ứng hiệu như vua Vũ trước⁽²⁾. Trên có thể tỏ rõ nghiệp lớn của mười một đời thánh thần truyền nối ; dưới có thể vững bền cơ đồ của ức muôn năm nhân nghĩa vun trồng. Việc phụng thờ có đâu dám nhãng, tôn kính cha làm lòng, tán công đức biết sao cho cùng, xưng là trời mới đáng. Kính chọn ngày tốt, làm lễ cáo đàn tế Trời và nhà tôn miếu, thân dẫn các họ hàng trong Tôn nhân phủ và các quan văn võ kính đem sách vàng dâng tôn hiệu của Hoàng khảo là Thế thiên Xương vạn Chí hiệu Thuần đức Văn võ Minh đoán Sáng thuật Đại thành Hậu trạch Phong công Nhân hoàng đế, miếu hiệu là Thánh tổ.

Kính nghĩ : Hoàng khảo, anh linh cảm cách, tin thực có thừa ; công liệt rõ tỏ rõ, nối theo mãi mãi. Ở luôn cạnh trời, khí anh linh lên xuống rõ rệt ; sánh trời cao sáng, hưởng phúc tốt trùng điệp còn nhiều.

Ngày hôm sau, ban chiếu thư cho trong ngoài biết. Tờ chiếu rằng : Xưa các tên vương, đặt tên thụy để danh hiệu được tôn, rạng rỡ mẹ cha là hiếu ; theo trong lễ cổ, làm lễ giao để chọn chữ đặt, tỏ ra vâng chịu từ trời. Bởi có công đức tốt hay, dân không quên được, nên được xưng hiệu hiển vinh, đời đời tôn kính, tán đức rộng lớn của vua Nghiêu, xưng là thánh thần Văn Vũ ; ghi đức sáng tỏ của vua Thang, xưng là trí dũng, thông minh. Xưa nay các bậc đế vương, dựng nên công to một đời không ai bằng, tất nhiên để tiếng hay muôn đời còn mãi.

(1) Nhà Chu xưa được 800 năm, gồm 30 đời vua. Ý nói họ vận được lâu dài.

(2) Đời Hạ Vũ có con rùa ở sông Lạc nổi lên trên lưng có những số từ 1 đến 9, vua Vũ nhân đó làm ra 9 trù, tức là *Lạc thư*.

Kính nghĩ : Hoàng khảo, Đại hành hoàng đế, tư chất kiêm bạc thượng thánh, lòng dạ đủ đức chí nhân. Việc làm thì trung chính cương kiện, một lòng thành kính, thấu đến trời cao ; phúc tốt được trời giúp thêm nhiều, vững bền mệnh lớn. Đức tỏ ra ở kính mệnh trời, theo phép tổ, đối đãi quân thần, nuôi dạy muôn dân ; đạo rõ ra ở đặt phép trị, giữ yên nước, lập ra pháp độ, dựng nên giếng mối. Khi tế trời phối hưởng tổ tiên, tôn kính bề thân, là nghĩa to lớn ; đức nghiệp xưa làm cho rạng rỡ, nối chí người trước, công đã vẹn toàn. Hiếu thảo với cung Từ Ninh, đem bổng lộc của bốn biển, chín châu để mà phụng dưỡng ; khánh điển rất là long trọng, khéo chăm chú với trăm vua nghìn thuở, đủ hết lễ nghi. Quý mến mẹ cha như vua Thuấn ngày xưa, lòng đại nhân do ở lòng đại hiếu ; thêm mới đức sáng hơn vua Thang ngày trước, đức tính thuần nối giữ mệnh tính thuần. Mọi việc đều tu sửa xong mà còn kính răn cơ sự, xem xét địa phương, lòng chăm lo không trễ ; muốn dân đều hoà hiệp cả, mà còn thi hành nhân chính, ban xuống ơn huệ, việc yêu nuôi vẫn chăm, dựng nền giáo hoá thì ban lời thánh huấn, sửa định các sách, làm rộng nhà học, đặt thêm khoa thi, nơi gần xa văn phong thấu khắp ; sửa việc binh uy thì càn quét Sơn Âm, dẹp yên Đệ Định, đuổi hết giặc Xiêm, lấy lại Phiên An, khắp trong ngoài vũ liệt thành công. Nghìn năm vận hội Lạc Hồng, văn minh mở mới ; muốn đậm cõi bờ nam bắc, thống nhất rộng thêm. Vì là sáng suốt, nên mới vận dụng được đức đại chí của thánh nhân ; vì có quyết đoán nên mới làm nổi việc đại quyền của thiên hạ. Dùng việc binh, quyết thế thắng, hiểu việc biết người, việc gì cũng đoán trước, không lầm lẫn ; giữ chính lệnh, cấm quyền binh, thường phạt tin chắc, việc gì cũng rất công, không nghi ngờ. Do đã rõ tinh vi của mối tâm pháp, đạo pháp ; suy ra làm thể thống cho việc trị trong, trị ngoài. Phong hoá nghiêm chỉnh từ chốn cửa cấm buông the, con cháu đều theo khuôn phép ; lễ nhạc rực rỡ ở nơi triều đình, giao miếu, chế độ tỏ buổi thái bình. Nào bộ, nào tự, nào viện, nào các, chủ chốt có mà loại thứ cũng có. Này tỉnh, này phủ, này huyện, này châu, gìn giữ nhau và chế ngự lẫn nhau. Pháp độ kỷ cương đều đúng không thiếu ; khu cơ phẩm thức đã đủ lại tường. Đức kết đại thành, cả văn lẫn chất, bớt ra thêm vào tuy thuật giả mà là tác giả, gồm đủ lợi ích, định đoạt thích nghi, biến thông hợp lẽ, đã hậu thiên mà lại tiên thiên. Cho nên, ở trong vòng nhân nghĩa đạo đức, muôn dân đua nhau thân yêu trong họ, hoà mục cùng nhau, đức sáng tỏ thêm mà biến thành thói tốt ; được sự chở che nâng đỡ, mọi người đều biết kính mến người thân người hiền, yên hưởng sự vui, sự lợi mà không quên ơn. Gây nên trong nước được thái hoà, ca tụng nhiều phúc, vịnh hát được mùa, sự tốt đẹp rõ ràng trong sử sách ; họp thành việc tốt của bạc thánh, cầu chúc trăm con, bài ca muôn phúc, nhiều phúc lành hơn vượt cả đế vương. Nếu không phải là bạc đã nhân lại thánh, cảm cách đến lòng trời ; sao làm được những việc sáng thuy thành chung, tỏ thêm cho công tỏ ?

21 năm chăm lo răn sợ, công to đức lớn, rất cao dày mà chứng tỏ càng lâu ; ước muôn năm cơ nghiệp nối truyền, người dân trong nước vẫn tưởng nhớ mà xưng dương ca tụng.

Ta kẻ ít tuổi này, e rằng : không có đức được bằng người trước ; việc nối ngôi nghĩ rất khó khăn. Công Hoàng khảo to lớn như trời, lòng báo đáp biết sao cho xiết ; lấy chữ “thiên” 天 mà đặt tên thụy, thực rộng lớn nói ra khôn cùng. Ngày 23 tháng này đã tế Giao, miếu để xin đặt tên thụy, ngày 24 đã thân đem các người trong Tôn nhân phủ và các quan văn võ kính đến trước ban thờ Hoàng khảo kính đem sách vàng dâng tôn thụy là Thế thiên Xương vận Chí hiếu Thuần đức Văn võ Minh đoán Sáng thuật Đại thành Hậu trạch Phong công Nhân hoàng đế, miếu hiệu là Thánh tổ. Nghĩa lớn tôn sùng đã rõ, lòng nhân xướng phúc rộng ban. Có 12 điều ban ân như sau :

1. Hoàng tử đã được phong tước và hoàng thân tước công, quốc công, quận công cùng là các quan trong Kinh, ngoài các tỉnh, văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên người nào không bị giáng thì đều được gia thưởng 1 cấp...

2. Hoàng đệ chưa được phong tước công, đợi mãn ba năm, chuẩn cho Tôn nhân phủ hội đồng với bộ Lễ bàn xét tâu xin Chỉ sách phong cho.

3. Nhân viên trong họ Tôn thất người nào có văn học giỏi giang, tài nghệ hơn người, thì không kể là đã làm quan hay chưa, đều chuẩn cho Tôn nhân phủ sát hạch, rồi làm danh sách tâu lên, sẽ chức lượng bổ dùng.

4. Các quan viên ở trong Kinh, người nào hiện bị giáng cách mà còn được lưu chức, thì bất cứ là phạm tội công hay tư, người nào bị giáng 4 cấp trở lên, cho đổi làm giáng 3 cấp, bị giáng 3 cấp đổi làm giáng 2 cấp, bị giáng 2 cấp đổi làm giáng 1 cấp, bị giáng 1 cấp thì được khôi phục lại hết. Người nào bị cách lưu đổi làm giáng 4 cấp lưu.

5. Lãng tẩm đế vương các triều đại trước, thì do các quan địa phương khám xét, nếu lãng tẩm nào bị đổ nát hoặc sút mẻ, phải thuê dân sửa chữa lại cho được hoàn chỉnh và cấm dân sở tại không được xâm phạm đến hoặc kiếm củi ở đấy.

6. Các thần kỳ trong cả nước, vị nào chưa được phong tặng mà xét ra thực là vị thần chính đáng, có sự tích rõ ràng, chuẩn cho quan địa phương tra xét rõ ràng làm danh sách tâu lên, do bộ bàn xét lại rồi tâu lên, sẽ liệu lượng phong tặng.

7. Các địa phương có những người nào là hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ, thì quan thượng ty phải xét hỏi cho kỹ, đem việc tâu lên, giao cho bộ xét tâu, đợi có Chỉ cho nêu khen.

8. Người họ nhà vua ở tỉnh Thanh đều gia ơn thưởng cho tiền.

9. Gia Miêu ngoại trang ở huyện Tống Sơn, gia ơn thưởng cho 1.000 quan tiền.

10. Dân huyện Tống Sơn, hết thầy các việc sai dịch về năm nay lại gia ơn miễn tha cho 1 năm nữa, đến sang năm sẽ theo lệ thi hành.

11. Trong năm Minh Mệnh thứ 21 [1840], các địa phương nào còn thiếu lại hay được triển hoãn các thứ thuế đóng bằng tiền, thóc hoặc các sản vật, cùng là tiền thóc được cho vay mà hiện nay chưa nộp trả xong, mỗi thứ bao nhiêu, chuẩn cho bộ Hộ làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ liệu lượng cho giảm bớt.

12. Các quan viên văn võ trước đây có lỗi bị cách bãi mà hàm từ ngũ phẩm trở lên, cùng là quan văn lục, thất phẩm, gián hoặc có người nào do chân tiến sĩ, cử nhân ra, trừ những người nào có tội trạng đích thực là tham tang, và người nào tuổi đã trên 70, không cần bàn đến, còn thì đều chuẩn cho hai bộ Lại và Binh chia liệt ra từng hạng, làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ liệu lượng cho bổ dùng).

Ôi ! Nói lên tiếng hay cho thiên hạ rõ, lẽ không gì bằng tôn kính bề thân ; nhận lấy phúc tốt ban cho bốn phương, hiếu là cốt để lấy đến người khác. Để tỏ rõ tình riêng ta cảm nhớ đến cha suốt đời, để thoả mãn lòng muôn dân mến tiếc vị vua từ thiện.

Thưởng cho các bề tôi dựa vào việc dâng tôn thuy chuỗi ngọc đeo, chuỗi hạt mã não, kim tiền và ngân tiền có thứ bạc khác nhau ; binh và thợ thưởng chung 300 quan tiền.

Cho : Tuần phủ Bắc Ninh là Nguyễn Đăng Khải được quyền hộ Tổng đốc quan phòng ở Ninh - Thái, lại kiêm lĩnh ấn triện chức Bó chính ; Viên ngoại lang ở Quang lộc tự, sung biện Lý thiện là Lê Quang Thắng làm Quang lộc tự Thiếu khanh.

Ngày Nhâm Tý. Vua dẫn quần thần đem sách vàng, ấn vàng dâng tôn hiệu lên Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng thái hậu. Lời sách văn rằng :

Tôi nghe : đạo không gì to bằng hiếu thảo nên thánh⁽¹⁾ nhân giữ cho nguồn gốc lập giáo được hay ; Lễ không gì lớn bằng tôn xưng, nên vương giả đều lấy điển lễ tôn thân làm trọng. Cho nên Đại nhĩ khen ngợi bà Thái Nhâm⁽²⁾ nhà Chu có đức tốt trang kính ; mà Thương tụng quy công cho bà Giản Địch⁽³⁾ nhà Thương sinh ra nhiều vua hiền, đều là nêu lên nét hay, tỏ ra công lớn để phô bày những công đức rực rỡ to lớn vậy.

Kính nghĩ : Thánh tổ mẫu, Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng thái hậu bề hạ, đức trang tĩnh làm khuôn phép chốn cung vi ; lượng bao dung để dạy bảo cho thiên

(1) Bà nội Thiệu Trị, tức vợ vua Gia Long.

(2) Nguyên chữ Hán là "Kính thất", lấy chữ ở Kinh Thi : "Kính thất chi phụ", nghĩa là làm dâu ở nhà Chu, chỉ bà Thái Nhâm (mẹ vua Văn Vương) làm dâu bà Thái Khương.

(3) Thương Cơ, tức là bà Giản Địch, sinh ra ông Tiết, dựng nên cơ nghiệp nhà Thương.

hạ. Tò ra đức tốt để sửa nền giáo hoá trong cung cấm, giúp Thế tổ ta⁽¹⁾ 28 năm cơ nghiệp gây dùm ; nối theo tiếng tốt mà để phúc lành cho con nối sau, giúp Tiên hoàng đế⁽²⁾ 21 năm thái bình thịnh trị. Tuổi thọ thêm nhiều phúc tốt, ơn trạch khắp cả nước nhà ; đông đàn nhờ lòng từ, phúc lộc để cho con cháu. Buổi di nhân, tôn vinh phụng dưỡng ; sự báo đáp, rục rờ tôn xưng. Người thừa hưởng cơ nghiệp lớn lao, nhờ nhiều phúc ấm ; người nối theo phải chăm đạo hiếu, dâng lễ tấn tôn. Vậy nên kính cáo nhà tông miếu, thân dẫn quần thần đem sách vàng, ấn vàng kính dâng tôn hiệu là Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng thái hậu. Kính nghĩ : Đã chính tôn xưng, chịu nhiều phúc lớn. Đức trình sáng soi mãi mãi, tiếng hay đầy rẫy chốn cung đình ; diễm lành đưa đến luôn luôn, phúc tốt tỏ ra cùng xã tắc.

Ngày hôm sau, ban chiếu thư cho trong Kinh, ngoài các tỉnh. Tờ chiếu rằng :

Ta nghĩ : Các đế vương xưa nối nghiệp trị vì, chăm lo đạo hiếu. Nguồn phúc có đã từ lâu, đức tốt đáng nên nêu rộng. Cho nên bà Giản Địch nhà Thương được chép là có công sinh ra vua hiền, bà Thái Nhâm nhà Chu được khen vì là người có đức trang kính. Đạo lý xưa ấy thực đáng làm gương.

Kính nghĩ : Thánh tổ mẫu Nhân tuyên Từ khánh Hoàng thái hậu, hợp với đức sinh dục muôn vật của đất, giúp cho việc phát sinh đầu tiên của trời. Giúp Hoàng tổ, Thế tổ Cao hoàng đế ta, đức kính hoà làm khuôn mẫu buông the, nêu tiếng thom trong sử sách ; lòng hiếu ái tràn khắp nơi cung cấm, gây phong hoá cho dân con. Làm cho công trước thêm dày, để cho người sau được hưởng. Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, khi mới nối ngôi, đã kính dâng tôn hiệu là Hoàng thái hậu. Tôn xưng đã rõ ràng, đức tốt được nêu tỏ. Lời nói hay, nét làm tốt, mở mang cho ý chí người sau ; làm việc thuận, tụ khí hoà, hưởng thụ nhiều phúc lành to lớn. Đã từng mấy lần gặp tuần đại khánh về thánh thọ 60 và 70 tuổi, vui mừng thịnh điển, đầy đủ lễ văn. Buổi di nhân, phụng dưỡng tôn vinh ; sự báo đáp, tôn sùng rục rờ. Năm Minh Mệnh thứ 18 [1837], đã phụng Chỉ tham khảo trong điển lễ, dâng huy hiệu là Nhân tuyên Từ khánh Hoàng thái hậu. Đem phúc lành ban cho thiên hạ, ơn huệ khắp cả nước nhà ; hưởng tuổi thọ là tỏ diễm lành, phúc lộc để cho con cháu.

Ta nhờ phúc dày người trước, giữ nghiệp lớn ngày nay. Muu cho con cháu được yên, nhờ ở lòng từ to tát ; nối theo công việc người trước, chăm lo đạo hiếu vẹn toàn. Thu năm phúc để cho dân, ban ơn rộng lớn ; cả bốn biển cùng tôn kính, dâng lễ tấn tôn. Ngày 26 tháng này đã kính cáo nhà tông miếu, ngày 27 thân dẫn quần thần đem sách vàng, ấn vàng dâng tôn hiệu là Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng thái hậu. Để giải lòng thành, được vui phụng dưỡng. Đức hay rõ rệt, nên

(1) Chỉ Gia Long.

(2) Chỉ Minh Mệnh.

khắc vào ngọc uyển, ngọc diễm để lưu truyền ; ơn cả bao la, dù đến cả cõi vắng nơi xa cũng ban khắp : (1 - Hoàng tử, hoàng thân có tước công, hoàng đệ đều được thưởng bằng bạc thay cho cổ yển có thứ bạc ; 2 - Thái trưởng công chúa, trưởng công chúa, hoàng muội, hoàng nữ đều được thưởng bằng bạc thay cho cổ yển có thứ bạc ; 3 - Con trai, con gái của hoàng thân có tước công và hoàng đệ có tước công đều gia ơn ban cho có thứ bạc ; 4 - Các quan ở trong Kinh, văn từ lục phẩm trở lên, võ từ ngũ phẩm trở lên, đều được thưởng bằng bạc thay cho cổ yển có thứ bạc ; 5 - Các tỉnh hạt ở ngoài, từ tướng quân, tham tán, tổng đốc, tuần phủ, đề đốc, bố chính, án sát và chánh phó lãnh binh đều được thưởng bằng bạc thay cho cổ yển có thứ bạc ; 6 - Vợ con quan văn võ từ tam phẩm trở lên vào hàng mệnh phụ đều được gia ơn ban cho có thứ bạc ; 7 - Họ Trần ở làng Văn Xá đều được gia ơn ban cho có thứ bạc). Ôi ! Lễ lấy kính bề thân làm trọng, để tỏ lòng hiếu có thừa ; trời giúp cho mệnh lớn vững bền, được hưởng phúc lành lâu mãi. Mừng nay đại lễ đã xong, vậy có mấy lời ban bố.

Thưởng cho các bề tôi dự vào việc lễ này chuỗi hạt đeo bằng ngọc thủy tinh, kim tiền và ngân tiền có thứ bạc.

Khởi phục viên quan bị cách là Trịnh Văn Nho làm Chủ sự kiêm chức Hữu viện phán ở viện Thái y, hội đồng với Tả viện phán là Trần Viết Cật quyền giữ ấn quan phòng của viện Thái y.

Cho Tiên quân Chương phủ lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh là Phạm Hữu Tâm lấy nguyên chức cũ lưu lại ở Kinh để châu hầu, cho nguyên sung Bang biện Trấn Tây là Doãn Uẩn ở lại làm Tham tri bộ Hộ, ngạch ở Kinh. Cho Bố chính Quảng Ngãi là Đặng Đức Thiêm thăng thự Tả tham tri bộ Hình. Còn các quan ở các địa phương về Kinh họp ban đều cho về nơi lý sở cũ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN VI

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất [1841], mùa xuân, tháng 3 nhuận, các quan dâng biểu xin truy dâng huy hiệu cho Hoàng tì ⁽¹⁾. Lờn biểu rằng : “Hiếu không gì to bằng làm cho cha mẹ vẻ vang, lễ không gì trọng bằng dâng lên tôn xưng huy hiệu. Cho nên vương giả ngày xưa, khi chịu mệnh trời, truy tôn người sinh ra mình, là nghĩa thông thường xưa nay. Kính nghĩ : Thuận đức Thần phi họ Hồ, vốn người đức tốt nét hay, nếp nhà dòng dõi ; điểm sinh vua hiền nối dõi, xã tắc được nhờ”. Theo lễ, nên truy dâng huy hiệu. Vua bèn tâu với Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng thái hậu để xin ý kiến. Thái hoàng thái hậu dụ rằng : “Thuận đức Thần phi họ Hồ là do đức Thế tổ Cao hoàng đế cùng với thân già này đã chọn kỹ con gái lớn của công thân là Hồ Văn Bôi để làm vợ Thánh tổ Nhân hoàng đế. Vốn người trang kính, chín chắn, thận trọng, đoan trang, cẩn thận, hiền hoà, trinh nhất, Thần phi vẫn được Nhân hoàng đế kính yêu ; lại khéo chiêu chuộng đức Thế tổ Cao hoàng đế và thân già này, hết lòng hiếu thảo, cho nên được ban cho tên tốt đặc biệt như thế. Nay chứa nhiều đức tốt, gây nên điểm lành, sinh ra cháu trưởng ⁽²⁾, nối giữ ngôi trời, phải biết là nguồn phúc tự đâu mà có vậy. Đáng buồn thay, Thần phi mất sớm, không được kịp thấy ngày nay, chẳng đáng thương lắm ru ! Nhân hoàng đế nhớ người vợ cả,

(1) Hoàng tì : mẹ sinh ra vua. Đây chỉ mẹ của Thiệu Trị.

(2) Chỉ Thiệu Trị.

ân lễ thêm hậu, đặt cho tên thụy là Thuận đức, phong làm Thần phi, trị vì 21 năm mà ngôi chính phi trong cung vẫn để trống, không lập người khác, không phải là không có thâm ý. Nay quần thần đã cùng nhau tâu xin, vì đế và hậu cùng được tôn xưng, là lễ rất chính đáng và phải lễ, thì rất hợp với lòng của lão tổ mẫu này, lại có thể thoả mãn chút tình với Nhân hoàng đế quyến luyến Thần phi, ví như không quên gương cũ⁽¹⁾ của mình. Chuẩn cho hoàng đế cháu trưởng truyền dụ cho các quan biết rõ”.

Ngày hôm ấy, vua châu phê cho quần thần họp bàn. Lúc ban đầu bàn dâng huy hiệu có 12 chữ. Vua sai Thọ Xuân công là Miên Định tâu lên cung Từ Thọ biết. Vâng lời Từ Dụ rằng: “Tôn thụy của Nhân hoàng hậu nên bằng với Cao hoàng hậu⁽²⁾”. Bấy giờ quần thần lại bàn lại rồi dâng sớ tâu rằng: “Đức của trời đất phối hợp với nhau, thánh nhân cũng bắt chước thế, chỉ có thánh nhân mới thuận được đạo trời, chỉ có hậu mới sánh được với đế. Nước nhà ta, thánh thần truyền nối, đã cảm cách đến lòng trời, có công đức lớn, thần chủ không bao giờ thờ sang nơi khác, các vị đế và hậu cùng thờ ngang hàng nhau, là để tỏ ra đức tốt, được bằng người trước, nêu lên lòng hiếu đáng làm mẫu mực vậy.

“Kính nghĩ: Thuận đức Thần phi họ Hồ, lòng khoan hồng là do bản tính, đức kính nghĩa bởi từ trời sinh. Lòng từ tràn khắp chốn buông tiêu, tiếng tốt nổi theo nơi kinh thất. Hoàng tổ đã ban mệnh, hàng chính phi nghĩa cả rõ ràng; con thánh sớm sinh ra, bậc tuấn triết diễm lành đã ứng. Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, trị vì 21 năm, địa vị trong cung tuy chưa kịp truy tôn cho danh hiệu được chính đáng, nhưng lòng nhớ gương xưa, Tiên đế trước đã tặng phong là Thần phi, đặt tên thụy là Thuận đức vì lấy nghĩa là đức tốt sánh với vua, đạo thuận làm nên công, mà tỏ ra là đáng bậc mẫu nghi của thiên hạ. *Kinh Dịch* có câu rằng: “Đạo của đất rất là nhu thuận, theo trời mà làm không trái thời trời”, ý nói phải có đức rất nhu thuận mới có thể phối hợp được với đức cương kiện, để cùng nên công che chở của trời đất, thì đức tốt trong thiên hạ còn gì hơn là đức nhu thuận nữa? Cho nên tán dương đức rất tốt của quẻ Khôn, trước hết phải nói đến bốn đức của quẻ Càn là nguyên, hanh, lợi, trinh⁽³⁾ để phối hợp vào, mà lại suy thêm ra là “chính ngôi ở bên dưới”, là “rời sau có phúc tốt”, là “muôn vật nhờ đó mà sinh sống”, là “cái tốt ở bên trong”, là “hoá sinh muôn vật mà sáng tỏ”, là “đức trinh chính lâu bền”. Tuy rằng đủ cả mọi điều hay,

(1) *Gương cũ*: Tuyên đế nhà Hán khi chưa làm vua, có lấy người con gái ở Quảng Hán, đến khi làm vua phong người con gái ấy làm chức Tiệp dư. Quần thần xin lập Hoàng hậu khác, Tuyên đế ban chiếu đi tìm thanh gương cũ. Quần thần biết ý, tâu xin lập Tiệp dư làm Hoàng hậu. Sau này nhân thế gọi vợ cũ là “gương cũ”.

(2) *Cao hoàng hậu*: tức Thừa thiên Cao hoàng hậu, vợ cả vua Gia Long.

(3) *Nguyên* là đầu muôn vật bắt đầu có. *Hanh* là tốt, muôn vật sinh trưởng ra. *Lợi* là lợi, muôn vật sinh sống thoả mãn. *Trinh* là chính, muôn vật nên công dụng.

nhưng đều do ở đức nhu thuận mà phát ra cả. Nếu không phải là bậc có đức tốt sáng tỏ đến xa, đương thế nào nổi được ? Lũ chúng tôi kính xin suy rộng ý nghĩa của Thánh tổ Nhân hoàng đế đã ban tên thụy cho Thần phi khi trước, để hợp với định luận rất công bằng của thiên hạ muôn đời. Xem ra, vì có đức thuận, cho nên có những đức tính chứa ở trong lòng như : “đoan” để giúp đức nguyên thủy của trời, “chính” để giữ đức cương kiện của trời ; yên tĩnh để tụ khí hoà, tức là “cung” ; khéo hợp với nghĩa lý, tức là “hoà” ; có thể sánh với trời mà ở ngôi chính, tích chứa được nhiều phúc để hay về sau, đức dày dung chứa mọi vật, là “từ” ; sự nghiệp phát ra tốt đẹp, là “huy” ; trí tuệ sáng suốt, là “minh” ; giữ đạo trình được tốt, là “hiển”. Đó đều là những đức tốt đẹp tự nhiên sẵn có ở trong nhu thuận rất mực to tát. Xin kính kể lại công nghiệp đức hạnh những cái rõ rệt đáng xưng tụng là như thế. Lại xin xét, về chế độ nhà tôn miếu : hoàng hậu thờ phụ vào nhà tôn miếu và tên thụy ở nhà tôn miếu như thế nào cùng dâng lên. Xin truy dâng tôn thụy là Tá thiên Lệ thánh Đoan chính Cung hoà Đốc khánh Từ huy Minh hiển Thuận đức Nhân hoàng hậu, để cho thiên hạ đời sau biết đường tôn kính, trên có thể tỏ được lòng của Hoàng thượng báo hiếu rất mực và dưới có thể thoả mãn được lòng nhân dân kính mến xưa nay”.

Tờ tâu dâng lên, châu phê cho là phải, theo nghị mà làm. Tôn nơi đền thờ của Thần phi gọi là điện Vĩnh Tư (năm Minh Mệnh thứ 19 [1838], dựng nhà thờ riêng ở xã Vạn Xuân về bờ phía tây sông Hộ Thành).

Sắc cho bộ Lễ kiểm xét các thứ dùng để thờ, những thứ gì cần phải làm mới, kể ra từng hạng tâu lên để làm. Trước màu đỏ nay đổi dùng màu vàng, trước khắc con giao long, nay đổi khắc con rồng, con phượng ; áo đai và đồ lễ bộ đều theo như nghi chế của hoàng hậu.

Binh thuyền của Xích Mao ⁽¹⁾ gây chiến tranh với tỉnh Quảng Đông. Tỉnh thần Quảng Yên dò biết chuyện, tâu lên. Vua phán rằng : “Bọn di địch ngông cuồng, thiên hạ lấy làm công phẫn. Việc đó tuy là việc nước ngoài, thế mà tỉnh thần lại dò thám biết được, đem việc tâu lên ; làm quan ở nơi biên giới phải như thế mới được. Truyền Chỉ khen ngợi”.

Bắt được người đạo trưởng của Tây dương tên là Vọng, đóng cũi đưa về Kinh sư. Vọng, người nước Pha Nho ⁽²⁾ tên là Đê-du-ni-mô, mấy năm về trước, sang ở Nam Định, đổi tên là Vọng, giảng dạy tà giáo, bọn tiểu dân nhiều người bị lừa gạt mê hoặc. Triều đình đã treo giải thưởng cho người nào bắt được tên đạo trưởng ấy. Nhưng bọn ngu dân hòa nhau chứa chấp giấu giếm, nên bắt mãi không được. Đến

(1) Xích Mao : chỉ nước Hồng Mao, tức là nước Anh.

(2) Tức Y Pha Nho, nay gọi là Tây Ban Nha.

đây, tên đạo trưởng này cùng với đồ đảng trốn ẩn ở nhà dân tỉnh Ninh Bình, Tổng đốc Định - Yên là Trịnh Quang Khanh được tin báo, thân đem quân lính và mật tư cho hộ tuần Ninh Bình là Nguyễn Văn Nhị hội đồng vây bắt, bắt được cả đồ đảng là tên Khu Phong (người Phú Lãng Sa) và kinh sách, đồ dùng của bên đạo. Vua nghe tin ấy, ban khen và thưởng cho Quang Khanh một cái nhẫn vàng mặt tinh quang và một đồng kim tiền hạng lớn ; Nhị một đồng kim tiền nhỏ. Lại thưởng chung cho các viên biên, binh, dân cùng đi bắt là 1.000 quan tiền ; thưởng cho hai người cáo giác mỗi người 10 lạng bạc. Từ Quang Khanh trở xuống lại được giao xuống cho bộ Lại phân biệt bàn công từng người. Các phạm nhân Tây dương ấy giao xuống quan pháp tư xử tội trăm, bêu đầu. Khi kết án xong, vua truyền cho hãy tạm giam giữ lại.

Sửa đắp con đường của sứ thần đi ở tỉnh Lạng Sơn : thưởng cho 2.000 quan tiền. Tỉnh thần tâu rằng : “Con đường này là nhân đường cũ mà sửa chữa lại, năm ngoái vắng theo thánh dụ, năm nay khởi công làm, không khó nhọc gì lắm. Xin bãi việc thưởng”. Vua phán rằng : “Triều đình vỗ nuôi dân chúng ở nơi biên giới, việc thưởng cho có thánh dụ từ trước, chớ nên bùn xin việc ban ơn, để cho đức hạnh của Tiên đế được thấm khắp”.

Chánh, phó hậu mệnh là bọn Nguyễn Đình Tân, Hoàng Tế Mỹ đến cửa ải đã lâu ngày, mà không thấy bên nhà Thanh trả lời ra sao, bèn đốt 7 tiếng ống lệnh ở cửa ải. Người đầu mục coi cửa ải lấy làm lạ, đến hỏi lý do. Bọn Tân cho vào ra mắt, lại tặng cho sản vật thổ ngại. Việc đến tai vua, bộ Lễ hạch là làm không đúng lệ. Vua phán rằng : “Việc bang giao vẫn có lẽ cũ, sao được làm càn trái lệ, nếu nhà Thanh hỏi đến việc ấy, há chẳng thêm ra một phen phải biện bạch cho rõ ràng ư ? Huống chi chức hậu mệnh chỉ có việc là đợi nhận công văn của nhà Thanh gửi đến, có can dự gì đến viên đầu mục ở cửa ải ? Người làm tôi không có quyền được ngoại giao, sao lại dám tiếp đãi riêng nhau ?”. Việc đưa xuống bộ để bàn. Bọn Tân đều phải giáng một cấp lưu. Không bao lâu, nhà Thanh có giấy đưa đến báo rằng các phẩm vật do hai sứ bộ đi cống và đi mừng đem tiến đều cho đình cả, chỉ có sứ sang báo tang được định ngày cho mở cửa quan (ngày 10 tháng ấy). Bọn Lý Văn Phúc dâng sớ tạ ơn vua rồi đi. Bọn Tân mới được về. Tân phải đổi bổ làm Hữu thị lang bộ Lễ nhưng vẫn làm việc ở Các, Mỹ vẫn làm thự Hữu thị lang bộ Lễ.

Tỉnh Lạng Sơn nghe thấy tin nhà Thanh có việc binh biến, làm sớ tâu xin lưu binh lính lại để phòng bị cho được cẩn mật. Vua ban dụ báo cho biết rằng : “Việc ngoài bờ cõi, chỉ nên giữ gìn cẩn thận trong giới hạn của ta. Việc ở ngoài nghìn dặm, núi sông xa cách, việc gì phải vội vàng lo ngại ? Huống chi, đương lúc sai sứ bộ đi, phải nên tỏ ra nhàn hạ, cần gì phải làm như thế. Binh lính không cần phải để lưu lại, lúc có việc đến, chuẩn bị để đối phó cũng chưa muộn gì”.

Cho : Phó vệ úy vệ Diệu võ là Nguyễn Trọng Thao làm Phó vệ úy quân Cẩm binh, thự Lãnh binh Hà Tĩnh ; Phó vệ úy ở vệ Tả nhị quân Vũ lâm là Phan Văn Điện làm thự Vệ úy ; thự Phó vệ úy ở Hồ oai Tiền vệ là Trần Hữu Thiệu sung làm Phó vệ úy vệ Kim ngô. Gọi Lãnh binh Quảng Nam Lương Văn Liễu về Kinh. Cho thự Vệ úy ở Thân cơ Hữu vệ Nguyễn Đức Chung làm thự Lãnh binh Quảng Nam chuyên trông coi công việc của ba thành đài Điện Hải, An Hải và Định Hải. Trọng Thao và Văn Liễu đều do Phạm Hữu Tâm tiến cử cả.

Sét đánh nhà bia ở tấn Thuận An .

Bọn thổ phi ở Vĩnh Long đánh phá phủ Lạc Hoá. Lạc Hoá cũng là loại Lạp Man, tù trưởng Nguyễn Văn Tôn là người nô lệ trong cung đình khi trước. Buổi đầu trung hưng, hắn đem quân theo đi đánh dẹp có công, được ban cho họ tên và cho làm quan coi đồn. Chọn lấy quân chúng sang làm binh lính ở đồn Uy Viễn, cho Tôn ở đấy đóng giữ. Sau khi Tôn chết, con là Vị nối làm Vệ úy, trông coi quân chúng. Năm Minh Mệnh thứ 15 [1834] (Vị bị can vào vụ tên Khôi làm loạn rồi chết), đổi bỏ lối dùng thổ quan, mà thay bằng lưu quan ⁽¹⁾, đặt ra phủ Lạc Hoá (thống trị hai huyện Trà Vinh và Tân Nghĩa), đồn các binh lính làm cơ Long nhuệ, lấy người thổ trước để coi quản. Đến đây, thành Trấn Tây có việc binh biến, đất Ba Xuyên rối loạn, có thổ mục là Lâm Sâm nguyên là quan lục phẩm của Cao Miên, trốn đến ở phủ Lạc Hoá, đem tà thuật để mê hoặc dân chúng. Minh mặc áo đạo sĩ, tay cầm phướn tà thuật, tự nói là có thể làm phép để Sâm chiêu tập các thổ mục hai huyện tụ họp ở Trà Cú. Chúng suy tôn Sâm làm thủ lĩnh, mưu lập con cháu vua Cao Miên. Đàng khoả đến vài nghìn người đánh phá phủ lỵ. Tri phủ Tôn Thất Châu bỏ phủ nha, chạy. Bó chính Vĩnh Long Trần Tuyên và thự Án sát Nguyễn Sĩ Đăng đem việc tâu lên. Vua lấy làm lạ và phán rằng : “Phủ Lạc Hoá thuộc về đồ bản của triều đình đã lâu, không ví như thổ dân ở Trấn Tây, sao lại tự nhiên xảy ra sự việc như thế, làm cho người ta tức giận hết sức, không hiểu vì cơ sao ! Trước hết hãy cách chức Tôn Thất Châu, sung làm quân tiền khu cho cố sức làm việc để chuộc tội ; Lãnh binh Lê Quang Quảng thì cách chức nhưng cho ở lại làm việc ; còn bọn Tuyên và Đăng đều giáng một cấp. Rồi lập tức dụ cho Bùi Công Huyền đem số biên binh do y vẫn trông coi giao cho Nguyễn Lương Nhân (Lãnh binh ở An Giang) quản suất, liệu trích lấy 500 biên binh đi gấp về phủ Lạc Hoá ; lại trích lấy những binh lính hiện đương đóng ở bảo Thông Bình đến nơi gần đấy để tiếp viện việc đi tiểu bắt.

Sau đó, tên thổ phi là Hoè Ất (nguyên trước làm Huyện úy ở Phong Phú) làm phản, kết đồ đảng đến hơn 1.000 người, rủ nhau họp ở sông chánh Ô Môn tỉnh An Giang.

(1) *Thổ quan* : người bản thổ được đời đời nối chức, làm quan ngay ở xứ sở mình. *Lưu quan* : chức quan do triều đình bổ nhiệm, đến cai trị ở địa phương đã được chỉ định.

Phó cơ Trần Đức Tế và Tri phủ Nguyễn Văn Đức vì quân ít, không dám đánh nhau với bọn giặc, may vừa gặp quân của Công Huyền từ bảo Sơn Tĩnh trở về đến sông nhánh Ô Môn. Công Huyền thân đốc bọn Lãn binh Lê Khoan Mạnh, Phó vệ úy Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Văn Y và viên quan bị cách Lê Văn Trung, tiến đánh luôn mấy ngày. Vệ binh Hoàng Văn Tế chém được Hoè Ất ở ngay trận tiền. Quan quân thừa thắng chém được 38 tên đồ đảng của giặc và bắn chết được hơn 40 đứa. Bọn giặc sợ hãi, chạy tan. Quan quân lấy được thuyền bè khí giới rất nhiều. Huyền lại đem biên binh tiến đến đồn Bông Bốc phủ Lạc Hoá để dẹp giặc.

Vua nghe thấy thế, khen rằng : “Dem quân đến lúc này, khéo đúng thời cơ, được tin báo làm cho lòng người thêm phấn khởi”. Huyền được khôi phục một cấp. Nguyễn Văn Hoàng thăng hàm Vệ úy ; từ bọn Lê Khoan Mạnh trở xuống đều được thưởng kỷ lục quân công có thứ bậc. Lê Văn Trung được khôi phục hàm Tư vụ, Hoàng Văn Tế được đặc cách bổ Đội trưởng, lại thưởng cho 20 lạng bạc.

Lại dụ cho Huyền đem quân đặc thắng ấy để kích lệ khí hăng hái cho các quân lính, chỉ giết những kẻ thủ ác, còn những kẻ bị giặc bắt hiếp đi theo thì nên hiểu bảo cho họ rõ đường hoạ phúc, để họ quay đầu trở lại quy thuận.

Lại thông dụ cho các đạo biết : quân đi tiểu bộ đến chỗ nào mà kẻ nào dám kháng cự lại thì cho được lập tức tiêu diệt, còn dân cư ở đấy thì tùy nghi mà phủ dụ. Nếu có người nào lại tạ sự, quấy nhiễu, hễ ai cáo giác ra, thì lập tức chiếu theo quân pháp trị tội.

Thổ ty ở Cam Lộ về [Kinh] làm lễ dâng hương, lại được vua cho vào ra mắt, ban cho bạc lạng, sa tắm, rồi cho về.

Bộ Binh tâu rằng : “Các tỉnh ở Nam Kỳ, ngạch quân đều thiếu cả. Xin do các hạt khản đốc các phủ, huyện phải chiếu theo số lính của hạt mình thiếu là bao nhiêu, hạn trong một tháng phải đúng hạn bổ sung cho đủ, rồi làm danh sách đệ tâu, sẽ liệu lượng khen thưởng. Nếu phủ huyện nào vẫn còn để thiếu số lính như trước, thì chỉ rõ tên những huyện ấy đàn hạch tâu lên để trừng phạt ; bất tất phải câu nệ đến hạn cuối năm mới làm danh sách. Các quan thượng ty có trách nhiệm phải thúc giục, cũng xin phân biệt thưởng phạt để cho nghiêm lệnh về việc xét công”. Vua y cho.

Tổng đốc tỉnh Thanh Tôn Thất Lương, tâu rằng : “Thành và bờ hào ở lãng Triệu Tường, nền đất vương trước lãng cùng là thành và bờ hào ở tỉnh, xin tiếp tục xây đắp lại, lưu hết các biên binh để làm việc”. Vua có dụ báo cho biết rằng : “Hạt tỉnh Thanh của ngươi không may bị mất mùa, triều đình đã phát thóc để bán cho, lại cho vay tiền, lại sai đi kiếm nhặt các vật liệu, sửa đắp đường công, đê tư, cho được thuê mướn bằng giá cao, cũng là ý nghĩa lấy công ăn việc làm để thay phát

chấn. Nay nên liệu lượng thuê dân trong hạt độ 4.000-5.000 người cùng với bọn biên binh đương tại ban để làm, bắt tất phải bắt đến các biên binh đã hết phiên ở ban, há chẳng tiện cho cả binh lẫn dân ư ? Còn về số tiền và gạo trả công thuê mướn, phải phát thẳng tận tay người làm, đừng để cho kẻ không tốt chাম mút trong việc ấy mới được”.

Sau đó, Lương đuổi hết dân phu về, lại bắt lính đã hết phiên ở ban ra làm. Vua giận là trái ý, ban lời quở mắng rất nghiêm khắc.

Trước đây, dân tỉnh Thanh bị đói, tỉnh thần xin bán thóc cho và cho vay tiền. Vua sai quan Khoa đạo là Vũ Trọng Bình gấp đến tỉnh Thanh để hội đồng làm việc. Bình dâng sớ xin không kể là dân có tên trong sổ hay ngoài sổ, hết thảy đều cấp cho cả. Vua hỏi các đại thần. Trương Đăng Quế tâu rằng : “Bình không biết cách làm việc, có lẽ nào dân ở ngoài sổ đình mà cũng đều cấp cho cả bao giờ ! Việc ấy sau thôi, không bàn đến nữa.

Kịp đến khi Lương trái ý vua, tự tiện làm, Bình không nói gì cả. Sau có Chỉ sức hỏi, Bình nói là khi ấy bị ốm, không dự làm việc ấy.

Khi ấy có tên Đặng Văn Hải, nguyên trước can án làm giặc, tội phải xử tử, được giảm xuống làm tội lưu, gặp có ân xá được tha. Lương xin trả lại gia sản cho Hải. Vua đem việc ấy hỏi bộ Hình. Vũ Xuân Cẩn tâu rằng : “Hải là một tên tù phải tội xử tử, được tha chết là may lắm rồi, tịch thu gia sản để giúp cho những người nghèo đói cùng khổ là phải, việc gì phải hoàn lại ?” Vua cho là phải.

Thi Hội. Sai thự Đông các Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn làm chủ khảo, Thượng thư bộ Công Nguyễn Trung Mậu làm phó khảo. Lấy trúng cách⁽¹⁾ 11 người : Nguyễn Dốc, Ngô Điền, Đào Danh Văn, Bùi Duy Phan, Phạm Bá Tuệ, Nguyễn Xuân Thọ, Lê Đức, Bùi Tuấn, Trần Vĩ, Vũ Văn Lý, Hồ Văn Trị, và 4 người phó bảng : Vũ Tá An, Vũ Nguyễn Doanh, Đỗ Huy Uyển, Phạm Xuân Quế. (Lệ cũ, thi vào tháng 3, khoa này vì trùng với ngày tế Giao, cho nên hoãn lại).

Vua rất trọng đạo Nho, yêu học trò. Khoa này, kỳ đệ nhất, vua ra đầu bài. Kỳ nào cũng cho các cống sĩ ăn cơm trưa. Truyền Chỉ rằng : Khoa trước cho than, khoa này cho ăn cơm, là thịnh điển của triều đình ưu đãi các sĩ phu, bọn sĩ phu các người đều nên cố sức làm văn, bày tỏ hết sở trường của mình, để đáp lại lòng chu chuân của ta khuyến khích, cất nhắc nhân tài, nối việc chấn hưng văn trị.

Sắc cho bọn Vũ Văn Giải rằng : “Các người là người làm cơm, phải nên cẩn thận cho các sĩ phu tài tuấn của ta được tiến lên ; cần phải tinh khiết, không được lạo thảo”.

(1) Đủ tiêu chuẩn đỗ tiến sĩ.

Lại truyền Chỉ cho quan trường phải giữ lòng công bằng mà chấm văn, chớ nên câu nệ bó buộc quá.

Có giám sinh Nguyễn Xuân Thường, ngoại 60 tuổi, không dự hạng lấy đỗ. Vua mở xem danh sách, bảo Nội các rằng : “Nhà nước dạy nuôi nhân tài, muốn cho được kịp thời bỏ dùng, sao nỡ để cho họ chìm mãi trong nhà học, đọc sách đến bạc đầu ư?”. Truyền cho bộ Lại sát hạch, bỏ làm Huấn đạo huyện Phú Xuyên.

Có người học sinh ở Thái Nguyên đem lương vào Quốc tử giám để học. Vua nghe thấy thế, phán rằng : “Thái Nguyên là tỉnh ở nơi biên viễn, thế mà người học sinh ấy lại cố chí đến Kinh đô để được biết văn vật chế độ của nước nhà, cũng đáng khen, nên cấp cho học bổng cũng như hạng ám sinh”. Từ đấy, các sĩ phu đua nhau học tập, văn phong càng thêm mở mang.

Vua lại hỏi bộ Lễ : “Thi Hội lấy đỗ vào hạng trúng cách có số ngạch nhất định không?”. Phan Huy Thực thưa rằng : “Chưa có. Còn thi Hương thì duy tỉnh Thừa Thiên là có định ngạch”. Vua phán : “Về thi Hương, các trường cũng nên định trước số ngạch lấy đỗ, nếu không thì quan trường sợ phép nước, có khi thành ra quá khác. Thí dụ như năm trước đây, Lâm Duy Thiếp làm chủ khảo trường Nghệ An, chỉ lấy đỗ có 5 người, đến khi nhà vua ra lệnh cho đình thân duyệt lại, lấy thêm hơn 10 người nữa, sau đó thi Hương, thi Hội [người ta] nối nhau đỗ lên. Nếu không có một phen duyệt lại như thế, chẳng hoá ra bỏ sót người tài ư? Nghề thi cử xưa nay vẫn có cái mộng được người mặc áo đỏ gật đầu ⁽¹⁾, và có sự than thở rằng học đến bạc đầu mà không đỗ, chính là vì thế. Ta xem điển lệ của nhà Thanh, thi Hương, thi Hội, số lấy đỗ đều có ngạch nhất định. Nếu người tuổi già mới đỗ, không thể cho ra làm quan được, cũng cho có hàm rồi về hưu. Thi cử để lấy người tài, rộng rãi như thế, bộ nên nhớ lấy, đợi sau này định lại rõ để thi hành .

Tỉnh Thanh có bọn cướp, lúc nào cũng ở ngoài biển, luôn ngày đón lõng cướp đoạt, làm khổ cho những thuyền buôn. Việc đến tai vua, vua quở rằng : “Đó là bọn cướp chỉ chuyên kiếm ăn ở nơi sóng gió, lỗi ở quân bộ biên mà thôi”. Lập tức sai tinh thần đem thuyền binh đến vây bắt và đem thuyền “Nam Bắc tuần dương” đến bao vây.

Vua lại cho rằng núi Chàng Sơn, tỉnh Quảng Yên là nơi thuyền cướp thường đỗ ở đấy. Sai tinh thần làm quy thức của đồn canh Thiếp Hải. Phái quân hai đội Tuần hải ở tỉnh đến đóng giữ. Nhân đó, khai khẩn những chỗ đất rộng bỏ không và ruộng hoang để cấp lương cho quân lính.

(1) Âu Dương Tu nhà Tống làm chủ khảo, khi chấm văn của người nào, hễ ưng ý, gật đầu thì sau quyền vãn của người ấy quả nhiên được đỗ. (Người mặc áo đỏ, do chữ “chu y sứ giả” mà ra, tượng trưng cho quan trường chấm thi).

Cho Án sát Bình Thuận là Nguyễn Đức Hộ làm thự Bố chính tỉnh Quảng Yên ; Án sát Bắc Ninh là Đỗ Khắc Thu làm thự Bố chính tỉnh Bắc Ninh ; Viên ngoại lang bộ Lại là Vương Hữu Quang làm thự Án sát Bắc Ninh, Thị lang trung bộ Binh là Tôn Thất Tĩnh làm thự Án sát tỉnh Bình Thuận.

Bộ Lại, tuân theo ân chiếu, làm danh sách kê khai các viên nhân bị giáng cấp, cũng có người không được xét để bỏ việc bị giáng đi. Nội các chưa xin Chỉ vua, tự tiện làm phiến nghĩ cho khai phục. Vua giận, phê xuống quở mắng. Các thần là bọn Lâm Duy Thiếp dâng sớ xin nhận tội. Vua dụ rằng : “Đặt ra Nội các là ý Hoàng khảo ta thận trọng đối với mọi việc, cốt để giúp đỡ chính sự, phòng khi hỏi han, tuyên bố lời nói của vua và phát dương những lời dạy bảo mà thôi. Vì là để trừng giới cái tệ của nhà Minh, nhà Thanh, người đứng đầu trăm quan, ở ngôi thủ tướng, che bịt tai mắt vua, chuyên quyền làm uy làm phúc, cho nên mới đặt quan trao chức hàm chánh tam phẩm, mà lấy những viên có chức có hàm trong các bộ, các viện sung vào làm việc. Lại có ý là định rõ điển chương, truyền đến trăm đời, ngày sau không được thay đổi đặt thêm, đến nỗi gây thêm mối tệ. Đã sao lục lời Chỉ dụ ấy giao cho Sử quán để tuân theo mãi mãi, thực là đức sáng soi rõ cơ vi, ngăn ngừa mầm móng lạm quyền, đã chu đáo mà đầy đủ vậy.

“Ta đã xét kỹ bản danh sách cho thanh toán, phạm những người nào can phạm tội tư, không được xét để cho tiêu bỏ tội di, thì dù rằng gặp ân điển, nhưng không gặp được đặc Chỉ của vua, thì ai dám tự tiện làm phiến nghĩ ? Huống chi trong danh sách ấy có tên Phan Bá Ngạn là thuộc viên trong Nội các, đáng lẽ ra Nội các phải giữ ý tránh tiếng, chớ sao lại tự tiện xét lấy ? Vả lại, chưa tâu lên đợi ta chuẩn y, mà dám can rõ tự ý viện dẫn, không bằng cứ vào đâu, khinh suất làm phiến nghĩ xin ! Nếu ta chẳng muốn xong việc, phê một chữ có khó gì, thì chẳng hoá ra tai mắt thấy nghe của thiên hạ đều do tay bọn ấy làm ra ư ? Không ngờ tự tiện dám làm như thế, bọn ấy có chịu nổi được tội ấy chăng ? Ta xem qua là hiểu, không y lời nghĩ xin, lập tức phê vào tờ tâu nghiêm ngặt quở trách. Cứ bọn Nội các là Lâm Duy Thiếp, Trương Tiến Sĩ làm tờ tâu tự phân trần, chỉ giập đầu xuống đất xin nhận tội và xin giao cho bộ để nghị tội mà thôi, không dám nói thêm câu gì cả. Ta cứ theo sự công bằng đúng lẽ ra, thì phải giao việc này xuống cho đình thần bàn để xử trị một cách nghiêm ngặt, để ngăn cái tệ đối vua, lộng quyền ở khi khác. Nhưng, xét về nguyên do sinh ra việc ấy, là vì Lâm Duy Thiếp và Trương Tiến Sĩ là người kiến thức sơ lược, mà thuộc viên Nguyễn Xuân Bảng thì công việc chưa quen, đến nỗi mới có việc làm sơ suất như thế, chứ không phải là cố ý. Chuẩn gia ơn cho án quan là bọn Lâm Duy Thiếp và Trương Tiến Sĩ đều bị giáng 2 cấp ; người khởi thảo ra phiến nghĩ là Nguyễn Xuân Bảng phải giáng 4 cấp, đều chuẩn cho ở lại làm việc, để xem sự báo hiệu sau này. Vả lại, ta giữ một lòng rất công bằng ngay thẳng để phép nước

được hay, nghiệp cũ được vững, nếu có kẻ nào manh tâm gây mối tệ hại, lập tức giao xuống đình nghị, chính rõ tội danh. Nhưng xét ra không phải là cố tình làm bậy, còn có thể xử nhẹ được. Ta có phải là người muốn mua chuộc cái tiếng quảng đại, lòng nhân nhuơn, để gia ơn một chút, bao che cho người, bẻ cong pháp luật đâu ? Chuẩn cho đem tờ dụ này ban bố bên trong, bên ngoài, để mọi người đều biết ta làm việc giữ công bằng theo đúng phép, tuân theo quy mô hay của Hoàng khảo, ngăn phòng những cơ vi chớm phát, và khuyên răn ngay từ khi chưa xảy ra. Phàm những hàng khanh sĩ ở trong Kinh và các chức tư mục ở các tỉnh của ta, đều nên hết lòng hết sức, thi thố mưu chước và việc làm cho được tốt ; phải công bằng trung nghĩa để báo ơn nước, siêng năng cẩn thận để xứng đáng với chức vụ ; thanh liêm để giữ mình, tín ái để yên dân, thì mới có thể được cùng hưởng phúc với nước, được yêu quý lâu dài, thực là một điều ta rất mong muốn đó. Đã cố gắng lại phải cố gắng thêm lên !”.

Lại dụ cho bộ Lại rằng : “Nội các là những nhân viên ở gần liền bên cạnh, phải để ý ngăn ngừa họ từ những việc nhỏ, việc chớm sinh ra, không thể để cho nó lớn lên được. Ta đã phân biệt mà giáng cấp bọn ấn quan và thuộc viên khởi thảo bản phiến nghị của Nội các để cho biết răn và tuyên dụ trong ngoài đều biết rồi. Nay ta nghĩ rằng : Ta buổi đầu coi chính sự, nên ban ân rộng lớn, những người trong bản danh sách cũ không được dự xét để tiêu bỏ tội lỗi, đều gia ân cho được khai phục cả. Còn ngoài ra, cứ theo ân chiếu mà làm, để đều được thấm nhuần ơn trạch, mở rộng lòng nhân từ của ta. Từ nay về sau, không được vin dụ này làm lệ thường”.

Gia tặng cho Thái phó Đông các Đại học sĩ Ba quốc công Trần Hưng Đạt hàm Vinh lộc đại phu Cận Chính điện Đại học sĩ, Thái sư, đối phong là Thọ quốc công. Chính thất của ông là Lê Thị được gia tặng là Thọ quốc Nhất phẩm phu nhân. Sai quan đến tế ở nhà thờ một tuần ; lại tha thuế ruộng đất cho làng ấy trong 5 năm, bắt đầu từ năm Thiệu Trị thứ hai [1842].

Thự Bớ chính Hà Tĩnh là Nguyễn Nghị và Án sát là Nguyễn Văn Liễn có tội bị mất quan. Nghị cho dấu trung thuế quan (ở Gò Độc, Tam Xoa, Hà Hoàng) giá hạ để kiếm lợi. Liễn cũng dự bàn, bị dân hạt ấy là Nguyễn Ký Tế kiện vào Kinh. Có Chỉ truyền cho Nghị và Liễn phải tâu rõ việc ấy, thì lời tâu của Nghị và Liễn không giống nhau. Lần đầu tiên phái cho Biện lý bộ Hình là Vũ Phạm Khải đến tra xét. Khi Khải đến xét, được biết Nghị ăn của lót 40 lạng bạc, thì thu lại số tiền tham tang ấy đưa vào kho. Lại cho là Liễn cũng có tình tiết phù đồng với Nghị, tham hặc cả hai người. Vua phán rằng : “Nghị, khi trước ở Quảng Nam, đã không được công trạng gì, nay lại tham ô như thế. Cho hạng ấy giữ chức trách một địa phương, thì chỉ đẽo khoét của dân, có ích gì cho việc ? Vua bèn cách chức của Nghị, mà sai Hữu thị lang bộ Lại là Nguyễn Đồng Khoa làm Bớ chính Hà Tĩnh, hộ lý ấn quan phòng

của tuân phủ, tra xét lại rồi tâu lên ý nghĩ thế nào để xử tội cho đúng. Khoa lại xét ra khi đấu trung xong, Liễn ăn lễ tính số tham tang đến 20 lạng bạc. Nghĩ xin bắt tội Nghị và Liễn cùng bằng nhau đều phải tội đồ 3 năm. Vua phán rằng : “Việc, có người chuyên chủ, có người tham dự, số tang có người trước, người sau, người nhiều, người ít không giống nhau, đáng nên bắt tội Nghị là thủ phạm, mà Liễn là tông phạm, sao được bắt tội nhập ngục như thế?”. Vua giao việc ấy cho viện Đô sát xét lại. Bắt tội Nghị phải đồ 3 năm, Liễn phải phạt trượng, cách chức, đồ 1 năm. Khái vì tội ban đầu tra xét không chu đáo, Khoa vì tội kết nghĩ không đúng mức, đều bị giáng 1 cấp nhưng được lưu lại làm việc.

Đổi tên chùa Quy Tông ở Khánh Hoà làm chùa Kim Sơn, chùa Viên Sơn [Tông] ở Quảng Ngãi làm chùa Diệu Giác, chùa Ba [Hoa] Nghiêm ở Quảng Nam làm chùa Từ Quang (hai chùa Quy Tông và Viên Tông đều do Thế tổ Hiếu vũ hoàng đế đặt tên, còn chùa Ba [Hoa] Nghiêm thì do Thánh tổ Nhân hoàng đế đặt tên).

Lại đổi : đội Tà ba [hoa] làm đội Tà thụ, đội [Hoa] pháo làm đội Hoả pháo, sổ Hoa danh là sổ Anh danh, thợ Triền ti ⁽¹⁾ làm thợ Chúc ty, thợ Hoa dâng ⁽²⁾ làm thợ Lạp chúc, thợ Hồng ty hoa ⁽³⁾ làm thợ Hồng ty, thợ Tuyên chuyên ⁽⁴⁾ làm thợ Xế chuyên, thợ Triền chinh trụ ⁽⁵⁾ làm thợ Kết chinh trụ, thợ Triền đao binh ⁽⁶⁾ làm thợ Bao đao binh, thợ Ba ngân làm thợ Phương ngân.

Phát quần áo cho lính thú ở Trấn Tây, An Giang, Hà Tiên và Vĩnh Long.

Phát ra 86.000 quan tiền đồng hạng nhỏ cho các tỉnh ở Bắc Kỳ, tiền Gia Long và Minh Mệnh mỗi thứ một nửa (5 tỉnh to như Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh mỗi tỉnh đều 10.000 quan, 2 tỉnh vừa như Hưng Yên, Ninh Bình, mỗi tỉnh đều 6.000 quan ; 6 tỉnh nhỏ như Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng và Quảng Yên mỗi tỉnh đều 4.000 quan). Sau, vì bọn chớ thuyền làm mất cả, vua sai tỉnh Hà Nội theo mẫu đúc lại hơn 20.000 quan tiền đồng chia phát cho các tỉnh.

Bọn thổ phi ở Hà Tiên vây đánh đồn Chu Nham, quân có đến hàng nghìn. Án sát Hoàng Mẫn Đạt chia uỷ cho Lãnh binh Nguyễn Văn Thai và Phó quản cơ Dương Văn Thuận đem quân đến hiệp sức để giữ và phi báo cho thành Trấn Tây phái thêm quân tiếp viện. Nhưng quân tiếp viện chưa đến, bọn giặc lại đến núi Tô Châu, ý muốn dòm ngó tỉnh lỵ ; lại từ núi Lạc Trĩ, sấn đến nơi lỵ đài. Trong thành thấy số quân ít, không đủ sai phái, Văn Thuận từ đồn Chu Nham về tỉnh, dọc đường bị giặc giết chết. Bọn giặc lại đem hết quân vây quanh bốn mặt. Đạt bèn bắt những

(1), (2), (3), (4), (5), (6) : Triền ti : kết tơ. Hoa dâng : làm đèn hoa. Hồng ty hoa : làm hoa bằng tơ đỏ. Tuyên chuyên : đóng gạch. Triền chinh trụ : kết dùi đánh chiêng. Triền đao binh : kết chuỗi đao. Vì các chữ : hoa (ba), triền, tuyên đều là chữ huy phải kiêng, nên đổi làm chữ khác.

quân và dân ở quanh tỉnh uỷ cho viên Lãnh binh cũ bị cách chức phải đi hiệu lực là Hà Văn Cũ hết sức chống giữ, bắn ra, bọn giặc nhiều kẻ bị thương và chết. Vừa gặp Lê Quang Huyền đem quân từ Khai Quảng về, bọn giặc phải rút lui. Việc đến tai vua, thưởng cho Đạt được thực thụ Án sát, Nguyễn Văn Thai được kỷ lục 2 thứ, Hà Văn Cũ được khôi phục chức Cai đội, Dương Văn Thuận được truy tặng hàm Cấm binh Phó vệ úy.

Sau, Huyền bị ốm, trích lấy Kinh lược đạo Tá lý là Đinh Văn Huy quyền lĩnh Bố chính Hà Tiên, kiêm hộ lý án quan phòng của Tuần phủ tỉnh ấy. Lại sai Lãnh binh Quảng Nam là Lương Văn Liễu gặp đến Hà Tiên vẫn giữ chức cũ, thống lĩnh đạo binh thay cho Huyền.

Quân phủ Lạc Hoá thua trận. Bố chính Trần Tuyên và Tri huyện Hoàng Hữu Quang đều chết trận cả. Bọn thổ phỉ đã đánh úp được phủ lý, liền đánh phá tấn Định An, giết chết viên thủ ngữ và mấy người lính đồn. Bố chính Trần Tuyên, Án sát Nguyễn Sĩ Đãng dò biết quân ở cơ Long nhệ có người thông với bọn giặc, trước tiên bắt 18 tên bị tố giặc đem giam lại. Tuyên để Đãng ở lại giữ tỉnh thành, rồi mật đi bắt hết thổ binh ở hai cơ, chia giao giam giữ, để đề phòng sự bất ngờ, rồi tự đem hơn 1.000 biển binh đến phủ Lạc Hoá để tiêu bắt bọn giặc.

Vua nghe thấy thế, quả rằng : “Bọn thổ binh cơ Long nhệ vẫn ở yên nơi tỉnh lý. Tuyên không biết để tâm võ vệ, lấy ơn huệ làm cho họ mến, lại bắt điểm mục rồi chia giao cho xã dân giam giữ. Quân lính tại ngũ còn đối xử như thế, thì những người khác ai dám quay đầu về quy thuận ư ? Nhưng việc đã trót làm rồi thì không trách nữa. Nay đã đem biển binh đến hội tiêu, lại có đạo quân của Bùi Công Huyền chia đường đến ngay, khanh phải sớm dẹp cho được yên bọn giặc, thế nào ta cũng xét công cho mà không kể đến lỗi trước nữa”.

Sau đó, Tuyên tiến quân đến đồn Nguyệt Lăng (thuộc huyện Vĩnh Trị), 17 ngày quân đi đến sóc Lò Ngâu. Bọn Thổ phỉ và Thanh phỉ họp nhau lại đến hơn 1.000 người, kéo đến dàn quân chống cự lại. Tuyên chia quân làm 5 toán (trung, tiền, hậu, tả, hữu) hợp sức đánh lại, từ giờ Dần đến giờ Ngọ, đốt cháy 5 sóc Lò Ngâu, Càn Chông, Nô Động, Trà Tâm, Trà Thiết, chém được 7 đầu giặc, bắn chết 12 đứa. Bọn giặc đều sợ chạy. Trời tối, thu quân về sóc Nô Động, quan quân đi hàng một như xâu cá. Chợt bị mưa gió tối mù mịt, quân phục của bọn giặc thốt nhiên bốn mặt nổi dậy, bọn hương đồng chạy tan trước tiên, Phó cơ Hoàng Văn Văn, Nguyễn Văn Trí cũng bỏ chạy, thự Vệ úy Lê Văn Kỳ, thí sai Quản cơ Nguyễn Cửu Tường ở đường bên hữu đóng quân lại để giữ lấy mình. Bọn giặc kéo nhau đến giết bừa đi ; Tri huyện Trà Vinh là Hoàng Hữu Quang thấy Tuyên bị quân giặc đánh sát đến tận nơi, lập tức rút gươm chạy đến cứu, cùng với Tuyên đều bị bọn giặc giết chết, án triệu và bài ngà đều bị bọn giặc cướp lấy cả. Bang biện Quản cơ

Phan Văn Thịnh cũng chết ở trận. Binh đồng bị chết đến hơn 100 người. Súng và khí giới bị mất gần hết. Bùi Công Huyền nghe thấy tin Tuyên bị chết trận, mới đem quân từ Vĩnh Trị đến.

Vua cho rằng Tuyên bị chết trận là do Huyền đóng quân lại, lần nữa không đến cứu viện ngay, giận lắm, phái cho Quản vệ Nguyễn Tiến Song và thự Chương án Cấp sự trung Lê Chân đến tận quân thứ tuyên Chỉ cách chức của Huyền nhưng lưu lại làm việc, chuẩn cho dẫn số biên binh đem đến khi trước, hết sức đi dẹp giặc. Bắt đầu từ ngày nhận được Dụ này, hạn trong 15 ngày, phải tiêu diệt cho hết bọn giặc, thì không những là được tha tội, mà lại được ghi công nữa. Nếu hết hạn ấy, không được công trạng gì, thì bắt trói đem về Kinh trị tội. Chuẩn cho chém đầu Hoàng Văn Văn và Nguyễn Văn Trí ở trước quân để cho mọi người biết. Lê Văn Kỳ và Nguyễn Cửu Trường đều bị cách chức, sung làm quân tiên khu, gắng sức chuộc tội. Trần Tuyên và Phan Văn Thịnh được cấp cho tiền tuất gấp đôi. Hoàng Hữu Quang được truy tặng Tri phủ.

Sau đó Lê Chân cùng với Ngự sử Phan Văn Xường người nào cũng dâng sớ tham hặc Huyền về tội dùng dằng làm nhỡ việc. Vua cho là Huyền đã bị cách chức rồi, không bắt tội thêm nữa. Đến sau, Chân lại về Kinh, Nguyễn Tiến Song ở lại quân thứ, đốc thúc việc đánh dẹp.

Cho Bố chính Gia Định Lê Khánh Trinh làm Bố chính Vĩnh Long ; sai đúc lại và cấp cho ấn quan phòng của Bố chính.

Viên giám thủ kho của Tiên Thọ là Nguyễn Thịnh lấy trộm tiền của kho, đáng phải tội trăm giam hậu. Thái hoàng Thái hậu truyền khoan giảm cho, đổi làm phạt 100 trượng, đóng gông bêu ra nơi công cộng, hết hạn phải bêu, bắt khổ sai ở sở Thị vệ. Sai Thị lang bộ Hộ là Phạm Thế Hiển kiểm soát lại đồ vật trong kho, nếu có tổn hại hoặc xén bớt gì cũng tha cho không xử tội thêm nữa, chỉ bắt phải bồi lại thôi.

Cho : thự Tả tham tri bộ Hình Đặng Đức Thiệm làm thự Hữu tham tri bộ Lại ; Viên ngoại lang bộ Lại Nguyễn Cửu Trường làm thự Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, tham biện công việc trong Nội các. Bồ Ngộ Văn Dịch làm Án sát tỉnh Quảng Ngãi.

Vua thân làm bài “Thiếu Phương viên thi” (bài thơ này chép trong *Thi tập* của vua), ban cho các hoàng đệ. Nhân thế, vua bảo Trương Đăng Quế rằng : “Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, nhờ phúc trời giúp, con cái đông nhiều, anh em ta đều phải đối xử với nhau cho hết đạo, để tu sửa luân thường của loài người mà thôi, cho nên, ta làm thơ tự khuyên răn mình, để cho các hoàng đệ đều tự nghĩ mà khuyến khích cố gắng, giữ tiếng tốt được mãi mãi, khỏi phụ lòng Hoàng khảo ta dạy nuôi, rèn luyện. Còn như câu “Bộ nguyệt thừa nhan thống mạc truy”

步月承顏痛莫追 nghĩa là “cái cảnh hầu cha dạo bước dưới trăng nay không còn nữa, rất lấy làm đau đớn”, là để ngụ ý ta thương nhớ cha, cũng muốn cho các em cảm nhớ cha không lúc nào nguôi trong bụng vậy”.

Lại nói : “Trong *Kinh Thi* khen vua Văn Vương có trăm con trai, cũng là lời xung tụng đó thôi, Hoàng khảo ta có 76 con trai, 67 con gái, thế thì gọi là trăm con, chẳng cũng đúng ư ?”.

Ngự sử Phan Văn Xưởng tâu rằng : “Mới về, bọn thổ phỉ ở Ô Môn làm loạn, dân ở đấy bỏ đi nơi khác, thế mà Quản cơ Trần Đức Tế và đội trưởng Tô Văn Hương do tinh phách đến đóng để phòng giữ, mượn cớ bói việc, hoặc lấy không thuyền của dân, hoặc thu riêng thóc gạo. Tri phủ Nguyễn Văn Đức lại nhân thế đổi lấy thuyền của dân, dân chúng thường thường ta thán. Kịp khi hỏi đến, thì Đức thú nhận hết cả, thực là trái phép”.

Vua phán rằng : “Không ngờ bọn họ nhiều dân đến thế ! Duyên do bọn thổ dân gây hấn trước đây có lẽ cũng do bọn họ kêu gọi ra đó. Sai chém đầu và đem đi rêu rao Tô Văn Hương tại nơi đã phạm tội ; cách chức và đóng xiềng giao bộ tra xét Trần Đức Tế và Nguyễn Văn Đức. Khi án thành, dâng lên phát phối Tế và Đức đi làm lính ở quân tiền khu nơi quân thứ. Thương cho Xưởng 1 đồng kim tiền, lại thăng cho 1 cấp.

Xưởng lại tâu : “Án của Ngọc Biện khi trước, do Dương Quan Thảo theo dật ra, Dương Văn Phong khép buộc vào, Trương Minh Giảng không chịu xét đến căn nguyên, nhất vị y theo, để cho được Ngọc Biện phải chịu oan, bọn thổ dân tức giận, việc biến loạn ở Trấn Tây ngày nay chính là do án ấy kêu gọi ra vậy”.

Vua đem việc ấy hỏi Doãn Uẩn, Uẩn thưa rằng : “Thần không dự biết án ấy, chỉ nghe thấy Lê Văn Đức có nói : Ngọc Biện chịu ơn triều đình rất hậu, có gì lại mưu trốn đi, tình cũng đáng ngờ. Vua phán : “Trong việc ấy tất có duyên cớ, nếu không thì Phan Văn Xưởng đâu dám khiêu oan cho con ma người Man, hãy tạm để việc ấy đấy”.

Cho : Vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh Quảng Nam Nguyễn Đức Chung làm Vệ úy Thần cơ Hữu vệ ; Vệ úy Thủy vệ tỉnh Bình Định Đỗ Đức Tân làm thự Vệ úy vệ Hữu dục Tả nhị quân Vũ lâm ; Vệ úy vệ Trung thủy tỉnh Nghệ An Phan Văn Cẩn làm thự Vệ úy vệ Hữu nhị quân thủy ở Kinh kỳ ; các Cai đội Lê Văn Pháp làm thự Phó vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh Quảng Nam, Nguyễn Văn Nhược làm thự Phó vệ úy vệ Trung thủy tỉnh Nghệ An, Phạm Văn Nghiêm làm Phó vệ úy Thủy vệ tỉnh Bình Định. Bồ Vũ Văn Đẩu làm Vệ úy Hữu thủy tỉnh Hải Dương.

Gọi Lãnh binh tỉnh Bắc Ninh là Nguyễn Hữu Chính về Kinh, cho Lãnh binh tỉnh Hà Tĩnh là Giáp Văn Tân làm Lãnh binh tỉnh Bắc Ninh, Lãnh binh Sơn Tây là Bùi Văn Đức làm Vệ úy, tác vi Phó lãnh binh tỉnh Thái Nguyên là Trần Văn Luận làm Phó lãnh binh tỉnh Sơn Tây.

Vua dụ Bớ chính Lạng Sơn là Trần Ngọc Lâm rằng : “Hạt người là nơi quan trọng xung yếu, cần phải hết lòng trông nom bờ cõi, để cho không xảy trộm cướp, nhân dân được yên, chớ vì xa cách triều đình hàng muôn dặm mà có sự che giấu”.

Lại dụ Án sát Quảng Yên Vũ Viết Sĩ rằng : “Hạt người đường biển xa rộng, cần phải hết sức phòng giữ, để dẹp yên bọn giặc biển. Lại nên phái người được việc đi ra địa phận ở ngoài biển dò hỏi các thuyền buôn, cho biết hiện nay bọn Tây dương đương chống cự nhau với nhà Thanh, sự thế như thế nào, để phòng sự bất ngờ. Còn ngoài ra thì cứ theo công việc trong tỉnh, yên ủi họ mà cho đi”.

Đại học sĩ Trương Đăng Quế dâng biểu tạ ơn. Vua phê vào tờ biểu rằng : “Trên thì hết đạo để báo đền ơn sâu của Tiên đế tin dùng, dưới thì hết lòng để báo đáp mệnh lệnh của Tiên đế lúc lâm chung chọn người ký thác”. Vua cho ngồi và sai Nội các đọc lên. Rồi khóc và bảo rằng : “Xa vắng lời dạy của cha, tháng ngày thấm thoát đã đầy 100 ngày. Xem bài biểu tạ của khanh, bất giác lại thêm cảm nhớ ! Khanh là người bề tôi có mệnh lệnh của Tiên đế ký thác để lại giúp ta, nếu ta có điều gì lỗi lệch, phải can ngăn ngay trước mặt, đừng sợ là trái ý. Hiện nay, về tình hình của dân, mối tệ của quan lại, khanh có nghe thấy thế nào không ? Ta có nghe thấy rằng : xin mổ trâu là một việc nhỏ, thế mà các địa phương mượn cớ để kiếm lợi trong khi phê đơn cho phép ! Mua gỗ là việc cốt để lưu thông tiền của cho dân được thêm rộng tiêu, thế mà bọn nha lại bó buộc phải đúng tắc thước, loại bỏ, làm khó dễ ! Xem như năm ngoái ở Hà Nội có phát ra vụ án về việc giá cả mua bán với dân thì đủ biết”. Quế thưa rằng : “Phép đặt ra thì tệ cũng sinh ra, không thể nào khỏi được, thần chỉ nghe qua được một vài việc thôi. Tóm lại, quan cốt được người giỏi, thì dân mới được yên nghiệp”. Vua phán : “Chọn được người giỏi, khó lắm, nên nghĩ cách thứ hai là làm thế nào để cứu được tệ, nếu cứu được tệ, thì dân cũng có thể tỉnh lại được một chút !”.

Vua hỏi bộ Lễ : “Trong lễ, có lệ cúng trăm ngày không ?”. Phan Huy Thực thưa : “Việc cúng trăm ngày, là theo lối nhà Phật, trong lễ không thấy chép, Tư Mã Ôn Công và Chu Văn Công đã từng bài bác việc cúng ấy. Lễ của nhà Tống đến trăm ngày thì thôi không khóc nữa, là nói riêng về lệ ba tháng mới đem chôn, chứ không phải là lễ thông thường của nước. Quốc triều ta, năm Minh Mệnh thứ nhất [1820] trăm ngày có làm lễ cúng”. Vua phán : “Lễ, phải theo đúng lúc mới bắt đầu, nên kính theo thế mà làm”.

Sở làm việc xây lăng Hiếu Sơn, người làm việc phần nhiều bị ốm. Sai viện Thái y phát thuốc công, phái y sinh đến chữa. Phần nhiều chữa không khỏi, người ốm càng ngày càng nhiều (khi bắt đầu mới phát có 50-60 người, dần dần đến 400-500 người, rồi sau đến hơn 3.000 người). Cả Đổng lý đại thần Hà Duy Phiên cũng ốm. Vua rất lấy làm lo, hằng ngày sai trung sứ đến hỏi thăm tới tấp ở ngoài đường.

Vua bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : "Ốm vì dịch lệ chăng ? Vì khí độc rừng núi chăng ? Vì làm việc khó nhọc chăng ? Sao người ốm nhiều thế ?". Quế thưa : "Chỗ ấy đất lành, nước tốt, không phải là vì khí độc rừng núi ; bệnh do nhiều chứng khác nhau, không phải là vì dịch lệ ; làm việc một ngày nghỉ 5-6 khắc, không phải là vì khó nhọc lắm. Cứ ý thần xét ra, hiện nay nắng dữ oi bức quá, ốm vì nóng đó thôi".

Vua phán : "Cố nhiên là ốm vì nóng nực, nhưng ốm vì thầy thuốc chữa cũng nhiều. Ta thấy bọn y sinh lấy một thang "Lý âm" ⁽¹⁾ cho 40-50 người ốm uống, không hỏi là bệnh chứng nặng nhẹ thế nào, đều cho uống một thứ thuốc cả. Chữa thuốc như thế thì khỏi bệnh thế nào được ! Huống chi, linh thuốc công ra, không phải là không nhiều, mà đem ra chữa chỉ dùng một vài vị rẻ tiền. Khắc khừ trên giường, người ốm chồng chất lên nhau, không nghĩ việc cứu cho người sống, chỉ nghĩ cách kiếm lợi cho mình mà thôi. Làm thuốc, là nghề có lòng nhân từ, vậy mà trong lòng đã tề liệt vì lợi, thì còn làm thầy thuốc thế nào được ?". Lập tức sai bộ Binh phái thuộc ty đến tận nơi ghi biên chữa được khỏi nhiều ít thế nào để định thưởng phạt (thí dụ chữa 50 người mà khỏi cả, thì được thưởng hậu, khỏi được 2 phần 3 thì vào hạng thứ nhì, khỏi được 1 phần 3 thì đem đến trại lính đánh 100 roi, đuổi về gạch dân, để điền thế cho số lính khuyết). Đối tội phát vãng ⁽²⁾ của bọn Hoàng Đức Hạ (nguyên trước phát vãng đi làm đồn điền ở Trạch Nguyên) giao cho viện Thái y bắt làm khổ sai, góp sức chữa thuốc, nếu chữa khỏi được nhiều người, sẽ liệu lượng cho khoan giảm.

Lại sắc cho các đại thần ở sở làm việc xây lăng phải hết lòng trông nom giúp đỡ : người nào bị ốm thì quản suất phải trông nom cơm nước thuốc thang, cho ở riêng ra một nơi, giặt rửa giường chiếu cho sạch, dùng để cho hơi ốm nồng nặc. Bộ Hộ cấp thêm gạo trắng để tiếp tế việc cơm cháo. Từ đấy trở đi, chữa được nhiều người khỏi, bệnh chứng cũng giảm dần đi. Vua mới bằng lòng.

Có y sinh Lê Lộc lấy trộm 30 cân thuốc công, bộ Hình tính giá tang vật, bắt phạt trưng rồi tha. Vua phán rằng : "Thuốc để cứu giúp người ốm, lại để giúp cho thầy thuốc kiếm lợi, tang vật tuy ít, nhưng tội tình thì nặng, đáng ghét". Vua đổi

(1) Lý âm : tên một phương thuốc.

(2) Tội phải đem đi làm công việc nặng ở một nơi nào đó.

giao cho viện Đô sát xét lại, bắt tội Lộc phải phạt trưng sung làm lính. Viện trưởng viện Thái y vì tội thất sát, cũng giáng 2 cấp, được lưu chức.

Vua cho rằng thành Trấn Tây có biến, bọn thổ phi lan ra nhiều, kế vạn toàn không gì bằng trước hết giữ lấy căn bản. Gia Định và An Giang đều là hạt lớn ở Nam Kỳ, hiện nay binh đông sai phái đi nhiều ngả, quân thủ hộ ở tỉnh thành không còn mấy. Vua bèn sai hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định phái binh lính hai tỉnh ấy chia đến đóng giữ, để giúp vào việc trấn áp. Từ quân vệ và cơ trở xuống đều thưởng cho 2 tháng tiền lương bổng, (lính Quảng Ngãi đến đóng ở Gia Định, lính Bình Định đến đóng ở An Giang).

Thị vệ Bùi Bá Bằng ở Trấn Tây về, vua cho triệu vào hỏi tình trạng ở Trấn Tây. Bằng tâu rằng : “Tên Chất Tri ở Hải Tây mượn tiếng là viện lập tên Nặc Ong Giun, được người Man theo nhiều. Quân ta ở Trấn Tây, bọn hương đồng thì hèn nhát không thể tin cậy được ; quan quân tuy hùng mạnh, tiến đánh hăng hái, nhưng vì đường buôn bán không thông, giá các vật dụng lên vọt, không có một thuốc chiếu để nằm, áo mặc không che kín thân thể. Mới đây, lại nhiều người bị ốm ở đường, thuốc công không chu cấp đủ. Hiện nay các đại thần đương đắp lũy dài, làm kế phòng giữ, chưa tính gì đến việc đi tiểu. Bọn Ngọc Vân được tha về, người thổ dân rất vui mừng, đón đường thăm hỏi, nhưng vì họ sợ uy thế người Xiêm, chưa biết họ có dám quay đầu về quy thuận hay không”.

Vua ngồi thù ra một lúc, rồi bảo các đại thần Trương Đăng Quế và Phạm Hữu Tâm rằng : “Sự thế ở Trấn Tây như thế, các tướng quân, tham tán và tán lý nay xin thêm quân, mai xin thêm lương, 5 - 6 tháng nay chưa từng làm được việc gì ; nay lại đắp lũy, giữ chặt riêng một xóm, còn bọn giặc ở chỗ khác không dám động gì đến ! Nếu bọn giặc biết ra mà đem quân chặn đường xung yếu, chẳng cũng đáng lo ư ? Các đại thần thử nghĩ xem có phương lược gì để đối phó với bọn giặc ấy không ?”.

Quế xin nhắc lại tờ dụ trước, nghiêm nghị trách cứ các viên ấy không được ngồi một chỗ, bỏ phí thì giờ, làm cho quân lính trễ nải, lương thực tổn phí.

Tâm thưa rằng : “Cuối xuân đầu hè, là mùa mưa ở Trấn Tây, nước lụt sắp đến, nước lụt đến thì quân Xiêm phải về, còn người Man thì không đáng lo ngại”.

Vua bảo Doãn Uẩn rằng : “Người Thổ trước đây thù hằn nước Xiêm, nay lại ơn nước Xiêm mà thù hằn ta, sao bọn thổ dân lúc theo lúc bỏ khác nhau như thế ? Ta nghe chuyện thổ mục và thổ dân giết chết tên Dương Quan Thảo, tại sao họ lại oán quá lắm thế !”.

Uẩn thưa rằng : “Hoàng hốt không thường, là thói quen của người Man, Quan Thảo là người tin cậy của Dương Văn Phong, lại ở luôn bên cạnh Trương Minh Giảng. Người Man vì thế oán giận”.

Vua phán rằng : “Con ong, con bọ cũng có nọc độc, lẽ cố nhiên như thế. Oán Thảo tức là oán Phong. Phong tự khi làm hồng việc đến giờ, sợ hãi luống cuống, chỉ ngồi đấy mà đợi chết thôi, còn làm được việc gì ! Đáng giận, đáng giết !”.

Sở làm công việc xây dựng lăng, vì ven núi, hay xảy nạn bị hổ làm hại. Quân lính (quân Hùng nhuệ) có người vào núi bị hổ cắn chết. Tả Quang Cự đem việc ấy tâu lên. Vua phán rằng : “Hổ làm hại người, không khu trừ ngay là lỗi quan địa phương ! Lính chết vì hổ, có quân viên tâu lên ; dân chết vì hổ thì có ai tâu lên không ? . Lập tức sai Đề đốc Nguyễn Cửu Đức đem quân trong phủ và bọn săn lưới, theo dấu chân hổ, tìm cách vây bắt. Người nào bị chết thì cho tiền tuất gấp đôi. Đức đến đấy hơn 10 ngày, không bắt được con hổ nào. Vua ban quở và giáng 2 cấp. Bọn Doãn thừa Phạm Khôi và Bùi Nhật Tiến đều bị giáng mỗi người 1 cấp. Độ hơn một tháng sau, bắt được 4 con hổ. Vua khen rằng : “Biện Trang ngày xưa bắt được 2 con hổ, nay Đức lại bắt được gấp hai. Thưởng cho Đức và Quản vệ Phan Ngọc Lương mỗi người 1 đồng kim tiền hạng lớn và những biên binh đã bắt được thưởng chung 200 quan tiền. Những cấp bị giáng đều được khai phục cả”.

Người Man Nam Chương sang cướp châu Ninh Biên thuộc Hưng Hoá, đốt và cướp đồn binh, lại đốt cháy mất 139 nóc nhà của dân cư xã Thanh Phong. Hộ phủ là Ngụy Khắc Tuấn được tin báo, đem quân trong tỉnh đến đuổi, khi đến nơi thì bọn Man đã đi được 10 ngày rồi. Tuấn đem việc ấy tâu lên, lại xin đặt thêm nơi phủ lý, mộ dân đến lập ấp, khai khẩn những chỗ bỏ hoang, mở mang việc buôn bán, để tính phương kế làm cho nơi biên viễn được đầy đủ chắc chắn.

Vua bảo đại thần Trương Đăng Quế rằng : “Chỗ đất ấy ở tít nơi biên viễn, lại tiếp giáp với người Man Lạp, phải nên thi thố một phen, để được yên tĩnh mãi mãi. Và lại, rừng núi xa rộng, người Nùng, người Thổ ở lẫn với nhau. Nếu chiêu tập người lương thiện, cấp cho trâu cày, để khai khẩn ruộng hoang, chẳng bao lâu thành ra nơi đông vui. Tập tâu này của Ngụy Khắc Tuấn cũng là một phương sách hay vậy. Giao xuống cho hai bộ Hộ và Binh bàn xét kỹ lại”.

Miễn cho các Thái trưởng công chúa quỳ lạy ở nơi nội đình. Dụ rằng : “Các Thái trưởng công chúa đều là người họ rất thân của nhà vua, tuổi ngày một nhiều, theo lẽ, phải nên hậu đãi. Nếu cứ câu nệ vào lễ thường, động việc gì cũng quỳ lạy, ta thấy không được yên lòng. Và lại, thánh nhân đặt lễ, tất phải lấy nhân tình làm gốc, mà trong chốn gia đình, kính người trên làm trọng. Chuẩn cho từ nay về sau, gặp có việc tiết lễ khánh hạ, và bất thân ban cho thức gì, thì các Thái trưởng công chúa đều miễn cho không phải làm lễ 3 lần quỳ, 6 lần vái, để tỏ lòng ta rất kính người trên, hậu đãi thân thuộc. Các Thái trưởng công chúa như : Bình Thái, Bình Hưng, Bảo Lộc, Bảo Thuận, tuổi già lầy bẩy, đã được Hoàng khảo ta đặc ân phong

cho thái ấp. Ta nối theo chí trước, thường thường nghĩ đến người thân thuộc, sai thái giám thỉnh thoảng đến nhà riêng, tuyên Chi hỏi thăm sức mạnh, để yên lòng ta.

Đốc học tỉnh Sơn Tây là Vũ Duy Tân bị ốm, cho Tri phủ Vĩnh Tường là Lê Duy Trung làm thự Đốc học Sơn Tây.

Lãnh binh tỉnh Bình Thuận Đỗ Văn Sửu bị ốm, đổi bổ làm Vệ úy Hùng nhuệ Hậu vệ. Bổ thự Vệ úy Hùng nhuệ Tả vệ là Nguyễn Sáng làm Lãnh binh Bình Thuận.

Phó lãnh binh Nam Định là Phan Văn Đạt chết. Cho Phó vệ úy vệ Tiền bảo nhất là Nguyễn Văn Đạt sung bổ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN VII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất [1841], mùa hạ, tháng 4, mồng 1, làm lễ Hạ hưởng. Sai hoàng tử và hoàng thân chia nhau đi lễ thay. Trước đây, việc làm lễ hợp tế và lễ Xuân hưởng, vì có quốc tang, tạm hoãn. Đến đây, bộ Lễ bàn lại, cho là tế ở nhà tông miếu, cốt để tỏ việc hiếu với tổ tiên, cho nên thánh nhân đặt ra lễ, tất phải dựa vào lòng người mà làm ra phẩm tiết lễ văn. Kính xét trong sách *Ngũ lễ thông khảo* : Có tang thì trong ba năm không tế, nghĩa là chính mình không đi tế thôi. Đã làm lễ tốt khốc rồi thì đối với lễ hưởng và lễ tế, không thể bỏ được, sai người đứng đầu trong Tôn nhân phủ đi tế thay, là để tỏ rõ lòng người con hiếu thương nhớ tổ tiên, mà lại là để tỏ ý kính cẩn nữa. Song, ngày chôn cất vào sơn lăng hãy còn lâu, nếu cứ nhất khải cầu nệ đến sau khi tốt khốc mới làm, thì lễ hưởng tế bỏ bằng lâu ngày, đối với nhân tình và lễ chế, e có chỗ chưa được ổn. Xét về việc để tang của Trung Quốc : theo điển lệ nhà Minh thì lễ Xuân hưởng, sai quan đi thay, đến khi rước thần vị lên thờ ở nhà Thái miếu, đều có đặt đồ âm nhạc nhưng không tấu. Theo điển lệ nhà Thanh thì việc làm lễ hưởng về mùa xuân, mùa hạ, mùa thu đều sai quan đi thay ; còn lễ hưởng về mùa đông và lễ hợp tế đều thân đến làm lễ, có đặt đồ nhạc mà không tấu nhạc. Nay xin tham chước cả điển lệ của nhà Minh và nhà Thanh, làm lễ hưởng trong ba tháng đầu mùa hạ, mùa thu và mùa đông, thì sai quan mặc phẩm phục làm lễ, có đặt đồ nhạc mà không tấu nhạc. Còn như lễ hợp tế thì đã đến quá một năm, đã tiện theo về lễ cát rồi, xin đợi gần đến kỳ ấy bàn rồi tâu lên sau. Vua y theo.

Ngày hôm ấy, vua thân đến ban thờ Hoàng khảo làm lễ (cũng như nghi tiết tế Ân điện, chỉ thêm có thịt xôi và quả phẩm). Sai hoàng tử đến làm lễ ở điện Vĩnh Tư ⁽¹⁾.

Các kỳ mục ở quê hương nhà vua vào Kinh làm lễ dâng hương ở cung Khánh Ninh ⁽²⁾ (các phẩm vật làm lễ dâng hương, trích ở kho trong nội điện ra, bộ Lễ phải sửa soạn trước ngày làm lễ). Trước đây, các địa phương vào làm lễ dâng hương, trong bộ bàn làm, phần nhiều không được chu tất. Vua quở trách nghiêm ngặt, giao cho bộ Lại luận tội. Ngày hôm ấy vua sai bộ thần bàn bổ sung thêm, bày biện sấm uất trang nghiêm (ở trước điện đặt đỉnh hương, án, bàn kỷ, ngoài cửa cung đặt lò đốt hương, có tàn, lọng, án, kỷ. Các kỳ mục đến trước khấu đầu, dâng lễ, đường quan trong bộ đón bưng lấy. Trước tiên đốt kỳ nam vào đỉnh hương, rồi đốt trầm đàn ở lò đốt hương). Làm lễ xong, ngày hôm sau, cho các kỳ mục vào ra mắt ở điện Văn Minh. Lễ vật dâng mừng vua là 90 lạng bạc, do bộ đề tâu lên. Vua phán : “Tấm lòng chí thành, ta đã biết rồi. Cốt ở lễ ý, chứ không cốt ở vật phẩm”. Sai trả lại đủ số bạc.

Lại dụ rằng : “Ta mới nối ngôi, rộng ban ơn trạch, cho thân dân trong ngoài, ai cũng được thấm nhuần cả. Làng Gia Miêu là nơi quê hương của ta, huyện Tống Sơn là nơi phát tích. Trước đây, đã ban ân điển ưu hậu. Bọn kỳ mục đến đây, tấm lòng thành khẩn ta rất khen ngợi. Vậy thưởng thêm cho vàng bạc, tiền đồng và lụa có thứ bậc, để tỏ lòng chu chí của ta ưu đãi người làng càng thêm lên mãi (trang Gia Miêu được thưởng 100 lạng bạc ; cả huyện Tống Sơn được thưởng 2 000 quan tiền, các kỳ lão trong cả huyện, người nào 100 tuổi trở lên, mỗi người thưởng 2 lạng bạc, 2 tấm lụa ; 90 tuổi trở lên, mỗi người 1 lạng bạc, 1 tấm lụa ; 80 tuổi trở lên, mỗi người 1 đồng ngân tiền Phi long hạng nhỏ, 1 tấm lụa ; 7 người kỳ mục được đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, người 10 đồng, người 8 đồng, người 7 đồng và quần áo đều có thứ bậc).

Đúc sách vàng, ấn vàng để truy tôn. Vua bảo bộ Lễ rằng : “Quốc triều ta, về chế độ ở nhà Thái miếu rất nghiêm cẩn, như : tôn thụy của Liệt thánh trước, có vị dùng 18 chữ, vị dùng 12 chữ, vị dùng 8 chữ, vị dùng 20 chữ, có thứ tự nhất định, đều có ý nghĩa trong ấy cả. Sách vàng thì số tờ dùng số lẻ, từ 3 đến 5 tờ, 7 tờ nhưng không được quá 9 tờ. Nay trong sách vàng số chữ hơi nhiều, nếu 3 tờ không đủ, làm thêm lên 7 tờ cũng được. Dòng chữ thưa hay mau, 6 dòng hoặc 8 dòng, châm thước kính cẩn mà viết, (sách lụa, ấn lụa làm bằng gấm theo như hình ấn sách bằng vàng mà làm).

(1) Điện Vĩnh Tư : thờ Thuận đức Nhân hoàng hậu, mẹ Thiệu Trị.

(2) Cung Khánh Ninh : nơi đặt bàn thờ Minh Mệnh.

Vua lại bảo bọn Phan Huy Thục, Phan Bá Đạt rằng : “Trong sách nói : Lễ nghi 300 mục, uy nghi 3 000 thứ, là nói lễ tỉ mỉ và nhiều lắm. Ta làm việc gì cũng theo điển lễ, xét đi hỏi lại hai, ba lần, là có ý muốn cho được đầy đủ, rõ ràng. Bộ thần có chức trách phải kính cẩn, ít lâu nay công việc làm phần nhiều suất lược, như là bàn việc tấn tôn, làm lễ cáo yết các miếu mà không nói đến cáo yết điện Phụng Tiên ⁽¹⁾, nếu ta không nhớ ra, thì lỗi nào to bằng ! Việc giống như thế còn nhiều, không những là một việc các địa phương đến làm lễ dâng hương mà thôi đâu ! Nay truy tôn là lễ to, đã chọn được ngày tốt, và ngày làm lễ Ninh lăng ⁽²⁾ cũng gần tới. Đó là việc quốc lễ quan trọng, tiết mục nhiều lắm, từ nay phải nên hết sức bàn tính để làm, cho được mười phần chu tất thoả đáng để thoả lòng ta”.

Sắc cho bộ Binh rằng : “Phàm những binh lính đương tại ngũ ở Kinh, người nào bị ốm, nếu ở gần quê quán (như ở phủ Thừa Thiên và các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi) thì cho về dưỡng bệnh ở nhà, tùy theo bệnh nặng nhẹ cấp cho tiền (bệnh nhẹ thì cấp cho 1 quan, bệnh nặng thì cấp cho 2 quan), hạn trong một tháng phải đến quân ngũ. Quê ở xa (như ở Bình Định) thì ở lại trại lính, Nhà nước trông nuôi : viên quản suất phải chăm nom cho cẩn thận), bộ Hộ cấp cho gạo trắng, sớ Thái y cấp cho thuốc công. Cơm cháo, thuốc thang cũng giống như sở làm thợ.

Lại sai các ty trong bộ Binh : đi khắp các dinh, vệ, hiểu dụ cho quân lính biết là triều đình yêu thương các binh lính không coi người tỉnh nào hơn tỉnh nào, chỉ ngại rằng những người quê hương xa cách, trong lúc khí trời nóng bức, có sự không tiện cho người ốm đi lại, cho nên lưu lại ở trại lính để chữa, cũng như chữa bệnh ở nhà mà thôi, chớ thấy thế mà suy bì sinh lòng ngờ vực. Những quân lính bị ốm nghe thấy nói thế đều cảm kích vui lòng, quên cả sự về nhà để dưỡng bệnh.

Cho : Bó chính Quảng Trị Nguyễn Đăng Uẩn bổ làm Bó chính sứ ở Gia Định ; thự Tham tri bộ Lại Đặng Đức Thiêm bổ làm thự Tuần phủ Trị - Bình ⁽³⁾, kiêm lĩnh chức Bó chính sứ tỉnh ấy. Cho : Bó chính Sơn Tây Nguyễn Văn Nhị bổ làm Bó chính Ninh Bình hộ lý ấn quan phòng tuần phủ tỉnh ấy ; Án sát Hà Nội Lương Quốc Quang thăng thự Bó chính Sơn Tây ; Lang trung Nội vụ phủ Phan Tĩnh bổ làm Án sát sứ Hà Tĩnh ; Lang trung Vũ khố Lê Văn Thu bổ làm Lang trung Nội vụ phủ, hội đồng với Lê Văn Du, hộ lý ấn quan phòng của Nội vụ phủ.

(1) *Điện Phụng Tiên* : thờ các thần chủ từ Cao hoàng đế và Hoàng hậu trở xuống.

(2) *Ninh lăng* : an táng vào sơn lăng.

(3) Quảng Trị và Quảng Bình.

Phạt trọng bọn thị vệ là Hồ Văn Phúc và Lê Trọng Bá ở quân xá vệ Cẩm y. Từ khi thành Trấn Tây có việc binh đao lan ra mấy tỉnh, vua lúc nào cũng bận lòng đến miền Nam, hằng ngày mong được nghe tin thắng trận của quan quân. Sai thị vệ đi hỏi tin tức, kể trước người sau, đi lại tới tấp, kịp khi trở về, vua hoặc hỏi ngay ở tiền điện, hoặc sai các đại thần hỏi tin. Bọn Phúc lờ mờ không biết gì, trả lời một cách mơ hồ. Vua quở rằng : “Uổng mất một chuyến đi toi, phí công ngựa trạm, đi không lại về không, thì dùng làm gì cái hạng người ấy ! Lập tức sai lính vệ Cẩm y đánh cho mỗi người 80 trượng. Hoàng Bá Bằng dù vẫn đặc lực, nhưng chuyến đi này cũng không được việc gì, cũng bị đánh 40 roi.

Được một lát, Nguyễn Như Ngữ ở Trấn Tây về, hỏi tin tức, nói rất tường tận. Vua truyền Chỉ khen thưởng.

Người lính đội Kim sang là Trương Văn Tài mang ngà voi nhờ sở Thị vệ dâng lên vua, và tự nói rằng : “Muời hôm trước đây đi bán ở trong rừng thuộc tỉnh Quảng Trị có bán được con voi chạy lông đi, rồi sau chết ; người kiếm củi trên núi là Hồ Như Đống lấy được ngà, tìm mãi mấy ngày mới bắt được, xin đem về nộp”.

Vua ngờ là Tài nói dối, sai xét lại cặp ngà, thì khô ráo, không có mùi tanh. Sai bộ Binh cật vấn lại. Tài vẫn khai như trước. Đại thần Trương Đăng Quế tâu hộ cho rằng : “Việc này tầm thường, tư đi hỏi lại mãi, không khỏi làm phiền nhiễu cho dân”.

Vua phán rằng : “Ý ta không thế, việc tuy nhỏ, nhưng quan hệ rất to. Theo lệ trước giờ, trong bọn lính Túc vệ, được đi săn bắn trong rừng núi ở nơi kỳ phụ, cốt để trừ giống thú dữ cho dân ở được yên, tập bắn để phòng khi sai phái, còn việc có được ngà voi hay không, không kể làm gì. Tài bắn được ngà voi, chưa quá 10 ngày, sao ngà lại khô ráo như thế ? Sao biết con voi mà người kiếm củi trên núi bắt được là voi của Tài đã bắn ? Nếu có cậy thế, nhân việc sai phái dọa nạt dân thường, thì cái tệ ấy rất không thể gây cho lớn lên được mãi. Vua lập tức sai giải về tỉnh Quảng Trị triệt để tra xét. Sau đó Đặng Đức Thiêm dâng sớ tâu rằng : “Tài quả nói dối, ngà voi ấy người kiếm củi trên núi bắt được đã hơn 2 tháng rồi, Tài dọa nạt cướp lấy, người kiếm củi không dám tranh lại”. Vua cười, nói rằng : “Tượng của què trong *Kinh Dịch* có câu : “Phần thi chi nha” (răng nanh con lợn thiếu) là có ý ngăn ngừa ngay từ lúc mới đốm ra. Bèn sai lấy ngà voi trả lại cho người kiếm củi, bắt tội Tài sung làm quân ở Trấn Tây.

Ngày Bính Thân, quét vôi và tô vẽ điện Sùng Ân. Thương cho viên giám đốc và thợ có thứ bạc.

Sai các tỉnh Bình Định, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên và Quảng Yên họp làm sổ sách đình điền. Tỉnh Bình Định làm vào tháng 6

năm nay ⁽¹⁾, còn các tỉnh khác làm vào tháng 6 sang năm ⁽²⁾, đều phải đến bộ xét lại để làm. Từ nay về sau cứ theo niên hạn toát tu ⁽³⁾ hay hội tu ⁽⁴⁾ mà thi hành.

Giám bớt sản thuế cho huyện Thọ Xương và huyện Vĩnh Thuận thuộc tỉnh Hà Nội. Tỉnh thần dâng sớ tâu rằng : “Hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận ở quanh tỉnh thành đều là dân “tứ chính” ⁽⁵⁾ xưa nay tụ họp đông đúc, buôn bán kiếm ăn. Từ năm Minh Mệnh thứ 12 [1831], sau khi bắt lính, thành ra lưu tán đi ở nơi khác. Năm thứ 17 [1836] đã bắt về đăng tên vào hộ tịch, để đóng sản thuế, sau đó vì có bệnh dịch, có kẻ đem cả vợ con đi nơi khác, có kẻ bỏ nhà cửa trống không. Những người hiện còn ở nơi trú ngụ thì chỉ bán nước chè, gánh nước thuê kiếm ăn. Nay cứ hàng năm bắt phải nộp sản thuế không khỏi càng thêm túng bấn. Vậy xin liệu cách cứu chữa cho dân được bớt đau khổ”. Vua chuẩn y lời bộ bàn định, lượng giảm cho tráng hạng được chiết can nộp 6 quan tiền ; những người già ốm chỉ phải nộp một nửa (Lệ cũ : tráng hạng cả năm chiết can nộp 8 quan tiền, các người già yếu, 4 quan tiền).

Cho : Hữu viện phán Trịnh Văn Nho thăng Viên ngoại lang bộ Lại, sung chức Hành tẩu ở viện Cơ mật, nhưng vẫn kiêm lĩnh chức Ngự y ở viện Thái y ; Tả viện phán Trần Nhật Cật thăng Phó ngự y. Bọn Nho chữa thuốc cho Từ Cung được khỏi bệnh, cho nên được đặc cách thăng bổ.

Quản viên dinh Thần cơ Lê Văn Phú tâu rằng : “Quanh bốn mặt thành, đài, các súng ống, khí giới và thuốc đạn, đều do quân dinh Thần cơ coi giữ cả, mà quân trong dinh thì phải chiếu theo địa phận các đồn để đóng giữ, sai phái linh tinh, sợ khi cần kíp giúp đỡ lẫn nhau không được chu đáo. Vậy xin giao cho các dinh vệ, chiếu theo đồn nào thuộc địa phận của dinh vệ nào thì chia lính ra coi giữ, cho được giản tiện”. Vua y theo.

Thuyền ngự đã đóng xong, đặt tên là thuyền “Tuồng long tam” (trước đã có thuyền Tuồng long nhất và thuyền Tuồng long nhị), thuyền thép bạc. Thường cho viên trông coi các người tùy biện, lính và thợ đều có thứ bạc.

Sửa chữa hai thuyền Thiện hồng và Tuồng kha, sơn thép cũng giống thuyền Tuồng long.

Làm nhà rạp kết hoa ở điện Vĩnh Tư. Sai thự Thống chế Vũ Văn Giải và Nhất đẳng thị vệ Hồ Văn Thập sung chức trông coi việc làm rạp, thường trước cho 1 tháng tiền lương. Trong một tuần làm xong, thưởng thêm đều có thứ bạc (thường

(1) Năm Thiệu Trị thứ nhất [1841].

(2) Năm Thiệu Trị thứ hai [1842].

(3) Tóm lấy những điều cốt yếu mà làm.

(4) Hội đồng lại với nhau mà làm.

(5) Tục gọi là “tứ chiếng” tức là từ các nơi đến quán tụ lại.

cho Giải 1 đồng kim tiền Thiệu Trị Phi long hạng nhỏ. Thập 1 đồng kim tiền Bát bảo. Các quân vệ, suất đội theo đi làm việc mỗi người 1 đồng ngân tiền lớn hoặc nhỏ. Các binh lính và thợ làm thưởng chung 100 quan tiền).

Sắp đến ngày làm lễ truy tôn. Vua sai làm nhà rạp trước, trưng bày các đồ vật. Lại sai làm thành bằng tre ở bến đò vườn Vĩnh Ấm, dàn bày thuyền ngự làm nơi hành dinh vua đóng để ăn chay, chuẩn bị làm lễ.

Án sát Nghệ An Hoàng Thu được cáo nghỉ ở nhà để tang, cho Quốc tử giám Tư nghiệp Phạm Hữu Nghi làm thay.

Sai Thị đọc học sĩ Trương Tiến Sĩ và Thị vệ trưởng Hoàng Bá Bằng gấp đem tờ dụ cho các tướng ở Trấn Tây để hỏi về sách lược đánh hoặc giữ. Tờ dụ rằng : “Địa hạt Trấn Tây thuộc về triều đình đã lâu, Tướng quân Trương Minh Giảng và bọn tham tán, hiệp tán có trách nhiệm trông coi toàn quyền một địa phương ; bọn Kinh lược đại thần Phạm Văn Điển, Tham tán Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Công Trứ cũng có trách nhiệm toàn quyền đi đánh dẹp. Người có toàn quyền trông coi một địa phương, nhậm chức không phải là không lâu, người được toàn quyền đi đánh dẹp, uỷ nhiệm không phải là không long trọng. Ta, buổi đầu nối ngôi, chưa nghĩ đến việc khác, chỉ nghĩ ngay đến các tướng sĩ đi đánh giặc ở miền Tây, ở ngoài vất vả, trước tiên trích tiền bạc ra ban cho, xuống dụ uỷ lạo các tướng sĩ rất là chu tất ân cần. Lại thân làm tờ dụ phái người đem đến khao thưởng để cổ vũ tinh thần quân lính. Tuy rằng chưa sánh được với người xưa, cùng quân lính uống chung rượu trút trên dòng sông ⁽¹⁾ vỗ về cho quân lính hăng hái, đương rét mà ấm lên như mặc áo bông, làm cho mọi người thoả mãn, nhưng về việc yêu quý những người ở hàng trận, không sự gì là không hết lòng chu tất. Ta lại nghĩ : Việc binh không thể ở xa mà liệu tính được, cho nên lại cho được tuỳ nghi mà làm, để [các khanh] được thi thố hết sở trường của mình. Mỗi khi có tâu xin việc gì, ta đều chiều lòng y cho, không có ngăn trở gì cả. Vì các khanh đều là hạng danh thần kỳ cựu, lịch duyệt việc binh, cho nên được ta tin cẩn chuyên dùng, để được mở rộng mưu mô công việc, tuỳ cơ đánh dẹp nắm lấy phần thắng, cho đến thành công. Thế mà tính từ khi đem quân đi đánh đến giờ, chỉ có một trận Sa Tôn làm nổi được uy thanh của triều đình. Rồi vì hạng tiểu tướng đốn mặt là bọn Vũ Đức Trung tự ý hoà riêng với đầu mục của giặc đem quân về ngay không chịu thừa thắng quét sạch để cho xong việc, lại rút các đạo quân ở Hải Đông và Sơn Tĩnh về. Đến nay, bấm đốt ngón tay đã đầy 3 tháng, chỉ ở trong thành hạt Trấn Tây đóng quân ngồi giữ ; không vạch ra một cơ mưu gì, nghĩ ra một phương sách nào, để tính việc tiến đánh cho được. Còn ngoài

(1) Nguyên văn chữ Hán là “đầu giao” 投醪, do điển ngày xưa có một tướng giàu tinh thần đồng cam, cộng khổ với quân lính ; khi có người biểu một bầu rượu, bèn sai trút cả xuống sông để cùng quân sĩ múc lấy mà uống.

chỗ quân quan đồn trú, hơn 20 huyện đất rộng như thế, để mặc cho bọn giặc tự do đi lại, không còn kiêng sợ gì ! Thậm chí đến quân đóng ở tấn Xà Năng cũng rút về nốt, tự mình dỡ bỏ các phen che đi, để cho đường sá bị trở ngại, sự thám báo không thông, nhất thiết không nghĩ gì đến cả. Thế thì chức to làm chủ một địa phương, trách trọng quản đốc việc binh nhưng, mưu tính việc nước ở chỗ nào ? Tức như trong tập tâu trước nói là đào hào cho sâu, đắp lũy cho cao là nói về khi quân giặc ở xa đến, chúng phải đánh ngay mới lợi, mà ta thì lấy quân lính nhân rồi đối phó với quân địch nhọc mệt, lấy sự yên tĩnh để chế ngự sự náo động, thì mới nắm được quyền thắng lợi. Nay Chất Tri nó đến vào lúc nào, tên Giun nó ở vào chỗ nào, không báo được đích xác, chỉ phao đồn tin hão cho quân địch, làm ngu hoặc dân mình ! Lâu nay chỉ đóng chặt một chỗ để giữ, làm cho phí lương, luôi quân, mình làm chủ mà lại thành ra khách, thế mà gọi là đào hào cho sâu, đắp lũy cho cao để đợi quân giặc thì có đúng không ? Kể ra, người coi quân đánh giặc, phải biết người biết mình, thì trăm trận không trận nào thua. Đã không liệu tính được giặc lại để giặc liệu tính được mình, khiến cho giặc có thể vào lối này ra lối kia, doạ đảng đông, đánh đảng tây, đã sinh chuyện ra ở Ba Xuyên, lại quấy nhiễu ở Lạc Hoá, ngày càng hung hăng, là lỗi tại ai ? Dù ta đã vài bốn lần dụ bảo đình ninh, có lẽ đã khô cả răng, ráo cả lưỡi, mà bọn kinh lược và tướng quân vẫn không hề động lòng ! Tức như lần trước đây, đã có dụ truyền cho phải phát quân đi tiểu ở đường sông Sa An cùng là cho đi dò thám các tên giặc Ma, giặc Giun và tên Chất Tri xem hiện nay quả thực ở chỗ nào, thì lập tức đốc suất và kích lệ các tướng sĩ đánh giết cho một trận rất dữ. Thế mà từ đấy đến nay trừ tính việc làm ra sao, tuyệt nhiên không thấy tâu về trả lời ! Vậy có lẽ cho mệnh lệnh triều đình là bản giấy gửi đi gọi là cho dù việc mà thôi chăng ? Hay cho là chỉ đóng quân trong vòng lũy đất ở Trấn Tây để giữ mình là đắc sách ? Hơn nữa, ngày trước Phạm Văn Điển và Nguyễn Công Trứ tự mình xin đi, cũng đã dự bị sẵn kế cố thủ như ngày nay ư ? Nếu không phải thế, thì xin đi một phen làm gì cho thêm rôm chuyện ! Ta thực không hiểu việc làm của các khanh ra sao cả !

“Vả lại, sự thế ngày nay, không ngoài hai việc cần quét hay vỗ yên mà thôi. Nay việc cần quét đã không làm được tý gì, mà việc chiêu dụ vỗ yên cũng chưa thu được công trạng.

“Hiện nay, gần đến mùa nước lớn, lại kể đến thời kỳ canh phòng mùa đông, việc vận lương cho quân lính có nhiều sự không tiện, mà bọn các khanh còn thu tay trong áo, điềm nhiên ngồi trông, chưa nghe thấy cử động việc gì, thì còn đợi đến bao giờ mới đáng làm nữa ? Nay chuẩn truyền dù cho các khanh phải xem tình hình hiện nay, liệu tính như thế nào, nếu tình thế có chậm hay khó, thì một dải mạn sau Sa An phải tùy nghi trừ liệu làm trước, cho được yên tĩnh, để bọn giặc không được

ra vào thì thụt ở đấy làm ngăn trở cho việc vận lương đi lại. Lại trừ tính công việc cần quét hay chiêu dụ, việc gì nên trước, việc gì nên sau, chỗ nào nên giữ, chỗ nào nên đánh, phải lập tức đem việc mưu tính, việc đã làm, xếp đặt ra sao, cho đi ngựa trạm đem về, tâu lên minh bạch. Hoặc giả sức không làm nổi, chịu để cho người khác đến làm thay thì cũng cho cứ thực tình, lập tức về tâu, triều đình không thiếu gì người, đã có cách xử trí. Các khanh hãy nghĩ lấy, ta không nói đến hai lần”.

Bọn Sĩ đem tờ dụ chưa đến nơi thì bọn Kinh lược Phạm Văn Điển và Tướng quân Trương Minh Giảng đã có sớ tâu rằng : “Xiêm mục là Chất Tri sai con rể và 5 người Xiêm mục nữa cùng với bọn tên Ma, tên Y, tên Cố đem 5.000 quân Xiêm, Lào, 5.000-6.000 quân Man, 50 thớt voi, 10 cỗ đại bác đi hộ vệ đưa tên Giun về ở Long Tôn ; lại sai tên Ma đi tụ họp các thổ dân lên đóng ở trước sau và hai bên tả hữu thành Trấn Tây. Tên Giun hằng ngày sai đồ đảng đi chiêu tập các thổ dân, sửa thuyền bè, tính kế đánh úp thành Trấn Tây. Và lại, trước đây, các tỉnh An Giang và Vĩnh Long làm thanh thế và tiếp viện về mạn sau cho thành Trấn Tây, nay thành Trấn Tây lại phải giúp đỡ tiếp ứng cho hai tỉnh ấy trong những khi tác chiến mà số quân hiện đóng ở trong thành cũng bằng số quân ở An Giang thời. Hướng chi, Trấn Tây là nơi chứa lương thực, khí giới, nếu có sự gì bất ngờ, gây ra lầm lỡ không nhỏ. Năm trước, tên Y làm loạn, các thổ dân đều theo ta sai bảo, các cơ An man cũng theo quan quân đi đánh giặc, số quân lính được gọi đi đến 16.000 người, thế mà còn phải trải 6 - 7 tháng trời mới dẹp yên được. Nay chỗ nào cũng có giặc, mà số quân hiện có lại ít ỏi, tất phải tăng gấp đôi, mới có thể chia đường tiến đánh được”.

Vua quả rằng :”Lời tâu phần nhiều che giấu chỗ kém mà thêm đặt chuyện ra, không có gì là chủ kiến cả. Trước đây, đánh phá được 12 nơi đồn lũy của giặc, không nhân lúc bấy giờ tiếp tục dẹp yên luôn đi, lại xin thả cho Ngọc Văn về để chiêu dụ bọn dân chúng của nó. Nay Ngọc Văn đã được thả về, rút cục chẳng được gì, lại xin thêm quân, sao mưu mô vụng kém vậy ! Không ngờ việc làm không đúng với cơ nghi đến như thế ! Dù có phái thêm nhiều quân đến, mà tướng suý hèn nhất tâm thường như thế, cũng không bỏ ích gì. Bọn Phạm Văn Điển mỗi người đều giáng 2 cấp. Trước đây, có phái Trương Tiến Sĩ và Hoàng Bá Bằng đem Chỉ dụ đến hỏi về mưu kế nên đánh hay nên giữ, nay sự thế đã như thế, cũng bắt tất phải hỏi lại làm gì nữa”. Vua bèn cho thụ Chương vệ Nguyễn Công Nhân làm Chương vệ quyền sung Tham tán ở Trấn Tây ; Tôn Thất Mậu làm Phó lãnh binh, Nguyễn Công Trứ lại về chức Tán lý như cũ.

Vua lại dụ rằng : “Việc quân ở Trấn Tây đang khẩn cấp, phàm những việc gì quan trọng khẩn yếu, thì không cứ kỳ hạn nào đều cho ngựa trạm đem về tâu, còn những việc tầm thường thì cứ 10 ngày một lần tâu.

Sai Tham tán Trấn Tây, Nguyễn Tiến Lâm đi giúp bọn Nguyễn Tri Phương để dẹp thổ phi ở Ba Xuyên và Lạc Hoá. Vua dụ rằng : “Ba Xuyên và Lạc Hoá là nơi gần liền không khác gì ở ngay trong lòng bụng, tuy đã có bọn Nguyễn Tri Phương và Bùi Công Huyền, nhưng hiện nay chưa được công trạng gì, phải nên càn quét bằng hết, cho mạn sau được yên. Chuẩn cho đem 1.000 biên binh trong hạt ấy đến ngay hợp sức để tiêu.

Hộ đốc Nguyễn Tri Phương và Lãnh binh Nguyễn Lương Nhân đi tiêu phi ở Trà Tâm và Sóc Trăng, đánh tan được hết. Bọn giặc từ sau khi bị tan vỡ ở Ô Môn, trốn vào Trà Tâm và Sóc Trăng, từ sông chính Trấn Hoà đến Ba Xuyên, chúng lấy đất lấp ngang sông làm cho đường gánh nước không tiện : quân sĩ nhiều người bị ốm. Tri Phương mới đến quân thứ, bàn với Lương Nhân rằng quân ta mới đến, tinh thần đương hăng hái, ta nhân sau khi bọn giặc mới thua mà đánh ngay, tất phải được. Duy quân của ta có hơn 500 - 600 người khi trước bị thua ở Ba Xuyên, chỉ e họ nhát sợ không dùng được. Bọn Tri Phương bèn đến quân môn, lấy nghĩa lý khích lệ, mọi người đều đồng thanh tình nguyện liều chết đánh giặc. Bấy giờ mới cho bọn lính ấy sung vào hàng ngũ, chia quân làm ba đạo. Nguyễn Tri Phương và Phó lãnh binh Phan Đình Vinh đốc suất các chiến thuyền theo hai bên bờ sông tiến đi ; Lương Nhân thì do đường bộ tiến thẳng đến đánh sào huyệt của giặc ở Sóc Trăng. Giặc chạy tan hết cả. Quan quân chém đầu được 2 tên, bắn chết được 25 tên, đốt hết trại và nhà ở của giặc. Đắp luỹ đất, mở dòng sông, dựng cờ thắng trận tàu lên vua biết.

Vua khen rằng : “Khích lệ khí hăng hái của quân lính, lòng lấy thanh thế của trận đánh đầu tiên, Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Lương Nhân thực không phụ lòng biết kén chọn người của ta. Mỗi người đều được thưởng quân công 1 cấp ; Quản cơ Tôn Thất Nghị được bổ Phó vệ úy Cẩm binh ; các tướng hiệu được kỷ lục 1 thứ ; các biên binh đi đánh trận ấy được thưởng chung 1.000 quan tiền.

Tri Phương lại sai người đi chiêu dụ bọn thổ phi, nhưng chúng không chịu theo. Bèn chia quân ra làm ba đạo, Tri Phương quản đốc quân trung đạo, Lương Nhân quản đốc quân tiền đạo, chia làm hai cánh, tả và hữu, tiến đánh Trà Tâm, vừa bắt sống vừa chém được bọn đầu mục và đồ đảng của giặc cộng 187 tên. Giặc tan vỡ. Duy có toán quân hậu đạo, vì Phó vệ úy Đoàn Văn Ngạch và Phó cơ Phạm Hòa đem quân đi riêng lẻ, không đi theo mặt trận, bị giặc đánh chặn ngang, đều bị chết trận, quân lính bị chết hơn 10 người. Quân hậu đạo chạy tan, Phan Đình Vinh ngăn lại, không được. Súng lớn, súng nhỏ, khí giới và nghi trượng bỏ mất khá nhiều. Việc đến tai vua, Phan Đình Vinh cùng Phó cơ Trần Hưng, Đặng Văn Luật và Phan Văn Quế đều bị cách chức, đuổi ra làm quân tiền khu để gánh sức chuộc tội. Tri Phương và Lương Nhân vì công và lỗi ngang nhau, được tha tội.

Đặt thêm một viên Phó lãnh binh ở An Giang, hàm Tông tam phẩm. Cho Phó vệ úy Tôn Thất Nghị được bổ làm Phó lãnh binh An Giang ; Phó vệ úy ở Thủy vệ An Giang, Nguyễn Văn Ôn thăng làm Vệ úy ; gia hàm Phó vệ úy Tôn Thất Nha được bổ làm Cẩm binh Phó vệ úy. Vì bọn Nghị xuất sắc trong việc lũng bắt giặc, Tri Phương tâu xin, nên mới có mệnh lệnh cho thăng này.

Đặt thêm các bảo ở dọc bờ sông Vĩnh Tế tỉnh Hà Tiên. Man mục là tên Cờ lên đến huyện Hà Lâm và Hà Dương lấp ngang dòng sông. Phó cơ ở bảo Tĩnh Biên là Nguyễn Túc, Cai đội là Nguyễn Tiểu Chiêu đi hộ vệ lính trạm đem công văn đến cửa ải Giang Thành, đi đường bộ về đến xứ Trà Nục, giặc nấp ở trên bờ sông đón đánh Túc, Chiêu và binh đồng hơn 70 người đều bị chết trận. Tỉnh thần gửi thư sang Ba Xuyên cầu cứu. Nguyễn Tri Phương uỷ cho Nguyễn Lương Nhân ở lại quản thứ, tự đem hơn 1.000 binh đến ngay sông Vĩnh Tế, cùng với bọn Đinh Văn Huy và Lương Văn Liễu họp quân lại, khơi thông dòng sông. Nhân thế, dâng tờ tâu rằng : “Một dải sông Vĩnh Tế là đường lối tất phải đi qua của hai tỉnh An Giang và Hà Tiên, khi có việc tư báo hoặc vận lương nếu chỉ khơi thông chỗ sông bị lấp thời, thì sau khi quân ta đã rút về rồi, bọn giặc chạy tan khi trước lại tụ họp lại, một bên khơi ra, một bên lấp lại, thì không biết bao giờ cho cùng. Vậy nghĩ xin ở những nơi Tiên Nông, Vĩnh Thông, Vĩnh Gia và Vĩnh Điều đều đặt đồn bảo, phái quân đến đóng giữ, khiến cho thanh thế và tin tức thông nhau, để nghiêm việc phòng bị”. Vua y theo.

Nguyễn Tri Phương, Đinh Văn Huy và Lương Văn Liễu đi tiểu phi ở núi Tượng Sơn (thuộc huyện Hà Dương), đánh tan được cả. Quan quân đắp thành bằng đất. Bọn giặc định qua sông, sang mạn Tây, quan quân đón đường ngăn lại, giặc phải chạy trở về. Đến khi đắp xong thành đất, bọn Tri Phương mỗi người đem hơn 1.000 quân, chia đường tiến đánh núi Tượng Sơn. Giặc đem quân chống đánh lại. Quân ta hai bên đánh ập vào, bắn chết được 76 tên, lấy được 1 cỗ súng lớn quá sơn, giặc chạy tan cả. Tin thắng trận báo đến, vua thưởng cho Tri Phương, Văn Huy và Văn Liễu mỗi người 1 đồng ngân tiền Song long hạng lớn, các tướng hiệu mỗi người 1 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, mỗi người đều được kỷ lục 2 thứ.

Vua cho rằng sang năm có đại lễ bang giao, ngự giá ra Bắc, cần làm nhiều việc, phải nên trù tính trước, để được ung dung chính đón. Bèn truyền cho các nha môn từ phủ Thừa Thiên đến tỉnh Hà Nội và từ Hà Nội đến tỉnh Lạng Sơn có những việc gì nên làm, chiếu theo thứ tự trước, sau, hoãn, cấp, tra xét sự lệ, bàn luận rõ ràng, làm bản tâu lên.

Dựng hành cung ở Hà Nội, và quán sứ ở Bắc Ninh và Lạng Sơn. (Hành cung ở Hà Nội : trước điện Kính Thiên dựng điện Thị Triều, điện Cần Chính, đều lợp ngói. Ngoài cửa Ngũ Môn làm nhà rạp dài liền nhau, đằng trước là cửa Chu Tước. Bờ phía nam sông Nhị, làm nhà Công quán, lợp ngói ; bờ phía bắc, từ nhà quán sứ ở

Gia Thụy đến các trạm tiếp đón sứ thần ở Lạng Sơn gồm 7 sở, chỗ nào cũng làm một cái nhà lợp ngói ở chính giữa. Còn các toà nhà ở trước sau và hai bên tả hữu chỗ hành cung và quán sứ thì đều dùng gỗ tạp, lợp cỏ tranh).

Từ phủ Thừa Thiên đến Hà Nội đặt nơi nghỉ trưa và ngủ đêm 41 chỗ : Kim Đài, Đại Lộc, Trung Đan, tỉnh lỵ Quảng Trị, Mai Xá, Xuân Hoà, Hồ Xá, Thuận Trạch, Mỹ Hương, tỉnh lỵ Quảng Bình, Đan Chê, Trảo Nha, Bình Lăng, tỉnh lỵ Ninh Bình, Đoan Vĩ, Lý Nhân, Đội Sơn, tỉnh lỵ Hưng Yên, Nhuế Dương, Mễ Sở, Đồng Nhân (đều là đường thuỷ), Quảng Lộc, Quảng Khê, Quảng An, Tĩnh Thần, Tĩnh Sa, Tĩnh Lạc, Tĩnh Khê, tỉnh lỵ Hà Tĩnh, tỉnh lỵ Nghệ An, An Kim, An Hưng, An Luỹ, An Quỳnh, Thanh Khoa, Thanh Xá, Thanh Thái, Thanh Tĩnh, Thanh Sơn, Biển Sơn, Ninh Du (đều là đường bộ).

Sai bộ gửi kiếu mẫu đi các nơi, chủ yếu là phải làm cho chất phác. Thường tiền cho binh, dân làm việc nhiều ít có thứ bậc. (Hành cung : ở Hà Nội 1 sở, thường tiền 3.000 quan ; nhà quán sứ : ở Gia Thụy 1 sở, tiền 500 quan, từ Bắc Liêm đến Lạng Sơn cộng 7 sở, mỗi sở tiền 300 quan. Đường bộ hành cung ngủ đêm ; tỉnh Thanh 1 sở, tiền 200 quan ; tỉnh lỵ Quảng Bình, Hà Tĩnh và Nghệ An 8 sở, mỗi sở tiền 160 quan. Hành cung nghỉ trưa : tỉnh Thanh 2 sở, Ninh Bình 1 sở, mỗi sở tiền 150 quan ; thuộc địa phận các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh và Nghệ An cộng 7 sở, mỗi sở tiền 120 quan ; hành cung ở bến đò tỉnh lỵ các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hưng Yên cộng 5 sở, đường thuỷ hành cung ngủ đêm : thuộc địa phận Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, tỉnh Thanh, Hà Nội, Hưng Yên cộng 7 sở, mỗi sở tiền 80 quan ; hành cung nghỉ trưa, thuộc địa phận Thừa Thiên, Quảng Bình, tỉnh Thanh, Hưng Yên, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Hà Nội cộng 11 sở, đều mỗi sở 50 quan. Nhà quán sứ ở Đông Đăng 1 sở, ở đường bộ, nhà trạm để quan quân đóng thuộc địa phận Hà Nội, Hà Tĩnh cộng 6 sở, mỗi sở tiền 100 quan.

Lại sai các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá và Nam Định đóng 9 chiếc thuyền vua đi và thuyền Kim đỉnh (Quảng Bình, Nghệ An, tỉnh Thanh mỗi tỉnh đóng 1 chiếc thuyền vua đi và 1 chiếc Kim đỉnh ; Nam Định đóng một chiếc thuyền vua đi và 2 chiếc Kim đỉnh). Tám chiếc đều sơn màu lam và màu trắng, duy có 1 chiếc thuyền vua dùng do tỉnh Nam Định đóng thì thép bạc.

Từ các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình trở về Bắc, các cờ hiệu của các quân doanh cho đến các đồ khí giới và áo mặc của quân lính thứ nào ố bẩn thì làm mới, thứ nào nhụt, rỉ thì mài cho sắc, đều phải nhất luật tươi sáng, để việc võ bị được nghiêm chỉnh.

Thự Cáp sự trung Phan Trí Hoà dâng sớ tâu rằng : “Đặt ra chức Khoa, Đạo, cốt để cử hặc các nghi chế trong triều mà chính đốn về phương pháp làm quan. Từ trước đến giờ, có ngạch quan nào khuyết, theo lệ, phải do đình thần đề cử ; tuy tiếng gọi là đình thần cử ra, nhưng thực thì do một người nào đó tự ý đề cử. Cho nên những kẻ muốn được chóng thăng, không khỏi có sự nhờ cậy thế lực, hoặc bè đảng nâng đỡ. Hướng chi, chức Khoa, Đạo đã do đình thần cử ra, thì sau này không khỏi có chút nhân tình, e rằng sẽ có cái tệ nể mặt. Từ nay về sau nếu có khuyết chức Khoa, Đạo nào, xin do bộ Lại chọn các chức phủ huyện thâm niên, và các chủ sự có chân khoa mục làm danh sách kê rõ sự trạng tâu lên, đợi Chỉ giao xuống để bổ.

Vua dụ rằng : “Về việc biết người hay dở, từ đời xưa vẫn cho là khó, mà việc đem người tài giỏi ra để thờ vua, vẫn là chức vụ của người làm tôi. Dù đến các chức đứng đầu một địa phương còn phải giao xuống công cử, thế mà chức Khoa, Đạo một khi có khuyết lại không do đình thần cử ra, có lẽ nào thế ? Hướng chi, lại xin do bộ đợi Chỉ chọn bổ, thì chỉ chuyên do bộ Lại làm danh sách, cứ theo lời phẩm bình trên giấy tờ, tựu trung có kẻ dụng ý kìm hãm xuống hay tăng bốc lên, lấy đầu làm bằng cứ đích xác ? Sao bằng hỏi ý kiến cả mọi người, tham khảo kẻ hay người dở, còn là chuẩn đích chắc chắn hơn ư ? Lời tâu ấy chưa được hợp lý. Duy có việc sửa chữa phương pháp cho người làm quan được trong sạch xứng chức, vốn là ý của ta buổi đầu dùng người, mong được thịnh trị. Chuẩn cho từ nay về sau, phàm những người được dự vào chân kén chọn cử người, phải cấm tuyệt không cho ai ra vào tư túi, theo đúng phép công, cần xem người mình tiến cử ấy về học hành, về chính sự, có đáng làm chức ấy hay không đã, rồi sau mới chỉ rõ tên để bảo cử. Còn người được tiến cử phải nên hết lòng với chức vụ của mình, giữ gìn ngay thẳng công bằng, trên có thể báo đáp được trách nhiệm đã giao cho, dưới có thể không phụ lòng người đã tiến cử mình. Nếu lại bè đảng với nhau, một khi bị người đàn hặc, hoặc là tự ta xét ra được, tất phải trị tội nặng”.

Cho thự Hữu tham tri bộ Hộ, Doãn Uẩn, kiêm lĩnh việc án vụ của Thông chính sứ ty.

Ngày Canh Tý, truy dâng huy hiệu cho Hoàng tì. Lời văn trong sách vàng rằng : “Mọi loài vật nhờ đất để sinh sống cũng nhờ ở khí trời phát sinh từ trước, thì đạo trời mới thành ; các bề thân hợp tế cùng một nơi, cần phải có huy hiệu cùng được suy tôn, thì đạo con mới đủ. Cho nên, nhờ ở công cha để tôn thờ mẹ, phải đem đạo đất để sánh với trời, vì là quy chế thờ cúng, nghĩa cũng giống nhau, tấm lòng hiếu thảo, người nào cũng thế.

“Kính nghĩ : Hoàng tì, Thuận đức Thần phi bị hạ, chứa đức sáng để sánh với đạo đất, giữ nhu thuận để vâng theo đạo trời. Nếp nhà dòng dõi công thần, ứng điềm hưởng phúc ; là người đức hạnh đều tốt, sớm được mến yêu. Hoàng khảo,

Thánh tổ Nhân hoàng đế khi còn ở nơi tiếm đế ⁽¹⁾ được Hoàng tổ ⁽²⁾ ban mệnh ung cho, chọn ngày tốt làm lễ cưới, về làm dâu trong cung cấm, gây phong hoá buổi ban đầu. Ngâm giúp cho mệnh lớn càng mới thêm, phù hợp với đức cả mong được thấy. Chứa ở trong lòng, thì đoan trang liển một chí hướng, trung chính giữ vững đạo thường ; phát ra bên ngoài, thì khiêm cung mà có lễ nghi ; hoà thuận mà hợp đạo lý. Nguồn phúc gây nên rộng lớn, con cháu được hay ; lượng từ hết thầy bao dung, lòng nhân như một. Nối theo tiếng tốt, Thánh từ ⁽³⁾ đã tin lòng hiếu từ lâu ; vắng ngôi chính cung, Hoàng khảo vẫn nhớ nét hiền mãi mãi. Trời cao xét thấu, ơn lớn được ban. Đền miếu mới dựng lên, khói hương ngào ngạt ; ngôi phi được truy tặng, vinh dự lâu dài. Lâu ngày càng tỏ đức hay, hợp với tính rất thuận của đất ; chuyển vận chẳng hề lúc nghỉ, sánh với đức không ngân của trời. Có đức dày để về sau, tất được tiếng tốt ; vì thánh chỉ đã định trước, rồi cũng hiển vinh.

“Thần, nối việc phụng thờ, trong nhà tông miếu, vẫn nhớ công đức của bậc sinh thành. Nói về ơn riêng thì lễ tôn thân đều đủ ; nói về lễ phải thì khắp trong ngoài một lời. Đã tâu trước với cung Từ Thọ, vâng lời Chỉ dụ của Đức thánh tổ mẫu, Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng thái hậu ⁽⁴⁾. Vậy kính chọn ngày tốt, cáo yết các miếu và ban thờ Hoàng khảo, thân dẫn các người trong Tôn nhân phủ và các quan văn võ, kính đem sách vàng, ấn vàng dâng tôn thụy là Tá thiên Lệ thanh Đoan chính Cung hoà Đốc khánh Từ huy, Minh hiền Thuận đức Nhân hoàng hậu.

“Kính nghĩ : Tôn xưng đã rõ ràng, đức tốt đã nêu tỏ, anh linh cảm cách, cùng chung thờ phụng đến mãi ức năm ; diễm tốt dài lâu, hợp ban phúc lành truyền tới muôn thuở”.

Ngày Tân Sửu, đế thân chủ, làm bài vị để thờ. Ngày hôm sau, ban chiếu cho trong, ngoài. Tờ chiếu rằng :

“Ta nghĩ : Đất dày để chở muôn vật, có đức tốt mới phối hợp được đạo trời ; lễ trọng tôn kính bề thân phải truy tôn để nối theo lòng hiếu thảo. Thơ Trường Phát ca tụng bà Hữu Nhung để khen Huyền Tổ ⁽⁵⁾ lấy nghĩa là sinh ra nhà Ân Thương ; thơ Đại Minh khen ngợi bà Thái Tự sánh với Văn vương, tích phúc mới sinh ra vua Chu Vũ ⁽⁶⁾. Các bậc hậu hiền, các bậc vua sáng ngày xưa, noi nghiệp nhà, nối ngôi vua,

(1) Nơi ở khi chưa lên làm vua.

(2) Chỉ Gia Long, ông nội Thiệu Trị.

(3) Chỉ vợ Gia Long, bà nội Thiệu Trị.

(4) Bà nội Thiệu Trị.

(5) Bà Giản Dịch sinh ra ông Tiết là con gái nước Hữu Nhung. *Huyền tổ* : tức là ông Tiết, tổ nhà Thương.

(6) *Chu vũ* : tức là Vũ Vương nhà Chu.

đều nghĩ đến nguồn gốc của luân thường trời sinh, mới hết được bốn phạm của con người làm cho cha mẹ vẻ vang, cốt để tỏ rõ lễ nghi mà giữ mãi lòng hiếu vậy.

“Kính nghĩ : Hoàng tử, Thuận đức Thân phi, cùng đức Càn nguyên cùng sánh, giúp công việc trời nên hay. Lợi ở trình chính lâu bền, lòng khoan rộng hợp với lượng bao dung của đất ; tốt bởi trước sau đầy đủ, đức quang minh chứng tỏ ra công việc đã làm. Thế tổ Cao hoàng đế, buổi đầu xếp đặt cho con, đã mưu tính đến việc cháu ; Thánh tổ Nhân hoàng đế, trong khi còn làm Thái tử, được sớm định việc kết hôn. Người trời ngẫu nhiên sinh ra, chính giữa lúc nhà Chu vận thịnh ; ngày tốt chọn làm lễ cưới, sớm thuộc về Sần Ấp nhà dòng. Đức hạnh đều hay, hợp cả trí, năng của trời đất ; dung nghi đáng tưởng, để làm khuôn mẫu cho nước nhà. Tính trời đoan nhất mà trình thuần ; giữ mình cung kính mà vui vẻ. Tiết tháo sáng trong như ngọc cư, hành, hoàng vũ, cho người sau ngưỡng mộ tiếng thơm ; nữ công đức hạnh như thơ Quyển Nhĩ, Cát Đàm ⁽¹⁾, chốn cung cấm lưu làm gương sáng. Hoàng tổ khảo, hoàng tổ mẫu vẫn mừng thăm người hiếu thảo tất để phúc về sau ; các hàng cháu, các hàng con đều nhờ ở đức nhân từ mới mỗi ngày một thịnh. Phong hoá để nơi khuê khố, cho cơ bản của Đại nhã ⁽²⁾ do đó gây nên ; tiếng thơm lưu chốn cung vi, cho đức hoá của Nhị Nam ⁽³⁾ không ngại xung tụng. Để lại đức sáng, cảm cách đã thấu đến lòng trời, nhớ lại nét hay, bao phong đội ơn của Hoàng khảo. Truy tặng là Thân phi để ghi lại vợ cả, cung Trường Thu ⁽⁴⁾ ngôi vẫn để không ; cho thụy là Thận đức để nêu tỏ mẫu nghi, tìm gương cũ ⁽⁵⁾ lòng đã định sẵn.

Ta, kể ít tuổi này, vâng theo chí người trước, nghĩ đến bậc chí nhân. To lớn thay đức khởi thủy của trời, rất mực thay đức sinh vật của đất, đều đội ơn sâu, kể sao cho xiết ; bên cha cũng phải tôn, bên mẹ cũng phải kính, tỏ lòng hiếu thảo, lâu mãi không cùng. Đều kính, đều tôn, trong ngoài như một ; ngôi chính, danh tôn, điển lễ rất lớn. Đã được Chỉ của Đức thánh tổ mẫu Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng thái hậu, và đã cáo yết các miếu, ban thờ Hoàng khảo, ngày 16 tháng này đã thân dẫn các người trong Tôn nhân phủ cùng các quan văn võ kính đem sách vàng, ấn vàng truy dâng tôn thụy của Hoàng tử rồi. Tôn bề thân để dựng nền yêu kính, lễ giáo đã thuận lòng người ; để người khác cũng được thăm ơn trên, ban phúc cho cả trăm họ. Đặc biệt ban xuống ân điển cộng 12 điều như sau :

(1) *Thơ Quyển Nhĩ* : khen đức tính của bà hậu phi chăm việc.

Thơ Cát Đàm : khen bà hậu phi chăm làm nữ công dệt vải.

(2) *Đại nhã* : một thiên của *Kinh Thi* nói về chính sự nhà Chu.

(3) *Nhị Nam* : tức hai thiên Nam (Chu Nam, Thiệu Nam) nói về đức hoá của Văn vương nhờ có bà hậu phi giúp đỡ.

(4) *Trường Thu* : cung điện hoàng hậu nhà Hán ở.

(5) *Gương cũ* : xem chú thích số (1), trang 114 ở trên.

1. Hoàng tử đã được phong tước, hoàng thân có tước công, hoàng đệ có tước công, cùng là các quan ở Kinh, văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên, đều được thưởng bạc thay cỗ yến, có thứ bạc.
 2. Các hoàng tử, hoàng đệ chưa được phong tước, đều được gia ơn ban cho có thứ bạc.
 3. Các thái trưởng công chúa, trưởng công chúa, hoàng nữ, hoàng muội, đều được gia ơn ban cho có thứ bạc.
 4. Các quan ở bên ngoài, từ Tướng quân, Tham tán, Tổng đốc, Tuần phủ, Đề đốc, Hiệp tán, Bố chính, Án sát, Lãnh binh đều được thưởng bạc thay cho cỗ yến, có thứ bạc.
 5. Các quan ở Kinh, văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên ; các quan ở ngoài , văn từ Án sát, võ từ Lãnh binh trở lên, trừ ra những viên nào cha mẹ phạm vào trong 10 tội ác và các tội khác không được phong, tặng, còn thì cứ chiếu phẩm hàm cho phong, tặng có thứ bạc.
 6. Các viên, tẩm, từ đường, đều sai quan đến tế 1 tuần.
 7. Các quan văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên, già ốm về hưu, do các quan địa phương đến thăm hỏi đem tình hình tâu lên, sẽ liệu lượng thưởng cấp cho.
 8. Họ Hồ ở Giáp Tây, tôn Linh Chiêu, đều gia ơn cho tiền có thứ bạc.
 9. Các quân lính và người dân, tuổi từ 80 trở lên, đều cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo ; từ 90 tuổi trở lên mỗi người 1 tấm vải, 2 phương gạo ; từ 100 tuổi trở lên, mỗi người 1 tấm lụa, 3 phương gạo. Lại theo lệ, để rõ, để nêu khen.
 10. Ngạch giản binh ở các hạt, nguyên lệ mỗi tháng được 5 tiền và 1 phương gạo, chuẩn cho theo số hiện đương tại ngũ từ tháng 7 đến tháng 12, đều được cấp đủ 1 quan tiền.
 11. Các lính trạm đều được cấp cho tiền lương từ tháng 7 đến tháng 12 có thứ bạc.
 12. Đối với sở Dưỡng tế ở các địa phương, các người có trách nhiệm phải để lòng cấp nuôi cho đủ, đừng để cho họ bơ vơ không có nơi nương tựa.
- Ôi ! Tôn vinh rất mực trên đời, cũng chưa thoả lòng hiếu của ta muốn báo đáp ; kính mến khắp trong bốn biển, xin thường ban phúc lớn cho dân được yên vui.
- Thường cho các bề tôi châu hầu : kim tiền, ngân tiền và sa tẩm có thứ bạc.
Thường cho các quân lính 2.000 quan tiền, các thợ làm 100 quan tiền.

Rút quân đóng đồn ở đồn Quảng Biên. Vua cho rằng dân ở phủ Quảng Biên và huyện Khai Biên ⁽¹⁾ vì sợ hãi bỏ đi nơi khác đã lâu, đóng quân ngồi giữ đất không, thì ích gì ! Sai Án phủ ở Quảng Biên là Lê Quang Nguyên, Quản cơ lĩnh phòng thủ là Phạm Sĩ đều rút biên binh đóng giữ ở đồn về tỉnh cả.

Ngày Nhâm Dần, sửa chữa 7 sơn lăng : Trường Cơ, Trường Mậu, Trường Phong, Trường Thái, Trường Thiệu, Trường Diên, Vĩnh Thanh⁽²⁾. Sai Thống chế Lê Văn Thảo, Chương vệ Hoàng Đăng Thận chia nhau trông coi công việc. Từ viên đồng lý đến quản vệ và suất đội đều được thưởng 1 tháng tiền lương ; lính và thợ cùng với giám thành đều được thưởng 1 tháng rưỡi tiền và lương bổng.

Cho : Phó vệ úy vệ Loạn giá là Tôn Thất Đàm làm thự Vệ úy Tiên phong Tả vệ ; thự Phó vệ úy là Tôn Thất Khương làm thự Phó vệ úy vệ Loạn giá.

Trong Kinh kỳ lâu không mưa. Sai Kinh doãn Phạm Khởi làm lễ cầu đảo và Thị lang Trương Quốc Dụng làm lễ tục đảo. Vua cũng mật đảo ở trong cung. Ngày hôm sau, mưa to, vua sai các quan chia nhau đi làm lễ tạ các miếu sở.

Ban sâm nam cho các hoàng tử, hoàng thân và đình thân văn võ đều có thứ bậc.

Sắc cho bộ Binh chọn lấy hai viên quản vệ quân thủy phái đi thuyền hiệu Tường Hạc chở đạn chì, thuốc súng và 9 vạn quan tiền đến Gia Định để làm quân nhu. Khi thuyền về thì chở các vật hạng của các tỉnh Gia Định, Biên Hoà gửi nộp vào Kinh.

Tân Bình quận công Miên Phong thường cùng với bọn võ lại lén lút tự tiện ra ngoài cửa Kinh thành chơi bờ bãi. Tôn nhân phủ đem việc ấy tâu lên, vua sai tước lương bổng của Phong 1 năm, bắt phải đóng cửa Các để hối lỗi, hai tháng không được ra đến ngoài. Người quản gia phải cách chức cùng với bọn võ lại lén lút ấy đều phải phát phối làm lính ở bảo Ai Lao.

Cho tri huyện Thanh Liêm, Nguyễn Bật Lượng, làm thự Đốc học tỉnh Hưng Yên.

Đặt thêm trạm phụ Biên Lộc ở tỉnh Biên Hoà. Tỉnh thần tâu rằng : “Trạm dưới sông ở Biên Lễ, đường chia hai ngã, lại ở cách xa tỉnh lỵ, phàm các công văn giấy má do Biên Hoà phải chuyển đi, trước hết phải đưa về tỉnh, rồi sau mới theo thứ tự chuyển đưa đi các nơi, đi về thêm chậm thì giờ. Vậy nghĩ xin đặt thêm một trạm phụ Biên Lộc ở thôn Trường Lộc, cắt 20 tên phu trạm, chia làm hai ban thay phiên

(1) Năm Minh Mệnh thứ 15 [1834] đặt ra 2 phủ Quảng Biên và Khai Biên. Năm thứ 18 [1837] đổi phủ Khai Biên làm huyện, lệ thuộc phủ Quảng Biên.

(2) Trường Cơ : lăng Thái tổ Gia dụ Hoàng đế. Trường Mậu : lăng Anh tông Hiếu nghĩa Hoàng đế. Trường Phong : lăng Túc tông Hiếu ninh Hoàng đế. Trường Thái : lăng Thế tông Hiếu vũ Hoàng đế ; Trường Thiệu : lăng Duệ tông Hiếu định Hoàng đế ; Trường Diên : lăng Thần tông Hiếu chiêu Hoàng đế. Vĩnh Thanh : lăng Hiếu minh Hoàng hậu.

nhau ứng trực. Lại bắt 20 người dân ở thôn Trường Lộc, tha cho sưu dịch, nhưng phải sắp sẵn thuyền bè, thay phiên nhau đến làm việc. Mỗi ban đặt 1 người trưởng ban. Làm nhà trạm và biển trạm. Còn 20 người phu trạm ở Biên Lễ thì cho trở về số dân đình, chịu sai dịch”. Vua y cho.

Bọn thổ phỉ ở phủ Lạc Hoá, đánh vây đồn Nguyệt Lãng. Bấy giờ vừa gặp Bùi Công Huyền từ Vĩnh Trị đem quân đến Trà Vinh, được tin báo, thân đem hơn 1.000 quan quân đến ngay thôn Phú Hoà. Tên đầu mục của giặc đem hơn 3.000 đồ đảng đón đánh. Quân ta họp sức đánh lại, đuổi đến đồn Nguyệt Lãng, bắn chết 61 đứa, thừa thắng tiến đánh bờ bên hữu sông nhánh Trà Vinh, chém ngay tại trận được 2 tên, bắn chết được 51 tên. Bọn giặc bỏ đồn chạy.

Vua khen rằng : “Việc này làm cho lòng người phấn khởi lên một chút. Cho Bùi Công Huyền được đổi làm giáng 4 cấp, các biển binh đi đánh trận này được thưởng chung 500 quan tiền.

Mấy hôm sau, Huyền lại đến càn quét thôn Vĩnh Trường. Nguyễn Văn Hoàng trước tiên trèo lên lũy giặc, quân các đạo trèo lên theo, đánh vỡ luôn được 3 đồn của giặc. Chém ngay ở trận được một tên giặc, bắn chết được 36 tên, lấy được súng lớn súng nhỏ và khí giới. Việc đến tai vua. Vua cho Bùi Công Huyền được khai phục 1 cấp, Nguyễn Văn Hoàng được làm Vệ úy ; từ Nguyễn Tiến Song trở xuống đều được thưởng kỷ lục. Hoàng bấy giờ có đại tang, truyền cho tỉnh Gia Định cấp cho 20 lạng bạc kho, giao cho thân nhân, còn Hoàng phải ở lại quân thứ, đợi khi nào xong việc binh đao, sẽ cho về quê liệu lý việc tang.

Tham tán Nguyễn Tiến Lâm đến quân thứ Trà Vinh, cùng với Bùi Công Huyền bàn tính việc tiến quân, hội đồng với Nguyễn Tiến Song đến càn quét ở Giồng Sang⁽¹⁾ (thuộc thôn Vĩnh Trường). Bọn giặc hơn 2.000 tên giữ đồn chống lại. Tiến Lâm do phía tả tiến đến, Công Huyền do phía hữu tiến đến, đánh lấy luôn được 2 đồn, chém tại trận được 12 tên giặc, bắn chết 46 tên. Quân ta thừa thắng, đánh phá sông chính Cam Luân. Bọn giặc thua chạy. Ta bắn chết 29 tên, đốt gần hết cả nhà cửa của giặc. Tin thắng trận báo lên, Nguyễn Tiến Lâm được gia thưởng 1 cấp, Bùi Công Huyền được khai phục 1 cấp ; lại được thưởng thêm cho mỗi người một đồng tiền Song long mạ vàng có dây đeo. Từ Lê Khoan Mạnh trở xuống đều được thưởng kỷ lục ; thưởng riêng cho Tiến Song 5 lạng bạc.

Xưởng lợp ngói của Trà Sơn đã làm xong. Phàm các vật hạng của thuyền nhiều dây buồm đều chứa cả ở đấy.

(1) Nguyên thư chép 槍撞 nên chúng tôi dịch là “Giồng Sang”. Giồng tức là cồn nổi ở sông hoặc biển 撞, còn 槍 có âm là Sang hoặc Thương hoặc Tranh. Xin các bạn đọc góp ý kiến cho.

Lại định lệ cánh lái bằng đồng (thuyền bọc đồng hạng rất to, cánh lái bằng đồng định là 8 cánh, số đồng nặng là 600 cân ; thuyền lớn vừa, số đồng nặng trên dưới 500 cân ; thuyền vừa định là 6 cánh lái, số đồng nặng trên dưới 400 cân).

Sai Chương phủ Tạ Quang Cự thay cho Vũ Xuân Cẩn, kiêm trông coi án vụ của sở Tào chính.

Tên đầu số bọn giặc ở Hải Dương là Nguyễn Văn Thao bị xử chém. Thao, trước đây, tự xưng là Hữu quân chánh tướng, đi cướp bóc bữa bãi, chống cự lại quan quân. Đến đây lại tự họp đồ đảng đi cướp đoạt. Viên bộ biên bị cách chức là Vũ Đình Thanh dò bắt được luôn với 7 tên đồ đảng nữa, đều sai đem giết cả. Thanh được khai phục làm Suất đội, thưởng cho người đi báo và những người cùng đi bắt 200 quan tiền.

Không bao lâu, tỉnh Hà Nội kế tiếp bắt được tên can phạm trốn đi, nguy xưng là Bảo công, tên là Nguyễn Đức Hoàn. Vua sai trị bằng cực hình. Thưởng cho người đi báo và biên binh 100 quan tiền ; các bộ biên là bọn Lâm Quang Hoàn được thưởng cả thảy 18 đồng tiền Phi long hạng lớn, mỗi người được kỷ lục 2 thứ.

Đối hai phủ Trấn Tĩnh và Lạc Biên lệ thuộc vào tỉnh Hà Tĩnh. Hai phủ này trước thuộc tỉnh Nghệ An, vì đất ở liền với địa hạt Hà Tĩnh, xưa nay có việc trình báo quan trọng gì, đường đi xa cách. Tổng đốc Mai Công Ngôn xin cho lệ thuộc vào hạt Hà Tĩnh cho gần. Vua y cho. Phàm có việc gì quan hệ đến tình báo ở nơi biên giới, được do Tổng đốc An - Tĩnh ⁽¹⁾ điều khiển. Nhưng thổ dân ở hai phủ ấy phần nhiều bỏ đi nơi khác, chỉ còn tên trống trong sổ mà thôi.

Ngày Đinh Mùi, tiết Thánh Đản (ngày 23 tháng 4). Vua mặc lễ phục đem các quan đến làm lễ ở ban thờ Hoàng khảo (cũng giống như nghi lễ cung Ân điện, nhưng không có văn tế).

Người lĩnh trung thuế quan ở bến Mễ Sở là Vương Quang Mỹ có đơn kêu xin lĩnh trung cả thuế quan ở bến Vị Hoàng. Bộ Hộ xét ra giá lĩnh trung cao hơn giá của Ngô Trọng Phú lĩnh trung trước hơn 1 000 quan tiền. Bộ Hộ lại cho rằng : bến Mễ Sở là mạn trên của sông, thuyền buôn phải do bến Vị Hoàng thu thuế trước, bến Mễ Sở không thu được nặng, nếu không cho lĩnh trung cả hai bến, sợ sau này ngạch thuế không khỏi thiếu hụt. Vậy nghĩ xin cho tên Mỹ được lĩnh trung cả bến này bến kia.

Vua phán rằng : “Thuế quan ở bến Vị Hoàng đã có Ngô Trọng Phú lĩnh trung từ trước, Vương Quang Mỹ nguyên là người lĩnh trung ở bến Mễ Sở, lại dám có ý lĩnh trung tranh, nếu vì giá cao mà cho nó được lĩnh trung cả hai bến, thế là so kè mối lợi với dân, còn ra sự thể gì nữa ! Hưởng chi hai quan thuế ấy xưa nay vẫn cho

(1) Nghệ An và Hà Tĩnh.

lĩnh trung riêng, ngạch thuế có để thiếu bao giờ ? Lấy cố ấy mà nói, chẳng qua là con buôn lấu chực tranh mối lợi để làm kế lũng đoạn mà thôi. Bộ thần mà lại bênh vực cho nó, ta không cho là phải, không chuẩn y cho”.

Định lại thể lệ làm sổ lương bổng của Tôn nhân phủ : Từ nay trở đi, đến kỳ 3 năm làm sổ lương bổng của Tôn nhân phủ, chức tư giáo trong các hệ xét xem những nam, phụ, lão, ấu trong hệ mình, người nào đã đến niên lệ được chi lương, đều phải làm danh sách do Tôn nhân phủ hợp lại làm danh sách tâu lên ; còn những người trong các hệ có làm quan chức, làm hộ vệ, làm từ tế, hoặc vào học nhà Quốc tử giám cho đến những người không có công việc gì, đã có sổ ngạch vào kỳ tháng 4, thì không phải hợp làm danh sách nữa. Lệ này bắt đầu từ năm nay.

Cấp thêm tiền lương cho các thợ ở các sở làm việc xây lăng : cứ theo công việc làm khó hay dễ, nhiều hay ít để làm mức. Đến khi làm xong việc xây lăng, lại chi theo lệ cũ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN VIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất [1841], mùa hạ, tháng 5. Mở rộng ơn đối với họ Hồ ở quê ngoại. Dụ rằng : “Từ đời xưa các bậc vua hiền, kính sùng việc lấy đạo hiếu trị nước, hậu đãi với nơi nguồn phúc sinh ra, điển chương còn lại rõ ràng. Kính nghĩ : Uy nghiêm tướng quân Thượng hộ quân Thống chế Hồ Văn Bôi xưa, là bậc công thần, giúp đỡ trong buổi trung hưng, công nghiệp chép trong sử sách, sinh ra Hoàng tử, Nhân hoàng hậu ta, giúp bảo người sau, diêm lành chung đúc, mở mang rộng lớn, phúc để dài lâu. Ta tham khảo điển lệ ngày xưa, nối theo quy mô người trước, gia tặng làm Đặc tiến Tráng vũ tướng quân, Tả quân Đô thống phủ Đô thống Chương phủ sự, Thái bảo, thụy là Trung Dũng, phong là Phúc quốc công ; chính thất họ Hoàng, phong là nhất phẩm Phúc quốc phu nhân, thụy là Ý Thuận”.

Trước ngày làm lễ truy tặng, đem việc này kính cáo điện Vĩnh Tư. Sai bộ Lễ làm thân chủ. Đến ngày làm lễ, sai quan đến tuyên đọc bản sắc tặng phong, đề thân chủ, phân hoàng⁽¹⁾, làm lễ yên vị. Dựng đền thờ riêng (5 gian) ở làng Xuân Hoà. Ở Kinh và ở quê đều làm nhà thờ (3 gian).

Lại truy tặng : tiên tổ làm Minh nghĩa Đô úy chư quân quản cơ, thụy là Doan Hậu, chính thất làm Cung nhân, thụy là Lương Thực ; Cao tổ⁽²⁾ làm

(1) Người chết được phong tặng thì lấy tờ giấy vàng sao đúng như lời trong sắc phong, khi làm lễ, đem bản giấy vàng sao sắc ấy đốt đi, gọi là “phân hoàng”. Còn bản chính sắc phong thì để thờ.

(2) Kỵ ngoại Thiệu Trị.

Minh nghĩa Đô úy, Tinh binh Phó vệ úy, Linh Chiêu tử, thụy là Lượng Trực, chính thất làm Cung nhân, thụy là Gia Thận ; tằng tổ ⁽¹⁾ làm Anh dũng tướng quân, Cẩm binh Vệ úy, Tập Phúc bá, thụy là Cẩn Ý, chính thất làm Thục nhân, thụy là Ôn Tĩnh ; tổ ⁽²⁾ là Hồ Văn Lãng làm Nghiêm vũ tướng quân, Cẩm binh Thống chế, Long Khánh hầu, thụy là Đồ Chất, chính thất là họ Đồ làm Nhị phẩm phu nhân, thụy là Nhu Mẫu, ám thụ cho bốn người họ gần làm Đội trưởng, trông coi các đền thờ. Tha thuế đinh cho người làng ấy trong 30 năm, thuế điền thổ trong 3 năm, bắt đầu từ sang năm [1842]. Các ân điển khác cũng giống như họ Trần ở Văn Xá.

Lại vì cơ họ Hồ từ bốn đời trở về trước, thế thứ các đời, tên huý và tên tự là gì, không còn gia phả, nên không biết rõ. Truyền cho quan tỉnh Biên Hoà điều tra tâu lên.

(Phúc quốc công, người huyện Bình An, tỉnh Biên Hoà. Buổi đầu trung hưng, có công theo Gia Long sang Vọng Các ; sau khi lấy lại được Gia Định, thường theo đi đánh dẹp, được bổ làm thuộc nội Cai đội. Năm Gia Long thứ nhất [1802], thăng làm Vệ úy vệ Tả nhất, quân Thị trung, rồi lên chức thuộc nội Chương cơ. Năm thứ 3 [1804] vì tuổi già, xin về hưu, được ban cho mũ áo, rồi chết. Năm đầu Minh Mệnh [1820] có Chiêu chỉ cấp tiền và thóc cho người nhà. Năm thứ 7 [1826] truy tặng làm Nghiêm uy tướng quân, Thượng hộ quân Thống chế. Có 2 người con là Lưu và Thập. Lưu được gia ơn tập ấm làm chức Ky úy, rồi làm đến chức Tiên phong dinh Thống chế ; Thập làm đến chức Vệ úy, sung Nhất đẳng thị vệ (đến năm Thiệu Trị thứ 2 [1842] được thăng làm thự Chương vệ). Sau cả hai người đều lấy nguyên hàm vào dự ban châu. Đền thờ trước gọi là “Hồ tộc từ”, đến năm Tự Đức thứ 5 [1852] đổi làm “Dụ trạch từ”).

Sắc cho bộ Hình rằng : Phạm những người phạm tội vì việc quan đã được tha làm lính gồng sức chuộc tội, giao cho các tỉnh sai phái, đều được hằng tháng cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo, định làm lệ.

Ngày Đinh Ty, chữa nhà thờ điện Thụy Thánh và cửa lâu Minh Thành. Sai Thống chế Lê Văn Thảo tiếp tục trông coi việc làm.

Đổi lại tên cửa Phong Công ở Thế miếu là cửa Sùng Công (vì tránh tên thụy của tiên đế)⁽³⁾.

Bàn công việc làm lễ Ninh lăng. Vua dụ bộ Lễ rằng : “Ta xem nghi thức về việc để tang trong điển lệ nhà Thanh, thì các nha trong sáu bộ đều có bản tâu cả, không những riêng bộ Lễ mà thôi. Vì rằng điển lệ long trọng, tiết mục rất nhiều,

(1) Cụ ngoại Thiệu Trị.

(2) Ông ngoại Thiệu Trị.

(3) Tên thụy của Minh Mệnh là... Hậu trạch Phong công Nhân hoàng đế.

bộ Lễ làm lấy một mình, tất có chỗ thiếu sót. Song, công việc tuy chia cho các ty, nhưng chuyên trách vẫn ở bộ Lễ. Từ nay cho đến kỳ làm lễ Ninh lăng cùng là công việc trong ba năm, hết thấy các lễ to như : tế điện, tế ngu, tế phụ, tế tường, tế đàn, bề tôi trong bộ phải nên tra cứu điển lệ, dự bàn định trước, kê rõ thứ tự, tâu xin thi hành. Sau khi được Chỉ chuẩn y, do các quan có trách nhiệm đều phải chiếu theo công việc của mình, theo từng khoản sửa làm cho chỉnh đốn, để được hết thấy thoả đáng.

Vua lại bảo đại thân Trương Đăng Quế và Phạm Hữu Tâm rằng : “Đến ngày làm lễ Ninh lăng, thủy bộ hai đường, nên dùng số quân lính bao nhiêu người ? . Tâm thưa : “Phải cần đến 10.000 người mới đủ”. Vua phán : “Không ngại gì không đủ 10.000 quân, chỉ ngại về hiệu lệnh được chỉnh tề, nhất trí là khó thôi. Khi đi, khi nghỉ, ngày đêm có chùng mực, hàng ngũ quân đội, trước sau, có thứ tự ; đi đứng phải đều nhau, trông nghe phải nhất trí. Hai khanh nên sức cho các dinh vệ các quân dàn bày các hiệu thuyền, dự bị luyện tập trước độ một hai lần để cho người nào cũng đều thạo thuộc, rồi ta sẽ thân đến xem xét đó. Chúc Tổng hộ Chánh, Phó sứ phải dùng các đại thân văn võ để làm. Ta muốn dùng Tổng đốc tỉnh Nghệ An là Mai Công Ngôn, có người nào thay cho Ngôn ở Nghệ An được không ?”. Tâm thưa : “Đề đốc Nguyễn Cửu Đức có thể thay được”. Trương Đăng Quế tâu : “Đức là người tân tiến, sợ không đương nổi cái trách nhiệm nặng nề làm chủ một địa phương ấy, chỉ cho quyền hạn trong một, hai tháng thì được”. Vua phán : “Đề ta nghĩ lại xem thế nào”.

Đồng lý đại thân Hà Duy Phiên tâu rằng : “Công việc làm sơn lăng hiện nay sắp xong, xin chỉ lưu lại số tiền binh độ trên dưới 1.000 - 2.000 người, còn thì đều cho về nguyên ngũ nghỉ ngơi, để dưỡng sức cho binh lính”. Vua y theo.

Nhân thế, vua lại hỏi bộ Công rằng : “Từ trước đến giờ, sở làm việc xây sơn lăng, các vật liệu cần dùng, do bộ tư đi cho các tỉnh nộp, thì tỉnh nào cung ứng nhiều nhất ?”. Nguyễn Trung Mậu thưa rằng : “Vôi đá của tỉnh Quảng Nam, đinh sắt của tỉnh Nghệ An số đã ít mà đường lại gần. Duy có các thứ đá của tỉnh Thanh Hoá, gạch bát của tỉnh Bắc Ninh, hai thứ ấy chất đã nặng mà số lại nhiều. Tỉnh thân hai tỉnh ấy tiếp được tờ tư là cung ứng đủ số, rất đặc lực.

Vua phán rằng : “Tôn Thất Lang là hạng thân thân, Nguyễn Đăng Giai là nhà nối đời làm quan, lại không hết sức vào việc này thì còn hết sức vào việc gì nữa ?”. Vua truyền dụ khen thưởng, mỗi viên được thăng 1 cấp. Còn các binh lính và thợ làm của tỉnh ấy theo làm việc, do bộ xét rõ, lượng ban thưởng cho, để đều được thấm nhuần ơn huệ.

Mậu lại tâu rằng : “Tĩnh Thanh lấy đá làm bia. Khiêng đi giẫm xéo lên ruộng lúa, nhiều chỗ bị tổn hại, xin cấp tiền cho những ruộng lúa bị tổn hại ấy”. Vua phán rằng : “Làm hại lúa, xin tiền đền, Tử Cao ngày xưa cho là phải mua đường mà không đền mãi thế được. Tử Cao là một chức ấp tể, có thể nói thế được, chứ triều đình đối với dân, còn ngại tiếc gì ; không bị tổn hại, còn muốn cho được thêm, huống chi lại bị tổn hại ư !”. Truyền cho tính thành mẫu, cấp tiền đền, mỗi mẫu là 20 quan tiền, sào và thước cũng theo giá ấy.

Tĩnh Cao Bằng dâng ấn đồng vương về thời cổ (dân trong hạt Cao Bằng đào được, ấn có khắc chữ : “Nam châu thủ ngữ kinh lược sứ”⁽¹⁾ 南州守禦經略使 ở đàng lưng có khắc chữ “Hong Đức niên tạo”⁽²⁾ 洪德年造 . Vua sai để vào Nội các (trong sách *Thiên nam dư hạ lục* chép : chữ thủ ngữ kinh lược sứ ở châu : chánh lục phẩm).

Sửa các kho Quảng Thịnh và Quảng Tích.

Tiết Đoan dương⁽³⁾, vua mặc lễ phục đến cáo yết điện Hiếu Tư. Làm lễ xong, đổi mặc áo thường, đến cung Từ Thọ, làm lễ chào theo như người thường trong nhà.

Trước đây, bộ Lễ làm tập tâu lên, bàn về hai ngày tiết Đoan dương và Vạn thọ năm ấy. Hai ngày chính tiết thì ở Kinh đều đặt nghi lễ đại triều ở điện Thái Hoà, hoàng thân và trăm quan đều đứng vào ban ở sân điện, dâng biểu chúc mừng. Các quan địa phương ở bên ngoài đều theo ban, đứng chầu ở hành cung.

Vua phán rằng : “Đoan dương và Vạn thọ đều là tiết lớn trong một năm, tỏ lời chúc mừng, đều bởi lòng thành của tôi con. Nhưng vì ta đang có tang, ngày hôm ấy ta thân đến làm lễ trước ban thờ Hoàng khảo, thương khóc không ngớt, mà lại lấy ngày ấy đặt ban chầu, chúc mừng, so với tình và lễ, trong lòng cảm thấy không yên. Huống chi trong ba năm, việc nhận lễ mừng ở chính điện, đã chuẩn cho miễn cả. Nay bộ thần lại nói đến việc làm lễ chúc mừng, sao lại bày vẽ cho thêm rườm rà một tầng nữa ! Kể ra, lễ quý ở thoả đáng lòng người, không cần bày đặt hão. Năm nay, chính ngày tiết Đoan dương và một ngày trước chính nhật tiết Vạn thọ, ở trên kỳ đài trong Kinh đều treo cờ vàng, các quan viên lớn nhỏ chầu hầu ; ở bên ngoài, từ các quan địa phương đến các thuộc viên văn võ làm việc ở công đường đều mặc cát phục. Còn như việc dâng biểu mừng, bắn súng mừng và việc các quan địa phương ở ngoài đứng chầu theo ban đều bãi hết”.

(1) Chức Thủ ngữ kinh lược sứ ở Nam Châu.

(2) Làm năm Hồng Đức (1470 - 1497), một niên hiệu của Lê Thánh Tông (1460 - 1497).

(3) Tết mồng 5 tháng 5 (âm lịch).

Gọi binh lính trong ba vệ ở Nghệ An và Hà Tĩnh về Kinh. Bộ tâu rằng : “Ngày đại lễ Ninh lăng sắp đến, xin chước lượng cho gọi binh lính của các tỉnh từ Thanh, Nghệ trở ra Bắc vào Kinh để chuẩn bị việc tang”⁽¹⁾.

Vua phán rằng : “Tỉnh Thanh đương bị kém đói, mà Bắc Kỳ thì đường xa, không nỡ để cho họ lặn lội khó nhọc. Duy có Nghệ An và Hà Tĩnh tiếp giáp với Bắc Trục kỳ⁽²⁾, đường còn hơi gần. Vậy, nên lấy 2 vệ ở Nghệ An, 1 vệ ở Hà Tĩnh về Kinh, do bộ tùy tiện sai phái. Khi đến Kinh rồi, cho họ nghỉ ngơi 5 ngày, thường cho mỗi người tiền và lương bổng 1 tháng, rồi phái đi đến sở làm việc xây lăng, sửa sang đường sá.

Xây thành tỉnh Bắc Ninh. Thường cho Hộ đốc là Nguyễn Đăng Giai được thăng 1 cấp.

Nhắc lại việc cấm các quan trong Kinh và ngoài các tỉnh nhận quà biếu. Dụ rằng : “Trước đây, Tam đẳng thị vệ là Hồ Đắc Huyền, Ngũ đẳng thị vệ là Nguyễn Hữu Văn, Hộ ty Chủ sự là Nguyễn Thừa Lợi và Lại ty Tư vụ Lê Đình Huy, mang ấn chiếu đi các nơi, coi thường pháp luật, xoay tính việc riêng, lấy nhiều quà biếu của các địa phương. Đã giao cho bộ Hình bàn xét xử án, tùy theo số tang vật nhiều ít mà phân biệt bắt tội : phạt trượng, cách chức hoặc đóng gông đem bêu. Địa phương nào cho quà riêng, cùng là hai đường quan ở hai bộ phái uỷ người đi không cẩn thận và thị vệ, quản viên, đều đã truyền Chỉ quở trách cả rồi. Song ta còn nghĩ rằng các quan viên trong Kinh và ngoài các tỉnh lén lút đưa quà biếu nhau, đã từng vỡ chuyện. Được Thánh chỉ dạy bảo khuyên răn, chu tất ân cần biết là nhường nào ! Các quan ở địa phương phải nên kính cẩn tuân theo, không xao lãng mới phải. Thế mà ngày nay hã còn phát ra án ấy, có lẽ lâu ngày lại quên đi chăng ? Kể ra, các đại thân ở địa phương, nhận sự ký thác của triều đình, mà đối với nhân viên ở Kinh phái ra, lại làm chuyện mua chuộc lấy lòng như thế, nếu không phải là có tình riêng nhờ cậy, thì hà tất phải làm việc đút lót ngầm cho hại đến lễ công ? Từ nay trở đi, những quan viên nào do Kinh phái ra, thì các quan ở bên ngoài không được đưa quà biếu riêng, nếu có người tố giác ra, tất bị bộ Lại bàn xét trị tội”.

Tiết Vạn thọ (ngày 11, tháng ấy). Trước ngày làm lễ 2 ngày, vua mặc thường phục đến chào cung Từ Thọ. Ngày hôm sau, mặc lễ phục, đến làm lễ ở điện Hiếu Tư. Sai hoàng tử mặc áo măng phục đến làm lễ ở điện Vĩnh Tư.

Vua đã có dụ cho miễn việc chúc mừng ở ngoại đình, nên các quan không ai dám tâu lại nữa. Duy có các hoàng tử và hoàng thân cùng nhau tâu xin được mặc

(1) Bấy giờ đang chuẩn bị làm lễ an táng (thời phong kiến gọi là Ninh lăng) Minh Mệnh.

(2) Bắc Trục kỳ : tức là Quảng Bình và Quảng Trị.

mũ áo làm lễ mừng như lễ của người trong nhà để giải tỏ lòng hiếu kính. Vua cũng khước đi, không nhận.

Dụ rằng : “Ta không phải là có ý mua danh, mà làm mất lòng thành kính của người. Chỉ vì ta đương có tang, trong lòng thương xót vô cùng, lại gặp ngày sinh của ta, công lao cha mẹ khó nhọc, càng thương nhớ bội phần. Thái Tông nhà Đường đã làm đến Thiên tử là bậc rất sang còn than rằng : “Cầu như Tử Lộ đi đội gạo về nuôi cha mẹ mà không được !”. Đó thực là câu nói đứt ruột của người con hiếu, đúng lắm không sai ! Ta đã lấy lễ mà đẹp tình riêng, tạm đổi áo mặc, thể theo lòng của tôi con để thoả nỗi vui chung ; đối với lễ như thế, đã là đủ rồi, hà tất phải bày đặt thêm ra làm gì ?”.

Đến ngày chính nhật, vua ngự ra điện Văn Minh, hoàng thân và đình thần đều mặc áo đẹp vào làm lễ. Vua cho ngói, ban nước chè. Thường cho ngọc đeo, kim tiền và ngân tiền có thứ bạc.

Chiều hôm ấy, trời mưa. Vua rất mừng, bảo thị thần rằng : “Lễ cũ của bản triều, phạm gặp tiết Vạn thọ, ở trong cung đặt đàn cúng vọng trời đất, để tỏ lòng thành kính, lấy nghĩa rằng cha là trời, mẹ là đất, thiên tử vâng chịu mệnh lớn ban cho, để trị yên muôn nước. Gặp ngày sinh của mình, phải cáo yết trời đất, lễ nên như thế. Hoàng khảo ta trị vì 21 năm, phạm gặp ngày Thánh đản, trước một ngày, làm lễ tế trời hết lòng thân kính. Trời ban phúc cho, thường được mưa xuống thuận thời : hoặc mưa xuống trước khi làm lễ, hoặc mưa sau khi lễ đã hoàn thành, cảm cách ứng hiện, ai cũng nghe thấy cả. Ta nối giữ nghiệp lớn, tuân theo nếp xưa, trước ngày lễ Vạn thọ, kính đặt đàn tế, bày đủ nghi vật, mặc áo cổn, đội mũ miện, lên dâng hương, đặt đồ ngọc lụa để tế. Trên nhờ lòng trời yêu mến ban phúc, việc làm lễ xong thì trận mưa thuận trời đổ xuống. Hỏi ra bên ngoài dân gian, lúa mạ tươi tốt. Dù rằng ngày sinh nhật của ta, chốn điện đình vui mừng, có vui bằng được trời ban cho một trận mưa, nhân dân đều ca hát ngoài đường, nhảy múa trong ngõ không ? Ta xiết bao cảm tạ, hết lòng kính sợ”.

Kinh doãn là bọn Phạm Khôi dâng sớ tâu rằng : “Từ tháng 4 đến giờ, được ba trận mưa to, đương buổi nóng dữ, người và muôn vật đều thỏa thích, thực là lâu nay ít có”.

Vua phê vào tờ sớ rằng : “Từ mùa xuân, mùa hạ đến giờ, Nhà nước bốn lần ban ơn cho dân, chưa bằng trời cho mấy trận mưa, đồng ruộng được mùa, ta rất mừng cho nhân dân. Duy có việc mong mưa, mừng mưa, là tấm lòng thành thực của ta thương dân, không dám tự khoe khoang về việc ấy. Lũ các người không nên đưa ra những câu quá êm tai, chỉ làm người cười là kẻ nịnh hót”.

Ngày Bính Dần, sai Kinh doãn làm thay lễ cày ruộng tịch điền. Có đặt các đồ nhã nhạc nhưng không tấu nhạc.

Ngày Tân Mùi, làm lễ cáo yết lăng Trường Cơ ⁽¹⁾. Vua dụ Nội các rằng : “Ta mới nối nghiệp lớn, đã thân đến các miếu dâng hương, dâng rượu, nhân thể lại nhớ đến công đức tiên tổ, dựng mở nước nhà, lòng kính mộ không thể nguôi được. Nên chọn ngày tốt, làm lễ cáo yết, để tỏ lòng hiếu”. Trước một ngày, xa giá do đường thủy khởi hành, tiện đường vua đến xem công việc xây lăng ở Hiếu Sơn. Vua bảo quần thần rằng : “Lăng tẩm của các triều đại trước, chưa triều đại nào có mẫu xây đẹp như thế này ! Khi còn sinh thời Tiên đế, chất chiu việc dùng tiền của, dù vật nhỏ như một viên ngọc, cũng chưa từng bỏ phí. Kể ra, kiệm ước là một đức tốt. Trong truyện có nói rằng : “Tiên quân ngày xưa vốn có đức kiệm ước, nay không nên đưa dân đến sự xa xỉ”. Không phải là ta không nghĩ đến câu đó, chỉ vì tổng chung là việc lớn, lễ phải nên hậu, cho nên ta không dám lấy cả thiên hạ mà sên tiếc với bề thân. Tẩm lòng ấy chắc anh linh của Tiên đế ở trên trời cũng thông cảm mà soi xét cho”. Rồi vua khóc lên nức nở, ai cũng chảy nước mắt.

Vua lại cho rằng công việc xây lăng đã sắp xong, thưởng cho các viên đồng lý ngân tiền Song long có thứ bạc. Các binh lính và thợ làm được thưởng chung 3.000 quan tiền. Lại thưởng thêm cho thợ làm đá 100 quan tiền.

Ngày hôm ấy, vua nghỉ lại ở hành cung An Bằng. Đến ngày làm lễ cáo yết lăng Trường Cơ, lễ xong, thưởng cho các quan và binh lính theo hầu 1.000 quan tiền.

Xa giá trở về, ngự thuyền Yêu Nguyệt, xem đánh cá ở sông Hương. Hộ đánh cá là Trần Công Phúc, thị vệ là Dương Đức Thông ngấm thả cá sẩn mà đánh lưới, khi cất lưới thì cá nhảy lên lao xao. Vua biết là giả dối, bảo thị thần rằng : “[Ngày xưa], người coi ao thả cá, đánh lừa Tử Sản ở chỗ không trông thấy ; [ngày nay] hộ đánh cá, úp cá sẩn, đánh lừa ta ở chỗ ta chính mắt trông thấy. Ta xem việc đánh cá, đủ biết bọn nịnh thần là đáng ghét. Nên làm thơ để ghi nhớ”. (Trong thơ có câu : “Ngu tiểu, tu trừng viễn hãn thân” 魚小須懲遠佞臣 , nghĩa là : cá tuy là vật nhỏ, ta cũng nên đề phòng, xa kẻ nịnh thần). Bọn Phúc bị phạt mỗi người 40 cón, đóng gông đưa về bộ, rồi được tha. Phúc phát đi khổ sai ở vệ Long thuyền, Thông phát phối làm lính ở viện Thượng trà.

Ngày Bính Tý, là ngày kỵ ở điện Vĩnh Tư ⁽²⁾. Vua thân đến làm lễ.

Tuần phủ Ninh Bình Trần Văn Trung, dâng sớ tâu xin : “Phàm những thóc thuế cho được chiết can nộp bằng tiền, thì chỉ năm ấy vụ ấy, cùng là các tháng tục thu về

(1) Lăng của Thái tổ Gia dụ Hoàng đế Nguyễn Hoàng.

(2) Điện thờ Thuận đức Nhân hoàng hậu, mẹ Thiệu Trị.

sau mới được nộp bằng tiền thôi, còn từ sau tháng ấy trở đi, đều theo ngạch thuế phải nộp bằng hạng gì thu hạng ấy”.

Vua giao xuống cho bộ Hộ bàn, đều cho rằng : có ruộng thì phải nộp tô, là lẽ thường xưa nay. Lâu nay hoặc vì kho chứa đã đầy, hoặc vì giá gạo cao vọt, cho dân được chiết can nộp bằng tiền, là bởi triều đình có lòng rất yêu dân mọn, cho nên đặt ra phép giảm dị cho dân được tiện, được thừa thóc ăn, bản tâm không có sự so kè gì cả. Nghĩ xin từ nay trở đi, người nào được chiết can nộp bằng tiền, mà đến cuối năm ấy chưa nộp hết, đến năm sau mới nộp, thì không cứ vụ nào tháng nào, đều được theo đúng giá cũ chiết can nộp bằng tiền, nếu có người nào muốn nộp bằng thóc cũng cho. Vua y theo.

Xướng dụ nhắc lại cho hai tỉnh Sơn Tây và Tuyên Quang về việc phải nghiêm ngặt lùng bắt những tên tù phạm lẩn trốn. Kẻ đầu mục bọn giặc Sơn Tây là bọn Nguyễn Văn Nhân và Nguyễn Văn Thạch nhờ nơi rừng rậm làm chỗ trốn ẩn, thường ra vào thì thọt ở mạn Lâm Thao, Đoan Hùng. Viên bộ biên tỉnh Sơn Tây là Trần Hưng Biểu đi lùng bắt, gặp bọn giặc. Bị bọn giặc nấp trong bụi rậm, bắn tên nỏ có thuốc độc, bọn biên binh có người bị thương hoặc chết. Tỉnh thần rút Biểu về tỉnh, cho Hiệp quản Phan Văn Yết đến thay. Việc đến tai vua, Biểu bị giáng cấp. Phái thêm Lãnh binh Trần Văn Luận đốc quân truy nã. Lại cho rằng Nhân và Thạch thường liên lạc với bọn đầu đảng giặc đương trốn là Nông Quảng Khải và Nông Thạch, tên tẩm thuốc độc ấy tất do tỉnh Tuyên đưa đến. Truyền dụ cho bọn Nguyễn Công Hoán và Trần Ngọc Lâm hội quân, nã bắt, để tuyệt hết mầm ác. Nếu không bắt được hai tên giặc ấy, thì sẽ trách cứ vào quan hai tỉnh ấy (sau cha con Hưng Biểu đều bị bọn giặc giết cả).

Nguyễn Tiến Lâm và Bùi Công Huyền đánh giặc ở Ý La (tục gọi là Vững Biệt). Bọn đầu sỏ của giặc là Lâm Sâm giữ huyện lỵ Trà Vinh, Trần Hồng (người phủ Lạc Hoá, là gia nhân của Trần Văn Thụy trước) giữ đất Ý La, cách nhau chừng hơn 2 dặm đường, số đồ đảng đến vài nghìn, kéo bè viện trợ lẫn nhau. Trần Hồng là tay kiệt hiệt hơn cả. Tiến Lâm và Công Huyền dò biết tin, mới chia binh làm hai đạo, đánh đất Ý La trước, bắn chết được vài chục đứa. Trần Hồng bỏ đồn chạy, quan quân đốt gần hết cả nhà ở và kho chứa của giặc. Thự Phó quản cơ Nguyễn Văn Trang lại bị giặc bắn chết. Vì ngày đã tối, phải tạm đóng quân lại.

Vua quở rằng : “Sào huyết của bọn giặc đã đốt cháy hết rồi, sao không thừa thắng, đánh thẳng vào huyện Trà Vinh, lại lui quân về, để cho bọn giặc có thì giờ nhàn rỗi, thì đến ngày nào mới xong được việc ? Và lại, chỗ bọn giặc ở, ba mặt đều có dòng nước ngăn cản không có lối trốn thoát được. Trước đây, vì Bùi Công Huyền lần lữa không đánh ngay, đến nỗi bọn giặc ngày càng ngồng công. Nguyễn Tiến Lâm

đem quân tinh nhuệ đến, sao cũng đóng quân lại, tự giữ lấy mình, thì xưa nay vẫn có tiếng là người dũng cảm, biến đi đâu mất rồi ? Cứ theo như phái viên Lê Chân về tâu, thì mỗi khi Nguyễn Tiến Lâm muốn thừa thế tiến đánh, nhưng thường bị Bùi Công Huyền ngăn trở, đến nổi lâu ngày mà không làm được công trạng gì ! Và lại Tiến Lâm là một đại viên ở Kinh phái ra, Công Huyền hễ làm việc gì cũng phải họp bàn cho được xác đáng, chứ sao chính mình hèn nhất, lại muốn dặt thêm người khác vào để cho có đôi ? Công Huyền phải giáng 1 cấp, được lưu lại làm việc. Còn Tiến Lâm cũng truyền Chỉ ban quở, cho phép trong một kỳ hạn, phải kích lệ các tướng sĩ, xét kỹ cơ nghi, chọn lấy hơn 1.000 binh đồng tinh nhuệ, giao cho Quản vệ Nguyễn Văn Hoàng và Trương Tiến biệt riêng ra thành một đạo quân, phải cố sức hăng hái, lập công để báo đáp, triều đình thế nào cũng xét công cho. Ba tên đầu sỏ của giặc là Trần Hồng, Kiên Hồng và Lâm Sâm, thì bất luận là quân hay dân, người Kinh hay người Thổ, người nào bắt sống được hai tên Hồng, mỗi tên thưởng cho 300 quan tiền ; bắt sống được tên Lâm Sâm thưởng cho 200 quan tiền. Nếu giết chết được, thì mỗi tên được thưởng 100 quan tiền. Ai bắt hay chém được bọn đầu mục của giặc là Kim Hồng, Kim Minh, Kim Kết, Sơn Đò, Sơn Súc, đều được thưởng 100 quan tiền".

Sau đó Tiến Lâm và Công Huyền tâu rằng : "Bọn thổ phỉ lan khắp ở các huyện Trà Vinh, Vĩnh Trị và Tuân Nghĩa, đóng đồn nhiều nơi, mà số biên binh hiện đem đi chỉ có hơn 2.000 người, thế khó lòng mà dẹp yên cho đúng hạn được, nghĩ xin điều động đạo quân của Nguyễn Tri Phương chia đường để hiệp sức càn quét".

Vua phán : "Thổ phỉ ở phủ Lạc Hoá chẳng qua là bọn quân ô hợp, Công Huyền hèn nhất, Tiến Lâm cũng một niềm bất chước cái dở của Công Huyền, tay giữ đại binh, lại xin cho người khác đến làm việc giúp, sao không tự biết xấu hổ ? Đợi người ta thái sẵn thịt cho mà ăn, thì còn dũng cảm nổi gì ! Công Huyền thì cách chức, Tiến Lâm cũng giáng 3 cấp, đều cho lưu lại làm việc để gắng sức đi đánh dẹp, chuộc lại lỗi trước".

Vừa gặp Nguyễn Tri Phương đem quân từ Vĩnh Tế về đến Ba Xuyên, đốc đồng với Phó lãnh binh Tôn Thất Nghị tiến đi càn quét ở Sóc Trăng, đánh tan bọn giặc. Lại nhân lúc ban đêm, đánh úp ở Chông Sách, thắng luôn mấy trận.

Vua cho rằng bọn thổ phỉ ở Ba Xuyên, nhiều lần bị quan quân đánh giết chạy tan, thưởng cho Tri Phương và Tôn Thất Nghị mỗi người quân công 2 cấp. Lại sai đem biên binh từ Hậu Giang đến thẳng đồn Cầm Chông, thống lĩnh cả đạo quân của Lê Quang Quảng cứ theo trung tâm nơi đồn trú của bọn giặc ở phủ Lạc Hoá mà tiến quân đánh giết kịch liệt ; Nguyễn Tiến Lâm và Bùi Công Huyền thì đều phải tuyền nghi chia đường đánh ập lại.

Quân lính ở Ba Xuyên nhiều người bị cảm vì nhiễm khí độc rừng núi. Vua sai lấy thuốc ở kho ban cấp cho.

Tha cho tên Yểm về Trấn Tây. Yểm từ năm ngoái, bị giải về Kinh, tống giam vào ngục trấn phủ. Đến đây, Tán lý Nguyễn Công Trứ mật tâu rằng : “Nước Cao Miên được triều đình trông nom đùm bọc đã lâu, lại đặt ra thành Trấn Tây để phòng giữ. Đã 8 năm nay, tốn phí tài lực không biết đâu mà kể, nhưng thổ binh thì không thể sai phái được, thổ dân thì không thể dạy dỗ được. Từ khi có việc binh biến đến nay, quan quân chết trận có đến hàng nghìn, cho đến súng đạn khí giới bị hao tổn, tiền lương chi phát ra, thuyền bè phải vận tải, công và tư đều hao tổn cả ! Ba Xuyên và Lạc Hoá cũng lần lượt không được yên tĩnh. Các tỉnh thuê bắt đòi gọi, nông và thương đều vất vả cả. Sự thể hiện nay khác với năm ngoái : vì năm ngoái, nhân dân do sự ngờ sợ mà sinh biến loạn ; năm nay đã có tên Giun làm tù trưởng, chỉ ở khi phục lại nước, nên nhân dân đều một lòng liều chết. Tuy có quận chúa là Ngọc Vân, nhưng họ cho là hạng đàn bà không kể chi đến. Chỗ nào cũng đóng đồn hợp quân, nương chỗ hiểm để chống lại. Việc sai người đi dò la hoặc dẫn đường, hai việc ấy đều không thể làm được cả. Từ Thuyết Nột cho đến các xứ Long Trung, Sa An, Cổ Tiêu và Long Sơn, hai bên bờ bán xuống, ngăn giữ sự qua lại. Vả lại, thành Trấn Tây nhỏ bé, không thể dùng để giữ được, phải lấy con đê làm thành ngoài, mà đồ dùng để sửa đắp cũng không được bền chặt. Nay đến mùa nước lớn, nước sông chảy xiết, ngay như đối ngạn bên kia sông là đất Nhu Viễn và La Kết, lỡ ra có việc khẩn cấp đi lại còn không tiện, huống chi đến các nơi xa ? Thành Trấn Tây bốn mặt đều phải đối địch với giặc, ứng tiếp không chu, nếu một phen không dùng đến đại binh thì không bao giờ xong việc được. Nói cho đúng, quân nhiều phải tốn nhiều, nhưng cũng chỉ thêm cho sự tốn phí mà thôi. Vì rằng, dù lấy được đất ở nơi ấy, cũng không thể cày cấy được, dù lấy được dân ở xứ ấy, cũng không sai khiến được. Song, đã sửa sang xếp đặt, công lao khi trước không nên bỏ đi cả. Nên nhân theo tình thế mà làm cho được việc. Năm trước, tên Yểm đã bó tay nộp mình, mong làm tột triều đình, nhờ lượng tiên đế, tuy đem giam cầm, nhưng vẫn hậu cấp cho tiền lương. Nay hoàng thượng nối ngôi, ơn trạch rộng ban, dù kẻ tử tù cũng được khoan giam. Vậy xin ban sắc Chỉ giao tên Yểm cho thành Trấn Tây trông coi. Y đã được tha về, thì đồ đảng của y cũng lần lượt ra thú. Đồ đảng đã chia rẽ, tất ngờ vực lẫn nhau, ta không còn phải lo về sau nữa, có thể đi thẳng một đường, dùng người Man để chiêu dụ người Man, bắt họ phải nơi nào giữ nơi ấy cho được yên. Còn kẻ nào cố chấp mê hoặc bướng ngạnh không chịu theo thì đánh giết cho một trận kịch liệt. Như thế là lấy tột của triều đình làm người sai khiến của triều đình”.

Sớ này được giao xuống cho đình thần bàn. Đình thần đều cho rằng bọn Ngọc Vân là con của phiên vương Chân ngày trước, mà bọn di dân của y còn không chịu quy phục, hưởng chi tên Yểm mới đầu hàng quy thuận, dù nay có được tha về chăng nữa, bọn thổ dân cũng chưa chắc đã vì có tên Yểm mà bỏ hay theo triều đình. Song, tên Yểm ở Kinh, cũng là một tên tù giam, giữ lại cũng không có ích gì. Tấn lý thần ⁽¹⁾ đã cố xin tha cho nó về, hoặc giả cũng có thể giúp cho chiêu phủ được một phần nào. Vậy xin hãy tạm tháo xiềng xích, giải về Trấn Tây, cho được tự đi chiêu tập bọn thổ dân. Còn công việc ở ngoài biên cương xin giao cho bọn Kinh lược và Tướng quân phải trừ tính cho chín chắn mà làm. Không được hoàn toàn chắc bằg ở tên Yểm, cũng không được mượn cơ ấy mà đóng quân lâu ngày làm cho nhụt bớt khí thế của quân lính, có điều không tiện.

Lời bàn ấy dâng lên, vua phê bảo rằng : “Quần thần đã đồng ý, ta cũng tạm chuẩn y, nhưng phải cẩn thận công việc, đừng để có hối về sau”. Vua bèn sai bộ Hình mở xiềng xích tha cho Yểm, rồi cho đáp thuyền công đưa về Trấn Tây.

Trước kia, khi Yểm quy thuận, họ hàng thân thuộc đến hơn 9.000 người đều bị chia cho ở tại các tỉnh Nam Kỳ ; đến đây, tha cả cho được đoàn tụ với nhau. Duy có con trai tên là Bướm vẫn phải an trí ở tỉnh Khánh Hoà. Các tư sản của Yểm mang theo khi trước, lưu lại ở Gia Định, nay đều trả lại đủ số, duy có súng và đồ binh thì nộp vào làm của công.

Thổ phi định đánh úp thành Trấn Tây, quân ta đánh lại, bọn giặc phải lui. Trước đây, Xiêm mục là Chất Tri lại đến Hải Tây, cho Man tù là Giun đóng ở thành Long Tôn, lại sai đồ đảng là tên Cố, tên Man, tên Y và con rể của Chất Tri là Sá Nai đốc suất các quân Xiêm Lạp và Man chừng 5.000 người, quấy nhiễu các đồn bảo ở gần đấy. Phạm Văn Điển và Nguyễn Công Trứ được Chỉ di Ba Xuyên, thì vừa gặp thành hạt có động, phải ở lại bàn tính làm việc. Trứ giữ đồn Bắc Đế, Đoàn Văn Sách giữ bảo ⁽²⁾ Nhu Viễn, Cao Hữu Dực giữ đồn Kim Tháp, Nguyễn Công Nhân giữ đồn Trấn Uy, Phạm Văn Điển quản đốc các thuyền binh đi đàn áp mặt trước thành lỵ Trấn Tây. Nhiều lần bắn nhau với giặc, bọn giặc bị thương và chết cũng nhiều. Quan quân bị thương và chết cũng gần bằng số của giặc. Bọn giặc lại nhân ban đêm, cắm rào, đắp lũy ở bên ngoài đồn Nhu Viễn. Quân ta đêm ngày phòng bị nghiêm cẩn, bọn giặc không dám động đến, nhưng chúng vẫn ẩn nấp ở trong rừng, đào đất để ngòi ẩn.

Vua cho rằng quan quân chỉ đồn nào phòng giữ địa phận của đồn ấy, không ra ngoài thành đánh giặc, bèn xuống dụ truyền phải ngắm kỹ hình thế, đem súng đại

(1) Chỉ Nguyễn Công Trứ.

(2) Thành nhỏ đắp bằng đất.

bác bán nã, hoặc phải quân ra đánh phá, để làm nhụt bớt khí thế hăng hái của giặc. Tờ dụ đưa đến nơi, bọn Công Trứ, Văn Sách và Tôn Thất Mậu chia hai đường thủy và bộ, ra ngoài thành tiến đánh. Phạm Văn Điển thì đóng quân ở Tiền Giang để làm ứng viện. Gặp giặc giao chiến, quân ta hai đạo đều bắn vào, bọn giặc chạy tan. Quân ta thừa thế, đánh phá hai đồn sở ở Thổ Sơn, đốt hết trại sách của giặc, đến tối mới thu quân về.

Vua phê bảo rằng : “Thừa thế ra đánh, làm cho quân lính thêm khí hăng hái, như thế há chẳng phấn khởi lòng người một chút ư ? Hà tất cứ bo bo giữ đồn làm gì ?”.

Sau đó, bọn giặc lại đắp lũy đặt súng ở Hậu Giang, ngăn chặn đường đi. Vua lại quở rằng : “Con đường ấy, về việc vận lương và tư báo đều phải đi qua, trước đã có dụ phải tùy cơ mà làm, thế mà chỉ đóng quân ngồi giữ, để cho bọn giặc được chiếm đặt phòng bị, làm trở ngại cho sự đi lại, sao lại không nghĩ đến công việc vận lương và chuyển đệ giấy má, nếu bị nghẽn tắc thì cái thành nhỏ mọn, riêng lẻ một mình, có thể giữ được vô ngại không ? Chuẩn cho Đoàn Văn Sách và Nguyễn Công Nhân đem theo Tôn Thất Mậu tùy thế đánh dẹp, phá bành hết các lũy giặc, không để cho chúng đặt súng lớn”.

Gặp kỳ nước sông lên to, Sách lại ở lại giữ đồn Nhu Viễn. Mậu rồi bị ốm, duy có Công Trứ và Công Nhân đem quân đi.

Quyên chương Lãnh binh Hà Tiên là Đoàn Quang Mật giữ bảo Vĩnh Thông, bị giặc thành linh đến vây. Mật tự cho là quân giặc nhiều, quân mình ít, không thể địch nổi, chỉ chớng giữ để đợi viện binh. Vừa gặp Lãnh binh Nguyễn Văn Thai đem 500 quân đương mua cũng cố dấn đi, tiến thẳng đến đồn bảo. Mật mở cửa thành, trong ngoài đánh ập lại, bọn giặc chạy tan, giải vây cho bảo Vĩnh Thông. Vua thưởng cho Thai và Mật mỗi người quân công 1 cấp, mỗi người 1 cái nhẫn vàng và 1 đồng kim tiền Song long.

Vua lại dụ cho Quang Mật phải để tâm suốt dài sông Vĩnh Hà mà dò bắt giặc, đừng để cho bọn giặc lén lút qua sông.

Cho gọi Tổng đốc Bình - Phú ⁽¹⁾ là Đặng Văn Thiêm, Tổng đốc Gia Định là Nguyễn Văn Trọng, Tổng đốc An - Tĩnh ⁽²⁾ là Mai Công Ngôn, Tuần phủ Bắc Ninh là Nguyễn Đăng Giai, Tổng đốc Định - Yên ⁽³⁾ là Trịnh Quang Khanh, Bố chính Sơn Tây là Lương Quốc Quang, Bố chính Hải Dương là Ngô Kim Lan, thự Bố chính Quảng Bình là Nguyễn Tự, thự Bố chính Khánh Hoà là Trịnh Ngọc Lâm, Án sát Quảng Nam là Lê Tập, Lãnh binh tỉnh Thanh là Phạm Phi và Lãnh binh Lạng Sơn

(1) Bình Định và Phú Yên.

(2) Nghệ An và Hà Tĩnh.

(3) Nam Định và Hưng Yên.

là Trần Văn Triện về Kinh để hội ban. Cho Tham tán Trấn Tây là Lê Văn Đức làm quyền chương Tổng đốc Định - Biên ⁽¹⁾, Đề đốc Thừa Thiên là Nguyễn Cửu Đức làm quyền chương Hộ ấn quan phòng của Tổng đốc An - Tĩnh.

Thi Đình. Sai Chương vệ Hoàng Đăng Thận sung chức giám thí ⁽²⁾, thự Văn Minh diện Đại học sĩ Trương Đăng Quế và thự Binh bộ Tham tri Phan Thanh Giản sung làm chức Đốc quyển ⁽³⁾; Biện lý bộ Hình là Vũ Phạm Khải và sung biện Các vụ Nguyễn Cửu Trường sung làm chức nhận quyển và duyệt quyển. Cho : Nguyễn Ngọc, Ngô Diên đồ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân ; bọn Lê Đức, Bùi Tuấn, Trần Vỹ, Đào Danh Văn, Phạm Bá Tuệ, Vũ Văn Lý, Bùi Duy Phan, Hồ Văn Trị và Nguyễn Xuân Thọ đồ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân (khoa này ban bạc thay cỗ yến, lễ truyền ló ⁽⁴⁾ và cuộc xem hoa ⁽⁵⁾ đều đình cả. Trước 1 ngày, các tiến sĩ mới vào làm lễ ban thờ Tiên đế, ngày hôm sau, vào lạy tạ vua ở tiền điện).

Cho Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ Trương Tiến Sĩ đổi bổ làm thự Thông chính sứ Phó sứ, làm công việc bộ Lại.

Bắt đầu đặt phủ Điện Biên thuộc tỉnh Hưng Hoá. Đem các châu Ninh Biên, Lai Châu, Tuần Giáo lệ thuộc vào phủ ấy. Châu Ninh Biên nguyên là đất của Ai Lao (tục gọi là Mường Thanh), khoảng năm Cảnh Hưng (1740 - 1786) nhà Lê, dân phản nghịch là Hoàng Công Thư ⁽⁶⁾ làm loạn ở Hưng Hoá, chiếm giữ thành Tam Vạn (vì thành này chứa được 30.000 người cho nên gọi là Tam Vạn). Nhà Lê dẹp yên giặc Thư, mới chiêu dụ người Man ở Mường Nhuyên đất Mã Hà về quy thuận, đặt làm châu Ninh Biên, thuộc phủ Gia Hưng. Đất châu này ba mặt về mạn đông, tây, nam tiếp liền với người Man Nam Chương, cách tỉnh thành đến 10 ngày đường, triều đình lập đồn bảo (Ninh Biên bảo) đặt quân lính (30 người) để đóng giữ.

Tháng trước, Nam Chương quấy nhiễu nơi biên giới. Vua truyền cho Ngụy Khắc Tuấn phải xét kỹ tình hình nơi biên giới, trừ tính nên làm công việc thế nào cho sau này được yên. Tuấn dâng sớ tâu rằng : “Châu Ninh Biên thuộc về cõi đất của triều đình đã lâu, không phải mới có một vài ngày, chỉ vì Nam Chương vẫn nhận là đất cũ của họ, nên cứ tìm cơ để gây hấn. Mấy năm trước đây, thổ quan ở đồn bảo châu ấy mong cho khỏi sinh chuyện, đem vàng dát lót cho họ. Kịp đến khi thổ quan ở trung châu lên, họ không được lợi gì, mới kéo quân Xiêm cùng đến xâm

(1) Định Tường và Biên Hoà.

(2) Coi việc thi

(3) Đọc văn quyển thi.

(4) Cũng như lễ xướng danh những người được đỗ thi Hương.

(5) Theo chế độ khoa cử, những ông tân khoa đỗ từ tiến sĩ trở lên được vào vườn ngự xem hoa, gọi là “Khán hoa”.

(6) Tức Hoàng Công (hoặc Văn) Chất.

lấn cướp bóc (việc này vào năm Minh Mệnh thứ 14 [1833]). Đồn bảo của châu ở xã Thanh Phong, đằng sau sát với núi cao, không có thành trì bền vững, quân lính trong đồn bảo người ít, sức yếu không đủ để dùng, dân cư ở đấy không thành ra thôn xóm gì cả, lại không có người tổng lý nào mạnh khoẻ giỏi giang đứng đầu xướng suất, mới nghe tin giặc đến đã bỏ chạy hết. Mới tệ ấy đã chứa mãi từ lâu rồi. Châu này nếu không một phen sắp đặt lại, và bọn Man này nếu không một phen càn quét cho tệt đi thì mới lo ở nơi biên giới còn chưa hết. Hướng chi xứ này thế đất xa rộng, nơi bỏ không lại nhiều. Hãy cứ nói riêng về chỗ đồn bảo của châu thì thế núi mở rộng, khoảng giữa trũng xuống thành đồng bằng, một làn phẳng lỳ, có thể để dân 3 - 4 huyện ở vừa ; ruộng cũng không kém 10.000 - 20.000 mẫu ; nhân dân khai khẩn được cấy lúa, tốn công ít mà thu được nhiều thóc. Đất tốt, lợi nhiều hơn cả 21 châu, huyện trong tỉnh hạt này. Từ năm Minh Mệnh thứ 14 [1833] trở về trước, người ở đông đúc, thường đến 1.000 - 2.000 nhà, từ khi biên giới có nhiều lần biến động, làng xóm xơ xác, ruộng đất màu mỡ bỏ thành cõi hoang : gai dày, cỏ rậm, tổ chuột hang chôn, thực cũng đáng tiếc ! Kể ra, châu này ở thượng du, là bức phen chắn cho 10 châu ở Đà Bắc, thế mà sự phòng bị ở nơi biên giới không có gì, người ít, đất rộng, thật không phải là cách giữ vững nơi cương giới và để phòng sự bất ngờ. Nếu đem binh đồng đến để giữ thì đường đất xa, lam chướng độc, tiếp tế khó khăn, không thể nối tiếp được mãi. Không gì bằng mộ dân đến ở đấy cho đông, để họ tự giữ lấy, thì số binh có thể giảm bớt, sự khó nhọc phí tổn cũng đỡ, mới là kế dài lâu. Vậy xin ở địa đầu chỗ làm đồn bảo của châu khi trước, đặt một phủ lỵ, gọi là phủ Điện Biên, kiêm lý cả châu Ninh Biên, lấy hai châu Lai Châu và Tuần Giáo ở gần đấy thêm vào làm thống hạt, đặt một tri phủ và một quản phủ. Nhân thành đất cũ, sửa sang lại qua loa, để làm nơi phủ lỵ. Trước hết hãy mộ lấy 300 binh đồng, cấp cho lương tháng, trích lấy những ruộng bỏ hoang, cho họ vỡ đất trồng cấy để chi dùng. Lại lấy thêm dân ngoại tịch, cứ 20 người làm một xã, hoặc 3 - 4 xã làm một tổng. Lại chiêu mộ bọn lái buôn người nhà Thanh ở các nơi biên giới đến đấy mở cửa hàng buôn bán, lưu thông hàng hoá chỗ có đến chỗ không, để giúp cho dân được tiện việc mua dùng. Những người thổ dân và lái buôn người nhà Thanh đã chiêu mộ đến cùng là những ruộng đất đã khai khẩn ra đều được tha thuế trong hạn ba năm. Khi hết hạn, mới bắt đầu đánh thuế. Sau 1 - 2 năm, nhân dân đã thành của nhà nề nếp, bắt phải góp sức vào việc phòng thủ, mà số binh đồng phải đến lên khi trước sẽ rút dần về. Như thế thì dân cư được đông, đất vỡ thêm rộng, sự phòng bị nơi biên giới mỗi ngày đầy đủ thêm, có thể tuyệt được cái lòng dòm ngó của bọn man rợ bên ngoài, bờ cõi được thêm bền vững.

Việc này giao xuống cho hai bộ Hộ và Binh bàn kỹ. Hai bộ đều cho tập tâu này là một ý kiến hay để phòng giữ nơi biên giới, có thể làm được.

Vua lại sai Tổng đốc kiêm hạt là Nguyễn Công Hoán hội bàn các công việc nên làm (phái cho phủ nha quyền Tri phủ, quản phủ xét xem chỗ nào xung yếu nhất thì trích lấy mộ binh ở vệ Hưng Hoá 100 người đến đấy để đóng giữ, mỗi năm một lần thay phiên, lại phái thêm lính đông người Thổ ở châu Tuần Giáo 60 người, ở Lai Châu 40 người, ở Thuận Châu 100 người để canh giữ thêm và trích lấy ruộng bỏ hoang cấp cho. Còn đồn bảo Ninh Biên thì bỏ bớt. Vua đều y theo. Duy không đặt chức quản phủ, chọn lấy một viên quản cơ hoặc phó quản cơ phái đến phủ ấy đóng giữ, cho hợp với lệ định.

Cho : Vệ úy Tiên phong Hậu vệ, Đoan Hùng tử. Nguyễn Văn Lược, làm Vệ úy vệ Kim ngô ; thự Phó vệ úy ở vệ Hữu nhị quân Vũ lâm, Tôn Thất Hàn làm Phó vệ úy vệ Kim ngô ; Tôn Thất Cung và Trần Hữu Thiệu, nguyên trước được sung lĩnh hai chức trên này, lại về ngạch cũ làm việc (vệ Kim ngô đều lấy người trong các dinh, vệ để sung làm. Cung nguyên là thự Vệ úy ở Nhị vệ quân Vũ lâm, Thiệu nguyên là thự Phó vệ úy Tiên vệ dinh Hồ oai).

Sắc cho bộ Hộ rằng : “Phàm các sở đồn điền thuộc các tỉnh Sơn Tây, Định Tường, Khánh Hoà và Biên Hoà đều giao cho dân xã sở tại cày cấy nộp thuế, sung làm ruộng công ; những binh phái đi làm đồn điền trước, ngạch ở tỉnh nào lại rút về đội ngũ tỉnh ấy (5 đồn bảo sở Sơn Tây là : Nhân Lý, Đoan Hạ, Hải Bối, Trì Long, Tiên Á ; 2 sở ở Định Tường là : Từ Linh, Thuận Lợi ; sở Bình Hoà ở Khánh Hoà ; sở Xích Lam ở Biên Hoà).

Tặng thuế hai mỏ bạc Tống Linh và Nhân Sơn ở Thái Nguyên (mỏ Tống Linh, ngạch thuế cũ, mỗi năm là 100 lạng bạc ; mỏ Nhân Sơn, mỗi năm là 300 lạng bạc. Năm ấy, số bạc khai ra được nhiều, thuế mỏ Tống Linh tăng thêm 30 lạng, thuế mỏ Nhân Sơn tăng thêm 100 lạng).

Lấp mỏ vàng Gia Nguyên ở Hưng Hoá (nguyên trước bàn cho khai).

Bảy sách Man chưa khai tên vào sổ chịu thuế ở tỉnh Bình Thuận (sách Cà Ho Ba Tốt, sách Cà Ho Ba Linh, sách Cà Ho Ba Liêu, sách Cà Ho Ba Nền, sách Cà Ho Ba Con, sách Cà Ho Ba Chú và sách Cà Ho Ba Tạc) xin lệ thuộc vào triều đình. Truyền cho lệ thuộc vào huyện Đa Hoà, đăng tên vào sổ chịu thuế (mỗi suất đinh phải nộp thuế 1 sọt gạo, cho nộp thay bằng 1 quan tiền).

Đắp tiểu bối chạy dài ở ngoài đê Hưng Yên, để bảo vệ cho các kho chứa trong tỉnh (dài 459 trượng), những chỗ đất bãi nào bị tiểu bối ấy đắp đê lên thì được tha thuế.

Bọn Lạo man quấy nhiễu lan đến các châu Thượng Kế, Na Phần, thổ dân ở hai châu ấy sợ hãi chạy tan. Quản cơ ở cơ Định man là Nguyễn Văn Vân đem quân đến đuổi, không kịp, rồi về. Việc đến tai vua. Vua dụ rằng : “Bọn Lạo man nhân khi sơ

hở, đi cướp kiếm ăn ; thổ dân xưa nay vốn nhát, nên mới sợ bóng sợ gió đó thôi. Truyền cho tinh thần ở Quảng Trị phủ dụ chiêu tập cho họ đừng sợ sớm về yên nghiệp.

Có dụ nhắc lại cho hai tỉnh Thanh Hoá và Nghệ An phái binh thuyền đi bắt bọn giặc biển. Bọn giặc biển người nhà Thanh thường thường làm ngăn trở ở đường biển, thuyền chở các vật hạng công của tỉnh Thanh Hoá từ đồn Biện đến đồn Quên. Gặp bọn giặc ở biển, Suất đội Lê Đình Hoan phụ trách về thuyền không biết là giặc. Bọn giặc tiến sát đến gần, nhảy sang thuyền của quan quân, cướp hết súng ống khí giới thuốc đạn và các vật hạng của công. Hoan đi thuyền không, trở về đồn Biện. Tổng đốc Tôn Thất Lang tự nghĩ là sai phái người không ra gì, dâng sớ xin chịu tội. Vua phê bảo rằng : “Súng ống khí giới không ít, quân lính cũng nhiều, thế mà chịu để cho bọn giặc ngông cuồng lấy mất, tay không trở về, lại không xét cho rõ ràng, trị tội theo quân luật. Tôn Thất Lang, người lại muốn che chở cho tên võ biển hèn mặt ấy ư ! Tội tên Hoan thật đáng chém, nhưng đồn canh của tỉnh Nghệ ở đâu ? Quân bộ biển đi tuần đường biển ở đâu ?”. Vua sai lập tức đem dụ đến Thanh Hoá và Nghệ An truyền phải kíp phái thuyền binh đi bắt. Lại phái hai viên Quản vệ Thủy sư ở Kinh đi hai thuyền Bình Hải và Tĩnh Hải đến ngay để hội tiểu. Lau ngày chẳng bắt được tên giặc nào, rồi về. Truyền chém tên Hoan đem rêu rao cho mọi người biết.

Sắc cho bộ Binh rằng : “Xưa nay có phái thuyền công đi đâu, thường thường số bộ binh phái đi đến quá nửa. Sự đắc lực ở đường biển hoàn toàn ở quân thủy cả, quân bộ chỉ dùng để đánh hoặc đâm mà thôi, cần gì phải nhiều ? Từ nay trở đi, có việc phái đi đường biển, thì phái đi hai phần quân thủy, một phần quân bộ.

Thuyền buôn ở tỉnh Phú Yên vẫn lo bị nạn giặc biển. Thuyền không mang binh khí, không thể tự vệ được. Tỉnh thần xin lượng cấp cho súng trường, ống phun lửa để giúp tiện lợi cho người buôn bán. Vua y cho.

Làm đồ ký ⁽¹⁾ bằng ngà cấp cho quan coi kho riêng (ở tỉnh Hưng Yên) của tỉnh Hải Dương.

Án sát Lạng Sơn là Đỗ Cao Mai nghỉ phép ở nhà để tang, cho Lang trung bộ Lễ là Phạm Bạch Như đến thay.

Đổi đặt lại 5 đội trong vệ Giám thành làm 4 đội Nhất, Nhị, Tam, Tứ.

Quan ở Khoa đạo là bọn Lưu Quý, Đặng Quốc Lang, Bạch Đông Ôn, Lê Văn Vỹ và Ngô Bình Đức tâu bày việc biên giới ở Trấn Tây. Đại lược nói rằng : “Quan quân

(1) Đồ ký : tức là con dấu. Án của quan to như Tổng đốc gọi là “quan phòng”, quan vừa như phủ huyện gọi là “án”, quan nhỏ gọi là “đồ ký”.

tiến đánh để tiêu trừ bọn Lạp man, chưa thấy có công trạng gì : chiêu phủ, nó không chịu theo ; đánh, chưa dễ đã dẹp yên được. Tướng nên thôi việc binh nhưng, cho dân được yên nghỉ, để thi hành sách lược là mình được yên nghỉ, mà người khác phải theo về mình. Nhưng cũng không nên vô cớ mà rút quân. Vậy xin lại lập con cháu của đầu mục người Man, để nêu rõ chính nghĩa, rồi sau đưa thư cho nước Xiêm cùng rút quân về, thì biên giới có thể được yên, mà không hại gì đến quốc thể”.

Vua cho lời bàn ấy phần nhiều là cớ nhậm những câu sáo cũ, chưa thấy có gì là phương sách hay ! Dụ rằng : “Binh là để giữ nước, dân là gốc nước. Nếu biết tính sự thế, dâng mưu chước, có thể làm cho binh và dân được yên nghỉ, thì ai chẳng khen là lời bàn hay ? Nhưng hiện nay bọn giặc còn đang ngồng cuồng, nhân dân biên giới Nam Kỳ còn bị xâm lấn cướp bóc, nếu muốn gạt bỏ ra ngoài, không thêm để tâm so tính, thì những nơi quan trọng, xung yếu làm thế nào phòng giữ được ? Các dân Kinh ở ven biên giới, làm thế nào mà bảo vệ được ? Phàm những chỗ quan trọng, xung yếu thực tế như thế, chưa từng kiến minh được việc gì, mà chỉ nói suông một lời “yên nghỉ”, thì ra cho rằng để mặc giặc Man phản nghịch, rông rã, ngang ngược, không cần hỏi đến ư ? Để mặc dân Kinh ở nơi biên giới sợ hãi chạy tan, không cần nghĩ đến ư ? Còn việc xin làm thư đưa cho nước Xiêm lại càng sai lầm càng rõ lắm ! Ta không ngờ bọn người trong Khoa đạo, là nơi có nhiệm vụ can ngăn, lại nghị luận như thế”. Đáng lẽ giao cho bộ bàn xét xử trí, nhưng ta nghĩ bọn các người đã dâng phương sách, chắc thế nào cũng có ý tứ sâu sắc ở trong, hoặc giả vì sớm tối dẫn do rút bớt, nói ra không hết ý chẳng ? Nay chuẩn cho [các khanh] đều phải hết lòng trừ tính tâu bày rõ ràng, cốt sao cho giải tỏ được hết mưu mô và công việc để có bổ ích cho thực dụng”. Bọn Quý lại dâng sớ tự nhận là ngu dốt sơ suất, xin chịu tội. Chỉ nói thêm một việc : xin đem trọng binh để đóng giữ nơi xung yếu, đặt đồn canh để bảo vệ dân Kinh, binh lính người nào già ốm thì thải về, bị chết trận thì xoá tên trong ngạch lính.

Vua lại giao xướng cho đình thần xét kỹ. Đình thần đều tâu là lời trình bày của bọn Quý là thất thế. Xin giáng cấp đối đi.

Vua lại dụ rằng : “Ta lúc nào cũng bận lòng về Trấn Tây, chưa lúc nào nguôi. Bọn Quý nếu có mưu hay chước giỏi, tất nhiên ta phải sẵn lòng tiếp thu. Nay xem hai tập tấu trước sau, đây tờ chặt giấy mà chỉ là nói hão cả ! Còn đến cơ nghi hay hay là dở, sự thế khó hay dễ, không xét được kỹ. Chỉ xin làm các việc như đặt trọng binh, lập đồn giữ, thải lính già ốm, xoá tên trong ngạch binh, thì có kế hoạch gì ! Các quan ở tỉnh lỵ hay ở quân thứ há lại không nghĩ đến việc ấy, mà chỉ bọn Quý nghĩ được thôi ư ? Với ý kiến một mình ta, ta chưa nỡ khinh suất cự tuyệt ngay lời nói của người, nên đã giao xướng cho đình thần họp bàn. Họ cũng đều cho là trong lời bàn ấy không lấy được một câu gì. Thế ra [bọn Quý] cho việc nước là việc nói

dù ư ? Há chẳng phụ mất bản ý của triều đình đặt ra chức quan giữ việc bàn nói ư ? Đình thần bàn nên giáng cấp và đổi đi cũng không phải là quá khác. Song ta nghĩ rằng ý kiến bọn họ có sai lầm trong nhất thời, cũng không nở vội bắt tội ngay, hãy tạm gia ơn khoan tha cho, nhưng đều phải truyền Chỉ quở mắng. Và lại, đặt ra chức Ngự sử, cốt để sửa chữa những điều thiếu sót, giúp ích cho chính sự. Lũ người nên đem hết tài năng, phạm việc gì liên quan đến sự ích nước lợi dân, mà mình biết rõ ràng, thấy đích xác, phải nói ra cho hết, chớ thấy lần này may được khỏi tội mà lần sau thấy việc là sợ, cũng chớ vì đã phải quở trách, không dám nói nữa. Các người nên tự nghĩ lấy là phải”.

Tỉnh Khánh Hoà nộp số thóc khai khẩn ruộng, so với số thóc nộp về vụ hạ năm ngoái, kém sáu phần mười. Bộ Hộ xin bắt phải bồi đủ số.

Vua phán rằng : “Có năm được mùa, năm mất mùa, là bởi trời làm, sức người có làm thế nào được ! Bắt phải bồi vào năm mất mùa, sao bằng bắt phải bù vào năm được mùa. Nên tha cho họ”.

Tỉnh Hưng Yên nộp thứ lụa tơ đậu của làng Mễ Sở. Phủ Nội vụ loại bỏ ra hạng tơ mảnh mất một phần tư. Vua bảo Nội các rằng : “Việc đặt giá mua hàng, mới tẻ trăm thứ, ta đã biết cả. Ở tỉnh, đã bị bọn ty lại ranh láu làm khổ ; đến Kinh, lại lựa lọc khắc nghiệt, thì dân chịu sao nổi ? Nên xét lại xem, nếu là tơ mảnh, nhưng có thể dùng được, thì chớ chước thu nhận cho họ, không cần phải loại bỏ làm gì. Một sợi tơ, một sợi vải phải biết làm ra được không dễ đâu ! Truyền Chỉ cho bốn nha⁽¹⁾ biết để thể theo ý ta”.

Tú tài ở Hà Nội, Nguyễn Thế Vinh, dâng thư dán kín, kêu ở Pháp ty⁽²⁾ xin để đạt lên vua. Vua hỏi Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn rằng : “Lời trong thư của Vinh có câu gì đáng dùng được không ?”. Xuân Cẩn thưa rằng : “Lũ chúng tôi đã xem kỹ tập tâu ấy như nói việc thôi làm đồn điền, cứu giúp dân điều háo, bãi bỏ các hương dũng, thì đều là công việc mà triều đình đã làm rồi. Còn thì đều là những câu nghe đồn nói lại ở đường sá, không cần thiết cho sự việc. Và lại, Vinh vốn là một người học trò kém trong Quốc tử giám, bị thải về nguyên quán, nay lại không tự yên phận, tâu bày can bậy, xét ra bản tâm là muốn mượn đường ngôn luận của triều đình để làm đường tiến thân ngang tắt cho chóng. Vậy xin khép vào tội trái quy chế, phạt đánh trượng cho đau, rồi đuổi về, để làm gương răn cho những kẻ phù phiếm nóng vội muốn cầu may sau này”.

Vua phán rằng : “Theo như Pháp ty, thế là phải lắm. Song, ta buổi đầu dành chỗ để câu người hiền, không muốn bắt tội người vì ngôn luận, vậy gia ơn tha tội

(1) Bốn nha : Cơ mật, Đò sát, bộ Hộ và bộ Công (theo Đại Nam thực lục, Đế nhị kỷ, quyển 215, tờ 18b).

(2) Pháp ty : Cơ quan tư pháp ở đương thời.

phạt trọng, bắt [Vinh] phải về nguyên quán để đợi thi khoá sau, còn bản tâu thì vứt bỏ đi, để tự biết xấu hổ”.

Có hai người Nghệ An, Nguyễn Sái và Nguyễn Văn Giao, là cử nhân bị cách đã lâu, (trường thi Hương khoa Giáp Ngọ) vin vào ân chiếu, kêu xin cho thi lại.

Vua phán rằng : “Bọn Giao vì cố muốn được đỗ lên tiến sĩ, cho nên nhẹ dạ nghe quan trường, viết lại quyển đã bị đánh hỏng. Án xử chung thân không được đi thi nữa, là để rèn dạy thói quen cho sĩ phu mà giữ trường quy cho nghiêm túc. Ta còn nghĩ là triều đình dạy dỗ các anh tài, khuyến khích cho mọi người cùng làm điều tốt. Nếu họ quả thực văn hay, học giỏi, cũng không nỡ bỏ. Truyền cho quan ở Quốc tử giám phúc hạch đúng như phép thi. Phan Huy Thực tâu rằng : “Hai quyển ấy vẫn viết tầm thường, mà bài phú lại trùng vắn, văn kim không được trang nhã, đích thực không phải là hạng văn chương đáng đỗ. Và lại, án bị can khi trước, đã có chỉ của Tiên đế, không dám vin vào ân chiếu để xin cho thi”.

Vua phán rằng : “Đã không vào hạng đáng đỗ, sao được vin vào ân chiếu”. Rút cuộc không cho vào thi (đến sau, bọn Giao đều đỗ tiến sĩ cả).

Nguyễn Văn Vĩ, người tỉnh Hà Tĩnh, có đơn kêu xin được thi. Vua phán rằng : “Vĩ do chân giám sinh xuất thân, khi trước làm Tri huyện, can án, phải cách, không đáng lại cho được biên tên vào sổ làm quan. Song ta nghĩ : y bị can án, không phải là tội tham tang hay tội riêng, vậy gia ân cho được vào thi Hương (sau Vĩ đỗ cử nhân).

Quy định mẫu bản tâu của các quan viên trong Kinh, ngoài các tỉnh :

(Từ nay trở đi, đến kỳ 3 năm xét công, các quan ở Kinh, phạm các văn vũ án quan viên nào được cấp riêng ấn quan phòng, thì cho được đóng vào tập tâu của mình ⁽¹⁾, còn những người nào không được cấp ấn quan phòng riêng thì ký tên và viết chữ “đề” 題 . Ở các tỉnh, phạm các tướng quân, đốc phủ, đề đốc, tham tán, hiệp tán, bố chính, án sát, tuyên phủ, lãnh binh, đều có ấn quan phòng riêng một nha, cũng cho được đóng ấn vào tập tâu cả. Còn như ấn quan ở các nha, đã được phong tước, đều cho đóng ấn phong tước vào trong tập tâu. Lại nữa, các nha khác như Thái thường, Quang lộc, Hàn lâm, Khâm thiên giám, Quốc tử giám, Nội vụ, Vũ khố, Thương trường, Mộc thương, Tào chính, Sang pháo, Hoả dược đều do viên cai quản sát hạch, làm sách tâu lên. Nha nào chỉ có quan tứ ngũ phẩm và hộ lý thôi, thì do nha hữu quan chuyển tâu lên. Lại như các ấn quan ở Kinh, các tướng quân, đốc phủ, đề đốc và bố chính, án sát đứng đầu một hạt, nếu có những việc để tang, xin tạm nghỉ đều cho ký tên và viết chữ “đề”. Còn các tham tán, hiệp tán, tuyên phủ, bố chính, án sát và lãnh binh đều do các thượng ty như tướng quân, đốc phủ, đề đốc

(1) Theo quy chế nhà Thanh, đến kỳ xét công, quan trong Kinh từ tứ phẩm trở lên làm tập tâu bày công trạng của mình, tâu lên để vua xét (Từ nguyên).

chuyển tâu và viết chữ “đề”. Chức lãnh binh coi riêng một hạt, thì do chức bố chính và án sát cùng hạt ấy chuyển tâu, cho theo lệ được đóng ấn).

Tĩnh Bình Định tâu rằng : “Địa thế trong hạt tỉnh ấy xa rộng, dân cư lẻ tẻ. Xin tùy theo những nơi nào gần liền với nhau, đặt thêm tên tổng (như huyện Tuy Viễn có 2 tổng, thì chia làm 4 tổng, huyện Phù Mỹ có 3 tổng thì chia làm 4 tổng, huyện Bồng Sơn có 4 tổng thì chia làm 5 tổng) ; chọn trong tổng, thôn nào đình điền nhiều hơn, cho đứng đầu một tổng. Mỗi tổng đặt chức cai tổng, ngoại uỷ và phó tổng mỗi chức 1 người”. Vua y cho.

Tổng đốc Định - An, Trịnh Quang Khanh, tâu rằng : “Các cửa biển Liêu, Lác và Ba Lạt cách tỉnh thành rất gần, xin đặt 5 pháo đài ở mạn đông và mạn tây sông Liêu, mạn đông sông Lác và sông Lạt, mạn tây sông Lạt, để vững mạnh bờ cõi nơi biên giới”. Lại tâu : “Hai đồn canh Trà Lý và Lân Hải, từ nơi canh giữ đến cửa biển đường đất cách xa, xin dời hai đồn canh Trà Lý và Lân Hải đi nơi khác để tiện việc canh phòng trông coi (dời : đồn canh Trà Lý đến ấp Tri Chỉ huyện Tiền Hải, đồn canh Lân Hải đến phía nam xã Đông Thành, huyện Giao Thủy).

Vua dụ rằng : “Cương giới về hải phận của bản triều rộng, dài, những chỗ xung yếu ở nơi ven biển đều đặt pháo đài để nghiêm việc phòng giữ. Duy có khoảng giữ hai đồn canh Liêu và Lác, thì đã có bảo Bình Hải và tấn Ba Lạt cũng có biển binh đóng giữ, cũng đủ phòng bị, hà tất phải lo xa. Việc ấy hiện nay chưa cần, đợi sau phái khám, sẽ xuống Chỉ cho làm. Còn như hai đồn Trà Lý và Lân Hải, chuẩn cho dời đi nơi khác”.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN IX

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất [1841], mùa hạ, tháng 6. Ban cho hoàng thân, hoàng đệ, sa màu và vải tây có thứ bậc. Vua dụ rằng : “Mùa hè nóng nực, để dùng làm áo mát”. (Các hoàng thân có tước công được 7 tấm, các hoàng đệ có tước công được 3 tấm, các hoàng đệ tước quốc công, quận công được 24 tấm, các hoàng đệ được 31 tấm).

Các địa phương được mùa chiêm. Bộ Hộ dâng danh sách về tổng số thu hoạch, chia làm 3 hạng được mùa : thượng, trung và hạ. Vua phê vào danh sách rằng : “Ta mới trông coi chính sự, đã được mùa, ta cùng với dân, cùng hưởng 3 bậc được mùa ấy (cộng 31 địa phương, chỉ trừ 4 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Bình Thuận không có ruộng chiêm, còn Nam Định, Nghệ An, Thanh Hoá, Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình, Gia Định, Biên Hoà, Quảng Ngãi, Định Tường cộng 11 tỉnh được mùa hạng thượng. Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Sơn Tây, Quảng Trị, Hưng Hoá, Quảng Yên, Phú Yên, Khánh Hoà, Quảng Nam, Thái Nguyên cộng 11 tỉnh được mùa hạng trung. Thừa Thiên, Bình Định, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên cộng 5 tỉnh được mùa hạng hạ).

Vua dụ tỉnh Thanh : “Đất tỉnh ấy lâu năm bạc màu, triều đình đã cứu chữa nhiều cách, nay đã khởi sắc. Ôn huệ nhà nước dù nhiều, nhưng vẫn không bằng trời cho được mùa, thóc lúa đầy kho, cùng vui ca hát. Ta xiết nỗi kính cảm, cảm động,

càng thêm phần khởi tu tỉnh để được đón lấy phúc trời lâu mãi, cùng dân chung vui. Các người là người chân dân, đã yên cầu cho được yên nữa, đã gắng lại cố gắng thêm, nên cùng với các phụ huynh ở quê hương nhà vua, dạy bảo các con em, để cho làng xóm được vui tươi, cùng nhau yên vui trong đức hoá của nhà vua, cùng hưởng phúc thái bình, ta lấy làm mong mỏi lắm.

Hai nước Thuỷ Xá, Hoả Xá sai sứ đến Kinh. Trước 1 ngày, bộ Lễ dẫn sứ thân là bọn Sơn Thí, Kiệu Mộc đến ngoài cửa cung Khánh Ninh, nhân buổi cúng sáng, làm lễ dâng hương (nước Thuỷ Xá 2 cân trầm hương, nước Hoả Xá 1 cân). Ngày hôm sau, đem các sản vật địa phương đến cửa cung khuyết chúc mừng vua lên ngôi (nước Thuỷ Xá 1 cặp gà voi, 2 chiếc sừng tê ; nước Hoả Xá 2 cặp gà voi, 1 chiếc sừng tê) ; làm lễ xong, ở lại chờ ngày làm đại lễ Ninh lăng.

Vua dụ bộ Lễ rằng : “Nước Hoả Xá đời đời ở nơi mọi rợ cõi xa, từ xưa đến nay chưa từng giao thông với nước ta. Ta mới lên ngôi, họ lại biết ngưỡng mộ phong hoá của nhà vua, gõ cửa ải, tỏ lòng thành khẩn. Tấm lòng kính trời, thờ nước lớn của họ thật đáng khen thưởng. Nước Thuỷ Xá thì dự hàng cống hiến đã lâu, trước sau một mực, còn việc đổi lại quốc hiệu thì mới bắt đầu từ nay. Sứ thần họ đến đây, ta nên tiếp đãi cung cấp ưu hậu, để tỏ sự thân yêu người xa. Đối với hai Quốc vương ấy, nên cấp cho sắc thư thế nào, nên thưởng cho phẩm vật gì, số lượng bao nhiêu, bộ nên tra xét trong lệ định, rồi tâu lên để châm chước mà làm. (Tục truyền : người hai nước này, tính quê kệch, mộc mạc, trong nước có quân trưởng, nhưng không có thành quách ; cày lấy mà ăn, dệt lấy mà mặc, không bao giờ có việc binh đao, người nào cũng có thói cổ).

Định lại điều lệ về tội hoà gian⁽¹⁾. Vua bảo bộ Hình rằng : “Ngày nọ, bộ thần có dâng lên hai tập án về tội hoà gian, gái tân, chưa cưới về nhà chồng, đã cùng người khác hoà gian. Tỉnh Quảng Bình thì khép vào tội gái đã có chồng, tỉnh Hà Tĩnh thì khép vào tội gái chưa chồng. Tội danh do hai tỉnh nghĩ xử, nặng, nhẹ không giống nhau. Bộ thần có trách nhiệm chiếu luật xử án, cho thế nào là phải?”. Vũ Xuân Cẩn thưa rằng : “Theo lệ cổ, con gái sau khi đã lễ nhà thờ bên nhà chồng, rồi sau mới thành vợ chồng, nếu chưa cưới về nhà chồng, thì không nên khép vào tội là gái có chồng. Nhưng vì điều này trong luật không chép rõ, cho nên các nha môn xét kiện, đều lấy ý kiến của mình mà kết nặng hoặc nhẹ. Vậy xin nên quy định rõ ràng để được thống nhất”.

Vua phán rằng : “Con gái chưa cưới về nhà chồng, tuy chưa thể gọi là gái đã có chồng, nhưng nếu đã ăn hỏi rồi thì danh phận là vợ chồng đã định, bảo là gái chưa chồng cũng không thể được. Khép vào tội đã có chồng thì nặng quá, mà khép vào

(1) Hoà gian : trai gái bằng lòng thông dâm với nhau.

tội chưa có chồng thì nhẹ quá. Phải nên châm chước cân nhắc cho được công bằng đúng luật”. Vua sai sửa định lại điều lệ, lục tống cho trong Kinh và ngoài các tỉnh cứ theo thế mà thi hành (con gái đã nhận lễ ăn hỏi mà chưa cưới về nhà chồng, nếu hoà gian với người khác, thì gian phu bị phạt 70 trượng, đày 1 năm ; người con gái ấy bị phạt trượng, xử đánh ngay, còn tội khác cho chuộc, phải trả lại tiền của và lễ vật cho nhà trai).

Nhắc lại nghiêm ngặt việc cấm giới tại các miếu điện. Khi ấy, có Ngự sử Nguyễn Ngọc Cảnh nhân lúc say rượu, vào cung Khánh Ninh, bị đại thần đương phiên trực là Phan Thanh Giản tham hặc. Lại có Tạ Ngọc Pha say rượu, nói bừa bãi ở điện Sùng Ân, cũng bị Đồng lý đại thần là Tạ Quang Cự tham hặc tâu lên. Vua phán : “Đài Ngự sử là nơi phong hoá pháp độ, có phải là chỗ cho bọn tửu đồ ở Cao dương đến ăn uống đâu ?”. Việc giao xuống cho bộ nghị tội. Cả hai người đều bị mất chức. Cảnh phát phối đi An Giang làm lính. Thượng thư Nguyễn Trung Mậu vì tội tiến cử bậy, phải phạt bổng 3 tháng. Pha được giáng kém Cảnh một bậc : bị cách chức, phải gắng sức để chuộc tội. Vì thế, mới nhắc lại nghiêm ngặt việc giới cấm : Phạm những nơi miếu điện tôn nghiêm, phải rất mực nghiêm tĩnh, hễ người nào dám đi bừa vào hay làm huyền não, sẽ chiếu luật bất kính, gia thêm bậc, trừng trị nặng.

Tha thuế nộp bằng bạc về năm ấy cho các thổ dân ở các tỉnh Quảng Trị, Thanh, Nghệ và Hà Tĩnh (phủ Cam Lộ, phủ Trấn Nam, 4 phủ Trấn Ninh, Trấn Định, Trấn Tĩnh và Trấn Biên, 2 huyện Cam Môn và Cam Cát). Vua cho là ân điển năm nay, thuế nhân đinh của các địa phương đều rộng tha hết, không nên phân biệt người Kinh, người Thổ. Truyền tha cho tất cả. Bộ Hộ lại tâu rằng : “Những người Minh Hương, người Thanh, người Mán, người Nùng ở các hạt vào hạng biệt nạp, lệ phải nộp thuế bằng bạc, so với các hộ biệt nạp người Thổ trước có khác, vốn không được dự thưởng. Duy hiện nay chiếu Chỉ nhà vua ban ơn, rất ưu hậu, ai cũng được thấm nhuần. Bọn họ đã đến ở tại đất tươi vui này, kiếm lấy mà ăn, làm dân nước nhà. Vậy xin cho họ đều được thấm ơn, để tỏ ra dân nào cũng được coi như một”. Vua y cho.

Truyền cho các tỉnh ở Trục Kỳ dựng miếu thờ Thành hoàng riêng (miếu có 3 gian, 3 mặt tả, hữu và đằng sau đều xây tường gạch, đằng trước xây bình phong). Nguyên trước, Thành hoàng ở các tỉnh vẫn cúng chung cả vào miếu Đô Thành hoàng ở Kinh thành. Trước đây, bộ Lễ bàn xin cúng tại miếu Hội đồng của các hạt, mà đổi tên miếu Hội đồng thành miếu Thành hoàng. Việc bàn ấy đã lâu chưa định. Đến đây, mới thông dụ cho các tỉnh ở Trục Kỳ : hạt nào đã có xây miếu Thành hoàng từ trước rồi, thì cứ theo như cũ mà thờ phụng ; hạt nào chưa xây miếu thì cho chọn khu đất ở gần tỉnh thành mà làm. Hằng năm, cứ đến mùa xuân, mùa thu, nhằm

ngày “Canh”, sau ngày tế Mậu ⁽¹⁾, thì sai quan làm lễ tế. Đặt 5 người miếu phu. Còn miếu Hội đồng cũ thì cứ để nguyên, không cần phải thay đổi.

Có người ở Định Tường là Lê Văn Khoa, làm cai cơ của giặc, khi có cuộc biến động ở Phiên An ⁽²⁾, đến sau lại theo về quan quân, đi bắt giặc có công. Nay việc ấy phát giác, Khoa bị xử lăng trì. Bộ Hình đổi lại làm tội chém đầu đem bêu. Quan Khoa đạo là Đặng Quốc Lang dâng sớ cãi lại, cho rằng Khoa đi theo giặc là vì thế bắt buộc, khác với những kẻ vui lòng đi theo giặc. Vua phán rằng : “Khoa, khi trước, làm quan với giặc, đến sau mới quay đầu lại, chẳng qua vì sức kém, thế cùng, kiếm đường thoát tội mà thôi. Bộ Hình khép vào tội chém đầu đem bêu, đã là phải lắm. Song, ta nghĩ : việc đã lâu, nay, còn có thể, bèn nhân từ cho sống. Lấy, Đền Ban công Phổ, Thường Tín công Cự, An Khánh công Quang và Từ Sơn công Mão cứ hàng tháng, 3 lần thân đến các miếu để tra kiểm. Vua nghĩ rằng các thân công ấy tuổi ngày một già, bèn sai bọn Bạch làm thay, chuẩn cho các thân công ấy chỉ mỗi tháng một lần đến kiểm soát mà thôi.

Tỉnh Thanh tâu rằng : “Sáu châu và huyện thuộc tỉnh ấy là Thạch Thành, Quảng Địa, Cẩm Thủy, Thường Xuân, Lang Chánh, Quan Hoá, đất ở hẻo lánh xa xôi, nhân dân chưa được hoàn phục, nay nếu chia bắt số lính, thì không khỏi có phần gieo neo. Vậy xin lại hoãn niên hạn bắt lính, để cho sức dân được thư thái”. Vua y cho.

Có sắc cho các địa phương : Những lại dịch thuộc về các nha, phạm những người nào năm ngoái bàn giảm bớt đi, mà đã về nguyên tịch ở làng rồi thì thôi, người nào bị thải về mà chưa biên vào sổ ở làng, thì lại chuẩn cho ở lại ngạch cũ một năm nữa, chia từng ban cấp cho lương tháng để làm việc.

Đồn hai đội Cảnh tất làm ty Cảnh tất. Ngạch binh ở hai đội này thiếu nhiều. Quản viên Tôn Thất Tường xin cho gọi lấy những người dân nguyên có tên trong sổ hộ ở huyện Tống Sơn sung bổ vào đó. Việc này được giao cho bộ Binh bàn xét. Bộ Binh cho rằng những người Tống Sơn lưu tán, ở nơi nào, thì đã khai vào sổ đinh ở nơi ấy rồi, nếu nhất khái gọi về cả để bổ sung làm binh, thì những sổ hộ đã làm xong rồi tất phải thay đổi lại nhiều. Vậy xin đồn vào làm một đội, để khỏi sự chỉ có sổ mục mà không có người. Còn những con cháu và em cùng là cháu gọi bằng chú

(1) Tế Mậu : tức là ngày tế Xã tắc (theo Đại Nam thực lục. Đế từ kỷ, quyển 6, tờ 14a).

(2) Chỉ cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi.

để thờ thần. Việc phát giác. Vua giận lắm, sai đốt cái tán và lọng ấy đi, chế đồ mới để thờ ở lăng. Người cho mượn và người mượn đều bị giao cho pháp ty trị tội.

Định lại lệ ống đựng thư giao cho ngựa trạm chạy của các tỉnh từ Quảng Nam trở vào Nam. Vua bảo bộ Binh rằng : “Canh tư đêm hôm qua, có ống đựng thư của tỉnh Định Tường giao cho ngựa trạm đưa đến. Trát phái của tỉnh ấy không biên rõ là công việc gì, ty Thông chính chối từ không nhận ngay lúc bấy giờ. Sở Bưu chính phải trình nộp cho thị vệ, thái giám phải rung chuông để dâng (trước điện Cần Thanh có treo cái chuông đồng, phàm có công việc gì nên tâu và việc quân cơ quan trọng khẩn yếu, thì thái giám rung chuông lên, mang tấu thư dâng nộp). Ta ngờ là công văn ở nơi biên giới tâu việc khẩn cấp, vội lấy áo mặc để xem, thì ra việc các thuyền đi ra biển. Và lại, việc thuyền công ra vào là việc thường mà thôi. Lệ cũ, vẫn cho ngựa trạm chuyển đệ công văn, là vì trong lúc thái bình vô sự, mượn có đệ công văn để luyện tập người và ngựa mà thôi. Nay nơi biên giới mạn Tây dương có việc, trạm chạy giấy khó nhọc, dù đến việc quân mà không khẩn cấp lắm, cũng không nên hết thảy mọi việc đều cho ngựa chạy, huống chi việc thuyền bè không phải là việc gì quan trọng khẩn cấp, cần gì phải cho ngựa chạy vội vàng như thế, làm cho tai mất người ta phải ngạc nhiên ! Chuẩn cho từ nay, các tỉnh từ Quảng Nam trở vào Nam, phàm các bang thuyền đi ra biển từ 10 chiếc trở lên, cùng là các hiệu thuyền lớn nhiều dây buồm phải đi việc quan ở ngoài biển về, đều chiếu theo lệ, cho ngựa trạm đệ công văn về tâu để nhanh tin tức. Còn từ 8 chiếc thuyền trở xuống, chỉ được biên chữ “tối khẩn” ra ngoài phong công văn, chứ không được cho ngựa trạm chạy. Tỉnh Định Tường và ty Thông chính đều làm không đúng cả. Truyền cho bộ hỏi lại rõ ràng, xử phạt để răn về sau”.

Dồn cơ Bình tráng tỉnh Quảng Bình làm ba đội Bình tráng Nhất, Nhị, Tam.

Tỉnh Thái Nguyên tâu rằng : “Thuế lệ của hai huyện Thiên Phúc, Hiệp Hoà tỉnh Bắc, về khoảng năm Minh Mệnh [1820 - 1840] do tỉnh Thái Nguyên thu. Hiện nay kho tàng tỉnh Thái đã đầy, vậy xin theo như cũ do tỉnh Bắc thu lấy”. Vua y cho.

Vận chở 50.000 phương gạo của Nam Định về tỉnh Thanh.

Quan Khoa đạo là bọn Đặng Quốc Lang, Mai Khắc Mẫn và Vũ Danh Trì dâng thư dán kín tâu bốn điều :

(1) *Thụy Khánh* : Lăng của Hiếu Khang hoàng hậu ở xã Định Môn, huyện Hương Trà.

1. *Dùng người.* - Đặt quan ở các tỉnh thì công việc thống trị của một phương đều thuộc vào đó. Quan được lâu ngày thì thuộc lại và nhân dân biết hướng mà theo. Ít lâu nay, chức bố chính, án sát có người tại chức chưa được một năm đã đổi đi nơi khác, không những là người tính độn và chậm, chưa kịp thi thố việc gì, dù người tài năng nhanh nhẹn cũng khó lòng trở tài được hết ; mà việc đưa đón ngoài đường, bàn giao sổ sách, lại thêm ra một chuyến phiên phức khó nhọc. Vậy xin từ nay, phàm chức bố chính, án sát ở các địa phương, do bộ làm danh sách kê công trạng làm việc trong ba năm, để tên rõ ràng đợi chỉ cho thăng hay truất. Lại như lệ trước, tri huyện thăng đồng tri phủ, đồng tri phủ thăng tri phủ. Gián hoặc cũng có tri huyện mà được thăng bổ thự khoa đạo, thự viên ngoại, như thế là vượt bậc. Nghĩ xin do bộ bàn định lại chương trình, để làm thành lệ mãi mãi.

2. *Thương dân.* - Kể ra, đạo thương người cốt ở dùng sức người có chừng mực. Cho nên, đời xưa dùng dân lực không quá 3 ngày ; đến nhà Đường, dùng dân làm lực dịch chỉ đến 2 tuần. Đó đều là coi trọng sức dân. Trong hạt Thừa Thiên, công dịch có phần bận nhiều. Nghĩ xin từ nay trở đi, phàm gặp có công tác⁽¹⁾ gì, tính xem công trình lớn hay nhỏ, cấp phát cho tiền, gạo gấp đôi, để tỏ ra có khác với hạt khác.

3. *Nêu khen những người tiết nghĩa để cho phong tục được hậu.* - Kể ra, giữ gìn tiết nghĩa, là nét đặc biệt của sĩ phu ; biểu dương trung lương, là lòng chí nhân của vương giả. Nghĩ xin giao cho bộ Lễ xét kỹ danh sách các trung thần như 2 người trung thần ở Gia Định, 3 người trung thần ở Cao Bằng và Phạm Xuân Bích ở Hà Tiên, nên truyền các địa phương xét kỹ những con cháu của họ xem ai đã trưởng thành, tâu lên rõ ràng, đợi Chỉ bổ dùng. Lại nữa, các bề tôi tiết nghĩa ở cuối Lê, như bọn Hoàng Phùng Cơ, Nguyễn Thế và Nguyễn Đình Giản đều là những người bỏ mình vì nước, hết lòng trung với triều đại bấy giờ, để tiếng thơm đến nghìn xưa. Ngoài ra, còn những người tiết liệt khác cũng không phải là ít. Chỉ vì sau khi triều đại ấy đã bại vong, sử sách tan tác mất đi. Vậy xin : do các địa phương tra hỏi sự tích, làm danh sách tâu lên rõ ràng, đợi Chỉ biểu dương.

4. *Đôn ghép các châu, huyện lại, để bớt những phí.* - Đặt ra châu, huyện, cốt để vâng theo chính sách mà tuyên dương đức hoá của nhà vua. Khoảng năm Minh Mệnh, các thổ huyện⁽²⁾ đều đặt quan người Kinh, có ý muốn đem phong hoá của trung châu để biến đổi thói quen của nơi mọi rợ là vì thế tất phải như thế. Song, trong ấy như các huyện Quế Phong, Thúy Vân ở phủ Quỳnh Châu, các huyện Thạch Thành, Quảng Địa ở phủ Quảng Hoá, số xã không quá 30 xã, số dân không quá 200 người, nếu đặt ra quan chức còn nhiều, thì không những bổng lộc chi ra mỗi ngày một

(1) Chữ của nguyên văn, có nghĩa là việc làm về lực dịch, chỉ chung những việc sưu dịch công sai.

(2) Chỉ những huyện có đồng bào thiểu số ở.

thêm tốn kém, mà cái tệ dân ít, quan lại nhiều, thế không tránh khỏi. Nghĩ xin đem huyện Quế Phong sáp nhập vào phủ Quỳnh Châu, cho viên Tri phủ kiêm quản, sáp nhập huyện Thạch Thành vào huyện Quảng Địa, giao cho viên huyện ấy kiêm nhiếp. Còn các hạt khác cũng giống như thế. Những chỗ nào ít việc quá đều do các địa phương chiếu theo địa thế, tâu xin để liệu rút bớt.

Vua cho rằng lời tâu cũng có điều được, điều hồng. Dụ rằng : “Triều đình bổ người làm quan, cốt phải xét xem tài năng người ấy có đáng không. Nếu cứ lấy tại chức lâu năm mà hạn định, thì người và nơi làm quan không được thích hợp với nhau, mà cứ bắt phải làm cho thành công thì có nên không ? Các chức khoa đạo, viên ngoại và lang trung có chân nào khuyết, nên lấy viên nào hàm tòng ngũ phẩm cho thăng bổ vào. Nếu cần người để bổ thì chọn hạng Tri huyện thâm niên cho thăng thự, cũng không lấy gì làm vượt bậc. Nếu cứ theo đúng tư cách, thì làm gì có nhiều Tri phủ đáng thăng mà điều bổ cho đủ số khuyết ?

“Cả hạt Thừa Thiên từ xưa đến nay, việc gì cũng có gia ơn cho cả, tướng cũng đã chu tất lắm rồi, cần gì phải cho riêng từng người, từng nhà mới là yêu thương ?

“Còn như các người tuân tiết về hồi cuối Lê, tỵ trung sự trạng rõ ràng đã ít nghe thấy, hưởng chi lâu ngày, việc đã mờ nhạt, lại không có sách chép làm bằng, thì dựa vào đâu mà xét cho đúng ?

“Lại như : hai huyện Quế Phong, Thủy Vân thuộc Quỳnh Châu, hai huyện Thạch Thành, Quảng Địa thuộc Quảng Hoá, tuy số xã số đình không nhiều, nhưng địa thế xa cách, không thể sáp nhập để rút bớt được.

“Các khoản trên đây đều là chấp nhận những câu cũ rích, không quan thiết đến việc làm. Không cần bàn đến. Duy có việc con cháu các trung thần bản triều, từ trước đến giờ, đều đã gia ơn cho tập ấm rồi, gián hoặc có một vài người tuổi còn nhỏ, chưa được dự vào ân điển, chuẩn cho bộ Lễ xét hỏi kỹ rồi tâu lên”.

Thự Án sát An Giang, Nguyễn Nhật Thanh, bị mất quan. Thanh nhiều lần bị luận tội, giáng đến 7 cấp. Vua cho rằng Thanh trị dân, phòng giặc không đúng phương pháp, đến nỗi thổ dân không yên tĩnh, thì há nên cứ để cho cai trị một địa phương ? Vua bèn sai cách chức, đưa ra quân thứ của Nguyễn Tri Phương để gắng sức làm việc chuộc tội. Cho thự Lễ khoa Chương án Cấp sự trung là Nguyễn Thế Trị làm thự Án sát An Giang. Dụ [Thế Trị] rằng : “Người do tiến sĩ xuất thân, nay ta phó thác cho trông coi một địa phương, phải làm thế nào mà thi thố mưu mô và công việc cho được tốt, đừng giống như Thanh trước không làm được công trạng gì mới được”.

Nhân thế, vua bảo đại thần ở viện Khu mật rằng : “Chức đại thần ở nơi biên cương, kén chọn không thể không cẩn thận. Ta thường vẫn tưởng rằng quan đứng

dầu một địa phương mà không làm được việc, chỉ có một mình Hà Thúc Giao, không ngờ ngoài Giao ra, còn có nhiều người như Bùi Công Huyền thì hèn nhát, Trần Tuyên và Nguyễn Sĩ Đăng thì rụt dè, giữ chặt một chỗ, hạng ba người ấy làm được việc gì !”.

Vua lại bàn đến việc nước Xiêm và Chân Lạp, bảo các đại thần rằng : “Về tình hình ở Trấn Tây, trước đây, Bố chính Gia Định là Hoàng Quỳnh được mật thám đi thăm dò, khi về nói lại tình trạng, cho là chưa chắc đã không xảy ra việc gì. Trương Minh Giảng ở đây đã lâu, lẽ nào không biết, sao lại điềm nhiên ngồi trông, để cho mầm tai vạ chồi lên, đến nay trở thành địch thủ mạnh mẽ, ta rất lấy làm quái lạ ! Lại như việc tha bổng tên Yểm, từ khi Trấn Tây mới có biến động, quan Khoa đạo từng đã nói đến. Nguyễn Công Trứ là Viện trưởng sao lại không dâng một lời bàn việc nên làm ? Nay mới đến quân thứ, đã cùng nhau dâng tâu xin tha cho Yểm, chẳng là liệu việc muộn quá ư ? Ta chắc rằng tên Yểm được tha về lần này cũng không bỏ ích gì cho công việc ở Trấn Tây cả. Tình hình nơi biên giới như thế, các đại thần có ý kiến gì, nói cho ta biết”.

Vũ Xuân Cẩn tâu rằng : “Chân Lạp thù oán nước Xiêm đã lâu, Chất Tri đem quân đến lần này, lấy danh nghĩa là khôi phục cho Chân Lạp, lập tên Giun lên. Người Chân Lạp đều ngả theo cả, không phải là họ thích theo nước Xiêm đâu, họ chỉ mong là khôi phục được Chân Lạp của họ mà thôi. Song, vì Xiêm mục mới đến, lòng dân chưa thống nhất, cho nên trước thì nói ngọt xin hoà để trì hoãn quân ta, sau thì ngầm xui thổ phỉ lan rộng để ngăn trở quân tiếp viện của ta, cái kế ấy cũng lâu lắm. Quân sự là việc trọng đại. Ngu thần già nua, kiến thức thô thiển, thiết nghĩ rằng Xiêm mục đã lấy tên Giun làm món hàng để mưu lợi, thì ta nên dùng tên Yểm làm ngoại thần. Vì tên Yểm là anh, tên Giun là em, cũng có cơ làm được. Nay tên Yểm đã được tha, nhân khi nó được về, cho nó có chút danh phận, để có kết lòng mong của dân Chân Lạp, thì những kẻ nào trước kia theo tên Giun, chưa chắc đã không xoay chiều, nghĩ khác. Nếu tên Yểm là kẻ đi trốn tránh lâu năm, không được danh phận gì mà trở về, bọn thổ dân thấy thế, cho là Yểm không thể tự lập được, bọn người lòng khùng nghe ngóng trước kia lại quay ra theo tên Giun cả, thì mưu kế của Chất Tri sẽ thành công đấy. Tôi xem ra, đã nhiều lần, quan Khoa đạo là bọn Đặng Quốc Lang, Lưu Quĩ và các quan ở quân thứ Trấn Tây xin tha cho tên Yểm về, nhưng cách xử trí trong việc ấy như thế nào chưa thấy nói rõ. Vậy xin do nhà vua xét định”.

Vua đem việc này hỏi Trương Đăng Quế. Quế thưa rằng : “Bọn thổ phỉ gây sự cũng là vì quan địa phương không khéo xếp đặt công việc, để cho Chất Tri nó khu khiến xui giục được dân. Tên Yểm là người phản nước, chống lại anh, cùng đường,

quần bách, theo về với ta, chẳng đáng cho danh phận gì. Hãy xem nó được về chuyến này, làm được những công việc gì, triều đình sẽ tự có cách xử trí.”

Vua lại bảo Trương Đăng Quế rằng : “Nguyễn Tri Phương ở Ba Xuyên còn hăng hái như khi buổi sáng, thanh thế có phần lừng lẫy. Còn Bùi Công Huyền ở quân thứ Lạc Hoá thì một niềm lệt bệt, lê mê, yếu đuối như khi buổi tối ! Nhưng, Nguyễn Tri Phương hành quân, vừa mới đánh được một trận, thì đã lại sửa đồn đắp lũy, sai quân đóng giữ linh tinh, chẳng ra sự thể gì ! Kể ra, bọn thổ dân tụ họp lại như đám muỗi, xua đuổi nhanh chóng thì mới có lợi, cũng ví như phải mưa to mới rửa sạch bụi, phải sương giá mới chết được cỏ, sớm được ngày nào tốt ngày ấy. Nay đem quân đi hàng nghìn dặm, cốt để bắt giặc, không dùng vào việc đánh dẹp mà lại dùng vào việc sửa đắp đồn lũy, thành ra quân chưa đánh mà đã mỏi mệt trước rồi. Kế ấy là kém lắm !”

Vừa gặp sứ của Nguyễn Tri Phương gửi đến, trong nói : “Đồn phủ Ba Xuyên ở nơi đất mặn, mà đường thủy đi Trấn Di xa đến một ngày, phần nhiều nông và hẹp. Vì thế, trước đây bọn giặc mới lấp kín lòng sông chính, để chặn đường vận lương của ta. Vậy xin đổi lại cho đắp đồn lũy của phủ tại thôn Phú Hữu ở cạnh sông chính huyện Vĩnh Định”.

Vua xuống dụ báo cho biết rằng : “Đồn lũy cũ của phủ Ba Xuyên địa thế ảm thấp, lại trải qua biến động của giặc, nhân dân sợ hãi tan tác, nhà cửa bị tàn phá, có nhiên không phải là nơi có thể đóng lâu được. Nhưng phải đợi đến khi xong việc binh nhung, rồi xếp đặt lại thì mới hợp nghi về việc nên làm trước làm sau. Hiện nay đương cần đi tiểu, tập tâu trước của khanh xin tiến đóng nơi xung yếu, phá tan sào huyệt của giặc, mà nay lại vô cố tính đường chùn bước, dời đắp đồn lũy ở chỗ khác, làm kế giữ lâu, sao trước sau lại khác nhau thế ? Huống chi binh lực chỉ nên dùng vào việc giết giặc, làm gì có công sức nhàn rỗi, sai đi đắp đồn lũy, làm việc không cần thiết ấy, cho thêm khó nhọc và tốn phí ? Để Nguyễn Lương Nhân ở lại giữ đồn cũ là đủ rồi. Còn khanh thì nên tuân theo tờ dụ trước, đến ngay phủ Lạc Hoá để hội tiểu, sẽ dời về Ba Xuyên, chứ không cần vội đắp đồn lũy chỗ khác làm gì. Thổ phi ở Vĩnh Thông đã bị tỉnh An Giang đánh tan rồi. Tôn Thất Nghị cũng sẽ đến Lạc Hoá ngay để giúp cho việc tập hợp quân lính được hùng hậu.

Bộ Hình làm danh sách dâng lên về việc các phái viên đi sang mạn đông, mạn Tây là bọn Trương Hảo Hợp, Phan Hiến Đạt, Hồ Văn Cáo, Nguyễn Văn Hựu, Hồ Đắc Huyền, Trần Đại Hoan và người nhà Thanh là Lý Thái, Cao Tất Đạt làm thiếu hụt số bạc đến hàng nghìn, hàng vạn, tội đều phải xử tử đồ, lưu trở lên. Vua cho rằng việc ấy xảy ra từ trước khi có chiếu ân xá, khoan tha tội cho cả. Tang phải bồi lại cũng chức lượng giảm cho 7 phân 10. Hồ Văn Cáo, sau đó, được khởi phục

chức Tư vụ. Trần Đại Hoan được khởi phục hàm bát phẩm. Truyền cho cùng với bọn Lý Thái và Cao Tất Đạt nhận lĩnh các vật hạng của công tuý tiện đáp thuyền đi Quảng Đông, chiếu theo đơn kê mua hàng của Nội vụ mà mua sắm các hàng hoá. Vua đe rằng : “Nếu thói cũ không chữa, sẽ bị tội chém đầu đấy !”.

Định cách thức thưởng cho những người mộ dân lập ấp ở Nam Kỳ :

(Mỗi ấp chiêu mộ những dân ngoài sổ đinh được 5 suất, khai khẩn ruộng đất hoang được 50 mẫu trở lên, thì được thưởng 20 quan tiền ; mộ được 10 suất đinh, khai khẩn được 100 mẫu trở lên thì được 40 quan tiền ; mộ được 15 suất đinh, khai khẩn được 150 mẫu trở lên thì được thưởng 60 quan tiền ; còn hơn nữa thì cứ theo mức ấy mà tính lên).

Các đại viên ở các địa phương được nhà vua chỉ định gọi về Kinh để hội bàn : Tổng đốc Định - Biên ⁽¹⁾ là Nguyễn Văn Trọng, Tổng đốc Bình - Phú ⁽²⁾ là Đặng Văn Thiêm, thự Tổng đốc Ninh - Thái ⁽³⁾ là Nguyễn Đăng Giai, Bố chính Hải Dương là Ngô Kim Lân, Bố chính Sơn Tây là Lương Quốc Quang, Lãnh binh Thanh Hoá là Phạm Phi. Vua vờ lên điện, hỏi từng người về tình hình địa phương sở tại, cho uống nước chè ung dung.

Vua lại hỏi Trọng rằng : “Từ khi Nam Kỳ có việc, đòi bắt các hương đồng, dân tình có ta oán gì không ? Mới rồi thả cho về, họ có yên vui không ?”. Trọng thưa rằng : “Sợ khó nhọc, thích yên nghỉ, là thường tình của dân ; tôi chưa từng xuống đến làng xã, nhưng xét ẩn tình của dân, tất thế nào cũng có”. Vua khen Trọng là người thật thà, khóc bảo Trọng rằng : “Khanh châu hầu Tiên đế đã lâu ngày, nay về Kinh đợi làm đại lễ ⁽⁴⁾, đường sá khó nhọc, ta lấy làm nghĩ lắm. Chợt thấy mặt khanh, lòng ta mền nhớ Tiên đế, càng thêm tha thiết”. Rồi ban cho Trọng kim tiền Phi long và cái quạt có dây thao rủ xuống ⁽⁵⁾”.

Kinh đôãn là bọn Phạm Khôi tâu xin dời trường thi đến dựng ở phường Đại Đồng trong Hoàng thành. Vua dụ hai bộ Lễ và Công rằng : “Trường thi cũ ở Nguyệt Biều, địa thế ẩm thấp, đến mùa thu, mưa ngập, học trò vào trường làm văn, rất là không tiện. Bộ thần nên đi hội khám ngay, chọn chỗ đất cao ráo để làm, chớ để ở nơi thấp ướt, làm khổ cho bọn học trò”.

Sai thự Thị lang bộ Lễ là Hoàng Tế Mỹ sát hạch các tú tài các tỉnh ở Quốc tử giám. Lấy đỗ vào hạng bình 7 người, bổ làm Huấn đạo. Sau đó lại chuẩn định : tú tài

(1) Định Tường và Biên Hoà.

(2) Bình Định và Phú Yên.

(3) Bắc Ninh và Thái Nguyên.

(4) Chỉ lễ Ninh lăng.

(5) Hán văn là *phiến trùy* 扇墜.

hậu bổ giáo thụ, mỗi tháng được cấp 2 quan tiền, 2 phương gạo ; hậu bổ Huấn đạo, mỗi tháng 1 quan 5 tiền, một phương và 15 yến gạo.

Tham tán Nguyễn Tiến Lâm thu phục được huyện Trà Vinh. Tên đầu mục giặc là Lâm Sâm chiếm giữ huyện Trà Vinh, quân ta đánh mãi không được. Bấy giờ các đạo quân ta cùng nhau hẹn ngày họp đánh. Đến ngày, Lâm và Nguyễn Văn Hoàng đem quân đạo mình đi đầu tiên, đến đánh, lấy được đồn Trà Vinh, Lâm Sâm trốn thoát. Trưa đến, Bùi Công Huyền và Nguyễn Tiến Song mới đem quân tới, lại chia đường đi đuổi, giết chết và bắt được quân giặc rất nhiều. Qua mấy ngày sau, lại chia đường đi càn quét. Lâm đến xứ Vũng Biệt, bọn giặc xông ra chống cự lại. Phó vệ Nguyễn Văn Y, Bang biện phó vệ Nguyễn Văn Nghĩa mỗi người chém tại trận được một tên giặc, bọn giặc bị thua, chạy tan. Bọn Lâm đi đến sóc Bàn Đa, mới gặp đạo quân của Công Huyền, lại tiến đến sóc Mạt, Trần Hồng họp đồ đảng đến hơn 1.000 người chống đánh lại. Quân ta hai mặt giáp công, Hồng cũng thua chạy. Thừa thắng, quan quân sẵn đến đánh các sóc Bào Tượng, Vũng Liên đều lấy được cả ; chém chết và bắt được rất nhiều, đốt gần hết đồn sở nhà cửa của giặc. Công Huyền và Lâm vì đánh được luôn mấy trận cùng hội hàm làm tờ tâu lên ; lại nói thêm rằng Tiến Song hằng hái tiến lên trước, rất là xuất sắc.

Vua phê bảo rằng : “Xem tờ tâu có thể làm cho người ta phấn khởi thêm một chút”. Chuẩn thưởng cho Nguyễn Tiến Lâm quân công 1 cấp ; Bùi Công Huyền được thưởng trả lại nguyên hàm Tổng đốc, thêm cho 1 đồng kim tiền, 1 cái nhẫn vàng ; Nguyễn Tiến Song được gia quân công 1 cấp, thưởng nhẫn vàng 1 cái ; Nguyễn Văn Y được thưởng thụ Vệ úy ; Nguyễn Văn Hoàng được quân công kỷ lục 3 thứ ; Nguyễn Văn Nghĩa thăng bổ Phó quản cơ. Từ Lãnh binh Lê Khoan Mạnh trở xuống được thưởng kỷ lục, ngân tiền có thứ bậc. Mấy viên quan bị cách là Nguyễn Văn được khởi phục Chủ sự, Nguyễn Nhượng Sơn được khởi phục Tư vụ. Từ suất đội đến binh lính được thưởng chung 1.000 quan tiền.

Thượng thư bộ Lễ, kiêm coi Hàn lâm viện và Thái thường tự là Phan Huy Thực bị ốm. Vua ban cho hai chi nhân sâm Cao Ly. Sai thụ Tổng đốc Bình - Phú là Đặng Văn Thiêm quyền tạm công việc bộ Lễ : Thượng thư bộ Công là Nguyễn Trung Mậu kiêm quản Hàn lâm viện, án vụ thụ Hữu thị lang bộ Lễ là Hoàng Tế Mỹ kiêm quản Thái thường tự án vụ. Lại sai Thượng thư bộ Hộ là Hà Duy Phiên kiêm lĩnh chức quản lý Kinh kỳ Thuý sự sự vụ.

Cho Vệ úy ở vệ Loan giá là Tôn Thất Tường quyền lĩnh Đề đốc ở Kinh thành, kiêm lý công việc phủ Thừa Thiên ; thụ Vệ úy Tiên phong Tả vệ là Tôn Thất Đàm đổi sang làm thụ Vệ úy vệ Loan giá. Bồ Vũ Đình Đàm làm Vệ úy Hùng nhuệ Tả vệ.

Quyển thự Tuấn phủ Hà Tiên là Lê Quang Huyền chết. Truy tặng hàm Tuấn phủ, cho thêm 100 quan tiền. Dùng quyển lĩnh Bố chính Hà Tiên là Đinh Văn Huy làm thự Bố chính, Hộ lý ấn quan phòng Tuấn phủ.

Cấp 2.000 phương gạo cho những phụ nữ trong họ Tôn thất mà lệ không được cấp lương tháng.

Chuẩn định việc đi thanh tra ở các tỉnh. Phàm những thứ của tinh thần dùng như : xe, kiệu, tán, lọng, giáo mác và nghi trượng không cần phải biên vào sổ, để bớt sự phiền phức lảm nhảm. Đó là theo lời xin của Ngụy Khắc Tuấn, Bố chính Hưng Hoá.

Xây tường gạch ở hành cung Quảng Trị (mặt tường đằng trước làm 2 cửa tò vò, tường hai bên tả hữu mỗi bên làm 1 cửa tò vò). Làm kỳ đài và cột cờ. Dời nhà học sang mạn tây tỉnh thành.

Cho : thự Án sát Quảng Bình là Vũ Đức Nhu đổi đi thự Án sát tỉnh Hà Tĩnh ; thự Lang trung bộ Lễ là Trần Huy Phác đổi đi thự Án sát tỉnh Quảng Bình.

Đặt thêm hai vệ Tả hữu Thủ hộ. (Đặt 1 Thủ hộ sử và 1 Thủ hộ phó sử để quản lý các vệ Thủ hộ. Lại đặt ở ty Điển nghi các chức Lang trung, Viên ngoại lang, Chủ sự và Tư vụ mỗi chức một người ; bát, cửu phẩm thư lại 2 người ; vị nhập lưu thư lại 15 người ; đều để túc trực ở Hiếu lăng và Hiếu đông lăng ⁽¹⁾).

Cho thự Vệ úy vệ Hậu nhị của Vũ lâm Tả dục là Tôn Thất Cung làm Thủ hộ sử ; Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ là Tôn Thất Quý làm thự Hộ phó sử ; Từ tế phó sử là Tôn Thất Đức làm thự Lang trung ty Điển nghi ; Phó vệ úy Thủ hộ Tiền vệ là Tôn Thất Trúc thăng Vệ úy ở vệ ấy ; Phó vệ úy Dục bảo Nhất vệ là Tôn Thất Trị thăng thự Vệ úy ở Thủ hộ Hữu vệ ; Cai đội vệ Cẩm y là Tôn Thất Ti làm Phó vệ úy Thủ hộ Tả vệ.

Định ngạch thuế vàng quỳ của làng Kiều Ky tỉnh Bắc Ninh (cả một năm, hạng tráng phải nộp 400 lá vàng quỳ ; hạng già yếu nộp một nửa số ấy).

Tỉnh Quảng Trị tâu rằng : “Số lính ở cơ Định man ít quá, không đủ số người sai phái. Nghĩ xin trích lấy 190 người trong các hộ đi lấy gỗ ở 7 thôn và phường quanh tỉnh, xoá bỏ tên trong sổ đi lấy gỗ, bỏ vào cơ ấy, hợp với số lính hiện có trong cơ chia ra từng ban, chỉ cho lương tháng để làm việc quan”. Vua y cho.

Giảm bớt số tiền và thóc lĩnh canh ruộng đất của đồn điền công và trại công ở các tỉnh và tiền cho vay ở phủ Thừa Thiên, đều 5 phần 10.

(1) *Hiếu lăng* : lăng của Thánh tổ Nhân hoàng đế (Minh Mệnh). *Hiếu đông lăng* : lăng của Nhân hoàng hậu (vợ Minh Mệnh).

Tỉnh Gia Định có nạn sâu cắn lúa, trời mưa to, sạch hết sâu. Tỉnh thần đem việc ấy tâu lên. Vua phê vào tập tâu rằng : “Loài sâu bọ nhỏ ấy, một trận mưa tẩy hết, là nhờ trời giúp mới được thế ! Ta rất kính sợ mệnh trời. Khanh nên thể theo lòng ta chăm chú thương dân và trọng nghề làm ruộng, mà hằng ngày chăm sóc khuyên dạy, để mong đi đến chỗ không có mảnh ruộng nào bỏ hoang mới được.

Sai tỉnh Thanh sửa chữa các đồ thờ ở Nguyên miếu ⁽¹⁾.

Rút bớt chức Huấn đạo ở huyện Nghĩa Đường, tỉnh Nghệ An.

Bộ Hộ bàn tâu rằng : “Thuế quan của tỉnh Định Tường và An Giang còn thiếu 1 thành về tháng nhuận năm nay, xin bắt tỉnh thần trách cứ bọn người lĩnh trung phải truy nộp theo phần thuế tháng ấy”. Vua cho rằng số tháng đã đủ rồi, không cần phải so kè với dân nữa. Truyền tha cho. Nhân thế, vua truyền Chỉ cho các địa phương biết, phạm nơi nào có quan ⁽²⁾, tẩn ⁽³⁾ về thủy lợi, hằng năm đổi giá cho trung, nếu gặp năm nào có tháng nhuận, thì phải tính trước thêm vào một thành.

Nguyễn Tri Phương và Tôn Thất Nghị đem quân về phủ Lạc Hoá, đánh úp một dải Hậu Giang, phá luôn được giặc. Rồi tiến quân đến Cần Chông, cùng với đạo quân của Nguyễn Tiến Lâm và Bùi Công Huyền hội bàn về việc đi tiêu. Công Huyền lưu lại đồn Trà Vinh, chuyên việc đi tiêu nã bọn giặc còn sót lại ; Tri Phương và Tiến Lâm tiến đánh sóc Lò, Lâm Sâm chạy trốn về các xứ Trà Cú, Xoài Xiêm ⁽⁴⁾, tựa chỗ hiểm để chống giữ. Quan quân thừa thắng thuận đường đến thẳng sông chánh Trà Cú. Cửa sông ấy rất hẹp, cây cối um tùm. Quân ta bỏ thuyền lên bộ, đánh và cả phá được giặc ở thôn An Thịnh. Công Huyền cũng từ Trà Vinh tiến quân càn quét giặc ở Kim Cầu, Bào Cát, được luôn mấy trận, rồi lại rút quân về Trà Vinh. Trận đánh này, quan quân giết chết và bắt được giặc rất nhiều. Các đồn trại, nhà cửa, kho chứa của giặc bị đốt cháy không còn gì.

Vua thấy quan quân đánh được luôn mấy trận, thưởng cho bọn Tiến Lâm kim tiền, kim bội, quần công gia cấp và kỷ lục có thứ bậc. Viên Ngoại lang Trần Hiến Doãn được khai phục Lang trung nhưng vẫn lưu lại ở quân thứ để đánh dẹp.

Nhân thế, vua dụ rằng : “Phủ Lạc Hoá, địa thế bằng phẳng rộng rãi, người Kinh người Thổ ở lẫn với nhau, không ví như những nơi cõi xa rừng sâu, còn đồn trại của giặc cố nhiên phải đốt đi, còn như nhà cửa của dân gian cùng là những thứ tích trữ của giặc mà mình lấy được, cần nên lưu lại để dùng, một là đỡ được phiền phí về việc vận tải quân nhu, hai là để dùng vào việc tư trợ cho nhân dân mới trở về,

(1) Nguyên miếu : miếu thờ Triệu tổ Tĩnh hoàng đế (Nguyễn Kim) ở làng Gia Miêu, huyện Tống Sơn.

(2) Cửa ải.

(3) Đồn canh ở những nơi sông bến hoặc cửa biển.

(4) Nguyên thư in là “Xuy tiêm” 吹暹

há chẳng được lợi cả hai, hà tất phải đem đốt cả để còn tro lại đất không ? Từ nay về sau, nên theo thế mà làm mới được”.

Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Tri Phương bị thua ở Xoài Xiêm. Bọn Lâm từ khi thắng trận ở Bào Cú, tiến đánh Xoài Lau ⁽¹⁾, Xoài Bột. Bọn giặc đều bỏ không nhà cửa, lánh đi nơi khác. Kịp khi quan quân đến Xoài Xiêm, bọn giặc đem hơn 1.000 đồ đảng ra khiêu chiến. Quan quân thúc trống tiến lên, bọn giặc lùi một chút. Thành linh mưa to gió lớn đổ đến, quân phục của giặc đánh chặn ngang vào đạo quân đi trước : toán quân của Phó cơ Đặng Dao và Suất đội Lê Thuật tan vỡ trước. Quân các đạo đều vỡ cả. Quân đốc đạo quân đi trước là Tôn Thất Nghị tiếp ứng không kịp. Phó cơ là Lê Trứ, Nguyễn Kế và Nguyễn Hoá, Cai đội là Trần Gia, Lê Giảng và Trần Đức cùng với 42 tên biên binh đều chết ở trận ; súng và khí giới bỏ mất khá nhiều. Đến chiều, Tiến Lâm và Tri Phương lại chỉnh tề quân đội đánh lần nữa, giặc bị thương và chết nhiều.

Vua quở rằng : “Bọn giặc này thường bị quan quân đánh giết, không còn hung hăng như trước nữa, thế mà Tiến Lâm và Tri Phương quen mui thắng vài trận nhỏ, chân cát cao bụng coi thường, sơ hở về việc phòng bị, đến nỗi hỏng việc ! Tôn Thất Nghị bị cách chức lập tức nhưng cho lưu lại làm việc ; Tiến Lâm và Tri Phương mỗi người đều bị giáng 4 cấp, lưu lại làm việc ; Đặng Dao và Lê Thuật lập tức bị đem ra trước quân, chém đầu, để cho mọi người biết. Còn thì đều xét xem người nào có công thì thưởng, có tội thì phạt.

Ngày Mậu Thân. Sửa chữa 3 sơn lăng Trường Thanh, Vĩnh Thái và Thụy Khánh⁽²⁾, sai Chưởng vệ Hoàng Đăng Thận trong coi công việc.

Vua dụ bộ Lễ rằng : “Vâng theo từ dụ của Thánh tổ mẫu, Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng thái hậu rằng : “Thánh tổ Nhân hoàng đế từ bé đến lớn, khéo chiều chuộng già này, phụng dưỡng bằng sự giàu có cả thiên hạ, rất hiếu, rất kính, từ xưa ít có. Không ngờ mùa đông năm ngoài mất đi, ta đã mặc áo trở, nhưng vẫn thương nhớ đau xót không ngày nào nguôi. Vậy, Nguyên tôn tự hoàng đế⁽³⁾ truyền Chỉ cho bộ Lễ chọn ngày tốt, sắm sửa lễ vật, già này thân đến trước bàn thờ cúng một tuần rượu. Đến ngày làm lễ Ninh lăng, già này cũng thân đi đưa đám để tỏ ý trọng người nối dõi tông miếu và để yên ủi chút tình thân yêu”. Bộ thần nên xét ngay điển lễ, bàn soạn nghi tiết trình lên, đợi Chỉ thi hành.

(1) Nguyên thư in là “Xuy Lô” 吹蘆

(2) Trường Thanh : lăng của Hiếu Minh hoàng đế ở xã Kim Ngọc, huyện Hương Trà.

Vĩnh Thái : lăng của Hiếu Vũ hoàng hậu ở xã Dương Xuân, huyện Hương Trà.

Thụy Khánh : lăng của Hiếu Khang hoàng hậu ở xã Định Môn, huyện Hương Trà.

(3) Cháu đích tôn, nối ngôi hoàng đế.

Bộ Lễ bàn xin tham chúc điển lễ nhà Thanh về năm Khang Hi thứ 9 [1679], nghi tiết của Thái hoàng thái hậu làm lễ điện tế, chầu chúc mà làm. Tập tâu dâng lên, vua cho là phải (khi làm lễ, rót rượu, dâng rượu, đều dùng các thái trưởng công chúa, không dùng thái giám. Khi làm lễ xong, lễ tạ lại 5 lạy).

Vua xem nghi tiết về việc tang, thưởng cho đồng lý đại thần và các viên thuộc theo đi sai phái bạc lạng và ngân tiền có thứ bậc ; thưởng chung thợ và người làm 1.000 quan tiền, tùy theo công việc nặng nhẹ, nhiều ít, chia hạng ban cấp cho.

Đồng lý đại thần hội đồng với bộ Lễ kê rõ nghi thức việc tang thành 3 bản (1 bản lưu lại để thờ, 1 bản dâng tế rồi đốt đi, 1 bản để bày ở sơn lăng).

Vua sai Tôn nhân phủ gọi hết các hoàng thân tước công hội đồng với đình thần xem kỹ danh sách việc tang, kiểm lại các phẩm vật, hoặc có thứ gì nên thêm vào như thế nào, bàn kỹ rồi tâu lên, không được hòa theo trước mặt, nói hậu sau lưng.

Vua ngự đến xem công việc xây lăng Hiếu Sơn, ngày hôm sau mới trở về. Thưởng chung các quan theo hầu, văn từ chủ sự, võ từ suất đội trở lên, 500 quan tiền.

Thưởng cho Đồng lý doanh kiến đại thần là Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiến, Lê Bá Tú và Tôn Thất Đường, Đồng lý tang nghi đại thần là Lê Đăng Doanh, Lê Văn Phú và Tôn Thất Bạch mỗi người 1 cái áo ngắn tay hẹp bằng thứ tơ pha lông sắc đen hạng nhì.

Bộ Lễ dâng nghi tiết về lễ Ninh lăng và các lễ tiết : trước ngày làm lễ, tâu lên cung Từ Thọ biết. Ngày Mậu Thân sai quan đến cáo yết đàn tế Giao, nhà Tôn miếu, điện Phụng Tiên, đàn Xã Tắc. Ngày Canh Tuất, cáo yết thần đất, thần núi và thành hoàng. Ngày Ất Mão (tháng 7), cáo ngày khai quan : Sai quan đến cáo điện Vĩnh Tư⁽¹⁾. Ngày Bính Thìn, Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng Thái hậu đến làm lễ điện. Sai quan đi cáo yết các Tôn lăng ở dọc đường đi qua. Ngày Đinh Ty, làm lễ khai quan, rồi làm lễ tế thần đường. Sai quan đến cáo yết miếu Đô thành hoàng và các thần cửa, cầu, đường, núi, sông ở dọc đường đi qua. Ngày Mậu Ngọ, làm lễ phát dẫn, giờ Mùi, rước quan tài ở cung Khánh Ninh ra. Vua đi bộ theo sau quan tài. Đốt 9 tiếng ống lệnh. Rước đến điện lợp bằng lau cỏ ở bên sông Hương, xuống thuyền rồng. Cúng buổi sớm, buổi tối, buổi trưa, buổi chiều như nghi lễ thường. Rước đi qua chỗ nào, các văn thân, kỳ lão ở lăng và các giám sinh ở Quốc tử giám đều đặt hương án ở bờ sông để bái vọng. Ngày Canh Thân, đến bến đò nơi sơn lăng. Ngày Tân Dậu, rước lên bộ, để quan tài ở điện lợp lau cỏ về mạn tây Bảo thành. Đến giờ Tuất, rước quan tài lên xe tang vẽ rồng, đặt minh tinh lên trên, rồi hạ xuống huyệt. Làm lễ truy tặng (ở bên ngoài 2 lần cửa). Bưng hòm sách vàng truy tặng và áo cổn mũ miện,

(1) Điện Vĩnh Tư : thờ Thuận đức Nhân hoàng hậu (mẹ Thiệu Trị).

cung, gươm các hạng lên trên án đá, đóng cửa đá lại (các đại thần tổng hộ, đồng lý hội đồng với bộ Lễ bung những áo mặc của Tiên đế cùng các đồ lễ bộ, đồ mã ra bên tả ngoài thành bao xung quanh lăng ; Thủy sư thì đem các thuyền rồng, thuyền lâu chở quan tài ra ngoài bến, rồi đem đốt và chôn đi. Các doanh kiến đại thần thì ở lại để chỉnh lý sơn lăng).

Ngày Nhâm Tuất, đế thân chủ ở điện Sùng Ân⁽¹⁾, làm lễ tế sơ ngu (đem hồn bạch chôn ở chỗ đất sạch và khuất tại phía nam điện Đông Phối). Sai quan tế thân đất, thần núi và thành hoàng. Làm lễ xong, rước thân chủ lên kiệu đến lầu Vĩnh Diễm ở bên sông, đi đường thủy về Kinh. Ngày về đến Kinh, kéo cờ trắng ở kỳ đài, đốt 9 tiếng ống lệnh. Rước thân chủ vào điện Hiếu Tư⁽²⁾, làm lễ yên vị, lại tấu, cáo như khi trước. Ngày Ất Sửu, làm lễ tế tái ngu. Ngày Mậu Thìn, tế tam ngu. Ngày Tân Mùi, tế tứ ngu. Ngày Giáp Tuất, tế ngũ ngu. Ngày Đinh Sửu, tế lục ngu. Ngày Canh Thìn, tế thất ngu. Ngày Quý Mùi (tháng 8), tế bát ngu. Ngày Bính Tuất, tế cử ngu. Ngày Mậu Tý, làm lễ tốt khốc. Từ ngày làm lễ khai quan đến ngày tế đàn, phàm các hoàng thân, họ ngoại, quan viên trong ngoài, làng nhà vua và làng họ ngoại đều có lễ phẩm dâng cúng. Điện Sùng Ân từ sau ngày làm lễ tế sơ ngu, điện Hiếu Tư sau ngày làm lễ yên vị, thì sớm, tối, trưa, chiều bốn buổi cúng cơm như lệ thường, cho đến ngày làm lễ tốt khốc mới thôi. Hằng tháng, ngày rằm, mồng một, làm lễ ăn tiến, đến khi tế Đàn mới thôi.

Dem ngày Ninh lăng báo cáo trong ngoài. Ban tờ chiếu rằng : “Cố công đức lớn, thì tiết mục về nghi lễ phải long trọng ; Kính yêu giống nhau, thì lòng tưởng nhớ càng thống thiết. Lễ của thiên tử ngày xưa, 7 tháng mới chôn, 9 tháng mới làm lễ tốt khốc. Vì phép để tang có hạn định, mà lòng thương cảm thì vô cùng. Ngày 28 tháng 12, năm Minh Mệnh thứ 21 [1840], Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, cưỡi rồng lên châu trời, ta ôm cung kêu gào không kịp, suốt cả thiên hạ ai cũng thương xót, ta ở nhà để tang, mặc áo trở ba năm, kính theo điển lễ. Nghĩ lại Tiên đế : công đức như trời, ơn trạch sâu dày, nhân dân không bao giờ quên. Trước đây đã xét theo điển chương, kính dâng tôn thụy, bảo rõ cho thiên hạ biết, để tỏ lòng hiếu kính của một mình ta, để thoả lòng tôn thân của cả trăm họ.

“Đến như xây lăng là việc lớn, nhất nhất đều theo đúng mệnh lệnh của Tiên đế đã định, đã xây dựng sơn lăng ở núi Hiếu Sơn, theo lệ cổ đưa quan tài đi đường ngầm vào huyết, thực là các đời từ Lê trở về trước, chưa đời nào đã làm được thế. Nay công việc xây lăng đã xong, ngày đưa đám gần đến. Đã chọn ngày tốt, kính cáo đàn tế Giao, nhà Thái miếu, đàn Xã Tắc, đến ngày 3 tháng 7 mùa thu năm nay

(1) Điện Sùng Ân : ở trên núi Hiếu Sơn.

(2) Điện Hiếu Tư : tức cung Khánh Ninh.

dự làm lễ cáo khai quân, ngày mồng 6 rước quan tài đi, ngày mồng 9 táng vào Hiếu lăng, tế 9 tuần “ngu”. Sang tháng 8, làm lễ tốt khốc. Giậm đất gào trời, thương xót không người, tưởng bọn thần thú các người, chịu ơn nuôi dạy của Hoàng khảo đã lâu, dày công che chở, thì lòng thành thương nhớ, chắc cả nghìn vạn người cũng đều một lòng như thế. Vậy bá cáo cho trong ngoài, để đều biết cả”.

Lại ra sắc lệnh cho quan, quân và người dân, từ ngày làm lễ khai quân, đến ngày làm lễ tốt khốc, cấm không được cưới xin, yến tiệc vui chơi, mặc màu đỏ tía. Từ trước ngày Ninh lăng 5 ngày cho đến ngày tế sơ ngu, cấm không được xử án chém người và giết thịt trâu bò.

Cử Phạm Hữu Tâm và Trương Đăng Quế sung chức Tổng hộ sứ ; Nguyễn Trung Mậu và Mai Công Ngôn sung chức Tổng hộ phó sứ ; Vũ Văn từ sung chức Thủy đạo Tiên doanh Đề đốc ; Trần Hữu Lễ sung chức Thủy đạo Hậu doanh Đề đốc ; Nguyễn Trọng Tính sung chức Lục lộ Tả doanh Đề đốc ; Lê Văn Thảo sung chức Lục lộ Hữu doanh Đề đốc ; Nguyễn Văn Trọng, Vũ Văn Giải sung chức Phù liễn đại thần ; Nguyễn Tăng Minh và Nguyễn Đình Tân sung chức đóng giữ Kinh thành ; Hoàng Đăng Thận sung chức Tuần tra hoàng thành ; Tôn Thất Tường sung chức Tuần tra kinh thành ; Lê Văn Phú sung chức Bày biện ở cung Khánh Ninh ; Nguyễn Văn Điển sung chức Quản đốc công việc. Từ Tổng hộ đến Quản vệ dự vào hàng đi theo hầu đều được cấp cho áo mặc (Tổng hộ Chánh, Phó sứ 4 viên, Đề đốc 4 doanh đường thủy bộ 4 viên, Phù liễn đại thần 2 viên, mỗi viên 1 chiếc áo ngắn hẹp tay bằng tơ pha lông màu đen. Các quan theo hầu từ Chương vệ đến Chánh, Phó vệ ứ 43 người, mỗi người 1 chiếc áo mở bụng bằng nhung vải màu đen). Người nào chưa có bài đeo của công, thì phát cho bài bằng gỗ để đeo.

Tổng hộ đại thần là bọn Trương Đăng Quế bàn dâng các điều khoản về các doanh đường thủy đường bộ trong khi tiến đi. Chuẩn cho làm theo như lời bàn ấy.

Ban bố hiệu lệnh của ngự doanh.

(Thuyền Tường Long ở ngự doanh, dựng 1 cột cờ, trong khi đi đường, thấy thuyền của Tổng hộ kéo cờ hiệu tiến đi, thì thuyền Tường Long kéo trả lời bằng cờ màu vàng, ty cờ trống theo lệ, đánh 3 hồi trống, các thuyền theo thứ tự tiến đi. Thấy thuyền của Tổng hộ kéo cờ báo hiệu đứng lại, thì thuyền Tường Long kéo trả lời bằng cờ màu lục, đánh 1 hồi chiêng thì các thuyền đều đỗ lại. Còn việc thuyền đi đứng ban đêm, chuẩn cho kéo đèn lồng sáng lên trên thuyền, đánh trống, đánh chiêng làm hiệu. Vua bát thân sang thuyền rồng để quan tài, thì lấy thuyền Tường long và thuyền Kim đình mỗi thứ một chiếc theo hầu).

Sai Tổng hộ Chánh, Phó sứ đem cách thức lúc đi lúc đứng về đường thủy đường bộ để luyện tập các quân lính, người nào sai lầm, mất thứ tự, thì bắt tội.

Bắt đầu dựng đền thờ thần Hiếu Sơn, ban cho thần hiệu là Chung anh Linh hựu Quảng vận tôn thần.

Thượng thư đã về hưu, Nguyễn Đăng Tuấn, vào Kinh làm lễ Ninh lăng. Vua mời vào ra mắt, cho ngồi và ban nước chè, thăm hỏi hồi lâu.

Vua bảo Đặng Văn Thiêm rằng : “Bộ Lễ nhiều việc, mà các viên ngoại và lang trung giúp việc hãy còn thiếu số. Những viên thuộc trong các Bộ, Viện có người nào thạo thuộc nghi lễ, chuẩn cho tâu lên sung bổ, để làm việc”. Thiêm tâu rằng : “Con trai Phan Huy Thực là Huy Vịnh, vốn có văn học, theo cha ở nơi làm quan, cũng quen lễ tiết một chút. Nhưng vì cha con cùng làm một Bộ, lệ nên hồi tị”. Vua phán rằng : “Thực là bậc lão thần, am tường điển lệ cũ. Nay đương ốm, cho phép cáo nghỉ ở nhà. Nếu Vịnh làm được chức ấy, thì đời đời làm tôi cho nước, nổi tiếng tốt cho nhà, sung vào ngạch còn thiếu là phải lắm, cần gì phải gò bó theo lệ?”. Vua truyền lập tức bổ Vịnh làm Lang trung.

Bọn ác Man ở Quảng Ngãi ngấm đến đồn bảo An Bài, cướp lấy trâu và súc vật. Quân và dân sợ tại đuổi theo, lấy lại được. Bọn Man trốn mất.

Vua biết chuyện ấy, phán rằng : “Bọn ác Man nhân chỗ sơ hở, ra vào lén lút, vẫn là thói cũ xưa nay. Truyền phải tuần phòng cho nghiêm cẩn, để trong hạt được yên”.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN X

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, Thiệu trị năm thứ nhất [1841], mùa thu, tháng 7, ngày mồng một, làm lễ Thu hưởng. Sai các hoàng thân, hoàng tử có tước công, chia nhau đến các miếu, điện tế thay. Vua thân đến bàn thờ Tiên đế, làm lễ ăn diện.

Tập thơ thứ 6, tập văn thứ 2 và tập thơ “*Thiên cơ dự triệu*” của Tiên đế làm ra, đã khắc in xong. Sai Nội các kính cẩn bọc bì lụa. Vua nhân cúng ngày mồng một, dâng các tập tâu ấy lên bàn thờ. Làm lễ xong, vua khóc, bảo quần thần rằng : “Các đế vương ngày xưa trước tác cũng nhiều, nhưng trong ấy có việc nói thực, việc nói sai, cần phải biện bạch cho rõ, như : Cao Tông nhà Thanh sinh ở cung Ung Hoà, mà thơ mừng thọ của Nhân Tông lại chưa rằng sinh ở Đờ Phúc đình nơi sơn trang ; đến Đạo Quang đế đính chính lại cái sai ấy, mới biết là do từ thần ⁽¹⁾ chưa lâm. Cao Tông, Nhân Tông đều là vua xưa biết trọng văn học, mà còn như thế, huống chi người khác ? Thế mới gọi là “dầu nhiều cũng chẳng làm gì”. Đáng cười thật ! nước Nam ta, các triều đại Đinh, Lý, Trần, Lê, gọi là văn minh, thế mà thơ văn truyền lại đời sau cũng ít ; duy có những trước tác của Lê Thánh Tông còn được 1 - 2 phần, tựu trung những bài ấy do bọn từ thần Nguyễn Trục và Vũ Lâm phụ chú và phê bình, gán đến một nửa.

(1) Hạng bề tôi giữ việc văn chương từ lệnh.

“Hoàng khảo là bậc chí thánh trời sinh, thực là một vị vua thông minh, nối sau khi Hoàng tổ ta dẹp yên thiên hạ, sửa sang lễ nhạc, chấn chỉnh giềng mối, mở rộng quy mô về sáng nghiệp và thủ thành. Phàm các Chỉ dụ hay các tờ chế, cáo đều làm lấy cả. Những lúc rỗi việc, xem khắp các sách, lưu ý về văn chương lối cổ lối kim, một chữ đặt, một lời chua, đều bởi tự nhiên ; các đình thần không ai giúp hơn được một chữ nào. Văn thơ hay rất mực ! Thực là ông tổ văn minh của muôn đời ! Ngày hôm nay, ta đem những tập văn thơ ấy kính dâng lên ban thờ, tuy bóng dáng người đã xa cách, nhưng nét chữ viết để lại vẫn còn rục rờ, ta bất giác ruột đau, tay run, cảm động thương xót, khóc lăn ra. Than ôi ! đau đớn biết nhường nào !”.

Ngày Ất Mão, vua đến điện Hiếu Tư để cáo việc làm lễ khai quàn.

Ngày Bính Thìn, Thái hoàng thái hậu đến làm lễ tế điện.

Ngày Mậu Ngọ, làm lễ phát dẫn. Rước quan tài từ cung Khánh Ninh theo cửa chính nam đi ra đến điện lợp bằng lau cỏ ở bến sông Hương. Một lát, rước xuống thuyền, do đường thuỷ tiến đi.

Ngày Tân Dậu, hạ vào huyệt ở Hiếu lăng.

Ngày Nhâm Tuất, để thần chủ. Chiều hôm ấy, rước thần chủ vào điện Hiếu Tư.

Bắt đầu xây Hiếu lăng, trên xây Bảo thành, dưới xây đường hầm (cách thức dùng 3 lần cửa). Lại theo vị trí của núi ấy, đặt cho những tên đẹp đẽ : trước lăng có hồ Tân Nguyệt, phía giữa làm cầu Thông Minh chính trực, bên hữu làm cầu Yển Nguyệt bằng đá. Trước hồ có 3 núi (gọi chung là núi Tam Tài, gọi riêng thì bên tả là Thành Sơn, bên hữu là Bình Sơn). Ở giữa hồ dựng lầu Kiến Minh, hai bên lầu có xây cột trụ, bên hữu làm đình Diệu Ngư ⁽¹⁾, bên tả làm quán Nghênh Lương ⁽²⁾. Trước lầu ấy làm điện Sùng Ân ở trên núi Phụng Thần ; đằng trước điện có nhà đông tây phối, đằng sau điện có làm nối hai viện đông tây. Cửa đằng trước gọi là cửa Hiến Đức, cửa đằng sau gọi là cửa Hoàng Trạch. Từ lầu Kiến Minh thông đến điện Sùng Ân làm ba cái cầu (ở giữa là cầu Trung Đạo, bên tả là cầu Tả Phù, bên hữu là cầu Hữu Bật). Cầu bắc qua hồ Trùng Tâm. Trước điện độ vài trăm bước, làm nhà bia “Thánh đức thần công”. Bên tả Bảo thành là núi Tĩnh Sơn, làm nhà giải vũ Tả tông, bên hữu là núi Ý Sơn, làm nhà giải vũ Hữu tông. Bên tả về phía nam tông viện : núi Đức Hoá thì làm Tuấn Lộc hiền ⁽³⁾, núi Khai Trạch thì làm Linh Phương các ; gần trước mặt là núi Đạo Thống trông xuống bờ hồ, làm Quan lan sở. Bên hữu, đảo Trấn Thủy ba mặt là nước, làm nhà thuỷ tạ Hư Hoà ; gần về mạn sau, làm kho Thần Khố, chứa các đồ tế khí. Thành bao xung quanh xây bằng gạch. Tường

(1) Diệu Ngư : câu cá.

(2) Nghênh lương : hóng mát.

(3) Tuấn lộc : hươu đã nuôi quen.

mặt trước làm ba cửa : chính giữa là cửa Đại Hồng, bên tả là cửa Tả Hồng, bên hữu là cửa Hữu Hồng. Trên núi Phúc Ấm ở trong cửa Tả Hồng làm Truy Tư trai để làm nhà ở trong khi đến thăm viếng.

Công việc bận rộn, quy mô to lớn, cho đến những đại lễ chôn cất đều cốt phong hậu. Phàm những cung điện, đường, vũ, lầu các, thuyền, xe, voi, ngựa, các đồ của Tiên đế dùng, không thứ gì là không đủ. Công việc làm đến vài tháng mới xong, tốn tiền đến hàng bao nhiêu vạn. Nghi thức và phẩm vật phong thịnh, trước đây chưa từng có bao giờ.

Vua cho rằng việc làm lễ ninh lăng đã xong, thưởng cho các thần dân tham dự vào việc này có thứ bậc khác nhau.

- Sung vào việc cầm dây quan tài : từ Chương phủ Phạm Hữu Tâm đến Quản vệ Phạm Văn Xích cộng 24 viên, đều thưởng kim tiền, ngân tiền có thứ bậc.

- Các đại thần sung làm tổng hộ sứ, phó sứ và để đốc các doanh đường thủy, đường bộ, phù liễn đại thần, giám tu, đốc biện sửa sang cung Khánh Ninh đều được thưởng cho gia thêm 1 cấp ; các đại thần đi tuần tra hoàng thành, đóng giữ hoàng thành đều được thưởng cho kỷ lục 2 thứ.

- Sung vào việc đề chủ là Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn được thưởng 20 lượng bạc, 3 cây sa. Người giúp việc là hoàng đệ Thọ Xuân công Miên Định được thưởng 1 đồng kim tiền Song long hạng vừa, 1 chuỗi ngọc đeo có thao rủ xuống ; Đại học sĩ là Trương Đăng Quế được thưởng 1 đồng kim tiền Song long hạng nhỏ, 1 quạt có dây thao đeo ngọc trắng rủ xuống.

- Các viên sung việc hành lễ và theo hầu vua ở các đình, án đều được thưởng kim tiền, ngân tiền có thứ bậc và mỗi người đều được kỷ lục 2 thứ.

- Các nhân viên trong họ Tôn thất dự vào việc hành lễ và theo hầu vua đều được thưởng có thứ bậc.

- Các nhân viên đi theo hầu, văn từ lục phẩm, võ từ phó giám đốc trở lên, đều được thưởng kỷ lục 1 thứ. Văn từ thất phẩm, võ từ thị vệ trưởng đến các hạng thị vệ, hộ vệ đều được thưởng tiền bổng 1 tháng.

- Các đại thần đồng lý việc xây lăng, đồng lý việc tang nghi và các quan châu hầu, đi theo, từ chức tổng hộ chánh, phó sứ, phù liễn đại thần đến quản vệ đều thưởng cho áo mặc có thứ bậc.

- Các đường quan và thuộc viên ở hai bộ Lễ và Công và các viên nhân ở Khâm thiên giám đi chọn chỗ đất tốt đều giao cho bộ Lại phân biệt bàn công.

- Các kỳ lão ở phủ Thừa Thiên đặt hương án đưa đón được thưởng 4.000 quan tiền ; dân phu làm việc được thưởng chung 300 quan tiền.

- Các phi tần, nữ quan, nữ ban của triều Tiên để ứng trực ở sơn lăng được thưởng chung 1.000 quan tiền.

- Các người ở quê nhà vua, huyện nhà vua về Kinh làm lễ đều được thưởng ngân tiền Phi long hạng lớn có thứ bạc.

- Các hạng biên binh đi theo hầu, canh giữ và đi tuần ở Kinh, các lại dịch ở các nha đều được thưởng tiền có thứ bạc.

- Các người sung vào chân khiêng quan tài đều thưởng ưu hậu ; những người chường lĩnh, quản suất bọn này đều được thưởng kim tiền và ngân tiền có thứ bạc.

Trước đây, ngày rước quan tài Tiên đế ở cung Khánh Ninh ra, giữa buổi trưa nắng gắt, vua đi bộ, vừa theo sau, vừa khóc. Kiến An công là Đài quỳ xuống tâu xin vua nên lấy lễ mà tiết chế tình cảm. Các quan theo hầu là bọn Nguyễn Văn Trọng, Vũ Văn Giải, Vũ Xuân Cẩn, Đặng Văn Thiêm, Nguyễn Đăng Giai, Phan Thanh Giản, Bùi Quỹ, Lâm Duy Thiếp, Phạm Thế Hiển, Nguyễn Trạch, Hoàng Thu, Ngô Kim Lan, Hồ Văn Thập, Phạm Khôi, Nguyễn Bá Nghi, Nguyễn Cửu Trường, Vũ Phạm Khải, Lê Văn Thu, Bùi Nhật Tiến và Lê Tập lại quỳ ở bên đường, xin vua bớt thương khóc, giữ sức khoẻ, để thiên hạ thân dân được nhờ phúc. Họ bảo thị vệ lấy nón nạm ngọc để che cho vua. Vua xua tay không khiến, khóc bảo các quan rằng : “Ồn sâu không cùng, dầu hết đời cũng không báo đáp được, nắng gió một chút, có gì đáng gọi là lao khổ ? Các khanh chớ nên bận lòng !”. Kịp khi về cung, vua mới nghĩ lại câu nói của các bề tôi ấy là xuất phát từ tấm lòng lo nước, yêu vua, bèn thưởng cho nhẫn bằng vàng, ngọc, chuỗi ngọc đeo, thuỷ tinh, mã não và quạt có dây thao rủ xương, đều có thứ bạc khác nhau.

Làm bài ngà cấp cho các viên đi tuần tra, mặt bài ngà khắc 4 chữ “phụng phái tuần tra” 奉派巡查 .

Sai Tôn nhân phủ phân phái các hoàng đệ có tước công, và các hoàng đệ, mỗi ban sáu người cùng đem theo các viên chức ở các ty trong bộ Lễ và Khoa đạo mỗi nha ba người chia nhau đến cung Khánh Ninh và Hiếu lăng tra kiểm các đồ thờ mỗi tháng ba lần. Còn hai điện Hiếu Tư và Sùng Ân thì chuyên giao cho các hoàng đệ có tước công và các hoàng đệ trông coi. Các nơi lầu, các, đường, vũ thì chuyên giao cho Khoa đạo, Bộ, Ty trông coi. Phàm thấy có chỗ nào không hợp, phải lập tức chỉ trích tham hạch nghiêm ngặt, không được nể nang, hòa theo để làm thành lệ mãi mãi.

Lập đàn chay trọng thể ở chùa Thiên Mục. Sai Đại học sĩ là Lê Đăng Doanh, Thống chế ở Vũ lâm dinh Tả dục là Nguyễn Trọng Tính trông coi việc làm chay, tụng kinh 3 tuần 7 ngày. Vua thường đến điện Kim Linh làm lễ. Hoàng thân, văn võ đình thần cắt lượt nhau đến làm lễ. Hai bên tả hữu điện làm nhà rạp kết hoa chia thờ các bề tôi thân huân, các công thần trung tiết. Xong rồi, lại tụng kinh ở chùa Giác Hoàng

ở Kinh thành và chùa Khai Tường ở Gia Định, mỗi nơi tụng 1 tuần 7 ngày. Thường cho từ đồng lý trở xuống đến binh lính thợ làm, tăng cương, tăng đồ có thứ bậc.

Đổi dôn lại : cơ Nghĩa tượng làm 2 đội Nghĩa tượng Nhất, Nhị ; cơ Định tượng làm 3 đội Định tượng Nhất, Nhị, Tam ; cơ Bình Định làm 3 đội Bình Định Nhất, Nhị, Tam ; Tượng cơ ở Biên Hoà làm cơ Biên tượng ; cơ Tường tráng làm đội Tường tráng ; cơ Trị tráng làm 2 đội Trị tráng Nhất, Nhị ; cơ Quảng Tượng làm 2 đội Quảng tượng Nhất, Nhị ; cơ Bình tráng làm 3 đội Bình tráng Nhất, Nhị, Tam ; cơ An tráng làm 2 đội An tráng Nhất, Nhị ; Tả vệ ở tỉnh Thanh làm 2 đội Thanh tỉnh Nhất, Nhị ; đội Nhất cơ Ninh Bình làm Ninh Bình đệ tam đội ; cơ Tuyên Quang làm 2 đội Tuyên Quang Nhất, Nhị. Rồi lại rút bớt đội Định sai ở tỉnh Nam Định.

Quy định ngạch binh ở trong Kinh, ngoài các tỉnh :

1 - Về chính ngạch : Túc trực, Trường trực, và ty Trấn phủ, ở vệ Cẩm y ; các đội trong các y : Loan nghi, Hộ vệ, Cảnh sát, Kỳ cổ, Dục võ, Dục chấn ở vệ Loan giá ; các vệ ở dinh Vũ lâm ; các vệ ở dinh Thần cơ ; các vệ ở dinh Tiên phong ; các vệ ở dinh Long võ ; các vệ ở dinh Hồ oai ; các vệ ở dinh Hùng nhuệ ; các vệ ở dinh Kỳ võ ; các vệ Kinh tượng ; hai vệ Khinh kỵ, Phi kỵ ở viện Thượng tứ ; các bảo⁽¹⁾ của các quân ; vệ Long thuyền, các dinh vệ Thủy sư ở Kinh kỳ ; đội Hoả pháo ; đội Kim sang ; viện Thượng trà ; đội Tài thụ ; đội Phụng thiện ; đội Thượng thiện ; đội Giáo dưỡng trong sách Anh danh ; ty Tả, Hữu từ tể ; vệ Vĩng thành ; vệ Giám thành ; các vệ thủ hộ.

Phủ Thừa Thiên : 4 đội phủ binh.

Tỉnh Quảng Nam : vệ Quảng Nam, 2 vệ Tả, Hữu thủy ở Quảng Nam ; 3 cơ Trung, Tả, Hữu ở Quảng Nam ; 5 đội ở cơ Nam tượng ; 2 đội Pháo thủ.

Tỉnh Quảng Ngãi : vệ Quảng Ngãi, Thủy vệ Quảng Ngãi, 5 cơ Tỉnh man ; 2 đội Ngãi tượng Nhất, Nhị ; đội Pháo thủ, đội Tuần thành.

Tỉnh Bình Định : 2 vệ Tả, Hữu Bình Định, Thủy vệ Bình Định ; 2 cơ Tả, Hữu Bình Định ; 3 đội Định tượng Nhất, Nhị, Tam.

Tỉnh Phú Yên : Thủy vệ Phú Yên, vệ Phú Yên, cơ Phú Yên, đội Phú tượng, đội Tuần thành, đội Pháo thủ.

Tỉnh Khánh Hoà : Thủy vệ Khánh Hoà, vệ Khánh Hoà, cơ Khánh Hoà ; 2 đội Nhất, Nhị thuộc tỉnh Khánh Hoà ; đội Hoà tượng, đội Pháo thủ.

(1) Có 5 bảo : Trung quân trung bảo, Tiên quân tiên bảo, Hậu quân hậu bảo, Tả quân tả bảo, Hữu quân hữu bảo.

Tỉnh Bình Thuận : 2 vệ Tả, Hữu thuỷ Bình Thuận, vệ Bình Thuận ; 2 cơ Tả, Hữu Bình Thuận ; đội Thuận tượng, 2 đội Pháo thủ Nhất, Nhị ; đội Tuần thành.

Tỉnh Gia Định : 2 vệ Tả, Hữu thuỷ Gia Định ; 5 cơ Gia Trung, Tiên, Tả, Hữu, Hậu ; 5 cơ Định Trung, Tiên, Tả, Hữu, Hậu đội Gia tượng ; 2 đội Pháo thủ Nhất, Nhị ; 2 đội Tuần thành Nhất, Nhị.

Tỉnh Biên Hoà : 2 vệ Tả, Hữu thuỷ Biên Hoà ; 2 cơ Tả, Hữu Biên Hoà ; đội Biên tượng, đội Pháo thủ.

Tỉnh Định Tường : 2 vệ Tả, Hữu thuỷ Định tường ; 5 cơ Định Tường Trung, Tiên, Tả, Hữu, Hậu ; đội Pháo thủ, đội Tuần thành.

Tỉnh Vĩnh Long : 2 vệ Tả, Hữu thuỷ Vĩnh Long ; 4 cơ Vĩnh Tiên, Tả, Hữu, Hậu ; 4 cơ Long Tiên, Tả, Hữu, Hậu ; 6 đội cơ Vũ cự, đội Pháo thủ, đội Tuần thành.

Tỉnh An Giang : Thuỷ vệ An Giang, 5 cơ An Giang Trung, Tiên, Tả, Hữu, Hậu ; đội Pháo thủ, đội Tuần thành.

Tỉnh Hà Tiên : Thuỷ vệ Hà Tiên, Tả cơ Hà Tiên, đội Pháo thủ.

Thành Trấn Tây : 3 đội ở cơ Tây tượng, đội Pháo thủ, đội Tuần thành.

Tỉnh Quảng Trị : vệ Quảng Trị, Thuỷ vệ Quảng Trị, đội Trị tượng, đội Tuần thành, đội Pháo thủ, cơ Định Man.

Tỉnh Quảng Bình : vệ Quảng Bình, Thuỷ vệ Quảng Bình, cơ Quảng Bình ; 2 đội Quảng tượng Nhất, Nhị ; 2 đội Pháo thủ Nhất, Nhị.

Tỉnh Hà Tĩnh : 5 vệ thuộc dinh Thần cơ ; 2 vệ Hà Tĩnh Tả, Hữu, đội Tĩnh tượng ; 2 đội Tuần thành Nhất, Nhị ; 2 đội Pháo thủ Nhất, Nhị.

Tỉnh Nghệ An : 5 vệ thuộc dinh Tiên phong ; 5 vệ dinh Long võ, vệ Nghệ An ; 4 vệ Thuỷ sư Trung, Tiên, Tả, Hữu ; 2 đội Pháo thủ Nhất, Nhị ; đội An tượng, đội Tuần thành.

Tỉnh Thanh : ty Từ tế ở Nguyên miếu ; 5 vệ thuộc dinh Hồ oai ; 2 vệ Tả, Hữu thuỷ tỉnh Thanh ; 3 đội thuộc binh ; 2 đội Pháo thủ Nhất, Nhị ; đội Thanh tượng.

Tỉnh Hà Nội : 10 cơ Chấn định ở Trung quân, Thuỷ vệ Hà Nội ; 3 đội Hà thanh ; 2 đội Pháo thủ Nhất, Nhị ; vệ Hà Nội, đội Tuần thành, đội Hà tượng.

Tỉnh Ninh Bình : 5 cơ Ninh Bình Trung, Tiên, Tả, Hữu, Hậu ; cơ Ninh hùng, đội Ninh tượng, đội Pháo thủ.

Tỉnh Nam Định : 10 cơ Cường tiếp ở Tiên quân, đội Định uy ; 3 vệ Thuỷ sư Trung, Tả, Hữu thuỷ ; 2 cơ Nam Định Tả, Hữu ; vệ Nam Định, đội Định tượng, đội Tuần thành ; 2 đội Pháo thủ Nhất, Nhị.

Tỉnh Hưng Yên : vệ Hưng Yên, 2 đội Pháo thủ Nhất, Nhị ; đội Tuần thành.

Tỉnh Hải Dương : 10 cơ Kiên nhuệ ở Tả quân, 3 vệ Thủy sư Trung, Tả, Hữu ; Thủy vệ Hải Dương, đội Tuần thành, đội Pháo thủ, đội Hải tượng.

Tỉnh Quảng Yên : cơ Quảng hùng, 6 đội ở vệ Quảng Yên, đội Tuần thành, đội Pháo thủ.

Tỉnh Bắc Ninh : 10 cơ Uy thắng ở Hậu quân, Trung cơ Bắc Ninh, 5 đội Bắc hùng, vệ Bắc Ninh ; 2 đội Pháo thủ Nhất, Nhị ; 3 đội Tuần thành, Tả cơ Bắc Ninh, đội Bắc tượng.

Tỉnh Thái Nguyên : cơ Thái hùng, 2 đội Thái dũng Nhất, Nhị ; 5 đội ở cơ Thái Nguyên, đội Tuần thành, đội Pháo thủ.

Tỉnh Sơn Tây : 10 cơ Hùng dũng ở Hữu quân, vệ Sơn Tây, đội Sơn tượng, 3 vệ Pháo thủ, 2 đội Tuần thành Nhất, Nhị.

Tỉnh Hưng Hoá : 4 đội ở cơ Hưng hùng, 7 đội ở vệ Hưng Hoá, đội Pháo thủ, đội Tuần thành.

Tỉnh Tuyên Quang : 4 đội ở cơ Tuyên hùng, đội Tuần thành, đội Pháo thủ.

Tỉnh Lạng Sơn : cơ Lạng hùng, đội Tuần thành, đội Pháo thủ.

Tỉnh Cao Bằng : cơ Cao hùng, đội Pháo thủ.

2 - Vệ tạp ngạch : các đội Dự bảo, các ty Lý thiện, thự Hoà thanh, thự Thanh bình, các đội thuộc binh ở sáu Bộ, các đội Dự ở các phủ đệ, cùng là các đội về thuộc binh thường ban, lưu ngạch, lưu điểm.

Phủ Thừa Thiên : 7 đội trong vệ Phòng hải ở Thuận An. Hai đồn Hưng Bình, Du Mộc, ty Tế sinh.

Tỉnh Quảng Nam : 5 đội ở cơ Quảng tráng, đội Thủ hộ, đội binh ở đồn Thu Bồn.

Tỉnh Bình Định : 3 đội Bình Định Nhất, Nhị, Tam.

Tỉnh Quảng Ngãi : các cơ Tĩnh man, 7 đội hương binh.

Tỉnh Vĩnh Long : 3 đội Vĩnh Long Nhất, Nhị, Tam.

Tỉnh Định Tường : đội Tường tráng.

Tỉnh Quảng Trị : 2 đội Trị tráng Nhất, Nhị.

Tỉnh Quảng Bình : 3 đội Bình tráng Nhất, Nhị, Tam.

Tỉnh Nghệ An : 1 đội thuộc tỉnh, 2 đội An tráng Nhất, Nhị, các đội An thiện.

Tỉnh Thanh : 2 đội Nhất, Nhị của tỉnh, thự Thanh bình, 2 đội Nhất, Nhị ở đồn Trấn Man, các đội Thiên thiện.

Tỉnh Hà Nội : 2 đội Hà Nội Nhất, Nhị, đội Lạc hoá, đội Hà thuận.

Tỉnh Ninh Bình : 3 đội Ninh Bình Nhất, Nhị, Tam, đội Quy thiện.

Tỉnh Nam Định : 2 đội Định nghĩa Nhất, Nhị, đội Định sai.

Tỉnh Hưng Yên : 2 đội Hưng Yên Nhất, Nhị, đội Thủy sư.

Tỉnh Hải Dương : 2 đội Hải Dương Nhất, Nhị, đội Hải thiện.

Tỉnh Quảng Yên : đội Quảng Yên, 2 đội Tuần hải Nhất, Nhị.

Tỉnh Sơn Tây : 3 đội Sơn Tây, 4 đội Tùng thiện.

Tỉnh Hưng Hoá : đội Ninh biên.

Tỉnh Tuyên Quang : 2 đội Tuyên Quang Nhất, Nhị.

Tỉnh Lạng Sơn : 1 đội Lạng Sơn.

Tỉnh Cao Bằng : đội Cao Bằng.

Các trạm phu các trạm, các thợ ở Tượng cục, các thuộc lệ ở các phủ, huyện, châu và các nơi đầu nguồn, cửa tấn có đồn canh, các đàn phu, miếu phu, nông phu, mộ phu, từ phu, tự phu, độ phu, cảng phu, kiều phu⁽¹⁾, nhạc công, ca công, binh ở các đồn bảo, binh ở các đồn cửa ải và cửa tấn, và các thủ hạ, thổ ty, thổ hào, ty Hành nhân, hộ đi lấy tổ yến, hộ đi lấy gỗ, hộ đánh cá, hộ đi lấy sấm, hộ đi lấy sắt, hộ đánh cá, các người vận chở ở Nam tào, Bắc tào.

3 - Về ngạch trừ bị :

Tỉnh Gia Định : 3 đội Gia hoá.

Tỉnh Vĩnh Long : 2 cơ Long nhuệ Tả, Hữu.

Tỉnh An Giang : 4 cơ An biên.

Tỉnh Hà Tiên : hữu cơ ở Hà Tiên.

Thành Trấn Tây : 5 cơ Trung, Tiên, Tả, Hữu, Hậu dinh, cơ Tượng mục.

Lãnh binh tỉnh Lạng Sơn, Trần Văn Duyên, chết ở Kinh. Cấp cho tiền tuất gấp đôi. Cho Vệ úy Hùng nhuệ Hậu vệ là Đỗ Văn Sửu, lên thay.

Vệ úy vệ Cường võ tỉnh Thanh là Phạm Văn Huy, con trai Phạm Văn Điển, xin đi theo quân thứ ở Trấn Tây để sai phái. Tỉnh Thanh tâu lên. Vua truyền bổ làm Vệ úy ở Trung bảo Nhất vệ, đi đến quân thứ của Điển, để cha con cùng nương tựa nhau.

Công Bình, con trai Mai Công Ngôn, Tổng đốc An - Tĩnh, giả làm Hiệu úy ở vệ Cẩm y, đến quân xá Tiên phong, kiểm tra các đồ khí giới nghi trọng và đòi lấy tiền của các vệ đội. Việc phát giác. Công Bình bị tội phải đánh 80 hồng còn, đuổi ra

(1) *Đàn phu* : người phục dịch ở các đàn tế. *Miếu phu* : người phục dịch ở các miếu. *Nông phu* : người làm ruộng. *Mộ phu* : người trông coi các phần mộ. *Từ phu* : người trông nom các đền. *Tự phu* : người phục dịch ở các chùa. *Cảng phu* : người làm ở các hải cảng. *Kiều phu* : người làm ở các cầu.

làm quân Tiền khu ở Trấn Tây. Người cho tiền đều phải tội cả. Công Ngôn vì không biết dạy con, phải giáng 1 cấp.

Đổi tên nhà Quảng Nhân ở cung Càn Đông là nhà Quảng Cư.

Nếu thường người xử sĩ ⁽¹⁾ ở tỉnh Bắc Ninh là Chu Doãn Trí. Là con trai Chu Doãn Mai, Tiến sĩ triều Lê trước, Trí có học hạnh, tính điềm đạm, không hám vinh lợi. Tinh thần Nguyễn Đăng Giai khai tên tâu lên. Vua truyền cấp cho tiền ăn đường về Kinh. Trí từ chối là tuổi già ốm yếu. Chợt khi Giai vào chầu, vua lại hỏi Trí là người thế nào. Giai thưa rằng : “Trí, văn học và hạnh kiểm đều khả thú, chỉ sợ y tuổi già, không thể làm việc được nữa thôi !”. Vua phán rằng : “Nhân tài, đã khó kiếm được, mà lại cũng khó biết được ! Sĩ phu nếu thích điềm tĩnh, không ra làm quan, mà vua lại cố ép phải ra, thì cũng không phải là cách đối đãi người hiền”. Truyền Chỉ khen ngợi, lại sai đem rượu “hoa hồng dương tửu” đến tận nhà ban cho.

Cho : Thị lang bộ Lại là Vũ Đức Khuê làm thự Hữu tham tri bộ Lại ; Tả thị lang bộ Hộ là Phạm Thế Hiển làm Tả thị lang bộ Binh ; nguyên Án sát thự Bớ chính Thái Nguyên là Hoàng Thu làm thự Hữu thị lang bộ Hình ; Lang trung Nội vụ phủ Lê Văn Thu làm Lang trung bộ Hộ, biện lý công việc của bộ ; thự Thiệu khanh Đại lý tự Lê Nguyên Giám làm Lang trung bộ Hình, biện lý công việc của bộ ; Viên ngoại lang thự Giám biện Vũ khố Nguyễn Danh Giáp làm Lang trung bộ Công, biện lý công việc của bộ. Bớ : Trần Văn Tuấn làm Lang trung bộ Lại, biện lý công việc của bộ ; Lê Đại Cương làm Lang trung bộ Binh, biện lý công việc của bộ ; Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ Nguyễn Bá Nghi làm Thị độc học sĩ ; Nguyễn Cảnh Trường làm Thị độc học sĩ, đều sung làm việc ở Nội các ; Viên ngoại lang bộ Công là Vũ Hữu Quỳnh làm Thiệu khanh Đại lý tự ; thự Lang trung bộ Công là Đỗ Mậu Thường đổi làm thự Lang trung bộ Hình ; thự Lang trung bộ Lễ là Tôn Thất Phan làm Lang trung bộ Công ; thự Lang trung bộ Hình là Lê Bá Đĩnh làm thự Lang trung Nội vụ phủ, hội đồng với Lê Văn Du trông coi ấn quan phòng của Nội vụ phủ ; Giám sát ngự sử đạo Định Biên là Phan Văn Xưởng làm Chương ấn Cấp sự trung ở Lễ khoa ; Trần Văn Nguyễn làm Lang trung bộ Hộ, Lê Chân làm Chương ấn Cấp sự trung ở Hộ khoa.

Bớ Tôn Thất Đường làm Chương vệ, thự Thống chế ở dinh Kỳ võ ; Vệ úy vệ Loan giá là Tôn Thất Tường làm Chương vệ lĩnh chức Đề đốc ở Kinh thành, kiêm làm công việc phủ Thừa Thiên.

Lại đặt chức đề đốc và tuần phủ tỉnh Hà Nội. Nguyên trước đây, tỉnh Hà Nội chỉ đặt đề đốc, tuần phủ mỗi chức một người. Gần đây, vẫn để tổng đốc kiêm lĩnh

(1) *Xử sĩ* : người có văn học không ra làm quan.

cả hai chức ấy. Đến nay, vua cho rằng sang năm sau, tuần du ra Bắc, Hà Nội là nơi vua đóng, công việc bận nhiều, bèn cho quyền lĩnh ấn quan phòng Tổng đốc Nghệ - Tĩnh là Nguyễn Cửu Đức làm thự Đề đốc Hà Nội, Thị lang bộ Lễ sung làm việc ở Nội các là Nguyễn Đình Tân làm thự Tuần phủ Hà Nội. Lại cho Phạm Hữu Tâm về lý sở Hà Nội mà gọi Tôn Thất Bật về Kinh đổi bổ làm Thống chế dinh Hùng nhuệ kiêm nhiếp chức Hữu tôn khanh ở Tôn nhân phủ.

Sai Tiền quân Chương phủ lĩnh Tổng đốc Định - Biên là Nguyễn Văn Trọng ở lại làm chức vụ ở Kinh, cho quyền chương Tổng đốc Định - Biên là Lê Văn Đức làm Tổng đốc Định - Biên ; Tuần phủ Bắc Ninh là Nguyễn Đăng Giai làm thự Tổng đốc Ninh - Thái ; Tuần phủ Ninh Bình là Trần Văn Trung làm Tuần phủ Hải Dương, Hộ lý ấn quan phòng của Tổng đốc Hải - An ; cho Nguyễn Tự làm Bố chính Quảng Bình. Các quan địa phương về Kinh hội bàn đều cho về lý sở cả. Giai vào cáo từ biệt trước mặt vua để về, vua vờ đến bảo rằng : “Thận trai tiên sinh⁽¹⁾ là bậc sư phó cự thần, mới rời chông gậy về Kinh, kính dự đại lễ Ninh lăng, rồi lại về làng. Ta vẫn nhớ đến không quên. Vậy ban cho 5 chi nhân sâm ở kho Thượng phương để thêm bổ dưỡng. Khanh nên nói rõ ý của ta để tiên sinh biết”. Giai cảm kích lạy tạ, nhận lấy sâm, lui ra.

Cho sứ thần hai nước Thủy Xá và Hoả Xá là Sơn Thích và Kiệu Mộc về nước, ban cho quốc vương hai nước ấy mỗi người một đạo sắc thư và mọi phẩm vật. Lại thưởng cho sứ thần và hành nhân có thứ bạc.

Thự Lãnh binh tỉnh Quảng Ngãi là Ngô Văn Trạch bị ốm, cho nguyên Lãnh binh hưu trí là Nguyễn Vĩnh được khởi phục làm Lãnh binh.

Cho nguyên Lãnh binh ở Quảng Nam là Lương Văn Liễu thăng Chương vệ lĩnh chức Tuần phủ Hà Tiên. Vì Liễu đi làm việc bất giác ở Hà Tiên, nên nhân thế, cho làm chức ấy.

Ty Tam pháp dâng danh sách những người có tội được gia ân xét lại (cộng 426 người). Vua sai đình thần bàn xét lại. Trong danh sách ấy có bốn người đạo trưởng người bản quốc bị giam cầm đã lâu. Vua thương vì không biết gì mà phạm pháp, sai đem bốn người ấy ra trước để hiểu dụ, nếu họ biết tỉnh ngộ, bỏ đạo thì sẽ liệu lượng khoan giảm cho. Nếu cứ cố chấp mê hoặc không biết tỉnh ngộ, thì cứ theo án xử trước mà xử tội. Bốn người ấy vẫn kiên quyết không chịu bỏ đạo. Vua bùi ngùi mà rằng : “Tà giáo làm mê hoặc người đến thế ư !” Bèn sai lại giam cầm như cũ. Còn thì những người có tình đáng thương, đáng ngờ đều tha bớt hoặc giảm bớt ; những người tình thực thì hoãn cho tội tử hình. Còn những người chưa được kê tên vào

(1) Thận trai tiên sinh : tức là Nguyễn Đăng Tuấn, sinh ra Đăng Giai.

danh sách ân thẩm ⁽¹⁾ thì lại sai pháp ty xét hỏi lại (cộng 127 người), cũng được liệu lượng cho giảm tội, hoặc giao người bảo lĩnh mà tha về, hoặc hoãn xử ngày mà giam giữ lại, đều có thứ bậc. Danh sách xét lại về năm ấy phần nhiều người được sống toàn vẹn, là đặc ân của vua vậy.

Vua bảo bộ Hình rằng : “Trước đây, có dụ cho những tù phạm can án trốn đi, đều được ra thú, gấn đây bọn đầu mục của giặc như lũ Đinh Thế Đội, Xa Văn Chấn đã lần lượt ra thú, đều đã giao cho dân quản lĩnh rồi, thế mà hãy còn một vài tên đầu sỏ giặc như Quách Tất Tế chưa thấy ra thú là làm sao ?”.

Vũ Xuân Cẩn tâu rằng : “Ân điển nhà vua rộng lớn, tôi tưởng bọn chúng không lâu rồi cũng ra thú hết”.

Bùi Quĩ và Vũ Phạm Khải tâu rằng : “Nay hạn cho ra thú đã hết. Xin lại xuống dụ cho thêm một hạn nữa, nói rõ tên các đầu mục của giặc hãy còn trốn tránh như : Quách Tất Tế, Đinh Thế Đức ở tỉnh Ninh Bình ; Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Văn Thạch ở tỉnh Sơn Tây ; Lê Đình Bột, Đinh Công Trung ở tỉnh Hưng Hoá ; Nông Thạc, Nguyễn Quảng Ký ở tỉnh Tuyên Quang ; Nông Kế Vượng ở tỉnh Lạng Sơn ; tên giặc Chiêu, giặc Cán ở tỉnh Cao Bằng chẳng hạn ; cùng là các tù phạm trốn đi, người nào biết hối lỗi ra thú, thì bất cứ là người hạt ấy hay hạt khác, đều chuẩn cho tùy tiện đến quan địa phương sở tại mà thú tội, để mở rộng cho họ con đường hối tội, đổi mới”.

Vua cho là phải, lại cho thêm hạn ra thú 1 tháng nữa. Rồi sau đầu mục giặc là bọn Đinh Thế Đức, Đinh Thế Tú, Quách Công Trân, Đinh Thế Đặng, Quách Tất Tế, Quách Tất Tử, Bùi Văn Lạn, Đinh Công Phụng, Ngô Văn Vọng và Hoàng Văn Dục lục tục ra thú, đều được tha tội, giao cho dân quản lĩnh, sai đi chiêu dụ và bắt những tên tù phạm trốn tránh để chuộc tội trước. Còn các tên tạp phạm đều tha cho cả.

Phó vệ úy Phan Đình Du giữ đồn canh Trấn Uy, chợt có 3 chiếc thuyền giặc đến cửa biển đồn ấy, mưu cướp Ngọc Vân đem đi, Du không biết gì cả. Quản cơ Hồ Văn Bích, thí sai Phó cơ Nguyễn Văn Tuấn nghe thấy tin ấy, đốc quân đánh giết, dẹp tan cả. Nguyễn Công Nhân bắt được mấy tên thông nhau với giặc, đem giết đi. Vua thưởng cho Nhân quân công kỹ lục 2 thứ ; Bích và Tuấn mỗi người đều 1 thứ. Du phải cách chức.

Thự Bộ chính tỉnh An Giang, Lê Văn Khiêm, có tội phải mất quan. Trước đây, Lãn binh Hà Tiên Nguyễn Văn Thai đánh giải vây ở Vĩnh Thông. Cai đội tỉnh An Giang, Dương Phúc Tứ, mạo nhận là có công để được thưởng, Khiêm kể rõ đầu đuôi tâu về, nhưng lại nói nhập nhằng để bênh vực cho Tứ.

(1) *Ân thẩm* : ban ơn xét xử lại.

Vua ghét Khiêm nói không đúng sự thực, lập tức sai cách chức, đuổi ra quân thứ của Nguyễn Tri Phương để gắng sức làm việc chuộc tội. Bọn Dương Phúc Tú vì mạo nhận, được thưởng những gì, đều phải truy đoạt lại cả. Lại cho nguyên Sơn Tĩnh tuyên phủ sứ Phùng Nghĩa Phương đổi làm Lang trung bộ Lại, thự Bộ chính An Giang.

Thự Thị lang bộ Binh, Trần Bưu, lấy nê có bệnh, xin cáo, bị giáng xuống Lang trung, cho về làng nghỉ dưỡng bệnh.

Đặt đồn Chiêm Khê ở Hà Tiên. Thự Bộ chính là bọn Đinh Văn Huy xin xây đắp đồn Chiêm Khê tại thôn Thuận An ở gần tỉnh lỵ, phái quân đến đóng giữ, để chặn đường thổ phỉ qua lại và để làm thế ỷ giốc với pháo đài Kim Dữ. Vua y cho. Bọn Huy lại tâu : “Hiện nay bọn giặc các nơi đều đã tản vào rừng sâu, cày cấy, xin phái thêm quân ở Trấn Tây đến, nhân khi bọn giặc giải tán, về làm ruộng, ta đem quân tiến sâu vào đánh tận sào huyệt của chúng”. Vua cho là chưa có cơ hội làm được, truyền hãy đợi thông thả.

Miễn việc tuyển duyệt lính về năm ấy cho Thanh, Nghệ và Hà Tĩnh. Việc tuyển duyệt lính ở ba tỉnh này đã từng ba lần triển hoãn. Đến đây, vua cho rằng các tỉnh ấy công việc còn nhiều, mà tỉnh Thanh lại nhiều lần bị tai biến riêng, bèn chuẩn cho tỉnh Thanh được đình chỉ một lần. Còn Nghệ An và Hà Tĩnh thì do tỉnh làm sổ đệ vào Bộ để lưu chiếu.

Định số các viên *sư bảo* ⁽¹⁾, *tán thiện* ⁽²⁾, *bạn đọc* ⁽³⁾, *giảng tập* ⁽⁴⁾ và *chính tự* ⁽⁵⁾ cho các hoàng tử, hoàng đệ (hoàng tử, hoàng đệ có 2 *sư bảo* ; *tán thiện* thì hoàng tử, hoàng đệ đều có 2 viên. Hoàng tử có 4 viên *bạn đọc*, hoàng đệ có 18 viên *giảng tập*, hoàng tử có 1 viên *chính tự*, hoàng đệ có 3 viên *chính tự*).

Cho thự Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lại là Lê Đăng Doanh kiêm lĩnh chức *sư bảo* của hoàng tử, hoàng đệ ; Án sát Biên Hoà là Hồ Văn Nghĩa thự Hàn lâm viện Trực học sĩ sung chức Giáo đạo của hoàng tử, hoàng đệ. Còn các viên *tán thiện*, *bạn đọc*, *chính tự* đều cho viện hàm Hàn lâm.

Khởi phục Thượng thư bộ Lễ đã về hưu trí là Nguyễn Đăng Tuấn sung làm chức *sư bảo* của hoàng tử, hoàng đệ. Vua dụ rằng : “Đế vương ngày xưa, mến yêu con em, tất phải chọn người chính nhân, quân tử để làm thầy dạy dỗ, cốt mong cho đức nghiệp của con em được thành tựu. Nhà nước được trị yên dài lâu, là bởi ở đó.

(1) *Sư bảo* : thầy dạy.

(2) *Tán thiện* : nâng đỡ làm điều tốt.

(3) *Bạn đọc* : làm bạn giúp đỡ về việc đọc sách.

(4) *Giảng tập* : giảng giải học tập.

(5) *Chính tự* : giúp đỡ cho viết chữ được đúng và tốt.

Quốc gia ta, đời đời vun đắp nền nhân hậu, nên con cháu đông nhiều. Nay hoàng tử, hoàng đệ tuổi đã dần lớn, dạy chính đạo từ lúc còn nhỏ, chính là lúc này. Trước đã chuẩn cho thự Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lại là Lê Đăng Doanh kiêm lĩnh chức sự bảo của hoàng tử, hoàng đệ rồi, nhưng vì Đăng Doanh giữ chức trách về cất nhắc quan lại, công việc nặng nề, nếu chuyên uỷ cho việc hằng ngày dạy bảo, thế không thể làm xiết được. Và lại Nguyễn Đăng Tuấn là người thành chính, vốn thông hiểu kinh điển, khi ta còn ở nơi tiếm đế, từng được Hoàng khảo chọn để giảng dạy giúp ta. Những lời nói chính đáng để bảo ban dẫn dụ cho ta, có bổ ích nhiều lắm. Kịp khi các hoàng thân có tước công, tuổi dần trưởng thành, lại nhờ được sửa chữa, tỏ rạng sự mờ tối, dẫn dụ đến điều thiện, có thành hiệu rõ rệt. Rồi vì tuổi già ốm yếu, mấy lần dâng sớ xin về hưu, đã được Tiên đế chuẩn theo lời xin. Nay chức sự bảo ở cung Cần Đông còn thiếu người, lại khởi phục cho [Đăng Tuấn] lấy hàm cũ sung làm chức sự bảo của các hoàng tử, hoàng đệ. Và lại, Đăng Tuấn là bậc già cả, vốn có tiếng tốt, tinh thần còn mạnh, nên hiệp đồng với Lê Đăng Doanh đều lấy đạo làm thầy làm trọng, đem chính ngôn chính đạo mà giúp đỡ, để họ biết kính sợ, có thể giúp đỡ giáo dục của gia đình ta, thế mới là không phụ lòng uỷ nhiệm của ta. Khanh nên cố gắng đến nhận chức, chớ nên từ chối”.

Vua gọi bảo Trương Đăng Quế và Vũ Xuân Cẩn rằng : “Ta đem chức trách sự bảo giao cho Nguyễn Đăng Tuấn và Lê Đăng Doanh, ý các khanh nghĩ thế nào?”. Quế và Cẩn đều thưa : “Hai người ấy, tuổi và đức đều được cả, thật đáng đương nối chức ấy”.

Vua lại vời Lê Đăng Doanh vào, dụ rằng : “Khanh nay kiêm lĩnh chức sự bảo, nên làm thế nào để dạy dỗ, hun đúc cho [các hoàng tử, hoàng đệ] đều được thành tựu cả, để xứng đáng với lòng chu chuân của ta mong cho được thành công. Còn các công việc tầm thường trong Bộ đã có người phó nhị chia giữ rồi, khanh chỉ phải đi lại trông nom thêm, nắm lấy đại cương mà thôi”.

Tỉnh Quảng Ngãi có chùa Viên Tôn là do Thế Tông Hiếu vũ hoàng đế đặt tên cho. Đến đây, sai đổi làm chùa Diệu Giác, rồi làm biển đề chữ ban cho. Còn cái biển đề chữ cũ thì để lại để thờ.

Từ tỉnh Quảng Nam trở vào Nam, bị đại nạn, giá gạo đắt, hoặc phát thóc cho dân vay, hoặc bán thóc cho. Dân gian người nào có đường cát, gỗ, hạt cau, dẫu, mỡ, cấp cho thóc vốn của công để mua trước. Lại cho các nhà giàu người nào bỏ tiền ra phát chẩn thì được khen thưởng. Cứ theo số tiền quỳen nhiều hay ít mà định mức thưởng.

Dôn cơ Thái Nguyên của tỉnh Thái Nguyên làm đội Thái Nguyên.

Đặt thêm 10 đội trong vệ Kim ngô, chọn các bảo trong Cẩm binh, người nào khoẻ mạnh được sung bổ vào. Cho Vệ úy Tả vệ dinh Long võ là Lê Viết Chuyên

đổi làm Vệ úy vệ Kim ngô ; thự Thành thủ úy thành Điện Hải là Tôn Thất Trực thăng Phó vệ úy vệ Kim ngô.

Cho : thự Vệ úy vệ Tả nhị Hữu dục dinh Vũ lâm là Đỗ Đức An đổi làm thự Lãnh binh tỉnh Quảng Trị ; thự Vệ úy Tả vệ dinh Thân cơ là Nguyễn Văn Phương thăng Vệ úy vệ Tả nhị Hữu dục dinh Vũ lâm ; Quản cơ cơ Vĩnh tiền là Tôn Thất Năng làm Phó vệ úy Tả vệ dinh Thân cơ ; Phó vệ úy Tam vệ dinh Kỳ võ là Nguyễn Đức Long làm thự Vệ úy vệ ấy ; thự Phó vệ úy Nhất vệ tiền bảo là Tôn Thất Kinh thăng Phó vệ úy Tả vệ dinh Long võ ; Hiệp quản Hậu vệ dinh Hồ oai là Nguyễn Hữu Huân thăng thự Phó vệ úy Nhất vệ Tiền bảo, Quản cơ cơ Định hữu là Lê Tô được bổ làm Phó vệ úy Hậu vệ dinh Hồ oai ; Phó vệ úy Nhị vệ Hậu bảo là Trần Văn Quân thăng Vệ úy vệ Trung nhị Hữu dục dinh Vũ lâm ; Vệ úy vệ Tuyên võ thuộc dinh Hồ oai là Nguyễn Đức Nhân thăng Vệ úy Nhị vệ Hậu bảo ; Phó vệ úy Hậu vệ dinh Thân cơ là Nguyễn Trí đổi làm Vệ úy vệ Tuyên võ. Cho : Trần Hữu Thiện làm Phó vệ úy vệ Hậu nhị Hữu dục dinh Vũ lâm ; thự Quản cơ cơ Gia tả là Nguyễn Nghị thăng Phó vệ úy vệ Hữu nhất Tả dục dinh Vũ lâm.

Làm 3 chiếc thuyền Lương kha, Ngự đình và Tương đắc.

Tả tham tri bộ Lại là Hoàng Văn Diễn vì già, ốm, xin về hưu. Vua y cho.

Dời 2 đồn bảo Vĩnh Lộc và Sơn Châu đến chỗ giáp giới hai tỉnh Thanh, Nghệ. Năm trước, giặc cướp thường hay ra vào lén lút, nên tỉnh Nghệ đặt bảo Thọ Mai, tỉnh Thanh đặt bảo Mỹ Điền. Đến đây, hai tỉnh họp bàn, xin dời bảo Thọ Mai đến thôn Vĩnh Lộc, đổi làm bảo Vĩnh Lộc, dời bảo Mỹ Điền đến thôn Sơn Châu đổi làm bảo Sơn Châu, để chuẩn bị việc phòng giữ. Vua y cho.

Tha cho bọn Sơn Súc và Sơn Mâu 15 người là thổ biên ở cơ Long nhuệ. Trước đây, phủ Lạc Hoá nổi loạn, bọn Sơn Súc đều tình nguyện để lại vợ con làm tin, xin theo quan quân đi bắt giặc. Án sát Nguyễn Sĩ Đăng trong bụng nghi ngờ, thương lượng với nguyên Bố chính Trần Tuyên giả cách gọi đến để kiểm rồi bắt hết cả biên binh hai cơ chia giao giam giữ. Lại nghe tin giặc đồn hão rằng bọn Súc đã biết quy thuận một cách rõ ràng, nay Sĩ Đăng lại tâu rằng bọn Súc ngầm thông với bọn thổ phỉ. Trong khoảng bắt bóng dè chừng nửa tin, nửa ngờ ấy, có thể rằng yêu thì muốn cho sống, ghét thì muốn cho chết, biết căn cứ vào đâu cho đích xác ?". Vua bèn sai Ngự sử Lê Khắc Nhượng đến nơi, hội đồng với Bố chính Lê Khánh Trinh tra xét không có tình trạng gì rõ ràng cả. Vua truyền tha cho bọn Súc, lại chiếu theo hàm chi lương, cho làm việc ở tỉnh ; còn bọn binh dinh hơn 500 người, lại đưa vào đội ngũ như cũ. Giao Nguyễn Sĩ Đăng cho bộ Lại xét xử nghiêm nhặt khép vào tội đồ. Nhưng Đăng đã chết trước rồi, truy thu lại văn bằng bổ dùng khi trước.

Đồn bố 3 đội Tứ, Ngũ, Lục trở lại vệ Long thuyền ⁽¹⁾. Mỗi đội 50 người, chọn quân Thủy sư người nào sức lực mạnh khoẻ sung bổ vào các đội ấy.

Cho linh Thượng thư bộ Hộ là Hà Duy Phiên sung chức Cơ mật viện đại thần, thự Tham tri bộ Binh là Phan Thanh Giản quyền Chương ấn vụ của viện Đô sát thay Lê Đăng Doanh, vì Đăng Doanh tuổi già, không thể kiêm trông coi viện Đô sát được nữa.

Ban các tập thơ, văn của Tiên đế (tập thơ thứ 6, tập văn thứ 2 và tập thơ “*Thiên cơ dự triệu*”) cho trong Kinh và ngoài các tỉnh. Thưởng chung 1.000 quan tiền cho các viên thuộc coi việc khắc in và cho các thợ làm.

Bọn Tham tán ở quân thứ Lạc Hoá là Nguyễn Tiến Lâm, Phó lãnh binh là Tôn Thất Nghị đánh bọn giặc ở Cần Chông, được đại thắng trận. Quan quân thừa thắng đến đánh thẳng Bắc Trang. Báo tin thắng trận lên vua. Vua mừng, bảo bộ Binh rằng : “Được thắng trận như thế, là nhờ uy vũ rõ rệt, anh linh hiển hách của Hoàng khảo, chứ ta có làm gì được, chỉ mong Hoàng khảo phù hộ cho nơi biên giới được sớm yên tĩnh, để được tỏ thêm đức sáng, nêu rõ công liệt của người trước. Thực là phúc không ngần của nhà nước ta.

Cây hương trầm Tây dương trồng tại sân diện Hoàng Phúc, vườn Thiệu Phương ⁽²⁾ lại nở hoa, mùi thơm ngào ngạt khác thường. Vua sai Nội giám đem ra cho các quan xem và bảo các đại thần rằng : “Thứ hoa này, mùa xuân nở thơm, mùa thu cũng nở thơm, lúc nào cũng tiếp tục có hoa, đúng là nghĩa “Thiệu phương”. Nhớ lại ơn trạch của Tiên đế nhuần thấm đến cỏ cây, vườn hoa còn tươi tốt mãi, mà hồ, núi đã ở kia ⁽³⁾, tháng ngày sao chóng thế ! thấy cảnh thương tâm, xui người cảm khái gọi húng ngâm vịnh”. Vua sai Nội các là Lâm Duy Thiếp tuyên đọc bài thơ của vua làm.

Thanh Hoá và Nghệ An bị gió bão. Ba huyện Hoàng Hoá, Ngọc Sơn, Quỳnh Lưu, nhà cửa và thuyền bè của nhân dân bị đổ và đắm mất nhiều. Hai tỉnh làm sớ tâu lên, vua có vẻ buồn, phán rằng : “Sáu tỉnh ở Nam Kỳ chưa hết việc binh đao, hai huyện ở Quảng Ngãi (Bình Sơn và Mộ Đức) mới đây bị nắng dữ. Nay hai châu Hoan, Ái lại bị nạn bão như thế. Ta một lòng thương dân, không ngày nào là được thư thái. Đêm khuya ngẫm nghĩ, càng thêm lo sợ. Truyền cho tỉnh thần hai tỉnh ấy khám xét những nơi bị nạn bão cho rõ ràng, phân biệt chỗ nào bị thiệt hại nhiều hay ít để chẩn cấp cho.

(1) Vệ này nguyên trước có 6 đội từ Nhất đến Lục. Năm Minh Mệnh thứ 20 [1839], 3 đội Tứ, Ngũ, Lục lại thuộc về Thủy sư, trong vệ Long thuyền chỉ còn 3 đội Nhất, Nhị, Tam thôi. Nay lại bổ thêm 3 đội Tứ, Ngũ, Lục vào vệ Long thuyền.

(2) Thiệu Phương : nói thơm.

(3) Hồ, núi ở Hiếu lăng : cũng có nghĩa là đỉnh hồ ở Kinh Sơn, nơi hoàng đế cưỡi rồng lên trời. Đây ý nói Thiệu Trị nhân cảnh, nhớ cha.

Phủ Thừa Thiên tâu việc thu hoạch lúa mùa, được mười phần phong đăng. Vua phê bảo rằng : “Ở nơi Kinh đô này mọi thứ đều tốt đẹp cả, gốc vững thì nước được yên, thế là điềm lành của buổi thái hoà. Ta sớm tối chăm sóc, sợ hãi, càng cố tu tình. Bọn Kinh doãn các khanh đều nên chăm việc, khuyên dân làm ruộng, để cho năm nay năm khác thường thường được mùa lớn, ta sẽ cùng nhân dân cùng vui mừng.

Vua mỗi khi rỗi việc, đến châu cung Từ Thọ, hỏi thăm sức khoẻ. Thái từ vui vẻ khen ngợi. Dụ bảo vua nên tin dùng người cũ, kính theo pháp chế đời trước, phải nối theo ý chí và noi theo công việc của ông cha cho đáng vị đứng đầu làm vua. Lại ban cho bài “Luận về đạo vua tôi”, dạy bảo rất cặn kẽ. Mỗi khi hầu cơm, vua quỳ xuống dâng dĩa, chính tay múc canh. Thái từ dụ rằng : “Lòng hiếu của hoàng đế, theo đúng như gia pháp của Thánh tổ Nhân hoàng đế, tình và lễ đều đủ cả, già này rất khen ngợi”. Ban cho món ăn quý, vua nâng món ăn ấy lên ngang trán lạy tạ, tự mình đem ra ăn, lại đem chia khắp cho các hoàng thân, các thân công để ơn huệ của Thái từ được rộng khắp.

Vua cho việc biên giới ở Trấn Tây là bởi người Xiêm gây hấn ra, lấy làm giận lắm, bảo Cơ mật viện đại thần Trương Đăng Quế rằng : “Nguyên uỷ nước Xiêm La thế nào, khanh có hiểu rõ không ?”. Quế thưa rằng : “Tôi chỉ nghe được qua loa thôi”. Vua nói : “Xiêm La xưa là nước Xích Thổ, sau chia ra làm hai nước : một nước gọi là Xiêm, một nước gọi là La Hộc. Nước Xiêm, đất xấu, không cày cấy được ; nước La Hộc, đất tốt, bằng phẳng, cấy được nhiều lúa, nước Xiêm thường vẫn trông nhờ vào thóc lúa của La Hộc. Buổi đầu nhà Nguyên, nước La Hộc mạnh, kiêm tính cả nước Xiêm, gọi là nước Xiêm La Hộc. Đến đầu nhà Minh, mới vào dâng cống, vua Minh cho cái ấn gọi là nước Xiêm La. Tên gọi Xiêm La bắt đầu từ đấy. Khi mới lập nước, thì nước Xiêm nhỏ, nước Lạp to, nước Xiêm phải phục tùng nước Lạp. Khoảng năm Vạn Lịch ⁽¹⁾ nước Xiêm ngày một to mạnh, hàng phục được nước Lạp, rồi cai quản các dân Man. Đất của nước Lạp bị nước Xiêm chà đạp đã lâu lắm rồi. Bản triều ta thương nước Lạp bị lúc tai nạn nguy vong, mới bồi đắp cho nước Lạp được còn, nước ta thực là có công tái tạo to lớn cho nước Lạp vậy. Thế mà bọn Lạp man không nghĩ đến chuyện báo ơn, lại bỏ ta mà đi theo với kẻ thù địch, thì ngu quá lắm ! Và lại, như các xứ Bắc Tầm Bôn là đất cũ của nước Lạp, nay nước Xiêm đã chiếm lấy rồi, mà lại còn dỡ ngón láu, muốn thỏa chí hơn nữa, mượn tiếng là lập tên Giun lên để làm cái kế ăn lẫn dần dần, chứ có thực bụng là khôi phục lại cho nước Lạp đâu ! Và lại, tên Giun phản anh, phản nước, sang ở với Xiêm, khoảng năm Minh Mệnh [1820 - 1840], hấn thường gửi thư xin ta đem quân đánh nước Xiêm, hấn xin làm nội công, nhưng triều đình khước đi không nghe. Cứ xem tâm tính

(1) Vạn lịch : Niên hiệu Minh Thần Tông [1573 - 1619].

của hân như vậy cũng không phải thực tâm theo nước Xiêm. Nếu nay các viên quan ở quân thứ sai nhiều người đi thám, nói rõ những ý nghĩ trên này cho người Xiêm và người Lạp vỡ chuyện, để cho bọn bên này bên kia đều tự ngờ vực lẫn nhau, cũng là cái thuật để phản gián họ”.

Trương Đăng Quế tâu rằng : “Tình hình của Xiêm và Lạp, đúng như lời dụ của nhà vua. Xin mật tin cho các đại thần ở quân thứ đều biết”.

Bộ Hộ dâng tập tâu bàn rằng : “Hiện nay ở Nam Kỳ giá bạc cao, phàm những thuế phải nộp bằng bạc, nếu ai muốn nộp bằng tiền, thì mỗi hạng bạc chiết can là 9 quan tiền, đợi sau này bạc được ngang giá một chút, sẽ chiếu lệ thu bằng bạc”. Vua y theo.

Bổ Đặng Văn Thiêm làm Tổng đốc Bình - Phú. Dụ rằng : “Khanh ở bên ngoài đã lâu, biết rõ cách trị dân. Trước đây về Kinh hội bàn, chuẩn cho lấy chức cũ quyền lĩnh công việc bộ Lễ. Nay công việc bộ Lễ đã rồi, mà Tả Kỳ, các tỉnh về đất cũ của Chiêm Thành, nơi rất trọng yếu, không nên bỏ lâu không có quan đại viên ở đó. Khanh nên lại đến đây lần nữa, vì ta cứu chữa nhân dân ở địa phương ấy.

Nhân lại hỏi Thiêm rằng : “Tỉnh Bình Định về thuế tô năm nay đều được tha miễn cho cả, lúa vụ chiêm này cũng hơi được mùa, tại sao lại thiếu ăn như thế ? Trước đây, đã bán thóc hạ giá cho, cũng có người không muốn đong, hay họ cho là giảm giá chỉ được một, hai tiền, không bỏ ích được bao nhiêu chăng ?”. Thiêm thưa rằng : “Hạt ấy số người thì đong đúc mà đất ruộng thì cấy được ít, xưa nay vẫn nhờ vào thóc gạo của Nam Kỳ. Nay Nam Kỳ có việc binh đao, thóc gạo không chuyển vận được thông đồng, cho nên đến nỗi như thế. Đương lúc giáp hạt, cần cấp có gạo ăn, không khác gì lòng mày bị cháy ! Triều đình khoan cho phân nào, dân được ơn nhờ phần ấy, há lại có người nào không muốn đong ? Nhưng vì trong hạt đường đất có chỗ gần, chỗ xa, cho nên lòng muốn của dân không giống nhau. Và lại, chỗ ấy có kho huyện Bình Sơn chứa thóc khá nhiều. Vậy xin cho những nơi nào ở gần tỉnh thì lĩnh ở kho tỉnh, ở gần huyện thì lĩnh ở kho huyện, cho dân được tiện”. Vua y cho, lại gia ơn bán thóc giá hạ lần nữa (nguyên thời giá lúc ấy mỗi một học thóc là 3 quan tiền, lần trước đã giảm xuống 2 tiền, đến lần này lại rút xuống 8 tiền).

Vua lại hỏi rằng : “Sáu tỉnh Nam Kỳ vẫn có tiếng là thóc gạo bừa bãi. Năm nay tha hết tô thuế, mà giá gạo cũng còn đắt, là có gì ?”. Trương Đăng Quế thưa rằng : “N. m Kỳ, cứ hằng năm, từ tháng giêng đến tháng 4, tháng 5, đều ăn nhờ vào gạo của Vĩnh Long và Gia Định ; từ tháng 6 trở về sau, ăn nhờ vào gạo của Lạc Hoá và Ba Xuyên. Nay việc đi bắt giặc chưa xong, dân gian không được hết sức việc cày cấy, cho nên số thóc của dân ăn không được dự dự. Song, giá gạo tuy cao, nhưng vụ mùa sắp gặt đến nơi, dân gian cũng chưa đến nỗi gieo neo lắm”.

Bộ Hình tâu rằng : “Vụ thẩm án mùa thu năm nay, những tù phạm mới được gia ơn xét lại còn đương tại giam, có nên xét lại nữa hay không?”. Vua dụ rằng : “Trùng trị kẻ gian, cấm chấp kẻ cường bạo, dù ở đời thánh nhân cũng phải dùng đến hình phạt mà lòng kính cẩn thương xót lại càng là gốc lớn của việc trị thiên hạ. Ta ban đầu nối ngôi, lúc nào cũng sáng sắc để lòng đến việc thương kẻ bị tội, cẩn thận việc xử án. Phàm những phạm nhân can tội xử tử và giam cấm đã từng do pháp ty kê vào danh sách được gia ơn xét lại, những người chưa được dự vào hạng gia ơn xét lại, cũng được do pháp ty tiếp tục làm danh sách để xét hỏi, đều giao cho đình thần bàn xét lại, ta cũng xem xét lại cẩn thận, kỹ càng, chức lượng người nào hơi có tình tội đáng thương, đáng ngờ đều đã chức lượng cho giảm hoặc tha, người nào tình lý có phần nặng, luật pháp khó lòng khoan thứ được, cũng đã hoãn cho tội phải xử tử. Nay đến kỳ thẩm án mùa thu, nấn lại chiếu lệ đưa lên xét lại, thì tội danh của bọn can phạm không thể tăng giảm được nữa, không khỏi làm cho thêm nhiều giấy tờ mà thôi. Về bọn tù phạm đã được xét rồi hiện cho giam lại (88 tù phạm) số bao nhiêu người, chuẩn cho không phải biên vào sổ xét lại về mùa thu năm nay nữa, hãy lưu lại đợi đến kỳ thu thẩm sang năm sẽ chiếu lệ thi hành”.

Định lệ về danh sách xét án của pháp ty do Nội các tâu lên xin vua phê và chấm son ở đầu, cộng 7 điều :

- (1. Phàm những tội trảm, giảo, quân, nô ⁽¹⁾, được bảo lĩnh để tha, phát phối làm lính, hề thấy vua phê rõ ràng thì cứ theo thể làm phiếu xử tội.
2. Phàm Pháp ty và đình thần đều nghĩ xử lưu giam lại tội trảm, tội giảo, có chữ vua phê hoặc y theo, hoặc lưu lại, hoặc phê lại thế nào, thì cứ theo y lời phê. Lại hoặc có chấm son ở đầu tên mà không có chữ phê, tức là y án nghĩ trước đem giam lại.
3. Phàm Pháp ty nghĩ giảm tội, đình thần nghĩ lưu giam lại, có chấm son ở đầu tên mà không có chữ phê, thì buồm giấy đỏ lên để xin Chỉ vua.
4. Phàm Pháp ty nghĩ lưu giam lại, đình thần nghĩ cho giảm tội, có điểm son ở đầu mà không có chữ phê, cũng buồm giấy đỏ lên để xin Chỉ vua.
5. Phàm không có chữ phê và không có chấm son ở đầu phải lập tức buồm giấy đỏ lên để xin Chỉ vua.
6. Phàm cùng chung một án hoặc 2, 3, 4, 5 tên can phạm, chỉ có 1 chữ phê mà không có chữ “Tịnh” ⁽²⁾ cũng buồm lên để xin Chỉ vua.

(1) Trảm : chém ; Giảo : thắt cổ ; Quân : sung quân làm lính ; Nô : bắt làm nô.

(2) Tịnh : 並 đều, cùng.

7. Phàm Pháp ty nghĩ cho lưu lại, đình thần nghĩ xử ngay, hoặc đình thần nghĩ cho lưu lại, Pháp ty nghĩ xử ngay, có chấm son ở đầu mà không có chữ phê, lập tức buồm lên xin Chỉ vua”.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XI

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất [1841], mùa thu, tháng 8, ngày Giáp Thân, làm công trình Thuận Sơn ⁽¹⁾. Sai Thượng thư bộ Công là Nguyễn Trung Mậu, Thống chế dinh Vũ lâm là Nguyễn Trọng Tính quản đốc công việc.

Ngày Bính Tuất, làm lễ tế Ngũ tuần thứ 9 đã xong. Ngày Đinh Hợi, vua rước Thái hoàng thái hậu đến cáo yết Hiếu lăng. Làm lễ xong, vua khóc bảo các quan rằng : “Hoàng khảo ta đức to, công lớn, nói ra không hết. Cầu, núi ở kia, mà cung gươm đã chôn đi rồi. Thánh tổ mẫu rất là thương tiếc, không lúc nào nguôi. Ta là kẻ tuổi trẻ này nặng tình trĩu mền, xiết bao đau xót ! Hôm nay, làm lễ rót rượu xuống đất xong, mây sâu, mưa thấm, trong lòng cảm xúc rất mực xót thương, dù đến lời thơ “Lục nga” ⁽²⁾, câu nói “phong mộc” ⁽³⁾ cũng không đủ để tỏ tình được. Xin tinh linh Hoàng khảo ở trời soi xét cho. Nhờ ở núi sông phù hộ, trời đất chung đức khí thiêng, cây tùng cây thu trồng ở sơn lăng được tươi tốt, càng ngày càng thêm nhiều vượng khí, thực là phúc tốt của nước nhà càng thịnh càng lâu dài không ngần”.

(1) *Thuận Sơn* : lăng của Thái hoàng thái hậu sau này.

(2) *Lục nga* : một thiên trong *Kinh Thi*, nói nhớ công ơn cha mẹ.

(3) *Phong mộc* : do câu “Mộc dục tĩnh nhi phong bất đình, tử dục dưỡng nhi thân bất tại” (lời Cao Ngư xưa). Ý nói con muốn phụng dưỡng, cha mẹ chẳng còn sống, cũng như cây muốn lặng, gió chẳng đùng.

Hôm ấy, ngự giá trở về, tiện đường, vua ngự vào trang An Ninh, đến nhà thờ của Thiệu Hoá quận vương tên thụy là Cung Lương, rót rượu xuống đất tế một tuần. Vương là con thứ 9 của Thế tổ Cao hoàng đế, và là con út của Nhân tuyên Từ khánh thái hoàng thái hậu. Tính người hiếu kính, hiền hậu, điềm tĩnh, hoà nhã, ham học, vương có lòng nhân từ, vui làm điều thiện. Thánh tổ Nhân hoàng đế làm cho nhà riêng ở chỗ gần lăng Phát Phúc. Nhà vua, khi mới ra Các đọc sách, cùng học với Vương, được Vương quý trọng lắm. Từ khi Vương chết đến nay đã 18 năm rồi, vua tưởng nhớ đến Vương, thân đến đặt rượu cúng. Thiệu Hoá quận công Thiện Khuê là con trưởng của Vương. Con trai của Vương, đáng lẽ thì do Tôn nhân phủ theo hệ thống mà đặt tên. Vua cho là chỗ dòng Phiến vương họ gần, đặt cho tên là Thiệu Giám. Đó là ơn riêng đặc biệt.

Thưởng cho các quan viên theo hầu : Văn từ chủ sự, võ từ suất đội trở lên 500 quan tiền ; lại dịch và binh dinh đều được thưởng có thứ bạc.

Vua hỏi đại thần Trương Đãng Quế rằng : “Sau khi làm lễ tốt khốc, lễ cúng buổi sớm, buổi chiều có thể thôi được không ?”. Quế thưa rằng : “Lễ phải nên hậu, chỉ sợ rằng lâu ngày sinh ra trễ nải, không phải là ý nghĩa rất thành, rất kính”. Vua phán rằng : “Cúng buổi sớm, buổi chiều, là có ý phụng thờ như lúc còn sống. Theo tang lễ năm đầu Minh Mệnh, thì sau khi làm lễ tốt khốc, thôi không cúng buổi sớm buổi chiều nữa. Vì là, cúng lễ nhiều quá sinh nhàm, chi bằng lấy thân đạo mà thờ cúng, thì đối với lễ, ổn thoả hơn”.

Vua dụ bộ Lễ rằng : “Hôm nay, ta được Thánh tổ mẫu Nhân tuyên Từ khánh thái hoàng thái hậu diện dụ rằng : “Nhân hoàng hậu là người đức tốt đáng khen, hiếu thuận, hiền trinh, vốn được Thánh tổ Nhân hoàng đế kính yêu. Nay gần đến ngày rước lên phối hưởng, già này sẽ thân đến tế một tuần”. Vua bèn truyền Chi cho bộ Lễ soạn nghi tiết dâng lên.

Vua lại bảo Phan Bá Đạt rằng : “Việc làm lễ rước thần chủ lên phối hưởng, ta có thể thay mặc lễ phục làm lễ được không ?” Đạt thưa rằng : “Bản triều ta, khoảng năm Gia Long, rước thần chủ Hiếu Khang hoàng hậu lên phối hưởng, có lệ thay mặc lễ phục làm lễ. Còn Trung Quốc thì điển lệ nhà Minh không chép, điển lệ nhà Thanh có chép.

Vua phán rằng : “Lễ rước thần chủ lên phối hưởng là lễ trọng đại, ta phải nên thay mặc lễ phục làm lễ, cho hợp với ý nghĩa của buổi lễ. Khi Thánh tổ mẫu đến làm lễ cũng như thế.

Lại còn đến ngày đại lễ ấy, làm lễ ở điện Vĩnh Tư cũng nên dùng lễ phục, làm lễ ở điện Hiếu Tư thì nên dùng áo tang. Lễ ý tinh vi, không thể không cẩn thận mới được.

Ngày Quý Ty, rước thần chủ Nhân hoàng hậu lên phối hưởng ở điện Hiếu Tư. Trước ngày ấy, Thái hoàng Thái hậu thân đến điện Vĩnh Tư tế một tuần.

Ngày Bính Thân, rước thánh vị hợp cúng ở điện Sùng Ân ⁽¹⁾. Rồi đổi tên điện Vĩnh Tư làm Chí Khánh viên.

Dem việc làm lễ rước thần chủ Nhân hoàng hậu lên phối hưởng đã xong, ban chiếu Chỉ cho trong Kinh và ngoài các tỉnh. Tờ chiếu rằng :

Ta nghĩ : Trời và đất hợp đức với nhau, là đạo thường của trời đất ; đế và hậu cùng được tôn kính, là lễ thường của xưa nay. Cho nên rước lên phối hưởng là điển lễ rất to, mà lòng hiếu tôn sùng để luân thường được hậu. Ta kính nối nghiệp lớn, noi theo đạo hiếu. Ngày tháng 7 năm nay, đại lễ Ninh lăng của Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế, đã làm xong, đã từng bá cáo xa gần để thoả lòng thành của thần, dân tôn kính bề thân. Nhờ được người trước có mưu xa cho con cháu được yên, phải nên nối theo công liệt, nêu tỏ tiếng tốt ; nhớ đến người xưa có đức dày cho muôn vật nhờ sống, phải nên một lòng kính mến, hợp nhất phụng thờ. Bèn tham xét điển lễ, cho hợp với tình văn. Kính nghĩ : Đức hoàng tử, Tá thiên Lệ thánh Đoan chính Cung hoà Đốc khánh Từ huy Minh hiền Thuận đức Nhân hoàng hậu, con nhà dòng vốn có tiếng thơm, người đáng đáp tỏ ra hiền hậu, giúp đỡ cho Hoàng khảo ta gây nền phong hoá, để tiếng hay trong sử sách dài lâu ; mở đường cho nước nhà ta sinh ra vua hiền, làm tốt đẹp cho xã tắc mãi mãi. Đức hay sánh đôi với đức lớn ; công dày cũng ngang với công cao. Hơn 20 năm hiếu đạo kính nuôi, khuôn mẫu cung vi còn đó ; trải muôn nghìn thuở điểm lành bởi đó, phúc lộc rộng lớn càng bền. Mới đây, tham khảo lễ thường, kính dâng tôn hiệu, cốt để phô bày đức tốt, nên tỏ tiếng hay, quý bề thân, kính người tôn, sự báo đáp tỏ ra tốt đẹp ; lên ngôi chính, làm lễ lớn, theo điển lễ, trọng việc tôn sùng. Đã kính dâng bản tâu lên Đức thánh tổ mẫu, Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng Thái hậu biết, đã chọn ngày tốt kính cáo nhà Tông miếu, và kêu khẩn ở ban thờ Tiên đế. Đến ngày 12 tháng này đã rước thần chủ của hoàng tử Nhân hoàng hậu lên phối hưởng ở điện Hiếu Tư. Ngày 15, rước thánh vị thờ chung vào điện Sùng Ân rồi. Việc thờ phụng đã yên nơi, lâu dài sánh cùng trời đất ; cho con cháu được xương thịnh, phúc lộc hưởng mãi muôn năm. Để làm cho đức trạch của Từ cung rộng khắp thấm nhuần ; vậy ban ra ơn huệ cho thần dân mọi bề long hậu. Có 11 điều ban ơn như sau :

(1. Các hoàng tử đã được phong tước, cùng là hoàng thân có tước công, các quốc công, các quận công ; ở Kinh, văn từ tứ phẩm coi việc của Bộ, của Các, võ từ

(1) Điện Sùng Ân : điện thờ Thánh tổ Nhân hoàng đế ở trên núi Hiếu Sơn.

tam phẩm trở lên ; ở các tỉnh ngoài, văn từ án sát, võ từ lãnh binh trở lên, người nào không bị giáng cấp chưa ở dưới tên, đều được thưởng cho gia lên 1 cấp.

2. Ở Kinh, văn từ tứ phẩm, coi việc của Bộ, của Các, võ từ tam phẩm trở lên ; ở các tỉnh ngoài, văn từ án sát, võ từ lãnh binh trở lên, giáng hoặc có viên nào nhậm lỗi về việc công, có chưa ở dưới tên là giáng cấp được lưu nhiệm, đều cho khai phục 1 cấp.

3. Trong Kinh, ngoài các tỉnh, văn từ tam phẩm, võ từ nhị phẩm trở lên, hiện còn bố mẹ, thì do quan địa phương tâu lên rõ ràng, sẽ cho ân thưởng. Các quan viên nào đã chết rồi mà cha mẹ hầy còn, thì quan địa phương theo kỳ hạn đến thăm hỏi.

4. Trong Kinh, ngoài các tỉnh, các quan văn võ, giáng hoặc có ai nhân tội công bị phạt bổng, thì từ cuối tháng 7 năm nay trở về trước đều được khoan tha cho.

5. Ở Kinh, quan văn từ ngũ phẩm trở lên, có con muốn vào Quốc tử giám để học, thì do Bộ chiếu lệ tâu rõ, đợi Chỉ cho bổ làm học sinh ở Quốc tử giám, cấp cho học bổng để học tập.

6. Từ năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) trở về trước, những người nào hiện ở Trấn Tây và phải tội quân, lưu, đồ phát vãng đi làm lính ở các quân thứ, trước đã có Chỉ phải đợi đến xong việc binh nhưng mới xét lại, chuẩn cho thượng ty ở các địa phương kê khai danh sách gửi lên, do Bộ làm bản tâu, sẽ châm chúc giảm tội hoặc tha cho.

7. Các người có tên trong sách Anh danh ra làm lính Giáo dưỡng, người nào ở hàng ngũ lâu năm mà có tài nghệ hơn người, thì do viên cai quản hộ với bộ Binh xét nghiệm, làm danh sách tâu lên, sẽ chúc lượng cho chia bổ đi làm hậu bổ các hạt, để được bổ dùng cả.

8. Ân khoa thi Hương năm nay, trường Thừa Thiên đã cho tăng thêm số lấy đỗ, còn các trường Gia Định, Nghệ An, Hà Nội và Nam Định chưa có ngạch lấy đỗ nhất định, thì do bộ Lễ tra rõ số học trò đi thi Hương là bao nhiêu, sẽ châm chúc định ngạch lấy đỗ.

9. Các cử nhân, tú tài hiện làm hành tẩu trong sáu Bộ, các giám sinh, tôn sinh và các ẩm sinh, đã từng hạch thi với giám sinh từ năm Minh Mệnh thứ 19 [1838] trở về trước, hiện đương theo học ở Quốc tử giám, chuẩn cho bộ Lại và quan ở Quốc tử giám đều làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ giao cho đình thân sát hạch để tuyên bố.

10. Các trực kỳ và các tỉnh có nơi nào giá gạo cao vọt thì do các quan địa phương xét nghiệm cho kỹ, nếu thấy dân trong hạt có tình hình thiếu ăn, thì lập tức tâu lên, sẽ chúc lượng bán thóc cho, hay cho vay.

11. Từ năm Minh Mệnh thứ 21 [1840] trở về trước các thuộc hộ, khách hộ ⁽¹⁾ về các người Minh hương, Thanh nhân ⁽²⁾, Man dân, Thổ dân mà còn thiếu tiền, bạc các ngạch thuế là bao nhiêu, chuẩn cho bộ làm danh sách tâu lên, sẽ chước lượng cho tha hẳn hoặc giảm bớt.

Ôi ! Kính bên thân là hiếu, ta một người kính mến không quên ; cho người khác nhờ ơn, cả trăm họ hưởng phúc lâu mãi. Vậy bá cáo trong ngoài khiến mọi người đều biết.

Thường cho : quan, quân và người làm việc đi theo hầu, ngân tiền, lương bổng và tiền có thứ bạc ; các cung tẩn, nữ quan, lão tỳ ⁽³⁾, thái giám, cung giám của triều trước, 300 quan tiền ; vệ Thủ hộ, ty Điển nghi, 300 quan tiền ; các xã, thôn đưa đón ở dọc đường, 190 quan tiền.

Bùi Công Huyền đóng quân ở Trà Vinh, Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Tri Phương từ khi bại trận ở Xoài Xiêm, nghe tin tên đầu sỏ giặc là Lâm Sâm còn ngấm đóng ở Bãi Sao, bèn tư cho Huyền cùng đi hội tiểu. Huyền cho rằng Sâm tụ họp ở Thu Tu và Lãng Thiết, lại tư cho Tiến Lâm đem quân đến để hợp tiểu : hai bên tranh biện với nhau, không bên nào chịu đem quân đi. Ngự sử Lê Khắc Nhuận và Phan Văn Xưởng, do Kinh phái ra, dâng tâu rằng : “Việc binh cần phải nhanh chóng, không thể chậm trễ được. Nay quan quân hai đạo trù trù như thế, thì khó lòng trong hằng tuần hằng tháng làm xong được việc. Xin chọn trong các đại thần văn võ lấy một người có vị vọng, đến cầm quân thay, để cho việc binh được chóng xong.”

Vua dụ rằng : “Tên đầu sỏ giặc, khi đi khi đến, thực hay hư không dò được đích xác, mà giấy má của nơi quân thứ gửi đi gửi lại, chỉ tranh nhau phải trái, không nghĩ gì đến việc nước cả, cái gọi là đồng lòng cùng giúp nhau cứ như thế ư ? Hèn nhất làm mất cơ hội như thế, dù không tự biết xấu hổ với mặt mũi mình, nhưng lại không sợ phép nước ư ? Bùi Công Huyền nay đã lui về đóng quân ở Trà Vinh, việc đóng giữ đã thừa sức rồi, có thể trích ra 1.000 quân biên binh giao cho Nguyễn Văn Hoàng và Trương Tiến đem đi theo quân thứ của Nguyễn Tiến Lâm để đi bắt giặc. Tiến Lâm và Tri Phương mới bị thua trận một chút, phải nên cố gắng phấn khởi thêm lên, hạn trong 15 ngày phải bắt hay chém cho được tên đầu sỏ giặc, nếu cứ tự cam khiếp sợ lùi bước, cũng chuẩn cho tâu lên nói rõ lý do, sẽ phái người khác đến thay làm việc, chứ đừng đóng đại binh một chỗ, nói hão cho tác trách”.

Sau đó, Tiến Lâm và Tri Phương tiến quân đánh Trà Cú, nghe tin Lâm Sâm đã đem đồ đảng lui về Tiên Giang rồi, ngay hôm ấy, bọn Tiến Lâm đem quân đến

(1) *Thuộc hộ* : dân có tên trong sổ đinh. *Khách hộ* : người tạm trú.

(2) *Minh hương* : ban đầu chỉ những người Trung Quốc đời Minh sang ở nước ta. Về sau, gọi chung các Hoa kiều cư trú ở Việt Nam. *Thanh nhân* : người Trung Quốc đời Thanh sang ở nước ta.

(3) *Lão tỳ* : người hầu gái đã già.

Trà Vinh, cùng với Bùi Công Huyền hội tiểu. Vua phán : “Trước đây tâu rằng tên đầu sỏ giặc còn ở Trà Cú đem đồ đảng chống lại, đã có Chỉ cho bọn Nguyễn Văn Hoàng đi theo để đánh giặc, mà nay bọn Lâm đã vội trở về Tiền Giang, hình như có ý ngại khó, tìm nơi phương tiện. Song, trong việc hành quân, hoặc giả thay hình đổi dạng, khó lòng ở xa đoán phỏng được. Hiện nay ba đạo quân hợp lại với nhau, phải làm thế nào để trả lại cho ta 2 chữ “thành công”, để nhận lấy phần thưởng ưu hậu.

Rồi bọn Lâm cùng với Huyền tiến đánh nơi sông chính Thu Tu, lấy luôn được 3 đồn, giặc phải rút về giữ Sóc Dục. Bấy giờ quân ba đạo đánh khệp lại : 3 ngày 3 trận đánh đều được luôn. Họ bèn cùng nhau làm tập tâu, tranh nhau kể công trạng, mấy ngày không giải quyết xong. Huyền vốn có hiềm khích với Tri Phương (khi trước Tri Phương muốn đem quân đi Ba Xuyên, Huyền không chịu giao quân cho. Tri Phương tham hặc lên, nên Huyền để lòng giận Tri Phương), và thấy Tri Phương lập nhiều chiến công, nên ghét Tri Phương. Nhân việc Tri Phương đánh trống dưng quân lại, Huyền xui Tiến Song tham hặc rằng Tri Phương rút dè không chịu tiến, nhờ Lang trung Trần Hiến Doãn và Chủ sự Nguyễn Văn thảo hộ tờ tâu. Tri Phương biết chuyện lập tức tham hặc rằng Huyền gặp giặc thì nhát sợ ; lại mới rồi, trận đánh được ở Trà Vinh, Công Huyền và Tiến Song đều đến sau, còn nói khéo với Tiến Lâm cùng đứng tên trong tờ tâu, nhận công liêu để lấy thưởng. Lại nói rõ các việc làm bậy của Hiến Doãn dụ dỗ vợ lẽ của người khác, Nguyễn Văn mặc áo đẹp, trái lễ khi có quốc tang. Công Huyền lại có tập tâu riêng nói Tri Phương cậy tài, kiêu ngạo, tiến lui không theo kỷ luật, chỉ thêm đặt công trạng cho mình, đến nỗi để chậm hàng tuần chưa đệ được tập tâu.

Vừa gặp tờ sớ cùng đứng quan hàm ký tên gửi đến, vua cho rằng bọn này bọn kia mỗi đảng nói một phách, bèn quở rằng : “Bọn giặc tụ họp từng đàn từng lũ, diễm nhiên không quan tâm đến, chỉ ngồi rồi tranh nhau công, hiệp hiềm nói xấu lẫn nhau, ta không ngờ bọn họ trong lòng đối xử với nhau đến như thế, thì còn trông mong gì họ diệt giặc, lập công nữa ư?”. Lại sai Lê Khắc Nhuận, Ngự sử phái đi lần trước, đến nơi tra xét, thì tập tâu của Tri Phương cùng với tập tâu của các viên cùng đứng quan hàm ký tên cùng giống nhau, còn tập tâu riêng của Công Huyền lại sai khác nhiều. Vua lại dò ra được việc Công Huyền và Tiến Song nhận công liêu để lấy thưởng và chứng cứ rõ ràng về việc làm bậy của Hiến Doãn và Nguyễn Văn, giận lắm, phán rằng : “Câu nói của Công Huyền vị tất đã là không có cả, chỉ vì hấn xưa nay một màu sợ sệt, mà nay lại che giấu chỗ kém của mình, ghen ghét người khác có công, nói xấu người. Những lời hấn nói phần nhiều bịa đặt, có ý lừa dối. Trước đây việc hấn lui quân về Trà Vinh, hiện đã giao cho bộ Hình bàn tội. Nay chuẩn nghĩ bắt phải cất chức gọi về Kinh để cùng xử án với việc trước. Nguyễn Tiến Song giáng làm đội trưởng, đi theo quân thứ, gắng sức làm việc để

chước tội, khi trước phần thưởng mạo nhận đều truy đoạt lại cả. Trần Hiến Doãn và Nguyễn Văn đều phải cách chức, đóng xiềng lại, giao cho Bộ chính Vĩnh Long là bọn Lê Khánh Trinh xét hỏi trị tội. Nguyễn Tiến Lâm tin lời nói ngọt của Công Huyền cùng đứng quan hàm với Công Huyền trong tờ tâu, truyền Chỉ quả mắng". Về sau, án ấy xét xong, dâng lên, Công Huyền phải giáng làm Lãnh binh tỉnh Quảng Bình ; Hiến Doãn phải tội giảm giam hậu, Văn bị tội lưu, đưa đi Khánh Hoà.

Vua dụ cho hai bộ Lễ và Binh rằng : Điện Hiếu Tư là nơi cúng tế tôn sùng muôn năm, nghi lễ tôn nghiêm, đáng nên đặt ra điển lệ nhất định, để làm quy tắc noi theo mãi mãi. Các viên biên trực hầu và hết thầy công việc nên làm phải tuân theo chương trình của điện Phụng Tiên, tham chước mà họp bàn. Việc trực hầu ở điện Sùng Ân đã đặt ra Thủ hộ sứ, ty Điển nghi và các vệ Thủ hộ, phạm những điều khoản răn cấm, cũng chuẩn cho bàn cãi, rồi làm bản tâu lên. Trước đây có phải đại thần đến túc trực, nay lễ đã xong, cho miễn không phải ở đấy túc trực nữa.

Dụ Thọ Xuân công Miên Định rằng : "Việc dâng cúng buổi sớm buổi chiều ở ban thờ Tiên đế, nay đã thôi rồi, tuế thời chỉ còn có ngày rằm mồng một, nếu có bất thần dâng cúng phẩm vật mới có, thì do Tôn nhân phủ phái hoàng đệ có tước công kính cần làm lễ. Lại phải thay phiên nhau châu hầu cung Từ Thọ mỗi tháng hai lần như trước, không được sơ suất chút nào. Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ có hiếu để mà thôi, thế là gia pháp của Hoàng khảo ta đó, phải kính tuân theo".

Bọn Phan Văn Xưởng và Lê Khắc Nhuận ở quân thứ về. Vua cho gọi vào hỏi việc biên giới : Xưởng tâu rằng : "Bùi Công Huyền nhát sợ quá lắm, duy có Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Tri Phương còn có thể mong thành công được.

Vua lại hỏi : "Tên Yểm từ khi được tha về, tình ý nhân dân Chân Lạp như thế nào ?". Bọn Xưởng tâu rằng : "Chúng tôi nghe thấy Ngọc Vân nói rằng : "Tên Yểm được tha về, dân Chân Lạp cũng vui mừng, nhưng vì tên Giun cậy thế có người Xiêm tiếp viện, đã về nước trước, người Lạp chưa biết theo ai". Vua phán rằng : "Câu nói của đàn bà, lấy gì làm tin chắc".

Nguyễn An Giang Bộ chính Lê Văn Khiêm và Án sát Nguyễn Thế Trị tâu bày các điều về việc xếp đặt binh, dân như sau :

Điều thứ 1 - Ba cơ An biên, lính Thổ trước hiện tại có 138 tên, dù có hay không cũng không đáng kể, xin hãy tạm cho về yên nghiệp, đợi khi nào xong việc binh đao sẽ lại gọi ra đủ số.

Điều thứ 2 - Ba cơ An mạn nguyên thuộc thành Trấn Tây, có Lâm Mục suất đội, trong đội thứ 5, cùng 27 lính, không chịu theo giặc, đem cả vợ con về cùng ở với quan quân. Vạy xin liệu lượng ban thưởng để khuyến khích kẻ khác.

Điều thứ 3 - Thổ dân các thôn ở lẫn với dân Kinh trong huyện hạt An Xuyên, mỗi ngày một điều háo ⁽¹⁾, xin tạm hoãn phần ra lính.

Điều thứ 4 - Thuộc hạt tỉnh từ trạm Giang Phúc đến Trấn Tây có 7 trạm, đến tỉnh Hà Tiên cơ 2 trạm, sự giao thông giữa hai đường ấy cũng hơi khó nhọc. Xin trích ra 3 chiếc thuyền bắt được của giặc, giao họ sửa lại để dùng.

Điều thứ 5 - Các xã thôn liền tiếp với đất giặc, thường vẫn sợ hãi. Xin cho họ được làm khí giới riêng để chuẩn bị việc chống giặc.

Điều thứ 6 - Các quan văn võ phạm tội phải phát giao nơi quân thứ để sai phái làm việc chuộc tội, tặc trung người khoẻ mạnh thì ít, người yếu đuối thì nhiều. Vậy xin làm danh sách chia ra từng hạng, người nào khoẻ mạnh thì lưu lại ở quân thứ, người nào già ốm thì cho về.

Vua dụ rằng : “*Bình ở cơ An biên, xưa nay vẫn một lòng quy thuận, nay đột nhiên cho về, không khỏi có ý cho là phân biệt đối xử, chi bằng cứ lưu lại ở đội ngũ, đã giữ còn tên, mà lại có thể yên lòng họ. Gia ơn cấp thêm cho mỗi tên một quan tiền, một phương gạo. Lại thường thường vỗ về, cho họ biết là người nào trốn tránh làm phản thì phải đánh giết, người nào yên phận giữ phép thì được triều đình thương yêu khen thưởng. Suất đội ở cơ An man là Lâm Mục đã biết rõ lẽ thuận nghịch, chuẩn thường cho hàm chánh đội trưởng, chiếu theo phẩm mà cấp lương ; còn binh lính mỗi người đều được thưởng 3 quan tiền, chọn chỗ cho họ ở yên. Còn như binh khí thì quan hệ không nhỏ, lẽ nào vì có phòng giữ một thời mà thả lỏng cho dân được chế khí giới riêng, sau này giữ sao cho khỏi có tệ khác ? Nghĩ không cho thi hành, còn các điều khác đều y theo”.*

Làm ấn quan phòng bằng bạc cấp cho dinh Long võ. Thủ hộ sứ thì đồ ký bằng đồng, kiểm bằng ngà.

Quy định số ngạch lấy đồ của các trường miền Nam, miền Bắc : Trường Gia Định lấy 16 cử nhân, trường Nghệ An lấy 25 cử nhân, trường Hà Nội lấy 23 cử nhân, trường Nam Định lấy 21 cử nhân. Về sau, số học trò đi thi có nhiều lên, thì do bộ tâu lên, sẽ xét làm. Nếu không hơn kém gì mấy thì cứ theo ngạch ấy làm thành lệ mãi mãi.

(Về trường Gia Định : Quyển thi của tỉnh Gia Định đánh dấu đỏ tươi, số lấy đồ 6 tên ; tỉnh Vĩnh Long đánh dấu xanh, lấy đồ 3 tên ; các tỉnh Định Tường, An Giang, Hà Tiên đều đánh dấu đỏ thẫm, lấy đồ 4 tên ; các tỉnh Biên Hoà, Bình Thuận, Khánh Hoà đều đánh dấu đen, lấy đồ 3 tên.

(1) *Điều háo* : suy tàn giảm sút.

Về trường Nghệ An : Quyển thi của tỉnh Nghệ An đánh dấu đỏ tươi, lấy đỗ 9 tên ; tỉnh Hà Tĩnh đánh dấu đen, lấy đỗ 7 tên ; tỉnh Thanh đánh dấu xanh, lấy đỗ 9 tên.

Về trường thi Hà Nội : Quyển thi của tỉnh Hà Nội đánh dấu đỏ tươi, lấy đỗ 10 tên ; các tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng đều đánh dấu đen, lấy đỗ 8 tên ; các tỉnh Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang đều đánh dấu đỏ thẫm, lấy đỗ 5 tên.

Về trường Nam Định : Quyển thi của tỉnh Nam Định đánh dấu đỏ tươi, lấy đỗ 9 tên ; các tỉnh Hải Dương, Quảng Yên đều đánh dấu đen, lấy đỗ 7 tên ; các tỉnh Hưng Yên, Ninh Bình đều đánh dấu đỏ thẫm, lấy đỗ 5 tên).

Cử thụ Tham tri bộ Hình là Bùi Quý làm Chủ khảo trường Thừa Thiên, biện lý bộ Binh là Trương Tiến Sĩ làm Phó khảo. Trường Thừa Thiên nguyên trước số lấy đỗ định là 38 tên. Vua cho rằng buổi mới trị vì, rộng ban ân điển, bèn truyền cho tăng lên làm 45 tên, để rộng đường lấy người hiền tài. Khoa này lấy đỗ 40 cử nhân (Thân Văn Nhiếp, Phạm Thanh Chân, Phùng Văn Hổ, Đinh Văn Kiên, Nguyễn Ngôn, Văn Thế Hiến, Nguyễn Duy Cẩn, Trương Đăng Trinh, Nguyễn Hàm Nghi, Hồ Danh Dương, Trần Hữu Thụy, Nguyễn Tường Phổ, Phạm Quang Cư, Lê Văn Chấn, Lê Trọng Vận, Nguyễn Duy, Nguyễn Doãn Văn, Trương Minh Đức, Đỗ Đăng Đệ, Phan Văn Trị, Dương Phúc Vịnh, Đặng Văn Thái, Nguyễn Thành Châu, Trần Văn Lập, Nguyễn Hữu Văn, Lê Thiều, Lê Hữu Thường, Ngô Doãn Thái, Nguyễn Hữu Tường, Thái Công Quang, Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Thiên Tuấn, Đặng Văn Tá, Lê Độ Lượng, Hoàng Minh, Nguyễn Khánh, Nguyễn Văn Tĩnh, Trần Văn Kế, Võ Doãn Thanh, Đào Văn Tú). Có hai viên sơ khảo là Cao Bá Quát và Phan Nhạ ngầm lấy muội đèn làm mực chữa văn bài thi của học trò gồm 24 quyển, đỗ được 5 tên. Lại Trương Đăng Trinh là cháu gọi Trương Đăng Quế bằng chú, bác, quyển văn kỳ thứ hai bị Nội trường đánh hỏng, phân khảo là Nguyễn Văn Siêu cho là văn lý có thể lấy được, nói với quan Ngoại trường liệt vào hạng lấy đỗ. Chưa ra bảng, Chủ khảo Bùi Quý cho là chữ của Quát viết tốt, gọi ra Ngoại trường viết bảng. Văn Siêu giữ Quát ở lại ngủ đêm. Đến khi ra bảng, dư luận sĩ phu sôi nổi. Giám sát trường vụ, Hồ Trọng Tuấn, tham hặc là trường pháp không đúng. Việc này giao cho bộ Lễ và viện Đô sát tra xét nghị tội. Bọn Bá Quát thú nhận là sinh bút làm càn, chứ không có ai dặn dò gửi gắm gì cả. Án xử Quát, Nhạ đều phải tội xử tử ; Siêu phải tội phạt trưng, đồ ; chủ khảo và giám khảo thì hoặc phải cách, hoặc phải giáng chức có khác nhau.

Vua phán rằng : “Chọn người tài giỏi là một điển lễ long trọng, bọn Quát lại dám làm trái phép như thế, khép vào tội nặng cũng đáng. Song ta nghĩ : bọn Quát chữa văn đến 24 quyển, tự mình hoặc phe lấy đỗ, hoặc phe bỏ đi, cũng có chỗ câu văn chữa vào lại không bằng câu văn của người làm trước, hoặc giả là do sự khờ dại

mà làm ra, chứ không có tình tiết gì khác, còn có thể khoan tha cho tội xử tử. Vậy đều cho đổi làm giam hậu. Siêu cho Quát ngủ ở phòng của mình, tuy không có tình tiết gì, nhưng phép trường không thể hỗn tạp như thế được, đáng lẽ ra, cứ theo như lời bộ nghĩ mà trị tội, nhưng hãy tạm gia ơn tha cho tội đồ, mà chỉ cách chức, cho gắng sức theo làm việc ở bộ để chuộc tội. Bù Quý và Trương Tiến Sĩ có lỗi vì không biết trông nom mà phát giác ra, đều cho đổi làm cách chức được lưu làm việc. Giám khảo Phan Văn Nhã và Trương Hảo Hợp không biết kiểm xét phát giác ra, đều phải giáng cấp lưu làm việc. Nguyên lấy đồ cử nhân 5 người là bọn Nguyễn Duy Căn, Lê Thiệu, Nguyễn Lập, Hoàng Minh và Nguyễn Khánh quyển thi có hình tích rõ ràng như thế, ta chưa nỡ cầm bút gạch xóa đi". Lại sai thự Thị lang bộ Hình là Ngô Văn Dịch, Chương ấn Cấp sự trung là Lê Chân cho gọi cả 5 tên ấy đến họp ở viện Tả đái lậu, ra đủ đầu bài cả 3 kỳ để thi lại. Khi quyển thi của 5 người ấy được dâng lên, văn đều khá, đáng lấy đồ được cả, lại thường trả lại cho vào hạng cử nhân. Quyển văn của Trương Đăng Trinh tuy có sự quan ngại, nhưng văn khá thông, cũng để vào hạng lấy đồ. Duy có cử nhân thứ 20 là Phan Văn Trị vì bài phú trùng văn, bị đánh hỏng.

Thự Đông các Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn đến trước mặt vua tâu rằng : "Phép trường rất nghiêm, mà bọn Quát lại dám tự tiện làm việc tư túi, ngâm chứa quyển văn, nguyên là bản tâm chỉ cốt lấy đồ có mấy tên, nhân thể làm tràn cả sang các quyển khác, làm cho lờ mờ lẫn lộn để che giấu cái gian của mình. Lập tâm như thế, phải nên xét cho rõ ràng. Các tên ấy, xin đều cách bỏ cử nhân đi, để cho nghiêm quy luật của trường thi".

Vua phán rằng : "Đại học sĩ nói phải lắm. Song ân điển buổi ban đầu, đã cho tăng thêm số lấy đồ, không nỡ khác nghiệt quá lắm. Gia ơn cho bọn học trò, là ý của ta, đặc cách khoan rộng cho họ".

Hoàng thứ trưởng tử là Hồng Bảo có tội, bị tước cả mũ áo. Cấm 3 tháng không được dự châu hầu. Thuộc binh ở phủ của Hồng Bảo có tên Hứa Văn Tài làm mạo bằng trát, cùng với bọn 4 tên còn đồ lẫn lút đến tỉnh Quảng Trị, phao tiếng là đi mua ngựa, rồi ức hiếp cướp lấy của dân. Thự Bớ chính là Đặng Đức Thiệm bắt được cả người và tang vật, đem việc ấy tâu lên. Vua truyền lập tức đem Văn Tài đi rêu rao các phủ đệ, rồi đem ra pháp trường chém đầu để cho mọi người biết ; những kẻ tông phạm đều phải phát phối làm lính. Trưởng sử là Cung Văn Đạt vì tội không biết ngăn cấm trước khi xảy ra việc ấy, phải giáng xuống làm Chủ sự.

Vua dụ Tôn nhân phủ rằng : "Bọn còn đồ mượn thế dọa nạt người, từ trước đến nay thường thường võ ra án ấy. Tiên đế đã có lời dụ là phải nghiêm ngặt trừng trị, cần thiết và rõ ràng biết nhường nào ! Ta mới lên nối ngôi, tuân theo phép nhà, đình ninh xuống dụ nhắc lại để răn dạy đã đến hai, ba lần chứ không phải là ít. Thế mà

nay hãy còn xảy ra án ấy, thực đáng lạ ! Ta một lòng chí công, thi hành pháp luật ngay từ nơi gần trước. Phàm các hoàng thân, họ bên ngoài, đều phải lấy việc đó làm răn, giữ gìn pháp độ cho cẩn thận, cấm tráp các người thuộc hạ nhất định không được dung túng nuôi chứa bọn côn đồ, cũng không nên khinh suất sai phái làm việc gì, để chúng được nhờ thế làm bậy. Một khi vỡ ra án ấy, thì chúng là bọn trộm cướp, sa vào lưới pháp luật, không kể làm chi ; còn các người bị mang tiếng là há chẳng đáng tiếc ? Thế là ta trên theo giáo dục của gia đình, dạy bảo cho các người, không tiếc công nói nhiều. Các người thử nghĩ xem có phải là ta yêu các người mà dạy bảo cho đấy không ? Phải kính cẩn mà theo”.

Lại thường cho Đặng Đức Thiệm kỷ lục một thứ. Tờ dụ ấy, sai đem chép làm 6 bản cấp cho Tôn nhân phủ, nha môn phủ Thừa Thiên và các trực tỉnh là Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, để đều biết là vì dân, trừ bỏ kẻ làm bậy, không sợ gì người có quyền thế, phải nên lấy đó làm gương.

Sai các đại thần bàn rõ về công việc nên làm ở Trấn Tây. Ngoài thành Trấn Tây đều bị bọn giặc ngăn chặn, quan quân chỉ ở trong thành và các đồn chung quanh đóng quân để chống giữ mà thôi. Triều đình thường thúc giục đem quân ra đánh, nhưng cứ cho là gian hiểm quan ngại, kiếm cớ từ chối. Nhiều lần ban chiếu thư xuống nghiêm trách, bọn Trương Minh Giảng chỉ dâng sớ tạ tội mà thôi. Đại thần viện Cơ mật vâng Chỉ vua, viết thư gửi cho các quan ở tỉnh hạt ấy, đại ý nói : “Nay cứ giữ thành hạt có thể giữ được vô sự, hay là đợi tên Yểm trở về, cho nó đi chiêu dụ các thổ dân, trong hai kế ấy, nên làm kế nào ? Hoặc là nay tạm hãy lui quân về giữ tỉnh An Giang, chuyên đi tiêu diệt hai ngả An Giang và Hà Tiên, còn bọn giặc chỗ khác để sau sẽ liệu”.

Đến đây, bọn Phạm Văn Điển, Trương Minh Giảng, Nguyễn Công Trứ, Đoàn Văn Sách, Nguyễn Công Nhân và Cao Hữu Dực dâng tập tâu mật nói : “Trước đây xin tha cho tên Yểm về, tưởng cũng là một cơ hội để cho nó đi chiêu phủ bọn thổ dân. Nhưng từ khi tên Yểm được tha về, không thể tự lập được, cũng chỉ dựa vào ta cả, nếu không dùng đến đại binh thì không bao giờ xong việc, mà biên binh thì khó nhọc đã lâu, số người bị ốm đau mỗi ngày thêm nhiều. Cứ giữ mãi thành không, chỉ tổn hại, chứ không ích gì. Xin rút hết quân về tỉnh An Giang, để cho binh lính được đỡ nhọc, mà dân ở Nam Kỳ cũng được nghỉ ngơi”.

Tập tâu này được giao xuống cho văn võ đại thần họp bàn. Bọn Tạ Quang Cự, Nguyễn Văn Trọng, Nguyễn Tăng Minh, Vũ Xuân Cẩn, Trương Đăng Quế, Lê Đăng Doanh, Hà Duy Phiên, Nguyễn Trung Mậu, Phan Bá Đạt, Doãn Uẩn và Phan Thanh Giản đều nói : “Hiện nay, sang thu, nước lớn, đường đi không thông đồng, nếu dùng binh thì lương vận không tiếp tục được, mà đóng đậy để giữ thì chỉ khó nhọc hã mà không có công trạng gì. Bọn chúng tôi đã tính đi tính lại vài ba lần,

cũng không có kế sách gì hơn nữa. Chi bằng hãy tạm rút quân về An Giang, để cho vững mạnh bờ cõi căn bản của ta. Rồi sau sẽ nhân thời thế mà làm, đợi cơ hội mà hành động là hơn cả. Duy có, trong khi rút quân về, bọn Kinh lược, Tướng quân phải trấn tĩnh, chia quan quân đóng giữ các nơi, chọn đất cho bọn tên Yểm, Ngọc Vân, Ngọc Thu, Ngọc Nguyên cùng là nhân dân người Kinh và người Thổ được ở yên. Còn như các thốt voi nếu không đưa về được thì cho đem mổ thịt để khao quân lính”.

Vua cho rằng từ khi Trấn Tây có việc binh đao đến giờ, sáu tỉnh Nam Kỳ, binh và dân đều nhọc mệt, triều đình cũng khó nhọc tốn phí không biết đâu mà kể, ý đã chán việc binh đao, vả lại sang năm sau có việc tuần du ra Bắc, hãy tạm xếp việc Trấn Tây lại không nghĩ đến, cũng chẳng hại gì, mới dụ rằng : “Sự thế hiện nay buộc phải như thế, chuẩn cho theo lời bàn mà làm. Các viên từ Kinh lược, Tướng quân cho đến Tán lý và Hiệp lý không làm được công trạng gì, đều giao cho bộ Hình nghiêm ngặt nghị tội từng viên có khác nhau”.

Lại dụ cho tất cả các đại thần ở trong sáu tỉnh Nam Kỳ rằng : “Triều đình làm việc này là có ý muốn cho dân được nghỉ ngơi, vì ta không nỡ lấy đất đai là vật không đáng quý mà làm khổ dân là thứ đáng quý, chứ không phải có kém gì đâu. Phải nên thể theo đức ý của ta, hết lòng vỗ yên : thôn dân người nào lưu tán thì gọi về mà phủ dụ, đồng ruộng chỗ nào bỏ hoang thì khai khẩn, nhân dân người nào đói thì cứu tế cho, người nào túng thiếu thì tư giúp cho, cấm ngăn trộm cướp, hoà hợp nhân dân. Bên trong đã yên thì kẻ đối địch bên ngoài có thể không phải cần đến binh lực mà họ tự phải phục”.

Làm mới cầu Bắc Tế (ở phía tây nhà kho trong Kinh).

Cho dân đói Hải Dương vay thóc.

Ban quế Thanh cho các hoàng tử, hoàng thân và đình thần có thứ bạc.

Đặt tên cho con ngựa của vua cưới từ khi còn ở tiềm đế ⁽¹⁾ gọi là “Tuần Lương tuấn”.

Thái bảo Trương Đăng Quế dâng con ngựa hay. Vua đặt tên cho con ngựa ấy là Hiến Lương thông, cho sung vào hạng ngựa ở trong tâu ngựa của vua.

Phái viên Đào Trí Phú ở Giang Lưu Ba về, lại cho làm Tả tham tri bộ Hộ, tuyền biện là Tôn Thất Thường được thăng làm thự Chủ sự.

Đặt ba đội Tuần hải ở Quảng Yên.

Miễn cho các đại thần trực hầu ban đêm. Vua cho rằng bọn Tạ Quang Cự, Nguyễn Văn Trọng, Nguyễn Tăng Minh, Trương Đăng Quế, Vũ Xuân Cán và

(1) Chỗ ở trước khi làm vua.

Lê Đăng Doanh đều là bạc kỳ cựu đại thần, miễn cho không phải cắt phiên nhau trực hầu ban đêm nữa.

Làm con dấu cấp cho người khám giữ ở cửa thành Gia Định (từ trước bỏ sót không làm để cấp phát, đến đây mới cấp cho).

Tháng 9, quan quân ở Trấn Tây rút về đóng giữ ở tỉnh An Giang. Ngày hôm ấy, Trương Minh Giảng chết. Trước đây, công việc sửa sang ở Trấn Tây, công của Minh Giảng nhiều hơn cả. Đến đây, rút quân về, trong lòng uất ức, vừa xấu hổ vừa tức bực, cáo ốm không tiếp các tướng hiệu, về đến An Giang thì chết. Bọn Phạm Văn Điển và Nguyễn Công Trứ đem việc Giảng ốm chết tâu lên.

Vua nghe tin Giảng chết, phán rằng : “Giảng đảm đương sự ký thác nặng nề, chỉ vì việc trị dân và chống giặc không đúng phương pháp, cho nên thổ dân cùng nổi lên làm loạn, để triều đình phải bận đến việc phái quân đi tiêu diệt, đã lâu ngày mà chưa xong việc. Đã giao cho bộ nghiêm ngặt nghị tội. Không ngờ đại binh vừa mới về đến nơi, đã ốm chết rồi. Ta nghĩ : Giảng năm trước đây, làm Tham tán quân vụ, khiến giặc ở Biên Hoà và Vĩnh Long sợ mất vía, lại đánh được quân Xiêm ở Thuận Cảng. Công trạng rõ rệt, khắc vào bia đá cũng không thể mất được. Chuẩn cho truy đoạt lại chức Trấn Tây Tướng quân, để cho rõ tội, nhưng gia ơn cho chiếu theo phẩm hàm Đại học sĩ mà cấp cho tiền tuất ; lại thưởng cho 5 cây gấm Trung Quốc, 5 cây sa các màu, 20 tấm lụa, 30 tấm vải và 1 000 quan tiền, tha cho không phải truy nghị tội nữa. Lại thu lại lương bổng hàm thất phẩm chi cho con trai là Trương Minh Thi khi trước.

Cho bọn Phạm Văn Điển, Nguyễn Công Trứ, Đoàn Văn Sách, Nguyễn Công Nhân và Cao Hữu Dực được giữ nguyên hàm quản lĩnh quan quân đóng giữ ở An Giang, hiệp đồng với nhau bàn công việc làm. Còn các chức hàm về kinh lược, tham tán, tán lý, đề đốc và hiệp tán ở Trấn Tây của các viên này đều phải cách và thu lại cả ; những ấn triện quan phòng, cờ bài, cờ rồng và ấn quan phòng hai đạo binh lương đều đem về bộ nộp lại. Các viên dịch trong ty An biên khi trước, thì chia bỏ vào những chân khuyết thông phán và kinh lịch ở sáu tỉnh Nam Kỳ ; còn số thừa thì rút về Kinh có khuyết đâu sẽ bổ”.

Bố chính tỉnh An Giang là Phùng Nghĩa Phương ốm, cho Cao Hữu Dực quyền lĩnh ấn triện Phiên ty ⁽¹⁾. Quan quân đã về tỉnh An Giang, bọn Phạm Văn Điển phân phái các biên binh đi phòng giữ những nơi hiểm yếu lợi hại. Trước tiên sai Đoàn Văn Sách và Nguyễn Công Nhân trích lấy 3.000 quân đi đến phủ Lạc Hoá để hội tiêu. Cho bọn quận chúa là Ngọc Vân đến ở tại thôn Chu Phú, phái người coi giữ.

(1) Phiên ty : tức là Bố chính, cũng như Niết ty là Ấn sát

Định tội các tướng hiệu ở Trấn Tây. Bộ Hình đệ án tâu lên, khép Cao Hữu Dục, Phạm Văn Điển và Nguyễn Công Trứ vào tội trăm giam hậu, từ Lê Văn Đức và Nguyễn Tiến Lâm trở xuống cứ theo thứ tự, giảm tội dần.

Vua cho rằng trong buổi đi đánh dẹp, còn mong họ lập công báo đáp về sau, bèn giáng Hữu Dục làm Tư vụ bộ Hình, quyền lĩnh Án sát tỉnh An Giang ; Phạm Văn Điển thì cách chức hàm Tả quân Chuông phủ, giáng làm Chuông vệ, nhưng cho cách lưu ⁽¹⁾ quyền lĩnh Tổng đốc An - Hà ⁽²⁾ vẫn được giữ tước hầu ; Nguyễn Công Trứ thì cách chức hàm thự Tả đô ngự sử kiêm Tham tri bộ Binh, giáng làm Lang trung bộ Binh, nhưng cho cách lưu, quyền lĩnh Tuân phủ An Giang ; Đinh Văn Huy giáng làm Viên ngoại lang bộ Hình, lĩnh Án sát Hà Tiên ; nguyên Tuyên phủ sứ Hải Đông là Trần Văn Thông giáng làm Lang trung bộ Binh, lĩnh Bố chính Hà Tiên ; Lê Văn Đức và Nguyễn Tiến Lâm không phải chuyên làm việc ở Trấn Tây từ trước đến sau, đều phải giáng 3 cấp, được lưu nhiệm ; nguyên sung chức Bang biện là Doãn Uẩn mới làm việc ở Trấn Tây có ít ngày, được tha không bàn tội ; Nguyễn Công Nhân và Đoàn Văn Sách đều phải giáng 2 cấp, được lưu nhiệm.

Vua dụ rằng : “Công việc ở hạt Trấn Tây xếp đặt đã lâu năm, ta lúc mới nối ngôi, không biết lo xa thấy trước cho nơi biên cảnh được yên. Tuy là tội của các biên thần không làm được công trạng gì, nhưng về phần ta cũng đáng nên hậm hùi. Chỉ vì sự thế ngày nay, phải đành làm hạ sách ấy, để đến sau sẽ liệu cách khác làm cho dân ta được yên. Chịu chung tiếng chê trách với các biên thần, để cho thiên hạ đều biết cái lỗi của ta. Nay vua tôi đều phải nên cố gắng gia sức, mưu tính công việc về sau cho được tốt, chớ lấy việc bị giáng tước ấy mà nản lòng. Ngày báo đáp cho nước còn dài, đều phải nên cố gắng”.

Lại sai Phạm Văn Điển và Nguyễn Công Trứ đến ngay quân thứ phủ Lạc Hoá hội đồng chia đi tiểu dư đảng giặc.

Quyền lĩnh Bố chính tỉnh An Giang là Cao Hữu Dục phái người đi dò xét tình hình của giặc, rồi tâu rằng : “Bọn thổ phỉ từ trước đến nay phần nhiều khổ về không đủ muối và cau. Hiện nay bọn Xiêm Man chia nhau đóng đồn ở Tượng Sơn, Sâm Sơn ; quân của tên Giun và Chất Tri có 10.000 người đóng ở Vĩnh Long, quân của Xiêm có 10.000 người đóng ở Khai Biên ; quân người Trung Quốc và người Thổ của phi mục là Trần Lâm ước 5.000 người đóng ở Sóc Trăn, Trà Tâm, Mã Tộc, Chông Sách, đặt đồn để chống giữ”.

Vua dụ rằng : “Tình hình đói khổ của bọn thổ phỉ cũng có thể biết được đại khái rồi. Quân Xiêm đóng đồn ở đấy đến gần 25.000 người thì lấy lương vào đâu ?

(1) Cách lưu : bị cách chức nhưng được lưu lại làm việc.

(2) An Giang và Hà Tiên.

Lẽ nào tụ họp lẫn lút rất nhiều người mà lại không hề đến quấy nhiễu một lần nào ư ? Câu nói phần nhiều là đồn đại hão, không thể tin chắc được. Duy có những nơi giáp giới nào quan yếu, cũng nên phái người đến thăm dò cho kỹ, để biết rõ tình hình hư thực của giặc mới được”.

Án sát Nguyễn Thế Trị lại tâu rằng : “Các cơ An biên và An man thuộc trong tỉnh hạt, mà những thân thuộc của thổ binh, thổ dân và thổ mục nhiều đến hơn 1.000 người, sợ rằng bọn họ ngoài mặt thì phục tùng, mà trong bụng lại khác chăng. Xin phái đại viên đem biên binh đến chia đóng ở các đồn phủ Chu Giang, Tân Châu và An Lạc”.

Vua cho câu nói của Thế Trị phần nhiều là hoảng hốt nhất sợ, quả rằng : “Bọn chúng ở đấy tức như là con vượn trong cũi, con chim trong lồng, còn dám nghĩ đến chuyện khác, hà tất phải lo ngại quá thế ? Hướng chỉ các đồn Chu Giang đã phái binh đến đóng giữ rồi, người còn chưa biết ư ! Truyền giáng 1 cấp để làm răn cho những kẻ hèn nhất”.

Đổi bổ Nguyễn Tri Phương làm Tuần phủ Vĩnh Long, hộ lý án quan phòng của Tổng đốc Long - Tường, nhưng hiệp với quan quân các đạo đi đánh dẹp ; nguyên Án sát An Giang là Nguyễn Thế Trị đổi bổ làm Án sát Vĩnh Long ; nguyên Án sát Hà Tiên là Hoàng Mẫn Đạt vì kiến thức tầm thường, làm việc hoảng hốt lầm lẫn, chuẩn cho gọi về Kinh, do bộ giáng cấp bổ chức khác. Rồi về tỉnh Hà Tiên có biến động, lại cho lưu lại tỉnh ấy, tùy việc sai phái.

Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Tri Phương đem quân đến Hậu Giang tiến đánh các sóc ở sông chính Bông Bọt, đánh được quân giặc, lấy luôn được 5 đồn sở, bọn người Kinh, người nhà Thanh đến đầu hàng ở quân thứ 88 người ; lại sai người đi chiêu dụ bọn thổ dân, các đàn ông đàn bà người nào ra thú đều cấp cho gạo công và tha cho về. Rồi lại đem quân đến đánh sóc Trà Điều, bọn giặc thua chạy, ta bắt được 25 Thanh phi và 1 thổ phi, đều đem chém cả, thu được thóc gạo tích trữ của giặc đem cấp phát cho dân nghèo.

Vua khen rằng : “Vừa dẹp giặc, vừa vỗ dân, làm một lần mà được cả hai việc”. Thường cho Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Tri Phương mỗi người 1 cái nhẫn vàng khảm thủy tinh ; Tôn Thất Nghị 1 cái nhẫn vàng có mặt bằng hạt đỏ ; dưới tên trong sổ khi trước có chua là phải giáng thì nay cho khai phục lại 2 cấp. Còn những người nào dự có công trạng đều được thăng bổ và thưởng cho có thứ bậc.

Vua lại dụ rằng : “Bất sống bọn giặc được 26 tên mà thổ phi chỉ có 1 đứa, còn thì đều là người nhà Thanh cả, không khỏi có mối ngờ. Và lại, trong khi ra trận, tất phải nghiêm sức cho các biên binh phải phân biệt dân với giặc, nếu bọn giặc có kẻ nào cầm khí giới chống lại quan quân, đương trường bắt chém được, mới có thể kể

là công trạng, dùng để cho họ giết người bậy, nhận công liều, đem cả những người ốm yếu già lão, trẻ con và dân chúng lương thiện đi tránh nạn, giết phứa cả để lấy thưởng, thành ra lại mắc vào tội. Cái gương của Dương Văn Phong khi trước không xa gì. Còn những thứ tích trữ của giặc mà mình lấy được, cũng nên kiểm điểm để cấp lương cho quân, còn số thừa thì đem chia cấp cho dân nghèo, nhất thiết không nên để cho bọn mưu lợi được lấy của công làm việc riêng, tự tiện đem bán đi”.

Tiết Trùng cửu, vua cáo yết điện Hiếu Tư, làm bài thơ về tiết Trùng cửu (chép rõ trong tập thơ của vua làm) đưa cho các Đại học sĩ Trương Đăng Quế và Vũ Xuân Cẩn, bảo rằng : Tiết Trùng cửu lên núi cao, bắt đầu từ năm Mậu Tuất [1838] triều Minh Mệnh. Đương khi nước nhà nhàn rỗi, trong ngoài yên tĩnh, Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta có đặc Chỉ sai sửa dọn núi Ngự Bình, sắp bày xa giá, lên chơi núi ấy, ta đi theo kiệu, hầu quanh bên cạnh. Dâng giấy bút để Hoàng khảo làm thơ, rồi sai ta hoạ vắn, được Hoàng khảo gia ơn, thân rót rượu ban cho. Lại thưởng cho tất cả hoàng thân và đình thần : nào kim tiền, nào bánh khô, táo, bùa bằng gỗ đào và túi đựng quả thù du ⁽¹⁾. Khi Hoàng khảo ở núi xuống, các thần dân thay lời của núi chúc mừng. Từ đấy cứ làm như thế, cho là một tiết để thưởng ngoạn thắng cảnh. Nếu có khi gặp mưa hay nước to, cũng truyền cho các quan lên núi ấy chơi, ban yến và thưởng cho rất hậu. Nghĩ lại ngày xưa, phong vận vẫn như thế mà tháng ngày thấm thoát đã thành ra giấc mộng, dù có muốn theo kiệu hầu vui, dâng chén chúc thọ, cũng không thể được nữa. Ngày hôm nay, ta thân đến cáo yết ban thờ Tiên đế, xiết bao cảm thương, tình trong lòng phát ra câu thơ, để gọi là ngụ ý của mình mà thôi, chứ thơ thì có làm gì !”.

Làm phả hệ của nhà vua. Sai Thái bảo Trương Đăng Quế sung chức Tổng tài, Tham tri Tôn Thất Bạch làm phó. Dụ rằng : “Làm ra Ngọc điệp là để tôn trọng hệ thống về dòng làm vua. Đầu triều Gia Long, bộ Lễ là bọn Đặng Đức Siêu làm phả hệ của hoàng triều ta, gọi là “Thiên nam thế hệ”. Đầu triều Minh Mệnh, lại sai làm gọi là “Hoàng triều ngọc phả”. Từ năm thứ 5 [1824] trở về sau, mới gọi là “Ngọc điệp”. Máy lần kính cẩn sửa làm, điển lễ rất là to lớn. Theo như lệ cũ, người giữ việc sửa làm, người giữ việc viết ra, lệ dùng 4 người thuộc viên trong Nội các. Lần này chuẩn phái 2 người trong Các, lại chọn lấy thuộc viên ở 2 viện Cơ mật và Hàn lâm, người nào cần hậu, mỗi viện lấy 1 người sung làm. Lại sai Lang trung Tôn Thất Phan làm phả hệ của các người tông nhân.

Tha quan thuế về năm ấy cho Nam Kỳ. Vua dụ rằng : “Nơi quan ải có thuế, là cốt để trọng nghề gốc mà ức chế nghề ngọn. Các hạt ở Nam Kỳ, đường thủy nhiều ngả,

(1) Túi đựng quả thù du : Ngày Hoàn Cảnh ở Nhữ Nam theo học Phí Trường Phòng lâu năm, Trường Phòng bảo Cảnh rằng đến ngày mồng 9 tháng 9, nhà người có tai biến, phải về ngay báo người nhà làm cái túi đồ đựng quả thù du đeo vào cánh tay, lên núi uống rượu hoa cúc, thì khỏi tai họa. Cảnh làm theo như thế, đến tối về nhà, thấy gà chó đều chết. Phòng bảo thế là gà chó chết thay cho người.

người buôn bán họp đông, cho nên định ra thuế cửa ải và bến đò để cho cùng một loại với các hạt khác, còn về tiền thuế cũng không vì đó mà làm cho thừa hay thiếu dùng. Nhưng từ mùa thu năm ngoái đến giờ, vì Trấn Tây có việc binh đao, các tỉnh gạo kém, dân gian không khỏi có sự di lại đổi chác. Chuyên chở thóc gạo tuy không ở trong lệ phải đánh thuế, nhưng vì đi lại đường sông, đến đâu cũng có cửa tuần xét hỏi, sợ rằng những người đi buôn trôi chân không được, cũng có sự bất tiện. Vậy chuẩn định các quan ải thuộc hạt cả tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Trấn Tây, từ tháng 9 đến cuối tháng 12 năm nay cho đình chỉ không thu thuế nữa, để cho dân ta được hưởng lợi.

Đổi lại tên biển treo trước lầu ở Thường Mậu viên ⁽¹⁾. Dụ rằng : Năm trước Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, sai mở một vườn ở Kinh thành làm hiên và lầu ở vườn cấm, đào hồ, đắp núi, chung quanh trồng các loài cây quý, các thứ hoa thơm, đặt tên là “Thường Mậu viên”, lấy nghĩa rằng hoa thường thơm mà cây thường xanh tốt. Ban cho ta để khi cháu hầu thăm hỏi đã rồi việc lấy chỗ ấy làm nơi nuôi dưỡng tính tình, bàn luận kinh sử. Lại được Hoàng khảo dạy bảo cho biết là : “Hằng ngày phải nghĩ đến việc hiếu hữu làm đầu”. Ta chấp tay lên ngang trán, vâng theo lời dạy ấy, thường vẫn ghi tạc trong lòng ; lại đem khắc làm hoành biển treo ở trong nhà, để nghĩ việc sửa mình, sao cho cư xử đúng theo như lời dạy của Tiên đế. Khi trước, ơn Hoàng khảo cho ta Thường Thanh viên ⁽²⁾, thường được Hoàng khảo đến chơi, xem thấy những bài thơ ta hoạ vắn, khen là biết lấy sách vở làm vui, có tình thân yêu anh em, thưởng cho bài thơ để làm lời dạy rõ rệt về sau. Cho nên làm ra Thường Mậu viên này, chỉ mong những khi nhàn rỗi, được đón Hoàng khảo ngự chơi, để hầu mặt vui cười, mong được sớm khuya há dạ, áo ban nhảy múa, kính dâng chén ngọc chúc mừng. Chịu ơn không hết, hầu mặt còn lâu, được Hoàng khảo thương yêu ôn tồn, quý mến đặc biệt, thực khó mà nói cho hết. Vì thế mới đặt tên lầu ấy là “Thừa Hoan lầu”, cốt để ghi nhớ là còn được hầu mặt vui vẻ dài lâu. Ngờ đâu, mùa đông năm ngoái mới làm xong lầu ấy, bỗng gặp đại cố ⁽³⁾, rất là thương xót, không được như lòng muốn ! Nay nhân khi đi qua Thường Mậu viên, trông thấy chữ biển đề của lầu ấy, lòng đau dạ xót, xiết bao cảm thương. Than ôi ! Lời dạy hiếu hữu, gia pháp để mãi dài lâu, mà tình hầu vui, không được như lòng sở nguyện ! Ôn của Hoàng khảo khôn cùng, thực là trong đạo vua tôi cha con từ xưa đến nay chưa có ai như Hoàng khảo ta giàu lòng thương yêu, nghiêm mà lại khoan dung, dạy bảo ta chu đáo đến như thế. Ta phải nên bảo cho con cháu đến trăm đời của ta, hằng ngày phải nghĩ đến đạo hiếu hữu, để cùng đội ơn từ ái của Hoàng khảo.

(1) *Thường Mậu viên* : ở phường Thừa Đức, Kinh thành, làm từ năm Minh Mệnh thứ 21 [1840].

(2) *Thường Thanh viên* : ở phường Phong Doanh, Kinh thành, làm từ năm Minh Mệnh thứ 17 [1836].

(3) *Đại cố* : biến cố khác thường. Đây chỉ Minh Mệnh chết.

Chuẩn đổi tên lâu ấy là “Kỷ Ân lâu” để lưu truyền ơn trạch của Hoàng khảo mãi mãi không cùng và để ghi nhớ việc tốt đẹp của triều thịnh trị. Chuẩn cho các quan có trách nhiệm đem tờ dụ này khắc vào bia đá, dựng ở vườn ấy, để tỏ rõ công việc. Lại sao chép phát cho Tôn nhân phủ và nơi nhà học của hoàng tử, hoàng đệ để đều biết việc hằng ngày nghĩ đến đạo hiếu hữu là cơ bản của việc sửa mình, sửa nhà, trị nước, bình thiên hạ, càng cố gắng rèn tập, để thừa hưởng ơn trạch mãi mãi”.

Vua thường rước Thái hoàng Thái hậu tới ngự lên lâu, xa trông ruộng tịch điền của nhà vua. Thái hoàng thái hậu dụ rằng : “Thánh tổ Nhân hoàng đế yêu dấu hoàng đế, già đây vẫn biết từ lâu rồi. Năm trước, Nhân hoàng đế làm ra cái vườn này, vì sợ rằng phú quý sinh ra kiêu ngạo xa xỉ, không biết yêu dân, thương người làm ruộng, cho nên làm cho hoàng đế cái nhà riêng trước nơi ruộng tịch điền của nhà vua, để cho hoàng đế biết việc cấy gặt là khó nhọc, hoàng đế phải nghĩ tiết kiệm, chớ nên tự mình phao phí các thứ ngọc thực, vui riêng cửa nhà vườn tược. Như thế không phải là ý của Tiên đế”. Vua vâng theo lời dạy.

Thượng thư bộ Công là Nguyễn Trung Mậu dâng thư dán kín tâu bày 6 điều như sau :

1. Các hạt từ tỉnh Quảng Trị trở ra Bắc, đã bắt sửa đắp đường sá mặt rộng đến 4-5 trượng từ trước rồi. Nghĩ xin : sắc cho các địa phương xem xét các đường thủy, lục chỗ nào nên nạo vét tu bổ, đều đợi đến hạ tuần tháng 10 bắt dân sửa đắp, đều phải rộng 3 trượng làm mức.

2. Dân gian tụ họp nhau uống rượu, đánh bạc, trước đã có lệ cấm. Chỉ vì lâu ngày coi thường, theo nhau thành thói quen. Nghĩ xin : phạm dân gian có việc cúng tế, tiết lễ và việc vui mừng, ma chay, giỗ chạp, cho được lấy rượu làm lễ, xong việc, thì thôi. Còn không có công việc gì mà họp nhau uống rượu đều cấm hết.

3. Từ trước đến nay, bọn trộm cướp lén lút phát ra đều do ở các người đầu mục những nơi ấy dung túng ẩn giấu cho chúng, hoặc là tuần phòng không được nghiêm nhặt. Nghĩ xin : đặt người khản thủ, lập ra vòm canh, tuần phòng túc trực ở đấy, để phòng giữ những kẻ gian phi.

4. Từ trước đến nay, việc thưa kiện của dân gian phân nhiều để dây dưa mấy năm mấy tháng, không xét xử xong ! Dân gian phải nghỉ bỏ nghề nghiệp sinh nhai đều bởi ở đó. Nghĩ xin : thông dụ cho các nha môn xét kiện, phạm những việc tạp tụng, hãy tạm không nhận đơn xét hỏi ; các án đã khám trước, nếu việc nào tầm thường, cũng cho đình hoãn việc xét hỏi. Các nhân chứng hiện đương giam giữ, đều xin tha cho về yên nghiệp.

5. Khoảng năm Minh Mệnh, ở các hạt thiếu ăn, hễ nhà giàu nào bỏ tiền ra giúp cho những người túng thiếu, đều được ban thưởng. Hiện nay, từ tỉnh Quảng Nam

trở vào Nam, dân các hạt chi dùng có phần thiếu thốn. Nghĩ xin : lại ban xuống Chi dụ rõ ràng, để khuyến khích các nhà giàu.

6. Dân gian vay mượn, cốt để lưu thông [đồng tiền đầu thóc] giữa người có và người không, đỡ khi hoãn cấp. Nhưng mà những kẻ cho vay nợ phần nhiều nhân lúc người ta nguy cấp, lấy lãi gấp đôi. Nghĩ xin : sắc cho các quan địa phương hiểu thị cho các nhà giàu trong hạt, phạm thấy những người cùng túng thì phải thương yêu chu cấp, những số nợ đã cho vay trước, bất luận mới hay đã lâu, hãy tạm đình hoãn, để cho người nghèo túng được nhờ.

Vua cho rằng các lời điều trần ấy có điều được, có điều hỏng, truyền cho chọn lấy một vài việc để thi hành. Cũng thưởng cho 3 tấm sa, 1 súc lụa.

Tên đầu mục giặc là Dương Đình Loan bị giết. Loan trước đây nhận chức hiệu của giặc, đánh phá huyện nha Phú Lương, cướp ấn của huyện, phá ngục thả tù, lẩn trốn đã lâu ngày. Đến đây, lẩn về Định Châu. Viên bộ biên ở Thái Nguyên là Nguyễn Đăng Dương đốc suất quân và dân đem nỏ đến mai phục bắn chết được tên Loan, lấy được ấn tín, súng, gươm và áo trận các hạng của giặc. Việc đến tai vua, Dương được thưởng bổ làm Cai đội, quân và dân được thưởng chung 100 quan tiền, người chính tay bắn chết tên Loan được thưởng 9 đồng ngân tiền hạng lớn.

Rồi đó, các tên đầu mục giặc là Nguyễn Văn Thành và Bùi Văn Thát cũng bị bọn bộ biên ở tỉnh Sơn Tây vây bắt được. Vua truyền đem giết đi cả, mà thưởng cho những người đi bắt và người cáo giác.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, Thiệu Trị năm thứ nhất [1841], mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, làm lễ Đông hưởng. Sai các hoàng tử, hoàng thân chia đi các miếu, làm lễ thay.

Chuẩn định các thần hiệu ở các địa phương. Những thần hiệu khi trước dùng những chữ : “Đại vương, thánh phi, công chúa, công hầu, quý phủ”, nay đều tùy theo chữ, đổi là “tôn thần, chi thần, phủ quân, phủ nhân”... Duy có Liễu Hạnh công chúa và người đã được phong tước ấp cùng là các phiên vương của đế vương đời trước, các khai quốc công thần trước đã có tước hiệu rồi thì vẫn để như cũ, không đổi.

Cho Giám sát Ngự sử ở đạo Kinh kỳ là Lê Khắc Nhượng làm Chương án Cấp sự trung ở Lại khoa.

Định rõ lại lệ thường trực của các vệ Cẩm y và Kim ngô, lấy 450 người làm hạn định.

(Vệ Cẩm y 250 người. Cẩm các hạng cờ 40 người, mang súng thần cơ 40 người, mang súng điều sang 20 người, mang nỏ Khổng Minh 5 người, đeo dao 15 người, mang khiên 10 người, mang dao nhọn 53 người, mang giáo vương cạnh 60 người, mang hèo đỏ, mang trượng, mỗi thứ đều 2 bộ, mang roi, cọc 4 bộ.

Vệ Kim ngô 200 người. Cẩm các hạng cờ 20 người, cầm súng điều sang 40 người, mang nỏ Khổng Minh 5 người, đeo dao 15 người, cầm khiên 10 người, mang dao nhọn 53 người, mang giáo vương cạnh 60 người).

Tỉnh Sơn Tây lòng bất được đạo trưởng người Tây dương là Đoan (tên thực là Phê-đô-sa-đê-y) đóng gông giải về Kinh, tống ngục. Trú phòng ở Lâm Thao là Tống Văn Lễ, Tri phủ là Lương Thế Phụng vì có công hợp nhau đi bắt, mỗi người được gia kỷ lục 2 cấp ; người tố giác và quân, dân được thưởng chung 200 quan tiền. Tên Đoan giải đến Kinh, giao cho bộ Hình trị tội, khép vào tội xử tử. Vua truyền cho hãy tạm giam giữ lại.

Các tỉnh Bắc Kỳ lâu ngày không mưa, truyền cho các tỉnh thân làm đàn tế để cầu đảo. Rồi đó có mưa.

Mới đặt chức Thủ ngữ ở trấn Lâm Hải, tỉnh Nam Định.

Bắc Kỳ dâng tờ sớ tâu báo tin không chỗ nào bị vỡ đê. Vua sai lấy hương và lụa trong kho giao cho tỉnh thân Sơn Tây lễ tạ ở miếu thờ thần sông. Phàm chỗ nào có giồng sông, các quan lại hết sức hộ đê đều được thưởng kỷ lục và tiền có thứ bậc. Từ đây về sau, hàng năm theo làm lệ thường.

Tổng đốc Định - Yên là Trịnh Quang Khanh bị ốm, sai Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương tạm quyền trông coi án quan phòng của Tổng đốc Định - Yên, Bớ chính Hải Dương là Ngô Kim Lân tạm lĩnh Bớ chính Hưng Yên, hội đồng với Án sát là Lê Nguyên Trung tạm trông coi án quan phòng Tuần phủ tỉnh ấy.

Sai đến tế những quan quân đi vận tải của công bị chết ở ven biển tỉnh Thanh gồm 342 viên nhân.

Định rõ lại các điều cấm về việc bán trộm muối gạo ở Nam Kỳ. Nguyễn Công Trứ tâu rằng : “Bọn con buôn gian xảo ở các tỉnh phần nhiều chở gạo muối bán lậu cho thổ phi”. Vì thế lại định điều cấm rõ ràng lần nữa.

Tỉnh thân Bắc Ninh tâu rằng : “Dân hạt Bắc Ninh năm ngoái gặp nạn chết dịch, những số lính trốn, thuế thiếu, xin triển hoãn lại cho”. Vua chuẩn y.

Đổi lại lệ canh giữ của vệ Cẩm y và vệ Kim ngô. (Cửa các Đại cung thì suất đội vệ Cẩm y 2 viên, binh lính 10 người ; suất đội vệ Kim ngô 1 viên, binh lính 4 người. Ứng trực ở Duyệt thị đường kiêm cửa Hữu Suong, thì suất đội vệ Cẩm y 1 viên, binh lính 30 người ; suất đội, đội trưởng ở vệ Kim ngô mỗi hạng 1 viên, binh lính 10 người. Coi giữ cửa Tả điện Văn Minh thì suất đội, đội trưởng ở vệ Kim ngô mỗi hạng 1 viên, binh lính 14 người. Coi giữ ở điện Văn Minh kiêm điện Cần Chính, cửa Tả Suong thì suất đội vệ Cẩm y 1 viên, binh lính 14 người. Coi giữ cửa Hưng Khánh thì suất đội vệ Kim ngô 1 viên, binh lính 5 người. Còn các biên binh ở vệ Cẩm y phái đi coi giữ cửa Tả điện Văn Minh và cửa Hưng Khánh từ trước, thì đều rút về đội ngũ cả. Còn các sở khác vệ Cẩm y phân phái đi coi giữ thì vẫn để như cũ. Lại nhân viên vệ Kim ngô đi coi giữ vườn Thư Quang chỉ lưu lại suất đội và thư lại mỗi hạng 1 người, binh lính 20 người).

Sửa hành cung ở trực tỉnh Thuận Hoá.

Quan Khoa đạo là bọn Lưu Quĩ, Nguyễn Văn Chấn, Trần Thiện, Ngô Bình Đức, Nguyễn Kim Giám dâng thư dán kín tâu bày 2 điều :

1. *Nói về việc duyệt đình tuyển lính.* - Gần đây quan Khâm mạng duyệt tuyển và các quan lại địa phương thường thường bắt nghiệt dân xã phải tăng số nhiều thêm. Nghĩ xin : từ nay trở đi, đến kỳ duyệt tuyển, các quan địa phương và quan coi việc duyệt tuyển phải nên để tâm phân biệt xã nào nhiều người, xã nào ít người, bắt tất phải câu nệ tăng số thêm lên ; bộ Hộ cũng bắt tất lấy phân số tăng hay giảm mà bàn xin thưởng hay phạt.

2. *Nói về việc đặt giá hàng mua với dân.* - Từ trước đến nay, các địa phương đặt giá mua các vật hạng cần dùng với dân, thường thường vì có hộ buôn hay hộ sản xuất không bán được đủ số lại chia bỏ cho dân. Dân không phải là người sản xuất, lại phải đi mua ở chỗ khác ; kịp đến khi đem nộp, lĩnh tiền, thì cái giá của dân phải đi mua đã cao gấp mấy lần giá quan đặt mua. Nghĩ xin : từ nay về sau, phạm việc đặt giá mua, chỉ trách cứ vào các hộ buôn và hộ sản xuất theo đúng giá thị trường mà trả tiền, không được chia bỏ cho dân không phải là nhà sản xuất, mà các tỉnh tâu lên số tiền mua hết bao nhiêu, quan trong Bộ cũng không được tự tiện giảm bớt số tiền theo giá đã mua. Như thế thì dân không bị thiệt mà phép đặt ra có thể để mãi lâu dài được.

Vua quả rằng : “Việc duyệt đình tuyển lính là cốt để biết rõ chỗ nào nhiều người hay ít người, để cho thuế má sưu dịch được đều, không phải là câu cho tăng thêm số hã. Việc đặt giá mua với dân, là cốt để lưu thông những hàng hoá ế đọng cho dân được tiêu dùng dư dự, cũng chỉ căn cứ vào các thứ sản xuất. Bộ Hộ có nhiệm vụ là phải kiểm hàng và xét lại giá mua. Nếu việc duyệt đình tuyển lính mà không lấy số tăng giảm làm mức thưởng phạt, mặc cho quan địa phương giảm số để mua ơn, việc đặt giá mua mà không tùy vật giá để định mức đắt rẻ, tha hồ cho bọn lại dịch tăng giá để lấy lợi, không hỏi gì đến cả, thì có nên không ? Lời nói của Khoa đạo đúng vào câu “chỉ biết được một, không biết đến hai”.

Định lại lệ các viên dịch, binh lính của các hoàng thân tôn tước. Trước đây, Tân Bình quận công Miên Phong xin mộ thêm thuộc binh. Vua dụ rằng : “Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế, hậu đãi bà con thân thuộc, chỉ có hơn lên chứ không kém đi, tự định ra tước lộc cho các tông thân, đều có thứ bậc, không những là để ưu đãi những bậc thân huân, cũng là để khuyên người có đức nghiệp. Cho nên người họ ở chi xa mà có công với nhà nước cũng được phong đến tước vương ; hoàng tử là chỗ thân cận mà nếu đức nghiệp chưa tiến, cũng không được lạm dự an phong. Thực đúng là Thánh nhân lập ra phép rất công bằng, để làm bài dạy, để làm

ơn huệ, cho con cháu trăm đời sau, có thể cứ theo phép đã lập thành. Còn về các nhân viên thuộc hạ, tất phải chuẩn định, để noi theo mãi mãi, càng làm rõ lòng của Tiên đế hậu đãi các bậc tông nhân. Chuẩn cho hai bộ Lại và Binh xét xem từ thân vương cho đến các tôn tước phạm người nào có công mà được phong, là bậc thân thuộc gần gũi mà được phong, vì thế tập mà được phong ; cùng là hoàng tử đã mở Các riêng rồi, cùng là hoàng tử chưa được phong, hoặc là còn ở chung với nhau, hoặc đã ban cho nhà riêng theo thế để làm mức. Về những quan chức, lại dịch, binh dinh trong phủ nên đặt bao nhiêu, như thế nào, cái gì cũng nên bàn tính thoả đáng, đều có thể thi hành được, để làm điển tắc lâu dài, đợi tu sửa định lại, sẽ cho thi hành”. Đến đây, lời bàn tâu lên, vua chuẩn cho làm theo lời bàn của bộ. Duy có thuộc binh của các hoàng thân, có tước công nhiều hơn lệ định, được gia ơn không phải rút bớt đi nữa.

(1. Phạm các phủ thuộc của các hoàng tử và hoàng tử của triều trước, từ được phong tước vương đến các công hầu :

Phủ Thân vương : Có 1 trưởng sử, một tư vụ, một chánh bát phẩm thư lại, 2 chánh và 2 tòng cửu phẩm thư lại, 30 vị nhập lưu thư lại, cai đội hoặc chánh đội trưởng suất đội, 5 đội thuộc binh, mỗi đội 50 người.

Phủ Quận vương : Có 1 trưởng sử, 1 tư vụ, 1 chánh bát phẩm thư lại, 2 tòng bát phẩm thư lại và 2 tòng cửu phẩm thư lại, 25 vị nhập lưu thư lại, 4 cai đội hoặc chánh đội trưởng suất đội, 4 đội thuộc binh.

Phủ Thân công : Có 1 trưởng sử hoặc phó trưởng sử, 1 tư vụ, 1 chánh và 1 tòng bát phẩm thư lại, 2 chánh và 2 tòng cửu phẩm thư lại, 25 vị nhập lưu thư lại, 3 cai đội hoặc chánh đội trưởng suất đội, 3 đội thuộc binh.

Phủ Quốc công : Có 1 phó trưởng sử, 1 tư vụ, 1 tòng bát phẩm thư lại, 1 chánh và 1 tòng cửu phẩm thư lại, 25 vị nhập lưu thư lại, 2 đội trưởng suất đội, 2 đội thuộc binh.

Phủ Quận công : Có 1 quản gia, 1 tòng bát phẩm thư lại, 1 chánh và 1 tòng cửu phẩm thư lại, 20 vị nhập lưu thư lại, 1 chánh đội trưởng suất đội, 1 đội thuộc binh.

Phủ Huyện công : Có 1 quản gia, 1 chánh và 1 tòng cửu phẩm thư lại, 15 vị nhập lưu thư lại, 1 đội trưởng suất đội, 1 đội thuộc binh, mỗi đội có 40 người.

Phủ Hương công : Có 1 quản gia, 1 chánh và 1 tòng cửu phẩm thư lại, 10 vị nhập lưu thư lại, 1 đội trưởng suất đội, 1 đội thuộc binh, mỗi đội có 30 người.

Hoàng tử đã ra Các học và hoàng đệ chưa được phong tước mà đã ở nhà riêng thì theo như lệ định của Hương công.

2. Hoàng tử đã ra Các học và hoàng đệ chưa được phong tước còn ở chung với nhau, thì lấy chỗ nhà ở mà cất đặt. Năm đường là : Thiên khánh, Quảng thiện, Quảng học, Quảng cư và Minh thiện, thì đường nào cũng có 1 trưởng sử hoặc phó trưởng sử, 1 quản gia, 1 tư vụ, 1 chánh và 1 tòng bát phẩm thư lại, 1 chánh và 1 tòng cửu phẩm thư lại, 20 vị nhập lưu thư lại, mỗi đường được một đội lính do vệ Dực bảo chia ra lệ thuộc vào, không cần phải đặt thuộc binh riêng.

3. Phàm các bậc tôn tước, hoặc người có công được phong, hoặc được thế tập, hoặc được ân phong, từ tước vương, tước công đến phụng quốc lang :

Phủ Thân vương, Quận vương thì 1 quản gia, 1 tòng bát phẩm thư lại, 1 tòng cửu phẩm thư lại, 10 vị nhập lưu thư lại, 1 chánh đội trưởng suất đội, 1 đội thuộc binh, mỗi đội có 50 người.

Phủ Thân công thì 1 tư vụ, 1 tòng bát phẩm thư lại, 6 vị nhập lưu thư lại, 1 đội trưởng suất đội, 40 thuộc binh.

Phủ Quốc công thì 1 chánh bát phẩm thư lại, 1 tòng cửu phẩm thư lại, 6 vị nhập lưu thư lại, 1 đội trưởng suất đội, 30 thuộc binh.

Phủ Quận công thì 1 tòng bát phẩm thư lại, 5 vị nhập lưu thư lại, 20 thuộc binh.

Phủ Huyện công thì 1 tòng bát phẩm thư lại, 4 vị nhập lưu thư lại, 15 thuộc binh.

Phủ Hương công thì 1 chánh cửu phẩm thư lại, 3 vị nhập lưu thư lại, 10 thuộc binh.

Huyện hầu, Hương hầu thì 1 tòng cửu phẩm thư lại, 2 vị nhập lưu thư lại, 7 thuộc binh.

Kỳ nội hầu, Kỳ ngoại hầu thì 1 tòng cửu phẩm thư lại, 2 vị nhập lưu thư lại, 6 thuộc binh.

Đình hầu, Trợ quốc khanh, thì 5 thuộc binh.

Tá quốc khanh, Phụng quốc khanh, thì 4 thuộc binh.

Trợ quốc úy, Tá quốc úy, Phụng quốc úy, thì 3 thuộc binh.

Trợ quốc lang, Tá quốc lang, Phụng quốc lang, thì 2 thuộc binh.

Cho Phó vệ úy vệ Hữu nhất, dinh Vũ lâm là Nguyễn Nghị đổi bổ làm Phó vệ úy vệ Cẩm y, chuyên coi quản các đội Trường trực và Thường trực. Cho Phó vệ úy vệ Hữu nhị, dinh Vũ lâm là Tôn Thất Hàn đổi bổ làm Vệ úy ty Loan giá.

Cho Văn Thông, con trai Nguyễn Văn Trọng, Hậu quân Chương phủ, làm Hiệu úy vệ Cẩm y. Cho Cai đội Quang Tri, con trai Tạ Quang Cự, Trung quân Chương phủ, làm Phó vệ úy. Cho Xuân Phúng, con trai Vũ Xuân Cẩn, thự Đông các Đại học sĩ được gia hàm Hàn lâm Thị giảng học sĩ. Cho Tư vụ Trung Ngạn, con trai Nguyễn Trung Mậu, Thượng thư bộ Công, làm Chủ sự bộ Lại. Cho gia hàm Chánh suất đội Công Cẩn, con trai Mai Công Ngôn, Tổng đốc An - Tĩnh làm

Cấm binh Cai đội. Cho Tăng Dũng, con trai Nguyễn Tăng Minh, Hữu quân Chương phủ, làm Hiệu úy vệ Cấm y. Còn bọn Tiên quân Chương phủ là Phạm Hữu Tâm, thự Văn Minh điện Đại học sĩ Trương Đăng Quế, thự Hiệp biện Đại học sĩ Lê Đăng Doanh, Thượng thư bộ Hộ là Hà Duy Phiên và Thống chế Tôn Thất Bật thì con còn bé, đều cho ăn bổng theo hàng thất, bát phẩm. Rồi đó, Đăng Quế, Duy Phiên và Tôn Thất Bật dâng sớ xin từ không nhận việc ấp bổng cho con còn bé ấy. Vua phán rằng : “Nhà nước ưu đãi các đại thần, thưởng dài mãi đến đời sau, không phải nay mới đặt ra lệ mới. Nay bọn các khanh đã cố ý chối từ, ta cũng hãy theo”.

Sai vệ quân Long võ Hữu nhị thuộc Trung bảo Nhất đi thú ở Gia Định ; vệ Tả bảo Nhất đi thú ở Vĩnh Long ; vệ Tiên bảo Nhất, Nhị, thuộc dinh Thần cơ Hữu đi thú ở An Giang. Cho : Phó vệ úy vệ Trung bảo Nhất là Phạm Văn Huy làm thự Vệ úy ; thự Phó vệ úy vệ Loan giá là Tôn Thất Khương làm thự Phó vệ úy vệ Trung bảo Nhất. Cho Phó vệ úy Hùng nhuệ Tả vệ là Vũ Đình Đàm làm thự Vệ úy ở Long võ Hữu vệ, cho Phó vệ úy Nguyễn Công Sinh làm Phó vệ úy. Cho thự Phó vệ úy Thần cơ Tiên vệ là Trần Văn Kiếm là Phó vệ úy Thần cơ Hữu vệ, Phó vệ úy Nguyễn Hiền sung làm Hiệp quản. Cho Vệ úy Kỳ võ Nhị vệ là Nguyễn Văn Hoàng làm Vệ úy vệ Hữu bảo Nhị, thự Phó vệ úy Hoàng Văn Lý làm Phó vệ úy. Cho Phó vệ úy vệ Hậu bảo nhất là Lê Thuận Chiêu làm Phó vệ úy vệ Tiên bảo nhất, thự Phó vệ úy Nguyễn Hữu Huấn làm Hiệp quản. Như vậy để đủ số mỗi vệ đều có 2 quản viên.

Cho thừa biện Viên ngoại lang hiện đóng ở quân thứ là Hồ Bảo thăng thự Án sát sứ tỉnh Biên Hoà, hội đồng với Bố chính Đồ Huy Cảnh trông coi án quan phòng của Tuần phủ tỉnh ấy.

Bọn ác Man ở tỉnh Quảng Ngãi đem đồ đảng ngấm xuống địa phận của cơ thứ 4 Tỉnh man ⁽¹⁾ cướp thóc của dân. Lãnh binh Nguyễn Vĩnh thân đem quân và dân chia đường mai phục, chặn đón lối về, chém ngay tại trận được 14 đầu giặc, lấy được khí giới của giặc. Tin thắng trận tâu lên, vua thưởng cho Vĩnh quân công 1 cấp và 1 đồng kim tiền hạng nhỏ ; thự Phó quản cơ Lê Văn Cơ lập tức bổ thự Quản cơ, lại thưởng thêm cho 1 đồng ngân tiền hạng lớn ; quyền Quản cơ Tỉnh man thứ 4 Nguyễn Văn Loan được thưởng thự Phó quản cơ và 3 đồng ngân tiền hạng lớn. Cùng đi đánh trận này, các quản cơ, suất đội đều được thưởng quân công kỷ lục 1 thứ ; quân dân được thưởng chung 300 quan tiền. Người đi dò thám được thưởng thêm 3 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn. Tỉnh thân là Nguyễn Đức Hộ và Ngô Văn Dịch vì tiến cử được người giỏi, đều được gia kỷ lục 2 thứ.

Cử Án sát tỉnh Phú Yên là Nguyễn Văn Lý sung làm Chủ khảo trường Gia Định, thự Lang trung bộ Binh là Phạm Huy làm Phó chủ khảo. Tham tri bộ Hộ là Doãn Uẩn

(1) Ở Quảng Ngãi có 6 cơ Tỉnh man

sung làm Chủ khảo trường Nghệ An, thự Bó chính Sơn Tây là Lương Quốc Quang làm Phó chủ khảo. Thự Tham tri bộ Binh là Phan Thanh Giản sung làm Chủ khảo trường Hà Nội, thự Bó chính Nghệ An là Vũ Tuấn làm Phó khảo. Thị lang bộ Hộ là Nguyễn Trạch sung làm Chủ khảo trường Nam Định, thự Bó chính tỉnh Thanh là Vũ Doãn Cung làm Phó chủ khảo. Lấy đồ cử nhân 75 người.

(Trường Gia Định : 16 cử nhân : Hồ Đăng Phong, Lê Phúc Đâu, Nguyễn Tống Cương, Trần Tiến Minh, Nguyễn Công Minh, Trần Xuân Quang, Lê Đạo Tâm, Phạm Duy Hàn, Phan Cư Chính, Dương Tiến Sĩ, Trần Xuân Hoà, Bạch Văn Lý, Hồ Văn Tú, Nguyễn Năng Khiêm, Nguyễn Ích Khiêm, Nguyễn Văn Toại.

Trường Nghệ An : 21 cử nhân : Lê Thế Thứ, Lê Nguyên Thứ, Nguyễn Huy Bình, Hoàng Mậu, Nguyễn Xuân Tùng, Nguyễn Hữu Lễ, Lê Chí, Trần Đăng Minh ; Lê Đức, Phan Tam Tĩnh, Đỗ Khắc Kiệm, Ngô Phùng, Ngụy Khắc Đản, Trần Văn Thực, Đỗ Xuân Cát, Hoàng Khắc Sĩ, Đặng Long Đống, Nguyễn Huy Kỳ, Lê Quang Trứ, Nguyễn Bá Nhạ, Lê Huy Đạt.

Trường Hà Nội : 21 cử nhân : Nguyễn Hợp, Nguyễn Huy Văn, Nguyễn Huy Phan, Đàm Thận Cung, Trần Đức Lân, Lê Đình Ái, Bùi Quang Địch, Nguyễn Kim Hoán, Phạm Vọng, Đinh Bá Cư, Bùi Cung Huyền, Nguyễn Trinh Tường, Hoàng Ngạn, Nguyễn Sĩ Đoan, Nguyễn Hữu Tạo, Nguyễn Văn Hình, Phạm Quang Đàm, Nguyễn Ngọc Dịch, Nguyễn Khắc Hoàn, Lê Danh Chiếu, Nguyễn Tống.

Trường Nam Định : 17 cử nhân : Trần Quang Chiếu, Vũ Giang, Trương Thấu, Nguyễn Đăng Tiếp, Đặng Đức Chính, Đỗ Trường Phát, Nguyễn Đăng Đệ ; Nguyễn Tất Tố, Bùi Duy Phan, Vũ Huy Tích, Nguyễn Văn Thân, Nguyễn Xuân Huân, Tạ Lương Hiện, Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Huy Đôn, Đào Trung Xuyên, Nguyễn Tử Mân).

Danh sách dâng lên, 3 nha xét ra, về trường Gia Định, có quyển thi của Trần Xuân Quang, có nhiều chữ viết lấm, giáng xuống cuối bảng tú tài ; các quan Nội, Ngoại trường đều bị phạt. Có Phạm Duy Hàn mạo nhận là quán ở Bình Thuận, về sau việc ấy phát hiện, Hàn bị cách bỏ tên trong sổ cử nhân, đuổi về nguyên quán ở Nam Định, suốt đời không được đi thi nữa.

Làm Văn miếu và đền Khải Thánh ở Thái Nguyên.

Lĩnh thị vệ là bọn Lê Văn Phú và Vũ Văn Giải dâng sổ chi tiêu lên trình. Bọn Phú vâng sắc chỉ lĩnh tiền ở kho ra, tùy việc chi tiêu. Từ tháng giêng đến tháng 9, đã chi hết 70.000 quan tiền. Sổ chi tiêu này, bộ Hộ không biết đến.

Vua ngự điện Văn Minh, bàn đến việc biên giới ở Hà Tiên. Trương Đăng Quế tâu rằng : “Hiện nay, thành Trấn Tây, đã rút quân về, thì tỉnh Hà Tiên lâm vào thế cô lập, vị tất đã giữ được không xảy ra việc gì. Phủ Quảng Biên ruộng đất màu mỡ là nơi đồn lũy che đỡ cho tỉnh Hà Tiên. Tôi thiết nghĩ không nên bỏ. Chỉ vì công

việc cốt yếu hiện nay là ở việc thôi không dùng binh nhưng nữa. Việc giữ phủ Quảng Biên này khó khăn lớn lao, xin đợi sau này sẽ liệu lý dần dần”.

Vua phán rằng : “Bọn thổ phỉ sinh chuyện, đã lâu chưa dẹp yên được. Nay mấy đạo quân đi vây nã, bọn giặc tất nhiên rồi cũng trốn đi nơi khác, chỗ ấy thành ra đất không, lấy được cũng không ích gì. Và lại, phép dụng binh, thu phục lòng người là hơn, nên mở báo cho chúng biết rõ ân tín của ta, để cho đồ đảng chúng rủ nhau về hàng, thì đối với thổ phỉ không cần phải tiêu nữa”.

Sai quan Khoa đạo là bọn Lưu Quỹ và Nguyễn Cư Sĩ chia nhau đi kiểm soát từ Quảng Trị ra Bắc đến tỉnh Lạng Sơn, phàm các đường thủy, đường bộ và các nơi hành cung ở các tỉnh cho đến hết thủy nhà công quán, sứ quán, phải để ý xem xét hễ thấy có kẻ nào nhân việc công làm việc riêng và đẽo khoét hại dân, thì chuẩn cho cứ sự thực, tham hặc tâu lên.

Tỉnh Quảng Trị bị mưa to, gió bão, nước sông lên to, trong đất bằng ngập nước đến 3-4 thước.

Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Tri Phương tiến đánh xứ Sa Man. Tên giặc [Lâm Sâm] chạy trốn về các xứ Cổ Luỹ, Đằng Lâm và Uy Dương, đắp lũy cố giữ. Nguyễn Tiến Lâm đóng chặn giữ xứ Trà Cú, bọn giặc lại họp nhau hơn 1.000 người vây quanh đồn. Vệ úy Nguyễn Văn Hoàng và Quản cơ Trương Tiến bắn chết được 1 tên đầu mục giặc, còn các tên phỉ khác đều bỏ chạy cả. Đến sáng hôm sau, bọn Tiến Lâm hội quân tiến đánh giồng Cổ Luỹ, ba đạo quân đánh khệp lại : bọn giặc thua chạy. Quân ta lội qua dòng nước, đuổi đánh. Bọn giặc vừa chạy vừa kêu lên : “Xin chớ đuổi đến cùng !”. Bọn Tiến Lâm cho rằng quân ta đã nhọc mệt bèn dừng quân lại, không đuổi nữa. Đốt hết cả nhà cửa và kho chứa của giặc rồi về.

Vua quở rằng : “Bọn giặc, thế đã cùng quẫn, phải kêu van ; có thể nhân cơ hội ấy tiến đánh đến cùng, lại lấy cớ là quân đã nhọc mệt, đóng quân lại, không đuổi ngay cho đến cùng, hình như là sợ khó nhọc mà tha cho giặc chạy đi ! Vì ta nghĩ lại : các khanh có công đánh được luôn mấy trận, cũng thưởng cho Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Nghị mỗi người 1 dây đeo bằng vàng ; Nguyễn Văn Hoàng, Trương Tiến mỗi người được thêm quân công 1 cấp ; từ phó cơ trở xuống đều được gia kỷ lục.

Đổi tên nhà công quán Gia Quất làm nhà công quán Gia Thụy.

Truyền cho từ tỉnh Quảng Trị trở ra Bắc đến các tỉnh Lạng Sơn phải diễn tập các biên binh thủy, bộ để chuẩn bị tới kỳ điểm duyệt.

Sai Lang trung bộ Binh biện lý công việc của bộ là Lê Đại Cương phụng mạng mang cờ biển đi đến các nơi hành cung, sứ quán ở Hà Nội, Bắc Ninh và Lạng Sơn xem xét công việc đã làm. Phàm công trình gì cũng phải mộc mạc, chất phác,

không được đưa làm xa xỉ, hoa lệ. Vì Cương trước ở Bắc thành, hiểu rõ điển lệ cũ, cho nên có việc sai đi này.

Vua ngự điện Văn Minh, cho các đại thần ngồi hầu. Sai Nội các là Lâm Duy Thiếp đọc thơ vịnh sử của vua làm, nhân tiện vua bảo rằng : “Hán Cao tổ do áo vải trời dậy, đáng bậc vua anh hùng, thế mà việc tôn ông Thái công⁽¹⁾ phải đợi lời của người gia lệnh nhắc đến, thì đức hiếu thảo có kém, không cần đợi đến câu nói “Chia canh”⁽²⁾ cũng đã biết rồi. Còn bề tôi như Trương Lương vẫn gọi là người khôn ngoan sáng suốt, sau khi thành công, tịch cốc, không nhận tước phong. Đến khi Hán Cao tổ muốn đổi lập thái tử khác, Lã Hậu sai Lã Trạch bắt hiếp Lương phải ăn cơm, Lương lại vì Lã Hậu bày kế mời 4 ông lão già đến. Không ăn thóc của họ Lưu, lại gượng ăn cơm của họ Lã, há chẳng để cho người sau chê cười ư ! Trần Bình khi mới tiến thân, lấy tiền của các tướng, đến sau 6 lần bày kế lạ, đều là cái thuật gian dối. Lời bênh vực cho họ Lã là lời gian nịnh trái lẽ. Hán Cao tổ phong cho Trần Bình ở đất Khúc Nghịch⁽³⁾, cũng là biết bụng của Bình lắm. Tiêu Hà cấp lương gọi lính, công vào bạc nhất. Tào Tham lên thay, mọi việc đều thanh tĩnh, có thể gọi là hiền tướng của nhà Hán, nhưng cũng không khỏi là do chân nha lại mà ra. Hàn Tín tuy có chiến công, nhưng tỏ ý hơi rằng không nghe lời nói của Khoái Triệt⁽⁴⁾, thì tâm tích đã phơi trần ra rồi. Tìm lấy người có đủ đạo nghĩa làm tôi, chỉ có Vương Lăng là hơn cả. Ta nhân khi đêm rét, làm thơ, lấy mấy việc ấy đặt ý trong câu, tuy cũng chưa đủ để nói hết được sự việc của từng người, nhưng mà, về đại lược, tưởng cũng chỉ có thể thôi. Còn các bề tôi của Sở chẳng hạn như Phạm Tăng, hẳn không phải là già mà ngu, chỉ vì gặp phải Hạng Vũ là người vô đạo, cho nên không thể thi thố gì được. Ấy gặp được vua giỏi cũng khó như thế”.

Ở Kinh sư, mưa to, nước lụt. Thêm và hè ở đến thờ tại Hiếu lăng cùng là thành xây chung quanh, gián hoặc có chỗ nghiêng xiêu. Trước đây, làm lễ Ninh lăng xong, từ chức đồng lý trở xuống đã được giao cho bộ bàn thưởng. Đến đây, vua cho rằng việc xây lăng còn có chỗ chưa được tốt. Hoãn việc bàn công, bàn thưởng lại. Lại sai đồng lý Tạ Quang Cự và Hà Duy Phiên dới tội đến lăng, tùy theo tình thế mà sửa chữa. Lại sai bộ Hình chiếu theo hình tích những chỗ hư hỏng nhiều hay ít mà phân biệt việc nghị tội. Án dâng lên, người chuyên biện trước đây là bọn Suất đội Trần Ngọc Thu, Vệ úy Trần Văn Quán và Phó vệ úy Trần Kiếm đều phải

(1) Thái công : sinh ra Hán Cao tổ.

(2) Chia canh : Hạng Vũ bắt Thái công, định đem giết, cho người bảo Bái công (khi ấy Cao tổ còn là Bái công) nếu không hàng thì giết Thái công. Bái công trả lời rằng : “Cha tao cũng như cha mày, nếu mày giết cha mày thì chia cho tao bát nước sứt”.

(3) Khúc Nghịch : khúc là cong, nghịch là trái. Ý nói Cao tổ biết Trần Bình là người gian nịnh, nói trái lẽ, nên mới phong cho đất Khúc Nghịch.

(4) Khoái Triệt xui Hàn Tín phản lại Cao tổ.

phạt trọng, cách chức, phát phối đi làm lính ở An Giang ; còn các viên nhân chuyên biện, tùy biện và đồng lý đều phân biệt giáng cấp có thứ bậc.

Làm Trai cung ⁽¹⁾ ở đàn Nam giao.

Bắt đầu đặt chức Thủ ngữ ở đồn tấn Hà Lạc tỉnh Nam Định.

Bọn Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Công Trứ đánh tan được Lâm Sâm ở Sâm Đô. Phủ Lạc Hoá đều yên cả. Trước đây, Lâm Sâm chiếm giữ ở Trà Vinh, đồ đảng của hắn có tên sư phiến dùng pháp thuật yêu quái để cổ hoạc dân chúng. Thổ dân ở đấy nhiều người theo hắn. Quan quân đánh đã lâu chưa được. Đến đây, Phạm Văn Điển và Nguyễn Công Trứ đem quân đến, các đạo quân họp lại, chia sai các biển binh đến các xứ Hòn Lầy, Cà Vần, Trà Cú, chắn giữ các đường lối xung yếu. Phạm Văn Điển vì bị ốm, lưu lại ở thuyền ; bọn Nguyễn Công Trứ, Đoàn Văn Sách và Nguyễn Công Nhân tiến đánh sóc Uy Dương ; Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tri Phương và Tôn Thất Nghị tiến đánh sóc Thường Tụ. Khi quân ta đương đánh sóc Uy Dương, thì bọn giặc chạy về sóc Thường Tụ, họp đồ đảng chống đánh lại. Bọn Tri Phương thúc quân đuổi đánh : giặc chạy tan về sóc Sâm Đô. Vì ngày đã tối, phải đóng quân lại. Đến sớm hôm sau, Tiến Lâm tiến đánh sóc Nghi Gia ; Tri Phương, Công Trứ và Tôn Thất Nghị đem súng lớn đánh úp ở phía sau giồng Sâm Đô ; Văn Sách, Văn Nhân đánh ở phía trước giồng ấy. Hơn 3.000 phi cố giữ lũy, dàn quân chống lại. Quân các đạo của ta hăng hái tiến đánh, chém giết được rất nhiều. Quân ta thừa thắng, đuổi bừa, đến chỗ hồ nhỏ, thấy quân phục của giặc nổi dậy, quân ta phải rút lui một chút. Phó cơ Nguyễn Mãn và Cai đội Lê Văn Bạch cố sức đánh, bị chết trận. Công Nhân và Tri Phương lại thúc quân đánh lại : giặc bị thua to, bỏ chạy. Lâm Sâm chỉ chạy thoát được một mình. Tên sư phiến tự thắt cổ ở cây soài, quan quân tìm được xác, cắt lấy đầu đem bêu lên cho mọi người biết. Rồi luôn mấy ngày quan quân đi lùng bắt, thì bọn giặc đã bỏ đồn, trốn xa từ trước rồi. Cả mấy lần đánh phá được 13 sóc, lấy được 29 đồn lũy, bắt sống được 9 tên, chém tại trận được 62 giặc, bắn chết được 156 tên, lùng bắt được 27 tên, lấy được khí giới vô kể. Có 7.683 người Thanh, người Thổ và người Kinh quy thuận. Bọn đầu sỏ giặc là Kiên Hồng (tức Tổng Hồng), Trần Hồng (tức Phù mã Cung, lại có tên là Đội Hồng), Thạch Đột (lại có tên là Ba Lạc Đột) thế cùng, phải đến đầu hàng ở quân thứ, bị đóng cũi đưa về Kinh. Quân thứ đem cờ đỏ về báo tin thắng trận.

Vua mừng lắm, sai loan báo khắp cả Kinh sư. Lại dụ rằng : “Thổ dân ở phủ Lạc Hoá, là nơi yên vui đã lâu, thế mà tự nhiên có sự ngu tối gian ngoan ngang ngạnh từ ngoài gây nên, tụ họp nhau như đàn ong đàn kiến, nhiều đến 7.000-8.000 người, chống lại với ta, từ mùa xuân đến mùa đông, nhiều lần bị quan quân đến tiêu,

(1) Nhà để vua ở, giữ thanh tịnh trai giới, trước khi làm lễ tế Nam Giao.

chúng thường thường bỏ chỗ này đến chỗ khác, chúi vào nơi rừng rậm để sống lẫn hời, đã bao lâu quan quân chưa làm xong việc. Nay quan quân các đạo họp lại đồng kín như mây, một lòng hăng hái, đánh dẹp luôn mấy ngày, một trận đánh mà thành công, thực là nhờ oai hùng của Tiên đế để lại mới được thế. Ta nhận được tờ tâu, xiết nỗi vui hả, rất đáng khen ngợi. Chuẩn thưởng cho Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Tri Phương mỗi người quân công 1 cấp. Khi trước phải giáng cấp chưa dưới tên trong sổ, đều cho khai phục hết. Lại thưởng cho Tiến Lâm một tấm bài ngọc khắc chữ “phúc, lộc, thọ” có dây đeo kết bằng trân châu, san hô. Nguyễn Tri Phương lại được thăng thụ Tổng đốc Long - Tường và được thưởng thêm 1 tấm bài ngọc khắc chữ “Cát tường như ý”, có dây đeo kết bằng trân châu, san hô. Nguyễn Công Trứ được khởi phục làm Thị lang bộ Binh, vẫn lĩnh Tuân phủ An Giang, được thưởng thêm 1 tấm bài ngọc khắc chữ “Minh phượng triều dương” có dây đeo kết bằng san hô. Đoàn Văn Sách được thăng Đề đốc Vĩnh Long được thưởng thêm 1 tấm bài ngọc khắc chữ “Anh hùng” có dây đeo kết bằng san hô, trân châu. Nguyễn Công Nhân được thăng thụ Đề đốc An Giang, được thưởng thêm một tấm bài bằng mã não khắc chữ “Long hổ” có dây đeo kết bằng trân châu, san hô. Lại thưởng thêm cho mỗi người quân công 1 cấp, trước có bị giáng cấp chưa ở dưới tên trong sổ, đều được khai phục cả. Năm viên trên này lại được thưởng thêm mỗi viên 1 cái nhẫn vàng dát liền hạt ngọc kim cương, 1 đồng kim tiền Song long hạng vừa, có dây đeo. Thưởng riêng cho Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Tri Phương mỗi người 1 đồng kim tiền Song long hạng vừa, có dây đeo ; Đoàn Văn Sách và Nguyễn Công Nhân mỗi người một cái áo quan võ bằng gấm tốt, toàn tơ, bông tròn nhỏ, màu lam. Tôn Thất Nghị thăng thụ Chương vệ, lại thưởng thêm cho quân công 1 cấp, 1 đồng kim tiền Song long hạng vừa, có dây đeo, 1 cái nhẫn vàng mặt pha lê trong sáng, vẫn lĩnh chức Phó lãnh binh tỉnh An Giang, hiệp đồng với các đại viên đem quân đi đánh dẹp. Phạm Văn Điển được khai phục chức Chương vệ, vẫn lĩnh chức Tổng đốc An - Hà. Phó cơ Lê Văn Dũng được thăng thụ Phó vệ úy, lại được thưởng quân công 1 cấp, 1 đồng kim tiền Song long hạng nhỏ, có dây đeo, 1 cái nhẫn vàng. Bang biện Phó cơ Lê Đắc và Dương Văn Hựu đều được thăng Phó quản cơ, lại thưởng thêm mỗi người quân công kỷ lục 1 thứ, 1 đồng kim tiền Bát bảo hạng nhỏ và 1 cái nhẫn vàng. Phó cơ Nguyễn Mân được truy tặng chức Vệ úy, lại thưởng thêm 20 lạng bạc, cho 1 người con được ám thụ làm Thiên hộ vệ Cẩm y. Cai đội Lê Văn Bạch được truy tặng chức Phó cơ. Cả 2 người đều được chiếu theo hàm được truy tặng mà cấp cho tiền tuất. Còn các người đi theo trong trận đánh ấy như quản vệ, cơ 39 viên đều được thưởng quân công kỷ lục 3 thứ, mỗi người 3 đồng ngân tiền Song long hạng lớn ; bang biện vệ, cơ 46 viên đều được thưởng quân công kỷ lục 2 thứ, mỗi người 2 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn. Các viên suất đội mỗi người được thưởng

quân công kỷ lục 1 thứ và 1 đồng ngàn tiền Phi long hạng lớn. Biên binh các đạo được thưởng chung 9.000 quan tiền. Ngoài ra, các tổng mục, các viên bị cách có dự công trạng, lượng cho khen thưởng, khởi phục có thứ bậc".

Rồi đó, 3 tên tù phạm là bọn Kiên Hồng bị giải đến Kinh, vua truyền cho xử vào cực hình, đem thủ cấp về phủ Lạc Hoá bêu 10 ngày cho mọi người biết.

Hai bộ Lại và Binh dâng danh sách kê sự trạng của các đại viên ở trong Kinh và ngoài các tỉnh. Vua xem xong, dụ rằng : "Ba năm một lần khảo xét, các quan đều được xét công, để cho kỷ luật trong ngạch quan lại được trong sạch xứng đáng, thưởng phạt các người hay dở. Đó là những chính sự hay đã bắt chước của người xưa, và là những quy mô tốt do Hoàng khảo ta đặt ra. Nay gặp kỳ xét công các đại viên, ta đã xem kỹ, cân nhắc công bằng cẩn thận, như : Thái bảo, thự Văn Minh điện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Binh Trương Đăng Quế, thi thố được nhiều tài năng mưu kế, làm chức cơ yếu lâu năm, vừa siêng năng vừa cẩn thận, vua tôi cùng một đức một lòng. Từ khi vâng mệnh Tiên đế dặn lại, giúp đỡ cho ta, khi ở trong triều, vẻ mặt nghiêm trang, hết lòng giúp đỡ mọi việc chính sự, khuyên răn được nhiều, trung trinh một mực ; thự Đông các Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hình, Vũ Xuân Cẩn, lão thành quen việc, trải làm tới 3 triều. Thi thố ra mưu mô công việc, đã được khen thưởng đặc biệt ; thự Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lại, Lê Đăng Doanh, là người kỳ lão thành thực hoà nhã kính cẩn. Đều chuẩn cho thực thụ ngay. Thái bảo, Tiên quân Chương phủ sự, lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh, Phạm Hữu Tâm, cầm cờ tiết ở một địa phương bên ngoài, đã tỏ ra có công lao danh vọng ; đến khi ta lên nối ngôi, trấn giữ thành Long Biên đã được yên tĩnh, chuẩn thưởng cho 1 cái đai cong bằng mã não khảm ngọc châu nạm vàng. Hậu quân Chương phủ sự Nguyễn Văn Trọng trải làm quan bên trong bên ngoài, người tôi cũ già cả, thành thực chất phác, trung trực siêng năng, giữ được tiết tháo vốn có ; chuẩn cho gia hàm Thiếu bảo. Tổng đốc Định - Biên, Lê Văn Đức giúp việc chính trị trong triều đình, dựng nên công nghiệp nơi biên giới, giữ gìn và thi thố đều giỏi cả, tiếng hay tỏ rõ đã lâu, trước đã cho 1 người con ám thụ làm Chủ sự, nay chuẩn chỉ cho lương bổng ở nhà học tập, đợi khi lớn lên giao cho bộ án bổ. Thống chế dinh Hùng nhệ là Tôn Thất Bật, Tổng đốc An - Tĩnh là Mai Công Ngôn đều ra sức việc binh nhưng, lập công nơi hàng trận, ra vào chịu nhiều khó nhọc, là người nhanh vượt ruột rà của ta, đều chuẩn cho gia hàm Đô thống. Thự Thống chế dinh Thần cơ là Lê Văn Phú, thự Thống chế dinh Hồ oai là Vũ Văn Giải, thự Tham tri bộ Binh là Phan Thanh Giản và thự Tham tri bộ Hộ là Doãn Uẩn đều biết nhận rõ sự việc trong khi thừa hành, nhanh nhẹn, được việc, sốt sắng đối với việc công, đều cho thực thụ các chức hiện đang quyền tam ấy. Tổng đốc tỉnh Thanh, Tôn Thất Lang, là người giữ mình trong sạch cẩn thận, chăm lo công việc ; thự Tổng đốc Ninh - Thái, Nguyễn Đăng Giai, ở chỗ

nhiều việc, phải xét những việc khó khăn, có phương kế để yên dân, chống giặc ; Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên, Nguyễn Công Hoán, một mình chịu trách nhiệm cả ba địa phương, hết sức dẹp yên ; Bộ chính Hưng Hoá, Ngụy Khắc Tuấn, vỗ yên và chiêu tập dân ở nơi biên giới, mở thành 1 phủ⁽¹⁾, ban đầu biết kiến nghị, sau làm được thành hiệu : đều chuẩn cho giao xuống để bộ bàn công. Nội các Thị lang, Lâm Duy Thiếp, hầu cận ở nơi cung cấm, thừa nhận Chỉ dụ một cách tinh tường, sớm khuya ở nơi công sở, chăm chỉ nhanh nhẹn, không lúc nào trễ biếng ; chuẩn cho ăn lương bổng theo hàng tòng nhị phẩm. Thượng thư bộ Lễ, Phan Huy Thực già ốm suy yếu, không làm nổi chức chính khanh ; nhưng ta nghĩ lại công việc ngày xưa, chuẩn cho lấy nguyên hàm về hưu. Thống chế ở Hữu dực dinh Vũ lâm, là Lê Văn Thảo, tài năng và phẩm hạnh đều tầm thường, kiến thức thấp kém, chính mình coi quân túc vệ, mà không thi thố được một tí tài năng gì, đáng giáng làm chức Chuông vệ, nhưng nghĩ tình theo hầu đã lâu ngày, chuẩn gia ơn cho được lưu lại làm thự Thống chế dinh ấy. Thự Bộ chính Quảng Yên là Bùi Cung Tiên làm việc lộn xộn, tấu đối mơ hồ, chuẩn giáng làm Án sát Hải Dương. Án sát Hải Dương là Nguyễn Bảo mạo nhận công để lấy ân thưởng, việc đối với mình còn chưa được minh bạch, thì còn làm chức Án sát thế nào được ? Chuẩn giáng xuống làm Hàn lâm viện Thị độc. Thự Án sát Quảng Nam là Lê Tập, dám trái lời dụ của Tiên đế, cấp bậy văn bằng, chuẩn cách chức giao cho bộ tra xét nghị tội, để rõ ràng việc thường, phạt. Còn các viên khác đều cho giữ chức như cũ. Và lại, ta tuân theo phép cũ, một mực rất công, chăm chú cân nhắc, tùy việc, tùy tài, thưởng phạt đúng mức, để khuyên răn. Trong thì các bậc khanh, sĩ, ngoài thì các chức tư mục, càng nên hết lòng hết sức, cố gắng giữ lấy phép tắc làm quan cho được tốt. Mong rằng các quan to giữ phép, các quan nhỏ thanh liêm, để cho trong yên, ngoài trị, hưởng phúc tốt dài lâu, được nhiều ân sủng của nhà vua, mới phải.

Cho Hiệp biện Đại học sĩ Lê Đăng Doanh đổi lĩnh chức Tả đô ngự sử ở viện Đô sát, kiêm trông coi án vụ của ty Thông chính, nhưng vẫn sung làm chức sự bảo cho các hoàng tử, hoàng đệ. Cho Hữu tham tri bộ Lễ, Tôn Thất Bạch, thăng thự Thượng thư bộ Lại, kiêm quyền tạm chức Hữu tôn khanh ở Tôn nhân phủ. Cho Thống chế dinh Hùng nhuệ, Tôn Thất Bật, kiêm quyền tạm chức Tả tôn khanh ở Tôn nhân phủ. Cho Đông các Đại học sĩ, Vũ Xuân Cẩn, kiêm lĩnh công việc ở Quốc tử giám. Cho Tả tham tri bộ Lễ, Phan Bá Đạt, thăng thự Thượng thư bộ Lễ, kiêm trông coi án vụ Thái thường tự. Cho Tả tham tri bộ Hộ, Đào Trí Phú, kiêm trông coi án vụ ở Quang lộc tự. Cho Bộ chính Tuyên Quang, Trần Ngọc Lâm, thăng thự Tả tham tri bộ Lễ. Cho thự Án sát Bắc Ninh, Vương Hữu Quang, thăng Lang trung

(1) Chỉ việc Ngụy Khắc Tuấn kiến nghị thiết lập phủ Điện Biên (Hưng Hoá) ngày tháng 5 năm Thiệu Trị thứ nhất [1841]. (Thực lục Đệ tam kỷ, VIII, 20b - 23b).

bộ Binh, thự BỐ chính sứ Tuyên Quang. Cho thự Lang trung bộ Binh, Phạm Huy, làm thự Án sát sứ Bắc Ninh. BỔ Trương Quốc Dụng làm Tả thị lang bộ LỄ.

Tỉnh Hà Tiên bắt được 3 tên người Xiêm, xin tạm hãy giam giữ lại. Vua phán rằng : “Bọn họ bị bão xiêu giạt đến đây, xét ra không có tình ý gì khác, nên lượng cấp cho tiền và gạo, đưa đến hết địa phận nước nhà rồi tha cho về, để tỏ rõ chính sách khoan hồng của triều đình ta”.

Sai cơ binh ở các vệ thuộc các tỉnh Bình Thuận, Khánh Hoà và Phú Yên thay nhau đi thú ở Nam Kỳ. Thương cho quân vệ, cơ và suất đội mỗi người 1 áo, 1 nhẫn.

Cho Án sát Quảng Ngãi, Ngô Văn Địch, thăng thự Tả thị lang bộ Hình. Cho Vũ Danh Thạc ở đạo Lương trừ, Trấn Tây, khi trước, được đổi bổ làm Án sát sứ Quảng Ngãi, sau đó Thạc chết, lại cho nguyên Án sát Lạng Sơn, Đỗ Cao Mại, đến thay. Cho thự Lang trung bộ LỄ, Nguyễn Hanh, kiêm quyền tạm chức Hữu tá lý Tôn nhân phủ. Cho Chủ sự bộ Hộ, Lê Văn Hi, làm thự đốc học Gia Định. Cho Chủ sự bộ Lại, Vũ Đình Uyển, làm thự Đốc học Nghệ An.

Truyền cho các quân diễn tập. Điểm duyệt trọng thể các trận pháp.

Bắt đầu đặt quan và thuộc viên ở Sứ quán. Vua dụ rằng : “Nước nào cũng có sử chép, việc ấy đã có từ lâu. Sử, cốt chép lại chính sự để dạy bảo cho đời sau. Khoảng năm Minh Mệnh [1820 - 1840], đã chọn sai các đại thần sửa làm bộ *Thực lục* của liệt thánh và của Hoàng tổ, Thế tổ Cao hoàng đế ta, cùng là tập *Minh Mệnh chính yếu* của Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, đều đã làm thành sách. Song, kể từ hơn 200 năm đến giờ, những công nghiệp của người trước như dựng nước, theo chí xưa, gây nên nghiệp vương, chăm lo nối nghiệp, những quy mô sáng tỏ to lớn, đã có thành hiệu. Trong ấy nào lễ nhạc, nào hình chính, tùy thời thêm bớt, đều có thể làm khuôn phép cho đời, tất phải khảo xét cho kỹ, đính chính tinh tường, cho nên cũng phải tốn nhiều năm tháng. Ta mới lên nối ngôi, rất nghĩ đến việc nối theo đức hay của người trước, để lại về sau lâu dài, phải nên kịp thời biên tập để thành bộ sử đáng tin của đời thịnh trị, mới có thể nối theo được chí của người trước mà thấy rõ đức sáng của tiền nhân. Nay chuẩn cho lấy Quốc sử quán làm nơi soạn sử. Về số nhân viên từ chánh, phó tổng tài cho đến các chức toàn tu, biên tu, khảo hiệu, đăng lục, chuẩn giao cho đình thần hội đồng kén chọn sung vào để làm. Hết thấy các việc nên làm đều phải bàn luận cho kỹ, làm bản tâu lên, đợi Chỉ thi hành. Lại nữa, các nhân viên định lấy vào, không cứ là quan trong Kinh hay ngoài các tỉnh, người nào thực có tài năng về sử học, có thể làm nổi việc biên chép sử ấy, chuẩn cho được tiến cử, tâu xin sung vào”.

Đình thần tâu xin đặt 1 tổng tài, 1 phó tổng tài, 4 toàn tu, 8 biên tu, 4 khảo hiệu, 6 người đăng lục và 4 người thu chương kiêm biên sự. Nhưng chức chánh, phó

tổng tài xin để vua chọn, còn thì đều đình thần xin chọn lấy sung vào làm việc. Từ chức biên tu trở xuống đều cho ngồi ngay ở Quốc sử quán, chuyên làm việc ấy ; còn các viên toàn tu xin miễn cho không phải kiêm làm công việc của bản nha nữa, để cho có chuyên trách. Hằng ngày chiếu cấp lương cho ở Quốc sử quán (toàn tu 5 quan, biên tu 4 quan, khảo hiệu 2 quan, thu chương và đăng lục mỗi người đều 1 quan) và bút, mực, giấy, dầu, các hạng cần dùng.

Vua truyền đặt thêm chức tổng tài và phó tổng tài mỗi chức đều 2 viên. Cừ Văn Minh điện Đại học sĩ là Trương Đăng Quế, Đông các Đại học sĩ là Vũ Xuân Cẩn sung làm Tổng tài, Thượng thư bộ Công là Nguyễn Trung Mậu, Thượng thư bộ Lễ là Phan Bá Đạt sung làm Phó tổng tài. Cho thự Thị lang bộ Công là Đỗ Quang làm Hàn lâm viện Trực học sĩ, Án sát Thái Nguyên là Tô Trân làm Thái bộc Tự khanh, Án sát Nghệ An là Phạm Hữu Nghi làm Quang lộc Tự khanh, Lang trung bộ Hình biện lý công việc của bộ là Vũ Phạm Khải làm Hồng lô Tự khanh, đều sung vào chức Toàn tu ; còn từ chức Biên tu trở xuống đều cho đổi sang viện Hàn lâm. Đến ngày Sử quán làm việc, vua sai đường quan ở Nội các là Lâm Duy Thiếp mang Chỉ dụ đến tuyên đọc cho mọi người biết. Tờ dụ rằng :

“Đời nào dấy lên, tất phải có sử chép của đời ấy, cốt để thuật lại đức tốt của người trước mà lưu truyền lại cho đời sau. Nước nhà ta, vâng mệnh trời, mở vận nước, thánh thần truyền nối đã hơn 200 năm nay, các việc lễ, nhạc, hình, chính, tuy thời mà thêm bớt. Hoàng tổ, Thế tổ Cao hoàng đế ta, khai sáng cơ nghiệp trung hưng, chính mình làm cho trong nước thái bình, đất đai thống nhất, quy mô rộng xa. Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, gồm tài văn võ dọc ngang, sách lược rất rõ rệt, công liệt đáng nối theo, có thể chế chính đại công bằng, có tinh thần tác dụng co dãn, trong khoảng 21 năm, chính sự hay, pháp độ tốt, rành rành có thể ghi chép được. Năm Minh Mệnh thứ 2 [1821], bàn lập ra Sử quán, chọn sai các Nho thần làm bộ Thực lục của Liệt thánh và Hoàng tổ ta, bắt đầu từ Triệu tổ khi mới phát tích, đến các Liệt thánh gây nên cơ nghiệp ở cõi Nam, gọi là “*Tiền biên*”, từ trung hưng trở về sau, gọi là “*Chính biên*”. Các sử thần đã nhiều lần sửa chữa kỹ lưỡng. Nhưng sử đáng tin của đời thịnh trị còn phải khảo đính rất kỹ càng cho được thực chu đáo. Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, đức nhiều, công lớn, thấy chép ở các sách *Minh Mệnh chính yếu*, *Tiểu bình phương lược*, thì phép tắc quy mô lớn lao, tỏ rõ vằng vặc ; mà cả đến khi đi, khi đứng, câu nói, việc làm đều được quan Tả sử ghi rõ. Điều mục còn nhiều, cũng nên kịp thời chép lại cả.

“Ta kính theo quy mô của đời trước, noi theo việc làm của người xưa, phải nghĩ việc tập hợp lại thành sách, để tỏ bảo cho đời sau. Đã được chọn cử ra, phàm các viên nhân làm việc này đều phải kính cẩn công việc đã giao, hết lòng khảo đính, làm thế nào cho nói không quá sự thực, mà việc có bằng chứng, càng làm cho công

liệt của người trước được sáng thêm và để lại dạy dỗ cho người sau, làm bộ sử chép đáng tin của đời thịnh trị, mới không phụ lòng uỷ nhiệm của ta.

Lại ban cho bạc để thay cỗ yếm có thứ bạc (Tổng tài mỗi người 18 lạng bạc, phó tổng tài mỗi người 13 lạng bạc, toàn tu mỗi người 11 lạng bạc, biên tu mỗi người 8 lạng bạc, khảo hiệu mỗi người 6 lạng bạc, thu chương và đăng lục mỗi người 4 lạng bạc). Lại sai làm nhà công thự của chức toàn tu và nhà giải vũ dài của chức biên tu ở hai bên tả, hữu Quốc tử giám.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, năm Thiệu Trị thứ nhất [1841], mùa đông, tháng 11, đúc ấn “Thiệu Trị Thần hàn” bằng vàng (ấn hình tròn), đường kính [trong mặt tròn] 1 tấc 4 ly, dày 3 phân 1 ly, núm ấn đúc hình rồng cuốn, cao tất cả 1 tấc 4 ly, mặt ấn khắc 4 chữ triện : “Thiệu Trị Thần hàn”.

Tập *Ngọc điệp* làm xong. Thường bạc thay bữa tiệc yến cho Tổng tài Trương Đăng Quế trở xuống theo thứ bậc. Trước đây, những viên toàn tu, dâng lục chép về *Ngọc điệp* của Thánh tổ Nhân hoàng đế, trong bản mẫu có chỗ sai lầm (chép việc năm Minh Mệnh 21, tháng 12, ngày 28, lâm giờ Ất Hợi ra giờ Giáp Tuất). Vua ngờ, hỏi, bọn Quế xin chịu tội và nói rằng : “Sự lầm này nguyên lầm từ Nguyễn Văn Siêu thảo, bài văn bia ở Hiếu lăng trước đây, mà bọn toàn tu Lê Thúc Đôn theo chỗ lầm ấy thành ra lầm, xin giao để nghị tội cả”. Vua quả rằng : “Việc này quan trọng biết chừng nào, mà cầm bút chép lại có cái sai lầm như thế ! Nếu không qua trầm duyệt kỹ, tìm ra, thì chẳng là một sự lầm to à ? Nếu bảo rằng nguyên thảo văn bia là tự Văn Siêu ức đặc, không căn cứ vào đâu mà đặt ra, thì việc ấy thuộc về Lễ bộ phải chuyên coi, đình thần phải hội duyệt, Trương Đăng Quế đã kiểm xét lại, sao cũng cứ để y nguyên, khinh thường và cầu thả đến như thế ! Đáng lẽ nên giao cho bộ nghị tội nghiêm trị, nhưng nghĩ vẫn ở bia chưa dựng, bản mẫu chưa in xong, còn có thể khoan tha cho. Văn Siêu đã can về ấn khắc ⁽¹⁾ bị cách, không cần phải bàn nữa,

(1) Chỉ việc Nguyễn Văn Siêu làm phân khảo trường thi Thừa Thiên ngày tháng 8 năm Thiệu Trị thứ nhất [1841], can tội nói với quan Ngoại trường lấy đồ tên Trương Đăng Trình đã bị nội trường đánh hồng (*Thực lục, Đệ tam kỷ, XI, 14a*).

còn bọn Lê Thúc Đôn, Tôn Thất Cẩn và Nguyễn Khoa Học đều giáng 3 cấp, cho lưu tại chức. Đường quan ở bộ Lễ : Phan Bá Đạt, Trương Quốc Dụng, Hoàng Tế Mỹ, đều phạt lương 1 năm ; Trương Đăng Quế, Tôn Thất Bạch, đều phạt lương 1 năm ; Trương Đăng Quế, Tôn Thất Bạch, đều phạt lương 6 tháng”. (Năm ấy nhân có quốc tang, từ tổng tài trở xuống khi mới bái mạng, thì vận khăn áo đen ; khi Ngọc điệp làm xong, dâng lên, thì các đồ nhạc có đặt ra nhưng không tấu nhạc ; ban tiền để thay tiệc yến. Phàm những bản khởi thảo của toàn tu, chiếu lệ, đem đốt hết).

Sửa lại những miếu đế, vương các đời trước, miếu vua Lê Thánh Tông, miếu Quốc vương Chiêm Thành, miếu Đô thành hoàng ở Thừa Thiên, những tường xây quanh khu tịch điền và điện Quan Canh.

Án sát tỉnh Hải Dương, Bùi Cung Tiên (Cung Tiên nguyên làm Bố chính tỉnh Quảng Yên, bị giáng, bổ làm Án sát tỉnh Hải Dương) và Án sát tỉnh Quảng Yên là Vũ Viết Sĩ có tội, đều bị cất chức. Bọn Cung Tiên trước ở Quảng Yên, biên lần thuế bạc người nhà Thanh vào hạng được tha thuế, lại giảm nhẹ quan thuế làm thiếu hụt hơn 1.000 quan tiền. Đến bấy giờ bị chức Chương án ở Kinh phái đi sung chức Tổng lý thanh tra là Đặng Quốc Lang đem ra bẻ hạc. Cả hai đều bị giao bộ Hình định án : Cung Tiên bị tội lưu, Viết Sĩ bị phạt trượng và bị tội đồ. Khi án dâng lên, vua cho đổi lại : Cung Tiên bị phát đi làm lính ở đảo Phú Quốc, Viết Sĩ bị phát phối ra đồn tấn Đà Nẵng, đem sức để phục dịch. Sau, Cung Tiên kêu xin đổi phát đi quân thú ở Sơn Tây để cố sức làm việc, chuộc tội. Vua thuận cho.

Dùng Cai đội ở viện Thượng trà là Trần Hưng Khanh làm Phó vệ úy các đội quân. Dùng Chánh đội trưởng Trần Hưng Sơn làm Phó quản cơ, nhưng cho lưu lại coi giữ từ đường của họ Trần ; khi có việc triều hội, triệu thỉnh, phải vắng theo.

Cho Huyện hầu Tôn Thất Lệ Chung số binh theo hầu như lệ Huyện công, lại trích lấy thuộc binh 20 người thừa ra ngoài lệ được cho ấy sung làm bọn phục dịch đền thờ ở Anh Duệ viên.

Lấy : thự Vệ úy vệ Tả thủy tỉnh Hải Dương là Nguyễn Văn Ký làm Phó vệ úy vệ Hữu nhất, đạo Thủy sư Kinh kỳ; Phó vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh Hải Dương là Lê Công Bảo, thự chức Vệ úy.

Ngày Bính Thìn, sửa lại lăng Hiếu Đông. Sai bọn Thống chế Vũ Văn Giải, Chương vệ Hồ Văn Lưu, và thự Thị lang Nguyễn Văn Điển đứng coi việc làm. Trước lăng xây cột trụ, sau lăng xây tường chắn, cả đến những bờ khe ngòi trước mặt và những chỗ ngăn cấm ở chung quanh cũng đều xây bó cả. Hễ có mở rộng đến ruộng đất, phần mộ nhà nào, thì cấp trả cho tiền, vải.

Lĩnh chức Tuần phủ tỉnh Hà Tiên là Lương Văn Liễu đem việc biên giới tâu lên rằng : “Hạt tỉnh Hà Tiên ở hẻo lánh vào miền biển, đất liền bên cõi giặc, thật là

một địa đầu quan trọng xung yếu, thành trì chưa làm xong, tích trữ còn thiếu thốn, thế mà bọn giặc ngoài không dám dòm dò đến, thật là vì chúng kính sợ uy đức của triều đình, nhưng cũng vì có xứ Quảng Khai ở mặt ngoài và nước Cao Miên đã thân phục ta. Nay những binh đóng ở Quảng Khai, Trấn Tây đã lần lượt rút về thì việc phòng bị biên giới không thể nhãng bỏ được. Xin cho đặt một đồn bảo ở núi Lộc Giác, phái 500 binh đến đóng, lại đặt một đồn lớn ở bên sông nhánh Cái Lân, phái 1.000 binh đến đóng mãi ở đấy để ngăn giữ bọn thổ phỉ và chống giữ giặc ngoài”.

Vua quả rằng : “Xem lời tâu xin, tựa như để ý về việc phòng biên, nhưng xét kỹ ý nói, chỉ là muốn có nhiều quân để giữ mình thôi. Phải biết đại binh dời về An Giang, cũng vì trước nghĩ đến gốc, sau mới đến ngọn, nén giận nhỏ để tính mưu to, chứ không hề đem việc biên cương bỏ cả ra ngoài ý nghĩ. Các người có chức vụ giữ nơi biên khốn, nên để tâm làm cho mọi người yên tĩnh, lấy sự nghỉ binh, nuôi dân làm việc cần, nay vội muốn thêm binh, dựng đồn, rút cục có ích gì cho công việc ! Trước đây, bọn thổ phỉ nhỏ mọn làm nhộn nhạo rối ren, Hoàng Mãn Đạt đã bối rối, không biết sắp đặt, cầu viện khắp mọi nơi, đưa tờ vào tâu gấp, sau rồi cũng không có việc gì phải lo. Số binh đóng ở Quảng Biên phải rút về cũng là do Hoàng Mãn Đạt hấp tấp tính sai đó. Nay số binh hiện ở tỉnh đã có đến hơn 2.700 người, kể thật không phải là ít, lại còn muốn xin thêm 1.500 binh nữa để mưu đồ ngôi giữ, đó là bọn các người chỉ nghĩ mưu cho mình, không phải là vì việc nước. Năm trước, bọn giặc hời tanh đến lấn đất Hà Tiên, viên quan trấn thủ bỏ tỉnh, chạy trước, để cho chúng được chặn cướp lối sau. Nếu biết dùng đài Kim Dữ hiểm trở, cố giữ riết lấy thành, hơn nữa đem đại binh đóng cả ở An Giang, đặt thế ý giốc, đầu cuối tiếp ứng, thì giặc đâu có rất ngu chằng nữa, đâu dám khinh thường đi đến để nộp mạng ! Nay truyền cho bọn Lương Văn Liễu, Đinh Văn Huy và Hoàng Mãn Đạt, đương lúc này vô sự, phải nên vỗ về binh sĩ, luyện tập theo kỳ hạn, chiêu dụ dân lưu tán, cho về yên nghiệp làm ăn, ở núi Lộc Giác nguyên vẫn có đài Phong Hoả, nên cho sửa qua lại để có thể lên trông được rõ và ở những chỗ gần, chia quân ra làm ruộng, để làm cho việc tích trữ ở biên cương được đầy đủ. Lại còn đất Quảng Biên vốn tiếp giáp với Hà Tiên, nên thường sai người đi dò xét tin tức, nếu còn nên chia quân đến phòng giữ nơi ấy, thì tâu lên sẽ thi hành, không nên cho nơi ấy là đất bỏ đi”.

Tổng đốc Bình - Phú⁽¹⁾, Đặng Văn Thiêm, tâu rằng : “Trong tỉnh hạt giá gạo đắt, ở các chợ, những nhà nấu rượu mua vét thóc gạo rất nhiều, dân trong hạt liên miên họp nhau, uống rượu. Xin sức bắt triệt bỏ hết các phường hộ nấu rượu. Mỗi huyện chỉ cho để một lò nấu rượu gần chỗ huyện lỵ, nhưng phải do phủ, huyện kiểm tra, phạm dân gian có cần dùng rượu về việc tế lễ, thuốc men, chỉ được đến

(1) Bình Định và Phú Yên.

chỗ gấn, mua từ 1 cân trở xuống. Kẻ nào dám tự tiện nấu rượu, mua riêng, sẽ xử trị bằng trượng, cùm”.

Vua (coi lời tâu), dụ rằng : “Việc tâu cũng là một ý kiến thiên lệch, chưa được phải cả. Vẫn hay rằng nấu rượu quá nhiều thì không khỏi hư tổn thóc gạo, nhưng rượu có việc phải dùng, người ta vào đám, cúng lễ không thể không có rượu được. Năm trước, Khoa đạo đã từng đem việc này tâu lên, nhưng thánh Chỉ của Tiên đế không chuẩn cho (triệt bỏ). Gần đây, lại có người xin cấm dân gian quần tụ uống rượu, đã dụ cho các địa phương nhắc rõ các điều cấm và thường răn bảo thêm để cho mọi người không uống đến quá say, bỏ việc, là được. Và chẳng, làm chính trị cốt ở người, quan trên các địa phương cho đến các phủ, huyện sở tại, nếu biết thể theo lòng trăm, chăm sự khuyên bảo khiến dân theo việc nông, tang, ai nấy đều chăm lo nghề mình, thì có thể làm cho biết theo lẽ phải, đâu còn rồi đến tụ họp uống say ! Ấy tức là không cấm mà cấm đó. Nay lại muốn cho các nhà bán rượu đều triệt bỏ hết, chỉ ở gấn quan sở mới được đặt lò nấu rượu mà lại phải do phủ, huyện kiểm tra, như thế thì lập một khuôn phép sẽ có một mối tệ sinh ra. Đâu lại có dân trong một phủ, một huyện phạm nhà nào gặp ngày cúng lễ đều phải qua phủ, huyện (mới mua được rượu), chẳng những đã là sự phiền não, lại còn bị bọn lại, lệ ở phủ, huyện làm nhiều nữa ! Thế thì việc nấu lậu, mua riêng, chưa chắc đã cấm tiết được, mà dân gian đã chịu không biết bao nhiêu nỗi khốn khó. Nay chỉ nên nhắc rõ lời dụ trước và chuyển sức cho các phủ huyện thuộc hạt, thường phải gia tâm dẫn bảo, khiến dân ta biết phải hạn chế, không nấu rượu nhiều để cho hao tổn đến thóc, không uống quá say để cho hại đến công việc, tự nhiên ngày một trở nên thói tốt. Đó là việc trong chức phận ở địa phương của các người, nên khéo suy nghĩ mà làm, mới được”.

Cho triệu bọn thự Lãnh binh tỉnh Vĩnh Long Lê Khoan Mạnh, Phó lãnh binh Lê Quang Quảng, Lãnh binh Trấn Tây Nguyễn Văn Hoà, Lãnh binh Nguyễn Văn Đức, quyền lĩnh Lãnh binh tỉnh Hà Tiên Đoàn Quang Mật và Quản cơ Hữu cơ tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Hỉ về Kinh đô.

Cho : Quản cơ Hữu cơ tỉnh An Giang là Mai Văn Tích làm thự Lãnh binh tỉnh Hà Tiên, Lãnh binh tỉnh Hà Tiên là Nguyễn Văn Thái làm Lãnh binh tỉnh Bình Thuận ; Lãnh binh tỉnh Bình Thuận là Nguyễn Sáng làm Chương vệ, tác vi Phó lãnh binh tỉnh Định Tường ; Vệ úy vệ Hữu bảo Nhị là Nguyễn Văn Hoàng làm chức Lãnh binh tỉnh Vĩnh Long ; Quản cơ Long tường Trương Văn Tiến làm chức Vệ úy vệ Tả bảo Nhị ; thự Vệ úy ở Hữu vệ dinh Long võ Vũ Đình Đàm làm Phó lãnh binh tỉnh Vĩnh Long ; Phó vệ úy Lê Văn Dũng làm Phó vệ úy Hữu vệ dinh Long võ ; Phó lãnh binh Trấn Tây Tôn Thất Mậu, làm Phó lãnh binh tỉnh An Giang ; Phó lãnh binh Trấn Tây, Nguyễn Tiến Phúc, làm Phó lãnh binh tỉnh Bình Định ; Phó lãnh

binh tỉnh Hưng Hoá là Nguyễn Văn Thanh cải bổ chức Phó vệ úy Tả vệ dinh Tiền phong, Quản cơ Hữu cơ tỉnh Hà Tiên là Phạm Sĩ làm Phó vệ úy vệ Cẩm binh, giữ đồn bảo Vĩnh Thông.

Cho thự Lang trung bộ Lại Phan Tĩnh, làm thự Lang trung phủ Nội vụ, hội đồng với Lê Bá Đĩnh hộ lý việc quan phòng phủ Nội vụ.

Đổi tên chùa Sùng Ân ở Hà Nội làm chùa Hoàng Ân. Chùa này ở phường Quảng Bó ⁽¹⁾ tỉnh Hà Nội, nguyên tên là Long Ân, do bà Ngọc Tú, công chúa triều trước, dựng ra. Năm Minh Mệnh thứ 2 [1821], vua ra Bắc, cho tên chùa này là Sùng Ân. Tới đây, vì tránh tên điện (nhà vua, có chữ “Sùng”), mới đổi tên thế. Và sai viện Hàn lâm soạn lại văn bia để ghi việc này.

Thượng thư bộ Lễ là Phan Huy Thực về hưu. Thực ở bộ Lễ gần 30 năm, đến đây gặp kỳ đại kế ⁽²⁾, Thực vì già ốm, được về hưu. Vua nghĩ thương Thực là người kỳ cựu, cho 200 quan tiền, một bộ triều phục và sai con của Thực là Phan Huy Vĩnh, hiện làm thự Lang trung, đưa Thực về quê.

Vệ úy Thủy vệ, tỉnh Quảng Trị là Phạm Văn Tứ, theo niên lệ, được về hưu. Tứ có công ở Vọng Các, vua cho chi cấp một nửa lương như lệ định và cấp thêm cho 50 quan tiền (Tứ người làng Đăng Xuyên, huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định).

Định giá những kim tiền và ngân tiền thời Minh Mệnh và Thiệu Trị. Phạm bên ngoài các nơi mua, đổi đều chiếu theo một giá đã định. Nếu có ai tình nguyện nộp tiền ấy vào Nhà nước thì sẽ cấp trả bằng tiền, nếu đem nộp vào thuế khoá thì sẽ tính theo bằng số chính ngạch.

1. Tiền thời Minh Mệnh : đồng kim tiền “Vạn sự như ý”, nặng trên dưới 1 đồng cân, trị giá 10 quan tiền ; đồng kim tiền “Tam đa” nặng 1 đồng cân, 6 phân, trị giá 13 quan, nặng 1 đồng cân 7 phân, trị giá 14 quan, nặng 1 đồng cân 8 phân, trị giá 15 quan, nặng 1 đồng cân 9 phân, trị giá 16 quan, nặng 2 đồng cân, trị giá 17 quan ; đồng kim tiền “Phú thọ đa nam” nặng 5 đồng cân, trị giá 43 quan, nặng 4 đồng cân, trị giá 34 quan, nặng 3 đồng cân, trị giá 26 quan.

2. Tiền thời Thiệu Trị : đồng kim tiền “Phi long” hạng lớn, nặng 7 đồng cân 2 phân, trị giá 60 quan, hạng nhỏ nặng 3 đồng cân 5 phân, trị giá 30 quan ; đồng kim tiền “Song long” hạng lớn, nặng 7 đồng cân, trị giá 60 quan, hạng vừa nặng 3 đồng cân 5 phân, trị giá 30 quan, hạng nhỏ nặng 2 đồng cân, trị giá 17 quan. Các đồng kim tiền “Tam đa”, “Bát bảo”, “Vạn sự như ý” mỗi đồng nặng 1 đồng cân đều trị giá 10 quan ; đồng ngân tiền “Song long” hạng lớn nặng 7 đồng cân, trị giá 4 quan,

(1) Nay là Quảng Bá.

(2) Đại kế : kỳ xét thưởng, phạt các quan lại.

hạng vừa nặng 3 đồng cân 5 phân, trị giá 2 quan, hạng nhỏ nặng 2 đồng cân, trị giá 1 quan ; ngân tiền “Phi long” hạng lớn nặng 7 đồng cân 2 phân, trị giá 2 quan, hạng nhỏ nặng 3 đồng cân 5 phân, trị giá 1 quan ; các ngân tiền “Tam đa”, “Vạn sự như ý”, “Nhật, nguyệt tinh vân” mỗi đồng nặng 1 đồng cân, đều trị giá 3 tiền.

Tại hạt Quảng Nam có tàu của người Phú Lãng Sa vào đỗ ở vụng Trà Sơn, chúng lên bờ cặng bạt, [đóng quân], bắn hơn 60 phát súng lớn. Lãnh binh Nguyễn Đức Chung không ngăn cấm nổi, chỉ bắn đáp lại ba phát súng mừng. Thự Tuấn phủ Phạm Duy Trinh cũng không biết làm thế nào được. Khi Thị vệ Hoàng Bá Bằng đến nơi, bảo cho biết rõ có điều luật cấm, người Lãng Sa không dám trái lại, liền xuống tàu dời đi. Việc này khi vua biết, Đức Chung và Duy Trinh đều bị phạt.

Dời đặt lý sở hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận ra ngoài thành Hà Nội (trước đây, hai huyện lý vẫn ở trong thành).

Lãnh Tuấn phủ tỉnh An Giang Nguyễn Công Trứ và thự Đề đốc tỉnh Vĩnh Long Đoàn Văn Sách dời quân ra bên sông Vĩnh Tế, tàu lên rằng : “Vĩnh Tế là đường vận tải thông báo của tỉnh An Giang, phía bắc sông này liên tiếp với Thất Sơn, phía nam sông này liên tiếp với các núi Sâm Đăng, Chân Sâm, Bà Đê, Cẩn Thế, Lẹ Chân, phàm những đường có thể qua lại, bọn thổ phỉ đều dựa vào chỗ hiểm, đặt đồn làm chước cố giữ. Gần đây, không thấy chúng ra vào, là vì từ bờ sông đến chân núi phần nhiều là ruộng hoang, lại có nhiều khe ngòi, sau kỳ tháng 8 nước lụt sâu dần, những thứ cỏ nước mọc lan dài ra, đi qua sẽ bị vướng vít. Nếu đến cuối mùa đông, khô ráo, một mớ lửa đốt cháy sạch mặt đất, chúng tất lại đến quấy nhiễu. Thất Sơn chưa dẹp yên, vẫn còn làm ngăn trở cho phía sau sông Vĩnh Tế, nên một phen hết sức tiểu trừ để tuyệt hết mối lo về sau. Nay từ bờ sông vào phía trong, còn có nước đọng, nếu số quân tiến tiểu nhiều thì chia làm 5 đạo, do những đường qua Vĩnh Tế, Tinh Biên, Tiên Nông, Vĩnh Thông, Vĩnh Gia cùng tiến lên. Nếu số binh ít thì chia làm 3 đạo, 1 đạo do đường thủy qua Mặc Cẩn, rồi ra phía sau Xoài Tồn, còn bộ binh do núi Lẹ Sam, chia làm 3 đạo ; thế thì bọn thổ phỉ không thể trông nom được cho nhau, ta có thể dẹp yên hết. Xin cho điều động những binh 5 vệ Long võ, Trung bảo, Tả bảo, Thần cơ và Tiên bảo đang lưu thứ ở các tỉnh, kíp đi tới để kịp ngày hội tiểu, chắc trong một vài tháng có thể xong việc được”.

Vua dụ rằng : “Thất Sơn ở sau lưng Vĩnh Tế, tuy gọi là hiểm trở, nhưng chỗ đó bọn giặc tụ tập chẳng qua chỉ là những bọn linh tinh còn sót, ẩn nấu để sống qua ngày, xưa nay chưa từng dám đến quấy nhiễu chỗ quan quân đóng. Nay nếu đem biên binh 5 vệ đến đó chinh tiểu, thì đường rừng nhiều ngã, chưa dễ đi cùng kiệt trong núi mà tìm bắt được loài thú ! Chỗ núi mọc liền, quanh khắp, trong đó những lối đi tắt, bọn chúng đã biết rõ cả ; quân ta tấn công, chúng sẽ dời bên này trốn sang

bên kia, làm sao có thể chụp bắt được, mà dám nói khinh dị như thế ! Huống chi quan lính thú, mới đến chưa kịp nghỉ sức, nay vội đem dùng, há chẳng làm cho binh sĩ chịu quá mỏi mệt ? Và lại, việc phòng giữ mùa đông sắp tới, nếu có giặc ngoài dòm thấy chỗ hở mà kéo đến thì giữ sao cho toàn được ? Sao chẳng bằng hãy dồn sức, trước hết dẹp cho dải đất Ba Xuyên chóng được yên hẳn, rồi sau sẽ dời binh đến Thất Sơn, thừa thắng tiến đánh thì cái đất nhỏ bằng hòn đạn, nốt ruồi ấy trốn đi đâu được ? Phàm mưu quý ở chỗ được vạn toàn, không nên nghĩ ở sự cầu may, dùng binh cốt tính cho đúng kế, không nên vội cầu lấy công thiển cận. Nay truyền cho Nguyễn Công Trứ và Đoàn Văn Sách hãy xét trong hạt mình, phòng bị cho nghiêm, nên để lính thú lưu lại An Giang nghỉ ngơi cho được rồi sức”.

Đầu mục giặc là tên Cơ bị chịu tội giết chết. Tên Cơ, trước đây, nhận danh mục nguy, giết hại Bố chính Trần Tuyên. Tới đây, người thổ dân là Kim Sâm, Kim Hồng bắt được Cơ, giải nộp . Vua sai đem xử cực hình, thưởng cho bọn Sâm 100 quan tiền. Thu được án triện, cờ, bài đem về bộ nộp.

Trước kia, quan quân từ Trấn Tây trở về, tên Yểm tình nguyện tập hợp bọn thổ dân lại, sung làm tiền khu đến nay, Phạm Văn Điển và Nguyễn Công Trứ đem Yểm đi Lạc Hoá, sai ở đồn Bắc Trang chiêu dụ bọn thổ phỉ và tư sang tỉnh Vĩnh Long chọn cất 5 viên suất đội ở đội Long nhuệ đi theo để Yểm sai khiến. Bố chính Lê Khánh Trinh không chịu cho. Không bao lâu, bọn thổ phỉ phần nhiều do Yểm mà ra hàng, tranh nhau đưa đồ tặng Yểm, lại có kẻ gọi Yểm là quân trưởng nữa. Vua nghe biết việc ấy, nói rằng : “Bọn thổ phỉ ở Lạc Hoá, qua những lần tiến tiểu, phá đến tổ, hang, tan nát không còn sót, kể cùng, sức nhụt, chúng tất phải đến các đồn đầu thú, dù không có tên Nặc Yểm, chúng cũng chẳng trốn đi đâu được. Huống chi thổ dân ở Lạc Hoá lệ thuộc vào bản đồ và sổ sách của triều đình đã lâu năm, vốn cách biệt hẳn với xứ Trấn Tây, thì có can thiệp gì với Yểm, mà bọn quân thú vội giao cho Yểm việc đi chiêu an ? Há chẳng phải vì trước đây xin về, không có được một chút công, nên nay muốn mượn việc này sai đi lập công để tự gỡ lỗi trước hay sao ? Thậm chí lại tư sang tỉnh Vĩnh Long chọn giao 5 suất đội ở đội Long nhuệ để theo Yểm đi chiêu dụ, thì ý kiến sao lại sai lầm đến thế ! Để đến nỗi bọn chúng khoản tiếp lẫn nhau, xưng hô bậy bạ, các người cũng muốn “dạy loài khi trèo cây” hay sao ? Không ngờ những viên quan to ở quân thú mà kiến thức đến như thế !”.

Vua bèn sai truyền Chỉ xuống quở (bọn quân thú) và thưởng cho Khánh Trinh được khai phục một cấp. Nhân lại sai bọn Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Công Trứ đem Yểm đi theo quân thú, giao cho đi chiêu dụ dư đảng ở Thất Sơn và thổ phỉ ở các xứ Phong Nhương, Nghi Hoà phải mau quay đầu về với triều đình để liệu lập công báo đáp.

Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Tri Phương đánh phá tan bọn thổ phỉ ở Sóc Sam. Vì bấy giờ bọn thổ phỉ ở Ba Xuyên lại nổi lên, Tiến Lâm và Tri Phương dời binh từ Lạc Hoá đến đánh, thừa thắng tấn công đến Trà Tâm, Sóc Trăn, bọn phỉ sợ oai phong, đều trốn, lại chạy về Sóc Sam, đặt đồn, đắp lũy, dựa chỗ hiểm để cầm cự. Nguyễn Tiến Lâm đánh vào bên tả, Nguyễn Công Nhân đánh vào bên hữu, Nguyễn Tri Phương đánh vào phía giữa, Nguyễn Lương Nhân chặn ở mặt sau. Bọn giặc hơn 2.000 tên giữ lũy chống đánh. Lãnh binh Nguyễn Văn Hoàng, Vệ úy Nguyễn Văn Y cùng với giặc đánh sát vào nhau, mỗi người chém được 1 đầu giặc. Hoàng bị giặc bắn trúng tay trái, Y cũng bị đạn bắn vào chân phải, hai người đều bó buộc vết thương rồi lại đánh. Quản cơ Trương Tiến, phó cơ Hồ Đức Từ đánh rất hăng hái. Phó cơ Lê Ngụy, gia hàm Phó cơ Mai Văn Điền, và Bang biện Phó cơ Lê Đức xông lên trước, đâm giết quân giặc. Bọn giặc liền tan rã [Quan quân] bắt sống được 36 tên, chém được 89 đầu, bắn chết được 293 tên. Quân ta lòng bất, giặc ở các sóc có kẻ tự đốt mình chết, có kẻ tự vẫn, còn thì đều bỏ nhà mà chạy.

Vua nghe tin thắng trận, thưởng Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Công Nhân mỗi người một quân công 1 cấp và mỗi người 1 nhẫn vàng, mặt thủy tinh, 1 đồng kim tiền và 1 đồng ngân tiền đề chữ “Phú thọ đa nam”, có dây đeo ; Nguyễn Lương Nhân, Tôn Thất Nghị mỗi người được quân công kỷ lục 3 thứ, 1 đồng kim tiền “Song long” hạng nhỏ, có dây đeo và 1 nhẫn vàng, Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Văn Y mỗi người được quân công 1 cấp, 1 cái nhẫn vàng, 1 ngân bài và 10 lạng bạc ; Trương Tiến được quân công 1 cấp ; Hồ Đức Tú thăng thự Quản cơ, lại thưởng cho mỗi người 1 đồng kim tiền “Song long” hạng nhỏ, có dây đeo, và 1 nhẫn vàng ; Lê Ngụy, quân công kỷ lục 2 thứ, 1 đồng kim tiền “Phú thọ đa nam” hạng nhỏ, có dây đeo ; Mai Văn Điền thăng phó quản cơ, lại thưởng cho 1 cái nhẫn vàng ; Lê Đức, quân công kỷ lục 2 thứ và 1 cái nhẫn vàng. Còn những người khác có công trạng vào việc này đều được thưởng kỷ lục và ngân tiền có thứ bạc. Biên binh các đạo được thưởng chung 2.000 quan tiền. Vua nhân sai Nguyễn Tiến Lâm và Tôn Thất Nghị đóng ở đồn bảo tuý cơ dẹp bắt hoặc phủ dụ ; Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Công Nhân, Nguyễn Lương Nhân ở lại tỉnh An Giang, hội đồng với bọn Phạm Văn Điền, Nguyễn Công Trứ bàn định, làm việc.

Lãnh Tuân phủ tỉnh Hà Tiên Lương Văn Liễu tâu lên rằng : “Thám biết tên Giun sắp đem thổ binh kéo sang đây sông Vĩnh Tế, tên Ôn Xi Ma sẽ đem thổ binh quấy rối khắp Hà Tiên, lại có hơn 10 chiếc thuyền của nước Xiêm đến đóng ở hòn Ô Mai thuộc Khai Biên để chực xâm lấn quấy rối”.

Vua phán rằng : “Giặc Xiêm muốn mưu đồ dòm vào chỗ hở, giúp bọn làm bậy, tin này chắc cũng không sai. Hiện nay đương vào kỳ phòng giữ mùa đông, nên gia sức nghiêm ngặt chống giữ để vững biên giới”. Vua bèn sai thự Lãnh binh Mai Văn Tích

và Đoàn Quang Mật hiệp sức cùng giữ bảo Vĩnh Thông ; Phó lãnh binh Tôn Thất Mậu giữ núi Lộc Giác kiêm việc sai binh giữ đồn Chu Nham ; Lĩnh Tuân phủ tỉnh An Giang Nguyễn Công Trứ và Lãnh binh An Giang Nguyễn Lương Nhân chia giữ Tiền, Hậu Giang ; thự Đề đốc tỉnh Vĩnh Long Đoàn Văn Sách giữ sông Vĩnh Tế. Lại sai Tổng đốc Định - Biên⁽¹⁾ Lê Văn Đức chuyển sức cho Lãnh binh Ngô Văn Giai đóng giữ bảo Tây Ninh và Bố chính tỉnh Định Tường Trương Văn Uyển chọn sai 1 viên quân vệ cơ đóng ngăn giữ đồn Thông Bình hoặc đồn Hùng Ngự⁽²⁾. Bọn Nguyễn Văn Hoà, Nguyễn Văn Thai, Nguyễn Văn Đức, Lê Quang Quảng, Lê Khoan Mạnh, Nguyễn Tiến Phúc, Nguyễn Hí, Tạ Văn Linh trước đây đã có chỉ tuyên triệu về Kinh, nay chuẩn cho đều ở lại tỉnh, tùy việc chia sai đi làm. Các tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, đều phải sửa sẵn thuyền tàu, chiều mộ nghĩa binh để dự bị khi cần đặt. Lại truyền bảo Phạm Văn Điển, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Công Trứ, Đoàn Văn Sách, Nguyễn Công Nhân và Nguyễn Lương Nhân phải cùng bàn nhau chia đi ra các đường hiểm yếu ở Tiền, Hậu Giang và đường Đông từ Vĩnh Tế đến Hà Tiên, ngăn giữ cho nghiêm cẩn, tùy theo tình thế hoãn hay cấp, nên đánh hay nên giữ, cho phép được tiện nghi làm việc".

Cho : thự Án sát tỉnh Biên Hoà là Hồ Bảo làm Án sát tỉnh Nghệ An, nguyên tuyên phủ sứ Hải Tây, Hồ Ngọc Tài, làm Án sát tỉnh Biên Hoà, hội đồng với Bố chính Đỗ Huy Cảnh hộ lý án quan phòng của Tuần phủ tỉnh ấy. Lại cho Án sát tỉnh Cao Bằng, Phạm Gia Kỳ làm Án sát tỉnh Thái Nguyên, viên Lang trung ở Nội vụ, Lê Văn Du, làm Án sát tỉnh Cao Bằng.

Chế, cấp cho Tôn nhân phủ ấn bằng ngà và dấu kiếm bằng ngà (hình thức cũng như ấn, dấu của sáu bộ). Từ nay phàm khi vua đi tuần hành ngoài 100 lý hay ngự giá đi các địa phương trong Kinh kỳ vài ngày trở về, đều cho mang theo để dùng. Ban bố việc này làm lệnh.

Cho Vệ úy vệ Minh vũ dinh Thần cơ, Dương Đình Lâm, bổ làm Phó lãnh binh tỉnh Quảng Nam ; thự Vệ úy vệ Hà Nội, Lê Văn Sinh, thăng bổ Phó Lãnh binh tỉnh Hưng Hoá ; thự Phó vệ úy vệ Nghi vũ dinh Long võ, Tôn Thất Chung, bổ làm Phó vệ úy Tiền vệ dinh Thần cơ ; Phó vệ úy Thủy vệ tỉnh Khánh Hoà, Nguyễn Hùng, thăng làm Phó vệ úy vệ Tả nhất, dinh Tả dục, quân Vũ lâm ; Vệ úy vệ Tả thủy tỉnh Nghệ An, Phan Phái, thăng thự Vệ úy Tả vệ dinh Long võ ; Thành thủ úy tỉnh Phú Yên, Hoàng Văn Đức, thăng thự Phó vệ úy vệ Minh vũ dinh Thần cơ ; sung Phó lãnh binh tỉnh Vĩnh Long, Lê Quang Quảng làm Vệ úy Tả vệ dinh Hùng nhue ; thự Lãnh binh tỉnh Vĩnh Long, Lê Khoan Mạnh làm thự Vệ úy vệ Hậu bảo Nhất ở Hậu quân ;

(1) Định Tường và Biên Hoà.

(2) Hai đồn này đều ở phía thượng du tỉnh Định Tường.

nguyên Phó lãnh binh Sơn Tĩnh là Nguyễn Văn Đức làm thự Vệ úy vệ Tiền nhị, dinh Hữu dục quân Vũ lâm ; Quán cơ ở Hữu cơ tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Hí làm Phó vệ úy vệ Trung nhị dinh Hữu dục quân Vũ lâm. Lại cho Tôn Thất Đàm làm Vệ úy vệ Loan giá, Nguyễn Văn Nghĩa làm Phó vệ úy vệ Trung nhất dinh Tả dục quân Vũ lâm, còn Vệ úy Hậu vệ dinh Tiền phong Nguyễn Văn Lược thì điều bổ làm Vệ úy vệ Tiền nhất quân Vũ lâm.

Lĩnh Tuấn phủ tỉnh An Giang là Nguyễn Công Trứ nghe Hà Tiên có tin cảnh báo, liền quản đốc biển binh đi sang để hội hợp chống giữ, lưu Đoàn Văn Sách ở lại ngăn giữ bảo Vĩnh Thông và tâu lên nói : “Hà Tiên là đất xung yếu, phía đông giáp tới Đông Hồ, đông nam tiếp giáp với biển, có thể dựa vào thế hiểm trở thiên nhiên ấy được, duy hai mặt Tây, Bắc, đường bộ đi thông ba ngã, mà đồn Chu Nham, cách tỉnh vài chục trượng, chỗ lũy đất đặt súng cùng đối diện nhau, bắn ra không tiện. Xin cho đặt vài ba cỗ súng lớn ở trên núi Bình Sơn trong lũy để khống chế mặt Tây, Bắc. Lại ở trên núi Tô Châu dựng một vọng lâu, đặt 2 cỗ súng lớn để khống chế mặt Đông Nam. Và triệt bỏ đồn Chu Nham để cho đỡ bớt binh lực”. Vua nghe theo lời tâu ấy. Không bao lâu, Trứ lại đem binh về sông Vĩnh Tế. Nguyễn Tri Phương ở An Giang nghe Hà Tiên có động, cũng đem binh sang cứu giúp ; khi tới nơi, không thấy tin tức gì về giặc Xiêm, Phương lại chuyển về Vĩnh Long.

Vua cho rằng : bọn thổ phỉ ở Ba Xuyên, Lạc Hoá đều đã dẹp yên, duy những tên đầu sỏ vẫn chưa bắt được để xử trị, mới sai Tri Phương và Nguyễn Tiến Lâm đều phái người đi lùng bắt. Ai bắt hay chém được những tên : Trần Lâm, Hoàng Vĩnh Xuân, Lâm Sâm, mách báo hay giải nộp đều chiếu theo lệ thưởng, cấp cho.

Gia hàm úy cho Phó vệ úy Tả vệ dinh Thần cơ Tôn Thất Năng, điều bổ làm Phó vệ úy Trung vệ ; lại thưởng cho đồng kim tiền “Song long” hạng vừa. Năng giỏi về nghề bắn, nhiều lần theo đi đánh dẹp, có công ; Tôn nhân phủ tâu xin khen thưởng, nên được mệnh vua cho như thế.

Chế ấn quan phòng bằng đồng cấp cho Đề đốc hai tỉnh Vĩnh Long, An Giang.

Cho Án sát tỉnh Bình Định là Đặng Huy Thuật làm thự Bó chính tỉnh Quảng Yên, Lang trung bộ Binh Hồ Thiện, làm Án sát tỉnh Quảng Yên, Lang trung bộ Công là Tôn Thất Phiên, làm Án sát tỉnh Bình Định ; Lang trung bộ Hình là Đào Đức Cơ làm Án sát tỉnh Hải Dương, thự Chương ấn ở Hình khoa Nguyễn Văn Chấn làm thự Án sát tỉnh Quảng Nam.

Ngự y ở viện Thái y Trịnh Văn Nho, vì già ốm, về hưu. Vua sai Đại lý tự Thiệu khanh Vũ Hữu Quýnh kiêm giữ chức Ngự y viện Thái y.

Triệu các viên Lãnh binh tỉnh Quảng Nam là Dương Đình Lâm, thự Án sát tỉnh Quảng Trị là Nguyễn Văn Đạt, thự Lãnh binh tỉnh Nghệ An là Đồng Bá Huyền, Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Công Hoán về Kinh đợi ngày lễ Tiểu tường ⁽¹⁾.

Sai : biện lý bộ Hộ là Lê Văn Thu đi thuyền Kim loan sang Giang Lưu Ba ; thự Lang trung bộ Công là Đỗ Mậu Thường đi thuyền Linh phượng, và Lang trung ở Vũ khố Nguyễn Đăng Khiêm đi thuyền Thụy long sang Hạ Châu ⁽²⁾ có việc công.

Cho Trương Cẩm làm Vệ úy vệ Hữu nhị dinh Hữu dục quân Vũ lâm. Dùng Nhị đẳng thị vệ Vũ Huy Dụng làm Phó vệ úy vệ Cẩm binh, nhưng vẫn lĩnh chức Thị vệ kiêm coi các đội, thự Hoà thanh và Thanh bình thuộc viện Thượng trà.

Đồng phủ Khoái Châu Phạm Văn Ái dâng sách *Cổ Lê hội điển* 故黎會典 (1 tập), nguyên Tri phủ Hoài Đức là Ngô Cao Lãng dâng sách *Cổ Lê sự tích* 故黎事跡 (4 tập) và người huyện Diên Hà, tỉnh Hưng Yên tên là Dương Văn Thước dâng sách *Cổ Lê chiếu lệnh* 故黎詔令 (1 tập). Vua thưởng cho mỗi người 5 đồng ngân tiền “Phi long” hạng lớn.

Quan tỉnh Bắc Ninh tâu lên, nói : “Đội Bắc dưng thuộc hạt tỉnh này, trước đây đã đem nhập vào cơ Thái hùng ở trong kiêm hạt, từ khi đổi thuộc vào cơ ấy đến nay, vì không quen thủy thổ, nhiều người bỏ trốn hoặc bị chết. Nay tỉnh Thái đã tuyển thêm được binh lính đủ để sai phái. Vậy xin lại cho đội Bắc dưng ấy đổi thuộc về đội thứ bảy, cơ Bắc hùng, tỉnh Bắc Ninh để cho người với đất ở hợp nhau”. Vua bằng lòng cho.

Đình việc đặt đồn ải ở Tam Điệp. Khoảng năm Minh Mệnh trước đây, có bàn đặt thêm đồn canh ở Tam Điệp, tới nay quan tỉnh tâu lên, nói : “Núi Tam Điệp ở chỗ hai tỉnh giáp nhau, địa thế tuy là hiểm trở, nhưng hai bên tả, hữu, chỗ chân núi vẫn có đường thủy, đường bộ đi tắt qua được, nếu chỉ đặt chung một đồn canh ở chỗ ấy cũng là vô ích. Về những chỗ : đồn Biển Sơn ở tỉnh Thanh, bảo Lý Nhân ở tỉnh Ninh Bình, xin cứ cho đóng giữ như cũ, không nên đặt thêm đồn ải nữa, duy có số binh nguyên trước phái đi đóng giữ hơi ít, xin phái đi đóng thêm ở mỗi chỗ 50 người nữa và giao cho những viên coi các đồn bảo ai nấy chiếu theo các chỗ đường tắt chia sai người đi tuần thám, nếu có động thì thông báo lẫn nhau, để sẵn sàng phòng bị”. Vua thuận cho.

Cho : thự Lang trung bộ Lễ, Phạm Thế Trung, làm Lang trung bộ Hộ, biện lý việc bộ ; Chương ấn Lại khoa Trần Văn Triện làm Lang trung bộ Binh.

Trước kỳ tiết Thánh thọ, bộ Lễ bàn xin miễn việc Khánh hạ. Vua nói rằng : “Trong năm có quốc tang, ba kỳ tiết lớn, lễ châu mừng vua đều miễn, đó là hợp lễ.

(1) *Tiểu tường* : Giỗ đầu. Đây chỉ ngày giỗ đầu Minh Mệnh.

(2) *Hạ Châu* : tức Xin-ga-po.

Còn việc vui mừng Thái hoàng Thái hậu, lễ điển phải nên long trọng. Ngày tiết Đoan dương năm nay ở vào trước khi chưa an táng Tiên đế, nên miễn việc châu mừng, đó là theo ý Thái hoàng Thái hậu. Nay việc để tang đã gần đầy một năm mà gặp ngày lễ khánh tiết, nên theo cát lễ, chiếu lệ trước mà làm, mới hợp tình, hợp lễ”.

Trước hôm làm lễ một ngày, vua đến cung Từ Thọ, hầu tiệc yến, dâng dưa, pha canh, rót rượu chúc mừng, Thái hoàng Thái hậu khen và vui lòng. Đến ngày lễ, vua đội mũ Cửu long, mặc Hoàng bào, đeo đai ngọc, cầm ngọc Trấn khuê, thân đem các quan đến cung Từ Thọ, làm lễ Khánh hạ. Duy có các đồ nhạc đặt ra nhưng không tấu nhạc, cùng là lệ trước một ngày cho mọi người ăn tiệc và treo đèn trên các cửa đều tạm đình miễn, năm sau cũng thế.

Định những việc nên làm trong khi vua đi tuần du ra Bắc. (Nguyên bản định :

1. Về đại lễ tế Giao, cử hành vào thượng tuần tháng giêng năm sau.

2. Trước kỳ vua đi Bắc tuần, làm lễ cáo các miếu, điện Phụng Tiên, điện Hiếu Tư, hầu thăm cung Từ Thọ, tới yết các lăng Hiếu lăng, Hiếu Đông, tế cáo thần Kỳ đạo.

3. Trước kỳ Bắc tuần, đem điển lệ về việc vua ra Bắc bố cáo cho trong Kinh đô và các tỉnh ngoài đều biết. Chọn cát hoàng tử lưu Kinh, quan đại thần lưu Kinh, quan đại thần theo nơi hành dinh, quan đại thần thị vệ và chọn ngày tốt thiết triều ở điện Cần Chính, ban cấp các sắc thư. Hoàng tử lưu Kinh và các đại thần làm lễ bái mạng, hoàng thân và các quan làm lễ bái tống.

4. Phàm các hoàng tử, hoàng thân và bách quan đi hộ giá hoặc lưu Kinh, trước khi vua đi Bắc tuần, phải do Tôn nhân phủ và hai bộ Lại, Binh phân biệt lập thành danh sách đưa lên trình vua sẽ ban cấp những thẻ bài bằng vàng, bạc, ngà, sừng cho mọi người.

5. Từ Kinh đô ra Bắc đến hành tại Hà Nội, phàm những hành dinh ở các tỉnh hạt và những chỗ nghỉ trưa, ngủ đêm ở dọc đường cùng là từ bến sông Hà Nội trở lên phía bắc đến cửa ải Lạng Sơn, phàm những trạm, quán, những đường thủy, bộ, cầu, cống đều do các quan địa phương theo cách thức của bộ đưa cho, sửa sang chỉnh bị trước, đến nhật kỳ, bày đặt nghi thức cho đủ và do bộ Công, trước nhật kỳ ấy, tâu xin phái người coi lại cho được ổn đáng, lại tư cho các địa phương sở tại : mỗi trạm lựa chi tiền công mua sẵn chiếu tiến, đèn, dầu và súc bát dân phu dự bị củi, nước để cung ứng.

6. Phàm những biển binh, voi, ngựa đi hộ tòng hay lưu giữ Kinh thành đều do bộ Binh tâu cất, nhưng trước kỳ Bắc tuần phải tâu xin vua ngự duyệt khắp. Về những binh phu trạm, quán cần dùng ở các dọc đường, cũng do bộ Binh tâu cất.

7. Những chỗ trạm, quán trên đường đi, đều cho bộ Hộ tư cho các địa phương : ở chỗ nào gần nha môn, liệu trữ sẵn tiền, bạc, lương, gạo để đủ cấp phát.

8. Phàm các thuyền mà hành dinh cần dùng từ Quảng Bình ra Bắc đã do bộ Công tư đi cất đặt. Còn khi ngự giá khởi hành từ Kinh đến Quảng Trị, phàm các thuyền, chỗ nào cần dùng đến thì gần kỳ Bắc tuần, sẽ do bộ Binh tâu lên cất đặt.

9. Phàm những việc quan trọng : kỷ luật về hành dinh, tuần cảnh ở dọc đường và coi giữ việc tuần kiểm, phòng bị chớch Kinh thành đều do bộ Binh, trước kỳ Bắc tuần, tâu lên sắp đặt.

10. Từ ngày khải loan ⁽¹⁾ cho đến ngày hồi loan ⁽²⁾, phàm đồ mặc của hoàng thân, các quan đi theo vua và sắc áo của các quân đều dùng cát phục, chỉ những văn, võ, binh lính ở ngự dinh Trung đạo thì dùng khăn, áo vải thām.

11. Ở nơi hành tại Hà Nội, ở hành cung các tỉnh dọc đường vua đi và những nơi buổi trưa, buổi tối tạm nghỉ, các đồ trưng bày, trang trí đều theo nghi thức cát lễ và do địa phương sửa soạn cho ổn.

12. Ngày ngự giá khải loan và ngày hồi loan tới Kinh, tại kỳ đài theo lệ treo cờ vàng, viên coi việc chiếu lệ, đốt ống lệnh. Về những nơi hành cung ở các tỉnh và chỗ thuyền đỗ ở các đường thủy, việc treo cờ, nổ pháo đều do đại thân hành dinh tâu lên, cất đặt.

13. Ngày xa giá bắt đầu đi, các hoàng tử, các đại thân, các hoàng thân và các quan lưu Kinh đều mặc triều phục quỳ xuống làm lễ tiến. Phàm chỗ vua đi qua, một viên quan tỉnh địa phương dẫn các viên phủ, huyện ở gần, cũng mặc triều phục, ra chỗ đầu địa giới quỳ đón. Khi vua tới hành cung trong tỉnh thành, quan tỉnh đem các viên chức văn, võ thuộc quyền mình làm lễ triều bái. Đồ lễ, dùng 1 con trâu và gạo nếp thay ngọc và lụa. Đến ngày hồi loan, cũng làm lễ như thế, duy miễn các đồ dâng tiến.

14. Phàm các dân xã sở tại ở dọc đường, kỳ lão, lý dịch đều phải đặt hương án ở chỗ đầu địa giới, mặc đồ lịch sự, kính đợi ngự giá đến, quỳ đón, làm lễ 5 lạy. Khi hồi loan cũng như thế.

15. Phàm những quân, dân ra chiêm ngưỡng ở dọc đường, được phép đứng đợi ngoài 100 bước, khi ngự giá đến thì quỳ xuống đợi ngự giá đi qua thì cúi đầu rồi đứng dậy, không được chạy xô, làm huyền náo.

16. Sau khi ngự giá khải loan, phàm gặp ngày kỵ ở các miếu và dâng lễ ăn tiến ở điện Hiếu Tư, sẽ do hoàng tử và hoàng thân lưu Kinh làm lễ. Ngày tiết Thanh minh rải đất ở Hiếu lăng, sẽ sai hoàng tử, hoàng thân tước công làm lễ.

(1) *Khải loan* : ngự giá khởi hành.

(2) *Hồi loan* : ngự giá trở về.

17. Khi xa giá quan tỉnh Thanh, quê cũ, vua sẽ vào yết cáo Nguyên miếu và lăng Trường Nguyên, sai quan vào yết cáo miếu Trưng quốc công, xong rồi, vua ngự tới hành dinh nghỉ chân, cho dân ở làng, huyện quê vua làm lễ chiêm bái. Đến ngày hồi loan, sẽ sai quan đến Nguyên miếu và miếu Trưng quốc công, làm lễ tạ.

18. Xa giá qua các hạt ở dọc đường, từ Thừa Thiên đến Bắc Kỳ, phàm những chỗ miếu thờ đế, vương các đời trước hay thần linh các núi cao, sông lớn, chỗ nào nên tế thì do bộ tâu xin, sẽ tế mỗi nơi một tuần.

19. Sau ngày xa giá khỏi loan, từ Thừa Thiên vào Nam, phàm có tờ tâu đều đưa đến Kinh đô, do quan lưu Kinh chuyển đạt đến hành tại. Từ Quảng Trị ra Bắc thì gửi thẳng đến hành tại. Ở hành tại, có dụ, Chi hay những công văn của bộ, viện đưa đi các hạt, từ Thừa Thiên vào Nam, đều cho chạy trạm đến Kinh, do quan lưu Kinh xét theo hạt rồi chuyển đưa đi.

20. Trong ngày xa giá đến hành tại Hà Nội, những quan các tỉnh Bắc Kỳ không ở dọc đường, viên nào muốn đến hành tại chiêm bái, đến kỳ Bắc tuần, sẽ do hai bộ Lại, Binh hợp làm đơn kê, dâng vua coi, điểm.

21. Về lễ bang giao, có những viên quan phụng mệnh sung chức coi việc, thù tiếp, sẽ do đình thần kén chọn, chia tên biên làm danh sách, đợi Chỉ vua định.

22. Ngày làm lễ ở tiền điện nơi hành tại Hà Nội, vua đội mũ Cửu long, mặc Hoàng bào, đeo đai ngọc ; các hoàng thân và các quan đều mặc triều phục. Ngày làm lễ ở điện Thị Triều, vua mặc lễ phục, các hoàng thân và các quan cũng đều mặc lễ phục cả. Những ngày ấy đều trần thiết các đồ đại giá ⁽¹⁾, lỗ bộ ⁽²⁾ theo như nghi thức.

23. Ngày sứ thần nhà Thanh đến cửa quan và ngày về nước, phàm những biên binh, voi, ngựa, thuyền, xuống dùng để hộ tiếp đều do hai bộ Binh, Công tâu, cất.

24. Từ cửa quan Lạng Sơn trở vào, phàm có những đền thờ mà sứ nhà Thanh theo lệ phải đến yết tế, thì do địa phương liệu định sửa sang, đến ngày yết tế, các đồ lễ phẩm cũng do quan địa phương chi phát tiền công để chỉnh biện thay.

25. Phàm những phẩm vật để khoản tiếp, tặng, tiễn sứ nhà Thanh, sẽ do bộ Lễ tâu xin thi hành.

26. Sau khi làm xong lễ bang giao, hai bộ Lại, Lễ sẽ tâu xin đem nhật kỳ hồi loan bố cáo cho trong, ngoài đều biết.

27. Ngày xa giá về tới Kinh, hoàng tử, đại thần, các hoàng thân, các quan lưu Kinh đều mặc triều phục ra quỳ đón. Vua vào điện Cần Chính, hoàng tử và đại thần lưu Kinh làm lễ phục mệnh ; các hoàng thân và các quan làm lễ triều bái.

(1) Đại giá : các thứ xe kiệu của vua.

(2) Lỗ bộ : nhưng đồ binh khí, nghi trượng để trần thiết.

28. Sau khi đã hồi loan, hôm sau, vua sẽ đến kính tạ điện Hiếu Tư, mừng thăm cung Từ Thọ ; ngày khác, sẽ đến kính tạ các miếu ; lại một ngày khác, đến yết điện Phụng Tiên, các lăng Hiếu lăng, Hiếu Đông.

29. Phàm những bài chúc văn tế cáo, kính tạ và những tờ bồi, văn thức đưa đi, đáp lại với sứ nhà Thanh đều do viện Hàn lâm nghĩ soạn, chuyển đưa đình thần duyệt lại.

30. Kỳ thi Hội đổi lại đến sau khi hồi loan sẽ tâu xin thi hành.

Ban hành kỷ luật hành quân.

(Phàm về đường thủy, khi sắp tiến phát, hễ thấy thuyền ngự kéo cờ Tam tài⁽¹⁾ lên, hữu ty bắn 3 phát súng, thuyền chưởng hiệu nổi 3 hồi trống, các thuyền đều nhỏ neo, khai thuyền, theo thứ tự bày hàng nghiêm chỉnh. Rồi đánh lên 3 tiếng thanh la, các thuyền đều mở cờ kéo lên. Đợi hiệu báo tiếp, hễ thấy kéo cờ “Thiên địa” lên, thì thuyền chưởng hiệu đánh luôn 2 tiếng trống hiệu, quân các thuyền đều cầm bơi chèo. Khi trống đánh 3 tiếng, các thuyền theo thứ tự tiến ra chỗ lòng sông sâu rộng, chiếu theo hành đồ, chia làm hai hàng cùng đi. Nếu gặp chỗ sông nhỏ hẹp thì hợp lại làm một hàng dài, đi mau và cốt phải nghiêm chỉnh. Đi độ một vài lý, nghe nổi 3 tiếng thanh la, mọi người liền phải cuốn cờ lại, đợi khi gần đến cửa hành tại, nghe tiếng thanh la nổi, mới lại mở cờ mà đi.

Trong khi đi, thấy kéo cờ Tứ định 四 定 thì tiến hành từ từ ; thấy kéo cờ Ngũ hành, đánh 3 tiếng trống gấp, các thuyền đều phải đi mau. Hễ thấy cờ Tứ tượng, đánh 2 tiếng trống làm hiệu dừng quân, thì các thuyền đều dừng lại, yên lặng nghe lệnh. Khi thuyền ngự tiến đến nơi hành tại, thấy treo cờ Giao thái 交 泰 lên, viên coi súng bắn 3 phát, hiệu trống liền nổi 2 tiếng, thì các thuyền đều dừng đỗ ở bờ sông. Sau đó, nổi 3 tiếng thanh la, các thuyền đều thu cờ cuốn lại. Rồi thấy cờ Bát quái, thì những thuyền tuần tiểu hôm ấy đều chiếu theo giang phạm, chia đi tuần thám ; còn các thuyền khác đều thả neo xuống. Thấy cờ Lục hợp thì mọi người nghỉ ngơi, sửa soạn cơm ăn. Khi thấy cờ Nhất thống, các đại thân, thị vệ ở hành dinh đều phải đến thuyền vua ngự nghe lệnh.

Trở lên, phàm quan quân các thuyền đi theo vua, đều phải theo đúng kỷ luật mà làm. Ai làm sai, sẽ bị trừng phạt.

Phàm về đường bộ, khi sắp tiến phát, viên coi súng bắn 3 phát súng, viên giữ trống hiệu đánh 3 hồi trống, các quân đều theo thứ tự bày hàng nghiêm chỉnh. Rồi đánh thanh la 3 tiếng để mở cờ dựng lên : tiếng thứ nhất, mở cờ, tiếng thứ hai, cầm cờ chỉ thẳng ra bên ngoài, tiếng thứ ba, phát cờ lên, cầm dựng xuống đất, lặng

(1) Cờ Tam tài : cờ “Thiên, địa, nhân” của nhà Nguyễn.

nghe lệnh. Khi rước vua lên xe, nghe tiếng hét của quân hộ vệ, trống hiệu liền đánh 2 tiếng, các quân đều nhắc cờ, giáo, cầm gươm cao lên. Trống đánh 3 tiếng, các quân theo thứ tự tiến đi. Hễ khi quân đi mà nghe thấy 3 tiếng thanh la, thì các vệ đội cầm cờ vừa đi vừa cuốn, đợi khi trông thấy trên cột cờ ở nơi hành tại treo cờ vàng lên, lại đánh 3 tiếng thanh la, mở cờ mà đi. Khi đại quân sắp đến nơi hành tại, trống hiệu đánh mau 2 tiếng, những biên binh ở các vệ đội đằng trước đều đứng dừng lại ở hai bên đường trước cửa Võng thành. Lại nghe hiệu trống liền thanh thúc giục, những thân quân hai vệ Cẩm y, Kim ngô đều noi thứ tự tiến lên trước, chia hàng đứng trực ngoài cửa Võng thành. Khi rước ngự giá đến hành tại, trống hiệu đánh mau 2 tiếng, viên coi súng bắn 3 phát súng, các quân dựng thẳng cờ, giáo đứng nghiêm, đợi lệnh. Rồi nghe 1 tiếng thanh la đánh, các quân đều quay mặt ra ngoài. Lại 3 tiếng thanh la, ai nấy cuốn cờ cầm lên. Sau đó, nghe 1 hồi chiêng đánh, những biên binh ở các vệ, đội đứng hai bên ngoài cửa lập tức chia đội ra đóng thành trại. Rồi lại nghe 3 tiếng chiêng, ai nấy dựng cờ, gác giáo, thay nhau nghỉ ngơi và đi kiếm củi, gánh nước, cho ngựa đi uống hay vào chợ mua đồ dùng. Vệ số người được cho dời khỏi doanh trại, mỗi đội chỉ cho 1 phần 5, còn thì đều phải ở doanh coi giữ, trực đợi. Hễ nghe 3 tiếng thanh la, mọi người đều lại lập tức về doanh cho đủ.

Trở lên, các hạng biên binh thuộc ngự doanh đều phải theo đúng kỷ luật mà làm. Ai làm sai, sẽ chiếu theo lỗi nhẹ hay nặng, trị tội.

Phàm biên binh các đạo đường bộ, những biên binh tiền hồ, hậu hồ, trong khi đi, những lúc tiến lên hay dừng lại, mở cờ hay cuốn cờ, đều phải nghe hiệu lệnh tiếng trống ở ngự doanh. Chỉ những biên binh tiền hồ, hễ nghe tiếng trống ở ngự doanh thì liền theo lượt, đánh trống đốc thúc biên binh đạo mình để khỏi xa không nghe thấu. Còn biên binh hậu hồ thì đi hay dừng nhất thiết phải nghe hiệu lệnh ở ngự doanh, không được đánh trống lên. Còn như đạo sau cách đạo trước hơi xa, hễ nghe tiếng súng thì đều tự nổi lệnh, theo thứ tự, tiến hay dừng lại ; còn thì không được khua đánh lộn xộn. Nếu trái lệnh ấy, sẽ có tội.

Về buổi tối, cột đèn trên thuyền ngự lúc nào cũng treo 2 đèn làm mức thường : 1 đèn bên tả, 1 đèn bên hữu. Phàm thấy 2 đèn trên cột bên tả treo thêm 1 đèn ngang hàng thì viên coi súng bắn 3 phát súng, thuyền chưởng hiệu đánh 3 hồi trống, các thuyền đi theo đều nhổ neo, theo thứ tự bày hàng nghiêm chỉnh, mỗi thuyền treo lên 1 đèn hiệu, ngoài lồng đèn đề những chữ “đinh, vệ, nha môn..” để tiện ghi nhận.

Phàm thấy 2 đèn trên cột, tả, hữu đều treo thêm 1 đèn ngang hàng, liền đốt lên 3 chiếc pháo thăng thiên, thuyền trong hiệu đánh luôn 3 tiếng, các thuyền đều theo thứ tự, tiến đi. Trong khi đi, thuyền ngự lại treo 2 đèn như trước.

Phàm thấy bên tả 2 đèn trên cột, treo thêm 1 đèn xâu vào phía dưới, đánh 2 hồi trống làm hiệu dừng quân, các thuyền đều dừng lại đợi lệnh.

Phàm thấy 2 đèn trên cột, tả, hữu đều treo thêm 1 đèn xâu ở dưới, viên coi súng bắn 3 phát súng, đốt 5 chiếc pháo thăng thiên, các thuyền đều đổ vào bờ sông, hạ neo, yên nghỉ.

Phàm thấy 2 đèn trên cột, tả, hữu đều treo thêm 2 đèn xâu ở dưới, các đại thần ở hành dinh ngự tiền đều phải đến thuyền ngự, nghe lệnh.

Lại ngày khải loan, khi vua ở chính điện lên xe đến hành cung, đội Hộ vệ, Cảnh sát⁽¹⁾ ở tả hữu bắn 9 phát súng, khi vua xuống thuyền thì kéo cờ “Tam tài” lên, ở thuyền “Hải đạo” đạo trước, bắn 9 phát súng, viên giữ trống ra lệnh, treo cờ “Thiên địa” tiến đi. Ngày vua về tới Kinh, đến Trấn Bình đài, trên đài, chỗ thành giáp mặt bắc Kinh thành, bắn 3 phát súng lớn. Khi xe tiến vào đại nội⁽²⁾, liền phát 9 tiếng ống lệnh. Ngoài ra, ở dọc đường, vua có ngự tới tỉnh lỵ nào thì chiếu lệ bắn súng, không thì thôi).

Bộ Lại làm sổ kê tên bọn cử nhân, giám sinh, tôn sinh, ẩm sinh, tú tài 72 người đã dự trúng kỳ thi đình - khiêu, chia đi hậu bổ ở các tỉnh. Vua chuẩn cho bộ dẫn họ vào lạy yết, ban cho tiền lộ phí có thứ bậc (hậu bổ tri huyện được 30 quan tiền, hậu bổ huân đạo 20 quan). Vua dụ họ rằng : “Các người đi lần này sẽ có trách nhiệm đối với dân xã. Ai nấy phải cố gắng về công việc, siêng năng học tập, cốt sao cho am tường được chính thể, giữ mình cho thanh liêm, cẩn thận để làm việc cho Nhà nước, mới được”.

Người dân ở hạt Quảng Trị là Nguyễn Thị Khiết, đem đốt hết các văn tự của những người đã vay nợ mình. Vua miễn thuế thân và binh dịch cho con của thị ấy trong 15 năm. Dân ở hạt An Giang, Nguyễn Văn Nhiên và Nguyễn Văn Tuấn, mỗi người quyền tiền 1.300 quan, vua đều thưởng cho chức hàm tòng cửu phẩm bá hộ và sai bộ Hộ lựa định khen thưởng những người dân giàu ở các tỉnh đã quyền tiền giúp kẻ thiếu thốn.

Tại huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, có thôn Ba Lệnh thiếu một tên binh, đã 4 năm không cát được người để nộp cho đủ. Viên Tri phủ phủ Đức Thọ là Nguyễn Hưng lấy cớ rằng tên Nguyễn Tích, dân thôn ấy, có 4 anh em, nên bắt Tích để điền vào số thiếu. Tích không phục tình, kêu lên tỉnh. Quan tỉnh đem việc này hạch tâu, Hưng bị giáng hai cấp, lưu lại chức. Hưng lại đem việc quan tỉnh thiên lệch nghe lời tên Nguyễn Tích kêu riêng, sai người chạy ngựa về Kinh kêu lên. Vua giao cho tỉnh Nghệ xét lại việc ấy. Tích khai trái lại là hần chỉ có hai anh em. Hưng bèn thừa lúc đêm,

(1) Cảnh sát : những người dẹp đường cho vua đi.

(2) Đại nội : chỗ vua ở.

đem bọn lại, lệ, tổng, lý đến bắt bọn anh em của Tích, để cho việc trước là đúng. Khi ấy, có tên Phan Đình Ba, thân đảng của Tích, ngầm sai người phóng lửa đốt nhà, đánh trống, kêu lên : “Cố cướp”, muốn làm cho Hưng sợ và cứu thoát cho Tích. Bớ chính Nguyễn Đồng Khoa đem việc này tâu lên. Vua lấy làm lạ, nói : “Hưng có trách nhiệm thân dân, thế mà thừa lúc đêm, xông vào nhà dân, còn ra sự thế gì nữa ! Và bọn thôn dân kia dám họp nhau đánh trống, giả làm việc cướp bóc, thói gian ngoan ấy đáng ghét !”. Hưng, bắt phải cách chức ngay và sai thự Đại lý Thiệu Khanh Lê Nguyên Giám ra đi cùng với Nguyễn Đồng Khoa hội đồng tra xét. Sau khi hội xét, án nghị xử : Đình Ba hãy để “trảm giam hậu”⁽¹⁾, còn Hưng, được giảm, bị tội đồ đủ lệ hạn. Cấp sự trung, bọn Nguyễn Văn Chấn, cho rằng bộ Hình nghị xử về tội Nguyễn Hưng chưa được thoả đáng, đem tâu lên. Vua lại sai giao viện Đô sát hội đồng với Khoa đạo duyệt lại cho kỹ. Án này nghị xử : Hưng đáng phải giáng ba cấp, nhưng đã bị cách chức, xin cứ cách, bắt về làm dân.

Vua thấy việc xử án rắc rối, mới triệu bọn đại thân viện Cơ mật, Trương Đãng Quế vào, gặp mặt để bàn định phải, trái. Thự Thị lang bộ Hình, Hoàng Thu, lấy cớ rằng mình trước đã ở Nghệ An, có dự tra xét án này, lại đem ra biện thuyết ở trước mặt vua, để hồng che lỗi. Vua giận, quở trách, giáng Thu ba cấp và bảo bề tôi hầu cận là Phan Bá Đạt rằng : “Nguyễn Hưng nhân lúc đêm, đi bắt người, gây nên vụ án to, bộ Hình nghị xử phạt trọng và đồ, thực đã thoả hợp. Nhưng nghị hấn chỉ là thiếu ý thức, làm xằng, xét ra không có tình tiết gì khác. Vậy gia ơn, đổi làm phạt trọng, cách chức, phát đi làm lính ở hai thành Điện, An, ra sức làm việc để chuộc tội. Tổng đốc An - Tĩnh, Mai Công Ngôn, và thự Bớ chính Nghệ An, Vũ Tuấn, trước đây tra xử sơ suất, đều giáng một cấp. Lê Nguyên Giám, và Nguyễn Đồng Khoa nghị xử lỗi vì buộc tội nặng, bọn Viện trưởng Lê Đăng Doanh và Khoa đạo Lê Chân 20 người lỗi vì buộc tội nhẹ, mỗi người đều bị phạt lương 6 tháng. Hưng, về sau, lại được khởi phục, ra làm Huấn đạo huyện Quỳnh Côi.

(1) *Trảm giam hậu* : tội đáng chém nhưng còn giam lại đợi lệnh vua.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XIV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Tân Sửu, năm Thiệu Trị thứ nhất [1841], mùa đông, tháng 12, mồng 1, ban lịch Hiệp kỷ⁽¹⁾ năm sau. Theo việc cũ, [ngày ban lịch ấy], đặt nghi lễ đại triều ở điện Thái Hoà, làm lễ ban chính sóc, trong hai năm Minh Mệnh thứ nhất [1820] và thứ hai [1821], [hôm ấy], gặp kỳ lễ Ân tiến, đổi cử hành lễ Ân tiến sang ngày mồng 2. Đến đây, bộ Lễ dâng nghi chú, xin theo điển cũ để cho hợp với ý nghĩa việc lễ. Vua nghĩ không yên lòng, muốn đổi lại lời bàn của bộ, nhân hỏi bọn đại thần Trương Đăng Quế và Vũ Xuân Cẩn. Hai người đều nói : “Ban hành chính sóc là một lễ lớn hằng năm. Nay hoàng thượng nối cơ nghiệp lớn đến vô cùng, tùy tiện châm chước, chọn hai đảng lấy mức đúng, xin theo lời bàn của bộ là phải”. Vua thuận theo.

Cho : Phó vệ úy Tả vệ dinh Long võ Tôn Thất Kinh làm Phó vệ úy Tả vệ dinh Thân cơ ; thự Phó vệ úy Hữu vệ, tỉnh Hà Tĩnh là Tống Văn Bẩm thăng thự Phó vệ úy Tả vệ dinh Long võ ; Phó vệ úy Nhất vệ dinh Trung đạo Thủy sư Nguyễn Văn đổi bổ làm Phó vệ úy Tam vệ thuộc Hữu dinh. Các viên Cai đội : Lê Văn Lai thăng thự Phó vệ úy Hữu vệ tỉnh Hà Tĩnh, Dương Xung thăng Phó vệ úy Nhất vệ thuộc Trung dinh đạo Thủy sư ; Lê Diễn thăng Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Tả dinh đạo Thủy sư ; Lê Văn Bản thăng thự Phó vệ úy Ngũ vệ thuộc Trung dinh đạo Thủy sư.

(1) *Lịch Hiệp kỷ* : nông lịch chép ngày tháng trong mỗi năm. Theo can, chi, có chia các tiết trong các mùa, và có phân biệt ngày tốt, xấu.

Tĩnh Thanh có giặc biển đón cướp các thuyền ở cửa Hàn, nhân viên giữ đồn ở đấy đốc suất các [binh] phu ra chặn đánh, bắt được người và thuyền của phi. Quan tỉnh nghe báo, sai biên binh ra biển tuần tiễu, gặp phi liền bắn giết. Phi thấy oai phong, chạy hết. Vua thưởng kỷ lục cho những quân nhân bắt được giặc, ngân tiền cho những viên coi đồn và 100 quan tiền cho binh phu.

Đóng thuyền Thừa phong. Đổi tên thuyền Kim hoa là Kim phảng, thuyền Sam bản Hoa bông là Bồng sà, thuyền Tiểu sam bản Hoa bông là Bồng ca.

Định lại việc tuần tra các đồ vật ngự dụng ở các viện sở. Lệ trước cứ 3 tháng 1 lần tâu ; tới đây, chuẩn định mỗi tháng 1 lần. Ban thứ nhất, viên đại thân chương phủ ; ban thứ hai, viên võ quan kỳ cựu ở quân Vũ lâm ; ban thứ 3, những viên thống quản Cẩm binh, thấy đều phải theo ban, hội đồng với án quan ở Nội các đi tra kiểm rồi tâu lên. Bắt đầu kể từ tháng giêng năm sau. Nếu ai có việc công đi lâu, thì phải thay nhau tới ban, không được bỏ thiếu.

Sửa lại cửa cung Khánh Ninh, sai Chương vệ Hoàng Đãng Thận trông coi công việc.

Tên đầu đảng thổ phi ở Lạc Hoá là Lâm Sâm bị chịu tội giết chết. Tên Sâm từ khi bị thua ở Sâm Đô, tìm phương trốn tránh ; tới đây, thí sai Phó cơ ở cơ Long nhuệ là Sơn Súc và bang biện Phó cơ là Sơn Mâu hiệp sức với quan quân chia đi lùng bắt. Có lý trưởng tên là Chấn mạch chỉ chỗ Sâm ẩn náu. Bọn Súc đốc quân và dân xông đến bao vây, bắt được Sâm và con là Lâm Tham đem giải nạp. Thự Tổng đốc Nguyễn Tri Phương giết tên Tham để bêu cho mọi người biết và đóng cũi tên Sâm đưa về Kinh, xử tử bằng hình lăng trì. Vua thưởng cho Súc làm Quản cơ, Mâu làm Phó quản cơ ; lại thưởng mỗi người 5 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn. Cho Lý trưởng Chấn làm Cai tổng và thưởng 2 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn. Còn quân và dân thưởng chung cho 200 quan tiền. Những binh ở hai cơ Long nhuệ đều cho nghỉ về thăm nhà.

Xét hạch các hạng thị vệ. Phàm những người kiến thức hèn kém, nói năng hàm hồ⁽¹⁾ đều bị giáng đổi đi làm đội trưởng thuộc vệ Cẩm y, vệ Kim ngô, hay phải lui về nguyên ngũ làm lính. Lại chọn kỹ biến binh ở các vệ Cẩm y, Kim ngô, Loan giá, Hộ vệ, Kim sang, người nào sức lực khoẻ mạnh, thông hiểu sự việc thì cho theo ngạch điền bổ, để sung vào việc sai phái.

Dời chi quan ở Thuận Mỹ, tỉnh Hải Dương sang xã Quang Lễ.

Ngày Canh Dân, đi thăm yết Hiếu lăng và lăng Đông Hiếu.

Bớt ngạch viên chức sung việc trường thi Gia Định. Vì số thí sinh ở trường thi Gia Định rất ít, viên giám sát trường vụ Nguyễn Viêt Du xin giảm bớt số viên chức

(1) Hàm hồ : lúng túng, không gãy gọn.

làm việc, vua mới đổi dùng chánh, phó chủ khảo, giám khảo, và phân khảo mỗi chức 1 viên, thể sát 4 viên, đề điệu 1, phúc khảo 2, sơ khảo 4, mật sát 2, lại điển 20.

Đặt đồn Thông Bình ở tỉnh Biên Hoà. Vì quan tỉnh này tâu lên nói :

“Ở nơi hoang man, có 28 sách⁽¹⁾ tình nguyện phụ vào hộ tịch, nộp thuế (mỗi người, hằng năm nộp mật ong 6 chén nhỏ, nặng trên dưới 1 cân), xin cho lập đồn Thông Bình, đặt 1 viên thủ ngự, 1 thuộc lại, 4 thuộc binh để trông coi. Còn lệ thuế, đến sang năm, bắt đầu thu”. Vua thuận cho.

Thông chế Tôn Thất Bật dâng 1 con ngựa bạch, vua cho đặt tên ngựa là “An Dương ký”, thưởng cho Bật 3 tấm sa màu có hoa và 1 đồng kim tiền hạng nhỏ.

Khoi đường sông ở Hà Tĩnh.

Cho Phó vệ úy Hậu vệ dinh Long võ Nguyễn Tuyên làm Phó lãnh binh tỉnh Khánh Hoà.

Án sát tỉnh Nam Định là Lê Hữu Đức có tội, bị cất chức. Đức, trước đây, bị dân trong hạt về Kinh kiện vì tham tang. Thoạt đầu, vua giao cho Trịnh Quang Khanh và Trần Quang Tiến hội tra, chưa được xong xuôi, sau đổi giao cho Hà Thúc Lương tra xét. Gặp lúc ấy Khoa đạo là Vũ Trọng Bình và Trần Thiện ra làm giám sát trường thi Nam Định, xong việc, về tới Ninh Bình, Đức mật sai người nhà đem chè đi tiễn tống. Bọn Bình đem việc ấy tâu lên. Vua ghét Đức về tình tiết ám muội, liền sai cách chức và cho thụ Lang trung bộ Hộ là Lê Phác (trước tên là Lê Trần Hoán) thay Đức. Còn Vũ Trọng Bình và Trần Thiện vì biết giữ mình thanh bạch, đều thưởng kỷ lục 1 thứ và 1 súc lụa. Sau, án ấy xét xong, dâng lên, Đức bị lưu đi tỉnh Khánh Hoà. Vua lại cho rằng nhà Đức có cha mẹ già, còn một, mới theo chỗ gần, đổi phát đi Ninh Bình sung phổi.

Lĩnh Tổng đốc Định - Yên, Trịnh Quang Khanh và Bố chính tỉnh Nam Định, Trần Quang Tiến, bị cất chức. Quang Khanh là người hồ đồ⁽²⁾, án từ chồng chất để đọng lại, thậm chí dân trong hạt bị lưu tán, cũng dường không nghe biết gì nên đã bị giao cho bộ nghị xử. Sau, Quang Khanh cùng với Trần Quang Tiến hội tra việc án Lê Hữu Đức, lâu ngày không kết án xong. Đến khi Hà Thúc Lương tiếp tục tra xét, trước hết đem đại lược tình tiết vụ án vào tâu, xét thấy Quang Khanh vì tình riêng che đỡ, Quang Tiến vì đã thông đồng, đều cất chức, giao cho Hà Thúc Lương và Lê Phác, hội tra việc này. Sau, thành án đưa lên, Quang Khanh bị cách tuột, bắt gắng sức làm việc ở bộ để chuộc tội, Quang Tiến bị phạt trượng và đồ.

(1) Sách : một khu vực hành chính xưa ở miền rừng núi hoặc vùng đồng bào thiểu số, cũng như đơn vị thôn.

(2) Hồ đồ : không hiểu sự lý, không biết quyết đoán.

Trước đây, Quang Khanh ở Nam Định, bị Ngự sử Nguyễn Cư Sĩ hặc vì chậm chạp không quyết đoán. Cư Sĩ lại dẫn ra những viên coi các hạt ở bên như Trần Văn Trung, Nguyễn Đăng Giai và Nguyễn Công Hoán : hoặc khen là thanh liêm, nhanh thạo, hoặc khen là xét xử rành mạch, quả quyết để tỏ rõ chỗ kém của Quang Khanh. Vua quả trách Cư Sĩ rằng : “Những viên quan to ở địa phương, triều đình vốn đã biết rõ. Người là một kẻ thiếu niên tân tiến, sao được bàn tràn cả đi ! Trong đó, những lời chê, khen, biết đâu không phải là do sự yêu, ghét mà thốt ra miệng ? Há chẳng sợ có sự nghị tội là mưu cầu kết với quan ngoài sao ? Từ nay, phạm tâu bày việc gì cần phải được hợp với sự thể đáng nói, nếu lại khinh suất như thế, tất sẽ bị đình thân nghị xử”.

Đối : viên quyền hộ Tổng đốc Định - Yên, Hà Thúc Lương, làm Tuần phủ Nam Định, Hộ lý ấn quan phòng của chức Tổng đốc, quyền lĩnh ấn triện BỐ chính Hưng Yên, Ngô Kim Lân, làm BỐ chính Hưng Yên, Hộ lý ấn quan phòng của chức Tuần phủ. Điều bổ : BỐ chính Thái Nguyên, Lê Trường Danh, làm BỐ chính sứ Hải Dương ; BỐ chính Hà Nội, Nguyễn Quốc Hoan, làm BỐ chính sứ Nam Định, biện lý bộ Lại, Trần Văn Tuấn, làm thự BỐ chính sứ Thái Nguyên ; biện lý bộ Binh, hiện sung việc khám phá, Lê Đại Cương, làm thự BỐ chính sứ Hà Nội.

Cho giam vào ngục những tên thổ biến ở Trấn Tây : Trà Long, Nhâm Vu và La Kiên. Bọn tên Trà Long năm trước về Kinh chúc thọ nhà vua, khai số dân không thực, đã bị nghiêm trách ; đến khi tên Yểm về hàng, cỡi đất của giặc trống không, triều đình sai chúng đem quân sang đánh giặc, chúng đều tìm cơ từ chối không đi. Sau đó, phát ra vụ án Ngọc Biện ⁽¹⁾ mưu trốn, bọn chúng hoặc đồng đảng, hoặc đồng mưu, đã giao cho bộ Hình bàn xử. Bộ Hình nghĩ xử trọng hình, vua sai hãy đem giam cầm nghiêm ngặt.

Bỏ những Tiến sĩ mới đỗ, bọn Nguyễn Ngọc, Lê Đức hàm Hàn lâm viện Tu soạn hoặc Biên tu (Nhị giáp [tiến sĩ], bổ tu soạn, tam giáp [tiến sĩ], bổ biên tu).

Năm Giáp Ngọ, dựng bia “Thánh đức, thần công” ở Hiếu lăng. Văn bia rằng :

“Đấng hoàng thiên mền giúp nước Đại Nam ta, chung đức sinh ra các bậc thân thánh, nối tiếp tới ức muôn nghìn đời. Đức Triệu tổ Tĩnh hoàng đế, phát tích ở tỉnh Thanh, đức Thái tổ Gia dụ hoàng đế gây nên ở cõi Nam, tám đời cùng truyền chịu mệnh đã vững. Đến Hoàng tổ, Thế tổ Cao hoàng đế ta, nhân lúc vận nước giữ vơi suy sút, ứng với lòng trời mở vận, nước ngoài mền đức, khắp nước đội công. Đương thuở ấy, vận nhà Lê đã hết, Tây Sơn cướp ngôi, trời đã long, đất cũng lở, sông ngòi tràn ngập, không nơi đôn chứa ! Đức Hoàng tổ ta quét sạch sao chổi, làm tỏ Mặt Trời,

(1) Ngọc Biện cùng với Ngọc Vân, Ngọc Thu và Ngọc Nguyên đều là con gái của Quốc vương Cao Miên, Nặc Ong Chân (theo *Phương đình địa chí loại*, quyển IV, tờ 16a).

Mặt Trăng ; nhận lấy điềm thiêng, lên giữ ngôi báu. Sửa sang đạo của người, chỉnh đốn việc trời đất. Do thế, trời đất lại yên định, vạn vật lại phát sinh. Nhưng nếu (sau đó) không có bậc nhân thánh ra đời, giữ yên mệnh trời trong lúc làm mới thêm, chấn chỉnh mối lớn trong khi nối dựng lại, thì lấy đâu làm rạng thêm công trước và để lại cho đời sau ? Đức Hoàng khảo, Thánh tổ, “Thế thiên Xương vận, Chí hiếu Thuần đức, Văn vũ Minh đoán, Sáng thuật Đại thành, Hậu trạch Phong công Nhân hoàng đế” ta là con thứ tư của Hoàng tổ, Thế tổ Cao hoàng đế. Thánh tổ mẫu, Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng thái hậu trong năm Tân Hợi, tháng 4, ngày 23, giờ Kỷ Dậu sinh ra Hoàng khảo ta ở đất Tân Lộc, tỉnh Gia Định. Lúc ấy Hoàng tổ mới quay cờ về Nam, 12 năm sau, tiến lấy Phú Xuân, luôn tới Long Biên, thu phục nghiệp cũ, gồm có cả thiên hạ. Hoàng khảo ta sớm tối theo bên cạnh, qua khắp các núi sông, trải bao khó nhọc trong sự dẹp yên, lượng biết chăm lo sau khi giữ nghiệp. Phàm gặp việc phải đối phó, mọi chính sự phải mưu toan, nổi đau thương của mọi người và tình trạng của dân gian, không điều gì là không biết rõ, hiểu thấu. Qua những bước gian nan thử thách, theo đạo trung truyền nối, để hưởng thụ lộc trời, [Hoàng khảo] đã được vua cha để lòng kén chọn, từ lâu đã lạng lẽ định sẵn cái kế lớn cho Xả Tắc. Gia Long năm thứ 15 [1816], sách lập làm Hoàng thái tử. Lúc ấy, nước sông Gia Định trở nên trong, trên dưới đến hơn mấy trăm lý. Năm thứ 18 [1819], tuân theo di chiếu, nối giữ nghiệp lớn. Thánh nhân ra đời, sớm ứng điềm tốt : Hoàng khảo năm ấy 30 tuổi, lên ngôi vua, vốn có tư chất bậc thượng thánh, giữ cơ nghiệp đã gây nên, thông minh nhanh nhẹn, tỏ tài trị nước, vận dụng một lòng, tổ chức muôn việc. Ngài trị vì tới năm thứ 6 [1825], nước sông Gia Định lại trong, tỉnh Nghệ An dâng điềm tốt : mỗi hột lúa, trong có 2 hột gạo. Năm thứ 9 [1828], tỉnh Quảng Trị tìm được ấn “Vạn thọ vô cương” bằng ngọc của đời trước. Điểm lành không phải là ít, nhưng lòng vua vẫn khiêm tốn, không tự cao vì những điềm tường thuy. Lời thân dụ quan dân trong, ngoài có nói : “Trăm dậy sớm ăn trưa, chỉ cầu cho được thịnh trị, vì khiến mọi người giữ chức đều được hiền lương, nhân dân đều yên vui chỗ ở, nước sông theo dòng chảy thuận, lúa thóc hằng năm luôn được mùa thì điềm tốt nào bằng !”. Ngài nghĩ việc rộng rãi, kỹ càng đến như thế ! Ở ngôi trong khoảng 21 năm, kính trời, theo phép tổ, chăm việc, yên dân, ngày nào cũng như ngày nào. Về công việc, đặt trị pháp, giữ đất nước, lập giếng, dựng mối, quy mô rộng rãi to tát, phẩm tiết đầy đủ, rõ ràng, việc gì cũng có thành pháp. Tế trời đất ở Nam Giao, đã rõ nghĩa kính thờ ; lễ Tam tổ phối hợp với trời, đã tỏ nghĩa báo đáp. Đồ tế lễ có đủ biên⁽¹⁾, đậu⁽²⁾, kuông, phi⁽³⁾, áo mũ, phủ phát⁽⁴⁾, đồ nghi vệ có đủ

(1) *Biên* : cái mâm bồng đan bằng tre, có nắp đậy.

(2) *Đậu* : cái mâm bồng bằng gỗ, có nắp.

(3) *Khuông* : cái giỏ tre đan hình vuông. *Phi* : giỏ tre hình tròn (dùng đựng hoa quả, bánh để tế).

(4) *Phủ phát* : đồ lễ phục (áo xiêm) có thêu.

long kỳ, đại lộ ⁽¹⁾, ngọc thích, chu can ⁽²⁾. Trang sức có những đồ vũ, mao ⁽³⁾, kèm theo có những tiếng tiêu quản ⁽⁴⁾; hợp điển lễ của các đời Ngu, Hạ, Thương, Chu, đủ âm nhạc như những tiếng Hàm, Anh, Thiệu, Hộ ⁽⁵⁾. Lễ đủ, nhạc hoà, đến thế là thịnh. Lại dựng ra Thế miếu để tỏ rõ chính thống; đúc ra chín đỉnh để tượng trưng thành công. Mở Sử quán, soạn *Thực lục*, tìm sách cổ còn sót, bỏ những văn còn thiếu, làm cho đạo đức của thánh nhân thêm rộng lớn. Giáo hoá, công nghiệp, nêu rõ như Mặt Trời, ngôi sao, để mãi cho đời sau theo phép. Thiên tính ngài rất hiểu, vua hầu cung Từ Ninh, khi ra thì đón dẫn xe đi, khi vào thì dâng tiến ngon ngọt; nuôi bằng lộc nước, đủ mọi tình văn, kính dâng tôn hiệu, đủ bậc lễ số. Gặp tiết Thánh thọ lục tuần, thất tuần đại khánh, thì cử hành điển lễ long trọng, hợp ức triệu lòng vui của mọi người trong ngoài để cung vào việc hiếu phụng: việc vui của nhà vua, từ xưa ít thấy. Một lòng hiếu suy ra, gốc ở mến bạc thân mà đạt ra khắp cõi. Chia ra dòng đế, dòng thân phiến để định rõ một ngành họ dọc; làm ra Ngọc phả, Tôn phả để tỏ rõ thứ tự từng đời. Đặt Tôn nhân phủ để làm công việc chính trị; dựng Tập thiên đường để đôn đốc việc dạy người. Định ra các chức văn, võ, chế ra mũ áo, triều phục đó là để sửa chính triều đình. Làm bài quan châm răn người có ngôi, nghiêm cấm bè đảng, dụ khắp các chức, đó là để sửa chính trăm quan. Nêu những người hiếu thuận, khen những kẻ tiết nghĩa, kính lễ những người tuổi cao, biểu dương những kẻ chăm làm ruộng. Lại thân chế ra những điều dạy dỗ, ban hành khắp các làng mạc, để cho mọi nhà truyền tụng, tập quen lễ nghĩa. Có công về phong tục, giáo hoá há phải là nhỏ sao?

Về việc hành chính, [bên trong], dồn lại ở sáu bộ, tóm lại ở Nội các, có viện Cơ mật để giữ kỹ then chốt, có viện Đô sát để sửa chữa các quan. Theo lời dụ định thì: ở Nội các chỉ đặt quan tam phẩm, viện Cơ mật riêng chọn cất đại thân kiêm lĩnh, viện Đô sát không được tiếp nhận công văn của quan tỉnh ngoài đưa vào. Đó là cách phòng giữ từ khi mọi việc chưa xảy, lo cho đời sau thật đã sâu xa. Bên ngoài thì bỏ bớt doanh thành và trấn thành, mà đặt làm 33 trực tỉnh, có Bộ chính, Án sát giữ mọi việc, Tổng đốc, Tuần phủ xem xét việc đã làm nên, có quyền trông coi, không có thể chuyên trọng. Lại có lệ cứ 3 năm thì xét quan lại, 5 năm thì duyệt nhân dân; điển chế thì có phép tắc nhất định, binh chính thì có đường lối thông thường. Những nơi thành, quách, quan, tấn, đều có chế độ riêng, những chỗ đồn, bảo, thú, thủ đều có quy mô sẵn, hơn kém giữ lẫn nhau, lớn nhỏ ràng buộc nhau. Mọi việc rõ

(1) Long kỳ: cờ thêu rồng. Đại lộ: xe vua đi.

(2) Ngọc thích: cái phủ (búa dài cán), cán chạm ngọc. Chu can: Cái mộc sơn đỏ.

(3) Vũ, mao: hai thứ đồ dùng trong khi múa, đầu kết bằng lông vũ, lông đuôi trâu.

(4) Tiêu, quản: đồ nhạc: ống tiêu, ống sáo, v.v...

(5) Những khúc nhạc hay đời xưa: Hàm trì: nhạc của Hoàng đế. Ngũ anh: nhạc của Đế Cổ, Thiệu: nhạc của vua Thuấn, Hộ: nhạc của vua Thang.

ràng, tinh vi, hết sức kỹ lưỡng ! Về sự chuộng văn học thì sửa sang, mài giũa, phong hội mới dần. Soạn định sách vở để làm sáng tỏ chính học, ban bố *Kinh Thi, Kinh Thư* để gia ơn cho làng nho. Phủ, huyện nào cũng có nhà học. Thi Hương, thi Hội xen kẽ từng năm mà tiến cống kẻ sĩ. Đỉnh chính lối chữ viết mà thói cầu thả mất hẳn đi. Sửa định cách làm văn mà lối quê mùa bỏ được hết. Văn tự sáng tỏ, rục rờ như sao Khuê, sao Bích trên trời.

Kính đọc 6 tập thơ ngự chế, 2 tập văn ngự chế ; sang sảng những tiếng hay như Điển, Mô, Huấn, Cáo đời xưa, chói lọi những vết tốt như Nhã, Tụng trị bình đời trước. Văn giáo rất mở mang, sĩ phong rất phấn chấn, làm cho thiên hạ được biết nước ta có sự phong phú về sách vở, kinh điển, có nguồn gốc của văn chương tinh mệnh, đều là bởi tự ngài cổ vũ, tác thành cho cả.

Về sự giảng võ thì thân hành cưỡi bán, giảng duyệt có từng kỳ, võ về quân sĩ, huấn luyện có định sẵn, phàm những phép kết doanh, bày trận cho chí bộ chiến, thủy chiến ngày thường thao diễn đều tinh thạo cả.

Trước đây, đảng sót nhà Lê gây vạ ở Ninh, Thanh ⁽¹⁾ ; tên giặc họ Lê gây biến ở Phiên An ⁽²⁾ , tại địa phương Cao, Tuyên, thổ phỉ quấy rối ⁽³⁾ , tại một dải An - Hà, quân Xiêm lấn sang ⁽⁴⁾ . Ngài liền sai tướng ra quân, chỉ bảo phương lược, mưu thần chước giỏi, không ai nghĩ tới. Uy linh đã dậy vang, đánh dẹp qua từng trận, bên này, bên nọ, biển sôi, núi lở, bên đến đâu cũng đập vỡ, hiểm đến đâu cũng phá tan. Tướng giặc nộp mạng, công lớn được nên. Đất đai mở xa tới cực Bắc, cùng Nam : bờ cõi rộng rãi, từ trước không có đời nào sánh kịp. Uy lệnh đạt tới ngoài cõi, tiếng tăm lừng khắp nơi xa. Ấy thật vì ngày thường có đủ lễ phép để trị các quân, có sự minh đoán để mưu chiến thắng, cho nên thành công được chóng mà thu hiệu được to tát.

Về sự đãi ngộ bề tôi thì đủ ơn, lễ ; lựa dùng người tài, thì ai nấy đều được thích hợp. Kẻ làm thiện, dù việc nhỏ đến đâu cũng ghi khen, kẻ có công, dù ở xa đến đâu cũng được biết đến. Ôm gối thân mật, coi bề tôi như con ; chia đất thưởng phong, với nước cùng hưởng phúc. Lại còn cho về vang tới cha mẹ, lộc dụng đến con cháu. Ai đã được ghi công vào Nhà nước thì cho phụ thờ ở miếu đình, ai đã lập công ở cương trường thì cho dựng bia ở Vũ miếu ; thói nhân nghĩa, trung hậu vượt hẳn các đời xưa.

(1) Chỉ Lê Duy Lương nổi dậy ở Ninh Bình và Hưng Hoá năm Minh Mệnh thứ 14 [1833].

(2) Chỉ Lê Văn Khôi nổi dậy ở Phiên An năm 1833.

(3) Chỉ bọn Nông Văn Vân nổi dậy ở Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Lạng Sơn năm 1833.

(4) Chỉ giặc Xiêm chia quân làm năm đạo kéo sang xâm lấn năm 1833. Các sự việc trên đây đều theo tài liệu trong bài tấu của bọn Trương Đăng Quế đệ ngày 27 tháng 6 nhuận, năm Minh Mệnh thứ 16 [1835] in ở đầu bộ *Khâm định tiểu bình Lương kỳ nghịch phỉ, Chính biên* (quyển thủ, quyển I, tờ 1b).

Về việc gia ơn, nuôi dân, lại càng để ý : cày tịch điền, nuôi tằm, để trọng việc nông tang là gốc miễn tô, bớt thuế để giúp dân thường sinh sống là đầu. Ngày thường thì suy tính những kỳ mưa, nắng, đi đâu thì xét hỏi phong tục. Động có lụt, hạn, tật dịch, liền phát thóc gạo, thuốc thang, tiền, vải để chẩn cấp cho dân, tuyệt nhiên không ngại phí. Ngài thường ở trong cung mặt cầu trời đất : xin cứu mạng cho muôn dân, sau đó, liền thấy chuyển tai vạ ra điềm tốt. Thế mới biết lòng ngài thành thực yêu dân, lúc nào cũng tin tưởng ở trời. Cho nên dân trong thiên hạ : người già được nuôi, người nghèo được giúp, không một người nào là không được chịu ơn vua.

Về việc hình, phạm những án xử tử tâu lên, ngài thân mở coi, lại giao cho các quan công đồng bàn bạc, tâu đi, tâu lại, đến dăm ba lần. Những tù lưu giam, hàng năm đem xử thì đoán định ở Pháp ty, phúc kỹ ở đình thần hợp xét. Gần đây, những tù bị xử tử được khoan giảm rất nhiều. Tắm lòng tốt, chính sự hay, bao khắp không hẹp, bồi bổ mệnh mạch cho nhân dân, giữ mãi nguyên khí cho Nhà nước. Đạo hoá nhuần lâu, trở thành thói tốt ; tung ra những sự vui đẹp, làm lợi cho khắp mọi người. Điềm tốt, điềm lành, hết thấy đưa đến, sông êm, bể lặng, thời tiết thuận, năm được mùa, kiện tụng dẹp được hết, trộm cướp không xảy ra, nhân dân thuận hậu, tự nhiên, thật đã tới chỗ thịnh trị cùng cực. Ôi ! Thịnh biết chừng nào ! Ấy cũng vì ngài có đức rộng xa gồm tài văn, vũ thánh, thần, làm việc to tát hơn cả hoàng, vương, đế bá, bản thể đã vẹn đủ, công dụng càng chu đáo. Khai thông mọi vật, giúp nên việc đời. Lòng thành đủ dung hoà vạn hoá mà bậc thượng trí không còn việc gì phải nghĩ, siêng năng đủ chính lý vạn cơ mà trong thiên hạ không còn việc gì để sót. Muôn ngàn đời sau được coi tới toàn tập “*Tiểu bình*”⁽¹⁾ đã thuật đủ chăm lo, bộ sách “*Chính yếu*”⁽²⁾ đã để lại phép tắc, đủ thấy công đức của ngài ngang với trời đất. Đức thịnh và nghiệp lớn của thánh nhân đến thế là cùng, là đẹp !

Còn có những điều mà các đế vương đời trước càng không thể bằng được, là : Đại cương đặt ra rất chính, gia pháp đặt ra rất hay, chín cấp bậc trong cung, nghiêm như chốn triều đình, không một người thân thích nào được chuyên quyền, không một người gần gũi nào được riêng yêu. Con trai con gái tất cả có 142 người, nhờ ơn sinh, nuôi, sum họp đông đúc, so với gần thì giống như Hoàng tổ, so với xa thì hơn hẳn Chu Văn. Sớm hôm dạy bảo, trau giồi lễ phải điều hay, ai nấy đều tuân theo phép tắc. Noi đạo vua, tôi, cha, con, vợ, chồng, anh em, có thể dựng nên thói tục thái hoà cho con cháu và nhân dân ta đến hàng vạn đời.

(1) Tức tập *Tiểu bình Lương kỳ nghịch phí phương lược*.

(2) Tức bộ *Minh Mệnh chính yếu*.

Trời sinh bậc thánh để giúp cho dân, chính là lúc nên ca tụng phúc lớn để đội ơn chí trị lâu dài. Năm Minh Mệnh thứ 21 [1840], tháng tư, chính gặp tiết Ngũ tuần đại khánh của Hoàng khảo, thần dân trong ngoài vui vầy dưới cửa cung khuyết. Kẻ tiểu tử ⁽¹⁾ này theo hầu, lên các lầu chúc thọ, rất mừng ngài được vui, mạnh, tuổi thọ thêm tăng. Ngày 19, tháng 12, năm ấy, còn theo ngài thân đến điện Phụng Tiên lễ kỵ, làm lễ xong, thuật nỗi bi cảm. Trong khoảng vài hôm sau, ngài se mình, ngờ đâu đến giờ Ất Hợi, ngày 28, tháng ấy, ngài từ bỏ cõi đời ! Than ôi, xót thay !

Vâng theo di mệnh, kẻ tiểu tử này nối ngôi hoàng đế. Từ lúc nối ngôi tới nay, hàng sợ về công việc khó khăn, to tát ; trong lúc cư tang lo nghĩ, phàm gặp việc tất phải một lòng thành, kính. Nay tuân theo thành mệnh, sửa lăng ở núi Hiếu Sơn thuộc xã An Bằng, chọn giờ Tuất, ngày mồng 9, tháng 7, mùa thu năm Thiệu Trị thứ nhất [1841], kính rước linh cữu, theo lễ táng qua đường hầm như chế độ đời xưa ; dâng đặt tên lăng là Hiếu lăng. Truy phối lăng đức hoàng tử, Tá thiên Lệ thánh Đoan chính Cung hoà Đốc khánh Từ huy Minh hiền Thuận đức Nhân hoàng hậu, gọi là lăng Hiếu Đông, kính rước thành vị hợp thờ ở điện Sùng Ân, để tỏ lòng cùng tôn chuộng.

Than ôi ! Công đức của bậc đại thánh nhân, kẻ tiểu tử này không thể thuật hết được một trong muôn phần, nhưng nghĩ đến việc phó thác rất hệ trọng, nhớ đến công gây dựng, giữ gìn rất gian nan, xin kính cần nêu rõ những đức hạnh cao cả, khắc vào bia đá để truyền lại đời sau.

Ngày 15, tháng 12, năm Thiệu Trị thứ nhất [1841], kính cẩn chấp tay, cúi đầu, viết bài tự sự và làm bài minh rằng :

“Rực rỡ Đại Nam,
Trời giúp bền lâu.
Tổ, tông gây, đắp.
Mở cho đời sau.

Thế tổ trung hưng,
Chín cõi gồm có,
Dựng, giữ gồm hai,
Công cao, đức rõ.

Vẻ vang Hoàng khảo,
Chịu mệnh, sửa sang ;

(1) Lời Thiệu Trị tự xưng. Các chỗ dưới cũng thế.

Thánh lại nối thánh,
Nói đúng phép thường.

Sông trong⁽¹⁾, ấn ra⁽²⁾,
Điềm tốt đến cả,
Siêng, kính một lòng,
Sắp đặt vạn hóa.

Áo mũ, nghi chương,
Đào bào⁽³⁾, khuê, tỳ⁽⁴⁾...
Hết lòng sắp đủ,
Kính thờ thượng đế.

Châm chúc đúng mực,
Lễ miếu tôn sùng.
Soạn sách *Thực lục*,
Truyền làm gương chung.

Sẵn lòng hiếu mộ,
Vui thờ Từ thân.
Tiết thọ, dâng chén,
Áo rông, hầu sân.

Chung vui muôn phương,
Tuổi tiên chúc thọ.
Đại hiếu hiển dương⁽⁵⁾ !
Làm gương trăm họ.

Trăm đời bản chi,
Muôn năm phả điệp,

(1) Chỉ sông Gia Định, năm 1816, nước trong.

(2) Chỉ ngọc ấn “Vạn thọ vô cương” do tỉnh Quảng Trị phát hiện.

(3) *Đào bào* : cái bầu bằng sành, dùng đựng rượu tế.

(4) *Khuê* : ngọc khuê. *Tỳ* : lụa. Hai vật dùng để tế lễ.

(5) Ý nói Minh Mệnh là bậc rất hiếu, làm tỏ rạng tiếng tăm, vẻ vang cha mẹ.

Thống hệ rõ ràng,
Họ hàng hoà hiệp.

Hiên, không nề họ ⁽¹⁾
Ôn nghĩa dồi dào.
Trị giáo theo đó,
Làm phép đời sau.

Rộng đường nói năng,
Dạy quan giữ phép,
Vừa khuyên vừa răn,
Nói theo nề nếp.

Nông tang gốc chính,
Phong tục, mối giếng.
Vua có lời dạy.
Muôn dân noi gương.

Trao chức, đặt quan,
Chia cõi, đặt tỉnh,
Bình chế, điền công,
Lại - trị, dân - chính.

Văn thư, hiệu lệnh,
Chế độ, phục chương ⁽²⁾.
Mọi việc đặt đủ,
Trong ngoài rõ ràng.

Thánh học sâu, rộng,
Rất thuần, cực tinh !
Thơ văn sáng tác,
Như lời *Lục kinh*.

(1) Ý nói trong họ mà có người hiền tài, liền cất dùm, không bỏ sót.

(2) *Phục chương* : đồ phẩm phục.

Khoa thi mở dân,
 Đạo Nho rộng suốt,
 Sĩ phong đổi thay,
 Văn trị đẹp tốt !

Xoay chuyển trời đất,
 Uy linh lừng vang.
 Nam, Bắc đánh dẹp,
 Tây, Nam mở mang.

Vũ công định xong,
 Mưu xa rộng mở.
 Đổi “thổ”, dùng “lưu” ⁽¹⁾,
 Hoá tới miền rợ.

Đạo vua to tát,
 Ôn vua rộng, sâu,
 Lễ, dãi thần hạ,
 Cảm thông tình nhau.

Đất phong, tước ban,
 Nêu người công trạng.
 Gia hàm, phong ấm,
 Ôn điển long trọng.

Thương, nuôi muôn dân :
 Khát, uống, đói, ăn,
 Nuôi già, cứu khổ
 Ôn thắm xa gần.

Giảm thuế, tha sưu,
 Khoan hình, bớt giết.
 Khấp côi nhờ ơn,
 Vui mừng, ca hát.

(1) *Lưu* : tức là chức lưu quan, dùng người nơi khác đến thay thổ quan.

Trời đất hoá khắp,
Công thánh vẹn toàn,
Cũng vì không nghĩ,
Cho nên tự nhiên.

Công nên, phép thành,
Sử sách chép rõ.
Chối lợi trước sau,
Tỏ rạng kim cổ.

Cương, thường sáng tỏ,
Phúc đức rộng dài.
Con cái vui hợp :
Trăm bốn mươi hai.

Dạy con điều hay,
Hoà, cảm đều đủ.
Đế vương các đời,
Không thể cùng độ.

Nay ta, tiểu tử,
Nói giữ cơ đồ,
Chăm lo kế thuật,
Để đáp ơn to.

Công đức, truy bày,
Ghi bia để lại.
Úc vạn năm sau,
Đời đời giữ mãi !”.

Định Viễn công, tên là Cự, xin cho người rể được bổ làm Cai đội ngoài ngạch, thuộc phủ. Vua cho rằng việc xin không hợp lệ, không cho.

Miễn cho binh ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định sang năm [không phải] về Kinh tập luyện ; các tỉnh Nam Kỳ có lệ sai quan kiểm duyệt các đô quân nhu, khí giới, cũng đình chỉ một kỳ, nhưng phải do quan tỉnh xét hạch để cho nghiêm quân chính.

Quân thứ ở Ba Xuyên, Nguyễn Tiến Lâm và Tôn Thất Nghị, dâng sớ nói rằng : “Hiện nay phải đi chiêu dụ bọn giặc sót, chỉ được hơn 1.000 tên, còn ở Cái Di Cái Lân vẫn có bọn giặc tàn tụ họp, chưa chịu quay đầu về. Xin cho ở sông nhánh Cái Di, đặt đồn chặn chỗ hiểm yếu, lưu quân ngăn giữ. [Chúng tôi] đã tư sang nơi quân thứ của Nguyễn Công Trứ : lựa phái 1.000 binh đến hội tiểu”.

Vua quả rằng : “Bọn thổ phi Ba Xuyên lần lượt ra thú, chỉ còn hơn 1.000 tên còn trốn nấp, chẳng qua chỉ là bọn linh tinh sống sót, gương giữ hơi tàn mà thôi. Đạo binh của bọn Nguyễn Tiến Lâm hiện nay có hơn nghìn quân kể cũng không phải là ít, sao lại đặt ra nhiều đồn để chia sức đi ? Lại còn muốn gọi lấy quân của người khác đến giúp nữa ? Xem ra, lũ người vốn là vô tài, chỉ muốn nhờ người nên việc, thật là đáng bĩ ! Nay nên xét coi chỗ nào là quan trọng xung yếu nhất thì để binh lại ngăn giữ, còn thì triệt hết cả về một chỗ để cho sức quân được mạnh”.

Lời dụ của vua chưa tới, Nguyễn Công Trứ và Đoàn Văn Sách trước đã sai Nguyễn Lương Nhân đem hơn 1.000 binh đi sang họp (với bọn Lâm) dẹp giặc.

Có người con trai tự xưng là con nhỏ của Anh duệ Hoàng thái tử ⁽¹⁾, nguy hiệu là Hoàng tôn, ở thành Nam Vang, họp tập những quân Xiêm, Lào, Kinh, Thổ, tới vài nghìn người. Nhiều kẻ vong mạng đến theo. Bọn quân thứ ở Vĩnh Tế : Nguyễn Công Trứ, Đoàn Văn Sách và Nguyễn Công Nhân tâu lên rằng : “Sự thể ở nơi biên cương, sớm, tối mỗi lúc mỗi khác. Tên đầu mục người Xiêm, Chất Tri, rất tinh quái : trước đây đã đều lập tên nguy Giun để thu phục võ về dân Miên, nay lại tạo ra kẻ nguy xưng Hoàng tôn để cổ hoạc người Kinh. Chúng nói phao rằng Tiên Giang và Hậu Giang sẽ đều phái quân đến, nhưng ý chúng tất đến hai nơi Hà Tiên, Vĩnh Tế trước, vì Hà Tiên địa thế cách biệt, mà chúng thì thủy, bộ đều có thể tiếp ứng cho nhau, Vĩnh Tế, đường sông dài dòng, mà chúng thì tả, hữu đều có thể tiếp ứng sang. Vĩnh Tế một khi bị nghẽn thì Hà Tiên thế tất cô lập. Hiện nay, chúng thám biết ta phòng bị nghiêm ngặt cho nên chưa dám khinh động. Duy ở biên giới, ta nên giữ vững chắc trước, rồi sau mới tùy thế đánh dẹp. [Chúng tôi] đã đặt thêm 2 đồn ở khoảng giữa Tiên Nông, Vĩnh Thông và Vĩnh Điều để chặn đường giặc, lại từ Tiên Nông đến Vĩnh Điều sửa đắp lũy dài để cho giặc ngoài hết dòm dỏ”. Trứ, rồi chuyển về tỉnh An Giang, bàn định việc tỉnh, lưu Đoàn Văn Sách ở lại giữ đồn Vĩnh Thông, Nguyễn Công Nhân ở lại giữ đồn Tỉnh Biên, sửa đắp lũy đất.

Vua phán rằng : “Nguyễn Công Trứ từ khi ở Hà Tiên trở về Vĩnh Tế, cùng với Đoàn Văn Sách và Nguyễn Công Nhân hẹn ngày tiến dẹp Thất Sơn để yên đường sau. Nay lại đóng quân ngồi giữ, sao ngày trước nói ra dễ dàng mà nay nhút nhát như thế ? Huống chi các đồn Vĩnh Thông, Tiên Nông, trước đây bọn tướng nhỏ

(1) Tức thái tử Cảnh.

Đoàn Quang Mật cũng còn có thể dựa hiểm, cố giữ, không ai dám làm gì. Nay đem đại binh đến đó ngăn giữ, tự có thừa sức, cố gì lại phải đặt thêm 2 đồn, sửa đắp lũy dài, để làm thêm nhọc sức quân ? Có phải bày ra cách ấy để giữ mình chăng ? Việc làm thật trái với cơ nghi việc binh mà chỉ tỏ cho người biết là mình yếu ! Nay Nguyễn Công Trứ lại tự trở về An Giang bàn việc, thì bọn giặc ở trước mặt rồi, không biết còn về tính bàn việc gì quan trọng hơn việc ấy nữa ! Nay nên cho quân sĩ nghỉ ngơi, lấy sức nhàn rồi đợi bọn mệt nhọc ở xa đến, thì hơn. Nếu những tin báo ở biên giới hơi thư, thì cố vũ tướng sĩ chia đường thẳng tới Thất Sơn, đốt phá sào huyệt của giặc, để cho hết thảy được yên tĩnh, không nên đặt nhiều đồn, lũy, để phí và vất vả cho nhân công, làm gì ?”

Định những chữ hiệu phong tặng cho bách thần. Phàm những vị chính thần đã được phong tặng, không cứ bậc thượng, bậc trung hay bậc hạ, đều ở dưới những mỹ tự phong tặng trước, phong thêm 2 chữ, nhưng phải theo chữ bắt đầu kể từ trên xuống, rồi [dưới chữ phong thêm] lại biên rõ những chữ “Thượng đẳng thần”, “Trung đẳng thần”, “Tôn thần”, “Chi thần”... Về mặt trước tờ sắc, biên nguyên hiệu của thần và những chữ mỹ tự trước đây được phong. Đến chỗ gia phong, lại đem những chữ mỹ tự đã phong trước biên liền lại. Còn những vị thần nào xưa nay chưa có phong tặng mà nay mới được phong thì tuân theo lệ phong điển năm đầu Minh Mệnh [1820], chia làm 3 bậc Thượng, Trung, Hạ.

Đổi định chữ huy nhà vua. Dụ rằng :

“Thần, dân kính tránh chữ huy, vẫn là điều phải, nhưng trầm nhớ lại : khi Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta còn ở ngôi, thường sai trầm kiểm soạn những thơ ngày thường ngài đã làm để tiến lăm. Trong quyển có chỗ dùng đến chữ “Hoa”, những nhân viên ở Tiềm để sao lục đến chữ ấy, có viết bớt nét đi, đã được Hoàng khảo ta bảo tận mặt rằng : “Chữ ấy chỉ cùng âm, chứ không phải là chữ chính huy, nên kiêng âm, không cần phải bớt nét”, trầm kính nghe lời dụ, biết được lòng ngài đã có định rồi. Và, theo điển lễ bản triều, phàm những chữ chính huy của liệt thánh đế, hậu, khi viết văn dùng đến thì viết thêm nét ra, còn như những chữ đồng âm mà thể chữ khác, thì cho viết như thường, đó thật là chăm chước hợp lẽ, để lại làm phép sẵn. Bộ Lễ bàn trước đây, đã quá câu nệ. Nay chuẩn cho đổi định : về chữ “Hoa” 花 dùng nói về hoa cỏ cây, thì khi viết văn, miễn sự bỏ bớt nét, để bảo rõ việc có chứng cứ, truyền mãi về sau”.

Bộ Hộ làm sổ khai những người Minh hương, người Thanh, dân Man, dân Thổ, thuộc hộ, khách hộ ở các địa phương hãy còn thiếu đọng bạc thuế, tiền thuế. Vua sai tha bớt số bạc thuế cho người Minh hương, người Thanh ở Thừa Thiên, dân Thổ ở Quảng Trị, người Man ở Quảng Yên : 5 phần 10. Bạc thuế của những người Thanh ở Quảng Nam, Gia Định, những dân Thổ ở Hà Tĩnh, Nghệ An, những người

Minh hương ở Hà Nội những người Man ở Hưng Hoá, Bắc Ninh, những thuộc hộ, khách hộ ở Tuyên Quang và bạc thuế, tiền thuế của những người Man, người Minh hương, người Thanh ở Thái Nguyên đều được tha bớt : 3 phần 10. Duy có bạc thuế của người Thanh, người Minh hương ở An Giang Hà Tiên và tiền thuế của người Thanh ở Hải Dương đều được miễn hết.

Đổi tên điện Kính Thiên ở Hà Nội làm điện Long Thiên.

Ngày Mậu Thân, vua đến điện Hiếu Tư, làm lễ Tiểu tường.

Ngày Kỷ Dậu, hợp tế tiên tổ, vua sang điện Hiếu Tư, làm lễ, các hoàng tử, hoàng thân chia nhau đến các miếu tế thay vua. Trước đây, bộ Lễ làm bản nghị, tâu lên : “Xét sách *Gia lễ* của Văn công : gặp ngày lễ trong bốn mùa (khi còn tang) thì mặc đồ tang phục, làm lễ ở trước bàn thờ, còn đồ mặc thâm thì thường dùng để lễ ở tôn miếu. Hoành Cừ họ Trương có nói rằng : “Cu tang 3 năm, khi đã đầy 1 năm thì có thể đi tế được”. Năm nay, ngày hợp lễ tiên tổ đã ở vào kỳ đầy 1 năm mà có thể tế được, duy trước hôm tế hai ngày, lệ có tiến bài đồng nhân để trai giới, thì chính nhằm ngày lễ Tiểu tường, vậy xin chọn sai hoàng tử, hoàng thân đều mặc triều phục, chia nhau đến các miếu làm lễ. Đồ nhạc đều có đặt nhưng không tấu nhạc. Về lễ tế điện Hiếu Tư, xin vua mặc lễ phục, đến hành lễ”. Vua nghe theo.

Bộ Hộ tâu lên : nhân đinh các hộ năm ấy có tất cả 925.184 người.

Đóng thuyền Tế Xuyên, thuyền Hoà Lạc mỗi thứ 1 chiếc (từ trước mũi đến sau lái, mỗi thuyền đều dài 4 trượng, 5 thước, 8 tấc, bề ngang 9 thước, 2 tấc, chiều sâu 2 thước, 3 tấc).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Nhâm Dân, Thiệu Trị năm thứ 2 [1842] (nhà Thanh, Đạo Quang năm thứ 22) mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Canh Tuất. Vua đội mũ Cửu long, mặc áo hoàng bào, đeo đai ngọc, cầm trấn khuê, đưa quần thần đến cung Từ Thọ làm lễ mừng. Sau khi thay đồ mặc thường, vua ngự điện Văn Minh, các quan mặc đẹp, vào lạy, vua thưởng kim tiền, ngân tiền có thứ bạc. Các quan chức ở bên ngoài Kinh đô, ai bị phạt về tội công, cũng đều được khoan tha.

Từ tháng chạp năm trước, ngày nào cũng mưa dầm, gió bắc lạnh lẽo, đến hôm nay sắc trời quang tạnh, triều nghi nghiêm chỉnh, quan hai bộ Hộ, Hình là Vũ Xuân Cẩn, Hà Duy Phiên dâng tộp *Thừa Thiên phủ* bìa đỏ, đại lược nói : “Mưa hoà, gió thuận, việc nông thuận lợi, 6 huyện yên tĩnh, làng mạc yên vui !”. Vua mừng, bảo quần thần rằng : “Xuân mới, lời tâu hay, đó là một điềm tốt trong buổi đầu nói nghiệp”.

Ngày Tân Hợi. Làm lễ an tiến điện Hiếu Tư.

Triệu Tổng đốc An - Tĩnh Mai Công Ngôn về Kinh. Các quan địa phương đã về Kinh dự họp triều ban, đều được cho về lý sở. Viên Án sát Nghệ An Hồ Hựu (tên cũ là Bảo, mới đổi) vào từ biệt vua, đi nhận chức. Vua dụ rằng : “Năm nay có việc bang giao, xa giá ra Bắc, trăm sẽ dùng Mai Công Ngôn làm Đại thần hành dinh, cho triệu về, Nghệ An là tỉnh quan trọng, cho người hiệp đồng với Bố chính Vũ Tuấn,

hộ lý án quan phòng của Tổng đốc. Các người nên đồng lòng giúp nhau để xứng đáng với công việc đã uỷ thác”.

Cho Lại khoa Chương án Cấp sự trung Lê Khắc Nhuận, thăng chức thự Phủ thừa phủ Thừa Thiên (Phủ thừa ở Thừa Thiên trước là Bùi Nhật Tiến, có Chỉ đổi làm Hồng lô Tự khanh, sung chức Giáp phó sứ đi sang nhà Thanh).

Cho Nguyễn Văn Điển làm Tả thị lang bộ Công, Phạm Bá Thiệu làm Tế tửu ở Quốc tử giám, Lê Bá Đĩnh làm Lang trung ở Nội vụ phủ, Đặng Quốc Lang làm Chương án Cấp sự trung ở Công khoa, Giám chính Khâm thiên giám Hoàng Công Dương làm Thái bộc tự Thiếu khanh, nhưng vẫn lĩnh chức Giám chính.

Ngày Bính Thìn. Hợp tế trời đất ở Nam Giao (trước kia tế vào tháng thứ 2 mùa xuân, gần đây lại đổi tế vào tháng cuối xuân. Năm nay vì có việc vua ra Bắc, nên làm lễ vào đầu mùa xuân). Làm lễ xong, vua bảo Phan Bá Đạt ở bộ Lễ rằng : “Lúc canh tư đêm nay, chợt gặp mưa gió, lòng trầm lắng làm lo, nhân nghĩ ra : Hoàng khảo ta trước có chế ra màn căng màu xanh, màn che màu vàng, dẫu gặp mưa gió cũng làm lễ được, nếu không có thế, há chẳng bỏ dở nghi lễ sao ? Thế mới biết : Thánh nhân chế tác, để lại cho người sau thật kỹ và đủ. Trẫm bắt đầu lên đàn tế, gió im, mưa tạnh, hoàn thành được đại lễ, thật nhờ trời đất mến tựa, tổ khảo để phúc, lòng trẫm kính sợ xiết bao ! Nay từ hoàng tử, hoàng thân và các quan văn, võ dự việc tế này, đều thưởng cho kim tiền, ngân tiền và kỷ lục có thứ bậc ; những binh đinh đi theo, thưởng cho 2.500 quan tiền ; những dân xã có bày án hương, thưởng 2.000 quan.

Ngày Đinh Ty. Dâng lễ Xuân tế. Hôm ấy dâng lễ ở điện Sùng Ân, các đội Thị vệ, Hộ vệ, Cảnh sát, Kim sang, Thượng trà, không có đồ nghi trượng bày hàng, đều bị quở trách, phạt trượng. Nhân đó chuẩn định : những đồ lễ bộ, nghi trượng giao cả cho viên Thủ hộ sứ nhận lĩnh, phạm lúc gặp lễ tiết thì do vệ binh cầm đứng bày hàng, bắt tất như trước đến ngày mới cất đặt.

Hộ lý Tuần phủ Định Tường Trương Văn Uyển tâu lên rằng : “Cai đội đồn Thông Bình Trần Văn Hội bắt được tờ nói phao của giặc, đem nộp”. Vua nói : “Bọn thổ phỉ ngày càng đói khổ cùng quẫn cho nên đặt ra lời nguy để hòng lừa dối người, vốn không đáng kể ; chỉ lạ là bọn Trần Văn Hội đi chuyến ấy có đủ binh thuyền, chợt gặp thuyền giặc, mỗi chiếc thuyền chỉ có độ 3 - 4 tên, thế mà bọn Hội đã không bắt được một tên giặc nào, lại cam tâm nhận lấy tờ nói phao của giặc ! Vậy thì trách nhiệm tuần phòng ở đâu ?”. Nhân thông dụ những binh đinh Hán, Thổ thuộc hạt : Từ nay hễ thấy bọn giặc đưa thư, nên bắt lấy người đưa, giải lên quan, lĩnh thưởng ; nếu dám riêng nhận tờ bồi của giặc thì sẽ trị tội theo lệ thông đồng với giặc, đừng hối.

Dời đặt phủ lý Lạc Hoá vào thôn An Tĩnh, huyện lý Trà Vinh vào thôn Vĩnh Trường (2 thôn này đều thuộc phủ Thuận Nghĩa), đắp thành, đào hào sửa sang lý sở.

Lĩnh Thuận phủ Hà Tiên Lương Văn Liễu tâu lên rằng : “Có 93 chiếc binh thuyền của giặc Xiêm, nghênh ngang đến thả neo đỗ, hoặc ở bến Tiêu Lục, hoặc ở đảo Ô Mai Lam. Tại đồn Chu Nham đã sắp đặt giữ gìn, đắp thêm chỗ phòng giữ. Duy từ thành bên sông đến cửa chi sông : hai bên đều là rừng rậm, bọn giặc thường ra vào. Xin đặt thêm 1 đồn, nhân tên đất ở đây, gọi là đồn Tiên Mỹ, rồi phái binh đến đóng giữ”. Vua phê bảo rằng : “Việc này chẳng khác “một con muỗi đội núi, sâu thương cự⁽¹⁾ bơi sông”, có làm gì được, mà lo !”. (Thương cự, tên một thứ sâu. Hai câu này ở thiên *Thu Thủy*, sách *Trang Tử*).

Tỉnh Hà Tiên lại tâu : “Có 40 - 50 chiếc thuyền Xiêm và 1 chiếc thuyền kiểu Tây dương đến lán bức bãi Thiển Môn ở Phú Quốc. Lại thấy thuyền giặc ước 30 chiếc đến đảo Hùng Chương (tục gọi là đảo Móng Tay) đuổi theo quân thú binh ta”.

Vua nói : “Giặc Xiêm muốn phô trương thanh thế để giúp đỡ cho bọn thổ phỉ đó thôi. Duy đồn Phú Quốc là chỗ địa đầu quan yếu, nên sức cho viên coi đồn phải phòng giữ nghiêm cẩn, đừng để cho giặc có thể thừa chỗ hở mà đổ bộ được”. Ngay sau đó vài chục chiếc thuyền giặc đến đánh đồn Phú Quốc, đốt cháy các nhà dân. Viên Quản cơ Phan Văn Giảng vì quân ít, không địch nổi, bỏ đồn chạy. Vua liền sai cách chức, phát đi tiền khu để đem sức chuộc tội. Lại sai 1 người trong bọn Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Công Nhân, Đoàn Văn Sách, hiện quân thú ở Thất Sơn, đem biển binh đi mau tới để sắp đặt. Rồi lại sai Tổng đốc Định - Biên Lê Văn Đức phái biển binh chia đáp 2 chiếc thuyền bọc đồng : Thanh Loan và Tường Hạc (thuyền ở Kinh, mới đến đỗ tại Gia Định) với 6 chiếc thuyền Hải vận tiến ra đảo Phú Quốc. Sau đó, bị sóng gió ngăn trở, một chiếc thuyền Hải vận lại bị giặc Xiêm đón cướp.

Tỉnh Gia Định tâu rằng : “Có hơn 500 tên thổ phỉ thường ra vào trong rừng Trà Bông (ở phủ Tây Ninh), đã phái thêm biển binh đi dẹp, bắt, nhưng hiện tại số binh có ít, xin cho phái ra những quân khoẻ mạnh để đủ phân phối, cất đặt. Vua dụ rằng : “Bọn giặc từ khi ở Lạc Hoá, Ba Xuyên, bị quan quân đánh phá, chỉ còn những tên sống sót, tản mát trốn tránh. Gần đây, nhân quan quân tiến bức Thất Sơn, lũng bắt những xứ Cái Di, thế giặc cùng quẫn, cho nên tìm nhiều cách làm ra mưu dối, hoặc nguy xưng danh hiệu để lừa dụ người Kinh, hoặc ở phạm biển Hà Tiên cướp bóc, kiếm ăn, chẳng qua giả làm thanh thế, hồng quân ta chia sức đánh dẹp, để tìm cách tạm sống dằng dai mà thôi. Nay một dải An Giang, để binh phòng giữ đã đầy đủ lắm rồi, những đất quan yếu như Vĩnh Long, Định Tường và Gia Định cũng đều có

(1) *Thương cự* cũng gọi là sâu mã huyền hay mã lục, hình dạng như con “cuốn chiếu”.

trọng binh đóng giữ ; tướng, biển lại không thiếu người. Duy năm nay xa giá ra Bắc, mà cõi Nam là nơi trọng địa ở biên cương, cũng nên dự phòng trước khi có việc. Đã phái biên binh ở Quảng Nam, Quảng Ngãi do đường bộ đi vào rồi. Nếu có việc cần kíp thì điều cốt yếu là nên cố động cho quân sĩ hằng hái, giữ gìn cho lòng dân yên tĩnh, không nên hấp tấp”.

Tại Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình và Quảng Ngãi, giá gạo đắt lên. Vua sai phát thóc, gạo, bán hạ giá cho dân.

Đảng nguy ở Nam Vang (tức là kẻ nguy xưng hoàng tôn) đem cả quân Xiêm, Lào 5.000 người lên đến Sách Sô (thuộc phủ hạt Nam Ninh), lại có hơn 10 chiếc thuyền thổ phi đến đồn Cán Thăng dòm dò. Tổng đốc An - Hà Phạm Văn Điển phi tư cho Đoàn Văn Sách quản lĩnh biên binh đến ngay Hà Tiên sắp đặt công việc, Nguyễn Công Nhân ngăn giữ đồn Vĩnh Thông, Nguyễn Công Trứ chuyển đi tuần tra ở Tiền Giang. Điển vẫn lưu lại An Giang sắp xếp mọi việc.

Vua nghe biết việc ấy, nói : “Kẻ phạm nguy xưng, cũng chỉ là nghe có tin đồn. Hoặc giả chúng biết rằng Ba Xuyên đã dẹp yên, đường sông Vĩnh Tế lại bị quân ta ngăn giữ, bọn giặc tàn ở Thất Sơn không còn nơi trốn thoát ; muối, gạo ở Ba Xuyên không chuyển vận đi được, chúng mới đem những đồ vô lại đặt ra danh mục nguy lừa dối bọn buôn gian để hòng kiếm thức ăn. Cái nghề hèn mọn như con lừa ở đất Kiềm⁽¹⁾ ấy, có làm gì được ! Nhưng việc này quan hệ về biên phòng, có chuẩn bị thì khỏi phải lo”. Vua bèn dụ cho thự Tổng đốc Nguyễn Tri Phương sửa soạn binh thuyền sẵn, đợi có tin khẩn báo ở Hà Tiên thì lập tức đem binh thuyền cùng với Lãnh binh Nguyễn Văn Hoàng hoặc Vũ Đình Đàm đi sang để chống giữ. Bọn Lê Văn Đức ở Gia Định, Trương Văn Uyên ở Định Tường cũng đều phải chỉnh bị quân, nuôi sức mạnh và thông tin cho những viên đóng giữ 2 đồn Thông Bình, Tây Ninh phải dò xét tình hình hư, thực của giặc. Lại dụ Phạm Văn Điển và Nguyễn Công Trứ rằng : “Công Trứ trước ở Hà Tiên đã từng xin trở về mau dẹp Thất Sơn để cho yên hết mọi trở ngại ở sau sông Vĩnh Tế. Trẫm đã chuẩn y lời xin ấy. Thế mà động gặp bọn giặc linh tinh, đều không dám tiến đánh, lại đặt đồn, đắp lũy, chỉ làm mệt sức quân, rồi trở về An Giang lần lữa không tiến, lỡ mớ không có chủ định như thế, còn ngày nào làm xong việc được ! Theo tình hình hiện nay, nếu xét thấy bọn giặc quả thực mắc mưu lừa dối (của kẻ phao tin) thì nên liệu để biên binh ngăn giữ, rồi họp cả những binh hùng mạnh ở các đại đội tiến đánh, diệt hết bọn giặc tàn ở Thất Sơn, khiến cho chỗ ấy chóng được yên hẳn. Như vậy, các thuyền giặc ở ngoài

(1) *Kiềm* : là đất Quý Châu ở Trung Quốc, xưa không có giống lừa, có người tải một con lừa đến, thả ở chân núi ; hổ trông thấy, trước còn khiếp sợ, sau rồi lần dần đến bên, biết rằng lừa chỉ có một nghề đá, bèn cắn chết. Người ta cho những kẻ có nghề vụng kém, cũng như con lừa ở đất Kiềm (Kiềm lư chi ký).

biển và những bọn giặc linh tinh nghe oai tất phải trốn xa ; không nên nhất nhất chia quân đi chống giữ, thành ra tính lầm !”.

Ngay sau đó, Nguyễn Tri Phương lại tâu lên rằng : “Các tỉnh ở Nam Kỳ đều giáp liền với cõi giặc, duy dải sông Tiền Giang là lối thông vào giữa ruột các tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Định Tường, xin đem binh thuyền đi tới các đồn Thông Bình, Hùng Ngự (thuộc tỉnh Định Tường), Tân Châu, An Lạc (thuộc tỉnh An Giang), tỏ rõ binh uy để cho giặc biết có phòng bị nghiêm cẩn”. Vua khen rằng : “Việc làm rất phải ! Chính hợp với thời cơ”.

Thự Hữu quân Đô thống Chương phủ sự, tước Văn Hội nam là Nguyễn Tăng Minh chết. Vua nghĩ Minh là người kỳ cựu, đặc ơn cho thực thụ, lại cho gấm màu, nhiều màu, the màu, mỗi thứ 3 tấm và tiền 1.000 quan. Lại sai Thống chế Lê Văn Thảo tế một tuần.

Sai : Trung quân Đô thống phủ Đô thống, Chương phủ sự Vũ Lao hầu Tạ Quang Cự kiêm giữ ấn triện Tả quân ; Hậu quân Đô thống phủ Đô thống, Chương phủ sự Hoàng Trung bá Nguyễn Văn Trọng kiêm giữ ấn triện Hữu quân.

Cho Chương vệ quyền giữ ấn triện dinh Long võ Hoàng Đãng Thận thăng thự Thống chế dinh Long võ.

Sai thự Tham tri bộ Hình là Bùi Quý tạm làm công việc bộ Hộ, chưa được bao lâu, Tham tri Doãn Uẩn hết hạn nghỉ, đi cung chức, vua chuẩn cho Quý lại về bộ Hình làm việc.

Sai Hậu quân Chương phủ sự Nguyễn Văn Trọng đưa lễ tế thần Kỳ đạo.

Ngày Tân Dậu. Vua tới yết Hiếu lăng và Hiếu Đông lăng (kính cáo về việc Bắc tuần). Sau vua nghĩ rằng : điện Hiếu Tư và điện Sùng Ân đều là những nơi tôn nghiêm, đồ trần thiết rất nhiều, theo lệ trước, mỗi tháng phải 3 lần đến kiểm. Nay có việc Bắc tuần, những hoàng thân tước công, hoàng đệ và khoa, đạo, bộ, ty không phải đi theo xa giá thì đổi lại : cứ 5 ngày chia nhau đến kiểm soát một lần, cần phải được trang nghiêm hết thủy. Sau ngày hồi loan, sẽ chiếu theo lệ trước làm việc.

Tỉnh Quảng Yên tâu rằng : Thuế bạc của dân 4 động thuộc hạt hàng năm mỗi nhân đinh phải nộp 2 lạng bạc, đã lâu năm trốn thiếu rất nhiều. Vạy xin liệu rộng bớt cho. Bộ Hộ phúc bàn cho rằng : thuế bạc 4 động ấy đã vãng mệnh vua chuẩn định : cứ 1 năm nộp bằng bạc, 1 năm chiếu giá Nhà nước chiết nộp bằng tiền (mỗi lạng bạc, nộp tiền 3 quan). Nay dân tình gặp lúc quần bách, về thuế bạc trước đây động thiếu hãy cho chiếu giá tiền tính nộp, từ năm nay về sau, năm nào theo lệ phải nộp bạc mà nếu khó khăn thì xin chiếu giá thị trường cho tính nộp tiền để sung vào thuế khoá Nhà nước. Lời bàn ấy đưa lên, vua cho rằng : dân Man lâu nay bị lưu tán,

nổi đau khổ tích lại chưa hết. Bền đối định : mỗi 1 lượng bạc cho tính giá nộp tiền 4 quan, bắt tất nệ theo giá Nhà nước hay giá thị trường, để cho dân được tiện.

Bố chính tỉnh An Giang là Phùng Nghĩa Phương bị bệnh. Vua cho viên Án sát Gia Định là Lê Quốc Trinh quyền lĩnh chức Bố chính An Giang, lại cho Hộ khoa Chương ấn Cấp sự trung Lê Chân thăng thự Lang trung bộ Hộ, quyền lĩnh Án sát tỉnh Gia Định. Chưa bao lâu, Nghĩa Phương khỏi bệnh, Quốc Trinh lại trở về lý số cũ, Lê Chân lại về Kinh cung chức.

Cho : thự Phó vệ úy Tả vệ dinh Long võ Tổng Bẩm điều bổ là thự Phó vệ úy Hữu vệ nhị dinh Vũ lâm ; Phó vệ úy Tiên vệ dinh Tiên phong Phan Công Thành làm Phó vệ úy Tả vệ dinh Long võ ; Phó vệ úy vệ Hồ oai Lê Tô làm Phó vệ úy vệ Tiên dinh Tiên phong ; Phó vệ úy vệ Hồ oai nhất Nguyễn Lợi làm Phó vệ úy Hậu vệ ; Phó vệ úy Tả vệ dinh Tiên phong Nguyễn Thanh thăng thự Vệ úy Tiên vệ dinh Hùng nhuệ ; nguyên thự Phó vệ úy Nguyễn Hữu Lợi đối bổ làm thự Phó vệ úy Tiên vệ dinh Long võ.

Tổng đốc An - Hà là Phạm Văn Điển và lĩnh Tuân phủ An Giang là Nguyễn Công Trứ tâu lên rằng : “Tỉnh Hà Tiên thám biết : tên thổ phỉ Phi Phủ họp binh ở Chân Sâm, muốn đến sông Vĩnh Tế quấy nhiễu, những thuyền của bọn đầu mục giặc đóng ở phận biển Quảng Biên hẹn nhau chia 2 đường thủy bộ đến đánh Hà Tiên. Về phận sông Ba Nam, 2 bên bờ đều có đồn trại, thuyền bè của bọn thổ phỉ, mưu định gây việc. Vả lại, bọn thổ phỉ ở Ba Xuyên, Thất Sơn chưa trừ hết, mà ở Hà Tiên, Tiên Giang có tin báo nguy cấp ấy thì những đồn Đa Phúc, Lô Khu ở Hậu Giang, đồn Cần Thăng ở Cam La và những đồn Tiên Nông, Vĩnh Điền ở Vĩnh Tế không thể không phòng bị trước cho nghiêm cẩn. Vậy xin lưu những biên binh vẫn đóng trước và những binh mới đóng, mới đưa đến, cứ theo các đạo để đủ sai phải”. Vua nghe theo.

Vua lại dụ rằng : “Phạm Văn Điển và Nguyễn Công Trứ đều là bề tôi có tiếng đã lâu, trước ở Trấn Tây, giữ mãi không thành, mặc cho bọn thổ phỉ lan khắp, đến khi về An Giang, mong những trước dẹp Ba Xuyên, sau đánh Thất Sơn, tuyệt đường đi lại kiểm chác của giặc, và cho quân dân nghỉ ngơi, ngồi chặn chỗ hiểm yếu để cho quân giặc tất đến phải chết. Thế mà đến nay, ở Ba Xuyên chưa quét sạch hết, ở Thất Sơn không tiến được bước nào, và cứ sai đi do thám lung tung, không được tin gì đích xác ! Ở quân, động một tý là hấp tấp : nay dựng đồn lớn, mai đắp lũy to, việc nhiều, sức mệt, không lúc nào thôi (tháng chạp năm trước, Nguyễn Công Trứ làm tờ tâu xin đặt 2 đồn Tiên Nông, Vĩnh Điền, lại sửa đắp lũy dài ở 2 đồn ấy), như vậy, không chút nắm vững, cử động trái ngược, chỉ làm cho quân giặc coi khinh mà thôi. Sao không nghĩ : thuyền giặc nghênh ngang ngoài biển đã gần 3 tháng,

lúc tiến lúc lui, chưa từng một lần nào cùng với Hà Tiên đối địch, thì chẳng qua chúng khoe thanh thế hão, có thể thấy rõ nghề mọn như con lừa của chúng thế là đã cùng. Hướng chi, binh ở Hà Tiên đã có hơn 3.000 người, lại có đạo binh của Đoàn Văn Sách đến tập hợp, pháo đài ở Kim Dũ đặt cao, bắn xa ; bọn kia dù có đến trăm vạn quân thủy cũng không thể bay sang được, mà kẻ phạm nguy xung ở Ba Nam ngu dại không biết, vẽ trò trẻ con, há lại dám vô cớ đến nộp mạng sao ? Và lại, tỉnh An Giang nhiều lần cất quân đến và các tỉnh phái binh sang, số binh không kém vài vạn, nếu bọn chúng dám đến thì tình hình chủ với khách khác nhau đã rõ, há không đủ sức diệt bọn ấy rồi ăn cơm sáng [cũng vừa], hay sao ? Nay xa giá Bắc tuần, trầm nghĩ đến chỗ trọng địa biên thủy, mùa đông năm ngoái đã phái sẵn 8 vệ quân hùng mạnh và thêm biển binh sung sức ở 2 vệ cơ Nam, Ngã đi đóng giữ Gia Định, Định Tường trước. Ở Kinh, lại chinh bị sẵn thuyền lớn bọc đồng, binh khí tinh đủ, nếu có khẩn cấp, thuận dòng xuống Nam, chẳng qua trong khoảng một tuần cũng có thể kịp việc. Các người đều là bề tôi quen thạo chinh chiến, cần thiết là nên giữ yên lấy lòng người. Việc biên phòng cố nhiên không thể sơ suất, nhưng cũng không thể vội tin những tin do bọn thám tử nhật sai. Phải nên xét kỹ mà làm, khiến giặc sợ oai, trốn xa, để khỏi mối lo cho triều đình về mặt Tây, thế mới xứng đáng với sự uỷ thác. Nên cố mà làm”.

Tỉnh Hà Tĩnh tâu xin khơi lại đường sông (từ chỗ ngã ba phận sông xã An Hồ sang bên tả, thông tiếp với sông lớn). Vua sai sửa sang qua, cốt cho được thuyền đi thông đồng, không nên khơi đào nhiều quá, để đỡ mệt sức dân.

Ngày Mậu Thìn. Điểm duyệt các quân. Vua ngự trên Nam Đài coi duyệt, thấy kỷ luật am tường, hiệu lệnh nghiêm chỉnh, thưởng tiền có thứ bậc cho các biên binh đến diễn tập.

Tại Quảng Nam, Quảng Ngãi gạo đắt. Vua dụ rằng : “Hai tỉnh này đất ở gần Kinh đô, năm ngoái tỉnh Quảng Ngãi dân hơi thiếu ăn, đã bàn sai phát thóc ra bán hạ giá. Lại phát trước số tiền công đặt mua quế, đường, tính số tiền cấp bằng thóc. Còn tỉnh Quảng Nam, cũng cấp trước số tiền công mua đường, quế, làm cho thóc gạo lưu thông để dân đủ ăn. Nay có tình trạng quân bách này lại gặp lúc giáp hạt, giữ sao cho khỏi thiếu ăn ? Vậy giao cho quan tỉnh xét hỏi và thấy cần phải giúp đỡ thì tâu lên ta biết”.

Sau đó, theo lời Phạm Duy Trinh ở Quảng Nam tâu lên rằng : “Hiện nay gạo ở tỉnh Quảng Nam do các thuyền buôn bán ra, dân đã hơi đủ ăn, lại trước đây đã phát cho số tiền công, dân gian có chỗ trông cậy, duy ở tỉnh Quảng Ngãi giá gạo còn cao, bọn Nguyễn Đức Hộ, quan tỉnh ấy, xin thu mua đường cát, đậu, dầu, cho các

nhà bán lĩnh trước số tiền công để thóc gạo lưu thông, dân ăn được đủ”. Vua thuận cho. Sau đó, lại sai phát gạo ra bán hạ giá cho dân.

Chuồng Hậu quân Nguyễn Văn Trọng trước ở Gia Định cùng với Bố chính Lê Khánh Trinh nhận riêng đồ đưa tặng của thương khách người nhà Thanh, bị phái viên Đào Trí Phú đem hặc, giao Bộ tra xử. Tới đây, án dâng lên, hai người đều bị xử phạt trọng, cách chức. Vua cho rằng : Việc này xảy ra trước khi có lệnh ân xá các tội phạm, bèn tha cho hai người, thu lấy tang vật sung công.

Thự Hình khoa Cấp sự trung Giang Văn Hiến dâng lời tâu rằng : “Bệ hạ buổi đầu nối ngôi, chỉnh tề mọi việc, lại gặp lúc có việc bang giao to tát, công việc bề bộn ; thế mà ham thích ngâm vịnh, hết tập nọ lại thiên kia, đêm khuya cũng không thôi. Nay xin bệ hạ : sau lúc muôn việc đã rồi, xem rộng kinh sử để tìm những nghĩa lý sâu xa, xét những chính trị hay dở, noi cái học của Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, thi hành ra chính trị để cũng rộng lớn như các vua đời thịnh trị ấy, há chỉ làm thơ mà thôi ru ?”. Lời tâu này dâng lên, vua cho rằng : nói không thiết đến sự tình, lại phần nhiều úp mở, bắt phải nói cho minh bạch rồi tâu lại. Hiến tâu rằng : lời tâu bày trước đã sai và bậy. Vua dụ rằng : “Trẫm mới coi lời tâu, cho rằng chức ngôn quan ⁽¹⁾ nói lên, tất có mưu hay, lời thẳng, đến khi duyệt kỹ lại thì là một bài nghị luận toàn không thiết đáng ! Thử nghĩ câu nói : “Ham thích ngâm, vịnh, đêm khuya không thôi”, định bảo trẫm ham mê thơ văn mà bỏ nhãng chính trị à ? Nếu thực trẫm thiên về sự ham thích mà chăm về cái không đáng chăm thì nên chỉ rõ ra, trình bày thẳng ra để vua tỉnh tiết bớt, thế mới là bề tôi trung thực yêu vua, trẫm sẽ nêu khen ngay để khích khuyến lời nói phải ; chứ sao lời nói lại úp mở như thế ! Lại nói : “Noi cái học của Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, thi hành chính trị của các đời vua ấy, há chỉ làm thơ mà thôi ru ?”. Ngẫm lời văn ở đoạn này, nghiêm như câu nói ở nơi giảng dạy, có lẽ muốn làm thầy của đế vương chăng ? Chẳng những chê bai hiện tại, lại còn bài bác hết các vua chuộng văn từ nghìn xưa, hán là người nào mà dám nói ra như thế ; Trẫm lấy đức bạc nối nghiệp lớn này, phạm dân tình, vật lý, việc nước, việc biên cương, chỉ nghĩ hằng ngày siêng năng để làm cho được đích đáng, hoặc tham khảo lời bàn của mọi người hoặc cùng với đại thần bàn bạc, một lòng răn sợ các quan trong ngoài đều cùng nghe thấy. Đâu có đặt khúc ở trong cung, làm thơ ở trong Viện mà lại cho là ham thích ngâm vịnh được ? Chỉ những khi muôn việc đã rồi, mượn bút ghi việc trước để tự nhắc nhở lấy sự siêng năng, há chẳng hơn là khi ấy đối tiếp với đàn bà và bọn hoạn quan ru ? Hướng chi thơ văn làm ra đều là những bài chăm chính sự, yêu nhân dân, xét lúc

(1) *Ngôn quan* : chức quan có trách nhiệm được nói để giúp đỡ và can ngăn vua, hoặc đàn hặc các quan khi có điều sai trái.

tạnh, tính lúc mưa, hoặc là xúc cảnh nên thơ, làm ra những lời ngâm vịnh như câu “phong mộc”⁽¹⁾, bài “Lục nga”⁽²⁾ ngụ tắc lòng mơ tưởng ở trong canh, trên tường⁽³⁾, vốn không phải có ý tìm tòi, làm cho đẹp để cùng với bọn nghệ sĩ, văn nhân đua hơn, so kém ; tưởng có hại gì cho việc làm mà cần phải đem nói ? Và, thơ là để nói rõ chí hướng, cốt để đào luyện tính tình cho người ta, có câu “làm việc dư sức thì học văn”, cổ nhân chưa từng cho văn là không đáng chuộng. Hẳn là người do văn học xuất thân, sao lại can ngăn về thơ ? Đáng lẽ sai bàn trị tội, nhưng nghĩ hẳn học nông, biết ít, lời nói không đạt được ý mà thôi, nguyên lòng hẳn không phải định nói thơ văn là không nên làm. Nay không thêm làm tội, cho truyền Chỉ nghiêm quở. Từ nay có tấu đối việc gì, cần phải so sánh sự lý, xét kỹ phải trái, không được khinh suất như trước, cũng không được vì lần này đã bị nghiêm quở, [lần sau] gặp việc gì nên tâu, lại im lìm không dám nói. Như thế chẳng những không hợp với quy tắc của gián đài, lại còn phụ với cái ý của triều đình đặt ra chức ngôn quan nữa. Nên xét mình lại mà nghĩ kỹ mới được !”

Sai chế 2 lá cờ đỏ (1 lá viết chữ “Khải loan”, 1 lá viết chữ “Hồi loan”) đội đến trước ngày khải loan và trước ngày hồi loan đưa ra, để cho mọi người đều biết.

Cho Thiếu bảo, Hậu quân Chương phủ sự Nguyễn Văn Trọng và Thái bảo Văn Minh diện Đại học sĩ Trương Đăng Quế sung chức Ngự tiền đại thân, Thống chế dinh Hùng nhuệ Tôn Thất Bật và Tổng đốc An - Tĩnh là Mai Văn Ngôn sung chức Hành dinh đại thân ; Thống chế dinh Vũ lâm Tả dực Nguyễn Trọng Tính và Thống chế dinh Hồ oai Vũ Văn Giải sung chức Thị vệ đại thân ; thự Thống chế dinh Kỳ võ Tôn Thất Đường sung chức Tiền hõ đại thân ; thự Thống chế dinh Long võ Hoàng Đăng Thận sung chức Hậu hõ đại thân ; Thống chế dinh Tiên phong Trần Hữu Lễ sung chức Tiên đạo đại thân, Đề đốc Thủy sư Vũ Văn Từ sung chức Hậu đạo đại thân, mỗi người được ban cho đai đeo lưng. Lại cho Vệ úy vệ Tả nhị, dinh Vũ lâm, Nguyễn Văn Phụng, quyền sung chức Vệ úy vệ Cẩm y, chuyên coi các đội túc trực, theo xa giá ; chánh, phó vệ úy 32 người sung vào đội túc vệ trước xe. Binh các đạo gồm có 17.412 viên, nhân, voi 44 con, ngựa 172 con.

Thưởng cho những người dự đi theo hầu vua : Hoàng thân tước công, tiền 300 quan ; hoàng tử và quốc công, 200 quan ; các quan, viên chức văn, võ cho chỉ lại dịch, binh dinh, tiền lương 1 tháng ; ty Hộ vệ được thưởng gấp thêm một nửa ;

(1) *Phong mộc* : phong : gió ; mộc : cây. Cổ nhân có câu : “Cây muốn lặng, gió chẳng ngừng ; con muốn nuôi, cha mẹ chẳng ở”, tức là câu than cha mẹ mất sớm.

(2) *Lục nga* : tên một thơ trong *Kinh Thi*, nội dung nói người con thương nhớ cha mẹ.

(3) *Do chữ* : “Canh, tường”, xưa. Vua Nghiêu chết, vua Thuấn tưởng nhớ, khi ăn cơm, như thấy vua Nghiêu trong bát canh ; khi ngồi như thấy vua Nghiêu ở trên tường. Ý Thiệu Trị muốn nói : vì nhớ vua cha mà phát ra thơ.

những người lệ thuộc theo các phủ đệ và những thân biên, binh đình, lại dịch, thợ thuyền thuộc các nha đều được thưởng cấp tiền lương nửa tháng. Phạm những người được cưỡi ngựa chạy trạm thì cấp cho bài trạm của 6 bộ. Lại ban lệ binh, người theo hầu và áo nhung y, đồ thường phục, kim tiền, ngân tiền cho hoàng tử, hoàng thân và cả các quan viên văn, võ. Lại phái 36 suất đội thuộc các dinh Vũ lâm, Cẩm y, Kỳ võ đi đến các trạm, từ trạm Thừa An ra Bắc, coi làm công việc nhà trạm, thưởng cho mỗi người tiền lương 1 tháng.

Dụ các đại thần thị vệ ở Ngự tiền hành dinh : “Từ ngày khải loan đến ngày hồi loan phạm xe vua đến tỉnh lý địa phương nào hay những nơi hành cung, tạm nghỉ, tạm đóng ở dọc đường, đều hội họp để bàn việc, còn khi đi đường hằng ngày, thì cho 2 - 3 viên thay đổi cưỡi ngựa đi theo, ngoài ra đều ở phía sau ngự dinh, ngồi xe theo đi, không được quá xa, để tiện cho lúc có việc triệu hỏi, và để tỏ ý vua lấy lễ ưu đãi quan đại thần”. Lại trích vệ sĩ ở ngự tiền cấp thêm cho Nguyễn Văn Trọng, Trương Đăng Quế mỗi người 1 suất đội, 2 đội trưởng, 10 lính, Tôn Thất Bật, Mai Công Ngôn, Vũ Văn Giải, Nguyễn Trọng Tính mỗi người 1 suất đội, 8 lính, làm sổ lệ tùy vào từng người, để tiện sai khiến, lại sai trích lấy 2 - 3 người thuộc viên thao việc ở trong 6 bộ, đi theo sai phái. Lại chuẩn cho quan trong 6 bộ : Lang trung hoặc Viên ngoại lang, mỗi bộ 1 viên, Khoa đạo 2 viên, trong khi đi, mỗi ngày thay đổi nhau theo hầu liền bên ngự dinh, để đều được lúc làm, lúc nghỉ. Về những thẻ bài nêu tóm tắt về số tàu của các nha, trong khi đi, hễ đến nơi trú nghỉ, thì cho phép tùy tiện đưa trình, không cần phải ấn định giờ khắc, duy lúc đã đến hành cung Hà Nội, thì cứ sớm, tối 2 lần đưa lên trình.

Sai đem để các ấn, dấu vào điện Càn Chính. Xưa nay các ấn, dấu vẫn để nghiêm cẩn ở các hòm vàng bên tả, bên hữu trong điện Càn Thành, đến đây vì vua sắp ra Bắc, mới sai kiểm lấy những ấn thường dùng mang theo (những ấn : “Hoàng đế chi bảo”, “Hành tại chi tỷ”, “Sắc chính vạn dân chi bảo”, “Ngự tiền chi bảo”, “Tê gia chi bảo”, “Văn lý mật sát”, “Thiệu Trị thân hàn”). Còn những ấn để lại cất giữ thì đem đặt ở bên hữu nơi bảo toạ điện Càn Chính, do hoàng tử và đại thần lưu Kinh kiểm nhận, để tại chỗ. Những đại thần văn, võ, những thuộc viên 6 bộ và các nha phải chia lượt lên túc trực, đợi đến ngày hồi loan, sẽ lại chiếu lệ thi hành”.

Sai hoàng tử : An Phong đình hầu Hồng Bảo lưu tại Kinh, Đồng lý việc quân, việc nước. Trung quân Chương phủ sự Tạ Quang Cự, lĩnh Thượng thư bộ Hộ Hà Duy Phiên, Thống chế dinh Thần cơ Lê Văn Phú và thự Thượng thư bộ Lại Tôn Thất Bạch đều sung vào ban đại thần lưu Kinh : Hữu thị lang bộ Lễ Trương Quốc Dụng, Hàn lâm viện Trực học sĩ Đỗ Quang, thự Hữu thị lang bộ Binh Nguyễn Đức Chính, và Hồng lô Tự khanh Vũ Phạm Khải đều sung vào chức Hộ lưu Kinh ấn ; Biện lý bộ Hình Lê Quang Giám và Biện lý bộ Công Nguyễn Danh Giáp đều sung

chức Tuỳ biện ; Chương vệ vệ Cẩm y Hồ Văn Lưu sung chức Tuần hộ Cung thành ; thự Thống chế dinh Vũ lâm Hữu dực Lê Văn Thảo sung chức Tuần hộ Hoàng thành ; Đê đốc Thừa Thiên là Tôn Thất Tường sung chức Tuần hộ Kinh thành, Chương vệ Thủy sư Đoàn Kim và Phạm Văn Cục coi giữ các thuyền thuộc Thủy dinh. Lại sai biên binh 3 vệ Hậu bảo, Hùng nhuệ và Tiền phong lưu giữ Kinh thành.

Vua dụ Thượng thư bộ Lễ, sung chức Sư bảo dạy hoàng tử, hoàng đệ, Nguyễn Đăng Tuấn, rằng : “Người là bề tôi kỳ cựu, có trách nhiệm kiêm việc Sư bảo. Nay hoàng tử đã lớn, nên dẫn bảo, giúp đỡ để cho nên người có đức. Và, trong năm Minh Mệnh, người đã từng sung vào việc hộ lưu Kinh án, đã quen biết sự thể, nay phạm gặp việc quân, việc nước quan trọng, chuẩn cho người hiệp đồng với đại thần lưu Kinh, bàn bạc mà làm”.

Vua lại dụ Hồng Bảo rằng : “Con học thức còn nông kém, phạm gặp việc gì, cần phải hỏi đến Sư bảo. Cổ nhân còn vái lạy khi được nghe lời nói chính đáng, hướng chi là đối với ông thầy ! Còn bọn Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên, Tôn Thất Bạch đều là những bề tôi kỳ cựu, thân tín, con phải lấy lễ mà đối đãi, không được khinh lấn bậy. Phải kính cẩn, gắng theo”.

Ngày Ất Sửu. Đặt đại triều nghi ở điện Thái Hoà, đem tờ chiếu về việc Bắc tuần bá cáo cho trong ngoài biết. Chiếu rằng :

“Trẫm kính nối nghiệp lớn, có việc bang giao, tuy còn ở trong hạn cư tang 27 tháng, cũng phải tạm xa nơi bàn thờ, trong lòng có chỗ không được yên, nhưng vì điển lễ quan trọng, không thể bỏ thiếu, vậy sai Hữu ty tra kỹ điển lệ, rồi xa giá ra Bắc Kỳ, nhân để thăm coi địa phương, xem xét phong tục. Ngày mồng 9 tháng này đã thân đến kính cáo Thái miếu, sai quan đến kính cáo Triệu miếu, ngày mồng 10, thân đến kính cáo Thế miếu, sai quan đến kính cáo Hưng miếu, dâng lễ điện Phụng Tiên, ngày 13, thân đến kính cáo điện Phụng Tiên, ngày 14, thân đến kính yết Hiếu lăng và Hiếu Đông lăng, ngày 15, thân đến hầu thăm cung Từ Thọ, ngày 16, sắc dụ hoàng tử và đại thần lưu Kinh đồng lý mọi việc. Đến ngày 20, đại giá khởi hành. Phạm hoàng tử, hoàng thân và các đại thần văn, võ cho chí bọn thân biên đi theo xa giá đều phải hộ vệ xe kiệu, dọn dẹp đường đi, quản thúc đội ngũ cho nghiêm cẩn, theo đúng quân luật, đừng làm nhiễu dân các địa phương. Những hoàng tử, hoàng thân, hoàng đệ và thân biên lớn nhỏ, ai nấy phải giữ chức sự, cho phép theo sự cất đặt của hoàng tử và đại thần lưu Kinh”.

Dụ các tỉnh từ Quảng Nam trở vào Nam : phạm có những công việc quan trọng, to tát, cho phép phát trạm, đưa tới Kinh, do hoàng tử, đại thần lưu Kinh chuyển đạt tới chỗ hành tại. Lại dụ hoàng tử và đại thần lưu Kinh : từ sau khi khai loan, cứ 4 ngày lại phát đưa tập tàu thỉnh an ⁽¹⁾ một lần, 2 ngày lại đem tin bình an ở

(1) *Thỉnh an* : thăm hỏi sức khỏe nhà vua.

trong Kinh, phát đưa tập tâu “Kinh báo”⁽¹⁾ một lần, và đem những tập biểu, tập tâu do thái giám đã giao, đưa kèm một thể. Những chương tâu của các tỉnh từ Quảng Trị ra Bắc đều đưa đến nơi hành tại, duy 2 tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình gần liền Kinh đô, nếu gặp có việc gì quan trọng thì một mặt phát đưa đến hành tại, một mặt trích tư để hoàng tử và đại thần lưu Kinh coi rõ. Từ Quảng Nam trở vào Nam, nếu có tập tâu nào chạy ngựa đưa ra, cũng chuẩn cho hoàng tử và đại thần lưu Kinh mở coi rồi để ngay bản sao vào hộp tâu ấy, dán kín lại, cấp tốc chạy trạm, đưa đến hành tại, không được có chút chậm trễ. Ngoài ra, đều tuân theo lời dụ trước mà làm.

Vua dụ các quan to ở 6 tỉnh Nam Kỳ rằng : trăm xét theo điển lễ, xa giá đi Bắc tuần, Kinh đô là nơi căn bản trọng địa, đã sai hoàng tử và đại thần lưu giữ, mọi việc đều được thoả đáng. Duy 6 tỉnh Nam Kỳ là đất dựng nghiệp, nay việc xây nhiều rắc rối, lòng trăm càng phải lo nghĩ, ăn ngủ không yên, hơn nữa, mấy tỉnh Hà Tiên, An Giang, Gia Định, về tin biên báo, tuy theo lời thám tử chưa hẳn đích xác, nhưng theo lẽ “ràng buộc từ khi chưa mưa, chế thắng trước khi có việc” thì sự tính liệu về biên cương không dám bỏ qua. Vả lại, một cõi Trấn Tây lệ thuộc vào sổ sách của triều đình đã trải lâu năm, bỗng một ngày kia, thổ dân gây sự không yên, biên thần không mau diệt được, chỉ cứ đóng giữ làm cho binh lâu nản và xin dời binh các chỗ khác để giữ 6 tỉnh. Trăm hỏi, các đại thần kỳ cựu đều nói : trong có bình trị thì ngoài mới yên, nay hãy nên cho quân dân nghỉ ngơi, ngày khác sẽ lại tính liệu cũng chưa muộn. Trăm là người đức bạc, không làm trọn cái công việc còn bỏ dở, ngượng ngừng không dứt, nhưng thà chịu lỗi ấy mà để cho trong thiên hạ được yên, vậy bất đắc dĩ phải theo những lời đã xin đó. Việc mở bờ cõi tất phải có ngày quyết định, cho nên tha thuế, bớt số thu để vỗ yên dân chúng, sửa binh, kén tướng để chống giữ biên thủy. Các người là tướng lão luyện, là bề tôi danh vọng, vốn quen công việc, thế mà vừa đây tin báo Hà Tiên, phần nhiều bối rối, hấp tấp, không nắm vững chút nào. Lại như ở Hà Tiên, bọn Lương Văn Liễu, Trần Văn Thông, Đinh Văn Huy hiện đã đắp lũy, sửa sang pháo đài, có thể tin cậy về cái thế thiên hiểm, lại đã cất Tồn Thất Mậu đem binh đến cùng giữ, và có Đoàn Văn Sách mang quân giúp thêm, thế thì nên trở hết tài năng, ngăn phòng trước khi có việc mới phải. Ở An Giang, bọn Phạm Văn Điển, Nguyễn Công Trứ, Lê Quốc Trinh, Cao Hữu Dực trước đây còn bảo rằng đất Trấn Tây rộng rãi, thế rất khó dẹp ; nay đã thuộc về bờ cõi của ta, không thể nói rằng khó khăn được nữa ! Về đường Vĩnh Tế, trước đây Nguyễn Tri Phương sửa đắp đồn lũy đã nhiều, có thể nhờ đó để chống giữ, một mình Đoàn Quang Mật đóng đấy, thổ phỉ còn không làm gì nổi. Nay lại đắp thêm một đoạn lũy nữa, chỉ làm cho quân mệt sức. Vậy thì Nguyễn Công Trứ đã nói : “Thất Sơn ở tại trong ruột, cần xin tiêu diệt”, sao không làm ngay, để đến nỗi cái lo ở trong chưa

(1) *Kinh báo* : báo tin trong Kinh đô.

yên, sức chống bên ngoài lại đuối ? Đoàn Văn Sách, Nguyễn Công Nhân, trong việc Hải Đông đã thường cho kim bài, thế mà rồi bỏ chỗ đất ấy, há gọi là toàn công được ! Đinh Tường, Trương Văn Uyển, Ngô Văn Thế sang hội tiểu ở Nam Ninh, không bắt được lấy một tên giặc, lại không biết nghiêm răn bọn người bắt giặc, để họ nhận thư của giặc, làm thành trò cười ! Những tướng bắt giặc như Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Lương Nhân, Tôn Thất Nghị, thì : bọn giặc Ba Xuyên đã như cá ở đáy hồ, thế mà để đến rất lâu không giết hết, thì cái công ở Lạc Hoá khi trước, há chẳng phải là nhờ ở người mà nên việc ru ? Những viên kể trên đây, làm như thế thì bao giờ xong việc ? Trẫm sắp ra Bắc, lòng lo miền Nam, nay đặc dụ cho bọn Lê Văn Đức, Nguyễn Đăng Uẩn, Ngô Văn Giai ở Gia Định, Nguyễn Tri Phương, Lê Khánh Trinh, Nguyễn Thế Trị, Nguyễn Văn Hoàng ở Vĩnh Long, Trương Văn Uyển, Ngô Văn Thế, Nguyễn Sáng ở Định Tường, Phạm Văn Điển, Nguyễn Công Trứ, Lê Quốc Trinh, Cao Hữu Dục ở An Giang, Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Lương Nhân, Tôn Thất Nghị ở Ba Xuyên, Nguyễn Công Nhân, Đoàn Quang Mật, Mai Văn Tích ở Vĩnh Tế, Đoàn Văn Sách, Lương Văn Liễu, Trần Văn Thông, Đinh Văn Huy, Tôn Thất Mậu, Nguyễn Văn Thai ở Hà Tiên, là những người đều có trách nhiệm giữ đất : cần phải hàng hái chống với giặc ngoài, giữ vững bờ cõi. Nhiều lần đã điều động từ Kinh vào Nam, quan quân đến họp tập kể có tới vài vạn, năm ngoài trăm đã tính trước, lại phải đi 8 vệ quân hùng mạnh, nay lại đưa thêm 2 vệ nữa. Tướng tài như thế, binh lực như thế, dù có giặc Xiêm, giặc Lạp dòm dò biên thủy, đều có thể vận dụng mưu sức, kể tội giặc mà đánh. Nay phạm có việc điều binh, việc quan báo, nên lập tức giúp nhau dẹp giặc, đồng lòng vì nước, kỳ cho thành được cái công dẹp yên, không được kẻ nọ thờ ơ với kẻ kia để đến lâm lữ công việc thì hối sao cho kịp ! Các người đã chịu ơn dày của nước, báo ơn chính ở lúc này đó”.

Ngày Tân Mùi. Xa giá từ Kinh sư ra đi, cho hoàng tử thứ hai đi theo. Trước đây, vua bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế : “Kinh sư là chỗ căn bản trong thiên hạ, trách nhiệm coi việc nước không phải là nhẹ, Hồng Bảo tuổi tuy đã lớn, nhưng không có học, kiến văn hẹp hòi, e khó làm xong công việc. Hoàng tử thứ hai vốn sẵn thông minh, trẫm muốn giao cho việc lưu Kinh, được không ?” Đăng Quế tâu rằng : “Biết con thì không ai bằng cha, việc này chỉ tự bề trên quyết định, thần không dám biết !”. Vua nhân vào châu Tây cung, đem việc ấy tâu bày, Thái hoàng thái hậu dụ trước mặt rằng : “Hoàng trưởng tử lưu Kinh vốn là việc cũ. Hồng Bảo tuy ít học, nhưng tuổi đã trưởng thành, để lại một vài đại thần giúp việc, có gì là không nên ? Hà tất phải thay đổi việc cũ ?”. Vua sợ trái ý Thái hoàng thái hậu, bèn sai Hồng Bảo lưu Kinh mà cho hoàng tử thứ hai theo vua ra Bắc. Hôm ấy xa giá đến bến sông, vua triệu Kinh doãn là Phạm Khôi đến báo rằng : “Kinh sư là nơi gần vua, nhà cửa liên lượt, nên phòng nạn cháy, lại nên lòng bắt trộm cướp để cho dân

cu được yên”. Một lát sau, thuyền ngự do sông Hương tiến đến kỳ nội, các phụ lão đứng sát bên bờ sông mừng đón. Vua đi qua các địa phương, dọc đường và hai bờ sông, chỗ nào cũng đặt hương án lạy mừng, vua đều ban thưởng. (Từ Kinh ra Bắc phàm tới chỗ nào có dân xã đặt hương án, đều thưởng 10 quan).

Lại sai truyền dụ các địa phương : phàm về lễ triều cận, cứ theo lời nghị trước, chỉ dùng trâu và gạo nếp, đủ tỏ lòng thành, không được tranh đua, chuộng xa xỉ, tốt đẹp ; để răn sự cầu được vua khen. Lại, phàm vua đi đến đâu đều đặt nhà công chính đường và trống dăng vắn, thu nhận các đơn kêu, để cho tình dân được đạt lên, oan uổng được xét rõ.

Thưởng thêm cho các sở hành cung từ Thừa Thiên ra Bắc. Vua cho rằng : những tài liệu về hành cung, tuy đều dùng tiền công để chi viện, nhưng một lượt xây dựng, thợ thuyền phu dịch cũng phải khó nhọc, nên đặc ơn gia thưởng cho. Những chỗ nghỉ buổi trưa, đều thưởng 20 quan, những chỗ nghỉ đêm đều thưởng 30 quan (những hành cung trên đường thủy, đường bộ, cộng 44 sở).

Tha bớt 4 phần 10 tiền thuế thân của các nhân đinh ở Thừa Thiên năm ấy và thưởng cho 2 trạm Thừa An, Thừa Mỹ mỗi trạm 10 quan tiền.

Ngày Nhâm Thân. Thuyền ngự đến Trung Đan (tên đất) thuộc tỉnh Quảng Trị, đường sông nông và cạn, quan tỉnh ấy vì làm việc này không đúng thể thức, bị ngôn quan đem hạch. Ngay sau đó, các quan đại thần theo hầu, ra sức hộ dẫn, thuyền đi được ổn thoả. Vua khen thưởng cho : Ngự tiền đại thần Nguyễn Văn Trọng, Hành dinh đại thần Mai Công Ngôn và Tôn Thất Bật, Thị vệ đại thần Nguyễn Công Tính mỗi người 1 đồng kim tiền Bát bảo có dây đeo ; bọn Chuồng vệ Đoàn Kim, Hoàng Văn Hậu 1 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, 2 đồng ngân tiền hạng nhỏ ; bọn Quản thị vệ và Quản vệ Hồ Văn Thập, Lê Mậu Hạnh, Lê Viết Chuyên, Tôn Thất Đàm, Đoàn Khác, Nguyễn Văn Phương, Nguyễn Văn Quy, ngân tiền lớn nhỏ mỗi hạng 1 đồng ; Hiệp quản Đoàn Văn Thọ 1 đồng ngân tiền hạng lớn, 27 người từ suất đội đến thị vệ hạng tư mỗi người 1 đồng ngân tiền Bát bảo hạng nhỏ ; còn từ thị vệ hạng 5 cho đến đội trưởng, binh lính, thưởng chung tiền 300 quan.

Quan tỉnh Quảng Trị là Đặng Đức Thiệm và Nguyễn Văn Đạt sợ hãi, dọị chịu tội, không dám lên hầu. Vua dụ rằng : “Thừa hành công việc bất lực là tội của địa phương các người, nhưng vài đoạn phù sa ở sông, chẳng qua chỉ độ 1 lý, nếu vì hơi trở ngại cho hành trình mà đòi bắt dân ta phải mệt sức khơi lại, bọn các người theo đó nghiêm đốc làm mau, thì chẳng khổ cho dân sao ? Huống chi lần này ta đi xem xét phong tục, vốn để thi ơn cho các làng mạc mà nếu để cho dân phải mệt vì công việc phục dịch, thì ý ta không phải như thế. Nay hãy sai truyền Chỉ trách bảo, nhưng cho chiếu lệ thưởng, được lên hầu. Duy bọn quan lại các huyện coi việc sửa sang đường sông thì đình việc ban thưởng để tỏ ra trừng phạt nhẹ”.

Ngày Quý Dậu. Vua dời tỉnh lỵ Quảng Trị, bọn quan tỉnh Đặng Đức Thiệm, Nguyễn Văn Đạt, Đỗ Đức Tấn dẫn các thuộc viên ra chiêm bái. Vua hỏi việc làm ruộng trong tỉnh, Đức Thiệm tâu rằng : “Hạt chúng tôi đất xấu, dân nghèo, nhờ được đường sông có thể thông tới Kinh sư, dân nhờ vào số gạo ở Kinh mà ăn, không đến nỗi thiếu thốn”. Vua nói rằng : “Sông Vĩnh Định bắt đầu khơi từ trong năm Minh Mệnh, công, tư đều lợi, nay lâu ngày bị nghẽn dần, nên liệu khơi sâu thêm để cho đường sông lưu thông mới được”. Nhân thưởng cho các quan tỉnh mỗi người một đồng kim tiền, những thân biên cho chí lại dịch, binh đình thuộc tỉnh đều ban thưởng cho cả. Từ đó, phàm đi đến các địa phương, đốc, phủ, bố, án, lãnh binh ra bái yết, vua đều cho triệu đến trước mặt, hỏi han và tự tay vua ban cho kim tiền. Những quan, viên đã về hưu trí, hưu dưỡng, tiến sĩ, cử nhân tại quán và các kỳ lão ở thuộc hạt mà đến bái yết, đều được ban thưởng có thứ bậc.

Thổ ty Cam Lộ đưa dâng vật phẩm ở địa phương ấy. Vua ban thưởng kim, ngân tiền và áo xiêm, cho về. Rồi sai Trung sứ đem phẩm vật địa phương Quảng Trị đã tiến, chạy trạm về dâng Từ cung. Sau đó, đi đến đâu đều đưa thổ ngơi về dâng, tờ biểu dâng, đều do ngự bút viết.

Tha bớt 3 phần 10 tiền thuế thân năm ấy của nhân đinh tỉnh Quảng Trị. Thuế bạc của thổ dân bỏ thiếu đọng lại, trước đã khoan miễn cho 5 thành, nay lại gia ơn khoan bớt cho 3 thành nữa.

Thưởng thêm cho các trạm thông tin trên đường thủy, đường bộ từ Quảng Trị ra Bắc. (Phàm những trạm chạy tin rất nhiều, thì châm chước liệu cấp thêm : trạm Tự Lập ở Quảng Trị, các trạm Quảng Ninh, Quảng Cao, Quảng Khê ở Quảng Bình ; Tĩnh Sa, Tĩnh Lạc, Tĩnh Khê ở Hà Tĩnh ; An Dũng, An Kim, An Hương, An Luỹ, An Quỳnh ở Nghệ An ; Thanh Khoa, Thanh Xá, Thanh Thái, Thanh Sơn, Thanh Cao ở Thanh Hoá ; Ninh Du ở Ninh Bình, trước thưởng cho mỗi trạm 20 quan, nay thưởng thêm cũng bằng số ấy. Duy trạm Quảng An, đường đi qua núi Hoành Sơn, ở Quảng Bình, trước thưởng 25 quan, nay thưởng thêm 30 quan ; trạm Tĩnh Thân ở Hà Tĩnh trước thưởng 20 quan, nay thưởng thêm 30 quan ; 4 trạm Bắc Liêm, Bắc Mỹ, Bắc Cấn, Bắc Hoà ở Bắc Ninh ; 2 trạm Lạng Nhân, Lạng Mai ở Lạng Sơn là đường sứ giả đi quan, cũng thưởng mỗi trạm 20 quan ; còn các trạm ít việc hơn, đều thưởng tiền 10 quan).

Sai quan đem lễ đến tế chùa Long Phúc. Vua bảo bộ Lễ rằng : “Đất Quảng Trị là chỗ Thái tổ Gia Dự hoàng đế ta bắt đầu dựng đô. Dân trong hạt, ở 3 phường An Định nha, An Hương, Phương Xuân truy nhớ công đức, dựng lên chùa này, trong năm Minh Mệnh thánh giá tuần hành qua đó, sai quan vào tế, nay quên sao được !”. Bèn sai viên Lang trung Tôn Thất Cáp và quan tỉnh ấy đến làm lễ tế.

Sai thị vệ đem hương và lụa đến cúng thần Qua Qua Linh Thu. Vua bảo quan đại thần rằng : “Sông Ái Tử là chỗ khi xưa Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta đã giết tướng Mạc tên là Lạp Bạo, mà thần sông Qua Qua đã hiển linh ứng mộng ở đấy. Vãn hay trời sinh thánh nhân, chỉ 1 lữ quân, 1 thành ruộng, rồi cũng có cả đất nước, đánh giặc dẹp loạn, quyết không phải nhờ một điềm mộng rồi mới thành công, những sông núi giúp thiêng, bách thần trợ thuận thì từ đế vương đời xưa phần nhiều vẫn có. Đó cũng là lẽ không thể cho là không đáng tin được. Còn sử nhà Minh có chép người Minh là Trương Phụ đuổi theo vua Trưng Quang nhà Trần đến sông Ái Tử, thì e chưa được xác thực, vì tên đất xưa nay phần nhiều giống nhau, lẫn nhau, đem tên đất ngày nay mà chứng với sách cổ, thì khó lòng tin cả được”.

Ngày Kỷ Hợi. Vua tới trạm Trì Lạp, lên đường bộ đi tới bến Thuận Trạch (thuộc tỉnh Quảng Bình). Vua bảo thị thần rằng : “Từ Hồ Xá đến Thuận Trạch, có đường thủy đi suốt được, nhưng một đoạn thiết cảng ở khoảng giữa, chật hẹp, lấm cát, hơi trở ngại cho thuyền đi. Trước đây, quan tỉnh ấy dâng sớ xin khơi đào, nếu y theo lời xin ấy, há chẳng làm khó nhọc cho quân dân sao ? Nay không đi theo đường cảng, đổi đi đường bộ, dù một mình có mệt nhọc, nhưng dân ta được yên vui thì ta cũng quên sự mệt nhọc. Nay, cờ vũ mao của vua đi, nghi vệ chỉ là một, thế mà có thể dân trông thấy thì hơn hởi vui mừng, có thể dân trông thấy thì vánh đầu nhần mặt, đó không phải có gì khác, chỉ vì vua làm cho mệt dân hay không làm mệt dân mà thôi !”.

Qua chùa Hoằng Phúc (chùa ở hạt huyện Lệ Thủy, phủ Quảng Ninh, thuộc tỉnh Quảng Bình, khi xưa Thái tổ Gia Dụ hoàng đế xây dựng, nguyên đặt tên là chùa Kính Thiên. Đến nửa chừng, bị hoả tai, Hiếu Minh hoàng đế sửa dựng lại, thân làm ra câu đối. Năm Minh Mệnh thứ 2, Thánh tổ Nhân hoàng đế ra Bắc, tới thăm chùa, cho tên là chùa Hoằng Phúc). Vua dụ rằng : “Chùa này do Liệt thánh đời trước dựng lên, nét chữ của tiên thánh còn chói lọi lưu mãi tại ngôi chùa. Trong năm Minh Mệnh, thường cấp bạc lạng, đặt cho tên hay, thực là một thắng tích về cảnh Phật. Nay qua đất này, truy nghĩ đến việc hay đời trước, cấp cho tiền 300 quan”.

Ngày Bính Tý. Ngự giá đến hành cung bên sông Quảng Bình, sai thao diễn 3 chiếc thuyền hiệu bọc đồng (3 thuyền : Định Hải, An Hải, Vĩnh Hải). Vua thấy rằng cách chở, lái đều thành thạo, bèn thưởng tiền cho các viên biên và binh đinh coi việc và giúp việc, có thứ bạc. Rồi đặc sai vượt biển đi trước, ra tỉnh Hà Nội đợi chực.

Ngày Đinh Sửu. Ngự giá vào hành cung trong tỉnh thành Quảng Bình, cho triệu 2 người kỳ lão trên 90 tuổi vào hỏi : “Các già ra đây là do tự lòng chân thành hay là vì phủ huyện thúc đẩy bắt phải ra ?”. Hai ông già thưa rằng : “Bọn chúng tôi sinh ở bãi biển, được thấm nhuần ơn trên đã lâu, nay nghe Đại giá tới đây, xiết bao trông ngóng,

cho nên khúm núm ra ngay, không phải có ai bắt buộc”. Vua lại hỏi : “Giống tôm ở thôn Động Hải cứu vớt được người, chuyện ấy có thực không?”. Hai già thưa rằng : “Có câu chuyện ấy”. Vua nói : “Đó cũng là một chuyện lạ ! Hoàng Quýnh năm trước làm việc ở đây đã biết việc này, có chép ở tập *Văn Kiến tùng thoại*. (Năm Minh Mệnh thứ 7, ở thôn Động Hải, thành Quảng Bình, có người đánh cá, bắt được một con tôm to, dài tới vài thước, khắp mình có vết như găm, râu mọc cứng, dài và lớn bằng thân mà cụt mất 1 cái. Dem tôm ra chợ bán ai cũng lấy làm lạ. Có người nhà Thanh, họ Tạ, kiều cư tại đây mua về sắp đem làm thịt, một người họ Dương, ở gần nhà, can rằng : không nên ăn, rồi bỏ tiền ra chuộc đem thả xuống sông, con tôm nhảy luôn ra biển. Sau đó, người họ Dương làm nghề buôn bán, đáp thuyền ra biển, bỗng gặp cơn sóng, gió, thuyền đắm, họ Dương sắp bị chìm xuống đáy biển, chợt bấu được một tấm ván, theo sóng trôi giạt, may được vào bờ. Dương nhìn ra thì vật để cho mình bấu chính là con tôm ngày trước mình đã thả, râu cụt y như xưa, có thể nhận rõ. Dương cúi đầu vái tạ, con tôm liền ẩn mình xuống dưới sông, rồi không trông thấy nữa).

Vua lên thành Quảng Bình xem xét, hồi lâu, bảo Bó chính Nguyễn Tự rằng : “Đây là một chỗ thiên hiểm, xung yếu của nam, bắc, hộ vệ cho Kinh sư, dù núi Hào và cửa Hàm ⁽¹⁾ hộ vệ đất Trường An ⁽²⁾, Tần Thành ⁽³⁾ chống giữ chỗ sa mạc [khi xưa], chẳng qua cũng chỉ hiểm đến như thế. Nếu thành này có sụt lở thì phải sửa chữa ngay”. Rồi vua dụ bộ Công rằng : “Một dải trường lũy, trên tiếp núi Đâu Mâu, dưới đến tận bờ biển, Liệt thánh ta trước đây mưu sâu tính xa, gia công gây dựng, đức Thánh tổ Nhân hoàng đế ta lại sửa sang thêm, làm cho vĩnh viễn thành nơi hiểm trở hữu tình. Nay nhân coi khắp hình thế, nên sửa sang thêm lần nữa để cho bờ cõi vững vàng. Về xương sừng ở trên thành, nên theo cách thức ở Kinh thành mà làm”. Vua lại nói : “Việc đắp ra trường lũy, bắt đầu từ đời Hiếu Văn hoàng đế ta, do một công thần khai quốc là Hoàng quốc công Đào Duy Từ bắt đầu mưu tính việc ấy. Sau Thái tông Hiếu Triết hoàng đế ta 2 lần đánh được quân Bắc và Thế tổ Cao hoàng đế ta đại thắng giặc Bắc, đều ở chỗ này. Nên đặt tên cho lũy là “Định Bắc trường thành” để cho danh nghĩa được chính đáng”.

Tha bớt 3 phần 10 tiền thuế thân năm ấy cho các nhân đinh tỉnh Quảng Bình.

Khao các quân sĩ đi theo hầu vua. Rồi dụ cho người nào ốm ở dọc đường, được giao sở tại điều dưỡng. Người nào chết thì cấp cho tiền tử tuất gấp thêm 1 lần và vài 2 tấm.

(1) Tức là Hào Sơn và Hàm Cốc quan, trong đời Tần (Trung Quốc) cho là 2 nơi rất hiểm.

(2) *Trường An* : đất huyện Trường An, thuộc tỉnh Thiểm Tây bây giờ.

(3) *Tần Thành* : tức là Vạn Lý trường thành do Tần Thủy Hoàng đắp.

Ngày Mậu Dần, vua đến hành cung Quảng Khê, đóng nghỉ. Trước đây, bộ Công đã bàn : đến bến đò ngang Linh Giang, đóng bè để vượt sang. Khi ngự giá tới đó, Ngự tiền đại thần Nguyễn Văn Trọng và Trương Đăng Quế xin cho thí nghiệm trước, bỗng gặp gió to, sóng nổi, các dây buộc bè đều bị đứt, bè sai lầy thuyền công, dựng mũi lên để sang. Khi đã sang qua Linh Giang, thưởng cho các đại thần hành dinh hộ vệ : gia cấp và kỷ lục có thứ bậc. Những quan, binh hộ dẫn cùng những dân, thợ làm việc đều được thưởng tiền khắp cả. Bộ Công vì không làm trọn lời bàn trước, bị phạt lương, quan tỉnh và những người dự vào việc này đều bị giao bộ nghiêm nghị. Khi án làm xong, đưa lên, thợ Phó vệ úy Hồ Tự phải giáng 3 cấp, lưu ; Bố chính Nguyễn Tự, Án sát Trần Huy Phác đều bị giáng 1 cấp, lưu ; còn Lãnh binh Nguyễn Văn Tật vì già yếu, không làm được việc, giáng xuống Cai đội, bắt về hưu.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XVI

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHUƠNG HOÀNG ĐẾ

Nhâm Dân, Thiệu Trị năm thứ 2 [1842], mùa xuân, tháng 2, ngày Tân Tỵ. Ngự giá qua cửa ải Hoàn Sơn, biên binh theo hầu tể chính. Vua khen thưởng ngân tiền hạng lớn, hạng nhỏ cho viên Vệ úy ty Loan nghi Tôn Thất Đàm, Phó vệ úy Tôn Thất Hàn và bọn suất đội, có thứ bậc. Các binh dinh được thưởng tiền 50 quan.

Ngày Nhâm Ngọ. Vua đến hành cung Tĩnh Sa. Bọn quan tỉnh Nguyễn Đồng Khoa, Vũ Đức Nhu vì không đặt trống báo hiệu, bị ngôn quan đem hặc, họ đều bị phạt.

Ngày Quý Mùi. Xa giá đến hành cung tỉnh thành Hà Tĩnh. Vua cho triệu 2 người dân thọ 100 tuổi đến võ về, hỏi han, cho mỗi người 1 đồng kim tiền. Có Trương Quốc Hiến, ân phong Hàn lâm viện Thị độc, đến hành cung lạy yết. Hiến là thân phụ viên Thị lang bộ Lễ Trương Quốc Dụng. Vua nói : “Viên quan ân phong không ví được như những viên hưu trí, hưu dưỡng”, bèn ban cho 10 lạng bạc. Nhân sắc dụ : Từ Nghệ An ra Bắc, phạm có những quan to ở Kinh mà cha mẹ ở nhà thì do bộ tâu lên, xin ban thưởng cho. Sau đó, Phạm Diệu là cha viên Thị lang bộ Binh Phạm Thế Hiến, Đỗ Đình Thự là cha viên Bố chính Bắc Ninh Đỗ Khắc Thư và Vũ Phạm Đàm, cha viên Hồng lô Tự khanh Vũ Phạm Khải đều là người được ân phong, đến hành tại lạy yết, đều được ban thưởng một loạt.

Thổ huyện thừa và cai tổng ở Cam Môn, Cam Cát kính dâng phẩm vật địa phương. Vua thưởng kim ngân tiền và áo xiêm, rồi cho về.

Thuyền ngự do sông Đại Nại tiến phát, qua núi Hồng Lĩnh, vua triệu quan tỉnh là Vũ Đức Nhu, hỏi về thắng tích núi ấy. Nhu thưa rằng : “Núi này khởi đầu từ huyện Nghi Xuân, qua huyện Thiên Lộc (nay là Can Lộc), quanh co, liền lượt, gồm 99 ngọn. Tương truyền có đàn chim hạc đen đậu ở trên núi, cho nên đặt tên là “Hồng Lĩnh”, bên phía nam núi này có ngôi chùa cổ, tên gọi là Hương Tích. Tục truyền : xưa con gái của Sở Trang vương rất mộ đạo Phật ở xa đến thăm cảnh chùa rồi ở tu và hoá tại đây. Trang vương theo tìm được, mới dựng đài ở phía bắc chùa này, nay vẫn còn nền cũ, gọi là nền “Trang vương”. Vua cười nói : “Đó là câu chuyện hài hước của người Tê, nói sự quái lạ, truyền mãi không thể bỏ hết !”. Hoạc giả có ý nghĩa gì khác cũng chưa biết chừng”.

Ngày Ất Dậu. Ngự giá đến bến sông tỉnh thành Nghệ An, ngự dinh phát súng lên, Suất đội thuộc tỉnh là bọn Tống Đắc Thịnh cũng vội vàng bắn súng rồi rút một lượt, bị ngôn quan đem hặc, Thịnh bị phạt trọng và cách chức, còn bọn quan tỉnh, bị giáng, phạt mỗi người một khác.

Ngự giá đến hành cung tỉnh thành Nghệ An. Sĩ, dân khắp thành đứng sát bên đường mừng đón. Vua bằng lòng, hỏi Ngự tiền đại thần Trương Đăng Quế rằng : “Lòng người mong trăm đến như thế này, hành trình có nên chậm lại không?”. Quế thưa rằng : “Tôi theo nhật trình mà tính thì sứ thần nhà Thanh phải đến thượng tuần tháng 3 mới qua cửa ải. Kỳ hạn đi đường của ta cũng đủ chỉnh bị, vậy thông thả được”. Vua bèn sai đóng lại vài ngày, coi xét thành trì, nghỉ ngơi quân sĩ. Triệu bọn quan tỉnh Vũ Tuấn, Hồ Hựu cho mỗi người 1 đồng kim tiền và hỏi : “Hành cung và nhà trạm, có bắt dân phải làm không?”. Hai người tâu rằng : “Hành cung ở tỉnh lỵ thì do những binh ở tỉnh làm, còn hành cung ở các trạm thì dân trong hạt làm lấy”. Vua nói : “Binh thì đã có lương, còn dân thì lấy gì mà cung ứng ? Bất đắc dĩ mà bắt dân làm, ý trăm không muốn thế. Những tài liệu đã dùng để làm, chuẩn cho theo đúng thực, cấp giá tiền cho dân”. Hai người lại thưa rằng : “Bóng cờ của vua đi tới, ngàn năm mới một lần được gặp, đem sức làm ruộng phục vụ người trên là phận sự của dân, mà cũng là ý muốn, chứ không muốn lĩnh giá”. Vua nói : “Kính vua, mến người trên, vẫn là cái tình rất hậu của dân ta, nhưng trăm đối với việc yêu dân, chưa từng một chút bỏ nhãng, há nữ khinh dị dùng sức của dân sao ? Tất phải thưởng cấp cho dân bội giá”. Nhân dụ quan bộ Hộ rằng : “Hạt này lúa mạ tươi tốt, trộm cướp dẹp hết, nhân dân đều yên, trăm rất lấy làm khen ngợi, bằng lòng. Về những thân biên thuộc tỉnh, gia ơn thưởng cấp cho mọi người có thứ bậc”. (Quan văn : Đốc học được thưởng 2 đồng ngân tiền hạng lớn ; Tri phủ, ngân tiền hạng lớn, hạng nhỏ mỗi hạng 1 đồng ; Tri huyện, 1 đồng ngân tiền lớn ; Giáo [thụ], Huấn [đạo], Thông phán, Kinh lịch, mỗi người 1 đồng ngân tiền nhỏ. Quan võ : Vệ úy, Phó vệ úy, mỗi người được thưởng 2 đồng ngân tiền lớn ; Thành thủ úy và Hiệp quản, ngân tiền lớn

nhỏ mỗi hạng 1 đồng ; Cai đội, Chánh đội trưởng suất đội, thí sai Chánh đội trưởng suất đội, mỗi người 1 đồng ngân tiền nhỏ. Bát, cửu phẩm và những người hậu bổ đều được thưởng tiền lương 1 tháng ; những thư lại thuộc tỉnh, chưa vào ngạch, đều thưởng tiền lương nửa tháng).

Thưởng thêm cho những binh ở Kinh theo đi : tiền lương 1 tháng. Thưởng cho những biên binh ở Hà Tĩnh, Thanh, Nghệ dự đi theo hầu và những biên binh mọi ngạch ở Kinh : tiền lương nửa tháng ; những binh sung việc đóng giữ ở Kinh ; tiền lương 1 tháng ; những thú binh ở các tỉnh ngự giá đi tới cũng như thế.

Tha bớt thuế thân 3 phần 10 cho dân đình các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh năm ấy, những thổ dân và những người trốn đi nơi khác mới về, bỏ thiếu thuế bạc, tiền thóc đọng lại, đều được khoan tha có thứ bậc.

Ban nhân sâm cho các đình thần theo hầu và bảo rằng : “Đi đường mệt nhọc, uống thứ sâm này thấy nhuần thấm dễ chịu được một chút, cho nên trầm với các người cùng dùng”. Lại thưởng thêm cho các quan viên văn võ theo hầu : từ ngũ phẩm trở lên, nửa tháng lương, từ lục phẩm đến thư lại chưa vào ngạch, tiền 660 quan.

Thổ tri huyện, huyện thừa ở hai phủ Trấn Ninh, Trấn Biên cùng nhau uỷ cho bọn thổ huyện thừa và cai tổng huyện Khâm, huyện Sầm Tộ đem sản vật địa phương đến cung tiến (2 đôi gà voi, 4 chiếc tê giác y). Vua khen là biết chuộng nghĩa, lại chịu khó đi từ xa tới, bèn thưởng cho rất hậu. Lại sai thưởng thêm cho các thổ ty ở Quảng Trị, Hà Tĩnh đã dự vào việc ra báis yết. Vua lại bảo bộ Hộ rằng : “Những nhân viên hưu trí, hưu dưỡng ở hai hạt Quảng Trị, Hà Tĩnh ra tận nơi lạy yết, đã thường cấp ngay trước mặt rồi. Nghĩ tới bọn người ấy, những năm trước làm việc đã có chút công lao, nay lại có tình nồng nàn kính mến, nên thưởng thêm cho nữa”.

Sai Thị vệ đại thần Vũ Văn Giải đem lễ tế vua Thục An Dương vương. Trước đây vua dụ bộ Lễ rằng : “Đức của thần to biết chừng nào ! Cho nên cái phúc hàng vạn, hàng ức, người làm thơ đã ca tụng ; những lễ tế Phương, tế Vọng, sách *Lễ Ký* đã ghi truyền. Có cầu đảo tất có báo ứng, lễ đó không sai được. Trẫm là người đức bạc, nối giữ cơ nghiệp lớn, kính trời, theo tổ, siêng chính sự, yêu thương dân, một lòng lo nghĩ, cố làm cho được thịnh trị. Nay xét theo điển lễ, xa giá ra Bắc tuần, truy nhớ vua Thục An Dương : cảm ứng đã rõ, uy linh đã rệt, cần phải tế, chỉ nguyện cho Thánh tổ mẫu ta, Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng thái hậu, hưởng thọ vô cùng, cơ đồ nhà nước ta yên định mãi mãi, hàng năm được mùa, trộm cướp dẹp hết, trong yên, ngoài tĩnh, thần giúp đỡ cho, ơn ấy hậu thay !”. Bộ bàn xin lấy ngày hôm sau ngự giá đến tỉnh, sai quan đem lễ tế, cử viên Thượng thư bộ Công Nguyễn Trung Mậu vắng mệnh đến hành lễ. Khi đã đi, vua lại thân làm văn dụ và ban ra hương, lụa trong kho, phụ thêm một chiếc áo bào bằng gấm màu vàng. Quan ở bộ Lại xin đổi tế vào ngày khác, để được chính bị thư thả, liền sai người chạy theo báo

cho Mậu biết. Chưa kịp báo tới. Mậu cho rằng lễ vật đã làm đủ, cứ tế trước, vì thế bị Bộ trách hặc, giao cho bộ Hình nghĩ xử. Vua đổi sai Vũ Văn Giải đến tế lần nữa, và giáng Mậu 1 cấp, lưu.

Ngự giá đi qua Thiết Càng. Vua bảo đại thần Trương Đãng Quế rằng : “Đường cang này, tương truyền : nhân có các sông chảy xuống thông qua các núi, người ta mới lựa theo hình thế, đào ra, từ Hà Nội có thể đi suốt đến phía nam tỉnh Nghệ An ; nhưng đến nay phù sa mỗi ngày một bồi thêm, đã thành ra đất bằng ; tựa như vì chón Thân kinh đã định, giữ hiểm đã có chỗ, chuyển vận đã có phương, ở bên trong, giữ bên ngoài, không thể thông đạt như trước, đó là cơ trời huyền diệu, chưa dễ lường biết, nhưng lấy lý mà bàn thì : tục truyền việc Cao Biền đào cang này, nhờ uy trời chấn động, vỡ đá, thật là một sự quái lạ. Lời truyền thuyết vu vợ ấy không đủ tin được”.

Ngày Canh Dần. Đến hành cung tỉnh Thanh Hoá. Các kỳ lão trong hạt ra bái yết. Vua bảo bộ Hộ rằng : “Hạt này là đất quê hương nhà vua, không kể như hạt khác được”. Sai cấp cho cả kỳ lão rất hậu. Công thần ở Vọng Các là viên Cai cơ hưu trí, Lê Văn Linh (người ở Định Tường, lưu ngụ tại Thanh Hóa) ra lạy yết, vua thưởng cho 3 đồng ngân tiền hạng lớn, 1 đồng ngân tiền Tam đa.

Bọn thổ tri huyện, huyện thừa, cai tổng ở Sầm Nưa, Man Duy (tên 2 huyện) đem dâng phẩm vật địa phương (1 đôi ngà voi, 6 chiếc tê giác). Vua cho họ kim, ngân tiền và áo xiêm, rồi cho về.

Khao các quân sĩ theo hầu.

Tha bớt 5 phần 10 thuế tiền, gạo và tiền dầu lỏi, cước phí của các nhân đinh tỉnh Thanh Hoá năm ấy. Kẻ nào để thiếu đọng tiền, thóc thì triển hạn cho, có thứ bạc.

Ngày Quý Tỵ. Vua thân yết Nguyên miếu, rồi đến núi Triệu Tường, vọng bái lăng Trường Nguyên. Sai quan đến tế cáo miếu Trùng quốc công. Việc lễ xong, vua bảo bộ Hộ rằng : “Gia Miêu ngoại trang ở huyện Tống Sơn là quê hương nhà vua, được thấm nhuần giáo hoá và yên ổn đã lâu năm, lần này trăm ra Bắc tuần, được tới yết Nguyên miếu, hôm nay xa giá đến hành cung Thanh Cao, những người kỳ lão, chức mục ở quý hương đón xe lạy yết, lòng thành khẩn đáng khen. Lại thấy người còn thật thà, tục vẫn thuần hậu, trăm rất lấy làm khen ngợi, bằng lòng. Nay thưởng cho những người trong Tôn thất, công tể và các kỳ mục ở quý hương : bạc, ngân tiền và đồ mặc, có thứ bạc”.

Vua nhân thấy ngôi đình ở quý hương vẫn còn lợp bằng cỏ tranh, lại cho 500 quan tiền sai sửa lợp lại. Vua lại đem thơ ngự chế, tuyên bảo cho các hoàng thân, đình thần biết và nói rằng : “Đẹp thay giang sơn chỗ này ! tạo hoá đúc thiêng, nước

nhà chứa phúc, khác gì đất Thai, Mân ⁽¹⁾ của nhà Chu, đất Phong Bái ⁽²⁾ của nhà Hán xưa ? Nhớ lại từ buổi đầu : đời đời tích đức, nối tiếp công cao, nhân nghĩa đã nhuần khắp. Đương lúc vua Chiêu tông nhà Lê bị họ Mạc cướp ngôi, đức Triệu tổ ta có chí hăng hái trừ bạo, yên dân, bắt đầu dựng cờ nghĩa, đón dựng vua Trang tông, kỷ nguyên là Nguyên Hoà, rồi gây nên nghiệp Trung hưng, làm cho ngôi nhà Lê được lâu dài, đều là công của ngài cả. Năm Nguyên Hoà 14 [1546], ngài trở về cõi tiên. Lãng ở núi này, huyết tại giữa chỗ miệng rộng mở, rước linh cứu đặt yên, bỗng thấy sấm dậy, mưa mau, mọi người sợ chạy tản mác, khi tạnh mưa, mọi người họp lại, thì thấy đá núi tiếp liền, cây cối xanh rậm, tìm ra, không biết mộ ở chỗ nào. Sau đó, trông vào núi mà tế, chỉ thấy chót vót tuyết vời, hơn hẳn các núi khác, cho nên gọi tên là núi “Thiên Tôn”. Rồi đến đức Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta gây nền ở cõi Nam, mở dựng ra đất nước, liệt thánh nối tiếp, ngày càng thịnh trị. Hoàng thiên yên mến, đóc sinh Hoàng tổ : Thế tổ Cao hoàng đế ta, một bậc thần vũ trời cho, sâu sáng, mưu lược. Đương lúc ấy, chỉ có ruộng 1 thành, quân 1 lữ mà quyết phục thù cho tôn miếu, xã tắc, rửa giận cho quỷ thần, nhân dân, dẹp yên quân giặc, thẳng tiến Long Biên, thống nhất đất đai, gồm cả thiên hạ. Ngài truy tôn đế hiệu cho Triệu tổ ta, đặt tên lăng là Trường Nguyên lăng, dựng miếu Triệu tổ và Thái miếu ở Kinh, lại dựng Nguyên miếu ở đất Bái, để tỏ lòng nhớ tới nguồn gốc từ trước. Năm Minh Mệnh thứ 2 [1821], Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, thân yết Nguyên miếu và lăng tổ, kính phong cho núi ấy là núi Triệu Tường, lại sai đắp thành vây giữ Nguyên miếu, cũng cho tên là thành Triệu Tường. Rồi ngài lại thân làm văn bia, khắc vào bia đá để truyền lại muôn đời. Nghĩ tới đức của tổ tiên, cảm mộ sao xiết ! Phàm các con cháu ta cần phải ghi nhớ mãi”.

Hôm ấy trời mưa, vua rất mừng, nói : “Lễ thăm yết lăng vừa xong, liền ứng trận mưa quý hoá, mưa này là điềm tốt, là triệu được mùa đó”. Nhân lại thưởng thêm cho quý huyện ⁽³⁾, dụ rằng : “Tống Sơn là đất phát tích, quốc gia ta thánh nối, thần truyền, cơ nghiệp ức vạn năm thực bắt đầu gây dựng ở đây. Nay trăm ra Bắc, kính yết Nguyên miếu, vọng bái lăng tổ, nhìn thấy núi sông rạng đẹp, cây cối xanh rườm, lòng luyến mộ không kể sao xiết ! Trăm lúc đầu nối ngôi đã chuẩn cho huyện này : phạm tiền đầu lỗi, tiền cước phí về thuế ruộng, thuế thân và hết thảy mọi sai dịch đều được tha hẳn 1 năm, nay lại tha cho 1 năm nữa và thưởng chung cả cho 300 lạng bạc, 100 tấm lụa màu, 10 con trâu và 10 chĩnh rượu. Còn có một toà

(1) *Thai, Mân* : hai nơi phát tích của nhà Chu (Trung Quốc) xưa. *Thai* là nơi ông Khí, tiên tổ nhà Chu được phong ở đấy, nay là đất huyện Vũ Công, tỉnh Thiểm Tây. *Mân* là đất Chu Thái vương ở, nay là Mân huyện, tỉnh Thiểm Tây.

(2) *Phong Bái* : đất phong ấp ở huyện Bái xưa, Hán Cao tổ sinh ở đây. Nay thuộc tỉnh Giang Tô.

(3) Chỉ huyện Tống Sơn, nơi phát tích của triều Nguyễn.

nhà do dân tự làm ra, trước đây đã thưởng tiền 300 quan, nay lại thưởng thêm cho 300 quan nữa. Ai nấy yên vui hưởng ơn trạch, cùng yên nghiệp làm ăn, để cùng hưởng phúc thái bình”.

Vua nhân bảo thị thần rằng : “Vua Cao tông nhà Thanh bàn về các vua được nước xưa nay, chỉ cho nhà Thanh và nhà Nguyên là chính ; Hán, Đường trở xuống hoặc khởi thân là đình trưởng ⁽¹⁾, hoặc xuất thân là thầy chùa ⁽²⁾, nguyên là tôi con nhà vua, đều không gọi là chính được. (Xét thấy ở bài tựa quyển *Khai quốc phương lược* do Thanh Cao tông tự làm ra). Nói vậy, sao không nghĩ : nhà Thanh lúc đầu ở Mãn Châu, cũng đã từng chịu nhà Minh phong tước, há chẳng phải là tôi con nhà Minh sao ? Phải trái, hay dở, ngàn năm tự có công luận, nếu chỉ muốn tự tôn, tự đại, há chẳng để trò cười cho đời sau ? Bản triều được nước là lấy của Tây Sơn, không phải lấy của nhà Lê, chính đại quang minh biết chừng nào ! Cho nên sau khi trăm kính yết Nguyên miếu có bài cảm thuật để thuật lại công nghiệp từ trước cho mọi người đều biết”.

Vua lại truyền dụ cho hoàng tử lưu Kinh là Hồng Bảo rằng : “Nay xa giá qua Thanh Hoá, thân thấy ruộng nương tốt đẹp, dân vật đông vui, kỳ lão đón xe lạy yết, đông tới vài nghìn người, đã ban thưởng cho rất hậu, văn, võ, Kinh, Thổ đều được đội ơn. Và, đất của nước nhà xa từ núi Thiên Tôn, trăm nhớ đến đức tổ, kính mộ tha thiết, nhân rời thuyền lên bộ, thân đến kính yết Nguyên miếu, vọng bái lăng tổ, trông thấy đền đài nguy nga, miếu mạo nghiêm túc, cây cối xanh tốt, vượng khí bao trùm, lòng tưởng mộ không kể sao xiết. Sau đó, cho triệu một vài người kỳ lão ở cố hương đến thăm hỏi, xét thấy phong tục thuần hậu, làng xóm đông đúc, ta rất lấy làm bằng lòng, bèn cho ân dụ : ban yến rất hậu, gia ơn cho khắp mọi người, để làm rộng thêm mãi cái ơn đời trước”.

Vua lại tự tay viết biểu, tâu để Thánh từ biết và sai thị vệ đem các thổ sản đưa về Kinh để cung tiến Thánh từ.

Ngày Giáp Ngọ. Qua núi Tam Điệp. Xa giá đến tỉnh thành Ninh Bình. Vua lên núi Dục Thúy, xem khắp các thơ văn khắc ở vách đá, có bài nào quê mùa đều sai đục bỏ đi, đổi tên núi là “Hộ Thành Sơn”. (Núi này ở phía sau tỉnh thành. Một trái núi cao chơ vơ, sông lớn vòng quanh, nửa núi ở dưới làn sóng, thế núi nhòm xuống mặt nước, gồm có cảnh thú cả sơn lẫn thủy. Thái phó đời Trần là Trương Hán Siêu gọi tên núi này là Dục Thúy. Nhà Lê dựng hành cung ở đó, gọi tên là Thủy Cung. Các vua Lê Thánh Tông, Hiến Tông, Tương Dực để cho chí thi nhân các đời, nhiều

(1) *Đình trưởng* : theo chế độ nhà Tần, cứ 10 lý gọi là 1 đình. Người đứng đầu coi 1 đình, giữ việc bắt trộm cướp, gọi là đình trưởng. Cao tổ nhà Hán khởi thân là đình trưởng ở Tứ Thủy.

(2) Chu Nguyên Chương thuở trẻ làm sư chùa Hoàng Giác, sau làm vua khai quốc nhà Minh, tức là Minh Thái tổ.

người khắc đá đề thơ lưu tại đấy). Nhân bảo bọn quan tỉnh, Nguyễn Văn Nhị và Trần Trứ, rằng : “Hình thế núi này có thể dựa vào, nên nhân thế núi sửa dựng pháo đài, giữ trên cao, chống bên dưới, cái thế thiên hiểm chắc có thể trông cậy được. Vì thành dựa vào núi, cho nên đặt tên núi là Hộ Thành, đó là ghi đúng sự thực, há chẳng hơn là những hư văn của nhà làm thơ, vô ích cho việc đời ru ? Nhưng núi này ngoài liền với bến sông, những lớp đá có thể bám vào mà lên được, nên lựa thế ngăn dứt để phòng khi không ngờ xảy ra”. Văn Nhị xin xây bức tường ở đỉnh núi, lựa đặt lỗ bắn súng, lại đóng cọc rào bờ sông để giữ chân thành. Vua y cho. Hồi lâu, vua sang chơi núi Hồi Hạc (núi ở phía hữu trong thành), thưởng cho quan tỉnh và các hàng văn, võ, kỳ lão y như các tỉnh ở trực kỳ.

Tha bớt 3 phần 10 thuế thân của các nhân đinh tỉnh Ninh Bình năm ấy.

Lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh là Phạm Hữu Tâm đến hành tại đón xa giá. Vua cho triệu lên điện, vỗ về hỏi han, ban cho một chiếc áo nhung phục của vua, màu đỏ thêu hình rồng cuốn, và dụ trước mặt rằng : “Người là bề tôi cương trực, Hoàng khảo ta để lại cho trăm, năm ngoài xét công, đã thưởng cho 1 chiếc đai dát vàng, chạm ngọc là đồ vật khi ta còn ở tiếm đế⁽¹⁾, cốt tỏ cái ý : vật cũ, người xưa, suy lòng thể dạ mà trao cho. Ngày nay ban áo, tức là cởi áo mặc cho người, cốt muốn cho người nối mãi được sự tin yêu, giữ vững lâu dài nơi tỉnh lớn, người nên cố gắng lên!”. Tâm cúi đầu lạy tạ.

Vua cho rằng tỉnh Quảng Nam là tỉnh quan trọng ở gần Kinh đô, 2 nơi đầu nguồn Chiên Đàn, Hữu Bang địa thế dài và rộng ; đều là nơi địa đầu quan yếu, bèn truyền dụ quan tỉnh cất thêm biển binh đến đó, hợp với những biển binh đã phái đến trước, chia đóng để giữ yên nơi đó, đợi khi Bắc tuần hồi loan, sẽ lại đưa về các hàng ngũ trước. Tại Quảng Ngãi, hiện nay số binh có ít, mà lại sai phái đi nhiều ngả, cũng chuẩn cho hợp cả biển binh các vệ đội và bắt thêm binh, đóng ở các làng để sung vào việc phòng giữ, đợi lính thú khi trước trở về, các binh đình theo lệ chia ban, sẽ cho binh ở các làng đều về yên nghiệp.

Có 2 chiếc tàu của Tây dương ghé vào đảo Thuận Tĩnh, thả neo đậu, đuổi cũng không chịu ra, quan tỉnh Bình Thuận đem việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng : “Tàu của Tây dương vào đó, nếu chỉ vì sự cần dùng củi, nước, không có ý gì khác thì cứ cho họ lên gần bờ kiếm củi, gánh nước, không cho họ được tự tiện vào nhà dân, cũng không nên xua đuổi ráo riết, để họ cho rằng mình không rộng lòng”.

Thổ phi Ba Xuyên tụ họp hơn 1.000 tên ở chỗ sông nhánh Cái De. Bọn Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Lương Nhân, Tôn Thất Nghị đánh đuổi được. Vua được tin, nói rằng : “Đám giặc tàn ẩn núp, mưu sống qua ngày, thế mà bọn Lâm có số biển binh

(1) *Tiếm đế* : chỗ ở khi chưa làm vua.

không kém 3.000, lại để dằng dai, không dờ được một chút mưu nào để dẹp yên, nay dẫu có được trận nhỏ, chẳng qua đuổi giặc ở đông sang tây, chưa nghe bắt được 1 tướng giặc nào. Như vậy thật hại lương, mệt quân, công không đủ bù với lỗi ; bọn Lâm đều bị giáng 1 cấp”. Ngay sau đó, bọn Lâm lại tiến đánh dư đảng của giặc ở những xứ Chăn Cẩn, Ny Sai Đì, thắng trận liên tiếp. Vua lại dụ cho bọn Lâm tùy cơ đánh dẹp, cốt cho được yên hẳn.

Tướng Xiêm là bọn Ca La Hâm, Phì Phạt đem hơn 500 quân Xiêm, hơn 1 000 quân Thổ và hơn 40 chiếc chiến thuyền đến đóng ở bến phủ Quảng Biên ; lại chở muối gạo lên bờ chứa tại một nhà để tạm ở Quảng Biên. Quân thứ Hà Tiên, Đoàn Văn Sách, vì số quân hiện có, không được nhiều, mới kịp tư cho tỉnh An Giang phái ngay đại bộ binh thuyền để đi sang hội tiểu. Vua nghe biết việc ấy, nói rằng : “Giặc Xiêm nếu quả là sang giúp bọn quấy rối, mưu đồ vào ăn cướp thì chỉ lợi vào lúc cuối đông sang xuân, nay đã muộn rồi ! Hướng chi chúng đã sang giúp giặc thì nhất thiết mọi đồ quân nhu lương thực tất lấy của người Man cấp cho, sao chịu đem chở muối, gạo của mình đi để ăn, dùng ? Thế mà mới nghe một tin hoang báo, đã vội muốn thêm binh, vậy thì việc phòng giữ 3 đường Tiền Giang, Hậu Giang và Vĩnh Tế, há nên để cho yếu sức sao ? Nay thuyền đông ở Gia Định đã sắp tới cõi, nên báo cho Nguyễn Công Trứ đi tới ngay, hợp sức cùng đánh ; lại sai một chi binh trên mặt bộ chia đường đánh giáp vào, trước hết phá tan thuyền giặc, rồi sau về dẹp Thất Sơn để cho yên biên giới”. Ngay sau đó, Nguyễn Công Trứ đem biên binh ở đạo ấy đi tới, Đoàn Văn Sách đóng giữ đường bộ, lại cất đặt binh thuyền giữ chặn cửa Kim Dư. Vua nói : “Làm như vậy cũng hợp sự cơ. Nếu giặc còn ở gần biên giới, nên lập tức chia đường tiến đánh một phen, để cho chúng khiếp sợ mãi mãi, mới được”.

Tỉnh Quảng Trị bị nạn giặc Man vào cướp, thổ dân ở Cam Lộ phần nhiều sợ hãi, tản đi nơi khác. Vua nghe biết việc ấy, sai quan tỉnh phái ngay bộ biên đi đánh giết bọn Miên, Lào, không để cho việc cướp lan ra và chiêu tập dân ở các châu không để cho mất chỗ ở. Không bao lâu, dân 2 châu Mường Vàng, Tá Bang tản ngụ ở hạt huyện Hương Hoá phần nhiều bị chết đói. Quan tỉnh xin phân phát muối, gạo ở kho cho họ và tùy tiện cho ở mọi chỗ. Vua bằng lòng cho. Những viên đi bắt giặc trước, cũng cho triệt về.

Tỉnh Quảng Ngãi bị đói kém. Bọn quan tỉnh Nguyễn Đức Hộ, Đỗ Cao Mại lại xin tiếp tục bán gạo cho dân và cấp thêm tiền đặt trước mua đường cát, đậu, dầu, đợi sau này chiết giá nộp lại. Vua nói : “Hạt này trước đây bị đói kém, đã phát thóc kho ra cho vay, dầu tới hàng vạn cũng không tiếc, còn như các hạng dầu, đường mà chiêu cấp tiền đặt mua trước thì tính số đã nhiều lắm rồi, trước đây vẫn chưa nộp xong ; tháng trước lại xin cấp thêm, cũng đã cho rồi, nay nếu lại cấp nữa thì chỉ tiện lợi riêng cho những nhà làm nghề nghiệp ấy, còn dân có được ích gì ? Vậy sẽ cho

phải một viên Khoa đạo lưu Kinh đi ra hội đồng với quan tỉnh chi phát 1 vạn 5 nghìn học thóc ở kho, giảm giá bán ra để đỡ sự cần kíp cho dân. Lại nghiêm cấm những kẻ lại dịch, kẻ giữ kho không được sinh tệ trong việc này, cốt để cho hạng cùng dân các hộ đều được nhờ ơn rộng. Kẻ nào trái lệnh này, sẽ trị tội nặng”.

Tổng đốc Định - Biên Lê Văn Đức dâng sớ nói : “Có 500 tên thổ phi lên đến Trà Bông để mưu đồ lấn lướt quấy rối, tỉnh đã sai Phó quản cơ Lê Văn Viên đem 300 quân đi đánh, lại tư đi các đạo kíp đến Ba Nam để hợp tiểu”. Vua nói : “Bọn giặc linh tinh ấy chỉ khoe thanh thế hão, vốn không làm được trò gì ; chỉ giao cho Ngô Văn Giai, Trần Nhữ Đoan gia tâm dò xét, đánh dẹp cũng đủ, hà tất phải hấp tấp ?”. Lời dụ vừa đến, quả nhiên giặc đã chạy lẩn trước rồi. Sau đó có một bọn giặc hơn nghìn tên đến đồn quấy nhiễu, Giai đánh đuổi luôn, chém được 8 đầu giặc, còn rất nhiều tên bị thương và chết. Vua thưởng cho Giai quân công kỷ lục 2 thứ và 1 chiếc nhẫn vàng. Các tướng sĩ theo đi đánh đều được thưởng cả.

Binh thuyền của Ô Thiệt vương nước Xiêm đến đỗ ở Quảng Biên và phận biển đảo Nhĩ Dữ, núi Bạch Mã, số binh có tới vài vạn, đóng đồn mọi chỗ, định mưu trước hết đánh úp Lô Khê rồi lấy Tô Môn, kéo thẳng đến bức bách tỉnh thành. Tỉnh Hà Tiên hoảng sợ, kíp tư cho tỉnh Vĩnh Long mau đem binh thuyền đến giúp. Tin báo đến, vua dụ rằng : “Giặc Man liên kết với giặc Xiêm mưu đồ dòm dò đất ta, hiện nay số binh ở tỉnh không kém 4.000-5.000 người và 2 đạo quân của Đoàn Văn Sách, Nguyễn Công Trứ kể cũng không ít, thế mà không tính được một mưu gì, lại phòng giữ sơ hở, để từ Lộc Giác đến Chu Nham chịu cho quân giặc đóng đồn, trại, sao lại vô tài đến như thế ! Huống chi theo phép hành binh, nên bỏ chỗ vững chắc, đánh chỗ sơ hở, nếu vì đường thủy quanh co, thế khó quyết đánh, thì những quân giặc do đường bộ đến, sao không thừa cơ chặn giết, lại để cho chúng tự do ra vào, mình chỉ khư khư đóng giữ ? Thật rất phụ với việc được giao cho đánh giặc ! Đoàn Văn Sách và Nguyễn Công Trứ đều giáng trước 1 cấp. Nay nên chặn chỗ hiểm yếu, rồi ra đánh, hoặc cho bọn kỳ binh ra đánh úp, cốt phải giết được quân giặc, đuổi hết ra ngoài cõi, mới khỏi tội trước và được ghi cho công mới. Nếu để cho giặc được qua sang Hà Tiên một bước, thì phải biết phép nước rất nghiêm, đừng bảo gươm của nhà vua không sắc ! Lại, nay bọn thổ phi ở Ba Xuyên đã chạy trốn cả, chỉ lưu Nguyễn Công Nhân đóng ở đấy ; còn Nguyễn Tiến Lâm, Tôn Thất Nghị rút về An Giang, nếu ở Tiên, Hậu Giang hay ở Vĩnh Tế, Hà Tiên có tin báo nguy cấp đưa đến thì phải đi ngay để tiếp ứng”. Ngay sau đó, ở dải sông Vĩnh Tế thổ phi kéo đến quấy nhiễu. Nguyễn Công Trứ nghe báo liền đem quân bản đạo đi gấp đêm ngày về An Giang ; Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Lương Nhân chia nhau đi đến Tiên, Hậu Giang để dẹp bắt ; Tôn Thất Nghị thì ngăn giữ đồn Vĩnh Thông. Bọn Sách lại tâu, nói : “Thuyền của giặc ngày càng thêm nhiều mà thuyền lớn của ta ở Gia Định thì

chưa tới, đường sau Vĩnh Tế cũng có thổ phỉ lan tràn, xin tư cho tỉnh Gia Định phái thêm binh thuyền sang mau, và ở Kinh tìm chọn cho nhiều thuyền lớn đưa đến để đánh dẹp cho ráo riết”. Vua nói : “Trước đây khoe khoang rằng việc dự bị chống giữ đã hết thảy chu đáo, nay lại kêu cưỡng lên như thế này, khiến cho người ta phải giận đến dựng ngược cả tóc !”.

Cho Tổng đốc Định - Biên, Ân Quang tử Lê Văn Đức thăng thự Hiệp biện Đại học sĩ, sung chức Tổng thống quân vụ, đi đánh dẹp. Vua cho rằng : ở Hà Tiên, việc đương khẩn thiết, mà những việc giữ các đạo binh không ai cai quản ai, nên mới cho Đức đứng cai quản cả. Lại cho lưu Kinh đại thần là Thống chế dinh Thân cơ Lê Văn Phú sung chức Tham tán đại thần, Đề đốc Kinh thành Tôn Thất Tường sung chức Tán lý đại thần, thự Phủ thừa Thừa Thiên là Lê Khắc Nhượng sung chức Tán tương quân vụ, chuyên làm văn thư. Trích lấy biên binh 4 vệ Vũ lâm, Tiên phong, Hùng nhuệ, Hậu bảo ở Kinh do Lê Văn Phú quản lĩnh, cấp 5 chiếc thuyền lớn bọc đồng (5 thuyền Tiên Ly, Thần Giao, An Dương, Thanh Dương, Tĩnh Dương) vượt tới Gia Định, gồm cùng thú binh 2 vệ Quảng Nam, Quảng Ngãi đều do Lê Văn Đức, Lê Văn Phú cai quản cả. Phàm các viên đốc, phủ, đề đốc, bố, án, lãnh binh ở Nam Kỳ và những viên quân thứ tại Ba Xuyên, An Giang, Hà Tiên đều phải nghe theo mệnh lệnh cất đặt, lại cho phép được tiện nghi làm việc, các tướng sĩ có kẻ nào ra trận mà lùi, nhát hay không vâng mệnh thì một mặt trị tội luôn, một mặt tâu để vua biết.

Vua thấy Gia Định là một tỉnh trọng yếu, mà Lê Văn Đức hiện đã sung chức Tổng thống quân vụ đi đánh dẹp, bèn sai Tổng đốc Bình - Phú Đặng Văn Thiêm quyền lĩnh ấn quan phòng của Tổng đốc Định - Biên, vận lương, điều binh để cung cấp vào việc quân.

Lấy thêm hương binh ở các hạt trong Nam Kỳ. Trước đây, ở miền Nam có việc, tạm lấy (hương binh) ở Gia Định 1.500 tên, ở Vĩnh Long, Định Tường mỗi tỉnh 1.000 tên, ở An Giang 500 tên ; đến nay, vì ở địa đầu các hạt chia phái đi nhiều ngả, nên lại lấy thêm ở Gia Định, Vĩnh Long mỗi tỉnh 1.000 tên. Định Tường, An Giang và Biên Hoà mỗi tỉnh 500, cấp cho khí giới, tiền, gạo, chia thuộc vào các đạo binh Nhà nước để phòng tiểu và chuyển vận các thứ quân nhu. Nhân đó, thông dụ cho biết rõ ý của triều đình bất đắc dĩ mà phải dùng binh, đợi sau này việc yên, sẽ cho về theo nghề làm ăn.

Nhắc cấm dân Nam Kỳ không được giao dịch với quân giặc. Từ sau khi ở Trấn Tây triệt binh về, các sở thủy lợi đều thôi việc trung thu, duy có những dân làm nghề đánh cá phần nhiều giao thông bán đổi cho giặc, thường hay bị chúng cướp mất, cho nên lại nhắc lệnh cấm lần nữa.

Hạt tỉnh Khánh Hoà gạo đắt, quan tỉnh dâng sớ xin : phạm thuế thuyền buôn của các hạng chủ thuyền ở ven biển [hạt ấy], cho chiếu giá thu bằng tiền để tiện cho dân, đợi sau này giá ngang như cũ, sẽ chiếu lệ cung nộp. Vua thuận cho.

Hoãn thuế ruộng năm ấy cho tỉnh Vĩnh Long, đợi năm sau thu thêm : vì quan tỉnh ấy thấy lúa thất thu, dâng sớ xin khoan hoãn để đỡ cấp bách cho dân, nên vua mới có mệnh lệnh này.

Cho : Nguyễn Đăng Tuấn, Thượng thư bộ Lễ, sung chức Sư bảo của hoàng tử, hoàng đệ, sung làm lưu Kinh đại thần ; Thủ hộ sứ Tôn Thất Cung quyền lĩnh chức Đề đốc Kinh thành kiêm coi công việc phủ Thừa Thiên, Viên ngoại lang bộ Binh Đinh Doãn Trung thự chức Phủ thừa Thừa Thiên.

Vua dụ Nguyễn Đăng Tuấn rằng : “Đầu niên hiệu Minh Mệnh, thánh giá ra Bắc, người đã giúp trăm lưu Kinh ; nay hoàng tử hãy còn ít tuổi, lại để cho người giúp. Trăm trước đây lưu kinh, mới 14 tuổi, mà về công việc Nhà nước đã hơi biết qua ; nay hoàng tử học chưa tấn tới, người là bề tôi kỳ cựu, kiêm giữ trách nhiệm làm Sư bảo, nên nhắc nhở dẫn dụ để hoàng tử trở nên người có đức ; những trò chơi chọi gà, quần ngựa nhất thiết ngăn cấm cả. Còn về công việc ở Kinh, cũng nên xem dẫn điển cũ, hội đồng, bàn bạc mà làm để hợp ý trăm”.

Ngày Ất Mùi. Vua chơi thuyền hóng mát, buổi chiều qua rạp Thủy Bàng ở Doan Vỹ, đến hành cung Lý Nhân đóng nghỉ.

Ngày Bính Thân. Buổi sớm, bắt đầu đi, đến hành cung bến Hưng Yên, đỗ lại, nghỉ trưa.

Xa giá tới tỉnh thành Hưng Yên. Vua thấy tỉnh thành chưa xây cột cờ, sắc cho bộ Công làm đồ bản dâng coi, rồi sai theo đúng cách thức mà làm.

Tha bớt 3 phần 10 về thuế thân của nhân đinh tỉnh Hưng Yên năm ấy. Những người ở về hữu ngạn sông Cửu An thì được bớt 5 phần 10. Những xã thôn ở ngoài đê mà còn thiếu đọng tiền thóc, thì bớt cho 8 phần 10.

Ngày Đinh Dậu. Xa giá đến hành cung bến sông Hà Nội, đóng nghỉ. (Kể từ khi khởi loan tới đây gồm 27 ngày ; đến các địa phương, đóng nghỉ, nghỉ trưa và nghỉ đêm, gồm 12 ngày ; đi đường, 15 ngày).

Đặt đồn Chân Thành ở hạt Biên Hoà. Tỉnh này về miền thượng du tiếp với Lạp Man, Chân Thành là một chỗ đất quan yếu. Quan tỉnh dâng sớ xin phái 1 quân vệ, 100 biên binh, đặt đồn đóng giữ. Những biên binh hiện ở đấy vẫn lưu tại ban và chi lương cho để đủ sai phái. Vua thuận cho.

Tỉnh Nam Định có nạn giặc biển. Quân vệ ở Thủy vệ Nguyễn Văn Hãnh đi tuần ngoài biển gặp giặc, giao chiến, bị giặc giết chết. Vua nghe biết việc này, cấp cho tiền tử tuất gấp thêm 1 phần, lại sai Phó lãnh binh Nguyễn Văn Đạc đem binh thuyền ra ngoài biển truy bắt giặc.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XVII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Nhâm Dần, Thiệu Trị năm thứ 2 [1842], mùa xuân, tháng 2, ngày Mậu Tuất. Ngự giá từ bến sông Hà Nội dàn bày xe, ngựa lỗ bộ, buổi sớm tiến vào tỉnh thành Hà Nội. Hôm ấy trời tạnh ráo, sáng sủa, già, trẻ ở Bắc Kỳ vui mừng đón xem kể tới ước vạn người, ai nấy đều nói : thật là nghi vệ đời thái bình !

Vua ngự tại điện, các quan vào chầu. Vua sai ban hà bao gấm cho khắp các quan.

Bọn sứ bộ sang nhà Thanh là : Hữu tham tri bộ Lễ Lý Văn Phúc, Hữu thị lang Nguyễn Đức Hoat, Quang lộc Tự khanh Bùi Phụ Phong ở Yên Kinh về, vào chầu phục mệnh. Vua tuyên triệu lên điện, hỏi chuyện hồi lâu, rồi đổi bổ Phúc làm Tả tham tri bộ Lễ, Phong vẫn theo chức cũ, làm công việc Nội các. Nguyên thự Tả tham tri bộ Lễ Trần Ngọc Lâm thì đổi làm thự Hữu tham tri.

Ban áo cảm bào cho Kiến An công [tên là] Đài, dụ rằng : “Trong Nam nức nhiều, ngoài Bắc rét nhiều, khí hậu khác nhau thế đó. Chiếc áo ngự mới may đây, nay đem cho Công, vì Công là người rất thân với nhà vua, nên hậu lễ đãi Công”.

Vua lại dụ cho các thân công, hoàng đệ rằng : “Chưa có thể ban áo được khắp, đợi sẽ may thêm, theo lần lượt ban cho”. Nhân cho mỗi người 1 bội kim có dây đeo. Lại thưởng cho văn, võ đại thân và các quan địa phương mỗi người một đồng kim tiền có dây đeo. Còn từ quản vệ, lang trung, khoa đạo trở xuống, thưởng cho ngân tiền có thứ bạc.

Tổng đốc Hà - Ninh Phạm Hữu Tâm, Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Công Hoán, thự Tổng đốc Ninh - Thái Nguyễn Đăng Giai, Hộ lý tổng đốc Định - Yên Hà Thúc Lương, Hộ lý Tổng đốc Hải - An là Trần Văn Trung, Tuần phủ Lạng - Bình là Trần Ngọc Giao, thự Tuần phủ Hà Nội là Nguyễn Đình Tân, thự Bố chính Cao Bằng là Phan Trước, thự Bố chính Tuyên Quang là Vương Hữu Quang và án sát, lãnh binh các tỉnh đều đem lễ thay ngọc, lụa và phẩm vật địa phương dâng trình. Vua nói: “Dâng ngọc bích ở sân nhà Ngu, dâng ngọc xâm ở điện nhà Chu, cố nhiên là giữ lễ triều cống, trẫm đã xét biết sự thành khẩn ấy rồi. Những hạng phẩm vật đưa tiến đáng khen, thu nhận một vài thứ để vui lòng các người đã thành thực đưa tiến, còn đều trả lại và thưởng chung cho 300 lạng bạc để tỏ cái ý : đưa cho nhiều, trả lại một chút”.

Những viên bố chính, án sát, lãnh binh không dự vào châu yết, đều được thưởng kim, ngân tiền.

Ngày Canh Tý. Vua ngự ra cửa thành Chu Tước. Các kỳ lão mấy tỉnh Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương đến lạy yết. Cho tuyên triệu mỗi hạt một người hỏi về tình trạng ở làng mạc. Các kỳ lão tấu đối đều được rõ ràng ; vua lấy làm khen ngợi. Rồi những quan viên an phong, hưu trí, hưu dưỡng, những tiến sĩ, cử nhân tại quán và những tú tài được bổ huấn đạo theo lần lượt vào lạy, đều được ban thưởng cả.

Tha bớt thuế thân của nhân đinh tỉnh Hà Nội năm ấy 4 phần 10 ; các tỉnh Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Yên, 2 phần 10. Những xã, thôn thuộc Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh, Quảng Yên nhân vì lưu tán hay bị tật dịch mà thiếu đọng tiền thuế, trước đã khoan miễn cho 5 thành, nay lại miễn cho 3 thành nữa.

Thưởng bạc và tiền, gạo cho các hoàng thân và cả văn, võ bách quan đi theo hầu, có thứ bạc (thân công mỗi người bạc 50 lạng, tiền 300 quan, gạo 100 phương ; hoàng tử và quốc công mỗi người bạc 40 lạng, tiền 200 quan, gạo 80 phương. Các quan văn võ : chánh nhất phẩm mỗi người bạc 25 lạng, tiền 100 quan, gạo 40 phương ; tòng nhất phẩm, bạc 20 lạng, tiền 60 quan, gạo 30 phương ; chánh nhị phẩm, bạc 15 lạng, tiền 50 quan, gạo 15 phương ; tòng nhị phẩm, bạc 10 lạng, tiền 30 quan, gạo 15 phương ; chánh tam phẩm, bạc 7 lạng, tiền 20 quan, gạo 15 phương ; tòng tam phẩm, bạc 5 lạng, tiền 15 quan, gạo 7 phương ; chánh tứ phẩm, bạc 3 lạng, tiền 13 quan, gạo 5 phương ; tòng tứ phẩm, bạc 2 lạng, tiền 12 quan, gạo 4 phương ; chánh ngũ phẩm, tiền 10 quan, gạo 3 phương ; tòng ngũ phẩm, tiền 10 quan, gạo 2 phương rưỡi ; chánh lục phẩm, tiền 8 quan, gạo 2 phương ; tòng lục phẩm, tiền 7 quan, gạo 1 phương rưỡi ; chánh và tòng thất phẩm đều tiền 5 quan, gạo 1 phương rưỡi ; chánh và tòng thất phẩm đều tiền 5 quan, gạo 1 phương rưỡi ; chánh và tòng bát, cửu phẩm đều tiền 3 quan, gạo 1 phương). Còn các công tử, cũng

thường cấp chiếu theo hạng tòng tam phẩm. Lại cho rằng : Tổng đốc Thanh Hoá Tôn Thất Lương, thụ Án sát Hà Tĩnh Vũ Đức Nhu dự sung vào tuyền giá, đường đi hơi xa, cũng thưởng cho. (Tôn Thất Lương, bạc 12 lạng, tiền 40 quan, gạo 20 phượng ; Đức Nhu, bạc 3 lạng, tiền 8 quan, gạo 4 phượng). Những tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát, lãnh binh các tỉnh dự đi theo hầu, đều thưởng 1 chiếc nhung y. Biển binh các hạng và biển binh 3 tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh đã dự sung theo hầu, đều thưởng cho tiền lương 1 tháng. Những người lệ tuyền vào các phủ, đệ cùng là những biển binh, lại dịch của các nha môn đều thưởng tiền lương nửa tháng.

Sai Trung sứ đem phẩm vật địa phương về dâng Từ cung. (Trầm như ý ⁽¹⁾ hình tròn, dát ngọc, nhân sâm ở Quan Đông, gấm vóc thượng hạng, chè hương danh nham và thổ ngơi các tỉnh). Thái hoàng thái hậu ban thức trân quý triệu các hoàng thân công tước cho ăn ngay tại đấy. Vua lại tự tay viết tờ biểu dâng tạ.

Dự : từ Quảng Trị cho đến các tỉnh ở Bắc Kỳ, quan văn từ đốc học, tri phủ, đồng tri phủ, tri huyện, tri châu, giáo thụ, huấn đạo cho chí thổ tri huyện, tri châu, huyện thừa ; quan võ từ quản vệ, phó quản vệ, quản cơ, phó quản cơ, thành thủ ý, phòng thủ úy cho đến cai đội, chánh đội trưởng suất đội, ai được phái sung vào việc sứ đều thưởng cho tiền lương 1 tháng, còn những người khác ở nha làm việc công hay ở tỉnh sai phái đều thưởng nửa tháng lương.

Bố chính Nam Định Nguyễn Quốc Hoan xin đến hành tại lạy yết, vua cho.

Tập hợp biển binh 5 tỉnh lớn ở Bắc Kỳ để điểm duyệt. Sai Hiệp biện Đại học sĩ Lê Đăng Doanh, Hành dinh đại thần Mai Công Ngôn sung chức Tổng lý duyệt binh đại thần, trước kỳ duyệt binh, kiểm hạch về quân chính. Dự rằng : “Bang giao là việc lớn, người nước xa đến quan chiêm. Chính đón quân sĩ, phô bày binh uy, chính là lúc này. Trẫm sẽ một phen duyệt cả các quân để làm cho uy thế của nước mạnh mẽ. Các người đều nên kiểm soát, sắp đặt tâu lên cho kịp biết ngay”. Lại dụ bộ Binh rằng : “Việc binh có thể trăm năm không dùng đến, nhưng không thể một ngày không giảng tập, voi, ngựa, thuyền tàu đều quan hệ về binh chính, nên gồm duyệt cả, trẫm sẽ thân tới xem”. Bèn trước hết sai Ngự tiền đại thần Nguyễn Văn Trọng, Hậu hồ đại thần Hoàng Đăng Thận diễn tập trận voi ; Thị vệ đại thần Nguyễn Trọng Tính diễn tập trận ngựa. Tất cả đều giao thái sử chọn ngày tốt, đến ngày ấy, rước ngự giá tới duyệt. Vua bảo các đại thần ban võ rằng : “Giống Na tiên (tên giống voi) là vật các nước ở phương Nam có nhiều, nhưng chỉ dùng để vận tải ; nếu dùng vào việc binh thì bản tính nó bất thường, nhiều khi làm hỏng việc. Duy ở nước Đại Nam ta, trải các đời dùng binh, nuôi voi đã rèn luyện được đúng phép. Khi dàn trận ở đồng bằng, có quân bộ giúp sức, có súng lớn đặt lên, hoặc cưỡi đi

(1) Như ý : một vật quý, bằng vàng hay bằng ngọc, dùng để giải tóc.

trước, hoặc kéo xe đi sau, xông bên tả, đánh bên hữu, tới đâu cũng làm cho tan nát, xưa nay các nước dùng binh ít thấy như thế. Cho nên chính sách dùng voi của bản triều là rất trọng. Các nước đều khen ngợi, muốn bắt chước mà không thể bằng được. Còn trận ngựa thì có 10 điều lợi : - 1. đón giặc lúc mới đến, - 2. thừa lúc giặc hư không, - 3. theo quân giặc đánh bừa bộn, - 4. đón giặc, đánh đằng trước - 5. chặn giữ lương thực, tuyệt đường đi của quân giặc, - 6. phá các bến đón, huỷ bỏ cầu đập, - 7. đánh úp khi giặc không phòng bị, đánh thành linh khi giặc chưa chấn chỉnh, - 8. đánh lúc giặc trễ nải, thừa lúc giặc không ngờ, - 9. đốt những chỗ chứa lương của giặc, - 10. giẫm, xéo nát ruộng nương làm hệ lụy cho con em của giặc. Đó là những cái lợi của kỵ chiến. Quân kỵ có thể rời ra, tan ra, có thể tụ tập ở xa nghìn lý mà về tới chỉ bằng 100 lý, ra vào được luồn lách, cho nên gọi là quân ly hợp. Khi xưa, kỵ sĩ chỉ có cung tên là môn sở trường nay thì có các súng điều sang, tiêu sang, gươm trường, súng ngựa, công đánh phá giặc hơn biết chừng nào ! Và lại, người dùng binh giỏi không cần phải đánh, người đánh giỏi không cần phải bày trận. Thế nhưng trời sinh ra 5 hành, binh [khí thuộc về hành Kim] không thể bỏ được, thì về phép đánh trận, người làm tướng không nên không biết. Trận có 4 thế “chính”, chuyển làm 4 thế “kỳ”. Thiên trận ở phương Càn ⁽¹⁾, gọi là cửa Thiên, địa trận ở phương Khôn, gọi là cửa Địa ; phong trận ở phương Tốn, gọi là cửa Phong ; vân trận ở phương Khảm, gọi là cửa Vân ; Phi Long ở phương Chấn, gọi là cửa Phi Long ; Vũ Dục ở phương Đoài, gọi là cửa Vũ Dục ; Điều Tường ở phương Ly, gọi là cửa Điều Tường ; Xà Bàn ở phương Cấn gọi là cửa Xà Bàn. Thiên, Địa, Phong, Vân là 4 cửa chính ; Long, Hồ, Điều, Xà là 4 cửa kỳ. Càn, Khôn, Cấn, Tốn là cửa đóng ; Khảm, Ly, Chấn, Đoài ⁽²⁾ là cửa mở ; trong ngoài tiếp ứng thành một cái thế nương tựa. Bốn “chính”, bốn “kỳ”, đó là bát trận, nhưng cốt yếu, lại chỉ ở ba. Xưa, vua Cao Tông nhà Đường ngự điện Vũ Thành, hỏi : “Nhà binh có ba trận là thế nào ?”. Viên Bán Thiên ⁽³⁾ tiến nói : “Tôi nghe đời xưa theo các sao, các ngày xấu tốt, là thiên trận ; theo sông núi đối diện hay quay lưng là địa trận ; theo tổ chức các đội ngũ, là nhân trận, nhưng tôi trộm cho là không phải thế. Hành binh theo chính nghĩa như trận mưa quý hoá đổ xuống, hợp với thiên trời, ấy là thiên trận ; đủ lương ăn, ít tiêu phí, vừa làm ruộng và chiến đấu hợp với địa nghi, ấy là địa trận ; đem quân đi, quân sĩ như con em đi theo cha anh, được sự nhân hoà, ấy là nhân trận ; nếu bỏ những điều đó, thì đánh thế nào được ?”. Vua Cao Tông khen là phải. Đó tức là trận tam tài mà là cốt yếu của nhà binh”.

(1), (2) Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài là 8 quẻ trong Kinh Dịch. Theo phương vị thì Càn là phương tây - bắc. Khảm là phương chính bắc, Cấn là đông bắc. Chấn là chính đông, Tốn là đông nam, Ly là chính nam, Khôn là tây nam. Đoài là chính tây.

(3) Viên Bán Thiên : Người danh sĩ thời Đường Cao Tông (650 - 683), đỗ cao, làm quan trải 5 đời vua.

Bọn Phạm Hữu Tâm, Mai Công Ngôn nghe vua nói xong, cúi đầu tạ xin chịu kém.

Vua lại hỏi : “Trận ngựa với trận voi, đàng nào khó hơn?”. Tâm thưa rằng : “Trận ngựa khó hơn”. Vua nói : “Phải đấy ! Trận voi chỉ là chiếu theo phép luyện tập thường, còn trận ngựa thì quân kỵ bắn tên, cầm dao, xông pha vào trận, nếu không quen thạo thì mình bị hại trước, còn giết giặc được sao ? . Thế cho nên khó hơn. Nay đợi duyệt xong ban thưởng, sẽ lấy khó, để làm thứ bậc cốt cho đúng mức công bằng để tỏ ra sự ban khen và khuyến khích”.

Vua lại thân làm ra kỷ luật, điều khoản về thể trận thủy chiến, sai Hành dinh đại thần Tôn Thất Bật và Hậu đạo đại thần Vũ Văn Từ thao diễn trận thủy. Ngay sau đó, Tôn Thất Bật trích phái quân ở 2 vệ Cẩm y, Kim ngô cùng với quân thủy diễn tập, bị các đại thần hành dinh đem ra bẻ hặc. Vua nói : “Cẩm y, Kim ngô vốn là quân cấm, nếu không có đặc Chỉ thì không được sai riêng. Tôn Thất Bật là hạng người nào, chưa từng xin Chỉ vua mà tự tiện trích phái, thật là không hợp phép !”, bèn giáng Bật 1 cấp, lưu ; rút Bật về hành dinh và đổi sai Thị vệ đại thần Vũ Văn Giải sung chức Chánh tổng duyệt, Vũ Văn Từ làm chức Phó. Lại sai Thị lang Nội các Nguyễn Đức Hoạt giúp việc, chỉ bảo cách diễn tập ngày thường, để được nghiêm chỉnh.

Vua triệu Tôn Thất Bật bảo rằng : “Người là bề tôi thân và có công, phạm làm việc nên kính cẩn mười phần, gần đây thấy cử chỉ của người phần nhiều chưa được hợp lễ ! Phải biết rằng kiêu thì tất hỏng việc. Vậy nên thận trọng, kiêng răn”. Bật tự nhận là vì không có học, xin chịu tội. Vua nói : “Lần này dạy bảo vốn vì thương người mà muốn chu toàn, đừng cử động bậy, nên coi việc này làm gương”.

Sắc cho Nội các : phạm có ban hành tờ án chiếu, phải đóng ấn “Đại Nam thiên tử”.

Vua hỏi Lý Văn Phúc rằng : “Sứ nhà Thanh khi sang đây, nên cấp cho mũ áo hạng nào ? Quan bồi tiếp của nước ta đứng vào ban cấp nào ?” Phúc thưa rằng : “Sứ Thanh thì cấp mũ áo nhất phẩm, quan bồi tiếp thì đứng vào ban thứ tứ phẩm”.

Phúc lại tâu : “Sứ Thanh sang đây, theo lệ, có đồ tặng tiễn. Bộ đã bàn dùng vàng, bạc và các đồ vật. Nhưng theo điển lệ nhà Thanh, phạm sứ thân ra khỏi cửa ải, khi về cấm ngặt đem theo vàng bạc”. Vua nói : “Vàng bạc có cấm, là theo về pháp luật ; còn đưa tặng, là thuộc về hậu tình. Ta cứ theo như bộ bàn mà làm, còn từ chối hay nhận thì tùy họ”.

Bọn thổ phi đến quấy nhiễu đồn Thông Bình (thuộc tỉnh Định Tường), lại đắp đồn ở xứ Chi Ty ngăn chặn sông nhánh, đường quan báo bị nghẽn. Thự Tổng đốc Long - Tường Nguyễn Tri Phương được tin, liền đem 800 binh tiến đến sóc Chính Đồn, giặc đến đón đánh trước, quan quân 2 mặt thủy bộ giáp công, giặc bỏ

đồn tan chạy. Quan quân bắn chết được 26 tên, liền sai phá huỷ đồn giặc, khai thông đường sông bị chặn trước, lại đắp đồn ở xứ Chi Ty, đặt tên là đồn Cửu An, trích quân đóng giữ để làm nơi tiếp viện cho những đồn Thông Bình, Hùng Ngự. Bỗng tiếp tin các đồn trại ở Tiền, Hậu Giang và sông Vĩnh Tế, thổ phỉ kéo ùa đến quấy nhiễu, Nguyễn Tri Phương lại đi gấp sang An Giang, cùng với bọn Phạm Văn Điển hội hợp đánh dẹp. Vua cho rằng : Tri Phương đi chuyến này đúng với cơ hội, tuy không bắt được tướng giặc, chém được đầu giặc, nhưng có trận được vừa rồi cũng đủ làm cho thanh thế vang dội, bèn thưởng cho quân công kỷ lục 2 thứ và 1 đồng kim tiền. Các tướng sĩ tham dự trận này đều được ban thưởng có thứ bậc.

Sai Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Tiến Lâm án ngữ sông Tiền Giang ; Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Công Nhân án ngữ sông Vĩnh Tế ; Phạm Văn Điển, Nguyễn Lương Nhân án ngữ mặt Hậu Giang. Trước đây, tại An Giang vì số binh trong tỉnh chia phái đi nhiều ngả, nên mới tư cho quân thứ Ba Xuyên phái binh đến giúp. Bọn Nguyễn Tiến Lâm lấy cớ vì chưa tiêu diệt được hết thổ phỉ, không chịu đến giúp, vua nghe biết việc ấy, phạt giáng Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Lương Nhân và Tôn Thất Nghị xuống 2 cấp, lưu tại chức, và sai phải đi ngay sang An Giang hội hợp đánh dẹp. Lúc ấy thổ phỉ kết bọn hàng trăm, hàng nghìn, vây quanh các đồn Tân Châu, An Lạc, Hùng Ngự, Thông Bình, phá luôn huyện lỵ Đông Xuyên. Vua lại sai Tri Phương, Công Nhân chia đường đến án ngữ, đều do tổng thống, tham tán và tán lý đại thần xem xét công việc mà cất đặt.

Vua ngự chơi chùa Trấn Quốc, đổi tên là chùa Trấn Bắc, cấp cho tiền 200 quan. Hai chùa Hoàng Ân (Hà Nội), Phật Tích (Sơn Tây) cũng cấp cho tiền bằng số ấy.

Sai Phó vệ úy vệ Hậu nhị Tả dực dinh Vũ lâm Trần Hữu Thiệu đi tuần tra trong hoàng thành, cùng với Chương đề đốc Tôn Thất Cung coi lĩnh quân quan gia súc tuần hộ. Lúc ấy có người dân ở Sơn Tây là Đinh Duy Trì đến công chính đường nộp đơn tố cáo Cai tổng Nguyễn Sùng tư thông với tên giặc Nhân, giặc Thạch. Trì xin dẫn bắt. Tả thị lang bộ Hình Ngô Văn Địch cho là nói không có chứng cứ, bác bỏ, bị Cấp sự trung Phan Văn Xưởng đem ra hạch. Vua triệu Tổng đốc Nguyễn Công Hoán hỏi về việc ấy. Hoán thưa rằng : “Nghe nói tên Đinh Duy Trì tranh với Nguyễn Sùng làm Cai tổng, không được, cho nên đặt ra chuyện này để kêu đó thôi”. Vua nói : “Tên Nhân, tên Thạch là bọn giặc lẩn trốn lâu năm, làm luy cho dân biên giới, nếu chỉ nghe nói về một mặt, mà bỏ đi không hỏi thì chẳng là để nhọt bọc rồi sinh đau hay sao?”. Bèn sai Ngự sử Trần Kinh Vỹ đi lên Sơn Tây, hội đồng với các viên bố, án để tra xét. Ngô Văn Địch vì tự tiện bác bỏ việc này, bị giáng làm Viên ngoại bộ Binh. Từ đấy về sau, phàm các đơn kêu, ty hình pháp không bác bỏ một đơn nào, thành thử có những người dân hơi một chút hiềm khích nhỏ mọn cũng đi tấu cáo bậy, trong khoảng vài ngày mà có tới hàng nghìn đơn kêu, quan lại

bị liên luy rất nhiều. Ngự sử Nguyễn Cư Sĩ phải dâng sớ tâu xin nhắc lại những điều cấm để dẹp thói ngoan ngạnh. Vua bèn ra mệnh lệnh : Phạm kẻ nào có những tình trạng oan khổ đau đớn, hay có những án nặng về giặc, cướp, tham tang, quấy nhiễu thì mới cho phép cứ thực tình nộp đơn kêu, còn những việc tầm thường, nhỏ nhặt thì xua đuổi hết. Từ đó đơn kiện cáo mới bớt.

Sai lưu Kinh hoàng tử, đại thần trích ra 1 vệ binh ở Kinh cho đi Bình Định đóng giữ. Sai quan tỉnh Bình Định trích lấy 30 biển binh ở tỉnh, vượt biển đi vào Gia Định, theo các đại thần tổng thống, tham tán và tán lý sai phái về việc bắt giặc.

Vua cho rằng những lính thú ở Thanh, Nghệ đã đến kỳ được về, đều cho về nguyên ngũ ở Kinh trước, rồi trích binh ở Hậu vệ dinh Long võ hiện đi theo, chia ra đóng ở Thanh, Nghệ. Lại trích ở Hà Tĩnh : vệ Uy vũ ra đóng Sơn Tây, trích ở Nghệ An : vệ Hoàn vũ ra đóng Hà Nội, vệ Trung vũ ra đóng Nam Định, vệ Nghiêm vũ ra đóng Hải Dương ; trích ở Thanh Hoá : vệ Công vũ ra đóng Bắc Ninh, vệ Nhuệ vũ chia đóng ở Ninh Bình và Hưng Yên, trích thêm vệ Hùng vũ ở Thanh Hoá chia đóng Bắc Ninh và Hải Dương.

Sai quan làm lễ tế thần sông. Rồi xuống dụ rằng : “Nhân dân nương cậy việc làm ruộng là gốc, giúp nhà nông, việc giữ sông rất cần. Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế ta yêu dân, quý thóc, sửa sang, sắp đặt, về việc đê sông Nhị Hà càng để ý hơn. Trong năm Minh Mệnh đã đặt miếu thờ thần sông ở Sơn Tây, giao cho quan địa phương thờ cúng để cầu thần giúp dân. Mấy năm nay nước sông thuận đều, việc nông thuận tiện, thần đã giúp cho lợi được rộng khắp rồi. Trẫm kính theo phép cũ, đi ra Bắc tuần, đã thân làm văn dụ, sai quan đi tế. Nghĩ đến đê điều là việc quan trọng, sức thần thiêng liêng, đặc biệt cho 1 bức biển vàng đề chữ “Niên khánh an lan”⁽¹⁾, lại làm một câu đối (có những chữ : niên niên dẫn đắc hà lưu thuận, xứ xứ giai hân tuế cốc phong)⁽²⁾. Và, sai quan địa phương chế khắc đem treo ở miếu, kỳ cho nước sông chảy thuận, vĩnh viễn sóng êm, vật thịnh, dân yên, để xứng với ý trẫm vì dân cầu phúc”. Vua lại tặng thêm thần miếu 1 chiếc áo gấm lam.

Bọn Đoàn Văn Sách, Lương Văn Liễu đánh lui giặc Xiêm, đưa cờ đỏ ra báo tin thắng trận. Trước đây, vua sắp ra Bắc, nghĩ đất Hà Tiên ở vào góc xa, giặc Xiêm thường thường đi lại dòm dò, cần phải phòng bị cho nghiêm, liền sai thụ Đề đốc Vĩnh Long Đoàn Văn Sách đem quân đi tới đóng giữ để nghiêm việc phòng bị. Đến khi vua ra tới tỉnh Ninh Bình, bỗng tiếp được tin báo nguy cấp của Hà Tiên rằng : tướng Xiêm là Ô Thiệt Vương đốc quân ở nước vào ăn cướp, thật không sai ý vua nghĩ trước, liền xuống dụ nghiêm đốc Đoàn Văn Sách đương đầu giết giặc,

(1) Hằng năm mừng sóng êm.

(2) Hằng năm những muốn dòng sông thuận ; khắp chốn đều vui lúa ruộng nhiều.

chống đỡ biên thủy, huấn luyện các quân, chỉ bảo phương lược, lại kíp cho đốc thúc đại đội thủy binh các thuyền đồng đóng ở trong Nam kíp sang Hà Tiên vây chặn và cho gọi lĩnh Tổng đốc An - Hà Phạm Văn Điển, thự Tổng đốc Long - Tường Nguyễn Tri Phương, Đề đốc An Giang Nguyễn Công Nhân chia đường đi đánh dẹp. Lại cho viên lĩnh Tổng đốc Định - Biên Lê Văn Đức làm Tổng thống quân vụ, được tiện nghi làm việc và cất Thống chế dinh Thân cơ Lê Văn Phú làm Tham tán đại thần, Đề đốc Kinh thành Tôn Thất Tường làm Tán lý đại thần, đem những binh hùng mạnh ở Kinh đi thuyền đồng, tàu chiến do đường thủy vào Nam. Lại điều phát những quân hùng mạnh ở Nam trực, Tả kỳ do đường bộ đi mau đến tiếp ứng. Tới đây, tin thắng trận báo đến hành tại. Vua dụ rằng : “Hôm nay tiếp được tờ tâu của bọn Đoàn Văn Sách, quân giặc phân chi từ núi Lộc Giác đến quãng đường bộ ở Chu Nham, đắp 18 đồn trại, một mặt chặn Kim Dữ, một mặt giữ Lô Khê, bắn súng lớn viên đạn 3 tấc tan rơi như mưa, quân ta lớn, nhỏ an toàn không một người bị thương, ai cũng nổi giận trăm phần, ra sức đánh bắn : thuyền giặc thủng vỡ. Giặc vẫn còn dám bắn súng lớn luôn ngày đêm để bức hãm tỉnh Hà Tiên, thự Đề đốc Đoàn Văn Sách, lĩnh Án sát Đinh Văn Huy, thân hành đến đóng giữ pháo đài ở cửa biển Kim Dữ trước, Tuần phủ Lương Văn Liễu, lĩnh Bố chính Trần Văn Thông, Lãnh binh Mai Văn Tích, nguyên Án sát Hoàng Mẫn Đạt đều thân đốc quân quan chia bày như bức thành dài, đánh rất dữ dội ; súng lớn bắn giết quân giặc thuyền tan từng mảnh, thầy chết ngổn ngang. Bọn giặc vỡ tan, luôn đêm bỏ chạy ; quân ta đuổi theo, lại cướp được súng lớn của chúng. Quân giặc chạy loạn, sợ trốn đi xa ; ta bèn thu quân về các đảo như cũ. Coi biểu tâu bày, rất đáng mừng rỡ khen ngợi !”. Và lại người nước Xiêm tuy mọi rợ, nhưng cũng là vua tôi một nước, thế mà vô cớ gây sự can bậy, lấn cỗi đất ta, lý của họ trái rồi. Còn bản triều xử sự thì chính đáng, rõ rệt, thí dụ như năm ngoái, người nước Xiêm đi tràn vào đất biên giới ta, quan tỉnh tâu sớ lên, liền sai tha ra khỏi cỗi, thật không thềm hỏi, khoan rộng biết chừng nào ! Lý của ta vốn phải. Nay tướng Xiêm kết bè với bọn Lạp Man, cướp biên giới ta, thế là chúng tự đưa mình đến chỗ chết. Nhân nghĩ : dân ở biên phương chột lúc có việc, bất đắc dĩ thường phải phiên phái binh đến giúp đánh dẹp. Viên tướng anh dũng Đoàn Văn Sách là con viên Tả quân Chương phủ sự, lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh, tước Diên Hựu tử Đoàn Văn Trường, cửa tướng lại sinh tướng, con nhà dòng dõi, bề tôi có tiếng, trước làm Lãnh binh Hải Đông, dẹp yên giặc Xiêm đã dâng công to, đức Hoàng khảo ta yêu mến hậu đãi, thường cho kim bài “Anh dũng tướng”, nêu rõ quân công và để lại giúp trăm. Năm ngoái, vì có quân công, được thăng thự Đề đốc, nay sai đóng giữ Hà Tiên, chột có giặc to đến, Đoàn Văn Sách chỉ đem một đội quân nhỏ mà dẹp yên được giặc Xiêm, [làm cho trăm] đương lúc ra Bắc, đỡ lo về cỗi Nam, công ấy rất là tốt ! Thật đáng lưu mãi với sông núi, ghi lên các lá cờ. Còn

Tuần phủ Lương Văn Liễu, Bó chính Trần Văn Thông, Án sát Đinh Văn Huy, Lãnh binh Mai Văn Tích là những viên giữ đất đai, đã không phụ với sự giao phó cho coi trấn, công ấy gần bằng Đoàn Văn Sách. Thế nhưng, tuy bởi tướng sĩ làm đúng mệnh lệnh, dựng nên công to, tóm lại cũng bởi nhờ được trời đất mến tựa, tổ khảo giúp đỡ, trăm nung dựa vào uy thừa, công trước mà có được việc này. Vậy thụ Đề đốc Đoàn Văn Sách, bổ thụ ngay lên [Đề đốc], thưởng thêm một chiếc nhẫn vàng của vua dát các sắc ngọc kim cương, hoá tề 7 viên liên châu, 1 chiếc “Khoan tâm bạch ngọc bội” chạm hình “song phượng triều dương” có dây đeo kết trân châu, san hô, kim tiền Phú thọ đa nam lớn nhỏ mỗi hạng 1 đồng ; Tuần phủ Lương Văn Liễu, thưởng 1 chiếc nhẫn vàng dát các sắc ngọc kim cương hoá tề 2 viên liên châu, 1 chiếc “Song hỷ bạch ngọc bội” có dây đeo kết trân châu, san hô, 1 đồng kim tiền Song long hạng trung ; thụ Bó chính Trần Văn Thông, thụ Án sát Đinh Văn Huy, thụ Lãnh binh Mai Văn Tích, đều cho thực thụ, lại thưởng thêm nhẫn vàng, bạch ngọc bội, kim tiền hạng trung mỗi thứ 1, và thưởng thêm mỗi người 1 quân công. Hoàng Mẫn Đạt, thưởng thụ chức Viên ngoại lang, đợi việc yên cả sẽ do bộ hậu bổ, lại thưởng thêm 1 chiếc nhẫn vàng dát mặt thủy tinh, 1 đồng tiền vàng Phú thọ đa nam nhỏ có dây đeo. Nguyễn Văn Thái, đem binh cướp được súng lớn của giặc, thưởng cho quân công kỷ lục 1 thứ và thưởng thêm 3 đồng ngân tiền lớn. Quân vệ trở xuống đều thưởng ngân tiền có thứ bậc ; biên binh thì thưởng chung cho 1.000 quan tiền. Ngoài ra, đợi sổ ghi công trạng làm xong tâu lên, sẽ liệu khen thưởng. Nay sai Chương vệ sự vệ Cẩm y Hoàng Văn Hậu dẫn các kỵ sĩ mang cờ đồ đi tuyên báo khắp thiên hạ để cho khắp nơi đều được biết. Lại sai đem bản dụ này sao ra rất nhiều, ban cấp cho các trực tỉnh, dụ bảo các viên quan to giữ trách nhiệm coi tỉnh : tổng đốc, tuần phủ, đề đốc, bó chính, án sát, lãnh binh nên coi mà làm theo như thế này, triều đình tất sẽ hậu đãi, còn gì vui cho bằng !”. Vua lại dụ những quan to ở các đạo : nên nhân cái thế “chê tre” này, có thể thừa cơ hội đốc sức nhân viên, quân sĩ hợp sức đi lòng bắt, cốt tìm cho được bọn lũ của kẻ đầu phạm nguy xung, bắt chém cho hết, rồi sau hội hợp đánh dẹp Thất Sơn, phá huỷ hết sào huyệt của giặc, thành công mau chóng.

Hôm ấy, vua cho triệu các hoàng thân, đình thân và các quan to ở địa phương đến, thân cho mỗi người một chiếc hà bao gấm và bảo rằng : “Sáu tỉnh trong Nam Kỳ lâu nay bị người Xiêm đến cướp nhiều. Nay nghe tin thắng trận, trăm mừng cho dân ta không sao kể xiết”.

Gặp tiết Thanh minh, sai lưu Kinh hoàng tử Hồng Bảo đến Hiếu lăng, hoàng tử thứ 3 Hồng Phó đến lăng Hiếu Đông, các hoàng thân chia nhau đến các tôn lăng để hành lễ. Vua dụ rằng : “Lễ rải đất ở Hiếu lăng, từ ta đặt ra trước, nhưng nhân có việc bang giao, phải ở lâu ngày tại ngoài này, đương lúc cuối xuân nhiều sương, sắp

đến tiết Thanh minh chưa thể về thân yết lăng mộ, trong lòng tưởng mộ, thương nhớ khôn ngăn ! Các người nên kính cẩn thay ta, cần làm cho hợp ý nghĩa ngày lễ. Ta chỉ chấp tay trông lên không, ngậm thương, cúi lạy, hoạ may nhờ đức Hoàng khảo linh thiêng tại trên trời thương xét tới tấm lòng đau xót của ta, kẻ tiểu tử này”. Lại sai lưu Kinh đại thần Tôn Thất Bạch, hộ ấn Trương Quốc Dụng cùng theo Hồng Bảo, giúp việc bung sọt làm lễ rải đất [lên mộ] ; Tuần hộ Hồ Văn Lưu theo Hồng Phó, giúp làm việc lễ nghi ; lưu Kinh đại thần Tạ Quang Cự và Hà Duy Phiên thân tay kiểm kê các thứ chè, quả phẩm vật kính cẩn dâng tiến ; các hoàng tử, hoàng thân tại Kinh mà tuổi đã trưởng thành, trừ ra phải chia phái đi việc khác, còn đến hôm lễ đều phải tới lạy cho hợp với lễ nghi.

Sai hoàng tử Hồng Hưu làm lễ tế Hán Thọ đình hầu, Quan thánh đế quân ở lâu Tỉnh Bắc.

Cử 2 viên : thự Đê đốc Hà Nội Nguyễn Cửu Đức và Tả tham tri bộ Hộ Đào Trí Phú sung chức Chánh, Phó hậu mệnh trên cửa ải. Bọn Đức vào từ biệt vua đi, khi tới cửa ải được vài ngày, tiếp công văn của phủ Thái Bình bên nhà Thanh đưa đến (trong công văn nói về nhật kỳ sứ Thanh đến cửa ải), bọn Đức nhận đưa về hành tại. Tuần phủ Lạng - Bình Trần Ngọc Giao cho rằng bọn Đức làm trái lệ, phúc tâu lên. Vua nói : “Công văn nhà Thanh, theo lệ, phải do tỉnh Lạng Sơn tiếp nhận, đư về. Còn điển lớn về bang giao, gặp công văn việc sứ, chức hậu mệnh nhận đưa cũng là chiếu theo việc làm trước. Duy vì một lẽ : công văn đi lại, có quan hệ về quốc thể, quan tỉnh Lạng Sơn cũng là quan ở cương giới, nên hoà hợp bàn làm : phạm gặp có công văn nhà Thanh thì chuẩn cho bọn hậu mệnh hội đồng với quan tỉnh Lạng, cùng biên tên vào tập, đệ về, không được còn có sự chia rẽ cách biệt”. Khi sứ Thanh tiến đến cửa ải, vua lại dụ các địa phương Hà Nội, Bắc Ninh, Lạng Sơn phải sung biện về việc sứ : phạm việc cung ứng, khoản tiếp cho chí cầu, đường, phu, ngựa, thuyền xuống đều phải gia tâm sửa sang cho chỉnh bị để cho người nước xa quan chiêm, thấy được nghiêm chỉnh. Lại trích phái ở Hà Nội : quản vệ, mỗi cơ 2 viên, biên binh 1.000 người ; ở Nam Định, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hải Dương : quản vệ, mỗi cơ đều 1 viên, biên binh đều 500 người, ứng trực do nơi hành tại, để đủ sai phái.

Lưu Kinh hoàng tử, đại thần tâu rằng : Có tên binh ở dinh Vũ lâm là Phạm Văn Đạt mở sòng dụ người đánh bạc, lại cãi nhau với người, đương đêm hò la, đã bị bọn đi tuần bắt được ; xử tội giảo giam hậu, những viên quản, suất [ở đội binh ấy] đều bị xử giáng cấp. Vua nhân đó thông dụ quan lại và binh dân ở Kinh cần phải giữ 10 phần nghiêm tĩn, nếu ai dám làm trái phép sẽ theo luật nghiêm, trị tội nặng, không tha. Chưa bao lâu, tên binh canh giữ cung Khánh Ninh là Lê Văn Khoan, đương đêm, trèo tường vào giám phòng lấy trộm tiền, liền áp giải ra chợ Đông Hội, chém đầu, bêu cho mọi người biết. Cai đội Đặng Văn Cường vì cố ý dung túng tên binh kia, cũng bị xử giảo, giam hậu.

Nguyễn Thượng thư bộ Lễ hưu trí, Phan Huy Thực, đến hành tại lạy yết. Thực, trước vì già ốm, xin về hưu, nay vua nghĩ tình bề tôi giúp việc lâu năm về trước, sai đỡ lên điện, cho ngồi hỏi chuyện ân cần và cho miễn lạy. Vua lại làm một bài thơ tặng để tỏ ý yêu quý, trong bài thơ có câu rằng : “Phong diện phương lưu tôn trở sự; Sài nam nhân khế hạc quy niên”⁽¹⁾. Rồi thưởng 10 lạng bạc, 200 quan tiền, cho về.

Bọn Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Công Nhân tâu lên rằng : “Tại dải sông Vĩnh Tế, bên hữu ngạn từ Vĩnh Thông đến Tiên Nông, bên tả ngạn từ Vĩnh Lạc đến Tĩnh Biên, bọn thổ phỉ kết đồn trại liên tiếp, thừa dịp vây bắn vào Tân Châu, An Lạc ở Tiền Giang, Đa Phúc, Cần Thăng ở Hậu Giang, càng ngày càng vây bức mà hiện số quân ta có ít, phòng giữ không đủ. Còn ở Hà Tiên hiện nay đã hơi thư việc, chúng tôi đã tư cho Đoàn Văn Sách chuyển về giúp sức đánh dẹp. Nhưng Sách cho rằng thuyền giặc hễ còn đỗ ở ngoài biển Quảng Biên, hiện Sách đương chỉnh quân sắp thuyền tùy cơ tiến đánh, chứ không chịu trích phái quân đi giúp. Chúng tôi trộm nghĩ : Sách làm việc ấy có 3 điều bất tiện : 1. Trong khi đại giá ra Bắc, không nên vội khai mối hiềm khích với nước bên ; 2. Có bọn giặc to ở sau lưng mà lại vượt xa ra ngoài biển ; 3. Vĩnh Tế là đường sau tỉnh Hà Tiên, nếu bị cắt đứt thì Hà Tiên không thể giữ được. Cần nhắc cho thích hợp trước, sau, hoãn, cấp, thì nên chuyển về An Giang, đợi cho đường sau dẹp yên, rồi hễ tùy cơ tiến đánh”. Vua thấy tâu, gở trách rằng : “Giặc Xiêm hôm nọ bị quan quân Hà Tiên chặn đánh, đã sợ oai, đem trốn, thì ngoài ra, các đường Tiền, Hậu Giang, Vĩnh Tế chẳng qua là bọn giặc tàn linh tinh, chắc rồi cũng phải tan chạy. Huống chi giặc Xiêm vô cơ cất quân xằng bậy, giúp bọn làm càn, chính nên thừa lúc chúng thua chạy về, đánh riết một phen để chúng vĩnh viễn không dám lại tới dòm dò. Sao bảo là “khai hiềm khích với nước bên”, mà nêu ra 3 điều không tiện ? Thật đáng khinh bỉ ! Lại như một đường Vĩnh Tế trước chỉ có 1 Nguyễn Công Nhân đóng giữ cũng còn chặn được nơi hiểm yếu để giữ vững. Nay đã có Nguyễn Công Trứ lại có Tôn Thất Nghị đem binh tiếp đến, chắc đã thừa sức, lại còn muốn Đoàn Văn Sách đến cùng họp một chỗ, sao kiến thức kém đến thế ? Phải biết : kẻ khéo giữ thì địch không biết lúc nào mình đánh. Nay theo một dải sông dài, đo đất chia người, ven bờ đóng giữ, há chẳng làm cho binh mệt sức mà tỏ cho người biết là mình nhát sao ? Công Trứ, vốn gọi là biết dùng binh, sao lại tính đến thế, thật không thể hiểu !”. Rồi đó, Công Trứ mắc bệnh, vua cho Nguyễn Công Nhân kiêm lĩnh cả số binh, liệu cơ phòng giữ hoặc tiến đánh. Không bao lâu, Sách cũng bị bệnh, cho về An Giang điều dưỡng, sai Nguyễn Lương Nhân đến thay.

(1) Hai câu này nghĩa là : trước ở triều đình, tiếng thơm còn lan tràn ở việc nghi lễ ; nay về Sài Sơn thuộc Sơn Tây cảnh nhàn hợp với tuổi già.

Sai hoàng tử Hồng Hưu làm lễ tế Huyền Thiên Chân Vũ đế quân ở lâu Tỉnh Bắc.

Sai nhất đẳng thị vệ Hồ Văn Thập làm lễ tế Trấn Bắc Chân Vũ đế quân, tặng thêm 1 chiếc áo La Hán bằng vóc vàng. Lại thêu một đôi câu đối để tặng. (Câu đối rằng : “Trường trị cứu an phù quốc thái ; Giáng Tường tích khánh hựu dân Khang”, nghĩa là : Giúp vận cho nước được trị dân lâu dài ; giáng phúc cho dân được tốt lành, yên ổn). Trong thời Minh Thành tổ [1403 - 1424], bọn Hoàng mao Đáp tử làm phản, quân Minh bị thua chạy, bổng ở trên không có người cầm gươm khua động sấm gió, đánh phá giặc Hoàng mao. Thành tổ hỏi Trương Thiên Sự, biết là thần Chân Vũ ở phương Bắc, bèn đến núi Võ Đang đắp tượng, làm cung điện để thờ, tế tạ ơn, làm lễ đại tiếu. Lại truyện *Nam du* chép : Trong đời Thục An Dương vương có tinh bạch kê và giống phục quý ẩn hiện ở núi Thất Diệu, thần bèn hiển linh ở núi Xuân Lôi, trừ hết đảng yêu quái. Khi vua lên ngôi, lập miếu ở cửa Bắc trong thành để thờ. Đến đời Lê Hy tông đúc tượng đồng ngồi ngay, cách làm rất tinh xảo, tượng cao 8 thước hơn 2 tấc, chu vi 8 thước 7 tấc, nặng 6.600 cân. Về sau, lửa dữ của Tây Sơn, vô lễ với tượng thần mà cũng không làm gì được. Đến nay ở cửa Bắc thành Hà Nội sửa dựng miếu mạo tôn sùng, khói hương không dứt, cầu, ứng có tiếng thiêng liêng).

Sai Vệ úy Nguyễn Văn Đức làm lễ tế Đổng thần vương, lại sai Vệ úy Tôn Thất Đàm làm lễ tế các thần núi Tản Viên, phụ tặng mỗi vị thần 1 chiếc áo gấm đỏ.

Vua thấy sứ nhà Thanh sắp đến cửa ải, trước hết sai thự Tả tham tri bộ Lại Vũ Đức Khuê, Bố chính Nam Định Nguyễn Quốc Hoan, Lãnh binh Hà Nội Phùng Hữu Hoà sung việc hậu tiếp ở công quán Gia Thụy ; Hộ đốc Định - Yên là Hà Thúc Lương sung việc hộ tiếp đầu địa giới Bắc Ninh.

Sai 3 tỉnh Ninh Bình, Thanh Hoá, Hà Tĩnh liệu khơi đường sông. Vua dụ bộ Công rằng : “Bữa trước ra Bắc, phần nhiều đi đường bộ (từ hành cung Tỉnh Lạc đến tỉnh thành Hà Tĩnh và từ tỉnh thành Thanh Hoá đến bến sông Ninh Bình), nghĩ tới ngày hồi loan đã là cuối xuân sang hạ, quan quân đi đường bộ không khỏi nhọc mệt. Và lại các tỉnh Hà Tĩnh, Thanh Hoá, Ninh Bình nguyên có đường thuỷ thông đồng, chỗ nào nông, hẹp cho sửa sang qua, không nên khơi sông quá rộng, làm mệt sức dân. Lại chỉ cho các hạng để làm các sở nhà sàn dưới nước (1 sở ở xã Trinh Nữ, Ninh Bình ; 1 sở ở xã Nội Trị Thanh Hoá ; 1 sở ở Hội Thị, Cẩm Xuyên ; 1 sở ở bến sông Lạc Giang), chỉ lợp bằng cỏ tranh, phàm những đồ trần thiết ở những sở đó đều cần phải đơn giản”. Nguyên trước đây quan tỉnh Ninh Bình có tâu rằng : “Từ tỉnh thành Ninh Bình nguyên có đường thuỷ có thể đi suốt đến tỉnh Thanh, vì sông lớn lâu ngày cát bồi nhiều xin cho liệu khơi để đón ngự giá khi về thuyền”. Vua không nỡ làm mệt dân, đem việc ấy hỏi các đại thần, ai nấy đều nói : đường cảng này là tự người trước khơi đào, không phải mới từ bây giờ. Nếu nhân thế nước, khơi

cho thuận, việc làm cũng dễ, chắc không khó nhọc cho lắm. Đường cãng này mà khơi thông thì là một đường đi chóng, không phải nhọc sức vượt qua núi non, mà những người buôn bán, người làm ruộng đều được lợi khắp, đó chẳng những là ý của quan quân, mà dân các địa phương ở đấy cũng cùng muốn như vậy. Vua nghe lời tâu, nên mới có mệnh lệnh này.

Triệu thư Tổng đốc Ninh - Thái Nguyễn Đăng Giai hỏi rằng : “Dân tỉnh Bắc Ninh phần nhiều điều tàn, hao hụt, trầm đã gia ơn cứu chữa. Nay đã thấy khởi sắc hay chưa ?”. Giai thưa rằng : “Dân các làng trước đây hay kiện cáo nhau, đến nỗi khai hào số nhân đinh không có, lâu thành ra điều tàn hao hụt, tuy thường được nhờ ơn cứu giúp, có khởi sắc dần, song những dân bị khổ sở lâu ngày vẫn chưa được no đủ”. Vua nói : “Người là viên quan đầu địa phương, nên gia tâm nâng đỡ cho dân, khiến họ được trở lại đầy đủ, để xứng với ý trầm thương nuôi nhân dân”. Vua lại bảo Hộ đốc Định - Yên là Hà Thúc Lương rằng : “Hiện nay nhân dân Nam Định yên tĩnh, không có gì đáng lo ; duy có bọn theo tà giáo Gia tô chưa dứt được mầm rễ tệ ác, người nên gia tâm dỗ bảo, chớ nên tỏ chút kiêu ngạo hay dễ dàng, để có cái lo về sau, gương soi không xa : việc Trịnh Quang Khanh khi trước là thế đó”.

Cho Vũ Văn Tô làm Phó vệ úy Tả vệ tỉnh Bình Định. Tô, sức tráng kiện, am hiểu phương pháp, lại được quân sĩ xưa nay tin phục, quan tỉnh đề cử cho Tô, vua nhân cho chức ấy.

Từ khi xa giá đến Hà Nội, hằng ngày mong tin tức sứ Thanh, vua có ý sốt ruột. Các nha môn bộ Hộ, bộ Lễ và Nội các phần nhiều vì làm việc không hợp ý, bị vua quở trách. Có viên Tri huyện Thư Trì Ngô Trí Thục nguyên sung vào chức Thù ứng sứ vụ, Thục đã đi nhận việc, bị dân ở hạt tố cáo, bộ Lễ nghĩ đổi phái người khác, nhưng Tham tri bộ Hình Bùi Quý cho rằng việc Thục bị can hãm còn chưa đủ chứng cứ rõ rệt, không nên đổi phái. Đến khi ty Hình pháp dâng đơn kiện của các hạt lên, vua coi thấy, nói rằng : “Thục bị dân kiện nhiều khoản, sao lại còn cho được sung vào việc sứ ? Bộ Lễ đã sơ suất, bộ Hình lại che chở cho, há chẳng phải là làm trò đùa à ? Nếu không qua trẫm khám phá ra thì chẳng hoá đã làm một việc dối ?”. Liền sai truyền Chỉ nghiêm quở những người làm việc ấy.

Vua bảo đại thần Trương Đăng Quế rằng : “Người đời vẫn nói : Thăng Long nhiều cảnh đẹp mà Tây Hồ là nhất (Tây Hồ : 1 tên là Đàm Đàm, 1 tên là Lăng Bạc), tới nay xem ra chỉ là một làn đầm ao sánh với Tây Hồ [Trung Quốc] mà thôi. Sao bằng lâu Tỉnh Bắc dựng lên cao vót giữ khoảng trời đất, thực là cổ lai ít thấy. (Lâu này dựng vào năm Minh Mệnh thứ 2 [1821], dùng gạch ngói xây đắp. Trên chia làm ngăn lâu riêng, lâu giữa thờ Huyền Thiên Chân Vũ đại đế, lâu bên tả thờ Phật Già Lam, lâu bên hữu thờ Ngô Đạo tử. Lấy nghĩa rằng tế độ cho xứ Bắc Kỳ, nhân thế đặt tên là Tỉnh Bắc lâu).

Sai Nội các truyền Chỉ cho các nha môn : phạm những việc phải làm bất cứ ngày hay đêm đều cho đưa thẳng lên, vua tùy việc tùy cách phán đoán, ban bảo cho thi hành. Một hôm, rảnh việc, nhân bàn đến đồ mặc ở Bắc Kỳ, vua bảo các đại thần rằng : “Cách mặc của các tỉnh từ Hà Tĩnh ra Bắc là theo tập tục quê mùa của các đời Đinh, Lý, Trần, Lê. Đức Hoàng tổ ta ⁽¹⁾, thánh vũ sáng suốt, buổi đầu đại định đất nước, khó gì không ra được một lệnh thay đổi ; nhưng thay đổi phong tục tất phải làm dần, phạm các chế độ, pháp lệnh, trước hết cần phải đổi bỏ những điều phiền khắc, còn về đồ mặc chưa rồi nghĩ tới. Đến trong năm Minh Mệnh mới thi hành lệnh ấy ở bên ngoài sông Linh Giang, tỉnh Quảng Bình. Ngay sau đó, sĩ dân các hạt theo lệnh khắp loạt, quan địa phương sở tại liên tiếp dâng sớ xin sửa định đồ mặc ; đức Hoàng khảo ta cho đưa xuống đình thần bàn, rồi theo ý muốn của dân, song ngài còn nghĩ có những kẻ giàu, nghèo khác nhau, nên chưa nỡ vội định nghiêm hạn, rộng cho nhiều năm, đợi tự thay đổi hết. Rồi lâu, đạo hoá lan khắp, không cần phải ra lệnh mà ai cũng theo cả. Tới nay, Nam, Bắc cùng một phong tục, không còn gì khác nữa. Coi với nhà Thanh làm chính sự, khi mới được nước, khác nhau xa biết chừng nào ! Lời vua Thanh Thái tông nói rằng : “Bọn ta ngồi trên mình ngựa mà được thiên hạ, hà tất dùng đến áo chùng, đai rộng làm gì ! Tới khi Thanh Thái tổ vào cửa ải tức thì ra lệnh cắt tóc : “Ai muốn có đầu thì không được có tóc, có tóc sẽ không có đầu”, làm cho một dân tộc trải Hán, Đường, Tống, Minh mấy nghìn năm nhất đán biến đổi mà theo lệnh nhất thiết của Mãn Châu, sao kíp vội đến thế ! Có đất Trung Quốc mà không có phong tục Trung Quốc, thì lấy gì mà biến được man di thành ra Hoa Hạ ? Mà bọn di địch làm cho luôn các đời vua phải lo, cũng không lấy gì làm lạ ! Nhà Nho đời trước có bàn rằng : “Khí tượng của vương giả bao giờ cũng khoan hoãn, khí tượng của bá giả bao giờ cũng cấp bách”, nên coi ở những việc kể trên đây”.

Quan tỉnh Thái Nguyên Trần Văn Tuấn dâng một con phượng núi. Vua trông thấy, mỉm cười nói rằng : “Giống 9 thứ lông đẹp, 6 hình tượng lạ này có lẽ coi thấy đức sáng mà bay xuống chăng ? Nếu chỉ bay mà không đậu thì người săn bắn còn chuộng làm gì ?” ⁽²⁾.

(1) Chỉ Gia Long.

(2) Đây là những lời nói khôi hài, dùng những điển về phượng, về chim.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XVIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Nhâm Dân, Thiệu Trị năm thứ 2 [1842], mùa xuân, tháng 3. Sứ Thanh tên là Bảo Thanh đến Nam Quan. Trước đây, Bảo Thanh theo đường Quảng Tây đi thông thả, tới khi nghe tin xa giá đã đến Hà Nội trước, mới đi gấp đường tới cửa ải. Tin báo đến, vua rất mừng, nói : “Sứ Thanh đi chậm, trẫm định đưa thư thúc giục, chưa kịp đưa đi thì sứ đã tới, sớm được ngày nào là hay ngày ấy, phàm mọi việc phải làm, ai giữ việc nào đều nên kính cẩn làm việc ấy, cốt được mười phần nghiêm chỉnh để cho quốc thể được trọng”.

Tổng đốc Bắc Ninh Nguyễn Đăng Giai xin về tỉnh để chỉnh lý việc sứ quán. Tuần phủ Lạng - Bình Trần Ngọc Giao dâng sớ xin về chiêm yết ; vua đều y cho.

Dụ : lại thưởng áo mặc cho những người đã đi theo vua : hoàng tử, hoàng thân công, quốc công và quan văn từ ngũ phẩm, quan võ từ suất đội trở lên cùng là những người tùy giá đã phái sung vào việc sứ và đốc, phủ, bố, án, lãnh binh các tỉnh hiện đến chiêm yết, đều ban cho có thứ bạc ; chánh lục phẩm trở xuống thì chiếu theo phẩm trật, thưởng tiền để thay áo mặc.

Ngày Nhâm Tý. Điểm duyệt cả các biên binh 5 tỉnh ở Bắc Kỳ. Vua ngự diễn trường ở Đông Nhân để coi, khen về luật quân tề chỉnh, thưởng tiền cho các biên binh ứng duyệt 3.000 quan, tuyên Chỉ cho khao thưởng rồi cho về quân ngũ ở tỉnh. Các đốc, phủ, đề đốc, lãnh binh vì huấn luyện binh có phương pháp đều được thưởng gia cấp, kỷ lục. quản vệ, quản cơ trở xuống thì sai tổng duyệt đại thân sát

hạch, rồi chia hạng thưởng cấp cho. Lại thưởng cho những biên binh lưu ngũ ở mấy tỉnh Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hải Dương, có thứ bậc (Hà Nội, 150 quan ; Nam Định, Bắc Ninh mỗi tỉnh 800 quan ; Sơn Tây, 500 quan ; Hải Dương, 900 quan). Những binh ở Kinh sung việc đi thú nơi khác, đều thưởng tiền lương 1 tháng. Những binh ở Thanh, Nghệ đi thú nơi khác, đều thưởng tiền lương nửa tháng. Những biên binh tại ngũ ở Quảng Yên, Thái Nguyên, Hưng Hoá, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang và những biên binh ở tỉnh bên được phái đến thú, đều tùy theo ngạch chính, ngạch tạp, thưởng cấp cho cả (Cao Bằng, Thái Nguyên, Hưng Hoá, Quảng Yên mỗi tỉnh 300 quan ; Lạng Sơn, Tuyên Quang mỗi tỉnh 200 quan).

Ngày Quý Sửu, duyệt trận voi. Ngày Bính Thìn, duyệt trận ngựa. Vua lên đài xem, thưởng cấp cho mỗi trận có thứ bậc khác nhau.

Ngày Ất Sửu, ngự duyệt trận thủy, thấy tướng lệnh nghiêm minh, quân dung nghiêm chỉnh, vua rất khen, nói rằng : “Đầy thật là quân hổ tiếp dưới nước”. Từ tổng duyệt đại thân cho chí các biên binh ứng duyệt đều được thưởng cả.

Tổng đốc Sơn Tây Nguyễn Văn Hoán dâng 1 cái khánh đồng cổ. Hoán nói : “Dân xã Long Châu đào được, có lời thần bảo, xin đem dâng lên”. Vua nói : “Đã có lời thần bảo, nên để thờ thần”, rồi không nhận.

Phó vệ úy vệ Nghiêm vũ Nguyễn Văn Tài sách nhiễu bọn vệ binh. Việc phát giác, Tài bị cách chức và bị bắt giao quan tỉnh Nghệ tra xử : phải phạt trọng và tội đồ.

Sai Phó vệ úy Trung vệ dinh Hồ oai Trần Văn Soạn đổi làm thự Phó vệ úy vệ Tả, dinh Hùng nhuệ, coi đốc biên binh nửa vệ sung thú tại Hà Nội ; Phó vệ úy vệ Tả, dinh Hùng nhuệ Đoàn Văn Học đổi làm thự Phó vệ úy Trung vệ dinh Hồ oai.

Tổng đốc An - Hà là Tín Vũ hầu Phạm Văn Điển đánh phá tan quân thổ phi ở Hậu Giang. [Trước đây] quân Xiêm đã lui, bọn thổ phi lại đến chỗ thượng lưu đồn Đa Phúc, hai bên tả, hữu theo các bụi tre dựng lên đồn lũy, bày hàng thuyền, xuống. Quân giặc có độ hơn 3.000 tên, dựa vào chỗ hiểm để chống giữ. Điển cho rằng bọn đầu mục của giặc phần nhiều ở tả ngạn, ta đánh phá các đồn ấy trước thì những đồn ở hữu ngạn không đánh cũng tự vỡ, bèn sai bọn sung thí Phó vệ Trần Kim, Quản cơ Lê Đình Lý, Vệ úy Nguyễn Văn Ổn chia lĩnh hơn 1.000 biên binh, trước hết đến đồn giặc ở tả ngạn, thủy bộ 2 mặt giáp đánh. Trần Kim lên đồn giặc trước, binh dinh chỉ có 20 người, Kim liền tay đâm 2 tên, chém được 1 đầu giặc, quyền thí Suất đội Trần Linh cũng chém được 1 đầu. Bọn giặc kéo ủa lại đánh rối loạn. Kim bị giặc chém vào vai bên tả, gãy xương ; Linh cũng bị đạn xuyên vào hông bên tả. Ngoại uỷ đội trưởng Nguyễn Mô, tay cầm dao, đến tiếp cứu ; dao bị gãy, Mô lại cầm chuôi dao đánh 1 tên giặc chết luôn, rồi che đỡ cho Kim và Linh ra khỏi trận. Lê Đình Lý, Nguyễn Văn Ổn tiếp đến, hợp sức giáp đánh, giặc đều tan

chạy. Quân quan lại sang đồn giặc bên hữu ngạn, đánh tràn. Giặc đều bỏ chạy. Lạp tức phá huỷ các đồn lũy, chia đường theo bắt giặc, thu được rất nhiều khí giới. Nghe tin thắng trận, vua phê bảo rằng : “Tín Vũ hầu được đại thắng, rất đáng khen ngợi, thật không phụ là một viên tướng lão luyện thời nay !”

Lạp tức truyền dụ cho hoàng tử, đại thần lưu Kinh rằng : “Giặc Xiêm trái trời, ngược lẽ, gây bậy mỗi hiềm, kết bè với Lạp Man đồn quân ở nước vào lấn cướp, trăm dã trừ tính trước khi xảy việc, sai tướng phòng giữ biên cương. Trước đây, giặc bị Đề đốc Vĩnh Long, Anh dũng tướng Đoàn Văn Sách, bắn giết ; đường thủy đều yên tĩnh. Nay An - Hà Tổng đốc Tín Vũ hầu Phạm Văn Điển đánh phá quân Xiêm, Thổ, dẹp yên đường bộ. Lòng trăm rất vui mừng ! Từ nay, biên cương được yên, tướng sĩ được nghỉ ngơi, thật toàn nhờ về uy phúc của tổ khảo ta để lại cho đó !”. Rồi vua sai Vệ úy vệ Kim ngô Lê Viết Chuyên mang cờ đồ đi tuyên bảo khắp nơi, lại sai đưa về Kinh để cho trong ngoài đều được biết rõ. Thường cho Phạm Văn Điển 1 đồng kim tiền Song long hạng trung có dây đeo, 1 chiếc nhẫn vàng mặt thủy tinh liên châu và gia quân công 1 cấp ; thưởng thụ cho Trần Kim chức Phó quản cơ, gia quân công 1 cấp, kim tiền hạng nhỏ và nhẫn vàng mỗi thứ 1, lại 1 chiếc tử kim bài có chữ Thường công và 5 lạng bạc ; thưởng thụ cho Trần Linh Chánh đội trưởng suất đội, 3 đồng ngân tiền ; Nguyễn Mô cũng bỏ lên suất đội, thưởng 4 đồng ngân tiền lớn, 1 chiếc tử kim bài có chữ Nghĩa dũng. Còn những người dự có công trạng đều thưởng ngân bài, ngân tiền có thứ bạc. Binh đinh thì thưởng chung cho 80 quan tiền.

Phạm Văn Điển thấy ở sông Vĩnh Tế còn có đồn giặc đóng giữ, lại đem binh thuyền đi đến quân thứ Vĩnh Thông, bàn với Nguyễn Công Nhân, Nguyễn Lương Nhân tùy cơ đánh dẹp. Bổng tỉnh Hà Tiên gấp báo : có hơn 50 chiếc thuyền giặc hiện còn thả neo đỗ ở đảo Phú Quốc ; binh thuyền ở Gia Định phái đi, đã đến Kim Dũ, đóng ở ngoài biển nên đem vài chục chiếc thuyền vượt biển, đi mau đến đó hội họp cất dật. Điển cho rằng : tại Hà Âm và Hà Dương, bọn giặc chưa dẹp yên, nếu lại theo mặt khác vượt biển đón đánh quân giặc thì cũng chưa hợp với việc nên làm, chi bằng trước hãy đánh dẹp Hà Âm rồi đến Thất Sơn để cho mất hết cái lo bên trong, rồi sẽ mưu tính dật lại sở Phú Quốc.

Vua nghe biết việc ấy, cho rằng Điển làm việc hợp với cơ nghi, dụ rằng : “Nên nhân khí thế đương mạnh, thẳng tiến phá ngay Thất Sơn, dẹp cho hết bọn giặc còn sót, thì cái đất bé nhỏ bằng hòn đạn, nốt ruồi ấy khó gì mà không giã nát. Duy ở chỗ ấy, địa thế hơi hiểm, nếu lòng khắp núi để bắt loài thú thì nên xét kỹ cơ nghi, chớ cậy mình thường thắng, thiên chấp ý riêng. có khi lỡ việc. Nên hết sức cẩn thận!”.

Tại Kinh đô có mưa đá.

Có chiếc tàu buôn của người Bút Tô Kê (một nước thuộc về Tây di) nhân gió giạt vào, đỗ ở núi Mã Cảnh, hạ neo. Đồn Đà Năng tâu lên, vua bèn chuẩn cho họ được vào gần kiểm củi nước, rồi đuổi ra ngoài biển, không cho tự tiện đi lại trong thôn ấp.

Một nhà dân ở thôn Tân Phú, tỉnh An Giang lỡ phát hoả, cháy lan đến hơn 430 nhà, nhân dân cũng có nhiều người bị thương và chết. Vua sai chiếu lệ phát chẩn tuất cho.

Bọn Phạm Văn Điển, Nguyễn Công Nhân đánh phá tan quân Xiêm, thổ phỉ ở Hà Âm. Tháng trước, hơn 20.000 quân thổ nước Xiêm theo một dải trường lũy từ Vĩnh Điền đến Tiên Nông, kết đồn liên tiếp đóng giữ, mưu đồ đánh phá. Bấy giờ ở Hà Âm, Hà Dương đều có bọn giặc làm trở ngại, nhất là ở Hà Âm lại nhiều hơn. Trước đây, vua đã dụ sai bọn quân thứ ở Ba Xuyên đã thư việc : thự Chương vệ, Lãn binh An Giang Nguyễn Lương Nhân, Vệ úy Phó lãnh binh Tôn Thất Nghị đều đem quân bản bộ đi mau đến Vĩnh Tế, hội hợp đánh dẹp. Đến khi Phạm Văn Điển dẹp yên bọn giặc ở mấy xứ Hậu Giang, Đa Phúc, uy danh lừng lẫy, mới nhân đội quân đắc thắng, đem đến cùng vây giặc. Gặp lúc ấy hương binh ở 2 tỉnh Vĩnh Long, Định Tường giải đến và binh ở Hà Tiên rút về, chia đặt đi các đường. Quân quan hiện tại binh đồng chỉ có hơn 5.000 người. Điển thấy một dải Hà Âm, giặc kết liên 8 đồn, lại dựa vào trường lũy đắp thành gấn các thành, đồn Vĩnh Thông, Tiên Nông, Thôn Nhân, Vĩnh Lạc, mưu đồ đánh phá, thế giặc rất mạnh, bèn cùng các tướng bàn rằng : “Giặc nhiều, ta ít, nếu ta nhất tề tiến đánh thì chúng sẽ phải chia binh ra ; nếu chúng có quân viện ở ngoài cũng khó lòng tiếp ứng được”, liền cất Đoàn Quang Mật đem hơn 1.000 binh đánh đồn bên tả của giặc, Tôn Thất Nghị đem hơn 500 binh để tiếp ứng ; Nguyễn Lương Nhân đem hơn 600 binh đánh đồn hữu của giặc ; Nguyễn Công Nhân đem hơn 1.300 binh tiến đánh 3 sở đồn giữa. Điển tự đem hơn 1.600 binh đi để làm tiếp viện. Đồn giặc 5 sở, bọn giặc ở mỗi đồn hơn 2.000 tên, hoặc giữ hiểm bán ra, hoặc ra đồn chống đánh. Quan quân giao chiến với giặc, đồn tả của giặc vỡ trước, Đoàn Quang Mật và Tôn Thất Nghị chuyển về đạo binh của Nguyễn Công Nhân để hợp sức đánh. Phó vệ Dương Thai chém luôn 5 đầu giặc tại trận, Phó cơ Nguyễn Tuấn chém được 2 đầu, các tướng khác đều hăng hái tranh tiến, tiến đánh. Quân giặc, 13 trại ở trong rừng, mỗi chỉ ước 2.000 tên, do đường rừng kéo ra tiếp viện. Phạm Văn Điển sai Phó quân cơ Dương Hựu, Phạm Phúc Minh đều đem quân bản chỉ chặn đánh ; Nguyễn Lương Nhân lại sai Nguyễn Văn Ổn, Phan Pháp, Hồ Bích đem một toán quân đánh úp phía sau. Bị trong ngoài giáp đánh, giặc lại phải rút vào rừng, lủi trốn. Tướng giặc bỏ cả tàn lọng, voi, ngựa, một mình chạy lẩn như chuột. Các đồn giặc đều bị quan quân bao vây, đầu cuối không tiếp ứng được nhau, chỉ trong chốc lát, các đồn đều tan chạy hết ;

13 trại giặc ở ven núi không đánh cũng tự vỡ. Quân ta dồn sức đuổi bắt, chém được 448 đầu, đâm trúng 225 tên, bắn chết 339 tên, thu được 1 khẩu súng lớn kiểu Tây dương (sau vua cho tên súng là “Bình Xiêm xung tiêu pháo”, 6 cỗ súng phách sơn, 7 cỗ súng hồng y, 12 cỗ súng quá sơn, 2 khẩu súng thần công, 105 cây súng điều sang, bắt được đạn dược, súng, thuốc súng, giáo, gươm không kể xiết. Lại thừa thắng tiến đánh 3 sở đồn giặc, tới nơi, quân giặc đều bỏ đồn chạy trốn, bèn sai quân sĩ đốt cháy hết một lượt.

Nghe tin thắng trận, vua phê bảo rằng : “Phạm Văn Điển, Nguyễn Lương Nhân, Đoàn Quang Mật, với số quân 5.000, giết bọn giặc 20.000, không đây 3 khác hạ luôn 8 đồn, tại trận, bêu 7 đầu tướng giặc, giết quân giặc hàng nghìn, hàng vạn. Cái tài dẹp giặc như thế, gần đây, ít thấy. Thật là nhờ ở hoàng thiên mệnh tựa bản triều, nương ở uy linh hoàng tổ, hoàng khảo, tướng sĩ theo mệnh, xung phong giết giặc, thành được cái công lớn này, trăm xiết bao mừng cảm, khen ngợi !”. Bèn xuống dụ : đặc cách gia ơn, ghi công lên các lá cờ cho Phạm Văn Điển : trước phạm lỗi nặng vì đời quân, đã chuẩn cho giáng bổ, nay nắm vững được cơ mưu, dẹp yên giặc Xiêm thổ, công ấy rất tốt, vậy thưởng thụ Đô thống Tả quân Đô thống phủ và vẫn lĩnh Tổng đốc An - Hà, lại gia thưởng một chiếc nhẫn vàng ngự dung mặt ngọc hoả tề có chạm kim cương 8 hạt liên châu dát vào, 1 chiếc “Phú Thọ bạch ngọc bội bài” hạng lớn có dây đeo kết san hô, trân châu, 1 quả bằng vàng có dây đeo kết hạt thủy ngọc, 1 chiếc trấn chỉ. Thụ Đê đốc Nguyễn Công Nhân : phân phái đúng phép, điều độ hợp nghi, đem 1 đạo binh phá tan 3 sở đồn giặc, chiếm đầu giữ được đấy, đánh đâu thắng đến đấy, có trí làm được vạn toàn, vậy thưởng thụ ngay Đê đốc An Giang, gia quân công 1 cấp, lại thưởng 1 chiếc nhẫn vàng ngự dung, mặt ngọc hoả tề có chạm kim cương 7 hạt dát vào, 1 chiếc “Phú Thọ bạch ngọc bội bài” hạng lớn có dây đeo kết san hô, trân châu, “Kim tiền phú thọ đa nam” lớn nhỏ mỗi hạng 1 đồng. Và lại, viên Đê đốc này phụng mệnh phòng giữ đường sông Vĩnh Tế gần hơn 1 tháng khuyên nhủ, rèn luyện các tướng sĩ đều có sức khoẻ và biết lễ phép ; nay lại biết tính trước quyết thắng ; mạo hiểm phá giặc, khiến cho bọn đầu mục Xiêm thổ không dám dòm ngó nữa, những tỳ tướng dưới quyền thì chém được tướng giặc tại trận, quân sĩ thì giết được quân Xiêm thổ, trong 1 trận dựng nên kỳ công, càng thấy công danh rõ rệt ! Vậy riêng thưởng gia quân công 1 cấp, 1 chiếc nhẫn vàng ngự dung mặt ngọc kim cương hạt to, 1 đồng kim tiền Song long hạng rất lớn có dây đeo. Lại dụ 2 bộ Lễ, Binh ghi tên đợi đến sau khi vua hết tang, tâu xin phong tước để đáp lại cái công lao đặc biệt. Ba viên thụ Chương vệ Lãnh binh Nguyễn Lương Nhân, Phó vệ úy quyền Lãnh binh Đoàn Quang Mật, Vệ úy lĩnh Phó lãnh binh Tôn Thất Nghị đều đã thân đốc biên binh của đạo mình, ra sức đánh giết, khiến cho quân giặc không thể tiếp viện được nhau, vỡ tan trong 1 trận, nghề hèn

của chúng không thi thố được ; ba viên ấy đủ có thực trạng về chiến công. Vậy Nguyễn Lương Nhân, thưởng thụ ngay Chương vệ, gia quân công 1 cấp, lại thưởng 1 chiếc nhẫn vàng mặt ngọc hoả tể hạt to, 10 hạt kim cương nhỏ dát vàng, 1 chiếc, "cát tường bạch ngọc bội bài" có dây đeo kết san hô, trân châu, 1 đồng kim tiền Phú thọ đa nam hạng lớn ; Đoàn Quang Mật, thưởng thụ Vệ úy gia quân công 1 cấp, lại thưởng 1 chiếc nhẫn vàng mặt ngọc hoả tể, kim cương 3 hạt liên châu dát vào, 1 chiếc "cát tường bạch ngọc bội bài" có dây đeo kết san hô, 1 đồng kim tiền Song long hạng trung ; Tôn Thất Nghị, thưởng gia quân công 1 cấp, lại thưởng 1 chiếc nhẫn vàng mặt thuỷ tinh liên châu, 1 chiếc bạch ngọc bội bài có dây đeo, 1 đồng kim tiền Song long hạng nhỏ. Tất cả ba viên đều được ghi tên, vẫn làm chức việc Lãnh binh. Viên Phó vệ úy Dương Thai ra sức tiến trước đánh giết giặc, chém luôn 5 đầu tướng giặc, xưa nay viên tướng nhỏ chưa có ai mạnh bạo, nhanh nhẹn được như thế ! Vậy thưởng ngay 1 chiếc kim bài có chữ "Kiêu dũng tướng", cho đeo để nêu rõ công trạng ; lại thưởng thụ Vệ úy, gia quân công 1 cấp, 1 chiếc nhẫn vàng mặt ngọc hoả tể, kim cương 3 hạt dát vào, 1 chiếc "bạch ngọc bội bài" có dây đeo, 1 đồng tiền vàng Phú thọ đa nam hạng trung. Ngoài ra, các tướng biên lớn nhỏ, không ai là không hăng hái, nổi lòng công phấn, ra sức giết giặc, có những người xông lên trước để phá trận, có những người chém đầu giặc luôn lúc ấy, đều tùy theo công trạng mà hậu thưởng hoặc thăng thụ, cất bỏ chức hàm, lại gia thưởng quân công cấp kỷ và thưởng bài đeo bằng vàng tía, bằng bạc hay nhẫn vàng, kim, ngân tiền hạng lớn, hạng nhỏ có thứ bạc. Lại trước hết thưởng chung cho các binh đồng đi trận ấy tiền 3.000 quan.

Sau đó, vua dụ bọn Diển đời quân hợp sức đánh các xứ Thất Sơn, Sách Sô. Diển cho rằng : địa thế ở Thất Sơn hiểm yếu, chưa thể dẹp yên gấp ngay được, duy Sâm Phủ là chỗ đất tất phải đi qua, nên hợp sức đánh trước để chặn chỗ hiểm. Nhân trích để lại hơn 2.000 binh đồng, sai Lãnh binh Đoàn Quang Mật quản giữ các đồn trại thuộc đường sông Vĩnh Tế, còn đều đem đi đánh xứ Sâm Phủ. Diển cùng với Nguyễn Công Nhân, Tôn Thất Nghị do đồn Tiên Nông dời đến Ba Thứ, giặc đều bỏ đồn chạy. Hôm sau, tiến đến Bàn Ly, chỗ này bên tả có núi Cấm Sơn, bên hữu có núi Ốc Dâm, địa thế rất hiểm, rừng cây sẫm uất, gai góc liên từng bụi, trong có lũy dài chặn ngang, quân giặc giữ hiểm chống cự. Diển đặt 3 đồn sở ở xứ Bàn Ly, tự đóng giữ lấy, sai Nguyễn Công Nhân đem 1.000 binh theo đường núi Ốc Dâm, Tôn Thất Nghị đem 1.000 binh theo đường núi Cấm Sơn, đều nhân ban đêm, đi xuyên sơn, đến sáng đều tới phía sau lũy giặc. Bọn giặc sừng sốt kinh hãi, chia các mặt để chống giữ. Quan quân hết sức đánh mạnh, giặc đều tan chạy. Quân cơ Trần Tri ráng sức tiến lên, xông vào lũy giặc trước, các quan kế tiếp xông vào, phá tan lũy dài, bắn chết 164 tên, đâm trúng 32 tên. Tin báo tới nơi, vua khen bọn Diển khéo ra

quân kỳ, đánh lấy quyết thắng. Phạm Văn Điển, Nguyễn Công Nhân, Tôn Thất Nghị, đều thưởng gia quân công 1 cấp ; Nguyễn Lương Nhân, quân công kỷ lục 3 thứ ; Trần Tri, quân công kỷ lục 2 thứ ; riêng thưởng 1 chiếc nhẫn vàng. Các biên binh đi đánh trận ấy đều ban thưởng có thứ bậc.

(Từ quân thứ Vĩnh Tế đến Kinh, lại chuyển đến Hà Nội 108 trạm, cộng 3.326 lý, ngựa chạy đưa đi chỉ hết 11 ngày).

Thự Tổng đốc Long - Tường Nguyễn Tri Phương tiến đánh Tiền Giang, phá tan quân giặc. Khi ấy, Phương ở An Giang chuyển về đến trại Hùng Ngự, nghe tin có bọn giặc ước hơn 2.000 tên vây đánh đồn Cửu An, lại dựng trại ở nhánh sông Chính Đôn, chặn ngang lòng sông, Phương tức thì đốc suất biên binh chia đường tiến đánh, mở được 9 chỗ sông bị chặn. Tạ Văn Linh, đóng giữ chỗ ấy, thừa thế, mở đồn, hợp sức đánh, bọn giặc đều bỏ trại, tan chạy ; quân ta đuổi theo, đánh phá tan hết. Ở 2 trại Tân Châu, An Lạc cũng bị bọn giặc đến nhiều, bọn Nguyễn Văn Hoà, Vũ Đình Đàm, đóng giữ đấy, tung binh ra đánh : giặc chết và bị thương rất nhiều.

Nghe tin thắng trận, vua mừng nói : “Hà Tiên, Vĩnh Tế, Tiền Giang, Hậu Giang, lần lượt dẹp yên, thật đỡ sự lo cho trăm về mặt Nam”. Vậy thưởng cho Nguyễn Tri Phương quân công 1 cấp, nhẫn mặt ngọc hoả tề, kim cương 3 hạt liên châu, quả bằng vàng và đồng hồ mỗi thứ 1 ; Vũ Đình Đàm, gia quân công 1 cấp, nhẫn vàng, kim tiền Song long mỗi thứ 1 ; Tạ Văn Linh, nguyên Lãnh binh bị giáng, nay được phục chức ; Phó vệ úy, Lãnh binh Nguyễn Văn Hoà, quân công kỷ lục 2 thứ, 1 chiếc nhẫn vàng. Các viên võ chức và binh đồng đi đánh tàu rằng : “Những biên binh thuộc tỉnh tình nguyện đi giết giặc lập công gồm có hơn 100 người, xin ghép vào làm chiến sĩ 2 đội nhất, nhị để đủ sai phái. Vua y cho thưởng tiền cho mỗi người 1 quan, đợi có công trạng sẽ liệu lục dùng.

Tỉnh Phú Yên tâu lên rằng : có người đạo trưởng Tây dương tên là Mịch Danh Lộ đem kinh đạo, đồ dùng nhà đạo, đáp tàu buôn Gia Định lên đến, bị nhân viên thủ ngự bắt được. Vua giao bộ Hình trị tội, án xử trăm quyết, sai hãy đem giam cấm, rồi vua lại cho tha.

Thưởng cho các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá đã chế tạo thuyền ngự : từ người đốc việc, người coi làm cho chí binh, thợ đều thưởng có thứ bậc. Tỉnh Nam Định chế tạo thuyền Kim đĩnh, không đúng cách thức, tha tội, cũng thưởng như trên, duy những người chuyên coi việc làm, không được dự thưởng.

Bọn ác Man ở hạt Quảng Ngãi lên xưng địa phận đồn cơ binh Tỉnh man, cướp bóc dân, giết hại viên coi việc bắt giặc. Vua sai Lãnh binh Nguyễn Vĩnh tìm cách lùng bắt, cốt bắt cho được thủ phạm để chuộc tội trước.

Thổ ty tỉnh Thái Nguyên, gia hàm Phó quản cơ là Ma Doãn Bồi, Thổ tri phủ Nguyễn Khắc Khoan, Thổ huyện thừa Lương Đình Thiêm cùng với bọn Cai đội thuộc tỉnh Sơn Tây Đinh Công Trọng, Thổ ty Cao Bằng Vệ úy Bế Văn Đĩnh, Cai đội Bế Kim Mậu, Nùng Trí Hậu, Bá hộ Bế Văn Hựu đều đem dâng phẩm vật địa phương đến hành tại lạy yết. Vua nói : “Bọn này năm trước đem sức giúp việc triều đình cũng có chút công lao, nay thân đến sân lạy yết, kính dâng thổ sản, trầm đã xét biết lòng thành, cho thu một vài phẩm vật để vui lòng kẻ trung thực”. Lại ban cho kim tiền, ngân tiền vào áo xiêm rồi cho về.

Tỉnh Gia Định thu hoạch được rất nhiều thóc, dâng số tâu vua biết. Vua phê bảo rằng : “Trời cho được mùa, kính cảm sao xiết ! Nên cùng với dân ta mừng chung !”.

Ngự sử Trần Kinh Vỹ tâu lên rằng : “Lũ tên giặc Nhân, giặc Thạch lâu nay tụ họp bè lũ ở rừng núi để cướp bóc, hoặc dùng cách thù giết để ra oai, hoặc dùng tiền của để mua chuộc, cho nên kẻ nào sợ chúng bạo ngược thì không dám làm gì, kẻ nào tham về tài lợi thì che giấu cho chúng. Lại có những kẻ giữ việc bắt giặc, rất bậy : nghe báo có giặc đến cướp thì rút dè không tiến bắt, sau khi giặc đã rút đi thì hăng hái tới nơi, lại buộc tội cho người báo là bịa đặt, rồi sách nhiễu nhiều cách. Thế cho nên lắm người thường dân thà chịu giặc ức hiếp phải theo còn hơn đi báo quan để thêm phiền nhiễu. Và lại lũ kẻ phạm án náu kia chẳng qua như cá trong hồ, thế nhưng cái thế của chúng còn như ngọn lửa lờ mờ không nên để cho bốc lên ngàn ngút, nên dập tắt đi ngay. Vậy xin chọn lấy viên quan nào ở Kinh, vốn có mưu lược, ra chuyên coi việc này, đặt cách bắt nã, chế trị thì mới đắc lực”.

Vua nói rằng : “Lũ trộm lẩn lút hèn mọn ấy lúc tụ, lúc tan, trách cứ về quan ở địa phương cũng đủ. Cần gì phải phái đến quan Kinh !”. Nhân dụ các tỉnh Hưng Hoá, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Thái Nguyên phải ngăn chặn cho nghiêm, không để cho lũ phạm lọt lưới. Lại chuẩn định cách thưởng : bắt luận quan quân, dân chúng người Kinh, người Thổ, ai có thể bắt hay chém được những kẻ chính phạm, thứ phạm trong yếu sẽ phân biệt ban thưởng. Kẻ nào tự ra thú thì được miễn tội (ai bắt hay chém được 3 tên yếu phạm Nhân, Thạch, Bột, đều thưởng 300 quan tiền ; bắt hay chém được những tên thứ phạm : Cẩm, Huyền, Phú, Ba, Khiêu, đều thưởng 100 hoặc 50 quan).

Dụ các đại thần rằng : “Chuyến này Bắc tuần, khảo loan từ đầu mùa xuân, đến nay mùa xuân sắp hết rồi. Tiết Thanh minh đã qua, lễ Hạ hương sắp đến, trăm ngày chiêm ấy nấy, ăn ngủ không yên, nhưng chuyến đi này không phải chuyên về việc bang giao mà thôi, trong đó còn bàn những việc : xét địa phương, xem phong tục, mở điều lợi, trừ điều hại. Nay sứ Thanh đã đến, lễ lớn bang giao tất sẽ làm xong trong tháng này. Cái ngày sau hôm xong lễ, trăm liền hồi loan để kịp ngày thọ Thánh đàn, quyết không dám chậm trễ một ngày nào để thêm nặng lỗi. Về đề sông.

là việc lớn quan hệ đến dân sinh ; về những đơn kêu, cũng là tình trạng của dân chúng. Nay nên tính làm như thế nào ? Phạm những việc như thế, các người nên tuý việc, làm cho xong, chớ nên bỏ đọng để phụ lòng người mong đợi.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Công Hoán, Bó chính Sơn Tây Lương Quốc Quang, Án sát Vũ Vịnh, Lãnh binh Trần Văn Luận có tội, bị miễn chức. Trước đây, khi xa giá đến gần thành Hà Nội, tại Tây Đàm ⁽¹⁾ (tên 1 xã, thuộc huyện Từ Liêm) có phát ra đám cướp. Cha con viên Tổng mục Phạm Đình Hanh ở hạt phủ Quảng Oai thuộc tỉnh Sơn Tây cùng lý dịch và dân phu chặn bắt được 5 tên cướp ; phân phủ Dương Công Bình nhận làm công mình, Tổng đốc Nguyễn Công Hoán đề tâu giúp cho, Công Bình được thưởng gia một cấp và cho ngân tiền. Còn lý dịch và dân phu được thưởng chung số tiền 100 quan. Đến khi Đình Hanh đem việc ấy về kêu tạn hành tại, mới sai bộ Hình đem những kẻ phạm ra hỏi, thì Công Bình vì đã giả mạo bị xử phạt trọng và lưu, bọn Công Hoán vì tấu dối không thực, giao cho bộ nghị xử. Rồi, cứ theo Ngự sử Trần Kinh Vỹ dò xét thì bọn giặc thường ra vào địa hạt Lâm Thao, Đoan Hùng. Ngự sử Nguyễn Cư Sĩ lại tâu : bọn giặc cướp nhiều dân biên thủy, kháng cự những viên bắt giặc, giết hại quân dân, mà quan tỉnh cố ý bỏ qua không đem tâu lên. Tri phủ Đoan Hùng Phạm Khắc Tuy lại bị bọn lại, lệ tó cáo ra việc chứa giấu bọn giặc, dìm mất những án nặng và mượn tiếng đem cung tiến, thu lấy tiền tài của dân vào mình. Vua nghe biết những việc ấy, Phạm Khắc Tuy bị cách chức, xích lại, giao đem tra ; bọn Nguyễn Công Hoán, Lương Quốc Quang, Vũ Vịnh, Trần Văn Luận bị giải chức và giao nghị tội cả. Thuộc tỉnh hạt : những viên phủ, huyện Lâm Thao, Phù Ninh, Sơn Vi, Thanh Ba và những viên đóng giữ trong các nơi ấy đều bị cách chức, tạt ngoại, đi bắt giặc.

Trước đây, xa giá đến tỉnh thành Hà Nội, quan tỉnh Sơn Tây đã đem dâng tiến phẩm vật. Tới đây, thường phát ra nhiều án. Vua nhân bảo Nội các rằng : “Bữa nọ, tỉnh Sơn Tây dâng tiến nhân sâm, vàng ngọc, lụa thêu, trầm cho rằng ngọc khuê không phải là vật dùng ở ngoài triều đình, mới sai thu nhận 1 chiếc để vui lòng người dưới, lại thưởng cho bạc lạng, còn mọi vật đều trả về. Nay phát ra án Trần Khắc Tuy, thì té ra những đồ đưa dâng đó đều là của vợ nhật, sách nhiễu. Cho đem ngay ngọc khuê vớt trả, còn bạc lạng đã thưởng bắt tất truy đòi làm gì, nhưng truyền Chỉ cho quan lại tỉnh ấy : trước đây tạ sự chia thu ở dân thì nay đều phải nhả ra để trả lại cả, nếu còn dám để mất một chút nào, việc phát giác ra, sẽ nghiêm xử tội thêm bậc, không tha”. Khi hai án nghị xử xong, tâu lên, Quốc Quang đã chết rồi, Công Hoán phải phát đi Hà Tiên đem sức làm việc chuộc tội. (Sau Hoán được

(1) Tục gọi làng Dám.

truy thụ Đại lý Tự khanh), Vĩnh phải phái đi làm binh ở đảo Phú Quốc (sau vì thám bắt được giặc phạm, khởi phục làm chức Tư vụ), Luận bị cách chức, sai đi ra sức nã bắt lũ phạm. Còn Tuy bị xử giảo giam hậu.

Dùng : Thống chế dinh Tiên phong Trần Hữu Lễ quyền lĩnh chức Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên ; Quang lộc Tự khanh, Biện lý bộ Hộ Bùi Phụ Phong quyền lĩnh Bố chính Sơn Tây ; thự Lang trung bộ Hình Phan Hiến Đạt quyền lĩnh Án sát Sơn Tây ; Vệ úy vệ Loạn giá Tôn Thất Đàm quyền lĩnh Lãnh binh Sơn Tây. Lại đặt thêm một chức Phó lãnh binh, bổ thụ Vệ úy vệ Bắc Ninh Nguyễn Hữu Diệu làm chức ấy. Bọn Lễ vào từ biệt vua để đi, vua bảo rằng : “Trước đây, Nguyễn Công Hoán làm việc sai trái, để dân bị khổ. Nay dẹp cướp, yên dân là những việc rất cần làm trước. Bọn ngươi nên hết lòng làm việc, để xứng đáng với nhiệm vụ đã giao cho. Chớ nên hơi có một chút ý kiến : “Quan Kinh triệu 5 ngày không làm kịp việc”⁽¹⁾.

Ty Tam pháp tâu lên rằng : Từ Quảng Trị trở ra Bắc, đến Hà Nội, nhân dân nộp đến 4.000 lá đơn. Vua thấy án từ rất nhiều, pháp ty khó lòng làm chóng xong được, bèn sai Đông các Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Hình Vũ Xuân Cẩn sung chức Khâm sai đốc lý tra biện án kiện đại thần, Hữu thị lang bộ Lễ Hoàng Tế Mỹ sung chức Khâm sai phó biện đại thần, cấp cho cờ, bài ; Hồng lô Tự khanh Bùi Nhật Tiến, Lễ khoa Chương án Cấp sự trung Phan Văn Xưởng, Công khoa Chương án Cấp sự trung Đặng Quốc Lương, Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ Trương Hảo Hợp đều sung chức tùy biện. Ngay tại Hà Nội, đặt 1 nha thự để làm chỗ tra xét, làm việc. Những đơn kêu của dân các tỉnh từ Ninh Bình ra Bắc đều giao Khâm sai đại thần xét xử. Những đơn kêu của dân từ Quảng Trị đến Thanh Hoá thì do pháp ty chiếu lệ xét bàn. Trương Hảo Hợp sau đó được triệu về Kinh, dùng viên thự Công khoa Chương án Cấp sự trung Trần Thiện thay thế.

Sai hữu ty chế tạo 2 quả ấn khâm sai quan phòng bằng ngà để sẽ ban cấp cho chức Khâm sai dùng làm việc (1 quả dài 1 tấc 5 phân, rộng 1 tấc, núm ấn thẳng, mặt ấn khắc những chữ Khâm sai đại thần quan phòng ; 1 quả vuông 6 phân 3 ly, mặt khắc 2 chữ “Khâm sai”).

Sai Hiệp biện Đại học sĩ Lê Đăng Doanh quyền giữ ấn của bộ Hình đã mang đi, Tả tham tri bộ Lễ Lý Văn Phúc quyền giữ ấn của Đại lý tự. Dùng Tiên hồ đại

(1) Ý nói : nhậm chức không được lâu. Theo sách *Hán thư* : Trương Xưởng làm quan Kinh triệu Doãn, bạn thân với Dương Uẩn, khi Uẩn có tội bị giết, các quan trong triều tâu hặc Xưởng. Khi ấy Xưởng sai 1 viên thuộc lại xét nghiệm 1 việc án, viên thuộc lại không chịu làm và nói : “Nay quan Kinh triệu chỉ còn tại chức độ 5 ngày thôi, còn xét đâu được việc án !”. Xưởng liền bắt giam viên thuộc lại. Xét xong, trị tội viên ấy và hỏi : “Quan Kinh triệu 5 ngày có làm được việc không ?”.

thần Tôn Thất Đường thay Trần Hữu Lễ sung chức Tiên đạo đại thần, thống quản 2 đạo biên binh, theo hầu vua.

Chọn những thứ quả thổ ngơi ở Bắc Kỳ, cho chạy trạm đưa về Kinh để chuẩn bị dâng cúng ngày lễ Hạ hưởng.

Sứ Thanh là Bảo Thanh đến công quán Gia Thụy, Bảo Thanh từ khi qua cửa ải, phàm những chỗ sứ đi qua đều được tiếp đãi rất hậu, những nơi quán xá để sứ vào ở đều kết hoa treo đèn ở ngoài cửa. Thanh thấy đường sá sửa sang, thành quách bền vững, quân dung nghiêm chỉnh, dân cư đông vui, khen ngợi tấc tấc không dứt. Khi vào tới công quán, Thanh hỏi Trần Văn Trung rằng : “Quán xá này, sau khi làm lễ xong có còn để nguyên như cũ không ?”. Trung đáp : “Xong việc thì triệt bỏ đi ngay”. Thanh nói : “Như vậy há chẳng uổng mất bao nhiêu công khó nhọc và phí tổn ?”. Trung đem lời ấy về tâu. Vua nói : “Hắn thật là người chất phác !” Liền sai bộ Lễ đem những chi tiết về lễ bang giao đưa Thanh duyệt coi để kịp tới ngày tốt làm lễ.

Sai bọn đại thần Nguyễn Văn Trọng, Trương Đăng Quế, Mai Công Ngôn đem hết mọi việc nên làm trong khi hồi loan, trước kỳ, tâu lên để cho làm. Vua dụ rằng : “Năm Minh Mệnh thứ 2, thánh giá ra Bắc, khi hồi loan chỉ đi có 10 ngày. Lần này trở về cũng nên ngày đêm đi gấp đường, song những bề tôi huân cựu nhiều tuổi, không nên để phải mệt nhọc quá, chuẩn cho thay đổi lên hầu, còn thì cứ đi từ từ, để tỏ ý thể tất”.

Sai đại thần trong Kinh và ngoài tỉnh liệu tính việc làm thuận tiện về sông Cửu An. Trong năm Minh Mệnh, vỡ đê Tử Quát, Nhuế Dương ở tỉnh Hưng Yên, triều đình nhân thế, khơi rộng sông Cửu An, lại đắp đê ở tả ngạn, khó nhọc, tốn phí rất nhiều. Ba huyện Phù Cừ, Tiên Lữ, Kim Động ở về hữu ngạn, hàng năm bị ngập lụt, làng mạc tiêu điều. Đến nay dân 3 huyện ấy kêu xin lấp cửa sông lại để phòng bị cho sự làm ruộng. Vua bảo quần thần rằng : “Trăm câu xét việc chính trị, cốt ở nuôi dân. Nay từ Kinh ra Bắc, làng mạc đều yên, duy trong một hạt Hưng Yên có 3 huyện Phù Cừ, Tiên Lữ, Kim Động, đất tiếp giáp với hạ lưu sông Nhị Hà, mỗi khi đến mùa thu nước lớn, thường bị tràn ngập. Trăm để ý nghĩ đến sinh kế của dân, rất lấy làm thương xót”. Bèn sai bọn đình thần tùy giá và những đốc, phủ, bố, án, hiện về triều yết, thay lượt đi khám cho rõ, tính kỹ rồi tâu lên, đợi Chỉ sửa định. Đình thần và các quan địa phương đi khám xét, về tâu rằng : “Sông Nhị Hà chảy thông trên từ sông Thao, sông Đà qua các hạt Sơn Tây, Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên rồi đổ ra cửa biển Nam Định, từ trên chảy xuống rất xa, lại vì nước sông đem phù sa đi, dễ làm cho bồi lấp. Từ thượng lưu trở xuống, có từng đoạn bồi thành cồn đồng, có từng chỗ nhánh sông bị lấp. Hơn nữa, địa thế ngày một mở dần, các cửa biển Nam Định

bị bồi dần thành ra nông, thế nước trở lên dôn dập, cho nên đề điều thường bị vỡ là thế tất phải như vậy. Nay muốn vét sông cho nước chảy thông đồng, tất phải theo từ đầu đến cuối, nhân thế nước mà làm cho chảy xuôi, mới chắc vĩnh viễn không có thủy hại được. Vậy chẳng những chỉ nên đem công sức làm ở một hạt Hưng Yên mà thôi. Duy cần nhắc cho được hợp với việc làm hoãn, kíp, trước sau, xin tạm đáp một cái đập ngang ở sông Cửu An để giữ cho lúa mạ mùa hạ, đợi đến sau kỳ nước lớn mùa ấy, sẽ do quan các tỉnh Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên, Nam Định và Hải Dương chiếu từ sông Nhị Hà đến các cửa biển, hết thủy các đường sông chỗ nào nên khơi, chỗ nào nên vét để làm cho có thể chia thế và rút sức nước sông, cùng là sông Cửu An nên làm thế nào cho được mười phần thoả đáng, hội đồng trừ tính cách làm, đợi ý trên sửa định”.

Vua phê bảo rằng : “Chính sách trị sông, từ xưa vốn là khó, hướng chi là việc rất quan hệ về đường sinh kế của dân, coi qua một lần biết hết thế nào được địa dư, các viên quan to nên hết lòng bàn định từ từ mới được”.

Chưa được bao lâu, bọn Tổng đốc Hà - Ninh Phạm Hữu Tâm, thự Tổng đốc Ninh - Thái Nguyễn Đăng Giai, Hộ đốc Hải - An Trần Văn Trung, Hộ đốc Định - Yên là Hà Thúc Lương, thự Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Đình Tân, Bố, Án Sơn Tây là Bùi Phụ Phong và Phan Hiến Đạt cùng đứng tên tâu lên rằng : “Trước đây nhiều lần kiến nghị, có người xin vét sông Nguyệt Đức, có người xin khơi sông Thiên Đức, có người xin khơi sông Cửu An, chắc cũng không phải là không có ý kiến. Nhưng, trước khi sông Cửu An chưa khơi, dòng sông Nhị Hà đã có 1 nhánh từ ngã ba sông Luộc chảy ra cửa biển Thái Bình ; sau khi sông Cửu An đã khơi, lại do chi sông ấy chảy ra cửa biển ấy, thành ra đến kỳ nước sông lên to, vẫn ứ đọng lại như trước. Sông Nguyệt Đức tuy phát nguyên từ thượng lưu tỉnh Lạng Sơn, khoảng giữa hợp với sông Đông Mỏ, nhưng lâu nay nông hẹp, chia chảy bớt nước không được là mấy. Duy sông Thiên Đức tiếp với đoạn giữa sông Nhị Hà, thông ra sông Lục Đầu rồi chia chảy ra các cửa biển Đồ Sơn, Bạch Đằng, Ngải Am, Thái Bình, nếu được một loạt lưu thông, dôn chảy sang phía đông thì nước sông Nhị Hà tất có thể chia bớt. Những chỗ cửa sông ấy đã bị những cồn cát che ngăn, khơi rồi lại lấp. Vậy xin dời chéch cửa sông sang xã Phương Trạch ở bờ bên đông để thu hút nước sông (dài 220 trượng) ; còn ở trong sông cũ chỗ nào sông cong queo thì lựa đào cho thẳng (1 đoạn từ Cổ Thiết đến xã Lạp Ái dài 400 trượng), chỗ nào nông hẹp thì khơi thêm, ước tính tiền thuê công đến hơn 30 vạn quan. Xin lượng sai các tỉnh Sơn Tây, Hải Dương, Nam Định, Hà Nội cùng với tỉnh Bắc hội hợp khai đào. Trước kỳ làm việc, xin chọn phái viên quan to làm Đồng lý đi đến đôn đốc công việc. Hạn định là 2 năm”.

Vua coi tâu, nói rằng : “Lời bàn cũng được hợp lẽ, duy việc này quan hệ đến kế lớn hàng nghìn vạn năm, cần phải trừ tính nhiều lần mới thu được thành hiệu”. Bèn

sai đình thần chọn cử văn, võ mỗi ban 1 viên hàm nhị, tam phẩm sung chức Khâm sai trừ biện hà công đại thân, đi tới Bắc Ninh, hội đồng xem xét. Ngoài ra, hoặc có ý kiến gì, cho làm giấy tâu về, đợi vua sửa định”.

Sau đó, vua lại dụ rằng : “Chính sách trị hà, từ xưa đã cho là khó, một phen khơi đào, công trình có quan hệ, lợi hại không phải nhỏ, há nên vội làm khinh dị”. Hướng chi, gần đây, nhân cũ sửa trị, nhờ trời mền tựa, đều được yên lành, nay nếu vội khởi công làm lại, thì công việc nhiều và nặng, có thể chưa thấy lợi gì mà làm cho sức dân mệt nhọc, không hợp với cái ý yêu dân, trọng nông. Về việc khơi đào đường sông, đợi sau bàn dân mới phải. Những viên quan Kinh phái đi, cũng tạm đình lại”. Ngay sau đó, quan tỉnh Hưng Yên tâu xin đắp đập ngang ở cửa sông Cửu An, để lấp hẳn chỗ cửa ấy, vua y theo lời xin. Từ đó, dân ở hữu ngạn (sông Cửu An) mới được yên vui một chút.

Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn tâu rằng : “Đơn kêu của dân các hạt, tình lý phần nhiều rắc rối. Nay xin : phạm việc thuộc về dân chính đều giao về quan sở tại nghĩ xử để cho đỡ bớt án tù”. Vua nói : “Người là viên quan lão thành từng trải, trăm vốn đã biết. Một số công việc này, nay đem giao cho người, nên nhất thiết giữ cho công bằng, trung thực, không làm quá lạm, cũng không dung túng ai, để cho xứng với ý trẫm”.

Ngày Bính Tý. Làm lễ sách phong. Sáng sớm hôm ấy trần thiết đại giá, lỗ bộ ở sân điện Long Thiên. Từ trong, ngoài cửa Chu Tước đến bến sông Nhị Hà, binh, voi bày hàng, trên thành, cờ xí rực rỡ, nghi vệ nghiêm chỉnh. Các phố xá đều kết hoa, đặt án, cắm hoa, đốt hương ở trước cửa. Vua đội mũ cửu long, mặc áo hồng bào, đeo đai ngọc (trước đây, bộ bàn xin mặc hoàng bào, đến hôm ấy đổi mặc hồng bào, theo điển cũ), đến cửa Chu Tước đứng đợi. Hoàng tử thứ 2 và Tương An công Miên Bảo sung việc chỉnh lý đồ mặc của vua ; Thọ Xuân công Miên Định, Phú Bình công Miên An sung làm Ngự tiền thân thân ; Văn Minh điện Đại học sĩ Trương Đăng Quế sung làm Ngự tiền thị lập ; Hiệp biện Đại học sĩ Lê Đăng Doanh sung giữ nghi lễ ; Thống chế Tôn Thất Bật, Tổng đốc Mai Công Ngôn, sung làm Hộ tất đại thân ; Thống chế Nguyễn Trọng Tính, Vũ Văn Giải sung làm Thị vệ đại thân. Các quan văn, võ đều mặc triều phục, đứng hầu ở hai bên tả, hữu sân điện Long Thiên. Trước hết sai thân thân là Tổng đốc Thanh Hoá Tôn Thất Lương mặc áo bào tía, mũ măng, đi đến công quán Gia Thụy đón tiếp. Đến giờ Ngọ, sứ Thanh là Bảo Thanh đến, làm lễ sách phong. Kiến An công Đài, Định viễn công Bính cùng sung vào việc nhận sắc Lễ. Làm xong, mời Bảo Thanh để khoản đãi nước trà. Bảo Thanh từ chối, vua sai đưa về công quán nghỉ ngơi.

Ngày Đinh Sửu. Làm lễ Dụ tế ⁽¹⁾ ở điện Thị Triều. Sứ Thanh là Bảo Thanh đã đem 50 tấm lụa tế, 100 lạng bạc thay lễ phẩm kính đưa trước. Vua lại sai hữu ty chính bị thêm lễ vật nữa. Vua mặc lễ phục đến trước nơi thần ngự ⁽²⁾, kính cáo trước. Khi sứ Thanh đến, vua sai Định Viễn công Bính và Diên Khánh công Tấn bưng rượu, Đông các Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn bưng tờ dụ ⁽¹⁾, Thượng thư Nguyễn Trung Mậu và Phan Bá Đạt bưng hương, Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai, Thống chế Tôn Thất Đường, Tham tri Lý Văn Phúc, Lê Bá Tú, Bùi Quý, Thị lang Nguyễn Trạch bưng lụa [cùng dâng tế]. Lễ xong, Bảo Thanh chấp tay cúi đầu lui ra, vua cũng đưa tay lên trán để đáp lại.

Bảo Thanh từ khi vâng mệnh sang đây, phàm việc gì cũng nhất thiết theo điển lễ nước ta. Những viên thông dịch theo sang hầu đều giữ đúng phép hết thủy. Vua rất lấy làm khen, đưa tặng rất hậu. Bảo Thanh chỉ nhận có 8 thứ (1 chiếc tề giác dát hoa bằng vàng, 1 đôi tề giác, 2 cân kỳ nam, 10 cân trầm hương, 1 cặp ngà voi, 2 cân nhục quế ; lụa, vải mỗi thứ 100 tấm). Vua lại sai bọn hậu mệnh sứ Đào Trí Phú đi tiễn Bảo Thanh ra cửa ải. Theo lệ cũ, lễ bang giao làm xong, vua ta sai sứ sang Trung Quốc đáp lễ. Năm nay, dự bị sai Hoàng Tế Mỹ, Bùi Nhật Tiến, Trương Hảo Hợp sang Thanh tạ ơn, nhưng sau tiếp được tin nhà Thanh báo rằng : để đến kỳ cống chính thức sau này, sang một thể. Bọn Mỹ không phải đi nữa.

- Thường kim tiền lớn, nhỏ cho những viên tổng đốc, đề đốc, tuần phủ, bố chính, án sát ở các địa phương ;

- Các viên quan ở địa phương mà đi tùy giá hay đến triều yết đều thưởng thêm kim tiền, đồ chơi quý báu, đồ mặc mùa xuân và hà bao gấm. Lại thưởng riêng đồ nhung trang cho các viên tổng đốc, hộ đốc và các lãnh binh hội duyệt [các quân];

- Thường kim, ngân tiền cho các viên bố, án, lãnh binh tại nha làm việc ở các tỉnh Bắc Kỳ, có thứ bạc ;

- Thường những quan viên các địa phương ngự giá đi qua, ban văn : đốc học, tri phủ, tri huyện, tri châu, giáo thụ, huấn đạo, thông phán, kinh lịch ; ban võ : quản vệ, thành thủ úy, suất đội : ngân tiền lớn nhỏ ; bát, cữu phẩm và những người hậu bổ : tiền lương tháng ;

- Thường tiền lương, tiền cấp tháng cho những nhân viên ở từ Quảng Trị ra Bắc đến Hà Nội và ở các hạt xa, thuộc Bắc Kỳ ;

(1) *Dụ tế* : đây là lễ tế do vua nhà Thanh làm tờ dụ, sai sứ thần mang sang tế diếu vua Minh Mệnh.

(2) *Thần ngự* : nơi bàn thờ Minh Mệnh.

(1) Tức là tờ dụ của vua Thanh.

- Thường những viên thổ ty, thổ mục ở các trực các tỉnh : người nào đến chiêm bái thì được kim tiền, ngân tiền và đồ mặc ; người nào tại chức thì được ngân tiền ;

- Thường bạc lạng và ngân tiền cho các quan viên hưu trí, hưu dưỡng, hiện đến chiêm bái và thân phụ các viên quan được ân phong ở các tỉnh, có thứ bạc ;

- Thường ngân tiền cho các tiến sĩ, cử nhân tại quán ở các tỉnh hiện đến chiêm bái, có thứ bạc ;

- Thường kỳ lão các tỉnh đến chiêm bái : 100 tuổi trở lên, thường kim tiền ; 70 tuổi trở lên, thường ngân tiền.

- Thường đồ mặc, kim tiền, ngân tiền, bạc lạng cho những người nhiều tuổi, những viên chức trong làng quê hương vua ;

Thự Hữu tham tri bộ Lại Vũ Đức Khuê, Bó chính Nam Định Nguyễn Quốc Hoan và Lãnh binh Hà Nội Phùng Hữu Hoà có tội, bị miễn chức. Trước đây, hôm làm lễ tuyên phong, sứ Thanh là Bảo Thanh vào thẳng cửa Chu Tước, bị Thọ Xuân công Miên Định thét bắt dừng lại, Bảo Thanh mới chịu xuống kiệu. Vua cho rằng bọn Khuê đều sung việc hợp tiếp, không chịu đi theo sứ Thanh để chỉ bảo, thành ra họ tới lui trái phép, bèn sai giao bộ Hình nghiêm nghị. Khi án xét xong dâng lên, Hoà bị giáng làm Phó lãnh binh Hà Nội, Khuê và Hoan đều bị giáng xuống hàm thất phẩm, theo bộ sai phái. Khuê rồi bị ốm chết, truy tặng hàm Lang trung.

Thường thêm cho dân phu tỉnh Lạng Sơn 750 quan, vì 2 hạt ấy là đường sứ Thanh đã đi qua.

Dem nhật kỳ hồi loan bá cáo cho trong ngoài đều biết. Dụ rằng : “Trẫm kính theo phép tốt, xa giá Bắc tuần. Nay điển lễ lớn đã khánh thành, trăm việc đều chỉnh bị, định đến ngày 29 tháng này hồi loan tiến Kinh. Bá cáo rộng khắp để mọi người đều biết”.

Ngày Mậu Dần. Vua do đường thuỷ hồi loan : từ bến Đồng Nhân bắt đầu quay lái đi qua 4 sở hành cung : Mễ Sở, Nhuế Dương, Hưng Yên và Đội Sơn (cộng thành 134 lý).

Bộ Hộ tóm biên làm tập “*Bắc tuần ân điển*” gồm 32 điều :

- Thường những người tùy giá từ hoàng thân, đại thân đến các quan tứ, ngũ phẩm : vàng, bạc, tiền thóc, nhung trang áo xiêm có thứ bạc ;

- Thường những quan viên tùy giá từ lục phẩm trở xuống : tiền, thóc và lạng bạc lạng ở kho thay cấp đồ mặc.

- Thường binh sĩ tùy giá : tiền, gạo, trâu rượu ăn khao ;

- Thường tiền, gạo cho những người theo hầu các quan viên đi tùy giá ;

- Miễn tiền đầu lĩ và tiền cước về thuế đinh, thuế ruộng và hết thầy mọi việc sai dịch trong 1 năm cho quý huyện ⁽¹⁾ ; lại thưởng chung cho bạc lạng, tiền, lụa, trâu, rượu ;
- Từ Quảng Trị ra Bắc, những chỗ sửa sang nhà hành cung cho chí cầu, đường đều cấp cho hơn giá, lại riêng thưởng tiền nữa ;
- Thuởng kim, ngân tiền cho những viên bố, án, lãnh binh và bọn quản vệ, cơ, phủ, huyện, lại dịch đôn đốc việc khơi nạo đường sông ở Thanh Hoá, Ninh Bình, và thưởng tiền cho tất cả các dân phu làm việc ấy, có thứ bạc ;
- Thuởng tiền cho các trạm chạy giấy trên đường thuỷ, đường bộ ;
- Thuởng tiền cho các dân phu trạm phụ ở 2 tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn ;
- Thuởng tiền lương 1 tháng cho những viên suất đội coi binh ở Kinh chia đi làm việc sửa sang các trạm ;
- Thuộc các tỉnh từ Quảng Trị ra Bắc, những xã thôn bên dọc đường đặt hương án chiêm bái, đều thưởng tiền cả ;
- Thuởng tiền lương cho biên binh các hạt ở Bắc Kỳ đã phái đi theo việc sứ, có từng bạc ;
- Thuởng tiền cho những biên binh tại ngũ và đi đóng ở các tỉnh ; lại sẽ thưởng cấp riêng những biên binh đã đi ứng duyệt ;
- Những chỗ đền miếu, lăng tẩm của đế vương các triều đại trước và những thần sông núi đều sai quan đến tế 1 đàn ;
- Tha bớt 4 phần 10 tiền thuế thân và đầu lĩ trong năm nay cho phủ Thừa Thiên và tỉnh Hà Nội ;
- Tha bớt 5 phần 10 những thuế tiền gạo về đầu lĩ, cước phí trong năm nay cho tỉnh Thanh Hoá và về số thóc bán cho khi trước, còn để thiếu chưa nộp thì, rộng miễn cho 3 thành ; những thuế còn thiếu đọng rộng miễn cho 5 thành ;
- Những tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hưng Yên, chỗ nào xa giá có đi qua trong năm nay, những tiền, gạo về thuế thân, đầu lĩ, điệu ⁽²⁾, cước đều tha bớt 3 phần 10 ;
- Những tỉnh Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An thiếu đọng thuế bạc đều rộng miễn cho 3 thành ;

(1) *Quý huyện* : tức huyện Tống Sơn thuộc Thanh Hoá, quê hương nhà Nguyễn.

(2) *Điệu* : một trong ba thứ thuế mà phong kiến Việt Nam phỏng theo chế độ thuế khoá tô, dung, điệu đời Đường bóc lột nhân dân : bắt những hộ làm nghề dệt phải nộp hiện vật như vải, lụa, vân vân ; nếu không thì phải nộp thay bằng tiền.

- Những tỉnh Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Yên, trong năm nay những thuế tiền, gạo về thuế thân, đầu lỏi, điệu, cước đều tha bớt 2 phần 10 ;

- Những xã, thôn bị khốn đốn lâu ngày ở về các hạt Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Yên còn thiếu bạc, tiền, sản vật, về lệ thuế cũng đều khoan miễn cho 3 thành ;

- Toàn hạt Bắc Ninh hiện chưa nộp đủ số thóc bán cho khi trước, nay cho hoãn đến sang năm sẽ thu ;

- Đối với 3 huyện Phù Cừ, Tiên Lữ, Kim Động thuộc tỉnh Hưng Yên, lệ thuế tiền gạo về thuế thân của nhân đinh, đầu lỏi, điệu, cước, lại gia ơn khoan miễn cho 2 thành nữa).

Vua coi, nói rằng : “Bang giao là điển lễ vui mừng, làm việc mừng, ra ơn huệ, lễ nên như thế. Hướng chi nhà vua vui được thánh thọ thêm tuổi, góp những phúc của thiên hạ để làm phúc, hợp sự vui của thiên hạ làm vui chung, dầu bỏ ra hàng nghìn, hàng vạn cũng không tiếc. Lại được bề tôi kính thuận, dân theo trị hoá, còn gì vui bằng !”.

Cấm [đi lại] đường tắt núi Hải Vân. Ở Hải Vân quan dọc núi chạy dài, đường nhỏ nhiều ngã, những kẻ trốn tránh phần nhiều do đó lên đi. Bèn sai Kinh doãn và quan tỉnh Quảng Nam khám lại ở những chỗ giáp giới, đều sai lấp bằng đất đá, mỗi chỗ rộng 100 - 200 trượng, trồng chặn ngang những thứ cây gai gốc để lấp lối kẻ gian lẩn lút. Người nào lên qua chỗ ấy sẽ bắt tội.

Tỉnh Hà Tiên tâu rằng : “Hơn 30 chiếc thuyền giặc còn chia đổ linh tinh ở các hòn đảo Quảng Biên, Phú Quốc, chưa biết chúng định làm trò gì !”. Vua nói : “Chúng chẳng qua lẩn躲 ở nơi cùng đảo, làm ra cái hình thái đáng ngờ ở ngoài xa đó thôi, há dám lại đến nộp mạng ?”. Ngay sau đó, quả nhiên thuyền giặc trốn xa. Vua nói : “Trẫm đã biết chúng bị thua một trận vùi dập hết rồi !”. Nhân sai bọn Lương Văn Liễu sức ngay cho Mai Văn Tích lại đặt đồn sở ở Phú Quốc, chiêu dụ cư dân lại trở về làm ăn yên nghiệp. Những biên binh trước phái đi bắt giặc, lựa để [một số] lại phòng giữ, còn đều cho về An Giang đóng nghỉ. Những chiếc thuyền Hải vận bọc đồng cũng đều đem về Gia Định cả. Vua lại cho rằng thuế hạt Hà Tiên, lam chương rất nặng, quân, dân phần nhiều bị cảm nhiễm, bèn sai các tỉnh Gia Định, An Giang, Vĩnh Long, Định Tường đều chở thuốc sang để cấp phát cho.

Quở trách ty Loan giá cảnh tất. Dụ Nội các rằng : Ty Loan giá đặt ra là để chinh bị nghi về xe kiệu và nghiêm túc về việc cảnh tất ⁽¹⁾. Trước đây viên Suất đội

(1) Cảnh tất : Xem chú thích ở quyển trước.

Trần Ngọc Linh tiếp hộ nghi trượng xe, lọng cho sứ Thanh không làm chính bị được trước kỳ hạn. Việc ấy quan hệ về quốc thể, sao được chậm, lỡ như thế ! Hướng chi [lại để] những binh tùy giá phần nhiều chậm, thiếu. Vậy chức vụ viên ấy ở đâu?”. Liễn sai cách chức Linh và thông sức cho các đội, ty.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XIX

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Nhâm Dần, Thiệu Trị năm thứ 2 [1842], mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1. Làm lễ Hạ hưởng. Lưu Kinh hoàng tử và các hoàng thân đều vâng mệnh vua, làm lễ. Giờ Ngọ hôm ấy, thuyền ngự đến hành cung Đoan Vĩ. Quan tỉnh Ninh Bình, bọn Nguyễn Văn Nhị, xin vua ngự chơi núi Địch Lộng, thưởng phong cảnh đẹp. (Núi ở huyện Gia Viễn, nhân động núi làm chùa, gọi là chùa Cổ Am, phong cảnh thiên nhiên, có tiếng là nơi danh thắng). Vua nói : “Tìm thú, thăm cảnh, không phải là việc lúc này”. Liễn sai ba quân nghỉ trưa, đợi đến chiều tiến lên bến sông tỉnh thành. Lại sai giám thành theo kiểu chùa Cổ Am vẽ thành đồ bản dâng coi. Vua bảo Nội các rằng : “Chùa này là chỗ phúc địa của nhà Phật, năm Minh Mệnh thứ 2, thánh giá tới coi, năm thứ 3, ban thưởng tượng Phật, chia cấp bạc lạng chuẩn cho sung vào việc thờ ; ngôi chùa được lưu vẻ rạng rỡ. Nay trăm do đường thuỷ hồi loan, đi qua chùa này, tưởng nhớ đến dấu cũ, vậy cấp cho tiền 100 quan”.

Ngày Canh Thìn. Vua vào hành cung tỉnh Ninh Bình, sai các viên đốc, phủ, bố, án ở Bắc Kỳ đi tuý giá đều trở về tỉnh để cung chức, tuyên triệu đến trước mặt, ban cho nhân vàng, ngọc bội màu sắc, khuyên bảo cặn kẽ. Lời dụ rằng : “Đạo làm chính trị cốt ở nuôi dân ; cách võ vè, gìn giữ dân không gì hơn sửa mình trước. Cây nêu ngay thì bóng thẳng, nguồn nước sạch thì dòng trong, thật chẳng ra ngoài 8 điều của sách *Đại học*, 2 chữ của đạo Trung dung, theo đó mà sửa mình, lo việc dân, ứng tiếp nhân vật, trung vua, yêu nước, vinh thân, nổi tiếng, thế là tới được chỗ chí thiện đó.

Người xưa đã nói : “Vua phải biết cái khó về đạo làm vua, bề tôi phải biết cái khó về phận làm tôi”. Các người chớ bỏ qua mệnh trẫm, lúc nào cũng phải giữ yên cho dân để được chịu ơn nước lâu dài, thì còn gì vui bằng !”. Lại cho một bài thơ (chép rõ ở “*Thánh chế Bắc tuần thi tập*”) và bảo rằng : “Bài này không ngoài 4 chữ *trung, tín, thanh, cần*, các người nên ghi vào dạ không để nhãng mất, mới phải”.

Ngày Tân Ty, ngự giá đến An Kiều, đi thuyền theo đường cảng. Trong cảng những chỗ trước đây nông hẹp, quan tỉnh đã đốc sức binh dân khơi nạo lưu thông, khi thuyền vua qua, một mạch đi mau, vua ban khen, chia hạng thưởng cấp cho mọi người có thứ bậc. (Bàn định công việc : Bớ chính Nguyễn Văn Nhị, thưởng ngân tiền lớn, nhỏ mỗi hạng 1 đồng ; trước sau đốc làm : Án sát Trần Trứ, Lãnh binh Nguyễn Ngọc Nghĩa, mỗi người thưởng 1 đồng kim tiền Bát bảo, ngân tiền lớn, nhỏ mỗi hạng 1 đồng ; những người chuyên coi việc làm : Thự Quản cơ Nguyễn Văn Đoan, thự Phó quản cơ Ngô Đức Chính, Tri phủ Nguyễn Thế Khả, Nguyễn Thế Bảo, Tri huyện Ngô Đặng Quang, Nguyễn Liêm, Lê Quang Huân, đều thưởng ngân tiền lớn nhỏ mỗi hạng 1 đồng ; những cai đội, đội trưởng theo làm việc, đều thưởng 1 đồng ngân tiền hạng lớn ; những lại, dịch đều thưởng 1 đồng ngân tiền hạng nhỏ. Ngoài ra, những người tiếp tục làm sau cũng đều thưởng 1 đồng ngân tiền nhỏ. Dân đinh thì thưởng tiền 700 quan, do quan tỉnh ấy chia cấp).

Ngày Nhâm Ngọ, đi tới hành cung Đông An. Quan tỉnh Thanh Hoá, bọn Vũ Doãn Cung, đón yết, nhân xin vua ngự giá đi thăm các động Lục Vân, Bích Đào. (Tục truyền : Từ Thức, người đời Trần, lên tiên ở chỗ ấy). Vua nói : “Không phải là cái thích, hà tất lên xem !”. Liền sai đi tiếp, qua phận sông Hà Trường. Quan tỉnh thấy đường sông này nông, hẹp, đã đốc suất quân dân ra sức khai nạo, lại đắp đập để chứa nước, nên thuyền đi không trở ngại. Vua khen thưởng, cấp ngân tiền cho mọi người có thứ bậc (những người đốc sức làm việc : Bớ chính Vũ Doãn Cung, Án sát Phạm Khắc Trạch đều thưởng 1 đồng kim tiền Bát bảo, ngân tiền lớn, nhỏ mỗi hạng 1 đồng ; những người bàn định làm việc : Phó lãnh binh Phan Tùng, thưởng 1 đồng kim tiền Bát bảo ; những người chuyên coi việc làm : Phó vệ Hồ Bảo, Tri huyện Phạm Đình Trạc, thưởng ngân tiền lớn, nhỏ mỗi hạng 1 đồng. Những nhân viên theo làm việc, đều thưởng 1 đồng ngân tiền. Những dân phu làm việc, thưởng tiền 500 quan, giao quan tỉnh chia cấp).

Ngày Quý Mùi. Ngự giá đến Thanh Hoá, sai Tổng đốc Tôn Thất Lương làm lễ kính tạ Nguyễn miếu, Phó sứ ty Từ tế Tôn Thất Đắc kính tạ miếu Trùng quốc công.

Khao thưởng cho quân sĩ đi theo. Các hạng biển binh hiện đi theo và những binh các tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh đều chiếu số, khao thưởng một lượt. (Phàm những quan, quân hiện đi theo, có ai bị bệnh, cho tỳ ở chỗ lưu ngụ điều dưỡng).

Ngày Giáp Thân, ngự giá đến hành cung bên sông Lam, tỉnh Nghệ An. Hôm ấy, nắng quá. Các quân đều ra sức dần bước tiến đi ; vua khen, sai chiếu số binh đi theo, khao thưởng một lượt. Từ đội trưởng theo hầu cho chí các binh lính đều phân biệt thưởng cấp tiền. (Những người tùy giá từ tỉnh Hà Nội, đều thưởng tiền 1 quan, tùy giá từ Thanh Hoá, thưởng 5 tiền).

Ngày Ất Dậu. Ngự giá đến hành cung tỉnh Hà Tĩnh. Thổ ty 2 huyện Cam Môn, Cam Cát tiến một con voi đực, sai thu để nuôi và cho 50 lạng bạc. Ngày Bính Tuất, qua núi Hoàng Sơn. Ngày Đinh Hợi, đến hành cung tỉnh Quảng Bình.

Ngày Kỷ Sửu. Ngự giá đến tỉnh Quảng Trị. Các quan, viên hưu trí và các kỳ lão thuộc hạt kính đợi chiêm bái. Sai Tuần phủ Đặng Đức Thiệm cho những người ấy đến bờ sông đợi vua đi qua thì bái vọng. Lại sắc cho bộ Hộ chiếu xem những người nào chưa dự thưởng lần trước thì theo lệ thưởng cấp cho.

Ngày Canh Dần. Ngự giá đến Kinh sư. Trước ngày, các quan đã ra đón yết ở ngoài thành Trấn Bình đài. Vua đi chiếc thuyền lớn, do đường thủy Đông Thành vào, trước hết yết điện Hiếu Tư, rồi lại do cửa Địa Bình đến kính yết cung Từ Thọ, lạy mừng. Sau đó, ngự về điện Cần Chính. Lưu Kinh hoàng tử và các đại thần vào lạy, kính đem cờ, ấn nộp lại. Hôm ấy, trên kỳ đài treo cờ khánh hỷ các màu sắc. Trong, ngoài Kinh thành, ai nấy đều vui mừng.

Ngày Nhâm Thìn. Vua thân đến điện Hiếu Tư, làm lễ kính tạ, kính cáo về việc lễ bang giao đã làm xong.

Ngày Quý Ty. Sai hoàng tử thứ 2 đến điện Hiếu Tư làm lễ ăn tiến. Hôm ấy, vua lại đến cung Từ Thọ, làm lễ mừng sức khoẻ ; lễ xong, vua về ngự điện Cần Chính. Lưu Kinh hoàng tử, hoàng thân, đại thần và văn võ bách quan vào làm lễ lạy mừng.

Lập đàn chay ở chùa Thiên Mục. Dụ rằng : “Năm nay đại giá Bắc tuần, đường đi qua 9 quận, trước ngày khải loan, trẫm ở trong cung, mặt cầu trời, tổ ban phúc khiến cho Thánh tổ mẫu Thái hoàng Thái hậu ta lành mạnh, đó là điều mong ước nhất. Từ đầu xuân khải loan đến đầu hạ hồi tất ⁽¹⁾, thường thường nhận được tin mừng ở Kinh : Thánh từ ngày càng mạnh khoẻ. Vả lại, lúc đi thì mùa xuân tạnh ráo đón xe ra, lúc về thì mùa hạ thuận tiết hộ vệ đường về, trẫm thấy trong mình càng khoẻ, những người đi theo cũng đều được lành mạnh. Nay cờ rồng đã tiến về Kinh, kính yết Từ cung, bà cháu sum họp vui vẻ ; tới triều, các quan tấp nập mừng vui, lòng trẫm mừng rỡ không kể xiết ! Vậy lập đàn cầu phúc, sai thự Thống chế dinh Kỳ võ Tôn Thất Đường, Thị lang bộ Lễ Trương Quốc Dụng coi việc ấy”.

Lại sai các tỉnh từ Quảng Trị ra Bắc làm lễ tế các thần kỳ có dự ở trong tự điển, mỗi đền thờ 1 đàn.

(1) Hồi tất : xe vua trở về (nghĩa như hồi loan).

Ngày Bính Thân. Ban bố tờ chiếu hồi loan cho khắp trong, ngoài. Trước đây, bộ Lễ tâu xin chiếu theo lệ năm Minh Mệnh thứ 3 : đặt lễ đại triều rồi ban hành tờ chiếu bố cáo. Vua nói : “Năm Minh Mệnh thứ 3, lễ để tang đã hết, nay hãy còn ở trong [hạn để tang] 27 tháng, sự thể không giống trước”, cho đình việc thiết triều và cứ đem tờ chiếu bố cáo ra.

Lời chiếu rằng : “Trẫm nghĩ : Xét địa phương, xem phong tục, thiên *Vương chế* đã bày ra 10 điển ; bàn tín nghĩa, gây hoà hảo, sách *Chu lễ* đã chép đủ 9 nghi ⁽¹⁾, đều cốt để hoà với các nước và định mệnh lớn. Trẫm kính nối nghiệp xưa, noi giữ phép lớn, theo sự được nghe, ghi lời đạo đức, lo sâu xa, tính mật để nối sáng người xưa, xem xét chế độ, kính cẩn việc làm, nghĩ nối chí theo việc tức là đạo hiếu. Vì thế, kính tuân hiến pháp sẵn định, làm việc bang giao. Ngày 22 tháng giêng năm nay, xa giá Bắc tuần, ngày 18 tháng 2 đến hành tại Hà Nội. Cờ đi tới đâu cũng xét quan lại, chỉnh binh nhung, làm tốt, gia ơn khắp tới dân chúng. Già trẻ nơi làng mạc thấy bóng cờ đều mừng vui ; quan chức các địa phương họp lễ cống đến triều yết. Xét các lệ xưa nay để làm điển lễ, hợp mọi tình trên dưới để tiếp phúc trời. Lân này sứ Thanh vãng mệnh sang đây, trong khi tới, lui, kính cẩn theo lễ độ ; sự hoà thuận vui vẻ hợp với tình văn, quốc thể càng thêm tôn, thân dân đều mừng rỡ. Thật là nhờ về Hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế và Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta uy đức rộng khắp, nên được như thế. Ngày 28 tháng trước, lễ lớn khánh thành ; ngày 29 hồi loan ; ngày 12 tháng này, tới Kinh. Từ mình trẫm cho chí các hoàng đệ, hoàng thân và các quan đi theo, mọi sự đều được tốt lành cả. Nhận thấy sự được phúc lớn lao, khắp trong ngoài vui vẻ, lòng trẫm mừng, cảm kể sao cho xiết ! Ngày 14, đã thân đến kính tạ điện Hiếu Tư ; ngày 15, thân đến mừng sức khoẻ cung Từ Thọ ; ngày 17, thân đến kính tạ Thái miếu, sai quan đến kính tạ Triệu miếu ; ngày 18, thân đến kính tạ Thế miếu, sai quan đến kính tạ Hưng miếu. Nay ban chiếu khắp thiên hạ để vui lòng mọi người. Than ôi ! Nơi điển cũ để trọn việc thân thiện với nước khác, làm tỏ mưu mô, công nghiệp người xưa ; giữ phúc trước để tiến tới yên định cho dân sinh, cốt đón mừng vui lâu dài của vận mệnh. Bá cáo cho mọi người, xa gần đều nghe, biết”.

Vua nhân việc Bắc tuần hồi loan, thưởng gia cấp, kỷ lục, ngân tiền cho các quan văn, võ lớn, nhỏ đã đi theo hầu xa giá, mỗi hạng có thứ bậc. (Ngày tới Kinh, kiểm điểm quan, viên và binh đi theo hầu cộng 885 người). Dụ rằng : “Trẫm có việc ra Bắc, chỉ mong chóng xong lễ lớn, trở về Kinh sư, để thư lòng mong đợi của Thánh tổ mẫu. Lại gần tới ngày Thánh đàn của Hoàng khảo, cho nên khi hồi

(1) *Chín nghi* : chín nghi thức để sai định ngôi cho các nước chư hầu : 1. Sai nhận chức, 2. Sai nhận đồ mặc, 3. Sai chịu ngôi, 4. Sai nhận đồ vật, 5. Cho phép tác, 6. Sai cho quan, 7. Sai cho nước, 8. Sai làm chức mục, 9. Sai làm bá.

loan, trong một ngày hoặc đi qua 3 - 4 hành cung, hoặc nhân buổi tối có trăng đi mau hoặc đi tới canh hai, canh ba. Nhưng gặp tiết mùa hạ nắng nực mà các bề tôi trung hậu, thành thực hết lòng đi theo nâng đỡ, hoặc ngựa không lúc nào bỏ yên, hoặc đeo kiếm đi bộ hộ vệ xa giá, ai nấy đều phấn khởi theo đi, trải qua 9 quận, 46 cung, chưa qua 12 ngày đã tới Kinh ngay, thật rất đáng khen ngợi. Ngự tiền đại thần Trương Đăng Quế thân đỡ xe kiệu, giữ kỷ luật nghiêm minh, hằng ngày nhắc giúp mọi việc, thật đáng là bề tôi đã chịu di mệnh, xưa được Hoàng khảo khen là đồng tâm, đồng đức, để lại cho ta làm bề tôi tay chân ngày nay, một người giúp việc giỏi của nước đó ! Vậy cho tấn phong tước Tuy Thịnh tử, về việc ban cáo mệnh ấn tước đợi đến sang năm hết tang lễ, do bộ tâu xin, sẽ sai quan tuyên phong. Nay thưởng 1 đồng kim tiền Phan long phụ phượng hạng nhất, có dây đeo và bạc 30 lạng, lại thưởng thêm 1 chiếc nhẫn ngự dung mặt ngọc kim cương lớn. Hoành dinh đại thần : Tôn Thất Bật, thăng thự Tả quân Đô thống phủ đô thống, thưởng mỗi người 1 đồng kim tiền Phan long phụ phượng hạng nhất có dây đeo và 20 lạng bạc. Thị vệ đại thần : Nguyễn Trọng Tính, Vũ Văn Giải, đều gia hàm Đô đốc, thưởng mỗi người 1 đồng kim tiền Phan long phụ phượng hạng nhất có dây đeo và 15 lạng bạc. Tiền hồ đại thần Tôn Thất Đường, Hậu hồ đại thần Hoàng Đăng Thận, thưởng mỗi người 1 đồng kim tiền “Phan long phụ phượng” hạng nhì có dây đeo và 10 lạng bạc. Tham tri bộ Công Lê Bá Tú, Thị lang Nội các Lâm Duy Thiếp, Nguyễn Đức Hoạt và Giá tiền túc vệ : Hoàng Văn Hậu, Nguyễn Văn Pháp, Hồ Văn Thật, Lê Viêt Chuyên, Nguyễn Văn Phụng, Đoàn Khác, đều thưởng mỗi người 1 đồng kim tiền Phan long phụ phượng hạng 3 có dây đeo, 10 lạng bạc. Những viên kể trên đều theo hàm, gia 1 cấp. Dự sung túc vệ : Tôn Thất Năng, Tôn Thất Hàn, Tôn Thất Trực, Nguyễn Nghị, Nguyễn Hoá, 5 viên này đều thưởng 6 lạng bạc, theo hàm gia 1 cấp. Tụ trung Tôn Thất Hàn, gia thưởng 1 đồng kim tiền “Phan long phụ phượng” hạng 3 có dây đeo ; còn 4 viên kia, thưởng mỗi viên 1 đồng tử kim tiền Phan long phụ phượng có dây đeo. Tôn Thất Chung, Nguyễn Quý, Đoàn Văn Học, đều cho thực thụ. Đỗ Văn Phúc, thăng thự Phó vệ úy. Lê Chỉ Tín, Hoàng Bá Bằng, Lê Văn Xa, Phan Văn Mẫn, đều thưởng mỗi người 1 đồng tử kim tiền Phan long phụ phượng hạng nhì có dây đeo, 4 lạng bạc. Trở lên trừ những người đã được thực thụ, thăng thự ra, còn đều gia 1 cấp. Bọn tùy giá ; những viên võ chức : Đào Hữu Chân, Hồ Vũ, Dương Tuy, Ngô Xiết, Nguyễn Bằng, Nguyễn Thu, Lý Kiên, Trương Đình Nghị, Trương Cơ, Nguyễn Dũng, Nguyễn Hiếu, Đinh Trùng, Phan Giác, Tô Văn Trung, Tôn Thất Đa, Nguyễn Đức Lý, Nguyễn Hạnh, Hoàng Dương, Hoàng Văn Hạnh, Tống Đức Thuận, Vũ Ngọc Niệm, Trần Đặc, Dương Dân, Lê Lang, Phạm Văn Trinh, Tôn Thất Chu, Nguyễn Như Ý, Nguyễn Đôn Quỳnh, Nguyễn Sơn, Lê Thiện, Trần Ứ, Nguyễn Thanh Luật, Lê Cung, Lê Nghĩa, Trần Bá Hảo, Trần Sinh, Vũ Lục, Nguyễn Viêt Tuế, Vũ Văn Công, Nguyễn Văn Cổ, Nguyễn Sinh, Trương

Lãm, Hoàng Bàng, Nguyễn Như Thọ, Trần Trục, Hồ Đăng Tuấn, Hoàng Văn Thái, Tôn Thất Hoà, Tôn Thất Dị, Nguyễn Đức Tề, Đỗ Văn Hứa, Vũ Văn Từ, Nguyễn Tử Lãng, Nguyễn Diên Thọ, Phạm Văn Trung, Tôn Thất Cốc, Tôn Thất Bảo, Tôn Thất Đái, Tôn Thất Phù ; những viên thuộc về ban văn : Vũ Đình Ý, Phan Khắc Thận, Nguyễn Xuân Bàng, Trần Viết Cật, Đoàn Khắc Thận, Bùi Duy Kỳ, Lý Văn Tân, Lê Văn Lượng, Tôn Thất Cẩn, Ngô Bá Hy, Tôn Thất Loan, Nguyễn Hữu Hưng, Nguyễn Văn Hy, Trần Công Bình, Trần Quý Kiệt, hoặc thực thụ, hoặc thăng thụ và gia cấp, kỷ, đều thường tử kim tiền Phan long phụ phượng, ngân tiền và bạc lạng. Những nhân viên thị vệ, những lại, dịch các nha và những thân binh, cấm binh đều thường ngân tiền Phan long phụ phượng, áo quần, có thứ bạc. Các đại thần và các quan viên văn, võ cho chí suất đội mà dưới tên có ghi bị giáng, phạt, đều cho khai phục, khoan miễn. Những đội trưởng, ngoại uỷ đội trưởng mà làm được việc cũng lựa cho thăng bổ để tỏ rõ sự để ý nghĩ đến những người theo hầu”. Lại cho mọi người ăn tiệc ở Cơ Hạ đường. Triệu hoàng tử, hoàng thân, đại thần đến trước chỗ vua ngự, ban cho rượu ; các quan, viên và binh đinh đều được khao thưởng cả.

Thưởng các quan viên lưu Kinh. Dụ rằng : “Trẫm từ đầu xuân khai tất ⁽¹⁾, đến đầu hạ hồi loan, trong Kinh nghiêm tĩnh, sơ tâu tin tốt lành liền lượt đưa ra, thật không phụ với sự uỷ thác. Hoàng tử, An Phong hầu Hồng Bảo, thưởng gia 1 cấp, 1 chiếc cốc bằng ngọc, 1 đồng kim tiền Song long hạng lớn. Đại thần : Tạ Quang Cự, gia hàm Thái tử Thái bảo ; Hà Duy Phiên thăng thụ Hiệp biện Đại học sĩ, vẫn lĩnh Thượng thư bộ Hộ ; Nguyễn Đăng Tuấn thăng thụ Hiệp biện đại học sĩ, vẫn sung chức sư bảo dạy hoàng tử, hoàng đệ ; Tôn Thất Bạch thực thụ Thượng thư bộ Lại, Lê Văn Phú gia kỷ lục 2 thứ. Lại thưởng cho mỗi người 1 đồng kim tiền Song long hạng trung. Tuân phủ : Lê Văn Thảo, Hồ Văn Lưu, Tôn Thất Trường, Tôn Thất Cung ; Hộ án : Trương Quốc Dụng, Đỗ Quang, Nguyễn Đức Chính, Vũ Phạm Khải, đều thưởng kỷ lục 2 thứ và mỗi người một đồng kim tiền Bát bảo hạng nhỏ, có dây đeo. Hiệp đồng tuân hộ : Trần Thiện, Mai Khắc Mẫn, Vũ Trọng Bình, cũng thưởng kỷ lục 2 thứ. Chánh, Phó vệ úy Trương Cầm, Trần Hữu Thiệu và Khoa đạo thần Nguyễn Tất Phong, mỗi người thưởng kỷ lục 1 thứ. Lê Văn Thảo và Nguyễn Tất Phong nguyên trước bị giáng 2 cấp, nay đều cho khai phục 1 cấp. Những viên kể trên, đều thưởng thêm kim tiền hạng nhỏ, ngân tiền hạng lớn, có thứ bạc. Kinh doãn Phạm Quỳ, nguyên thụ Phủ thừa Lê Khắc Nhuận, quyền lĩnh Phủ thừa Đinh Doãn Trung đều được dụ thưởng cả”.

Lại dụ : Các viên chức văn, võ lớn nhỏ ở trong Kinh, ngoài tỉnh hoặc dự làm việc tiếp sứ hay sửa sang hành cung, sứ quán, sửa chữa đường sá, khơi thông đường

(1) *Khải tất* : nghĩa như khai loan.

sông đều đã phải chạy vạy, đi lại, dự có chút công lao, vạy sai đình thần xét cho đúng thực về những người được việc và không được việc, phân biệt thưởng phạt cho rõ công bằng. Sau khi đình thần nghị xong, dâng lên, hoàng thân, đình thần, đốc, phủ, đề đốc, bố, án, lãnh binh đều được gia 1 cấp. Ban văn : những người hàm chánh hay tòng tứ, ngũ, lục phẩm và các viên phủ, huyện ; ban võ : quản vệ, quản cơ, đều thưởng kỷ lục 2 thứ. Thất phẩm trở xuống, đều thưởng tiền lương 3 tháng.

Thự Án sát tỉnh Quảng Trị Nguyễn Văn Đạt có tang [vê nghi]. Vua cho thự Lang trung bộ Hộ Lê Chân quyền lĩnh ấn triện làm việc, sau lại cho Chân thự Án sát sứ.

Đề đốc quân thuỷ ở Kinh kỳ, tước Gia Bằng nam, sung Hậu đạo đại thân, Vũ Văn Từ, chết. Từ theo xa giá về đến Thanh Hoá, bị bệnh. Vua cho con Từ là Vũ Văn Dao, hiện làm Hiệu úy vệ Cẩm y, ở lại nuôi cha. Khi Từ chết, vua nói : “Từ vốn tính thuần hậu, chất phác, trải thờ triều trước, kính cẩn giữ võ chức, tỏ ra công lao, tài năng đã nhiều. Mấy năm nay, thống giữ thuỷ quân, làm việc thoả đáng, lần này hộ vệ đường xa giá, chinh đốn các quân ngũ, trăm đã kén chọn và biết công. Nay cho truy tặng Đô thống, lại cấp cho gấm Trung Quốc, sa màu mỗi thứ 3, vóc Nam 10 tấm, lụa 20 tấm, vải 40 tấm, tiền 800 quan, do tỉnh Thanh chi ở kho ban cấp cho để làm đồ cần dùng về việc tang. Lại sai tỉnh Thanh cất thuyền để hộ tống, sai con Từ là Vũ Văn Dao đưa cữu trở về chỗ ở trong Kinh và cho tế một đàn để tỏ ý thương tiếc một người bề tôi kỳ cựu. (Từ, người ở ấp Chương Hoà, xã Liễu Đề, tỉnh Bình Định, thọ 71 tuổi).

Thiếu bảo, Hậu quân Đô thống phủ Chương phủ sự, Hoàng Trung bá, sung Ngự tiền đại thân, Nguyễn Văn Trọng chết. Trọng đi theo xa giá về đến tỉnh Thanh, bị bệnh. Vua ban cho nhân sâm ngự dụng, cho ở lại điều dưỡng. Khi Trọng chết, vua được tin, chảy nước mắt, nói : “Trọng là người siêng năng, kính cẩn, thận trọng, giữ một lòng trung thành, lúc trẻ theo [hoàng tổ] dựng nghiệp, dự có công trạng, đến khi thờ Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, lúc giữ cấm quân ở trong, lúc giữ biên trấn ở ngoài, kính cẩn giữ chức, nhiều lần tỏ rõ công lao, tài năng. Trăm nghĩ đến một người bề tôi kỳ cựu làm việc bên ngoài mỗi một đã lâu, đặc cách triệu về Kinh, cất lên bậc cao cho làm việc tại triều. Bữa trước đây, sung chức Ngự tiền đại thân, hộ vệ đường xa giá ; trong khi đi theo, mọi việc đều làm chu đáo. Một người huân cựu trải thờ 3 triều, lòng trung đáng khen, ngờ đâu một con bệnh, vội từ trần, thương xót kể không sao xiết ! Nay ngoài việc chiếu phẩm trật cấp tiền tuất, cho truy tặng Thái bảo, phong Hoàng Trung hầu, lại cấp gấm màu, sa màu mỗi thứ 5 cây, vóc màu, nhiều màu mỗi thứ 5 tấm, vải, lụa mỗi thứ 50 tấm, tiền 2.000 quan, do con viên ấy lĩnh về làm việc tang, quan tỉnh phải liệu giúp cho chu đáo ổn thoả, và sai con viên ấy là Nguyễn Hỷ, hiện làm Phó vệ úy dinh Vũ lâm, hộ tang đưa về

an táng, cho tế 2 lần để tỏ ý thương xót người tôi trung, có xử hậu thêm, mà không giảm bớt. (Trọng, người thôn An Đức, tỉnh Vĩnh Long, thọ 71 tuổi).

Đề đốc tỉnh Vĩnh Long, Anh dũng tướng, tước Diên Hựu nam, Đoàn Văn Sách, chết. Sách trước đây ở quân thứ Hà Tiên, vì bị bệnh, lui về An Giang điều dưỡng. Khi nghe tin Sách chết, vua buồn rầu hồi lâu, dụ rằng : “Sách khởi thân từ một viên tướng nhỏ, trong năm Minh Mệnh, về việc Hải Đông, đem một toán quân nhỏ đánh úp giết mấy vạn quân Xiêm, Lạp, giải vây luôn cho Sa Tôn, lại theo giết bọn giặc, bọc vết thương mà cố đánh. Đức hoàng khảo ta bảo cho trăm biết ngay trước mặt, khen Sách có can đảm hơn đời, không kém gì người xưa ; thưởng cho vàng ngọc, cất làm Chương vệ, cho kim bài có chữ “Anh dũng tướng” để nêu rõ. Đến sau, phải đi Lạc Hoá, đóng giữ cho tỉnh Hà Tiên, thường lập được kỳ công, dẹp yên biên giới. Đương định mừng tiệc khai hoàn, ghi tên cùng sông núi để đáp công lao, thì đạo trước, nghe tin Sách bị bệnh, ta vội cho đưa thứ nhân sâm ngự dụng để làm thuốc thang, không ngờ vì mệt nhọc lâu năm, dù Biển Thuộc ⁽¹⁾ cũng không chữa được ! Nghìn vàng để kiếm, một tướng khó tìm, lấy gì tỏ nỗi thương tiếc để an ủi người trung ! Vậy tặng chức Tiên phong dinh Đô thống, Anh dũng tướng quân, tấn phong Diên Hựu bá, ban tên thụy là Trung Vũ, cho một người con được tập ấm làm Hiệu uý vệ Cẩm y, đợi khi hết tang, do 2 bộ Lễ, Binh tâu xin, sẽ cho tập phong, để nối thế tước lâu dài. Ngoài việc chiếu tặng hàm, cấp tiền tuất, cho thêm gấm màu, sa màu, mỗi thứ 4 cây, vóc, trù, nhiều các màu 10 tấm, vải, lụa mỗi thứ 10 tấm, tiền 1.000 quan, lại cho tế 1 đàn”. Hơn 1 tháng sau, vua vẫn thương tiếc không dứt, lại làm thơ để viếng.

Có người nhà Thanh đứng ngoài cửa Hiến Nhân, cầm một tập giấy, một tờ điệp, nói rằng : nhà Thanh đương bị bọn Xích Mao nhiều hại, yêu cầu nước ta giăng giải giúp. Phủ doãn Phạm Quĩ đem việc ấy tâu lên. Vua nói : “Đó là việc quan trọng. Kẻ thư sinh kia sao dám đường đột như vậy ! Viên coi phủ nên đổ bảo, cho về”.

Án sát tỉnh Hà Tiên Đinh Văn Huy chết. Truy tặng Quang lộc Tự khanh, cấp thêm 300 quan. Cho Hoàng Mẫn Đạt thăng thự Án sát sứ tỉnh Hà Tiên.

Thự Tuấn phủ Thuận - Khánh là Tôn Thọ Đức vì bị bệnh, xin cáo về. Vua cho rằng địa thế tỉnh Bình Định thì dài, công việc thì nhiều hơn nơi khác, bèn cho Bố chính sứ Gia Định Nguyễn Đăng Uẩn quyền giữ ấn quan phòng của chức Tuấn phủ Thuận Khánh, kiêm lĩnh công việc Bố chính sứ tỉnh Bình Thuận.

Sai Tổng thống Lê Văn Đức tiến đánh Sách Sô. Trước đây, Đức với Tán lý An Giang Tôn Thất Tường, cũng đem binh thuyền đi sang Hà Tiên, khi tới nơi thì giặc

(1) *Biển Thuộc* : nhà danh y thời Chiến Quốc bên Trung Quốc, họ Tân, tên là Việt Nhân, Biển Thuộc là biệt hiệu.

Xiêm đã lui, Tương lại trở về An Giang. Vua thấy tỉnh Hà Tiên hiện tại vô sự, duy ở Sách Sô còn có nhóm giặc sống sót lẫn lút, nhân dụ Đức đi mau tới Sách Sô bắt chém bọn giặc phạm và chinh lý các mặt địa phương Nam Thái, Nam Ninh, Hà Âm, Hà Dương cho được yên tĩnh cả.

Tổng thống Lê Văn Đức tiến binh đi Thất Sơn, cùng với đạo quân của Phạm Văn Điển hội hợp. Điển lưu lại đồn Cấm Sơn, chặn giữ đường sau. Đức với Văn Phú, Khắc Nhượng đem cả Nguyễn Công Nhân tiến đến đồn giặc ở Tượng Sơn. Giặc thấy uy phong, chạy trốn, đến núi Tà Liệt, chúng lại giữ chỗ hiểm để chống cự. Chỗ ấy chân núi nhỏ hẹp, bên tả gần đầm lớn, bên hữu liền với sườn núi, giặc đào hào cắm chông để chống giữ. Quan quân ra sức đánh khép lại, phá tan đồn giặc, bắt sống 2 tên thổ phỉ, chém được 13 đầu, thu lại được 1 cỗ súng quá sơn bằng đồng của công đã mất trước. Lập tức đem 2 tên đã bắt được chém đầu bêu lên cho mọi người biết. Vua cho rằng : lần đầu ra quân đã làm nổi bật ngay được thanh thế, thưởng bọn Lê Văn Đức, Lê Văn Phú, Nguyễn Công Nhân quân công, kỷ lục và kim tiền có thứ bậc. Ngay sau đó, Phạm Văn Điển bị bệnh, về tỉnh ; Tán tương Lê Khắc Nhượng thay giữ chỗ đồn đóng quân.

Nêu thưởng những người dân thọ 100 tuổi, gồm 9 người (Thừa Thiên 1 người, Quảng Trị 3 người, Bình Định 3 người, Hà Tĩnh, Nghệ An mỗi tỉnh 1 người).

Tả quân Đô thống phủ Đô thống, lĩnh Tổng đốc An - Hà, Tín vũ hầu Phạm Văn Điển, chết. Điển ở quân thứ Thất Sơn bị bệnh, trở về An Giang điều dưỡng rồi chết. Vua thương tiếc nói : “Điển là người trung dũng, lúc trẻ theo Hoàng tổ dựng nghiệp, đi trận có nhiều công, khi thờ Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, đã từng coi cấm quân, lại ra giữ các trấn, xông pha trận mạc, nêu công biên đình. Sau vì biên thủy phía tây không yên, triều đình kén tướng chuyên việc đi đánh, Điển hăng hái xin đi, để hồng báo đền ơn nước. Hoàng khảo ta thương Điển đã già, nhưng khen vì có chí. Thế nhưng Điển đánh giặc thì rất hăng, mà tài làm tướng thì còn kém. [Sau khi phụng mệnh đi đánh] rất lâu không thành công, lại can phạm về quân chính ; trầm nghĩ tới một bề tôi kỳ cựu, cho lưu lại giữ việc bắt giặc để gắng lập công sau. Gần đây, thổ tù nước Xiêm giúp bọn nghịch đồn quân ở nước sang cướp biên cương, Điển đã đánh tan quân Xiêm, Lạp, báo tin thắng bằng cờ đỏ, thật đã biết cảm kích, cố gắng, không phụ với ý trầm bắt làm. Đang đợi ghi công, ăn mừng, ơn vinh còn mãi, ngờ đâu một cơn bệnh nặng đã vội từ trần, khiến người thương xót không nguôi ! Nay, ngoài việc chiếu phẩm trật, cấp tiền tuất, cho gia tặng Tả quân Đô thống phủ Đô thống Chương phủ sự”. Lại cấp cho gấm màu, sa màu mỗi thứ 5 cây, trừu màu, nhiều màu mỗi thứ 3 tấm, vải lụa, mỗi thứ 50 tấm, tiền 2.000 quan để dùng về việc tang. Lại sai cất thuyền hộ tống và cho con là

Phạm Văn Huy đi phù cứu về chỗ ở trong Kinh, ban tế 2 đàn để tỏ ý thương tiếc người huân cứu".

Bọn phạm lẩn trốn ở Sơn Tây : tên Bột, tên Hào, Khiêu, thường ra vào trên địa diện Lâm [Thao], Đoan [Hùng]. Thự Phó vệ úy Lê Công Hội, đóng giữ phủ Đoan Hùng, đánh nhau với giặc, binh丁 3 người bị chết, 2 người bị thương, khí giới cũng có bị mất. Giặc lại vào rừng lẩn đi. Lĩnh Tổng đốc Trần Hữu Lễ sai Lãnh binh Tôn Thất Đàm đem binh tiểu bắt. Vua nghe biết việc ấy, cho rằng Hội vừa mới gặp giặc đã thua thiệt luôn, sai cách chức, bắt về trị tội. Lại dụ Lễ rằng : "Bọn giặc trốn lẩn quá nhiều, tuy là việc của viên coi tỉnh trước đây chưa làm xong, nhưng người phải nhận là trách nhiệm của mình, tự chiêu mộ lấy thủ hạ dân phu, nhằm cơ hội dò bắt, không được đổ cả lỗi cho người trước".

Quan tỉnh Hưng Yên, tâu : "Trước đây, đã do đình thần bàn xin tạm đắp một đoạn đập ngang ở cửa sông Cửu An để hộ vệ việc làm ruộng, nay gần đến tiết Tiểu mãn, tính làm không kịp, xin hãy bồi đắp thêm quãng đê cũ ở hữu ngạn sông ấy để giữ lúa mùa hạ. Vua cho phép, nhưng dụ phải gia tâm đốc làm công việc để khỏi hại đến việc nông.

Sai biên binh đạo quân thủy chia đi 2 chiếc thuyền hiệu An Hải, Tĩnh Hải và 2 chiếc ô thuyền ra tuần hành trên các mặt biển Nam, Bắc. Lại truyền Chỉ các tỉnh từ Thừa Thiên vào Nam đến Bình Thuận, ra Bắc đến Quảng Yên, đều phải nghiêm sức cho những đồn đóng các bến trong hạt cùng với những thuyền đã phái đi tuần, xét theo phận biển, chia đi tuần phòng để bắt giặc cướp.

Cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Tả phó đô ngự sử viện Đô sát Lê Đăng Doanh kiêm lĩnh việc ấn bộ Hình.

Lại đặt chức Phó lãnh binh ở Hà Nội, Bắc Ninh. Hai tỉnh này trước đã đặt Chánh, Phó lãnh binh mỗi chức 1 viên, sau bỏ bớt chức Phó lãnh binh ; đến nay thấy 2 tỉnh này là hạt lớn, số binh nhiều hơn tỉnh khác, lại sai đặt thêm chức ấy. Cho : Phó lãnh binh tỉnh Nam Định Nguyễn Văn Đạc đổi bổ làm Phó lãnh binh Bắc Ninh ; Phó vệ úy vệ Trung nhất Tả dực, dinh Vũ lâm Nguyễn Văn Nghĩa điều bổ làm Phó lãnh binh Hà Nội ; Phó vệ úy Nhất vệ Tả dinh, đạo Kinh kỳ Thủy sư Đặng Công Thập điều bổ làm Phó lãnh binh Nam Định ; Phó vệ úy Nhất vệ Tả dinh, đạo Kinh kỳ Thủy sư ; Cai đội Tam vệ Trung dinh, đạo Kinh kỳ Thủy sư Trần Văn Kịch thăng thự Phó vệ úy Tả thủy tỉnh Nghệ An.

Cho : thự Tuần phủ Lạng - Bình Trần Ngọc Giao làm Hữu thị lang bộ Binh, gia hàm Tham tri, sung làm việc Nội các ; Bó chính Hải Dương Lê Trường Danh hộ lý ấn quan phòng của Tuần phủ Lạng - Bình ; thự Hữu thị lang bộ Binh Nguyễn Đức Chính điều bổ Bó chính tỉnh Hải Dương ; thự Án sát tỉnh Hà Tĩnh Vũ Đức Nhu

thăng thụ Hồng lô Tự khanh, Biện lý công việc bộ Lại ; thụ Lang trung bộ Hình Nguyễn Khắc Trạch điều bổ thụ Án sát sứ tỉnh Hà Tĩnh.

Cho : thụ Phó vệ úy Hữu thủy tỉnh Thanh Hoá Trần Văn Vô thăng thụ Phó vệ úy Tam vệ Tả dinh đạo Thủy sư Kinh kỳ (nguyên thụ Phó vệ úy Bùi Di bị can án, giao tra xét) ; Cai đội vệ Long thuyền Lê Văn Quận thăng thụ Phó vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh Thanh Hoá.

Triệu Lãnh binh tỉnh Ninh Bình Nguyễn Ngọc Nghĩa về Kinh để sát hạch tại bộ. Cho : thụ Lãnh binh tỉnh Hà Tĩnh Nguyễn Trọng Thao làm thụ Lãnh binh tỉnh Ninh Bình, Phó lãnh binh tỉnh Nghệ An Hồ Bình điều bổ Lãnh binh tỉnh Hà Tĩnh ; Phó lãnh binh tỉnh Thanh Hoá Phan Tùng điều bổ Phó lãnh binh Nghệ An ; Vệ úy Tứ vệ Hữu dinh, đạo Thủy sư Kinh kỳ Nguyễn Văn Cúc điều bổ Phó lãnh binh Thanh Hoá (theo quan chế thời Minh Mệnh : chức Phó lãnh binh ở Thanh, Nghệ, trật chánh tam phẩm ; năm Thiệu Trị thứ tư mới đổi làm tòng tam phẩm) ; Cai đội Long thuyền Phạm Văn Trinh thăng thụ Phó vệ úy Tứ vệ đạo Thủy sư Kinh kỳ. Sau đó, Nguyễn Ngọc Nghĩa vì già ốm, phải bắt về hưu.

Tại hạt Vĩnh Long có 4 chiếc thuyền giặc Thanh vào đồn Côn Lôn quấy nhiễu. Những viên đóng giữ ở đấy : Suất đội, Bang biện phó cơ Trương Văn Ty, thí sai Thủ ngự Nguyễn Văn Đãng đem binh ra đánh, thuyền giặc vội rút vào cửa Đại Đàm đổ lại. Quan tỉnh là Lê Khánh Trinh sai Phó lãnh binh Vũ Đình Đàm đem binh thuyền đi đánh. Ngay sau đó, Đình Đàm bị gió cản trở, phải lui thuyền đổ lại. Bọn giặc Thanh lên bộ quấy rối, lại đuổi theo bọn binh đi lấy tổ yến của ta. Bọn Trương Văn Ty đem lính đồn dân thổ chỉ có 80 người, ra sức đánh giết, chém được 2 đầu giặc, bắn chết 12 tên, bắt được 1 chiếc thuyền giặc. Bọn giặc sợ oai, trốn xa. Vua được tin thắng trận, cho Ty thăng thụ Phó quản cơ, Đãng bổ thụ Thủ ngự ; thưởng chung cho cả bọn binh dân 100 quan tiền. Những người chém được đầu giặc đều thưởng tiền 10 quan và thưởng 1 chiếc ngân bài có chữ “Thưởng công” ; bắn chết được giặc thì cứ mỗi tên giặc chết, được thưởng 3 quan. Lại thấy đồn ấy ở chỗ hải đảo hẻo lánh, cấp thêm cho 2 khẩu súng lớn quá sơn, 10 khẩu điều sang, 20 khẩu súng trường.

Biện lý việc bộ Lại Trương Tiến Sĩ bị biếm chức. Trước đây, Tham tri bộ Hồ Doãn Uẩn về quê thăm cha mẹ, rồi gặp đại tang ; quan địa phương đem việc ấy tu lên bộ. Sĩ cùng với Vũ Đức Khuê bỏ qua, không tâu lên ; vua nghe biết, quở trách. Đức Khuê đã can án khác, còn Sĩ trước đã có lỗi bị cách, lưu, nay lại làm việc không nhanh, giáng làm Viên ngoại lang bộ Binh, sau đó Sĩ chết.

Hoãn lễ triều cận năm nay cho thổ ty 9 châu Cam Lộ. Bọn thổ ty 9 châu này, theo lệ định, cứ 2 năm về chiêm cận một lần ; năm nay những châu Mường Vang,

Na Bôn, Thượng Kế, Ba Lan, Mường Bồng kêu lên rằng : nhiều lần bị bọn Man, Lào theo cướp, hết cả tiền đi đường, xin triển hạn cho 1 lần. Quan tỉnh tâu lên xin, vua thuận cho.

Sai khởi công đóng 5 chiếc thuyền đi biển (Nghệ An 2 chiếc, Thanh Hoá 1 chiếc, Quảng Bình 2 chiếc).

Định lệ Nội vụ phủ chi phát các hạng ban thưởng. Phàm có những số mục về vật hạng ân thưởng nhiều quá thì Nội vụ phủ tuân lời dụ, ghi liệt thành bản, trình lên, đợi vua quyết định. Sau khi được Chỉ, Nội các kính lục đưa bộ Hộ, bộ Hộ lại kính lục đưa Nội vụ phủ chiếu theo mà chi phát ; nhưng [bộ Hộ] lại phải lấy ấn quan phòng nhỏ của nha mình đóng vào chỗ số mục tên người và vật hạng để phòng khi có tra xét đến. Lệ này phải làm theo mãi.

Cho Thị lang bộ Lễ, sung biện việc Nội các, Nguyễn Đức Hoạt, thăng thự Tham tri bộ Lại.

Cho : trung quân Chương phủ sự Tạ Quang Cự kiêm giữ ấn triện Hậu quân ; thự Tả quân Đô thống Tôn Thất Bật kiêm giữ ấn triện dinh Hùng nhệ ; thự Hữu quân Đô thống Mai Công Ngôn kiêm giữ ấn triện dinh Thân cơ ; Hồ oai dinh Thống chế gia hàm Đô thống Vũ Văn Giải đổi làm thự Đô thống đạo Thuỷ sư Kinh kỳ, vẫn kiêm giữ công việc thị vệ ; Chương vệ vệ Cẩm y Hồ Văn Lưu quyền giữ ấn triện dinh Tiên phong ; Hoàng Văn Hậu quyền giữ ấn triện dinh Hồ oai ; đều được tham dự hội nghị triều đình. Nguyên Vệ úy vệ Tả nhị dinh Vũ lâm Nguyễn Văn Phụng, điều bổ Vệ úy vệ Cẩm y, chuyên coi các đội Túc trực ; thự Vệ úy vệ Tiên nhị Nguyễn Văn Đức, điều bổ thự Vệ úy vệ Cẩm y, chuyên coi các đội Trường trực ; Phó vệ úy vệ Cẩm y Nguyễn Văn Tình làm việc hơi trễ nải, giáng bổ làm Thành thủ úy ; cho Phó vệ úy Trung vệ dinh Hồ oai Đoàn Văn Học thay [chức cũ của Tình] ; Phó vệ úy Trung vệ dinh Thân cơ, gia hàm Vệ úy Tôn Thất Năng thăng thự Vệ úy vệ Loan giá. Cho : Hồ Văn Thập thăng thự Chương vệ và sung quản lĩnh Thị vệ ; Lê Chỉ Tín thăng thự Phó vệ úy ; Vũ Văn Trí thăng thự Nhị đẳng thị vệ cùng với Lê Mậu Hạnh, Vũ Huy Dụng đều sung hiệp lĩnh Thị vệ ; Hàn lâm viện Tu soạn Bùi Viết Hiến thăng thự thừa chỉ ; thự Hồng lô Tự khanh, chuyên giữ ty Thanh cản, giúp công việc nơi Thị vệ, phàm các giấy tâu đều được ký tên, viết chữ “Đề”.

Cho : Đề đốc tỉnh An Giang, Hùng dũng tướng Nguyễn Công Nhân làm Tổng đốc An - Hà ; Chương vệ Nguyễn Lương Nhân thăng thự Đề đốc An Giang, Vệ úy lĩnh Phó lãnh binh An Giang Tôn Thất Nghị thăng thự Lãnh binh An Giang ; Vệ úy vệ Hữu, dinh Hồ oai Nguyễn Văn Y làm Phó lãnh binh An Giang. Các viên này đều phải đem các biên binh theo Tổng thống đại thân đi đánh dẹp, đợi khi đã yên, sẽ về

cung chức. Lại dụ bọn Nguyễn Công Nhân, Dương Thai : “Từ nay nhất thiết những tờ tâu và văn thư đưa đầu, đều chuẩn cho được thêm những chữ “Hùng dũng tướng”, “Kiêu dũng tướng” viết lên trên họ tên. Lệ này, cho làm theo mãi.

Bỏ bớt chức Đề đốc tỉnh Vĩnh Long. Trước đây, vì tỉnh này có việc sai phái, đặc cách đặt viên đề đốc chuyên giữ công việc ; đến nay, việc đã yên, nên bỏ bớt chức ấy.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XX

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Nhâm Dân, Thiệu Trị năm thứ 2 [1842], mùa hạ, tháng 5 bắt đầu làm lịch Thất chính ⁽¹⁾. Bấy giờ bọn Ngũ quan chính Phạm Văn Lan, Giám lại Lê Doãn Quyền ở toà Khâm thiên giám khảo sát lịch tượng, suy tính thất chính, xét theo ngang dọc đường sao đi, 5 ngôi sao lúc lặn, lúc mọc, làm thành sách lịch về thất chính năm ấy, dâng lên. Vua coi, ban khen, sai in thành sách ban cấp cho trong, ngoài, rồi cho Lan làm Giám phó, cất bỏ quyền làm Linh đài lang, lại thưởng cho bạc và vóc. Quản lý [toà ấy] là Trương Đăng Quế được thưởng kỷ lục và kim tiền. Lại sai hàng năm suy tính, sửa soạn, biên tập để ban hành cùng với lịch Hiệp kỷ ⁽²⁾.

Sửa lại mặt tả, hữu Kinh thành và đài Trấn Bình, sai thự Hữu quân Đô thống Mai Công Ngôn, thự Thống chế dinh Long võ Hoàng Đăng Thận và Chương vệ Hồ Văn Lưu coi sóc việc ấy. Lại dụ rằng : “Nay mùa hạ nóng nực, nên dè dặt sức quân sĩ, không được bắt làm gấp hạn quá”. Lại sai những viên Thái y chia đi đến chỗ làm công kiểm xem người nào có bệnh thì cấp thuốc cho.

Quan tỉnh Ninh Bình tâu : “Huyện Lạc An cách tỉnh xa xôi, đường núi khó đi, trong năm Minh Mệnh thứ 20 [1839] đã cho tính nộp [các hạng thuế] bằng tiền, sau rồi lại trưng thu nguyên vật hạng, bất tiện cho dân tình. Vậy xin phàm lệ thuế nộp

(1) Thất chính : Mặt trời, Mặt trăng và 5 sao Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ. Lịch Thất chính là lịch xét về độ số 7 ngôi đó.

(2) Lịch Hiệp kỷ : lịch chép ngày tháng trong mỗi năm theo can, chi, có chia các tiết, các mục.

thóc về đình, điền, cho chiếu theo giá chợ tính nộp ra tiền để được tiện cho dân”. Vua y theo.

Vua thường xem tập chép việc cũ của quốc triều, nhân bảo bọn Sử quán tổng tài là Trương Đăng Quế và Hà Duy Phiên rằng : “Trẫm nghe về triều Hy tông Hiếu Văn hoàng đế có bài “*Chu trung ca*”, há chẳng phải của Đào Duy Từ làm ra đó ru ? Duy Từ được thụ chức Nội tán, tức là chức Tế tướng. Tên quan chức của quốc triều buổi đầu khác với bây giờ. Người làm sách chỉ nên để theo như cũ mới là chép đúng. Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tiến và Đào Duy Từ đều gọi là khai quốc công thần, vì cơ nghiệp của bản triều dẫu từ Thái tổ Gia Dụ hoàng đế gây nên ở cõi Nam, nhưng đến Thái tông Hiếu Triết hoàng đế mới chống cự với dân Bắc, sửa sang nhiều việc, cũng là công khai sáng, cho nên trong khoảng đó, các bề tôi đều được gọi là khai quốc công thần cả. Lại lúc bắt đầu dựng binh, đóng đồn ở lũy Trường Dục thì nay ở chỗ nào ?”. Hà Duy Phiên thưa rằng : “Bên sông Cẩm La có tên xã Trường Dục, tức là chỗ đất ấy”. Vua nói : “Sử Lê mà chép tên xứ Ai Lao, là chỗ nào ?”. Đăng Quế thưa rằng : “Một dải đất ở phía tây nam Thanh, Nghệ, gần nước Vạn Tượng đều là Ai Lao”. Vua nói : “Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép, phần nhiều cũng không đúng thực, như những chỗ Tô Lịch, Kiếm Hồ ở Bắc thành, hôm nọ trẫm coi, chẳng qua chỉ là một chỗ ngòi, đầm nhỏ, sao có thể diễn tập thủy quân, chiến thuyền ở đấy được ? Trẫm biết rằng : chí ấy chép chưa có thể tin được cả !”.

Cho Phó vệ úy vệ Kinh kỵ, viện Thượng tứ Nguyễn Hoá điệu bổ Phó vệ úy vệ Hậu dinh Hùng nhuệ, Phó vệ úy Tả vệ nhất dinh Vũ lâm Nguyễn Hùng điệu bổ Vệ úy Hữu vệ Bình Định, Hiệp quản Tả vệ dinh Long võ Tôn Thất Đẩu thăng thụ Phó vệ úy Trung vệ dinh Hồ oai ; thụ Phó vệ úy Tiền vệ dinh Long võ Nguyễn Hữu Lợi điệu làm thụ Vệ úy vệ Sơn Tây.

Phó vệ úy Hữu vệ dinh Long võ Lê Văn Dũng chết. Dũng, trước đây, ở đồn Lô Khê, bọn Xiêm Thổ kéo ủa lại quấy rối, Dũng cố gượng bệnh, đốc quân đánh ; đến nay bị bệnh chết, tặng hàm Vệ úy.

Tuần phủ An Giang Nguyễn Công Trứ trước đây vì có bệnh, về tỉnh, xin lưu ở tỉnh làm việc. Vua bảo rằng : “Bọn giặc ở vùng đó đã trốn xa rồi, còn những chỗ Thất Sơn, Sách Sô đã phải đại binh đi đánh dẹp, không bao lâu có thể dẹp yên, chuẩn cho Công Trứ lưu lại tỉnh để bàn việc, lại thường thường phái người đi thăm dò biên tình xứ Trấn Tây, tùy tiện sắp đặt để cho địa phương được yên, không cần phải lại đi quân thứ nữa”.

Cho Cao Hữu Dục khai phục Viên ngoại lang bộ Hình, vẫn lĩnh chức Án sát tỉnh An Giang. Dục trước giữ chức Hiệp tán Trấn Tây sự vụ, làm việc không tốt, bị giáng Tư vụ bộ Hình, quyền lĩnh Án sát An Giang ; gần đây nhân bọn giặc lan tràn quấy nhiễu, Dục cùng với Bộ chính Phùng Nghĩa Phương hết sức bàn định công

việc, sắp đặt cho thổ dân ở yên và vận cấp các đồ quân nhu đều tiếp tế được, cho nên vua mới có mệnh này. Phùng Nghĩa Phương cũng được thưởng gia kỷ lục 1 thứ.

Ngày tiết Đoan dương. Vua dẫn quân thân đến cung Từ Thọ làm lễ Khánh hạ. Lễ xong, vua về ngự điện Văn Minh, các hoàng tử, hoàng thân, quan văn từ ngũ phẩm, quan võ từ tứ phẩm trở lên đều mặc đồ mặc đẹp, đến sân điện chiêm bái. Trước đây, bộ Lễ tâu bày nghi chú về 2 tiết Đoan dương, Vạn thọ, xin thiết triều để cho các quan lạy mừng. Vua dụ rằng : “Việc có cái không nệ theo lệ thường, lễ cũng nên tùy tiện rút bớt, nay quốc tang ⁽¹⁾ còn ở trong hạn 27 tháng, nếu ra triều, nhận sự lạy mừng thì lòng trăm sao yên ? Vậy chuẩn định đến hai ngày tiết này, trăm sẽ ngự ra điện thường, hoàng thân và các quan mặc đồ đẹp, vào tham bái, dù tỏ lòng thành khẩn ; trên kỳ đài chỉ kéo cờ vàng suốt ngày. Trước một ngày và chính ngày tiết, các quan chức ở điện đình đều mặc áo khăn màu lam, màu đen để theo hâu. Còn lễ triều hạ và bắn súng mừng, treo cờ mừng đều bãi cả”.

Sau đó, vua dụ các quan Nội các : “Đoan ngo là một tiết tốt giữa năm, nay tuy đình việc triều hạ, cũng nên ban thưởng để đón tiếp phúc lành. Vậy thưởng cho hoàng tử, hoàng thân, văn từ chánh ngũ, võ từ chánh tứ phẩm trở lên các thứ quạt, khăn tay, chè, quả, theo như lệ”.

Tổng thống Lê Văn Đức tiến binh đến Sà Tôn. Bọn giặc ở Sà Tôn, Tô Sơn đóng liền hơn 10 sở đồn, lũy, trại sách, địa thế rất hiểm, trước mặt có cái đầm lớn ngăn cách, cỏ lan, cỏ nát nổi đầy, nước đọng, bùn lầy nhớp nháp. Đức trước hết cất đặt 50 chiếc thuyền nhỏ, lựa đặt súng lớn quá sơn, thân công. Vừa gặp Tấn lý Tôn Thất Tường và nguyên Án sát Hoàng Mẫn Đạt đem hơn 800 biên binh ở Hà Tiên đến, mới chia làm 5 đạo, mỗi đạo 1.000 quân. Đức cùng với Lê Văn Phú, Nguyễn Công Nhân, Tôn Thất Nghị, Tôn Thất Tường đều đem binh của đạo mình chèo thuyền đi mau một loạt. Bọn giặc dựa chỗ hiểm, bắn ra : quân quan cũng có người bị thương, bị chết. Khi đã tới bờ, quan quân dùng súng lớn bắn dữ dội, phá luôn 10 sở đồn, lũy, bắt sống và chém được rất nhiều. Quân giặc đều sợ uy, tan chạy. Quân các đạo đều đuổi theo giặc để vây bắt. Duy có đạo binh của Tôn Thất Tường cho rằng giặc đã trốn xa, không chuẩn bị, bỗng có giặc 30 - 40 tên từ trong rừng cầm dao xông ra, trước hết chém chết 1 tên binh pháo thủ, Suất đội Lã Đình Thoái cũng bị giặc giết chết. Suất đội cơ Trung tỉnh Bình Định là Phan Văn Thi bỏ chạy trước, Phó quản cơ Tổng Hữu Hoá, Quản vệ Trần Văn Diệp, Tổng Bẩm và biên binh hơn 600 người cũng tan chạy cả. Tôn Thất Tường hết sức đốc quân chống cự, bị thương nặng. Binh dinh 3 người là bọn Trần Đức Hoà giúp đỡ cho Tường xuống thuyền. Binh lính giẫm xéo lẫn nhau, xô cả vào trong đầm. Bọn thổ phi thừa thế đuổi theo, quân quan

(1) Chỉ tang Minh Mệnh.

bị thương và chết tới hơn 40 người, bỏ mất 8 cỗ súng quá sơn và súng tay, khí giới, thuốc đạn rất nhiều. Lê Văn Phú, Tôn Thất Nghị kéo đến cứu ứng, quân giặc mới lui. Ngay sau đó, Tham tán Nguyễn Tiến Lâm, thự Tổng đốc Nguyễn Tri Phương đem hơn 1.000 biên binh đến quân thứ, nhân thấy sào huyệt của giặc ở Sà Tôn hiện đã phá vỡ, mới cùng tiến binh đến Tô Sơn, bọn giặc nghe tin đại binh đến bức bách, đều hoảng sợ, lẩn trốn vào rừng. Các đạo đều tung binh đi tìm sục, phàm những chỗ nhà ở của giặc, lấy cho hết thóc gạo, còn thì đốt cháy không để sót vật gì ; bắt được 20 tên thổ phỉ, chém đầu bêu luôn cho mọi người biết. Lại bắt sống được hơn 200 người Thổ vừa trai, gái, già, trẻ, giao cho viên chức ở biên trấn nhận coi. Những người Thanh, người Kinh ra thú đều sai cho về làm ăn yên nghiệp. Lê Văn Đức cho rằng trận này quân các đạo đều có thắng lợi, duy có đạo binh của Tôn Thất Tường bị thua thiệt, liền đem Phan Văn Thi chém đầu, đưa đi rao khắp. Bọn Phó quản cơ, Phó vệ úy và Cai đội, Suất đội, như Tống Hữu Hoá, Nguyễn Văn Ngân v.v... hơn 20 người đều đem giam cầm, đợi án. Những người ở trận tiền chém được đầu hay bắn chết, đâm chết được giặc, đều chiếu lệ thưởng cấp. Những người bị chết trận thì cấp tiền tuất [cho gia quyến] ; người nào lui chạy bị giặc giết chết thì không cấp cho. Bọn Trần Đức Hoà 3 người được tâu xin cất bỏ tội trạng.

Vua [nghe tin], dụ rằng : “Bọn giặc lẩn lút linh tinh, còn ở Thất Sơn bày trại, dựa hiểm, mưu đồ cố giữ, cầu may tạm sống, quân ta 5 đạo tiến công, vượt núi lội nước, không nề khó nhọc, thẳng đến tận nơi, phá hết mọi chỗ sào huyệt, tích tụ của giặc, lại tìm sục đến kỳ cùng, bắt sống và chém chết được nhiều, thật là đáng khen ! Chỉ lạ là Tôn Thất Tường là viên Tán lý chức to, đem một đạo binh hơn nghìn người mà lại để bị đám giặc cô cùng thừa cơ đánh cho phải hãm vào đầm lầy, biên binh phần nhiều bị thương, bị chết, khí giới phần nhiều bị thất lạc. Chớ gì giữ không vững như thế, thì khi gặp giặc to sẽ như thế nào ? Và, những bọn quản, suất ở đạo quân ấy vô cơ sợ hãi, mắt hoa, chân loạn, thật uổng phí lương nuôi đã bao năm rồi ! Coi lời tâu bày, thật rất tức giận ! Có công thì thưởng, có tội thì trị, đó là điển lệ thường của Nhà nước. Nay cần phân biệt sự khuyến khích và sự trừng phạt để tỏ công bằng : Nguyễn Công Nhân, Tôn Thất Nghị đều thưởng quân công, kỷ lục 2 thứ. Những viên quản, suất ở các đạo đều thưởng kỷ lục 1 thứ. Những người ở trận tiền chém được đầu giặc, thưởng mỗi người 5 quan tiền và 1 chiếc ngân bài có chữ “Thưởng công”, đâm chết hay bắn chết được giặc mà không thu được đầu nộp thì cứ chiếu mỗi tên giặc chết, thưởng tiền 1 quan. Những binh đinh tìm bắt được giặc trốn mà quân thứ đã cấp trước cho mỗi người 1 đồng ngân tiền hạng nhỏ, nay cũng thưởng thêm cho tiền 1 quan. Những người bị chết trận thì chiếu lệ cấp tuất gấp đôi, còn bị thương thì cấp cho tiền. Tôn Thất Tường hành binh không biết thận trọng, riêng bị sa cơ, không đáng kể là người trong họ vua, đáng lẽ còn lấy quân

pháp xử tội, nhưng nghĩ thân hân hiện đương bị thương, vậy sai cách chức, làm binh, để ra sức chuộc tội. Quân suất Phan Văn Thi bỏ chạy trước, giết đi là rất phải. Còn bọn Tống Hữu Hoá 20 tên, lưu trăm giam hậu (sau, 1 tên chết tại giam, còn 19 tên, vua xét danh sách, tha chém, phát giao đi 2 tỉnh An [Giang], Hà [Tiên] làm khổ sai. Bọn biển binh hơn 600 tên đã bỏ chạy, sau này gặp có việc đánh dẹp, phải sung làm quân đi trước, nếu còn rụt rè, sẽ xử tử luôn, rao cho mọi người biết. Lê Văn Đức và Lê Văn Phú đều có trách nhiệm coi sóc toàn quân, trong việc này đạo quân của Tôn Thất Tường có sự thất cơ như vậy, Đức, Phú cũng không thể chối được lỗi, nhưng nghĩ : luôn mấy hôm đốc quân, mạo hiểm để lòng bất giặc, các đạo binh đều có thắng lợi, thì công ấy cũng không nên bỏ hết. Vậy đình sự ban thưởng và cho ghi lỗi 1 thứ. Nay Thất Sơn đã phá vỡ, bọn giặc lần lút kia chắc cũng không còn chỗ trốn để khỏi chết. Vậy tiểu nã và phủ dụ, hai việc phải cùng làm, mới là thoả đáng. Trong bọn người Thanh, người Thổ đã bắt được, kẻ nào chống cự mà bị bắt thì giết đi, kẻ nào bị giặc ức hiếp phải theo thì tha cho, để chúng mách bảo lẫn nhau quay đầu về sớm. Còn Ba Xuyên hiện nay vô sự, Nguyễn Tiến Lâm đã đến quân thứ hợp sức đánh dẹp, cho nhận chức hàm Tham tán, cùng với Lê Văn Đức, Lê Văn Phú bàn định việc quân, xét công việc mà xếp đặt, chọn thổ mục người nào có thể tin được thì tạm đặt chức danh, giao cho trách nhiệm chiêu tập, vỗ về và đặt thêm quan ở chỗ khác đến, lựa lưu số biển binh đặt đồn phòng giữ, sức cho chiêu dụ, những kẻ nào ra thú đều được miễn tội và chia chỗ cho ở. Chỗ nào còn có bọn giặc tàn đến tụ họp thì chia quân đi tiêu diệt. Lại phải dời quân đến Sách Sô, bắt giết bọn nguy phạm đã sợ mất vía mà chết lẫn, gần biên giới không còn giặc tụ họp ngầm nữa thì chuẩn cho một mặt tâu lên, một mặt rút quân khỏi hoàn”.

Sau đó, Lê Văn Đức đóng binh ở Tô Sơn, chia giao Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Công Nhân, Tôn Thất Nghị phái binh đi tìm bắt giặc. Quan đi đến đâu, bọn giặc nghe tiếng đều đã chạy trốn trước. Những dân người Thanh, người Thổ ra thú hơn 1.500 người đàn ông, đàn bà, chia giao cho quan coi phiên trấn và người Thanh quản lĩnh. Đức với các tướng quân theo lời dụ, sai tên Yêm và những tên ra thú chiêu dụ bọn giặc tàn. Lại đặt đồn ở Sà Tôn, đặt tên là đồn Hưng Nhượng, chọn viên Phó quản cơ Nguyễn Văn Lương, nguyên Tri phủ bị cách mới được khởi phục, và Bát phẩm Nguyễn Văn Đức cùng với Phó vệ Trương Vi coi bọn biển binh hơn 500 người lưu tại đồn đóng giữ, phàm công việc đều do tỉnh An Giang cất đặt. Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Tiến Lâm, Tôn Thất Nghị vẫn lưu lại để đàn áp, kiểm mọi việc cất đặt, chiêu dụ. Đức với Lê Văn Phú, Lê Khắc Nhượng, Nguyễn Công Nhân đều đem biển binh đi kinh lý tỉnh Hà Tiên. Vua khen việc sắp đặt được vừa phải, thưởng Lê Văn Đức, Lê Văn Phú mỗi người gia 1 cấp và 1 đồng kim tiền. Lại dụ Lê Văn Đức xếp đặt qua công việc [ở Hà Tiên] rồi theo ngay

đường sông Vĩnh Tế trở về An Giang, phái người dò xét tiền thế giặc ở Sách Sô, rồi tiện đường theo mặt thượng du đi dẹp. Đức thấy tỉnh Hà Tiên hiện không có việc gì, mới chuyển về An Giang.

Sai Thị lang bộ Công Nguyễn Văn Điển đem theo bọn đốc công Hoàng Văn Lịch đi sang tỉnh Quảng Nam sửa chữa chiếc thuyền Thanh Loan để phòng khi sai phái.

Sắc cho bộ Hộ đúc thêm ngân tiền Phi long.

Hạt tỉnh An Giang gạo đắt. Thuế gạo năm ấy cho tính nộp bằng tiền để đỡ cho dân về lương thực.

Cho Thủ hộ sứ Tôn Thất Cung đối thụ Vệ úy, vẫn quyền giữ chức Đề đốc Kinh thành.

Vua bảo các quan Nội các : “Những đồ thờ ở chỗ thần ngự trong các tôn miếu, rất quan trọng, theo lệ trước, mỗi tháng 3 lần phái các hoàng thân theo lượt đến kiểm soát. Trẫm khi mới nối ngôi, nghĩ tới các thân công tuổi đã hơi cao, mới riêng sai các viên chức to trong Tôn thất cắt lượt đi đến làm thay. Gần đây, những viên ấy phần nhiều sai đi việc khác, nên chọn các viên khác sung vào việc này. Vậy cất Đô thống Tôn Thất Bật, thụ Vệ úy Tôn Thất Năng, Phó vệ úy, bọn Tôn Thất Trục, Tôn Thất Kinh, Tôn Thất Trung, Tôn Thất Trí, Tôn Thất Đẩu xét theo lượt, thay nhau đến các miếu để kiểm tra. Lại sai những quan tể, ngũ phẩm ở lục bộ và những quan có phẩm trật trong Tôn thất, do chức Tôn khanh⁽¹⁾ chia phái đến coi xét để tỏ sự thận trọng. Mở ân khoa thi Hội. Theo lệ cũ, thi Hội vào tháng cuối xuân, năm nay vì có việc bang giao, vua sai dời đến sau khi hồi loan sẽ mở khoa thi. Tới đây, sai thụ Hiệp biện đại học sĩ Hà Duy Phiên làm Chủ khảo, Hữu tham tri bộ Binh Phan Thanh Giản làm Phó chủ khảo, lấy trúng cách 14 người : Phan Tam Tĩnh (nguyên đặt là Nhật Tĩnh, [sau đổi]), Phan Hữu Từ, Phan Đình Dương, Trần Văn Chính, Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Danh Vọng, Nguyễn Kim Hoán, Nguyễn Văn Tố, Ngô Khắc Kiệm, Nguyễn Quý Tân, Nguyễn Tường Phổ, Nguyễn Văn Duy, Hoàng Đình Tá, Trương Đăng Trinh ; lấy phó bảng 6 người : Nguyễn Tất Tố, Nguyễn Đức Lân, Dương Phúc Vịnh, Đỗ Đăng Đệ, Lê Thế Quán, Lê Đức. Trong kỳ đệ nhị khoa ấy, vua ra bài phú, đầu đề : “Thi giả thiên địa tâm⁽²⁾ phú” (lấy mỗi chữ đầu đề làm 1 vần), Nguyễn Văn Tố dùng chữ “Khuyên” 囑 gieo vần, đọc theo tiếng bằng. Chủ khảo, bọn Hà Duy Phiên cho rằng âm nghĩa chữ ấy phải theo tiếng trắc⁽³⁾, [dùng chữ sai], nhưng vẫn viết khác, vậy tâu lên, xin vua định đạt. Vua nói : “Chữ ấy có 2 âm vừa bằng vừa trắc, theo mỗi âm, nghĩa khác nhau, xưa nay người ta đọc theo tiếng

(1) Tôn khanh : chức đứng đầu Tôn nhân phủ.

(2) Thi giả thiên địa tâm : thơ là lòng tự nhiên của người ta.

(3) Chữ “Khuyên” (cũng đọc là “quyển”) theo âm trắc thì đọc là “quyển”.

bằng nhiều, theo tiếng trách ít. Nếu cho rằng theo thói quen dùng lắm mà đánh hỏng, thật có điều chưa dỡ ! Hãy đợi sau khi thông suốt 3 kỳ, nếu văn lý đều khá cả thì cũng cho đỗ”. Tới lúc ra bảng, quả nhiên Tố được dự vào trúng cách. Vua cười nói rằng : “Trong sự mục thước cũng có ân điển khoan rộng, thế mới biết việc thi tiến sĩ cũng có số phận, không phải toàn là quan hệ ở văn học cả !”.

Vua bảo Nội các rằng : “Về những quyển văn thi Hội, nên xét theo phân số nhiều hay ít, định làm mức cân lấy đỗ hay đánh hỏng. Khoa này tính suốt [ba kỳ] có một vài quyển chưa đủ phân số cũng được dự trúng, đó là một sự đặc ân. Còn từ sau nên theo đúng trường quy : cân phải đủ 10 phân hoặc 9 phân trở lên, là chánh bảng, 8 phân trở xuống, là phó bảng, thì mới phải. Nội các nhân tâu : “Trong bọn trúng cách có Nguyễn Duy Cận, kỳ thi Hương mùa thu năm ngoái đã sung làm Sơ khảo, tự ý thêm chữ, đổi câu, can phạm vào hình tích”. Vua nói : “Trẫm vẫn biết khảo quan hay theo ý riêng, làm bậy, sẽ riêng cho xét rõ việc này. Nay nếu vì sự hình tích đó mà nhất khái đánh hỏng, chẳng là bỏ sót nhân tài ru ?”. Chưa được mấy bữa, bộ Lễ tâu : Trong số người thi Hội trúng cách có Nguyễn Kim Hoán bị bệnh chết. Vua nói : “Kỳ thi mùa xuân còn phải đợi thi Đình, truyền lờ, mới là đỗ hẳn, Nguyễn Kim Hoán chưa qua kỳ thi Đình, nay nhân bị bệnh chết, chuẩn cho chiếu theo lệ cấp tuất đối với cử nhân (tiền 20 quan, vải 5 tấm), cấp thêm cho 10 quan tiền và 1 tấm vải”.

Sắc cho bộ Binh truyền Chỉ : Phàm các công tác mà không phải là việc kíp thì bãi bỏ ngay, hoặc có việc phải làm gấp cũng cần phải làm cho chóng xong, kíp đến tháng 7 chia ban, để đỡ sức cho binh lính.

Ngày tiết Vạn thọ, vua ngự điện Văn Minh, các quan vào tham bái. Ban cho kim tiền, ngân tiền có thứ bậc.

Vua thấy có những quan ở ngoài Kinh thự hàm lâu ngày [chưa được thực thụ], mới sai làm thành danh sách tâu lên. Rồi cho Trần Trứ thực thụ Án sát tỉnh Ninh Bình ; Đào Quang Bằng thực thụ Vệ úy vệ Hữu bảo nhất ; Lê Trọng, Vệ úy vệ Hữu thuỷ tỉnh Biên Hoà ; Nguyễn Lỗi, Phó vệ úy Hữu thuỷ vệ tỉnh Nghệ An ; Nguyễn Hiếu, Phó vệ úy Thuỷ vệ tỉnh Phú Yên ; Đặng Tín, Quản cơ cơ Trung tỉnh Bắc Ninh ; Đoàn Nhật, Quản cơ cơ Tiền thặng, thuộc Hậu quân ; Thái Kích, Quản cơ cơ Hữu nhuệ thuộc Tả quân ; Nguyễn Hữu Thụy, Quản cơ cơ Hữu tỉnh Ninh Bình ; Trần Khả, Quản cơ cơ Hữu tỉnh Biên Hoà, Nguyễn Nhuận, Quản cơ cơ Ninh hùg.

Đóng kín cửa hầm 7 sở mỏ vàng, bạc ở hạt tỉnh Tuyên Quang.

Thường chung tiền, lương cho những trạm đưa tin ở các hạt, có từng bậc (Những chỗ việc công hơi nhiều, là 6 trạm ở Thừa Thiên, 4 trạm ở Quảng Trị,

7 trạm ở Quảng Nam, mỗi trạm thưởng mỗi tháng tiền 40 quan, gạo 30 phương. Thứ đến những chỗ việc cũng hơi nhiều, là 6 trạm ở Quảng Bình, 5 trạm ở Quảng Ngãi cùng là chỗ đường chia 2 ngã, là 1 trạm Ninh Đa ở Ninh Bình và chỗ các trạm đưa đi tất phải chuyển qua là trạm Hà Trung ở Hà Nội, trạm Tân Gia ở Gia Định, mỗi trạm thưởng mỗi tháng tiền 35 quan, gạo 25 phương. Sáu trạm ở Hà Tĩnh, 5 trạm ở Nghệ An, 6 trạm ở Bình Định, 6 trạm ở Phú Yên, mỗi trạm thưởng mỗi tháng tiền 30 quan, gạo 20 phương. Năm trạm ở Thanh Hoá, 1 trạm ở Ninh Bình, 5 trạm ở Hà Nội, 11 trạm ở Khánh Hoà, 16 trạm ở Bình Thuận, 5 trạm ở Biên Hoà, 2 trạm ở Gia Định, mỗi trạm thưởng mỗi tháng tiền 25 quan, gạo 15 phương. Những trạm kể trên đều được thưởng số tiền lương như thế, trong 6 tháng.

Lại, những trạm trên đường bộ từ Quảng Trị ra Bắc, đường xe vua ra Bắc tuần qua đó, như trạm Tự Lập ở Quảng Trị, những trạm ở Quảng Ninh, Quảng Cao, Quảng Khê, Quảng An ở Quảng Bình, Tĩnh Thần, Tĩnh Sa, Tĩnh Lạc ở Hà Tĩnh. An Dũng, An Kim, An Hương, An Luỹ, An Quỳnh ở Nghệ An. Thanh Khoa, Thanh Sơn, Thanh Cao ở Thanh Hoá, đều thưởng thêm mỗi trạm : tiền 10 quan. Khi hồi loan, 12 trạm có bắt thêm đinh phu giúp việc đưa tin, như : Thanh Khoa, An Quỳnh, An Luỹ, An Hương, An Kim, Tĩnh Lạc, Tĩnh Sa, Tĩnh Thần, Quảng Khê, Quảng An, Quảng Cao, Quảng Lộc, lại thưởng thêm mỗi trạm : tiền 10 quan).

Nhắc lại luật cấm vệ phạm đường khi vua đi. Ngày Quý Hợi, vua đến điện Hiếu Tư làm lễ Ân tiến. Quảng Trạch quận công Miên Cư lỡ đi phạm vào đường xe vua đi, vua sai phạt lương 1 năm, nhân dụ rằng :

“Xe vua đi tới đâu, trước sau có ủng hộ, tả hữu có che đỡ, làm cho nghi vệ đi đường được nghiêm, pháp lệnh cấm giới được rõ. Sách *Chu lễ* có quan Chương tấ⁽¹⁾, sách *Hán thư* có cấm phạm tấ⁽²⁾ và xung đột vào nghi trượng, luật văn cũng có điều cấm rõ ràng, đều là để cho mọi người biết kính cẩn mà tránh. Mới đây, một hoàng thân lỡ phạm [vào đường vua đi], mà không biết cản trở, thì vệ sĩ cũng có lỗi phòng bị sơ suất, há chẳng phải vì lâu ngày sinh ra nhãng việc ru ? Nay không thể không ra mệnh lệnh nhắc lại để răn bảo. Từ nay ngự giá đi đâu, những đường xe kịe đi qua và chỗ ngự dinh dừng đỗ, các biên binh đi hộ vệ phải đạo xét thật nghiêm, dẹp đuổi những người vô cớ xông đến, cần phải được mười phần nghiêm chỉnh. Nếu có kẻ nào dám xung đột thì bất luận là hoàng thân, quốc thích, văn, võ, quân, dân, lập tức bắt đem tâu lên để xử trị. Nếu tuần phòng không cẩn mật, sẽ bị giao bộ nghị tội nghiêm ngặt”.

(1) *Chương tấ* : chức quan giữ việc đốc thúc dẹp đường khi vua đi.

(2) *Phạm tấ* : đi phạm vào đường vua đi.

Chưa bao lâu, có một người con trai đi xông vào cửa Đông nhất Hậu hồ, viên thái giám bắt rồi tâu lên. Vua giao xuống bộ Hình trị tội, và thường cho viên thái giám giữ cửa ấy.

Ngày Giáp Tý, vua rước Thánh từ đến yết lăng Thiên Thọ. Ngày Ất Sửu, vua đến yết Hiếu lăng và lăng Hiếu Đông. Trước đây, ngự giá ra Bắc, vua thấy ngày tiết Thanh minh chưa về thân đi yết lăng được, tới nay hồi loan, sắc cho quan bộ Lễ nghĩ soạn nghi chú, chọn ngày tốt kính đến chiêm bái. Lễ làm xong, thưởng tiền, lương nửa tháng cho các viên dịch coi giữ lăng và binh dinh. Lại thưởng 200 quan tiền cho những cung tần triều trước ở phụng trực tại Hiếu lăng cho đến bọn nữ quan và thái giám. Vua bảo quan bộ Lễ Phan Bả Đạt rằng : “Những bài văn bia ở các tôn lăng là để truyền lại cho đời sau biết. Nên tham khảo điển nhà Thanh, bàn soạn rồi tâu để thi hành”.

Dân 2 hạt Thừa Thiên, Quảng Trị phần nhiều bị bệnh sỏi truyền nhiễm. Vua sai 2 hạt đều lễ cầu hết sức thành kính và sai thầy thuốc cất thuốc đem đi khắp các nơi để điều trị. Người nào bị bệnh chết thì chiếu lệ cấp tiền tuất cho. Được một tháng, bệnh sỏi rút bớt, dân 2 hạt được yên lành, vua mừng, nói : “Nhân dân yên vui, sống lâu, đó là hạnh phúc của nước !”.

Điều bộ thự Hữu thị lang bộ Hình Hoàng Thu làm thự Hữu thị lang bộ Binh.

Bố chính tỉnh Vĩnh Long Lê Khánh Trinh tâu : “Dân Kinh ở hai huyện Tuân Nghĩa, Trà Vinh thuộc tỉnh hạt trước đây bị thổ phỉ cướp vét, nay vừa mới trở lại yên nghiệp, không còn gì để kiếm cách nuôi sống, cần xin lượng phát thóc cho vay và cấp phát cho thóc giống để được trồng cấy. Lại, những dân Thổ ở tại bị đói thiếu, có nên chiếu theo như dân Kinh mà cho vay không ?”. Vua nói : “Dân Kinh trước đây vì thổ phỉ làm lụy, tình rất khốn quẫn, nên phát thóc kho ra cấp cho mỗi người 1 học, ai có 1 mẫu ruộng thì cho vay thóc 5 thung, để có chỗ nhờ cấy. Còn dân Thổ tuy không kể được như dân Kinh, nhưng chúng đã biết quay đầu về thì cũng đều là dân ta, há lại bỏ không cứu vớt ? Vậy cho phát thóc ra 1.000 học, liệu cấp cho vay ; còn về thóc giống cũng cấp cho như dân Kinh”.

Dụng miếu Thành hoàng phủ Thừa Thiên (ở góc tây nam ngoài Kinh thành, thuộc địa phận xã Dương Xuân, huyện Hương Thủy).

Cho : thự Bố chính Cao Bằng Phan Trức thăng thự Tả thị lang bộ Hình ; Án sát Thanh Hoá Phạm Khắc Trạch thăng thự Bố chính tỉnh Cao Bằng ; thự Án sát Quảng Bình Trần Huy Phác điệu bổ làm thự Án sát tỉnh Thanh Hoá ; thự Lang trung bộ Lễ Phan Huy Vịnh điệu bổ thự Án sát tỉnh Quảng Bình. Chưa bao lâu, Phan Trức vì thông gia với Tham tri bộ Hình là Bùi Quý, xin hồi ty ; cho đổi bổ làm Tả thị lang bộ Lại.

Ban tờ chiếu sai tìm điển tích cũ. Dụ rằng :

“Sách *Đại Nam thực lục Tiên biên, Chính biên* của [quốc triều] ta, đã sai quan biên soạn để tỏ rõ bộ sử chép đúng sự thực. Trẫm nghĩ : đức Thế tổ Cao hoàng đế ta khi mới dựng nghiệp, nơi nhân, chuộng nghĩa, ban đức, dựng mưu, từ ruộng 1 thành, quân 1 toán đến được có cả đất nước, mưu lược nhà vua sâu rộng đã rõ rệt ở tai mắt mọi người, khó kể ra cho hết. Thế nhưng trong buổi đánh dẹp khó khăn, theo những lời ghi chép, còn sơ lược nhiều. Đến Thánh tổ Nhân hoàng đế mở đặt Sử quán, chọn sai Nho thần lần lượt biên tập, phát minh đã nhiều, nhưng đã tinh tường càng cần cho tinh tường thêm, nên lại còn tìm nhặt cho rộng về những lời bàn, chép, kỳ cho được chu đáo, lòng Thánh tổ thật vẫn còn đợi ở chỗ đó. Trẫm mới nối nghiệp, noi theo chí trước, sửa sang nền trị bình, cần phải theo việc cũ, giữ phép xưa để làm gương lâu dài. Và lại, nước ta vốn có tiếng là văn hiến, thế mà xem đến sử thần triều trước ghi chép từ họ Lê Trung hưng về sau cho đến lúc Tây Sơn gây biến, phần nhiều chưa phải là chép đúng sự thực. Vậy cũng nên tham khảo rộng thêm để cho đời sau tin được. [Năm xưa, vâng lời thánh dụ, hỏi tìm những sách còn sót, trong khoảng đó, sĩ dân có những người mang sách đến dâng như bọn Phạm Đình Hổ, Nguyễn Văn Thái, Trương Phúc Ân lần lượt được mong ơn khen thưởng, ban cho bạc lụa có từng bậc. Năm ngoái cũng có những sách vở của bọn Tri phủ Phạm Đình Ái, Ngô Cao Lãng và Tổng mục Dương Văn Thước đem dâng, tuy rằng quê mùa nhưng đều có một vài chỗ có thể chọn nhặt, trẫm cũng hậu thưởng cho, thật có ý để khuyến khích người sau. Nay dụ để nhắc lại trong Kinh, ngoài tỉnh : Phàm văn, võ, sĩ, dân, nhà nào có chứa những bản biên chép về sự tích dựng nghiệp trong thời Gia Long về trước hay là những truyện cũ triều Lê có chép đến bản triều thì đem nộp qua các quan địa phương để đưa dâng lên. Nếu có thể chọn dùng được thì sẽ lượng ban thưởng ; không dùng được, cũng để đấy. Nhưng chớ nên hiềm vì một vài chữ trong câu đặt quê mùa mà tự ý sửa đổi, lỡ thành chữ nọ lầm ra chữ kia, không đúng sự thực ; cũng chớ nên coi là của ở hòm riêng mà buộc cao, giấu kín để rồi đến lâu ngày tản mát, sẽ là đáng tiếc ! Các địa phương nên đem ý này hiểu thị khắp nơi để mọi người đều biết”.

Phó quản cơ ở cơ Hữu định thuộc Hà Nội Lê Viết Bích đạo trước nhân đốc hành cung, yêu sách dân hơn 100 quan tiền, bị quan khoa đạo Nguyễn Cư Sĩ tham hặc. Vua sai cách chức, giao tra xét, Bích bị xử tội mãn lưu.

Đóng thêm 5 chiếc thuyền Lê Bông, cấp cho các hoàng tử, hoàng đệ [dùng để] đi theo hầu.

Tỉnh Thanh Hoá chế tạo đã xong chiếc thuyền, hộ dân về Kinh, việc làm đều ổn thoả. Thường cho các viên suất đội ngân tiền lớn, nhỏ mỗi hạng 1 đồng ; biên binh, tiền 30 quan.

Hiệp quản đạo Thủy sư Lê Điển, độ trước, vì hộ dẫn thuyền ngự, đốc thúc không nhanh nhẹn, bị cách lưu ; đến nay, hộ dẫn thuyền mới đóng ở tỉnh Quảng Bình về Kinh, việc làm thanh thoả. Chuẩn cho được khai phục ; còn suất đội trở xuống, thường cho ngân tiền có thứ bạc.

Các hạt Hà Nội, Ninh Bình, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương hàng ngày mưa to, nước lụt ú đọng, lúa ruộng phần nhiều bị tổn hại. Sai bộ Hộ chiếu lệ, tha, giảm [thuế ruộng] có thứ bạc.

Đổi chế 1 chiếc ấn “Tà đô ngự sử quan phòng” bằng bạc. (Thể dạng đều theo như ấn quan phòng của Lục bộ. Chiếc ấn bằng ngà đã cấp trước, do Nội các thu tiêu).

Chế cấp cho chức Kinh kỳ Thủy sư Đô thống 1 chiếc ấn quan phòng bằng bạc.

Sai phát những vải Tây dương ở Nội vụ phủ, tính bớt giá, giao các tỉnh bán đi.

Quan tỉnh Thanh Hoá tâu xin xây đắp 1 đôn canh ở bên đôn Sơn Châu (nguyên là đôn Mỹ Điền thuộc tỉnh Thanh Hoá). Trước đây, xa giá đi qua lạch Linh Thủy (chỗ 2 tỉnh Thanh, Nghệ giáp nhau) thấy 2 bên núi đứng dựng, hình thế có thể nương dựa, mới sai xét địa thế, đặt chỗ hiểm. Tới đây, quan tỉnh xin đặt 1 đôn canh ở phía nam đôn Sơn Châu để giúp thêm việc phòng thủ. Vua cho rằng sự nghĩ định chưa được rõ ràng, sai hãy hoãn lại. Sau rồi không làm nữa.

Thất Sơn đã dẹp yên. Người Thanh, người Thổ ra hàng, thú kể tới hàng nghìn (tên Yên chia giao viên chức ở phiên trấn là Mộc Túc dụ được hơn 2.700 người và các hạng súng, khí giới, đem nộp ; Phùng Nghĩa Phương dụ được hơn 1.300 người ; Tri phủ Ba Xuyên Lê Nhượng dụ được hơn 4.500 người). Vua sai Nguyễn Công Trứ và Phùng Nghĩa Phương thay nhau đi sắp đặt, lựa chia lập ấp, thôn, đặt người trông coi giúp đỡ sự khai khẩn ruộng đất cho cày và ở, để việc làm và chỗ ở được yên.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXI

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Nhâm Dần, Thiệu Trị năm thứ 2 [1842], mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 1, Mậu Dần, có nhật thực.

Đóng lâu thuyền Thanh yến.

Điều bổ thụ Thống chế dinh Kỳ võ Tôn Thất Đường làm thụ Tổng đốc An - Tĩnh. Vua bảo Trương Đăng Quế rằng : “Nghệ An là nơi trọng địa ở Hữu kỳ ⁽¹⁾, Mai Công Ngôn đã bỏ vào làm quan Kinh, không nên để chức quan to coi địa phương phải thiếu lâu ngày, có thể cho Tôn Thất Đường làm được không?”. Quế thưa rằng : “Đường là người cẩn thận, tướng cũng có thể làm được”. Vua nói : “Đường chưa từng bỏ ra làm chức quan ngoài, nay nếu biết hiệp với đồng僚, cùng một lòng làm việc thì lo gì làm không xong. Và, chức Tổng đốc tỉnh Thanh Hoá đã có quan văn thì hạt này cũng nên dùng quan võ để cho nương giúp lẫn nhau”. Vậy nên mới có mệnh lệnh này. Đường vào từ biệt vua. Vua dụ rằng : “Người vốn tính chất phác, phạm làm việc gì cũng nên bàn bạc với các viên bố, án, theo cái phải của người, nhờ lẫn nhau mà làm nên việc, nếu hợm mình là người trong họ vua, thiên chấp ý kiến của mình thì ít khi khỏi lỡ việc. Lại còn như dân ở biên giới Trấn Ninh, người nên khéo vỗ về cho yên, để chúng nhớ ơn và sợ oai, chớ nên để cho thuộc lại sinh sự, làm mất lòng dân”.

(1) Hữu kỳ : gồm Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hoá.

Sai Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm, gia hàm Đô thống là Nguyễn Trọng Tính kiêm giữ ấn triện dinh Kỳ võ.

Cho Lê Chân làm thự Án sát sứ tỉnh Quảng Trị.

Nêu thưởng những người tiết phụ ở các địa phương. (Người huyện Thanh Trì tỉnh Hà Nội : Nguyễn Thị Quyên, lấy chồng năm 19 tuổi, mới được 1 năm, chồng chết. Nhà chồng thương vì goá trẻ, chưa có con, cho về nhà ở. Thị Quyên tự cắt tóc, thề giữ chí không lấy chồng, ở trọn đời. Nguyễn Thị Tư, năm 21 tuổi, goá chồng, cũng chưa có con. Người cha muốn ép gả chồng khác, Thị Tư ngầm uống thuốc độc, cha mẹ chồng biết, cứu khỏi. Từ đấy, không bàn đến việc cải giá nữa. Người huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá : Nguyễn Thị Phán, năm 20 tuổi, ở goá, hàng xóm có người cầu hôn, Thị Phán liền cắt tóc, để tỏ quyết tâm. Sau có bọn giặc nghe biết nàng đẹp, đến cưỡng ép. Nàng tự thích vào mặt mình, rồi đem con trốn đi, mới được thoát. Tới đấy, quan địa phương đem những việc ấy tâu lên, đều nêu thưởng cho).

Hữu tham tri bộ Binh Phan Thanh Giản có tang cha. Cho Giản theo đường trạm, về quê để lo việc tang. Lại cho rằng cha Giản không dựa vào điển lễ được phong, ban cho 20 lạng bạc, 1 cây gấm Trung Quốc, 2 cuốn sa.

Đổi huyện Hà Dương tỉnh Hà Tiên thuộc vào quản hạt phủ Tĩnh Biên tỉnh An Giang. Cho thự viên Quản cơ lĩnh Phủ úy phủ Hà - Bình là Mộc Túc quyền lĩnh chức Phủ úy phủ Tĩnh Biên (Mộc Túc trước ở Trấn Tây, không chịu theo giặc, đem gia quyến chạy về hạt lý, đã được vua dụ khen thưởng cấp cho thẻ bài có chữ “Hiệu trung” và đồ mặc, vật dùng). Tư vụ Bùi Bằng hiệp đồng với Mộc Túc cùng viên Quản cơ coi đồn Hưng Nhượng là Nguyễn Văn Lương tạm quyền việc phủ, chiêu dụ dân trong hạt về hết yên nghiệp làm ăn. Đó là theo lời xin của Tổng thống Lê Văn Đức.

Lê Văn Đức, Nguyễn Công Nhân, Nguyễn Tri Phương, Lê Khắc Nhượng và Tôn Thất Nghị đem 6.000 biên binh, tiến thẳng đến Sách Sô (thuộc địa hạt huyện Nam Thịnh, phủ Nam Ninh kiêm lý) để đánh dẹp. Vua nghe biết, nói rằng : “Chỗ ấy, giặc mọc, hà tất phải phải nhiều biên binh, há chẳng làm mệt sức mọi người ru?”. Lại dụ Lê Văn Đức rằng : “Chỗ ấy nếu còn bọn nguy phạm tụ tập thì nên thừa cái thế chẻ tre, tiêu diệt cho mau để hết sạch mầm mống còn sót. Nếu chúng đã trốn xa, vào tận rừng cùng kiệt, thì đem ngay một dải đất như những huyện Nam Ninh, Nam Thái, lựa tùy sự thế, hoặc nên giao cho người Thổ đã quy thuận, cho họ chức hàm và liệu cấp lính Thổ cho lưu lại để giữ như việc cho Mộc Túc quyền lĩnh Phủ úy đó. Tại Hà Âm, Hà Dương cũng đều đặt quan chức người Kinh, người Thổ, khiến cho tự đi chiêu dụ. Nếu sự thế có chỗ chưa tiện thì cũng nên một phen sắp đặt thật kỹ, chỉnh đốn việc biên cương, khiến cho việc có đầu mối, để đợi toan tính về sau. Vả, quan quân của ta bị khó nhọc ở ngoài đã lâu, đến nay 3 năm, không phải là

trăm không nghĩ tới cái khổ của người đi xa, chỉ vì trong lúc biên thủy có việc, không thể không lại phiên dùng binh lực. Nay sự cơ đã gần được thuận tiện, bọn giặc đã gần dẹp hết, các người nên tùy việc liệu làm để cho biên cương vững chắc, quân ta sớm được nghỉ ngơi, mới không uổng công chuyển đi này và xứng với sự uỷ thác”.

Bọn Tổng đốc Lê Văn Đức, thự Tổng đốc Nguyễn Tri Phương tiến binh đến Sách Sô, từ Thuận Cảng chuyển ra sông Tiền Giang, đi ngược dòng lên, qua Tân Châu, An Lạc và cửa cảng Ba Nam. Bọn giặc bỏ đồn, tan chạy trước. Đạo quan quân đi trước, đến bến Sách Sô, thấy vài trăm tên giặc ẩn nấp, liền đem đại bác bắn dữ dội, giặc liền tan chạy. Quan quân chia đường tìm nã bắt sống được 6 tên thổ phi ; tra hỏi, chúng nói : Trận đánh ở Hà Âm bữa trước, quân Xiêm Man thua to, bị thương và chết rất nhiều. Tên đầu mục giặc là Chất Tri đã đem tên phạm nguy xưng về Trấn Tây. Bọn Đức bèn theo đường tiến đến các đồn quân Man. Bọn giặc đều đã nghe oai, trốn xa, bỏ hết nhà ở, tuyệt không có của chứa gì cả. Đức sai đốt hết những chỗ chất chứa, quy tụ của giặc, rồi ai nấy đem binh thuyền trở về An Giang. Nguyễn Công Nhân, Nguyễn Tri Phương và Tôn Thất Nghị đều về lý sở cung chức. Bọn Lê Văn Đức, Lê Văn Phú và Lê Khắc Nhượng về Gia Định.

Trước đây, vua sai viện Cơ mật viết thư gửi cho Lê Văn Đức rằng : “Toàn hạt Trấn Tây sự thể rất quan trọng. Phàm những công việc phải xếp đặt nên xét kỹ tình hình, lại nhận thêm sự thế, nếu có thể thừa cơ đem quân đắc thắng tiến luôn đuổi đánh để chinh đốn lại bờ cõi thì nên lập tức phái đi cho kịp việc. Đó là thượng sách. Nếu vì binh sĩ lâu ngày mỏi mệt và địa thế rộng rãi, chưa thể một chốc dẹp yên, muốn tìm cách khác dùng Man đánh Man, thì tên Yêm chính là lúc có thể dùng được. Nếu hấn quả một lòng quy phụ triều đình, nghĩ mưu báo đáp thì liệu cấp cho vài nghìn lính Thổ, giao hấn quản lĩnh, lại phái thêm 2 cơ binh ở Nam Kỳ⁽¹⁾, một cơ ở Tả kỳ⁽²⁾, chọn 1 viên Lãnh binh hay Quản vệ được việc, cho đứng đầu, để quản đốc, sai hấn đi các địa phương Nam Ninh, Nam Thái hay Nghi Hoà, Phong Nhương, chiêu tập thổ dân ; đợi được số dân về nhiều thì cho hấn làm trưởng. Ta sẽ cắt một khoảng đất cho làm hàng rào che chống bên ngoài mà phục tùng về ta như loại phủ, huyện vậy. Rồi chia đồn, đóng ngay các nơi hiểm yếu, cho quân sĩ nghỉ ngơi, dưỡng sức vài năm. Nội trị đã vững, sẽ làm một chuyến to, thu lấy toàn hạt Trấn Tây, thẳng tiến đến bờ cõi nước Xiêm, đánh cho thật dữ khiến chúng không bao giờ còn dám manh tâm quấy rối. Đó cũng là một kế hay. Máy việc kể trên, xét cho kỹ, nếu có thể làm được thì nên làm tập tâu dâng lên”.

(1) Nam Kỳ : Thực lục chép là 南畿 . Ngờ in lầm. Có lẽ là 南圻 mới đúng.

(2) Tả kỳ : tức Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hoà.

Đức bèn tâu rằng : “Bọn Lạp Man mà dám rông rở ⁽¹⁾ như vậy, là cạy có người Xiêm dó thôi. Qua những lần bị quan quân đánh giết, về mặt thuỷ thì nửa đêm phải trốn xa, về mặt bộ thì một trận thua vùi dập, bọn Xiêm, Man chắc đã phải mất vía, chồn lòng. Nay ta nếu thừa thắng, thẳng đánh Trấn Tây, quân giặc chẳng qua như đàn ong, lũ kiến, lại thêm hoảng sợ tiếng gió, tiếng hạc ⁽²⁾, có thể không đánh cũng tự tan, nhưng xét kỹ tình hình, nhận được sự thế thì đánh được không khó, mà giữ được mới khó. Xin đem thế giặc mà nói : Toàn hạt Trấn Tây vốn là một nước Lạp Man, phần nhiều quen thói ngoan ngạnh, giảo trá, tráo trở, bất thường. Trước kia tuy gọi là lệ thuộc bản đồ nước ta, nhưng chỉ là có cái tiếng suông mà thôi. Chúng đã quen ơn, cản trở, coi ta là thù [ta đối với chúng] đã thành cái thế cưỡi cọp dữ rồi. Nay muốn chiêu dụ, vỗ về cho chúng ở yên nhưng cái tính khó dạy của chúng vẫn không thể tin, muốn cầu như trước : đặt đất làm quận, huyện, dùng người làm binh, dân, quyết không thể được nữa ! Huống chi địa thế xứ ấy rộng gấp đôi 6 tỉnh Nam Kỳ, nếu muốn dùng binh đánh gấp thì đánh bên đông chúng lẩn sang bên tây, lấp chỗ này lại hở chỗ khác, há có thể một trận mà trừ diệt được cả đâu ? Dù có thể trận nào cũng thắng cả, nhưng há có thể chỗ nào cũng giữ được cả ? Vả, đất ấy rừng rú rậm rạp mà toàn không có chỗ nào hiểm yếu có thể giữ vững, chẳng qua lựa đặt một vài đồn bảo, lưu binh đóng giữ : số binh lưu lại nhiều thì sự chuyển vận [để tiếp tế] rất khó : lưu ít thì thế cô nguy, khó giữ. Hơn nữa, quân lính đóng lại, chỉ ở trong đồn bảo, mà bên ngoài mặc chúng kiêu rông ⁽³⁾, thì có ích chi ? Tất đến phải bỏ, rút về, thì khó nhọc, tổn phí không sao kể hết, sẽ không khác gì việc làm lần trước ! Kể ra, mới bỏ, lại vội lấy, đã lấy, lại bỏ đi, thì không bằng đợi lúc nên lấy hãy lấy, là hơn. Nay lại xin lấy binh thể hiện tại của ta mà nói : binh các đạo đi đánh dẹp đã trải 2 - 3 năm nay, xông pha, dẫu dãi, khổ sở đã nhiều, cực nhọc đã lâu, kẻ ốm chết, kẻ bỏ trốn kể có hàng nghìn. Gián hoặc trong 1 vệ, 1 cơ, số lính chỉ còn một nửa, thậm chí lại có vệ, có cơ không còn được một nửa ! Mà những người còn sống thì mình không có manh áo lạnh, sắc mặt trông như đầu ốm. Sức quân sĩ đã mệt nhọc như thế, há nỡ đem hạng người đáng yêu mà để làm cái việc không đáng yêu ru ? Huống nữa, hành binh sang đấy, không thể không dùng thuyền được. Hiện nay các thuyền vì luôn mấy năm dùng đi đường thuỷ, phần nhiều bị mục nát, thắm gỉ mà không có gỗ ván, dầu mỡ, để tu bổ ; nay nếu dùng để chở binh đi xa, chưa chắc mười phần đã ổn. Phàm những điều đó đều là tình hình thực tại. Lại còn như các địa phương Nam Ninh, Nam Thái, liên tiếp với thượng du, bọn liều chết liên kết nhau

(1) Rông rở : không phục tùng, không sợ hãi.

(2) Do chữ “Phong thanh hạc lệ”. Khi xưa, quân Tấn Bồ Kiên bị quân Tấn đánh, thua to, lúc chạy nghe tiếng gió rít, tiếng hạc kêu, đều hoảng sợ, tưởng là tiếng hò reo của Tấn đuổi.

(3) Kiêu rông : kiêu ngạo lăng loàn.

để giữ. Tên Yem, tuy có thể dùng được, nhưng ta đối với hắn, ơn tín chưa sâu, chưa tiện cho đi chiêu tập. Sự cất đất cho hắn làm phiên thuộc, tướng hãy để thông thả sẽ làm, mới có thành hiệu. Thần trộm nghĩ : cách dùng binh, không ngoài 2 việc đánh giữ. Quân địch nếu chưa nên đánh, thì ta hãy cứ giữ, mình ở gần đợi kẻ xa đến, mình nhàn rồi đợi kẻ mệt nhọc, khi có thể thắng thì đánh, như vậy, giữ không phải là chỉ giữ mà giữ tức là cách để đánh đó. Nếu khiến cho quân dân ta nghỉ ngơi, cùng vui dưỡng sức, nội trị đã vững, lại nghiêm cấm việc mua trộm muối, và lương thực, đợi một vài năm, bọn Lạp Man không chịu nổi sự lấn bực hà ngược của giặc Xiêm, tất sẽ giết hại lẫn nhau. Lúc ấy có thể nhân kẽ hở, nắm cơ hội mà hành động, thì không phải đánh mà thu được toàn thắng.

“Vậy xin hãy giữ từ tỉnh lý Hà Tiên liền cả một dải sông Vĩnh Tế và những đồn bảo hiện có ở các địa phận Đa Phúc, Cần Thăng, Tân Châu, An Lạc, Hùng Ngự, Thông Bình, liệu để những binh mới phái đến đóng giữ những nơi ấy. Tự trung chỉ có chỗ cương giới miền biển của tỉnh Hà Tiên liền kề với giặc, và sông Vĩnh Tế là đường sau của Hà Tiên, thông vào tận ruột tỉnh An Giang, việc phòng bị rất là quan trọng. Nay bọn Xiêm, Man trốn tránh tản mát không có quân giặc tụ ngấm ở gần biên giới. Và, sắp đến mùa mưa lụt, việc phòng giữ hơi được rồi rã, xin tuân theo lời minh dụ : liệu cho những binh lính lần lượt đã đi thú và các hạng biên binh trong Kinh, ngoài tỉnh đã đi đánh dẹp, trở về quân ngũ ở Kinh, ở tỉnh để cho sức binh được rồi. Tôi lại còn có điều xin nữa : Giặc Xiêm sang chuyển vừa đây, muốn để rửa cái xấu hổ lần trước và khoe khoang với bọn Man Lạp, thế mà lại bị thua đau như vậy, càng nhục hơn nữa. Hoặc giả chúng chưa cam tâm, còn muốn cầu may để hồng báo phục, lại đến nộp mạng lần nữa, cũng chưa biết chừng. Ta nên chuẩn bị để nắm trước lấy cơ nghi mà chiến thắng địch. Vậy xin đến thời kỳ phòng bị mùa đông này, những tỉnh Gia Định, Vĩnh Long, Quảng Nam, Bình Định mỗi tỉnh phái 1.000 binh, Định Tường, Biên Hoà, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận mỗi tỉnh phái 500 binh, đến tháng 10, tháng 11 sang tỉnh An Giang đóng nghỉ. Còn binh ở Kinh, xin phái 5 vệ, đến tháng 12 vào đóng giữ Gia Định, Vĩnh Long mỗi tỉnh 2 vệ, Định Tường 1 vệ. Những thuyền bọc đồng, thuyền hải vận cũng xin cho chỉnh bị sẵn để đợi sai phái. Nếu giặc sợ không dám động đến ta, thì ta vì đã có phòng bị, không phải lo rồi, cứ chăm cho quân sĩ diễn tập để ai nấy đều thông thạo mưu lược về việc binh, tướng cũng chẳng sao. Đến năm sau, sẽ liệu cho về. Nếu giặc ngu, không sợ chết, còn dám đến quấy nhiễu thì ra tay đối phó dễ dàng, không phải lo vì chậm chạp, lỡ việc. Lại từ Hậu Giang đến Tân Châu và An Lạc ở Tiền Giang tất phải từ Thuận Cảng đi lên, trải 3 - 4 ngày đi quanh co, và chậm vừa khó, đi lại thật thấy bất tiện. Vậy : một đoạn từ An Giang đi ngang qua

Tân Châu và An Lạc, xin cho quan tỉnh thuê vát⁽¹⁾ quân, dân đào thành đường sông để dễ cho sự không chế tiếp ứng. Đó cũng là một việc cốt yếu nên làm”.

Vua dụ Lê Văn Đức rằng : “Quan quân qua nhiều lần đánh giết, giặc đã tan chạy. Bọn giặc ở Sách Sô cũng sợ oai trốn xa trước, đến đâu cũng thấy không còn gì. Chắc chúng đã mất vía bỏ trốn, không dám dòm nom gì nữa. Duy toàn hạt Trấn Tây chưa thu phục được hết, còn chưa vừa lòng, nhưng lựa thế, xét cơ : nếu đánh được mà không thể giữ được, sao bằng hãy tạm nghỉ binh, dưỡng sức, gây oai để sẽ mưu đồ về sau, còn hơn. Nay nhân lúc oai tiếng lừng lẫy, hát khải hoàn, rút quân về, cũng là hợp lý. Chỉ có điều là ở địa diện An Giang, Hà Tiên và những đường hiểm yếu ở Tiền Giang, Hậu Giang đều cứ nhân các đồn lũy cũ, lưu binh đóng giữ, còn thì cho về. Và, những chỗ địa đầu giáp tiếp ở Tây Ninh, Quang Hoá còn chưa bàn tới, cũng nên đồng thời cất đặt kỹ lưỡng, lựa để số binh ở giữ, ngoài ra cũng rút về cả. Người, bấy lâu mỗi một ở ngoài, nay đã 3 năm, tấm tình tôi con há không nhớ mong, triu mến ? Nay, việc biên giới đã hơi thư, cho hãy về tỉnh nghỉ ngơi, mười hôm, rồi theo đường trạm, về Kinh ngay để chiêm cạm. Còn Lê Văn Phú, vẫn do chức Thống chế, quyền lĩnh Tổng đốc Định - Biên ; Đặng Văn Thiêm cũng về Bình - Phú để cung chức. Về số các hạng biên binh nên cho lưu lại hoặc thả về, đợi làm tập tấu đệ lên, sẽ lại liệu quyết định. Về việc xin đến kỳ phòng thủ mùa đông, trước phái binh đến thì đợi đến gần kỳ ấy, đã do bộ tâu rồi làm. Duy các thuyền ở Nam Kỳ, cần dùng rất gấp, giao cho sở tại xét xem những chiếc thuyền nào nên tu bổ thì chi các khoản để cho sửa chữa, cần phải đều được hoàn hảo để phòng dùng đến. Một đoạn từ thủ sở Châu Giang ngang qua Tân Châu và An Lạc, giao Nguyễn Công Nhân và Nguyễn Công Trứ trừ tính công làm, rồi tâu lên”. Chưa bao lâu, tỉnh An Giang trừ tính : nhân công dùng làm việc này, phải tới 72.522 công, phải thuê 10.000 dân phu ở 3 tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Định Tường và vát 2.000 biên binh các hạng đi làm, ước tới 2 tháng mới xong. Nhưng hiện nay trời nắng dữ, nhân dân phần nhiều cảm nhiễm sinh bệnh, xin hãy cho tạm hoãn”. Vua y theo.

Tỉnh Thái Nguyên tâu : “Châu Bạch Thông và huyện Cẩm Hoá thuộc tỉnh hạt, thóc tô bấy nay vẫn được nộp thay bằng tiền, đến năm ngoài đổi thu toàn thóc. Nay xin theo lệ cũ, chuẩn cho dân tính theo giá, nộp mỗi 1 học thóc là 1 quan 2 tiền để tiện sự chuyên chở đem nộp. Vua cho rằng hạt ấy đường núi hiểm trở, không có đường thủy, nên cho theo như lệ trước, nộp thay bằng tiền để dân được tiện.

Bọn giặc sống trốn ở Sơn Tây là lũ tên Thạch, tên Khóm ngâm tụ ở xã An Kiện (thuộc huyện Phù Ninh). Phó lãnh binh Nguyễn Hữu Diệu sai Suất đội Trương Phúc Thủy và Đội trưởng Nguyễn Văn Ngọan chia đi vây bắt. Bị bọn giặc ngăn chặn

(1) Vát : giống như điều động.

đánh khép lại, Thuỳ và Ngoạn đều bị chết vì chiến đấu. Quan quân và thù hạ chết đến vài chục người, còn đều tan vỡ. Hữu Diệu được tin báo, liền đem theo thự Phó quản cơ Nguyễn Văn Tự, Suất đội Nguyễn Văn Ngọc và Trần Văn Thiêm đi đến tiếp ứng. Bọn giặc đã đặt trước quân phục ở trong rừng, dựa vào rừng bắn ra. Quan quân không thể tiến được. Binh lính gián hoặc có người bị thương bị chết ; súng ống, thuốc đạn cũng bị giặc cướp mất. Nguyên Lãnh binh can án là Trần Văn Luận và thự Phó quản cơ Tôn Thất Đàn sai Suất đội Phùng Văn Chiêu đóng chặn ở xã Lê Đào, ban đêm, cũng bị quân giặc lên vào lấy mất 2 khẩu điều sang. Việc ấy lên đến vua, Văn Tự, Văn Ngọc, Văn Thiêm đều bị trăm giam hậu, Văn Chiêu bị phát đi sung quân. Hữu Diệu và Tôn Thất Đàn vì cất đặt sai lầm, đều bị giáng 4 cấp. Trần Văn Luận, bị cách chức, bắt phải ra sức đi nã kẻ phạm để chuộc tội trước.

Sau đó, bọn giặc lại ra vào trong huyện hạt Thanh Ba. Lãnh Tổng đốc Trần Hữu Lễ làm tờ sức cho các phủ, huyện ai nấy phải chiếu theo địa hạt, ngăn giữ. Có viên Tri huyện Thanh Ba Phan Thế Trung cho rằng bọn giặc lẩn trốn mà làm rông rở, đều là bởi bọn tổng, lý ngày thường thông đồng với giặc và các viên phủ, huyện trước đây cầu lấy yên thân, mặc cho giặc sống, nên mới gây ra như thế. Cái kế ngày nay là : xin cho quân quan đều trở về ngũ, những quan viên có lỗi phải ở ngoài nã bắt giặc cũng đều cho về tỉnh yên đọi. Những án về việc giặc hiện đương tra hỏi, bắt tất lấy đủ lời cung, cứ trích lấy một vài án nặng đem hành hình, còn đều tha ra. Về các phủ, huyện, châu, chọn lấy những người không ham tiền tài và tính dễ dãi, thân dân như Trung này, bổ sung vào, cho được tiện nghi làm việc. Nếu làm như thế đến 1 năm mà không có công hiệu thì tôi xin cả bản thân và gia quyến đều chịu tội”. Hữu Lễ cho những lời nói ấy phần nhiều sai và bậy, bèn đưa ra tham hạch. Vua bảo bộ Hình rằng : “Bọn giặc sống trốn ở Sơn Tây, chẳng qua như cá sống trong đáy hồ, không rõ Phan Thế Trung có lòng trung phần thế nào mà đến có những lời nói kích thiết như thế ? Huống nữa, những lời nói ra không một việc nào có thể nghe được, hoặc giả người này riêng có ý kiến mà lời nói không rõ ý, thì cũng nên để cho tự bọc bạch, chưa nên vội khép tội ngay”. Bèn sai bắt giải giao Khâm sai đại thần Vũ Xuân Cẩn xét hỏi : nếu người ấy quả là giữ mình trong sạch, vốn có mưu lược, có thể dẹp giặc yên dân thì cho trở hết những điều áp ù, triều đình cũng sẽ liệu cất nhắc cho ; nếu chỉ đặt lời nói hão, sẽ xử trị theo đúng tội. Sau bản án dâng lên, Trung vì nói hão huyền cả, bị cách chức, phát đi làm binh.

Tỉnh Quảng Nam tâu : “Có hơn 200 tên ác Man lên xuống thù sở ở nguồn Chiên Đàn, phóng lửa đốt, cướp, đánh giết biên binh và cướp lấy khí giới. Phó lãnh binh Dương Đình Lâm do tỉnh phái đến đánh bắt, tâm nã luôn mấy hôm, không bắt được tên nào”. Vua nghe biết việc ấy, nói rằng : “Thù sở ấy đã có quan quân đóng giữ, không biết ngày thường bọn chúng phòng giữ những thế nào ! Huống chi ác Man

ở tiếp giáp với bọn Man chịu thuế, sao lại có thể vượt đôn bảo mà gây sự được ? Bọn trú phòng Văn Đình Dưỡng và thủ ngự Nguyễn Sĩ, trước hãy phải cách chức, phát đi tiền khu để hiệu lực”. Lại sai thự Án sát Nguyễn Văn Chấn đi gấp đến tra hỏi và xếp đặt, xử trị. Sau đó Chấn tâu nói : “Bọn ác Man lúc ra lúc lẩn không thường, chẳng qua vì đói, đi cướp lấy lương thực thôi. Xin đợi khi mùa nắng đã lui, sẽ phái đại đội quan quân đi đánh ráo riết để tuyệt mầm ác”. Vua quả rằng : “Bọn Man này thừa lúc hờ cơ, lén nổi đó thôi, hà tất hơi một chút cũng phiền đến đại binh đi xông pha nơi xa ?”. Rồi dụ cho Nguyễn Văn Chấn và Dương Đình Lâm đốc sức các đôn bảo và dân phu sở tại đóng giữ những nơi hiểm yếu phòng bị ngăn chặn quân cướp, trong 1 tuần cần phải dẹp cho yên tĩnh, bất tất ở chỗ lam chướng lâu ngày. Lại nên kén người thông thạo, được việc, cho đi đến các miền dân Man chịu thuế, vỗ về dụ bảo cho khéo để chúng sợ oai và nhớ ơn, thì bọn Man ở nơi hoang dại không đường lên xuống, dân biên giới sẽ có thể yên ổn. Ấy cũng là một cách vỗ về cho được yên lặng đó. Nên liệu làm cho khéo ! Chấn bèn để lại hơn 100 binh đóng giữ, rồi về.

Quản vệ Thủy vệ Hải Dương là Lê Công Bảo đi một chiếc thuyền Hải vận, lĩnh vật hạng ở Kinh, chở ra giao cho tỉnh Nam Định, mới đến hải phận cửa Luật tỉnh Hà Tĩnh, gặp 2 chiếc thuyền giặc, hai bên đánh nhau, đến ngoài khơi Nhãn Sơn (thuộc tỉnh Hà Tĩnh), thuyền giặc đuổi đánh, Công Bảo và Suất đội Nguyễn Thiêm Thọ bị giặc giết, binh lính trong thuyền phần nhiều bị thương và chết. Chiếc thuyền Hải vận cũng bị giặc lấy đi. Tỉnh Nghệ An đem việc ấy tâu lên. Vua nói : “Về điều khoản tuần phòng mặt biển đã nhiều lần nhắc bảo cẩn kẽ, nay chính đương lúc giải các vật hạng đi mọi nơi, ở Kinh và các hạt đều phái binh thuyền chia đi tuần tiễu, sao lại dường như không nghe, biết điều gì ! Thế thì cái trách nhiệm tìm bắt giặc cướp để đâu ?”. Viên quyền Thủ ngự tâu sở giữ việc truy bắt giặc và những viên ở Kinh, ở tỉnh phái đi tuần biển đều phải phân biệt giáng chức, trách phạt. Bớ chính Nghệ An Vũ Tuấn, Án sát Hồ Hựu và Lãnh binh Đồng Bá Huyền vì sức bảo không nghiêm, đều giáng 1 cấp.

Lại dụ thự Tổng đốc Tôn Thất Đường sửa soạn binh thuyền, sai Phó lãnh binh Phan Tùng đem ra biển, truy bắt giặc, và phi tư cho trong Kinh phái các binh thuyền tuần biển nhất tề đi truy nã giặc. Lại truyền Chỉ từ Thanh Hoá ra Bắc đều chiếu theo hải phận, đón chặn thuyền giặc để cho yên sự quấy rối mặt biển.

Cho : Bớ chính tỉnh Vĩnh Long Lê Khánh Trinh làm Bớ chính tỉnh Gia Định, nguyên sung Tán tương quân vụ Lê Khắc Nhuận bổ thự Lang trung bộ Lại, quyền lĩnh ấn triện Bớ chính Vĩnh Long.

Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Trung bảo là Nguyễn Lân chết. Lân làm việc bắt giặc đã lâu, có chút công lao, nay chuẩn cho thực thụ Vệ úy, chiếu theo tặng hàm, cấp cho tiền tuất gấp đôi.

Quy định lệ hao của bạc và thiếc khi làm thành khí. Trước đây, vua cho rằng số các hạng thổ ngân chứa trong kho có nhiều, mấy năm nay đem đúc chế đều tùy việc chi dùng, khi thành đồ vật hao hụt bao nhiêu, chưa có định lệ, nay dự sai một viên đường quan bộ Hộ hội đồng với bốn nha, chiếu số thổ ngân hiện có ở kho, đốc sức các thợ nấu qua một lần ở sở thu chi của Nội vụ phủ, liệu định kỹ càng tỉ mỉ về lệ hao hụt để có mực hạn. Lại đặt riêng lò đúc ở công sở của Vũ khố, sai Lang trung hai bộ Hộ, Công và khoa đạo mỗi nơi 1 viên cùng với 4 nha đi đến coi làm, chiếu theo giấy kê của Nội vụ phủ về việc đã đúc và in chữ các hạng ngân tiền, các thẻ bài thưởng công, hạng nào, số bao nhiêu, liền đem chỗ bạc hiện đã nấu qua đó đốc sức các thợ theo đúng mẫu mà làm. Sau đó, bộ Hộ tâu : “Hạng bạc 8 thành hiện đã nấu qua tại công sở là 50 lượng, giao thợ theo mẫu, đúc thẻ bài thưởng công 170 tấm, mỗi tấm nặng từ 2 đồng cân 7 phân đến 3 phân không chùng. Đúc thành khí, cộng 48 lượng 6 đồng cân 9 phân ; chỉ còn lại 2 đồng cân 1 phân. Hao mất 1 lượng 1 đồng cân. Rồi tính đồ đồng cứ 10 lượng thì hao 2 đồng cân 2 phân. Và, các bạc và thiếc, khi làm thành khí, hao bao nhiêu, chưa có định lệ, nay nên một phen chăm chú quy định để tỏ rõ có sự đồng nhất. Vậy xin do hai bộ Hộ, Công, mỗi bộ 1 viên đường quan đi tới công sở, đốc bọn phái viên đem các hạng bạc 8 thành, 7 thành và hơn 8 thành, hơn 7 thành, trích ra mỗi hạng 10 lượng, đúc và in chữ các thứ ngân tiền và thẻ bài thưởng công, xét nghiệm xem hạng bạc nào khi làm thành khí, số hao là bao nhiêu thì cùng bàn rồi liệu định làm lệ”. Vua khen lời tâu là phải, và cho thi hành. (- Hạng bạc hơn 8 thành, cứ 10 lượng hao 1 đồng cân 8 phân. - Hạng bạc 8 thành, 10 lượng hao 2 đồng cân. - Hạng bạc hơn 7 thành, 10 lượng hao 1 đồng cân 8 phân. - Hạng bạc 7 thành, 10 lượng hao 2 đồng. Phàm đúc chế các hạng : [ngân tiền] Phi long lớn, nhỏ, ngân bài thưởng công, [các ngân tiền] Vạn sự như ý và Nhật nguyệt tinh vân, theo trên, chuẩn định làm lệ. - Thiếc thành hạng chế tạo ra các đồ vật, cứ 100 cân thì thành khí 94 cân : hao 6 cân).

Cho Lang trung, Biện lý bộ vụ ở bộ Hộ là Lê Văn Thu thăng thự Thị lang ở Nội vụ phủ.

Bọn Tổng thống Lê Văn Đức tấu khước khái hoàn rút quân về. Những lính thú mới vẫn để lại đóng giữ 2 tỉnh An Giang, Hà Tiên ; còn những lính thú cũ và quân theo việc đánh dẹp lâu ngày đều cho về nguyên ngũ.

Dụ bộ Binh rằng : “Từ khi cõi Nam có việc, tướng sĩ phải chịu vất vả ở ngoài đã 3 năm nay. Tình hình gian khổ thật rất đáng ái ngại. Nay phàm những người quê từ Bình Thuận ra Bắc đều thưởng cho lương, tiền 1 tháng ; những người quê ở các tỉnh Nam Kỳ đều thưởng lương, tiền nửa tháng ; những người đau ốm đều cho về quê điều dưỡng, cấp thêm cho gạo trắng để đỡ cơm cháo. Các hạng biên binh, khi về tới ngũ, sẽ ban tiệc khao thưởng một lượt. Suất đội trở lên vẫn ở lại cung chức,

còn biên binh đều cho về nghỉ ngơi (Những binh ở Nam Kỳ, cho nghỉ 15 ngày, ở từ Bình Định ra Bắc, cho nghỉ 1 tháng, sẽ đều trở lại hạng ngũ). Những biên binh bị chết trận đều chuẩn cho một người con được miễn mọi đao dịch. Những thổ ty, thổ mục bấy lâu tòng quân, dự có chút công lao, sẽ đều xét rõ công trạng, bàn thưởng để tỏ sự khuyến khích”.

Triệu nguyên Tham tán, Thống chế Nguyễn Tiến Lâm, nguyên Lãnh binh Trấn Tây Nguyễn Văn Hoà, quyền lĩnh Lãnh binh An Giang Đoàn Quang Mật, Vệ úy Lê Quang Quảng và thự Vệ úy Lê Khoan Mạnh đều về Kinh, đợi sẽ chọn dùng làm chức khác. Lại cho rằng bọn đầu mục nguy phạm còn trốn chưa bị giết, bèn dụ 2 tỉnh An Giang, Hà Tiên treo giải hậu thưởng : bất cứ binh dân Kinh, Thổ, ai có thể bắt hay chém được đầu mục giặc, đưa đến nộp quan, sẽ chiếu theo tên đầu mục to hay nhỏ, tội nặng hay nhẹ, chia định cách thưởng. Nếu bọn giặc có kẻ bắt được tên đầu mục của chúng đem giải và thú tội, cũng cho tâu rõ, sẽ tha tội và lại gia thưởng. Cần phải làm cho mọi người ra sức tìm bắt để duyệt mầm ác.

Sau đó, bọn thổ phỉ Thất Sơn sống trốn ra địa phận Kiên Giang, bè lũ có đến hơn 3.000 tên. Vệ úy Hà Tiên Nguyễn Văn Do cùng với nguyên Án phủ sứ Quảng - Biên Lê Quang Nguyên và Phó cơ Nguyễn Văn Thái chia đường chặn bắt, chém được nhiều tên. Vua thưởng cho quân công, kỷ lục, nhẫn vàng, ngân tiền, có thứ bạc. Bố chính Trần Văn Thông cho rằng chỗ ấy đường thủy có nhiều ngả, xin đi quân thứ, chiêu tập bọn thủ hạ, tùy cơ đánh dẹp. Vua quả rằng : “Trần Văn Thông là viên quan to ở địa phương, trong hạt có giặc, người phải thân đem binh đến tận nơi để dập tắt đi, đó là phận sự. Thế mà lại dùng dằng tâu xin, há chẳng làm cho chậm mất công việc ? Huống chi số biên binh phái đi chắc cũng không ít, hà tất phải xin chiêu tập thủ hạ để sinh lằm việc ? Ý kiến như thế thật là hồ đồ ! Nhưng đã tự xin đi, cũng chuẩn cho đem binh tới gấp địa diện Kiên Giang, đôn đốc bọn biên binh đã phái đến trước, tùy cơ đánh dẹp, phủ dụ”. Sau đó, bọn giặc sống trốn lại tụ tập ở mấy xứ Hoả Lưu, Vị Thủy, Xà Bàn. Lãnh binh Mai Văn Tích cùng với Vệ úy Nguyễn Văn Do, Án phủ Lê Quang Nguyên chia đường đánh bắt, chém được 3 tên đầu mục giặc và 50 tên đồng lõa giặc, thu được khí giới nhiều không tính xiết. Bọn giặc ra thú gồm hơn 200 tên. Viên nguyên Nhiếp biện huyện vụ Kiên Giang bị cách dịch là Trần Văn Tập (Tập, trước đây, vì làm trở ngại lằm lổ quân cơ, bị cách, phải tòng quân, hiệu lực) chém được 1 đầu giặc tại trận, lại chiêu dụ được hơn 100 tên thổ phỉ ra thú. Các quân giặc lần lượt đầu hàng và ra thú gồm hơn 1.200 tên. Sai số tại liệu chia đặt cho ở. Vua nghe việc ấy, phê bảo rằng : “Từ đây, bụi sạch⁽¹⁾, rất đáng khen ! Vậy thưởng cho Mai Văn Tích, Lê Quang Nguyên mỗi người 1 bài đeo

(1) *Bụi sạch* : ý nói giặc già đã yên.

bằng bạch ngọc, kim tiền Song long hạng nhỏ có dây đeo, và 1 nhẫn vàng tinh quang ; Nguyễn Văn Do 1 nhẫn vàng tinh quang, và 1 kim tiền Phú thọ hạng nhỏ có dây đeo. Lại cho mỗi người được thưởng gia quân công 1 cấp. Còn Trần Văn Tập, cho khai phục nguyên Giám sinh, vẫn làm Nhiếp biện huyện vụ như trước, chiêu dụ vỗ về những dân lưu tán để mau được trở lại đây đủ”.

Dem việc dẹp giặc ở Nam Kỳ đã xong bố cáo cho thiên hạ biết. Dụ rằng :

“Trước đây, Lạp Man phản bội, thông đồng với giặc Xiêm, dồn quân cả nước đến cướp biên giới. Về đường thủy thì ở hòn Tràm ⁽¹⁾, hòn Tre thuộc tỉnh Hà Tiên, thuyền giặc có 80 - 90 chiếc đóng ngoài biển gây sự ; về đường bộ thì những chỗ Vĩnh Thông ở sông Vĩnh Tế, Đa Phúc ở Tiền Giang, An Lạc và Tân Châu ở Hậu Giang, giặc chia đường ừa đến quấy nhiễu, quân kể có hàng vạn, đóng đồn nhiều tới hơn 50 - 60 sở, chực chờ nghể mọn con lừa, rông rở làm cà. Trước đã nhiều lần sai nguyên lĩnh Tổng đốc An - Hà là Tín Vũ hầu Phạm Văn Điển, Tham tán Ninh Lạc nam Nguyễn Tiến Lâm, thự Tổng đốc Long - Tường là Nguyễn Tri Phương Đốc đồng Anh dũng tướng Nguyễn Công Nhân chinh dốn quân sĩ, chia đi chống đánh, sau nhân nợ giá Bắc tuần, cần gây tình giao hảo với lân bang, nhưng vẫn bần lòng đến miền Nam, nên đã dự tính mưu tính kế về biên giới, đặc cách phái quân cứng mạnh 6 vệ Kinh và Tả kỳ đi vào Nam, cho Tổng đốc Định - Biên là Ân Quang tử Lê Văn Đức làm Tổng thống tiểu bộ quân vụ, Thống chế dinh Thân cơ là Lê Văn Phú làm Tham tán đại thân, đi đốc suất biên binh các đạo, lựa cơ đánh dẹp. Sau đó, được tin Hà Tiên báo thắng trận : quân quan bắn súng đại bác thuyền giặc tan vỡ, quân giặc mất vía, đương đêm bỏ chạy. Các chi đồn giặc ở Tiền Giang và Hậu Giang lại bị những toán nhỏ trong các đạo quân ta chặn đánh, đều tan vỡ hết, chỉ còn một số lớn quân giặc ở đồn Vĩnh Thông ngu tối, không sợ chết, dám làm ra mặt chống cự lại. Quân quan liền chia 5 đạo, ra sức đánh úp, phá luôn đồn giặc hơn 20 sở, chém tại trận được những tên đầu mục của giặc, của Thổ và bè lũ chúng hàng hơn trăm, nghìn đầu. Quân Xiêm Man bị thương, bị chết không sao kể xiết. Ta thu được đại bác 28 cỗ, khí giới nhiều không tính được. Đại đầu mục giặc Xiêm là Chất Tri khiếp sợ, chạy về, không còn dám khoe tài nữa. Sau đó, đại binh của Tổng thống Lê Văn Đức tiếp đến, dẹp đất Thất Sơn, phá sào huyệt giặc. Người nhà Thanh, người Thổ ra thú mỗi ngày có đến vài nghìn, ta đều chia đặt cho ở yên chỗ để làm ăn. Bọn Đức lại theo đường chuyển đi các địa đầu Nam Ninh, Nam Thái thuộc hạt Trấn Tây. Quan quân đến đâu cũng như vào chỗ không có người giữ. Xiêm Man đã nín hơi, biên thủy đã yên lặng, bèn sai hát khải ca, rút quân về, khao

(1) Hòn Tràm : Hán văn chép là “Lam dũ”, Tràm là một thứ cây, lá mọc nghiêng (khuy nh diệp) dùng để sả thuyền và nấu dầu ; có phân biệt với cây chàm, lá dùng để nhuộm. Hòn đảo này có nhiều cây tràm, nên mới gọi tên như vậy.

thường ưu hậu cho mọi người. Công lớn khi làm xong, đã xuống dụ ngay cho quân, dân nghỉ ngơi, cùng yên vui vô sự. Và, trăm buổi đầu nối ngôi, gặp phải biên cương có việc, bắt buộc dĩ phải đẩy binh, động chúng, sai tướng đi đánh, không ngoài sự đánh kẻ phản nghịch, giữ yên lương dân, để cầu cho yên ổn. Nhờ trời tựa, đất thương, ông cha để phúc, các tướng đồng lòng, ba quân theo mệnh, mà được cờ đỏ báo thắng, hoàn thành võ công. Mặc dầu chỗ đất Trấn Tây nhỏ mọn hãy còn để ra một xó, nhưng cũng chẳng qua là không nỡ dùng quá sức binh, chỉ cốt chiêu tập cho dân yên ổn. Hiện nay, các nơi biên thủy, địa diện đều được yên tĩnh ; quân, dân mọi chỗ đều được yên vui, mà tấm lòng của trăm lo cho dân từ trước đến nay cũng có thể được yên ủi đôi chút. Vì vậy dụ khắp trong ngoài cho mọi người đều biết rõ”.

Bọn man Nam Chương quấy nhiễu cướp bóc cư dân ở phủ Điện Biên. Phó quản cơ đóng giữ đấy là Lê Văn Long đem quân và dân chống đánh. Giặc Man lui chạy, Long đuổi đến thành Tam Vạn, bắt được lương thực của giặc, rồi trở về. Quan tỉnh Hưng Hoá đem việc ấy tâu lên. Thường cho Văn Long hàm Quản cơ. Rồi sai Án sát Đinh Văn Minh đến vùng ấy, xem xét những chỗ hiểm, chỗ dễ của sông núi cùng là những đường ra vào, quan lại của bọn Man, tùy tiện xếp đặt để giữ vững biên cương. Lại chọn đất chia cho ở để dân cư được yên.

Thi Đình. Sai Thái tử Thái bảo, Trung quân Chương phủ sự, Vũ Lao hầu Tạ Quang Cự làm Giám thí đại thân ; Thượng thư bộ Công Nguyễn Trung Mậu, Hữu thị lang bộ Lễ, gia hàm Tham tri, sung biện việc Nội các Lâm Duy Thiếp giữ việc đọc quyển thi, Tả thị lang bộ Lễ Trương Quốc Dụng và Thị độc học sĩ, sung biện việc Nội các vụ Nguyễn Cửu Trường giữ việc duyệt quyển thi. Cho : Hoàng Đình Tá đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân ; bọn Phan Đình Dương, Phan Tam Tỉnh, Phạm Hữu Từ, Nguyễn Danh Vọng, Ngô Khắc Kiệm, Nguyễn Duy Cẩn, Nguyễn Tường Phổ, Trần Văn Chính, Nguyễn Quý Tân, Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Văn Tố, Trương Đăng Trinh 12 người đều đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân.

Vua bảo Trương Đăng Quế, Hà Duy Phiên rằng : “Xưa nay thi đình, lấy đồ vào bạc Tam khôi⁽¹⁾ thì văn lý như thế nào là được ?”. Bọn Quế thưa rằng : “Văn cổ, văn kim đều phải 10 phần ý đủ, lời đẹp, mới xứng đáng vào bạc ấy”. Vua nói : “Văn lý mà làm được vẹn cả 10 phần, thật không phải dễ. Đức Hoàng khảo ta mở giáp khoa⁽²⁾, để ý cầu người có học, nhưng về nhất giáp vẫn còn để trống. Đó cũng là để đợi người có tài cao, lạ, chứ không phải câu nệ về mực thước đâu”.

Vua lại bảo Lâm Duy Thiếp rằng : “Về bọn cống cử, nên chọn lấy người có tài học và kiến thức, hà tất cứ phải câu nệ hạn tuổi ! Và, sức học tiến ích cốt ở lúc còn

(1) Tam khôi : ba bậc đỗ nhất giáp : trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa.

(2) Giáp khoa : khoa thi tiến sĩ.

thanh niên, nếu tuổi đến ngoài 40 thì chí ý đã mỏi mệt, còn cố gắng sao được ! Há chẳng thấy mấy năm nay những người trúng cách về thi Hương, thi Hội phần nhiều là thiếu niên, còn 40 tuổi trở lên thì ít ? Từ nay về sau, những người sung vào phủ cống⁽¹⁾, không câu nệ hạn tuổi. Ra lệnh cho quan ở bộ ghi lấy, bàn lại rồi tâu để thi hành”.

Tha, giảm thuế thân năm ấy cho các tỉnh từ Quảng Nam vào Nam có thứ bậc khác nhau. (Các tỉnh từ Quảng Nam đến Bình Thuận, giảm 2 phần 10 ; Gia Định, Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, giảm 3 phần 10 ; An Giang, Hà Tiên, 4 phần 10). Trước đây, vua từ Bắc Kỳ hồi loan, bảo thị thần rằng : “Năm nay, Bắc tuần, tới đâu cũng làm phúc, ra ơn, các tỉnh từ Quảng Trị ra Bắc đều được nhờ ; duy còn từ Kinh vào Nam chưa được ban ơn, thật thấy chưa vừa lòng lắm !”. Trương Đăng Quế tâu : “Từ Quảng Trị ra Bắc, phải dựng hành cung, sứ quán khó nhọc, thường cho là phải. Còn như các tỉnh Nam Kỳ đợi sau khi công việc đã yên, ra ơn cho cũng chưa muộn”. Vua cho là phải. Tới đây, việc dẹp giặc đã xong, mới đặc cách cho tha, giảm thuế để đều được hưởng ơn rộng rãi.

Bọn ác Man ở Quảng Ngãi lại gây tai vạ. Phó quản cơ cơ Nhất là Nguyễn Văn Loan ra sức đánh, bị chết. Việc ấy lên đến vua. Bọn Bó chính Nguyễn Đức Hộ, Án sát Ngô Văn Địch, Lãnh binh Nguyễn Vĩnh và Phó quản cơ ở cơ Tứ đều bị giáng 2 cấp. Loan được tặng Quản cơ, chiếu theo tặng hàm, cấp tiền tuất. Sau đó, bọn ác Man lại lên xuống tấn phạt của cơ Tứ và cơ Ngũ, chia đi bắt người cướp của. Phó quản cơ Chu Phúc Minh thân đem quân và dân mai phục, chặn đường về, rồi đánh giết hết. Vua thưởng : Minh được quân công kỷ lục 2 thứ, kim ngân tiền mỗi thứ 4 đồng ; đội trưởng trở xuống, mỗi người đều được ban thưởng có thứ bậc khác nhau.

Tỉnh Gia Định tâu nói : “Việc phòng bị ở các mặt Tây Ninh, Quang Hoá đã hơi thư rồi, xin liệu để một số biên binh ở lại đóng giữ, còn cho rút về quân ngũ ở tỉnh”. Vua thuận cho. Lại cho rằng ở những chỗ địa đầu quan trọng, nay đầu quân giặc đã đi xa, nhưng cũng chưa nên vội sơ suất, trễ nải, bèn sai quan tỉnh chọn trong những viên thuộc tỉnh, viên nào am hiểu tiếng Man thì cho đi đến các địa đầu dò thám để biết rõ tình thế của giặc. Lại, sau cơn giặc giã, phạm các làng mạc có dân phải lưu tán thì nên tìm nhiều cách chiêu dụ, gia tâm vỗ về để họ trở lại như cũ.

Thường cho cha mẹ các quan viên ở trong Kinh và ngoài tỉnh, văn từ tam phẩm, võ từ nhị phẩm trở lên. Năm ngoái, những người có chiếu gia ơn, đã sai quan địa phương đến thăm hỏi từng người. Đến nay, hai bộ Lại, Binh làm xong danh sách tâu lên, quan Kinh thì: Tôn Thất Bật, Nguyễn Đức Hoạt, Trần Ngọc Lâm, Nguyễn Trạch, Phạm Thế Hiển, Trương Quốc Dụng, Đỗ Quang, Hoàng Thu; quan ngoài thì :

(1) *Phủ cống* : hạng học trò ở phủ, qua đợt sát hạch, hàng phủ đệ cử để đi thi.

Đặng Văn Thiêm, Nguyễn Tri Phương, Trần Văn Trung, Đặng Đức Thiêm, Nguyễn Văn Nhị, Nguyễn Trị, Nguyễn Đức Chính, Bùi Phụ Phong, hiện còn cha mẹ. Thương cho ngân tiền, linh màu, sa, lụa, sâm, quế, mỗi người có thứ bạc khác nhau.

Sai Biện lý bộ Lại Vũ Đức Nhu, thụ Lại khoa Chương án Cấp sự trung Vũ Danh Trì đi thanh tra Nội vụ phủ.

Vua thấy mùa hạ đến tháng rất nóng, bèn ban sâm nam cho hoàng tử, hoàng thân và đình thần mỗi người có thứ bạc khác nhau. Cũng truyền Chỉ ban cho các đại thần phái đi tra xét công việc là : Vũ Xuân Cẩn và Hoàng Tế Mỹ cùng với các thuộc viên theo đi làm việc.

Triệu bọn tiến sĩ, phó bảng mới đỗ đến viện Tả đãi lậu thi ứng chế. Ra đầu đề là “Tây chinh tấu khai” ⁽¹⁾, làm theo thể khúc “Tân Vương” ⁽²⁾ phá trận” của Bạch Cư Dị trong lối Nhạc phủ ⁽³⁾ đời Đường.

Trước đây, quân thứ Vĩnh Tế đánh đuổi giặc Xiêm, thu được một khẩu súng lớn kiểu Tây dương, vua sai đem thí nghiệm để xem mức độ bắn đi được xa hay gần, rồi bảo bộ Binh rằng : “Súng này là súng của Tây dương, ta đánh dẹp giặc Xiêm mà bắt được, nên đặt tên cho súng là “Bình Xiêm sung tiêu pháo” để ghi việc ấy. Trước đây, hôm mồng 1 tháng giêng, có 1 con hươu từ trong núi nguồn Hữu Trạch chạy ra bên bờ hành cung An Bằng ; Thủ hộ phó sứ Tôn Thất Quý bắt sống được, đem dâng vua. Qua vài ngày, lại có 1 con dê rừng cũng từ trong núi ấy chạy ra, Thủ hộ sứ Tôn Thất Cung bắt được, dâng lên. Vua nói : “Chữ “lộc” 鹿 [con hươu] đồng âm với chữ “lộc” 祿 [phúc lộc], chữ “dương” 羊 [con dê] đồng âm với chữ “ dương” 陽 [khí thịnh]. Đó tuy là những vật tầm thường, nhưng năm mới mà bắt được, không phải là việc ngẫu nhiên, chính là điềm tốt”. Tới đây, việc bang giao trọng đại đã khánh thành trong khi Bắc tuần, việc dùng binh ở Nam Kỳ lại thành công lớn, người ta cho là ứng với điềm tốt “dương, lộc”.

(1) *Tây chinh tấu khai* : đánh phía Tây, hát mừng thắng trận.

(2) *Tân Vương* : Lý Thế Dân, tức Đường Thái Tông, giúp cha dẹp yên đất nước (617 - 622). Đến thời Nguyên Hoà (806 - 820), nhà thơ Bạch Cư Dị làm khúc Tân Vương phá trận để tán dương công nghiệp.

Nhạc phủ : Lối văn vần làm theo thể cách các khúc nhạc ở Nội phủ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Nhâm Dân, Thiệu Trị năm thứ 2, mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, làm lễ Thu hưởng. Vua thân đến Thế miếu làm lễ. Còn các miếu và lễ Ân tiến ở điện Hiếu Tư thì chia sai hoàng tử, hoàng thân kính đến làm lễ. Lệ cũ : 2 lễ tế Xuân, Thu, vua thân đến Thái miếu ; 2 lễ tế Hạ, Đông, vua thân đến Thế miếu. Đến nay, bộ Lễ tâu xin : ngày lễ mùa xuân năm nay, vua đã đến làm lễ tại Thái miếu, thì lễ mùa thu, xin vua đến Thế miếu ; còn lễ mùa đông, xin vua mặc lễ phục đến làm lễ tại điện Hiếu Tư. Đợi sang năm làm xong lễ Thăng phụ ⁽¹⁾, sẽ lại tuân theo lệ trước. Vua y theo.

Sai : Tả tham tri bộ Hộ Đào Trí Phú sung làm chủ khảo trường thi Thừa Thiên, Thái bộc Tự khanh sung Sử quán Toàn tu Tô Trân làm Phó [chủ khảo] ; Bó chính Quảng Bình Nguyễn Trị sung làm Chủ khảo trường thi Nghệ An, Lang trung biện lý bộ vụ ở bộ Hộ Phạm Thế Trung làm Phó. Lấy đỗ 56 cử nhân (trường Thừa Thiên 38 người : Phạm Phú Thứ, Lê Khoan Hoàn, Trà Văn Tuy, Trần Văn Quang, Nguyễn Quang Huy, Trần Đình Túc, Lê Văn Phổ, Lê Đình Côn, Nguyễn Thế Nho, Hồ Tiến Thụy, Lê Văn Giản, Nguyễn Văn Học, Lưu Tư Trung, Phan Khắc Tuấn, Trần Văn Xương, Nguyễn Hiến Doãn, Văn Phú Hậu, Nguyễn Đức Tân, Hoàng Công Thịnh, Phạm Văn Tường, Trần Văn Ninh, Trần Quang Quyền, Hoàng Văn Khuê, Lê Điều Dương, Ngô Huệ, Ngô Đàm, Trần Thế Vinh, Nguyễn Duy Tân,

(1) *Thăng phụ* : lễ rước thân chủ vào miếu tổ sau khi hết tang.

Hoàng Văn Sĩ, Hoàng Công Trứ, Phạm Công Đê, Đỗ Văn Lân, Lê Ý Đức, Mai Trúc Tùng, Bùi Văn Đôn, Nguyễn Văn Trị, Hồ Tính, Cao Văn Vận. - Trường Nghệ An 18 người : Lê Kiên, Lý Nguyên Tường, Bùi Thứ, Phan Đình Thực, Nguyễn Trọng Quát, Hồ Ngọc Ban, Phạm Đình Toái, Phan Khắc Kiệm, Lê Cán, Trần Định, Vương Đình Chiêu, Hồ Bình Vi, Lê Đăng Trạc, Trần Hậu Đức, Tạ Khắc Quán, Hoàng Tuấn Thăng, Nguyễn Bách, Lê Văn Lưu).

Trong danh sách tú tài trường Thừa Thiên có người tên là Nguyễn Phúc Tường, vua ghét vì mạo dùng họ nhà vua, sai cách bỏ tên trong sổ tú tài, đổi làm Nguyễn Văn Tường và giao cho viện Đô sát trị tội, nhân dụ rằng : “Từ xưa, thánh nhân đặt lễ : trên dưới có thứ bậc, dòng họ có phân biệt, đó là để nêu rõ sang, hèn và chia rõ thân, sơ. Đức Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta gây dựng nước nhà, lấy Nguyễn Phúc làm họ nhà vua. Khoảng niên hiệu Minh Mệnh lại có dụ nhắc lại : Phàm người không phải họ vua mà dưới họ của mình [chữ Nguyễn] mạo đặt chữ Phúc thì cho dùng chữ khác để thay. Quan, dân trong, ngoài, ai cũng đều biết kính cẩn kiêng tránh, Văn Tường đã đi học, đi thi, không thể nói là không biết, sao lại còn mạo đội họ vua ? Quan tỉnh Quảng Trị và học quan ở phủ, huyện sở tại xét hạch, thu quyển, cứ việc sắp xếp đưa đi, quan Quốc tử giám và quan trường lại không một người nào kiểm điểm nêu ra, sao mà dui điếc cả một lũ đến thế ! Bộ Lễ trước đây thu nhận danh sách cũng bỏ qua không biết. Tất cả đều là sơ sót, giao cả cho [viện Đô sát] nghị xử”.

Khi án xét xong dâng lên, vua lại giao đình thân bàn lại. Tường bị tội đồ 1 năm, học quan ở tỉnh, phủ, huyện, quan [Quốc tử] giám, quan trường, bộ Lễ và viện Đô sát đều bị phân biệt giáng, phạt.

Vua lại dụ rằng : “Họ vua là tôn trọng, trăm khi coi chính sự ở Thân đài ⁽¹⁾, đã được Hoàng khảo ta cận kề dụ bảo tận mặt : Họ nhà vua ngày càng đông đúc, về dòng dõi Tôn thất, cần phải thường thời kiểm tra cho minh bạch. Thế mà nay có kẻ không biết gì kia, ngu dại lâm phạm, không thể không dụ bảo lại cho rõ để răn đe người sau. Vậy chuẩn định : từ nay, phạm kẻ nào cố ý lạm mạo họ vua, nếu hai chữ họ hay hai chữ tên mà phạm vào dòng dõi thế hệ thuộc Tôn thất chi gần thì chiếu theo luật “Đại bất kính”, xử tử ; nếu xung hô phạm đến Tôn thất chi xa thì chiếu theo luật “Con nuôi mạo tập ấm”, phát đi sung quân ở nơi lam chướng ; nếu cố phạm để cậy quyền thế sách nhiễu hay mưu toan để thừa kế tập phong sẽ lại trị tội nặng thêm bậc nữa. Những người thuận cho và những người biết việc ấy mà không tố cáo đều giao bộ nghị xử nghiêm ngặt. Những điều này đều đặt làm lệ lâu dài. Vậy dụ khắp trong, ngoài để mọi người biết mà tránh, không vi phạm”.

(1) Thân đài : tức là Tôn nhân phủ.

Thái bảo Tiền quân Chương phủ sự, lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh là Tân Phúc hầu Phạm Hữu Tâm chết. Trước đây, Hữu Tâm bị ốm ở Hà Nội. Vua nhiều lần sai trung sứ ra thăm hỏi, ban cho sâm, quế của vua dùng và phái Thái y đến chữa. Tới đây, Hữu Tâm bệnh nặng, xin về làng, đi đến Nghệ An thì chết. Y chính Ngô Kiến Trí cho chạy trạm về Kinh, đem việc ấy tâu lên trước. Vua rút nước mắt, nói : “Phạm Hữu Tâm lúc trẻ theo Hoàng tổ ta dựng nghiệp, đánh dẹp có nhiều công lao, khi thờ Hoàng khảo ta, trải làm quan trong, quan ngoài, dựng nhiều quân công đã được ơn trên ưu đãi, cho tước đền công, để lại cho ta để giúp đỡ những điều còn thiếu sót. Hữu Tâm thật là một bề tôi chính trực. Năm ngoái, tuyên triệu về Kinh, gặp khi có lễ lớn về bang giao, nên sai hãy trở về lý sở để giữ việc ở một miền quan trọng, nhưng bệnh già dần dần thêm nặng, đã cho điều dưỡng, mong chóng lành mạnh để đón lấy ân sủng. Không ngờ bệnh thể khó chữa, giữa đường đã vội qua đời ! Thiệt mất người lương thần giúp việc, khiến cho lòng ta thương xót không khuây ! Nay ngoài việc chiếu lệ cấp tiền tuất, chuẩn cho gia phong Tân Phúc quận công, đặt tên thụy là Trung Túc. Lại thưởng thêm cho gấm màu, nhiều màu, sa màu mỗi thứ 10 tấm, sai Thị vệ do đường trạm, đem đến ban cho. Lại chuẩn cho vát phu trạm đi hộ tủy, những biên binh thuộc quyền thì đưa linh cữu về quê. Đến ngày chôn cất, cấp thêm cho 3.000 quan tiền và ban lễ tế 2 lần. Người con là Phạm Hữu Xuân đã được chi lương theo thất phẩm, nay cho ấm thụ, làm tinh binh Phó vệ úy ; khi hết tang, sẽ do bộ tra cứu, theo lệ, xin Chỉ dụ cho tập phong, để tỏ rõ cái ý tha thiết thương nhớ người bề tôi huân cựu”.

Tâm chết ở Nghệ An, qua 6 ngày, quan tỉnh mới dâng sớ tâu vua ; về việc trị tang chỉ cho thân nhân [của Tâm] vay lĩnh tiền kho để chi dùng. Vua giận, quở rằng : “Đại thần chết ở bên ngoài, quan địa phương phải coi sóc việc tang, chi cấp các khoản, phải phái lính hộ tống linh cữu, cũng cần phải dâng sớ phi tấu. Nay quan tỉnh làm việc như thế, còn ra sự thể gì nữa !. Thự Tổng đốc Tôn Thất Đường ít học, không biết thể thống đã đành, còn Bố chính Vũ Tuấn và Án sát Hồ Hựu cũng làm như thế à ? Vậy giáng bọn Đường mỗi người 1 cấp, số tiền 300 quan đã lấy kho chi ra, cho miễn truy đòi”.

Lại bảo Trương Đãng Quế rằng : “Cõi Tây chưa lặng, miền Nam chưa yên, từ khi vào mùa hạ đến nay, mới 3 - 4 tháng, những bề tôi có công, những tướng có tuổi nối tiếp nhau mà chết (Phạm Văn Điển, Nguyễn Văn Trọng, Đoàn Văn Sách, Phạm Hữu Tâm). Gió nổi, mây bay⁽¹⁾, trạnh niêm tưởng nhớ, khiến ta không thể người lòng!” (Tâm, người làng Cổ Lão, phủ Thừa Thiên, thọ 64 tuổi).

(1) Do câu “Đại phong khởi hê, vân phi dương” (gió lớn nổi lên, mây bay lượn lờ) trong bài “Đại phong ca” của Hán Cao Tổ.

Thăng Phó lãnh binh An Giang là Tôn Thất Nghị làm Lãnh binh An Giang. Điều bổ Phó lãnh binh Vĩnh Long là Vũ Đình Đàm làm Phó lãnh binh An Giang. Cho Vệ úy vệ Cẩm y Nguyễn Văn Phụng do hàm Vệ úy, làm tác vi⁽¹⁾ Phó lãnh binh Vĩnh Long.

Bổ thụ : Nguyễn Văn Lưu làm Vệ úy Tứ vệ, thuộc Kinh kỳ Thủy sư Trung dinh ; Phan Văn Mầu làm Vệ úy Nhất vệ thuộc Hữu dinh, Phan Văn Xích làm Phó vệ úy Ngũ vệ thuộc Tả dinh. Bọn Lưu luyện tập ở đường biển, nhiều lần phái đi, đắc lực, cho nên vua khen, dùng.

Phong toả mỏ vàng An Bảo ở Thái Nguyên. Vì quan tỉnh tâu nói : bọn trưởng mỏ, phu mỏ⁽²⁾ trốn đi, bỏ thành hoang vu, cho nên sai đóng lại.

Cho Phó vệ úy vệ Hữu dinh Hùng nhuệ là Lê Công Đức làm Phó lãnh binh Quảng Ngãi. Viên Phó lãnh binh Phan Văn Lãng trước đây vì bọn ác Man đến quấy rối, đánh dẹp không xong, tuổi lại suy yếu, bị giáng làm Cai đội, bắt về hưu, cho nên sai Công Đức thay thế.

Truy tặng các viên giáo đạo, tán thiện, bạn đọc và giảng tập ở nơi phủ cũ khi vua chưa lên ngôi. Vua dụ rằng : “Trong năm Minh Mệnh, đức Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta thận trọng về người được kén để nối tiếp cơ nghiệp, dòng dõi, nên cần phải chọn những kẻ tốt ở bên cạnh để nhắc bảo, hun đúc, kỳ cho được thành tựu, vậy đặc cách sai bọn học rộng tài cao như Nguyễn Đăng Tuấn, Trương Đăng Quế sung hầu giảng sách để giúp đỡ, chỉ dẫn. Ta, sau những khi Hoàng khảo dạy bảo chính sự, lại cùng mọi người giảng tập văn chương sử sách, bàn bạc về cổ, kim, phần nhiều có thành hiệu. Nay nối giữ nghiệp lớn, chuộng dùng người cũ. Nguyễn Đăng Tuấn, Trương Đăng Quế, một người là nguyên lão có danh vọng to, một người là đại thần từng chịu di mệnh, đã được gia thưởng ưu hậu cả rồi. Nay lần lượt nhớ đến những người sung làm giáo đạo, tán thiện, bạn đọc và giảng tập ở ban giảng học, họ tuy chức có lớn, nhỏ, ngày giúp việc có lâu, ít khác nhau, nhưng đều được dự vào cuộc lựa chọn trọng thể ở bấy giờ. Nay người thì đã trả ấn, treo xe⁽³⁾, người thì nhân được bổ ra ngoài, bị lỗi ; ai nấy đã qua đời cả. Thấy nay, nhớ xưa, thật đáng buồn ngùi ! Vậy liệu ban ơn để tỏ rõ lòng nhớ tha thiết những bề tôi khi trước, có thêm ân mà không giảm bớt”. Bèn truy tặng : Ngô Đình Giới làm Lễ bộ Thượng thư Bùi Tăng Huy làm Tham tri, Doãn Văn Xuân làm Thị lang, Tào Quang Lệ, Mai Thăng Đường và Nguyễn Văn Nhuận làm Quang lộc Tự khanh, Nguyễn Đăng Sĩ làm Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, Lương Văn Tuấn làm Thiêm sự phủ thiếu

(1) Tác vi : như thí sai, chưa được thực thụ.

(2) Hán văn là “khoáng trưởng” 礦長 và “khoáng phu” 礦夫

(3) Ý nói đã về hưu trí.

thiền sự, Nguyễn Văn Kỳ làm Lễ bộ Viên ngoại lang. Truy thụ cho Hoàng Văn Đản làm Lang trung, Bùi Văn Lý làm Chủ sự. Lại phong ấm cho 1 người con của Đình Giới, hàm thất phẩm ; 1 người con của Tăng Huy, hàm bát phẩm (Đình Giới trước sung chức giáo đạo ; Tăng Huy, Văn Xuân, Quang Lệ, Thăng Đường, Đăng Sĩ và Văn Đản trước đều sung tán thiện ; Văn Nhượng, Văn Kỳ và Văn Lý trước đều sung bạn đọc ; Văn Tuấn trước sung giảng tập. Đăng Sĩ, Văn Đản và Văn Lý đã được bổ làm quan ngoài, sau bị lỗi). Vua lại nghĩ : Lê Đại Nghĩa và Vũ Hàm Chương đều sung vào ban giảng đầu tiên khi vua chưa lên ngôi, nên truy tặng thêm: Đại Nghĩa làm Lễ bộ Thượng thư ; Hàm Chương làm Lang trung.

Quan tỉnh Phú Yên tâu bày : “Ruộng nương trong hạt nhiều chỗ bị nước mặn tràn vào, không thể cấy lúa được, xin hoãn tô ruộng năm ấy, dời đến sang năm thu cả”. Vua gia ơn, tha hẳn cho.

Sai Biện lý bộ Hình là Lê Nguyên Giám, thụ Chương án Cấp sự trung ở Hình khoa là Mai Khắc Mẫn đi thanh tra Vũ khố.

Vua thấy kỳ xét án mùa thu đã tới, Khâm sai đại thần Vũ Xuân Cẩn hiện còn phụng mệnh ra ngoài làm việc công, bèn điều thụ Thượng thư bộ Lễ Phan Bá Đạt làm thụ Thượng thư bộ Hình, miễn cho Lê Đăng Doanh kiêm lĩnh chức ấy.

Dời lý sở huyện Đẻ Định về xã Niêm Sơn. Trước đây, huyện lý ở xã Mậu Duệ, lam chương hơi nặng, cho nên dời vào xã này (huyện Đẻ Định thuộc tỉnh Tuyên Quang).

Đổi phong : An Nhân quận công Miên Cấp làm Tuy An quận công ; Tuy Nhân quận công Miên Sùng làm Tuy Biên quận công, vì tránh [chữ “Nhân”] là miếu hiệu⁽¹⁾.

Người quả phụ tỉnh An Giang là Trương Thị Khách quyền thóc đem nộp quan để giúp việc quân. Vua khen là người biết chuộng nghĩa, thưởng cho 2 cặp áo, 10 đồng ngân tiền, cho đề biển tại chỗ ở rằng : “Lạc quyền nghĩa phụ”, lại tha việc đi lính, việc đao dịch suốt đời cho 1 người con hay cháu. Người làng Minh Hương tỉnh Quảng Nam tên là Khâu Trị tự làm ra thuốc để điều trị những lính đau ốm, vua cũng thường thụ làm chánh cử phẩm y sinh, lại cho 1 bộ áo có bổ tử để được vinh dự.

Bố chính Định Tường Trương Văn Uyển, Án sát Ngô Văn Thế tự tiện thả tên tù phạm Lê Văn Lân. Việc phát giác, giao bộ nghiêm nghị, cả hai đều bị giáng 4 cấp, lưu, bắt phải tìm bắt cho được tên Lân. Sau, Lân ra thú, vua cho tha tội, phát đi làm binh ở An Giang.

Triệu Lãn binh Gia Định là Ngô Văn Giai về Kinh để chọn dùng làm chức khác. Bố thụ Vệ úy vệ Hữu nhị dinh Vũ lâm là Trương Cẩm làm Lãn binh Gia

(1) Miếu hiệu của Minh Mệnh : Thánh tổ Nhân hoàng đế.

Định. Điều : thự Vệ úy vệ Nhị thuộc Hậu bảo là Nguyễn Đức Tập làm thự Vệ úy vệ Hữu nhị dinh Vũ lâm ; Vệ úy vệ Trung nhị dinh Vũ lâm là Trần Văn Quán làm Vệ úy Nhất vệ thuộc Trung bảo ; thự Vệ úy Nhất vệ thuộc Hậu bảo là Lê Khoan Mạnh bổ thự Vệ úy vệ Trung nhị dinh Vũ lâm.

Sai các trạm áp tải bạc ở các tỉnh từ Phú Yên trở vào Nam, đưa về. Lệ trước, do những lính thú về Kinh chuyển đệ bạc ấy đem nộp ; tới đây vua cho rằng biên binh đã làm việc đánh dẹp lâu ngày, không nỡ bắt phải nhọc sức nữa, nên mới sai dùng phu trạm thay làm.

Vua bảo Trương Đăng Quế ở viện Cơ mật rằng : “Gần đây thổ phỉ hợp nhau ở Hà Âm, Hà Dương, chưa ra đầu thú hết. Chỗ ấy dân Kinh, dân Thổ ở lẫn lộn rất nhiều, nên cho đi hiểu dụ rộng khắp, để chúng vui theo giáo hoá, ai nấy yên phận làm ăn”. Tiếp đó, lại dụ sai quan tỉnh An Giang, thường phải dò hỏi tình hình cho đích xác, tùy nghi làm cho ổn thoả, chớ cho rằng việc biên cương tạm yên, đã vội tỏ ra sơ suất, trễ nải mới được.

Trao chức Tổng đốc Định - Biên cho Lê Văn Phú. (Phú trước do nguyên hàm Thống chế, quyền lĩnh ấn quan phòng Tổng đốc Định - Biên để làm việc). Dụ rằng : “Định Biên là nơi trọng địa ở Nam Kỳ, chức việc coi giữ rất quan trọng. Văn Phú, người được trầm đặc cách kén chọn, nên gắng đem mưu lược, chiêu tập võ về cho yên biên giới để xứng đáng với ý trẫm đã giao cho làm trọn. Còn nguyên Tổng đốc Lê Văn Đức, đợi đến ngày về tới Kinh, sẽ chọn dùng chức khác”.

Vua từng đến điện Kim Linh làm lễ. Các hoàng thân, văn, võ đại thần luân phiên túc trực. Ngày đốt vàng mã dâng tiến, lại sai thự Đô thống Mai Công Ngôn và Vũ Văn Giải sung làm Chính lý nghi trượng đại thần. Sau khi đủ tuần tam thất ⁽¹⁾, đặt riêng 2 đàn “bạt độ” ⁽²⁾ : 1 đàn cho những người Tôn thất quá cố ; 1 đàn cho các tướng sĩ chết trận ở Nam Kỳ và những người theo đi Bắc tuần bị bệnh chết. Những quan lại, binh, thợ trông coi và làm công việc, đều thưởng 1 tháng lương, tiền. Lại thưởng các quan viên coi việc cho chí cấp tăng cương, các sư trụ trì ngân tiền lớn, nhỏ, có thứ bậc ; các lại dịch, binh, thợ : tiền 1.000 quan ; các sư : 300 quan. Việc này nghi tiết, lễ văn bày ra rất nhiều, phí tổn kể tới hàng nghìn.

Trao cho Mai Công Ngôn làm Hữu quân Đô thống phủ Đô thống, lĩnh chức Tổng đốc Hà - Ninh. Vua bảo Ngôn rằng : “Người tuổi đã hơi cao, lần vừa rồi hộ giá [ra Bắc] khó nhọc, trẫm vốn muốn để người hầu gần bên cạnh, nhưng nghĩ Hà Nội là một tỉnh lớn ở Bắc Kỳ, phải có quan đại thần đóng giữ cho yên, vậy người nên cố gắng đi nhậm chức ; vài ba năm sau, sẽ chọn người thay cho. Ở trong hạt [Hà Nội] ấy,

(1) Tam thất : ba tuần 7 ngày, tức là 21 ngày.

(2) Bạt độ : độ cho được siêu sinh.

tất cả công việc đã có quan văn là Lê Đại Cương cùng bàn bạc, làm cho ổn thoả ; riêng việc binh chính, người nên thời thường cần chăm huấn luyện để cho một tên lính nào cũng dùng được việc, thế mới không phụ với sự uỷ thác”. Ngón lạy tạ.

Sau đó, cho Vệ úy vệ Kim ngô Lê Viết Chuyên làm Lãnh binh Hà Nội. Trước đây vì có việc bang giao tại Hà Nội đặt thêm 1 đề đốc và 1 tuần phủ, để giúp việc bàn bạc và làm việc. Tới đây việc lớn đã khánh thành, lại bỏ bớt những chức ấy đi, bèn cho thự Tuần phủ Hà Nội là Nguyễn Đình Tân đổi làm thự Tuần phủ tỉnh Hưng Yên ; thự Đề đốc Hà Nội là Nguyễn Cửu Đức và hộ lý Tuần phủ Hưng Yên là Ngô Kim Lân đều về Kinh để chọn dùng vào chức khác.

Sai các quan đi duyệt đình và tuyển lính. Trong các tỉnh Nam Định, Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, cất Hữu thị lang bộ Lễ, gia hàm Tham tri sung biện việc Nội các là Lâm Duy Thiếp, thự Tả tham tri bộ Công là Lê Bá Tú, Bố chính Nghệ An là Vũ Tuấn, nguyên Bố chính Hưng Yên là Ngô Kim Lân, Bố chính Thanh Hoá là Vũ Doãn Cung và Bố chính Thái Nguyên là Trần Văn Tuấn sung vào việc này.

Sở dinh điền 6 tỉnh ven biên giới ở Bắc Kỳ đã làm xong. Trong năm Minh Mệnh thứ 21 [1840], bộ Hộ làm bản nghị : những tỉnh ven biên giới duy có tỉnh Quảng Yên trước đã làm lại sở đình, tỉnh Hưng Hoá có một huyện Tam Nông đã có sổ ruộng đất, còn các huyện, các châu ở các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng và Hưng Hoá đều không có sổ sách, việc duyệt đình tuyển lính cũng chưa làm cả. Vậy xin cho đều theo như lệ ở tỉnh lớn, mở trường duyệt, tuyển. Năm đầu Thiệu Trị [1841], vì có ân điển khi vua lên ngôi, chuẩn cho đình việc tuyển 1 lần, những người già, người tàn tật đều cho được để vào hạng riêng sở đình, điền thì do tỉnh chuyển sức cho các viên phủ, huyện cứ thực ghi sổ, làm thành tập, đưa lên. Tới đây sổ sách làm xong, vua cho rằng việc làm sổ sách mới là buổi đầu mà đã hết sức làm được, sở đình, điền đều trọi, các viên quan tỉnh, phủ, huyện, châu và những người thừa hành đều được thưởng gia cấp kỷ lục và tiền lương có thứ bậc khác nhau.

Tỉnh Thái Nguyên tâu xin : chiếu theo lệ thuế tỉnh Bắc Ninh, đồng niên chia làm 10 thành : mùa hạ thu thóc 3 thành, tiền 7 thành ; mùa đông thu thóc 7 thành, tiền 3 thành ; bắt đầu làm từ năm nay. Vua y cho.

Tổng thống Lê Văn Đức, Tham tán Nguyễn Tiến Lâm và Lãnh binh Nguyễn Văn Hoà thẳng trận, về phục mệnh. Vua tuyên triệu lên, vỗ về hỏi han, nhân bảo rằng : “Xưa đức Hoàng khảo ta, uy thần vang xa, cõi ngoài khiếp phục. Nay trẫm, tài đức không được bằng, không khiến được người xa mến phục, để phiền các tướng suý phải nhọc lâu ở ngoài, giờ đây trông thấy các người, khiến ta cảm, thẹn không xiết !”. Nhân hỏi về sự thể ở Trấn Tây, Văn Đức thưa rằng : “Lập

Man ngu xuẩn, chỉ trông cậy vào giặc Xiêm giúp sức ; nay, sau một trận chúng thua, nếu đem binh lực của triều đình đánh lấy, cũng chẳng khó gì, nhưng đất đai của chúng rộng lớn, lấy được cũng không thể giữ được. Huống chi 6 tỉnh Nam Kỳ từ sau cái loạn giặc Khôi, dân đau khổ chưa hồi phục. Vậy, hãy đợi vài năm sau, sức dân hơi thơi, rồi sẽ xét có cơ hội có thể lấy được thì sang lấy cũng chưa muộn”.

Vua nói : “Phải trị nước, trước hết phải tự trị, ví như thân người ta : nếu nguyên khí đã giữ vững thì tà khí tự tiêu hết. Trầm đối với việc Trấn Tây, ngày đêm không quên, nay hãy cho binh, dân nghỉ ngơi, đợi sau này mưu tính dần cũng được”. Vua lại hỏi : “Kỳ phòng giữ mùa đông năm nay, có chắc giặc Xiêm không đến nữa không ?”.

Đức thừa rằng : “Đạo nọ, chúng đốc quân cả nước kéo đến, qua một phen thua đau, tuy đã chôn lòng, nhưng vị tất đã không có chí báo oán. Vậy ở ta, việc phòng bị chống đánh cũng không thể trễ tràng được”.

Vua lại hỏi : “Trong các tướng, về việc đánh giặc, ai là người xuất sắc ?”. Đức thừa : “Nguyễn Công Nhân có mưu trí lại có sức khoẻ, ngang nhau với tướng quá cố Đoàn Văn Sách”.

Vua nhân cho Văn Đức 3 chỉ nhân sâm của vua dùng, Tiến Lâm 2 chỉ, Nguyễn Văn Hoà 1 chiếc nhẫn vàng. Sau đó cho : Văn Đức lĩnh Thượng thư bộ Lễ, sung đại thân viện Cơ mật, kiêm giữ ấn triện Thái thường tự ; Tiến Lâm thăng thự Hậu quân Đô thống phủ Đô thống ; Văn Hoà thăng thự Chương vệ, quyền giữ ấn triện dinh Kỳ võ.

Khao thưởng trọng thể các tướng sĩ đã đi Tây chinh. Dự rằng : “Trước đã dụ xuống : Biên giới đã dẹp yên, cho các tướng sĩ đi Tây chinh hát mừng thắng trận trở về. Những người quê ở Nam trực trở vào Man, đã dụ cho các quan địa phương khao thưởng một lần để uỷ lạo họ, lại chuẩn cho ai nấy tiện đường được về quê nghỉ ngơi. Còn những người quê ở Thừa Thiên và các hạng Kinh binh ở Bắc trực, cứ bộ Binh tâu nói nay họ hiện đã về đến Kinh. Nghĩ tới các tướng, biên và binh đồng lâu nay ở ngoài khó nhọc, giờ đây võ công đã thành, quân sĩ trở về tấp nập, chính là lúc nên thưởng công, cho uống rượu mừng ; nhưng [vì quốc tang] nay còn ở trong vòng 27 tháng, chưa thể vội mở tiệc vui mừng được, huống nữa bọn họ đi đường xa xôi, lặn lội càng thêm vất vả. Vậy gia ơn cho lấy bạc lạng ban thưởng để thay tiệc yến, mỗi người có thứ bạc khác nhau. Trừ những người đã được dụ khao thưởng ở các địa phương ra, còn thì sai 2 bộ Hộ, Binh triệu tập đến ngoài cửa Ngọ Môn, tuyên chỉ uỷ lạo về công đi trận, rồi ban thưởng (vệ úy và thự vệ úy : thưởng tiền Phi long lớn nhỏ mỗi hạng 2 đồng ; phó vệ úy và thự phó vệ úy : thưởng tiền ấy, hạng lớn 1 đồng, hạng nhỏ 2 đồng ; hiệp quản, bang biện, quản vệ và quản cơ : thưởng tiền ấy, lớn nhỏ mỗi hạng 1 đồng ; cai đội, chánh đội chương suất đội và bang biện

suất đội : thường tiền ấy, hạng lớn 1 đồng ; thực thụ đội trưởng : mỗi người thường tiền 1 quan 5 tiền ; cấp bằng ngoại uỷ đội trưởng trở xuống cho chí binh lính mỗi người thường tiền 1 quan. Về các viên chức bên văn đi tòng chinh, trừ ra những người lần trước đã rút về hay ở tỉnh làm việc, không dự tòng chinh cùng là những người nhỏ nhất không nên cho dự thưởng, còn những người nào hiện có dự trong cuộc khai hoàn lần này mà xét có công trạng tòng chinh thì : tứ, ngũ phẩm đều thưởng ngân tiền Phi long lớn nhỏ mỗi hạng 1 đồng ; lục, thất phẩm đều thưởng tiền ấy hạng lớn 1 đồng ; bát, cửu phẩm đều thưởng tiền ấy hạng nhỏ 1 đồng). Tụ trung hoặc có những người còn đi sau, hôm nào về tới, sẽ do bộ chiếu theo phẩm mà thưởng cấp cả cho, hay có những người bị ốm hiện còn lưu ở trại lính thì bộ sẽ phái thuộc viên chia đi chiếu cấp để cho ôn huệ đều được thấm nhuần. Còn các biên binh, bao năm đi đánh dẹp ở ngoài, càng thấy khó nhọc. Vậy từ suất đội trở lên là phải giữ chức việc, còn biên binh bao nhiêu, chuẩn cho đều được chiếu lệ về nghỉ ngơi để tỏ biết cái ý thiết tha của ta thể tất binh sĩ, chỉ có hơn, không kém.”

Tiếp đó, vua lại dụ rằng : “Chuyến này biên giới đã yên, đại quân mừng chiến thắng. Đối với các đại thân nguyên sung chức tổng thống, tham tán, các viên đốc, phủ, bố, án và lãnh binh các tỉnh Nam Kỳ hoặc vắng mệnh coi quân, hoặc giữ hạt chống đánh, đều đã nhiều lần hậu thưởng để nêu công lớn ; nay vì còn ở trong 27 tháng quốc tang, vậy lấy vàng ban thưởng thay vào tiệc rượu ghi công để đáp công lao, khiến cho ôn đều nhuần thấm”.

(Nguyên sung chức Tổng thống tiểu bộ quân vụ, nay hiện làm thự Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Lễ, Ân Quang tử Lê Văn Đức được thưởng 1 đồng kim tiền Phú thọ đa nam hạng lớn ; Tham tán tiểu bộ quân vụ nay hiện làm thự Hậu quân Đô thống phủ Đô thống, Ninh Lạc nam Nguyễn Tiến Lâm và Tham tán quân vụ nay bổ thự Tổng đốc Định - Biên là Lê Văn Phú mỗi người được thưởng 1 đồng kim tiền Phú thọ đa nam hạng trung ; Tổng đốc An - Hà, Hùng dũng tướng Nguyễn Công Nhân ; thự Tổng đốc Long - Tường là Nguyễn Tri Phương ; thự Đề đốc An Giang là Nguyễn Lương Nhân : mỗi người được thưởng 1 đồng kim tiền Song long hạng nhỏ ; Thị lang bộ Binh, lĩnh Tuần phủ An Giang là Nguyễn Công Trứ ; Chương vệ lĩnh Tuần phủ Hà Tiên là Lương Văn Liễu ; nguyên Lãnh binh nay hiện làm Chương vệ, quyền lĩnh ấn triện dinh Kỳ võ Nguyễn Văn Hoà và Chương vệ tác vi Lãnh binh Gia Định, có Chỉ vôi về Kinh, Ngô Văn Giai : mỗi người được thưởng 1 đồng kim tiền Phú thọ đa nam hạng nhỏ ; Bố chính Gia Định là Lê Khánh Trinh, Bố chính Hà Tiên là Trần Văn Thông, thự Bố chính Định Tường là Trương Văn Uyển, Lãnh binh Vĩnh Long là Nguyễn Văn Hoàng, Lãnh binh An Giang là Tôn Thất Nghị, Lãnh binh Hà Tiên là Mai Văn Tích và Vệ úy tác vi phó lãnh binh An Giang, có Chỉ vôi về Kinh, Nguyễn Văn Y : mỗi người được thưởng 1 đồng kim tiền Tam đa

hạng nhỏ ; hàm chánh tam phẩm, tác vi Phó lãnh binh Gia Định là Trần Nhữ Đoan, Vệ úy tác vi Phó lãnh binh Định Tường là Nguyễn Sáng, Phó lãnh binh An Giang là Vũ Đình Đàm, Phó lãnh binh An Giang, có Chỉ vời về Kinh, Tôn Thất Mậu, quyền lĩnh Bố chính Vĩnh Long là Lê Khắc Nhượng, Án sát Gia Định là Lê Quốc Trinh, thự Án sát Hà Tiên là Hoàng Mẫn Đạt và thự Án sát An Giang là Lê Quang Nguyên : mỗi người được thưởng 1 đồng kim tiền Bát bảo hạng nhỏ).

Vua xem tập *Đế giám đồ thuyết*, làm 49 bài thơ (chép rõ ở *Thánh chế thi, sơ tập*) đưa cho quần thần coi và bảo rằng : “Tập *Đồ thuyết* này là của bọn bề tôi nhà Minh, Trương Cư Chính và Lã Điều Dương làm ra, trên từ Nghiêu, Thuấn, dưới đến các đời, chọn nhặt những điều thiện đáng làm phép được 81 việc, chia làm phần “Thánh triết phương quy”⁽¹⁾, điều ác đáng để răn, được 36 việc, chia làm phần “Cuồng ngu phúc triết”⁽²⁾. Thiện, thuộc “dương”, là tốt, cho nên dùng số 9×9 , theo số dương ; ác, thuộc “âm”, là xấu, cho nên dùng số 6×6 , theo số âm. Nay xem ra, về phần gọi là “Phương quy”, không khỏi thiếu sót, lại cũng có nhiều việc phiếm lạm nữa, vì Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ là những bậc đại thánh ở thiên hạ, việc gì mà chẳng đáng làm phép, chẳng đáng ghi truyền ? Huống nữa các bậc anh quân đời sau có chính sự hay, khuôn phép tốt, rất nhiều việc đáng chép, tỷ như Hán Chương đế khuyến khích việc nông tang, thận trọng về tuyển cử, đều đủ để làm gương lâu dài, nay hạn định có 99 việc thì còn thiếu sót nhiều lắm. Đến như Tư Mã Viêm đốt áo cừu để tỏ ra tiết kiệm chẳng qua là giả dối với mọi người, có gì là thành thực mà dám mạo muội cái danh thánh triết ? Bữa nọ, trẫm nhân lúc rỗi việc, phóng bút viết luôn thành thơ, tình cờ được những bài này, treo bên chỗ ngồi để gắng theo mà tu tỉnh, thật muốn bắt chước vua Đường Thái Tông lấy việc cổ làm gương, chứ không phải dám sánh với bút pháp của kinh *Xuân Thu*.

Thự Tổng đốc Ninh - Thái Nguyễn Đăng Giai tâu : “Kỳ tuyển duyệt đã đến, dân trong hạt điều tàn, hao hụt, các xã trước đây đã được nhờ ơn chia hạng, triển hoãn cho, đến nay số đinh vẫn chưa điền đủ. Vậy xin cho đem hạng bị điều hao⁽³⁾ nhiều chia làm 3 thành, hạng bị ít hơn chia làm 2 thành, kỳ tuyển lính năm nay mỗi hạng điền 1 thành, còn những thành thiếu thì hoãn cho đến kỳ tuyển năm Thiệu Trị thứ 7 sẽ điền đủ”. Vua cho rằng việc này có quan hệ đến hộ chính, bèn giao cho Bộ Hộ bàn lại. Bộ Hộ cho rằng cái niên hạn quan tỉnh xin hoãn ấy lâu quá, vậy xin đổi định : Hạng điều hao nhiều, chia làm 3 thành, năm nay điền đủ 1 thành, đến năm Thiệu Trị thứ 3 và thứ 4 mỗi năm điền 1 thành ; hạng điều hao ít hơn cũng chia làm 2 thành, năm nay điền 1 thành, sang năm điền 1 thành nữa.

(1) Khuôn mẫu hay của bậc thánh triết.

(2) Vết xe đổ của bọn cuồng ngu.

(3) Điều hao : giảm sút - đã có chú thích ở tập trước.

Vua nói : “Hạt này năm trước bị điều háo, đã cho hoãn bắt lính và tha thuế, đến nay đã 3 năm ; sau khi dưỡng sức, sinh nở, chắc đã được hoàn phục như cũ. Nay kỳ tuyển lính tới nơi, lại xin hoãn đến lần sau. Triều đình vốn lấy khoan hậu đối đãi với dân, bắt tất phải xét nét cho kỹ. Bộ Hộ châm chước bàn định thật đã hợp lẽ, nên y lời bàn, thi hành. Lại truyền Chỉ cho bọn Nguyễn Đăng Giai phải theo đức ý nhà vua, gia tâm vô vể, nâng đỡ, khiến cho dân ngày được đông đúc, rồi đúng hạn, điền cho đủ số mới được”.

Chưa bao lâu, Giai lại tâu : “Dân các xã, thôn trong hạt phần nhiều tiếng gọi là cùng xã, nhưng dân cư, đình, chùa, ruộng đất đều riêng biệt, không có tình thân về dòng giống, họ hàng ; cũng có những nơi một xã mà chia làm hai thôn hoặc ba, bốn, năm thôn, từ trước đến nay thường vì ruộng đất nhiều, ít, dân đình đông, thưa, phân ra lính nặng hay nhẹ, lệ nộp thuế thêm hay bớt, tranh kiện lẫn nhau. Khi xét đến dân tục thì chia ra từng nhóm, tra đến sổ sách lại là cùng một tên xã. Thậm chí có thôn Giáp trừ phú mà thôn Ất, thôn Bính điều háo, hoặc có thôn Ất, thôn Bính trừ phú mà thôn Giáp xiêu tán, trong đó binh lính trốn tránh, thuế khoá đọng thiếu, nếu bắt đồng xã chịu thì ruộng đất, nhân đinh vốn đã riêng biệt, [thôn nào] cũng dùng dằng không chịu thay [cho thôn khác]. Nếu bắt một thôn chịu thì thấy rõ cùng quần không chịu đựng nổi, thành ra một thôn Giáp bỏ trốn thì hai thôn Ất, Bính cũng theo đó mà tản mác đi. Dù quan có muốn châm chước san sẻ những thôn điều háo với những thôn trừ mật, chia ra để cho phận nào được yên phận nấy, nhưng sổ sách không đủ để xét, khó lòng làm được. Những kẻ khéo tìm cách lẫn tránh cũng nhân đó làm được điều gian dối. Nay trừ ra những làng cùng xã khác thôn mà đồng cư, đồng canh, đình chùa không riêng biệt, thì không kể, còn cùng xã mà dân cư, đình chùa, ruộng đất đều chia riêng (như xã Bồ Sơn : 2 thôn Bồ Sơn, Khả Lễ v.v...), xin đều để theo tên xã cũ, rồi cho ghi rõ trong sổ những chữ ruộng đất của thôn nào, binh đình của thôn nào, để đưa làm bằng cứ mà tra xét”.

Vua thấy việc ấy quan hệ đến sổ ngạch binh dân, lại giao hai bộ Hộ, Binh bàn cho ổn thoả rồi tâu lên. Sau đó, hai bộ làm tập tâu : “Năm Gia Long thứ 4 [1805], làm sổ ruộng đất ; năm thứ 6 [1807], làm sổ đình, qua tới nay, sổ sách đã sẵn. Hàng năm nếu có nhân đinh tăng lên, ruộng đất khai khẩn rộng thêm thì đều có chỗ bằng cứ. Lại cứ 5 năm hội đồng sửa lại sổ đình, điền một lần. Về sổ tuyển lính chỉ cần kê khai họ tên và tuổi những người đình tráng, người già, người có tật, để theo đó, xét lại mà thôi. Còn giới hạn đông tây tứ chí của các ruộng đất thì đã ghi đủ ở trong địa bạ, nay lại xin ghi rõ trong sổ : “ruộng đất thôn này, thôn kia”, há có lẽ lại đem địa bạ đã làm thành mà cho chưa thêm vào hay sao ? Vả, dân gian thường có một xã mà chia làm hai thôn, hoặc ba, bốn, năm thôn, ở các tỉnh trong cả nước đều có như thế. Thôn nọ thôn kia có tình gần gũi nhau, kẻ giàu, người nghèo còn có thể nhờ

cây lẫn nhau. Nếu một xã mà tách riêng ra làm 5 - 3 thôn, thì thôn nọ thôn kia kỳ thị nhau, đau ngứa chẳng thiết, chỗ bị điều háo không thể nương cây vào đâu, tất đến động một tý là xiêu tán. Nếu bảo “quan muốn chăm chú san sẻ những thôn trừ mặt với những thôn điều háo, nhưng sổ sách không đủ xét, khó lòng làm được” thì : phân biệt số dân đông, thưa, chia đều phần thuế, dịch, đó là phận sự của quan địa phương. Nếu trong hạt có một vài dân xã thật có tình hình quẩn bách, nên tìm cách cứu giúp thì phải thân hành đến khám xét, lấy công tâm mà làm việc, triều đình cũng sẽ lựa giúp cho việc đó. Không thể nói rằng “không làm được”. Lại bảo : “Nếu trong sổ không ghi rõ, thì những kẻ khéo tìm cách lẩn tránh cũng nhân đó làm được điều gian dối” thì phải biết : bọn lý dịch làm càn, trăm cách gian xảo, nếu cho ghi vào trong sổ tuyền, biết đâu chúng chẳng thêm bớt vào trong đó để làm cách lẩn tránh ? Và lại, ngạch binh ở các hạt Bắc Kỳ, cứ 7 dinh thì kén lấy 1, trong đó có những làng 1 xã gồm 2 thôn, nguyên theo dân hạng, 7 dinh chỉ phải chịu 1 suất lính, nay tách ra làm 2, mỗi thôn đều kêu là không đủ số, thì số binh nguyên phải chịu chung, bắt vào xã nào [cho đủ] ? Hay miễn cho cái số thiếu được chăng ? Việc nghĩ xin ấy phần nhiều rắc rối, thực không thể làm được. Xin đừng nên bàn đến”. Vua y theo lời bộ bàn.

Điều bổ thự Hữu tham tri bộ Lễ Trần Ngọc Lâm làm thự Tả tham tri bộ Hình.

Cho : Vệ úy Nhị vệ thuộc Tiên bảo Kiêu dũng tướng Dương Thai thăng thự Chương vệ sự vệ Cẩm y, chuyên coi các đội Túc trực ; Vệ úy Tiên vệ, dinh Hồ oai Đoàn Quang Mật thăng thự Chương vệ, chuyên coi vệ Kim ngô.

Ở Kinh sư mưa to. Trước đây, lúc hết hạ sang thu, trải mấy tuần không mưa, vua rất lo về việc làm ruộng, thân làm bài thơ, sai Thị lang Nội các Lâm Duy Thiếp đem đến miếu thành hoàng, đốt hương, tuyền đọc ; lại sai Kinh doãn và Thị lang bộ Lễ Trương Quốc Dụng cầu đảo lần nữa, cũng chưa thấy ứng nghiệm. Tới đây, đổi sai Thị lang bộ Lại Phan Trứ đến đền Thai Dương phu nhân cầu đảo, đêm ấy mưa to như trút. Vua sai làm lễ tạ để đáp ơn thần. Sau đó, các địa phương đều báo tin được mưa. Vua rất mừng.

Tổng đốc Bình - Phú Đặng Văn Thiêm đem việc được mưa tâu lên, lỡ phạm chữ đồng âm với chữ huý miếu hiệu (chữ ấy : bên tả, bộ mộc ; bên hữu, chữ cao [tức là chữ Cào] 稿). Vua quả rằng : “Chữ này với chữ bên trên chữ cao, bên dưới chữ mộc 棗 cùng là một, từ trước đến nay, tôi con trong ngoài ai cũng kính cẩn kiêng tránh. Đặng Văn Thiêm làm việc đã lâu ngày, sao lại đến thế ?”. Thiêm bị giáng 4 cấp, lưu. Bộ Lễ nhân xin liệt kê thêm điều cấm. Vua y cho.

Thự Bó chính Phú Yên Lê Khiêm Quang, tiến 1 con ngựa đực. Thương cho 10 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn.

Thự Án sát Thanh Hoá Trần Huy Phác bị miễn chức. Cho Hồng lô Tự khanh Bùi Nhật Tiến thay thế. Trước đây, phân phủ phủ Hà Trung là Vũ Duy Hàn bị can việc kiện, đến hầu xét hỏi, chống cãi ở ngay công đường. Huy Phác quát lên rằng : “Ta vốn biết ngươi sinh ở Kinh đô (Hàn, người Thừa Thiên), một ngày kia có thể làm được thượng thư, tổng đốc, nhưng nay còn ở trong tay ta, sao dám chống cãi như thế !”. Hàn là chỗ thông gia với Tổng đốc Tôn Thất Lương, đến khóc và tố cáo với Lương. Lương đem việc ấy tâu hặc. Vua giận, nói rằng : “Triều đình dùng người, cốt có tài thì cho chức, vốn không kỳ thị Nam, Bắc. Huy Phác sao lại nói ra câu ấy ? Chẳng hoá ra triều đình dùng người có chỗ thiên tư à ?”. Liền sai cất chức, lại giao cho Lương tra xử. Án nghị xử phạt trọng và đày. Vua cho rằng Huy Phác vì tức khí, nói lỡ lời ; đổi lại, cho cách chức, hiệu lực dưới quyền bộ. Sau đó đi làm việc ở đường biển để chuộc tội.

Hoàn thu số thóc đã cho tỉnh Quảng Ngãi vay. Năm ngoái, tỉnh Quảng Ngãi, gạo kém. Vua cho vay hơn 1 vạn 4 nghìn斛 thóc, đợi năm sau thu cả. Đến nay, quan tỉnh tâu nói dân tình chưa khỏi quần bách, xin cho tính nộp tiền thay thóc. Vua nói : “Tỉnh này đất xấu, dân nghèo, hiện nay làm ăn chưa được đầy đủ, há nỡ bắt phải tính nộp bằng tiền, vậy hãy cho hoãn”.

Nội các có bài sớ đã dâng vua xem, sau khi giao trả, thuộc viên ở Nội các là Nguyễn Xuân Bảng và Trần Quý Kiệt biết có chỗ lầm lẫn, bèn tự tiện tẩy đổi. Việc ấy phát giác, vua nói rằng : “Nội các là chỗ cấm cận, quan hệ đến then chốt. Nay dám tự tiện tẩy đổi, thói này không để gây dân lên được. Giao cho bộ Lại nghị xử”. Án nghị phạt trọng và cách chức. Vua cho rằng tập sớ ấy chưa từng phê chuẩn, bèn đổi làm giáng 4 cấp, cho đi làm việc chỗ khác. Các quan Nội các không biết xét ra, đều bị phạt lương 6 tháng.

Bộ Lễ tâu : “Mẹ viên nguyên tạng Thượng thư bộ Lại quá cố Hà [Tông] Quyền là Trịnh Thị Niên và mẹ viên nguyên Tuần phủ Lạng - Bình quá cố Lê Đạo Quảng là Nguyễn Thị Tần trong thời Minh Mệnh được ban ơn, hằng năm cấp tiền gạo để ăn gầy⁽¹⁾, nay đều đã bị bệnh, chết”. Vua lại sai gia ơn cho tiền để làm việc tống táng (Trịnh Thị Niên, 50 quan tiền ; Nguyễn Thị Tần, 30 quan tiền).

Đặt đàn chay to ở chùa Thiên Mục. Sai thự Tả quân Đô thống Tôn Thất Bật, Thống chế dinh Vũ lâm Nguyễn Trọng Tính, Tham tri bộ Lễ là Lý Văn Phúc và Hàn lâm Thị giảng học sĩ Trương Hảo Hợp coi việc ấy.

Tỉnh Bắc Ninh có dân xã Phù Ninh ngậm thờ nguy quý. Việc bị phát giác. Vua sai hủy bỏ đền thờ.

(1) Ăn gầy : từ cổ, nghĩa như “dưỡng thiêm”, ăn dần trong tuổi già.

(Nguyên người xã ấy là Nguyễn Thị Huyền, làm cung nhân của vua Lê Hiến Tông, có người con gái là Ngọc Hân, sau gả cho nguy [Nguyễn] Huệ sinh được 1 trai, 1 gái. Ngọc Hân chết, trai gái cũng chết non cả. Khoảng năm đầu Gia Long, nguy Đô đốc tên là Hải ngâm đem hài cốt mẹ con Ngọc Hân từ Phú Xuân về táng trộm ở địa phận xã Phù Ninh. Thị Huyền ngâm xây mộ, dựng đền, khắc bia giả dối, đổi lại họ tên để làm mất dấu tích. Tới đây, việc ấy bị phát giác, vua sai huỷ đền thờ, đào bỏ hài cốt kẻ nguy đi).

Quảng Bình có các dân xã Tiên Lễ, Uyên Trừng, Tòng Lý, Tang Châu, An Lộc, Lệ Sơn kêu lên rằng : chỗ ở xa rừng, gặp khi Nhà nước đặt giá mua gỗ, lại phải chuyển mua chỗ khác đem nộp ! Vua nói : “Việc đặt mua với giá thoả thuận cốt để cho tiền tài lưu thông và giúp cho dân được dư dả, phạm mua gì đều liệu đặt giá ở các nghiệp hộ nơi sản xuất, không được chia bỏ vào dân. Nay cứ như bọn dân này kêu, tuy là lời nói một chiều, nhưng đối với sự lợi, hại về đường sinh sống của dân há nên bỏ qua không hỏi đến?”. Bèn giao cho quan tỉnh đi khám xét, sửa chữa, để được tiện cho dân.

Quyền lĩnh Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Trần Hữu Lễ tâu nói : “Lũ tội phạm lẩn trốn trong hạt tên là Nhân, tên Thạch có đến 80 - 90 tên đồng đảng thường ra vào các địa phận Thanh Ba, Tây Quan và Hạ Hoà, rồi lại đi về phần rừng Hưng, Tuyên. Nhiều lần thần đã sức ngay cho bộ biên các đạo lùng bắt và phi tư cho 2 tỉnh Tuyên, Hưng đón chặn, nhưng chưa bắt được”. Vua nói : Bọn giặc không quá 80 - 90 tên, mà hiện tại binh đông có đến hơn 2.000 người, thế mà từ trước đến nay chưa bắt được 1 tên giặc, sao lại vô công trạng đến thế ! Hay tại Hữu Lễ tự cho chức mình còn là tạm lĩnh, chưa chịu hết lòng và những bộ biên phái đi cũng chỉ là bắt buộc tạm thời, sai bảo không nhạy, cho nên thế chẳng ? Nay truyền dụ cho Hữu Lễ phải tự liệu lý ; nếu bọn Tôn Thất Đàm và Nguyễn Hữu Diệu có thể bắt giặc được thì cho lưu lại ở tỉnh để tùy tiện điều khiển. Nếu không thế thì chuẩn cho Hữu Lễ phải đi ngay, thân đốc lùng bắt giặc để tuyệt mầm ác”. Sau đó, Hữu Lễ dâng biểu, xin đi. Bọn giặc lại từ tỉnh Hưng Hoá lén đến huyện Cẩm Khê, đốt cướp các nhà dân. Nguyên Lãnh binh Trần Văn Luận phái người đi thám, đến xứ Cầu Hồng, đương đêm, gặp giặc. Hậu bổ Trần Hưng Thái đâm trúng 1 tên giặc, bắt được các hạng điếu sang, gương, mộc. Thái được cất bỏ đội trưởng, lại thưởng 5 quan tiền, 1 tấm ngân bài thưởng công. Chưa bao lâu, bè lũ giặc Đào, giặc Khoa lại ngâm tụ tập ở xã Cát Lâm (thuộc huyện Tây Quan). Lãnh binh Tôn Thất Đàm chia sai vây bắt, chém được 3 đầu giặc. Bọn giặc lại theo đường rừng trốn đi.

Vua bảo bộ Binh rằng : “Bọn giặc sống ở Sơn Tây chẳng qua là lũ yêu ma nhỏ mọn. Bấy nay tướng biên được phái đi không phải không nhiều, thế sao đã lâu vẫn chưa thành công?”. Trương Đăng Quế tâu rằng : “Trần Hữu Lễ không có tài võ võ, về

chống giữ ; các bộ biên được phái đi lại chỉ đều vắng, dạ cho xong việc, sở dĩ lâu không thành công là vì cố ấy !”. Vua nói : “Hữu Lễ mới thân xin đi, hãy đợi cho hết hạn, sẽ xử trí, cũng chưa muộn”.

Lĩnh Án sát An Giang là Cao Hữu Dực phải cư tang. Vua cho Án phủ sứ đạo Quảng Biên là Lê Quang Nguyên thăng thụ Án sát An Giang.

Định lại lệ cấp áo mùa xuân cho các công tử. Nội vụ phủ tâu : “Năm Minh Mệnh thứ 17 [1836] chuẩn định : Các công tử mà tuổi còn nhỏ thì cấp cho đồ mặc ; về sau, hễ đã trưởng thành và đã được tập phong công, hầu thì không phải cấp cho áo mặc nữa. Năm ngoái, hoàng đệ công tước và hoàng đệ mới sinh trai, gái, đầy tháng, thường cấp áo mặc, còn đồ mặc mùa xuân vẫn theo lệ trước chế cấp. Đó đều là đặc ân trong một thời chứ vốn không phải là lệ định. Vậy đồ mặc mùa xuân năm nay, xin đều đình cấp, để cho hợp với lệ định”. Vua nói : “Việc xin ấy cũng hợp lý. Nhưng đối với người thân, cần phải tỏ lòng đôn hậu, có hơn không kém. Về đồ mặc mùa xuân năm nay, hãy gia ơn thưởng cấp : đến sang năm, sẽ lại chiếu theo lệ mà làm”.

Chiếc thuyền Hải vận ở Quảng Nam bị cháy. Việc lên đến vua. Vua sai đem bọn người quản giải⁽¹⁾ và phân toạ⁽²⁾ giao cho bộ Hình xét xử. Sau đó án xử xong, dâng lên, bọn quản giải và phân toạ đều bị giáng chức, đổi đi làm việc khác. Các suất đội và binh lính ở gần đến cứu hoả đều được thưởng kỷ lục, ngân tiền, có thứ bậc khác nhau.

(1) *Quản giải* : người phụ trách việc áp tải thuyền.

(2) *Phân toạ* : những người được phân công làm việc trong thuyền.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Nhâm Dần, Thiệu Trị năm thứ 2 [1842], mùa thu, tháng 8. Tổng đốc Thanh Hoá Tôn Thất Lương bị bệnh. Sai Hữu tham tri bộ Hộ Doãn Uẩn quyền lĩnh ấn quan phòng Tổng đốc. Sau đó, Lương khỏi bệnh, Uẩn lại về Kinh cung chức.

Trước đây, các tướng sĩ đi Tây chinh, thắng trận về, sai hai bộ Lại, Binh chiếu tên những viên bang biện, quản vệ, quản cơ, suất đội và các viên ban văn lệ thuộc sai phái, tất cả đã đi trong trận này, đều đưa tới bộ dẫn lên yết kiến, sẽ tùy tài bổ dùng. Tới đây, danh sách đưa lên, vua đều chuẩn cho dẫn đến yết kiến, ban thưởng và thăng bổ mỗi người có thứ bậc khác nhau. (Thự Chương vệ vệ Cẩm y, Kiêu dũng tướng Dương Thai, thưởng nhân vàng mặt thủy tinh, kim tiền Song long hạng nhỏ, dây thao đeo quạt có râu hạt ngọc, mỗi thứ 1.

Thự Chương vệ vệ Kim ngô Đoàn Quang Mật, thưởng nhân vàng mặt thủy tinh, kim tiền Phú thọ đa nam hạng nhỏ, dây theo đeo quạt có râu hổ phách nam vàng, mỗi thứ 1.

Vệ úy Nguyễn Nghĩa Thịnh, Phó vệ úy Lê Ngụy, thự Phó vệ úy Nguyễn Viết Ngôn và Tôn Thất Lập, 4 viên này, thưởng mỗi viên 1 nhân vàng, 1 đồng kim tiền Bát bảo hạng nhỏ.

Vệ úy Đào Quang Minh, Nguyễn Tiến Vạn, Phó vệ úy Tống Văn Biện, Nguyễn Đình Phúc, Trương Phúc Trường, 5 viên này thưởng mỗi viên 1 nhân vàng.

Viên ngoại lang Tôn Thất Hạp, quyền thự Tri phủ Tống Đức Hưng, Tri vụ Lê Văn Nghĩa, Cai đội Từ Qua, Cao Văn Đặc (đổi tên là Cao Trì), Hoàng Đình Độ, Suất đội Trương Lý, Trần Đôn Khâm, Nguyễn Minh, Nguyễn Văn Ngử (đổi tên là Nguyễn Ngử), Trần Bản, Ngô Nghê, Nguyễn Quỳnh, Vũ Văn Đàn (đổi tên là Vũ Đàn), sung trí Suất đội Lê Sĩ, 15 viên này mỗi viên được thưởng 1 đồng ngân tiền Song long hạng lớn có dây đeo.

Bang biên Suất đội Hoàng Văn Cáp (đổi tên là Hoàng Cáp), Nguyễn Kim Lăng (đổi tên là Nguyễn Kim Tạng), Nguyễn Văn Nguyên (đổi tên là Nguyễn Nguyên), Nguyễn Văn Chấn (đổi tên là Nguyễn Chấn), sung trí suất đội Lê Công Suý, Nguyễn Hữu Thuận, 6 viên này thưởng mỗi viên 1 đồng ngân tiền Song long hạng trung có dây đeo.

Viên ngoại lang Lê Quốc Hương, thưởng 1 đồng ngân tiền Song long hạng lớn.

Viên ngoại lang Nguyễn Hữu Hiệu, Cai đội Đỗ Kiệt, Tống Văn Chân (đổi tên là Tống Chân), Nguyễn Vinh Tế, Nguyễn Văn Giai (đổi tên là Nguyễn Giai), Trần Văn Chấn (đổi tên là Trần Chấn), Ngô Hữu Ứng, Nguyễn Điều, Suất đội Nguyễn Văn Liên (đổi tên là Nguyễn Liên), Trần Văn Đán (đổi tên là Trần Đán), Đỗ Viết Tường, 11 viên này, thưởng mỗi viên 1 đồng tiền Song long hạng trung.

Cai đội Tống Văn Chung, Hoàng Huân, Bùi Văn Uy (đổi tên là Bùi Uy), Lại Tiến Giai, Văn Hữu Đăng, Lê Đình Tố, Trương Công Cẩm, Trần Bá Ngoan, Vũ Văn Duệ (đổi tên là Vũ Duệ), Vũ Tân, Chánh đội trưởng suất đội Nguyễn Văn Ứng (đổi tên là Nguyễn Ứng), Hoàng Tiến Thanh, Nguyễn Ngọc Lựu (đổi tên là Nguyễn Ngọc Lô), Đoàn Thế Văn, Ngô Đắc Trung, Nguyễn Hữu Diện, Cao Văn Sĩ (đổi tên là Cao Sĩ), Vũ Văn Xuyên (đổi tên là Vũ Xuyên), Lê Doãn Cáo, Trần Doãn Loát, Lê Văn Nữ (đổi tên là Lê Nữ), Hồ Lộc Trì, Trần Xuân Phê, Phan Đoàn, Nguyễn Văn Ngột (đổi tên là Nguyễn Ngột), Nguyễn Văn Tài (đổi tên là Nguyễn Tài), Thân Văn Ngạc (đổi tên là Thân Ngạc), Hoàng Văn Tráng (đổi tên là Hoàng Tráng), Trương Công Mật, Đỗ Tài, Bang biên Suất đội Nguyễn Tiến Thủ, Phạm Đắc Cúc, Nguyễn Đắc Mân, 33 viên này thưởng mỗi viên 1 đồng ngân tiền Song long hạng nhỏ.

Còn như bọn : thự Phó vệ Lê Đắc, Cai đội Lê Văn Tế, Lê Văn Phác và Trương Hữu Ngoan, tuy cũng có tên dự vào công trạng, nhưng lại bị quân chính xử phân, hoặc mới được phục chức, hoặc bị giáng lưu : Thế là đủ, lần này không nghị thưởng đến.

Trở lên, những viên chức văn võ được dự thưởng, trừ những người mới được thăng bổ hay sung bổ chưa lâu, đều cung chức theo như cũ, còn thì những viên ban văn : Viên ngoại lang Tôn Thất Hạp và Lê Quốc Hương đều bổ dụng như thự Lang trung ; Nguyễn Hữu Hiệu giữ nguyên hàm Viên ngoại lang, khi có chỗ khuyết sẽ bổ dụng ; quyền thự Tri phủ Tống Đức Hưng được dùng như Viên ngoại lang ;

Tư vụ Lê Văn Nghĩa được dùng như Chủ sự. Những viên ban cũ : Cai đội Từ Qua, Suất đội Trương Lý, Trần Đôn Khâm, Nguyễn Minh và Nguyễn Ngũ, 5 viên này đều được dùng như tinh binh thự Phó vệ úy ; Cai đội Cao Trì được dùng ngay như Phó quản cơ, Cai đội Hoàng Đình Độ được dùng như Phó quản cơ ; Cai đội Đỗ Kiệt, Tống Chân, Nguyễn Vinh Tế, Nguyễn Giai, Tống Văn Chung và Hoàng Huân, Suất đội Nguyễn Liên, Trần Đán và Đỗ Viết Tường, 9 viên này đều được dùng như thự Phó quản cơ ; Chánh đội trưởng Suất đội Trần Bản và Ngô Nghê đều được dùng ngay như Cai đội 2 vệ Cẩm y, Kim ngô ; Chánh đội trưởng suất đội Nguyễn Quỳnh, Vũ Đàm, Nguyễn Ứng, Hoàng Tiến Thanh, Nguyễn Ngọc Lô, Đoàn Thế Văn, Lê Nữ, Hồ Lộc Trì, Trần Xuân Phê, Phan Đoan, Nguyễn Ngột, Nguyễn Tài, Thân Ngạc, 13 viên này đều thăng thự Cai đội ở vệ hoặc đội mình ; sung trí Suất đội Lê Sĩ được cất bỏ Cai đội ; Bang biện suất đội Hoàng Cáp, Nguyễn Kim Tăng, Nguyễn Nguyên và Nguyễn Chấn, sung trí suất đội Lê Công Suý, Nguyễn Hữu Thuận, 6 viên này đều được bổ thự Chánh đội trưởng Suất đội. Còn như Cai đội Ngô Hữu Ứng tuổi đã hơi cao thì bỏ ra ngoài làm thủ ngữ, Cai đội Vũ Tân sức lực suy yếu thì cho về hưu với nguyên chức).

Bình Định và Gia Định có bão. Hơn 10 người dân bị nạn giạt sang nhà Thanh. Quan địa phương sai người đưa họ về. Vua thương họ bị lênh đênh khổ sở lâu ngày, lại cấp cho quần áo và tiền, rồi cho ai nấy về quê làm ăn.

Chiếc binh thuyền tuần biển của tỉnh Quảng Bình bị bão. Quan và dân ra sức cứu giúp, may được an toàn. Vua nghe biết, ban khen, sai chi 100 quan tiền kho chia thưởng cho những binh, dân ấy.

Bổ thự Nguyễn Nghĩa Thịnh làm Vệ úy Trung vệ dinh Tiền phong. Thịnh đã từng làm việc đánh dẹp, dự có công trạng, cho nên cất dùng làm chức ấy.

Ty Tam pháp tâu : “Xã Diêm Phố tỉnh Thanh Hoá, đất ít, dân nhiều, ở sát gần bờ biển kêu xin di cư đến xã An Giáo”. Vua nói : “Dân xã ấy đất ở chật hẹp, mà xã An Giáo còn nhiều đất thừa, nên liệu định giúp đỡ để cho người có chỗ nương nhờ, đất không để bỏ phí, vậy giao quan tỉnh đến khám đích xác, tâu lên để cho làm”. Sau đó, quan tỉnh tâu xin cho dân ấy đến ở xã An Giáo. Vua y lời xin.

Cho : Công khoa Chương án Cấp sự trung Đặng Quốc Lương thăng thự Lang trung bộ Lễ ; Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ Trương Hào Hợp thăng thự Lang trung bộ Binh. Sau đó Hợp được đổi bổ làm Đại lý tự Thiếu khanh.

Quan bộ Công dâng bản trù tính của tỉnh Quảng Trị về công khơi nạo sông Vĩnh Định lên vua xem. Vua bảo rằng : “Con sông này nhiều chỗ bị nghẽn tắc, trăm muốn cho khơi nạo một phen để được lưu thông một loạt, thực hiện cái kế khó nhọc một lần nhưng được lâu dài nhàn rãi. Nay tỉnh ấy tâu bày rằng những đoạn

sông nông cạn phần nhiều là bùn cát, khơi vét xong lại nổi nông, khó nhọc nhiều lắm, vậy hằng năm, xin cứ đến mùa hạ, tùy thế khơi nạo để được tiện cho dân. Vậy hãy chuẩn cho đến tháng hè sang năm, lại xem xét để làm, cho được tới chỗ thoả đáng”.

Định lệ phái các viên đi kiểm tra công sở ở Vũ khố và ở Nội tạo. Vua dụ rằng : “Thợ thuyền ở sở Đốc công thuộc Vũ khố kể có hàng nghìn, thế mà bấy nay công việc thường thường chậm trễ, tức như năm trước, vắng Chi dụ của Tiên đế, đúc chế các hạng súng lớn “Sung tiêu”, “Chấn hải”, nay đã 3 năm vẫn chưa làm xong, thì việc khác không cần phải học cũng biết. Bọn giám làm không chịu thời thường kiểm đốc, cứ để cho bọn thợ tự do lúc làm, lúc thôi, lại còn che đậy cho nghỉ, bỏ việc công làm việc tư, những tệ ấy chắc không tránh khỏi. Nay chuẩn định : phạm nhất thiết các việc làm : sở Đốc công thuộc Vũ khố thì do bộ Công và viện Đô sát đều phái 1 thuộc viên ; công sở thuộc Nội tạo thì do 1 viên Quản thị vệ hay Thị vệ trưởng, cứ 5 ngày một lần, đi đến kiểm xét lại cho kỹ, chiếu các việc đang làm, tùy nặng nhẹ, lâu chóng, bắt theo thứ tự làm cho xong. Nếu xét có những tệ : việc làm không khó khăn, nặng nhọc mà thợ cố ý kéo dài cùng là kẻ quản mục coi thợ cho nghỉ việc công, bắt làm việc riêng và các vật liệu dùng để chế tạo, đối chiếu với các hạng đã lĩnh ở kho trước quả không được đúng, hoặc cố tình lãng phí để có sự lạm chi hay có tình tiết bớt xén, thì chuẩn cho cứ thực nghiêm hặc để trừng trị”.

Vua bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : “*Bộ Thục lục Tiên biên* và *Chính biên* về bản triều, nay vẫn chưa làm xong, không biết các bề tôi ở Sử quán có chăm làm việc ấy không ?”. Quế thưa rằng : “Các bề tôi ở Sử quán ai cũng chăm về việc ấy cả, nhưng [tài liệu] sách vở bề bọn, cho nên chưa thể làm xong cả được”. Vua nói : “Chép sử cốt ở lời gọn mà ý đủ, nên bắt chức sử nhà Minh mà làm, phải mau soạn cho xong, rồi soạn đến sử triều Lê mới được. Vả, làm sử, nên lấy chính thống làm trọng, như họ Mạc cướp ngôi mà sử Lê lại chép là chính thống thì không phải là phép làm sử. Đến thời Hậu Lê thì phần nhiều do tay bấy tôi họ Trịnh chép ra, về sự khen chê phải trái vị tất đã công bằng cả, muốn làm tín sử truyền cho đời sau, cũng khó đấy !”.

Bọn ác Man ở Quảng Ngãi lên xuống địa phận ngũ cơ. Lãnh binh Nguyễn Vĩnh đánh đuổi được, đâm chết 1 tên tù trưởng của bọn Man ấy ; thu được khí giới vô kể. Tin chiến thắng lên đến vua, vua khen rằng : “Ác Man bấy nay ẩn hiện trong rừng rú, thung lũng, thừa lúc hở cơ lan ra quấy nhiễu, tóm lại là do bộ biên không chịu ra sức nã bắt, để đến nỗi thế. Như Vĩnh đánh được lần này há chẳng là do biết xét kỹ sự cơ và dũng cảm chiến đấu đó ru ?”. Vậy thưởng cho Vĩnh gia hàm Chương vệ, 1 chiếc nhẫn vàng và 1 đồng kim tiền Song long hạng nhỏ ; các viên

văn, võ có đi trận ấy đều ban thưởng có thứ bậc ; dân và quân thì thưởng chung tiền 200 quan.

Viên Giám lâm Thương trường⁽¹⁾ là Trần Đại Bản có tội, bị miễn chức. [Vi] thuộc viên ở phủ An Khánh công là Bùi Văn Thụy mạo lĩnh số lương nhà riêng [của An Khánh công], Giám lâm Trần Đại Bản xét hỏi vặn, [Thụy] nhận tội, [Đại Bản] cho là tang vật chưa vào tay, tha cho. Việc phát giác, Thụy bị xử phạt trọng và lưu ; Đại Bản vì tình riêng dong tha, bị tội đồ ; đường quan và thuộc viên bộ Hộ bị giáng và bị phạt có thứ bậc khác nhau.

Cho Lang trung, Biện lý bộ vụ bộ Công là Nguyễn Danh Giáp thăng thự Thị lang ở Thương trường.

Thự Bớ chính Hải Dương là Nguyễn Đức Chính phải cư tang. Cho : Án sát Biên Hoà là Hồ Ngọc Tài thăng thự Bớ chính Hải Dương ; thự Án sát tỉnh Bình Thuận là Tôn Thất Tĩnh bổ thự Án sát Biên Hoà ; Lang trung bộ Binh Trần Văn Triện điệu bổ Án sát Bình Thuận.

Nam Định và Quảng Yên có nạn giặc biển, thuyền buôn phần nhiều bị trở ngại. Quan quân tuần biển là bọn Đặng Công Thập, Hồ Văn Đĩnh và những viên giữ đồn là Mai Công Trì, Hoàng Văn An, Nguyễn Văn Tế đều vì phòng giữ, đánh dẹp bất lực, bị quan tỉnh hạch, phải giáng, phạt. Vua bảo bộ Binh rằng : “Bọn giặc biển làm dữ, năm nay càng tệ hơn. Đó đều là tội bất lực của bọn đi tuần biển do Kinh phái hoặc tỉnh phái. Vậy truyền dụ các thuyền binh từ Kinh vào Nam và từ Kinh ra Bắc đều phải gia tâm lòng bắt giặc để mặt biển được yên tĩnh ; nếu chỉ hù ứng cho xong việc, sẽ trừng trị nặng không tha”. Trương Đăng Quế nhân xin làm quốc thư cho tỉnh Quảng Đông nghiêm nã quân giặc đừng để vượt cõi sang quấy rối, có lẽ đỡ được đôi chút. Vua nói : “Việc này trước đã có làm rồi, nhưng khoảng năm Gia Long, có bắt được nhiều tên giặc, có thể vin chứng cứ ấy mà nói ; nay chưa từng bắt được [tên nào], không có thực trạng để chỉ rõ, sự thể khác hẳn với trước. Việc có quan hệ với ngoại quốc, một chữ cũng không nên khinh thường hạ bút. Nhân sai bộ Lễ nghĩ thảo tờ tư, đại ý nói rõ rằng bọn giặc sau khi bị bộ biên vây đánh, liền nhằm phía đông chạy đi ; bên này không tiện vượt cõi đuổi riết, vậy nhờ bên ấy nghiêm sức ngăn giữ để khỏi gây rối”.

Bọn Bớ chính Nguyễn Thế Tạo, Án sát Tôn Thất Phiến, Lãnh binh Phan Văn Hứa, và Phó lãnh binh Nguyễn Tiến Phúc ở Bình Định đều có tội, bị miễn chức. Trước đây, bọn Đạo quyền giữ ấn quan phòng Tổng đốc, tự tiện khai con sông mới ở thôn Hà Nghi, bắt 300 lính và hơn 1.000 dân phải làm việc, rồi gập nước lụt, vỡ đê, lòng sông bị cát lấp, lại thành đất bằng. Bấy giờ, Tổng đốc Đặng Văn Thiêm

(1) *Thương trường* : khu các kho tiền, lương.

vừa ở Gia Định về, đem việc hặc, tâu. Vua lấy làm lạ, nói : “Công cuộc trị hà, khai hay lấp, quan hệ đến sự lợi, hại, nếu cho việc ấy là có thể làm được, sao lại lạng lẽ không báo ? Việc này có quan hệ đến tài sản và sức lực của quân, dân, thế mà tự tiện dám làm, chẳng hoá ra chuyên quyền à ? Và, lúc này cõi Tây dương có việc, nuôi sức binh, nghỉ sức dân, đó là việc cốt yếu, hà tất phải làm cái việc không cần kíp ấy ! Huống chi sông này vừa khai, đê vỡ luôn ngay, thật là chỉ thích làm theo ý kiến riêng của mình, để cho quân và dân phải khó nhọc và phí tổn nhiều lắm. Việc này không kể như việc lâm lỡ tâm thường được”. Liễn cho : Tả thị lang bộ Lại Phan Trứ điệu bổ Bố chính ; thự Án sát Khánh Hoà Trương Đăng Đệ bổ thự Án sát ; Vệ úy Nhất vệ thuộc Hữu bảo Đào Quang Bằng điệu bổ Lãnh binh quan ; Phó vệ úy vệ Loan giá, Tôn Thất Hàn điệu bổ Phó lãnh binh. Ai nấy gấp đến nhận chức, lĩnh ấn làm việc ngay. Còn bọn Đạo đều bị giải chức, giao cho Đặng Văn Thiêm hiệp đồng với các Bố chính, Án sát mới bổ cùng tra xét nghị xử. Khi thành án đưa lên, bọn Đạo đều bị tội đồ ; sau đổi phát đi theo quân thứ Nam Kỳ, ra sức làm việc để chuộc tội. Lại sai kê số nhân công, vật liệu bắt bồi thường, trả cho những người đã bị bắt đi đào sông, để tỏ rõ cái ý thiết tha của triều đình dè dặt sức quân, dân.

Cho : Thị vệ trưởng Đoàn Huy Diệu thăng thự Phó vệ úy Hữu vệ, dinh Hồ oai, sung Hiệp lĩnh thị vệ ; Phó vệ úy vệ Phú Yên là Trương Vi thăng thự Vệ úy Trung vệ, dinh Hùng nhuệ ; Phó vệ úy vệ Trung vũ Phạm Văn Đàm thăng thự Vệ úy Nhị vệ thuộc Tiền bảo ; thự Phó vệ úy vệ Quảng Yên là Trần Bảo Thư thăng thự Phó vệ úy Nhất vệ ở Hữu vệ.

Vua bảo bộ Binh rằng : “Lần vừa rồi, bọn Cai đội Từ Qua 5 viên được dẫn yết kiến, trẫm đã phê cho thăng thự thành thủ úy, ghi tên, dùng làm thự phó vệ ở các tỉnh ngoài, thế mà các viên Nội các nêu trên phiếu nghị ⁽¹⁾ : dùng làm phó vệ Tinh binh ; về khoản thăng thự bổ sót không nói đến. Chức vụ giữ về chiếu, sắc, sao lại sơ suất như thế !”. Sai phân biệt phạt lương từng người để tỏ sự trừng trị.

Cho Lang trung bộ Lại Tôn Thất Cấp (cháu nội viên Tiền quân Tôn Thất Hội) điệu bổ thự Án sát tỉnh Khánh Hoà.

Tổng đốc An - Hà Nguyễn Công Nhân và Tuần phủ An Giang Nguyễn Công Trứ tâu rằng : “Bọn người nhà Thanh và người Thổ ở Thất Sơn, Ba Xuyên về thú phần nhiều bị chết đói, tình hình rất bách thiết ! Bọn thần đã lấy 1.000 phương gạo kho cho vay, đợi đến sang năm chiếu số nộp trả”. Vua dụ rằng : “Bọn chúng được liệt vào dân biên giới đã lâu, trước đây nhân thổ phải xui giục, cùng theo làm bậy, nay đã quay đầu quy thuận, tức là dân ta, há nỡ ngồi nhìn chúng đang như trẻ con

(1) *Phiếu nghị* : mảnh phiếu của Nội các biên lời dự nghị phê đáp sơ các nơi tâu việc, dâng lên để vua định (theo *Hội điển* nhà Thanh).

kêu khóc đợi mớ sao ? Quan tỉnh gấp gấp giúp đỡ để cứu sự cấp bách, làm thế cũng phải ; nhưng sau cơn binh lửa, tài sản hết sạch, chắc đâu sang năm đã nộp trả được ! Vậy, phải xét xem nếu quả không đủ sức cày cấy thì nên liệu cấp ngay cho thóc giống, khiến chúng ra sức cày cấy để mùa màng được kịp thời. Lại nên gia tâm vỗ về cho chúng đều chóng được yên nghiệp, tỏ cái ý triều đình thiết tha vỗ yên dân chúng ngoài biên”.

Dụ bộ Lễ rằng : Để tang 3 năm, là lệ tang thông thường của thiên hạ. Thánh nhân đặt ra lễ, hiền giả không dám để hơn. Theo lễ mà nói : Tháng 3 sang năm hết lễ quốc tang, nên theo mặc thường. Tháng ấy gặp lễ lớn Nam Giao, thì 2 lễ tế “Đàm”⁽¹⁾, tế “Phụ”⁽²⁾, nên cử hành vào tháng nào ? Bộ các người có chức vụ giữ về điển lễ, nên tra kỹ việc làm trong năm Minh Mệnh thứ 3 như thế nào, lại nên trước kỳ làm lễ, tham khảo điển chương thời cổ, chăm chú bàn làm, cho hợp ý nghĩa của lễ. Hướng chi lễ lớn thăng phụ phải có yết cáo các miếu và tâu Từ cung biết, nghi văn cũng rất bộn bề, phải tâu lên trước kỳ lễ, mới có thì giờ chỉnh bị”. Các quan bộ Lễ là bọn Lê Văn Đức, Trương Quốc Dụng tâu rằng : “Tế Đàm làm vào tháng giữa⁽³⁾. Có 2 thuyết về lễ này : hoặc nói cách 1 tháng, hoặc nói tiếp sau tháng lễ Đại tường. Nếu tiếp sau Đại tường thì tế Đàm sẽ ở vào tháng Giêng sang năm, không hề chi đến kỳ lễ tế Giao. Xin đợi bàn kỹ, sẽ tiếp tục tâu sau”. Vua nói : “Được”.

Vua xem sổ tổng kê số tù giam, thấy nhà ngục phủ Thừa Thiên nhiều đến hơn 150 tên tù, bèn dụ bộ Hình rằng : “Ở nơi Kinh đô nhiều tù bị giam, hợp tiếng muỗi kêu sẽ thành tiếng sấm, không nên không tìm cách xử trí”. Liền sai xét kỹ về tội trạng, liệu định phân biệt từng tội, tên nào tội nhẹ thì cho giảm bạc, phát vắng đi để khỏi đọng ở ngục”.

Nghệ An có bão lớn (bão nổi từ canh 2 đêm, đến sáng rõ mới dứt). Nước biển dâng lên quá mức thường 13 - 14 thước. Có 40.753 hộ nhà cửa bị đổ nát, 696 chiếc thuyền buôn và thuyền đánh cá bị chìm đắm, 5.240 người dân bị chết bẹp hoặc chết đuối. Đặc biệt là những dân ven biển ở các hạt Đông Thành, An Thành và Chân Lộc càng bị hại nhiều hơn (hạt An Thành có thôn hơn 300 người, chỉ còn sống hơn 10 người). Quan tỉnh phi tấu lên vua. Vua phê vào tập tâu rằng : “Chưa xem hết tờ tâu bất giác đã sa nước mắt !”. Lập tức sai Binh khoa Cấp sự trung Lê Văn Thành, Giám sát ngự sử đạo Định - Biên Đặng Kham đi đến tuyên Chỉ cấm cấp cho nạn dân. Sau đó, thự Binh khoa Chương ấn Cấp sự trung Trần Thiện ở Hà Nội về,

(1) *Đàm* : lễ tế cáo bỏ đồ mặc tang.

(2) *Phụ* : lễ rước thần chủ vào miếu tổ, khi hết tang.

(3) *Tháng giữa* : tháng ở vào giữa 3 tháng sau lễ Đại tường. Theo lễ cổ, về tang cha mẹ, sau ngày chết 1 năm, làm lễ Tiểu đường (giỗ đầu), 2 năm làm lễ Đại tường (giỗ hết). Trong 3 tháng sau Đại tường thì làm lễ Đàm. Lễ Đại tường ở tháng thứ 25, lễ Đàm ở tháng thứ 27.

tâu rằng : “Đi đường qua đó, chính mắt thấy nhà cửa đổ nát nhiều, ván thuyền trôi giạt vào trong ruộng, xác người chết phơi ở bên đường. Tình hình rất thảm hại !”. Vua thương xót hồi lâu, lại sai Thượng thư bộ Lại Tôn Thất Bạch sung làm Khâm sai đại thân, cấp cho cờ, bài, mao tiết đi tới, cho phép được tiện nghi làm việc. Dụ rằng : “Trẫm mở xem tập tâu, ăn ngủ không yên, chỉ nghĩ thấm thía trách mình đức bạc, không đủ cảm thông để đón khí vui hoà của trời, đến nỗi dân ta chịu hại đau đớn, thật không xiết nỗi cảnh tình đau thương ! Và, làm cha mẹ dân thì một kẻ dối, một kẻ rét, đều là trách nhiệm ở ta, cần phải tìm nhiều cách giúp chữa để cứu vớt họ. Người nên cùng với Hộ đốc Tôn Thất Đường lấy lòng trẫm làm lòng mình, coi việc nước như việc nhà, chiếu theo những tổng, xã ở các huyện trong hạt chia làm hai hạng bị hại ít, và hại nhiều, cất những viên khoa, đạo đã phái đi trước và án sát, lãnh binh cùng là những viên tá lĩnh ở hai ty Phiên, Niết ⁽¹⁾, chi tiền, gạo ở kho tỉnh ra, phân biệt từng hạng, chẩn cấp ưu hậu. Tụ trung thôn, xã nào ở gần phủ Diễn Châu thì chi ngay tiền, gạo ở kho phủ, tải đến cấp phát, cốt mau chóng làm cho dân bớt đau khổ, không cần ấn định sự cấp phát. Lại, sau cơn bão, lụt này, công trình tu bổ ở trong tỉnh chắc cũng không ít, nhưng nên cân nhắc việc nào nên hoãn, việc nào nên gấp, cần làm trước những việc của dân, nếu mọi việc cùng làm một lúc thì không khỏi có hại đến sự làm ăn của dân. Cần nên thể theo đức ý của trẫm, tùy tiện làm cho thanh thoả, cốt cho ơn đức thấu suốt, nạn dân chóng được hồi lại, để xứng với trách nhiệm đã giao”.

Lại truyền dụ cho thự Bộ chính Vũ Tuấn : xong công việc ở trường duyệt tuyển Sơn Tây thì về ngay lý sở làm việc. Bạch đã đến tỉnh Nghệ, liền cùng với Đường xem xét sự bị tai hại của dân, gồm có 118 xã thôn, liền chia phái người đi đến các dân xã bị hại đó, chiếu hạng chia cấp, tính chi tiền hơn 72.000 quan, gạo hơn 400 phương, nếu cấp thóc tính hơn số gạo thì hết hơn 1.300 hộc.

(Những dân trai, gái, già, trẻ bị chết cấp tiền 3 quan. Những nhà, thuyền bị hại : hạng to, cấp tiền 3 quan ; hạng vừa, 2 quan ; hạng nhỏ, 1 quan. Những người nghèo khổ không có chỗ nương nhờ : hạng bị khổ hại nhiều : người già, người đình trảng, cấp tiền 1 quan, gạo 10 uẩn, đàn bà, con gái, trẻ con, tiền 3 quan, gạo 3 uẩn ; hạng bị khổ hại ít hơn : người già, người đình trảng, tiền 5 tiền, gạo 5 uẩn, đàn bà, con gái, trẻ con, tiền 2 tiền, gạo 3 uẩn).

Cùng ngày ấy, Hà Tĩnh cũng có nạn bão : 9.160 hộ nhà bị đổ nát, 136 chiếc thuyền bị đắm, 157 người bị chết. Vua dụ cho quan tỉnh chiếu từng hạng, phát chẩn, cấp tiền tuất cho mọi người. Những làng mà gạch binh còn thiếu thì hoãn việc gọi lính, những vùng ruộng lúa bị tổn hại thì tha bớt thuế. Nguyễn Đồng Khoa

(1) Hai ty Phiên, Niết : ty Bộ chính và ty Án sát.

và Nguyễn Khắc Trạch vì chậm chạp trong việc báo tin tai hại, đều bị giáng 2 cấp, lưu.

Chiếc thuyền Thanh tĩn hiệu nhất của tỉnh Thanh Hoá lĩn tải các vật hạng ở Kinh và chở tù đi đến phạn biển Hà Tĩnh, gặp bão, bị vỡ đắm ; hơn 70 người chết đuối (1 Suất đội, 36 lính, 34 tù phạm). Vua sai chia từng hạng, cấp cho tiền tuất.

Khâm sai tra biện đại thân Vũ Xuân Cẩn ở Hà Nội về. Vua triệu lên điện, an uỷ rất ân cần. Dụ bộ Lại rằng : “Lần vừa đây giao cho các án xét, nhiều tới hàng nghìn, thế mà viên đại thân ấy đã hết lòng xét xử, chóng được xong xuôi, rất vui lòng trăm. Vậy từ đại thân này cho đến những người theo làm việc đều giao bộ ghi công nghị thưởng để tỏ ý khen thưởng, khuyến khích”. Một lát sau, vua lại triệu Cẩn, hỏi về tình hình tai hại ở Nghệ An, Cẩn cũng tâu như lời của Trần Thiện trước. Vua lại hỏi : “Trong năm Gia Long, ở Bình Định cũng có nạn bão, so với Nghệ An lần này như thế nào ?”. Cẩn thưa : “Tôi từ lúc trẻ đến giờ chưa thấy có lần bão nào quá hại như ở Nghệ An ngày nay. Vả, tôi đi qua Quảng Bình, Quảng Trị, nghe nói nước biển tràn vào trong ruộng, sâu đến 4 - 5 thước, lúa bị hại nhiều. Những hạt này bị nạn so với Nghệ An tuy hơi nhẹ hơn, nhưng tình hình khốn đốn đều đáng thương xót !”. Vua rùng mình, nói : “Hại quá đến như thế à ? Hiện nay cru giúp dân Nghệ An, ngoài việc chẩn cấp ra, còn có cách nào nên làm nữa ?”. Cẩn thưa : “Triều đình chẩn tuất cho dân bị hại, tưởng cũng đã chu đáo. Duy có lệ thuế, thu về mùa đông, có lẽ nên hoãn cả để thư nổi cấp bách cho dân, thế là nên làm thôi !”. Trương Đăng Quế tiến lên trước, tâu rằng : “Cách cứu chữa cho đúng, trước hết nên làm những sự cần kíp, khiến cho sau khi hết lụt, có thể có lúa gặt thì việc thu thuế mùa đông tự khắc được đủ, hà tất phải hoãn ?”. Vua nói : “Người nói chính hợp ý trăm. Việc này hãy cứ từ từ bàn dần, là phải”.

Dụ nhắc lại cho đường quan các nha. Trước đây, tỉnh Nghệ An đưa số đến, bộ Hộ làm phiếu dụ ⁽¹⁾ dâng lên. Đến đêm, bọn đường quan Hà Duy Phiên đều lui về. Vua sai quan túc trực phê thay, dùng ấn vua đóng, cho chạy ngựa phát đi, rồi sai truyền Chỉ quở trách bộ Hộ. Nhân thông sức cho những ấn quan ở các nha môn rằng : “Lệ trước đây, các đình thần ban văn cất lượt vào túc trực, những viên không phải lượt mình thì đến tối đều về nha làm việc. Còn phiếu nghĩ về dụ Chỉ, của các nha môn có khi do các viên tá lĩn chuyên việc thảo trước, đường quan duyệt sửa, rồi mới dâng trình, điều này cũng đã làm qua rồi. Nhưng đó là chuyên chỉ về việc làm ngày thường mà nói, còn như lâm thời gặp có quân cơ, dân chính thuộc về những việc trọng đại khẩn cấp thì không thể nhất khải nệ theo lệ ấy được. Trẫm mới lên nối ngôi, noi theo gia pháp, gắng đem tinh thần mưu việc trị nước, không dám

(1) *Phiếu dụ* : phiếu dụ nghĩ về lời dụ (xem chú thích chữ *Phiếu nghĩ*, tr.395).

để rồi chút nào, còn sợ có một việc gì lỡ chưa chu đáo, có một người dân lỡ bị đói rét, vẫn phải đêm khuya coi các tập tâu, chưa sáng đã khoác áo dầy, một lòng chăm lo không lúc nào dứt. Các quan chức trong ngoài chắc đã cùng nghe, cùng thấy cả. Vậy phàm ai dự có chức vụ đều nên đêm ngày không trễ nải, cẩn thận, siêng năng, mọi việc kỳ được xong xuôi mới là không phụ với chức đã giữ. Thế mà bộ Hộ gần đây thường tỏ ra trễ biếng, ngay như hôm nạn tỉnh Nghệ An tâu báo trong hạt có nạn bão, tình hình rất thảm hại, qua bộ Hộ trình lên, trăm mở coi kỹ càng, rất lấy làm thương xót, nghĩ cách cứu chữa luôn ngay để đỡ sự cấp bách cho dân, liền phê bảo bộ ấy làm theo phiếu dụ, cho ngựa chạy phát đi, gấp làm việc chẩn tuất, cứu sự cần kíp. Nhưng đường quan bộ ấy lại coi như sự lệ tầm thường, không hề quan tâm : đã khinh thường uỷ cho thuộc viên nghĩ dụ, đến nỗi viết ra nhiều chỗ sai lầm, sơ suất. Trăm liền tự tay phê rõ, cải chính, sai lầm. Hỏi đến đường quan bộ Hộ thì đã về nhà cho rảnh mình rồi. Trăm phải sai những quan túc trực ở bộ và Nội các phê thay, đóng ấn, rồi cho chạy ngựa phát đi. Thử nghĩ : cứu vớt nạn dân là việc thế nào ? Bộ ấy giữ chức hộ chính mà lại coi thường bỏ nhãng như thế, thì chức trách ở đâu ? Cái thói lâu ngày sinh trễ nải, coi đó đủ biết nếu không phải đến lượt ở ban túc trực, thì như những người sớm tối ở công sở, bàn mưu ở nơi màn trướng, viện Đãi lậu đặt ra như thế nào ? Há lại không có được Kim liên ⁽¹⁾ để tiễn về hay sao ? Vậy không thể không dụ nhắc lại để răn bảo. Trừ bộ ấy vì lần này sơ suất, trễ nải, đã sai bộ Hộ xét hỏi, sẽ trừng phạt riêng, nay thông dụ các nha môn bộ, viện và Nội các ở Kinh : ngoài những việc tầm thường, chiếu lệ làm ra, phàm nha môn nào gặp có những việc trọng đại, quan khẩn, phải làm ngay phiếu dụ chỉ để ban hành, thì đường quan ở nha ấy nhận việc phải vâng theo ngay lời vua, tra kỹ sự lệ, tự tay viết nghĩ dụ dâng trình, đợi trăm quyết định, không được khinh thường giao cho thuộc viên để có chỗ sai sót ; lỡ có khi đến đêm mà việc làm vẫn chưa xong thì viên đường quan ấy dầu không phải ở ban túc trực cũng phải lưu tại nhà tả vu để ứng trực, không được tự tiện lui ra, phải đợi trăm phê, phát xong việc mới được về nhà. Nếu đêm đã khuya, các cửa cấm nghiêm ngặt, thì viên đường quan ấy hoặc nên lưu ở lại, hoặc nên về nhà, đều tới lúc ấy đợi lệnh cho đi hay cho ở lại. Việc này đã dụ bảo cặn kẽ mà còn có người làm sai, sẽ chiếu luật trái phép, nghị xử luôn”.

Tại Kinh sư, gió mưa dữ dội, nước lụt tràn đầy, trong thành, ngoài thành hơn 700 hộ nhà dân bị lật đổ, nhân dân cũng có người bị chết đuối. Sai Kinh doãn Phạm Khôi khám thực trạng tâu lên. Lại phát tiền, gạo, vải trắng, chia sai thuộc viên ở Cơ mật và Thị vệ 12 người đem đi chẩn tuất cho dân. Sau đó, các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên nối tiếp tâu : cùng ngày ấy đều có

(1) Do chữ “Kim liên chức”, thứ được (hoặc đèn, nến) của vua dùng khi đi đêm. Trong đời nhà Đường, nhà Tống có những viên quan, vua triệu vào bàn việc, đến đêm, sai đốt được Kim liên tiễn về.

nạn bão (tỉnh Quảng Ngãi hôm ấy cũng có gió mưa, lúa ruộng không đến nổi bị tổn hại). Vua nói : “Không ngờ năm nay gió mưa quá tệ ! Chỉ may các hạt ở gần Kinh kỳ so với Nghệ An còn không thiệt hại lắm”. Sai chia hạng từng nơi bị hại, chẩn tấu cho. Nơi nào lúa ruộng bị thiệt hại thì chiếu lệ tha thuế, có thứ bậc khác nhau.

Vua dụ Trương Đăng Quế, Lê Văn Đức và Nguyễn Trung Mậu rằng : “Bữa nọ, vì bão lụt ở Nghệ An, trăm thường ăn, ngủ không yên. Bỗng đến hôm qua, Kinh sư cũng có bão to, mưa dữ, trẫm ở cung sâu, bí mật cầu đảo, mong được yên tĩnh. Tối đến, gió im, mưa tạnh, bụng nghĩ mừng thầm, thực là nhờ sự thiêng liêng của Hoàng khảo ở trên cao đã ngấm phù hộ cho, kể sao cho xiết nỗi kính nhớ, cảm động ! Nhân ngồi trầm tư, làm thành mấy bài thơ, nay cho các người nghe”. Liền sai Nguyễn Trung Mậu đọc thơ lên, rồi thung dung dụ rằng : “Nạn bão mùa thu năm nay, Hoàng khảo ta đã biết trước khi việc xảy, lo cho con cháu đã từ lâu rồi. (Lời chua ở bài thơ trong tập *Thiệu Trị thánh chế thi* : “Trẫm nhớ năm ấy hầu hạ bên cạnh, thấy Hoàng khảo ta rất để ý đến lương thực của dân, chiêm nghiệm lúc mưa, lúc tạnh, biết trước sự ẩn bí xảy ra. Trong khi huấn chính, thường được nghe bảo tận mặt rằng : “Ở phương Nam, qua các đời trước, xét trong sử sách, ít có nạn động đất, nhưng có nhiều nạn bão : năm Tân Mùi, Gia Long thứ 10 [1811], năm Đinh Hợi, Minh Mệnh thứ 8 [1827] đều có một lần bão. Gần đây, xem khí trời, thế gió, thật sợ vài năm sau không khỏi bão lụt làm hại, tự hồ khí vận gây nên như thế. Cần phải cẩn thận tu tính, mới có thể cầu đảo để tránh hại được”. Trẫm bái lĩnh lời dạy dỗ, thận trọng việc làm, tu tâm sửa tính, nay quả có bão lụt làm hại, nghĩ thật là thánh nhân biết trước khi có việc xảy mà mưu tính cho con cháu rất sâu xa, cảm khái kể sao hết được !”). Nhớ lời ngài dạy, ghi tạc trong lòng. Trẫm đã bạc đức, không đón được sự vui hoà, lại không có chính sách tốt để cứu tai nạn, thật lo sợ lắm !” (Kinh sư bị bão lụt sau Nghệ An 5 ngày).

Vua bảo Hiệp biện Đại học sĩ Lê Văn Đức rằng : “Nay tiết sang thu đã lâu, sương móc đã sa xuống, cảm thời tiết này thật đang vấn vương nỗi lòng ! Huống lại gặp kỳ bão lụt, càng thêm cảm động buồn ngủ ! Người nên cùng với Tôn Thất Bật và Nguyễn Văn Điển thân tới Hiếu lăng và Hiếu Đông lăng, kính cẩn kiểm xem các chỗ trong ngoài tường thành có đổ nát hay không. Các phẩm quan trong Tôn thất cũng đều phải hội đồng với các viên thuộc ty ở bộ, viện, chia tới các Tôn lăng, kính cẩn kiểm soát, xong việc tâu lên để yên lòng tưởng nhớ của trẫm”. Bọn Đức về tâu : Các sở đều được nguyên vẹn tốt lành, gián hoặc có chỗ hơi nứt lở, xin cho bọn nguyên coi giữ việc lĩnh các vật hạng để sửa chữa. Vua y cho.

Cải bổ : Phó lãnh binh Gia Định Trần Nhữ Đoan làm Phó lãnh binh tỉnh Bình Định ; Phó lãnh binh Bình Định Tôn Thất Hàn làm Phó lãnh binh tỉnh Gia Định.

Chương vệ Nhất vệ dinh tả Thủy sư, kiêm coi các vệ Nhị, Tam, Tứ, Ngũ là Nguyễn Văn Pháp chết. Gia cấp cho 1 cây gấm Trung Quốc, 10 tấm lụa, 10 tấm vải và 300 quan tiền.

Bọn quan Nội các là Trần Ngọc Dao, Nguyễn Bá Nghi và Nguyễn Cửu Trường tâu rằng : “Trong những năm Minh Mệnh, nhất thiết những chương sớ, sổ sách thường có viết đến chữ tên ngự huy⁽¹⁾, khi kính cẩn xem đến, trộm không được yên lòng. Vậy phàm các nha môn tại Kinh và các quân dinh, vệ, ty, đội, các viện, các thự đều do các quan đứng đầu, các viên cai quản sức các thuộc viên kính cẩn kiểm lại từ tháng 12 năm Minh Mệnh thứ 21 [1840] trở về trước, hễ các văn thư, sổ sách có viết đến những chữ ngự huy đều đóng riêng thành tập đưa Nội các dâng nộp, rồi xét theo nguyên bản truy [bỏ chữ] huy, sẽ sao lục lại, phát giao trả những nha đã nộp ấy giữ làm tập lưu trữ. Các trực, các tỉnh bên ngoài cũng làm như thế”. Vua dụ rằng : “Đời xưa chỉ kiêng chữ tên chính, không kiêng chữ tên tự. Hai chữ tên tự⁽²⁾ của trăm là do Hoàng khảo đặt cho, trước đây bộ Lễ nghị xin cấm không được viết đến, đã có hiểu dụ rõ ràng : phàm 2 chữ liền nhau thì cấm dùng, còn nếu chỉ dùng 1 chữ thì cho viết bớt nét. Nay nếu nhất nhất đổi phép lại cả thì rất bề bộn. Vậy chuẩn cho những văn thư ở các nha môn trong Kinh ngoài tỉnh phàm có chữ huy⁽³⁾ hay tên tự của trăm mà 2 chữ liền nhau thì soạn giao Nội các kính cẩn trữ lại, sẽ sao lục để lưu chiếu, còn nếu có những chữ đồng âm với chữ huy, đã chép trong lệ cấm và chỗ nào chỉ dùng 1 trong 2 chữ tên tự đều chuẩn cho lấy mảnh giấy vàng dán lên trên, rồi cứ lưu bản nha giữ lại, bất tất đổi sao lục bản khác nữa”.

Bộ Hộ tâu nói : “Năm ngoái, phát ra 86.000 quan tiền Gia Long, Minh Mệnh hạng nhỏ hiện trữ ở kho Kinh, chia giao các tỉnh Bắc Kỳ nhận để nhập kho, sau vì bão lụt, không tiện vận tải, còn thiếu hơn 20.000 quan, vậy xin đợi đến sang năm tiếp tục tải đi”. Vua bèn sai tỉnh Hà Nội theo đúng cách thức, truy đúc tiền các hiệu, chia cấp đi các tỉnh Bắc Kỳ nhận trữ để dùng, cho đỡ vận tải khó nhọc.

Cho : viên nguyên bị cách đã được cất bổ Viên ngoại lang là Tôn Thất Hạp thăng thự Lang trung bộ Lại ; nguyên Viên ngoại lang ty An Biên là Lê Hữu Hương (trước là Quốc Hương) thăng thự Lang trung bộ Binh ; Ngự sử Lê Tư Duệ thăng thự Lang trung bộ Hộ.

(1) *Ngự huy* : tên vua. Đây chỉ những chữ tên Thiệu Trị.

(2) Tên tự của Thiệu Trị là Miên Tông, còn tên chính là Toàn.

(3) *Huy* : tức là tên chính (đây chỉ chữ Toàn).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXIV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Nhâm Dần, Thiệu Trị năm thứ 2, [1842], mùa thu, tháng 9. Sai : thự Bớ chính Khánh Hoà Trịnh Ngọc Lâm sung làm Chủ khảo trường thi Gia Định ; nguyên Án sát Quảng Trị điều thự Án sát Gia Định là Lê Chân làm Phó [chủ khảo]. Lấy đồ 16 cử nhân. (Vũ Duy Quang, Nguyễn Duy Doãn, Bùi Quang Nghi, Trần Thiện Chính, Vũ Nghi, Hồ Thu Hương, Tống Viết Cương, Hồ Bách Phúc, Âu Dương Xuân, Nguyễn Quang Khuê, Phạm Văn Minh, Phạm Hoàng Đạt, Nguyễn Văn Huyền, Đặng Tường Thụy, Vũ Phạm Châu, Hương Chính Trực).

Sửa chữa bờ đá ở thành Trấn Hải (trước đây, vì bão lụt, bị sụt lở). Sai thự Thống chế dinh Thân cơ, quyền lĩnh Đề đốc Nguyễn Cửu Đức coi việc ấy. Các đền miếu có chỗ nào hỏng nát cũng tu bổ cả. Rồi thấy công làm nặng nhọc, phái thêm 300 biên binh gộp sức để làm.

Thừa Thiên giá gạo đắt (mỗi học 2 quan, 4 tiền rưỡi). Vua triệu Phủ doãn Phạm Khôi hỏi về cố ấy. Khôi thưa rằng : “Hạt tôi ít ruộng, trông nhờ vào gạo trong Nam. Năm trước, thuyền gạo trong Nam vào bến hơn 200 chiếc, nay chỉ có hơn 70 chiếc, vì thế giá gạo lên cao”.

Cho : Thượng thư bộ Hình Vũ Xuân Cẩn điều lĩnh Thượng thư bộ Lại ; Tôn Thất Bạch điều bổ Tả đô ngự sử viện Đô sát, vẫn kiêm giữ chức Tả tôn khanh ở Tôn nhân phủ ; Lê Đăng Doanh với hàm Hiệp biện Đại học sĩ vẫn sung chức sư bảo của hoàng tử, hoàng đệ, kiêm giữ việc ấn ở Thông chính ty và Quang lộc tự.

Vua triệu Vũ Xuân Cẩn, bảo rằng : “Độ trước, vì việc đánh dẹp miền Tây mới dần dần được yên, trăm vẫn chưa được hả lòng, không ngờ đến mùa thu này [lại có] có bão lụt khác thường, dân ta chịu cái hại đau đớn ấy, trăm nghĩ đi nghĩ lại, rất sợ vì mình đức bạc. Vả, trăm đương lúc cư tang càng phải tu tỉnh thêm, chưa biết chỗ thiếu sót, lầm lỗi ở đâu. Các người là đại thần giúp đỡ, chớ tiếc hết lời, để giúp trăm về những sự không nghĩ tới”.

Lại bảo Lê Đăng Doanh rằng : “Người là đại thần kỳ cựu, đã chuyên chức su bảo, lại kiêm việc đài Ngự sử, tuổi già, việc nhiều, sao có thể trông nom được khắp! Nay không phiền người về việc ở đài, chỉ những khi triều đình hội nghị và những việc trọng đại, người nên cùng với các viên đại thần bàn bạc”. Bèn sai chế ấn bạc quan phòng Hiệp biện Đại học sĩ, ban cấp cho.

Vua lưu ý về việc quốc học. Đối với các sinh viên tại [Quốc tử] giám, dụ cho quan coi giám định rõ chương trình, xét những người siêng hay lười, chia ra từng hạng ưu liệt, cân nhắc cho lương ăn hơn kém để tỏ ý khích khuyến. Có viên ám sinh Trần Ngọc Dư bị bệnh chết, cấp cho tiền 20 quan, vải 2 tấm ; nhân ghi đặt làm lệ. Viên tôn sinh Tôn Thất Quýnh thi đỗ tú tài. Vua mừng nói : “Người là người họ nhà vua mà lại chịu cố chí đọc sách, do đường khoa mục tiến thân, thật đáng khen”. Đặc cách cấp cho lương ăn theo tôn sinh ưu hạng, vẫn lưu tại Giám học tập để đợi thi khoa sau.

Cho : nguyên Vệ úy Hữu vệ dinh Hồ oai, tác vi Lãnh binh An Giang là Nguyễn Văn Y điều bổ làm Vệ úy Nhị vệ thuộc Hậu bảo. Y theo việc đánh dẹp đã lâu, có công, nên lại thưởng cho 1 chiếc nhẫn vàng và 1 đồng kim tiền hạng nhỏ ; Phó lãnh binh An Giang là Tôn Thất Mậu điều bổ làm Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Hữu bảo.

Vua cho rằng hai tỉnh An Giang, Hà Tiên là những chỗ địa đầu xung yếu, hiện số binh pháo thủ hơi ít, bèn sai trích lấy 15 tên vệ binh pháo thủ đặc lực ở Gia Định, cho 5 tên đi An Giang, 10 tên đi Hà Tiên, chuyên giữ súng ống để phòng khi dùng đến. Lại cho rằng Gia Định là tỉnh lớn ở Nam Kỳ, phải sai phái đi nhiều ngả, bèn truyền chỉ cho Tổng đốc Định - Biên Lê Văn Phú : Từ nay, khi có việc phải sai phái, nếu cần người quản suất thì chuẩn tư cho Phó lãnh binh Biên Hoà Trần Văn Tuấn phái sang làm việc để cho đặc lực.

Nội vụ phủ tâu : “Theo lệ trước, đêm đến, sau khi phát tiếng súng, nếu có truyền đưa vật hạng gì, đều có thể bìa vào cửa để nghiệm thực ; gần đây, trong ban đêm, chỉ do lính canh ngoài cửa Tả dịch nhà Duyệt thị chuyển truyền soạn giao, không có biên nhận để làm bằng, vậy xin cho làm theo lệ trước để coi trọng các hạng cửa kho”. Vua y cho.

Thưởng tiền cho các quan viên hưu trí, văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên, mỗi hạng có thứ bậc khác nhau. Trước đây, đã chiếu sai quan sở tại đi thăm hỏi những viên ấy ; tới đây, bộ Lễ họp làm danh sách tâu lên, gồm có 29 người, vua sai chia hạng, ban thưởng cho.

(Chương vệ sung Lãn binh Đặng Hữu Chất, Đoàn Văn Cải : mỗi người được thưởng tiền 100 quan ;

Lãn binh Trần Văn Vân, Trần Bá Vinh, Phan Văn Đồng, Nguyễn Tiến Tá, Phạm Văn Thư ; Vệ úy Đặng Tài Cù, Nguyễn Văn Niên, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Đoài : mỗi người 80 quan ;

Hiệp trấn Nguyễn Minh Châu ; Bớ chính Trần Thiên Tải ; Chương vệ Đoàn Văn Suất, Vệ úy Vịnh Lâm Uy, Nguyễn Văn Thu, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Phương, Lê Văn Hạt, Lê Văn Tính, Phó vệ úy Trần Công Điều, Nguyễn Văn Nghị, Nguyễn Văn Dân, Phó lãnh binh Nguyễn Văn Hội, Nguyễn Viết Trung, Bùi Văn Đạo : mỗi người 70 quan.

Lãn binh Trần Văn Quân, Phó lãnh binh Trần Văn Hựu : mỗi người 40 quan.

Lang trung Nguyễn Hảo : 30 quan).

Cho Bớ chính Hưng Yên là Ngô Kim Lân làm Tả thị lang bộ Hình.

Các viên khoa đạo là bọn Nguyễn Đức Hoan, Ngô Bình Đức và Doãn Khuê dâng sớ nói : “Gần đây, các hạt Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Nghệ An, Hà Tĩnh bị bão lụt làm hại, mà Nghệ An bị hại nặng hơn cả. Chính sách cứu nạn đương cấp phải cử hành, thế mà ở các công sở thuộc Nội vụ và Vũ khố vẫn đang chế tạo các vật hạng bề bộn. Vậy xin phàm những việc không cần cấp, những đồ dùng vô ích đều đình chỉ và giảm bớt đi hết. Và các thợ Thanh bình và Hoà thanh gần đây có diễn tập, tuy là chức sự thường, nhưng đương trong hạn [quốc tang] 3 năm, cũng nên đình chỉ”. Vua xem sớ, liền phê bảo các nha môn phải mau giảm bớt hoặc đình bãi. Sau đó, nha giữ việc tâu rằng : “Những vật hạng ở công sở đang làm đều là nhân sang xuân, hết quốc tang, có việc trần thiết, nên phải dự chế, ngoài ra không làm việc gì khác. Còn các nhạc thợ dùng nhạc để tế thần là theo tục lệ, nay đã chia ban, không diễn tập nữa”. Vua dụ rằng : “Như thế thì lời khoa đạo nói đó là chỉ vào những việc gì ? Trẫm vốn bạc đức, canh cánh lo sợ, chỉ mong theo tâm pháp, trị pháp của Hoàng khảo ta làm tâm pháp, trị pháp của mình, thận trọng như cầm dây cương nạt kìm 6 con ngựa, chăm chỉ lo lắng, mỗi ngày một cẩn thận thêm, còn chưa đủ cảm thông để đón lấy sự vui hoà của trời, đến nỗi dân các địa phương riêng chịu tai nạn như thế ! Đem khuya xét mình, chỉ tự tu tỉnh. Huống chi đương lúc cư tang, xe kiệu mũ áo đều dùng theo mộc mạc, có từng dựng một điện, xây một đài múa ở cung, hát ở nội thất đâu ?

Chắc các quan chức trong ngoài đã nghe biết cả, không phải là trăm tự khoe. Và, những người cài bút⁽¹⁾ đứng ở bên cạnh há không nhìn thấy, nghe thấy hay sao ? Thế mà [khoa đạo] nói ra lời ấy, coi trăm là ông vua thế nào ? Nếu có lòng trung thành yêu vua, giúp triều chính về chỗ thiếu sót, lầm lỡ thì sao chẳng chỉ rõ, nói thẳng trước khi có việc, để không thẹn với những người [can vua đến] gãy cột⁽²⁾, rách áo⁽³⁾, lại tự ý vợ nhặt xằng, đem việc tâm thường ở công sở ra nói mà bảo là một chính sách tốt để cứu tai nạn ? Hai là sợ vì phải kiểm kê bận bịu ? Nghe những lời nói ấy, cho là yêu vua mà nói, hay vì mình mà nói ? Thế nhưng vua mà thích nghe lỗi mình thì bề tôi ai cũng dám nói ra hết. Vậy bọn khoa đạo các người nên đi khắp các công sở, kiểm xét thật kỹ, nếu thấy có những việc không cần kíp, nên bỏ bớt, thì kê từng khoản tâu lên ; nếu bọn đốc công tự làm những việc vô ích thì cũng nghiêm hặc ngay để trị tội”.

Bọn Nguyễn Đức Hoan đã đến kiểm xét các công sở, không thấy việc gì đáng nói được, bèn dâng sớ xin chịu tội. Vua cho rằng họ nói sai, nhưng đã biết chịu lỗi, nên đặc cách tha cho.

Phó lãnh binh Biên Hoà là Trần Văn Tuấn bị ốm. Cho : Phó lãnh binh Quảng Ngãi là Lê Công Đức điều bổ làm Phó lãnh binh Biên Hoà ; thự Vệ úy Phan Phái lĩnh chức Phó lãnh binh tỉnh Quảng Ngãi.

Quan 2 tỉnh Nghệ - Tĩnh tâu bày : “Dân trong 2 hạt từ khi được nhờ triều đình cứu giúp, lương thực tạm đủ, những dân lưu tán đều đã trở về làng mạc, chợ búa, đường sá đã nhiều người đi lại buôn bán như cũ. Duy sau khi nước lụt đã lui, các ruộng lại có hoang trũng (thứ sâu đầu vàng, có vằn đen, hình thù như con tằm), vụ gặt mùa thu có lẽ chưa chắc được tốt”. Vua than rằng : “Dân địa phương ấy có tội tình gì !”. Sai 2 tỉnh ấy đều kêu cầu ở các đền thiêng. Gặp có mưa xuống hoang trũng đỡ bớt dần.

Định lại điều lệ tuần tra cung thành và hoàng thành. Vua cho rằng cung thành và hoàng thành là chỗ rất quan trọng thâm nghiêm, cần phải nhắc lại mệnh lệnh giao cho bộ Binh tra lệ, bàn làm cho ổn đáng. Bộ thần tâu lên rằng : “Năm Minh Mệnh thứ 1 [1820], lệ định : mặt ngoài cung thành do 3 trực⁽⁴⁾ vệ Cẩm y ; mặt trong hoàng thành do 10 vệ Thị trung ; mặt ngoài hoàng thành do 4 dinh Thị nội,

(1) Do chữ “Trâm bút” (cài bút ở đầu). Khi xưa các quan ở bên vua thường cài bút ở trên đầu để phòng có việc phải ghi.

(2) Xưa, Chu Văn can Hán Thành đế, vua giận toan giết, ngự sử lời Văn xuống, Văn bám chặt lấy cột điện, cột bị gãy. Sau vua không cho chữa cột để ghi nhớ một người bề tôi nói thẳng.

(3) Một người trung thần đời cổ núp lấy áo vua để can việc, vua vùng đi, ống áo tay bị rách (chưa tra được rõ tên).

(4) Ba trực : Túc trực, Thường trực và Trường trực, đều thuộc vệ Cẩm y. Túc trực gồm 10 đội, Thường trực và Trường trực đều gồm 5 đội (theo *Đại Nam hội điển*, quyển 140, tờ 1a).

đều phải theo tấn phạt, chia nhau tuần phòng ; tự trung về sự kiểm thúc, rắn chắc chắc đã kỹ lưỡng chu đáo, có thể làm thành pháp, không thay đổi được. Duy gần đây quân hiệu về thân binh và cấm binh có đổi định lại, cũng có đặt thêm. Và, phép đặt đã lâu, không khỏi sinh tệ. Vậy xin tham khảo và châm chước lệ cũ nghị kỹ để làm một quy tắc nhất định.

(Về mặt ngoài cung thành, hai bên tả, hữu, việc tuần phòng theo lệ trước : do 10 đội Túc trực của vệ Cẩm y, và Trường trực, Thường trực mỗi trực 1 đội. Nay xin nghị : bên tả, do 5 đội Nhất, Tam, Ngũ, Thất, Cửu của Túc trực, Nhị, Tứ, Lục, Bát, Thập của Trường trực. Tuần phòng ban đêm, chiếu theo lệ cũ : mỗi canh, mỗi bên phái 1 Cai đội hoặc Hiệu úy, 1 đội trưởng đem 10 tên lính đều cầm khí giới và đèn lồng của hiệu quân mình, lại đem theo 5 tấm bài sừng ghi canh ấy. Bên tả, bắt đầu từ ngoài cửa Đại Cung do cửa Nhật Tinh đi theo phía tả, qua cửa Hưng Khánh, cửa Trường Loan, đều giao cho biên binh canh cửa 1 tấm bài sừng làm tin, đi thẳng đến chỗ phân giới mặt sau Tường cung, lại theo đường cũ, quay về phía trước, đến cửa Đại Cung, giao cho biên binh canh cửa 1 tấm bài sừng làm tin. Bên hữu, bắt đầu từ ngoài cửa Đại Cung, do cửa Nguyệt Anh đi theo phía hữu, qua cửa Gia Tường, cửa Nghi Phượng, đều giao cho biên binh canh cửa 1 tấm bài sừng làm tin, đi thẳng đến chỗ phân giới mặt sau Tường Cung, lại theo đường cũ, quay về phía trước, tới cửa Đại cung, giao cho biên binh canh cửa 1 tấm bài sừng làm tin. Đến sáng hôm sau, các cửa đều đem tin bài nộp viên chưởng quản.

Về mặt trong hoàng thành, hai bên tả, hữu, theo lệ trước : do 10 vệ Thị trung, sau đổi Thị trung làm 2 dực⁽¹⁾ dinh Vũ lâm, bấy nay vẫn theo nguyên lệ phái cất. Nay xin nghị : Bên tả, do 5 đội Trường trực của vệ Cẩm y, và 5 đội Nhất, Tam, Ngũ, Thất, Cửu của vệ Kim ngô ; bên hữu do 5 đội Thường trực của vệ Cẩm y, và 5 đội Nhị, Tứ, Lục, Bát, Thập của vệ Kim ngô. Tuần phòng ban đêm, chiếu theo lệ cũ : mỗi canh, mỗi bên đều phái 1 Cai đội hoặc Hiệu úy, 2 đội trưởng, đem binh lính 20 tên cầm khí giới và đèn lồng của hiệu quân mình, lại đem theo 3 tấm bài sừng ghi canh ấy, đều do chỗ chính giữa mặt trong cửa Ngọ Môn bắt đầu đi. Bên tả, theo phía tả, đi qua Đông đài ; bên hữu, theo phía hữu, đi qua Tây đài ; đều giao cho biên binh trên đài 1 tấm bài sừng, rồi lại đi thẳng. Hai bên đi tới chỗ chính giữa mặt trong Bắc đài là chuẩn đích. Tả, hữu 2 bên giáp nhau, đều đưa giao 1 tấm bài sừng của hiệu quân mình làm tin. Đoạn lại đều theo đường cũ, đi về đến chỗ bắt đầu đi ở mặt trong cửa Ngọ Môn, 2 bên gặp nhau đều đưa tấm bài sừng giao nhận, sáng hôm sau đem nộp.

(1) Hai Dực : Tả dực và Hữu dực thuộc dinh Vũ lâm, mỗi dực gồm 5 vệ, mỗi vệ có 10 đội (theo Đại Nam hội điển, quyển 140, tờ 23b).

Về mặt ngoài hoàng thành, hai bên tả, hữu, tuần phòng theo lệ trước : do 4 dinh Thị nội, sau đổi Thị nội làm các dinh Cẩm binh, bấy nay vẫn chiếu lệ sai cắt. Và, nay, trại binh 2 dục tả, hữu dinh Vũ lâm đều ở vòng ngoài thành, nên nhân tiện sai cắt. Vậy xin nghĩ : bên tả, do Tả dục dinh Vũ lâm ; bên hữu, do Hữu dục dinh Vũ lâm. Tuần phòng ban đêm, chiếu theo lệ cũ : mỗi bên mỗi canh đều phải 2 đội trưởng đem 20 tên lính cầm khí giới và đèn lồng của hiệu quân mình, đem theo 2 tấm bài sừng ghi canh ấy, đều do chỗ chính giữa mặt ngoài cửa Ngọ Môn bắt đầu đi. Bên tả, đi theo phía tả, qua Đông đài ; bên hữu, đi theo phía hữu, qua Tây đài ; đều đi tới chỗ chính giữa mặt ngoài Bắc đài là chuẩn đích. Tả, hữu giáp nhau đều đưa giao tấm bài sừng của hiệu quân mình làm tin, tất cả theo như lệ tuần phòng mặt trong.

- Những tín bài về các hiệu của quân đi tuần, năm trước đã do quan cấp, nay những nét chữ ghi trên mặt bài đã mòn, xin theo y thức làm lại : 1 mặt khắc Tuần quân sở nọ..., tín bài hiệu nọ..., thí dụ như tín bài về canh 1 của quân tuần phòng bên tả mặt ngoài cung thành thì mặt bài khắc những chữ “Cung thành ngoại diện tả biên tuần quân nhất hiệu tín bài”, còn về canh 2 thì khắc chữ “Nhị hiệu”, cho đến canh năm khắc chữ “Ngũ hiệu”, mỗi tín bài đều theo thứ tự các canh khắc rõ. Những tín bài về các canh ở mặt trong, mặt ngoài hoàng thành cũng làm theo như thế ; 1 mặt khắc, những chữ : “năm... tháng... ngày..., quan cấp”, phát giao nhận dùng.

- Số quân, tín bài và chương trình tuần kiểm của những quân tuần phòng của các sở, trong ban đêm, đều có lệ định, nếu bỏ thiếu hay tuần phòng không theo số thứ tự thì do biên binh các cửa, các đài xét hạch, còn những binh ở các cửa, các đài nếu có ai tự tiện dời khỏi tấn phận hay bỏ thiếu hoặc canh giữ không cẩn thận thì do quân đi tuần kiểm soát, sẽ trình với viên cai quản đội ấy đem việc tâu hạch.

- Mặt ngoài cung thành, mỗi đêm sau khi có tiếng súng, nhất thiết các nhân viên không có “Vương mệnh bài”, hoặc “Long bài” mà đi qua ven tường hay ẩn nấp chân tường thì bất cứ là đàn ông hay đàn bà cũng bị lập tức bắt tội. Và, mặt trong, mặt ngoài hoàng thành, ban đêm lỡ xảy những việc vật như cướp, trộm hay bọn côn đồ cướp giật, đều phải ra sức đuổi bắt cho kỳ được rồi giải nộp viên Thống quản, hôm sau, hỏi rõ, tâu lên. Nếu vì tình riêng buông tha hay nhân đó nhận của hối lộ thì trị tội ngay theo quân luật. Lại như hơi thấy việc xây nhỏ mọn, đã vội vàng bắn súng để động đến tai vua thì lập tức đem tên biên binh phạm lỗi ấy trị tội theo quân luật.

- Phàm đang đêm, hễ có đám cướp to, kẻ gian lớn, đích xác không phải là biển cố tầm thường thì biên binh tuần phòng mặt ngoài hoàng thành phải bắn ngay 3 phát súng điều sang để báo động cho trong thành biết, rồi một mặt báo luôn cho các

biên binh trên đài và trong cửa để phòng giữ cho nghiêm, một mặt ra sức cố bắt, đem việc tâu lên, sẽ được hậu thưởng. Binh tuần phòng mặt trong hoàng thành hễ nghe ngoài thành có 3 tiếng súng nổ, liền phải xếp hàng để phòng giữ, cũng phải hỏi rõ sự trạng rồi chuyển báo các cửa, các đài trong thành để đầu dấy chiếu phận phòng giữ ; một mặt kíp báo cửa Đại Cung chuyển đạt vào trong Nội, Đại viên thống quản đương phiên trực phải hỏi rõ, rồi gõ luôn cửa Tả Tương điện Cần Chính, truyền tin cho Nội giám phi tấu lên. Trong cửa cung một khi tiếp được tin báo động, liền do Đại viên thống quản đương trực lập tức đốc sức mọi người cầm khí giới, đốt đèn đuốc, đứng chờ đợi. Còn trong hoàng thành, những biên binh ở các cửa, các đài và các vệ Cẩm y, Kim ngô chia trực tại 2 cửa Nhật Tinh, Nguyệt Anh một khi nghe quân đi tuần chuyển báo, liền phải chỉnh bị khí giới, súng ống, ai nấy chiếu theo tẩn phận, xếp hàng, yên lặng để chờ lệnh, không được huyên náo, hễ thấy bài “vương mệnh” hay cờ thêu rồng truyền đến, thì cứ đứng thực làm theo ; nếu ai trái lệnh sẽ chém để nghiêm quân luật”.

Tập nghị dâng lên, vua mở xem rất kỹ, rồi bảo rằng : “Những điều nghị trong tập phần nhiều đã rành mạch, duy lính tuần mặt ngoài cung thành và lính tuần mặt trong hoàng thành mỗi canh bàn giao tám bài, không có viên quản suất kiểm xét, thì chưa được chu đáo, ổn thoả. Vậy chuẩn định : tại cửa Đại Cung, mỗi đêm do đại thần văn, võ ở ban Túc trực phái ra 1 quản vệ, 5 suất đội trong Cẩm binh Vũ lâm trực đêm và 2 thị vệ, túc trực ở ngoài cửa cung, chiếu kiểm những biên binh tuần phòng mặt ngoài cung thành và những biên binh canh giữ 2 cửa Nhật Tinh, Nguyệt Anh ; những binh đi tuần khi giao bài thì do viên quản túc trực ngoài cửa nhận thu, tra xét. Ở cửa Ngọ Môn, theo lệ cũ, vẫn có 1 viên quản vệ coi giữ, những biên binh trong thành giao bài thì do viên quản vệ Ngọ Môn nhận thu tra xét. Nếu có kẻ nào vắng thiếu hay trễ nải thì đem ra hặc ngay, rồi do viên đại thần ở ban túc trực cứ thực hặc tâu, như vậy để cùng giữ gìn lẫn nhau, làm tỏ sự cẩn mật. Ngoài ra, y theo nghị trên, thi hành.

Các địa phương có sông ở Bắc Kỳ tâu báo vụ nước được yên. Vua xem tờ tâu, bảo các đại thần rằng : “Việc giữ sông có quan hệ đến dân sinh, trước đây trăm ra Bắc, duyệt coi các đường sông, đã dụ bảo các địa phương có sông phải gia tâm sửa sang cho kỹ ; lại ban cho miếu thờ thần sông hoành biển và câu đối, đều là vì dân cầu được phúc lành. Nay, từ vụ nước lớn mùa hạ đến mùa thu, mực nước có lúc lên mau đến 16 - 17 thước, rồi lại lui xuống như thường, không phải khó nhọc về *sang hộ* ⁽¹⁾, phí tổn về công của mà đề điều được vững, không ngờ câu đề ở hoàng biển được thần giúp cho như ý mong muốn, còn gì đáng mừng bằng !”.

(1) *Sang hộ* : bảo vệ, bồi đắp đề điều.

Tỉnh Hà Tiên và tỉnh An Giang đều tâu báo tin tức thám thính ở ngoài biên (Hà Tiên thám, báo : “Có hơn 500 quân Xiêm ngày đêm đan những lá chắn bằng mây, hện với giặc nhà Thanh cùng sang gây việc. Đầu mục của Xiêm, tên Chất Tri, trước bị thua ở Hà Âm ; tù trưởng Xiêm bãi chức, bắt về ở phủ Chân Bôn”. An Giang thám, báo : “Tên Chất Tri hiện lưu tại thành Trấn Tây cũ, đắp thêm đồn trại, nghe đại binh của ta sắp tiến tiêu, hấn phái người gọi thêm lính Thổ, Xiêm, Lào, lại đóng chiến thuyền ở bến đồn Quảng Biên”.

Vua nói : “Hai tin khác nhau hẳn, khiến cho người ta không thể hiểu rõ được. Những tin thám ấy tuy sai hay thực cho rõ, nhưng sự phòng giữ những nơi địa đầu xung yếu vẫn không nên để sơ hở, vô luận giặc đến hay không đến, ta nên trước hết đứng vào địa vị không thể xâm phạm được”. Nhân đó dụ cho 2 tỉnh Vĩnh Long, Định Tường : Phàm chỗ xung yếu và các cửa biển trong hạt đều nên đề phòng trước, để việc phòng bị được nghiêm. Chưa bao lâu, Tuần phủ Hà Tiên Nguyễn Lương Nhân tâu : “Cứ theo bọn thám tử về báo, thì người Thanh và người Tây dương (Anh Cát Lợi) định sắp đánh úp nước Xiêm. Bọn đầu mục Xiêm là Ô Thiệt và Phi Tà La Oan Sản đều đem binh thuyền trở về thành Vọng Các”. Vua được tin, nói : “Nếu lời ấy đúng thì bọn Xiêm kia cứu mình còn không nổi, sức đâu mà mưu tính đến nước người ! Ô Thiệt đã chạy về thì không lẽ Chất Tri ở lại Trấn Tây một mình được ! Nhưng dịp phòng thủ mùa đông sắp tới, công việc chống giữ không thể nhân có này mà để sơ suất chút nào. Nên lại sai đi thám thính để rõ hết tình hình giặc”.

Vua bảo Đại thần viện Cơ mật Trương Đăng Quế rằng : “Nay những viên đốc, phủ An Giang, Hà Tiên dâng tờ tâu xin xây đắp lũy dài và khơi đào đường sông, trăm mở xem đồ bản, việc nghị làm đều là thoả hợp. Nhưng mấy năm nay có việc đánh dẹp, quân và dân vừa mới được yên nghỉ. Những công trình nặng nhọc đáng nên chằm chước, liệu theo thứ tự mà thi công. Về khoản đắp lũy dài, chuẩn cho bọn đốc, phủ chiếu theo những chỗ xung yếu, dự tính làm trước. Về sự khơi đào đường sông, cũng là vì việc mưu tính biên phòng, nhưng nay sắp đến dịp phòng thủ mùa đông, địa thế lại lắm bùn lầy, chưa tiện cử hành một loạt, vậy hãy đợi đến kỳ tạnh ráo, biên cương yên tĩnh, sẽ làm cũng chưa muộn”.

Dân Man ở tỉnh Thái Nguyên, theo lệ, không phải chịu những việc tạp phái sai dịch. Quan tỉnh ấy tâu xin đòi bắt dân đi ứng dịch, lại sức sai đi mua các vật hạng của dân Man mà không trả theo giá. Vua cho rằng tỉnh làm việc ấy không hợp lệ, bèn sai chi tiền công truy cấp trả dân Man và bắt tỉnh phải bồi thường.

Định lệ hoàng tử và hoàng thân vào tế thay vua. Lệ trước : sai hoàng tử thay tế ở Thế miếu, hoàng thân thay tế ở Thái miếu. Vua cho rằng các hoàng tử phần nhiều còn nhỏ tuổi, chưa thể sung vào việc sai thay, bèn dụ Tôn nhân phủ và bộ Lễ : từ sau, phạm gặp lễ tiết tại các miếu, về Thế miếu thì chọn phái hoàng tử đã được phong và

thân công ; về Thái miếu thì chọn phái thân công ; về Triệu miếu và Hung miếu thì chọn phái quốc công, quận công vào tế thay, để hợp ý nghĩa của lễ.

Quyền lĩnh Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Trần Hữu Lễ vì hết hạn về việc đánh dẹp mà không công trạng gì, đã bị giáng cấp, lại cho 1 hạn 3 tháng, bắt phải ra sức thám bắt bọn giặc. Sau đó, Lễ lại mật tâu : “Các thung lũng trong rừng ở 7 huyện thuộc 2 phủ Đoan Hùng, Lâm Thao đều có bọn giặc tụ tập, hễ phái binh đến vây bắt thì chúng đã xa lánh trước. Đó là vì nhân dân các xã, thôn, phường lâu nay bị giặc doạ, dõ, lén lút chứa giặc, đến nỗi khi nghe lỏm được tin quân quan đến thì mật báo cho giặc biết ngay, cho nên việc dẹp bắt khó mong xong hẳn được. Nay nghĩ xin đem bọn tổng, lý, chức dịch ở các xã, thôn, phường, bắt đi theo quân thám, nã, lại xin xuống dụ bảo cho biết lẽ thuận, nghịch, để chúng tự biết sửa đổi. Nếu chúng bắt được những tên đầu sỏ bọn giặc và đồ đảng đưa đến làm án, sẽ cho hậu thưởng ; nếu kẻ nào chỉ vâng dạ hão, làm không xong, tâm tính gian dối, xảo quyết thì sẽ chém đầu bêu cho mọi người biết. Lại xin cho viên nguyên Bố chính Lương Quốc Quang dự vào làm việc quân”. Vua quở rằng : “Hạt người có giặc, cũng là do quan địa phương không khéo vỗ về, cai trị, không đủ làm cho dân tin, mà những bộ biên phái đi thám nã lại là hạng bất lực, đến nỗi nhân tình ngờ vực, lòng sinh oán vọng, không dám cáo giác, để làm cái kế tạm được an toàn cho bản thân và nhà mình, chứ đâu có lẽ dân ở trong hạt không thích theo quan mà lại theo giặc ? Nay muốn bắt hết bọn tổng, lý, chức dịch ở 7 huyện trong 2 phủ phải đi theo quân mà tự mình thì nhõm nhỡ về tỉnh làm một người vô sự, thì có nên không ? Trước đây chuẩn định cách ban thưởng, chắc đã minh bạch, nay khó gì không nhắc lại lời dụ trước, sao lục đưa ra bố cáo, khiến mọi người biết chỗ nên theo, ra sức báo nã bắt giặc, hà tất lại tâu bày xin nã ! Chẳng qua người vì đã lâu không làm nên công gì lại sợ hạn định nghiêm khắc, cho nên muốn đẩy việc cho dân để che lỗi mình, như vậy há không lạm tới kẻ vô tội ru ? Người phải tự liệu cho ổn thoả, cần trả lại trăm bằng 2 chữ “thành công”, sẽ được tha tội trước và còn được ghi cả công sau. Nếu tự liệu không thể làm được thì cũng cứ thực tâu lên, trăm sẽ chọn sai viên khác làm thay, người sẽ đặt mình vào địa vị nào ? Còn Lương Quốc Quang bấy nay chưa tỏ ra có chút công gì thì há nên cho dự làm việc binh ? Nhưng trong lúc bắt giặc, đương cần dùng người, vậy hãy chuẩn cho Quang đi quân thứ để sai phái”. Sau đó Quang bị bệnh, chết.

Bấy giờ, mưa rất to. Có tên lính coi giữ vườn Thường Mậu bắt cá ở bờ hào. Việc phát giác, giao bộ Hình xét hỏi, định tội. Vua bảo bộ rằng : “Bọn ấy ngu muội, không biết gì, vượt vào chỗ cấm, vốn nên trị tội, nhưng vì bắt cá là việc nhỏ mọn mà bắt tội thì so với [việc xưa] những người cắt cỏ, kiểm củi hoặc săn bắt trĩ,

thỏ đều được [vào vườn] ⁽¹⁾, lòng trăm thấy có chỗ không nở. Vậy hãy theo lối nhe xử ngay, đừng để dằng dai, là được”.

Nguyễn Đăng Tuấn, thự Hiệp biện Đại học sĩ, sung chức Sư bảo của hoàng tử, hoàng đệ, xin về hưu. Vua y cho. Đăng Tuấn là bề tôi cũ, làm Sư bảo, vua rất coi trọng, thường sai Trung sứ đến thăm hỏi, về lễ độ không lúc nào kém. Đến đây, Đăng Tuấn vì già, ốm, lại cố xin về ; vua cũng không muốn trái ý Tuấn nữa, mới sai quan Nội các là Nguyễn Bá Nghi tuyên Chi thăm hỏi và bảo rằng : “Sang năm, kính gặp đại lễ thăng phối⁽²⁾, nếu có thể cố gắng đợi sau khi xong lễ sẽ về dưỡng lão thì hay nhất, nếu bệnh chưa bớt thì trăm cũng cúi theo lời xin”. Đăng Tuấn thưa : Vì bệnh thể trăm trọng, tự liệu không thể hàng tuần mà khỏi được, vậy hãy tạm xin về quê. Vua bèn y cho, rồi dụ rằng : “Đại thần Nguyễn Đăng Tuấn, trong năm Minh Mệnh, đức Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế, thận trọng về việc kén người chủ tế tự, nối dòng dõi, cần được sư phó xứng đáng nên đặc cách sai Đăng Tuấn do chức hàm Tham tri bộ Lễ, sung bồi vào ghế ngồi giảng học. Trăm, khi chưa lên ngôi, mỗi lúc rỗi, ngoài giờ Hoàng khảo dạy chính sự liền cùng [Đăng Tuấn] giảng luyện văn tịch, bàn bạc cổ kim, phần nhiều có thành hiệu rõ rệt. Các hoàng đệ bấy lâu được nhờ sự khuyên nhủ giúp đỡ, đức cũng theo tuổi tiến lên. Sau đó [Đăng Tuấn] vì già yếu tật bệnh, thường dâng sớ xin hưu, ngược nhờ ơn trên đoái thương, không muốn lại phiền làm việc chính sự, thuận cho nộp ấn, treo xe. Sau khi đã xin được về, thân tuy ở điền lý, lòng vẫn không quên nhà vua : năm ngoái, chống gậy vào Kinh, kính mừng đại lễ đăng quang⁽³⁾. Tuổi ngoại bảy tuần mà tinh thần vẫn mạnh, trăm rất lấy làm mừng, nhân nghĩ : các hoàng tử, hoàng đệ phần nhiều đã lớn đức, nghiệp muốn tu tiến cần phải nhờ có thầy giúp ; [nhưng thầy] nếu không phải người đức tốt, tuổi cao, kén vào việc ấy sao được. Bèn dụ cho [Đăng Tuấn] lại sung làm Sư bảo của hoàng tử, hoàng đệ, thay sự khó nhọc cho trăm. Bọn hoàng tử, hoàng đệ từ bấy nay, hằng ngày nhờ sự giảng dạy giúp đỡ được ích khá nhiều, trăm đương lấy làm vui vẻ và được yên ủi. Nay vì tuổi già bị bệnh, cố xin hưu trí. Coi lời tâu về bệnh tình, càng thêm mến thương. Vậy thuận theo lời xin và chuẩn cho giữ nguyên hàm về làng, lại thưởng 10 chi nhân sâm Cao Ly của vua dùng, 10 thanh quế Thanh, 100 lạng bạc và sai lấy thuyền công tiến về. Ngày [Đăng Tuấn] khởi hành sẽ sai hoàng tử An Phong hầu Hồng Bảo thân tiễn xuống thuyền ; lại truyền Chi tỉnh Quảng Bình phái lính tiếp đón hộ tống về quê, để tỏ ý thiết tha mến chuộng hậu đãi một vị đại thần”.

(1) Xưa, vua Chu Văn Vương có vườn rộng 70 lý, những người cật cò, kiếm củi và những người săn bắn trĩ, thỏ đều bắt được đi vào, coi như cùng dân công cộng (Mạnh Tử).

(2) *Thăng phối* : rước lên phối hưởng ở miếu Tổ, sau khi hết tang. Đây chỉ việc thăng phối Minh Mệnh.

(3) *Đăng quang* : vua lên ngôi.

Đóng bổ sung 13 chiếc thuyền Hải vận (Năm ấy các thuyền Hải vận vì bị bão, hư hỏng và trôi đi mất 13 chiếc. Ra lệnh cho trong Kinh và các tỉnh Thanh Hoá, Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hoà và Phú Yên đóng thêm để bổ sung).

Ngày Nhâm Thân, vua đem quần thần đến mừng sức khoẻ cung Từ Thọ. Trước đây, Thánh từ hơi mệt, vua hầu thuốc thang bên cạnh ; đến đây, thánh thể được lành mạnh, vua thân đến lễ tạ điện Phụng Tiên và điện Hiếu Tư.

(Ngày lễ tạ điện Phụng Tiên, vua đội mũ Cửu long, mặc hoàng bào, thắt đai ngọc ; bách quan đều mặc triều phục, đứng hầu. Ngày lễ tạ điện Hiếu Tư, vua mặc đồ lễ phục ; bách quan đều mặc lễ phục đứng hầu).

Lại lập đàn chay ở chùa Giác Hoàng. Sang hôm sau, vua mang tờ Kim tiên đến cung Từ Thọ dâng mừng sức khoẻ, rồi dâng các hạng đồ mừng.

(1 chuỗi hạt đeo bằng trân châu, san hô trang sức bằng vàng, có những chữ “Thiên địa tế thọ, ngũ đại đồng đường”⁽¹⁾ ; 1 bộ hình cây nhân sâm có chữ “Thọ phẩm diên linh”⁽²⁾ ; 1 chiếc như ý bằng ngọc có chữ “Phúc thọ đồng đường”⁽³⁾ ; 1 bộ đồ chơi có hình trăm con nghìn cháu chúc thọ ; 1 bộ 9 ông lão ở Hương Sơn⁽⁴⁾ chúc thọ ; 2 hình con phượng bằng vàng có những chữ “Lâm đức, trung tường”⁽⁵⁾).

Lễ mừng làm xong, thưởng cho hoàng thân trở xuống, những người quê ngoại các mệnh phụ, nữ quan, cung giám, hoạn quan 10.000 quan tiền ; văn từ chánh lục phẩm, võ từ tòng ngũ phẩm trở lên, bất luận là bị cách lưu, giáng cấp hay bị giao nghị vì lỗi thường, đều thưởng lương 1 tháng bằng gạo trắng. Những hoàng thân tước công, hoàng tử, hoàng đệ, viện Cơ mật, Nội các và thị vệ ai có dự vào việc kiểm các vị thuốc, đều được thưởng áo đơn, áo dài, kim tiền và ngân tiền có thứ bậc khác nhau.

Cho : Vũ Hữu Quýnh làm Thái bộc Tự khanh, vẫn kiêm quản viện Thái y ; Vũ Đức Nhu được gia 1 cấp hiệp sức cùng nhau coi quản viện Thái y ; Trần Văn Cát làm Ngự y ; Đặng Văn Chúc làm thự Phó ngự y. Lại thưởng cho bọn Quýnh và các y sinh : đồ mặc và tiền, có thứ bậc khác nhau.

Kỳ thăm án mùa thu năm ấy có 434 tên tù bị tử tội mà đình thần xét nên xử quyết ngay, thì vua cho đình chỉ hết ; ngoài ra, còn giảm tội, cho phát vãng và tha hẳn, cộng 251 tên nữa. Vua dụ rằng : “Xá tội là việc ơn riêng, không phải là điển lệ thường. Năm ngoái, trăm mới lên nối ngôi, đại xá cho thiên hạ, phạm tù phạm bị tử

(1) Thọ ngang với trời đất, 5 đời cùng sống chung.

(2) Vật phẩm giúp thêm tuổi thọ.

(3) Phúc và thọ cùng tụ ở một nhà.

(4) Tức là Bạch Cư Dị cùng với 8 bạn là Hồ Cảo, Cát Văn, Trịnh Cứ, Lưu Chân, Lư Trinh, Trương Hồn, Dịch Kiềm Mô và Yên Tập (theo *Bội văn vận phủ*, quyển 15 từ 17a và q.49 từ 10b).

(5) Xem đức tốt thấy điềm lành.

tội đều đã đình lại, không đem xử quyết. Năm ấy, xét danh sách, phạm những tù phạm thực sự, đích xác có tội, đáng nên cho chính pháp ngay ; nhưng nghĩ : gặp dịp cử hành việc vui mừng, cho đình chỉ lần nữa, cũng không hề gì. Đó không phải là mua ơn, không phải là bỏ pháp luật, mà là cốt để theo lòng nhân hiếu sinh⁽¹⁾ của trời đất và để mở rộng cái ơn nhân từ của Thánh tổ mẫu : “Dùng hình phạt để mong đi đến chỗ không phải dùng hình phạt”, là bản ý của thánh nhân lập ra hình pháp đó. *Kinh Thư* đã nói : “Phải kính cần thay ! phải thương xót về việc hình”.

Bắt được giặc nhà Thanh ở phạm biển Thanh Hoá. Giặc Thanh ở lẫn ngoài biển, cướp bóc các thuyền buôn ; trên các mặt biển từ Hà Tĩnh ra Bắc bị khổ vì chúng ! Lính tuần biển không thể dẹp bắt được. Thuyền công chở các vật hạng phần nhiều bị chúng cướp hại. Đến nay, gió bão nổi to, bỗng có 3 chiếc thuyền giặc giạt vào bờ biển Ngọc Sơn (tên huyện, thuộc phủ Tĩnh Gia). Dân sở tại là thôn Mai thuộc giáp bạn kíp đi báo. Viên trú phòng phủ Tĩnh Gia hiệp với các viên thủ ngữ tấn sở Biện Sơn, tấn sở Bạng và tấn sở Hàn đốc suất quân dân ập bắt : bọn giặc hơn 100 tên đều bó tay chịu trói, ta thu được súng ống khí giới rất nhiều. Tổng đốc Thanh Hoá Tôn Thất Lương đem việc tâu lên. Vua phê bảo rằng : “Bọn giặc này tội ác đầy rẫy, lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà không thể lọt được ! Nay, từ Tổng đốc Tôn Thất Lương cho đến những viên bộ biển và những viên thủ ngữ ở các tấn sở, thủ sở liệu cho khai phục và ban thưởng kỷ lục, ngân tiền có thứ bậc khác nhau ; quân dân, thưởng chung tiền, 300 quan. Những tên phạm đã bị bắt giao cho Tôn Thất Lương tra xử”. Lại tư cho các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra Bắc đến Nam Định : dân các xã ven biển và các tấn sở, thủ sở cứ theo địa phận, lùng bắt, nếu có giặc Thanh giạt vào, liền bắt giải xét, đừng để cho chúng được chạy thoát. Không bao lâu, tên đầu mục giặc là Mạc Mậu Sơn lẫn trốn ở phạm biển Quảng Yên, đón cướp súng ống khí giới của thuyền quan. Phó vệ uý đóng giữ đồn Chàng Sơn, Trần Bảo Thư, được tin báo, liền thân đem quân, dân và 2 bang Hà Cổ, Khai Vĩ hợp sức vây đánh, đốt cháy 2 chiếc thuyền giặc, quân giặc phần nhiều bị chết. Họ lại hợp sức đuổi đánh, thu được 1 chiếc thuyền giặc, bắt sống được Mậu Sơn và 8 tên tòng đảng, lấy hết súng ống, khí giới, lại bắt được 1 cỗ súng kiểu nhà Thanh. Vua khen về việc bắt giặc đặc lực, thưởng cho : Bảo Thư gia 1 cấp, 1 chiếc nhẫn vàng, 2 bang đi trận ấy, thưởng mỗi bang 5 đồng ngân tiền, lại thưởng tiền 300 quan nữa ; các quan quân thưởng tiền 200 quan. Những viên quan tỉnh : Đặng Huy Thuật, Hồ Công Thiện, Phạm Văn Phụng, đều được thưởng kỷ lục một thứ. Những tên phạm bị bắt, giao cả cho tỉnh Thanh Hoá xử án. Án làm xong, dâng lên, tình lý chưa được rõ ràng. Vua lại sai thụ Đại lý thiếu khanh Trương Hảo Hợp đi đến, cùng với Tôn Thất Lương làm việc xét xử.

(1) *Hiếu sinh* : muốn cho sống, không nỡ để chết.

Tra hỏi nghiêm khắc, bọn Mậu Sơn nhận cả các tội : bầy nay đón cướp thuyền buôn, giết hại quan quân. Khi án đưa lên, đều khếp vào tội nặng. Vua không nỡ giết nhiều, chỉ sai giết bọn thủ phạm Mạc Mậu Sơn, Tô Lão Tứ, Phan Tiến Long gồm 12 tên, mổ bụng Lão Tứ và Tiến Long, lấy gan đem tể viên Vệ úy Hải Dương Lê Công Bảo đã bị chết để u hồn được hả căm giận. (Tháng 6 năm ấy, Lê Công Bảo đáp thuyền công tải các vật hàng qua phân biển Hà Tĩnh, bị giặc giết. Tô Lão Tứ và Phan Tiến Long đem mổ bụng Công Bảo, lấy bong bóng, nường, nhấm rượu) còn những tên khác đều bị giải ra bãi biển chém đầu đem bêu. Bọn tòng phạm Giang Á Vượng gồm 82 tên thì được giảm bậc, phát đi sung quân đồn Ai Lao (tỉnh Quảng Trị), tấn sở Quy Hợp (tỉnh Hà Tĩnh), các phủ Tương Dương, Quỳ Châu, Trấn Ninh (đều thuộc tỉnh Nghệ An), châu Thuỷ Vĩ (tỉnh Hưng Hoá), huyện Đẻ Định (tỉnh Tuyên Quang). Đàn bà, con gái và trẻ con trong bọn ấy, đổi đi làm nô trong đồn điền ở nguồn tả, hữu trạch. Tên đầu mục giặc là Kim Nhị Kỷ và bọn tòng đảng là Mai Mậu Xuân gồm 8 tên nhiều lần quấy rối ở đất nước nhà Thanh thì sai giải sống đến Kinh và cổ súng kiểu Thanh đã bắt được thì để ở tấn sở Đà Nẵng, đợi sau sẽ đưa trả nước Thanh xử trị.

Tỉnh Quảng Nam kết án tên võ biên sâu mọt là Trương Phúc Công, đệ trình lên. Vua nói : “Trương Phúc Công là một tên ngoại uỷ đội trưởng, dám khinh thường pháp luật, làm việc riêng tây, lấn ngược binh lính trong đội, mối tệ không phải là ít. Bầy nay binh lính phần nhiều bỏ trốn, vị tất không do bọn này gây nên. Vậy phải trị tội nặng thêm bậc nữa, phát đi sung quân nơi biên viễn tỉnh Tuyên Quang. Lại đem án này lục đưa cho các nha môn giữ việc xử án. Và, thông dụ cho những viên thống quản các dinh quân ở Kinh, những thượng ty ở các tỉnh ngoài đều phải nghiêm sức bọn thuộc viên kính giữ pháp luật, yêu thương võ về binh lính. Kẻ nào làm trái, sẽ theo luật nghiêm trị”.

Cho Vệ úy Ngũ vệ dinh Trung thuộc Thuỷ sư Kinh kỳ là Đoàn Khắc thăng thự Chương vệ Nhất vệ dinh Tả kiêm quản các vệ Nhị, Tam, Tứ, lại kiêm lĩnh vệ Long thuyền.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Nhâm Dân, Thiệu Trị năm thứ 2 [1842], mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1. Lễ Đông hưởng, sai hoàng tử, hoàng thân công, hoàng đệ vào nhiếp tế⁽¹⁾, thừa tế⁽²⁾ [ở Thái miếu]. Hôm ấy, vua mặc lễ phục, đến điện Hiếu Tư làm lễ.

Khắc các bài thơ ngự chế khi Bắc tuần ở các địa phương. Quan Nội các dâng sớ nói : “Trộm nghĩ : núi cao, sông chảy ngang dọc trình bày, đó là văn của đất. Tiếng vàng tiếng ngọc, điều lý trước sau⁽³⁾, đó là văn của thánh nhân. Nước ta, bờ cõi muôn dặm, núi sông thẳng tích chỗ nào cũng có. Năm nay, ngự giá ra Bắc, thăm mùa màng, hỏi việc nông, xem dân tình, xét quan lại, làm phúc, ban ơn, dạy chính sự, sửa việc binh, phàm trải qua chỗ nào đều có thơ để ghi việc, tính được gồm 173 bài. Thí dụ như những bài “Sông Vĩnh Định”, “Sông Ái Tử” thì truy thuật công to lúc khai sáng, [chẳng khác] nào nghĩ tới sông Hà, sông Lạc⁽⁴⁾ khi xưa ; những bài “Định bắc trường thành”, “Hoành Sơn quan”, “Hộ thành sơn” thì tính rộng mưu hay để giữ nước được yên, [chẳng khác nào làm cho] núi Hào, Hàm⁽⁵⁾ thêm hiểm ;

(1) *Nhiếp tế* : vào tế thay vua (ở ban thờ chính giữa).

(2) *Thừa tế* : vào tế ở bàn thờ bên tả, hữu.

(3) Sách *Mạnh Tử* nói đức của thánh nhân đầy đủ, như tiếng chuông vàng đánh trước, tiếng khánh ngọc đánh sau, có điều lý sau trước, liên hợp lại.

(4) *Hà, Lạc* : sông Hoàng Hà, sông Lạc Thủy bên Trung Quốc. Người xưa trông thấy sông Hà, sông Lạc lại nhớ đến công trị thủy của vua Hạ Vũ.

(5) *Hào, Hàm* : núi Hào Sơn ở Hàm Cốc (nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc), nơi rất hiểm của nhà Tấn xưa.

những bài “*Đề lầu Tĩnh Bắc*”, chùa *Hoàng Phúc* thì làm tỏ rạng cơ nghiệp xây dựng từ 200 năm, ban đầu mới có những nét sơn chạm đơn sơ ; những bài “*Qua núi Tam Điệp*”, “*Hai núi Khiêu Thạch*” thì nêu rõ hình thế đẹp của chỗ đất vài nghìn dặm, có sông hồ bao quanh. Xe thừa dư chở bên sông *Trần*, *Vĩ*⁽¹⁾, thuật bá đạo [của *Tử Sản*] là nhỏ nhen, thì bài “*Câu Lý Hoà*” đã thấy rõ đại thể việc trị dân. Khúc *Thu phong*⁽²⁾ làm trên sông *Phân Thuỷ*, tài vua *Hán* còn là quê, thì bài “*Sông Ngọc Giáp*” mới tỏ ra lợi trạch rộng khắp. Lại như đọc bài đề “*Đền Chân Vũ*” [tức *Trần Võ*] mà tưởng thấy cây bách thành *Cẩm*⁽³⁾ càng thêm vẻ um tùm. Đọc bài vịnh “*Cây vãi*” mà cảm thấy cây cũ hoa mới⁽⁴⁾ càng thêm vẻ tốt đẹp. Hai bài vịnh “*Hồng Lĩnh*”, “*Thiệt Cảng*” thì tả hết tình trạng núi sông, cơ trời mở đóng, mà cùng là hình thế bày ra ở đó. Ngược thấy bút pháp của thánh thượng như tài khéo của thợ trời, thật nên tiêu biểu, khắc lời cao cả, ghi trên tấm đá để trấn một phương, và làm áng văn lưu truyền muôn đời. Vậy xin giao cho các nơi sở tại đem khắc vào bia lớn, để núi sông càng tươi đẹp, địa hạt thêm vẻ vang mà áng đại văn chương của thánh nhân sẽ cùng với núi cao sông chảy cùng giữ được đến vô cùng”.

Vua xem sơ tâu, phê bảo rằng : “*Khi trăm rạ Bắc, trải xem các địa phương, coi đến núi sông mà nhớ ơn liệt thánh, mừng tục thuần mỹ mà mộ sự vẻ vang của triều xưa, không phải là chỉ ưa thích thơ văn mà thôi. Nhưng sơ thảo lần đầu, sợ chưa đủ để lại cho đời sau. Nay đã có lời xin thì giao cho các đại thần duyệt lại, tâu lên. Trương Đãng Quế, Vũ Duy Cẩn lại xin cho thi hành việc khắc. Vua bèn y cho. Bấy giờ mới chia định : bài “*Sông Vĩnh Định*”, bài “*Sông Ái Tử*” ở *Quảng Trị* ; bài “*Định Bắc trường thành*”, bài “*Câu Lý Hoà*”, bài “*Hai núi Khiêu Thạch*”, bài “*Sông Linh Giang*”, bài “*Cửa Hoàn Sơn*” ở *Quảng Bình* ; bài “*Núi Hồng Lĩnh*” ở *Hà Tĩnh*; bài “*Thiệt cảng*” ở *Nghệ An* ; bài “*Sông Ngọc Giáp*”, bài “*Núi Tam Điệp*” ở *Thanh Hoá* ; bài “*Núi Hộ Thành*” ở *Ninh Bình*, gồm 18 bài thơ ngự chế, sai địa phương sở tại khắc thơ vào đá, dựng bia ở bên đường. Còn 3 bài “*Chùa Hoàng Phúc*” ở *Quảng Bình*, “*Lầu Tĩnh Bắc*” và “*Quán Chân Vũ*” ở *Hà Nội* đều khắc vào hoành biển treo lên trên cửa.*”

(1) Xưa *Tử Sản* coi việc hành chính ở nước *Trịnh* (Đất *Hà Nam*, *Trung Quốc* bây giờ) lấy xe của mình chở mọi người qua chỗ lội bên sông *Trần*, sông *Vĩ*. Mạnh *Tử* cho rằng : biết làm ơn mà không biết làm chính trị.

(2) *Thu phong từ* : khúc ca của *Hán Vũ* để làm khi đi trên sông *Phân Hà*, đặc chí trông về *Kinh đô*, nhớ đến các võ tướng. Đây có ý cho là tư tưởng của vua *Hán* còn hẹp.

(3) *Thành Cẩm* : tức là thành *Cẩm Quan*, nay ở huyện *Thành Đô* tỉnh *Tứ Xuyên*, *Trung Quốc*. Đời *Hậu Hán* có đền thờ *Gia Cát Khổng Minh*. *Đỗ Phủ* đề thơ ở đền có câu rằng : “*Cẩm Quan thành ngoại, bách sâm sâm*”, nghĩa là [Đền ở] ngoài thành *Cẩm Quan* có những cây bách um tùm.

(4) *Cây cũ, hoa mới* : do chữ “*tích thụ, kim hoa*”. Khi xưa vua *Đường Thái Tông* về quê cũ, có câu thơ : “*Tích thụ phát kim hoa*”, nghĩa là cây xưa nay nở hoa mới.

Cho : thự Tổng đốc Bắc Ninh là Nguyễn Đăng Giai sung Chủ khảo trường thi Nam Định, thự Bố chính Quảng Yên là Đặng Huy Thuật sung Phó chủ khảo, Tả thị lang bộ Lễ là Trương Quốc Dụng sung Chủ khảo trường thi Hà Nội, thự Bố chính Tuyên Quang là Vương Hữu Quang sung Phó chủ khảo. Lấy đỗ 36 cử nhân (Trường Nam Định 20 người : Triệu Công Bách, Phạm Dự, Phan Lịch, Bùi Văn Thuý, Phan Đình Viên, Phạm Huy Cận, Nguyễn Duy Thành, Phạm Văn Phan, Lê Đình Ái, Trần Lương Tuấn, Dương Xuân, Trần Đức Vượng, Vũ Đường, Vũ Sâm, Trần Quang Trọng, Phạm Viết Ngạn, Nguyễn Thứ, Phạm Thước, Nguyễn Địch Cát, Phạm Thế Vĩnh. Trường Hà Nội 16 người : Lê Thúc Dương, Trần Đỗ Tích, Nguyễn Cát, Vũ Kim Diên, Nguyễn Phẩm, Nguyễn Mại (tên cũ là Nguyễn Khắc Cẩn), Nguyễn Khắc Kham, Đào Khải, Đỗ Công Dụng, Doãn Huy Kỳ, Phan Huy Châu, Nguyễn Viện, Nguyễn Huy Trạc, Trương Ý, Nguyễn Tiến Lục, Đỗ Khắc Du).

Tại trường Hà Nội, kỳ thi đệ nhất, viên giám khảo Nguyễn Ngọc phê lấy 2 quyển vào ưu hạng, lại lấy bút tám muội đèn đổi thêm 3 chữ [vào quyển thi đó]. Viên sơ khảo Ngô Khắc Cung (hành tẩu cử nhân) trong khi đương chấm 1 quyển thi, mơ ngủ, duỗi tay để rơi vào trong lửa đèn. Đến sáng, hai viên ấy đều đem duyên do tự thú, xin chịu tội. Chủ khảo Trương Quốc Dụng đem việc ấy hạch tâu. Hai tên mà Ngọc đã lấy vào ưu hạng đều không được thi nữa ; còn Ngọc và Cung đều giao quan tỉnh Hà Nội xét xử. Sau khi xét án xong, nghĩ xử Ngọc bị phát đi sung quân, Cung bị giáng, lưu. Vua nói : “Năm ngoái đã phát giác ra vụ án quan trường thay đổi quyển thi, Nguyễn Ngọc đã từng mục kích, nay còn dám cố phạm như thế, nên trị theo tội quan trường năm ngoái, đổi làm giảo giam hậu. Còn Cung, cách bỏ tên trong sổ cử nhân. Ngọc, rồi được phát đi đường biển làm việc chuộc tội, sau được khai phục hàm Hàn lâm viện Điển bạ.

Chế tạo 2 chiếc thuyền ngự. Sai Vũ Văn Giải và Đoàn Kim coi việc ấy.

Lĩnh Tuấn phủ Hà Tiên, Lương Văn Liễu, bị miễn chức, Liễu là người kiến thức tầm thường, việc gì cũng bối rối, hấp tấp. Vua cho do hàm Chương vệ, tác vi chức Lãnh binh tỉnh Quảng Nam, chuyên giữ pháo đài các thành, lại kiêm coi công việc cửa Đà Nẵng. Liễu lại xin ở lại Hà Tiên để được sai khiến. Vua nói : “Người tuổi đã suy yếu, sức không đủ làm theo ý muốn, nên lui về Quảng Nam, nếu biết nhận rõ lẽ phải mà làm việc, thì triều đình cũng không để mất cái hay của người”.

Sai thự Đề đốc An Giang, Nguyễn Lương Nhân, do hàm thự Thống đốc, lĩnh chức Tuần phủ tỉnh Hà Tiên. Bố thự thự Quản vệ vệ Kim ngô Đoàn Quang Mạt làm Chương vệ, hộ lý chức Đề đốc tỉnh An Giang.

Đặt thêm chức đề đốc ở tỉnh Gia Định, chức phó lãnh binh ở An Giang và Hà Tiên, chức lãnh binh ở Định Tường. Cho : thự Thống chế dinh Hùng nhệ Ngô Văn Giai điệu thự Đề đốc Gia Định ; thự Lãnh binh tỉnh Quảng Nam Nguyễn Đức Chung đổi

làm thự Vệ úy, tác vi chức Phó lãnh binh An Giang ; Phó vệ úy vệ Kim ngô Tôn Thất Trực điều bổ Phó lãnh binh Hà Tiên ; Phó lãnh binh Định Tường Nguyễn Sáng thăng bổ Lãnh binh quan Định Tường ; thự Phó vệ úy vệ Tứ, dinh Kỳ võ Hồ Hậu điều thự Phó lãnh binh Định Tường. Sai chế tạo ấn quan phòng bằng đồng của chức Đề đốc Gia Định, chức Lãnh binh Định Tường và chức Phó lãnh binh An Giang, Hà Tiên, cấp cho mọi người kể trên (tỉnh Định Tường trước đặt 1 chánh lãnh binh và 1 phó lãnh binh, đã cấp ấn quan phòng ; năm Minh Mệnh thứ 20 giảm bỏ chức lãnh binh, thu tiêu ấn quan phòng cũ đã cấp. Nay lại đặt thêm, cho nên đúc để cấp cho). Bọn Giai vào từ biệt vua, đều được ban thưởng áo nhung phục và quần nhiều có thứ bạc khác nhau.

Cho Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Hữu bảo Tôn Thất Mậu thăng thự Vệ úy vệ Kim ngô.

Đổi cục Kính tượng⁽¹⁾ làm cục Giám tượng⁽²⁾.

Sai : Hậu quân Đô thống phủ Đô thống, Ninh Lạc nam Nguyễn Tiến Lâm, kiêm coi ấn triện dinh Hùng nhuệ ; thự Tả quân Đô thống phủ Đô thống, Vũ Khê tử Tôn Thất Bật, kiêm coi vệ Kinh tượng tam.

Thự Án sát tỉnh Quảng Trị Phan Huy Vịnh có tang mẹ. Vua cho thự Lang trung bộ Binh Phan Văn Nhã điều thự Án sát Quảng Trị.

Tả đô ngự sử viện Đô sát là Tôn Thất Bạch ở Nghệ An về phục mệnh, vua vời hỏi rằng : “Tỉnh Nghệ An, sau khi bão lụt, lại tiếp đến nạn hoành trùng, không biết dân ta hiện nay đã được khởi sắc chưa ? Và, đi qua Hà Tĩnh, thấy việc lương thực của dân như thế nào ?”. Bạch thưa rằng : “Ở Nghệ An duy có 6 huyện Đông Thành, Yên Thành, Nam Đường, Thanh Chương, Hưng Nguyên và Chân Lộc là bị hại nhiều, lúa ruộng ước chừng tổn hại đến hơn 5 phần 10 : còn các huyện về thượng du và toàn hạt Hà Tĩnh không bị thiệt hại cho lắm, cũng có thể mong được thu hoạch”. Sau đó, vua cho Bạch kiêm coi ấn triện Đại lý tự rồi sai truyền dụ 2 tỉnh Nghệ, Tĩnh khám rõ số ruộng bị tổn hại, cứ thực tâu lên, sẽ tha hoặc giảm thuế cho mỗi nơi có thứ bạc khác nhau.

Sai Vũ lâm Tả dực Thống chế, gia hàm Đô thống, Nguyễn Trọng Tính, đem theo một viên Lang trung bộ Binh, cùng đi ra giáo trường ngoài phụ quách⁽³⁾ thao diễn trận ngựa. Chuẩn cho về sau hằng năm cứ lấy 4 tháng mạnh⁽⁴⁾ làm kỳ diễn tập ngựa. Đặt làm lệ.

(1) Kính 鏡 và Giám 鑑 đều có nghĩa là gương soi.

(2) Chú thích ở trên.

(3) Phụ quách : Chỗ giáp gần hoàng thành ở Kinh đô. Cũng như “ngoại ô” ở Hà Nội.

(4) Tháng mạnh : tháng đầu của một mùa, 4 tháng mạnh trong 1 năm là : tháng giêng, tháng 4, tháng 7, tháng 10.

Tỉnh Biên Hoà bị lụt to, lúa ruộng bị tổn hại. Sai quan tỉnh đi khám rõ, tiếp tục tâu lên để giảm thuế cho.

Bọn ác Man tỉnh Quảng Ngãi lại họp bè lũ đến hơn 400 tên, lên xuống dân biên giới, cướp bóc quấy nhiễu, Lãnh binh Nguyễn Vĩnh được tin báo, thân đốc quân và dân chặn bắt, chém được 1 đầu tù trưởng bọn Man tại trận, bắn chết 4 tên quân Man, thu được khí giới, lấy lại được những cửa nả và đồ vật đã bị cướp. Việc ấy lên đến vua. Vua thưởng Vĩnh kỷ lục 2 thứ, 1 đồng kim tiền Tam đa hạng nhỏ. Viên chức văn võ trở xuống, đều thưởng kỷ lục, ngân tiền lớn, nhỏ và ngân bài có thứ bậc khác nhau.

Thư lại bộ Hộ Trần Đình Hưng làm giả giấy tờ, mạo lĩnh tiền công hơn 300 quan, bị thự Viên ngoại lang Nguyễn Hữu Cơ tố giác. Giao bộ Hình xét rõ, được đủ tình trạng, vua sai đem chém, bêu đầu ở cửa kho 3 ngày. Hữu Cơ vì đã phát giác được việc ấy, đặc cách cho thực thụ đường thuộc bộ Hộ. Những nhân viên thương trường và Khoa đạo tuần tra không biết kiểm xét đều bị giáng phạt phân biệt. Hai tên thợ khắc dấu giả, bị sung việc khổ sai.

Định lại điều cấm về các nhà trạm. Trước đây Viên ngoại lang bộ Hình là Lê Ngọc Chấn đi thanh tra việc công Hà Tĩnh trở về, tự tiện lấy 14 tên phu trạm và 2 con ngựa trạm để vận tải đồ vật riêng cho gia quyến. Quan tỉnh lại riêng cất biên binh đi hộ tống. Việc này bị quan Khoa đạo Vũ Trọng Bình hặc tâu. Vua ghét bọn Chấn khinh nhờn pháp luật, liền hạ lệnh cách chức, giao viện Đô sát xét xử. Chấn bị xử tội mãn đồ⁽¹⁾. Bớ chính Nguyễn Đông Khoa và Án sát Nguyễn Khắc Trạch ở Hà Tĩnh đều bị giáng 2 cấp, lưu. Không bao lâu, thự Bớ chính tỉnh Khánh Hoà là Trịnh Ngọc Lâm đi coi trường thi Gia Định về, tự tiện điều bát 17 tên phu trạm. Việc ấy phát giác, vua quả rằng : “Nhà trạm đặt ra, đã có một quy tắc nhất định, thực vì lính trạm phải chạy vạy quanh năm, chạt vật trên đường, cho nên định rõ chương trình, cốt để đỡ sự mệt nhọc mà dưỡng sức cho họ. Gần đây xảy ra vụ án Lê Ngọc Chấn : hần là một thuộc viên trong bộ, khí độ nhỏ nhặt, để kiêu căng, mắc vào pháp luật cố nhiên không đáng kể. Còn Trịnh Ngọc Lâm vốn là một viên tá nhị ở kinh đường, lại trái coi việc ty Án sát 2 tỉnh, sao đã biết mà còn cố phạm ? Rất đáng quái gở !”. Sai giao bộ nghị xử. Lâm bị giáng 4 cấp, vua nhân thông dụ các quan viên lớn, nhỏ trong Kinh, ngoài tỉnh : phạm có ai vào Kinh, về tỉnh lỵ hay đi công sai mà đáng được do trạm đưa, đều phải y theo lệ đã định. Các dịch thừa, dịch mục cũng chiếu theo giấy tờ làm bằng của họ đã được cấp mà cấp phu trạm cho. Nếu ai làm trái lệ, không theo văn bằng hay đòi bắt thì chuẩn cho quan địa phương sở tại cáo giác, xét đúng thực thì hặc tâu, để dẹp hết mối tệ.

(1) *Mãn đồ* : niên hạn tối đa trong tội đồ.

Tỉnh Nam Định dâng sớ nói : Đồn Bình Hải (ở cửa Liêu) thuộc trong hạt từ trước đến nay phải quân phòng giữ nhưng chưa đặt súng. Nay xin cho đặt 3 cỗ súng quá sơn bằng đồng, thuốc đạn 300 phát, ống phun lửa 30 chiếc, pháo thăng thiên 50 cái, để chuẩn bị việc tuần phòng. Vua thuận cho.

Vua bảo bộ Binh rằng : “Về phép thủy chiến, súng là đặc lực hơn hết. Vậy truyền Chỉ cho bọn Vệ úy vệ Loạn giá Tôn Thất Tường, Quản vệ dinh Thần cơ Nguyễn Quý kiểm xem các hiệu thuyền Vân điều, Phi hồng, Thanh loan, Định dương và Bình dương mỗi chiếc thuyền nên đặt bao nhiêu súng và bao nhiêu biển binh pháo thủ, liệu dự trữ trước cho được chu tất ổn thoả rồi tâu lên”. Bộ Binh xin đem những cây súng nguyên đặt ở Kinh và ở tấn sở Đà Nẵng tỉnh Quảng Nam, hiệu số chia đặt, phái các pháo thủ đi theo thuyền coi giữ. Vua thuận cho, bèn sai chọn lấy 5 suất đội hộ vệ trưởng ở dinh Thần cơ chia ngồi coi giữ trên các thuyền để cho đặc lực.

Sai Vệ úy Tiên vệ nhất Tả dực dinh Vũ lâm là Đoàn Hùng tử Nguyễn Văn Lược cải bổ làm Vệ úy vệ Hậu nhất.

Vua thấy 2 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi sản xuất nhiều đường và quế, nên lượng số mua thêm để đủ dùng, lại nhân ở 2 hạt ấy giá gạo hơi cao, bèn sai tỉnh giảm giá, phát thóc kho làm vốn trước cho mỗi hạt. Về Quảng Nam, mỗi 1 hộc thóc trị giá 2 quan 4 tiền, [tính số hộc thóc] thu mua 600.000 cân đường cát, 15.000 cân quế ; về tỉnh Quảng Ngãi, mỗi hộc thóc trị giá 2 quan 2 tiền, thu mua 800.000 cân đường cát, 5.000 cân quế, đều cho đến năm sau y lệ tính nộp. Riêng tỉnh Quảng Ngãi nộp số đường cát bao nhiêu, tải dần đến kho Đà Nẵng để chứa.

Nhà dân trong một thôn thuộc huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội bị hoả tai, cháy lan tới hơn 400 hộ. Sai chiếu lệ chẩn cấp cho dân bị nạn.

Có người đem dâng vua cái nghiên mực cổ. Đo theo thước bây giờ : nghiên dài 7 tấc, 8 phân, rộng 4 tấc 7 phân, dày 5 phân, chất rất bền chắc, và nhuần my, cách pha chế có vẻ cổ kính, mộc mạc, rõ rệt là một tấm ngói âm dương ⁽¹⁾, người ta nhân hình thế nó mà đục mài thành chỗ đựng nước, chỗ mài mực. Đầu nghiên có bài minh rằng :

“Kỳ sắc ôn nhuận,

Kỳ chế cổ phác.

Hà dĩ trí chi ?

Thạch cừ bí các.

(1) Ngói âm dương : nguyên chữ là “âm dương ngoã”, tức là thứ ngói viên ngựa (âm) và viên úp (dương).

Cải phong Tức mặc⁽¹⁾
 Lan đài⁽²⁾ liệt tước.
 Vĩnh nghi bảo chi,
 Thư hương thị thác⁽³⁾

Sau những câu đó, viết 2 chữ “Tô Thức”, khắc 2 cái ấn nhỏ có những chữ “Kỳ trâm” và “Tàng bảo”. Lung nghiên khắc một ấn to, có chữ “Thạch cừ các ngoã”⁽⁴⁾ Lạc khoản, đề : “Nguyên Phù tam niên, trọng thu nhật chế”⁽⁵⁾.

Vua sai đem trình lên chỗ vua ngự, bảo Nội các rằng : “Đây là cái nghiên cổ Thạch Cừ, gác Thạch Cừ nguyên từ Tiêu Hà [đời Hán] dựng ra để chứa sử sách và bản đồ. Đến Tuyên đế năm Cam Lộ thứ 3 [51 trước Công nguyên], họp các nhà Nho giảng *Ngũ kinh*, tức là ở chỗ gác ấy. Từ năm Cam Lộ thứ 3 đến năm Nguyên Phù thứ 3 [1100 sau Công nguyên], đời Tống Triết Tông, Tô Thức được viên ngói ở gác ấy, đem mài thành cái nghiên, tính ra gồm 1.149 năm, trải đến bây giờ lại hơn 740 năm nữa. Vậy thì cái nghiên này xuất hiện từ đời Hán, thành hình ở đời Tống mà trình tiến ở ngày nay. Thật là một vật quý báu của làng văn ! Đời, trước với sau hơn 2.000 năm, mà nghiên này cùng xuất hiện vào lúc văn minh thịnh trị, há chẳng phải là vật quý báu, được trời đất trân trọng giữ kín, phải đợi thời rồi mới trình bày, mà do trọng đạo, sùng văn, đời dẫu khác nhưng của báo chung, tự có cái cơ duyên cùng hợp, hay sao ? Âu Dương Tu ⁽⁶⁾ có nói : “Vật thường đến với người biết ưa thích”, chính là nghĩa thế”.

Vua lại nói : “Trong *Ngoã nghiên phá* ⁽⁷⁾ có chép rằng : “Chỗ di chỉ đài Đồng Tước ⁽⁸⁾ nhà Ngụy, người ta chứa được nhiều ngói cổ, đem mài thành nghiên rất khéo, đựng nước đến vài ngày không khô. Đời truyền rằng : khi xưa, dựng đài này, sai thợ gốm làm bùn thật sạch, lấy vải thưa lọc bùn rồi cho thêm dầu hồ đào vào,

(1) *Tức mặc hầu* : tên cái nghiên, do cổ nhân đặt cho (theo sách “*Văn phòng tứ phẩm*”).

(2) *Lan đài* : đời Hán, gọi là Bí thư quán là Lan đài. Về sau, Ngự sử đài và Sử quán cũng gọi là Lan đài.

(3) Bài này nghĩa là :
 Sắc nghiên nhuần mỹ.
 Cách chế tạo cổ kính mộc mạc
 Đặt nghiên vào chỗ nào ?
 [Đặt vào] gác Thạch Cừ kín đáo,
 Đối phong cho nghiên là Tức mặc hầu,
 Liệt vào quan tước ở Lan đài.
 Nên giữ làm của báu mãi mãi,
 Dòng dõi văn học nhờ ở đó.

(4) Viên ngói ở gác Thạch Cừ.

(5) Ngày tháng trọng thu (tháng 8) năm Nguyên Phù thứ ba [1100] chế.

(6) *Âu Dương Tu* : một danh Nho thời Tống Nhân Tông (1023 - 1063).

(7) Sách chép các điển tích nghiên ngói.

(8) *Đài Đồng Tước* : đài của Ngụy vương Tào Tháo xây dựng, nhân bắt được con chim sẻ bằng đồng trong khi dựng nền, nên đặt tên thế.

trộn để nặn, cho nên khác hẳn với ngói thường”. Nay xem cái nghiên này là di tích ở Thạch Cừ thì ngói đài Đông Tước há có thể sánh kịp cái về cổ kính chất phác của nó được sao ?”.

Vua ra ngự nhà Lương Đình, câu cá, bảo thị thần rằng : “Hoài Nam tử có nói : Thánh nhân lấy đạo đức làm cần câu, dây câu, lấy nhân nghĩa làm lưỡi câu, mỗi nhủ, ném tung ra trong khoảng trời đất, thì phạm vạn vật, cái gì mà chẳng có ? Bày thiên hạ để làm lông, nhân sông Giang, sông Hoài để làm lưới, còn mất cá, mất chim sao được ? Cho nên tên bắn không bằng thứ tên có buộc dây, tên có buộc dây không bằng lưới, lưới không bằng vật vô hình. Ấy cũng là cái nghĩa đánh cá, câu cá đó”.

Hộ đốc Hải - Yên Trần Văn Trung có tang cha. Cho thự Tuấn phủ Trị - Bình Đặng Đức Thiệm làm Tuấn phủ Hải Dương, hộ lý ấn quan phòng Tổng đốc Hải - Yên. Điều bổ thự Hữu thị lang bộ Binh Hoàng Thu làm thự Bố chính tỉnh Quảng Trị, hộ lý ấn quan phòng tuần phủ Trị - Bình.

Trung, trong khi làm quan, có tiếng thanh bạch. Vua nghe biết Trung nghèo, cho triệu vào Duyệt thị đường, ban cho 50 lạng bạc để dùng về việc tang.

Hoãn tô cho những ruộng bị thủy tai ở tỉnh Hưng Yên. Dân các huyện thuộc tỉnh Hưng Yên, ở gần hữu ngạn sông Cửu An bị nước tràn úng thủy, đồng ruộng phần nhiều bị tổn hại. Quan tỉnh xin cho hoãn tô ruộng mùa đông năm nay, đợi đến vụ chiêm sang năm sẽ nộp. Vua thuận cho.

Cấp thêm lương cho bọn lại dịch tỉnh Cao Bằng. Theo lệ cũ, lương tháng của lại dịch các tỉnh biên giới, cứ mỗi 1 phương gạo thì cấp ra tiền 1 quan. Tới đây, quan tỉnh thấy các thuộc viên trong tỉnh ở xa quê nhà, xin cấp thêm cho. Vua nói : “Cao Bằng so với các tỉnh biên giới thì xa hơn cả, vậy gia ơn chuẩn cấp cho tiền 1 quan và gạo 1 phương. Đó là đặc cách các tỉnh, biên giới khác không được viện theo lệ này”.

Thự Bố chính Tuyên Quang Vương Hữu Quang có tội, bị miễn chức. Quang, khi mới đến tỉnh nhậm chức, lấy tiền quyền của các viên văn, võ và lại, dân hơn 7.000 quan để xây dựng chùa Đông Sơn cổ ở bên thành gồm 31 gian nhà ngói, tự tiện bắt binh lính làm việc, hàng 5 - 6 tháng trời, chùa mới hoàn thành. Gặp lúc Quang đi coi trường thi Hà Nội, Phó lãnh binh Nguyễn Đăng Khánh đem việc này hạch, tâu. Vua quở rằng : “Hữu Quang trước đã phạm lỗi, rồi được cất nhắc đến chức quan đầu địa phương, thế mà tự coi chỗ vua ở như cách xa muôn dặm, khinh thường phép tắc, dám làm cái việc vô ích này, thật có phụ phàng ơn nước nhiều lắm !”. Liền bắt Quang giải chức. Cho biện lý bộ Hình là Lê Nguyên Giám quyền lĩnh ấn triệu Bố chính. Lại sai Ngự sử đạo Định - Biên là Đặng Kham hiệp với Giám tra xét việc ấy. Vua dụ Giám rằng : “Việc án cốt được thực tình, đừng để dây dưa đến nhiều người. Hại ấy nhiều dân Thổ, thật thà, quê mùa và dễ sai khiến. Người có

trách nhiệm làm quan đầu một địa phương, nên khéo vỗ về hơn nữa cho dân được yên”. Khi án xong, dâng lên, Quang bị xử cách chức, truy thu bạc hơn 400 lạng để trả cho những binh lính và nhân công đã bắt làm việc. Án sát Nguyễn Đức Tần vì là đồng sự, không biết can ngăn, cũng bị giáng 2 cấp. Đãng Khánh có dự việc thu tiền, sau biết tố giác, được giảm tội, giáng 1 cấp. Thự Tổng đốc Ninh - Thái Nguyễn Đăng Giai cũng có quyền giúp gạch, gỗ, sai truyền Chỉ ban quờ. Bọn phủ, huyện, châu, thông phán, kinh lịch, quản cơ, thành thủ úy, suất đội, đội trưởng và lại dịch thuộc tỉnh quyền tiền giúp việc đều bởi Quang sai làm, đặc cách miễn tội cho.

Hoãn thuế nộp còn thiếu cho 8 châu Cam Lộ (cả 1 châu Tâm Bôn năm trước chạy trốn tản đi, vẫn chưa trở về), vì cơ bị giặc Man quấy nhiễu cướp bóc, làm ăn chưa yên.

Ban quế Thanh cho hoàng tử, hoàng thân công, hoàng đệ và các đình thần (văn từ khoa đạo, võ từ quản vệ trở lên) có thứ bạc khác nhau.

Tỉnh Quảng Trị dâng một con voi rừng. Vua khen rằng : “Voi là một loài vật khó đỡ, nay lạc xuống chỗ dân cư, lại tìm cách nhử được, không để nó làm hại người, vậy thưởng cho quan tỉnh Đặng Đức Thiệm kỷ lục một thứ ; phó vệ, suất đội đi chuyển ấy đều thưởng ngân tiền lớn, nhỏ có thứ bạc ; tên tượng binh bắt được voi, thưởng cho tiền 50 quan. Con voi đem nộp, đặt tên cho là “Ứng Trị tượng”.

Tỉnh Khánh Hoà gao đất. Dân trong hạt có những người quyền tiền để giúp kẻ nghèo túng. Vua sai thưởng cấp có phân biệt để tỏ ý khuyến khích. (Trước đây, tỉnh Khánh Hoà gao đất, quan tỉnh đem việc tâu lên. Vua sai sức cho những dân giàu trong hạt quyền tiền để giúp kẻ túng thiếu. Có những người dân trong hạt : Nguyễn Văn Thắng, Vũ Văn Kỳ, Phan Văn Như, Nguyễn Văn Quý, Đỗ Công Hoà, Vũ Văn Phương và người đàn bà là Nguyễn Thị Linh, 7 người tình nguyện quyền tiền cộng 1.600 quan để chu cấp những kẻ cùng túng. Bộ Hộ tuân mệnh bàn thưởng : Thắng là Lý trưởng, quyền tiền 500 quan, thưởng cho ngân tiền Phi long lớn nhỏ mỗi hạng 5 đồng, chuẩn cho được miễn tiền thuế thân, binh, dịch trong 8 năm. Văn Kỳ, tuổi ngoài 60, quyền tiền 300 quan, thưởng ngân tiền Phi long lớn nhỏ mỗi hạng 3 đồng, miễn cho con hoặc cháu thuế thân, binh, dịch trong 3 năm. Văn Như và Văn Quý là dân đình, mỗi người quyền tiền 100 quan, đều chuẩn cho miễn thuế thân, binh, dịch trong 2 năm. Hoà và Phương, mỗi người quyền tiền 50 quan. Hoà là lão nhiều, thưởng ngân tiền Phi long lớn nhỏ mỗi hạng 3 đồng ; Phương là dân đình, miễn cho thuế thân và binh, dịch 1 năm. Nguyễn Thị Linh quyền tiền 500 quan, thưởng cho 1 cặp 2 chiếc áo trừu nam nhuộm màu và áo sa có hoa, lại chuẩn cho 1 người con hoặc cháu được miễn tiền thuế thân, binh dịch trong 8 năm).

Chở tiền ở Kinh 100.000 quan theo đường thủy vào Gia Định. Sai 2 tỉnh Vĩnh Long, Định Tường mỗi tỉnh cho xay 20.000 phương gạo và đem 10.000 quan tiền,

đến chứa cả ở An Giang. Lại sai vận ở Kinh thuốc súng, đá lửa, chì, hoả đình cầu, gang vụn chia cấp cho các tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên để phòng dùng về việc binh.

Lại cho Tôn Thọ Đức làm thự Tuần phủ Thuận - Khánh. Đức trước đây vì bị bệnh, cáo về ; tới nay, bệnh khỏi, lại đi cung chức. Triệu quyền Tuần phủ Nguyễn Đăng Uẩn về Kinh, bổ thự làm Hữu thị lang bộ Binh. Chưa được bao lâu, Đức lại bị bệnh, vua cho Án sát Bình Thuận Trần Văn Triệu quyền giữ ấn quan phòng Tuần phủ Thuận - Khánh.

Tổng đốc An - Hà là Nguyễn Công Nhân và lĩnh Tuần phủ An Giang là Nguyễn Công Trứ dâng tâu trình nghĩ tâu rằng : số tiền và gạo hiện chứa ở kho tỉnh chưa được đầy đủ, xin cho nghiêm sức trong thuộc hạt và tư sang 2 tỉnh Định Tường, Hà Tiên mau đem tải nộp để đủ chi dùng. Vua bảo bộ Hộ rằng : “Hai tỉnh An Giang và Hà Tiên là những nơi địa đầu xung yếu. Về việc tích trữ ở biên cương cần phải dự bị, huống nữa hiện nay số biên binh phải đi theo Kinh lược đại thân khá nhiều, sang năm sẽ lần lượt tới tỉnh, việc quân nhu rất tốn. Vậy sai 3 tỉnh Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường mỗi tỉnh lấy thóc kho ra xay thành 20.000 phương gạo và xuất tiền kho mỗi tỉnh 10.000 quan, thuê ngay thuyền dân tải đi giao tỉnh An Giang thu chứa, cốt phải trong năm nay tải đến để phòng chi dùng. Lại trước đây có Chỉ do thuyền Thanh Loan chở 100.000 quan tiền công, chuyển giao cho tỉnh Gia Định ; đợi khi thuyền này đến thì do tỉnh Gia Định lại chuyển giao sang An Giang thu chứa, để được giản tiện”.

Hoãn một kỳ về Kinh thao diễn cho biên binh 2 tỉnh Quảng Nam, Bình Định. Theo lệ trước, những biên binh Quảng Nam, Bình Định và Quảng Trị đều thuộc ban thứ ba, năm nay đến kỳ vào Kinh diễn tập. Vua thấy rằng biên binh Quảng Nam và Bình Định đã từng sai phái, mà hiện số lính ở tỉnh không còn mấy, nên tạm hoãn cho 1 kỳ, còn những biên binh tỉnh Quảng Trị thì vẫn theo lệ trước làm cho đúng.

Vua dụ bọn Nguyễn Công Nhân, Nguyễn Công Trứ rằng : “Trước đây, Thất Sơn đã dẹp yên⁽¹⁾, những người ra thú trước sau rất nhiều, quả đã một lòng quy thuận yên phận làm ăn chưa ? Bọn thổ phỉ Hà Âm có ra vào nom dòm, thám thính hay không ? Tên thổ mục Mộc Tức bấy nay chiêu dụ có đắc lực không ? Tên Yêm và Ngọc Văn gần đây làm những việc gì ? Và thổ dân còn có lòng yêu kính nữa không ? Về hạt Ba Xuyên, trước sau chiêu tập, dân đã hồi phục như cũ chưa ? Mọi việc ấy, đều nên để tâm xét hỏi cho đích xác, tâu lên”. Sau đó, bọn Nhân tâu : “Bọn người Thanh và người Thổ trước sau về thú, tuy chưa được hồi phục cả như cũ,

(1) Thất Sơn và Ba Xuyên thuộc vùng An Giang - Hà Tiên, trước đây theo thổ phỉ, chống lại triều Nguyễn (xem *Thực lục, Đệ tam kỷ, quyển 23, tờ 9b - 10a*).

nhưng đều siêng năng cày cấy làm ăn, tưởng cũng đã một lòng quy thuận cả. Tên Yểm và Ngọc Vân tịnh không có chí gì khác, người Thổ cũng thường đưa tặng các đồ ăn. Thổ phủ Hà Âm từ sau khi vỡ tan cũng không thấy lên đến dóm ngó. Còn tên thổ mục Mộc Túc trước sau tuy tòng quân quan, xét hẳn là người thành thực, gặp việc biết nhận xét đúng qua các lần chiêu dụ nhiều người Thanh và người Thổ, kẻ cũng đắc lực”. Vua bèn chuẩn cho Mộc Túc được theo lệ lưu quan chiếu phẩm hàm, chi lương. (Lệ định : Thổ quản cơ, mỗi tháng cấp tiền 3 quan, gạo 2 phương. Nay chiếu lương chi theo lệ lưu quan, thì mỗi tháng cấp tiền 6 quan 6 tiền 40 đồng, gạo 5 phương) ; lại thưởng cho 1 cặp áo nhung vải và áo vải tày.

Quan 2 tỉnh Hà Nội, Bắc Ninh hội đồng đến khám 2 địa phận bãi Đại Quan và bãi Yên Mỹ, lập rờ ranh giới, rồi tâu lên. Vua cho rằng việc này qua 2 quan tỉnh khám xét nghĩ bàn, đều đã thoả đáng, bèn y cho.

Quản Tào chính Vũ Văn Giải dâng sớ nói : “Viên phó sứ Tào chính Nguyễn Công Nghĩa bỏ vào chức này đến nay đã 8 năm, làm việc nhanh, giỏi, xin liệu cho thăng dụng”. Vua sai bộ Lại xét hạch, thấy không có sự trạng gì đáng kể. Vua nói : “Triều đình dùng người, không bỏ sót một chút tài năng nhỏ của người nào. Trẫm đối với việc dùng người càng để ý hơn. Đã từng dụ các địa phương : phạm có những người áp ủ tài năng ẩn dật nơi rừng, núi, đều cho nêu tên tâu lên ; lại sai đình thần đề cử những người mình đã biết tài. Cả đến những nhân viên bị cách, bãi cũng đều liệu cho khởi phục. Dẫu hạng bề tôi ngoài xa, kẻ sĩ ở ẩn còn muốn thu dùng ngay hưởng chi đối với một viên quan Kinh ngũ phẩm, há lại riêng để chìm ở chức dưới mãi sao ? Và, phẩm trật triều đình, há có thể đòi bậy được ! Nguyễn Công Nghĩa xuất thân là lại điển, lần lượt được nhắc lên đến phó sứ, đã là may lắm rồi, thế mà năm trước đã xui giục nguyên quản quan là Vũ Văn Từ cất nhắc cho mình làm Tào chính sứ án quan, đã bị nghiêm quở, nay lại xui Vũ Văn Giải nói là làm việc lâu năm, nhanh, giỏi. Rõ thật là kẻ dụng tâm khéo léo ! Vậy Nguyễn Công Nghĩa, trước hết phải phạt lương 9 tháng, đợi có thuyền công phái đi ngoại dương thì chuẩn cho sung làm Phó biện để hẳn được tự trở tài làm việc, sẽ lựa bỏ dùng. Còn Vũ Văn Giải không biết hay dở, một mực nghe theo, cũng phạt lương 3 tháng để răn trị. Lại truyền dụ các bề tôi trong, ngoài : phạm chọn người thờ vua đều phải một niềm chí công, xét hỏi những kẻ thuộc hạ, chỉ nên nhận xem người ấy hay hay dở để định sự thăng hay giáng, không được làm theo ý riêng như việc này, để đến nỗi có kẻ lạm chức như người lạm dụ vào bọn thổi sáo nước Tê khi xưa⁽¹⁾. Nhưng cũng chớ lấy việc Vũ Văn Giải bị lỗi mà rút lại, không dám tiến cử, cốt phải làm cho những

(1) Xưa Tê Tuyên vương nuôi đến 300 người để cùng thổi sáo, có Đông quách Xứ Sĩ không biết thổi sáo cũng cứ dụ vào số ấy để ăn lương. Đến vua sau nối ngôi, sai riêng từng người ra thổi sáo, Xứ Sĩ liền bỏ trốn. Người ta bèn dùng điển này để chỉ những kẻ không có tài mà lạm dụ chức tước.

người hiền tài đều được tỏ rõ, những kẻ sươn hèn không được yêu cầu xằng, để thoả cái ý thiết tha dùng người, cầu hiền của trẫm”.

Trong Kinh kỳ có hoàng trùng. Vua bảo bộ Hộ rằng : “Sâu ăn lúa có những thứ sâu “minh” 螟 (sâu ăn ruột lúa), sâu “đặc” 滕 (sâu ăn lá lúa), sâu “mâu” 螽 (sâu ăn gốc lúa và sâu “tặc” 蟹 (sâu ăn đốt lúa), loại nó không giống nhau. Xưa nay các tỉnh tâu báo chỉ kêu là hoàng trùng, không có phân biệt. Vậy, nên truyền dụ cho các trực, các tỉnh : nếu xảy có sâu hại lúa, phải xét kỹ thứ sâu gọi là sâu gì, tâu vào cho rành mạch”.

Tỉnh Nghệ An dâng sớ nói : “Những viên văn, võ thuộc tỉnh trước có dựng riêng đền thờ Quan Công, bấy nay cầu đảo thường được linh ứng. Vậy xin cho liệt vào trong điển lễ thờ tự”. Vua nói : “Đền ấy do tư lập, vốn không nên liệt vào trong lệ tự điển, nhưng người có công thì được thờ, ở trong lễ cũng có nói thế. Vậy cũng chuẩn cho cứ mùa xuân, mùa thu thì làm lễ (lợn, xôi) kính lễ”.

Thự Bố chính sứ Hà Nội Lê Đại Cương tuổi già, về hưu trí. Cho : Án sát sứ Hưng Yên Lê Nguyên Trung thăng thự Bố chính sứ Hà Nội ; thự Lang trung bộ Lễ Đặng Quốc Lương điệu thự Án sát sứ Hưng Yên.

Đặt thêm đồn bảo Gia Định. Vua cho rằng tỉnh Gia Định là nơi trọng địa ở Nam kỳ, lại kỳ phòng thủ mùa đông đã tới, mật dụ Tổng đốc Lê Văn Phú tùy theo địa thế, đặt ra đồn bảo. Phú tâu nói : “Hai sở đồn Gia Khẩu trước đã có đặt súng, duy ở cửa Cần Giờ và chỗ ngã ba sông ở Phú Mỹ tây thôn đều là những nơi xung yếu, xin cho đều xây đồn bảo, đặt súng để nghiêm việc phòng bị”. Vua thuận cho, bèn ở Phú Mỹ tây thôn lập đồn Phú Mỹ ; ở cửa Cần Giờ lập đồn Cần Giờ ; ở hai sở đồn Giao Khẩu : phía đông gọi là pháo đài Tả Định, phía tây gọi là pháo đài Hữu Bình, đều đặt súng để giữ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXVI

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Nhâm Dần, Thiệu Trị năm thứ 2 [1842], mùa đông, tháng 11, ngày Kỷ Dậu, gặp tiết Thánh đản (sinh nhật Nhân hoàng hậu, mẹ vua). Vua thân đến điện Hiếu Tư làm lễ. Trước ngày hôm ấy, tại điện Hiếu Tư và chính ngày hôm ấy, tại điện Sùng Ân, đều phái hoàng tử kính tới làm lễ, sau đó đặt làm lệ mãi.

Giảm bớt những lại dịch ở Lục bộ và các nha môn. Quan bộ Lại, bọn Vũ Xuân Cẩn, tâu : “Số lại dịch ở các địa phương đều đã tinh giảm, còn số vị nhập lưu thư lại⁽¹⁾ thuộc các nha môn ở Kinh, nên chiếu theo công việc nhiều, ít, liệu giảm bớt”. Việc này giao xuống cho đình thần bàn. Đình thần nói : “Công việc ở các nha nhiều, ít không giống nhau, về số vị nhập lưu thư lại trong nguyên ngạch, nên lựa định giảm bớt. Còn các bát, cửu phẩm thư lại thuộc các nha (bộ Hộ : bát phẩm và cửu phẩm đều có 14 viên, bộ Binh : đều có 12 viên ; bộ Lại : đều có 10 ; 3 bộ Lễ, Hình, Công : đều có 8 viên. Ty Thừa biện ở Tôn nhân phủ, Đại lý tự, Quang lộc tự, Thái thường tự và Khâm thiên giám : đều có 4 viên ; các ty Chế tạo, Sang pháo và Hoả dược : đều có 3 viên ; Quốc tử giám : Điển bạ và Điển tịch đều có 2 viên ; các ty Đô sát, Thông chính, Thanh cần, Thiết thận, Doanh thiện : bát phẩm và cửu phẩm đều có 2 viên) đều có trách nhiệm giữ việc, tuy số nhiều ít khác nhau, nhưng cũng không đến nỗi thừa lạm, xin đều để nguyên ngạch. Duy 2 ty Tào chính và Hộ thành,

(1) *Vị nhập lưu* : thuộc lại chưa được vào chính ngạch, dưới hàng cửu phẩm.

việc công hơi rồi, xin để lại mỗi ty, bát, cửu phẩm đều 2 viên". Vua y theo. (Bộ Hộ và bộ Binh : nguyên ngạch vị nhập lưu thư lại 100 tên, nay để mỗi bộ 70 tên. Bộ Lại, bộ Hình, bộ Công : nguyên ngạch mỗi bộ 60 tên ; bộ Lễ : nguyên ngạch 50 tên, nay đều để 40 tên. Ty Chế tạo : nguyên ngạch 40 tên, nay để 25 tên. Khâm thiên giám : nguyên ngạch đều 30 tên, nay để 20 tên. Tào chính, Bưu chính : nguyên ngạch đều 30 tên, nay đều để 15 tên. Ty Thừa biện ở Tôn nhân phủ, các ty ở Đô sát viện, Đại lý tự, Thái thường tự, Quang lộc tự, kho Sang pháo, khoa Hoả dược : nguyên ngạch đều 20 tên, nay đều để 12 tên. Ty Thông chính sứ : nguyên ngạch 15 tên, nay để 10 tên. Quốc tử giám và Hộ thành binh mã ty : nguyên ngạch đều 15 tên, nay đều để 6 tên).

Thụ hàm Hiệp biện Đại học sĩ cho Lê Văn Đức, vẫn lĩnh chức Thượng thư bộ Lễ. Cho Hữu thị lang bộ Lễ, gia hàm Tham tri sung biện việc Nội các là Lâm Duy Thiếp làm Hữu tham tri bộ Binh.

Đổi mới các hiệu cờ cho các tỉnh trong Nam, ngoài Bắc. Trước đây hiệu cờ của vệ, cơ các tỉnh hoặc do tỉnh tạm cấp, hoặc do bản vệ, bản cơ làm riêng : màu sắc, hình dạng lộn xộn không đều ; tới đây, vua sai bộ Binh đổi định hình thức các hiệu cờ, chế cấp một loạt để thi hành.

(- Cờ ngũ hành : mỗi tỉnh đều 1 bộ 5 lá, mỗi lá nội tâm dài 2 thước, 2 phân, ngang 1 thước 7 tấc 1 phân dải cờ, viền cờ, sắc dạng đều làm theo lệ cũ cho được thích hợp.

- Cờ vòng : mỗi vệ, mỗi cơ đều 1 lá, nội tâm dài, ngang cũng như cách thức cờ ngũ hành. Trên mặt lá cờ dính, rõ những chữ về tên vệ, tên cơ.

- Cờ đuôi nheo : bộ Binh mỗi vệ, mỗi cơ đều 20 lá ; Thủy quân mỗi vệ, đều 10 lá. Mỗi lá nội tâm dài 2 thước 7 tấc, trên ngang 1 thước 1 tấc 7 phân. Dải cờ hoặc dùng màu đỏ tươi, hoặc màu tím, hoặc màu quan lục.

Về các tỉnh ở Nam trực Tả kỳ, đều lấy giải cờ làm dấu hiệu ghi nhận : Quảng Nam, dải cờ màu đỏ tươi ; Quảng Ngãi, dải cờ màu đỏ gỗ ; Bình Định, dải cờ màu thật vàng ; Phú Yên dải cờ màu bạch tuyết ; Khánh Hoà, dải cờ màu đen ; Bình Thuận, dải cờ màu quan lục.

Về các tỉnh ở Nam Kỳ, đều lấy vòng tròn ở giữa lòng cờ làm dấu hiệu ghi nhận : Gia Định, vòng tròn màu thật vàng, Biên Hoà, màu đỏ tươi ; Vĩnh Long, màu quan lục ; Định Tường, màu bạch tuyết ; An Giang, màu tím ; Hà Tiên, màu đen.

Về các tỉnh ở Hữu kỳ và Bắc Kỳ, những vệ, cơ nào đã có cờ chế cấp trong năm Minh Mệnh 19 [1838], đều cứ theo làm như cũ. Những cơ thổ binh ở các tỉnh Ninh Bình, Quảng Yên, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng

nguyên không có hiệu cờ chế cấp, nếu có sai phái đến, đều cho cầm cờ cũ cho đủ, không cần phải chế riêng).

Sai : Hiệp biên Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lễ, sung Cơ mật viện đại thần, Ân Quang tử Lê Văn Đức sung làm Kinh lược đại thần ở Nam Kỳ ; thự Tả quân Đô thống phủ Đô thống kiêm quyền chức Tả tôn khanh ở Tôn nhân phủ, Vũ Khê tử Tôn Thất Bật sung làm Tham tán đại thần ; Hữu tham tri bộ Binh là Lâm Duy Thiếp sung làm Tán lý cơ vụ. Vua cho rằng biên binh ở 6 tỉnh Nam Kỳ đã đến kỳ duyệt 5 năm 1 lần, theo lệ trước, dùng đại thần ở Kinh phái đi duyệt, nay vì cõi Tây mới yên, việc phòng thủ mùa đông đương cần dự bị, thấy Đức xin đi, bèn sai sung chức ấy, ban cho mao, tiết và ấn quan phòng Khâm sai. Dụ bọn Đức rằng : “Chuyến đi này, một là để xét hạch quân chính, hai là để chỉnh lý biên cương, phạm những việc gì có liên quan đến quân sự đều cho coi sóc hết thảy. Nếu đất Man kia không yên, có thể thừa cơ được thì dồn sức đánh mạnh luôn. Từ quan tỉnh trở xuống, đều cho đặt dưới quyền điều khiển. Các người là bề tôi cũ và là tướng quân lão thành, trăm đã chọn dùng, cần phải gắng đem mưu sức, liệu theo sự thế, khéo lựa mà làm cho có thành hiệu rõ rệt để xứng với ý thiết tha của trăm giao cho làm xong”.

Rồi vua đặc cách sai biên binh 5 vệ : Tả vệ dinh Thân cơ, vệ Hậu nhất, Tả vệ nhị dinh Vũ lâm, Hậu vệ dinh Tiền phong và Hậu vệ dinh Hồ oai ; 5 chiếc thuyền lớn bọc đồng : Thanh loan, Vân điêu, Phi hồng, Bình dương, Định dương, đi theo sai phái. Lại phái binh đình ở Cẩm y, Kim ngô và Thị vệ, cùng với thuộc viên ở bộ đi theo làm văn thư và sự vụ. Bạt quản đốc các thuyền ; Đức, Thiếp đốc suất bộ Binh : chia hai đường thủy bộ cùng tiến. Đức vào từ biệt đi, vua triệu lên điện, bảo rằng : “Người trước đây đã trải làm các chức trong ngoài, được đội ơn sâu của Hoàng khảo lâu năm, nay trăm chọn phái làm Kinh lược, đi Nam Kỳ kiểm xét binh chính, nhất thiết mọi việc đều giao người cả”. Bèn trao cho Đức thanh gươm báu, nói rằng : “Trong quân có kẻ nào không theo mệnh lệnh, thì cho phép người xử trị bằng quân pháp”. Lại ban cho Đức áo của vua mặc. Bọn Đức lạy xin vâng mệnh. Các viên văn võ trong 5 vệ từ quản vệ trở lên, cũng cấp cho mỗi người 1 chiếc áo đi trận.

Dựng nhà bia ở bãi Thất Bái (tại xã Bằng Lăng). Trong năm Minh Mệnh, Thánh tổ Nhân hoàng đế nhân nhớ việc cũ, thân làm bài thơ (chép rõ trong *Thánh chế thi tập*, sai dựng bia để ghi việc ấy, nhưng vì chỗ này nước lụt xói mạnh, chưa dựng được nhà bia ; tới đây, bộ Công xin dựng nhà bia ở phía đông con sông để đặt tấm bia đã khắc trước, lại riêng chế 1 tấm bia nhỏ khắc 3 chữ lớn “Thái bái châu” 獺拜洲 dựng trên bãi sông để dấu thiêng được lưu truyền. Vua cho lời tâu là phải.

Sai các viên thống quản các quân dinh ở Kinh đều cử 1 người cai đội, suất đội trong các dinh, các vệ ở Kinh có thể làm được quản vệ, hiệp quản. Rồi sai dẫn lên yết kiến để tâu tài từng người, liệu cho bổ dụng.

Cho : Nhị đẳng thị vệ Vũ Văn Trí, Viên ngoại lang Nội vụ phủ Nguyễn Văn Công sung làm Phó biện thuyền Kim Loan đi sang địa phương Giang Lưu Ba ; thự Viên ngoại lang bộ Hộ Tôn Thất Thường sung làm Phó biện thuyền Linh Phượng ; Viên ngoại lang Nội vụ phủ Trần Tú Dĩnh sung Phó biện thuyền Vân Điều ; Phó sử ty Tào chính Nguyễn Công Nghĩa sung Phó biện thuyền Tường Hạc, đều đi sang địa phương Tân Gia Ba, thảo diễn đường thủy. Rồi chiếu theo đơn kê của Nội vụ phủ để mua sắm. Đến tháng giêng năm [Thiệu Trị] thứ 3, chiếc thuyền Tường Hạc vừa ra khỏi cửa biển Thuận An, gặp gió bão, trôi giạt không biết đi đâu. Duy có Công Nghĩa đi đường bộ, may được thoát. Vua sai tìm nhiều cách dò hỏi, lâu không được tin tức, mới bảo bộ Công rằng : “Sóng gió bất trắc, hẳn là dữ nhiều, lành ít !”. Bèn sai chiếu lệ người chết trận bội cấp cho gia quyến [những người đi thuyền ấy]. Lại sai quan coi việc lập đàn chiêu hồn ở bờ bể Thuận An, sửa lễ tam sinh, tế một lần. Các viên văn võ và binh trong thuyền gồm tất cả 66 người, trong đó có Trần Huy Phác. Phác là người Đông Thành, tỉnh Nghệ An, đậu Tiến sĩ đầu khoa thi Hội, tới đây không biết sống hay chết. Ai nghe tin cũng lấy làm thương tiếc (Năm Tự Đức thứ 2 [1849] truy tặng hàm Chủ sự, trợ cấp cho mẹ và vợ con của Phác).

Ở Bắc Kỳ ít mưa. Dụ sai quan sở tại làm lễ cầu đảo. Sau đó, các hạt đều báo tin được mưa. Vua sai tế tạ thần.

Nam Kỳ Kinh lược đại thân Lê Văn Đức chết. Đức vốn đã bị ốm, đi chuyến này, gượng bệnh lên đường, khi đến tỉnh Quảng Nam, bệnh phát nặng. Vua sai Trung sử đem cho sâm, quế và Thái y đi gấp đến điều trị. Lại chuẩn cho tạm nghỉ việc kinh lược, yên tâm tĩnh dưỡng. Sai Bật và Thiếp cứ lên đường đi. Sau đó, Đức chết. Vua thương Đức, nhỏ nước mắt, dụ rằng : “Đức đã từng thờ Hoàng khảo ta, trải làm quan trong ngoài, việc đánh dẹp Vân Trung, lập được công to, ơn vua hậu dãi, ban cho tước phong và ấp ăn lộc. Gần đây có việc kinh lược Nam Kỳ, Đức háng hái xin đi, không nề nhọc mệt. Ngờ đâu giữa đường qua đời, thật đáng ngùi thương ! Gia tặng hàm Thiếu bảo, ban cho gấm, sa mỗi thứ 5 cây, trù, nhiều mỗi thứ 3 tấm vải, lụa mỗi thứ 50 tấm, tiền 2.000 quan ; sai quan làm lễ tế, cấp trạm đưa về quê táng”. Đức là người sâu sắc, trung hậu, hoà nhã, ung dung, ra vào làm quan trong triều và ngoài quận gồm 30 năm ; Những khi nói với các liêu thuộc, không hề có lời gắt gỏng, có vẻ dữ dội. Đức trước là con nuôi Nguyễn Văn Thành, sau Thành bị đổ, cửa nhà tan tác. Đức dầu được quý hiển, mỗi lúc tết nhất giỗ chạp, tất đốt hương cúng bái. Có kẻ can bảo nên tránh xa hình tích⁽¹⁾, Đức nói : “Ta tự đối với lương tâm ta thôi ; há lại vì cố hiềm nghi mà quên ơn người nuôi sao ?”. (Người ta khen Đức có nhã lượng. Đức người thôn Tiên Thủy, tỉnh Vĩnh Long, thọ 49 tuổi).

(1) Vì Nguyễn Văn Thành trước bị Gia Long ngờ vực, bắt tội.

Sai : Văn Minh điện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh, Tuy Thịnh tử Trương Đăng Quế kiêm giữ ấn triện bộ Lễ, Tả tham tri bộ Lễ là Lý Văn Phục kiêm coi việc Thái thường tự.

Cho Ngô Văn Địch và Nguyễn Mẫn thăng tự Lang trung bộ Binh.

Chưởng vệ Nhất vệ dinh Hữu Thủy sư Phạm Văn Cục chết. Cục làm việc đã lâu năm. Cấp thêm cho 200 quan tiền.

Cho Phó lãnh binh Thủy sư tỉnh Nghệ An là Nguyễn Bá Tĩnh thăng tự Chưởng vệ vệ Nhất dinh Hữu Thủy sư Kinh kỳ, kiêm coi các vệ Nhị, Tam, Tứ, Ngũ. Lại cho Vệ úy Tứ vệ dinh Hữu, Thủy sư Kinh kỳ Phan Văn Mẫn làm Phó lãnh binh Thủy sư Nghệ An.

Án sát tỉnh Định Tường Ngô Văn Thế chết. Cho nguyên lĩnh Án sát tỉnh An Giang là Cao Hữu Dục thăng tự Án sát tỉnh Định Tường (Dục có tang, hạn nghỉ phép đã hết).

Bộ Lễ bàn dâng bản nghi tiết về các lễ Tường, Đám và Thăng phụ sau khi đã bàn định, lại nói : “Sang xuân, rước Thánh tổ Nhân hoàng đế lên phối hưởng đàn tế Giao, điển lễ long trọng xin chế thêm mũ áo để chuẩn bị đến kỳ làm lễ. Vua cho lời tâu là phải, dụ các quan coi việc đều kính cẩn theo làm.

Tuyên triệu : Tổng đốc Thanh Hoá Tôn Thất Lương, Hộ đốc Định - Yên là Hà Thúc Lương, Tuần phủ Nam - Ngãi là Phạm Duy Trinh, Hộ phủ Ninh Bình là Nguyễn Văn Nhị, Hộ phủ Hưng Hoá là Nguyễn Khắc Tuấn, tự Bố chính Phú Yên là Lê Quốc Trinh, tự Bố chính Bắc Ninh là Đỗ Khắc Thư, Án sát Nghệ An là Hồ Hựu, Án sát Biên Hoà là Tôn Thất Tĩnh, Án sát Lạng Sơn là Phạm Bạch Như, Lãnh binh Bình Thuận là Nguyễn Văn Thai, tự Lãnh binh Quảng Trị là Đỗ Đức Tấn, Phó lãnh binh Hải Dương là Nguyễn Văn Sự đều về Kinh họp vào ban, kính đợi các lễ lớn Đại tường, Đám tế và Thăng phụ. Dụ các hạt Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên ở Nam Kỳ là những nơi chống đỡ biên thủy thì cho chọn sai phủ, huyện về Kinh, theo ban chiêm bái ; còn các quan trên ở các hạt ấy đến kỳ làm lễ thì tuân theo lời nghị, đặt hương án lễ bái vọng để tỏ lòng thành kính ở xa. Sau đó, Bố chính Gia Định Lê Khánh Trinh xin về Kinh chiêm cận. Vua không cho.

Bọn Phạm Khắc Trạch, quan tỉnh Cao Bằng, dâng con xạ hương còn sống (Vệ úy Trình Văn Châu bắt sống được con vật ấy). Vua nói rằng : “Mạc ha bà già, sao mà đến đây ! (Sách nhà Phật gọi xạ hương là Mạc ha bà già). Há chỉ một núi Thương Nhữ có vật này ? (Sách cổ nói : giống xạ sản ở núi Thương Nhữ). Ở Lạng Sơn, Cao Bằng cũng có nhiều. Xạ là vật tầm thường thôi, nhưng bắt sống được thì cũng hiếm, đáng thưởng cho”. Nhân đó, bảo thị thần rằng : “Chỗ nào xạ hương ở tụ thì có cây không mọc được, người ta đeo hương ấy vào vườn tược, hễ thấy dưa

không đậu quả được thì nghiệm biết là xạ thực. Giống xạ vì có hương thơm mà đưa đến người bắn, cũng như hổ báo vì có vằn đẹp mà đưa đến người săn, cho nên chữ [Xạ麋] ấy viết theo chữ “Lộc” 鹿, và chữ “xạ” 射⁽¹⁾. Trong bài phú của Ngô Quân⁽²⁾ có câu : “Xạ mang hương mà mua hại vào mình, khi khoe khéo để khiến nên bị bắn, đáng thương thay !”.

Vua lại nói : “Hương xạ có 3 thứ : thứ nhất là hương lúc còn sống, gọi là “di hương”⁽³⁾, là thứ hương con xạ tự bóc bỏ ra, nhưng rất khó kiếm được thứ ấy, giá nó đắt bằng ngọc minh châu ; thứ hai là hương ở rốn, là thứ hương khi người ta bắt được con xạ giết đi, rồi lấy ; thứ ba là hương kết trong bụng, là thứ hương khi xạ bị con thú lớn đuổi bắt, sợ hãi cuống cuống, ngã chết, người ta tình cờ bắt được, mở bụng nó thấy trên lá lách có một khối huyết khô [tức là hương ở đó]. Xưa có người ở Kinh Sơn đuổi bắt con xạ, xạ vội bóc rốn của mình, lấy khối hương ném vào bụi cỏ, người đuổi xạ chạy xô đến nhặt, con xạ nhân thế, trốn thoát được. Lệnh doãn Từ Văn⁽⁴⁾ nghe chuyện ấy nói rằng : “Ấy là con thú đó, mà người có kẻ không bằng nó : vì của cải để đến mất cả thân và nhà ; sao trí khôn họ lại thua con xạ thế nhỉ !”. Câu nói ấy có thú vị sâu xa, đáng làm cho kẻ khư khư giữ của nên mau tỉnh ngộ”.

Vua ra ngự đình Cát Vân, diễn tập súng, đặt tên cho khẩu súng vua dùng là Toàn vũ sang. Nhân dịp bọn thị thần rằng : “Súng này của Hoàng khảo ta ban cho, ta từ lúc còn nhỏ, hầu bên cạnh, đọc sách xong, tập cưỡi ngựa, bắn súng, năm 8 tuổi hơi biết nghề này. Đến năm Minh Mệnh thứ 4 [1823], rước ngự giá ra Doanh Châu, ngài thân cầm khẩu súng này, bắn phát nào cũng trúng. Ta theo hầu xa giá, ngài đưa súng cho, chỉ bảo phương pháp, sai ta bắn, ngẫu nhiên được trúng, ngài hài lòng, cho luôn súng này. Nay nhân lúc rỗi việc, lại diễn võ ở nơi đây, nhớ lại súng này thánh trạch còn như hồi hồi, than ôi, đậu lòng thay ! Vậy kính đặt tên cho súng là “Toàn vũ sang” và cất giữ quý báu để lưu cho con cháu, khiến cho biết nơi giữ phép nhà, không quên việc võ bị”.

Trước hôm tiết Thánh thọ 3 ngày, vua thân đến cung Từ Thọ, mừng sức khoẻ và hầu tiệc yến. Theo lệ trước, đến ngày khánh tiết, các địa phương đem phẩm vật ở địa phương mình vào dâng. Năm ấy, bọn quan tỉnh Phú Yên Lê Quốc Trinh và Nguyễn Văn Lý đưa dâng quả xoài. Vua nói : “Đào tiên dâng tuổi thọ, là thứ quả ứng điềm tốt ! Xưa nay các thứ quả ở Bắc Kỳ, cho vải là thứ nhất, nhãn là thứ nhì ;

(1) Xạ, (con Xạ), theo chữ Nho viết chữ “Lộc” (con hươu) ở trên, chữ “Xạ” (bắn) ở dưới. Tra trong *Từ nguyên* : con Xạ hình giống con hươu.

(2) *Ngô Quân* : một thi sĩ đời Lương (502-506) bên Trung Quốc, học rộng, thơ hay, có soạn bộ *Thông sử*, chưa xong thì chết.

(3) *Di hương* : hương thơm sót lại.

(4) *Lệnh doãn Từ Văn* : người nước Sở, đời Xuân Thu bên Trung Quốc, họ Đẩu, tên là Cầu Ô Đò, làm chức Lệnh doãn nước Sở, có tiếng là một hiền tướng.

đến như xoài thì hình trạng giống quả đào, vị nó ngọt và thơm, vải và nhãn không thể sánh kịp. Ngày khánh tiết, được thứ quả quý này cũng là ít có!”. Vua liền thân bưng xoài dâng lên. Thánh từ khen và bằng lòng.

Tháng 12, phong ấm cho cháu họ người công thần [quá cố] Nguyễn Kim Phẩm là Nguyễn Kim Uy để coi giữ việc thờ tự. Tỉnh Nam Định dâng sớ nói : Phẩm không người thờ cúng, xin lại cho một người cháu họ được nối ấm. Vua cho rằng Phẩm là công thần thời trung hưng, đã đem hết trung tiết giúp vua, bèn thuận cho. (Phẩm người làng Thận Vi, tỉnh Nam Định, cùng với 2 anh là Nguyễn Kim Trân, Nguyễn Kim An đều ứng nghĩa ở thành Gia Định, bị chết trận năm Ất Tỵ. Trong năm Gia Long, chuẩn cho người cháu họ được nối ấm, Trong năm Minh Mệnh, gia tặng cho Phẩm là Dực vận công thần Chương dinh quận công. Trân và An đều được truy tặng Vệ úy).

Bọn chủ thủ kho tỉnh Quảng Ngãi là Đào Tiến Toàn và Nguyễn Văn Nghị thông đồng nhau lấy cắp thóc kho, tính tang vật giá đến 1.000 lạng bạc. Việc ấy phát giác, đổi giao sang tỉnh Quảng Nam tra xét nghị xử. Khi xét được thực trạng tâu lên, vua nói : “Kẻ giám thủ mà tự ăn cắp, xưa nay thường bị khám phá, phạm có tai mất đều đã nghe thấy, trông thấy ; bọn tên Nghị còn dám lấy cắp, trước mắt không coi pháp luật vào đâu, tệ đến như thế, cần phải nghiêm trị để răn kẻ khác ! Chuẩn cho đợi sau ngày hết hạn cấm xử hình, sẽ đem xử tử”.

Cấm dân gian đánh vật. [Vì trước đây], dân huyện Thượng Nguyên tỉnh Nam Định đặt trường đánh vật làm trò vui, có tên Trần Đình Ngạn lão luyện về nghề ấy, người làng đón về làm thầy. Ngạn dạy tên đồ đệ Nguyễn Văn Tú, sai tập cái thế “đánh miếng dưới”. Ngạn đứng một chỗ giữ miếng để bảo cách tập. Tú, tay tả bả lấy cổ Ngạn, tay hữu nắm lấy khố Ngạn, xô đi kéo lại không để yên, xảy chạm vào tường đất, tường đổ xuống, Ngạn bị chết bẹp. Án sát Lê Phác (tên cũ là Trần Lê Hoán) chiếu theo điều luật “đùa giết người” xử Tú tội giảo ; Hộ đốc Hà Thúc Lương đổi theo điều luật “lâm lữ giết người”, cho chuộc tội. Vua nói : “Ngạn chết vì nghề, Tú làm thầy chết, chơi đùa thành sự thực, tình nhẹ nhưng mạng trọng, ty Án sát định tội như thế là phải. Song vì chơi đùa mà không phải cố ý, tình cũng đáng thương. Vậy chuẩn cho xử giảo giam hậu, đợi đến kỳ xét án mùa thu cho liệt vào danh sách những tội đáng thương, đáng ngờ. Vả, đánh vật là một thói hủ lậu của dân gian, gây hại không phải là ít, từ nay cấm chỉ vĩnh viễn, kẻ nào không theo, sẽ trị tội nặng”.

Ngày Quý Mùi, vua đi yết Hiếu lăng, nghỉ tại ở hành cung An Bằng, trời gần sáng, xa giá sắp đi, có Thái trưởng công chúa⁽¹⁾ Ngọc Nguyệt (con gái thứ 9 của vua

(1) Thái trưởng công chúa : cô của vua. Đời Hán, cô và chị vua đều gọi là Trưởng công chúa, đến đời Đường về sau, riêng cô vua gọi là Thái trưởng công chúa.

Thế tổ) đi võng mang theo người cầm đao, thẳng vào cửa hữu võng thành, qua trước tấm màn xanh, xuyên sang cửa tả đi ra. Bọn Suất đội Trần Bản không ngăn giữ. Quan Hành dinh đại thần Hà Duy Phiên sai người đuổi theo hỏi kẻ cầm đao, tên chủ nô [theo công chúa] là Chu Văn Linh không chịu ở lại. Duy Phiên đem việc ấy hạch tâu. Vua lấy làm quái lạ, nói rằng : “Chỗ ngự dinh đóng, đã có điều luật chỉ rõ. Thái trưởng công chúa Ngọc Nguyệt tuy là đàn bà, nhưng há lại không biết phận vua tôi ! Phò mã đô úy Nguyễn Đức Hựu (con trưởng Tượng Chính, quận công quá cố Nguyễn Đức Xuyên) tuy không cùng đi, nhưng trong đạo vợ chồng, sao không dạy cho biết lễ ? Thậm chí không biết kiểm thúc đây tớ, để cho nó cạy thế chống lại mệnh trên ! Còn quân quan túc vệ vốn đã có huấn luyện, bữa nọ đã từng xuống dụ : Phàm kẻ nào xông vào chỗ cấm, bất luận là hoàng thân hay quốc thích, chuẩn cho bắt ngay, tâu lên”, thế mà nay lại có sự phòng ngừa sơ hở như vậy ! Không ngờ chúng như cây gỗ nát khó chạm trở, tội chúng thực khó tránh. Tất cả, đều giao cho Tôn nhân phủ và 2 bộ Binh, Hình tra xét nghị tội”, Trần Bản đổ cho cung giám tên là Tài để cho đi vào. Tài chối cãi không nhận. Thái giám Chu Phúc Năng lại đến trước mặt đường quan bộ Hình, lớn tiếng, nói : “Tài bị vu oan !”. Thái giám Đặng Tín cũng cố cãi hộ. Việc này bị bọn Khoa đạo Nguyễn Huy Lịch đem hạch thêm. Vua nói : “Bọn hoạn quan dùng để sai khiến và quét tước mà thôi, công việc triều đình, há được dự đến ! Không ngờ cái lũ “trời bắt tội” này lại che đỡ lẫn nhau, dám cùng các công, Khanh cãi bẻ phải trái, không thể để cho bậy dẫn thêm được. Vậy Chu Phúc Năng, xử giáng 4 bậc ; Tín, đem đánh 40 côn đồ, cách chức phát ra khổ sai ở Cung giám”.

Khi án xong, dâng lên, Văn Linh bị xử giảo giam hậu ; bọn thủ hộ Trần Bản bị phạt tước, cách chức, phát đi quân thứ ở Nam Kỳ ra sức làm việc để chuộc tội. Bọn túc vệ Dương Thai, Nguyễn Văn Đức, Đoàn Văn Học, bị giáng, lưu có phân biệt. Công chúa Ngọc Nguyệt bị phạt bớt lương 4 năm, Nguyễn Đức Hựu bị cách, lưu.

Tri huyện Long Xuyên Nguyễn Quýnh trước đây vì thổ phi quá rối, bắt dân phòng giữ, ngăn chặn, vay tiền và gạo của dân chiếu cấp cho hương binh chi dùng, không do tình tâu xin cho làm, bị quan tỉnh đem hạch. Vua sai Án sát Đinh Văn Huy xét hỏi việc làm có tệ riêng hay không, tâu lên. Sau đó, Huy tâu : “Quýnh nguyên không dụng tình bắt ép, nhân vì có việc, dân đều tự nguyện quyên tiền giúp quân phí đó thôi”. Vua khen rằng : “Biên thuý có việc, Nguyễn Quýnh đã biết đốc dân phòng giữ, lại khiến được dân quyên tiền giúp việc quân phí, thì ngày thường được lòng dân có thể biết rõ. Chỉ có điều là không bẩm báo trước, nên bị quan tỉnh hạch đó thôi ! Vậy gia ơn đặc cách miễn xử trị. Rồi sai bộ Hộ chiếu những hộ đã quyên tiền, nghị thưởng cho ngân tiền và đều miễn cho phân chịu binh, dịch, có thứ bậc khác nhau để tỏ khen thưởng khuyến khích”.

Thự Vệ úy vệ Kim ngô Tôn Thất Mậu và Nội các học sĩ Nguyễn Bá Nghi tâu rằng : “2 chữ tên ngự cùng phải tôn kính, năm ngoài bộ Lễ làm tập nghị tâu, về tên ngự, 1 chữ trên (bên tả là chữ *Mịch* 糸 bên hữu là chữ *Bạch* 帛⁽¹⁾ không thấy nói đến. Xét về triều Thanh, 2 chữ tên vua đều phải kiêng tránh (Thế tổ Hiến hoàng đế [nhà Thanh] tên là Dận Chân 胤禛, 1 chữ dưới cấm chỉ không được dùng, 1 chữ trên đổi làm chữ *Doãn* 允; Cao tông Thuần hoàng đế tên là Hoàng Lịch 弘曆, chữ dưới cấm chỉ, chữ trên đổi làm chữ *Hoành* 宏. Anh em cùng hàng miễn đổi tên [chữ trên] nhưng viết bớt 1 nét). Vậy xin sắc xuống cho bộ bàn kỹ lại”. Vua phê rằng : “Nói hợp lý, cho giao bộ Lễ bàn kỹ, tâu lên”. Bộ Lễ phúc tâu lời nghị : “Tên ngự, 1 chữ trên, gặp khi đọc đến thì đọc là *Mân*, gặp khi viết văn thì tùy nghĩa câu văn đổi dùng chữ khác (như về nghĩa “lâu dài” thì đổi dùng chữ *Diên* 延, về nghĩa đồ mặc thì đổi dùng chữ *Miền* 綿⁽²⁾). Tên người, tên đất không được mạo dùng chữ ấy. Duy tên các hoàng đế thì miễn đổi, nhưng phải viết bớt 1 nét (viết chữ *Miền* [bỏ nét giữa] 綿). Về 1 chữ dưới, nếu gặp khi kính viết huy hiệu các miếu [Tiên đế] cùng là lễ tế Giao, tế Miếu hay sắc chỉ, sắc văn có thể đến miếu của đế vương các đời đều theo đúng chữ viết y nguyên, nếu gặp khi viết văn dùng đến thành ngữ hoặc miếu hiệu các đế vương Nam, Bắc triều, đều viết bớt đi một nét (viết chữ *宋* [Tông, bỏ 1 nét giữa]). Tấm biển đề “Miếu vua Lê Thánh Tông” thì đổi là “Miếu vua Lê Hồng Đức” ; Tông nhân phủ 宗人 thì đổi là Tôn nhân phủ 尊人 những chữ “Tông” 宗 về Tông nhân lệnh; tả, hữu Tông chánh; tả, hữu Tông nhân; tả, hữu Tông khanh và Tông thần, Tông thất, Tông sinh, Tông bồng đều đổi là chữ “Tôn” 尊 cả.

Mặt thẻ bài của các hạng thị vệ ở Tôn nhân đều cho khắc lại cả. Sau đây, nếu có phụng mệnh làm tập *Ngọc Diệp*, gặp chữ “Tông” 宗 đều bỏ bớt đi một nét 宋. Chữ đã khắc ở tấm biển hay trên cửa Tông nhân phủ đều đổi làm chữ *Tôn* 尊. Chữ trong bài vị thần ở các đền miếu viết từ trước đây thì không phải viết lại. Còn những chữ có một bên. [hay một phần giống những chữ tên ngự] (như chữ *Miền* [có chữ mọc ở bên] 綿⁽³⁾, chữ *Sùng* [có chữ *Tông* ở dưới] 崇 thì kính để thiếu 1 nét [綿崇] chữ gần giống tên ngự thì không được viết nét chấm ở 2 bên (như chữ *Tông*, 宋, phải viết đúng thực : bên tả nét phẩy “丿”, bên hữu nét móc “㇇”, không được viết hai bên cùng chấm 宗 để thành gần giống chữ tên ngự 宗). Xin lục đưa đi trong Kinh, ngoài tỉnh để hết thầy đều tuân theo”. Vua mở xem kỹ lưỡng, dụ rằng : “Lời

(1) Tức là chữ *Miền* 綿. Hai chữ tên tiểu tự của vua Thiệu Trị là *Miền Tông* 綿宗 (Đã dẫn ở quyển 23).

(2) Chữ *Miền* (mịch bên) có một nghĩa là dài, nên có thể dùng chữ *Diên* 延 cũng nghĩa ấy ; lại có một nghĩa là *xơ bông*, có thể đổi ra chữ *Miền* là *cây bông* 棉.

(3) Chữ *Miền* này là cây đở đợp, có tơ ở vỏ.

bàn còn có một vài chỗ chưa được tường tất, thí dụ như cùng một chữ ấy mà hoặc xin viết y nguyên, hoặc xin bớt nét, hoặc xin tùy nghĩa câu văn đổi dùng, bàn không nhất trí, sợ người không biết chỗ theo, đó không phải là cái ý đặt pháp lệnh khiến người dễ tránh. Nay chuẩn định : Phạm dùng về Giao, Miếu và soạn *Ngọc điệp*, *Thực lục* về liệt thánh mà gặp huy hiệu các miếu, đều viết y nguyên, còn như miếu hiệu đế vương các đời, sắc thân, bài vị thân, trừ ra từ trước đã làm và cấp hay nguyên trước đã làm, đều cứ để như cũ, còn từ sau này cấp thêm sắc chỉ, sắc văn và số sách của các quan chức, trong có viết đến huy hiệu các miếu cùng là trong *Ngọc điệp*, *Thực lục* gặp có tên người phải viết rõ, hay khi viết văn, nếu có gặp huy hiệu liệt thánh cũng chuẩn cho đều viết bớt 1 nét. Đến như viết văn, nếu dùng về chữ miếu hiệu đế vương các đời trước ở nước Nam và Bắc triều, hay nhất thiết những chữ trong văn chương thường dùng, đều cho tùy nghĩa văn hoặc đổi làm chữ *Tôn* 尊, hoặc dùng chữ khác, chứ không được viết bớt nét như trước. Ngoài những điều đó, y theo lời bộ nghị, thi hành”.

Tha cho bọn thổ biên Trà Long, Nhâm Vu, La Kiên ra khỏi ngục, chia giao cho đại thần Đô thống phủ quản thúc, tùy việc sai phái chúng làm để chuộc tội.

Cho : Hữu thị lang bộ Lễ Hoàng Tế Mỹ sung làm công việc Nội các ; Tả thị lang bộ Hình Ngô Kim Lân điều bổ làm Hữu thị lang bộ Lễ, nguyên thụ Bố chính tỉnh Hải Dương Nguyễn Đức Chính điều bổ thụ Tả thị lang bộ Hình.

Ở phố Vĩnh Châu thuộc phủ Ba Xuyên, tỉnh An Giang có viên Bang trưởng Triều Châu Trần Tín tự xin bỏ ra 150 học thóc của nhà để chu cấp cho dân Thanh và dân thổ bị đói. Quan tỉnh tâu lên. Vua khen, bảo bộ Hộ rằng : “Trần Tín là thương nhân nhà Thanh mà biết tự bỏ của nhà chu cấp các hộ nghèo túng, tuy số thóc không là mấy, nhưng lòng chuộng nghĩa như thế, cũng đáng khen !”. Bèn sai thưởng ngân tiền Phi long lớn nhỏ mỗi hạng 3 đồng, lại chuẩn miễn thuế thân cho Trần Tín 6 năm để tỏ khuyến khích.

Quyền Tổng đốc Sơn Tây Trần Hữu Lễ đi bắt bọn phạm tội, lâu không có công trạng gì. Vua sai bộ Binh truyền Chỉ xét hỏi và bắt phúc tấu. Lễ tâu, nói : “Dân hạt 2 phủ Lâm Thao, Đoan Hùng, những kẻ trước đây thông với giặc đã đến quan, báo bắt. Hiện đã bắt được nhiều tên thân thuộc của giặc. Bọn giặc cũng đã cùng quần, chạy trốn không thường. Duy còn dân trong tỉnh hạt thực có nhiều bọn giao thông với giặc : những kẻ ở gần rừng thì ngầm giúp cho gạo, lương, những kẻ ở bên sông thì chở giúp cho giặc qua lại ; nhưng những tình hình ấy chỉ là nghe nói, nên chưa tiện bắt giải”.

Vua lấy làm ngờ lạ, nói : “Bọn dân ở rừng rú, thung lũng, trước đây, bị giặc dọa nạt, nay đã quay đầu, đến quan, báo bắt, thì thế giặc ngày càng cùng quần, đã

có cơ hội bắt giặc được rồi, vậy mà không chịu cố sức lùng bắt kỳ cùng để cho trọn việc, lại làm ra lời nói khó khăn ấy để gỡ cho mình, mà không biết lời nói của mình lại lúng túng trái nhau ! Chưa rõ hiện nay giặc trốn ở chỗ nào ? Bọn giặc hiện còn bao nhiêu, có kháng cự với các viên đi đánh dẹp hay không ? Chuẩn cho Lễ tâu lại rành mạch, sẽ xuống Chỉ cho thi hành”.

Lễ tâu, nói : “Tụi giặc hoặc 10 đứa, hoặc 4 - 5 đứa không thành bọn lũ, không còn được mấy, hiện chúng lẫn lút, bắt thường ở các rừng rú thung lũng 2 phủ Lâm Thao, Đoan Hùng, mà bọn biển binh đi dẹp bắt không khỏi nhằm chỗ này, hồng chỗ kia. Bữa nọ, thủ hạ của Trần Văn Luận là bọn Nguyễn Văn Thịnh bắt được 3 tên trong bọn giặc, lại nhân vì canh phòng sơ hở, đồ đảng giặc Thạch lên đến đâm chết bọn Thịnh 9 tên, cướp tù đem đi. Suất đội đạo binh của Lãnh binh Tôn Thất Đàm là Phan Văn Búa gặp giặc, đâm chết được 3 tên trong bọn chúng. Búa mạo hiểm, khinh suất tiến đánh, lại bị giặc bắn chết. Đến khi quan quân tới bắt thì giặc đều đã chạy trốn trước rồi ! Vậy xin rộng khoan kỳ hạn, xin ra sức lùng bắt giặc để chuộc tội trước”.

Vua lại quả rằng : “Bọn giặc tán núp ở phần rừng 2 phủ, cũng không phải là mất cả hình lẫn bóng mà không thể tìm được. Bấy nay Lễ và bọn Tôn Thất Đàm, Nguyễn Hữu Diệu cất đặt mưu toan được những gì mà việc bắt được giặc lại do tay bọn Nguyễn Văn Thịnh, Phan Văn Búa ? Song một tên thì mê ngủ, không biết đề phòng, một tên thì quân ít mà xông vào chỗ hiểm, thành ra lỡ việc ! Nhiều lần bắt được chỉ là đám giặc tàn, linh tinh, trong đó, vị tất đã không bắt oan đến người dân thường ! Việc dẹp giặc vô công trạng như thế, lẽ ra phải triệt về trị tội, nhưng nghĩ nay đã gần hết năm, chuẩn thêm rộng cho một hạn 3 tháng nữa, cần phải bắt cho được những tên đầu sỏ giặc để xử trị. Được vậy, chẳng những đã tha tội trước, còn ghi công mới cho. Nếu lại cứ làm không nên công như trước tất sẽ theo quân luật trị tội, quyết khó nhiều lần cầu được ơn tha cho nữa !”. Lễ là người nhút nhát vô tài, tra xét đánh dẹp không đắc lực, những bộ biên phái đi đến đâu cũng tạ sự để đoạ nạt, ai cũng lấy làm khổ !

Thự Tổng đốc Ninh - Thái Nguyễn Đăng Giai tâu lên rằng : “Các sở chính, sở chi Cần dịch quan trọng thuộc hạt, không có người lĩnh trưng, duy có người ở phố Hà Nội xin lĩnh trưng bằng một giá hơi thấp”. Bộ Hộ phúc nghị cho rằng : lệ thuế ở cửa ải và bến đò có quan hệ cho việc thuế khoá của nước, há nên khinh suất để cho con buôn gian xảo được riêng chiếm độc quyền ! Sang năm, quan thuế nếu không có người tình nguyện thêm giá lĩnh trưng thì xin phái những viên thuộc ở tỉnh ra ngồi thu, để thuế công được đủ.

Giai lại tâu : “Các cửa ải và bến đò trong hạt đều là những chi phái sông nhỏ linh linh, không ví như các tỉnh lớn : thuyền buôn dồn đến họp. Vậy xin phái các viên ở Kinh ra đốc các viên tỉnh phái cùng thu cho nghiêm túc”. Lại nói : “Bộ bàn thêm giá trưng, kể về sự thêm lợi cho nước và đẹp con buôn gian xảo thật cũng đã tính không sót ; duy còn một lẽ : trời đất đã sinh ra của cải, không ở nhà nước thì ở dân, những kẻ đã bày hàng làm dân buôn bán cũng nên khiến cho đều được hưởng lợi. Nay nếu ghét con buôn gian xảo tự chiếm độc quyền mà lại giao cho con buôn bình thường lĩnh trưng được bóc lột người khác, ở chỗ này chịu giá cao thì ở chỗ kia họ lại thu lạm, e không phải là cái ý thiết tha ích nước, lợi dân. Hướng chi chỗ cửa ải ấy gồm 4 sở chính và phụ, nếu phái viên chức ngồi thu cả năm chi phí không kém 2.000 - 3.000 quan tiền, tưởng cũng không thêm bớt được gì hơn, lại thêm ra một số việc công mà thuế thu vị tất đã một loạt xong cả”.

Vua quả rằng : “Cửa ải và bến đò đặt ra là có ý chuộng [nghề nông là] gốc mà ức chế [nghề buôn là] ngọn, triều đình không phải thiếu về tiền tài, vốn không coi việc ấy là cần phải có hay không, duy vì bọn con buôn gian xảo phần nhiều tự ý định giá thấp cao, há nên nhất khải theo lời cầu xin của chúng ! Nguyễn Đăng Giai trước đã đem việc này tâu xin cho con buôn gian xảo, qua quan ở bộ bàn xin do tỉnh phái thuộc viên đi trưng thu, đã chuẩn y lời nghị để thi hành rồi, thế mà [Giai] lại còn xin phái viên ở Kinh ra đốc thu, rõ là có lòng chối đẩy, hướng nữa lại nhật nhanh những câu bàn sáo đầu lưỡi, mượn cớ bày nói, như bảo : “Ghét con buôn gian xảo mà lại cho con buôn bình thường lĩnh trưng được bóc lột...”, thì sao lại dám dùng câu nói thế ? Có thể bảo trăm là người thế nào ? Thậm chí lương chi cho các phái viên là việc nhỏ nhặt cũng đem so tính, kể rườm ở trước bậc quân phụ, phải trái rối lẩn như vậy, há chẳng phải muốn làm thuyết khách cho bọn con buôn gian xảo ru ?”. Sai giao cho bộ xét. Bộ nghị xử cách chức. Vua chuẩn cho đổi làm giáng 2 cấp. Chưa bao lâu, có người khách buôn ở Hà Nội tình nguyện lĩnh trưng theo giá bộ định. Giai xin rút những viên tỉnh phái về, cho người khách buôn lĩnh trưng. Vua y cho.

An Khánh công [tên là] Quang có tên thuộc viên trong phủ là Đoàn Việt Tâm lấy cấp đồ vật riêng, sai đánh 50 roi, qua 17 ngày, tên Tâm chết. Phủ Thừa Thiên tâu việc này lên. Vua sai Tôn nhân phủ và Hình bộ hội đồng tra hỏi, xét ra do tên lính phủ Nguyễn Đức Thịnh đánh độc tay đến chết. Án xử Đức Thịnh bị tội mẫn đồ, An Khánh công bị phạt bớt lương thân công 8 năm. Vua nói : “Gia pháp của bản triều rất nghiêm, trăm làm chủ thiên hạ, giữ một lòng chí công, vốn không vì người thân mà bỏ phép nước, như việc thân công trị phạt không đúng phép để đến chết người thì pháp luật tất phải thi hành trừng phạt, không những chỉ phạt bớt

lượng 8 năm mà thôi đau. Nhưng xét ra không phải là dụng tình làm tàn ngược phi pháp, vậy cũng có thể vừa giữ phép vừa cân nhắc với tình để cho được vừa phải”. Bèn đổi làm phạt bớt lương 4 năm, bắt chịu 10 lạng bạc tiền mai táng cấp cho thân nhân người chết.

Viện Đô sát, bọn Tôn Thất Bạch tâu : “Năm ngoái có ân chiếu : các tội phạm từ quân, lưu trở xuống bất cứ đã kết án hay chưa kết đều rộng tha cho. Từ bấy đến nay bộ Hình đem những án chưa kết, hễ đã xét xử trước khi có lệnh tha mới được viện lệ miễn tội, còn những việc phạm phát ra ở trước đó mà đến cửa quan còn bị giam cầm, hay việc đã phát rồi mà còn giao xét, cùng là việc mà bộ còn bác tra⁽¹⁾ sau khi có lệnh tha thì nhất khái xin không chuẩn cho vin vào ân chiếu mà miễn tha. Việc làm như thế hình như trái với tờ chiếu ân xá. Nay xin nên rộng tha cả cho một loạt”. Vua bảo viện Cơ mật rằng : “Năm ngoái, đại xá khác hẳn việc ân xá thường. Bộ Hình đã tâu xin : Các án chưa kết, đều cho kết xử mau, tư lên bộ và phải ghi rõ ở trong bản án : năm, tháng xử án và tội đã phạm. Lời tâu ấy cũng là có ý kiến thận trọng về việc hình, trăm đã phê chuẩn cho thi hành rồi. Thế mà lại vin lệ nhà Thanh, làm việc không khỏi quá ư câu chấp ! Viện Đô sát nói vậy thật là hợp lý. Nay chuẩn cho phải y theo tờ ân chiếu năm ngoái : từ mờ sáng ngày 20 tháng giêng năm Thiệu Trị nguyên niên trở về trước, những tội phạm từ quân, lưu trở xuống, phạm là việc ở trước khi ân xá mà đến quan còn bị giam cầm hay việc đã phát mà còn giao xét, bác xét ở sau ngày ấy, trừ ra những án nặng về giặc cướp, đại nghịch, tham tang, không nên nhất khái viện lệ miễn tội, còn thì đều miễn cho cả. Những kẻ phạm tội xử phát quân, lưu, đồ trước đây không cho viện lệ miễn tội, thì nay bất cứ là đã hay chưa phát phối đều tha cho cả. Từ sau [hễ gặp đại xá] thì cứ chiếu theo thế mà làm để cho ân điển được rộng và tỏ cho dân tin. Về chỗ bộ Hình làm việc không đúng, cho truyền Chỉ ban quở”.

Tỉnh Hưng Yên có xã Hạ Bái ở huyện Diên Hà kêu lên rằng : Dân cư xã ấy từ trước vẫn có một đường sông nhỏ, bên trên từ tổng Canh Nông thuộc huyện ấy, bên dưới đến huyện Quỳnh Côi tỉnh Nam Định, chảy thông ra sông lớn. Trước đây nước chảy thông đồng, việc nông được thuận tiện, mấy năm nay đoạn hạ lưu sông về huyện Thân Khê và các xã thôn thuộc huyện Quỳnh Côi tỉnh Nam Định đất sa bồi lấp, lúa ruộng phần nhiều bị nước ngập. Nay xin cho hợp sức khai thông nước sông để đều được lợi. Vua cho việc này quan hệ đến lợi hại của nông dân, sai quan tỉnh Nam Định hội đồng với quan tỉnh Hưng Yên đến khám xét để làm. Rồi quan hai tỉnh đi khám thấy đúng thực, tâu xin khai nạo con sông để tiện cho dân. Vua y cho.

(1) *Bác tra* : không y án mà còn tra xét.

Cho Tri phủ phủ Định Viễn Lê Thiện Trị thăng thự Tư nghiệp ở Quốc tử giám.

Phó lãnh binh tỉnh An Giang Vũ Đình Đàm chết.

Có bọn đạo trưởng đạo Gia tô, tên Lộ, tên Mịch (người Phú Lãng Sa), lẩn lút ở địa hạt tỉnh Phú Yên. Quan sở tại bắt giải về Kinh. Vua giao bộ Hình nghị tội. Bộ nghị xử tội nặng. Vua sai hãy giam lại. Sau đó có thuyền công phái đi ngoại quốc, bèn thả cho bọn ấy về.

Cho : thự Lang trung bộ Công Trần Đăng Chi đổi làm thự Lang trung Vũ khố ; Viên ngoại lang ty Mộc thương Nguyễn Thường Trân thăng thự Lang trung Vũ khố; Chủ sự bộ Lại Phan Tiến Kế thăng thự Viên ngoại lang ty Vũ khố : đều chuẩn cho hội đồng với nhau hộ lý ấn quan phòng ty ấy.

Triệt bỏ kho nhỏ ở huyện Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (kho nhỏ này nguyên chứa tiền và thóc của 2 huyện Vị Xuyên, Vĩnh Tuy, nay đổi đem nộp ở kho tỉnh) theo lời quan tỉnh ấy đã xin.

Bắt đầu dựng kho Văn Giang ở tỉnh Bắc Ninh. Trước đây, thự Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai tâu : “Kho ở tỉnh đã đầy, thu chứa không hết, xin cho dân trong hạt tính ra tiền bạc nộp thay thóc”. Bộ Hộ phúc nghị : Xin sai những địa phương tiếp giáp Hà Nội, Hưng Yên sức cho dân xay lúa ra gạo, tải nộp ở 2 tỉnh. Giai lại nói : “Làm như thế không được tiện, xin đặt làm phân phủ Thuận An ở chỗ hơi gần sông thuộc 2 xã Công Luận, Đan Nhiễm trong hạt huyện Văn Giang, xây thành, đào hào, đặt 2 toà kho chứa tạm (mỗi toà 12 gian), sửa dựng phủ đường, nhà quan, trại lính, trường thu thuế, liệu phái biên binh, lại dịch đến canh giữ, trích ra số thóc thu của các huyện giáp gần đấy, xay ra gạo đem nộp để tiện vận tải đi”. Vua y theo. Văn Giang đặt ra kho bắt đầu từ đấy.

Sai tỉnh Bình Định lấy ra 30.000 hộc thóc kho, đến tháng 2, tháng 3 sang năm tải đi giao cho tỉnh Quảng Ngãi thu chứa để phòng chi dùng. Đó là theo lời bộ Hộ đã tâu xin.

Ngày Nhâm Dần, vua tới điện Hiếu Tư làm lễ Đại tường (trước 1 ngày, bỏ đồ tang phục, ngày chính nhật, mặc lễ phục vào làm lễ ; khi lễ xong, đổi mặc thường phục, về cung).

Ngày Quý Mão, làm lễ Hợp hưởng⁽¹⁾. Vua mặc lễ phục đến điện Hiếu Tư làm lễ. Sai hoàng tử và hoàng thân chia nhau đến các miếu tế thay vua.

(1) *Hợp hưởng* : lễ hợp tế các tiên tổ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXVII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Quý Mão, Thiệu Trị năm thứ 3 [1843], (Nhà Thanh, Đạo Quang thứ 23), mùa xuân, tháng giêng, mồng 1, ngày Giáp Thìn, vua đội mũ cửu long, mặc hoàng bào, đeo đai ngọc, đem quân thân đến cung Từ Thọ chúc mừng. Làm lễ xong, đổi mặc thường phục, ngự điện Cần Chính. Các quan mặc đẹp, vào lạy. Vua thưởng kim, ngân tiền Phi long có thứ bạc khác nhau. Nhân bảo thị thần rằng : “Trẫm từ khi trị vì đến nay, thường lấy việc dân làm trọng. Đêm qua, lúc hết năm cũ sang năm mới, đêm tĩnh, trời êm, gió hoà, mây tạnh, chắc là điềm lành năm tốt, trẫm rất lấy làm vui lòng !”.

Vua ngự điện Văn Minh, vời hoàng thân Kiến An công, Định Viễn công và bọn đại thần Vũ Xuân Cẩn, Trương Đăng Quế, cho mỗi người 1 chữ “Trung” 忠 của vua đã viết. Lại bảo quan Nội các rằng : Cần là cái đức tốt của vị vua. Trẫm thường lấy chữ đó để răn mình. Xuân năm nay, khai bút, viết 1 chữ “cần” 勤 lớn nên treo ở bên chỗ ngồi trong điện Văn Minh để tiện cảnh tỉnh.

Ngày Tân Hợi, vua thân đến điện Hiếu Tư, làm lễ tế. (Lễ xong, bỏ đồ đàm phục, mặc đồ thường về cung).

Ngày Nhâm Tý. Làm lễ Thăng phụ. Năm ngoái, bộ Lễ tâu : sau lễ Đại tường, tháng giữa [3 tháng] làm lễ Đàm, Đàm rồi làm lễ Phụ, đó là theo lễ. Xin ngay tháng giêng sang năm, sau lễ Đàm, chọn ngày tốt, làm lễ Thăng phụ. Vua cho là phải.

Quan bộ Lễ bàn dâng nghi chú và xin đổi làm lại bài vị long, phượng, để lại kim thư. Vua thấy điển lễ long trọng, lại giao cho đình thần duyệt rồi phúc tâu. Khi tâu lên, vua mở xem hai, ba lần, thân tự sửa định, rồi dụ rằng : “Lễ, tôn trọng đối với miếu mà thân đối với điện ; về miếu thì chuyên viết miếu hiệu, huy hiệu ⁽¹⁾ để tỏ sự tôn kính ; về điện thì kiêm viết những chữ “Tổ, Khảo” để tỏ sự thân. Tôn trọng bậc tôn, thân mến bậc thân, đó là nguyên tắc của lễ. Nay quan bộ Lễ kiến nghị về điện và miếu cũng giống nhau, so với tình cảm và nghi văn chưa được hợp hẳn. Còn đình thần bàn về thánh vị ở điện Hiếu Tư (kính viết những chữ Hoàng khảo, Hoàng tử, rồi viết đến miếu hiệu, huy hiệu), đối với nghĩa thân mến bậc thân, thực nên như thế ; nhưng về các thánh vị ở điện Phụng Tiên và điện Minh Thành (chỉ viết miếu hiệu, huy hiệu) thì theo nguyên nghị vẫn còn chưa được nhất trí, lòng trăm thực chưa được yên ! Vì lễ bởi tình mà đặt ra, nhưng lại phải lấy nghĩa mà làm, nay kính định: những thánh vị ở ban thờ giữa điện Phụng Tiên và điện Minh Thành đều kính viết những chữ “Hoàng tổ khảo, Hoàng tổ tử”, rồi viết đến miếu hiệu, huy hiệu ; những thánh vị ở ban thờ bên tả điện Phụng Tiên và điện Hiếu Tư đều kính viết những chữ “Hoàng khảo, Hoàng tử” rồi viết miếu hiệu, huy hiệu, châm chước như vậy mới được vừa phải, đối với lý là hợp. Lại như đình thần và bộ thần đã bàn : đến hôm ấy, kiệu rước thần vị ra ngoài cửa Khánh Ninh, trăm sẽ lên xe đi theo sau, đó là do lòng thần tử thương yêu trăm mà nói, nhưng lòng trăm thực chưa được yên, nhớ lại trước đây, trăm thân nghe hoàng khảo dạy về chính sự, quanh bên cạnh, hầu chuyện vui, có lúc đi trước dắt ngựa vua, có lúc đi bộ đỡ xa giá, áo hoa mặc múa, chén rượu đưa dâng, ấy là ngày nào ? mà nay cung kiếm không thể vin được ⁽²⁾, canh, tường ⁽³⁾ hàng nghĩ tới luôn ; ngày giờ vụt qua, sau xưa bỗng cách, cả một lòng tưởng mến không thể tự nguôi ! Vậy đến hôm ấy, trăm sẽ phải đi chân theo kiệu suốt đường để tỏ ý kính mến. Các người không được lấy tình riêng, cố xin [trăm lên xe]. Ngoài ra, y lời bộ bàn mà làm”.

Lại sai thự Hậu quân Đô thống phủ Đô thống Ninh Lạc nam Nguyễn Tiến Lâm, Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ Hà Duy Phiên, Phó đô ngự sử viện Đô sát kiêm quyền chức Hữu tôn khanh Tôn Thất Bạch, thự Thống chế dinh Long võ Hoàng Đăng Thận sung làm Đồng lý đại thần ; Lục bộ và viện Đô sát đều

(1) *Miếu hiệu* : cái hiệu truy tôn cho ông vua khi đã chết, để đem thờ tại thái miếu. *Huy hiệu* : Danh hiệu tốt đẹp (để tỏ công đức ông vua). Thí dụ : Thánh tổ Nhân hoàng đế, thì “Thánh tổ” là miếu hiệu, “Nhân” là huy hiệu ; Hiến tổ Chương hoàng đế, thì “Hiến tổ” là miếu hiệu, “Chương” là huy hiệu v.v...

(2) *Xưa, Hoàng đế* (Trung Quốc) cưỡi rồng lên trời, các quan vin râu rồng để theo, râu rồng đứt, cái cung của Hoàng đế cũng rơi xuống.

(3) *Canh, tường* : bát canh và bức tường. Xưa vua Thuấn nhớ vua Nghiêu, khi ăn canh thấy Nghiêu trong bát ; khi trông lên tường, thấy Nghiêu ở tường (đã chú thích ở quyển trước).

chọn các thuộc viên đi theo sai phái. Phàm những việc trần thiết, tiến, ngừng, đều đự bị kiểm định trước để cho được nghiêm chỉnh, rõ ràng. Trước hết đem ngày làm lễ bố cáo trong, ngoài đều biết. Chiếu rằng :

“Đạo hiếu của đế vương không gì bằng làm phối hưởng được đáng thân. Lễ Thăng phụ là để truy thờ tổ khảo, tôn giữ hương khói, đó là đạo hiếu vẹn đủ. Đức Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta ngự trị thiên hạ 21 năm, văn trị võ công tỏ khắp trong bốn biển, nhân sâu ơn hậu rộng khắp trong đất đai, giữ vận thủ thành mà kiêm công khai sáng, sẵn cái thông minh kế thánh đối với Hoàng tổ ta ⁽¹⁾ thực đã làm tỏ rạng thêm, đáng nên thăng phụ vào miếu và điện, hợp thờ, cùng kính để cho đúng với điển lễ. Trẫm từ khi nối ngôi đến nay, tưởng nhớ ơn trước, đau xót trong lòng, đêm ngày hàng lo nghĩ. Nay hạn cư tang thấm thoát gần hết, đã sai các quan kê tra điển lễ : sau lễ Đại tường, tháng giữa làm lễ Đàm, rồi làm lễ Phụ. Bèn chọn ngày tốt, mồng 2 tháng giêng đầu xuân sang năm trẫm thân đến kính cáo điện Hiếu Tư và sai các quan chia nhau đến đàn Xã Tắc ; ngày mồng 5, đem việc này tâu để cung Từ Thọ biết ; ngày mồng 8, kính làm đại lễ tế Đàm ; ngày mồng 9, kính rước thần chủ Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế thăng phụ vào Thế miếu, thánh vị thăng phụ vào điện Phụng Tiên, lại rước thần chủ và thánh vị Hoàng tử Nhân hoàng hậu cùng lên, tuế thời cúng lễ, lưu mãi muôn đời, để tỏ lòng thành hiếu phụng của ta và yên ủi ý nghĩ tôn thân của thần thừ. Về những công việc phải làm trong ngày lễ, giao cho các quan giữ việc ai nấy kính cần làm sẵn”.

Đến ngày lễ, vua đội mũ cửu long, mặc hoàng bào, thắt đai ngọc, đến điện Hiếu Tư làm lễ “Nhất hiến”, rồi rước thần chủ Thánh tổ Nhân hoàng đế và Nhân hoàng hậu lên kiệu ra ngoài cửa cung Khánh Ninh, đại nhạc nổi lên, các đồ lễ bộ, nghi trượng, án vàng, long đình đều theo thứ tự đi thông thả, từ bên tả hoàng thành qua đường cái các phố lớn. Tôn nhân phủ, các quan trong Kinh, ngoài Kinh và các kỳ mục ở quý hương, quý huyện, Kinh huyện đều đặt án đốt hương đón lễ ở ven đường, gồm 38 chỗ. Vua đi bộ theo kiệu (tính tất cả 542 trượng, thành hơn 4 lý), đến ngoài cửa Hiến Lâm, thân hành bung thần chủ kính đặt vào bàn thờ bên tả Thế miếu, làm lễ đại hưởng, nổi nhạc cử tấu, múa bát dật theo như nghi lễ ngũ hưởng⁽²⁾, rồi đặt thánh vị vào bàn thờ bên tả điện Phụng Tiên.

Trước đây, mưa dầm luôn mấy hôm, vua sai Thị lang Hoàng Tế Mỹ đến miếu thành hoàng cầu tạnh, vua ở trong cung cũng mặt cầu khẩn, đến hôm ấy trời bưng tạnh. Làm lễ xong, vua mừng, bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : ‘Đó là nhờ sự linh thiêng của Hoàng khảo ở trên cao, không phải là sức người làm được !’.

(1) Chỉ Gia Long, ông nội Thiệu Trị.

(2) Ngũ hưởng : 5 lễ hưởng : Xuân hưởng, Hạ hưởng, Thu hưởng, Đông hưởng và Hợp hưởng.

Thưởng cho Hoàng Tế Mỹ kim tiền 1 đồng, kỷ lục 1 thứ, lại sai sửa lễ đến lễ tạ [miếu thành hoàng]. Ban thưởng từ hoàng tử, hoàng thân, quan chức văn, võ cho đến các binh lính, các thợ, có thứ bậc khác nhau.

Thưởng cho các đại thần vàng mệnh cung đề thần chủ : Trương Đăng Quế, Vũ Xuân Cẩn và các viên dự đề : Lang trung Lê Bá Đĩnh, Thị độc Nguyễn Huy Chiêu, Chủ sự Phan Bá Ngạn kim tiền, ngân tiền, tám sa và kỷ lục có thứ bậc khác nhau. (Những viên cung đề, mỗi viên được thưởng 20 lạng bạc, 3 tấm sa, 1 đồng kim tiền Phú thọ hạng nhỏ, kỷ lục 2 thứ ; những viên dự đề, đều thưởng ngân tiền Phi long lớn nhỏ mỗi hạng 1 đồng, kỷ lục 1 thứ).

Thưởng chung cho các nha trong Kinh, ngoài tỉnh và dân trong Kinh kỳ 50 lạng bạc, giao 2 bộ Hộ, Lễ liệu tính chia cấp. Quan bộ Lễ tâu : “Dân Kinh kỳ bày hương án đón lễ, có viên Tham tri hưu trí Hoàng Văn Diễn dự trong số đó”. Vua nói : “Diễn là người lão thần của nước, không thể kể như các kỳ mục được, vậy đặc cách thưởng cho 10 lạng bạc”.

Ngày Mậu Ngọ, tiết Thánh đản ở điện Phụng Tiên, vua thân đến làm lễ.

Tiết Nguyên tiêu ⁽¹⁾ vua rước Từ giá ra điện Cao Minh trung chính ở cung Khôn Thái, làm lễ thượng thọ. Xong đó, vua thân đỡ Thánh từ lên xe, ra chơi bên hồ Ngọc Dịch trong vườn ngự, xem thả đèn trời, đốt cây bông. Thánh từ khen, vui, ngồi xem hồi lâu. (Đèn trời, gọi là “Thừa vân phi đăng”, trong thời Minh Mệnh bắt đầu làm ra, dùng giấy mỏng dán khắp chung quanh đèn, không để chỗ hở, rồi lấy dây đồng nhỏ làm lòng đèn, đem cỏ, giấy tẩm mỡ dầu một ít, bỏ thêm hương long não vào, nhật lấy đem phơi khô, chứa vào lòng đèn rồi đốt, hơi lửa bốc lên, trong lòng đèn sinh ra gió, tự nhiên bay lên không, ánh sáng nhấp nhánh, rạng cả bầu trời. Người ta khen là ở Cấm thành đêm cũng như ngày).

Ngày Kỷ Mùi, vua ngự điện Thái Hoà, nhận các quan vào mừng. Ban ân chiếu ra trong Kinh, ngoài tỉnh. Chiếu rằng :

“Trẫm nghĩ : thánh nhân đặt lễ, nhân tình mà làm tiết văn ; vương giả tế thân, thờ miếu để tỏ lòng hiếu kính. Thế cho nên nhà Thương ca tụng Liệt tổ ⁽²⁾, nói cái tốt về nghĩ được thân mình cảm thông ; nhà Chu tán tụng Văn vương, noi theo cái đức tốt đã rõ rệt. Đó đều là để tỏ đạo hiếu về sau mà lưu làm điển tốt. Đức Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, vận dụng cái đức cương kiện của trời, giữ lâu đã thành được đạo chính, thuận một đức về kính trời, theo tổ, chăm chính, yêu dân, nghĩ mưu rộng, về lập trị, giữ nước, đặt phép bày mối. Giao, miếu, triều đình, lễ

(1) *Tiết nguyên tiêu* : rằm tháng giêng âm lịch.

(2) *Liệt tổ* : tức là Thành Thang, vua đầu nhà Ân Thương (Trung Quốc).

nhạc đầy đủ, Đông, Tây, Nam, Bắc, thanh giáo rộng xa. Võ công thì thấy rõ ở sự đẹp yên, uy thanh lừng lẫy như trong thơ Giang Hán⁽¹⁾, văn trị thì đặt ra những mục Chính yếu⁽²⁾, pháp độ rõ rệt như ở sách Chu quan⁽³⁾. Có thành công cao, có văn chương nhiều, gồm cái tốt của trăm vua đời trước, sáng về kế thuật, thánh về sáng tác, làm khuôn phép cho thiên hạ đời sau. Hai mươi mốt năm, nền thịnh trị tốt thay, rạng thêm công trước ! Muôn nghìn năm sau, nghiệp thái bình để lại, giữ vững muôn dân. Trong sử sách cũng hiếm nghe, khắp cõi đất đều trông ngóng. Trăm nơi giữ nghiệp lớn, lo sợ một niềm. Lên xuống như nối bước tiên vương, cảm tới ơn sâu khôn xiết ; đêm ngày hằng vâng theo thiên mệnh, nghĩ phần nối tiếp không quên. Từ cư tang đến hết tang, kính mến giữ hết lòng, thành kính theo đúng lễ. Nay xét theo điển thường, cử hành lễ lớn : đã chọn ngày mồng 9 tháng này, rước thần chủ Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế lên hợp thờ ở Thế miếu, thánh vị lên hợp thờ ở điện Phụng Tiên ; và rước thần chủ và thánh vị Hoàng tể Nhân hoàng hậu cùng lên thờ. Tâng trên lên xuống như cảm thông, tế tự rõ ràng và hợp lễ. Hôm ấy, trời xuân tươi đẹp, ánh sáng tung bùng, trăm kính rước linh quang đặt lên phối miếu. Các quan theo làm lễ, ai cũng đều nghiêm kính. Tình, văn thật rất đầy đủ, điển lớn mừng đã làm xong, thực là nhờ lòng trời mến thương, thánh linh ban phúc nên được như thế, lòng trăm xiết bao vui mừng, kính cảm ! Thánh đức cao dày như trời đất, lâu dài còn mãi vô cùng, tế lễ nghiêm chỉnh ở miếu, ở cung, vẻ vang nối tiếp không nản. Cùng tôn, hợp kính đã được lòng ức triệu người vui ; làm tốt, gia ơn để tỏ phúc lành rộng lớn. Nay có các điều ban ân liệt kê ra sau :

(- Hoàng tử đã phong tước và hoàng thân công, quốc công, quận công, các quan văn, võ từ tam phẩm trở lên ở trong Kinh, ngoài tỉnh mà dưới tên không ghi bị giáng, đều thưởng gia 1 cấp.

- Các nha trong Kinh, ngoài tỉnh cho đến dân Kinh kỳ có bày hương án đón, lễ thì bộ Lễ liệt kê thành tập, đợi sẽ ban thưởng.

- Các quan viên ở trong Kinh, ngoài tỉnh có lỗi về việc công, bị cách lưu hay bị giáng 5 cấp trở lên, đổi làm giáng 4 cấp ; bị giáng 2 - 3 hay 4 cấp, đều cho khai phục 1 cấp ; bị giáng 1 cấp thì đều được khai phục.

- Từ cuối tháng 12 năm Thiệu Trị thứ 2 trở về trước, các quan viên trong Kinh, ngoài tỉnh có lỗi về việc công, bị phạt lương hay bị phân xử đều cho được miễn.

(1) *Giang Hán* : tên một bài thơ trong *Kinh Thi*, khen võ công rực rỡ của Chu Tuyên vương đánh dẹp Hoài Di.

(2) Trong *Minh Mệnh chính yếu* có chia ra nhiều tiết mục.

(3) *Chu quan* : bộ sách chép về quan chế, chính trị trong thời nhà Chu (Trung Quốc), vì trong *Kinh Thư* cũng có một thiên tên là “Chu quan” nên sách *Chu quan* mới gọi là *Chu lễ*.

- Tại Kinh, các quan văn từ tứ phẩm lên, cho cả các con, ngũ phẩm, cho 1 con ; tại các tỉnh, các quan văn từ tam phẩm trở lên, cho cả các con, tứ phẩm, cho 1 con : bất cứ những viên quan văn ấy còn hay chết, nếu người con từ 15 tuổi trở lên mà tình nguyện vào [Quốc tử] giám đọc sách, thì do bộ đề rõ, quan ở Giám xét thực, sẽ chuẩn bổ làm học sinh, cấp cho lương ăn để học tập. Theo đây, đặt làm lệ mãi.

- Các gián binh ở các tỉnh, lệ cũ, có cấp tiền tháng 5 tiền, gạo 1 phượng, nay cho chiếu thực số binh tại ngũ, từ tháng giêng đến tháng 6, đều cấp đủ tiền 1 quan.

- Trong mùa đông năm Thiệu Trị thứ 2, những nơi ruộng lúa bị tổn hại, chiếu nghị cũ của bộ Hộ, tha, giảm, thuế có thứ bậc khác nhau.

- Các trạm ở các hạt đều thưởng tiền lương từ tháng giêng đến tháng sáu có thứ bậc khác nhau.

- Về thuế thân của nhân đinh ở các địa phương trong năm Thiệu Trị thứ 3 : tỉnh Thanh Hoá và phủ Thừa Thiên miễn bớt cho 5 phần 10 ; tỉnh Nghệ An, miễn bớt cho 4 phần 10 ; còn các tỉnh khác, 3 phần 10.

- Tại các tỉnh ngoài, các hạng binh chính ngạch hiện tập hợp cả ở ngũ, thưởng tiền cho mỗi người 1 quan. Còn theo lệ có các hạng tạp binh ứng điểm, thưởng cho mỗi người 5 tiền.

- Kể từ sáng sớm ngày 20 tháng giêng năm Thiệu Trị thứ 1 trở về trước, phạm những tội quân, lưu, việc phạm tội ở trước ngày ân xá mà tra án ở sau ngày ân xá thì chuẩn cho theo lời dụ trước, đều rộng tha cả). Than ôi ! Hợp thời tại miếu, sách *Chu dịch* trọng lòng thành về báo đáp ơn xưa ; ban phúc cho dân, thiên “Hoàng phạm” rộng điều dạy về bày tỏ luân lý. Ta, một người chuộng theo hiếu trị, dân trăm họ nhờ ơn lâu dài. Bớ cáo trong ngoài, để đều nhận biết”.

Thưởng chung số tiền 3.000 quan cho các hoàng tử, hoàng đệ chưa được phong tước cùng với thái trưởng công chúa, trưởng công chúa, hoàng nữ và hoàng muội.

Ngày Nhâm Tuất. Vua bắt đầu ra ngự điện Càn Thành. Trước đây, dùng điện Hoàng Phúc làm chỗ vua ở trong khi cư tang, dùng điện thường ở để triệu tập và đối mặt các quan, quyết định mọi việc. Mỗi khi gặp lễ tiết, quan bộ Lễ thường xin vua ra ngự chính điện, vua đều không nghe. Tới nay, mới ra ngự ở chính điện Càn Thành, cứ cách một ngày lại ra ngự điện Càn Chính, làm việc chính sự. Các quan châu hầu, theo như lệ cũ. Nhân dụ trong Kinh, ngoài tỉnh rằng : “Từ xưa, đế vương nối dõi, tiếp ngôi, tất ở chỗ giữa, mưu việc lớn, để chịu phúc trời. Xét trong sử sách : có vua lên Quân đài⁽¹⁾ để tiếp chư hầu, có vua lên Minh đường⁽²⁾ để các chư hầu

(1) *Quân đài* : chỗ đài khi xưa vua Hạ Khải (2198-2190 trước Công nguyên) lên đó tiếp chư hầu, cũng gọi là Hạ đài.

(2) *Minh đường* : toà nhà khi xưa thiên tử ngự để các vua chư hầu triều yết.

triều yết, tức là nghĩa thế. Trẫm noi theo thánh mệnh, nối giữ cơ đồ, 3 năm ở nhà bên, ngày nào cũng lo nghĩ. Nay tang đã hết, trẫm thân ngự ra điện chính để họp với nghĩa ở ngôi chính, làm việc nhân và yên lòng thành thực của thần dân mong mây, ngóng mặt trời”.

Hôm ấy, làm lễ mừng xong, hoàng tử, hoàng thân cho đến các quan viên : văn từ ngũ phẩm, võ từ hiệp quản trở lên, và ở các địa phương về Kinh họp ban hay mới được bổ đốc, phủ, bố, án, lãnh binh các tỉnh cùng là mới xin tập tước, công, hầu, phò mã đều được ban cho một tiệc yến và thưởng kim khánh, ngân khánh, hà bao gấm có thứ bạc khác nhau.

Ban cấp tập *Thánh chế thi văn* và tập thơ *Thiên cơ dự triệu*. Dự rằng :

“Từ xưa, khúc Ca nhà Ngu, thiên Nhã nhà Chu, đời sau giữ làm văn khuôn phép ; khánh ngọc thiên cầu, bức đồ sông Hà, các đời truyền làm vật rất báu. Đó đều là đạo ở trong trời đất mà còn mãi về lâu dài. Đức Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, bạc nhiều tài, chí thánh, thần giúp, trời cho, áp ủ là đạo đức, phát ra là văn chương. Nhớ lại từ niên hiệu Minh Mệnh năm Đinh Hợi [1827] đến năm Mậu Tuất [1838], về thơ có tập đầu và các tập II, III, IV, V từ năm Canh Thìn [1820] đến năm Canh Dần [1830], về văn có tập đầu, đều đã khắc in, ban hành. Duy từ năm Kỷ Hợi [1839] đến năm Canh Tý [1840], thơ 573 bài ; từ năm Tân Mão [1831] đến năm Canh Tý [1840], văn 247 bài cùng là thơ “Thiên cơ dự triệu” 200 bài, đều đã mở được cái huyền vi của tạo hoá, phát được cái sâu nhiệm của thiên hạ. Trẫm kính mộ mưu mô của ngài, cảm nhớ công ơn do tay ngài sáng tác, khi mới nối ngôi, trước hết kính kiểm các sáng tác của ngài trình bày làm thơ *Thánh chế* tập thứ VI và văn *Thánh chế* tập thứ II, viết bài Bạt phụ ở sau tập và sai đem khắc, in thành sách để lâu dài. Năm đầu Thiệu Trị [1841] khắc in xong, sửa đóng thành bộ, kính dâng lên bàn thờ, lại đặt trên án, ngày đêm kính xem. Nay, lễ Thăng phụ làm xong, tưởng đến công đức như trời cao, hình dung sao hết, ngược trông văn chương của ngài như sông Hán ⁽¹⁾ ngài sáng, khuôn phép còn lưu, nên cùng thiên hạ noi giữ, trăm đời cùng truyền, để lại lâu dài mãi mãi. Từ hoàng tử, hoàng thân đến các quan chức tại triều và các quan to về Kinh họp ban, Quốc tử giám và Học chính đường ở các trực, các tỉnh Nam, Bắc đều thưởng cấp cho 1 bộ”.

Triệu hoàng tử, hoàng đệ vào điện Văn Minh, ra cho đầu để làm thơ. Vua thấy sức học của họ đều có tiến ích, thưởng cho bọn giảng quan Lê Đăng Doanh : kỷ lục, ngân tiền có thứ bạc khác nhau. Lại bảo Đăng Doanh rằng : “Người nên khuyên nhắc, rèn luyện, khiến cho [hoàng tử, hoàng đệ] đức với tuổi cùng tiến đều, để được yên ủi cái tình thiết tha hữu ái của trẫm, chớ nên vì được đặc cách gia ơn

(1) Hán : sông Văn Hán, tức Ngân Hà.

mà lên mình, tự đắc, sinh lười biếng, thì không phải là ý trẫm thiết tha trách vọng làm nên việc. Nên kính cẩn tự xét”.

Ngày Mậu Thìn, đại duyệt các quân đội. Vua ngự lầu Ngũ Phụng, thấy các quân tiến, đánh thành thạo, kỷ luật nghiêm minh, rất lấy làm khen, ban thưởng mọi người có thứ bậc khác nhau. Rồi bảo thị thần rằng : “Quân luật lấy nghiêm làm đầu, đạo vua lấy khoan làm gốc. Nhớ mùa xuân năm Mậu Tuất [1838] xưa, đức Hoàng khảo ta ngự lầu Ngọ Môn, đại duyệt sáu quân⁽¹⁾, có tên Cai đội viện Thượng tứ là Phạm Văn Định bung cái giá đỡ, đụng vào ngựa vua, lập tức sai vệ Cẩm y lời ra để chém. Tam quân ai cũng sợ thất sắc. Ta đương hầu bên, liền quỳ xuống khấu đầu kêu xin, may nhờ ơn vua rộng thương, Văn Định được khỏi chết. Thế mới biết : khoan và thương đều dùng, sợ và yêu gồm có, bậc đại thánh nhân làm việc, cao hơn người tầm thường biết mấy muôn tầng ! Nay ta giữ khuôn phép sẵn, trị việc binh, giáng việc võ, nhớ lại chuyện ngày trước, khôn ngăn nước mắt đầm đìa !”.

Ngày Canh Ngọ, phong hoàng tử thứ hai làm Phúc Tuy công. Bài sách văn phong tước rằng : “Từ xưa mở nước, nối ngôi, tất trọng về người làm phen giậu⁽²⁾ ; vương giả chia phong, cho đất, càng hậu với trong bản chi. Cho nên điển chia đất chép ở *Chu thư* và lệ định tước truyền ở *Lễ ký*, đều là để rộng ơn trên và giữ nghĩa lớn. Trẫm kính noi lời dạy trước, rộng tỏ công ơn xưa, việc lấy nghĩa để dạy con đã rõ ràng, sự yên vui cho con cháu hàng cố gắng. Nhà ngươi, hoàng tử thứ hai, sớm có tài thức, tính vốn ngay hiền, vâng lời dạy ở gia đình, *Thi Thư* gắng chí ; với anh em chuộng hữu ái, lễ nghĩa sửa mình. Tu tiến kịp thời, vật quý vốn mong nên vàng ngọc ; tước mệnh là quý, chiếu thư bèn ban rõ ân vinh. Vậy phong ngươi làm Phúc Tuy công, ban cho sắc, ấn. Ngươi nên kính cẩn để tự tu, khiêm nhường để chịu ích. Đã là thân tử, phải rộng tìm đạo cổ, giữ noi ; sẵn có nước, nhà, sẽ nhờ mãi phúc lành không dứt. Nên kính cẩn theo !”.

Hôm ấy, tấn phong hoàng tử An Phong đình hầu Hồng Bảo làm An Phong công. Gia thưởng cho : kiêm coi chức Hữu tôn chính ở Tôn nhân phủ Thọ Xuân công Miên Định, Ninh Thuận công Miên Nghi, Phú Bình công Miên An mỗi người lương hàng năm 500 quan tiền, 300 phương gạo.

Phong các hoàng đệ : Miên Trữ làm Tông Hoá quận công, Miên Tống làm Hà Thanh quận công, Miên Cung làm Sơn Định quận công, Miên Liêu làm Quỳnh Châu quận công, Miên Gia làm Quảng Biên quận công, Miên Tuấn làm Hoà Thịnh quận công, Miên Bửu làm Tân An quận công. Miên Bửu tuổi trẻ đã thông minh, Thánh tổ Nhân hoàng đế vốn thương yêu, vua cũng quý mến.

(1) Hán văn là “*Lục sư*”, thành ngữ chỉ quân đội của thiên tử.

(2) *Phên, giậu* : do chữ “phiên, bính” trong *Kinh Thi*, ý nói vương giả đời xưa dùng công, khanh, chư hầu và người quý hiền trong Tôn thất làm những người che đỡ như phên, giậu.

Tấn phong : Tương Quốc công Miên Bảo làm Tương An công, Ninh Quốc công Miên Mật làm Quảng Ninh công. Hai công tính ôn hoà, cung kính, học vấn ngày một tiến thêm. Năm ngoái, ngự giá ra Bắc, Tương Quốc công theo hầu bên cạnh, lúc nào cũng cẩn thận, vua khen, nên mới có mệnh lệnh này.

Cấp thêm lương hằng năm cho thái trưởng công chúa. (Bốn Thái trưởng công chúa : Bình Thái, Bình Hưng, Bảo Lộc, Bảo Thuận, mỗi người được thêm lương hằng năm chi đủ tiền 600 quan, gạo 300 phương).

Phong cho con đẻ của các hoàng thân tước công, mỗi công được 1 con làm đình hầu. (Con của Kiến An công Đài tên là Lương Viên làm Phúc Trạch đình hầu, con của Định Viễn công Bính là Tĩnh Cơ làm Bái Trạch đình hầu, con của Diên Khánh công Tấn là Diên Vực làm Mộ Trạch đình hầu. Còn con của Điện Bàn công Phổ là Tín Kiên có tật, con của các công Thường Tín, An Khánh, Từ Sơn vì còn ít tuổi, đều chưa được dự phong).

Cấp thêm lương hằng năm cho hoàng đệ Miên Phú. Trước đây, Miên Phú vì phóng ngựa làm chết người, không được dự vào hàng hoàng tử, sau vì biết hối cải, được phục vị hiệu hoàng tử, cấp cho nửa lương. Tới đây, chuẩn cho được dự hàng triều yết, ban cho 1 bộ mũ áo thường triều, gia cấp cho cả lương như các hoàng đệ chưa được phong.

Dụng viện Tĩnh quan (ở sau phía tả Cẩm thành). Cho bọn Chuồng vệ Hồ Văn Lưu coi công việc làm.

Dụng đền thờ Ngô thị, hiền phi triều trước. Phi lúc ở triều trước, ngôi liệt vào hàng nhất giai. Vua được tin Phi chết, nghỉ việc triều chính 3 ngày, sai quan lo liệu việc tang, cấp thêm cho 3.000 quan tiền, dụng đền để thờ. Phú Bình công Miên An là con của Phi sinh ra. Từ bắt đầu có tang cho đến khi tốt khốc⁽¹⁾, hễ gặp có chương sớ của Tôn nhân phủ dâng tâu, đều cho miễn đứng tên đề.

Sai Đại lý tự Thiếu khanh Trương Hảo Hợp, giám sát Ngự sử đạo An - Hà Nguyễn Lâm xử cho xong những án tù giam ở Sơn Tây. Theo bộ Hình tâu : lệ trước, tại các tỉnh lớn, giam tù không được quá số 150 tên, nay tỉnh Sơn Tây tù phát phối và tù bắt giam đợi án nhiều tới 300 tên, xin trích ra số tù phát phối, giải giao cho tỉnh Nam Định đợi sẽ giải đi, còn các án chưa xử, xin phái quan Kinh hội đồng tra kết, chiếu theo lý xử định để các án khỏi đọng lại. Vua bèn sai bọn Hảo Hợp đi. Khi họ đã đến nơi, tâu về nói : “Phàm những án can về việc giặc cướp, bất cứ đã kết hay chưa kết tội tử hình hãy cứ giam cấm, bắt phải sai thân nhân tìm cách nã giặc để chuộc tội, còn các hạng tù đã xử quân, lưu, đồ và lưu giam thì cho phát giao quân thứ sai phái. Những tù trốn thì hạn cho trong 6 tháng phải ra thú tội.

(1) *Tốt khốc* : tuần 100 ngày sau khi chết.

Sai 2 bộ Lại, Binh hiệp đồng làm danh sách các quan, viên trong Kinh, ngoài tỉnh vì tội riêng đã bị cách, giáng, để liệu cho khai phục.

Truy phục cho Trần Văn Đạo nguyên hàm Quản cơ. Đạo là thân phụ viên Hộ đốc Hải - Yên Trần Văn Trung, trước Đạo làm Quản cơ, vì có tội bị miễn chức, nay chết, vua nghĩ Đạo theo làm việc đã lâu ngày, nên cho truy phục hàm cũ.

Thự Thống chế dinh Vũ lâm Lê Văn Thảo chết. Vua nghĩ Thảo sung coi Túc vệ lâu ngày, gia ơn cho thực thụ Thống chế, chiếu phẩm hàm cấp tiền tuất, lại cho 300 quan tiền, 2 cây gấm Trung Quốc.

Bố chính tỉnh Hà Tĩnh Nguyễn Đông Khoa, bị miễn chức. Khoa ở lý sở, từng bị giáng nhiều cấp, bộ Lại đem việc ấy tâu rõ. Vua sai cất chức, hiệu lực dưới quyền bộ. Cho thự Tham tri bộ Hình Trần Ngọc Lâm điều bổ thự Tuần phủ Hà Tĩnh, kiêm giữ ấn triện Bố chính.

Cho Hữu thị lang bộ Binh Nguyễn Đăng Uẩn thăng thự Tuần phủ Thuận Khánh, vì có thự phủ tỉnh ấy là Tôn Thọ Đức bị ốm.

Cho : Phó vệ úy Hữu vệ dinh Tiên phong Lê Ngụy điều bổ Phó lãnh binh tỉnh An Giang ; Phó vệ úy vệ Uy võ dinh Thần cơ, Lê Chương bổ thự Quản cơ, thăng thự Phó vệ úy Hữu vệ dinh Tiên phong.

Trao cho Nguyễn Đình Tân làm Tuần phủ tỉnh Hưng Yên, Vũ Doãn Cung làm Bố chính tỉnh Thanh Hoá, Trương Văn Uyển làm Bố chính tỉnh Định Tường, Tôn Thất Quý làm Thủ hộ phó sứ, Tôn Thất Hạp làm Án sát tỉnh Khánh Hoà, Nguyễn Văn Đạt làm Án sát tỉnh Quảng Bình, Phạm Huy làm Án sát tỉnh Bắc Ninh, Đinh Văn Minh làm Án sát tỉnh Hưng Hoá, Nguyễn Thế Tính làm Lang trung bộ Lại, Nguyễn Hữu Tri làm Lang trung bộ Hộ, Lê Tư Duệ làm Lang trung bộ Lễ, Đặng Kim Giám làm Lang trung bộ Binh, Nguyễn Trọng Nguyên làm Lang trung bộ Hình, Phan Tĩnh làm Lang trung Nội vụ phủ, Tôn Thất Đức làm Lang trung ty Điển nghi, Vũ Danh Trì làm Lại khoa Chương án Cấp sự trung, Vũ Trọng Bình làm Hộ khoa Chương án Cấp sự trung, Trần Thiện làm Binh khoa Chương án Cấp sự trung, Mai Khắc Mẫn làm Hình khoa Chương án Cấp sự trung.

Cho : thự Tuần phủ Nam - Ngãi Phạm Duy Trinh điều thự Tả tham tri bộ Hình; Bố chính Hưng Hoá Ngụy Khắc Tuần thăng thự Tuần phủ Nam - Ngãi, Lang trung bộ Hộ, Biện lý việc bộ Phạm Thế Trung thăng thự Bố chính tỉnh Hưng Hoá ; Hộ lý ấn quan phòng Tuần phủ, Bố chính Ninh Bình Nguyễn Văn Nhị thăng thự Tuần phủ Ninh Bình ; Bố chính Lạng Sơn Lê Trường Danh thăng thự Tuần phủ Lạng - Bình ; thự Phủ doãn Thừa Thiên Phạm Khôi bổ thự Hữu thị lang bộ Binh ; Án sát Quảng Ngãi Đỗ Cao Mại thăng thự Phủ doãn, Thừa Thiên ; Án sát Nghệ An Hồ Hựu thăng thự Tả thị lang bộ Hộ ; thự Công khoa Chương án Cấp sự trung Nguyễn Đức Hoan

bổ thụ Thái bộc tự Thiếu khanh, thăng thụ Án sát tỉnh Nghệ An ; Án sát Biên Hoà Tôn Thất Tĩnh thăng thụ Hữu thị lang bộ Lại ; Lễ khoa Chương ấn Cấp sự trung Phan Văn Xương thăng thụ Án sát tỉnh Biên Hoà. Nguyên thụ Án sát tỉnh Quảng Trị Phan Huy Vịnh hết thời hạn nghỉ phép, điều bổ Án sát tỉnh Quảng Ngãi. Sau đó Vịnh vì cố đau mắt, xin lưu lại ở quê để điều dưỡng. Vua cho rằng Vịnh hơi tỏ ra lười biếng, đổi bổ làm Thị độc Hàn lâm viện, sung Biên tu ở Sử quán ; cho Hình khoa Chương ấn Cấp sự trung Mai Khắc Mẫn làm Án sát Quảng Ngãi.

Cho Hữu thị lang bộ Binh sung biện việc Nội các Trần Ngọc Dao thăng thụ Hữu tham tri bộ Lễ ; Hàn lâm viện Thị độc học sĩ Nguyễn Bá Nghi thăng thụ Tả thị lang bộ Lại, Lang trung Nội vụ phủ Lê Bá Đĩnh đổi sung Hàn lâm viện Thị độc học sĩ ; những người kể trên đều sung làm công việc Nội các.

Cho : thụ Thống chế dinh Long võ Hoàng Đăng Thận làm Thống chế dinh Hữu dục dinh Vũ lâm ; Chương vệ vệ Cẩm y quyền giữ ấn triện dinh Tiên phong, Ân kỵ úy Hồ Văn Lưu thăng thụ Thống chế dinh Tiên phong ; Chương vệ vệ Cẩm y quyền giữ ấn triện dinh Hồ oai Hoàng Văn Hậu thăng thụ Thống chế dinh Hồ oai ; Kiêu dũng tướng Dương Thai thực thụ Chương vệ sự vệ Cẩm y, chuyên coi các đội Túc trực ; Lãnh binh tỉnh An Giang Tôn Thất Nghị thăng thụ Chương vệ và vẫn lĩnh chức Lãnh binh tỉnh ấy. Ấn triện của dinh Long võ giao cho Thống chế Tả dục dinh Vũ lâm Nguyễn Trọng Tính kiêm giữ.

Điều bổ Phó vệ úy Hậu vệ, dinh Hùng nhuệ Nguyễn Hoá làm Phó vệ úy vệ Kinh kỵ, viện Thượng tứ. Cho thụ Vệ úy vệ Hữu nhất Tả dục, dinh Vũ lâm, Phạm Văn Huy điều thụ Vệ úy Hậu vệ dinh Hùng nhuệ.

Sai thụ Thống chế dinh Thân cơ Nguyễn Cửu Đức quyền lĩnh ấn quan phòng Tổng đốc Ninh - Thái.

Bọn quan tỉnh Sơn Tây, Trần Hữu Lễ, Bùi Phụ Phong, Phan Hiến Đạt và Tôn Thất Đàm có tội, bị cất chức. Cho : thụ Tổng đốc Ninh - Thái Nguyễn Đăng Giai điều thụ Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên ; thụ Tả thị lang bộ Hộ Hồ Hựu làm Bố chính Sơn Tây ; Án sát Tuyên Quang Nguyễn Đức Tân làm Án sát Sơn Tây ; Phó lãnh binh Nghệ An Phan Tùng làm Lãnh binh ; thụ Lãnh binh Ninh Bình Nguyễn Trọng Thao làm Phó lãnh binh. Nguyên trước, bọn giặc trốn thoát ở Sơn Tây là tên Nhàn, tên Thạch làm hại dân đã lâu, quan tỉnh lúc ấy là bọn Nguyễn Công Hoán, Lương Quốc Quang và Vũ Vịnh vì dung kẻ gian, giấu giặc cướp, bị tội. Bọn Trần Hữu Lễ, Tôn Thất Đàm đều quyền lĩnh ấn triện ; lại đặt thêm chức Phó lãnh binh, cho Nguyễn Hữu Diệu làm chức ấy. Sau đó, Hữu Lễ thân đi dẹp giặc, không nên công trạng gì. Năm ngoái, 7 chỗ nổi lên giặc cướp. Phụ Phong và Hiến Đạt cũng không bày được một chút mưu kế. Vua cho bọn Lễ là hèn kém, vô tài, đều cách

chức, giao đình thần nghị tội : Hữu Lễ, Tôn Thất Đàm bị phát đi An Giang làm việc để chuộc tội ; Phụ Phong, Hiến Đạt hiệu lực dưới quyền bộ ; Diệu bị theo tính sai phái. Lại trích số mộ binh ở Nam Định, và Hải Dương mỗi tỉnh 1 vệ theo Nguyễn Đăng Giai đi đánh dẹp. Dụ rằng : “Nay bọn giặc thường lén lút nổi lên ở dân gian, không như khi trước chỉ ẩn hiện trong chỗ rừng rú, thì đã có thể thừa cơ lòng bất được, lại mới đưa đến số quân cứng cáp, tướng dã mạnh, binh đã tinh, ai nấy đều nên gắng đem mưu lược, chia đường đánh diệt bọn giặc cho yên địa phương”.

Người nước Phú Lãng Sa là bọn Y Lê Viết Ca đáp thuyền đến bến Đà Nẵng, nói : 5 tên đạo trưởng và đạo đồ nước ấy (Bọn tên Đoan, tên Vọng, tên Nhị, tên Mịch, tên Lộ) trước đây lỡ phạm điều cấm, tự mắc vào tội, Quốc trưởng nước họ sai đến xin gia ơn khoan tha. Thự Tuấn phủ Nam - Ngãi Ngụy Khắc Tuấn đem việc ấy tâu lên. Vua nói : “Bọn chúng trước đây dám trà trộn vào dân gian, đem tà đạo làm mê hoặc mọi người, tội đáng không nên tha ; nhưng nghĩ chúng là những người ở ngoài giáo hoá, chưa biết rõ lệnh cấm, nay Quốc trưởng nước ấy đã sai người đến kêu xin, xét ra có lòng kính thuận, thành khẩn, cũng nên lượng gia ơn rộng, tha cho về để tỏ lòng nhân thương người và tình nghĩa tử tế với nước xa của triều đình ta”.

Vua thấy tỉnh An Giang là đất tiếp giáp Lạp Man, năm ngoái đã dụ sai thăm dò đích xác tình hình giặc, lâu chưa có tin báo, nay lại dụ Tổng đốc Nguyễn Công Nhân, lĩnh Tuấn phủ Nguyễn Công Trứ dò hỏi cho đích xác rồi tâu lên. Bọn Nhân tâu : “Tên đầu mục Xiêm là Phi Nhã Chất Tri đã về Vọng Các, tên Phi Nhã Sô Phi Phủ Đăng đổi sang ở Trấn Tây, số binh chỉ có hơn vài nghìn. Kể chức đầu mục thì Sô Phi Phủ Đăng không bằng Phi Nhã Chất Tri, kể số quân thì không bằng 1 phần 20 khi trước. Nếu ta đem đại binh thẳng đến Trấn Tây, có thể thừa được cơ hội tốt, chỉ vị đánh dẹp không khó mà giữ yên thì khó ; nếu giữ yên không được thì đánh dẹp cũng chỉ khó nhọc mà vô ích. Vì người Thổ ngu tối, đa nghi ; quân ta mới đến thì chúng giữ hiểm, chống cự, hễ thế cùng bách thì chúng bỏ đất trốn đi. Ta ở lâu chiêu dụ, chúng vị tất đã về theo. Nếu lại xin triệt binh về thì đi không lại về không, chỉ thương tổn đến uy vọng. Và, Trấn Tây địa thế bất ngát, trong mùa khô ráo, hành quân chưa được tiện ; từ tháng 7 trở đi, nước ngập tràn đầy, đường bộ không thông, đội chu sư⁽¹⁾ nhanh nhẹn của ta có thể tung hoành đi lại. Lúc ấy, chúng đóng ở các chỗ núi, gò, sức kém, thế cùng, không thể không đem nhau quy phục, nhân đó, ta chiêu dụ vỗ về, mới là đúng cơ hội. Hướng chi bọn Lạp Man từng bị giặc Xiêm trăm đường sách nhiễu, không sao chịu nổi, đã chán cái bạo ngược của Xiêm mà nhớ đến sự khoan rộng của triều đình ta, chẳng bao lâu nữa cũng tự cắn rút lẫn nhau, nhân đó ta thừa cơ tiến sang, thì Hải Đông, Hải Tây có thể lần lượt thu phục được cả”.

(1) *Chu sư* : quân thủy dùng thuyền trong khi chiến đấu.

Vua dụ rằng : “Cái chủ yếu làm cho đất Man quy phục là ở đánh dẹp và vỗ yên mà thôi. Đương mùa khô ráo ở xứ ấy, quân ta tiến sang còn có thể thủy lục giúp lẫn cho nhau được. Nếu đến kỳ ngập lụt, nước chảy xiết, ngược dòng đi lên đã thấy chậm và khó ; huống nữa ta có thể dùng thuyền nhẹ đi lại thì chúng tất sẽ đem thuyền nhỏ phục ở trong bụi lau, đám cỏ, ta có thể lũng hết các chỗ đầm vực mà bắt cá được không ? Và, việc dùng binh quý ở biết mình, biết người, trước cơ liệu địch, tư hào không sai, mới là tính toán vẹn toàn. Nếu chúng quân ít, tướng yếu, có thể thừa cơ đánh được thì nên đem toán quân mới đến của ta thẳng tiến đến Trấn Tây, đánh phá sào huyệt, khiến cho dân Man biết rõ rằng giặc Xiêm không thể nhờ cậy được, càng thêm sợ sệt ta. Nhân đó, chọn sai bọn tên Yểm Trà Long và các thổ mục đã quy thuận tùy cơ sắp đặt, chia đi chiêu dụ, vỗ về, chúng tất sợ oai, nhớ đức mà quy thuận. Ấy là kế hay đó. Nếu Lạp Man quả chán cái bạo ngược của Xiêm mà nhờ đức khoan rộng của ta thì ta chỉ nên nghiêm việc biên phòng, đóng quân yên lặng để xem tình thế, đợi chúng oán giận bọn Xiêm, mong ta cứu viện ; ta sẽ đem quân “nhân nghĩa” thẳng sang cỡi đó, chúng tất quy thuận, có thể không đánh mà tự yên, đó lại là kế hay hơn nữa. Thế nhưng, việc binh, khó ở xa mà lường được. Phàm việc phải làm cho đúng. Nay Tham tán Tôn Thất Bật, Tán lý Lâm Duy Thiếp hiện đã đến An Giang, hội đồng bàn việc, cần phải nghĩ cho kỹ, hỏi cho đích, làm cho hợp cơ nghi. Nếu hiện nay, về việc biên phòng, bên ngoài đã không phải lo, đánh trước là lợi thì không nên ngồi chờ để mất cơ hội, hoặc có thể đợi coi bọn chúng biến loạn thì cũng không nên tham công mà động binh xằng. Phải nên trù liệu thế nào cho kỹ để thu thành công, rồi phải mau đem công việc đã bàn làm, cho chạy ngựa đưa vào tâu, đợi Chỉ. Còn như hiện nay, theo tin biên báo, ở bờ biển đã không có việc gì, thì đội binh thuyền Ngô Văn Giai hãy cho lưu lại ở Gia Định, bắt tất phải đi Hà Tiên để thêm khó nhọc”.

Sau đó, bọn Tôn Thất Bật bàn định cùng các đốc, phủ làm tập tâu : “Dân Man bấy nay lòng vẫn hoài nghi, tuy giặc Xiêm sách nhiễu trăm đường, cũng vẫn cam tâm vâng theo, huống nữa đương mùa khô ráo, hành binh không tiện ; xin đợi vào khoảng tháng 4, tháng 5, mùa mưa xuống, sẽ chia đường thủy lục tiến đánh, nhân đó chiêu dụ, vỗ yên ; đại binh thì cứ đóng ở Trấn Tây đốc việc đánh dẹp. Duy ở đất ấy rừng rậm nhiều ngả, mà số quân ta hiện có ít, xin cho thêm 10.000 binh để kịp đúng lúc thì phân phái”.

Vua quả rằng : “Bọn Man kia quá rối, tự cầu lấy diệt vong, gán đay phàm có những kẻ đầu hàng đều được vỗ về, thương xót, đã từng giết một tên nào đầu ! Dù bọn tên Yểm Trà Long, cũng đều cho về chiêu dụ thì triều đình ra ơn rộng rãi đến bậc nào, chúng cũng có lương tâm con người, há không biết cảm mà lại cam tâm theo giặc Xiêm tàn ngược sao ? Lạp Man hèn nhất, vốn không đợi nói cũng rõ ; còn

như giặc Xiêm nhiều lần thua đau, vốn đã sợ sệt binh uy của ta. Năm trước, trận đánh ở Sa Tôn và Chi Trinh (2 tên đất), bọn Nguyễn Công Nhân còn có thể lấy số quân ít thắng số giặc đông. Nay hiện tại số quân tinh tráng có tới hơn 2 vạn, đánh đâu chẳng được, mà lại bảo là “binh hiện có ít”, nói ra những lời nhút nhát nhường vậy ! Vả, bọn Nguyễn Công Nhân tâu lần trước, đã nói : “Hiện tại quân giặc ở Trấn Tây không có mấy, tên đầu mục Xiêm mới đến, lại không sánh kịp tên Chất Tri, thì tiến thẳng sang, đánh phá rất dễ, không phải sức”. Nay lại hòa theo Tôn Thất Bật và Lâm Duy Thiếp, nói ra những lời này, sao trước với sau lại trái nhau như thế ? Chẳng thế, lời bề tôi nói với vua sao lại lúng cùngh như vậy ? Nên biết rằng việc hành binh, khéo mà chậm, không bằng vụng mà nhanh. Gần đây, về việc biên phòng đã không có cái lo bên ngoài, nếu thừa được cơ hội, thì đem ngay đạo binh sung sức mới đến đi đánh, khó gì một trận phá tan quân địch. Nay cứ dửng dăng rất lâu, không làm ra việc gì mà đợi đến tháng 4, tháng 5 mưa xuống mới có thể tiến công, lại xin thêm binh mới có thể tiến đi được, như vậy không khỏi mệt nhọc về đường sá, lấy sức đâu mà đánh giặc nữa ! Huống chi quân đi, tất phải có lương đem theo ; về mùa hạ, mưa xuống, đường thủy, đường bộ vận lương càng thấy không tiện. Xét ra toàn là nói hão, không một câu nào ăn khớp, khiến cho người ta phân vân, không hiểu nói ra làm sao, chỉ thêm bực bội không vui mà thôi ! Về việc xin phái thêm biên binh, không chuẩn cho thi hành được. Nay biên giới đã yên, đóng lâu cũng không có việc gì. Vậy chuẩn cho Tôn Thất Bật, Lâm Duy Thiếp lập tức kiểm xét khí giới binh lương của các tỉnh cho chóng xong, rồi đều về Kinh cung chức ; những biên binh đã phái đi trước thì triệt về binh ngũ cả. Về công việc biên phòng, chuẩn cho các viên đốc, phủ tùy tiện làm cho ổn thỏa để giữ vững biên cương. Duy có đất Tây Ninh ở Gia Định giáp liền với đất Nam Ninh ở Trấn Tây cũ, thực là một chỗ địa đầu xung yếu, nên đóng đại binh để trấn áp, nhân đó chiêu dụ bọn thổ dân, làm kế từ đó⁽¹⁾ sau này, chuẩn cho Tổng đốc Định - Biên Lê Văn Phú liệu cất lính thú và lính tinh hơn 1.000 tên do Đề đốc Ngô Văn Giai đem đi đóng giữ Tây Ninh, dựng đồn trại, làm đồn điền để làm kế ở lâu. Bọn Trà Long, Nhâm Vu và gia quyến họ (tên Yêm La Kiên trước đây đã bị ốm, chết), cũng chuẩn cho Văn Giai đem cả đi theo, chọn đất cho ở, để sai họ chiêu dụ bọn thổ dân ở Tây Ninh cùng Nam Ninh, và Nam Thái, đợi có công trạng, tâu lên, sẽ khen thưởng. Bọn thổ mục, thổ dân nếu có ra thú thì bất luận trước đây có theo giặc hay không, đều rộng tha cho, để chúng báo cáo lẫn nhau, lần lượt quay đầu về, rồi trước hết ở những chỗ ấy, chiêu dân lập ấp, mở đất thẳng tới Lư An, thì công hiệu tuy chậm, nhưng có thể giữ được vạn toàn, vô ngại. Còn việc đánh dẹp, vỗ yên Trấn Tây thế

(1) Từ đó : mưu tính dần dà.

nào, đợi sau bàn dần, cũng chưa muộn. Những dân Kinh, dân Thổ ở 2 tỉnh Hà Tiên, An Giang trước đây sợ hãi tan tác vì có thổ phỉ, nay cũng cho hạn 1 năm, giao quan tỉnh gia tâm chiêu dụ, vỗ về để dân trở lại như cũ”.

Luỹ dài ở chi sông Thị Vạn thuộc tỉnh Hà Tiên đã làm xong. Thường cho các đốc biện, chuyên biện, viên chức văn võ và binh lính có thứ bậc khác nhau.

Quan tỉnh Hà Tiên tâu : “Có 6 chiếc thuyền buôn của Xích Mao ⁽¹⁾ chở thuốc phiện đến nước Xiêm, người Xiêm đốt cháy cả thuyền, tịch thu hàng hoá. Người Xích Mao lấy làm xấu hổ, định lại sang để rửa hờn. Người Xiêm lo sợ, tãi đá lấp cửa biển Bắc Nam để chặn đường vào”. Vua bảo các quan viện Cơ mật rằng : “Xích Mao là một giống hung hăng, trước đây vì chở thuốc phiện, gây việc ở Quảng Đông, trải qua 3 - 4 năm, người Thanh không làm gì được chúng. Nay nước Xiêm nhỏ mọn kia gây hấn, chúng tất không để yên. Việc này đầu mới được nghe đồn, nhưng lấy lý mà đoán, chắc cũng không phải là chuyện hảo. Nên truyền dụ cho quan tỉnh gia tâm xét hỏi cho đích xác để biết rõ tình hình ngoài biên”.

Hoãn một kỳ duyệt đình tuyển lính cho 6 tỉnh Nam Kỳ. Dụ rằng : “Các hạt Nam Kỳ là đất nhà vua dựng nghiệp. Sau khi đại định thiên hạ, đất này được gây nuôi, yên ổn, đến nay hơn 40 năm, nhân dân làng mạc cùng yên ổn ngày một phồn thịnh đông đúc. Gần đây, cõi Tây có việc tuyển mộ, đòi gọi không khỏi phiền đến sức dân. Nay biên giới đã yên, nên để cho dân ta cùng được hưởng cái vui nghỉ sức. Kỳ tuyển tháng 6 năm nay, chuẩn cho đình lại. Về việc sai quan mở trường duyệt tuyển thì quan tỉnh tự chiếu lệ mà làm, sức đi làm thành sổ tuyển (bản Bính thì để ở tỉnh để lưu chiếu, còn 2 bản Giáp, Ất và sổ Thông quy thì phát đưa về bộ xét), đợi đến năm Mậu Thân, Thiệu Trị thứ 8 [1848] sẽ lại theo làm như lệ cũ”.

Tờ dụ chưa đưa tới, quan 3 tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Định Tường là bọn Lê Văn Phú, Lê Văn Chân, Phan Văn Xương, Trương Văn Uyển và Cao Hữu Dực đã tự mở trường duyệt tuyển trước rồi. Vua sai truyền Chỉ quả trách nghiêm ngặt.

Hoãn việc kiểm duyệt quân chính năm ấy ở Bắc Kỳ. Theo lệ, các tỉnh Bắc Kỳ, cứ 3 năm một lần phái các đại thần văn, võ ra kiểm duyệt, nay vua cho rằng : năm ngoái ra Bắc, vua đã thân đến coi duyệt, nên sai hãy đình một lần.

Đổi định chương trình túc trực của thân binh. Trước đây, biển binh 2 vệ Cẩm y, Kim ngô ngày thường túc trực 500 người (vệ Cẩm y 300 người, vệ Kim ngô 200 người), gặp khi nào vua có đi tuần du ngoài 100 lý thì khi ấy sẽ xin Chỉ vua định ; ngoài Kinh thành mà vua đóng nghỉ ở đâu quá 1 ngày thì cất thêm 800 người để đủ theo hầu. Tối nay, vua cho rằng : thân binh đã chia ban, số còn lại có ít, chuẩn cho

(1) Xích Mao : có lẽ tức là Hồng Mao mà ngày trước dùng gọi người nước Anh.

hàng ngày thường trực 300 người, theo hầu khi tuần du, 500 người. Các đồ binh tượng đều do những viên chưởng lĩnh, các quân tùy theo số binh liệu cấp.

Hơn 200 người nhà Thanh đi buôn bị nạn bão, thuyền giạt vào cửa Đại Áp, tỉnh Quảng Nam. Vua sai cấp gạo cho (mỗi người 1 phương gạo) và cho tùy tiện về nước.

Tỉnh Nam Định tâu : “Từ cửa sông Ngô Đồng đến cửa biển Hà Lạn bị bồi lấp, xin cho đắp đê bao quanh để ngăn nước mặn, giữ mùa màng”. Vua y cho.

Lập thêm sổ bang người nhà Thanh ở tỉnh An Giang. Nguyên 2 sách Bạc Liêu và Trà Nhu (ở huyện Phong Thịnh) tỉnh An Giang người Thanh đến ở có tới hơn 100 hộ, quan tỉnh tâu xin lập riêng danh hiệu hàng bang (ở sách Bạc Liêu, gọi là bang Triều Châu thứ 15 ; ở sách Trà Nhu, gọi là bang thứ 16), mỗi bang đặt 1 bang trưởng. Thuế, khoá đến sang năm bắt đầu thu.

Vua ra chơi sông Lợi Nông, luôn hôm ấy trở về cung. Đổi hành cung Thần Phù làm hành cung Lợi Nông.

Đổi tên phủ Yên Ninh ở tỉnh Tuyên Quang làm phủ Tương Yên. Vua thấy “Yên Ninh” đã có tên một xã thuộc phủ Thừa Thiên, tức là chỗ đất phong cho tước Yên Ninh bá Nguyễn Ngọc Huyền, nên mới đổi tên phủ này.

CHÍNH BIÊN

ĐỀ TAM KỶ - QUYỂN XXVIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Quý Mão, Thiệu Trị năm thứ 3 [1843], mùa xuân, tháng 2, sửa chữa Triệu miếu và Hưng miếu.

Thơ ngự chế, tập đầu đã xong. Các quan Bộ, Viện và Nội các xin đem khắc in. Tờ số, lược nói : “Lẽ của trời đất bày ra đều là cách dạy, chí của thánh nhân phát lộ vốn theo tự nhiên. Thế cho nên việc dạy của chức giữ nhạc bắt đầu ở thơ, mà cách dùng âm nhạc có quan hệ về chính trị. Lời âu ca đời Đường, Ngu, thiên Nhã, Tụng đời Thương, Chu đều ngụ những ý kính trời, lo dân, dùng trong những việc Giao, Miếu, triều đình, tỏ bày ở việc làm thì là chính trị, ghi chép ở câu nói thì là lời thơ. Đó là văn tuyệt vời của trời đất, không phải thánh nhân không làm nổi. Từ Hán, Đường trở xuống, vua chúa các đời phần nhiều có thơ ra đời, nhưng so với cổ nhân, lấy thơ dạy người, có lẽ khác xa lắm. Nước ta, Trần, Lê về trước, trứ tác của các vua như *Việt âm toàn tập*, *Thiên Nam dư hạ*, ghi chép mới thấy sơ qua một vài bộ, phong hội cố nhiên đã mở dần, nhưng nhân văn mà được thịnh thì phải đợi ở ngày nay. Đức Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, bậc thánh minh trời cho, đứng chủ trương đạo thống, ngự trị 21 năm, thấy rõ ở những sự : kính thờ Giao, Miếu, vui hầu Từ cung, sửa trị trong nước, dẹp yên giặc ngoài, bàn đạo, noi việc kim cổ, tính mưa, lường tanh, nhân việc nên thơ... Văn chương cao cả của thánh nhân, kẻ tầm thường không thể bắt chước được một phần muôn. Lại mang lời thánh không giấu kín, đạo trời

cho dự nghe. Cúi theo lời xin của bề tôi, bèn sai khắc in, lần lượt hợp thành 6 tập, truyền bá khắp trong cõi, lưu thành tới phương xa, ai cũng tôn làm lời kinh, giữ làm điều dạy. Thực bởi Hoàng thiên rộng mở vận hội văn minh cho nước Đại Nam, giáng sinh bậc chí thánh để gây đạo học truyền mãi muôn đời. Đức Hoàng đế ngày nay : hiểu rõ lòng tiên đế, nối tiếp bậc thánh minh ; tinh, nhất một lòng, hợp với đạo trung của vua Nghiêu đời trước ; đạo đức thuần túy, sáng tỏ như lòng kính của vua Văn đời xưa. Người thấy sức học của vua cao sáng, lòng đạo của vua trong người, tinh đến rất là thuần túy. Sau những lúc muôn việc đã rồi, nhân việc ghi ý, cảm vật nên thơ, một niềm tuân theo gia pháp, lấy kính trời, noi tổ, chăm chính sự, yêu nhân dân làm gốc mà suy ra mọi việc : dùng người, mưu trị, quyết kế chiến thắng, tính việc biên cương, xét địa phương, đặt giáo hoá, chiêm nghiệm thiên thời, cẩn thận việc nhiệm nhậm, đều đem tả hết những nỗi chăm lo để tự cố gắng. Đến như cư tang nhà bên mà mỗi lúc tưởng nhớ thì lòng hiếu chí thành chứa chan ở lời nói, lại càng có quan hệ đến cương thường, gốc lớn của thế đạo rất nhiều ! Bọn thần lạm được theo đòi hầu hạ, trộm gắng ứng đối, tuyên dương, lúc rồi hằng vâng mệnh đọc thơ, được nghe dạy bảo về ý chỉ. Tình vua đôn hậu, không lấy văn nhiều để tỏ ra hay ; tính vua minh thông, cốt để nói ra đủ làm phép. Tuy nơi gác kín chứa văn còn cẩn thận chưa cho thông cảm, nhưng áng văn vua đúc kết chẳng biểu lộ cũng tự rõ ràng. Hướng nữa, đạo học do tiên đế thân truyền, kính thấy tiếng hay tiếp nối ; lời vua do thượng đế đã dạy, nên cho thiên hạ cùng nghe. Vậy [bọn thần] dám cùng dâng lời bày tỏ, thành khẩn ngược xin thánh thượng chuẩn cho đem những thơ ngự chế thể cổ, thể kim từ cuối năm Thiệu Trị thứ 2 [1842] về trước bao nhiêu bài, đóng thành bao nhiêu quyển, khắc ra bản in để lưu truyền lâu dài, gọi là thơ ngự chế tập đầu. Sau đây, thánh giáo ngày một mở rộng, thánh văn ngày một giàu thêm, sẽ lại lần lượt đem khắc từng năm thành tập cho đến muôn muôn năm không cùng, để thêm rộng được ý dạy sâu xa của Thánh tổ Nhân hoàng đế ta và càng mở được văn phong rực rỡ cho nước Đại Nam ta. Đó không những là điều rất mong muốn của bọn thần mà cũng là điều rất mong muốn của thiên hạ muôn đời". Vua thuận cho, sai đem khắc in (thơ 13 quyển, mục lục 3 quyển, cộng 15 quyển).

Cho : Thượng thư bộ Công Nguyễn Trung Mậu điều bổ Thượng thư bộ Lễ, vẫn sung chức Đại thần viện Cơ mật ; Phó đô ngự sử Tôn Thất Bạch điều bổ Thượng thư bộ Công, vẫn kiêm quyền chức Hữu tôn khanh ở Tôn nhân phủ, nguyên Tuấn phủ hộ lý Tổng đốc Hải - Yên Trần Văn Trung quyền biện công việc bộ Công (Văn Trung có tang, về làng lo việc ma chay, nay bổ dụng) ; thự Hữu tham tri bộ Lễ Trần Ngọc Dao quyền biện công việc bộ Binh.

Vua bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : “Mùa xuân năm nay, bọn quan to ở các địa phương đang tập thỉnh an⁽¹⁾, trẫm mở xem kỹ, không hề thấy nói thêm một việc gì khác ! Vậy cả một thiên hạ rộng lớn há lại không có một việc gì nên nói hay sao ? Hay có việc mà không nói, thì rất không đúng ý triều đình trách vọng kẻ coi dân làm trọn công việc ? Nên truyền dụ cho các địa phương : từ nay về sau không được ứng đối hão cho xong việc như thế !”.

Nêu khen những người dân thọ 100 tuổi (Quảng Trị 1 người, Quảng Bình 1 người).

Cho : Chưởng vệ sự vệ Cẩm y, Kiêu dũng tướng Dương Thai quyền giữ ấn triện dinh Thân cơ và chuẩn cho tham dự hội nghị triều đình ; Phó vệ úy vệ Cẩm y Nguyễn Nghị thăng thự Vệ úy vệ Cẩm y và chuyên coi các đội Túc trực ; Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Trung bảo Trương Phúc Trường điều bổ Phó vệ úy vệ Cẩm y, chuyên coi các đội Trường trực, Thường trực ; Vệ úy Nhị vệ thuộc Hậu bảo Nguyễn Doãn (tên cũ là Nguyễn Văn Y, vua đổi cho tên này) điều thự Phó lãnh binh tỉnh Nghệ An; Vệ úy vệ Trung nhị dinh Vũ lâm Lê Khoan Mạnh (tên cũ là Lê Khoan Mạnh, vua đổi cho tên này), điều bổ Lãnh binh tỉnh Ninh Bình ; Vệ úy vệ Trung, dinh Tiên phong Nguyễn Nghĩa Thịnh điều bổ Lãnh binh tỉnh Hưng Yên, Phó vệ úy vệ Trung nhất Tả dục dinh Vũ lâm Nguyễn Nghĩa sung bổ Phó lãnh binh tỉnh Quảng Nam.

Cho : thự Phó vệ úy vệ Trung dinh Long võ Lê Đắc điều thự Phó vệ úy vệ Trung nhất Tả dục dinh Vũ lâm ; thự Vệ úy vệ Thiện võ thuộc dinh Long võ Ngô Tất Khoa điều thự Phó vệ úy vệ Trung nhị Hữu dục dinh Vũ lâm, Thành thủ úy sung Hiệp quản vệ Quảng võ thuộc dinh Hồ oai Nguyễn Lương Cát thăng thự Phó vệ úy Trung vệ, dinh Tiên phong ; Thành thủ úy sung Hiệp quản vệ Hùng võ thuộc dinh Hồ oai Tôn Thất Cật thăng thự Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Trung bảo Trung quân ; sung Hiệp quản Hậu vệ dinh Long võ Đoàn Thọ theo chức ấy đổi sung Hiệp quản Nhị vệ thuộc Hậu bảo Hậu quân.

Cho : Phó vệ úy vệ Thủ hộ hữu Lê Mậu Hạnh làm Viện sử viện Thượng trà, sung Hiệp lĩnh thị vệ, chuyên coi các ty, đội Thượng thiện, Phụng thiện, Lý thiện ; Cai đội Hậu vệ dinh Thân cơ Tôn Thất Đa thăng thự Phó vệ úy vệ Thủ hộ hữu.

Lãnh binh tỉnh Nghệ An Đồng Bá Huyền và Lãnh binh tỉnh Hải Dương Đặng Văn Đình, tuổi già, về hưu trí. Cho Lãnh binh Bắc Ninh là Giáp Văn Tân thăng thự Lãnh binh Nghệ An ; Lãnh binh Lạng Sơn là Đỗ Văn Sửu điều bổ Lãnh binh Bắc Ninh ; Vệ úy tác vi Phó lãnh binh Thái Nguyên là Bùi Văn Đức điều bổ Lãnh binh Lạng Sơn ; Phó vệ úy Nhất vệ thuộc Tả bảo Nguyễn Đình Phúc điều bổ Phó lãnh binh Thái Nguyên, Phó lãnh binh Hải Dương Nguyễn Văn Sự làm Lãnh binh

(1) *Thỉnh an* : thăm sức khoẻ. Tập thỉnh an đây, tức là tập gửi mừng đầu năm.

Hải Dương ; Phó vệ úy vệ Tả, dinh Long võ Phan Công Thành làm Phó lãnh binh Hải Dương.

Đổi bổ : Án sát tỉnh Bắc Ninh là Phạm Huy làm Án sát tỉnh Hưng Hoá ; Án sát Hưng Hoá Đinh Văn Minh làm Án sát Bắc Ninh. Vì Huy với viên lĩnh Tổng đốc Nguyễn Cửu Đức là người cùng làng.

Cho nguyên Lang trung bộ Lễ sung việc cung phụng lăng Thiên Thụ Nguyễn Hữu Sách án bổ Lang trung bộ Binh, chuyên coi hai kho Sang pháo và Hoả dược.

Bắt đầu đặt chức giáo thụ phủ Gia Hưng thuộc tỉnh Hưng Hoá, dựng nhà học ở ngoài tỉnh thành.

Bắt đầu định lệ tuần tra vệ Loan giá. Gần đây nhân vệ Loan giá giữ xe vua, để thất lạc một cái ống bịt xe bằng bạc, vua bèn chuẩn cho đại thần ở ban võ hội đồng với ấn quan ở Nội các cứ mỗi 4 tháng quý⁽¹⁾ tuần tra một lần.

Thụ Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai tâu : “Những dân ở rừng rú, thung lũng 7 huyện thuộc 2 phủ Lâm Thao, Đoan Hùng tỉnh Sơn Tây, lâu nay bị bọn tên Nhân, tên Thạch đe dọa, dụ dỗ, giúp của, chứa chấp, đã thành những chỗ tổ giặc. Nhiều lần, quan tỉnh đem vài nghìn quân, trải lâu 3 hạn, tìm nhiều cách dẹp bắt mà chưa nên công ! Mùa đông năm ngoái, giặc nổi lên 7 chỗ ; mùa xuân năm nay, mới trong 1 tháng mà giặc cướp phá 7 nơi, đốt cháy nhà dân 196 hộ, trai, gái, già, trẻ bị chết, bị thương và bị bắt đi đến 60 - 70 người, tình hình lại càng bách thiết tai hại ! Hơn nữa, dân các huyện trước đây bị giặc ức hiếp, chịu cực đã lâu, sau nhân quân quan lòng bắt cùng kiệt rừng rú, yêu sách đến dân cũng nhiều ! Một khi bắt được chút ít tòng phạm thì đòi gọi những người làm chứng đi lại tới tấp, dân khỏi mất chỗ làm ăn được sao ? Nay, dân các huyện phần nhiều đã bỏ làng trốn đi, mà những người hiện còn ở lại cũng ngơ ngác không biết xoay xử thế nào ! Vậy xin cấp cho những nhà bị cháy mỗi hộ tiền 2 quan, thóc 1 học ; mỗi người bị chết thì cấp tiền tuất 3 quan, trẻ nhỏ 2 quan. Đối với những dân xã bị phiêu tán, sức cho chiêu dụ về ở. Những kẻ yếu phạm chính hay thứ, hạn cho 3 tháng phải kẻ nợ bắt hoặc chém kẻ kia, đem nộp quan, xin thú. Kẻ bị ức hiếp theo giặc cũng cho ra thú, giao cho dân quản lĩnh, bắt tất bắt họ phải theo quan đi thám nã bắt giặc. Còn những bộ biên đã phá đi thì cho rút về thao diễn, nghỉ ngơi, khiến cho những kẻ phạm tự vui lòng ra thú, đợi bọn giặc ngày một cô thế, rồi sẽ tìm cách lùng bắt. Lại tải sẵn đem 10.000 phương gạo lương đến chứa tạm ở 2 phủ lý Đoan Hùng, Lâm Thao để chuẩn bị việc cấp phát. Nếu quá hạn mà giặc không ra thú, sẽ xin đem ngay đại đội biên binh tiến đến, tùy cơ đánh riết, dẹp yên một loạt để làm cái kế khó nhọc một lần nhưng an nhàn được mãi. Trộm nghĩ : dân bị đau khổ chồng chất

(1) *Tháng quý* : tháng cuối cùng của mỗi mùa, 4 tháng quý là : tháng 3, tháng 6, tháng 9 tháng 12.

không thể hàng tháng mà lại sức ngay ; giặc trốn lẩn đã lâu, không thể sớm tối mà vội bắt được. Kính xin rộng khoan kỳ hạn để được tùy nghi sắp đặt”.

Vua phê bảo rằng : “Xem lời tâu, thấy tình việc rất hợp lẽ”. Rồi dụ rằng : “Trừ kẻ hung bạo là để cho yên lương dân. Hiện nay nhân dân sợ chạy, mất chỗ làm ăn như thế, chính nên trước hết lấy sự chiêu tập cho yên làm cốt yếu. Lời xin chuẩn tuất rất là hợp lý, chuẩn cho chi phát các hạng ở kho để dân được đỡ đau khổ. Còn đều cho chuẩn y, thi hành”. Không bao lâu, tên giặc trốn là Nguyễn Chiếm (thường gọi là Tiên Cấm) cùng với 2 tên tòng đảng đến đầu thú trước cửa quan của 2 viên Suất đội tỉnh phái là Hoàng Công Phú và Nguyễn Đình Trụ, xin theo đi bắt kẻ phạm để chuộc tội. Vua nghe tin ấy, nói rằng : “Chiếm là tên thứ yếu phạm trong bọn giặc. Trước đây đã chuẩn định cách thưởng : kẻ nào có thể bắt hay chém giặc đưa đến làm án thì thưởng tiền 100 quan. Nay Chiếm bó tay dẫn đồ đảng ra thú, cũng nên liệu rộng để bắt nó lập công sau này. Vậy chuẩn cho tạm tha tội, quản thúc, sai ra sức dụ bắt tên Thạch, tên Nhân để chuộc tội trước”. Vua lại cho rằng : Giai sai khiến được người làm nên việc, thưởng cho 1 kim khánh, 1 nhẫn vàng ; Nguyễn Đình Trụ, Hoàng Công Phú, mỗi người được thưởng 1 đồng ngân tiền hạng lớn, 1 bộ áo quần.

Bình Định và Quảng Ngãi có bệnh dịch. Các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Phú Yên và Thừa Thiên cũng lần lượt bị truyền nhiễm. Vua sai quan các địa phương hết lòng thành kính cầu cúng. Những người bị bệnh thì phát thuốc, những người bị chết thì cấp tiền. Trước đây, vua xem tập tâu của các địa phương, liền sai bộ Hộ làm phiếu dụ, chạy ngựa, phát đi. Bọn Tham tri Doãn Uẩn, và Thị lang Nguyễn Trạch làm phiếu dâng trình, đến đem lui ra. Vua nói : “Cứu tai nạn cho dân gấp hơn lửa cháy, quan bộ Lại trẻ nãi khinh thường như thế, chức giữ bộ coi việc dân, có thể làm thế được ru ?”. Bọn Uẩn sợ hãi, xin chịu tội. Vua đều truyền Chỉ ban quở.

Đổi gọi tiết Hoa triều⁽¹⁾ là tiết Phương triều 芳朝, đình bỏ cuộc yến thưởng trong cung. Dụ bọn thị thân rằng : “Hàng năm, về tiết Phương triều, trong cung có lệ ăn yến, thưởng tiết. Năm nay các hạt bông gặp dịch lệ, trĩm đương sợ hãi, tu tỉnh để cầu đợi phúc trời, còn rồi đâu mà thưởng tiết ! Vậy cho đình chỉ !”.

Ngày Nhân Thìn, có luồng khí trắng vắt qua trên trời (một luồng dài từ tây bắc chỉ chệch sang đông nam). Vua rời điện chính, bớt món ăn, bãi âm nhạc, dụ cầu lời nói thẳng. Dụ rằng :

(1) *Hoa triều* : ngày sinh nhật của các thứ hoa. Theo tục cổ Trung Quốc, cho ngày 12 tháng 2 âm lịch là ngày sinh nhật trăm hoa, gọi là “Hoa triều”.

“Cứ như 2 tỉnh Chiêm, Ngãi lần lượt tâu báo : trong hạt bồng gặp lệ khí ⁽¹⁾, nhân dân, phần nhiều bị nhiễm bệnh, chết ; rồi thấy các tỉnh Nam, Phú, Tri, Bình lại nhân đó bị truyền nhiễm ; phủ Thừa Thiên cũng có một vài nơi lúc phát, lúc đỡ, nghiệm ra hầu thành bệnh dịch. Coi lời tâu, thật thấy đau lòng, roi lệ, cảm thương biết bao ! Đã xuống Chỉ dụ chi của kho, tìm nhiều cách phát thuốc đi khắp để cứu chữa. Lại sai các quan địa phương : bất luận trai, gái, già, trẻ, [ai ốm chết] đều cấp tuất cho, nào có tiếc gì của kho hàng nghìn hàng vạn, chỉ mong cho dân ta sớm được yên lành mà thôi. Đêm trước, ngược xem tượng trời, sau hàng sau Khuê, sao Sâm ở phương Tây, thấy hiện một luồng khí trắng. Hỏi quan Thái sử, theo lời tâu, chưa biết rõ khí trắng ấy là điềm gì, nhưng lòng trầm càng thấy lo sợ. Người làm vua, trị thiên hạ, trách nhiệm ở giữ yên, chỉ vì ta đức bạc, chưa có thể đưa tới sự hoà vui của trời ! Nay địa phương bồng gặp lệ khí, lại thêm trời nêu tượng răn bảo, sợ toát mồ hôi, lo lắng hết sức, xét mình, tự trách, há dám coi là ngẫu nhiên ! Nhân nghĩ : ta từ lên ngôi đến nay, ngày đêm kính sợ, không dám mảng vui, theo tâm pháp, trị pháp của Hoàng khảo ta để làm tâm pháp, trị pháp, kính sợ đạo trời, nối theo công tổ, thương nuôi nhân dân, vỗ yên đất nước, chăm lo chính sự, không dám hưởng nhàn. Tại triều đình còn có nhiều bề tôi lão thành, kỳ cựu, phạm việc cùng bàn làm, hằng mong noi được nếp cũ, gìn giữ không sai. Cư tang tại nhà bên 3 năm, lo nghĩ luôn luôn. Bên trong, cung tần hầu hạ, vẫn như lúc chưa lên ngôi ; ăn mặc, thường dùng không được xa xỉ phô trương, tổn phí vô ích, cũng chưa từng đặt cấp bạc trong hàng cung nữ. Bên ngoài, xe kiệu, nghi trượng không từng làm thêm. Hơn nữa, những nơi biệt quán, hành cung cũng tùy việc giảm bớt, đâu có sửa dựng cung điện để phí đến vật liệu nhân công ! Gần đây như tiết đẹp Phương triều, trong cung vốn có lệ yến thưởng, nay cũng đình bãi ngay. Ngày càng cẩn thận, lo sợ giữ gìn, chắc các bề tôi trong, ngoài đều đã nghe biết, không phải là trầm chỉ tự khoe khoang đâu. Ngay gặp nạn tật dịch tai vạ như thế này, càng rất lo ngại, chỉ sợ triều chính lâm sót hoặc còn nhiều, tu tỉnh giữ mình hoặc còn thiếu gì chăng ? Bây giờ đây, định bắt đầu từ ngày hôm nay : trầm ngự ra điện bên, triệu các quan đến bàn làm mọi việc. Phạm những châu ngọc, vật quý trong cung cho chỉ những gấm, vóc, đồ thêu ngự dụng đều cho bỏ đi ; lại bớt món ăn, bãi âm nhạc, thả ra những cầm thú ở vườn Thượng uyển, bãi bỏ những công tác chưa cần làm. Và sai các nha môn xử án ở trong Kinh, các quan lại ở các tỉnh đều chiếu theo các tội hiện tại : tội nhẹ thì theo công bằng xử đoán, chiếu án thi hành ngay ; tội nặng thì hãy khoan việc tra khảo, không được dây dưa đến kẻ vô tội làm liên lụy mọi người. Việc hình án đều làm cho xong, không để đọng lại. Lại chuẩn cho các đình thần, ngôn quan ⁽²⁾ và các

(1) *Lệ khí* : khí độc, khí có ôn dịch.

(2) *Ngôn quan* : chỉ các Ngự sử và Khoa đạo có nhiệm vụ can ngăn đàn hặc.

quan địa phương phạm có điều gì nghe biết : hoặc chính trị hiện thời có chỗ sai sót, hoặc ẩn tình của dân không được vua biết đến, đều cho cứ thực thẳng bày, chữa lỗi, sửa sai để giúp sự thiếu sót, cần cho ơn huệ được thấm tới dân gian, đáng có thể lại nhờ trời giúp, chuyển vận làm phúc, nước thịnh dân yên, cùng được hưởng cái cảnh hưởng thẳng bình”.

Hữu tham tri bộ Binh Phan Thanh Giản dâng sớ nói rằng : “Sự giao cảm giữa trời với người rất là đáng sợ. Ngôi của thánh nhân ở thì gọi là ngôi của trời, dân của thánh nhân trị thì gọi là dân của trời, đạo của thánh nhân làm thì là đạo trời. Đạo trời không ở đâu khác, mà ở lòng thánh nhân đó thôi. Lòng ấy, động tác ra việc gì cũng đều cảm thông với trời. Cho nên kiêng cẩn ở những chỗ không trông thấy, lo sợ ở những cái không nghe thấy, từ cái vô hình đến cái rõ rệt, từ ở bản thân đem thi thố ra cho dân, nếu không một sự gì không hợp thì dân nhờ được sống mà trời ban phúc xuống cho. Đức hoàng thượng ta từ khi bắt đầu nối ngôi, hiếu thành rất mực, kính sợ một lòng, sửa trị, yên dân đã nắm được điều chủ chốt, tướng hiền, tôi cũ đã có người giúp đỡ. Đối với những quan tâu việc thì có vóc lụa để nêu khen ; đối với những ngôn quan thì có bó lụa để khen thưởng. Ôn trạch rộng lớn đã nhuần khắp đất nước, cõi ngoài, đáng được hợp với lòng trời mà điều tốt chóng chất đưa đến. Thế mà còn có khí độc lưu hành, tượng trời răn bảo, thì không biết vì sao ? Có lẽ vì đường bàn nói tuy đã mở, nhưng tình ý vẫn khó thông lên ; sự quyên tha tuy đã nhiều, nhưng ơn huệ vẫn chưa thấu xuống ; các đại thần khuyên nhắc vua còn có ý lo xa, giữ mình, các quan cai trị địa phương không để ý đến những điều lợi hại của nhân dân mà nên thế chằng ? Tôi nghe : trong khoảng tháng 4, tháng 5 năm ngoái, ở Nam Kỳ đã có dịch lệ mà quan địa phương không đem tâu lên. Suy một việc ấy, việc khác cũng đều như thế, há chẳng rất đáng lo ru ? Đất Nam Kỳ, mấy năm nay, cõi Tây có việc, bờ cõi chưa yên, việc quân bộn bề, dân ít được thoả thuê. Hơn nữa, những người phụng mệnh làm việc ; vô sự mà gây biến cũng có, hám của nhiều dân cũng có, không chịu thương nuôi sĩ tốt để đến chết chóc cũng có. Dân thì lưu tán mà trở thành gian phi ; lính thì trẻ nhỏ mà cũng phải sung ngũ, hễ chết lại diên, diên rồi lại chết, tình hình khốn đốn mỗi ngày một tệ ! Nếu không kíp cứu chữa thì e đau khổ còn thêm mà việc phòng giữ biên giới cũng không tự vững chắc được ! Vậy xin [bê trên] sau lúc muôn việc đã rồi, tuyên triệu 5 - 3 người kỳ cựu, giỏi giang, hỏi về việc nước, việc ngoài biên, khiến phải cùng nhau bàn bạc xác đáng, mọi việc đều cho thật tốt. Lại nhắc dụ trong các đình thần, ngoài các quan địa phương : phạm việc có lợi, hại của dân gian đều được nói hết, rồi sau chọn lấy những điều phải mà làm, thế thì cái tệ quan lại sẽ tẩy sạch, binh lính đều là thực dụng, việc biên phòng sẽ chắc chắn mà thế nước sẽ được nâng cao”.

Sớ này dâng vào, vua nói : “Phan Thanh Giản đã biết rõ những cái tệ ấy, sao không thẳng thắn trình bày phương pháp sửa đổi ! Nếu bảo đem mưu hay vào nói, thì là những việc gì ?”. Vua lại sai quan các tỉnh Nam Kỳ đem những cái tệ mà Thanh Giản đã điều trần tâu lại để vua biết.

Tả tham tri bộ Hộ Doãn Uẩn dâng sớ, cho rằng : “Làm chính sự cốt ở được người giỏi, xưa nay nói đến việc trị dân cốt lấy dùng được người làm gốc. Hoàng thượng ta lên ngôi tới nay, một niềm yêu dân, sớm trưa không yên nghỉ, thánh nhân đời cổ cũng không thể hơn. Vậy mà giá gạo ở các địa phương chưa thấy được rẻ, sự làm ăn của dân gian chưa khỏi khó khăn, hoặc giả vì bọn cường hào bóc lột, lũ hoạt lại đục khoét, dân dụng thì xa phí, gạo thóc thì không thông đồng, cách sinh tài chưa được hợp lý chăng ? Nay các tỉnh Bắc Kỳ duy tỉnh Sơn Tây vì có giặc lẩn trốn, dân còn chưa yên, ngoài ra, một loạt đều yên tĩnh. Nếu lựa được một đại thần có tài cán, phẩm vọng ra làm chức Tổng đốc, khiến cho chế phục được lại và dân, trấn áp bọn phản động, khuyến khích việc nông tang, giúp cho trăm họ phần thịnh thì vĩnh viễn không xảy ra việc gì. Duy còn các tỉnh Nam Kỳ khốn đốn hơn nữa ! Tồi trước ở Vĩnh Long thường qua các hạt, thấy cảnh vật phồn thịnh, ruộng đất màu mỡ, thóc gạo cực nhiều, cá muối cực rẻ, buôn bán lưu thông, thuyền tầu tụ họp, đều có tiếng là những đất giàu và vui. Từ khi gặp việc biến ở Phiên An, tiếp đến cõi Tây có việc, nhân dân các làng chỗ nào cũng thưa vắng. Năm ngoái, tôi từ Trấn Tây đi việc công về, suốt dọc đường nhận thấy [số người] so với năm trước chỉ còn độ 3 - 4 phần 10 ! Đại để, nhân đinh ở Nam Kỳ còn ít, buổi đầu những dân vào sổ phần nhiều không phải là dân có căn bản thể nghiệp, gặp việc binh, dịch hơi nặng thì rời chỗ này đi chỗ kia, chết chóc, lẩn trốn, tên ghi ở sổ mà thực ra, người không ở đấy. Mỗi khi có binh lính trốn bỏ, tổng, lý không khỏi diền tên hão vào, tới kỳ gọi đến thì thuê, mượn người khác, làm cầu thả cho xong việc. Cho nên thay rồi lại trốn, binh không có thực dụng là vì cơ thế. Bấy nay dẫu được nhờ triều đình lựa chiều cứu chữa, nào ân xá, nào phát thóc, nào cho vay, được nhờ ơn hậu hơn hạt khác nhiều lắm ! Nhưng hạng dân ốm đã lâu ngày, nguyên khí vẫn chưa lại được. Hướng chi biên giới chưa yên, chính là lúc đương nên lưu tâm sắp đặt, vậy phải bồi dưỡng hậu hơn, trước hết gây cho dân giàu để làm phen giàu che chống vững chắc. Về việc duyệt tuyển ở các tỉnh Nam Kỳ, xin hãy tạm đình một lần, đợi sau sẽ thi hành. Về ngạch thuế các cửa ải và các bến đò, cũng xin miễn thu một lần để cho lương thực của dân được đầy đủ, may ra dân trong 6 tỉnh có thể trở lại như cũ được”. Vua cho rằng Uẩn nói được minh bạch, khen và nghe theo.

Khoa đạo là bọn Vũ Trọng Bình, Ngô Bình Đức, Lê Di và Nguyễn Huy Lịch dâng sớ trình bày 8 việc :

1. Xin đình việc làm Viện Tĩnh quan⁽¹⁾.
2. Xin tha hoặc giảm thuế cho phủ Thừa Thiên.
3. Đặt mua các vật hạng với giá thoả thuận (nếu có vật gì phải cần dùng đến, thì 2 bộ Hộ, Công sẽ phái thuộc viên đi hỏi rõ các địa phương, rồi vận tải tiền công đến chỗ sản xuất hay chỗ buôn vật ấy, chiếu giá thị trường mà mua).
4. Về thuế cửa ải và bến đò (xin lấy giá vừa phải về năm trước đã phát mại làm chuẩn định, do địa phương sai người chia đi ngồi thu. Bãi không cho phú hộ theo giá lĩnh trung).
5. Xin dừng cho người Tây dương giao thông đi lại vì phần nhiều họ hay dối trá.
6. Xin liệu cấp tiền và gạo cho những lính ở Kinh bị bệnh truyền nhiễm.
7. Xin rộng thêm hạn tháng để thư sức cho những người làm lực dịch.
8. Xin thương xót các tù giam để hình án khỏi đọng.

Vua cho rằng những lời nói trên, nửa đúng nửa chưa đúng, chọn một vài điều có thể dùng được, cho thi hành. Rồi lại dụ : Phạm những công tác không cần kíp đều hoãn lại. Những lính bị ốm tại nơi trú ngụ thì lượng cấp cho gạo trắng. Các nha môn xử án ở trong Kinh, ngoài tỉnh phải xét xử và kết án ngay những tù nặng đương giam. Đối với những kẻ đáng được theo lệ ghi tên đưa ra kỳ thẩm án, chuẩn cho các nha môn phải giữ công bằng mà xét hỏi. Trong Kinh, ngoài tỉnh, những tù nặng bị án xử tử hình sau hạn thôi cấm, cũng chuẩn cho hoãn việc thi hành, ghi đợi kỳ thẩm. Lại thấy hai việc quan thuế và mua hàng rất quan hệ đến đường lợi, hại của dân, bèn giao cho đình thần suy trước tính sau, chằm chước bàn kỹ, đặt ra chương trình để giữ cho khỏi tệ.

Thự Tuấn phủ Nam - Ngãi Ngụy Khắc Tuấn dâng sớ nói : “Trường học cốt để khuyến khích kẻ sĩ, những người giữ chức dạy học chỉ lấy sự thi hàng năm, khảo hàng tháng làm tác trách mà xao nhãng việc rèn luyện. Thi cử cốt để cầu lấy người tài, nhưng người chọn văn cho đỗ chỉ lấy sự theo lệ lối, tránh tỳ tích làm trường quy mà o ép đường kén chọn. Đến như việc duyệt tuyển thì có cái tệ chia ra từng thành ; việc mua hàng thì có cái phiền chia ra bỏ bắt. Bọn quản suất thì không biết thể tất, yêu thương mà để binh lính trốn đi, không chăm việc huấn luyện mà để tài nghệ sinh kém. Hình án thì : khắc nghiệt về bề bắt, dấu biết việc có thể tha thứ cũng vẫn làm chưa đúng công bằng. Chế tạo thì : nhân công vật liệu đều nệ theo lệ trước, không xét đúng sự chi dùng ; sung điền qua loa càng khó mong giữ được bền chắc. Lính và thợ bị đốc thúc rất ngặt, không hạn định giờ giấc làm lưng, nghỉ ngơi ;

(1) Viện Tĩnh quan bắt đầu xây dựng từ tháng giêng năm Thiệu Trị thứ 3, ở phía sau bên tả Cấm thành. (Xem *Thực lục* quyển 27 tờ 16a).

sức lực do đầy thường thường tỏ ra kiệt quệ, bèn phải theo nhau trốn đi. Những thói cũ giữ mãi, tệ hại dần chứa ngày càng sâu. Sở dĩ thái bình chưa đi tới, điềm tốt chưa ứng theo, đều là lỗi ở những người thừa hành không được xứng đáng. Mà xét đến nguyên nhân là do ở triều đình không dùng người mà chỉ dùng pháp chế nên mới đến thế ! Nay chỉ nên thận trọng chọn người hiền tài, chia làm mọi chức, giao cho công việc, chuyên bắt phải làm trọn và không nhất thiết dựa vào pháp chế nữa, khiến cho họ được theo ý châm chước, sửa sai, cứu tệ. Rồi đó, theo tiếng tâm, nghiệm sự thực, xét lời nói, thử công việc, kỳ cho biết chuộng đạo đức, chăm lo cho dân mà bỏ hẳn cái thói khéo thoái thác, khéo a dua, bắt làm có công hiệu, thực nghiệm mà không cầu ở một lời nói, một việc làm. Như thế thì mọi người đều tự cố gắng, mọi việc đều được hợp nghi, mới tệ có thể đổi, nỗi đau của dân có thể thư mà nền thịnh trị thái bình có thể tiến tới ngay được”.

Vua dụ rằng : “Nguy Khắc Tuấn ý nói hàm hồ, chỉ vạch cái nguyên do lưu tệ mà không có một lời nói đến cái cốt yếu sửa tệ ! Và, đặt pháp chế để cấm người làm trái, trị thiên hạ đâu chẳng phải chỉ cậy ở pháp chế, nhưng cũng đâu có bỏ pháp chế được ? Huống chi trong tập tâu đã nói : “Vì những người thừa hành không xứng đáng, tệ hại do đó sinh ra”, thế thì người làm ra tệ, không phải là pháp chế làm ra tệ. Vậy mà lại đổ cho “dùng pháp chế, không dùng người”, thì không hiểu Nguy Khắc Tuấn coi triều đình như thế nào mà đặt ra câu nói ấy ? Lại nói : “Thận trọng kén hiền tài, chia làm mọi chức”, thì triều đình há lại không muốn được nhiều hiền tài mà dùng ? Nhưng, biết người là khó, tự cố vẫn thế. Bể tôi phải chọn người để thờ vua. Nay người có biết người nào, sao không chỉ rõ tên, bảo cử lên để nhờ giúp rập ? Vậy giao cho hết lòng mưu tính, làm thế nào cho được : thông nho liệt vào giáo chức mà rèn luyện nên nhân tài, tuyển cử công bằng về sự chọn văn mà rộng thu được người học giỏi ? Duyệt tuyển thì biết được thực số nhiều, ít, thuộc lại không dám sách nhiễu, vin bám mà làm gian ? Mua hàng thì làm hợp cách giao dịch, nhân dân có thể lưu thông tài hoá mà không phiền lụy ? Binh đình không trốn thiếu mà tài nghệ đều tinh ? Hình án được công bằng mà người không oan uổng ? Chế tạo thì làm chương trình kỳ hạn thế nào để mong giữ được bền vững mà trong đó không có mối tệ phù lam, giả mạo ? Cho đến những cách theo danh, nghiệm thực, xét lời nói, thử việc làm, cần phải mọi việc đều cử hành, mới tệ không sinh ra, nỗi dân đau khổ có thể được thư, vận nước thái bình có thể mau tới, cho theo từng khoản bày rõ, nói cho hết, không được giấu”.

Tuần lại trình bày từng khoản một. Vua lại đưa xuống cho đình thần bàn, phân nhiều chê bác. Đến khi tâu lên, vua nói : “Nguy Khắc Tuấn, tập tâu trước đã nói không phải lẽ, tập sau cũng lại phù phiếm ! Nay đình thần nghị đưa lên : [trong những lời Tuần tâu bày] chỉ có thể chọn được là “khoan rộng nhật kỳ về trường

thì”, “trích bỏ lại dịch ở Giám, Viện” mấy việc nhỏ nhặt thôi. Còn về tuyển cử như thế nào có thể rộng thu được người học giỏi, duyệt tuyển như thế nào có thể biết rõ được thực số nhiều ít, việc mua hàng như thế nào khiến được công, tư đều tiện, binh lính như thế nào khiến được tài nghệ đều tinh, hình ngục như thế nào đều được công bằng, công dịch như thế nào giữ được bền chắc, phạm những việc trọng yếu ấy đều chưa có kiến nghị rõ rệt gì cả ! Về hạng thông nho có thể sung làm học chức, Tuấn đã không chỉ rõ người nào, thật trái với nghĩa bề tôi chọn người để thờ vua, lại muốn “gia thêm phẩm trật, cấp nhiều binh dịch, giảm bớt huấn, giáo, sửa sang nhà cửa”⁽¹⁾, cách bàn tính góp nhặt lời nói sáo như thế, lấy đầu được thông nho mà dùng ? Thật là rất không có kiến thức ! Đình thần chê bác là phải. Vậy chuẩn y lời đình nghị này thi hành. Vả, triều đình rộng mở đường bàn nói, không nỡ vì lời nói mà bắt tội người, Tuấn có ý muốn trở tài, cho nên lời nói phần nhiều kích thiết, dù chưa tránh khỏi cái bệnh viễn vông không thiết thực, cũng miễn sự cứu xét sâu kỹ”.

Cấp lương hàng năm cho em trai, em gái của vua còn ít tuổi (em trai vua : Miên Lịch, chiếu theo lệ lương từ 11 đến 17 tuổi ; em gái vua : Trinh Thụy, Trang Tường, Phúc Tường, chiếu theo lệ lương từ 11 đến 20 tuổi, cấp cho).

Đúc “Thiệu Trị chế tiền” loại 6 phân, gồm 80.000 quan. Trước đây, sai đốc công Vũ Khố đặt trường đúc “Thiệu Trị chế tiền” bằng kẽm, 50.000 quan ; tới đây lại sai tiếp tục đúc nữa.

Đóng 1 chiếc thuyền Thụy Hồng, 2 chiếc thuyền Long Thất và Long Bát.

Các tỉnh ở Bắc Kỳ ít mưa. Sai cầu đảo. Sau đó có tin báo được mưa.

Chuẩn cho Nội vụ phủ, từ sau, phạm có tờ tâu xin chế các vật hạng mà dâng vào thì do sở Thị vệ kính lục, tuân làm ; bản có chữ son thì lưu giữ ở ty Cẩn tín.

Có kẻ lấy trộm đồng ở kho, giấu ở bên bờ sông. Người thợ đồng Nguyễn Văn Lượng chọt đi đến đấy, bị biên binh bắt giải. Vua ngờ là oan, sai bộ Hình tra hỏi, thì kẻ lấy trộm là thuộc lại ở kho, tên là Nguyễn Thanh Lộc ; còn Lượng quả là vô tội, được tha. Vua cho rằng bộ Hình xét hỏi công bằng, thưởng bọn đường quan Phan Bá Đạt kỷ lục 2 thứ ; bộ thuộc Nguyễn Trọng Nguyên, Tôn Thất Thận kỷ lục 1 thứ.

Dân Kinh thành phần nhiều bị nạn trộm cướp. Vua triệu Đề đốc Tôn Thất Cung và Kinh doãn Đỗ Cao Mại giao cho việc bắt trộm, yên dân. Lại truyền Chỉ cho các phủ đệ và các nha đều phải kiểm xét hơn nữa những binh lính, phu dịch thuộc các phủ, các nha đó, không để bọn côn đồ lọt vào trà trộn. Các viên thống quản phải sai thuộc hạ tuần tiểu cho nghiêm.

(1) Những điều này Ngụy Khắc Tuấn bày tỏ ở bản tâu sau, ở trên không dẫn chép, nên chưa rõ là ý muốn thế nào, có lẽ muốn xin gia phẩm trật, cấp binh dịch, sửa nhà cửa cho bọn thông nho sung giáo chức chăng ?

Sai khắc chữ vào thanh đao tước được của nước Xiêm (thanh đao bắt được năm trước, sai khắc rõ sự tích tiến công vào đó), chứa ở kho Vũ khố để ghi chiến công.

Bộ Hộ tâu : giá bạc ngày một cao, về số tiền vốn đặt mua đồng Tự Long, xin chiếu theo giá bạc hiện thời để cấp phát. Vua nghĩ triều đình lấy khoan hậu đãi dân, muốn cho dân nhờ đó được thừa thãi, vui lòng đem nộp, bèn sai chiếu giá năm Minh Mệnh 18 [1837] cấp cho (cứ 10 lạng bạc trị giá 50 quan tiền).

Sửa chữa 2 cung Càn Thanh và Khôn Thái. Thường ngân tiền cho từ Đồng lý Vũ Văn Giải trở xuống có thứ bậc khác nhau.

Đền ở An Tân làm xong. Trước đây, Hải Đông quận vương Đông, Thông Hoá quận vương Điển (hai vương đều là con Hưng tổ Hiếu Khang hoàng đế) và Thuận An công Hy (con của Thế tổ Cao hoàng đế) hợp thờ ở đền Triển Thân cũ. Năm Minh Mệnh thứ 21 [1840] sắp sai dựng đền chuyên thờ [3 vị đó] ở An Tân (tên xã), gọi là đền An Tân. Nhân gặp quốc tang, chưa làm trọn ; đến nay, đền làm xong, bèn sai dời ra đây để thờ. Hằng năm, cứ mùa xuân, mùa thu, làm lễ tế. (Đền 5 gian 2 chái. Chính giữa thờ Hải Đông quận vương, bên tả thờ Thông Hoá quận vương, bên hữu thờ Thuận An công. Nay lại đem Tương Dương quận vương Cao, An Biên quận vương Mân hợp thờ, đổi tên là đền Thân Huân).

Ngày Tân Sửu, luồng khí trắng tiêu tan hết. Khâm thiên giám tâu rằng : “Một luồng khí trắng sau khi bắt đầu xuất hiện 2 - 3 đêm dần dần nhạt, tan, sau 12 ngày thì mất hẳn không thấy nữa”. Vua nói : “Ôn cao xanh soi thấu, tổ khảo ban hành, chuyển tai vạ làm điềm tốt, thực là phúc của nhà nước, trăm có tài gì ! *Kinh Thư* có nói : “Vua phải vượt khó nhọc về đạo làm vua, bề tôi phải vượt khó nhọc về đạo làm tôi”. Vua tôi ta đều nên cẩn thận, cố gắng”.

Thừa Thiên và các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, sau đó tâu báo về tin dịch lệ đã lui bớt. Quân thần nhân xin chọn ngày tốt, ngự chính điện, nghe triều chính. Vua thuận y.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXIX

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Quý Mão, Thiệu Trị năm thứ 3 [1843], mùa xuân, tháng 3, mồng 1, ngày Quý Mão. Vua ngự chính điện, coi triều chính, trong cung lại dùng cơm như trước⁽¹⁾.

Ngày Ất Mão, trước tiết Thanh minh 1 ngày, xa giá khởi hành đi săn ở đầu nguồn Hữu Trạch⁽²⁾. Ngày hôm ấy, dùng xa giá ở hành cung An Bằng⁽³⁾. Đến ngày Thanh minh, vua thân đến lễ yết Hiếu lăng⁽⁴⁾, làm lễ rải đất lên trên lăng ; lại đi đến lễ yết lăng Hiếu Đông⁽⁵⁾, lễ xong, xa giá về.

Sai bộ Lễ tra xét điển lễ về việc rước thân vị tiên đế⁽⁶⁾ phối hưởng vào Giao đàn⁽⁷⁾. Trước kia, các quan văn võ dâng sớ nói : lễ Giao tế trời là lễ lớn của thiên tử ; tôn đáng thân là điều hiếu lớn của vương giả. Duy có thờ đáng thân như thờ trời, cho nên mới lấy việc thờ trời mà thờ đáng thân. Xét trong sách *Văn hiến thông khảo* bàn về việc tế Giao có nói rằng : Trong lễ phối hưởng với trời, lấy vị tổ mới gây dựng lên có công là bậc thánh nhân phối hưởng, lại lấy vị lập nên đế nghiệp nối dõi

(1) *Dùng cơm như trước* : khi Thiệu Trị đương có tang Minh Mệnh nên ăn cơm thường bớt đi, đến đây hết tang lại dùng cơm thịnh soạn như thường.

(2) *Hữu Trạch* : ở phía tây huyện Hương Trà.

(3) *An Bằng* : núi An Bằng ở huyện Hương Trà.

(4) *Hiếu lăng* : lăng Minh Mệnh.

(5) *Lăng Hiếu Đông* : lăng vợ Minh Mệnh.

(6) *Tiên đế* : Vua đã mất, đây chỉ Minh Mệnh.

(7) *Giao đàn* : đàn Nam Giao để tế trời đất.

dòng vua có đức là bậc thánh nhân phối hưởng, vì không gì lớn hơn trời, không gì tôn hơn bậc thánh, cho nên có công có đức là bậc thánh nhân mới có thể phối hưởng với trời. “Thế tổ Cao hoàng đế ta, sau khi bình định đất nước, đầu tiên lập đàn Nam Giao, hằng năm cứ đến tháng xuân, làm lễ Đại tế, vua Thái tổ Gia Dụ hoàng đế⁽¹⁾ phối hưởng, đến năm Minh Mệnh thứ 3, mới rước Thế tổ Cao hoàng đế phối hưởng, đến nay lấy làm lễ trọng. Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, nối dõi nghiệp lớn 21 năm, lòng lấy rực rỡ, to lớn như trời, thực có rạng vẻ hơn 2 tổ [Thái tổ, Thế tổ] trước ; năm nay xin rước lên phối hưởng vào lễ tế Giao, chép thành điển lễ long trọng, để mãi muôn đời. Vua phê bảo rằng : “Nay quan viên trong Kinh ngoài trấn đồng thanh tâu xin thực là một dạ tôn sùng, tình văn đầy đủ, chẳng những một mình ta được giải bày tấm lòng thành khẩn hiếu kính, thực đủ tỏ rõ việc bàn định công bằng ngay thẳng ở muôn đời. Vậy sắc cho quan bộ Lễ xét tra điển lễ để tâu lên”. Rồi bộ Lễ xin theo như lễ Thăng phối⁽²⁾ trong năm Minh Mệnh thứ 3 [1822]. Vua nghe theo.

Đặt lễ đại triều ở điện Thái Hoà, tuyên dụ bá cáo cho trong Kinh, ngoài trấn.

Dụ rằng : “Đạo hiếu của bậc đế vương phụng thờ đáng thân không gì lớn hơn là tôn lên phối hưởng với trời. Cho nên văn an tiến⁽³⁾ còn để lại ở *Kinh Dịch*, lễ trác phối⁽⁴⁾ chép ở trong *Kinh Thư*, kinh điển rất lớn. To lớn thay Hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế ta, lúc mới bình định đất nước, sửa sang lễ nhạc, bắt đầu lập đàn tế Giao, rước Thái tổ Gia Dụ hoàng đế phối hưởng ; năm Minh Mệnh thứ 3, rước Hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế thăng phối ; để nêu rõ công đức to tát của thân thánh, để lại rực rỡ cho đời sau. Đến Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta ; nối nghiệp sau khi khai sáng, thông minh theo phép cũ làm việc mới, sửa sang cho mưu lớn rộng thêm, ở ngôi 21 năm, chăm nom mọi việc chính trị, ngày làm muôn việc, các việc trị dân giữ nước đều cử hành cả ; kính trời, tôn tiên tổ, Giao miếu đầy đủ nghi văn ; thể tất cho bề tôi, yêu dân như con, xa gần thấm nhuần đức hoá, đặt quan phân chức, lớn nhỏ cùng gìn giữ nhau, chăm việc gốc, trọng nghề nông, lấy mình để xướng xuất trước. Lấy nhân tài thì đặt ra các khoa thi để cổ vũ văn phong, đặt quân lính thì huấn luyện có phương pháp để nghiêm quân luật. Võ công thấy ở cơ mưu dẹp giặc, cõi Bắc Nam ngày mở rộng phong cương ; văn trị chép ở *Chính yếu toàn thư*, đất Phong, Lạc⁽⁵⁾ rực rỡ thái bình chế độ. Bởi thế trời cho thịnh trị, điềm lành

(1) *Thái tổ Gia Dụ hoàng đế* : chỉ Nguyễn Hoàng.

(2) *Thăng phối* : rước thân vị tiên đế phối hưởng lên Giao đàn.

(3) *Ân tiến* : chữ ở quẻ Dự, *Kinh Dịch* : “ân” là thịnh, “tiến” là tiến tôn.

(4) *Trác phối* : chữ ở thiên “Quan thích”, *Kinh Thư*, nối tiên vương nhà Ân có đức sánh với trời, hưởng phúc lâu dài.

(5) *Phong, Lạc* : 2 đất về đời nhà Chu, nơi các tiên vương nhà Chu gây nên cơ nghiệp.

giáng xuống luôn luôn. Trị định công thành, đức rộng hoá khắp. Nhân sâu, ơn hậu, thâm thấm đến cả cõi xa ; công lớn, danh to, rực rỡ khắp khoảng trời đất. Thêm sáng được công nghiệp hơn 200 năm, để nên mới lại ức muôn năm lâu dài, công đức lồng lộng to lớn như trời, thực có rạng vẻ hơn 2 vị tổ [Thái tổ, Thế tổ] trước. Ta từ khi nối ngôi đến nay, vẫn nhớ đến việc làm vẻ vang tổ tôn, chỉ nghĩ phò bày tôn sùng to tát để nối dõi đạo hiếu về sau. Mới đây, các quan viên trong Kinh ngoài trấn, đồng thanh tâu lên, xin lấy ngày lễ tế Giao năm nay, rước Hoàng khảo ta thăng phối. Đó thực là định nghị rất công, rất chính của thiên hạ muôn đời, không phải chỉ là tấm lòng thành khẩn của một mình ta hiếu kính mà thôi. Vậy chuẩn cho chọn ngày tốt, lấy ngày mồng 4 tháng này ta thân đến kính cáo Thế miếu, sai các quan chia nhau đi kính cáo đàn Nam Giao, các miếu, đàn Xã Tắc và đem việc ấy tâu lên cung Từ Thọ⁽¹⁾ biết : ngày 15, cử hành lễ tế Giao, rước Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta thăng phối, chép vào *Hội điển*, truyền mãi không cùng, để nêu lòng hiếu nối theo dòng dõi của thần dân. Vậy truyền dụ cho trong Kinh ngoài trấn đều nghe, biết”.

Ngày Mậu Ngọ. Hợp tự cả trời đất vào đàn Nam Giao, rước Thánh tổ Nhân hoàng đế thăng phối. Đến sáng sớm, lễ làm xong, vua bảo bộ Lễ rằng : “Năm nay làm lễ vào giờ Dần, các việc đều được chính đốn cả, sau nên chép để làm định lệ”.

Ngày Canh Tân. Vua ngự điện Thái Hoà, nhận lễ các quan châu mừng, ban ân chiếu cả trong Kinh ngoài trấn. Tờ chiếu rằng :

“Ta nghĩ : thánh nhân trần thường⁽²⁾. Nghĩa báo bản⁽³⁾ trước trọng việc thăng phối với thượng đế ; đế vương có tiếng là hiếu tôn đáng thân, không gì hơn phối hưởng với trời. Tốt đức tốt danh thơm, cùng trời cùng to tát, nên lễ trọng thăng phối, thân linh sáng ở trên trời. Cho nên *Kinh Lễ* chép lễ Thăng trung⁽⁴⁾, *Kinh Thi* nói lễ Hữu hưởng⁽⁵⁾, đều để tỏ bày lễ lớn, nêu rõ việc hay.

“Nước nhà ta, trời cho nghiệp lớn, bạc thánh đời sinh. Thái tổ Gia Dụ hoàng đế, lập nghiệp phương Nam, mở mang bờ cõi ; Thế tổ Cao hoàng đế, lại dựng đô bản, thống nhất đất đai, để cùng chịu mệnh trời, để lại cho con cháu. Đức cao sáng sánh trời, lòng chí thành cùng soi đến mãi, ở tả hữu thượng đế, tiếng hay cùng để lại không cùng. Từ khi đặt ra lễ đến nay, lần lượt được hưởng phúc”.

(1) *Cung Từ Thọ* : mẹ của Thiệu Trị.

(2) *Trần thường* : chữ ở thơ “Tu văn” *Kinh Thi*, nghĩa là bày tỏ việc nên làm, như là tôn Hậu Tắc là tổ nhà Chu phối hưởng với trời.

(3) *Báo bản* : đền đáp công ơn tổ tiên.

(4) *Thăng trung* : chữ ở *Chu lễ*, tế trời để cáo thành công.

(5) *Hữu hưởng* : chữ ở thơ “Ngã tương”, thiên Chu tụng, *Kinh Thi*, nói thân linh Văn vương nhà Chu giáng ở trên nơi bày lễ vật.

“Lớn thay, Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế : thông minh làm khuôn phép, đức kính ngày tiến lên. Nhờ trời cho phép trị dân, tiêu chuẩn ở một đạo trung, nối mối theo noi phép tắc, như trời vận hành đi rất mạnh, gồm đủ cả bốn đức ⁽¹⁾, rộng công giúp rập sửa sang. Kính mệnh trời từng việc, tùy thời, theo tổ huấn có khuôn, có phép. Nối nghiệp sau khi khai sáng, mưu lớn sửa sang ; điều hoà phương lược dọc ngang, thi hành mọi việc. Lễ nhạc cùng hoà một tiết, hợp đại thành chế tác của trăm vua ; chính hình thu thúc lòng dân, là phép hay để muôn đời noi giữ. Yêu dân, thương vật, công sinh nuôi đối với từng thời ; mưa nắng phải thời, đốn đằm lành khi đi quan sát. Trọng nông tang, lấy mình làm gương mẫu ; cần hình phạt, nghe đoán được tinh tường. Vững để phòng cho nhân dân ở yên, nghiêm vũ bị để biên cương yên ổn. Đặt châu chia tỉnh, cương giới phân minh ; phân chức, bổ quan, thể thống rõ rệt. Nuôi dân như con, rộng ân trạch như mây đi mưa xuống ; nhân tài cất nhắc, vận thân cơ như cá nhảy chim bay. Ban bố huấn điều để thu thúc lòng người ; biểu dương hạnh nghĩa để chấn hưng phong tục. Văn đức khắp trong bốn biển, thói thuần hoá đậm thấm đã lâu ; võ lược vang cả hai kỳ, oai mạnh mẽ khiến ngoài phải sợ. Bờ cõi ngày một mở rộng, nhân dân năm một đông thêm. Nước sông thuận dòng, sóng gió được yên ; năm thường được mùa, thóc lúa dư dật. Gần vui, xa đến, trong yên ngoài phục, mọi phương cùng vui cảnh thăng bình, nước giàu, hình phạt ít, vật thịnh, dân yên, một đời đều lên cõi nhân thọ. Cùng đạo đức, cùng phong tục, khí hoà hun đúc trong bầu trời ; hợp trên dưới, hưởng phúc to, thành công đem khắc vào chín vạc ⁽²⁾. Nói để dạy, nêu ra thơ văn các tập rõ ràng như trên trời sao sáng, dưới đất sông đi. Phép trị dân để ở *Chính yếu toàn thư*. Thực là của báu để đời, tấm gương trị nước. Cơ trời đã báo sẵn, bảo ngầm cho biết điềm hay, đạo trời được dự nghe, khó trông thấy chỗ màu nhiệm. Giáo hoá như khuôn vạy uốn nắn, suốt cả xưa nay ; văn chương như Nhã, Tụng âu ca, vang trong trời đất. Trong 21 năm trị công nhớ lại, rõ ràng kính cẩn, mong cho hạnh phúc dài lâu, để ức muôn năm vận mạnh vô cùng, lồng lộng công to, sánh với bầu trời rộng rãi. Thực rạng rỡ về hơn đời trước, để hưởng được lòng trời.

“Ta, kính nối nghiệp to, noi theo phép lớn. Hai buổi sớm chiều tĩnh mật, chỉ có một lòng, đức đời mong sánh như xưa, nối dõi đạo hiếu. Cùng tôn hợp kính, một lời khắp cả trong ngoài, phối hưởng rước lên, làm việc theo trong điển lễ. Vay lấy ngày 15 tháng này, tế trời đất ở đàn Nam Giao, rước Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế thăng phối. Bắt đầu từ năm nay là năm Quý Mão, lễ nghi về các đồ thờ tự đều theo như chỗ thờ các vị Thái tổ Gia Dụ hoàng đế và Thế tổ Cao hoàng đế, chép là lễ

(1) Bốn đức : nguyên, hanh, lợi, trinh, (quẻ “Kiên”, *Kinh Dịch*).

(2) Chín vạc : Đế vương thời cổ Trung Quốc có đức 9 cái vạc đặt ở trước sân triều đình để tượng trưng cho 9 châu và khi có công to thì khắc vào đấy.

trọng, để mãi không cùng. Đức hay cảm kích đến trời, lâu dài hưởng mạnh, phúc sáng đối với tôn tổ, nhớ rõ tư thành"⁽¹⁾. Suy tôn hợp với tình văn, ban thưởng cho nhờ ân trạch. Nay có các điều ban ơn kê ra như sau :

- Hoàng tử, hoàng thân công, quốc công, quận công, hoàng đệ và các quan ở Kinh, văn từ chánh lục phẩm, võ từ chánh ngũ phẩm trở lên, đều được ban yến có thứ bậc ;

- Các quan các địa phương ở ngoài như tổng đốc, tuần phủ, đề đốc, bố chính, án sát và chánh phó lãnh binh, đều được ban thưởng có thứ bậc ;

- Ở trong Kinh và ngoài trấn : đàn Xã Tắc, miếu đế vương các đời, văn miếu, võ miếu, miếu đô thành hoàng, miếu thành hoàng và bách thần ở trong tự điển, đều tế một tuần ;

- Các viên thí sai tri châu, tri huyện, đều cho được thực thụ ngay ;

- Doanh đội các quân, ai là chánh đội trưởng, suất đội đã mãn 3 năm trở lên, mà trong chỗ tên và chức biên ở sổ không có chua khoản nào nặng về bị giáng, bị phạt, bị xử phân, chuẩn cho do bộ Binh làm danh sách tâu lên, đều cho thăng bổ cai đội ;

- Tôn sinh, ám sinh học ở Quốc tử giám, chuẩn cho quan ở Giám xét thực, ai có học thức có thể làm được quan thì làm danh sách đề cử nói rõ, do bộ Lại, bộ Lễ hội đồng sát hạch lại, làm tờ tâu lên để liệu bổ dụng ;

- Con các quan văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên mà ở Kinh, ai đã 20 tuổi trở lên, văn do bộ Lại, võ do bộ Binh xét thực làm thành danh sách, để đợi Chỉ, ai đã thành tài thì liệu cho bổ dụng, còn thì đều chuẩn cho vào học trường Quốc tử giám và biên vào danh sách Anh danh⁽²⁾ để được kịp thời tiến dụng. Nếu tình nguyện ở quê hương cũng cho ;

- Về các sinh viên thi cống cử hằng năm, năm nay gặp khoa thi Hương, lệ phải đình việc cống cử, nay chuẩn cho gia ân thi cống cử ; mỗi phủ cử một người, chiếu lệ xét thực, bỏ vào giám sinh trường Quốc tử giám, cấp cho lương ăn học ;

- Các quan văn võ, trước đã bị lỗi, phải cách bãi, từ lục phẩm trở lên và lục, thất phẩm, tiến sĩ, cử nhân xuất thân, trừ ra những người có thực trạng tham tang và 70 tuổi trở lên, không phải bàn đến, còn thì giao cho bộ Lại, bộ Binh đều làm danh sách riêng, để đợi sắc Chỉ, châm chước liệu cho lục dụng ;

(1) *Tư thành* : chữ ở thơ "Na thiên", Thượng tụng, *Kinh Thi*, nghĩa là mình định tôn một bậc nào lên phối hưởng mà việc đã làm xong, thì thần linh cảm kích.

(2) *Anh danh* : con các quan võ, cũng như con các quan văn gọi là ám sinh.

- Những nhân viên bị lỗi, đã phát giao đi các xứ, làm việc để chuộc tội, và làm quân lính, chuẩn cho các thượng ty và viên cai quản phải đem họ tên của những người ấy trình tội can án trước thế nào, và từ trước đến nay có thực trạng gắng sức làm việc hay không, làm thành danh sách, do bộ tâu lên để đợi ban ơn ;

- Về năm Minh Mệnh thứ 21 [1840], số tiền các địa phương còn đọng thiếu lại, và số tiền thóc sản vật còn triển hạn lại chưa nộp là bao nhiêu, thì bộ Hộ làm danh sách tâu lên, để đợi Chỉ, sẽ liệu tha hoặc giảm cho ;

- Kể từ năm Minh Mệnh thứ 21 trở về trước, những người Minh hương, người nhà Thanh, dân Mán, dân Thổ, dân cũ vẫn ở đấy, dân mới đến kiều ngụ, số tiền thuế hiện còn đọng thiếu là bao nhiêu, chuẩn cho bộ Hộ làm thành danh sách tâu lên, sẽ liệu tha hoặc giảm cho ;

- Phàm các án phải bồi thường tang vật mà chưa bồi thường xong, trừ những thực trạng hiện có xén bớt còn thì ở Kinh do bộ Binh, ở ngoài trấn do Thượng ty, đem các bản án nguyên can và số tang vật phải bồi thường, làm thành danh sách tâu lên, đợi chỉ, sẽ liệu cho khoan giảm ;

- Năm nay, nhân dân phủ Thừa Thiên và các hạt Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình, đôi khi có gặp chứng lệ khí, chuẩn cho kinh doãn và các tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát khám xét các xã, thôn trong hạt, nơi nào có tình hình thiệt hại, đáng phải cứu chữa, chuẩn cho chia ra từng hạng, làm thành danh sách tâu lên, đợi sẽ ban ân xuống.

“Than ôi ! mệnh trời thăm thẳm khôn lường, dài lâu như một ; thăng phối đến nay thành lẽ, phúc lộc rõ ràng. Noi theo mô liệt không nản lòng, một mình ta giải tỏ mãi tắc thành cảm cách ; phúc đức ân trạch cùng ban xuống, muôn dân người được hưởng lâu hạnh phúc thái bình.

Sửa nhà Thái miếu. Sai Đô thống Nguyễn Tiến Lâm, Thượng thư Tôn Thất Bạch trông nom công việc.

Tỉnh Ninh Bình tâu nói : “Nay kho chứa thóc hơi đầy, xin làm thêm một cái kho tạm thời, để chứa thóc thuế thu về mùa đông”. Vua cho rằng làm thêm một cái kho tạm thời, lại thêm khó nhọc phí tổn, bèn sai trích ra 60.000 hộc thóc cũ, thuê dân xay ra gạo, đợi khi có thuyền chở đến lĩnh : một nửa cho tải về Kinh, một nửa tải giao cho tỉnh Nghệ An chứa lấy.

Sửa sang vườn Thường Mậu⁽¹⁾ cho được thêm rộng. Vua cho rằng vườn Thường Mậu là nơi khi đi cày ruộng tịch điền thì đỗ xa giá ở đấy, quy chế hơi hẹp nên sai

(1) *Vườn Thường Mậu* : ở phường Thừa Đức, phía Nam ruộng tịch điền, trong Kinh thành Thừa Thiên có nhiều lầu các lộng lẫy.

làm thêm rộng ra. Lại sai dời vào vườn Vĩnh Trạch (nguyên làm ở bên cung Khánh Ninh)⁽¹⁾ đến đằng trước, để cho đủ nơi diễn việc cày ruộng tịch điền, nhân gọi tên là vườn Vĩnh Trạch.

Một viên võ chức ở phủ Thái Bình nhà Thanh đi bắt phạm nhân (đem theo binh mục 16 người) đến phủ Trùng Khánh, xin hợp lực để bắt những phạm nhân trốn sang. Quan tỉnh Cao Bằng đem việc ấy tâu lên. Vua hỏi, Lê bộ tâu nói : “Năm Đạo Quang thứ 9 [1829], phủ Khai Quảng trấn ở tỉnh Vân Nam làm tờ tư sang hai trấn Tuyên Quang, Hưng Hoá xin bắt cho những phạm nhân trốn sang, chứ không có sai người đi đuổi bắt. Và, năm Đạo Quang thứ 11, phủ Thái Bình [Trung Quốc] sai người đưa công văn đến Bắc thành, tư hỏi việc Điều Doãn An. Tổng trấn Bắc thành bấy giờ hặc là trái lệ, chuyển giao tỉnh Lạng Sơn giải về. Từ trước đến nay đều không có việc sai người đuổi bắt”. Vua nói rằng : “Việc bang giao, có điển lệ còn đó, nay phủ Thái Bình phái người vượt biên giới bắt phạm nhân là trái lệ. Vậy sai trấn Lạng Sơn tư trả lời rồi đưa người sai ấy ra khỏi biên giới”.

Thự Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giai tâu nói : “Đầu đảng và đảng giặc lần lượt ra thú đến hơn 100 tên, duy có tên Thạch, tên Nhân còn dám dựa vào chỗ hiểm để sống qua ngày, nay phía tả sông Thao đều là những đường đảng giặc, do đó chúng ngấm trốn đi. Vậy tất phải có 4.000 - 5.000 binh dũng mới ngăn chặn được. Thần đã gọi 600 lính thổ đông bán giỏi ở huyện Mỹ Lương đem theo đi để giúp cho đắc lực, còn số quân Hữu quân thuộc tỉnh xin lưu ban cả để sai phái”. Vua y cho. Rồi quan quân kéo thẳng đến sào huyệt tên Nhân. Đảng giặc bỏ hết lương thực, khí giới, chực sang ngang, qua sông Lô, chạy trốn. Quan quân ngày đêm đuổi theo, chém được 7 đầu giặc và bắt sống được 2 tên. Giặc xuyên đường rừng chạy sang núi An Thiết, huyện Lập Thạch, gặp ngay quân đồn trú ở đấy đón đánh. Người đi hiệu lực⁽²⁾ là Trần Hưng Biểu, mạo hiểm đi trước, cùng với con y ra sức đánh đều chết ở trận. Quân chết hại mất 2 người. Biểu là người họ với Thái hoàng thái hậu. Vua nghe tin nói rằng : Biểu từ khi bị cách đến nay (Biểu trước làm Vệ úy Tả vệ trấn Hà Tĩnh, vì giấu việc giặc cướp, bị mất quan, phải phát vãng đi Sơn Tây, theo vào việc bắt giặc để hiệu lực) hơi biết xấu hổ và gắng sức. Cha con đều vì nước bỏ mình, tình càng nên thương, vậy sai khai phục cho nguyên hàm Vệ úy, lại cho 30 lạng bạc cấp tuất cho gia đình.

Tên giặc vẫn trốn sót ở Sơn Tây là Nguyễn Thạch đã bị diệt, trước đây tên Thạch, tên Nhân và tên Bột thường ẩn hiện ở địa hạt Sơn - Hưng - Tuyên, cất lên đi cướp bóc ; dân gian khổ với chúng. Thự Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai, thám được

(1) *Cung Khánh Ninh* : ở phía Bắc của Kinh thành Thừa Thiên, là nơi Minh Mệnh ngự cày ruộng tịch điền ngày trước.

(2) *Hiệu lực* : người có tội bị phát vãng đi một nơi nào, hết sức làm việc để chuộc tội.

sào huyết của bọn giặc, thân đem Phó lãnh binh Nguyễn Trọng Thao, thự Vệ úy Trần Loan đem lính thổ và thú đình⁽¹⁾ ở huyện Mỹ Lương, chia ra từng đạo để ngăn chặn, do đường Hưng Hoá tiến đi, tư hội với Hưng Hoá, Tuyên Quang, đều chiếu địa hạt để phòng giữ. Bọn giặc vốn khinh thường Hữu quân. Giai sai lính thổ mặc quân phục Hữu quân để dụ giặc, phao đồn lên rằng tên Đào và tên Huyền ở trong bọn giặc (2 tên này đều là người trọng yếu trong bọn giặc) ngầm làm nội ứng cho quan quân. Thạch quả nhiên ngờ Đào, Huyền mà giết đi. Quan quân kéo đến xã Xuân Ái, Thạch thấy y phục lối Hữu quân, bèn do đường rừng vọt ra chực đánh úp, giao chiến với quân Trần Loan, đạo đi trước, Suất đội Đinh Công Trọng thân đem lính thổ bắn Thạch chết ngay tại trận. Giặc vỡ tan chạy, quan quân đuổi theo, chém tên Ất là đầu mục giặc và 16 thủ cấp của bọn giặc. Nghe được tin thắng trận, vua khen rằng : “Nguyễn Đăng Giai điều độ vừa phải, đánh giết được bọn giặc trốn tránh đã lâu năm, để cho dân được yên ở, thực đáng khen thưởng”. Trước hết thưởng cho Giai một cấp quân công, một đồng kim tiền Song long, một cái đồng hồ ; Trần Loan được bổ thự Vệ úy, Đinh Công Trọng gia hàm Quan cơ, còn viên chức quân lính đi trận, đợi danh sách ghi công trạng dâng lên sẽ theo bậc ưu để khen thưởng. Thủ cấp tên giặc Thạch đem bêu ở Sơn Tây trước, rồi lần lượt giao đi Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Bắc Ninh, đều rao 3 ngày rồi quăng xuống sông. Lại vì tên Bột, tên Nhân còn trốn thoát chết, nên dụ phải đặt phương pháp để lùng bắt. Lại phát ra 300 tấm bài thưởng công để cấp cho. Vua nhân bảo thị thân⁽²⁾ rằng: “Bọn giặc trốn sót ở Sơn Tây làm hại cho dân đã lâu, nhiều phen quan tỉnh không đánh bắt được. Nay Nguyễn Đăng Giai một lần đi đánh, bắn chết được tên giặc Thạch ngay, làm vang dội thanh thế lên trước, bọn Nhân, Bột, một mình chạy trốn, không bao lâu rồi cũng bị quan quân lùng bắt được thôi. Thế mới biết dùng được người xứng đáng hay không xứng đáng, quan hệ không phải là nhỏ. Nếu sai bọn Trần Hữu Lễ ở đấy, thì làm thế nào nên việc !”.

Bộ Lễ tâu nói : “Quyển văn thi Hội, theo lệ cũ thì dùng giấy kẻ từng dòng đỏ, tờ nào chỗ hai trang giáp nhau cũng đóng một dấu kiềng làm dấu. Trong khi làm bài thi trong trường, nếu có sự bó buộc, không khỏi giảm mất cả cái sức làm văn trong một ngày. Vậy xin từ nay trở đi, phàm quyển thi Hội viết bằng mực mà giấy lệnh của công cấp cho [hai kỳ đệ nhất, đệ nhị, mỗi quyển 6 tờ ; hai kỳ đệ tam, đệ tứ, mỗi quyển 15 tờ], chỗ đề tên ở mặt quyển và chỗ tờ thứ nhất, thứ nhì giáp nhau đều dùng một dấu miềng kiềng, mặt dấu có chữ “Hội thí chi ấn” ; duy có quyển viết bằng son (lại phòng viết đàng tả ra) và quyển thi Đình, xin theo như lệ cũ dùng giấy kẻ dòng đỏ”. Vua y cho.

(1) *Thú đình* : kẻ đã ra thú.

(2) *Thị thân* : các quan châu hầu ở gần vua.

Kỳ thi Hội. Sai Hữu tham tri bộ Lễ, quyền biện công việc bộ Binh là Trần Ngọc Dao làm Chủ khảo ; Tả thị lang bộ Lễ là Trương Quốc Dụng làm phó. Lấy : Phạm Phú Thứ, Đỗ Phát, Nguyễn Bá Nha, Mai Thế Tuấn, Nguyễn Phiên, Nguyễn Uy và Vũ Văn Tuấn 7 người trúng cách, Đặng Văn Thái, Phạm Thế Húc 2 người Phó bảng. Khoa này có Cử nhân Vũ Kim Đĩnh (trước là tú tài) bài phú có dùng chữ “cách tai Hoàng khảo”, quan trường cho là câu sấn ở trong sách, không đánh hồng, để vào hạng phó bảng. Vua cho rằng Đĩnh, văn lý đã tầm thường, dùng chữ lại không cẩn thận, bèn hạ lệnh cách cả cử nhân ở danh sách và tú tài cũ. Quan trường vì chằm quẩn không tinh đều bị giáng chữ. Sau Đĩnh lại thi đỗ cử nhân.

Quan tỉnh Gia Định là bọn Lê Văn Phú tuân chỉ dụ tâu về, đại lược nói : Hồi tháng 5, tháng 6 năm ngoái, dân trong hạt đôi khi có một hai bệnh truyền nhiễm, tướng cũng không thành chứng lệ khí, nên không tâu vào. Còn thói tệ của kẻ lại, tình hình trong đám quân, mà Phan Thanh Giản tâu bày ở tập trước, là nghe thấy người ta truyền nói, đều không phải là việc xác thực. Vua dụ rằng : “Cứ các người tâu nói từ trước đến nay, có gọi dân vào ngạch binh, tất phải xét xem thân thể có được khoẻ mạnh thì mới cho vào quân ngũ, duy có dân tình vất vả (phải đi kiếm ăn), cho nên số quân chưa đủ được ; còn việc cho những người bé nhỏ vào lính thì không có. Nói như thế hình như có tâm về việc binh, nhưng cái số binh về hạt người, trốn hoặc chết, huyền khuyết có đến hơn 2.000 người, so sánh nhiều hơn các tỉnh. Nếu mượn cớ nói là dân tình vất vả, thì địa đầu An Giang không phải là không có dân lưu tán, cũng không đến trốn đi để thiếu nhiều quá như trong hạt người. Huống chi, từ xưa đến nay, cái thói tệ của kẻ lại đâu đâu cũng thế, dân sợ kẻ lại hơn là sợ quan, mà nói là “lại dịch chẳng qua chỉ để làm giấy tờ mà thôi, nếu có thói sách nhiễu, ai đã chịu khóa miệng mà không kêu” ; lại nói rằng “những tình tiết nhỏ nhặt, không thể không có, chỉ vì không ai tố giác ra, thì không bởi đâu mà phát hiện ra được”. Ngay vài câu nói ấy, đã thấy trái ngược với nhau, còn hỏi gì đến việc khác ! Và lại, đã nói “dân gian phần nhiều đem việc kiện lặt vặt đi kêu”, chỉ ở chỗ thói tệ của kẻ lại, mà lại nói “không ai tố cáo ra”, thế là ý gì ? Há chẳng phải có chỗ thế ư ? Nay, phạm việc đời, không có việc gì là không do việc nhỏ góp lại mà thành việc lớn, việc nhỏ mà không nở nói, thì rồi đến việc lớn không thể ngăn cản được. Nay các người đã biết bọn lại dịch trong khi thừa hành, mối tệ, thế tất không thể không có được, thế mà không xét hỏi nghiêm trị để trừ đau khổ cho dân, lại lấy cớ không có ai tố giác mà cho là không có tệ hại, phỏng có được không ? Dân trong hạt có chứng lệ khí, lại phó mặc như là không nghe thấy, đến khi xuống Chỉ dụ hỏi, bấy giờ mới nói qua loa ! Còn kế hoạch trừ tính, thì nói rằng : “Người có chức trách địa phương chỉ nghĩ cách vỗ về, tuyên bố, yên ủi, khuyên giúp, từ phủ, huyện trở xuống, ai siêng năng thì tiến lên, ai ươn hèn thì gạt xuống, như vậy kẻ lại không bởi

đâu mà làm gian được ; người có chức trách thống lĩnh quân lính, chỉ nghĩ cách võ về, thương yêu, huấn luyện, chấn chỉnh ; từ quản, vệ trở xuống, ai làm được việc thì cất nhắc, ai lười biếng thì trừng trị, như vậy quân sĩ sẽ vui làm việc”. Nói như thế, thì ngày xưa gọi là quan hay, tướng giỏi, cũng không hơn thế được. Nhưng không biết các người đã từng đem việc mình làm mà so sánh với lời nói không ? hay là chỉ nói suông để cho xong chuyện mà thôi ? Từ xưa đến nay, chưa từng nghe thấy tiến cử một người hiền, gạt lui một kẻ chẳng hiền nào, mà cái tệ trước mắt vẫn chưa trừ đi được, thế là lỗi ở ai. Nay phải truyền Chỉ dụ, sức rõ lại cả”.

Vua lại dụ : “Phải chiếu theo số quân hiện khuyết, chọn lấy những người thực có vật lực và khoẻ mạnh sung điền vào, dùng để cho kẻ nghèo yếu phải chịu riêng phần nặng. Đối với những kẻ lại thuộc dưới quyền, thường phải gia tâm xét hỏi, cốt sao phát hiện ra những tệ mà trừng phạt cho nghiêm. Phạm việc quân, việc nha lại, nên gia tâm xếp đặt, cốt cho quân không làm khó cho dân. Dân không sợ kẻ lại, chỉnh lý một phen, bỏ hết được các mối tệ, thế là được”. Sau đó, các tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, Biên Hoà, An Giang, Hà Tiên có tập tâu trước sau [lần lượt] đến. Vua giao xuống cho triều đình hội nghị. Mọi người đều cho là bàn phiếm, không thể chọn dùng được. Việc để đấy.

Miễn thuế quan năm nay cho 6 tỉnh Nam Kỳ. Vua dụ rằng : “Các tỉnh ở Nam Kỳ, trước vì phía tây có nhiều việc, [nhân dân] mỗi một chưa hồi lại, gần đây nghe thấy nhân dân bị chứng lệ khí truyền nhiễm, càng phải cứu tế. Và lại, 6 tỉnh, đường sông có nhiều chỗ ngã ba thuyền buôn đậu rất đông, trước kia có đặt ra tuần ty để đánh thuế, thực để ngụ ý trọng việc gốc, không trọng việc ngọn. Đến như thuyền của dân đi lại, chở thóc gạo, và các hoá vật thường, vốn không ở trong hạn đánh thuế. Duy những chỗ đường sông đi, thường có sự xét hỏi, do đấy những kẻ lại dịch không tốt, không khỏi nhân đó mà sinh thêm tệ ! Ôi, triều đình yêu nuôi nhân dân, phạm việc gì có thể làm đầy đủ được đường sinh sống cho dân, tuy việc làm tốn đến nghìn vạn cũng không tiếc, huống chi là việc thuế quan nhỏ mọn ư ? Vậy sở thuế quan ở các hạt Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long, An Giang kể từ mùng 1 tháng 5 năm nay cho đến cuối tháng 12 đều gia ân cho đình chỉ việc đánh thuế, thu thuế ; đợi sau sẽ thi hành như lệ”.

Bộ Lễ tâu : “Những thần linh trong nước, thần hiệu nào trước viết những hiệu chữ “quận, công, hầu, bá” xin đều đổi làm chữ “phủ quân”, trước viết những chữ “tá thánh” và “á vương” xin đều cho viết bớt đi”. Vua y lời tâu ấy.

Cho : Phó lãnh binh Quảng Yên là Phạm Văn Phụng bỏ đi làm Phó lãnh binh Hà Nội ; quyền Phó vệ úy Nhất vệ thuộc Hữu bảo Trần Bảo Thứ, bỏ thụ làm Phó lãnh binh Quảng Yên.

Cho : Thành thủ uỷ quyền sung Hiệp quản Tả vệ dinh Hùng nhuệ là Tôn Thất Tuấn quyền Phó vệ uỷ Tả vệ dinh Long võ ; Thị vệ trưởng Hoàng Bá Bằng quyền Phó vệ uỷ Nhất vệ Tả bảo ; Vệ uỷ Tả quân, Cai đội thứ hai Cẩm y, Trưởng trực là Lê Khánh quyền Phó vệ uỷ Nhất vệ Hữu bảo Hữu quân.

Cho : Bó chính Hà Tiên là Trần Văn Thông bỏ đi làm Bó chính Phú Yên ; quyền Bó chính Phú Yên là Lê Quốc Trinh bỏ đi làm Bó chính Hà Tiên. Vua cho tỉnh Hà Tiên là chỗ địa đầu xung yếu, Thông không hiểu thời cơ và công việc, khó ở được chỗ trọng yếu. Quốc Trinh trước đã ở Hà Tiên, hơi quen việc biên cương, cho nên sai đi. Lại bảo Nội các rằng : “Tỉnh Phú Yên ít việc, Trần Văn Thông còn gắng gượng làm việc được, nếu không làm nổi, thì cách bỏ đi cũng chưa muộn gì”.

Cho : Nguyễn Cửu Đức tạm lĩnh Tổng đốc Ninh - Thái, Lê Nguyên Giám tạm lĩnh Bó chính Tuyên Quang ; Lê Khắc Nhuận tạm lĩnh Bó chính Vĩnh Long. Bọn Nguyễn Cửu Đức trước kia do bản chức, quyền lĩnh (Đức nguyên là Thống chế dinh Thân cơ, quyền lĩnh Tổng đốc Ninh - Thái. Giám nguyên là Lang trung bộ Lại. Đến đây chuẩn cho đều được thăng thụ.

Cho triệu Chương vệ sung Lãnh binh tỉnh Thanh Hoá là Phạm Phi và thụ Chương vệ lĩnh Lãnh binh tỉnh An Giang là Tôn Thất Nghị về Kinh để lưu bổ dụng. Rồi cho Phi quyền Chương ấn triện dinh Hùng nhuệ ; Nghị bổ thụ Chương vệ, quyền Chương ấn triện dinh Long võ. Cả hai đều được tham dự đình nghị.

Tha thổ binh, dẫn người nhà Thanh trước đầu thú ở tỉnh Hà Tiên, nay cho về. Trước kia, người Thổ vì giặc bắt ép phải theo đã chuẩn cho ai đầu thú thì được khỏi tội ; đến đây, quan tỉnh tâu lên rằng những người đầu thú năm ngoái mà khoẻ mạnh có đến 640 người, bèn chuẩn cho giao về hàng ngũ trong quân và các nơi sở tại để yên nghiệp làm ăn.

Sai bộ Công châm chức định lại lệ những thuyền bằng đồng mà hư hỏng, tháo ra từng tấm. Vua cho rằng những tấm đồng ở thuyền đồng tháo ra từ trước đến nay, chỗ coi việc ấy cần để thu lại, bỏ vào kho, phần nhiều không thực. Nay sai bộ Công định rõ chương trình, để phòng sinh mới tệ hại. Các quan ở bộ tâu xin : “Phàm các hạng thuyền đồng mà không thể tu bổ được nữa, thì trước khi ấy quân thuỷ sư phải xét thực, đề nghị 4 nha (bộ Công, Đô sát, Thị vệ, Vũ khố) theo lệ phái thuộc hạ hội đồng mà tháo ra, chia từng hạng, biên ghi cho rõ ràng, rồi giao Thuỷ sư đem bỏ vào kho. Nếu để hao hụt thì phải xử tội cũng như là tội trộm cắp”. Vua y lời tâu ấy.

Đặt đồn Ngự Man ở tỉnh Quảng Trị. Chín châu thuộc phủ Cam Lộ thường bị bọn Lạp Man sang lấn cướp. Nhân dân phần nhiều phải tản cư đi các nơi, có đến 3 - 4 phần 10 của cải hết sạch, thậm chí có nhiều người phải đi đày đó mà kiếm ăn, sang cả đến hạt Thừa Thiên. Việc đến tai vua, vua bảo bộ Hộ rằng : “Trước kia,

Hoàng Thu tự xin đi tuần hành biên giới, ta đã cho tùy tiện xếp đặt, nay dân hạt ấy phải lưu tán, thậm chí chuyển sang cả hạt khác. Vậy gọi là xếp đặt thì làm những việc gì?”. Liễn sai quan Phủ doãn Kinh thành, chiếu từng nhân khẩu dân đói cấp cho ăn, để đưa về tỉnh Quảng Trị, bắt phải tùy từng nơi mà an sắp⁽¹⁾, gia tâm cứu chữa, cốt sao cho họ chóng được về quê yên nghiệp. Rồi truyền Chỉ dụ xuống quở trách [Hoàng Thu]. Sau đó, bọn Thu dâng tờ tâu lên xin nhận tội; lại xin đặt một đồn nữa ở cuối địa giới làng Sen (tên trại, thuộc huyện Hương Hoá), phái quân đóng để canh giữ, gọi tên đồn là đồn Ngự Man, trích lấy những dân ở các làng phụ cận, quy bổ vào cơ Định man, phân phái phòng giữ, cứ một tháng, một lần thay đổi (trích ra những binh đinh ở các thôn phường thuộc 6 xã : Bích Giang, Cam Đường, Phú Ngạn, An Khê, Thanh Khê, Mai Đàm thượng, cùng các dân khoẻ mạnh ở trong các làng, quy thu vào làm 5 đội : 6, 7, 8, 9, 10 trong cơ Định man, hiệp với các đội trong cơ ấy từ đội thứ nhất đến đội thứ năm cho đủ 10 đội, phân phái đóng đồn canh giữ). Rồi đó, dân xã Cam Đường, xã Bích Giang, lại vì địa thế xa cách, kêu xin cải bổ, vua sai Ngự sử là Nguyễn Tất Phong và Nguyễn Chung phúc khám. Bọn Phong tâu xin theo như đề nghị của tỉnh. Vua y cho. Đồn Ngự Man đổi làm đồn An Man.

Tổng đốc An - Hà là Nguyễn Công Nhân gặp tang mẹ, chuẩn cho do đường quan lộ về quê 2 tháng để lo liệu việc tang. Nhân là người tỉnh Bình Định. Lại hạ lệnh cho quan sở tại trích ra 3.000 quan tiền ở kho để ban cho.

Tỉnh Hà Tiên tâu nói : “Hạt ấy là địa đầu xung yếu, có nhiều đồn trại, xin cho 2.300 biên binh mà tỉnh Vĩnh Long và tỉnh An Giang phái đến trước, lưu lại để phòng thủ”. Vua nói rằng : “Lưu quân lại để tự vệ cho mình, là ý kiến thiên về một bên đó thôi”. Lại sai Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Công Trứ bàn việc ấy. Bọn Tri Phương lại xin bắt 500 quân ở tỉnh Gia Định và 3 trăm quân ở tỉnh Định Tường hợp cùng với biên binh của 2 tỉnh Vĩnh Long, An Giang hiện đóng ở đấy đều lưu lại để phòng thủ. Vua cho rằng sự đi lại thay đổi chưa thoả đáng, chỉ chuẩn cho 2 tỉnh Vĩnh Long và An Giang đều phái một cơ binh đóng lại ở đấy, cứ 6 tháng thay đổi một lần.

Cho : Lãnh binh Vĩnh Long là Nguyễn Văn Hoàng bổ làm Lãnh binh An Giang ; Vệ úy tác vi Phó lãnh binh Vĩnh Long là Nguyễn Văn Phương bổ thực thụ Lãnh binh Vĩnh Long ; Phó lãnh binh Hà Tiên là Tôn Thất Trực bổ làm Phó lãnh binh Vĩnh Long ; Vệ úy Thủy vệ Hà Tiên là Nguyễn Văn Do bổ thụ Phó lãnh binh Hà Tiên ; Phó lãnh binh Nghệ An là Nguyễn Doãn thăng Lãnh binh Thanh Hoá ; thự Lãnh binh Quảng Trị là Đỗ Đức Tuấn bổ thụ Lãnh binh Nghệ An ; thự Vệ úy vệ Khánh Hoà là Hoàng Đức bổ thụ Phó vệ úy vệ Cấm binh, lại thăng thự Lãnh binh

(1) An sắp : sắp nhập vào chỗ nào đó mà cho ở yên.

Quảng Trị ; thự Phó vệ úy Nhị vệ Tả bảo văn sung Hiệp quản là Hoàng Văn Lý thăng thự Vệ úy vệ Khánh Hoà ; nguyên Phó vệ úy vệ Tiền thủ hộ lĩnh Từ tế phó sứ là Tôn Thất Đắc thăng thự Vệ úy Trung vệ dinh Long võ.

Định lại hoá giá ở các sở tuần ty. Bộ Hộ tâu nói : “Khoảng năm Gia Long, chuẩn định phương pháp cho các tuần ty đánh thuế các hàng buôn, cứ hàng hoá 40 phần thì thu thuế một phần, hoá giá các địa phương đều căn cứ số khai mà so sánh quy định, biên ra từng hạng để thi hành, nhưng lấy cứ 5 năm làm một kỳ hạn, ngoài hạn ấy mà hoá giá có cao quá hay hạ quá, quan sở tại đều phải khai cho rõ, do bộ cải chính, lục tống đi để thi hành. Gần đây chưa thấy các địa phương đem vật giá tư cho bộ để cải định, thực sợ lâu ngày sinh tệ, không khỏi cái bệnh lạm thu ! Nay xin từ tỉnh Hà Tĩnh trở ra Bắc, phạm địa phương nào có tuần ty hay bến thuyền đều phải xem hoá giá trên mặt chợ, so với trước, cao hạ như thế nào, khai ra do bộ tâu xin thi hành”.

Vua nói rằng : “Những nơi tuần ty hay bến thuyền sở dĩ đặt ra, là nguyên vì tiểu dân hay bỏ việc gốc, theo việc ngọn, cho nên định ra phép thu thuế quan để bảo cho dân phải hạn chế việc buôn mà trọng việc làm ruộng. Duy trong khi thừa hành, tất phải hoá vật có định giá, thuế có ngạch thường, thì kẻ tham lợi không được nâng cao giá lên mà thu thuế quá lạm, không làm khó cho những người buôn. Điều lệ ngày trước đã rất chu đáo rồi, trải đến nay hơn 30 năm, vật giá lẽ nào không cao lên hay hạ đi ? Thế mà các địa phương không có kiểm soát, bộ Hộ cũng nhất vị bỏ qua, có thể không sinh mới tệ được không ?”. Nhân truyền dụ cho từ tỉnh Hà Tĩnh trở ra Bắc : phạm địa phương nào có tuần ty hay bến thuyền, đều phải kiểm tra số hoá giá đã biên ra từng hạng do năm Gia Long thứ 11 [1812] khâm tống đi, so sánh với hoá giá hiện thời, đối chiếu từng hạng, rồi tư bộ chuyển tường⁽¹⁾ các quan trong triều, châm chước nghĩ định, tâu xin thi hành. Từ nay, tỉnh Hà Tĩnh trở ra Bắc, các tỉnh đều phải cứ theo giá chợ, khai ra từng thứ, do bộ chuyển tường các quan trong triều xét và nghĩ định. Năm tỉnh Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, địa thế ở liền, giá cả không hơn kém sai khác cho lắm, xin theo như cũ hợp làm một giá. Tám tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Yên, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, địa thế xa xôi, hoá giá không đều, theo như cũ đều lập riêng một giá, lại phải theo như thể thức năm trước đã công đồng khâm định, lấy hoá giá các địa phương hợp lại làm thành một quyển sổ, lại viết tình tường ra một bản, đóng ấn triện các quan trong triều, giao bộ Hộ lưu chiếu. Rồi chiếu từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, phân chép cho mỗi tỉnh một bản, đóng ấn bộ Hộ, tống giao cho các địa phương, lại sao lục cho các nơi tuần ty, bến thuyền và dân xã trong các huyện,

(1) *Chuyển tường* : chuyển đạt cho biết rõ.

bắt đầu kể từ tháng giêng năm Thiệu Trị thứ 4, xin do các địa phương thường phải gia tâm kiểm điểm đóc súc, phạm những người đi buôn, khi đi qua các quan sở, đều phải khai báo hoá vật. Kê ra bản đơn hàng, người ngồi thu thuế phải theo lệ đánh thuế, nhưng đem cả giá các hoá vật, và số tiền thuế phải thu cùng ngày giờ nào đến sở quan nộp thuế, cứ thực biên giao cho người buôn chấp chiếu, rồi cho đi. Nếu thu quá lệ và có tình hình làm khó dễ, yêu sách hoặc ngăn giữ lại, thì cho người đi buôn đến kêu quan sở tại xét hỏi, đem bọn sinh tệ nghiêm gia nghị xử ; còn người buôn thì tha cho về làm ăn. Nếu phủ, huyện và quan tỉnh không nhận việc kiện ấy, hoặc nhận mà không xét hỏi, hoặc biết có việc ấy mà không đưa ngay việc ra, một khi phát giác, sẽ giao bộ nghiêm nghị. Vua cho lời tâu ấy là phải.

Tỉnh Nghệ An tâu nói : “Hai tỉnh Thanh, Nghệ khi phái biên binh đi dẫn giải những người thợ làm đồ vàng bạc, có lương cấp cho lương ăn đi đường, khi về, cũng xem xét xem [trở về] hạt nào thì cấp phát”. Vua chuẩn cho từ nay, phạm biên binh các hạt nếu có phái giải những của công, cũng cho chiếu lệ ấy mà thi hành, đường đi của biên binh phải đi đóng thú, đi từ 4 ngày đường trở lên, không cứ là mới đi hay giải theo, cũng chiếu từng ngày mà cấp lương.

Kiểm quản ấn vụ Quang lộc tự là Lê Đăng Doanh suy cử Quang lộc tự Thiếu khanh là Lê Quang Thắng làm Tự khanh. Vua nói : “Tự khanh là chức đứng đầu một nha, phải đợi Chỉ chọn bổ mới được. Thắng là tạp lưu xuất thân, ở vào địa vị ấy sao được ? Lời xin ấy không được chuẩn y. Vả lại, Đăng Doanh có trách nhiệm sung làm sư bảo của hoàng tử, hoàng đệ, thế khó kiểm quản cả được. Vậy ấn triện Quang lộc Tự khanh, đổi giao cho Tham tri bộ Hộ Đào Trí Phú kiểm quản”.

Đặt viện Đoan thuận ở trong cung thành.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXX

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Quý Mão, Thiệu Trị năm thứ 3 [1843], mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, làm lễ Hạ hưởng.

Ngày Mậu Dần. Ban cho hoàng tử, hoàng thân và các quan văn võ một tiệc yến lớn ở điện Cần Chính : văn từ tứ phẩm ấn quan, võ từ thự tam phẩm trở lên, và quan các địa phương về Kinh hội và ban châu, đều được dự yến. Trước kia, rước Thánh tổ Nhân hoàng đế thờ lên nhà Thái miếu, và phối hưởng lên Giao đàn, khi làm lễ xong, các quan đều chúc mừng. Vua nói : “Lễ tôn đáng thân vui vẻ, vua tôi ta cùng hưởng phúc với nhau. Ngày trước, đời Chu có hát thơ Lộc minh⁽¹⁾, đời Đường có tiệc yến vào năm Lân Đức⁽²⁾ : vua ban yến cho bề tôi, bề tôi chúc vua, đường bề cùng tin nhau, là lễ rất thịnh”. Vậy sai quan Thái sử chọn ngày tốt để làm lễ, trước kỳ làm lễ, bộ Lễ bàn về nghi tiết chúc thọ :

Thứ nhất thì hoàng tử, thứ hai thì hoàng thân, thứ ba thì các quan đại thân. Kiến An công Đài sung ban chúc thọ lần thứ hai. Vua nói : “Bây vị thân công đều là chú ta, tuổi đã nhiều, để nâng chén rượu múa nhảy và khúm núm đi lại, thì không phải là trọng đãi, nên miễn cho”.

(1) *Lộc minh* : một thơ trong thiên “Tiểu nhã”, *Kinh Thi*. Khi yến các bề tôi thì hát thơ ấy.

(2) *Lân Đức* : niên hiệu Đường Cao tông. Khi ấy có ban yến các bề tôi.

Đến ngày làm lễ, vua ngự điện Cấn Chính. Các quan mặc triều phục hầu tiệc yến. Hoàng tử công, hoàng thân công và văn võ đại thần lần lượt chúc thọ (lần thứ nhất : hoàng tử thứ hai là Phúc Tuy công bung chén đựng rượu, hoàng tử thứ tư là Hồng Y bung nậm đựng rượu, An Phong công là Hồng Bảo chúc thọ ; lần thứ hai : Ninh Thuận công là Miên Nghi bung chén, Tương An công là Miên Bảo bung nậm rượu, Thọ Xuân công là Miên Định chúc thọ ; lần thứ ba : Trung quân Chương phủ sự là Tạ Quang Cự bung chén, Hiệp biện Đại học sĩ là Lê Đăng Doanh bung nậm đựng nước, Thái bảo Đại học sĩ là Trương Đăng Quế chúc thọ). Múa bát dật ở trước sân rồng theo nhạc chương năm Minh Mệnh thứ 3 [1822]. Bày vị thân công ngồi ở bên trên, hoàng tử hoàng thân châu hầu. Vua thân rót rượu, trước ban cho các vị thân công, rồi đến các hoàng tử, hoàng đệ, và đại thần có dâng chén chúc thọ. Lễ xong, ban thưởng cho vàng, bạc, lụa hoa và các thứ đồ vật có thứ bậc khác nhau (thường : hoàng tử công, hoàng thân công mỗi người 20 lạng bạc, 1 đồng kim tiền hạng lớn có chữ Phúc thọ đa nam ; quốc công mỗi người 15 lạng bạc, 1 đồng kim tiền có chữ Phúc thọ đa nam ; quân công mỗi người 14 lạng bạc và 1 đồng kim tiền hạng nhỏ có chữ Phúc thọ đa nam, hoàng tử, hoàng đệ mỗi người đều 13 lạng bạc, 1 đồng kim tiền Tam đa và thứ đoạn dẹt hình con mãng xà ở chung quanh, lương the, nhiều, bộ đồ uống trà và bộ đồ uống rượu của Tây dương, đĩa, chén các hạng. Lại gia thưởng cho hoàng tử công và hoàng thân công vừa chúc thọ mỗi người đều 3 tấm lương the hoa các màu và 1 tấm nhiều hoa ; các quan đại thần sa hoa đều 2 tấm, nhiều nam đều 1 tấm. Lại thưởng chánh nhất phẩm đều 12 lạng bạc, 1 đồng kim tiền hạng nhỏ có chữ Cát tường như ý ; tòng nhất, thự tòng nhất và gia tòng nhất, đều 10 lạng bạc, 1 đồng kim tiền Bát bảo hạng nhỏ ; chánh nhị, thự chánh nhị phẩm đều 9 lạng bạc ; tòng nhị, thự tòng nhị phẩm đều 8 lạng bạc. Văn : chánh tam, thự chánh tam phẩm đều 6 lạng bạc, tòng tam phẩm đều 5 lạng bạc ; chánh tứ phẩm, biện lý Bộ vụ, sung biện Các, Vụ đều 4 lạng bạc. Võ : chánh, thự tòng tam, gia tòng tam phẩm đều 4 lạng bạc, và nhiều dẹt bằng chỉ xe, lương the, nhiều, trầu nam, bộ đồ uống trà và bộ đồ uống rượu của Tây dương, cùng đĩa, chén các hạng).

Chiều hôm ấy, ban yến cho hoàng tử, hoàng đệ ở Duyệt thị đường. Đến ngày hôm sau, ban yến cho văn võ tứ phẩm trở xuống ở Xưởng Tả tướng quân (văn, võ chánh tứ phẩm, thự chánh tứ phẩm, ban cho mỗi người 4 lạng bạc, và ngân tiền Phi long hạng lớn, hạng nhỏ đều 1 đồng ; văn, võ tòng tứ phẩm, thự tòng tứ phẩm đều 3 lạng bạc và ngân tiền Phi long hạng lớn, hạng nhỏ đều 1 đồng ; văn, võ chánh ngũ phẩm, thự chánh ngũ phẩm đều 2 lạng bạc và ngân tiền Phi long, hạng lớn, hạng nhỏ đều 1 đồng ; văn tòng ngũ, thự tòng ngũ phẩm đều 1 lạng bạc, và ngân tiền Phi long hạng lớn, hạng nhỏ đều 1 đồng ; võ, chánh lục, thự chánh lục phẩm đều 1 lạng bạc

và ngân tiền Phi long hạng nhỏ, đều 1 đồng). Tổng đốc, đề đốc, tuần phủ, bố chính, án sát, chánh phó lãnh binh ở các trấn ngoài, cũng lượng cho thưởng cấp.

Vua xuống dụ rằng : “Nay, các phương yên vui, bốn cõi yên tĩnh, lễ lớn đã làm xong, rộng ban ân trạch nhưng mới thiết yến và ban thưởng ở sân rồng. Nhân nghĩ đến các quan có chức vụ, chưa được đến sân rồng, bèn sai thị vệ đi đường trạm, đem tiền bạc đi tuyên bố chỉ dụ để ban cho khắp, bảo cho biết cái ý tốt coi người ở nhà và người đi cũng như một (tòng nhất phẩm, lĩnh tổng đốc, ban cho 12 lạng bạc và đồng kim tiền Tam đa hạng nhỏ ; tổng đốc, thự tổng đốc, thự thống chế, lĩnh tuần phủ đều 11 lạng bạc, 1 đồng kim tiền Bát bảo ; tuần phủ, hộ đốc, thự lý đề đốc đều 10 lạng bạc ; thự tuần phủ, đều 9 lạng bạc ; bố chính, thự bố chính, đều 7 lạng bạc ; án sát, thự án sát đều 5 lạng bạc ; tòng nhị, thự tòng nhị, gia tòng nhị phẩm, Lãnh binh, đều 7 lạng bạc ; chánh tam, thự chánh tam phẩm, lãnh binh, phó lãnh binh, đều 4 lạng bạc và nhiều dẹt bằng chỉ xe, lương the, nhiều các hạng.

Ngày Canh Thìn. Vua ngự điện Thái Hoà. Các quan dâng biểu tạ.

Cho Kiến An công Đài một chiếc thuyền ván có mũi, cột buồm dài.

Cho các hoàng đệ đã phong các tước : áo xuân năm nay. Lệ cũ phạm hoàng đệ công, quốc công, quận công, đã được phong tước, thì thời không cấp cho áo mặc về mùa xuân, Nội vụ phủ đem việc ấy tâu lên, vua nói : “Lễ mừng năm nay khác với các năm thường, gia ân hãy tạm thưởng cấp cho một lần, sau sẽ thi hành như lệ cũ. Duy có các hoàng đệ chưa phong tước, và các em gái nhà vua chưa gả chồng, lương hằng năm còn hơi ít, vậy hằng năm cứ cấp cho [áo xuân]”.

Sắc cho Tôn nhân phủ, lục bộ và các nha môn : phạm các văn thư sổ sách mà có ngự bút, thì phụng lĩnh lại nộp ở Nội các để kính cẩn tôn trọng giữ lấy.

Bổ : Tuần phủ hộ đốc Nam Định là Hà Thúc Lương làm Tả phó đô ngự sử ở viện Đô sát ; Tổng đốc Bình - Phú là Đặng Văn Thiêm làm Tổng đốc Định - Yên. Đổi bổ nguyên Tuần phủ Hải Dương quyền biện công việc bộ Công là Trần Văn Trung đi Tuần phủ tỉnh Bình Định, Hộ lý quan phòng tổng đốc Bình - Phú. Văn Trung vào bái từ [để đi nhậm chức] vua dụ rằng : “Bình Định là một tỉnh lớn ở tả trục kỳ, gần đây bị luôn tai hại riêng, chính nên phải điều bổ cho ngay. Người từng đương trách nhiệm địa phương, quen biết hết cả tình dân, nên giải bày mưu lược để xứng đáng với sự uỷ thác”. Khi Trung đến [Bình Định], tâu lên nói : “Hai huyện Phú Mỹ, Phù Cát, lúa ruộng gặt được ít : thuế thóc năm nay, xin cho nộp thay bằng tiền. Lại xin tạm đình công việc đặt giá mua vật liệu của dân”. Vua đều y cho. Hoàn việc duyệt tuyển cho tỉnh Bình Định về năm ấy, tha các thứ thuế ở chỗ nguồn nước, đầm nước, 10 phần chỉ thu 1 phần.

Khen thưởng người con có hiếu là Nguyễn Văn Thiệu ở tỉnh Phú Yên. Thiệu là con người hiếu tử Nguyễn Văn Tụ (người thôn Diêm Điền, huyện Đồng Xuân). Tụ có tiếng là hiếu. Thiệu nối được đức hiếu của cha, được người châu quận và làng mạc đều kính nhường. Khoảng năm Minh Mệnh, cha con đều được thưởng cấp ngân đoạn và biển ngạch (biển của Tụ : khắc chữ “Hiếu thuận khả phong” ; biển của Thiệu : khắc chữ “Thiệu thuật khả phong”). Đến khi Tụ mất, Thiệu làm nhà ở trên mộ cha (ấp mộ) 3 năm, lòng thương xót và hình dung ủ rũ theo như tang lễ. Án sát tỉnh Phú Yên là Nguyễn Văn Lý đến tận nhà ấy, lấy sự trạng, tâu lên. Vua cho là Thiệu nối được đức tốt của cha, lại thưởng cho 10 lạng bạc, 1 tấm đoạn trong ngoài khác màu và 1 súc lụa.

Quan tỉnh Khánh Hoà tâu lên nói : “Trước kia, các hạng thuyền buôn về hạt ấy, nộp thuế bằng tiền. Năm Minh Mệnh thứ 17 [1836] định lại : chiếu theo giá chợ, bắt phải chiết nộp bằng thóc gạo. Nay dân tình xao xuyến, giá gạo lên quá cao. Vậy, xin theo như lệ cũ, cho nộp bằng tiền. Vua y cho.

Có hơn 20 chiếc thuyền của bọn giặc nhà Thanh đến đậu ở đảo Đại Chiêm thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam. Tỉnh phái Phó quản cơ là Lê Văn Hưu đi tuần ngoài biển, cùng [dám thuyền giặc] gặp nhau. Hưu vì giặc nhiều, mình ít, không địch nổi, kéo đi. Phó lãnh binh Nguyễn Nghĩa nghe tin báo, lập tức đem thuyền quân ra để chặn đánh. Vua nghe biết, lấy làm lạ, nói : “Bọn giặc Thanh ẩn hiện ở ngoài biển, làm ngăn trở các thuyền buôn đi lại, nay lại dám vượt vào đảo Đại Chiêm đến vài mươi chiếc thuyền, chẳng qua chỉ thừa cơ để cướp lương ăn cho sống đó thôi. Chỉ là cho Lê Văn Hưu gặp chúng thì lui ngay, rất là hèn nhát. Vậy, trước hãy cách chức, giao cho tỉnh tra xét để nghị tội”. Lập tức sai tỉnh Quảng Nam sửa soạn một chiếc thuyền đồng để phái ra biển, thự Vệ uý vệ Loan giá là Tôn Thất Năng, thự Lang trung bộ Binh là Lê Quốc Hương phải đi ngay bắt [Lê Văn Hưu] phát vãng sung quân để trị tội. Lại phái thêm thự Chưởng vệ Thủy sư là Đoàn Khắc, Phó vệ uý dinh Thân cơ là Nguyễn Quý chia nhau đi thuyền hiệu Bình hải và Tuần hải. Lại tư ngay cho thuyền quân tuần dương nhất tề chở đi mặt biển Nam - Ngãi, hội đồng đánh giặc. Rồi đó, thuyền giặc qua cửa biển Sa Kỳ, cướp lấy binh khí, lại đốt cháy các nhà dân cư ở Lý Sơn. Quân các đạo chưa đến kịp, Tôn Thất Năng và Lê Quốc Hương đi thuyền Thanh Loan lớn đến trước, đem gặp bọn giặc, đem thứ súng lớn bắn âm lên, đánh vỡ và đánh chìm 2 chiếc thuyền giặc, còn đảng giặc vỡ tan cả. Tin thắng trận đến tai vua, vua khen rằng : đêm khuya có một chiếc thuyền, mà đánh chớp nhoáng được thuyền giặc đều đắm xương bụng cá, thực không phụ mệnh lệnh ở trước mặt ta. Vậy thưởng cho quan quân đi trận, quân công kỷ lục kim tiền, ngân tiền có thứ bạc khác nhau. Tôn Thất Năng, Lê Quốc Hương đều cho thực thụ.

Lê Văn Hữu, sau bị tội, phải phát vãng đi sung quân. Lại vì giặc biển chưa dẹp yên, mà thuyền vận tải Bắc kỳ chuyên chở của công phần nhiều chưa tới Kinh. Vậy sức ngay cho bọn Quản vệ Lê Văn Bản trước đã phái đi tuần ở ngoài biển phải cho thuyền tuần biển đi đi lại lại luôn để hộ vệ.

Hạt Thừa Thiên lại phát sinh chứng lệ khí. Sai viện Thái y đem thuốc ở kho chia nhau đi chữa bệnh.

Tổng đốc tỉnh Quảng Đông nhà Thanh phái uỷ Đề đốc Thủy sư đem quân thuyền đi tuần để lùng bắt bọn giặc biển, có tư cho châu Vạn Ninh biết. Việc này đến tai vua, vua sai 2 tỉnh Quảng Yên và Hải Dương đều phái quân thuyền, hạt nào theo địa phận hạt ấy mà phòng thủ. Rồi đó, ba chiếc thuyền giặc Thanh bị quân Thanh đuổi gấp, bỏ thuyền lên bờ. Tri châu Vạn Ninh, Trần Quang Giao, khẩn sức dân phu lùng bắt, chém được 1 đầu giặc, bắt được 24 tên. Có tin báo đến Kinh, vua thưởng cho Quang Giao gia một cấp và một đồng kim tiền, ghi lấy tên để sẽ bỏ vào chỗ khuyết đáng được thăng. Những người đương trường bắt được giặc, chém được đầu giặc, đều thưởng cho 3 đồng ngân tiền hạng lớn, và 1 tấm ngân bài. Những dân phu đi bắt giặc, thưởng tất cả cho 100 quan tiền. Còn những tên giặc bị bắt, tống giao cho nhà Thanh.

Thự Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Đình Tân tâu nói : “Những quân tuyển mộ ở hai phủ thuộc hạt có đến 1.757 tên : quân thuộc phủ Khoái Châu thì theo sai phái ở tỉnh, còn quân thuộc phủ Tiên Hưng thì cho đóng thú ở tỉnh Đông. Khi gặp có chỗ nào khuyết thì di chuyển đi, thật là vất vả, khó nhọc, phí tổn. Hằng năm, tỉnh Nam Định lại phải trích ra 1 cơ đến phụ thú [ở đây], cũng là phiền phức. Vậy xin những quân do tỉnh tuyển ra, đều thuộc về bản tỉnh, còn số quân ở tỉnh Nam Định đến đóng thú thì đình chỉ lại”. Vua cho rằng ngạch quân chia đặt cho các tỉnh hạt đã xong rồi, cần gì còn đổi đi đổi lại cho thêm việc nữa. Không chuẩn cho thi hành.

Khởi phục : Nguyễn Quốc Hoan làm Viên ngoại lang, Nguyễn Đông Khoa làm Chủ sự, giao bộ xét bổ. Hoan nguyên là Bó chính Nam Định, Khoa nguyên là Bó chính Hà Tĩnh, trước vì phải giáng luôn, bị mất chức, nay Hoan làm việc ở đường đi biển, công việc được xong xuôi, Khoa theo hiệu lực ở bộ, cũng biết gắng sức, nên vua có mệnh lệnh này.

Thự Phủ doãn Thừa Thiên là Đỗ Cao Mai mất. Cho : Hồng lô Tự khanh biện lý công việc bộ Lại là Vũ Đức Nhu thăng thự Phủ doãn Thừa Thiên ; Tả thị lang bộ Lễ Trương Quốc Dụng bổ sang Tả thị lang bộ Lại.

Lục những bề tôi cũ khi chưa lên ngôi. Tặng cho : nguyên Vệ úy Lê Quý Đạt là Thiêm sự phủ Thiêm sự ; nguyên Án sát Nguyễn Vĩnh Trinh là Quang lộc Tự khanh ; nguyên Quản cơ Vũ Văn Đặng là Vệ úy các quân ; nguyên Cai đội

Nguyễn Văn Công là Phó vệ úy các quân ; nguyên Chánh đội trưởng suất đội Nguyễn Đình Hựu là Phó quản cơ.

Tỉnh Quảng Nam tâu nói : “Những thứ đường cát do nhà nước bỏ vốn và những gỗ đặt giá mua của dân ở trong tỉnh, từ trước đến nay đều thu chứa vào kho ở tỉnh, rồi lại vận tải đến đồn ở cửa biển Đà Nẵng, khi tải đi tốn nhiều công dịch. Vậy xin cho dân làm đường nếu ở xa đồn cửa biển, thì liệu thu nộp ở tỉnh ; còn dân làm đường ở gần đồn cửa biển và những gỗ đặt giá mua của dân, đều thu để vào đồn ở cửa biển. Vua nói : “Dân cư có nơi ở xa gần khác nhau, nếu chỉ nộp ở đồn cửa biển, thì chưa thể giữ được không sinh ra mối tệ khác. Vậy chuẩn định : phạm những đường cát và các tấm gỗ ván phải nộp, nếu có ai tình nguyện nộp ở đồn cửa biển cho gần, cũng cho ; còn thì đều phải nộp ở tỉnh như trước, không nên bắt ép phải tải đến nộp ở tận sở, sinh ra khó nhọc, phí tổn”.

Ra lệnh cho thự Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giao triệt binh về tỉnh. Vì mùa hạ nóng nực, tướng sĩ khó nhọc đã lâu, vua sai đem tất cả binh đồng ở trong hàng ngũ triệt về hết ; nhưng trách cứ các thú đỉnh và những người hiệu lực lòng bất giác Nhân, giặc Bật để tuyệt cái mầm ác. Giai lại tâu nói : “Mới dò thám được tin tên giặc Nhân thường bị quan quân vây bắt, một mình chạy trốn, lên vào nhà tên Cai tổng Hoàng Văn Nông ở huyện Minh Nghĩa, được Nông giúp cho gạo ăn, rồi lại đưa đi. Vậy xin xử Văn Nông vào tội tòng xẻo, bắt thân thuộc nó sung công và tịch thu gia sản, để răn kẻ khác. Vua nói rằng : “Nông chỉ giúp lương [cho giặc] mà thôi, so với kẻ theo giặc rồi đem quân chống cự lại có khác, vậy sai chém Nông đi, còn thân thuộc và tài sản miễn cho sung công và tịch thu”.

Kinh sư không mưa. Sai Kinh doãn Vũ Đức Nhu đến miếu Hội đồng thành kính đảo vũ. Đến hôm sau, trời mưa, sai sắm sửa lễ vật đến lễ tạ, thưởng cho Nhu kim tiền 1 đồng, kỷ lục 1 thứ.

Phường Tuyên Hoá trong Kinh thành Thừa Thiên bị hoả tai cháy lan đến hơn 240 nhà. Vua bảo bộ Binh rằng : “Trong Kinh thành phần nhiều không lưu ý đến việc lửa, không phòng bị trước, đến lúc cháy lại không hết sức cứu chữa, đó đều là trách nhiệm của Kinh doãn. Phạt bọn Nhu ba tháng lương, chẩn cấp cho dân bị hoả tai như lệ định”. Nhân sắc xuống : từ nay, 3 tháng đến 7 tháng, bắt thêm biên binh vào xường Điển hộ tướng quân, để khi có hoả tai, ra sức cứu chữa ; ngoài cửa Nhật Tinh, Nguyệt Anh cũng phải có đủ những đồ cứu hoả, để cẩn phòng khi xảy ra bất ngờ.

Thủ hộ phó sứ Tôn Thất Quý có tội, bị mất chức. Quý bắt binh lính làm việc riêng, rồi lại bán cho người khác để lấy tiền, bị Thủ hộ sứ Tôn Thất Trúc tâu hạch. Quý bị cách chức, phát vãng đi khổ sai ở tỉnh Thanh Hoá để chuộc tội. Sai Lang trung ty Điển nghi Tôn Thất Đức do chức đang làm hiệp đồng với Tôn Thất Trúc thương biện mọi việc, việc gì đáng tâu thì cho liên danh để tâu.

Vì tiết Tiểu mã sắp đến, truyền dụ cho các địa phương Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh, Nam Định, Hưng Yên đều phải đem tình hình phòng bị nước sông to, làm tờ phi tấu ngay lên, nhưng phải gia tâm phòng hộ, để giữ không có sự gì xảy ra.

Tham tán Tôn Thất Bật, Tán lý Lâm Duy Thiếp từ Nam Kỳ trở về. Vua triệu vào bệ kiến, hỏi tình hình quân dân. Bọn Bật thưa rằng : “Lúa ruộng ở Lục tỉnh cũng được mùa vào hạng trung bình. Gần đây, nhờ được hoãn việc duyệt định tuyển lính, tha cho thuế quan, tài lực của quân dân cũng được hơi thư thái”. Lại hỏi đến sự thế ở Trấn Tây. Họ thưa rằng : “Lấy thì không khó, nhưng giữ được thì khó”. Vua lặng yên, sai đều đi cung chức như cũ. Rồi bọn Bật đem danh sách tra xét về binh tượng Lục tỉnh và việc xét hỏi công, tội những văn quan và võ chức tâu lên. Vua giao bộ Binh phân biệt thưởng, phạt. Duy có bọn Tổng đốc, Bố chính, Án sát và Chánh phó lãnh binh tỉnh Gia Định, vì số quân trong tỉnh trốn đi nhiều (thiếu hơn 1.800 người), nên đều phạt 3 tháng lương.

Vua cho rằng phủ Tây Ninh là chỗ trọng địa xung yếu, trước đã sai thự Đề đốc Gia Định Ngô Văn Nhai đặt đồn trại, mở đồn điền, chiêu dân, lập ấp ; đến đây, sai Tổng đốc Lê Văn Phú dò hỏi tình hình để tâu lên. Phú tâu nói : “Phủ Tây Ninh, ruộng đất màu mỡ. Khí hậu trong lành, mà địa thế và tình hình dân Man, Văn Nhai vốn đã quen thuộc, nên để cho lưu lại ở đấy, để giúp việc phòng thủ”. Vua y theo. Lại dụ cho Văn Nhai phải nên võ về quân ngũ, yên ủi phương dân, khiến cho ruộng đất ngày một mở mang, dân vật ngày một phồn thịnh để thu lấy thành hiệu.

Sai các quan đại thần bàn rõ sự nghi xứ Trấn Tây. Trước đây, Tổng đốc An - Hà Nguyễn Công Nhân, lĩnh Tuân phủ Nguyễn Công Trứ tâu lên nói : “Quân Xiêm ở lâu xứ Trấn Tây, dân bản xứ khổ về việc cung đốn. Phàm có việc phải bắt dân phu, phần nhiều trốn tránh ; quân Xiêm cũng không thích ở lâu ở đấy, thường thường lẩn trốn, số quân không quá 5.000 - 6.000. Bên hữu ngạn sông Tiền Giang đã không có quân Xiêm đóng đồn, chỉ có các đồn trại Ba Nam Đà và Lô An, cũng giao cho hào mục bản xứ và dân bản xứ phòng thủ mà thôi. Duy đường thủy về sông Hậu Giang là có phòng giữ ; đường bộ thì từ Vĩnh Long đến Hà Âm không có phòng bị gì, có thể nhân cơ hội đó, xin phái 9.000 quân của Kinh thành và mỗi tỉnh 5.000 quân, đủ số 30.000, phái thêm một cơ quân có voi ; lại chọn một viên Tổng thống chuyên lĩnh các quan đại thần, cốt đến tháng 11 hội đồng trừ tính, chia đường để tiến đánh.

Vua phê giao cho các văn võ đại thần xét bàn. Bọn Trương Đăng Quế, Tạ Quang Cự, Vũ Xuân Cẩn, Tôn Thất Bật, Hà Duy Phiên và Nguyễn Trung Mậu cho rằng Lục tỉnh ở Nam Kỳ trước vì có việc, gọi quân phái đi, sau đó mỗi một, nguyên khí chưa hồi, các hạt từ tỉnh Quảng Nam trở vào Nam, chợt gặp chứng lệ khí, dân mệt nhọc hoàn hồn. Và lại, quân đi đóng thú đã lâu, mới được tha về, nay nếu lại

gọi ra để phái đi, không khỏi đem cái việc mình không thích đến cho cái người mà mình thích. Hơn nữa một hạt Trấn Tây, lấy được không phải là khó. Nếu lấy được đất ấy, dân Man sợ hãi, tản mát đi cả, không dám thò đầu ra. Nếu ta đóng quân để cố giữ, lâu ngày lại phí tổn nhiều, sợ cũng chưa phải là kế làm được. Vậy xin đợi 1 - 2 năm sau, nước Lạp Man không chịu được sự bạo ngược của nước Xiêm, thế tất phải quy phục về ta. Nhân đó, ta sẽ tùy tiện để xử trí, vẫn là kế rất cao, không phải đánh mà khuất phục được người. Nếu chúng chấp mê không hiểu, đợi khi dân ta hồi phục lại, binh lực mạnh lên rồi sau sẽ dùng : hễ đánh là được, chỉ một trận quét sạch, mới là kế vạn toàn. Xin hạ lệnh cho các tỉnh Nam Kỳ vỗ yên nhân dân, huấn luyện quân sĩ, hoặc làm đồn điền để tích trữ thóc hoặc sửa sang thuyền bè, đợi gặp cơ hội, sẽ tính đến việc đem đại binh mà đánh. Còn bọn Nhân tâu nói : “xin đợi sau thông thả sẽ bàn cũng được”. Vua cho là phải.

Rút bỏ những số dân chết về bệnh dịch ở các tỉnh từ Nghệ An trở vào Nam. Vua dụ rằng : “Dân là gốc nước, chính trị ở chỗ nuôi dân, từ khi ta lên ngôi đến nay, thường nghĩ đến việc yên ủi và gia ân cho dân, khoan xá những khi thiếu thuế, ân trạch ban luôn, vốn muốn khiến cho dân ta đều được lạc lợi. Năm nay các tỉnh từ Nghệ An đến Nam Kỳ, lệ khí lan tràn, đã sức ngay cho phải cầu cúng và tìm thuốc chữa, người chết thì cấp tuất cho, không chỗ nào là không chu đáo. Nhờ trời giáng phúc, thương đến dân ta, chứng lệ khí phần nhiều đã được yên, đôi khi còn 1 - 2 nơi, rồi cũng ngày ngày khỏi dần, rất là may cho dân ta. Nhân nghĩ đến dân : chết vẫn còn viết tên ở sổ, thế chỉ là phò cái số không, dao dịch sưu thuế lại cứ chiếu sổ trách thu, lòng ta thực là không nỡ ! Nay chuẩn cho Thượng ty các trực tỉnh như : Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hoà, Gia Định, Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, Hà Tiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, sức cho dân : người nào chết rồi, còn tên ở sổ thì rút bỏ tên đi, thuế thân năm nay rộng tha cho. Các xã thôn, nơi nào có tình hình thiệt hại, chia ra từng hạng, làm thành danh sách, để đợi ban ơn.

Sai Tả dực Thống chế dinh Vũ lâm là Nguyễn Trọng Tính kiêm giữ ấn triện dinh Kỳ võ ; cho Phó vệ úy Trung vệ dinh Long võ Tôn Thất Đắc bổ sung Phó vệ úy vệ Hữu nhị dinh Vũ lâm, thự Phó vệ úy vệ Hữu nhị là Phan Thái bổ sung Phó vệ úy Trung vệ dinh Long võ.

Tặng tiền tuất cho những quân đội thuyền Thanh dương khi đi biển bị nạn. Năm ngoái, thuyền Thanh dương đi đóng thú ở phương Nam, đến khi trở về, qua phận biển tỉnh Quảng Ngãi, gặp 27 chiếc thuyền của bọn giặc nhà Thanh là Lâm Chương bao vây. Bọn Phó vệ úy Lê Tô muốn bắn, Suất đội Trần Như Thị ngăn lại, nói rằng : “Đó là thuyền đánh cá đẩy thoi, đừng nên khinh thường, phí mất thuốc đạn”. Rồi đó, thuyền giặc tiến sát gần, hộ vệ trưởng Tôn Thất Phù đối địch với giặc,

ngăn chặn không được, bọn giặc ủa cả lên thuyền, chém giết lia lịa, người trong thuyền trở tay không kịp. Tô vác dao liễu chết chống đánh đối phương. Lê Văn Đạc ra sức chiến đấu, người lính Lê Văn Thịnh chống cự không chịu trôi, đã lăn xuống nước, còn nắm lấy dây buộc thuyền mà đánh, bị giặc giết chết. Quân quan hơn 300 người chết đuối hết, chỉ còn 51 người đều bị giặc bắt, rồi chúng cướp cả thuyền, đi về phía đông. Việc này, trước triều đình không biết, sau bọn giặc trôi giạt ở phận biển Khâm Châu, bị quan quân nhà Thanh vây đánh, bắt được cả quân đội bị nạn của ta, đưa trả cho tỉnh Quảng Yên. Giải đến Kinh, sai bộ Binh xét hỏi, mới biết được thực trạng. Vua nói rằng : “Chiếc thuyền ấy quan quân không kém 400 người, khí giới kể đến hàng nghìn, thế mà để lỡ việc như thế, rất là đáng giận ! Duy nghĩ : trong lúc thảng thốt, còn có khảng khái ra sức chiến đấu, vì nghĩa bỏ mình, cũng nên liệu cho biểu dương, ban thưởng, để tỏ sự khuyến khích : Lê Tô, Lê Văn Đạc, Tôn Thất Phù, Lê Văn Thịnh đều tặng tuất, cho con được tập ấm và được miễn binh, dao⁽¹⁾, có thứ bậc khác nhau (Lê Tô : tặng Vệ úy, thưởng 10 lạng bạc, tập ấm cho một con làm Cẩm y thiên hộ ; Lê Văn Đạc, tặng cho Cẩm binh cai đội, thưởng 10 lạng bạc, tập ấm cho một con làm Cẩm y bá hộ ; Tôn Thất Phù : tặng Cẩm binh cai đội thưởng 10 lạng bạc ; Lê Văn Thịnh tặng Cẩm binh chánh đội trưởng suất đội, thưởng 8 lạng bạc, cho một con được miễn binh đao suốt đời). Chuyến đi ấy từ bọn Cai đội đến Suất đội, y sinh, đều truy tặng cho một hàm, chiếu theo hàm được tặng mà cấp tiền tuất ; binh dinh, đều cấp tuất gấp hai. Lại sai bộ Lễ sắm sửa lễ vật tế một tuần. Trần Như Thị ngăn trở làm lỡ việc quân, tuy đã chết rồi, cũng thu lại văn bằng để làm gương răn những quân đội hèn yếu. Các tên sống mà trở về đều bị phạt 100 trượng, tống vào quân ngũ. Không bao lâu, cửa biển Liêu Lác ở tỉnh Nam Định, bắt được giặc Thanh là bọn Lâm Chương 5 tên, giải đến dưới cửa khuyết, sai ngay áp giải đến chỗ bãi biển, moi lấy gan sống tế các quân đội bị nạn. Thưởng 100 quan tiền cho quân đội ở cửa biển Liêu Lác.

Tham tri bộ Binh Lâm Duy Thiếp mật tâu về công việc cơ nghi xếp đặt ở phủ Tây Ninh, rằng : “Một phủ Tây Ninh, ruộng đất rộng và màu mỡ, tài vật đầy đủ, những sự nhật dụng của dân gian đều ra từ đó. Trước kia, dân Man thích buôn bán trao đổi với dân Lục tỉnh Nam Kỳ để nhờ đó mà sinh sống, nếu muốn mở mang xứ Trấn Tây, tất phải từ đất ấy trước, để làm nước bước về sau. Khi trước đã phái quan quân ra, đặt đồn trại mở đồn điền, chiêu dân, lập ấp, và chiêu mộ thổ dân xứ Nam Ninh, Nam Thái tiếp gấn đấy, duy sau khi dân Man sợ hãi ngờ vực, nên do tình ấy mở bảo an tín, chậm thì đến hàng năm hàng tháng, bắt tất bó buộc vào kỳ hạn. Lại ở hạt phủ Tây Ninh, nơi nào thuyền buôn của người Kinh người Thổ có thể đi lại

(1) *Binh, dao* : đi lính và tập dịch.

giao thông được, thì xin đặt một nơi đổi chác hàng hoá, có quan trông coi công việc, cho được cùng nhau đổi chác, không ở trong hạn cấm. Và lại, phủ ấy là địa đầu quan hệ, nên xử trí cho được vừa phải, mới mong yên ủi được dân Man, trấn áp được mọi sự động dạt khác. Ngô Văn Nhai là người võ, thế khó làm một mình, xin phái gấp một viên văn thân đến ngay đấy để thảo luận thi hành, mới có thể mong được xong xuôi”.

Vua dụ rằng : “Chế phục Lạp Man, trước phải theo đường lối ấy mà kinh lý. Những lời tâu bày trong tập này không phải là không có kiến thức. Duy việc đặt ra một sở giao dịch là một quan đầu rất lợi hại ! Ôi, chỗ nào có lợi thì người ta tất phải xô vào, hướng chi dân Man nguyên không có đường sinh sống, từ khi nghiêm cấm các chỗ tuần, chỗ chợ, chúng đã khốn quẫn ; nay nếu được thông thương, thế tất vui lòng theo về ta, nhân đó rồi tùy phương mà vỗ về, cũng là một phương pháp khiến cho người ta đến với mình. Nhưng hoặc có kẻ tiểu dân tham lợi, lén vượt [biên giới] đi buôn bán lặn, lại làm một cái lỗ hổng rất to để giúp cho giặc ! Và lại, địa thế, nhân tình, quan địa phương tất là thuộc hết. Vậy chuẩn cho Tổng đốc Lê Văn Phú hội bàn với bố chính, án sát, làm thế nào cho thổ dân Man vui như về chợ, mà ngăn được cái tệ buôn bán gian lậu của người Kinh, thì bàn định với nhau, rồi đem từng điều, từng khoản tâu lên. Bọn Văn Phú cho rằng : cái sở giao dịch mà đặt ở phủ Tây Ninh, thực là chưa tiện. Nay xin : phạm ở Lục tỉnh Nam Kỳ đều rộng cho những điều cấm buôn gian, nhưng theo địa phận từng hạt đặt nhiều trạm canh phòng, cho các dân buôn thuộc người Kinh hoặc người Thổ đều được đi lại trao đổi hàng hoá. Rồi sau thông thả sẽ xét tình thế, lấy Man di đánh Man di, kéo thẳng đến đất Xiêm, ép cho chúng phải xin hoà, trả lại đất cũ Trấn Tây của ta. Thế thì thổ dân Man khác phải phục, dù mình không mong muốn.

Vua quở rằng : “Những công việc nên làm thì không tính đến, mà đại để toàn văn chỉ chấp nhật biện bác, cố ý nói ra những lời ngăn trở khó khăn ! Và lại, ở hạt ấy thì nói là làm không xong, lại bảo thi hành ra cả Lục tỉnh, lại một khoản nói : theo địa phận từng hạt đặt ra nhiều nơi phòng triệt, thì sinh ra biết bao phiền nhiễu ! Sao không nghĩ : chính phạm sự mình đã thấy có vẻ khó khăn, thế mà lại đem việc ấy đùn đi cho người khác, phỏng có hợp lý hay không ? Hướng chi, đó là việc ở trước mắt, còn không vì ta mà trừ tính sâu xa, thế mà bỏ việc gần nói đến việc xa, chỉ bàn suông ở trên giấy tờ, không biết ý kiến các người thế nào ! Lê Văn Phú là người võ, nguyên không có kiến thức, chỉ nghe Lê Khánh Trinh và Lê Chân theo dẹt lời nói để cho rối việc ! Thế mà gọi là trừ tính đã kỹ, có được không ? Vẫn biết các người là người tâm thường, còn trách nặng làm gì. Hiện nay những sự cơ xếp đặt ở phủ Tây Ninh, triều đình đã có phương pháp, tất thế nào cũng phải làm, các người ngăn trở sao được ! Duy nghĩ đến việc biên cương, quan trọng rất lớn, mà

Ngô Văn Nhai cũng là võ biên, thế không làm việc một mình được ; vậy chuẩn cho thự Án sát Định Tường Cao Hữu Dục làm Án sát Gia Định, đến ngay Tây Ninh hội đồng với Ngô Văn Nhai làm việc, không phải làm việc ở Niết ty, phạm những việc đặt đồn, lập đồn điền, chiêu dân lập ấp, vẫn phải tuân Chi dụ trước mà thi hành”.

Hữu Dục khi đã đến [Tây Ninh] cùng với Văn Nhai trừ tính mọi việc, tập tâu nói đồn ở phủ Tây Ninh, phần nhiều là rừng rú, nếu chiêu dân lập ấp ở chỗ ấy, có nhiều lẽ không tiện, chỉ có sông Long Hưng về huyện Quang Hoá, rộng rãi và màu mỡ, lại có nhiều mối lợi ở nơi núi, chằm. Cho dân ở đó thì có thể trở thành một cảnh thổ vui, nhân đầy rồi cho thông thương, chiêu dụ các thổ dân ở hai xứ Nam Ninh, Nam Thái cũng dễ. Ở đấy có khúc đường Soài My và Đà Càng, nếu cho nhỏ cỏ và chặt cây đi, thì có thể thông đến các xứ Quang Hoá, Tây Ninh thuộc tỉnh Gia Định, xứ Bông Nguyên và Thông Bình thuộc tỉnh Định Tường, để cùng làm thanh thế cứu viện cho nhau. Có điều là đất ấy ở sát kề cạnh thổ giặc, vậy xin phái thêm 500 binh, chọn đất, đặt đồn, đóng quân phòng giữ. Phạm những hạng quân trốn đi và những người đến ký ngụ [chưa vào sổ] cũng cho ở đấy mà sinh nhai, rộng tha cho sưu thuế và giao dịch, không phải đặt ra trường sở, chỉ cho ở đằm Trà Ôn xứ Long Giang thuộc huyện Quang Hoá để có nơi ở nhất định. Cũng không bó buộc vào hạn cấm, để tỏ có sự rộng rãi. Lại chỗ đồn Thanh Lưu cũ, những dân người Kinh chưa trở về, xin đặt quân ở địa diện Đôn Thuận để phòng thủ.

Vua cho rằng Hữu Dục mới được bổ đến, thế mà biết lòng trừ tính công việc, bèn truyền Chi khen thưởng, rồi cho cứ lần lượt thi hành.

Dụ sai Lê Văn Phú lấy thêm 500 quân trong tỉnh, cho đến ngay [Tây Ninh] theo Văn Nhai và Hữu Dục quản lĩnh. Chọn đất, đặt đồn ở xứ Long Giang gọi là đồn Định Liêu, chia quân để phòng thủ. Chiêu tập những dân đinh vì sợ mà lưu tán và những người ký ngụ chưa vào sổ, cùng những quân trốn đi hoặc những kẻ bị tội lỗi, đều cho ra thú, sẽ tha tội cho, chia thành từng ấp, từng làng, cấp cho trâu cày và đồ làm ruộng, bắt phải khai khẩn ruộng đất. Liệt sai quân dân nhỏ cỏ, chặt cây ở khúc đường cũ, đến thẳng xứ Bông Nguyên, để thông đường quan báo. Lại chọn một khu đất đặt trường sở giao dịch để cho người Kinh và người Thổ thông thương. Đồn Thanh Lưu, chuẩn cho đặt quân canh giữ ở địa phận Đôn Thuận. Các xứ Bông Nguyên, Thông Bình, chuẩn cho tỉnh Định Tường phái thêm quân để phòng thủ. Lại bắt binh thuyền hiệp đồng nhỏ cỏ, chặt cây ở khúc đường cũ.

Dục lại nói : “Trước ở An Giang, thấy hai bên bờ hạ lưu đồn Đa Phúc có nhiều địa lợi, ở đấy mà chiêu dân lập ấp, thì những thổ dân ở các xứ Bát Ca, Nghi Hoà phụ cận, có thể nhân đó mà gọi đến được”. Vua nói : “Những đất ở suốt dọc biên giới, phần nhiều bỏ không, nếu tùy từng chỗ để cho dân ở, khiến ruộng nương ngày một mở mang, người ở ngày một đông đúc, cũng là một chức hay bền vững cho

biên cương. Vậy chuẩn cho quan tỉnh An Giang chiếu theo địa thế suốt dọc biên giới trong hạt, chỗ nào có thể chiêu dân lập ấp, hoặc nên đặt trường sở giao dịch, thì suy nghĩ mà tâu lên”. Sau đó, tỉnh An Giang tâu nói : “Hai bên bờ từ đồn Đa Phúc trở xuống, phần nhiều là rừng trúc bùn lầy, lại chứa nhiều nước, ruộng cày cấy được có ít. Duy các phủ Tĩnh Biên và Ba Xuyên, địa thế rộng rãi, có nhiều đất bỏ hoang, hiện đã sức mộ dân làm đồn điền rồi. Nay xin mở một trường sở giao dịch ở bên trên đồn Tân Châu, trên trường sở đặt thêm một đồn, phái thêm 1 viên lãnh binh với 500 biên binh, đến ngay để kiểm quản 2 đồn Tân Châu và An Lạc, đốc sức nghiêm phòng. Và lại, dân Thổ dễ mê hoặc mà khó thông hiểu. Xin chọn lấy một lieu thuộc người Phiên thông báo cho dân Thổ : nếu muốn giao dịch việc gì, cứ đến tỉnh mà kêu xin, rồi sau tỉnh sẽ đem việc ấy đề đạt lên, mới là đắc thể”.

Vua nói : “Đất Tĩnh Biên và Ba Xuyên, phần nhiều bỏ không, đã xuống dụ tha cho những kẻ tù phạm phát giao để phân sáp cho làm đồn điền rồi, lại chuẩn cho tùy từng chỗ dời người Man đến ở, cày cấy là yên nghiệp. Nên gia tâm xếp đặt và chiêu tập những dân lưu tán, cho chúng lập ấp cày ruộng, thì không những dân lưu tán có thể trở về được, mà biên cương cũng ngày một mở mang. Còn việc xin đặt trường sở để trao đổi hàng hoá, tuy cũng có thể làm đấy, nhưng đất đồn Tân Châu gần với tỉnh lỵ, không ví như phủ Tây Ninh được, cử động một việc gì càng không thể khinh thường. Hướng chi hiện nay đã đến thời kỳ phòng thủ về mùa đông, phải nên bảo cho chúng biết là ta vẫn nhân hạ đây, khiến cho bọn giặc kia không thể dòm thấy chỗ nông chỗ sâu của ta. Nếu đặt trường sở và đặt đồn ở đấy, không khỏi chỉ hư trương [thanh thế] suông, mà lại thành ra không tốt. Hãy đợi khi nào công việc biên phòng thư thái chút ít sẽ bàn đến, chưa lấy gì làm muộn”.

Cho thự Án sát Gia Định Lê Chân bỏ đi thự Án sát Định Tường.

Bọn thự Đề đốc Ngô Văn Nhai tâu nói : “Nhâm Vu ở Trà Long, quyền thuộc nhiều người, không trông tư cấp vào đâu được”. Vua cho rằng y lúc mới phải dời đi nơi khác, cuộc sinh sống chưa ổn định, bèn cho 100 quan tiền và 30 phương gạo.

Tỉnh Quảng Trị tâu nói : “Sông Vĩnh Định lâu ngày bồi lấp, xin thuê dân khơi vét”. Vua thấy mùa hạ nóng nực, công việc khó nhọc, chuẩn cấp tiền cho (mỗi người mỗi ngày 1 tiền). Còn những vật liệu cần dùng, cũng chiếu giá cấp cho. Nếu có chỗ nào bồi lấp nông lên, thì bắt phải khơi vét cho được lưu thông.

Bọn thuộc phủ Sơn Định quận công Miên Cung cùng với bọn Thương trường Chủ sự Hoàng Công Tùng tranh nhau con dê chạy rong ở đường. Miên Cung tin bọn thuộc phủ, vu cho Tùng cướp dê, đánh vài mươi roi. Việc đến tai vua, vua cho rằng Miên Cung cậy uy thế, bắt nạt người, bèn phạt một năm lương, bọn quản gia, suất đội đều bị cách chức ; còn sư bảo, giáo đạo, tán thiện, giảng tập đều phải giáng

phạt. Lại dụ cho Miên Cung phải nên đổi lỗi ăn năn, đừng một chiều tin nghe những bọn tiểu nhân.

Tỉnh An Giang tâu nói : “Những biên binh làm đồn điền ở trong tỉnh, năm trước cày cấy đã khai khẩn được hơn 700 mẫu, sau vì vỡ đê, thành ra ruộng bỏ hoang. Thôn dân không muốn cày cấy, mà quân lính của tỉnh cày cấy không xiết. Vậy xin đợi sau khi yên việc sẽ thi hành”. Vua nói : “Khẩn ruộng, chứa thóc, là để cho việc tích trữ ngoài biên được đầy đủ mà dân ăn được thừa thãi. Ruộng ấy khai khẩn đã có thành hiệu, nhẽ nào vì vỡ đê mà bỏ ruộng ư ? Đợi khi đông xuân nước cạn, sẽ liệu bắt quân dân sửa đắp để phòng nước tràn, đừng nên tính cho rồi việc”. Sau nhân có công việc khai sông, việc này không làm được nữa.

Bộ Hộ tâu xin chuẩn cho những người Hoa kiều khi mới hợp lại thì đăng vào sổ hàng bang ; con và cháu sinh ra, cứ đến 18 tuổi thì biên vào sổ đình Minh hương. Trước đây, người nào đã mạo biên tên thì cho thú ra để biên lại.

Rồi tỉnh Bình Định tâu nói : “Con cháu người Hoa kiều 72 người, trước kia đã mạo biên vào sổ hàng bang. Vậy xin làm riêng ra một sổ, gọi là Minh hương mới lệ thuộc ; còn Minh hương nguyên ngạch hơn 280 người, gọi là Minh hương thuộc vào từ trước. Lại, 7 bang của Hoa kiều, số người linh tinh, thì cái sổ lấy làm bằng cứ ấy làm gộp vào một bản gọi là bang người Thanh, đặt một thuộc trưởng, chế cấp cho cái triện bằng gỗ”.

Tỉnh Nam Định cũng nói : “Nguyên người Thanh đến kiều ngụ [ở tỉnh ấy] từ trước đến giờ biên là xã Minh Hương, xin trích ra 14 tên nguyên đến ở từ trước, đổi làm bang người Thanh, còn con cháu sinh ra 9 tên, đặt làm xã Minh Hương”. Nhà vua cho là số người không có bao nhiêu, bắt tất làm riêng ra sổ hàng bang nữa, chuẩn cho để y nguyên ngạch cũ. Sau có người đến hợp lại hoặc chỉ dăm ba tên, đều biên vào sổ mới, đợi được 20 tên trở lên mà tỉnh nguyện lập sổ hàng bang, sẽ chiếu nghị thi hành.

Bố chính tỉnh Biên Hoà là Đỗ Huy Cảnh tâu nói : “Phái người đi dụ 20 trại dân hoang Man (dân Man 90 tên) đều tình nguyện cung nộp thú thuế sản cây song. Vậy xin đặt làm đồn Tân Thuận ; còn những người được phái đi dụ thì sung làm các chức thủ ngụ, thủ thuộc, để thu số thuế sản vật của dân Man ấy”. Vua y cho. Thường cho 6 người phái đi dụ kia 30 quan tiền và 6 đồng ngân tiền Phi long hạng nhỏ ; thưởng cho Cảnh kỷ lục một thứ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXXI

THỰC LỤC VỀ HIỂN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Quý Mão, Thiệu Trị năm thứ 3, mùa hạ, tháng 5. *Thi Đình*. Sai : Trung quân Chương phủ sự Tạ Quang Cự sung Giám thí đại thân ; Thái bảo Trương Đăng Quế, thự Thượng thư bộ Hình Phan Bá Đạt đọc quyển ; Thị lang bộ Binh Phạm Thế Hiển, sung biện Các vụ Hoàng Tế Mỹ duyệt quyển. Cho : Mai Anh Tuấn (nguyên tên là Thế Tuấn, sau vua cho tên này) đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ tam danh, Nguyễn Bá Nhạ đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, Phạm Phú Thứ, Đỗ Phát, Vũ Văn Tuấn, Nguyễn Phiên, Nguyễn Uy đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân.

Trước thì quan đọc quyển đem văn đình đối dâng lên, vua bảo Trương Đăng Quế rằng : “Ta xem triều nhà Thanh thi Đình, những người nào được lấy đỗ tam khôi cũng không có người nào xuất sắc lắm, chẳng qua người này trội hơn người kia thôi. Bản triều từ khi mở khoa thi đến nay, chỗ đình giáp⁽¹⁾ bỏ không đã lâu, là vì trọng sự lấy đỗ. Nay văn đình đối của Anh Tuấn có thuộc chính thể, so với khoa trước có phần trội hơn. Vậy nên để vào chỗ giáp đệ, để khuyến khích các sĩ tử. Lệ cũ : khi truyền lô thì đem danh sách lấy đỗ ra tuyên. Khoa này đổi đi : sai đem bảng vàng ra tuyên (hai viên Nội các mang bảng vàng, quan truyền lô đứng tuyên) ; đến ngày hôm sau, ban yến ở vườn Thường Mậu (lệ cũ, tiến sĩ mới đỗ ban yến ở vườn Thư Quang), cho người đỗ nhất giáp trâm hoa mạ vàng, cho cưới ngựa về vinh quy, sau thành chế độ vĩnh viễn.

(1) *Đình giáp* : thi Đình 3 người đỗ nhất giáp : trạng nguyên, bảng nhãn và thám hoa.

Tiết Đoan dương. Vua thân đem các bề tôi đến cung Từ Thọ làm lễ chúc mừng. Lễ xong, vua ngự điện Thái Hoà nhận lễ mừng ; ban yến cho hoàng tử, hoàng thân và các quan văn võ ở điện Cần Chính, thưởng cho quạt, khăn tay và trà quả như lệ cũ.

Tiết Vạn thọ. Vua ngự điện Thái Hoà, nhận lễ châu mừng trước một ngày, ban yến cho hoàng tử, hoàng thân, quan văn từ tòng ngũ phẩm, quan võ từ chánh tứ phẩm trở lên, ở điện Cần Chính và tả hữu vu. Đến buổi chiều hôm ấy, múa bát dật ở phía nam cầu Kim Thuỷ (ở tả hữu cửa khuyết đặt hai dãy lâu bằng kết hoa, để làm nơi các quan xếp hàng ngồi). Đến ngày ấy, ở trước Phu văn lâu có đốt cây bông, múa đèn hoa ; sai thuyền rồng bơi thi ở sông Hương. Vua ngự chiếc thuyền Thanh án để xem. Từ đây là lễ thường hàng năm.

Dụ cho quan viên ở trong Kinh và ngoài trấn : [Phàm những người bị] cách lưu, phạt bổng, xử phân, không cứ là tội công hay tội tư, đều ra lệnh cho hai bộ Lại, Binh làm thành danh sách, để lượng ban ân huệ (phạt bổng mới chua vào sổ và thực phạt chưa chiết nạp, đều cho khoan miễn ; nguyên giáng 1 cấp lưu đều cho khai phục ; giáng 2 cấp đến 5 cấp lưu đều cho khai phục 1 cấp ; ở dưới chỗ tên nguyên can tội công, tội tư, có ghi giáng, chuẩn cho đem tội tư khai phục cho 1 cấp ; còn cách lưu đều đổi làm giáng 4 cấp lưu).

Tha 5 phần 10 về thuế thân nộp bằng tiền cho hạt Thừa Thiên. Dụ rằng : “Thừa Thiên là nơi Kinh sư đóng, nhờ các tiên đế ta nhân sâu ơn nặng, võ nuôi yên nghỉ hơn 200 năm, đến Hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế ta, sau khi bình định, cùng dân nghỉ ngơi, rồi nhờ Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, ở ngôi 21 năm, ban ơn võ về, để ý yên ủi càng hơn, đức hoá thấm nhuần rộng khắp, đã sâu lại lâu ; dân ta thực đã ngày một đông đúc, càng vui thái bình. Ta nghĩ mở rộng ân trạch của đời trước, ban bố ân huệ, thường thường hơn các hạt khác, là vì theo cái ý nghĩa lấy Kinh sư làm trước tiên, nay gặp tiết Vạn thọ, đã tùy việc ra ơn rồi, lại nghĩ : dân ở ngay dưới chỗ bánh xe nhà vua [ra vào], không giống như các trực tỉnh, tất phải ra ơn rộng rãi, khiến cho dân ta hưởng lạc lợi được lâu. Vậy các hạng nhân đinh ở 6 huyện trong hạt này, số thuế thân hàng năm phải nộp bằng quan tiền, chia làm 10 thành, vĩnh viễn tha cho 5 thành, bắt đầu từ năm nay. Nếu năm nay đã nộp xong, chuẩn cho lưu đến năm sau sẽ chiết trừ đi ; rồi có ai được ân xá số thuế thân nộp bằng quan tiền, chuẩn cho đem cái số phải nộp 5 thành lại chia làm 10 thành, tuân như ân khoản mà thi hành”. Sau đó, bọn Kinh doanh Vũ Đức Nhu tâu nói : “Trong hạt, thóc lúa thu hoạch kém, thóc thuế chính cung về năm nay, xin cho nộp một nửa bằng thóc, một nửa bằng tiền”. Vua y cho.

Cho : Hoãn lại một năm kỳ tuyển lính ở các tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà và Bình Thuận, và cho hoãn lại 6 tháng việc diên quân lính và đặt giá mua các vật liệu ở

tỉnh Quảng Nam ; vì bệnh dịch lệ vẫn còn chưa được yên. Lúa chiêm ở các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh và Hải Dương thu gặt kém, cũng hoãn thuế đến vụ đông sẽ thu cả.

Cho Tổng đốc Định - Yên là Đặng Văn Thiêm lĩnh Thượng thư bộ Hình, gia hàm Hiệp biện đại học sĩ ; thự Thượng thư bộ Hình là Phan Bá Đạt bổ thự Tổng đốc Định - Yên ; Thị lang bộ Binh lĩnh Tuần phủ An Giang là Nguyễn Công Trứ, bổ thự Tham tri bộ Binh, vẫn Tuần phủ An Giang. Bá Đạt vào bệ kiến từ biệt [di cung chức], vua bảo rằng : “Tỉnh Nam Định gần đây không có việc gì, duy văn thư bề bộn, nên phải làm cho xong đi. Đối với tà đạo Gia tô cũng nên hoá đi dần dần. Vì liêm tiết của người, ta đã biết tới và lựa chọn. Người đã gắng sức lại gắng sức thêm, để xứng đáng với việc ta uỷ thác”.

Cho : Hồ Văn Nghĩa làm Hàn lâm viện Trực học sĩ ; Nguyễn Hữu Tố và Nguyễn Hanh làm Lang trung bộ Lễ ; Ngô Văn Dịch làm Lang trung bộ Binh ; Đoàn Danh Toại làm Lang trung bộ Hình ; Trần Đăng Chí làm Lang trung bộ Công ; Nguyễn Văn Đức làm Vệ úy vệ Cẩm y ; Tôn Thất Mậu làm Vệ úy vệ Kim ngô ; Nguyễn Văn Tình làm Phó vệ úy vệ Tiền nhị Hữu dục dinh Vũ lâm ; Trần Văn Lựa làm Phó vệ úy vệ Tiền dinh Long võ ; Trần Kim Long làm Phó vệ úy vệ Hữu võ ; Nguyễn Văn Cán làm Phó vệ úy Hậu vệ dinh Long võ ; Tôn Thất Đẩu làm Phó vệ úy Trung vệ dinh Hồ oai ; Trần Văn Soạn làm Vệ úy Tả vệ dinh Hùng nhuệ ; Nguyễn Viết Ngôn làm Phó vệ úy Hữu vệ dinh Hùng nhuệ ; Nguyễn Văn Đồng làm Phó vệ úy Tam vệ thuộc Kinh tượng ; Lê Trọng Đạt làm Phó vệ úy Nhất vệ Hậu bảo Hậu quân ; Phan Văn Cán làm Vệ úy Nhị vệ dinh Hữu thuộc Thuỷ sư.

Ban tập thơ Ngự chế ban đầu cho trong Kinh, ngoài trấn. Khâm định xếp từng vắn, trích những bài cốt yếu, in thành tập, thưởng cấp cho hoàng tử, hoàng thân, các quan văn cho đến phủ Thừa Thiên, nhà Quốc tử giám và học chính đường các trực tỉnh đều 1 tập. Thưởng cho chức viên và thợ làm việc (khắc in tập thơ) này 100 lạng bạc.

Khắc [và in] những nhật kỳ phải treo đèn và các việc kiêng cấm, ban phát cho trong Kinh, ngoài trấn.

Bố chính Khánh Hoà Trịnh Ngọc Lâm và Án sát Tôn Thất Cáp tâu nói : “Thuế Man⁽¹⁾ ở chỗ Bình Nguyên, có tù trưởng ở trại A Nhân là Ma Phí, trại La Vạn là Nô Dương hội tập 7 trại lại, đem nộp cống con voi, và nói : 2 trại ấy gần đây bị bọn Nô Vành là hoang Man⁽²⁾ ở Kha Quán và Hà Đức, luôn mấy lần đến cướp đốt, khẩn xin phái quân đến đánh dẹp, để cho được ở yên”.

Vua nói : “Dân thuế Man vốn kính thuận, voi của họ đem cống, chuẩn cho chiếu giá, chi bạc kho ra cấp cho. Lại thưởng cho : Ma Phí, áo hẹp tay bằng nỉ và

(1) Thuế Man : hạng người Man đã quy phục, đóng thuế cho triều đình.

(2) Hoang Man : hạng người Man ở nơi hoang vu, biên viễn.

quần nhiều trơn đều 1 cái ; Nô Đương áo hẹp tay bằng nỉ màu lam 1 cái. Các hoang Man ở Kha Quân và Hà Đức ở gần kề với thuế Man trước đây làm những việc không yên, bị quan quân đánh giết, đã sợ không dám động, nay còn làm lo cho 2 trại ấy, phải nên kinh lý một phen, để cho dân được ở yên, sai Ân sát Tôn Thất Cáp, Lãn binh Nguyễn Tiến Tuyên đem đi 300 tinh binh, kéo thẳng đến hoang Man, tuyên bố để sửa tội chúng ; hỏi chúng cứ sao lại quấy nhiễu cướp bóc ; nếu biết ăn năn tội lỗi, trả hết tất cả các thuế đã cướp bóc, thì tha tội cho. Nếu mưu chống cự lại, tức thì đánh cho một trận kịch liệt, để biết răn chừa. Lại gọi về và yên ủi dân thuế Man để họ tụ tập cả lại mà yên nghiệp làm ăn”. Bọn Tôn Thất Cáp nhân xin bắt dân vận lương đến chứa ở đôn Bình Nguyên để phòng khi cấp phát ; lại bắt thêm voi ở tỉnh và quân quen bắn súng quá sơn cùng những lại viên làm giấy tờ và thấy thuốc giỏi đi theo, vua đều y cho.

Cáp và Tuyên tiến đến trại An Nhân, phái người hiểu thị cho Nô Thái, Nô Viên, Nô Giới đều phải trả lại những người và súc vật mà chúng cướp của người Man trước. Duy có Nô Vành muốn chống cự lại, chạy vào trong hang Nô Suy, địa thế quanh co hiểm trở. Quan quân vừa tiến đến, người Man cứ hiểm, bấn khép lại, quân đi trước phải hơi lùi, Cáp tức thì đốc 18 tên tiêu binh, lên trước đón đánh. Tuyên quay quân lại, cùng đánh, kéo thẳng đến sào huyệt Nô Suy. Người Man cũng chống cự lại. Tuyên sẵn đến đánh tan, rồi kéo quân về trại La Vạn, đóng tạm.

Vua nghe tin, khen rằng : mạo hiểm vây đánh, cũng là đặc lược. Thường cấp cho bọn Tuyên kỷ lục, kim tiền vàng và nhẫn vàng có thứ bậc khác nhau. Quân đi đánh giặc có ai chém được đầu giặc đều thưởng cho ngân tiền và ngân bài. Ai bị thương thì cấp cho tiền ; ai chết thì cấp cho tuất gấp đôi. Lại dụ cho tùy cơ mà đánh dẹp yên, để sớm được thanh bình.

Sau đó, bọn Tôn Thất Cáp bắt được Nô Điểm (tên người Man) tức thì đốt chết để làm gương răn kẻ khác. Bọn Nô Thái, Nô Vành, Nô Suy đều trốn vào rừng sâu. Cáp liền uỷ người chiêu dụ. Bọn Nô Vành xin đem voi và trâu (2 con voi đực, 1 con trâu đen) ra thú tội. Tù trưởng 2 trại A Sơn và La Vạn là Ma Phí và Ma Chân cũng đem voi, ngựa (đều 1 con) đến trần tạ. Các hoang Man là Hà La Bôn (tên là Nô Chân) và Lai Bôn (tên Nô Anh, Nô Úc) đều nộp ngà voi làm lễ cống ; Cáp cho rằng các dân Man đã tan vỡ, quan quân không thể ở lâu chỗ lam chướng, bèn triệt quân về.

Vua nói : “Bọn Nô Vành tuy chặn đánh, nhưng uy thanh đã lừng lẫy, chắc chúng cũng sờn lòng. Dân hoang Man cũng đến dâng lễ cống, quy phục. Đánh dẹp thực là thích hợp”. Thường cho Cáp gia quân công một cấp, 1 cái nhẫn vàng có 3 hạt liền châu khảm ngọc kim cương và ngọc hoả tễ, 1 đồng kim tiền hạng lớn có giấy tua đeo kiếu “Long vân khánh hội” ; thưởng cho Tuyên gia quân công kỷ lục hai thứ, 1 đồng kim tiền hạng vừa có chữ “Phúc thọ”. Còn đối với tù trưởng thuế

Man⁽¹⁾ và người Man đã dò hỏi được sự thực thì chia ra từng hạng, thưởng cho áo, quần. Quân vệ, cơ di trận, đều thưởng cho kỷ lục hai thứ, 3 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn ; Suất đội, cho kỷ lục 2 thứ, 2 đồng thị tiền. Ngoài ra, những viên biên nào dững cảm đều cho bổ thụ có khác nhau. Kẻ nào nhút nhát, thì cách chức, phát đi sung quân. Thưởng tất cả cho bọn biên binh 200 quan tiền. Bọn Nô Vành, Nô Suy đã thú phục, hãy cho tha tội, nhưng thu nhận lễ cống để cho yên tâm. Lại lấy các vật hạng cấp cho và chuẩn cho nộp lễ cống. Cho các dân Man và các trại thuế Man được đến trường sở buôn bán trao đổi hàng hoá, để giúp đường sinh sống.

Ngày Canh Ngọ. Vua thân đi cày ruộng tịch điền. Hôm trước, đến chơi vườn Thường Mậu, ngự Chí Thiện đường, cho triệu các quan vào hầu, đều ban cho mỗi người một bộ văn phòng tứ bảo⁽²⁾ sai các quan trong triều, Sử quán, viện Hàn lâm và bọn Mai Anh Tuấn ứng chế⁽³⁾. Đến ngày, làm lễ xong, xa giá về vườn Thường Mậu. Những người chấp sự theo nhà vua đi cày, thưởng cho các the màu có thứ bạc khác nhau. Ban văn từ thụ lang trung, chưởng ấn Lục khoa, ban võ từ thụ phó vệ úy và thành thủ úy, sung hiệp quản trở lên, đều được ban yến ở phòng trực hai bên. Từ sau đặt làm lệ vĩnh viễn. Thưởng cho các kỳ lão mỗi người một tấm vải nhuộm các màu, ngân tiền Phi long hạng lớn đều 1 đồng ; thuộc lại và nông phu 200 quan tiền.

Lục thưởng lại cho những người có công đánh giặc ở Nam Kỳ khi trước. Dụ rằng : thưởng để khuyến khích người giỏi, cho tước để đền đáp người có công, đó là thông nghĩa của xưa, nay. Năm trước, Lạp Man gây biến, như gió bụi động khắp biên thủy, đã nhờ Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta sai tướng ra quân, chính là muốn làm cả đánh dẹp lẫn vỗ về, khiến cho chúng tự đến quy phục để biên cảnh được yên. Khốn nỗi chúng cứ một mực chấp mê, cam lòng phản nghịch, kết liên với giặc Xiêm, rộng càn như con diều hâu giương cánh ! Một trận đánh ở Sa Tôn, từng bị quan quân ta giết dữ, vẫn còn không biết sợ hãi ; năm Thiệu Trị thứ 2, chúng lại dám ở chỗ bờ sông Vĩnh Tế, kết hợp hơn 20.000 quân Xiêm, Man, lập lên 8 nơi đồn trại, dựa chỗ hiểm, đóng quân giữ cửa biển Hà Tiên, kéo hơn 40 chiếc thuyền biển lớn nhỏ đến xâm nhiễu. Ngày tháng 3 năm ấy, ở chỗ đường bộ sông Vĩnh Tế, quan đại tướng ta là Tín Vũ hầu Phạm Văn Điển trước thống lĩnh bọn Hùng dững tướng Nguyễn Công Nhân, Lãnh binh Nguyễn Lương Nhân, Đoàn Quang Mật, Tôn Thất Nghị, Quân vệ Dương Thai, chia quân tiến đánh, ra quân kỳ giữ thế thắng, hăng hái tiến lên trước, với 5.000 quân, phá tan được 2 vạn quân giặc, không đầy 3 khắc, hạ được 8 đồn, chém bêu đầu 7 tướng giặc, đánh giết vài nghìn quân giặc. Một trận

(1) *Thuế Man* : đã chú giải ở trang 497.

(2) *Văn phòng tứ bảo* : giấy, bút, mực, nghiên.

(3) *Ứng chế* : làm bài thi do vua ra đầu đề, làm xong rồi vua chấm.

quét sạch, cờ đỏ báo tin thắng trận. Còn ở đường thủy tỉnh Hà Tiên, thì trước Diên Hựu nam Đoàn Văn Sách, quan tỉnh Lương Văn Liễu, Trần Văn Thông, Đinh Văn Huy, hoặc đóng giữ ở pháo đài Kim Dữ, hoặc ở tả hữu Trường Luỹ, đánh ừa vào thuyền giặc. Chúng không dám đương đầu với mũi nhọn của ta, phải nhân đêm chạy trốn. Chuyến ấy bình được giặc, thực là nhờ oai vũ thần thánh của Hoàng khảo ta, tướng sĩ theo mệnh lệnh, cảm ơn phần chí, nên lập được công to ấy. Trước đây ta đã xuống dụ, tướng thưởng theo ưu hạng rồi ; nay nghĩ : các tướng sĩ khó nhọc lâu ngày ở ngoài biên để lập công, khiến cho trong yên được biên dân, ngoài giữ vững được bờ cõi, đáng nên phong thêm cho tước đất, để ghi chép lâu dài vào lá cờ thêu. Tín Vũ hầu Phạm Văn Điển, Diên Hựu nam Đoàn Văn Sách, trước đã ưu tặng cho rồi ; còn những người dự vào việc đánh trận ở sông Vĩnh Tế là : nguyên thụ Đề đốc nay hiện làm Tổng đốc An - Hà Nguyễn Công Nhân : cho đất, phong tước Bao Liệt tử ; nguyên Lãnh binh nay hiệu thụ Thống chế lĩnh Hà Tiên, Tuần phủ Nguyễn Lương Nhân : cho đất, phong tước Bình Thắng nam ; nguyên Lãnh binh, nay hiện thụ Chương vệ, Hộ lý Đề đốc An Giang Đoàn Quang Mật : cho đất, phong tước Tiến An nam ; nguyên Phó lãnh binh, nay hiện thụ Chương vệ, quyền lĩnh ấn triện dinh Long võ Tôn Thất Nghị : cho đất, phong tước Long Bình nam ; nguyên Phó vệ úy, nay hiện thụ Chương vệ, quyền Chương ấn triện dinh Thần cơ Dương Thai, khi ấy là một viên tỳ tướng tuy không bì như các đại viên quản lĩnh, thế mà ở trận tiền gắng sức, dũng cảm chém được 5 đầu giặc, trước đã nêu thưởng cho kim bài “Kiêu dũng tướng”, nay lại cho một người con được ấm thụ làm Cẩm y Hiệu úy. Còn những người dự vào cuộc đánh trận ở Hà Tiên như : nguyên lĩnh Tuần phủ tỉnh ấy, nay hiện thụ Chương vệ tác vi Lãnh binh tỉnh Quảng Nam Lương Văn Liễu, cũng cho một người con được ấm thụ làm Cẩm y Hiệu úy ; nguyên lĩnh Bố chính tỉnh ấy, nay hiện thụ Bố chính tỉnh Phú Yên là Trần Văn Thông và nguyên lĩnh Án sát Đinh Văn Huy đã mất đi, đều cho một người con được ấm thụ tu soạn Hàn lâm viện, để nêu rõ rệt công đánh giặc mà đền đáp sự khó nhọc.

Ngự chế 10 bài thơ vịnh cảnh ở vườn Thường Mậu, sai các văn thần ứng chế :

1. Cao lâu thắng thưởng ⁽¹⁾
2. Quảng hạ đàm vân ⁽²⁾
3. Hiên lan hoa lộ ⁽³⁾
4. Trai dũ tịch hà ⁽⁴⁾

(1) *Cao lâu thắng thưởng* : các thú vui ở lầu cao.

(2) *Quảng hạ đàm vân* : bàn văn chương ở nơi nhà rộng.

(3) *Hiên lan hoa lộ* : nước đọng bao lơn trắng như hoa.

(4) *Trai dũ tịch hà* : ráng chiếu chiếu cửa sổ phòng trai.

5. Sơn đình mai vũ ⁽¹⁾
6. Thủy các hà phong ⁽²⁾
7. Thanh trì hương luyện ⁽³⁾
8. Lương tạ tình ba ⁽⁴⁾
9. Song kiều giá nguyệt ⁽⁵⁾
10. Tam phong sáp vân ⁽⁶⁾

Vua thường nhân khi rồi việc, rước Từ giá ⁽⁷⁾ đến chơi xem.

Định lại thứ tự 9 bậc ở trong cung. Vua dụ Nội các rằng : “Trong chốn buồng khuê, chính hoá nhà vua gây nên ở đó. Cho nên *Kinh Dịch* có tượng quẻ “Gia nhân”, *Kinh Lễ* có văn thiên “Nội tắc”, đều để nghiêm chỉnh nghi lễ trong cung và giúp chính sự chỗ của cung. Khoảng năm Minh Mệnh chuẩn định : ở trong cung, bên dưới hoàng quý phi có đặt 9 bậc, phàm 6 bậc phi, 9 bậc tần, cho đến tiếp dư, quý nhân, mỹ nhân, tài nhân, rất có thứ tự (năm Minh Mệnh thứ 17 [1836] định lệ các bậc trong cung : bên trên bậc thứ 1 là hoàng quý phi, bậc thứ 1 là quý phi, hiền phi, thân phi ; bậc thứ 2 là gia phi, thực phi, huệ phi ; bậc thứ 3 là quý tần, hiền tần, trang tần ; bậc thứ 4 là đức tần, thực tần, huệ tần ; bậc thứ 5 là lệ tần, an tần, hoà tần ; bậc thứ 6 là tiếp dư ; bậc thứ 7 là quý nhân ; bậc thứ 8 là mỹ nhân ; bậc thứ 9 là tài nhân). Lệ lương bổng và màu sắc ăn mặc cũng đều có thứ bậc khác nhau. Thực đủ để tỏ rõ khuôn phép noi theo lâu dài. Ta từ khi lên ngôi đến nay, sửa sang quy mô thái bình, mở mang trị hóa, cương kỷ trong triều, chính trị trong nước, không việc gì là không lần lượt sửa sang cho rõ ràng. Nhân nghĩ đến chính hoá của nhà vua, tất từ nhà mà ra đến nước, trật tự trong cung cũng nên định có khác nhau. Nay chuẩn cho đặt một hoàng quý phi, trên giúp hoàng hậu, chủ việc ăn uống trong cung, hàng ở trên bậc thứ 1 ; thứ đến quý phi, đoan phi, lệnh phi làm bậc thứ 1 ; thành phi, trinh phi, thực phi là bậc thứ 2 ; quý tần, lương tần, đức tần là bậc thứ 3 ; huy tần, ý tần, nhu tần là bậc thứ 4 ; nhàn tần, nhã tần, thuận tần là bậc thứ 5 ; tiếp dư là bậc thứ 6 ; quý nhân là bậc thứ 7 ; mỹ nhân là bậc thứ 8 ; tài nhân là bậc thứ 9. Tất cả đều để nối đức tốt như ngọc cư, ngọc hoàng, nổi tiếng hay ở trong đồ sử, tỏ rõ phong hoá nghiêm kính hoà mục trong chốn của cung. Những điển lễ phong cho, lệ cấp lương và màu sắc ăn mặc của các bậc, vẫn thi hành theo như lệ trước”.

(1) *Sơn đình mai vũ* : mưa về tháng đầu mùa hạ xuống cái đình ở núi.

(2) *Thủy các hà phong* : gió thoảng hương sen vào cái chòi ở nước.

(3) *Thanh trì hương luyện* : hoa xoan thơm ở ao trong.

(4) *Lương tạ tình ba* : trời lạnh sóng êm quanh nhà hóng mát.

(5) *Song kiều giá nguyệt* : trăng gác trên hai cái cầu.

(6) *Tam phong sáp vân* : ba ngọn núi xen những đám mây.

(7) *Từ giá* : mẹ của vua.

Tấn phong cung tần họ Phạm (nay là Hoàng thái hậu) ⁽¹⁾ là Thành phi. Có sách văn rằng : “Ta nghĩ : *Kinh Dịch* chép quẻ “Gia nhân”, nêu lên đức nhân trinh được tốt, *Kinh Lễ* chép thiên “Nội tắc” tỏ ra chỗ trật tự phân minh. Chọn được ngày lành, ban ra sắc mệnh. Mến thay, cung tần họ Phạm : dòng dõi nhà văn, phong tư tựa ngọc. Dung nghi nghiêm chỉnh, ta chưa lên ngôi, thường vẫn hỏi han. Con cái đông vui, ở chốn phòng hương càng thêm hoà mục. Đoan trang xa sánh tiến tốt, kính cẩn cùng giữ nét na. Khi ta lên ngự ngôi trời, nên đức hoá tỏ ra khuôn mẫu. Vậy nên, ngày nay cấp bậc định lại, người đức hiền sao cho rạng vẻ cổn hoa. Xét đến điển thường, rộng ban ơn lạ. Nay tấn phong cho người làm Thành phi. Phi phải phương danh nhận lấy, nội chính kính vâng. Khuôn phép tuân theo, nghe lời dạy không trái. Ân quang lâu đời, hưởng phúc lớn không cùng. Phi phải kính trên !”

Tặng phong diễm nhân họ Đinh (mẹ của Hồng Bảo) làm quý tần.

Tháng 6, ngày Giáp Tuất. Dựng nhà đá ở lăng Hiếu Đông. Sai Đô thống Thủy sư Vũ Văn Giải, thự Thống chế Hồ Văn Lưu, Thị lang Nguyễn Văn Điển trông coi công việc. Vừa một tháng, thợ làm xong. Vua thân đến xem xét và bái yết. Những viên nhân, quân lính và thợ làm việc này đều được ban thưởng.

Sai Đại lý Thiệu khanh Trương Hảo Hợp, Thái lộc Thiệu khanh Nguyễn Cư Sĩ đáp thuyền lớn hiệu Thanh Loan áp giải giặc biển người nhà Thanh là bọn Kim Nhi Kỷ 8 tên sang phía đông. Bọn Kỷ làm phiền lòng người Thanh đã lâu, năm ngoái, bị quan quân ta bắt được, giam giữ lại ; đến đây mới sai bọn Hảo Hợp tổng giao cho Tổng đốc Lương Quảng xử trị, lại phái thự Phó vệ úy vệ Tả nhị dinh Vũ làm hiệp lĩnh thị vệ là Lê Chỉ Tín cùng đi, chiếu giấy Nội vụ phủ kê ra, hội bàn với nhau mà làm cho xong việc. Viên bị cách là bọn Vương Hữu Quang cũng [đi hiệu lực] vào việc này.

Đổi trạm Gia Nhân tỉnh Gia Định làm trạm Gia Cát. Chuẩn cho mộ thêm 10 tên phu trạm, vì trạm ấy có đường ngã ba thư từ đi lại hơi bề bộn.

Cho Hồ Huyền làm Vệ úy vệ Phấn vũ ; Nguyễn Ân làm Phó vệ úy vệ Tuyên vũ ; Nguyễn Ngoạn làm Phó vệ úy vệ Tả thủy tỉnh Bình Thuận.

Nội các Hoàng Tế Mỹ, Nguyễn Bá Nghi, Nguyễn Cửu Trường, Lê Bá Đĩnh có tội, bị mất chức. Sai Tham tri bộ Binh Lâm Duy Thiếp do nguyên chức quyền biện việc Các ; thự Thị lang bộ Hình Nguyễn Đức Chính cải thự Thị lang bộ Lễ ; Lang trung bộ Lễ Lê Tư Duệ cải thự Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, đều sung làm việc Nội các. Trước kia, bộ Lại có sách dâng lên, dùng ấn nhà vua, bị Nội các bác đi, rồi đổi làm lại, có vài chỗ tẩy chữ này đổi chữ khác đều làm trước khi chưa đóng ấn. Thuộc

(1) Hoàng thái hậu : đây là cung tần của Thiệu Trị và là mẹ của Tự Đức. Có lẽ sách này chép dưới triều Tự Đức, nên mới chép là Hoàng thái hậu.

viên Nội các là Nguyễn Ngọc Hoán nhận lầm, chiếu theo bản đã bị bác trước, cho là tẩy đổi vào bản đã có án vua. Bọn Mỹ không xét kỹ, đem ngay việc ấy tâu lên tham hặc. Vua sai bộ Hình xét hỏi. Bọn Mỹ mới biết là nhầm, xin lỗi. Vua nói : “Nội các là nơi cơ yếu, châu chực ngày đêm, kính vâng lời huấn dụ ân cần của Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta nghiêm minh biết chừng nào ! Nay bọn Mỹ dám hàm hồ tấu đổi suýt hãm người ta vào tội nặng. Tâm địa ăn ở như thế, không thể lại để ở gần chỗ nghiêm cấm được”. Tức thì sai đuổi ra khỏi Nội các, để đợi án. Khi án dâng lên, Ngọc Hoán bị tội đồ hết bạc. Hoàng Tế Mỹ bị giáng xuống Thị giảng học sĩ viện Hàn lâm. Nguyễn Bá Nghi, Nguyễn Cửu Trường giáng Thị giảng viện Hàn lâm, đều phải phát vãng theo thuyền Thanh Loan sang phía đông để hiệu lực. Lê Bá Đĩnh giáng 3 cấp, bổ thừa biện theo bộ Lễ đợi phái đi đường biển để hiệu lực. Bộ ty thuộc Nội các đều bị phân biệt nghĩ xử. Các quan ở khoa đạo ứng trực, không kiểm soát, cũng đều bị phạt.

Sai Thượng thư bộ Hình Đặng Văn Thiêm kiêm quản ấn triện Đại lý tự ; thự Hữu tham tri bộ Lễ Trần Ngọc Dao kiêm quản ấn triện Thái thường tự.

Cho tên thuyền Thiện cùng gọi là thuyền Tiêm Long. Chuẩn cho cùng với thuyền Phúc Hàng đều khắc thêm chữ “Tiêm để cựu vật”⁽¹⁾ thép vàng (loại thuyền này đều là thuyền ngự khi chưa lên ngôi). Đổi tên thuyền Thụy cùng mới chế tạo là thuyền Thiệu Vũ, thuyền Long Thất là thuyền Thụy Lịch, thuyền Long Bát là thuyền Trường Phụ.

Sai Đô thống Thủy sư Vũ Văn Giải, Hiệp lý Hà Duy Phiên diễn tập quân thủy ở cửa biển Thuận An.

Ngày Ất Dậu. Vua rước Từ giá chơi Vọng Hải lâu để xem [tập trận]. Vì kỷ luật nghiêm minh, thủy trận hợp phép, thưởng cho từ quan đại thần tổng duyệt đến quân vệ binh lính có thứ bậc khác nhau. Vua nhân bảo bộ Công rằng :

“Ở biển đặt nhà chòi để làm cho mạnh cái thế chỗ cương giới, tất phải sửa chữa thêm luôn”. Lại dụ cho bộ Binh rằng : “Súng đại bác là thứ cốt yếu trong việc dùng binh, bắn tin hay không, nên chăm chú mà định thưởng phạt, để cho quân sĩ biết khuyên, răn”. Rồi đó, bộ Binh bàn rằng : về phép tập bắn, cứ mỗi một cỗ súng, thì một tên ở đội Cảnh tất hoặc đội Hộ vệ làm người bắn chính, 2 tên pháo thủ ở dinh Thần cơ làm người bắn phụ. Tất cả đều lấy 3 phát bắn làm một hợp. Nhắm vào thân thuyền bè, hoặc lá buồm, trúng ba phát liền là *hạng ưu*, người bắn chính được thưởng 3 đồng ngân tiền hạng lớn, người pháo thủ bắn phụ và người cầm lái đều được thưởng 1 đồng ngân tiền hạng nhỏ ; trúng 2 phát liền là *hạng bình*. Người bắn chính được thưởng 2 đồng ngân tiền hạng lớn, người bắn phụ đều được thưởng 1

(1) *Tiêm để cựu vật* : đồ dùng trước của nhà vua khi chưa lên ngôi.

đồng ngân tiền hạng nhỏ ; bắn trúng 1 phát là *hạng thứ*, người bắn chính được thưởng 1 đồng ngân tiền hạng lớn, người bắn phụ không thưởng ; bắn 3 phát đều không trúng là *hạng liệt*, người bắn chính bị phạt đánh ngay 40 roi, người bắn phụ và người cầm lái, đều phải đánh ngay 20 roi. Vua y cho.

Vua lại cho thành Trấn Hải là nơi trọng yếu, đặt số súng nhiều, nên định lại phép thí nghiệm cho rõ ràng. Chuẩn cho quân thủy kết thành một dãy bè ở ngoài biển, sai Tả thị lang bộ Binh Phạm Thế Hiển, Vệ úy vệ Loạn giá Tôn Thất Năng cùng một viên Quản vệ dinh Thân cơ điều động tất cả những tay bắn súng ở các đội Hộ vệ, đội Cảnh tất và dinh Thân cơ đem thứ súng lớn ra bắn, nhớ rõ lấy tâm súng xa gần, định làm phép thường.

Tỉnh Quảng Bình tâu nói : “3 huyện Bố Trạch, Bình Chính, Minh Chính trong hạt, lúa chiêm thu hoạch kém, xin cho nộp thay bằng tiền số thóc thuế năm nay”. Vua y cho.

Phủ Thừa Thiên và tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam ít mưa. Vua sai quan Kinh doãn cầu đảo, được mưa ngay. Vua dụ cho bộ Lễ rằng : “Nay được mưa luôn mấy đêm, những ruộng nương ở các huyện thuộc Kinh kỳ đều được nước ngấm, chưa biết các hạt ở gần Kinh kỳ có được mưa không, nên truyền dụ cho 2 tỉnh Quảng Nam, Quảng Trị phải làm tờ tâu lên ngay, để ta yên lòng”. Sau đó, 2 tỉnh đều báo tin được mưa.

Dân xã Kim Ngọc phủ Thừa Thiên xin tạm đắp một đoạn đê ngăn nước suốt ở bên ngoài cánh địa sơn lăng, để cho nước chảy rớt vào nơi cấy lúa mùa. Các Kinh doãn là bọn Tôn Thất Cung, Vũ Đức Nhu và Đinh Doãn Trung đều ưng cho ; thụ Thủ hộ sứ là Tôn Thất Trúc đem việc ấy tâu lên. Vua sai bộ Lễ cùng đi với toà Khâm thiên giám khám xét cho rõ ràng rồi vẽ thành đồ bản tiến trình. Vua nói : “Khe nước ấy từ núi Nhuệ Sơn đổ lại, theo bên hữu lăng Trường Phong ôm vòng về đằng trước, lại cùng các đường thủy hạ lưu của các tôn lăng, hợp làm một dòng, chảy rớt về bên tả, thế nước châu về rất là quý cách. Vả lại, đường thủy ở sơn lăng cốt phải cho lưu thông, không được đắp đê chặn ngang từng chỗ, năm trước đã kính vâng lời huấn dụ nghiêm minh rồi. Nay Kinh doãn dám cho dân đắp đê ngăn lại, việc quan hệ không phải là nhỏ ! Bọn Cung đều phạt mỗi người 6 tháng lương”. Nhân đó sắc sai : mỗi khi gặp mùa cấy cấy hằng năm, phải do quan ở phủ xét thực, có chỗ nào không tiện, thì làm tờ tâu lên đợi Chỉ.

Kiến An công Đài 吳 tâu nói : “Những bài thơ về thế hệ, đôi khi có chữ huý và cùng âm, cùng dáng chữ, sợ ngày khác đặt tên, đối với danh nghĩa, không được yên”. Vua sai Tôn nhân phủ hội đồng với bộ Lễ xem xét cho rõ ràng, rồi bàn luận cho thoả đáng để tâu lên.

Vua châu phê [vào bản dā] cải định, sai chiếu sách cũ, theo từng khoản mà khắc đổi đi : (Về dòng Anh Duệ hoàng thái tử, chữ thứ 3 ở câu thứ 3, trên chữ *son* giữa chữ *miên* 宥 dưới chữ *thị* 示⁽¹⁾ đổi là “lệnh nghi *hàm* tổn thuận” 令儀咸巽順 “về dòng Kiến An công Đài 昊, chữ thứ 4 ở câu thứ 1, bên tả chữ *nhân* 人, bên hữu chữ *nhị* 二⁽²⁾ đổi là “luong cần an *hoà* thuật” 良謹安和術; chữ thứ nhất ở câu thứ 3, bên tả chữ *cách* 隔, bên hữu chữ *trùng* 虫⁽³⁾ đổi là “*duỡng* di tương thức hảo” 眷怡相式好. Về dòng Định Viễn công Bình 昺, chữ thứ 5 câu thứ 2, trên chữ *hoa* 華, dưới chữ *thập* 十⁽⁴⁾ đổi là “cảnh ngưỡng mậu thanh *kha*” 景仰茂聲珂 Về dòng Điện Bàn công Phổ 普, chữ thứ 3 ở câu thứ 3, trên chữ *nhân* 人, dưới chữ *vuơng* 王⁽⁵⁾ đổi là “túc cung thừa hữu nghị” 肅恭承友誼. Về dòng Thường Tín công Cự 巨, chữ thứ 5 ở câu thứ 2, trên chữ *miên* 宥, dưới chữ *cốc* 谷⁽⁶⁾ đổi là “lâm trang tuý thịnh *cung*” 臨莊粹盛躬. Về dòng An Khánh công Quang 晃, chữ thứ 2 ở câu thứ 1, trên chữ *hoa* 華, dưới chữ *thập* 十, đổi là “khâm tòng xung ý phạm” 欽從稱懿範

Sai biên tập bộ *Đại Nam hội điển*. Vua xuống dụ rằng : “Nhà nước đặt ra chế độ, tất phải chép ra thành sách rõ ràng, khiến cho có thể truyền mãi lâu dài. Phép của Nghiêu, Thuấn rõ rệt ở thiên “*điển*”, thiên “*mô*”; chính của Văn, Vũ chép ở phương sách, đều làm nêu mực cho người đời sau.

Nước nhà ta chịu mệnh trời cho, mở mang đô bản. Hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế ta, sau khi võ công bình định, mở mang trị hoá, để lại đến 18 năm, dựng đặt mọi việc rõ ràng, đều có thứ tự nhất định. Đến Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, nối noi mối lớn, xếp đặt kỷ cương, đặt ra lễ, nhạc, pháp lệnh, điển hình, không việc gì không sáng tỏ, đầy đủ. Thí dụ như những việc châu hầu, yến hưởng, chức công ở các địa phương và chế độ đặt ra quan lại cho đến các việc lớn như cống thuế, tiền tệ, chức vụ của Lục bộ và các ty đều có sở thuộc, rõ ràng từng điều. Trông lên bậc thánh nhân làm việc đời, nghĩ tính mọi việc sâu xa, đã sai Lục bộ và các nha đều phải biên tập ghi chép nhưng còn chưa họp lại thành một bộ sách.

“Ta nối ngôi báu, nghĩ đến việc kế thuật những đạo pháp thống trị, những điều cốt yếu, những kỷ cương rộng lớn, đã làm ngay thành bộ chính sử để dạy cho sau này. Đến như các việc thi hành về khoảng năm Gia Long, Minh Mệnh, phạm việc gì đã có lệ định và đã làm qua, cũng đều thông dụ các nha môn sức cho thuộc hạ

- | | |
|-----------------------|---|
| (1) Tức là chữ “sùng” | 崇 |
| (2) Tức là chữ “nhân” | 仁 |
| (3) Tức là chữ “dung” | 容 |
| (4) Tức là chữ “hoa” | 華 |
| (5) Tức là chữ “toàn” | 全 |
| (6) Tức là chữ “dung” | 容 |

xét rõ, biên tập thành bản tắc lệ ; duy có tiết mục rất nhiều, tất phải sẽ phải chuyên viên tá lĩnh, hoặc thủ lĩnh vài người quen thuộc điển lệ của bản nha, và liệu điều động lại dịch tùy biện, rồi chuyên vào việc tra xét các sự lệ chức chương của các ty tào, kiểm soạn cho rõ thêm. Lại chuẩn cho bộ Lại chiếu trong các nha và nhân viên ngoại ngạch ở các bộ cùng làm công việc ở bộ, lại chọn lấy những người khoa mục xuất thân thuộc Hàn lâm viện : ai học vấn sâu rộng, đều phân phái theo Lục bộ, hội làm việc này, sưu tầm từ năm Gia Long thứ nhất [1802] đến năm Minh Mệnh thứ 21 [1840] : phạm chỉ, dụ, điều lệ, lời bàn của bộ và số tâu trong Kinh ngoài trấn đã được chỉ chuẩn, điều gì có quan hệ đến chính thể, thì từng điều một, chia thành môn loại, chiếu theo năm tháng trước sau, sắp xếp thứ tự, biên chép thành một bộ sách, sao cho chia ra từng điều, tách ra từng mục, không thiếu sót. Khi thành bản thảo thì tâu lên, đợi ta chọn phái một viên đại thần làm giám tu tổng tài, lại khảo đính thêm, đặt tên sách là *Đại Nam sự lệ hội điển*, cho khắc thành bản in, tỏ ra hiến chương một đời để lại về sau”.

Khắc đá bài *Ngự chế* và dựng ở bên sông Phố Lợi. Vua dụ rằng : “Trước kia, ta đi tuần sang phía đông, nơi cương vực ngoài biển, đường đi qua sông Phố Lợi, trông thấy dòng nước trong sáng, nhuần thấm các đồng ruộng màu mỡ, thực là lợi cho dân ta nghìn muôn đời, nhớ lại Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, mưu lược rộng lớn, lo tính sâu xa, phòng thủ ngoài biển, coi trọng nghề nông, không việc gì là không chu đáo. Khi mới đào sông này, bỏ ra món tiền to để thuê nhân công. Nhân dân vui điều vui, lợi điều lợi, như con đến làm việc cho cha. Trông thấy sông Hà, sông Lạc thì nhớ công Đại Vũ⁽¹⁾. Thế là đức trạch của Hoàng khảo ta phổ cập đến mọi người, nói sao cho xiết ! Ta rất cảm mộ, có làm một bài thơ để ghi nhớ công việc ấy. Chuẩn cho bộ Công khắc vào đá, dựng bia, để tỏ dấu cũ thần thánh ở chỗ không cùng và để lại cho đời sau biết (xem tập *Nhi, thơ Ngự chế*).

Lại dụ về việc phòng ngự nước sông ở xứ Bắc Kỳ. Dụ rằng : “Việc phòng nước sông ở xứ Bắc Kỳ thực quan hệ đến cái kế cốt yếu để giúp việc nông. Ta nghĩ tha thiết đến dân, giây phút không quên được. Trước đây, khi mới đến tiết Tiểu mãn⁽²⁾ đã xuống dụ hỏi tất cả những sức lệnh về cuộc phòng hộ [thế nào] thì thấy lần lượt tâu báo lên rằng : nước sông đã giảm xuống, ta rất lấy làm may. Nay sắp đến kỳ nước lớn về mùa thu chuẩn cho các quan địa phương ở Bắc Kỳ, ngay những chỗ đê bồi trong hạt, phải đốc sức lấy nhiều vật liệu để đủ nghiêm phòng, các tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát, lãnh binh phải thân đến [chỗ đê] mà kiểm soát, đôn đốc sao cho bền vững, không lo ngại gì, để đón cái phúc sông nước được yên lặng”.

(1) *Nhớ công Đại Vũ* : thời cổ Trung Quốc, Đại Vũ đi trị thủy khơi sông Hà, sông Lạc, nên sau người ta trông thấy 2 con sông này thì nhớ công ông.

(2) *Tiểu mãn* : một tiết về cuối tháng 4 âm lịch.

Tĩnh Bình Thuận tâu nói : “Những dân lưu tán trong hạt, năm nay chính đến lệ tuyển lính ; nhưng gần đây, dân đinh chưa về được hết, sinh kế lại chưa được thừa thãi. Vậy xin thư niên hạn lại cho”. Vua chuẩn hoãn cho 2 năm, sẽ lại do quan tỉnh xét rõ, tâu lên.

Vua dụ bộ Binh rằng : “Các hạng biên binh ở Kinh, nay công việc hơi ít, phàm người nào ở vào hàng ban thứ 2, quán thuộc các hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, thì lấy 1 tháng làm 1 ban ; quán thuộc các hạt Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Thanh Hoá, thì lấy 3 tháng rưỡi làm 1 ban ; người nào ở vào hàng ban thứ 3, quán thuộc các hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam thì lấy 1 tháng làm 1 ban ; quán ở Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Thanh Hoá, thì lấy 2 tháng làm 1 ban, đều nhằm mồng 1 tháng 7 phân ban, tuân y trình hạn, lần lượt đổi việc công. Lại biên binh ở cơ Trung nhị, Tiền nhất ở dinh Vũ lâm và 4 vệ ở cơ Tiền long, cơ Vũ tả thuộc dinh Thần cơ, sang năm phải đi đóng thú ở miền Nam, cũng chuẩn đến 1 tháng 7 tha cho về nghỉ”. Sau đó, bộ Binh tâu nói : “Hiện nay các việc công tác điển hộ, không đủ người sai phái. Xin lượng trích lại lưu ban”. Vua nói : “ Binh đinh khó nhọc đã lâu, đã chuẩn y cho lệ phân ban, là muốn cho họ được nghỉ ngơi. Nếu vì việc nhiều mà lại lưu lại, e không phải là dè dặt sức lực mọi người và tỏ cho người ta thấy điều tin thực. Vậy chuẩn cho thi hành y như Chỉ dụ trước. Còn công việc điển hộ, việc gì tầm thường giản ước, thì chức lượng mà tỉnh giảm, việc gì tu lý nhỏ nhặt thì do phủ Thừa Thiên thuê dân làm”.

Ác man ở Thạch Bích đến cửa quân thành khẩn cầu cho giao thông buôn bán. Dân ác Man, từ năm ngoái, bị quan quân đánh dữ, sợ không dám động ; đến đây Chương vệ sung Lãnh binh Nguyễn Vĩnh phái các thuộc tiêu là Ngô Văn Thư, Nguyễn Văn Lân và Nguyễn Văn Thận chia nhau đi gọi họ đến để yên ủi, bảo cho biết đức ý của triều đình, chuẩn cho thú tội. Các Man đều hẹn ngày thông khoản, trước đem việc ấy báo lên tỉnh biết. Bọn Nguyễn Đức Hộ, Mai Khắc Mẫn bàn nhau uỷ cho Phó lãnh binh Phan Phái đem quân đi ngay, hội đồng đàn áp để mạnh quân oai. Đến ngày, tù trưởng 5 bộ Minh Long, Lôi Tử, Thuộc Vinh, Sa Lung, Đồng Lâm ở sơn Man là bọn Đinh Lãi, Đinh Sừ, Đinh Lê, Đinh Xương, Đinh Diên đem 200 dân Man, đến cửa quân nộp thành khoản, trả lại các súc sản đã bắt của dân Kinh, xin thú tội trước. Các Man đã phụ thuộc có tù trưởng 5 đạo : An Nghĩa, An Nham, Thanh Phong, Quy Chính, Sa Mai là Đinh Khinh, Đinh Cầu, Đinh Nhĩ, Đinh Đới, Đinh Hí, đều liên danh ký kết, xin thông thương đổi chác hàng hoá, để giúp đường sinh nhai. Rồi theo tục Man, uống máu ăn thề, không dám lại phạm nữa. Nguyễn Vĩnh xét ra Man tình đã quy thuận, tức thì đem trâu rượu để khao lạo, rồi

cho về. Quan tỉnh đem việc ấy tâu lên. Vua dụ rằng : “Nơi ở của dân sơn Man tiếp giáp với dân ác Man thượng du, từ trước đến nay, lúc ẩn lúc hiện ở chốn rừng rú, cứ lên xuống sinh chuyện ; dân ở ngoài biên thường bị khổ vì chúng. Năm ngoái, quan quân đánh dữ, chúng đã sợ hãi. Nay Nguyễn Vĩnh phái người đến gọi ra yên ủi, lại tuyên bố được uy đức của triều đình, khiến cho chúng cùng đem nhau quy thuận, một cõi dân ngoài biên được cùng nhau yên ổn, không có việc gì. Ta xem tờ tâu, thực rất mừng rỡ và yên lòng. Chuẩn cho đều ban thưởng có thứ bậc khác nhau : thự Bố chính cách lưu là Nguyễn Đức Hộ được đổi giáng 4 cấp, thự Án sát Mai Khắc Mãn cùng với gia hàm Chương vệ Nguyễn Vĩnh, chuẩn đều được thực thụ và đều thưởng cho 1 cái nhẫn vàng ; Nguyễn Vĩnh từ trước đến sau ở trong việc này, sẽ thưởng cho 1 cái áo nhung y bằng thứ nhung dệt hoa, màu quan lục ; Phó lãnh binh Phan Phái thưởng cho 2 thứ kỷ lục, 3 đồng tiền Phi long hạng lớn ; Đội trưởng Ngô Văn Thư thăng thự Chánh đội trưởng suất đội. Dân tráng đinh và dân lệ thuộc 2 tên được thưởng thự Chánh cửu phẩm bá hộ ; ba người thuộc quyền lãnh binh sai phái đều gia thưởng 3 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, hạng nhỏ, áo sa nam hẹp tay, quần trừu nam màu đỏ đều 1 chiếc ; 5 viên tù trưởng dân Man đều cấp cho 1 cái áo dạ đỏ, để tỏ ý biến đổi phong tục của Man di. Dân buôn người Kinh và người sai phái trước kia phần nhiều lập mưu đánh lừa nói dối ; để cho dân Man ở núi báo oán gây việc, nay chúng đã sợ, hối lỗi, quy phục, nên nghiêm cấm những khách buôn không được quen thói cũ hống hách đối trá. Lại phải gia tâm gọi dân trại Man ra để yên ủi, khiến họ quy thuận mà thông thương. Nếu họ còn chấp mê, thì dùng người Man đánh người Man, lo gì không được. Đó cũng là một kế cốt yếu để yên ngoài biên, nên khéo thể tất mà làm. Các sở đạo ở 2 đầu nguồn Phụ An và An Ba trước vì ác Man quấy nhiễu cướp bóc, đến nỗi sợ hãi tàn sát, thuế khoá ở đầu nguồn phần nhiều trốn thiếu, cũng cho hoãn lại, đợi sau dân về ngày một đông đúc sẽ truy nộp, bất tất phải đòi gấp làm khó cho dân”.

Vua từng bảo bề tôi hầu cận rằng : “Ác Man vẫn quen ngoan ngoan. Đời Tiên Lê triều Thánh Tông, trước đã từng sai quan đến xem xét chỗ đất ấy. Các tiên đế bản triều ta đặt 6 đạo quân để trấn át giặc Man ; năm Gia Long mới sai văn võ đại thần đến tận nơi để sắp xếp, đặt ra cơ Thập kiên, đắp 100 đồn trại, sau lại đắp thêm thành dài, đổi làm cơ Lục kiên, lấy những dân ở gần đây phụ thêm vào để thay nhau đóng giữ ; khoảng năm Minh Mệnh, Hoàng khảo ta lại chỉnh lý thêm, chỗ cơ nghi canh phòng để dẹp giặc rất là chu đáo : (Địa giới tỉnh Quảng Ngãi đầu giáp địa giới tỉnh Quảng Nam, cuối giáp tỉnh Bình Định, về phía tây Bắc một dải núi cao đứng sừng, rõ ràng như bức vách đứng, tức là sào huyệt của ác Man. Từ trước đến nay,

chúng thường làm hại dân. Lê Thánh Tông sai Tiền tráng bộ quân Thiếu bảo Trần quận công Bùi Phụ Hữu đem quân trấn át giặc Man, đóng quân ở bờ bên nam sông Trà Khúc. Các tiên đế bản triều sai khâm sai Tuấn phủ Vĩnh Thọ hầu đến đóng đề trấn phủ, đặt 6 đạo quân phòng trú. Khoảng năm Gia Long, Thế tổ Cao hoàng đế sai văn võ đại thân là Lê Văn Duyệt, Lê Quang Định đến nơi để xếp đặt, xin lấy hết số dân đặt cơ Thạch kiên làm cơ Bình man, đắp 100 đồn trại để ngăn giữ giặc rồi lại đổi làm cơ Lục kiên, xét theo chỗ đồn sở, đắp thêm bức thành dài : nam giáp tỉnh Quảng Nam, dài cộng 37.497 trượng, thành 277 dặm. Ngoài ra, lại phụ thêm vài nghìn dân ở gần đấy, thay nhau để đóng giữ. Đến khoảng năm Minh Mệnh, công việc làm xong. Rồi vì ngày ấy hơi ít việc, quan quân cũng đủ để chống giữ, mới bỏ những dân ở gần đấy, đổi cơ Lục kiên làm 5 cơ Tĩnh man. *Cơ thứ 1* đóng phòng giữ các đồn : Phú Thọ, Tuy An, Thuận An, Tuấn Lĩnh, Dũng Thủy, Phú Thành, An Lạc, Bảo An, Phú Sơn, Vĩnh Khánh, Phú Lâm, Mỹ Sơn, Kiên Thành, Thổ Sơn, Mỹ Thị, Hưng Nhân, Hưng Bình, Phú Xuyên, Phú Nhuận, Lân Đình, An Đình, Giang Ngạn, cộng 22 đồn sở. *Cơ thứ 2* đóng phòng giữ các đồn : Thanh Bông, An Viên, Thanh Nguyên, Thạch Khánh, Kiên Giáp, Cao Đồi, Trường Giang, An Sơn, Viên Môn, Khánh Thạch, Bạch Cầu, Tuấn Mã, Phong Lĩnh, Lâm Hội, Văn Lê, Thạch Nhâm, Thạch Phong, Hùng Lĩnh, Chỉ Trụ, Thanh Khê, Linh Chi, cộng 21 đồn sở. *Cơ thứ 3* đóng phòng giữ ở các đồn : Kiên Thạch, An Lĩnh, Hùng Thành, Cam Lâm, Tráng Sĩ, Đại Phụ, Phong Nhuệ, Mỹ Lộc, Thanh Thụ, Giảng Vũ, Tú Lĩnh, Thạch Lĩnh, Thạch Lâm, Mỹ Sơn, Trung Phu, Bông Lai, Củng Cố, Trường Đình, Trường Hoà, Nhân Lý, Tân Long, Phúc Lộc, cộng 22 đồn sở. *Cơ thứ 4* đóng phòng giữ ở các đồn : Phú Lộc, Ninh Giang, Tài Công, Vũ Giáp, Long An, Khánh Giang, Bình Hoà, An Ninh, Vạn Niên, Thạch Ly, An Thạch, Lập Thạch, Vĩnh An, Bình An, Tân An, Tân Bình, Mậu Lâm, Bích Khuê, Trúc Lâm, Hùng Nghĩa, Xuân Linh, An Phong, Bình Định, Thạch Luỹ, Tam Giang, cộng 25 đồn sở. *Cơ thứ 5* đóng phòng giữ các đồn : Hoà Tường, Lâm Tùng, Nhân Hoà, Thạch Căn, Thuận Lợi, Thanh Thủy, Mỹ Thịnh, Phú Nhân, Thanh Lê, Lương Tài, An Bài, Vạn Phúc, An Tượng, Trạch Lâm, Liệt Sơn, Hương Thanh, Sơn Quan, An Nhân, Thanh Lâm, Thanh Vân, Phúc Lâm, Tài Thọ, An Dũng, Thanh Trung, cộng 24 đồn sở. Lại sửa sang thêm vào bức thành dài, hiện đắp 114 đồn sở.

Ta trông nhờ công nghiệp đời trước, tính bề yên bờ cõi ta, nghĩ đến kế hay chế ngự nhưng địch, không ngoài cách vừa đánh dẹp, vừa vỗ yên, tức thì đã trách cứ các quan ngoài biên phải làm cho xong việc, tùy từng việc, lúc nên cứng, lúc nên mềm. Trước kia, dân ác Man gõ cửa ải, nộp thành khoản, dân ta đã được ở yên. Đó là

trông nhờ oai linh công đức của Hoàng tổ, Hoàng khảo ta để lại mà được như thế cả. Nhưng bọn [ác Man] kia lòng dữ tợn, tính què mùa, hoảng hốt không thường. Sự cơ võ về chế ngự, thực không thể do dự được. Vậy nên dụ lại cho các quan tỉnh và quân thứ Tĩnh Man, phải gia tâm ngăn ngừa, để giữ cho không xảy ra sự lo ngại”.

CHÍNH BIÊN

ĐỀ TAM KỶ - QUYỂN XXXII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Quý Mão, Thiệu Trị năm thứ 3 [1843], mùa thu, tháng 7, mồng 1 làm lễ Thu hưởng.

Sai : thự Tả tham tri bộ Hình Phạm Duy Trinh làm Chủ khảo trường Thừa Thiên, Hàn lâm viện Trực học sĩ sung Toàn tu Sử quán Đỗ Quang làm Phó ; Tả tham tri bộ Lễ Lý Văn Phúc làm Chủ khảo trường Nghệ An, Án sát Hưng Hoá Phạm Huy làm Phó. Bộ Lễ tâu lên nói : “Trường Thừa Thiên 2 hiệu dấu vàng, dấu đỏ, trường Nghệ An 2 hiệu dấu đỏ, dấu xanh, số sĩ tử có nhiều hơn, xin cho thêm giải ngạch”⁽¹⁾.

Vua nói : “Giải ngạch khoa thi Hương, trường Thừa Thiên 38, trường Nghệ An 25, lượng chia ra từng sắc, từng hiệu, chỉ để cho phân biệt mà thôi. Và lại, đặt ra khoa thi để lấy nhân tài, vốn muốn được nhiều nhân tài để cho Nhà nước dùng. Nay trường Thừa Thiên, số sĩ tử thêm nhiều, chuẩn cho 2 hiệu sắc vàng, sắc đỏ đều thêm một tên [giải ngạch], cộng với ngạch cũ đủ 40 tên. Trường Nghệ An vẫn y như ngạch cũ, duy số sĩ tử các hạt có thêm lên, giảm xuống khác nhau, mà quyển thi ở trong trường hơn, kém cũng có khác, nếu hiệu nào đã đủ giải ngạch, mà văn lý còn có thể lấy đỗ hoặc chưa đủ như ngạch cũ mà số lấy đỗ còn hơi ít, thì cứ lấy thêm hoặc bớt đi một vài tên cũng không hề chi. Cốt cho đủ số giải ngạch, không nên câu thúc vào chỗ sắc hiệu vẫn định, đến nỗi bỏ sót nhân tài, thế là được”.

(1) Giải ngạch : số lấy đỗ cử nhân ở mỗi trường thi.

Khoa ấy lấy đỗ Cử nhân : *Trường Thừa Thiên 39 người* (Lê Vĩnh Khanh, Nguyễn Đăng Hành, Đặng Huy Trứ, Trần Nghi Đông, Nguyễn Vĩnh Trinh, Nguyễn Công Trấn, Lê Hữu Lễ, Nguyễn Khắc Khâm, Phạm Quế, Phan Văn Hoán, Trần Khắc Tuấn, Nguyễn Văn Bình, Trương Văn Nguyên, Hoàng Kim Côn, Nguyễn Văn Khiêm, Lê Xuân Tường, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế An, Lương Văn Nhã, Nguyễn Thuật, Nguyễn Đức Tư, Đoàn Văn Hoán, Lê Khắc Cầu, Nguyễn Khắc Cửu, Trần Đình Côn, Lê Xuân Tá, Trần Văn Tảo, Cao Văn Học, Nguyễn Duy Tự, Trần Công Soạn, Nguyễn Văn Nho, Lý Thế Khuông, Chế Quang Lân, Nguyễn Quang Trạch, Nguyễn Xuân Văn, Phạm Huy Thanh, Phạm Phú Duy, Nguyễn Trọng Đôn, Nguyễn Thành Ý). *Trường Nghệ An 25 người* (Dương Doãn Cháp, Nguyễn Văn Vĩ, Bùi Văn Hải, Đỗ Thiện Khanh, Lê Hữu Dự, Nguyễn Sĩ Ấn, Lê Đình Thức, Phan Tự, Vũ Văn Dật, Văn Đức Khuê, Lê Doãn, Phan Huân, Nguyễn Thành Doãn, Phan Huy Kiêm, Phan Đình Tuyển, Hà Huy Niếp, Trần Văn Mỹ, Lê Quang Gia, Nguyễn Tế, Đỗ Xuân Tường, Phạm Huy Bình, Cao Đăng Ngoạn, Nguyễn Trọng Tự, Lê Danh Tùng, Nguyễn Hữu Tào). Đến khi đệ quyển lên, vua bảo Nội các rằng : “Trường Thừa Thiên lấy đỗ, phần nhiều người trẻ tuổi, trước ta vẫn ngờ là lấy lạm, đến khi duyệt quyển thi, thấy có người nhiều lần đỗ Tú tài, có người đời đời nhà có khoa hoạn, có người tuổi còn trẻ mà văn già dặn, mới biết gần đây văn học ngày một tiến, mà tỉnh Quảng Nam lại càng thịnh hơn, ta rất mừng và yên lòng”. Lại nói : “Thận Trai tiên sinh ⁽¹⁾ là thầy dạy ta, khi chưa lên ngôi, nay tuổi già về nghỉ ; con trưởng là Nguyễn Đăng Giai, mình coi 3 hạt, có tiếng chính trị giỏi ; cháu Đăng Hành, khoa này lại đỗ Cử nhân thứ 2, đời được vẻ vang, không mất tiếng của nhà, ta rất khen ngợi”. Nhân đó, vua làm một bài thơ (xem trong tập thơ *Ngự chế*), sai trung sứ đem cho Nguyễn Đăng Giai để được vẻ vang. Trước kia, các trường thi ở trong Kinh, ngoài tỉnh, phạm quyển văn nào hơi có dính lứu vào hình tích mà bị viên chủ ty loại ra, thì Bộ, Viện trích hạch lại. Khoa này hạng Cử nhân trường Nghệ An có Bùi Văn Hải, và Lê Doãn, văn ở bài phú hai đăng có nhiều câu giống nhau, chủ khảo Lý Văn Phúc cho rằng hai người đều là Tú tài trước, không cùng một làng (Hải người phủ Đức Thọ, Doãn người phủ Hà Thanh), văn phú hạch đều có thể lấy được. Lại có Hà Huy Niếp và Nguyễn Hữu Trào, hôm xướng danh đều óm, không đến ứng hạch được, đều để vào hạng Cử nhân, nhưng tập tấu lên, xin do quan sở tại sẽ sát hạch lại. Đến khi đệ quyển lên, Niếp và Trào, văn đều khá. Dụ xướng cho Bộ, Viện duyệt lại, chuẩn cho cứ để vào hạng Cử nhân.

Nêu thưởng cho người dân thọ 100 tuổi ở tỉnh Bình Định (Nguyễn Văn Lịch, người huyện Bồng Sơn).

(1) Thận Trai tiên sinh tên là Nguyễn Đăng Tuấn, sinh ra Nguyễn Đăng Giai.

Nêu thưởng cho người tiết phụ họ Nguyễn ở tỉnh Hải Dương (Nguyễn Thị Bình, người xã Toán Trì, huyện Hiệp Sơn), hồi 18 tuổi, lấy người làng là Mạc Thế Viêm, được vài tháng, vì Viêm ốm rồi chết. Nàng thế chết theo chồng, kêu gào đến thổ ra huyết ; khi đã chôn chồng rồi, về nhà cha, thắt cổ chết. Việc ấy đến tai vua, ban cho biển ngạch (có 4 chữ “Nguyễn thị tiết phụ” để nêu tỏ rệt cửa nhà ấy).

Sai thự Thống chế dinh Hồ oai Hoàng Văn Hậu sửa điện Càn Thành, Thống chế Hữu dực dinh Vũ lâm Hoàng Đãng Thận sửa cung Từ Thọ ; Đô thống Tôn Thất Bật, Thượng thư Nguyễn Trung Mậu đôn đốc việc sửa điện Hiếu Tư. Trước đó, toà Khâm thiên giám chọn vào giờ sớm ngày Canh Thân, tháng 7, kính cáo rước thánh vị đặt lên điện Phụng Tiên. Nội các Lâm Duy Thiếp nhận lầm là giờ Thân ngày hôm ấy, làm phiếu chỉ thi hành. Bộ Lễ cũng vì lầm, nghĩ soạn ra nghi tiết. Vua lấy làm lạ ! Bọn Thiếp dâng sớ xin nhận tội ngay. Vua nói : “Chỗ tôn miếu, điển lễ rất trọng. Nội các là cái cửa ban ra mệnh lệnh của vua, sao lại nhầm lẫn như thế ! Nếu không hỏi đến, há không lỡ việc hay sao ?”. Các đường quan ở các bộ đều phải phân biệt giáng phạt. Vừa một tháng thì công việc làm xong, lại rước an thánh vị ở điện Hiếu Tư. Trên đường rước đi, vua đều đi bộ theo. Khi lễ làm xong, các nhân viên dự vào công việc đều được ban thưởng.

Làm thuyền Thanh án và thuyền Tu phúc. Thưởng cho Đốc biện Vũ Văn Giải và binh đinh cùng thợ thuyền số tiền để may quần áo, có thứ bậc khác nhau. Lại làm lại thuyền Thụy long (theo cách thức thuyền Kim ung và thuyền Phấn bằng).

Hạ lệnh cho tỉnh Nghệ An đổi tên một chiếc thuyền bọc đồng, gọi là thuyền Diêm dương.

Đổi tên gọi tỉnh Thanh Hoa là tỉnh Thanh Hoá. Trước kia, vì húy nhà vua, phải đổi lại cả án triện. Nay, vua nói : “Những chữ húy ở Thái miếu rất là tôn trọng, theo lẽ phải nên cung kính mà kiêng tránh. Nhưng đối với cái nơi phát tích nghìn muôn đời, cũng phải nên còn lại sự thực. Xét các sử sách của nước Nam, tỉnh Thanh đời cổ là Thanh Hoá. Vậy chuẩn cho lấy lại tên cổ, phàm các dấu quan phòng và án triện cũng đều đổi lại mà ban cấp.

Nước Thủy Xá, nước Hoá Xá đến cống. Phó sứ Kiệu Mộc bị bệnh, phải ở lại chỗ đầu biên giới. Chánh sứ Sơn Thí đến sứ quán tỉnh Phú Yên, cũng bị bệnh. Quan tỉnh tâu lên, vua dụ rằng : “Hai nước ở cõi xa, ngược mền thanh giáo của triều đình, được liệt vào hàng châu đã lâu. Tấm lòng sợ mệnh trời, thờ nước lớn, trước sau không thay đổi, rất đáng khen thưởng. Sứ bộ ấy trước kia đã được châu hầu, đến khi về, theo lệ, có ban cho sắc thư và các phẩm vật. Nay sứ thân ở xa đến, tình huống càng đáng thương yêu, nên đã chuẩn cho đợi ở tỉnh Phú Yên, tha cho không phải đến Kinh để bớt khó nhọc phiền phức”. Rồi ban hậu thưởng hơn nữa, sai phái viên đem đi ban cho, nhưng đình không ban sắc thư mà bảo cho về.

Cho Tả thị lang bộ Lại Trương Quốc Dụng bổ sang Tả thị lang bộ Hình ; Thái bộc Tự khanh biện lý bộ Công Vũ Quýnh thăng thụ Tả thị lang bộ Lại, vẫn kiêm quản Thái y viện ; Lang trung bộ Binh Ngô Văn Địch thăng thụ Thái bộc Tự khanh, biện lý công việc bộ Công.

Triệu Tổng đốc An - Hà Nguyễn Công Nhân về Kinh. Nhân trước gặp tang cha mẹ, về làng, vua nghĩ đến Nhân khó nhọc ở ngoài đã lâu, nên tuyên triệu về Kinh. Khi vào hầu, vua cho lên điện, yên ủi hỏi han hồi lâu, nhân hỏi đến tình hình ở phía tây, đến mùa thu, phỏng có giữ được mà không xảy việc gì ? Nhân thưa rằng : “Quân ta đã đánh dữ, sau chúng tất không dám kéo cả nước đến. Chỉ có bọn thổ Man nhỏ cát lên khi ẩn khi hiện, tưởng tất cũng có”. Vua lại hỏi việc đánh dẹp và việc võ về, chế ngự, đảng nào khó ? Nhân thưa rằng : “Đánh nó cũng không khó gì, chỉ sợ sau khi việc bình rồi, lòng người Man bất trắc, võ về nó rất khó”. Ngày hôm sau, lại triệu Nhân đến hầu ở điện Văn Minh, vua hỏi rằng : “Người cùng Nguyễn Công Trứ trước đây xin đem thêm quân để tiến đánh, có ý kiến gì ?”. Nhân thưa rằng : “Hiện nay giặc thổ thế ngày một cùng cấp, có thể nhân cơ hội này, người bề tôi ở nơi biên thủy chỉ biết có việc đánh giặc mà thôi”. Vua nói : “Quân để giữ nước, dân để nuôi quân. Nay từ tỉnh Quảng Nam trở vào phía Nam, các hạt chọt gặp có chúng lệ khí, đường sinh sống của dân chưa được phục hồi, chưa thể làm khó nhọc cho dân và động dụng đến quân. Việc ở Trấn Tây hãy đợi thông thả sẽ bàn đến cũng được”.

Nhân cúi đầu tạ. Vua nhân ban cho 1 cái quạt ngự, 1 khẩu súng điều sang ngự dụng. Lại sai có việc gì nên tâu, chuẩn cho cứ thực tâu bày. Nhân tâu nói : “Công việc xếp đặt ở ngoài biên cương, đã có phương pháp nhất định. Duy có các thuyền bè phần nhiều mục nát, mà thợ ở trong hạt ít, tất phải khẩn biện, để phòng có sự xảy ra. Việc khai sông, phải đợi khi nước xuống mới có thể khởi công làm được. Tỉnh An Giang, chướng khí hơi nặng, trước đây quân ở Kinh và quân ở Tả kỳ đến đóng thú, thường hay mắc bệnh. Vậy xin cứ vào nơi gần, lấy quân ở Nam kỳ thay vào, hai đảng sẽ được thuận tiện cả. Nhân lại tâu bày tiến cử những người hàng võ sai phái đắc lực hơn 20 người. Vua đều cất dùng cả. Lưu Nhân lại vài ngày rồi bảo cho về nơi làm quan, lại cho một bài thơ ngự chế kỷ sự về việc bình định Xiêm Lạp, và cho 100 lạng bạc.

Án sát tỉnh Vĩnh Long Nguyễn Thế Trị, vì có tang cha mẹ, về quê, rồi mất. Lấy Viên ngoại lang bộ Công Nguyễn Quốc Hoan thăng thụ Án sát Vĩnh Long.

Phó lãnh binh Cao Bằng là Nguyễn Tuyên vì có tang cha mẹ, lấy Phó vệ úy Hậu vệ dinh Hồ oai Trần Đạt bổ thụ Phó lãnh binh Cao Bằng. Nguyễn Phó lãnh binh Biên Hoà Trần Tuấn (tên trước là Trần Văn Tuấn) thăng thụ Vệ úy Hậu vệ dinh Hồ oai.

Ngày Nhâm Tý. Vua rước Từ giá [Hoàng thái hậu] chơi cửa biển Thuận An ; lại chơi núi Thúy Vân. Thường tiền cho những người đi theo hộ giá từ quan viên văn võ cho đến lại dịch, binh dinh có thứ bậc khác nhau.

Đặt đàn chay thủy lục ⁽¹⁾ ở chùa Khánh Duyên. Sắm cho tế thân núi Linh Thái và thần linh ấp Đông Am mỗi nơi một đàn.

Tế tướng sĩ trận vong ở cửa biển Tư Hiền. Vua dụ rằng : “Cửa biển Tư Hiền là nơi trọng yếu ở bờ cõi ngoài biển. Khi mới trung hưng, Thế tổ Cao hoàng đế ta từ Gia Định kéo cờ về, do nơi đó thẳng tiến, lấy lại được cơ nghiệp cũ. Tuy uy trời đến đâu, không nơi nào không sợ hãi, nhưng dưới mũi tên hòn đạn, tướng sĩ hết sức xông pha không nghĩ đến thân, vì xác chiến trường, vẫn còn khí oanh liệt. Nay cờ thủy anh đến chơi, nghĩ lại những việc trước, có cảm trong lòng. Vậy hạ lệnh cho quan viên có chức trách, chọn nơi đặt đàn, sắm sửa đủ sinh lễ, do một viên đại thân về ban võ, khâm mạng đến tế, để tỏ hậu đạo”.

Thanh tra hai bộ Hình, Hộ là Lê Bá Tú, Phạm Quĩ tâu nói : “Từ trước đến nay, những nhân viên phạm lỗi phải nghị xử, số lương lĩnh hàng tháng, chỉ do bộ Hộ phê phát, không từng có trích hạch ra, người lĩnh lương và người chi lương, cả hai đều đáng tội. Về số tiền, gạo lạm chi, xin đều chiếu sổ, chia phần để truy bồi, chiếu luật xử phân. Các địa phương ở ngoài nếu có việc giống như thế, cũng đều phải tra nghị. Vua cho rằng, việc này thuộc về sự nhân tuần, không nỡ truy cứu. Còn số lạm chi đã phát hiện ra, hơn 28.900 quan tiền và hơn 24.500 phương gạo, gia ân tha cho, không bắt truy bồi ; xử phân. Duy có việc tiền, lương là chức phận của bộ Hộ, Thượng thư Hà Duy Phiên vì phát nhầm, phải giáng 2 cấp, còn người khác đều giáng 1 cấp lưu. Những người can án : có người phạm tội tư, có người nhầm lỗi vì phạm tội công, có người bị nghiêm nghị, có người bị lỗi tâm thường phải giao nghị, tình lý không giống nhau, nếu nhất khái đình không phát lương, còn để đợi án, thì bụng không dạ trống, để đi làm việc, thì có lý nào như thế được không ? Phải làm thế nào định rõ chương trình, có thể để tuân theo vĩnh viễn. Vậy chuẩn giao cho các quan trong triều hết lòng hội bàn, rồi tâu lên. Sau đó, đình nghị xin : “Từ nay phạm nhân viên can án, hoặc phạm tội tư, bị người tố giác ra, hoặc bị người tố cáo các trọng tình như : tham tang, xẻo xén ăn bớt, không công bằng, không theo pháp luật, cùng những người bị nghiêm nghị, đều nên do nha môn tuân nghị thi hành, tư đình bồng. Còn những người về việc công nhầm lẫn, và bị tâm thường giao nghị, và cùng một án nghiêm nghị mà tỵ trung có lệnh cùng giao nghị xử, hoặc xét nghị nguyên không ở trong khoản nghiêm nghị, xin đều cho chi cấp đến ngày án xử xong. Nếu được miễn nghị ở trong hạn 6 tháng thì cho truy cấp ; ngoài hạn thì chiếu lệ, đình

(1) *Thủy lục* : đàn chay có đủ các khoa giao của nhà Phật.

cấp. Ai bị giáng phạt xử phân thì cứ chiếu lệ thi hành. Duy có tra biện các vụ án đều có trình hạn ; nha môn xét hỏi việc hình, đều nên chiếu án y hạn làm cho xong, không được để kéo dài. Còn các quân lính và thợ thuyền, về sự ăn đường không được bao nhiêu, nếu có liên can đến việc án tầm thường, xin đều cấp cho khẩu lương để chi dùng”. Vua ưng cho.

Ty Tam pháp⁽¹⁾ tuân Chỉ dụ trước, đem những tù phạm ở Kinh ra tra xét, làm danh sách tâu lên. Vua sai các quan trong triều xét lại, tâu lên, thấy có nhiều chỗ rộng tha.

Vì các địa phương, việc hình ngục phân nhiều bỏ đình trệ, vua sai bộ Hình truyền Chỉ nghiêm quở. Thự Tuần phủ Quảng Nam Nguyễn Khắc Tuấn, Án sát Nguyễn Văn Chấn và thự Bố chính Thái Nguyên Trần Văn Tuấn vì tra xử xong các vụ án bỏ chông chất, đều được thưởng gia một cấp.

Thự Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai tâu nói : “Trước kia giặc thổ gây việc, dân hạt hai phủ Đoan Hùng, Lâm Thao phân nhiều bị giặc quyến dỗ, hoặc bị ức hiếp mà theo, một khi việc bị vỡ lở ra, biết rõ là pháp luật không thể khoan thứ được, thì lại trốn đi, gây thành một bọn giặc. Từ trước đến nay, bọn giặc tụ họp thành đảng đến hàng trăm, hàng nghìn tên, chưa chắc đã không do đó mà ra. Tuy gia ân xuống dụ luôn, gia hạn cho ra đầu thú, nhưng bọn chúng quá bước lẩn xa, đem lòng ngờ vực sợ hãi ! Nhiều lần mới ra đầu thú được hơn 200 tên, còn thì chưa thể nhất luận y hạn được. Vậy xin lại triển hạn cho 2 tháng nữa, để chúng tiếp tục ra thú”. Vua cho rằng kỳ hạn xin đó hơi ngặt, vậy cho thêm hạn 6 tháng, tỏ cho chúng biết cái ý tốt mở rộng lưới của Thành Thang⁽²⁾. Khi lệnh ban xuống, những kẻ trốn đi tranh nhau ra đầu thú, Đăng Giai dụ cho biết đức ý của triều đình, rồi yên ủi cho về ; lại bỏ cửa nhà ra tìm mộ dân đình, sai ra sức thám xét bắt giặc. Việc này đến tai vua, vua bảo đại thân viện Cơ mật là Trương Đăng Quế rằng : “Nguyễn Đăng Giai trước nói giặc Nhàn, giặc Bật trốn ẩn, thế đã cùng quẩn, vậy mà mãi đến ngày nay còn chưa bắt được, tại sao thế ?”. Đăng Quế thưa rằng : “Bọn giặc Nhàn, tâm tích dối trá, bí hiểm, khi ẩn khi hiện bất thường. Nghe nói bọn chúng hoặc giả làm thầy thuốc, hoặc thầy địa lý, cũng có khi giả làm khách đi buôn, vì thế cho nên khó lòng thám bắt được”. Vua nói : “Bọn chúng, thế đã cùng, sớm hôm cũng chỉ sống cho qua ngày. Vậy dụ cho Đăng Giai chuyển sức cho những tên đã ra thú hết sức thám bắt, để đón lấy hậu thưởng”.

(1) Tam pháp : bộ Hình, Đại lý tự và viện Đô sát.

(2) Thành Thang là vua nhà Thương thời cổ Trung Quốc, khi chăng lưới bắt chim, mở ra 3 mặt, để cho con chim nào muốn thoát mặt nào thì thoát. Đây có ý nói Thiệu Trị có lòng nhân từ, cũng muốn làm như Thành Thang.

Tỉnh Sơn Tây, giặc còn sót lại là Nguyễn Văn Nhân đã bị giết. Nhân là người tỉnh Hưng Hoá, nhập bọn với giặc Nông Văn Vân, nguy xưng là Tả quân đại tướng quận công. Khi Vân bị thua, Nhân lại cùng bọn Thạch hợp đảng, cất lên đi cướp bóc : vùng Tây bắc thường bị tai hại. Đến khi Thạch bị quan quân giết chết, Nhân trốn ẩn ngay, không có chỗ ở nhất định. Đến đây, Nhân lên đến nhà người quen là Nguyễn Văn Bài ở tỉnh Sơn Tây tìm chỗ ẩn. Bài nói khéo để giữ lại, mật báo cho Tổng lý và bộ biên chia ra mai phục bốn mặt, Bài hạ thủ trước, Tông cầm phẩm bá hộ là Nguyễn Đình Lương, người trong xã là Nguyễn Văn Quỳnh và bọn thú đinh cùng những người làm việc bắt giặc, họp cả để bắt, giải đến tỉnh. Nguyễn Đăng Giai chỉ ra ngay số tiền công 300 quan và bỏ thêm của riêng ra 700 quan để cấp cả cho, rồi đem việc tâu lên. Vua khen lắm, dụ rằng : “Nhân là giặc trốn đã lâu năm, thường làm hại dân, quan tỉnh trước hèn yếu không làm gì được, nuôi cái nhọt độc thành bệnh. Ta đổi phái viên khác đã lâu, cũng không làm nên công hiệu gì ! Nguyễn Đăng Giai một khi nhận việc, vỗ về nhân dân, tùy cơ tiến đánh, bắn chết tên giặc chính yếu là Thạch, lại chém giết được nhiều tên đầu mục giặc và bọn giặc, chỉ còn có tên giặc Nhân một mình trốn tránh ! Trước đã triển hạn, thế mà chưa hết kỳ, Đăng Giai đốc sức binh đồng, chia đường theo đi lùng bắt, lại bỏ cửa nhà ra tìm mộ tiểu dân sở tại, hết sức bắt giặc, khiến cho bọn giặc trốn đến 20 năm nay, bị bắt ngay trong một buổi, đặt dân vào nơi yên ổn, không xảy ra việc gì. Dẹp giặc yên dân như thế, công cán thực là rõ rệt. Vậy thưởng cho Nguyễn Đăng Giai gia một cấp tước đệ, một cái nhẫn mặt kim cương bằng hạt đậu to, kim tiền Lương long rất lớn có dây tua đeo, viên ngọc trắng có chữ “Cát tường phúc khánh”, ngọc san hô đeo có dây tua đều một thứ. Số tiền bỏ ra 700 quan, cũng chuẩn trích lấy tiền ở kho, y số thưởng trả lại. Nguyễn Văn Bài được cất bổ Chánh đội trưởng các quân, trật Chánh thất phẩm, thưởng thêm cho 20 lạng bạc. Nguyễn Đình Lương thăng bổ Phó thiên hộ, trật Tông thất phẩm, thưởng thêm cho 5 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, quần áo và ngân bài đều một cái, rồi cho theo sai phái ở tỉnh. Nguyễn Văn Quỳnh cũng thưởng 5 đồng ngân tiền hạng lớn. Ngoài ra, những người làm việc bắt giặc và thú đinh hết sức, chuẩn cho phân biệt làm danh sách tiếp tục tâu lên, để đợi ban ơn. Còn giặc Nhân thì đóng cũi đưa đến cửa khuyết, xử tử bằng lăng trì, bêu đầu ở các địa phương mà y đã làm giặc trước, rồi quăng xuống sông”. Lại vì giặc Bột còn trốn xa, truyền dụ cho các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương đều phái binh đi dò thám, nếu chém hoặc bắt được giải đến quan, sẽ chiếu theo cách thưởng đã định trước mà ban thưởng. Ai giấu ở trong nhà, sẽ bị cùng tội như giặc.

Thự Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giai tâu nói : “Việc bắt giặc đã hơi thư, xin triệt biên binh đem về hàng ngũ ở tỉnh ; 6 đồn đặt trước (Minh Nông, Đoan Hạ, Phạt Á, Trì Long, Hải Bối, Nhân Lý) đều xin rút cả”. Vua y cho.

Vua bảo bộ Công rằng : “Tỉnh Hưng Yên, về phía hữu ngạn sông Cửu An, địa thế trũng thấp, 3 huyện Kim Động, Phù Cừ, Tiên Lữ, trước bị tai hại, đã chuẩn cho đắp khúc đê nguy, để ngăn sức nước ; nay đến kỳ nước mùa thu, chưa biết tình hình các hạt sở tại ấy ra sao, truyền dụ cho quan tỉnh phải làm tờ tâu ngay lên”.

Tuần phủ Nguyễn Đình Tân tâu nói : “Năm trước, kỳ tiểu mãn, nước sông lên to, 3 huyện ruộng chiêm bị ngập, ruộng mùa không cấy được, dân sinh nay đây mai đó không nhất định. Từ khi đắp chặn khúc đê ngang đến nay, lúa ruộng tốt, dân cư không đến nổi đắm đuối”. Vua xem tờ tâu, rất vui lòng.

Tha số thuế còn đọng thiếu cho 8 châu Cam Lộ.

Chuẩn định : đội quân có voi ở Kinh, cứ hai tháng hội lại thao diễn một lần (lệ cũ : một tháng một lần thao diễn).

Tháng 7 nhuận. Dụ lại cho các nha môn xét hỏi việc hình án cả trong Kinh và ngoài tỉnh. Dụ rằng : “Ta xét qua những bản án các nha môn giữ việc hình tra xét phải khám nghiệm đến xương người đã chết, nhân nghĩ đến người chết, trước đã không may bị hung thủ vô lý giết hại, sau lại bị quan lại khám nghiệm làm bộc lộ cả thầy xác, thậm chí các lời cung không phù hợp, không khỏi khám nghiệm đến 2 - 3 lần mới thôi, khiến cho người ta rất thương xót ! Và lại, từ trước đến nay, việc án mạng có khi sự lý mai một và hai bên [điều đình] hoà riêng với nhau, lâu ngày sau mới phát giác ra, nếu không khai quật lên mà khám nghiệm, thì khó bằng cứ vào đâu mà định án được, cũng là xuất ư bất đắc dĩ. Còn như khi việc mới phát ra, có cái thầy người chết đó có thể bằng cứ, nếu buổi đầu mà khám được thực trạng, há không bớt được nhiều việc sinh ra về sau ? Chỉ vì những quan lại xét hỏi buổi đầu, hoặc sơ lược cho rồi việc, khinh thường uỷ cho kẻ lại dịch khua múa văn tự sinh tệ thêm ra, xét nghiệm không rõ ràng để sinh nhiều sự, người chết lại bị khai quật khám nghiệm. Bụng dạ nào lại như thế được ! Ôi, xét nghiệm thương tích trong cái xác chết, nếu không được thực trạng đã có điều luật rõ ràng, thế mà quan lại làm việc còn có sự khinh suất sơ lược như thế, không trông lên mà thể nhận cái ý tốt thương việc hình của ta ! Vậy xuống dụ lại cho các nha môn xét hỏi việc hình ở cả trong Kinh, ngoài các tỉnh, nếu gặp xảy vụ án mạng, thì phải thân đến tận chỗ cái xác bị thương, theo như phép mà biên nghiệm, cốt cho được rõ ràng xác thực mười phần. Nếu khinh thường giao cho kẻ lại dịch và biên khám sơ lược, có chút không thực, để đến phải khám nghiệm lại một lần nữa, thì tuy không phải thiên tư ăn tiền, cũng gia bạc trị tội, để tỏ rõ cái ý tốt kính cẩn, thương xót, rõ ràng, thận trọng”.

Định lại điều cấm về thẻ bài cho mở cửa. Trước kia, khi gặp các lễ hưởng kỵ, ty nha có chức trách, trước ngày ấy, phiến tấu lên, đều do quan thị vệ nhận lĩnh thẻ bài mở cửa để truyền bảo ra ngoài ; ngày thiết triều, viên cai quản vệ Cẩm y, vệ Kim ngô chỉ xin mở khoá mà không có thẻ bài mở cửa. Vua cho rằng chỗ cửa thành

khi mở ra, quan hệ không phải là thường, thế mà những quân túc vệ và kẻ giữ cửa cứ truyền báo lẫn nhau, cái tệ sinh ra dần dần, không thể để cho tăng lên được mãi. Vậy hạ lệnh : sau đây, phàm ban đêm có việc gì nếu phải mở cửa, thì do quan văn võ đại thân trực đêm tâu lên, xin thẻ bài mở cửa, nhận giữ lấy để truyền báo ; đến sáng ngày mai, lại tâu lại, để tỏ ra thận trọng. Còn các cửa Kinh thành, hoàng thành và cung thành, đều y theo lệ định.

Phái viên thanh tra là Lê Bá Tú, Phạm Quý tâu nói : “Những sổ sách của bộ Hộ khai ra, chỉ khai các số tiền lương, muối, đường ; còn các thứ vàng, bạc, vải, lụa, đồng, thiếc, chì, sắt đều không khai đến ! Và lại, các thứ ấy, trong Kinh ngoài tỉnh, số thâu nộp vào bao nhiêu đều do bộ Hộ tư đưa sang Nội vụ và Vũ khố thu nhận vào sổ mà thôi, còn ở bộ Hộ bằng cứ vào sổ sách nào mà tư giao đi, từ trước đến nay chưa có tra xét, tưởng cũng chưa được chu đáo”. Vua cho lời tâu là hợp lý, giao xuống các quan trong triều hội bàn. Họ đều cho rằng từ trước đến nay, tiền, lương, muối, đường ở kho, tất cả các số chi thu đều do bộ Hộ phê tổng, còn các thứ vàng, bạc, vải, lụa, đồng, sắt, chì, thiếc, dầu, nến, chỉ do bộ Hộ tư giao cho Nội vụ và Vũ khố đăng thu thôi, đến như số mục chi thu đều có chuyên nha, không ví như tiền, thóc ở Thương trường chuyên do bộ Hộ. Cho nên, năm trước, nghị định về chương trình thanh tra, bộ Hộ và Thương trường hợp làm một khoá, Vũ khố và Nội vụ lại làm riêng ra một khoá, thế thì chế độ đặt ra vốn đã rõ ràng đầy đủ rồi. Nay muốn đem hết các thứ vàng, bạc, vải, lụa, đồng, thiếc, dầu, nến, gồm cả vào khoá kỳ thanh tra bộ Hộ để tra xét, há không sinh ra nhiều việc ư ? Xin cứ theo như lệ trước mà thi hành, sau đến kỳ thanh tra ở Nội vụ và Vũ khố sẽ chiếu các thứ hoá vật mà khai ra, cứ các nha môn tổng thu, súc đem những nguyên bản sổ sách và công văn của các tỉnh ra để đối chiếu. Như thế thì tiết mục tinh tường, chặt chẽ, đã có sổ sách để tra xét, không có cái tệ ẩn lậu, bỏ sót”. Vua nghe theo.

Trùng tu Văn miếu. Công việc xong, sai Thượng thư Nguyễn Trung Mậu làm lễ an vị.

Ninh Bình và Nam Định bị bão : nhà cửa sụp đổ, nước sông lên to, lúa ruộng bị ngập. Hai tỉnh này đem việc tâu lên. Vua cho rằng tỉnh Ninh Bình bị hại gió bão hơi nặng (tỉnh Ninh Bình, nhà cửa đổ nát đến 3.442 chủ ; tỉnh Nam Định, nhà cửa đổ nát có hơn 2.000 chủ, thuyền bị đắm vỡ mất 4 chiếc), sai Ngự sử Phan Khắc Thận đến ngay hội đồng với Tuần phủ Nguyễn Văn Nhị chia ra từng hạng mà chẩn cấp. (Hạng thiệt hại nhiều, mỗi hộ cấp cho 3 quan tiền ; thiệt hại vừa, cấp cho 2 quan ; thiệt hại ít, cấp cho 1 quan). Lại hạ lệnh cho hai tỉnh khai thông những chỗ ứ, ngập để giúp cho việc cấy lúa kịp thời vụ. Ngày hôm ấy, các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội và Thanh Hoá, Nghệ An cũng đem việc tai hại về gió bão lụt tục báo lên,

nhưng tình hình không thiệt hại lắm. Vua nói rằng : “Ta rất lấy làm may cho dân các địa phương này”.

Sửa miếu thờ Trưng Quốc công. Sai Thống chế Tôn Thất Đắc đến Thanh Hoá trong nom công việc.

Sửa miếu Thục An Dương vương ở Nghệ An. Cấp cho dân sở tại 600 quan tiền.

Sai Ngự sử Đặng Kham đi khám lại những đê tư thuộc tỉnh Sơn Tây và tỉnh Hà Nội. Trước kia, dân 3 huyện An Sơn, Thạch Thất, Mỹ Lương thuộc Sơn Tây kêu xin huỷ bỏ một đoạn đê tư về địa phận 2 xã Do Lễ, Lễ Khê thuộc Hà Nội, để cho tiêu nước. Vua thấy việc này quan hệ đến lợi hại của dân sinh, bèn sai Tổng đốc Hà - Ninh Mai Công Ngôn, thự Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai hội khám. Họ làm tờ tâu lên, cho rằng đất 3 huyện ấy ở hữu ngạn sông Tích Giang, mỗi năm đến kỳ mưa lụt, lúa ruộng bị ngập rất hại, chỉ vì hạ du 4 tổng thuộc huyện Chương Đức đắp đoạn đê chặn ngang, cho nên nước không tiêu đi được ; còn để cái đê này thì 4 tổng hạ du lợi ít mà 3 huyện thuộc Sơn Tây hại nhiều, nay triệt huỷ đi, thì thông được nước ở thượng lưu mà hạ lưu không khỏi ú lại, cứu cánh cũng chưa được lợi chung. Nhưng đem số dân, số ruộng của 3 huyện và 4 tổng mà so sánh xem lợi, hại nhiều, ít của từng phía thế nào, thì bọn thần nghĩ xin phá bỏ 1 đoạn độ 10 hoặc 20 trượng đê tư xã Do Lễ để nước có chỗ tiêu tiết ; rồi sức dân khai một đoạn độ hơn 10 trượng ở chỗ Cổ Bồng thuộc huyện Kim Bảng để cho thế nước chảy thông sang sông Hát. Như vậy không để lợi thiên về bên nào, hại thiên về bên nào.

Vua cho rằng lời lẽ bàn đó phần nhiều chưa được rõ ràng, bèn sai Đăng Giai lại đi hội khám : hoặc nên cứ để đê điều như cũ mà đặt nhiều cống thông nước, hoặc nên nhân địa thế đào sông mà đắp những đoạn đê nhỏ khác. Lại, ở chỗ Cổ Bồng công trình khai nạo khó dễ thế nào, đều phải trừ tính cả mà làm bản tâu lên. Sau đó Đặng Kham cùng Mai Công Ngôn và Nguyễn Đăng Giai phúc tấu, xin triệt huỷ một đoạn đê cũ ở xã Do Lễ, hai bên đắp lên đê nhỏ, trên từ Do Lễ dưới đến Đoan Nữ, do sông Tích Giang chảy rớt sang sông Thường Vệ. Lại, về hạ lưu xã Dục Khê, tuy hình thế mà khai nạo để cho nước được lưu thông. Còn chỗ Cổ Bồng, núi và đá ngăn chặn kẹp lại, khó có thể làm được, xin đừng để khai nạo.

Vua nói : “Lời bàn này tuy chưa được phải cả mười phần, nhưng tìm đến chỗ lợi nhiều, hại ít, thế không như thế cũng không được. Vậy chuẩn cho y lời xin này mà thi hành”. Lại thưởng tất cả 1.000 quan tiền để phân phát.

Vua dụ bộ Binh rằng : “Các hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, sang năm, đều đến kỳ duyệt dinh, tuyển binh. Những quân mộ ở các dinh vệ, theo lệ không được về mộ. Nay các vệ dinh Kỳ võ khuyết ngạch có nhiều, có thể cho về mộ, bắt tất bố buộc vào lệ cũ, cũng có thể được”.

Định lệ cất tuyển biên binh vào vệ Cẩm y và vệ Kim ngô. Trước kia, 3 đội ứng trực ở vệ Cẩm y và biên binh ở vệ Kim ngô, lấy cấm binh ở dinh Vũ lâm đều phải bảo đảm là thân thể khoẻ mạnh, có sức cất được quả tạ thì cất bỏ vào. Đến đây chuẩn định lấy 10 đội túc trực trong vệ Cẩm y, gồm 550 tên ; 5 vệ dinh Thân cơ ; 4 vệ Trung, Tiền, Tả, Hữu ở dinh Tiền phong, mỗi vệ 28 tên ; 3 vệ Nhất, Nhị, Tam ở dinh Dục vũ ; 1 đội ở dinh Dục chấn, mỗi đội 3 tên, đều bỏ vào 5 đội Trường trực ; 5 vệ ở dinh Long võ, 4 vệ Trung, Tiền, Tả, Hữu ở dinh Hồ oai, mỗi vệ 28 tên, 2 đội Nhất, Nhị ở Tả vệ vệ Thủ hộ, 2 đội Nhất, Nhị ở vệ Giám thành, mỗi đội 3 tên, đều bỏ vào 5 đội Thường trực, gồm 528 tên ; Hậu vệ dinh Tiền phong, Hậu vệ dinh Hồ oai, 5 vệ dinh Hùng nhuệ, các quân ở 2 vệ Kinh kỵ, Phi kỵ dinh Thượng tứ, đều bầu cử 10 vệ, mỗi vệ 28 tên, bỏ vào 10 đội ở vệ Kim ngô, gồm 532 tên, để sung vào quân túc vệ, nếu sau có khuyết ngạch sẽ cất chọn bỏ vào, định làm lệ vĩnh viễn.

Triệu : Tuấn phủ Hưng Yên Nguyễn Đình Tân, Án sát Khánh Hoà Tôn Thất Cấp về Kinh đợi Chỉ. Cho : thự Tả tham tri bộ Hình Phạm Duy Trinh bỏ đi thự Tuấn phủ Hưng Yên ; thự Lang trung bộ Lại Tôn Thất Hạp bỏ đi thự Án sát Khánh Hoà ; Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ sung chức Tấn thiện cho Hoàng tử là Trần Quang Chung do chức đang làm sung biện sự vụ Nội các ; Viên ngoại lang ở ty Thừa biện Tôn nhân phủ là Tôn Thất Chính thăng thự Lang trung bộ Lại, Viên ngoại lang bộ Lại sung Hành tẩu viện Cơ mật là Trần Mẫn thăng thự Lang trung bộ Binh ; Giám sát ngự sử đạo Thuận - Khánh là Ngô Bình Đức thăng thự Chương ấn Cấp sự trung bộ Binh.

Sai Thượng thư bộ Hộ Hà Duy Phiên do bản chức, sung Phó tổng tài Sử quán.

Thự Bố chính Quảng Yên Đặng Huy Thuật, Án sát Hồ Thiện phải tội, bị mất chức. Trước kia, bọn Thuật tự tiện dời sở quan thuế Phượng Hoàng [đi nơi khác], không đem việc tâu lên, bị bộ Hộ tâu hạch ; đến sau tâu về Kinh, họ lại đặt lời thêu dệt. Vua sức xuống cho bộ Lại bàn. Bộ nghĩ xin giáng chức, bỏ đi nơi khác. Vua nói : “Bọn Thuật đã tự tiện cho kẻ buôn bán giảo quyết vợ vét mới lợi to, sau lại theo mà đặt lời thêu dệt. Làm như thế là bỏ mất chức vụ. Vậy cách chức cả. Cho : Bố chính Thanh Hoá Vũ Doãn Cung bỏ làm Bố chính tỉnh Quảng Yên ; Lang trung bộ Binh Đặng Kim Giám bỏ làm Án sát tỉnh Quảng Yên, nguyên Án sát Khánh Hoà Tôn Thất Cấp thăng thự Bố chính Thanh Hoá.

Thự Bố chính Sơn Tây Hồ Hựu về quê vì việc tang cha mẹ. Cho thự Hữu thị lang bộ Lại Tôn Thất Tĩnh bỏ thự Bố chính tỉnh Sơn Tây.

Quan tỉnh Bình Thuận Nguyễn Đăng Uẩn, tâu nói : “Ở tỉnh có đọng lại một vụ án mạng, tình ý éo le, 5 năm không giải quyết xong !”. Vua sai Ngự sử Trần Kinh Vĩ đi hội đồng tra xét. Án mới quyết định được. Vua ngợi khen, thưởng cho Vĩ gia 1 cấp. Quan tỉnh các lớp trước đều bị phạt.

Chủ thủ Nội vụ có chân khuyết. Bộ Lễ đổi bổ Chủ sự Lê Viết Đăng sang. Đăng tố giác Bộ trưởng chọn người không công bằng. Vua sai xét, không có thực trạng. Đăng lại nói : “Từ trước đến nay, chức chủ thủ Nội vụ đều lấy người phương Nam sung vào. Nay xin : đến kỳ đổi phái, không câu nệ là người Nam hay người Bắc”. Vua quở rằng : “Nhà nước có quy tắc nhất định, tuân theo mãi lâu dài ; nếu chằm chước tùy nghi, tự khắc có công nghị. Tên kia là một kẻ thấp hèn, sao lại dám nói nhảm như thế ! Hãy đánh cho 40 roi vì nó là hạng tầm thường cuồng dại, không nề bất tội nặng, nhưng vẫn cho sung vào chức chủ thủ”.

Giảm bớt sở quan thuế thuộc chi Hào Châu. Một dải sông Nhị Hà, từ Cẩm Cơ đến thành Nam Định, sở quan thuế nguyên đặt một sở chính (bến Cẩm Cơ) và ba sở nhánh (Châu Xá, Đằng Châu, Hào Châu). Những thuế mà hành khách thuê chở đều do sở quan thuế Mễ Sở đối giá lĩnh trung ; đến đây, quan hai tỉnh Nam Định, Hưng Yên tâu nói : “Từ Đằng Châu đến Hào Châu, đường thuỷ không đầy nửa dặm, nếu lại đặt một chi quan thuế, chỉ thêm phiền nhiễu. Vậy xin bớt đi một chi quan thuế Hào Châu, giao cả về chi quan thuế Đằng Châu, hàng năm đối giá”. Vua y cho.

Quản vệ Thuỷ sư Phạm Văn Cẩn có tội, mất chức. Cẩn, trước đây đi tuần phòng dò xét từ Thừa Thiên trở vào phía nam, [thế mà] giặc Thanh lén phát ra luôn, Cẩn điềm nhiên không có kế sách gì ứng phó ; đến khi thuyền biển của người Thanh lỡ việc, cũng không biết gì ! Vua bèn giao xuống cho bộ bàn, Cẩn bị khép tội không làm tròn chức phận, bị mất chức.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXXIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Quý Mão, Thiệu Trị năm thứ 3 [1843], mùa thu, tháng 8. Tỉnh Nghệ An gao kém, sai phát gạo kho 30.000 phương, bán giá hạ cho dân.

Hà Nội và Sơn Tây, thứ vải trắng nộp vào mà không thể dùng được có đến hơn 1.000 tấm. Viên giám lâm là Lê Văn Thu đem việc ấy tâu lên. Vua sai bộ Hộ kiểm soát lại. Quan lại chuyên biện ở hai tỉnh ấy đều bị phân biệt giáng chức, cách chức và bắt phải bồi thường ; 4 nha không xét ra được, cũng đều bắt tội.

Lại xuống dụ : “Sau đây ở các địa phương, phạm những ngạch thuế thân phải nộp và các hoá vật được đặt giá để mua, nếu có những việc giống như thế, thì nên làm thế nào phân ra từng thành mà bắt phải bồi cho hợp với tội ở trong luật, và làm thế nào cho hoá vật đều dùng được vừa phải, mà kẻ lại không làm khổ cho dân, quốc khoá thường cung mà người đi buôn đều được lạc lợi, chuẩn cho bộ Hộ bàn luận tường tận thoả đáng”. Sau đó, nghị chuẩn : phạm những ngạch thuế thân phải nộp và những hoá vật đặt mua, do Thượng ty sở tại xét xem những hoá vật có thể dùng được, thì sức cho thu mua lấy, không được khắc nghiệt quá và làm chậm trễ nhật kỳ, phải ngày nào biên ký ngày ấy để lưu chiếu ; còn việc bắt phải đền cho đáng tội ở trong luật, thì cứ cái số hiện vật, chia làm 100 thành, hễ có chút dấu vết, hư hỏng, ẩm ướt, rách nát và hơi có sơ bạc, không được quá 5 thành, nếu từ 6 thành trở lên, thì cứ nhằm vào những lại dịch nguyên thu, nguyên thừa hành mà bắt phải bồi, lại để tang vật mà luận tội, chứ không hỏi đến dân nguyên nộp. Lại như hội

đồng phái viên của bộ Nội vụ và Vũ khố dám có cái thói cố ý khe khắt, ức hiếp làm cho khó khăn, mà dân đi nộp phải kêu ở bộ, hoặc có dụng tình thiên tư bênh vực bao che, làm xáo trộn việc đăng thu, thì cho viên giám thủ tham hặc.

Thự Bớ chính Hà Tiên Lê Quốc Trinh tâu nói : “Dân trong hạt, trước vì giặc thổ, không được yên, những người ở các xã, thôn, hàng bang và phố xá sợ hãi tản mác có đến hơn nghìn người ; gần đây trở về không được mấy, ruộng đất phần nhiều bỏ hoang !”. Vua nói : “Hạt người năm ngoái, dân phần nhiều tản mác, thuế khoá đã cho triển hoãn, lại cho thư hạn lại một năm nữa, để gọi về mà yên ủi ; đến nay vẫn còn vắng tanh, thì nên lại càng để ý vỗ về hơn nữa, không nên nói suông cho tắc trách”.

Lĩnh Tuân phủ Nguyễn Lương Nhân lại nói : “Quân lính người Thổ trốn đi tản mác, chưa trở về được bao nhiêu. Vậy khẩn xin gia hạn cho 1 - 2 năm, đợi sau trở về ngày một nhiều, sẽ lại chiếu theo như cũ, thu về cả nguyên hàng ngũ”. Vua nói : “Chúng tuy là người Thổ, nhưng đã thuộc vào sổ đình, cũng là dân con triều đình, không nỡ để cho chúng lưu tán không có chỗ ở. Vậy những quân Thổ ở cơ Hữu tỉnh Hà Tiên, nếu yên tâm ở trong hàng ngũ, thì cứ chi lương làm việc công như cũ ; ai đi trốn mới về, thì đều thả cho về [quê hương] để họ cày ruộng, đào giếng, yên nghiệp làm ăn, tha cho không bố buộc phải thu bổ vào hàng ngũ, đợi sau trở về tất cả, sẽ bàn”.

Tên đầu đảng giặc là Lê Văn Bột lên đến nhà người dân ở tỉnh Bắc Ninh trọ đêm, bị người tố giác ra cáo phát, Phó lãnh binh Nguyễn Đạc đến tại chỗ, vây bắt, Bột trốn thoát được. Nguyễn Cửu Đức lại đem người tố giác giam cầm, có viên thị vệ từ Bắc về, đem việc ấy tâu lên. Vua quở rằng : “Giặc Bột có một mình chạy trốn, thế mà Nguyễn Đạc làm việc chậm chạp, để cho y trốn thoát được. Hơn nữa, đối với kẻ chứa chấp giặc thì để đó, không hỏi chi đến, lại bắt giam người tố giác, thì sau này nếu có đạo tặc thiết phát, người ta sẽ bó chân không dám đi đâu, còn dám đến quan mà cáo giác ư ?”. Sai lập tức tha ngay người tố giác ; nghiêm sức hai tỉnh Đông, Bắc đều phải thuộc hạ dò thám, không để cho nó trốn xa. Từ đấy giặc Bột không có chỗ dung thân được.

Tha tội cho tên đầu đảng giặc là Lê Văn Bột ở tỉnh Sơn Tây. Bột là một tên cướp to ở tỉnh Hưng Hoá, trước theo 2 tên đầu đảng giặc là Lý Khai Ba, Nông Văn Vân, mưu khởi nguy, tự xưng là Trung quân, về sau cùng giặc Nhân, giặc Thạch kết đảng, làm hại dân đã lâu, Nhân, Thạch bị thua, Bột sợ chưa dám thò đầu ra. Thổ hào tỉnh Bắc Ninh là Lê Huy Thường xin đi chiêu dụ. Thự Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai cho đi, lại uỷ cho Tri phủ Lâm Thao Nguyễn Văn Mưu, nguyên Phó lãnh binh bị cách đi hiệu lực Nguyễn Hữu Diệu và nguyên thự Phó quản cơ bị cách đi hiệu lực Nguyễn Văn Hoà, phân phái bọn thú đình và những người đi hiệu lực, chia đi

yết thị khắp các nơi, dụ cho biết ý triều đình không nỡ giết. Nguyên Ân sát đã bị cách là Vũ Vịnh (bị phát vãng đi đảo Phú Quốc làm quân, nhưng còn chưa đi) cũng tự xin nhận đi. Đến đây Bọt cùng với đồ đảng là bọn Nguyễn Văn Độ đến tỉnh Sơn Tây đầu thú. Nguyễn Đăng Giai đem việc đó tâu lên, và nói Bọt gần đây đã biết sợ hãi, ăn năn, lẩn bóng trốn xa, không dám quấy nhiễu dân địa phương, có khác với giặc Nhàn, giặc Thạch dữ dội hung tợn. Vua phê bảo rằng : “Xem tờ tâu, đáng khen ! Từ đây giặc đã dẹp, dân được yên, thực là không phụ lòng ta uỷ thác”. Nhân bảo Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn rằng : “Bọt là một tên giặc trốn tránh đã lâu năm, nay đã đem đầu ra thú, triều đình nên xử trí thế nào ?”. Xuân Cẩn thưa rằng : “Tội của giặc Bọt đáng giết, nhưng một khi nghe thấy hiểu thị, nó đem đầu ra thú, còn có một chút đáng nguyên lượng”. Vua y cho, nhưng giao Bọt cho Đăng Giai quản thúc, buộc phải đi bắt giặc để chuộc tội trước. Thưởng cho Đăng Giai gia 1 cấp, 1 đồng kim tiền “Long vân khế hội” có dây tua đeo ; Nguyễn Văn Mưu gia 1 cấp ; Nguyễn Hữu Diệu được khởi phục chức Cai đội, [cả Mưu và Diệu] đều được thưởng 4 đồng ngân tiền hạng lớn ; Nguyễn Văn Hoà được khởi phục Chánh đội trưởng và gia thưởng 3 đồng ngân tiền hạng lớn ; Vũ Vịnh được khởi phục Bát phẩm thư lại, giao cho bộ xét bổ ; Lê Huy Thường bổ thụ Chánh cửu phẩm bá hộ, gia thưởng 3 đồng ngân tiền hạng lớn và áo quần đều 1 cái. Thưởng chung tất cả 300 quan tiền, phân phối theo từng hạng. Lại dụ cho Đăng Giai rằng : “Người có chức trách coi giữ một địa phương, đã trừ được giặc để yên dân, càng nên để ý vỗ về hơn nữa, khiến cho dân mới về sau khi tản đi vì sợ hãi, đều được cùng hưởng phúc yên lành”. Giai tâu nói : “Bọn Thạch, Khải và Tuyên là giặc còn sót lại ở địa hạt Tuyên Quang, còn đang lẩn trốn chưa bị tội giết ; nay có Đội trưởng Hoàng Đình Chúc, là người Thổ trước, tình nguyện đi dò thám bọn tội phạm ấy để lập công. Vạy xin cho lưu ở tỉnh Sơn Tây để sai phái”. Vua y cho.

Tỉnh Hà Tiên có 300 tên giặc Man ngấm đến chỗ đồn Thuyết Nột gây chuyện. Quân đồn là Suất đội Lê Viết Lân phải trốn tránh. Người theo hiệu lực đồn là Nguyễn Công Quỳnh, vác dao ra ngoài đồn, chém được 1 đầu giặc. Giặc chạy tán loạn, không dám đến gần. Người được giao trông coi ở mặt ngoài là Đội trưởng Vũ Văn Bằng cũng giữ đồn, đối diện bắn, bị thương, lại buộc vết thương, ra sức đánh ; Cai đội Ngô Văn Bẩm sấn lại tiếp viện. Giặc bị tan vỡ. Việc đến tai vua. Vua nói rằng : “Bọn Man ấy chẳng qua cát lèn để kiếm ăn, quân giữ đồn đánh nhau với giặc, tuy không đánh dữ gì lắm, nhưng với số quân ít mà đánh được giặc nhiều, cũng có chút công lao. Vạy Nguyễn Công Quỳnh cho khởi phục Cai đội, lại thưởng 3 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, 1 tấm ngân bài, vẫn để cho ở lại giữ đồn ; Vũ Văn Bằng được bạt bổ Chánh đội trưởng suất đội, thưởng thêm 5 lạng bạc ; Ngô Văn Bẩm gia cho chức Cẩm binh Cai đội. Lê Viết Lân, trước hết, đánh ngay cho

100 trượng, rồi cắm cái tên vào tai, dắt đi các quân dinh, rao khắp cả trại Trường Luỹ, nếu phạm tội lần nữa sẽ phải trăm giam hậu”.

Kinh sư mưa to, trong thành nước sâu đến 3 - 4 thước. Vua triệu các quan doãn trong Kinh sư đến hỏi. Phủ thừa Đinh Doãn Trung thưa rằng : “Thóc lúa đương lúc thu hoạch, sợ không khỏi tổn hại”. Các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình và Quảng Ngãi báo luôn về tai hại lụt. Sai đều phải khám thực chia ra từng hạng để phát chẩn hoặc tha thuế, giảm thuế.

Bộ Lại dâng bản danh sách các quan văn bị cách bãi. Vua mở xem xét rõ ràng, dụ rằng : “Những án mà bọn này can phạm, hoặc tội công hoặc tội tư, không giống nhau, há lẽ không chỗ phân biệt [đối xử] ? Vậy chuẩn cho bộ tư đòi bọn Đinh Viết Thân, Vũ Ngọc Giá, Lý Trần Trinh, Trương Đức Bản, Nguyễn Văn Giáp, Vũ Huy Quýnh, Trần Văn Đạo tất cả 7 người, còn ngoài ra, ai không đủ hạnh kiểm đều cách bãi cả”.

Ty Tam pháp dâng bản danh sách về việc hình án các tỉnh án xét trong năm nay (gồm 411 người). Vua sai các quan trong triều xét lại. Danh sách dâng lên, cho hoãn xử tử ngay 46 án. Vẫn lưu giam hậu 84 án, còn án khác đều giảm ; ai phải phát vắng đi các tỉnh thì được tha.

Vua bảo thị thân rằng : “Ta nhân gặp việc, tu tính [tâm thân], phạm chính sự gì quan hệ đến việc quan, việc dân, điều dở thì bỏ, điều hay thì làm, mong không có một người nào là không bằng lòng. Đến như một việc hình ngục, càng nên để ý cẩn thận : tội nặng thì đình chỉ việc bắt bớ, tội còn ngờ thì liệu giảm hoặc tha. Đó là muốn thể theo cái đức của trời mong cho muôn vật được sinh sống, không phải buông lỏng pháp luật mà làm cái nhân tạm thời đâu. Bản danh sách trong Kinh và ngoài các tỉnh xét án về mùa thu năm nay, cũng sai 2, 3 lần tra xét lại, phần nhiều có sự rộng rãi”.

Vua ngự điện Văn Minh, bảo Nội các rằng : “Ta xem Đường Minh Hoàng khi lễ yết Khổng Tử, có thơ rằng : “Phu tử hà vi giả ? Thê thê nhất đại trung !” (Phu tử làm chi vậy ? Chu du suốt một đời !) và “Kim khan lưỡng doanh diện, Đương dữ mộng thời đồng” (Nay xem lễ đặt nơi hai cột, Tưởng như phu tử mộng khi xưa ⁽¹⁾). Lời duy đẹp đẽ, nhưng ý chưa trang trọng. Lại Đường Văn Hoàng khi chơi cung Thúy Vi, có thơ rằng : “Thu hoài trần tục ngoại, Cao khiêu bạch vân trung” (Ngoài đám bụi trần lòng nhẹ nhõm ; Trong làn mây trắng tiếng cao vang). Như vậy, dường như có ý lãnh đạm. Thân làm thiên tử sao lại nói năng như người nhàn tản vậy ? Vua lại nói : “Ta xem tập thơ của Bắc triều, có chỗ khen là nhã tụng về triều thịnh trị.

(1) Trong sách *Gia ngữ*. Khi Khổng Tử sắp mất, bảo Tử Cống rằng : “Ta nằm mộng thấy đặt tang lễ ở khoảng giữa 2 cột nhà, biết là mình chết”.

Văn vật ở nước ta không kém gì Trung Quốc. Ta thường sai các quan văn ứng chế, bài nào lấy được thì lần lượt cho chép lại, đề tên sách là *Minh lương hỷ khởi tập*, há chẳng là việc hay ư?”.

Thường cho hoàng thân và các quan trong triều, cùng những người văn từ viên ngoại lang, thị độc, võ từ hiệp quản trở lên, các hạng quế Thanh có thứ bậc khác nhau.

Ngày Mậu Thân. Vua đến đàn Xã Tắc, làm lễ Thu tế. Lễ xong, xa giá quay về, ty Kỳ cổ không nổi đại nhạc, Cấm binh ở dinh Vũ lâm cũng không nổi quân nhạc. Vua giao xuống cho bộ Binh nghị xử, chiếu luật trái lệnh nghĩ xử phạt. Vua nói : “Quân lệnh ngự doanh nghiêm minh biết là chừng nào, sao lại xử nhẹ như thế !”. Bèn phạt : Suất đội ty Kỳ cổ Nguyễn Như Ý 100 trượng, cách chức, đóng gông 1 tháng, mãn hạn cho lui về hàng quân ; Quản vệ Cấm binh dinh Vũ lâm Tôn Thất Đẩu và Phạm Vĩnh, Quản vệ vệ Loan giá Tôn Thất Năng, Phó vệ Tôn Thất Chung đều giáng 1 cấp ; đường quan bộ Binh đều bị phạt.

Ngày Quý Sửu. Vua đến miếu Lịch đại đế vương, làm lễ thu tế. Trước một ngày, thuyền ngự đi đêm, đỗ ở bến sông Hương Giang, thấy cửa Trúc Thành không đóng. Hành dinh đại thần Phạm Phi, Đào Trí Phú, Túc vệ Tôn Thất Mậu đều phải giáng chức. Trục thần ở khoa đạo không hặc việc ấy, đều phải truyền chỉ quả trách rất nghiêm. Vua nhân bảo bộ Binh rằng : “Nơi ngự dinh trú tất, đã có định lệ, không ngờ lại trễ biếng như thế ! Và lại, vệ Cấm y, vệ Kim ngô thường ngày ứng trực, chưa chắc đã khỏi thiếu số ngạch ! Vậy sai bộ ty hội đồng với thị vệ, xét sổ kiểm tra. Sau đây, cứ 10 ngày một lần điểm, nhắc nhở cho khỏi lười biếng”.

Ngày Đinh Ty. Vua đến Văn miếu, làm lễ Thu tế. Trước khi ấy, vua bảo bộ Lễ rằng : “Gần đây, hai kỳ Xuân Thu tế ở đàn miếu, đều sai quan đến tế thay. Ta, buổi mới lên nối nghiệp, trông lên việc hay của đời trước, phạm đàn Xã Tắc, miếu Lịch đại đế vương và Văn miếu, ta đều thân đến làm lễ cho hợp tình và lễ văn”.

Vua bảo bộ Binh rằng : “Ở Kinh, các quan văn võ trong triều, có ai muốn diễn tập súng điểu sang, đã chuẩn cho chiếu lĩnh súng công rồi. Nay lại nên phát ra 14 khẩu súng ngoại quốc. Phạm thuộc viên ở các bộ, viện, ai diễn tập được, cũng chuẩn cấp cho.

Tiết Trung thu. Vua đến chơi vườn Thường mậu, thường cho hoàng thân và quan viên đi hỏ giá : sa, đạo, nhưng, trừu và tiền bạc, có thứ bậc khác nhau.

Bố chính tỉnh Phú Yên là Lê Khiêm Quang dâng con ngựa. Vua cho gọi là ngựa Thiện Lương, sung làm ngựa ngự dụng.

Vì chuyển cuối cùng những thuyền vận tải các vật hạng đến Kinh được yên ổn, vua chuẩn cho quan phân việc sắm đủ lễ phẩm tam sinh và trích lấy hương, lụa của

kho, sai quan chia đến hai miếu Phong Bá và Nam Hải Long vương tế tạ. Lại phát ra 100 quan tiền công, diễn trò một buổi để đáp phúc thần, từ sau đặt làm lễ thường.

Triệu Chương vệ tác vi Lãnh binh tỉnh Quảng Ngãi là Nguyễn Vĩnh đến Kinh. Vĩnh trước đây cáo lão, về ở làng, vua cho rằng Vĩnh thông thuộc tình dân Man, bèn khởi phục để dùng. Gắn đây, Vĩnh có công dẹp giặc yên dân, nên chuẩn cho đến Kinh bệ kiến. Vua thấy Vĩnh sức lực còn khoẻ, tấu đối rõ ràng, thưởng cho 1 cái nhẫn vàng mặt ngọc thủy tinh, 1 cái thẻ ngọc trắc có dây tua xâu san hô và trân châu ; lưu lại vài ngày, rồi cho về.

Tỉnh Biên Hoà tâu nói : “Dân Man ở huyện Bình An, từ trước đến nay, lấy dao cày đất, lấy lửa đốt cỏ, vẫn chưa thành ruộng, xin hoãn cho hạn 3 năm sẽ lại làm việc khám biện”. Vua y cho.

Lãnh binh tỉnh Quảng Bình là Bùi Công Huyền có tội, bị cách chức. Khi ở Quảng Bình, có thuyền công bị đắm vỡ, Huyền lạng yên không để ý đến, bị Bó chính Nguyễn Tự chỉ trích tham hặc. Vua nói rằng : “Huyền trước đã can án nhứt nhất, ta nghĩ là tới tở cũ, không nỡ bỏ, giáng bỏ chức Lãnh binh, để cho tính việc làm tốt về sau, thế mà y không lưu ý vào việc công, thì còn dùng y làm gì nữa !” Lạ tức sai cách chức. Cho Phó lãnh binh Hà Nội là Phùng Hữu Hoà thăng thự Lãnh binh tỉnh Quảng Bình.

Tháng 9. Sai : Bó chính tỉnh Bình Định là Phan Trứ làm Chủ khảo trường thi Hương Gia Định, thự Án sát tỉnh Vĩnh Long là Nguyễn Quốc Hoan làm Phó ; thự Tuần phủ tỉnh Hà Tĩnh là Trần Ngọc Lâm làm Chủ khảo trường thi Hương Hà Nội, thự Bó chính tỉnh Hưng Hoá là Phạm Thế Trung làm Phó ; Tả thị lang bộ Hình là Trương Quốc Dụng làm Chủ khảo trường thi Hương Nam Định, Án sát tỉnh Bắc Ninh là Đinh Văn Minh làm Phó. Khoa này lấy đỗ Cử nhân :

Trường Gia Định 15 người (Phạm Văn Trung, Trần Xuân Quang, Lê Chính Nghị, Lê Hữu Nghĩa, Phạm Duy Thanh, Nguyễn Duy Quang, Đỗ Trình Thụy, Trần Văn Học, Nguyễn Doãn Nguyên, Nguyễn Quang Bích, Phan Văn Phụng, Lê Đăng Đệ, Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Văn Hưng, Lê Hiếu Khiêm).

Trường Hà Nội 21 người (Đương Tri Trạch, Bùi Huy Chương, Nguyễn Gia Tuyển, Đỗ Huy Lương, Nguyễn Tư Giản, Phạm Bá Đệ, Đoàn Công Nhâm, Đinh Gia Hội, Bùi Cung, Phạm Bá Phẩm, Lý Đình Cao, Nguyễn Chính, Nguyễn Bình Di, Nguyễn Thứ, Phạm Gia Tê, Phạm Quang Mãn, Ngô Tố, Nguyễn Kỳ Điển, Trịnh Xuân Thuởng, Vũ Duy Ý, Khuất Thế Lân).

Trường Nam Định 19 người (Hoàng Danh Thăng, Bùi Văn Phan, Nguyễn Công Bán, Nguyễn Đăng Lý, Nguyễn Bá Trụ, Phạm Bá Điển, Vũ Diện, Nguyễn Chiêu, Tống Đức Ái, Phạm Kim Giám, Vũ Duy Thanh, Nguyễn Thế Tình, Phạm Sĩ Ái,

Nguyễn Huy Giao, Lê Khắc Tuấn, Nguyễn Danh Am, Lã Năng Hoàng, Phan Nhã Lượng, Bùi Giản).

Khoa này, trường Nam Định có Nguyễn Đức Lâm, Nguyễn Đức Khuê người tỉnh Hải Dương, đều đỗ vào hạng Cử nhân (Lâm đỗ thứ 7, Khuê đỗ thứ 13). Chủ khảo Trương Quốc Dụng thấy kỳ đệ nhị, hai người này có chỗ hơi xuất nhập (giống nhau), họ lại là anh em ruột, nên lấy làm ngờ, đều đánh hồng. Việc ấy đến tai vua. Vua nói rằng : “Mở khoa thi, lấy nhân tài, cốt được thực tài, nếu vì hình tích mà ngờ thì những người tài cao học rộng làm thế nào mà tỏ ra được !”. Bèn sai phủ trạm đi lấy quyển và truyền tư gọi hai người vào Kinh. Sai bộ Lễ và viện Đô sát ra bài đủ 3 kỳ, sát hạch rõ ràng, thì anh em Lâm quả có thực học. Trường Gia Định có Nguyễn Văn Nhuận, kỳ đệ nhất, đệ nhị đều ở vào hạng trúng cách. Chủ khảo Phan Trừ cho rằng kỳ đệ nhị, dài khoản ⁽¹⁾ không hợp thức, bèn để vào hạng Tú tài. Bộ Lễ đem việc ấy tâu lên. Vua sai viện Cơ mật duyệt lại, văn lý đều có thể lấy được. Các quyển đều dâng lên. Vua nói rằng : “Hai anh em Lâm và Khuê, văn lý có một hai chỗ giống nhau, cũng là mẫu mực trong một nhà, vốn không phải theo vào bản chữ sẵn mà viết lại. Văn Nhuận, cái chỗ đó, chỉ là một vết nhỏ mà thôi, không nên câu nệ mà cân nhắc dần do quá. Vạy chuẩn cho họ đều được dự vào hàng Cử nhân, cấp cho mũ áo”. Lại thông dụ trong Kinh, ngoài tỉnh rằng : “Chấm văn cân nhắc là một việc công bằng, cốt thế nào cho được thực tài. Nhà Tống đặt khoa thi, không khỏi tiếng chê có người trà trộn vào chỗ thối sáo ⁽²⁾, nhà Đường tuyển kẻ sĩ, có lời chê thí sinh bỏ trắng quyển thi. Phép trường rất nghiêm, không nên phiền lạm. Còn những người có thực tài, thực học, khó phân biệt được ai là anh, ai là em. Đời cổ có 2 người họ Tống cùng đỗ một khoa, 4 người họ Tăng cùng đỗ một bảng, từ xưa đến nay đều cho là việc hay trong làng Nho, vẫn trầm trồ khen ngợi, có hạn chế và bó buộc gì đâu. Ngày nay, văn trị rất thịnh, nhân tài, lũ lượt ra đời, như lông chim phượng nối luôn tiếng tốt, như hoa cây đường lệ nức mùi thơm. Những người từ chỗ khoa mục mà ra không phải là ít. Nếu không nói đến có tài học hay không, mà chỉ tránh về sự hiềm nghi, lấy một ngọn bút mà mật sát, như [trường hợp] Nguyễn Đức Lâm, Nguyễn Đức Khuê gần đây, nếu không có ta cẩn thận kén chọn lại, thì người có học làm thế nào mà tiến thân được ? Vạy chuẩn cho từ nay, những kỳ thi khoa Hương, khoa Hội, quan trường đã phê cho đỗ rồi, nếu xét ra có ai là anh em ruột,

(1) *Đài khoản* : khi viết quyển thi, hễ gặp những chữ như trời, đất, tôn miếu, lăng tẩm và vua chúa..., đều phải viết cao hơn đồng chữ thường theo thứ bậc đã phân biệt quy định. Nếu không viết đúng, gọi là “phạm trường quy”.

(2) *Thối sáo* : thời xưa, Đông Quách tiên sinh không biết thối sáo, nhưng vì trà trộn vào đám đồng đề thi, nên không phân biệt được hay hèn ; đến khi bị tách riêng để thối một mình thì Đông Quách không thối được, phải bỏ trốn.

anh em thúc bá và cha con chú cháu thân cận, các kỳ thi có cùng vào một vị⁽¹⁾ không văn lý có xuất nhập không đều phải nói rõ ở trong tập tâu, không được vì sự hiềm nghi mà tự tiện đánh hồng. Nếu trái lẽ ấy, sẽ xử tội”.

Cho Thượng thư bộ Hình là Đặng Văn Thiêm sung Đại thân viện Cơ mật.

Vua dụ bộ Binh rằng : “Tỉnh An Giang là một nơi địa đầu quan yếu, đường đi xa xôi, trước lấy 2 vệ quân ở Kinh, 2 vệ cơ ở Quảng Ngãi và Bình Định cho vào đóng thú ở đấy, gọi lính và thế lính đã phiên, lại vì không quen thủy thổ, bệnh tật có nhiều. Năm nay đến kỳ thay lính, chuẩn cho cứ nơi gần như các tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, trích ra mỗi tỉnh 1 vệ hoặc 1 cơ, cho đổi vào đóng thú [ở tỉnh An Giang]. Còn 2 vệ quân Kinh nguyên đóng thú ở tỉnh An Giang thì đổi sang đóng thú ở Gia Định và Định Tường mỗi tỉnh đều 1 vệ ; 1 vệ cơ ở tỉnh Quảng Ngãi đổi đi đóng thú ở tỉnh Biên Hoà, 1 vệ cơ ở tỉnh Bình Định đổi đi đóng thú ở tỉnh Vĩnh Long, để cho được cận tiện”. Đó là theo lời nói của Nguyễn Công Nhân. Sau đó tỉnh Bình Định tâu nói : “Nay đổi quân đóng thú, đường đi hơi gần, có nên thưởng cấp cho gì không ?”. Vua cho rằng các tỉnh Nam trực và Tả kỳ đi đóng thú ở Nam kỳ, đường đi lặn lội, cũng khó nhọc, đều thưởng cho 1 tháng lương và tiền. Việc này được định làm lệ vĩnh viễn.

Bộ Lễ nhà Thanh tư sang nói từng khác, từng giờ nguyệt thực trong ngày 16 tháng 10 năm nay.

Vua cho rằng Khâm thiên giám không làm được tờ tâu lên trước, bèn sai Nội các súc hỏi. Nguyễn Danh Giáp, Hoàng Công Dương mới nói : “Xét ra, cao độ mặt trời ở nước ta, suy tính đến lúc nguyệt thực, đứng ở vào 2 khắc 6 phân giữa giờ Mão, thì mặt trời đã mọc trước, thuộc về phạm ban ngày, đáng bị thực mà lại không, cho nên không dám tâu nhảm”. Vua nói : “Đặt chức Thái sử, là để suy tính lịch tượng, phạm độ số mặt trời mặt trăng, ngày khí doanh, ngày sóc hư, từng điều, từng điều suy xét cho rõ, tùy việc tâu lên, là được, thế mà phải đợi nhà Thanh tư báo rồi mới noi theo, thực là bỏ thiếu chức vụ ! Truyền Chỉ quả trách rất nghiêm”.

Tiết Trùng dương. Xa giá chơi vườn Thường mậu. Vua lên lầu Kỷ Ân, thưởng thời tiết và làm thơ, Hoàng tử Phúc Tuy công chúc thọ, Hoàng tử Hồng Y, Hồng Tố dâng hồ rượu và chén rượu. Các quan đều mặc áo đẹp lạy ở Chí Thiện đường. Lễ xong, ban yến có thứ bạc.

Vua bảo Nội các rằng : “Ngày hôm qua, ta ngự ở điện Cần Chính, các quan ở trường thi Hà Nội, Nam Định vào lạy, gặp mưa to, áo mũ ướt cả, lòng ta rất là không nỡ. Và lại, đáng bậc trong triều đình vẫn có lễ thường nhất định, mà lễ cốt

(1) Vi : một khoanh cách biệt trong khu vực trường thi ngày xưa.

phải theo lẽ phải, cũng nên tự trung tâm chước. Từ nay trở đi, ta ngự ở chính điện, các quan văn võ vì có việc vào lạy mà gặp khi có mưa dầm, thì Chánh nhất phẩm đến Chánh nhị phẩm, chuẩn cho ở tả hữu trên điện Cấn Chính ; Tông nhị phẩm trở xuống, chuẩn cho ở tả hữu trên thềm trong cửa Đại Cung, mà xếp hàng lạy, mới khỏi thiếu lễ. Còn ngày thiết triều, ngày tạnh nắng, đều như lệ”.

Tôn nhân phủ và bộ Lễ hội đồng tâm chước bàn về việc định ngạch số người ở 2 ty Từ tế tả hữu (Tả ty số quân 80 người, lấy người huyện Tống Sơn sung bổ, Hữu ty số quân 60 người, lấy người Tôn thất sung bổ). Lại xin cấp cho thẻ đeo bằng ngà hoặc sừng. Vua y cho.

Quan tỉnh Quảng Trị là Hoàng Thu tâu nói : “Ngày 11 tháng này, gió dữ, mưa to, thành xây gạch bị đổ, ngôi lợp nhà bay tung”. Vua lấy làm lạ, nói rằng : “Ngày hôm ấy, ở Kinh, mưa gió không đến nổi khác thường, tỉnh Quảng Trị cách Kinh su ngoài 100 dặm, sao lại khác nhau như thế ?”. Sai Chương ấn Chu Duy đi ngay đường trạm đến khám lại, rồi tâu nói : “Dân có người bị đè chết mà thuyền có cái bị vỡ đắm, lúa mùa phần nhiều tổn hại, nhà của nhân dân bị đổ đến hơn 3.300 nóc”. Vua rất thương, sai lấy tiền kho ra chia từng hạng mà chẩn cấp (tất cả 7.955 quan tiền). Vì hạt ấy đất xấu, dân nghèo, lại gặp thiên tai riêng, bèn hoãn cho số thuế năm nay phải thu và số tiền thóc còn thiếu đã lâu.

Thổ dân huyện Phúc Bình, tỉnh Biên Hoà thiếu ăn. Sai chuyển ra 300 phương gạo để bán cho dân.

Thăng vệ Võng thành làm vệ Võng thành quân Cấm binh (nguyên dân các xã Phù Bài, Thủy Ba thượng hạ toàn cắt vào để thu bổ). Trước kia liệt vào quân Tinh binh, thuộc Đề đốc Kinh thành quản hạt, hằng năm phân phái đi làm việc công như bắt giặc, săn bắn, tuần phòng cũng là khó nhọc ; đến đây, chuẩn cho liệt vào Cấm binh, phạm phẩm trật, lương, ruộng, cũng như 5 dinh ở Cấm binh.

Tỉnh Lạng Sơn tâu nói : “Quân số thuộc trong hạt có 423 người, trước thu vào làm cơ Lạng hùng, nay số dinh thêm nhiều ra, xin chiếu lệ 10 dinh lấy 1 binh, cùng với số chọn lấy trước thu vào làm 10 đội trong cơ Lạng hùng Nhất, còn thừa thu vào làm cơ Lạng hùng Nhị, rồi đặt thêm quân suất để cho có thống thuộc”. Vua y cho, số thừa đặt làm cơ Lạng dũng.

Cho : Vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh Định Tường là Hồ Bích bổ thụ Phó vệ úy Hữu vệ dinh Hồ oai, lại thăng thụ Vệ úy vệ ấy ; thụ Phó vệ úy vệ Trung nhị dinh Vũ lâm là Ngô Tất Khoa bổ thụ Phó vệ úy vệ ấy ; Thành thủ úy sung Hiệp quản Tiền vệ dinh Hùng nhuệ là Hoàng Đình Khả thăng thụ Phó vệ úy Tiền vệ dinh Tiền phong ; thụ Phó vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh Thanh Hoá là Lê Lang bổ thụ Phó vệ úy, thăng thụ Phó vệ úy vệ thứ ba Hữu dinh ở Thủy sư Kinh kỳ ; các đội ở đội thứ sáu, vệ thứ ba,

dinh Trung thuộc Thủy sư là Phan Văn Dụ thăng thự Phó vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh Thanh Hoá ; Phó vệ úy vệ Cẩm y chuyên quản các đội túc trực là Đoàn Văn Học thăng thự Vệ úy vệ Trung nhị dinh Vũ lâm ; thự Vệ úy vệ Hậu dinh Hồ oai là Trần Tuấn bổ sung thự Vệ úy vệ Tiên nhất dinh Vũ lâm ; Phó vệ úy vệ Cẩm y kiêm quản các đội Trường trực là Trương Phúc Trường thăng thự Vệ úy Tiên vệ dinh Thân cơ ; thự Phó vệ úy vệ Kim ngô là Đỗ Văn Phúc đổi sang thự Phó vệ úy Tả vệ dinh Long vũ ; Phó quản cơ sung Hiệp quản Nhị vệ thuộc Tả bảo là Nguyễn Nhâm do bản chức đổi sung Hiệp quản Tả vệ dinh Long vũ ; Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Tiên bảo là Nguyễn Tuấn bổ sung Phó vệ úy vệ Cẩm y, chuyên quản các đội Túc trực ; Thành thủ úy sung Hiệp quản vệ thứ nhất thuộc Hậu bảo là Nguyễn Chính Xuân bổ thự Quản cơ, lại thăng thự Phó vệ úy vệ thứ hai thuộc Tiên bảo ; Phó vệ úy Hữu vệ dinh Long vũ là Trần Kim bổ sung Phó vệ úy vệ Cẩm y, chuyên quản các đội Trường trực, Thường trực ; nguyên thự Phó vệ úy Tả vệ dinh Long vũ là Tôn Thất Tuấn bổ sung thự Phó vệ úy Hữu vệ dinh Long vũ ; Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Tả bảo là Trương Văn Tiến (tức Trương Tiến), bổ sung Phó vệ úy vệ Kim ngô ; Nhị đẳng thị vệ Vũ Văn Trí thăng thự Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Tả bảo, vẫn sung Hiệp lĩnh thị vệ ; Phó quản cơ cơ thứ ba Tĩnh man là Chu Phúc Minh bổ thự Quản cơ, lại thăng thự Phó vệ úy Hậu vệ dinh Hồ oai. Lại cho Phó lãnh binh tỉnh An Giang là Lê Ngụy bổ làm Phó vệ úy Hậu vệ dinh Tiên phong, vẫn cai quản vệ của mình, lưu lại để phòng giữ tỉnh An Giang ; thự Phó vệ úy vệ Trung nhất dinh Vũ lâm là Lê Đắc bổ thự Phó lãnh binh tỉnh An Giang ; Phó vệ úy vệ Hữu nhị dinh Vũ lâm là Tôn Thất Đắc bổ làm Phó vệ úy vệ Trung nhất.

Sai Tả thị lang bộ Công Nguyễn Văn Điển kiêm hiệp lý công việc Thủy sư ở Kinh kỳ, vì công việc ở bộ nhiều, Hà Duy Phiên không thể trông coi cả được.

Đốc học tỉnh Hải Dương là Vũ Quyền xin về nghỉ để nuôi cha mẹ. Cho Tri huyện Thanh Miện là Chu Danh Hiến thăng thự Đốc học tỉnh Hải Dương. Thự Đốc học tỉnh An Giang là Nguyễn Huy Hựu vì bệnh, cáo về nghỉ. Hựu mới được thực thụ, chưa dẫn yết kiến, bộ Lại xin cho Hựu do hàm thự, được về hưu. Vua chuẩn y và cho ghi điều này làm lệ định. Cho Tri phủ Kiến An là Phạm Châu làm Đốc học tỉnh An Giang.

Lĩnh Thượng thư bộ Binh Trương Đăng Quế xin nghỉ giả hạn 20 ngày, về quê. Vua y cho, dụ rằng : “Khanh là đại thần của nước, không thể rời bên cạnh ta. Khi đi, khi về, đều cho dùng ngựa trạm để đi đường được nhanh chóng”. Khi Quế đã đến Kinh, vua cho triệu vào hỏi tình trạng sơn Man ở tỉnh Quảng Ngãi. Quế thưa rằng : “Họ tuy là giống Man liêu nhưng được triều đình vỗ về bằng đức hoá, nay họ đã thực lòng theo ta, cùng nhau đi lại buôn bán trao đổi với dân ta ; tưởng không dám lấn cướp nữa”.

Thự Tuấn phủ Nam - Ngãi là Ngụy Khắc Tuấn tâu nói : “Nơi canh giữ đầu nguồn Chiên Đàn chỉ có 3 tên lệ binh, không có người nào ứng mộ ; nay có tên Lưu Hoà Chương, người Minh Hương, là tù phải phát lưu, xin chiêu mộ 50 tên dân ngoại tịch, theo viên thủ ngự sai phái, để chuộc tội”. Vua nói : “Hoà Chương nó vu cho người ta bỏ thuốc độc, phạm vào tội nặng, [thế mà] Tuấn lại coi thường, cầu xin cho nó. Sao Tuấn lại làm rối pháp luật như thế. Nghĩ xử giáng Tuấn một cấp. Còn lệ binh ở đầu nguồn Chiên Đàn vẫn bắt viên coi giữ ở đấy phải chiêu mộ”.

Tha cho quân ở Nam Kỳ phải phát lưu vào chỗ tù phạm sung quân ở đồn điền.

Vua dụ rằng : “Nam Kỳ, đất rộng, người thưa, tình hình không giống như hạt khác. Nay phủ Tây Ninh và tỉnh An Giang, địa thế rộng rãi, việc cày cấy cũng dễ làm, thế mà quân ở Lục tỉnh đem đày vào chỗ tù phạm, giam không ở đấy thì có ích gì ? Vậy chuẩn cho chiếu cái số hiện tại sung vào chỗ phát phối và cái số lưu giam để đợi sai khiến, đều tha hết cả. Những quân ở các tỉnh Biên Hoà, Gia Định, Định Tường giải giao tỉnh An Giang, quân ở các tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên giải giao tỉnh Gia Định, chuyển phát đến phủ Tây Ninh đều sung vào làm quân đồn điền. Những người làm nô dịch cũng sung đến sở đồn điền mà trồng cấy, giao cho biên binh đóng giữ ở đấy quản thúc, cấp cho trâu cày và đồ làm ruộng, sức bắt phải ra sức để khai khẩn ruộng hoang. Thượng ty sở tại phải nên gia tâm hiếu thị, để cho biết cảm, biết sợ, yên tâm ở được lâu dài. Đó cũng là một phương pháp làm đầy đủ cho ngoài biên”.

Sau đó, Ngô Văn Nhai, Cao Hữu Dực tâu tiếp : “Những ruộng hoang ở địa hạt Tây Ninh, Quang Hoá, đã sức cho khai khẩn thành điền hơn 360 mẫu”. Vua rất vui lòng.

Thự Tuấn phủ tỉnh Hưng Yên là Phạm Duy Trinh tâu nói : “Hai phủ Khoái Châu và Tiên Hưng gần đây được yên ổn, thế mà quân đội trú phòng lâu không thay đổi, chiếm riêng được sự tiện nghi, thần đã phái người đến thay. Vậy xin từ nay trở đi, cứ 3 tháng một lần đổi”. Vua nói : “Quân đội trú phòng ở các phủ, tất phải ở lâu chỗ chức vụ, mới bắt buộc có thành hiệu được. Trước kia, bớt chức quân thủ đổi là trú phòng, không có duyên cớ gì thì không thay đổi, vì rằng một khi người lạ được phái đến, không bằng cái xe nhẹ đã đi trên đường quen lại đắc lực hơn. Từ trước đến nay, dẹp được trộm cướp mà dân được yên, có thực hiệu rõ rệt. Nay lại cho rằng trong hạt được yên, trú phòng không có việc gì, muốn cứ ba tháng một lần thay đổi, mà không nghĩ : người mới phái đến còn xa lạ, chức vụ không khỏi cầu thả, còn mong đắc lực vào chỗ nào ? Xin như thế, không khỏi thấy điều nhỏ, mà bỏ sót điều lớn, chỉ làm rối việc ra ! Vả lại, không đợi Chỉ, mà cứ làm, càng là không hợp pháp. Phạt Trinh 6 tháng lương, không chuẩn cho thi hành việc đổi trú phòng”.

Tri huyện huyện Nghĩa An là Ngô Thế Chu mở tiệc hát xướng, nhận tiền của dân hơn 300 quan. Tỉnh Biên Hoà hạch tâu lên. Án xử phạt trọng và tội đồ, truy thu tang tiền sung công. Vua cho rằng tang tiền ấy là do dân thuận tình mà đưa, chứ không phải là yêu sách, nên miễn cho tội đồ. Thế Chu bị phát đi phủ Tây Ninh, hết sức làm việc để chuộc tội. Tang tiền ấy chia cho dân nghèo.

Thự Án sát tỉnh Hưng Yên là Đặng Quốc Lang bị mất chức. Cho Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ sung biện Nội các Trần Quang Chung thự Án sát tỉnh Hưng Yên. Trước đây, Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Đình Tân được tuyên triệu đến Kinh. Lang mật tâu Tân bị đau mắt đã lâu, phạm những đơn từ ở tỉnh đều mật uỷ cho thuộc ty phê thay. Vua bèn hạ lệnh cho Tân phải tấu về Kinh. Tân nói : “Việc ấy đã từng bàn với nguyên Án sát Lê Nguyên Trung và Lang cùng biết, vốn không phải là mật uỷ ; lại toan trình bày bệnh tình để xin nghỉ giả hạn, thì Lang vừa lay vừa năn nỉ khuyên Tân lưu lại, thành ra không xin nghỉ nữa”. Vua hạ lệnh bỏ Tân vào làm Hữu tham tri bộ Lại, nhưng phải đổi giáng 2 cấp. Lang và Trung đều giáng 1 cấp. Sau đó, các ngôn quan là Chu Duy, Nguyễn Huy Lịch, Nguyễn Văn Diễm, Trình Nho chấp tấu cho rằng nếu quả như lời nói ấy, thì Quốc Lang làm ra sự thể thế nào, nếu không có việc ấy, thì là tâu mò, tội không thể từ chối được. Vậy khẩn xin tra xét cho rõ để nghiêm kỷ luật trong quan trường. Vua nói : “Lang và Tân đều là quan to một địa phương, trước tuy là thuộc viên (Đình Tân trước làm Bố chính tỉnh Nghệ An, Quốc Lang làm Tri huyện huyện Hưng Nguyên) nay thì là đồng sự. Vái mà không lay, là lẽ ; há nên tự đặt mình vào địa vị thấp hèn ? Hướng chi, trước thì nói ngọt để cho người ta nghe, sau lại mật tâu để bới cái không hay của người, bụng dạ như thế, công luận không thể dung thứ được ! Đình Tân tấu dối không thực, cũng không phải là đạo người bề tôi thực lòng thờ vua”. Bèn sai thự Tuần phủ Phạm Duy Trinh đòi tất cả những người thuộc ở tỉnh hỏi rõ nguyên uỷ ; cũng chuẩn cho Lang phải tấu về Kinh. Lang nói : “Năm nay, gặp tiết Vạn thọ, Tân muốn làm một tiệc hát xướng, nhân vì các viên phủ huyện tán mác đi cả, Tân giận, muốn tâu tham hạch. Lang đến công đường khuyên giải, chỉ lay miệng mà thôi, chứ không có thục lay”. Những thuộc viên ở tỉnh cũng nói như thế.

Vua ghét vì hai bên bới xấu lẫn nhau, hạ lệnh đều phải giải chức, giao bộ Hình nghị xử. Án nghị : Tân bị cách chức, Lang phải giáng 3 cấp đổi đi chỗ khác. Vua nói rằng : “Tân hiểm vì Lang bới sự không hay của mình, nên thù dật cái thái độ Lang đê tiện để hả lòng tức giận. Lang tuy không có thực trạng ti tiện, nhưng hơi tý thì nói lay bằng miệng, không còn ra thể diện gì ! Đối tội Tân xuống cách lưu, mà Lang thì giáng 2 cấp, đổi đi nơi khác. Thông phái tỉnh Hưng Yên là Đàm Quang Tú bị Phạm Duy Trinh không ưa và Tân cùng Lang bới xấu lẫn nhau. Trinh nói dính cả đến Tú cắt xén sửa đổi lời khẩu cung, chỉ tên nêu ra tham hạch, đã sai cách chức,

khoá tay giao bộ Hình tra hỏi, nhưng xét ra không có thực trạng. Nay phục lại nguyên hàm cho Tú, và giáng Trinh 2 cấp”.

Cho : Hữu thị lang bộ Lễ Ngô Kim Lân làm Bố chính tỉnh Hải Dương, Binh khoa Chương án Cấp sự trung Trần Thiện thụ Án sát tỉnh Hải Dương. Trước kia, hộ đốc Hải - An là Đặng Đức Thiêm tâu nói : “Sở tuần nhánh ở Văn Trương ít thuyền buôn đậu, đã từng bàn với bố chính, án sát, đời [sở tuần ấy] đặt chỗ phạn sông xã Tranh Xuyên. Thụ Bố chính Hồ Ngọc Tài lại làm tập mật tâu riêng nói tuần nhánh ở Văn Trương cùng xã Tranh Xuyên tình hình không liên quan nhau, hướng chi thượng lưu sông Tranh Xuyên đã có tuần chính Thuận Mỹ, ở hạ lưu đã có sở tuần Nam Định, nếu lại đặt ra tuần sở để đánh thuế ở chỗ này, thì không khỏi khổ cho dân, đã lấy lời lẽ êm dịu để can ngăn, bị Đức Thiêm mắng. Án sát Đào Đức Cơ cũng một mực thừa nhận”. Vua nói : “Bến tuần đã có chỗ nhất định, sao lại tự tiện dời đi ? Nếu quả như lời nói của Ngọc Tài, thì Đặng Đức Thiêm không khỏi có tình thiên tư. Tai mắt của triều đình gửi vào đó mà như thế được ư ? Hạ lệnh cho Thiêm và Cơ đều phải tâu về cho minh bạch”. Thiêm nói : “Ngọc Tài vì hiệp hiểm gây ra chuyện ; Đào Đức Cơ cũng nói nguyên không có a dua theo ý riêng”. Vua nói rằng : “Phàm những người có trách nhiệm trông coi xã dân, phải nên hoà thuận với nhau, cùng làm nên việc ; thế mà mỗi đảng cứ giữ một lẽ, bới móc lẫn nhau ! Việc nhỏ còn như thế, hướng chi việc lớn ? Vậy đều giao xuống cho bộ Lại nghị xử”. Lời của Ngọc Tài nói không có sự thực. Sau đó, Tài bị bệnh chết. Khi án tâu lên, Thiêm phải cách lưu, Đức Cơ bị giáng 4 cấp, đổi đi nơi khác.

Tỉnh Hà Nội có tên Trần Văn Lạp, lấy nghề làm phù thủy để chữa bệnh. Lạp bảo Hoàng Huy Triết làm con đồng lên đồng ở giữa đàn. Triết giả làm con ma đòi uống rượu, nhảy nhót rồi ngã lăn ra chết. Bộ Hình nghĩ tội Lạp phải xử tử. Viện Đò sát cho rằng Triết có chỗ tự làm lấy cái chết, Lạp không có bụng giết người, nên tâu lên xin lượng giảm. Vua cho là phải. Lạp được đổi phát đi biên thủy xa làm quân, bị truy thu số tiền mai táng cấp cho người nhà Triết.

Phủ Thừa Thiên có 2 tên lính bị giam, vượt ngục trốn thoát, bắt được, đem giết đi. Bộ Hình nhân tâu lên nói : “Những số tù giam có nhiều, giam lâu không tiện. Xin tạm phát đi phân phối ở các tỉnh 4 Trục kỳ và 2 tỉnh Nghệ An, Bình Định”. Vua y cho.

Lang trung kho Mộc thương là Nguyễn Văn Chính trong nhà có chứa thứ gỗ cấm. Việc bị phát giác. Sau khi điều tra, nghị xử giáng làm Bát phẩm thư lại. Cho Viên ngoại lang bộ Hộ Nguyễn Văn Công thăng thụ Lang trung kho Mộc thương.

Trần Định quận công là Miên Cầu dâng sớ xin đem người bị nhập lưu thư lại ở Quảng Thiệp đường là Phạm Văn Khâm thăng bổ phủ thuộc Tông cử phẩm thư lại.

Vua nói rằng : “Khâm là lại điển thừa ngạch, phạm việc cất nhắc đã có người giữ chức trách, không có thể cầu cạnh để tiến thân, thỉnh thác chỗ quyền thế như thế. Cái tệ ấy quyết không thể để sinh dân ra mãi”. Bèn phạt Khâm 100 trượng, phát làm quân vệ Kỳ võ ; phạt Miên Cầu 6 tháng lương.

Tỉnh Hà Nội làm danh sách tâu lên nói : “Các hạng đao đã cũ nát đi đến hơn 280 chiếc. Xin cho tiêu huỷ”. Vua nói : “Đao là thứ bằng sắt, há có lẽ đều huỷ nát hết cả mà không dùng được đâu ?”. Hạ lệnh lại chọn ra từng cái để mài đi, tu bổ lại dùng vào việc binh.

Ba hiệu thuyền Kim ung (phái đi Giang Lưu Ba), Linh phương và Vân điều (phái đi Hạ Châu) khi quay lái về được yên ổn, vua sai chức lượng mà ban thưởng.

Cho Thiệu Hoá quận công Tôn Thất Thiện Khuê 1 chiếc thuyền hiệu Lê bông để dự bị khi đi hộ giá.

Sửa lại 17 chiếc thuyền vận tải đường biển ở ngoài Kinh thành. Từ đốc biện đến quân nhân và thợ đều được thưởng có khác nhau.

Thuyền hiệu lớn Thanh loan bị cháy ở sông Liệp Đức tỉnh Quảng Đông. Trước đây, phái viên là bọn Trương Hảo Hợp giải những tù phạm sang Trung Quốc, đến phận biển Thất Châu, gặp bão, thuyền suýt bị lật, may khỏi được tai nạn. Khi đến thành Quảng Đông, đổ lại ở sông Liệp Đức. Người nhà Thanh lấy làm cảm ơn, đem việc ấy tâu lên, vua Thanh thưởng cho rất hậu, lưu ở khách quán bên ngoài tỉnh thành. Hảo Hợp cùng với Nguyễn Cư Sĩ, Lê Chí Tín, Hoàng Tế Mỹ, Nguyễn Bá Nghi, Nguyễn Cửu Trường, Vương Hữu Quang và binh lính hơn 50 người cư trú ở khách quán, tự liệu cung cấp, uỷ cho Vệ úy Thuỷ sư Trần Văn Đôn coi giữ quan thuyền, đỗ ở bến sông. Một hôm, Đôn dời hòm thuốc súng để ở cuối thuyền, chợt có tiếng nổ âm, lửa khói bốc rục trời, khoảng chốc lát, hoá vật trong thuyền đều cháy ra tro. Đôn cùng Suất đội Vũ Việt Kiểm, Phan Văn Thuần, Chủ sự Nguyễn Công Kê và 40 người lính đều chết cả (ngày mồng 8 tháng ấy). Việc đến tai vua. Vua buồn rầu, nói rằng : “Không ngờ bọn Hảo Hợp đi chuyến này vô ý để lỡ việc đến như thế ! Khi nào về, sẽ có sắc Chỉ”.

Tỉnh Quảng Trị tâu nói : “Thổ dân ở châu Hướng Hoá cùng với nhân dân các châu Tá Lang, Làng Thìn, Na Bôn, Mường Vang đến ngoài thành phủ Cam Lộ giao dịch mua bán, phần nhiều đói, thiếu ăn. Vạy xin chấn cấp cho”. Vua nói : “Chúng tuy là dân ngoài biên, cũng là con đỏ của triều đình, chuẩn cho phát ra 300 phương gạo và vài mươi phương muối mà cấp cho”. Lại vì thấy dân thổ vốn không có dành để gì, nên hạ lệnh sức cho viên phủ sở tại, gia tâm khuyên dỗ, yên ủi, khiến cho chọn đất trồng trọt để giúp đường sinh sống.

Tỉnh Quảng Trị có bọn Lào Man kéo xuống địa hạt đầu nguồn Tâm Linh châu Hương Hoá cướp bóc người và súc vật. Thí sai Suất đội ở đồn An Man là Hồ Công Phái thân đem quân đội biên binh đi bắt, đuổi theo lấy về những dân và voi mà chúng đã cướp được. Nguyên thổ mục châu Na Bôn là Suy Da Bông trước làm phản, về Lào, lại dụ người Lào đến cướp, người thổ là Phù Hoàn đón đánh, chém được, đuổi theo lấy về những dân cùng bọn. Việc ấy đến tai vua, vua nói rằng : “Hồ Công Phái tuy chưa có thực trạng bắt chém được giặc, nhưng ra sức cự chiến, cũng đáng khen”. Bèn cho ngay thực thụ, lại thưởng cho 1 đồng ngàn tiền Phi long hạng lớn. Những quân, dân đi trận ấy đều được thưởng 20 quan tiền. Phù Hoàn được thưởng 3 đồng ngàn tiền hạng lớn, áo quần đều một cái. Chưa bao lâu, 2 tên thổ dân là Hạt Xả Nô và Phù Ứng ngầm dẫn hơn 200 người Lào Man, mưu toan xâm lược, Phù Hoàn lại tập hợp người trong châu đón đánh, chém được 2 đầu giặc, lại được thưởng ngàn tiền hạng lớn, hạng nhỏ mỗi thứ 2 đồng, áo bằng nỉ, quần bằng trù nam mỗi thứ 1 chiếc. Vua lại sức cho viên coi đồn gia tâm tuần thám để dân ngoài biên được yên.

Binh thuyền của nhà Thanh đi đến hải phận Chàng Sơn, đưa tờ tư nói : có thuyền giặc chia đường trốn ẩn ở chỗ bến tàu Thập Bát và đảo Côn Lôn nước ta, xin phái binh vây bắt giúp. Vua nói : “Bến tàu Thập Bát là về phần biển Biện Sơn nước ta (đảo Biện Sơn người Thanh gọi là bến tàu Thập Bát) nên truyền dụ cho các tỉnh Thanh Hoá, Nam Định và Quảng Yên, chức lượng phái binh thuyền hạt nào cứ hạt ấy chặn đường mà bắt, bắt tất phải ra xa ngoài trùng dương, lẩn sang cảnh thổ nước khác. Nay đã đến tiết cuối thu, cũng nên xem chiều gió mà tiến đi hay đóng lại, đợi tuần nhật được yên tĩnh thì rút về, không nên vượt lâu sóng gió làm gì”.

Bộ Lễ tâu nói : “Các đạo thần sắc, đôi khi có chữ huy, xin vẫn tỉnh hoạch, các chữ gắn đồng âm cũng xin rút bớt một nét, đều đợi đóng ấn rồi sẽ bàn hành”. Vua quả rằng : “Chữ huy và chữ gắn đồng âm đã chuẩn cho phải đối tránh ra chữ khác, quan dân trong Kinh ngoài tỉnh đều đã tuân biết rồi, hướng chi bộ người trước đã nghị tâu. Phàm chữ chính huy khi dùng vào văn tự, thì tùy theo nghĩa văn mà đổi dùng chữ khác ; những chữ có chữ huy ở bên cạnh đều rút bớt một nét. Nay lại đem chữ phải đối xin rút bớt đi một nét, thế thì chữ chính huy và chữ có chữ huy ở bên cạnh có phân biệt gì ? Vậy cái nghĩa hợp kính đồng tôn ở chỗ nào ? Việc xin này không được chuẩn cho thi hành”. Bộ trưởng Nguyễn Trung Mậu, Lý Văn Phục, Trần Ngọc Dao, thự Lang trung Dương Danh Thụy đều phải giáng 1 cấp.

Trước đây, tỉnh Nghệ An không mưa, hạ lệnh cho quan tỉnh hết lòng thành kính để cầu đảo. Duy có vài huyện Đông Thành và Quỳnh Lưu lâu không được mưa, vua thấy dân địa phương ấy luôn bị tai hại riêng, bèn sai lại tiếp tục cầu đảo và ban tế đàn âm hồn ; lại đặt đàn chay tụng kinh cầu phúc. Thự Tổng đốc Tôn Thất Đường và

thự Án sát Nguyễn Đức Hoan, lần lượt chia nhau đến miếu Hội đồng, miếu An Dương vương thành kính cầu đảo. Mưa xuống ngay. Việc làm ruộng trong toàn hạt đều được thuận tiện. Vua nghe biết nói rằng : “Đào vũ được ứng nghiệm ngay, có hi vọng được mùa !”. Sai phát hương, lụa trong kho, phái thị vệ đưa đến giao cho để làm lễ tạ, đáp lại phúc của thần đã ban. Lại thưởng kỷ lục cho Hoan 2 thứ, Đường 1 thứ, mỗi người 1 đồng kim tiền Song long hạng nhỏ.

Quan tỉnh Nghệ An là Tôn Thất Đường tâu nói : “Riêng huyện Lương Sơn được mùa, thu hoạch được cả mười phần. Còn ngoài ra 7 huyện như huyện Chân Lộc v.v... trước vì ít mưa, lúa mùa tổn hại ; số thóc thuế thu về mùa đông xin cho chiết can nộp thay bằng tiền, còn thuế thóc nộp về mùa hạ, xin cho hoãn lại đến mùa hạ sau sẽ thu tiếp”. Vua y cho. Lại thấy huyện Lương Sơn, số thóc thuế không có bao nhiêu, cũng chuẩn cho chiết nộp bằng tiền. Lại vì 3 huyện Đông Thành, Yên Thành và Quỳnh Lưu đói ăn, nên hạ lệnh cho dân vay : những dân vào hạng thực nạp tô thuế, mỗi người được 1 hộc thóc, 1 quan tiền ; người già và đàn bà goá được một nửa ; người cô độc, không nơi nương tựa sẽ chước lượng cấp cho. Lại dụ quan tỉnh phải liệu lý cho vừa phải, đừng để nhiều người kéo đến đông quá hoặc giày xéo lên nhau ; cũng không nên để trình hạn xa quá, phải chờ đợi lâu.

Đặt tên cho con voi ngự là “Nhu long”.

Cho thự Lang trung bộ Lại Tôn Thất Chính kiêm nhiếp Tả tá lý Tôn nhân phủ. Khởi phục viên bị cách là Trịnh Quang Khanh làm Thị giảng viện Hàn lâm, Bùi Phụ Phong làm Thừa chỉ viện Hàn lâm, sung Hành tẩu Nội các ; Phan Hiến Đạt làm Chủ sự, giao bộ xét bổ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXXIV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Quý Mão, Thiệu Trị năm thứ 3 [1843], mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, làm lễ Đông hưởng. Vua đến Thế miếu, làm lễ, lễ xong, xa giá quay về. Ngày hôm sau, vua ngự điện Văn Minh, thung dung bảo thị thân rằng : “Người đời xưa, khi ở yên tĩnh một nơi, bụng nghĩ tất phải trong sạch. Hôm qua, ta yên ở một nơi, còn xem xét đến muôn việc, phê duyệt sơ tấu, thực là nghĩ đến chính sự trong nước và đường sinh hoạt của dân, không dám để mình nhàn hạ, trong lòng không pha lẫn những ý nghĩ trần tục mà thôi. Và lại, một chữ “cần” là gia pháp triều ta. Ta coi chính sự khi nào nhàn thì nhân sự vật mà ngâm thơ để ngụ ý mình, thế còn hơn là ham thích cái khác. Gần đây, ở trong vườn cấm, những hoa cúc “Kim bối hồng trang” nở nhiều, có thứ hai giò, có thứ liền cành, có thứ ba hoa, có thứ hai hoa. Ta thường nhớ lời dạy của Hoàng khảo ta : “Những thứ hoa cỏ tầm thường, không đáng gọi là diễm lành. Các vua chúa đời gần đây phần nhiều ưa thích diễm nọ diễm kia chẳng hạn như lăng Cao Tông nhà Thanh mọc cây thiết thụ (người Trung Quốc gọi là *thiết thụ*, nước ta gọi là *huyết dụ*), mọi người cho rằng cỏ đó sinh ra [là diễm tốt lành], tranh nhau làm biểu chúc mừng ! Cây này, ở nước ta, nơi nào cũng có, có gì là diễm hay”. To lớn thay, lời nói của bậc thánh nhân ! Muôn đời khâm ngưỡng. Trước kia, Văn Hoàng nhà Đường còn phá cái tổ chim bạch thước để tắt những lời nịnh hót. Ta chỉ muốn khí trời hoà dịu, hàng năm được mùa, nhân dân no ấm, thế là diễm hay của nước nhà. Nếu có con lân ra chơi, con rồng xuất hiện, có bổ ích gì

cho chính trị đầu !”. Nhân đưa ra : 1 bài thơ “Cười hoa cúc”, 1 bài thơ “Lễ Đông hưởng”, 6 bài thơ “Ở nơi yên tĩnh”. (Xem trong hai tập thơ *Ngự chế*), sai thị thân tuyên đọc. Lại sai nội giám bung ra một chậu hoa cúc cho xem.

Dỡ những nhà cửa ở vườn Thư Quang, đem dựng ở vườn Cơ Hạ. Khoảng năm Minh Mệnh, dựng vườn Thư Quang ở sau hoàng thành, lầu thước thợ, hành lang chung quanh, quy mô chế tạo rất khéo (Tiên Phương điện, Truy Phương đường, Hội Phương viện, Thường Thắng lầu, Trùng Phương hiên, hành lang chung quanh là Tứ Phương ninh bật), phí tổn kể có hàng vạn. Đến đây, vua thấy nơi ấy gần liền với cung Ninh Khánh, để đó cũng không có việc gì, mới sai dỡ đi, đem dựng ở Cơ Hạ đường (ở bên tả cấm thành, Thánh tổ Nhân hoàng đế cho gọi tên là Cơ Hạ đường), tôn lên gọi là vườn Cơ Hạ. Sai Chương vệ Tôn Thất Nghi, thự Thống chế Hồ Văn Lưu, Hoàng Văn Hậu, Thị lang Nguyễn Văn Điển quản lĩnh 1.800 biên binh chọn ngày tốt, khởi công làm. Bọn Đô ngự sử viện Đô sát Hà Thúc Lương, Khoa đạo Ngô Bình Đức, Lê Di, Hồ Trọng Tuấn, Lê Văn Thành, Giang Văn Hiến, Nguyễn Huy Lịch, Nguyễn Văn Diễm, Nguyễn Lâm, Trình Nho, Hà Đồng Chính, Phan Trinh, Hoàng Khuê dâng sớ nói : “Hoàng thượng ta từ khi lên ngôi đến nay, phạm những việc không cần kíp đều đình bãi hết, để dè dặt gây nuôi binh lực, gần đây, tu bổ miếu đền (3 vườn Vĩnh Ấm, Vĩnh Tú, Vĩnh Lệ, sửa toà thứ ba dinh Kiến Chủ) và các công sở, công việc chưa xong, nay lại dời những nhà cửa ở vườn Thư Quang đi, làm thông thả thì trong một năm không xong, làm vội thì không khỏi khó nhọc phí tổn. Vậy xin : phạm việc tu bổ các sở thì cứ để làm, còn công việc ở vườn Cơ Hạ, xin hãy tạm đình chỉ”.

Vua giận nói : “Nay ngoài biên thủy không có việc, binh lực đã thừa, cho nên liệu lượng bắt làm việc cho hợp với năm nay có những việc lành, chỉ nhân quy mô cũ mà sửa sang lại, chứ không phải nay mới tân tạo. Ta lên ngôi từ khi còn trẻ tuổi, chưa từng vì lời nói mà bắt tội ai, cho nên họ mới dám thì thảo chê bai ở sau lưng như thế ! Huống chi xin lưu biên binh lại để sửa sang nơi phủ đệ nha thự, sao không nghĩ bề dảng với đám quyền thế, bỏ việc công, làm việc riêng, có đương được cái lỗi nặng ấy không ?”. Bèn truyền Chỉ nghiêm quở tất cả. Lại sắc cho bộ Công : phạm những người làm việc đều ban thưởng chu đáo. Vườn làm xong, đặt các tên : phía nam gọi là Khâm Văn điện, phía bắc gọi là Thường Thắng lầu (nhân tên cũ), phía đông gọi là Minh Lý thư trai, phía tây gọi là Thận hiên, khoảng giữa gọi là Quang Biểu các, chung quanh gọi là Tứ Phương ninh bật hồi lang, hồ gọi là Minh hồ, cầu gọi là Kim Nghệ kiều, núi gọi là Tĩnh An sơn, đồi luôn hoành biển ở Thọ An sơn môn gọi là vườn Cơ Hạ, Thượng Uyển môn. Quy mô rộng rãi hơn khi trước nhiều.

Vua thường ngự đến chơi vườn. Có khi gọi các quan đến để giải quyết mọi việc. Lại ngự chế các bài thơ về 14 cảnh :

- Điện khai văn yến (mở tiệc văn ở trên điện).
- Lâu thưởng Bồng châu (thưởng cảnh tiên ở trên lầu).
- Các minh tứ chiếu (gác soi sáng cả bốn mặt).
- Lang tập quần phương (hành lang có đủ các thứ hoa).
- Hiên sinh thi tứ (hiên nảy trí thơ).
- Trai tả thư hoài (nhà trai toát ra tâm hoài văn thư).
- Trì lưu liên phưởng (thuyền hoa sen để ở hồ).
- Sơn sục tuý đình (đình cây tùng đứng sừng trên núi).
- Thủy tạ phong quang (gió mát ở thủy tạ).
- Nghê kiều tế nguyệt (mặt trăng sáng chiếu vào chỗ cầu vòng).
- Vũ giang điệu đĩnh (thuyền câu ở sông Vũ).
- Tiên động phương tung (dấu thơm ở động tiên).
- Hồ tân liễu lãng (sóng như lá liễu ở bên hồ).
- Đảo thụ oanh thanh (tiếng oanh kêu ở cây trên đảo). Sai các quan văn ứng chế.

Trước khi ấy, các thợ thuyền làm việc, suốt cả ngày đêm, có bọn quân và lại trong ngạch trốn trà trộn vào để xem thợ làm, bị người canh cửa bắt để hỏi. Vua nói rằng : “Chỗ hoàng thành, lệ cấm rất nghiêm, bọn côn đồ sao không kiêng sợ như thế !”. Phạt 100 trượng, phát đi cơ Định man làm binh, người dẫn hộ cửa Hiến Nhân là Suất đội Nguyễn Văn Bình không ngăn cấm được, phải tội cách lưu.

Dời miếu Hội đồng tỉnh Quảng Trị đến xã An Tiêm, vì miếu cũ làm ở xã Nhan Biên, hình thế hẹp hòi.

Định lệ tiến lễ ở điện Sùng Ân. Trước kia bộ Lễ chức nghị, chỉ có tiết Chính đán ⁽¹⁾ và tiết Đoan dương ⁽²⁾ là có lễ, còn các tiết Đông chí ⁽³⁾, Tam nguyên ⁽⁴⁾, Thất tịch ⁽⁵⁾, Trung thu, Trùng dương ⁽⁶⁾ đều không bàn đến. Vua cho điện Sùng Ân là nơi thiêng liêng hương khói, miếu điện cùng tôn, sao lại có nơi hơn, nơi kém ? Và lại, lễ, thà rằng trái lễ ở chỗ hậu ! Bèn sai bộ Lễ lại chiếu lễ các tiết ở điện Phụng Tiên mà tuân làm. Các quan coi về việc lễ thứ trước là Trương Đăng Quế, Trương Quốc Dụng và Ngô Kim Lân đều phải phạt lương 6 tháng.

(1) *Chính đán* : ngày tết đầu năm âm lịch.

(2) *Đoan dương* : như Đoan ngo, tết mồng 5 tháng 5.

(3) *Đông chí* : tức là ngày 20 hoặc 21 tháng 12 dương lịch hằng năm.

(4) *Tam nguyên* : tức là Thượng nguyên (ngày rằm tháng giêng), Trung nguyên (ngày rằm tháng 7) và Hạ nguyên.

(5) *Thất tịch* : mồng 7 tháng 7.

(6) *Trùng dương* : ngày mồng 9 tháng 9.

Một chiếc binh thuyền đi tuần ngoài biển của trấn Quỳnh Châu nhà Thanh, bị bão giạt vào cửa biển Biên Sơn tỉnh Thanh Hoá : thuyền bị nhiều chỗ sứt thủng. Thuyền trưởng là Lý Mậu Giai xin thuê thợ để sửa sang giúp. Tổng đốc Tôn Thất Lang đem việc tâu lên. Vua sai chọn nơi cho đỗ thuyền, chỉ ra các vật liệu của công để sửa chữa, lại cấp cho 100 phượng gạo trắng, 200 quan tiền, cấp thêm cho Mậu Giai 20 lạng bạc. Liền phái Thị lang bộ Hộ Nguyễn Trạch đi ngay đường trạm đến yên ủi và thăm hỏi, bảo cho biết rằng hãy lưu lại, đợi khi có thuận tiện, sẽ phái qua hộ tống về nước. Mậu Giai cảm tạ. Lại phát ra vóc, đoạn, vải tây là của kho để ban cấp. Mậu Giai từ chối, không nhận, cố xin về Quỳnh Châu, Tôn Thất Lang lấy cố giớ, nước chưa tiện, chưa cho về vội. Mậu Giai chờ đợi lâu ngày, thường không được bằng lòng. Đến tháng 6 năm sau, mới sai bọn Thị độc Nguyễn Nhược Sơn đưa về Quảng Đông.

Sửa dựng trường thi Thừa Thiên ở trong Kinh thành (ở phường Ninh Bắc). Trường thi Hương Thừa Thiên trước đặt ở xã Nguyệt Báu (ở bờ bên nam sông Hương), trường thi Hội thì ở trước cửa Ngọ Môn, đều đến kỳ thi, mới dùng tạm nhà tranh, phên nứa ; thi xong thì dỡ đi. Đến đây, sai hai bộ Lễ, Công trừ tính quy thức, đổi dựng ở trong thành, định làm trường thi Hương, thi Hội. Thường tất cả dân phu 600 quan tiền (nhà của chánh phó chủ khảo, chánh phó đề điệu, phân khảo, và nhà thập đạo gồm 7 toà, đều 1 gian 2 chái ; nhà của giám khảo, phúc khảo, thể sát, mật sát và ngoại trường lại phòng gồm 7 toà, đều 3 gian 2 chái ; nhà thí viện, công sở của đề điệu và nội trường lại phòng gồm 3 toà, đều 5 gian 2 chái, nhà sơ khảo 2 toà đều 6 gian 2 chái. Mỗi toà mặt vách sau 2 chái bên tả bên hữu, liệu chừng mở ra 1 chỗ cửa bán nguyệt, đằng sau cửa dựng thêm 1 cái bán mái để làm nơi phòng bếp. Các sở của trường đều dựng 2 cái cột, chu vi trường và chu vi sở đề điệu nội trường, ngoại trường và nhà thập đạo giáp 4 vi tả hữu, giáp ất ; sở giám khảo chỗ tả hữu giáp 2 viện sơ phúc, đều xây tường gạch để ngăn chặn 4 vi, lại dựng một dãy nhà dài, mỗi dãy đều 7 cái nhà, mỗi cái nhà 17 gian. Thi Hương, mỗi gian ngăn ra làm 4 ; thi Hội thì 2 - 3 gian ngăn làm một, đều lợp ngói).

Lại hạ lệnh cho các tỉnh Nghệ An, Nam Định, Hà Nội, Gia Định, đều chiếu quy thức do bộ gửi đến, cho làm lại trường thi : quy mô rộng rãi, sáng sủa, ưa nhìn.

Vua bảo bộ Lại rằng : “Một tỉnh hạt An Giang, đặt ra có Tổng đốc và Tuần phủ. Gần đây, có tập tấu, chỉ dùng riêng ấn quan phòng Tổng đốc, còn Tuần phủ chỉ ký tên mà thôi, như vậy, rất chưa hợp thể. Từ nay trở đi, phàm tập tấu gì cũng chuẩn cho đều đóng ấn quan phòng Tổng đốc ; việc gì quan hệ đến quân chính, cũng chuẩn cho Đề đốc ký tên đề thẳng vào, đóng thêm ấn quan phòng Đề đốc ; nếu việc gì nên nghị riêng rồi sẽ tấu, đều cho chiếu theo chức mà đóng ấn quan phòng.

Ban cho từ hoàng thân đến văn võ bách quan : tiền đồng lớn mạ bạc có mỹ hiệu, thứ bạc khác nhau.

Giám lâm Vũ khố Trần Đăng Chí, thấy thứ đá hoa chứa ở trong kho, chi dùng không đủ, bèn tư cho phủ Thừa Thiên để đục lấy đá. Lại tư cho sở đúc công đúc các đồ dùng bằng đồng, bằng thiếc. Vua nghe biết, quở rằng : “Đương mùa đông, trời rét mướt, bắt dân đi lấy đá khó nhọc, có nên không ? Đồ đạc bằng đồng, bằng thiếc cũng không phải là thứ cần dùng, nếu có khi dùng không đủ, sao không trữ liệu trước”. Bèn xử phạt 6 tháng lương.

Tháng 11, mồng 1 ngày Kỷ Tị, có nhật thực.

Tiết Đông chí. Vua ngự điện Cần Chính. Các quan mặc đủ phẩm phục, triều yết. Ban yến cho hoàng tử, hoàng thân, văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên, ở điện Cần Chính.

Chân thành đá ở thành Trấn Hải ⁽¹⁾ bị lở. Sai đắp vá lại. Lại phái Lang trung Bộ Công đến cầu đảo ở miếu Nam Hải Long vương. Đến khi nước lụt trút xuống, thấy chỗ chân đá có cát bồi, lại phát hương, lựa là cửa trong kho, sai quan đến miếu lễ tạ.

Bắt đầu chế 2 cái bài vàng “sắc mệnh” và “tín bảo” (vuông đều 7 tấc 3 phân, chuôi dài 1 tấc, 4 phân, chung quanh đều chạm khắc long vân) : một cái khắc chữ chân phương : “sắc mệnh” ; một cái khắc chữ triện : “ngự tiền tín bảo”. Thông dụ cho trong Kinh, ngoài tỉnh : phạm những khi tuyên triệu các quan, truyền bảo quân lệnh, gọi quân lính, thông báo đi các chỗ quan thành, hình phạt nghiêm răn, khen ngợi khuyến khích, ban thưởng, cho đến các việc lớn nhỏ, hoặc tiếp thị thân, túc vệ, trung sứ, vàng sắc đưa ra truyền Chỉ, tất cả như lệnh bài có chữ vương mệnh. Đến như những việc trọng đại, có ấn dùng dụ Chỉ tuyên truyền, tất cả như ấn có chữ ngự tiền, đều phải biết cả. Việc này định làm lệnh vĩnh viễn.

Đặt lại những danh hiệu các hạng súng đúc bằng đồng, hoặc gang (hạng nào bắn đạn chấn địa lôi, vẫn theo tên cũ gọi là súng Xung tiêu ; hạng nào bắn đạn liên châu, thân súng chu vi 2 thước trở lên, gọi là súng Khoá hải hạng lớn, từ 1 thước 3 tấc đến 9 tấc, gọi là súng Khoá hải hạng vừa, từ 1 thước 2 tấc trở xuống, gọi là súng Khoá hải).

Đổi tên thuyền Phi hồng là thuyền Phi vụ.

Dựng phủ đệ cho hoàng tử thứ 2 là Phúc Tuy công ở phường Vĩnh An trong thành (tức là Phúc Thiện đường bây giờ).

Dời 2 phủ lý Trường Định và Trường Khánh (phủ Trường Định trước ở xã Vĩnh Trại châu Thoát Lãng, nay dời đến xã Đồng Đăng châu Văn Uyên ; phủ Trường Khánh trước ở châu Ôn nay dời đến trại Đồng Bộc châu Lộc Bình).

(1) Thành Trấn Hải ở huyện Hương Trà, phía bắc cửa biển Thuận An.

Tiết Khánh thọ. Trước 3 ngày, vua kính cẩn đến hầu cơm, thân dâng quả hồ đã. Thánh từ ⁽¹⁾ vui vẻ ăn thêm được cơm. Hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường vì dâng sản vật địa phương được xứng đáng, Tổng đốc Nguyễn Tri Phương, Bố chính Trương Văn Uyển và Án sát Lê Chân đều được thưởng kim tiền hạng lớn, hạng nhỏ có khác nhau. Đến ngày [Thánh thọ], vua thân đem các quan làm lễ chúc mừng. Trước một ngày, ban cho ăn và ở đầu cửa treo đèn, như lệ trước. Từ đây, cứ hàng năm, giữ làm lệ thường, phát của trong cung ra 20.000 quan tiền, thưởng cho hoàng thân và thích lý ⁽²⁾ có thứ bậc khác nhau. Đó là vâng theo ý chỉ của Thánh từ.

Lại xuống dụ về thể lệ các nha môn ở Kinh giao nhận các tờ chương số.

Dụ rằng : “Chương số 4 phương, do ty Thông chính tiếp nhận, bản chính của các nha, lại do Khoa đạo kiểm giao, để phòng có sự che lấp, mong được nhanh chóng. Điều lệ tưởng đã nghiêm ngặt rõ ràng. Thế mà, gần đây, khi giao nhận, thường thường đùn đẩy cho nhau, có khi trên cũng nghe thấy. Xét nguyên do là vì : hoặc tự mình thấy lý không rõ, để cho người khác nói lại, hoặc sợ nhận biên phiên phức, nên mượn cớ để đùn đẩy đi. Thử nghĩ xem : việc tầm thường nhỏ nhặt, không nói làm gì ; nếu gặp việc quan trọng, khẩn yếu, há không đến chậm trễ, lỡ làng hay sao ? Vậy không giáng dụ phân minh để khuyến răn không được. Nay thông dụ các nha môn : Từ nay, phạm giao nhận chương số và bản chính, đều phải tuân điều nghị mà thi hành, không được hàm hồ giao tổng, bị người ta bẻ lại, lại giao đến nha khác ; còn nha môn nào phải nhận cũng không được mượn cớ mà từ chối. Nếu chỗ giao đã đúng rồi, mà chỗ nhận còn dăm quanh co từ chối thì chuẩn cho đem việc hặc tâu ngay. Nếu không biết rõ sự thể, tự ý đem giao đến, cũng chuẩn cho nha môn giao đến, cứ thực nghiêm khắc tham hặc, đừng có nể mặt chút nào để chậm việc lại. Tất cả đều phải giữ một lòng chung, đồng tâm nghĩ đến việc nước. Nếu còn trốn việc, sợ khó, đem lòng chia rẽ, một khi ta biết ra hoặc bị người hặc tâu, thì phép nước rất nghiêm, quyết không thể tha giượng được. Tất cả đều phải kính cẩn tuân theo !”

Bốn tỉnh Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng và Tuyên Quang tuyển cử cống sinh đều chưa đến hạn tuổi (lệ cống sinh định tuổi, không cứ là học trò hay là tú tài, tuổi từ 40 trở lên mới được sung cử). Bộ Lễ phúc tâu lên. Vua nói rằng : “Năm nay có gia ân, về việc lấy cống sinh, không theo như lệ thường ; hưởng chi bốn hạt này, số sĩ tử không có bao nhiêu, thì gia ân lệ ngoại cũng không hề chi. Vậy chuẩn y cho những người đã được cử tri để khuyến khích nơi biên thùy ở xa mà mến học. Nếu không phải là nơi biên thùy, không được viện lệ này”.

(1) Thánh từ : mẹ vua.

(2) Thích lý : làng mẹ nhà vua.

Phó lãnh binh tỉnh Tuyên Quang Nguyễn Đăng Khánh, tuổi già, về hưu dưỡng. Cho : thự Vệ úy vệ Sơn Tây là Nguyễn Hữu Lợi được bổ làm thự Phó lãnh binh tỉnh Tuyên Quang ; Chánh đội trưởng Suất đội Trần Văn Luận thăng thự Cai đội, lại thự Phó vệ úy vệ Sơn Tây.

Cho : Lãnh binh Sơn Tây Phan Tùng thăng thự Cẩm y vệ Chuông vệ sự, chuyên coi các đội Trường trực, Thường trực, Phó lãnh binh tỉnh Sơn Tây Nguyễn Trọng Thao đổi làm thự Lãnh binh tỉnh Sơn Tây. Bổ : Phó lãnh binh tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Đục làm Phó lãnh binh tỉnh Sơn Tây ; Vệ úy vệ Bắc Ninh Trần Loan làm Phó lãnh binh tỉnh Bắc Ninh.

Triệu về Kinh : thự Phó vệ úy vệ Thủy tỉnh Quảng Bình là Hồ Cảnh Trị, thự Phó vệ úy vệ Tả thủy tỉnh Thanh Hoá là Nguyễn Văn Khao, thự Phó vệ úy vệ Trung thủy tỉnh Hải Dương là Nguyễn Cương, đều bổ thự Quản cơ, thăng thự Phó vệ úy Thủy sư ở Kinh kỳ (Trị ở vệ thứ 2 Hữu dinh ; Khao ở vệ thứ 4, Cương ở vệ thứ 4 Tả dinh).

Cho : Phó vệ úy Nhất vệ dinh Kỳ vũ là Hồ Đức Tú bổ thự Phó vệ úy vệ Hậu nhị dinh Vũ lâm ; Phó vệ úy Tứ vệ dinh Hữu Thủy sư là Trần Văn Điều bổ Phó vệ úy Nhất vệ dinh Kỳ vũ ; nguyên Phó lãnh binh tỉnh Cao Bằng Nguyễn Tuyên thăng thự Vệ úy Tả vệ dinh Tiên phong ; Thành thủ úy tỉnh Bình Định là Phạm Công Hợp thăng thự Phó vệ úy Nhất vệ dinh Kinh tượng ; Phó quản cơ thứ hai Tĩnh man là Nguyễn Như Chương bổ thự Phó quản cơ, lại thăng thự Phó vệ úy Nhị vệ dinh Kinh tượng, Phó vệ úy Tứ vệ dinh Tả ở Thủy sư Kinh kỳ là Lê Văn Súc thăng thự Vệ úy Ngũ vệ ở dinh ấy. Lại cho Nguyễn Huyền chức Vệ úy vệ Cẩm y chuyên quản các đội Túc trực ; Phạm Văn Trinh chức Phó vệ úy vệ Long thuyền.

Nêu thưởng người nghĩa phụ họ Hoàng (Hoàng Thị Nghĩa) ở tỉnh Khánh Hoà. Thị Nghĩa là người ở thôn Tứ Chính, huyện Quảng Phúc, vợ Nguyễn Văn Nuôi, nhà vốn nghèo. Một hôm, cùng với con nhỏ 10 tuổi đi với chồng vào kiếm củi ở rừng, bị hổ xông ra vô lấy chồng ! Thị cầm dao chém, hổ rơi mất ngã lăn ra đất ; con cũng sấn đến, hợp sức chém luôn : hổ chết ngay. Thị vực chồng về, được vài ngày, đôi rôi chết. Thự Tuấn phủ Trịnh Ngọc Lâm nghe biết chuyện, gọi đến hỏi rằng : “Sao không sợ hổ ?”. Thị Nghĩa thưa rằng : “Trăm năm kết tóc sống chết cùng nhau, tôi lúc ấy chỉ biết có chồng, không biết có mình, còn sợ gì nữa ?”. Việc ấy đến tai vua. Vua khen ngợi, cho 10 lạng bạc, 1 tấm sa màu, cho biển nêu ở cổng làng 4 chữ : “Hoàng thị, nghĩa phụ” (Hoàng thị, người đàn bà có nghĩa).

Biểu dương người trinh phụ họ Nguyễn (tên là Nguyễn Thị Nương) ở tỉnh Hà Tiên. Thị là người thôn Tân Nghĩa, huyện Long Xuyên, vợ Lý Văn Phúc, năm 23 tuổi, đáp thuyền của Trần Văn Sung là người có thân thuộc với chồng. Đến nửa đường, Sung cưỡng gian, thị ra sức chống cự, bị Sung bóp chết. Việc đến tai vua.

Vua sai đặt phường trại, cho làm biển ngạch nêu 4 chữ : “Nguyễn thị, trinh phụ” (Nguyễn thị, người đàn bà trinh tiết).

Sửa đền thờ sơn thần ở núi Tản Viên. Đền cũ, do dân 2 huyện Minh Nghĩa, Bất Bạt làm riêng, lâu năm, gỗ phần nhiều mục nát. Quan tỉnh Sơn Tây Nguyễn Đăng Giai tâu xin chi tiền cống đặt giá mua vật liệu, điều dân phụ cận thuê tiền làm. Bộ Công cho là không phải lệ, phúc bác đi. Vua nói rằng : “Đền tuy làm riêng, thần thực hiển linh”. Sai chi tiền công 500 quan, giao cho dân phụng tự sửa sang.

Tổng đốc Gia Định Lê Văn Phú tâu nói : “Những danh hiệu các xã thôn trong hạt, phàm có chữ “nhân” ⁽¹⁾ xin đều cho đổi tránh đi”. Vua quả rằng : “Từ cổ đến nay, những chữ miếu hiệu, tôn thụy, đều là chữ hay của muôn đời, há có lý gì mà kiêng tránh ? Trước kia, các tỉnh Hà Nội và Hải Dương đã dâng tâu xin đổi lại (tỉnh Hà Nội xin đổi phủ Lý Nhân là phủ Lý Mỹ, xã Đông Nhân là xã Đông Phong; tỉnh Hải Dương cũng nói tên các xã thôn gặp có chữ “Nhân” đều xin đổi lại) ta đã chuẩn cho đều để tên cũ ; nay lại xin nhảm, chỉ thêm nhiều việc, không nên canh cải làm gì !”.

Bất đầu đặt cơ Sơn dưng ở tỉnh Sơn Tây. Trước kia, thự Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai lấy thổ dân ở huyện Mỹ Lương cho phụ thuộc vào quân thú, sai phái có đặc lực, khi việc đã yên, chọn được 305 tên. Thêm vào đó, thổ đồng ở 2 huyện Minh Nghĩa, Bất Bạt gồm 196 tên, thu vào làm 10 đội cơ Sơn dưng. Xin đem thổ hào và bá hộ 10 tên quyền sung suất đội, thổ mục 40 tên quyền sung cấp bằng đội trưởng. Từ quản cơ đến suất đội, chiếu cấp lương bổng thường xuyên làm việc. Còn binh lính khác cho về yên nghiệp : có việc thì gọi ra, ngày thường thì theo lệ chịu thuế. Đến như mỗi tháng luân ban, gián hoặc có rút lấy 12 tên giản binh mà dôn vào, thì lại xin chế cấp cho hiệu cơ. Còn áo, quần và nón chiến, quân sắc, đều theo lệ Hữu quân mà cấp phát.

Vua nói rằng : “Tính việc như thế cũng phải, chuẩn cho làm như lời xin. Chỉ có điều là thổ dân đã thú vào cơ binh, há có lý gì cả năm không gọi đến tập hợp ? Chuẩn cho hằng năm cứ đến tháng hai, gọi hết cả đến tỉnh, điểm duyệt một lần, việc xong lại cho về.

Tổng đốc An - Hà Nguyễn Công Nhân, thự Tổng đốc Long Tường Nguyễn Tri Phương, Tuần phủ An Giang Nguyễn Công Trứ cùng tâu nói : “Việc đào sông Tân Châu ở tỉnh An Giang trước đã xin hoãn lại, nay đến tiết mùa đông khô ráo, xin thuê 5.000 dân phu khơi trước một đoạn (dài 550 trượng), trong một tháng thì cho về, đợi sang xuân, sẽ làm tiếp”. Vua y cho.

(1) Văn Phú lấy cớ rằng : “Nhân” là tên miếu hiệu của Minh Mệnh (Thánh tổ Nhân hoàng đế).

Tĩnh Nghệ An tâu nói : “Thổ dân 4 huyện (Tương Dương, Vĩnh Hoà, Kỳ Sơn, Hội Nguyên) thuộc phủ Tương Dương, đã thắm dần thanh giáo, xin chiếu theo lệ như phủ Quỳnh Châu, cứ 7 đình chọn lấy 1 lính, gồm 53 tên, sung làm thuộc binh phủ Tương Dương, chia làm 2 ban, định lệ cấp lương”. Vua y cho.

Thự Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai tâu nói : “Tĩnh Sơn Tây nay đã thanh bình, công việc hơi ít, duy có 2 tỉnh kiêm hạt, địa thế phần nhiều hiểm trở, tục dân Man ngang ngạnh, ở tỉnh Tuyên Quang thì có giặc Thạc, giặc Khai, giặc Tuyên vẫn còn trốn tránh ; ở tỉnh Hưng Hoá thì có thổ hào Điều Chính Định vốn có tiếng là một tên hung hãn ; tên thủ phạm Xa Văn Chấn không phải là người hiền lành. Người Thổ lòng thường bất trắc. Phủ Điện Biên, đường sá cách trở, lam chướng có nhiều, chưa tiện cho quân đến đóng. Xin cứ lần lượt thân đến 2 tỉnh, tùy tiện xếp đặt công việc. Lại lấy viên biên thuộc tỉnh là bọn Nguyễn Hữu Lợi, Trần Loan, Nguyễn Văn Mưu, Đỗ Thiếp, Phạm Văn Tuyển, Trần Văn Luận và Nguyễn Hữu Diệu đều là những người đảm đương được, chỉ từng tên mà cử lên”.

Vua dụ rằng : “Tĩnh Hưng Hoá gần đây yên ổn không có việc gì, địa thế lại xa xôi, chức vụ một nơi biên cương lớn không nên để trống thiếu lâu mãi. Duy một dải Tuyên Quang, những tên phạm còn sót, trốn tránh tội chết lâu ngày, chuẩn cho đến tỉnh Tuyên Quang, tùy tiện hiểu thị cho thổ dân, và sức cho thú đình thắm bắt. Nếu việc nên làm, thì hội đồng với tỉnh viên, liệu định cho ổn thoả. Chuyến đi này không thể đưa nhiều binh đồng lần lữa lâu ngày chỉ thêm phí tổn, hãy lượng đem 400 - 500 tên là đủ. Còn như phủ Điện Biên đặt ra, cốt để phòng giặc cướp, giữ yên dân, trước đã cho trích phái quân mộ thổ trước, bắt thêm thổ đồng ở gần, trú phòng ở đấy, chiêu dân khẩn đất, từ trước đến nay đã dần dần có thành hiệu. (Khi mới đặt ra phủ Điện Biên, trích phái quân mộ ở vệ Hưng Hoá 100 tên, mỗi năm một lần thay đổi ; lại phái thêm quân thổ đồng ở các châu Tuần Giáo, Lai Châu, Thuận Châu trong phủ hạt 200 tên, trích lấy những ruộng chưa cho ai, cho khai khẩn để trồng cấy, dợt dân trong hạt tụ họp lại đồng, có thể phụ giúp vào việc đồn thú, sẽ triệt quân nguyên phái về). Nếu cho rằng đường xa, khí lam chướng nhiều, khó đóng quân lâu được, thì nên thông tư ngay cho Hưng Hoá, bàn bạc chức định thay đổi kỳ đóng lính thú, và theo như nguyên nghị, sức các viên đóng thú gia tâm chiêu mộ ngày thêm đầy đủ, khiến cho tự giữ lấy. Cần gì phải thân đến chỗ ấy mới có thể xong việc được. Điều Chính Định, Xa Văn Chấn chỉ là một thổ hào đã ra thú mà thôi, nếu thực là kẻ bất lương, thì cứ bí mật bắt lấy, rồi trị đúng cái tội của chúng cũng không hề chi. Há có lý nào vì lo người ta chưa chắc đã thành phục, mà quá phòng xa trước, làm lộ hơi tiếng, khiến cho không những bọn kia để lòng ngờ sợ, mà những kẻ thổ ty, thổ mục và thú đình khác, có tự yên tâm được không ? Còn

việc cử ra những nhân viên có thể đảm đương được, trước đã có Chỉ lục dụng rồi”. Sau đó, Giai đến Tuyên Quang, vì trời rét, không tiện đóng lại lâu, ở vài ngày lại về.

Phủ Thừa Thiên gạo kém, giá đắt. Sai mở kho, bán giảm giá cho dân : nơi nào gần thì đến mà lĩnh, nơi nào xa thì vận tải đến cho. Chia sai khoa đạo hội làm việc ấy. Lại vì giá gạo chưa thăng bằng, chuẩn cho ở Kinh, từ nhất phẩm trở xuống đến lại dịch, quân và thợ, đều được lĩnh cũng trích số tiền nên tiêu trong một tháng, chiết cấp bằng gạo. Lại hạ lệnh cho các quan doãn trong Kinh thành thông sức trong hạt hạ : nếu ai tình nguyện bán thứ đá núi, cho quy trữ ở bờ sông chung quanh thành, cứ mỗi đồng đá, chiết cấp cho 12 học thóc. Giá gạo từ đó mới thăng bằng. Lại thông dụ cho các hạt Quảng Trị, Quảng Bình và Nghệ An : phạm các hàng hoá đặt mua, nếu các dân làm nghề tình nguyện lĩnh thóc, cũng cho tính chiết can mà cấp thóc, để đủ cho dân ăn.

Vua bảo bộ Hộ rằng : “Phủ Thừa Thiên, các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị và Quảng Bình, sang năm, chính đến kỳ tuyển lính, nhưng nghĩ các hạt mới gặp chứng lệ khí, Quảng Trị, Quảng Bình lại bị tai hại về gió bão, nếu cứ theo lệ mà làm, thì dân ta không khỏi phiền tốn khó nhọc. Vậy chuẩn cho hoãn đến năm Thiệu Trị thứ 5, để thư nổi khổ cho dân”.

Hai tỉnh Quảng Trị, Nghệ An giá gạo đắt, dân đói ăn. Sai phát thóc kho, chiếu theo số dân trong sổ, cho mỗi người vay một học thóc, người già và đàn bà goá thì một nửa học, người cô độc không nơi nương tựa thì cho không. Lại sai khoa, đạo là Lê Di, Lê Luyện chia đi làm việc. Tỉnh Quảng Bình, tỉnh Vĩnh Long gạo đắt, cũng sai giảm giá, bán ra cho dân.

Bộ Hình làm danh sách kê những người sung làm quân ở các tỉnh ngoài Kinh thành, gắng sức làm việc để chuộc tội, khổ sai 147 người, phân biệt tâu lên xin xét. Vua nói rằng : “Các tên được kê khai trong danh sách, đều chưa thấy nêu ra thực trạng gì. Duy có ân điển năm nay không ví như năm thường, bọn kia hoặc dự có chức sự, đều gắng sức chịu khó, cũng có thể lượng ra ân cho, khiến cho kịp thời mà cố gắng”. Viên bị cách là Trần Kiếm được khởi phục tứ đẳng thị vệ, Nguyễn Thế Đạo, Tôn Thất Phan, Vũ Viết Sỹ được khởi phục Bát phẩm thư lại. Còn người khác khởi phục suất đội đội trưởng, cửu phẩm thư lại có khác nhau, ai tuổi già suy yếu đều được cho về nguyên quán.

Bộ Hình làm danh sách kê những người bị án phải đền tang vật dâng lên. Vua cho rằng những án nguyên can có nặng nhẹ khác nhau, sai viện Cơ mật xét lại, để chức lượng mà ra ân. Phạm tang vật phải điển kê ở trong danh sách, không cứ là vật hạng vóc, đoạn, hay tiền, thóc linh tinh, hễ thành giá bạc từ 30 lạng trở xuống, mà người can phạm đã quá cố, và những thuyền công để lỡ việc thực không phải do

sức người làm ra, không có lực đền bồi, đã bị giam cầm đến 3 năm, không cứ là nhiều hay ít, đều rộng miễn cho hết, không phải đền, còn tội danh thì không được miễn. Còn làm việc không khéo và can án bất xén, nhưng xét ra không phải thông đồng để ăn cắp, cũng chiếu như thế, chia từng thành mà rộng giảm cho. Đến như thuyền bè để lỡ việc, xét ra là buông thuyền đi trái lẽ, nếu chưa được giảm, thì 10 phần miễn cho 7 phần, đã giảm rồi thì lại miễn cho 5 thành, để có phân biệt.

Giáng thụ Tả quân Đô thống phủ Đô thống, kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tả tôn khanh, kiêm quản quân Kinh tượng là Tôn Thất Bật xuống làm Thống chế dinh Kỳ võ. Bật tự tiện bắt các vệ quân Kinh tượng và quân thuộc dưới quyền mình (Tả bảo) nghỉ việc sửa thuyền bè để làm việc riêng, bị thư lại Kinh tượng chỉ trích, đi kêu. Vua giao xuống cho pháp ty nghị xử cách chức, bắt phải trả công cho đám quân lính kia, thu để nộp kho.

Vua nói rằng : “Bật dựa vào hàng dòng dõi nhà vua, mình được phẩm trật cao quý, thế mà quen tính táo bạo làm càn, ta thường ân cần răn bảo, vẫn không yên nuôi quân sĩ, đến nỗi phạm phép công, phải nghị xử. Nhưng nghĩ : năm trước, Bật có công đi bắt giặc, lại hộ giá khi đi Bắc tuần, không từ chối sự khó nhọc, nên chưa nổi giận bỏ ngay. Vậy chuẩn cho giáng làm Thống chế quân Kỳ võ, lại giáng 4 cấp. Số tiền hơn 200 lạng mà Bật phải trả công cho quân lính trong khi nghỉ việc công, làm việc tư cho Bật đều cấp cho biên binh Tả bảo và Kinh tượng”. Nhân xuống dụ rằng : “Ta là chủ thiên hạ, chỉ giữ một lòng rất công rất chính, giữ tin thực về việc thưởng người có công, phải quả quyết về việc phạt kẻ có tội ; không bè đảng, không thiên lệch. Phạm các người trong tôn thất, đừng lấy nê là dòng dõi thơm lây mà cậy công kiêu rông, nên giữ công bằng, giữ pháp luật, cẩn thận nét na của mình để hưởng phúc nước lâu dài. Đòi cổ có nói rằng : Làm gương mẫu cho người vợ ít đức ở trong nhà, rồi đến chỗ anh em, ra đến trị nước nhà, phải khuyên răn tu tỉnh đó ! Phải kính cẩn tuân theo đó !”.

Sai : thụ Đô thống Hữu quân Nguyễn Tiến Lâm kiêm quản ấn triện Tả quân ; Thống chế Nguyễn Trọng Tính kiêm quản các vệ đội quân Kinh tượng.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXXV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Quý Mão, Thiệu Trị năm thứ 3 [1843], mùa đông, tháng 12. Vua ngự điện Văn Minh, bảo đại thân viện Cơ mật rằng : “Trước kia đã sắc sai phủ Tây Ninh, tỉnh Gia Định đặt ra một sở Giao dịch buôn bán. Từ trước đến nay, bọn thổ phỉ kia đã từng đi lại buôn bán với dân người Kinh ta, sự thể thế nào, giao cho bộ tư công văn đi tỉnh ấy làm tờ phúc tâu lên”.

Nội các làm danh sách kê các nhân viên phải bồi thường tang vật và nói : “Đôi khi có người không đủ lực để bồi thường được thì xin miễn cho ; còn các thuyền bè, hoặc vì sóng gió, hoặc vì buồm thuyền không thuận chiều đến nổi lỡ việc, cũng xin chia ra từng hạng để tha, giảm”. Vua nói : “Các khoản ấy, chuẩn cho đem nguyên án xét lại, phân biệt, để cho công bằng và đúng lẽ”.

Sai : nguyên Tả tham tri bộ Hộ Đào Trí Phú sung chức Chánh biện thuyền Phần bằng, Viên ngoại lang Nội vụ phủ Trần Tú Đĩnh, sung chức Phó biện, bọn Tông ngũ phẩm thừa biện Lê Bá Đĩnh, Tư vụ Nguyễn Văn Bản, Nguyễn Công Dao, Thị vệ Trần Văn Quý, những người hiệu lực là Hà Văn Trung, Cao Bá Quát đều lệ thuộc vào đi Giang Lưu Ba ; Viện sử viện Thượng trà Lê Mậu Hạnh sung chức Phó biện thuyền Linh phượng (bọn Chủ sự Lê Vạn Hanh, Tư vụ Nguyễn Văn Hựu, hiệu lực Nguyễn Hưng đều lệ thuộc vào) ; Phó sử Tào chính Nguyễn Công Nghĩa sung chức Phó biện thuyền Thần dao (Chủ sự Hà Văn Hanh, Phạm Văn Dư, Tư vụ Phan Đắc Ký, Thị vệ Tống Phúc Tri, hiệu lực Cung Văn Nghị, Phan Nhạ đều lệ thuộc

vào), đều đi Tân Gia Ba, đến tháng giêng sang năm, ra biển để thao diễn ở mặt nước, chiếu đơn kê của Nội vụ phủ, lấy vật liệu mà dùng. Trí Phú năm trước phái đi Giang Lưu Ba, làm việc phân nhiều chưa xong, cho nên lại sai đi.

Định rõ lại lệ bổ quan. Dụ rằng : “Công việc ở các nha, chỗ nhiều việc, chỗ ít việc không giống nhau, phân chức đặt quan, chỉ mong cho xứng đáng với chức sự. Gần đây, những viên thừa ra hậu bổ ở các bộ và ngoài ngạch thừa biện ở các bộ, số người còn nhiều, thế mà các nha có khuyết, tự cử thuộc ty vào, bộ Lại cũng cho là người ấy làm việc đã lâu năm, hoặc hàm người ấy và chức chỗ khuyết ngang nhau, thì làm ngay phiếu cho, chứ không từng tâu xin điền bổ những người hậu bổ và ngoài ngạch. Như vậy là rất chưa chu đáo, thoả đáng. Nay quy định : sau đây, phạm viên dịch ở nha ít việc, nếu có khuyết mà tự đem thuộc ty sung cử vào, thì chuẩn cho trích lấy dùng người hậu bổ và ngoài ngạch, châm chức thương lượng mà điền bổ. Nếu xác nhận thấy hàm người ấy và chức khuyết đó không ngang nhau lắm, hoặc những người hậu bổ hiện đã hết ngạch thì mới cho chiếu theo như trước mà thi hành. Nếu không quyền nghi chức lượng được, nhất vị cứ y như thế, chỉ để cho thừa người ngồi ăn không, thì cứ bộ Lại trách vấn”.

Định điều lệ coi giữ và tuân tra ở trong vườn ngự. Dụ rằng : “Vườn ngự là nơi quan trọng, cho nên đặt ra các chức Phụng thần uyển khanh và những chức sắc phụ để chuyên giữ chức sự. Nay tuy chưa cần đến, nên không đặt chuyên chức, nhưng đối với nhân viên coi giữ, cũng nên định rõ chương trình, mới mong nghiêm cẩn được. Nay chuẩn cho ở trong thành : vườn Cơ Hạ thì lấy vệ Cẩm y và Kim ngô, cung Trường Trinh và hồ Hậu thì lấy vệ Dục vũ và Dục chân ; ở ngoài thành : hồ Tĩnh Tâm thì lấy các dinh Cẩm binh, vườn Thường mẫu thì lấy 2 dực Vũ lâm coi giữ, mỗi tháng một lần thay đổi. Đại viên Chương linh chính mình phải giao nhận, phái người thuộc quyền mình ở đây giúp việc. Lại chuẩn cho viện Cơ mật và Nội các phái thuộc viên hội đồng mà châu chực, mỗi tháng 2 lần tuần kiểm, ba tháng một lần tra kiểm các vật kiện, đâu cứ để nguyên đấy, không phải làm tập tâu lên, nếu có xảy ra mối tệ gì, thì làm bản nghiêm hặc để răn chừa và làm cho hợp sự thể ; sai bộ Binh nghị lại thi hành. Lại vì cửa vườn cấm các phố phường Đông Nhất, Đông Nhị, Tây Nhất, Tây Nhị gần với nơi nhà vua ở, sai chế 5 cái long bài, khác rõ hiệu cửa phố phường để phòng có khi truyền đạt. Lại cấp cho cửa vườn cấm một cái dấu kiểm, gặp việc gì nên tâu, thì làm như lệ các cửa cung thành”.

Định rõ tên quan ở nơi Thị vệ và các việc nên làm. Dụ rằng : “Thị vệ đặt ra, để hầu hạ nơi cung cấm, châu chực nơi vua ở. Về thời thịnh đời thượng cổ, đã có chế độ : trong sách *Chu Lễ*, lấy chức Cung chính giữ cấm lệnh ở cung nhà vua, chức Cung bá giữ chức việc ở cung nhà vua. Đời sau đặt ra tên quan mỗi đời một khác, nhưng hoặc lấy những dòng dõi người thân thuộc có công to, hoặc chọn những

người thông hiểu sách vở, có hạnh kiểm tốt, sung vào, đều để đủ dùng vào những việc tâm phúc. Nước ta khi võ công mới bình định chính trị mở mang, trong có quân túc vệ, thay ban mà ứng trực. Khi ra thì ủng hộ xe vua, khi vào thì châu chực cung cấm. Khoảng năm Minh Mệnh đổi làm các hạng ngân bài, nha bài thị vệ, lấy đại thần ban võ kiêm quản. Lại có các viên hiệp lĩnh phụ vào thị vệ ở hai bên. Về sự khảo cứu việc đời cổ, đặt ra pháp luật, tùy thời làm việc, tướng đã đầy đủ rõ ràng. Và lại, chức chưởng nơi thị vệ, không chỉ túc trực mà thôi, phạm những số tập hạp của các địa phương thỉnh an, và những số tấu do trạm đệ đến, đều do nơi này mà đệ dạng các hạng quan vật, cũng quan hệ ở đó. Nếu chỉ lấy ban võ chiếu quản thừa hành, chưa chắc đã chu đáo thoả đáng. Nay chuẩn định tên quan ở nơi thị vệ cho rõ chức phận (thống quản thị vệ đại thần 1 người, lĩnh thị vệ đại thần 2 người, đều dùng đại thần ban văn, ban võ từ chánh tam phẩm trở lên, hoặc nhất đẳng thị vệ sung chức thống quản, quản lãnh và hiệp lãnh ; còn 4 người vào ban trực thị vệ, dùng tòng tam phẩm ban văn, tòng tứ phẩm hoặc nhị đẳng thị vệ sung hiệp lãnh, đều theo các viên thống quản, quản lãnh thương lượng mà làm việc. Những viên ấy lâm thời mới chọn sung vào quản lãnh, không đặt chuyên viên, nhất đẳng thị vệ lâm thời bổ thụ, không có định ngạch. Còn thì chuẩn định : nhị đẳng 5 người, tam đẳng 10 người, tứ đẳng 15 người, ngũ đẳng 30 người làm định ngạch. Đến như ngân bài sung bổ tả hữu tùy giá, nhất đẳng đều sung tả hữu, nhị đẳng trở xuống, lâm thời do quản lãnh đại thần xin Chỉ dụ chọn vào. Không nhất định viên số). Lại, ty Thanh cần nguyên thuộc vào Nội vụ phủ, chuẩn cho đổi ty Cẩn tín thuộc vào Thị vệ xứ (năm Gia Long trước đặt ty lệnh sử ở cung Khôn Nguyên. Năm đầu Minh Mệnh [1820] đổi là ty Nội lệnh sử, năm [Minh Mệnh] thứ 8 [1827] đổi ty Nội lệnh sử là ty Thanh cần Nội vụ phủ, đặt tư vụ, bắt cử phẩm thư lại mỗi chức 2 người, chuyển trực ở cửa Hưng Khánh để làm việc công do thái giám quản lĩnh ; năm [Minh Mệnh] thứ 14 [1833] đổi thuộc quản thị vệ kiêm lĩnh. Rồi chước định viên số (2 viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ mỗi chức 3 người, vị nhập lưu thư lại 20 người). Ở Thị vệ xứ, nên cấp cho ấn quan phòng, dấu đồ ký và các công việc nên làm, giao xuống cho 2 bộ Lại, Binh bàn rồi tâu lên, bắt đầu thi hành từ ngày mồng 1 tháng giêng sang năm.

Nghị đệ lên, chế và cấp cho một ấn quan phòng vuông bằng đồng (khắc 5 chữ chân phương “Thị vệ xứ quan phòng”), 1 dấu đồ ký vuông mà dài bằng ngang (khắc 6 chữ chân phương “Thị vệ trực ban đồ ký”). Quan phòng vuông bằng đồng thì thống quản, quản lãnh giữ, phạm số tấu và tờ tư cho được dùng, hoặc có nghị gì khác, chỉ dùng một tờ ấn quan phòng ; đồ ký về chức của mình thì hiệp lãnh và 4 người trực ban giữ, để cho đủ nhận dạng các hạng vật công. Gặp tờ số tấu gì thì ban trực thị vệ đều ký tên liền ngang nhau. Còn các hạng thị vệ khác chuyên giữ các việc châu hầu, ứng trực và truyền báo ; ty Cẩn tín chuyên giữ số tấu, tờ tư, đơn, bằng, sổ sách,

đều theo thống quản, quản lãnh sai phái. Dừng Duyệt Thị đường làm chỗ túc trực làm việc. Hiệp lãnh thị vệ cứ thay ban mà ứng trực, gặp có văn thư do trạm đệ đến hay là trung sứ truyền báo, việc nên làm thì làm, việc nên phúc thì phúc. Đến như những việc quan yếu thì từ thống quản trở xuống, hội đồng bàn bạc mà làm. Phàm tờ tư, chỉ được tư hội với các nha ở Kinh, không được tư thẳng ra các địa phương ở ngoài ; nếu có chế tạo ra vật gì thì tâu lên đợi Chỉ. Tất cả các đồ ngự dụng, nghi trượng, lỗ bộ và vàng bạc cùng tiền tích trữ sẵn, đều phải nhận mà phụng thủ. Nếu có việc truyền đệ vào nội cung, hoặc có ban cho giao nhận rõ ràng, mỗi tháng một lần đệ tiêu. Phàm truyền đệ những hạng hoá vật của kho tàng, thì thái giám chỉ đến thị vệ xứ chuyển truyền cho thị vệ đương ban, báo cho sở tư đệ đến, chuyển giao thái giám tiến vào nội cung, cũng đều đăng ký rõ ràng. Cứ 10 ngày một phiên, lược đem đại số tâu trình phụng châu điểm, sau lược giao cho nguyên nha, án kỳ làm sổ đệ tiêu. Rồi đem những bản lục tâu, so sánh rõ ràng, đóng đồ ký vào, để làm bằng cứ mà kiểm soát. Còn ngày thường coi châu, ngân bài, nha bài, thị vệ túc trực ở nơi nào, cùng lễ lớn ở giao, miếu và xa giá vua đi tuần du, trước kỳ trần thiết, theo xa giá hộ vệ, cùng các đền miếu, kiểm điểm những sự ứng trực, lâu đài, các cửa công đường, chỗ quan sở, nơi cửa biển, các việc tuần tra hội đồng, đều tuân lệ cũ mà làm. Duy phái đi các địa phương do thống quản đại viên xin Chỉ dụ chọn người phái đi ; rồi cải định đồ ký của hiệp lĩnh và trực ban thị vệ, nếu có nghị khác các việc chuyên biện đều nên tập tấu cũng chuẩn cho dừng.

Định lại điều lệ thi Hương. Năm Minh Mệnh thứ 12 [1831] trở về trước, các kỳ trong trường thi, lấy 1 tháng 10 ngày hoặc 1 tháng làm hạn, về sau đổi định văn thức 3 kỳ, kỳ trong trường đều lấy ngày mồng 1 vào kỳ đệ nhất, ngày mồng 6 vào kỳ đệ nhị, ngày 12 vào kỳ đệ tam, ngày 22 ra bảng. Nội trường giao nhận điểm duyệt, đều do giám khảo làm lấy. Những quyển viện sơ khảo đánh hồng, không đưa đến viện phúc khảo. Đến đây, thự Tuần phủ Nam - Ngãi là Ngụy Khắc Tuấn tâu xin rộng thêm cho nhật kỳ, và trích bỏ lại dịch cho viện giám khảo, những quyển đánh hồng đều giao cho viện phúc khảo. Việc giao xuống bộ Lễ bàn. Bộ cho rằng sĩ số trường Gia Định ít, nhật kỳ xin tạm như cũ, còn các trường Thừa Thiên, Nghệ An, Nam Định, Hà Nội, kỳ thi hoặc lấy tháng 7 (Thừa Thiên, Nghệ An) hoặc lấy tháng 10 (Nam Định, Hà Nội) đều chiếu lệ thi hành. Đến như nhật kỳ thì đổi làm ngày mồng 1 vào kỳ đệ nhất, ngày mồng 9 vào kỳ đệ nhị, ngày 18 vào kỳ đệ tam, mồng 1 tháng sau thì ra bảng, đều lấy 1 tháng làm hạn. Ngày tiến trường thì ngoại trường trích ra vài tên thư lại (Thừa Thiên, Nghệ An, Nam Định, Hà Nội) đều 2 tên, Gia Định 1 tên) theo viện giám khảo phân phái. Những quyển viện sơ khảo đánh hồng, đều giao vài viên viện phúc khảo chuyên duyệt. (Các trường Thừa Thiên, Nghệ An, Nam Định, Hà Nội, trích ra 2 viên phúc khảo chuyên biện, trường Gia Định trích ra

1 viên) thế thì kỳ hạn đã rộng mà điểm duyệt cũng được thêm rõ ràng. Vua y theo nghị ấy.

Bộ Lễ nghị tâu : “Hàng năm, tiết Nguyên đán ở điện Hiếu Tư, xin tuân chiếu như điển lệ ở điện Phụng Tiên, do Tôn nhân phủ nghĩ phái hoàng tử, hoàng thân làm lễ (2 ngày mồng 1 và mồng 3 làm lễ dâng 3 tuần, ngày mồng 2 làm lễ dâng 1 tuần, đều không có văn chúc). Lại, hàng năm, 5 lễ hưởng đều trước 2 ngày tiến cái bài hình người bằng đồng, duy ngày 28 tháng 12, gặp ngày kỵ ở điện Hiếu Tư, xin ngày hôm ấy khi làm lễ xong, xa giá hồi cung, lại tiến bài, để cho hợp với lễ ý. Từ sau xin đặt làm lệ vĩnh viễn”. Vua y theo.

Bắt đầu đặt chức giáo thụ ở tỉnh Tuyên Quang. Nguyễn Đăng Giai tâu nói : “Những dân sở tại tỉnh thành và con em thổ mục nhiều người muốn theo học. Vậy xin đặt quan giảng tập cho họ”. Vua bèn sai dựng nhà học xá, đặt một viên giáo thụ, mỗi năm lấy 2 khoá mùa hạ, mùa đông, đến tỉnh Sơn Tây ứng hạch. Nhưng học trò ở tỉnh Tuyên Quang cũng vẫn ít.

Tỉnh Tuyên Quang tiến quả phẩm (tuyết lệ). Trạm đệ đến nơi, đã khác cả mùi đi. Quang lộc tự cứ trích đệ lên, lễ phẩm không xứng đáng. Viện giao xuống cho bộ Lễ bàn. Quan tỉnh là Lê Nguyên Giám, Vũ Danh Trì đều phải giáng 2 cấp, lưu. Thư lại Quang lộc tự Trần Văn Kiện bị phạt 100 trượng, sung đương khổ sai ; Viên ngoại lang Đặng Bá Quýnh bị cách làm Vị nhập lưu thư lại ; Lang trung Lâm Viết Hựu bị giáng 2 cấp, không cho tra xét mà kêu lại.

Định rõ điều cấm bán trộm những hoá vật công. Dụ cho bộ Hình rằng : “Luật pháp quan trọng được đặt ra để răn cấm kẻ gian phi, khiến cho dễ tránh mà khó phạm. Kẻ nào phạm tội, thì bị chiếu luật phạt nặng, không đợi phải nói nữa. Duy có kẻ dẫn bán cùng với kẻ thuận mua, hoặc cho là biết tình mà luận tội, hoặc cho là không biết tình mà giảm luật, tương cũng chưa lấy gì làm chuẩn đích, chỉ vì thể chế hoá vật của công cùng với hoá vật ở ngoài không giống nhau. Hơn nữa [của công] có khắc rõ số trọng lượng và niên hiệu, người nọ người kia không thể nói là không biết được ; thế mà dám mua bán riêng với nhau, chực ngầm tiêu huỷ, không sợ gì pháp luật ! Tức như gần đây Thư lại Trần Công Kế lấy trộm cái đài đốt nến (bọc đồng, nặng hơn 14 lạng, bọc bạc 6 lạng 4 đồng phân), chuyển bán cho thợ bạc là Lương Văn Tư đem tiêu huỷ đi, đã tùy việc mà nghiêm phạt ngay rồi (Công Kế phải tội trăm giam hậu ; Văn Tư bị đánh 40 côn đỏ, thích vào mặt 2 chữ “hủy ngân” giao ngân tư vĩnh viễn sung đương khổ sai). Nên tra rõ điều luật, định rõ lệ cấm, phàm tất cả hoá vật của công đã có đúc khắc niên hiệu, số trọng lượng và loại hạng vàng bạc, nếu kẻ nào dám tự tiện phá huỷ thì nên trị tội thế nào, người biết kẻ gian mà phát giác ra thì nên thưởng cấp thế nào ; cốt sao để cho kẻ gian biết mà răn

chùa, pháp luật thì hành không sinh tệ. Bộ nên bàn luận từng khoản cho thoả đáng rồi tâu lên”.

Bộ Hình châm chước bàn luận : “Hễ kẻ nào lấy trộm những thứ vàng, bạc, đồng và thiếc, nguyên có dấu khắc niên hiệu và số trọng lượng, thực là của công, thì kẻ phạm ấy bị phạt nặng theo pháp luật. Còn người biết tình hình mà dẫn bán và nhận gửi, có quả tang thì cũng bị tội như kẻ phạm (tội chết thì giảm đi một bậc), không có tang vật thì kém tội phạm hai bậc ; biết tình hình mà cố ý mua và tự tiện tiêu huỷ thì kém tội kẻ phạm hai bậc. Đến như tang vật ăn trộm đã đem rên đập để cho méo mó, sứt mẻ, không còn nguyên hình thì những người nhận gửi, dẫn bán hoặc mua lăm, xét ra vì không biết tình, đều được miễn tội. Còn tang vật ăn trộm, cứ những tên trộm mà trách thu ⁽¹⁾, nếu thu thiếu thì cứ những người đã biết tình lại nhận gửi, dẫn bán hoặc cố ý mua mà bắt chia từng phần, bồi thường. Loại như : kim tiền, ngân tiền đã đúc ra, ban hành, để tỏ danh hiệu trọng đại, nếu kẻ nào ngấm ngấm tiêu huỷ hay chặt ra để mưu lợi thì thủ phạm phải giảo giam hậu, tòng phạm phải phát lưu hết bậc, tài sản bị tịch thu sung công. Tổng lý, lân bàng biết tình, lại vì nhận tiền của dứt lốt mà giấu giếm, đều bị tội kém kẻ phạm hai bậc ; chỉ biết tình mà không cáo giác thì giảm đi ba bậc ; chỉ biết tình thì xử vào tội không xem xét đến, tội chỉ đến 100 trượng. Còn các thứ đỉnh bạc thoi mỏng kiểu mới đúc, cũng không được tiêu huỷ. Nếu trái lệnh thì không cứ số tang vật nhiều hay ít, đều phải xử tội trái phép ; người thợ nhận làm thuê cũng bị cùng tội. Còn các thứ đỉnh bạc, nguyên chất kiểu cũ, không ví như kiểu mới chế, phạm nhà ai có làm đồ đặc gi, không cứ đỉnh 1 lạng hay đỉnh 10 lạng, tuy có niên hiệu công ghi vào, tên tỉnh và những chữ “trung, hình, công, giáp”, đều cho tiêu huỷ, không thuộc vào lệ cấm. Cách thưởng : từ trước đến nay, đều tùy từng việc chước lượng mà cấp. Vật hạng có khinh, trọng, tang vật, có nhiều ít, chưa thể ấn định cả được, đến kỳ sẽ châm chước thảo luận”. Vua y cho.

Bố chính Tuyên Quang Lê Nguyên Giám, Án sát Vũ Danh Trì tâu nói : ‘Cái bia đá ở núi Tụ Long đổ gãy mất, xin làm bia mới, chiếu theo văn bia cũ mà khắc lại’. Vua quở rằng : “Bia, để chứng nghiệm sự thực, chính đỉnh cương giới, đã lập lên rồi không thể thay đổi được. Cái bia ấy, nguyên hội đồng với nước nhà Thanh lập lên (Lê Bảo Thái năm thứ 9 [1728]), người nhà Thanh (năm Ung Chính thứ 6) trả lại chỗ đất lập xưởng đúc đồng ở núi Tụ Long mà người Thanh xâm chiếm trước. Vua Lê sai Thị lang Nguyễn Huy Nhuận, Tế tửu Nguyễn Công Thái hội đồng với Ngô Sĩ Côn. Phủ Khai Hoá nhà Thanh lập mốc ở Tuyên Quang, lấy sông Đổ Chú làm giới hạn ; việc cương giới mới định. Bia ở xã Tụ Long (huyện Vĩnh Tuy

(1) Trách thu : bắt chịu trách nhiệm mà thu tiền bồi thường.

ngày nay). Nếu có đổ gãy, thì tùy tiện mà sửa chữa lại, cũng không hề chi. Khoảng năm Minh Mệnh đã chuẩn cho theo như cũ mà trùng tu lại. Nay làm bia mà khắc chữ, thì bia mới, hiệu cũ, há chẳng trở ngại khó làm ? Vậy cho cứ y như cũ mà dựng bia, tùy thế tu bổ, lượng bất dân phu sở tại coi giữ”.

Di đồn Tĩnh Tuyên tỉnh Tuyên Quang đến Vân Trung (tên một phố thuộc địa phận xã Ân Quang, huyện Đẻ Định), gọi là đồn Ân Quang, dùng thổ Cai đội Nguyễn Văn Biểu cai quản, mộ quân đóng giữ. Đó là theo lời xin của Nguyễn Đăng Giai. Trước kia, Giai đến Tuyên Quang, tha tên tù bị đày ở đó là Ma Doãn Dưỡng (nguyên thổ ty đã bị cách) ở ngục ra, phái đi bắt tội phạm, nhân nói Dưỡng trước can án điều toa và hút vụng thuốc phiện, tình lý nhiều khê, xét ra thổ mục nó không bằng lòng. Vua giận nói rằng : “Dưỡng chỉ là một tên tù thôi, có tài cán gì, nếu cho là bắt phạm đặc lực, thì tâu lên đợi Chỉ định đoạt cũng không hề chi, thế mà vội tha ngay ra, sao không nghĩ đến phải nghị xử về tội chuyên quyền ?”. Sai bộ Hình xét lại bản nguyên án, thì ra, tội Dưỡng thực không oan. Sau đó, giáng Giai một cấp. Rồi lặc hạn ⁽¹⁾ cho 3 tháng, buộc Dưỡng phải bắt kẻ phạm để chuộc tội ; nếu không có công trạng gì, hoặc trốn đi, thì cứ trách cứ vào Giai. Khi Giai mới tha Dưỡng, bị bộ Hình tâu hạch, bắt phải tâu nói cho minh bạch. Giai nói : “Những đám giặc ở Tuyên Quang còn sót lại, phần nhiều vẫn trốn cái tội giết. Nếu không để cho ngu ngu, mã mã, chưa dễ đuổi con thú cùng cả khu rừng được ! Dưỡng là người Thổ, tha ra, bắt đi thám phạm, ví như thả chim trong lồng để nhử những con chim ở ngoài lưới. Thực biết cái tội chuyên quyền không thể chối cãi được, nhưng việc dẹp trộm giặc để yên dân cũng không dám trốn trách nhiệm. Việc lại được giao xuống cho viện Đô sát duyệt rồi tâu lên. Viện trưởng Hà Thúc Lương nói : “Giai đã tha tên tù bị đày, lại biện bác nói đi nói lại, lạng yên nhận lấy việc dẹp giặc yên dân là việc của mình, chẳng qua chỉ để che đậy những chỗ kém và bào chữa những việc làm trái. Vậy xin cho giáng 2 cấp, bỏ đi chỗ khác”. Vua thấy việc cho Dưỡng nã phạm chưa hết hạn, nên để đó không hỏi đến.

Giai lại xin tha những bọn tù phải đày ở quán Tuyên Quang để cho nhập vào lính tỉnh theo đi bắt phạm. Vua nói : “Những kẻ phạm còn sót ở hạt Tuyên Quang chẳng qua chỉ sinh sống qua ngày ở nơi rừng rú mà thôi, không ví như bọn thổ phi có hàng trăm, hàng nghìn ở tỉnh Sơn Tây trước. Những tù phạm tha ra phần nhiều là người biệt hạt, địa thế không quen, không thể nhất khái tha cả được”. Lại phạt Giai 6 tháng lương.

Giai lại tâu nói : “Theo lệ trước, Lãnh binh tỉnh Sơn Tây, chuyên coi 10 cơ Hữu quân ; Phó lãnh binh chuyên coi vệ Sơn Tây, 3 cơ Trung, Tả, Hữu Sơn Tây và

(1) Lặc hạn : hẹn định kỳ hạn.

cơ Tượng Sơn Tây. Nay các cơ đã giảm bớt đi, chỉ còn để lại 1 vệ Sơn Tây, còn thì linh tinh các đội, quân số không có nhiều. Vậy xin đều giao cho chánh phó lãnh binh hiệp đồng quản lĩnh”. Vua cho rằng xin như thế không phải lệ, bác lời tâu đi. Nhân bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : “Triều đình đặt quan phân chức, danh khí rất trọng. Nguyễn Đăng Giai chỉ hiểu sự nhiều, không khỏi hiểu sự làm cho luy. Giai từ khi đến trọng trấn tỉnh Sơn Tây, uy danh ngày một thịnh, trước sau tâu việc, phần nhiều không quản đến miệng tiếng người đời ! Nhà vua cũng nghĩ Giai là người có công nên thường bao dung gượng mà khoan tha cho”.

Đặt đồn Định Liêu, ở phủ Tây Ninh (đồn ở huyện Quang Hoá, phủ Tây Ninh). Thường cho quân dân làm việc 500 quan tiền. Thự Đề đốc Ngô Văn Giai, Án sát Cao Hữu Dực và viên biên theo làm việc, giao bộ Công nghị thưởng tự ⁽¹⁾. Trước kia, phủ Tây Ninh tâu nói : thổ dân thông thương ngày một tụ tập. Vua cho là vì Ngô Văn Giai, Cao Hữu Dực vỗ yên dân và thu xếp việc được vừa phải, đều thưởng gia một cấp. Chưa bao lâu, bọn đội trưởng Nguyễn Văn Nhân, do đồn phá ra, đem quân chở muối và khí giới, bị giặc cướp mất, trường Giao dịch ở ngoài đồn lại bị giặc đốt cháy. Dực lại tâu nói : “Thổ dân tên là Bông đệ những tờ thư của các đại đầu mục cũ ở các đất Nam Ninh, Nam Thái và Nam Thịnh lại nói : nay được thông thương, không xiết vui mừng, chỉ xin nguyên thuộc về phủ Tây Ninh cho ở gần chỗ phủ lý, nguyên thuộc về huyện Quang Hoá cho ở gần chỗ huyện sở để cùng người Kinh buôn bán. Phàm những người dân Thổ đến buôn ở đất nào mà để đồ thuyền, đồ xe thì tạm cho cùng trao đổi buôn bán với nhau”. Vua quả rằng : “Đặt ra đồn và thông thương, là triều đình mở đường cho chúng đổi mới, vốn không phải là cần đến chúng ; huống chi nơi giao dịch đặt ra có định sở, tự nhiên vô cơ bị chúng đốt đi, nay lại nói qua loa ở trong tập tâu, còn muốn theo như chúng sở nguyện, hãy tạm cho tùy tiện trao đổi buôn bán thì chúng còn sợ gì nữa ! Nay, cái đạo chế ngự dân Man, vẫn không thể lấy uy mà hiếp, cũng không thể nhất vị theo đường không chính đáng, tất phải tín nghĩa đều làm, khoan, nghiêm cũng dựa nhau mới được. Phải cấm những kẻ ngoan ngạnh làm càn. Không cho đi lại, càng phải yên ủi vỗ về thêm nữa những kẻ tình nguyện đến buôn bán, thì ân uy của ta đều rõ rệt, tự chúng phải sợ uy và nhớ ơn, mà phương pháp chiêu dân lập ấp tự khắc có thể thu được thành hiệu. Nếu cho rằng chỗ trường giao dịch đặt trước, chỗ cửa sông chưa thông, có sự bất tiện thì chuẩn cho ở mặt đất phủ Tây Ninh, huyện Quang Hoá, nơi nào có thể tiện sự đàn áp, đều chọn một chỗ định làm nơi giao dịch. Lại phải nói rõ điều cấm, không được ở nơi khác giao dịch riêng với nhau, để sinh việc ra, thì lỗi không phải là nhỏ”. Bọn Đội trưởng Nguyễn Văn Nhân đều phải cách chức, lui về hàng quân ngũ.

(1) *Nghị thưởng tự* : bàn việc ban thưởng và ghi công.

Tổng đốc An - Hà là Nguyễn Công Nhân tâu nói : “Quần thổ các cơ ở 2 tỉnh An Giang, Hà Tiên hiện còn hơn 100 tên, lưu lại không có ích gì, xin tha cho về làm ăn, khiến những kẻ lưu tán đều trở về, cũng là một cơ hội võ về dân”. Vua nói : “Những dân thổ thu bỏ lại từ lâu năm đã thành gạch tạch, gân đây vì giặc già, phải trốn tản mác, hiện còn hơn 100 người, chia làm 3 ban, thì trong một năm ở chỗ quân ngũ chỉ có vài tháng, có tình hình khổ bức gì. Nếu nói là tha cho về để làm ăn, rồi sau những dân lưu tán mới chịu hồi đầu, thế thì quân thổ ở phủ Lạc Hoá, tỉnh Vĩnh Long đến hơn 800 tên, một đạo vì biến cố, tán lạc đi, nay đã trở về, có ngờ sợ gì đâu. Hướng chi việc vỗ yên dân, tự có phương pháp khiến cho vững bụng quy thuận, nhẽ nào nhất nhất cứ theo ý muốn của chúng, mà tha quân hiện tại về, có được không ? Nên mở đường bảo ban cho những đầu mục của chúng, khiến cho đều phải gia tâm chiêu dụ : không kể là nguyên binh hay nguyên dân, nếu chịu ló đầu thú tội, đều được vẫn ở nguyên quán, yên phận làm ăn, tha cho sự diên bở vào ngạch binh. Đợi sau dân số ngày một nhiều, lại do quan tỉnh tâu lên, sẽ thi hành. Như vậy, không bỏ phép nước đã lập, thông quyền biến và thuận tiện cho dân sinh, hai đàng đều tiện lợi cả”.

Sai các quan trong triều bàn lại định lệ về tài sản của bọn giặc phạm. Trước kia, quan tỉnh Sơn Tây là Nguyễn Đăng Giai tâu nói từ trước đến nay ở tỉnh kết nghị các án thông với giặc, chứa chấp giặc và tư tình mà không thú hoặc thu hết tài sản của kẻ thông giặc và kẻ chứa giặc, hoặc có chỗ đã niêm phong mà lại trả về, cũng có chỗ lại không niêm phong. Tất cả đều chưa có nhất định. Xin sắc cho bộ Hình châm chước nghị định. Khi nghị dâng lên, vua lại giao các quan trong triều duyệt lại. Họ cho rằng theo văn bản trong luật, phạm những tội mưu phản ⁽¹⁾, đại nghịch ⁽²⁾ và mưu bần ⁽³⁾, chỉ có kẻ đồng mưu, không phân biệt là thủ phạm hay tòng phạm, thì tài sản đều bị tịch thu sung công, còn người biết tình mà cố ý buông tha và giấu giếm, hoặc biết mà không thú, cùng thông với giặc, chứa giặc, đều không có minh văn tịch thu. Duy có lệ xử án cướp : phạm kẻ phạm tội ăn cướp đã đáo án xét thực thì trước đem gia sản các tên phạm mà niêm phong lại, đợi đến ngày làm án kết tội, đem gia sản các tên kẻ cướp biến ra bồi thường (cho các sự chủ bị mất cướp). Cha, anh, em, chú, bác của kẻ cướp tư tình mà quân tang, và nhà nào oa trữ khác, nếu xét rõ được để trị tội thì cũng đem kê hết các tên ấy ra, chiếu từng tên mà bắt bồi thường. Thế là việc niêm phong nhà oa trữ cũng chỉ để phòng khi bắt truy bồi mà thôi, chứ không ở trong giới hạn tịch thu vào quan. Luật lệ đã chước định rõ ràng, từ trước đến nay, các địa phương thi hành không giống nhau, thế là chỉ vì

(1) *Mưu phản* : âm mưu chống lại Nhà nước.

(2) *Đại nghịch* : phạm đến quân chủ và mưu phá lăng miếu v.v...

(3) *Mưu bần* : phản bội nước đi theo giặc.

nhận sai luật pháp. Và lại, kẻ làm giặc nguyên là đảng giặc trong đảng giặc như bọn tên Nhân, tên Thạch, tức là phản bạn, kẻ đồng mưu là tông phạm. Còn người bị ức hiếp bị bắt [phải theo] và sợ thế lực dữ tợn của giặc, không dám tố giác, đều có phân biệt với kẻ đồng mưu, nếu nhất khái chỉ cho là chứa chấp giặc, thông đồng với giặc, tra và niêm phong [tài sản] thì đã không phải là ý nghĩa trong văn bản của luật, mà cũng không tỏ ra có sức xét xử phân biệt. Vậy phạm các nha môn xét hỏi việc hình ở trong Kinh và các tỉnh ngoài, khi tra xét các án phản nghịch, mưu bạn, luật có tịch thu, cố nhiên không phải đợi nói nữa, còn những [trường hợp] kết tập thành đảng, có đặt chức phạm để gọi, có cầm khí giới chống lại quan quân, tội ác ấy không khác gì phản bạn thì những gia tài sản nghiệp của kẻ cùng mưu, cùng làm, xin cũng tịch thu hết. Đến như tư tình mà cố ý buông tha hoặc giấu giếm, và biết mà không thú, hoặc bị chúng đòi tống tiền mà lấy của nhà lén đưa cho chúng, hoặc bị chúng hiếp bức làm những việc chúng sai khiến, hoặc bị chúng kéo đến mà không thể không cho ở lại, xét ra không phải là cùng mưu, thì xin đều chiếu cái tội đáng phải chịu mà làm tội, nhưng tha không tịch thu [gia sản] để tỏ ra nhất luật.

Vua phê : “Nghị như thế là thoả hợp. Cho theo như nghị mà biên vào điều lệ”.

Hạ lệnh cho tỉnh Thanh Hoá đóng một chiếc thuyền bọc đồng, gọi tên là thuyền “Thọ hạc”.

Tỉnh Sơn Tây đệ những vải nộp thuế, phần nhiều thưa và mỏng, không hợp cách thức, bị 4 nha hạch bác và bắt đền. Thụ Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai lại nói : “Những dân làm nghề dệt vải hơi vụng, xin cho chiết nộp bằng tiền”. Vua nói : “Tám huyện trong hạt ấy (26 xã dân) nguyên có nghề dệt vải, từ trước đến nay thuế sản vật thường đủ, đã tha cho không phải đi lính, vẫn lưu ngạch cũ, không ngờ dân làm nghề lâu ngày sinh dối trá, mà bọn người chuyên biện cũng thu nộp sơ sài, nay lại mượn cớ nói chống chế là [vải dệt] hơi vụng, phỏng có được không ? Vậy phạt Giai 6 tháng lương. Điều tâu xin không được ưng thuận”.

Bắt đầu đặt chức Hàn lâm viện Trước tác, trật Chánh lục phẩm, ở dưới Chủ sự Lục bộ và trên Chủ sự các nha. Bổ Tiến sĩ mới đỗ là Mai Anh Tuấn sung vào chức này.

Truy tặng Nguyễn Công Hoán hàm Đại lý tự Thiếu khanh. Hoán trước kia vì chỉ ở yên một nơi cho qua ngày, giấu những việc trộm cướp không nói ra, bị cách chức, phát vãng đi tỉnh Hà Tiên để hiệu lực, bị truy đoạt hết các tước phong. Đến khi Hoán chết, vua cho rằng năm trước Hoán có chút công khó nhọc trong việc bắt giặc ở Nam Kỳ cho nên truy tặng hàm này.

Đốc học Bình Định là Phan Cừ chết. Dùng Đông tri phủ phủ Thiên Phúc là Nguyễn Đôn (tên cũ là Hanh) thăng thụ.

Ngày Đinh Mão, làm lễ Hợp ⁽¹⁾ hưởng.

Ba tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, sang năm [biên binh] đến lệ, phải về Kinh diễn tập. Vua cho rằng biên binh các tỉnh ấy thường phải đi sai phái, nên hạ lệnh cho đình việc đến Kinh diễn tập một lần.

(1) *Cáp* : Lễ hợp tế vào miếu Thái tổ tất cả các vị tiên tổ đã dời thần chủ đi rồi.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXXVI

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Giáp Thìn, Thiệu Trị năm thứ 4 [1844] (Thanh Đạo Quang, năm thứ 24), mùa xuân, tháng giêng, ngày Mậu Thìn, mồng một, vua đem các quan đến châu cung Từ Thọ. Khi lễ xong, ngự điện Thái Hòa, nhận lễ mừng, ban yến và thưởng có thứ bậc. Quan viên ở Kinh và ngoài tỉnh : can án phải giáng hoặc cách, lượng cho khai phục (giáng 1 cấp, cho khai phục cả ; giáng 2 cấp, cho khai phục 1 cấp ; cách lưu, đổi làm giáng 4 cấp lưu) ; phạt lương mà chưa vào trong danh sách thì rộng tha cho cả. Lại thưởng tiền, thóc cho các phu trạm (chiếu theo chỗ nhiều việc, chỗ ít việc mà thưởng cho tiền, thóc 6 tháng có khác nhau). Thêm tiền lương cho các gián binh (nguyên lệ có tháng cấp cho 5 tiền và 1 phượng gạo lương, nay chuẩn cho từ tháng giêng đến tháng 6 đều cấp đủ một tháng 1 quan tiền).

Bắt đầu sai quan đại thân sung quản lý Thị vệ xứ. Vua dụ rằng : “Đặt ra Thị vệ xứ là để hộ vệ xa giá vua, truyền đạt mệnh lệnh vua. Năm trước đã định rõ chương trình các chức chương, bắt tất phải đặt chuyên viên, có thể lấy đại thân sung vào”.

Sai thự Thủy sư Đô thống Vũ Văn Giải do chức đang làm, sung Thống quản thị vệ đại thân ; Tả tham tri bộ Binh Lâm Duy Thiếp và thự Chương vệ, chuyên quản viện Thượng tứ Hồ Văn Thập đều sung quản lĩnh thị vệ đại thân. Giải và Thập đều chuẩn cho thực thụ ; Thiếp do bản chức sung quản lĩnh, miễn cho không phải sung làm sự vụ Nội các ; Phó vệ úy vệ Dục bảo là Vũ Huy Dụng thăng thự Phó vệ úy vệ Tiền dinh Hùng nhuệ, Phó vệ úy Hữu vệ dinh Hồ oai là Đoàn Huy Diệu và thự Phó

vệ úy Nhị vệ, Hữu bảo là Vũ Văn Trí đều sung Hiệp lĩnh thị vệ trực ban, vẫn kiêm quản đội, viện, vệ, thự như cũ. (Giải chiếu quản các hạng thái giám ở cung, giám, viện ; Thập kiêm quản các ty Thượng trà, Thượng thiện và Phụng thiện ; Dụng kiêm quản ty Lý thiện).

Cho Tả thị lang bộ Binh là Phạm Thế Hiển bổ sang Hữu thị lang bộ Lễ và Nguyễn Đức Chính thực thự Tả thị lang bộ Lễ, đều sung biện sự vụ Nội các ; gia hàm Hiệp biện là Đặng Văn Thiêm thăng thự Hiệp biện đại học sĩ, vẫn lĩnh sung Cơ mật viện bộ Hình ; Tả thị lang bộ Công là Nguyễn Văn Điển thăng thự Hữu tham tri bộ Công, vẫn hiệp lý Thủy sư ; Hữu thị lang bộ Hộ là Nguyễn Trạch bổ sang Tả thị lang bộ Hộ ; Án sát tỉnh Bình Định là Trương Đăng Đệ thăng thự Hữu thị lang bộ Hộ ; thự Công khoa Chương án Cấp sự trung Phan Khắc Thận thăng thự Án sát tỉnh Bình Định ; Giám ngự sử đạo Kinh kỳ Nguyễn Văn Diễm thăng thự Công khoa Chương án Cấp sự trung ; Án sát tỉnh Thanh Hóa là Bùi Nhật Tiến thăng thự Hữu thị lang bộ Hình ; Án sát tỉnh Thái Nguyên là Phạm Gia Kỳ bổ làm Án sát tỉnh Thanh Hóa ; thự Lang trung bộ Hình là Nguyễn Danh Dương bổ làm thự Án sát Thái Nguyên ; Viên ngoại lang bộ Hình là Lê Dục Đức thăng thự Lang trung bộ Hình ; Án sát tỉnh Quảng Bình là Nguyễn Văn Đạt thăng thự Tả thị lang bộ Binh ; Hàn lâm viện Thị giảng Trịnh Quang Khanh thăng thự Án sát tỉnh Quảng Bình ; thự Lang trung bộ Hộ là Lê Văn Vỹ bổ sang làm Lang trung bộ Binh ; Giám sát ngự sử đạo Thanh Hóa là Trần Kinh Vỹ thăng thự Lang trung bộ Hộ.

Cho Nguyễn Đức Hoạt làm Tả tham tri bộ Lại ; Đỗ Mậu Thường làm Lang trung bộ Công ; Đặng Kham làm Chương án bộ Lại ; Nguyễn Tất Phong làm Lễ khoa chương án ; Chu Duy làm Hình khoa Chương án Cấp sự trung.

Cho Nguyễn Tiến Lâm làm Hậu quân Đô thống phủ Đô thống ; Hồ Văn Lưu làm Thống chế dinh Tiền phong ; Hoàng Văn Hậu làm Thống chế dinh Hồ oai ; Nguyễn Bá Tĩnh làm Chương vệ Nhất vệ dinh Hữu thuộc Thủy sư ; Trần Đăng Phú làm Phó vệ úy Tứ vệ dinh Kỳ võ ; Hoàng Đình Khả làm Phó vệ úy Tiên vệ dinh Tiền phong.

Lấy : Chương vệ quyền lĩnh án triện dinh Long võ là Tôn Thất Nghị làm thự Thống chế dinh Long võ, kiêm nhiếp Tôn Nhân phủ Tả tôn khanh Chương vệ sự quân Cẩm y, quyền Chương án triện dinh Thần cơ Kiên dũng tướng là Dương Thai làm thự Thống chế dinh Thần cơ ; Phó vệ úy Thượng tứ vệ Khinh kỵ là Nguyễn Hóa làm thự Vệ úy vệ Khinh kỵ.

Vua đến chơi vườn Cơ Hạ. Mùa đông năm ngoái sai quan làm lại lầu diện ở vườn Cơ Hạ ; đến đây, việc làm đã xong, vua sai sửa soạn xa giá đến chơi. Thường cho những người đôn đốc việc ấy là Hồ Văn Lưu, Hoàng Văn Hậu, Tôn Thất Nghị,

Nguyễn Văn Điển đều gia 1 cấp, áo, quần đều 1 chiếc ; quần vệ trở xuống đều thưởng kỷ lục và áo quần ; biên binh làm việc, thưởng tất cả 2.000 quan tiền.

Vua ngự điện Khâm Văn. Hoàng tử, hoàng thân và các quan văn võ châu hầu, lay mừng. Thường kim tiền hạng lớn, hạng nhỏ có khác nhau. Nhân đó ban yến ở Duyệt Thị đường.

Sai thự Hữu tham tri bộ Lễ là Trần Ngọc Dao kiêm quản ấn triện Quang lộc tự.

Ngày Nhâm Thân. Xa giá ra chơi miển đông ngoài Kinh thành. Khi vua qua xã Dương Xuân, dừng lại ở đấy, thăm hỏi tình trạng nông dân. Họ đều nói : mưa nắng thuận hòa, lúa ruộng đều được xanh tốt. Vua vui lòng. Khi xa giá về, thưởng 2.000 quan tiền cho các dân xã đón rước ở hai bên đường. Những nơi đi qua như biệt nghiệp và nhà đọc sách của hoàng thân, viên trạch của các chủ quyền quý, thưởng tất cả 40 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn.

Sai sứ đưa người nước Miến Điện về nước. Trước đây, thự Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giai nghe nói có dòng dõi ngự Tây Sơn lẫn trốn ở Điện Biên Phủ, nơi giáp địa đầu nước Nam Chương, giả xưng danh hiệu, tụ tập những kẻ phản bội, trốn tránh, thì Giai đã phái thổ hào tỉnh Hưng Hóa là bọn Sâm Nhân Tráng, Đèo Chính Định đi dò thám. Khi đến Lai Châu xứ Bắc Tân (giáp châu Quảng Tây nhà Thanh), bắt được ngự phạm là bọn Phan Hữu Phú 8 tên, còn dư đảng đều trốn thoát.

Có 28 tên người nước Miến Điện (Chánh sứ là Móng Xước Chích Man Xà, Phó sứ là Xước Mít, Hành nhân là Ma La Vi La Xá và 24 người theo đi cũng theo bọn Hữu Phú cùng đến, và đưa một tờ thư, khẩn cầu xin vào cống, bọn Tráng giải cả về tỉnh Hưng Hóa. Nguyễn Đăng Giai trước được tin báo, làm tờ tâu cho chạy ngựa trạm tâu lên, Phạm Thế Trung ở Hưng Hóa cũng đem việc ấy tọc tấu. Vua nói rằng : “Việc này nghe lấy làm lạ, nước Miến Điện mến uy đức triều đình ta đã lâu, khẩn cầu thông khoản cũng có nhân duyên, sao lại theo ngự phạm là Phan Hữu Phú mà đến, khiến người không thể hiểu được !”. Bèn sai Nguyễn Đăng Giai đón tiếp về tỉnh Sơn Tây, chọn nơi cho họ nghỉ và khoản đãi. Cũng giải giao Phan Hữu Phú đến đó để tra xét. Trước hãy thưởng cho Sâm Nhân Tráng và Đèo Chính Định 200 quan tiền, quần áo mỗi người đều một chiếc.

Phái Viên ngoại lang bộ Lại là Nguyễn Nhược Sơn đi gấp bằng ngựa trạm đến hội thẩm. Thì ra Phan Hữu Phú là con Đò đốc ngự Tây Phan Văn Trương (quán huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, ngự châu Mai Sơn, tỉnh Hưng Hóa) cùng với người cùng bọn là Vũ Gia Hội (người tỉnh Hà Nội) xưng bậy chức danh (xưng bậy là họ ngoại nhà vua và danh hiệu vua Lê). Lúc mới đến thành An Hòa (thành nước Miến Điện), người nước Miến thấy không có văn thư gì, bèn cho về. Năm ngoái, Hữu Phú lại mưu cầu viện nước Miến để sinh sự, lại làm ra một tờ văn thư giả, nói là phụng

mệnh sai đến để thông hiếu. Tù trưởng Man di (người Miến) bèn sai sứ giả, nhờ bọn Hữu Phú dẫn đường, đệ bức thư vấn an, nhờ quan địa phương đề đạt cho, nếu được nhận lời, sẽ về làm quốc thư, vào cống phương vật. Đến đây tra hỏi, biết hết được cả tình trạng, Giai nhân tâu lên nói : “Người Miến đến chuyển này là do tự tấm lòng thành thực, xin thưởng cấp hậu hơn so với lệ thường, rồi phái đưa về nước. Còn giống ngựa là Phan Hữu Phú, tội không thể tha giết được, nên chính tội danh để tỏ rõ pháp luật của Nhà nước”. Việc được giao xuống đình thần bàn luận. Họ cho rằng : đáng vương giả đối với di địch ở xa, vẫn không có ý gọi đến, cũng không nở cự tuyệt hẳn. Ý người Miến Điện đến đây, hơi có lòng thành thực, xin giao tỉnh Sơn Tây khoản đãi rồi phái người đưa về nước, nhân thể để xem xét tình hình của họ, núi sông hiểm trở hay bình thản, phong tục tốt hay xấu. Rồi đem ngựa nghịch Phan Hữu Phú trừng trị hết phép để cho người Miến biết triều đình không từng sai đi thông hiếu, chỉ là do tù trưởng Man di của chúng bị bọn gian nói dối đó thôi. Chỉ có Lê Đăng Doanh, Tôn Thất Bạch, Hà Thúc Lương, Phan Thanh Giản, Lê Bá Tú lại nghị khác : “Làm việc, tất phải mưu từ lúc trước, để phòng sự lớn dần lên tất phải từ lúc còn nhỏ. Việc nhỏ còn phải thế, huống chi là việc lớn ! Người nước Miến cùng với bọn giặc nước Tiêm Xích Mao, đời đời thù hằn, nay lại theo giống ngựa đánh lừa dụ đến, tiếng là mộ nghĩa, thực ra thì mượn uy lấy thanh thế. Hơn nữa, họ đến đây, văn từ không rõ ràng, tình sự nhiều khê, so đến lý phân nhiều chưa hợp. Vậy xin hậu gia thưởng cấp, tống cho ra khỏi cương giới, bắt tất phải đến nước ấy xa xôi làm gì”.

Vua nói : “Lời bàn của bọn Đăng Doanh, không phải là không có kiến thức. Có điều là người nước Miến lặn lội từ xa đến đây, tấm lòng thành thực, cũng nên nghĩ đến, triều đình bàn giao cho tỉnh viết thư trả lời, tương đã trùng khớp. Hướng chi, phái người hộ tống, một là để yên ủi người phương xa, hai là để ngăn ngừa mầm gian, nhân đó xét hỏi hình thế núi sông, để biết hết tình hình ngoài biên, chứ không phải vì thế mà đi lại câu kết như bọn Đăng Doanh nói”. Bèn hạ lệnh cho tỉnh Sơn Tây lập tức đem Phan Hữu Phú và Vũ Gia Hội lẳng trì xử tử, hai tên tòng phạm chém rồi bêu đầu ; những tên phạm khác còn sót đến vài trăm người thì tìm cách thám bắt để tụyet mầm ác (sau bắt tiếp được tên tòng đảng là Cẩm Nhân Tư, cũng xử cực hình).

Lại sai bộ Lễ thay [Nguyễn Đăng Giai] làm tờ công văn :

“Nước Đại Nam, thự Binh bộ Thượng thư, kiêm Đô sát viện Hữu đô ngự sử, Tổng đốc các địa phương Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Đề đốc quân vụ, kiêm lý lương hướng là Nguyễn..., làm tờ chiếu hội như sau :

“Ngày tháng 12 năm Thiệu Trị thứ 3, căn cứ vào lời viên quan ở tỉnh Hưng Hóa thuộc hạt tư nói : Bộ biên đi tuần thám ở Lai Châu trong hạt, chỗ giáp địa đầu nhà

Thanh, bắt được bọn giặc 8 tên từ quý quốc đến, và quan quân của quý quốc 28 người đi theo với bọn ấy, đưa thư khẩn cầu thông khoản, vân vân. Nhân nghĩ : Quý quốc phân nhiều thông hiểu sự lý, sứ bộ đi cầu thông hiểu sao lại đi theo với bọn giặc mà đến, khiến cho người ta khôn xiết kinh ngạc mà lấy làm lạ ! Nhưng đã gọi là người quý quốc mà đến, chúng tôi cũng sức bảo tiếp đón về tỉnh để cho yên ở. Rồi bắt những tên là bọn giặc để nghiêm tra, thì tên yếu phạm là Phó Sơn tức Phan Hữu Phú, chính nó bịa đặt ra tờ thư giả và xưng danh hiệu ngụy, nhiều lần ngấm dụ dỗ quý quốc. Cái chỗ nó nói thông hiểu là chỉ để mưu tính làm lợi cho đảng khởi ngụy nó thôi ! Tội nó không thể tha giết được. Hỏi đến những người quý quốc phái đi là bọn Móng Xuối Chích thì họ có nói rằng : Khi Phan Hữu Phú đến dụ, quý quốc đã có tình nghi, nên chưa làm quốc thư đệ đi. Chỉ vì các ngài đương sự ủy thác cho bọn chúng mang thư thỉnh an các vị nước tôi, lại theo bọn Phan Hữu Phú nhờ dẫn đường để đi qua chỗ quan ải, nếu được nhận lời, thì lại sai sứ đệ thư xin dâng lễ vật, ân cần nhờ tôi cố cất nhắc xin cho. Từ đây về sau, nếu có thư trát đi lại, xin nhất nhất tuân theo quốc thể mà thi hành. Các tình tự là như thế. Vả lại, việc thờ nước lớn, giao hiếu với nước bạn, đã có điển lễ. Triều đình nước tôi, văn đức tỏa khắp bốn phương, cương vực đến hàng muôn dặm. Những nơi đạo hóa phổ cập, không ai là không dâng phương vật và thứ quý báu. Đối với người xa đến [nước tôi] không có cự tuyệt ai. Chuyến này quý quốc phái người cầu thông hiểu, không rõ lúc ban đầu có thành thực không, hay là chỉ vì bọn giặc đánh lừa dụ dỗ cho đến ; đã không có phương vật để tỏ lòng thực, lại không có quốc thư để chứng minh sự tin. So xét sự thể, có nhiều chỗ không hợp ! Đáng lẽ phải bác đi mà cho về, không dám để sự rờm rác lên đến tai vua, nhưng chỉ nghĩ quý quốc vẫn kính mến uy đức triều nhà vua đã lâu : khoảng năm Minh Mệnh, đã từng sai sứ vượt biển từ phương xa mà đến [bấy giờ nước tôi] kính vàng chỉ dụ, mà hậu ban thưởng, mà cho [sứ giả] về, chỉ vì núi sông xa cách không muốn giao hiếu phương xa. Nay lại phái người lặn lội khe núi [mà đến]. Xét lời nói của bọn Móng Xuối Chích, tình ý và lời lẽ càng thêm ân cần. Bản chức, thự đốc này, trên thể ý tốt vua nước tôi, vỗ về yên ủi người phương xa, không nỡ cự tuyệt, đã đem ngay tình ý ấy tâu lên, cất nhắc cho, thì được ơn nhà vua soi xét rõ ràng cho rồi. Chỉ trừ tên ngụy phạm là Phan Hữu Phú, tội ác rất nặng, bản chức đã xét kỹ nguyên ủy, đem việc tâu lên. Thì vàng theo chỉ dụ, đã đem bọn ấy lập tức chính pháp xử tử để tỏ rõ pháp luật Nhà nước rồi. Nghĩ đến bọn Móng Xuối Chích đều là những người do các ngài phái đến, bản chức đã khoản đãi tử tế và cấp cho áo mặc, tiền bạc có từng hạng khác nhau ; lại phái 15 nhân viên thân biên thuộc tỉnh hộ tống bọn ấy về đến đó thành quý quốc, để đi đường được bình yên. Nhân làm một bản công văn nhờ phái nhân ấy là bọn Móng Xuối Chích đưa về, xin chuyển đạt lên quý quốc vương. Nếu quả có lòng thực hướng mộ, thì

làm ngay quốc thư, đóng quốc ấn, trong thư nói : Vua nước Miến Điện kính thư dâng Hoàng đế nước Đại Nam soi xét, dưới phải nói những ý khẩn cầu thông khoản, cúi dâng lễ cống. Văn từ phải kính thuận, hợp thể, không nên nói xen những việc nọ việc kia, rồi ủy cho bồi thân lĩnh thư đệ đi, kèm theo cả lễ nghi phương vật nữa. Tờ thư đệ đến, cốt phải đủ cả chữ Phiên và chữ Hán, chung một tập. Bản chức sẽ xin chuyển đệ giúp để giải tỏ lòng thành. Nếu được đức vua chuẩn nhận, thì lệ năm nào lễ vật gì, đã có bộ Lễ tâu chuẩn tuân hành. Và, chuyển này ủy cho người hộ tống bọn phái nhân kia về nước, là do bản chức nghĩ tình mới đến lần đầu, cho nên suy rộng hơn vua, mong cho được chu đáo. Ngày khác, sứ giả quý quốc đến nước tôi, nếu [nước tôi] lại phái người đi đáp lễ, thì đường xá xa xôi, không khỏi phiền phức. Khoản này có lẽ không cần thiết, để cho bớt khó nhọc phí tổn. Như thế thì quý quốc giữ trọn được tình nghĩa hòa hiếu mãi mãi. Nếu tình ý, lời lẽ, lễ ý hơi có chỗ nào không hợp, thì bản chức quyết không dám chuyển lên quan bộ Lễ để đạt, sợ phụ lòng mến đức của quý quốc từ trước đến nay. Quý quốc nên nghĩ kỹ đó ; còn 15 viên thân biên hiện đã phái đi, sau khi họ đến quý quốc, thì cho nghỉ ngơi độ tuần nhật, xin lại cấp giấy cho họ ra khỏi bờ cõi để về, là được. Vậy nay làm tờ chiếu hội này”.

Chiếu hội trên đây gửi cho quan dương sự ở thành An Hòa nước Miến Điện.

Ngày, tháng, năm Thiệu Trị thứ 4.

[Vua] phái bọn Tư vụ Đào Duy Thanh, Thị vệ Nguyễn Hữu Văn, Suất đội Đinh Công Tĩnh đưa sứ bộ Miến Điện về nước. Bọn Thanh chưa đến thành An Hòa, vì lam chướng, không đi được, bèn quay về. Sau nước Miến Điện cũng không đến nữa (nước Miến Điện sai người nói [phao lên] rằng từ thành An Hòa đến địa giới Lai Châu núi cao, khe hiểm, đi nhanh phải hai tháng, đi thong thả phải bốn tháng).

Ngày Ất Hợi. Làm lễ Xuân hưởng. Hôm ấy trời mưa. Khi làm lễ xong, thưởng cho những người thừa tế, bồi tự và chấp sự kim tiền, ngân tiền hạng lớn hạng nhỏ có thứ bậc.

Cho Án sát tỉnh Bình Thuận là Trần Văn Triện đổi làm Án sát tỉnh An Giang. Trước kia, vợ thự Án sát Lê Quang Nguyên ngầm sai hành nhân Lê Danh Thừa dẫn người nhà là tên Bồn đến chỗ khúc sông Vĩnh Hậu mua cá, Quang Nguyên không biết việc này. Do đấy, Tổng đốc Nguyễn Công Nhân muốn hãm Quang Nguyên vào tội ; gặp khi Đề đốc Đoàn Quang Mật bắt được đũa buôn gian, bèn uy bức bọn Vũ Dũng chiêu xưng ra Quang Nguyên năm trước lén lút phái người nhà trao đổi buôn bán với giặc, liền đem việc ấy hạch tâu. Vua dụ rằng : “Những kẻ buôn gian giúp giặc, đã nhiều lần nghiêm cấm, thế mà bọn tên Dũng dám nhận của đút lót thả lỏng cho kẻ gian ngấm ngấm vào đất giặc, Lê Đặng đã bị cách xích rồi, còn dám cầu

canh để làm bậy riêng. Quang Nguyên là quan to một địa phương, đã không nghiêm cấm được, lại còn lén cho người đi buôn lậu, làm phụ cả cái trách nhiệm ký thác ở chỗ biên cương, tự mình làm những việc hàng chợ, rất là đáng tiếc ! Vay chuẩn cho phải giải chức, hậu cứu. Đến khi bọn Khâm sai đại thần Trần Ngọc Dao tra xét, không có thực trạng gì, chỉ bắt Quang Nguyên vào tội dung túng người nhà, giáng 3 cấp, bổ đi nơi khác. Sau Tổng đốc Nguyễn Tri Phương xin phái theo tỉnh Hà Tiên chiêu mộ võ về những dân thổ ở Định Biên, vì Quang Nguyên trước ở đấy, dân vốn tin.

Sai thống quản đại viên chọn ra những người Anh danh, Giáo dưỡng, tuổi đã nhiều mà có thể làm việc, phân phát đi hậu bổ ở các tỉnh Bắc Kỳ. Danh sách Anh danh thì bổ chức chánh đội trưởng suất đội, Giáo dưỡng binh thì bổ chức đội trưởng, gặp có chỗ khuyết thì bổ ngay.

Đổi chế bài vàng cho quan đại thần [hồ giá] ở hành dinh. Trước đây, các văn võ đại thần được sung vào hành dinh, đều đeo một thẻ bài vàng ; đến đây, chuẩn định đều cấp cho 2 thẻ bài vàng (1 cái khắc chữ “hành dinh đại thần”, 1 cái khắc hàm của các quan văn võ. Về ban võ 2 cái : đều hình bầu dục ; ban văn 2 cái : 1 cái hình bầu dục, 1 cái hình chữ nhật). Còn bài vàng chế ra trước thì thu lại để một chỗ. Sai Nội vụ chế áo nhung y để đều cấp cho.

Chuẩn định các quan văn võ sung chức thống quản, quản lĩnh quản lý ở ban thị vệ : Từ nay trở đi, phàm các ngày thường, vua ngự các điện xem xét các việc chính trị, đều cho chiếu nguyên hàm của các quan văn võ theo vào ban để tâu việc. Duy gặp các việc về nghi lễ trong triều và tự điển, thì một viên quản lý đại thần kiểm điểm cất đặt các hạng thị vệ để hộ giá, cũng phải tề chỉnh uy nghi ; còn thì chuẩn cho theo vào từng ban, từng hàng. Sau khi bãi triều, mọi người đều ở trong ban ứng trực ở Duyệt Thị đường. Khi xa giá đi tuần du trong ngoài trăm dặm thì đều hộ giá đi hầu. Chiếu cấp cho viên thống quản 2 cái bài vàng (1 cái khắc 6 chữ “thống quản thị vệ đại thần”, 1 cái khắc chức của mình) ; 2 viên quản lĩnh, đều cấp cho 1 cái bài vàng (khắc 6 chữ “quản lĩnh thị vệ đại thần”), 1 cái tử kim bài (khắc chức của mình), đều cấp cho áo nhung phục. Còn thuộc vào ty Cẩn tín, từ viên ngoại lang đến chánh cửu phẩm thư lại hàng thứ ở dưới Bộ, Viện. Lại cấp cho ngũ, lục phẩm 2 bộ áo châu và thẻ bài bằng ngà, bằng sừng. Lại chế thẻ bài Nội các hành tẩu cho các thuộc viên trong các đạo, đi lại cửa Đại Cung, không cấp bài có khắc chức mình nữa.

Sai Thị lang bộ Hình Trương Quốc Dụng kiểm tra những thứ hóa vật trong kho Văn Ý. Năm ngoái, thấy thiếu những hạng tơ, lụa màu, giao cho bộ tra xét và bàn định, vì người chủ thủ giao nhận chưa xong, chưa quy kết được, nên sai Quốc Dụng đem chức viên trong khoa đạo là Trình Nho kiểm lại : Các hóa vật trong kho bị thiếu kể có hàng nghìn hàng vạn ! Người chủ thủ mới và cũ đều bị cách chức, khóa

tay giao cho ty Tam pháp⁽¹⁾ tra xét để kết án. Bọn giám lâm Lê Văn Thu cũng phải giao nghị xử. Sau, án xử xong, có đến hơn mười người đã chết. Số hóa vật trong kho thiếu hụt trị giá tiền đến 10.583 quan, bạc đến 522 lạng. Bắt các chủ thủ, trước và sau, chia nhau đền.

Đặc cách chuẩn cho quan văn ở trong kinh và ngoài các tỉnh, từ ngũ phẩm trở lên mà thụ hàm đã đủ 3 năm, đều cho được thực thụ.

Hạ lệnh cho tỉnh Hưng Yên thúc dân sửa đắp đê điều. Đê ở các xã Thiết Trụ, Bối Khê, Kinh Khê thuộc huyện Đông An ; các xã Nho Lâm, Phục Lễ, Đức Triêm thuộc huyện Kim Động ; xã Thiện Phiến thuộc huyện Tiên Lữ ; các xã thôn Ứng Lôi, An Xá thuộc huyện Hưng Nhân và hai bên bờ sông Cửu An, lâu ngày đê bị lở sụt, cho nên nhân xong mùa làm ruộng, sửa đắp lại.

Kinh sư Thừa Thiên mưa. Vua triệu Kinh doãn Vũ Đức Nhu vào hỏi rằng : “Sáu huyện thuộc Kinh thành Thừa Thiên được mưa, ruộng nương có được thấm nhuận không ?”. Nhu thưa rằng : “Hiện nay, mưa xuân luôn, ruộng nương ngấm khắp, lúa ruộng đều một loạt xanh tốt”. Vua rất vui lòng.

Ngày Kỷ Mão. Vua chơi sông Lợi Nông, thăm lúa. Ngày hôm ấy, loan giá trở về. Các quan văn võ và binh lính đi theo hỏ giá, các dân xã bái vọng ở hai bên đường đều được thưởng tiền có khác nhau. Rồi đổi tên cái chòi hóng mát ở sông Lợi Nông là chòi Thanh Quang.

Quan tỉnh Quảng Trị tâu nói : “Có bọn Man Lào ước hơn 4.000 tên đến lấn cướp các châu Na Bôn, Thượng Kế”. Vua nói : “Dân thổ, tính vốn nhát. Tin báo tuy thế, chưa chắc đã thực ; chỉ có điều là việc biên phòng cũng không thể sơ sài được mà thôi”. Sai thụ Lãn binh Hoàng Đức đi bắt, đến nơi thì Man Lào đã trốn chạy tán mát cả. Đức truy lấy lại được hơn 200 thổ dân, bèn liệu để lại lính cơ phòng giữ mà về. Thường cho Đức kỷ lục 2 thứ. Tù nơi an sắp cho thổ dân ở, lưu binh thì rút về.

Vua bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : “Từ trước đến nay, bọn Man Lào thường hay thừa cơ lên đến, khi ẩn, khi hiện. Hễ quân ta kéo đến thì chúng trốn xa ngay. Ta tính đánh nó cũng không khó gì ? Duy có chỗ đất ấy lam chướng nhiều quá, quân sĩ không tiện ở lâu. Xử trí với châu dân ở đấy lại là khó !”.

Tỉnh Cao Bằng được mùa. Quân đóng ở đồn đảo được 2 cây súng thần công bằng sắt. Người đánh cá ở tỉnh Hưng Yên mò được một bộ mỏ neo thuyền và cả dây xúc xích là của công. Vua sai sở tại thu lấy, cất vào một nơi để có khi dùng đến. Thường tiền cho người bắt được.

Sai Tả tham tri bộ Lại Nguyễn Đức Hoạt kiêm quản ấn triện Quang lộc tự.

(1) Tam pháp : bộ Hình, viện Đô sát và Đại lý tự.

Tỉnh Ninh Bình tâu nói : “Kho tỉnh để đẩy xin thuê dân vận tải gạo đến để nộp. Bộ Hộ bàn xin liệu giảm cho 2 tỉnh Gia Định, Định Tường lệ phải tải thóc 30.000 hộ ; bắt thuyền vận tải đường biển tải thêm 30.000 phương gạo ở tỉnh Ninh Bình”. Vua y cho.

Kính tiến lên cung Từ Thọ 10.000 quan tiền.

Sai bộ Công làm nhà đọc sách cho hoàng tử thứ hai là Phúc Tuy công (ở trong phủ đệ).

Tỉnh An Giang có bọn Man, người Chân Lạp, hơn nghìn tên, ngấm đến chỗ bên tả đôn Đa Phúc, đắp lũy dàn thuyền để làm cái thế nương dựa nhau. Tổng đốc An - Hà là Nguyễn Công Nhân ủy Lãn binh Nguyễn Văn Hoàng đóng phòng triệt đôn Đa Phúc. Bọn Tuần phủ An Giang là Nguyễn Công Trứ cũng thân đem biên binh đến đồn Cần Thăng, do sông Lô Khu ngược dòng đi lên. Sai người hỏi, thì có kẻ nói rằng triều đình đào sông để đánh úp thành Trấn Tây, nên đầu mục nước Xiêm là Chất Tri và Nặc Ong Giun ủy cho đến phòng ngự, không dám bới việc ; người khác lại nói : đóng ở đó để tiện cho thổ dân đi lại trao đổi buôn bán, không có ý gì khác. Sức phải triệt đi, thì chúng xin hoãn tuần nhật. Công Trứ cho rằng chúng đã cúi mình thuận theo, nên không muốn gây chuyện, hãy tạm cho, nhưng dời đồn Cần Thăng đến chỗ giữa bãi sông Đa Phúc, để cho tiện sự đi lại. Việc đến tai vua. Vua lấy làm lạ, nói rằng : “Chỗ ấy ở vào khoảng giữa 2 đôn Đa Phúc và Cần Thăng, cách tỉnh thành lại không xa, cơ sao giặc Man đắp lũy ngấm mà các người có trách nhiệm canh giữ không từng biết đến ! Chúc vụ ở chỗ nào ? Phó vệ úy Vũ Văn Tô, Hiệp quản Nguyễn Bích đều phải giáng một cấp”.

Lại dụ Nguyễn Công Nhân rằng : “Giặc Man dám đắp đồn ở gần, thế phải nên đuổi đánh, chỉ vì đương có việc đào sông (sông Tân Châu) không muốn lại làm mệt sức dân. Các người nên châm chước, tùy tình thế hoãn cấp, trừ tính cho hợp sự nghi mà thôi”.

Bọn Nhân lại nói : “Những đồn trại của bọn Man điên, san bằng đi, cũng không khó gì ; duy có gọi thì chúng đến, nói thì chúng giơ tay lên trán, xét ra chúng cũng không có ý gì khác. Nếu vội đánh đuổi, một khi tan vỡ, chúng càng sợ hãi ngờ vực, e tuyệt mất đường chúng đến quy thuận với mình, sao bằng cứ để đấy xem tình hình có biến đổi thế nào không. Vả lại, hiện nay ta đương có việc đào sông, nhân dân tụ họp đông đúc. Vậy xin lưu Lãn binh Nguyễn Văn Hoàng lại, đem hơn 1.000 biên binh, quân cơ các đồn Đa Phúc, Trung Khoan, rồi lại đi tuần quanh cả địa đầu để kiểm soát phòng sự bất trắc xảy ra”.

Vua lại dụ rằng : “Tính tình người Man hay xảo trá, giặc Xiêm lại chủ mưu cho chúng, đem trí thuật để nói dối người. Công việc ngăn ngừa không thể trễ biếng

chút nào được. Vậy nên gia tâm xét kỹ, không thể vì chúng chịu quỳ gối nói ngọt mà ta có chút sơ hở phòng bị". Lại trích ngay 1 vệ (vệ Long võ hữu) quân Kinh trước phải đi thú ở tỉnh Vĩnh Long chuyển đến đóng ở đây để phòng thủ.

Đình chỉ việc đào đường cửa biển ở khúc sông Soài My. Năm trước, Ngô Văn Nhai và Cao Hữu Dực xin đào khúc sông ấy để thông đến tỉnh Định Tường và tỉnh Gia Định, đã chuẩn cho 2 tỉnh này hội làm ; đến đây, Nhai lại nói cửa biển ấy gắn với đất giặc, nếu nay khơi đào, chúng tất ngờ vực. Hơn nữa, hiện nay đối với quân dân Lục tỉnh, chưa nên vội dùng. Vậy xin : trong thì yên ủi chiêu tập lấy dân Kinh, ngoài thì vỗ về lấy dân Thổ, sau 2 - 3 năm sẽ lại trừ tính mà tiến hành". Trương Văn Uyển ở tỉnh Định Tường cũng nói đến cái chỗ không tiện. Vua cho rằng bọn Ngô Văn Nhai không xét kỹ trước, khinh suất tâu lên, truyền Chỉ nghiêm quở. Rồi chuẩn cho đình chỉ việc đào sông, để thư sức cho dân.

Ngày Ất Hợi, có tiếng sấm. Vua bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : "Tháng tuy mới đến đầu xuân, tiết đã đến tháng trọng xuân, có tiếng sấm, là khí hậu thường. Gần đây đã lâu không mưa, nay tiếng sấm hoà hoãn mà không đôn dập ấy là điềm mưa đó. Lúa ruộng có thể không tổn hại gì". Sau vài ngày quả nhiên mưa xuống.

Bốn huyện Nam Đường, Thanh Chương, Hưng Nguyên và Châu Lộc thuộc tỉnh Nghệ An, dân bị đói ăn. Hạ lệnh cho dân vay (mỗi người dân đều được 1 quan tiền, 1 phương gạo).

Ngày Nhâm Thìn, duyệt tất cả các quân đội. Lại sai Tổng quản đại thần thao diễn trận ngựa, trận voi và trận pháp thủy, bộ.

Định rõ điều lệ điển hộ vườn Cơ Hạ. Vườn Cơ Hạ gắn với cung thành. Vua thường đến chơi. Khi xa giá sắp đến, thái giám trước cầm lá cờ vàng tuyên thị cho cửa Cấm Uyển khua một hồi chuông, rồi quân canh thủ điển hộ cửa Thái Giám đều lui ra các cửa Đông nhất, Đông nhị, Tây nhất, Tây nhị, ở phố phường hai bên tả hữu cung Trường Ninh và cửa Địa Bình đều bắt thêm điển binh phụ giữ cửa Đông nhất, ngày đêm như theo lệ mở cửa đóng cửa ở cung thành ; còn thì đều đóng chặt. Tất cả đều do Quản lĩnh Thị vệ đại thần tra kiểm. Khi xa giá về thì lại chiếu thường canh giữ. Việc này được đặt làm lệ vĩnh viễn.

Cửa biển Y Bích có thuyền giặc đón cướp các thuyền buôn. Tỉnh Thanh đem việc này tâu lên ; hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi cũng lục tục tâu báo về việc giặc biển này. Hạ lệnh phái hai quân vệ ra ngay, chia nhau đáp hiệu thuyền và ô thuyền tất cả 7 chiếc, chạy đến khoảng Thừa Thiên trở vào Nam đến Bình Thuận, trở ra Bắc đến Quảng Yên, đi lại tuần hành thám thính, các địa phương ven biển đều phái quân tuần biển để phòng triệt tiếp ứng.

Cho : viên bị cách là Trần Hữu Lê được khởi phục làm Cai đội đội Cẩm binh ; thự Phó quản cơ là Tôn Thất Đàm làm Chánh đội trưởng suất đội các quân.

Cho : Hàn lâm viện Thị giảng là Nguyễn Bá Nghi thăng thự Thị độc học sĩ ; sung biện sự vụ Nội các là Vương Hữu Quang khởi phục làm Chủ sự bộ Lễ, sung hành tẩu viện Cơ mật. Năm ngoái, bọn Nghi được phái đi theo thuyền Thanh Loan sang Trung Quốc về việc công ; thuyền bị cháy, họ do đường bộ về trước, lại bị giặc Thanh cướp đường. Vua rất thương. Vạy nên có lệnh này.

Thực thụ cho : Hồ Hậu làm Phó lãnh binh tỉnh Định Tường ; Nguyễn Biểu (trước tên là Văn Bảo) làm Phó vệ úy vệ Hoàn vũ dinh Tiền phong ; Phan Dưỡng làm Phó vệ úy vệ Thắng vũ ; Phan Đức Khoa làm Phó vệ úy vệ Định vũ dinh Long võ ; Trịnh Ngọc Lâm làm Bố chánh sứ tỉnh Khánh Hoà ; Vũ Duy Tân làm Đốc học Hà Nội ; Dương Bá Cung làm Đốc học tỉnh Biên Hoà. Vì họ thự hàm đã đủ 3 năm cả.

Các tỉnh Ninh Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình, Phú Yên, Khánh Hoà và Biên Hoà từ sang xuân đến giờ, chứng lệ khí lại phát, hạt Thừa Thiên lại càng nhiều hơn.

Dụ cho quan Kinh doãn và các tỉnh đều phải lập đàn cầu đảo, phái thầy thuốc đi điều trị. Các hạng biển binh ở Kinh cũng có người bị cảm nhiễm. Chuẩn cho người nào quán thuộc Thừa Thiên, Quảng Trị thì tha cho về ; quán ở Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh thì về Kinh thao diễn, lượng cấp cho tiền, gạo (người cảm nặng đều được 5 bát gạo trắng và 3 tiền ; người cảm nhẹ được 3 bát gạo trắng và 2 tiền). Lại chuẩn cho chia ra từng hạng mà cấp thuốc. Dân nội tịch rút tên ở sổ ra khỏi phải chịu thuế.

Ngoài Kinh thành bị hoả tai. Ban ra cái bài mệnh lệnh của vua, phái quân đi cứu hoả. Ngày hôm ấy, Đại thần ứng trực là Tôn Thất Bật và Hà Thúc Lương đều vắng mặt, không có ở trong ban, bị thị vệ chỉ tên tham hặc. Bọn Bật đều phải giáng một cấp. Các khoa đạo vì không đem việc ra hặc, bị phạt 3 tháng lương. Nhân đó, vua xuống dụ : “Tả hữu vu ở điện Cần Chính, lệ có văn võ đại thần ứng trực, để phòng bất kỳ có truyền mệnh lệnh gì. Thế mà nay vắng như thế, đã theo luật nhẹ, xử trị rồi. Từ nay về sau, ai có quan chức không được trễ biếng như trước, ai có trách nhiệm phải tâu nói cũng không được lạng yên như thế, mới được”.

Bộ Hình làm danh sách phúc tấu những tội tình 13 tên tù phải xử tử. Vua nói rằng : “Những tên tù này, chết cũng chưa hết tội ; chỉ nghĩ : đương tiết xuân hoà, muôn vật phát sinh, ta ngược trông cái đức hiếu sinh [của trời] càng thêm lòng kính cẩn thương xót, không nỡ đem giết hết cả một lượt. Vạy sai trích ra 5 tên phạm, thực tội đích sát, chiếu án đem xử tử, còn thì cho hoãn lại”.

Tháng 2, thu lại mũ áo của Trấn Tĩnh quận công Miên Dân. Miên Dân tính thích chơi bời, bị Tôn nhân phủ tâu hạch. Vua nói rằng : “Miên Dân tuổi đã trưởng thành, trái những lời gia huấn”. Bèn sai thu bỏ mũ áo đi, phạt lương hai năm, không cho dự vào hàng châu. Người hầu trà, tên là Trữ, bắt giao cho bộ Hình đánh đau 80 côn đỏ, phát đi sung quân ở đạo Cam Lộ.

Quan ở Quốc tử giám tâu nói : “Lệ trước, về lương của giám sinh, ai hai lần xuống hạng thứ thì cấp nửa lương ; ba lần xuống hạng thứ thì đình chỉ không cấp lương ; bốn lần xuống hạng thứ thì cách bỏ tên ở trong danh sách. Năm ngoài, ở các tỉnh Cao Bằng, Tuyên Quang và Lạng Sơn, những học sinh mới vào Giám đều ở hạng thứ. Bọn này học lực còn ít, sau đây mỗi khi có sát hạch, xin sẽ ra bài, chiếu theo hạng thứ cấp lương, đừng nên bó buộc vào lệ cũ, để rộng niên hạn, khiến cho họ biết khuyết miễn”. Vua cho rằng các tỉnh ngoài biên mới theo văn học, sĩ số còn ít, chuẩn y cho lời xin, để tỏ cho biết ý tốt của triều đình văn gia tâm bồi dưỡng. Chưa bao lâu, tỉnh Cao Bằng có Vũ Tuyên là con cố Quản cơ Đàm Vũ Kiên kêu xin vào Giám, pháp ty thấy không do tính đề cử, nghĩ bác đi. Vua cho rằng : “Đàm Vũ Tuyên ở nơi biên thùy xa, có chí ngược trông cảnh tượng thái bình”, bèn sai giao bộ Lễ sát hạch, chuẩn cho lấy lệ ám sinh hạng 3, vào nhà Giám học tập. Con quan võ được vào Giám bắt đầu từ đây.

Dời nhà đóng quân của ty Trấn phủ đến phường Hậu Trạch.

Trích 3 chiếc thuyền vận tải ngoài biển thuộc 2 tỉnh Bình Thuận, Phú Yên chuyển cấp cho tỉnh Hà Nội làm thuyền định ngạch. Tổng đốc Mai Công Ngôn thấy quân thủy vệ thuộc tỉnh chưa quen đường biển, tâu xin đến kỳ vận tải, xin chọn phái vài người lái thuyền lành nghề ở tỉnh Nam Định để diễn tập cho đắc lực. Vua y cho.

Sơn man ở tỉnh Khánh Hoà đến cống con voi. Sai trả cho số bạc phải giá.

Cho Đốc học tỉnh An Giang là Phạm Châu thụ Lễ khoa Chương án Cấp sự trung.

Nêu thưởng cho dân ở các hạt (các tỉnh Quảng Trị, Quảng Ngãi và Bình Định, mỗi tỉnh 2 người ; 2 tỉnh Hà Tĩnh và Thừa Thiên đều 2 người).

Tỉnh Quảng Nam có con một người nhà Thanh là Dương Quang Tô, tuổi vị thành niên, trước theo quê mẹ thi đỗ tú tài, rồi tự thú lỗi xin cải chính. Thụ Tuấn phủ Ngụy Khắc Tuấn tâu xin cho vẫn được tú tài như cũ, đổi về hộ tịch Minh Hương. Vua cho rằng Quang Tô lúc mới tiến thân, cầu cạnh để trà trộn, bèn hạ lệnh cách tú tài, phạt 100 trượng, đổi biên vào hộ tịch Minh Hương. Phạt Khắc Tuấn 3 tháng lương.

Tổng đốc Hà - Ninh là Mai Công Ngôn tâu nói : “Các thôn phường tổng An Thành thuộc huyện Thọ Xương và huyện Vĩnh Thuận trong hạt, năm Thiệu Trị thứ nhất [1841]

đã lượng châm chước giảm cho thuế thổ sản chiết nạp bằng tiền, đợi 3 năm mãn hạn sẽ tâu lại. Duy thành [Hà Nội] nay là lý sở cũ của trấn Bắc Thành, dân tứ chiếng cùng tụ hội để sinh nhai. Từ sau khi chia ra tỉnh hạt, ngày dần điêu hạo, lại gặp tật dịch, hoả hoạn ; buôn bán làm ăn phần nhiều không được như trước, thành thử phải lưu tán đi các nơi ! Gần đây đã trở lại ít nhiều nhưng mười phần mới chỉ được độ hai phần. Thuế khoá đọng thiếu, tình hình bách thiết”. Việc này được giao xuống cho bộ Hộ bàn cách bổ cứu. Bộ xin chiếu lệ năm Thiệu Trị thứ nhất châm trước giảm cho (tráng hạng, mỗi suất đinh đồng niên chiết nạp 8 quan tiền, nay giảm xuống cho 6 quan ; người già và người ốm, giảm cho một nửa). Đến 5 năm sau, lại trưng thu như cũ. Vua y cho.

Trong Kinh lâu ngày không mưa. Vua đã mật đảo ở trong cung cấm, lại làm bài thơ sai quan Nội các là Nguyễn Bá Nghi mang đến miếu Nam Hải long vương đốt đi ; lại sai Đề đốc Tôn Thất Cung đến miếu Vũ Sư (thần làm mưa) thành kính cầu đảo. Kinh huyện chia đi cầu đảo đền thờ thần Phụ Ổ ở núi Ngọc Trản. Đến ngày hôm sau, mưa to, mới phát hương và lụa là của trong cung, sai hoàng tử thứ mười là Phúc Tuy công đến miếu Vũ Sư lễ tạ. Cũng sửa lễ tạ các đền. Thường cho Tôn Thất Cung và Kinh huyện kim tiền, ngân tiền và kỷ lục có khác nhau. Các tỉnh gần Kinh kỳ cũng báo được mưa. Vua phê bảo rằng : “Mưa ngọt ngấm khắp mọi nơi, lòng ta rất yên vui”.

Tổng đốc Định - Biên là Lê Văn Phú tâu nói : “Quân đồn điền ở đồn Định Liêu phần nhiều bỏ trốn đi. Và lại, bọn chúng đều là kẻ bất lương, tụ họp chỗ đất ngoài biên, sợ lâu về sau, hoặc tản mát đi mà theo giặc, hoặc họp lại mà làm trộm cướp, không khỏi có sự bất trắc đáng lo !” Vua nói : “Buông tha những kẻ tù phạm sung làm đồn điền, vì muốn cho kẻ có tội được đổi lỗi cũ mà những chỗ đất ngoài biên không khoáng ngày thêm mở mang và đông người cư tụ. Đó cũng là một việc trù tính phương sách ngoài biên, há có thể vì một hai kẻ ngu tối ngoan ngạnh manh tâm trốn đi, rồi vì ghen mà bỏ không ăn ?”. Bèn truyền dụ cho bọn Ngô Văn Nhai, Cao Hữu Dực phải quản thúc nghiêm ngặt hơn nữa. Kẻ nào không chịu an phận, sinh lòng trộm cắp, thì chuẩn cho đem việc tâu ngay lên ; kẻ nào trốn đi, cứ theo quê quán tự mà bắt để gia bạc trị tội.

Cho Án sát tỉnh Nam Định là Cao Hữu Dực đổi bổ làm Lang trung bộ Binh, thăng thự Tuyên phủ sứ trấn Tây Ninh, chế ấn quan phòng để cấp cho. Dực trước được phái đi Tây Ninh xếp đặt công việc, ấn triện của ty Án sát, giao cho Phiên ty⁽¹⁾ Lê Khánh Trinh kiêm giữ. Đến đây, vì công việc ở phủ Tây Ninh phần nhiều chưa

(1) Phiên ty : ty BỐ chính

làm xong, mà ty Án sát lại việc nhiều, không thể bỏ trống lâu được nên mới lấy Thị độc học sĩ sung biện Nội các Lê Tư Duệ, bổ làm Án sát tỉnh Gia Định.

Bố chính Quảng Bình là Nguyễn Tự tâu nói : “Ở nguồn Cẩm Lý thuộc hạt và dân Man ở tổng Làng Sen, phủ Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị bị phiêu tán hơn 40 suất đinh, cứ đến ăn xin ở những hạt được mùa”. Vua sai liệu cấp cho gạo, giao cho về sở tại yên nghiệp làm ăn ; nhưng (quan trên) phải gia tâm vỗ về, đừng cho lưu tán đi nơi khác.

Sai Văn Minh điện Đại học sĩ Trương Đăng Quế kiêm quản công việc vận tải.

Bộ Lại tâu nói : “Những năm Kinh sát đại kế ⁽¹⁾, các quan trong Kinh và ngoài tỉnh tự khai lý lịch, và danh sách đủ niên hạn của các nha môn. Nghị trước, nguyên vẫn có trình hạn. Gần đây, các nha làm chậm, mà ở bộ hội đồng làm danh sách cũng không ấn định nguyệt kỳ. Vậy xin : hễ đến kỳ kế sát, các nha môn làm danh sách vào tháng giêng, đến thượng tuần tháng 2 thì đệ đến, chiếu lệ biên cho đủ, rồi do bộ Lại trước đem bản danh sách các quan viên tự khai lý lịch mình, tra xét rồi hội đồng làm bản danh sách tổng cộng ; đến tháng trọng hạ thì làm xong, tâu lên. Duy bản danh sách xét công từng khoá của người đủ niên hạn và bản danh sách xét việc hình danh hơn hay kém, tra xét rất nhiều không phải hàng tuần hàng tháng làm xong được, xin đến tháng trọng thu xét xong tâu lên, nếu kéo dài hoặc trễ quá hạn, đều xin giao nghị xử”. Vua y cho.

Ngày Nhâm Dần, tiết Thanh minh. Vua đến Hiếu lăng làm lễ rải đất ; lại đến Hiếu Đông lăng làm lễ, lễ xong, loan giá quay về.

Án sát tỉnh Quảng Trị là Phan Văn Nhã có tội, bị mất chức. Cho thự Lang trung bộ Lại Lê Đình Khản làm thự Án sát tỉnh Quảng Trị. Khi Nhã ở tỉnh, riêng ủy thự Phó vệ Hoàng Văn Lợi phái người đi hỏi mua gà trại. Đội trưởng Phùng Thế Hiển liên hệ vào việc ấy, nói là mua cho quan. Cai tổng Phùng Thế Định nhân đó lại nói dối truyền lời chiếu sắc, mượn việc để sách nhiễu dân. Việc bị phát giác. Vua nói : “Tỉnh Quảng Trị ở gần Kinh kỳ, Phan Văn Nhã lại làm như cách thêm nhà vua đến muôn dặm, coi thường hiến pháp, phụ cái trách nhiệm ký thác nhiều lắm !”. Lập tức vua phái ngự sử Mai Đức Thường đem quân Cẩm y cùng đi bắt trói đem về Kinh, giao ty Tam pháp hội đồng tra hỏi. Khi án dâng lên, Thế Định phải tội trăm giam hậu, rồi được giảm xuống tội phát vãng sung quân. Sau đó Thế Hiển phải tội phát lưu hết bạc. Lợi bị cách chức cho hiệu lực ở bộ Binh. Nhã bị phát vãng ra đảo Phú Quốc, sung quân (sau phái đi theo quân thứ phủ Trấn Tây, sung làm việc từ hàn, rồi được khai phục). Bố chính Hoàng Thu vì không tâu việc ấy cũng bị phạt.

(1) Kinh sát đại kế : lý lịch quan lại trong toàn quốc, cứ đến niên lệ thì xét tất cả ở Kinh.

Cho : thự Hữu thị lang bộ Hộ Trương Đãng Đệ bổ sang Hữu thị lang bộ Lễ, nguyên thự Bố chính tỉnh Sơn Tây Hồ Hựu (đương cư tang cha mẹ ở nhà, do công nghị cất nhắc lên) đổi thự Hữu thị lang bộ Hộ.

Nguyên Thượng thư bộ Lễ Phan Huy Thục chết. Thục ở bộ Lễ lâu đến hơn 30 năm. Điển lễ phần nhiều được Thục bàn định. Trước vì già yếu về hưu, đến đây mất ở nhà. Tỉnh Sơn Tây tâu lên, vua nghĩ thương đến người bề tôi cũ, chuẩn cho chiếu phẩm hàm mà cấp tiên tuất, lại cho thêm 400 quan tiền.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXXVII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Giáp Thìn, Thiệu Trị năm thứ 4 [1844], mùa xuân, tháng 3, ngày Nhâm Ngọ, tế trời đất ở đàn Nam Giao. Trước một ngày, xa giá đến trai cung⁽¹⁾, đêm đến trời mưa. Canh năm, xa giá xuất phát, tạnh mưa. Vua lên đàn làm lễ. Lễ xong, thưởng cho hoàng thân và các quan văn võ kim tiền, ngân tiền có khác nhau. Lại thưởng thêm cho Kiến An công Đài, Định Viễn công Bính, Diên Khánh công Tấn, Điện Bàn công Phổ, Thường Tín công Cự, An Khánh công Quang, Từ Sơn công Mão, mỗi người một đồng kim tiền lớn hạng nhất có chữ “Long vân khế hội” ; các đại thần là Tạ Quang Cự, Trương Đăng Quế mỗi người một đồng thị tiền hạng nhì ; thường khắp cho hàng võ từ tòng tứ phẩm, hàng văn từ tòng ngũ phẩm trở xuống đến quan quân 3.000 quan tiền ; phường nhạc, người làm đồ tế, người làm đầu bếp 100 quan tiền ; dân xã thuộc Thừa Thiên đặt hương án bái vọng 2 000 quan tiền.

Kinh thành Thừa Thiên được mưa, quan Kinh doãn đem việc tâu lên. Vua phê bảo rằng : “Giá gạo vừa phải, ăn trạch thấm nhuần, rất yên lòng ta”. Nhân hỏi Kinh doãn Đinh Doãn Trung rằng : “Hôm qua được mưa ngọt xuống, nhân dân trong Kinh kỳ có vui vẻ khoẻ không ?”. Đinh Doãn Trung thưa rằng : “Lúa ruộng này bông tuy đã quá kỳ rồi, nhưng khoai đậu phần nhiều được lợi. Người già, người trẻ

(1) *Trai cung* : làm ở gần đàn Nam Giao, khi nhà vua đi tế Giao, trước đến cung ấy để trai giới, rồi sau mới làm lễ.

trong Kinh kỳ, không ai là không vui vẻ yên lòng”. Vua bèn sai đại thần viện Cơ mật tuyên đọc 30 bài thơ ngự chế sau khi mưa.

An Phong công Hồng Bảo hát xướng vào ngày trai. Vua giận, quở rằng : “Người học văn chậm và tối, chỉ thích chơi bời, trái với giáo huấn trong nhà nhiều lắm”. Bèn tước lương 2 năm. Lại xướng dụ quở trách những người sư bảo, giáo đạo, tán thiện, bần độc và trưởng sử.

Thực lục Tiên biên về Liệt thánh⁽¹⁾ làm xong. Bọn Tổng tài là Trương Đăng Quế, Vũ Xuân Cẩn, Hà Duy Phiên, Nguyễn Trung Mậu ; Toản tu là Đỗ Quang, Tô Trân, Phạm Hữu Nghi, Vũ Phạm Khải tâu xin khắc in, dâng sớ nói : “Nước mà có sử, để sự việc đời nay truyền đến đời sau ; từ xưa các bậc đế vương lên trị vì, đời nào cũng có chế độ, không việc gì không chép vào sử sách, có thể lần lượt khảo cứu được. *Thực lục* làm ra, gồm đủ các phép biên chép từng năm ghi truyền về sau, mà chính sử cũng ra từ đấy. Lớn thay nước nhà ta chịu mệnh trời cho ! Thái tổ Gia Dụ hoàng đế gây cơ nghiệp ở cõi Nam, các bậc thánh đời nọ nối đời kia rõ ràng rộng lớn, trong khoảng ấy, lễ nhạc, đánh dẹp, chế độ, văn pháp, vẫn luôn phép thể thống dựng nên một nước. Duy cơ nghiệp khi mới gây nên ở đất Mãn, đất Kỳ⁽²⁾, sử văn còn bỏ sót. Đến Thế tổ Cao hoàng đế ta dựng lại dư đồ thống nhất cả nước, sau khi bình định, nhớ đến công nghiệp đời trước, tìm hỏi những việc xưa, Sử cục đặt ra vẫn thường lưu ý mà chưa có thì giờ làm được. Thánh tổ Nhân hoàng đế ta vận dụng văn chương ngang trời dọc đất, mong sánh kịp thời xưa. Năm Minh Mệnh thứ nhất [1820] xuống chiếu tìm những sách cũ còn sót lại, đến năm thứ hai, mở ra Sử quán, sai các quan biên soạn bộ *Thực lục*. Năm thứ 14 [1833], lại hạ lệnh tiếp tục biên tập định ra từng kỷ trong bộ *Thực lục* : Từ Thái tổ Gia Dụ hoàng đế đến Duệ Tông Hiếu Định hoàng đế là *Tiên biên*, sau khi Thế tổ Cao hoàng đế trung hưng, là *Chính biên*. Phàm nghĩa lý ý chỉ đều cân nhắc cho đến chỗ vừa phải, lần lượt biên chép dâng lên ngự lãm, rồi sửa định lại. Nhưng lại nghĩ : Buổi đầu biên chép còn phải khảo đính cho kỹ càng, để được chu đáo, cho nên [bộ *Thực lục*] còn để chậm lại, chưa làm xong, lòng Thánh tổ còn đợi về sau. Đến hoàng thượng ta : thuận theo mưu mô ý chí đời trước, lưu ý trông đức sáng và tỏ bày công liệt [của tiên vương]. Năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] bắt đầu mở Sử cục, sai bọn thân sửa lại *Tiên biên* và *Chính biên* bộ *Thực lục*, kế tiếp sửa *Thực lục Chính biên* về Thánh tổ Nhân hoàng đế, đã chuẩn định chương trình cho chuyên trách, lại thời thường khuyên bảo mong cho chóng được thành công. Bởi vì tín sử để chép rõ việc từng đời, càng nên rõ ràng và cẩn thận.

(1) Tức là phần *Thực lục về các đời chúa Nguyễn* : từ Gia Dụ đến Hiếu Định.

(2) *Mãn, Kỳ* : nơi dựng cơ nghiệp của nhà Chu.

“Bọn thần học thức nông hẹp, từ khi vâng mệnh đến nay, ngày đêm sợ hãi, khuyển bảo lẫn nhau : trước đem nguyên bản các kỷ trong *Tiền biên*, kính cẩn kiểm duyệt lại. Lại xét những chỗ biên chép ở sách cũ trong Sử quán và những văn thư ở các địa phương dâng lên, trích lấy thêm vào cho rõ. Chỗ nào nên chép thêm, chỗ nào nên chép lại, chiếu từng khoản chép vào, làm bản thảo dâng lên. Kính vâng ngự lãm sửa định lại, tỵ trung các sự tích có chỗ nào chưa được rõ ràng đầy đủ, thì sắc sai tìm rộng mà bổ sung. Trông lên thấy tấm lòng hoàng thượng rộng rãi kín đáo, đã tinh lại cầu cho tinh thêm, chu chí đến như thế. Bọn thần kính vâng lời dụ, hết lòng, hết sức, chỗ nào nên bổ sung thì đã tuân hành rồi. Cúi nghĩ : nước nhà từ khi gây dựng hơn 200 năm, đời trước làm ra, đời sau noi theo, công đức tích lũy. Nhớ lại cơ nghiệp đế vương để lại đã lâu đời, tuy từng đời từng năm đã lâu, sử sách tản mát, trong đó không phải không có chỗ khuyết lược. Duy từ thời Minh Mệnh đến nay, lần lượt kế tiếp biên tập, những chỗ chép lại ở trong sử sách, công nghiên cứu hàng năm hàng tháng, cái chỗ đức thịnh nghiệp lớn, chế độ to tát, đã rõ ràng ở trong sách vở, cần nên khắc in để lại, lưu vào kho sách, để nêu rõ công nghiệp to tát của đời trước mà hướng dẫn cho đời sau. Vậy nên làm tập tâu lên, xin đem *Thực lục Tiền biên* về các tiên đế, chọn ngày khởi công khắc in trước, rồi đem *Thực lục Chính biên* về Thế tổ Cao hoàng đế và Thánh tổ Nhân hoàng đế, kế tiếp biên chép xong, sẽ xin khắc bản in sau. Như vậy một pho sách quý báu đều được hoàn thành để nêu tỏ nước Đại Nam ta, các bậc thần thánh truyền nối, mưu mô rất rõ rệt, công liệt phải vâng theo, mà càng tỏ đức hiệu của hoàng thượng ta nối chí cùng noi việc của đời trước không biết đến đâu là cùng”.

Vua khen lời tâu, ban dụ ngay rằng : “Tín sử chép rõ việc từng đời, để lại làm gương cho đời sau, là việc rất quan trọng. Nước nhà ta chịu mệnh trời cho. Thái tổ Gia Dụ hoàng đế gây dựng cơ nghiệp ở phương Nam, thần thánh truyền nối, hơn 200 năm, ơn hậu nhân sâu để lại cho người sau. Duy lúc mới gây dựng, sự biên chép còn khuyết lược, sách vở tản mát. Hoàng tổ, Thế tổ Cao hoàng đế ta, sau khi bình định đất nước, trông lên công nghiệp đời trước, hỏi tìm sách cũ, đặt ra Sử cục, đã có ý mà chưa có thì giờ làm. Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, năm Minh Mệnh thứ nhất, xuống chiếu tìm những sách vở còn sót. Năm thứ hai mở Sử quán, soạn *Thực lục* về các tiên đế, đặt làm *Tiền biên* và *Chính biên*, sai các văn võ đại thần là bọn Nguyễn Văn Nhân, Trịnh Hoài Đức và Phạm Đăng Hưng sung chức Tổng tài, biên từng năm, chép từng việc, lấy theo trong sử cũ, còn ý chỉ và nghĩa lạ thì do hoàng thượng quyết định : vốn đã điển mô rõ rệt, từng điều từng mục phân minh. Tinh lại cầu cho thêm tinh, rõ lại mong cho thêm rõ : điều này, Thánh tổ có ý còn để đợi đó. Ta nối nghiệp to, noi theo phép lớn, để lòng nối chí noi việc [của đời trước]. Năm mới lên ngôi, rộng tìm những sách còn sót, bắt đầu mở Sử cục, kén

chọn các văn thân làm việc biên soạn ở Sử quán, để cho có chuyên trách. Lại phái tổng tài đại thân đính chính thêm để mong cho chóng hoàn thành. Phàm các địa phương trong Kinh, ngoài tỉnh, đôi khi có ai đem sách vở dâng lên, giao cả cho Sử quán tra xét lại, để giúp về sự tham đính. Sử thần lần lượt dâng bản thảo lên. Ta trên tuân lời dạy của tiên đế, dưới lấy các sách, chăm chú đính chính, cốt sao cho được thỏa đáng. Nay sách đã xong, dâng lên. Ta kính cẩn xét kỹ lại : văn thực mà việc đúng, nhắc đến cương lĩnh mà tiết mục rõ ràng, tuy trời cao đất dày vẫn khó hình dung được, nhưng mặt trời tỏ, sao sáng, đã rực rỡ thêm ra. Truy nguyên từ năm Minh Mệnh thứ hai, mở ra Sử cục, đến nay 25 năm, tiếp tục biên chép thành sách, vậy nên khắc in, để tỏ thêm cuộc thịnh trị của nước Đại Nam ta, sáng lại sáng thêm, đời đời rộng khắp, mà để lại chế độ lâu dài đến ức muôn năm”. Bèn sai chọn ngày tốt, mở cục khắc bản in ở trong Sử quán. Trước thưởng từ tổng tài đến các người thừa hành từng cấp kỷ lục và bổng, tiền có thứ bậc.

Trước đây, sử thần đem bản thảo dâng lên, vua bảo Tổng tài Trương Đăng Quế rằng : “Sử thần chép việc, cũng có thể cho là được, duy có những chỗ dùng 1, 2 chữ còn phải nên làm thế nào cho ổn đáng, về văn từ từ lúc buổi đầu, ở nước ta, lối cổ chất phác, hoặc lẫn cả quốc âm vào ; đến hoàng khảo ta mới đặt ra chỉ dụ, thực là văn minh một nước bắt đầu [rực rỡ] từ đây. Người nên truyền bảo cho sử thần, cứ việc chép thẳng, nhưng sửa lại đôi chút thế nào cho được trang nhã, xứng đáng với ý ta”.

Đến khi sách làm xong, vua đội mũ mặc áo, mở sách ra xem, dụ bộ Lễ rằng : “Ta xem sử đời cổ, đế vương các đời được thiên hạ, nhà Hán, nhà Minh gần được chính đáng, nhưng nhà Hán là đình trường nhà Trần, nhà Minh là dân biên thù nhà Nguyên, đời sau còn có chỗ chỉ nghị được. Đến như nhà Đường làm bệ tột nhà Tuỳ, nhà Tống làm tướng nhà Chu, thế mà gặp thời cơ tìm ra vận hội, bệ ngoài cứ dương vi mà bệ trong ngắm ngẫm bày mưu kế, đều không đáng kể. Triều ta dựng nghiệp trung hưng, vâng mệnh trời cho, trước thì diệt nhà Mạc, chống với họ Trịnh, sau thì lấy ở nhà Ngụy Tây : danh nghĩa, cương thường, quang minh chính đại biết là chừng nào ! Coi ra, các đời trước đều không kịp. Nay sách *Tiền biên* đã làm xong, là một chế độ tốt trong triều thịnh trị, các quan ở bộ phải tra cứu ngay điển lễ nhà Thanh, chăm chú bàn bạc cho rõ ràng, đợi ta đính chính, đến ngày dâng sách lên thì thi hành”.

Bất đầu dựng chùa Diệu Đế. Trước khi ấy, Thống quản thị vệ Vũ Văn Giải tâu nói : “Ấp đông Xuân Lộc ở trong Kinh thành, nguyên là viên trạch của Phúc quốc công, nay xin lập thêm ngôi chùa ở nơi đất quý phát phúc để cầu phúc cho dân”. Vua bèn phê giao cho 2 bộ Lễ, Công bàn luận tâu lên, thì vua đều cho là hợp lý, mới sai bộ Binh phải điều động 600 người biên binh, khởi công làm. Dùng thự

Thống chế dinh Long võ là Tôn Thất Nghị đốc công việc này. Công việc thợ thuyền xong, vua sai đặt tên chùa là chùa Diệu Đế, điện là điện Đại Giác, các [gác] là các Đạo Nguyên, nhà trai bên tả là Cát Tường từ thất, nhà trai bên hữu là Trí Tuệ tinh xá, trước mặt dựng lầu Hộ Pháp, bên tả bên hữu đều dựng cửa Linh Tinh. Quy chế rất rộng rãi.

Bắt đầu xây tháp 7 tầng ở chùa Thiên Mục, gọi là tháp Từ Nhân, đằng trước dựng đình Hương Nguyên. Lấy Thống chế dinh Hồ oai Hoàng Văn Hậu đốc công việc này.

Cho : Viên ngoại lang bộ Lại Nguyễn Nhược Sơn làm Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ ; Viên ngoại lang Thái thường tự Khang Ân làm Thái bộc Thiếu khanh.

Cho : Đốc học tỉnh Quảng Nam gia hàm Thị độc học sĩ là Phạm Vũ Phác thăng thụ Lang trung bộ Lại. Phác có học hạnh, học trò phần nhiều tin theo ; thụ Tuấn phủ Ngụy Khắc Tuấn xét thực tâu lên, nên mới cất nhắc lên. Cho Tri huyện Bùi Quốc Trinh thụ Đốc học tỉnh Quảng Nam.

Suất đội cơ Định man tỉnh Quảng Trị là Trần Di đi tuần thám châu Thượng Kế, chợt gặp quân Man Lào, bèn giao chiến : bắt được 6 tên, 1 thớt voi và gươm giáo. Tỉnh thần tâu lên. Thưởng cho Di gia 1 cấp, 3 đồng ngàn tiền hạng lớn. Những người đương trường bắt được giặc, đều được thưởng 2 đồng thị tiền 1 cái áo ; những binh đồng đi chuyến ấy đều được thưởng 100 quan tiền. Sau đó, Trần Di đuổi theo lấy về được hơn 400 người dân trong châu, Di lại được thưởng kỷ lục một thứ. Giao dân trong châu cho tỉnh chọn đất để an sáp.

Cho thụ Tả thị lang bộ Binh Nguyễn Văn Đạt quyền lĩnh ấn triện Bó chính tỉnh Quảng Bình, vì Bó chính là Nguyễn Tự bị bệnh. Sau đó Tự mất. Dùng Đạt làm thụ Bó chính.

Xây đắp mặt trước, mặt hữu và mặt sau kinh thành và mặt trong Trấn Bình đài. 2.000 biên binh làm việc đều được thưởng tiền 1 tháng lương. Sai Hậu quân Đô thống Nguyễn Tiến Lâm và Chương vệ Phạm Phi đốc công việc này. Vua dụ rằng : “Đương lúc giáp xuân sang hạ, khí trời nóng nực, không nên đốc thúc quá để thu sức cho quân lính”.

Sai bộ Binh điều động 300 biên binh sửa sang sảnh đường nơi tiếm để⁽¹⁾ để làm chỗ ở cho hoàng tử còn nhỏ.

Thi Hội. Sai Tả tham tri bộ Binh sung quản lĩnh Thị vệ đại thân Lâm Duy Thiếp làm Chủ khảo ; Hữu thị lang bộ Lễ sung biện sự vụ Nội các Phạm Thế Hiến làm Phó chủ khảo ; Thái bộc Tự khanh sung Toàn tu Sử quán Tô Trần làm Tri cống cử.

(1) *Tiếm để* : Chỗ ở của Hoàng tử khi chưa lên ngôi.

Lấy trúng cách 10 người : Hoàng Công Thịnh, Nguyễn Lập, Bùi Duy Phan, Nguyễn Tư Giản, Nguyễn Hữu Tạo, Nguyễn Dương Huy, Văn Đức Khuê, Nguyễn Hữu Thụy, Nguyễn Chính, Hồ Sĩ Tuấn. Lấy đỗ Phó bảng 15 người : Nguyễn Văn Cát, Nguyễn Phẩm, Lê Văn Phả, Lê Thiều, Vũ Diễm, Phan Đình Tuyển, Vũ Duy Thành, Nguyễn Duy Tự, Lê Thế Thứ, Lê Vĩnh Khanh, Lê Đăng Trạc, Trần Công Soạn, Hồ Tính, Nguyễn Sĩ Ấn, Phạm Văn Trường. Có Giải nguyên tỉnh Nam Định là Triệu Công Bách (người làng Vụ Nữ, huyện Thiên Bản) lầm phạm chữ húy (bên tả chữ phương 方, bên hữu chữ hoàn 旋) bèn cách tuột cử nhân, cho về nguyên quán.

Thự Bốc chính Tuyên Quang là Lê Nguyên Giám, thự Án sát Vũ Danh Trì phải tội, mất chức. Giám không làm được việc gì, bị thự Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai khinh bỉ. Mùa đông năm ngoài, Giai lên Tuyên Quang. Trì nói có nhiều việc trong tỉnh không lý hội đến. Lại có lời than thở thương 2 bạn già đồng sự, là chỉ vào Giám và Lãnh binh Nguyễn Đăng Khánh. Giai tâu nói : “Tỉnh Tuyên Quang, thành đất cao đến 3, 4 thước, trên cắm chông tre, nhà cửa nơi sảnh thự rất là tiêu điều ; đường sá phố phường trông không thể coi được. Mỗi năm, bắt dân trong hạt phải nộp chông tre, một năm phí tổn không kém hơn vài nghìn quan tiền, bọn một thừa hành lại sinh tệ ở đó, rất là phiền nhiễu”. Vua nói : “Tỉnh Tuyên Quang cũng là địa đầu quan trọng. Trước kia, Lê Đại Cương đã xin xây đắp thành, nhưng rồi vì việc bất giặc, nửa chừng phải đình chỉ. Bọn Giám làm quan ở đó đã gần 2 năm mà không lưu tâm chút nào, chỉ làm được một cái kho bằng ngói là rồi việc, còn ngoài ra chưa hành động được việc gì ! Thậm chí chỗ sảnh thự tiêu điều, bị viên thống hạt tham hặc ! Thử nghĩ : làm người bề tôi giữ một địa phương, chức phận ở chỗ nào ? Vậy chuẩn cho phải tâu lên rõ ràng”. Bọn Giám lại cho là quân ít, dân ít để gỡ tội. Vua ghét là văn sức để chống chế. Rồi đó, bọn Giám phải cách chức, đi hiệu lực. Lấy ngay thự Thị lang bộ Hộ là Hồ Hựu, bổ thự Bốc chính tỉnh Tuyên Quang ; thự Lang trung bộ Hình Lê Dục Đức, bổ thự Án sát tỉnh Tuyên Quang. Khi vào từ tạ [đi nhậm chức], nhà vua dụ rằng : “Đi chuyến này các ngươi nên cố gắng nghĩ bỏ hết thói tệ, sửa sang thành trì, đừng như Lê Nguyên Giám và Vũ Danh Trì chỉ làm trò chơi”.

Bọn phái viên Trương Hảo Hợp có việc công, đi Trung Quốc, đã về. Trước kia, thuyền Thanh Loan bị cháy vỡ, Tổng đốc Lương Quảng Kỳ Cống đem việc tâu lên, vua nhà Thanh cấp cho 2.300 lạng bạc, lại cấp cho thuyền để đưa về. Vua [Thiệu Trị] cho là bọn Hợp một khi lầm lỡ, việc cũng là vô tâm, nhưng chuyến đi ấy ứng đối thù tạc đều giữ được phong thể, nên không nỡ quở trách cho lắm, chỉ giáng 4 cấp, trừng phạt qua loa, rồi đổi Hợp sang Hồng lô Tự khanh, biện lý công việc bộ Hộ.

Cho : Thái bộc tự Thiếu khanh Nguyễn Cư Sĩ thăng thự Đại lý tự Thiếu khanh ; Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ Hoàng Tế Mỹ thăng thự Tả thị lang bộ Lễ ; Hàn lâm viện Thị giảng Nguyễn Cửu Trường thăng thự Thị giảng học sĩ, sung biện sự vụ Nội

các ; Phó vệ úy vệ Tả nhị dinh Vũ lâm, Hiệp lĩnh thị vệ Lê Chi Tín thực thụ Phó vệ úy vệ Tả nhị dinh Vũ lâm, vẫn sung Hiệp lĩnh thị vệ trực ban.

Định rõ chương trình trong Thị vệ xứ. Thị vệ xứ lúc mới đặt ra, điều mục phiền phức, đã dụ cho các viên quản lý đại thần tiếp tục bàn luận, tâu lên ; đến đây, nghị dâng lên, chuẩn cho thi hành (ty Cẩn tín thuộc vào Thị vệ xứ, chia làm 2 phòng Tuân sự và Phụng thẳng, trong chỗ đó, phòng Tuân sự lại đặt ra 2 tào Ấn chương và Nội phụng ; phòng Phụng thẳng lại đặt ra 2 tào Nghi trượng và Quý hóa, đều lấy nhân viên ở ty [Cẩn tín] ấy chia nhau thừa hành. Còn tào Ấn chương thì : chuyên làm văn thư, giữ ấn quan phòng, tiếp nhận sớ tấu ở các địa phương đệ lên, nhận tờ tư của các nha đưa đến, các việc nên làm do Trung sứ chuyển đạt đến, tiếp nhận các phẩm vật dâng ký hằng ngày, chiếu từng tào giao đi thi hành. Cả đến những quả phẩm thổ ngại mà các tỉnh dâng tiến cũng do tào [Ấn chương] ấy kiểm giao cho Thị vệ xứ phụng giữ. Khi gặp có lễ tiết, trước phải hội đồng kiểm điểm các lễ vật rồi đựng vào thứ gì đó, chuyển giao cho Quang lộc tự dâng lên. Tào Nội phụng phải giữ những việc như : các bản thảo do nội đình nghĩ ra làm phiếu biên vào sổ ; tất cả những việc ban thưởng cho các hoàng phái làm danh sách tâu lên ; và những thứ chi ra như các ban ăn lương hằng năm cùng tiền gạo cấp hằng tháng ở trong nội cung ; biên những thứ vị ăn ngon ngọt tâu lên nhà vua biết để dâng lên cung Từ Thọ ; cho đến tất cả các lễ trong một năm, lệ phải chi tiền công ra làm, đều do tào [Nội phụng] ấy chuyên biện. Tào Nghi trượng giữ các đồ lễ bộ thuộc về xa giá trong cung, và chứa sẵn các thứ the, là, gấm, đoạn, vải, lụa, chuyên giữ sổ nhật ký của phòng Phụng nô, chiếu từng kỳ tâu lên vua biết. Tào Quý hóa chuyên giữ các hạng vàng, bạc, tùy việc tiêu ra hoặc giữ lại, và cung ứng các lễ theo lệ phải dùng các hạng phẩm vật, chiếu lệ lấy ở kho ra để sẵn cho đủ chi dùng ; cho đến kiểm soát hoa quả trong vườn cây, các hạng quế ở Kim Sơn và sổ biên các chim muông. Các việc trên này đều chiếu việc trong tào mà tuân hành, cho có chuyên trách. Gặp khi có việc phải làm cần kíp, thì cho hội đồng bàn bạc mà làm không được người nọ đùn cho người kia.

(- Lệ cũ : những thứ quả phẩm thanh tịnh, nguyên do Thị vệ xứ trữ lại, khi gặp các lễ tiết, trước do Thị vệ thân hội đồng với Quang lộc tự sức làm. Kính cẩn tìm thứ để [lễ vật], rồi do nhân viên Quang lộc tự phụng đệ để đợi dâng lên. Từ nay, phạm các lễ tiết hằng năm theo lệ có đựng các quả phẩm thanh tịnh dâng lên, thì đến kỳ trước 2 ngày, do bộ Lễ phái một người thuộc ty, lang trung hoặc viên ngoại lang, cùng với nhân viên Quang lộc tự, thân đến Duyệt Thị đường hội đồng với Thị vệ xứ kiểm điểm rồi liệu lượng đựng vào thứ gì mà dâng lên, không được chỉ do Quang lộc tự chuyên biện như trước. Nếu bất kỳ có quả phẩm tươi phải dâng lên, cũng do Thị vệ xứ báo cho bộ Lễ phái người đến kiểm điểm, liệu lượng nhiều ít mà

đựng vào thứ gì để dâng lên. Khi xong việc, đều giao Quang lộc tự phụng đệ, để đợi kính dâng.

(- Từ trước đến giờ, mỗi tháng vào những ngày mồng 1, mồng 10 và 20, các hoàng tử, công chúa trong nội đình có phụng Chỉ dụ, kính đệ lễ phẩm dâng lên cung Từ Thọ, thì do Thái giám đệ giao các vật hạng. Thị vệ xứ kính cẩn kiểm điểm, rồi làm cái thiệp đỏ, chuyển giao Thái giám kính đệ. Từ nay, phàm đến kỳ, trước 1 - 2 ngày, do Thái giám gửi tâu lên, trực phụng giao ra phải tiến những lễ phẩm gì và ngôi thứ [lần lượt] của hoàng tử, công chúa, đến ngày, lại do Thị vệ xứ chuyển sức cho vệ Loạn giá phải chỉnh bị long đình, tán, lọng chực sẵn ở Duyệt Thị đường, 1 viên Thái giám vận đủ mũ áo kính đệ phụng trực tâu dâng lên.

(- Lệ cũ : phàm Chỉ dụ ở trong nội đình, đều do nguyên ty Thanh cẩn phụng thảo tiến trình, kính phụng nhà vua điểm son, tức do Thái giám phê phụng, bản son và phiếu thảo ra đều do Thái giám phụng thủ. Từ nay trở đi, phàm dụ Chỉ ở trong nội đình, cử Thái giám chuyển truyền Thị vệ xứ tuân hành, nhưng ở cuối tờ giấy phải biên rõ : thị vệ tôi tên họ là gì phụng duyệt, thuộc ty tôi họ tên là gì phụng thảo, tiến trình. Kính phụng nhà vua điểm son, rồi do viên Thái giám chiếu lệ phê phụng, đóng ấn có 2 chữ “tê gia” ; bản son vẫn do Thái giám phụng thủ, kính lục tuân biết ; nguyên phiếu thảo ra, do Thị vệ xứ phụng thủ, để đủ đối chiếu. Đến như tất cả các tờ phiếu lục của Thị vệ xứ có điểm son và phê son, cũng do Thị vệ xứ phụng thủ ; nếu có việc quan hệ với nha nào, thì theo lệ cung lục, bắt tất chỉ giao viên Nội các lục biện như trước, để cho khỏi bề bộn. Duy những tờ tấu có quan hệ đến chữ phê thì chiếu lệ thi hành.

(- Kính xét : khoảng năm Minh Mệnh, nguyên có 1 gian để sẽ cấp làm công sở ở Thị vệ xứ, liền với sở Lỗ bộ, vệ Loạn giá, từ trước đến nay, các tờ sớ tấu của các địa phương, gián hoặc có việc phải do Thị vệ xứ đệ lên và đệ nộp các phẩm vật thổ ngại, đều tiếp nhận ở đó rồi sau mới chuyển đệ Duyệt Thị đường. Nay đã phụng nghị định : phàm nhân viên Thị vệ xứ lấy Duyệt Thị đường làm nơi túc trực làm việc, nếu tất cả các văn thư và vật hạng vẫn tiếp nhận ở sở cũ, không khỏi trở đi trở lại cho lâu việc ra, cái chỗ công sở trước giao cho ty Thanh cẩn hiện còn bỏ không ; nay lấy công sở ty ấy để làm phòng trực Thị vệ xứ. Phàm ấn quan phòng và đồ ký mới cấp đều để ở đấy. Mỗi tháng cất lượt 13 tên quân ở vệ Cẩm y hoặc vệ Kim ngô canh giữ. Lại, về góc tây nam ở trường ốc công trong Nội vụ phủ dựng lên 5 gian nhà ngói để làm Thị vệ xứ. Từ nay, trong Kinh ngoài tỉnh có văn thư phải đi lại và phẩm vật đệ tiến, trước đến chỗ ấy báo cho biết và chực hầu Thị vệ xứ chuyển báo cho quản lý đại thân kiểm nhận. Nếu việc quan hệ vào văn thư thì đệ đến phòng trực Thị vệ xứ. Nếu việc quan hệ đến các phẩm vật thì đệ đến Duyệt Thị đường. Đến như một gian trước cấp làm công sở Thị vệ xứ đều giao cả cho sở Lỗ bộ. Lại

nữa, nguyên Dưỡng Chính đường quy mô rộng rãi, đã chuẩn cho lấy 5 gian mặt sau giữa nhà ấy làm nơi cho nhân viên ty Cẩn tín làm việc công. Còn những tiền nong các hạng mà ty ấy phải giữ vẫn để ở một gian bên tả về mặt sau, hiên bên hữu nhà làm kho Tiên trượng, hiên bên tả nhà làm sở Ngự y.

(- Từ trước đến nay, những giờ sinh hoàng tử, công chúa ở trong nội đình, đợi được đầy tháng mới đặt tên, sau mới tiếp Thái giám truyền bá ra nguyên ty Thanh cẩn biên vào danh sách hoàng phái, tức thì do Thái giám cung giám báo ngay lúc bấy giờ, để cho được xác thực.

(- Từ trước đến nay, Thị vệ xứ cung ứng các lễ tiết, và tất cả các thứ cần dùng như giấy vàng, giấy bạc, giấy tiền, hương, đèn, rượu, chè, đều do Thị vệ xứ liệu lượng lấy các vật hạng ở kho, giao cho ty Cẩn tín trữ sẵn, để đến kỳ thì chi phát. Nha nguyên đệ các vật hạng ấy làm ra sổ chi tiêu do ngay quản Thị vệ đại thần ký nhận làm bằng. Nay nếu để cùng với những khoản do trung sứ truyền đệ, cứ 10 ngày một kỳ phiên tấu lên ngự lãm, chưa khỏi phiền phức. Từ nay, phạm mỗi tháng, một kỳ phiên tấu lên ngự lãm, để hầu nhà vua chấm son, lục giao cho nguyên nha tuân hành.

(- Lệ cũ : Phạm trung sứ chuyển đệ tiến vào nội cung, có ban thưởng cho ai từ 15 quan tiền hoặc 10 lạng bạc trở lên mới phải tâu lên ngự lãm, nếu không đến số ấy, thì cứ việc tuân hành, sau biên vào sổ chi tiêu, từ sau không bó buộc vào số ấy, cho được tùy việc tâu lên để tỏ ý thận trọng.

(- Lệ cũ : Chùa Thánh Duyên và quán Linh Hựu, theo lệ, các lễ dâng cúng trong những ngày khánh đản chư Phật, ngày tiết tam nguyên và các ngày thường trong hằng năm, đều do Thị vệ xứ chiếu phát. Duy có lệ các lễ ở chùa Thiên Mụ, chùa Giác Hoàng, lại do bộ Hộ chiếu phát, thành ra không nhất trí. Sau đây, lệ các lễ phải chi vào chùa Thánh Duyên, chùa Linh Hựu, đều do bộ Hộ chiếu phát. Lại nữa, hằng năm 2 tiết lớn Vạn thọ và Thánh thọ, những chùa nhà nước lập ra và chùa các sơn môn lập ra, lệ có tụng kinh cầu phúc, các lễ phẩm cần những gì, do Thị vệ xứ chiếu phát. Duy có chùa Giác Hoàng lại do bộ Hộ chiếu phát. Xin đều do Thị vệ xứ chiếu phát, để cho các ty có chuyên trách mà nhất luật rõ ràng).

Thổ dân huyện Long Khánh, tỉnh Biên Hòa, đói. Hạ lệnh giảm giá thóc để bán cho dân (mỗi học giảm thành tiền 1 quan 8 tiền).

Sai chế dấu đồ ký và dấu kiểm để cấp cho cơ Lạng dưng mới đặt ở tỉnh Lạng Sơn.

Dân hạt Thừa Thiên có việc rước thần, đánh trống 3 tiếng hoặc 6 tiếng. Vua nghe thấy, nói rằng : “Đó là hiệu của trong quân, dân gian sao được lạm dụng ! Sứ cho phủ doãn Thừa Thiên hiểu thị rõ ràng cho dân biết ; sau còn phạm cấm nữa thì bắt tội. Đến như nhà dân gặp việc vui mừng, việc thờ thần chèo hát xung tụng thái

binh, như trống, kèn, thanh la, nạo bạt thì không vào lệ cấm”. Bắt đầu quy định ngạch thuế mỏ đồng Trình Lạn ở châu Thủy Vĩ (mỗi năm phải nộp 600 cân đồng).

Hậu bổ tỉnh Quảng Nam là Tôn Thất Lộc, vì năm ngoái quyền biện huyện vụ, trong hạt có xảy tai nạn mà không trình báo. Bộ Lại nghĩ phạt cách lưu, đợi đến ngày bổ quan sẽ thi hành ; đến đây, thự Tuần phủ Ngụy Khắc Tuấn cho rằng Lộc có thể cất nhắc lên Tri huyện. Bộ Lại tâu xin chuẩn cho bổ thự nhưng chiếu án cách lưu. Vua nói : “Lộc chưa có chức hàm gì, sao lại gọi là *cách lưu* ?. Lờ nói ngang phè, chưa hợp sự lý ! Tôn Thất Lộc can án trước khi có án chiếu thì đổi ra làm *đình không cấp lương 1 năm*. Quan tỉnh đã bảo cứ, chuẩn cho bổ thự Tri huyện Hà Đông. Sau, hễ có nhân viên hậu bổ mà quyền nhiếp ở đâu, nếu can án phải xử phân, phải chiếu luật, định tội danh rõ ràng thỏa đáng, không được hàm hỗn như thế”.

Sai tỉnh Quảng Ngãi tể tử tuất những biển binh bị nạn sóng gió. Mùa đông năm ngoái, tỉnh Quảng Ngãi phái 3 chiếc thuyền hiệu lĩnh đường cát tải đi, gặp nạn gió, trôi đi mất, 79 người biển binh bị trôi giạt không biết vào chỗ nào ; đã cho dò hỏi, không có tăm hơi gì. Đến đây, sai chiếu lệ chết trận, cấp tuất cho gấp đôi, lại đặt đàn chiêu hồn để tế.

Phó lãnh binh Nghệ An là Phan Văn Mẫn mất. Mẫn có chút công về việc bắt giặc, gia cấp cho 100 quan tiền. Lấy Phó vệ úy Tam vệ dinh Hữu quân Thủy sư là Nguyễn Tô bổ thay vào. Cho Cai đội vệ Long thuyền là Nguyễn Tất Huy thăng thự Phó vệ úy Tam vệ dinh Hữu.

Cho : thự Bớ chính tỉnh Quảng Trị là Hoàng Thu làm Hữu thị lang bộ Binh ; thự Tuần phủ Lạng - Bình là Lê Trường Danh bổ đi thự Tuần phủ Trị - Bình ; thự Tuần phủ Hà Tĩnh là Trần Ngọc Lâm bổ đi thự Tuần phủ Lạng - Bình ; thự Bớ chính Thái Nguyên là Trần Văn Tuấn bổ thự Thị lang bộ Binh, Tuần phủ Hà Tĩnh ; Án sát tỉnh Ninh Bình là Trần Trứ thăng thự Bớ chính tỉnh Thái Nguyên ; Tế tửu Phạm Bá Thiệu bổ đi Án sát tỉnh Ninh Bình ; Lang trung bộ Lại là Phạm Vũ Phác cải bổ Quốc tử giám Tế tửu ; Viên ngoại lang bộ Hình là Kiều Năng Thân thăng thự Lang trung bộ Hình.

Thuyền vận tải ngoài biển ở hải phận Nghệ An bị gió lật úp. Có 1 tên lưu tù bị dày may được sống sót. Người coi giữ cửa biển Thuận An đem việc tâu lên. Vua sai tha cho tội lưu, giao về bản tỉnh sung làm quân. Nhân thế, sắc cho bộ Hình : sau có việc giống như thế, phải tra rõ nguyên án tâu lên, sẽ liệu châm chước cho giảm.

Dời nhà ở của Quận chúa Ngọc Vân đem làm ở bên hữu thành tỉnh An Giang. Trước kia, Lạp man quận chúa là Ngọc Vân, Huyện quân là Ngọc Thu, Ngọc Nguyên, theo quan quân ta chuyển về tỉnh An Giang, ngụ tạm ở chỗ đồn đất thôn Chu Phú ; đến đây, quan tỉnh cho rằng đất ấy ẩm thấp, xin chi của kho giao cho thổ dân làm lại nhà ở tại chỗ điểm Giang Phúc gần tỉnh. Vua y cho.

Thự Tuấn phủ Thuận - Khánh là Nguyễn Đăng Uẩn tâu nói : “Thự Phó vệ úy Hậu vệ dinh Thần cơ là Tôn Thất Trí do Kinh phái đi tuần ngoài biển, đêm gặp thuyền giặc, cho súng bắn chìm được một chiếc thuyền. Vua sai thưởng trước cho ba đồng ngân tiền Phi Long hạng lớn. Lại sai Uẩn điều tra lại cho được chính xác, thì Uẩn tâu tiến : “Trí quả là mao nhận công để cầu thưởng”. Trí bèn phải tội phạt trưng, phát lưu, bị gông, hết hạn, phát giao làm quân ở đội Hộ vệ .

Cho Phó quản cơ Tả cơ tỉnh Bắc Ninh là Nguyễn Kim Tú thăng thự Phó vệ úy vệ Bắc Ninh. Tú vì có công về việc bắt giặc, quan tỉnh cho là mẫn cán, cất nhắc lên, nên mới bổ dụng.

Tỉnh Nghệ An tâu nói : “Lệ cũ : quân đồn trú ở phủ Trấn Ninh lấy tiền phát thay cho lương (mỗi một phương gạo chiết thành tiền 1 quan 4 tiền), vận cấp khó nhọc phí tổn. Vậy xin cứ vào nơi gần, trích lấy số tiền thuế của dân bốn huyện Tương Dương, Kỳ Sơn, Hội Nguyên, Vĩnh Hoà phải nộp vàng, vải, sáp ong về thuế thổ sản, năm ngoài chiết cho phần cất lính, đổi nộp cước gạo về thuế thân, nộp thuế thay bằng tiền, đồng niên tiền thuế hơn 500 quan, do nha huyện Kỳ Sơn trữ lấy, để cho đủ khi cấp phát, thì công tư hai đằng càng tiện lợi cả”. Vua y cho.

Cho : Thành thủ úy sung Hiệp quản Tiền vệ dinh Long võ là Trương Phúc Lý thăng thự Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Trung quân, Trung bảo ; Thành thủ úy sung Hiệp quản Tả vệ dinh Hồ oai là Nguyễn Ngũ cải bổ Phó quản cơ Hữu cơ tỉnh Quảng Nam ; Thành thủ úy sung Hiệp quản Tiền vệ dinh Hồ oai Hồ Lộc Trì cải thự Phó quản cơ Ngũ cơ cơ Tĩnh man ; thự Thành thủ úy sung Hiệp quản Hậu vệ dinh Hùng nhuệ là Hồ Lục đổi đi thự Phó quản cơ Tả cơ tỉnh Bình Định ; Phòng thủ úy sung Hiệp quản vệ Quảng Nam là Dương Tuy do bản chức, sung Hiệp quản Tiền vệ dinh Hùng nhuệ. Vì bọn Lý đều đi đóng thú mãn hạn về. Thự vệ úy Tiền vệ dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Thanh giáng bổ Vệ úy vệ Quảng Trị ; thự Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Trung bảo là Tôn Thất Cát giáng bổ thự Phó vệ úy Hữu vệ tỉnh Hà Tĩnh ; Cai đội Trường trực ở vệ Cẩm y gia hàm Phòng thủ úy là Vũ Đàm bổ thự Phó quản cơ thăng thự thuộc dinh Thần cơ ; Phó vệ úy vệ Minh võ, Cai đội thường trực, gia hàm Phòng thủ úy là Tôn Thất Cầu bổ thự Phó quản cơ thăng thự thuộc dinh Hồ oai ; Phó vệ úy vệ Nghĩa võ, Cai đội túc trực, gia hàm Phòng thủ úy là Ngô Nghệ bổ thự Phó quản cơ, thăng thự thuộc dinh Hùng nhuệ ; Phó vệ úy vệ Tráng võ, Cai đội Dục chấn là Phan Văn Bách thăng thự Phó quản cơ Hậu thẳng thuộc Hậu quân ; Cai đội Dục chấn là Nguyễn Sơn thăng thự Phó quản cơ cơ Tiền kiều thuộc Tả quân.

Cho Chương vệ Nhất vệ dinh Trung là Đoàn Kim thăng thự Đề đốc quân Thủy sư. Vua dụ rằng : quân Thủy sư ở Kinh kỳ hiện đặt 3 dinh, công việc rất nhiều, mà Đô thống Vũ Văn Giải lại quản lý Thị vệ, phải có một người quen tay để giúp công việc. Đoàn Kim từ năm Gia Long thứ 1 [1802] đến nay, đã từng ở quân Thủy sư,

quen thuộc công việc , là một người bề tôi cũ ngày trước, nên hiệp đồng với Vũ Văn Giải chiếu quan thương lượng mà làm việc”. Lấy Vệ úy Tứ vệ dinh Trung là Nguyễn Văn Lưu thăng thự Chương vệ Nhất vệ, kiêm quản các vệ Nhị, Tam, Tứ, Ngũ.

Sai Đề đốc Đoàn Kim và Giám đốc Đinh Văn Quý tu tạo thuyền Thái loan bọc đồng, làm theo kiểu thuyền Thụy Long (dài 9 trượng 9 thước, ngang 2 trượng 3 thước, sâu 1 trượng 7 thước 1 tấc).

Phó lãnh binh tỉnh An Giang là Lê Đắc Hội chết. Đắc Hội thường đi bắt giặc có công. Sai gia cấp 100 quan tiền. Lấy Hồ Đức Tú làm Phó lãnh binh tỉnh An Giang.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXXVIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Giáp Thìn, Thiệu Trị năm thứ 4 [1844] mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 3, làm lễ Hạ hưởng.

Sét đánh chỗ lầu cửa chính đông, quân điển hộ chết 1 người, bị thương 2 người (bị thương, cấp tiền mỗi người 2 quan ; chết, cấp tiền tử tuất gấp đôi).

Sông Ngự Hà, sông Hộ Thành và bờ hào ở ngoài thành, nhiều chỗ bị cát bồi. Quan Kinh doãn không đem việc tâu lên, cứ bắt dân khơi đào cát đi, có hơn một nghìn người làm việc. Nhà vua nghe thấy, nói rằng : “Phủ Thừa Thiên, từ sang xuân đến nay, nhiều người cảm nhiễm, lập đàn cầu đảo, cho thuốc để chữa, đến nay còn chưa được yên lành. Ta đương nghĩ trách mình, tu đức, để cầu đón hòa khí của trời, sao nỡ đem cái việc không cần làm tổn hại sức của dân ! Bọn Kinh doãn không lĩnh được ý ta, thế là bụng dạ ra sao !”. Lập tức sai Tả phó đô ngự sử Hà Thúc Lương đi truyền lời Chỉ dụ úy lạo mọi người rồi tha cả cho về. Người nào trốn làm việc, tính từng công, cấp trả tiền thuế. Kinh doãn đều phải giáng 3 cấp.

Hạt Thừa Thiên có hoàng trùng. Vua bảo thị thân rằng : “Ta một lòng lo cho dân, không lúc nào nhàn rỗi. Chính nơi gần chỗ vua ở lại càng để ý hơn. Phủ, huyện có trách nhiệm trông coi dân, đâu cũng có bụng như bụng ta, thì đáng lo gì đại hạn hay hoàng trùng !”. Vài ngày sau, triệu Phủ doãn Vũ Đức Nhu vào hỏi rằng : “Hoàng trùng đã hết chưa ?”. Nhu tâu : “Mưa xuống, hoàng trùng hết, tưởng không

đến nổi tai hại. Và lại, hỏi những dân làm ruộng thì họ nói ruộng mà có hoàng trùng, năm ấy tất được mùa”. Vua cười, nói rằng : “Nếu như dân làm ruộng nói, thì hoàng trùng lại là hay rồi !”. Nhân lại bàn đến việc Văn Hoàng nhà Đường nuốt hoàng trùng, vua nói : “Văn Hoàng yêu dân chăng ? hiếu danh chăng ? Ta nghe nói ông vua tu đức để ngừa thiên tai, không nghe thấy nói nuốt hoàng trùng để ngừa thiên tai. Hoàng trùng, có thể nuốt được ; thứ độc khác, có thể nuốt được chăng ? Cho nên nói rằng không nên đặt điều lạ ra để làm cao, không nên trái với thường tình để cầu tiếng khen”.

Thự Tổng đốc Long - Tường là Nguyễn Tri Phương tâu nói : “Những cáo bằng của công thần trung hưng trong thuộc hạt, đóng ấn vàng, trong có chữ ngự hứ (bên tả chữ hòa 禾 bên hữu chữ trọng 重)⁽¹⁾ triều trước, và chữ họ của công thần như Nguyễn Phúc Quận, Nguyễn Phúc Liệu cũng có trùng với chữ họ nhà vua. Vậy, đối với những đạo cáo bằng ấy xin cho đem nộp ở bộ, đổi cấp cho cáo bằng của bộ để chấp chiếu”. Vua lấy làm lạ, sai đem nguyên bản [cáo bằng] dâng lên để xem, bảo Nội các rằng : “Ấn này là ấn vàng của triều trước truyền ngôi (Hiếu Minh hoàng đế chế ra, có khắc những chữ triện : “Đại Việt quốc Nguyễn chúa Vĩnh trấn chi bảo” 大越國阮主永鎮之寶.

Thế tổ Cao hoàng đế ta khi mới lên ngôi, phàm cất bỏ quan chức cho đến ban bố hiệu lệnh, đều đóng ấn này. Văn ấn rục rở, chữ triện rõ ràng, nguyên không có chữ hứ. Hiện nay kính cẩn bảo thủ đã chắc chắn rồi, sao lại nhận lầm đến thế ! Lại, từ đời xưa, thánh nhân đặt ra lễ, trên dưới có cấp bậc, họ hàng có phân biệt. Quốc triều ta đặt 2 chữ “Nguyễn Phúc” 阮福 là họ nhà vua, quan dân không được mạo dụng, là để tôn họ nhà vua, nhiều phen đã dụ rõ đến 2 - 3 lần, quyết không có lý lại còn có người mạo đặt lẫn lộn. Duy trước khi chưa có lệnh cấm, hoặc cáo bằng đã được trước viết chữ [Nguyễn] liền chữ “Phúc” thì cũng không hề chi. Hưởng chi sắc ban ra, là ân mệnh của triều trước, không thể thu lại mà tiêu hủy. Lời Tri Phương tâu xin cũng câu nệ quá ! Nguyễn Phúc Quận, Nguyễn Phúc Liệu đều thờ trong miếu Trung hưng công thần, bài vị viết là Nguyễn Quý công. Các đạo sắc tặng phong và các bằng được trước có chữ nào đồng âm với chữ tôn hứ không ở vào lệ phải đổi, cũng trả lại cả, bất tất truy cứu làm gì”. Rồi sắc cho bộ Lễ thông sức cho quan dân trong Kinh, ngoài tỉnh : phàm mạo viết chữ tên họ nhà vua, đều theo lệ cấm, phải cải chính. Cáo bằng nào mà trước khi cấm có viết đến chữ họ nhà vua, cũng cho cứ phụng thư như trước. Tri Phương nhận lầm, thôi không thâm cứu nữa.

(1) Tức là chữ “chủng” 種 một tên của Nguyễn Phúc Ánh.

Bắt đầu đặt trường sở giao dịch ở tỉnh An Giang. Năm ngoái, bọn Nguyễn Công Nhân xin đặt trường sở thông thương ở đồn Tân Châu, dự đợi sau thông thả sẽ bàn đến. Đến đây, mới đặt trường sở ở thượng du đồn Đa Phúc, định rõ nhật kỳ (mỗi tháng 6 kỳ, mỗi kỳ 2 ngày). Người Kinh, người Thổ, người Thanh, người Chàm (nguyên người Thuận Thành tục gọi là người Chàm) đều được đi lại trao đổi buôn bán. Dùng Lãnh binh Nguyễn Văn Hoàng, thự Phó quản cơ Trần Hữu Lễ, Thành thủ úy Tôn Thất Quý chuyên biện việc này. Chia ra nhiều mặt, ủy các thổ mục hiểu thị cho dân. Rồi đó, khi nhân dân Thổ đến buôn bán, Lỗ mục là Chất Tri giữ hàng hóa lại mà đánh thuế nặng. Dân ta oán nhiều. Quan tỉnh lại nói : “Nhân dân người Kinh, người Thổ, nơi ở xa xôi, nếu bất kỳ có đem hàng hóa đến buôn bán, thì không bố buộc vào nhật hạn để tiện cho dân”. Sau đó, dân Thổ đến buôn bán ngày một đông. Nhà vua khen là mở bảo cho dân có phương pháp, thưởng cho Hoàng gia 1 cấp, thực thụ cho Lễ, Phó quản cơ, Cai đội quyền sung Quản cơ Sô Tiếp thăng thực thụ Phó quản cơ ; lại thưởng cho áo ni đỏ và sa tron nam đều 1 cái và 1 cái quần bằng nhiều tron màu đỏ. Cai đội Nhâm Vu và Trà Long đều thăng thự Phó quản cơ, lại gia hàm Quản cơ ; Quản cơ Hu Khiêm và Mộc Túc đều gia hàm Vệ úy. Còn cai đội, đội trưởng và chủ sự đều thưởng kỷ lục và ngân tiền Phi long có thứ bậc. Tôn Thất Quý đã mất, truy tặng Phó quản cơ, chiếu hàm được tặng mà cấp tiền tuất.

Cho thự Phó vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh Quảng Nam là Lê Văn Pháp thăng thự Phó vệ úy Tam vệ ở dinh Hữu thuộc Thủy sư Kinh kỳ ; Cai đội Ngũ vệ dinh Hữu là Nguyễn Tĩnh thăng thự Phó vệ úy vệ Hữu thủy Quảng Nam.

Cho Thành thủ úy tỉnh Nghệ An là Nguyễn Quang thự Phó vệ úy vệ Tiệp vũ.

Quân Cẩm y là Trương Đức Phổ canh giữ phòng ở Nội các, đương ban ngày, giấu một quyển thơ Ngự chế mà đi ra, bị thuộc hạ trong Nội các khám bắt được, giao xuống cho bộ Hình trị tội. Phổ có con đi học muốn được quyển thơ ấy làm gia bảo. Bộ Hình xét lệ mới định, nghĩ xử đến tội tử hình. Vua thương tình, sai đánh 100 trượng, đuổi ra khỏi chỗ túc vệ. Lại dụ bộ Hình rằng : “Đấy là ta cân nhắc vừa tình vừa lý, do tự đặc ân, đừng có vin vào đó làm lệ”.

Bọn Ác Man ở tỉnh Quảng Nam lén xuống chỗ đầu nguồn Chiên Đàn cướp bóc. Dân chỗ đầu nguồn có người bị chúng sát hại. Viên coi giữ ở đó là Trương Văn Lý đem dân đuổi bắt giặc. Bọn Man trốn thoát. Thự Tuần phủ Ngụy Khắc Tuấn nghe tin báo, tức thì phái Quản cơ Tả cơ Nguyễn Văn Tự đem quân phòng triệt, lại phái thêm Phó lãnh binh Nguyễn Nghĩa đốc đồng tra xét. Việc đến tai vua, trước giáng Lý 4 cấp. Chưa bao lâu, Ác Man lại ngấm đến. Bọn Lý chia quân ra nhiều đạo, mai phục đón đánh : đuổi đám 2 tên giặc và chém được 1 đầu giặc, thu được dao và nỏ. Chuẩn cho Lý khai phục 2 cấp, ban cho 1 tấm ngân bài thưởng

công. Những người đi vào chuyến ấy, tất cả được thưởng tiền có khác nhau. Nguyễn Nghĩa đuổi bắt giặc không có công trạng gì, giáng 1 cấp, vài tháng lại triệt về.

Lại đặt chức Huấn đạo huyện Long Xuyên. Trước kia, 3 huyện thuộc tỉnh Hà Tiên đều đặt huấn đạo. Gần đây, vì ít học trò, nên bớt đi ; đến nay, học trò ở huyện Long Xuyên ngày một nhiều lên, quan tỉnh tâu xin lại đặt giáo chức. Vua y cho.

Sông Tân Châu ở tỉnh An Giang đã đào xong. Mùa đông năm ngoái, bắt đầu đào đường sông từ cửa sông Chu Giang ngang qua sông Tiền Giang, đồn Tân Châu (dài 3.695 trượng), cuối năm thì nghỉ việc ; mùa xuân năm nay lại làm. Thuê nhân công làm việc này, cấp cho tiền và gạo. Vừa một tháng thì sông đào xong (trên rộng 6 trượng, dưới rộng 3 trượng, sâu trên dưới 9 thước. Dùng cọc tre : 33.300 đoạn ; tiền thuê : 63.021 quan ; gạo : 21.021 phượng). Thưởng tất cả cho nhân viên chuyên biện, thừa biện có khác nhau. Trước đặt tên là sông Long An ; đến đây, đổi gọi là sông Tân Châu. Tuần phủ Nguyễn Công Trứ tâu nói : “Cửa sông Chu Giang cùng đồn Tân Châu cách nhau hơi xa, có một khu đất cao gọi là Giồng Tượng, giặc Thổ thường đến ẩn nấp ở đây. Vậy xin đặt một đồn ở đất ấy, trích lấy 50 binh ở 2 đồn Tân Châu và An Lạc đóng giữ. Lại nên dời đồn Chu Giang đặt lên phía trên sông Tân Châu, để tiện việc tuần sát”. Vua y cho.

Cho thự Hữu tham tri bộ Lễ là Trần Ngọc Dao đổi thự Tuần phủ tỉnh Định Tường. Dao ở tỉnh Gia Định chuẩn cho tiện đường đi đến nơi làm quan. Lấy : Hữu thị lang bộ Lễ sung biện sự vụ Nội các là Phạm Thế Hiển thăng thự Hữu tham tri bộ Lễ, Viên ngoại lang bộ Lễ sung Hành tẩu viện Cơ mật là Nguyễn Đồng Khoa thăng thự Án sát tỉnh Bắc Ninh ; thự Bố chính tỉnh Vĩnh Long là Lê Khắc Nhuận bổ thự Bố chính tỉnh Giang Định ; Án sát tỉnh Vĩnh Long là Nguyễn Quốc Hoan thăng thự Bố chính tỉnh Vĩnh Long ; thự Án sát tỉnh Bình Định là Phan Khắc Thận bổ thự Án sát tỉnh Vĩnh Long ; thự Án sát tỉnh Khánh Hòa là Tôn Thất Hạp bổ Án sát tỉnh Bình Định ; Viên ngoại lang bộ Lại sung Hành tẩu viện Cơ mật là Hoàng Đạo (trước tên là Hoàng Hạo sau mới đổi ra tên này) thăng thự Án sát tỉnh Khánh Hòa.

Cho thự Đề đốc tỉnh Gia Định là Ngô Văn Giai thự Tổng đốc Long - Tường. Vua thấy tỉnh Gia Định không có việc, bớt chức đề đốc đi, nên mới có mệnh lệnh này. Lại, về phủ Tây Ninh công việc rất nhiều, sai Lãnh binh tỉnh Gia Định là Tôn Thất Hàn đi ngay đến trú phòng hiệp đồng với Cao Hữu Dực thương lượng làm việc.

Cho : Lãnh binh An Giang Nguyễn Văn Hoàng làm Chuồng vệ, hộ lý quan phòng đề đốc tỉnh An Giang ; Phó lãnh binh Hồ Đức Tú thự Lãnh binh tỉnh An Giang ; Phó vệ úy vệ Trung bảo Nhất Tôn Thất Khương làm Phó lãnh binh tỉnh An Giang.

Tuần phủ tỉnh Hà Tĩnh là Trần Văn Tuấn nói : “Ở 2 đồn cửa sông Hà Tân và Quy Hợp, đóng quân có ít, xin mộ thêm dân ngoại tịch thổ trước, mỗi đồn 50 tên quân, để đủ sai phái”. Vua ưng cho.

Tướng giặc tỉnh Thanh Hóa tiến xưng Đốc lĩnh Hà Trung đạo tướng quân là Quách Công Quế (tức Lang Cấp) bị xử tử. Quế cùng với bọn ngục đốc vận Trương Văn Tri, ngục Cai đội Bùi Văn Thế, tiến xưng danh hiệu, cướp bóc và giết nhiều mạng người, bị thám tử là bọn Quách Công Lộc, Trương Thế Hiển tố giác để bắt. Tổng đốc Tôn Thất Lương sai vây bắt được hơn mười tên phạm trong bọn giặc ! Việc đến tai vua. Thưởng cho : Lương gia 1 cấp, 1 đồng kim tiền “nhị nghị” ; Phó lãnh binh Nguyễn Doãn kỷ lục 1 thứ, 1 đồng kim tiền “bát bảo ; hiệp quản, phó vệ úy, chánh đội trưởng suất đội, miếu thừa, những người dự có công trạng đều được thưởng kỷ lục và kim tiền, ngân tiền có khác nhau. Thưởng cho : Lộc, chánh cử phẩm bá hộ và 100 quan tiền. Trương Thế Hiển tòng cử phẩm bá hộ và 50 quan tiền ; biên binh thủ hạ đi về việc này 200 quan tiền. Rồi sai Tôn Thất Lương đốc đồng với bố chính, án sát, đem tên phạm giặc ra dùng hết hình pháp tra tấn, cần làm cho xong, tâu lên. Quan tỉnh nhân đó, xin gọi binh lính hạ ban đi lùng bắt đảng giặc còn trốn sót. Vua dụ rằng : “Dân hạt Thanh Hóa từ trước đến nay vẫn được yên ổn, chỉ có 1 - 2 tên giặc phạm lẫn trốn qua ngày đó thôi. Nay tướng giặc đã bị bắt, đảng giặc tàn tác, không còn bao nhiêu, cũng không giữ trò gì khác được ; hưởng chi tiết trời đương mùa nóng nực, đuổi thú đến cùng rừng, làm cho nhọc mệt sức người, lòng ta thực không nỡ. Nghiệm như việc bắt giặc được tên tướng giặc đều do thám tử tố báo, có thể biết dân ta muốn làm việc nghĩa, biết lẽ phải, tất nhiên không chịu giấu giếm những tên giặc còn trốn để mắc vào pháp luật. Hiện nay công việc bắt giặc không khó gì, cần chi phải gọi quân hạ ban làm gì !”. Bèn sai quan tỉnh treo giải hậu thưởng cho những người dò thám lùng bắt được giặc. Lại truyền dụ cho Tuần phủ Ninh Bình là Nguyễn Văn Nhị chiếu từng địa hạt để phòng triệt. Sau, án nghị xử xong, bọn Quách Công Quế đều bị xử tử.

Khởi phục cho Tôn Thất Tường chức Cai đội dinh Thần cơ. Tường trước bị tội, mất chức, vua giao bộ sát hạch, thấy còn có thể sai khiến làm được việc, cho nên mới có lệnh này.

Bố chính tỉnh Gia Định là Lê Khánh Trinh, Bố chính tỉnh Định Tường là Trương Văn Uyển, Án sát tỉnh Bắc Ninh là Đinh Văn Minh, thự Án sát tỉnh Hà Tiên là Hoàng Mẫn Đạt, đều vì tại chức đã 3 năm, xin về Kinh châu hầu. Vua ưng cho. Khi đã đến, đổi bố : Trinh làm Hữu thị lang bộ Lễ, sung biện công việc Nội các ; Uyển làm Thông chính biện lý bộ Hình ; Minh làm Hàn lâm viện Thị độc học sĩ biện lý bộ Công. Đạt, cho về nơi làm quan, rồi cho thực thụ.

Bọn Giang Văn Hiến, Hà Đông Chính trong Khoa đạo tâu nói : “Chức học chính ở các địa phương, gián hoặc có người chưa làm thỏa mãn được lòng trông ngóng của sĩ phu. Chức giáo thụ, huấn đạo là chân tú tài 40 tuổi, để cho học trò phần nhiều không tin theo, đều truyền tập riêng với nhau. Vậy xin đổi định lại : chức học chính trật tòng tứ phẩm, chức giáo thụ trật tòng ngũ phẩm, đều lấy chánh phó bảng, cử nhân xuất thân bổ vào ; chức huấn đạo trật tòng lục phẩm, cũng lấy cử nhân sung bổ. Còn tú tài sung chức giáo thụ thì bổ đi chức khác. Học quan các tỉnh đều theo như lệ mà giảng tập. Nếu xét người nào không làm đủ chức phận, do quan sở tại nghiêm nghị tâu hạch để nghĩ xử ; người nào làm đủ chức phận, đợi 3 năm cho thăng. Lại, điều lệ thi Hương, quyển bài kỳ đệ tam hơi nặng hơn kỳ đệ nhất, đệ nhị ; nay xin : phạm thi Hội, kỳ đệ tam phải được 3, 4 phân trở lên, mới lấy chánh bảng ; thi Hương : kỳ đệ tam phải vào hạng ưu, bình mới được lấy đỗ cử nhân”.

Vua nói : “Việc học, có bậc đại học, có bậc tiểu học. Đời cổ : trong làng có nhà học gọi là *tường*, châu quận có nhà học gọi là *tự*, trong nước có nhà học gọi là *học*, dạy cho dần dần mà tiến lên có thứ tự. Triều đình lúc mới đặt ra học quan, cũng theo ý của đời cổ để lại. Hướng chi, tú tài 40 tuổi, phần nhiều là người học đã lâu, cho dạy những học trò mới tiến, cũng đủ giúp được mở mang tâm trí rồi. Nếu có 1 - 2 người chưa làm thỏa mãn được lòng trông ngóng của sĩ phu, thì quan khoa đạo vẫn có trách nhiệm đàn hạch, sao không chỉ ra mà tâu hạch, lại cứ nhất khái nói suông để mặt sát, phỏng có nên không ? Còn việc định lại phẩm trật của học quan, năm ngoái, thụ Tuấn phủ Nam - Ngãi là Ngụy Khắc Tuấn, cũng xin như thế, ta giao xuống cho đình nghị, họ đã bác đi ; nay lại đem nói, sao kiến thức hẹp hòi như vậy. Và lại, tài nghệ của con người ta, hoặc giỏi về chính sự, hoặc giỏi về văn học ; cái đạo dùng người cũng đều phải tùy tài mà thôi. Nếu giáo chức chỉ lấy chánh phó bảng, cử nhân bổ vào, mà tú tài không bổ, thì tú tài các khoa, gián hoặc có người lão nho học nhiều mà khổ về thi cử, làm thế nào tỏ mặt ra được ? Phương chi giáo chức hiện tại có đến vài trăm người tú tài, nay vô cơ, đổi bổ đi chức khác, chẳng hóa ra phiền phức mà vướng mắc khó làm ư ? Lại nữa, học quan có xứng chức hay không, chỉ xét nghiệm ở chỗ học trò có tin theo hay không và thi đỗ được nhiều hay ít. Thế thì cứ 3 năm đến kỳ thi Hương, nêu rõ người hay, người dở để phân biệt thưởng phạt, chế độ khuyến răn vốn đã rõ ràng. Nay lại đem việc làm đủ hay không đủ chức phận mà bàn nhàm, chung quy không có ích gì ! Lại, phép thi Hội, thi Hương, kỳ đệ nhất, kinh nghĩa, nếu không rõ nghĩa lý thì không thể lấy ý khôn khéo mà làm được bài ; kỳ đệ nhị, thơ phú, nếu không giàu về văn chương thì không tùy từng sự vật mà bàn nói được ; chỉ có so sánh với kỳ đệ tam trả lời lại bài văn sách hỏi rộng suốt đời xưa đời nay, giải bày sự lý thì công phu có hơi kém. Lúc trước định lệ, khi vào thông cả mấy kỳ, lại cân nhắc mà lấy đỗ, cũng lấy kỳ đệ tam

làm hơi trọng hơn. Không phải là không có phân biệt. Nếu cứ nhất khải căn cứ vào kỳ đệ tam mà lấy hay bỏ, còn kỳ đệ nhất, đệ nhị, văn lý có giỏi cũng để chỗ thấp, thì chẳng qua chỉ là thấy được một bên, chưa phải là lời bàn công bằng. Lời tâu của bọn Hiến, xem ra, chỉ là lời nói chấp nhận, không có ích gì cho thực dụng, thế mà lại muốn biến đổi chế độ cũ, có được chăng ? Tập tâu này, đều không nên bàn đến”. Lại truyền dụ cho các ngôn quan : từ nay về sau, có tâu bày việc gì, cốt phải dẫn đo công việc làm thế nào cho thực hiện được, không nên khinh xuất tâu bày, tự mắc vào tội ; cũng không nên vì nói không đát lời mà rồi im lặng, không nói gì, để phụ cả chức trách của mình, mới phải.

Vua ngự điện Văn Minh. Thự Định - Yên đạo ngự sử Nguyễn Tốn sung chức Khởi cư chú, gặp lúc có việc được sai phái đi, vua trông thấy, hỏi họ tên các viên khoa đạo đứng châu hầu. Tốn sợ hãi, không thưa được. Vua quở rằng : “Trên nhà và dưới thêm gần gũi độ gang tấc, ta đã có vẻ ôn hòa, nên mới hỏi đến, muốn để cho ra đi làm việc đó thôi, y lại đứng ngay ra ! Những viên khoa đạo như thế, lẩn quẩn tiến lui, làm thế nào mà trên giúp được đức của vua, dưới chính đĩnh được kỷ luật cho các quan ? Ngự sử bù nhìn, để có ích gì ! Tức thì sai đuổi Tốn ra khỏi viện, giao cho bộ liệu bổ [chức khác].

Hạ lệnh cho xứ Bắc Kỳ : phạm những địa phương có sông, đều phải theo từng địa hạt, phòng hộ đê điều.

Dụng lâu sách Thanh Hạ ở trong cung Càn Thành, dâng trước lâu làm cái nhà Dục Lang dùng làm nơi xem sách ngoài thì giờ làm việc, nhân lấy chữ “thanh hạ” đặt lên lâu, bắt 600 biên binh làm việc. Sai Chương vệ sung Thị vệ đại thần Hồ Văn Thập và thự Chương vệ vệ Cẩm y Phan Tùng đôn đốc việc này, đều thưởng cho 1 tháng lương bằng tiền.

Định lệ các lại dịch phải hồi tị⁽¹⁾. Trước kia, thự Tổng đốc Định - Yên là Phan Bá Đạt xét ra lại dịch 2 ty Phiên, Niết ở tỉnh Nam Định, có những người có cha con, anh em, thân thuộc cùng thuộc một tỉnh bèn xin đổi bổ đi tỉnh khác, để cho trong sạch các mối tệ hại trong đám lại dịch. Đạt lại xin : trong một tỉnh, phạm cha con, anh em và anh em chú bác cho đến thân thuộc xa mà còn có để tang nhau, và những chỗ thông gia, đều bắt phải đi hồi tị. Vua đã chuẩn y, nhân dụ cho các nha môn ở các tỉnh ngoài : phạm gặp sự tình giống như thế, đều phải nêu ra, sức cho hồi tị. Sau đó thự Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giai tâu nói : “Lại dịch các phủ, huyện, nha trong thuộc tỉnh, có người anh ở nha này, em làm việc ở nha khác, lại có người lại dịch cùng một tỉnh có quan hệ đến thân thích còn để tang nhau, tuy đổi đi nha khác, cũng là cùng ở một tỉnh ; cùng cơ đội các nha thuộc tỉnh ; cũng có

(1) Hồi tị : nghĩa là tránh đi.

trường hợp là anh em, là thông gia, mà cùng thuộc vào một quân, hoặc một vệ, hoặc một cơ, nên nhất luật phải chỉnh đốn lại để bỏ mối tệ, thì số người phức tạp, khó làm cho xong việc được. Huống chi, nhà Hán ngày trước, người làm lại có con cháu lớn lên thì kế chân vào, người làm quan thì lấy tên quan làm tên họ. Cái đạo trị quốc cốt ở được người thì thôi". Sau đó, việc được giao xuống đình thần bàn cho ổn thỏa. Các đại thần cho rằng quan lại hồi tị, từ trước đến nay chưa có điều lệ rõ ràng ; duy có điều trong luật xử kiện, cũng chuyên chỉ vào việc xử kiện mà thôi. Và lại, từ trước đến nay, các nha môn ở trong Kinh, ngoài tỉnh, trong chỗ cha con, hoặc bố vợ, chàng rể, cùng thuộc một nha, hoặc thông gia, hoặc họ nội họ ngoại cùng làm quan một tỉnh mà hồi tị cũng có ; cũng có người vì tình cậu cháu mà không dám giấu giếm, hoặc là con cô con cậu mà đem sự thực trình bày ; lại có anh em cháu chú cháu bác mà nêu ra để di chuyển ; cũng có người cùng ở sở đình một làng, cùng ký ngụ một nhà mà tâu xin cải bổ. Đó vì cho rằng làm việc cùng một nha là đáng ngại mà thôi. Nay muốn bỏ cái tệ ấy, mà nhất khái trích ra để đổi đi, sợ không phải là thể nhận được ý tốt khoan giản của hoàng thượng ta. Huống chi, lại viên trong một hạt, có người ở tỉnh, có người ở phủ huyện, số người rất nhiều, nha sở thuộc đã có quan trưởng để xem xét, có tá lĩnh để xuống xuất, bọn lại dịch chẳng qua chỉ như cánh tay và ngón tay để sai khiến mà thôi, nếu không xét xem thân thuộc xa gần, có cùng một nha môn hay không, mà cứ nhất khái cho là thân cố, vội ngờ rằng hòa đảng làm bậy, rồi trích bỏ tất cả, thì thay đổi phiền phức, sẽ không biết đến thế nào là cùng, như lời của Nguyễn Đăng Giai không khỏi quá khích ! Và lại, tuyển quân lính, lấy người cùng huyện, cùng tổng, cùng xã vào một đội ngũ để cho liên lạc thân cận với nhau, không ví như lại dịch nên phải hồi tị, sao có thể mượn cố ấy mà muốn chính đính tất cả một loại như đối với việc tệ hại trong lại dịch được ? Vậy xin : phạm các nha môn lớn nhỏ ở trong Kinh, ngoài tỉnh, nếu trong một nha có những người là thân thích với nhau phải để tang nhau từ ba tháng trở lên, hoặc là chỗ thông gia, như bố chồng người đàn bà, bố vợ người đàn ông, hoặc là anh em thân của người vợ, anh rể em rể của vợ, cho đến thầy học của mình, đều bắt phải hồi tị. Ngoài ra, họ xa không phải để tang, họ vợ không phải thân thiết, và quyến thuộc nhà thông gia, anh em nhà vợ lẽ hay là cùng một sinh quán, cùng một trú quán, tuy thuộc một nha, cũng xin miễn việc hồi tị ; còn như nha dịch ở phủ huyện và vệ, cơ, đội các quân đều không ở trong lệ phải hồi tị. Như thế thì việc giản tiện, người đều được yên thân, có thể làm mà không sinh tệ. Nghị dâng lên, vua chuẩn y như nghị mà thi hành.

Cho : Tôn Thất Trúc làm Thủ hộ ; Đỗ Tiệm làm Phó vệ úy vệ Hữu nhất, Tả dực dinh Vũ lâm ; Tôn Thất Tuấn làm Phó vệ úy Hữu vệ dinh Long võ ; Tôn Thất Lập làm Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Hậu bảo ; Dương Sung làm Vệ phó vệ úy Nhất vệ dinh

Trung quân Thủy sư ; Lê Văn Bản làm Phó vệ úy Ngũ vệ dinh Trung ; Lê Diễm làm Phó vệ úy Nhị vệ dinh Tả ; Tôn Thất Huy làm Phó vệ úy Thủ hộ vệ Trung ; Nguyễn Trọng làm Phó vệ úy vệ Dương vũ dinh Thần cơ ; Hồ Bảo làm Phó vệ úy vệ Túc vũ dinh Hồ oai ; Trần Quang Tú làm Phó vệ úy vệ Nhuệ vũ dinh Hùng nhuệ.

Cho Vệ úy vệ Tiền nhĩ Hữu dục dinh Vũ lâm là Nguyễn Văn Tinh làm thự Vệ úy.

Giặc nhà Thanh trốn sang phận biển tỉnh Quảng Yên. Tri châu Vạn Ninh là Nguyễn Đăng Tiếp đem quân dân đón đánh, bắt được 3 tên giặc, chém được 2 đầu giặc. Việc đến tai vua. Thưởng cho Tiếp kỷ lục một thứ, dân phu 50 quan tiền. Giao những tên phạm tội bắt cho Khâm Châu xử trị.

Đốc học Quảng Bình là Trần Văn Tự vì có bệnh, bắt phải về hưu. Lấy Tri huyện Hùng Quan là Đỗ Biểu làm thự Đốc học tỉnh Quảng Bình.

Lĩnh Thượng thư bộ Hình là Đặng Văn Thiêm có tang mẹ. Chuẩn cho về trị tang, xong việc thì đến cung chức, không hạn là mấy tháng ; gia cấp cho 300 quan tiền. Lấy Đông các Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lại là Vũ Xuân Cẩn kiêm quản ấn triện bộ Hình.

Lấy nguyên thự Đốc học tỉnh Vĩnh Long là Lê Văn Thạc làm Đốc học tỉnh Nam Định. Thạc là người huyện Thụy Nguyên tỉnh Thanh Hóa, trước vì có bệnh, cáo về ; đến đây, được cải bổ.

Dụ lại cho các địa phương phải tra kết những án còn đọng lại. Trước kia, có Tri huyện Bát Bạt là Nguyễn Hương được thăng bổ Tri phủ Quảng Oai, vì có án mạng để lại chưa tra kết được, thự Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai nói : “Tình hình về vụ án rất khó khăn, xin cho [Hương] hãy y chức [Tri phủ, ở lại, xét xử cho xong]”. Vua nói : “Án ấy đến hơn 10 năm chưa xét xong, không thể cho bỏ việc, cũng không thể để cho làm một mình. Vậy đổi giao về tỉnh xét. Còn Hương phải triệt lưu lại để theo mà thừa hành”. Nhân đó thông dụ rằng : “Việc hình ngục quan hệ đến mạng người, từ trước đến nay, phạm tra xét việc hình vẫn có kỳ hạn. Nhiều lần, ta đã sức phải xét xử cho xong, lời ta tha thiết chu đáo biết là chừng nào ! Thế mà tỉnh Sơn Tây còn có trọng án để đọng lại, mà các địa phương khác cũng có những việc để chậm như thế ! Chuẩn cho từ nay, các tỉnh đều phải nghiêm sức cho các thuộc hạt : chiếu từng án mà xét, không được mượn cớ khó khăn mà nói, rồi nhất vị bỏ qua. Các viên phủ huyện kết án xong mới được thăng bổ đi nơi khác. Viên tiếp đến nhận cũng không được nể mặt, vì tình riêng mà xuất lược tiếp nhận, đều phải kính cẩn tuân theo, để xứng với ý tốt của ta kính cẩn thương xót trong việc hình ngục !”.

Lập cái bia ở mộ con voi Ô Long. Ô Long là voi của nhà vua, có công đánh giặc. Khoảng năm Minh Mệnh đã cho sắc lập bia ; đến đây, viên cai quản voi ở

Kinh là Nguyễn Trọng Tính đem việc ấy ra nói. Vua sai quan có chức trách làm cái bia, khắc chữ “Mộ voi Ô Long”. Vua bảo thị thân rằng : “Voi là một vật sinh ở núi rừng, các nước cũng có, nhưng chỉ dùng để đủ vận tải mà thôi. Chỉ có triều ta dùng voi vào việc quân, lấy oai đàn áp phương xa rất là đặc lực, người xưa, về quân chính, lấy ngựa làm trọng ; nước ta nhiều đất rừng núi, càng lấy voi làm trọng. Cho nên Tượng quân và Thủy sư hợp với 5 quân, thành 7 quân. Đối với cái ý ban đầu đặt ra tượng quân, không thể không biết được”. (Đầu năm Gia Long, tượng quân có đền Châu Sơn, hằng năm có tế về mùa xuân và mùa thu, cấp tiền công 100 quan). Vua lại nói rằng : “Giống voi gồm đủ chất thịt bách thú, hổ, báo, sài, lang giống nào cũng sợ phục, nhưng người thổ dùng kế để dụ, lấy đạo mà sai khiến, tiến hay lui, sang bên tả hay sang bên hữu, chỗ nào cũng được như ý. Chế ngự phải đạo thì một người quản thúc cũng thừa sức ; nếu chế ngự không phải đạo thì nghìn người cũng không đủ. Người cai trị dân nên rút lấy bài học từ đó !”.

Tha lệ chiêm cận⁽¹⁾ về năm nay cho các châu Cam Lộ, Mường Vang. Quan tỉnh Quảng Trị tâu nói : “Các châu Mường Vang, Na Bôn, Thượng Kế, Ba Lan, Mường Bồng, Lang Thìn và Tá Bằng, năm nay, chính đến niên lệ chiêm cận, nhưng vì mới tản cư trở về, còn chưa lại sức. Vậy xin hoãn cho 1 lần”. Vua y cho.

Tỉnh Quảng Trị có tên đầu mục Man Lạp là Phù Tương Quật, họp đảng cướp bóc, làm hại dân ngoài biên, lại xui ngầm con cháu là bọn Tân Di Yếm Na 6 tên lên đến thám thính, bị quan quân bắt được. Quan tỉnh xin cho vào việc cực hình. Vua nói rằng : chúng tuy là giống Man Lạp, cũng có tâm địa con người. Triều đình, ngoài pháp luật, lại còn ban bố nhân đức ơn huệ, có thể chỉ dẫn cho con đường đổi lỗi. Nay hãy tạm giam cầm lại, đương đường hiểu dụ ; nếu chúng biết sợ hãi, ăn năn điều lỗi, chính tay viết thư về báo cho Phù Trương Hiệp, trả lại những nhân dân đã cướp trước, sẽ lượng ban ân điển khoan hồng. Nếu chúng một mực chấp mê, sẽ xử trị, cũng chưa muộn. Sau hơn 10 ngày, bọn Man Lạp lại ngầm xuống 9 châu, cướp bóc dân cư ở các châu. Thí sai Suất đội trú phòng ở đồn Ai Lao là Trần Hòa đốc suất quân dân đuổi theo, chém được 5 đầu giặc, lấy lại những dân các châu và thốt voi. Việc đến tai vua. Hòa được bổ thụ Suất đội. Lại thưởng cho 4 đồng ngàn tiền Phi long hạng lớn. Còn đội trưởng, binh丁 và thổ mục ai có công trạng, đệ danh sách lên, đều được bạt bổ. Quân và dân đi vào việc này đều được thưởng 100 quan tiền. Bọn Tân Di Yếm Na viết thư về, không thấy có công trạng gì, rồi bị xử tử.

Lang trung Vũ khố là Trần Đăng Chí, Viên ngoại lang là Nguyễn Thường Trân và Phan Tiến Kế phải tội, mất chức. Bổ : Lang trung bộ Hộ là Trần Văn Nguyễn làm Lang trung Vũ khố ; Viên ngoại lang bộ Lại là Mai Đức Lệ làm Viên ngoại

(1) *Chiêm cận* : vào châu ở trước mặt vua.

lang Vũ khố ; thự Ngự sử Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Công Điển làm thự Viên ngoại lang Vũ khố, đều hiệp đồng hộ lý án quan phòng. Trước kia, lại dịch ở Vũ khố cùng với ty Công tượng thông đồng nhau lấy trộm những thoi đồng, đem tang vật ra ngoài, bị Chủ sự Ngô Đình Khuê (dòng dõi Thượng thư Ngô Đình Giới) bắt được. Bọn Chí vì không xem xét đến, bị mất chức. Vua giao bộ Hình nghiêm trị. Thường cho Khuê 5 đồng ngân tiền hạng lớn. Lại phái Thị lang Trương Đăng Đệ đem từng thức cân lại, đều giao cả để làm án. Đến khi án đệ lên, chủ thủ công tượng và những kẻ lấy trộm phải tử tội. Chí bị giáng bổ Viên ngoại lang bộ Công, sung biện công việc sở Đốc công Mộc thương ; Thường Trân và Tiến Kế bị giáng bổ đi nơi khác.

Vua bảo bộ Binh rằng : “Ta xem quan tịch về ban võ, phần nhiều làm việc lâu năm mà chưa được thăng thụ, chẳng hầu như gìm hãm mãi ư ?”. Bèn sai ngay bộ Binh kê ra tâu lên. Khi tâu lên rồi vua cho Phó vệ úy Hậu vệ dinh Tiên phong là Lê Nguy bổ sang Phó vệ úy Nhị vệ dinh Vũ lâm ; Thành thủ úy sung Hiệp quản Trung vệ dinh Hùng nhuệ là Trần Đôn Khâm thăng thự Phó vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh Bình Thuận. Ngoài ra cất nhắc thăng lên hơn 20 người. Dụ cho các quan ở bộ rằng : “Lúc thanh bình, tuy không có công đánh dẹp, nhưng cũng nên tùy tư cách mà lục dụng, để khuyến khích trong chỗ hàng quân, không thể để gìm hãm lâu, khiến người dân dà sinh ra trẻ tràng hờ hững”.

Phó vệ úy vệ Long thuyền là Phan Văn Trinh có tội, bị mất chức. Lấy thự Phó vệ úy Tam vệ dinh Tả, Thủy sư là Lê Lang bổ thự Phó vệ úy vệ Long thuyền ; Thành thủy úy sung Hiệp quản Nhị vệ dinh Tả là Dương Quý đổi sung Hiệp quản Tam vệ.

Triệu Án sát tỉnh Cao Bằng là Lê Văn Du về Kinh để lựa dùng. Cho Lang trung bộ Hộ là Nguyễn Hữu Trì làm Án sát tỉnh Cao Bằng ; rồi cải bổ Du làm Thiêm sự phủ Thiếu thiêm sự, biện lý công việc bộ Công.

Sai Bố chính tỉnh Tuyên Quang là Hồ Hựu tiến quân đến đồn Ân Quang. Đám giặc còn trốn sót ở tỉnh Tuyên Quang là Nguyễn Quảng Khải và Nông Hùng Thạc trốn lâu về vùng các huyện Vĩnh Điện, Đệ Định (nguyên là châu Bảo Lạc). Chúng tự di quân đặt đồn Ân Quang, nhà cửa ở chung quanh đồn, đêm bị giặc đốt, thổ dân vì thế, sợ hãi tản mát ; khách buôn bán bị nghẽn đường đi lại. Tri phủ Tương An là Nguyễn Đình Thanh xin phái quân đến phủ trú phòng. Hựu ủy Phó lãnh binh Nguyễn Hữu Lợi đến ngay để trấn áp. Việc đến tai vua. Vua sai Hựu đem binh đốc đồng với Nguyễn Hữu Lợi nã bắt những tên phạm còn trốn sót, chiêu tập thổ dân về. Lại dụ cho Nguyễn Đăng Giai trích ra 1 vệ quân ở Sơn Tây, cho theo tỉnh Tuyên Quang sai phái. Khi Hựu đã đến, do thám bắt được 2 tên trong bọn giặc,

chém đi ; nghe nói bọn Quảng Khải trốn sang đất nhà Thanh, bèn làm tờ tư cho phủ Trấn An hợp sức bắt giúp. Vài tháng sau, vì ở lâu chỗ lam chướng, triệt quân kéo về.

Bọn hàng Man⁽¹⁾ ở đạo Thanh Phong cùng với hơn 300 giặc Man ngấm xuống chỗ Nhất cơ ở Quảng Ngãi, cướp người và súc vật. Lãnh binh Nguyễn Vĩnh cùng với Phó quản cơ Nhất cơ là Cao Trì chia đường đuổi đánh để lấy lại người và súc vật bị chúng cướp bắt. Đến buổi chiều, bọn giặc Man trốn vào rừng sâu. Quân và dân cũng có chết hại. Quan tỉnh là Nguyễn Đức Hộ và Mai Khắc Mẫn đem việc tâu lên, nhân nói : “Chỗ đất 2 cơ thứ nhất và thứ tư, ruộng nương hơi rộng, súc sản rất nhiều, đi qua hàng lũy dài thì là đất rừng, cho nên giặc Man ở núi thường hay dòm dò, rồi sinh lòng tham. Nếu không đánh riết cho một phen, thì dữ tợn càng thêm, ngăn ngừa cũng khó ! Nhưng núi cao, rừng sâu, tất phải hợp nhiều binh lực mới được. Xin lấy hơn 800 lính hạ ban ở tỉnh và 500 quân các làng cùng dân lán giềng, do Lãnh binh Nguyễn Vĩnh tùy cơ tiến đánh ; Phó lãnh binh Phan Phái cũng đi cùng, để cho đằng trước đằng sau cùng tiếp ứng với nhau”. Vua phê bảo rằng : “Giống ác Man, lòng chim dạ thú. Trước kia, Nguyễn Vĩnh vào châu, ta đã 2 - 3 lần dụ bảo tận mặt ; nay quả nhiên không khỏi như lời ta nói. Thực vì bọn người không võ về được, nên mới đến như thế ! Cao Trì, Nguyễn Vĩnh, Nguyễn Đức Hộ, Mai Khắc Mẫn đều phải giáng, phạt có khác nhau”. Nhân dụ rằng : “Việc quân, hễ động đến thì có quan hệ đến lợi hại. Cũng nên xét kỹ cơ nghi, mới mong nêu việc được. Rất không nên khinh thường, cử động xằng, chỉ khó nhọc mà không có công hiệu !”.

Có người đầy tớ gái ở ban Phủ mị (tên là Nguyễn Thị Lựu, nghe bọn đầy tớ gái khác là Hồ Thị An và Nguyễn Thị Hợp xui khiến), lấy trộm đồ vàng ở ty Thượng diên (ngấm đi ra cửa thành, giao cho chồng Thị An là Ngô Văn Lý thuê thợ bạc là Lê Văn Trọng tiêu hủy đi, đem bán chia tang vật với nhau), bị nữ quan phát giác tố cáo. Trước sai thái giám, thị vệ nghiêm nghị tra tấn, chúng không chịu thừa nhận, bèn phái thêm thợ Tham tri bộ Hình Bùi Quỹ hiệp đồng với quản lý thị vệ đại thần, đem tra hỏi ở ngoài cửa Hưng Khánh biết hết được tình trạng. Án nghĩ xong, 3 tên chính phạm phải chém bêu đầu, 2 tên tòng phạm đều bị chặt 1 bàn tay ; kẻ mua nhảm thì được tha. Thái giám và suất đội điển hộ của Gia Tường, đều bị phạt trọng, cách chức. Nhân đó, vua dụ bộ Hình rằng : “Án này, ta xét tình, định tội : kẻ chính phạm thì luật pháp tất phải trừng phạt ; còn kẻ lầm mà phạm tội thì theo luật nhẹ mà phạt qua loa. Thế là đặc ân trong nhất thời, sau không được vin vào đấy làm lệ”.

Trú phòng ở phủ Tây Ninh là Ngô Văn Giai, Cao Hữu Dực tâu nói : “Thổ mục Lạp Man (bọn tên Bồng, tên Miệt, tên Om) đem hơn 4.800 thổ dân và hơn 2.300

(1) *Hàng Man* : những người Man đã hàng phục triều đình.

trâu xe đến buôn bán. Bọn Suất đội Nguyễn Viên và Thư lại Nguyễn Bá Hựu chiêu tập được hơn 100 dân người Kinh”. Vua dụ rằng : “Xem tờ tâu, thì tình trạng gần đây có chiều hướng tốt, rất đáng mừng. Và lại, việc thông thương lập ấp còn là lúc buổi đầu, bọn phái nhân Nguyễn Viên, Nguyễn Bá Hựu khéo hiểu dụ, khiến cho thổ dân đều biết đức ý triều đình, vui như về chợ ; lại chiêu tập được nhiều dân Kinh ; thế thì sự cơ chiêu tập võ về hiện nay đã dần dần có đường rồi. Thường cho bọn Viên các hạng ngân tiền lớn, nhỏ có khác nhau. Đối với những dân người Kinh mới trở về, sức phải chia lập thành từng làng, từng ấp, để họ yên nghiệp làm ăn”.

Khôi phục bọn Trà Long, Nhâm Vu làm suất đội dưới quyền điều khiển của tỉnh. Bọn Trà Long trước được tha, theo sai phái ở phủ Tây Ninh, thực lòng hết sức quy thuận ; đến đây vì dân thổ tụ tập lại nhiều, cho nên khôi phục cho Trà Long vẫn ở Tây Ninh, Nhâm Vu về An Giang để sai phái. Đó là theo lời xin của Ngọc Văn, Quận chúa Lạp Man.

Bọn Man Lào ở tỉnh Quảng Bình thường cất lên đi cướp bóc, dân chỗ đầu nguồn khổ với chúng. Quan tỉnh đem việc ấy tâu lên. Vua sai Phó vệ úy Nguyễn Văn Tính, thự Quản cơ Tổng Hữu Cát đem quân đi đánh bắt : lúc đến thì bọn Man Lào đã trốn trước. Triệt quân về.

Vua đến thăm chùa Thiên Mục, sai hoàng tử và hoàng đệ dâng hương hành lễ, thung dung bảo thị thân rằng : “Chùa này làm lên, là để ghi nhớ dấu tích của các vua đời trước, không ví như nơi cửa chùa khác. Đạo Nho ta lấy điều thiện làm báu, nhà Phật cũng lấy điều thiện để khuyên đời. Nhà Phật nói : “Không, sắc ba duyên cũng giống như đạo Nho ta nói : “tinh, nhất”. Tiên cho rằng học thuyết của nhà Phật rất tinh vi, cảm động được người ta, đại loại là thế đó”. Nhân đưa ra các bài thơ cho các quan xem. Ngay ngày hôm ấy, ngự giá hồi loan.

Vua đến chơi vườn Cơ Hạ, ngự chế các bài thơ vịnh 14 cảnh :

1. *Điện khai văn yến* [Trên điện mở yến tiệc để bàn văn] ;
2. *Lâu thưởng Bồng Châu* [Trên lầu thưởng cảnh Bồng Châu] ;
3. *Các minh tứ chiếu* [Gác sáng cả bốn mặt] ;
4. *Lang tập quần phương* [Hành lang tập hợp các hoa] ;
5. *Hiên sinh thi tứ* [Hiên này tứ thơ] ;
6. *Trai tả thư hoài* [Nhà thanh tĩnh giải tỏ lòng] ;
7. *Trì lưu liên phưởng* [Hồ thả thuyền sen] ;
8. *Sơn tùy tùng đình* [Đình cây tùng đứng sừng trên núi] ;
9. *Nghê kiều tế nguyệt* [Trăng sáng cầu vồng] ;
10. *Thủy tạ quang phong* [Nhà thủy tạ có gió mát] ;

11. *Vũ Giang thắng tích* [Cảnh đẹp ở Vũ Giang] ;
12. *Tiên động phương tung* [Dấu thơm động tiên] ;
13. *Hồ tân liễu lãng* [Sóng liễu bên hồ] ;
14. *Đảo thụ oanh thanh* [Tiếng oanh trong cây trên đảo].

Xem *Ngự chế thi tập*.

Vua sai các nho thần ở Bộ, Viện, Quán và Các đều ứng chế⁽¹⁾. Nhân bảo thị thần rằng : “Bút, nghiên, giấy, mực là 4 thứ quý ở văn phòng. Người đời xưa nói Mông Điềm làm ra bút”, nhưng bút không phải trước từ Mông Điềm. Vì sách *Vật nguyên* nói : “Ngu Thuấn làm ra bút, lấy sơn viết vào sách”. Sách *Thượng thư trung hậu* nói rằng : “Con rùa xanh đội hà đồ hiện ra, Chu Công cầm bút chép lấy”. Sách *Khúc lễ* cũng nói : “Quan sử chép bằng bút, quan sĩ nói bằng lời. Thế thì, trước nhà Tân, đã có bút rồi. Bút, không phải từ Mông Điềm làm trước, chỉ có dùng lông thỏ làm bút thì từ Điềm trước đó thôi. Nghiên 硯 là *nghiên*, có thể nghiên mực là để cho thấm đều. Hoàng đế có cái nghiên để Hồng Thị. Thái công có cái nghiên Kim Quý. Nghiên đã có lâu đời rồi. Đời cổ chưa có giấy, sách vở thường biên vào thẻ trúc, hoặc lụa là. Lụa đắt mà thẻ nặng, người ta không tiện dùng. Đến thời Hậu Hán, Thái Luân mới nghĩ cách dùng vỏ cây, dâu cây gai, vải nát và lưới đánh cá cũ để làm giấy, từ đó thiên hạ mới dùng, gọi là giấy “Thái hầu”. Đời thượng cổ không có mực, lấy cái que bằng tre dúng vào sơn mà viết. Còn làm mực bằng khói cây sơn, than gỗ thông thì từ đời Tân và đời Ngụy trước”.

Vua lại bảo các quan ở Nội các rằng : Vườn Cơ Hạ tức là Cơ Hạ đường mà Hoàng khảo ta dựng lên từ năm Minh Mệnh. Những gỗ làm điện đài là gỗ dờ từ vườn Thư Quang xướng. Vật liệu đều là thứ cũ, dời chỗ kia đến chỗ này. Không phải có thêm vật liệu ra. Vườn, ở tường bên đông tử cấm thành trong hoàng thành, lại không phải như nhà Minh, nhà Thanh xem hình thế non nước ở ngoài trăm dặm, dựng lên cung quán khác để làm chỗ vui chơi. Ta một lòng cung kính, cẩn giữ quy chế đã có sẵn : nào chính trị trong nước, nào lòng nham hiểm của người đời, đâu dám nhàn rỗi. Chỉ sợ cho con cháu, nhân lúc thanh bình đã lâu, kiêu rông thích thú, mượn cố mà nói, dựng đặt nhà cửa, chơi bởi nước non, thì không phải là bản ý của ta nối chí, noi việc, lo trước, vui sau. Mới rồi, nhân khi việc nhàn, giải tỏ ý mình, làm ra thơ và bài tựa, có thể để bảo đời sau, giữ mãi lấy gia pháp, chăm lo thì được”. Nhân đem tập thơ làm ở vườn Cơ Hạ, sai thị thần tuyên đọc.

(1) *Ứng chế*: đầu bài do vua ra cho để những người dự cuộc đều làm.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XXXIX

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Giáp Thìn, Thiệu Trị năm thứ 4 [1844], mùa hạ, tháng 5, thi Đình. Sai : Thủy sư Đô thống Vũ Văn Giải sung Giám thí đại thân ; Văn Minh điện Đại học sĩ Trương Đăng Quế, Thượng thư Hà Duy Phiên đọc quyển [đọc quyển thi] ; Thị lang bộ Binh Hoàng Thu, Thị độc học sĩ tham biện sự vụ Nội các Nguyễn Bá Nghi duyệt quyển. Cho Nguyễn Lập (trước tên là Chương), Nguyễn Tư Giản (trước tên là Văn Phú) đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân ; Nguyễn Huy Dương, Hồ Sĩ Tuấn, Hoàng Công Thịnh, Bùi Duy Phiên, Trần Hữu Thụy, Nguyễn Hữu Tạo, Văn Đức Khuê (trước tên là Nhai), Nguyễn Chính, 8 người đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Khi trước, thi Hội trúng cách, có quyển văn của Nguyễn Hữu Tạo, nội trường phê “bất cập nhất phân”, ngoài trường cho 6 phân. Sau khi truyền ló, bộ Lễ thấy nội trường và ngoại trường điểm duyệt khác nhau nhiều quá, bèn tâu lên. Vua sai viện Đô sát giữ lễ công bằng duyệt lại : Tạo cả 3 kỳ, văn lý đều được 9 phân, có thể lấy đỗ được. Đồng khảo Bạch Đông Ôn và Nguyễn Xuân Bảng vì điểm duyệt không tinh, đều bị phạt lương một năm. Tạo vẫn được đỗ Đồng tiến sĩ.

Vua lại bảo bộ Lễ rằng : “Khoa mục không lấy hành xích⁽¹⁾ làm hạn, thì mới lấy được người tài. Ta xem những học trò làm bài, người nào học thông suốt thì lời văn trác luyện⁽²⁾ ; người nào học lỗ mãng thì lời văn quê mùa, cũng có thể lấy đó mà

(1) Hành xích : cân để lường, thước để đo.

(2) Trác luyện : gọt giữa từng chữ.

xét người được. Và lại bài thi của người nhà Thanh, đem Bách gia, Chư tử ra hỏi cũng chỉ sơ lược nói qua, không có hỏi đến binh, tài, lễ, nhạc, văn, võ, hình, chính, như chế độ triều ta thi lấy học trò”. Nguyễn Trung Mậu thưa rằng : “Thế văn về đời nhà Thanh hơi biến đi, không bằng đời nhà Minh. Đời nhà Minh trước, những sách hỏi trong kỳ thi Trạng nguyên, phần nhiều là đề mục chính đại, cũng giống như nước ta”.

Tập thơ ngự chế có vẽ đồ họa biên tập đã xong. Quan Nội các là bọn Phạm Thế Hiển dâng sớ xin đem khắc in, sớ đại lược nói :

“Trên dưới rõ ràng, đều là bức tranh vẽ tự nhiên của trời đất. Muôn loài gồm đủ, đều là áng văn hay tỏ rõ của thánh nhân. Vịnh ca vốn ở tính tình, lời nói việc làm nên khuôn nên phép. Đạo đức suy ra sự nghiệp, văn chương công nghiệp vừa sáng vừa cao. Phép hay theo dõi của tiên vương, điểm lành bày ra trong sách cũ. *Kinh Thi* nói trời dựng nước, dựng chủ, rõ ràng hình thặng⁽¹⁾ đáng tựa nương. Thiên Nhã hát câu làm mối làm giềng, trông thấy điển hình đều đầy đủ. Vinh quang thịnh trị, nên có câu hát như mây bay đẹp vẻ, sao mọc thành hàng. Nhân vật thái bình, hiện ra câu thơ có nhân tài sinh nhiều, con cháu đông đúc. Đố đều là thi ca bày những việc thịnh, chính trị truyền ra tiếng hay. Ghi chép có sử sách lưu truyền, tưởng thấy âu ca nhã tụng. Phô bày ra văn chương ngự chế, khôn lường đức nghiệp trị công. Vậy nên khắc vào đá vàng, vẽ thành đồ họa, để cho tiếng hay nổi bật, cảnh đẹp phô bày.

“Lớn thay thánh triều ta : mệnh từ trời cao, nghiệp nhân vận mở. Ân trạch ngấm khắp, đức sáng chồng thêm. Rõ rệt mưu mô, noi theo công liệt. Kinh Phú Xuân chiếm non sông thặng cảnh, hình thế như nhà Chu có Lạc Ấp, nhà Hán có Quan Trung⁽²⁾. Sử bảo lục đế mô huấn về sau, dấu đẹp hơn “bàn minh”⁽³⁾ của Thương Thang, “Khang cáo”⁽⁴⁾ của Chu Vũ. Bờ cõi nhằm phạt sao Dục, Chấn⁽⁵⁾, tiết tự rõ ràng. Khí tượng dấy ở đất Kỳ, Phong⁽⁶⁾, nhân vật phồn thịnh. Thế tổ Cao hoàng đế vũ công bình định ; Thánh tổ Nhân hoàng đế văn đức thái bình, chín cõi vào hết bản đồ, tám phương đến cả vương hội⁽⁷⁾. Trời mở cảnh sắc, vua chế thi chương. Trước đã cùng thiên hạ ngóng trông, sau lại để muôn năm còn mãi.

(1) *Hình thặng* : địa hình có thặng cảnh.

(2) *Lạc Ấp, Quan Trung* : hai nơi dấy nghiệp đế vương của nhà Chu và nhà Hán.

(3) *Bàn minh* : Thành Thang nhà Thương có khắc bài minh vào cái chậu tắm gọi.

(4) *Khang cáo* : bài cáo của Chu Vũ Vương khuyên bảo Khang Thích.

(5) *Dục, Chấn* : giới phạt Việt Nam nhằm vào phạt đã 2 sao Dục, Chấn.

(6) *Kỳ phong* : nơi dựng nên cơ đồ nhà Chu.

(7) *Vương hội* : bức đồ vẽ các chư hầu đến châu thiên tử.

Nay được gặp hoàng đế bệ hạ : Trị đạo trội hơn kỷ cương Hoàng đế, văn tứ như văn chương Đường Nghiêu. Góc ở đạo tinh nhất chấp trung⁽¹⁾, suy ra làm kinh luân phu bá⁽²⁾. Xem văn vật danh đô thịnh đẹp, điểm tô cần được vinh hoa ; tìm quy mô đời cổ trị bình, đồ sử để làm khuôn mẫu. Sửa năm việc⁽³⁾ mà mọi điều cùng hiệp ứng, thời thuận, khí hòa ; hợp thái hòa mà muôn vật đều hanh thông⁽⁴⁾, người ưa, vật thỏa. Khi ấy, Đường Khang Cù⁽⁵⁾ nổi tiếng hát, quan Phong Nhân⁽⁶⁾ chúc tam đa. Dâng thơ họa của Vông Xuyên⁽⁷⁾ bày đồ thư của Đại Mễ⁽⁸⁾. Sống lâu khắp cả bốn cõi, thái hòa giữ lại nghìn năm.

“Kính vàng : ngôi báu thanh nhàn, áng văn rực rỡ. Thường làm ngoài giờ làm việc, thiên chương ngày một giàu thêm. Vịnh cảnh đẹp thì tỏ hết tinh linh mặt đất, vũng vàng Bàn, Thái⁽⁹⁾ muôn đời ; để cổ tích thì phô bày trị hóa của tiên vương, rực rỡ gương vàng nghìn thuở. Sinh, trưởng, thu, thành : rõ từng thời tiết, vận hành nhiếp lý điều hòa ; động, đứng, bay, lặn : đủ cả các loài, ngụ ý phát sinh dưỡng dục. Cơ mầu nhiệm của thợ trời, thấy ở chỗ phú cho muôn vật ; đạo thông thường của hoàng phạm, thấy ở chỗ lời nói phát ra.

“Bộn thân : Bí các được hầu, khuê văn trông ngóng, kính xét tập đầu, tập thứ hai, các bài thơ ngự chế ; tùy từng việc mà hạ bút, gặp sự vật mà nên lời. Gồm muôn loại thu vào, suốt ba tài đều đủ. Đã chiếu theo hằng năm biên tập ra, rồi khắc bản in, như viên ngọc rực rỡ, đôi vầng sáng soi đức sáng giữa trông, nơi nào cũng thấy sự rõ rệt ; văn thân mầu nhiệm, khôn lường mà hiểu được căn nguyên. Hướng chi, tượng hiện ra vật, nói hiện ra thơ, nói không tượng thì không rõ ; hình cao là đạo, hình thấp là vật, đạo không vật thì không minh. Cho nên thơ phải : biên ra từng loại thì đầu mối mới phân minh ; vẽ ra từng đồ thì văn thái càng rõ rệt. Đó là chỗ lòng bộn thân mong muốn. Vậy nên quên cả mình kiến thức nông hẹp, xin đem các bài thơ trong tập cung để những nơi danh thắng cổ tích, thời tiết nhân vật, chia ra từng loại để biên soạn, đều vẽ đồ phụ vào ; rồi lại chiếu bài vịnh trong các loại, tùy

(1) *Tinh nhất chấp trung* : thuần nhất không lẫn tà, trung bình không thiên lệch : đạo của Đường Nghiêu truyền lại.

(2) *Kinh luân phu bá* : xếp đặt sửa sang mọi việc.

(3) Năm việc : chữ ở thiên “*Hồng phạm*” *Kinh Thư*. Năm việc là nét mặt, lời nói, mắt coi, tai nghe, bụng nghĩ.

(4) *Hanh thông* : phần thịnh, thịnh vượng.

(5) *Khang Cù* : vua Đường Nghiêu đi chơi Khang Cù nghe được câu hát của người dân ca tụng thái bình.

(6) *Phong Nhân* : một quan đời Đường Nghiêu có chúc “tam đa” cho vua Nghiêu : đa phú, đa nam, đa thọ.

(7) *Vông Xuyên* : biệt hiệu của Vương Duy, một nhà vừa thơ hay vừa vẽ khéo.

(8) *Đại Mễ* : người đời Tống, văn hay và vẽ đẹp.

(9) *Bàn, Thái* : tám bàn thạch và núi Thái Sơn. Ý nói cơ nghiệp giang sơn được vững bền lâu dài.

loại biên chép, tuân theo bút pháp ngự viết ra, cẩn thận đàng tả. Nay sách đã xong, cộng được 14 quyển và 2 quyển mục lục, đề nhan sách là *Ngự đề đồ hội thi tập*, Kính dâng ngự làm, đợi lệnh cho khắc thành bản in, để nêu tỏ sự mầu nhiệm của trời đất, để thiên hạ được thấy nghe chung, càng tỏ rõ cái hay của công hóa thánh thân của nước Đại Nam ta và kính vâng đức nghiệp của hoàng thượng ta thịnh lớn ngày một thêm mới, văn chương thánh minh theo cũ làm mới, sáng tỏ về sau mãi mãi không cùng”.

Bài tấu này vua cho là được, bèn làm bài tựa [vào tập thơ] rằng : “Cổ giả trị thiên hạ, ngược xem thiên văn, cúi xét địa lý, xem vẻ của chim muông và thổ ngơi của đất, gần lấy thí dụ ở mình, xa lấy thí dụ ở mọi vật, nét phần rải rác làm trăm dòng sông, nét xanh tụ lại thành các ngọn núi ; nguyên khí chia ra, thành ở chỗ ngòi bút ; đó là cái nghĩa đồ họa. Lớn thay ! Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta : chịu mệnh trời cho, gây dựng nên nước nhà, đất Thuận Hóa mở nền, kinh Phú Xuân định nghiệp. Các bậc thánh nối dõi, lo nghĩ không lúc nào ngơi, nhân sâu ơn hậu, nhuần thấm mãi mãi, sáng tỏ luôn luôn. Đến hoàng tổ, Thế tổ Cao hoàng đế ta : chịu mệnh trời để trị nước, có cả bốn biển, mở nước Đại Nam. Công chất chứa rạn về đời trước, nghiệp nhất thống để lại đời sau. Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta : hưởng được lòng trời, thông minh thánh triết, giải tỏ văn đức, họp lại làm bậc đại thành. Trời che đất chở đến đâu, đều có cảnh thăng bình ; Mặt Trời, Mặt Trăng chiếu đến đâu, đều lên cõi nhân thọ. Thống nhất dự đồ muôn nước, nghiệp vương truyền mãi không cùng. Kinh Phú Xuân thêm vững vàng, hiểm trở không chỗ nào hơn, có cái cửa rất mạnh thứ nhất trong thiên hạ : thành dài định ở phương Bắc, núi Hoàng Sơn, sông Linh Giang, núi Bình Sơn, sông Hương Thủy, là chỗ hình thặng ức muôn năm, ở trong chế ngự bên ngoài, nhận lễ châu hầu của bốn phương. Đó là chỗ non sông mười người chống được trăm người, để đối phó với thiên hạ.

“Ta kính vâng ngôi báu, nối nghiệp lớn dài lâu, nghĩ đến công khai sáng khó nhọc, lại càng sợ việc thủ thành không phải dễ. Phàm những nơi đi chơi xem xét, trông thấy cảnh đẹp của non sông, càng để lòng làm tỏ công liệt, đức sáng [của đời trước]. Mỗi khi nhân nhớ đến cảnh thặng nào đó thì chép ra thành thiên. Hướng chi, khi nhân hạ mở sách ra xem thì nắm được trị công ở sách cổ. Nghiệm thời tiết, khuyên dân chăm việc thì cảm xúc sự vật mà ngâm thơ. Ngày tháng tiến lên, biên chép thành tập. Nay các viên trong Nội các là bọn Phạm Thế Hiển, trích đem các bài trong tập thơ, bài nào có thể miêu tả thành bản vẽ thì, xét theo muôn loại, biên vào thành sách, đều làm bức vẽ phụ thêm vào, dâng lên trình lãm. Và lại, trời đất tạo ra muôn vật, sách vở khôn xiết về hình dung ; non biển ở trong dư đồ, tô điểm khó thu vào gang tấc. Nhưng mà có chỗ nói rằng : *Đồ* 圖 là đọc, *thư* 書 là ngang, một đọc một ngang, cùng xen nhau thành vẻ đẹp, *đồ* là thực vật, *thư* là động

vật, một động một thực, cùng dựa nhau thành bức tranh. *Đồ* rất giản ước, *thu* rất rộng rãi, tìm ở *đồ* thì dễ, tìm ở *thu* thì khó. Đời cổ học có cốt yếu, để *đồ* ở bên tả, để *thu* ở bên hữu. Tìm tượng ở *đồ*, tìm lý ở *thu*. *Đồ thu* dùng đã lâu đời rồi. Vậy chuẩn y lời tâu xin làm *Ngự đề đồ hội thi tập*. Khắc in để mãi lâu dài, gia ơn cho đám sĩ phu, cũng là để xem cho rộng, chép thành việc, viết vào đầu tập thư này. Vậy làm bài tựa”.

Đến khi sách xong, thường kỷ lục có khác nhau cho ấn quan ở Nội các và người biên chép, người viết tinh tả. Lại thường thêm cho 300 quan tiền.

Tấn phong thân hiệu súng Bảo sang, đặt vào tự điển để thờ. Dụ rằng : “Hoàng tổ, Thế tổ Cao hoàng đế ta, với đất 1 thành, quân 1 lữ, bình định thiên hạ. Khi đi thân chinh, ngự dùng súng Bảo sang, gọi là “Vũ công lương khí”, nghĩa là một vật báu dùng trong việc võ, truyền làm vật báu trên đời. Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, mùa xuân đi săn, giết được con hổ, để cứu người trong lúc nguy khốn, nhân đặt tên súng ấy là súng “sát hổ”. Ta, lúc còn nhỏ, theo đi hầu, khi giảng võ ở đình Cát Vân, hoàng khảo ta chỉ bảo cho phương pháp dùng súng, trao cho súng Bảo sang ngự dụng, liền ra lệnh cho ra trường vây tập võ, để khuyên răn cho đến ngày nay, bèn đặt tên súng ấy là súng “Toản vũ”. Và lại, người đời cổ, như nhà Hán thì vì thanh kiếm mà lại lập đền, nhà Đường thì để cái cung lớn, mũi tên dài vào Vũ khố, mỗi khi gặp lễ trọng thể ở ngoài kinh thành thì thể nào cũng bày ở đầu hàng lễ vật, để ghi nhớ võ công. Súng bản triều dùng, vẫn lập được quân công. Vật ấy đã có thần. Nay tấn phong súng “Vũ công lương khí” làm vị thần, hiệu là Vũ công lương khí bảo sang tướng quân quang linh, súng sát hổ làm vị thần *Sát hổ bảo sang tướng quân vũ linh* ; súng Toản vũ làm vị thần *Toản vũ bảo sang tướng quân chân linh*, cấp cho sắc, làm thần bài, bày vào miếu thần Sang pháo”.

Tiết Đoan dương. Ban thưởng cho các quan. Chức đình hầu⁽¹⁾ cũng được dự. Ai có tang mà chưa hết cũng thưởng cấp cho quạt, khăn mặt và trà, quà các thứ có khác nhau.

Tiết Vạn thọ. Vua ngự điện Thái Hòa, nhận lễ mừng.

Tập thơ *Ngự chế Bắc tuần* khắc xong, ban cấp cho hoàng tử, hoàng thân, các quan văn võ và các quan ở các tỉnh về châu, cùng phủ Thừa Thiên, trường Quốc tử giám, học chính các tỉnh đều 1 tập.

Ấn thưởng tiền, gạo cho phu trạm ở các hạt từ phủ Thừa Thiên trở vào Nam đến tỉnh Hà Tiên, trở ra Bắc đến Cao Bằng ; giã binh dương tại ngũ, từ mồng 1 tháng 7 đến cuối tháng 12, mỗi tháng cấp tiền đủ 1 quan.

(1) *Đình hầu* : một chức tước về ban võ dành cho các người họ nhà vua.

Bắt đầu chế bài nga tuần tra ở vườn Cơ Hạ. Viện Cơ mật, Nội các, Thị vệ xứ, theo lệ mỗi tháng phải phái thuộc hạ đi tuần tra 2 lần, bên sai cấp 3 cái bài nga (1 cái khắc thuộc viện [Cơ mật] phụng phái tuần tra ; 1 cái khắc thuộc Nội các phụng phái tuần tra ; 1 cái khắc Thị vệ xứ phụng phái tuần tra) để cấp cho.

Sai bộ Binh hội đồng với Thống quản quân Thủy sư sát hạch suất đội các vệ ở quân Thủy sư. Có 2 người cai đội hạng giỏi là Nguyễn Tình và Dương Đức Suy đều là thủy sư ở ngoài được bổ thụ vào chức Phó vệ úy.

Lấy Phó vệ úy Nhị vệ dinh Vũ lâm sung Hiệp lĩnh trực ban ở Thị vệ xứ là Lê Chỉ Tín kiêm quản các đội Chấn dục, Kim sang ; Thượng trà viện sứ sung Hiệp lĩnh Thị vệ là Lê Mậu Hạnh do bản chức sung Hiệp lĩnh thị vệ trực ban, vẫn kiêm quản các ty đội Thượng thiện, Phụng thiện và Lý thiện. Sau đó, Hạnh vì việc đi chọn các hóa vật không hợp thức, phải giáng 4 cấp, bổ đi nơi khác. Lại phái đi đường biển để hiệu lực.

Đắp đê Quy Lai (huyện Phú Vinh) thuộc phủ Thừa Thiên.

Định lại thể lệ về những người theo hầu hoàng thân, công chúa có số hạn. Trước kia, vua rước Từ giá [Hoàng thái hậu] đến chơi vườn Cơ Hạ, hoàng thân tước công và các công chúa đều ở chỗ châu hầu. Thái hậu vui mừng, thung dung ban yến rất vui vẻ, đến nửa đêm mới thôi. Ngày hôm ấy, những người đi theo hầu các phủ đều chực ở ngoài cửa nách ; chiều đến, tiếng nói ồn ào, người canh cửa không ngăn cấm được. Thị vệ đem việc ấy ra nói. Bọn Phan Tùng ở vệ Cẩm y cũng tâu nói : “Từ trước đến nay, hoàng tử các tước công và các công chúa, khi ra vào trong hoàng thành, số người theo hầu chưa có hạn định. Vậy xin châm chước định ra chương trình”. Vua bèn sai Tôn nhân phủ hội đồng với bộ Lễ bàn luận rồi tâu lên, chuẩn định làm lệ (phàm các hoàng thân thường ngày châu hầu, khi đến ngoài các cửa hoàng thành, thì xe cộ và người khiêng xe kiệu đứng lại đấy, 1 người cầm lọng và 2 người hầu theo vào. Khi có mang triều phục thì cho đem thêm 2 người hầu nữa theo vào ; đến chỗ góc tường Đãi lậu viện ở 2 bên thì người cầm lọng dừng lại, đến ngoài các cửa Nhật Tinh, Nguyệt Anh và Duyệt Thị thì người theo hầu đứng lại đấy.

Các công chúa đi châu hầu. Khi đến ngoài các cửa Hiến Nhân, Chương Đức ở hoàng thành, thì người cầm lọng dừng lại đấy, 2 người khiêng xe kiệu và đầy tớ gái theo vào ; đến các cửa cấm ở cung thành, thì người khiêng xe kiệu và người hầu gái đứng đấy, do đầy tớ trong cung tiếp nhận xe kiệu đưa vào để một chỗ, rồi châu hầu theo như lễ.

(Khi ngự giá đi tuần du các cung, quán khác và những chỗ hành dinh đóng xa giá, các hoàng thân có đến châu hầu, thì bọn người khiêng xe kiệu đến ngoài các cửa cấm đều đứng cách 15 trượng, 1 người cầm lọng, 2 người theo hầu đều đứng cách 5 trượng.

(Các công chúa có đến châu hầu, người khiêng xe kiệu, đầy tớ gái và lọng đều đến ngoài cửa cấm đứng lại, do đầy tớ trong cung tiếp hộ theo vào châu hầu đứng như lễ.

(Khi có đến châu hầu ở cung Từ Thọ [hoàng thái hậu] thì xe kiệu và người khiêng của các hoàng thân, cũng đều đứng cả ở ngoài hoàng thành, chỉ cho đem theo 1 người cầm lọng và 2 người đi hầu ; nếu có đem triều phục, cũng cho đem thêm 2 người, đều đến ngoài cửa Thiên Thọ đứng lại. Các công chúa thì : xe, kiệu, người khiêng và lọng khi đến ngoài cửa Diên Trạch đều đứng lại, không được theo vào. Chỗ các người theo hầu đều phải im lặng, đứng chực, không được làm ồn ào. Còn hoàng thân, công chúa nếu có cung tiến phẩm vật gì, thì phu khiêng đồ lễ đến ngoài cửa Hiến Nhân, Chương Đức, đều đứng lại ; hoàng thân, công chúa đem việc [dâng lễ] tâu lên, nếu được thu nhận, thì do Thị vệ xử liệu sai quân Cẩm y khiêng thay, đem đến Duyệt thị đường, do thái giám chuyển tiến ; phu khiêng lễ vật không được theo vào).

Dụng 5 tòa phủ đệ ở phường Lý Cát trong thành. Các biên binh làm việc đều được thưởng 1 tháng tiền lương.

Ngày Nhâm Thân. Vua thân đi cày ruộng tịch điền. Những người chấp sự theo đi cày đều được thưởng cấp có khác nhau.

Cho : Nguyễn Văn Nhị làm Tuần phủ tỉnh Ninh Bình ; Phạm Duy Trinh làm Tuần phủ tỉnh Hưng Yên ; Lê Nguyên Trung làm Bố chính tỉnh Hà Nội ; Nguyễn Văn Chấn (tên cũ là Hiếu) làm Án sát tỉnh Quảng Nam ; Nguyễn Quốc Hoan làm Án sát tỉnh Vĩnh Long ; Tôn Thất Chính làm Lang trung bộ Lại, kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tả tá lý ; Trần Mẫn (Cử nhân tỉnh Quảng Bình), Trần Tiến Thành (Tiến sĩ phủ Thừa Thiên) đều làm Lang trung bộ Binh ; Nguyễn Khoa Dục làm Lang trung bộ Công. Cho Viên ngoại lang bộ Hộ Tôn Thất Thường và Bạch Đông Ôn làm Lang trung bộ Hộ.

Bố chính tỉnh Tuyên Quang là Hồ Hựu tâu lên nói : Tuyên Quang là đất lam chương, quân ở tỉnh Sơn Tây đều đóng thú, không phải là người thổ trước, phần nhiều bị bệnh ở giữa đường, xin chi tiền trong kho, tìm thuốc chữa cho. Vua y lời tâu.

Cho Đốc học tỉnh Nam Định là Vũ Mẫn thăng thự Lang trung bộ Lại. Mẫn mới đến Kinh, chưa quen trong những khi tiến lui : một hôm đi hầu lễ ngày kỵ ở điện Hiếu Tư. Khi lễ xong, về bộ, nghe thấy ngự giá đến, Mẫn hoang mang vội vàng, lầm đi qua trong đám nghi trượng, bị quân túc vệ bắt giữ lại, giao xuống cho bộ Hình, nghị phạt trượng, cách chức. Vua cho rằng Mẫn, lúc buổi mới, hoang mang vội vàng, không ví như người ở ngoài xông đến mà phạt tấ, nên chỉ giáng bổ làm Viên ngoại lang.

Tổng đốc An - Hà là Nguyễn Công Nhân, Tuần phủ Nguyễn Công Trứ, Bó chính Phùng Nghĩa Phương, Hộ lý đề đốc Đoàn Quang Mật và thự Bó chính Hà Tiên là Lê Quốc Trinh có tội, đều bị mất chức. Cho thự Tổng đốc Long - Tường là Nguyễn Tri Phương bổ thự Tổng đốc An - Hà, Hữu tham tri bộ Hộ là Doãn Uẩn bổ Tuần phủ An Giang ; Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, tham biện sự vụ Nội các là Nguyễn Bá Nghi thăng thự Bó chính tỉnh An Giang. Doãn Uẩn, Bá Nghi vào bái từ [để đi cung chức], vua dụ rằng : “Tỉnh An Giang là nơi trọng yếu ở biên thù, lại giáp giới nước Xiêm La, công việc điều độ quan hệ không phải là nhỏ. Các người đều do ta kén dùng, tuổi và sức còn mạnh, gặp việc gì cũng nên cùng với Tổng đốc Nguyễn Tri Phương một lòng bàn luận với nhau mà làm, để xứng đáng với cái trách nhiệm ta đã ủy thác. Ngày trước, Gia Cát Vũ Hầu chưa từng thân ra tất cả các mặt trận, thế mà tính không sót kế nào, đi đến đâu cũng không ai chống nổi. Các người là người trong đám học vấn, đều phải cố gắng lên !”. Bọn Uẩn cúi đầu, vâng mệnh lệnh, lui ra.

Trước kia, người thôn Tân Hựu tỉnh An Giang là bọn Đoàn Văn Quận đến Kinh kêu về việc thôn ấy đất rộng, người đông, đã xin chia ra cho tiện việc công, nguyên quyền lĩnh Bó chính là Lê Quốc Trinh cùng với Nghĩa Phương, Công Trứ và Công Nhân đều đòi tiền bạc dứt lốt (hoặc 50 lạng, hoặc 70 lạng, hoặc 100 lạng) do lại dịch trong tỉnh là Nguyễn Văn Uy, Nguyễn Văn Giao và Đội trưởng Nguyễn Văn Pháp dẫn nộp, lâu không xử đoán ra sao. Vua dụ rằng : “Việc chia đất thôn ấp, cũng không phải là tình hình bách thiết gì, sao lại đem nhiều của dứt mà cầu cạnh như thế, rất không hợp lẽ ! Nhưng đã chỉ rõ người và việc ra, chưa chắc đã phải là bịa đặt nói mò. Vậy chuẩn cho đều phải tâu lên nói cho rõ ràng, không được tự ý bênh vực chống đỡ cho sự trái lẽ. Nếu do các viên huyện và lại dịch ở tỉnh nhân việc mà sách nhiễu cũng cho nêu ra mà tâu hạch. Bọn Nhân đều dâng sớ, tự biện bạch. Duy có Nguyễn Văn Pháp thú nhận là có nộp 70 lạng bạc, mới giao xuống cho pháp ty xét hỏi, thì cái số bạc ấy là Công Nhân trả lại mà giao cho Văn Pháp. Trước hết, giáng Công Nhân xuống 4 cấp, cắt lương 1 năm. Lại chuẩn cho bọn Công Trứ đều phải tâu riêng mà trần thú, sẽ chức lượng xử theo luật nhẹ”. Sau đó [bọn Công Trứ] cũng không chịu nhận. Công Trứ trước là chức Tham tán cấm quân, Công Nhân xuất thân là tỳ tướng, nay lại ở địa vị trên, Công Trứ vì thế bất bình. Công Nhân nhòm thấy tâm trạng ấy, có ý chức hại ngầm Trứ. Đến đây, Công Trứ đi xem xét công việc khai sông, Quang Mật bắt được Đội trưởng đồn Chu Giang là Mai Văn Thạch tự tiện hộ tống 4 chiếc thuyền buôn lậu. Công Nhân và Nghĩa Phương hội đồng tra hỏi, nêu ra các tình lệ Công Trứ phái người đi dò thăm ở xứ Trấn Tây, mua riêng tê giác và đậu khấu, bèn tham hạch tâu lên. Vua sai Tham tri bộ Lễ Trần Ngọc Dao sung khâm sai đại thần đem cả Lại khoa Chương ấn Cấp sự trung

Đặng Kham đi đến ngay để tra xét. Khi Ngọc Dao đã đến, biết hết được tình trạng Công Nhân vu cáo để buộc tội. Khi án dâng lên, Nghĩa Phương và Công Nhân vì tội vu cáo bị xử phạt trọng, phát lưu ; Công Trứ làm việc phân nhiều xuất lược, Quang Mật nghe Công Nhân và Nghĩa Phương xui khiến, đều bị phạt trọng cách chức.

Vua dụ rằng : “Công Nhân xuất thân từ lúc làm tỳ tướng, lên đến chức trọng trấn một địa phương, chưa từng làm được một việc gì ! Trước kia, vụ án tham tang ở thôn Tân Hựu phát ra, ta đã châm chước xử theo luật nhẹ ; nay còn không nghĩ đồng một lòng với nhau mà giúp nước, để che cái lỗi trước, thế mà cố ý bắt kẻ phạm tội vu cho người khác, gây nên một vụ án to, đáng lẽ theo như án đã nghĩ xử, phạt tội phát lưu để răn những kẻ theo ý riêng mà bỏ việc công. Nhưng nghĩ : Công Nhân năm trước đánh lui được giặc ở đất Sa Tôn, lập công ở sông Vĩnh Tế. Theo điều “nghị công” trong luật, đối với người có công cũng có thể lượng giảm. Vậy gia ân cho cách chức, đi hiệu lực. Nguyễn Công Trứ trước phái đi biên giới phía Tây, giao cho việc quân rất quan trọng để phí cả ngày giờ, không làm nên công cán gì, ta cũng bỏ qua cái lỗi trước, bỏ cho làm tuần phủ ; gần đây cứ ôm gốc cây để đợi thỏ đến, mơ hồ mọi việc không chịu để tâm. Việc buôn gian chờ hàng hóa tuy là việc vu cáo nói không, nhưng xét đến chỗ sở hành, đại để là mượn việc công để làm việc riêng, tội tình không thể che giấu được. Nghĩa Phương, Quang Mật a dua với quan trên, đáng lẽ xử tội cùng một tội, nhưng vì Quang Mật vạch ra được kẻ buôn gian, nên chỉ đổi phạt : giáng xuống chức suất đội, cho theo sai phái ở tỉnh Hà Tiên. Công Trứ, Nghĩa Phương đều bị cách chức cùng với Lê Quốc Trinh cùng can vào việc tham tang, phải giải chức, giao cho Ngọc Dao xét nghĩ”. Sau đó Ngọc Dao được đổi đi làm Tuần phủ tỉnh Định Tường. Vụ án này, đổi giao cho Nguyễn Tri Phương hội đồng với tuần phủ, bố chính, án sát tra xét, nghĩ xử cái án của Công Trứ, Nghĩa Phương và Quốc Trinh. Vì nhân chứng rõ ràng, đều kể cái số tham tang giảm đi một nửa nên xử phạt trọng và đày. Khi án dâng lên, vua chuẩn cho đều sung quân : Công Trứ phát đi biên thùy tỉnh Quảng Ngãi ; Nghĩa Phương, Quốc Trinh phát đi đảo Côn Lôn, truy thu số tiền tham tang trả lại cho những người đã đem lễ. Thôn Tân Hựu cũng không cho chia ra.

Cho Nguyễn Đăng Tuấn hàm Hiệp biện Đại học sĩ, chuẩn cho cứ ở nhà mà được cấp nửa lương. Vua dụ rằng : “Khi ta mới ở cung ra đi học, hoàng khảo ta chú ý đến việc “chịu chén” thừa tự nhà tôn miếu, cẩn thận kén thầy để dạy học, sai Thận Trai tiên sinh sung chức phụ đạo. Cái công rèn đúc dạy bảo đã sâu, tiên sinh ở chỗ văn thư ra, giữ chức xuân quan [bộ Lễ]. Khi hoàng khảo ta chưa lên ngôi, ngày ngày châu chực ở Đông cung. Khoảng năm Minh Mệnh, làm cả quan trong, quan ngoài, làm lại thấy dạy học, rồi vì già yếu, về nghỉ, chưa bao lâu, lại được triệu về, gia hàm thượng thư, sung chức sư bảo là thầy dạy hoàng tử, lại giải ấn về hưu.

Khi ta lên ngôi, tiên sinh chống gậy đến bệ kiến, ta lại hậu lễ, triệu ra làm thượng thư bộ Lễ, giao cho dạy hoàng tử, hoàng đệ. Khi ta Bắc tuần, sung làm đại thần lưu thủ ở Kinh, phàm việc quân quốc trọng đại đều nhanh nhẹn xong xuôi. Khi ta hồi loan, thăng thụ hiệp biện đại học sĩ, vẫn sung chức sư bảo. Sau lại xin về hưu, ta bèn hậu lễ để cho về. Nay nhân gặp khánh tiết Vạn thọ, ta nhớ lại ngày trước, vẫn ngay ngáy trong lòng, đặc ân chuẩn cho thực thụ hiệp biện đại học sĩ, vẫn cho cáo hưu, được ở quê quán, năm chỉ nửa lương. Lại ám thụ cho một người con thứ làm tư vụ, không phải ra làm việc, cứ ở nhà để phụng dưỡng cho trọn đạo ; cháu đích tôn là cử nhân Nguyễn Đăng Hành cũng chuẩn cho ở quê nhà để hầu hạ nuôi nấng. Nay phái Thừa chỉ Nội các Nguyễn Ba mang án dụ sắc thư, đi đường trạm đến ban cấp và tuyên đọc Chỉ dụ hỏi thăm sức khoẻ cận trạng của tiên sinh. Lại sai bộ Lễ đem dụ chỉ này lục cấp cho Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai để cho biết việc hầu hạ nuôi nấng đã có người, cứ yên tâm mà cung chức”. Rồi đó Nguyễn Đăng Tuấn đến cửa khuyết dâng sớ tư rằng : “Quan tước để khuyến khích người hiền tài, bổng lộc để nuôi dưỡng người liêm khiết. Thân là kẻ thư sinh, lập nên nghiệp nhà, quan đến thụ tòng nhất phẩm, vinh quý biết là chừng nào ! Đã không làm được công việc gì, chống gậy ở chỗ quê hương, vui mừng trông thấy cảnh tượng thái bình, tự biết đã được may mắn quá phận ! Mình ở nơi điền dã, được thăng lên bậc cao, không có thực trạng công lao mà nhận thực phong khoáng cách⁽¹⁾ bụng thần không được yên. Thế là một. Thân trải thờ ba triều, bấy lâu nhờ về lương làm quan, cộng với hơn 10 mẫu ruộng của tiền nhân để lại, không đến nỗi thiếu ăn, lại được ơn cho nhiều tiền bạc, cũng đủ ăn gầy⁽²⁾ lúc tuổi già. Con thân là Nguyễn Đăng Khải hiện được cấp lương tòng nhị phẩm : chỗ lương bổng còn thừa ra, thường đưa về một nửa để cung dưỡng thân, thì thân tiêu về gạo, củi và ăn uống, không lo không đủ. Nay được nhận lộc quá lượng thần không an tâm được. Thế là hai. Vả, thần nghe cổ nhân có nói : phàm việc, nên để đất có thừa không hết ; làm quan, nên lấy thanh bạch để lại cho con cháu. Tấm lòng thần trong sinh bình, tưởng bậc thánh minh đã xét rõ cho. Nếu được rủ lòng thương đến, thì số lương cho một năm một nửa, thần tôi xin lĩnh một kỳ để tỏ vẻ vang được ơn vua cho. Còn như thưởng cho quan hàm và lương cho từ sang năm trở đi, xin được theo như chí của thần chuẩn cho định miễn. Thế thì không tổn hại đến danh khí công của triều đình, mà con cháu đời đời của thần cũng được đội phúc cùng nước cùng vui, để phúc nhà dài mãi đến đời sau, tức là thần được đội ơn nước không biết gấp mấy nghìn mấy vạn vậy”.

(1) *Thực phong khoáng cách* : đặc cách hiếm có được phong hàm thực sự.

(2) *Ăn gầy* (đã chú giải ở tập trước).

Nhà vua phê vào tập sớ, lại dụ rằng : “Tiên sinh thân tuy ở nơi diên dã, lòng vẫn ở nơi cửa vua, há chẳng thấy chế độ nhà Hán “Không có quân công không được phong hầu”, thế mà Hoàn Vinh, Khổng Bá đều được tước Quan nội hầu, đời cổ nói không âm đức nào là không báo, không lời nói nào là không đều”. Lễ phải là vậy, hà tất phải từ chối?”. Nhân đó chính nhà vua làm bài thơ để tặng cho. Tuấn cáo từ ở trước mặt vua, cảm kích đến chảy nước mắt, khuyên vua giữ trị công, yêu đức nghĩa. Vua cũng vì đó mà cảm động, thân tặng thứ nhân sâm diên linh thạch phẩm⁽¹⁾ và tập đầu thơ *Ngự chế*, tập thơ *Bắc tuần* đều một bộ, cùng với một bộ áo châu ; sai quan ở bộ chính bị binh thuyền hộ tống về quê. Lại sai hoàng tử thứ hai là Phúc Tuy công tiến lên thuyền, yên ủi, hỏi han, rồi về tàu lại.

Cho Thành thủ úy sung Hiệp quản ở vệ Nhị thuộc Hậu bảo là Đoàn Thọ làm thự Phó vệ úy Nhất vệ thuộc Trung bảo.

Tuần phủ tỉnh Hà Tiên là Nguyễn Lương Nhân tâu nói : Trong tỉnh hạt, khí lam chướng hơi nặng, lính thợ phần nhiều bị cảm nhiễm, dân trong hạt không ai làm nghề chữa thuốc. Xin sắc sai Thái y viện chọn người đến ngay để điều trị cho. Vua bèn hạ lệnh cho 3 tỉnh Gia Định, Vĩnh Long và Định Tường đều chọn một người y sinh để sung làm ty lương y tỉnh Hà Tiên, cứ 3 năm một lần thay đổi.

Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Hải Dương và Bình Định đều bị hạn. Vua hạ lệnh cho các tỉnh ấy phải đến các đền thiêng ở sở tại mà cầu đảo. Lại sai Thị lang bộ Lễ Hoàng Tế Mỹ cầu đảo ở miếu Thần mưa. Vua cũng mật đảo ở trong cung. Trời mưa to. Sai sắm đủ lễ vật để lễ tạ. Thương cho Hoàng Tế Mỹ 1 đồng kim tiền “nhị nghi” và kỷ lục một thứ. Trước kia, bọn khoa đạo Nguyễn Tiến Hội tâu nói : “Đã lâu năm, việc thần sắc chưa làm xong, những người phạm tội bị giam để tra xét còn để chậm lại nhiều, mà công việc trong Kinh thành cứ kế tiếp làm mãi. Ba việc ấy đều đủ khiến cho đại hạn. Vua sai bộ Lễ phải làm gấp ngay việc phong sắc bách thần ; nha giữ việc pháp luật phải xét xử các việc hình ngục còn để đọng lại, bộ Công phải đình hoãn lại những việc không khẩn cấp ở trong Kinh thành. Ngày hôm ấy ở phủ Thừa Thiên được mưa, các tỉnh cũng đem việc được mưa tâu lên. Vua rất mừng.

Tháng 6, các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Sơn Tây, Bắc Ninh, Khánh Hòa và Hà Tiên được mùa to. Các hạt Thừa Thiên, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, gần đây, vì ít mưa, thóc lúa hơi bị tổn hại. Sai chiếu lệ, tha hoặc giảm thuế cho dân ; nơi nào phải thu thuế, chuẩn cho giảm giá chiết nạp bằng tiền. Số thóc tỉnh Nghệ An và tỉnh Quảng Ngãi vay năm trước, cũng cho nộp thay bằng tiền. Sau đó, các tỉnh Nam Kỳ đều nói giá gạo ngày

(1) *Diên linh thạch phẩm* : phẩm vật dùng để khoẻ mạnh, sống lâu.

một hạ di. Vua nói : “Đó là hiệu quả của sự thóc gạo được lưu thông”. Nhân bảo bộ Hộ rằng : “Từ trước đến nay, số thu hoạch và giá gạo ở các tỉnh đều chưa có bản danh sách kê tổng cộng. Ta để tâm yêu dân, quý thóc, đối với hạt gạo ăn của dân gian ta thường muốn nắm vững hết cả ở trong lòng. Từ sau, phàm thành số thu hoạch mỗi năm cứ lấy giá gạo cao hạ về mùa hạ, mùa thu, chia làm 4 tháng quý, đều làm thành quyển sổ tiến trình. Việc này được đặt làm lệ mãi mãi”.

Thự Bộ chính tỉnh Thái Nguyên là Trần Trứ tâu nói : “Trong tỉnh hạt, 2 châu Định Châu và Vũ Nhai cách tỉnh lỵ hơi xa, sự dài tải khó nhọc. Xin đem số thóc thuế 2 châu ấy cho chiết nạp bằng tiền”. Việc này được giao xuống cho bộ Hộ bàn. Bộ cho rằng hạt ấy chỉ có 2 huyện châu Bạch Thông và Cẩm Hóa, đất ở thượng du, rất xa xôi, nên mới chuẩn cho chiết nạp tiền để tiện cho dân ; còn như 2 châu Định Châu và Vũ Nhai, cách tỉnh không quá 3 - 4 ngày, từ trước đến nay thâu nạp bằng thóc chưa nghe thấy nói là bất tiện. Hướng chi có ruộng thì có thuế, đó là lẽ thường, nếu cứ gượng gạo chiều ý từng việc một rồi nơi khác cũng bắt chước, tránh sự đi xa, thì biết thế nào cho cùng ! Vậy xin cho 2 châu ấy cứ theo như cũ thực nộp bằng thóc. Vua y cho. Chưa bao lâu, thự Tổng đốc Ninh - Thái là Nguyễn Cửu Đức cũng nói tỉnh Bắc kho chứa thóc đã đầy. Thóc thuế thu về mùa hạ, xin cho dân chiết nạp bằng tiền. Bộ trả lời không chuẩn cho, nhân tâu lên nói : “Các tỉnh Bắc Kỳ, ruộng đất rộng mà màu mỡ, nếu thường năm được mùa, thì thóc lúa ngày một thêm nhiều, mà lệ vận tải đến Kinh cũng để ở tỉnh một năm, lương bổng nên chi thế nào đã có định ngạch. Xin do các thượng ty phải trừ nghĩ sẵn trước, cốt sao cho sự chứa để được vừa phải, không thể ngồi đợi cho đến khi chứa đầy kho rồi mới xin vận tải đi ; cũng không được để đến kỳ thu thuế, rồi mới xin chiết nạp”. Vua khen lời tâu, thông dụng cho các tỉnh Bắc Kỳ biết.

Thự Tổng đốc Định - An Phan Bá Đạt tâu nói : “Huyện Tiên Hải trong thuộc hạt, hằng năm chỉ có một vụ mùa, chia làm hai vụ nộp thuế không tiện ! Vậy xin : thuế tiền, quy về mùa hạ ; thuế thóc, quy về mùa đông”. Vua y cho.

Duyệt tuyển số dân 4 tỉnh : Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hòa. Lấy thự Tuần phủ Thuận - Khánh Nguyễn Đăng Uẩn, Án sát Quảng Nam Nguyễn Văn Chấn, thự Bộ chính Quảng Ngãi Nguyễn Đức Hộ, Biện lý bộ Hình Đinh Văn Minh sung phái bộ. Khi sổ sách làm xong dâng lên, ban thường có khác nhau.

Cho : Hồng lô Tự khanh sung Sử quán Toàn tu Vũ Phạm Khải đổi bổ Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, tham biện công việc Nội các ; Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, sung Sử quán Toàn tu Nguyễn Tường Vĩnh thăng bổ Hồng lô Tự khanh, sung Sử quán Toàn tu.

Cho Phó quản cơ thự Phó vệ úy vệ Minh vũ là Vũ Đàm làm Quản cơ sung Hiệp quản vệ Tả nhất dinh Vũ lâm ; Thành thủ úy sung Hiệp quản vệ Tả nhị dinh Vũ lâm là Tôn Thất Chu đổi sung Hiệp quản vệ Tả dinh Thần cơ (Phó vệ úy vệ này là Phạm văn Đàm bị giáng chức) ; Phó quản cơ thự Phó vệ úy vệ Tráng vũ là Ngô Nghê làm Quản cơ sung Hiệp quản vệ Tả nhị dinh Vũ lâm.

Cho : Phó vệ úy vệ Dương vũ dinh Thần cơ là Nguyễn Trọng thăng thự Phó vệ úy Trung vệ dinh Thần cơ ; Cai đội ở Cửu đội thuộc Tiền vệ dinh Hùng nhuệ là Nguyễn An bổ thự Phó quản cơ sung Hiệp quản vệ Dương vũ dinh Thần cơ.

Trước đây việc biến ở Trấn Tây, tên Giun giặc Miên, đem quân Xiêm đến giữ lấy đất ấy. Thổ dân phần nhiều chán về sự tàn ngược của người Xiêm. 3 đất Trung Lạp, An Phủ, Danh Bang không chịu theo người Xiêm, đem dân vào rừng ở, cho thổ mục đem hàng hóa đến buôn bán tỏ ý muốn về nước cũ. Cao Hữu Dực đem việc tâu lên. Vua dụ cho Tổng đốc Nguyễn Tri Phương và Tuần phủ Doãn Uẩn rằng : “Dân thổ khổ về sự tàn ngược của người Xiêm đã lâu, giận mà không dám nói, nay đất Danh Bang đã không chịu khuất mà theo về thì giặc Xiêm ngăn ngừa càng cẩn mật, thổ dân ngờ vực sợ hãi càng sâu sắc. Bây giờ dân Man đến buôn bán mới độ một tháng mà thuyền có đến hơn 1.000 chiếc, nhân số hơn 4.800 người, nhân đấy mà võ về, chính là lúc gặp thời đấy. Vậy nên hiểu thị cho biết cái lẽ bỏ đường nghịch, theo đường thuận, để chúng giết hại lẫn nhau, thì ta nhân cái thế ấy mà võ về thu phục lấy chúng, nước nhỏ Lạp - Man kia, sẽ có thể không phải dùng đến quân sự mà phục được”.

Lấy : Án sát tỉnh Hà Tiên là Hoàng Mẫn Đạt thăng thự Bố chính tỉnh Hà Tiên ; Lễ khoa Chương án Cấp sự trung là Nguyễn Tất Phong thăng thự Án sát tỉnh Bình Thuận. Rồi đó Phong chuyển sang thự Án sát tỉnh Hà Tiên. Khởi phục Lê Bá Đĩnh, hàm Viên ngoại lang bộ Hình được thăng thự Án sát tỉnh Bình Thuận.

Tổng tài Sử quán Trương Đăng Quế tâu nói : “Các bản phiếu nghĩ của các nha môn về khoảng năm Minh Mệnh đã được ngự bút châu điểm rồi, xin kiêm giao cho Sử quán, để dùng làm tài liệu nghiên cứu”. Vua chuẩn y.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XL

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Giáp Thìn, Thiệu Trị năm thứ 4 [1844], mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, làm lễ Thu hưởng. Ngày hôm ấy, mưa, lễ xong, thưởng cho các quan bồi tế và chấp sự : bạc và tiền có khác nhau. Ngày hôm sau, vua ngự điện Văn Minh, tuyên triệu hoàng tử, hoàng thân và các quan văn võ đại thần vào yên ủi hỏi han, đều cho thoi thuốc “tử kim đĩnh” và nói : “Dùng thứ thuốc này, có thể tránh được phong hàn”.

Bắt đầu chế ấn “Đại Nam hoàng đế” 大南皇帝 và ấn “Thần hàn” 宸翰 làm bằng thứ ngọc biếc (ấn “Hoàng đế”, vuông 2 tấc 4 phân, dày 1 tấc, cao 2 tấc ; ấn “Thần hàn”, vuông 1 tấc 8 phân, dày 8 phân, cao 1 tấc 6 phân). Chuẩn định : Từ nay, phàm đi tuần thú quan sát các địa phương, và ban các sắc thư ra nước ngoài, cùng các việc lớn, thì đóng ấn “Đại Nam hoàng đế”, cũng như ấn “Đại Nam thiên tử” 大南天子 . Ấn chế xong, dụ cáo khắp trong Kinh và ngoài các tỉnh ; thưởng cho bộ Lễ, bộ Công và đường thuộc Nội các, cho đến thợ làm có khác nhau.

Đặt đàn chay trọng thể ở chùa Diệu Đế, sai Thống chế Tôn Thất Nghị, Tham tri Lý Văn Phúc đốc công việc này. Vua dụ rằng : “Ta lập lên ngôi chùa, vì dân cầu phúc, nay thợ xây dựng đã xong, gặp ngày tiết “Vu lan”⁽¹⁾, nên mở một đàn chay to, trên cầu cho Thánh tổ mẫu⁽²⁾ Nhân tuyên Từ Khánh Thái hoàng hậu ta, sống lâu

(1) Vu lan : tuần chay vào ngày 15 tháng 7.

(2) Thánh tổ mẫu : chỉ bà nội của Thiệu Trị.

thêm tuổi, hưởng mãi phúc lành, mạnh trời ban cho, tuổi thọ nhiều phúc ; phở nguyện cho năm được mùa, nước sông thuận, nước thịnh, dân yên, cùng hưởng phúc thái bình ; tụng kinh một tuần 7 ngày. Lại đặt đàn phổ độ [cho vong nhân] để rộng thiện duyên. Có một nhà sư họ Hứa, pháp hiệu là Liễu Tính, vào cửa thiền từ khi lên 5 tuổi ở hang núi Trường Lịch, hiểu đạo Phật được sâu ; đến đây, cầm gậy tích trượng sang phương Nam, trụ trì ở chùa này. Vua khen ngợi, cho hiệu là Tịch cốc tăng⁽¹⁾.

Đổi : xã Chi Lan ở châu Ôn tỉnh Lạng Sơn thuộc về tổng Thốc Sơn huyện Hữu Lũng tỉnh Bắc Ninh ; 3 xã Xa Lý, Giáo Liêm, Quế Sơn ở huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Ninh thuộc tổng An Châu, huyện An Bác, tỉnh Lạng Sơn.

Các tỉnh Thừa Thiên, Hải Dương, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận ít mưa. Tỉnh Gia Định có thứ sáu mới nở. Sai đều phải lập đàn cầu đảo để tống đi. Rồi đó, các tỉnh báo được mưa, hết sâu.

Sai tuyển thổ binh ở tỉnh Thanh Hóa, 6 huyện châu Thạch Thành, Quảng Địa, Cẩm Thủy, Lang Chánh, Thường Xuân, Quan Hóa. Tỉnh này, về năm Minh Mệnh thứ 19 [1838], bộ Binh bàn xin tuyển lấy thổ binh nhưng rồi lại đình hoãn. Đến đây, vì số dân thêm nhiều ra, bèn sai chiếu lệ, cứ 7 dinh lấy 1 lính, thu thành 6 đội (cộng 319 tên) tổ chức làm cơ Thanh hùng, đặt quản suất để cai quản, chia làm 3 ban, phái đến trú phòng ở 2 phủ Quảng Hóa và Thọ Xuân, đầu năm diễn tập cũng như quân lính các vệ.

Lấy Tham tri bộ Binh Phan Thanh Giản sung Đại thần viện Cơ mật, vì Hà Duy Phiên bị bệnh, cáo nghỉ giả hạn.

Làm thêm kho ở tỉnh Bắc Ninh. Kho chứa thóc ở tỉnh Bắc Ninh hơi đầy, thu thóc vào, không đủ chỗ chứa, bèn sai làm thêm 2 kho ở tỉnh lý, 2 kho ở phân phủ Thuận An (đều 15 gian). Rồi Tổng đốc Nguyễn Cửu Đức tâu nói : “9 huyện thuộc tỉnh : Văn Giang, Gia Lâm, Siêu Loại, Đông Ngàn, Tiên Du, Yên Phong, Quế Dương, Lang Tài, Gia Bình, thóc thuế vụ hạ năm nay phải nộp hơn 49.000 hộc, xin thu về vụ đông, cho xay ra gạo tát cả, đem tải nộp vào kho phân phủ Thuận An, để cho đủ sang năm vận tải đến Kinh, rồi cứ lệ niên trung thu xin cũng chiếu lệ ấy tuân hành”. Việc giao xuống cho bộ Hộ bàn. Bộ cho rằng 9 huyện, đồng niên, số thóc thuế phải nộp đến hơn 164.400 hộc, từ trước đến nay, vẫn chia ra từng thành để thu thuế (vụ hạ, thu 3 thành ; vụ đông, thu 7 thành), thực là muốn cho dân dễ dàng vận tải để đem nộp. Nay quy cả vào vụ đông, thì số thóc nhiều gấp hai, chưa chắc không có cái tệ trì trệ và thiếu sót. Tâu xin như thế rất là chưa hợp. Vậy xin

(1) Tịch cốc tăng : nhà sư đi tu không ăn các thứ ngũ cốc.

cho 9 huyện cứ theo như các huyện Văn Giang, Gia Lâm, cũng phải nộp thóc thuế về vụ hạ. Duy đến kỳ thu thuế về vụ đông, mới cho xay ra gạo, đem nộp ở kho phân phủ Thuận An. Cứ đến cuối năm, ở bộ sẽ trừ tính cái số sang năm phải tải [đến Kinh], nếu cái số gạo nộp thuế về vụ đông hiện chứa ở kho ấy mà phát tải [đến Kinh] thì xin trích đem cái số thóc thuế nộp về vụ hạ xay ra gạo, để cho đủ tải đi, còn thừa ra vẫn chứa ở kho ấy sẽ dùng đến, mới là ổn thỏa thuận tiện. Vua chuẩn y như lời bàn của bộ.

Xứ Nam Kỳ gao đất. Vua sai các tỉnh xét hỏi tình cảnh của dân và tâu lên.

Dụ rằng : “Tỉnh Bình Thuận thuộc Tả trực kỳ, các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, mùa đông năm ngoái vì ít mưa, lúa ruộng có chỗ tổn hại, đã cho giảm thuế. Còn số thuế phải nộp về năm nay lại chuẩn cho chiết nạp [bằng tiền]. Triều đình gia ơn cho dân, không chỗ nào là không chu đáo. Gần đây giá gạo hơi đắt, chưa biết hiện nay dân ta sinh kế có được dư dật không ? Ta để tâm chăm nghĩ đến dân, phạm việc, tất phải lo cho dân trước. Vậy truyền dụ cho các đốc phủ, bố, án, đều phải gia tâm xét hỏi nhân dân trong hạt : hiện nay ăn dùng có thể tiếp tế được mà không đến nỗi nhân nhố thiếu thốn, rồi tâu ngay lên, để yên lòng ta. Nếu có tình hình điều đúng vấp và, cũng phải một mặt tâu lên, một mặt phải điều tể thế nào, trừ tính cho kỹ, tiếp tục tâu lên, đợi ban chỉ dụ thi hành. Các người đều có chức trách chăm nom cho dân, nên lấy lòng ta làm lòng mình, lấy việc dân làm việc nhà, tường tận xem xét, thế nào cho người trên được biết tình trạng của dân, mới là không phụ trách nhiệm ta đã ủy thác. Các người đều phải kính cẩn tuân theo”.

Bộ Hộ tâu nói : “Những tên đất, khi xưng hô, thường nói đến, giản hoặc gặp chữ tôn hiệu các tiên đế, hoặc 2 chữ cùng nói đến, xin cho đổi đi, để tỏ ý kính cẩn. Duy có phủ Thừa Thiên là nơi kinh đô nhà vua, tỉnh Tuyên Quang, đứng vào hàng địa phương đã lâu, xin cứ để yên như cũ ; còn thì xin chiếu tùy từng chữ, từng nghĩa, đổi dùng chữ khác”. Vua khen lời tâu là phải, bèn cho xét tên các phủ, huyện, tổng, xã và thôn, ấp, hễ trùng với những tôn hiệu nhà tôn miếu thì đổi theo tên mới (phủ Hoàng Đạo đổi là phủ Hoàng Trị, xã Hoàng Đạo thuộc huyện Hoàng Hóa đổi là xã Hoàng Nghĩa, ấp Minh Đức thuộc huyện Phú Vinh đổi là ấp Mộc Đức, thôn Minh Đức thuộc huyện Phúc Lộc đổi là thôn Quy Đức, tổng Minh Đức thuộc huyện Tân Minh đổi là tổng Minh Thiện, thôn Minh Đức thuộc huyện Kiến Hòa đổi là thôn Thừa Đức, thôn Hiếu Văn thuộc huyện Tuy Viễn đổi là thôn Hữu Đức, thôn Thượng xã Quang Liệt thuộc huyện Tống Sơn đổi là thôn Thượng xã Vĩ Liệt, xã Quang Liệt tổng Quang Liệt thuộc huyện Thanh Trì đổi là tổng Thanh Liệt xã Thanh Liệt, xã Quang Liệt tổng Quang Liệt thuộc huyện Phù Cừ đổi là xã Viên Quang tổng Viên Quang, thôn Trinh Thuận thuộc huyện Duy Xuyên đổi là thôn

Vĩnh Trinh, xã Từ Tường thuộc huyện Tuy Phong đổi là xã Trinh Tường, thôn Khoan Hồng xã Đa Tốn thuộc huyện Gia Lâm đổi là thôn Khoan Tế xã Đa Tốn, thôn An Trinh thuộc huyện Vĩnh Thuận đổi là thôn An Trạch, trại An Trinh thuộc huyện Tiên Hải đổi là trại An Cư, xã An Trinh thuộc huyện Cẩm Giàng đổi là xã An Đĩnh, xã Vũ Vĩ thuộc huyện Vũ Giàng đổi là xã Phương Vĩ, thôn Hậu Đức thuộc huyện Cửu An đổi là thôn Chiêm Đức, thôn Từ Nhân thuộc huyện Tuy Phong đổi là thôn Từ Thiện, xã Từ Nhân thuộc huyện Tuy Phong đổi là thôn Từ Thiện, xã Từ Nhân thuộc huyện Thượng Phúc đổi là xã Từ Vân, thôn Đại Thành thuộc huyện Minh Linh đổi là thôn Mỹ Thành, xã Đại Thành thuộc huyện Diên Phúc đổi là xã Lạc Thành, phường Đông Mỗ thuộc huyện Đông Hỷ đổi là phường Đông Hòa, trang An Ninh thuộc huyện Văn Lãng đổi là trang An Cư ; xã An Ninh tổng An Ninh thuộc huyện Đại Từ đổi là xã An Đổ tổng An Đổ, tổng Thơm Linh xã Thơm Linh đổi là tổng Phương Linh xã Phương Linh, tổng An Ninh xã An Ninh thuộc Định Châu đổi là tổng An Trạch xã An Trạch, thôn Hương Trà thuộc huyện Hà Đông đổi là thôn Thanh Trà, xã Hiệp Lễ thuộc huyện An Lạc đổi là xã Hiệp Thuận, thôn Thọ Chiên xã Hương Chiên thuộc huyện Đông Ngàn đổi là thôn Vĩnh Thọ xã Hương Mặc, xã Thọ Chiên tổng Thọ Chiên thuộc huyện Tiên Du đổi là tổng Thọ Phúc xã Thọ Phúc, 2 thôn Thượng, Trung xã Phú Lập và thôn Chiên xã Thọ Chiên đổi là thôn Phúc xã Thọ Phúc, thôn Lũng Chiên xã Thanh Tương thuộc huyện Siêu Loại đổi là thôn Lũng Khê xã Thanh Tương, xã Châu Chiên tổng Bảo Lộc đổi là xã Châu Xuyên ; xã Thọ Chiên thuộc huyện Yên Phong đổi là xã Thọ Đức.

Cho : Tả thị lang bộ Hình Trương Quốc Dụng bổ sang Tả thị lang bộ Công ; Thông chính sứ biện lý bộ Hình Trương Văn Uyển đổi bổ Tả thị lang bộ Hình ; Biện lý bộ Công Đinh Văn Minh đổi bổ Biện lý bộ Hình ; Viên ngoại lang bộ Lễ Vũ Đình thăng thụ Lang trung bộ Lại ; thự Quốc tử giám Tư nghiệp Lê Thiệu Trị thăng thụ Lang trung bộ Lễ ; thự Đốc học tỉnh Gia Định Lê Văn Hy thăng thụ Quốc tử giám Tư nghiệp ; Đốc học Thanh Hóa Vũ Công Độ, thăng thụ Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ sung Biên tu Sứ quán ; thự Đốc học Sơn Tây Lê Duy Chí bổ đi Đốc học Thanh Hóa ; thự Lang trung bộ Lễ Dương Thanh Thụy vì làm việc tâm thường, giảng làm Viên ngoại lang, bổ đi Đốc học tỉnh Sơn Tây ; Hộ khoa Chương ấn Cấp sự trung Vũ Trọng Bình thăng thụ Lang trung bộ Lễ.

Tỉnh Thanh Hóa có tên Vũ Duy Tư mạo xưng là thị vệ, di dọạ nạt lấy tiền bạc của dân người Man. Việc phát giác, Tư bị xử tử. Tri huyện huyện Thạch Thành là Tôn Thất Bá vì bắt đúng phạm nhân được thưởng gia một cấp.

Chuẩn định lệ sung công tài sản của tuyệt hộ⁽¹⁾. Phạm tài sản của tuyệt hộ, chia làm 10 thành, thì 7 thành sung công, dành riêng để chẩn cấp cho những người

(1) Tuyệt hộ : người chết đi có tài sản để lại mà không có con.

nghèo túng và sửa sang đường sá, cầu đập. Nếu ruộng không đầy 30 mẫu, tiền không đến 3.000 quan thì không sung công, giao cho dân trông nom giữ lấy, báo cho quan biết để làm bằng.

Án sát Nam Định là Bùi Phác có tội, bị mất chức. Trước đây, nguyên Bố chính Trần Quang Tiến khám xét việc dân trong hạt tranh nhau trung bãi sa bồi, còn [Tiến] nhận của lót của người ta nhờ cậy. Việc phát giác. Vua giao cho tỉnh hội đồng tra xét. Phác nghĩ xử và kết án một cách hàm hồ, có ý gỡ tội cho [Tiến]. Nguyên Hộ đốc Hà Thúc Lương cũng hòa theo, dựa ý và dung túng. Đến đây, thự Tổng đốc Phan Bá Đạt tra ra. Khi án đệ lên, Tiến phải xử phạt trọng và tội đồ. Thúc Lương bị cách lưu, Phác phải phát đi sung quân ở đồn cửa biển Đà Nẵng. Vua cho rằng vụ án này, tình lý khó khăn, đã để lâu ngày, thêm dẹt thêm ra, thế mà Bá Đạt tra ra được thực tình để xét xử rõ ràng, rất đáng khen. Rồi đó, lấy : thự Án sát Thái Nguyên là Nguyễn Danh Phương bổ đi thự Án sát tỉnh Nam Định ; thự Án sát Hải Dương là Trần Thiên bổ đi thự Án sát tỉnh Thái Nguyên ; Lang trung bộ Lại là Lê Danh Đề bổ đi Án sát tỉnh Hải Dương.

Trong tập tỉnh an, Tuần phủ tỉnh Hà Tĩnh là Trần Văn Tuấn có nói cả đến những việc tỉnh thành đặt ở chỗ ẩm thấp, nước sông đều là nước mặn, đường lấy nước ngọt không tiện, xin theo đường sông mới khai, khơi sâu thêm xuống, để có thể dẫn được nước [ngọt] thì thổ dân mới có chỗ nhờ. Thự Án sát Nguyễn Khắc Trạch cũng nói thành tuy hơi thấp, mà cơ chỉ đã làm nên, công trình quá nửa, tình thế cũng khó dời đi nơi khác, xin đắp thành để phòng giữ cho vững chắc. Vua xuống dụ rằng : “Tỉnh thành Hà Tĩnh mới đặt ra, chưa là thiên địa. Khoảng năm Minh Mệnh, hoàng khảo ta đã lưu ý đến, nhưng một khi canh cải, không khỏi khó nhọc phí tổn rất lớn, nên còn chưa làm. Năm Thiệu Trị thứ 2 [1842], ta Bắc tuần, qua đất ấy, đã rõ hết cả hình thế, chỉ nghĩ có điều sức dân chưa được thư thả, mà công việc đắp thành nặng nề rất lớn, chưa thể coi thường mà làm ngay được, hãy đợi sau khi mở được đường lấy nước, sẽ làm. Do đấy, mới sai thự Tổng đốc An – Tĩnh Tôn Thất Đường và thự Bố chính Nghệ An Vũ Tuấn hội đồng đến tận nơi khám, từ thượng lưu sông Đại Nại đến trước mặt thành Hà Tĩnh, cái việc khai ngòi dẫn nước, có thể mười phần tiện lợi cả mười không ? Trừ tính tàu lên. Bọn Đường lại nói : sông mới đào đều là nước mặn, nếu khai rộng, khơi sâu xuống cho lưu thông, thì nước mặn ứ lên, lại là không tiện, xin khai cái hồ chứa nước ở bên ngoài tỉnh thành là hơi tiện đó thôi. Vua y cho.

Đối gọi tào Diển luân trong Nội các là tào Ty luân.

Tỉnh Nam Định có nạn hoàng trùng. Sai khám từng phân số những chỗ đã bị tai hại, liệu cho khoan giảm [thuế].

Thượng thư bộ Lễ Nguyễn Trung Mậu suy cử Tri huyện Địa Linh là Dương Đăng Hiến lên làm Ngự sử đạo Sơn - Hưng - Tuyên. Khoa đạo là Trình Nho và Mai Đức Thường nói : “Hiển do tú tài xuất thân, mới ở huyện ít ngày, mà Mậu đã vội suy cử, chưa được thỏa đáng đối với dư luận”. Vua nói rằng : “Dùng người, chỉ có ai có tài là cho ; Dương Đăng Hiến làm việc chưa có gì là xuất sắc. Không biết Nguyễn Trung Mậu đích kiến thế nào, mà dám chắc người ấy không phụ lòng mình suy cử ? Huống chi, là người cùng trong một phủ, mà không tránh sự hiềm nghi về ruộng trồng dưa và dưới gốc cây mạn⁽¹⁾, vội bảo cử ngay, thì quả là bụng công hay là bụng tư”. Sau đó, không cho Hiến thăng.

Tổng đốc An - Hà là Nguyễn Tri Phương tâu nói : “Hai đội pháo thủ Nhất, Nhị ở tỉnh An Giang, trước vẫn lấy mộ binh ở các vệ cơ sung vào, phần nhiều có người trốn đi hoặc chết đi. Nay xin trích lấy giản binh ở các vệ các cơ trong tỉnh sung điền”. Tri Phương lại xin chiêu mộ những dân trong hạt lập thành quân đội hướng đạo. Vua nói : “Đều là dân trong hạt, nếu có sai phách việc gì, đòi gọi cũng không khó, cần gì phải lập ra danh hiệu khác”.

Tha thuế ruộng bỏ không cày cấy được ở tỉnh Vĩnh Long. Dân người Kinh ở tỉnh Vĩnh Long, có những nơi gần liền với dân người thổ và ruộng ở 3 huyện Thuận Nghĩa, Trà Vinh, Vĩnh Trị phần nhiều bỏ hoang ; quan tỉnh thường thường xin cho hoãn thuế. Vua nói ; “Ruộng đã bỏ không cày cấy được, thì lấy gì mà nộp thuế ? Hạ lệnh tha cho”.

Chở gạo 3 tỉnh Vĩnh Long, Định Tường và Gia Định đến chứa ở tỉnh An Giang vì trước đây chưa được đầy đủ.

Thị lang Nội vụ phủ Lê Văn Thu, Lang trung Phan Tĩnh và Nguyễn Xuân Tự phải tội, bị mất chức. Cho : Thiêm sự phủ thiếu Thiêm sự biện lý bộ Công Lê Văn Thu quản lý công việc Nội vụ phủ ; nguyên Tào chính Phó sứ thừa biện bộ Công Nguyễn Công Nghĩa thụ Lang trung Nội vụ phủ ; thụ Viên ngoại lang Vũ khố Nguyễn Công Điền bổ thụ Viên ngoại lang Nội vụ phủ. Trước đây, nha Nội vụ phủ làm hồng thứ đoạn vũ “phương kiến”⁽²⁾, bắt phải đến nhưng chưa đến xong, đến đây, phụng sắc chỉ làm thứ áo giáp dẹt, nhân xin đem thứ làm hồng kia chấp vá vào, mong được xóa cái án phải đến. Vua giận, nói rằng : “Nội vụ phủ trước đây phát ra các bản án để thiếu những hóa vật trong kho, đã giao tra nghị. Bọn kia nếu cảnh tỉnh hơn lên mà giữ phép nước, theo lẽ công, cũng còn chưa đủ chuộc được tội trước, thế mà nhân có việc chế tạo [thứ khác], dám đem thứ đã [làm hồng] bắt phải

(1) *Ruộng dưa, cây mạn* : do điển trong truyện Liễu Công Quyền đời Đường, người quân tử khi đi qua ruộng dưa, dùng sửa lại giày, khi đi qua dưới cây mạn, dùng đội lại mũ, e người ta ngỡ rằng lấy dưa hoặc mạn giấu vào giày, mũ.

(2) Thứ hàng dẹt bằng tơ ngày trước.

đến ở nhà, lờ mờ mạo xin ! Nếu ta không võ lữ, chẳng hóa ra bị chúng lừa dối ư ? Ôi, người bề tôi thờ vua, cốt lấy thành tín làm gốc. Bọn kia lại xảo quyết như thế, thì lòng chúng như quỷ, như cáo, không thể nói được ! Bọn Lê Văn Thu, Phan Tĩnh, Nguyễn Xuân Tự đều phải cách chức, bắt khóa tay, giao bộ Hình, bị nghiêm nghị kèm theo án trước”. Sau đó, vì phải giam cầm lâu, bọn Thu lại được tha ra, phát giao đi quân thứ tỉnh Quảng Ngãi, cho hết sức làm việc để chuộc tội.

Bổ Viên ngoại lang Quang lộc tự Lâm Nhật Hựu làm Viên ngoại lang Vũ khố, hội đồng với Trần Văn Nguyễn hộ lý ấn quan phòng Vũ khố.

Sai bộ Hộ bàn luận về phép Thường bình⁽¹⁾. Trước đây, bọn thự Tuần phủ Hưng Yên là Phạm Duy Trinh dâng sớ nói : “Thường bình là phép hay của đời cổ. Xin chiếu từng hạt, nhân số nhiều ít phát cho tiền sẵn, năm được mùa thì thêm giá mà mua thóc vào, năm mất mùa thì giảm giá mà bán thóc ra. Như thế năm được mùa không lo thóc bừa bãi, năm mất mùa dân cũng khỏi khổ về sự phải đi tha phương”. Việc được giao xuống cho bộ Hộ duyệt bàn. Bộ cho rằng phép Thường bình trước từ nhà Hán, mà rõ ràng ở nhà Tấn, nhà Đường, nhà Tống trở xuống đều theo đó mà làm. Vì điển chương đã đủ, pháp độ cùng noi, có thể dễ theo được. Nước Nam ta từ Đinh, Lý, Trần, Lê trở về trước, chưa làm được. Đại phạm việc gì lúc mới đặt ra, trừ tính rất khó, cũng là cái thế đó thôi. Năm Minh Mệnh thứ 8 [1827] phát thóc công ra 30.000 hộc, giao cho phủ Thừa Thiên, chia đi các huyện ở Kinh thành, đặt làm kho Thường bình ; đến năm thứ 15, vì quan Kinh doãn làm việc không tốt, rồi lại đình bãi. Nay tập tâu của tỉnh Hưng Yên dâng lên, cũng chỉ nói đại khái, chứ không vạch ra điều khoản phòng ngừa những sự gian dối. Rồi ra, những khi đông vào, bán ra, kê lại dịch, người giữ kho, tổng lý và người buôn bán, nhân đó làm khó khăn, kìm hãm lại, xẻo xén để chia tay nhau. Không khỏi làm hại cho dân ! Và lại, gần đây các tỉnh nhờ ra gặp phải thiếu thóc ăn, đã giảm giá chằm chước mà bán ra, tuy không phù hợp hết phép thường bình thời cổ, nhưng cái ý thường bình đã ngụ ở trong đó rồi, bắt tất phải đặt ra làm gì nữa”. Nhà vua khen lời tâu ấy là được.

Bọn dân Man ở tỉnh Quảng Ngãi đã đầu hàng lại tự họp đồ đảng hơn nghìn người kéo xuống các đồn thứ 1, thứ 4 và thứ 5, đánh phá các đồn trại, cướp bóc nhân dân và súc vật. Lãnh binh Nguyễn Văn Vĩnh tự xin thêm quân. Bớ chính Nguyễn Đức Hộ, Án sát Mai Khắc Mẫn tâu lên nói : “Quân Man ngày một nhiều. Xin điều động 2 tỉnh Bình Định và Quảng Nam, mỗi tỉnh hơn 1.000 biên binh, 1 viên lãnh binh cùng với quân tỉnh [chúng tôi] hợp sức đánh bắt”. Lại xin chọn 1 thống lãnh đại viên để cho quân lệnh có chỗ thống nhất, đợi ngày tiến đánh, sẽ gọi

(1) *Thường bình* : Nhà nước làm ra cái kho chứa thóc, khi thóc cao thì giảm giá, bán ra cho dân ; khi thóc hạ thì tăng giá lên, đông vào.

cả quân các làng và dân láng giềng để cho binh lực được đầy đủ. Vua xuống dụ rằng : “Các người trước nói bọn ác Man đều đã uống máu ăn thề, xin thực lòng quy thuận thể mà chưa được hơn một năm, chúng đã dám hung tợn như thế ! Vậy lời [các người] nói trước chẳng hóa ra nói hão huyền ư ? Nay lại xin điều động tỉnh láng giềng, chọn đại viên, thì chức sự địa phương ở chỗ nào ? Nếu [các người] trong bụng không biết xấu hổ, sao lại không sợ pháp luật ư ? Ôi, giống Man ở núi, chẳng qua là một huyện nhỏ thôi. Chúng chỉ như con chuột thì thụt, con chó cắn trộm, không đỡ được trò gì khác, mà quân dân ở tỉnh đã đến 3.000 ; Nguyễn Văn Vĩnh ở lâu chỗ địa đầu, tình hình người Man, vốn đã biết hết, đủ để đánh bắt, thế mà động đến việc thì xin đại binh tiến đánh, nói cho huênh hoang, sao lại gặp việc bối rối mơ hồ không nắm vững được như thế ! Vậy phải gọi hết các vệ, các cơ trong tỉnh, và bắt thêm quân các xã láng giềng, giao cho Nguyễn Vĩnh lĩnh đem đi đánh. Án sát Mai Khắc Mẫn phải đến ngay quân thứ, hội đồng, xem xét sự cơ mà đánh bắt hoặc nhân lúc chúng không phòng bị gì, kéo thẳng đến sào huyệt, đốt cho cháy hết thóc lúa của chúng, để chúng không có chỗ nương tựa ; hoặc tùy cơ đặt quân mai phục, dụ chúng đến rồi chặn đường về, khiến cho chúng sợ và phục mãi mãi. Biên cương được yên tĩnh, không những rửa được tội trước, lại còn được hậu thưởng nữa. Nếu không làm được xong việc, chỉ khó nhọc mà không công, các người tất sẽ bị bắt trói mà trị tội, rồi sẽ phái viên khác đến làm thay, sợ các người khó từ chối được cái lỗi nặng”.

Lại phái thêm thự Phó vệ úy Hậu dinh Hồ oai là Tổng Phúc Minh và Hiệp quản là Dương Trung đem binh vệ Hậu dinh Hồ oai đến ngay, theo Nguyễn Vĩnh sai phái. Rồi lại tha ngay những tên hiện giam ở nhà ngục Thừa Thiên và những quân phát lưu tù đồ từ tỉnh Quảng Bình trở vào Nam đến tỉnh Bình Thuận, phát giao quân thứ cho đi tiền khu, đều cấp lương cho mỗi tháng 1 phương gạo. Trước kia, tin tỉnh Quảng Ngãi báo đến, vua hỏi trong số quân vệ ở Kinh, có thể sai ai đi được. Trương Đăng Quế tâu lấy Phúc Minh, cho nên nay mới sai đi. Khi quân Kinh chưa đến, bọn ác Man lại xuống địa diện đồn thứ 1 và thứ 4 cướp bóc, Nguyễn Vĩnh đi đi lại lại đối phó, đuổi lấy về được những người và súc sản bị chúng bắt ; Phó quản cơ cơ thứ 4 là Ngô Siết bắn trúng 2 tên giặc Man, lại hăng hái tiến lên trước, trúng phải mũi tên tẩm thuốc độc, bị chết tại trận. Việc đến tai vua. Vua cho Vĩnh được khai phục 1 cấp ; truy tặng cho Siết là quản cơ, chiếu hàm được tặng, cấp cho tiền tuất gấp đôi, và cho 1 con [Siết] được ấm : Cẩm y cửu phẩm bá hộ.

Ban kiểu những thoi bạc mới chế tác cho các địa phương ở trong Kinh và ngoài các tỉnh. Kiểu cũ, hơi dày ; kẻ làm gian để trà trộn. Đến đây, đổi định kiểu mới : hơi mỏng so với kiểu cũ ; bèn hạ lệnh ban hành. (Phủ Thừa Thiên, do Nội vụ phủ

đổi cái dấu in ; tỉnh Quảng Bình, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Ninh Bình thuế bạc không có bao nhiêu không chế cấp [cái dấu in]. Còn ngoài ra 27 tỉnh, mỗi tỉnh cấp cho 2 cái khuôn bằng sắt để chế thứ đỉnh bạc 10 lượng và đỉnh bạc 1 lượng ; dấu đóng bằng sắt đều 2 cái ; một mặt in chữ 10 lượng bạc, hai bên tả hữu in chữ “nội thẳng” và tên tỉnh 2 chữ nhỏ ; một mặt in chữ “Thiệu Trị niên tạo”, dưới đóng hai chữ can chi [như Giáp Tý, Ất Sửu, vân vân] ; thứ đỉnh bạc 1 lượng cũng theo kiểu ấy. Còn thứ cũ đã có dấu in niên hiệu và tên tỉnh, miễn không phải in lại nữa). Nhưng sự gian dối, ngày một thêm ra, cái hồ tặc cũng không thể lấp hết được. Rồi đó, bộ Hộ bàn tiếp [thứ bạc đỉnh] do Cục tạo tác ở Bắc thành trước đúc ra, có chữ “công giá” đã có thực nghiệm, đều cho thông hành ; còn ngoài ra những kiểu cũ mà dân gian đúc ra, không có in những dấu tên tỉnh, niên hiệu và chữ “công giá”, hạn từ năm nay đến cuối tháng 12 năm Thiệu Trị thứ 5 [1845] còn tạm cho tiêu dùng, đến tháng giêng năm Thiệu Trị thứ 6 thì thôi ; đều phải theo đúng trong hạn, lục tục do nhà nước đúc lại. Vậy xin ở phủ Thừa Thiên và các tỉnh Gia Định, Hà Nội, Bình Định, Nghệ An đều đặt một sở đúc, quan sở tại chọn thợ cho làm, phái thuộc quản trông nom công việc. Phàm nhân dân những người buôn bán, không cứ người trong hạt hay ngoài hạt khác, có đem những bạc riêng tình nguyện xin đúc lại, thì bẩm lên thượng ty súc thợ đến đúc lại cho. (Kiểu thoi bạc, đại khái theo như kiểu đỉnh bạc công 10 lượng ; bề dài, bề rộng, dày hay mỏng, từng phân, từng tấc, bất tất nhất khái theo dùng như kiểu mẫu khác chữ và đóng dấu, một mặt in 4 chữ lớn niên hiệu và can chi, một mặt in 2 chữ lớn tên hạt sở tại và 2 chữ nhỏ tên người mà quan phái trông nom việc đúc ấy, để đủ xét nghiệm. Mỗi một đỉnh bạc 10 lượng, thì trả công thợ đúc là 2 tiền ; nếu có xin theo kiểu mới đúc lại, cũng như thế). Dân gian nếu còn có kẻ đúc lậu thì thủ phạm phải tội giảo giam hậu⁽¹⁾, tòng phạm và kẻ biết tình⁽²⁾ mà cứ mua để sử dụng đều giảm xuống một bạc ; thợ nếu có đúc trà trộn vào cũng phải tội giảo giam hậu ; người trông nom việc đúc ấy phải tội đồ hết bạc ; người nào tố cáo được sự thực đều được thưởng 50 lượng bạc, nếu lại dịch mượn cờ đi dò bắt, đe dọa hạch sách để lấy tiền, sẽ chiếu luật “lại một, tham tang”, mà xử tội. Nghị tâu lên, vua chuẩn cho y như nghị thi hành. Sau lại vì việc mới buổi đầu, những đỉnh bạc kiểu cũ, hãy hoãn lại đến tháng giêng năm Thiệu Trị thứ 7, sẽ đình chỉ.

Tổng đốc Định - Biên Lê Văn Phú tâu nói : “Từ trước đến nay, những bạc nộp thuế phần nhiều có bạc giả. Vậy xin : phàm những bạc thuế thu vào, nên súc cho thợ ghi họ tên người nộp thuế vào bên hữu đỉnh bạc, để cho tuyệt tự sự giả mạo”. Vua nói : “Họ tên người nộp thuế rất nhiều, nếu nhất nhất ghi tên cả, thì kẻ thừa

(1) *Giảo giam hậu* : Thất cổ cho chết, nhưng còn giam đợi lệnh.

(2) Nguyên văn là “*tri tình giả*” (danh từ pháp luật ngày trước).

lệnh làm việc, không khỏi do đó mà thêm việc ra, có khi lại khổ cho dân. Nên theo như kiểu đỉnh bạc mới đúc lại, bắt tất phải ghi tên họ người nộp thuế làm gì”.

Đại học sĩ Trương Đăng Quế vì có bệnh, cáo nghỉ giả hạn. Quế vốn là người lắm bệnh. Vua thường sai trung sứ đến hỏi thăm, ban cho các vị thuốc của vua. Khi khỏi bệnh, Quế vào tạ, vua yên ủi hỏi han hồi lâu, dụ rằng : “Khanh tuổi đã cao, ta không muốn đem việc nhỏ nhặt phiền đến khanh. Nếu có sự thể trọng đại, khanh sẽ cùng ta diện thương ; còn việc tầm thường ở bộ đã có người đồng liêu làm thay, miễn cho thường ngày đi lại châu hầu cũng được”. Quế lạy tạ không dám đương.

Cho : Phó vệ úy vệ Phấn vũ thuộc dinh Tiền phong là Lê Đại thăng thự Phó vệ úy vệ Tả dinh Hồ oai ; Phó vệ úy vệ Thiện vũ dinh Long vũ là Nguyễn Đường đổi bổ Quản cơ, vẫn sung Hiệp quản Nhị vệ thuộc Tả bảo ; Cai đội thứ 10, vệ thứ 4 thuộc dinh Tả quân Thủy sư là Dương Đức Suy thăng thự Phó vệ úy Thủy vệ tỉnh Quảng Ngãi.

Sai thự Thống chế dinh Long vũ là Tôn Thất Nghị kiêm quản ấn triện dinh Kỳ võ.

Đời đặt 2 đồn Bình Hải và Ba Lạt ở tỉnh Nam Định (đồn Bình Hải nguyên đặt ở cửa biển Liêu Lác xã Quần Liêu ; đồn Ba Lạt, nguyên đặt ở cửa biển Ba Lạt, thôn Hạ, xã An Tứ). Tổng đốc Phan Bá Đạt tâu nói : “Hai đồn cách cửa biển hơi xa, xin dời đặt đến chỗ gần cho tiện việc phòng thủ”. Vua cho rằng việc khó tính cách bức được, nên lại sai khoa đạo đến khám lại, rồi giao hai bộ Binh, Công hội nghị. Hai bộ đều xin y như lời Đạt nói, bấy giờ mới sai dời đồn Bình Hải đến chỗ gần cửa sông thuộc xã Quần Liêu, bên đông bên tây đặt thêm 2 đồn nhỏ ; đồn Ba Lạt dời đến thôn Thượng xã An Tứ. Phái quân ở tỉnh đến đóng giữ (đồn Bình Hải 200 biên binh ; đồn Ba Lạt 300 biên binh), lại sức cho văn võ trong tỉnh hoặc viên quản đồn mộ lính sung vào.

Đặt thêm chức tả hữu chấp Kim ngô ở ty Trượng, vệ Kim ngô. Đổi đội Kim sang làm viện Vũ bị. Dụ rằng : “Đời cổ đặt chức chấp Kim ngô, để đứng sắp hàng trong cấm thành giữ cho xe kiệu và nghi vệ được nghiêm chỉnh. Triều ta châm chức chế độ thời cổ, đặt ra quân hiệu, vệ Kim ngô hiện đặt 2 viên vệ úy và phó vệ úy. Nay đặt thêm chức tả hữu chấp Kim ngô ở ty Trượng vệ Kim ngô, đều 1 viên, trật chánh tam phẩm, chức chương cũng như vệ úy vệ Kim ngô. Đổi đội Kim sang làm viện Vũ bị, đặt 1 viên khanh, trật tòng tam phẩm, lấy một viên về ban võ sung bổ vào. Phạm những đồ vũ bị ngự dụng đều phải giữ cả. Lại chế cấp cho viện Vũ bị dấu kiểm cái bằng ngà, dấu đồ ký bằng đồng mỗi thứ 1 cái (chế kiểu mẫu của viện Thượng trà).

Án sát tỉnh Sơn Tây là Nguyễn Đức Tân chết, dùng Án sát tỉnh Hưng Hóa là Phạm Huy bổ sang ; lấy Hình khoa Chương ấn Cấp sự trung là Chu Duy thự Án sát tỉnh Hưng Hóa, hội đồng với Bố chính, Hộ lý ấn quan phòng Tuần phủ.

Tỉnh Ninh Bình tâu nói : “Huyện An Lạc cách xa tỉnh lỵ đường rừng dài và hiểm trở, thuế nộp bằng thực sắc [sản vật] dài đê hơi khó khăn. Về số thuế thóc gạo phải thu về năm nay, xin cho dân chiết nộp [bằng tiền]”. Vua y cho.

Chuẩn cho Viên ngoại lang ở Lục bộ bất cứ thực hàm hay thự hàm, đều được theo vào hàng châu để tâu việc. Còn Vũ khố và Nội vụ không được xếp vào lệ này.

Định lại lệ đặt giá mua các hạng hóa vật ở Nam Kỳ. Trước đây, vua thấy giá gạo ở Nam Kỳ cao vọt lên, bèn dụ các thượng ty đều chiếu theo những sản vật trong hạt, nâng giá lên mà mua, cốt cho tiền và hóa vật được lưu thông, để giúp cho dân tiêu dùng. Đến đây, bộ Hộ tâu nói những vật hạng thổ sản ở các tỉnh đều có thổ ngại, mà số xuất nhận hóa vật chứa ở trong kho phải có hạn tiết, nếu cứ phóng đi không có hạn định, hoặc vật hạng nhiều mà thu mua ít, hoặc thu mua quá nhiều thì lại thành ra vô dụng ! Xin cứ số tiền hiện chứa ở kho, châm chước định những vật hạng nên mua ở từng tỉnh, thông sức những dân làm nghề buôn bán ở trong hạt, đều đem những thứ mà mình có đến quan mà bàn, chước lượng nâng cao hơn giá chợ 1, 2 thành, cấp tiền ngay ở trước mặt, để cho hóa vật dùng được vừa phải, dân có chỗ nhờ. Công tư hai đảng đều được việc”. Vua y cho.

Kiến An công, tên là Đài, lên thọ 50 tuổi. Vua tự làm bài thơ, sai Hoàng tử Hồng Bảo, Thị vệ Vũ Văn Giải và Nội các là Lê Khánh Trinh mang đi cùng với vàng, ngọc, vóc, lụa ở trong kho đến ban cho. Trước đây, vua dụ bộ Lễ rằng : “Kiến An công là bậc rất tôn thân của nước, năm nay lên thọ 50, lòng ta rất vui mừng, chuẩn định trước hãy thưởng 2.000 quan tiền ; đến ngày khánh đản, các quan ở bộ trước tâu lên, đợi ta ban vật hạng để làm lễ mừng thọ”. Ngày hôm ấy, Kiến An công lạy tạ ơn ban, đến hôm sau, dâng biểu trần tạ. Vua cho ngồi, lại chính tay rót rượu thọ, sai hoàng tử cung kính bưng đến ban cho. Lại tuyên triệu đến trước giường ngự, thân ban 1 cái như ý⁽¹⁾ bằng bạch ngọc. Kiến An công do Nhân tuyên Thái hoàng thái hậu sinh ra, được hưởng ân lễ tôn hậu, các thân công không ai sánh được.

Phái viên thuyền Phấn bằng là Tham tri Đào Trí Phú từ nước phương Tây trở về, tiến 1 cái thuyền có máy đốt lửa, trị giá hơn 280.000 quan tiền. Trước kia, khoảng năm Minh Mệnh, Trí Phú được phái sang Tây, mua 1 chiếc thuyền nhỏ có máy đốt lửa đem về, có những hiệu thuyền Yên phi, Vụ phi và Hương phi. Đến đây,

(1) Như ý : một dụng cụ làm bằng ngọc hoặc ngà, hay gỗ, hình bàn tay hay hình trái cây, có cán dài để cầm, dùng gãi lưng khi ngứa.

lại tiến thuyền lớn, gọi là thuyền lớn có máy đốt lửa, hiệu là Điện phi (thân thuyền dài 9 trượng 5 thước 7 tấc, bề ngang 2 trượng 1 thước 5 tấc, bề sâu 9 thước, khuôn khổ hơi to, chạy ở trên mặt nước toàn bằng máy móc chuyển vận. Còn các thứ trong thuyền thì : đặt 1 cái thùng chứa nước dài 1 trượng 4 thước 9 tấc, ngang 1 trượng 1 thước 7 tấc, ở giữa cao lên 5 thước 3 tấc, 2 bên đều cao 4 thước 6 tấc, tầng trên tròn, tầng dưới vuông ; ở bên trên cái thùng chứa nước có 1 cái ống thông hơi, để cho khói lửa thoát ra, bên dưới cái thùng có 6 cái lò đốt lửa bằng sắt, cửa đốt lửa ở đằng trước thùng có 6 cái hòm chứa hơi nước hình vuông, có một bộ phận máy móc để chuyển vận toàn bằng đồng hoặc sắt, để tiếp dẫn hơi nước. Lại có cái thùng chứa nước và 3 ổ khóa để mở khóa ra thì lấy nước vào ở hai bên thuyền, đằng trước buồng máy vận động móc liền cái trục ngang, cắm vào 2 cái trục bánh xe to bỏ thông xuống, ở bên ngoài chiếc thuyền lớn này ăn ngập xuống nước độ vài thước. Khi cho thuyền chạy đi, thì trước hết vặn cái khóa ở cái thùng dẫn nước, để hút nước vào cái thùng sắt chứa nước để chứa sẵn đầy, để lưu không độ 5, 6 tấc, rồi mở cửa cái lò đốt lửa ở bên dưới thùng ra, đem than đá và củi bỏ đầy vào, đốt cháy lên, rồi đóng ngay cửa lò lại, lửa cháy rực lên, nước ở trong thùng sắt sôi đều, tiếng kêu như sấm, hơi nước chuyển đi đầy rẫy khắp các ống thông hơi, tức thì nhỏ neo lên, mở máy ra, hơi nước bốc đi khắp các ống của bộ máy, vận động cả hai bên tả hữu, chuyển vận đến bánh xe, rẽ nước cuốn sóng, thuyền đi như bay. Nếu gặp chỗ ngược nước, khi trái gió thì quay thuyền lại, bỏ neo, lấy chỗ lái thuyền làm đằng trước, lấy chỗ lò đốt lửa làm đằng sau : thuyền vẫn đi nhanh như thường. Vì thuyền chạy nhanh hơn ngựa phi, cho nên vâng mệnh vua cho đặt tên là thuyền lớn có máy đốt lửa, hiệu là Điện phi).

Vua sai bọn Đô thống quân Thủy sư Vũ Văn Giải, thự Đề đốc Hoàng Kim và Hiệp lý quân Thủy sư Nguyễn Văn Điển đến ngay cửa biển Thuận An, thử cho thuyền chạy, chực hầu ngự giá đến duyệt quân Thủy sư tập trận. Vũ Văn Giải nhân tàu nói : “Trước kia, làm lại 2 thuyền Vân phi (nguyên trước là thuyền Huy phi) Yên phi, vừa gặp lúc thợ đã làm xong, xin hạ lệnh cho bọn Giám đốc Hoàng Văn Lịch, Chánh đội trưởng Hoàng Ngọc Toán, phải chạy thuyền đến cả chỗ cửa bể, bày hàng sắp sẵn trước, nghiêm chỉnh hàng ngũ đợi đó. Rồi cho bọn Vũ Văn Giải cho chiếc thuyền lớn hiệu Điện phi chạy thử lần đầu vào chỗ bãi cát ngầm, thuyền mắc vào chỗ nông cạn, mấy ngày lôi kéo không ra được. Viên trung sứ đem việc ấy chạy về tâu lên. Vua lập tức sai bọn Nội các Nguyễn Đức Chính, khoa đạo Nguyễn Hữu Độ đến xem xét rồi lại phê bảo cho phương pháp, lập tức sai thị vệ chạy đến chỉ bảo mệnh lệnh hộ dẫn cho thuyền thoát ra. Bọn Vũ Văn Giải vì làm việc ấy không khéo, đều phải giáng 4 cấp.

Ngày Canh Tuất. Vua ngự ra biển Thuận An, điểm duyệt thủy trận, thấy thuyền Điện phi máy móc linh động, đi lại như bay ; mà 2 chiếc thuyền Vân phi, Yên phi luân chuyển cũng đúng phép, vua rất khen ngợi, bèn tha tội trước cho bọn Vũ Văn Giải, gia thưởng cho biển binh Thủy sư hộ dẫn 200 quan tiền ; bọn Hoàng Văn Lịch trước vì làm việc không khéo bị giáng, nay cũng đều cho khai phục, gia thưởng cho áo, quần, và kim tiền, ngân tiền có khác nhau. Đề đốc Hoàng Kim, Giám đốc Đinh Văn Quý cũng đều được gia kỷ lục 2 thứ ; những quân và thợ làm việc đều thưởng 300 quan tiền.

Nhân nói đến chuyện cũ : khi ngự giá đến cửa biển Thuận An, ban lễ tế cho miếu Nam Hải Long vương, miếu thần gió và đền Thai dương phu nhân, chỉ dùng hương, lụa. Ngày hôm ấy, sắc cho bộ Lễ sắm đủ xôi, thịt, hương, lụa, do đường quan ở Kinh đi tùy giá và quan Kinh doãn đến tế. Việc này được ghi thành lệ. Đến ngày hôm sau hồi loan, vua bảo thị thần rằng : “Đời cổ nói Hoàng đế làm ra thuyền, cũng có người nói Bá Ích làm ra ; người nói thế này người nói thế khác, không giống nhau. Lại, trong sách *Tây tuần kỷ* có nói : Hiếu Vũ nhà Tống buông thuyền Long châu, Phụng tượng trở xuống 3.045 chiếc đi khắp cả 6 cõi. Thuyền bè đầy đủ [như thế], đời tam đại⁽¹⁾ và hai kinh⁽²⁾ cũng không sánh được. Lại cho thuyền Lương lệ, thuyền Ngô điều đi rất nhanh ở mặt nước, là thứ thuyền xưa nay vẫn thường khen ngợi. Nay xem chiếc thuyền có máy đốt lửa, một bộ máy móc tinh xảo tuyệt trần, không phải mượn sức gió đưa buồm, mà ngựa chạy cũng không bằng ! Tinh xảo như người đời cổ cũng không kịp được”. (Từ trước đến nay, các thuyền bằng đồng từ ngoài biển quay lái về, vẫn đến hàng tháng, thế mà thuyền Điện phi từ ngoài biển về không đầy vài ngày, đã đến cửa biển Cần Thơ tỉnh Gia Định lấy củi và nước, rồi lại nhổ neo chạy đến Kinh. Quan tỉnh nhằm ngay ngày ấy, cho ngựa chạy vào Kinh tâu. Khi tâu đến, thì chiếc thuyền ấy đã do cửa biển Thuận An đến Kinh trước rồi. Kể từ cửa biển Cần Thơ đến Kinh, lệ thường đi ngựa phải 4 ngày 6 giờ 5 khắc, thuyền Điện phi đi chỉ 3 ngày 6 giờ, thế là nhanh hơn ngựa đi đường bộ 1 ngày 5 khắc).

Lấy Phó vệ úy Ngũ vệ dinh Tả quân Thủy sư ở kinh kỳ là Phạm Xích thăng thụ Vệ úy Nhị vệ dinh Tả quân Thủy sư ở Kinh kỳ. Bổ thụ thụ Vệ úy vệ Trung thủy tỉnh Nam Định là Lê Hữu Ngẫu làm Phó vệ úy Ngũ vệ Tả dinh.

Sai Binh bộ phái 3 chiếc thuyền (Điện phi, Yên phi, Vân phi) có máy chạy bằng hơi nước, và 5 chiếc thuyền nhiều dây (Bình dương, Định dương, Định hải, Tĩnh hải, Thanh hải) đến ngoài cửa biển Thuận An thao diễn, tập bắn súng lớn, tùy

(1) Tam đại : ba triều đại Hạ, Thương, Chu.

(2) Hai kinh : Đông kinh và Tây kinh đời nhà Hán (Trung Quốc).

theo sự bắn trúng nhiều hay ít mà định thưởng, phạt (bắn trúng luôn 3 phát là hạng ưu : chính người bắn được thưởng 3 đồng ngân tiền hạng lớn, người phụ biện 1 đồng, người cầm lái thuyền 1 đồng ; bắn trúng luôn 2 phát là hạng bình : chính người bắn được thưởng 2 đồng tiền lớn, người phụ biện và người cầm lái thuyền đều 1 đồng tiền nhỏ, bắn trúng 1 phát là hạng thứ : chính người bắn được thưởng 1 đồng tiền lớn, người phụ biện và người cầm lái thuyền đều không được thưởng. Còn bắn 3 phát đều không trúng là hạng liệt : chính người bắn phải bị phạt 40 roi, người phụ biện và người cầm lái thuyền đều 20 roi).

Vua bảo quan bộ Công rằng : “Thuyền có máy đốt lửa, do ngoại quốc chế. Người ngoại quốc chuyên dùng để tải hàng hóa buôn bán, thu lấy nhiều lợi ; nước ta dùng để làm việc vũ bị được nghiêm. Đòi cổ nói “Thủy hỏa tiếp” cũng không hơn thế. Duy muốn chế tạo thuyền đó, thì trong bụng phải duy nghĩ sẵn xếp như có sẵn một bộ máy rồi. Việc là việc máy móc, phỏng kiểu mẫu mà làm cũng rất là khó. Trước đây, bọn Hoàng Văn Lịch, Đinh Văn Quý đã nhiều lần làm mà chưa thành hiệu gì. Nay phỏng theo đó mà làm, cũng có chút phương pháp. Nếu không gia tâm bảo quản, cứ đem bỏ hoai ở bãi sông, để cho gió lay mưa đập, có khi đến máy móc long cả ra, rồi đến hà rỉ hư hỏng, lại hóa ra vô dụng, thế thì cái lỗi không phải là nhỏ !”.

Án sát tỉnh Phú Yên là Nguyễn Văn Lý có tội, bị mất chức. Trước đây, có người dân trong hạt là Hoàng Văn Lộc, ngấm đi ra ngoại quốc, buôn lậu, tích trữ thứ tư sống và mua lậu thuốc phiện, bị người cáo giác. Quan tỉnh lúc mới xét hỏi, nghe biết Lộc là đứa quỷ quái, tìm đường tránh tội, nên tha ra. Sau khi việc đã xong, Lộc đem tiền đến tạ, Bó chính là Trần Văn Thông khước từ ; Lý nhận riêng 50 lạng bạc, 2 lạng kỳ nam. Các lại dịch trong tỉnh lại nhân việc đó, đòi ăn tiền của Lộc. Lộc đã khỏi tội rồi, đem việc kêu lên trên. Vua, trước hết sai Biện lý bộ Công Ngô Văn Địch, Ngự sử Chu Duy đến tra xét. Lý nghe biết việc đã vỡ lở, bèn đem số bạc tham tang giả lại trước. Khi Địch đến nơi biết hết được tình trạng, đem việc Lý biết ăn năn điều lỗi, giả lại số bạc tham tang và 2 lạng kỳ nam đã nhận, trị giá hơn 70 quan tiền, thống kê cả ra, chiếu luật xử tội : Lý phải tội phát lưu. Còn Trần Văn Thông theo ý che chở, bị xử giáng 3 cấp, bỏ đi nơi khác. Rồi đó vua cho Ngô Văn Địch thự Bó chính tỉnh Phú Yên ; bổ Lang trung bộ Lễ Nguyễn Hanh làm thự Án sát, Nguyễn Văn Lý lại đi kêu để biện bạch tình oan. Pháp ty đem việc tâu lên. Vua nói rằng : “Lý, sau khi xong việc rồi, mới nhận của lót, khi việc phát ra thì trả lại lạng bạc, tuy luật có chuẩn giảm, nhưng lẽ nào lại không có tội ? Chỉ có Văn Lộc là tên lái buôn gian dối, bụng rất xảo quyết, án trước để cho miễn nghị, chẳng là khinh thường mà tha kẻ có tội ư ?”. Bèn hạ lệnh giao lại cho thự Tổng đốc Bình - Phú là Trần Văn Trung phúc tra lại. Trung biết hết được tình trạng gian dối của

Hoàng Văn Lộc, nghĩ xử đến tội tử hình ; Nguyễn Văn Lý được giảm bậc, chỉ bị phạt trọng và tội đồ. Khi án tâu lên, vua giao đình thần duyệt lại : Lộc bị phạt trọng, phát lưu ; Lý bị xử theo án sau ; Dịch vì chiếu luật định tội danh không đích đáng, phải giáng 2 cấp. Sau đó, Lý gặp ơn đại xá, được khỏi tội. Khai phục chức Điển bạ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XLI

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Giáp Thìn, Thiệu Trị năm thứ 4 [1844], mùa thu, tháng 8, đại kế⁽¹⁾ tất cả quan viên ở trong Kinh, ngoài tỉnh. Chỉ dụ châu phê bắt đầu dùng ấn “Đại Nam hoàng đế”.

Dụ rằng :

“Kỳ đại kế năm nay, bộ Lại, bộ Binh làm danh sách tâu lên, ta duyệt định thêm kỹ càng, thấy trong đó, người vì nước tỏ tài năng mưu mô cũng có, người kêu kém không làm được việc gì cũng có. Tất phải làm cho trong sạch kỷ luật trong quan trường để tỏ rõ chế độ công trạng. Thái bảo Văn Minh điện Đại học sĩ, Tuy Thịnh tử Trương Đăng Quế trở sức ở ngoài biên và trong triều, trù tính cơ mưu nơi màn trướng một dạ ngay lành, hết lòng ưu ái, cảm sâu ơn nặng đoái mến của Hoàng khảo ta, thường cùng ta bàn bạc đến chính trị, cảm động có khi chảy nước mắt, không việc gì biết mà không nói, không việc gì nói mà không hết ; vậy ấu thụ cho con là Trương Đăng Trụ làm Hàn lâm viện Thừa chỉ. Trung quân Chương phủ sự Vũ Lao hầu Tạ Quang Cự là người kỳ cựu, kính cẩn thực thà có tài năng và công lao, vậy ấu thụ cho con là Tạ Quang Ân làm tinh binh cai đội. Đăng Trụ, Quang Ân tuổi còn trẻ, không phải ra làm việc, chuyển cho đều được chiếu phẩm mà cấp lương ở nhà học tập. Đông các đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn, Hiệp biện Đại học sĩ Lê Đăng Doanh sáng suốt tin thực, có tiết tháo ngay lành, làm quan đã lâu năm, hết

(1) Đại kế : thể lệ khảo sát quan viên 3 năm một lần.

lòng trung thành, vậy gia hàm cho Vũ Xuân Cẩn là thái tử thái bảo ; cho Lê Đăng Doanh được ấm 1 con hàm chánh thất phẩm. Hữu quân Đô thống lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh Tân Lộc nam Mai Công Ngôn, quân công rõ rệt, võ yên nơi biên cương quan trọng ; Tổng đốc Thanh Hóa Tôn Thất Lương giữ tiết thanh cần, xếp đặt có phương pháp ; đều gia hàm Thái tử Thiếu bảo ; thự Thống chế lĩnh Hà Tiên tuân phủ Bình Thắng nam Nguyễn Lương Nhân gắng sức mạnh ở cương trường, lập công nơi biên thù, thự Thống chế dinh Thần cơ Kiêu dũng tướng Dương Thai hết sức chốn sa trường giết giặc lập công ; thự Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai, biết cơ võ về, chống chọi, dẹp giặc, yên dân ; thự Tổng đốc Định - Yên là Phan Bá Đạt, cẩn thận, chăm chỉ, liêm chính sửa sang những công việc phiền phức gấp gáp, đều chuẩn cho thực thự Hậu quân Đô thống. Ninh Lạc nam Nguyễn Tiến Lâm ; Đô thống Thủy sư Vũ Văn Giải ; Thượng thư bộ Công Tôn Thất Bạch, Thống chế dinh Hồ oai Hoàng Văn Hậu, thự Tổng đốc Ninh - Thái Nguyễn Cửu Đức, Tuần phủ An Giang Doãn Uẩn, Tham tri bộ Binh Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp ; Tham tri bộ Lễ Lý Văn Phúc, Tuần phủ Ninh Bình Nguyễn Văn Nhị, thự Tuần phủ Định Tường Trần Ngọc Giao, Thị lang bộ Hộ Nguyễn Trạch ; Thị lang bộ Công Trương Quốc Dụng ; thự Tuyên phủ sứ Tây Ninh Cao Hữu Dục, gặp việc đều cố gắng, giữ được chức phận ; Thị lang Nội các Lê Khánh Trinh từ khi vào các đến nay ngày đêm không lúc nào trễ nải : đều thưởng gia cho một cấp. Còn Bó chính Biên Hòa Đỗ Huy Cảnh, trù tính việc đặc điền không phải lẽ, tấu đối lại mơ hồ, phải giải chức ngay về Kinh để chực hầu ; Tả phó đô ngự sử Hà Thúc Lương tra xét một vụ án, che chở cho người đồng liêu, không nên để ở chức hiến đài, phải giáng bổ Bó chính tỉnh Biên Hòa, nhưng cho cách lưu. Tham tri bộ Lại Nguyễn Đình Tân chỉ ốm cái thân tật bệnh, không thi thố được việc gì, phải giáng Hữu thị lang bộ Lại, đổi làm giáng 4 cấp ; thự Tham tri bộ Công Lê Bá Tú là người điều toa hay nói theo dẹt, hiện giao tra cứu để nghị xử, lập tức phải giải chức, đọa án, để tỏ rõ sự thẳng giáng. Còn các bề tôi khác tùy việc có công thì thưởng, có tội thì phạt, đọa chỉ đến 3 năm, đều chiếu theo chức phận, làm việc như cũ”.

Đại học sĩ Trương Đăng Quế dâng sớ nói : “Thần, gặp thời ra làm quan, lạm lên ngôi cao, đức bạc, quan to, đã vượt quá phận. Trương Đăng Trụ còn trẻ tuổi, chưa học mà có quan, không làm việc gì mà ăn lộc, nghĩ thấy tràn trề quá, lấy làm sợ hãi. Khẩn xin đình ấm thụ và chi lương”. Vua nói : “Người bề tôi có công được hưởng tước lộc đời đời là điển lệ hay của nhà nước ; Khanh cứ an tâm”.

Thự Tham tri bộ Công Lê Bá Tú có tội, bị mất chức. Trước đây, người phủ Thừa Thiên là Trương Văn Tùng hút vụng thuốc phiện, bị phủ doãn Thừa Thiên phát giác. Tùng là em vợ Tú, nhà giàu có của, Tú dạy cho Tùng tìm cách thoát khỏi nơi giam cầm, đánh trống lên mà kêu, Tú cũng lấy việc lật vật trong khoản gia tài

để tâu bày. Vua sai pháp ty xét hỏi, đều là vu vơ. Tú lại bới chuyện, vu cho quan lại pháp ty tra úc. Vua lại đổi giao cho các quan trong triều đình duyệt lại. Khi Tùng bị bắt giam, Tú sai người đưa cho thức ăn, một lát sau Tùng nôn thổ gần chết, người ta đều nghi cho là Tú đầu độc [Tùng] để bịt miệng lại mà nhằm lợi vào chỗ gia tài. Vua bèn hạ lệnh cất chức Tú để giao tra xét. Sau, án thành, các quan trong triều khép Tú vào tội xử tử, nhưng Tú đã bị bệnh chết rồi.

Cho Tả tham tri bộ Lại Nguyễn Đức Hoạt quyền Chuông án triện viện Đô sát. Trước đây, Hà Thúc Lương vì phải giáng chức trong khóa đại kế, bỏ đi nơi khác ; vua phê giao cho Lý Văn Phúc kiêm giữ. Phúc tâu nói : “Đài ngự sử là nơi quan hệ đến hiến pháp kỷ cương, tất phải tự xét mình không có vết xấu gì mới đương được. Thân năm trước vì việc thuế quan chịu bỏ sót lại, tự mình mắc vào tội nặng, không chính đính được mình thì chính đính người sao được ? Vậy xin khẩn thu lại mệnh lệnh đã ban bố, để thân được chiếu thường đi lại làm việc, là may rồi”. Vua bèn sai Nguyễn Đức Hoạt thay thế.

Tha cho những dân ở tỉnh Hà Tiên vì thiếu thuế, bỏ trốn đi nơi khác.

Lại xét các chức chuông vệ, lãnh binh ở trong Kinh và ngoài tỉnh. Lãnh binh Bình Thuận Nguyễn Văn Thái được thưởng gia 1 cấp ; Lãnh binh Nam Định Nguyễn Văn Tiến, Lãnh binh Lạng Sơn Bùi Văn Đãi, Phó lãnh binh Phú Yên Dương Thiệu đều được thưởng kỷ lục một thứ. Quyền Chuông án đề đốc Kinh thành Tôn Thất Cung, Lãnh binh Quảng Nam Lương Văn Liêu, thự Lãnh binh Quảng Bình Phùng Hữu Hòa, Phó lãnh binh Bình Định Trần Nhữ Đoan đều giáng một cấp, đình thăng trong 3 năm. Duy có Phó lãnh binh tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Nghĩa giáng bỏ Phó quản cơ, còn ngoài ra đều làm việc theo chức cũ.

Ty Tam pháp dâng bản danh sách những vụ án xét về mùa thu gồm 463 tên tội phạm, giao đình thần xét lại. Đến khi tâu lên, vua mở ra xét lại cho kỹ thêm, thì những tên phạm còn phải bắt chỉ có 4 người, giảm tội mà phát đi hơn 230 người, còn thì giam giữ lại.

Đổi huyện Hà Âm tỉnh Hà Tiên cho lệ thuộc phủ Tỉnh Biên tỉnh An Giang, huyện Hà Dương và huyện Hà Âm nguyên thuộc tỉnh Hà Tiên (2 huyện vốn là đất Chân Thành, năm Minh Mệnh thứ 20 [1839] tách ra để thuộc về phủ An Biên tỉnh Hà Tiên), năm Thiệu Trị thứ 2 [1842] trích huyện Hà Dương đổi thuộc về tỉnh An Giang, huyện Hà Âm vẫn thuộc về phủ An Biên ; đến đây, linh Tuấn phủ Hà Tiên là Nguyễn Lương Nhân nói địa thế huyện Hà Âm liền với phủ Tỉnh Biên, xin theo nơi gần, đổi sát nhập tỉnh An Giang, để liệu cho dân. Vua ưng cho.

Có kẻ lấy trộm thanh kiếm vàng hiệu là Linh Long. Kiếm vàng là vật cũ của tiên triều, để ở hữu vu điện Cấn Chính, ty hộ vệ cất lượt nhau coi giữ. Một đêm kia,

các quan văn võ trực đêm đều ở đấy, đến tang tảng sáng, chợt biết đằng sau hữu vu có dấu tích mất kiếm, kẻ lấy trộm đã trèo thành ra rồi. Phó vệ quân Cẩm y là Vũ Tuấn đem việc tâu lên. Vua lấy làm lạ, nói rằng : “Nơi cửa cấm cẩn thận nghiêm mật. Không ngờ lâu ngày sinh ra trẻ tràng xao nhãng đến như thế !”. Lập tức sai Cơ mật thị vệ đại thân và Nội các ấn quan tra xét, những người coi giữ đều không thú nhận. Hộ vệ trưởng Tôn Thất Nhuận trực ban, Tôn Thất Cương và Tôn Thất Duyệt đều bị cách chức trước, khóa tay, giao ty Tam pháp tra hỏi. Bọn quản vệ ty Hộ vệ là Tôn Thất Năng và Tôn Thất Công, đại thân vào trực ở đấy là Hữu dực Thống chế dinh Vũ lâm Hoàng Đãng Thận, thự Thị lang bộ Lễ là Trương Đãng Đệ, đều phải giải chức, lặc hạn bắt phải lùng bắt [kẻ lấy trộm]. Vua nghiêm dụ cho pháp ty tra hỏi khắp bốn mặt để theo dõi kẻ lấy trộm, chung quy việc vẫn không phát giác ra được. Tôn Thất Năng, Tôn Thất Công đều bị cách chức, sung quân ; Hoàng Đãng Thận bị giáng bổ Phó vệ úy các quân ; Trương Đãng Đệ bị giáng bổ Viên ngoại lang bộ Công. Chưa bao lâu, lại tìm được thân thanh kiếm, chỉ mất cái vỏ bọc vàng ở ngoài mà thôi ; pháp ty hết phép tra hỏi, đã lâu năm không quyết định được. Những người liên can, về sau, cũng được tha.

Đào Trí Phú dâng cái lồng vàng trong có con chim giả nuôi con chim non, và khẩu súng nhỏ có máy cấp vào nách. Vua nói rằng : “Máy móc của người phương Tây khéo thì khéo thực, nhưng khéo nhiều lại khó nhọc nhiều, chả qua là một đồ chơi đó thôi. Này những đồ chơi làm mất chí người, dâm sảo làm đãng lòng người, người đời xưa vẫn răn ở chỗ đó. Có lấy làm gì !”. Tức thì sai trả về. Nhân đó ngự chế một bài thơ để mỉm cười (cái lồng vàng có con chim giả nuôi con chim non, hình nó rất nhỏ, mà lông cánh có đủ ngũ sắc ; đầu, cổ và mắt y như con chim thực. Hễ vịn cái máy thì nó dương mỏ ra kêu rất lâu, vỗ cánh và múa với nhau, coi có ý hoạt động, y như là chim bay. Lại, cái súng điều sang, chừng độ 3, 4 tấc, đem cái máy tự nhiên kéo lên đánh tách một cái, thì tự nhiên có con chim con ở trong nòng súng nhảy ra, hình nó nhỏ không hơn cái móng tay, mà lông cánh đủ cả ngũ sắc, nó vừa kêu vừa múa ở chỗ cửa nòng súng bịt vàng, trông chỗ nọ chỗ kia có ý tự đắc, sinh ý hoạt động, giống như chim yến múa ở lùm hoa, chim oanh kêu ở ngoài ngàn liễu, kêu múa một lúc lại trở về mảnh sắt che ở cửa nòng súng đập ngay lại, ở nòng súng khi ra khi vào mờ đi không ai trông thấy, cách chế tạo rất là khéo lạ, thợ quý thân cũng không kịp).

Thự Án sát Bình Thuận là Lê Bá Đĩnh bị mất chức. Lấy Trần Văn Thông (Nguyên Bố chính tỉnh Phú Yên, can án, giáng bổ đi nơi khác) làm Án sát tỉnh Bình Thuận. Trước đây, có người nặc danh cáo giác Trần Tú Đĩnh làm Phó biện thuyền Phấn bằng sang Tây, nhân việc công mà kiếm lợi riêng. Thị vệ xứ nhật được (cái thư nặc danh ấy) dâng lên. Vua sai bộ Hình tra hỏi thì cái thư ấy do Lê Bá Sĩ là

cháu Lê Bá Đĩnh làm ra. Vua cho rằng Sĩ phát giác được việc gian, không bắt tội, bèn cất chức Trần Tú Đĩnh, sai giao bộ Hình tra hỏi, Đĩnh vì việc mượn riêng đồ vật công cũng phải triệt về, giao tra xét. Bọn Viện trưởng Viện Đô sát Nguyễn Đức Hoạt, khoa đạo Đặng Kham, Ngô Bình Đức, Lê Di, Đặng Minh Trân tâu nói : “Ấn là ban ra trong một thời, mà phép thì để mãi đến muôn đời, nếu không một phen định rõ lại điều cấm, e những bọn xấu không biết răn chừa, hoặc áp ủ hiểm riêng để chực báo thù lại, hoặc nhân mua chuộc gửi gắm để lấy ơn riêng, do đấy cái thói tó cáo sinh ra, vãn án phiền nhiễu ! Thực không nên để cho [thói ấy] lớn mãi lên được. Vậy xin : phạm có nặc danh tố cáo, tuy thực, cũng chiếu luật nghị xử, không được viện đó làm lệ”. Vua nói rằng : “Việc của Bá Sĩ là ta bình tình chuẩn lý do ở đặc ân. Còn theo trong luật, nặc danh tố cáo, đã có phép rồi. Pháp luật rõ ràng, vững bền như vàng đá, việc gì phải xin định lại nữa ! Sau, án làm xong, Trần Tú Đĩnh bị tội phát lưu”. Lê Bá Đĩnh bị cách chức, phát đi làm quân ở dinh Kỳ võ ; chánh biện là Đào Trí Phú cũng vì làm hao hụt của công, tang vật kể đến hàng nghìn, bị tội phạt trường phát lưu, nhân việc phát đi đường biển còn để đấy, đến khi về, giáng 3 cấp lưu. Đào Trí Phú có tâm kế thông hiểu tiếng nước ngoài, trước sau nhiều lần được phái sang Tây, làm nên gia tài có đến hàng vạn ; bọn người cùng được phái đi không ai dòm thấy chỗ bờ bến.

Định lại các địa phương phát vãng những quân nhân phạm tội. Trước đây, hạt Thừa Thiên vì quân nhân phạm tội phát vãng đi cơ Định man tỉnh Quảng Trị cứ thường nhân cơ hội mà trốn đi. Quan kinh doãn đem việc ấy ra nói, vua bèn sai bộ Hình châm trước định lại : 3 hạt Thừa Thiên, Quảng Trị và Quảng Bình, phạm là quân nhân phạm tội, đổi phát vãng đi làm quân ở cơ Tĩnh man tỉnh Quảng Ngãi, từ Quảng Nam đến Phú Yên đều như lệ trước, phát đi làm quân ở cơ Định man. Vua y cho.

Gia cấp tiền tuất cho Thị độc Nội các là Nguyễn Đình Chiểu. Chiểu trước vì có tội bị bỏ để đã lâu, nay vua nghĩ đến người bề tôi cũ, dần dà khai phục cho, chuẩn cho lấy hàm thị độc suy Nội các hành tẩu ; đến khi Chiểu mất, cho thêm tiền tử tuất 50 quan.

Đóng các thuyền hiệu : Điềm dương (bọc đồng, do tỉnh Nghệ An chế tạo), Thanh hải (do tỉnh Quảng Bình chế tạo), Định hải (do Kinh chế tạo), thưởng cho các viên đốc biện ở trong Kinh và ngoài tỉnh (thuyền hiệu chữ “dương”, công việc hơi nặng, thứ đến thuyền hiệu chữ “hải” có khác nhau).

Đổi tên chiếc thuyền nhỏ được đặt máy chạy bằng hơi nước, đổi tên gọi là thuyền “Hương phi”. Nguyên thuyền Hương phi trước đổi gọi là thuyền Huân phi.

Tổng đốc An - Hà là Nguyễn Tri Phương, Tuần phủ Doãn Uẩn tâu nói : “3 đồn Tân Châu, An Lạc và Vĩnh Thành (nguyên là đồn Cần Thơ) trong thuộc hạt, chỗ đặt

ra trước, hình thế không tiện coi giữ, xin liệu tìm chỗ đất khác mà dời đi”. Lại nói : “Hai cửa sông Hâu Diện thượng, hạ, lạc vào trong địa hạt tỉnh Định Tường, xin đổi sáp nhập vào nơi gần”. Vua đều ưng thuận.

Các tỉnh Bình Định, Bình Thuận, Biên Hòa, Gia Định, Vĩnh Long giá gạo đất. Vua sai đều đem thóc bán ra cho cả ; lại vì dân tỉnh Biên Hòa nghèo túng, sai chia ra từng hạng mà chẩn cấp. (Người rất nghèo cấp cho 5 bát gạo và 3 tiền ; nghèo vừa gạo 3 bát và 2 tiền ; trẻ con chỉ có 1 bát gạo).

Bắt đầu đặt cơ Cao dũng ở tỉnh Cao Bằng. Tỉnh Cao Bằng, trước kia đặt 1 cơ gọi là Cao hùng ; đến đây tuyển thêm dân đinh, cộng với số quân thừa ra ở Cao hùng, đặt làm cơ Cao dũng ; cho đầu mục 3 cơ nguyên hương đồng chia nhau cai quản (khoảng năm Minh Mệnh, thổ phỉ tỉnh Cao Bằng gây việc thổ hào thổ mục đem quân thổ dũng theo quan quân đi đánh bắt. Khi việc đã bình định, đồn làm 3 cơ hương đồng ; có việc thì gọi ra, không việc thì cho về yên nghiệp làm ăn).

Lãnh binh tỉnh Hà Tiên là Mai Văn Tích chết. Tích thường theo đi làm việc bắt giặc, dự có công trạng, bèn cho thêm tiền tử tuất 300 quan.

Cho : Phó lãnh binh tỉnh Vĩnh Long là Tôn Thất Trực thăng thự Lãnh binh tỉnh Hà Tiên, thự Vệ úy Tả thủy tỉnh Biên Hòa là Lê Đình Lý bổ thự Phó lãnh binh tỉnh Vĩnh Long ; Phó vệ úy Tả vệ dinh Hồ oai là Tống Văn Biên bổ Phó lãnh binh tỉnh Quảng Nam.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai mật trần về việc hai tỉnh Hưng Hóa, Tuyên Quang đổi đặt quan bổ đến : “Từ trước đến nay, quan ở các phủ huyện, thường thường lấy người ngoài biên lựa bổ vào, coi như an trí ; hoặc vì đối với thổ dân, dễ nói dối, nên coi thường pháp luật, cầu lợi riêng, đó là do người mà sinh tệ ; hoặc về thủy thổ không quen mà bỏ chức vụ, về tỉnh, trong một năm, ở chỗ lý sở, chẳng qua độ một hai tháng, mà ở tỉnh đến hơn 10 tháng, những việc kiện cáo, việc binh, việc dân đều giao cả cho lại dịch người thổ, đó là vì tình thế mà sinh tệ, nếu bắt phải ở luôn chỗ lý sở, thì vì khí lam chướng độc địa, có khi chưa đến lý sở, có khi đến được vài tháng rồi chết, đó là thủy thổ mà sinh tệ. Ôi, đầy sĩ phu vô tội đến chỗ lam chướng cùng cực ngoài biên, là nơi muôn phần chết một phần sống, từ trước đến nay quan tỉnh với lòng bất nhẫn, cũng không thể không cho tự tiện, đó là vì tình cảm mà sinh tệ ! Huyện quan ăn mặc trông vào tiền thuế, dầu mỡ đều lấy ở dân ; nay triều đình đặt quan bổ đến, mà công việc không khỏi giao cho lại dịch người thổ, thì cái phí tổn cung ứng bọn thổ tù không được giảm nhiều hơn trước, mà cái nhật dụng hàng năm của quan bổ đến, làm phiền lụy cho dân rất nhiều, đó lại là vì sự việc mà sinh tệ. Hướng chi quan bổ đến được đặt ra thường thường cứ về tình tự hội với nhau, còn những việc hay, việc dở, việc lợi, việc hại của dân gian, và

việc dị mưu sinh biến của kẻ khác đều coi như không nghe thấy, thế thì lấy một viên quan tỉnh xa lĩnh mà kiếm cố vào đó, sao lại không đủ, còn dùng bọn kia làm gì, nghiệm ngay như giặc Thạch ở Vân Trung thuộc tỉnh Tuyên Quang : rông càn đốt nhà, giết người, mà Tri phủ Nguyễn Đình Thanh coi như việc ở ngoài ý nghĩ, bọn Nguyễn Hữu Phú ở Lai Châu thuộc tỉnh Hưng Hóa : mưu ngâm khởi ngục, mà Tri châu Trịnh Đình Thanh làm như không nghe thấy gì. Thối tệ đã lâu, đại để như thế cả. Triều Châu không thể ai cũng là Hàn Dũ⁽¹⁾, Lôi Châu không thể ai cũng là Khấu Chuẩn⁽²⁾ ai dám chắc rằng trung tín có thể thi hành đến mọi rợ, chính khí có thể tránh được lam chương ? Sợ chỉ có cái tiếng đặt ra quan mà không có sự thực, cái tệ lưu hành không chỉ như ngày trước mà thôi. Vậy xin xuống đặc chỉ tài định, lập rõ chương trình”.

Vua dụ rằng : “Các tỉnh thượng du, núi rừng rậm rạp, hiểm trở, thổ tục ngoan ngạnh, không những 2 tỉnh Hưng, Tuyên mà thôi. Về đời Tiền Lê, đất xa, lam chương nhiều [triều đình đương thời] vẫn để ra ngoài ý nghĩ, chỉ cho thổ ty thổ mục đứng lên coi quản lẫn nhau. Rồi đó, đến khi thổ tù tập chức dấy lên, làm ngang ngược dân chúng, không biết có pháp luật triều đình. Khoảng năm Minh Mệnh, tướng giặc ở Sơn Âm và Vân Trung là giặc Lương, giặc Vân phiến hoặc bọn thổ dân, nổi lên sinh việc, Hoàng khảo ta, sai tướng ra quân, rầy cỏ nơi rừng rậm, san bằng chỗ đất hiểm, mới đặt quan bố đến để cai trị. Thế là phép hay của bậc đại thánh nhân chủ tế chế ngự có thể để lại về sau lâu dài mãi mãi. Lâu nay đức hóa đã thấm khắp, dân Thổ Man đã đổi dần được cái thói ngoan ngạnh, mà quan bố đến tại chức cũng lâu, nhưng Tri huyện Để Định là Nguyễn Doãn Vũ, Tri phủ Trấn Ninh là Đỗ Kim Tuấn, ở chỗ lý sở đều năm sáu năm, dân tình thiếp phục⁽³⁾ cũng không có sự gì khác đáng lo. Xem đó, nhất khái đổ cho thủy thổ sinh tệ, tình thế sinh tệ, tình cảm sinh tệ, liệu có nên không ? Nguyễn Đăng Giai muốn lấy điều nhỏ trông thấy ở trước mắt mà xin canh cải. Chẳng hầu như vì ghen mà bỏ không ăn ư ? Việc đó, quyết không thể làm càn mà khinh thường bàn được. Duy đã lấy nhiều tình tệ mắt thấy tai nghe mà nói, triều đình cũng không nỡ bỏ qua, chuẩn cho đình thần xét xem các tỉnh hạt duyên biên, chỗ nào nên đặt quan bố đến, chỗ nào nên dùng người thổ trước, chằm trước định ra chương trình, tâu lên”.

Đình thần tâu nói : “Các châu huyện thượng du các tỉnh Thanh Hóa, Ninh Bình, Nghệ An, thổ tục và lam chương, cùng với các tỉnh duyên biên như Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Yên, sự thể cũng

(1) *Hàn Dũ* : người đời Đường, khi làm thứ sử Triều Châu, nổi tiếng là thanh liêm.

(2) *Khấu Chuẩn* : người đời Tống, khi làm quan ở Lôi Châu rất được dân yêu mến.

(3) *Thiếp phục* : yên ổn và mến phục.

giống nhau. Duy địa thế có xa gần, lam chương có nặng nhẹ, xin tính theo chỗ trung bình mà chức định phụng nghi. [Những nơi] địa thế hơi gần, lam chương hơi nhẹ, có 13 phủ, 30 huyện, châu (tỉnh Nghệ An : phủ Tương Dương (kiêm lý huyện Tương Dương), huyện Vinh Hòa (phủ nha kiêm biện), huyện Nghĩa Đường (thuộc phủ Quỳnh Châu) ; tỉnh Thanh Hóa : huyện Cẩm Thủy, huyện Thạch Thành, huyện Quảng Địa (đều thuộc phủ Quảng Hóa), châu Thường Xuân (thuộc phủ Thọ Xuân) ; tỉnh Ninh Bình : phủ Thiên Quan (kiêm lý huyện Phụng Hóa), huyện Lạc An, huyện An Hóa (đều thuộc phủ Thiên Quan) ; tỉnh Hưng Hóa : huyện Tam Nông, huyện Thanh Sơn, huyện Thanh Thủy (đều thuộc phủ Gia Hưng) ; huyện Văn Chấn, huyện Yên Lập, huyện Trấn Yên, châu Thủy Vĩ, châu Văn Bàn (đều thuộc phủ Quy Hóa) ; châu Đà Bắc, châu Phù Yên, châu Mai (đều thuộc phủ Điện Biên) ; tỉnh Tuyên Quang : phủ Yên Bình (kiêm lý châu Mộc, châu Lục Yên (thuộc phủ Yên Bình) ; huyện Hàm Yên (thuộc phủ Yên Bình) ; Tương An phủ (kiêm lý huyện Vĩnh Điện) ; tỉnh Thái Nguyên : phủ Thông Hóa (kiêm lý huyện Cẩm Hóa), phủ Phú Bình (kiêm lý huyện Tư Nông), huyện Bình Xuyên và huyện Động Hỷ (đều thuộc phủ Phú Bình), phủ Tùng Hóa (kiêm lý Định Châu), huyện Phú Lương (thuộc phủ Tùng Hóa) ; tỉnh Lạng Sơn : phủ Trường Khánh (kiêm lý châu Lộc Bình), châu Ôn (thuộc phủ Trường Khánh), phủ Trường Định (kiêm lý châu Văn Uyên), huyện Thất Khê (thuộc phủ Trường Định) ; tỉnh Cao Bằng : phủ Trùng Khánh (kiêm lý huyện Hạ Lang), phủ Hòa An (kiêm lý huyện Thạch Lâm), huyện Thạch An (thuộc phủ Hòa An) ; tỉnh Quảng Yên : phủ Hải Ninh (kiêm lý huyện Nghiêu Phong), phủ Sơn Định (kiêm lý huyện Hoàn Bô), châu Vạn Ninh, châu Tiên Yên, huyện Yên Hưng (đều thuộc phủ Sơn Định). Xin lấy hậu bổ, cử nhân, giám sinh, tú tài, xét chỗ nào khuyết thì đề nghị bổ.

[Còn những nơi] địa thế xa xôi và lam chương nặng nề, có 3 phủ, 26 huyện châu : tỉnh Nghệ An : phủ Quỳnh Châu (kiêm lý huyện Thúy Vân), huyện Quế Phong (do phủ kiêm lý), huyện Kỳ Sơn (thuộc phủ Tương Dương), huyện Hội Nguyên (do huyện Kỳ Sơn quản nhiếp), phủ Trấn Ninh ; tỉnh Thanh Hóa : châu Lang Chánh, châu Quan Hóa (đều thuộc phủ Thọ Xuân) ; tỉnh Hưng Hóa : châu Tuần Giáo, châu Mai Sơn (đều thuộc phủ Gia Hưng), châu Chiêu Tấn, châu Luân, châu Lai, châu Quỳnh Nhai (đều thuộc phủ An Tây), phủ Điện Biên (kiêm lý châu Ninh Biên), châu Mộc (thuộc phủ Điện Biên) ; tỉnh Tuyên Quang : huyện Vĩnh Tuy (thuộc phủ Yên Bình), châu Chiêm Hóa, châu Vị Xuyên, huyện Đẻ Định (đều thuộc phủ Tương An) ; tỉnh Thái Nguyên : châu Bạch Thông (thuộc phủ Thông Hóa), huyện Vũ Nhai, huyện Phổ Yên (đều thuộc phủ Phú Bình), huyện Văn Lãng, huyện Đại Từ (đều thuộc phủ Tùng Hóa) ; tỉnh Lạng Sơn : huyện An Bắc (thuộc phủ Trường Khánh), huyện Văn Quan, châu Thoát Lãng (đều thuộc phủ Trường Định) ; tỉnh

Cao Bằng : huyện Thượng Lang, huyện Quảng Uyên (đều thuộc phủ Trùng Khánh). Các châu huyện này do phủ sở tại kiêm quản hạt, đốc, phủ, hội đồng với các viên trong tỉnh, nếu không có kiêm hạt, thì do tỉnh viên giữ lễ công, chọn cử những tá lĩnh, hậu bổ trong tỉnh, hoặc người thổ trước, không cứ là có hay không có khoa mục xuất thân, ai giữ lễ công, trong sạch cẩn thận, làm việc thanh liêm, mẫn cán, có thể kham được việc coi dân xã, thì tâu xin cho thăng bổ.

[Những nơi] nguyên đặt thổ quan, có 1 phủ, 18 huyện châu : tỉnh Nghệ An : huyện Liêu, huyện Khâm, huyện Khang, huyện Cát, huyện Quảng, huyện Mễ, huyện Mộc, huyện Liêm, huyện Xa Hồ (thuộc phủ Trấn Biên trở xuống), huyện Sâm Tộ, huyện Man Soạn, huyện Mường Lan ; tỉnh Thanh Hóa : phủ Trấn Man, huyện Trường Cổ, huyện Sâm Nưa, huyện Man Duy (đều thuộc phủ Trấn Man) ; tỉnh Hưng Hóa : châu Sơn La, châu Thuận, châu Yên (đều thuộc phủ Gia Hưng) xin đều cứ để như cũ. Ôi như thế thì kỷ luật chỗ quan trường trong sạch, thẳng thắn, mà những người tại chức không kẻ ăn không ngồi thừa, người ưa đất, đất ưa người, mà dân không có sự gì phiền nhiễu, có thể làm mà không sinh ra tệ”. Nghị dâng lên, vua chuẩn y nghị, thi hành.

Định lại lệ quan viên ngũ phẩm trở xuống gặp tang đích mẫu. Tri huyện Thạch Thành tỉnh Thanh Hóa là Nguyễn Thế Trạch gặp tang đích mẫu, quan tỉnh tâu xin cho được giả hạn 1 tháng về quê trị tang. Bộ Lại nhân việc đó, tâu nói : “Chiếu nghị định năm Minh Mệnh thứ 19 [1838], chỉ nói đến thể lệ, quan viên từ tứ phẩm trở lên khi gặp tang đích mẫu, còn từ ngũ phẩm trở xuống không nói đến. Đối với tình người làm con, e có chỗ chưa được ổn. Hướng chỉ đốc học, phủ, huyện, giáo huấn ở các tỉnh ngoài, quan hệ đến phong hóa, đối với cha mẹ đẻ, lệ được trị tang 12 tháng, mà gặp tang đích mẫu lại không được về quê trị tang ; như vậy so đến lễ chưa được thỏa đáng. Nhưng việc tang, quan hệ ở người chủ tang : đích mẫu nếu có con, thì chủ tang tự khắc đã có người, còn nếu không có con, thì việc tang, mình phải làm chủ. Vậy cốt phải châm chước quyền nghi mới hợp tình hợp lý, đi đến chỗ phải. Nay xin phàm quan viên từ nhất phẩm đến tứ phẩm gặp tang đích mẫu đều tuân theo lệ cũ, còn ở trong Kinh quan ngũ phẩm, ở ngoài các tỉnh như đốc học, phủ, huyện, giáo huấn, nếu đích mẫu có con thì cho giả hạn 1 tháng, nếu không có con thì cho giả hạn 2 tháng ; quan lục, thất, bát, cửu phẩm, không cứ đích mẫu có con hay không có con, đều cho giả hạn 1 tháng, ngõ hầu về phận người vợ cả, vợ thứ và lòng người con có chỗ được yên, đều đi đến lễ phải cả”. Vua chuẩn y lời tâu.

Cho Phó vệ úy vệ Nhị ở Hậu bảo Hậu quân là Tôn Thất Lập bổ đi Phó vệ úy vệ Loan giá.

Bắt đầu đặt tên tổng các châu ở tỉnh Hưng Hóa, thiết lập các tổng mục. Quan tỉnh Hưng Hóa tâu nói : “Các châu Thủy Vĩ, Văn Bàn, Mai Châu, Phù Yên và Lai

Châu đã hơi tập quen phong hóa người Kinh, xin chiếu theo dặm đường xa hay gần, số dinh số điền nhiều hay ít, đặt ra tổng, mà đặt tổng mục”. (Châu Thủy Vĩ đặt 3 tổng, châu Văn Bàn, châu Phù Yên và Mai Châu đều đặt 2 tổng, Lai Châu đặt 1 tổng).

Bảy chiếc thuyền tuần dương của trấn Quỳnh Châu nhà Thanh gặp bão trôi giạt vào cửa biển Y Bích. Chủ thuyền là Quảng Miển xin cấp cho lương ăn và các vật hạng để sửa chữa thuyền. Tổng đốc Thanh Hóa Tôn Thất Lương đem việc tâu lên. Vua sai chọn nơi đỗ thuyền và khoản đãi cấp thêm cho 100 lạng bạc, 200 phương gạo, 300 quan tiền. Những đồ dùng trong thuyền bị tổn hại, đều do Nhà nước tu lý cho. Lại phái Thị lang bộ Lễ Hoàng Tế Mỹ đến ngay yên ủi, thăm hỏi. Khi thuyền quay về, vua sai người hộ vệ cho ra khỏi cửa biển. Người Thanh lấy làm cảm ơn, đem ngay các của quý báu đến đáp tạ (các phẩm vật như lọ bằng vàng, cái như ý⁽¹⁾ bằng ngọc đoạn các màu có thêu con mãng xà bóng nhoáng và trầu Chiết Giang).

Cho Tư Qua làm Phó vệ úy vệ Phú Yên, Nguyễn Giáo làm Phó quản cơ cơ Hữu tỉnh Vĩnh Long, sung Hiệp biện Thừa an úy là Phạm Phúc Minh làm Phó quản cơ cơ Hữu tỉnh Định Tường.

Tổng đốc An - Hà Nguyễn Tri Phương, Tuần phủ Doãn Uẩn, Đề đốc Nguyễn Văn Hoàng tâu nói : “Về tình hình Trấn Tây, trước kia, các quan tỉnh cũ cùng với tham, tán, tán lý hội đồng với đại viên các tỉnh Nam Kỳ, xin cất đại quân đến để thị oai, đã được nhà vua xuống dụ báo phải đợi sau thông thả sẽ bàn. Nay nghe nói tên đầu sỏ giặc là Chất Tri đóng lâu ở thành Nam Vang, dân Miên khôn xiết khôn quần ! Gần đây, Trà Tri Mê xin đem đồn Sa An hưởng ứng theo để ra sức làm việc. Cao La Hâm Mộc xin đem thổ dân Nam Ninh quy phụ vào xứ Trấn Tây ; Phủ Phủ Lịch Đột lại xin đem thổ dân 4 phủ (Lu An, Bình Tiêm, Kỳ Tô và Mỹ Lâm theo quan quân để hiệu dụng. Lấy lý mà xét, đó không phải là những lời bịa đặt, nói vu vơ. Duy có đường sau xứ Hải Tây là con đường giặc Xiêm tắt do đày [đi lại], những dân Miên ở nơi ấy đều hướng thuận tất cả, mới có thể tiến hành. Nếu thốt nhiên người Miên cùng người Xiêm sinh mối hiềm khích, thế tất phải phi báo quan quân ta để cầu viện tiếp ứng ngay. Khi ấy, việc đến chỗ khẩn cấp không được để chậm, làm kỳ sẽ xin làm tờ tâu lên, đợi phái cho một đại viên đến ngay, lại tư ngay cho 4 tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, Gia Định, Biên Hòa cấp tốc tập hợp binh đồng đủ 2 vạn người chia đường tiến đánh, để cho kịp việc”. Việc này được giao xuống cho các quan văn võ đại thân duyệt nghị, ý kiến đều giống nhau, vua bèn xuống dụ rằng : “Dụng binh là việc lớn, không thể ngồi nhìn để lỡ cơ hội, mà trong khi tiến hay ngừng phải nên xét kỹ mới là mưu kế vạn toàn. Bọn Lạp man phải khổ lâu vì sự tàn ngược của

(1) Như ý : đã chú thích ở trang 625.

người Xiêm, thế tất một phen quyết liệt ! Gần đây, các thổ mục ủy người đến thông khoản [với ta], thực hay dối, còn chưa thể biết. Nếu quả có thể nhân cơ hội, thì mật định nhật kỳ ngay, rồi phi tầu lên, đợi ta chọn phái một đại viên đến ngay để làm việc tiểu phi, thế là xuất quân đường đường chính chính, rất là thượng sách. Nếu bọn Lạp man không nhẫn nại chịu được, kíp đến xin cứu viện ngay thì cũng nên cẩn thận thăm dò hỏi xác thực, chớ có làm liều, tiến vội, hoặc bị bọn Mên nói dối, phải trừ tính cho khéo”. Lại dụ cho các tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, Gia Định, Biên Hòa : “Phàm thuyền bè, khí giới, nhất nhất phải tu chỉnh hết, cho đến biên binh trong tỉnh cũng phải huấn luyện sẵn trước, nhưng không nên lộ ra tiếng nói và nét mặt để làm lạ tai mắt người ta, đợi có quân báo do tỉnh An Giang đưa đến thì lập tức phái Lãn binh đốc xuất đến ngay”. Lại trích 2 vệ quân Kinh trước đóng ở 2 tỉnh Gia Định và Định Tường (vệ Hữu dinh Hùng nhuệ và vệ Nhị thuộc Trung bảo) đến tỉnh An Giang đàn áp để cho mạnh thanh thế việc biên phòng.

Xứ Bắc Kỳ, luôn mấy ngày mưa dữ, nước sông Nhị Hà dấy lên đến hơn 10 thước. Đồng ruộng các tỉnh Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định và Hải Dương phần nhiều bị ngập. Tỉnh Quảng Yên lại có gió bão. Các huyện Giao Thủy, Tiên Hải thuộc tỉnh Nam Định, nước biển dâng lên, dân có nhiều người bị chết đuối. Việc đến tai vua. Vua sai các quan tỉnh đi khám xét rõ ràng từng phân, từng số bị tai hại, đợi lượng cho tha thuế, giảm thuế. Những dân bị chết và nhà cửa bị đổ nát đều được cấp cho tiền.

Các địa phương có sông to ở xứ Bắc Kỳ tâu nói sóng nước đã yên. Trước đây, vua nghe nói các tỉnh bị gió bão, bị nước lụt, tức thì đem việc đắp đê, phòng nước sông ra hỏi [quần thần]. Đến đây, các hạt hội làm tờ tấu lên báo việc sóng nước đã yên, vua nói rằng : “Bão lụt, đáng lo ; sóng nước yên, đáng mừng. Đó là thần linh giúp cho. Vì dân, ta lấy làm may mắn !”. Bèn sai sắm sửa lễ vật để lễ tạ. Thường cho các quan lại địa phương : kỷ lục, lương bổng và tiền. Duy có Hộ đốc tỉnh Hải Dương là Đặng Đức Thiệm vì chậm báo, bị phạt.

Cửa biển mới ở cửa Lãn Hải tỉnh Nam Định được mở rộng ra (cửa Lãn Hải nguyên có một ngọn sông nhỏ từ sông lớn Ba Lạt rót xuống, đất cát ngày bồi nông lên. Mùa thu này, nhân có gió dữ mưa to, về phía nam chỗ cửa biển cũ, khoét ra một cửa biển mới, rộng 21 trượng. Khi nước thủy triều lên, sâu 8 thước, 5 tấc ; khi thủy triều xuống, sâu 2 thước 2 tấc. Thuyền bè ra vào rất tiện).

Lấy : thự Lang trung bộ Lễ là Vũ Trọng Bình kiêm nhiếp hữu Tá lý Tôn nhân phủ ; đạo Ngự sử Long - Tường là Trình Nho thự Hình khoa Chương án Cấp sự trung ; Lại khoa Cấp sự trung Lê Di thự Chương án Cấp sự trung bộ Hộ. Bổ Đốc học tỉnh Định Tường gia hàm Thị giảng học sĩ viện Hàn lâm là Lê Hiếu Hữu làm Thị độc Hàn lâm viện sung Biên tu Sử quán.

Lãnh binh tỉnh Quảng Trị Hoàng Đức có tội bị mất chức. Năm ngoái, Đức kiểm những gỗ lạt mua cho Nhà nước để nước lụt trôi mất. Án sát Phan Văn Nhã muốn đem việc hặc tâu lên. Đức sợ tội, đút tiền cho kinh phái Thị vệ Phan Bá Đình để Đình hư nhận cho đủ số. Việc bị phát lộ, Đức và Đình đều bị cách, khóa tay, giao cho Chương án Cấp sự trung Ngô Bình Đức xét hỏi. Vua lại phái Biện lý bộ Hình Đinh Văn Minh đi tra tẩn. Trước kia, Đình cùng với bọn cùng phái đi là Lại dịch ty Cẩn tín Phan Đình Hội, Lại dịch bộ Công Lê Quang Tà, đi đặt giá mua gỗ, nhân đó ăn bớt của công, tang tiền kể hàng trăm nghìn. Đến đây tra ra, biết hết được tình trạng. Khi án xong, Đình và Tà đều bị xử trảm. Hội bị giam để cho đói mà chết. Hoàng Đức bị phát làm quân ở vệ Kỳ võ. Nhân đó vua chuẩn định : phạm phái viên đi đặt giá mua gỗ lạt, những dân làm gỗ, nếu có tình nguyện xin lĩnh trước tiền công, quan tỉnh xét thực chi phát, phái thuộc hạ hội đồng ổn thỏa mà làm việc, cứ 3 tháng một lần tư bộ, để phòng mối tệ.

Bổ thự Vệ úy vệ Tả dinh Tiền phong là Nguyễn Tuyên làm thự Lãnh binh tỉnh Quảng Trị. Đối Phó vệ úy vệ Nhuệ vũ là Trần Quang Tú làm Quản cơ sung Hiệp quản vệ Tả dinh Tiền phong.

Bọn Lãnh binh Nguyễn Vĩnh ở quân thứ Tĩnh Man phái người đi dụ các bộ lạc Ác Man, La Tru và Thuộc Vinh (tên 3 trại Man), nhân đó chia đường đi đặt quân mai phục, giết được bọn giặc 33 tên, thu được khí giới. Quân Man phần nhiều bị thương trốn chạy. Việc đến tai vua. Vua khen rằng : “Làm nổi được uy thanh, rất đáng khen mừng. Chuẩn thưởng cho Vĩnh gia một cấp, kim tiền “tam thọ” 1 đồng, khánh vàng “kỷ công” và nhẫn vàng đều 1 chiếc ; Phó lãnh binh Phan Phái gia 1 cấp, kim tiền “nhị nghi” 1 đồng ; Mai Khắc Mẫn cũng vì thương biện được đúng, thưởng cho kỷ lục 2 thứ. Viên biên đi chuyến ấy mà có công trạng thưởng cho kỷ lục và bạc tiền có khác nhau. Quân và dân, thưởng tất cả cho 500 quan tiền”. Vĩnh nhân tâu xin gọi bắt dân xã thay thế vào việc canh phòng các đồn, rồi đem theo những quân đồn về để đi đánh giặc. Vua ưng cho. Lại dụ cho Vĩnh rằng : “Người ở lâu chỗ biên thù, thuộc hết tình hình dân Man, xem xét cơ nghi, bày mưu lạ, giữ thế thảng. Nơi nào thực lòng hàng phục thì vỗ về “yên ủi”, nếu ngoan ngạnh thì đánh dẹp đi”. Bọn Vĩnh lại tâu nói (địa diện 4 cơ nguyên đặt 14 đồn, địa thế kéo dài ; xin bớt đi 6 đồn, còn dân ở trại Bình An thường bị bọn Man ở núi quá nhiều, đã dời đi nơi khác để cho dân được ở yên. Vua cho là kiến thức thấp hèn, xuống dụ quả nặng, bắt phải mạnh dạn tiến lên để yên dân ngoài biên. Khi Chỉ dụ đã đến, Nguyễn Vĩnh, Mai Khắc Mẫn và Phan Phái chia đường tiến đánh, đi qua các trại Minh Long, Suối Tía, đốt những chỗ tích tụ [của giặc]. Bọn Man cũng dựa vào chỗ hiểm mà bắn ra. Khoảng độ vài ngày, bọn Man thừa hư đánh úp, phá các đồn trong 4 cơ. Vĩnh lo vì không có gì để phòng thủ, đem rút quân về ; Vĩnh đi trước, Mẫn

cũng đi tiếp theo ; Phan Phái quản lính quân đạo sau ủy cho Hiệp quản Dương Tuy, thự Quản cơ Nguyễn Đặng và Phó quản cơ Bùi Uy đi sau rốt. Chợt nghe tiếng giặc Man reo hò, tiêu binh của Bùi Uy chạy trước. Đạo quân của Phan Phái cũng tan vỡ, quân lính và khí giới bị thất lạc nhiều. Tin báo đến, vua phê bảo rằng : “Nghe tiếng gió thổi, hạc kêu⁽¹⁾ mà sợ là tiếng quân giặc, khiến người rợn cả tóc lên. Nguyễn Vĩnh, Mai Khắc Mẫn đều phải giáng 4 cấp, Phó lãnh binh Phan Phái và các bộ biên ở đạo sau đều phải giáng chức, bắt khóa tay lại để đợi chỉ dụ”. Bèn sai Thống chế dinh Kỳ võ là Tôn Thất Bật làm Đề đốc Quảng Ngãi tiêu bộ quân vụ ; thự Tuấn phủ Nam - Ngãi Ngụy Khắc Tuấn sung làm Tán lý đem quân Kỳ võ dưới quyền và quân tỉnh Quảng Nam cùng với biên binh vệ Hậu dinh Hồ oai gấp tiến đến thay lĩnh quân ấy. Cho từ Nguyễn Văn Vĩnh trở xuống đều đi theo để sai phái. Những viên phạm phép công như bọn Nguyễn Nhân, Nguyễn Nghĩa đều phát đi quân thứ hết sức làm việc để chuộc tội.

Khi Bật vào cáo từ, vua dụ rằng : “Bọn Man ấy, vài mươi năm nay, không dám chống lại chính hoá, nay lại sinh sự là do quan tỉnh võ về hay chế ngự không hợp cơ nghi, nên mới đến thế. [Các người] đi chuyến này, vừa võ về, vừa đánh dẹp, hai mặt đều phải tiến hành. Nếu kẻ nào sợ tội, đến hàng thì phải võ về yên ủi cho khéo, không nên đánh cho tiêu diệt. Đối với duyên do làm lỡ việc do đạo quân Phan Phái gây nên cũng phải tra xét cho rõ ràng cả để nghị xử”. Bọn Bật đến quân thứ, xem xét hình thế các cơ, trù tính việc tiến quân ; Ngụy Khắc Tuấn lưu 5 cơ lại để tùy theo địa thế, phòng ngừa quân giặc. Bật chia đường, kéo đại binh thẳng đến các trại Thuộc Vinh : đi đến đâu cũng đốt nhà và phá hủy thóc lúa của giặc, quân Man đều tan vỡ hết. Rồi đó vì mưa lụt, nên rút quân về ; ủy cho dân buôn và những người Man đã đầu hàng chia đi khắp nơi để chiêu dụ, bảo cho chúng biết ý tốt của triều đình không muốn giết. Sau đó, các tù trưởng Man theo nhau đầu hàng đến 14 trại (Minh Long, Suối Tía, Làng Xanh, La Lưu, Thuộc Vinh, Ba Tê, Nước Tà, Làng Y, Nước Đương, Đồng Lâm, Nước Khâm, Lang Huy, Côn Nhục, Đình Hé gồm 14 trại). Bật đều yên ủi, võ về, thưởng cấp cho áo mặc, rồi tha cho về. Duy có một trại Tru Khê hãy còn ngờ vực, sợ hãi, chưa đầu hàng. Bọn Bật đem tâu luôn bản án Phan Phái làm lỡ việc. Phái bị xử trăm giam hậu. Bọn biên binh dự việc bắt giặc, kẻ nào nhút nhát mà lùi bước phải cách chức, phái đi sung quân đến hơn 10 người. Lấy Vệ úy vệ Nhị thuộc Tả bảo là Nguyễn Văn Đức làm Tác vi lĩnh binh tỉnh Quảng Ngãi.

(1) *Tiếng gió, tiếng hạc* : Trung Quốc về thời cổ quân Tần Bồ Kiên có hàng trăm vạn, mà Tấn Tạ Huyền chỉ lấy 8 nghìn quân tinh nhuệ đánh cho tan. Quân Tần sợ, chạy nghe thấy tiếng gió thổi, tiếng hạc kêu, cho là quân Tấn đuổi.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XLII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Giáp Thìn, Thiệu Trị năm thứ 4 [1844], mùa thu, tháng 9. Hạt Thừa Thiên được mùa to. Quan Kinh doãn đem việc tâu lên. Vua phê bảo rằng : “Tất cả các thứ lúa thu hoạch được đều xung tụng là được mùa bậc thượng. Thực là do trời giáng phúc, và nhờ trị công cùng ơn trạch của hoàng khảo ta để lại, nên mới được thế. Ta thành kính cảm tạ, không xiết yên ủi vui mừng, nên cùng dân ta cùng vui, hợp với bài thơ vịnh “Năm được mùa, có hàng nghìn kho, hàng vạn đụn”. Người là Kinh doãn, nên thể theo tấm lòng ta, chăm việc khuyên dân bảo dân làm ruộng, mong cho năm nào cũng được mùa, nhà nào cũng no ấm, cùng hưởng cảnh vui thái bình. Năm này qua năm khác được ghi chép mãi mãi là được mùa. Đừng cho là đã đầy đủ mà sơ sài việc khuyên dạy dân. Phải cẩn thận đó !”.

Ban các thứ quế cho hoàng tử, hoàng thân, đình thần, văn từ viên ngoại lang, khoa đạo, thị độc ; võ từ hiệp quản trở lên, có thứ bậc khác nhau.

Định lại lệ bổ thụ tiến sĩ, phó bảng. Trước kia, tiến sĩ đệ nhị giáp, đệ tam giáp các khoa : sơ thụ hàn lâm viện tu soạn, biên tu ; phó bảng : sơ thụ kiểm thảo. Bổ ra ngoài thì : tiến sĩ thăng thụ tri phủ hoặc thụ tri phủ, phó bảng thăng thụ đồng tri phủ hoặc thụ đồng tri phủ. Đến đây, vua cho rằng giáp đệ đã có thứ bậc, thì sự cất bổ phải nên phân biệt rõ ràng, bèn chuẩn định : đệ nhất danh, đệ nhị danh và đệ tam danh ở nhất giáp đều là đình nguyên⁽¹⁾, đến kỳ sẽ đợi chọn dùng. Đệ nhị giáp, đệ

(1) Tức là trạng nguyên, bảng nhãn và thám hoa.

tam giáp xuất thân : sơ thụ hàn lâm, viên nào bỏ đi làm việc ở các nha môn được một năm, nếu hơi quen việc chính trị, có tài giỏi, làm việc mẫn cán, thực xuất sắc thì đến kỳ đợi Chỉ. Còn đệ nhị giáp tiến sĩ bỏ ngay tri phủ ; đệ tam giáp tiến sĩ : thăng bổ chủ sự, bổ đi thụ tri phủ ; phó bảng : thăng bổ tri huyện, coi như thụ đồng tri phủ bổ ngay tri huyện hạng đầu, nhưng đều xét hễ có khuyết thì nghị bổ. Còn những viên được thụ hàm mà làm việc thực mẫn cán thì không bố buộc niên hạn, thượng ty các địa phương cứ xét thực, tâu lên, đợi Chỉ bổ thụ.

Cho : thụ Vệ úy vệ Tiền nhị dinh Vũ lâm là Nguyễn Văn Tinh bổ thụ Vệ úy Trung vệ dinh Hồ oai ; Quản cơ sung Hiệp quản vệ Tả nhị là Ngô Nghê bổ sung Hiệp quản vệ Tiền nhị ; thụ Vệ úy vệ Khinh kỵ là Nguyễn Hoá bổ sang Vệ úy vệ Trung bảo nhị ; thụ Vệ úy Hữu vệ dinh Hồ oai là Hồ Bích bổ thụ Vệ úy vệ Tả bảo nhất ; Phó vệ úy vệ Uy vũ thuộc dinh Thần cơ, Phụng ân úy Nguyễn Yên thăng thụ Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Hậu bảo ; Cai đội đội Lục Nhị vệ Trung bảo là Trần Xuân Phê thăng bổ Thành thủ úy, thụ Phó vệ úy vệ Uy vũ thuộc dinh Thần cơ.

Đốc học tỉnh Nghệ An là Vũ Đình Uyên chết. Lấy Tri phủ Đỗ Doanh Quan thăng bổ Đốc học tỉnh Nghệ An.

Bổ Tả thị lang bộ Binh Hoàng Thu làm Bố chính tỉnh Định Tường, hội đồng với thụ Án sát Lê Chân, bộ lý án quan phòng tuần phủ.

Những cử nhân, giám sinh, ám sinh phân phái đi hậu bổ các tỉnh đều được thưởng 10 quan tiền.

Tiết Trùng dương⁽¹⁾. Ban yến cho hoàng thân và văn võ án quan ở điện Cần Chính.

Ngày Quý Dậu. Ở Kinh sư mưa to, gió dữ. Cái cán cờ trên chòi cửa bị gãy. Chỗ đất bằng, nước sâu đến hơn 10 thước. Các nhà cửa, thuyền bè công sở tư gia phần nhiều bị đổ nát, chìm đắm. Dân hạt Thừa Thiên bị chết đuối đến hơn nghìn người.

Ngày hôm sau, vua ngự lên chòi ở trên thành, trông ra bốn mặt, ngậm ngùi than rằng : “Không ngờ bão lụt đến như thế ! Dân ta bị hại không phải ít ! Lập tức phái khoa đạo, bộ ty hội đồng với quan kinh doanh, phát ra tiền, gạo, tải đi, chia từng hạng mà chuẩn cấp (người nghèo từng mỗi người đều 1 quan tiền, 10 bát gạo ; người chết đuối mỗi người 3 quan tiền. Nhà cửa đổ nát đến hơn 1.900 hộ : hộ lớn, 3 quan tiền ; thứ đến 2 quan : lại thứ nữa, 1 quan ; thuyền bè cũng thế).

Cũng ngày ấy, tỉnh Quảng Trị bị lụt khác thường, ngập sâu đến 16 thước. Dân bị chết đuối nhiều (chết đuối 79 người. Nhà cửa đổ nát hơn 3.000 hộ). Tin báo đến vua, sai Chương án Cấp sự trung Lê Di đi ngay đường trạm, hội đồng với quan tỉnh, đi khắp nơi để chuẩn cấp cho ; duy có 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi

(1) Mồng 9 tháng 9 âm lịch.

sức gió hơi nhẹ, không thiệt hại mấy. Vua nói rằng : “Ta cũng lấy làm may cho dân các địa phương ấy !”.

Sai Trung quân Chương phủ Tạ Quang Cự, Thương thư Hà Duy Phiên tu bổ Hiếu lăng⁽¹⁾, Hiếu Đông lăng⁽²⁾ và Bảo thành⁽³⁾. Lại sai Tôn nhân phủ hội đồng với 2 bộ Lễ, Công xem xét các miếu cùng với 2 điện Phụng Tiên⁽⁴⁾, Hiếu Tư⁽⁵⁾, và những nơi miếu vũ, kho tàng, phủ đệ, bộ, viện, sảnh, thự, nhà cửa trong thành có vì bão lụt làm tổn hại, thì chi của kho để tu bổ.

Cho dân 6 huyện thuộc hạt Thừa Thiên vay, dụ rằng : “Hạt Thừa Thiên ở gần ngay chỗ nhà vua đóng, năm nay may được thu hoạch mười phần, không ngờ chẹt gặp nạn bão lụt : trong nhà dân, dành để được ít nhiều đều bị nước ngập cả. Đối với nạn nhân kêu gào đợi cơm ăn ấy, ta rất thương xót, vậy sai lấy thóc kho ra 23.000 phương để cho vay : gần thì đến kho ở Kinh [mà lĩnh], xa thì do thuyền chở đến cho. Người chết đuối cho trừ ngạch tha thuế”. Lại dụ cho quan Kinh doãn rằng : “Thấy nước lụt, ta sinh buồn, ngắm trăng không vui, băn khoăn về đường sinh sống của dân, ngủ không yên giấc ! Các người nên thể theo ý ta, tùy nghi chẩn cấp, khiến cho những tiểu dân cùng khốn chóng được khởi sắc, nhà cửa đổ nát tu bổ lại dân dân. Còn những người vô tội mà bị chết đuối, càng đáng thương xót, cũng nên liệu cấp tiền tuất để cùng được đội ơn. Phàm những dân đói đến ăn, đều là con đỏ của triều đình, không cứ hạt nào, có thể chẩn cấp cho cả một loạt”.

Thự Tuấn phủ tỉnh Quảng Ngãi Lê Trường Danh tâu nói : “Huyện Hương Hoá và thổ dân các châu, nhà và sà bị đổ mất nhiều ; lúa thóc tổn hại, tình hình cùng quẫn !”. Vua sai phát ra muối, gạo, tải đến cấp cho.

Bộ Công tâu nói : “Các thuyền hiệu Phúc hàng, Bình dương, Tĩnh dương, An hải, Tuấn hải rải rác đậu ở lòng sông, nhân nước lụt, bị lật úp, đắm chìm !”. Vua quả rằng : “Phúc hàng là thuyền cũ của ta khi chưa lên ngôi ; các hiệu thuyền Dương, Hải đều là chiến hạm bọc đồng, sai phá rất đặc lực. Nếu có gió bão to, thì cả một bang thuyền vài mươi chiếc đều được bảo quản, không lo ngại gì, làm sao chỉ một số thuyền này để lỡ bị đắm ? Đó đều do quân thủy sư khinh thường, không có người coi giữ, đổ cho bão lụt, phỏng có được không ? Bọn Đô thống Vũ Văn Giải, Hiệp lý Nguyễn Văn Điển, thự Đề đốc Đoàn Kim, Chương vệ Nguyễn Bá Tĩnh và Nguyễn Văn Lưu, Quản vệ Lê Điển, Phó vệ úy Lê Lang, Lê Viết và Trương Hợi, đều bị phân biệt giáng cấp, cách lưu bắt phải tìm phương pháp để sang hộ [các

(1) Hiếu lăng : lăng Minh Mệnh (Thánh tổ Nhân hoàng đế).

(2) Hiếu Đông lăng : lăng vợ Minh Mệnh (Nhân hoàng hậu).

(3) Bảo thành : lăng vợ Gia Long (Cao hoàng hậu).

(4) Phụng Tiên : thờ Gia Long.

(5) Điện Hiếu Tư : thờ Minh Mệnh.

thuyền bị đắm ấy] vào chỗ vững thuyền đỗ. Chuẩn cho quyền lĩnh những vật liệu công ra để tu bổ. Thuyền Điện phi cũng bị dòng nước chảy xiết đứt ra đưa đi nơi khác ! Chánh đội trưởng Đoàn Văn Du liều chết giữ thuyền, không để cho chìm xuống nước, lại đưa được thuyền về. Vua rất khen ngợi, bạt bỏ lên chức cai đội. Ở các hiệu thuyền khác, những người coi giữ đắc lực đều được theo ưu hạng, nghị công, nghị thưởng có thứ bậc khác nhau.

Vua nhân bão lụt, tự xét và trách mình, câu lời nói thẳng. Xướng dụ rằng : “Trước tiết Trùng dương năm nay, bộ Lễ xin xa giá đi thưởng giai tiết, ý ta dùng dằng mấy ngày mà chưa ưng thuận, ngay ngáy trong lòng như có chỗ phải nghĩ, bèn chỉ xướng dụ chiếu lệ ban yến ở đại đình. Đến ngày giai tiết, những việc lên chỗ cao, thưởng cảnh đẹp và làm lễ thượng thọ đều đình miễn ; sự yến thưởng ở trong cung cũng bãi đi. Lại căn cứ vào tập tâu của viên phủ Thừa Thiên, thì lúa ruộng vụ thu [năm nay] các nhà làm ruộng ai cũng khen là ít khi được như thế, ta phê bảo chớ nên tự nghĩ rằng đã đầy đủ, dùng nhân giai tiết mà chơi bời, dùng vì năm được mùa mà rồi rãi. Các quan viên trong triều chắc cũng đều tin mà nghe thấy, trông thấy. Quả nhiên đến ngày trùng cửu, buổi sáng lác đác mưa, đến đêm, cuối giờ Dậu, gió nổi từ phương tây bắc kéo luôn đến giờ Tý. Đến ngày mồng 10, gió thêm lên như sáo thổi, mưa đổ xuống đây chày, giờ Dần, chuyển gió đông bắc rất dữ dội, bay cả ngôi, nhổ cả cây, mưa lụt đầy rẫy ! Quá nửa đêm, ta vẫn trần trọc, suốt đêm không ngủ ! Ngày hôm sau thân đi xem xét nước lụt, xa trông làng mạc tự nhiên sinh buồn ! Cứ tình hình ấy, dân ta tất bị tai hại. Đó đều do ta đức bạc, không đôn được hòa khí của trời, nên mới đến thế ! Tức thì xướng dụ phát của kho ra, sai viện Đô sát hội đồng với Lục bộ, chia đi các huyện trong kinh thành để chuẩn cấp. Rồi thấy quan tỉnh Quảng Trị tâu báo bão lụt cùng ngày hôm ấy, ta tức thì phái các khoa đạo chạy đường trạm, đi hội bàn để chấn cấp, mong sao cho tai nạn của dân chóng được hoàn lại. Nhớ lại năm trước, ta châu hầu dưới gối, thấy Hoàng khảo ta chú trọng đến vận mạng của dân, xem mưa nghiệm nắng, sáng suốt hết ẩn tình trước khi việc xảy ra. Trong khi dạy bảo về chính trị, dụ tận mặt cho ta biết rằng : “Về phương Nam, xét đến sử sách các đời để lại, ít động đất mà nhiều gió to. Năm Gia Long thứ 10 [1811] là năm Tân Mùi, năm Minh Mệnh thứ 8 [1827] là năm Đinh Hợi, đều có một lần [bão]. Gần đây, xem khí trời và sắc gió, rất sợ vài năm sau, không khỏi có tai hại về bão lụt, hình như khí vận xui nên thế ! Phải nên cẩn thận tu tính lấy mình mới có thể cầu đảo mà tránh đi được”. Ta bái lĩnh lời minh huấn, cẩn thận lưu tâm, chưa đầy 4 năm, quả nhiên có bão lụt. Thực là bạc thánh nhân biết trước cơ trời, mưu cho con cháu. Nói đến đây ta rất đau lòng, cảm động đến chảy nước mắt ! Chỉ vì ta tuổi trẻ, không tu được đức để trừ bỏ thiên tai, đi sâu vào chỗ trách mình, chỉ nghĩ thế nào cho về sau được tốt. Ôi đạo làm vua quý ở chỗ

biết nghe lời nói ; còn những sự tránh đi ở chỗ khác và bớt món ăn chỉ là văn sức mà thôi, có ích gì cho dân ta đâu ? Vậy cho quan viên trong triều và quan to ở các địa phương được xét rõ điều lỗi của ta, chính sự có thiếu sót thì nêu lên mà bày tỏ, hoặc ẩn tình của dân không đạt được lên trên, hoặc pháp lệnh có chỗ hà khắc, hoặc hình ngục có chỗ làm mất lẽ phải, hại lây đến kẻ không tội, hoặc tối tăm, trì trệ, trái phép, lạm hình để đến xảy ra tai nạn không may. Chuẩn cho đều phải điều trần, để ta xem xét mà chọn dùng”. Lại dụ Nội các rằng : “Trước việc gặp bão lụt, ta xét mình, nghĩ đến điều lỗi, chưa biết có bởi đâu, tức thì đã trách mình, câu lời nói, mong chính đính cho cái chỗ ta không kịp. Nhân cảm xúc làm ra mấy bài thơ, có thể lục ra ban cấp cho quan viên trong Kinh ngoài tỉnh để đều biết ý tốt của ta kính trời, lo dân”.

Ban quyền Chương ấn triện viện Đô sát là Nguyễn Đức Hoạt, Chương ấn Cấp sự trung là Nguyễn Văn Diễm và Trình Nho đáp ứng tờ chiếu, dâng lời nói : “Yên dân, là đức thịnh của vua chúa ; mà làm cho dân được dư dự, càng là chính sự phải làm trước của nhà vua. Hai hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, sau khi khổ sở đã lâu, lại bị tai nạn riêng ấy, thì dân trù mật rồi cũng dần thành điêu háo, mà điêu háo lại rất vất vả hơn. Hạt phủ Thừa Thiên năm nay đáng phải đến kỳ tuyển lính, đã được hoãn đến năm Thiệu Trị thứ 5 [1845], nay xin hoãn đến năm thứ 6, để thư sự cấp bách cho dân. Những lính của hạt ấy tuyển ra, số trốn và thiếu có nhiều, cũng xin quyền hoãn 1 năm. Lúa 2 hạt hiện được gặt đã bị trôi hết ; mạ cấy sớm lại bị mất cả ! Nếu chiếu lệ thu thuế, thực sợ khó nộp. Năm nay và sang năm, số thóc thuế cùng thuế thân phải thu và số các năm trước còn thiếu, xin hoãn cho 1 năm, để thư đường sinh sống cho dân”.

Vua nói rằng : “Hiện nay công việc cứu chữa, không phải chỉ vài việc ấy, mà ban đầu để đáp ứng lời chiếu, điều trần ngày trước, tưởng cũng không phụ với chức trách. Vậy chuẩn thường cho Đức Hoạt sa 3 cuốn, lụa 1 súc ; Nguyễn Diễm và Trình Nho đều 1 cuốn sa và 1 súc lụa.

Bọn Tổng đốc An - Hà là Nguyễn Tri Phương và Tuần phủ An Giang là Doãn Uẩn tâu nói : “Lòng trời vì yêu dân chúng, tất trước việc mà báo điềm. Đấng thiên tử thể theo đức nguyên của trời, thường gặp tai biến mà biết sợ. Thế cho nên thấy mặt trời hoặc ngôi sao cảnh cáo, còn phải nhận là lỗi mình, hướng chi nay bão lụt khác thường, há lại cho rằng tuyền do khí vận ? Nhân xin điều trần 3 việc : 1 - Xin liệu giảm bớt khóa lệ thanh tra ; 2 - Xin rút bỏ hư ngạch ở sổ các dân ; 3 - Xin tha cho thuế lệ còn đọng thiếu”. Lại nói : “Lục tỉnh ở Nam Kỳ năm ngoái dịch lệ lưu hành, thóc lúa kém thu hoạch, xin đều cho tha thuế 1 năm, để dân được hồi phục những nỗi khổ, thì căn bản của nước được vững vàng trước, mà tuyệt được sự dòm dò của giặc ngoài. Đó cũng là một đường ngăn chặn tai vạ mà đi đến trị bình”. Vua

nói rằng : “Các hạt ở Nam Kỳ, đã từng tuý việc mà ra ân rồi, sang năm sắp đến khánh tiết, sẽ lại ban xuống ân trạch. Lờn tâu đó sau sẽ thi hành”.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên, Nguyễn Đăng Giai tâu nói : “Kho chứa thóc ở tỉnh Sơn không đủ chỗ tích trữ, xin chiếu xem trong hạt, huyện nào đường sá hơi xa thì sức phải nộp gạo để đủ chi phát”. Sau khi bộ Hộ nghị tấu bộ xin y lệ đều nộp thực thóc. Vua chuẩn y lời nghị của Bộ. Khi chỉ dụ chưa xuống, Giai đã trước sức cho dân ở huyện Sơn Vi, An Lạc và An Lăng xay ra gạo đem nộp ; đến khi có chỉ dụ quở, Giai trình bày hết cả duyên do và nhận lỗi, lại nói : “Nhân thấy bộ Hộ trừ nghĩ cho tỉnh Bắc Ninh xay gạo, tưởng các tỉnh khác cũng có thể thi hành ; hướng chi hiện nay số tích trữ năm một thêm lên, trong thành không có chỗ nào bỏ không mà có thể đặt kho được, xin bắt dân nộp gạo, đem chứa sang công sảnh ở trại lính để tiện cho sự vận tải ra vào, có thể bớt được công việc phí tổn”. Vua ghét là cố chấp câu nệ, quở rằng : “Thuế khóa và kho tích trữ đã có định lệ. Nguyễn Đăng Giai nếu có ý kiến gì khác phải đem việc vào tâu và đợi chỉ dụ mới được, thế mà lại tự tiện chuyên quyền ! Thử nghĩ chỉ dụ của vua chưa ban xuống mà cái lệnh cho xay gạo đã thi hành, thì dân một địa phương ấy cho là ân của triều đình ban ra chăng ? Hay là Nguyễn Đăng Giai cho riêng chăng ? Và lại tỉnh Bắc Ninh xay ra gạo là chỉ vào thuế vụ hạ năm nay mà nói, sao được viện vào đây mà dựa dẫm ? Nếu cho rằng tỉnh thành không có chỗ đặt kho, thì chọn đất ở các phủ huyện trong tỉnh đặt riêng ra, cho dân cứ nơi gần mà nộp [thóc thuế], há chẳng rất tiện việc gì phải bắt dân xay gạo, đem đến chỗ trại quân cho rơi rắc bữa bãi ? Hướng chi, tỉnh ấy đồng niên chi phát chẳng qua 50.000 phương, mà hằng năm số thóc thuế thu vào hơn 848.000 học, đến ngày khác, kho chứa đầy chật cả, nếu không đặt thêm kho khác, thì làm thế nào mà vận tải ra vào bớt được công việc phí tổn ? Lời nói và việc làm đều sai trái cả, hướng chi ở trước mặt vua cha, đã hỏi hộ rồi, lại thay đổi lời, nói đi nói lại, đưa ngấm những giọng xích bác thì phỏng cậy vào chỗ nào mà dám như thế. Vậy Nguyễn Đăng Giai phải giáng 3 cấp, phiên ty Tôn Thất Tĩnh giáng 2 cấp”. Tức thì sai ở ngay chỗ kho cũ, làm lại 2 cái kho lợp ngói để cho đủ tích trữ.

Triệu Lãn binh Nghệ An Giáp Văn Tân về Kinh, đổi làm thự Chương vệ, quyền Chương ấn triện dinh Kỳ võ, cho được dự đình nghị. Bồ Lãn binh tỉnh Hưng Yên là Nguyễn Nghĩa Phong làm Lãn binh tỉnh Nghệ An. Tỉnh Hưng Yên hiện không có bao nhiêu viên quan, cho nên hạ lệnh rút bớt chức lãn binh ở tỉnh ấy, đổi đặt 1 viên phó lãn binh. Thăng Quán cơ cơ Tiền hùng ở Hữu quân là Trần Hải lên thự Phó lãn binh Hưng Yên.

Định lại phẩm trật của chánh phó lãn binh ở 2 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An. Trước kia, 2 tỉnh Thanh - Nghệ, các vệ binh vốn thuộc quân ngũ ở Kinh : chức vệ úy, trật chánh tam phẩm ; lãn binh, trật tòng nhị phẩm ; phó lãn binh, trật chánh tam phẩm.

Đến đây, nghị định : Vệ úy các vệ ở 2 tỉnh đối tòng tam phẩm, lãnh binh cũng đổi làm trật chánh tam phẩm, phó lãnh binh trật tòng tam phẩm, cũng như các tỉnh khác. Lấy : thự Lãnh binh Thanh Hóa Nguyễn Doãn đổi thự Chương vệ, tác vi Lãnh binh tỉnh ấy ; Phó lãnh binh Nguyễn Văn Cúc, đổi thự Vệ úy vệ Cẩm binh, tác vi Phó lãnh binh tỉnh ấy ; Phó lãnh binh Nghệ An Đỗ Đức Tấn, đổi thự Vệ úy vệ Cẩm binh, tác vi Phó lãnh binh tỉnh ấy. Văn Cúc lại được thăng luôn Chương vệ Nhất vệ Tả dinh ở Thủy sư Kinh kỳ, kiêm quản các vệ Nhị, Tam, Tứ, Ngũ. Lại bổ Phó vệ úy Tả vệ dinh Hùng Nhuệ là Trần Soạn làm Phó lãnh binh tỉnh Thanh Hóa.

Thự Tuấn phủ Định Tường Trần Ngọc Giao chết. Chuẩn cho được thực thụ, chiếu phẩm cấp tiền tuất, lại cấp thêm 300 quan tiền.

Thự Chương vệ vệ Nhất dinh Tả ở Thủy sư Kinh kỳ là Đoàn Khác chết. Chuẩn cho thực thụ Chương vệ, cấp thêm cho 100 quan tiền.

Cho : Viên ngoại lang bộ Công Đỗ Tuấn Đại và Viên ngoại lang Thái thường tự Nguyễn Trung Nghĩa đều thăng thự Lang trung bộ Lại ; Viên ngoại lang bộ Binh Phan Đăng Đệ thăng thự Lang trung bộ Lễ.

Triệu Bối chính Nam Định Lê Khiêm Quang về Kinh để lựa bổ, lấy Án sát Hà Nội là Phan Tĩnh thăng thự Bối chính Nam Định. Bối thự Án sát Hưng Yên là Trần Quang Chung làm thự Án sát Hà Nội, Lang trung bộ Lễ Nguyễn Hữu Tố làm Án sát Hưng Yên.

Cho : Vệ úy vệ Kim ngô là Tôn Thất Mậu, đổi làm Kim ngô vệ Kim ngô Trương ty Tả chấp Kim ngô ; Phó vệ úy vệ ấy là Trương Tiến thăng thự Kim ngô vệ Kim ngô Trương ty Hữu chấp Kim ngô ; Phó vệ úy vệ Cẩm y là Nguyễn Tuấn thăng thự Đô chỉ huy sứ vệ Cẩm y chuyển quản các đội túc trực. Thăng Phó vệ úy vệ Trung nhất dinh Vũ lâm là Tôn Thất Đắc lên thự Vệ úy vệ Loan giá. Bối thự Phó vệ úy Trung vệ dinh Long võ là Phan Thai làm Phó vệ úy vệ Trung nhất ; cho : thự Quản cơ cơ Trung tỉnh Bình Định là Nguyễn Lâu thực thự Quản cơ, thăng thự Phó vệ úy Trung vệ dinh Long võ, Phó lãnh binh tỉnh Nam Định là Đặng Công Thập thăng thự vệ Nhị, Vệ úy dinh Trung quân Thủy sư ở Kinh kỳ. Bối : Phó vệ úy Hữu vệ dinh Thần cơ là Tôn Thất Tuệ làm Phó lãnh binh tỉnh Nam Định ; Phó vệ úy Hữu vệ dinh Long võ là Tôn Thất Thuận làm Phó vệ úy Hữu vệ dinh Thần cơ. Thăng : Thành thủ úy tỉnh Bắc Ninh là Lê Tố lên thự Phó vệ úy Hữu vệ dinh Long võ ; Phó vệ úy vệ Quảng Bình là Nguyễn Tính lên thự Phó vệ úy Tả vệ dinh Hùng nhuệ, cho thự Phó quản cơ cơ Hữu đứng thuộc Hữu quân là Tôn Thất Đàn thực thự Phó quản cơ, do bản chức sung Hiệp quản Hậu vệ dinh Thần cơ.

Định lại điều lệ đóng ấn. Lệ cũ : Khi đóng ấn do đại thần ban văn, ấn quan Nội các và khoa đạo đương trực hội đồng kiểm duyệt ; về sau, lại dịch ở viện Đô sát dân đã

cũng dự vào việc đó, giao nhận văn án có khi tranh biện với các nha. Việc được giao xuống cho bộ Lại nghị xử : Khoa đạo đương trực và Viện lại đều bị lỗi. Vua nhân đó xuống dụ rằng : “Bảo ấn là rất trọng, từ trước đến nay, khoa đạo được dự kiểm duyệt. Thế là triều đình hậu đãi những quan viên có chức trách về việc nói năng, muốn cho trên giúp chính trị của nước, dưới nghiêm kỷ luật cho quan trường, làm như Bao Long đồ, Hoàn thông mã⁽¹⁾ để xứng đáng với sự kén chọn. Còn lại dịch Viện ấy chẳng qua chỉ để đủ sai khiến mà thôi, nếu để cho dựa vào chỗ thân thế mà xét hạch, thì bọn kia đều là hạng nhỏ nhặt, bởi vì nó mà sinh thói ngông nghênh, tự nghĩ mình là người trong viện Đô sát, mạo xưng danh sắc, hống hách nhiều chuyện. Cáo mượn oai hùm, ruồi bám đuôi ngựa, tệt hại kẻ đầu cho hết. Vậy xin phải nên tỏ lời răn bảo để ngăn cấm dần đi : Từ nay về sau khi dùng đến bảo ấn, đều chiếu lệ trước thi hành. Chuẩn cho Khoa đạo vẫn dự vào việc kiểm duyệt, nếu xét có sự sai trái, hoặc có tình trạng thông đồng gì khác, thì cho cứ thực hạch tâu. Nếu kiểm duyệt không được chu đáo, thì cứ nhằm trực thân khoa đạo và Bộ, Các mà hỏi tội. Còn lại dịch trong Viện không được lạm dự”.

Cửa biển Tư Hiền bị cát bồi lấp. Vua bảo thị thân rằng : cửa biển Tư Hiền, khoảng năm Minh Mệnh [1820-1840] đã bị bồi lấp, lại khai ra ; nay lại bị cát bồi. Tuy bởi sóng gió xung kích, cũng do đất cát dễ chuyển đi. Nên đợi khi tạnh nắng, sẽ chức lượng khai đào để cho lưu thông.

Tên phạm còn trốn thoát ở tỉnh Cao Bằng là Bế Văn Cán bị xử tử. Cán là đảng mục của giặc Văn. Khi Văn bị thua, Cán cạo đầu, trốn sang đất nhà Thanh ; đến đây, lén về, bị quan quân bắt được, phải tội cực hình. Tri phủ Trùng Khánh là Nguyễn Đức Tuấn và các bộ biên đều được thưởng kỷ lục và tiền bạc có thứ bậc khác nhau.

Rút bớt ngạch thợ ở “Ngọc diện tượng cục”. Khoảng năm Gia Long [1802-1819], dân xã Nhị Khê (Thượng Đình 3 thôn), thuộc huyện Thượng Phúc sung Ngọc diện tượng cục ; gần đây, trốn thiếu đi nhiều. Quan tỉnh xét thực, tâu lên ; vua bèn chuẩn cho rút bớt ngạch thợ, theo sổ, chọn sung làm quân.

Tỉnh Quảng Trị có nạn cọp. Sai Quản vệ Phan Ngọc Lương đem quân, dân đi bắt. Thưởng cho 100 quan tiền.

Trại A Nhân tỉnh Khánh Hòa đem cống con voi. Sai lấy ở kho ra, nỉ và lụa hoa lam, thưởng cho.

(1) Bao Long đồ, Hoàn thông mã : Bao là Bao Chứng làm quan Long đồ các về triều nhà Tống, xét xử các án rất nghiêm minh.

Hoàn là Hoàn Diển về đời Hậu Hán, làm ngự sử. Khi Hoàn cưới con thông mã đi ra đường, ai cũng kính sợ.

Cho Phó lãnh binh quân Thủy sư tỉnh Nghệ An là Nguyễn Tô thăng thụ Vệ úy vệ Long thuyền (Lê Lang giữ thuyền Phúc Hàng, trước đây, vì gặp nước lụt, để thuyền chìm ụp mất, bị cách chức, đóng gông ngăn ; phát giao vào thuyền này để hiệu lực ; cho nên lấy Tô thay vào). Sau, thuyền Phúc Hàng được sửa lại xong, Lê Lang được khôi phục nguyên hàm.

Bố chính tỉnh Tuyên Quang là Hồ Hựu lại xin làm việc ở ngoài biên cương. Vua y cho. Trước đây, Hựu từ đồn Ân Quang rút quân về, lưu Nguyễn Văn Biểu ở lại để dò xét, không có công trạng gì. Đến đây, lại tâu lên nói : “Hai huyện Vĩnh Điện và Đẻ Định giáp giới với các tỉnh Cao Bằng, Thái Nguyên và Lạng Sơn, liền đất nhà Thanh, địa thế hiểm trở kéo dọc dài. Bọn giặc phạm cứ khi ẩn khi hiện ở rừng rậm, hễ nghe thấy quan quân thám bắt, thì lại trốn sang đất nhà Thanh ; quan quân rút về, chúng lại nương nấu ở sào huyệt cũ. Binh đồng ở đồn Ân Quang chỉ có 100 tên, đã từng nhiều phương kế đánh bắt, nhưng chưa được thành công. Nay, lúa đã chín, lam chướng hơi nhẹ, thần xin lĩnh đem biên binh đến ngay để chặn bắt. Lại xin khoan rộng cho một hạn 5 tháng, để chiêu tập thổ hào, khiến cho tự dụ giặc đến mà bắt. Và thông tư cả sang tỉnh Quảng Tây cùng Cao Bằng, Thái Nguyên và Lạng Sơn đều theo địa phận mình mà canh phòng. Vệ binh tỉnh Bắc Ninh và cơ lính Sơn dững tỉnh Sơn Tây, năm trước, làm việc bắt giặc hơi đặc lực, xin phái điều khiển, cho 1.000 quân đến giúp một tay. Còn như quân lương xin đem theo 300 lạng bạc ở kho đến đó để tiện mua bán, trao đổi”. Vua dụ rằng : “Cái đạo dùng quân, khéo mà chậm không bằng vụng mà chóng. Nay ở chỗ địa đầu lam chướng, đóng lâu đến hàng nghìn quân, cũng không phải là đặc sách, tất phải phái đi do thám xem có đích thực không, rồi mới đem quân tiến đến vây bắt, thì 1, 2 tháng mới có thể thành công. Nếu vội đem quân đến ngay, khiến chúng nghe tin mà trốn xa, tự mình ngồi đấy để đợi kỳ hạn, há chẳng mỗi một quân phải đóng lâu mà tốn phí lương thực ? Còn như quân đi hàng nghìn dặm, không lẽ chỉ tay không mà nhờ ở người ! Chuẩn cho đem theo những lạng bạc và chức lượng chuyển vận cho đủ dùng, sao cho quân nhu được tiếp tế, thế là được. Còn các việc khác đều chuẩn y như lời xin mà thi hành”. Rồi vua truyền dụ cho Tổng đốc Ninh - Thái là Nguyễn Cửu Đức phái ra 1 vệ biên binh ở tỉnh Bắc Ninh ; Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giai trích phái 200 quân ở cơ Sơn dững, đều lệ thuộc tỉnh Tuyên Quang phân phái ; 3 tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và Thái Nguyên lượng phái binh đồng đều phải theo địa phận mà phòng thủ.

Trước kia, Hồ Hựu trong tập tấu thỉnh an về tháng mạnh thu, có nói cả đến việc trong hạt còn có 2 tên tướng giặc lẫn trốn đã lâu, chỉ sống cho qua ngày ; [Hồ Hựu] hiện đương hết lòng trừ tính về sự cơ thám bắt. Vua phê bảo rằng : “Năm ngoái, khi người cáo từ ở trước mặt ta để đi cung chức, ta đã diện dụ ân cần, thế mà vừa mới

đến tỉnh lý đã coi như xa cách trước thêm nhà vua đến muôn dặm. Không thỉnh mệnh mà kéo quân về, thì ra sợ lam chướng, không sợ phép nước ! Sao không nhớ lại lỗi trước mà răn chừa ư ? Người nên tìm phương pháp mà bắt tên giặc trốn đó, để trả lại 2 chữ “xong việc” cho ta. Không được chần chừ, để cho chúng trốn xa ! Phép nước rất nghiêm, đừng nói là không răn bảo trước”.

Lệ trước : Khi những tập hạp tâu lên, nếu có chữ châu phê bảo ban gì phát xuống, thì sau khi tuân lĩnh, sẽ phải tâu lên và đem cả tập trước nộp trả lại. Hựu không theo lệ, bị bộ thần tham hặc ; đến khi tâu về, lại lấy cớ là tuổi già quên đi mà thuộc ty không tra được lệ bảm biện để tự gỡ lỗi.

Vua quả rằng : “Hựu là một chức quan to ở chốn biên cương ; nếu từng việc, cứ phải đợi thuộc ty nhắc đến mới làm được, thì đối với các chức phận ra sao ? Hướng chỉ những tập châu phê phong lại phát đi, tất phải kính cẩn xem ở chỗ nhà kín, sao để thuộc lại biết đến được ! Thế mà không biết răn chừa, lại rất cần bậy, đổ lỗi cho người ! Vậy hãy tạm theo luật lệ, xử giáng 1 cấp. Nếu tìm phương pháp bắt được giặc, còn có thể hồng mong ân điển khoan hồng ; nếu hết hạn mà không lập được công trạng gì, thì tội lại tội thêm, phải nghiêm trị không tha được”.

Định lại lệ chánh phó lãnh binh chuyên trách để trông coi các hạng quân. Trước đây, các tỉnh Nam Bắc đặt thêm phó lãnh binh. Vua cho rằng, về việc trông coi biên binh ở các tỉnh có chỗ nên chuyên trách trông coi như cũ, có chỗ phải tùy nhiều việc hay ít việc mà thêm ra hay bớt đi, để chia nhau trông coi cho có chuyên trách. Việc giao xuống bộ Binh bàn bạc cho được ổn thỏa. Đến đây, bộ cho rằng, về các hạng quân và chánh phó lãnh binh các trực, các tỉnh trông coi, trước đã có nghị định tuân hành ; đến sau Nam Bắc đều đặt mỗi hạt 1 phó lãnh binh, các vệ cơ thuộc các tỉnh lại có số quân mới thêm ra hay mới rút đi, làm cho số quân được chia ra để trông coi nhiều ít không đều. Nay xin theo chỗ thích trung châm chước liệu định : tỉnh nào 1 viên lãnh binh, thì biên binh thuộc hạt tổng gọi là quân bản tiêu, chuyên do [viên lãnh binh] thống quản ; tỉnh nào chánh phó lãnh binh 2 viên hoặc 3 viên, thì các hạng biên binh chia làm chánh tiêu, phó tiêu và tả hữu phó tiêu binh. Chánh tiêu binh do lãnh binh thống quản ; phó tiêu binh và tả hữu phó tiêu binh do phó lãnh binh thống quản, đều có chuyên trách. Lại nữa, tỉnh Nghệ An nguyên có 1 viên Phó lãnh binh về quân Thủy sư, nay giảm bớt đi, còn 4 vệ quân Thủy sư đổi giao Lãnh binh thống quản. Các đội tuân hành, pháo thủ ở tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An trước do Phó lãnh binh kiêm quản, nay đổi giao Thành thủ úy kiêm quản, để cho cũng như các tỉnh. Phạm các Thủy vệ đều do Lãnh binh thống quản. Duy Lãnh binh tỉnh Quảng Ngãi đương ở vào địa đầu phải chống giữ, sự thể hơi khác thì Thủy vệ trong hạt ấy do Phó lãnh binh quản nhiếp :

(Lãnh binh tỉnh Quảng Nam cai quản các chánh tiêu binh toàn hạt, 2 vệ tả hữu quân Thủy sư tỉnh Quảng Nam và trú phòng đài tấn 5 thành như thành Điện Hải, thành An Hải, chòi súng Phòng Hải, chòi súng Định Hải, đồn cửa biển Đà Nẵng ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, vệ Quảng Nam 3 cơ Trung, Tả, Hữu Quảng Nam, cơ Nam tượng, đội Nam tráng, cộng 5 vệ, cơ, 1 đội.

(Lãnh binh tỉnh Quảng Ngãi cai quản chánh tiêu binh, 5 cơ Nhất, Nhị, Tam, Tứ, Ngũ cơ Tĩnh Man ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, vệ Quảng Ngãi, 2 đội Nhất, Nhị, Nghĩa tượng, thủy vệ Quảng Ngãi, cộng 2 vệ, 2 đội.

(Lãnh binh tỉnh Bình Định cai quản chánh tiêu binh, 3 cơ Trung, Tả, Hữu Bình Định, thủy vệ Bình Định, cộng 4 vệ ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, 2 vệ Bình Định Tả, Hữu, 3 đội Bình Định Nhất, Nhị, Tam, 3 đội Định tượng Nhất, Nhị, Tam, cộng 2 vệ, 6 đội.

(Phó lãnh binh tỉnh Phú Yên cai quản quân bản tiêu của mình, vệ Phú Yên, cơ Phú Yên và đội Phú tượng, vệ Thủy Phú Yên, cộng 3 vệ, có 1 đội.

(Phó lãnh binh tỉnh Khánh Hòa cai quản quân bản tiêu của mình, vệ Khánh Hòa, cơ Khánh Hòa, đội Hoà tượng, vệ Thủy Khánh Hòa, cộng 3 vệ, cơ, 1 đội.

(Phó lãnh binh tỉnh Bình Thuận cai quản quân bản tiêu của mình, vệ Bình Thuận, 2 cơ Bình Thuận tả, hữu, đội Thuận tượng, 2 vệ Bình Thuận Tả, Hữu thủy, cộng 5 vệ, cơ, 1 đội.

(Phó lãnh binh tỉnh Biên Hòa cai quản quân bản tiêu của mình, 2 cơ Biên Hòa Tả, Hữu, đội Biên tượng 2 vệ Biên Hòa Tả, Hữu thủy, cộng 4 vệ, cơ, 1 đội.

(Lãnh binh tỉnh Gia Định cai quản chánh tiêu binh, 5 cơ : Gia trung, Gia tiền, Gia tả, Gia hữu, Gia hậu, 2 vệ Gia Định, Tả hữu Thủy sư, cộng 7 vệ, cơ ; Phó lãnh binh Điện tiền, Định tả, Định hữu, Định hậu, đội Gia tượng, cộng 5 cơ, 1 đội.

(Lãnh binh tỉnh Vĩnh Long cai quản chánh tiêu binh, 4 cơ Vĩnh tiền, Vĩnh tả, Vĩnh hữu, Vĩnh hậu, cơ Vũ Cự, 2 vệ Vĩnh Long Tả, Hữu thủy, cộng 7 vệ, cơ ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, 4 cơ Long tiền, Long tả, Long hữu, Long hậu, 2 cơ Long nhuệ tả, hữu, cộng 6 cơ.

(Lãnh binh tỉnh Định Tường cai quản chánh tiêu binh, 2 cơ Định Tường Trung, Tiền, 2 vệ Định Tường Tả, Hữu thủy, cộng 4 vệ, cơ ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, 3 cơ Định Tường tả, hữu, hậu, đội Trường tráng, cộng 3 cơ, 1 đội.

(Lãnh binh tỉnh An Giang cai quản chánh tiêu binh, cơ Trung An Giang, vệ Thủy An Giang, cộng 2 vệ, cơ ; Phó lãnh binh cai quản Tả phó tiêu binh, 2 cơ An Giang Tả, Hữu ; Phó lãnh binh quân nửa cai quản Hữu phó tiêu binh, 2 cơ An Giang Tiền, Hậu.

(Lãnh binh tỉnh Hà Tiên cai quản chánh tiêu binh, cơ Hữu, Hà Tiên vệ Thủy, Hà Tiên cộng 2 vệ, cơ ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, cơ tả Hà Tiên.

(Lãnh binh tỉnh Quảng Trị cai quản quân bản tiêu, vệ Quảng Trị, cơ Định man và 2 đội Trị tráng nhất, nhị, đội Trị tượng, vệ Thủy Quảng Trị, cộng 3 vệ, cơ, 3 đội.

(Lãnh binh tỉnh Quảng Bình cai quản quân bản tiêu, vệ Quảng Bình, cơ Quảng Bình và 4 đội Bình tráng nhất, nhị, tam, tứ, 2 đội Quảng tượng nhất, nhị, vệ Thủy Quảng Bình, cộng 3 vệ, cơ, 6 đội.

(Lãnh binh tỉnh Hà Tĩnh cai quản quân bản tiêu, 5 vệ Uy vũ, Dương vũ, Minh vũ, Tiệp vũ, Chấn vũ thuộc dinh Thần cơ, 2 vệ Hà Tĩnh Tả, Hữu và đội Tĩnh tượng, cộng 7 vệ, 1 đội.

(Lãnh binh tỉnh Nghệ An cai quản chánh tiêu binh, 5 vệ Hoàn vũ, Phấn vũ, Trung vũ, Tráng vũ, Thắng vũ thuộc dinh Tiên phong và 4 vệ Trung, Tiên, Tả, Hữu quân Thủy sư, cộng 9 vệ ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, 5 vệ Nghị vũ, Diệu vũ, Định vũ, Nghiêm vũ, Thiện vũ thuộc dinh Long võ, và 3 đội Nghệ An vệ, An tráng, An tượng thuộc tỉnh, cộng 6 vệ, 3 đội.

(Lãnh binh tỉnh Thanh Hóa cai quản chánh tiêu binh, 5 vệ Tuyên vũ, Túc vũ, Cung vũ, Nghĩa vũ, Hùng vũ thuộc dinh Hồ oai, 2 vệ Thủy sư Tả, Hữu, cộng 7 vệ ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, 5 vệ Kiện vũ, Quảng vũ, Cường vũ, Tráng vũ, Nhuệ vũ thuộc dinh Hùng nhuệ, và cơ Thanh hùng, 2 đội Thanh Hóa Nhất, Nhị, đội Thanh tượng, cộng 6 vệ, cơ, 3 đội.

(Lãnh binh tỉnh Ninh Bình cai quản quân bản tiêu, 5 cơ Ninh Bình Trung, Tiên, Tả, hữu, Hậu, cơ Ninh hùng và 3 đội Ninh Bình Nhất, Nhị, Tam, đội Ninh tượng, cộng 6 cơ, 4 đội.

(Lãnh binh tỉnh Hà Nội cai quản chánh tiêu binh, 5 cơ Trung chấn, Tiên chấn, Tả chấn, Hữu chấn, Hậu chấn ở Trung quân, và vệ Hà Nội, vệ Thủy Hà Nội, cộng 7 vệ, cơ ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, 5 cơ Trung định, Tiên định, Tả định, Hữu định ở Trung quân, đội Hà tượng, 2 đội Hà thanh nhất, nhị, cộng 5 cơ, 7 đội.

(Lãnh binh tỉnh Nam Định cai quản chánh tiêu binh, 5 cơ Trung cường, Tiên cường, Tả cường, Hữu cường, Hậu cường ở Tiên quân, và vệ Nam Định, 3 vệ Nam Định Thủy sư, Trung Tả, Hữu, cộng 9 vệ, cơ ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, 5 cơ Trung tiệp, Tiên tiệp, Tả tiệp, Hữu tiệp, Hậu tiệp ở Tiên quân, và 2 cơ Nam Định tả, hữu, đội Định tượng, 2 đội Định nghĩa nhất, nhị, đội Định uy, cộng 7 cơ, 4 đội.

(Lãnh binh tỉnh Hưng Yên cai quản quân bản tiêu, vệ Hưng Yên, 2 đội Hưng Yên nhất, nhị, đội Thủy sư, cộng 1 vệ, 3 đội.

(Lãnh binh tỉnh Hải Dương cai quản chánh tiêu binh, 5 cơ Trung kiên, Tiên kiên, Tả kiên, Hữu kiên, Hậu kiên ở Tả quân, 3 vệ Trung, Tả, Hữu quân Thủy sư Hải Dương, cộng 8 vệ, cơ ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, 5 cơ Trung nhuệ, Tiên nhuệ, Tả nhuệ, Hữu nhuệ, Hậu nhuệ ở Tả quân và vệ Hải Dương, đội Hải tượng, 2 đội Hải Dương nhất, nhị, cộng 6 vệ, cơ, 3 đội.

(Phó lãnh binh tỉnh Quảng Yên cai quản quân bản tiêu binh vệ Quảng Yên, 4 vệ cơ Quảng hùng, và đội Tuần hải, cộng 2 vệ, cơ, 1 đội.

(Lãnh binh tỉnh Sơn Tây cai quản chánh tiêu binh, 5 cơ Trung hùng, Tiên hùng, Tả hùng, Hữu hùng, Hậu hùng ở Hữu quân, và vệ Sơn Tây, cơ Sơn dững, cộng 7 vệ, cơ ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, 5 cơ Trung dững, Tiên dững, Tả dững, Hữu dững, Hậu dững ở Hữu quân và 3 đội Sơn Tây nhất, nhị, tam, đội Sơn tượng, cộng 5 cơ, 4 đội.

(Lãnh binh tỉnh Bắc Ninh cai quản chánh tiêu binh, 5 cơ Trung uy, Tiên uy, Tả uy, Hữu uy, Hậu uy ở Hậu quân và vệ Bắc Ninh, 2 cơ Bắc Ninh trung, tả, cộng 8 vệ, cơ ; Phó lãnh binh cai quản Phó tiêu binh, 5 cơ Trung thắng, Tiên thắng, Tả thắng, Hữu thắng, Hậu thắng ở Hậu quân, và 7 đội Bắc hùng, đội Bắc tượng, cộng 5 cơ, 8 đội.

(Phó lãnh binh tỉnh Hưng Hóa cai quản quân bản tiêu, vệ Hưng Hóa, cơ Hưng hùng, và đội Hưng Hóa, cộng 2 vệ, cơ, 1 đội.

(Phó lãnh binh tỉnh Tuyên Quang cai quản quân bản tiêu, cơ Hùng tuyên, và 2 đội Tuyên Quang nhất, nhị cộng 1 cơ, 2 đội.

(Phó lãnh binh tỉnh Thái Nguyên cai quản quân bản tiêu, 3 đội, cơ Thái hưng, cơ Thái dững, đội Thái Nguyên, cộng 2 cơ, 1 đội.

(Lãnh binh tỉnh Lạng Sơn cai quản quân bản tiêu, 3 đội, cơ Lạng hùng, cơ Lạng dững, đội Lạng Sơn, cộng 2 cơ, 1 đội.

(Phó lãnh binh tỉnh Cao Bằng cai quản quân bản tiêu, cơ Cao hùng).

Vua chuẩn cho y nghị thi hành.

Chuẩn định : Phạm chánh giai mới thăng, từ chánh ngũ phẩm trở lên, cứ 2 tháng một kỳ hội làm danh sách, đợi được vua khuyến son, theo vào ban làm việc. Nếu số khuyết viên nhiều, có Chỉ dụ bổ ngay thì làm danh sách vào ngày bổ quan, không câu nệ vào hạn 2 tháng. Nếu ai được dự đình thần ấn quan, Viên ngoại lang viện Cơ mật và nhân viên cho vào Nội các, thì theo lệ được tùy ban, không phải xếp thứ tự danh sách lại. Chuẩn cho định này được đặt làm lệ vĩnh viễn.

Định lại điển lệ tùy bái trong lễ hưởng tự. Trước kia, vào nhật kỳ lễ miếu hưởng, những người thừa tế, bồi tế đều chiếu từng ban, tùy bái ở trước miếu đình ; đến đây, vua thấy mùa thu, mùa đông nhiều nước, sợ đến kỳ mưa ẩm ướt hoặc lối

vào chỗ nghỉ tiết, mới sai bộ Lễ chăm chúc định lại : Phàm lễ hưởng tự về mùa thu, mùa đông, nếu gặp mưa dũ thì những người thừa tế : hoàng tử, hoàng thân đứng ở trên thêm miếu ; những người bồi tự : hoàng tử, hoàng thân, văn tứ phẩm ấn quan, võ tam phẩm trở lên, đứng trên thêm, các văn tứ, ngũ phẩm, võ tứ phẩm đều ở trước sân các, chiếu từng ban tùy bái. Còn ngày tạnh và mưa nhỏ thì theo như lệ thường.

Bắt đầu đặt chiêm hậu sinh⁽¹⁾ ở các tỉnh. Trước kia, ty chiêm hậu ở các tỉnh có đặt 1 viên linh đài lang, trật tòng thất phẩm ; nếu có khuyết điểm thì hoặc lấy chánh cử phẩm thư lại ở ty ấy thăng bổ, hoặc lấy người có phẩm hàm ở phiên ty⁽²⁾ gá bổ sang, chưa có thể lệ nhất định. Đến đây, mới đặt thêm 1 chiêm hậu sinh ở ty chiêm hậu các tỉnh, trật chánh cử phẩm. Tỉnh nào khuyết chức linh đài lang, do quan địa phương sát hạch những lại dịch ở ty ấy quen việc làm, được tâu xin bổ thí sai chiêm hậu sinh ở ty ấy, đợi 3 năm mãn hạn, không có lỗi gì sẽ lại tâu xin bổ thụ ; tỉnh nào hiện đã đặt chức linh đài lang thì thôi. Việc này được đặt làm lệ vĩnh viễn. Từ trước đến nay, nếu chức ấy hiện giao cho thư lại ty ấy và mượn hàm sung sang làm việc thì đều chiếu theo lệ mới mà bổ lại.

Định lại lệ túc trực tuần kiểm. Khoảng năm Minh Mệnh [1820-1840], Tả hữu vu ở điện Cẩn Chính và trong ngoài cửa Đại Cung, văn võ viên biên, theo lệ phải lần lượt chiếu từng ban, vào ứng trực. Gần đây xảy việc mất thanh kiếm Linh long, mới sai 2 bộ Lại, Binh, tham khảo lệ trước, chăm trước bàn định, tâu chuẩn thi hành.

Về ban ngày - Chỉ huy sứ ở vệ Cẩm y, hoặc quản vệ 2 người, tả hữu chấp Kim ngô ở vệ Kim ngô hoặc quản vệ 1 người, quản vệ ở vệ Loan giá 1 người, đều trực ở điện Cẩn Chính ; quản vệ ở vệ Vũ lâm 2 người, quản vệ ở các bảo 1 người, hoặc quản vệ vệ Vũ lâm 1 người, quản vệ các bảo 2 người, suất đội 4 người ; vệ quân Kỳ võ, quản vệ 1 người, suất đội 2 người ; vệ đội Long thuyền : quản vệ, suất đội đều 1 người ; vệ quân Thủy sư quản vệ 1 người, suất đội 2 người : đều trực ở tả vu. 5 dinh Cẩm binh 4 quản vệ, 10 suất đội, vệ quân Kinh tượng quản Thượng tứ đều 1 quản vệ, 2 suất đội : đều trực ở hữu vu.

Về ban đêm - Quản vệ quân Kinh tượng, quân Thượng tứ, theo như lệ trước, lui ra viện Tả đái lậu ; các viên suất đội lui ra chỗ xướng, chỗ viện ; quản vệ suất đội đội Long thuyền và Thủy sư cũng lui về bản vệ ; chỉ lưu lại 1 người hoặc chỉ huy sứ hoặc chấp Kim ngô hoặc quản vệ ở vệ Cẩm y, Kim ngô, Loan giá, trực ở điện Cẩn Chính. Các bảo quân Vũ lâm, quản vệ quân Kỳ võ 2 người, suất đội các bảo quân Vũ lâm đều 4 người, suất đội quân Kỳ võ 2 người, trực tại tả vu. Hai quản vệ, 10 suất đội ở 5 dinh Cẩm binh, trực ở hữu vu. Còn thì đều lui về bản vệ.

(1) Chiêm hậu sinh (占 候 生) chức viên xem thiên văn thời tiết để làm lịch.

(2) Phiên ty : ty Bố chính.

Thị vệ xứ mỗi đêm phái ra 2 thị vệ ngân bài và nha bài để trực ở tả vu ; quan đại thần về phiên trực mỗi đêm trích ra 1 quản vệ, 5 suất đội trực túc ở ngoài cửa Đại Cung ; còn 4 quản vệ, 15 suất đội mỗi canh lượng phái ra 3, 4 viên đi lại tuần kiểm từ trong cửa Đại cung đến tả hữu vu.

(Ban ngày, xa giá có đi chơi trong ngoài hoàng thành, thì chỉ huy sứ, chấp Kim ngô hoặc hạ ban quản vệ, vệ Cẩm y, vệ Kim ngô, vệ Loạn giá đều phải theo hầu, hộ giá.

(Những người đương ban ứng trực như : lang trung, viên ngoại lang ở Lục bộ và viện Đô sát, thuộc viên ở các Khoa đạo và viện Cơ mật, Khâm thiên giám Nội các, ty Thông chính, Vũ khố và các Bảo vệ Cẩm y, Kim ngô, Loạn giá, Vũ lâm, Cẩm binh, Kỳ võ, các quản vệ, suất đội ở các quân Kinh tượng, Thượng tứ, Long thuyền, Hộ vệ, Loạn nghi, Thượng trà, Vũ bị, cho đến bọn suất đội biên binh coi giữ ở các điện Cần Chính, Văn Minh, Võ Hiến, Đông Các, cửa Đại cung, và tả hữu vu, viện Cơ mật phòng trực của Nội các, mỗi ngày một lần, đều do viên cai quản kê khai cả tên và hàm, giao quan đại thần phiên trực chấp chiếu, đến đêm, vào khoảng canh một, sau khi bắn súng, quan đại thần phiên trực và ấn quan Nội các súc cho Khoa đạo phiên trực, hội đồng tra điểm, đến sáng ngày theo như lệ, kiểm điểm rồi cho lui ra ; nếu có duyên cớ gì, cũng cho người thay.

(Phàm những vật hạng ngự dụng, do viện Võ bị, ty Hộ vệ, sở Thượng trà kính giữ, các quan đại thần về ban võ trong phiên trực, nhất nhất phải thân kiểm điểm súc bảo để yên đầu vào dấy cho đúng phép.

(Từ ngoài cửa Đại Cung cho đến mặt sau cung tường, vệ Cẩm y phái viên biên và binh lính phải đi tuần phòng về ban đêm, mỗi người phải cách nhau hơn 10 trượng, phải gia tâm tuần sát, không được đi chụm vào một chỗ như trước. Nếu có bắt được kẻ gian, sẽ có khen thưởng.

Án sát tỉnh Biên Hòa là Phan Văn Xưởng có tội, bị mất chức. Trước đây, có dân thôn Tân Mỹ về việc tranh chiếm tài sản, cần được lập làm người thừa tự, dút lột cho Xưởng 80 lạng bạc. Việc phi lý, Xưởng cũng cho, lại dung túng người nhà và lại dịch sách nhiễu. Dân đem việc ấy đến kêu ở tỉnh Gia Định, Xưởng thân đến tỉnh Gia Định kêu van, cầu giao về cho Bộ chính Đỗ Huy Cảnh tra xét. Dân lại đến Kinh kêu. Vua nói rằng : “Phan Văn Xưởng là người trong khoa đạo, từ khi tới lý sở đến nay, mọi việc để động lại, đến khi bị dân đi kiện là tham tang, lại vượt cối (sang Gia Định) yết kiến riêng, chẳng khác gì con vật ngoe ngoáy đuôi để cầu người thương ! Vậy không thể để cho hạng đen tối thấp hèn tại chức được”. Sai giải chức ngay.

Phái Ngự sử đạo Định - Biên là Nguyễn Hữu Độ đến ngay, hội đồng tra xét : Nguyễn Bộ chính Đỗ Huy Cảnh trước đã có Chỉ giải chức, về Kinh chực hầu,

nhưng triệt lưu lại để đợi án. Lại lấy thự Lang trung bộ Lại là Vũ Đĩnh bỏ đi thự Án sát tỉnh Biên Hòa, hội đồng với Hà Thúc Lương và Nguyễn Hữu Độ tiếp tục tra xét.

Trước kia, trong tập số thịnh an của Phan Văn Xưởng có nói cả đến việc Tri huyện huyện Bình An là Nguyễn Khắc Điều trong thuộc hạt, siêng năng, liêm chính, lại và dân tín phục. Điều lại bỏ tiền của riêng để giúp kẻ nghèo cùng tâu xin tướng lục. Vua cho là Điều hết lòng về việc dân, thưởng cho 20 lạng bạc, 1 súc lụa hoa, rồi bỏ ngay Tri phủ. Lại thông dụ cho trong Kinh ngoài tỉnh rằng : “Phủ huyện được đặt ra chức vụ cốt phải gần gũi với dân. Dưới chỗ thừa hành, nếu biết tuyên dương đức ý [của triều đình], yêu nuôi dân chúng thì dù điều thiện nhỏ, tài năng mọn, triều đình tất cũng phải lục đến. Nguyễn Khắc Điều có công trạng tốt như thế, một khi tâu lên, ta theo ưu hạng mà khen thưởng ngay cho. Thực muốn thưởng một người để khuyến khích trăm người và khuyên những người có trách nhiệm trông nom dân ở các địa phương nên thông sức các phủ, huyện trong hạt gia ý vỗ yên, như Nguyễn Khắc Điều có thực trạng, cứ thực tâu lên sẽ liệu nêu thưởng ; nếu không quan tâm về việc dân, thì cách xích ngay. Triều đình một thưởng một phạt, vốn là nghiêm minh. Ai nấy đều phải kính cẩn tuân theo, chớ có khinh thường”.

Chưa bao lâu, bọn Hà Thúc Lương, Nguyễn Hữu Độ lại tham hặc luôn cái tang bạc, mà Phan Văn Xưởng nhận là do Nguyễn Khắc Điều lo việc mình, lại lấy riêng hơn 100 quan tiền ; có người làm chứng đích xác. Vua lấy làm lạ, nói : “Số của dút mà Phan Văn Xưởng nhận đó là do tay Nguyễn Khắc Điều đưa ra, mà chính tích của Khắc Điều lại ở miệng Phan Văn Xưởng nói ra, biết đâu không phải là cùng một bọn tham ô, tâng bốc nhau ? Nguyễn Khắc Điều trước đã hậu thưởng, lập tức tiêu hủy ngay, lại cách chức, giao tra xét lại”. Sau, án nghĩ xong, Xưởng phải tội trăm giam hậu, Điều phải tội phạt trượng hết bạc và tội đồ, Đỗ Huy Cảnh có dính dáng vào việc này, cũng bị phạt 100 trượng, đồ 3 năm. Cảnh và Xưởng vì tấu dối hàm hồ, giao bộ nghị xử, cả hai lại bị xử phạt tội đồ 2 năm rưỡi nữa, nhưng theo luật nặng mà kết án. Tổng đốc Định - Biên là Lê Văn Phú cũng vì che chở cho bọn ấy, bị giáng 1 cấp.

Vệ úy vệ Thủy tỉnh Quảng Trị đã hưu trí là Nguyễn Văn Tứ mất. Tứ có công ở Vọng Các, vua sai chiếu phẩm cấp tiền tuất.

Lang trung bộ Lại Nguyễn Khắc Tịnh bị giáng chức. Tịnh làm việc hay lâm lẩn, lại nói càn bậy, bị quan khoa đạo tham hặc, giao xướng cho bộ Hình bàn, giáng bổ Tịnh làm Chủ sự bộ Lễ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XLIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHUƠNG HOÀNG ĐẾ

Giáp Thìn, Thiệu Trị năm thứ 4 [1844], mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, làm lễ Đông hưởng.

Triển hoãn ngạch binh và ngạch thuế phủ Thừa Thiên và tỉnh Quảng Trị còn để đọng thiếu.

Dụ rằng : “Hai hạt gần Kinh kỳ gặp phải bão lụt, tình hình không khỏi vất vả, nên tìm nhiều phương pháp cứu giúp để đủ đường sinh sống cho dân. Chuẩn cho đem số ngạch quân, ngạch thuế mà năm nay hiện còn thiếu, cho quan địa phương trước xét xem bị tai hại nặng nhẹ như thế nào rồi chước lượng cho hoãn thêm nguyệt hạn, làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ, sẽ lượng mà triển hoãn cho. Và, năm trước có thiếu binh, trốn thuế, cũng tục nghị rộng cho triển hoãn”.

Định lại lệ tạ biểu của các địa phương. Trước kia, các địa phương đệ biểu văn đến, thường bị quân ở bộ bác đi, bắt sửa đổi đến hai ba lần. Vua cũng chán, nhân xuống dụ rằng : “Tạ biểu là để tỏ lòng tôi con cảm ơn đội đức, không quan thiết đến lợi hại của dân sinh ; ta chỉ xét tấm lòng thành mà thôi. Nếu vội vì hình thức về văn tự mà bác, đổi đi, đổi lại, chỉ làm cho trạm chạy giấy vất vả. Vậy chuẩn cho phạm biểu văn trần tạ của các tỉnh ngoài, nếu có chỗ chưa hợp do bộ tâu xin tư sức, nhưng chiếu lệ phê cho phụng thủ ; nếu lời lẽ quê kệch quá, không đáng trình tiến thì trích ra mà tâu rõ lên. Còn nguyên biểu văn lưu tồn án ở bộ, bắt tất phải bác đi đổi lại để bớt phiền phức. Còn biểu văn của các địa phương, nên tả sự thực, đừng

chuộng phù phiếm hão huyền. Ta tuy không khe khát về văn tự, nhưng tờ biểu đã dâng đến trước vua, cũng nên kiểm điểm tinh tường, không trái thể chế mới được”.

Thuyền ngư, thuyền bọc đồng và các hạng thuyền, trước vì bão lụt, có cái thành ngăn vết, có cái vật liệu hư hỏng. Các viên cai quản Thủy sư và tuần tra đem việc tâu lên, vua dụ rằng : “Thuyền công rất hệ trọng, các người viên biển ở quân Thủy sư có trách nhiệm coi giữ, gặp thời tiết gió mưa như thế sao không đề phòng sẵn trước, để đến nỗi quan ngại ? Hoặc đến kỳ dùng thuyền không chịu hết sức sang hộ, hoặc ngày thường không chịu cẩn thủ, đến nay, nhân việc, hỗn loạn nhận nhầm ! Mà các viên tuần tra cũng không kiểm xét kỹ càng tỉ mỉ, đổ cho bão lụt ! Phải nên kiểm xét lại, phân biệt cứu nghị”. Bèn sai 2 bộ Binh, Công phái thuộc viên khám xét cho đích xác, hội đồng chia ra từng hạng, châm thước bàn bạc và nghị xử, tâu lên. Lại sai bộ Hộ khám rõ các sở, chỗ xưởng, chỗ nhà, chiếu tùy sự hư hỏng nặng nhẹ, chia ra từng hạng mà tu bổ. Sau, án nghị khám xong, bọn nhân viên Thủy sư và tuần tra đều phải giáng phạt có khác nhau.

Tỉnh Hải Dương, 9 huyện Tiên Minh, Vĩnh Bảo, Nghi Dương, An Lão, Kim Thành, An Dương, Cẩm Giàng, Vĩnh Lại, Tứ Kỳ 175 thôn ; tỉnh Sơn Tây 9 huyện An Sơn, Bát Bạt, Lập Thạch, An Lạc, Sơn Vi, Phù Ninh, Cẩm Khê, Phúc Thọ, Hạ Hòa 102 xã thôn, có nơi không cấy được, có nơi cấy muộn, có nơi bị tổn hại. Quan tỉnh đem việc ấy tâu lên. Chuẩn cho khám xét đích xác từng phân số hiện bị tai hại, cứ thực tâu lên, sẽ liệu lượng tha, giảm [các thuế].

Tuần phủ tỉnh Biên Hòa là Hà Thúc Lương tâu nói : “Tuần lệnh truyền dụ các tỉnh (Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên, đều chiếu theo sản vật trong hạt, thường năm đã đặt giá mua, đều thước lượng nâng giá, thu mua rộng rãi, và cấp trả tiền. Ngược thấy lòng vua yêu dân thực chỉ có thêm lên mà không bao giờ hết ; mà cái đạo khiến cho của được lưu thông, dân được dư dật, không chỗ nào là không chu đáo. Trộm nghĩ : sự ưa muốn của dân gian không giống nhau, thì giá vật cao hạ cũng tùy từng kỳ mà mỗi thứ mỗi khác, không thể nhất khái hạn định được. Nay chiếu theo giá chợ, liệu tăng thêm lên mà thu mua thì nhân tình ai không vui đem nộp đến quan ? Nhưng những vật hạng của người làm nghề, người đi buôn bán ra, thứ kỹ thứ dối, không giống nhau, đường xá xa gần cũng khác, tưởng nên thước lượng chia ra từng thành mà thêm giá lên, để tỏ ra có sự phân biệt ; sau đây, phàm có vật hạng gì đem nộp bán tất phải xét xem quả là thứ tốt, cần dùng, mà đường đi có xa, thì thước lượng thêm lên 2 thành để khuyến khích cho người ở xa đem đến, thứ nào là vật hạng tầm thường, cũng có thể dùng, nhưng đường đi lại được cận tiện, thì liệu thêm lên 1 thành, để xa gần có phân biệt. Hoặc hơi có chút dấu vết cũng chẳng sao, cứ cho tùy tiện thu mua, để tiện cho dân, phàm có người đem nộp bán, tức thì do quan tỉnh thân tự xem xét, trả giá ngay ở

trước mặt. Như thế thì dân vui lòng đem nộp bán, mà tài hóa lưu thông, vật giá cũng được quân bình, dân gian có chỗ trông cậy”. Vua phê bảo rằng : “Về việc đặt giá, mua hóa vật, vốn để cho tiền của được lưu thông mà dân được dư dự. Các khoản tấu nghị, chắc đã tùy nghi châm chước mà làm, chuẩn cho y lời xin mà thi hành, nhưng phải làm thế nào cho được ổn thỏa, sao cho vật hạng thường dùng không thiếu, dân gian tiêu dùng có chỗ nhờ, cốt cho công tư đều lợi là được”.

Tỉnh Gia Định và Biên Hòa lại tâu nói : “Những hóa giá đã mua, so với giá chợ hiện nay thì giá chợ cao lên hai ba lần, hoặc lại có khi nhiều đến gấp 10. Nếu chiếu theo như giá chợ, thì giá trị quá cao, sợ không phải là cái ý thận trọng các vật hạng trong kho. Vua lại giao xuống cho bộ bàn. Bộ xin lấy giá đã mua năm ngoái mà liệu định : nếu hơn lên một, hai, ba thành thì chiếu giá đã mua mà thêm một hai thành ; nếu hơn lên đến 8 thành thì thêm 4 thành”. Vua chuẩn cho y nghị.

Định lại lệ các địa phương tâu báo về giá gạo. Vua thấy các tỉnh báo giá gạo, hoặc 2 tháng, 3 tháng một kỳ, có sự hơi không đều. Vả lại, An Giang ở Nam Kỳ cùng với Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hóa và Quảng Yên ở Bắc Kỳ, 7 tỉnh (lệ trước : cứ 2 tháng tâu báo một kỳ) đất ở xa, chuẩn cho theo như lệ tỉnh Hà Tiên (3 tháng tâu báo một kỳ) ; nếu giá gạo cao vọt lên (ngoài 3 tiền) thì đều chuẩn cho tâu vào một cách bất kỳ không phải câu nệ theo nguyệt hạn. Nếu dân gian hơi thấy đói ăn, nên điều tể thêm ; hoặc chưa đến tình hình vất vả, cũng chuẩn cho nói rõ vào trong tập tâu. Còn khi cao khi hạ tầm thường thì cứ theo đúng kỳ mà đệ tâu. Lại, từ trước đến nay, các địa phương tâu báo, chỉ nói giá gạo cao hay hạ, đến như tình hình hiện tại chưa từng nói tới ! Nếu giá gạo có cao vọt lên, chuẩn cho bất kỳ phải tâu, chiếu như lệ 7 tỉnh đã nói rõ mà tâu vào.

Bộ *Thực lục Tiền biên* đã khắc xong. Các quan Sứ quán là bọn Trương Đăng Quế đem sách dâng lên (chánh, phó đều 3 bộ). Trước kia, bộ Lễ lấy nghi chú tâu lên, ngày Giáp Thìn, vua thân nhận, kính duyệt, sai để vào những nơi tôn nghiêm (1 dâng để ở điện Cần Thành, 1 dâng để ở thượng tầng Đông Các, 1 dâng để ở Sứ quán). Đến ngày Đinh Mùi, vua ngự điện Thái Hòa, nhận lễ châu mừng, ban yến cho hoàng tử, hoàng thân và ban văn từ tông ngũ phẩm trở lên ở điện Cần Chính. Ngày hôm sau, ban yến cho sứ thần, dụ rằng : “Sứ chính đáng, chép rõ từng đời, truyền bá về sau, rất quan hệ đến thịnh điển nước nhà. Nguyên từ năm Minh Mệnh thứ hai [1821] đặt ra Sứ cục, nhiều lần biên tập, mà tiết mục trong đó còn phải đợi cho tinh tường. Ta khi mới lên nối ngôi, bắt đầu sai nho thần ngồi ở Sứ quán chép sử cho có chuyên trách ; lại sai các quan đại thần làm tổng tài ; hội đồng tham đính để mong cho chóng xong, mới hay hết lòng tra xét, hợp lực biên chép, bản thảo lần lượt dâng lên ; ta kính cẩn tường duyệt. Đến nay 4 năm, xong được bộ sách ấy, tường tất đầy đủ. Khi đem khắc in, lại kính cẩn làm việc, sớm được xong xuôi, rất

đáng khen. Trước kia, khi bộ sách xong, đã phân biệt tự thưởng cho trước rồi, nay ban thêm cho tổng tài, toàn tu, biên tu và những người khảo hiệu, dâng cục, thu giữ ăn yến một lần, lại cho bạc và lụa có thứ bậc khác nhau”.

Vua từng bảo Trương Đăng Quế rằng : “Thế tổ Cao hoàng đế ở ngôi vương 22 năm, ở ngôi đế 18 năm. Công đức như trời, không thể thuật ra hết được. Từ năm sau khi quay cờ về Gia Định, phạm sự tích trung hưng, sử sách có đủ ; đến khi thu phục Kinh đô [Phú Xuân], 1 chiếc thuyền công bị gió đánh trôi giạt đi, những văn thư ở nơi đó đều phó cho dòng nước cuốn ra Biển Đông, nay cũng khó tra xét vào đâu được ! Sự biên chép không khỏi bỏ sót, rất là đáng tiếc !”.

Vì thượng tằng Đông Các (để ở trong hòm vàng) kính để bộ *Thực lục* cùng những ngự dụ, ngự chế, châu bút và châu dụ, vua bèn sắc cho đại thần viện Cơ mật, ấn quan Nội các và thuộc viên trong Các, nếu không có việc gì phải khảo cứu đến thì không được lên thẳng ngay (thượng tằng Các) ; lại phạm các bản thảo về bộ *Thực lục Tiên biên*, có ngự bút dính chính, đều sai Nội các kính dâng lên để đốt đi, cho được tỏ ra thận trọng. Lại sai Lục bộ, Nội các và sử thần chú giải những bài : “Ngự chế lịch đại sử tổng luận”.

Cho Thống chế Hồ Văn Lưu và Chuồng vệ Hồ Văn Thập do nguyên hàm được vào chỗ triều thỉnh. Dụ rằng : “Những thân thuộc họ ngoại về các đời trước, nhưn nhường, nhu hòa, kính sợ, cẩn thận, để khéo giữ lấy tính chân, như họ Phan⁽¹⁾, họ Mã⁽²⁾ rất ít, mà 3 đời cầm chính quyền, 5 tướng giữ chính sự, như họ Vương⁽³⁾, họ Đậu⁽⁴⁾, rất nhiều. Có thể không lấy đó làm răn được chăng ? Hoàng khảo ta đã thận trọng trong việc đó mà khéo xử trí, thực đủ làm phép hay cho con cháu muôn đời. Nay, con của họ ngoại Phúc quốc công ta là bọn Hồ Văn Lưu, Hồ Văn Thập, khoảng năm Minh Mệnh, được đội ơn vua, nghĩ đến Phúc quốc công ở thời trung hưng, theo vua một lòng nâng đỡ công lao khó nhọc ; sau khi trăm trận đánh, đại định rồi, chén rượu mừng thắng trận ở Nam cung chưa xong tiệc vui thì Quốc công đã để lại nghiệp nhà cho con còn trẻ tuổi cô đơn mà nghèo, tình rất đáng cứu giúp, nên cho tập phong hàm ám tử, được lâu dài ở đời ; lại gia cho hàm quản vệ, để cho đủ lui tới làm việc. Đến ta nối nghiệp lớn, theo chí đời trước, nhân ngày ta Bắc tuần, phái sung tuần hộ Kinh thành và truy tùy chỗ hàng tất, mới được cùng với mọi người theo thứ bậc mà cất nhắc lên, hiện dự nhị phẩm. Biết là ơn hậu, bọn ấy vâng

(1) *Phan* : Phan Khoái, anh em rể với Hán Cao tổ.

(2) *Mã* : Mã Viện sinh ra vợ Đông Hán Minh đế.

(3) *Vương* : Vương Phương họ ngoại Hán Thành đế, họ Vương chuyên quyền, 5 anh em đều phong hầu một ngày.

(4) *Đậu* : Đậu Hiến là chất Đậu Dung, anh Đậu thái hậu của Hán Hòa đế, chuyên nắm chính quyền, họ hàng đầy cả triều đình.

lễ công, giữ pháp luật, làm sáng tỏ thanh danh của nhà. Hơn nữa, ta giữ lễ rất công, rất chính, phép nước không riêng ai, bọn ấy quyết không dám rông càn mảy may gì trong ngày nay. Nhưng, cái cơ mâu nghiêm phòng từ lúc chưa nảy mầm, và lời dạy để lại bảo cho đời sau, có thể không cẩn thận được chăng ? Để tỏ rõ hậu đạo, nay chuẩn cho Hồ Văn Lưu, do nguyên hàm Thống chế, Hồ Văn Thập do nguyên hàm Chương vệ, đều được vào chỗ triều thỉnh, cũng đủ để cho cả hai giải bày lòng thực trong phận làm tôi. Tức thì giải ấn triện dinh Tiên phong và chức Chương quản thị vệ đại thần, viện Thượng tứ, không cần phải làm việc quan và trông coi quân lính nữa. Các người, lương tâm cũng chưa mất, phải nên nghĩ bảo toàn lấy gia thanh, trung thành với công liệt của quốc công các người, đừng cho là không có tội mà phải lui, phải giáng, cái chỗ nên lập pháp để dạy con cháu trăm đời : không phải vì ơn riêng mà để cho ở chỗ nhàn rỗi. Đó là nghĩ về trước, tính về sau, phòng ngừa từ khi mới chớm, ngăn chặn những tệ lớn dần. Con cháu trăm đời của ta noi theo phép nhà, không dựa vào ơn riêng, cốt phải coi trọng danh khí. Phạm những họ ngoại quyền thần, hậu cung và hoạn quan, nếu có một người nào không chịu xét kỹ, khéo xử trí vào chỗ này, tất là sinh chuyện không hay, nên nghĩ nói đời trước để làm tấm gương soi ; nếu ngày sau vua nối ngôi có phiếm dật chơi bời, thì người làm tôi con nên dẫn lời nói của ta để can gián, mong giúp vào những chỗ không kịp, cẩn thận giữ gìn pháp độ để sẵn, để đón lấy điều lành lâu dài, hưởng vận hội thái bình đến muôn đời. Ôi tốt đẹp lắm thay ! Chuẩn cho đem lời dụ này lục giao cho Sử quán giữ để cẩn thận và đưa đến nhà Thái học khắc vào bia đá, để tỏ rõ về lâu xa. Lại sao lục cấp cho trong Kinh ngoài tỉnh, khiến cho biết ta dùng người, làm chính sự, cẩn thận công việc, giữ gìn phép công, là cái kế lo sâu, tính xa đó”.

Tỉnh Bình Thuận ít mưa. Quan tỉnh cầu đảo ở các đền thiêng. Mưa to, nước đầy trong thành đến hơn thước, bờ hào lở cả, ruộng ngập hết. Vua than rằng : “Không ngờ cầu mưa lại khổ về nước ! Sai xét sự thực để tha giảm thuế cho dân”.

Trong nhà ngục ở phủ Thừa Thiên có đề lao Lê Trường Lộc thờ ngậm cái ma về bên giặc. Việc phát lộ, Lộc bị cách chức phát làm lính ở vệ Kỳ võ. Vua bảo bộ Hình rằng : “Giặc Tây Sơn tội ác đầy rẫy, thân nhân đều giặc. Thế tổ Cao hoàng đế ta thu phục Kinh thành, xa thư nhất thống. Con trai, con gái và các cháu ngụ Nhạc, ngụ Huệ lần lượt bị giết. Năm Gia Long Nhâm Tuất [1802] làm lễ cáo nhà tôn miếu, dâng những tướng giặc bị bắt, ngụ Toàn và những kẻ yếu phạm chánh thứ của giặc đều bị cực hình. Lại đào lấy hài cốt của ngụ Nhạc, ngụ Huệ đập tan ra, vứt đi, đầu sọ của ngụ Nhạc, ngụ Huệ để làm đồ đựng nước tiểu ; lại khóa mộc chủ của vợ chồng ngụ Huệ đem giam ở Vũ khố. Năm Minh Mệnh thứ 2 [1821], kính vâng Chỉ dụ, chuẩn y lời nghị của Bộ đem mộc chủ của giặc tập hợp lại đóng danh và khóa cùng với đầu lâu và hài cốt ngụ Huệ, ngụ Nhạc, ngụ Toàn, bỏ lộn

vào một cái hòm gỗ, đốt giam ở nhà ngục phủ Thừa Thiên. Đến nay, đã hơn vài mươi năm rồi, tuy luật pháp giết kẻ có tội đã giải tỏ ra khắp thiên hạ, mà kẻ loạn thần tặc tử lưới trời khó trốn, thực là một cái án chung nghìn muôn đời không thay đổi được nên phải giam cầm lâu dài để tỏ rõ tội ác của chúng. Vậy phải chuyển sức cho bọn ngục tốt ở đề lao phủ Thừa Thiên vẫn cứ giam kín như trước. Phạm tội con bản triều không được cho là việc đã lâu ngày và nói là đóng xương giặc bừa bãi như bắn, mà tàu nhảm xin vớt đi. Nếu kẻ nào phạm vào điều cấm này, chuẩn cho bộ tàu hặc, theo luật nặng trị tội”.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giai tàu nói : “Kính sư là căn bản các thiên hạ, từ sau khi trải qua ngục Tây gây biến, ví như người có bệnh to gây còm, nguyên khí chưa hồi phục lại được, xin điều tế dân sinh, bồi dưỡng nguyên khí, cùng những thuế lệ ở nơi bến thuyền, xin chiếu giá bạc ở mặt chợ mà thu thuế, những chùa chiền, chuông, tượng, xin sắc sai dân gian, tùy lực mà tu tạo ; những chùa chiền cổ mà nguyên trước vẫn có đã bị ngục Tây đốt phá đi, xin phát của kho giao cho các địa phương sửa chữa”. Tờ số này được giao xuống cho viện Cơ mật duyệt lại. Viện tàu lên nói : “Các việc Giai điều trần phần nhiều đã thi hành, duy có việc làm chùa thờ Phật càng là sai lầm càn, bậy !”. Ngục sử đạo Hà - Ninh là Mai Đức Thường cũng tham hặc về điều xin làm chùa. Vua nói rằng : “Về tập tấu điều trần của Nguyễn Đăng Giai, ta xem rõ, có nhiều chỗ không phải ! Và lại, 2 hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, ngẫu nhiên bị bão lụt, quân trốn, thuế thiếu, đã chước lượng cho triển hạn, nay lại xin hoãn lâu đến 6 năm, 3 năm ! Mà 2 tỉnh Quảng Bình, Quảng Nam hiện tại không có việc gì, cũng xin hoãn đến 3 năm ! Tỉnh Quảng Ngãi trở vào Nam, làng mạc các hạt đều yên ổn, cũng xin điều tế luôn cả. Thế là nói đã không phân biệt gì nổi ! Lại nói : Các hạt gần Kinh kỳ, từ sau khi trải qua phía bắc bị lấn, phía tây bị nhiễu, nguyên khí chưa hồi lại, thì sao không nghĩ : Các hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Bình, đất ở nơi gần Kinh kỳ, từ Hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế ta sau khi bình định, lấy chính sách khoan nhân thay cho chính sách tàn ngược, đặt dân vào chỗ chiếu chăn êm ấm ; Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta nuôi nấng dân cho nghỉ ngơi đến 40 năm, dân chúng sinh vào khoảng ấy, chắc đã nhờ được lợi lạc nhiều, ta từ buổi nối ngôi đến nay, càng vun bón thêm vào, tùy việc mà gia ân ; ngẫu nhiên gặp phải bão lụt, cũng do đức ta kém nên mới đến thế ; can gì phải viện dẫn việc trước, mà nói hoang đường quá ! Những nơi đánh thuế, chỗ bến thuyền, đã có điều lệ, việc châm chước định thành giá, cũng giao đình thần bàn rõ rồi. Còn như giá trị lạng bạc do quan chi phát và dân thân nộp vào, đã chuẩn cho thông hành một giá. Duy có việc buôn bán của dân gian, giá có cao hạ khác nhau. Nay nếu chỉ ở chỗ thuế quan chiếu giá chợ mà chiết toán, thì các việc khác có chỗ làm không chạy ! Phương chi giá công đã có nhất định, mà giá tư còn cao vọt lên, nếu giá công lại chước lượng tăng lên, há chẳng phải tranh lợi với

dân ư ? Nói lợi như thế, có bổ ích gì cho việc ? Thậm chí điều xin sửa sang chùa thờ Phật càng là lầm lẫn ! Ôi, chính đạo với dị đoan, các thánh hiền đời cổ biện thuyết đã rõ rồi. Nước nhà ta, các bậc thánh đời đời nổi lên, ban phúc cho dân, chính đạo thịnh hành, giáo hóa rộng khắp. Cái đường vì dân cầu phúc, khuyên dân làm lành vẫn đã có rồi. Đôi khi có dựng chùa quán, hoặc là di tích thần thánh để lại, hoặc chung đúc phát ra diêm lành, nơi sở tại nhân đó tùy đất mà dựng lên, để ghi nhớ lấy phúc tốt, chứ không phải là sùng thượng tả đạo. Ta nên theo tâm pháp, trị phép cũng chỉ thu dân vào chỗ khuôn phép, để mong cho đạo thường được chính đính, dân chúng phấn khởi làm lành, để cùng hưởng phúc thái bình. Nguyễn Đăng Giai đã tự mình đắm đuối vào chỗ đạo giáo hư vô, lại dám đối trước mặt vua cha, nói ra những lời tìm lẽ ẩn vi, làm việc quái lạ thế thì chực muốn cho triều đình đem dị đoan mà xướng xuất thiên hạ hay sao ? Huống chi, trong tập tâu đã xin đình bãi tất cả mọi công việc, mà chỗ chùa chiền thì xin mỗi tỉnh đều phải làm. Công việc còn gì to hơn thế : đem tài lực cho hạn lấp vào chỗ lãng phí không biết thế nào là cùng, gọi là điều tế bồi dưỡng lại như thế ư ? Không biết người đọc sách gì mà cố chấp mê hoặc đến thế ! Triều đình mở rộng con đường cho nói, muốn cho trên giúp chính trị trong nước, dưới giúp lợi ích cho dân sinh, nếu có mưu mô gì hay, ta cũng sẵn lòng thâu thái, chỉ vì chỗ nơi phần nhiều không đúng lẽ phải, mà việc xin làm chùa lại bị đại thần vạch rõ mà bác đi, ngôn quan nêu ra mà tham hặc ! Đáng lẽ phải giao bộ nghiêm nghị, nhưng nghĩ đến hiện nay chính là lúc cần lời nói thẳng không nỡ bắt tội ngay. Vậy đối với Nguyễn Đăng Giai, hãy truyền Chỉ dụ nghiêm quở, sai viện Đô sát chọn phái một viên khoa đạo, mang tờ dụ đi đường trạm đến tuyên Chỉ nghiêm sức !”.

Chỉ dụ chưa giao xuống, thì Ngự sử Hoàng Khuê, Hồ Xuân Huyền đều đến gặp riêng Viện trưởng Nguyễn Đức Hoạt, kêu van cầu xin được sai đi, Nguyễn Đức Hoạt quát lên và ngăn lại. Bọn Khuê bị khoa đạo đồng viên là bọn Đặng Kham, Nguyễn Văn Diễn và Lê Di nêu ra tham hặc. Vua quở rằng : “Đài ngự sử đặt ra, có quan hệ đến phong hiến. Bọn Hoàng Khuê và Hồ Xuân Huyền là người trong đám khoa mục, nên giữ lòng cẩn thận thì mình ngay thẳng trong sáng, mới không phụ chức phận của mình. Vả lại, ngôn quan lĩnh mệnh đi sai phái, mặt vàng uy của vua, miệng truyền lời của vua, sự thể long trọng biết chừng nào. Theo lẽ trước thì hoặc đến kỳ sẽ chọn phái đi, hoặc do viện trưởng giữ lễ công bằng mà kén chọn. Bọn kia dám đến thỉnh thác ở nhà riêng, kêu van trong xó tối, đến nỗi bị viện trưởng quát đuổi ra, người cùng hàng chỉ ra mà tham hặc, thật đáng khinh bỉ quá ! Ôi, “tình thân ngự sử, thức diện đài lang”⁽¹⁾ người đời xưa còn lấy làm xấu hổ. Không biết

(1) *Tình thân ngự sử, thức diện đài lang* : Tôn Biện đời Tống, lên Ngự sử Trung thừa, có tiến cử Đường Giới và Ngô Trung Phục làm Ngự sử, có người hỏi ông chưa từng “biết tiếng hai người ấy, sao đã vội tiến cử”. Tôn Biện nói : “Ngự sử tự đem tiến mình, người đời xưa lấy làm xấu hổ, nay không cần gì ngự sử đã biết mặt”.

Hoàng Khuê và Hồ Xuân Huyền bụng dạ thế nào mà chịu đem bộ mặt dày làm cái việc quỳ gối khom lưng như thế ! Hoặc giả cho rằng việc đi ấy có thể tìm kiếm bói việc, kết bọn để tính đường lợi riêng, cho nên thấy có mối lợi mà tranh nhau thỉnh thác đó chẳng ? Những người như thế làm phụ cái ý triều đình hậu đãi ngôn quan nhiều lắm ! Xem ngay về cuối đời Tống, đời Minh : đôi khi có bọn xấu xa, vừa được một chuyến sai đã vênh váo lên, tự đắc mình là ngự sử ở Kinh phái đi, xe cộ đi đến quận huyện nào cũng chạy rối rít, mượn cớ hống hách, kết bè kéo đảng ! Nay không thể để cho [cái thói xấu] lớn dần lên mãi được. Vậy, nên xét rõ mà trừng trị, để ngăn ngừa mối tệ. Hoàng Khuê, Hồ Xuân Huyền đều phải giải chức, giao xuống cho bộ Hình nghiêm nghị”. Khi án tâu lên, bọn Khuê đều phải giáng bổ.

Xây đắp thành tỉnh Tuyên Quang. Trước kia, Lê Nguyên Giám và Vũ Danh Từ, vì không tu sửa thành trì, bị tội. Vua cho rằng Nguyễn Đăng Giai có trách nhiệm kiêm hạt, bèn hạ dụ bắt phải trừ tính để tu bổ. Đến đây, phái 2.000 binh ở tỉnh Sơn Tây đến ứng dịch, Lãn binh Nguyễn Trọng Thao đôn đốc công việc. Giai cũng đi lại trông nom. Thành tỉnh Tuyên Quang nguyên đặt ở bên chân núi đất, dưới có đá chằng chịt, thợ làm rất khó, trải 3 tháng thành mới xây xong. Quan quân làm việc đều được hưởng theo ưu hạng (đăng trước, đăng sau, bên tả, bên hữu thành đều dài 65 trượng, cao 7 thước 2 tấc, xây bằng đá ong ; đăng trước và hai bên tả hữu đều xây 1 cửa).

Phá hủy đền thờ bọn giặc Nguyễn Sĩ Phú và Phạm Đức Cồn. Sĩ Phú và Đức Cồn, khi còn sống, nương mình họ Trịnh, chống cự lại quân ta, sau khi chết, đều được [họ Trịnh] phong làm Phúc thần. Hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình khai lần vào danh sách bách thần, bộ Lễ tham hặc tâu lên. Vua quở rằng : “Nguyễn Sĩ Phú và Phạm Đức Cồn là con ma giặc, dân gian thờ nhảm đã lâu, không lấy làm trái lễ (xã Phù Việt huyện Thạch Hà thờ Nguyễn Sĩ Phú, xã Phù Lưu huyện Bình Chính thờ Phạm Đức Cồn), thế mà quan tỉnh lại để chúng làm mờ mắt, cứ khai vào danh sách [bách thần] ! Nếu bảo rằng việc đã lâu, khó phát giác ra, thì nguyên ủy khai ở trong danh sách, mắt trông thấy việc, nên nhỡ máng đến tận người, đâu có thể vì chúng mà tâu xin mong ơn được ?”. Bèn sai phá đền đi, quan lại đương thứ đều bị tội.

Tỉnh Vĩnh Long có đạo trưởng người Tây dương gọi là Phó giám mục Đô-ni-my-cô, ẩn nấp ở huyện Tân Minh (địa hạt tỉnh Vĩnh Long) bị quan quân bắt được, sai giải giao bộ Hình trị tội. Lãn binh Nguyễn Văn Phương, Tri huyện Trà Vinh Bùi Hữu Nghĩa, vì có công bắt được, đều được thưởng ngân tiền Phi long hạng lớn ; biên binh dự vào việc này được thưởng chung 100 quan tiền. Khi làm án xong, bộ Hình nghị xử vào tội nặng, sai giam giữ lại ; sau rồi tha.

Đổi cơ Vũ cự ở tỉnh Vĩnh Long làm đội pháo thủ. Hai thôn An Hòa, Tây Bảo Hoa khi mới trung hưng đánh giặc Tây Sơn, có công ; khi đã bình định được, bổ

vào đội thứ 4 cơ Vĩnh bảo. Đến năm Minh Mệnh thứ 4 [1823] thu vào làm một chi trong cơ Vũ cự ; có việc thì theo vào quân, không có việc thì về làm ruộng. Năm thứ 15 [1834], đổi làm cơ Vũ cự, theo sai phái ở tỉnh. Gần đây, vì giặc thổ quá nhiều, sự gọi bắt phiền phí khó nhọc. Quân lính phần nhiều trốn đi, đến đây sai chiếu lệ, cứ 5 dinh lấy 1 dinh, thu vào 2 đội pháo thủ của bản tỉnh rút bỏ cái tên “Vũ cự” đi. Đó là theo lời nghị của bộ Binh.

Thự Tổng đốc An - Tĩnh là Tôn Thất Đường tâu nói : “Sáu huyện Nam Đường, Thanh Chương, Hưng Nguyên, Chân Lộc, Đông Thành, Yên Thành, thóc thuế thu về vụ hạ năm ngoái, chuẩn cho đến vụ đông năm nay nộp tiếp, nhưng vì dân gian ăn dùng chưa được đầy đủ. Vậy xin chiết nộp bằng tiền. Lại nữa, những dân làm đồ sắt bị chiết dịch, bỏ thuế động thiếu xin bớt trừ cả cho, để tình cảnh dân được thư thái”. Vua y cho.

Lại lấy lĩnh Thượng thư bộ Hộ Hà Duy Phiên sung đại thân viện Cơ mật. Bô Hữu tham tri bộ Binh Phan Thanh Giản làm Tả phó đô ngự sử viện Đô sát vẫn sung đại thân viện Cơ mật. Tả tham tri bộ Lại Nguyễn Đức Hoạt không phải quyền Chương viện ấn. Thự Tả thị lang bộ Lễ Hoàng Tế Mỹ được bổ thự Tả thị lang bộ Binh, vẫn kiêm quản Quang lộc tự ấn triện ; thự Bô chính Nam Định là Lê Khiêm Quang được bổ thự Tả thị lang bộ Lễ.

Sai thự Chương vệ vệ Cẩm y Phan Tùng do bản chức quyền Chương ấn triện dinh Tiền phong. Bô : Vệ úy vệ Cẩm y Nguyễn Nghị làm quản lĩnh các đội trường trực, thường trực, vẫn kiêm quản trấn phủ ty ; Phó vệ úy vệ Tiền dinh Long võ Trần Lục làm Phó vệ úy vệ Cẩm y, chuyên quản các đội Túc trực. Thăng : Phó vệ úy vệ Hùng võ dinh Hồ oai, Vũ Than lên Phó vệ úy vệ Tiền dinh Long võ ; Trương ty ty Kim ngô hữu chấp Kim ngô vệ Kim ngô Tôn Thất Mậu lên thự Chương vệ, chuyển quản viện Thượng tứ, lại sung quản lĩnh thị vệ đại thân. Phan Tùng và Tôn Thất Mậu đều chuẩn cho được dự đình nghị. Bô Phó vệ úy vệ Tiền dinh Hồ oai Nguyễn Hỷ làm Phó vệ úy vệ Kim ngô. Cho thự Phó vệ úy vệ Quảng Nam là Nguyễn Đông thực thự Phó vệ úy các quân, lại thăng thự Phó vệ úy vệ Tiền dinh Hồ oai.

Cho : Cai đội đội thứ 6 vệ Nhất thuộc Trung bảo là Trần Bá Nghiễm thăng thự Phó vệ úy vệ Quảng Bình, Cai đội đội thứ 1 vệ Nhị thuộc Hữu bảo là Cao Sĩ thăng thự Phó vệ úy vệ Tráng vũ dinh Hùng nhuệ, Cai đội đội thứ 5 vệ Kim ngô là Đặng Bá Bản thăng thự Phó vệ úy vệ Quảng Nam.

Tư Nghĩa quận công Miên Tế chết. Công, tính thuần lương, giữ lễ độ. Vua được tin thương tiếc mãi, ban cho 1.000 quan tiền, tặng Nghĩa quốc công, thụy là Công Đạt, sai Ninh Thuận công Miên Nghi khâm mạng cho tế một tuần rọu. Con trưởng và con thứ của Công tuy còn trẻ tuổi, cũng chuẩn cho theo lệ hàng năm, cấp lương công tử có thứ bậc khác nhau.

Dân tỉnh Quảng Nam có người bắt được một cỗ súng quá sơn bằng đồng ở chân núi Trà Sơn (nặng 74 cân, đường kính nòng súng 1 tấc, thông trường 1 thước 9 tấc 7 phân). Thường cho người bắt được 10 quan tiền (năm sau đưa đến Kinh nộp).

Bộ Hộ tâu nói : “Vụ mùa năm nay, các tỉnh Hưng Yên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Bình Định được mùa to. Còn các hạt khác (thu gặt đều được 7, 8 phân) được mùa cũng trung bình. Duy các tỉnh Hà Nội, Sơn Tây, Hải Dương ngẫu nhiên gặp mưa lâu, lúa ruộng hơi có tổn hại !”. Vua nói : “Được mùa, ta mừng cho dân, tổn hại ta lo cho dân ! Hạ lệnh cho các quan địa phương khám rõ từng phân số tổn hại để tha, giảm thuế có thứ bậc.

Một chiếc thuyền của nước A Nặc Nhĩ (nước A Nặc Nhĩ ở phía tây nước A Uyển, tiếp giáp với nước Nha Nhị Lạp) bị nạn bão, trôi giạt đến cửa biển Đà Nẵng thuộc tỉnh Phú Yên. Hơn 70 người trong thuyền, lên bờ để tìm đường sinh sống. Lại có thuyền Xích mao, 11 người bị nạn giạt vào cửa biển Ma Văn tỉnh Bình Thuận. Vua sai đều chọn tìm chỗ cho thuyền đỗ, rồi cấp cho tiền gạo và áo quần, đợi khi có thuyền công phái đi ngoại quốc sẽ cho đáp về nước.

Sai văn võ đại thân duyệt bàn tình hình biên thùy xứ Trấn Tây. Trước đây, thổ mục Cao Miên là Cao La Hàm Mộc xin lấy thổ dân xứ Nam Ninh mưu tính liệu lý việc xứ Trấn Tây, lại ủy người đến xin quan cấp cho đạo văn bằng tha tội. Khi phái nhân cùng đến, Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn bàn với nhau rằng : “Đó là Chất Tri nó xui khiến, nay nếu cự tuyệt, sợ chúng cho ta là độ lượng không rộng”. Bàn cấp cho đạo trát, dụ cho biết đại ý nếu quả là quy thuận thì không những không có tội, lại còn có công mới, không nên chậm chạp, thành ra để hối hận về sau. Rồi khiến cho về. Lại ủy cho mấy viên bị cách là Nguyễn Song Thanh (nguyên Tuyên phủ sứ trấn Hải Tây), Lê Quang Khiêm (nguyên Án phủ sứ xứ Ba Xuyên) và vài người thổ mục cùng đi với thổ mục đem thuyền đón tiếp ở Ba Lô (chỗ này cách đồn Tân Châu chừng 1 dặm). Chợt gặp đầu mục nước Xiêm là An Phủ Danh Gia (Danh Gia là người rất thân tín của Chất Tri) đến nói Lạp man trước kia đắc tội với nước lớn, đến nương tựa nước Xiêm, vua Xiêm bắt đắc dĩ để cho Chất Tri đến trước, sợ tàu vốn vì xin hòa, để yên nước nhỏ mà thôi. Nếu được khoan tha cho tội của Nặc Ong Giun, lại bảo hộ như trước, thì quân Xiêm sẽ rút về ngay Bắc Tâm Bôn. Đó là ý của Chất Tri. Xin đem ý ấy đạt lên quan tỉnh. Song Thanh trả lời rằng : “Ý ấy vẫn hay, nhưng phải có thư của Chất Tri và Nặc Ong Giun đến mới được”.

Độ hơn 1 tháng Cao La Hàm Mộc lại ủy người đến nói việc biên cương là việc lớn, nếu được đại viên ở tỉnh đến hội, mới có thể chắc bằng. Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn lại bàn ủy cho Bố chính Nguyễn Bá Nghi đi. Giác Miên nghiêm cẩn chỉnh bị để đợi. Khi Bá Nghi đến, ngồi yên rồi, đầu mục người Xiêm là Phi Nhã Đầu Long và phiên thuộc đều nói : “Nặc Ong Giun ngày đêm nhớ mẹ, nếu được tha

cho về, thì hẳn xin làm tôi tớ, rồi từ đấy, nước Xiêm sẽ cùng nước lớn, cứ 3 năm lại sai sứ hòa hiếu như trước, há chẳng phải là một việc to tát tốt đẹp đó sao ? Vậy nước lớn có y cho hay không ?”. Bá Nghi nói : “Nay triều nhà vua lấy uy tín trị thiên hạ. Nếu Ong Giun lấy trung hiếu làm lòng, thì [triều đình] quyết không có lý gì không chuẩn y, chỉ vì không có gì làm bằng chứng để đề đạt lên. Ong Giun nếu có thư đến mới có thể trừ tính giúp cho được”. Bọn giặc Man đều giơ tay lên trán xin vâng. Bá Nghi tự Ba Lô về, Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn bí mật làm tập tấu lên, nhân nói : “Từ khi xứ Trấn Tây không được yên, đã 3, 4 năm nay, 6 tỉnh Nam Kỳ phải chịu sự trưng bát tân phiền ! Những quân các tỉnh từ tả kỳ trở vào Nam vất vả về việc phải đi đóng thú ! Nay bọn giặc Man đã sợ tội, giải bày tình thực ; nếu tha tội cho y, cho gia quyến người Man về nước, không những y được một nhà đoàn tụ, thân phục lâu dài, mà dân ta cũng vui được nghỉ vai một chút”.

Trú phòng Tây Ninh là Cao Hữu Dực và Tôn Thất Hàn cũng nói xin tha tội cho tên Giun, để y tự trị lấy nước mà bảo hộ cho thì đầu mục lớn nhỏ đều phải tự an. Nếu đem quân mà đánh lấy, tất phải có nhiều biện pháp để giữ lấy, năm này kế năm khác, khó nhọc phí tổn không biết thế nào là cùng.

Vua giao cả tờ tâu xuống cho các quan đại thần xét duyệt tường tấu. Họ đều nói : “Hòa với di địch để cho dân được yên nghỉ, vẫn là một kế hay để yên tĩnh biên cương. Nhưng việc quan hệ đến quốc thể, phải nên xét kỹ mới có thể làm. Chúng đã biết hối tội, bày tỏ lòng thực thì ta bỏ qua những việc đã rồi, cũng không hề chi. Duy không có văn thư làm bằng đã vội phái ngay viên bố chính đi : cũng là không phải. Huống chi người Xiêm chỉ xin riêng cho Lạp man, mà ý của tù trưởng người Xiêm thế nào không có nói đến. Nếu theo như lời xin, thì chúng riêng chiếm được sự tiện nghi, nếu khước từ đi mà không nghe, thì người Man sẽ oán ta, người Xiêm lọt được cái mưu gian dối. Và lại, mẹ con quyến thuộc tên Giun, từ trước đến nay, triều đình xử trí cũng được yên chỗ. Nếu chúng thực lòng quy thuận, thì ngày nay quy thuận, ngày mai cho được đoàn tụ ngay, không phải đợi người Xiêm cầu xin làm gì. Có điều là ta cùng với nước Xiêm trước vẫn hòa hiếu, thế mà lại bỏ hòa hiếu sinh ra cừ địch, hiềm khích tự chúng gây ra trước. Nay muốn giữ lại để hòa hiếu như cũ thì chúng phải thông khoản trước, mới có thể nghe theo ; nếu chỉ nói để cầu xin cho tên Giun thì chưa thể vội nghe được. Xin đợi Chắt Tri và tên Giun có văn thư đến, nếu quả là kính thuận mà việc cầu hòa lại từ lòng thành thực của tù trưởng người Xiêm do tình tâu lên nói rõ, triều đình khác có xử trí. Như vậy mới là đặc thế”.

Vua phê bảo rằng : “Nghị như thế là đặc thế. Chuẩn cho theo như nghị thì hành. Duy công việc tỉnh An Giang làm không được thỏa mãn ý chí người ta ! Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn, Nguyễn Bá Nghi hãy truyền Chi ghi lấy cái lỗi ; Cao Hữu Dực chỉ nói sùng ở trên tờ giấy, không phải bàn đến. Lại dụ luôn cho 6

tỉnh Nam Kỳ : Những lính thú ở Kinh và các tỉnh phái đến đó, sang năm cứ để quân nguyên thú đầy vài tháng, sau sẽ giáng Chi tiến hành”.

Sau bọn giặc Miên cũng không có văn thư gì đến, Nguyễn Tri Phương ủy người hỏi. Phi Nhã Đầu Long trả lời rằng : “Phải có văn thư của đốc phủ đến, rồi y cũng sẽ viết thư trả lời lại”.

Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn tâu nói : “Bọn giặc Xiêm đến đây, đã trải nhiều năm, đuổi người Lạp như đuổi chó dê để bắt làm nô lệ, hút máu mủ người Lạp để cho no béo. Lòng chúng quyết không chịu cắt đứt, bỏ đấy mà đi, cho nên bày ra cái việc điều đình kéo dài như thế, cốt cầu cho được yên. Nếu để chậm năm, bảy tháng, thì chúng càng được sửa sang đầy đủ các đồ phòng giữ. Tất phải một phen phấn phát quân oai mới có thể khiến chúng sợ hãi mãi được. Vậy xin đợi đến cuối hạ, đầu thu, nước lụt trướng dân lên, tức thì đem đại quân tiến đánh, để thu thành hiệu”. Vua cho là phải.

Triển hoãn việc gọi lính, thu thuế cho các xã dân bị chết dịch. Trước đây, các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hòa, Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, Hà Tiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An và Hà Tĩnh, bệnh dịch phát ra, những người bị chết đã được cấp tiền tuất và miễn thuế. Lại dụ sai các địa phương phải xét nghiệm các xã thôn có chứng lệ khí, nơi nào bị hại nặng chia ra từng hạng, làm thành danh sách. Các tỉnh lần lượt làm tập tâu lên. Vua giao xuống cho bộ Hộ bàn. Bộ cho rằng đợt ấy [các nơi] bị tai hại nặng nhẹ không giống nhau, xin nghĩ chia ra từng hạng, chước lượng cứu giúp.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XLIV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Giáp Thìn, Thiệu Trị năm thứ 4 [1844], mùa đông, tháng 11. Vua đi chơi sông Lợi Nông, ngự chiếc thuyền nhỏ, bắn chim, gặp mưa, trở về hành cung : Loan giá, kiệu, lọng đón chực không kịp, vua giận mưa đi bộ, chiều mới quay bánh lái về : nước chảy xiết, gió thổi mạnh. Lái thuyền khiến bánh lái không được nhanh nhẹn, thuyền ngự loanh quanh đi rất lâu. Khi về đến cung, vua bảo Nội các rằng : “Chuyến đi này ngẫu nhiên gặp gió mưa, mà bọn túc vệ không chịu ra sức làm việc, thì gọi là trung ái ở chỗ nào ? Chức phận ở chỗ nào ?”. Từ quản vệ trở xuống, lập tức khóa tay giam lại, rồi lại tha. Đề đốc Đoàn Kim, Hiệp lý Nguyễn Văn Điển đều bị phạt bổng, không chuẩn cho tra xét lại để được miễn. Đô thống Vũ Văn Giải dẫn mình trong lúc mưa gió, không tránh khó nhọc, được thưởng hoàn 2 cấp, thự Vệ úy Lê Chỉ Tín lợi qua sông, giữ dây [buộc thuyền], chuẩn cho thực thụ ; Quản lĩnh thị vệ Lâm Duy Thiếp, Tôn Thất Luận, chấp Kim ngô Trương Tiến, Phó vệ úy Nguyễn Hỷ đều chạy vạy từ trước đến sau, đều được thưởng kỷ lục một thứ ; viên biên binh lính theo đi hộ giá được chiếu từng hạng ban thưởng, duy có 2 vệ Loan giá và Long thuyền không được dự.

Xa giá đi chơi, thăm ruộng tịch điền, xem gặt lúa. Sai quan Kinh doãn dâng [cái hái] đồ dùng để gặt lúa, vua thân gặt vài nắm lúa. Lại sai hoàng tử gặt, nói rằng : “Muốn cho các người biết qua việc cấy gặt khó nhọc đó thôi !” Rồi sai nông phu cứ lần lượt mà gặt, cho theo thủ tục dân hồ hát lên để làm vui. Ngày hôm ấy, đóng

hành tât⁽¹⁾ ở vườn Thường mậu, ban cho các quan ăn, thưởng cho nông phu mỗi người một quan tiền. Sai bộ Hộ tra xét phân số thu hoạch được hằng năm. Chưa bao giờ được mùa như năm nay, vua rất mừng, dụ rằng : “Lúa ruộng các địa phương năm nay đều thu hoạch được nhiều, ta rất mừng cho muôn dân, nay ruộng tịch điền của nhà vua đã thu hoạch được, kính dùng vào việc tế tự, có thể giải tỏ được tấm lòng thành hiếu”. Ngày [nhà vua] đi cung canh ấy, hoàng tử thứ sáu là Hồng Hưu theo xa giá đi rắc thóc, thưởng cho cái khánh ngọc cát tường, ngọc đeo, chén vàng đều 1 chiếc ; Thị lang Nguyễn Trạch, thự Phủ thừa Đinh Doãn Trung bung cái hòm đựng thóc đi rắc, đều thưởng mỗi người 2 tấm ngũ ti đoạn. Lại thưởng cho nông phu 20 lạng bạc.

Tiết Đông chí, vua ngự điện Cần Chính, các quan châu hầu. Cho văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên yến tiệc một lần. Sai hoàng tử Hồng Hưu đưa dâng 10.000 quan tiền kềm lên cung Từ Thọ⁽²⁾. Lại tha thuế ruộng đất 5 năm cho thôn Tây, làng Linh Chiêu bắt đầu kể từ năm Thiệu Trị thứ 5.

Tiết Thánh thọ⁽³⁾, vua đem các quan làm lễ chúc mừng, vâng theo ý chỉ của thánh từ, cho hoàng tử, hoàng thân, văn tứ phẩm, võ tam phẩm trở lên cùng với các tên trước, và các ủy viên của các địa phương ăn yến ở tả hữu vu trong cửa Tiên Thọ. Từ sau việc này được đặt làm lệ vĩnh viễn.

Nước Nam Chương đến lẩn cướp xứ Trấn Biên, giết thổ Tri huyện Man Soạn⁽⁴⁾ là Phìa Chinh, thổ dân sợ hãi, chạy tản mát cả. Thự Tổng đốc An - Tĩnh là Tôn Thất Đường phái Tri phủ Trấn Ninh là Cao Đức Hoàn đem binh thuộc phủ đến 2 huyện Liêm, Mễ⁽⁵⁾ phòng thủ. Phó vệ úy vệ Diệu vũ là Nguyễn Văn Ứng đem 200 vệ binh đến phủ Trấn Ninh trấn áp : giặc Man tháo lui. Sai Nguyễn Văn Ứng thu tập yên ủi thổ dân mà về.

Cho : thự Phó vệ úy vệ Quảng Yên là Trần Tấn thăng Phó vệ úy ở vệ Nhị thuộc Hữu bảo Hữu quân ; Quản cơ cơ Định trung là Nguyễn My thăng Phó vệ úy vệ Quảng Yên.

Sai Tham tri bộ Hộ là Đào Trí Phú sung Phó biện thuyền Phấn bằng đi Giang Lưu Ba ; thự Lang trung ở Mộc thương là Nguyễn Văn Công sung Phó biện thuyền Linh phượng, Viên ngoại lang bộ Lễ là Tôn Thất Cận sung Phó biện thuyền Thần giao đều đi Tân Gia Ba để thao diễn đường thủy và nhân tiện tìm mua các vật hạng.

(1) *Hành tât* : xa giá nhà vua khi đi tuần du.

(2) *Từ Thọ* : mẹ Thiệu Trị.

(3) *Thánh thọ* : lễ mừng thọ mẹ Thiệu Trị.

(4) *Man Soạn* : thuộc Nghệ An.

(5) *Liêm, Mễ* : tên 2 huyện thuộc phủ Trấn Ninh.

Tổng đốc An - Hà là Nguyễn Tri Phương, Tuần phủ An Giang là Doãn Uẩn tâu nói : “Những viên bị cách là bọn Lê Quang Khiêm, Lê Văn Trung hơi quen tình hình ngoài biên, xin tạm lưu ở tỉnh để đủ sai phái”. Vua ưng cho.

Lại đặt trạm Giang Nông. Trước đây, chỗ trung đạo sông Vĩnh Tế thuộc tỉnh An Giang có đặt trạm Giang Nông, lấy thổ dân phủ Tĩnh Biên sung làm phu trạm ; sau sáp nhập vào tỉnh Hà Tiên, đổi làm trạm Tiên Nông. Rồi vì giặc thổ quấy nhiễu, phu trạm trốn đi hầu hết. Sau khi việc yên, lại giao về tỉnh An Giang : phạm những công văn chạy trạm đều do trạm Giang Phúc nhận làm. Đến đây, quan tỉnh lại tâu xin đặt một trạm ở địa giới huyện Hà Dương, vẫn để tên cũ là trạm Giang Nông, trích lấy những dân người Kinh ở phủ Tĩnh Biên mới về sung làm phu trạm. Vua y theo lời xin ấy.

Sai chế tạo một ấn quan phòng bằng bạc cho viên thống quản thị vệ (khắc chữ triện : “Thống quản thị vệ quan phòng”, theo như kiểu ấn quan phòng thượng thư, thống chế) và một ấn quan phòng bằng ngà cho viên quản lĩnh thị vệ. (Khắc chữ triện “Quản lĩnh thị vệ quan phòng”, theo kiểu quan phòng của Tham tri Lục bộ).

Hai bộ Lại, Binh tâu bản danh sách kê khai các quan viên ở trong Kinh và ngoài tỉnh đã đủ niên hạn 3 năm, chước định thưởng phạt có khác nhau.

Bộ Hộ dâng bản danh sách kê khai các thuế lệ, số tiền, thóc, sản vật và bạc tiền để động thiếu của xã thôn các địa phương bị tai nạn lưu tán và người Minh hương, người Thanh, người Mên, thổ dân, cả hộ vẫn ở đây hay là hộ đến kiều, ngụ, chia ra từng hạng, làm thành danh sách. Vua sai Nội các chia từng hạng liệt kê mà phiên tấu, tai nạn quá lắm thì miễn cho cả, vừa vừa thì miễn cho 5 thành.

Định lại lệ hao của các bạc nấu (cứ 10 lượng bạc thì hao mất 1 đồng cân 4 phân).

Sai Thống chế Hậu quân Nguyễn Tiến Lâm quản đốc 4.000 binh kéo thuyền hiệu Thụy Long lớn tiến ra sông. Từ đó thống đến quản vệ đều được thưởng ngân tiền Phi long hạng lớn có thứ bậc khác nhau ; binh lính được thưởng tất cả 400 quan tiền. Lại vì sửa sang chỗ vũng đóng thuyền được bình ổn cả một lượt, nên thưởng thêm 300 quan tiền.

Lấy Giám sát ngự sử đạo Hà - Ninh là Mai Đức Thường thụ Lại khoa Chương ấn Cấp sự trung.

Các viên đốc công sở Vũ khố và sở Nội tạo tâu nói : “Từ trước đến nay, phạm chế tạo các vật hạng phải dùng những thứ vàng bạc và thiếc mỏng để thép, để vẽ, chuyên do thuộc ty, vệ nào đó và người thợ lĩnh tạm ra để chế tạo, khi xong việc thì khai tiêu hết là bao nhiêu, nay xin phạm chế tạo ở sở thợ, sở Vũ khố thì do 4 nha ở sở Vũ khố ; ở sở thợ, sở Nội tạo thì do 4 nha Nội vụ phủ đều đến chỗ sở thợ, hội đồng xét biện, để tỏ ý coi trọng những thứ của kho. Vua ưng cho.

Cho phủ Thừa Thiên và các tỉnh trực kỳ ân tế⁽¹⁾ 1 lần. Trước đây, Tuần phủ Hà Tĩnh là Trần Văn Tuấn tập tâu xin sắc sai các địa phương : Những chỗ chiến trường đều tế một tuần, chuẩn cho trước hết ở tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh : chọn nơi đặt tế, để rộng âm phúc. Đến đây vì đã đến tiết Dương sinh⁽²⁾ dụ rằng : “Các địa phương ở trong Kinh và ngoài tỉnh, lệ tế âm hồn đã định, mỗi năm cứ vào tháng cuối mùa đông, cuối mùa xuân thì tế ; còn các địa phương, đôi khi có chỗ chiến trường cũ, vùi xương dập xác chắc cũng không ít, hoặc gặp nạn bão chết dịch, âm khí chưa tan ? Chuẩn cho nội trong tháng chạp năm nay, quan Kinh doãn và các tỉnh Trực kỳ đều phải chọn đất đặt đàn, hợp tế một tuần, không phải cầu nệ vào lệ tế hằng năm, sao cho được khí dương hoà lưu thông, khí âm uất tiêu tan, để cùng hưởng phúc thanh bình”.

Định lại lệ cấm cố hay cho thuê công điền, công thổ. Trước đây Bộ chính tỉnh Nam Định là Lê Khiêm Quang tập tâu lên nói : “Công điền, công thổ là lợi chung của một làng. Gần đây, bọn cường hào lý dịch phần nhiều mượn cớ chi tiêu việc công, thông đồng đem cấm cố đi, thuế lệ lại chia bố cho dân xã phải nộp. Vậy xin : phạm những văn tự cấm cố đều phải trình quan làm bằng, để từ bỏ mới tế”. Việc được giao xuống bộ Hộ bàn. Bộ xin theo lệ định về năm Gia Long (1802-1819), phạm công điền công thổ không được cấm cố hoặc bán đứt. Nếu quả thực có việc công khẩn trọng mà phải cấm cố hay là cho thuê, thì bọn hương mục dân đinh trong xã tế hội ký điểm, trong văn tự phải nói rõ sự do và niên hạn (cho thuê). Còn thuế lệ thì do người thuê ruộng cày cấy phải nộp, bất tất phải quan phê làm bằng, để cho bớt việc đi. Kể nào trái lệ, sẽ bị gia bậc trị tội. Vua ưng cho.

Tha thuế thân 3 năm cho thổ dân người Thanh trong phủ Điện Biên, đất giáp nhà Thanh và nước Nam Chương, làm phen che cho 10 châu xứ Đà Bắc, trước kia chiều mộ thổ dân người Thanh, đặt ra phố xá, cấp cho những ruộng đất bỏ không ; đến đây, quan tỉnh Hưng Hoá tâu lên nói : “Bọn ấy ban đầu mới đến trú ngụ, đường sinh hoạt chưa được đầy đủ, xin tha cho thuế thân 3 năm”. Vua ưng cho.

Hai huyện Mỹ Lộc, Thư Trì thuộc tỉnh Nam Định, huyện Thanh Chương thuộc tỉnh Nghệ An lại phát bệnh dịch. Sai lập đàn cầu đảo và tìm thuốc để điều trị.

Lại phái một nửa vệ binh tỉnh Hà Tĩnh đi đóng thú ở tỉnh Hưng Yên. Trước đây vì Hưng Yên là tỉnh trung bình, định phái quân đến đóng thú. Đến đây quan tỉnh lại xin phái quân đóng thú, để giúp việc phòng thủ. Vua ưng cho.

(1) *Ân tế* : tế trần vong tướng sĩ.

(2) *Dương sinh* : thời tiết đã đến lúc gần ấm áp. Thí dụ : ngày tháng chạp là “Nhị dương sinh”, ngày tiết đầu năm là “Tam dương sinh”.

Bộ Lại tâu nói : “Chức chủ thủ ở Nội vụ phủ, lệ trước, lấy 4 bộ Lại, Binh, Lễ, Hình và các nha ở Viện, Tự sung bổ vào ; duy thuộc ty 2 bộ Hộ, Công biệt bổ sang các ty Tiết thận, Chế tạo, Doanh thiện trong Thương trường⁽¹⁾ đều miễn sự chọn bổ. Và lại, Thương trường có chức trách chủ thủ vẫn phải để nguyên như cũ. Đến như các ty Tiết thận, Chế tạo và Doanh thiện chuyên giữ việc thợ thuyền, không ví như chức chủ thủ ở Thương trường. Lại như thừa biện và vị nhập lưu thư lại ở Tôn Nhân phủ có 12 người, và các nha viện Đô sát, các tự Đại lý, Thái thường, Quang lộc cũng như nhau, há có lẽ được miễn sự sung bổ ? Vậy ty bộ Công và các ty Thừa biện xin cũng như các nha, sau bổ vào chức chủ thủ ở Nội vụ phủ, cho được quân bình”. Vua ưng cho.

Khoa đạo Ngô Bình Đức và Lê Di dâng tờ tâu phong kín lên nói : “Bảo Thuận thái Trưởng công chúa thường ra vào cung cấm, đêm khuya mới về, nhiều người châu chực ở cửa đem việc thỉnh thác. Vậy xin đề phòng trước khi dần dà sinh chuyện để dứt mọi mối nghi ngờ”. Vua cho rằng đó cũng vì ngăn ngừa từ lúc chưa sinh dần chuyện và đề phòng từ chỗ còn kín đáo mà nói ra, nên đã khen thưởng. Rồi đó Nội các vin lấy mà tâu nói : “Khoa đạo nói như thế chắc là có người và có việc mà trong tập tâu lại giấu việc đi, không chỉ rõ thực sự, xin sắc sai điều tra cho rõ”. Vua bèn sai đại thần viện Cơ mật đòi đến hỏi. Bọn Ngô Bình Đức nói : “Nghe được phong văn, xin cam nhận tội”. Vua sai truyền Chỉ nghiêm quở : “Ta kính tuân gia pháp, nội chính trong nơi khuê khố rất nghiêm, các quan ở bên cạnh ta chắc đã nghe biết. Bảo Thuận công chúa, sức vóc đàn bà, đã nhiều tuổi, hoặc giả có khi vào cung hầu rồi gặp mưa, không khỏi đi về chậm, cũng như Bộ, Các khi làm việc công đến canh khuya mới về đó thôi, đâu dám có sự lưu luyến mà thỉnh thác. Thế mà bọn Ngô Bình Đức khinh thường tâu lên, đáng phải trị tội ; nhưng nghĩ y là ngôn quan, một tấm lòng ngay thực, còn có thể lượng được. Sau này có nói gì, phải nên thăm thạn, đừng có khinh thường nói như thế !”

Chàng Sơn⁽²⁾ có giặc Thanh. Người đánh lưới tôm là Bang trưởng Lưu Cấp Hỷ gặp thuyền giặc, hớp bang lại, vây bắt, chém được 2 đầu giặc. Giặc chạy lên bờ. Viên quản đồn là thí sai Phó quản cơ Trần Dụng Tân đốc quân ngăn chặn, lại bắt được 5 tên giặc nữa, tỉnh Quảng Yên đem việc tâu lên. Thường cho Tân kỷ lục một thứ, Bang trưởng được thưởng 3 đồng ngàn tiền Phi long hạng lớn ; tất cả bang 50 quan tiền. Những tên phạm bị bắt tống sang Khâm Châu xử trị.

Tổng đốc An - Hà là Nguyễn Tri Phương gặp tang mẹ, tâu xin về quê. Vua cho rằng nơi biên cương quan trọng, khó có người thay, chuẩn cho em ruột là Nguyễn

(1) *Thương trường* : kho công để các vật hàng.

(2) *Chàng Sơn* : thuộc địa phận Quảng Yên.

Duy, thuộc viên ở Nội các nghỉ giả hạn về quê, gia cấp cho 300 quan tiền. Lại truyền dụ cho Nguyễn Tri Phương cứ yên tâm làm việc, đợi sau biên phòng hơi ít việc, sẽ có Chỉ dụ khác.

Khai mỏ vàng Phúc Vương ở huyện Văn Quan thuộc tỉnh Lạng Sơn (đồng niên phải nộp thuế : 6 lạng vàng cát).

Xã Cổ Ly (thuộc huyện Phong Điền, phủ Thừa Thiên) có nạn cướp. Sai Quản vệ Vệ Võng thành là Phan Ngọc Lương tìm phương pháp để bắt hổ.

Tìm quản vệ Nhất vệ dinh Vũ lâm có khuyết, vệ ấy đi đóng thú ở tỉnh Định Tường. Thụ Án sát Lê Chân, Lãnh binh Nguyễn Sáng, Phó lãnh binh Hồ Hậu nhân dâng sớ xin cử thụ Phó vệ úy vệ ấy là Nguyễn Tiến Song bổ thụ Phó vệ úy thăng thụ Vệ úy. Vua nói rằng : “Quản vệ dinh Vũ lâm là quan Kinh, nếu có khuyết, phải xin Chỉ dụ chọn bổ, quan tỉnh cử bậy không khỏi kéo bè kéo đảng mà theo ý riêng”. Không chuẩn y lời xin ấy. Lê Chân, Nguyễn Sáng, Hồ Hậu và Tiến Song đều phải giáng 1 cấp, để làm gương răn những kẻ hay nể mặt. Rồi đó lấy Vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh Định Tường là Thừa ân úy Trần Tri do hàm Vệ úy các quân quản lính các biên binh vệ Tiên nhất hiện đóng thú, đợi khi đi thú về sẽ do bộ dẫn lên bệ kiến. Hậu cơ Quản cơ Phi kỵ úy tỉnh Định Tường gia hàm Phó vệ úy vệ Cẩm binh là Nguyễn Đức được bổ sang Vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh ấy.

Thụ Tuấn phủ Trị - Bình, Lê Trường Danh tâu nói : “Chín châu Cam Lộ trước cùng người Man Lào đi lại trao đổi buôn bán, từ khi có lệnh cấm người Lào không được vào trong cõi, chúng mới đưa người Xiêm đến lấn cướp. Thổ dân vì thế, lưu tán dần đi. Vậy xin bỏ lệnh cấm tha cả thuế cho 3 năm khiến người Lào được thông thương, thì dân ta tự khắc quay về yên nghiệp”. Việc được giao xuống cho bộ Hộ bàn. Bộ cho rằng 9 châu, nguyên lệ, 3 năm một lần cống. Năm Minh Mệnh thứ 13 [1832] đổi lễ cống ra làm nộp thuế, thuế nộp bằng bạc. Năm thứ 19, đổi nộp bạc ra nộp tiền. Đến năm Thiệu Trị thứ nhất [1841], Man Lào thường lấn cướp, dân trong châu phải lưu tán, ký ngụ ở huyện Hướng Hóa. Đến năm thứ 2, châu Tâm Bồn đất dân trốn đi. Nay thuế lệ các châu phần nhiều trốn thiếu ! Đối với những người hiện ở nhà, xin miễn cho 1 năm ; những người lưu tán, xin miễn cho 3 năm. Khi thấy người Lào và người thổ dân đi lại, lại dịch và biên binh không được ngăn giữ bắt bớ, cho việc thông thương được như cũ”.

Vua dụ rằng : “Chín châu thuộc về đồ bản triều đình đã hơn vài trăm năm nay. Ta từ khi nối ngôi đến giờ, thương yêu, vỗ về, không chỗ nào là không chu đáo. Nhưng đất ấy ở vào chỗ xơ xác, sinh sống hơi khó, thêm vào đó, người Man Lào thường thường lấn hiếp, không khỏi có tình hình gieo neo. Vậy số thuế phải nộp về năm nay và thuế đong thiếu cũ đều rộng miễn cho ; thuế sang năm cũng triển hoãn cho 1 năm. Một châu Tâm Bồn trốn đã lưu tán, thì lại triển hoãn cho 3 năm. Phải

nên chiêu tập mọi mặt, khiến cho dân chúng chóng về được hết. Lại triệu tập bọn thổ ty, thổ mục, tập họp cả lại và hiểu thị, khiến cho họ biết những điều cấm trước đây chỉ nhằm nói về những người Lào vượt cõi sang ở và về thu trát đi lại ; còn việc trao đổi thường thường là ở chỗ sở an của lòng người, vốn không có hạn cấm, khiến họ cùng mách bảo lẫn nhau để khỏi sợ hãi ngờ vực”.

Lãnh binh Nguyễn Vĩnh, Án sát Mai Khắc Mẫn tỉnh Quảng Ngãi có tội, bị mất chức. Lấy Lại khoa Chương án Cấp sự trung là Đặng Kham thăng thụ Án sát tỉnh Quảng Ngãi ; Vệ úy tác vi Phó lãnh binh tỉnh Quảng Ngãi là Nguyễn Văn Đức bổ thụ Lãnh binh tỉnh ấy ; Phó vệ úy vệ Nhị thuộc Hữu bảo là Đặng Thái làm Phó lãnh binh. Vĩnh trước ở quân thứ, lừa dối dụ người Man đến buôn, rồi đánh giết bừa đi, lại dỡ nhà cửa của dân, dọa nạt lấy của. Mai Khắc Mẫn tố điểm cho là công trạng, mập mờ giả dối để cầu ân thưởng, bị thị vệ công phái và Đề đốc Tôn Thất Bật thám xét ra, nêu việc tham hặc. Vua cho rằng Vĩnh có lòng dối giả, mà Mai Khắc Mẫn cũng hàm hồ tâu lên, bèn hạ lệnh đều cách chức, giao bộ Hình xét để trị tội. Những gia cấp kỷ lục được thưởng trước đều truy thu lại. Sau án thành, Vĩnh bị phát vãng đi biên thùy xa, Mẫn bị phát vãng đi biên thùy gần, đều sung quân, rồi đều đổi phát vãng đi quân thứ An Giang để hiệu lực. Bớ chính Nguyễn Đức Hộ vì che chở cho bọn đồng liêu, cũng bị giáng 4 cấp.

Đề đốc quân vụ Tôn Thất Bật thu quân kéo về. Trước đây, Bật thấy chưa hạ được trại Nước Tru, bèn ra lệnh cấm trại đóng quân, bắc liền cầu, san phẳng đường, tỏ ý cho biết sự tinh tất phải đánh. Lại sai người đến chiêu dụ. Man Nước Tru ăn năn sợ hãi, bèn đến cửa quân đầu hàng. Bật vâng lời chế, ban thưởng rồi yên ủi cho về. Từ đó, các trại Man đều quy phục. Vua được tâu, khen rằng : “Giống Man ở núi, tuy bình định ngay được một lượt, nhưng đối với cái bụng xấu của giống sói, không thể không đề phòng. Vậy, nên hội đồng trù tính kế về sau”. Rồi đó, Bật cùng bọn Ngụy Khắc Tuấn, Nguyễn Đức Hộ tâu nói : “Một dải Trường Lũy (hơn 36.500 trượng) nguyên trước đặt 6 đạo, sau đổi làm cơ Lục Kiên, lại đổi làm 5 cơ, số quân tại ngũ chẳng qua hơn 1.000 (chia làm 2 ban) mà hiện đặt đồn trại đến hơn 100 sở để giữ, thế phân tán, lực lượng sẽ yếu đi, canh phòng sơ sài, làm thế nào mà khiến phải bất giác được ? Sai khám rõ các cơ sung yếu có 43 đồn :

(Cơ thứ 1 : các đồn Tuần Lĩnh, Phú Thành, Vĩnh Khánh, Mỹ Sơn, Thổ Sơn, Hưng Nhân, Phú Xuân, Lân Đình, Giang Ngạn tất cả 9 đồn.

(Cơ thứ 2 : các đồn Thanh Bồng, Thanh Bàn, Kiên Giáp, Trường Giang, Bàn Thạch, Tuấn Mã, Thanh Phạm, Thạch Phong, Linh Chi, tất cả 9 đồn.

(Cơ thứ 3 : các đồn Hùng Thành, Tráng Sĩ, Mỹ Lộc, Tú Lĩnh, Giảng Vũ, Trung Phu, Trường Đình, Phúc Lộc, tất cả 8 đồn.

(Cơ thứ 4 : các đồn Ninh Giang, Khánh Giang, Thạch Bài, Bình An, Mậu Tài, Trúc Lâm, Xuân Chi, Bình Định, Tam Giang, tất cả 9 đồn).

(Cơ thứ 5 : các đồn Thanh Lâm, Sơn Quan, Liệt Sơn, Vạn Phúc, An Bài, Phú Nhân, Nhân Hòa, Hòa Tường, tất cả 8 đồn).

Xin lưu quân đóng giữ như trước. Còn những nơi không phải là quan trọng xung yếu có 71 đồn :

(Cơ thứ 1 : các đồn Phú Thọ, Tuy An, Thuận An, Dũng Thủy, Bảo An, An Lạc, Phú Sơn, Phú Lâm, Kiên Thanh, Mỹ Thị, Hưng Bình, Phú Thuận, An Đình ;

(Cơ thứ 2 : các đồn Yên Viên, Thanh Nguyên, Cao Đồi, Yên Sơn, Viên Môn, Bạch Cầu, Lam Lĩnh, Lâm Hội, Văn Lê, Hùng Lĩnh, Chỉ Trụ, Thanh Khê ;

(Cơ thứ 3 : các đồn Kiên Thạch, An Lĩnh, Cam Lâm, Đại Phụ, Phong Nhuệ, Thanh Thụ, Thạch Lĩnh, Thạch Lâm, Bồng Lai, Củng Cố, Trường Hòa, Nhân Lý, Tân Long ;

(Cơ thứ 4 : các đồn Phú Lạc, Tài Công, Vũ Giáp, Long An, Bình Hòa, An Ninh, Vạn Niên, An Thạch, Lập Thạch, Vĩnh An, Tân An, Tân Bình, Bích Khuê, Hùng Nghĩa, An Phong, Thạch Điệp.

(Cơ thứ 5 : các đồn Thanh Vân, Thanh Trung, An Giang, Hương Thanh, Trạch Lâm, An Tượng, An Dũng, Tài Thọ, Lương Tài, Thanh Lê, Vũ Mỹ, Thanh Thủy, Thuận Lợi, Thạch Căn, Tùng Lâm...

“Đều nên giảm bớt đi, chức lượng phải bắt quân đồn ngày đêm đi lại tuần tiễu, tâm hơi cùng thông nhau. Một khi có việc cáo cấp, hoặc đuổi theo đằng sau, hoặc chặn đón đằng trước, để vây bắt, mới là đắc lực. Công sở lãnh binh xa cách, xin dời dựng đến chỗ gần, để cho dễ hộ ứng. Định quân thứ Nam Kỳ. Miễn những dân láng giềng phải đi việc vất. Dân ở trại lưu tán đi thì tìm gọi về. Quân và thuế còn thiếu thì tha giảm cho, để dân khỏi đau khổ, được tỉnh lại”.

Sớ dâng lên. Vua đều ưng thuận, chuẩn cho Tôn Thất Bật đem biên binh về Kinh, rồi cất bỏ làm Hữu dực Thống chế dinh Vũ Lâm (nguyên Thống chế Hoàng Đăng Thận can vào vụ án trực phòng để mất trộm, phải giải chức, giao pháp ty nghị xử) ; Ngụy Khắc Tuấn cũng về tỉnh Nam cung chức, thưởng kim tiền, nhân vàng đều 1 chiếc. Quân dân đều được thưởng một tháng lương tiền. Viên bị cách là Nguyễn Công Nhân được khởi phục chức Thành thủ úy, sung Hiệp quản vệ Hữu dinh Hồ oai. Nguyên Phó lãnh binh tỉnh Quảng Nam bị giáng chức đổi đi nơi khác là Nguyễn Nghĩa được bổ làm Phó quản cơ cơ thứ 5 quân Tĩnh Man. Chuẩn cho thự Phó vệ úy vệ Hậu quân Hồ oai là Tống Phúc Minh được thực thụ. Còn ngoài ra, ai dự có công trạng đều được bạt bỏ có thứ bậc khác nhau. Tha các phạm nhân bị giam, đều phân sáp đi các đồn, sai khai khẩn các ruộng bỏ hoang.

Lại dụ bọn Nguyễn Đức Hộ rằng : “Khai khẩn ruộng hoang càng là chính sách cốt yếu làm cho biên cương được đầy đủ, nên gia tâm chiêu dân nhận để khai khẩn, hoặc sức cho biên binh đóng giữ, lúc có việc thì nghiêm cẩn phòng bị hơn nữa, lúc không việc thì ra sức cày cấy, sao cho ruộng nương ngày một mở mang, thóc chứa năm một thêm lên, cũng là giúp cho địa phương biên cương được vững bền đó”.

Chia định những tào, cục trong các cơ quan. Trước kia, số chức viên trong các nha đều có định ngạch. Vua thấy Lục bộ và Nội các công việc có chỗ nhiều việc, chỗ ít việc, số chức viên có nơi nhiều người, nơi ít người, nên tùy nghi chước định, để cho có chuyên trách. Dụ rằng : “Triều đình đặt quan, chia chức để làm việc. Khoảng năm Minh Mệnh [1820-1840], Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta chấn chỉnh mọi việc, chính đính quan viên, ngoài thì Lục bộ chia giữ các việc, trong thì Nội các truyền ra hay thu nhận những mệnh lệnh của nhà vua, dưới đặt ra các tá lĩnh, các lại dịch, có ấn quan thống suất. Đường mới cất đặt, nhất nhất đều chu đáo cả. Ta từ khi thân cầm quyền chính đến nay, noi theo chế độ có sẵn của tiên triều, trừng thanh những kỷ luật về quan lại, chỉ nghĩ cẩn thận phép tắc, xem xét mọi sự đã làm, cốt sao cho từng việc đều được thỏa đáng, nhân nghĩ đến ban nọ ban kia cùng thống nhất, nên nhân cũ để tỏ bày, từng tào từng cục chia ra, phải tùy nghi mà chước ứng, chính nên một phen chỉnh đốn để rõ thể yếu mà đi đến chỗ tường tất. Những công việc của Lục bộ và Nội các phải làm, hiện đặt tá nhị, thủ lĩnh cho đến bọn người lại dịch, nên chia tào định cục thế nào, để việc có chuyên trách, quan không bỏ thiếu chức vụ, có thể theo noi được lâu dài mà không sinh tệ, nên hết lòng bàn bạc cho được thỏa đáng. Lại nữa, những nơi chứa để vật hạng còn ở trong Nội vụ phủ, trước kia Ngự sử Trình Nho đã có tập tấu xin chước định số quan viên, bèn đổi giao cho đình thần cùng bàn để thi hành ; đến đây, nghị dâng lên, chuẩn định :

Bộ Lại : lang trung, viên ngoại lang đều 4 viên, chủ sự 6 viên (thêm 2), tư vụ 6 viên (thêm 2), bát cữu phẩm thư lại đều 10 viên, vị nhập lưu thư lại 50 viên (thêm 10).

Xứ Lại trực : chủ sự, tư vụ, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên (phàm các ty chuyển giao những phiếu thảo dụ chỉ và sổ sách phải đem tiến trình, chiếu lệ viết bài và viết chép lời sắc chỉ, hầu đóng ấn, các việc ấy đều phải giữ). Trực xứ ở các bộ cũng thế.

Ty Lại ấn : chủ sự, tư vụ, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên ; vị nhập lưu thư lại 6 viên (phụng thư ấn triện, tiếp nhận sổ tấu của các địa phương, tư văn trình đường chuyển giao các ty chiếu biện, trong hàng tháng hàng tuần phải làm cho xong, và giữ các việc hộ ty cần dùng. Ấn ty các bộ cũng thế).

Ty Kiểm biện thanh lại : lang trung, viên ngoại, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cữu phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 14 viên (phàm lệ tra xét sổ tấu trình

đường làm phiếu nghĩ. Khi xong việc, phải xét xem việc quan hệ đến ty nào, chia giao cho mà làm, lại bản ty có làm sổ sách và văn thư phải tư lục, cùng khi nhà vua đi tuần du phải làm danh sách kê những người theo đi hộ giá mà tâu lên, đều phải giữ cả).

Ty Văn tuyển thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cữu phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 10 viên (phàm quan chức phẩm trật về văn giai cấp nhắc tuyển bổ và ban yến, cùng danh sách các quan từ tam phẩm trở lên mà bậc lương đã mãn, tất cả sổ sách tư lục trong bản ty, và việc kiểm xét các thân sĩ, đều phải giữ cả).

Ty Trường trị thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cữu phẩm thư lại 3 viên, cửu phẩm thư lại 2 viên, vị nhập lưu thư lại 10 viên (phàm thưởng gia cấp kỷ lục giáng phạt nghị xử, nghị tự, nghị tuất, cấp giả hạn hằng năm và khóa xét công từ tứ phẩm trở xuống, và tất cả sổ sách tư lục của bản ty đều phải giữ cả).

Ty Phong điển thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cữu phẩm thư lại 1 viên, cửu phẩm thư lại 2 viên, vị nhập lưu thư lại 10 viên (phàm những việc thiên cấp sắc văn, phong tước, tập ấn, tất cả sổ sách và tờ tư, tờ lục của bản ty đều giữ cả ; lại phải làm cả việc xét công từng khóa).

Bộ Hộ : lang trung 6 viên (đặt thêm thưởng lộc, thuế hạng đều 1) ; viên ngoại lang 6 viên, chủ sự 8 viên (thêm 2), tư vụ 8 viên (thêm 2), chánh bát phẩm thư lại 14 viên, chánh cửu phẩm thư lại 14 viên, vị nhập lưu thư lại 70 viên.

Xứ Hộ trực : chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cữu phẩm thư lại đều 2 viên.

Ty Hộ ấn : chủ sự, tư vụ, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 6 viên.

Ty Kinh trực thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cữu phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 14 viên (phàm các việc sổ tấu sổ sách và tờ tư ở Kinh và phủ Thừa Thiên cùng 4 tỉnh trực kỳ đều phải giữ).

Ty Lương kỳ thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cữu phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 10 viên (phàm các việc sổ tấu sổ sách và tờ tư của tả hữu trực kỳ đều phải giữ cả).

Ty Nam Kỳ thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, tư vụ, chủ sự đều 1 viên, bát cữu phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 10 viên (phàm các việc sổ tấu, sổ sách và tờ tư của Nam Kỳ đều phải giữ cả).

Ty Bắc Kỳ thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cữu phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 14 viên (phàm các việc sổ tấu sổ sách và tờ tư của Bắc Kỳ đều phải giữ cả).

Ty Thường lộc thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cử phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 10 viên (phàm các việc tiền lương ban cho và tiền lương phải chi về lương bổng đều phải giữ cả).

Ty Thuế hạng thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cử phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 6 viên (phàm thuế thổ sản ở các địa phương và các vật hạng mua bán đều phải giữ cả).

Bộ Lễ : lang trung, viên ngoại lang đều 4 viên, chủ sự 6 viên (thêm 2), tư vụ 6 viên (thêm 2), bát cử phẩm thư lại đều 8 viên, vị nhập lưu thư lại 50 viên (thêm 10).

Xứ Lễ trực : chủ sự, tư vụ, bát cử phẩm thư lại đều 1 viên.

Ty Lễ ấn : chủ sự, tư vụ, bát cử phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 6 viên.

Ty Nghi văn thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cử phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 12 viên (phàm quan hệ đến gia lễ, quân lễ đều phải giữ cả).

Ty Nhân tự thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cử phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 12 viên (phàm việc quan hệ đến gia lễ đều phải giữ cả).

Ty Tân hưng thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cử phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 10 viên (phàm những việc phong tước, phong sắc bách thân, cất dựng nhân tài, lập nhà học, nêu thưởng cho những người con hiếu, vợ trinh có quan hệ đến phong hóa đều phải giữ cả).

Ty Thủ ứng thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cử phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 10 viên (phàm các việc bang giao, triều cống và các nghệ thuật cùng nghi văn giao tiếp đều phải giữ cả).

Bộ Binh : lang trung 5 viên (thêm 1 viên vào ty kiểm duyệt), viên ngoại lang 5 viên (giảm nguyên ngạch 1 viên), chủ sự 8 viên (thêm 2), tư vụ 8 viên (thêm 2), bát cử phẩm thư lại đều 12 viên, vị nhập lưu thư lại 70 viên.

Xứ Binh trực : chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cử phẩm thư lại đều 2 viên.

Ty Binh ấn : chủ sự, tư vụ, bát cử phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 6 viên.

Ty Võ tuyển thanh lại : lang trung, viên ngoại lang đều 1 viên, chủ sự, tư vụ đều 2 viên, bát cử phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 15 viên (phàm các việc sơ tấu tờ tư ở trong Kinh và ngoài tỉnh có quan hệ đến quan chức phẩm trật về ban võ, và thăng cất, thuyên bổ, phong thụ, ban yến, cùng cấp phát sắc văn, kiểm soát quan tịch, xét công những viên đến khóa đủ lệ, đều phải giữ cả).

Ty Nam Kỳ thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cử phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 15 viên (phàm các việc số tấu, tư văn ở Kinh không có quan hệ đến việc cất bỏ quan chức, cũng khi có rước xa giá đi tuần du điểm duyệt, thao diễn, thú thú, tuần phòng và phái bắt biên binh đi việc công, đều phải giữ cả).

Ty Trực tỉnh thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cử phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 13 viên (phàm các việc số tấu và tư văn ở ngoài không có quan hệ đến việc cất bỏ quan chức và giản duyệt, thao diễn, sai phái biên binh đều phải giữ cả).

Ty Khảo công thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cử phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 13 viên (phàm các việc thưởng gia cấp kỹ, giáng phạt nghị xử, nghị tư, nghị tuất, kiểm xét ống bỏ thư trạm ở các nha, và lệ xét khóa công của đội trưởng, đều phải giữ cả).

Ty Kiểm duyệt thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ, bát cử phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 8 viên (phàm những việc trước trừ đòi thuế các đơn bằng, tra xét những lính trốn, thúc giục thuế khóa, kiểm điểm voi ngựa, đều phải giữ cả).

Bộ Hình : lang trung, viên ngoại lang đều 4 viên, chủ sự 6 viên (thêm 2), tư vụ 7 viên (thêm 3), bát cử phẩm thư lại đều 8 viên, vị nhập lưu thư lại 50 viên (thêm 10).

Xứ Hình trực : chủ sự, tư vụ, bát cử phẩm thư lại đều 1 viên.

Ty Hình án : chủ sự, tư vụ, bát cử phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 4 viên.

Ty Kinh chương thanh lại : lang trung, viên ngoại lang đều 1 viên, chủ sự, tư vụ đều 2 viên, bát cử phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 6 viên (phàm các việc số tấu, án kiện, công văn ở Kinh và phủ Thừa Thiên, đều phải giữ cả).

Ty Trực kỳ thanh lại : lang trung, viên ngoại lang đều 1 viên, chủ sự, tư vụ, bát cử phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 12 viên (phàm các việc số tấu, án kiện và tư văn ở các tỉnh Nam, Bắc trực Tả, Hữu kỳ đều phải giữ cả).

Ty Nam hiến thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ, bát cử phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 6 viên (phàm các việc số tấu, án kiện, tư văn thuộc về Nam Kỳ đều phải giữ cả).

Ty Bắc hiến thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cử phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 12 viên (phàm các việc số tấu, án kiện, tư văn thuộc về Bắc Kỳ đều phải giữ cả).

Bộ Công : lang trung, viên ngoại lang đều 4 viên, chủ sự 6 viên (thêm 2), chánh bát phẩm thư lại 10 viên (thêm 2), cửu phẩm thư lại 10 viên (thêm 2), vị nhập lưu thư lại 50 viên (thêm 10).

Xứ Công trực : chủ sự, tư vụ, bát cửu phẩm thư lại đều 1 viên.

Ty Công án : chủ sự, tư vụ, bát cửu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 6 viên.

Ty Quy chế thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cửu phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 10 viên (phàm các việc sửa sang lăng tẩm, thành trì, chòi canh, đồn canh, đê điều, cầu đập, đường sá, đều phải giữ cả).

Ty Doanh kiến thanh lại : lang trung, viên ngoại lang đều 1 viên, chủ sự, tư vụ đều 2 viên, bát cửu phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 12 viên (phàm các việc sửa sang cung điện, nhà cửa, kho tàng đều phải giữ cả).

Ty Tu tạo thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, tư vụ đều 1 viên, tư vụ, bát cửu phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 12 viên (phàm các việc sửa sang thuyền bè đều phải giữ cả).

Ty Khám biện thanh lại : lang trung, viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ đều 1 viên, bát cửu phẩm thư lại đều 2 viên, vị nhập lưu thư lại 10 viên (phàm những việc phái các hạng thợ, và chi lĩnh đơn bằng nung gạch, ngói, cung cấp than củi, đều phải đốc sức mà xem xét).

Nội các : thị độc, thừa chỉ, trước tác đều 2 viên, tu soạn, biên tu, kiểm thảo đều 4 viên, điển bạ, đãi chiếu đều 8 viên.

Sở Thượng bảo : thừa chỉ, tu soạn, biên tu, kiểm thảo, điển bạ, đãi chiếu đều 1 viên (thừa lệnh viết những bản chỉ dụ chữ son, hầu ấn, lục phát những bản phụ bản tâu lên, cứ đến cuối tháng, xét xem tào nào nên giao thì phát giao cho thu giữ lấy, nhưng phải làm một bản lưu án để phòng tra xét. Lại giữ các đạo ân chiếu bằng chữ son, ống Kim phượng, hộp son để đóng ấn và ấn quan phòng dấu kiểm ký, ấn triện, các bài đeo bằng vàng, bạc, ngà, sừng của các nha môn ở trong Kinh ngoài tỉnh, nếu có phải giao nộp, thì biên vào sổ mà phụng chỉ).

Ty Luân sở : thị độc, trước tác, tu soạn, biên tu, kiểm thảo đều 1 viên, điển bạ, đãi chiếu đều 2 viên (thừa lệnh viết những phiếu nghĩ, lời chỉ dụ, thu bài, phát bài, và tất cả các việc ở Nội các, tùy đáo tùy biện. Mỗi ngày, cùng với sở Thượng bảo giao nhận sổ sách phiếu thảo, biên vào sổ để lưu án ; lại phải giữ những phiếu thảo sơ tấu ở Nội các và phiếu thảo của Lục bộ : lại về khoản nghĩ, không cứ là sở nào, phàm được ân cho vào Nội các, đều được dự biện).

Đồ thư sở : thị độc, trước tác, tu soạn, biên tu, kiểm thảo đều 1 viên, điển bạ, đãi chiếu đều 2 viên (vâng lệnh làm các việc kính cẩn sao lục những bản văn thơ

ngự chế để cho khắc in, và ở Các phải để các bức đồ thư cho được kính cẩn, bày đặt các hạng văn bảo và quan văn thư, cứ từng kỳ đem ra phơi rồi sửa sang lại, chia ra để phân biệt từng thứ. Lại, những công văn của nhà Thanh và biên ký những việc ngoại quốc, đều phải phụng thủ).

Bản chương sở : thừa chỉ, tu soạn, biên tu, kiểm thảo đều 1 viên, chia làm 3 chương (Lại, Hộ chương, Lễ, Binh chương, Hình, Công chương). Mỗi chương chuyên biện có điển bạ, đai chiếu đều 1 viên.

1. Lại, Hộ chương : giữ sổ sách của 2 bộ ấy cả bản phê, bản sao ra, bản tâu lên, và các bản sổ sách của địa phương ngoài phải giao cho 2 bộ ấy nhận thi hành. Lại, Cơ mật viện, Thị vệ xứ, viện Đô sát, ty Thông chính, kho thuốc súng và súng ống, bưu chính, các dinh vệ ở Kinh, phàm có sổ sách đều quy vào chương này phải giữ.

2. Lễ, Binh chương : phải giữ sổ sách của 2 bộ ấy cả bản phê, bản sao ra và bản tâu lên, các bản sổ sách ở các địa phương ngoài phải giao cho 2 bộ ấy nhận biên. Lại nữa, Tôn nhân phủ, Nội vụ phủ, Thương trường, viện Hàn lâm, Khâm thiên giám, Quốc tử giám, Thủ hộ xứ, ty Điển nghi, Thái thường tự, Quang lộc tự, Tào chính, các phủ đệ, phủ Thừa Thiên, phái viên đi đường biển, phàm có sổ sách gì đều quy về chương ấy phải giữ.

3. Hình, Công chương : phải giữ sổ sách của 2 bộ ấy cả bản phê, bản sao ra và bản tâu lên, các bản sổ sách ở các địa phương ngoài phải giao cho 2 bộ ấy nhận biên. Lại nữa, Vũ khố đốc công ở sở Vũ khố, Nội tạo đốc công ở sở Nội tạo, Mộc thương đốc công ở sở Mộc thương, Đại lý tự ở ty Tam pháp, phàm có sổ sách gì đều quy vào chương này phải giữ, 3 chương nói trên, mỗi chương có 2 người điển bạ và đai chiếu chuyên trách, cứ đến cuối tháng, tiếp nhận 2 sở Thượng bảo, Ty luân phát giao những sổ sách phiếu nghĩ, phiếu lục, thì chiếu thứ phân biệt đóng thành tập lưu trữ vào một nơi, giữ lấy, nhưng phải tóm tắt duyên do các bản, soạn thành hồ sơ, do thủ lĩnh chuyên sở kiểm xét, ký chữ vào, để lưu chiếu.

Nội vụ phủ : viên ngoại lang 5 viên (thêm 2), chủ sự 5 viên (thêm 1), tư vụ 6 viên, bát cữu phẩm thư lại đều 10 viên, vị nhập lưu thư lại 45 viên.

Ty Quan phòng : tư vụ, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 3 viên (kính giữ ấn quan phòng của nha ấy, theo các viên giám lâm thừa hành các việc sổ sách và tư văn).

Kim ngọc khố : viên ngoại lang 1 viên, chuyên quản 2 kho kim ngân và châu ngọc, trong đó : A. *Kim ngân khố* : chủ sự, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 3 viên (phụng thủ những thứ vàng bạc từng phiến, từng đĩnh và đồ bạc). B. *Châu ngọc khố* (nguyên là *pha lê khố* : tư vụ, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 3 viên (kính giữ các thứ đồ đạc bằng pha lê, ngọc liệu).

Cẩm ngoạn khố : viên ngoại lang 1 viên, chuyên quản 2 kho Cẩm tú và Trân ngoạn, trong đó : A. *Cẩm tú khố* (nguyên là *Cẩm đoạn khố*) : chủ sự, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 5 viên (kính giữ những thứ gấm hoa, nhiều đoạn). B. *Trân ngoạn khố* (nguyên là *kho chứa đồ sứ vẽ*) : tư vụ, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 3 viên (kính giữ các hạng đồ sứ vẽ và các đồ bằng ngà, sừng, da, xương).

Sa hạng khố : viên ngoại lang 1 viên, chuyên quản 2 kho sa lãng, vật hạng, trong đó : A. *Sa lãng khố* : chủ sự, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 5 viên (kính giữ các hạng sa, là, trừu, lụa hàng Trung Quốc) ; B. *Vật hạng khố* (nguyên là *kho chứa dầu, nến*) : tư vụ, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 5 viên (kính giữ các thứ dầu, nến, rượu, chiếu, thuốc nhuộm).

Văn nhạc khố : viên ngoại lang 1 viên, chuyên quản 2 kho Văn ý, Nhạc khí, trong đó : A. *Văn ý khố* (nguyên là *Nam thái khố*) : chủ sự, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 6 viên (kính giữ các hạng the, là, trừu, lụa có hoa) ; B. *Nhạc khí khố* (nguyên là *Diệu hí khố*) : tư vụ, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 3 viên (kính giữ các đồ vật mà 2 kho Nhạc khí và Văn ý chế ra).

Thái phẩm khố : viên ngoại lang 1 viên, chuyên quản 2 kho *Thái phục* và *Dược phẩm*, trong đó : A. *Thái phục khố* (nguyên là *Bào thường khố*) : chủ sự, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 5 viên (kính giữ các thứ áo, xiêm, bông, vải) ; B. *Dược phẩm khố* (nguyên là *dược tài khố*) : tư vụ, bát cữu phẩm thư lại đều 1 viên, vị nhập lưu thư lại 4 viên (kính giữ các vị thuốc và các hương liệu) đều bắt đầu thi hành từ ngày mồng 1 tháng giêng sang năm. Rồi lại chuẩn định : nay đã có chuyên ty phân phân bổ đi ty nào đều điền ty ấy vào để danh phận được đúng.

Quản bộ Lễ tấu nghị : "Sau đây đến kỳ có lễ hằng năm tuyển cống sĩ, trừ các tỉnh ở biên thùy xa và các phủ hạt duyên biên chưa có người học nhiều có thể sung cống, và học trò các tỉnh có người tình nguyện đợi đến khoa thi cũng không nên tuyển gượng, còn thì xét xem các phủ hạt trong tỉnh, cứ chiếu lệ sung cống ; mỗi phủ 1 người, không cứ là tú tài hay học trò, cũng không bó buộc vào lệ niên hạn 40 tuổi, ai văn học giỏi, phẩm hạnh đoan chính, mà trong phủ vốn đã khen ngợi, có thể ứng cử được, đều nêu theo lệ sát hạch mà tuyển cử lên. Rồi do các quan bộ hội đồng làm danh sách, đợi Chỉ dụ, giao cho quan Quốc tử giám sát hạch lại, để sung bổ vào chân giám sinh, thu lấy công dụng kén được nhân tài". Lời nghị này được Chỉ dụ chuẩn y.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XLV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Giáp Thìn, Thiệu Trị năm thứ 4 [1844], mùa đông, tháng 12, ban lịch cho 2 nước Thủy Xá, Hỏa Xá. Vua xuống dụ rằng : "Nước Đại Nam ta, đức hóa thấm khắp, thanh giáo rộng ban. Khoảng năm Minh Mệnh, vua nước Thủy Xá là Vĩnh Liệt đã phụ thuộc vào [nước Nam]. Khi trăm mới lên nối ngôi, vua nước Hỏa Xá là Cửu Lại cùng nước Thủy Xá cho sứ sang tỏ lòng thành, dâng lễ cống. Trẫm khen lòng hướng mộ ấy, đã cho sửa đổi quốc hiệu, cho tên hay, ban mũ áo, châm chước định lệ cống. Nay 2 nước đã theo lễ chư hầu, đời làm phiên thân, lịch của triều đình đã ban cho, nên coi như dân một nước. Chuẩn cho từ nay trở đi, hằng năm phát cho một bản quan lịch, 50 bản dân lịch, giao cho tỉnh Phú Yên chuyển cấp, bắt đầu từ năm Thiệu Trị thứ 5".

Quan tỉnh Bình Thuận đặt giá mua gỗ của dân, bị bộ Hộ xét ra đặt giá quá cao, tâu xin bắt phải bồi tất cả số tiền đặt giá quá cao ấy. Vua bảo : "Việc đặt giá mua gỗ, trước kia chuẩn cho chước lượng nhắc giá lên, đó là ân riêng của lúc bấy giờ, không có thể vin vào đó làm lệ được. Vạy gia ơn chỉ bắt bồi nửa số tiền ấy".

Đặt thêm chức Chương án Giám sát ngự sử thuộc đạo ở Kinh kỳ. Trước kia, đạo ở Kinh kỳ đặt 2 viên giám sát ngự sử ; đến đây bớt đi 1 viên, đặt thêm 1 viên Chương án ở đạo ấy, nhưng được kiểm xét sự việc ở Tôn nhân phủ, phẩm trật cũng như chức Lục khoa Chương án Cấp sự trung. Cho Đốc học Hà Tĩnh gia hàm Thị giảng học sĩ viện Hàn lâm là Nguyễn Công Hợp làm chức Chương án Giám sát ngự

sử thuộc đạo ở Kinh kỳ ; viên Giám sát ngự sử thuộc đạo Kinh kỳ cũ là Hà Đông Chính thì đổi sang Binh khoa Cấp sự trung.

Đổi định niên khóa thanh tra kho Mộc thương, kho Vũ khố. Lệ cũ : kho Mộc thương, lấy năm Ty, năm Hợi ; kho Vũ khố, lấy năm Dần, năm Thân, đều lấy 6 năm làm 1 khóa. Vua cho rằng các năm ấy lại gặp vào khóa kỳ thanh tra Nội vụ phủ, thay đổi phiên nhiều ; mới đổi định khóa kỳ : kho Mộc thương thì lấy năm Tý, năm Ngọ ; kho Vũ khố thì lấy năm Sửu, năm Mùi. Giữ làm lệ thường.

Đổi định : chức viên, lại dịch 2 ty Chế tạo, Tiết thận không được thay đổi. Nguyên 2 ty, thuộc bộ Công, lệ cũ, 6 năm đổi bổ một lần (ty Chế tạo thuộc sở Đốc công Vũ khố, ty Tiết thận thuộc sở Đốc công Nội vụ, lệ định : chiếu khóa kỳ thanh tra của Nội vụ và Vũ khố đều do bộ Công đổi bổ). Đến đây, vua cho rằng 2 ty có nhiệm vụ đốc xuất thợ thuyền, không ví như Nội vụ và Vũ khố có chủ thủ được ; nay chuẩn cho định lại : từ chủ sự đến cửu phẩm thư lại từ nay về sau không cần thay đổi để giúp cho quen việc.

Cho thợ Chương vệ quản viện Thượng tứ sung quản lĩnh Thị vệ đại thân là Tôn Thất Mậu cai quản các viện, đội Thượng trà, Thượng thiện, Phụng thiện, Lý thiện ; vì có viên quản trước là Lê Mậu Hạnh can án, phải giáng, phái đi làm việc ở đường biển.

Trú phòng Tây Ninh là Cao Hữu Dục, Tôn Thất Hàn tâu rằng : "Nghe có quân Xiêm độ 5.000 tên lên xuống nguyên hạt Trấn Tây, không biết làm trò trống gì ?". Vua cho lời nói tuy chưa xác thực, nhưng tiết hậu phòng ngừa về mùa đông, cũng không nên sơ sài ; bèn truyền dụ cho bọn Tổng đốc An - Hà Nguyễn Tri Phương, Tuần phủ Doãn Uẩn phải phòng ngừa nghiêm ngặt hơn ; lại lấy 2 vệ lính Kinh đóng ở Gia Định và Định Tường đi đến An Giang để đàn áp, giúp cho sự phòng giữ ngoài biên được vững vàng.

Vua sai Lang trung Vũ khố là Trần Văn Nguyễn, Viên ngoại lang bộ Hộ là Dương Vạn Sách ra Hà Nội đúc thử tiền. Năm Minh Mệnh xưa, đúc các thứ tiền đồng, tiền kẽm, đã có khuôn phép sẵn ; năm thứ 21, định lại lệ trừ hao, trước phái Quản cơ Trần Dật trông nom, làm trong 1 năm, cũng được thành hiệu. Về sau, bọn Kiều Đức Trường, Nguyễn Văn Hóa tiếp tục trông coi, để lại dịch và thợ thuyền dụng ý phung phí, hao thiếu nhiều đến hàng vạn. Tổng đốc Mai Công Ngôn, Bố chính Lê Nguyên Trung nói là việc đúc tiền gay go, khó làm, ngừng việc 1 năm không đúc, bị bộ Hộ hạch tâu lên. Vua bèn sai lấy đồng, kẽm ở kho trong Kinh, thử đúc thử tiền lẫn cả 2 chất [đồng, kẽm] thì tiền sáng đẹp. Quan ở Bộ đem việc đúc lối hỗn hợp ấy tâu lên. Vua cho việc đúc tiền là để cho tài nguyên trong nước được dồi dào, có quan hệ đến chính trị Nhà nước, nếu để cho Hà Nội làm một mình, sẽ không thành công, mới sai bọn Trần Văn Nguyễn và Dương Vạn Sách mang thợ trong Kinh ra, hội đồng với viên quan tỉnh, chi đồng, kẽm ở kho tỉnh, theo đúng

như thế, đúc thử 2 thứ tiền "Thiệu Trị" 9 phân và 6 phân, nhưng phải xét nghiệm số nguyên liệu cân dùng thành tiền hay hao hụt thế nào, làm tờ tâu xin để định lệ : bắt đầu đúc từ tháng giêng, sau ngày khai ấn, để bọn Văn Nguyễn ở lại trông coi.

Quan ở khoa, đạo là bọn Mai Đức Thường, Lê Di tâu lên : "Lệ cũ, chức Chủ thủ ở Nội vụ phủ đều lấy người có ghi tên trong sổ đình thuộc tỉnh Quảng Bình trở vào Nam, trích bổ hơi chưa được nhiều, hiện nay số những người có tên ghi trong sổ đình thuộc xứ Bắc Kỳ, hiện sung làm thuộc viên, lại dịch ở các nha môn Lục bộ rất nhiều, tương cũng có thể sung bổ. Nay xin : phạm có trích bổ viên dịch Nội vụ phủ, không cứ tên trong sổ đình thuộc phía Nam hay phía Bắc, có ai làm việc lâu năm, mẫn cán, thông thạo, tháo vát, quen việc làm lại, nhưng cho do các nha môn và các địa phương đều được chọn bổ ; còn các nha môn Vũ khố, Mộc thương xin cũng chiếu theo như thế mà làm". Vua cho rằng chức Chủ thủ Nội vụ phủ, từ trước đến giờ, đều lấy người ghi tên trong sổ đình thuộc tỉnh Quảng Bình trở vào Nam để sung bổ, việc đã làm qua, không nên thay đổi. Ngoài ra, như chức Chủ thủ, các nha Vũ khố, Mộc thương thuộc kho trong Kinh, từ nay về sau, đến kỳ thay đổi không cứ ghi tên trong sổ đình thuộc Nam hay Bắc, có ai thông thạo, tháo vát, cần mẫn đều chuẩn cho tâu xin sung bổ.

Tỉnh Quảng Trị có mán Lào lên xuống huyện Hương hóa cướp bóc. Tri phủ Cam Lộ là Lê Văn Dự mang theo biển binh đi dò bắt ; khi đến nơi thì mán Lào đã trốn về trước. Nhân đó, Lê Văn Dự chiêu dụ thổ dân ở Thượng Kế, Na Bôn, Mường Bồng hơn 500 người trở về làm ăn sinh sống. Vua thấy Dự chiêu phủ được việc, thưởng cho 3 đồng ngàn tiền Phi long hạng lớn bạc nhất.

Hiệp biện Đại học sĩ hưu trí là Nguyễn Đăng Tuấn chết. Đăng Tuấn trải thờ 3 triều, kiêm sung chức thầy dạy học trong cung vua, trước vì già yếu xin về hưu, vua lúc nào cũng mền nhớ, thường sai trung sứ thăm hỏi, gọi là Thận Trai tiên sinh mà không gọi tên ; đến đây ông ốm, chết ở nhà, thọ 72 tuổi, được truy tặng Thiếu sư, cho tên thụy là Văn Chính, gia cấp cho gấm hoa 3 cây, sa hoa 5 cây, vải lụa mỗi thứ 50 tấm, 1.000 quan tiền, chuẩn cho con trưởng là Tống đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai về quê lo liệu việc tang ; sai Bố chính Quảng Bình là Nguyễn Văn Đạt đến tế một tuần.

Cho : Tuấn phủ Hưng Yên Phạm Duy Trinh quyền giữ ấn quan phòng Tống đốc Sơn - Hưng - Tuyên ; Bố chính Hải Dương là Ngô Kim Lân quyền giữ ấn quan phòng Tuấn phủ Hưng Yên ; Thị độc học sĩ, Biện lý sự vụ bộ Hình là Đinh Văn Minh quyền giữ ấn triện Bố chính Hải Dương.

Thự Hữu thị lang bộ Hình là Bùi Nhật Tiến chết. Cho thự Thị lang Thương trường là Nguyễn Danh Giáp làm thự Hữu thị lang bộ Hình, vẫn kiêm biện công việc Khâm thiên giám ; Lang trung bộ Binh chuyên coi công việc súng ống và

thuốc súng là Nguyễn Hữu Sách (tên cũ là Tố) được điều bổ làm Lang trung Thương trường, Hộ lý quan phòng ; Viên ngoại lang bộ Binh là Phạm Bá Tùng làm thự Lang trung bộ Binh, chuyên coi 2 kho súng và thuốc súng.

Lại cấm lấy binh lính làm việc riêng. Trước kia, biên binh vệ Tráng vũ tỉnh Thanh Hóa về Kinh luyện tập, Điện Bàn công Phủ thuê riêng làm việc, Quản vệ Lê Đoàn chiêu ý nghe theo. Việc phát giác. Vua dụ rằng : "Triều đình ta lập ra pháp luật, cốt để ngăn ngừa sự ẩn khuất. Khoảng năm Gia Long, các công hầu nếu không được đặc Chỉ thì không được phép sai khiến quan quân làm việc riêng. Năm Minh Mệnh thứ 9, lại dụ cho hoàng thân, quốc thích : nếu nhờ cậy quyền quý, mượn người làm việc riêng, thì người cho và người mượn đều phải nghị xử nghiêm ngặt. Từ trước đến giờ, noi theo đã lâu. Và lại, vệ Tráng vũ ấy là quân ngoài Kinh kỳ, [Điện Bàn công] lại dám nhờ sự thuê mượn để làm việc riêng, cấp cho tiền gầy ơn riêng, việc làm có tính cách như thế, thật trái luật lệ. Pháp luật, là chung cho cả thiên hạ, trăm cũng không được vì thân công mà tư vị, nếu hơi còn có ý khoan tha, thì đối với pháp luật ra sao ? Hướng chi thánh dụ rành rành còn kia, lời lẽ nghiêm sáng, rất sát sự lý ; về sau vâng theo, lâu ngày sinh nhác. Cái tệ dân sinh ra ấy thực không thể để cho lớn thêm được. Vậy nên trăm lại phải ban mệnh lệnh hợp lý này, để răn từ nay ai là hoàng thân, quốc thích, nên theo giữ pháp độ, để nhận sự yêu mến lâu dài ; ai là quan chức, nên theo phép công, đi đường thẳng, để giữ thân danh mãi mãi ; ai làm chức võ, chớ nhân việc công mưu việc tư, chớ xu phụ quyền thế, tự chuốc lấy tội lỗi. Qua lời dạy bảo phen này, nếu kẻ nào còn dám lấy thân mình thử pháp luật trị tội nặng hơn, không tha. Ai nấy đều phải nghiêm chỉnh tuân theo, chớ có coi thường. Điện Bàn công, phải giao cho Tôn nhân phủ hội đồng với bộ Lễ nghị xử ; Lê Đoàn cũng phải cách, xích tay, giao cho quan tỉnh Thanh là Tôn Thất Lăng nghiêm nghị rồi tâu lên sau". Điện Bàn công Phủ phải phạt bổng 5 năm ; Lê Đoàn phải phát đi làm lính ở đồn Chàng Sơn.

Phái thêm bọn : quyền Thống chế dinh Long vũ là Tôn Thất Nghị, quyền Vệ úy vệ Loạn giá là Tôn Thất Đắc, Phó vệ úy là Tôn Thất Lập, Phó vệ úy vệ Tả là Tôn Thất Chu, Hiệp quản vệ Hậu là Tôn Thất Đàm cùng với Tôn thất, phẩm quan phái trước, theo lệ, kính đến xem xét các miếu.

Ngày Tân Hợi, ngày kỵ ở điện Phụng Tiên, vua thân đến làm lễ.

Lại định kỳ hạn lĩnh và nộp vật liệu của các hạng thuyền vận tải. Quan ở Nội các tâu rằng : "Các hạng thuyền vận tải vật liệu, mỗi chiếc, theo lệ, phái binh 30 người ; gần đây, người quản thuyền tự ý cho nghỉ, đến kỳ phải đi, đã là chậm trễ, mà các nha phải làm việc ấy không chịu làm ngay, để đến nỗi bỏ phí thì giờ hoặc bị gió mưa chậm trễ. Vậy cầu xin định lại chương trình để nghiêm việc chuyển vận". Vua giao xuống cho bộ Hộ, bộ Công bàn. Hai bộ cho rằng đoàn thuyền có chỗ

nhieu, chỗ ít ; sự thu, chỉ có thuyền nhiều, thuyền ít ; nay xin : phàm đoàn thuyền thuộc hạng vận tải vật liệu ở trong Kinh và ngoài các trấn thì bắt đầu tính từ ngày hiện vào cửa biển Thuận An ; đoàn thuyền chở nộp thóc gạo hiện đến cửa biển Thuận An, từ 30 chiếc trở lên thì lệ thu nộp 20 ngày, 30 chiếc trở xuống thì 15 ngày ; các đoàn thuyền chở nộp gỗ và hóa vật khác thì không cứ đã hiện đến hay chưa, số thuyền nhiều hay ít, lệ thu nộp ; thuyền Hải vận, 20 ngày ; thuyền Điện hải, 15 ngày ; Ô thuyền, Lê thuyền, Chu thuyền, 10 ngày ; nếu có lính hạng hóa vật gì chở về, thì cứ ngày nộp xong, lại hạn 10 ngày nữa. Còn kỳ lĩnh nộp, về Nội vụ, Vũ khố, do quan tuần tra đại thần đi lại đốc thúc ; về Kinh thương, do bộ Hộ, về Mộc thương, do bộ Công, đều phái thuộc viên đốc thúc. Viện Đô sát cũng theo kỳ ấy xem xét, nếu có ngăn trở và sai hẹn, thì hạch tâu để trị tội. Binh lính trên thuyền : thuyền Hải vận, mỗi chiếc 38 người ; thuyền Điện hải, mỗi chiếc 30 người ; Ô thuyền, Lê thuyền, Chu thuyền, mỗi chiếc 25 người. Ở Kinh, do quan thủy sư đô đốc ; ở ngoài các trấn, do lĩnh chức quan binh hạt ấy, phải thân đến chỗ thuyền đóng để kiểm điểm. Nếu có tình tệ gì, chỉ trách cứ vào quan đề đốc hay lãnh binh, để nghiêm công lệnh. Nghị ấy tâu lên, vua phê bảo rằng : "Viện Đô sát nên theo kỳ hạn mà xem xét : hoặc người coi kho giữ lại, ngăn trở ; hoặc nhân viên vận tải cũng giữ lại, mưu việc riêng, để đến nỗi bị bão lụt lỗi hẹn, thì nghiêm hạch để trừng trị. Bộ Hộ, bộ Công cũng kê cứu tố cáo, để bỏ tệ cũ. Ngoài ra đều theo nghị thi hành".

Đình việc phái viên đi duyệt dinh tuyển lính ở Nam Kỳ một lần. Lục tỉnh Nam Kỳ, sang đầu năm, theo lệ, đến kỳ kiểm duyệt. Vua nghỉ ở Kinh, các bề tôi đương theo hầu bên cạnh, chưa tiện sai đi, nên cho thượng ty các tỉnh tự làm việc kiểm duyệt, rồi cứ thực tâu lên.

Lại định lệ thu thuế quan tân⁽¹⁾. Năm trước, quan ở khoa đạo là bọn Vũ Trọng Bình, Nguyễn Cư Sĩ điều trần tâu lên : "Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, thuế cửa quan ở các địa phương, hằng năm đấu giá, ai đặt giá cao thì được trưng, đến nỗi tranh nhau, lại vì của cải, lạm thu ngoài pháp luật, rất là hại dân ! Xin sắc sai bộ Hộ, chiếu các năm trước, giá nào vừa phải, nghị làm cái giá nhất định. Hằng năm, các địa phương phái thuộc viên theo lệ ngồi thu ; còn việc hằng năm đấu giá thì xin cho đình bãi". Việc này giao xuống đình thần bàn. Họ cho rằng cửa quan có đánh thuế, cốt để ngụ ý trọng nghề gốc, khinh nghề ngọn, chỉ vì mối lợi ở đấy, nên gian tệ để sinh. Năm trước cho thương nhân đấu giá, là muốn để cho hết cái tệ riêng mà không còn mối tranh nhau nữa. Nhưng, từ trước đến giờ, những nhà buôn giàu, người buôn bán to, phần nhiều vì của vì lợi, lại càng tranh nhau ! Mỗi khi đến kỳ đấu giá, tranh nhau trả giá cao, cầu cho tất được, làm cho hằng năm thuế quan tăng lên rất nhiều ! Bọn ấy

(1) Quan : cửa ải ; tân : bến đò.

đã được lĩnh trung, thì hơi một tý là nói đến thuế Nhà nước quá cao, rồi lạm thu lấy bữa, người đi buôn sợ mà không dám thưa kiện, dần dần đến nỗi nguồn lợi ủng trợ, các thứ cao vọt, mà người làm ruộng, người đi buôn không khỏi chịu tai hại ấy ! Quan ở khoa đạo xin châm chước làm giá nhất định, để ngăn mối tệ, tưởng cũng không phải là không thấy rõ. Duy có điều là từ trước đến giờ, thuế quan giá hàng năm khi cao khi hạ không đều nhau, thực khó lấy gì làm phép nhất định ; mà các sở cửa quan, hoặc nên phái người ngồi thu, hoặc nên cho dân lĩnh trung, đều có sự thuận tiện. Nếu do tỉnh chuyên phái người về thu, thì chưa chắc người nào cũng công chính, việc ấy thực là chưa tiện. Nay tường tra lệ thu thuế hàng năm từ năm Minh Mệnh thứ 19 đến năm Thiệu Trị thứ 4 của các sở cửa quan, ở các địa phương thuộc tỉnh Hà Tĩnh trở ra Bắc, lấy mức trung bình, thích hợp châm chước định ra giá nhất định :

(Tỉnh Hà Tĩnh, 3 sở quan tân, lệ nộp bằng tiền đen. *Cửa Khu Độc* : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 5.720 quan, năm thứ 20 : 6.800 quan, năm thứ 21 : 8.500 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 9.600 quan, năm thứ 2 : 12.800 quan, năm thứ 3 : 17.320 quan, năm thứ 4 : 18.340 quan ; nay xin nghĩ định 14.000. *Cửa Tam Xoa* : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 4.700 quan, năm thứ 20 : 5.800 quan, năm thứ 21 : 7.400 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 8.500 quan, năm thứ 2 : 11.030 quan, năm thứ 3 : 15.040 quan, năm thứ 4 : 17.580 quan ; nay xin nghĩ định 13.000 quan. *Cửa Hà Hoàng* : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 2.145 quan, năm thứ 20 : 2.265 quan, năm thứ 21 : 3.765 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 4.565 quan, năm thứ 2 : 6.670 quan, năm thứ 3 : 8.020 quan, năm thứ 4 : 8.070 quan ; nay xin nghĩ định 6.000 quan.

(Tỉnh Nghệ An, 3 sở quan tân, lệ nộp bằng tiền đen. *Cửa Khả Lưu* : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 9.300 quan, năm thứ 20 : 12.570 quan, năm thứ 21 : 16.500 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất, thứ 2, thứ 3, thứ 4, đều 20.110 quan, nay xin nghĩ định 20.000 quan. *Cửa Lương Trường* : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 7.000 quan, năm thứ 20 : 8.200 quan, năm thứ 21 : 9.550 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất, năm thứ 2, năm thứ 3, đều 12.000 quan, năm thứ 4 : 12.010 quan, nay xin nghĩ định 12.000 quan. *Cửa Phù Điệp* : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 1.440 quan, năm thứ 20 : 2.020 quan, năm thứ 21 : 2.500 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất, thứ 2, thứ 3 đều 2.600 quan, năm thứ 4 : 2.614 quan, nay xin nghĩ định 2.500 quan.

(Tỉnh Thanh Hóa, 7 sở quan tân, lệ nộp bằng tiền đen. *Cửa Hà Trường* : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 7.015 quan ; năm thứ 20 : 8.500 quan, năm thứ 21 : 8.740 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 7.840 quan, năm thứ 2 : 8.820 quan, năm thứ 3 : 9.555 quan, năm thứ 4 : 9.015 quan ; nay xin nghĩ định 8.500 quan. *Cửa An Phái* : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 8.250 quan, năm thứ 20 : 9.500 quan, năm

thứ 21 : 8.000 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 8.565 quan, năm thứ 2 : 9.655 quan, năm thứ 3 : 10.465 quan, năm thứ 4 : 11.750 quan ; nay xin nghĩ định 10.000 quan. Cửa Mỹ Ảnh : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 1.010 quan, năm thứ 20 : 1.302 quan, năm thứ 21 : 1.500 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 1.505 quan, năm thứ 2 : 1.436 quan, năm thứ 3 : 1.555 quan, năm thứ 4 : 1.500 quan ; nay xin nghĩ định 1.500 quan. Cửa Tam Lư : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 3.026 quan, năm thứ 20 : 3.633 quan, năm thứ 21 : 3.450 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất, năm thứ 2, đều 4.000 quan, năm thứ 3 : 4.333 quan, năm thứ 4 : 4.400 quan ; nay xin nghĩ định 4.000 quan. Cửa Nga Sơn : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 7.115 quan, năm thứ 20 : 8.200 quan, năm thứ 21 : 9.770 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 9.124 quan, năm thứ 2 : 5.357 quan, năm thứ 3 : 4.500 quan, năm thứ 4, do sách chưa đệ vào ; nay xin nghĩ định 6.000 quan. Cửa Thanh Đán : năm Minh Mệnh thứ 19 : 4.615 quan, năm thứ 20 : 4.700 quan, năm thứ 21 : 7.155 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 6.847 quan, năm thứ 2 : 4.915 quan, năm thứ 3 : 3.314 quan, năm thứ 4, do sách chưa đệ vào ; nay xin nghĩ định 5.000 quan. Cửa Văn Phái : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 2.315 quan, năm thứ 20, năm thứ 21 đều 3.027 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 2.767 quan, năm thứ 2 : 3.100 quan, năm thứ 3 : 1.638 quan, năm thứ 4, do sách chưa đệ vào ; nay xin nghĩ định 2.500 quan.

(Tỉnh Nam Định, 2 sở quan tân, lệ nộp nửa bạc, nửa tiền. Cửa Vạn Ninh : các năm Minh Mệnh thứ 19, thứ 20, thứ 21, tiền thuế đều 1.300 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 1.350 quan, năm thứ 2 : 1.300 quan, năm thứ 3 : 1.530 quan, năm thứ 4 : 1.440 quan ; nay xin nghĩ định 1.300 quan. Cửa Vị Hoàng : từ tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 20 đến tháng 3 năm thứ 21 : 38.899 quan, từ tháng 4 năm thứ 21 đến cuối năm : 30.000 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 43.400 quan, năm thứ 2 : 41.581 quan, năm thứ 3 : 47.000 quan, năm thứ 4 : 48.300 quan ; nay xin nghĩ định 43.000 quan.

(Tỉnh Hưng Yên, 2 sở quan tân, lệ nộp nửa bạc, nửa tiền. Cửa Mễ Sở và bến Cẩm Cơ : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 87.720 quan, năm thứ 20 : 96.300 quan, năm thứ 21 : 101.600 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 108.330 quan, năm thứ hai : 108.400 quan ; nay xin nghĩ định 105.000 quan.

(Tỉnh Sơn Tây, 2 sở quan tân, lệ nộp nửa bạc, nửa tiền. Cửa Trình Xá và cửa Đình Hương : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 90.220 quan, năm thứ 20 : 91.700 quan, năm thứ 21 : 96.800 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 105.000 quan, năm thứ 2 : 106.300 quan, năm thứ 3 : 115.158 quan, năm thứ 4 : 115.320 quan ; nay xin nghĩ định 110.000 quan.

(Tỉnh Hưng Hóa, 2 sở quan tân, lệ nộp nửa bạc, nửa tiền. Cửa Quán Ty : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 44.285 quan, năm thứ 20, năm thứ 21 đều 40.800 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất, năm thứ 2 đều 43.500 quan, năm thứ 3 : 47.125

quan, năm thứ 4 : 43.500 quan ; nay xin nghỉ định 40.020 quan. Cửa Bảo Thắng : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 33.230 quan, năm thứ 20, năm thứ 21 đều 30.600 quan ; năm Thiệu Trị thứ nhất : 32.515 quan, năm thứ 2, năm thứ 4 đều 30.600 quan ; năm thứ 3 : 33.150 quan ; nay xin nghỉ định 30.000 quan.

(Tỉnh Tuyên Quang, 1 sở quan tân, lệ nộp nửa bạc, nửa tiền. Cửa Tam Kỳ và chi nhánh Phù Hiên : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 24.220 quan, năm thứ 20 : 24.850 quan, năm thứ 21 : 27.585 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 29.900 quan, năm thứ 2 : 28.650 quan, năm thứ 3 : 32.910 quan, năm thứ 4 : 28.650 quan ; nay xin nghỉ định 26.000 quan.

(Tỉnh Hải Dương, 2 sở quan tân, lệ nộp nửa bạc, nửa tiền. Cửa Thuận Mỹ : năm Minh Mệnh thứ 10, tiền thuế 18.600 quan, năm thứ 20, năm thứ 21, đều 22.125 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất ; 22.125 quan, năm thứ 2 : 24.585 quan, năm thứ 3 ; 27.370 quan, năm thứ 4 : 25.720 quan ; nay xin nghỉ định 23.000 quan. Bến Lục Đầu : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 550 quan, năm thứ 20 : 570 quan, năm thứ 21 : 710 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 840 quan, năm thứ 2 : 1.240 quan, năm thứ 3 : 1.703 quan, năm thứ 4 : 1.880 quan ; nay xin nghỉ định 1.000 quan.

(Tỉnh Quảng Yên, 3 sở quan tân, lệ nộp nửa bạc, nửa tiền. Cửa Suất Ty : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 2.145 quan, năm thứ 20 : 2.760 quan, năm thứ 21 ; 3.020 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 5.480 quan, năm thứ 2 : 7.115 quan, năm thứ 3 : 8.152 quan, năm thứ 4 : 7.115 quan ; nay xin nghỉ định 6.000 quan. Cửa Lâm Môn : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 2.265 quan, năm thứ 20 : 2.850 quan, năm thứ 21 : 3.250 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 5.020 quan, năm thứ 2 : 5.200 quan ; nay xin nghỉ định 5.000 quan. Cửa An Lương : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 1.000 quan, năm thứ 20 : 2.260 quan, năm thứ 21 : 3.000 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 3.915 quan, năm thứ 2 : 9.120 quan, năm thứ 3 : 9.880 quan, năm thứ 4 : 9.120 quan ; nay xin nghỉ định 8.000 quan.

(Tỉnh Bắc Ninh, 1 sở quan tân, lệ nộp nửa bạc, nửa tiền. Cửa Cần Dịch : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 14.550 quan, năm thứ 20, năm thứ 21 đều 16.160 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 16.500 quan, năm thứ 2 : 18.246 quan, năm thứ 3, năm thứ 4 đều 19.766 quan ; nay xin nghỉ định 17.000 quan.

(Tỉnh Thái Nguyên, 4 sở quan tân, 2 sở lệ nộp toàn bằng bạc, 2 sở lệ nộp nửa bạc, nửa tiền. Cửa Đông Mỗ và chi nhánh Mão : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 4.750 quan, năm thứ 20 : 5.400 quan, năm thứ 21 : 6.000 quan ; năm Thiệu Trị thứ nhất : 7.160 quan, năm thứ 2 : 7.856 quan ; nay xin nghỉ định 7.000 quan. Cửa Bắc Kạn : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 1.200 quan, năm thứ 20 : 1.400 quan, năm thứ 21 : 1.550 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 2.150 quan, năm thứ 2 : 2.956 quan, năm thứ 3 : 2.203 quan, năm thứ 4 : 3.000 quan ; nay xin nghỉ định 2.500 quan.

Cửa Lương Hạ : năm Minh Mệnh thứ 19, bạc thuế 155 lạng, năm thứ 20 : 163 lạng, năm thứ 21 : 170 lạng, năm Thiệu Trị thứ nhất : 194 lạng, năm thứ 2 : 240 lạng, năm thứ 3, năm thứ 4 đều 260 lạng ; nay xin nghĩ định 200 lạng. Cửa Cẩm Giang : năm Minh Mệnh thứ 19, bạc thuế 105 lạng, năm thứ 20 : 110 lạng, năm thứ 21 : 115 lạng, năm Thiệu Trị thứ nhất : 125 lạng, năm thứ 2 : 180 lạng, năm thứ 3 : 195 lạng, năm thứ 4 : 185 lạng ; nay xin nghĩ định 150 lạng.

(Tỉnh Lạng Sơn, 1 sở quan tân, lệ nộp nửa bạc, nửa tiền. Cửa Lạng Thành : năm Minh Mệnh thứ 19, tiền thuế 12.500 quan, năm thứ 20 : 12.500 quan, năm thứ 21 : 12.171 quan, năm Thiệu Trị thứ nhất : 15.060 quan, năm thứ 2 : 14.751 quan, năm thứ 3 : 15.060 quan, năm thứ 4 : 14.220 quan ; nay xin nghĩ định 13.000 quan.

(Tỉnh Cao Bằng, 5 sở quan tân, lệ nộp toàn bằng bạc. Cửa Na Thông : năm Minh Mệnh thứ 19, bạc thuế : 970 lạng, năm thứ 20 : 1.071 lạng, năm thứ 21 : 1.340 lạng, năm Thiệu Trị thứ nhất : 1.439 lạng, năm thứ 2 : 1.500 lạng, năm thứ 3 : 1.600 lạng, năm thứ 4, sách chưa đệ vào ; nay xin nghĩ định 1.300 lạng. Cửa Lương Mã : năm Minh Mệnh thứ 19, bạc thuế 810 lạng, năm thứ 20 : 1.109 lạng, năm thứ 21 : 1.002 lạng, năm Thiệu Trị thứ nhất : 1.100 lạng, năm thứ 2 : 1.185 lạng, năm thứ 3 : 1.250 lạng, năm thứ 4, sách chưa đệ vào ; nay xin nghĩ định 1.100 lạng. Cửa Na Lan : năm Thiệu Trị thứ nhất, bạc thuế 100 lạng, năm thứ 2 : 260 lạng, năm thứ 3 : 355 lạng, năm thứ 4, sách chưa đệ vào ; nay xin nghĩ định 250 lạng. Cửa Trung Thăng : năm Thiệu Trị thứ nhất, bạc thuế 80 lạng, năm thứ 2, năm thứ 3, đều 325 lạng, năm thứ 4, sách chưa đệ vào ; nay xin nghĩ định 250 lạng. Cửa Lệnh Cấm : năm Thiệu Trị thứ nhất, bạc thuế 70 lạng, năm thứ 2 : 80 lạng, năm thứ 3 : 100 lạng, năm thứ 4, sách chưa đệ vào ; nay xin nghĩ định 80 lạng. Duy 4 sở quan tân tỉnh Tuyên Quang là cửa Bình Kinh, chi nhánh Bình Kinh, cửa Bắc Tử, cửa Đài Vạn, hằng năm lĩnh trưng nộp thuế bằng đồng đồ, thì không có thêm bớt, nhưng cho theo như ngạch cũ, lệ thuế sang năm đã có nhà buôn lĩnh trưng, đều chiếu giá cũ trưng thu). Từ năm Thiệu Trị thứ 6 trở đi, phàm lệ thuế quan tân cứ theo giá đã định này, không được thêm bớt. Hằng năm đến kỳ tháng 11, theo lệ yết thị, nhân dân trong hạt theo giá lĩnh trưng thì cho, không có người trưng thì do tỉnh phái thuộc viên ngời thu ! Còn tất cả các điều cấm, đều theo lệ trước đã lần lượt quy định. Như thế thì mới tề mới có thể trừ bỏ được. Nghị này tâu lên, vua chuẩn y cho thi hành.

Chuẩn định quan chế nha môn Thương trường, thứ bạc ở dưới Vũ khố.

Thủy sư Đô thống Vũ Văn Giải tâu : "Các thuyền hiệu bạc đồng, đã chọn thủy sư trích bổ. Khi phái ra biển, theo lệ, có chia từng hạng, cấp thêm tiền (ưu hạng : mỗi người 3 quan tiền ; hạng nhất : 2 quan ; hạng nhì : 1 quan 5 tiền ; hạng ba : 1 quan) ; duy đi việc công về và ngày ở ngũ giữ thuyền, tâu xin thôi cấp. Vua chuẩn

cho chiếu lệ cấp thêm cho một nửa ; từ nay, phàm phái đi đường biển, không cứ xa gần, khi về, cho quân thuyền làm danh sách phái viên tâu lên ; duy phái đi đường gần trong nước, thì tư bộ xét định, không để quá lạm.

Chuẩn định từ các hoàng tử, hoàng thân cho đến các quan văn võ và ủy viên các địa phương, theo lệ, được dự yến ngày Nguyên đán ; trước kỳ ấy, do Tôn nhân phủ và bộ Lại, bộ Lễ, bộ Binh làm danh sách tiến trình. Việc này được làm lệ.

Bộ Lại tâu danh sách sau cùng về việc xét hình án ở trong Kinh và ngoài tỉnh. Chăm chúc định thường phạt có thứ bậc.

Lại định lệ đặt tiền mua và tuyển lính. Năm trước, quan ở khoa đạo là bọn Vũ Trọng Bình, Nguyễn Cư Sĩ tâu : "Gần đây, đặt tiền mua các vật hạng, bộ Hộ lấy giá bàn qua làm chuẩn, dân các xã không khỏi chia nhau thu đên gấp đôi ! Vạy xin : phàm các thứ cần làm đồ dùng của Nhà nước, do bộ Hộ, bộ Công phái thuộc viên đi đến các nơi sẵn có sản vật hay buôn các vật hạng ấy đặt tiền mua rồi chiếu giá để trả ; ngoài ra mua sẵn để phòng đưa đi nước ngoài thì thôi". Nguyên Tham tán Tôn Thất Bật, Tán lý Lâm Duy Thiếp cũng nói : "Xứ Nam Kỳ đặt tiền mua các vật hạng, phần nhiều chia bố cho các xã, các thôn, thành ra khốn khó cho dân". Thượng ty ở Lục tỉnh đều nói : "Giá các vật hạng lên vọt, xin chước lượng trả giá hơn lên". Nguyên thự Tổng đốc Vĩnh Long, Định Tường là Nguyễn Tri Phương lại nói : "Dân sinh các tỉnh ở Nam Kỳ, chợt khi có việc đòi bắt đến, người thì chết, người thì trốn ; mỗi khi đến kỳ tuyển lính, hoặc viết hã họ tên mà không có người, hoặc không có người mà có tên trong sổ, không tiện cho việc đem hạng nào vào hạng ấy ! Nay xin : đến kỳ tuyển lính, người nào đến tuổi thì biên vào sổ, người nào trốn hay chết thì cho vào hạng ấy ; quan ở tuyển trường không nên ráo riết để cầu được thưởng ; quan ở Bộ cũng không lấy số thêm bớt chia từng thành, định làm thường phạt". Thự phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi là Ngụy Khắc Tuấn cũng nói : "Trong phép tuyển lính, số người hao hụt thì được giảm, số người nhiều lên thì phải thêm, nhưng số hao hụt thì thường nhiều, mà số nhiều lên thì không mấy ! Một khi nghị định chia từng thành không đủ số, đều phạm vào nghị của quan lại, mà thêm lên lại được để kể công ; trong khoảng nhiều thì tăng, ít thì giảm, chưa hẳn lại tính đến nên hay không nên. Nay xin : đến kỳ tuyển lính, quan địa phương sức xuống chiếu số dân trong hạt, thực số người trốn, người chết, người già, người tàn tật và người đến tuổi dự tuyển, đều cho căn cứ vào sổ ấy điền tiếp vào ; nếu đình số đôi khi có hụt giảm, chỉ hỏi quan địa phương, còn quan ở tuyển trường thì xin miễn nghị".

Vua giao tất cả các tờ tâu xuống đình thần bàn. Khi nghị dâng lên, lại giao cho bàn kỹ lại. Đến đây, đình thần tâu lên : "Việc đặt tiền mua các vật hạng, là để cho tiền tài được lưu thông mà đồ dùng của Nhà nước được đầy đủ, vì nhân cái lợi của dân mà làm cho dân được lợi. Năm Minh Mệnh thứ 16, chuẩn định : phàm đặt tiền

mua các vật hạng, tất cả phải do các nơi có thổ sản hay người làm nghề buôn các hạng ấy, không được chia cho dân các xã. Các điều cấm lúc trước thật là đầy đủ kỹ lưỡng, nhưng sau khi thừa hành, lâu ngày sinh tệ ; đó là cái tệ do người làm ra, mà không phải chế độ không tốt. Còn giá cả đặt tiền mua thì giá các vật thứ cao thứ hạ không đều nhau, thực khó ấn định. Nếu chỉ cứ theo giá các địa phương khai ra, hết thấy nghe giá khai để tiêu thụ, thì trong đó xô nhau lại khai báo bậy, chưa hẳn giữ được không có tệ hại ! Nhưng, nếu như lời xin của quan các khoa đạo, khi có đặt tiền mua các hạng, hết thấy đều phải bộ ty đi trước thu mua, thực là phiền nhiễu. Nay xin : phạm các sản vật và gỗ hàng năm cần dùng, do bộ lượng tính thi hành, chia ra giao cho các địa phương, đều cứ dân làm nghề buôn ấy và nơi có sản vật ấy, sức cho phải dự thu, soạn trước, định kỳ đem nộp ; nhưng chiếu hiện giá thu mua : hạng nào cao vừa thì chiếu mua với giá cao hơn lượng gia 2 - 3 thành ; hạng nào cao lắm thì lượng gia 4,5 thành, đều trả tiền trước mặt, rồi làm danh sách báo số tiền thụ. Quan ở bộ cũng chớ thấy mua quá giá, đem ra hạch bác ; ngoài ra theo điều lệ như mọi lần. Còn như hàng năm, vật hạng mua chở bằng thuyền công, nếu không phải cần dùng thì xin thôi. "Phép tuyển lính, lấy 5 năm làm một khóa, người già thì thải về, người trẻ thì khai tiếp, nơi nhiều thì phải thêm, nơi hao hụt thì được giảm, nhưng cốt phải được đều mà không có nạn nơi quá nặng, nơi quá nhẹ. Ngày nay dân được nghỉ ngơi đã lâu, số nhà số người hàng năm tăng lên, đâu có cái lý giảm ít ? Cốt ở người thừa hành có lòng công bằng thích đáng mà thôi. Còn việc thưởng phạt để tỏ khuyến răn, thực không nên bỏ ; duy có quan địa phương cùng với quan đi công phái, sự thể so sánh có khác. Về kỳ tuyển, số người nhiều lên hay ít đi, xin chuyên cứ quan thượng ty ở địa phương và các viên phủ huyện định sự thưởng phạt ; quan ở tuyển trường không nên bàn chung. Lại như quan khâm sai ở tuyển trường, xin Chỉ phái quan văn. Còn tuyển bạ, bản thứ nhất do quan văn được khâm sai viết bằng chữ đỏ ; bản thứ hai do quan tỉnh viết bằng chữ đỏ ; bản thứ ba phái cho thông phán hoặc kinh lịch sao chép bằng mực. Còn trước phái quan võ, xin thôi hoặc bớt đi. Lại như tuyển trường, xin do quan tỉnh xét tùy dinh thự của tỉnh, hoặc lấy trường trung thu rộng rãi có thể tuyển được làm chính đường, ngoài ra các sở để cho quân ở bằng nhà gianh thì theo lệ làm ra ; còn trước kia làm tuyển trường ở các hành cung, nay xin thôi hẳn. Kỳ hạn ở tuyển trường, xin chiếu tùy số người nhiều hay ít mà định (từ 6 vạn trở lên hạn 1 tháng 15 ngày ; 5 vạn trở lên hạn 1 tháng ; 2 vạn trở lên hạn 15 ngày ; 1 vạn trở lên hạn 10 ngày ; không đến 1 vạn hạn 6 ngày). Ngoài ra đều xin theo như lệ trước". Nghị ấy dâng lên, vua ban dụ rằng : "Việc đặt tiền mua hàng, để cho tài hóa lưu thông, dân được dồi dào, trách cứ vào nhà buôn, nhà làm nghề ấy thì được ; nếu không phải là nơi sinh sản ra hay làm nghề buôn các vật hạng ấy thì không được dựa vào lệnh mua để khổn cho dân. Việc duyệt tuyển, dân số nơi nào nhiều thêm, nơi nào hao hụt, tuy do quan địa phương,

nhưng có thể đến kỳ duyệt tuyển, xem xét phân biệt nơi nhiều nơi hụt cũng do quan ở tuyển trường được khám phá ra làm chức vụ mới biết được, không nên cho là vì người mới làm được việc ; nên theo lời bàn trước, đều lấy số hơn từng thành, châm chức mà bàn để tỏ sự khuyên răn. Ngoài ra đều theo nghị thi hành".

Đổi định lại khóa lệ thanh tra. Trước đây Tổng đốc An Giang, Hà Tiên là Nguyễn Tri Phương, Tuần phủ An Giang là Doãn Uẩn tâu bày từng điều : "Từ trước đến giờ, khóa lệ thanh tra kho tàng các địa phương cứ 3 năm thì kiểm điểm, 6 năm thì so sánh lượng tính, nay xin dôn làm 1 khóa so sánh lượng tính, để bớt phiền phức". Việc này giao xuống bộ Hộ bàn. Bộ cho rằng kho tàng các địa phương lệ cũ 3 năm một lần phái chức viên thanh tra, khóa trước thì kiểm điểm, khóa sau thì so sánh lượng tính. Duy ở địa phương, trong một năm, binh lính đình điền nếu có thêm bớt, trừ đi hay biên vào, đến cuối năm làm sách tâu lên một lần. Tiền, thóc, sản vật thu còn thiếu chút ít, hằng năm tháng 6 và tháng 12 làm danh sách tâu lên 2 lần, đã có hồ sơ có thể xét được. Ba năm làm một lần kiểm điểm, chẳng qua là tra xét trên giấy tờ, đôi khi có nêu ra một vài sai thù lặt vặt, chỉ thêm nhiều sổ sách mà thôi. Việc ba năm một lần kiểm điểm, xin theo nghị trước thôi bớt đi, đổi làm mỗi khóa là 6 năm. (Từ Quảng Ngãi đến Ninh Bình thì năm Ty, năm Hợi ; từ Bình Định đến Hà Tiên thì năm Sửu, năm Mùi ; từ Hà Nội đến Cao Bằng thì năm Mão, năm Dậu). Phàm sắp đến năm thanh tra, thì bộ Hộ phải trước kỳ tháng 12 năm trước tâu xin phái viên, đến ngày khai ấn tháng giêng năm sau thì kiểm tra, theo lệ làm việc. Và lại, 6 năm một khóa, công việc hơi nhiều, quan nào trông coi hạt nào, nên dùng quan phẩm nào, xin theo lệ trước (tỉnh lớn thì dùng lang trung hoặc chương ấn ; tỉnh vừa thì viên ngoại lang hoặc khoa đạo). Ngoài ra nhân viên theo đi làm việc, xin chức lượng phái thêm (tỉnh Hà Nội 4 người, ngoài ra các tỉnh lớn như Gia Định, Vĩnh Long, Bình Định, Quảng Nam, Nghệ An, Thanh Hóa, Sơn Tây, Nam Định, Bắc Ninh, Hải Dương mỗi hạt đều 3 người ; các tỉnh vừa như Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Biên Hòa, Định Tường, An Giang, Hà Tiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Hưng Yên, Quảng Yên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng mỗi hạt đều 2 người) để sung làm việc. Nghị dâng lên, vua chuẩn y cho thi hành.

Lại định chương trình thi Hội. Trước đây, quan ở khoa đạo là bọn Lê Di, Hồ Trọng Tuấn, Nguyễn Hữu Độ tâu rằng : "Điều lệ thi Hội, ba kỳ văn lý thông, được mười phần trở lên là trúng cách ; từ chín phần đến bốn phần và hai kỳ tính thông được mười phần trở lên là Phó bảng. Duy quan trường chấm quyển không phải là do tay một người, ý kiến không giống nhau, tức như khoa này quyển thi của Nguyễn Hữu Tạo, trường trong, trường ngoài cho phân số khác nhau, đó là kinh nghiệm. Nay xin : chiếu theo điều lệ thi Hương, định ra hạng ưu, bình, thứ, liệt để cho để

phân biệt. Lại như lệ cũ, phạm cử nhân đã được bổ thụ từ một chức trở lên, đều không được dự vào thi Hội ; nếu có người văn học rộng suốt, một khi đã được bổ thụ, dù lòng muốn thi kỳ "Xuân thí"⁽¹⁾ cũng không thể được ! Nay xin : không cứ quan trong, quan ngoài, từ ngũ phẩm trở xuống, có chân "cử nhân xuất thân" tình nguyện thì đi thi Hội, thì được giao việc ấy cho bộ Lễ bàn rồi tâu lên". Đến đây, quan ở bộ tâu rằng : "Thi Hội thực là thịnh điển kén chọn người tài, điều lệ năm Minh Mệnh thứ 6, điểm duyệt văn lý chia làm 4 hạng ưu, bình, thứ, liệt ; đến năm thứ 10, đổi nghị, định ra phân số (phạm văn lý nên ở hạng ưu thì cho 10 phân hoặc 9 phân ; nếu ở dưới hạng ưu thì cho 8 phân hoặc 7 phân ; ở hạng bình là 6 phân hoặc 5 phân ; hạng bình thứ là 4 phân hoặc 3 phân ; hạng thứ là 3 phân hoặc 1 phân ; hạng liệt là không được 1 phân). Thi Hội so với thi Hương, thực là trọng hơn. Hướng chi điều lệ thi Hương chỉ chia làm 4 hạng ưu, bình, thứ, liệt, mà thi Hội định ra phân số thì từ 7 phân đến 10 phân là hạng ưu cả, từ 3 phân đến 6 phân là hạng bình cả, 1 phân 2 phân là hạng thứ cả, tính số chẳng là lại rộng ư ? Quan khoa đạo chỉ lấy khoa năm nay, trường trong, trường ngoài cho điểm khác hẳn nhau, rồi bảo cho phân không bằng định hạng, thì như năm trước, trường thi Hương Nam Định : hạng Cử nhân là Doãn Uẩn, quyển thi kỳ đệ nhất, quan trường trong phê liệt mà quan trường ngoài đổi làm hạng ưu, cách nhau xa lắm ! Đó cũng vì chấm bài thi, ý kiến không giống nhau thôi, vẫn chưa thấy định hạng là hơn hẳn cho phân, thì sao phải bỏ cái này mà lấy cái kia ? Xin từ nay : phạm chấm bài thi Hội, nên theo như lệ năm Minh Mệnh, trong đó, quyển thi nếu trường trong, trường ngoài cho điểm khác nhau, phải tâu lên đợi Chỉ định đoạt. Còn như lệ cũ, các cử nhân, giám sinh ở quê nhà và chờ bổ, đều được thi Hội : người nào đã bổ thụ quan chức thì không được thi, thực là lấy sự thi đỗ để làm bậc thang ra làm quan ; các nhân viên khoa mục, đã được triều đình bổ dụng, làm quan đến ngũ phẩm, há nên lại vào thi Hội ? Trong đó, lục phẩm trở xuống, như các viên nha thuộc ở Kinh, các viên phủ huyện, ở ngoài các trấn, đều có chức vụ ; nếu đều cho thi Hội thì sự làm việc ở các bộ, viện thành ra thiếu người chuyên trách, mà các viên tạm làm việc ở các phủ huyện, hơi một tý đã viết giấy lên xin, như thế thì rất là phiền. Duy chức giáo thụ, huấn đạo, quan thì thấp kém, chức thì ít việc. Tra xét điển lệ nhà Thanh, cử nhân bổ giáo chức, được dự thi Hội. Vậy xin : từ nay đến khoa thi Hội, các giáo thụ, huấn đạo do cử nhân, giám sinh xuất thân, có tình nguyện đi thi đều do quan địa phương cấp bằng về Kinh : nếu dự hạng trúng, cho ở lại thi diện ; không trúng, đều về nhận chức cũ". Nghị này dâng lên, vua cho giáo chức cũng có người tú tài xuất thân, nếu biết nhân dạy học mà học thêm, tình nguyện quyết đỗ khoa này, đều chuẩn cho đi thi Hội để rộng đường khoa cử. Ngoài ra theo nghị mà thi hành.

(1) Xuân thí : tức thi Hội.

Chuẩn định phân số lấy đồ kỳ thi Hội. Trước đây vua bảo bộ Lễ rằng : "Về thi Hội, lệ định văn lý 10 phân trở lên là trúng cách, đôi khi có quyển thi được 8, 9 phân mà văn lý trội hơn, chuẩn cho tâu lên đợi Chỉ. Những người đồ Phó bảng, văn lý phải được 4, 5 phân trở lên mới được dự ; thế mà trước có người văn lý chỉ 3 phân mà cũng được dự ! Như vậy lấy đồ còn quá rộng, nên châm chước bàn rồi tâu lên". Đến đây, bộ Lễ tâu rằng : "Khoa thi Hội, là thịnh điển chọn người tài, tất phải cân nhắc kỹ lưỡng xứng đáng, cốt được người thực tài mới được biên làm phép nhất định. Năm Minh Mệnh thứ 13, nghị định văn thể ba kỳ ; năm thứ 16, chước định bài thi kỳ thi Hội, văn lý ba kỳ tính suốt được 30 phân trở xuống, 10 phân trở lên, đem vào hạng trúng cách ; 1 kỳ không được phân nào mà 2 kỳ tính suốt được 10 phân trở lên và 3 kỳ tính suốt không đủ 10 phân mà văn thể đầy đủ, tính suốt được 3, 4 phân trở lên đến 9 phân thì lấy làm Phó bảng ; sau này cũng có văn thể 3 kỳ tính suốt được 5 phân trở lên mà được dự trúng cách, là đến khi ấy đặc ân ban ra, không thể vin để làm lệ được. Còn như Phó bảng cũng có 3 phân mà được dự, thực là phép lớn buổi đầu, mở ra con đường rộng rãi, để ngụ ý hay về khuyến khích nâng đỡ nhân tài. Nhờ nay đạo hóa sẵn có từ lâu, nhân văn rất thịnh, học giả bốn phương tranh nhau tự trau giồi giùi mài, các trường thi, văn lý có thể được 4 - 5 phân trở lên, tin rằng không ít. Và lại, năm Minh Mệnh thứ 19, vâng dụ vua, kỳ thi Hội, theo từng kỳ chấm bài, quyển nào văn lý tuy tầm thường mà chưa đến nỗi tỳ tích hoặc nhảm thì phê cho 1 phân cũng không hại gì, hồng để dành bước về sau, đợi sau khi tính suốt tất cả đều không đáng lấy, lại đánh hồng cũng chưa muộn ; suy thế thì ba kỳ tính suốt được 3 phân, phần nhiều là quan trường cân nhắc hơi rộng, tạm để từng bước, cho được dự có phân số thôi, chưa hẳn là người học rộng ; nếu cứ lấy rộng, sợ chưa thỏa đáng. Nay xin : phạm văn lý ba kỳ, tính suốt được 10 phân trở lên, để vào hạng trúng cách ; ba kỳ tính suốt được 8 - 9 phân mà văn lý trội hơn, sẽ do quan trường đến khi ấy tâu lên đợi Chỉ. Ngoài ra văn lý ba kỳ phải tính suốt được 4 phân trở lên đến 9 phân và một kỳ không được 1 phân mà hai kỳ tính suốt được 10 phân trở lên, mới được lấy làm Phó bảng ; nếu 3 kỳ tính suốt được 3 phân và 1 kỳ đã không được 1 phân mà 2 kỳ chỉ được 9 phân trở xuống đều không được qua loa lấy rộng. Như thế thì cân nhắc thích đáng, thi đồ được người, mà người không có tài không được lạm tiến". Nghị này được vua nghe theo.

Phủ thuộc của Sơn Định quận công Miên Cung cùng với phủ thuộc của Hòa Quốc công Miên Quân đánh nhau. Việc ấy đến tai vua. Vua giao cho Tôn nhân phủ hội đồng với bộ Lễ xét hỏi. Miên Cung phải phạt bổng 1 năm, Miên Quân phải phạt bổng 3 tháng ; sư bảo Lê Đăng Doanh, giáo đạo Hồ Văn Nghĩa đều phải giáng cấp ; kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Thọ Xuân công Miên Định, Ninh Thuận công Miên Nghi, Phú Bình công Miên An, Tả hữu tôn khanh Tôn Thất Nghị, Tôn Thất Bạch đều truyền Chỉ ban quở.

Ngày Canh Thân, ngày kỵ ở điện Hiếu Tư, vua thân đến làm lễ. Ngày hôm ấy, gặp tiết lập xuân, đổi định lấy ngày hôm sau làm lễ nghinh xuân, tiến xuân. Nhân dụ cho bộ Lễ : "Nếu ngày lập xuân gặp vào ngày kỵ, thì trước nhật kỳ ấy, phải tâu lên xin chỉ, chớ nên ấn định".

Định rõ lệ xướng tế của các viên ở Bộ, ở Tự. Trước đây, đến ngày hưởng tự, bộ Lễ phái thuộc viên và lang trung, viên ngoại lang ở Thái thường tự sung làm xướng tế không đủ, sẽ tư các nha, lấy quan tứ, ngũ phẩm để thay. Đến đây, vua dụ rằng : "Bộ, Tự giữ việc xướng tế, đó là chức vụ ; còn thuộc viên các nha ngày thường không phải chức vụ, sao có thể quen việc cả được ?". Bèn định lại : Phạm ngày hưởng tự ở các miếu, vua đến làm lễ, thì nội tán, ngoại tán 4 người, lấy ở Thái thường tự thuộc bộ Lễ, quan tứ, ngũ phẩm 2 người, quan lục phẩm 2 người, sung chức xướng tế. Ngoài ra, xướng tấu nhạc chương và xướng truyền thì lấy quan thất phẩm trở xuống ở Tự ấy, Bộ ấy sung vào, không phải tư lấy thuộc viên các nha làm gì".

Ân chuẩn cho Đoàn Văn Thu được nối phong tước Diên Hựu nam. Ông nội Văn Thu là Đoàn Văn Trường trước được phong tước tử ; cha Văn Thu là Đoàn Văn Sách được nối phong tước nam, sau khi chết được tặng phong tước bá. Chiếu lệ ân ấm cho con cháu công thân, thì Văn Thu chỉ được ấm thụ chức Hiệu úy vệ Cẩm y, không được nối phong tước. Nhưng vua nghĩ : đó là một nhà nối đời tốt, có công lao ở đời, công của Đoàn Văn Sách so với người khác được phong tước có khác, nên mới ra ân chuẩn cho Văn Thu được nối phong tước nam, vẫn ấm thụ chức Hiệu úy vệ Cẩm y, để tỏ ân cách.

Đối các ty Bưu chính, Hỏa dược, Thương bác pháo đều thuộc bộ Binh (Binh bộ Bưu chính ty, Binh bộ Hỏa dược ty, Binh bộ Thương pháo ty, đều đứng đầu bằng tên bộ). Việc này được định làm lệ.

Bộ Công tâu rằng : "Ty Tiết thận ở Nội vụ, ty Chế tạo ở Vũ khố, ty Doanh thiện ở Mộc thương, các chức viên như lang trung, viên ngoại lang cho đến các viên thuộc, được thụ quan hàm, xin nêu trên đầu bằng tên ty thuộc bộ Công". Vua đã chuẩn y lời xin ấy, rồi lại dụ rằng : "Chức viên lại dịch ba nha Tiết thận, Chế tạo, Doanh thiện tự có ty chuyên trách, trước đã cấp ấn riêng, lập chương trình rõ ràng, từ trước đến giờ, bổ thụ chức hàm đều lấy lang trung, viên ngoại lang bộ Công sung làm đốc công, đó là mượn hàm sung bổ. Quan chế về ba nha, đặt chức hàm giám đốc, phó giám đốc, rõ là không thuộc bộ nào, so với ty Hỏa pháo thuộc bộ Binh, sự thể không giống nhau ; hưởng chi giấy tờ lĩnh nộp của ba nha, theo lệ, do bộ Công xét nhận. Nếu nhất khái cho đứng đầu bằng tên ty của Bộ thì không phải là cái ý cùng ràng buộc, cùng giữ gìn. Chuẩn cho các viên dịch ba nha đều theo như cũ".

Ngày Nhâm Tuất, làm lễ Hạp hưởng.

Định rõ cách thưởng về việc bắt kẻ phạm. Năm Minh Mệnh thứ 21, nguyên Án sát An Giang Nguyễn Nhật Thanh dâng tâu : về thưởng cách bắt kẻ phạm, theo lệ năm Gia Long, có từ 20 quan đến 100 quan ; năm Minh Mệnh thứ 21 lại định có từ 5 lạng đến 100 lạng. Gần đây bàn qua, lại có 6 quan hay 10 quan, không theo hạng nào ; sau khi thi hành, không giữ theo được. Nay xin : giao bộ Hình châm chức lệ cũ, phân tích bàn định cho rõ thống nhất. Đến đây, bộ Hình tâu rằng : "Kẻ phạm, có kẻ thủ phạm, kẻ tòng phạm ; người bắt có khi khó, có khi dễ, thực khó ấn định từng điều, xin tạm đến khi ấy tùy án chức định". Vua bèn sai đình thần xét định lại. Họ đều cho rằng bắt kẻ phạm có thưởng, vì muốn để cho người biết đó là khuyến khích. Tham chiếu các điều luật về mưu phản, mưu叛, tự thú và lệ định nhiều lần dưới thời Gia Long, Minh Mệnh, thực tin đã rõ ràng. Duy kẻ phạm bị bắt và người đi bắt, sự trạng đều khác, không phải điều luật có thể chép được cả. Nếu nhất khái ấn định, thì lấy lệ nhất định mà đối với việc vô cùng, sau khi thừa hành, có thể ngăn trở. Vì thế, từ trước đến giờ, bàn qua các án, đều tùy việc chức định để được thích đáng. Nay xin : phạm bắt được kẻ phạm, nếu có thưởng cách định rõ, thì theo Chỉ thưởng cho. Ngoài ra, nếu giặc phạm tội ăn cướp, đào mỏ, bắt người đòi chuộc, mà người bắt các kẻ phạm ấy là người thường thì nên được thưởng cách. Và, kẻ tòng đảng đào án, bắt được chánh thứ yếu phạm là đầu đảng cùng với đồng bọn mà giải lên quan thì được chia đôi thưởng một nửa, thực hợp điều luật và lệ định năm Gia Long, Minh Mệnh thì theo như luật lệ thi hành. Còn như kẻ phạm, có tội nhẹ, có tội nặng và người đi bắt, hoặc quân đi bắt hay tổng lý làm việc bốn phận, hoặc người ngoài biết sự tình tố cáo để bắt, xin theo nghị cũ của bộ Hình, đến khi ấy do quan địa phương xét rõ sự trạng tâu lên, đợi Chỉ khen thưởng. Nghị này được vua chuẩn y.

Quyền Án sát tỉnh Quảng Bình Trịnh Quang Khanh chết ; truy tặng hàm Thị lang, gia cấp 200 quan tiền. Lấy : Lang trung bộ Lại kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tả tá lý Tôn Thất Chính điệu bổ làm Án sát tỉnh Quảng Bình ; quyền Lang trung bộ Công là Tôn Thất Bồi điệu bổ quyền Lang trung bộ Lại kiêm Tôn nhân phủ Tả tá lý ; Viên ngoại lang bộ Công là Tôn Thất Vy quyền Lang trung bộ ấy.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XLVI

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Ất Tỵ, Thiệu Trị năm thứ 5 [1845] (ngang với năm Đạo Quang thứ 25 nhà Thanh), mùa xuân, tháng giêng, mồng một, ngày Quý Hợi.

Vua đem các quan đến châu cung Từ Thọ. Làm lễ xong, vua ngự điện Thái Hòa, nhận lễ mừng, cho các quan ăn yến có thứ bạc.

Vua ngự điện Đông Các, triệu đình thần vào hầu, cho ngồi, ban cho nước trà, đưa cho xem bốn chữ "Trung, cần, phúc, thọ" do vua viết. Rồi hạ lệnh giao khắc in để ban cấp. Nhân đó sai Thượng thư bộ Lễ Nguyễn Trung Mậu đọc bài thơ vua làm kỷ niệm ngày vui tết Nguyên đán, trong bài thơ có câu : *Lộ bất thập di, y thực túc ; Gia vô bế hộ quản huyền doanh*⁽¹⁾.

Vua bảo rằng : "Nay, trong ngoài yên ổn, gần đây Kinh kỳ và ngoài Kinh kỳ, văn phong rất thịnh, con em các nhà không ai là không đi học, tiếng đàn tiếng hát khắp cả thôn quê, thực là văn chất đầy đủ, văn học ngày càng tiến". Bèn sai Nội các và viện Hàn lâm biên tập bộ *Vận thư*.

Vua thường bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : "Đọc sách có ích rất nhiều. Trẫm gần đây xem sách *Vận phủ*, xét trong *Tự điển*, sách ấy còn thiếu sót nhiều. Nay nhà nước nhàn rồi, phong nhã rất thịnh, trẫm muốn sai quan khảo cứu

(1) Nghĩa là : Ai nấy đủ ăn đủ mặc, đi đường không ngại của rơi. Nhà nào cũng vang tiếng quản huyền, cổng ngõ [đem đến] không phải đóng.

so sánh làm thành bộ sách đầy đủ của nước Nam ta, để giúp những người hậu học". Nhân xuống dụ rằng : "Trăm những khi rồi việc vẫn để ý đến điển phần⁽¹⁾, ban đêm xem sách, sách nào cũng nghiên cứu kỹ lưỡng. Có lúc xem đến những sách, văn chương cũng dò tới gốc nguồn để tìm tòi chí ý. Kể ra, ba trăm bài thơ ở Quốc phong và Nhã tụng trong *Kinh Thi* và thơ thất ngôn của thể Bách lương⁽²⁾ ; áp ủ trong lòng thì là chí, phát ra lời nói thì là thơ, đều có âm vận mới được. Trước đời nhà Hán, loại sách âm vận vẫn chưa có. Sách *Vận thư* bắt đầu có từ đời nhà Ngụy ; đến Đường, Tống mới sáng tỏ, đời Minh, Thanh mới rộng thêm, đều gọi là "Bội văn vận phủ". Nhưng trăm từng xem các sách, khảo cứu ở *Tự điển*, thì biết sách *Bội phủ* còn thiếu ; trước nhân làm thơ, cũng đã biết rõ việc này. Nay giao cho Nội các và viện Hàn lâm đều phái thuộc viên đem sách *Vận thư* các đời, tham khảo với *Tự điển*, phạm những chỗ sai lầm, thiếu sót trong *Vận phủ*, chưa rõ trên giấy, thì sửa lại chỗ lầm, bổ thêm chỗ thiếu, cốt cho từng chữ, từng nghĩa, từng âm, từng vận đều được tụ hội rõ ràng. Giúp các văn nhân tâm thường được dễ hiểu. Nhưng không cần chú dẫn nhiều đến nỗi xếp đầy xe để trâu phải đổ mồ hôi vì kéo mệt. Nếu những chữ ít khi dùng thì quy theo âm vận, nên dẫn chú thích cổ, âm và nghĩa rõ ràng, gọi là "*Thiệu Trị văn quy tự vận hội tập*", để ban ơn tốt cho học trò, làm cho văn trị được rục rờ".

Cắt bỏ bọn Đô thống ở Hậu quân Đô thống phủ là Ninh Lạc nam Nguyễn Tiến Lâm làm Đô thống ở Tả quân Đô thống phủ ; Đô thống Thủy sư ở Kinh kỳ là Vũ Văn Giải làm Đô thống ở Hậu quân Đô thống phủ, vẫn sung thống quản Thị vệ đại thần cai quản các thái giám ở cung, các giám và các viện ; Thống chế dinh Vũ lâm Hữu dực là Vũ Khê tử Tôn Thất Bất thăng quyền chức Đô thống ở Tiền quân Đô thống phủ ; Thống chế dinh Hồ oai là Hoàng Văn Hậu được điều bổ làm Thống chế dinh Vũ lâm Hữu dực vẫn kiêm quản ấn triện dinh Hồ oai.

Định lại lệ đi đứng khi vào châu hầu của hoàng thân. Lệ cũ, các hoàng thân và những người họ ngoại của vua, khi vào trong hoàng thành, đều không được đi kiệu và mang nhiều thuộc viên trong phủ ; đến đây, vua dụ Nội các rằng : các thân công như Kiến An, Định Viễn, Diên Khánh, Điện Bàn, Thường Tín, An Khánh, Từ Sơn đều là chú của trăm, là bậc tuổi nhiều, đức thịnh, phiên thân của nhà vua, đều cho đi kiệu ở trong hoàng thành, đến cửa Nhật tinh, Nguyệt anh và các cửa tả dịch ở viện Đãi lậu bên tả, bên hữu thôi. Trong đó, lại cho các ông Kiến An, Định Viễn, Diên Khánh, Điện Bàn đều là những bậc tuổi ngày càng nhiều, được mang 2 - 3 người thuộc viên trong phủ theo hầu, để phòng sai gọi, tỏ ra có sự biệt đãi khác người.

(1) *Điển phần* : sử sách cổ.

(2) *Thể Bách lương* : một thể thơ được đề xuống từ đời Hán Vũ đế ; thơ thất ngôn, mỗi câu đều có vận.

Lại dụ : Thái trưởng công chúa đã được phong, vào cửa hoàng thành được mang thêm ba phu kiệu, vào cửa cung thành được mang thêm hai người lão tỳ ; Thái trưởng công chúa chưa được phong, vào cửa hoàng thành được mang thêm hai phu kiệu, vào cửa cung thành được mang thêm một người lão tỳ.

Sai Thị lang bộ Lễ Lê Khiêm Quang thanh tra Nội vụ phủ ; quyền Lang trung bộ Công Tôn Thất Vỹ thanh tra kho Tiên Thọ môn. Lại định khổ lại cứ 3 năm một lần đổi. Việc này được đặt làm lệ mãi.

Cho thự Tổng đốc Ninh - Thái Nguyễn Cửu Đức làm Đề đốc tiểu bộ quân vụ. Trước đây, Bố chính sứ Tuyên Quang Hồ Hựu đi trước đến châu Chiêm Hóa, giặc Khải trốn chạy sang địa hạt nhà Thanh ; được vài tháng có bọn giặc khác đốt cháy đồn Ân Quang, tàn sát người coi đồn là Nguyễn Văn Biểu, và Lại mục ở đồn là Nông Đình Đại. Hựu sợ hãi, tâu xin nhận tội và xin thêm quân. Vua bảo rằng : "Bọn Hựu lĩnh binh mã đến hơn 800, không biết xem cơ hội để bắt giặc, để cho ngọn lửa tàn của giặc lại bùng cháy, thế là hèn kém quá lắm ! Vả lại, bọn giặc không có tài giỏi gì khác, nên sớm dập tắt, không để kéo dài". Bèn sai Nguyễn Cửu Đức mang theo 1.200 binh tinh Bắc, đi gấp đến Tuyên Quang, đốc thúc việc quân. Lại phái thêm Lãnh binh Nam Định Nguyễn Văn Tiến đem nửa vệ lính thú, một cơ lính tinh ; Phó quản cơ Đình Công Trọng đem 300 quân cơ Sơn dưng (người ở Mỹ Lương) đều phụ thuộc vào ; cho từ Hồ Hựu trở xuống đều theo sai phái. Án sát Lê Dục Đức điều vận đồ quân nhu. Khi Đề đốc Nguyễn Cửu Đức đã đến, hiệu lệnh nghiêm minh, có một tên lính, ban ngày, cướp của nhà dân, bèn chém ngay, đem rao khắp trong quân. Từ đấy, ba quân nghiêm chỉnh. Người ở địa phương ấy đều nói : "Biểu và Đại trước lấy nê đi bắt giặc, nhưng cướp bóc, đâm càn, kết đảng với côn đồ nhà Thanh làm loạn ; dân địa phương không thể chịu được !". Cửu Đức đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : "Biểu và Đại, chết không hết tội ! Đáng lạ là Hồ Hựu đã lâu không công trạng gì, nên tạm giáng trước bốn cấp, để cho dớt tội lập công ; nếu vẫn hèn kém như trước, thì bắt để trị tội cũng chưa muộn". Cửu Đức bỗng gặp tang mẹ, vua dụ cho ở lại, đợi khi việc xong, cho về làm ma, há chẳng là được cả trung lẫn hiếu ?

Tha và hoãn cho thuế trốn thiếu của tỉnh Thừa Thiên và tỉnh Quảng Trị. Vua cho rằng hai hạt này, mùa thu năm trước bỗng gặp bão lụt, đời sống chưa đầy đủ, nên chuẩn cho số tiền và thóc chính cung thiếu đã lâu, từ năm Minh Mệnh thứ 21 trở về trước, đều được tha cả. Số thuế thiếu đã lâu, từ năm Thiệu Trị thứ 2 trở đi, cho triển hạn đến sang năm đem nộp. Dân hạt Thừa Thiên, số thóc gạo lĩnh vay năm ngoái, đều được tha cho cả. Hai hạt đều thôi một lần, không phải tuyển lính.

Ngày Canh Ngọ, tế Xuân hưởng.

Bắt đầu làm "sắc mệnh ngọc bài" (ngọc bài 4 chiếc, thân bài đều dài 1 tấc 9 phân, bề ngang 1 tấc 3 phân 6 ly, dày 2 phân ; cán bài đều dài 1 tấc 8 phân, chung quanh trạm trở rỗng mây, 2 mặt khắc 4 chữ chân phương "ngự tiền sắc mệnh"). Phàm các việc lớn nhỏ như bất kỳ tuyên triệu các quan, truyền thị quân lệnh, trung điều quân đội, báo đạt quan thành, hình phạt nghiêm răn, khen thưởng khuyến khích, tiếp quan hầu túc vệ, trung sứ mang ra truyền Chỉ, đều coi như "Vương mệnh bài".

Ngày Ất Hợi, làm cung Bảo Định ở phía nam vườn Thường Mậu ; chính điện gọi là Long An ; đằng sau điện làm thêm các Minh Trung ; phía trước các làm đài Trùng Phương ; phía sau làm các hiên nhỏ gọi là hiên Đạo Tâm ; (trước gọi là hiên Đạo Thống), phía tả các gọi là viện Chiêm ân ; phía hữu gọi là viện Nhuận đức ; đằng trước điện có đông vu, tây vu ; phía nam điện gọi là cửa cung Bảo Định ; phía bắc gọi là cửa Mỹ Thành. Các tường, cửa viện vũ bên tả bên hữu đều đặt bằng chữ hay. Sai Trung quân chương phủ Tạ Quang Cự, Hậu quân Đô thống Vũ Văn Giải, Thượng thư Hà Duy Phiên trông coi việc này. Viện Đô sát, Lục bộ phái thuộc viên theo đi làm việc ; bộ Binh chọn những quân vệ, suất đội, thân, cấm binh được việc, lượng phái đi để sung làm việc.

Vua bảo Hà Duy Phiên rằng : "Cung này là kế hay muôn năm, để làm cả chỗ nghỉ chân hàng năm đi cày ruộng tịch điền, không những chỉ để làm chỗ vui chơi mà thôi". Sau lại phái thêm Tả quân Đô thống Nguyễn Tiến Lâm, thự Chương vệ Nguyễn Phụng hội đồng đốc thúc công việc. Lại dụ nên cốt phải chất phác, không cần lộng lẫy xa xỉ. Vua lại thường đến xem xét, thưởng cho : từ quan trông coi đến các nhân viên theo đi làm việc, ngân tiền 134 đồng ; lính và thợ 3.000 quan tiền. Dụ cho các quan trông coi phải định kỳ hạn rộng rãi, không nên ngặt quá.

Tết Nguyên tiêu. Thị vệ bộ Lễ theo lệ cũ, tâu lên xin Chỉ. Vua bảo rằng : "Tết Nguyên tiêu, đời xưa gọi là tết tốt ; ngày nay nhà nước nhàn rỗi, không ngại gì việc thưởng vui theo tục xưa, nhưng lòng ta lấy sự chăm lo làm chính, không lấy sự ăn chơi làm vui. Từ nay trở đi các tết lớn như Vạn thọ, Chính đán, Đoan dương, Đông chí, đều theo lệ làm việc ; ngoài ra các tiết vui các mùa hàng năm, đều trước ngày ấy 5 ngày, tâu lên đợi chỉ, không được nhất khái câu nệ lệ cũ, vì lệ cũ không phải là ý của ta".

Phát tiền ở kho dự chứa ở phủ nha Thừa Thiên. Từ trước đến nay, đặt tiền mua các vật hạng, sau khi đem nộp hàng mới lĩnh tiền ở kho chuyển cấp cho. Vua nghĩ : dân thường, tiền vốn không nhiều, vật hạng đã nộp nhà nước, mà chưa được trả tiền ngay, không khỏi tình hình quẩn bách ; bèn sai xuất tiền kho một vạn quan dự trữ ở phủ, phàm có đặt tiền mua thì trả tiền ngay trước mặt người ấy. Việc này được đặt thành lệ mãi.

Vua bảo thị thân rằng : "Chính sự nhà Thanh, gần đây, thực không đáng kể ! Trăm vừa rồi xem báo, thấy nhà Thanh phải chi số tiền trả cho nước Anh Cát Lợi, tiền trong kho hầu hết, sao tôi tàn thế. Thậm chí bán quan, buôn ngục, không việc gì không làm ! Giặc cướp, mưa đá, tai dị luôn luôn xảy ra... Ý hẳn đó là đời mặt vận chăng ?".

Cho Thiêm sự phủ Thiếu thiêm sự, quản lý Nội vụ phủ là Lê Văn Du thăng quyền Thị lang Nội vụ phủ.

Cho : Phó vệ úy vệ Cẩm y là Trần Kim thăng quyền Chỉ huy sứ ty Đô chỉ huy sứ ở vệ ấy, chuyên coi các đội Trường trực, Thường trực ; Cai đội thứ chín, vệ Khinh kỵ là Dương Đức Hương thăng Thành thủ úy sung Hiệp quản vệ Khinh kỵ.

Khuyên răn rõ các quan đại thân vào túc trực. Lệ cũ, đường quan Lục bộ và viện Cơ mật đều chiếu phiên lần lượt vào túc trực ; gần đây các quan thượng thư và đại thân trong viện thường thường vắng mặt.. Vua bảo rằng : "Đại thân vào túc trực là để hầu vua, phòng khi hỏi han, nên sớm hôm không biếng nhác, để dẫn đầu các quan ; không ngờ lâu ngày sinh nhác, thường lộ sự vắng thiếu ! Thượng thư Đặng Văn Thiêm, Tôn Thất Bạch ; Đại thân viện Cơ mật Hà Duy Phiên, Nguyễn Trung Mậu, Phan Thanh Giản, đều truyền Chỉ nghiêm quở".

Ngày Nhâm Ngọ, ngày duyệt binh trọng thể. Lại sai cho diễn tập trận voi, trận ngựa và trận pháp thủy bộ. Vua cho rằng quân lính có thể nghìn ngày không dùng, không thể một ngày không tập luyện. Ngày nay, nước nhà nhàn rỗi, các hạng binh hiện ở đội ngũ trong Kinh, phải nên để thì giờ mà diễn tập cho tinh thực. Bộ binh thì chuẩn cho viên thống quản thao diễn ở giáo trường : phép bắn, phép bày trận ; thủy sư cũng do viên thống quản ấy chiếu lệ thao diễn binh thuyền ở bờ phía nam sông Hương, dạy cho bắn súng trường, súng đại bác, và khi ngồi, khi dậy, khi đi, khi đứng để cho biết phép đánh bộ, đánh thủy, cốt cho kỹ thuật và võ nghệ đều tinh để phòng khi cần dùng đến.

Bố chính tỉnh Quảng Yên là Vũ Doãn Cung, Án sát Đặng Kim Giám có tội, phải mất chức. Ghênh Chá Mang, châu Vạn Ninh tiếp giáp với địa giới nhà Thanh, từ trước chỉ đặt một điểm canh, bắt dân canh giữ. Người ở châu ấy là Cao Uẩn Phác lót tiền cho người anh vợ bé Doãn Cung là Trần Thịnh Trạch để cầu cạnh giữ điểm canh ấy, rồi tự tiện thu thuế muối, sách nhiễu dân ; lại vượt sang địa giới nhà Thanh quấy rối, bị quan ở châu Khâm bắt được, tư sang để tra xét. Đặng Kim Giám cho là đưa tờ tư không hợp lệ, bác đi không xét xử. Việc ấy vỡ lở. Vua sai Thị lang bộ Hình là Trương Văn Uyển, Lễ khoa Cấp sự trung là Hồ Trọng Tuấn đến trước tra xét. Khi xử án xong, Uẩn Phác bị xử chém bêu đầu, Thịnh Trạch bị xử chém nhưng giam để chờ lệnh, Doãn Cung phải phạt trọng tội bạc và tội đồ, Kim Giám phải

cách chức nhưng cho "hiệu lực"⁽¹⁾ để chuộc tội. Vua cho Án sát Sơn Tây Phạm Huy thăng thự Bộ chính tỉnh Quảng Yên ; Hồ Trọng Tuấn thăng thự Án sát tỉnh Quảng Yên ; quyền Công khoa Chương ấn Cấp sự trung Nguyễn Văn Diễm bổ thụ Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ thăng thự Án sát tỉnh Sơn Tây.

Bắt đầu cấp tiền công nhu cho đồn thuế quan Vạn Ninh tỉnh Nam Định. (Cả năm 20 quan, vì có năm nay tỉnh phái người đến đấy ngồi thu).

Ở Kinh sư ít mưa. Sai Tả tham tri bộ Lại là Nguyễn Đức Hoạt cầu đảo ở miếu Vũ Sư, chỉ được mưa nhỏ ; lại sai Thị lang Hoàng Tế Mỹ đến miếu Đô thành hoàng cầu đảo, vài ngày thì được mưa ; đều sai phát hương, lụa trong kho đến lễ tạ.

Đổi gọi con voi "Lân tượng" là "Thái bình tượng", sung làm voi để vua ngự.

Cho Hữu tham tri bộ Hộ là Phạm Thế Hiến do bản chức kiêm quản công việc ở Vũ khố (vì có người trông coi là Trần Văn Nguyễn đi công xuất).

Thư lại Đại lý tự Trần Hữu Nhâm thông đồng với thư lại vệ Dực bảo Nguyễn Ái Quyền lừa gạt lấy tiền của tù, nói dối là đem lót quan Phó đô ngự sử trước Hà Thúc Lương. Việc vỡ lở, Ái Quyền bị tra hỏi, lại đổ vu cho Lang trung bộ Hình Nguyễn Trọng Nguyên đòi ăn của lót.

Vua bảo quan Nội các rằng : "Pháp ty là nơi tụ hội việc hình án ; gần đây, nhân dân thường thường kiện lại, tuy thói điều ngoa đáng ghét, nhưng ở Kinh sư, là nơi quan lại có danh tiếng này, trẫm cũng không thích nghe nói đến những việc như thế !". Bèn sai giao cho bộ Lại, bộ Binh tra xét. Việc gian bị phát lộ hết. Trần Hữu Nhâm bị giết, Nguyễn Ái Quyền cũng phải tội chết. Việc của Hà Thúc Lương và Nguyễn Trọng Nguyên mới được rõ ràng.

Tỉnh Hà Nội có người tên là Nguyễn Quý Minh, vô nghề nghiệp, không nơi nương tựa, bị người đi "hiệu lực" tỉnh ấy là Lê Đức Tuấn lừa dối, dụ mưu làm giặc, dắt dứ làm giấy tờ ngụy, suy tôn người cùng tỉnh là Bùi Viết Đức làm Thủ tướng, đưa giấy đi chiêu dụ người vào đảng. Đức Tuấn lại lừa dối người cùng bọn, ngầm đưa cho chiếc ấn ngụy, rồi mật đi tố cáo với Tổng đốc Hà - Ninh là Mai Công Ngôn thân đi bắt được. Việc ấy vỡ lở. Giao cho quan tỉnh ấy tra xét phân xử. Rồi quan ở khoa đạo là Lê Dân và Phạm Chân tâu rằng : "Nghe nói việc ấy làm lụy đến người không tội, xin phái quan ở Kinh cùng hội tra". Vua bèn sai quyền Lang trung bộ Hộ là Trần Kinh Vỹ, Viên ngoại lang viện Cơ mật là Nguyễn Văn Mưu cùng đi ; rồi sai trích giải kẻ yếu phạm giao ty Tam pháp xét lại. Quý Minh, Viết Đức và Đức Tuấn đều phải kết án trọng hình, cho tạm giam, sau lại tha.

(1) *Hiệu lực* : cố hết sức làm việc để chuộc tội.

Phái viên thuyền Kim Ứng trước là Nguyễn Nhược Sơn, Khang An, Đoàn Huy Diệu đi việc công về. Bọn Nhược Sơn năm ngoái đưa quân bị nạn về Trung Quốc, làm việc phần nhiều không đúng, lại mang hàng hóa về cho các tư gia. Vua giận về nổi bỏ việc công, mưu việc riêng, sai phạt trọng ngay ; lại khóa tay giao bộ Hình trị tội. Quan khoa đạo là Mai Đức Thường, Nguyễn Hữu Hòa tâu nói : "Tội của bọn Nhược Sơn, giao cho quan tư pháp xét xử là đủ rồi ; chỉ sợ oai lói đình của vua đánh xuống, thì các quan ai cũng sợ hãi thất thố. Cúi xin nhà vua cẩn thận việc nhỏ khi mừng khi giận, để nuôi được phúc hòa bình. Lại xin định rõ thêm các điều cấm : phạm phái đi đường biển, không được mang nhiều hàng hóa riêng. Các hoàng thân, họ ngoại nhà vua cũng không được gửi mua hàng tốt đẹp".

Vua bảo rằng : "Từ trước đến giờ quan khoa đạo tâu bày các điều, điều nào đáng lấy thì được xét, điều nào không đáng lấy thì bỏ đi, chưa ai từng vì lời nói mà phải tội. Nay bọn Đức Thường trước thì bênh vực cho phái viên, sau lại nói đến mới lợi, đều phải giáng một cấp". Khi bộ Hình dâng bản án lên, bọn Nhược Sơn đều phải chuẩn cho tội đồ 5 năm.

Khâm thiên giám dâng "*Lịch hiệp kỳ*" năm Ất Ty, giao bộ Lại phân biệt nghị thưởng.

Vua xem chỗ suy tính phương vị 9 cung, so với lịch nhà Thanh có sai khác (sắc vàng nên ở cung *cấn* mà để vào cung *khảm*, sắc đỏ nên ở cung *khảm* mà để vào cung *cấn*) truyền Chỉ sức hỏi, quan ở giám tâu là viết lầm. Khi nghị ấy dâng lên, bèn định lệ thường cho quan trông coi việc ấy.

Tổng đốc Gia Định Lê Văn Phú tâu rằng : "Thuyền chở đường biển ở Nam Kỳ phái đi lĩnh chở ở Bắc Kỳ, đến cuối thu mới về, nhiều khi lỡ việc ; nay xin sắc cho quan ở bộ tra xét bàn định, từ nay trở đi hai kỳ đều cứ hạt nào chở nộp hạt ấy, sẽ không thêm lo". Việc này được giao cho bộ Binh và bộ Công bàn. Hai bộ cho rằng : "Binh thuyền các tỉnh thường có tỉnh nhiều, tỉnh ít, mà để chở vật hạng của kho công cũng không đều nhau. Đại khái số giải nộp ở Bắc Kỳ thì nhiều mà ở Nam Kỳ thì ít, hằng năm Bắc chở 2 lần, Nam chở 1 lần ; thuyền Nam đến Kinh còn sớm, nếu cứ cho về, cũng không phải làm gì, mà vật hạng của kho công ở Bắc Kỳ, thành để chất đống, cho nên lấy thuyền trong Nam chở [vật hạng công] ngoài Bắc, cũng là việc phái bát bát thường, chứ không ấn định. Nay nếu ở hạt nào lĩnh chở hạt ấy, thực e trở ngại khó làm. Hơn nữa, lời tâu của Lê Văn Phú chưa khỏi có ý tránh cho thuyền ở Nam Kỳ khỏi phải đi làm. Xin không chuẩn cho". Nghị này được vua chuẩn y.

Tháng 2. Vì ở Quảng Bình (huyện Phong Lộc và huyện Bố Trạch), Nghệ An (huyện Hưng Yên), Quảng Trị (huyện Minh Linh), bệnh dịch lại phát. Vua sai lập đàn tế cầu yên và phát thuốc để chữa.

Vua bảo bộ Lễ rằng : "Đàn Nam Giao, đàn tròn, màu xanh, nay đổi gọi là nhà đúc Hoàng khung, hai mặt bằng vải xanh, rường cột làm bằng gỗ tốt".

Làm tập *Ngọc điệp*. Lấy : Đông các Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lại là Vũ Xuân Cẩn sung làm Tổng tài ; Thượng thư bộ Lễ là Nguyễn Trung Mậu làm Phó tổng tài ; Hàn lâm viện Trực học sĩ là Đỗ Quang và Thị giảng học sĩ tham biện sự vụ Nội các là Nguyễn Cửu Trường sung chức Toàn tu. (Lễ cũ, chép dâng tả, lấy 4 người thuộc viên ở trong Nội các. Năm Thiệu Trị thứ nhất, lấy thuộc viên trong Nội các 2 người, viện Cơ mật 1 người, viện Hàn lâm 1 người ; năm nay lấy thuộc viên trong Nội các 3 người, viện Cơ mật 1 người). Trước kia, tập tâu của đình thần xin lấy Tôn Thất Bạch, Nguyễn Đức Hoat và Vương Hữu Quang sung cử vào các chức trên. Vua bảo rằng : "*Ngọc điệp* của hoàng triều, điển lễ to tát, phải được quan đại thần già cả và có học thức để làm". Lại sai cử lại. Danh sách dâng lên, vua cho là được. Bọn Cẩn am tường điển cũ, tùy việc sửa đổi bổ sung. Mỗi bản dâng lên, vua lại phê bảo, rất khen. Khi làm xong tập *Ngọc điệp*, vua thưởng cho các thứ sa, trầu và bạc lạng có từng bạc. (Cẩn được 3 súc sa màu, 2 cuộn trầu màu, 20 lạng bạc ; Mậu được 2 tấm sa màu, 1 cuộn trầu, 15 lạng bạc ; Quang được 2 tấm sa màu, 10 lạng bạc ; duy Cửu Trường bị can cấu, phải giao đình thần bàn, không được dự thưởng ; viết dâng tả, thuộc viên ở Viện, ở Nội các là Bùi Văn Trung, Nguyễn Kim Giám mỗi người đều được thưởng sa hoa nam 2 cuộn, bạc 7 lạng).

Sai quan làm tập *Tôn phả*, lấy Lê Thiện Trị, Tôn Thất Cẩm sung chức Toàn tu trong phủ, nhiều chỗ sai lầm, bọn Trị đều phải phạt.

Cho Tham tri bộ Lại là Nguyễn Đức Hoat, do bản chức, hiệp lý công việc Thủy sự ở Kinh kỳ. Hiệp lý trước là Nguyễn Văn Điển, gần đây làm việc lười biếng, cho nên lấy Hoat để thay.

Cho : Hồng lô Tự khanh biện lý công việc bộ Hộ là Trương Hảo Hợp bổ thụ Tả thị lang bộ Lễ sung chức Chánh sứ sang nhà Thanh ; Hàn lâm viện Thị độc học sĩ sung Biên tu ở Sử quán là Phạm Chi Hương đổi làm Hồng lô Tự khanh, và Nội các Thị độc là Vương Hữu Quang thăng thụ Thị giảng học sĩ sung làm Phó sứ nhất và nhì.

Phủ doãn Thừa Thiên là Vũ Đức Nhu phải tội, bị mất chức. Vì Nhu không soi xét, để cho đây tờ nhận của lót, tha kẻ tù phạm. Rồi đó, Nhu lại được gọi ra làm Chủ sự bộ Binh.

Cho : quyền Bố chính Thanh Hóa là Tôn Thất Hạp làm Hữu thị lang bộ Hộ ; Án sát Phạm Gia Kỳ, quyền Bố chính Thanh Hóa ; Lang trung ty Võ tuyển bộ Binh Trần Tiên Thành điệu bổ Án sát Thanh Hóa ; Bố chính Khánh Hòa là Trịnh Ngọc Lâm điệu bổ Phủ doãn Thừa Thiên ; quyền Bố chính Phú Yên là Ngô Văn Địch bổ thụ Bố chính Khánh Hòa ; Án sát Phú Yên là Nguyễn Hanh thăng quyền Bố chính

tỉnh ấy ; quyền Lang trung ty Kinh trực bộ Hộ là Nguyễn Hữu Cơ điều bổ quyền Án sát sứ Phú Yên ; Thị độc Hàn lâm viện Nguyễn Tiến Hội thăng quyền Lang trung ty Võ tuyền bộ Binh ; Giám sát ngự sử đạo Định - Biên là Nguyễn Hữu Độ thăng quyền Công khoa Chương ấn Cấp sự trung.

Sai Thủy sư Kinh kỳ quyền Chương vệ Nguyễn Văn Cúc đến Thanh Hóa, quản nhận và đáp chiếc thuyền Thọ Hạc đem về Kinh (do trước đây tỉnh Thanh chế tạo).

Đối sở Đồ thư ở Nội các làm sở Bí thư.

Sách công, sổ sách ở Nội các phần nhiều bị mối mọt. Việc này được giao đình thần nghị xử, Đường quan và thuộc viên phải giáng, phạt có thứ bậc. Sách công thì phải đền.

Bộ Lễ đem ngày giờ an táng Thiếu sư Nguyễn Đăng Tuấn chuyển tâu lên. Vua sai Từ tế sứ Tôn Thất Trật khâm mệnh đi đến, cho tế một tuần rượu ; lại cho một bài thơ vua làm để viếng và một đạo sắc để làm lễ phần hoàng, khi cho tuần rượu tế thì tuyên đọc lên ; còn một đạo giấy rỗng, phát giao cho con cháu nhận giữ để làm gia bảo mãi mãi. Lại dụ rằng : "Tiên sinh là bậc kỳ cựu ba triều, tuổi và đức đều hơn cả ; ngày trước, khi trẻ còn nuôi chính đạo ở Đông cung, phần nhiều nhờ tiên sinh trình bày đạo phải ; không ngờ tiên sinh ra đi lần này, trở thành vĩnh biệt ! Văn thơ này đều do trẫm sáng tác để làm vinh điển về việc trọng đạo, tôn hiền ; mà hành trạng trước sau, một lòng trung hiếu của tiên sinh đủ cả ở đấy, nên khắc vào đá, để mãi về sau". Bèn giao cho bộ Lễ, bộ Công bàn kỹ việc khắc bia, lần lượt chép bài thơ, lời dụ giao cho quan tỉnh khắc vào bia đá dựng ở quê hương tiên sinh, để đền đáp cái công là thầy học ngày trước.

Cho Vệ úy vệ Khánh Hòa là Hoàng Lý được điều bổ Phó lãnh binh Bình Định ; Phó quản cơ Khánh Hòa là Vũ Lâu thăng thự Phó vệ úy vệ Tả nhị dinh Vũ Lâm.

Định rõ phẩm phục quan văn, quan võ. Lệ cũ, quan viên văn võ bổ thụ tam phẩm trở lên thì mũ, đai, áo, xiêm cũng như quan ở trong Kinh ; quan ngoài, duy chức tổng đốc, tuần phủ, đề đốc, bố chính, án sát thì không cứ thụ hàm hay quyền nhiếp, đều chiếu phẩm, chế phẩm phục cấp cho, so với thụ hàm ở Kinh có khác. Đến đây, vua dụ bộ Lễ rằng : "Đặt mũ áo, để tỏ là có đức, những vẻ lạ như thêu rau tảo, hình lạ như thêu lưỡi búa, để tỏ là có văn vật ; thế mà hoặc phẩm hàm hơi kém mà sắc phục giống nhau, hoặc phẩm hàm tương đương mà ở trong Kinh, ngoài tỉnh có khác ! Vậy nên phân biệt định rõ, để tỏ thứ bậc". Quan bộ Lễ châm chước bàn định, cho là mũ, đai thì trang sức bằng vàng, bạc và bông hoa lớn bé làm thứ bậc (thí dụ, các mũ : nhất phẩm thêm cái cầu mũ bằng vàng, bông hoa hơi lớn ; nhị phẩm bỏ cái cầu bằng vàng, bông hoa hơi kém ; đai thì nhị phẩm trở lên, trang sức xen lẫn cả vàng bạc, tam phẩm toàn bằng bạc, tứ ngũ phẩm xen lẫn vừa bạc vừa

đồng). Áo, xiêm thì bằng đoạn, vóc hoa, thêu tứ linh hoặc con giao long, và màu sắc thì lấy sắc đỏ sắc tía làm thứ bậc (thí dụ các hạng áo : tam phẩm trở lên bằng đoạn thêu tứ linh ; tứ phẩm bằng vóc thêu con giao long ; ngũ phẩm bằng vóc hoa ; lục phẩm bằng vóc trơn. Các hạng xiêm : nhất, nhị phẩm bằng lương sa màu mộc hồng, 5 sắc thêm vàng ; tam phẩm bằng lương sa màu mộc hồng, 5 sắc thêm vàng ; tứ phẩm bằng lương sa màu lam sẫm, 5 sắc thêm vàng). Tam phẩm trở lên, hốt bằng ngà ; tứ phẩm trở xuống hốt bằng gỗ thếp bạc. Còn thự hàm đều chiếu phẩm cũ mà mặc. Nghị ấy dâng lên, vua phê bảo rằng : "Các viên quan thăng thự thì chiếu phẩm, được thự cấp cho quan phục ; được gia hàm thì chiếu theo trật của mình, để tỏ ra có phân biệt. Ngoài ra theo nghị thi hành". Rồi lại chuẩn cho thứ bậc thự hàm ở dưới hạng thực thụ, gia hàm thì chiếu trật của mình mà đứng. Việc này được đặt làm lệ mãi. Lại sai bộ Hộ, bộ Lễ cùng Nội vụ phủ hội đồng châm chước bàn định ; đối với đốc, phủ, bố, án, đề đốc, tuyên phủ và chánh phó lãnh binh, nên cấp mũ áo cũng theo như lệ trên.

Triệu Lãnh binh Vĩnh Long là Nguyễn Văn Phụng về Kinh đợi Chỉ. Cho : Phó lãnh binh An Giang là Nguyễn Đức Chung thăng thự Lãnh binh Vĩnh Long ; Phó quản cơ ở cơ Hữu An Giang là Trần Hữu Lễ thăng thự Phó lãnh binh An Giang ; thí sai Phó quản cơ ở cơ Tả An Giang là Nguyễn Lương Điều sung chức thí sai Phó quản cơ ở cơ Hữu ; Cai đội Đoàn Quang Mật thăng thự Quản cơ cơ Tả ; Bát đội Suất đội ở cơ Tả là Tôn Thất Đàm thăng thự Cai đội ở đội Trung vệ nhất dinh Tiền phong ; viên bị cách là Hoàng Đức (Lãnh binh Quảng Trị trước, vì can án, phải phát làm binh ở dinh Kỳ võ) lại được triệu ra làm Cai đội Tả, vệ Nhị, dinh Hồ oai.

Tập thỉnh an của Bộ chính Biên Hòa là Hà Thúc Lương tâu nói : "Ở Gia Định, có nhiều người nhà Thanh trốn sang ngụ ở Trấn Tây, thường đến nơi giao dịch, lưu thông hàng hóa giữa hai bên, nhưng làm cho những cử động của địa phương phần nhiều bị tiết lậu. Vậy xin cho cấm hẳn". Vua bảo rằng : "Triều đình chú ý xếp đặt việc ngoài biên, là ở chỗ cao xa to tát, đâu có kể đến công hàng ngày và lợi bé nhỏ. Nếu không cho giao dịch thì gian thương càng nhiều, tệ ấy cũng ngang nhau. Hướng chi người nhà Thanh đến trú ngụ, chỗ nào cũng có, chúng muốn nhờ đó để nom dòm ta, cũng có khó gì ! Nhân đó mà dò hỏi tình hình địch, cốt ở xử trí cho khéo. Vậy sai hai hạt An Giang, Tây Ninh chuyển sức cho các người chuyên biện nên bí mật phòng ngừa hơn nữa, chớ để tình hình ngoài biên tiết lậu".

Bất đầu lập đội Hướng Nghĩa ở tỉnh Quảng Ngãi. Trước đây, quân các tỉnh phải tội lưu, đồ, tù được tha, phát giao cho quân thứ Quảng Ngãi gồm hơn 200 người ; sau khi việc yên, chia ra sắp đặt đồn làm 6 đội Nhất, Nhị, Tam, Tứ, Ngũ, Lục, chọn người mạnh giỏi cho làm quản suất, rồi trích số "ruộng chưa cho ai" cấp cho để làm ăn.

Ngày Canh Thân, gặp tiết Thanh minh. Vua đến Hiếu lăng làm lễ rải đất. Lại yết lăng Cơ Thánh, lăng Hiếu Đông ; lễ xong, vua về cung.

Vua bảo Tôn Thất Bạch rằng : "Quan là Tôn thất từ tam phẩm trở lên, thì con của người ấy nên được ấm thụ. Từ trước đến giờ chưa có định lệ, phải nên phân biệt ban ơn". Bèn truyền dụ cho Tôn nhân phủ hội đồng với bộ Lễ tra xét bàn định, con quan phẩm nào nên bổ thụ chức gì, tâu lên rõ ràng". Về sau, Tôn nhân phủ và quan bộ Lễ bàn xin : Từ nay, phàm quan văn võ họ Tôn thất từ tứ phẩm trở lên không kể có hay không phong tước, đều cho một người con được ấm thụ, nhưng chiếu theo quan chức phẩm hàm làm thứ bậc : chánh nhất phẩm thì một con được ấm bổ hàm chánh ngũ phẩm ; tòng nhất phẩm thì một con được ấm bổ hàm tòng ngũ phẩm ; chánh nhị phẩm thì một con được ấm bổ hàm chánh lục phẩm ; tòng nhị phẩm thì một con được ấm bổ hàm tòng lục phẩm ; chánh tam phẩm thì một con được ấm bổ hàm chánh thất phẩm ; tòng tam phẩm thì một con được ấm bổ hàm tòng thất phẩm ; chánh tứ phẩm thì một con được ấm bổ hàm chánh bát phẩm ; tòng tứ phẩm thì một con được ấm bổ hàm tòng bát phẩm. Các hạng trên đây đều lấy một người con trưởng của vợ cả được thừa ấm ; nếu con trưởng có cố, thì lấy một người con thứ của vợ cả được thừa ấm ; nếu vợ cả không có con, thì được lấy con trưởng của vợ thứ ; nếu không có thì cho lấy con thứ của vợ thứ được thừa ấm. Nếu đều đã chết thì cho 1 người cháu được thừa ấm, nhưng kém đi một bậc để cho phân biệt. Phàm những người đáng được ấm bổ, đều phải từ 20 tuổi trở lên, do Tôn nhân phủ sát hạch, thực đáng lục dụng, làm danh sách tâu rõ, chờ Chỉ. Nghị này tâu lên, được vua y cho.

Đắp con đê tư mới ở Nam Định, Hưng Yên. Đê cũ ở các xã Bình Trung, Ngô Xá thuộc Nam Định và Ứng Lôi, Thiên Phiến thuộc Hưng Yên đều lở. Sai đắp đê tư mới để giữ (đê tỉnh Nam Định dài 160 trượng ; đê tỉnh Hưng Yên dài 486 trượng).

Lại sai sửa sang đoạn đê đã bỏ ở Thanh Trì. Đê này vốn là nhà nước đắp, khoảng năm Minh Mệnh bỏ làm đê tư, địa phương bồi đắp không được đầy đủ ; quan tỉnh Hà Nội lại xin đem làm đê công, chi tiền kho nhà nước để sửa sang. Vua chuẩn y.

Sai quan trong Kinh khám lại các mỏ ở Thái Nguyên. Trước đây, Bộ chính Thái Nguyên là Trần Trứ tâu rằng : "Các mỏ vàng, mỏ bạc, khí mạch chưa đủ, hiện nay trung khai 9 nơi, xin theo như ngạch cũ ; ngoài ra đều đắp lấp lại như cũ". Vua bảo rằng : "Các mỏ ở Thái Nguyên, so sánh còn hơn hạt khác, mà quan tỉnh thường nói là khí mạch chưa đủ, hiện số trung khai không thấy nhiều hơn chỗ đắp lấp sẽ khai để lấy, tại sao thế ?". Bèn sai Ngự sử Nguyễn Công Dự, Phan Trinh, Viên ngoại lang bộ Hộ Nguyễn Trung Ngạn (con Nguyễn Trung Mậu), Trần Ngọc Diễm đến hội khám. Rồi đó Công Dự can án, phải triệt về ; Phan Trinh, Trung Ngạn đều

bị ốm chết (Trình được tặng chức Chương ấn, Ngạn được tặng chức Lang trung) ; Diễm và Trần Trứ cùng ký tên vào một tập tâu lên. Lại giao bộ Hộ bàn lại : Ba sở phải tính tăng thuế (mỏ vàng Thuận Mang, lệ cũ nộp thuế bằng vàng 11 lạng, nay thêm 1 lạng ; mỏ vàng Tống Tinh, lệ cũ nộp thuế bằng bạc 130 lạng, nay thêm 70 lạng ; mỏ bạc Ngân Sơn, lệ cũ nộp thuế bằng bạc 400 lạng, nay thêm 50 lạng. Bốn sở vẫn theo ngạch thuế cũ (mỏ vàng Kim Hỉ, nộp thuế bằng vàng 20 lạng ; mỏ vàng Bằng Thành, nộp thuế bằng vàng 15 lạng ; mỏ chì Cẩm Lạc, nộp thuế bằng bạc 100 lạng ; mỏ bạc Bông Ngân, nộp thuế bằng bạc 180 lạng). Ba sở trước đắp kín, nay lại cho khai (mỏ vàng Bảo Nang, lệ cũ nộp thuế bằng vàng 6 lạng ; mỏ vàng Sảng Mộc, lệ cũ nộp thuế bằng vàng 7 lạng ; mỏ bạc Phúc Sơn, lệ cũ nộp thuế bằng bạc 100 lạng). Ngoài ra những mỏ nào khí mạch chưa thịnh thì cho đắp kín lại. Quan tỉnh và các viên phủ, huyện, châu khám lại, không đúng sự thực, đều phải giáng, phạt.

Quan khoa đạo Nguyễn Kim Chung tâu rằng : "Việc tích trữ là chính sách lớn của nhà nước, mà việc thu thuế, nộp thuế thì nên tính đường đất xa hay gần, từ Quảng Bình trở vào Nam đến Biên Hòa, trong một tỉnh, đường sông cách trở, thu nộp rất khó. Xin thông dụ cho các tỉnh, như huyện Quảng Trạch ở Quảng Bình, huyện Ninh Hòa ở Khánh Hòa, huyện Phúc Tuy ở Biên Hòa, huyện Bông Sơn ở Bình Định đều lập kho riêng để cho đến chỗ gần mà nộp ; gặp khi phải bán ra, đong vào và lương bổng quan quân đều chỉ lĩnh ở đấy, để được giản tiện". Vua bảo rằng : "Trước kia các phủ, huyện cho đặt kho riêng, để nơi nào ở xa cách, được đến chỗ gần mà nộp, phòng khi bất kỳ bán ra, đong vào ; nay nếu các huyện đều đặt kho, chẳng là phiền lắm ư ?". Lại sai bộ Hộ xét kỹ, cũng cho là làm thế không tiện, bác đi.

Vua bảo quan Nội các rằng : "Trước đã sai soạn bộ *Vận phủ*⁽¹⁾, nay nên đem trước một văn chữ đong 東 tra kỹ các chữ ở trên ấy hay dưới ấy như "son đong, tổ đong, đong bích, đong tác", xem các chỗ xuất xứ và ân nghĩa, chữ nào chữ ấy chú thích rõ ràng, viết ra tiến lên trẩm xem". Lại bảo quan Nội các Lê Khánh Trình rằng : Lần này làm thêm quyển "*Văn quy tự vận*" cốt để bổ sung vào chỗ chưa đủ của các sách *Vận phủ*, phải nên tham khảo các tự điển, tìm xét rộng rãi, đừng để bỏ sót là được rồi ; còn chú thích như văn "nhất đong" thì có chữ "tô đong" chữ ở *Kinh Thi*, chữ "mã thủ đong" chữ ở *Tả truyện*, hoặc "Hàn thi", "Đỗ thi" nên chua bằng hai chữ, để người xem biết có xuất xứ mà thôi, không cần dẫn nhiều cả câu làm gì ; đôi khi gặp chữ tên húy các miếu và tên húy nhà vua, ở chính văn thì viết các chữ bên tả thế này bên hữu thế này, còn như chữ chua nhỏ thì nên khoanh một vòng tròn vào chữ ấy để cho phân biệt ; các người nên sức thuộc viên viết văn "nhất đong" tiến trình, chờ xin phê chuẩn".

(1) Tức *Vận thư* nói trên.

Di chuyển, làm lại lâu Nhật Thành sang bờ phía bắc hồ sau. Sai quyền Thống chế Tôn Thất Nghị trông nom việc ấy. Lâu Nhật Thành ở bên hữu cung Khánh Ninh, trước kia sai truyền phiếu dụ cho bộ Công di chuyển đi và làm lại, lâu không thấy trình lên, hỏi đến thì lại nói là gỗ chưa đủ ; đến khi kiểm lại gỗ ở kho gỗ, thì hiện vẫn còn nhiều. Vua giận lắm, quở rằng : "Di chuyển đi, làm lại lần này, chẳng qua là việc sửa chữa bé nhỏ ; quan ở bộ nếu cho việc ấy là không nên thì có ngại gì mà không giải bày can ngăn ? Trẫm đương sẵn lòng để tiếp nhận. Như vậy há chẳng là bề tôi tốt ư ? Thế mà đã không theo Chỉ truyền, lại nhân đó mà đặt điều ra, hầu như muốn chống mệnh lệnh ?". Liền sai đóng gông Trương Quốc Dụng ở viện Thị lậu bên tả, rồi truyền Chỉ sức hỏi. Quốc Dụng xin nhận tội, bỗng lại được tha. Bộ Lại bàn định : Trương Quốc Dụng, Tôn Thất Bạch và Nguyễn Văn Điều đều phải giáng hai cấp.

Cho : Tri phủ phủ Tiên Hưng là Trương Hòa Sát (trước là Trương Cẩm) thăng bổ Đốc học tỉnh Bình Định ; Tri phủ phủ Trường Định là Nguyễn Xuân Đường thăng bổ Đốc học tỉnh Định Tường.

Sai các địa phương tra kỹ sắc thần thờ từ trước trong hạt mình. Trước kia dân hạt Hà Tĩnh, Quảng Bình có thờ ngụy quý (Nguyễn Sĩ Phú, Phạm Đức Cồn), được bộ Lễ tra xét ra. Vua cho rằng thần hiệu các địa phương, hoặc do nhà Mạc và Tây Sơn tiếm phong danh hiệu, văn tự cũng có nhiều chữ bội nghịch, bèn sai quan ở bộ chọn kỹ các sắc thần, đánh hủy đi 300 đạo. Vua dụ rằng : "Đấy cũng là chính thần, nhưng sắc văn do bọn tiếm ngụy phong cho. Trong khoảng u minh, chắc thần cũng chẳng nhận sự càn bậy ấy. Duy có sự tích đã khai từ trước, sao lại có nhiều sự phức tạp ! Việc khác giống thế, chắc cũng không ít. Vậy nên thông dụ cho các địa phương : tra xét kỹ sắc cũ từ năm Thịnh Đức đời cố Lê trở đi, phạm văn tự quê kịch và gặp chữ húy mà việc đã qua rồi thì không cần xét kỹ ; nếu có việc nào thuộc về bản triều mà dùng chữ nhảm bậy và có tiếm hiệu của nhà Mạc, nhà Tây Sơn, hoặc việc nào hơi giống như thế đều hủy bỏ đi".

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XLVII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Ất Tỵ, Thiệu Trị năm thứ 5 [1845], mùa xuân, tháng 3. Chuẩn định : Từ nay, phàm ngự giá đi tuần du, các viên tuần tra các đường thủy bộ, cho quan đại thần nơi hành dinh làm danh sách tâu lên để thưởng.

Sai hỏi tìm con cháu họ Mạc. Trước đây, Đại học sĩ Trương Đăng Quế tâu rằng : "Lúc bắt đầu mở đất ở Hà Tiên, Mạc Thiên Tứ có công tốt, nên xét đến con cháu người ấy". Bèn sai hỏi đến con cháu Mạc Thiên Tứ, người nào có tài có thể dùng được, cứ thực tâu lên. Sau đó, Lĩnh phủ Hà Tiên Nguyễn Lương Nhân chọn được đồng dôi chính là Mạc Văn Phong, được chuẩn cho ám thụ chánh thất phẩm chánh đội trưởng, theo sai phái ở tỉnh ấy.

Dụ cho ở Kinh, từ chương vệ trở lên, đều xét xem cai đội, suất đội các dinh, vệ có ai tài nghệ giỏi, sai phái được việc và đi bắt giặc thực có công trạng, có thể làm quản vệ, quản cơ được, thì cho cử người mình biết. Mỗi viên được cử một người.

Cho Phó quản cơ cơ Hậu thắng ở Hậu quân là Phan Bách làm Phó vệ úy vệ Chấn vũ thuộc dinh Thần cơ.

Các viên đóng giữ Tây Ninh là quyền Tuyên phủ sứ Cao Hữu Dục và Phó lãnh binh Tôn Thất Hàn tâu rằng : "Đại đầu mục ở Nam Thái, tên là Bang, ủy thác mục đến đồn cùng với người chuyên làm việc ở nơi giao dịch là Nguyễn Áng, Nguyễn Bá Hựu cùng hẹn gặp ở khu rừng thuộc đồn gần, nắm rõ việc xin tiếp viện. Bọn

thần liền phái úy Cai đội Nguyễn Nhân đem 15 tên lính đi cùng. Sau đó, cứ tên ấy về báo thì khi đi đến chỗ không khoáng bên ngoài rừng, gặp tên Bang cùng nói chuyện ; đến khi về, nghe thấy tên Bang thối còi, ở trong rừng tiếng hô to cùng nổi lên, súng bắn tứ tung, bắn trúng vào ngựa của Nguyễn Bá Hựu đang cưỡi, Bá Hựu ngã ngựa, bị chúng mang đi. Đã tư cho tỉnh An Giang, tỉnh Định Tường và các đồn trại Đôn Thuận huyện Quang Hóa, Quang Phong, phủ Tây Ninh phòng giữ và điều thêm biên binh để sai phái". Vua dụ rằng : Tên thổ mục Bang, nhiều lần, cứ tờ tâu, hình như có lòng quy thuận, thế mà lần này vô cớ lại nói là xin tiếp viện, hẹn với Nguyễn Áng, Nguyễn Bá Hựu cùng nói chuyện, rồi đến lúc về lại chụp bắt Bá Hựu, làm ra việc không tốt. Nếu bảo chúng muốn gây hấn trước thì bắt Bá Hựu mang đi phỏng có lợi gì mà làm việc gian dối ấy để mang tiếng ác khiến ai cũng biết hay sao ? Hướng chỉ trong tờ tâu có nói các lời : "Sau khi đều đã từ biệt ra về, nghe tiếng còi thổi, trong rừng chợt có tiếng hô, bắn ra tứ tung". Không hiểu tên Bang làm việc càn bậy như thế có quả là cái kế bắt Bá Hựu để cầu lợi không ? Hay là bọn người Xiêm dò biết tên Bang có lòng hướng thuận, bí mật nắp ngầm, chụp bắt bọn Bá Hựu để phá mưu ấy ? Hoặc là Bá Hựu có gây hờn oán gì với người thổ, đến nỗi xảy ra sự tình như thế ? Đều chưa thể biết mà tình hình trình bày trong tập tâu đều chưa được mười phần rõ rệt ! Nay giao cho bọn Cao Hữu Dực đem ngay duyên do sinh sự lần này là tự tên nào ? Bọn Man Thổ kia làm trò trống gì ? Và, tiếp tục phái biên binh ứng tiếp, tiếp đến chỗ nào, có cùng bọn kia chống cự hay không ? Nơi giao dịch, các Man Thổ hiện ở đấy đều đã sợ hãi chạy tan hay hã còn giao dịch như trước, tình hình thế nào ? Lại phái người mật đi thăm dò giặc Man, có động tĩnh gì, cốt cho xác thực, theo từng khoản tâu tiếp lên ngay, để biết rõ tình hình ngoài biên. Còn Cao Hữu Dực, Tôn Thất Hàn lần này làm việc hồ đồ, tâu dối lại hấp tấp sợ hãi, tạm cho ghi lỗi một lần, nhưng truyền Chỉ ban quở. Còn việc xin điều quân tỉnh Gia Định đến nơi để đàn áp thì giao cho Đốc thân Lê Văn Phú phái ngay cơ biên binh một vệ đi ngay đến đóng giữ ở Tây Ninh để phòng sai phái".

Cấm hấn nơi giao dịch ở phủ Tây Ninh. Trước kia, đặt nơi giao dịch, thuộc lại ở tỉnh là Nguyễn Bá Hựu chiêu mộ người khá giả đến buôn bán ngày càng nhiều, các bang thổ mục Nam Thái cũng đến hàng phục ; Cao Hữu Dực đem việc ấy tâu lên. Vua răn bảo rằng : "Lòng giặc khôn lường, chớ nên nhẹ dạ tin ngay, phải khéo vỗ về và để ý gìn giữ". Khi nghe việc Bá Hựu bị người Man bắt mang đi, bèn sai quan ở phủ Tây Ninh lại phái người đi dò thám, rồi cứ lời tâu : "Phan Văn Dũng năm trước bị giặc bắt được, từ Nam Vang trốn thoát về, có nói : đầu mục của giặc đã phái người tên là Na Lăng và người mạo xưng là con cháu nhà Lê tên là Nghệ đều đem 1.000 quân chia đường đến huyện Quang Hóa, phủ Tây Ninh để mưu bắt người Kinh, không thấy có cử động gì. Còn Bá Hựu bị bắt hiện đã giải về Nam

Vang. Khi đủ chứng cứ xin sẽ lại tiếp tục tâu lên". Vua dụ rằng : "Tráo trở thất thường, là thói cũ của người Man. Hướng chi, trong đó có người khổ về sự tàn ngược của nước Xiêm, muốn đánh nước Xiêm để về với ta ; có người nghi sợ mà bị người nước Xiêm dụ dỗ ; cũng có người bối hồi trông ngóng, không biết theo đảng nào : tình thế hơi không giống nhau. Gần đây, nhiều lần tập tâu nói : Người Man phần nhiều muốn tình nguyện theo ta. Trẫm từng đình ninh dụ bảo, phải xem xét đích thực cho kỹ, đừng để chúng đánh lừa ! Thế mà bọn Cao Hữu Dục, Tôn Thất Hàn không biết liệu trước giữ gìn, nhẹ dạ tin tên Bang, cho là thực lòng quy thuận, cho người đi xa chiêu dụ, để lần này Nguyễn Bá Hựu bị bắt mang đi ! Cái tội sơ ý lầm lỗi, thực không thể chối được. Cao Hữu Dục, Tôn Thất Hàn đều phải giáng một cấp, được ở chức cũ, để xem hiệu quả sau này. Còn như đồn ở chỗ ấy và các sở giao dịch Quang Hóa, nay đã sinh ra mối tệ thì cấm chỉ không được đi lại giao dịch. Lại xét các nơi giáp giới trọng yếu, phái người canh giữ, nghiêm cấm người Kinh không được tham lợi lên vào địa phận xứ Man để sinh bất tiện. Nếu lại canh phòng sơ hở như trước, để bọn giặc lại được lên lút cướp bóc, thì chỉ trách cứ vào Cao Hữu Dục và Tôn Thất Hàn. Lại phải tìm cách dò hỏi tin tức bọn Nguyễn Bá Hựu, và thổ mục, thổ dân hiện nay theo hay phản, động tĩnh thế nào, cốt phải tỏ thực tâu để biết tất cả tình trạng".

Rồi lại dụ cho đốc, phủ tỉnh An Giang, tỉnh Hà Tiên rằng : "Tỉnh An Giang là nơi địa giới tiếp giáp xem ra gần với Tây Ninh, phàm tin tức cử động của giặc, chắc biết trước được. Hướng chi, trước kia, đầu mục của giặc là Chất Tri từng ủy cho bọn đại thần đầu mục người Xiêm đến nói về việc cầu hòa cũng đã hai ba lần, mà người thổ đến buôn bán cũng nhiều người nói xin về hàng phục ; nay vô cớ đánh lừa bắt người của ta sai phái, không biết chúng định làm trò trống gì. Vậy phải xét rõ việc ấy để biết tình hình của giặc. Giao cho bọn Nguyễn Tri Phương phải tính liệu kỹ lưỡng, viết thư hỏi rõ trước muốn cầu hòa, nay lại vô cớ sinh sự, là duyên cớ gì ? Hay là do người nào tự gây hấn trước ? Đại ý là như thế. Hoặc chọn phái những người xứng đáng được việc, hoặc ủy giao thổ biên, thổ mục mang thư đến Nam Vang trách hỏi, xem chúng trả lời thế nào. Rồi chiếu các nơi trọng yếu, đóng đồn ở nơi tiếp giáp, canh phòng nghiêm ngặt, chờ xem sự thế thế nào. Về công việc dẹp yên, phải nắm được mưu kế tất thành công, phải mưu tính cẩn thận". Sau đó Bá Hựu ủy người về nói : "Giặc Man yêu cầu được thư cho hòa, mới được tha về". Cao Hữu Dục viết thư đáp lại, chuyển tư cho quan tỉnh An Giang gửi đi. Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn cho rằng việc làm ấy không hợp, bác đi, giao trả, rồi đem việc tâu lên.

Vua thoát xem đến tập tâu về Tây Ninh, đã bảo quan viện Cơ mật rằng : "Đưa thư đến đất giặc, sự thế không coi thường được. Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn quyết không chịu gửi đi đâu". Vừa lúc tờ biểu của tỉnh An Giang đến, vua bảo rằng :

"Quả không ngoài sự liệu tính của ta ! Giặc Man tự gây hấn trước, thì ta kể tội đến đánh, quân ta đã nổi tiếng, việc gì phải đưa thư hứa hẹn, há chẳng phá được kế gian dối của chúng hay sao ? Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn biết rõ lẽ phải, thực là đáng khen. Cao Hữu Dực và Tôn Thất Hân làm việc hấp tấp sợ sệt, truyền Chỉ quả phạt".

Hộ phủ Định Tường Hoàng Thu tâu bày : "Cứ viên coi đồn Thông Bình nhiều lần lên báo : Thổ mục xứ Sai Lai, Ba Nam là bọn tên Sô, tên Mẫn đem gia quyến đến đồn quy phục, bị quân giặc đón đường cướp bóc, xin thêm quân để ngăn trừ, bọn thần đã phái thêm binh đến trước đồn ấy để đàn áp". Vua dụ rằng : "Bọn tên thổ mục Sô, khổ về sự tàn ngược của nước Xiêm, đem gia quyến đến, muốn cầu quân tiếp viện, hình như ra từ lòng thành. Nhưng đều là việc làm của đầu mục bé nhỏ, mà cả hạt Lạp Man có hẳn là đầu đầu cũng tự động cùng thù hằn nước Xiêm hay không ? Điều này cũng không thấy báo đích xác. Tỉnh người hiện đã phái thêm binh đi đến để giúp sự trấn áp, cũng là hợp lý. Duy dùng quân là việc lớn, triều đình có xử trí riêng, chưa nên vội vàng làm vậy. Nay giao cho quan viên tỉnh người chuyển sức cho lãnh binh hiện đóng ở đồn Thông Bình là Nguyễn Sáng cần nên chiếu theo địa hạt mình, canh phòng nghiêm ngặt. Phàm thổ mục, thổ dân, người nào theo về với ta, thì vỗ về khắp cả, để thu nhân tâm. Nếu có bọn giặc nào mon men đến gần đồn, thì phải lập tức bắt giết hết sạch, quyết không được tự tiện đi đường độc đạo vào sâu địa giới của chúng để xảy sự không hay. Đợi khi nào có quan đại thần khâm phái đi đến chỉ huy điều khiển, mới được theo đi sai phái để giữ lấy vạn toàn".

Vua dụ cho đốc, phủ An Giang, Hà Tiên rằng : "Một khi đem đại binh đi, sự thể rất quan trọng. Tỉnh An Giang ở vào nơi tiếp giáp, lại không biết dò xét thế giặc hư hay thực, lòng người theo hay làm phản, chỉ dựa vào tờ tư báo của Định Tường, tư giục các tỉnh phái quân đi ngay, hoặc tư cho không nên phái đi ngay, cử động hấp tấp, thực không có định kiến, trăm đã phê bảo ngay rồi. Nay cứ tờ tâu tiếp phi đệ lên : tên thổ mục Mẫn hiện nay đến nhờ đồn Thông Bình để xin việc binh, tỉnh ấy đã có phái binh đi lên vùng ngược, làm cho có thanh thế, việc ấy gần như hợp lý. Còn bọn tên Đột, tên Mộc, tên Hồng cùng mưu gây việc đánh nước Xiêm, còn hơn 10 người, hiện nay có tự động tất cả không ? Nếu quả là có thể nhân được cơ hội, giao cho Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn hội đồng với quan phủ Tây Ninh là bọn Cao Hữu Dực, Nguyễn Công Nhân phải dò xét ngay được sự thực, làm sớ phi tâu lên, đợi Chỉ thi hành, không được chột làm chột thôi, làm mất cái mưu đã hoàn toàn, có phụ lòng ủy dụng, phạm lỗi không phải là nhỏ !".

Lãnh Tuấn phủ Hà Tiên là Nguyễn Lương Nhân đem tập đồ báo tình hình giặc của bọn Thái Văn Bá tâu lên. Vua cho rằng bọn ấy lần này lặn lội khó nhọc, đi sâu vào đất giặc, tuy đôi khi nghe đồn mà biết, nhưng dò thám tình hình phần nhiều

được sự thực, chuẩn cho chi 50 quan tiền kho thưởng cấp cho bọn Bá để khuyến khích.

An Giang, Hà Tiên, Tổng đốc Nguyễn Tri Phương, Tuần phủ Doãn Uẩn và Đề đốc Nguyễn Văn Hoàng liên danh ký tên, mật tâu về trù nghĩ việc ngoài biên. Vua dụ rằng : "Mưu đánh nước khác, là việc quan trọng, tất phải nhiều sáng kiến mới mong chu đáo làm nên việc to". Bèn sai đem tập ấy giao các quan đại thần văn võ hội đồng bàn xét, nên tính mưu kế thế nào, để đánh thì tất thắng, tất lấy được nước ấy, hoặc là thông thả chờ cơ hội. Cần phải hết lòng bàn kỹ, trình bày từng điều khoản, tâu lên rõ ràng, chờ trẫm quyết định. Và lại, hiện nay Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giai về Kinh tạ ơn, trẫm nghĩ viên ấy là đại thần giữ một địa phương, cũng cho dự bàn. Trong đó người nào có ý kiến riêng, tính nghĩ sâu xa, hơn hẳn ý mọi người, cũng cho làm sơ tiến trình".

Quyên giữ ấn triện dinh Hùng nhuệ là La Phong nam Phạm Phi bị bãi chức. Phi tự tiện đem ấn quan phòng bằng bạc của Nhà nước về nhà riêng, bị kẻ trộm lấy trộm mất, gia hạn cho tìm bắt không được, giao bộ Binh xét xử, giáng làm chủ quân Phó vệ úy. Quyên Phó lãnh binh Nghệ An đánh mất ấn quan phòng, sai quan phân việc cấp ấn khác, chữ viết hơi khác để làm dấu riêng.

Quan tỉnh Nghệ An tâu rằng : "Man binh Nam Chương đóng ở Bạt Bôi, Na Lũng, lại đưa lá thư nạt dụ thổ dân, muốn tính sinh sự ; quan phủ Trấn Ninh nghe báo, phái quân ngăn chặn. Vua bảo rằng : "Nam Chương và Trấn Ninh tiếp giáp nhau, thường thường nhân khi sơ hở, đến cướp bóc. Thổ dân tính vốn nhát, thấy tiếng gió, tiếng chim cũng sợ hãi ; nếu quả chúng là đến sinh sự, thì phải giết đi, không để cho kéo dài". Sau đó khi quan quân chưa đến, bỗng gió to nổi lên, sấm và mưa tối tăm mù mịt, quân Man tự giày xéo lên nhau mà chết, còn những đứa khác đều trốn cả. Việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng : "Đó là oai linh của quỷ thần". Lại dụ cho viên phủ sở tại phải phòng bị trước, cho trong hạt được yên ; địa phương có đên thiêng thì sửa lễ tạ.

Định lại lệ đón và tiễn khi vua đi tuần. Từ trước đến giờ, rước vua đi tuần, ngày ra đi và ngày về cung, thì hoàng tử và quan đại thần văn võ ở Kinh đều đón, tiễn ở ngoài cửa Ngọ Môn, đến đây vua cho rằng việc giữ then khóa ở 3 thành (cung thành, hoàng thành, Kinh thành) là việc rất trọng, đặc biệt là việc đóng giữ ở cung thành. Nay định lại : Phàm khi vua đi tuần, trong trẫm dạm và ngoài trẫm dạm, các hoàng tử và quan đại thần văn võ ở Kinh đều tiễn, đón ở ngoài cửa Đại Cung.

Quyên Tuyên phủ sứ ở Tây Ninh là Cao Hữu Dực tâu rằng : "Chiêu mộ được dân trong hạt, chia ra lập thành xóm làng (chia làm các nhóm : Tiên Thuận, Phúc Hưng, Phúc Bình, Vĩnh Tuy, Phúc Mỹ, Long Thịnh, Long An, Long Thái, Long Khánh, An Thịnh, Khang Ninh, Vĩnh An, An Hòa, Gia Bình, Long Bình, Hòa Bình,

Long Định, Phú Thịnh, Thái Định, Hòa Thuận, An Thường, Thuận Lý, Thiên Thiện, Hương Hóa, Định Thái, Định Bình, cộng 26 thôn), cấp cho trâu cày, đồ làm ruộng, khiến cho hết sức khai phá, để nơi biên cương được vững". Vua chuẩn y.

Ngoại Man trại Lục Vân, người đồng hương thuộc tỉnh Khánh Hòa là Nô Tiêu, Nô Kết, giao cho bộ lạc đem cống một con voi khỏe, xin cho nộp thuế của người Man, đến chợ buôn bán ; từ năm sau trở đi, xin nộp sấp vàng, quy định làm thuế của người Man. Quan tỉnh ấy tâu lên. Vua sai chi tiền trong kho 200 quan, 30 phương muối trắng để thưởng cho. Lại dụ bảo quan tỉnh thường phải để tâm vỗ về, khiến chúng được yên phận làm ăn, làm dân ngoài biên mãi mãi.

Quan bộ Hình tâu lại về việc xử chém 38 tù phạm. Vua bảo rằng : "Bọn chúng tình tội không oan, nhưng nghĩ xử án khoan cho tội chết, nhân chính cần trước tiên. Nay đương mùa xuân hòa, các vật nảy nở, mà đối với tù phạm, một loạt giết cả, lòng trăm không nở ! Nên chọn ra những tù phạm rất xác đáng, 18 tên phải chém ; còn kẻ khác đều cho hoãn tội chém, đợi đến mùa thu, xét lại".

Ngày Bính Tý, tế trời đất ở đàn Nam Giao. Khi làm lễ xong, vua trở về cung, thấy cánh đồng phía nam nhiều mộ bỏ hoang. Vua dụ cho quan Nội các rằng : "Đây là chỗ vùi ngọc bích, chứa chất lân tinh của các tướng sĩ chết trận ngày xưa, hương khói lạnh lẽo, rất đáng thương xót". Nên sai quan phủ Thừa Thiên làm đàn đến tế một tuần, cho thỏa các âm hồn.

Lại đặt đồn An Khoái, tỉnh Quảng Yên. Trước kia, Tổng đốc Hải - An Nguyễn Công Trứ xin đặt đồn Ninh Hải ở Xuân Áng, rút quân ở đồn An Khoái và trả về đóng giữ ở Ninh Hải. Sau đó vài năm, Án sát Đặng Kim Giám tâu rằng : "Huyện sở Nghiêu Phong gần biển, cách xa đồn ở cửa biển, xin lượng trích thú binh đến đóng ở huyện sở, để canh phòng nghiêm ngặt". Bộ chính Vũ Doãn Cung khám xét lại, lại tâu rằng : "Đồn Ninh Hải ở xa ngoài hải đảo, không bằng cửa biển Nghiêu Phong là hiểm yếu đáng giữ. Xin dời đồn Ninh Hải về An Khoái". Vua cho rằng chỗ kia chỗ này, mỗi người giữ một ý kiến, bèn sai Lễ khoa Cấp sự trung Hồ Trọng Tuấn đến nơi hội khám. Sau đó Doãn Cung và Kim Giám can án khác bị giải chức. Vua lại sai Khám sai đại thần Tả thị lang bộ Hình Trương Văn Uyển hội đồng với quan tỉnh là bọn Phạm Huy khám bàn ; đến đây tâu rằng : "Đồn Ninh Hải : nhân thế núi, có thể giữ được hiểm ; lên cao, có thể trông được xa. Đó cũng là chỗ trọng yếu phải phòng giữ. Trước kia Nguyễn Công Trứ xin bỏ đồn An Khoái, Vũ Doãn Cung lại xin bỏ đồn Ninh Hải, đều chưa phải là kế hay về sau. Còn 2 nơi Xuân Áng, An Khoái, xin đều đặt đồn canh giữ". Từ đấy, đồn Ninh Hải lại đóng giữ như cũ. Lại đắp thành bằng đất ở An Khoái (cao 5 thước, dày 3 thước, rộng 8 trượng 2 thước), sai viên Tri phủ Hải Ninh kiêm lĩnh cả.

Làm lại cánh cửa bằng đồng cho cửa Bảo Thành, lăng Thiên Thụ.

Án sát Hà Tiên Nguyễn Tất Phong chết. Cho Lang trung bộ Binh là Lê Hữu Hương điều bổ làm Án sát Hà Tiên.

Cho triệu Lãn binh Quảng Ngãi là Nguyễn Văn Đức về Kinh chờ Chỉ. Cho : Phó lãnh binh Đặng Thái thăng thụ Lãnh binh. Phó lãnh binh Bình Định trước là Hoàng Lý được điều bổ Phó lãnh binh tỉnh Quảng Ngãi ; quyền Vệ úy vệ Sơn Tây Trần Văn Luận bổ thụ Phó vệ úy các quân, lại thăng quyền Phó lãnh binh tỉnh Tuyên Quang ; Cai đội Nhị cơ Tả dũng Nguyễn Hữu Diệu thăng quyền Phó vệ úy vệ Sơn Tây.

Cho : quyền Bố chính Vĩnh Long Nguyễn Quốc Hoan được điều bổ quyền Bố chính Định Tường ; Bố chính Định Tường là Hoàng Du được điều bổ Bố chính Vĩnh Long.

Ngày Nhâm Ngọ. Vua đi thăm yết lăng Thiên Thụ, làm lễ xong, đến chiêm bái lăng Thụy Thánh ; ngày hôm đó, vua về cung. Trước đây, tiết Thanh minh, đã cho hoàng thân chia đến các lăng làm lễ. Đến nay vua nghĩ năm ngoài bỗng gặp bão lụt, vẫn chưa vui lòng, cho nên lại thân đi bái yết.

Đặt thêm bốn đội ở vệ thuyền rồng. Vệ thuyền rồng nguyên trước đặt 6 đội (từ Nhất đến Lục), lấy biên binh các vệ thủy sư, quê ở Thừa Thiên được tuyển bổ vào ; đến đây lại đặt thêm 4 đội (từ Thất đến Thập). Từ trước đến giờ, thuyền vua ngự, đều do Thủy sư phụng mệnh coi giữ, nay lại sai bộ Công trích một nửa, cấp cho các đội thuyền rồng, để cho có chuyên trách (thuyền rồng 67 chiếc, thủy sư 55 chiếc).

Bỏ bớt chức Phó lãnh binh tỉnh Bình Định. Vua cho rằng Bình Định chỉ có 6 vệ lính cơ, bèn sai giao cả cho lãnh binh trông coi, bỏ bớt chức phó.

Sai quan phủ Thừa Thiên thuê dân khơi vét 2 sông Phả Lợi, Lợi Nông.

Tỉnh Nam Định, tỉnh Hà Tĩnh lại phát bệnh dịch (xã Bình Cách, huyện Đông Quan, tỉnh Nam Định chết dịch 68 người ; 5 phủ huyện Nghi Xuân, Hương Sơn, Cẩm Xuyên, Hà Thanh, Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh chết dịch hơn 550 người) đều sai quan tỉnh phát thuốc điều trị, đặt đàn lễ cầu yên.

Mùa hạ, tháng 4, mồng 1, làm lễ Hạ hưởng.

Sai quan đi tuyển lính 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình. Lấy Thị lang bộ Hộ Tôn Thất Hợp, Bố chính Bình Định Phan Trước và Bố chính Nghệ An Vũ Tuấn sung vào việc phái đi.

Cho Hiệp quản vệ Hữu vệ dinh Hồ oai Nguyễn Công Nhân bổ thụ Phó vệ úy các quân thăng thụ Phó lãnh binh phủ Tây Ninh.

Vua cho rằng bình phong che chắn ngoài phiên la nơi trọng địa. Về việc đặt thêm chức Phó lãnh binh, có tỉnh nào nên tâu thì cho Tuyên phủ sứ cùng ký tên làm sớ tâu lên. Phái Phó lãnh binh tỉnh Gia Định là Tôn Thất Hàn lại được về tỉnh cung chức.

Cho Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai về nơi làm việc quan nhận chức. Trước kia, Giai có tang, xin về quê nhà ; đến đây về Kinh, vào tạ. Vua triệu vào hầu hỏi han yên ủi rất lâu. Giai nhân tâu rằng : "Hạ thần ở lâu ngoài biên quận, lòng vẫn quyến luyến chốn khuyết đình ; được hầu bên cạnh, là lòng mong muốn của kẻ hạ thần". Vua bảo : "Sơn - Hưng - Tuyên là trọng trấn ở Bắc Kỳ, việc bất giác ở Tuyên Quang, cũng là việc chưa làm xong của người. Huống chi giặc trốn ở tỉnh Sơn ra thú, chắc đâu đã đổi lòng tất cả. Người hãy vì trẫm trấn áp đi, đợi sau này về triều, chưa muộn". Giai ở Kinh vài hôm, rồi được cho về. Vua cho một bộ thi tập ngự chế có vẽ tranh, bọc gấm vàng, để làm gia bảo. Khi Giai đã đến [ly sớ], Phạm Duy Trinh lại về Tuần phủ Hưng Yên ; Bố chính Hải Dương trước quyền giữ chức Tuần phủ Hưng Yên là Ngô Kim Lan điệu bổ Bố chính Tuyên Quang ; Thị độc học sĩ viện Hàn lâm quyền lĩnh Bố chính Hải Dương là Đinh Văn Minh thăng quyền Bố chính Hải Dương ; Án sát Hải Dương là Lê Danh Đề đổi bổ Án sát Lạng Sơn ; Án sát Lạng Sơn là Phạm Bạch Như đổi bổ Án sát Hải Dương.

Cho viên quyền giữ ấn triện dinh Kỳ võ là Giáp Văn Tân bổ thụ Chương vệ, hộ lý ấn quan phòng của Tổng đốc Ninh - Thái. Tân vào bệ từ, vua bảo rằng : "Người xuất thân là quan võ ; mọi việc chớ nên tự ý cho là phải, mà nên cùng bố chính, án sát bàn tính. Người nên lấy đó tự răn mình".

Cho Lãnh binh tỉnh Vĩnh Long Nguyễn Phương thăng thụ Chương vệ, quyền giữ ấn triện dinh Hồ oai ; thụ Chương vệ vệ Cẩm y Phan Tùng bổ thụ Chương vệ quyền giữ ấn triện dinh Tiền phong ; Lãnh binh Quảng Bình Phùng Hữu Hòa thăng thụ Chương vệ, quyền giữ ấn triện dinh Hùng nhuệ ; đều dự bàn triều chính. Nguyên Lãnh binh Quảng Ngãi Nguyễn Văn Đức được gia hàm Chương vệ đổi bổ Kim ngô trượng ty tả chấp Kim ngô ở vệ Kim ngô ; Phó vệ úy vệ Kim ngô Nguyễn Hỷ thăng thụ Nhất đẳng thị vệ, lĩnh chức Vệ úy vệ Hậu dinh Tiền phong ; dùng Hiệp lĩnh thị vệ trực ban, thụ Phó vệ úy vệ Nhị, thuộc Tiền bảo Nguyễn Chính Xuân bổ thụ Phó vệ úy vệ Hữu nhị dinh Vũ lâm ; Cai đội đội Thập vệ Hữu nhị Tôn Thất Thạch thăng thụ Phó quản cơ quyền Phó vệ úy vệ Tả nhị Hữu dự ở dinh ấy ; Cai đội đội Nhất vệ Kim ngô Hoàng Dương thăng thụ Phó quản cơ quyền Phó vệ úy vệ Hậu nhị Hữu dự ở dinh ấy ; Cai đội Lục vệ Hữu dinh Long võ Vũ Thường thăng thụ Phó vệ úy vệ Tiền nhị ở Tiền quân ; Phó vệ úy vệ Hưng Yên Nguyễn Xanh thăng thụ Phó vệ úy vệ Tứ dinh Kỳ võ ; Cai đội đội Thập vệ Kim ngô Phan Ngũ thăng thụ Phó vệ úy vệ Hưng Yên ; túc trực Cai đội đội Lục vệ Cẩm y Trương Cơ thăng thụ Phó vệ úy vệ Thiện vũ dinh Long võ.

Cho Phó lãnh binh Nghệ An Đỗ Đức Tấn điều bổ Lãnh binh tỉnh Quảng Bình.

Định rõ lại điều cấm về súng điều sang. Vua dụ rằng : "Súng điều sang là đồ binh khí, không phải nhà ai cũng có được. Khoảng năm Minh Mệnh chuẩn cho theo nghị của bộ, từ hoàng thân cho chí quan có phẩm hàm ban văn ban võ đều có lệ định, ngoài ra phải nộp nhà nước, theo giá trả tiền cho. Thế mà có những bọn hư hỏng mượn cơ là của ông cha đã được từ trước, để mãi về sau, cũng không đem nộp, không khỏi sinh ra sự việc không hay. Thí dụ như việc gần đây Trần Văn Thịnh con Trần Văn Nguyệt là quản cơ đã chết, đem súng điều sang của cha để lại, tụ đảng đi ăn cướp. Việc võ lỗ, đã chém đầu phạm nhân đem bêu rôi. Nhân nghĩ : triều đình đặt ra pháp luật, quý ở chỗ trừ tuyệt tội ác khi chưa nảy mầm, không dạy mà giết, lòng người nhân đức cũng không nở thế, vậy nên định rõ lại điều cấm khiến cho dễ hiểu mà khó phạm. Nếu có người nào can án, tội đến cách chức, bãi chức trở lên, có thì đem nộp ngay ; hoặc người đã chết, con cháu phải đem tất cả báo lên quan. Ở trong Kinh, nộp tại Vũ khố ; ở các tỉnh nộp tại các quan đốc, phủ, bố, án. Như vậy thì các tội tàng trữ từ trước đều được tha cả. Lại chiếu theo những chỗ có hư hỏng to hay nhỏ, chia từng hạng, định giá trả tiền cho.

"Lại như thổ mục, thổ dân, có thói quen sử dụng điều sang, trước tuy có nghiêm cấm, nhưng chưa chắc đã thú nộp hết. Đạo nọ lại xảy ra một vụ án người châu Quan Hóa lén giấu súng điều sang, ban ngày đi ăn cướp, thì người khác cũng chưa thể biết được. Vậy hiểu thị lần nữa : nếu ai còn giấu riêng hạn trong một tháng phải nộp lên quan, đều được tha tội, chiếu lệ trả tiền cho. Một khi đã dụ rõ rồi, nếu còn dám trái điều cấm, có người tố giác, sẽ trị tội nặng hơn không tha".

Cho Giám sát ngự sử đạo Hải An là Nguyễn Công Dự thăng thự Chương án Cấp sự trung ở Lại khoa.

Cho : quyền Phó vệ úy vệ Quảng Yên là Nguyễn Uy thăng thự Phó vệ úy vệ Tả nhất thuộc Tả dực dinh Vũ lâm, Cai đội cơ Hậu tiếp ở Tiền quân Trần Tú thăng thự Phó vệ úy vệ Quảng Yên ; Cai đội vệ Hữu thủy ở Gia Định Tống Phúc Trung thăng thự Phó vệ úy vệ Tả thủy ở Gia Định ; Hiệp quản vệ Tả thủy ở Vĩnh Long Đào Trí thăng thự Phó vệ úy ở vệ ấy ; Quản cơ cơ Hữu ở Biên Hòa Trần Khả thăng thự Vệ úy vệ Hữu thủy ở Vĩnh Long ; Phó vệ úy vệ Hữu thủy ở Định Tường Nguyễn Đức thăng thự Vệ úy ở vệ ấy ; Cai đội vệ Thủy ở Hà Tiên Nguyễn Nguyên thăng thự Thành thủ úy quyền Phó vệ úy ở vệ ấy ; Quản cơ cơ Phú Yên Nguyễn Tấn thăng quyền Vệ úy vệ Thủy ở Khánh Hòa ; Cai đội vệ Cẩm y Nguyễn Chấn bổ thự Phó quản cơ thăng quyền Phó vệ úy vệ Nhất dinh Trung ở thủy sư Kinh kỳ.

Định rõ lệ thăng bổ, ở lại của quan ngoài. Trước đây, viện Đô sát tâu rằng : "Từ trước đến giờ, quan ngoài được thăng bổ chức quan trong Kinh, thường lấy việc xét kiện chưa xong, xin ở lại ; thường thường kéo dài giả hạn, đến nỗi bỏ thiếu chức sự !".

Vua bèn sai quan bộ Lại chăm chức định lại : phạm các viên đáng được thăng, nếu ngoài hạn 6 tháng mà công việc trước chưa xong thì thôi không được thăng, nơi khuyết trước sẽ chọn người khác sung bổ ; hạn 3 tháng thì do Bộ ghi lại, đợi đến 6 tháng công việc chưa xong cũng thôi không được thăng, nhưng định rõ kỳ hạn chăm chức bàn định. Khi bộ Lại tâu lên, vua lại giao cho đình thần bàn lại : các viên phủ huyện làm việc chưa xong, nếu được bổ thụ chức quan trong Kinh và có Chỉ vua cho triệu về Kinh để bổ dụng, đều do quan địa phương tâu lên xin cho ở lại. Vua bảo rằng : "Nghị này cũng vì việc chỉnh đốn quan lại mà bàn ra, duy trong khi thăng bổ, hoặc hoãn hoặc cấp không giống nhau, há nên nhất khái câu nệ ? Từ nay về sau, phạm bổ thụ chức quan trong Kinh, hoặc triệu về Kinh, hoặc được thăng điệu bổ đi nơi khác, viên nào đã có Chỉ chuẩn cho, phải lên đường về Kinh ngay và đến ngay chỗ làm việc quan mới, đó là việc quan trọng cần cấp. Quan tỉnh sở tại khi tiếp được dụ Chỉ, thì phải người cấp giấy ngay cho lên đường, không được vì công việc chưa xong, quanh co nấn ná để chậm trễ lỡ việc. Ngoài ra, việc đổi bổ tầm thường, nếu có công việc chưa xong, xin ở lại, thì gia hạn cho làm việc xong mới được dời khỏi chức vụ. Lại như ủy viên các tỉnh về Kinh, cũng xem xét trước mọi việc binh lương, án kiện có xong xuôi hay không, nhưng cho trình bày vào tập tâu, nếu được dẫn vào hầu vua, bộ Lại cũng làm đơn trình bày rõ, chờ Chỉ".

Bộ Binh tâu : "Con những viên đi kinh lý Nam Kỳ năm trước, Chánh sứ Trương Minh Giảng đã chết, Phó sứ Tôn Thất Bạch, Nguyễn Đắc Trí nên được ảm thụ Hiệu úy vệ Cẩm y, nghĩ xin phân biệt". Vua bảo rằng : "Ân ảm của triều đình, kéo dài đến con cháu, là để khen nêu người có công ; tất phải công trạng rõ rệt, trước sau không thiếu, mới đáng để nổi tiếng tăm của nhà mà nhờ nhiều ơn huệ của nước. Nay con Tôn Thất Bạch là Tôn Thất Lương trước đã có Chỉ được ảm thụ, giả hạn cho học tập ; nay tuổi đã trưởng thành, từng xét lời nói, đáng người cũng khá, chuẩn cho bổ thụ Hiệu úy vệ Cẩm y. Trương Minh Giảng trước làm Tướng quân Trấn Tây, thân mang trọng trách ở chốn biên cương, thế mà cai trị thiếu phương pháp, dần dần đến nỗi thổ dân vùng lên biến động, làm phiền triều đình phải một phen xếp đặt ; đến khi phải triệt về An Giang, lại không thi thố được may mắn, có phụ ơn của Nhà nước nhiều lắm, đáng phải trị theo tội nặng. Nhưng tạm nghĩ viên ấy lúc còn sống, có công dẹp được giặc Xiêm, nên chỉ cách chức Tướng quân Trấn Tây và chưa nỡ truy đoạt lại tước bá đã phong trước. Rồi đó, lại phát giác ra vụ án Ngọc Biện bỗng dung gây hấn, tội lại nặng thêm. Ví phỏng chính Giảng còn sống, pháp luật cũng khó tha, huống chi con lại cầu ân ảm ư ? Vậy đình chỉ cả việc con của Trương Minh Giảng được ảm thụ hiệu úy và con cháu của Giảng được tập tước. Nguyễn Đắc Trí trước kia theo đi làm việc, tuy có khó nhọc đôi chút, nhưng đã can trọng án, phải cách ; đến khi được triệu ra làm tư vụ, rồi bị bệnh chết ; công không trội hơn. Vậy con cũng không được ảm thụ.

Ngày Ất Ty. Vua ngự chơi cửa biển Thuận An, duyệt trận bày trên nước, gặp mưa rồi về. Trước đây, sai thự Tiền quân Tôn Thất Bật, Thị lang bộ Binh Hoàng Tế Mỹ làm Chánh phó tổng duyệt hội đồng với Thống quản Thủy sư Đoàn Kim, Nguyễn Đức Hoạt chiếu theo trận đồ, sửa soạn đầy đủ để chờ. Ngày hôm ấy, vừa gặp tiết tiểu mãn, bọn Bật sai tất cả các thuyền hiệu, trước khi ấy, ra biển, bày thành hàng. Khi ngự giá đến, lên lầu quan hải ; mưa gió nổi lên, vua bèn sai bãi đi ngay, cho các thuyền hiệu được tùy tiện đi đứng. Đến chiều, thế gió càng dữ, ba thuyền hiệu Bình Hải, Định Hải, An Hải thu về đóng ở cửa biển Đà Nẵng ; thuyền hiệu Bình Dương, Định Dương và thuyền Hải Vân ở Gia Định tùy tiện đi đồ để ẩn. Duy hai thuyền hiệu Thụy Long, An Dương bị trôi giạt vào bãi cát, mắc cạn ; người trong thuyền tranh nhau lội lên bờ, thuyền bị hỏng vỡ.

Vua đổi nét mặt, không vui. Ngày hôm sau, ngự giá về cung, dụ quan Nội các rằng : "Tôn Thất Bật, Hoàng Tế Mỹ thân làm chức Tổng duyệt ; Đoàn Kim, Nguyễn Đức Hoạt là Thủy sư, Đại viên đã không biết xem rõ chiều gió, lại không dự tính liệu trước, tội không thể chối được, giao cho bộ Hình nghị xử. Quản vệ Lê Viết, Lê Văn Nao ; Suất đội Nguyễn Điền, Nguyễn Thoại, hèn kém không có tài, đều phải cách, xích tay giao bộ Hình nghiêm nghị. Những người tranh bơi lội lên trước, đều phải đóng gông, bêu riếu ở cửa biển Thuận An. Lại xét công những người trông coi các thuyền hiệu : quyền Vệ úy vệ Ngũ dinh Tả quân thủy sư Lê Văn Súc (trông coi hiệu thuyền Định Tường), chuẩn cho thực thụ ; Phó vệ úy vệ Nhất dinh Hữu Nguyễn Văn Ký (trông coi thuyền hiệu Bình Dương), thăng thụ Vệ úy vệ ấy, lại thưởng cho mỗi người 8 lạng bạc ; quyền Phó vệ úy vệ Tứ dinh Tả Nguyễn Cương (trông coi thuyền hiệu Bình Hải), quyền Phó vệ úy vệ Nhất dinh Trung Nguyễn Chấn (trông coi thuyền hiệu An Hải) đều cho thực thụ ; Hiệp quản vệ Tứ dinh Hữu Đặng Tư (cùng trông coi thuyền hiệu Định Hải), thăng thụ Quản cơ, quyền Phó vệ úy vệ ấy, lại thưởng cho mỗi người 6 lạng bạc ; các thí sai suất đội, ngoại ủy đội trưởng cho đến người cầm lái đều được cất nhắc bổ dụng, ban thưởng có thứ bậc khác nhau.

Lại dụ cho bộ Hộ rằng : "Thuyền bọc đồng dùng làm chiến hạm, có quan hệ đến việc binh ; từ trước đến giờ, quân thủy sư đã chia hạng cấp thêm cho. Thế mà bọn chúng không nghĩ tự mình hăng hái, mới xảy gặp gió sóng, đã vội lật đật bối rối, hướng chi đến lúc có việc, còn có thể mong cho được việc không ? Bọn chúng là hạng hèn mọn, không bỏ trị tội nặng, nhưng chiếu lệ thường cấp cho lính thì không được theo hạng cấp tiền ; sau có phái đi đường biển thì phải sung phái vào hạng hết sức khó nhọc, để xem kết quả sau này". Khi bộ Hình dâng bản án lên, Lê Viết, Lê Văn Nao, Nguyễn Điền, Nguyễn Thoại đều phải tội trảm giam hậu, chia nhau phải đền ; Tôn Thất Bật, Hoàng Tế Mỹ, Đoàn Kim, Nguyễn Đức Hoạt đều

phải giáng hai cấp. Trước đây, hôm rước vua về cung, trời còn chưa tạnh, quan quân theo hầu cố sức che kín rước đi được ổn thỏa. Vua khen lắm, thưởng cho các quan đại thần nơi hành dinh : quyền Thống chế Tôn Thất Nghị, Tham tri Lý Văn Phúc, Quản lĩnh thị vệ đại thần Tham tri Lâm Duy Thiếp, quyền Chuông vệ Tôn Thất Mậu đều được gia một cấp và thưởng cho một đồng kim tiền "nhị nghi" ; quyền Phó vệ úy vệ Long thuyền Lê Lang, quyền Phó vệ úy vệ Nhị dinh Hữu thuộc Thủy sư Kinh kỳ Hồ Trị đều cho thực thụ và thưởng cho một đồng kim tiền. Suất đội, đội trưởng cho đến binh lính cầm lái đều có ban thưởng.

Đặt thêm chức Thành thủ úy ở pháo đài Phòng Hải tỉnh Quảng Nam. Trước kia, pháo đài Phòng Hải do tỉnh Quảng Nam lần lượt phái một đội biển binh đóng giữ ; đến đây, vua cho rằng bờ biển là nơi quan trọng, đặc cách đặt thêm chức thành thủ úy, lấy Cai đội đội Thất, vệ Nhất, dinh Vũ lâm là Tôn Thất Tường sung vào chức ấy.

Bắt đầu đúc ấn "Từ thọ cung bảo" (ấn bằng vàng, khắc bốn chữ "Từ thọ cung bảo", nét chữ chặt chẽ, hình dạng ; ấn vuông 6 phân 7 ly, dày 3 phân 1 ly ; núm đúc hình con rồng nhỏ, cao 5 phân 9 ly, tính suốt từ trên xuống dưới cao 9 phân, nặng 7 lạng 8 đồng 7 phân). Ấn đúc xong, chọn ngày lành, cung tiến lên. Phàm việc trong cung, dùng ấn ấy ban hành.

Dời đi, làm lại hai đền thờ Quan công và Thiên phi. Trước kia làm ở bên tả bên hữu chùa Thiên Mục, quy chế hẹp hòi, gỗ nhiều chỗ hỏng nát ; mới sai bộ Công chọn nơi làm chỗ khác (đền Quan công ở ngoài cửa đông Kinh thành ; đền Thiên phi ở Sa Cương cửa biển Thuận An).

Lãnh binh Bình Định là Đào Quang Bằng, tuổi già, phải về hưu. Cho Phó lãnh binh Khánh Hòa là Nguyễn Tiến Tuyên thăng quyền Lãnh binh Bình Định ; Phó vệ úy vệ Hậu nhị hữu dinh Vũ Lâm Lê Nguy được điệu bổ Phó lãnh binh Khánh Hòa. Lãnh binh Quảng Nam là Lương Văn Liễu can án, phải giải chức. Cho quyền Vệ úy vệ Hữu nhị dinh Vũ lâm Nguyễn Đức Tập được điệu bổ Lãnh binh Quảng Nam, đóng giữ đài Ngũ Thành, kiêm trông coi việc cửa biển Đà Nẵng. Lãnh binh Quảng Bình là Đỗ Đức Tấn được điệu bổ Lãnh binh Lạng Sơn. Phó lãnh binh Hà Nội là Phạm Văn Phụng được thăng quyền Lãnh binh Quảng Bình ; Phó lãnh binh Cao Bằng là Trần Dật được điệu bổ Phó lãnh binh Hà Nội ; Phó lãnh binh Bắc Ninh là Trần Loan được điệu bổ Phó lãnh binh Cao Bằng ; Phó vệ úy vệ Kỳ võ Trần Đăng Phó được điệu bổ Phó lãnh binh Bắc Ninh.

Đề đốc quân thứ Tuyên Quang Nguyễn Cửu Đức rút quân về. Đức đóng quân ở đồn Ân Quang, vì nóng quá, chướng khí nhiều, quân lính nhiều người ốm chết, Đức mới rút quân về. Sau khi xong việc, tâu lên ; vua bảo rằng : "Nguyễn Cửu Đức mình

coi đại binh, lâu không bắt được một tên giặc, đóng quân ăn hại, đến nay không công trạng gì, lại không đợi Chỉ, cho quân về trước, càng là không đúng ! Trước kia, Hồ Hựu đã đi, nhưng không công trạng gì ; đến khi nhất được tờ giao ước của giặc (dân các xã Vân Trung giấu giếm tờ giao ước của bọn Quảng Khải) lại không tra xét ngay ! Vậy đều giao cho bộ Hình nghị xử. Biền binh các tỉnh phái đi, đều cho về quê nghỉ ngơi 1 tháng, cấp thêm cho tiền lương nửa tháng, người nào ốm thì cấp thuốc cho, người nào chết, được tiền tuất nhiều hơn. Cho Nguyễn Cửu Đức về quê lo liệu việc tang". Đức về đến Bắc Ninh, bị ốm chết, sau được truy thụ hàm Thống chế. Khi án dâng lên, Hựu bị cách chức, phát đi làm lính ở Tân Cương thuộc Trấn Tây.

Định thứ bậc tước tôn và triều phục. Vua dụ bộ Lễ rằng : "Từ xưa các bậc đế vương hậu đãi người chí thân, lấy tước trật làm thứ bậc, lấy áo mặc để phân biệt, để tỏ có khác nhau mà rõ lễ chế. Nhà nước ta hưởng phúc to lớn, chi phái họ nhà vua, trước đã chuẩn định tước tôn, từ thân vương, quận vương, thân công, quốc công, quận công, huyện công, hương công, huyện hầu, hương hầu, kỳ nội ngoại hầu, đình hầu, trợ quốc khanh, tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy, phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang, phẩm trật có bạc, giai ngạch đã rõ, đối với cái nghĩa thân người thân, quý người quý, đã là đủ lắm. Còn áo mặc cũng nên phân biệt định rõ". Sau đó bộ Lễ châm chước bàn định : phàm là hoàng tử và đã là hoàng tử được phong tước vương, tước công cho đến huyện công, hương công, cùng với hoàng tử, hoàng đệ chưa được phong thì mũ vàng, bình đính ; áo màu đại hồng, hoa hồng ; đai, trang sức bằng vàng và cần mặt kính. Nếu là họ Tôn thất mà được ban phong sắc mệnh và tập tước từ vương công trở xuống đến phụng quốc lang thì mũ phước đầu vương, áo màu chân lan, tử đàn, đai bọc lẫn cả vàng, bạc và đồng. Các hạng mũ, đai, chiếu ban thứ tước trật, chước lượng thêm bớt trang sức bằng vàng, để rõ thứ bậc. Ngoài ra như hốt, vông, mũ, hia đều theo thứ bậc phẩm phục quan viên văn võ, chiếu phẩm mà ban cấp cho.

Vua bảo rằng : "Lời bàn đó đều đã thỏa đáng, chuẩn cho theo nghị thi hành ; duy người họ Tôn thất, nếu có thăng thụ tại chức, thì chiếu phẩm được thụ, ban cho mũ áo, để cho cùng bằng với người thụ hàm ở triều ban".

Định rõ dinh vệ các quan nên cấp mũ áo khi theo hầu đi hồ giá. Trước đây các vệ quân, quan thống quản, cai quản được Nhà nước cấp cho mũ hổ đầu, áo măng lạn, để phòng khi theo đi hồ giá, có người đã chế cấp cho, cũng có người vẫn chưa được. Đến đây, bộ Lễ tâu rằng : "Từ trước, nguyên cấp áo mũ, đều chế cấp giống nhau, hỗn độn không phân biệt ; nay triều phục các quan văn võ đã bàn định thứ bậc, thì hạng áo mũ [của quan nhân] này cũng nên châm chước nghị định để cho có thứ bậc (mẫu cũ : trang sức bằng vàng, 1 cái bác sơn hổ kỳ, đằng trước hoa, rồng

đều hai, đằng sau 1 hoa ; trên chòm mũ, bao đồ bát cổ có 2 đường rủ xuống, viền chung quanh 4 đường ; nay cứ mẫu cũ chước lượng thêm bớt : mũ, chường phủ đồ thống, thêm hai hình lửa cháy bằng vàng ở đằng trước ; thống chế và chường vệ sung quân lĩnh thị vệ đại thân, trang sức bằng vàng như cũ ; vệ úy, bớt 2 rồng vàng đằng trước ; phó vệ úy, bớt 2 rồng vàng đằng trước, có 1 hoa bằng vàng ; áo, chường phủ đồ thống, dùng sắc tử đàn ; thống chế chường vệ, sắc mộc hồng ; vệ úy, sắc thâm tương ; phó vệ úy, sắc bảo lam và thiên thanh). Vua chuẩn y.

Vua dụ quan Nội các rằng : "Lần này làm sách vẫn trước đã có Chỉ gọi là *Thiệu Trị văn quy tự vận hội tập* ; và lại, 2 chữ "văn quy" nghĩa của chữ ấy rất bao quát, học chữ, học vẫn ở cả trong ấy ; nay viết ra gọi là *Thiệu Trị văn quy*, không nên viết thêm bốn chữ "tự vận hội tập" làm gì".

Lại dụ rằng : "Quyển *Thiệu Trị văn quy*, đã sai quan ở Các và Viện mở quán biên chép, để gia ơn cho học trò tỏ rõ việc văn trị ; và lại sách này làm ra, tập hợp cả các sách, cóp nhặt bổ sung những văn còn thiếu sót, tập đại thành của các nhà, làm ra hội tập vẫn chữ ; trong khi biên chép khảo cứu, mới biết bận nhiều ; nên giao cho giám thân ở Quốc tử giám chọn lấy 10 người cử nhân, giám sinh ở Giám, người nào văn học giỏi, nhiều lần khóa kỳ dự vào hạng ưu hạng bình, cùng với các viên thuộc đã phái trước ở các, ở viện hội lại làm việc. Về 10 người ấy, người nào khóa kỳ nguyên ở hạng ưu, đã có tiền gao lương tháng, thì gia ân chuẩn cho kế tiếp cấp theo hạng ưu ; nguyên ở hạng bình, chuẩn cho theo hạng bình chiếu cấp, đợi khi công việc xong lại về Giám, sẽ đều chiếu khóa lệ cũ làm việc. Lại như bọn Nguyễn Ngọc, Trần Thành Chương đương phải hiệu lực ở bộ, hiện nay chỗ bộ mà họ theo làm ấy không có việc. Vậy Nguyễn Ngọc, Trần Thành Chương phải đổi phái sang theo viện Hàn lâm làm việc, theo bọn đã phái trước chia nhau kê cứu, để chuộc tội trước ; nhưng gia ân cấp cho lương tháng mỗi người đều 2 quan tiền, 1 phương gao, để tỏ lòng thể tất".

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XLVIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHUƠNG HOÀNG ĐẾ

Ất Tỵ, Thiệu Trị năm thứ 5 [1845], mùa hạ, tháng 5, làm điện Minh Thiện ở phía đông điện Cần Thành, để làm chỗ phê duyệt sơ tấu, theo cái nghĩa chính sự sáng tỏ, cẩn thận.

Tiết Đoan dương. Làm lễ xong, ban yến có từng bậc. Trước đấy, hữu ty theo lệ làm danh sách, đình hầu vì phẩm kém không được dự. Vua bảo rằng : "Đình hầu là người thân của dòng dõi nước Phiến, chuẩn cho được dự để đều được thấm nhuần ơn huệ".

Viện Cơ mật, tòa Nội các dâng tập *Chỉ thiện đường thi văn hội tập*, là tập thơ nhà vua làm khi còn ở cung riêng chưa lên ngôi. Trước kia, sai quan ở Viện, Các hội lại kiểm điểm ; đến đây đem bản chính dâng lên, vua khen là hết lòng kê cứu, thưởng cho gia cấp, kỷ lục, vàng, bạc, vóc lụa và tiền có từng bậc.

Một hôm, vua bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : "Làm thơ, khó ; bình thơ, cũng khó, là vì tài học của người, ít khi đủ cả. Trẫm xem Hà [Tông] Quyền tuy không có tài làm thơ, nhưng tư chất thông minh, thường học làm thơ, những bài làm ra trong khi tuổi già, hơi biết phép làm thơ, đáng tiếc là không được sống lâu ; còn như Hoàng Quýnh, lẫn cả khôi hài, sao đáng cùng nói đến thơ được !".

Cho : Hữu thị lang bộ Lễ, sung làm việc Nội các, Lê Khánh Trinh thăng quyền Hữu tham tri, vẫn quyền làm việc ở Nội các ; Hàn lâm viện Thị độc học sĩ Vũ Phạm Khải

thăng thụ Phó sứ Thông chính ; Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ Nguyễn Cửu Trường thăng thụ Thái bộc Tự khanh ; đều cho sung làm việc ở Nội các.

Tiết Vạn thọ. Vua ngự điện Thái Hòa nhận lễ châu mừng.

Cho : Vũ Quýnh làm Hữu thị lang bộ Lại ; Nguyễn Danh Hạp làm Hữu thị lang bộ Hình ; Phạm Thế Trung làm Bố chính Hưng Hóa ; Đỗ Khắc Thư làm Bố chính Bắc Ninh ; Phan Khắc Thận làm Án sát Vĩnh Long ; Tôn Thất Hợp làm Án sát Bình Định ; Đặng Kham làm Án sát Quảng Ngãi ; Nguyễn Đức Hoan làm Án sát Nghệ An ; Nguyễn Danh Dương làm Án sát Nam Định ; Nguyễn Trung Nghĩa làm Lang trung ty Văn tuyển bộ Lại ; Tôn Thất Thường làm Lang trung ty Thuồng lộc bộ Hộ ; Tôn Thất Vị làm Lang trung ty Thuế hạng ; Hồ Đình Hi làm Lang trung bộ Công sung làm công việc sở Đốc công Nội vụ phủ ; Ngô Bình Đức làm Binh khoa Chương ấn Cấp sự trung.

Cho : Tuân phủ giúp việc Tổng đốc Bình - Phú là Trần Văn Trung thăng quyền Tổng đốc Bình - Phú ; Hữu thị lang bộ Lại là Nguyễn Đình Tân thăng quyền Hữu tham tri bộ Lại ; Tả thị lang bộ Hình là Trương Văn Uyển thăng quyền Tả tham tri bộ Hình, vẫn quyền giữ ấn triện Đại lý tự ; Viên ngoại lang ty Khảo công bộ Bình là Cung Văn Đạt thăng quyền Lang trung ty ấy ; Viên ngoại lang ty Bắc hiến bộ Hình là Đặng Quốc Lang thăng quyền Lang trung ty ấy ; Viên ngoại lang bộ Công sung làm Đốc công Trần Đàng Chí thăng quyền Lang trung, vẫn sung làm công việc sở Đốc công kho Mộc thương ; Thái y viện Ngự y Trần Viết Cát thăng quyền Viện sử.

Lại dụ cho các quan viên trong Kinh và ngoài tỉnh được thụ hàm đã đủ 3 năm, vì việc quan phải giáng, cách, vẫn được tại chức, đều do bộ làm danh sách tâu lên để bổ thụ và cho khai phục có tăng bậc.

Cho : Vệ úy vệ Kinh tượng nhất Lê Tất Ứng thăng quyền Chương vệ, coi các vệ Kinh tượng ; Phó vệ úy Tam vệ dinh Kỳ võ Nguyễn Đức Long thăng quyền Vệ úy vệ ấy ; Hiệp quản Tả vệ dinh Thân cơ Tôn Thất Chu thăng quyền Phó vệ úy vệ ấy ; Hiệp quản Hậu vệ dinh Tiên phong Lê Vũ thăng quyền Phó vệ úy vệ ấy ; Phó quản cơ cơ Tả tỉnh Vĩnh Long Lê Vĩnh Thức thăng quyền Phó vệ úy Hữu vệ tỉnh Bình Định ; quyền Vệ úy vệ Loan giá Tôn Thất Đắc, quyền Vệ úy Tiên vệ dinh Tiên phong Lê Chương, quyền Phó vệ úy Nhất vệ thuộc Hữu bảo ở Hữu quân Lê Khánh, quyền Vệ úy vệ Thủy hữu ở Gia Định Phạm Quý Quảng, quyền Phó vệ úy vệ Thủy ở Quảng Trị là Mai Công Nghiêm, quyền Phó vệ úy vệ Thủy trung ở Nghệ An là Nguyễn Văn Nhược, quyền Phó vệ úy vệ Thủy tả Trần Văn Kích đều cho thực thụ.

Tập thơ vua làm có vẽ tranh đã in xong, ban cho trong Kinh và ngoài các tỉnh.

Ngày Mậu Dần. Vua thân đi cày ruộng tịch điền. Khi lễ xong, vua ngự nhà Chỉ thiện ; bộ Lễ dẫn người con hiếu ở Phú An là Nguyễn Văn Thiệu đến chiêm bái. Vua khen rằng : "Cha Thiệu là Văn Tự trước có tiếng là người con hiếu, nay con lại noi theo đạo hiếu, trở thành nhà tốt, thật là việc mà người khác khó làm được. Triều đình dạy điều hiếu, trung, để làm kế hay cho lòng người và phong tục. Vậy há nên cho Thiệu là dân hèn mà khinh hay sao ?". Bèn thưởng cho Thiệu ngân tiền, áo sa, rồi cho về.

An Khánh công Quang bị bệnh rồi mất. Vua nghỉ coi triều 3 ngày, cho tên thụy là Trang Mẫn, cấp cho 2.000 quan tiền ; lại phái Thọ Xuân công Miên Định khám mệnh tế một tuần rượu.

Cho Phó vệ úy vệ Hữu nhị dinh Vũ lâm Nguyễn Xuân Chính được điều bổ Phó vệ úy vệ Kim ngô ; Hiệp quản vệ Hậu dinh Thân cơ Tôn Thất Đàm thăng quyền Phó vệ úy vệ Nhất thuộc Trung bảo.

Quyển Phủ thừa phủ Thừa Thiên là Đinh Doãn Trung có tội, phải cách chức. Doãn Trung xét xử việc diên thổ, sau lên nhận của lót. Việc phát giác, Doãn Trung phải cách chức, không được bổ dụng. Cho Lang trung bộ Lại Nguyễn Trung Nghĩa được điều bổ Phủ thừa phủ Thừa Thiên.

Giải tù người nhà Thanh đưa sang Quảng Đông. Trước đây, tỉnh Thanh Hóa bắt được 2 tên giặc Thanh, bắt sống đưa đến cửa khuyết. Vua mới sai quan quân đáp thuyền Linh phượng, giải giao sang Quảng Đông. Cho : Lang trung bộ Lại là Đỗ Tuấn Đại bổ thụ Hồng lô Tự khanh, quyền Lại khoa Chương án Mai Đức Thường bổ thụ Hàn lâm viện Thị độc học sĩ sung Chánh phó sứ ; Vệ úy sung Hiệp trấn thị vệ Lê Chỉ Tín, Quản cơ Hồ Đăng Tuấn sung Chánh phó biện.

Cho : Nguyễn Văn Công làm Lang trung kho Mộc thương ; Nguyễn Văn Xao làm Phó vệ úy vệ Tứ, dinh Hữu Thủy sư ; Hiệp quản vệ Tam, dinh Tả Thủy sư Dương Quỳnh thăng thụ Quản cơ, lại quyền Phó vệ úy dinh vệ ấy ; Viện sử viện Thượng trà cũ là Lê Mậu Hạnh được trả lại hàm trước, vẫn sung Hiệp lĩnh thị vệ Trực ban, kiêm quản các đội Thượng thiện, Phụng thiện, Lý thiện (Mậu Hạnh trước can án, phải giáng, điều phái đi làm việc ở thuyền Linh phượng). Vì bọn Công phải đi đường biển làm việc công về được thanh thỏa, cho nên có mệnh lệnh này.

Định rõ lệ thu nộp gỗ ở kho Mộc thương. Vua dụ rằng : "Cây gỗ là vật nặng, vận chuyển khó nhọc, chọn lọc khó khăn, làm khổ cho dân, điều đó không phải ý của trẫm. Gần đây nghe nói tỉnh Bình Định giải gỗ lên kho có nhiều cây không tốt, bị người coi việc ấy chê bác đi, trẫm đã sai quan ở Bộ, Viện xét lại, không được khó khăn quá. Từ nay, cây nào có dấu vết nhỏ, còn có thể dùng được, thì không hạn gì đến việc tính chiết mà thu vào ; duy có vết mục nát không thể dùng được, mới

được thải ra. Như thế gỗ mới có thể không đến nổi mục nát mất không, lại thuộc cũng không sinh thêm tẻ được. Nhân sai bộ Công định rõ chương trình, cứ số cũ chia làm 10 thành, nếu vết mục không đến một thành, thì miễn cho việc phân xử ; từ một thành trở lên thì phân biệt xét từng loại". Lại sai viện Đô sát hằng tháng phái một viên ở khoa đạo hội đồng xét việc chi thu ; giữ lòng công bằng xem xét theo như lệ kho ở Kinh.

Cho Phó lãnh binh Hà Nội Trần Dật, do bản chức, kiêm quản cục Thông bảo, hiệp đồng với Viên ngoại lang bộ Hộ là Dương Văn Sách theo cách thức đúc tiền ; Lang trung Trần Văn Nguyên phải về cung chức cũ.

Xét dùng con cháu các công thần và người tiết nghĩa đời trung hưng. Trước đây quan khoa đạo là bọn Đặng Quốc Lang tâu xin xét hỏi con cháu các trung thần của bản triều. Vua bảo rằng : "Con cháu các công thần trung hưng dục vận đều đã nối tiếp phong tước, bổ quan. Lại như ngày trước, nhân hai phen có việc, những người chết ở nơi biên cương, cũng đã gia tặng ấm thụ ; đôi khi có một vài người tuổi trẻ, vẫn chưa được dự, thì hoặc cũng có. Nay mới sắc sai thông tư điều tra, thì được 36 người nên cho tiếp tục lục dụng. Lại sai bộ Lại, bộ Lễ, bộ Binh hội đồng xem xét, thì ba bộ bàn xin tham khảo lệ cũ, cho các người được ấm thụ đều được sai phái ở tỉnh. Vua nghe theo. (Các viên chết trận : nguyên tòng tam phẩm, nay tặng chánh tam phẩm, con được ấm thụ Cẩm y thiên hộ ; nguyên chánh tứ phẩm nay tặng tòng tam phẩm và tòng tứ phẩm nay tặng chánh tứ phẩm, con được ấm thụ chánh bát phẩm bá hộ ; chánh lục phẩm nay tặng tòng ngũ phẩm, con được ấm thụ chánh cửu phẩm bá hộ. Chánh lục phẩm được gia tặng một hàm và tòng lục phẩm được gia tặng một hàm thì con được ấm thụ Cẩm y bá hộ).

Có tên giặc trốn ở Nam Định, Trương Đình Quang là dư đảng của giặc Vành. (Quang người huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định, có tên nữa là Tiên Nam, xưng là Thượng đạo quận công của giặc). Tổng đốc Phan Bá Đạt phái người theo dõi lên Sơn Tây, đến huyện Thanh Ba, hiệp sức cùng viên tri huyện bắt được. Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai đem việc ấy tâu lên, nhân nói : "Đình Quang tự nói cùng đi lại với Nông Hùng Thạc và xưng là Hồng Trúc vương của giặc (người nước ta trốn sang Vân Nam, kêu gọi tụ họp các người ở Hồng ban trong rừng Đô Trúc, gọi là Hồng Trúc vương) và Trạng Siêu của giặc (người xã Cổ Liêu, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, lúc 7 tuổi có người ra câu đối rằng : *Thần đồng thất tuế, tự cổ liêu văn*, nghĩa là : Thần đồng 7 tuổi, từ xưa không nghe tiếng ; hấn ứng khẩu đối rằng : *Thánh chúa vạn niên, vua kim đồng kiến*, nghĩa là : Thánh chúa muôn năm, hiện nay thấy rõ cả. Mọi người khen là lạ, gọi là trạng Siêu. Dưới thời "nguy Tây", khởi sự không xong, chúng trốn sang ở địa hạt nhà Thanh vỡ ruộng, chiêu mộ

người tụt đảng, ngấm có chí khác) xin tạm tha cho tội chết, cho hẩn bắt kẻ phạm để chuộc tội".

Vua bảo rằng : "Quang là giặc trốn lâu ngày, đáng phải chết chém, nhưng đã tình nguyện đi dò bắt giặc, thì việc ấy không hại gì. Tạm giao cho tỉnh Sơn quản thúc, cho đi dò bắt giặc trốn. Phan Bá Đạt vì phái ủy được người và Tri huyện Thanh Ba Nguyễn Huy Tuấn đều được thưởng gia một cấp. Những người đi về việc ấy, thưởng tất cả 200 quan tiền". Bá Đạt bồng lại tâu : "Quang bị can án, xin giải giao cho tra xét". Giai lại xin gia hạn 1 tháng. Đến khi hết hạn, không được công trạng gì, lại xin triển hạn nữa.

Vua bảo rằng : "Giai trước đã xin tha chết cho hẩn, nay lại mở đường thoát này, không nghĩ đến hổ hủ ra khỏi cũi, là lỗi của ai ?". Bèn sai đóng cũi ngay đưa về Nam Định, trả để xử về việc án. Giai vì khinh xuất xin đỡ, phải giáng một cấp. Sau đó Quang kiên quyết không chịu thú nhận, lại bị giải về giam cầm ở tỉnh Sơn.

Nước Phú-lăng-sa sai sứ sang tạ. Trước kia người nước ấy là bọn tên Đoan, tên Vọng lên đến, lừa dối dụ dỗ nhân dân, bị bắt, phải giam cầm. Vua cho là không biết mà lầm phạm, đều tha cho ; đến đây Quốc trưởng nước ấy ủy Đầu mục là Đô-ráp-lăng đến cửa biển Đà Nẵng dâng thơ trình tạ ; lại nài xin thăm thiết cho người nước ấy là Đô-ni-my-cô hiện đương phải giam. Thự phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi là Ngụy Khắc Tuần nói rằng trong thư đưa đến có ý cung kính hòa thuận. Vua cũng sai tha cả.

Có người Kinh là bọn Nguyễn Văn Thất, theo tả đạo, ngấm thông tin tức với thuyền nước ngoài, bị bắt, chém bêu đầu rêu rao khắp nơi.

Chưa bao lâu, thuyền Man của nước Hoa-cân cũng đến cửa biển, trong Kinh phái Viên ngoại lang Nguyễn Long, cùng thuộc viên ở tỉnh là Kinh lịch Nguyễn Dụng Giai đi đến thăm hỏi, bị người Man dọa nạt, mang xuống thuyền. Bọn Long không biết cự lại. Người Man bồng nhỏ neo đi. Khi bọn Long về, đều phải cách lưu.

Tháng 6. Sai các đại thần là bọn Vũ Văn Giải đi kinh lý Nam Kỳ. Trước đây, Đốc phủ An Giang - Hà Tiên là Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn tâu rằng : "Việc ngoài biên ở Trấn Tây, xin trước kỳ hạn thu thuế, chọn phái đại thần đến trước để xử trí". Đến đây, thổ mục Lạp man hoặc đến xin tiếp viện, hoặc đem gia quyến đến nương nhờ.

Vua cho là có thể nhân cơ hội được, mới sai Đô thống phủ Đô thống Hậu quân kiêm quản dinh Kỳ võ là Vũ Văn Giải, do bản chức, quyền lĩnh Tổng đốc Gia Định - Biên Hòa ; Thượng thư bộ Công là Tôn Thất Bạch đổi bổ làm Thượng thư bộ Binh quyền lĩnh Tuấn phủ Gia Định ; Tổng đốc Gia Định - Biên Hòa trước là Lê Văn Phú được điệu bổ làm Đề đốc Gia Định, hội đồng với Vũ Văn Giải và Tôn Thất Bạch

bàn tính việc ở tỉnh ấy. Vua dụ rằng : "Tỉnh ấy là nơi trọng địa ở Nam Kỳ, đặc phái đại thần trấn giữ, sự thể quan trọng, từ nay phàm các tỉnh An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long, Định Tường cho đến phủ Tây Ninh, nếu có việc ở ngoài biên, thì tư cho quan hội đồng đại thần xử trí, cốt mong được thỏa đáng, nên họp mặt bàn tính. Cũng cho các quan đại thần cùng với bọn đốc, phủ đi lại hội bàn. Nếu có thể thừa cơ xếp đặt được Lạp man thì một mặt phi sứ về tâu, một mặt cho tùy tiện làm việc. Đốc, phủ, bố, án ở tỉnh cho đến quan quân đều phải nghe theo xử trí. Cần nên cùng lòng vì nước, hăng hái làm việc, mong sao hoàn thành được công to vạn toàn". Lại phái Hữu chấp Kim ngô Trương Tiến Trung, Phó vệ úy Bảo nhất Đoàn Thọ đi theo, gặp khi có chánh phó lãnh binh hoặc quản vệ có khuyết thì tâu xin bổ thụ. Rồi cho Thống chế dinh Long võ là Tôn Thất Nghị được điều bộ quyền Đề đốc tỉnh Vĩnh Long.

Bọn Giải vào bệ từ. Vua bảo rằng : "Gia Định và Biên Hòa là nơi phiên trấn hùng mạnh ở Nam Kỳ, chống giữ nước Xiêm, nước Lạp, chính là chỗ quan yếu. Phàm có khu xử cát đất, nên cùng lòng bàn tính, rồi sau hãy làm, cốt có yên bên trong mới có thể phục được bên ngoài, phải lấy việc trị yên làm đầu". Lại sai bộ Binh vét quân đi hộ tống và chuyển tư cho những chỗ chưa đi đến cũng phải như thế.

Cho : quyền Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ là Hà Duy Phiên kiêm coi công việc bộ Công ; quyền Hữu tham tri bộ Lễ tạm làm việc trong Nội các là Lê Khánh Trình được điều làm quyền Tả tham tri bộ Công ; Đô thống Tả quân là Nguyễn Tiến Lâm kiêm coi dinh Long võ ; Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm là Nguyễn Trọng Tính kiêm coi dinh Kỳ võ.

Tuần phủ An Giang Doãn Uẩn, Đề đốc Nguyễn Văn Hoàng chia đường tiến đánh Lạp Man. Trước đây, thổ mục Trấn Tây nhiều người tình nguyện xin làm nội ứng. Tổng đốc Nguyễn Tri Phương xin đến tiếp giáp tháng tư, tháng năm này phái quân tiếp viện tiểu trừ.

Vua dụ rằng : "Đánh nước khác, là việc to. Từ trước đến giờ, nghị đánh, nghị hòa, vẫn không nhất trí. Bọn người ở nơi biên thùy đã lâu, quan võ chống cự với giặc, đó là phận sự ; duy có động đến đại binh thì quan hệ chẳng vừa. Thà trì trọng mà cầm quân, không nên khinh thường mà tiến bạo. Nên xét xem : nước giặc quả thật có biến (khi ấy nghe nói tù trưởng nước Xiêm đã chết, em là Ô Thiệt Vương lên thay), người thổ đều đã thực lòng quy thuận, chỗ nào cũng trở dậy, chém giết lẫn nhau, thực có thể thừa cơ được, thì phi sứ về tâu ngay". Đến đây, quyền Tuyên phủ sứ Tây Ninh là Cao Hữu Dực tâu rằng : "Thổ mục Liêm Đột đến đồn xin quân tiếp viện, đã phái người đưa giao cho tỉnh An Giang". Rồi đó, tiếp được tập tấu của quan tỉnh An Giang là bọn Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn, Nguyễn Văn Hoàng : "Cứ thổ mục xứ ấy là Liêm Đột nói ra, Man đảng xứ ấy là Trà Tri Mê ở Nam Vang

muru đốt các kho thuốc súng, gạo, thóc ở Ba Nam, việc tiết lộ, bị bắt, y trở về Kỳ Tô, mật báo với các người cùng mưu đem quân chống giữ, rồi lên đến Tây Ninh xin quân tiếp viện để tiêu trừ. Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn cùng bàn tính, nói là, nay một dải Ba Nam, Kỳ Tô, nhiều người đã xin theo về ; nếu im lặng không đáp ứng, sợ ngăn chặn mất con đường xin theo về của man thổ sau này. Bèn nghĩ định lập tức chia quân làm hai đạo, một đạo theo sông Tiền Giang ngăn chặn đường sông ở Ba Nam, do Nguyễn Tri Phương đem quân đi ; một đạo từ đồn Thông Bình đi đường sông vào suốt trong lòng Nam Ninh, hợp với đạo quân ở Tiền Giang, do Doãn Uẩn quản lãnh, nhưng cho để Nguyễn Văn Hoàng ở tỉnh để phòng giữ".

Vua bảo rằng : "Việc này hơi hợp sự cơ. Duy có Nguyễn Tri Phương là quan to, chưa tiện vội đi, nên lấy Nguyễn Văn Hoàng thay thế. Lại phái Lãnh binh Tây Ninh Nguyễn Công Nhân đem 1.000 binh tiến đi, liên lạc với quân hai đạo kia. Phó lãnh binh Gia Định Tôn Thất Hàn thay giữ Tây Ninh, Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, Hà Tiên, đốc thúc binh hạ ban, đến tỉnh thao diễn để phòng sai phái".

Lại dụ Doãn Uẩn, Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Công Nhân : "Đi chuyến này, nên xét kỹ sự cơ, hẹn ngày cùng tiến, rồi hiểu thị cho thổ mục, thổ dân : khi gặp quan quân, hễ người nào hạ ngay binh khí, đến thú thì khỏi chết ; người nào chống cự lại thì giết chết, không tha. Tha cho tù phạm từ tội quân lưu trở xuống ở Lục tỉnh, dùng làm quân tiên khu". Sau đó Doãn Uẩn cùng với Lãnh binh Định Tường là Nguyễn Sáng đem quân từ đồn Thông Bình tiến ra, gặp giặc đánh nhau ở ạt, liền hạ được hai đồn Thị Đam, Vĩnh Bích. Ngày hôm ấy đạo quân Nguyễn Văn Hoàng từ Tân Châu tiến kịp đến Tâm Bôn, giặc theo dòng sông bắn ra, Hoàng sai quyền Lãnh binh An Giang là Hồ Đức Tú đem quân tiên đạo, quyền Phó lãnh binh Vĩnh Long là Lê Đình Lý đem quân hậu đạo, còn mình tự cai quản quân trung đạo, thúc quân đến giáp tận nơi bắn ra, giết được quân giặc vài chục tên. Giặc đều bỏ đồn chạy. Thu được thuyền bè khí giới rất nhiều.

Tin thắng trận tâu lên, vua dụ rằng : "Hai đạo này mới bắt đầu tiến quân, đạo quân Doãn Uẩn tuy không đánh dẹp nhiều, nhưng đi đến đâu, Man Thổ theo gió mà lướt, liền lấy được 2 đồn ; Nguyễn Văn Hoàng giáp đánh với giặc, tiến quân hạ được đồn trại, hiện có bắn chết, đâm chết, thu được thuyền bè khí giới rất nhiều, đều làm lòng lấy được tiếng quân, thực đáng khen ngợi. Tuân phủ Doãn Uẩn, Đề đốc Nguyễn Văn Hoàng được thưởng gia quân công đều một cấp, kim tiền "Long vân khế hội" có dây rủ xuống mỗi người một đồng, nhẫn vàng mặt thủy tinh mỗi người một chiếc. Ngoài ra chiếu theo công việc, phân biệt khen thưởng : quyền Lãnh binh Hồ Đức Tú theo đạo quân Nguyễn Văn Hoàng, thưởng gia quân công một cấp, được ghi công, 1 chiếc khánh vàng, 1 chiếc nhẫn vàng ; quyền Phó lãnh binh

Lê Đình Lý, thưởng gia quân công một cấp, được ghi công, 1 chiếc khánh vàng ; các viên quản vệ, quản cơ, đều thưởng gia quân công, kỷ lục một thứ ; các viên suất đội, đều thưởng tiền lương một tháng ; Lãnh binh Nguyễn Sáng theo đạo quân Doãn Uẩn, thưởng quân công kỷ lục một thứ, 1 đồng kim tiền "bát bảo" ; các viên quản vệ, quản cơ và suất đội, đều thưởng tiền lương 1 tháng ; Lê Quang Nguyên có dự khó nhọc trong chuyến đi này, được thăng thụ Chủ sự ; Suất đội Trần Đình Giảng được bổ thụ Chánh đội trưởng Suất đội ; Lê Văn Trung được khởi phục Tư vụ ; Phan Văn Nhã được khởi phục Chánh bát phẩm, chuẩn cho đều theo làm việc ở nơi quân thứ ; quản suất An Man theo đi đánh trận và các tên thổ mục sai phái được việc đều được thưởng 3 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn. Các thổ mục theo về hàng phục như tên Mẫn, tên Đột, người nào đã hết sức chiêu dụ, cũng đều thưởng cho 3 đồng tiền ấy, để tỏ khen lao và khuyến khích. Hiện nay, quan quân hai đạo, đi đến đâu cũng được, thì Nguyễn Công Nhân ở đạo Tây Ninh phải sớm tiến quân trước, để được thông tin tức với nhau".

Lại truyền dụ cho bọn Vũ Văn Giải, Tôn Thất Bạch, Tôn Thất Nghị : "Quan quân tiến đi đánh dẹp lần này, uy thanh vang dậy khắp nơi, chính là lúc nên nhân cơ hội, kíp đi hội đồng với quan tỉnh An Giang Nguyễn Tri Phương tùy cơ bàn tính, vừa dẹp yên, vừa vỗ về, không để cho chúng phòng bị trước, chuyển thành thế mạnh, cốt được muôn phần tất thắng, sớm báo thành công, để cầu hậu thưởng".

Đổi bổ : Lãnh binh tỉnh Nghệ An là Nguyễn Nghĩa Thịnh làm Lãnh binh tỉnh Thanh Hóa ; Lãnh binh tỉnh Thanh Hóa là Nguyễn Doãn Tác làm Lãnh binh tỉnh Nghệ An, vì có ông nội Nghĩa Thịnh quê ở Nghệ An.

Đổi chùa Từ Quang ở tỉnh Quảng Nam làm chùa Trang Nghiêm.

Ngày Giáp Thìn. Vua đi chơi miền hải cương ; sáng sớm bắt đầu đi, lên thuyền "Thanh yển" sang qua ngay bến ở eo biển Hà Trung (các đời truyền lại rằng : trước đây 110 năm, bến eo biển này có 3 thần sóng thành yêu, phàm thuyền bè qua đây thường có cái lo sóng dữ đắm thuyền. Thái tông Hiếu triết hoàng đế đi chơi xem xét, sai thủy sư đem đại bác đến đánh, giết được 2 con yêu, máu chảy đỏ sông, còn 1 con chạy ra ngoài bể, từ đấy không làm hại người nữa).

Vua đi chơi núi Linh Thái (tên cũ là núi Hòa Vinh, lại gọi núi Quy Sơn, lại gọi núi Hãn Môn ; trên núi có chùa, lúc mới khai quốc, Cai bạ Trần Đình Ân làm ra, ở trước chùa có tháp cổ, tương truyền do vua Chiêm Thành trước xây nên). Vua dụ các quan theo hầu rằng : "Miền hải cương này là một nơi hình thắng lớn. Lúc quốc sơ, ở trên núi làm cái đài hỏa phong. Các liệt thánh ta, hàng năm, cứ đến tháng 6 thì đến đây chơi, hoặc để phòng ngoài biển, hoặc để xem thuyền vận tải, thuyền vận tải đến thì đốt lửa làm hiệu, cho nên có khi cũng gọi là núi Lệnh Sơn. Lệ ấy đầu năm Gia Long hãy còn, khoảng năm Minh Mệnh mới thôi. Đến Hoàng khảo ta, thường

đến đấy thương lắm. Ta còn nhỏ, phù giá lên hầu, được ơn yêu đặc biệt, cho cái gậy "bồ tát" vua dùng, ta không dám lạm dụng, kính bung mà đi ; truy nghĩ thánh ân còn mãi, khôn xiết mới cảm thấy nay nhớ xưa".

Vua đi xem xét cửa biển Tư Hiền (cách huyện Phú Lộc 41 dặm về phía đông nam. Nước ta, triều Lý gọi là cửa biển Ô Long, triều Trần đổi là cửa biển Tư Dung, ngự Mạc đổi là cửa Tư Khách, nhà Lê lại đổi là Tư Dung, lại có tên nữa là Ông Hải, hoặc Biện Hải, Thái Tông, Thánh Tông nhà Lý, Anh Tông, Duệ Tông nhà Trần đi đánh nước Chiêm đều nghỉ chân ở đấy. Thánh Tông nhà Lê đi đánh Chiêm Thành, đi qua đấy, thở dài than rằng : Non sông đẹp đẽ thay ! Đời sau tất có anh hùng giữ chỗ này. Bản triều năm Thiệu Trị thứ 1, đổi lại tên như ngày nay [Tư Hiền]. Cửa biển rộng 8 trượng, nước triều lên thì sâu 3 thước, nước triều xuống thì sâu 2 thước. Nước nông, thuyền to không vào được, cho nên không làm thành, đài, chỉ đặt trạm canh giữ, đóng quân tuần phòng ngoài biển. Hành cung Thủy Vạn ở phía tây cửa biển ấy. Năm Minh Mệnh thứ 6, làm đền thờ thần cửa biển). Vua khoan thai bảo các quan rằng : "Cửa biển này từ trước rất sâu rộng ; năm Cảnh Thống nhà Lê trở về trước, cửa Thuận An chưa thành cửa biển, phàm nước các sông đều tụ hội ở eo biển Hà Trung rồi chảy ra đây. Thuyền bè ra vào, đây trở thành nơi danh thắng ở Thuận Hóa. Biển cố năm Giáp Ngọ, ngự giá đi tuần phương Nam, do cửa biển này ra đi ; năm Tân Dậu, quân nhà vua lấy lại Kinh thành, cũng từ cửa biển này vào. Từ đầu năm Gia Long, ngày càng nông hẹp, phía trong cửa biển có một giải bãi cát, năm thứ 10, trận lụt mùa thu, cát bị khơi đi, rồi lại bồi, thành cạn ; khoảng năm Minh Mệnh, nhiều lần khai đào, rồi lại nông cạn ừng tấc, như cũ".

Vua thường ngự giá đến chơi chỗ cửa biển ấy. Mùa thu năm ngoái, bão lụt khác thường, vì cát lấp, nước ở thượng lưu ứ đọng đến vài ngày, liền cho khai thông chỗ cửa nước chảy rộng 90 trượng, dài hơn 30 trượng, nước sâu 9 thước ; khi nước lụt lui, chỗ hàn khẩu lại nông cạn như cũ. Nay nước thủy triều ở cửa nước chảy, bề ngang rộng chỉ 14 thước, sâu 2 thước 5 tấc ; nước biển lên buổi tối, chỉ rộng 7 thước, sâu 1 thước, người đi đường lội không đến dùi, thuyền bè không thể ra vào được. Việc đó đều do ý trời mầu nhiệm, tùy việc mà làm, khi lụt thì lưu thông để tiêu ứ đọng, khi hết lụt thì bồi lấp để giữ Kinh sư. Non sông hiểm cố, hai người chống được trăm người. Miền hải cương ngày càng đẹp đẽ, các nước ngoài đâu dám hỏi đến nông, sâu !

Vua ngự chơi núi Thúy Vân, hành hương chùa Thánh Duyên, sai hoàng tử đáng lễ ở các Đại từ. Ngày hôm ấy, nghỉ chân ở hành cung Thúy Vân, ngày Ất Ty, về cung.

Cho Tả thị lang bộ Hộ là Tôn Thất Hợp kiêm quyền Hữu tôn khanh Tôn nhân phủ.

Cho : Vệ úy quyền Đề đốc Kinh thành kiêm coi công việc phủ Thừa Thiên là Tôn Thất Cung thăng quyền Chương vệ tạm giữ ấn triện dinh Kỳ võ, được dự bàn ở triều đình ; Tả chấp Kim ngô vệ Kim ngô là Nguyễn Văn Đức được đổi bổ Vệ úy gia hàm Chương vệ, quyền Đề đốc ở Kinh thành kiêm coi công việc phủ Thừa Thiên ; Vệ úy vệ Cẩm y kiêm quản ty Trấn phủ là Nguyễn Nghị được điều bổ Tả chấp Kim ngô vệ Kim ngô ; Phó vệ úy vệ Hậu, dinh Hồ oai là Chu Phúc Minh được điều bổ Phó vệ úy vệ Cẩm y, coi các đội Trường trực ; quyền Chỉ huy sứ vệ Cẩm y là Trần Kim kiêm trông coi ty Trấn phủ.

Cho cháu trưởng Trần Văn Năng đã chết, là Trần Văn Chính, được nối phong tước Lương Tài tử (vì Năng là công thần đời trung hưng).

Trong Kinh kỳ ít mưa. Sai Phủ thừa phủ Thừa Thiên là Nguyễn Trung Nghĩa cầu đảo ở miếu Hội đồng, được mưa nhỏ. Sai đảo lần nữa.

Lại sai đình thân văn võ chia đi tuần tra. Lệ cũ, các sở Nội vụ, Vũ khố và thuyền bè hằng tháng phái người đi tuần tra ; gần đây có nhiều người điều bổ nơi khác và mới thăng chưa được dự. Đến đây, lại sai phân phái để cho có chuyên trách. Duy quan giữ việc trong phủ là Tạ Quang Cự, Đại học sĩ Trương Đăng Quế, Vũ Xuân Cẩn, Lê Đăng Doanh là bề tôi kỳ cựu, đều đặc cách được miễn. Lại phái thêm phẩm quan trong họ Tôn thất mỗi tháng ba lần kiểm soát đồ thờ các miếu. Lại dụ cho bộ Lại, bộ Binh : phạm có người mới được thăng, chưa dự phái đi tuần tra, kê danh sách tâu lên chờ Chỉ. Việc này được định làm lệ mãi.

Tỉnh Quảng Nam có bọn ác Man hơn trăm tên, lên xuống nguồn Chiên Đàn giết người cướp của của những người Kinh đi buôn. Suất đội Nguyễn Mãnh, Đội trưởng Nguyễn Văn Nguyên đốc thúc quân dân đuổi bắt, chém được một tên giặc, đâm trúng 2 tên. Thự phủ Ngụy Khắc Tuấn nghe báo, cầm quân đi dẹp và đem việc ấy tâu lên. Vua thưởng cho Nguyễn Mãnh được kỷ lục 1 thứ, ngân tiền Phi long 2 đồng ; Văn Nguyên, 5 quan tiền, 1 tấm ngân bài, quân dân dự việc này được 30 quan tiền. Quan cơ Nguyễn Ngũ, Thủ ngự Trương Văn Lý vì tra bắt không được việc đều phải tội. Lại dụ cho Ngụy Khắc Tuấn để tâm liệu tính công việc chống giặc. Sau đó Khắc Tuấn tâu rằng : "Đồn cũ ở thượng nguyên, lam chướng rất nặng, không tiện đóng giữ lâu. Xin hàng năm các tháng 5, tháng 6, tháng 7, phái 30 binh thuộc tỉnh ấy đi trấn áp, từ tháng 8 trở đi thì triệt về, nhưng cho lượng trích thuế tiền, gạo các xã thôn phụ cận, lục tục cung nộp, quyền trữ để sung cấp, cốt đủ chi dùng ba bốn tháng thời ; còn đồn Chiên Đàn đặt trước, xin bãi bỏ đi. Lại cáo thị cho các người Man đi buôn nếu biết đổi lỗi thì cho thông thương với người Kinh ; nếu tội cũ không chừa, thì cấm không được buôn bán với người Kinh, để không trông nhờ vào đâu được, dẫn đến đói quẫn, sau một vài năm, đem nhau ra hàng thú ; bấy giờ sẽ tùy tiện xử trí".

Vua bảo rằng : "Khắc Tuấn chính mình đi đến chỗ ấy, đã không hay bắt được một tên giặc, phí cả công đi lần này. Mưu tính phần nhiều không đúng, chỉ nói suông. Đồn cũ nếu không tiện đóng quân thì chuẩn cho bãi đi, đổi làm đồn Chiên Đàn. Mỗi khi đến mùa hạ, mùa thu, phái hơn trăm quân, lượng tính lấy thuế tiền, gạo phụ cận sung làm quân lương là đủ rồi, không phải phái nhiều binh và dự trữ nhiều làm gì. Người Kinh và người Man, quen buôn bán với nhau, nếu nhất khải cấm chỉ, thì không những sinh ra cái hố gian, mà cũng không tỏ được cái ý thương dân như một của triều đình. Nên mở bảo rộng rãi, làm cho thỏa đáng và tốt, thế là được rồi".

Lang trung Mộc thương Nguyễn Văn Công, Viên ngoại lang Trần Duy Đĩnh có tội, phải bãi chức. Trước đây, tỉnh Quảng Bình chở nộp các hạng gỗ, Đĩnh dọa nạt nói dối để lấy tiền, Văn Công cũng thông đồng phụ họa, sau lại ngấm trả tang vật. Việc phát giác. Vua giao xướng tra xét. Đĩnh phải tội đi đày, Công phải cách chức, phát làm quân ở cửa biển Đà Nẵng. Cho : Lang trung Vũ khố Trần Văn Nguyên được điều bổ Lang trung ty Mộc thương ; quyền Giám sát ngự sử đạo Thuận - Khánh là Hoàng Công Doãn được bổ thụ Viên ngoại lang Mộc thương ; Lang trung bộ Hộ là Tôn Thất Thường được thăng thụ Quang lộc Tự khanh, quản lý công việc ở Vũ khố.

Nguyễn Văn Hoàng tiến quân đến Ba Nam, ủy người đi chiêu dụ võ về bọn Man Thổ, dò biết đồn Thiết Thành ở Thượng Lưu, đầu sỏ giặc là Cao La Hàm, Mộc Xá Na Lãng họp đảng cố giữ, bèn đốc thúc ngay Hồ Đức Tú đánh hạ đồn ngoài ; Doãn Uẩn tiến quân đóng ở Gò Bắc. Đầu sỏ giặc là bọn tên Bang, tên Mạt ở xứ Kha Đốc trên thượng lưu, theo dòng sông, đến giáp gần bắn ra ; quân ta nhiều người bị thương và chết. Vệ úy Trần Tri cũng bị thương nhẹ. Uẩn và Nguyễn Sáng lại thúc quân đánh ô ạt, quan quân hằng hái hướng về phía trước ; giặc bỏ đồn chạy. Quan quân đều đặt đồn đóng giữ.

Vua dụ rằng : "Hiện nay Kha Đốc ở thượng lưu Gò Bắc, Thiết Thành ở thượng lưu Tiền Giang, giặc gọi nhau tụ tập, mưu tính chống lại, không theo ; mà đại binh của ta đi đến đâu, thổ dân hễ còn ít người hàng phục theo về lắm. Và lại, Lạp Man, địa thế rộng rãi, phải nên chiêu dụ cho rộng, lấy người Man đánh người Man, mới là cần thiết. Các người, Doãn Uẩn, Nguyễn Văn Hoàng nên xem cơ hội, đánh dẹp võ về, cốt khiến cho người Man hàng phục theo về, vui lòng làm việc cho ta, mới là kế hay vạn toàn. Không nên chỉ đặt nhiều đồn trại, chia giữ linh tinh, thế chia, sức yếu, thành ra không phải là kế hay". Lại giao Cao Hữu Dực ở Tây Ninh chuyển sức cho đạo quân Nguyễn Công Nhân tùy cơ tiến lên, để cho chóng thông tin tức với các đạo. Và lại, hiện nay gió, nước không thuận tiện, thuyền giặc đâu có thể từ phương xa lợi qua mấy trùng biển khơi được. Còn khoản phái quân đi đường thủy và đường bộ đến tiếp viện, việc ấy cũng là hư trương thanh thế, hồng trần áp tình

thế người Man. Giao cho Nguyễn Tri Phương phái người đi dò xét, cốt biết được tình hình hư thực của giặc. Hiện nay các quan đại thần do Kinh phái đến đây để cùng nhau xét kỹ sự cơ, dự làm kế hoạch, cùng ký tên tâu lên, chờ Chỉ dạy bảo phương lược, một lần đem quân đi là thành công, để cầu hậu thưởng".

Doãn Uẩn đại phá Lạp man ở chi lưu sông Sách Sô bèn đến Bang Chích, đắp đồn đóng giữ. Giặc Man ở chi lưu sông Sách Sô làm nhiều dây thừng, bè mảng, hầm hố để chống giữ. Uẩn liền ủy cho quyền Phó cơ Nguyễn Khoa, Nguyễn Hữu Mỹ đem 400 quân hợp với đạo quân ở Tiền Giang. Giặc lại tụ đảng quấy rối các đồn Vĩnh Bích, Kha Đốc. Uẩn được tin báo, phái Quản vệ Trần Tri, quyền Phó vệ Trương Lý đem quân đến tiếp viện, đưa thư đến Nguyễn Tri Phương cho thêm quân phụ giữ. Uẩn tiến quân đến ngã ba sông Trà Mạt, cho đi báo Nguyễn Văn Hoàng đến diện hội. Hoàng đến, để Hồ Đức Tú, Lê Đình Lý và 1.000 binh theo Uẩn xử trí, rồi lại về chống giữ ở Ba Nam. Ngày hôm sau, Uẩn chia quân làm hai đạo tiến đến Sách Sô : giặc giữ thành, quân đóng như kiến bắn ra. Uẩn cùng với Nguyễn Sáng đánh phía bên hữu ; Hồ Đức Tú, Lê Đình Lý đánh phía bên tả, hơn khắc canh, giặc phải lui dần. Hồ Đức Tú thúc quân lên bờ đánh phá thành giặc, Uẩn thúc quân lội qua sông lên trước phá cửa thành, bắn giết được một tên đầu sỏ của Xiêm và bọn giặc hơn trăm người. Một lát, giặc lại từ trong bụi rậm kéo ra, chia làm 2 cánh, chống cự bắn ra. Lê Đình Lý bắn chết 1 tên đầu sỏ của giặc và 2 tên trong bọn giặc. Toán quân nhánh bên hữu là Nguyễn Sáng đánh ô ạt vào, bắn trúng 10 tên thổ mục và hơn 20 người trong bọn giặc, giặc mới tan vỡ. Tin thắng trận tâu lên, vua thưởng : Uẩn quân công 1 cấp, nhẫn vàng mặt liên châu kim cương, kim tiền có chữ "ngũ phúc" và dây rủ xướng, mỗi thứ một chiếc ; Hồ Đức Tú, được gia quân công 1 cấp ; Lê Đình Lý, được bổ thụ Phó lãnh binh, gia thưởng cho nhẫn vàng mặt thủy tinh mỗi người một chiếc. Thưởng riêng cho công của Lê Đình Lý một chiếc kim bài. Quản suất trở xướng, đều được thưởng cấp quân công, kỷ lục, ngân tiền Phi long có từng bạc.

Khi Uẩn mới phá được Sách Sô, đắp đồn đóng giữ, sai Hồ Đức Tú đem quân lại về Ba Nam để ngăn chặn, đưa thư cho Nguyễn Tri Phương định đem quân đóng giữ ở 5 đồn là Thị Đam, Vĩnh Bích, Gò Bắc, Kha Đốt và Bang Chích đem về đóng ở nơi quân thứ, để cho binh lực được hùng hậu. Tri Phương đưa thư đáp lại, cho là nên tạm để ở lại canh phòng.

Vua biết tin, bảo rằng : Nay đại binh đã đến Sách Sô, phạm việc quan báo, vận lương, do Tiền Giang thông với Ba Nam, Doãn Uẩn nói không phải không có định kiến : duy thổ dân xứ này vẫn chưa ra thú ; nếu đem bỏ bớt các đồn, thì người hàng phục theo về không chỗ nương tựa, mà bọn ẩn nấp có thể lại mưu toan gọi nhau tụ tập ; chỉ bằng theo ý định của Nguyễn Tri Phương là tiện hơn. Nay các đại thần do

Kinh phái bất kỳ ngày nào đến tỉnh, hội đồng bàn tính, nên tùy tiện xử trí mới được". Sau đó bọn Vũ Văn Giải, Tôn Thất Bạch đến An Giang, phân ủy Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Nghị đều đem thuyền chở quân đi đến quân thứ Ba Nam, bàn tính với Doãn Uẩn và Nguyễn Văn Hoàng, tùy cơ xử trí. Khi đó Nguyễn Tri Phương chưa đến, đạo quân của Doãn Uẩn ở đồn Sách Sô, bọn giặc hơn 5.000 quân sấn đến vây thành quấy rối, mưu tính đánh nhau chống lại. Uẩn chia quân mai phục các nơi, sai quyền Quản cơ Lê Viên thúc quân đi trước, hô quân giao chiến với giặc, bắn giết bọn giặc rất nhiều. Phục binh kế tiếp nổi dậy : Hồ Đức Tú đốc thúc nhánh quân bên hữu, Nguyễn Sáng đốc thúc nhánh quân bên tả, giết được đầu sỏ của giặc và bọn giặc vài chục người, lại bắn ngã được tên đại đầu sỏ của giặc Man. Giặc tan vỡ. Bọn Vũ Văn Giải ở quân thứ cùng ký vào sớ, tâu lên.

Vua khen rằng : "Đốc quân đạo ấy là Doãn Uẩn xử trí thích hợp, từ lúc đem quân đi đến nay ; ba lần tâu tin thắng trận, thực đáng khen thưởng : Doãn Uẩn được thưởng gia quân công một cấp và một đồng kim tiền "tứ mỹ" có dây rủ xuống ; quyền Lãnh binh Hồ Đức Tú thân đốc phía bên hữu, xông lên giết giặc, bắn trúng tên đầu sỏ giặc ngồi kiệu che lọng ngã ngay, giặc liền tan vỡ : thực là dũng lược đáng khen ! Hồ Đức Tú được thưởng thụ lãnh binh, và thưởng thêm một tấm "thưởng công kim bài" ; lại sai tra rõ người bị bắn chết ấy đích là đại đầu sỏ giặc Xiêm, thì sẽ được hậu thưởng nữa. Lãnh binh Nguyễn Sáng đốc thúc đạo quân tả hậu, liền bắn đại bác ngã ngay tên đầu sỏ giặc đi hai lọng, được thưởng gia quân công một cấp và gia thưởng một nhẫn vàng mặt thủy tinh ; lại giao tra rõ đích danh người bắn trúng tên đại đầu sỏ giặc, thì cấp trước cho một tấm "thưởng công ngân bài". Đội trưởng chém được đầu giặc ngay tại trận là Nguyễn Kim Đường, Nguyễn Khánh Viên, Lê Văn Khương đều được nhắc bổ chánh đội trưởng ; Phó vệ úy vệ Thủy ở An Giang theo Hồ Đức Tú đi đánh giặc là Nguyễn Thiệu, quyền Vệ úy vệ Trung nhị dinh Vũ lâm theo Nguyễn Sáng đi đánh giặc là Đoàn Văn Học, quyền Quản cơ cơ Hữu ở An Giang là Nguyễn Khoa, 3 viên ấy được thưởng gia quân công đều một cấp, ngân tiền hạng to mỗi người được 2 đồng ; quyền Vệ úy vệ Nhị thuộc Trung bảo đem biên binh của mình đi mai phục là Nguyễn Hoa, quyền Phó vệ úy là Trương Lý, sung Quản vệ vệ Tiên nhất dinh Vũ lâm là Trần Tri, quyền Phó vệ úy là Nguyễn Tiến Song, thí sai Phó quản cơ cơ Hữu ở Định Tường là Hoàng Chiến, 5 viên này được thưởng quân công kỷ lục đều một thứ ngân tiền hạng to đều 1 đồng. Còn biên binh cơ Định tả theo Lê Viên đi trước hô quân, hăng hái đánh dữ đội, được thưởng 100 quan tiền.

Lại dụ bọn Vũ Văn Giải, Tôn Thất Bạch rằng : "Nay bọn giặc thường bị thua vỡ, nên xét kỹ sự cơ, đốc thúc quân 2 đạo tùy phương đánh dẹp cho chóng được yên ổn. Lại chia đường đem quân đi, tiến lên hạ được Nam Vang, để dựng công to. Còn

Cao Hữu Dục ở đạo Tây Ninh, nhiều lần tâu báo thổ mục hàng phục theo về, xin quân tiếp viện, lời nói phần nhiều hấp tấp ; nay quan quân các đạo thanh thế nổi khắp, mà chỉ khoanh tay đứng nhìn, làm người nhàn rỗi, ở ngoài cuộc ; Nguyễn Công Nhân chuyên giữ một đạo, cũng mượn cớ nói là hiểm trở đóng quân không tiến, thực là đáng khinh ! Nay nhân cơ hội này, nếu biết kết hợp sức tiến đánh, còn có thể tha khỏi lỗi trước. Nếu bồi hồi trông ngóng, nhất định không tha".

Dụ rõ bộ Binh, bộ Công rằng : "Nghe nói : gần đây phái quân đi làm các dinh thự, có khi làm xong công việc, hơn một năm không thấy cho về, việc ấy không khác gì cho binh đình về nghỉ. Hai bộ không soi xét, thì lỗi cũng như nhau ! Từ nay, phàm có phái quân đi làm việc, đều theo công việc nhiều hay ít, chằm chước định kỳ hạn. Người được phái trông coi việc làm, theo hạn làm việc. Bộ Công thời xem xét, xong công việc thì cho về ; nếu để chậm kỳ hạn, nghỉ việc, đều tâu lên để trị tội".

Bắt đầu đặt đội quân Bình Hải, Định Hải ở tỉnh Nam Định. Tổng đốc Phan Bá Đạt tâu rằng : "Viên coi giữ ở cửa biển Liêu Lác là Lê Nghĩa mộ dân lậu [chưa ghi tên trong sổ đinh] 100 người, xin quy làm 2 đội Nhất, Nhị ở Bình Hải ; viên coi giữ đồn Ba Lạt là Nguyễn Văn Liêm mộ được 50 người, xin quy làm đội Định Hải, được vỡ các ruộng đất lậu còn bỏ không". Vua chuẩn y cho. Đạt lại tâu : "Bãi biển hạt tỉnh ấy nhiều đất bỏ không, chỉ bọn hào cường xâm chiếm, mà dân hèn thì nghèo không một tác đất ; Lê Nghĩa đã tiếp tục mộ dân lậu được hơn 400 người ; xin hợp với 2 đội trước, làm thành một cơ ở Bình Hải, cho trưng thêm ruộng lậu để làm cho sinh lợi, có của".

Vua bảo rằng : Đồn Bình Hải đã có quân đóng (150) lại có 2 đội mới mộ, đủ giúp cho sự canh giữ ; tiếp tục mộ dân đinh, nên chọn chỗ đặt thành làng, để cho khai khẩn làm ăn, không cần biên vào ngạch quân làm gì".

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai dâng sớ xin đến tỉnh Tuyên Quang để xếp đặt việc phòng giữ ngoài biển. Vua chuẩn y cho. Trước đây Nguyễn Cửu Đức tâu lên : "Đồn Ân Quang vốn không phải là chỗ tốt, xin nên bỏ bớt và về đóng ở phủ nha Trường An ; lại ở các nơi Đầu Đẳng (thuộc địa phận châu Bạch Thông tỉnh Thái Nguyên), Khiếu Ca (thuộc châu Bạch Thông), Na Tình (thuộc địa phận huyện Thạch Lâm, tỉnh Cao Bằng) đặt ra đồn trại, đều chọn thổ mục trông coi". Đức liền triệt quân về.

Vua cho rằng Giai có trách nhiệm kiêm hạt, nên dụ cho hội đồng với Bộ chính Ngô Kim Lân hết lòng bàn tính. Đến đây Giai và Kim Lân tâu rằng : "Vân Trung tiếp giáp với tỉnh Cao, tỉnh Thái, địa giới chạy dài và hiểm ác, công việc đánh bắt giặc, chưa thể bỗng chốc xong việc, nên đóng quân cho dân được nghỉ ngơi, tính dân cái kế dụ bắt, mới là kế hoàn toàn. Duy đem quân đi, cần phải đủ lương thực

trước. Xin do quan tỉnh Tuyên đặt tiền mua một vạn phương gạo lương, dự trữ ở phủ lý Tương An ; nhắc bổ cho thổ hào Ma Doãn Chấn chức bá hộ, theo đóng giữ ở phủ ; chợt khi có việc, lương thực có thể tiếp tế được. Và lại, mỗi thom tất có cá mắc mỗi, thường to tất có người dẫn thân. Xin lại treo giải thưởng thật hậu, thì mọi người tranh nhau cố sức, có thể không phiền đến việc quân mà bắt được người có tội ; nếu chậm đến một năm không có hiệu quả, thì xin đến tiết mùa đông tạnh nắng đem biên binh tỉnh Sơn Tây đốc thúc thổ đồng các tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên một vạn người, tiến đi đánh bắt, trong một hai tháng là dẹp xong được".

Vua bảo rằng : "Giặc Thạc là cá trong nổi, việc gì phải lo quá, chứa nhiều lương thực làm gì ; còn như đốc thúc quân rầm rộ, chúng sẽ nghe bóng gió, trốn xa, nhất định cũng không phải là đắc sách. Nên phải rộng ban ơn huệ, cho chúng biết sửa đổi, hạn sau 6 tháng, giặc Thạc nếu biết quay đầu quy thuận thì tha cho tội chết. Lại thông sức cho nhân dân người Kinh, người Thổ, ai có thể đem sức mình bắt sống hay chém được đích thân giặc Thạc, sẽ chiếu lệ thưởng năm trước mà thưởng cho (bắt sống được, thưởng 800 lạng bạc ; chém chết mới bắt được, thưởng 500 lạng bạc), không cần phải tăng thêm nữa. Ma Doãn Chấn chưa có công trạng đáng kể, nay hãy chuẩn cho cấp bằng ngoại ủy bá hộ, coi quản 100 thổ đồng, theo phủ sai phái, làm việc trú phòng, đợi khi có công trạng rõ rệt, sẽ lại cho bổ thụ".

Phủ Thừa Thiên và tỉnh Quảng Bình, lúa chiêm thu hoạch được ít. Hai hạt ấy, thóc thuế được giảm giá, nộp một nửa.

Có tên Hoàng Văn Lợi, là thuộc binh ở phủ An Phong công, cậy thế bắt người giam khảo. Việc phát giác, Lợi phải chém đầu, rêu rao khắp nơi : phó trưởng sử và tư vụ đều phải cách ; An Phong công Hồng Bảo không biết kiểm thúc người thuộc hạ của mình, phải phạt lương 6 tháng. Nhân thế dụ rằng : "Từ trước đến giờ, cái tệ riêng của thuộc hạ trong phủ, đều đã tùy việc nghiêm trị, lời dạy bảo trong gia đình, đã từng khô môi ráo lưỡi, thế mà còn có việc này ! Người nên cảnh tỉnh nhiều hơn, vui vẻ, thành thực, nhớ lấy lời dạy thường, để hưởng ơn huệ lâu dài. Nếu phóng túng thuộc hạ của mình như trước, thì phép nhà rất nghiêm, phép nước rất quan trọng ; chúng là bọn tiểu nhân, tự phạm lưới pháp luật, cố nhiên không đáng nói, nhưng tiếng tốt danh thơm của người, rất nên quý trọng. Ngọc châu đáng giá mười cỗ xe, mà phải nhọc lòng về con sẽ ở bờ giậu ; cái chuông nặng đến muôn cân, mà phải lụy ở cái tiếng lấy cỏ để đánh : xem thế thì há không đáng tiếc lắm hay sao ? Người phải nghĩ lắm ! Lời trẫm không nói đến lần thứ hai". Sai đem dụ này cấp cho Tôn nhân phủ và Thừa Thiên phủ mỗi nơi một đạo, để cho biết cái ý thi hành pháp luật nghiêm minh của triều đình.

Một hôm, vua ngự ở điện Đông Các, bảo Nội các, bọn Nguyễn Đức Chính rằng : "Cao Tông nhà Thanh thọ 89 tuổi, truyền ngôi cho Gia Khánh đế, là con thứ 15.

Cần người hiền, chứ không cần thứ bậc : thế là hợp được đạo Nghiêu, Thuấn, mà kiêm được cả sự truyền nối của Vũ, Khải⁽¹⁾. Trẫm xem lúc bấy giờ lời văn cáo miếu, ân chiếu và chỉ dụ đều chính Cao Tông tự làm, chính đại đường hoàng, rục rờ đáng khen. Đến khi Gia Khánh đế nối ngôi, cũng ở cung Dục Khánh. Quyền sinh hay sát, quyền ban cho hay lấy lại đều do Thái thượng hoàng định đoạt. Gia pháp há chẳng nghiêm lắm ư ?".

Cho : Hồng lô Tự khanh sung Toàn tu Sử quán Nguyễn Tường Vĩnh được đổi bổ Thị độc học sĩ viện Hàn lâm ; Tham biện công việc Nội các Phan Huy Vịnh thăng thự Thị giảng học sĩ viện Hàn lâm vẫn sung Biên tu ở Sử quán. Chức Toàn tu còn khuyết, giao cho đình thần tâu cử để bổ.

Dụ rõ cho quan quân tuần tiễu ở Kinh thành. Vua dụ rằng : "Kinh sư là chỗ nhân dân tụ tập, trong thì có quân cấm binh Vũ lâm, ngoài thì có giám thành, vòng thành và quân phủ Thừa Thiên, đều theo phạm đi tuần tiễu. Gần đây còn có kẻ trộm lén lút, là do nhà chứa chấp hoặc cùng đi, hoặc ngồi một chỗ được chia của ; mà việc tuần tiễu lười biếng sơ hở, nên mới đến nỗi thế ! Đê đốc Kinh thành và thống quản các quân dinh nên nghiêm sức cho thuộc biên hết sức dò thám. Lại truyền thị cho các nhà ở bên trong bên ngoài Kinh thành, không được đem hạng du côn, dăng tử đến ở, nếu dám chứa chấp kẻ tiểu nhân gian tà, bắt được thì phải tội nặng.

Quyền Án sát Hưng Hóa Chu Duy chết. Cho Lang trung bộ Công Nguyễn Khoa Dục được điệu bổ Án sát Hưng Hóa.

Cho Học chính ở Quốc tử giám Lê Khắc Văn được thăng quyền Đốc học tỉnh Biên Hòa (Đốc học trước là Dương Bá Cung vì ốm xin nghỉ).

⁽¹⁾ Nghiêu không cho con kế vị mà truyền ngôi cho Thuấn là người hiền ; Hạ Vũ thì truyền ngôi cho Khải là con.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN XLIX

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Ất Ty, Thiệu Trị năm thứ 5 [1845], mùa thu, tháng 7, ngày mồng một, làm lễ Thu hưởng.

Các địa phương ở Bắc Kỳ tâu : nước sông không lên to lắm, đề điều vững chắc. Vua bảo rằng : "Nay mới đến tiết "mạt phục", còn phải bận lòng ; nên hết sức canh giữ, để phòng sự xảy ra". Chưa bao lâu, đề đã bỏ ở Tri Khê bị vỡ (thuộc huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội), nước lụt lan tràn đến các huyện Sơn Minh, Thanh Trì. Chỗ ấy bị ứ đọng. Vua liền xuống dụ khẩn sức lấp chỗ vỡ, tìm cách khơi cho thông [chỗ bị ứ]. Tuần phủ Hưng Yên Phạm Duy Trinh cũng tâu đề điều trong hạt nhiều chỗ nguy hiểm, may không việc gì. Vua bảo rằng : "Trẫm rất lấy làm may cho dân phương ấy, nhưng cũng nên để ý chống giữ, chớ cho là nước sông bớt dần, hơi tỏ ra lười biếng thì mới được".

Tha những nhân viên có lỗi.

Vua dụ bộ Hình rằng : "Tha người có tội lỗi, là việc đầu tiên của nhân chính ; nay ở Nam Kỳ có việc, các nhân viên có lỗi ở trong Kinh và ngoài các tỉnh, không ngại gì sự cho đi nhân việc ấy mà lập công, để mở cho con đường tự sửa đổi ; gỗ ngô đồng cháy tàn ở trong bếp, không nỡ cho là vật bỏ đi ; con cá ở dưới giếng cạn, cũng muốn được có làn sóng trong mát, đó là chỉ ý thương xót tùy tiện của triều đình ; nên đem những tội nhân từ "quần lưu" trở xuống, làm danh sách tâu lên. Khi danh sách tâu lên, vua xem xét kỹ lưỡng, phân biệt tình tội. Những người vì việc

công mà mắc lỗi được tha vài chục người, đều cấp cho tiền, gạo, phát đi làm việc ở quân thứ tỉnh An Giang.

Bổ Nguyễn Cư Sĩ làm Đại lý tự Thiếu khanh. Thăng : Công khoa Cấp sự trung là Nguyễn Huy Lịch lên quyền Lang trung ty Kiểm biện bộ Lại ; Viên ngoại lang ty Văn tuyển bộ Lại là Chu Hữu Đức lên quyền Lang trung ty ấy ; Hàn lâm viện Thị độc sung chức Biên tu ở Sử quán là Hoàng Trọng Từ lên quyền Lang trung ty Kinh trực bộ Hộ ; Lại khoa Cấp sự trung là Tạ Vực lên quyền Lang trung ty Thường lục bộ Hộ ; Hộ khoa Cấp sự trung là Nguyễn Thuận lên quyền Lại khoa Chương ấn Cấp sự trung.

Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Nghị đến nơi quân thứ ở Ba Nam, phái người đi chiêu dụ người Man Thổ ; nhưng phần nhiều bị bọn đầu mục kiềm chế, họ không chịu ra. Ở thượng lưu dòng sông thuộc Ba Nam, giặc lại làm đồn, đắp lũy, chạy ngang suốt đến Thiết Thằng để làm bình phong cho thành Nam Vang. Tri Phương, Doãn Uẩn và Nguyễn Văn Hoàng muốn chia đường đánh gấp, cho hết sự trông ngóng của dân Thổ, mới đưa thư cho quan đại thần do Kinh phái đi để bàn tính. Vũ Văn Giải, Tôn Thất Bạch cho rằng dân Thổ chưa hàng phục theo về, quân còn chưa tập hợp được nhiều, tiến lên đánh lấy vẫn khó ; làm sơ tâu lên.

Vua dụ rằng : "Gần đây quan quân tiến đánh, được luôn ba lần thắng trận, uy danh nổi khắp, có thể nhân cơ hội được. Nay Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Nghị đã đến quân thứ, mưu tính việc đánh lấy, mà các tướng tá theo đi đánh trận đều muốn hăng hái đi trước. Chính là lúc nên nhân khí thế đương mạnh ấy, chia đường tiến đánh Thiết Thằng, cho chúng mất nương tựa chỗ hiểm, mới là đắc sách. Vũ Văn Giải, Tôn Thất Bạch thận trọng quá, chỉ thấy thổ mục về hàng còn ít, không khỏi trù trù, rồi tự loanh quanh làm sơ tâu lên xin chỉ dụ, kéo dài hàng tuần để cho giặc có thì giờ [chuẩn bị] ! Sau này dòng sông chảy xiết, thuyền đi không tiện, thì làm thế nào ? Việc binh cốt cho nhanh chóng, chân chừ như thế, thực là không theo ý người. Nay cho Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn đem ngay quân đặc thắng ấy, chia đường tiến đánh Thiết Thằng : hoặc giả cách đánh phía trước, rồi ngầm đánh úp phía sau, hoặc chia hai đường thủy lục, tùy thế giáp đánh, để chúng trước sau không thể trông cậy nhau được, thì dễ thắng lắm. Trước để quân đóng ở 5 đồn, nay nên chức lượng đem về, để sức quân được hùng hậu ; đạo quân ở Tây Ninh, Nguyễn Công Nhân phải gấp đường đi ngay mà đánh trận. Số quân hiện đóng ở các tỉnh cũng đều điều đi An Giang để phòng sai phái". Sau đó giặc Thổ gọi nhau tụ họp ở thượng lưu Sách Sô, đắp đồn cố giữ. Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn tự đem 1.000 binh đi trước đánh dẹp, bắn giết bọn giặc 10 người. Giặc thua chạy, bọn Phương triệt được đồn ấy, giao cho Lãnh binh Nguyễn Sáng đóng giữ. Sáng bỗng bị ốm ; cho Phó lãnh binh Định Tường là Hồ Hậu thay thế.

Lãnh phủ Hà Tiên là Nguyễn Lương Nhân tâu rằng : "Dò được Man mục là Nặc Ong Giun kết đảng quấy rối khoảng đồn Vĩnh Điều, đồn Tiên Mỹ (tên 2 đồn)". Vua dụ rằng : "Chúng thấy quan quân chia đường tiến đánh, nên cho thổ phỉ linh tinh quấy rối làm ra dáng khả nghi để phân tán thế lực của quan quân. Vậy nên đem số quân hiện có để giương oai, lại nhân lúc nó không để ý ập đến đánh giết bất ngờ, không nên tỏ ra mình yếu. Sau đó hơn một trăm giặc Man đến quấy rối Trường Lũy, người trông coi đồn Vĩnh Điều là Lê Vĩnh Thúc được tin báo, liền đem 14 người quân đi dò thám, bị giặc đánh bị thương. Đội trưởng Lê Văn Dương xông ra đâm giết bọn giặc Man, vực Vĩnh Thúc ra ngoài trận, bó vết thương rồi lại đánh. Quân ở đồn tiếp đến, giặc chạy trốn vào rừng. Vua biết việc ấy, thưởng cho Vĩnh Thúc quân công kỷ lục một thứ và 5 lạng bạc ; Văn Dương được nhắc bổ suất đội, và cho một tấm thưởng công ngân bài.

Tháp Từ Nhân đã làm xong, đổi tên là "Phúc Duyên bảo tháp"⁽¹⁾. Người trông coi công việc là Hoàng Văn Hậu được thưởng gia hai cấp và 15 lạng bạc ; các nhân viên, biên binh và thợ đều được thưởng có từng bạc. Lại làm đàn chay trọng thể ở chùa Thiên Mụ. Cho quyền Chưởng vệ Tôn Thất Cung, Thị lang Tôn Thất Hợp trông coi việc ấy. Trước khi làm xong Bảo tháp, ngự giá thường đến chơi, làm văn thơ để ghi các việc (chép rõ ở tập văn thơ vua làm). Bộ Công xin khắc vào bia, vua gạt đi, bảo rằng : "Trăm bận nhiều việc, khi được rồi, thường làm thơ, không tiếc bút mực, đó chỉ là ghi chép đại khái ; nếu theo lời xin của bọn người, chẳng hóa ra mở sự mê hoặc cho người sau ư ?".

Ngũ đẳng thị vệ Nguyễn Hoán được phái đi đến Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi, tự tiện quấy rối các làng. Người cùng phái đi nêu ra để hạch. Hoán phải tội lưu đến hết bạc.

Bộ Hộ tập hợp các bản ân dụ, làm đem mùa xuân năm trước làm mùa xuân năm nay, khi biết, làm tờ tâu xin làm lại. Vua quở rằng : "Các thuộc viên của đường quan trong một bộ, có rất nhiều người, sao lại có sự sơ khoáng lầm lẫn như thế, lại không đệ cả tập lên để nhận tội, chỉ nói qua loa bằng một tờ giấy, mong muốn để tiêu án, có phải không ?". Các thuộc viên của đường quan đều phải phạt cả.

Giặc tỉnh Tuyên Quang là Bế Văn Chiêu phải giết. Chiêu là thân thuộc của giặc Khôi, trước nhận danh mục của giặc, sinh sự, lại ngầm theo đảng Nông Nhị ; đến đây bị phái viên của tỉnh là Lê Văn Bàn, người phải tội lưu là Ma Doãn Dưỡng bắt được, Chiêu phải tội cực hình ; thưởng cho Bàn 3 đồng ngân tiền, Dưỡng được tha tội lưu ; quyền Phó lãnh binh là Nguyễn Văn Luận ủy người đi dò thám được việc,

(1) Tháp bái Phúc Duyên.

được thưởng kỷ lục 2 thứ, Nguyễn Quảng Khải cũng từ địa giới nước nhà Thanh lên về, bị ốm chết.

Vua sai bẫm vằm thầy Khải.

Các tỉnh Quảng Bình, Bình Định, Vĩnh Long và Nghệ An lâu không mưa. Vua sai cầu đảo, được mưa ngay.

Cho : nguyên Tri phủ Nguyễn Văn Quyền thăng bổ Đốc học tỉnh Gia Định, nguyên Tri châu Vũ Khắc Tuấn bổ thụ Chủ sự, thăng quyền Đốc học tỉnh Quảng Bình ; Tri huyện Đặng Tiến thăng quyền Đốc học tỉnh Bắc Ninh.

Án sát Ninh Bình là Phạm Bá Thiệu dâng sớ hỏi thăm sức khỏe, tâu rằng : "Huyện Lạc An thuộc trong tỉnh trước không có lệ thuế. Từ năm Minh Mệnh thứ 19 trở đi, thóc thuế phải thu, đều cho chiết nộp bằng tiền. Nay thu thóc như trước, chuyển vận đường bộ khó nhọc, không tiện cho dân". Sau đó bộ Hộ tâu rằng : "Các huyện, châu trong cả nước, như miền thượng du tỉnh Thanh Hóa và các hạt Hưng Hóa, Thái Nguyên, Quảng Yên, ở xa không tiện, đem nộp cũng nhiều, không những một hạt Lạc An. Vậy xin cho các quan tỉnh đi khám, chọn nơi cao ráo sáng sủa đặt làm kho riêng". Vua dụ rằng : Lời bàn của bộ, là cũng theo cái phép thường bình, để đủ chỗ chứa mà tiện việc cung nộp ; nhưng không nghĩ phép thường bình chỉ đặt ở trung châu, như các phủ Tĩnh Gia ở Thanh Hóa, Lý Nhân ở Hà Nội, xa cách tỉnh thành, tùy tiện đặt kho, cho dân đến chỗ gần mà nộp, đôi khi có xuất thóc cho vay, cũng ở đấy chi ra. Đối với Nhà nước thì có kho chứa sẵn sàng ; đối với dân thì không phải chuyển vận vất vả ; thu vào phóng ra được thích hợp, mà tiện việc cho cả công, tư. Còn như 6 huyện, châu : Thạch Thành, Cẩm Thủy, Quảng Địa, Lang Chánh, Quan Hóa, Thường Xuân và 7 tổng thượng du ở tỉnh Thanh Hóa ; 16 châu : Sơn La, Thuận Châu, Mai Sơn, An Châu, Mộc Châu, Đà Bắc, Phù Yên, Mai Châu, Thủy Vĩ, Văn Bàn, Chiêu Tấn, Luân Châu, Quỳnh Nhai, Tuần Giáo, Ninh Viễn, Lai Châu thuộc tỉnh Hưng Hóa ; châu Bạch Thông, Cẩm Hóa ở Thái Nguyên ; châu Vạn Ninh, Tiên Yên và tổng Văn Hải huyện Nghiêu Phong thuộc tỉnh Quảng Yên ; và các huyện Lạc An tỉnh Ninh Bình ; đều là dân thổ xa cách, từ trước đến giờ, thu thuế cho chiết nộp bằng tiền, vốn là để tiện cho dân. Nay nếu nhất khái đặt kho riêng, trưng thu thóc thuế, thì không khỏi phải phải quân canh giữ, đã là phiền nhiễu, lại ủy riêng lại dịch ngời tại chỗ để thu, lại thêm một hố tệ hại lắm. Thực không phải là ý để vỗ về dân mọn ở nơi biên trấn xa xôi. Vậy các huyện, châu ở nơi biên quận, hằng năm thóc thuế phải thu, chuẩn cho đều được theo như cũ, chiết nộp bằng tiền, do tỉnh ấy cung thu, để cho giản tiện. Duy từ trước đến giờ, trị giá vẫn không nhất định (hoặc 1 quan, hoặc 1 quan 2 tiền, hoặc 1 quan 5 tiền, 8 tiền, không nhất định). Kể ra, giá gạo nơi cao nơi hạ, nguyên không giống nhau ; nếu ấn định

đồng đều nhau, tất có chỗ kia thì hạ, chỗ này thì cao. Nay chuẩn định : thu thuế mùa hạ về ngày mồng một tháng 5, thu thuế mùa đông về ngày mồng một tháng 11, đều do quan địa phương chiếu theo giá thị trường, cứ thực tâu xin chuẩn cho, để tỏ lệ định".

Cho công thân quốc sơ là Nguyễn Ư Dĩ được phụ thờ ở nhà Thái miếu. Trước kia, Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn tâu rằng : bệ tôi triều trước là Nguyễn Ư Dĩ, lúc quốc sơ, có công to, xin cho tuyên dương, để tỏ hậu đạo. Vua hỏi tình hình, Cẩn thưa rằng : "Tôi già cả quên mất ; nghe nói sử thân là bọn Đỗ Quang, Vũ Phạm Khải nói việc ấy rất đầy đủ". Vua liền sai Sử quán biên ra giấy trình lên vua xem. Vua dụ bộ Lễ rằng : "Lúc mới khai sáng cơ nghiệp, công thân Nguyễn Ư Dĩ, hết lòng giúp đỡ ; sau khi [Thế Tổ] lên ngôi, Ư Dĩ hợp sức khuông phù⁽¹⁾. Về sau, con cháu lại hay đời đời nối nghiệp ông cha, sự nghiệp rục rờ. (Nguyễn Ư Dĩ, tên tự là Vô Sự, người huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, là con Nguyễn Minh Biện, công thân nhà cố Lê, và là anh Tĩnh hoàng hậu (anh, có chỗ chép là em). Khi Tĩnh hoàng đế⁽²⁾ còn lánh sang Ai Lao, Thái Tổ⁽³⁾ mới lên 2 tuổi, Dĩ mang về nhà nuôi, hết lòng trông nom ; khi lớn, công danh ngày càng thịnh, phải tướng nhà Lê là Trịnh Kiểm đem lòng ghen ghét. Ư Dĩ khuyên nên kín đáo giữ mình, bí mật bàn kế xin vào phía nam, trấn giữ Thuận Hóa. Năm Mậu Ngọ, Thái Tổ trấn giữ Thuận Hóa. Ư Dĩ đem con em đi theo ; lúc trước, đóng ở châu Ái Tử thuộc Vũ Xương, cùng với Tống Phúc Trị, Mạc Cảnh Hương mưu tính nhiều việc. Ư Dĩ làm quan đến Thái phó, tước Uy quốc công. Con là Đình Dũng, cháu là Đình Hùng đều có công, được phong tước quận công. Hồi quốc sơ, Ư Dĩ được thờ phụ vào miếu cũ trong quý hương ở Thanh Hóa. Năm Gia Long thứ 2 làm lại miếu cũ, quan bộ Lễ cho rằng Ư Dĩ là công thân làng họ ngoại, tạm xin bãi đi, đợi sau này bàn lại). So với Phục Ba nhà Hán, Trương Tôn nhà Đường, Ư Dĩ càng trội hơn, thực là khai quốc công thân bậc nhất. Trước kia quan bộ Lễ thiếu xem xét, tự điển còn sơ sót lắm. Trẫm cung kính xem trong *Thực lục*, truy nghĩ đến bậc hiền tài có công, nên định tuyên dương để thỏa niềm linh người quá cố". Vì thế, quan bộ Lễ tâu xin chép vào tự điển, được thờ phụ ở hữu vu nhà Thái miếu, bày hàng vào án thứ nhất.

Vua xuống tờ chế, y lời tâu ấy. Tặng phong thêm là Khai quốc công thân, đặc tiến Tráng vũ tướng quân, Trung quân Đô thống phủ Đô thống Chương phủ sự Thái sư, cho tên thụy là Trung Trinh, vẫn phong Uy quốc công. Lại cho tư hỏi con cháu rồi tâu lên. (Con cháu Ư Dĩ, nay không biết rõ hiện trạng ra sao. Cha là Minh Biện, nhà Lê phong là phúc thân ; nay theo tự điển vào bậc trung đẳng, dân làng ấy phụng thờ).

(1) *Khuông phù* : phò tá, giúp rập.

(2) Nguyễn Kim (Triệu tổ Tĩnh hoàng đế).

(3) Nguyễn Hoàng (Thái tổ Gia Dụ hoàng đế).

Bắt đầu xây đắp thành phủ Đoan Hùng (thuộc tỉnh Sơn Tây, ở địa phận xã Quả Cầm, theo cách thức thành phủ Quảng Oai).

Đóng thuyền Bảo long bọc đồng (dài 9 trượng 9 thước, ngang 2 trượng 3 thước, sâu 1 trượng 7 thước, theo cách thức thuyền Thái loan). Cho Đề đốc Đoàn Kim trông coi việc này.

Bắt đầu đặt đội Đầu thành ở tỉnh Sơn Tây. Những kẻ ra thú ở tỉnh Sơn tất cả hơn 50 người. Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai xin quy làm đội Hiệu thiện, cho tên đầu bọn ra thú là Lê Văn Bột cai quản đội ấy. Vua bảo rằng : "Bột là giặc trốn lâu ngày, ra thú được khỏi chết là may rồi ; chưa có công trạng đáng ghi, chưa nên lạm cho danh sắc. Vậy nên chọn đội trưởng nào chăm chỉ, cho làm quản suất, và gọi đội ấy là Đầu thành, ân cấp cho mỗi tên mỗi tháng 1 phương gạo".

Dời đi và làm lại huyện lỵ Hà Đông ; lỵ sở trước ở Chiền Đàn (tên xã), đến đây dời đến Dưỡng An và Tam Kỳ (tên 2 xã), làm kho bằng gỗ để chứa tiền, thóc, cho tiện đem nộp. Đó là theo lời xin của quan tỉnh ấy.

Lại răn các quan về việc kết bè đảng. Trước đây, trực phòng phát giác ra một vụ án ăn trộm, Pháp ty để quá hạn không kết án, Nội các bỏ qua, Hình khoa cũng không đem việc ấy ra hạch. Vua biết, lấy làm lạ ; ấn quan ở Pháp ty, Nội các và Hình khoa đều phải phạt. Nhân đó vua dụ rằng : "Triều đình chia đặt các chức quan, cốt để ràng buộc giữ gìn lẫn nhau, ngăn ngừa bè đảng và sự che giấu. Ai nấy phải lấy việc công làm trọng, kiểm soát lẫn nhau, không nên hùa nhau chiều ý, gửi gắm nhau ; nếu xét ra có tình lệ bỏ câu dăm, việc thuộc về Nội các thì cho Bộ, Viện đem hạch, việc thuộc về Bộ, Viện thì cho Nội các xét tâu lên, cốt để các quan không thiếu bổn phận, mọi việc được công chính, để xứng với cái ý trách thành⁽¹⁾ của trẫm".

Tháng 8, làm vườn Phong Trạch. Trước kia, khoảng năm Minh Mệnh, đầu năm khai ruộng tịch điền, tập cày ở vườn Vĩnh Trạch. Năm Thiệu Trị thứ nhất, mở ở viện phụ cung Khánh Ninh ; đến đây vua sai làm vườn Phong Trạch ở phường Nhuận Trạch, bờ phía nam trước cung Bảo Định, ở giữa làm một cái nhà gọi là nhà Vụ Bản, để làm chỗ tập cày.

Thổ tri huyện Man Soạn tỉnh Nghệ An là Phià Chính đốc thúc thuế bằng bạc, bị người Man làm phản là bọn Phià Xây mang lòng oán giận, đem giặc Man đến vây, Phià Chính không chịu theo giặc, bị chúng giết chết ; con là Phià Xí cũng bị bắt mang đi. Việc ấy được tâu lên, vua bảo rằng Phià Chính một lòng theo về, được truy tặng Thổ tri phủ, lại thưởng 20 lạng bạc, cấp cho người nhà.

Vua bảo Trực thân Phạm Thế Hiển rằng : "Những chữ tên húy vua, đã có nghị ở Bộ cho thi hành, duy văn thơ ngự chế, là trẫm tự làm. Từ trước đến giờ, quan ở

(1) Trách thành : bảo người làm nên công trạng.

Các chép ra, viết dâng tâu, một mực viết đối đi để tránh, rất là câu nệ. Lại như những chữ cùng một âm, có khi bớt một nét, có khi viết đúng, làm việc không giống nhau. Từ nay trở đi, phàm các lời dụ, thơ văn vua làm, viết vào giấy vẽ rồng, chép vào sách, về 2 chữ bộ nhật, thì chiếu lệ viết đối đi để tránh (như chữ : bên tả chữ *nhật*, giữa chữ *phương*, bên hữu chữ *toàn*⁽¹⁾ nay đổi dùng chữ *minh* ; và chữ : trên chữ *nhật*, bên tả chữ *cách*, bên hữu chữ *trùng*⁽²⁾, nay đổi thành chữ *chính*). Ngoài ra, hai chữ tên đi đôi thì đều bớt đi một nét ; những chữ cùng một âm thì được viết đúng, để tỏ ý trăm nhún nhường kính theo, không tự kiêu hý của mình. Còn như lục tống, sao cấp, vẫn cứ thi hành theo nghị của Bộ, không được vin vào đây làm lẽ".

Quyển Hình khoa Chương ấn Cấp sự trung Trình Nho có tội, phải hạ ngục. Nho trước đây được phái đi thanh tra tỉnh Nghệ, nhận bừa đơn kiện của dân hạt Hà Tĩnh, trở hặc Tri huyện Hương Sơn là Hồ Mậu Đức nhận của lót. Vua giao cho quan tỉnh Hà Tĩnh xét, thì không có sự thực. Hồ Mậu Đức lại nêu ra sự tình Nho ngấm nhận của lót. Việc này do phủ Hà Tĩnh là Trần Văn Tuấn tâu lên. Vua bảo rằng : "Đài ngự sử, quan hệ đến phong hóa và pháp độ, tất phải tự mình giữ cho thanh bạch, mới có thể trị được tội lỗi của người ; nếu bề ngoài làm ra cái tiếng bắt đánh, bên trong thi hành cái thuật nhận lễ dứt lót, thân mình không chính đính thì giúp cho người khác chính đính thế nào được ! Trẫm thường xem sử cũ, những người trong đài Ngự sử đời Tống, đời Minh, phần nhiều cứ nhân việc công để mưu việc riêng, chia bè kéo cánh, thuận ý mình thì khen ngợi luôn miệng, trái ý mình thì bới lông tìm vết ; thậm chí mượn cớ sai đi việc công để mưu lợi cho mình, nhờ thanh thế để tạo nên ơn riêng ! Ngựa vằn⁽³⁾ đi đến đâu, các châu, huyện tranh nhau đến hầu. Những mối tệ hại ấy, trẫm đã biết trước. Nay Nho tham tiền của người này, nêu tội lỗi của người khác, đúng như lời ấy, thì không còn gì là lương tâm nữa !". Liên sai giải giao ty Tam pháp hội tra. Khi biết sự thực, Nho phải tội thất cổ cho chết, nhưng còn giam để đợi Chi.

Cho : Quản cơ cơ Hậu cường ở Tiền quân là Trần Quang Cương thăng quyền Phó vệ úy vệ Hậu, dinh Hồ oai ; Quản cơ cơ Trung dũng Hữu quân là Phạm Viết Nghĩa thăng quyền Phó vệ úy vệ Trung, dinh Tiên phong ; Phó quản cơ cơ Tả uy thuộc Hậu quân là Nguyễn Văn Nghi thăng quyền Phó vệ úy vệ Tam dinh Kỳ võ ; Hiệp quản vệ Tả tỉnh Hà Tĩnh là Vũ Thành thăng quyền Phó vệ úy vệ Khánh Hòa ; Phó quản cơ cơ Định hậu là Nguyễn Hương thăng thụ Phó vệ úy vệ Quảng Nghĩa.

(1) Tức chữ Toàn 旋

(2) Tức chữ Dung 融, hai chữ này đều là tên Thiệu Trị.

(3) Hán văn là "thông mã". Đời Hậu Hán, Hoàn Diển làm Ngự sử, tính rất thẳng, không e sợ gì, thường cưới con ngựa vằn, người thời ấy gọi là "Thông mã ngự sử".

Vua bảo Nội các rằng : "Lệ cũ, hoàng tôn từ ba tuổi trở lên, mới được chi lương ; nay hoàng trưởng tôn Ứng Phúc sinh ra vừa gặp lúc dài tiên dâng phúc, 5 đời cùng một nhà ; nhà vua được phúc tốt như thế, từ xưa ít có, nên ban ơn to, để tỏ điều hay của nước. Vậy ơn cho hoàng trưởng tôn Ứng Phúc được chiếu lệ cấp lương".

Quy định chỗ ngồi khi cho ăn yến ở triều đình. Phàm hoàng tử tước công, hoàng tử, thân công, quốc công, quận công, hoàng đệ chưa được phong mà tuổi đã trưởng thành, được cấp áo triều và các quan văn từ ấn quan thự chánh tứ phẩm, võ từ chánh tam phẩm trở lên, đều được ngồi ở hai bên tả hữu điện Cần Chính ; hoàng tử, hoàng đệ hãy còn tuổi trẻ, được ngồi ở nhà Duyệt thị. Ngoài ra, văn từ tứ phẩm, võ từ tòng tam phẩm trở xuống, được ngồi ở hai bên tả hữu vu. Việc này được đặt làm lệ mãi.

Ngày Ất Ty. Vua ngự điện Thái Hòa, tuyên bố kim sách, ban bức thư có đóng ấn ngọc tì. Trước đây, vua ra chơi nhà Chỉ thiện, triệu hoàng thân, đình thần vào hầu, dụ rằng : "Dòng dõi quý báu của nhà vua, càng ngày càng nhiều, mà chữ đặt tên có hạn ; trăm kính theo bài thơ ngự chế và dòng dõi nhà vua, chia từng ngành, cho từng bộ, để tiện đặt tên ; đã tự làm bài dụ, chép vào kim sách, để mãi muôn năm, nên cho bộ Lễ bàn kỹ tâu lên". Sau đó quan bộ Lễ xin tham chiếu nghi tiết năm Minh Mệnh thứ 4, trước khi ấy, đem việc ấy kính cáo các miếu, chọn ngày tốt, lấy ngày 16 tháng 8 đặt lễ triều, tuyên bố ban cho. Vua chuẩn y.

Sách văn rằng : "Lớn lao thay ! Nước nhà ta, nhận mệnh lớn trời cho, phúc đức to tát ; đáng hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế ta nhất thống non sông, văn tự vết xe cùng lối, sai lầm sách ngọc, để phúc lâu dài cho dòng họ nhà vua. Đáng Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, sáng suốt theo làm, trời thương diễm tốt ; truyền ngôi hưởng lộc, tôn xã vững vàng, định phả, định dòng, ngành ngọc phồn thịnh. Công to tích lũy hơn trước, ngôi báu truyền mãi về sau ; vì thế, phân biệt thân sơ, rõ ràng thế thứ. Trăm kính nối nghiệp lớn, noi theo chí xưa ; hậu với người thân, càng ngày càng thịnh, rườm rà cành lá, càng ngày càng nhiều. Nay cứ Nội các dâng số tâu xin đặt tên cho hoàng tử và ban tên cho các con hoàng đệ thuộc hàng chữ "Hồng" [洪] đều dùng bộ chữ nhân (亻). Và lại, số chữ có hạn, mà nhà vua càng ngày càng nhiều ; xin tra đem bộ chữ nhân biên ra tâu lên xin Chỉ. Trăm đã xét các chữ nên dùng thì ít dần đi, mà hiện đã ban tên như các chữ : *giai* 偕 , *giai* 佳, *dãn* 但 , *dãn* 單 , tuy chữ viết có phân biệt, nhưng âm thì giống nhau, lúc xưng hô mới thấy trùng điệp. Phúc lớn của nước nhà, dòng dõi nhà vua càng ngày càng nhiều thêm, đều nhờ cả vào đáng hoàng khảo ta, phúc lớn cao cả, thêm nhiều phúc lành hoàn toàn, có trai có gái 142 người ; từ lúc có trời đất đến nay, các vua có tiếng tốt, có đức hiền, chép trong sách thực là ít thấy. Tuy đời xưa có nói để trăm

con trai, đó là trong *Kinh Thi* khen đức tốt của Văn Vương, tra cứu ở sách, không được rõ ràng ; còn như Lạc long trong *Nam sử*, việc ấy cũng là ngoa truyền, không đủ chứng cứ. Chỉ có đấng hoàng khảo ta mới được hưởng phúc tam đa⁽¹⁾, về vang được tứ đắc⁽²⁾, đã nhận phúc trời, ban cho con cháu, đầy đàn đầy lũ, như lời chúc tụng trong thơ "*Lân chi*", thơ "*Chung tư*" ở *Kinh Thi*, thói thường nhân hậu, tốt thịnh lắm thay ! Trăm kính xét 20 chữ mỹ tự trong bài thơ vua làm để đặt tên cho dòng dõi nhà vua, chính là để phân biệt thế thứ, mà liên hệ bằng bộ chữ ; ban tên cho thì lấy ở các bộ chữ "nhân" (人), "ngọc" (玉), "ngôn" (言), "tài" (才), "hòa" (禾), "tâm" (心), có khi phải dùng cả hai, thực có ý đợi ngày khác càng nhiều thêm ra, cũng không ngại gì ; trong đó châm chước bàn định để tỏ rõ dòng dõi nhà vua, mà phân biệt người thân người sơ, trăm con nghìn cháu, một gốc muôn lá, càng tỏ việc hay của thịnh triều. Nay chuẩn định về việc mệnh danh cho hoàng tử, hoàng tôn, được theo lệ cũ mà làm mãi mãi. Còn ban tên cho các con hoàng đệ, một chữ trên được theo trong bài thơ về dòng nhà vua, để nêu cái phúc tự trời cho ; một chữ dưới thì chia ngành, cho bộ, để phân biệt con cháu các thân phiên. Về ngành Thọ Xuân công Miên Định, cho bộ "thủy" 水 , như đặt tên cho con là Hồng Tuấn, các cháu là Ứng Thanh, Bảo Hải, Vĩnh Trùng, Bảo Y, Quý Hoài, Định Cư, Long Giang, Trường Tế, Hiến Hiếu, Năng Nhu, Kham Thiếp, Kế Vinh, Thuật Diễm, Thế Long, Thụy Vịnh, Quốc Tư, Gia Chương, Xương Phái ; còn các ngành thì chiếu bộ chữ của mình, chia theo thế thứ, lấy đấy mà suy ra. Ngành Ninh Thuận công Miên Nghi, cho bộ "khẩu" (口) ; ngành Vĩnh Tường quận vương Miên Hoàn đã chết, cho bộ "mịch" (糸) ; ngành Phú Bình công Miên An, cho bộ "mộc" 木 ; ngành Nghi Hòa quận công Miên Thần, cho bộ "hiệt" 頁 ; ngành Tùng Quốc công Miên Thẩm, cho bộ "nhục" (肉) ; ngành Tuy Quốc công Miên Trinh, cho bộ "thảo" (草) ; ngành Tương An công Miên Bảo, cho bộ "y" (衣) ; ngành Tông Hóa quận công Miên Trữ, cho bộ "trúc" (竹) ; ngành Lạc Hóa quận công Miên Vũ, cho bộ "hỏa" (火) ; ngành Hà Thanh quận công Miên Tống, cho bộ "can" (巾) ; ngành Nghĩa quốc công Miên Tế, cho bộ "thù" (殳) ; ngành Trấn Man quận công Miên Thực, cho bộ "xa" (車) ; ngành Sơn Định quận công Miên Cung cho bộ "dậu" (酉) ; ngành Tân Bình quận công Miên Phong, cho bộ "cách" (革) ; ngành Quý Châu quận công Miên Miêu, cho bộ "áp" (邑) ; ngành Quảng Ninh quận công Miên Mật, cho bộ "xước" (辵) ; ngành Sơn Tĩnh quận công Miên Lương, cho bộ "vũ" (雨) ; ngành Quảng Biên quận công Miên Gia cho bộ "chí" (至) ; ngành Lạc Biên quận công Miên Khoan, cho bộ "bưu" (彪) ; ngành Ba Xuyên quận công Miên Túc, cho bộ "mễ" (米) ; ngành

(1) Tam đa : Phúc, Thọ, Đa nam.

(2) Tứ đắc : đắc lộc, đắc vị, đắc danh, đắc thọ.

Kiến Tường quận công Miên Quan, cho bộ "mục" (目); ngành Hòa Thịnh quận công Miên Tuấn, cho bộ "nữ" (女); ngành Hòa Quốc công Miên Quân, cho bộ "giai" (佳); ngành Tuy An quận công Miên Hợp, cho bộ "phương" (方); ngành hoàng đệ Miên tranh cho bộ "khiếm" (欠); ngành hoàng đệ Miên Thẩm, cho bộ "mao" (毛); ngành Trấn Tĩnh quận công Miên Dân, cho bộ "vũ" (羽); ngành Quảng Trạch quận công Miên Cư, cho bộ "môn" (門); ngành An Bình quận công Miên Ngung, cho bộ "xích" (彳); ngành hoàng đệ Miên Xạ, cho bộ "nghiêm" (广); ngành Trấn Biên quận công Miên Thanh, cho bộ "chu" (舟); ngành Điện quốc công Miên Tinh, cho bộ "điền" (田); ngành Tuy Biên quận công Miên Sùng, cho bộ "phong" (風); ngành Hoàng đệ Miên Ngô, cho bộ "hắc" (黑); ngành hoàng đệ Miên Kiến, cho bộ "nhĩ" (耳); ngành Trấn Định quận công Miên Cầu, cho bộ "ngõa" (瓦); ngành hoàng đệ Miên Lâm, cho bộ "cung" (弓); ngành hoàng đệ Miên Tiệp cho bộ "kiến" (見); ngành hoàng đệ Miên Văn, cho bộ "xỉ" (齒); ngành Quảng Hóa quận công Miên Uyển, cho bộ "tẩu" (走); ngành hoàng đệ Miên Ổn, cho bộ "giác" (角); ngành hoàng đệ Miên Ngụ, cho bộ "trãi" (豸); ngành hoàng đệ Miên Tả, cho bộ "mach" (麥); ngành hoàng đệ Miên Triện, cho bộ "hán" (广); ngành Tân An quận công Miên Thái, cho bộ "khẩu" (口)⁽¹⁾; ngành hoàng đệ Miên Khách, cho bộ "mãnh" (廾); ngành hoàng đệ Miên Thích, cho bộ "hồ" (扌); ngành hoàng đệ Miên Điện cho bộ "qua" (戈); ngành hoàng đệ Miên Hoảng cho bộ "bạch" (白); ngành hoàng đệ Miên Trí, cho bộ "lập" (立); ngành hoàng đệ Miên Thần, cho bộ "vi" (韋); ngành hoàng đệ Miên Ký, cho bộ "thân" (身); ngành hoàng đệ Miên Bàng, cho bộ "bì" (皮); ngành hoàng đệ Miên Sách cho bộ "hựu" (又); ngành hoàng đệ Miên Lịch, cho bộ "kim" (金). Thế là các ngành rõ ràng, hưởng thụ phúc nhiều, lại được vẻ vang. Nếu như ngày sau các phiên được nhờ phúc ấm của nhà, của nước, có nhiều con cháu, mà bộ chữ của ngành mình có khi dùng không đủ, phải do Đai thần, Nội các tâu xin, sẽ chọn bộ chữ hay cho thêm, để được nhờ mãi sự trời đất thân kỳ giúp đỡ, ông cha yêu thương, đời đời thêm lớn, ngành gốc trăm đời. Thật là đáng khen thay phúc tốt. Lại viết tở thư⁽²⁾ (58 đạo) ban cấp cho các hoàng đệ, giữ mãi làm gia bảo, cùng với nước cùng hưởng phúc, nhờ ơn không bao giờ hết. Làm lễ xong, cho hoàng tử tước công, hoàng tử, thân công, quốc công, quận công, hoàng đệ và văn từ chánh ngũ phẩm, võ từ chánh tứ phẩm trở lên dự yến ở điện Càn Chính và tả hữu vu. Ngày khác hoàng đệ công, hoàng đệ cùng ký tên làm biểu dâng tạ.

(1) Trùng với ngành Ninh thuận công Miên Nghi cũng bộ "khẩu".

(2) Bức thư có đóng ấn ngọc tở.

Vua bảo Nội các rằng : "Tập văn và bài bạt trăm làm, nên chia từng loại, xét kỹ đầu bài lần lượt, chép vào quyển sách, để cho sự trừ tác được nghiêm chỉnh đôi chút. Còn như những văn linh tinh, tạm hoãn việc khắc in, đợi cuối năm xét xong sẽ làm".

Triệu quyền Bố chính Sơn Tây Tôn Thất Tĩnh đến Kinh đợi Chỉ. Cho Án sát Hà Nội Trần Quang Chung thăng quyền Bố chính Sơn Tây. Án sát Quảng Bình Tôn Thất Chính có tang, cho Lang trung bộ Lễ Lê Thiện Trị thay thế, rồi đổi bổ làm Án sát Hà Nội. Lang trung ty Thuế hạng bộ Hộ Phan Thành được điều bổ Án sát Quảng Bình ; Viên ngoại lang ty Nam hiến bộ Hình Tôn Thất Thân thăng quyền Lang trung ty Thuế hạng bộ Hộ ; Viên ngoại lang ty Quy chế bộ Công Tôn Thất Cẩn thăng quyền Lang trung ty Thủ ứng bộ Lễ ; Thị độc Hàn lâm viện sung Hành tẩu ở Nội các Nguyễn Ba thăng quyền Lang trung ty Doanh kiến bộ Công.

Từ tế sứ ty Hữu từ thế Tôn Thất Đạo, tuổi ngoại 70, cho được nguyên hàm trước về hưu, vẫn được chiếu phẩm cấp lương.

Vua nhân xem sổ biên các quan, thấy chức từ tế phó sứ còn khuyết, bèn phê : cho trưởng sử nhà Quảng học Tôn Thất Đoàn được điều bổ vào chức ấy ; để lâu không thấy xét bổ, hỏi ra thì đương trực Lại ty bỏ quên. Vua quả rằng : "Việc nhắc bổ quan lại, là việc quan hệ, không phải việc thường ; hướng chi bút son phê rành rành, sao lại có sơ khoảng bỏ quên như thế !". Sai ngay vệ Cẩm y đem các viên đương trực Lại ty phạt đánh 80 trượng, đường quan đều phạt lương 6 tháng. Nhân dụ rằng : "Chia chức, đặt quan, là để làm việc. Lục bộ ở Kinh và các nha môn, lấy ấn quan để cai quản, lấy viên thuộc để phụ vào, kỷ cương tiết mục đầy đủ, tầng bậc hệ thống rõ ràng. Pháp chế đặt ra, kỹ và đủ lắm. Trăm nhờ theo pháp luật định trước, chấn chỉnh mọi việc, trước đã chia ra tào, định ra cục, đặt thêm viên thuộc, có trực xứ, chuyên ty, lại có trực ban, tá lĩnh. Thực muốn trăm quan, cùng lòng góp sức, theo làm được việc, cần cấp nên công, để mưu mô pháp độ nhà vua được huy hoàng rực rỡ. Thế mà gần đây các nha hình như lười biếng, tức như bộ Hộ nhắm đem số bạc tiền hiện trữ ở An Giang đem tâu tận nơi, đường thuộc bộ Lại tiếp lĩnh chữ son vua phê mà im lìm bỏ qua. Xét các việc ấy, thì các nha khác công việc bỏ chông chắt cũng có, thiếu sót cũng có, sự biến đổi dần vì ham chơi, bỏ thiếu chức vụ, đã có thể tưởng tượng thấy được. Đương lúc nước nhà nhân rồi này, chính là lúc vua tôi cùng lòng hợp đức làm nên trị bình. Trăm, lúc mặt trời xế bóng vẫn coi châu, đêm đến phê tập tâu, không dám tự mình nhân rồi ; các quan trong triều, sớm hôm gần gũi, đã được tai nghe mắt thấy. Vậy ai nấy đều phải thể theo ý ấy, làm cho có công rõ ràng, để không phụ với chức phận của mình mới được. Nếu một mực theo người, vừa tiến, vừa thoái, chỉ cốt yên thân ; ví phỏng trăm còn bao dung

không nỡ bắt tội, nhưng xét đến nghĩa người bề tôi đem mình thờ vua, các người tự hỏi trong lòng có yên tâm không ? Huống chi phân biệt người tốt, kẻ xấu, phép nước nghiêm minh. Sự ham chơi như trước, ngày nay quyết không nên có. Trẫm đối với các quan lớn hay nhỏ, thường thương yêu mà gây dựng cho. Vậy không thể không ban thêm mệnh lệnh, để tỏ ý cất nhắc, nên thông dụ cho các nha môn lớn nhỏ các bộ, viện, phủ, tự, từ nay nên kính giữ chức vụ, thi thố mưu kế ; ấn quan thì lấy mình làm gương cho thuộc viên, kính cẩn với chức vụ ; viên thuộc thì răn người lười, khuyên người chăm, không bỏ thiếu chức vụ ; các viên thuộc "đương ban nhập trực", phạm tất cả các công việc ở nha, các đường quan phải sức rõ trước, kê cứu biên chép rõ ràng, để phòng khi hỏi đến ; không được cho việc ấy có người chuyên trách, coi là việc ngoài bụng nghĩ, động có hỏi đến, không biết chút nào, thì vào chầu làm gì ? Chức sự ở đâu ? Đường quan các bộ phải có kỳ sát hạch thuộc viên của mình, người nào làm việc chăm chỉ, cứ thực tâu lên chờ Chỉ khen thưởng ; người nào lười biếng ươn hèn, chỉ rõ tên nghiêm hạch, cho cách đuổi ngay, để biết có sự khuyên răn, cốt cho nha không có việc để động lại, ty, tào không có người cầu cạnh, để kỷ luật làm quan được nghiêm, mà việc lại trị được trong sạch. Nếu phen này đã được răn dạy, mà vẫn lười biếng ham chơi như trước, mới tệ tật xấu hãy còn nảy ra thì không những các viên thuộc "đương ban" đều phải tội nặng, mà các đường quan vì không nghiêm trong việc răn bảo tỏ tường, và có lòng chiều theo ý muốn, thì cũng khó chối lỗi nặng".

Sai hữu ty làm biển đề tên cho thuyền đồng và thuyền Hỏa Cơ, phân biệt từng hạng rõ ràng, biển đề tên hiệu thuyền xếp theo hạng để làm tin (Bảo Long, Thái Loan, Kim Ưng, Linh Phượng, Phấn Bằng, là hạng đại ; Vị Phi, Vân Điều, Thần Giao, Tiên Ty, Thọ Hạc là hạng nhất ; Tĩnh Dương, Bình Dương, Định Dương, Điem Dương là hạng nhì ; Thanh Hải, Tĩnh Hải, Bình Hải, Định Hải, An Hải là hạng ba ; Hỏa Cơ : Điện Phi là thuyền to, Yên Phi là thuyền vừa, Vân Phi là thuyền nhỏ). Sau có làm thêm, cũng theo như thế.

Cho Nguyễn Huy là cháu trưởng Chương phủ Hoàng Trung hầu Nguyễn Văn Trọng đã chết (con Phó vệ úy Nguyễn Văn Tuấn) được tập tước phong Hoàng Trung nam, ám thụ hàm Phó quản cơ, vì cơ cha là Nguyễn Văn Tuấn đã tuấn tiết ở nơi biên giới.

Người dân hạt An Giang là Phan Văn Đậu tình nguyện xuất của nhà (1.500 quan tiền, 200 phương gạo) để cung vào lương quân. Giao cho bộ Hộ nghị thưởng.

Triệu Án sát Định Tường là Lê Chân (trước là Lê Văn Chân) về Kinh, được thăng bổ Hàn lâm viện thị độc học sĩ, tham biện công việc Nội các ; tham biện việc

Nội các là Nguyễn Tường Vinh đổi bổ làm Đại lý tự Thiếu khanh ; Đại lý Thiếu khanh trước là Nguyễn Cư Sĩ được đổi bổ Án sát Định Tường.

Thuyền "Thái loan" đã làm xong. Cho chạy thử ở vịnh biển Trà Sơn, đi lại được yên ổn và nhanh. Vua khen rằng : "Cách thức thuyền này, so với các thuyền đồng, chưa có thuyền nào bằng ; từ trước đến giờ, các người làm việc, cũng là đáng khen". Thường viên Đốc biện Đoàn Kim được gia hai cấp ; Đinh Văn Quý được bổ thụ Phó vệ úy Thủy sư ; Đốc công kho Mộc thương, các viên biên, giám đốc và thợ dự làm việc đều được hậu thưởng.

Bộ Công tâu rằng : "Năm ngoái ở Kinh sửa chữa lại 30 chiếc thuyền vận tải đường biển, công việc làm xong, đều hợp lệ vận tải (đều được 20 vạn cân trở lên). Vậy cho chiếu lệ cũ, ban thưởng có từng bậc".

Năm ấy, phái cho thuyền vận tải đường biển ở trong Kinh và ngoài tỉnh nhận chở vật hạng của kho là 136 chiếc, có 5 chiếc gặp bão bị hư hỏng, giạt đến hải phận tỉnh Việt Đông nhà Thanh, được quan sở tại cấp lương ăn, do đường bộ cho về nước. Có 12 tên lính không biết đi đường nào. Quan tỉnh Quảng Yên tâu lên.

Vua cho hiệu thuyền ấy vì bão, lỡ việc, tình hình là thực. Người nào bị chết, cấp cho tiền tuất gấp đôi, người nào còn sống về được, miễn cho sự xét kỹ.

Quân thứ ở Ba Nam là Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn đánh đồn Thiết Thành, hạ được ; nhân thế thắng lại lấy được Trấn Tây. Trước kia, đồn Sách Sở đã hạ được, giặc chỉ cố chết, bám giữ lấy đồn Thiết Thành. Các quan ở quân thứ bàn đánh gấp ngay ; khi đã được, xin với Nguyễn Tri Phương và Tôn Thất Nghị đem 3.000 quân do sông Tiền Giang tiến lên, Doãn Uẩn và Nguyễn Văn Hoàng đem 2.000 quân do sông Tiền Giang tiến lên, đều đem theo thổ mục chia đường cùng tiến. Giặc đón chặn, bắn ra ; quan quân đóng quân, không động ; khi hai đạo quân hợp lại, trước sau giáp đánh, Phó vệ úy Trương Lý chết ở trận. Chánh phó lãnh binh Hồ Đức Tú, Lê Đình Lý, Hồ Hậu đều hàng hái tranh lên trước. Phó lãnh binh Nguyễn Công Nhân cũng đem quân đến, mới đánh hạ được đồn Thiết Thành. Chém, bắt tại trận được 3 tên, giết 1 tên đại đầu mục nước Xiêm ; người thổ nước Xiêm, nước Lào, nước Thanh bị chết đến 500 - 600 tên. Quan quân thu được thuyền bè, súng ống, khí giới không biết bao nhiêu mà kể. Nhân thế thắng, tiến luôn, thẳng đến thành Nam Vang. Giặc đều bỏ thành, đêm trốn đi. Vũ Văn Giải đệ ngay cờ đỏ báo tin thắng trận.

Vua phê vào tập tâu rằng : "Quan quân hẹn ngày lấy được Trấn Tây, cờ đỏ báo tin thắng trận, đó là đều nhờ oai võ và công đức còn để lại của hoàng khảo ta, nên mới được thế. Tướng sĩ của ta theo mệnh lệnh, phá tan sào huyệt của giặc, trăm nên

đặc cách ban ơn để đền công khó nhọc". Lại bảo quan đại thần rằng : "Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, về việc khôi phục Trấn Tây, chưa từng không nghĩ đến ; duy nghĩ rằng dân Lạc tỉnh chưa được nghỉ ngơi, nên từ trước đến giờ chưa nỡ khinh dùng sức quân ; nay có tin thắng trận này, có thể yên lòng trẫm. Nhưng lấy được, không phải là khó ; giữ được, mới là khó. Các người nên nghĩ kế an toàn về sau". Đại học sĩ Trương Đăng Quế thưa rằng : "Nay bờ cõi cũ vẫn chưa thu lại được hết, tạm đợi xong việc, mới nên tính đến". Vua bảo phải.

Xét công thu phục Trấn Tây, thưởng : Nguyễn Tri Phương gia hàm Hiệp biện Đại học sĩ, quân công một cấp, kỷ lục ba thứ, thẻ bài đeo bằng ngọc đẹp có chữ "Cát tường phúc thọ", dây rủ xướng có khâu san hô, nhẫn trân châu, cần vàng mặt kim cương, kim tiền hạng to có chữ "Vạn tuế vĩnh lại" có dây rủ xướng, khánh vàng ghi công, mỗi thứ một chiếc ; Doãn Uẩn gia hàm Thượng thư, quân công một cấp, kỷ lục hai thứ, thẻ bài đeo bằng ngọc đẹp có chữ "phúc thọ", dây rủ xướng có khâu san hô, nhẫn trân châu, cần vàng mặt kim cương, kim tiền vàng có dây rủ xướng có chữ "Long vân khế hội", khánh vàng ghi công, mỗi thứ một chiếc ; Tôn Thất Nghị thăng thụ Đề đốc An Giang, gia thưởng quân công một cấp, kỷ lục hai thứ, một thẻ bài đeo bằng ngọc đẹp có chữ "phúc thọ", dây rủ xướng có khâu san hô ; Nguyễn Văn Hoàng thăng quyền Đề đốc, lại gia quân công một cấp, kỷ lục hai thứ, nhẫn trân châu, cần vàng mặt kim cương, thẻ bài đeo bằng ngọc đẹp, dây rủ xướng có khâu san hô, kim tiền có chữ "Long vân khế hội" có dây rủ xướng, khánh vàng ghi công, mỗi thứ một chiếc ; Hồ Đức Tú gia hàm Chương vệ, thưởng thêm quân công một cấp, kỷ lục một thứ, nhẫn vàng mặt kim cương nhỏ, cần ngọc châu hỏa trai, kim tiền có chữ "ngũ phúc" có dây rủ xướng, khánh vàng ghi công, mỗi thứ một chiếc ; Hồ Hậu, Lê Đình Lý đều được gia hàm Lãnh binh, thưởng thêm quân công một cấp, kỷ lục một thứ, nhẫn vàng mặt kim cương nhỏ, cần ngọc châu hỏa trai, kim tiền có chữ "tứ mỹ", mỗi thứ một chiếc ; Nguyễn Công Nhân gia quân công một cấp, thưởng thêm một đồng kim tiền có chữ "tam thọ" có dây rủ xướng. Quân vệ cơ đi trận ấy đều được gia quân công một cấp ; suất đội đều được gia quân công kỷ lục một thứ. Vũ Văn Giải, Tôn Thất Bạch tuy không ra trận, nhưng công việc xử lý cũng có dự bàn, đều được gia một cấp, thưởng thêm khánh vàng có chữ "thanh, cần, thận" mỗi người một chiếc. Thổ mục Ốc Nha Sơ Phi, Lịch Bốn Nha Trắc đều được thưởng thụ chánh đội trưởng, theo sai phái ở trong quân, gia thưởng áo quần bằng vũ đoạn và ngân tiền mỗi người ba đồng (hai người này đầu tiên đem người Xiêm, người Lào và súng trường giải nộp ở trại quân). Lại phát 1.000 lạng bạc và 6.000 quan tiền trong kho giao cho Vũ Văn Giải, Tôn Thất Bạch thân đi đến quân thứ Trấn Tây, tuyên Chỉ yên ủi, chia từng hạng mà ban thưởng. Lại sai sắm đủ trâu, lợn, rượu, thức ăn để làm tiệc. Lại chuẩn cho kê khai danh sách công trạng tướng sĩ,

giao cho bộ Binh phân biệt nghị thưởng. Truy tặng cho Trương Lý hàm Vệ úy, một con được ấm thụ Cẩm y thiên hộ và cấp cho 30 lượng bạc.

Vua cho rằng giặc Man bị thua đã trốn hết, dụ cho Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn, thân đem đại binh đi gấp đến Vĩnh Long đuổi theo, bóm riết giặc, tùy cơ mà bắt, cốt sao chiếm hết địa giới Lạp Man. Lại sai Vũ Văn Giải, Tôn Thất Bạch và Nguyễn Văn Hoàng đi khắp, truyền hịch bảo thổ mục, thổ dân các xứ đều nên đem nhau thú tội, phạm thấy người Xiêm trốn tránh chỗ nào thì bắt ngay giải lên quan lĩnh thưởng, đều cho khỏi tội. Còn như công việc xếp đặt, chuẩn cho hội đồng bàn tính, tâu lên. Sau đó bọn Giải xin lập Nặc Ong Bướm (con tên Yêm) làm Tù trưởng Cao Miên, phái quân canh giữ, nhưng lấy Vĩnh Long làm nơi sở tại, để quân đóng giữ ở đấy. Sở giao xứng đình thần bàn. Họ đều nói Trấn Tây mới định, cũng nên xếp đặt ngay ; duy có Lạp Man, lúc thì hàng phục, lúc thì làm phản, bấp bồng bất thường. Tên Bướm là đứa trẻ con, sao có thể trông coi cai trị được ? Huống chi Man tù là tên Giun, Xiêm mục là Chát Tri, còn trốn tránh ở trên đất Vĩnh Long, mà từ ngoài Vĩnh Long ra, thổ dân chưa theo về hết. Nay nếu hạn định Vĩnh Long là nơi sở tại, lập tên Bướm làm Tù trưởng, phải để nhiều quân đặt đồn canh giữ, không khỏi nhọc quân, tốn lương, phí nhiều mà vô ích. Vậy xin xét kỹ thổ mục như Trà Long, Nhâm Vu, chọn người xứng đáng chăm chỉ, vốn được dân thổ tin, trước hãy cấp bằng làm phủ úy, huyện úy, nếu biết tự dẹp được dân, theo về với ta, thì sau này sẽ tùy tiện xử trí. Đó chính là việc cần ngày nay, can gì phải hấp tấp xin lập tên Bướm làm gì ! Lời nghị này được vua y theo.

Cho thụ đốc Vĩnh Long, Định Tường là Ngô Văn Giai đàn áp việc quân ở An Giang. Phạm việc đòi gọi và cắt cử đều hiệp đồng với Bộ chính Nguyễn Bá Nghi và Án sát Trần Văn Triện bàn tính mà làm.

Vua cho rằng số quân hiện có ở Trấn Tây còn ít, lại phái bốn vệ quân ở Kinh (vệ Trung nhất, vệ Tả dinh Hùng nhuệ, vệ Hữu dinh Tiên phong, vệ Nhị thuộc Tiên bảo dinh Vũ lâm) chia đóng các tỉnh Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường. Mỗi vệ đặt thêm 2 viên quản suất để phòng sai phái. Lại sai các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Thuận đều phái một vệ cơ ; các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa đều 300 quân, đi đến chỗ đóng ở Nam Kỳ. Còn biên binh đóng trước thì tạm ở lại chờ Chi. Lại chọn cai đội ở vệ Cẩm y, vệ Kim ngô bốn người được thăng thụ phòng thủ úy sung hiệp quản bốn vệ cơ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Thuận, đều gia ân thưởng tiền một tháng lương. Nhân đó sắc sai từ nay về sau, phạm phái quân ở tỉnh sung đi đóng đồn, nếu có chọn phái nhân viên ở Kinh nhận lĩnh cai quản thì cấp phát cũng như thế. Việc này được đặt làm lệ mãi.

Các đại thần ở Kinh được phái đi là Vũ Văn Giải và Tôn Thất Bạch đã đến Trấn Tây, bàn định ủy Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn mang theo Hồ Đức Tú và Nguyễn Công Nhân tiến quân đến Vĩnh Long. Giải và Nguyễn Văn Hoàng vẫn lưu lại Trấn Tây truyền hịch hiểu thị để chiêu dụ võ về dân địa phương. Sau đó thổ mục, thổ dân đem nhau ra thú đến hơn hai vạn ba nghìn người. Họ đều nói bị giặc Xiêm ức hiếp áp chế. Bọn Giải tiến đến trại quân, nhận người đến hàng. Việc này được tâu lên.

Vua bảo rằng : "Triều đình cất quân, chính là làm việc trừ kẻ tàn bạo, giúp yên dân lành, cứu dân, đánh kẻ có tội. Nay người Chân Lạp đã tự nguyện chịu phạt trọng, tỏ ý tạ tội, đều nói giặc Xiêm lấn hiếp, tự gây mối thù. Vậy tất phải giết đũa đầu sỏ, không trị tội kẻ bị hiếp theo. Còn thổ mục, thổ dân đến hàng thú thì đều gia ân tha tội cho sống, nhưng phải xếp đặt để cho yên phận làm ăn". Nhân đó bảo Thọ Xuân công Miên Định rằng : "Người Chân Lạp lúc trước thì cảm khí giới chống lại Nhà nước, nay thì đến xin hàng kể có nghìn vạn, thật là tráo trở bất thường, chưa dễ bắt chúng phục tùng đâu. Năm trước, quan quân bỏ Trấn Tây về, chúng lại giữ làm của mình, trăm tướng tất có kho chứa để phòng bị, nay thì chỉ có thành không mà thôi ! Đó chẳng qua là quân ô hợp, mưu tính từng ngày ; giặc Xiêm hết nghề, không lâu rồi cũng đi đem trốn thôi". Lại bảo đại thần ban võ rằng : "Lệnh của ba quân, quan hệ ở viên tướng. Tướng không phải là người dũng cảm, có trí thức, thì không làm được. Gần đây có viên trung sứ từ quân thú về nói : Nguyễn Tri Phương đối trận đánh nhau với giặc, đạn rơi xuống như mưa ; tỳ tướng bẩm xin bỏ lọng đi để cho địch khỏi biết. Tri Phương quát lên, sai giương thêm 2 lọng nữa. Từ đấy, khí thế quân sĩ hăng hái gấp trăm lần, sẽ thu được thành công. Ví phỏng người nhút nhát đương vào việc ấy, liệu có khỏi mất tinh thần không ?".

Vua bảo quan bộ Hình rằng : "Từ trước đến giờ, ở trong Kinh xử chém ngay tù tội nặng, sau khi được Chỉ, viện Đô sát làm bản phúc tấu lên. Ngoài ra những tội trăm giam hậu, giáo giam hậu thì chỉ biên giao Nội các chiếu theo, đã có lệ định thi hành. Duy có bản án hoặc nên xử ngay, hoặc nên giam chờ Chỉ, viện Đô sát xét xử không nhất định. Vậy nên chuẩn cho từ nay, phạm án xử tử tù tội nặng, thì viện ấy theo lệ mà làm ; nếu án xử giam chờ Chỉ, xét đã thích đáng, thì không được để tấu lẫn vào, cho hợp sự thể. Việc này đặt làm lệ mãi".

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN L

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Ất Ty, Thiệu Trị năm thứ 5 [1845], mùa thu, tháng 9. Các đại thần ở quân thứ Trấn Tây là bọn Vũ Văn Giải, Tôn Thất Bạch phi tấu về tình hình Lạp Man, việc ngoài biên, và nói Man tù là tên Giun, đầu sỏ giặc là Chất Tri hiện ẩn ở đất Vĩnh Long, đã bàn ủy cho Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn và Tôn Thất Nghị đem binh chia đường đuổi bắt.

Vua dụ rằng : "Công việc trù tính ở Trấn Tây, là việc xếp đặt lớn, sẽ phê giao cho đình thần bàn định thỏa đáng ; duy lần này giặc Man đã bị quan quân đánh phá, sức kiệt, thế cùng, ôm đầu trốn như chuột, thế mà còn dám trốn núp ở Vĩnh Long ! Cắt cỏ phải trừ tận gốc, ta cần theo chân bắt ngay để làm án, cho hết mầm ác. Hiện nay ở Trấn Tây đã có Tôn Thất Bạch, Nguyễn Văn Hoàng ở đấy chiêu dụ võ về, cũng đủ được việc. Vậy giao cho Vũ Văn Giải phải gấp rút đến Vĩnh Long, đốc thúc quan quân các đạo hết sức đuổi bắt. Nhân lúc giặc Man sau khi bị thua tan nát này, cần nên lùng tìm tận rừng sâu, bắt chém không bỏ sót tên nào, chiếm hết địa giới Lạp Man, để cho nó sợ uy thanh mãi. Nhưng chuẩn cho theo cách thưởng định trước (không cứ quân hay dân, người Kinh hay người Thổ, ai bắt chém được Chất Tri, trừ số trước định thưởng là 100 lạng bạc, 1.000 quan tiền, lại thưởng thêm 100 lạng bạc, 500 quan tiền, và cho quan hàm ngũ phẩm ; bắt chém được Nặc Ong Giun cùng là bắt chém được đại đầu mục Xiêm như bọn Đầu Rồng, Sá Na Lãng, đều thưởng 300 quan tiền). Cốt phải trừ hết gốc rễ, để biên giới được yên ổn mãi.

Còn công việc xếp đặt, hãy chờ đem cái việc tên Bướm và Ngọc Vân ra, nhưng trước hết chọn người chăm chỉ trong thổ mục chia bỏ làm các phủ úy, huyện úy để cai quản dân chúng cho có thống thuộc ; đội đình thân bàn định dâng tâu lên, sẽ ban dụ thi hành".

Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn tiến quân đến Vĩnh Long. Giặc ở hai bên bờ sông, dựa vào rừng bắn ra, quan quân không thể tiến được.

Vua biết việc ấy, giục ngay Vũ Văn Giải đốc thúc quân đuổi bắt. Giải chưa đến nơi, Tri Phương sức cho quan quân các đạo bỏ thuyền lên bộ, ủy cho Hồ Đức Tú đem quân tiên đạo, Nguyễn Công Nhân đem quân tả đạo, rồi để Uẩn ở lại đóng giữ hậu đồn, tự mình đem quân hữu đạo. Khi quân đến Liên Kiên (tên đất ở Chân Lạp) giặc lừa quân, voi đến nhiều. Công Nhân tung quân đánh ào ạt ; voi đều sợ, ngã, giặc bỏ lương thực tan chạy. Sau đó giặc lại từ bụi rậm trong rừng ra chặn ngang đường phía trước. Bọn quyền Quản vệ Nguyễn Khoa, Nguyễn Thiều, Suất đội Phạm Tứ, Nguyễn Vinh chống nhau với giặc không được, quân phải lùi, Hồ Đức Tú lao mình xông ra đánh, đi lẫm vào chỗ phục binh, bị voi húc ngã. Thổ mục là tên Giao, binh đình là Nguyễn Văn Lợi vực Đức Tú ra ngoài trận, rồi lại cầm giáo để đánh. Quân cơ Dương Đức Quảng bị chết trận, Phó quản cơ Lê Biểu, Nguyễn Hiên, Vũ Duệ, Nguyễn Do hăng hái tiến lên trước, quân thế lại hăng lên ; quân của Tri Phương tiếp đến, đuổi theo đến hơn một dặm ; giặc cả vỡ, lui giữ thành Ô Đông. Việc ấy tâu lên, Nguyễn Công Nhân được thực thụ Phó lãnh binh ; Hồ Đức Tú phải giáng làm Phó vệ úy vệ Cẩm binh, lại bị cách, lưu, cho cố làm việc để chuộc tội. Thổ mục là tên Giao được nhắc bổ làm Cai đội, gia thưởng một chiếc kim bài có chữ "mộ nghĩa" ; Nguyễn Văn Lợi được nhắc bổ Đội trưởng, gia thưởng một chiếc ngân bài có chữ "nghĩa dũng" ; Lê Biểu, Nguyễn Hiên, Vũ Duệ, Nguyễn Do đều được thưởng quân công, kỷ lục một thứ, một đồng ngân tiền hạng lớn và hạng nhỏ. Bọn Nguyễn Khoa, Nguyễn Thiều, Nguyễn Vinh, Phạm Tứ đều bị phạt trượng cách chức, phát làm quân tiên khu cho cố sức chuộc tội. Dương Đức Quảng được tặng hàm Vệ úy, cấp cho tiền tuất 20 lạng bạc, một con được ám thụ Cẩm y bá hộ.

Nhân đó vua dụ các đại thần ở quân thứ rằng : "Nay, tên đầu sỏ giặc và tu trưởng người Man, thế đã cùng quần, cố giữ cô thành, chắc rằng cũng không phòng bị lương thực gì khác. Quan quân hiện đã chia đặt đồn trại vây chặn, chính hợp cơ hội. Cần nên xem xét cơ nghi, thiết lập đồn trại, bao vây thành của giặc Man ấy, không hở chỗ nào ; vận tải súng đại bác bắn thẳng vào trong thành của giặc để đánh phá. Lại nên xem xét bốn phía thành của giặc, từ các ngã đường ở thượng du đến chỗ thuyền quân đóng, cho suốt các xứ ở hai bên tả hữu Vĩnh Long, cắt phạt rừng rậm, phóng lửa đốt phá, để được rộng rãi có thể trông được đồn giặc, khiến chúng không có chỗ ẩn náu. Lại tuân dụ trước, đem cách treo thưởng hậu tuyên bố khắp

trong quân và các thổ mục, thổ dân hễ ai có thể bắt chém được Chất Tri và tên Giun giải nộp đến trại quân, thì lập tức theo thể cách ấy mà hậu thưởng đãi. Lại như một dải thượng du ở Hải Tây, là con đường bọn giặc ấy trốn về, cần phải chẹn chỗ hiểm yếu, đặt đồn chặn giữ, không cho chạy lọt, thì sự ngoại viện của chúng bị trở ngại hết, không có lương thực, chúng như cá trong nôi, tất chết đói, không còn con đường trốn về cái thành trợ trợ được. Và lại, theo như binh pháp, tài giỏi nhưng chậm không bằng vụng về mà nhanh. Trước kia, quan quân định xong Trấn Tây, đến thẳng Vĩnh Long, cái thế dễ như chẻ tre, không ai dám đương được sức mạnh ; công đến lúc chỉ còn một chút là xong, thì làm xong cái việc chưa xong, còn có khó gì. Nay, tướng quân trấn trị ngoài biên là Vũ Văn Giải chắc đã đến trước nơi quân thứ, các đại thần đều nên hết lòng cố sức, kíp đi vây bắt, cần đem lưới bắt hết bọn đầu mục giặc là Chất Tri, tù trưởng Man là tên Giun ấy, bắt được chém ngay làm án, chớ để cho trốn chạy đến Bắc Tầm Bôn, để thu công vạn toàn, nhận nhiều hậu thưởng. Lại như Tôn Thất Bạch trước đã có Chỉ bổ thụ Tổng đốc An Giang, nay việc bắt giặc ở Vĩnh Long chưa xong, cho ở lại Trấn Tây để xử trí. Và lại, việc quân quan trọng, khẩn cấp, phạm gặp sự việc nên tâu, thì cho do các đại thần nơi quân thứ cùng ký tên vào tập tâu đệ thẳng tâu lên, không nên theo như trước tư về Trấn Tây làm tập tâu cho thêm chậm trễ. Các người nên thể theo ý hay ấy mà thi hành". Lại truyền dụ cho các tỉnh Định Tường, An Giang, Gia Định, Biên Hòa phải đòi bắt hương dũng, tỉnh lớn 500 người, tỉnh nhỏ 300 người, lại mộ nghĩa dũng mỗi tỉnh 500 người, di ngay đến quân thứ để phòng sai phái. Tỉnh Hà Tiên cũng phái biên binh dàn áp khắp hạt Quảng Biên, chiêu dụ võ về dân Man, để chặn lối về của giặc.

Lại dụ cho các đại thần ở nơi quân thứ rằng : "Các tướng sĩ đi đánh phía tây, đồng lòng theo mệnh lệnh, quyết chí giết quân thù, một tiếng trống san phẳng lũy sắt, một buổi sớm liền hạ thành đông, bình định ngay được Trấn Tây, thu được cả bờ cõi, dẹp được nước Xiêm, nước Lạp, lập được vũ công. Nay cứ như lời tâu tiếp của các đại thần : thổ mục, thổ dân đem nhau đến hàng phục thú tội có đến hơn hai vạn ba nghìn vài trăm người, các quan đại thần đến trại quân nhận người đến hàng, làm sơ tâu lên, cầu xin chờ Chỉ, trẫm mở xem, đã biết tất cả. Và lại, hiện nay, trong mọi việc thiện hậu toàn hạt Trấn Tây, thì việc dẹp yên bờ cõi ngoài biên, là việc rất cần, nên chọn phái người sung bổ, cho có chuyên trách. Vậy cho Đô thống Hậu quân lĩnh Tổng đốc Gia Định, Biên Hòa, hiện phải đi xử trí việc quân, là Vũ Văn Giải, được điệu bổ ngay làm Tiền quân Đô thống phủ Đô thống, đặc thụ Phủ biên tướng quân, tiết chế tổng hạt Trấn Tây ; lại cho Tổng đốc An Giang - Hà Tiên là Nguyễn Tri Phương thăng thụ Hiệp biện Đại học sĩ, bổ làm Khâm sai đại thần trừ tính trị yên việc ngoài biên ở Trấn Tây ; Tuần phủ An Giang là Doãn Uẩn thăng thụ Thượng thư bộ Binh, bổ làm Tham tán đại thần, hội bàn công việc dẹp yên Trấn Tây ;

Đề đốc Vĩnh Long là Long Bình nam Tôn Thất Nghị vẫn do hàm cũ, đóng giữ Trấn Tây, giúp coi công việc ; Đề đốc An Giang là Nguyễn Văn Hoàng vẫn do hàm cũ, đóng giữ Trấn Tây, giúp bàn việc quân. Tất cả đều là danh thần, túc tướng, trăm đã biết rõ, nên mới lựa chọn đặc phái. Ai nấy đều nên đem hết mưu kế, một lòng nghĩ đến nước, vỗ về quân dân, hết lòng liệu tính việc hay về sau, cốt mong bờ cõi ngoài biên được yên ổn, dẹp yên các Man bên ngoài, bờ cõi bên vững, phiên phục yên vui ; đợi vài tháng nữa, sẽ chia từng địa hạt. Việc xếp đặt xong, trăm sẽ giáng dụ, tuyên triệu về Kinh, cho vào bệ kiến". Rồi sai quyền Lang trung bộ Công là Nguyễn Ba đi ban cấp, tuyên Chỉ để yên ủi. Lại chuẩn cho phàm các tập tâu có chuyên trách, đều chiếu quan hàm viết rõ ; còn tập tâu cùng ký tên thì cho viết hai hàng (vế bên hữu : Phủ biên tướng quân tiết chế Trấn Tây Vũ Văn Giải, Tham tán đại thần Doãn Uẩn, Bang biện quân vụ Nguyễn Văn Hoàng ; vế bên tả : Khâm sai đại thần trừu biện tụy phủ Trấn Tây Nguyễn Tri Phương, Đề đốc tán lý cơ vụ Long Bình nam Tôn Thất Nghị) để khỏi rườm rà. Ngoài ra, các công văn, trát cấp đều theo quan hàm, chức sự viết thẳng. Chưa bao lâu, Tôn Thất Nghị được đổi bổ Thống chế vẫn sung Tán lý đại thần, đóng giữ Trấn Tây, tham bàn công việc trong quân ; Tôn Thất Bạch, theo chỉ trước, chuyển về An Giang, cung chức.

Giảm bớt chức hàm Tuần phủ Gia Định, tỉnh An Giang. Lại lấy Lê Văn Phú làm Tổng đốc Gia Định - Biên Hòa.

Cho quyền Tiền quân Đô thống Tôn Thất Bạt được điều bổ quyền Đô thống ở Hậu quân Đô thống phủ.

Vua làm bốn bài châm "kính thiên, pháp tổ, cần chính, ái dân"⁽¹⁾. Triệu các quan đại thần vào hầu, cho ngồi, sai Lâm Duy Thiếp tuyên đọc. Dụ rằng : "Đó là bốn đầu mối lớn của đạo làm vua : trăm ngày đêm chăm chỉ, sớm chiều lo sợ, cũng chỉ là bốn việc ấy".

Tiết Trùng dương. Vua ra chơi "Hải tĩn niên phong" các. Cho Hoàng tử làm lễ thượng thọ. Tuyên triệu các đại thần mà là hoàng thân, ban cho uống rượu : Kiến An công Đài, Định Viễn công Bính, Diên Khánh công Tấn, Điện Bàn công Phổ, Thường Tín công Cự, Từ Sơn công Mão, đều là hàng trên rất thân, được miễn lay, xuống dâng lễ thọ. Ngày hôm ấy, cho ăn yến ở nhà Duyệt Thị.

Dụ rõ cho các quan chức trong họ Tôn thất. Khi ấy, nhà Thị lang bộ Hộ Tôn Thất Hợp mất trọng. Hợp cho là chức Kinh doãn và các đồn tuần phòng không chăm chỉ, bèn làm sớ tâu bày. Vua quở rằng : "Trăm, trước kia làm việc ở chốn thân đài, bảo tận mặt các nhân viên Tôn thất không được kiêu ngạo làm càn. Tôn Thất Hợp

(1) *Kính thiên* : kính trời. *Pháp tổ* : bắt chước ông cha. *Cần chính* : chăm lo chính sự. *Ái dân* : thương yêu dân.

là người trong ngành chữ "phúc", làm đến đường quan ở Kinh, lại quyền giữ chức tôn khanh, thì noi theo khuôn phép, giữ mình sửa nét mới phải, thế mà lại cậy thế dòng dõi nhà vua, tự nhà mình sơ hở dạy cho kẻ trộm, rồi dám đổ tội cho người. Cái tệ ấy thật không nên để cho lớn dần ! Hiện nay đang chấn chỉnh quan lại, giữ lòng vô tư để trị thiên hạ, há lại theo lời nói của Hợp mà bắt tội người ư ?". Bèn giáng Hợp 2 cấp, rồi ném tờ sớ đi. Lại truyền Chỉ cho người trong Tôn thất nên coi việc này làm răn ; một chữ "kiêu", không những không được lộ ra cửa miệng, mà cũng không được nảy mọc ở trong lòng, phải khiêm cung để nuôi đức tính, kính cẩn để giữ chức quan. Nếu ai có vi phạm một chút, trăm tất không vì nể mà khoan tha.

Quyển Chương vệ chuyên cai quản viện Thượng tứ, sung quản lĩnh Thị vệ đại thần là Tôn Thất Mậu, vì say rượu hại việc công, giáng làm Phó vệ úy vệ Nhị thuộc Tiên bảo, sung đi đóng ở Nam Kỳ. Giao viện Thượng tứ cho Thống chế Nguyễn Trọng Tính kiêm quản.

Có người dâng con ngựa tây to, sức đi nghìn dặm, cho gọi là Đại uyển Long tuấn.

Quan đạo Tây Ninh là Cao Hữu Dục và Tôn Thất Hàn tâu rằng : "Từ trước đến giờ, chiêu dụ Man Thổ, chưa thấy chúng ra thú. Vậy xin gọi thêm 4.000 binh đồng, một mặt do Tây Ninh, một mặt do Sách Sô, hai đường giáp đánh ; kẻ ra hàng thì võ vể, kẻ nào chống cự thì chém giết". Vua quở rằng : "Quan quân định xong Trấn Tây, Man Thổ hàng phục theo về đến hơn năm, sáu vạn. Bọn người khư khư giữ một phương, không bày mưu kế gì ! Nay một đạo An Giang, đã dẹp yên xong, lại xin cho Sách Sô tiến đánh, sao lời nói không thích hợp thế ! Nên tìm cách chiêu dụ võ vể, treo giải thưởng thật hậu, để cho lấy người Man đánh người Man, mới là thượng sách. Nếu chúng còn mê không tỉnh biết, sẽ đem quân hiện có ở đồn, tùy cơ đánh dẹp, việc gì phải vất thêm nhiều binh đồng để nhảm việc quân, hại việc nông ! Nếu bọn người không làm xong việc này, chẳng bao lâu ở Vĩnh Long bình định xong, đưa một đạo quân nhỏ đến, sợ bọn người lại khó lòng chịu được lỗi to ấy !".

Sắc sai bộ Binh truyền dụ cho quan tỉnh Hà Tiên rằng : Lần này đại binh tiến đánh, bình định xong Trấn Tây : đầu mục nước Xiêm là Chất Tri, tù trưởng người Man tên là Giun từ xa đã chạy trốn trước. Nay còn dám tụ đảng ở Vĩnh Long, chiếm giữ cô thành ; một khi quan quân tiến đánh, thế tất lên theo đường sau Hải Tây, trốn về đất giặc. Hiện nay việc phòng giữ lũy dài ở Hà Tiên đã hơi thư, nên liệu giảm biên binh cho về tỉnh để sai phái. Cho Nguyễn Lương Nhân kiểm điểm biên binh ở tỉnh, lượng tính để lại 1.000 quân đủ dùng phái đi canh giữ, giao cho bọn Bố chính Hoàng Mẫn Đạt, Án sát Lê Hữu Hương, Phó lãnh binh Nguyễn Văn Do ở lại tỉnh làm việc ; rồi chọn lấy 1.000 quân lính tráng mang theo súng thần công quá sơn để phòng bắn giết giặc và voi của giặc. Bọn Đốc đồng quyền Lãnh binh Tôn Thất Trực, Quản vệ Phạm Sĩ, Cai đội Triệu Tấn quản lĩnh quan quân đến

thăng huyện Khai Biên, phủ Quảng Biên, tùy đường tiến trước. Một mặt chiêu dụ người Man ra hàng, vỗ về thổ mục ; một mặt mộ nhiều người Thổ am hiểu, đến ngay đàng sau Vĩnh Long ở Hải Tây, đón chặn đường về của bọn giặc, không cho trốn về đất Xiêm, rồi tư cho quân của Phủ biên tướng quân biết, làm vang thanh thế, cốt bao vây Chát Tri và tên Giun, bắt chém cho hết mầm ác, để nhân hậu thưởng. Các người nên cố lo toan !".

Nước Anh Cát Lợi cho sứ đến tạ ơn. Vua xuống chiếu đặc biệt để đáp lại. Năm trước thuyền của người nước Anh bị bão, trôi giạt vào bờ biển Bình Thuận ; vua phái thuyền công đưa về. Đến đây, Quốc trưởng Anh là Bích-tô-ri sai bề tôi là Cấp-tăng-sô dâng biểu tạ ơn, kính dâng lễ phẩm (một đôi cây đèn hạng to, một lồng chim máy mạ vàng, một chiếc đồng hồ). Quan tỉnh Khánh Hòa là Ngô Văn Địch, Hoàng Đạo tâu lên. Vua sai Quang lộc Tự khanh Tôn Thất Thường đi đến thăm hỏi. Thường tâu rằng : "Xét ý đến tạ, là do lòng thành khẩn". Vua dụ bộ Lễ rằng : "Anh Cát Lợi là nước phương Tây, thế mà biết cảm mộ phong hóa nhà vua, đem ngọc dâng cống, lòng thành đáng xét ; nên định khen thưởng hậu để yên ủi người từ phương xa đến". Khi nghị dâng lên, ban sắc thư cho về (thường quốc vương đồ chơi : sư tử bằng vàng, ngựa bằng ngọc trắng, mỗi thứ một bộ ; 2 đồng kim tiền hạng to kết dây rủ xuống có râu trên châu và san hô ; 2 chậu cây có hoa bằng ngọc các màu, 2 chiếc sừng tê bịt vàng, 2 chiếc ngà voi, 12 đồng kim tiền, 50 đồng ngân tiền, 10 súc đoạn hoa màu, 50 súc sa nam màu. Thưởng cho bọn bề tôi : kim tiền có chữ "tam thọ, nhị nghi" có dây rủ xuống, mỗi thứ một đồng ; 30 đồng các hạng ngân tiền, 2 tấm đoạn mâu, 10 tấm sa nam mâu. Các người theo hầu thưởng tất cả : 200 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, 300 quan tiền đồng lớn, 200 phương gạo trắng ; lại ban thêm tiệc yến một lần).

Thưởng bọn Tôn Thất Thường, dụ rằng : "Nước Anh từ trước vốn gọi là rợ xảo trá, chưa giao thiệp với nước ta, nay bỗng ngưỡng mộ phong hóa nhà vua, đem ngọc dâng cống. Vốn là cái thói rợ mọi dữ tợn, bây giờ theo thói áo mũ lễ nhạc. Trèo non, vượt biển đến dâng lễ vật, tuy do tấm lòng thành khẩn của nước kia, nhưng việc yên ủi tuyên dương cũng là chức sự của quan ngoài biên và quan được phái đi. Vậy phái viên Tôn Thất Thường, tỉnh thần Ngô Văn Địch, Hoàng Đạo đều được thưởng gia một cấp ; Vũ Dung trong ty Hành nhân bị cách lưu được gia ân khai phục hai cấp để khuyến khích". Nước Anh Cát Lợi lại có người ở thuyền bị nạn bão trôi giạt vào cửa biển Đà Nẵng. Cho ở lại nhà công quán, rồi ban cấp 200 quan tiền, 100 phương gạo, cho đáp theo thuyền công về nước.

Sai Sứ quán tường tra sự tích về nguyên ủy Lạp Man.

Cho viên bị cách là Nguyễn Công Trứ khởi phục làm Chủ sự bộ Hình, quyền Viên ngoại lang ; rồi lại đổi quyền Viên ngoại lang Đại lý tự.

Làm điện Kiến Thái ở cửa Tiên Thọ. Sai quyền Hậu quân đô thống là Tôn Thất Bật, Tham tri bộ Hộ là Đào Trí Phú trông coi việc này, vì sắp làm đại lễ tiến tôn.

Quan tỉnh Quảng Trị tâu rằng : "Bố chính Vĩnh Long là Trần Tuyên đã chết, còn mẹ là Nguyễn Thị tuổi già, nhà nghèo". Vua cho rằng Tuyên chết về việc nước, nhà có mẹ già, tình cũng đáng thương, bèn sai hàng năm cấp cho 20 quan tiền, 12 phương gạo.

Cho : quyền Lãnh binh tỉnh Quảng Trị là Nguyễn Tuyên thăng bổ Vệ úy Trung vệ dinh Long võ ; nguyên Thống chế giáng bổ Phó vệ úy các quân là Hoàng Đăng Thận được quyền Lãnh binh tỉnh Quảng Trị ; Phó lãnh binh tỉnh Quảng Nam là Tống Văn Biện được thăng quyền Vệ úy Trung vệ dinh Hùng nhuệ ; Phó vệ úy vệ Hậu, dinh Long võ là Nguyễn Cán được điều bổ Phó lãnh binh quan tỉnh Quảng Nam ; Phó lãnh binh tỉnh Hải Dương là Phan Công Thành, tuổi già, được về quê hưu dưỡng ; Phó lãnh binh tỉnh Hưng Yên là Trần Hải được điều bổ làm quyền Phó lãnh binh tỉnh Hải Dương ; quyền Vệ úy vệ Nam Định là Nguyễn Huy được điều bổ Phó lãnh binh tỉnh Hưng Yên ; Quản cơ cơ Tả nhuệ là Thái Kích được thăng quyền Vệ úy vệ Nam Định ; Phó vệ úy vệ Hữu, dinh Thần cơ là Tôn Thất Tuấn được điều bổ Phó vệ úy vệ Kim ngô ; Phó quản cơ là Tôn Thất Bảo được điều bổ Hiệp quản Hữu vệ dinh Thần cơ ; Phó vệ úy vệ Cường vũ là Nguyễn Xuân Thường được thăng quyền Phó vệ úy vệ Hữu nhị dinh Vũ lâm ; Cai đội vệ Cẩm y là Nguyễn Tiến Quyền được thăng quyền Phó vệ úy thuộc vệ Hùng nhuệ vệ Cường vũ ; quyền Phó vệ úy Nhất vệ thuộc Trung bảo là Tôn Thất Đản được điều bổ quyền Phó vệ úy Hữu vệ dinh Thần cơ ; Thành thủ úy tỉnh Quảng Trị là Bùi Công Huyền được thăng thụ Phó vệ úy Nhất vệ thuộc Trung bảo Trung quân.

Hàm Thuận quận công Miên Thủ nuôi chứa phường chèo trong nhà ; Tôn nhân phủ hạch tâu. Vua quở rằng : "Năm trước, Tùng quốc công Miên Thẩm nuôi bọn trộm cướp, diễn trò chơi hát xướng, đã được lời vua dạy bảo ân cần, nghiêm sáng, tha thiết đến chừng nào ! Trẫm làm việc ở thân đài, cũng đã ân cần dạy bảo. Miên Thủ lúc ấy cũng tỉnh biết, thế mà nay lại nuôi bọn vô lại ấy, làm trò chơi vô ích như thế, trên thì có lỗi với lời dạy của cha, dưới thì để cho người ta nói đến. Vậy tạm hãy nghiêm quở một lần, giải ngay người phạm để tra. Nếu [phạm nhân] biết mang gậy, xin nhận tội, còn là hơi biết thẹn, biết hối, thì gia ân tạm theo tội nhẹ phạt lương một năm. Bọn con hát đều phạt 100 trượng, phát làm binh ở hải đảo Phú Quốc thuộc tỉnh Hà Tiên mãi mãi, gặp năm có ân xá, cũng không được ghi vào danh sách. Lại truyền Chỉ cho Tôn nhân phủ từ nay nên xem xét, sức cho các thân phiến : nghiêm theo lễ phép, không gán kẻ ngu, không quá vui hát múa, lấy điều thiện và văn học làm vui, cốt mong đức nghiệp tu tiến, giữ được tiếng tốt mãi, để hưởng ơn huệ lâu dài, phải nên nghiêm chỉnh cố gắng !

Đốc học tỉnh An Giang là Nguyễn Huy Triêm chết. Cho Tri phủ phủ Phúc Tuy là Hồ Văn Quang thăng quyền Đốc học tỉnh An Giang.

Thường cho hoàng thân và đình thần : văn từ viên ngoại lang, khoa đạo, thị độc ; võ từ hiệp quản, đình hầu trở lên : các hạng quế Thanh, Nghệ có từng bậc.

Phó lãnh binh tỉnh Hà Tiên là Nguyễn Văn Do chia đường đi chiêu dụ, võ về thổ dân. Tri phủ An Biên Trương Công Bình và Cai đội Triệu Tấn, Suất đội Lê Lương đi đến rừng rậm, gặp giặc, giao chiến hỗn loạn : Bình, Tấn đều bị chết, Lương rút lui chạy. Việc này tâu lên, truy tặng Bình là Viên ngoại lang, Tấn là Phó quản cơ ; Do vì xử trí hỏng việc, phải giáng bốn cấp ; Lương phải tội trầm giam hậu.

Bác Kỳ tâu về tình hình sông nước được yên ổn. Sai bộ Công phân biệt nghị thưởng có từng bậc.

Sai bộ Công chức định kỳ hạn làm lại nhà công. Vua cho rằng nhà công ở các doanh trại, năm trước đều lĩnh vật hạng trong kho ra làm, duy nên sửa chữa hay làm lại và vật hạng nên chi phát đều chưa có kỳ hạn định rõ, mới sai bộ Công chức định niên hạn. Đến đây, bộ bàn định, cho rằng từ trước đến giờ, làm nhà công đều cấp phát tiền kho mua gỗ, còn gạch ngói lĩnh của kho ra làm ; duy gian giá rộng hay hẹp, vật liệu nhiều hay ít và năm tháng sửa chữa hay làm lại, chưa có lệ nhất định, xin nên theo chỗ vừa phải mà chức định. (Nhà chường lĩnh năm quân và nhà bếp, nhà mới làm thì định là được dùng ngói phẳng 80.000 viên, gạch và ngói máng đều 600 viên ; nhà thống chế các dinh và nhà bếp thì được dùng ngói thẳng 65.000viên, gạch và ngói máng 450 viên ; nhà quản vệ thì được dùng ngói phẳng 35.000 viên, gạch và ngói máng đều 300 viên). Kỳ hạn đều bắt đầu từ năm làm nhà, được 15 năm tu bổ một lần, về sau mỗi 10 năm tu bổ một lần, còn gỗ, đinh sắt, vôi, mật do biên binh tự biện. Ngoài ra, gạch ngói chiếu lệ mới định, đều cấp cho ba phần mười. Làm lại hay chuyển làm nơi khác cũng theo như thế. Chưa đến hạn mà nhà hư nát, thì trách cứ viên thống quản làm đến, không được trách ở biên binh. Vua chuẩn nghị này.

Ngự sử Nguyễn Công Đức, được phái sung chức củ nghị ở nhà Hưng miếu, tự tiện bỏ sơ khoáng, bị Lạc Hóa quận công Miên Vũ và bộ, viện đem việc ấy ra hạch. Đức lại dâng sớ, tự trình bày là bị ốm. Vua quả rằng : "Đức, tuổi trẻ, tân tiến, được thăng đến chức oai nghiêm, chính mình lại tự thất lễ, sao hạch người được ! Hạng vô lễ như thế, há nên để giữ chức vụ ?". Sai bãi quan ngay.

Chuẩn định các hạng hiệu thuyền, hàng năm, phái đi đường biển thao diễn, tuần tiểu và giải các vật hạng đi việc công về, do bộ chia loại kê danh sách tiến lên vua xem, định làm lệ mãi.

Biểu dương người trinh nữ ở tỉnh Vĩnh Long là Nguyễn Thị Liễu. Thị Liễu, tuổi trẻ, đi một mình, bị quân cường bạo ức hiếp, cố sức chống cự, bị hại. Việc đến tai vua. Vua sai biểu dương làng ở của Thị Liễu.

Quyển Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Tiền bảo là Vũ Thường được phái đi đóng ở Định Tường, vì hèn kém, bị mất chức. Cho Phó vệ úy Nhất vệ thuộc Trung bảo là Đoàn Thọ thay thế. Lại cho Tả chấp Kim ngô là Trương Tiến sung Lãnh binh ở Gia Định. Đó là theo lời xin của quân thứ đại thần Vũ Văn Giải.

Chuyên chở 60.000斛 gạo ở Gia Định, Định Tường đến An Giang. Sai Bố chính Nguyễn Bá Nghi, Trần Văn Triện chuyển giải đến quân thứ Vĩnh Long ở Trấn Tây.

Bổ Nặc Ong Bướm làm Tuyên phủ sứ. Bướm theo làm việc trong quân, chiêu dụ được việc ; do đại thần quân thứ tâu lên, nên có mệnh này.

Quân ta vây Ô Đông rất gấp. Đầu mục nước Xiêm là Chất Tri hai ba lần sai người mang thư đến trại quân xin hòa. Thư đại khái nói : "Hai nước từ trước vẫn hòa hiếu, gần đây vì Cao Miên sinh sự, thành ra mất hòa. Việc đã qua, không dám lại nói đến. Cao Miên là một nước nhỏ, tối tăm lảm lẩn, cũng không đáng trách. Xin đem việc ấy để tấu lên, chấn chỉnh lại tình hòa hiếu cũ. Thân quyến Xá Ong Giun cũng xin được ở sum họp, để được làm tôi thờ hai nước". Quan ở quân thứ là bọn Vũ Văn Giải vẫn chưa tin, hãy tạm đình việc quân để xem ý tứ, rồi đem việc ấy tâu lên.

Vua phê vào tập tâu rằng : "Giặc Xiêm thế cùng, sức kiệt, ngoe nguẩy xin thương, không khi nào không dùng kế hoãn binh ; mà đánh thì tất được, nhưng giữ được là khó. Nên xếp đặt thế nào cho đắc thể. Vay chuẩn cho các đại thần bàn ngay, tâu lên". Họ đều nói : "Bạc vương giả dối với man di, khi nó làm phản thì ra oai cho sợ, khi nó hàng phục thì cư mang. Nước Xiêm thông hiếu với ta, đã trải lâu năm, giữa chừng bỏ tình hiếu, gây mối thù, đem quân đến xâm lấn, thường bị quan quân ta đánh giết đã tan. Bồng nhân Lạp Man không được yên, Chất Tri lại đến giúp hấn làm càn. Quân ta đánh dẹp, chúng đã nhiều lần bị thua, còn thì lui giữ cô thành, mưu tính chống lại, không theo. Đến khi quan quân vây chặn, tự biết thế cùng, sức kiệt, mới đến cầu hòa. Nay nhờ cái oai được thắng luôn ấy, lược định nước Chân Lạp để như bẻ cành khô, củi mục. Duy có việc để cho dân và quân được nghỉ ngơi, triều đình vốn lấy làm kế trị trong nước, yên ngoài biên. Trăm trận đánh trăm lần được, không bằng không đánh mà khuất phục được quân của người. Hướng chi nước Chân Lạp, đất thì rộng, rừng thì nhiều ngả, gần đây phân phái người đi chiêu dụ vỗ về, thổ mục, thổ dân chưa theo về hết. Nếu đánh mà lấy được, chưa khỏi thêm nhọc đến việc binh đao, sao bằng nhân chúng hai ba lần cúi đầu đến xin, tạm cho hòa để quân dân ta được thỏa cái vui yên nghỉ, cũng là thượng

sách. Nhưng Lạp Man ngày nay đã không phải là Lạp Man ngày trước. Nếu hết thầy đều theo ý muốn, sau khi nghị thành rồi, Nặc Ong Giun có hết cả đất, thì Nặc Ong Bướm và nữ chúa Ngọc Vân sẽ lại để vào chỗ nào ? Đó chính là việc cần thiết về cách xử người Man, xin do các quan ở quân thứ phải cùng liệu tính. Phàm các đồ dùng để đánh giặc, phải sửa soạn đầy đủ, cho sự phòng bị được nghiêm. Rồi ước hẹn với chúng, nếu quả muốn giảng hòa, phải theo điều ước ở quân thứ : đem cả các người bị lừa bắt và các tội phạm của giặc đến nộp ở trại quân, rồi viết thư về cho tù trưởng nước Xiêm sai sứ mang quốc thư đến nói về việc chấn chỉnh tình giao hiếu. Nặc Ong Giun phải dẫn thân thú tội, thì triều đình cũng cho được đoàn tụ, liệu đất cho ở, làm tôi con mãi. Nếu chúng sinh sự, thì phải đánh thực dữ dội, lấy hết đất rồi về, không nên bỏ lỡ cơ hội này, rồi sau dẹp yên dân Man, tính kế thiện hậu. Ôi ! như thế thì chống đánh được việc, mà bờ cõi ngoài biên mới giữ được yên mãi". Vua theo lời bàn ấy.

Sau đó, quyền Lễ khoa Chương án là Phạm Chân dâng sớ cho là nghị hòa không nên, xin sức cho bọn Nguyễn Công Nhân chia đường tiến đánh ; lại chọn các đại thần như Tạ Quang Cự, Tôn Thất Bật đi đến thúc đánh, để khuyến khích tinh thần quân sĩ. Vua quở rằng : "Việc Trấn Tây, trăm đêm ngày bận lòng, đã 5 năm nay. Mỗi khi có thư ngoài biên về, liền phê giao các quan đại thần văn võ hội đồng bàn kỹ, có bao giờ lấy hai chữ "cho hòa" làm xong việc đâu ? Hướng chi sai tướng cất quân là quyền lớn của thiên tử, chức nguyên súy được trao cho cái việc⁽¹⁾ do vua tự chọn riêng, tuy quan đại thần dự bàn triều chính, cũng không dám đường đột chỉ tên mà xin. Y là kẻ tiểu thần cài bút, khinh bàn đến việc đại tướng đang đàn, sao lại can bậy đến thế ! Và lại, triều đình đặt ra ngôn quan, là muốn trên thì giúp cho quốc chính, dưới thì mưu ích cho dân sinh. Nếu có bàn thẳng nói ngay, trăm tất sẵn lòng tiếp nhận. Ví phỏng lời nói không thể dùng được, cũng không nỡ vội bắt tội. Nay y dám cố sức gièm pha lời bàn công cộng, nói khéo làm lẫn lộn phải trái, nếu không nghiêm trị, thì bọn lấp bấp nói nhiều, theo nhau bắt chước đại, cái tệ ấy thực không nên để lớn dần !". Bèn sai bộ Lại bắt hỏi, nghị xử. Chân phải giáng hai cấp, đổi đi nơi khác. Rồi dụ sai bộ Binh đem ngay đình thần bàn lại, xếp đặt công việc Trấn Tây, đưa đến các quan đại thần ở quân thứ Trấn Tây theo đó thi hành.

(1) Cái búa.

CHÍNH BIÊN

ĐỀ TAM KỶ - QUYỂN LI

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Ất Tỵ, Thiệu Trị năm thứ 5 [1845], mùa đông, tháng 10, ngày mồng một, làm lễ Đông hưởng.

Cấp thêm ngựa chạy trạm ở Nam Kỳ (trừ đường sông, còn các trạm như : Thuận Biên, Biên Thịnh, Gia Lộc, Gia Tú, Định Hòa, Định Tân, Định An, Vĩnh Phúc, Vĩnh Giai, Giang Đông, Giang Mỹ, Giang Tú, Giang Phúc, tất cả 13 trạm, nguyên trước ngựa công mỗi trạm 4 con, nay lại cấp thêm 2 con và cấp cho mỗi con 10 quan tiền về đồ ngựa, chuồng ngựa).

Sai quan phân việc làm lại án quan phòng của Khâm sai đại thần. (Năm Thiệu Trị thứ 2, bắt đầu làm án quan phòng của Khâm sai đại thần, cách thức hơi nhỏ ; đến đây, làm lại, cho to hơn). Lại làm thêm một quả ấn quan phòng và kiếm cái, đều bằng ngà, cho quan Khâm sai về việc tra biện án kiện.

Cho quyền Bố chính Sơn Tây là Tôn Thất Tĩnh được bổ thụ Hữu thị lang bộ Lễ. Nguyên Án sát Quảng Bình Tôn Thất Chính được án bổ Thái thường tự Thiếu khanh làm việc công ở bộ Lại.

Lãnh binh tỉnh Hà Tĩnh là Hồ Bình bị mất chức. (Vì can án chi phát tiền lương, phải giải chức, giao tra xét). Cho : Phó lãnh binh Sơn Tây là Nguyễn Đạo thăng quyền Lãnh binh tỉnh Hà Tĩnh ; Phó vệ úy vệ Nhất thuộc Tiên bảo Tiên quân là Lê Thuận Chiêu được điệu bổ Phó lãnh binh tỉnh Sơn Tây.

Lục dụng Phạm Đình Nghị là con Phạm Đình Trạc, Án sát Cao Bằng đã chết. Vua bảo rằng : "Trạc, năm trước tử tiết với cô thành, đã được điển lệ cấp tiền tuất (việc năm Minh Mệnh thứ 14). Tiêng thom tiết nghĩa như thế, nên lục đến con cháu, để khuyến khích về sau", bèn cho Nghị được ấm thụ Tư vụ, giao bộ xét bổ.

Sai Giám đốc Đinh Văn Quý làm lại thuyền to "Thọ hạc". Thuyền Thọ hạc, trước do quyền Chương vệ Nguyễn Văn Cúc trông nom làm phần nhiều không đúng mẫu mực, nay sai Quý làm lại. Thí nghiệm được bình ổn. Thường Quý 1 cấp, còn Cúc thì phải tội giáng.

Triệu quyền Bố chính Thái Nguyên là Trần Trứ về Kinh, điều bổ Hữu thị lang bộ Hình. Cho : Án sát Hải Dương là Phạm Bạch Như thăng quyền Bố chính Thái Nguyên ; quyền Án sát Hà Tĩnh là Nguyễn Khắc Trạch điều bổ quyền Án sát Hải Dương ; Viên ngoại lang bộ Công là Trương Đăng Đệ thăng quyền Án sát tỉnh Hà Tĩnh.

Có bọn giặc Thanh lén lút ẩn hiện ở hải phận Chàng Sơn. Người giữ đồn là quyền Phó vệ úy Trần Tú được tin báo, đem quân dân chặn đánh, chém được 11 tên, thu được thuyền, giáo mác, súng ống của giặc, bắt sống được 1 tên, giải tỉnh để tra xét. Vua khen là bắt giặc được việc, chuẩn cho Tú thực thụ Phó vệ úy ; thưởng chung cho quân, dân 100 quan tiền.

Phủ biên tướng quân Vũ Văn Giải và Tán lý đại thần Tôn Thất Nghị bị ốm. Ban cho thuốc của vua dùng, cho đều về An Giang điều dưỡng ; sai một người con và một người thị vệ đi đường trạm đến hỏi thăm ; chợt có phái viên do Kinh phái đi là Nguyễn Ba về tâu : Tướng sĩ ở quân thứ nhiều người bị cảm nhiễm. Vua cho phát thuốc trong kho, phái 5 thuộc viên viện Thái y đến chữa. Lại sai 6 tỉnh ở Nam Kỳ mua thuốc, chọn người làm thuốc mỗi tỉnh 3 người để phân phái đi chữa bệnh ở quân thứ.

Bổ Tổng đốc Gia Định, Biên Hòa là Lê Văn Phú làm Tổng thống tiễu bộ quân vụ. Cho mang theo quân, thuyền đắc lục đến tỉnh An Giang. Chọn lấy biên binh ở Bình Thuận đến thẳng quân thứ Vĩnh Long tùy cơ bàn việc đánh dẹp. Đó là theo lời xin của Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn.

Cho : quyền Tổng đốc Bình Định, Phú Yên là Trần Văn Trung quyền làm việc Tổng đốc Gia Định, Biên Hòa ; Chương vệ tạm giữ ấn triện dinh Tiền phong là Phan Tùng được tạm giữ ấn quan phòng của Tổng đốc Gia Định.

Phó vệ úy Nhị vệ thuộc Tiền bảo là Tôn Thất Mậu được quyền Lãnh binh và Quản cơ cơ Tả tỉnh An Giang là Đoàn Quang Mật được quyền Phó lãnh binh, đều theo sai phái dưới quyền các quan đại thần quân thứ Vĩnh Long ở Trấn Tây.

Cho Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ sung chức Biên tu ở Sử quán là Nguyễn Thu được thăng thụ Hồng lô Tự khanh sung chức Toàn tu ở Sử quán ; cho Tri phủ phủ Ninh Thuận là Lại Thế Mỹ được thăng bổ Đốc học tỉnh Vĩnh Long.

Cho : Phó lãnh binh tỉnh Vĩnh Long là Lê Đình Lý thăng thụ Lãnh binh quan tỉnh An Giang ; Vệ úy Trần Tri làm Phó lãnh binh tỉnh Vĩnh Long. Lại cho Quản cơ Lê Viên, từ trước đến giờ sai phái được việc, thăng quyền Phó lãnh binh ; đều ở lại quân thứ đi bắt giặc.

Pháp ty dâng danh sách thu thảm (hơn 450 tội phạm). Vua xem xét hai, ba lần, thấy tội phải chết, thương lắm, bảo Nội các rằng : "Nay sắp làm lễ lớn "tiến tôn", phúc ơn ban khắp, trăm thể theo lòng nhân hiếu sinh, để mở rộng phúc của Từ cung, phạm tội phải chết, đều đình lại một lần. Những người tình có đáng thương, được giảm, phát đi 197 người".

Có tên côn đồ lọt lưới pháp luật là Tôn Thọ Tôn, em họ Tuần phủ đã chết Tôn Thọ Đức, say rượu, đánh người, chửi quan tỉnh Bình Thuận. Quan Tuần phủ là Nguyễn Đăng Uẩn tâu lên. Vua sai Ngự sử Nguyễn Kim Chung đi tra xét việc ấy. Tôn cuối cùng bị xử tử ở chợ.

Các đại thân ở quân thứ là Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn tâu rằng : "Thổ dân ở Trấn Tây vừa mới theo về. Chọn trong thổ biên, thổ mục, được 20 người xứng đáng, dắc lược, xin cấp bằng cho làm phủ úy, hiệu úy (phủ úy 6 người, hiệu úy 14 người) sức cho chiêu dụ võ về dân ấy". Vua chuẩn y.

Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn đánh bại Lạp Man ở ngoài thành Ô Đông. Trước đây, Chất Tri cho người đến ước hẹn cầu hòa, bọn Tri Phương đóng quân không tiến, cho kỳ hạn định ước hẹn. Chúng lại sai hẹn, không đến, cố giữ thành Ô Đông. Bốn bên thành đều rừng rậm um tùm, ba bề cách sông, bên trong làm hai lần thành, hai lần lũy, thế rất bền vững. Các đại thân quân thứ bàn định : Trước hết theo đường gần làm đồn để bức giặc, rồi chia quân ra hai đạo thủy, bộ, hẹn ngày cùng tiến. Đến hôm đã ấn định, Nguyễn Tri Phương do chi lưu sông Tâm Nạp tiến vào, Doãn Uẩn do chi lưu sông Vĩnh Long tiến vào, liền làm 5 đồn. Giặc dựa vào rừng bắn ra. Quân ta tải nhiều đại bác đánh phá ; giặc bị chết hơn trăm tên, một nửa là người Xiêm ; chiêu đến, giặc mới lùi. Quân ta bị chết 4 người, bị thương vài chục người. Hồ Đức Tú, Hoàng Chiến cũng mang vết thương. Việc này đến tai vua. Vua dụ rằng : "Chất Tri vốn là đứa dối trá, trước kia, thế yếu, xin hòa ; trăm đã rõ cái kế hoãn binh của chúng, chỉ vì các đại thân cố tình cầu xin, nên chưa nỡ đốc thúc tiến quân, tạm dụ cho phải phòng bị nghiêm ngặt hơn, chớ để chúng đánh lừa được, nay quả không ngoài ý định của trăm. Quan quân ta đã biết chia đường tiến đánh, cả ngày hăng hái đánh nhau dữ dội với giặc, hết sức khó nhọc, thực đáng khen thưởng". Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn đều được thưởng gia quân công, kỷ lục hai thứ ; Lãnh binh Hồ Hậu, Trương Tiến, Nguyễn Công Nhân và Quản vệ cơ bọn Trần Kim, Nguyễn Hóa, Đoàn Văn Học, Đoàn Thọ, Nguyễn Tiến Song, Đào Trí, Lê Biểu, Lê Thú, Ngô Tất Khoa, Hoàng Bá Bằng, Tôn Thất Sự, Lê Vĩnh Thúc, Hoàng Chiến,

Nguyễn Hữu Mỹ, Lê Viên, Nguyễn Do, Nguyễn Cường, Nguyễn Hiên, Vũ Di Thái, Vũ Duệ, Bùi Đức, Nguyễn Như Thăng, Hồ Lục, Lê Thi, Lê Tiến Chí, Nguyễn Lại, Nguyễn Tâm, Hoàng Văn Thư và Tống Hữu Hóa đều được thưởng gia kỷ lục một thứ ; Hồ Đức Tú lại được chức Phó lãnh binh, và cấp cho Đức Tú 10 lạng bạc, Hoàng Chiến 5 lạng bạc. Biên binh dự trận ấy đều được thưởng chung 2.000 quan tiền.

Sau đó, quân ta lại đặt nhiều đồn lũy ở nơi yếu hại trên các đường thủy, bộ ; đốt rừng, chặt cây, dẫn bức đồn giặc mà bắn, đánh. Chúng cũng chống cự với ta : số bị thương và chết cũng gần ngang nhau. Bọn Tri Phương nhân thấy tướng sĩ gần đây nhiều người ốm đau mà binh đông các tỉnh vẫn chưa tụ tập được nhiều, bèn làm sớ tâu xin thêm quân. Vua quở rằng : "Trước kia, quan quân 4.000 - 5.000 người, mà một trận đánh Thiết Thành, tiến lên hạ được Trấn Tây, sao nhanh nhẹn sắc bén thế ! Gần đây, mê hoặc cái kế cầu hòa của chúng, kéo dài ngày ra ! Nay lại xin thêm quân, há không phải là tính việc quân chưa kỹ, làm hỏng sự cơ ư ? Trẫm liệu tính biết trước đã phái biên binh các tỉnh thuộc Trục kỳ của Kinh đi xuống phía Nam ; lại bỏ Lê Văn Phú tổng thống việc quân, nay mai đều đến quân thứ cả. Và lại, trong phép dụng binh khéo mà chậm không bằng vụng mà nhanh, bỏ chỗ bền chặt mà đánh chỗ nứt rạn, cũng là việc đầu của kế đánh tất thắng. Nay thế giặc ngày một cùng quẫn, nên nhân lúc quân ta đương khỏe mạnh, đông đảo này, tính nghĩ cái kế đánh vào thành giặc, hoặc đương đêm đánh úp, hoặc làm đường này ngầm đi đường khác, tùy tiện đặt ra thế thắng, liệu tính thế giặc định ra kế lạ, cần phải đánh nhanh, cho chúng không đường chạy khác. Chất Tri dù gian trá đến đâu, tướng cũng không chịu vì tên Giun mà cố giữ cái cô thành, tất phải tự trốn lui trước. Cần không nên bồi hồi trông ngóng, cho giặc được rồi, bỏ phí ngày giờ cùng giữ, thì thổ dân không khỏi trông thấy thế mà sinh lòng khác, hoặc đến nổi tro tàn lại bốc cháy, thành ra không hay. Các người nên tính kỹ !".

Sai trung sứ đi đường trạm ban áo rét cho tướng sĩ đi đánh ở phía tây có từng bậc, Lại dụ cho Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn rằng : "Các người từ trước đến giờ, hết sức vì nước, khó nhọc ở ngoài, đó là chức phận phải làm. Trẫm nhìn về phía tây, bạn lòng không thể dừng được. Nhân gặp tiết mùa đông, khí lạnh dữ dội, trẫm đã sai may áo để ban cấp cho các tướng hiệu lớn nhỏ rồi. Bọn người hai người từ lúc đem quân đi đánh dẹp đến giờ, chẳng quản gian khổ, vẫn thường tỏ rõ công lao. Khâm sai đại thân Nguyễn Tri Phương, được gia thưởng một chiếc áo nhung vua dùng thêu "đoàn long bát bảo", màu thiên thanh ; Tham tán đại thân Doãn Uẩn, được gia thưởng một chiếc áo nhung vua dùng, thêu "đoàn long bát bảo", màu quan lục, để tỏ ý tốt là cho áo cừu và cởi áo mặc cho. Và lại, trẫm tuy không đi đến tận chỗ, nhưng đối với các tướng sĩ đi đánh trận, trẫm vẫn một lòng thương là vất vả, nên không người nào không được thể tất hết. Chỉ mong chóng yên một ngày, tức là

thư được cái lo một ngày, để cùng với quân dân các người cùng hưởng cái vui yên nghỉ. Nay thấy tàu bọn giặc lui giữ cố thành, bè lũ đến hơn vài nghìn, ngày càng cùng quần ; mà quân ta đắp đồn để bức, cách lũy giặc chỉ hơn 20 trượng, khí thế giặc thường kém, không dám ra chống cự, chính là lúc nên nhân cơ hội. Hiện nay Tổng thống tiểu bộ quân vụ mới bổ là Lê Văn Phú chắc đã đến quân thứ, lần lượt đốc điều binh đồng lực tục đều hợp. Lại đã tư lấy biển binh mới đến đóng ở Nam Hạ, cho đi trước, và phái thêm tướng hiệu để đủ sung vào việc sai phái dẹp giặc. Mạnh mẽ, đông đúc, thế như gió cuốn, sấm ran. Cái cố thành nhỏ mọn ấy, hắt cho đổ đi còn có khó gì ! Hướng chi bọn người đều là bề tôi chân tay ruột thịt đã được chú ý ; nhân cơ hội này, để được thành công, cần phải cổ vũ khuyến khích khí phách của quân lính, hăng hái tiến lên trước ; hoặc làm ra mưu lạ quyết thắng, hoặc định ra kế mở đường này ngầm đi đường khác, cốt mong vạn toàn tất thắng, một trận đánh thành công, sớm giày xéo, dẹp yên dải đất Ô Đông, bắt chém giặc Man làm án. Chúng dù có quân tiếp viện, từ phương xa đến mỗi một, cũng không thể làm gì được". Tri Phương bỗng mắc bệnh. Vua ban cho vị thuốc vua dùng. Lại nghĩ Doãn Uẩn hết sức khó nhọc đã lâu, cũng cho nhân sâm.

Nhân thế, vua phê bảo rằng : "Ngày xưa, đại tướng hai nước hẹn nhau gặp để đính ước, thì phải bãi việc binh. Và lại, trước kia bảo hần theo ước giảng hòa thì lui về Bắc Tâm Bôn, hần đã chẳng chịu về, trong ấy thực hay dối, thật có thể biết được đại khái, đó là một. Hướng chi trước đã cầu hòa, sau lại sinh sự đến hai ba lần, ngày nay các nguyên do ấy, toàn không nhắc đến, lại có thể biết được đại khái, đó là hai. Xét ra, một tiếng vâng dạ còn phải trả lời, mà hòa thư của nước địch không phúc đáp lại, thế thì lại có thể biết được đại khái, đó là ba. Việc đã như thế, cần không thất cơ mà được quốc thể, để bờ cõi ngoài biên được yên ổn mãi, oai nhà vua nổi khắp phương xa, rợ ngoài sợ phục, không để hời về sau thì mới được".

Phó lãnh binh Cao Bằng là Trần Loan chết. Điều bổ : Vệ úy vệ Quảng Trị là Nguyễn Thanh được làm Phó lãnh binh Cao Bằng ; Phó vệ úy cai quản cơ Định man là Nguyễn Văn làm Vệ úy vệ Quảng Trị.

Ngày Giáp Dần. Vua ra chơi cung Bảo Định. Cùng ngày ấy, về cung. Trước đây, cung mới sắp làm xong, các quan xin làm lễ thượng thọ. Vua dụ rằng : "Ngày xưa, đài nhà Chu dâng lời chúc, cung nước Lỗ dâng lời ca, nêu phúc tốt chúc mừng, lễ phải nên thế. Duy trăm chăm lo chính thể, trọng cần kiệm, bỏ xa xỉ, trong khoảng vua tôi cha con, cần lấy lòng thành thực thông cảm, không muốn tô điểm văn hoa quá". Đến ngày hôm ấy, cho đặt thường triều ở cung mới, vua ngự đến, các quan vào chầu, miễn cho dâng biểu. Làm lễ thượng thọ xong, cho quan văn từ ngũ phẩm, võ từ tứ phẩm trở lên và quan ở trực tỉnh, ủy viên các địa phương dự một tiệc yến và cho hà bao bằng gấm. Sẽ thưởng cho quan quân đi làm việc : gia cấp, kỷ

lục, vóc, nhiều, vải, lụa có từng bạc. Lại thưởng cho tất cả 2.000 quan tiền, giao cho quan đồng lý là bọn Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên phân hạng chia cấp. Đường quan bộ Công đi lại xem xét, cũng được gia thưởng một cấp. Người tuổi già họ Tôn thất và những người dân thọ trăm tuổi ở Thừa Thiên đến cửa khuyết chiêm bái, đều được hậu thưởng cả. Ngày hôm ấy, sớ tâu về lúa vụ mùa được mùa của tỉnh Thái Nguyên, Quảng Yên vừa đến, vua vui mừng, nói rằng : "Ngày khánh thành cung mới, tiếp được tin tốt lành, chính hợp đôi câu đối vua làm ở trước cửa (Cung khuyết nguy nga, ý thiên đối nam sơn chi thọ ; Điền trừ khuyến khóa, biển địa kỳ bắc lý chi hoà. Nghĩa là : Cung điện nguy nga, cao sánh núi non bền vững ; Khuyến dân làm ruộng, khắp nơi vui hát được mùa). Trẫm xiết bao mừng rỡ, càng cố tiến tu, để hưởng nhiều phúc lớn, cùng với dân cùng vui".

Sai bộ Binh phái các bảo Tiên phong, Long vũ, Hồ oai, Thị vệ, Hộ vệ, Thượng trà, Vũ bị, Cảnh tất chia nhau trông coi cung Bảo Định, ba tháng một lần thay đổi.

Cung mới mới làm xong, vua thường rước Từ cung ra chơi.

Triệu thự phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi là Ngụy Khắc Tuấn, thự phủ Quảng Trị, Quảng Bình là Lê Trường Danh, quyền Lãnh binh Quảng Bình là Phạm Văn Phụng, Phó lãnh binh Quảng Ngãi là Hoàng Lý về Kinh, theo ban thứ chúc mừng, vì sắp làm lễ lớn về việc tiến tôn.

Định rõ chương trình chi lĩnh và hội đồng đi tuần kiểm, thanh tra của Nội vụ, Vũ khố và các sở Đốc công. Vua dụ rằng : "Nội vụ, Vũ khố là nơi tụ hội của cải, Đốc công ở Nội vụ, Nội tạo, Đốc công ở Vũ khố, cũng là chỗ làm ra vật hạng, chức vụ tuy khác, nhưng sự thể cũng liên quan. Trước đã nghị định : Nội vụ, Vũ khố và Nội vụ Đốc công đều có bốn nha hội đồng thu chi (Năm Minh Mệnh thứ 13, chuẩn định : phàm các đồ vật vua dùng, cho Nội các, Thị vệ hội đồng với Nội vụ phủ xét xem ; ngoài ra các vật hạng thu chi, chuẩn cho bộ Hộ, bộ Công và viện Đô sát đều phái thuộc viên hội đồng với Nội vụ phủ đến nơi xem xét. Đến năm thứ 18, định lại, lấy bộ Hộ, bộ Công, viện Đô sát, viện Cơ mật làm 4 nha, phàm các đồ vật may, thêu ở công sở Nội vụ chi ra, đều do phái viên 4 nha hội đồng biên vào sổ, Vũ khố cũng theo như thế). Đốc công Vũ khố thì có bộ Công, viện Đô sát (Năm Thiệu Trị thứ hai, chuẩn định : sở Đốc công Vũ khố, do bộ Công, viện Đô sát phái người 5 ngày 1 lần đến trước xem xét, nếu để chậm, chi quá, ăn bớt thì hặc). Nội tạo, Đốc công thì có Thị vệ (Năm Thiệu Trị thứ hai, chuẩn định : sở Đốc công Nội tạo, do quản thị vệ hoặc thị vệ trưởng mỗi vệ 1 người đến trước xem xét, nếu có các tình tệ để chậm, bỏ việc, chi quá và ăn bớt thì cứ thực nghiệm hặc) đều phái thuộc viên cất lượt đi tuần kiểm. Về việc đặt ra quy chế, kể đã kỹ và đủ lắm. Duy lâu ngày sinh lười nhác, bỏ bễ cũng có, thiếu sót cũng có, ngay như việc Nội tạo làm kim bài đã năm sáu năm, vẫn cứ bỏ qua ; đến khi sức hỏi, thì tại bọn thợ đều đã bỏ quên, mà

Nội vụ và nhân viên hội đồng tuần kiểm cũng lờ mờ không biết ! Suy một việc ấy, thì việc khác không hỏi cũng biết. Xét đến duyên cớ, chỉ vì bốn nha phái người đi thay đổi luôn luôn, nhân thế tự nghĩ cho là cầu thả, không quan tâm đến của công trong kho, vừa vào cửa kho, tỏ ngay cái ý chí còn nhậm chức "5 ngày"⁽¹⁾, cái việc đã làm thì bảo là do người phái trước, không cần xét đến trước sau ; cái việc chưa xong thì bảo hãy đợi người phái sau, không cần xét đến gốc ngọn. Còn các người đi tuần tra (Nội vụ, Vũ khố theo lệ có phái đình thần văn võ tra xét) hoặc cho là việc ấy có nha chuyên trách, không chịu hết lòng xem xét ; hoặc cho là sung làm phái viên nhất thời, không chịu truy tra ngoài hạn). Cho nên đồ vật có hẳn làm xong hay không ? Cửa kho có thiếu thốn hay không ? đều không nêu ra ! Thế là chỉ có cái tên hội đồng kiểm hạch mà không có sự thực. Lại như ở Nội vụ thì đốc công làm đơn lĩnh vàng bạc kể đến nghìn trăm, chưa có sổ đã tiêu, ở Vũ khố thì thợ tạm lĩnh lá vàng đến vài chục vạn, chưa có đơn thực, mà phái viên thanh tra không từng hạch đến. Nếu bảo chưa có sổ đã tiêu, phải là còn thực, thì số gọi là còn thực ấy để ở đâu ? Vậy phải nên định rõ chương trình, để lấp lỗ hổng tệ hại !". Bèn giao xuống bộ Hộ, bộ Công hội đồng bàn định. Hai bộ này đều nói : "Nội vụ, Vũ khố và các sở Đốc công đã có hội đồng tuần kiểm để xét sự thực, lại có quan thanh tra để xét hạch ra ; duy lâu ngày sinh nhác, trong ấy không thể không có tệ. Vậy xin tham khảo lệ trước, định rõ chương trình :

Một là kỳ hạn làm đơn chi lĩnh đồ vật trong kho. (Phạm làm việc sửa sang, công tác các sở, bộ Công cứ ngày xong công việc, tư sang cho Nội vụ, Vũ khố biết, nhưng kỳ hạn, kể bắt đầu ngay từ ngày báo xong công việc. Công việc tầm thường thì hạn 3 tháng, công trình to tát thì hạn 6 tháng, phạm tạm lĩnh, vật hạng đều làm đơn thực lĩnh. Còn các sở Đốc công, cũng tính hạn trong 3 tháng, bắt đầu từ ngày lĩnh vật hạng, làm đơn thực lĩnh kê vào sổ để khấu trừ. Nếu khi có công việc phải làm, mà việc thực là phiền phức, chưa thể trong 3 tháng làm xong thì đến ngày hết hạn, đem cả sổ tạm lĩnh trước, đã làm và chưa làm là bao nhiêu, ghi khai rõ ràng, do viên giám lâm phê làm bằng, trình với hội đồng tuần kiểm phái người xem xét cứ thực vào sổ. Đến hạn sau, nếu vẫn chưa xong, cũng theo như thế, tiếp tục viết đơn, nhưng không được quá đến 3 hạn. Nếu quá 3 hạn chưa làm thực đơn, khi xét ra tình tệ thiếu thốn hay mạo lĩnh, do viên giữ kho chuyển tường viên giám lâm cứ thực hạch tâu, chờ Chỉ trị tội).

Hai là chương trình hội đồng tuần kiểm. (Các viên được phái là hội đồng tuần kiểm, xin cho đủ 3 tháng mới được thay đổi. Ở phủ khố thì do viên hội đồng hàng

(1) Do điển "ngũ nhật kinh triệu" ở đời Hán. Ý nói làm quan kinh triệu chỉ còn 5 ngày nữa thì có thì giờ đâu mà xử án hay xét việc ?

ngày đều chiếu vật hạng chi thu và vật hạng lĩnh ra để làm, lần lượt vào sổ. Còn Vũ khố, Nội tạo, Đốc công thì do viên tuần kiểm cứ 5 ngày một lần, theo vật hạng lĩnh để làm, cái gì đã làm xong và cái gì chưa làm xong cũng lần lượt vào sổ. Đến ngày thay đổi, thì đem cái khoản chưa làm xong, sẽ làm biên bản, cùng với số ghi ngày lần lượt để lại, giao cho người lượt sau để phòng tra xét ; phái viên lượt sau cũng làm như thế. Nếu có quá hạn và các tình trạng thiếu thốn, mạo lĩnh, che giấu, thì do phái viên lượt ấy nêu ra hạch tâu.

Ba là chương trình thanh tra. (Hết đến kỳ thanh tra, phạm việc đã có sổ tiêu, so sánh thấy hợp, đem vào vật hạng chi tiêu ; hiện còn chứa trong kho, đem vào vật hạng hiện còn. Duy đã chi ra, có đủ đơn lĩnh, mà vẫn chưa báo là xong việc, chưa có sổ tiêu, đem vào hạng chi tiêu chưa xong. Còn như các sổ Đốc công lĩnh vật hạng để làm đồ vật, hoặc chưa quá một hạn khai tiêu, hoặc công trình khó khăn, đã quá một hạn, chưa thể khai tiêu, nhưng chưa đến ba hạn, đều cứ đơn tạm lĩnh, xét xem xác thực, cũng được đem vào hạng chi tiêu chưa xong, không được theo như trước biên vào sổ hiện còn. Lại như hồ sơ để lưu của phái viên hội đồng tuần kiểm, thì do phái viên thanh tra phải tra xét phần việc hằng tháng. Viên nào phần việc hằng tháng ghi khai vật hạng thu chi không thiếu sót, khi xét không thiếu thốn, phù mạo, và giấy tờ quá hạn mà biết xét ra tâu hạch, thì cho là hạng chăm chỉ. Viên nào trong phần tháng ghi khai thiếu sót chỉ một vài khoản, mà xét không quá hạn, thiếu thốn, hoặc có quá hạn thiếu thốn mà biết phát hiện ra, thì cho là hạng vừa. Viên nào trong phần tháng ghi khai thiếu sót từ ba khoản trở lên, và tuy chỉ một hai khoản mà xét ra có các tệ thiếu thốn, phù mạo, giấy tờ quá hạn, không hề xét được, thì cho là hạng lười. Hạng chăm chỉ : được thưởng kỷ lục một thứ ; hạng vừa : không nên thưởng phạt ; hạng kém : so sánh chiếu luật soát văn bài mà nghị tội, tất cả đều phân biệt làm danh sách tâu lên, chờ chỉ định việc thưởng phạt). Như thế thì còn liên quan ràng buộc lẫn nhau, mới giữ được không sinh tệ".

Vua chuẩn cho theo nghị thi hành, đặt làm lệ mãi.

Phó lãnh binh An Giang là Tôn Thất Khuông bị ốm. Chuẩn cho ở ngoài để điều trị. Cho Phó lãnh binh Khánh Hòa là Lê Ngụy tạm sung Phó lãnh binh ở An Giang, Phó vệ úy vệ Hữu nhất dinh Vũ lâm là Đỗ Tiệm được điều bổ Phó lãnh binh ở Khánh Hòa ; quyền Phó vệ úy Trung vệ dinh Hùng nhuệ là Trương Vi được điều bổ quyền Phó vệ úy vệ Hữu nhất dinh Vũ lâm.

Cho : thự đốc Vĩnh Long - Định Tường là Ngô Văn Giai đến Trấn Tây, hội đồng với Tôn Thất Bạch, tham biện công việc ; quyền Đề đốc Nguyễn Văn Hoàng chuyển đi Vĩnh Long, hợp cùng Lê Văn Phú và Doãn Uẩn, đốc quân đánh dẹp ; Lãnh binh Lê Đình Lý cũng đi gấp đến quân thứ để phòng sai phái.

Bố chính Phú Yên là Nguyễn Hanh dâng sớ thăm sức khỏe, tâu rằng : " Binh lính trong hạt phái đi đóng đồn hay trốn tránh, phần nhiều vì xa quê nhà, ăn mặc không đủ, nên mới đến thế ! Từ nay, phái lính đi đóng đồn và đi bắt giặc, xin liệu thêm cho tiền lương". Việc này được giao xuống bộ Hộ bàn. Bộ cho rằng binh lính các hạt hàng tháng, được cấp tiền 5 tiền, gạo 1 phương. Khi có chia ban, thì theo lệ, mỗi tháng cấp gạo 1 phương ; khi có phái đi đóng đồn và sai phái việc quân thì hàng tháng cấp tiền gạo như nhau, đã có lệ định. Nếu biên binh ở tỉnh Phú Yên được cấp thêm ngoài lệ, thì lính đóng đồn hạt khác sẽ ra sao ? Xin theo như lệ trước mà làm. Vua theo.

Vua để ý đến việc dạy thơ, bảo Nội các rằng : " Hai sách *Vận phủ* và *Tự điển* cùng làm ra về đời Khang Hy, mà trong đó [có tài liệu], sách này bỏ, sách kia lấy, không giống nhau, âm nghĩa cũng khác nhau, là tại sao thế ?". Vũ Phạm Khải thưa rằng : " Hai sách ấy làm ra, có sách làm xong trước, có sách làm xong sau, mà làm ra không phải tự tay một người, cho nên có sự không ăn khớp ấy". Vua cho là phải, nhân hỏi : " Trong tập thơ ngự chế có làm chơi hai bài đề ở *Vận phủ* và *Tự điển*, chỗ chưa khá rõ ràng, các người đã từng xem xét chưa ?". Vũ Phạm Khải thưa rằng : " Chỗ chưa ở hai bài thơ, phạm xưa nay học vẫn, học chữ, gốc ngọn kĩ hay đối, hết thấy chưa rõ ; bọn tôi hai ba lần kê cứu, đều đã phù hợp". (Xem tập *Văn thư* vua làm). Lại sắc cho các nhân viên đang hội làm tập *Văn quy* nên hết lòng xem xét và chóng xong sách, để làm bờ bến cho kẻ hậu học thì bổ ích nhiều lắm.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Ất Ty, Thiệu Trị năm thứ 5 [1845], mùa đông, tháng 11, ngày Kỷ Mùi, làm lễ tiến tôn. Trước đây, con trưởng vợ thứ hoàng tử An Phong công Hồng Bảo sinh con, cho đặt tên là Ứng Phúc, ẩm vào hầu trong cung Từ Thọ, cho nuôi nấng ở trong cung, thương cho rất nhiều. Khi ấy Tôn nhân phủ và đình thân văn võ đồng thanh chúc mừng, mới sai bộ Lễ nghĩ soạn nghi thức, trước kính cáo các miếu, đến ngày hôm ấy, vua thân đem các quan kính dâng sách vàng, làm lễ tiến tôn. (Ngày hôm ấy, trên kỳ đài treo cờ vàng và cờ khánh hỷ các màu).

Vua tự làm sách văn rằng : "Tôi nghe : có đức sáng lành, chắc hưởng nhiều phúc ; mệnh tốt từ trời ban cho, mình được khỏe mạnh, con cháu gặp lành. Duy có trông thấy chất chút một nhà, từ xưa ít có ; nên khắc sách vàng nêu bật, tỏ hiếu tôn thân ; chính là ở ngày nay đây. Kính nghĩ : ngài Thánh tổ mẫu⁽¹⁾ Nhân tuyên Từ khánh Thái hoàng thái hậu⁽²⁾, ngang hàng với bậc sáng suốt trước, mở mang cho kẻ hiền minh sau. Giúp non sông nhất thống trị bình, mở nền phong hóa ; nhờ văn vật ba triều rộng rãi, vận mệnh dài lâu. Dạy bảo hằng ngày, đem điều kế thuật khuyên người tuổi trẻ ; trời ban phúc tốt, có điềm hay để mở nước nhà. Thư sông Lạc mở năm phúc lành, thêm cỏ lạ tiến muôn tuổi thọ. Tuổi gần tám chục, mừng nay đông đủ năm đời ; đạo trời rất công, nên được chia châu phụng dưỡng, muôn phương

(1), (2) Đều là chỉ bà của Thiệu Trị.

chúc tụng, tám cõi vui mừng. Đặt ra lễ lớn tưng bưng, để tỏ ơn huệ ; tôn hiệu theo như cổ điển, để rõ công to. Xin đem các quan dâng sách vàng tấn tôn là : Thánh tổ mẫu Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Khang ninh Thái hoàng thái hậu. Cúi nghĩ : Soi sáng hợp lẽ trời, thuận trời sánh đạo đất. Cao sáng lâu dài mãi mãi, bao hàm dày rộng không cùng ; đức tốt tỏ khắp trong ngoài, muôn nước đãi lòng vui vẻ. Mớm nuôi đến cả chất chiu, đều dâng lời chúc cửu như⁽¹⁾."

Ngày hôm ấy, có tờ biểu dâng mừng của người tuổi thọ trăm tuổi, dân hạt Hà Tĩnh, vừa đến, vua rất khen, bảo rằng : "Ngày hôm nay làm lễ tấn tôn xong, bỗng có điềm người sống lâu, thực là điềm lành !" Sai bộ Lễ theo bạc hậu nêu thưởng, để tỏ điềm "nhân thọ". Ngày hôm sau, đặt nghi lễ đại triều ở điện Thái Hòa, vua ngự triều nhận lễ mừng, ban ân chiếu cho trong Kinh ngoài các trấn.

Chiếu rằng : "Trẫm nghĩ : góp lành tất hưởng phúc, đức dày như đất giúp cho muôn vật sinh thành ; tích phúc ban cho dân, khuôn phép nhà vua tỏ rõ đạo thường thứ bậc. Vì biểu dương phúc tốt, dạy điều hiếu thì phải tôn bậc thân ; mà một dạ thương dân, ban phúc lành để rộng lòng ơn huệ. Kính nghĩ : ngài Thánh tổ mẫu Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Khang ninh Thái hoàng thái hậu, soi sáng hợp lẽ trời, thuận trời sánh đạo đất. Giúp vua dựng nghiệp, phong hóa trước từ vợ chồng ; mở vận trị bình, mưu xa để cho con cháu. Nghi biểu làm gương cho thiên hạ, phúc trạch ban khắp cả nước nhà. Trẫm, hưởng nghiệp lớn của ông, vâng lời bà dạy, từ khi lên ngôi đến giờ, đã làm những việc như cho phục chức, tha thuế, hoãn việc binh, công bằng xét kiện, rộng ban ơn huệ cho khắp muôn dân. Đó đều là để lòng nhân được rộng, tích phúc được nhiều. Nhờ trời lại đoái thương, ban cho nhiều phúc ; tuổi tiên gần tám chục, dưới có cháu năm đời ; ngũ đại đồng đường, cõi đời hợp phúc. Điều này ít thấy chép ở sử sách. Khắp nơi đều nức lòng vui. Thực là nước nhà ta phúc trạch rất nhiều mà phát nhanh đến nay. Kính nhờ Thánh tổ mẫu ta : phúc đức rất to, để con cháu càng thịnh vượng. Sống lâu tám nghìn tuổi như cây đại xuân, được nhờ phúc ăm rất nhiều ; ngôi báu trong chín trù, chúng tỏ là ngôi cao quý. Nay xét điển lễ, làm theo phép thường, định ngày mồng 1 tháng này, kính cáo các miếu, đến ngày mồng hai, thân đem các quan kính dâng sách vàng gia tôn huy hiệu, là để tỏ công to từ đời trước, là để vui sum họp của nhà vua. Nhờ bóng rục rờ mà vui mừng, để sử sách tăng thêm vẻ đẹp ; vâng mệnh Từ cung để ban phúc, cho cả nước đều được nhớ ơn. Vậy có ban ơn tất cả 21 điều :

(- "Các hoàng tử, hoàng tôn, hoàng thân, Tôn nhân phủ, họ Tôn thất xa gần đều được gia ơn.

(1) Cửu như : lời chúc tụng ở thơ "Thiên bảo định nhĩ". Kinh Thi có 9 chữ như : như sơn, như phụ, như cương, như lăng, như xuyên chi phương chí, như nguyệt chi hằng, như nhật chi thăng, như Nam sơn chi thọ, như tùng bách chi mậu.

- "Thái trưởng công chúa, trưởng công chúa, con gái vua, em gái vua đều được gia ơn.

- "Các quan văn võ ở Kinh từ chánh nhất phẩm đến tòng cửu phẩm, cùng là quyền tuần phủ, quyền chánh phó lãnh binh ở ngoài về Kinh châu mừng khánh điển và các viên phủ huyện đều được gia ơn.

- "Hoàng tử, hoàng tôn, hoàng thân, cùng là các quan ở Kinh, văn từ chánh lục phẩm trở lên, võ từ chánh ngũ phẩm trở lên, và quyền tuần phủ, quyền chánh phó lãnh binh ở ngoài về Kinh châu mừng khánh điển và các viên phủ huyện, chuẩn cho đều được ban yến một lần.

- "Hoàng tử đã phong tước, các thân công, quốc công, quân công và người được phong tước, trong họ Tôn thất, quan ở ngoài Kinh văn từ ngũ phẩm trở lên, võ từ tứ phẩm trở lên, dưới tên hiệu không ghi bị giáng, đều được thưởng gia một cấp.

- "Các quan viên ở ngoài Kinh, trừ người đã được gia cấp và người nào là phái viên về Kinh đã được ban ơn, văn ngũ, lục, thất phẩm và huấn đạo, võ từ ngũ lục phẩm, người nào được là suất đội, chuẩn cho đều được thưởng tiền một tháng lương, ngoài ra như thổ tri phủ, thổ tri châu, tri huyện, huyện thừa, chuẩn cho đều được thưởng ngân tiền "Phi long" có từng bạc.

- "Các cử nhân, giám sinh, tôn sinh, ẩm sinh, học sinh và hành tẩu cử nhân, sĩ nhân đều thưởng tiền trong kho một tháng lương.

- "Vị nhập lưu thư lại các nha môn ở Kinh và bọn binh đinh thợ thuyền, cho cứ thực số hiện tại đều thưởng tiền nửa tháng lương.

- "Quan viên lớn nhỏ ở trong Kinh và ngoài tỉnh, không cứ tội công hay tư và không phải tra bắt tội, phạm phải giáng 5 cấp cho đến cách lưu, được đổi làm giáng 4 cấp ; giáng 2, 3, 4 cấp, được khai phục 1 cấp ; giáng 1 cấp, đều được khai phục.

- "Ở trong Kinh và ngoài tỉnh : từ tòng cửu phẩm trở lên, đã phải phân xử phạt lương, không cứ tội công hay tư và không phải tra bắt tội, đều cho được miễn cả.

- "Quan viên tam phẩm trở lên, ở trong Kinh và ngoài tỉnh, trừ cha mẹ người ấy đôi khi có phạm vào 10 điều ác và các tội, không được phong tặng ra, còn thì đều chiếu phẩm, cho phong tặng có từng bạc.

- "Các địa phương, xét ra có nhà nào được "ngũ đại đồng đường", đem việc ấy tâu lên chờ Chỉ, sẽ biểu dương để tỏ điểm nhân thủy.

- "Các địa phương, thóc thuế năm Thiệu Trị thứ 6 được giảm bớt hai phần mười.

- "Các thuế tiền, thóc, sản vật các địa phương còn thiếu và hoãn giảm về năm Thiệu Trị thứ 3 trở về trước, và vay mượn tiền, thóc hiện chưa trả xong, các số bao nhiêu, cho bộ Hộ làm danh sách tâu lên để lượng cho tha, giảm.

- "Họ Trần ở làng Văn Xá là làng họ ngoại, đều được gia ơn.

- "Thuế ruộng đất xã Văn Xá là làng họ ngoại, trước đã tha miễn 5 năm, vẫn chưa hết hạn ; nay cho lại được miễn 5 năm nhưng bắt đầu từ năm Thiệu Trị thứ 7.

- "Các địa phương có người con hiếu, cháu hiền, nghĩa phu, tiết phụ, phủ huyện sở tại phải xét hỏi kỹ càng xác thực, do quan tỉnh đem việc ấy tâu lên, sẽ giao bộ xét định, đợi Chỉ để nêu khen.

- "Sở Tế dưỡng các địa phương có những người quan, quả cô độc và tàn tật không nương tựa vào đâu được, quan có trách nhiệm phải lưu tâm hằng ngày nuôi cho đầy đủ, chớ để chơ vơ.

- "Các hạng tù phạm phải đầy làm binh, làm đầy tớ ở trong quân, cho bộ Hình kê khai tên, quê quán, sự việc và phát đi địa phương nào, năm tháng lâu chóng thế nào, chờ Chỉ định đoạt.

- "Các tù phạm phải tội xử tử, đôi khi có người đến tuổi 70 trở lên, cho bộ Hình khai rõ tội trạng, làm danh sách tâu lên để lượng cho ban ơn).

Than ôi ! nhiều phúc được nhiều thọ, nếu đức tốt Từ cung ; đức nhân lại lòng nhân, muôn họ thắm nhuần ơn huệ".

Ngày Tân Dậu. Ban yến cho hoàng tử, hoàng thân, văn từ án quan tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên ở điện Cần Chính ; văn từ tứ, ngũ phẩm, võ từ tòng tam phẩm và quyền phó vệ úy trở lên ở 2 bên tả hữu vu. Ngày hôm sau, lại cho văn chánh lục phẩm, võ tứ phẩm dự yến ở dinh Tướng quân.

Cho : hoàng tử, hoàng tôn, thân công, quốc công, quận công, hoàng đệ, thái trưởng công chúa, trưởng công chúa, con gái vua, em gái vua cho đến họ Tôn thất xa gần một vạn quan tiền trong cung ; quan viên văn võ ở Kinh từ chánh nhất phẩm đến tòng cửu phẩm và quan viên ở ngoài về Kinh châu mừng, và mệnh phụ của quan văn từ án quan tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên, một vạn quan tiền trong cung ; họ Trần ở xã Văn Xá 1.300 quan tiền trong cung. Đó là vàng theo Chỉ của Thái hoàng thái hậu.

Thưởng cho các đại thân và hoàng thân có dự vào việc này : kim tiền, ngân tiền, kỷ lục và gia cấp có từng bậc. (Kiến An công Đài, Diên Khánh công Tấn sung việc bưng kim sách ; Đại học sĩ Trương Đăng Quế sung việc tuyên sách ; Thị vệ đại thân Lâm Duy Thiếp sung việc hộ sách ; Thượng thư bộ Lễ Nguyễn Trung Mậu sung việc tuyên chiếu).

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai tâu rằng : "Tri huyện huyện Yên Lạc là Nguyễn Hữu Bình làm việc xuất sắc (tra ra án mạng)". Vua khen thưởng, cho gia một cấp, 20 lạng bạc, 1 súc lụa, thăng bổ tri phủ ngay.

Năm ấy, các hạt Bắc Kỳ đều được mùa, duy tỉnh Hà Nội bỗng gặp nạn lụt, tỉnh Nghệ An thu hoạch không được mấy, đều cho dân chiết nộp bằng tiền.

Sai bộ Lễ thông dụ cho các quan lại bình dân các địa phương : Phạm văn thư có chữ châu phê của tiên triều, bản chính do bộ nộp lên, giao Nội các cất đi ; bộ Lễ theo thế, làm ra lời văn của bộ, chép giao đương sự giữ để lưu chiếu. Người nào cố ý giấu làm của riêng thì phải tội.

Đổi tiết mang hiện làm tiết mang thực. Vua bảo rằng : "Khâm thiên giám từ trước nhân có tên húy nhà vua, đổi làm mang hiện, vì lấy sao mao hiện ra mà mượn để dùng ; nhưng "mang" là thóc, mao là sao thường, hai đằng không ăn khớp với nhau. Trăm nhân lúc rồi, mở xem về ba lễ, tiết mang thực tháng 5, là nói lúc ấy nên trồng thóc có mầm. Lãn Chân Tử lại nói : Có mầm là lúa mạch, thì mang là lúa mạch, sáng như sừng con tê ; từ trước đến giờ, noi theo thói hủ, không nên không sửa lại". Bèn sai đổi tiết mang hiện làm tiết mang thực, bắt đầu từ năm Thiệu Trị thứ 7.

Có thương nhân, người nhà Thanh, tên là Đặng Trinh Cát, nhờ cậy quyền thế, làm đơn xin đặt giá cao hơn lĩnh trung thuế quan tân ở Tam Kỳ tỉnh Tuyên ; vì thế bộ Hộ cầu xin. Vua chuẩn y cho. Quan khoa đạo là Nguyễn Công Hợp, Ngô Bình Đức dâng sớ tâu : "Thuế quan ở Tam Kỳ, đã có đình thần bàn định thi hành ; Đặng Trinh Cát là một con buôn xảo trá, dám đem cái lợi nhỏ mọn, muốn làm rối cả phép nhất định. Thế mà bộ Hộ không biết lấy lẽ phải bác đi, lại vì hấn mà cầu xin ! Do đấy, chẳng những một mình Trinh Cát, lại sợ hạng buôn xảo trá khắp mọi nơi theo nhau bắt chước đại, lấy chỗ quan tân làm mối lợi riêng, tranh nhau nhắc giá, thành thêm khốn cho dân ! Huống chi nghị vừa mới ban xuống, liền lại thay đổi, cũng không phải là điều ban bố sự đại tín cho thiên hạ. Thuế lệ quan tân ấy, xin do quan tỉnh Tuyên chiếu lệ làm việc, không cho hấn lĩnh trung, để răn những con buôn xảo trá ganh đua trục lợi". Vua bảo rằng : "Đơn này, bộ Hộ cũng cứ tình tâu thay, việc ấy có cố, không cần xét kỹ đến thuế lệ nơi quan tân ấy. Cho hấn lĩnh trung, là chiếu theo giá nhất định của đình thần bàn, không cần so sánh làm gì !".

Ban áo quần cho biên binh đi đóng phía nam. Biên binh các trực tỉnh ở Kinh kỳ đóng ở đấy hết năm ấy đến năm khác, vua sai cấp cho mỗi người một áo đơn, vải thâm, xẻ ở giữa, và một quần đỏ trơn. Sau đó bộ Hộ làm hỏng, việc làm để cấp bị chậm trễ. Vua xuống Chỉ quả trách.

Bộ Hình kính theo ân chiếu, đem những người phải đày khổ sai, làm việc sai phái và lưu ở trong quân, tha bỏ vào các cơ, ghi vào quân đồn điền, rồi làm danh sách tâu xin. Vua sai tra xét ân chiếu các năm Minh Mệnh thứ 11, thứ 21, cũng không nói đến, mới quả rằng : "Việc này đã có thành án, sao được phá cách cầu ơn !". Các đường quan bộ Hình là Đặng Văn Thiêm, Bùi Quý, Nguyễn Danh Giáp,

Trần Trứ, bọn thuộc ty là Đoàn Danh Toại, Kiều Năng Thân, Đặng Quốc Lương, Vũ Văn Hoàng đều phải giáng một cấp, không phải tra bắt tội ; Nội các lờ mờ tâu lại, cũng bị quở trách giáng phạt.

Chuẩn định thể văn tờ biểu. Vua bảo rằng : "Gần đây phạm gặp thịnh điển, bộ Lễ, viện Hàn lâm nghĩ soạn, các quan dâng biểu mừng, đều viết hoàng tử, hoàng tôn, hoàng thân, Tôn nhân phủ, các quan văn võ... Đó là lấy người nói ngôi chủ tế, lễ thuộc về con trưởng, so sánh tình lý, cố nhiên phải thế. Nhưng nghĩ : lễ bởi tình sinh ra, không ngại nhân việc mà chằm chước, để tỏ cái ý hòa thuận trong họ, hậu với người thân. Từ nay, phạm các biểu mừng, cho viết 2 hàng : hàng bên hữu thì hoàng tử, hoàng tôn ; hàng bên tả thì hoàng thân, Tôn nhân phủ, khoảng cách như nhau. Còn thì theo lệ mà viết. Đợi ngày khác, người có đức sang "tam thiện, tứ trùng"⁽¹⁾ làm vua, muôn nước được yên, sẽ do bộ Lễ bàn kỹ, tâu lên để thi hành".

Cho dời chỗ ở của quận chúa Ngọc Vân và mẹ tên Giun đến thành Nam Vang. (Ngọc Vân và mẹ tên Giun và người nhà, nguyên trước ở thành An Giang).

Quan ở quân thứ Vĩnh Long là Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn cùng với đầu mục nước Xiêm là Chất Tri ước hòa ở hội quán. Quân ta vây bức thành Ô Đông, bọn giặc ở trong thành cũng cố giữ, cầm cự rất lâu. Chất Tri lại sai người hai ba lần đến xin hoãn việc quân. Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn cùng bàn tính, cho rằng Ô Đông, tuy là cái cô thành, nhưng địa thế rất hiểm, lũy sách còn nhiều, Chất Tri và tên Giun là loài muông thú cùng dựa lẫn nhau, tất không chịu bỏ nhau, thì võ vè và đánh dẹp không biết bao giờ xong việc ! Vả lại, đánh để lấy thành, không bằng đánh bằng cách thu phục lòng người, mà xong việc quân là để xong việc nước. Chi bằng tạm cho xin hòa, để có thể thư sức của quân dân. Bọn Phương bèn đóng quân không nhúc nhích, đem việc ấy tâu lên.

Vua xem tờ tâu, không được vui, bảo rằng : "Chất Tri thường bị bại trận, sợ phải tội với nước Xiêm, cho nên thiết tha xin cầu hòa, để làm cái kế tự giữ, loài muông thú còn biết sợ tội, các quan đại thần lại thường thường bị chúng lừa dối được, ngày nay nói đánh, ngày mai nói hòa, rốt cuộc không thành kiến gì ! Thử nghĩ xem : việc giao phó cầm quân ở ngoài biên, quan trọng không nhỏ, thế mà cho giặc được rồi, lại cùng thông nhau. Nếu thế thì riêng không sợ pháp luật nhà nước ư ? Hiện nay Lê Văn Phú cũng đã đến quân thứ, nên hội đồng tính kỹ : nếu chúng quả thực lòng, thì theo như lời xin của chúng cũng không ngại, để cho quân và dân đều vui nghỉ ngơi, bờ cõi ngoài biên yên mãi, cũng là cái kế không đánh mà khuất

(1) Tam thiện : Vua tôi, cha con, lớn bé đều giữ phải đạo.

Tứ trùng : nhật trùng quang, nguyệt trùng luân, tinh trùng huy, hải trùng nhuận ; ý nói nói ngôi cha và cảnh tượng thái bình.

phục được người ; nếu không phải thế, thì nên thừa cơ tiến đánh, cho chóng xong việc, chớ lại nhẹ dạ nghe lời ngọt, kéo dài ngày ra, để hỏng công việc. Các người nên mưu tính cẩn thận". Sau đó Chất Tri lại cho người đến xin ước hội. Đến giờ Tý ngày hôm ấy, Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn chỉnh đốn nghi vệ quân đội ra đi. Khi sắp đến hội quán, (Người Xiêm đã làm nhà lợp tranh trước ở giữa đường), đã thấy Chất Tri xuống voi, đi chân không, bỏ hết nhạc Man. Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn do cửa tả đi vào, làm lễ vái chào. Tri Phương, Doãn Uẩn lên ngôi trên nhà chính. Chất Tri ngồi ở bên hữu, tướng hiệu lớn nhỏ đều yên lặng nghiêm trang. Khi đã an tọa, Nguyễn Tri Phương trước hết hỏi đến cái cớ từ trước đến giờ sao không có thư đến. Chất Tri nói : "Vì ngôn ngữ bất đồng, văn tự không giống nhau, sợ người dịch làm sai sự thực, có khi đến hỏng việc, nên chưa dám viết thư". Nhân đó lấy ra một tờ thư giấy đen chữ trắng trình lên, đại ý nói : đến đây chỉ vì xin cho gầy lại tình hiếu cũ, cho Nặc Ong Giun được làm bề tôi thờ hai nước, nhờ ngài để đạt lên cho. Lại trở vào một người quỳ ở bên, nói : "Đây là Nặc Ong Giun, xin ủy thác cho làm việc ở nước ngài, nhờ ngài thương cho". Nguyễn Tri Phương đáp rằng : "Đã biết tội lỗi phải dâng thư xin nhận tội, mới có thể để đạt giúp được". Tên Giun cúi đầu, giơ tay ngang trán, vái tạ. Tri Phương, Doãn Uẩn lại hỏi Chất Tri : "Nay việc nghị hòa đã xong, Cháu Phi Nhã bao giờ thì lui về Bắc Tâm Bôn ?". Chất Tri nói : "Hắn đã thua ở Thiết Thành, bỏ Nam Vang lui về Ô Đông, tự mang cái tội thua trận, không thể chối được ; nếu vội bỏ Ô Đông mà về, thì không khỏi phải tội với nước Xiêm, xin tạm cho ở đây, đợi có thư của nước Xiêm đến, rồi hẵng lui quân, chưa lấy gì làm muộn. Lại, sau khi giảng hòa, phàm thư từ đi lại, xin bỏ cái việc đã qua, mà cho bằng lời có độ lượng rộng lớn ; nếu lại kể đến tội, thì hắn đã làm nhục cho nước Xiêm, lại để tiếng xấu về sau, dù chết cũng không dám nhận. Xin ngài xét và tin cho". Mặt trời đúng trưa, đều từ biệt.

Ngày hôm sau, tên Giun cho người mang thư đến cửa quân xin nhận tội, quan đại thần ở quân thứ nhận cho ; duy thư của Chất Tri không thấy đưa đến.

Vua biết đến, bảo rằng : "Chất Tri giúp cho Lạp Man làm càn, thường bị quan quân đánh giết, sức kiệt, kế cùng, việc xin hòa không thể dừng được ; hiện nay đi bộ, ngôi nhà bên, đã chịu khuất tất kêu nài tha thiết. Quan đại thần của ta, trong khi ngồi nói chuyện ở hội quán, tiết ấy tiết khác đều chiếm phong độ người trên, cũng là đặc thế. Không đánh mà khuất phục được quân người, cũng là đặc sách. Tên Giun nay đã tự trối mình xin thú tội, nên khoan tha cho để làm tôi tớ mãi. Còn Chất Tri có thư đến hay không, cũng không cần kể đến".

Lại sai các đại thần ở quân thứ hội bàn. Bọn Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Bạch, Lê Văn Phú, Doãn Uẩn, Nguyễn Văn Hoàng đều nói : "Từ năm gần đây đến giờ, vì có giặc Man, các tỉnh ở Nam Kỳ phải điều động quân luôn, quân đóng đồn

của các trực tỉnh ở Kinh kỳ, ba năm chưa về ; nay Chất Tri ủy người đến xin hòa. Nặc Ong Giun dâng thư xin nhận tội, ta đã trước chiếm phong độ người trên, tạm cho được hòa, cũng không thất thế. Nay biên binh tập hợp đông nhiều để đánh thành Ô Đông, có lẽ có thể phá như sào huyết giặc, lấy hết bờ cõi Man. Điều này ta lấy làm vinh, nhưng chúng lấy làm nhục. Ngày nay dù yên, ngày khác chưa chắc không có việc, e không có kỳ hạn được nghỉ việc quân ! Hướng chi thời tiết đã đến mùa khô, quân không đường lấy nước, lại thêm gió nóng nung nấu, nhiều người ốm đau, nếu để cho quân đội mỏi mệt lâu thì không những không có ích, chỉ uổng tốn lương, nhọc người, cũng không phải kế hay. Và lại, cái phép trị kẻ nhưng địch, nó làm phản thì đánh cho sợ, nó hàng phục thì lại vỗ về. Người Chân Lạp nay đã đến thú, xin cho tên Giun cùng với quận chúa Ngọc Vân được chiếu theo cai quản dân Man, nếu tự biết hòa thuận với nhau, thì ta không phải khó nhọc giữ giúp, nếu không hòa thuận với nhau, thì tự chúng phải trái loạn luân thường, phải chống đi đến nguy vong. Bấy giờ ta mới từ từ xem cơ chiêu dụ, đến tận nơi vỗ về, tự khắc không phiền phải sửa sang, mà có thể khiến cho dần dần làm dân ta, đất ta".

Vua bảo rằng : "Lạp Man ngày nay, không ví với ngày xưa được. Nay tên Giun đã trối mình theo về hàng phục, thì bất hay tha là ở ta, việc gì phải chiếu theo quá thế ! Hướng chi đã xin cho cùng ở với nhau, lại lo cùng hại lẫn nhau, phương pháp xử trí lúc đầu nếu đã như thế, thì việc kinh lý sau này sao nắm mệnh chúng được ? Lời xin phần nhiều chưa thỏa ý người. Duy triều đình nghĩ quân dân là trọng, thực không nỡ vì người mình ghét mà làm lụy đến người mình yêu. Về tên Giun và các thổ mục, chuẩn cho theo dụ trước, đều được tha tội, còn Ngọc Vân, tên Bướm, đợi khi hòa nghị đã xong, sẽ ban hành xử trí".

Quan ở quân thứ Vĩnh Long là Nguyễn Tri Phương, Lê Văn Phú, Doãn Uẩn tâu rằng : "Đầu mục nước Xiêm là Chất Tri bỏ thành, chuyển quân đi, đều đã đóng quân nghỉ ngơi". Quan ở quân thứ Trấn Tây là Tôn Thất Bạch, Nguyễn Văn Hoàng tâu tiếp : "Có bọn thổ phỉ ước hơn hai nghìn, đến vây quấy rối đồn Ba My, người giữ đồn là Trần Doãn Loát cố đánh, bị chết ; biên binh nhiều người bị thương". Vua lấy làm lạ, bảo rằng : "Chất Tri chỉ có một nghề đã cùng, sao có thổ phỉ lại đến sinh sự !". Sai trách hỏi thì Lạp Man bào chữa rằng vì chưa kịp biến báo. Triều đình cũng im không hỏi nữa. Truy tặng cho Loát hàm Quán cơ, cấp thêm tiền tuất 20 lạng bạc, một con được ấm thụ Cẩm y bá hộ. Cho quân ở đồn ấy 100 quan tiền. Rồi cho rằng quân thứ ở Vĩnh Long đều không có việc, sai bọn Nguyễn Tri Phương triệu quân về đóng ở Trấn Tây để xem động tĩnh, Ngô Văn Giai về An Giang, Tôn Thất Bạch về Gia Định ; hương đồng các tỉnh cũng chức lượng cho về yên nghiệp. Lại dụ cho bọn Nguyễn Tri Phương tính kỹ công việc xử trí rồi tâu lên.

Bộ Lại tâu : "Gần đây, đình thần hội bàn, nhiều người bỏ thiếu !". Vua sai điều tra chức vụ và tên người, đều phải tước lương 6 tháng. Nhân thế, dụ rằng : "Về việc đình nghị, năm trước đã vâng theo thánh dụ để thi hành, lời bảo huấn rành rành, chu đáo, chặt chẽ biết đường nào ! Chương trình rất nghiêm, khoa đạo xem xét, đối với cái ý để cùng ràng buộc, cùng giữ gìn, ngăn mầm tệ, để phòng từ chỗ kín nhiệm, được đầy đủ cả. Trẫm từ khi lên ngôi đến giờ, nhờ theo gia pháp, lo sợ, cố gắng, siêng năng, không dám tự cho là nhàn rỗi. May nhờ hiện nay Nhà nước rồi việc, chính là lúc vua tôi phải cùng một lòng, một đức, làm cho nước trở nên trị bình. Trẫm, lúc mặt trời xế chiều vẫn coi châu, đêm đến còn phê tập tâu, vẫn sợ thông minh của mình có hạn, công việc muôn vàn đưa đến khó lòng xét hết ! Cho nên phàm những sự thể quan trọng, án tình khó khăn đều giao xuống bàn chung, là để mong ở các quan trong triều rất cần đóng góp vào việc làm cho nước được thịnh trị. Không ngờ nhiều người lâu ngày sinh lười biếng, lần lữa ham chơi ! Tức như cái án Trương Văn Tùng, mấy lần đã cho triển hạn, làm việc qua năm qua tháng, mà hội nghị bấy giờ chỉ có bọn đại thần Trương Đăng Quế, Hà Duy Phiên 4 người, còn ngoài ra đều mượn cớ không đến. Suy việc ấy ra thì gần đây công việc phần nhiều bê trễ là do bỏ thiếu chức vụ xui nên. Kìa, đời trị bình : văn rục rở, võ mở mang, công việc tiến hành tấp nập. Đến các đời nối sau, mọi việc bỏ thiếu, sinh nhiều hổ tệ. Đó là điều vua tôi ta ngày nay phải nên coi đó làm răn. Triều đình là gốc cả nước. Triều đình gương mẫu thì các quan phải chính đính, các quan chính đính thì không ai lại dám không chính đính. Nếu gần mà các đại thần ở Kinh đường còn như thế, huống chi, xa thì các châu huyện, nhỏ thì các liêu thuộc sẽ ra sao ? Thân mình đã không chính đính, trách người phải chính đính thế nào được ! Nên trẫm không bắt tội, các người tự hỏi trong lòng có yên không ? Và lại, đặt ra đài ngự sử, quan hệ đến phong hiến ; người được dự vào chức ấy, phải nên cầm ngay cái hốt, đứng ở trong triều mà đàn hặc, dữ dội như chim ưng, chim chiền đối với loài chim, nghiêm nghị như con giải trải đối với người không ngay thẳng. Hoàn Điển nhà Hán không kiêng quyền thế, người bấy giờ gọi là *ngự sử cuồi ngựa thông* ; Bảo Thúc nhà Hán có phong độ tôn nghiêm người bấy giờ gọi là *ngọa hổ*. Như vậy mới không thẹn với chức vụ. Thế mà gần đây đình nghị có sự lười biếng bỏ bê như thế, viện ấy⁽¹⁾ có trách nhiệm đàn hặc, mà không từng nói đến một lời ! Sợ mà không nói, là hèn kém ; chiều ý mà không nói, là bè đảng. Có một trong những điều ấy, tệ ấy đều không nên để cho lớn dần. Trẫm đã phân biệt giáng phạt, tạm tỏ cho biết là mới phạt nhẹ, nên lại phải ban mệnh lệnh này để cho cố gắng phấn chấn. Từ nay ai nấy phải nên

(1) Chỉ Ngự sử đài.

xét mình, bày nhiều mưu kế, kính theo pháp tắc làm quan, nghiêm tuân thánh dụ. Ai là đình thần, phải cung kính một lòng, để giúp việc nước, khuyên người chăm chỉ, răn người lười biếng, để dẫn đạo thuộc ty. Ai là khoa đạo, phải một lòng công bằng ngay thực, cẩn thận giữ quy chế của Ngự sử đài. Nếu có những kẻ không công bằng, không theo pháp luật, để đến phát sinh các tệ lười biếng, vắng mặt, bỏ bê công việc, thì phải hặc tâu ngay. Làm vậy cốt để nha không có việc thiếu sót, quan không có người những lạm, phải trong sạch hăng hái làm cho được việc, triều chính được trang nghiêm. Trẫm thực mong lắm. Nếu lại cứ như trước, lười biếng ham chơi, mưu cho thân mình tạm được nhận rồi, lấy sự im lặng vào hòa làm đặc sách ; việc phát xuất ra, trẫm tất nghiêm trị : không những lụy đến thân danh các người, mà còn cô phụ ơn huệ của nước ; thực khó che giấu được công luận. Răn bảo lần này, là trẫm yêu thương các người, muốn cho các người trở thành người hoàn toàn, nên không ngại nói nhiều. *Kinh Thư* có nói : "*Xem xét pháp tắc trước, mới không có lỗi. Kinh Thi* có nói : *Sớm hôm không nhắc, để thờ một người. Các người nên kính theo đó !*".

Vua ngự điện Văn Minh, bảo quan Nội các, bọn Nguyễn Đức Chính, rằng : "Trẫm xem bản sao về Kinh đô nhà Đại Thanh, Đạo Quang hoàng đế có khi 15 ngày một lần nghe chính sự trong nước ; hữu ty dâng sớ, mỗi ngày không được quá 10 bản. Kể ra, đã làm thiên tử, kính theo mệnh trời từng giờ từng việc, thế mà tự đặt ra kỳ hạn, thì việc cả thiên hạ, ngày đưa đến hàng vạn việc, chẳng hóa ra hầu như chưa thành đống hay sao ? Trẫm thì không thể, tùy việc mà làm, không dám tự hưởng nhàn rồi !". Lại nói : "Trẫm xem bài Giới ký của Cao Tông nhà Thanh, thấy nói đại khái : Sai Tôn Sĩ Nghị đem quân đi đánh, việc nghĩa cốt ở yên dân, nguyên không phải lợi về đất đai, tiếc rằng Sĩ Nghị lần lửa không tiến, không biết thừa thắng, tiến thẳng đến lấy Quảng Nam, để tự chuốc lấy thất bại ! Rất hối về việc Tôn Sĩ Nghị dùng quân thất sách. Nay, nếu đã nói là nguyên không phải lợi về đất đai, sao lại nói không thừa thắng tiến thẳng đến lấy Quảng Nam ! Lời nói và ý định trái nhau ấy đã lộ rõ lòng nham hiểm ! Chuyển đi ấy của Sĩ Nghị nếu không bị giặc Tây Sơn đánh thua, sẽ tất quận huyện nước ta. Vậy nói là việc nghĩa cốt ở yên dân, há có thực chăng ?".

Sai bộ Lại, bộ Binh xét kỹ quan viên chờ bổ. Trước đây bộ Lại tâu rằng : "Tri huyện huyện Duy Tiên trước là Nguyễn Khoa Quyền đã khỏi bệnh đang chờ bổ ; xin theo như cũ, bổ làm Tri huyện Hà Đông". Vua bảo rằng : "Quyền là con em nhà quý tộc (là con Nguyễn Khoa Minh) trước kia thác bệnh, về thăm nhà, câu may được bổ chỗ khác, tỏ ra có ý tìm cách tránh khéo, há nên lại được nhận trách nhiệm về xã dân ? Nên giáng bổ làm bát phẩm thư lại, phát đi làm việc ở đường biển". Lại

ra lệnh cho bộ Lại, bộ Binh : "Phàm những nhân viên ốm đã khỏi, do bộ cho chờ bổ, nên xét kỹ bệnh tình, nếu thực thì được theo lệ nghị bổ ; nếu không chịu đi, cứ thực hặc tâu trừng trị để phép làm quan được nghiêm".

Cấp tiền tiêu việc công cho đôn ở cửa Đà Nẵng 30 quan, vì có việc công nhiều.

CHÍNH BIÊN

ĐỀ TAM KỶ - QUYỂN LIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Ất Ty, Thiệu Trị năm thứ 5 [1845], mùa đông, tháng 12, định rõ điều lệ bắt kẻ phạm tội.

Từ trước đến giờ, việc bắt kẻ phạm tội ở các địa phương, hết hạn không bắt được, đều giao bộ Lại nghị xử. Quan ở bộ chỉ căn cứ vào năm tháng ở lý sở lâu hay chóng mà phân biệt nghị xử theo như luật. Vua bảo bộ Hình rằng : "Từ trước đến giờ làm việc vẫn chưa chu đáo ! Về việc tra bắt kẻ phạm tội trốn tránh, nguyên tính hạn bắt đầu từ ngày việc ấy phát sinh, thì viên quan ở lý sở lúc bấy giờ là người chính tay mình tra xét, tình hình mắt thấy, tìm cách bắt nã còn dễ được việc ; còn như viên quan tiếp làm việc ấy, chỉ cứ bàn giao trên giấy mà thôi, kẻ phạm tội hoặc đã trốn xa, hoặc vì chết mất, năm tháng đã lâu, lơ mờ như bắt gió, khó có chỗ ra tay làm được. Nếu chỉ vì năm tháng ở lý sở hơi lâu, thành ra can tội nặng, thì sao đủ để tỏ công bằng xứng đáng ? Lại như cái án nào là bọn giặc, người nào hoặc bắt được một vài đứa đầu sỏ, hoặc bắt được kẻ phạm tội đến một nửa trở lên, thì so với người không bắt được tên nào cũng phải có khác. Và như cái án nào tuy không lùng bắt được đích kẻ phạm tội, nhưng kẻ phạm tội ấy sau khi trốn, không tái phạm lần khác nữa, thì so với người tra bắt bắt lợc mà kẻ phạm tội đương trốn ấy còn dám sinh sự ở địa phương mình, không giống nhau được. Các khoản giống như thế, cũng nên tùy theo mà phân biệt, để tỏ ra xét xử công bằng". Bèn giao bộ Hình bàn rồi tâu lên ; lại giao cho đình thần xét lại. Đến đây, chuẩn định tất cả 20 điều :

(- Về các châu, huyện, các xã, thôn phát sinh việc cướp tằm thường ở mặt thủy hay trên cạn, bọn chúng không đầy 10 người, không bắt được kẻ nào trong bọn ấy, thì khi hết hạn "sơ phòng" hai tháng, thượng ty tra xét tâu lên, lạc hạn 6 tháng bắt nã không được thì phải phạt 6 tháng. Hạn thứ hai không bắt được, phải giáng 1 cấp lưu, vẫn phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội. Nếu khi ấy bắt được tên đầu sỏ bọn cướp hoặc một vài đứa trong bọn ấy, cũng được miễn phân xử lạc hạn. Còn trong bọn chúng có từ 10 tên trở lên mà không bắt được tên nào, thượng ty cứ theo ngày báo về việc phát sinh, tra xét tâu lên, sẽ đem việc ấy lạc hạn cho viên án quan ở châu huyện ấy : hai tháng nã bắt không được, phải phạt lương 1 năm. Hạn thứ hai, không bắt được, phải giáng 1 cấp, lưu. Hạn thứ ba cũng không bắt được, lại giáng 1 cấp, lưu, vẫn phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội đợi khi bắt được sẽ xét. Hạt kiểm lý ở các phủ nha phát sinh việc cướp cũng theo như thế. Cùng hạt có chức đóng quân canh giữ, cũng xử theo luật như các viên phủ huyện. Nếu viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn sơ tham phải huyền chức, thì viên quan kế tiếp việc bắt cứ tính bắt đầu từ ngày đến lý sỏ, 6 tháng bắt nã không được, cũng phải phạt lương 6 tháng. Hạn thứ hai lại không bắt được, phải phạt lương 1 năm, vẫn phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội. Viên quan có trách nhiệm về việc bắt, trong hạn tái tham phải huyền chức, thì viên quan kế tiếp việc bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 6 tháng, vẫn phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội. Viên quan có trách nhiệm về việc bắt, trong hạn tam tham phải huyền chức, thì viên quan kế tiếp việc bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 3 tháng, vẫn phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội. Duy đối với bọn cướp tằm thường không đầy 10 tên, viên quan kế tiếp việc bắt được miễn phân xử ặc hạn ; kẻ phạm tội thì chiếu án xét xử.

(- Khi xảy vụ cướp có đủ tội tình nặng như đốt nhà, giết người, không bắt được tên nào trong bọn ấy, rút hạn sơ phòng 1 tháng, bắt nã không được, thượng ty tra xét tâu lên, thì viên án quan ở châu huyện ấy thoát tiên bị giáng 1 cấp, lưu, lạc hạn 6 tháng phải bắt được. Hạn thứ hai, hạn thứ ba cũng không bắt được thì bị giáng luôn ba cấp, lưu, vẫn phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội, đợi khi bắt được sẽ xét. Nếu viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn sơ tham phải huyền chức, viên quan kế tiếp việc bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 1 năm. Hạn thứ hai cũng không bắt được, phải giáng 1 cấp, lưu, vẫn phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội. Viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn tái tham phải huyền chức, viên quan kế tiếp việc bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 9 tháng, vẫn phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội. Viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn tam tham phải huyền chức, viên quan kế tiếp bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 6 tháng, vẫn phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội.

(- Khi xảy vụ cướp đánh phá nha thự, cướp bóc của công trong kho, và cướp tù, không bắt được tên nào trong bọn ấy, thì không rút hạn về tội canh phòng sơ suất, việc phát ra phải xét tâu ngay. Hạt nào hiện có quan đóng đồn trong thành, thì viên án bộ quan ấy bị cách chức, giao cho viên quan ở lý sở gần đấy tiếp tục đi bắt những kẻ phạm tội ăn cướp. Còn viên quan ở lý sở cũ thì cho ở địa phương ấy để hợp sức đi bắt. Hạn cho 6 tháng không bắt được, hạn thứ hai, hạn thứ ba cũng không bắt được, thì bắt buộc phải triệt về quê quán. Hạt nào chưa có quân đóng đồn trong thành, thì viên án bộ quan ấy phải cách lưu, lặc hạn cho 6 tháng bắt nã không được, hạn thứ hai cũng không bắt được, thì phải huyền chức, lặc hạn cho 6 tháng, cho ở địa phương ấy hợp sức đi bắt. Hết hạn không bắt được, cũng bắt buộc phải triệt về quê quán. Nếu của công trong kho không thiệt hại và tù không suy chuyển gì thì nên chiếu theo bản lệ đốt nhà giết người để xét xử. Nếu viên quan có trách nhiệm đi bắt nã phải cách chức, viên quan tiếp tục đi bắt phải lặc hạn 6 tháng bắt nã không được thì giáng một cấp, lưu. Hạn thứ hai, hạn thứ ba cũng không bắt được, lại đều giáng một cấp, lưu, vẫn phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội. Viên quan ở lý sở cũ trong hạn sơ tham vì việc ấy bị huyền chức, viên quan tiếp tục đi bắt, lặc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải giáng một cấp, lưu. Viên quan ở lý sở cũ trong hạn nhị tham phải huyền chức, viên quan tiếp tục đi bắt lặc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải giáng 1 cấp, lưu. Viên quan ở lý sở cũ đã 2 hạn bị huyền chức, viên quan tiếp tục đi bắt lặc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 1 năm, vẫn phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội.

(- Kẻ phạm tội về các án chưa bị bắt, lại dám sinh sự ở địa phương, tra ra có chứng cứ đích thực, thì viên quan có trách nhiệm đi bắt không cứ trong hay ngoài ba hạn, còn ở lý sở ấy, đều phải chiếu bản lệ phân xử, gia tội thêm một bậc, đánh 100 trượng, cách chức.

(- Khi xảy vụ cướp tầm thường, bọn cướp không đầy 10 tên, viên quan có trách nhiệm đi bắt, trong hạn sơ phòng bắt được hết, được gia kỷ lục 2 thứ ; trong hạn sơ tham bắt được hết, gia kỷ lục 1 thứ ; nếu trong các hạn đã bắt được đầu sỏ hoặc một vài đầu trong bọn, cũng được miễn cho phân xử lặc hạn. Còn bọn cướp từ 10 tên trở lên, viên quan có trách nhiệm đi bắt, trong hạn sơ phòng, bắt được hết, thì được gia kỷ lục 3 thứ ; trong hạn sơ tham bắt được hết, thì được gia kỷ lục 2 thứ ; trong hạn tái tham bắt được hết, thì được miễn phân xử, lại gia kỷ lục 1 thứ ; trong hạn tam tham bắt được hết, thì trước bị giáng 1 cấp, cho được khai phục, nếu chỉ bắt được tên đầu sỏ, thì chiếu tội trước được giảm 2 bậc, chỉ bắt được một vài tên trong bọn thì chiếu tội trước được giảm 1 bậc. Bắt chưa được một nửa mà đã bắt được tên đầu sỏ, bắt được gần một nửa mà tên đầu sỏ đã chết, có bằng cứ xác thực, trong hạn

tam tham đều được miễn phân xử lặc hạn, hạn trước phải giáng cấp thì cho được khai phục.

(- Khi xảy ra vụ cướp phạm tội nặng, đốt nhà, giết người, quan có trách nhiệm đi bắt, có thể trong hạn sơ phòng bắt được hết, thì được gia 1 cấp ; trong hạn sơ tham bắt được hết, được gia kỷ lục 3 thứ ; trong hạn tái tham bắt được hết, thì trước giáng 1 cấp, cho được khai phục, lại gia kỷ lục 2 thứ ; trong hạn tam tham bắt được hết, thì trước giáng 2 cấp, cho khai phục cả, lại gia kỷ lục 1 thứ. Nếu chỉ bắt được tên đầu sỏ thì chiếu tội trước được giảm 2 bậc, chỉ bắt được một vài đứa trong bọn, thì chiếu tội trước được giảm 1 bậc ; bắt chưa được một nửa mà đã bắt được tên đầu sỏ, bắt được quá nửa mà chưa bắt được tên đầu sỏ, bắt được gần một nửa mà tên đầu sỏ đã chết có bằng cứ xác thực thì trong hạn tam tham đều được miễn phân xử lặc hạn, hạn trước phải giáng cấp, được khai phục tất cả.

(- Khi xảy vụ cướp đã cướp bóc, phá nha thự, viên nào phải cách chức, hợp sức đi bắt, trong 3 hạn bắt được tất cả thì cho khai phục hàm trước, đợi bổ ở bộ ; trong hạn tam tham, bắt được quá nửa mà chưa bắt được đầu sỏ, bắt chưa được một nửa mà đã bắt được đầu sỏ, bắt được gần một nửa mà tên đầu sỏ đã chết, có bằng cứ xác thực, cũng cho khai phục hàm trước, đợi khi bổ làm quan thì giáng 2 cấp, lưu. Viên nào phải cách, lưu, trong hạn đầu, hạn thứ hai, bắt được tất cả, đã phải cách chức cũng cho khai phục, chờ bổ ở bộ ; bắt được quá nửa mà chưa bắt được đầu sỏ, bắt chưa được một nửa mà đã bắt được đầu sỏ, bắt được gần một nửa mà đầu sỏ đã chết, có bằng cứ xác thực, thì trong hạn sơ tham, tái tham cho được khai phục, phải chưa chân giáng 1 cấp, lưu ; trong hạn tam tham, cũng cho khai phục, đợi khi bổ làm quan, chưa chân giáng 2 cấp, lưu. Ngoài ra số người hiện bắt được nhiều hay ít, đều ghi công ở ngày bắt được, đợi khi hết hạn, do bộ chức nghị tâu xin lượng cho khai phục. Còn viên quan tiếp tục đi bắt, về án cướp tầm thường, ở trong các hạn, bắt được tất cả, được gia 1 cấp, nã bắt được một nửa mà kiêm bắt được đầu sỏ thì được gia kỷ lục 2 thứ, nã bắt được quá nửa mà chưa bắt được đầu sỏ, bắt được gần một nửa mà đã bắt được đầu sỏ, đều được gia kỷ lục 1 thứ. Về án đốt nhà, giết người, ở trong các hạn bắt được tất cả, được gia 1 cấp, lại gia kỷ lục 2 thứ ; nã bắt được một nửa mà kiêm bắt được đầu sỏ, đều được gia kỷ lục 2 thứ. Về án phá nha, cướp tù, trong hạn đầu bắt được tất cả, thì được thăng bổ vào chỗ khuyết nên thăng, ở vào trong hạn thứ hai, thứ ba, thì trước phải giáng cấp, đều cho khai phục, lại thường gia 1 cấp, kỷ lục 2 thứ ; bắt được một nửa mà kiêm bắt được đầu sỏ ở trong hạn đầu, thì được thưởng gia 1 cấp, kỷ lục 2 thứ ; ở trong hạn thứ hai, hạn thứ ba, thì trước phải giáng cấp, đều cho được khai phục, lại thường gia kỷ lục 3 thứ ; bắt được quá nửa mà chưa bắt được đầu sỏ, bắt được gần một nửa mà đã bắt được đầu sỏ, ở vào trong hạn đầu thì được gia kỷ lục 3 thứ, ở vào trong hạn thứ hai, hạn thứ

ba thì trước phải giáng cấp, đều cho khai phục, lại thưởng gia kỷ lục 2 thứ. Các án trên đây, bắt không đến một nửa, đều được miễn phân xử.

(- Về vụ án mạng tầm thường, không biết tên hung phạm, thì rút bớt hạn sơ phòng 3 tháng, tra xét tên tâu lên, lạc hạn cho quan có trách nhiệm bắt 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 6 tháng ; hạn thứ hai không bắt được phải phạt lương 9 tháng ; hạn thứ ba cũng không bắt được, phạt lương 1 năm. Nếu có biết tên hung phạm, thì rút hạn sơ phòng 1 tháng, tra xét tâu lên, lạc hạn cho quan có trách nhiệm bắt, 6 tháng bắt nã không được, phạt lương 9 tháng ; hạn thứ hai không bắt được, phải phạt lương 1 năm ; hạn thứ ba cũng không bắt được, phải giáng 1 cấp, lưu, vẫn phải chiếu án bắt nã kẻ hung phạm. Còn tội phạm về án mạng, theo luật, phải xử tội lãng trì và chém ngay không đợi giờ, thì không cứ có biết tên hay không biết tên, không rút hạn sơ phòng, hạn sơ tham, lạc hạn cho quan có trách nhiệm bắt, 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 1 năm, hạn thứ hai không bắt được, phải giáng 1 cấp, lưu ; hạn thứ ba không bắt được, lại giáng 1 cấp, lưu, vẫn phải chiếu án nã bắt kẻ tội phạm. Nếu là án mạng không biết tên, kẻ chính hung chưa bắt được, viên quan có trách nhiệm đi bắt, trong hạn sơ tham bị huyền chức, viên quan tiếp tục đi bắt, lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 6 tháng ; viên quan có trách nhiệm đi bắt trong hạn thứ hai, hạn thứ ba bị huyền chức, viên quan tiếp tục việc bắt, lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 3 tháng. Án mạng có biết tên, kẻ chính hung chưa bắt được, viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn sơ tham bị huyền chức, viên quan tiếp tục việc đi bắt, lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 6 tháng, đều phải chiếu án bắt nã hung phạm. Còn tội phạm về án mạng, theo luật, phải tội lãng trì và chém ngay không đợi giờ, thì không cứ có biết tên hay không biết tên, viên quan có trách nhiệm đi bắt, ở ngoài hạn sơ tham (trong hạn nhị tham, tam tham cũng thế) phải huyền chức, viên quan tiếp tục việc đi bắt, lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 9 tháng. Viên quan có trách nhiệm đi bắt, trong hạn sơ tham phải huyền chức, viên quan tiếp tục đi bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được phải phạt lương 9 tháng ; hạn thứ hai không bắt được, phải phạt lương 1 năm, đều phải chiếu án bắt nã hung phạm.

(- Về vụ án mạng, không biết tên kẻ chính hung, viên quan có trách nhiệm đi bắt, trong các hạn có thể nã bắt được, đều miễn cho phân xử, nhưng nã bắt được kẻ tội phạm mà theo luật, nó phải tội lãng trì và chém ngay không đợi giờ, thì được gia kỷ lục 3 thứ ; kẻ phạm án mạng tầm thường thì được gia kỷ lục 2 thứ ; kẻ chính hung có biết tên, không cứ kẻ phạm tội nhẹ hay nặng, có thể trong các hạn nã bắt được, cũng được miễn phân xử, hạn trước đã phải giáng cấp, cho được khai phục. Còn viên quan tiếp tục việc đi bắt, về chính hung không biết tên, có thể trong hạn nã bắt được kẻ phạm theo luật phải tội lãng trì và chém ngay không đợi giờ, thì

được gia 1 cấp, kẻ phạm án mạng tầm thường, thì gia kỷ lục 3 thứ ; về chính hung có biết tên, trong hạn, nã bắt được kẻ phạm theo luật phải tội lãng trì và chém ngay không đợi giờ, thì gia kỷ lục 3 thứ ; nã bắt được kẻ phạm án mạng tầm thường, thì gia kỷ lục 2 thứ, cho có phân biệt.

(- Về kẻ phạm tội nặng phải xử chém hay xử giảo, có một vài tên trốn thoát, thì trừ những người lính coi ngục ở đề lao phải theo luật, lặc tra, ấn quan các phủ, châu, huyện, hạn sơ tham trước tiên giáng 1 cấp, lưu, lặc hạn 6 tháng, hạn thứ hai, hạn thứ ba cũng không bắt được, lại đều phải giáng 1 cấp, lưu ; 4 tên trốn thoát thì hạn sơ tham phải giáng 2 cấp, lưu, hạn thứ hai, hạn thứ ba cũng không bắt được, lại giáng 2 cấp, nhưng chiếu cấp phải giáng, điếu đi làm việc chỗ khác, cũng phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội. Những tù phạm đầy ở trong quân, một vài tên trốn thoát, trừ lính coi ngục ở đề lao phải lặc tra, còn các quan phủ, châu, huyện lặc hạn 6 tháng nã bắt không được phải phạt lương 6 tháng, hạn thứ hai không bắt được, phải phạt lương 1 năm ; ba bốn tên trốn thoát, lặc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 9 tháng, hạn thứ hai không bắt được, phải giáng 1 cấp, lưu, đều phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội. Nếu phân phối về các đồn trại, đôi khi có kẻ trốn thoát thì tội do ai làm người ấy phải chịu, các quan phủ, châu, huyện không cùng đóng ở chỗ ấy được miễn phân xử ; còn viên quan tỉnh đương tại chức và quan lãnh binh cùng ở tỉnh ấy, đáng phải lặc hạn phân xử, đều chiếu bản lệ chịu trách nhiệm về việc bắt của các phủ, châu, huyện để nghị xử ; đốc phủ thì giảm một bậc, hạt nào không đặt chức đốc, phủ thì bố chính giảm hơn án sát, lãnh binh 1 bậc. Viên quan ở tỉnh thứ sau, khi 3 hạn chưa hết, mà đến lý sở, cũng chiếu bản lệ của quan tiếp tục việc bắt ở các phủ, huyện để nghị xử. Còn chưa được nghị định là tội gì, phạm nhân trốn thoát, thì hạn 1 tháng, tra xét tâu lên, quan địa phương phải hạn sơ phòng, đem sự việc phạm tội và nên xử tội gì, xét hỏi đến cùng thật kỹ. Nếu thú cung đã rõ ràng, các chứng có bằng cứ, tội không có gì đáng nghi ngờ, thì phải nói rõ trong tờ tâu về sơ phòng, kẻ phạm tội ấy đáng phải tội chém, thắt cổ, hay đầy vào trong quân, là tội hạng nào, để căn cứ vào đó chiếu lệ lặc nã phân xử. Nếu quả còn giam để đợi xét hỏi, cung chứng chưa xác thực, tội khó nghĩ sẵn, cũng cứ thực nói rõ trong tờ tâu về sơ phòng, đợi khi bắt được, xét rõ sẽ bàn. Nếu là án phải chém hay phải thắt cổ, có một hai tên trốn thoát, viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn sơ tham phải huyền chức, viên quan tiếp tục việc nã bắt, lặc hạn 6 tháng bắt nã không được, thì phải phạt lương 1 năm, hạn thứ hai không bắt được, phải giáng 1 cấp, lưu ; viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn tái tham phải huyền chức, viên quan tiếp tục việc bắt lặc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 1 năm ; viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn tam tham phải huyền chức, viên quan tiếp tục việc bắt lặc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 1 năm ; viên quan có trách

nhệm nã bắt, ngoài hạn tam tham phải huyền chức, viên quan tiếp tục việc đi bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 6 tháng.

Về vụ án ba bốn tên trốn thoát, viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn sơ tham phải huyền chức, viên quan tiếp tục việc bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải giáng 1 cấp, lưu ; hạn thứ hai không bắt được lại giáng 1 cấp, lưu ; viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn tái tham phải huyền chức, viên quan tiếp tục việc bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải giáng 1 cấp, lưu ; viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn tam tham phải huyền chức, viên quan tiếp tục việc bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 1 năm, đều phải chiếu án bắt nã kẻ phạm tội.

Về án phải đày vào trong quân, có một hai tên trốn thoát, viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn sơ tham phải huyền chức, viên quan tiếp tục việc bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 9 tháng ; viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn tái tham phải huyền chức, viên quan tiếp tục việc bắt lạc hạn 3 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 6 tháng.

Cái án ba bốn tên trốn thoát, viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn sơ tham phải huyền chức, viên quan có tiếp tục việc bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương ; viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn tái tham phải huyền chức, viên quan tiếp tục việc bắt lạc hạn 6 tháng bắt nã không được, phải phạt lương 6 tháng.

(- Về án phải tội chém, hay phải tội thắt cổ, có một hai tên trốn thoát, viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong các hạn có thể bắt được hết, cho được khai phục. Nguyên trốn 2 tên, hạn đầu chỉ bắt được 1 tên, thì cái cấp phải giáng, không nên cho khai phục, nhưng chiếu lệ lạc hạn cho nã, ba hạn không tiếp tục bắt được tên nào, phải phạt lương 6 tháng, miễn cho tội giáng lần thứ hai. Có ba bốn tên trốn thoát, trong các hạn bắt được hết, cho được khai phục ; hết hạn, bắt được 1 tên, được đổi làm phải giáng 4 cấp, lưu ; bắt được 2 tên, được đổi làm phải giáng 2 cấp, lưu ; bắt được 3 tên, được đổi làm phải giáng 1 cấp, lưu. Về tội phải đày ở trong quân, có một hai tên trốn thoát, viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn bắt được hết, được miễn phân xử ; bắt được 1 tên ở hạn đầu, được miễn phạt lương, vẫn chiếu lệ lạc hạn cho nã, hết hạn, không bắt được tiếp tục, thì đổi làm phạt lương 6 tháng ; bắt được ở hạn thứ hai, được miễn phạt lần thứ hai. Có ba bốn tên trốn thoát, trong các hạn bắt được hết, được miễn phân xử, hạn đầu bắt được 1 tên, được miễn phạt lương, vẫn chiếu lệ lạc hạn cho nã, hết hạn, không bắt được tiếp tục thì đổi làm phạt lương 1 năm, hạn đầu bắt được hai ba tên, cũng được miễn phạt lương, hết hạn, không bắt được tiếp tục, đổi làm phạt lương 6 tháng. Nếu là quan tiếp tục việc bắt, về tội phải chém, phải thắt cổ, có một hai tên trốn thoát, có thể trong hạn bắt được

hết, xét ra trong án chỉ có 1 tên, được gia kỷ lục 1 thứ, trong án có 2 tên, được gia kỷ lục 2 thứ ; 2 tên bắt được 1 tên, được miễn phạt lương ; ba bốn tên trốn thoát, bắt được hết ở trong hạn đầu, được thưởng gia 1 cấp, kỷ lục 2 thứ, ở trong hạn thứ hai, trước phải giáng 1 cấp, cho được khai phục, lại thưởng gia 1 cấp ; 3 tên bắt được 2 tên, 4 tên bắt được 3 tên ở trong hạn đầu, được thưởng gia 1 cấp ; ở trong hạn thứ hai, trước phải giáng 1 cấp, cho được khai phục, lại thưởng gia kỷ lục 2 thứ ; 4 tên bắt được 2 tên ở trong hạn đầu, được gia kỷ lục 2 thứ, ở trong hạn thứ hai, trước phải giáng 1 cấp, cho được khai phục, lại thưởng gia kỷ lục 2 thứ ; 4 tên bắt được 1 tên, 3 tên bắt được 1 tên ở trong hạn đầu, đều được miễn phân xử, ở trong hạn thứ hai, cũng được miễn phân xử, hạn trước phải giáng cấp, đều cho khai phục.

Về tù phạm phải đày ở trong quân, có một hai tên trốn thoát, trong hạn bắt được hết, trong án chỉ có 1 tên, không nên ghi công ; có 2 tên, được gia kỷ lục 1 thứ ; 2 tên bắt được 1 tên, thì được miễn nghị ; có ba bốn tên trốn thoát, trong hạn bắt được hết, cho gia 1 cấp ; 3 tên bắt được 2 tên, 4 tên bắt được 3 tên đều được gia kỷ lục 1 thứ ; 4 tên bắt được 2 tên, thì được miễn nghị ; ba bốn tên chỉ bắt được 1 tên, cũng được miễn nghị.

(- Các án mất cướp, cướp tù và vượt ngục ở các châu, huyện, phủ viên thuộc hạt cai quản đều chiếu theo các châu, huyện đáng được theo bản lệ giảm 3 bậc. Nếu châu, huyện đáng phải cách, lưu, hay phải cách tuột thì phủ viên phải giáng 2 cấp, lưu ; phân phủ thuộc hạt cai quản cũng theo như thế. Các quan tỉnh bấy giờ như án sát, lãnh binh, kém phủ viên 1 bậc ; đốc, phủ lại kém 1 bậc. Hạt nào không đặt chức đốc, phủ thì án sát, lãnh binh kém phủ viên 1 bậc ; bố chính lại kém 1 bậc. Nếu biết tìm cách trong hạn bắt được hết, thì đều chiếu lệ bắt được tội phạm của các châu, huyện để ghi công, chỉ bắt được một vài tên đầu sỏ, cũng được miễn phân xử.

(- Về tỉnh, phủ, châu, huyện cùng can 1 án bắt kẻ phạm tội, 1 người bắt được đều được giảm miễn. Nếu viên châu, huyện trước phải giáng 4 cấp, đã từng bắt được kẻ phạm tội, thì được giảm 2 bậc, đổi làm giáng 2 cấp ; còn viên ở tỉnh phủ cũng đều chiếu tội trước giảm 2 bậc ; nếu viên phủ huyện trước phải giáng 1 cấp thì đổi làm phạt lương 9 tháng, viên quan tỉnh trước phải phạt lương 1 năm thì đổi làm phạt lương 6 tháng. Ngoài ra theo thế mà suy tính. Thượng ty các tỉnh phủ bắt được một vài tên đầu sỏ, đã được khỏi tội, các quan châu, huyện cũng được đem số hiện bắt được nhiều hay ít kê vào trong sổ bắt được kẻ phạm tội, sẽ chiếu bản lệ bắt được kẻ phạm tội, được nghị giảm ở khoản trước mà thi hành.

(- Về các án mạng, ăn cướp, vượt ngục và cướp tù ở các địa phương, viên quan tiếp tục việc bắt chưa hết hạn thứ hai, hạn thứ ba, rồi vì việc ấy phải huyền chức, thì viên quan tiếp tục việc bắt ấy lặc hạn 6 tháng bắt nã không được, sẽ chiếu bản lệ về

quan tiếp tục việc bắt phân xử được giảm 1 bậc, nếu có thể bắt được kẻ phạm tội, cũng chiếu bản lệ về việc quan tiếp tục việc bắt được nghị công mà thi hành.

(- Về thượng ty thống hạt đối với các án bắt kẻ phạm tội không được của châu, huyện thuộc hạt, trừ viên nào ở lý sở chưa đủ 1 hạn không nên nghị xử, còn thì đều theo lệ xét nghị. Viên kế tiếp làm việc thì được miễn nghị.

(- Về các địa phương, nếu có bọn giặc tụ đảng từ 100 tên trở lên, dân thành bọn to, cần giữ cướp bóc, và núi rừng rậm rạp, bờ cõi rộng xa đôi khi có Mán rừng cướp bóc, cùng là chính thứ yếu phạm của giặc và kẻ phạm tội chém, tội thất cổ, tội giam đầy ở trong quân, có từ năm sáu tên trở lên trốn thoát, khi ấy đều do quan địa phương cứ thực tâu lên, chờ Chỉ.

(- Về tội phạm phải bắt, trong hạn bị địa phương bên cạnh bắt được, thì viên quan có trách nhiệm bắt và viên quan tiếp tục việc bắt, do quan thượng ty sở tại cứ số người hiện bắt được nhiều hay ít, đem cả ra để chước nghị, đều tùy theo tội trước, được giảm 1 bậc ; nếu nên phạt lương 1 năm thì cho 9 tháng, nên giáng 2 cấp thì cho giáng 1 cấp, nên cách chức thì cho đổi là cách, lưu ; ngoài ra theo thế mà tính.

(- Về quan địa phương bắt được tên đầu sỏ bọn cướp và tù tội nặng như phải chém, phải thất cổ mà vượt ngục của hạt khác, thì mỗi tên được gia 1 cấp, bắt được các tội phạm ăn cướp, án mạng và bị đầy ở trong quân mà vượt ngục, thì mỗi tên được gia kỷ lục 1 thứ, tính kế tiếp đến 4 tên thì được gia 1 cấp.

(- Về quan có trách nhiệm nã bắt ở các phủ, châu, huyện, các hạn đã hết, đã phải phân xử, gặp khi có lệ được thăng, thì trừ khi có đặc Chỉ và lòng bắt được một vài tên đầu sỏ, cùng là kẻ chính hung trong án mạng đã chết, có bằng cứ xác thực, được cho thăng ; còn án can về việc bắt kẻ tội phạm trước, chưa từng bắt được một tên thì do quan địa phương xét thực về quan thanh chính tích ở nơi làm việc có thật đáng khen, mới được thăng chuyển ; nếu tầm thường không đáng khen thì làm rõ, giữ lại làm việc nã bắt. Còn như thượng ty thống hạt (tỉnh, phủ cũng giống nhau) và viên quan tiếp tục việc bắt thì không theo lệ này.

(- Về viên quyền án quan ở các phủ, châu, huyện gặp khi có các án phải chịu trách nhiệm nã bắt như án mạng ăn cướp, vượt ngục, cướp tù, đều chiếu lệ quan hiện ở lý sở mà nghị xử ; nếu là cái án viên quan thứ trước giao lại cho viên quan tiếp tục việc bắt, mà viên quyền án quan chưa đủ một hạn thì được miễn nghị.

(- Khi các viên châu, huyện mang án đi việc quan, gặp có các án cướp tội phạm mà bọn phạm tội nặng có ba bốn tên trốn thoát, hạn sơ tham đáng phải cách, lưu, thì đổi làm giáng 4 cấp, lưu ; đáng phải giáng 2 cấp, lưu, thì đổi làm cách, lưu ; đáng phải giáng 2 cấp, lưu, thì đổi làm giáng 1 cấp, lưu. Ngoài ra theo thế mà tính. Một hạn không bắt được đều chiếu bản lệ đáng phải phân xử mà thi hành. Nếu là

các án tầm thường, thì khi về lý sở, chiếu lệ viên quan có trách nhiệm nã bắt mà nghị xử ; nếu là giao án đi làm việc quan thì khi về lý sở, chiếu lệ viên quan tiếp tục việc bắt mà nghị xử.

(- Phạm các án từ ăn cướp, án mạng ở dân gian và tội quân lưu⁽¹⁾ trở xuống, tù phạm hiện đang trốn trong hạn bắt chưa bắt được, viên quan có trách nhiệm nã bắt, trong hạn chưa bắt được mà có tang cha mẹ, được về nhà trị tang, nếu viên quan tiếp tục việc bắt, không tiếp tục bắt được kẻ phạm tội, thì viên quan có trách nhiệm bắt ấy đều chiếu cái hạn ở lý sở trước, hạn tuy chưa hết, cũng phân xử theo hạn đã hết, còn hoàn kết thì vẫn đợi đến ngày tới chỗ làm quan sẽ biện lý. Nếu là vụ án đốt nhà, cướp bóc, viên quan có trách nhiệm nã bắt, hết hạn sơ tham, bắt nã không được, thì phải giáng một cấp, lưu ; hạn sơ tham chưa hết mà có tang cha mẹ phải nghỉ việc, viên quan tiếp tục việc bắt không bắt được kẻ phạm tội, thì viên quan có trách nhiệm nã bắt ấy đáng phải phân xử, cũng phải giáng 1 cấp, lưu, và phải hoàn kết. Ngoài ra theo thể mà tính. Duy các án phá nha môn cướp bóc, kẻ phạm tội nặng vượt ngục, thì cho nghỉ trăm ngày về nhà trị tang, hết hạn phải đến địa phương chỗ làm việc trước, hợp sức để bắt, tiếp tục khấu trừ vào hạn trước, khi đủ hạn sẽ theo lệ xét xử. Trong thời kỳ về trị tang, viên quan tiếp tục việc bắt nã nếu bắt được kẻ phạm tội đáng phải bắt, thì chiếu theo lệ địa hạt bên bắt được kẻ cướp mà liệu nghị nghị kết).

Tăng thêm ngạch thủy thủ cho Bắc tào. Lệ cũ, thuyền Bắc tào chở việc công : thuyền hạng to thì 10 người thủy thủ, thuyền hạng vừa thì 8 người, thuyền hạng nhỏ thì 6 người, đều lấy dân trong sổ đinh sung bổ. Đến đây, bọn phó quản lãnh tào ấy có đơn kêu về số thủy thủ ít ỏi, không khỏi phải thuê người bằng giá đắt. Nay chuẩn cho tăng thêm thủy thủ mỗi chiếc đều 2 người, cho lấy dân ngoại tịch sung vào.

Bộ Lễ tâu : “Viên tòng cứu phẩm ty tượng⁽²⁾ tỉnh Hà Tĩnh là Nguyễn Văn Duệ thọ đến trăm tuổi, xin cho nêu thưởng”. Vua gia ơn thưởng thụ chánh bát phẩm bá hộ, chuẩn cho về hưu ; lại thưởng cho 60 lượng bạc, 1 bó lụa, cho tám biển để biểu dương ; quan địa phương phải thời thường thăm hỏi, để tỏ diễm “nhân thọ”.

Thôi thúc tập hợp biên binh ở Bắc Kỳ về Kinh thao diễn. Đình việc sai quan kiểm duyệt 1 lần.

Đối với biên binh các tỉnh ở Bắc Kỳ, theo lệ, cứ 3 năm một lần chọn phái quan đại thân văn võ chia đi kiểm duyệt. Sang năm, chính là đến kỳ sai quan đi kiểm duyệt. Vua dụ bộ Binh rằng : “Hà Nội, Nam Định, Sơn Tây, Hải Dương, Bắc Ninh là 5 tỉnh lớn, số quân có nhiều, nên triệu về Kinh để cho tập biết kỷ luật. Vậy

(1) *Quân lưu* : tội bị đày ở trong quân.

(2) *Ty tượng* : người thọ làm việc công trong ty.

truyền dụ cho mỗi tỉnh chọn phái 1 quân cơ, 300 binh đinh, khí giới nghiêm chỉnh, để tháng hai sang năm đến Kinh thao diễn. Các biên binh ở chuyển đi này đều được thưởng trước tiền lương 1 tháng ; còn số ở lại hàng ngũ các tỉnh ấy và biên binh 2 tỉnh Ninh Bình, Hưng Yên đều giao cho đốc, phủ, bố, án, lãnh binh sở tại hội đồng giữ phép công mà kiểm duyệt, chia hạng làm danh sách tâu lên, không cần phải chọn phái quan đại thân đi đến làm gì. Lại dụ cho các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định : sang năm chính gặp kỳ thao diễn ở Kinh, duy biên binh các tỉnh đã từng phái đi đóng đồn ở Nam Kỳ, số hiện còn không nhiều, vậy cho đình hoãn 1 lần, đợi lần sau lại chiếu lệ thi hành”.

Thự phủ Quảng Nam - Quảng Ngãi là Ngụy Khắc Tuấn lần lượt tâu bày công việc phòng giữ ở cửa biển Đà Nẵng. Vua giao xuống bộ Binh bàn kỹ. Bộ xin : Phàm biên binh các thành đài đóng giữ ở cửa biển ấy, theo kỳ diễn tập các phép đi, đứng, đánh, dậm, và công việc khi chèo chở, khi phóng nhanh, để cho đều quen thạo. Hàng ngày đem thiên lý kính lên cao, trông ra xa, nếu có thuyền ngoại quốc đến, hễ thấy một hai chiếc thì treo cờ trắng có sắc đỏ để làm hiệu, thấy ba bốn chiếc thì treo cờ trắng có sắc xanh lam để làm hiệu. Thuyền ngoại quốc đến cửa biển, thì không cứ họ bắn súng to mấy phát, ở trên thành chỉ đáp lại 3 phát thôi. Rồi chọn lấy điều giản yếu trong các điều khoản đã nghiêm cấm khi thuyền đỗ và lúc thuyền đi, làm thành văn bản của tỉnh, sai thông ngôn dịch ra tiếng ngoại quốc, để cho họ biết. Nếu họ có yêu cầu đi đến núi Ngũ Hành và các thành đài, cùng là xem đo phân biển, hình núi, thì nên lấy lễ phải mà ngăn cấm, để ngừa sự nom dòm”.

Vua bảo rằng : “Núi Ngũ Hành là nơi rất danh thắng, người ở thuyền ngoại quốc nếu có muốn đến, không phải một mực cấm hẳn, nhưng nên phái người đưa bọn dẫn đầu độ năm sáu người đến chỗ ấy xem thời, không cho họ được tự tiện vào các xóm làng, hoặc sinh tệ khác. Ngoài ra, cho theo nghị thi hành”.

Đề đốc Vĩnh Long, Tán lý cơ vụ ở Trấn Tây là Long Bình nam Tôn Thất Nghị chết, được tặng Đô thống dinh Long vũ, truy phong là Long Bình tử, cho tên thụy là Vũ Dũng. Lại cho gấm màu, sa màu mỗi thứ 4 cây, là, trừu, nhiễu 10 tấm, vải lụa đều 40 tấm, 1.000 quan tiền, và ban tế 1 tuần. Cho 1 người con được theo đường trạm đi về để phù quan tài.

Định rõ điều cấm mua trộm gạo. Tỉnh Quảng Yên, gạo khan. Năm trước, lệ định (năm Minh Mệnh thứ 17, do nghị bộ Hộ được chuẩn y) : 4 huyện, châu Yên Hưng, Nghiêu Phong, Tiên Yên, Hoàn Bồ, số gạo cần dùng, được theo lệ thường, đi đến tỉnh lân cận để mua. Duy châu Vạn Ninh và châu Vân Đồn (sau đổi thuộc tổng Vân Hải, huyện Nghiêu Phong) ở hải đảo xa, không có ruộng để cày cấy được, hàng năm cứ tháng giêng, tháng bảy, đến tỉnh Hải Dương theo số người để lĩnh mua. Đến đây quan tỉnh Quảng Yên dâng số tâu rằng : “Các châu, huyện thuộc hạt

đều là ven biển, phần nhiều có những thuyền nhỏ đi đến tỉnh lân cận mua gạo để buôn lậu. Gần đây có nhiều thuyền người nhà Thanh đi đến, nói thác là đi bắt giặc, nhưng chưa chắc không phải kiếm có để lũng mua gạo. Vậy xin định rõ điều cấm, để cho có hạn độ". Việc giao xuống bộ Hộ nghị lại. Bộ cho rằng lệ định năm trước là cũng châm chước tùy tiện cho dân, duy bọn tiểu dân vụ lợi, coi thường pháp luật, làm việc tư túi, cũng nên định rõ thêm lệ trước. Duy 4 châu huyện Yên Hưng, Tiên Yên, Nghiêu Phong và Hoàn Bồ đi mua gạo, chỉ được đi lại trên sông ; nếu có ra biển làm ăn, thì cứ đầu người nhiều hay ít, lượng tính mà cho mang gạo, tùy từng thuyền tính đầu người mà thôi. Nếu chở trộm để bán, tra ra quả thực, thì chiếu lệ buôn lậu, phạt tội trọng, phát đi đày ; thuyền, hàng hóa và gia sản đều bị tịch ký tất cả để sung thưởng. Lại nghiêm sức cho người coi giữ đồn ở cửa biển phải gia tâm xét hỏi kỹ, nếu nhận của lót mà buông tha, sẽ bị trị tội nặng hơn, còn thì đều theo lệ trước. Vua chuẩn y.

Định rõ lệ biên binh ở Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh chia đóng các nơi. Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, hằng năm, theo lệ, có phái quân ra đóng ở Bắc Kỳ ; đến đây, chuẩn định 2 vệ ở Nghệ An chia đóng ở Hà Nội, Sơn Tây ; 2 vệ ở Thanh Hóa chia đóng ở Bắc Ninh, Hải Dương ; 1 vệ rười ở Hà Tĩnh chia đóng ở Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên đều được phái đi kể từ sau ngày khai ấn sang năm. Còn biên binh đồn trú cũ thì đợi biên binh đồn trú mới đến nơi, đều triệt về đội ngũ trước.

Định rõ điều lệ về thăm cha mẹ và cư tang cha mẹ của quan viên. Lệ cũ, ông bà, cha mẹ của quan viên hiện còn sống, 70 tuổi trở lên, nhà không có con trai thứ, hoặc có anh em nhưng có tật không thể nuôi nấng hầu hạ được, và cha mẹ từ 80 tuổi trở lên, nhà tuy có con trai thứ, nhưng tình nguyện về nuôi cha mẹ, đều cho về quê để nuôi cha mẹ. Quan viên đi làm quá xa, văn tứ phẩm, võ tam phẩm trở lên, nhà có cha mẹ già, quan thượng ty ở trong hạt phải cho người đến thăm hỏi, có bệnh tật thì phái thầy thuốc đến điều trị, khi chết cũng tư báo giúp cho. Còn có người quê nhà thì xa, tiếp được tin buồn của nhà đến nơi, có khi chậm đến vài tháng, quan nhất phẩm về quê trị việc tang thì 12 tháng, nhị phẩm thì 9 tháng, tam phẩm thì 6 tháng, tứ phẩm thì 3 tháng, ngũ phẩm thì 2 tháng, lục, thất phẩm thì 1 tháng, chức giáo thụ, huấn đạo ở các phủ, huyện thì 12 tháng. Nếu gặp tang mẹ đích, mẹ đích không có con, thì quan nhất phẩm được nghỉ giả hạn về trị tang 9 tháng, nhị phẩm 6 tháng, tam phẩm 3 tháng, tứ phẩm 2 tháng ; mẹ đích có con thì quan nhất phẩm được nghỉ giả hạn 6 tháng, nhị phẩm 3 tháng, tam phẩm 2 tháng, tứ phẩm 1 tháng, ngũ phẩm trở xuống, kỳ hạn đã ít, không được ở hạn này.

Văn từ bát phẩm, võ từ lục phẩm trở xuống, nếu gặp có tang cha mẹ, thượng ty cai quản hoặc cho hạn 1 tháng, hoặc vì việc quan cần người, hoặc vì đường sa xa cách, không được viện lệ cho nghỉ. Về việc này, trước kia quan khoa đạo là

Nguyễn Cư Sĩ có đem tâu lên. Vua giao xuống cho bộ Lễ bàn, lại giao cho đình thần xét lại. Đến đây, chuẩn định : từ các viên theo lệ được về nuôi cha mẹ, viên nào có ông bà cha mẹ chưa đến 70 tuổi mà đã từ 60 trở lên, thực là ốm yếu, không được hầu hạ nuôi nấng, nay viên ấy tình nguyện về nuôi cha mẹ thì được ; mẹ đích không có con, tuổi đến 70 trở lên, ở nhà không anh em nào khác có thể hầu hạ nuôi nấng được, cũng được chiếu lệ như mẹ đẻ, chuẩn cho về quê phụng dưỡng. Nếu đi làm quan lâu đã đến 6 năm trở lên chưa từng về quê, nay tình nguyện về thăm cha mẹ hoặc dòi mộ, tảo mộ, mà trong khi làm quan hiện không để thiếu tiền, lương, can liên án kiện, và hiện theo việc sai phái ở trại quân, thì án quan được tự mình tâu bày, văn võ từ ngũ phẩm trở lên và ban văn như các viên giáo thụ, huấn đạo các phủ, huyện phải do quan thượng ty cai quản đề tâu thay cho, văn võ từ lục phẩm trở xuống, đều do quan thượng ty xét thực, chiếu lệ cấp giấy, tư bộ để lưu chiếu. Viên nào nhân có việc quan, đường đi qua quê mình, cũng được về quê thăm cha mẹ, tạ mộ, tảo mộ, nhưng ở lại quê nhà không được quá 5 ngày. Viên nào đương tại chức, chợt nghe tin cha mẹ ốm nguy kịch, cần cấp về thăm, trừ viên nào theo lệ được "tự tâu lấy", còn thì phải có giấy chứng thực của quan địa phương hoặc quan cùng làm việc một chỗ, chuyển tường lên thượng ty cho phép nghỉ 1 tháng, khi hết hạn lại đi cung chức. Quan ngũ, lục, thất phẩm nếu gặp tang mẹ đích cũng chiếu theo lệ quan tứ phẩm. Văn bát phẩm, võ lục phẩm trở xuống đến các thư lại, thông lại, vị nhập lưu gặp tang cha mẹ, đều được nghỉ 1 tháng ; các viên phủ, châu, huyện nếu có để thiếu của kho nhà nước, đánh sống tù phạm, theo lệ dứt khoát phải ở lại ; nếu thức giải binh lương, nã bắt tội phạm là những việc thuộc về việc công, nếu làm chưa xong cũng đều cho nghỉ về quê, lo việc tang. Người được cử làm thay việc công ấy sẽ do bộ bổ. Nếu quan viên đi làm quan xa, gặp tang cha mẹ, thì không cứ ở quê hay ở ngụ sở, cho thân thuộc hay lý dịch chuyển báo quan phủ huyện sở tại bẩm lên quan thượng ty, phân biệt lý sở để đề tư hay chiếu hội. Chức hành tẩu ở Lục bộ và nhân viên chờ bổ ở các tỉnh gặp tang cha mẹ, đều cho hạn 3 tháng ; còn về nuôi hoặc về thăm cha mẹ cũng theo lệ các chức quan.

Tổng đốc Nam Định - Hưng Yên là Phan Bá Đạt phải miễn chức. Cho Tuần phủ Hưng Yên là Phạm Duy Trinh được điệu bổ Tuần phủ Nam Định, hộ lý án quan phòng Tổng đốc Nam Định - Hưng Yên.

Bá Đạt khi mới đến Nam Định, sửa sang mới tề của quan lại, một phương nhờ đó được yên. Dân trong hạt có Vũ Danh Thiện và Trịnh Thế Dụ là côn đồ dữ tợn ; bọn tố giác là Bùi Văn Thạc và Trần Đại Cư vì việc ấy được ra vào ở cửa đốc hộ, bí mật tố cáo là bọn tên Thiện mưu việc phản nghịch. Bá Đạt tin ngay, liền phái đi nã, bắt được gươm giáo ở trong nhà, thì ra bọn Thạc ngấm bỏ tang vật vào, mà Bá Đạt không biết. Tỉnh lại là bọn Nguyễn Văn Quyền nhân thế, cố ý khếp tội, bắt buộc

phải cung liên can, giam cầm đến hơn 200 người. Có nhà giàu là bọn Nguyễn Hồ vài người nộp 700 quan tiền, tình nguyện giúp vào phí tổn, Bá Đạt nhận lấy, đem tất cả chia cấp cho lại dịch và tù ở ngục mà không đầy đủ. Sau đó tên Thiện và tên Dụ đều cho người kiện vượt bậc để biện oan, lại nêu rõ tình tiết quan lại nhận của lót riêng. Vua bèn sai Ngự sử Trần Kinh Vĩ tra hỏi, rồi phái quyền Tả tham tri bộ Hình Trương Văn Uyển đi đến hội tra, thì kẻ phạm tội đổi hết lời cung trước, kẻ tố cáo và tỉnh lại cũng đều thú tội. Bọn Uyển trước hết đem đại khái việc ấy tâu lên. Vua mới sai Bá Đạt và quyền Bố chính Phan Tĩnh, Án sát Nguyễn Danh Phương đều tâu bày cho rõ ràng. Bá Đạt tâu rằng phạm các việc đều cùng bố chính, án sát hội đồng tra xét ; Tĩnh và Dương thì tâu rằng chỉ do tổng đốc tự ý làm, hai ty miễn cưỡng phải theo mà thôi. Khi ấy Bá Đạt và Danh Phương đều phải giáng chức giao cho bộ Lại và viện Đô sát phân biệt nghị xử ; số tiền do nhà giàu quyên ra, lại trách cứ Bá Đạt phải nghiêm truy trả cho kẻ chủ cấp. Còn án làm giặc thì vẫn giao cho bọn Văn Uyển hội đồng với viên Tuần phủ mới là Phạm Duy Trinh tra xét kết nghị. Đến khi Bá Đạt giải chức về Kinh, lại nêu ra việc Văn Uyển bỏ bớt án tình, nghị xử lơ lửng lơ mờ ; Trần Kinh Vĩ thì mang con hát đi chơi đêm, sợ người phát giác trước, mới mưu tính vụ cho để hãm hại. Người kia người này gièm pha lẫn nhau, án ấy đã lâu năm, không thể giải quyết. Sau vua lại giao cho đình thần hội bàn. Khi tâu lên, kẻ tố giác và tỉnh lại đều phải tội : tên Thiện và tên Thế Dụ cũng vì việc khác, phải tội đồ, lưu ; Kinh Vĩ vì hạnh kiểm có khuyết, phạt đánh 100 hồng trượng, phát làm binh ở Hà Tiên ; Danh Phương phải cách chức, theo làm việc ở bộ ; Trương Văn Uyển, Phạm Duy Trinh xét xử không đúng, đều phải giáng 2 cấp, lưu. Bá Đạt tuy không có tình trạng rõ rệt về nhận của lót riêng, nhưng đã làm lụy nhiều người, chiếu lệ phải cách chức. Án chưa tâu lên, Bá Đạt đã bị ốm chết. Bá Đạt là người cương quyết, trong sạch, có khí tiết, nhưng tự cường, dễ lắm, nên vấp phải việc hồng này, sau được truy phục Viên ngoại lang.

Cho : quyền Án sát Bắc Ninh Nguyễn Đồng Khoa bổ thụ Lang trung bộ Lại, thăng quyền Bố chính Hưng Yên, hội đồng với Án sát Nguyễn Hữu Tố, hộ lý án quan phòng Tuần phủ tỉnh Hưng Yên ; Lang trung bộ Binh Trần Mẫn được điệu bổ Án sát sứ Bắc Ninh.

Cho : quyền Bố chính Nam Định Phan Tĩnh được điệu bổ Bố chính sứ Hà Nội ; Bố chính Hà Nội Lê Nguyên Trung điệu bổ Bố chính sứ Nam Định. Vì có Hộ đốc Nam Định - Hưng Yên là Phạm Duy Trinh với Tĩnh là người cùng làng, nên dâng sớ xin tránh.

Bắt đầu đặt chức giáo thụ phủ Diên Khánh, bỏ bớt chức huấn đạo hai huyện Tân Định, Vĩnh Xương, theo lời xin của quan tỉnh Khánh Hòa.

Có hơn 100 quân Man ở Nam Chương lên xuống cướp bóc ở huyện Khâm thuộc phủ Trấn Ninh. Cai tổng mới tạm đặt là Phià Kiệu thân đốc lính thổ đón đánh, chém được một tên giặc tại chỗ ; bọn Man tan vỡ, chạy mất. Việc ấy tâu lên, vua thường cho Kiệu về công chém được giặc : 5 quan tiền, 1 chiếc ngân bài, và cho làm cai tổng.

Bộ Lễ tâu xin truy cấp ruộng thờ cho liệt phụ Hoàng Thị Hân ở Bắc Ninh. Trước kia, khi Thế tổ ở Gia Định, chồng thị là Chiêu thảo sứ Nghệ An là Trần Nguyên Lượng bị giặc Tây Sơn giết chết, thị vượt biển, vào kêu thiết tha, xin tập hợp hào mục lại để báo thù cho chồng. Thế tổ khen là có chí khí, và ưng cho. Sau bị Thù bắt được, thị tự đâm cổ chết. Đến khi đại định, cấp cho Lượng 20 mẫu ruộng thờ tự ; lại thương thị không có con, cấp riêng cho 10 mẫu ruộng ở quê nhà (xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa), cho cháu làm chủ tự. Về sau chủ tự phải tội, ruộng về nhà nước. Đến đây, quan ở bộ tâu rằng thị lúc còn sống là người trinh liệt, há nên để cho không chỗ nương nhờ ? Xin cấp riêng cho 10 mẫu ruộng ở Nghệ An, cùng hợp tự với chồng. Vua y theo lời xin.

Tỉnh Bình Thuận ít mưa. Quan tỉnh thấy 3 lần cầu đảo không ứng nghiệm, lại nhân hết năm, xin thôi việc đảo kế tiếp. Vua bảo rằng : “Việc làm ruộng không thể hoãn được, há nên vì cố tiết năm sắp hết, ngồi nhìn lúa chết khô ư ?”. Bèn sai hết lòng thành cầu đảo kế tiếp, để thỏa lòng mong của nhà làm ruộng.

Cho Phó vệ úy Phạm Văn Huy được tập phong tước Tín Vũ tử. Huy là con trưởng vợ thứ của Tín Vũ hầu Phạm Văn Điển ; vợ cả của Điển không có con. Huy do vợ thứ sinh ra, cho nên tước tập phong hơi kém.

Cho Thị vệ đại thân hội đồng với Cơ mật, Nội các cung kính xem xét thuốc vua dùng. Lệ cũ, khi viện Thái y cung tiến thuốc vua dùng, chỉ do đường quan ở Viện và Các xem xét ; đến đây, mới cho thị vệ, thống quản, quản lĩnh được dự.

Bộ Lễ tâu : Năm nay, có 8 người thọ đến trăm tuổi (tỉnh Quảng Nam 4 người, tỉnh Hà Tĩnh 2 người, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Quảng Ngãi mỗi tỉnh 1 người). Xin cho nêu thưởng theo như lệ.

Định lại ngày tế Hợp hưởng ở các miếu. Dự rằng : “Bản triều lấy ngày 30 tháng chạp, kính làm lễ Hợp hưởng. Và lại, ngày 28 tháng ấy, kính gặp ngày lễ lớn là ngày kỵ Hoàng khảo ta, Thánh tổ Nhân hoàng đế, thì hôm trước phải trai khiết và tắm mặc cát phục thân điển tên vào văn tế, các quan điển tập nghi thức ; nếu là năm tháng ấy thiếu, thì chính gặp vào ngày kỵ, thực là tình lễ khó cả hai. Đã sai bộ Lễ tra kỹ điển lễ các đời, đều làm lễ hợp tế về tháng chạp để báo công năm ấy, nhưng các đời đều tùy tiện, không có ngày giờ ấn định. Và lại, lễ bởi nghĩa mà sinh ra nên không ngại chậm chước bàn định thỏa đáng cho hợp sự nghi. Nay định : lấy

trước ngày 30 tháng ấy 8 ngày, tức là ngày 22, kính làm lễ hợp hưởng ở các miếu, tức như hằng năm, sau ngày Nguyên đán 8 ngày, làm lễ Xuân hưởng. Đầu năm đón điềm lành, cuối năm báo gốc, các quan làm việc, hầu hợp tình và văn. Vậy chuẩn định : Bắt đầu từ năm nay, theo thế mà làm mãi ; duy chỉ đổi ngày, còn tất cả nghi thức tiết văn đều làm theo lệ từ trước. Lại giao bộ Lễ chiếu theo năm Minh Mệnh thứ nhất, lại làm lễ dâng tiến ngày 30 tháng chạp, theo như nghi lệ 3 ngày tết Nguyên đán, càng tỏ lòng rất hậu. Có các nghi chú để thi hành, giao cho quan ở bộ bàn kỹ tâu lên". Khi nghị của bộ dâng lên, đều được thi hành như lời xin. (Hằng năm, tháng chạp làm lễ "tuế trừ" (tháng đủ, vào ngày 30 ; tháng thiếu vào ngày 29) ; trước khi ấy, Tôn nhân phủ hội đồng với bộ Lễ dâng sớ xin cho hoàng tử, hoàng thân được sung kiêm việc tế, cứ theo lệ tư sang ; đến ngày làm lễ, trống canh năm, sau khi bán sùng, hữu ty bày đặt cỗ bàn, vàng bạc, hương đèn, các hạng lễ phẩm ở các miếu đều đủ cả, biên binh thì bày hàng lỗ bộ, nghi trượng, nhã nhạc ở hai bên tả hữu trước sân miếu, hoàng tử, hoàng thân đều mặc áo thêu con mãng xà, chia đến các miếu đứng chờ làm lễ "tuế trừ" (tế một tuần rượu, không có văn khấn) ; lễ xong, hữu ty chiếu lệ, dụng nêu, hoàng tử, hoàng thân và lỗ bộ, nghi trượng, nhã nhạc, đều lui ra, đến chiều hôm ấy, vẫn theo lệ làm lễ "trừ tịch".

- Từ trước, hằng năm, kính gặp lễ tuế trừ⁽¹⁾ và ngày mồng hai tết Nguyên đán ở các miếu, nghi tiết : làm lễ một tuần rượu ; các ngày mồng một, mồng ba, nghi tiết : làm lễ ba tuần rượu, đều không văn khấn ; nay làm lễ tuế trừ, xin làm theo lệ tiết ngày tuế trừ và ngày mồng hai tết Nguyên đán như năm trước.

- Từ trước, hằng năm, kính gặp lễ tuế trừ và các ngày mồng một, mồng hai, mồng ba tết Nguyên đán ở các miếu, về lễ phẩm dùng chung : ở Triệu miếu, Thái miếu, Hưng miếu, mỗi án 1 mâm cỗ hạng nhất ; ở Thế miếu, chính án, 3 mâm cỗ hạng nhất ; từ nay được đổi đến ngày tuế trừ, làm lễ Hợp hưởng, còn lễ tuế trừ đã được bỏ bớt ; chỉ có 3 lễ về tết Nguyên đán ; và án bên tả ở Thế miếu, từ trước đến giờ chưa làm lễ tuế trừ, về ngày mồng 3 tết Nguyên đán đều được tiến dâng 3 mâm cỗ hạng nhất. Các lễ trên đây đều có vàng bạc, hương đèn, trâu rượu, các hạng đều đủ ; nay lại làm lễ tuế trừ, lễ phẩm dùng chung : án chính ở Triệu miếu, Thái miếu, Hưng miếu, Thế miếu, đều làm theo như lệ cũ ; án bên tả ở Thế miếu có dâng tiến lễ phẩm, nhưng chiếu theo lễ phẩm án chính mà làm.

- Từ trước, hằng năm, kính gặp lễ tuế trừ và các ngày mồng một, mồng hai, mồng ba tết Nguyên đán ở các miếu, các án công thần được phối hưởng và án thổ công đều có dùng cả lễ phẩm cỗ bàn, nay lại làm lễ tuế trừ, đều xin làm theo như lệ cũ).

(1) Tuế trừ : ngày trừ tịch, tức ngày 30 tết hằng năm.

Chuẩn định áo mũ cho lễ sinh hiệu ở Văn Miếu, cứ 5 năm một lần đổi.

Định rõ lệ thưởng phạt về khai khẩn ruộng Nam Kỳ (Quan tỉnh khai khẩn thêm không đến 300 mẫu, các viên phủ huyện không đến 100 mẫu, cai phó tổng không đến 50 mẫu, xã thôn trưởng không đến 20 mẫu, đều không nên bàn. Còn quan tỉnh khai khẩn thêm từ 300 mẫu trở lên, được thưởng kỷ lục 1 thứ, 500 mẫu trở lên được thưởng kỷ lục 2 thứ, 700 mẫu trở lên được thưởng kỷ lục 3 thứ, 900 mẫu trở lên được thưởng gia 1 cấp, 1.100 mẫu trở lên được thưởng gia 1 cấp và kỷ lục 1 thứ, 1.300 mẫu trở lên được thưởng gia 1 cấp và kỷ lục 2 thứ, 1.500 mẫu trở lên được thưởng gia 1 cấp và kỷ lục 3 thứ, 1.700 mẫu trở lên được thưởng gia 2 cấp ; sau này cứ mỗi 100 mẫu được gia kỷ lục 2 thứ. Các viên phủ huyện khai khẩn thêm từ 100 mẫu trở lên được thưởng 3 tháng tiền lương, 200 mẫu trở lên được thưởng kỷ lục 1 thứ, 400 mẫu trở lên được thưởng kỷ lục 2 thứ, 600 mẫu trở lên được thưởng kỷ lục 3 thứ, 800 mẫu trở lên được thưởng gia 1 cấp, 1.000 mẫu trở lên được thưởng gia 1 cấp và kỷ lục 1 thứ, 1.200 mẫu trở lên được thưởng gia 1 cấp và kỷ lục 2 thứ, 1.400 mẫu trở lên được thưởng gia 1 cấp và kỷ lục 3 thứ, 1.600 mẫu trở lên được thưởng gia 2 cấp ; sau này cứ mỗi 200 mẫu được gia kỷ lục 1 thứ. Các phó tổng từ 50 mẫu trở lên được thưởng 5 quan tiền, 100 mẫu trở lên được thưởng 10 quan tiền, 200 mẫu trở lên được thưởng 15 quan tiền, 300 mẫu trở lên được thưởng 20 quan tiền, 400 mẫu trở lên được thưởng 25 quan tiền, 500 mẫu trở lên được thưởng 30 quan tiền, 600 mẫu trở lên được thưởng 35 quan tiền, 700 mẫu trở lên được thưởng 40 quan tiền, 800 mẫu trở lên được thưởng 45 quan tiền, 900 mẫu trở lên được thưởng 50 quan tiền, 1.000 mẫu trở lên cai tổng được thưởng thụ chánh cửu phẩm bá hộ ; là cai tổng thí sai thì được thực thụ, là phó tổng ngoại ủy thì được làm cai tổng ; xã thôn trưởng từ 20 mẫu trở lên được thưởng 5 quan tiền, 50 mẫu trở lên được thưởng 10 quan tiền, 100 mẫu trở lên được thưởng 15 quan tiền, 200 mẫu trở lên được thưởng 20 quan tiền, 300 mẫu trở lên được thưởng 25 quan tiền, 400 mẫu trở lên được thưởng 30 quan tiền, 500 mẫu trở lên được thưởng 55 quan tiền, 600 mẫu trở lên được thưởng 40 quan tiền, 700 mẫu trở lên được thưởng 45 quan tiền, 800 mẫu trở lên được thưởng 50 quan tiền, 900 mẫu trở lên được thưởng 55 quan tiền, 1.000 mẫu trở lên ghi tên cho làm cai tổng thí sai. Nếu hạt nào vì bỏ hoang, giảm sút ruộng thuộc, thêm ra số bỏ hoang, thì quan tỉnh và các viên phủ huyện đều cứ số thực trưng trước trong hạt mình là bao nhiêu chia làm 100 thành, đem số bỏ hoang ấy chiết tính, rồi kê bỏ hoang là bao nhiêu thành, phân biệt nghị phạt. Về tội quan tỉnh : bỏ hoang không đến 1 thành thì phạt lương 6 tháng, 3 thành trở lên phạt lương 9 tháng, 5 thành trở lên phạt lương 1 năm, 7 thành trở lên phải giáng 1 cấp, lưu, 9 thành trở lên phải giáng 2 cấp, lưu, 11 thành trở lên phải giáng 3 cấp, lưu, 13 thành trở lên chỉ giáng 4 cấp, nhưng phải điều đi nơi khác ; tội các viên phủ huyện : bỏ

hoang không đến 1 phần trăm thành thì phạt lương 6 tháng, 1 thành trở lên phạt lương 9 tháng, 3 thành trở lên phạt lương 1 năm, 5 thành trở lên phải giáng 1 cấp, lưu, 7 thành trở lên phải giáng 2 cấp, lưu, 9 thành trở lên phải giáng 3 cấp, lưu, 11 thành trở lên chỉ giáng 4 cấp nhưng đi nơi khác ; cai phó tổng bỏ hoang từ 1 mẫu đến 19 mẫu phải đánh 50 roi, 20 mẫu trở lên phạt 60 trượng, 40 mẫu trở lên phạt 70 trượng, 60 mẫu trở lên phạt 80 trượng, 80 mẫu trở lên phạt 90 trượng, đều được lưu làm việc, 100 mẫu trở lên phạt trượng và cách chức ; xã thôn trưởng bỏ hoang từ 1 mẫu đến 9 mẫu phải đánh 50 roi, 10 mẫu trở lên phải phạt 60 trượng, 20 mẫu trở lên phải phạt 70 trượng, 30 mẫu trở lên phạt 80 trượng, 40 mẫu trở lên phạt 90 trượng, đều được lưu làm việc, 50 mẫu trở lên phải phạt trượng và bãi dịch. Từ nay về sau, mỗi khi đến cuối năm, ở Nam Kỳ đều cứ số ruộng đất thực trưng trước ở các huyện trong hạt và các sổ khai khẩn hoặc bỏ hoang bao nhiêu, làm thành danh sách, do bộ theo lệ thi hành.

Vua nghĩ rằng An Khánh công Quang, Nghĩa quốc công Miên Tể trước kia chết đi, hoặc chủ việc thờ cúng thiếu người, hoặc con còn trẻ thơ, rất lấy làm thương, lại sai Tôn nhân phủ hội đồng với bộ Lễ, phạm tất cả việc thờ cúng, cần được hậu hơn.

Định rõ lệ cấp miếu phu ở miếu thờ đế vương các đời. Trước kia, Khâm sai đại thần là bọn Vũ Xuân Cẩn, Hoàng Tế Mỹ tâu rằng : "Dân các xã ở Bắc Kỳ kêu xin chiếu cấp miếu phu và sái phu⁽¹⁾ ở miếu thờ đế vương các đời, xin giao bộ Lễ tư tra chức nghị". Đến đây, bộ Lễ tâu rằng : "Nước ta suy ơn đời trước, đã sửa mô mã, dựng mộ chí, lại cấp cho miếu phu, để giữ việc thờ cúng ; duy số ngạch nhiều hay ít không đều, cũng có chỗ chưa được cấp cho, hưởng chi miếu đế vương các đời ở Kinh được cấp miếu phu chỉ 20 người, mà ở các địa phương hoặc đến 50 người, cũng chưa thỏa đáng, trong đó Kinh Dương Vương (làng Á Lữ, huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh thờ), Hùng Vương (làng Nghĩa Cương, huyện Sơn Vi, tỉnh Sơn Tây thờ), Thục An Dương Vương (một đền ở xã Cổ Loa, huyện Đông Ngạn, tỉnh Bắc Ninh ; một đền ở 3 xã Hương Ái, Tập Phúc, Hương Quan, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An cùng thờ), Đinh Tiên Hoàng đế (xã Trường An thượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình thờ), Lê Đại Hành hoàng đế (xã Trường An hạ, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình thờ), tám vua triều nhà Lý (xã Đình Bảng, huyện Đông Ngạn, tỉnh Bắc Ninh thờ), 12 vua triều nhà Trần (xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định thờ), các vua triều nhà Lê (xã Bố Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa thờ), Mai Hắc Đế (4 thôn thuộc xã Hương Lãm, huyện Nam Đường, tỉnh Nghệ An thờ), Tiên Ngô Vương (xã Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây thờ). Các đền, hoặc là nơi

(1) Miếu phu : người giữ việc trông nom miếu thờ. Sái phu : người giữ việc quét tước đền miếu.

phát tích, hoặc là lãng tẩm ở đấy, xin đều cấp miếu phu, lấy 20 người làm chuẩn. Thái thú Giao Châu là Sĩ Nhiếp, tuy không phải là chính thống, nhưng vẫn tự nước Nam thực do ông xưng lên đầu tiên, xin cũng nhất luật cấp cho. Đôi khi có một chỗ 2 đền, cũng lấy số ấy chia cấp, nhiều thì bớt đi, thiếu thì mộ thêm. Ngoài ra như xã Vi Cương ở Sơn Tây (thờ Hùng Vương), xã Xuân Quan ở Bắc Ninh (thờ Triệu Vũ đế), phường Na Lữ ở Cao Bằng (thờ Thái tổ nhà Lê), xã Đạm Thủy ở Hải Dương (thờ Thuận Tông nhà Trần), xã Phù Chẩn ở Bắc Ninh (thờ Uy Mục đế nhà Lê), xã Mỹ Xá ở Hưng Yên (thờ Tương Dực đế, Cung hoàng đế, Kiến hoàng đế, Triết hoàng đế nhà Lê), xã Bạch Hà ở Nghệ An (thờ Trang Tông nhà Lê), xã Đông Nhân châu ở Hà Nội (thờ Trung nữ vương) ; các xã Cam Giá Thịnh, Đông Sàng, Mông Phụ, Cam Lâm ở Sơn Tây (cùng thờ Bố Cái đại vương), hai xã Thượng Xá, Hạ Xá ở Nghệ An (thờ Thực An Dương Vương), xã Thường Vệ ở Ninh Bình (thờ Đinh Tiên Hoàng đế), xã Trung Lập ở Thanh Hóa, xã Ninh Thát ở Hà Nội (cùng thờ Lê Đại Hành hoàng đế), xã Thái Đường ở Hưng Yên (thờ Thái Tổ, Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông nhà Trần), thôn Bình Trung ở Nghệ An (thờ Trang Tông nhà Lê), xã Trinh Hà ở Thanh Hóa, xã Đông Cầu ở Nghệ An (cùng thờ Triệu Việt Vương), xã Lộc Điền ở Nghệ An (thờ Thái Tổ, Thái Tông, Thánh Tông nhà Lê), xã Tử Đường ở Nam Định (thờ Lý Nam Đế) ; hoặc là truy nhớ công đức, hoặc đóng quân để giữ, đều không phải là nơi phát tích, đều thôi không cấp miếu phu để có phân biệt.

Vua chuẩn y nghị ấy, rồi Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giai lại tâu : miếu Hùng Vương nguyên làm ở đỉnh núi, tất cả có 3 sở, xin cứ để ngạch cũ là 50 người. Vua y cho.

Quan tỉnh Phú Yên tâu rằng : "Sang năm, kính gặp tiết tứ tuần đại khánh, hai nước Thủy Xá, Hỏa Xá cầu xin dâng cả 2 lễ chúc mừng và tuế cống, chọn ủy bồi thân đến Kinh, để kịp ngày đại khánh vào chiêm yết". Vua dụ rằng : "Hai nước ấy được liệt vào hàng phong làm phiên quốc, kính theo lễ độ chư hầu, sang năm là kỳ dâng cống của hai nước chính gặp vào tiết đại khánh. Quốc vương 2 nước ấy ngưỡng mộ phong hóa nhà vua, vui xem thịnh điển, tình nguyện dâng lễ chúc mừng, là xuất từ lòng thành, thực đáng khen. Nên gia ơn cho sứ thần kia được đến kỳ về Kinh, theo ban vào chúc mừng, để yên lòng kẻ ở phương xa. Lễ phẩm chúc mừng đệ lên, chuẩn cho thu lấy. Lại gia ơn để làm cống phẩm năm sau. Kỳ cống lần sau, miễn cho lại đem trình đệ, để tỏ ý vỗ về đối với người xa, yên ủi các nước chư hầu".

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LIV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHUƠNG HOÀNG ĐẾ

Bính Ngọ, Thiệu Trị năm thứ 6 [1846] (ngang với năm Đạo Quang thứ 26 nhà Thanh) mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, Đinh Tỵ.

Vua đem các quan vào châu cung Từ Thọ. Làm lễ xong, vua ngự điện Thái Hoà. Các quan dâng biểu mừng, đều hô vạn tuế. Vua ban ân chiếu ở cửa Ngọ Môn. Chiếu rằng :

“Trẫm nghĩ : trời đất sinh vật về mùa xuân, hợp thái hoà cho muôn loại ; Vương giả thuận thời ra mệnh lệnh, ban phúc lành cho triệu dân, là theo trời để trị người, mà hưởng thọ ở được phúc. Trẫm nối theo lịch số, noi giữ phép xưa. Theo đức tốt, nói lời hay, dốc lòng cung kính ; răn việc làm, xét pháp độ, cố gắng không ngừng. Phàm một chính lệnh ban ra, rất mong kính thuận đạo trời, kính thuận mưu trước, để giữ được dân này, giữ được mệnh này mãi mãi. Nhờ trời đất thần kỳ hết lòng giúp, tôn miếu xã tắc thêm phúc lành. Thời tiết thuận, năm được mùa. Trong nước yên, phương ngoài phục. Khí hoà khắp cả trong nước, phúc lớn hợp vào nhà vua.

“Nhờ Thánh tổ mẫu ta, Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Khang ninh Thái hoàng thái hậu : cứu như ⁽¹⁾ chúc phúc, ngũ đại đồng đường. Nét mặt hoà vui, thoả dạ chín châu phụng dưỡng ; cửa từ rộng mở, khắp cả thiên hạ đều nhờ. Năm nay trăm tới tứ

(1) *Cứu như* : 9 chữ “như” đã chú thích ở trên.

tuần, được Hoàng tổ ban phúc cho, kính đức những mong lâu mãi. Đón phúc lớn của nhà nước, chúc phúc tin hợp lòng dân, sẽ lấy ngày sinh nhật tháng 5 làm khánh điển. Nay là đầu tam dương khai thái, ơn mới dồi dào ; để chính sự được tốt ở hợp thời, để diêm lành được hợp với năm mới, nên có ban ơn tất cả 21 điều :

(- Hoàng tử, hoàng tôn, hoàng thân và các quan viên đều được ban thưởng, cho tiệc yến 1 lần và gia thưởng kim tiền, ngân tiền có từng bậc.

- Đàn Xả Tắc, miếu Đế vương, Văn miếu, Võ miếu, miếu Đô thành hoàng và thần kỹ có trong tự điển trong Kinh ngoài trấn đều được tế 1 tuần.

- Thân các núi có danh tiếng, thân các sông lớn ở các địa phương đều được tế 1 tuần.

- Lãng tẩm đế vương các đời, do quan địa phương khám xét, nếu có hư hỏng, phải sửa sang chỉnh đốn.

- Tiền thuế thân, tiền đầu lỗi, tiền tạp dịch ở các địa phương về năm Thiệu Trị thứ 6, đều được tạm hoãn 5 phần 10.

- Năm nay là năm Bính Ngọ, có khoa thi Hương, sang năm là năm Đinh Mùi có khoa thi Hội, chuẩn cho mùa thu năm nay thi Hương, mùa xuân sang năm thi Hội, để làm ân khoa ; còn khoa chính năm Bính Ngọ, lui đến sang năm ; mùa thu năm Đinh Mùi, thi Hương ; năm sau, mùa xuân năm Mậu Thân, thi Hội.

- Quan viên lớn hay nhỏ ở trong Kinh, ngoài tỉnh đôi khi vì việc công phạm lỗi, đã phải phân xử phạt lương, đều cho tha cả.

- Đội trưởng được bằng cấp ngoại uỷ, khoá đủ 6 năm trở lên, đều cho thực thụ.

- Biên binh được đến điểm duyệt ở Kinh, chiếu theo thực số, đều được thưởng 1 quan tiền.

- Giản binh ở các hạt, được chiếu hiện số tại ngũ, từ tháng giêng đến tháng 6, đều cấp đủ 1 quan tiền.

- Các lính trạm, cấp cho tiền lương từ tháng giêng đến tháng 6 có từng bậc.

- Lục tỉnh ở Nam Kỳ điều háo, các xã thôn nhiều năm thiếu lính, thiếu thuế, cho lùì niên hạn có từng bậc.

- Thuế lệ phải nộp về năm Thiệu Trị thứ 5 ở 9 châu Cam Lộ, đã lùì đến năm thứ 6, số còn phải nộp, lượng cho tha, giảm.

- Các địa phương nếu có người tài nghệ giỏi giang, xét cử lên để lục dụng.

- Ở trong Kinh và ngoài tỉnh nếu có người văn đọc binh thư, dũng cảm, biết binh pháp, đều xét cử lên để lục dụng.

- Thuế mỏ ở địa phương, số thiếu đã lâu là bao nhiêu, lượng cho tha, giảm.

- Việc gốc của thiên hạ là nghề nông. Nếu có người nào chăm việc gốc, quan địa phương đề đạt lên để khen thưởng.

- Từ cuối tháng 12 năm Thiệu Trị thứ 5 trở về trước, có những nhân viên phải tội cách bãi, do bộ chia từng hạng làm danh sách tâu lên để lượng cho lục dụng.

- Từ cuối tháng 12 năm Thiệu Trị thứ 5 trở về trước, những phạm nhân đã phải kết án tử hình về tạp phạm, nhưng tình có chỗ nên tha, do bộ khai rõ, làm danh sách tâu lên để lượng cho giảm bạc.

- Các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Hà Nội, Nam Định, và Sơn Tây, Hưng Yên, năm ngoái, lúa có thiệt hại, đều được tha hay giảm có từng bạc.

- Các hạng tù phạm phải đầy ở trong quân làm binh, làm đầy tớ, không cứ đã đến chỗ đầy hay chưa đến chỗ đầy, đều được khai tha, lượng cho khu xử để đều ở yên).

“Than ôi ! năm mới ban ơn, cho trăm họ thấm nhuần lợi tốt ; cỡi thọ dài hưởng, được muôn năm nhờ phúc thặng bình. Bá cáo trong ngoài, cho đều biết cả”.

Ban yến cho các quan văn võ có từng bạc. Lệ cũ, đầu xuân ban ơn, văn từ chánh lục phẩm, võ từ chánh ngũ phẩm trở lên mới được dự ; năm nay gặp tiết từ tuần đại khánh, ân điển đặc biệt nhiều hơn. Trước khi ấy, sai quyền Đô thống Tôn Thất Bật, Tham tri Lý Văn Phúc, Phạm Thế Hiển sung làm đại thần chiếu liệu việc ban yến Lang trung Hoàng Trọng Từ, Tôn Thất Cẩn, Chương án Cấp sự trung Ngô Bình Đức, Lê Di sung tuỳ biện. Phàm phẩm hạng ban yến đều kiểm duyệt trước. Đến ngày, ban yến cho văn từ ngũ phẩm, võ từ tứ phẩm trở lên ở điện Cần chính và 5 bên hành lang. Ngày hôm sau, thì ban văn, về chính giai Tôn nhân phủ, Lục bộ, viện Cơ mật, Nội các, viện Đô sát, ty Thông chính, Đại lý tự ; về tản giai (Thái thường tự, Quang lộc tự, viện Hàn lâm, Quốc tử giám, Nội vụ phủ, Vũ khố, Thương trường, Mộc thương, Tào chính, Khâm thiên giám, ty Từ tế, ty Điền nghi, Viện Thái y, ty Cần tìn, ty Hộ thành binh mã), đều từ chánh thất phẩm trở lên ; ban võ, về chính ngạch (các quân, các bảo, Cẩm y, Kim ngô, Loan giá, Tứ ngũ đẳng thị vệ, Vũ lâm, ngũ dinh Kỳ võ, Kinh tượng, Thượng tứ ; các dinh, vệ, ty, viện, đội Long thuyền, Thủy sư, ty Từ tế, ty Hoả pháo, viện Vũ bị, viện Thượng trà, Thượng thiện, Phụng thiện, Tài thụ, Anh danh, Giáo dưỡng, Vống thành, Giám thành, Thủ hộ), từ suất đội thực thụ trở lên, cho ăn yến ở xưởng Tượng quân 2 bên tả hữu. Lại đến ngày hôm sau, ban yến cho Tôn thất ngành gân, con cháu thân phiến ở nhà Duyệt Thị. Phàm những người dự yến đều được thưởng thêm kim tiền và ngân tiền.

Cho : Tả tham tri bộ Binh Lâm Duy Thiếp thặng quyền Thượng thư bộ Công, văn sung quản lĩnh Thị vệ đại thân ; quyền Tả tham tri bộ Công Lê Khánh Trình điệu bổ quyền Tả tham tri bộ Binh ; Tả thị lang bộ Binh Hoàng Tế Mỹ thặng quyền Hữu tham tri bộ ấy ; Lang trung bộ Công sung biện công việc các Thương trường

Trần Đăng Chí thăng quyền Thị lang ở Thương trường ; Lang trung ty Điển nghi Tôn Thất Đức thăng quyền Thủ hộ phó sứ ; Lang trung ty Mộc thương Trần Văn Nguyễn thăng quyền Thái bộc Tự khanh quản lý công việc Nội vụ phủ ; Hồng lô Tự khanh Đỗ Tuấn Đại thăng quyền Hữu thị lang bộ Công ; Lang trung Thương trường Nguyễn Hữu Sách điều bổ Lang trung Mộc thương ; quyền Lang trung bộ Công Nguyễn Ba bổ thụ Lang trung bộ Lại ; Viên ngoại lang bộ Binh Vũ Duy Ninh thăng thụ Chương ấn Cấp sự trung ở Hộ khoa.

Bổ Bùi Quĩ làm Hữu tham tri bộ Hình ; Nguyễn Văn Điển làm Hữu tham tri bộ Công ; Tôn Thất Bồi làm Lang trung bộ Lại kiêm quyền Tả tá lý ở Tôn nhân phủ ; Tôn Thất Thận làm Lang trung bộ Hộ ; Vũ Trọng Bình, Lê Kinh Tế làm Lang trung bộ Lễ ; Đặng Bá Văn làm Lang trung bộ Binh ; Đặng Quốc Lang làm Lang trung bộ Hình ; Trần Viết Cật làm Viện sứ Thái y ; Nguyễn Kim Thuận làm Chương ấn Cấp sự trung ở Lại khoa.

Cho : Tuần phủ Hải Dương hộ lý Tổng đốc Hải Dương - Quảng Yên là Đặng Đức Thiệm thăng quyền Tổng đốc Hải Dương - Quảng Yên ; Chương vệ hộ lý Tổng đốc Bắc Ninh - Thái Nguyên là Giáp Văn Tân thăng quyền Tổng đốc Bắc Ninh - Thái Nguyên. Bổ : Lê Trường Danh làm Tuần phủ Quảng Trị - Quảng Bình ; Nguyễn Đức Hộ làm Bố chính Quảng Ngãi ; Vũ Đĩnh làm Án sát Biên Hoà ; Nguyễn Khắc Trạch làm Án sát Hải Dương ; Lê Duy Trung làm Đốc học Thanh Hoá.

Bổ : Nguyễn Phượng làm Chương vệ, vẫn tạm giữ ấn triện dinh Hồ oai ; Tôn Thất Cung làm Chương vệ vẫn tạm giữ ấn triện dinh Kỳ võ ; Nguyễn Tuấn làm Chỉ huy sứ vệ Cẩm y, chuyên cai quản các đội Túc trực ; Trần Kim làm Chỉ huy sứ vệ Cẩm y, chuyên giữ các đội Trường trực, Thường trực ; Nguyễn Như Chương làm Phó vệ úy Nhị vệ Kinh tượng.

Cho : Vệ úy vệ Tả nhị dinh Vũ lâm là Lê Chỉ Tín thăng quyền Chương vệ, vẫn cai quản các đội Dục vũ, Dục chấn, sung hiệp lĩnh Thị vệ trực ban ; Phó vệ úy vệ Tiên, dinh Hùng nhuệ là Vũ Huy Dụng thăng quyền Vệ úy vệ ấy, vẫn sung hiệp lĩnh Thị vệ trực ban, kiêm cai quản các đội Dục hùng, Thượng thiện ; Viện sứ viện Thượng trà là Lê Mậu Hạnh thăng quyền nhất đẳng Thị vệ vẫn sung hiệp lĩnh Thị vệ trực ban, kiêm cai quản các đội Phụng thiện, Lý thiện, Thanh bình, quyền Nhị đẳng Thị vệ là Hồ Đăng Tuấn thăng quyền Viện sứ viện Thượng trà ; Tam đẳng thị vệ Tôn Thất Hoà, Nguyễn Đình Hỉ, Nguyễn Đức Tề đều thăng bổ Nhị đẳng Thị vệ ; Tứ đẳng Thị vệ Phan Long, Dương Đức Thông, Ngũ đẳng Thị vệ là Hà Đắc Thụy đều thăng bổ Tam đẳng Thị vệ ; quản vệ Tiên nhị dinh Vũ lâm ; Quản cơ Trần Quang Tú thăng quyền Phó vệ úy vẫn sung Hữu vệ dinh Hồ oai.

Vua bảo quan bộ Lễ rằng : “Năm nay gặp lễ tứ tuần vạn thọ đại khánh của trăm, nên nhân dịp, gia ơn hậu để yêu nuôi người già. Chuẩn cho bộ tra xét việc cho dân uống rượu ăn yến về năm Minh Mệnh thứ 11, chỉ ở Kinh sư thôi, hay là có khắp cả các địa phương ; lại như năm thứ 21, ở Kinh sư và các địa phương có cho dân uống rượu ăn yến. Sự thể thế nào, làm sơ trình lên vua xem”. Quan ở bộ dâng sơ tâu rằng : “Năm trước có cả việc người già vào chiêm bái rồi cho ăn yến”. Vua bảo rằng : “Đến ngày ấy, các người già ở Kinh, thì do lễ thân dẫn vào chiêm bái ở trước lầu kết hoa ; các người già ở ngoài tỉnh đều đến hành cung ở tỉnh chiêm bái, ngày hôm sau, cho ăn yến, ban ơn hoặc 3 ngày hay 1 ngày cũng được”.

Văn Minh điện Đại học sĩ Trương Đăng Quế bị ốm. Vua bảo Hoàng Tế Mỹ rằng : “Kể trung thân tất phải yêu vua, mà yêu vua phải trước giữ thân mình, Đăng Quế là người sớm khuya không lười, trăm vẫn biết lắm. Nên tỏ ý trăm để cho Đăng Quế yên lòng điều dưỡng, chóng được bình phục, chớ vội tự miễn cưỡng làm gì”. Đến khi khỏi bệnh, Đăng Quế vào hầu, vua bảo rằng : “Hiện nay nhà nước công việc nhàn rãi, người nên giữ gìn, 3 hay 5 ngày một lần vào châu, để được lành mạnh như thường, nếu có việc gì quan trọng to tát, tức khắc cho triệu vào cùng bàn cũng được”.

Quan tỉnh Ninh Bình tâu rằng : Quyển Tri phủ phủ Quảng Oai là Nguyễn Quý Tân đến nhận chức, lấy phu trạm chạy trạm riêng về quê. Quan bộ Binh nghị phải phạt trạm và tội đồ.

Vua cho Quý Tân là khoa giáp xuất thân, sơ học tân tiến ; chuẩn cho cách chức, theo làm việc ở bộ.

Tư nghiệp Quốc tử giám là Phạm Gia Chuyên bị ốm, lấy Chương án Giám sát ngự sử đạo Kinh kỳ là Nguyễn Công Hợp điều bổ làm Tư nghiệp Quốc tử giám.

Vua cho chỗ đại học là để gây dựng nhân tài, mà kỳ thi gần đến, không thể để thiếu chức ấy ; Hợp trước làm Đốc học Hà Tĩnh, vốn có tiếng là danh sĩ, nên có mệnh này.

Ngày Giáp Tý, tế Xuân hương.

Thượng thư bộ Lễ sung Cơ mật viện đại thân kiêm quản Hàn lâm viện là Nguyễn Trung Mậu bị ốm. Cho quyền Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hình là Đặng Văn Thiêm sung làm Cơ mật viện đại thân ; Tả tham tri bộ Lễ là Lý Văn Phúc kiêm giữ ấn triện Hàn lâm viện. Phúc từ chối vì việc ở bộ rất nhiều, mới đổi giao cho Hoàng Tế Mỹ kiêm giữ chức ấy.

Vua dụ cho quan ở Nội các chọn ngày tốt sai thợ khắc một bộ ấn vàng đồ thư (3 quả lớn : 1 quả khắc chữ “Kinh diên chi tử”, lại khắc nổi chữ “Cửu đạo hoá thành”, khắc chìm chữ “Văn hán chương thiên”, mỗi thứ 1 quả ; 2 quả nhỏ : 1 quả

khắc nổi chữ “Học cổ”, 1 quả khắc chìm chữ “Hội tâm”, còn lối chữ và nét khắc cốt phải thưa, ít, chân thật.

Vua dụ rằng : “Ngày trước bề tôi nhà Thanh có người tự đặt hiệu là “Nhị hi”, Cao Tông nhà Thanh nghĩ là người bạn học cũ khi chưa làm vua, lại đặt thêm cho là “Tam hi” vì lấy nghĩa rằng “hi thiên”, “hi thánh”, “hi hiền”⁽¹⁾. Xưng hiệu đại loại như thế, thực chưa nhũn, chưa nhã. Trẫm nay lấy các chữ “Học cổ, Hội tâm” để xưng hiệu, không biết người xưa từng đã đặt chữ ấy chưa ? Nên phải xét kỹ”.

Quyền Bố chính Quảng Bình là Nguyễn Văn Đạt phải cách chức. Đạt trước kia khai lộn cả quý giặc (bề tôi họ Trịnh là Phạm Đức Cồn) vào sách phong, đình thần nghị phạt trọng tội đồ. Vì Đạt còn can án về việc gỗ, nên mới đổi phải cách, lưu. Đến đây, dâng sớ cử quan, lại có lỗi.

Vua bảo quan Nội các là bọn Nguyễn Đức Chính rằng : Đạt không để tâm vào của kho nhà nước, hòa nghe thuộc lại ở tỉnh là bọn Lê Nãi, Nguyễn Đăng Hoá, Vũ Đăng Khoa riêng tự bóc lột hút dầu mỡ dân cho đầy túi riêng ; năm trước tải nộp gỗ, bị viên giữ kho kiểm tra có nhiều gỗ mục nát, đem khoản ấy ra nghiêm hạch, người chuyên biện là bọn Lê Nãi, theo nghị của bộ, đã bị mất việc. Chỉ vua sáng rục rờ, nghiêm ngặt đến bậc nào, Đạt sao không nghĩ bọn ấy là do mình giao việc cho, tội của bọn ấy không phải là tội của mình ư ? Đã không biết lỗi ấy, còn dám cố ý trái Chi, lại tâu nhằm xin cho bọn chúng được cứ tại chức để làm việc, thật sao không biết pháp luật đến thế ! Rồi Đạt phải tội cách, giam cấm, chờ án. Cho quyền Án sát Hà Tĩnh là Trương Đăng Đệ bổ thụ Lang trung bộ Lễ là Vũ Trọng Bình điều bổ Án sát Hà Tĩnh. Trước đây, gỗ ở Quảng Bình để thiếu đã lâu, kể có hàng nghìn hàng vạn, bị phái viên thanh tra là Chu Hữu Đức xét ra, xét xử chưa xong, lại sai quan khoa đạo là Hà Đông Chính đi đến, hội đồng với quan tỉnh để xét lại.

Dem quyền Phó vệ úy Tiên vệ dinh Thân cơ là Tôn Thất Sự điều bổ quyền Phó vệ úy vệ Nhất thuộc Tiên bảo Tiên quân.

Vua bảo quan bộ Binh rằng : “Tiết đại khánh năm Minh Mệnh thứ 11, ngày hôm ấy, nha phủ huyện các trực tỉnh đều có bắn súng mừng. Và lại, nha phủ huyện cũng có chỗ địa thế chật hẹp, hoặc dân cư ở liền sau, lại thêm người bắn không quen, nên phải giữ gìn cẩn thận. Năm nay tiết tứ tuần đại khánh của trẫm, ngày hôm ấy, các trực tỉnh và các sở Hải đài ở trong Kinh và ngoài tỉnh nên chiếu lệ bắn súng mừng ; còn nha phủ huyện đều cho thôi cả”.

Bộ Hình kính tuân chiếu ban ơn, dâng sớ xin tha hai người tù tuổi già là Trần Văn Ổn và Nguyễn Văn Đạm. Vua y cho, sai giao cho dân bảo quản.

(1) *Hi thiên* : mong làm trời ; *Hi thánh* : mong làm thánh ; *Hi hiền* : mong làm hiền triết.

Tuyên triệu hoàng tử, hoàng đệ chưa được phong 10 người cho làm thơ ứng chế ở Đông Các. Hoàng tử : Hồng Phó, Hồng Y, Hồng Tố, Hồng Hữu ; hoàng đệ : Miên Kiển, Miên Tranh, Miên Lâm đều trúng cách. Hồng Hữu, tuổi rất trẻ, bài thơ có câu : “Quốc khánh tứ tuần trung vạn thọ, chiếu thư thấp nhất huệ thiên phương”⁽¹⁾. Vua rất khen, bảo rằng : “Đây là làm theo thơ vua làm, cũng có ý ; nhưng trẻ con mới học, há nên câu toàn ? Còn chữ “quốc khánh” nên đổi là “hiệu quyền”, [lòng trời yêu], chữ “chiếu thư” nên đổi là “quốc ân” [ơn của nước]”.

Vua dụ quan Nội các rằng : “Năm nay trăm đến tứ tuần, làm tiệc mừng, ban ơn khắp cả trong nước. Giáo hoá trước từ trong nhà, ơn huệ ban ra đến nước. Hôm nọ, triệu hoàng tử, hoàng đệ chưa được phong vào sát hạch 10 người, mà có 7 người có thể ứng chế được. Thế mới biết đức theo ngày tháng càng mới ra, học theo tuổi ngày một hơn lên. Chuẩn cho đều được tấn phong. Khi đã có mệnh trước, thì hàng năm theo lệ chi lương, và bất thân ban yến gia ân, đều chiếu tước mới, theo lệ thưởng cấp ; trên giấy tờ cũng theo thế mà xưng hô. Còn Lê Đăng Doanh và Hồ Văn Nghĩa là thầy dạy học của hoàng tử đệ, dạy bảo rèn cặp 7 người được trúng cách, 3 người không thể thi được : công, quá ngang nhau, không nên nghị thưởng. Các viên tán thiện, bạn đọc của hoàng tử và chuyên giữ việc giảng tập của hoàng đệ, kể cũng làm hết bổn phận, đều cho được thưởng gia 1 cấp. Duy Miên Sa, Miên Ngộ không thể dự thi được, truyền Chỉ sức quở. Miên Thẩm, tuổi đã lớn, chỉ thích chơi bời, dùng chữ không xong, lại thêm phạm huý, phải phạt lương 2 năm. Đối với viên quan chuyên giữ giảng tập việc học của Miên Thẩm không được tiến ích phải tra rõ đích danh, giáng 2 cấp, lưu, để tỏ rõ khuyên răn”.

Nhân thế, vua bảo thị thân rằng : “Trăm nhờ theo gia pháp, dạy con lấy Thi, Lễ làm đầu. Các con tuy hãy còn tuổi trẻ, cũng cho học tập thơ văn, để khỏi sinh chơi bời, vì con em đế vương, học phải cần hơn, không nên cho ở nhàn rỗi”. Lại bảo quan bộ Lễ rằng : “Trăm xem phép thi nhà Thanh : Tôn thất ngành xa cũng giống như sĩ tử ; con cháu hoàng tử và hoàng tằng tôn, phép thi đều khác. Nên tìm khắp điển cũ, chờ trăm quyết định mới được”.

Phái viên thuyền Linh phượng là bọn Đỗ Tuấn Đại sang Trung Quốc công cán về, dâng tập “Nhật trình nhà Thanh”, kính gặp chữ huý, đều không dán hay thay chữ khác. Vua quở rằng : “Đỗ Tuấn Đại cho đến các người theo làm việc, nhiều người văn học xuất thân, há không có chút hiểu biết, sao lại để im thế. Theo nghĩa tôi con thờ vua, trong lòng có yên không ? Các chánh biện, phó biện đều phạt lương một năm ; các người theo làm việc, đều phạt lương 9 tháng”.

(1) Tuổi bốn tuần vui mừng cả nước, chứng tỏ điềm sống lâu muôn tuổi ; 21 điều trong tờ chiếu, ban ơn cho cả nghìn phương.

Tiết Nguyên tiêu ⁽¹⁾. Vua đi chơi vườn Cơ Hạ. Trước đây, hoàng tử dâng biểu xin vua ngự giá đi chơi thưởng tiết ấy, để làm lễ thượng thọ. Vua bảo rằng : “Trăm tuổi đã nhiều, chính đương lúc đêm ngày chăm lo, chưa có lúc rỗi việc mà ăn, há nên bắt chước cái việc treo đèn trên núi thật nhiều, làm cây hoa sáng rực như nhà Đường, nhà Tống hay sao ? Nhưng nghĩ : người con hiếu muốn cha mẹ được đi dưỡng vui vẻ, hiện nay trong ngoài yên ổn, chính sự hơi nhàn rỗi nên không ngại nghe theo lời xin của con”. Đến hôm ấy, vua đi chơi vườn Cơ Hạ, triệu bọn hoàng thân Kiến An công Đài, đại thần Trương Đãng Quế hơn 10 người bồi hầu ngự yến ở điện Khâm Văn, đều được ban cho vóc lụa.

Thuế Man ⁽²⁾ ở Quảng Bình có người đã thành đinh, đi theo nước Xiêm làm đầy tớ. Chúng bị giải giao pháp ty nghĩ xử. Pháp ty xin phép chúng vào tội thất cổ cho chết ngay. Vua nghĩ chúng là mọi rợ không biết gì, cho đổi làm giáo giam hậu. Tông phạm 5 người, đều phạt đánh 100 trượng, đuổi về.

Cho tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An đóng thêm 2 chiếc thuyền bọc đồng : 1 chiếc gọi là Thủy hồng, 1 chiếc gọi là Tường nhạn. Phái thủy sư Hiệp quản Trần Khoa, Phó vệ úy Lê Công Tự chia nhau trông coi việc này.

Tỉnh Quang Nam không mưa. Sai lập đàn cầu đảo. Gặp lúc ở Kinh sư mưa liên tiếp hằng ngày, mới sai quan bộ Lễ đưa công văn hỏi. Quan tỉnh ấy liền báo là đã được mưa.

Ngày Bính Tý, tấn phong Thành phi họ Phạm làm Quý phi. Sai đại thần là bọn Vũ Xuân Cẩn, Tạ Quang Cự sung làm Khâm sứ tuyên phong. Sách văn rằng : “Nối trời mở vận, hoàng đế phán rằng : vương hoá gốc từ cửa buồng, nhà nghiêm thì nước mới trị ; triều đình ban ra ân cách, từ trong rỗi mới đến ngoài. Tin hợp ngày lành, sắc thư rục rở. Đoái nghĩ : Thành phi họ Phạm, lễ phép danh gia, nghiêm trang nét tốt. Khuôn phép dịu dàng tiếng ngọc, hiển lành ở trên chín bậc cung tần ; con cháu đầy dẫy tiếng hoà, phong hoá đứng đầu hai thiên Chu, Thiệu ⁽³⁾. Giữ đạo hết lòng phụng dưỡng, vui vậy yên dạ Từ cung. Hiện nay điềm tốt tứ tuần, nhờ được nhiều phúc. Khen người sáu cung tỏ đức, thực đáng vinh phong ; xem xét phép thường, ban cho danh tốt, nay đặc cách tấn phong người làm Quý phi. Phi nên kính vâng ân mệnh, khuê nghi thêm được nghiêm trang ; cung kính theo lời bảo ban, bắt chước được như thói tốt. Hưởng phúc lâu dài mãi mãi, càng thêm tôn quý vẻ vang. Phi phải tuân theo !”.

(1) Nguyên tiêu : đêm rằm tháng giêng âm lịch.

(2) Thuế Man : người Man đã quy phục, nộp thuế cho nhà vua.

(3) Chu, Thiệu : thiên “Chu Nam”, thiên “Thiệu Nam” trong Kinh Thi.

Ngày hôm ấy, tấn phong các phi, tần, tiếp dư, quý nhân, đều có từng bậc, theo bậc chiếu cấp sách phong, chuẩn định bậc nhất, bậc nhì... Thứ bậc cao thì khi mới phong, được sách vàng, sách bạc được theo như cũ giữ lấy, bậc ba trở xuống thì đổi cấp sách bằng vóc. Có sách bạc phong trước, thì giao quan Thái giám cất để một chỗ. Trước đây vua theo Từ chỉ của Thái hoàng thái hậu : “Khánh điển ban ra, từ trong đến ngoài. Từ trước đến giờ, về chính sự trong cung, phi tần giữ được nghiêm trang hoà nhã, nên tấn phong theo thứ bậc để tỏ ân cách”. Cho nên mới có mệnh này.

Phủ doãn phủ Thừa Thiên là Trịnh Ngọc Lâm vì can tội, bị xử phân nhiều lần, phải giáng làm Chủ sự bộ Hộ. Cho : quyền Hữu thị lang bộ Công là Đỗ Tuấn Đại được điệu bổ quyền Phủ doãn Thừa Thiên ; Tả thị lang bộ Lễ là Lê Quang Khiêm được điệu bổ Hữu thị lang bộ Công ; quyền Bố chính Phú Yên là Nguyễn Hanh được điệu bổ quyền Tả thị lang bộ Lễ ; Án sát Quảng Nam là Nguyễn Văn Chấn được thăng quyền Bố chính Phú Yên, hộ lý án quan phòng Tuần phủ tỉnh Phú Yên ; quyền Án sát Khánh Hoà là Hoàng Đạo được bổ thụ Án sát Quảng Nam ; Đại lý tự Thiếu khanh là Nguyễn Tường Vĩnh được điệu bổ Án sát Khánh Hoà ; Binh khoa Chương án Cấp sự trung là Ngô Bình Đức được thăng quyền Đại lý tự Thiếu khanh ; Tả tham tri bộ Lễ là Lý Văn Phúc kiêm giữ ấn triện Thái thường tự. Tuấn Đại lấy có quê vợ lẽ ở Thừa Thiên, dâng sớ để tránh ; mới cho quyền Tả thị lang bộ Hình là Trần Trứ được điệu bổ quyền Phủ doãn Thừa Thiên ; Đỗ Tuấn Đại được điệu bổ quyền Tả thị lang bộ Hình. Tường Vĩnh xin ở lại Kinh chúc thọ. Vua y cho.

Vua dụ quan Nội các rằng : “Năm nay trăm tới tứ tuần, ơn vui ban khắp, thần và người mừng cả. Thần kỳ cả nước đều có được tế. Còn những viên tẩm và nhà thờ của người thân cận trong họ Tôn thất, cũng nên ban ơn tất cả, để tỏ đạo trung hậu”. Bèn giao bộ Lễ kê khai, sửa soạn lễ phẩm, đều cho tế 1 tuần : ai có người chủ tự thì do chủ tự làm lễ, còn thì sai quan có chức vụ trong họ Tôn thất đến tế.

Làm nhà ở ba vườn Vĩnh Ấm, Vĩnh Tú, Vĩnh Lệ để cho các công chúa Tĩnh Hào, Nhân Yên, Huy Nhu ở.

Triệt biển binh các đồn trại ở bờ sông Vĩnh Long võ quân thứ Trấn Tây. Trước đây, đầu mục nước Xiêm là Chát Tri cầu hoà, làm giấy xin về nước Xiêm ; đến đây nước Xiêm gửi thư cho Chát Tri bảo phải liệu tính cho Sá Ong Giun, để cho mẹ, con, vợ, cháu của y được sum họp một nhà, và Chát Tri thì về nước Xiêm ngay. Chát Tri cho người đến quân thứ Vĩnh Long báo rằng : y đã tiếp được thư của nước y đưa đến, và nói : được nhờ nhà vua cho giảng hoà, thực là việc tốt, rất mừng và yên tâm ; y cũng vui mừng khôn xiết, và xin lưu lại ở thành Ô Đông, liệu tính xong việc, sẽ sửa soạn hành lý lên đường ngay. Sá Ong Giun dâng từ tạ tội, đã được nhà vua rộng tha cho, xin đem mẹ và vợ con Ong Giun giao trả cho, để khỏi mang lòng ngờ sợ. Bọn Vũ Văn Giải cho rằng trận thua ở Thiết Thăng, chúng đã thế cùng, sức

kiệt, tha thiết xin cầu hoà, nhiều lần đi lại giao thiệp chuyện trò, xem xét tình ý và lời lẽ thì cung kính hoà thuận, tin là cũng xuất tự lòng thực. Nay lại thác lời hoãn lại, chẳng qua tham cái hậu lợi của Man thổ đưa cho để đẩy túi riêng, tưởng cũng không có trò trống gì khác. Quân ta đóng ở bờ sông ấy, cũng không phải là chỗ đóng lâu ; đã được Chỉ dụ chuẩn cho triệt quân thứ ở Vĩnh Long võ đóng ở Trấn Tây, để xem sự thế. Đến đây, triệt về, để Lãnh binh An Giang là Lê Đình Lý, quyền Phó lãnh binh là Lê Viên ở lại, quản đốc 400 biên binh kíp làm lại ngay liền với 2 đồn đóng giữ trước ở trại ấy, cốt cao rộng hơn. Lê Viên được lưu ở đấy để trấn áp. Dem việc ấy tâu lên, xin cho mẹ tên Giun về trước, để mẹ con y cùng nhau thông suốt đức ý của triều đình ; còn vợ và cháu của y, để khi Chất Tri về nước Xiêm, rồi sẽ cho về, để cho Chất Tri không được hờn là ơn huệ của mình. Y khổ về sự bạo ngược của Xiêm, vui về lượng khoan hồng của ta, nên mới lìa bỏ Xiêm. Nước Xiêm thù hằn y lắm. Rồi sau chỉ ta sai khiến được y. Tưởng cũng là cái kế có thể yên ổn lâu dài.

Vua phê vào tập tâu : “Sẽ có Chỉ”. Sau đó Man tù là Sá Ong Giun cho bọn phiên mục 5 người đến trại quân lạy tạ thay, tự nghĩ được nhờ triều đình rộng tha tội trước, đội ơn không bờ bến ; xin cho mẹ và bọn con trai con gái được về, để một nhà sum họp, khỏi phải lìa xa nhau. Bọn Vũ Văn Giải cho rằng, y đã tỏ tình thiết tha như thế, nếu cứ một mực để chúng xa cách nhau thì không khỏi cô phụ lòng mong mỏi của y, khiến y càng thêm ngờ sợ, lại chậm mất sự cơ, chi bằng nghe theo lời xin, tự cho về trước, để cho thông suốt đức ý của triều đình, mới đem mẹ Sá Ong Giun là Thị Đột cho về, rồi dâng sớ nhận tội.

Vua dụ rằng : “Cứ như tờ tâu, tên Giun tự nghĩ chưa được cho mẹ hần về, khôn xiết sợ hãi, hiện sai thổ mục đến trại quân hết lòng kêu cầu thiết tha, các quan đại thần cùng bàn tâu vào, thực đã hẹn ngày cho đem mẹ hần về trước cũng là cân nhắc vừa phải, không ngại gì. Chuẩn cho theo thế mà làm, xem ý hần thế nào. Duy tình người Man không thể lường được, các đại thần có trách nhiệm nhiều ở cửa ngoài biên, cần nên thường phòng bị hơn. Ví phỏng sau này chúng có phát sinh sự việc thế nào, cũng chống giữ được trước khi việc xảy ra. Cứ thực tâu lên, triều đình tự có cách xử trí, không được giấu giếm hay nói thác, làm cho việc lớn về bờ cõi ngoài biên có khi lỡ hỏng, thì phạm lỗi không nhỏ. Phải nên kính theo”.

Tha thuế bỏ thiếu cho dân bang Triều Châu ở tỉnh Vĩnh Long trong cảnh lưu tán.

Bọn Man làm phản ở Nghệ An có tên Chân Thả Bông, viện dẫn quân Man nước Nam Chương cùng mưu quấy rối 2 huyện Man Soạn và Xa Hồ. Quan tỉnh ấy được tin báo, sai Phó vệ úy Phan Đức Liệu mang 4 suất đội, 200 biên binh đi gặp đến phủ Trấn Ninh, rồi đốc vát quân các thổ huyện, hội đồng với Suất đội được phái đi trước là Đình Công Tĩnh, tùy cơ đánh dẹp. Khi Đức Liệu chưa đến, Công Tĩnh

dem quân dân người Kinh, người Thổ, đánh giặc Man ở huyện Man Soạn, chém được giặc Man tại trận, bắt sống được dân Man ; dư đảng liền tan rã. Quan tỉnh tâu việc ấy lên. Vua cho Công Tĩnh làm Cai đội, gia thưởng cho 2 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn ; quân và dân được 400 quan tiền. Sau đó, Công Tĩnh lại cùng viên quyền phủ Nguyễn Quản Thuộc chia cắt Thổ mục đem quân đi tuần tiễu, gặp giặc Man ở Túc Khê (thuộc huyện Mê) đánh cho bọn chúng bị thua. Vua thưởng cho bọn Công Tĩnh kỷ lục đều 1 thứ ; Thổ quan, Thổ mục dự có công trạng đều được thưởng ngân tiền Phi long và bổ thụ chức hàm có từng bậc ; biên binh do tỉnh phái đi, đều được thưởng tiền, gạo, 1 tháng lương. Sai chiêu tập dân Thổ rồi về.

Ngày Nhâm Ngọ, duyệt binh.

Sai bộ Lễ châm chước nghĩ định làm 2 đền Hiền Lương và Trung Nghĩa. Vua dụ rằng : “Pháp điển triều đình, không gì lớn hơn việc khuyến khích lòng trung ; báo đáp công thần, không gì trước hơn việc thờ có thứ bậc. Tế đại chung trong sách *Chu lễ*, lễ nguyên tự trong kinh *Thượng thư*, đều để cho thoả vong linh mà tỏ đạo hậu. Nhà nước ta, được trời yêu mến, thu đất, lên ngôi, các bậc thánh đế, mở mang nghiệp vương. Thế tổ Cao hoàng : gây dựng nghiệp đế, thánh nhân ra đời mà muôn vật được thấy thái bình, vương giả nổi lên mà đời được thịnh trị. Trong khi ấy, duyên may gió mây gặp gỡ, xông pha tên đạn đi theo, công lớn, mưu hay, trước sau rục rờ. Sau khi đại định, kính nhờ ân điển, nhiều lần nêu khen. Phàm các công thần rất to ở thời khai quốc và trung hưng cố nhiên đã được phụ thờ ở Thái miếu. Còn các công thần trung tiết ở thời trung hưng, lại được lập đền thờ riêng, đời đời báo đáp xứng đáng. Đối với việc để tỏ đức, báo công, khuyến khích người làm tội sau này, không cái gì là không chu đáo.

“Đáng Hoàng khảo, Thánh tổ Nhân hoàng đế : thánh minh noi theo, mưu mô công liệt nổi sáng, trong khoảng 21 năm, việc văn trị, việc võ công, nổi bật trên đời. Khi ấy, những bậc danh thân, kỳ đức, khanh sĩ lớn nhỏ, cho đến ngày nay hoặc bày mưu ở trong, khéo tô điểm cho đời thăng bình, hoặc hết sức ở ngoài, làm can thành ở nơi trọng trấn. Đến lúc 2 kỳ có việc, khi đại binh đi đánh dẹp, tuy quân nhà vua đến đâu dẹp yên đến đấy, nhưng các bề tôi giữ bờ cõi, cũng có người hăng hái không nghĩ đến mình, liều mình để đền nợ nước, coi cái chết nhẹ như lông hồng, để tiếng nghìn thu, tinh trung chói lọi, lưu tiếng thơm ở sử sách. Ngoài ra như nhận mệnh lệnh sai đi, cũng biết lúc yên lúc nguy, một lòng một dạ, hết tiết nghĩa của kẻ làm tôi. Những bậc hiền lương trung nghĩa như thế, không thiếu gì người, trăm rất khen lắm. Sách *Lễ ký* có nói : “Đem tài năng để yên nước thì được thờ, đem cái chết để chăm việc thì được thờ”. Đó đều là phép tế phải coi trọng, phải nên núi sông ghi tạc, nghi ngút khói hương, để cho các công thần đã được ở trong tự điển, đời ấy đời khác được cúng tế mãi mãi. Nay, khen thưởng người hiền tài có công, khuyến khích

người có danh tiết, thực là một kẻ lớn về phong tục và nhân tâm, trăm thường lưu ý đã lâu, những muốn gặp dịp thì làm. Nay giao cho bộ Lễ tra xét điển lệ, bàn bạc kỹ càng : lập đền Hiền Lương để thờ các bề tôi giúp việc trị nước, lập đền Trung Nghĩa để thờ các bề tôi chết về việc nước. Tất cả các công việc phải làm như quy chế làm đền và tự điển hàng năm, cũng phải cùng bàn tâu lên, đợi trăm quyết định. Còn những người này đáng được thờ trong đền, đợi tâu, sẽ giáng Chỉ cho thi hành”

Gọi : đội pháo thủ thứ hai ở Quảng Bình là đội Dục khải, đội quân thứ hai ở phủ Thừa Thiên là đội Dục đế, đội thứ nhất vệ Giám thành là đội Dục trung, đội pháo thủ thứ nhất ở Quảng Nam là đội Dục cần, ban cấp cho phủ hoàng tử, hoàng nữ để sai khiến. Nhưng đổi đội thứ hai vệ Giám Thành làm đội thứ nhất, chia 2 đội thứ ba, thứ tư làm 3 đội thứ hai, thứ ba, thứ tư ; đội quân thứ tư ở phủ Thừa Thiên làm đội thứ hai, đội Bình tráng thứ tư ở Quảng Bình làm đội pháo thủ thứ hai ở Quảng Bình, đội pháo thủ thứ hai ở Quảng Nam làm đội thứ nhất, đội Nam tráng làm đội pháo thủ thứ hai.

Đốc công Nội vụ phủ là Hồ Đình Hi tâu rằng : “Cục thợ thêu gạch cũ có ít, làm việc không đủ, chiêu mộ vẫn không được. Nay xin chiếu theo lệ thợ may : các con em người thợ ở cục ấy, trừ những người được chọn sung vào gạch quân và theo học đi thi, còn thì không cứ đã ghi tên trong sổ dinh hay còn lậu ở ngoài, đều chia đưa đến phủ thợ các nha, nhắc bổ vào gạch thợ, để sung làm việc”. Vua chuẩn y.

Sai : vệ Hậu dinh Thân Cơ chia đóng ở Thanh, Nghệ, vệ Nhất dinh Kỳ võ đóng ở Nam Định, vệ Tam đóng ở Hà Nội.

Thượng quan quân bắt giặc ở Tuyên Quang. Có tên Nông Hùng Thạc, là bọn giặc to ở tỉnh Tuyên, trốn tội phải giết đã lâu ; đến đây, Thạc và 5 - 6 tên cùng bọn, từ nhà Thanh về, gần đến xứ Cốc Thốc (tên đất hay xứ), Suất đội thuộc tỉnh ấy là Nguyễn Thụ, thổ mục là Long Văn Viễn từ trong bụi rậm xông ra giết được và 1 tên cùng bọn. Việc ấy tâu lên, vua ngờ là giả dối, mới sai xét lại. Quan tỉnh ấy lại tâu : “Thạc chết có chứng cứ, tổng lý đều cùng chứng nhận rõ ràng”. Vua bảo rằng : “Văn thư việc quân phần nhiều không tin được, từ xưa vẫn thế. Nhưng đối với giặc ấy, đã có hạn ngặt, treo thưởng hậu thưởng, nay cũng không cần xét lắm, chỉ nên bàn thưởng cho [những người đã giết được]”. Thụ được thăng bổ Cai đội, Viễn được nhắc bổ Tổng bát phẩm bá hộ, vẫn lĩnh công việc Cai tổng ; binh đồng dự việc đi ấy được thưởng tất cả là 500 lạng bạc thổ. Bớ chính Ngô Kim Lan, Án sát Lê Dục Đức, Tổng đốc thống hạt Nguyễn Đăng Giai đều được gia 1 cấp ; quyền Tri phủ Nguyễn Thế Thường có dự vào việc ấy, chuẩn cho thực thụ và gia kỷ lục 2 thứ.

Định lệ ban cấp mũ áo. Vua dụ rằng : “Triều đình hậu đãi các quan, đều cấp cho các mũ áo châu có từng bạc, để phân biệt thứ bậc mà nêu rết người có đức. Nhưng nghĩ trong đó còn có chỗ khó xử là một khi việc đến mới mới xin Chỉ, thành thêm phiền nhảm. Vậy chuẩn định : từ nay phàm những người được dự phong tôn trước từ đình hầu trở lên, người được dự hàng đình thân văn võ từ làm việc ở bộ trở lên, cùng là ban văn thì quan tam phẩm, đường quan, Nội các tứ phẩm và đề đốc ở Kinh thành, phủ doãn phủ Thừa Thiên mà không dự hàng đình thân, đã có dụ chỉ cho phong và được thăng thụ, thăng thực, đều cứ xét cấp ngay, không nên hết thầy tâu lên xin Chỉ. Duy phò mã, đô úy và các viên tòng tứ phẩm ban võ được dự ban triều sảnh cũng được dự cấp mũ áo, nhưng do bộ tâu lên đợi Chỉ để cho phân biệt. Còn thì tòng nhị phẩm ban võ, tứ phẩm ban văn trở xuống mà không dự hàng đình thân, nên chiếu theo nha, thự, dinh, vệ, chầu chước ban cấp, nhưng theo lời bàn nhiều lần của bộ mà làm”. Lại sai bộ Lễ nghị định các điều cấm để thi hành. (Phàm các dinh, vệ, mũ áo cấp trước là phẩm cao, mà chức quan hiện tại là phẩm thấp, thì được đem nộp vào kho, đổi lĩnh áo mũ theo phẩm của mình, bài để đeo cũng thế. Duy bát thân đi theo hầu ngự giá, đôi khi có các viên hiệp quản, suất đội được sung cầm đồ nghi trượng, thì được đội mũ đầu hổ, mặc áo liền xiêm theo con mãng xà, đều được giống như phò vệ úy. Còn thứ bậc hàng châu, quan viên văn võ đều chiếu phẩm hàm mà mặc, không được có sự trái vượt. Lại mũ, đai, áo, xiêm, bỏ tử, dự được Nhà nước cấp cho, không được tự tiện làm hơn lên, trái kiểu mẫu ; nếu có tự làm cũng được nhưng phải chiếu theo mẫu sắc, hình thức đã nghị định trước, không được tự làm đẹp hơn. Quan viên và các điển lại, thủ dịch nếu dám cầm cố mũ áo, thì người cầm cố và người nhận cầm cố, đều phạm tội như nhau, người phạm tội đều theo luật trị tội nặng hơn).

Tha tù giam ở Kinh. Trước đây, đem trừ tịch [tối 30 tết], vua dụ bộ Hình rằng : “Đương buổi xuân hoà, cỏ cây và các loài vật đều nhờ đó nảy nở. Hướng chi, năm mới tiến phúc, trăm tuổi tới tứ tuần, làm tiệc mừng ban ơn, thực nên khiến cho người ta biết tự sửa đổi. Các tù phạm bị đày ở trong quân, bị tội đồ làm nô, bị tội khổ sai, hiện đang phải giam ở Kinh là 115 người, nên hội đồng các quan ở Kinh, hiểu thị rõ ràng, tha cho về thăm nhà, hạn cho 15 ngày lại phải đến”. Khi đến kỳ hạn, không ai phải thúc giục, bọn chúng đều đến ứng điểm. Vua cho rằng bọn chúng đều biết cảm kích phấn khởi, nên tha cho cả. Những phạm nhân chưa trả xong số tiền phải bồi thường, cũng được rộng tha.

Thuộc binh ở phủ Thọ Xuân công đâm chết ngựa công ở ngoài thành đài Trấn Bình. Sai ty Tam pháp xét xử trị tội : kẻ phạm phải tội đi đày ; Thọ Xuân công Miên Định vì dạy bảo không nghiêm, phải phạt lương 3 tháng.

Ngự giá đi chơi vườn Cơ Hạ, triệu hoàng thân và văn thân vào hầu, trên tiệc thưởng hoa mẫu đơn làm thơ. Vua bảo rằng : “Nay từ thân⁽¹⁾ ứng chế 18 người, cùng hợp với số lên tiên của đời Đường. (Đại học sĩ Trương Đăng Quế, Đặng Văn Thiêm, Thượng thư Lâm Duy Thiếp, Tả phó đô ngự sử Phan Thanh Giản, Tham tri Nguyễn Đức Hoat, Đào Trí Phú, Lý Văn Phúc, Bùi Quĩ, Nguyễn Văn Điển, Phạm Thế Hiển, Hoàng Tế Mỹ, Thị lang Nguyễn Trạch, Phạm Khôi, Trương Quốc Dụng, Nội các Nguyễn Đức Chính, Vũ Phạm Khải, Nguyễn Cửu Trường, Lê Chân, tất cả là 18 người). Lại nhân vui mừng làm chơi một bài, có câu : “*Tán trị thân lân xâm hội thượng, năng thi tử đệ bán diên trung*”⁽²⁾. Đề ban cho văn phòng tứ bảo⁽³⁾.

Gả : hoàng trưởng nữ Tĩnh Hảo cho con cố⁽⁴⁾ Hậu quân Nguyễn Văn Trọng là Nguyễn Ninh, hoàng nhị nữ Nhân Yên cho con Trung quân Tạ Quang Cự là Quang Ân, hoàng tứ nữ Huy Nhu cho con Đại học sĩ Trương Đăng Quế là Đăng Trụ làm vợ. Vua dụ rằng : “Ngày xưa cho xướng sông Vi, sông Nhuế⁽⁵⁾, không nghe nói lễ nghi phải nhiều. Huống chi lấy da hươu làm lễ, đời xưa vẫn thường nói đến. Các quan đại thần có đức thanh, thận, trung, cần, trẫm vẫn đã biết, vậy tùy từng nhà nên nhiều nên ít, không cần quá xa xỉ là được”.

(1) *Từ thân* : văn thân sở trường về thơ, từ.

(2) *Bề tôi giúp sự nghiệp thịnh trị sum vầy trong cuộc hội họp*. Con em làm được thơ chiếm nửa số người trong tiệc.

(3) *Văn phòng tứ bảo* : bốn thứ đồ dùng ở văn phòng : giấy, bút, mực, nghiên.

(4) *Cố* : đã chết.

(5) *Vi, Nhuế* : tên 2 sông thời cổ ở Trung Quốc, là nơi vua Nghiêu gả 2 con gái cho Ngu Thuấn.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Bính Ngọ, Thiệu Trị năm thứ 6 [1846], mùa xuân, tháng 2. Cho Thượng thư bộ Công là Lâm Duy Thiếp kiêm giữ ấn và công việc ty Tào chính sứ.

Quyền Bố chính Quảng Bình Trương Đăng Đệ, Án sát Phan Thành, phái viên là bọn Hà Đồng Chính dâng sớ tâu bày về việc xét thấy số gỗ có nhiều tì vết, và ở tỉnh thu quá lạm, viên đi kiểm tra làm việc sơ suất. Vua xem tờ tâu, nói rằng : “Tỉnh ấy trước tâu phát tiền công cho làm vốn nhiều đến vài chục vạn, thế mà mua gỗ không được mấy, năm tháng kéo dài, bỏ bể lâu ngày không xong, nhiều lần đã gia hạn giục thu, cũng chưa nộp đủ. Năm trước, Chu Hữu Đức đi đến tra xét, sau về Kinh, bị viên coi kho nhặt chọn ra nhiều gỗ có tì vết. Nay vừa mới kiểm tra mà gỗ cũ hiện chứa trong kho còn ít, thì khi chưa kiểm tra, sẽ ra thế nào ? Cái tội lờ mờ của quan tỉnh Nguyễn Văn Đạt chắc đã không chối được, mà phái viên Chu Hữu Đức một mực hòa theo, hình như bù nhìn bằng gỗ, không quan tâm đến của kho công Nhà nước ! Vậy kiểm tra ở chỗ nào ?”. Bèn sai ngay bộ Công nghiêm ngặt sức hỏi. Lại tự tra xét xem có tình tiết thông đồng che giấu cho nhau hay không, rồi tâu cả lên, chờ Chỉ.

Lại sai Lục bộ, mỗi bộ phái một thuộc viên, theo Hà Đồng Chính chia đi tra xét. Viên ở tỉnh cũng thay đổi, hội đồng với nhau làm việc. Còn hạng gỗ có tì vết đã từng xét ra, cũng nên tùy việc mà dùng, không nên bỏ cả làm phế phẩm : Cho được chức lược thu dùng, làm riêng một danh sách, nhưng tính rút giá đi ; còn hạng gỗ

tốt làm riêng một danh sách, phái tải về nộp, để kịp dùng. Sau này số nộp tiếp là bao nhiêu, cũng hội đồng tra xét, tùy tiện làm việc, không nên chèn nhiều, lấy nghiệt, thành ra khổ dân. Số tiền công lĩnh ra, đều phải chiết tính, đã thanh khoản hay chưa thanh khoản, sự thế thế nào, tâu bày cho rõ ràng để được biết cả.

Sau đó Phan Thành, Hà Đồng Chính cùng nhau thường tra, quan tỉnh Trương Đãng Đệ, phái viên Nguyễn Quỳnh xét ra Bớ chính trước đã chết là Nguyễn Tự nhận của lót đến hơn 900 quan và quan lại thuộc tỉnh nhận tiền làm của riêng, phái viên Chu Hữu Đức thông đồng che chở. Tất cả đều phải truy cứu, niêm phong gia sản và cách, bãi.

Định rõ điều lệ đặt việc binh.

Dụ rằng : “Việc binh là chính sách lớn của Nhà nước, để nghiêm chỉnh vũ bị mà bảo vệ dân sinh. *Kinh Thư* có lời dạy về trị việc quân, trong *truyện* có lời nói “túc binh”, thực là việc quân không thể thiếu được. Quy chế việc quân của Nhà nước, định ra có lệ thường, trong đó kỳ hạn gọi lính, dẫn đến, phân xử về tội trốn thiếu, nhiều lần nghị định thi hành rồi. Duy lâu ngày sinh tệ, trễ nhác, quân ở ngũ thì trốn đi nhiều, quân dẫn đi nộp thì được kéo dài. Năm nay số quân phải nộp ở Kinh tất cả lại thiếu đến hàng nghìn hàng trăm. Xét ra tệ đó, chỉ vì người thống suất không biết trông nom kiểm chế, mà yêu sách ngoài lệ, tùy ý nói dối, ăn hiếp, tổng lý thì ức thế kẻ cô đơn, nghèo hèn, cho kẻ giàu có được tránh ; thậm chí có người cố ý để chậm, hồng mong tạm khỏi việc mộ quân, tự cho là đặc sách. Sở dĩ tên Giáp phải gọi, tên Ất được thiếu, sớm thay thế, chiều đã trốn, ngạch quân số thiếu tăng nhiều, thực do ở đấy ! Vậy mà viên thống quản và các viên phủ huyện lại mượn cớ rằng xét số thiếu chưa đến phải tội, xét công thì còn chờ niên hạn, nên mới bỏ mặc cho thiếu, không lấy việc đó làm quan tâm. Cho đến quan chuồng lĩnh, thượng ty các địa phương cũng đại khái cho là ngẫu nhiên, không lúc nào răn bảo. Nói theo tệ cũ, do đấy mà ra ! Và lại, triều đình võ về quân sĩ, yêu nuôi nhân dân. Phạm cái kế để nuôi quân giữ dân, không cái gì là không chu đáo, há nên để cho bọn bất chính được lọt vào tham nhũng mà nhận tài u ? Huống chi, đối với lòng người, hễ rộng quá thì sinh càn rỡ. Phải nên thường thường răn bảo hơn nữa để ngăn chặn sự lười. Nên lập rõ điều lệ thế nào để có thể ngăn được mối tệ mà ngạch quân được đầy đủ. Giao cho đình thân đem các điều lệ từ trước đến giờ xét bàn tâu lên”. Sau đó đình thân bàn xin chia làm 6 điều :

(- Kỳ hạn gọi lính, dẫn đến và phân xử đều làm theo như lệ trước.

- Lệ xử binh lính bỏ trốn, chàm chước bàn qua, bổ sung thêm vào nghị : Từ nay, phạm binh trốn đi 2 lần, đều có tư ngay. Lần trước, còn trong hạn mà đến thú, lần sau bị bắt được, thì phải đóng gông 2 tháng, đánh ngay 100 trượng, cho sung vào đội ngũ ; lần trước, ngoài hạn mới đến thú, lần sau bị bắt được, thì đóng gông

3 tháng, đánh ngay 100 trượng, tổng sang đội ngũ khác. Nếu lần trước bị bắt được, lần sau mới đến thú, thì không cứ trong hạn hay ngoài hạn, đều tha cho đóng gông, đánh ngay 100 trượng, cho sung vào đội ngũ. Hai lần cùng tư ngay, bị bắt được, thì phát đi sung quân ở biên trấn gần. Binh trốn đi 3 lần, hai lần trước ngoài hạn mới đến thú, một lần sau bị bắt được, thì đóng gông 3 tháng đánh ngay 100 trượng, cho sung vào đội ngũ ; nếu một lần sau đến thú, thì được giảm đẳng, đóng gông 2 tháng, đánh ngay 100 trượng, cho sung vào đội ngũ ; một lần trước, không cứ trong hạn hay ngoài hạn đến thú, hai lần sau bị bắt được, thì phát đi sung quân ở biên trấn xa ; nếu lần sau cùng đến thú, thì được giảm đẳng, đóng gông 3 tháng, đánh ngay 100 trượng, cho sung vào đội ngũ ; nếu ba lần đều bị người bắt được, thì theo lệ, phải giảo giam hậu. Binh trốn đi 4 lần, đều đến thú, thì không cứ trong hạn hay ngoài hạn, phải đóng gông 2 tháng, đánh ngay 100 trượng, tổng đi đội ngũ khác. Nếu lần trước đều đến thú, mà một lần sau cùng bị bắt được, thì đều xử giảo giam hậu ; trước có một lần bị bắt được mà lần sau cùng đến thú, thì không cứ trong hạn hay ngoài hạn đều được giảm đẳng, phải gông 3 tháng, đánh ngay 100 trượng, cho sung vào đội ngũ ; còn như binh trốn đến 5 lần trở lên thì không cứ bắt được trước hay sau, đến thú trong hạn hay ngoài hạn, đều xử giảo giam hậu.

- Về nghiêm cấm các người xướng xuất, yêu sách, nói dối, ăn hiếp, theo lệ do quan to chương lĩnh và thượng ty địa phương đem các điều răn cấm răn bảo rõ ràng, nếu còn quen thói cũ không chừa, việc phát giác, thì bắt ngay nghiêm trị.

- Về việc cấm tổng lý chọn thế, gian dối, thì theo như lệ trước. Lại sức cho các địa phương chiếu các xã thôn trong hạt còn thiếu binh lính đã tuyển, thì nghiêm sức cho các phủ huyện chiếu theo kỳ hạn, bắt để thay thế cho đủ ngạch. Nếu còn dám theo như trước, cố ý để thiếu, do quan địa phương xét ra quả là đích tình trốn tránh thì đem ngay lý dịch đánh ngay 80 trượng, bắt phải điền thế sung ngạch.

- Từ đội trưởng cho đến quan chương lĩnh, xét số thiếu bắt tội, trừ binh mộ thì xét số thiếu bắt tội theo như lệ trước. Từ nay, phạm binh lính đã tuyển điểm, trong 1 năm mỗi đội trốn đến 4 tên, thì đội trưởng và ngoại uỷ đội trưởng đều phải đánh 20 roi ; suất đội được giảm 1 bậc, cứ 2 tên phải gia 1 bậc ; mỗi vệ cơ để trốn đến 40 tên thì viên quản phải đánh 20 roi, cứ 40 tên phải gia 1 bậc, các tội trên đây chỉ phạt đến 80 trượng. Các đội trưởng, ngoại uỷ đội trưởng đều phải đánh ngay. Suất đội trở lên thì xử phân theo lệ tội công. Các biên binh đến tại ngũ chưa chi lương tháng mà trốn 2 tên thì ngang với tại ngũ đã chi lương tháng mà trốn 1 tên, đến cuối năm chiết tính xử tội. Nếu trốn không đến 2 tên thì được miễn nghị. Còn thường cách chưa có lệ cũ, xin châm chước nghị tiếp, phạm quân chính ngạch tuyển vào và triệu mộ, các vệ, cơ trong 1 năm, đội nào quân không trốn thiếu thì đội trưởng, ngoại uỷ đội trưởng đều được thưởng tiền lương 3 tháng, suất đội đều được thưởng kỷ lục 1

thứ ; vệ cơ nào đều không ai trốn thiếu thì viên quản vệ, quản cơ đều được thưởng kỷ lục 2 thứ. Các vệ cơ thuộc quan chưởng lĩnh cai quản, trong 1 năm đều không có ai trốn thiếu, cai quản từ 2 vệ cơ trở xuống, đều được thưởng kỷ lục 3 thứ, cai quản từ 4 vệ cơ trở lên, đều được thưởng gia 1 cấp, hằng năm đến cuối năm ở Kinh do quan chưởng lĩnh, ở ngoài do thượng ty đốc, phủ, bố, án chiếu theo nghị trước, cứ số đủ hay thiếu của các vệ, cơ, đội thuộc hạt mình, chia từng hạng làm thành bản tâu do bộ Binh chiếu lệ tâu lên ; về số đủ hay thiếu của bản phần quan chưởng lĩnh, trình bày cả trong tờ tâu để chờ Chỉ.

- Về lệ bắt tội xét công từ cai tổng đến thượng ty địa phương, xin châm chước nghị định thưởng phạt, nhất luật thi hành. Từ nay, phạm các tỉnh và phủ huyện bắt lính, đều lấy 1 năm làm hạn, cứ số hiệu còn trốn thiếu, phải bắt để giải nộp, chia làm 10 thành, hạt nào bắt để giải nộp thiếu đến 2 thành trở xuống thì được miễn xử phân, nhưng bắt phải bắt để sung điền ; nếu từ lẻ 2 thành trở lên, phải đánh 40 roi, mỗi thành gia 1 bậc, tội chỉ đến 80 trượng, đều cho theo lệ tội công phải giáng hay phạt ; phủ huyện nào thiếu từ 10 tên trở lên đến 50 tên, mà sung điền được, đều được thưởng kỷ lục 1 thứ ; thiếu từ 50 tên trở lên, mà sung điền được thưởng kỷ lục 2 thứ ; tỉnh nào thiếu từ 100 tên trở lên mà sung điền được, thì đốc, phủ và viên giữ chức Bố chính hay quyền giữ chức Bố chính đều được thưởng kỷ lục 1 thứ ; từ 200 tên trở lên mà sung điền được ; đều thưởng kỷ lục 2 thứ. Hằng năm đến cuối năm do thượng ty địa phương cứ dựa vào phân số về bắt lính đủ hay thiếu của các viên phủ huyện hiện tại chức trong năm ấy, chiếu lệ nên được thưởng phạt hay miễn nghị tâu lên rõ ràng. Còn số đủ hay thiếu thuộc hạt của viên đốc phủ và ty Bố chính, trình bày vào tờ tâu tất cả, đợi Chỉ, do bộ Binh xét lại, tâu lên. Sau khi được Chỉ, bản phê chữ son, do bộ Lại đem cả sự trạng công, quá về việc bắt lính trong 3 năm và 2 việc thu lương thuế, xét hình án, chiếu lệ xét công mà chước nghị, chia ra các hạng ưu, bình, thứ, liệt để nghị thưởng, phạt, thăng, giáng. Ngoài ra đều chiếu theo lệ trước thi hành. Còn cai, phó tổng, xin châm chước lệ cũ định lại. Về lệ cai, phó tổng bắt lính được đủ hay thiếu, nên phải xử phân và thôi không cấp lương, thì vẫn theo lệ định năm Minh Mệnh thứ 17. Duy các tên phó tổng không có lương thì nên thôi, xin cũng chiếu lệ cai tổng thí sai để xử phân. Còn như thưởng cách, tổng nào thiếu 10 đến 20 tên mà trong năm ấy sung điền được, và phân lính phải chịu từ 50 tên trở lên, trong năm ấy thường đầy đủ không bỏ thiếu, thì cai tổng, phó tổng chuyên làm việc ấy được thưởng một đồng Phi Long đại ngân tiền ; thiếu từ 20 đến 40 tên mà trong năm ấy sung điền được, và phân lính phải chịu từ 100 đến 150 tên trở lên, mà trong năm ấy thường đầy đủ không bỏ thiếu, thì được thưởng hai đồng Phi Long đại ngân tiền. Còn như lý trưởng, danh phận nhỏ mọn ; hằng năm tra xét thưởng phạt đều thôi cả). Vua y cho nghị ấy, cho ghi làm lệ mãi.

Viện Đô sát vâng mệnh điều tra cái án bộ Lễ đánh mất ấn quan phòng, đã được triển hạn, nhưng cũng không tra ra được, nay tâu lên nhận tội. Vua bảo quan Nội các rằng : “Ấn quan phòng ấy, là bộ, ty tiếp nhận để cất, lại có chữ ký của đường quan, có thể bằng cứ được, thế rồi làm thế nào lại đánh mất ! Đến khi sức sai tìm xét, vẫn không được, thì ra đường thuộc bộ Lễ trước đã khinh thường, gây nuôi kẻ gian, sau lại thảo cho xong việc. Đáng phải làm hết phép, tra rõ đến nơi đến chốn cho đúng tội, nhưng nghĩ việc đã lâu ngày, nếu bắt phải tìm cho đến cùng, cũng vẫn không ra được manh mối đích xác. Vậy tạm giao tội cho bộ Lại tra rõ phân biệt nghị xử. Còn viện Đô sát, có nhiệm vụ là đài ngự sử, kinh tra việc án, việc kiện, đã lâu vẫn không tìm ra sự thực, cũng là bất lực ! Giao cả cho bộ Lại nghị xử. Vả lại, ấn tín là việc quan trọng, nếu bị mất trộm, xảy ra có sự gian dối, chắc phải nghiêm ngặt trị tội, sao được gọi là không phải chất bạc mà vội tha ? Duy phải bình tình, theo lý, tạm cho đợi xem việc có sáng tỏ ra để sửa lại án lý. Sau này có tra xét, cần phải hết lòng nghiên cứu, phát hiện sự gian dối, không được vin lệ này mà cầu xin”. Sau đó ấn quan phòng quả không tìm thấy. Nghị của bộ Lại tâu lên, đều phải giáng phạt.

Vua bảo đại thần viện Cơ mật rằng : “Hộp sớ tâu năm nay của các tỉnh ở Bắc Kỳ đều không tâu liên khoản nào, đủ biết đời thái bình không có việc gì, làng mạc cùng được yên ổn. Duy ở Hà Nội, tháng chạp năm ngoái, đôi khi có một vài xã, tình hình dân gian hơi gieo neo, trầm đã cứu vớt trước rồi”.

Vua triệu hỏi Thị lang bộ Lễ là Nguyễn Hanh rằng : “Khi người ở tỉnh Phú Yên, có từng xem xét sự tình nước Hoả Xá thế nào không ?”. Hanh thưa rằng : “Năm ngoái, vì được ban cấp quan lịch, nước ấy đến tỉnh báỉ linh, khôn xiết vui mừng ; lại nói rõ nhân dân ở nước ấy được yên vui tất cả, thực là nhờ uy đức nhà vua ; năm nay kính gặp tiết tứ tuần đại khánh, xin cứ tình đề tâu lên, cho nước ấy được về Kinh chúc mừng, để tỏ lòng thành”.

Vua bảo quan bộ Binh rằng : “Năm nay, biên binh các tỉnh ở Bắc Kỳ về Kinh thao diễn, cho ở các quân xá ⁽¹⁾ còn rộng ở trong thành, để cho được tiện, duy phía trong Kinh thành, điều cấm rất nghiêm, nên truyền Chỉ cho các viên quản suất phải gia tâm kiểm thúc, quân sĩ không được phóng túng. Đợi khi đều tập hợp, do bộ dẫn vào chiêm bái. Các viên quản suất đều mặc áo có bỏ tử, suất đội đều mặc nhung phục, để cho giản tiện”.

Lúc này, nhạc công thự Thanh bình phân nhiều thiếu, không đủ số. Vua bảo quan bộ Lễ rằng : “Nên mộ thêm nhạc công ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Trị cho đủ số để làm lễ, nhưng chức lượng nghị định hằng năm kính gặp 5 lễ hưởng, thì trước 10 ngày phải đến bộ diễn tập, để chuẩn bị đến ngày làm lễ.

(1) Quân xá : nhà quân lính ở.

Phàm khi gặp lễ Hợp hưởng thì các nhạc công được ở lại để chờ làm lễ Xuân hưởng. Còn nhạc công Quảng Nam, Quảng Ngãi thì chờ làm lễ Hạ hưởng ; lễ Thu hưởng thì nhạc công Bình Định, Quảng Trị phải chờ ; lễ Đông hưởng, Hợp hưởng, Xuân hưởng xong việc thì cho về”.

Vua ngự điện Văn Minh, triệu các thân công cho ngồi, khoản đãi chè thạch nhũ. Vua bảo rằng : “Chè gọi là thạch nhũ, cái tên cũng lạ. Đại khái chè thì đâu đâu cũng có, nhưng cũng tùy thổ ngơi mà chế ra phẩm chất, đặt tên là do người cả ; tức như vị thuốc gọi là sâm, sinh sản ở chỗ ấy thì tốt, đem trồng ở chỗ khác thì vị đổi khác. Trầm dùng thuốc hằng ngày, về thổ ngơi hơi thấy có khác, hướng chi là phẩm chất chè ! Phàm người ta làm việc gì cũng như thế cả”. Rồi tuyên triệu hoàng tử, thân công và các quan đại thần văn võ, ban cho chè “thạch nhũ” có từng bạc.

Vua bảo quan bộ Lễ rằng : “Tấn phong các bạc trong cung, chỉ làm lễ 3 lần quỳ, 6 lần lạy, không như lệ tấn phong hoàng tử. Theo lễ, có con thì con bái mạng thay cho sinh mẫu. Tiếp sứ giả nhận cờ tiết, người đàn bà không ra khỏi cửa. Vậy nên bàn kỹ nghi thức để làm lệ thường mới được. Còn như khánh tiết năm nay, nên tra ở lệ đình hầu để phòng tấn phong cho con các hoàng thân, hoàng đệ. Đùng đợi đến nơi mới tra cứu có khi sai lầm”.

Bộ Lễ tâu khúc nhạc về nghi thức châu mừng lễ khánh tiết năm nay. Vua bảo rằng : “Thứ bạc bồi thần các thuộc quốc và các thổ ty, nên ở ngoài sân Kim Lân, đợi các quan làm lễ châu mừng xong, chia đứng theo hàng, do bộ Lễ kính dẫn lên thêm, dâng biểu lạy mừng. Còn thì theo lệ năm Minh Mệnh thứ 21”.

Làm thêm kho bằng ngói ở Hưng Yên, Hải Dương, Thái Nguyên, Thanh Hoá, Nam Định, Hà Nội (Hưng Yên 1 toà 31 gian 2 chái ; kho riêng của Hải Dương ở tỉnh Hưng Yên 1 toà 27 gian 2 chái ; Thái Nguyên 1 toà 20 gian 2 chái ; Thanh Hoá 1 toà 27 gian 2 chái ; Nam Định 2 toà mỗi toà 25 gian 2 chái ; Hà Nội 1 toà 55 gian 2 chái ; lại kho cũ 1 toà 48 gian 2 chái, làm thêm 7 gian).

Làm lại 2 viện Đoan tường, Đoan trang. Sai Đô thống Nguyễn Tiến Lâm, Chương vệ Nguyễn Phương trông nom việc này.

Tỉnh Quảng Yên lụng bắt được giặc Thanh là Lưu Đông Bảo. Cho giao sang châu Khâm tra xét, trị tội.

Sai tỉnh Quảng Nam sửa sang đồ thờ ở 2 làng Vĩnh Diên, Vĩnh Diên.

Phong cho con Thọ Xuân công Miên Định là Hồng Tuấn làm Mông Ân đình hầu, con Ninh Thuận công Miên Nghi là Hồng Tự làm Cẩm Ân đình hầu. Vua cho rằng năm nay chúc thọ tứ tuần, vui mừng khắp cả nước, ban phúc phải ban trước từ dòng dõi nhà vua, mà 2 công là bạc rất thân của nước, các con đều tuổi đã trưởng thành, nên có mệnh lệnh này.

Ấm thụ cho Trần Hưng Lý là con Trần Hưng Biểu, Phó vệ úy đã chết, làm Chánh đội trưởng viện Thượng trà. Hưng Biểu trước vì hăng hái đi bắt giặc, bị thiệt mạng ; vua thương lắm, cho nên lục dụng đến con.

Vua bảo đại thân viện Cơ mật rằng : “Ồ Trấn Tây, sau khi việc yên, cần phải khéo xếp đặt hơn, để bờ cõi ngoài biên được vững ; các chỗ địa đầu quan yếu ở An Giang, Hà Tiên, nên đặt đồn có quan to để cai trị, mới có thể giữ được cái lo bất trắc.

Tỉnh Hà Tĩnh giá gạo đắt, dân trong hạt tình nguyện mua thóc trong kho Nhà nước. Quan tỉnh đem việc ấy tâu lên. Vua giáng dụ rằng : “Hạt ấy lúa vụ chiêm năm ngoái có chỗ tổn thương, vụ mùa thu hoạch chỉ được 7 - 8 phần 10, đến nỗi giá gạo lên cao, dân tình gieo neo nên phải tính cách cứu vớt, để lương thực được dồi dào”. Bèn sai quan tỉnh Trần Văn Tuân phát ngay thóc trong kho, giảm giá bán ra. Số tiền mua gạo cho lùi hạn đến vụ chiêm năm sau đem nộp, để dân được thấm nhuần ơn thực. Rồi cho hỏi khắp trong hạt, xem đã được dong thóc, thóc gạo đã lưu thông, giá gạo đã giảm xuống chưa, lương thực của dân đã gần thur chưa, và nắng mưa có hoà thuận như thường không, lúa có xanh tốt không, lúa sớm lúa muộn chừng đến tháng nào được gặt... Tất cả đều phải tâu lên. Sau đó [Trần Văn Tuân] tâu rằng giá gạo đã giảm xuống dần, hiện nay nắng mưa hoà thuận như thường, lúa ruộng đều được tốt, độ đến khoảng tháng 4, tháng 5 mới có thể lần lượt được gặt.

Vua cho rằng ngày được gặt còn lâu, dân gian vẫn có vẻ đói, bèn sai quan khoa đạo là bọn Nguyễn Thuận, Đỗ Danh Thiếp mang cờ lệnh đi, hội đồng với quan tỉnh tùy tiện xuất thóc cho vay. Bọn Thuận tâu rằng : “Dân trong hạt đến tình xin ăn, kể có hàng trăm, hàng nghìn”. Vua lại sai phát thêm tiền, gạo chẩn cấp cho dân. (Số thóc bán ra cho dân là 56.470 hộc ; gạo phát chẩn là 7.484 phương ; tiền là 5.123 quan có lẻ).

Bộ Hình tâu rằng : Sau khi lệnh cấm tạm bãi, có 14 tên phải xử tử”. Vua bảo quan Nội các rằng : “Năm nay trăm được tứ tuần chính thọ, mở tiệc ban ơn khắp cả trong nước. Vừa lúc khí trời hoà ấm, gần đến ngày lễ lớn, trăm theo đức hiếu sinh, đối với việc hình pháp, càng để ý hơn. Năm nay, tù tội phải xử tử, tạm hãy hoãn chém, đều được đến mùa thu xét lại, để tỏ ý chí, kính cẩn, thương dân”.

Vua bảo quan Nội các rằng : “Nay, trăm tuổi được tứ tuần mà lại gặp tháng tốt, trong khi rồi việc, chợt có câu đối rằng : *Thụy ứng giai niên, trùng ngũ nhật tăng trùng ngũ nguyệt ; Tường trung thọ dân, bát thiên xuân hựu bát thiên thu* ⁽¹⁾. Lại có câu rằng : *Kết thái trương dăng, phi tại nhất nhân chi dật lạc ; Hành khánh thi huệ, phổ chiêm vạn tính chi thừa hưu* ⁽²⁾. Ta muốn để làm câu đối mừng, nên chép ra cho

(1) Nghĩa là : Diêm ứng năm tốt, hai lần mừng năm thêm hai lần tháng năm ; Trung triệu sống lâu, tám nghìn mùa xuân lại tám nghìn mùa thu.

(2) Nghĩa là : Kết hoa treo đèn, không phải một người hưởng thú ; Mở tiệc ban phúc, khắp cả muôn họ nhờ ơn.

các thị thân đọc, hoặc nên sửa lại gì chăng?”. Đến khi tuyên đọc, các đình thân đều lay mừng.

Quyển Án sát Phú Yên là Nguyễn Hữu Cơ dăng số chúc sức khoẻ, kèm tâu về việc học trò hạt tỉnh ấy hợp thi ở trường Thừa Thiên, đường xá xa cách; xin cho 4 hạt Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên đặt riêng một trường ở tỉnh Bình Định. Vua bảo rằng: “Việc làm của triều đình, quan hệ đến tai mắt mọi người, nay lập thêm một trường, nếu số học trò không có mấy, hoặc có nhiều mà không khỏi sự trà trộn, há chẳng phải là có danh mà không có thực ư?”. Sau đó bộ Lễ tâu rằng: “Số học trò các hạt ấy không có mấy, xin theo như cũ, hợp thi ở trường Thừa Thiên; đợi sau số học trò thêm nhiều, sẽ lại định”. Vua chuẩn y.

Bộ Binh tâu rằng: “Quan tỉnh An Giang tâu bày, tháng 8, tháng 9 năm ngoái, quan quân các đạo đánh ở Tâm Bôn, Thiết Thành đều bình định ngay được Trấn Tây, thu được các thứ cỗ súng lớn, thuốc đạn, cờ, súng trường. Lại ở quân thứ Trấn Tây đệ về súng trường, súng lớn, số binh khí khá nhiều, trong đó có thứ còn dùng được: súng chu y 5 cỗ, súng phách sơn 40 cỗ, súng quá sơn 102 cỗ, súng rộng miệng 3 cỗ, súng điều sang có cò máy 113 khẩu, xin cho sửa chữa. Các hạng mục đạn bằng gang, bằng chì hơn 21500 viên, chấn địa lôi 25 quả, đạn bươm bướm 3 gói, đạn chì như hạt đậu hơn 520 cân, súng trường 100 khẩu, xin cho cất đi, phòng khi dùng đến. Còn thứ không thể dùng được cho phá huỷ, cân lấy đồng sắt cất vào kho.

Vua dụ rằng: “Các thứ thu được ấy, nên tạm để lại, đợi còn bàn định, không cần sửa chữa vội làm gì”.

Quân thứ Trấn Tây, bọn Vũ Văn Giải, dăng số tâu bày: “Ở Trấn Tây hiện nay không có việc gì, duy 2 tỉnh An Giang, Hà Tiên báo có hơn vài trăm thổ phỉ sấn đến lũy dài sông Vĩnh Tế; quan quân theo lũy chống giữ, giặc liền rút lui. Và lại, lòng giặc không thể lường được. Hiện đã cho đem 4 vệ thú binh về An Giang để cứu viện”.

Vua dụ rằng: “Việc ở biên thủy phía tây, nhiều lần quân thứ tâu lên nói: đầu mục nước Xiêm đã đem mình đến xin hoà, Man tù đã đến thú tội, từ nay toàn hạt Trấn Tây chỗ nào cũng yên ổn, sao ở lũy dài Vĩnh Tế lại có giặc Man, lúc hiện, lúc ẩn, khiến cho người ta không thể hiểu được! Thế là quân thứ không chịu tra xét, sớm tính trước việc, để ngăn từ lúc chưa xảy ra, lại đổ cho lòng giặc không thể lường, như thế có được hay không? Nay chuẩn cho bọn Ngô Văn Giai ở An Giang, Nguyễn Lương Nhân ở Hà Tiên khéo xử trí hơn, phân phái ngăn chặn, cốt được yên ổn an nhàn, không nên vội gây hấn trước, thành ra không hay. Còn các đại thân ở quân thứ, trước đem tất cả công việc Xiêm, Thổ xin hoà, thú tội mà tâu bày, trăm cũng lấy sự không đánh, lấy đức để khuất phục người xa, đã nghe theo lời xin. Đến nay

tính đốt tay đã hơn vài tháng, về công việc xếp đặt, thôi không nói đến ; còn đầu mục của giặc là Chất Tri tại sao chưa chịu về ? Man tù là Ong Giun gần đây đã thực lòng hàng phục, hay còn có lòng dối trá gì khác, lại mượn cớ kéo dài lâu đến như thế ? Nay, mưu thì nên dự định, trí thì quý ở trước việc. Không xét thấu lòng chúng, sao có thể chóng xong được việc ngoài biên ? Không biết các quan có từng nghĩ kỹ lo đến việc ấy không ? Một khi phải sửa soạn hành quân thì tốn lương, khiến cho quân sĩ phải gối giáo nằm mác, chưa được nghỉ ngơi. Trẫm nhìn về phía tây, lưỡng những bận lòng, sao có thể nằm yên được ! Chuẩn cho các quan đại thần tâu ngay tình hình hiện nay lên, để biết hết tình trạng. Các quan không được chỉ chú trọng riêng mình, làm hỏng công việc. Nên cố gắng lo toan !”

Quan ở quân thứ lại xin 10 ngày một kỳ đệ tập tâu, để bớt chạy trạm. Vua bảo rằng : công việc đánh dẹp ở Trấn Tây, trước đã chuẩn định 5 ngày một lần tâu, để được biết ngay tình hình ngoài biên, nay xin như thế, chẳng là chậm trễ ngày giờ ư ? Vả lại, các quan đại thần có trách nhiệm nặng ở biên thủy, cần phải gia tâm xếp đặt, mong chóng xong việc, há nên say đắm đóng mồi ở đây ? Còn việc nào là quan trọng khẩn cấp, phải phi ngựa đệ tâu. Ngoài ra, theo lệ tối khẩn, phát trạm đệ đi, cũng đủ để bớt chạy trạm”. Lời xin ấy không được chuẩn y.

Vua bảo quan bộ Binh rằng : “Ở Trấn Tây, từ khi đã đặt phủ úy, huyện úy đến giờ, không biết có kiềm chế được dân vào khuôn phép và dân Thổ kia có tin theo không ? Lại như Ong Giun đi lần này mở rộng đường ngoài biên, thu lương hỏi thuế, dân có nộp hay không ? Sự thể thế nào ? Việc ấy đều là việc cần để khu xử ở ngoài biên. Vả lại, Chất Tri thì tham mến ở Ô Đông, Ong Giun thì mở rộng đường ngoài biên, trong đó không thể không đáng ngờ ! Thế mà từ trước đến giờ, quan đại thần ở quân thứ không hề tự hỏi, để chúng kéo dài ngày ra, há chẳng phải là thấy việc nghị hoà đã tâu lên, cho nên không dám trách hỏi đến chúng, sợ hoặc có chỗ trở ngại ? Xét trong tập tâu, có nhiều lời hỏi hộ ⁽¹⁾ như nói ở ta nghiêm nhiên có cái thế không nên phạm, là cũng chỉ nói cho tắc trách. Vậy nên tự hỏi : hiện nay ngăn giữ thế nào và đã được Chỉ dụ lục giao mà chưa tâu bày. Tất cả đều tư bộ để phòng xét hỏi. Xét xem chúng có tình trạng gì, cũng cứ thực tư rõ, không nên che giấu một ly. Vả lại, việc làm của người Xiêm không chính đại quang minh được như triều đình, quốc vương của chúng cũng chỉ mưu lợi mà thôi, Chất Tri dùng quân lâu năm, đành không thành hiệu, nay hồng được lợi nhiều để cầu khỏi tội. Ong Giun thì bị bức, sách nhiễu lấy của dân để đầy túi Chất Tri, cho nên việc ấy kéo dài đến như thế. Ý hấn quan đại thần ở quân thứ ngồi đợi cho chúng chém giết lẫn nhau mà chưa dám nói rõ chẳng ? Sao lại dăng sớ xin lùi hạn lại, thành ra để lòng ta ngờ !”

(1) *Hỏi hộ* : bào chữa, bao che.

Chương vệ Nhất vệ Hữu dinh quân Thủy sư là Nguyễn Bá Tĩnh chết. Cấp thêm cho 200 quan tiền.

Làm viện Đoan hoà ở trong cửa Gia Tường, sai Thống chế Hoàng Văn Hậu trông nom việc này.

Tuyên triệu : bọn Lĩn đốc Hà Nội - Ninh Bình là Tân Lộc nam Mai Công Ngôn, Tổng đốc Thanh Hoá là Tôn Thất Lương, thự đốc Nghệ An - Hà Tĩnh là Tôn Thất Đường, thự đốc Hải Dương - Quảng Yên là Đặng Đức Thiêm, lĩnh phủ Hà Tiên là Bình Thắng nam Nguyễn Lương Nhân, Tuần phủ Quảng Trị - Quảng Bình là Lê Trường Danh, Bố chính Quảng Ngãi là Nguyễn Đức Hộ, Bố chính Hưng Hoá là Phạm Thế Trung, Bố chính Tuyên Quang là Ngô Kim Lan, quyền Bố chính Định Tường là Nguyễn Quốc Hoan, quyền Bố chính An Giang là Nguyễn Bá Nghi, quyền Bố chính Quảng Yên là Phạm Huy, Án sát Cao Bằng là Nguyễn Hữu Trì, Án sát Quảng Nam là Hoàng Đạo, Án sát Bình Thuận là Trần Văn Thông, Án sát Biên Hoà là Vũ Đĩnh, Án sát Ninh Bình là Phạm Bá Thiệu, Án sát Hưng Yên là Nguyễn Hữu Cố, quyền Án sát Phú Yên là Nguyễn Hữu Cơ, quyền Án sát Thái Nguyên là Trần Thiện, Lãnh binh Nam Định là Nguyễn Văn Tiến, Lãnh binh Bắc Ninh là Đỗ Văn Sửu, Lãnh binh Lạng Sơn là Đỗ Đức Tấn, Lãnh binh Vĩnh Long là Trần Tri, quyền Đốc học Bình Định là Hồ Quang, Đốc học Hà Tĩnh là Trần Văn Vi, Phó lãnh binh Gia Định là Tôn Thất Hàn, Phó lãnh binh Sơn Tây là Lê Thuận : tất cả đều về Kinh làm lễ khánh tiết. Lại cho rằng Hà Nội là trọng địa ở Bắc Kỳ, nên lấy Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giai quyền giữ ấn quan phòng Tổng đốc Hà Nội - Ninh Bình, Chương vệ quyền Đề đốc Gia Định là Phan Tùng quyền giữ ấn quan phòng Tuần phủ Hà Tiên ; Án sát Gia Định là Lê Trung Duệ quyền giữ ấn triệu Bố chính An Giang. Lại dụ cho các viên ở tỉnh nên nghĩ rằng người ở người đi không khác nhau, trong ngoài cũng thế, chớ lấy chưa được dự triệu, hoặc sinh lòng bất mãn, phải hết lòng với công việc. Đó là các người trung vua, yêu nước. Lại truyền dụ cho quân thứ Trấn Tây là bọn Vũ Văn Giải nên đem hết mưu mô, chóng tâu xong việc, sẽ được ghi công, uống rượu ở nhà Tôn miếu tuyên triệu cũng chưa muộn, các người đều phải cố gắng !

Triệu Lãnh binh Bình Thuận là Nguyễn Văn Dinh về Kinh. Cho : Phó lãnh binh Khánh Hoà quyền sung Phó lãnh binh ở An Giang ; Lê Ngụy quyền giữ ấn quan phòng Lãnh binh ở Bình Thuận. Phó lãnh binh An Giang trước là Tôn Thất Khương đã khỏi bệnh, cho cung chức như cũ.

Cho : quyền Lang trung Nội vụ phủ là Lê Văn Thành diêu bổ quyền Án sát Gia Định ; quyền Chương vệ sung Lãnh binh Nghệ An là Nguyễn Doãn được bổ thụ chức Chương vệ Nhất vệ Hữu dinh quân Thủy sư ở Kinh kỳ, kiêm quản các vệ Nhị, Tam, Tứ, Ngũ ; Vệ úy Trung vệ dinh Thần cơ là Nguyễn Tuyên được bổ thụ Lãnh binh

ở Nghệ An ; quyền Vệ úy Tiên vệ dinh Thân cơ là Trương Phúc Trường, được bổ thụ Vệ úy Trung vệ dinh Long võ ; Phó vệ úy Trung vệ dinh Hồ oai là Tôn Thất Đầu được bổ thụ Phó vệ úy Tiên vệ dinh Thân cơ.

Làm nhà công phó lãnh binh tỉnh Hải Dương ở ngoài thành tỉnh ấy.

Vua bảo quan Nội các rằng : “Nay các nhân viên được làm sách *Thiệu Trị văn quy* đều do khoa cử xuất thân, đôi khi có dùng cả phủ, huyện. Và lại, học để thi thố ra việc làm, trước đọc sách, sau làm quan. Vậy sức rõ cho ai nấy phải gia tâm kê cứu, việc công đã xong, hiểu biết cũng rộng, chớ nên lạo thảo tác trách mới được”.

Ngày Nhâm Dần. Vua đi chơi sông Lợi Nông để thăm lúa. Khi đi qua sông An Cựu, thuyền ngự bị cạn. Phó vệ úy thuyền rồng là bọn Lê Lang, Trương Hối đều phải giáng 3 cấp, điệu đi nơi khác. Duy biên binh theo hầu và 2 bên bờ bày án chiêm bái đều được thưởng tiền.

Cho : Vệ úy Nhị vệ Tả dinh quân Thủy sư Kinh kỳ là Phạm Xích được điệu bổ làm Vệ úy vệ Long thuyền ; quyền Phó vệ úy Tam vệ Hữu dinh là Nguyễn Tất Huy được bổ thụ Phó vệ úy vệ Long thuyền ; Phó vệ úy Nhất vệ Tả dinh là Lê Chư do bản chức, kiêm làm việc ở vệ Long thuyền.

Ngày Giáp Thìn. Vua đi chơi cung Bảo Định. Bộ Lễ tâu rằng : “Dân tuổi thọ ở Nghệ An là Kim Thế Hợp, tuổi Đinh Mão, thọ 108 tuổi, cần xin nêu thưởng”. Vua bảo rằng : “Người này lễ tuổi ⁽¹⁾ với ta, sống lâu trăm tuổi, thực là việc tốt”. Sai quan ở bộ nêu thưởng nhiều hơn. Ban cho tám biển có 4 chữ to “Kỳ di trung thọ” ⁽²⁾ để tỏ diêm người đời thái bình. Dân tuổi thọ các tỉnh và người được ngũ đại đồng đường đều được nêu thưởng cả. Khi ấy quan bộ Lễ điều tra về số người được ngũ đại đồng đường, thì chỉ có 2 người đàn bà dân hạt Hà Nội (một người quê ở làng Thổ Ốc, huyện Nam Xương, tên là Nguyễn Thị Thục, 101 tuổi ; một người quê ở làng Yên Đổ, huyện Bình Lục, tên là Phan Thị Chục, 84 tuổi, đều có con cháu, cháu bốn đời, cháu năm đời cùng ở với nhau), chiếu lệ người đàn ông sống lâu thì không hợp lệ. Vua sai đều thưởng cho bạc, đoạn, vải, lụa và cho tám biển có 4 chữ to “Dịch điệp diễn tường” ⁽³⁾ theo như lệ người đàn bà sống lâu năm Minh Mệnh thứ nhất.

Bộ Lễ tâu Thổ ty, Thổ mục các tỉnh cầu xin về Kinh chúc mừng. Vua bảo rằng : “Thổ ty, Thổ mục cũng là chức quan của triều đình, đều có ý tôn kính gần gũi, nhưng đường xá xa cách, không tiện về việc đi”. Bèn sai quan địa phương xét tỉnh nào ít việc mà tình nguyện, mỗi tỉnh độ một vài người, tỉnh nào việc nhiều thì được miễn ; đến hôm ấy đều đến hành cung các tỉnh chiêm bái.

(1) Lễ tuổi : cùng năm sinh theo can chi.

(2) Sống lâu trăm tuổi.

(3) Đời đời nhiều phúc.

Dụ cho quan Thị vệ đại thân rằng : “Nay gặp tiết Tứ tuần đại khánh của trăm, lễ số phụng dưỡng ở chốn cung tiên, phải tăng thêm nhiều. Trăm định đến mồng 9 tháng này, thân đến cung Từ Thọ, chúc sức khoẻ, làm lễ thượng thọ. Nhưng, với lòng kính dâng ngon ngọt, trăm muốn nhiều hơn nữa, nên định trước lễ Vạn thọ 5 ngày, đặt yến ngũ đại đồng đường 3 ngày ở cung tiên : Các phẩm nghi, lễ số, khúc nhạc đều hơn gấp đôi, được hầu về mặt hoà vui, mới yên lòng chín châu vinh dưỡng của trăm. Mong rằng trời đất ghi tuổi thọ, thêm nhiều phúc lành, Nhà nước được an nhàn, nhờ ơn mãi mãi. Các công việc nên làm, cho các nha đều kính cẩn theo thể mà làm”.

Các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên không mưa, sai đều lập đàn cầu đảo.

Thượng thư bộ Lễ là Nguyễn Trung Mậu chết. Mậu làm quan đến 40 năm, giữ mình trong sạch khác người, quen việc cúng tế ; khi chết, được tặng Hiệp biện Đại học sĩ. Vua cho 2 cây gấm Trung Quốc, 3 cây sa màu, vải lụa mỗi thứ 15 tấm, 400 quan tiền, 1 bộ triều phục, lại cho tế 1 tuần. (Trung Mậu người tỉnh Nghệ An, thọ 60 tuổi).

Cho Lễ bộ Tả tham tri Lý Văn Phúc, Hữu thị lang Tôn Thất Tĩnh, quyền Tả thị lang Nguyễn Hanh hội đồng quyền giữ ấn triện bộ Lễ.

Bộ Lễ tâu xin : “Từ nay, phạm các tiết lễ châu mừng, yến hội, thứ bậc của hoàng tử, hoàng tôn ở phía tả, thứ bậc của hoàng thân ở phía hữu, người đã được phong tước ở phía trước, người chưa được phong tước thì ở sau”. Vua dụ rằng : “Lễ của triều đình, tôn người được tôn, quý người được quý. Trăm nhờ theo gia pháp, việc đầu tiên là phải hậu với người thân, hoà với trong họ. Từ trước đến giờ, thứ bậc của các hoàng tử ở dưới hoàng thân, đã có phép đặt từ trước. Thực là *Thi Lễ* thối nhà, trước phải nhường nhún, nên mới được thế. Còn như ngọc đồng khuê ⁽¹⁾ ban phong thì lại xem về đức nghiệp được tư tiến, riêng để khuyên cho tu tỉnh mà tỏ ra khuyến khích, há nên lấy tước trật cao thấp mà đổi cả thứ bậc lớn nhỏ trước sau ư ? Kìa, nhà quốc học kể người con trưởng, để dạy cho thiên hạ biết kính trọng người anh ; lễ yến mao ⁽²⁾ kể tuổi, để trong tình thân theo tính trời. Trăm đối với người rất thân, gặp việc gì cũng chăm chú, cầu cho tình lễ vừa phải. Vậy chuẩn định : từ nay, phạm các lễ tiết châu mừng, yến hội, về thứ bậc hoàng thân công, hoàng đệ, hoàng tử, hoàng tôn, đều cho được lấy vai trên dưới, hàng lớn bé làm thứ bậc, không phải nhất khải chia ra bên tả, bên hữu, cũng không phải nệ vào tước bậc cao thấp và đã phong hay chưa phong. Đó là để hậu đạo thường và tỏ chí ý đức sáng trời ban cho”.

(1) *Đồng khuê* : ngày xưa Thành Vương đùa lấy lá cây đồng làm ngọc khuê phong cho Thúc Ngụ, nên gọi là đồng khuê.

(2) *Lễ yến ẩm* sau khi cúng tế, ngồi theo thứ tự già, trẻ, bằng cách phân biệt đầu tóc còn xanh hay đã bạc.

Các tỉnh : Hà Nội, Nam Định, Nghệ An có bệnh dịch. Sai quan tỉnh phái thầy thuốc điều trị. Người chết đều được cấp tiền.

Cho : quyền Phó vệ úy vệ Tiền thủy ở Nghệ An là Lê Công Tịch, bổ thụ Phó vệ úy các quân, được thăng quyền Phó vệ úy Tam vệ Hữu dinh quân Thủy sư ở Kinh kỳ ; Phó vệ úy Nhất vệ Trung dinh quân Thủy sư ở Kinh kỳ là Nguyễn Chấn được điều bổ Phó vệ úy Nhị vệ dinh ấy ; Cai đội Thủy sư ở Kinh kỳ là Đỗ Quy được thăng quyền Phó vệ úy vệ Tiền thủy ở Nghệ An.

Quyền Lãnh binh Quảng Bình là Phạm Văn Phụng chết ; cho Lãnh binh Bình Thuận là Nguyễn Văn Thai được điều bổ Lãnh binh Quảng Bình. Thai về Kinh sát hạch thấy còn có thể sai khiến được cho nên có mệnh lệnh này, nhưng chuẩn cho hãy lưu lại ở Kinh để dự lễ chúc mừng.

Thóc lúa ở Gia Định, Biên Hoà được mùa.

Cấp lại dấu kiểm ký các cửa thành ở Kinh sư (kiểm ký cấp cho trước khắc hai chữ “thủ hộ”, nay đổi làm “điển hộ”).

Đặt thêm nhân viên và biên binh ở ty Cảnh sát. (Ngạch cũ, biên binh 50 người, có đặt đội trưởng và ngoại uỷ đội trưởng mỗi chức 2 người ; đến đây mộ thêm 32 người, đặt thêm 2 đội trưởng, 1 ngoại uỷ đội trưởng để cai quản).

Sắc sai Nội các cho thợ in sách dạy võ, cần được 40 - 50 bộ, để đủ ban cấp cho quan quân các dinh vệ, cơ, đội ở trong Kinh và ngoài trấn học tập. Vì bấy giờ nghị định thi võ, nên mới có việc này.

Vua hỏi quan bộ Binh là Hoàng Tế Mỹ rằng : “Thi võ thì thi về tháng nào ?”. Mỹ thưa rằng : Theo nghị trước, cứ sau kỳ thi văn một tháng thì thi võ”. Vua bảo rằng : “Phép thi võ khác với thi văn. Học trò làm văn cả ngày, và còn sợ có tệ mượn người làm thay. Còn thi võ thì đổi người ấy ra thay người khác vào, không phải khó nhọc chăm chỉ cố gắng cả ngày ; trong khi thi, người ấy có tài hay không thì biết ngay, không thể mượn người thay được. Nhưng việc thuộc buổi đầu, cần phải kỹ lưỡng mới được”.

Vua ngự diện Cần Chính. Các quan đại thần dâng sớ xin khắc tập đầu của văn vua làm. Vua chuẩn y.

Tỉnh Quảng Bình lâu không mưa, gạo đắt. Dân kiếm ăn khó. Vua sai phát gạo giảm giá bán cho dân ; lại mộ dân vận tải gỗ làm xương, lấy công làm thay cho phát chẩn. Quan tỉnh nhân thế, tâu rằng : “Luỹ dài thuộc hạt tỉnh ấy gần cửa biển Nhật Lệ có nhiều cát bồi, xin vét dân xúc dọn, hằng ngày cấp cho tiền, gạo, để lương ăn của dân được đủ”. Sớ tâu vào, vua sai giám thành Suất đội là Phạm Văn Chương hội khám. Chợt thấy phái viên Hà Đông Chính dâng sớ tâu bày : “Ba huyện Bố Trạch, Minh Chính, Bình Chính lúa thóc khan hiếm, nay thuyền buôn không

đến, dân rất gieo neo ! Hiến đã tư cho tỉnh ấy chở gạo để cấp phát”. Vua bảo rằng : “Việc phát gạo bán ra, rất quan hệ đến lương thực của dân, sớm một ngày thì dân ta được ơn một ngày. Nay Hà Đông Chính xét thấy tình dân gieo neo, tư tỉnh chở gạo cấp phát, cũng là coi việc công là cần. Chuẩn cho thường gia 1 cấp để khuyến khích”. Lại sai quan tỉnh chở thêm gạo ở kho đến chỗ bến đò ba huyện ấy, tùy tiện bán ra bằng cách cho vay, người nào ngặt nghèo thì miễn cấp cho. Còn lữ dài cũng khởi công làm.

Đúc tiền đồng lớn, mỹ hiệu “Thiệu Trị”, tất cả 40 thứ là 10.000 đồng. Mỗi thứ tiền có các chữ sau đây :

- Thân thân, trưởng trưởng, lão lão, ấu ấu [Thân với người thân, kính người tôn trưởng, trọng người già, yêu trẻ bé].

- Chí công, chí chính, vô đảng, vô thiên [Rất công bằng, rất ngay thẳng, không bè đảng, không thiên vị].

- Quốc phú, binh cường, nội an, ngoại tĩnh [Nước giàu, quân mạnh, trong ngoài yên ổn].

- Ngũ thời thuận phủ, thử tích kỳ ngưng [Năm mùa hoà thuận, mọi việc đều nên].

- Vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế thọ [Sống lâu, muôn năm, muôn muôn năm].

- Phúc như Đông hải, thọ tử Nam sơn [Phúc như biển Đông, thọ sánh núi Nam].

- Hà lưu thuận quỹ, niên cốc phong đăng [Dòng sông thuận lối, hằng năm được mùa].

- Vạn thọ du tạc, vạn phúc du đồng [Sống lâu muôn tuổi, muôn phúc cùng chung].

- Như sơn, như xuyên, như cương, như phụ [Sống lâu như núi sông, như gò đồng].

- Đắc vị, đắc lộc, đắc danh, đắc thọ [Được ngôi, được lộc, được danh, được thọ].

- Quốc thái, dân an, phong điều, vũ thuận [Nước thịnh, dân yên, gió hoà, mưa thuận].

- Thân thân, hiền hiền, lợi lợi, lạc lạc [Thân với người thân, yêu quý người hiền, lợi điều đáng lợi, vui điều đáng vui].

- Nhất nhân hữu khánh, vạn thọ vô cương [Một người có phúc, muôn tuổi không cùng].

- Quân quân, thân thân, phụ phụ, tử tử [Vua tôi, cha con đều giữ đạo phải].

- Lục phủ khổng tu, tam sự doãn trị [Sáu phủ sửa sang, ba việc chỉnh đốn].

- Truy trác kỳ chương, kim ngọc kỳ tương [Mài giũa cho đẹp, vàng ngọc nam vào].

- Mục mục, hoàng hoàng, tế tế, thương thương [Tôn nghiêm rực rỡ, đi lại tung bừng].

- Vương đạo đấng đấng, thánh mô dương dương [Con đường vương giả phẳng rộng, mưu thánh đầy rẫy].

- Tứ hải cộng chi, bách thế truyền chi [Bốn biển cùng hưởng phúc, truyền đến trăm đời].
- Tự thiên hựu chi, cát vô bất lợi [Từ trời giúp cho, không việc gì không lợi].
- Nhất nhân hữu khánh, triệu dân lại chi [Một người có phúc, triệu dân được nhờ].
- Trạch cập đương thời, ân thuỳ vạn thế [Ân huệ thấm nhuần thời bấy giờ, ơn đức để mãi muôn đời].
- Thiên bất ái đạo, địa bất ái bảo [Trời chẳng tiếc lễ phải, đất chẳng tiếc của báu].
- Thọ khảo vạn niên [Sống lâu muôn tuổi].
- Tứ phương vi tắc [Làm khuôn phép cho bốn phương].
- Nguyên hanh lợi trinh [Gồm bốn đức của quẻ Càn trong *Kinh Dịch*].
- Cương kiện trung chính [Cứng, mạnh, trung chính – chỉ đức của nhà vua].
- Trung hoà vị dục [Giữ được trung hoà, ngôi vị trời đất được thuận, muôn vật được nảy nở].
- Liễm phúc tích dân [Thu phúc, ban cho dân].
- Gia cấp, nhân túc [Mọi nhà, mọi người được đầy đủ].
- Lợi dụng, hậu sinh [Cửa dùng được thuận lợi, đời sống được phong hậu].
- Phúc lý tuy tương [Phúc lộc đôi dào].
- Đế đức quảng vận [Đức nhà vua mở rộng khắp].
- Xuyên chí, sơn tăng [Sông chảy dài, núi thêm cao].
- Thiên hạ đại đồng [Thiên hạ là của chung, được thái bình].
- Du cửu vô cương [Dài lâu không cùng].
- Vạn vật tư sinh [Muôn vật nhờ được sinh sống].
- Vạn thế vĩnh lại [Muôn đời được nhờ mãi].
- Dụ quốc, lợi dân [Nước được giàu, dân được lợi].
- Giải uẩn, phụ tài [Giải được lo, tăng nhiều của].

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LVI

THỰC LỤC VỀ HIỂN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Bính Ngọ, Thiệu Trị năm thứ 6 [1846], mùa xuân, tháng 3, ngày mồng một. Vua ngự điện Văn Minh, bảo quan Nội các rằng : “Nay các thuộc quốc Hoà Xá, Thuỷ Xá từ phương xa đến châu mừng, nên cho cung đón nhiều hơn, khiến họ biết cái ý triều đình đối đãi tốt với người phương xa”.

Cho : Thụ Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lễ, Tả phó đô Ngự sử viện Đô sát là Phan Thanh Giản được thăng quyền Thượng thư bộ Hình, đều được sung làm đại thần ở viện Cơ mật. Quyền Hữu tham tri bộ Hộ là Phạm Thế Hiển được bổ thụ Tả phó đô Ngự sử ở viện Đô sát.

Chuẩn định lệ đốc công làm ở Nội vụ phủ và Vũ khố. Từ nay, có tờ tâu làm các đồ vật, đã được phê son chấp son, phạm việc thuộc ở nội đình thì do ty Cẩn tín xử Thị vệ xét làm ; việc thuộc về chính thể thì giao cho Nội các chiếu các nha có trách nhiệm lục phát cho làm. Nếu giao nhận không đúng và đùn đẩy nhau không làm, để đến chậm trễ, đều phải tội ; người nào làm thì phải chịu [trách nhiệm].

Làm thêm mái cung đằng trước và đằng sau điện Hiếu Tư. Sai Thống chế dinh Thần cơ là Kiều dũng tướng Dương Thai trông nom việc này. Vua dụ rằng : “Chỗ tôn nghiêm, phải kính cẩn hơn. Răn bảo lính và thợ phải nghiêm trang chỉnh đốn, để đáp được ý Chỉ của trăm cung kính noi theo [phép nhà].

Xây thêm thành Triệu Tường ở Thanh Hoá.

Duyệt biên binh 5 tỉnh lớn ở Bắc Kỳ. Trước kia, biên binh 5 tỉnh, đòi triệu về Kinh, sai Thống chế Dương Thai, Thị lang Phạm Khôi thao diễn ; đến đây, vua ngự cửa Ngọ Môn điểm duyệt, thấy hàng ngũ tề chỉnh, ban cho quần áo và tiền. Tổng đốc, chánh phó lãnh binh 5 tỉnh và các quan giữ việc quân ở Kinh đều được thưởng kỷ lục 1 thứ.

Quan khoa đạo là Nguyễn Hữu Độ, Lê Đức, Đặng Minh Trân, Diệp Xuân Huyền dâng sớ tâu : “Triều đình nuôi quân, nên [chú trọng] ở lúc ngày thường, mà cái phép nuôi quân là cốt ở chỗ tiết sức của dân. Nay làm việc đến hơn mười nơi, người trông coi công việc thì thúc giục nghiêm ngặt, đến nỗi có khi đến đêm không được nghỉ, thường tỏ vẻ kiệt quệ ! Vậy xin sắc cho bộ Công xem nơi nào nên đình hoãn thì xét lại tâu lên, chờ Chỉ, để sức lực của quân được thư”. Vua cho rằng tờ tâu ấy phần nhiều chưa được rõ ràng, bèn sai quan Nội các xét hỏi. Bọn Hữu Độ chỉ ra các việc xẻ gỗ, đánh voi. Vua dụ rằng : “Biên binh làm việc, ban ngày khi làm, khi nghỉ, còn có hạn độ, hưởng chi canh khuya, đêm khuya sao nữa thúc giục để cho nhọc mệt thế ư ? Bọn khoa đạo tâu lên, nếu quả có việc ấy, nhất định phải xử phạt nghiêm ngặt để ngăn mối tệ ; nhưng chỉ nói biên binh làm việc, đến đêm không được nghỉ, mà đã làm việc gì, đã làm ở sở nào, không hề nói ra ! Đã cho hỏi lại thì chỉ nói là đánh voi, xẻ gỗ ! Lý dưới, lời cùng, đã có thể thấy sơ qua rồi. Hoặc giả có khi ban ngày chưa làm, đến đêm làm tiếp, cũng là việc thường, có khó nhọc gì, mà lại vin cơ để nói. Chẳng qua chỉ là mua tiếng ! Duy việc tiết nuôi sức quân, là bản tâm của trẫm. Từ nay, cho các bộ, viện nên kiểm xét từng kỳ : phạm các sở làm việc, nếu có khinh thường, sai quân lính làm việc suốt đêm nhọc mệt quá, phải chiếu luật, nghiêm hạch, trị tội”.

Tổng đốc An Giang - Hà Tiên giúp công việc ở Trấn Tây là Tôn Thất Bạch bị ốm, được chuyển về An Giang để điều trị. Cho Tổng đốc Vĩnh Long - Định Tường là Ngô Văn Giai tạm ở tỉnh An Giang để đàn áp. Sau đó Bạch bệnh bớt dần ; Giai lại về Vĩnh Long.

Tỉnh Nghệ An giá gạo đắt. Vua sai phát thóc trong kho ra cho dân vay.

Ngày Ất Sửu, tiết Thanh minh. Vua đến Hiếu lăng làm lễ rải đất. Lễ xong, vua kính cẩn đi xem điện các, thấy hồ, núi mười phần trang nghiêm, cây cối hoa cỏ xanh tốt cả, thưởng cho thủ hộ sứ, phó sứ, gia cấp, kỷ lục và tiền có từng bạc. Lại yết lăng Cơ Thánh và lăng Hiếu Đông, đường đi phải qua đám ruộng, sai thị vệ ngắt vài bông lúa, xem thấy chắc tốt, vua bảo thị thần rằng : “Lúa ở ruộng cao mà như thế, thì lúa ở ruộng thấp có thể biết lắm”.

Dân hạt Phú Yên có người con hiếu là Nguyễn Văn Thiệu tình nguyện về Kinh chiêm bái, quan tỉnh tâu lên. Vua cho rằng Văn Thiệu, cha con một nhà hiếu thuận

đáng làm gương, đã được nêu thưởng để khuyến khích phong hoá ; nay gặp khánh tiết, lại biết giải tỏ lòng lành, tình cũng đáng lượng thứ, bèn chuẩn y cho.

Quản vệ Kinh tượng là Phạm Công Hợp có tội, phải cách chức. Công Hợp lấy voi của vua đi làm việc riêng. Việc phát giác, bộ Binh nghị kết tội đồ. Vua bảo rằng : “Vật của vua dùng, không được mượn riêng, luật đã có điều cấm. Người đời xưa không dám kể tuổi ngựa của vua, thực vì sợ phạm tội bất kính rất lớn ! Nay Công Hợp làm càn như thế ; tội ấy không phải là nhỏ. Nhưng nghĩ : hần ngu dốt không biết gì, tự mắc vào lưới pháp luật, trầm bình tình theo lý, không nỡ coi loài vật hơn người, cho đổi làm cách chức, phải đóng gông, phạt trưng tội bạc, phát đi làm binh, tha tội phải đi đày”.

Đổi cấp mũ áo cho quan to các tỉnh được chám triệu về Kinh. Vua bảo quan bộ Hộ rằng : “Năm trước, mới chế áo triều, đã cho nghị định đổi cấp cho các quan ở Kinh. Kể ra, quan trong quan ngoài cùng như nhau cả. Đối với thượng ty các tỉnh ở ngoài, cũng nên lượng cho đổi cấp. Nay gần đến ngày khánh điển, nên chiếu các đốc, phủ, bố, án và chánh phó lãnh binh được khâm điểm về Kinh, cũng chiếu phẩm chế cấp để được kịp kỳ châu mừng. Còn thì cũng chế cấp dần. Các mũ áo cũ thì nộp trả, thứ nào còn dùng được thì cho sửa lại để phòng ban cấp cho chánh phó lãnh binh các tỉnh cũng được”.

Bố chính Quảng Ngãi là Nguyễn Đức Hộ vào hầu. Vua cho triệu vào hỏi về tình trạng ác Man. Hộ thưa rằng : “Gần đây có một vài tên Man lên xuống, liền bị quan quân ngăn chặn, phải trốn đi ngay”. Nhân thế, vua bảo Trương Đăng Quế rằng : “Tình tình người Man hoang hốt không thường, duy quan địa phương biết cách dẹp yên cai trị thì chúng tự khắc thiếp phục”.

Định ngạch ngựa viện Thượng tứ. Bộ Binh tâu rằng : “Ngựa để dùng cho việc binh, tất phải vừa nuôi vừa tập, thế nên tất phải biết rõ vì việc đời xưa dùng ngựa, mà tập cho ngựa quen cũng có cách thức. Từ trước đến giờ, số ngựa công được nuôi ở viện Thượng tứ chưa có nghị định. Nay xin định ra số ngạch, ngựa thì 200 con, nhưng chia cấp cho 2 vệ khinh, phi chăn nuôi theo đúng phép. Còn thừa 51 con, cấp thêm cho các trạm từ Thừa Thiên trở ra Bắc đến Hà Nội và chia cấp cho các dinh vệ Thần cơ, Tiền phong, Kỳ võ. Từ nay hễ ngạch có thiếu, thì kén lấy ngựa đã dạy quen và khoẻ mạnh ở các tỉnh sung điền vào”. Vua chuẩn y.

Ngày Canh Ngọ. Tế trời đất ở đàn Nam Giao. Khi thuyền vua đi qua sông Hương, thấy chỗ bến dò, quân dân tranh nhau sang dò, có nhiều tiếng ồn ào. Đến khi về cung, sắc cho bộ Công sang năm đến kỳ tế, tư trước cho thủy sư vát đem thuyền gỗ kết làm cầu nổi, để tiện cho quân dân đi lại. Việc này đặt làm lệ mãi.

Ở Thừa Thiên, mưa. Trước đây, ở Thừa Thiên ít mưa. Vua sai quan cầu đảo, chưa được ứng nghiệm. Huyện doãn huyện Hương Trà là Nguyễn Văn Sĩ vì không thân đến đảo ở đền quốc tế, phải cách chức ; Kinh doãn là Trần Trứ phải phạt bổng 3 tháng. Vua nhân đi thăm lăng, tế trời, đều mất đảo việc ấy, liền được mưa. Chưa bao lâu, ở Thừa Thiên lại tâu rằng : “Trong hạt gần đây được mưa nhỏ, bỗng nhân gió bắc rét lạnh, lúa cũng có tổn thương”. Vua lại cho quan khoa đạo chia nhau đi khám, nơi nào bị hại thì lượng tha thuế cho.

Đời làm nhà công lãnh binh Quảng Ngãi đến trại Bàn Thạch (Bàn Thạch là tên một trại thuộc huyện Mộ Đức, trước ở xã An Chi huyện Chương Nghĩa).

Quyền Tả tham tri bộ Binh là Lê Khánh Trinh chết. Chuẩn cho thực thụ, cấp thêm cho 200 quan tiền.

Sai quan có trách nhiệm sửa cung Trường Ninh. Khoảng năm Minh Mệnh, làm cung này để làm nơi du ngoạn của Thánh từ ; đến đây, sai quan sửa sang lại, rước từ giá đến chơi. Vua bung chén rượu chúc thọ, nhân đặt tên đằng trước gọi là Ngũ Đại đường, ở giữa gọi là Thọ Khang điện, đằng sau gọi là Vạn Phúc lâu. Vua dụ rằng : Cung báu, cửa son, nhà ngọc ở chốn chi viên ⁽¹⁾ đều nhờ đức trước, mẫu mực rộng rãi, phong cảnh thiên nhiên, không mượn đến sức người, tuy lần này sửa sang không nhiều lắm, mà các quan đi đến làm việc chăm chỉ, cũng là đáng khen, trẫm thân rước Từ giá ⁽²⁾ đến chơi, Thánh từ ⁽³⁾ vui vẻ bằng lòng, đoái thương ôn tồn, thực yên lòng phụng dưỡng của trẫm. Vậy nên thưởng cho quan viên, quân, thợ làm việc được kim tiền, ngân tiền, gia cấp và kỷ lục có tăng bậc.

Sửa sang điện Sùng Ân, (cột trước, mái cung và cửa quách bình ở tầng trên cửa hiển đức). Sai Chuông vệ Tôn Thất Cung trông nom việc này. Cung sau được bỏ ra ngoài. Vua sai Thống chế Tôn Thất Đường thay thế. Vua dụ rằng : “Ở nơi tôn nghiêm, cần phải để tâm làm việc. Nghiêm cấm quân và thợ không được ồn ào, phải mười phần nghiêm tĩn. Sau khi làm việc, mọi khoản chỉnh tề, để đáp Chi ý cung kính noi theo của trẫm”.

Tha các tù phạm địa phương. Bộ Hình đem danh sách dâng lên, là tuân theo ân chiếu. Vua bảo Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn rằng : “Khánh tiết năm nay, ân điển ban khắp. Các tù can phạm, tội tình không giống nhau, phải nên chức lượng ban ơn cho rõ xứng đáng. Các tội phạt trọng, đóng gông, phát làm binh, làm đầy tớ và tội đồ, là tội hơi nhẹ, đều cho xét tha ngay, giao cho dân xã nhận lấy và quản thúc, trong đó hoặc giả có kẻ quen làm điều không lành, dân không muốn nhận, thì do quan sở tại sắp xếp. Quan các cơ đội triệu mộ trong hạt, là người nhà Thanh mà

(1) Chi viên : khu vườn dựng nhà tinh khiết

(2) , (3) Từ giá và Thánh từ : đều chỉ bà của Thiệu Trị.

không muốn ở lẫn với dân người Kinh, thì do bang trưởng nhận về quản thúc, cho có chỗ ở. Còn các tội phải dày vào trong quân, hoặc can án tội nặng, hoặc du côn hung ác, nên do sở tại quy lại ; bỏ làm binh, chọn chỗ cho ở thì không những bọn chúng được nhờ đó để sống mà tội ác không được tăng thêm, khỏi làm hại dân lành”. Chưa bao lâu, tỉnh Nghệ An quy bổ làm 2 đội Lương thiện nhất, Lương thiện nhị, chia thuộc 2 phủ Tương Dương và Trấn Ninh ; tỉnh Thanh Hoá quy bổ làm 2 đội Thiên thiện nhất, Thiên thiện nhị. Vua đều y cho.

Tỉnh Thanh lại xin chế cấp áo quần. Vua bảo rằng : “Tù có tội, được làm binh, đã là may lắm, sao được cấp áo cho mọi người. Đó là không phải lệ”. Bèn không chuẩn y. Đốc phủ Tôn Thất Lương phải phạt bổng 3 tháng. Tỉnh Quảng Yên làm vẫn giam giữ người tù đáng được tha. Việc ấy phát giác, vua giao cho bộ Lại nghị xử : Án sát Hồ Trọng Tuấn phải giáng 3 cấp, Bố chính trước là Phạm Huy phải giáng 1 cấp, thuộc lại ở tỉnh chuyên trách làm việc này phải phạt bổng, cách chức, phát làm binh ở Chàng Sơn.

Hình khoa Chương án Cấp sự trung là Giang Văn Hiến tâu : “Từ tháng quý xuân [tháng ba] đến nay, cả tuần ít mưa, ý hẳn việc hình án còn bỏ đọng nhiều ! Xin sắc hỏi việc hình án, các nha môn phải xử ngay những án chưa kết, khiến cho hình án để đọng được xong”. Vua dụ rằng : “Làm điều nhân đức, cẩn thận hình án, là lẽ đương nhiên của đạo làm vua. Trẫm từ khi lên ngôi đến giờ, hằng ngày lo muôn việc, không dám nhàn rỗi. Đối với việc hình án, lại càng kính cẩn và xót thương. Nay Giang Văn Hiến bỗng vì ít mưa, lại lấy việc ấy tâu lên ! Kia, cuối mùa xuân đầu mùa hạ, tuy là tiết hậu thường nắng ấm, nhưng lòng lo cho dân của trẫm chưa dám cho là ngẫu nhiên. Không phải ghét nghe những sự tai hại mà thích làm ra lời vui tai. Hướng chi trong tập tâu, các án dẫn ra đều là tội nặng giặc cướp, án mạng, há nên vội cho là cầu thả ? Nếu muốn xử xong ngay thì những án ấy, tất phải bỏ mặc, không xét hỏi, khiến cho quân tham của được để nói dối, loài cầm thú được để khỏi tội, liệu có nên không ? Duy nghĩ : thiên hạ thì rộng, cái chậu úp khó khắp, chắc đâu không có một hai án còn chổng chắt đọng lại. Nay giao cho pháp ty chiếu các án chưa xong, phải gấp kết đệ, không được chậm trễ. Người, Giang Văn Hiến, là người trong pháp ty, lại có trách nhiệm ở Hình khoa, phải chính mình dự xét, làm thế nào phát hiện được việc gian, nêu được việc ẩn khuất, chóng xong án cũ, cho xứng đáng với lời tâu, chứ không phải chỉ nói suông để tắc trách, mới được”.

Cho : Viên ngoại lang ty Cận tìn là Nguyễn Xuân Bảng thăng quyền Lang trung bộ Lại ; Phò mã đô úy trước phải giáng một trật là Hoàng Kế Viêm được đổi bổ Lang trung Nội vụ phủ.

Lấy lại lương bổng của Điện Bàn công Phổ 8 năm. Phổ đánh mất ấn, tấu đổi lại không thực. Vua sai Tôn nhân phủ và bộ Lại hội đồng nghị xử. Họ cho rằng Phổ là

thân công, được chiếu cố theo “bát nghị”, nên xin giáng 10 cấp, chiết can làm phạt bổng 20 năm. Vua nghĩ : Phở vì nhỡ nghe bọn bất chính đồ dành, đến khi giao nghị, liền nhận tội ngay, không dám chối giấu, tình cũng nên tha, nên cho đổi làm giáng 4 cấp, chiết làm phạt bổng 8 năm.

Tấn phong hoàng tử thứ tư Hồng Y làm Kiến Thụy công ; hoàng tử thứ tám Hồng Hữu làm Gia Hưng công ; hoàng tử thứ ba Hồng Phó làm Thái Quốc công, hoàng tử thứ sáu Hồng Tố làm Hoàng Trị quận công ; hoàng đệ : Miên Kiên làm Phong Quốc công, Miên Tranh làm Hải Ninh quận công, Miên Lâm làm Hoài Đức quận công. Sai bọn Phan Thanh Giản, Lý Văn Phúc và Nguyễn Văn Điển đều sung Khâm sứ tuyên phong. Trước đây tuyên triệu hoàng tử, hoàng đệ 10 người chưa được phong vào ứng chế ở điện Đông các, 7 người được trúng cách, cho nên có mệnh lệnh này.

Ngày Bính Tý. Vua đi chơi vườn Cơ Hạ, triệu quân túc vệ diễn tập hàng ngũ. Các hoàng đệ là Miên Định, Miên Thẩm, Miên Trinh, Miên Tống, Miên Thanh bổng vào hầu. Vua giận, nói rằng : “Đây không phải là nơi thường châu hầu, không tuyên triệu thì không được vào, nếu đường đột thì phải tội, và không biết ngăn lại cũng phải tội, đem ngay quân vệ là bọn Nguyễn Huyền, Nguyễn Tuấn phạt trọng, các hoàng đệ và biên binh giữ cửa đều bị giao cho bộ Hình hội đồng với viện Đô sát nghị xử. Các công đều phải phạt bổng 5 năm ; ba người canh cửa phải tội giảo giam hậu. Các quan khoa đạo là bọn Vũ Duy Ninh, Nguyễn Hữu Độ 10 người, cho là xử tội rất nặng, tâu xin xét lại. Vua quả rằng : “Tự tiện vào chỗ vua ngự, thì phải tội thất cổ ; quan canh cửa cố ý cho vào, cũng phải tội như thế, có điều luật rõ ràng. Không biết bọn khoa đạo có ý kiến gì dám bác lời bàn của nhiều người mà bênh vực kẻ canh cửa ?”. Bèn sai bộ Lại đòi tất cả đến ngoài cửa Đại Cung xét hỏi. Bọn Vũ Duy Ninh đều cúi đầu, nhận tội.

Mỹ Lâm quận chúa Ngọc Vân ở Trấn Tây xin cho quan nước Phiên đến cửa cung chúc mừng. Quan đại thân ở quân thứ tâu lên, vua chuẩn y cho.

Mùa hạ, tháng 4, mồng một, làm lễ Hạ hưởng.

Hoàng đệ Hải Ninh quận công Miên Tranh, nhân có mệnh mới, đặt tiệc, bày trò chơi ở nhà Quảng học, mời các công đến dự tiệc, người xem đứng như bức tường, đuổi đi không được. Hoàng Hoá quận công Miên Ninh nhân nói đùa dọa người, để ngã dẫm lên nhau : có người bị thương. Quan khoa đạo là bọn Vũ Duy Ninh đem việc ấy tâu hạch. Vua bảo rằng : “Làm nhà Quảng học, để làm nơi đọc sách, thế mà tự ý riêng bày trò chơi, thực là không phải. Miên Ninh phải phạt bổng 1 năm, Miên Tranh phải phạt bổng 6 tháng, và thu 10 lạng bạc cấp cho thân nhân người bị thương nhận để bảo dưỡng. Bọn quan gia ở phủ Hoàng Hoá quận công là

Đoàn Văn Đào, Tư vụ ở nhà Quảng học là Nguyễn Hữu Thiệm đều phải giáng, lưu ; giáo đạo Hồ Văn Nghĩa cũng phải giáng 1 cấp. Duy có sư bảo Lê Đăng Doanh vì cáo ốm, được miễn.

Nước Thuỷ Xá, Hoả Xá sai sứ đến cống, lại dâng lễ phẩm làm lễ chúc mừng, đã đến Kinh. Cho vào yết kiến, ban cấp cho sứ thần là Sơn Thí, Kiệu Mộc : ngũ phẩm, lục phẩm ban võ, áo triều mỗi người 1 bộ. Thổ ty, thổ mục các hạt, cũng chiếu phẩm cấp cho mũ áo.

Phủ Thừa Thiên tiến thóc mới. Trước đây bộ Lễ tâu rằng dân hạt Thừa Thiên xin làm rạp dài ở trước lầu Phú Văn để chúc mừng. Vua dụ rằng : “Vương chính phải lấy việc yêu dân làm đầu, đức của vua không gì quý hơn là thật tiết kiệm. Trầm cẩn thận hàng ngày, càng lo tu tỉnh, đâu dám lấy việc ấy tự làm nhàn rỗi. Năm nay làm lễ khánh điển, nguyên là để ban ơn cho thần dân, không phải một mình thích sự chơi vui. Duy có Thừa Thiên là nơi hơn nhất, nhờ ơn đầu tiên : hàng năm đại lễ tế trời đất và nhân việc đi tuần, dân các huyện đều bày án bên đường để nghênh giá ; từ trước đến giờ được ban ơn rất hậu. Phàm tất cả các việc thiệt cho kẻ dưới, ích cho người trên, đều phải cấm chỉ, vì muốn để cho dân được nghỉ ngơi sống thoải mái, cùng vui trong cảnh giàu thịnh. Nay nếu cho làm rạp dài, nhân công vật liệu không phải không tốn, mà hơn 400 xã thôn trong 6 huyện châu chực lại kéo dài hàng tuần hàng tháng, hương hào tổng lý có khi bắt dân đóng góp để làm việc riêng, quan lại bất chính có khi mượn cơ doạ nạt nhiều dân, không lợi cho việc mà chỉ thêm hại dân, trẫm không thích nghe đến, nên phải thôi ngay”. Đến đây, quan phủ Thừa Thiên dần dần nhiều tuổi trong 6 huyện đến ngoài cửa Đại cung, đem thóc mới lên tiến. Vua ban thưởng cho các viên phủ huyện ngân tiền, sa màu và cho dân nhiều tuổi được tiền vải, đều có từng bậc.

Vua bảo Hà Duy Phiên, Phạm Thế Hiển rằng : “Bọn người được sung làm đại thần xét liệu lần này, việc ban yến cho các quan đã có lệ thường. Duy ban yến cho người trong họ Tôn thất thì chi gần từ 13 tuổi trở lên, chi xa từ 18 tuổi trở lên mới được dự yến, cho có phân biệt thứ bậc. Lại như quan chức, học sinh nhàn tản, ngạch quân, đều không giống nhau, nên kê số dự định trước. Và, từ vương công trở xuống đến các người trong Tôn thất, trong khi tiệc rượu kể tuổi, hậu theo thứ tự đạo thường, cố nhiên nên chia hàng ra ngồi, nhưng nên ban cấp cùng ngày, cũng để tỏ ý gốc ngành phồn thịnh. Còn những người họ Tôn thất làm quan ở ngoài, các con cháu đã ở lệ kể tuổi, thì lấy bạc thay yến, để tỏ ơn huệ thấm nhuần”.

Cho : Quản cơ Tả cơ ở Bắc Ninh là Bùi Thuộc thăng quyền Vệ úy vệ Nam Định ; bổ Nguyễn Quang làm Phó vệ úy vệ Tiệp vũ.

Lĩnh Tuấn phủ Hà Tiên là Nguyễn Lương Nhân vào yết kiến. Vua triệu hỏi rằng : “Chất Tri còn ở lại Ô Đông, là tại sao thế”. Nhân thưa rằng : “Chất Tri vì Lạp man

mà đến, thường bị quan quân đánh thua, khí giới hết cả, cho nên lần nữa không đi, muốn cầu người Lạp truy đến phí tổn quân nhu, nên từ trước đến giờ nghị hoà chưa xong, chỉ vì có đó”. Vua bảo rằng : “Lời người không ngoài ý định của trẫm”. Nhân vì Lương Nhà già yếu, chuẩn cho hôm rồi việc thì vào hầu. Nhân có mưu lược làm tướng ; vua quý trọng lắm, nhân bảo Trương Đãng Quế rằng : “Hiện nay tướng suý chỉ có Nguyễn Lương Nhân, Nguyễn Công Nhân mà thôi, nếu được vài người như thế, còn việc gì phải lo ở Trấn Tây nữa, chỉ tiếc rằng tuổi và sức đã suy !”.

Ngày Nhâm Thìn. Vua yết lãng Thiên Thụ và lãng Thuy Thánh. Trước khi thuyền ngự tiến đến bến đò nơi hành cung, nghe tin Thái hoàng thái hậu trong người khó ở, vua suốt đêm không ngủ. Ngày hôm sau, làm lễ xong, sai rước về cung ngay. Thân đến thăm sức khoẻ, thấy thánh thể được khoan hoà, vua mừng lắm. Quan châu chực ở Y viện đều được thưởng cả.

Định lệ cho các hạt về việc được vào châu hầu. Phạm khi vua ngự điện nghe triều chính và ngự giá đi chơi cung Bảo Định, các viên đốc, phủ, đề đốc, tuyên phủ, bố chính, án sát, lãnh binh được điểm, đều cho vào châu. Duy ngày thường, vua ngự điện Đông Các và ngự giá đi chơi các sở ở Cẩm uyển, nếu có tuyên triệu đình thân, các viên án sát, lãnh binh chờ lệnh tuyên triệu. Còn các đốc học thì cho cùng với lang trung Lục bộ theo ban vào hầu ở điện Cấn Chính. Việc này được đặt làm lễ mãi.

Vua dụ Nội các rằng : “Nay sắp làm lễ khánh điển, ban yến ở sân rồng, quan bộ Lễ tâu các thân công sung vào dâng chén chúc thọ lần thứ hai, xét về tình lý, thực cũng nên thế, nhưng nghĩ các thân công đều là người rất thân của nước, tuổi thì nhiều, trẫm dốc lòng thân yêu người thân, không nỡ nệ về lễ số. Nay dụ rõ cho sáu thân công (Kiến An công Đài, Định Viễn công Bính, Diên Khánh công Tấn, Điện Bàn công Phổ, Thường Tín công Cự, Từ Sơn công Mão) : đều miễn cho lạy múa dâng chén chúc thọ, cho đều được ngồi ở trên hàng hoàng tử, hoàng thân, bồi hầu yến của vua, chờ được ban rượu, để tỏ chí ý hậu đãi người thân”.

Vua bảo quan bộ Lễ rằng : “Sứ thần 2 nước Thuỷ Xá, Hoả Xá, từ phương xa đến dâng cống, ở lâu không quen khí hậu, nên dự định đồ thưởng, đợi xong lễ cày ruộng Tịch điền thì cho về, bấy giờ sẽ ban thưởng”.

Tôn nhân phủ và bộ Lễ theo nghị xin đổi bán dinh thự An Khánh công Quang đã chết để nộp vào kho. Vua bảo rằng : “Việc thờ thân công và đền sở thờ sinh mẫu công, đã được Nhà nước làm cho, dinh thự ấy cũng giao cho Tôn nhân phủ đổi bán giữ lại, để chi về hương đèn hàng năm và tụng kinh, tạ một, không nên nộp kho làm gì. Lại vì công và Nghĩa Quốc công Miên Tế đã chết đều là phiên vương bậc thân, tất cả các việc thờ tự đều giao cho Tôn nhân phủ thời thường xem xét, cho được chu đáo”.

Bộ Lễ tâu rằng : “Bá Quý là con thứ Phạm Đình Trạc, Án sát Cao Bằng đã chết, tình nguyện xin vào Giám học tập ; con trưởng Trạc là Nghị đã được ám thụ, Quý không được vào Giám”. Vua nghĩ : Trạc là bề tôi giữ bờ cõi, tử tiết cùng với quan cùng tỉnh, tiếng thơm tiết nghĩa như thế, nên tưởng lục đến con, bèn chuẩn y cho.

Cho : quyền Vệ úy Trung vệ dinh Hùng nhuệ là Tống Biện điều bổ quyền Vệ úy Trung vệ dinh Tiền phong ; quyền Phó vệ úy vệ Kinh kỵ là Tạ Quang Tri điều bổ quyền Phó vệ úy Trung vệ dinh Hùng nhuệ.

Đổi cấp mũ áo cho con các thân công. (Con trưởng thân phiến, mũ xuân thu trang sức bằng 2 hoa hình con giao long bằng vàng tốt, bỏ tử và áo thì như tam phẩm ban võ ; còn con thứ thì không cứ đã được phong hay chưa được phong, đều cho theo cách thức mũ, bỏ tử và áo của tứ phẩm).

Có lái buôn người nhà Thanh, thuyền trưởng Ngô Hội Hưng, thuyền hộ Vương Phục Hưng đem dâng lễ phẩm, do phủ Thừa Thiên tiến lên, vua sai chọn lấy một vài thứ đồ cổ, rồi cấp cho 500 quan tiền ; ngoài ra, châu, ngọc, gấm, vóc đều trả lại tất cả. Còn thuế thuyền đều được miễn.

Định giá bạc bồi thường tang vật. Trước đây, Án sát Hà Tiên là Lê Hữu Hương dâng sớ chúc sức khỏe, tâu bày : “Giá bạc hạt tỉnh ấy, một lạng bạc trị giá 9 quan tiền, mà tiền theo luật định thì 3 quan tiền trị giá 1 lạng bạc. Phạm kẻ tang vật mà bắt tội, hiện bạc 1 lạng thì lấy 1 lạng bắt tội, hiện tiền 9 quan thì lấy 3 lạng bạc bắt tội, tội nặng hơn thì đền gấp đôi. Vả, tiền hay bạc cùng là tang cả, mà bắt tội có nhẹ nặng khác nhau, sợ chưa hợp lẽ phải”. Việc này được giao xuống bộ Hình bàn. Bộ cho rằng luật có 6 thứ tang, đều bắt tội bằng bạc lạng. Theo luật “đền tang vật bị mất” trong danh thể lệ tội danh, về hồ tang đều căn cứ giá vừa phải ở nơi phạm [địa phương] hồ kê ra ; duy các địa phương giá bạc cao hạ không đều, nếu theo giá địa phương tất cả, tưởng cũng không được đến nơi đến chốn. Vậy xin : phạm tra xét án kiện, đôi khi có việc kẻ tang bắt tội, định làm 6 quan tiền chiết can là 1 lạng bạc ; về bạc lẻ trách bồi và tài sản đổi chác chiết bồi, cũng theo như thế. Còn như thóc gạo, đồng, sắt, chì, thiếc, vải, lụa, trù, và thuyền bè, cây gỗ, súng ống, khí giới cho đến tất cả đồ vật trong kho, xin sắc cho quan có trách nhiệm đều chăm chước định giá phải chăng cho được thống nhất. Vua theo nghị ấy, duy các hạng thóc, gạo, vải, lụa thì chuẩn cho khi cần dùng đến, sẽ tra kỹ giá cả để ngăn mối tệ.

Sai Ngự sử Hoàng Nho Nhã thanh tra tội Tài thụ. Bắt đầu định 5 năm 1 lần [thanh tra], đặt thành lệ mãi.

Di chuyển 50.000 quan tiền công chứa ở Sơn Tây đến Tuyên Quang.

Tỉnh Quảng Bình có Lào Man lên xưng nguồn Cẩm Lý cướp bóc. Thuộc lại tỉnh ấy là Vũ Văn Cần bắt gặp, đem dân phu đi đánh dẹp, bắt sống được 2 tên, sai

chém đầu để rao khắp nơi. Cần được nhắc nhở bắt phẩm thư lại : dân phu được thưởng tất cả 50 quan tiền.

Lĩnh Tổng đốc Hà Nội - Bắc Ninh là Mai Công Ngôn vào yết kiến. Vua triệu hỏi về những điều thấy trong khi đi đường. Ngôn thưa rằng : “Bê tôi qua tỉnh Hà Tĩnh thấy dân thường dắt díu nhau đi lĩnh chẩn kể có hàng nghìn, hàng trăm, thực là đáng thương !”. Vua bảo rằng : “Hạt ấy giá gạo hơi cao, trước đã giảm giá phát thóc bán ra, lại phái 2 viên khoa đạo hội bàn, vừa phát chẩn vừa cho vay, dân ta tưởng đã khởi sắc ; nay nghe người nói trăm càng thấy sốt ruột lắm !”. Bèn truyền dụ cho Tuần phủ Trần Văn Tuấn và bọn Nguyễn Thuận do Kinh phái ra phải sai nhiều thuộc viên ở tỉnh vất thêm tiền, gạo vận đến các làng xóm, phát chẩn cho khắp, để dân đến chỗ gần mà lĩnh, khỏi phải dắt díu ngoài đường, không tiện !

Lại dụ cho Thự đốc Nghệ An - Hà Tĩnh là Tôn Thất Đường rằng : “Người, trước có Chỉ tuyên triệu về Kinh hội họp, nay hãy tạm đi đến tỉnh Hà Tĩnh cùng bàn việc, đợi trong hàng tuần, lương thực của dân được thư dần, lại về Kinh, chưa muộn”.

Lại bảo quan bộ Hộ là Hà Duy Phiên rằng : “2 hạt Quảng Bình, Hà Tĩnh, lương thực của dân hơi khó, trăm lo cho dân lắm ! Vả lại, vùng ấy đều là nơi sản có sản vật, nếu cho dân đi lấy để nộp, rồi chiết cấp thóc gạo, cũng là việc cần về cứu nạn mất mùa. Thượng ty hạt ấy đều nên thông sức cho dân trong hạt : phàm ai đi lấy sản vật đem nộp, tình nguyện lĩnh thóc hay kê giá chiết cấp lĩnh tiền cũng được. Sau đó Tôn Thất Đường, Trần Văn Tuấn tâu xin đào thêm đường hào ngoài thành tỉnh Hà Tĩnh, lấy công làm thay phát chẩn ; còn như công xây đắp thành, xin tạm hoãn lại. Chưa bao lâu, lúa chín, giá gạo hơi giảm. Tôn Thất Đường và bọn phái viên Nguyễn Thuận để về Kinh.

Định lệ khai danh sách đề tiêu ở công sở và đề quân canh giữ ở binh xá. (Phàm tài liệu được chỉ ở công sở, do viên chuyên biện làm giấy tờ thực lĩnh, giao cho nha phát trước khai danh sách đề tiêu. Viên chuyên biện trước hoặc phải đổi đi nơi khác và có việc khác thì do viên tiếp biện phải làm. Nếu viên chuyên biện trước và các thư lại gặp khi được phái đi làm việc công thì giữ lại ; còn tri bạ hoặc các thư lại thì do viên thống quản phải làm. Nếu thực là nhiều việc, không thể theo đúng hạn, thì theo lệ xin lùi hạn lại, nhưng do bộ Công chiếu hạn sức giục, nếu có chậm trễ thì đem hặc trừng trị ngay. Còn như 25 vệ trong 5 dinh Tả Hữu lương dực Vũ lâm, Thần cơ, Tiền phong, Long võ, Hồ oai, Hùng nhuệ, 4 vệ dinh Kỳ võ, 3 vệ Kinh tượng, 2 vệ viện Thượng tứ, 10 vệ các quân các bảo, 15 vệ trong 3 dinh Thủy sư ở Kinh kỳ, từ nay có phân phát đi làm việc, liệu trừ mỗi vệ 4 binh dinh được ở lại

canh giữ. Duy các đội linh tinh hoặc 1 đội, 2 đội, 3 đội thì liệu lưu lại 1 người, hoặc 4 - 5 đội thì liệu lưu lại 2 người, 6 - 7 đội đến 9 đội thì liệu lưu lại 3 người).

Đốc học Bình Định trước là Trương Hoà Sát phải cách chức. Hoà Sát vì cáo ốm về, đã quá 2 hạn lại xin ở quê nhà điều dưỡng. Vua ghét lắm, sai cách chức, cho về quê.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LVII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Bính Ngọ, Thiệu Trị năm thứ 6, [1846], mùa hạ, tháng 5, ngày Ất Mão, mồng một. Sai hoàng nhị tử Phúc Tuy công, hoàng thứ trưởng tử An Phong công Hồng Bảo, hoàng tam tử Thái Quốc công Hồng Phó, hoàng tứ tử Kiến Thụy công Hồng Y, hoàng lục tử Hoàng Trị quận công Hồng Tố, hoàng thất tử Hồng Phi, hoàng bát tử Gia Hưng công Hồng Hữu, hoàng cử tử Hồng Cung, hoàng thập nhị tử Hồng Truyền, chia nhau đến đàn Nam Giao, các miếu, tám điện, đàn Xã Tắc, cáo lễ khánh tiết.

Làm đàn chay lớn chúc phúc ở các chùa trong Kinh (chùa Giác Hoàng, chùa Diệu Đế, chùa Thiên Mụ đều tụng kinh chúc mừng 7 ngày đêm) ; sai Chương vệ Tôn Thất Cung, Thị lang Tôn Thất Tĩnh, Chương vệ Phùng Hữu Hoà, Thị lang Tôn Thất Hợp chia nhau trông coi việc ấy. Đến hôm làm lễ, hoàng tử, hoàng thân, quan chức trong họ Tôn thất lần lượt đến dâng lễ ; nhà sư ở chùa dâng hạt ấy tụng kinh chúc mừng, đều cấp cho tiền, (phường Thuận Trạch ở Quảng Bình 200 quan tiền; ấp Tráng Tiếp 100 quan ; sư các chùa ở Quảng Trị 100 quan ; tăng cương Nguyễn Văn Thường 500 quan).

Đặt yến “ngũ đại đồng đường” ở cung Từ Thọ, tất cả 3 ngày ; ban yến cho hoàng thân và các quan văn võ có từng bậc.

Ngày Kỷ Mùi, tiết Đoan dương. Vua đem các quan đến châu ở cung Từ Thọ. Khi làm lễ xong, vua ngự điện Thái Hoà, nhận lễ mừng, ban cho hoàng tử, hoàng

tôn, hoàng thân, văn từ chánh ngũ phẩm, võ từ chánh tứ phẩm trở lên, ăn yến ở điện Cần Chính và hành lang 2 bên tả hữu ; ban cho quạt, khăn tay, chè, hoa quả có từng bậc. Con các thân phiên công đã phong đình hầu cùng là văn tòng ngũ phẩm, võ tòng tứ phẩm, cùng các viên được điểm vào châu và các viên giải nộp vật hạng ; hoặc diễn tập ở Kinh đều được dự. Sứ thần nước ngoài, thổ ty các hạt cũng cho ăn yến ở viện Đãi lậu bên tả. Gia thường cho sứ thần 2 nước Thủy Xá, Hoả Xá là Sơn Thí, Kiệu Mộc, và thổ ty Trấn Tây là bọn Mộc Tức : các thứ chè, hoa quả, quạt, khăn tay.

Cấp thêm mũ áo cho thuộc viên bộ Lễ và Thái thường tự (ty bộ Lễ 11 bộ, Thái thường tự 5 bộ).

Ngày Canh Thân, yết Thái miếu, Triệu miếu ; ngày Tân Dậu, yết Thế miếu, Hung miếu ; ngày Nhâm Tuất, yết điện Hiếu Tư : vua đều thân hành thấp hương, rót rượu. Ngày Quý Hợi, đến cung Từ Thọ, chúc sức khoẻ, làm lễ thượng thọ ; khi lễ xong, được Thánh từ ban cho ngọc châu vạn thọ và áo cửu long hoàng bào, vua chấp tay giờ ngang trán bái tạ.

Ngày Giáp Tý, rước Thái hoàng thái hậu ngự giá đi chơi lầu kết hoa. Trước ngày ấy, bộ Lễ bàn nghi tiết dâng lên xin chiếu lệ năm Minh Mệnh, làm lễ khánh điển. Đại thân Trương Đăng Quế tâu xin cho các quan theo như trước, đều làm rạp để nêu việc vui của nhà vua. Vua đều không chuẩn cho. Nhân đó, vua dụ rằng : “Thánh nhân có nói : 40 tuổi mới không lắm, thì lúc nhiều tuổi chính là lúc phải nên đem ngày chăm lo, há nên vội làm lễ chúc mừng ? Trẫm được nhờ trời đất thần kỳ ban phúc, ông cha để đức lại, từ trước đến giờ, dòng sông nước thuận, hằng năm được mùa, dân được yên vui, giặc cướp dẹp tắt, nước nhà thanh bình, trong ngoài yên ổn. Trẫm lên ngôi đến nay 6 năm, 9 lần ban ân chiếu, tất cả 132 điều, thần dân xa gần đều biết tất cả. Nay gặp khánh tiết, lòng dân mong ơn. Hướng chi, việc đã sẵn nếp, người đều trông mong, nếu cứ nhún nhường suông, há chẳng là giả dối mà phụ lòng dân ? Người xưa có nói : “có lòng nhân như Nghiêu, Thuấn, thì có tuổi thọ như Kiêu, Tùng” ⁽¹⁾. *Kinh Thư* có nói : “Một người có phúc, triệu dân được nhờ”. Do đấy trẫm mới nghe theo lời xin, làm lễ trọng thể để yên lòng tôn kính, thân cận của thần dân trong nước. Nhưng lòng trẫm cốt ở nuôi dân, chính nên răn sự xa xỉ, nuôi đức tiết kiệm. Vậy phải giải tỏ ý mình, nghiêm truyền dụ bảo : Ở cửa Ngọ Môn được làm một toà lầu kết hoa. Đến hôm ấy, trẫm rước Từ giá đến chơi, rồi tấu âm nhạc, họp nghìn phương muôn nước để mừng vui, đem bốn biển chín châu mà phụng dưỡng. Hai bên tả hữu trước cửa đều làm rạp dài, để làm chỗ các quan châu hầu, nhưng giao cho quan có trách nhiệm chức lượng tiết kiệm, không được quá

(1) *Kiêu, Tùng* : tên người tiên : Vương Tử Kiêu, Xích Tùng Tử.

xa xỉ. Ngoài ra, như kết hoa ở điện Cấn Chính và các chỗ rạp, các nghi môn đều thôi cả. Và, từ điện, các ở nội đình cho đến nhà riêng ở cung phương Nam, vườn cấm thượng uyển đều miễn kết hoa bài trí. Việc này chỉ cốt ban ơn cho cả nước, ban phúc cho mọi nơi, để trăm họ cùng thấm nhuần mưa móc, không phải một người cần thích chơi vui. Thần dân trong ngoài, do lòng thành kính, dâng lễ mọn, triều đình xét biết đã lâu, đâu nỡ từ chối. Còn như nhân việc đó, yêu cầu ráo riết, ở trong có sự đóng góp để tranh khôn nịnh nọt, không phải do lòng thành, lại sinh nhiều mối tệ. Việc ấy phát ra, tất khó được tha. Vậy nên thông dụ cho cả trong ngoài, để cho đều biết chí ý yêu dân, cẩn thận từng việc của trăm”. Rồi sai quyền Đô thống Hậu quân là Tôn Thất Bật và quyền Thượng thư bộ Hình là Phan Thanh Giản trông nom việc này.

Vua dụ rằng : “Làm lâu kết hoa, tấu đủ âm nhạc, đứng xem chung quanh có hàng bể người rùng người, lễ dẫn trước, nhạc hoà sau, phải có phân biệt : nên hội đồng bộ Lễ, chia đặt thứ bậc, cốt mong đường ngõ hát múa, cùng mừng thái bình, để thoả cái ý cùng vui”. Đến đây, công việc đã xong, vua cài giắt ngọc, bỏ cái túi đựng tên trên mình ngựa, cưỡi ngựa dẫn đầu rước Từ giá đến chơi, bày đủ âm nhạc. Hoàng tử, hoàng thân, các quan văn võ chia đứng hầu 2 bên tả hữu. Người xem đứng như bức tường, đều nói: “Thật là việc vui của nhà vua”. Hoàng thân, đình thần văn võ, thượng ty các tỉnh và thổ ty, thổ mục đều đem lễ phẩm tiến lên. (Duy thổ ty 2 tỉnh Hưng Hoá, Tuyên Quang, là những địa phương dân số không có mấy, nên chỉ lượng thu một vài thứ sản vật, còn vàng bạc đều trả lại).

Ngày Ất Sửu, vua ngự điện Thái Hoà. Hoàng tử, hoàng thân, quan viên ở trong Kinh ngoài tỉnh, thổ ty các hạt, sứ thần các thuộc quốc, quê nhà vua, quê họ ngoại, dâng biểu chúc mừng dưới điện, đều hô “muôn năm”. Làm lễ xong, tuyên ban ân chiếu ở cửa Ngọ Môn.

Chiếu rằng : “Trẫm nghĩ : vương giả theo mệnh trời, đem đạo mà dạy thiên hạ. Nhà vua đặt phép tắc, tích phúc để ban cho dân. Vì đạo trời gốc ở lòng thành, mà lòng tin cốt ở nhân đức. Trẫm noi theo nghiệp lớn, kính vâng đức xưa. Từ khi lên ngôi đến giờ, phàm một chính lệnh ban ra, rất để tâm đến kính trời, theo ông cha, chăm lo chính sự, thương dân chúng. Nhờ trời đất thần kỳ giáng phúc, tôn miếu, xã tắc ban ơn, khí hậu điều hoà, bốn mùa vui vẻ, dòng sông chảy thuận, hằng năm được mùa, số người sinh tụ ngày càng nhiều, nhân dân làm ăn cùng yên ổn. Gần thì Xiêm La, Chân Lạp lần lượt dâng lòng thành, xa thì Diến Điện, Anh Di hiến lễ cống. Việc võ thành công, việc văn thịnh trị. Bên ngoài phục, bên trong yên. Nay sở dĩ được tốt đẹp là nhờ trời đất ông cha ban cho. Và lại, giữ đức khiêm, răn tự mãn, cần đoan chính lúc coi châu. Lấy lòng muôn dân làm lòng mình hợp phúc thiên hạ làm phúc riêng. Nhiều lần rộng ban ân điển, để yên lòng dân. Mới đây, mùa đông

Ất Ty, năm Thiệu Trị thứ 5, Thánh tổ mẫu ta là Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Khang ninh Thái hoàng thái hậu, muôn năm tuổi thọ, ngũ đại đồng đường, trăm thân đem các thân công và các quan, kính làm lễ lớn rấn tôn, lạy mừng chúc phúc, họp cả nước để châu hầu, xá tội, gia ân, nhờ phúc lành được ban khắp, để tỏ phúc lớn lạ lùng ít có, mà họp lòng vui của ức triệu nhân dân. Năm nay trăm mới đến tuổi thọ tứ tuần, cả quan và dân không ai là không hết lòng vui mừng chúc tụng. Trẫm nghĩ : Làm vua cai trị muôn dân, một ngày hai ngày muôn việc, chỉ sớm hôm chăm lo, khiêm cung kính sợ để cầu ơn của trời đất ông cha được ức muôn năm lâu mãi. Lại càng nghĩ : “Kính đức hoà lòng dân, mong mệnh trời dài hưởng, thực không phải lấy việc ấy để tự khen mà khoe sự chơi vui của một mình. Nhưng khánh tiết ban ơn, là thần dân mong muốn, muôn nghìn người một lòng. Gặp được lúc này Nhà nước thanh nhàn, trong nước yên ổn, thực nên nhân khánh tiết mà gia ơn hậu, để cùng thần dân trong ngoài cùng mừng. Do đấy, mới sai chọn ngày tốt, kính cáo đàn thờ Trời, Đất, nhà Thái miếu, đàn thờ thần Xã Tắc, đến ngày 11 tháng này là ngày đặt lễ triều, nhận lễ mừng đầu tiên. Nghi lễ tôn nghiêm, phúc ấm to tát; đức ơn rộng rãi, tuổi thọ lâu dài. Theo ngày xuân mà ban khen, để tỏ thần, người mừng rõ ; thuận tiết hạ để họp phúc, nhờ ơn nhà nước vô cùng. Vậy có ban ơn tất cả 30 điều :

1. Hoàng tử, hoàng tôn, hoàng thân và quan viên đáng được dự yến, ban yến ở sân rồng 1 lần, thưởng cho vóc, lụa, bạc, tiền có từng bạc.

2. Họ Tôn thất xa gần, đều cho tiệc yến họp mặt trong họ một lần và gia ân thường có từng bạc.

3. Các quan đại thân tướng quân, khâm sai, tổng thống, tham tán, đốc phủ, đề đốc, tuyên phủ, bố chính, án sát, lãnh binh ở các địa phương ngoài, đều thưởng vóc, lụa có từng bạc.

4. Hoàng tử đã phong, thân công, quốc công, quận công và tôn tước, cùng là quan ở trong Kinh ngoài tỉnh, văn từ ngũ phẩm, võ từ tứ phẩm trở lên và đồng tri phủ, tri châu, tri huyện, huyện thừa, mà dưới tên không mang chữ phải giáng, đều được thưởng gia 1 cấp ; còn thổ tri châu, tri huyện, huyện thừa được thực thụ, cũng được thưởng gia 1 cấp ; còn thí sai, thí thụ, thì được thưởng cho ngân tiền có từng bạc.

5. Các tiền thuế thân, tiền đầu lỗi, tiền tạp dịch ở các địa phương về năm Thiệu Trị thứ 6, đã được tạm hoãn 5 phần 10, nay đều cho miễn cả 5 thành ấy.

6. Các hộ biệt nạp ở các địa phương, theo lệ, không phải chịu nộp thuế thân, đều thưởng cho tiền có từng bạc.

7. Các thứ thuế lệ để thiếu lâu ngày và tiền, thóc, sản vật đã cho triển hạn, cùng là tiền, thóc vay mượn ở các địa phương, từ năm Thiệu Trị thứ 4 trở về trước, hiện vẫn chưa trả, giao bộ Hộ làm danh sách tâu lên, lượng tha, giảm cho.

8. Các người Minh Hương nhà Thanh, dân Man, dân Thổ, thuộc hộ, khách hộ ở các địa phương, bỏ thiếu thuế từ năm Thiệu Trị thứ 4 trở về trước, số bạc, tiền là bao nhiêu, giao bộ Hộ chia loại làm danh sách tâu lên, chờ Chỉ, để lượng tha, cho giảm.

9. Ruộng lúa 4 hạt Bình Thuận, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang thỉnh thoảng có bị tổn hại, đã được quan địa phương khám báo, giao bộ bàn định tâu lên; nay cho bộ bàn số phần, tha giảm có từng bạc.

10. Quan ở trong Kinh, ngoài tỉnh, văn từ lục phẩm đến cửu phẩm chưa dự ban yến, đều thưởng tiền, lương 1 tháng.

11. Quan viên ở trong Kinh, ngoài tỉnh văn từ lục phẩm, võ từ ngũ phẩm trở xuống đến cửu phẩm đã có chức hàm, được sai làm việc ở tỉnh, và tri phủ, tri huyện chờ bổ, cùng là các suất đội chờ bổ, chưa được gia cấp, ban yến, đều thưởng gạo, tiền lương 1 tháng.

12. Cử nhân, giám sinh, tôn sinh, ấm sinh, học sinh ở Giám và cử nhân, tú tài, sĩ nhân làm hành tẩu ở bộ đều thưởng tiền gạo 1 tháng.

13. Vị nhập lưu thư lại các nha môn ở Kinh, đều thưởng tiền lương 1 tháng.

14. Các hạng biên binh chính ngạch ở Kinh, đều thưởng tiền lương 1 tháng.

15. Các hạng biên binh tạp ngạch ở Kinh và các thợ thuyền, cùng là biên binh các tỉnh về Kinh thao diễn, đều thưởng tiền lương nửa tháng.

16. Giải binh ở các hạt, có hạng tiền lương tháng 5 tiền, có hạng chỉ 1 phương gạo, đều chiếu hiện số tại ngũ từ tháng 7 đến tháng 12 đều cấp đủ 1 quan tiền.

17. Các lính trạm đều cấp cho tiền lương từ tháng 7 đến tháng 12 có từng bạc.

18. Người dân nhiều tuổi từ 70 tuổi trở lên, ở Kinh cho ăn cỗ 3 ngày, ở ngoài cho ăn cỗ 1 ngày.

19. Người dân nhiều tuổi từ 80 tuổi trở lên, đều cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo; 90 tuổi trở lên, 1 tấm vải, 2 phương gạo; 100 tuổi trở lên, 1 tấm lụa, 3 phương gạo.

20. Ban văn thì tri phủ, đồng tri phủ, tri huyện, tri châu, ban võ thì quản vệ, quản cơ, suất đội hiện ở hàm “thụ” đã 2 năm có công trạng, và 3 năm không phạm lỗi đều cho thực thụ ngay.

21. Cử nhân, tú tài làm hành tẩu ở bộ, đều giao đình thân nhắc bổ.

22. Cử nhân, giám sinh, tôn sinh, ấm sinh ở Giám đã đủ 3 năm trở lên, cho quan ở Giám sát hạch làm danh sách, do đình thân sát hạch lại, nhắc bổ; trong đó có người mới được vào Giám mà đã nhiều tuổi, cũng cho nhắc bổ; giáo chức xin ở lại để thi Hội cũng được.

23. Anh danh, giáo dưỡng đã lâu năm và mới bổ mà có tài nghệ, đều cho bộ Binh sát hạch tâu lên xin Chỉ, phân phái chờ bổ.

24. Tú tài các khoa, tuổi từ 40 tuổi trở lên, cho địa phương cấp lộ phí về Kinh, do bộ Lại làm danh sách tâu lên chờ Chỉ sát hạch, lượng bố giáo chức.

25. Nhân viên chờ bổ ở ngoài, đã được 3 năm, mà địa phương sở tại không chỗ khuyết có thể bổ được, cho quan thượng ty tâu xin đổi bổ đến tỉnh khác.

26. Quan viên to hay nhỏ ở trong Kinh, ngoài tỉnh không kể tội công hay tư, và không cứ bị tra để bắt tội, phạm người nào phải giáng 5 cấp cho đến phải cách, lưu, thì cho được đổi làm giáng 4 cấp ; phải giáng 2, 3, 4 cấp thì cho khai phục 1 cấp ; phải giáng 1 cấp thì đều cho khai phục.

27. Quan viên to hay nhỏ ở trong Kinh, ngoài tỉnh, đã phải xử phân, phạt bổng, không cứ phạm tội công hay tư, và không cứ bị tra để bắt tội, đều được tha cả.

28. Nhân viên phạm lỗi, đã giao cho các xứ sai phái đi cố sức làm việc để chuộc tội, và làm binh hay sung làm khổ sai, các thượng ty và viên cai quản đem cả họ, tên, tuổi, quê quán, tội trạng, làm danh sách, do bộ duyệt nghĩ tâu lên, chờ ban ơn xuống.

29. Phạm các án bồi tang chưa xong, trừ việc rõ thực có ăn bớt, còn thì ở Kinh do bộ Hình, ở ngoài do quan thượng ty, đều đem án trước đã cạn, cùng số tang phải bồi và năm tháng giam đày lâu hay chóng, làm danh sách tâu lên, lượng khoan giảm cho.

30. Tù phạm đày đi làm việc, không cứ năm tháng lâu hay chóng đều do bộ Hình kể cả họ tên, quê quán, tội trạng để lượng giảm tha cho.

“Than ôi ! Lạy nhân làm đầu, cốt ban ơn cho dân chúng, được nhiều tuổi thọ, phải nổi sáng ở phúc lành. Trời ban mệnh cho, mình trăm được ơn yêu quyền ; dân giữ được mãi, trăm họ nhờ phúc hoà bình”.

Ngày Bính Dần. Đặt đại yển ở điện Cần Chính. Vua ngự trên điện ; hoàng thân, ban văn thì ấn quan tứ phẩm, ban võ thì tòng tam phẩm và các viên được khâm điểm ở các tỉnh, đều theo ban châu hầu. Làm lễ thượng thọ : Hoàng thứ trưởng tử An Phong công Hồng Bảo sung vào chúc thọ lần thứ nhất, hoàng nhị tử Phúc Tuy công thì bung chén, Gia Hưng công Hồng Hưu thì bung nậm. Hoàng đệ Thọ Xuân công Miên Định sung vào chúc thọ lần thứ hai, Ninh Thuận công Miên Nghi thì bung chén, Phú Bình công Miên An thì bung nậm. Đại thần Trương Đăng Quế sung vào chúc thọ lần thứ ba, Tạ Quang Cự thì bung chén, Vũ Xuân Cẩn thì bung nậm, hoàng tử Kiến Thụy công Hồng Y, Hoàng Trị quận công Hồng Tố thì dâng dĩa ; hầu yển thì quyền Thượng thư Lâm Duy Thiếp xem xét yển vua. Thống chế Hoàng Văn Hậu, Dương Thai sung vào túc vệ hai bên tả hữu chấp kim ngô, chỉ huy sứ, chánh phó vệ 8 viên sung làm thị vệ ở trước xe vua ; quyền chưởng vệ, quyền nhất đẳng thị vệ, vệ úy 4 viên sung vào ban rượu ; phó vệ úy, quyền phó vệ úy 4 viên sung vào cầm giáo ở trước điện ; 2 viên ở Nội các sung làm châu chực ; 4 viên giữ

việc chiếu chỉ và khoa đạo sung vào khởi cư chú ; múa bát dật ở trước sân. Làm lễ xong, ban cho vóc, lụa, bạc, tiền có từng bạc. Ngày hôm ấy ban yến cho các hoàng tử, hoàng đệ còn nhỏ ở nhà Duyệt Thị.

Diễn trò chơi ở nhà Duyệt Thị 3 ngày. Văn chánh ngũ phẩm, võ tứ phẩm và các viên được khâm điểm ở ngoài đều vào hầu. Sứ thần 2 nước Thuỷ Xá, Hoả Xá, thổ ty ở Trấn Tây đều được dự. Khi mãn tiệc, đốt cây bông, múa đèn hoa ở đài nam. Người xem kể đến hàng trăm, hàng nghìn.

Ngày Đinh Mão. Ban yến cho quan chánh tòng ngũ phẩm ban văn, chánh tòng tứ phẩm và chánh ngũ phẩm ban võ ở hai bên tả hữu rạp kết hoa (các đốc học tỉnh nguyện ở Kinh chúc mừng và các viên đem nộp vật hạng, hoặc thao diễn ở Kinh đều được dự).

Ngày Mậu Thìn. Ban yến cho tòng ngũ phẩm, chánh lục phẩm, chánh đội trưởng, suất đội thực thụ và thị vệ hạng bốn, hạng năm ban võ ; chánh tòng lục phẩm, chánh thất phẩm ban văn ở 2 bên tả hữu lầu kết hoa.

Ngày Nhân Thân. Ban yến cho quan viên từ ngũ phẩm trở lên đã hưu trí, cùng là tập ấm từ chánh tòng tứ phẩm, chánh ngũ phẩm và tam phẩm trở lên chưa có phục phẩm, và sứ thần nước ngoài, thổ ty, thổ mục các hạt ở hai bên tả hữu lầu kết hoa, họ nhà quan ở quê vua, họ Hồ, họ Trần ở quê ngoại thuộc huyện nhà vua, hương thân xã Linh Chiểu, Tây Thôn, Văn Xá: ở Thị vệ xứ.

Ngày Quý Dậu. Ban yến cho các bề tôi cũ khi chưa lên ngôi ở Thị vệ xứ. Trước khi ấy, phái quan đại thân ra chiếu liệu phẩm vật yến. Phàm người được dự yến, đều thưởng cho vóc, lụa, đồ vật, bạc, tiền có từng bạc.

Ban cho hoàng tử, hoàng tôn, hoàng đệ và các nhà chúa, đình thần văn võ 3.000 lạng bạc ; đàn ông, đàn bà, người trong họ 3.000 quan tiền ; 32 địa phương trong Nam ngoài Bắc cho đến thổ ty, thổ mục 3 vạn quan tiền. Họ nhà quan ở quê vua, quê ngoại ở huyện nhà vua có phụng tiến lễ phẩm, cũng chi ra bạc lạng chước lượng thưởng cấp. Các quan đại thân tướng quân, khâm sai, tổng thống, tham tán và đốc phủ, đề đốc, tuyên phủ, bố chính, án sát, lãnh binh ở ngoài, quốc vương 2 nước Thuỷ Xá, Hoả Xá, quận chúa Ngọc Vân, huyện quân Ngọc Nguyên, Ngọc Thu, thổ ty, thổ mục các phủ Cam Lộ, Trấn Ninh, Trấn Biên, Trấn Man và các tỉnh Hưng Hoá, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng phàm người dự biện lễ phẩm mà không được theo ban dự chúc, đều thưởng cho vàng bạc, Phi long ngân tiền, vóc, lụa, quần áo, đĩa bát, đồ vật có từng bạc.

Thưởng cho Đồng lý đại thân là bọn Tôn Thất Bật, Phan Thanh Giản và nhân viên tùy biện, thừa biện : Gia cấp, kỷ lục, vàng, bạc, tiền có từng bạc ; chức viên, dịch lại các nha 100 quan tiền ; lính thợ 100 quan tiền ; ca sinh, nhạc sinh, các

người trò chơi tạp nghệ 400 quan tiền ; người coi súng, người làm thức ăn 100 quan tiền; người bán súng mùng ở pháo đài 100 quan tiền.

Ngày Mậu Dần. Ngự chơi cung Bảo Định, đặt yến họp mặt trong hoàng tộc. Vua dụ rằng : “Từ xưa các bậc đế vương, thân yêu kính mến người trong họ, có lễ triều hội để tỏ lòng tôn kính người đáng tôn, có lễ yến hưởng để tỏ lòng thân yêu người thân cận như lời ca vịnh xử hậu với người thân ở thơ Trạm Lộ, tiệc yến họp cả họ trong thiên Chu Quan, phép xưa thực đáng làm gương. Trẫm nhờ trời đất thần kỳ cùng yêu, miếu xã ban phúc, năm nay lên được tuổi thọ tứ tuần, làm lễ trọng thể, các hoàng tử, hoàng thân, cho đến các quan văn võ và quan các địa phương được khâm điểm, đều đã cho ăn yến, ban ơn khắp. Nhân nghĩ : Dòng dõi họ nhà vua cho đến người trong họ, từ trước đến giờ, kính vâng lời dạy, mình được mến yêu, nguồn thịnh vượng thêm nhiều, phúc của nước ngày càng dày, đặc cách cho lại đặt tiệc yến, gọi là tiệc yến họp mặt hoàng tộc: Về nghĩa thì theo ở kinh *Thượng thư*, về việc thì từ nay đặt ra trước, là để hậu ơn rất thân, dạy thiên hạ hoà thuận”. Đến hôm ấy, vua ngự chơi cung Bảo Định, từ hoàng tử, hoàng tôn, hoàng thân cho đến họ Tôn thất xa gần tất cả 931 người, đều ban yến 1 lần, thưởng cho bạc lạng có từng bậc. Thường thêm cho người nhiều tuổi trong họ Tôn thất : 80 tuổi trở lên được 3 súc vóc lụa, 70 tuổi trở lên được 2 súc vóc lụa, các quan theo hầu ngày hôm ấy cũng cho ăn cỗ 1 lần.

Vua bảo Thọ Xuân công Miên Định rằng : “Khoảng năm Minh Mệnh, Hoàng khảo làm nhà Hoà Cảm ở vườn Thường Thanh, để làm chỗ cũng vui sử sách cho anh em ta, mỗi khi hứng bút liền ngâm, được ngự giá ra chơi, ban thơ khen ngợi. Ta dâng thơ trình tạ, được thưởng đồ văn phòng bằng ngọc, đã khắc bài thơ ấy ở nhà này để ghi nhớ việc mừng vui. Tiệc yến ngày nay thực do giáo hoá gốc từ trong nhà, anh em ta há không nên khuyên nhủ nhau để cùng nối theo chí trước hay sao ? Nhân nghĩ phúc đức của Hoàng khảo to lớn, từ lúc có trời đất đến giờ, chưa từng thấy có, rồi nghĩ đến tình “cây muốn lặng mà gió chẳng dừng”, ta xiết bao cảm động ! Đồi xưa có nói “vui lắm sinh thương”, chắc là thế đấy”.

Ban yến cho quê hương vua. Vua bảo rằng : “Quê hương vua là nơi phát phúc của Nhà nước, hương thân, kỳ mục về Kinh chúc phúc, đã thường ban cấp ưu hậu rồi. Lòng tôn thân của bọn họ, dù kẻ ở hay người đi, cũng vẫn một lòng ; phúc ơn nên ban cho khắp”. Bèn sai quan tỉnh Thanh Hoá sắm đủ rượu và thức ăn để ban cho, gọi là yến quê hương ; và lại thưởng chung cả 500 quan tiền, 50 tấm lụa, 100 tấm vải màu.

Cho dân người nhiều tuổi ở huyện trong Kinh, ăn cỗ uống rượu 3 ngày. Vua ngự lầu kết hoa để xem, có người dân sống lâu 100 tuổi là Lê Hiến Thọ dẫn đầu người già nhiều tuổi (tất cả là 773 người) làm lễ hiến thọ. Làm lễ xong, vua thưởng

cho dân nhiều tuổi từ 70 tuổi trở lên, ngân tiền có từng bạc ; thưởng thêm cho Lê Hiến Thọ 1 đồng kim tiền, 1 chi sâm Cao Ly, 1 bó đoạn, 3 bó lụa dày, 1 áo sa đỏ, và tha dao dịch cho 1 người con của Hiến Thọ. Nhân đấy, vua dụ rằng : “Dân nhiều tuổi ở Thừa Thiên có Lê Hiến Thọ, thọ hơn trăm tuổi, năm trước trăm làm cung Bảo Định, từng đến chỉ bảo ; hôm làm xong, lại chóng gậy đến chúc mừng ; nay lại chúc phúc ở bệ sơn son, thực là điềm lành về người của đời thăng bình. Trăm nghe nói đời Càn Long nhà Thanh có ban yến cho 1.000 ông già, người đời cho là việc hay. Nay gặp khánh tiết, các dân sống lâu ở trong và ngoài Kinh kỳ đều được uống rượu, ăn yến, khắp nơi đều thấm nhuần ơn huệ, không biết hàng mấy nghìn vạn người già, há chỉ nghìn ông già (như nhà Thanh) thôi ư ?”

Tham tri bộ Lại trước, sung chức sự bảo của hoàng tử, về hưu trí, là Hoàng Văn Diễn đến cửa cấm, theo ban lạy mừng. Vua sai quan Nội các tuyên Chỉ võ về thăm hỏi, ban cho 2 cuộn sa màu, 1 cuộn đoạn, rồi cho về. Người con hiếu ở tỉnh Phú Yên là Nguyễn Văn Thiệu về Kinh chiêm bái, cũng cho ngân tiền, áo sa, rồi cho về.

Tấn phong công chúa thứ nhất là Tĩnh Hảo làm Duyên Phúc công chúa.

Cho : Thái bảo, Văn minh điện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Binh, sung đại thân viện Cơ mật Trương Đăng Quế chiếc bài ngọc có 4 chữ “Cố mệnh lương thân”, tấn phong Tuy Thịnh bá ; Thái tử Thái bảo, Trung quân Đô thống phủ Đô thống Chương phủ sự Vũ Lao hầu Tạ Quang Cự ; Thái bảo, Đông các Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Lại Vũ Xuân Cẩn chiếc bài ngọc có 4 chữ “Ngự tiên đại thân” ; Thái tử Thiếu bảo, Hữu quân Đô thống phủ Đô thống kiêm giữ ấn triện dinh Kỳ võ, Tân Lộc nam Mai Công Ngôn tấn phong Tân Lộc tử ; Tả quân Đô thống phủ Đô thống Ninh Lạc nam Nguyễn Tiến Lâm tấn phong Ninh Lạc tử. Cho : Hà Duy Phiên, Hiệp biện Đại học sĩ, vẫn lĩnh Thượng thư bộ Hộ, sung đại thân viện Cơ mật ; Đặng Văn Thiêm, Hiệp biện Đại học sĩ, vẫn lĩnh Thượng thư bộ Lễ, sung đại thân viện Cơ mật ; Lâm Duy Thiếp, Thượng thư bộ Công, sung đại thân quản lĩnh thị vệ.

Cho : Tả thị lang bộ Công là Trương Quốc Dụng thăng quyền Tả tham tri bộ Công, Hữu thị lang bộ Công là Lê Khiêm Quang điều bổ Hữu thị lang bộ Lại, Hữu thị lang bộ Hộ là Tôn Thất Hợp điều bổ Hữu thị lang bộ Công kiêm quyền Hữu tôn khanh ở Tôn nhân phủ ; Hữu thị lang bộ Hình là Nguyễn Danh Giáp điều bổ Thị lang ở Vũ khố vẫn kiêm công việc ở Khâm thiên giám ; Quang lộc Tự khanh quản lý công việc Vũ khố là Tôn Thất Thường bổ phụ Hữu thị lang bộ Hộ ; Thái bộc Tự khanh là Tô Trân thăng quyền Chương viện học sĩ viện Hàn lâm ; Quang lộc Tự khanh là Phạm Hữu Nghi thăng quyền Thiêm sự, phủ Thiêm sự. Trần, Nghi đều vẫn sung chức Toàn tu ở Sử quán. Cho quyền Lang trung Vũ khố là Nguyễn Công Nghĩa bổ thụ Lang trung bộ Hộ ; Thái bộc tự Thiếu khanh là Hoàng Công Dương

thăng thụ Thị độc học sĩ viện Hàn lâm văn linh chức Giám chính ở Khâm thiên giám ; Viên ngoại lang ty Cẩn tín là Nguyễn Hàm Ninh thăng quyền Lang trung bộ Lại.

Cho Tả thị lang bộ Lễ sung làm việc ở Nội các là Nguyễn Đức Chính thăng quyền Tả tham tri bộ Binh ; quyền Bố chính An Giang là Nguyễn Bá Nghi bổ thụ Tả thị lang bộ Lễ sung làm công việc ở Nội các ; Phó sứ ty Thông chính sung làm việc Nội các là Vũ Phạm Khải thăng quyền Trực học sĩ viện Hàn lâm ; Thái bộc Tự khanh sung làm việc Nội các là Nguyễn Cửu Trường thăng quyền Tả thị lang bộ Lại. Thị độc học sĩ viện Hàn lâm tham biện việc Nội các là Lê Chân thăng thụ Phó sứ ty Thông chính, đều vẫn sung làm công việc ở Nội các.

Cho : Thái tử Thái bảo lĩnh Tổng đốc Thanh Hoá là Tôn Thất Lương thăng thụ Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Tổng đốc Hà Nội - Ninh Bình ; Chuông vệ quyền giữ ấn triện dinh Kỳ võ là Tôn Thất Cung thăng quyền Tổng đốc Thanh Hoá ; quyền Tổng đốc Nghệ An - Hà Tĩnh là Tôn Thất Đường bổ thụ Thống chế dinh Long võ, sung Đại thần quản lĩnh Thị vệ ; quyền Tổng đốc Hải Dương - Quảng Yên là Đặng Đức Thiêm điều bổ quyền Tổng đốc Nghệ An - Hà Tĩnh ; Tuần phủ Ninh Bình là Nguyễn Văn Nhị điều bổ Tuần phủ Hải Dương, Hộ lý ấn quan phòng Tổng đốc Hải Dương - Quảng Yên ; Bố chính Tuyên Quang là Ngô Kim Lân thăng quyền Tuần phủ Ninh Bình, kiêm lĩnh ấn triện Bố chính ; Án sát Nghệ An là Nguyễn Đức Hoan thăng quyền Bố chính Tuyên Quang ; Án sát Hà Tĩnh là Vũ Trọng Bình điều bổ Án sát Nghệ An ; quyền Lang trung bộ Hộ là Hoàng Trọng Từ bổ thụ Án sát Hà Tĩnh ; Thống chế, lĩnh Tuần phủ Hà Tiên, Bình Thắng nam Nguyễn Lương Nhân bổ thụ Thống chế dinh Tiên phong ; Chuông vệ, quyền Tuần phủ Hà Tiên là Phan Tùng do chức Chuông vệ, được lĩnh Tuần phủ Hà Tiên ; Bố chính Hưng Hoá là Phạm Thế Trung thăng quyền Hữu tham tri bộ Hộ ; Tả thị lang bộ Hộ là Nguyễn Trạch thăng quyền Tuần phủ Hưng Hoá, kiêm nhận ấn triện Bố chính ; quyền Bố chính Định Tường là Nguyễn Quốc Hoan bổ thụ Hữu thị lang bộ Hình, Án sát Bình Thuận là Trần Văn Thông thăng quyền Bố chính Định Tường, hiệp đồng Án sát Nguyễn Cư Sĩ, hộ lý ấn quan phòng Tuần phủ tỉnh Định Tường. Lang trung bộ Lại là Nguyễn Ba điều bổ Án sát Bình Thuận.

Bổ : Ngụy Khắc Tuấn làm Tuần phủ Quảng Nam - Quảng Ngãi, Phạm Huy làm Bố chính Quảng Yên ; Vũ Tuấn làm Bố chính Nghệ An ; Lê Khắc Nhượng làm Bố chính Gia Định ; Lê Đình Khả làm Án sát Quảng Trị ; Nguyễn Hữu Cơ làm Án sát Phú yên ; Nguyễn Văn Diễm làm Án sát Sơn Tây ; Trần Thiện làm Án sát Thái Nguyên ; Bùi Quốc Trinh làm Đốc học Quảng Nam.

Bổ : Nguyễn Hanh làm Tả thị lang bộ Lễ ; Trần Văn Nguyễn làm Thái bộc Tự khanh coi việc Nội vụ phủ ; Nguyễn Thu làm Hồng lô Tự khanh, sung Toàn tu Sử quán ; Ngô Bình Đức làm Đại lý tự Thiếu khanh ; Phan Đăng Đệ, Tôn Thất Cẩn

làm Lang trung bộ Lễ ; Cung Văn Đạt, Lê Văn Vĩ làm Lang trung bộ Binh ; Kiều Năng Thân làm Lang trung bộ Công ; Tôn Thất Dương làm Từ tế ty Từ tế ; Phan Huy Vịnh làm Thị giảng học sĩ viện Hàn lâm, vẫn sung Biên tu ở Sử quán.

Biên binh ở Kinh phái đi đóng ở phía nam làm việc công về, vua nghĩ rất thương biên binh 4 vệ (dinh Vũ lâm : vệ Tiên nhất Tả dực, vệ Trung nhị Hữu dực, vệ Tả dinh Long võ, vệ Tiên dinh Thần cơ) đi đánh dẹp, đóng đồn lâu đã trải 3 năm, cho từ quân vệ đến binh dinh đều ăn yến 1 lần ; đội trưởng trở xuống đều thưởng tiền lương 1 tháng rưỡi và chước định kỳ hạn cho về quê cũ nghỉ ngơi. Rồi cho Phó vệ úy vệ Tả dinh Long võ là Đỗ Phó thăng quyền Vệ úy vệ ấy ; Hiệp quản vệ ấy là Nguyễn Nhâm thăng quyền Phó vệ úy ; quyền Phó vệ úy vệ Tiên nhất dinh Vũ lâm là Nguyễn Tiến Song được thực thụ ngay ; còn thì nhắc bổ thăng thụ có từng bậc. Đối với những biên binh thuộc trực tỉnh phía Nam ⁽¹⁾ và các tỉnh Tả Kỳ ⁽²⁾, thì sai quan sở tại sắm sửa trâu, rượu để khao và yên ủi, và cho thưởng tiền, lương 1 tháng.

Quan tỉnh Thanh Hoá tâu xin đem các xã, thôn, phường, vạn chưa được tuyển làm lính trong tỉnh thì chiêu lệ, tuyển lấy số quân, cộng 69 người, quy thành 1 đội, gọi là 1 đội thuộc tỉnh. Vua y cho.

Bổ : Đoàn Kim làm Đề đốc Thủy sư ở Kinh kỳ ; Lê Tất Ứng làm Chương vệ coi các đội Kinh tượng ; Nguyễn Văn Lưu làm Chương vệ vệ Nhất, dinh Trung, quân Thủy sư, kiêm quản các vệ Nhị, Tam, Tứ, Ngũ ; Lê Mậu Hạnh làm Thị vệ hạng nhất, sung Hiệp lĩnh thị vệ Trực ban, kiêm quản các đội, thự Phụng thiện, Lý thiện, Thanh bình ; Nguyễn Hỉ làm Thị vệ hạng nhất, lĩnh Vệ úy vệ Hậu, dinh Tiên phong, sung Hiệp lĩnh thị vệ Trực ban, kiêm quản các đội, thự Vũ bị, Tự súng, Tài thụ, Ngư hộ, Hoà thanh ; Vũ Huy Dụng làm Vệ úy vệ Tiên, dinh Hùng nhuệ, sung Hiệp lĩnh thị vệ Trực ban kiêm quản các đội Thượng Thiện, Dục hùng ; Nguyễn Tô làm Vệ úy vệ Ngũ, dinh Trung, quân Thủy sư ; Lê Vũ làm Phó vệ úy vệ Hậu, dinh Tiên phong Nguyễn Đông làm Phó vệ úy vệ Tiên, dinh Hồ oai ; Lưu Đạt làm Phó vệ úy vệ Tả, dinh Tiên phong ; Ngô Khánh làm Phó vệ úy vệ Nhị, dinh Kỳ võ ; Đoàn Thọ làm Phó vệ úy vệ Nhị thuộc Trung bảo ; Tôn Thất Sự làm Phó vệ úy vệ Nhất thuộc Tiên bảo ; Phụng ân úy Nguyễn Yến làm Phó vệ úy vệ Nhị thuộc Hậu bảo ; Tôn Thất Trị làm Vệ úy vệ Thủ hộ Tả ; Tôn Thất Hy làm Phó vệ úy vệ Thủ hộ Tiên ; Tôn Thất Đa làm Phó vệ úy vệ Thủ hộ Hữu ; Nguyễn Tiến Tuyên làm Lãnh binh tỉnh Bình Định ; Đặng Bá Bản làm Phó vệ úy vệ Quảng Nam ; Nguyễn Văn Tam làm Vệ úy vệ Kiện vũ lệ thuộc dinh Hùng nhuệ ; Trần Xuân Phê làm Phó vệ úy vệ Uy vũ lệ thuộc dinh Thần cơ ; Trương Cơ làm Phó vệ úy vệ Thiện vũ lệ thuộc

(1) Trực tỉnh phía Nam : Quảng Nam, Quảng Ngãi.

(2) Các tỉnh Tả kỳ : Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hoà.

dinh Long võ ; Nguyễn Tiến Quyền làm Phó vệ úy vệ Cường vũ lệ thuộc dinh Hùng nhuệ ; Cao Sĩ làm Phó vệ úy vệ Tráng vũ lệ thuộc dinh ấy.

Cho : Quyền Chương vệ Lê Chí Tín trong coi viện Thượng tứ, sung Quản biên thị vệ ; quyền Vệ úy Tả vệ dinh Long võ là Đỗ Phó điều bổ quyền Vệ úy vệ Hữu nhất, dinh Vũ lâm, kiêm lĩnh Viện khanh viện Vũ bị ; Phó vệ úy Tiên vệ dinh Thần cơ là Tôn Thất Đẩu thăng quyền Vệ úy vệ ấy; Phó vệ úy Nhất vệ Tả dinh quân Thủy sư là Lê Thu thăng quyền Vệ úy vệ ấy kiêm làm công việc vệ Long thuyền ; Thành thủ úy sung Hiệp quản Tam vệ Hữu dinh quân Thủy sư là Vũ Phẩm, thăng thụ Phó vệ úy Tam vệ Trung dinh quân Thủy sư ; Thành thủ úy sung Hiệp quản Ngũ vệ Hữu dinh quân Thủy sư là Hồ Viêm thăng quyền Phó vệ úy vệ ấy ; Thành thủ úy sung Hiệp quản vệ Khinh kỵ là Dương Đức Hương thăng quyền Phó vệ úy vệ ấy ; quyền Viện sứ viện Thượng trà sung Ngân bài thị vệ xứ Hành tẩu là Hồ Đăng Tuấn điều bổ quyền Phó vệ úy vệ Phi kỵ ; Thị vệ hạng nhì kiêm lĩnh viện Thượng trà là Lê Văn Xa thăng quyền Viện sứ viện ấy, sung Thị vệ xứ Hành tẩu ; Vệ úy vệ Loạn giá là Tôn Thất Đắc làm Phó lãnh binh tỉnh Thanh Hoá. Phó lãnh binh Gia Định là Tôn Thất Hàn thăng thụ Vệ úy vệ Loạn giá ; quyền Vệ úy Trung vệ dinh Tiên phong là Tống Biện làm Phó lãnh binh tỉnh Gia Định ; quyền Vệ úy quân Cẩm binh làm Phó lãnh binh tỉnh Vĩnh Long là Thừa ân úy Trần Tri bổ thụ Vệ úy Trung vệ dinh Tiên phong ; Phó lãnh binh Bình Thuận là Lê Ngụy điều bổ Phó lãnh binh Vĩnh Long ; Lãnh binh Lạng Sơn là Đỗ Đức Tấn điều bổ Lãnh binh Bình Thuận ; quyền Lãnh binh Hà Tĩnh là Nguyễn Đạc điều bổ quyền Lãnh binh Lạng Sơn ; quyền Phó lãnh binh Nghệ An là La Phong nam Phạm Phi bổ thụ Phó vệ úy quân Cẩm binh thăng quyền Lãnh binh Hà Tĩnh, Phó vệ úy Nhất vệ thuộc Trung bảo là Bùi Công Huyền điều bổ Phó lãnh binh Nghệ An ; quyền Tác vi lãnh binh là Tôn Thất Mậu bổ thụ Vệ úy Nhất vệ thuộc Trung bảo Trung quân. Đối với các tội tở có chút công khó nhọc khi nhà vua chưa lên ngôi, cũng gia ân thăng thụ có từng bậc.

Tha thuế trốn thiếu cho 9 châu ở phủ Cam Lộ.

Thái trưởng công chúa Ngọc Nguyệt chết. Truy tặng là Nghĩa Hoà thái trưởng công chúa, cho tên thụy là Cung Khiết, gia cấp 1.000 quan tiền.

Tỉnh Gia Định lùng bắt được 2 đạo trưởng người Tây dương, là Pha-ba-ly-e và Di-nê-ô, cho giải về Kinh, giao Pháp ty trị tội, xử tử hình. Vua cho rằng họ là người ngoài vòng giáo hoá, tạm giam cấm lại, rồi nhân có thuyền Nhà nước đi việc quan ở nước ngoài, lại tha cho về nước.

Ngày Canh Thìn. Ngự chơi cung Bảo Định, ở lại, nhân đặt tên hành lang bên đông là Đông Minh vu, hành lang bên tây là Tây Thành xương, phòng Tả trực là dinh Văn trực, phòng Hữu trực là nha Vũ vệ.

Ngày Tân Ty. Làm lễ cày ruộng tịch điền. Cho Hoàng tử Gia Hưng công Hồng Hưu theo hầu rắc thóc, Đại học sĩ Trương Đăng Quế dẫn đường, Thị lang Nguyễn Bá Nghi giúp việc, Tham tri Đào Trí Phú dâng cái cày, quyền Tham tri Phạm Thế Trung rắc thóc, quyền Phủ doãn Trần Trứ dâng roi, quyền chương Đề đốc Nguyễn Văn Đức bung hòm, Vệ úy Tôn Thất Hàn và lĩnh Vệ úy Nguyễn Hỉ mang cái cày, An Phong công Hồng Bảo, Thường Tín công Cự, Tương An công Miên Bảo, Đô thống Mai Công Ngón, Đại học sĩ Hà Duy Phiên, Thống chế Tôn Thất Đường, Tham tri Lý Văn Phúc, Khâm điểm viên Tôn Thất Lương, Đặng Đức Thiệm, Tôn Thất Cung, Lê Trường Danh và Ngô Kim Lân đều theo đi cày. Trước khi ấy, vua dụ cho các viên được khâm điểm rằng : “Nhà Ngu nói đến lục phủ, rất quý là thóc, nhà Chu bày ra bát chính, việc làm ruộng ở đầu tiên. Vua cày ruộng tịch điền để khuyên bề tôi chú trọng việc làm ruộng, dẫn đầu cả thiên hạ trong việc làm ruộng. Chúc phận các quan địa phương là biết thể theo ý ấy, chăm lo cho dân ta. Vậy cho bọn người được ở lại châu hầu, để trông thấy thịnh điển. Sau khi về tỉnh đều nên càng chăm khuyên bảo, phải làm xong ngay việc canh nông, lấy lòng trăm làm lòng mình, lấy việc dân làm việc mình, cốt để đất không bỏ sót địa lợi, thôn dã không có dân chơi không. Các người mà chăm lo đến công việc, làm cỏ lúa thì lời ngậm vịnh của ta cầu cho thóc lúa đầy kho cũng được thực hiện. Lòng ta thực mong lắm !”.

Ngày hôm ấy làm lễ xong ; vua về cung Bảo Định, cho các văn võ theo hầu, từ tứ phẩm trở lên ăn yến 1 lần. Thường cho : Hoàng tử, hoàng thân, các quan dự vào việc, sa màu có từng bạc ; 8 người già nhiều tuổi mỗi người 1 đồng Phi long đại ngân tiền, 1 tấm vải màu.

Cho sứ thân các nước Thủy Xá, Hoả Xá về nước.

Cho hoàng thân và đình thần ban văn, phủ doãn, phủ thừa, đốc, phủ, bố chính, án sát ở lại Kinh, Quốc Tử giám, học đường các tỉnh và các đại thần ở quân thứ Trấn Tây, mỗi người 1 bộ 2 tập thơ vua làm.

Quan tỉnh Nghệ An dâng sớ tâu : “Huyện Liêm phía bắc giáp nước Nam Chương, thường bị người Man cướp bóc. Quan quân nghe được tin báo, đi dẹp, đến nơi thì chúng đã đi rồi ! Vậy xin dời thổ dân 9 bạn thuộc huyện hạt ấy về ở phía nam giáp huyện Khâm để được ở yên”. Vua y cho.

Khởi phục chức Tư vụ cho viên bị cách là Đặng Huy Thuật. Nguyên Phủ doãn Thừa Thiên phải giáng bổ Chủ sự là Trịnh Ngọc Lâm, nguyên Lễ khoa chương án phải giáng bổ Tư vụ là Phạm Chân, đều cho làm việc Đốc học, gặp khuyết thì được bổ.

Tập đầu “*Văn vua làm*” khắc đã xong. Thường cho những người làm việc [khắc in sách] 500 quan tiền.

Định rõ điển lệ miếu Hội đồng ở các địa phương. Năm Gia Long thứ nhất, các dinh, trấn đều làm miếu Hội đồng, cách thức rộng hẹp không đều nhau, thần vị hoặc viết vào tường vôi, hoặc làm tượng đồng, tượng đất ; đồ thờ, cách thờ, đều không giống nhau. Đến đây, chuẩn định cách làm miếu : 3 gian 2 chái và tiền đường, hợp làm 1 toà, gian chính giữa đặt 1 bài vị (viết các vị dương thân thượng đẳng) ; gian bên tả 2 bài vị (1 bài vị viết các âm thân trung đẳng, 1 bài vị viết các âm thân hạ đẳng) ; gian bên hữu lấy màn che cách, đặt 3 bài vị (1 bài vị viết các vị âm thân thượng đẳng, 1 bài vị viết các dương thân trung đẳng, 1 bài vị viết các dương thân hạ đẳng), chái bên đông 1 bài vị (viết các vị thần : Thổ địa, bản cảnh, long thần, thần ngũ phương, hà bá, thuỷ quan), chái bên tây 1 bài vị (viết các vị thần : Tiên sư, thổ công, táo quân trụ trạch). Tượng đồng, tượng đất, đều đem chôn ở chỗ đất sạch. Đồ thờ, theo cách thức chi biện. Hằng năm 2 lần tế, lễ phẩm bằng trâu, dê, lợn mỗi thứ 1 con.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LVIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Bính Ngọ, Thiệu Trị năm thứ 6 [1846], mùa hạ, tháng 5 nhuận. Bộ Hộ tâu : “Năm nay ở Thừa Thiên, Quảng Trị, Thanh Hoá, Ninh Bình, Bắc Ninh, Nam Định, Hải Dương, Quảng Yên, Thái Nguyên và Hưng Hoá, lúa chiêm được mùa 10 phần ; ở Quảng Bình, Sơn Tây, Hưng Yên, Nghệ An, Hà Tĩnh, Hà Nội, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hoà, đều được 8 - 9 phần”. Vua xem tờ tâu, lấy làm mừng và yên tâm, làm thơ để ghi sự việc, có câu : “Cửa quận giai trung nẫm, Thập châu cánh thượng phong”⁽¹⁾.

Cho : Lang trung bộ Lễ là Phan Đăng Đệ điều bổ Lang trung bộ Lại ; quyền Lang trung bộ Lại là Nguyễn Hàm Ninh điều bổ quyền Lang trung bộ Lễ.

Sai Viên ngoại lang ty Cẩn tẩn là bọn Ngô Kim Thanh 6 người, chiếu lĩnh của kho nhà nước, đáp thuyền buôn nhà Thanh đi đến Quảng Đông mua hàng hoá Trung Quốc.

Vua triệu hỏi quan bộ Lễ rằng : “Sứ bộ sang nhà Thanh, tháng 7 năm ngoái mở cửa ải, năm nay trên đường về, độ đến tháng nào thì đến cửa ải ? Về sự hẹn ngày mở cửa ải, lệ cũ có thư báo trước không ?”. Lý Văn Phúc thưa rằng : “Sứ bộ phỏng đến tháng 6 sẽ có thể đến cửa ải. Còn hẹn ngày mở cửa do quan tỉnh Lạng Sơn khi

(1) Chín quận đều được mùa vừa, mười châu lại được mùa to.

tiếp thư nhà Thanh đưa đến, một mặt bảo bộ tâu lên, một mặt đến cửa ải chờ tiếp, đã có lệnh cũ”.

Tha đi lính, dao dịch, thuế thân suốt đời cho con các binh dũng chết trận ở Gia Định là bọn Nguyễn Văn Cháp, Trần Văn Nghi, Nguyễn Sức Hanh, Nguyễn Văn Bài, Trần Hữu Vỹ, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nhâm, Ngô Viết Dũng, Nguyễn Văn Sửu, 9 người. Đó là tuân theo Chỉ dụ. Trước kia, khoảng năm Minh Mệnh, ở thành Phiên An, từ các tướng sĩ đến binh dũng phạm ai dự cuộc đánh dẹp này mà chết trận, thì con được miễn đi lính, dao dịch, thuế thân suốt đời. Năm ấy bọn Cháp đều còn là trẻ nhỏ, đến bây giờ tuổi đã cập cách, do quan các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Định, tâu lên, được miễn.

Các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, mưa gió to, nhà cửa sụp đổ, hư nát, thuyền bè chìm đắm, nhân dân bị chết rất nhiều. Quan tỉnh đem tai nạn ấy tâu lên. (Ở Nghệ An, nhà dân bị đổ 22.908 nóc, thuyền của dân bị đắm 296 chiếc; đền, chùa và đình bị đổ nát 722 sở, nhân dân bị chết 120 người; ở Hà Tĩnh, nhà dân bị đổ 1.913 nóc, đền, chùa bị đổ nát 38 sở, thuyền của dân đắm 9 chiếc, nhân dân bị chết 34 người).

Vua phán nài rằng: “Ngày mùa hạ gió mát, không ngờ thành ra hại dân!”. Bèn sai ngay quan Khoa đạo là bọn Nguyễn Hữu Thành, Đặng Minh Trân đi đến hội đồng với quan tỉnh, xuất tiền, gạo chẩn cấp cho dân (ở Nghệ An chỉ ra 32.282 quan tiền; ở Hà Tĩnh chỉ ra 2.117 quan tiền, 32 phương gạo). Vua dụ rằng: “Hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh tâu báo tai nạn gió bão, trăm đã giáng dụ cho quan tỉnh khám thực, cứu chữa ngay rồi. Nay cho bọn người hội khám, nên làm thế nào được chu đáo, cho dân hai hạt được ở yên và chóng khởi sắc, để đáp lòng trăm ngay ngay chăm lo cho dân mới được”.

Quan tỉnh Nghệ An lại tâu: “Lần này thuyền to chở đường biển, thuyền tuần dương, thuyền hải vận, mỗi thứ thuyền hai chiếc, đều bị va vào bờ, vỡ đắm, đồ vật cũng đều đắm mất!”. Vua sai Thực đốc mới là Đặng Đức Thiệm điều tra, tâu rõ. Rồi Thiệm đem cả tình hình tâu lên. Vua cho rằng về thuyền hải vận không có tình tiết gì là bỏ mặc không bảo quản; còn thuyền tuần dương thì ở đường sông, sóng cồn không ví như ngoài biển được, thế mà bị đắm, là thực do quản thuyền, lái thuyền và biên binh, chống giữ không được việc, mới đến nỗi thế! Vậy quản thuyền và các người phụ đều phải cách, giao về công sở, làm việc để chuộc tội, người lái thuyền cho về binh ngũ; binh đình đều phạt 100 trượng. [Quan tỉnh Nghệ An] lại đem số người có tên trong sổ bị chết, tất cả là 53 người, tâu xin trừ ngạch, miễn thuế. Vua y cho.

Phó lãnh binh An Giang là Tôn Thất Khương chết. Cho Phó lãnh binh đã được khởi phục là Hồ Đức Tú bổ thụ Phó lãnh binh ở An Giang, nhưng ở lại quân thứ Trấn Tây.

Vua bảo đại thần viện Cơ mật là bọn Trương Đãng Quế rằng : “Xem tập tâu của quân thứ Trấn Tây, trăm cho hỏi tình hình Chất Tri, thì thấy nói, chẳng hạn như tha cho vợ lẽ, con gái Ong Giun về, rồi sau giảng hoà. Đó chỉ là do Sá Xâm Điền thuật lại, chứ chưa từng tiếp được thư của Chất Tri, sau này sẽ căn cứ vào đâu ? Vả lại, hiện nay chúng đắp lũy dài, làm giày cho voi (giày sắt bọc ngoài da, để cho voi đi), người Xiêm lại mới đem quân đến hàng hơn 200 tên, ý muốn làm gì ? Tình hình như thế, chưa đủ tin được ! Vậy mà trong quân chưa từng khám phá ! Nếu chúng quả có lòng thực, triều đình cũng chuẩn y cho lời xin. Nay xin tha vợ lẽ, con gái của hắn về, bọn người cho ra sao ?”. Trương Đãng Quế thưa rằng : “Mẹ của Ong Giun đã cho về, thì vợ lẽ, con gái của hắn đâu có đáng kể”. Vua bảo rằng phải, bèn sai giải bọn Thị Lâu, Thị Mai, tên Giao, tên Lục ra đồn Côn Lôn trước, giao cho quan tỉnh An Giang chuyển về Trấn Tây cho đoàn tụ với Ngọc Vân. Quan tỉnh Thanh Hoá là bọn Tôn Thất Cung tâu rằng : “Thuyền ở Nghệ An ra Bắc 2 chiếc, và thuyền ở Thanh Hoá, Nam Định, Hà Nội, mỗi tỉnh 1 chiếc, bỗng gặp gió bão dữ dội, biên binh có chết đuối ít nhiều !”. Vua xem tờ tâu, thương lắm, sai đều chiếu số cấp tiền tuất gấp đôi.

Cho Quản cơ cơ Tiên ở Gia Định là Trần Hoàng thăng quyền Vệ úy vệ Hữu thủy ở Gia Định (Vệ úy vệ ấy là Phạm Quý bị ốm chết).

Ngày Ất Mùi. Tiết Trùng khánh. Vua ngự điện Cần Chính nhận lễ mừng. Trước khi ấy, các quan đồng thanh kêu xin lấy ngày ấy đặt nghi lễ đại triều ở điện Thái Hoà, dâng biểu chúc mừng. Vua bảo rằng : “Trăm được 40 tuổi, chính là cái tuổi khoẻ mạnh, nay lại đến tháng 5, là việc ngẫu nhiên, há nên tự làm lễ chúc mừng ? Nhưng các khanh đã đồng thanh ra từ lòng thành, nài xin tha thiết thì cũng không sao ! Có điều là phải châm chước cho hợp tình hợp lễ, không cần văn hoa quá. (Sách *Nhĩ nhĩ* nói : tháng giêng là Tu nguyệt, cũng có tên gọi là Đoan nguyệt, tháng hai là Như nguyệt, cũng có tên gọi là Lệnh nguyệt ; tháng 3 là Bính nguyệt, cũng có tên gọi là Lệnh nguyệt ; tháng 4 là Dư nguyệt, cũng có tên là Chính dương nguyệt ; tháng 5 là Cao nguyệt, cũng có tên là Thụ nguyệt ; tháng 6 là Thả nguyệt, cũng có tên là Quý nguyệt ; tháng 7 là Tương nguyệt cũng có tên là Lương nguyệt ; tháng 8 là Tráng nguyệt, cũng có tên là Quế nguyệt ; tháng 9 là Huyền nguyệt, cũng có tên là Cúc nguyệt ; tháng 10 là Dương nguyệt, cũng có tên là Lương nguyệt ; tháng 11 là Cô nguyệt, cũng có tên là Sương nguyệt ; tháng 12 là Trừ nguyệt, cũng có tên là Đổ nguyệt ; đều là tên riêng từng tháng).

Lại bảo quan bộ Lễ rằng : “Tiết Trùng khánh, ban yến một lần, phàm các chánh phó quản cơ về Kinh thao diễn đều cho được dự để thấm nhuần ơn huệ”. Đến ngày hôm ấy, vua ngự điện Cần Chính, gọi là tiết Trùng khánh, các quan châu hầu ; làm lễ xong, ban yến một lần, ban thưởng như lệ tiết Đoan dương.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giai tâu : “Tri châu Lai Châu là Lê Huy Tự (người tỉnh Sơn Tây, xuất thân là tú tài) trước đây thác bệnh về quê, đòi mượn tiền của dân, bị án phạt trọng và tội đồ. Hết hạn, Huy Tự chiêu dụ quân giặc, được việc. Vậy xin lại cho cùng với học trò nộp quyển đi thi”. Vua bảo rằng : “Huy Tự can phạm tội riêng, đã phải phạt trọng và tội đồ, há nên lại cho dự hàng sĩ tử ? Sau này, phạm người giống như thế không cho”.

Lĩnh Tuân phủ Hưng Yên là Nguyễn Đồng Khoa tâu : “Lối nước chảy cũ của sông Cửu An, bị cát bồi lấp đến 380 trượng : ruộng bị úng không lối tiêu thoát, việc làm ruộng không thuận tiện, lòng dân đều muốn khơi nạo. Vậy xin theo lòng dân, cho tháo nước, thế có thể được, tùy chỗ khơi nạo cho lợi việc làm ruộng”. Vua y cho.

Lĩnh Tuân phủ Hà Tiên là Phan Tùng tâu rằng : “Phận sông ba thôn Vĩnh Thịnh, Hoà Thịnh, Phúc Thịnh thuộc trong hạt, trước có 8 chỗ lạch cá, 4 lạch trong để làm chỗ lấy nước uống đều không ai nhận mua, còn 4 lạch thì năm trước 3 thôn nhận mua để đánh cá, hàng năm nộp 500 quan tiền. Về sau, dân thôn ấy điều háo không người nhận mua. Còn lạch Cái Cao, nửa lạch Cái Hươu do dân 2 thôn Hoà Thịnh, Tân Xuyên lĩnh trung, nhận nộp cá khô, tôm khô, xin miễn tiền thuế. Ngoài ra, nay xin chiếu phận sông thuộc thôn nào, thì cho thôn ấy lĩnh trung, theo như trước chịu thuế mỗi năm 500 quan tiền, bắt đầu từ năm nay. Đó là nghe theo lòng dân”. Vua y cho.

Quan tỉnh Định Tường là bọn Nguyễn Cư Sĩ tâu rằng : Nguyên trước, tỉnh An Giang đem mối lợi về thủy sản giao lại cho tất cả là 6 sở : có 4 sở lò cá ở Hầu Diện thượng, Thảo Đà, Bích Đổng, Tâm Lý, không ai lĩnh trung. Ngoài ra như sở ở Hầu Diện hạ, nguyên trước dân xin nhận mua hàng năm là 17.540 quan tiền, nay lại thêm lên 150 quan, xin nộp trước 4.690 quan, còn 13.000 quan xin nộp làm 2 kỳ ; sở ở Như Cương hàng năm nhận mua 8.590 quan, xin nộp trước 2.000 quan, còn 6.590 cũng xin nộp làm 2 kỳ (tháng 12 năm nay và tháng 2 sang năm, là 2 kỳ). Vua cho rằng tiền thuế 2 sở tuy nhiều mà sự xin cũng ở trong hạn lĩnh trung, đều y cho ; còn 4 sở không ai lĩnh phải cấm hẳn không cho đánh cá.

Vua bảo quan bộ Công rằng : “Năm nay, biên binh các tỉnh về Kinh thao diễn, trước đã phân phái làm việc ở các công sở trong phủ thự, nên chức lượng công việc, phải trong 1 tháng làm xong công việc, cho về nghỉ ngơi, để sức lực quân được thư thái”.

Vua bảo Tôn Thất Bật rằng : “Nay việc Khánh tiết đã xong, lầu kết hoa nên dỡ xuống để một chỗ, các đồ trang trí giao cho trong kho, phải giữ, để dời sang năm, bát tuần Khánh tiết ở cung ngọc, lại đem bày biện. Đồ vật của công ấy là quan trọng, bọn người phải xem xét kỹ hơn, không nên coi thường mới được”.

Dụ rõ cho các nha môn các bộ, viện. Trước đây, tỉnh Bắc Ninh đệ sớ chi tiêu đến, bộ Hộ tiếp nhận, hơn một năm mới xong. Vua ghét là lười biếng : đường quan và thuộc lại đều phải giáng phạt ; Hộ khoa vì không biết đem việc ấy ra hạch, cũng bị truyền Chỉ quả phạt. Nhân thế, thông dụ cho Lục bộ và viện Đô sát rằng : “ở Kinh tiếp nhận tờ tâu, từng đã phân biệt việc khó, việc dễ, định có kỳ hạn, thế mà bộ Hộ vẫn còn chậm trễ, tạm phải phạt nhẹ. Từ nay trở đi, các nha môn đều phải chiếu theo kỳ hạn định trước, kịp thời làm xong. Nếu trải qua phen này răn bảo, lại còn chậm trễ vi phạm, tất giao đình nghị trị tội nặng, không tha !”.

Cho hoàng thân, đình thân ban văn, sử thần và đốc phủ, bố, án ở Kinh, cho đến các trực tỉnh hai phía nam, bắc phủ Thừa Thiên, mỗi người một bộ *Tập đầu văn vua làm* và 4 bài thơ ghi chép “Thịnh điển cung Bảo Định”, 3 bài thơ ghi chép “Công việc” (xem *Tập thơ vua làm*). Vua dụ rằng : “Các bài thơ đều do trăm nhân bưng nghĩ đến thì tả ra sự việc, cầm đến bút là xong thơ, trong đó đều là những lời nhắc nhở khuyên răn, cung kính cố gắng, thực muốn từ nhà rồi đến nước, cả quan và dân, vừa dạy vừa làm, mong cho nước được thịnh trị”.

Ngày Đinh Dậu. Ngự giá ra chơi cung Bảo Định. Quan các địa phương khi vào bệ từ, vua dụ rằng : “Bê tôi thờ vua, ở đâu cũng là theo mệnh vua, đều phải chăm lo chức phận. Bọn người có trách nhiệm giữ bờ cõi. Ngày nay làm lễ khánh điển, có người về Kinh chúc mừng, có người ở ngoài làm việc, dù ở dù đi, không có khác gì. Sau khi về tỉnh, bọn người nên chuyển bảo lẫn nhau : cùng lòng nghĩ đến nước, để đền đáp sự dạy bảo được thành công. Kia, việc binh, việc dân một tỉnh, quan hệ đến chính sự không phải là nhỏ. Phải nên xem xét lợi hại, kính giữ phép thường. Nếu muốn đặt lạ, khoe cao, chực làm công việc phi thường vượt qua đời trước, sức không đủ mà gượng làm, mong cho được việc thì khó lắm ! Và lại, quan địa phương làm gương mẫu cho dân, gần đây phong hoá trong dân, điều toa gian xảo, đơn kiện rất nhiều, toàn do quan lại mượn cơ sinh sự, khích cho dân phải làm. Vậy phải dừng sinh sự nhiều dân, dân yêu thì bốn phận mới trọn”.

Cho các đại thần đều được cử người mình biết. Vua dụ rằng : “Cái đạo làm vua, cốt phải được người, mà tiến cử người thờ vua, là chức phận của bê tôi. Năm nay, trăm tuổi thọ tứ tuần, làm lễ khánh điển, ban cho ơn huệ, khắp cả các quan, dưới đến nhân viên phải cách chức, phải hiệu lực cũng đều cho được đổi mới. Nghĩ đến việc biết người, dù bậc thánh như Nghiêu, Thuấn cũng còn cho là khó. Ở ngôi tôn nghiêm, đâu có thể đi khắp được tất cả, nên phải xét hỏi rộng rãi. Nhỏ cỏ đánh cả vùng, cốt mong được nhân tài khắp nơi, để đủ dùng làm rường cột, rui, nóc. Các người từ quan khanh tể cho đến quan các địa phương ngoài, giữ chức rất trọng. Triều đình giao phó cho các người ngày thường mắt thấy, tai nghe, xét biết lieu thuộc, cả người hiền đạt lẫn người hàn vi, thì nên tiến cử tâu lên tin rằng tất có nhân

tài. Nay chuẩn định : chánh tòng nhất phẩm, quan văn cử người làm được bố chính ; quan võ cử người làm được chánh phó lãnh binh ; chánh tòng nhị phẩm, quan văn cử người làm được án sát, lang trung ; quan võ cử người làm được quản vệ ; chánh tòng tam phẩm, quan văn cử người làm được khoa đạo, viên ngoại lang, tri phủ, đồng tri phủ ; quan võ cử người làm được quản cơ, thành thủ úy, hiệp quản. Và, phủ thừa, án sát, cũng cho cử người làm được tri huyện hoặc tri châu mỗi hạng một người. Không cứ là người hạt mình hay hạt khác, phàm người có nhân phẩm hơn người, cấp bậc ngang nhau, đều cho được chỉ tên bảo cử, giao bộ dẫn vào yết kiến để tùy tài bổ dụng. Ngoài ra có người kinh luân thao lược, học rộng biện bác tài, nên làm chức gì, thì không cứ phẩm cấp đều cho nên tên tâu lên ; trăm cũng không theo thứ bậc mà cho thăng, để được kịp thời làm việc. Nay, tiến cử được người giỏi, là tài của người, cử người không xứng đáng là người không hết bốn phận, không cần thận. Bọn người đều nên để tâm nghĩ đến nước, một lòng công bằng trung trực, nên nghĩ tiến cử được người, để yên lòng cầu hiền của trăm”.

Thổ phi ở Gia Định hơn 100 tên lên xuống thôn Mỹ Thịnh Đông (thuộc huyện Cửu An) cướp bóc, rồi lại kéo đi. Thổ phi ở Hà Tiên cũng họp bè lũ quấy rối ở 2 đồn Giang Thành, Chiết Hạm. Lãnh binh Nguyễn Văn Do đánh cho chúng phải chạy, Do được thưởng gia một cấp.

Vua dụ cho quan ở quân thứ Trấn Tây là bọn Vũ Văn Giải rằng : “Đầu sỏ của giặc là Chất Tri, trước kia thấy Man thổ có nhiều người đến buôn bán, sợ ta thu phục được lòng dân, mới đến xúi giục bắt bố làm ồn ào cả đồn, thậm thụt nom dòm, để làm cho ta giận. Đó là mưu kế gian dối của Chất Tri, phải nghĩ cẩn thận.”

Vua bảo quan bộ Lễ rằng : “Ngày về của sứ bộ sang nhà Thanh, gần đến cửa ải, nên tư cho quan tỉnh Lạng Sơn, hễ tiếp được ngày về, thì các tập tâu và sổ nhật ký, cho phi ngựa đệ về trước, sứ bộ đi riêng về sau”.

Vua bảo quan bộ Binh : “Trước đây, quan tỉnh Gia Định là bọn Trần Văn Trung tâu rằng : Cứ lời thuật lại của người nhà Thanh, thì Anh di sửa soạn 20 chiếc thuyền, hẹn ngày tiến đánh nước Xiêm ; kể ra việc binh cốt phải thận mật, đâu có định đánh nước người mà lại hẹn rõ ngày để bảo người biết thế a ? Lời đó hình như vô lý ! Duy có việc này có quan hệ đến tình hình nước khác, nên hỏi xem, không hề gì : nên tư cho quan tỉnh ấy hỏi rõ người lái buôn nhà Thanh nghe thấy ở đâu mà nói như vậy, và hình thế đường sá của nước Xiêm như thế nào, cũng hỏi rõ cả, rồi trả lời bộ biết rõ, để phòng khi hỏi đến”.

Chuẩn định lệ lễ các thần Thiên Phi, Thuý Vân, Linh Thái, Đông Am. Từ nay phàm khi vua ngự giá đi chơi cửa biển Thuận An, Tư Hiền, quan có trách nhiệm dự biện lễ phẩm (các thần đền Thiên Phi, núi Thuý Vân, Đông Am, lễ phẩm bằng trâu

bò, hương, lụa ; thân núi Linh Thái, lễ phẩm bằng xôi, lợn) đợi khi vua đến, phái cho kinh đường, phủ doãn theo hầu chia nhau đi tế.

Ngày Kỷ Hợi. Ngự chơi cửa biển Thuận An, vua lên đài Trấn Hải, duyệt quân thủy sư. Lại ngự chơi núi Thúy Vân, lên tháp Điều Ngự, ban ngọc để đeo cho hoàng tử, hoàng thân đi tuý giá, kim tiền có dây buộc xuống cho quan văn võ theo hầu ; khi về cung, dùng thuyền ở đầm Hà Trung xem đánh cá. Thương tiền cho dân phu sở tại, và dân xã ven sông có từng bậc (quan quân 700 quan tiền, dân xã 200 quan tiền). Duy có thuyền dẫn đi trước không nghiêm chỉnh, quân vệ, suất đội phải giáng phạt hơn 30 người.

Quan ở quân thứ Trấn Tây là bọn Vũ Văn Giải, dâng sớ tâu : “Thuộc hạt hiện nay đều được yên ổn, duy một dải Hậu Giang, dò thám có bọn Man thổ lên lút”. Quan tỉnh An Giang tâu tiếp : “Phái người đi dò thám : Chất Tri và Ong Giun tụ tập thổ binh nước Xiêm, mưu đánh đồn các phủ Bát Ca, Ba Nam”. Vua dụ rằng : “Quan giặc vốn mang lòng gian dối, trước đã giáng dụ nhắc nhở cho tỉnh ngộ. Nay cứ như quân thứ và tỉnh An Giang đã lâu, thì giặc kia đem lòng giáo giở, ban ngày thuận theo, ban đêm trái khác, đã vỡ toạc rồi, còn gọi là yên ổn được không ? Chậm trễ nửa năm, quân phải đóng lâu, tốn lương ! Việc võ yên nên như thế chăng ? Trước kia, đánh Sách Sò, phá Thiết Lũy, định ngay Trấn Tây, sao lại khoẻ thế ? Ngày nay, thân cầm trọng binh, ngôi kéo dài hàng năm hàng tháng, vạch đất cố giữ, không thi thố chút mưu kế gì, chỉ để cho giặc nói dối, coi thường, thì nói gì nữa ! Các đại thần được giao phó trọng trách cho việc ngoài biên, đã không biết phân biệt sự đối trá ở lúc chưa xảy ra, lại không biết xét sự cơ ở lúc đã lộ, thì sau này gây hấn, lấy gì để ứng phó với chúng ? Nay chuẩn cho chiếu số biên binh hiện đóng tại đấy, không cứ trại quân hay ở đồn, đều nên sức rõ cho viên quản để ý luyện tập hơn, chớ nên sai việc tạp dịch, cốt phải tiềm tàng uy võ, nuôi nhuệ khí cho quân, để phòng khi cần dùng đến”.

Thái trưởng công chúa Ngọc Cửu chết. Vua nghe nói, thương lắm, nghỉ triều 2 ngày. Sai Định Viễn công lo liệu việc tang, tất cả công việc làm ma, đều chuẩn cho lấy tiền công chiếu cấp. Lại sai Quỳnh Châu quận công Miên Liêu khâm mạng đến tế. Rồi dụ cho quan bộ Lễ rằng : “Thái trưởng công chúa lúc ngày thường, hạnh kiểm đáng khen, theo lệ nên phong tặng, chỉ vì người chồng là Lê Hậu (con Lê Chất) trước can án tội nặng, công chúa tuy là bậc nghị thân, nghị quý, được tha tội, nhưng phong tặng trọng điển của triều đình, hà nên quá lạm ? Vậy cho tên thụy là Uyển Thục, gia cấp 1.000 quan tiền, 100 cân sáp, 300 cân dẫu”.

Tuần phủ Hải Dương, hộ lý Tổng đốc Hải Dương - Quảng Yên là Nguyễn Văn Nhị có tang mẹ. Cho : Tuần phủ Quảng Trị - Quảng Bình là Lê Trường Danh quyền

giữ ấn quan phòng Tổng đốc Hải Dương - Quảng Yên, Hữu thị lang bộ Binh là Phạm Khôi quyền giữ ấn quan phòng Tuần phủ Quảng Trị - Quảng Bình, kiêm lĩnh ấn triện Bó chính ; Hữu thị lang bộ Hình là Nguyễn Quốc Hoan điều bổ Tả thị lang bộ Binh.

Cho quyền Lang trung bộ Công là Lê Thúc Đôn bổ thụ Tào chính sú ty Tào chính, văn sung hiệp trấn trực ban Thị vệ xứ ; Phó sú ty Tào chính là Vũ Đình Ý thăng quyền Lang trung bộ Công.

Thăng bổ Trịnh Ngọc Lâm làm Đốc học tỉnh Định Tường. Lâm lúc trước là Phủ doãn Thừa Thiên, có lỗi, phải giáng làm Chủ sự bộ Hộ, sau có Chỉ cho làm Đốc học đợi khuyết, đến đây được thăng bổ.

Đúc chuông to ở chùa Diệu Đế (chuông cao 4 thước, 4 tấc, nặng hơn 3 900 cân). Phó giám đốc Hoàng Văn Lịch và Vũ Huy Trinh vì chuyên làm từ trước đến sau, đều được bổ thụ Giám đốc ; Đốc công Trần Hữu Đạo, Giám đốc Trần Kiểm đều được gia một cấp. Thượng thư Hà Duy Phiên, Đặng Văn Thiêm, Lâm Duy Thiếp, Tham tri Lý Văn Phúc, Nguyễn Văn Điển, Trương Quốc Dụng, Thị lang Nguyễn Hanh, Tôn Thất Tinh, Tôn Thất Hợp dự có xem xét công việc, đều cho kim tiền ; lính, thợ được thưởng chung cả 400 quan tiền. Sai làm gác chuông, nhà bia ở trước chùa. Lại vì chuông mới đúc xong, làm đàn chay lớn 7 ngày đêm, tiến độ những người quá cố họ gần, họ xa.

Quan Khoa đạo là bọn Giang Văn Hiến, Đặng Minh Trân dâng thư niêm phong tâu rằng : “Thánh kinh Hiền truyện là văn chép đạo lý, mà làm tỏ đạo để dạy người, thánh nhân chủ trương ở đó. Thế cho nên truyền cho sách vở, đều để rộng cho việc dạy, giúp cho việc học. Khoảng năm Minh Mệnh, Quốc tử giám được ban *Tứ thư Ngũ kinh đại toàn* mỗi thứ 5 bộ, các nhà tinh học, phủ học ở ngoài mỗi nơi một bộ, chỉ đủ cho học quan dùng để dạy học mà thôi. Học trò nếu muốn sao chép thì quyển pho rất nhiều, hết ngày ấy sang ngày khác, hết năm thực khó lòng xong, kiếm mua không được, rồi không khỏi ngắt từng chương nhật từng câu, đại khái qua loa, muốn câu nghĩa lý rộng rãi, có thể được không ? Đó là cái tệ chung của người học. Nay xin : ở Kinh, do quan giám thân ở Quốc tử giám kiểm xét kỹ bản cũ *Tứ thư Ngũ kinh đại toàn* có chỗ sai lầm, lượng cho khắc thêm ; ở ngoài Tả trực kỳ do tỉnh Bình Định, Hữu trực kỳ do tỉnh Nghệ An, ở Nam Kỳ do tỉnh Gia Định, ở Bắc Kỳ do tỉnh Hà Nội - Nam Định đều khắc bản in *Tứ thư Ngũ kinh đại toàn* mỗi tỉnh một bản, rồi để ở Học đường sở tại. Phàm các phủ tỉnh sở tại và các hạt gần đấy không cứ quan, dân, học trò người nào tình nguyện in đều được. Có như thế, sách vở mới ban bố khắp thiên hạ, truyền đến muôn đời, mọi người nhờ ơn dạy bảo vô cùng”.

Sớ tâu vào, vua bảo rằng : “Trước, cấp kinh sách, giúp cho việc dạy học. Nếu có hạt nào vẫn chưa được ban cấp, thì chuẩn cho bộ Lễ hội đồng với quan Quốc tử giám đem bản in *Tứ thư Ngũ kinh đại toàn* hiện cất ở Giám, xét sửa kỹ hơn, in tiếp cấp thêm. Học trò có muốn in cũng cho đến Quốc tử giám mà in”. Còn xin cho các tỉnh ở ngoài mở nơi để khắc, thì có nhiều chỗ làm không được, nên không cho làm.

Định lệ chia quân ban cho lính ở Kinh (thuộc lệ chia làm 2 ban : những quân quê ở Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam thì lấy một tháng làm một ban ; quê ở Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Thanh Hoá thì lấy 3 tháng rưỡi làm một ban. Thuộc lệ chia làm 3 ban : những quân quê ở Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam thì lấy một tháng làm một ban, quê ở Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Thanh Hoá thì lấy 2 tháng làm một ban. Tất cả đều chia ban nhằm ngày mồng 1 tháng 6, theo hạn lần lượt thay đổi).

Vua nghĩ sang năm kính gặp tiết bát tuần đại khánh của Thái hoàng thái hậu, sai các đại thần Trương Đăng Quế, Vũ Xuân Cẩn hội đồng kính nghĩ 4 chữ “huy hiệu”, đợi đến mồng một tháng giêng sang năm làm lễ tấn tôn ; lại sai bộ Lễ tra nghi tiết tấn tôn năm trước, rồi chiếu khánh tiết năm Minh Mệnh thứ 18, và *Hội điển* nhà Đại Thanh, chăm chước bàn định thoả đáng, tiến trình, chờ chỉ, theo thế mà làm. Lại nhằm tháng 12 năm nay, làm trước lầu kết hoa, điện kết hoa, đợi đến các tiết Nguyên đán, Đoan dương sang năm lần lượt làm lễ khánh điển, cho được chỉnh đốn. Các quan ở trong Kinh và ngoài tỉnh cũng được chước định làm rạp chúc phúc (hoàng thân, đình thần 1 cái, các trực tỉnh từ Quảng Nam trở vào Nam 1 cái, các trực tỉnh từ Quảng Trị trở ra Bắc một cái, đều làm ở hai bên tả hữu trước lầu kết hoa) để làm chỗ lạy mừng.

Bọn ác Man ở Quảng Nam tụ họp hơn 300 tên cướp bóc thôn Thanh Trúc. Phó vệ úy Đặng Bá Bản đem quân đuổi kịp đến núi Nang Sơn, đánh cho chúng phải chạy. Chưa bao lâu, giặc Man lại lên xuống Húc Hạm (tên đất). Suất đội Bùi Toán thúc quân chặn bắt, bắn giết rất nhiều. Việc ấy tâu lên, Bá Bản được thưởng kỷ lục 2 thứ, Toán được bổ làm Cai đội, gia thưởng Phi long đại ngân tiền.

Giặc Thanh là bọn Quách Hữu Bức đến trốn ở hải phận Quảng Yên. Quan tỉnh ấy nghe báo, sai bang trưởng Hà Khố là Lu Cấp Hỷ ra biển chặn bắt. Chợt gặp giặc ở cửa biển Vân Đồn, Cấp Hỷ bắn súng đánh dữ, bắt được Hữu Bức và bọn chúng 5 người, còn thì đều gieo mình xuống sông mà chết. Quan tỉnh tâu việc ấy lên, Cấp Hỷ được thưởng 3 đồng Phi long đại ngân tiền, đình phu thủ hạ đi chuyến ấy được thưởng 30 quan tiền. Giặc Thanh bị bắt, đưa giao châu Khâm xử trị.

Quyển Tổng đốc Bắc Ninh, Thái Nguyên là Giáp Văn Tân tâu rằng : “Thóc thuê 9 huyện Văn Giang, Gia Lâm, Siêu Loại, Lang Tài, Gia Bình, Đông Ngàn,

Yên Phong, Tiên Du, Quế Dương, năm trước đem nộp ở kho riêng phân phủ Thuận An, ngày càng đầy nhiều ; nay xin trích lấy 4 huyện Đông Ngàn, Tiên Du, Yên Phong, Quế Dương nộp vào kho tỉnh tất cả. Ở sau kho của tỉnh làm thêm 2 toà nhà, mỗi toà 15 gian 2 chái, cho đủ chỗ chứa”. Vua y cho.

Vua bảo Trương Đăng Quế rằng : “Đầu mục nước Xiêm là Chất Tri còn nghi ngờ, mang hai lòng, việc hoà chưa chắc xong được. Hướng chi địa hạt Trấn Tây, lại có mối lợi bạch đậu khấu. Giặc kia lòng tham không chán, tất ở lâu tại đấy, mong tính chiếm lợi. Hãy thông thả xem sau này thế nào rồi sẽ tính liệu mới được”

Quan ở quân thứ Trấn Tây là bọn Vũ Văn Giải tâu rằng : “Có thám tử báo rằng đầu mục nước Xiêm là Chất Tri cho 1.000 quân Xiêm đến Giang Thành. Sá Ong Giun đem 1.500 quân đi đến Lô Viên (tên đất của Chân Lạp), Chất Tri đem 2.000 quân đi đến Hoá Di, Bát Ca ; lại đem 2 đồn ở hai bên tả hữu Thuyết Nột. Quan ở quân thứ đã bàn tính sai Lãnh binh An Giang là Lê Đức, Đề đốc là Nguyễn Văn Hoàng đều đem binh thuyền chia đến Tiền Giang Hậu Giang liệu bề ngăn chặn”. Vua dụ rằng : “Giặc Xiêm trước vì thua đau, cúi đầu xin hoà, rồi trì hoãn lại lâu, ngầm làm kế giữ lâu, đóng quân lâu ; nhiều lần ngầm xui bọn Man thì thọt ăn cướp. Thế là hấn mang lòng phản trắc hầu muốn trái lời thề, tất chưa chịu bỏ đất Lạp mà đi, không còn phải ngờ nữa. Nhưng chưa dám hành động trước, cũng là để xem người Man theo hay phản thế nào thôi. Các đại thần nên liệu việc ở lúc chưa xảy ra, biết cơ hội ở chỗ định trước. Phàm các việc, càng nên thận trọng hơn, bình tĩnh để trị. Nếu chúng thêm quân càng nhiều thì càng khốn đốn về việc cung cấp lương thực, không đáng phải lo. Cốt phải làm cho uy tín rộng khắp, để thu phục được lòng Lạp Man. Nếu chúng tự gây hấn trước, sinh ra việc quân, cũng nên truyền hịch khuyên bảo người Thổ, để cho họ biết đường lối đi theo, thì quan quân đi đến đâu không chỗ nào là không theo như gió, mà giặc mất cả cứu viện, ta tự khắc rất dễ dẹp yên”.

Mới đây, quan tỉnh Hải Dương Nguyễn Văn Nhị tâu rằng : “Năm nay kính gặp tiết Vạn thọ tứ tuần đại khánh, dân nhiều tuổi trong hạt có 20 người 90 tuổi, 80 tuổi trở lên, vì suy yếu không thể đến lạy mừng”. Vua dụ rằng : “Trước đây, làm lễ khánh điển, người già các tỉnh từ 70, 80, 90 tuổi trở lên, đều cho uống rượu ăn yến, cho chiếu hạng cấp tiền, gạo, vải, lụa có tăng bạc, để được đều thấm nhuần ơn huệ”.

Diễn tập thủy sư ở ngoài biển, tập bắn súng lớn. Thường cho Tôn Thất Điền ty Hộ vệ bắn trúng luôn 3 phát : 3 đồng Phi long đại ngân tiền ; còn trúng 2 phát, 1 phát, và các lính súng dinh Thân cơ đều được thưởng ngân tiền lớn nhỏ có từng bạc. Người không trúng đều phải phạt roi ngay để răn.

Vua bảo quan thị thân rằng : “Trong khoảng hằng ngày thường dùng của đời người ta, không ngoài một chữ “thiện”. Cho nên thánh nhân dạy người, lấy điều

thiện làm chủ. Đạo giáo nhà Phật cũng không ngoài điều ấy ; nhưng nhà Phật chuyên chủ 2 chữ *sắc, không*, so với Nho giáo, hơi có chỗ không giống, tức như mở quyển tụng đọc, tất phải thấp hương cúi lạy, lại làm cho rất tít cần”.

Định rõ việc thờ tự các công thần ở 3 miếu : Trung Hưng, Trung Tiết, Hiển Trung. Khoảng năm Minh Mệnh, sai bộ Lễ bàn kỹ danh vị công thần. Bộ đã bàn : công thần ở miếu Trung Hưng có 227 người, miếu Trung Tiết có 114 người, miếu Hiển trung có 1.015 người. Nay tham khảo sổ sách, tra được người có họ tên rõ thực, thì miếu Trung Hưng có 115 người, trong đó văn võ trật to như chưởng phủ, đô thống, tham chính, chưởng dinh, thượng thư có 46 người, xin đều đặt bài vị thờ ở gian chính giữa và các gian thứ nhất bên tả, thứ nhất bên hữu ; còn dưới như tham tán, chưởng cơ, quản vệ, cai cơ, cai bạ, ký lục 56 người, xin làm biển đề tên 4 hàng, thờ ở các gian thứ hai bên tả, thứ hai bên hữu. Nguyễn Tiến Huyền ở đạo Ứng Nghĩa, trước thờ riêng một án, nay xin được cùng hàng với công thần. Còn như tham tri, chưởng cơ trở lên, tên cũ không rõ mà họ có thể xét được, xin đặt bài vị và kê vào biển đề tên, theo thứ tự thờ ở các gian thứ nhất, thứ nhì bên tả, thứ nhất, thứ nhì bên hữu. Ngoài ra văn võ trật to và quản vệ, cai cơ trở xuống, họ tên không đủ minh chứng có 143 người, xin cùng với quân đội, cai đội, tham mưu có họ tên 11 người, công 154 người, làm cả 8 hàng bài vị thờ ở các gian thứ 3 bên tả, thứ ba bên hữu và thứ nhất, thứ nhì hành lang bên đông, hành lang bên tây.

Miếu Trung Tiết 45 người, trong đó văn võ trật to 9 người, đều làm bài vị thờ ở gian chính giữa ; còn dưới như tham tán, lưu thủ, đốc chiến, cai cơ 35 người, xin làm 2 hàng biển đề tên thờ ở các gian thứ nhất bên tả, thứ nhất bên hữu. Còn như chưởng phủ, chưởng dinh 4 người, tên cũ không rõ mà họ có thể xét được, xin đều đặt bài vị ở án chính giữa. Ngoài ra văn võ trật to và cai cơ trở xuống, họ tên không đủ chứng minh có 65 người và cai đội có họ tên 1 người, cộng 66 người, đặt cả hai hàng bài vị thờ ở hai án thứ nhất bên tả, thứ nhất bên hữu ở dưới hàng biển đề tên.

Miếu Hiển Trung có 163 người, trong đó văn võ trật to như chưởng phủ, đô thống, tham chính, chưởng dinh, thượng thư 34 người, xin đều đặt bài vị thờ ở các gian chính giữa và thứ nhất bên tả, thứ nhất bên hữu, còn dưới như tham tán, chưởng cơ, lưu thủ, cai bạ, quản vệ, cai cơ 96 người, xin đặt 8 biển đề tên chia thờ ở các gian thứ nhì bên tả, thứ nhì bên hữu và 2 chái hai bên tả hữu. Còn như chưởng phủ, chưởng dinh, tham chính 7 người, tên cũ không rõ mà họ có thể xét được, xin đều đặt bài vị chia thờ ở các gian thứ nhất bên tả, thứ nhất bên hữu. Ngoài ra văn võ trật to và quản vệ, cai cơ trở xuống họ tên không đủ minh chứng có 845 người và cai đội, tham mưu, tham luận có họ tên 33 người cộng 878 người, xin hàng năm mùa xuân, mùa thu do quan tỉnh chọn chỗ làm đàn, làm 7 bài vị bằng giấy, chia đặt ở một án chính giữa và 2 bên tả hữu mỗi bên 3 án, lễ xong thì đốt đi.

Nghị ấy dâng lên, vua sai đình thần bàn lại. Đến đây, đình thần bàn xin : công thần ở 2 miếu Trung Hưng, Trung Tiết, vẫn cứ trước hàm biên cũ, chiếu theo quân chế năm Gia Long, phạm quan văn võ trật to, nguyên hàm từ chánh nhị phẩm trở lên, đều sẽ đặt bài vị ; từ tòng nhị phẩm trở xuống đến tòng tứ phẩm, đều kê vào biển đề tên, đôi khi có người phẩm hàm chiếu trong quan chế tuy không tỏ tường, mà giữ trọng chức, cũng tham chiếu biên cũ kê vào hàng bài hay biển. Còn như ngũ phẩm trở xuống, nguyên là viên giúp việc nhỏ mọn nên làm cung bài vị, phạm có họ tên, để cả chức hàm họ tên, nếu họ tên không xét được, hoặc có họ mà tên không rõ, đều lấy tước hàm cũ biên trước đề vào. Miếu Hiến Trung, hàng trong 4 người, chỉ còn 1.011 người, các quan văn võ nguyên là phó tướng, chưởng cơ, tham chính, được tặng hàm chưởng dinh, thượng thư trở lên, tất cả 55 người, xin đều sẽ đặt bài vị, bày án ở chính giữa miếu và các gian thứ nhất 2 bên tả hữu ; nguyên hàm võ thì vệ úy, cai cơ, văn thì tham tán, tham mưu, cai bạ, ký lục, tặng hàm võ thì chưởng vệ, chưởng cơ, văn thì tham mưu, tham khám, tất cả 302 người, xin đặt biển đề tên, đề hàm vào, bày án ở các gian thứ 2 bên tả bên hữu. Ngoài ra, võ thì cai đội, văn thì tri bạ, tham luận trở xuống, tất cả 658 người, đều là viên giúp việc nhỏ mọn, xin làm 4 biển đề tên, đề hàm vào, bày án ở 2 chái bên tả bên hữu.

Trương Đăng Quế và Hà Duy Phiên bàn khác thế. Họ cho rằng miếu Hiến Trung nguyên là nơi dựng lên từ khi mới xưng vương ở Gia Định. Bấy giờ Kinh áp chưa lấy lại được, cho nên làm miếu thờ riêng ở đấy, để báo đền công đức. Nay 2 miếu Trung Hưng, Trung Tiết ở Kinh, phạm người có chiến công và tiết nghĩa đều được dựng thờ. Các bề tôi ở miếu Hiến Trung được dự thờ ở 2 miếu ấy gần 200 người, người không được dự chỉ là viên phó giúp việc. Nay nếu cho biên tên thì trong đó có người họ tên không đủ minh chứng, chỉ đề chức hàm không để thờ thì không khỏi có sự lẫn lộn ; bài biển rất nhiều thì trong khi làm việc, sao có thể nghiêm chỉnh tất cả được. Nay xin hàng năm hai lần tế, đổi làm 5 bài vị để chung, bày thờ ở 3 gian : chính giữa, thứ nhất bên tả, thứ nhất bên hữu, cho bớt phiền nhàm.

Quan Nội các tâu rằng : “Chiếu việc, truy thờ các công thần, là phép lớn báo công của nhà nước. Lúc bấy giờ làm, không phải một hai nơi, thờ đến hơn 1.000 người. Về miếu Hiến Trung ở Gia Định thì đem cả các bề tôi hết sức khó nhọc, hết lòng tiết nghĩa từ năm Giáp Ngọ trở về sau, khôi phục Gia Định trở về trước, không cứ chức hàm cao hay thấp, đều được thờ cả. Còn miếu Trung Hưng ở Kinh là truy thờ các bề tôi hết sức khó nhọc, hết lòng tiết nghĩa từ khi lấy lại được Gia Định trở về sau và khi đại định trở về trước. Miếu Trung Tiết là truy thờ các bề tôi hết lòng tiết nghĩa từ năm Giáp Ngọ trở về sau, mới khôi phục Gia Định trở về trước, vì 2 miếu này là chọn trong các bề tôi thờ ở miếu Hiến Trung tại Gia Định lấy người nào công nghiệp rất rõ rệt, chia vào 2 miếu để thờ. Còn các miếu như Hà La ở

Khánh Hoà, Cù Mông ở Phú Yên, Thi Nại, Bát Giác ở Bình Định thì đều do tùy chỗ đánh nhau mà làm ra đền riêng để thờ những tướng sĩ đi đánh giặc, chết tại trận. Khoảng năm Gia Long, đã được nhiều lần bàn định, có cả bản bàn xét cũ của bộ Lễ ; duy trong đó danh vị các bề tôi phần nhiều chưa rõ ràng. Đến khoảng năm Minh Mệnh, kính vâng dụ vua, giao cho bộ Lễ xét bàn, thế mà bộ thần bấy giờ không chịu xem xét, bàn về việc ấy, thiếu sót cũng có, sai lầm cũng có, lại đem các bề tôi hiện đương thờ, xin cho sửa sang lại. Kính nhờ ơn vua thương nghĩ đến bề tôi có công, lại giao cho đình thần nghị lại. Đã 7 - 8 năm, bộ thần chủ thảo, không xét rõ được về chức danh các bề tôi, vẫn thiếu lắm như trước ; cho đến đình nghị đôi khi có chỗ khác, có chỗ giống, chưa được nhất định. Nay, đại tế công thần phải xét ở công trước, nếu không rõ họ tên người ấy, không xét được sự trạng người ấy, thì trong đó phẩm trật cao hay thấp, công nghiệp lớn hay nhỏ, cùng là người nào nên để, người nào nên bớt, theo vào đâu mà phân biệt được ? Nếu chỉ nhìn vào chức trật cao thấp, phân biệt đại khái, thì các bề tôi hiện thờ ở 2 miếu Trung Hưng, Trung Tiết, cũng có chức hàm cai cơ, cai đội, sao có thể cho là viên chức giúp việc nhỏ mọn mà che lấp điều hay đáng ghi chép lúc sinh bình của người ta ? Hơn nữa, các bề tôi hiện thờ ở miếu Hiến Trung ở Gia Định, chưa được dự vào 2 miếu Trung Hưng, Trung Tiết, hãy còn nhiều người, nếu nhất khái đề chung cả, thì bài biển các bề tôi ở các miếu Thi Nại, Cù Mông, hiện còn để thờ, mà các bề tôi ở miếu Hiến Trung, riêng được vì có bài biển chất đống, vội cho làm lại, như vậy dường như có ngại ? Bọn thần ngu tối thiết nghĩ : từ trung hưng đến nay, năm và đời còn là hơi gần, các bề tôi hiện đã được thờ, người nào là viên giúp việc nhỏ mọn mà họ tên không biết, tuy chưa chắc có thể xét được tất cả, còn những người chức nghiệp khá cao, công nghiệp rõ rệt, thì cáo sắc bấy giờ vẫn còn, ngạch sổ vẫn còn, cùng là quê quán con cháu, người già cả truyền lại, nếu biết tìm rộng xét kỹ, lấy chỗ này so chỗ kia, khi ấy tất chứng tỏ được, chưa đến nỗi mất hết. Việc này quan hệ đến điển lễ, tưởng nên một phen xét thực và sửa lại ngay, nếu chỉ theo tập cũ của bộ Lễ, tạm nói là đợi sau tra xét làm tiếp, thực sợ năm tháng càng xa, tra xét càng khó, tập cũ thiếu và nhầm, theo vào đâu mà sửa được ? Mà phép thờ nên để hay nên bớt, nên làm thế nào để làm lời bàn nhất định được ?”

Vua cho rằng các quan đều giữ sự hiểu biết của mình, còn lời tâu của Nội các rất là hợp lý. Dụ rằng : “Công thần có miếu thờ, là để biểu dương người đã qua, khuyến khích người sau này, là phép rất lớn của Nhà nước. Kính nghĩ : Hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế ta, văn thân, võ thánh, dựng lại nghiệp lớn, trong khoảng 20 - 30 năm, từ chỗ ruộng một thành ⁽¹⁾ quân một lữ ⁽²⁾, làm nên sự nghiệp có cả thiên

(1) Thành : 10 dặm.

(2) Lữ : 500 quân.

hạ, từ xưa các bậc đế vương dựng nghiệp trung hưng, chưa có ai khó nhọc và lâu như thế ! Trong đó các bề tôi giúp rập, gió mây gặp gỡ, người xa được gần hoặc sau hoặc trước, thực khó kể xiết : hoặc có người hết sức khó nhọc ở chỗ cầm cương ngựa đi theo, hoặc có người hết lòng tiết nghĩa ở chốn sa trường, hoặc bày mưu ở trại quân, hoặc chia ấn ở dinh tướng, tiếng tăm tiết liệt, đều đáng để tiếng thơm muôn đời. Cho nên, trước khi lấy lại được Gia Định, lập miếu Hiến Trung ngay ở nơi ấy ; đến sau khi Thân kinh ⁽¹⁾ đại định, lập hai miếu Trung Hưng, Trung Tiết. Phàm các bề tôi có công khó nhọc, tiết liệt, đều theo thứ tự được thờ. Khoảng năm Gia Long, nhiều lần đã nghị định về tên các bề tôi thứ bậc trước sau và tất cả điển lễ đáng nên nhớ, đều do bộ Lễ biên chép làm nên giáp lệnh ⁽²⁾.

“Hoàng khảo ta, Thánh tổ Nhân hoàng đế, truy nghĩ công lao, thường nhớ điển lễ, mới sai bộ Lễ xét bàn kỹ hơn, lại sai đình thần hội đồng bàn lại. Thực vì cho rằng phép thờ rất quan hệ, phải nên rất thận trọng. Trẫm được nhờ đức xưa, xa nhớ dấu trước, nghĩ rằng công thần ở 3 miếu, đã từng có nghị nhất định ; lúc bấy giờ quan bộ Lễ biên chép, lại đều là bậc người cũ, lão thành, có công lao, chính mình thấy việc lúc bấy giờ thì trong đó tên bậc các đại thần ở trước hay ở sau, cốt cũng xem ở công lao lớn hay nhỏ, tự có ý nghĩa ở đó. Vinh phong một chữ, làm gương nghìn đời, chắc không phải người sau có thể coi thường nghị ấy được. Về miếu Trung Hưng, các bề tôi được thờ trước, đã có bài biển ; nay cho được thờ theo như cũ. Duy có miếu Trung Tiết, làm bài vị để chung, chưa kê rõ tên hàm, cũng cho chiếu theo tên, bậc biên cũ từ năm Gia Long, rồi dùng đá hoa Quảng Nam làm bia khắc tên để thờ. Ngoài ra, về việc xin cho Nguyễn Tiến Huyền ở đạo Ứng Nghĩa được thờ cùng với công thần, thì cho theo nghị thi hành. Còn các bề tôi thờ trước ở miếu Hiến Trung đến hơn 1.000 người, bài biển chồng chất, trông thực chưa nhẽ. Nhưng Gia Định là nơi lên ngôi vương, lúc bấy giờ làm đèn riêng, thực muốn núi sông lâu dài, khói hương nghi ngút để đền đáp người có công, lưu truyền mãi mãi. Đến nay, 50 - 60 năm, linh hồn trung nghĩa được nương nhờ, phong tục nhân tâm được khuyến khích, đều ở cả đấy. Trong *Lễ* có nói : “Đã làm không bỏ”, đó là nghĩa thế. Nay nếu vì cơ bài biển chồng chất, vội làm lại, giảm bớt, mà để chung, thiếu cả chức hàm, mất cả họ tên, thì lấy gì để yên vong linh các bề tôi ở nơi chín suối ! Nghĩ rồi lại nghĩ, lòng trẫm thực không nỡ thế. Phải nên chước định vừa phải, cho thoả vong linh người đã khuất. Các bề tôi thờ trước ở miếu ấy, đã có bài biển, nay giao cho quan địa phương sở tại làm lại bằng gỗ tốt hoặc bằng đá hoa, làm thành cái bia dài, chiếu theo tên, bậc kê trước khắc vào để thờ, để tỏ cái nghĩa ghi tên vào thẻ, lụa. Và lại, phép thờ công thần, việc thuộc bộ Lễ, thế mà nhiều lần tra

(1) Chỉ Phú Xuân tức Huế.

(2) *Giáp lệnh* : pháp lệnh do nhà vua quy định ban hành.

cứu, còn có sơ suất ! Nay chuẩn cho đem [danh sách] các bề tôi thờ trước ở 3 miếu, theo tập biên cũ năm Gia Long, hội đồng với các viên toàn tu ở Sử quán, kê cứu kỹ hơn ; người nào thiếu và sai lầm mà xét được rõ thực, thì cho chữa lại ngay. Ngoài ra, chưa xét thực được, tạm cho theo như cũ viết vào, rồi phân biệt chia loại làm 3 bản tâu lên. Phàm tên, bậc trước sau và trước gọi là công, hầu cùng là tước hàm thụy hiệu, theo tập biên cũ năm Gia Long tất cả, không được có chỗ thay đổi hay bớt đi”.

Vua lại dụ rằng : “Buổi đầu trung hưng, các bề tôi giúp rập, mưu hay, công to, thường chẳng thiếu người ; duy lúc bấy giờ bàn định phép thờ công thần, chỉ tới các bề tôi đã được tặng hàm cao từ năm Gia Long thứ 9 trở về trước, được biên kê tên, bậc, còn từ năm ấy trở về sau, đôi khi có người nên cho thờ thêm, mà quan bộ Lễ chưa từng bàn tiếp, tin rằng cũng có. Và lại, theo thứ bậc mà thờ người hiền có công, là phép lớn báo công của Nhà nước. Vậy nên truy lục tất cả, chung dự khói hương, để được với các bề tôi hiện đương thờ, cùng được lâu dài. Nay chuẩn cho : chiếu các công thần đời trung hưng đã được thờ mà chức, tên còn có thiếu sót, và chưa được thờ mà là bề tôi văn võ cũ, hiền lành giúp việc chính sự, công trạng tỏ rõ, như Thượng thư bộ Lễ trước là Đặng Đức Siêu, Thượng thư bộ Hộ trước là Lê Quang Định, thực đã trước sau giữ tiết trọn vẹn ; phải tra rõ sự trạng ngay, kê khai tên và hàm, nghị định thoả đáng, tâu lên chờ trẫm quyết định, cho được thờ thêm, để tỏ đạo hậu”.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LIX

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Bính Ngọ, Thiệu Trị năm thứ 6 [1846], mùa hạ, tháng 6. Vua sai bộ Binh, Nội các, Khoa đạo, hội đồng với các đại thần ban võ sát hạch vệ sĩ đi thi, thứ bậc hơn kém, rồi định thưởng phạt, giao viện Cơ mật cân nhắc, tiến lên vua xem, vì có gần kỳ thi võ.

Vua bảo quan bộ Binh rằng : “Phép thi trường võ là việc lúc đầu, tài nghệ đi thi, đều không giống nhau, cốt phải tùy tiện mà lấy hay bỏ. Lại xem ở nơi địa thế hơi rộng, làm trường thi võ, và đem quân thi ở Kinh điển tập ở trường Đông Gia, cho quân nhân đi thi các tỉnh được xem luyện tập để thi. Về thi Hương, dùng cân sắt nặng 30 cân, thi Hội dùng hạng 50 cân ; miếng sắt ở giữa bụng bỏ nhìn bằng cỏ thì rộng 3 tấc, nên theo cách thức sửa soạn trước. Đến hôm thi, lại thi mang nặng : thi Hương thì theo như cũ, nặng 100 cân ; thi Hội nặng 120 cân mới được. Và truyền Chỉ cho các quản suất : từ nay nên thường xuyên huấn luyện, cốt để sĩ đồng thạo nghề, kịp kỳ đi thi, giúp việc Nhà nước”.

Hoàng đệ Thanh Hà quận công Miên Tống xin đổi lĩnh tiền kho làm nhà riêng. Vua ghét là tranh khôn, truyền Chỉ nghiêm quở. Nhân đó chuẩn định : từ nay, phạm đã cấp cho phủ thự thì giữ lấy ở yên mãi, không được đổi lĩnh tiền kho công.

Làm 2 sở nhà công vệ Long thuyền.

Tỉnh Ninh Bình lòng bất đạo trường Gia tô là Nguyễn Cẩm và 2 người đồ đệ. Họ không chịu bỏ đạo, đều phải tội xử tử. Thường cho người tố giác và các người đi bắt 50 quan tiền.

Thổ phỉ tỉnh An Giang lẫn lút ở Hậu Giang, đón cướp các thuyền buôn. Việc ấy tâu lên, quân đồn là Trần Hoàng và Nguyễn Văn Lắm đều phải giáng. Nhân đó vua cho An Giang và Trấn Tây đều chọn phái một lãnh binh đốc sức các đồn phòng bị nghiêm ngặt.

Quan phủ Thừa Thiên tâu lên : mấy viên hưu trí là nguyên Tham tri Hoàng văn Diễn, Thị lang Trần Thiên Tải đều thọ 80 tuổi. Vua ban cho Văn Diễn 30 lạng bạc, Thiên Tải 15 lạng bạc.

Quan tỉnh Hà Nội tâu : một trường đốc bạc đình công tư, cách thức làm chật hẹp, xin làm thêm một sở ở ngoài thành, chuyên đốc bạc tư, nhưng do Nhà nước chủ trương việc ấy. Vua chuẩn y.

Chế 8 khối chì, 4 côn sắt cấp cho dinh vệ các quân để tập võ nghệ.

Sai Thái bảo Văn Minh diện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Binh, sung đại thân viện Cơ mật, Tuy Thịnh bá Trương Đăng Quế, sung Tổng tài bộ *Văn quy* ; Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ Hà Duy Phiên, Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lễ Đặng Văn Thiêm, Thượng thư bộ Công Lâm Duy Thiếp, quyền Thượng thư bộ Hình Phan Thanh Giản, đều sung chức duyệt lại ; Tả tham tri bộ Lại Nguyễn Đức Hoạt, Tả tham tri bộ Lễ Lý Văn Phúc, Hữu tham tri bộ Hình Bùi Quỳ, Tả phó đô ngự sử viện Đô sát Phạm Thế Hiến, quyền Hữu tham tri bộ Hộ Phạm Thế Trung, quyền Tả tham tri bộ Binh Nguyễn Đức Chính, quyền Tả tham tri bộ Công Trương Quốc Dung, đều sung chức làm phụ ; quyền Tả tham tri bộ Binh Hoàng Tế Mỹ, sung làm việc ở Nội các, Nguyễn Bá Nghi, Nguyễn Cửu Trường, Vũ Phạm Khải, Lê Chân, đều sung chức làm sách. Lại chọn lấy thuộc viên ở Nội các, Hàn lâm viện và cử nhân hành tẩu ở Lục bộ 34 người, đều cho làm Hàn lâm, sung chức biên chép. (Lấy viện Tả Đãi lậ làm chỗ làm sách).

Vua dụ rằng : “Năm ngoái, đã sai Nội các, Hàn lâm viện đem sách *Vận thư* các đời, tham khảo *Tự điển*, xét định kỹ hơn, bổ thêm biên chép, gọi là “*Thiệu trị văn quy*”, từng đã giáng dụ cho làm. Và lại, sách vẫn thì có đã lâu ; từ *Vận tập* nhà Ngụy, *Ngọc thiên tú thanh phả* nhà Lương, *Vận toàn quế uyển châu tùng*, *Thiết vận*, *Vận anh* nhà Tùy, *Vận hải kinh nguyên*, *Vận phả bác nhĩ* nhà Đường, *Quảng vận*, *Vận loại thiên* nhà Tống, *Cổ kim vận lược*, *Vận phủ quản ngọc* nhà Nguyên, *Chính vận*, *Ngũ xa vận thủy* nhà Minh, nối nhau ra đời. Mà tóm lại, chỉ sách *Bội văn vận phủ* nhà Thanh, là sách làm sau cùng, công dụng nhiều hơn cả. Lúc bấy giờ gọi là thu cả xưa nay vào túi, vét cả lớn bé vào lưới, học vẫn được thịnh, chưa sách

nào hơn được. Nhưng nay xét các sách tự điển thì sách ấy còn nhiều chỗ thiếu sót, thí dụ đem ngay vẫn “nhất đồng” ra xem, thấy nên thêm nhiều đến hơn 200 chữ, thì chỗ khác có thể biết được. Đó là biên tập chưa kỹ, không phải là không có chỗ đáng bàn, thực vì thế đấy. Nay sách *Văn quy* làm ra, chính là muốn văn, chữ, âm, vận đều được hội hợp cả lại, những chỗ chưa đủ chưa rõ thì làm cho được đủ, được rõ hơn, để ban ơn cho học trò, làm vẻ vang việc văn trị. Đó là phép rất lớn. Các đại thần nên thời thường xem xét, để giúp sự sửa chữa. Các viên phân toản, toản tu, đều nên lần lượt ở nhà làm sách, đốc thúc các người làm sách, xét định số sách, cốt được chu đáo”.

Cho Tuần phủ Hà Tĩnh Trần Văn Tuấn điều bổ Tuần phủ Quảng Yên, vì Tuấn là thông gia với quyền Tổng đốc Nghệ An - Hà Tĩnh là Đặng Đức Thiệm. Cho Bố chính Quảng Yên Phạm Huy điều bổ Bố chính Hà Tĩnh, hội đồng với Án sát Hoàng Trọng Từ giúp việc giữ ấn quan phòng Tuần phủ tỉnh Hà Tĩnh.

Tuần phủ Biên Hoà là Hà Thúc Lương tâu : “Khoảng năm Minh Mệnh, dân Man thuộc hạt, dinh số 66 trại gồm 519 người, đều xin lệ thuộc vào hộ biên trong số. Nguyên trước quan tỉnh đã phụng mệnh chia đất, hiện được 4 tổng, 48 xã thôn, xin đặt ra huyện Phúc Bình, lại đem 16 xã thôn ở tổng Chính Mỹ Hạ, huyện Phúc Chính phụ thuộc vào ; còn tiền thuế thân của dân Man 4 tổng, xin bắt đầu từ sang năm trung thu theo như lệ dân người Kinh, ngạch thuế nộp trước, xin cho miễn. Thuế ruộng đất đợi đủ 6 năm khám đo mới bắt đầu thu. Bình dinh cho hoãn 10 năm, chiếu lệ tuyển bớt đi. Nay đến kỳ khám đo, số ruộng khai khẩn thực được 140 mẫu có lẻ, xin chiếu thực số bắt đầu thu thuế ; đợi sau này sinh nở ngày thêm nhiều, ruộng đất ngày càng mở mang, sẽ theo sự thực vào sổ”. Vua y cho.

Vua bảo quan bộ Binh rằng : “Trường thi văn, theo lệ, lấy ngày mùng 1 tháng 7 vào kỳ đệ nhất. Năm nay thi võ ở Kinh cũng cho lấy trung tuần tháng 7 vào kỳ đệ nhất, để kịp lúc tạnh ráo. Về phân khảo ⁽¹⁾, nên dùng chức quản vệ 4 người, lang trung hoặc viên ngoại 4 người, củ sát, khoa đạo 3 người, còn chánh phó chủ khảo, đề điệu, theo lệ trường văn”.

Lãnh Tuần phủ Hà Tiên là Phan Tùng tâu : “Thám tử về báo : đầu mục của giặc là Chất Tri, đầu mục người Man là Sá Ong Giun phái bắt Man thổ Xiêm, Lào chia đến các xứ Chân Rơm, Mo Xâm, O Cốc đắp đồn làm trại và lên đến sông Vĩnh Tế, nhân lúc sơ hở quấy rối. Bọn thần đã đốc sức Lãnh binh Tôn Thất Trực, Phó lãnh binh Nguyễn Văn Do đi đến các trại đóng đồn nghiêm giữ”. Các đại thần ở quân thứ Trấn Tây là bọn Vũ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương tâu tiếp : “Dò thám được biết Chất Tri đem quân và voi đến phủ Hoá Di, mưu quấy rối các trại ở Vĩnh Tế,

(1) *Phân khảo* : viên quan chấm thi, thay quyền chánh phó chủ khảo.

tuy tình hình giặc vốn khó biết, không thể lường được, nhưng tự ta nên trước lập cái thế không thể xâm phạm được. Bọn thần đã chia đặt 3 đồn ở ngoài thành Trấn Tây, đắp núi đất, đặt súng lớn và ở các xứ Cần Đa, Vĩnh Thông, tính đất đặt đồn, vát quân đóng giữ”.

Vua quả rằng : “Chết Tri trước vì thua đau, cúi đầu xin hoà, các đại thần không ngay lúc ấy, nhân cơ hội tính, cho chóng xong việc, cứ một vệt kéo dài, để cho chúng lâu ngày sinh lòng khác, nhiều lần náo động cả đồn, bắt người, ngâm mang lòng bất trắc, nay chúng lại thúc quân làm đồn, mưu tính quấy rối, lòng gian dối của chúng đã lộ, nhưng đều do lời thám tử dò báo mà ra. Từ trước đến giờ, ta chỉ nên an nhàn trấn tĩnh, để chờ xem hấn, chứ không muốn thanh sắc hiện về bề ngoài. Trước kia ta đã sức bảo nên dự tính liệu trước về công việc đánh giữ, là vì muốn các đại thần ở quân thứ tính kỹ, lo xa như Phục Ba tự gao ⁽¹⁾, Nhược Thủy qua sông, việc nào cũng tính sẵn từ trước, thì lâm cơ ứng biến, đối phó dễ dàng. Nay, trong lời tâu, phạm cái thế là chủ, là khách, tình hình của chúng, của mình, không tính qua đến mấy may, rồi chỉ đắp thêm lũy, lập thêm đồn ở các xứ, để làm cái kế tự vệ ! Việc gì phải hoảng hốt đến thế ! Kia, Trấn Tây là nơi đại đội quan quân đóng ở đấy, đặt đồn chia giữ, vẫn là việc thường, không đến nỗi làm cho người ta kinh nghi. Còn một dải sông Vĩnh Tế, là ở trong đất ta, nguyên trước có lũy, có đồn, đủ giúp để chống giữ rồi. Quan quân thắng trận ở Hà Âm, việc trước đã thế. Nay vô cớ thêm quân đắp đồn, đã nhọc sức quân, lại làm cho người ngờ, chẳng hoá ra để cho bọn giặc nhòm được nông sâu ư ? Nay chuẩn cho bọn Vũ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Lê Văn Phú và Nguyễn Văn Hoàng nên hãy luyện tập quân sĩ cho quen, nên gây nuôi nhuệ khí, tiềm tàng uy vũ. Nếu chúng quả trái lời ước, bĩ việc hoà, dám gây hấn trước, thì lỗi lạt lọng tại chúng, ta sẽ kể tội đến đánh, nghĩa chính, lời nghiêm lo gì không được ? Nếu cần làm thêm đồn lũy, thì cho ở quân thứ tùy tiện xếp đặt, để giữ vạn toàn, không nên tự nản lòng trước, vội lo làm kế cố giữ ! Về việc định làm đồn ở Trấn Tây và châu Cần Đa, trót đã làm thì thôi, còn việc làm thêm đồn lũy ở sông Vĩnh Tế thì đợi sau này tính dần, không cần làm nhiều làm gì”.

Tuần phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi là Ngụy Khắc Tuấn vì việc nhà xin nghỉ giả hạn. Chuẩn cho về quê một tháng.

Triệu Thị lang bộ Binh, quyền giữ ấn quan phòng Tuần phủ Quảng Trị - Quảng Bình là Phạm Khôi về bộ. Cho quyền Hữu thị lang bộ Lại là Nguyễn Đình Tân điều bổ quyền Tuần phủ kiêm lĩnh Bố chính Quảng Trị - Quảng Bình.

Án sát Quảng Bình Phan Thành có tội, phải cách chức. Thành nghiện rượu, việc quan không làm, lại bắt ức người làm nghề buôn ở lại kéo gỗ, lâu không cho

(1) Phục ba : Tước của Mã Viện, viên tướng đời Hán, lấy gạo làm sa bàn trận thế cho vua xem.

về. Đến khi ở Kinh phái Hà Đông Chính hiệp đồng phát tiền, gạo thuê người làm ; Thành đem lòng ghét Đồng Chính, hỏi ra biết Đồng Chính đã thiên tư cho chủ trọ bán gạo Nhà nước để lấy lợi, Thành đem việc ấy hặc tâu lên. Đồng Chính cũng đem dấu vết kém của Thành tố giác ra. Số tâu vào, vua sai Hữu tham tri bộ Công là Nguyễn Văn Điển điều tra, biết rõ sự thực : Thành phải cách, theo làm việc ở bộ ; Đồng Chính phải tội đồ.

Vua bảo viện Cơ mật và Nội các rằng : “Chính sự triều đình, nên có phép nhất định ; nay làm *Hội điển* kê cứu xét định, cũng thấy bề bộn, nhưng biên chép đã xong, thì giếng mối lớn nhỏ không việc gì là không rành mạch có từng điều. Phàm các việc đem ra thi thố, giúp ích cho chính sự Nhà nước to lắm. Cho đem tất cả các chính lệnh đã được thi hành từ năm Gia Long thứ 1 trở đi, hết thủy chia từng loại, biên tập thành sách. Lại nên định thời hạn, thưởng phạt, cho biết có phân biệt”.

Cho Lang trung bộ Hình là Nguyễn Trọng Nguyên điều bổ Án sát Quảng Bình.

Sét đánh xuống thuyền Thủy vệ tỉnh Quảng Nam, lửa bốc cháy lan cả thuyền công. Quan tỉnh tâu lên. Vua bảo rằng : “Lửa ở tiếng sét cháy lan, thấy rất vô lý, nếu quả thực có, cũng không đến nổi cháy thế. Chỉ vì do không biết đề phòng trước, khi việc xảy ra lại không biết hết sức cứu chữa, mới đến nổi thế. Các binh đinh coi giữ và quản suất, lãnh binh vì không cứu chữa ngay, đều phải tội và bắt phải làm đền”.

Vua bảo quan bộ Hộ là Hà Duy Phiên rằng : “Tích chứa thóc gạo là việc rất cần về chi dùng của nước, lương thực của dân. Gần đây, ở Bắc Kỳ được mùa, hằng năm giải vận về Kinh và chia chứa ở các tỉnh, hơi thấy thừa thãi, trăm vẫn không dám chi dùng khinh thường, duy khánh tiết năm nay liền năm khác, thưởng cho không những nghìn vạn, bộ người nên hội khai số chi ra và hiện chứa ở trong Kinh ngoài tỉnh, tâu lên”.

Đặt thêm đội Định uy nhị, Định uy tam ở Nam Định. Tỉnh Nam Định, năm trước đã đặt đội Định uy nhất. Đến đây, quan tỉnh là Phạm Duy Trinh dâng sớ tâu : Các làng ấp, trại giáp các huyện phụ thuộc trong hạt, ruộng đã khai khẩn, dân trở về gần đủ ; xin chiếu lệ 7 đinh lấy 1, tuyển lính chia đặt làm 2 đội Định uy nhị, Định uy tam. Vua y cho.

Đặt thêm chủ sự 1 người, tư vụ 2 người, bát, cửu phẩm thư lại đều 3 người ở ty Cẩn tín thuộc Thị vệ xứ (nguyên trước đặt chủ sự, tư vụ 1 người, bát, cửu phẩm thư lại đều 3 người).

Ngày Giáp Tuất. Ngự chơi hồ Tĩnh Tâm. Vệ sĩ theo hầu độ hơn 10 người. Sai bộ Binh chiếu tên điểm xét, người nào tự tiện bỏ chức vụ, đều đánh 60 cón đũa, phát đi làm việc ở Trấn Tây ; còn thì đều phải phạt trọng hay giáng có từng bậc. Nhân thế, sai viên quản các ty, viện Hộ vệ, Cảnh sát, Vũ bị, Thượng trà đều chọn phái 1 hộ vệ trưởng,

1 đội trưởng, 5 binh dinh, ứng trực ở nhà Duyệt thị, lệ thuộc các viên quản lĩnh, hiệp lĩnh sai phái, mỗi tháng một lần thay đổi. Phạm có công việc sai đi thì cho cất cử “Thị vệ bài ngày” sung phái, còn khi nào nên phái “Thị vệ bài bạc” đi thì khi ấy sẽ xin Chỉ. Lại sai các viên quản lĩnh, quản biện, hiệp lĩnh định rõ điều lệ cho thi hành.

- (Thị vệ hạng nhì 5 người, hạng ba 10 người, hạng tư 15 người, hạng năm 30 người, hằng ngày sáng sớm vào chầu. 5 người, hạng nhì chiếu điểm từ hạng ba trở xuống, nếu có người nào vô cố bỏ thiếu, thì báo ngay các viên quản lĩnh, quản biện, hiệp lĩnh chiếu xét ; buổi sớm, 12 giờ thì một nửa về ăn cơm, một nửa ở lại làm việc quan ; buổi chiều, lại đều đến chầu đủ cả. Còn việc túc trực ban đêm, đều chiếu hiện số chia làm 4 ban : Trống canh một 5 khác thì một ban ở lại túc trực, ba ban về ăn cơm ; trong đó các viên túc trực ban đêm, cho để 2 viên ở nhà bên tả điện Càn Chính, 2 viên ở cửa Đại cung, còn thì lui cả về nhà Duyệt thị, theo các viên quản lĩnh, quản biện, hiệp lĩnh chiếu làm việc quan. Nếu bất thần vua ngự giá đi chơi các sở, nghỉ chân ở ngoài hoàng thành, Kinh thành, thì các hạng thị vệ phải chầu chực tất cả, không được chia ban : ban ngày từ hạng năm trở xuống hoặc vô cố vắng thiếu, thì trách cứ các viên hạng nhì ; ban đêm vắng thiếu thì trách cứ một viên hạng nhì ở ban đầu. Nếu các viên hạng nhì vắng thiếu, thì nghiêm hặc trừng trị ở các viên quản lĩnh, quản biện, hiệp lĩnh. Và hằng ngày chọn phái 2 viên làm việc ở nhà Duyệt thị, 2 viên canh giữ ở sở Thị vệ, mỗi tháng 1 lần thay đổi.

- Về cung Bảo Định, theo lệ, có phái ra một người thị vệ hội đồng với viên quản vệ và các người ở Hộ vệ, Thượng trà, Vũ bị, Cảnh tất, giữ gìn phẩm vật, thì theo như trước phái ra.

- Về kỳ đài ở cửa phía nam, theo lệ, có lần lượt phái thị vệ mỗi lần 2 người ngày đêm ứng trực, để nhòm xem thuyền bè, dò xét nước lửa, đều theo như trước phái ra.

- Để đốc kinh thành hoặc quản vệ Võng thành mang theo biên binh săn bắt thú rừng, theo lệ có phái ra một hoặc hai người thị vệ, để phòng phi báo đệ nộp thì theo như trước phái ra.

- Hằng năm, duyệt binh, theo lệ, có thị vệ hội đồng với các viên, ty ở bộ Binh và Nội các, chia nhau đi để chiếu điểm ; từ nay trở đi, đáng cần 40 người thì chọn phái ở Thị vệ và Cẩn tín mỗi ty 20 người, đáng cần 30 người thì chọn phái ở Thị vệ và Cẩn tín mỗi ty 15 người cùng đi để hội điểm.

- Theo lệ trước, Thị vệ và Cẩn tín mỗi ty 2 người hội đồng với bộ ty, chia đến Thừa Thiên, Quảng Trị đặt giá mua gỗ ; từ nay trở đi, chuyên phái tư vụ hoặc bát cửu phẩm thư lại ở ty Cẩn tín, mỗi hạt một người, còn Thị vệ thì thôi không phái.

- Theo lệ trước, 4 nha hội đồng đúc ra các hạng tiền vàng, đôi khi có phải ra một viên thị vệ đi đến xem xét ; từ nay trở đi, đổi phải một viên ở ty Cẩn tín, còn Thị vệ thì thôi không phải.

- Hằng năm, trường thuốc (súng) bắt đầu tán thuốc, theo lệ, có phải một người thị vệ hội đồng với nhân viên kho thuốc súng viện Vũ bị để xem xét. Từ nay trở đi, đổi phải 1 người ở ty Cẩn tín, còn Thị vệ thì thôi không phải.

- Từ trước đến giờ, các thuyền bè bị tháo ván ở Kinh, thì bộ Công tư phải một người thị vệ hội đồng xem xét ; từ nay trở đi thì thôi không phải.

- Từ trước đến giờ, về việc đem đi chiếu thư ban ơn, cáo sắc cho cha mẹ quan ngoài được phong tặng, hương lụa lễ tạ Hà bá, đồ vật thưởng cho quan ngoài và thăm hỏi sự động tĩnh ở các địa phương, tình hình ở quân thú, thì quan ở bộ tâu xin phải nhân viên thị vệ đi, hay là hội đồng với bộ, ty hoặc tự cùng đi. Từ nay trở đi, việc mang an chiếu thì theo như trước phải ra, còn các sắc phong tặng cùng là hương lụa lễ tạ và đồ vật ban thưởng thì đổi phải nhân viên ty Cẩn tín. Và, thăm hỏi tình hình ở quân thú hoặc việc động tĩnh các địa phương, đến kỳ do bộ tùy việc tâu xin, hoặc phải nhân viên ty Cẩn tín, không nên theo như trước hết tâu đều xin phải Thị vệ.

- Hằng năm, phải giải các đoàn thuyền chở gạo ở Bắc Kỳ vào cửa Thuận An, theo lệ có phải ra 2 người thị vệ hợp cùng với 2 người ở khoa đạo chia đến các phận sông sức cho viên được cất cử ngồi ở đấy và các chủ thuyền đến lúc nào nộp lúc bấy giờ, để kịp lần sau nhận chở, và không cứ lúc nào phải đi lại ở chỗ khó để tuần xét các tệ làm cho khó khăn, nhùng nhằng ; từ nay trở đi, phải 2 người ở ty Cẩn tín hội đồng với khoa đạo phải nhận làm việc này.

- Hằng năm, đến kỳ tháng 8, các quan lần lượt đến trường bắn ở cánh đồng phía nam tập bắn súng nhỏ, súng lớn ; bộ Binh tư phải một người thị vệ mang tiền để phòng thưởng cấp ; từ nay trở đi đổi phải một thư lại ở ty Cẩn tín nhận làm việc này.

- Nhà để cho quân ở, ở hai bên tả hữu điện Hiếu Tư và cửa các phường, đôi khi có phải ra một người thị vệ cùng với các quản vệ, suất đội đương ban đốc thúc biên binh tuần xét trong ngoài chung quanh tường : từ nay trở đi thôi không phải nữa).

Sai đình thân chọn tuyển các cử nhân, giám sinh, ám sinh làm việc ở bộ phân phải chờ bổ ở các tỉnh.

Quyển Hữu thị lang bộ Hình là Đỗ Tuấn Đại phải cách chức. Con Tuấn Đại ngầm nhận của người, viết hộ đơn đi kiện. Việc phát giác. Vì Tuấn Đại răn dạy không nghiêm, phải giáng bổ viên ngoại, phát đi làm việc ở đường biển để chuộc tội.

Cho quyền Trực học sĩ viện Hàn lâm sung làm việc ở Nội các là Vũ Phạm Khải điều bổ quyền Hữu thị lang bộ Hình.

Bộ Binh dâng điều lệ trường thi võ ở Kinh :

(Khoa thi võ ở Kinh, về trong tháng 7, sau khi các vi thi văn vào trường, theo thứ tự thi hành.

(Phàm các dinh, vệ, đội ở Kinh và các võ sinh ngạch binh, ngạch dân ở Thừa Thiên và các tỉnh, cùng thi làm một.

(Trường sở ở chỗ đất rộng trong đài Trấn Bình, đo chiều dài 45 trượng, chiều ngang 30 trượng, chung quanh che phên kín, bên ngoài thả chông bằng tre ; mặt trước chính giữa một cửa và 4 bên mỗi bên 1 cửa, tất cả là 5 cửa.

Trường trong dài 13 trượng, đằng trước làm một dãy viện thi công đồng 5 gian 2 chái, 3 gian giữa làm viện thi, 2 bên tả hữu mỗi bên 1 gian 1 chái để quan chánh phó chủ khảo ở ; đằng sau làm nhà công quan đề điệu, 1 dãy 5 gian 2 chái, 3 gian giữa làm nhà công, 2 bên tả hữu mỗi bên 1 gian 1 chái, là chỗ ở của quan chánh phó đề điệu ; nhà bên tả 1 dãy 3 gian chái, gian giữa quan giám sát bên trong ở, hai bên tả hữu mỗi bên 1 gian 1 chái thì lại điển ở ; nhà bên hữu 1 dãy 3 gian 2 chái, gian giữa quan tuần kiểm bên trong ở, hai bên tả hữu mỗi bên một gian thì biển bình ở.

Trường ngoài dài 32 trượng, trừ con đường bỏ không ở giữa ra, còn thì chia thẳng làm 4 vi, ngăn bằng phên thưa ; vi thứ nhất là vi “Trí”, vi thứ hai là vi “Dũng”, vi thứ ba là vi “Tài”, vi thứ tư là vi “Lực”, mỗi vi đều làm viện phân khảo 1 dãy 5 gian 2 chái , 3 gian giữa làm khảo viện, 2 bên tả hữu mỗi bên 1 gian 1 chái thì quan phân khảo và các viên quản sát, kiểm ký, quản biện, tuần kiểm bên ngoài ở ; đằng trước đều làm nhà tranh liền nhau, hai bên tả hữu trường thi làm nhà cho lại viên, binh lính ở, mỗi bên 1 cái. Và mỗi vi ở trước viện phân khảo, cách 22 trượng 5 thước, làm 2 chòi súng, mặt chòi rộng 5 thước 4 tấc, cao 7 thước 2 tấc, ở bên làm 2 chỗ chòi đứng trông, lại đều dựng nhà tranh để làm chỗ thi của võ sinh. Trường trong, trường ngoài ngăn bằng phên kín, ở giữa làm 1 cửa, các cửa bên trong bên ngoài trường và 4 góc đều làm điểm canh, 2 góc ở hai bên tả hữu đằng trước cắm cờ mỗi bên 1 cái. Đặt ra quan trường : 2 quan chủ khảo và phó chủ khảo, ban văn ban võ mỗi ban 1 viên, quan văn thì nhị tam phẩm, quan võ thì nhị phẩm, cùng coi việc trường thi. Quan phân khảo 8 viên : ban văn, ban võ mỗi ban 4 viên, văn thì dùng lang trung, viên ngoại lang, võ thì dùng quản vệ, hiệp quản. Mỗi vi 2 viên : 1 viên quan văn, 1 viên quan võ, đều theo vi xem xét và chuyên coi các viên kiểm ký, quản biện cùng lại điển ở vi mình làm việc xem xét, 1 quan đề điệu, 1 quan phó đề điệu, đều dùng quan văn, lang trung hoặc viên ngoại lang, đem các lại điển ở công sở làm các việc đề quyển, đóng quyển, viết biển, viết danh sách. Một quan coi xét việc trường bên trong, 2 quan coi xét bên ngoài, đều dùng quan khoa đạo, chuyên giữ xem xét việc trường, nếu thấy có việc đích thực là gian, cứ thực hạch tâu ngay.

Bốn quan kiểm ký, đều dùng quan văn lục thất phẩm, mỗi vi 1 viên đều chiếu vi theo quan phân khảo làm việc xét ghi. Quan quản biện, đều dùng suất đội, mỗi vi một viên, đều đem biên binh chiếu vi làm việc, phạm khối chì, côn, mác, súng điều sang, tất cả đồ để thi phải coi giữ xem xét trước đều phải đúng phép, cùng là các việc dựng bia bản, làm chòi đứng trông, tính trọng, đánh hiệu, phải làm tất cả. Một quan tuần kiểm bên trong, 2 quan tuần kiểm bên ngoài, 2 quan giữ cửa, đều dùng suất đội ; 1 viên tuần kiểm bên trong, 2 viên tuần kiểm bên ngoài làm việc xem xét trong trường và chuyên giữ khoá cửa trường bên trong bên ngoài, phân phái binh lính canh giữ, 2 viên giữ cửa chiếu theo các điểm bên ngoài trường, chia đem biên binh ngày đêm tuần phòng, đều phải mười phần nghiêm ngặt.

(Về ngày thi : ngày 12 tháng 7, tiến trường ; các ngày 15, 16, 17, thi kỳ thứ nhất ; các ngày 19, 20, 21, thi kỳ thứ hai ; các ngày 23, 24, 25, thi kỳ thứ ba. Duy có kỳ thứ ba thi bắn súng điều sang, nếu gặp ngày cấm giới, sẽ liệu chuyển ngày khác. Mỗi kỳ đều cách 1 ngày để tiện việc chia viết giấy ghi tên, biển niêm yết ngoài cửa. Ngày 27 thì xướng danh vào sát hạch lại, tất cả là 3 ngày ; lại cách 1 ngày, đến ngày mồng 2 tháng 8 thì treo bảng, chiếu cấp mũ áo cử võ ; cách sau 1 ngày thì được ban yến.

(Về phép thi ba kỳ : nghị trước, kỳ thứ nhất thi mang nặng (xách quả tạ) ; kỳ thứ hai thi côn, quyền, đao, mộc, kỳ thứ ba thi bắn súng điều sang ; nay đổi nghị : kỳ thứ hai thi các tài côn, giáo ; về côn thì dùng côn sắt nặng 30 cân, chia làm 3 mà cầm, vừa múa vừa đi, làm ra cái thế lúc ngồi, lúc dậy, lúc đánh, lúc đâm, đi được ngoài 60 trượng là hạng ưu, đi được ngoài 50 trượng là hạng bình, đi được ngoài 40 trượng là hạng thứ, không được số ấy là hạng liệt. Đôi khi có võ sinh nào hoặc đương đi, hoặc sắp đến, chưa kịp buông côn mà đã vội rơi khỏi tay, thì số trượng dù nhiều cũng không trúng cách. Về phép thi giáo, dùng thứ giáo 7 thước 7 tấc, 1 tay cầm cán giáo, 1 tay cầm gốc giáo, cách bù nhìn rom 3 trượng, múa nhanh, nhảy luôn 3 - 4 bước, cốt phải sáng mắt nhanh tay hướng thẳng vào miếng kính giữa bụng bổ nhìn rom đâm ngay : đâm trúng mà mũi giáo suốt qua là hạng ưu, đâm trúng mà mũi giáo chớm vào là hạng bình, đâm vào kịp trúng là hạng thứ, đâm không trúng là hạng liệt. Và, kỳ thứ nhất thi mang nặng, nay định : mang cả hai tay đi được ngoài 18 trượng, mang 1 tay đi được ngoài 36 trượng là hạng ưu ; mang hai tay đi được ngoài 14 trượng, mang 1 tay đi được ngoài 28 trượng là hạng bình ; mang hai tay đi được ngoài 10 trượng, mang 1 tay đi được ngoài 20 trượng là hạng thứ ; không đủ số ấy là hạng liệt. Lại như kỳ thứ nhất thi 2 tao mang hai tay, mang 1 tay ; kỳ thứ hai thi 2 tài múa côn, múa giáo, trong đó định hạng cũng nên có châm chước ; nếu kỳ thứ nhất mang 2 tay, mang 1 tay đều được là hạng ưu, 1 ưu 1 bình, hoặc 1 ưu 1 thứ, hoặc đều được bình cả là hạng bình, 1 bình 1 thứ hoặc đều thứ cả

là hạng thứ, vừa có một liệt là hạng liệt. Kỳ thứ 2, thi 2 nghề múa côn múa giáo cùng theo như thế. Còn kỳ thứ ba, thi bắn súng điều sang, xin theo nghị trước mà làm.

- Nghị trước, thi sát hạch lại, hỏi về các sách *Vũ kinh* ⁽¹⁾, nay xin sau khi xướng danh, quan chánh phó chủ khảo đem võ sinh thi trúng 3 kỳ, chính mình tự xét lại 1 tao về tài nghệ, sức khoẻ để phép thi được nghiêm. Đôi khi có võ sinh nào từng đọc các sách *Vũ kinh*, hoặc trong 18 loại binh khí có tài giỏi riêng, tình nguyện thi, thì quan chánh phó chủ khảo lại sát hạch thêm để phân biệt được kỹ.

- Trước kỳ thi 1 tháng, các võ sinh ngạch quân ở Kinh thì do viên quản lấy đủ quê quán, tuổi, diện mạo, điểm chỉ và suất đội cam kết bảo đảm, làm danh sách đệ giao quan chưởng lĩnh ; võ sinh ngạch quân phủ Thừa Thiên và các trực tỉnh ở ngoài, thì do viên quản lấy đủ quê quán, tuổi, diện mạo, điểm chỉ và suất đội cam kết bảo đảm ; võ sinh ngạch dân thì do viên phủ huyện lấy đủ quê quán, tuổi, diện mạo, điểm chỉ và lý dịch cam kết bảo đảm. Tất cả đều làm danh sách đệ giao thượng ty sở tại, thượng ty chưởng lĩnh đều phải xét thực, hội lại làm danh sách thi, làm thành 3 bản “Giáp”, “Ất”, “Bính”, trong đó kê khai họ tên, quê quán, tuổi, diện mạo, điểm chỉ, cốt phải rõ ràng xác thực. Phải trong tháng ấy hiện đã đệ đến bộ, để đến kỳ thi chuyển giao cho quan trường 2 bản “Ất”, “Bính”, trong đó bản “Bính” thì giao cho quan chánh phó đề diếu để theo vào đày đệ quyển, bản “Ất” thì giao cho quan chánh phó chủ khảo đủ đối chiếu so sánh, bản “Giáp” bộ giữ để lưu chiếu. Nếu võ sinh đến hôm vào thi, so chiếu họ tên, quê quán, điểm chỉ có chỗ không hợp, liền phải giao bộ xét rõ ; nếu là đội tên đi thi hộ, thì đem kẻ phạm ấy xử tội xứng đáng ; nếu xét ra danh sách trước sai lầm, hoặc dụng tình thông đồng, hoặc làm việc sơ suất, thì chiếu theo nhẹ nặng xử tội.

- Các võ sinh đi thi, trừ ngạch quân ở Kinh và ngạch dân ở Thừa Thiên ra, còn thì cho do thượng ty sở tại dự tính kỳ hạn trước, cấp giấy đi đường, cốt phải trước 1 tháng đầy đủ cả, để đến kỳ vào thi.

- Trước kỳ thi 1 tháng, quan phủ Thừa Thiên được chi tiền công mua tre gỗ để làm trường, hạn trong 1 tháng phải làm xong.

- Trước kỳ thi 1 tháng, bộ Binh tư cho các sở, ty : chiếu theo cách thức thi văn làm 1 ấn khắc chữ “Vũ kinh thi”, 1 triện bằng ngà khắc chữ “Vũ cử xứng hành”, 4 ấn bằng ngà khắc chữ “Phân khảo Trí vi”, “Phân khảo Dũng vi”, “Phân khảo Tài vi”, “Phân khảo Lực vi” ; khắc dấu bằng gỗ những chữ “Đệ nhất trường”, “Đệ nhị trường”, “Đệ tam trường” mỗi thứ 4 cái, 4 cái ấn bài ở chòi thi bắn, khắc bài gỗ có số trường 160 cái, và làm 32 khối chì đen, 32 cái côn sắt, 32 cái giáo dài, 16 hình

(1) Tức là *Vũ kinh thất thư* gồm có bảy sách : *Tôn tử*, *Ngô tử*, *Lục thao*, *Tư mã pháp*, *Hoàng thạch công tam lược*, *Uất liễu tử* và *Lý Vệ công vấn đối*.

người bù nhìn bằng rơm, 160 miếng kính ở giữa bụng bù nhìn, 32 giá gỗ súng điều sang, 8 vòng sắt, 300 cái địch bằng sành, các đồ vật thuốc đạn, đá lửa theo với súng, do viện Vũ bị chọn lấy đồ vật trong kho cho đủ cả, sửa sang cò máy cốt được nhanh nhạy. Đến kỳ thi, đệ giao quan trường chiếu nhận để phân cấp cho thi.

- Trước kỳ thi 1 tháng, nha phủ Thừa Thiên tư sang Nội vụ phủ làm sẵn 40 bộ mũ áo cử võ, mỗi bộ 1 mũ chòm tròn bằng lụa nam trơn, đen, mặt trước chòm có hoa bằng bạc, trên chòm có cái bầu bằng bạc, mỗi thứ 1 chiếc; khăn bịt tóc 1 chiếc, áo móng ngựa bằng trừu nam hoa to màu bảo lam 1 chiếc, trong lót bằng vải đỏ; bỏ tử tròn bằng đoạn vũ đỏ, trong đính 2 chữ “Vũ cử”, đằng trước đằng sau mỗi đằng 1 bỏ tử; quần bằng da 2 tấm, dài đeo 1 chiếc, hia giày tuý dưng. Quan trường ấy tư sang lấy để giao cấp.

(- Về việc chọn phái quan trường, từ chánh phó chủ khảo trở xuống, đều do triều đình tuyển bổ, trong số phân khảo ban văn 4 viên, chánh phó đề điệu 2 viên, kiểm ký 4 viên, đều do bộ Lại kê khai các viên lang trung, chủ sự, tư vụ xứng đáng chăm chỉ ở Lục bộ; trong số phân khảo ban võ 4 viên, tuần kiểm 3 viên, giữ cửa 2 viên đều do chương lĩnh kê khai các viên quản vệ, hiệp quản, suất đội am tường nghề võ; giám sát việc trường 3 viên, do viện Đô sát kê khai các viên khoa đạo; trong đó ai có quan hệ với võ sinh, theo lệ phải nên hỏi tị thì cho hỏi tị, đều phải trước khi ấy do đình thân nghị tuyển, tâu lên chờ Chỉ.

- Lại điển 14 người, lấy ở các hạt Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình, đều dùng thư lại 2 ty các hạt ấy, người chữ viết tốt, làm việc chăm chỉ sung vào làm việc. Thừa Thiên, Quảng Nam, mỗi tỉnh 4 người; Quảng Trị, Quảng Bình mỗi tỉnh 3 người. Người nào không có thân nhân đi thi mới được sung bổ, do quan hạt ấy kê trình cấp lộ phí cho đi, theo hầu quan trường thi làm việc quan. Viện thi công đồng 4 người, đình đề điệu 6 người, phân khảo 4 vi mỗi vi 1 người.

- Các viên phụ thuộc theo làm việc: biên binh chia đi làm việc 40 người; biên binh thuộc vào tuần kiểm bên trong canh trực trường trong 10 người; biên binh thuộc vào tuần kiểm bên ngoài canh trực trường ngoài 20 người; biên binh thuộc vào giữ cửa canh trực các điểm bên ngoài trường 30 người; đều do phủ Thừa Thiên tư bộ cấp cho.

- Trước kỳ thi, phủ nha Thừa Thiên, ở gần trường sở, làm sẵn nhà công quán; đến kỳ thi, cấp phát quân nhân, phu khiêng vống, phu khuân vác, đi giúp việc quan trường cùng đến quán sở. Các quân nhân thì ở lại theo hầu.

- Xem xét trường thi, cung ứng đồ vật, thì dùng viên phủ thừa ở Thừa Thiên.

- Tiền, lương cung đón: quan chánh chủ khảo 40 quan tiền, 8 phương gạo trắng; quan phó chủ khảo 35 quan tiền, 7 phương gạo trắng; quan phân khảo, quan

đề điều mỗi người 25 quan tiền, 5 phương gạo trắng ; quan phó đề điều, quan giám sát, mỗi người 20 quan tiền, 4 phương gạo trắng ; quan kiểm ký, quan quản biện, quan tuần kiểm, quan bả môn, mỗi người 15 tiền, 3 phương gạo trắng ; lại điển mỗi người 5 quan tiền, 2 phương gạo lương ; đều do phủ nha Thừa Thiên theo đơn, lĩnh trong kho để chiếu cấp.

- Số người theo hầu quan trường : quan chánh phó chủ khảo mỗi quan 5 người ; quan phân khảo, đề điều mỗi quan 3 người ; quan phó đề điều, giám sát mỗi quan 2 người ; quan kiểm ký, quản biện, tuần kiểm, bả môn mỗi quan 1 người.

- Ngày quan trường bái mạng, quan bộ Binh phụng lĩnh cờ, bài, ấn “Vũ kinh thí trường”, triện “Vũ cử xứng hành”, “Phân khảo đồ ký”, cùng là hộp son, hộp mực bằng thiếc, chữ trường khắc bằng gỗ, ấn bài chòi bán, bài gỗ khắc số trường và tất cả đồ dùng để thi, theo số chuyển giao cho quan chánh phó chủ khảo phụng lĩnh đến trường làm việc.

- Ngày quan trường tiến trường, bộ Binh phái quan quân đủ cả khí giới ra hộ tiếp ; quan trường đều chỉnh tề mũ áo nghi vệ tiến trường, và các điển lại đều yên nghỉ ở phòng trọ. Ngày hôm ấy, bộ Binh uỷ thuộc viên đem danh sách thi và 1 bộ *Tự điển*, các tập *Chước định thí pháp*⁽¹⁾, các sách *Vũ kinh* vào theo, chuyển giao cho quan trường nhận lấy làm việc. Viên phủ Thừa Thiên cũng vào theo, kiểm xét các thứ cần dùng, cung ứng đồ vật, đầy đủ vừa phải tất cả, rồi liệu để lại viên xứng đáng ngày đêm túc trực ở nhà công quán để phòng đến kỳ thi làm việc.

- Các ngày vào trường và xướng danh, ra bảng, biên binh theo hầu quan chánh phó chủ khảo, mỗi quan 20 người ; phân khảo, đề điều, mỗi quan 10 người, đều do bộ Binh phái cấp.

- Võ sinh vào trường, các ngạch quân ở Kinh, cho mặc quần áo hiệu quân ; còn võ sinh ngạch quân, ngạch dân các địa phương, khăn áo đều cho tùy tiện dùng màu lam hoặc màu đen.

- Phàm các ngày thi, bộ Binh phái quan và liệu cho biên binh chia hàng đi tuần sát để giữ tề gian lậu.

- Sau khi tiến trường, quan chánh phó chủ khảo sức ngay cho dinh đề điều đem danh sách thi theo tên đề quyển, dùng giấy vừa, trên mặt quyển, hàng thứ nhất đều in các chữ “đệ nhất, đệ nhị, đệ tam trường”, hàng thứ 5 đều đề họ tên ; dưới tên, bên hữu chua rõ tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã, thôn nào, bên tả chua tuổi và hình dáng nét mặt, bên dưới làm chỗ điểm chỉ. Các võ sinh ngạch quân, đều chiếu họ tên chua hiệu quân vát vai ; võ sinh ngạch dân có danh hạng riêng, như quan viên tử chẳng

(1) Châm chước bàn định phép thi.

hạn, cũng chiếu tên chua vất vai. Các quyển kỳ đệ tam, trong quyển đều dùng đóng ấn bài chòi thi bản. Đề quyển xong, đệ giao quan chánh phó chủ khảo sức đóng ấn triện, theo ngay chia giao cho các viên phân khảo các vi chiếu nhận để đến hôm sau, đối chiếu với chỗ ghi chua.

- Phàm trước kỳ thi một ngày, quan chánh phó chủ khảo sức cho dinh đề điệu cử số người đi thi trong danh sách thi, chia làm 3 phần, mỗi ngày 1 phần ; lại chiếu mỗi một phần đều chia làm 4 vi, tên nào ngày nào theo vi nào vào trường, chiếu tên viết lên biển, mỗi vi 3 biển, trên biển viết chữ son to là vi nào, mặt trước biển đều chiếu viết ngày nào vào trường, rồi yết thị ở 4 vi “Trí”, “Dũng”, “Tài”, “Lực”, để đều nhận nhớ ngày, đứng chờ gọi tên vào trường. Hễ chia vi, như một tên võ sinh kỳ đệ nhất đã vào vi “Trí”, thì kỳ thứ hai đổi vào vi “Dũng”, kỳ thứ 3 đổi vào vi “Tài” hoặc vi “Lực”, không được lẫn lộn đem một tên ba kỳ hoặc 2 kỳ vào trùng một vi, để giữ tề gian lậu.

- Sau khi tiến trường, quan chánh phó chủ khảo sức cho dinh đề điệu đề quyển xong, lại sức cứ theo họ tên võ sinh, làm 1 tập sổ biên tên, đến sớm hôm thi của mỗi kỳ, chiếu số quyển chia cho các vi. Khi chiếu nhận quyển thi ở trường ngoài giao đến, phải niêm phong ngay lại, soạn số hiệu, tiếp tục đưa sang công đồng thí viện, đem các mảnh giấy biên tên so sánh các thứ xong, tất cả số quyển được hay hỏng tiếp tục chuyển giao cho quan đề điệu thu nhận, dinh đề điệu đều theo ngày chiếu cứ chỗ tên chua rõ là hiệu nào ; đến kỳ thi thứ 3 chiếu nhận xong, rồi đem cả 3 quyển xem xét kỹ hiệu trước, như tên nào kỳ thứ nhất là “Kiên nhất hiệu”, kỳ thứ hai lại là “Khôn lục hiệu”, kỳ thứ ba là “Tốn ngũ hiệu”, biết được 3 hiệu ấy tức là một tên, rồi đem đóng cả 3 hiệu làm một đệ giao lên quan chủ khảo, còn giấy biên tên thì cất giữ cẩn thận, đợi quan chủ khảo hội đồng với quan phân khảo chước lượng số lấy trúng cử võ là bao nhiêu, số dự trúng 2 kỳ là bao nhiêu, đều đệ giao sang dinh đề điệu nhận lấy, đem các quyển dự trúng cử võ dán giấy biên tên vào, giao sang quan chủ khảo, để phòng gọi tên ; rồi lại chiếu số lấy trúng cử võ là bao nhiêu ; chiếu theo mẫu quyển 3 kỳ, lại mỗi tên đều đề 3 quyển, để phòng ghi chép lúc vào phúc hạch. Còn các quyển dự trúng 2 kỳ tiếp tục đem giấy biên tên dán vào, để phòng tra xét.

- Phàm ngày vào trường, khắc thứ 5, canh 5, quan trường đều mặc phẩm phục, chia ra cửa 4 vi, lại điển cầm sổ gọi tên, cho võ sinh vào trường, đều đến nhà tranh ở vi của mình chờ để thi, không được ồn ào, để trường quy được nghiêm.

- Các ngày thi trong 3 kỳ, phân khảo mỗi vi 1 quan, đều theo vi xét thi ; 1 viên kiểm ký làm việc kiểm ký, 1 người lại điển theo hầu ; 1 viên quản biện làm việc ở vi. Hàng ngày, buổi sớm từ giờ Mão đến giờ Tỵ thì thi, giờ Ngọ tạm nghỉ ; buổi chiều từ giờ Mùi đến giờ Dậu thì thi, gần đến chiều thì thôi, 3 kỳ theo thế cả.

- Các ngày thi trong 3 kỳ, các viên quản biện đều sẵn sàng chia xếp các bài khắc số trượng để làm dấu, rồi ở nhà tranh trước viện phân khảo chia đặt mỗi vi 8 khối chì đen, đến ngày thi, 2 quan phân khảo hội lại cùng ngôi liệu lấy bao nhiêu võ sinh, rồi sức cho kiểm ký và điển lại đều đem quyển thi xét nghiệm tất cả họ tên, quê quán, tuổi, diện mạo, điểm chỉ cho hợp. Các võ sinh đều chiếu nhận chì đen mỗi người 2 khối, hai tay mang đi. Viên kiểm ký và quản biện đều xét nghiệm kỹ lưỡng người nào đi được bao nhiêu trượng, trình rõ ngay, quan phân khảo xét thực, viên kiểm ký cứ thực biên ngay vào quyển xong, viên quản biện bảo biên bình đem khối chì chia để như trước, các võ sinh lại chiếu nhận chì đen mỗi người 1 khối, một tay mang đi, viên kiểm ký và quản biện xét nghiệm kỹ lưỡng, người nào đi được bao nhiêu trượng trình rõ ngay. Quan phân khảo xét thực, viên kiểm ký lại cứ thực biên ngay vào sổ, rồi đều ghi rõ họ tên vào trong quyển, đóng ngay ấn của vi mình vào, cho ngay các võ sinh đã thi rồi được ra ; rồi lại đổi lượt, liệu lấy võ sinh khác vào thi, đều làm theo như trước. Thi buổi sớm xong, quan phân khảo đếm ngay số quyển đã thi là bao nhiêu, chính mình tự viết chữ niêm phong ở ngoài hòm, viết rõ vi nào bao nhiêu quyển, sức cho viên tuần kiểm trường ngoài đệ giao cho dinh đệ điệu. Quan đệ điệu chiếu nhận, rồi ở mặt quyển dưới chữ trường khắc bằng gỗ đề chữ son là vi nào liền niêm phong ngay, soạn số hiệu, tiếp tục đệ giao sang công đồng thí viện. Quan chánh phó chủ khảo xét duyệt, chiếu lệ chước định các hạng ưu, bình, thứ, liệt, đáng được hạng nào, đề chữ son ngay ở trong quyển, lại ở dưới chữ đề hạng, đều dùng triện ngà, xong, đưa giao ngay sang dinh đệ điệu thu lấy cất đi. Thi buổi chiều theo như buổi sáng làm việc, hai ngày sau cũng theo như thế.

- Các ngày thi kỳ thứ hai, các viên quản biện đều theo vi, sẵn sàng bày hàng côn, giáo ở nhà tranh trước viện phân khảo, và dựng bù nhìn rơm ở hai bên tả hữu trước sân, đủ cả ; đến giờ, quan phân khảo hội lại cùng ngôi, theo như trước, liệu lấy võ sinh bao nhiêu người, so nghiệm cho đúng. Các võ sinh đều đến lĩnh côn sắt, đứng đầy, vừa đi vừa múa theo như phép. Kiểm ký và quản biện đều xem xét kỹ lưỡng, người nào đi được bao nhiêu trượng, trình rõ ngay. Quan phân khảo xét thực, viên kiểm ký cứ thực ghi vào trong sổ ngay. Xong, các võ sinh lại lĩnh giáo, đứng xếp hàng, đều múa đâm theo như phép. Kiểm ký và quản biện đều xem xét kỹ lưỡng, người nào đâm trúng mũi giáo mà suốt qua, hoặc đâm trúng mũi giáo vào vừa thôi, hoặc chọt đâm trúng, hoặc đâm không trúng, trình rõ ngay, quan phân khảo xét thực, kiểm ký lại cứ thực ghi vào trong quyển, rồi đều theo lệ ghi rõ họ tên vào trong quyển, đóng ấn. Xong, cho võ sinh đã thi rồi được ra. Lại đến lượt liệu lấy võ sinh khác vào thi, đều làm theo như trước. Thi buổi sớm xong, quan phân khảo theo lệ niêm phong các quyển thi, sức giao sang công đồng thí viện, quan

chánh phó chủ khảo xét thực đề hạng, lại giao sang dinh đề điệu nhận lấy cất đi. Thi buổi chiều làm việc theo như buổi sớm, lại ngày sau cũng theo như thế.

- Các ngày thi kỳ thứ ba, các viên quản biện đều theo vị, sẵn sàng bày hàng súng điều sang và giá để đồ vật thuốc, đạn, đá lửa ở nhà tranh trước viện phân khảo, đều đủ cả, thông báo ngay cho viên bả môn ở trường ngoài dựng cờ đỏ ở trên giá cờ, biên binh canh trực ở mặt trước trường trong, trường ngoài, đều cho lui tránh cả. Ở cửa Trấn Bình không cho người không có chức việc dất nhau vào xem. Phủ nha Thừa Thiên lại cấm người đi lại ở ngoài thành lối hướng thẳng trước mặt trường thi để phòng trở ngại khác. Viên quản biện ở các chòi trông đốc thúc các biên binh chòi trông đánh hiệu; đến giờ, quan phân khảo hội lại cùng ngồi theo như trước liệu lấy võ sinh là bao nhiêu người so nghiệm cho đúng. Các võ sinh đều nhận súng sửa soạn thuốc đạn theo như phép, đều hướng vào chòi bia đứng chờ, viên quản biện đánh keng làm hiệu. Người đứng đầu bắn trước, bắn trúng đích, biên binh ở chòi trông xét thực thì đánh một hồi trống, trúng vòng tròn thì đánh 3 tiếng trống, bắn vào chòi bia thì đánh 3 tiếng sênh, bắn ra ngoài chòi bia thì đánh ba tiếng thanh la. Viên kiểm ký chiếu theo vết ở chòi bia chấm vào trong quyển và thẻ ở chòi bia. Bắn xong một lượt, viên kiểm ký và quản biện đều xét kỹ xem người nào bắn trúng đích, bắn trúng vòng tròn, hoặc vào chòi bia, hay là ra ngoài chòi bia, trình rõ ngay. Quan phân khảo xét thực, viên kiểm ký đem ngay quyển thi, cứ thực ghi vào. Xong, các người thi theo như trước bắn tiếp, bắn xong 3 phát, đánh một hồi keng, biên binh ở chòi trông đều đến xoa khắp mặt chòi bia như cũ, rồi lui về chỗ của mình, bắn xong 6 phát thì kiểm ký theo thứ tự chiếu các quyển thi ghi vào ; xong, theo như lệ trước, ghi rõ họ tên vào trong quyển, đóng ấn vào. Cho các võ sinh đã thi được ở tạm sau viện phân khảo, đợi thi buổi sớm xong đều cho ra theo cửa vi của mình. Quan phân khảo chiếu theo lệ, niêm phong quyển thi, sức giao sang dinh đề điệu đề vi và niêm phong lại, soạn số đệ giao sang công đồng thí viện. Quan chánh phó chủ khảo định hạng, đưa sang cho thu lấy cất đi. Thi buổi chiều theo như buổi sáng làm việc, hai ngày sau cũng theo như thế.

- Ba kỳ thi xong, quan đề điệu theo lệ đóng quyển đệ giao quan chánh phó chủ khảo xem xét, chiếu lệ chức định người nào trúng cả 3 kỳ, trước hết giao sang dinh đề điệu dán giấy biên tên vào, để phòng gọi tên. Còn các quyển dự trúng hai kỳ thì tiếp tục giao sang dinh đề điệu, tiếp tục dán giấy biên tên, chiếu làm danh sách tư bộ, nhưng do quan chánh phó chủ khảo xét thực, để phòng đưa bộ xét bàn.

- Ngày gọi tên, quan chánh phó chủ khảo đều mặc phẩm phục ra ngoài cửa lớn trường thi, lại diễn chiếu theo tên đem võ sinh được trúng vào vi “Dũng”, chờ đợi phúc hạch.

- Các ngày phúc hạch, các viên quản biện chiếu lệ, theo ngày, sẵn sàng đem đồ để thi bày hàng ở nhà tranh vi thứ hai là vi “Dũng”. Hằng ngày buổi sớm, buổi chiều hai lần quan chánh phó chủ khảo đến vi “Dũng”, hội đồng với các quan phân khảo, theo thứ tự cùng ngồi, chiếu theo phép thi liệu lấy võ sinh được trúng là bao nhiêu người, lần lượt xem xét, rồi chiếu đem phép thi 3 kỳ theo ngày vào phúc hạch, sức cho các viên kiểm ký đều cứ thực biên vào trong quyển, ghi họ tên, rồi viết các chữ “y, khán” đóng triện ngà vào. Hằng ngày buổi sớm, buổi chiều hai lần đều đem các quyển phúc hạch đệ giao sang dinh để điều thu lấy cất đi, đôi khi có người nào từng đọc các sách *Vũ kinh* hoặc binh khí 18 bậc, có tài giỏi riêng, tình nguyện trình xin thi, quan chánh phó chủ khảo cho đều được tùy tài, lại sát hạch thêm, và biên chép đóng triện vào trong quyển. Dinh để điều theo lệ đem tất cả 3 quyển phúc hạch của từng người đóng chung làm một, đệ giao sang quan chánh phó chủ khảo đem các quyển đóng chung về thi phúc hạch, cân nhắc tất cả, để hạng, rồi hội đồng với các quan phân khảo bàn tính kỹ lưỡng cho xác thực ; trong đó quyển thi phúc hạch so với quyển thi lần đầu hoặc có cách nhau xa quá, thì liệu cho truất bớt, còn như không sai khác lắm, thực nên lấy đỗ, thì đem quyển thi trước, dựa vào đó mà cân nhắc, như 3 kỳ được ưu cả là cao nhất ; hai kỳ ưu, một kỳ bình là hạng trên ; một kỳ ưu, hai kỳ bình là hạng dưới ; một kỳ ưu, một kỳ bình, một kỳ thứ hoặc 1 kỳ ưu, hai kỳ thứ lại dưới nữa ; ba kỳ bình hoặc hai kỳ bình, một kỳ thứ, một kỳ bình hai kỳ thứ và 3 quyển đều thứ lại dưới nữa. Theo đại khái như thế để suy ra quyển khác. Trong đó ưu, bình, thứ kỳ thứ ba so sánh nặng hơn kỳ thứ hai, ưu, bình, thứ kỳ thứ hai so sánh nặng hơn kỳ thứ nhất, lại đem tất cả quyển thi phúc hạch điều hoà tính trừ, để định thứ bậc, sức cho dinh để điều đều theo tên bậc chiếu cho viết bảng, rồi đem bảng cử võ yết thi, làm bản tâu lên.

- Các ngày thi ba kỳ, gián hoặc gặp mưa lây lội, tạm cho đình lại, đợi khi tạnh ráo, lại cho thi, rồi đem duyên cớ triển hạn làm bản tâu lên.

- Các võ sinh, hoặc có người nào, kỳ thứ nhất không trúng cách, cho vào kỳ thứ hai, kỳ thứ hai không hợp cách, cho vào kỳ thứ ba, đợi sau khi thi xong ba kỳ, tính suốt, liệu cho bỏ hay lấy).

- Bao nhiêu quyển lấy đồ cử võ để riêng 1 hòm, bao nhiêu quyển dự trúng 2 kỳ để riêng một hòm, bao nhiêu quyển loại hỏng để riêng 1 hòm, đều giao cho viện thí thu lấy cất đi.

- Các võ sinh có tang cha mẹ, ông bà và làm con nuôi người, phải để tang người nuôi ba năm, không được ẩn tang đi thi ; trái lệnh này, chiếu luật trị tội.

- Mượn người đi thi và đi thi hộ người, đều sung làm quân ; quan trường và võ sinh thông đồng gửi gắm và lại điển có tình tiết riêng, đều tùy nhẹ nặng phân biệt trị tội.

- Hạng còn đồ vô lại hoặc đánh lừa đồ dành võ sinh, nói dối là đứt lốt, mưu lấy tiền của, đều theo nhẹ nặng trị tội. Số tang vật đánh lừa sẽ đem thưởng cho người phát giác.

Ngày ra bảng, thí viện đường đánh ba hồi trống, quan trường đều mặc phẩm phục, dàn nghi trượng, đệ bảng ra ngoài cửa lớn trường thi, treo yết lên.

- Ngày ra bảng kỳ thi, quan trường chiếu bao nhiêu người dự trúng cử võ, tư cho phủ nha Thừa Thiên đưa giao mũ áo cử võ, ban cấp ngay hôm ấy. Các cử võ kính lĩnh đi ra ; sau đó một ngày, đều đến chỗ ban yến. Quan phủ Thừa Thiên làm sẵn dãy nhà tranh ở phủ nha, để làm chỗ ban yến. Đến sáng sớm ngày ban yến, quan trường dẫn cử võ mới đến sân, quan trường và quan ở hạt ấy làm lễ bái vọng 5 lạy trước, xong chia ban đứng hầu ; cử võ mới làm lễ tạ ơn 5 lạy và làm lễ tạ được ban mũ áo 5 lạy. Xong, quan trường và quan ở hạt ấy lại xếp hàng cùng với cử võ mới cùng làm lễ lĩnh yến 5 lạy. Các phẩm vật thiết yến, chi tiền công ra, do quan hạt ấy sửa soạn đầy đủ, quan chánh phó chủ khảo cùng một mâm, quan đề điệu, quan phân khảo mỗi 3 người cùng một mâm, quan ở hạt ấy cùng 1 mâm, mỗi mâm giá 3 quan tiền ; giám sát, phó đề điệu, kiểm ký, quản biện, tuần kiểm, bả môn 4 người cùng 1 mâm, mỗi mâm giá 2 quan 5 tiền ; cử võ mới mỗi 4 người cùng 1 mâm, mỗi mâm giá 2 quan tiền ; lại diễn mỗi 6 người cùng 1 mâm, mỗi mâm giá 2 quan tiền. Ăn yến xong, quan trường và quan ở hạt ấy lại xếp hàng cùng cử võ mới, làm lễ tạ yến 5 lạy.

- Lễ ban yến xong, các quan chánh phó chủ khảo, phân khảo, chánh phó đề điệu, giám sát, kính chờ tâu lại. Còn kiểm ký trở xuống đều về làm việc. Quan chánh phó chủ khảo đem đệ bản tâu cử võ, giáp, ất mỗi thứ một bản, do bộ Binh đệ tâu.

- Việc kỳ thi xong, quan trường chiếu trong số quyển đi thi, lấy cử võ bao nhiêu quyển, cùng là dự trúng 2 kỳ bao nhiêu quyển và danh sách 2 kỳ được trúng, đệ giao bộ Binh tra xét, rồi do bộ Binh hội đồng với viện Đô sát đem các số quyển lấy trúng cùng xét kỹ tâu lên. Sau khi được Chỉ do bộ Binh sẽ khâm mạng tống giao cho nhận lấy. Còn số quyển hỏng kỳ thi ấy là bao nhiêu, giao cho quan hạt ấy thu lấy cất đi.

- Phàm những người đã trúng cử võ ngạch quân hay ngạch dân, đều được liệt vào hạng chức sắc, rồi cho đều về ngũ gia tâm luyện tập để đợi thi Hội. Gián hoặc có người nào quê quán ở tỉnh, tình nguyện ở lại Kinh để tiện diễn tập cũng được. Còn những người dự trúng 2 kỳ, trước định xếp làm hạng tú tài ; nay nghị lại : phàm người dự trúng 2 kỳ, do bộ tư cho chương lĩnh và thượng ty sở tại, liệu giảm tập dịch sai phái cho họ để họ học tập đợi khoa, chớ nên vin là danh sắc tú tài, chương lĩnh, thượng ty cũng nên bất kỳ sát hạch, cho họ biết được khích khuyến.

- Việc thi xong, quan hạt ấy hội chiếu tiền công, đồ vật công chi về việc thi, làm bản tâu lên. Làm ra giáp, át 2 bản, do bộ Hộ xét lại, đợi sau khi được Chỉ, rồi chép một bản giao đến bộ Binh giữ lưu chiếu.

(- Các đồ vật cung ứng về kỳ thi : 4 bộ ghế chéo, 10 chiếc hòm đựng quyển thi, đựng sách, 6 thùng lớn đựng nước, 300 quản bút, 100 thoi mực, 5 lạng phẩm đỏ và 2 nghiên son, 20 chiếc đĩa sành làm nghiên mực, 10 hờn son, 10 tờ giấy vàng, 50 tờ giấy lệnh hội, 2.000 tờ giấy rộng, 3.000 tờ giấy vừa. Ở công đồng thí viện : 4 chiếc phản gỗ, 10 chiếc phen nửa, 6 chiếc kỷ để sách, 2 đôi chiếu cặp, 3 đôi chiếu dài, 6 giá đèn, đợi đèn, dẫu, bắc đèn đủ cả. Phòng quan chánh phó chủ khảo : mỗi phòng 1 chiếc giường, 1 chiếc phản gỗ, 1 đôi chiếu cặp, 1 đôi chiếu vuông, 2 giá đèn. Công đường đề điệu : 4 chiếc phản gỗ, 10 chiếc phen nửa, 10 chiếc kỷ sách, 2 đôi chiếu cặp, 3 đôi chiếu dài, 6 giá đèn. Phòng quan chánh phó đề điệu : mỗi phòng 1 chiếc giường, 1 chiếc phản gỗ, 1 đôi chiếu cặp, 1 đôi chiếu dài, 1 giá đèn. Phòng quan nội giám sát ở nhà bên tả : 1 chiếc giường, 1 chiếc phản, 1 đôi chiếu vuông, 1 đôi chiếu dài, 1 giá đèn. Phòng các lại viên 2 bên tả hữu : mỗi phòng 2 chiếc gỗ, 1 đôi chiếu dài, 1 giá đèn. Phòng quan nội tuần sát ở nhà bên hữu : 1 chiếc giường, 1 chiếc phản gỗ, 1 đôi chiếu vuông, 1 đôi chiếu dài, 1 giá đèn. Binh xá hai bên tả hữu : mỗi bên 4 chiếc phen nửa, 1 đôi chiếu dài, 1 giá đèn. Viện phân khảo 4 vi : mỗi viện 4 chiếc phản gỗ, 4 chiếc phen nửa, 4 chiếc kỷ sách, 1 đôi chiếu cặp, 1 đôi chiếu vuông, 2 đôi chiếu dài, 4 giá đèn. Các phòng quan phân khảo, quan giám sát hai bên tả hữu : mỗi phòng 1 chiếc giường, 1 đôi chiếu cặp, 1 đôi chiếu dài, 1 giá đèn. Hai nhà lại, binh : mỗi nhà 2 chiếc phản gỗ, 4 chiếc phen nửa, 3 đôi chiếu dài, 3 giá đèn. Lại 2 cái bàn, 12 cái biển ở cửa, 1 chiêng, 1 trống, 4 cái keng. Trống nhỏ, thanh la, sênh gỗ mỗi thứ 8 chiếc, 2 bức cờ vuông bằng vải đỏ, hằng ngày cùi, nước, than, gỗ đều cứ binh đình hạt ấy chuyển vận giao nộp tại viện, chia cấp cho các phòng đủ dùng).

Vua theo nghị ấy, duy quan chủ khảo ban võ được lấy quan nhất, nhị phẩm. Rồi lại dụ rằng : “Kỳ thứ ba thi bắn súng là việc quan trọng, hướng chi đến lúc bắn, trúng hay không, thực do tài nghệ của võ sinh thế nào, chắc không phải quan trường tư tình được. Nay chuẩn cho quan chủ khảo, phó chủ khảo đến các kỳ thi thứ ba, phải thân tự đi lại xem xét, cho được chu đáo. Các quyển thi đều do các quan phân khảo tự phải xem xét làm việc, các viên chủ khảo không được kiểm duyệt trước, còn thì đều theo như nghị mà làm”.

Tổng đốc An Giang - Hà Tiên là Tôn Thất Bạch tâu : “Ở tỉnh ấy, năm trước (năm Minh Mệnh thứ 20), đắp đê giúp sự làm ruộng, biên binh thuộc tỉnh ấy khai phá cày cấy được hơn 700 mẫu ruộng ; rồi vì biên binh đi đánh giặc, việc cày cấy không được đầy đủ, mà dân Kinh, dân Thổ ở đấy đều không lĩnh canh”. Vua bảo

rằng : “Ruộng ấy năm trước khai khẩn, đã có hiệu quả, không nên bỏ làm ruộng hoang, nhưng nay biển binh sai phái đi nhiều ngả, mà dân xã sở tại đều không muốn lĩnh canh, tạm đợi khi việc ít, lại bàn cũng được”.

Quyển Tổng đốc Nghệ An - Hà Tĩnh là Đặng Đức Thiêm tâu : “Lúa chiêm tỉnh Nghệ An chỉ được mùa vừa, và sau khi bị nạn bão, lương thực của dân chưa được đầy đủ. Vậy xin cho số lĩnh vay trước của các huyện được lùi hạn đến vụ mùa bằng tiền”. Chưa bao lâu, tỉnh Hà Tĩnh cũng xin cho dân chiết nộp bằng tiền. Vua đều chuẩn y cho.

Đổi gọi đội Tuần thành ở Bình Định là đội Dục thuận, cấp thêm cho công chúa thứ hai là Nhân Yên, công chúa thứ tư là Huy Nhu mỗi người nửa đội. (Trước cấp thuộc binh mỗi người 1 đội).

Quyển Tổng đốc Thanh Hoá là Tôn Thất Cung tâu : “Hai kho ở thành Triệu Tường, thành phủ Tĩnh Gia trước làm chật hẹp, nay xin làm thêm mỗi nơi 7 gian, để phòng hai huyện Tống Sơn, Ngọc Sơn đem nộp tiền thóc”. Vua nghe theo (trước làm 3 gian, nay làm thêm 4 gian).

Cho Viên ngoại lang bộ Hộ là Trần Ngọc Diễm, thăng quyền Lang trung ty Kinh chương bộ Hình.

Ở Kinh sư không mưa, lần đầu sai Phủ thừa Nguyễn Trung Nghĩa cầu đảo, chưa ứng nghiệm ; lại sai Thị lang Nguyễn Hanh và quyền Tham tri Nguyễn Đức Chính đảo tiếp, được mưa ngay. Quảng Bình, Bình Định, Phú Yên cũng đem việc ít mưa báo lên, đều sai quan tỉnh cầu đảo.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LX

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHUÔNG HOÀNG ĐẾ

Bính Ngọ, Thiệu Trị năm thứ 6 [1846], mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, tế Thu hưởng.

Sai thân phiên đại thân sung làm *Hội điển*. Trước đây, sai Tôn nhân phủ, các nha Lục bộ, đều phải thuộc viên tìm tất cả dụ, Chỉ, điều lệ và nghị của bộ, tờ tâu trong Kinh ngoài trấn, việc thuộc về chính thể từ năm Gia Long thứ nhất đến năm Minh Mệnh thứ 21, chiếu theo năm, tháng, chia định từng môn, từng loại, làm thành sách ; đợi bản thảo xong, sẽ chọn phái người sửa chữa, gọi là *Đại Nam sự lệ hội điển*. Đến đây, sai Tôn nhân phủ Hữu tôn chính Thọ Xuân công Miên Định, Tả tôn nhân Ninh Thuận công Miên Nghi, Hữu tôn nhân Phú Bình công Miên An sung chức Tổng lý giám tu ; Ngự tiền đại thân Vũ Xuân Cẩn, cố mệnh lương thân Trương Đăng Quế, Thượng thư Hà Duy Phiên, Đặng Văn Thiêm, Lâm Duy Thiếp, Phan Thanh Giản sung chức Tổng vưng ; Tham tri Lục bộ, Phó đô ngự sử viện Đỗ sát, Thị lang Lục bộ, ấn quan Nội các sung chức Phân vưng ; viên ngoại lang Tôn nhân phủ, lang trung, viên ngoại lang ở Nội bộ, thị độc, thừa chỉ ở Nội các sung chức tu tập. Và 76 người theo làm công việc biên chép đều bỏ thụ Hàn lâm viện Kiểm thảo.

Vua dụ rằng : “Bạc đế vương trị nước, cốt ở đạo ; mà đạo ẩn ở việc làm. Đời xưa đặt quan làm việc, tất có phép tắc để lại, để tỏ bảo người ở ngôi vua biết tin dùng và giá ngự các quan, mọi việc đều được rộng. Đấng Hoàng tổ ta, Thế tổ Cao hoàng

đế, mở mang bờ cõi, thống nhất non sông ; Hoàng khảo ta, Thánh tổ Nhân hoàng đế, văn minh diêm mở, văn vũ thánh thần, giữ nghiệp dựng trước, làm theo tiên nhân. Những việc để phúc cho con cháu đã tỏ và đủ lắm. Trẫm được hưởng thịnh vượng, lo toan noi theo, rất mong nối được ý nghĩ, việc làm. Đã kính làm sách *Thực lục*, nêu rõ kỷ cương lớn, pháp độ lớn, rạch ròi từng điều từng mục. Còn tiết chế việc làm, ngăn ngừa điều trái thì sai làm sách *Hội điển* này, cốt mong phân chia cương, mục, đầu mối rõ ràng, đặt ra thể lệ, để bảo các ty, ngõ hầu những người thừa hành đều có thể theo giữ để làm khuôn phép. Đó là pháp điển rất lớn. Vậy phải kén phái người làm, để có chuyên trách, và cốt cho được thành tựu. Từ tổng lý, giám tu cho đến các viên phân toản, đều chiếu chức của mình theo lệ làm việc, rồi xét bảo thuộc viên ở nha mình đều theo sự lệ riêng từng cục mà làm. Phân toản thì chia rõ từng mục, tổng vụng thì tổng hợp về cương. Còn tổng lý, giám tu thì sửa sang, chỉnh lý, làm cho thành công. Công tác thì có việc chính, việc kiêm, trách nhiệm thì có làm riêng, làm chung, không được vì việc làm sách mà đến bỏ bễ việc chính, cũng không được vin cứ việc chính mà sao lãng, gián đoạn công việc làm sách. Cốt mong việc được chu đáo, mà sách được hoàn bị đủ kỹ, để tập đại thành các điển chương lớn và lưu truyền mãi mãi pháp chế của đời thịnh trị. Đó là điều trẫm mong lắm !”.

Cho : quyền Thượng thư bộ Hình Phan Thanh Giản sung làm Chủ khảo trường thi Thừa Thiên ; Hữu thị lang bộ Binh là Phạm Khôi làm Phó ; quyền Hữu tham tri bộ Lại là Phạm Thế Trung sung làm Chủ khảo trường thi Nghệ An, quyền Bố chính Sơn Tây Trần Quang Chung làm Phó. Ngạch cũ : cử nhân trường Thừa Thiên 38 người, trường Nghệ An 25 người, khoa này số sĩ tử nhiều hơn, chuẩn cho trường Thừa Thiên lấy thêm 12 người, trường Nghệ An lấy thêm 3 người. Quan trường theo đúng số ngạch lấy đỗ tất cả 78 người. (Cử nhân trường Thừa Thiên 50 người : Đoàn Văn Bình, Trần Chương, Ngô Vĩnh Tuy, Nguyễn Chương, Đặng Trân, Trương Khánh Thụy, Nguyễn Gia Tú, Trần Nhượng, Vũ Đăng Xuân, Nguyễn Văn Hiến, Nguyễn Phùng Dục, Trần Văn Gia, Nguyễn Quang Huy, Đinh Kỳ Diên, Đỗ Như Chương, Nguyễn Mậu Đạo, Nguyễn Văn Thụy, Lê Trọng Khiết, Trần Đình Ngũ, Cao Văn Thấn, Phan Văn Khả, Lê Tân Soạn, Lê Quốc Sĩ, Nguyễn Quốc Uyển, Phan Doãn Đức, Trần Kim Giám, Phạm Nhữ Khuê, Nguyễn Kim Giám, Nguyễn Đức Hợp, Phạm Thanh Nhã, Hoàng Thiện Trường (tên cũ là Trọng Nguyên), Lê Bá Thận (tên cũ là Tân Hồng), Nguyễn Văn Hanh, Phạm Văn Ruật, Nguyễn Tuyền, Trang Thanh Viên, Nguyễn Văn Bằng, Đoàn Duy Trinh, Hoàng Tịnh (tên cũ là Công Ngạn), Hoàng Văn Học, Nguyễn Tiến Thái, Vũ Văn Hiệu, Nguyễn Hoài Lý, Đoàn Khắc Nhượng, Trương Đức Lân, Lê Văn Nhượng, Ngô Tông Nho, Trần Văn Thiệu, Trương Văn Thuận, Lê Đường Lâm. Trường Nghệ An 28 người : Mai Thế Quý, Đinh Xuân Tú, Đặng Văn Khải, Ngô Trục Nghĩa, Trần Văn Thịnh, Nguyễn Toàn, Trương Tuấn Khải, Lê Quan Quang, Trần Mậu, Biên Văn Hoán, Hồ Sĩ Đính,

Nguyễn Đình Thiệu, Phan Như Thức, Nguyễn Đình Khuê, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Đình Sĩ, Hạ Duy Trinh, Nguyễn Hữu Cung, Phan Sĩ Thục, Lê Đình Tranh, Đỗ Đình Hiệu, Nguyễn Thế Vĩnh, Dương Bá Nghi, Hồ Sĩ Diễn, Hoàng Văn Nghị, Đỗ Huy Tế, Phạm Thanh, Lê Duy Thanh. Danh sách dâng lên, 3 nha hội đồng xét duyệt, xét ra : Trường Thừa Thiên, các cử nhân là bọn Trần Đình Ngũ, Nguyễn Văn Thụy, Lê Trọng Khiết, Cao Văn Tuấn ; trường Nghệ An các cử nhân là bọn Đinh Xuân Tú, Đỗ Huy Tế, Phạm Thanh (sau đỗ phó bảng), Lê Duy Thanh, quyển văn đều có một liệt, đều giáng làm hạng tú tài ; trường Nghệ An, hạng tú tài Hoàng Nghĩa Phiền quyển văn thông đủ 3 kỳ được đổi làm hạng cử nhân. Quan trường vì lấy đồ không tinh, đều phải giáng phạt. Trước đó trường Nghệ An treo bảng, cử nhân Mai Thế Quý thú rằng : Ông nội là Mai Thế Đĩnh trước can án làm giặc, cha là Thế Chuẩn đỗ tú tài, mạo khai là hiệu sinh đời cố Lê, Thế Quý cũng theo khai như thế. Quan tỉnh tâu lên. Giao tỉnh xét xử : chiếu luật, phải tội lây, đều phải xử tội tử hình. Vua cho việc ấy đã nguời, gia ân cho Thế Chuẩn được đổi là tội phạt trưng, đi đày, vì phế tật được nộp tiền chuộc tội ; Thế Quý được đổi là tội trưng đồ tốt bực. (Thế Quý sau kêu xin vào thi, lại đỗ tiến sĩ).

Cho Thị lang Vũ khố Nguyễn Danh Giáp được đổi bổ Hữu thị lang bộ Hình ; Vũ Phạm Khải vẫn quyền Trục học sĩ viện Hàn lâm sung làm việc Nội các. Giao ấn quan phòng Vũ khố cho bọn Lang trung Tôn Thất Chính, Viên ngoại lang Lâm Nhật Hựu và Mai Đức Lệ hội đồng trông giữ làm việc.

Tuần phủ Biên Hoà là Hà Thúc Lương tâu rằng : “Tổng Bình Thổ huyện Bình An thuộc tỉnh hạt có 24 xã, thôn, ấp, số người và ruộng thì nhiều, địa thế rộng rãi, xin đem chia làm hai tổng Bình Lâm và Bình Thổ”. Vua y cho.

Lính Thượng thư bộ Hộ là Hà Duy Phiên vì việc bộ bỏ đong, dâng sớ xin chịu tội và xin ở lại nha làm việc. Vua quở rằng : “Ngày chẵn làm việc, đã có phép trước, việc gì phải xin nghỉ ? Huống chi việc ở bộ có chồng chất nhiều, sao không cố gắng trước, rồi phải nhắc nhở nghiêm sức thuộc ty làm ngay, hầu mong không phụ với chức vụ mới được. Nếu ham chơi như trước, thì phép nước rất nghiêm, tự có công nghị”.

Lập hai “bạn”⁽¹⁾ Yên Sơn và Mộng Sơn ở tỉnh Hà Tĩnh. Đội trưởng được cấp bằng ở đồn Quy Hợp là Nguyễn Nhạ chiêu dụ dân lưu tán 2 huyện Yên Sơn, Mộng Sơn trở về phận núi huyện Hương Sơn, lập ra hai bạn Yên Sơn và Mộng Sơn, đều thuộc về đồn Quy Hợp, hằng năm nộp tiền thuế mỗi người 2 tiền. Thương thụ Nguyễn Nhạ làm Đội trưởng, theo các viên ở đồn làm việc quan.

(1) *Bạn* : Hán văn viết là 伴 ; nay ta gọi là “bản”, một đơn vị hành chính, tương đương với “thôn” ở miền xuôi ngày nay.

Bắt đầu khai mỏ vàng Hội Hoan ở Lạng Sơn (hàng năm nộp 3 lượng vàng cát).

Sai quan có trách nhiệm làm ấn quan phòng “Khâm phái”, ấn quan phòng “khâm phái tra biện”, ấn quan phòng “Kinh phái hội biện” bằng ngà, mỗi thứ một quả (chiều dài 1 tấc 5 phân, chiều ngang 1 tấc 5 ly), phàm nhân viên sai đi, gặp các việc phải tâu, phải tư, đều được đem dùng.

Di chuyển xưởng thuyền Quảng Ngãi đến thôn Phú Thọ. (Thuộc huyện Chương Nghĩa, trước ở hai xã, thôn Xuân Quang, Phú Nhân) mở vào ruộng của dân, thì trả theo giá.

Quan tỉnh Sơn Tây là Nguyễn Đăng Giai dâng sớ tâu nói : “Ở bản tỉnh, theo lệ có phái hơn 300 biên binh chia đi đóng giữ ở hai tỉnh Hưng Hoá, Tuyên Quang, đều cứ 6 tháng một lần đổi. Năm Thiệu Trị thứ 3, biên binh đóng giữ ở tỉnh Tuyên, một năm một lần đổi ; vả lại hai tỉnh sự thể giống nhau, xin đều một năm một lần đổi”. Vua y cho.

Đổi sông Bảo Định ở Định Tường làm sông An Định (tránh tên cung).

Bắt đầu mở trường thi võ ở Kinh đô. Cho : Thái tử Thiếu bảo Hữu quân Đô thống phủ Đô thống, Tân Lộc tử Mai Công Ngôn sung làm Chủ khảo quyền Hữu tham tri bộ Binh Hoàng Tế Mỹ làm phó. Võ sinh các tỉnh về Kinh đi thi, không cứ là quân hay dân, đều liệu cấp cho tiền, gạo đi đường hàng ngày (đi đường 1 ngày, cho 2 tiền, 1 bát gạo, đi đường nửa ngày, cho 1 tiền, 1 bát gạo). Khoa này dự trúng 3 kỳ được 64 người ; đến khi vào phúc hạch, bắn súng điếu sang, phần nhiều không trúng cách. Quan trường đem việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng : “Phép thi cử võ, mang nặng, cầm côn, múa giáo, đâm bùy nhìn, còn dễ cố sức ; duy bắn súng được trúng đích mới thực khó. Kể ra, quân đội được huấn luyện sẵn, thi kỳ đầu, thi phúc hạch, hai đẳng khác nhau xa, truat đi là phải lắm. Duy ngạch dân dự trúng không mấy, nếu lại vì phép bắn chưa tinh mà một mực bỏ đi thì thực chưa phân biệt ! Vả lại, súng điếu sang nghiêm cấm, làng xóm đất hẹp, làm thế nào mà học tập được ? Vậy nên chức lượng lấy thêm để khuyến khích sĩ khí”. Bèn cho lấy đồ 51 người (Phạm Đức Sáng, Lê Uy, Trương Tín, Nguyễn Đào, Lê Kỳ, Nguyễn Mỹ, Trần Đò, Nguyễn Nghi, Nguyễn Hữu Lan, Trần Đình Điều, Trần Tuấn Tuyển, Hoàng Toàn, Nguyễn Khuê, Đỗ Ngọc, Nguyễn Diễm, Hồ Cường, Đỗ Lai, Đinh Hội, Trần Hạnh, Hồ Thận, Nguyễn Đoan, Hà Phúc Cẩm, Lê Tất Tự, Dương Cán, Phạm Lợi, Nguyễn Bá Thuận, Hoàng Lộc, Trần Đình Cẩm, Lê Nho, Phan Đình Đích, Dương Đình Du, Trần Đức Sĩ, Nguyễn Do, Phạm Nghiệm, Khuất Phú Hải, Trần Mai, Trần Xuân Khánh, Nguyễn Thạch, Nguyễn Thư, Trần Đình Tráng, Lê Văn, Vũ Ý, Trần Lục, Hoàng Văn Ninh, Thạch Cảnh Uy, Phan Hữu Liễm).

Huỷ bỏ đền thờ loạn thần nhà Lý là Trần Thủ Độ, quyền thần là Đỗ Anh Vũ.

Định thêm lệ dùng ấn vàng. Khoảng năm Minh Mệnh, lệ định : phạm lập nhà học, đặt khoa thi, triệu kẻ sĩ, câu lời nói thẳng đều dùng ấn “Khâm văn chi tử” ; chấn chỉnh việc quân, mở kỳ thi võ, nghiêm việc vũ bị đều dùng ấn “Duệ vũ chi tử” ; đến đây định thêm : phạm chọn phái hoàng thân đại thân coi việc làm sử sách cũng dùng ấn “Khâm văn chi tử”. Việc này được đặt thành lệ mãi.

Định Viễn công Bính được 50 tuổi thọ. Vua sai trung sứ mang phẩm vật thưởng cho (một hình người tiên sống lâu bằng trúc, một bộ đồ chơi bằng vàng ngọc, một bộ đồ chơi bằng hoa quả, một đôi bát đĩa trang sức bằng vàng, nắp bằng pha lê, 50 lạng bạc, 15 súc đoạn thêu, một bộ đồ chè vẽ vàng của nước ngoài, một bộ đồ uống rượu bằng pha lê của nước ngoài, một hòm chè tàu, một hòm rượu tây).

Cho : Phó vệ úy vệ Cẩm y là Trần Lục thăng quyền Vệ úy vệ Tả nhất dinh Vũ lâm ; Phó vệ úy vệ Tiên nhất dinh Vũ Lâm là Nguyễn Tiến Song điều bổ Phó vệ úy vệ Cẩm y, chuyên coi các đội Túc trực; Quản cơ cơ Quảng Nam là Tống Đề thăng quyền Phó vệ úy vệ Tiên nhị dinh Vũ lâm ; Phó vệ úy vệ Loan giá là Tôn Thất Lập thăng quyền Vệ úy vệ Hậu dinh Long võ ; Phó vệ úy vệ Trung nhị dinh Vũ lâm là Tôn Thất Năng điều bổ Phó vệ úy vệ Loan giá ; Quản cơ cơ Khánh Hoà là Vũ Lưu thăng quyền Phó vệ úy vệ Trung nhị dinh Vũ lâm ; Phó vệ úy vệ Nhị thuộc Hậu bảo là Phụng ân úy Nguyễn Yến thăng quyền Vệ úy vệ Hữu dinh Hồ oai ; quyền Phó vệ úy vệ Phi kỵ viện Thượng tứ là Hồ Đăng Tuấn điều quyền Phó vệ úy vệ Nhị thuộc Hậu bảo Hậu quân.

Án sát Quảng Ngãi là Đặng Kham, quyền Lãnh binh Đặng Thái có tội, phải cách chức. Man Quảng Ngãi cướp bắt dân Kinh, Đặng Thái không đến cứu viện, lại đòi trâu, vải của dân để chuộc ; dân trong hạt đến tỉnh tố cáo. Đặng Kham dàn xếp cho Thái. Thái nhân thế làm càn, đánh phạt dân. Dân trong hạt đem việc ấy vượt bậc kêu lên. Vua mới sai Hình khoa Cấp sự trung Giang Văn Hiến, Đại lý tự Viện ngoại lang Nguyễn Công Trứ đến tra xét, biết hết sự thực, đem việc ấy tâu lên. Vua quả rằng : “Hạt ấy là nơi quan yếu ở thượng du, có một dải lũy dài để ngăn ngừa, 27 lần binh trong 5 cơ để giữ, lại cho lãnh binh đóng luôn ở đấy để trông coi. Về cách phòng giữ ngoài biên, thực nghiêm ngặt và đã làm sớm lắm. Nay, đặt ra quân đóng đồn, là để giữ cho dân. Trách nhiệm quan địa phương là được giao phó đời sống của dân [sở tại] ngày thường, việc ngăn ngừa đã không nghiêm, để cho ác Man được nhân lúc sơ hở lên vào, đến khi chúng quấy rối cướp bóc dân ngoài biên, lại bắt dân đem trâu, vải xin chuộc. Thế là lấy của dân chuộc mạng cho dân ! Vậy mà quan quân hiện ở đấy vẫn làm thình, ngời nhìn, lại thông đồng kiêng nể, để cầu cái tiếng là yên ổn ! Cứ như việc làm ấy, thì còn dùng quân hèn kém và quan to như thế làm gì nữa ?”. Thái và Kham đều phải cách chức, giao cho Pháp ty nghị xử. Sau

án đã thành, Thái phải tội đồ, Kham phải cách chức, theo bộ làm việc để chuộc tội. Bớ chính Nguyễn Đức Hội vì ẩn giấu hòa theo cũng phải giáng, lưu.

Cho : Đại lý tự Viên ngoại lang Nguyễn Công Trứ tạm quyền Án sát Quảng Ngãi ; Vệ úy gia hàm Chương vệ tạm giữ chức Đề đốc ở Kinh thành là Nguyễn Văn Đức làm Lãnh binh ở Quảng Ngãi.

Sứ bộ sang nhà Thanh : Tả thị lang bộ Lễ là Trương Hào Hợp, Hồng lô Tự khanh Phạm Chi Hương, Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ Vương Hữu Quang đi việc công về. Khi Hào Hợp và Chi Hương đến Yên Kinh, vua Thanh ba lần cho triệu vào hầu, ban rượu cho uống, mọi người đều lấy làm vinh dự. Đến khi về, họ bắt nhiều dân phu ven đường khiêng mang đồ riêng. Việc phát giác. Vua giao bộ Hình nghị xử : Hào Hợp và Chi Hương đều phải cách, lưu, Hữu Quang phải giáng, lưu. Rồi điều bổ Hào Hợp làm Tả thị lang bộ Hộ, Chi Hương làm Lang trung bộ Hình, Hữu Quang làm Hình khoa Chương án Cấp sự trung.

Đặt đồn Tắc Suất ở An Giang, theo lời xin của quan tỉnh ấy. Nêu thưởng những người dân sống lâu 100 tuổi (Hà Tĩnh, Phú Yên, Định Tường, Quảng Nam, mỗi tỉnh 1 người).

Bớ chính Quảng Bình là Trương Đăng Đệ tâu rằng : “Hai huyện Bình Chính, Minh Chính và một tổng Cao Lao (thuộc huyện Bố Trạch) trong hạt, cách tỉnh hơi xa, xin đặt kho riêng ở phủ Quảng Trạch để phòng thu chi”. Vua giao bộ Hộ bàn. Bộ cho rằng huyện và một tổng ấy cách tỉnh chẳng qua 1 - 2 ngày đường, nếu đặt thêm kho để chứa, thì không khỏi phải phải lại dịch, biên binh coi giữ, thành thêm nhiều việc, xin theo như cũ, do tỉnh thu nộp. Vua nghe theo.

Quyển Bình khoa Chương án Cấp sự trung Nguyễn Hữu Thành tâu : “Đặt ra Hàn lâm viện, chức quan không phải là nhẹ. Cổ giả có đời gọi là “Ngọc đường”, có đời gọi là “Phượng trì”, thực là danh giá quý trọng, không phải quan khác có thể ví được. Từ trước đến giờ, người thi Hội dự trúng chánh bảng ⁽¹⁾ hay phó bảng, mới cho viện hàm ; mọi người không ai là không lấy làm vinh. Nếu những người viết chữ cũng yên nhiên được xưng quan hàm Hàn uyển, phàm người thi sát hạch viết chữ ngay ngắn cũng được bổ thụ cung phụng Hàn lâm viện, thì danh và thực thật chưa được xứng ! Vậy xin theo lệ ty Thừa biện ở Tồn nhân phủ, lập ra một ty, đặt chức danh riêng, phàm người xuất thân là viết chữ đều bổ sung vào ty ấy, theo viện chương làm việc quan. Còn từ đãi chiếu trở lên xin lấy người xuất thân khoa mục và giỏi văn học để sung bổ, ngõ hầu danh với thực cùng xứng mà đường ra làm quan mới được chỉnh đốn”.

(1) Chánh bảng : tức là đỗ đại khoa, từ tiến sĩ trở lên.

Vua quở rằng : “Đặt chức Hàn lâm đã có phép chế từ trước. Nay lại khinh suất xin đặt thêm, đặt quan hàm riêng, thực là vô lý, việc đó không nên bàn. Duy thuộc viện từ điển bạ trở xuống, trước đặt để sung làm việc, cũng nên phân biệt thiện ác. Nên đem bọn chúng sát hạch kỹ hơn : người làm được việc thì để lại, người hèn kém thì cách đuổi, không để phiếm lam lẫn lộn mới được.

Tháng 8. Cho quyền Lang trung bộ Hộ Tạ Kim Vực điều bổ quyền Án sát Nam Định. Nguyên Án sát Nam Định là Nguyễn Danh Dương trước cùng làm việc với Phan Bá Đạt, một mực hòa theo, bị phái viên Trương Văn Uyển hặc, Dương phải giải chức, giao để tra xét, nên nay mới cho Vực thay thế. Cho : quyền Lang trung Nội vụ Lê Di điều bổ quyền Lang trung bộ Hộ, Viên ngoại lang Mộc thương Hoàng Công Doãn thăng quyền Lang trung Nội vụ.

Bắt đầu đặt kiểm hiệu vệ Cẩm y, trật chánh lục phẩm. Tuỳ tài bổ thụ, không cứ số người.

Cho : các cử võ, người đỗ đầu là Phạm Đức Sáng được bổ làm Kiểm hiệu vệ Cẩm y ; Lê Uy được bổ Thị vệ hạng 5 ; Trương Tín, Nguyễn Đào, Lê Kỳ được bổ làm Thiên hộ vệ Cẩm y ; Túc vệ binh 20 người được sung làm hành tẩu xứ Thị vệ ; Thân cấm binh và binh dân các tỉnh 26 người được sung làm hành tẩu túc vệ. Tất cả đều được cấp bài sùng, áo nhung phục, để hoặc theo hầu ngự giá. Người được sung làm hành tẩu xứ thị vệ thì bậc ở dưới thị vệ bậc 5 ; người được sung làm hành tẩu túc vệ thì bậc ở dưới đội trưởng túc vệ, lại sai bọn thống quản thường huấn luyện thêm. Phạm người đã bổ chức quan đều được theo phẩm, chi lương. Còn các hành tẩu hàng tháng cấp cho mỗi người 2 quan tiền, 2 phương gạo. Võ sinh không trúng cách, cũng liệu cấp tiền, gạo đi đường hàng ngày cho về.

Vua dụ bộ Binh rằng : “Phép thi võ, nước ta từ trước vẫn chưa cử hành. Khoảng năm Minh Mệnh, chuẩn định chương trình đưa cho quân dân trong Kinh ngoài trấn, cho biết mà học tập. Năm ngoái đã được trăm sắc sai bộ châm chước nghị lại. Nay gặp năm khánh điển, đặc cách mở khoa thi võ ở kinh, đó là lần đầu tiên. Tờ chiếu ban xuống, nhân tài hạp tập cả lại, phấn khởi nức lòng, thực đáng khen ngợi. Có những người đỗ tân khoa đã được giáng dụ cấp bổ chức quan và sung chức hành tẩu thị vệ, túc vệ, cho được kịp kỳ làm việc. Nhân nghĩ : việc cần trị nước, cốt có văn võ, nay trong nước được thái bình, văn phong sôi nổi. Về phép thi văn, có thi Hương để cầu tìm được rộng, có thi Hội, thi Đình để kén chọn được kỹ. Trong khi giữ được nghiệp trước, cố nhiên phải thế. Còn như đặt ra thi võ, thực muốn văn võ cùng tiến hành cốt cho cân xứng, không nên làm một đằng, bỏ một đằng, tiến lệch về một mặt. Hương chi, thi võ, là việc lúc đầu, người tập còn ít. Năm nay cho mở khoa thi võ ở Kinh, thi võ sinh, thì võ sinh 31 trực tỉnh đều tụ hội cả ở Kinh sư, cũng như đi thi Hội. Nếu chiếu theo thi văn, cũng đặt các hạng thi Hương, thi Hội,

thi Đình, thì sự sắp đặt ấy, hình như chưa được hợp. Nay chuẩn định : thi võ, 3 năm một kỳ, đều theo lệ thi năm nay, phàm võ sinh các trực tỉnh đều đến Kinh đi thi, gọi là khoa thi võ ở Kinh ; còn thi Hương, thi Hội, thi Đình về võ tạm đợi sau này nhân tài ngày càng thịnh, số đi thi có nhiều, sẽ đem bàn dần cũng được. Lại, nay thi võ đã định làm khoa thi võ ở Kinh so với nghị của bộ, sự thể kỳ thi Hương về võ hơi khác. Các người được đỗ khoa này, trăm theo đó chăm chước liệu cho cát bổ, để sự khích lệ, tác thành được rõ ràng rộng rãi, chưa nên vin để làm lệ. Từ nay đến khoa sau, phàm các điều lệ nhất thiết phải làm, chuẩn cho tham chiếu phép thi Hương, thi Hội, lại đem bàn rồi tâu lên, để làm phép nhất định. Trong số được đỗ, nếu thực có người trội hơn cả bọn, được đỗ đầu, nên cho chuẩn chức gì, đến khi đó sẽ xin Chỉ làm theo. Còn người không xuất sắc lắm, chỉ là chung bảng liên tên, gián hoặc có người đã là đội trưởng, có người là cấp bằng ngoại uỷ, cũng có người là binh dân, nên chước lượng thế nào để bổ quan ? Phân phái làm chức hành tẩu, định lấy niên hạn chọn bổ, hơi có phân biệt. Những người đã trúng 3 kỳ mà phúc hạch không trúng cách và những người hai kỳ cùng trúng, có nên chước miễn tạp phái để giúp cho học tập đợi khoa thi ? Và đối với quân dân đã từng vào thi, các viên quan và quan địa phương nên làm thế nào để hồng chọn duyệt kiểm thúc, khiến cho họ không dám phóng túng, được thành tài cả, để phòng khi cần đến ? Tất cả đều bàn kỹ tâu lên, đợi trăm quyết định, sẽ theo làm mãi”.

Sau đó, các quan ở bộ hội bàn, cho rằng khoa cử để chọn nhân tài, cốt được dùng người giỏi ; triều đình đặt ra phép, phải xét đến việc thi hành. Nhà vua sửa sang quy mô trị bình, giảng minh việc võ. Về phép thi võ, đã sắc cho *bộ tôi* chăm chước bàn định điều lệ thi Hương, thi Hội, thi Đình chuẩn định thi hành ; lại nhân gặp năm khánh điển, đặc cách chuẩn cho mở khoa thi võ ở Kinh, tiến cử người hiền lương, thực là thịnh điển đào tạo nhân tài của đời thịnh trị. Duy việc thuộc lúc bắt đầu, luyện tập còn ít. Các kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình về võ, chưa nên mở ra vội. Nay chuẩn định 3 năm một lần thi, gọi là khoa thi võ ở Kinh, hội võ sinh 31 tỉnh mà thi ở Kinh sư, xem ra cùng với nghị trước của *bộ tôi* về thi Hương võ, sự thể hơi khác ; trong đó không phải không có chỗ, nên cho định lại. Và như tuyển bổ chức quan, trước miễn niên hạn, cùng là cái phép ngày thường chọn duyệt kiểm thúc, chưa được bàn đến, nên lại đem chước nghị, để làm phép noi theo lâu dài. Nay bọn thần tham khảo phép thi trường văn và điều lệ thi võ của điển lệ nhà Thanh, phàm nghị trước đã thoả đáng, xin chiếu theo như thế mà làm. Còn các điều nên đem định lại, xin kê cẩn thận tâu lên. Vua y theo nghị ấy.

(- Nghị trước, phép thi 3 kỳ, kỳ thứ nhất thi mang nặng (cử tạ), nay nghị định thêm mang cả 2 tay đi được ngoài 30 trọng, mang 1 tay đi được ngoài 60 trọng là hạng ưu ; mang cả 2 tay đi được ngoài 20 trọng, mang 1 tay đi được ngoài 40

trượng là hạng bình ; mang cả 2 tay đi được ngoài 15 trượng, mang 1 tay đi được ngoài 30 trượng là hạng thứ, không được như thế là hạng liệt. Kỳ thứ 2, thi côn, giáo ; nay định thi côn, cốt lấy phép bài hơn kém làm thứ bậc. Về phép bài, do các viên chuông lĩnh hội đồng với các viên quân quân túc vệ am hiểu nghề côn, chọn ra các bài từ trước đến giờ cùng truyền tập chung, do bộ duyệt kỹ định làm phép thi ; đến kỳ thi, chiếu theo nghị trước, dùng côn sắt nặng 30 cân, cốt phải múa luôn nhanh nhẹn, đúng phép cả 10 phần, không cứ số trượng nhiều hay ít, múa được 3 bài là hạng ưu, hai bài là hạng bình, 1 bài là hạng thứ, không được như thế là hạng liệt. Phép thi giáo, vẫn theo nghị trước, nhưng đâm bù nhìn chỉ lấy mắt sáng, tay nhanh là hơn, cốt lúc hướng vào bù nhìn phải đâm ngay, được trúng mới là trúng cách, nếu hoặc nhìn kỹ quá mà đâm hơi chậm, tuy trúng cũng là hạng liệt ; kỳ thứ 3 thi bắn súng, chỉ lấy số trúng hay lạc, tính trừ chước định, chưa được chu đáo lắm ; nay định bắn 6 phát súng, 4 hay 5 phát trúng vòng tròn là hạng ưu, 2 hay 3 phát trúng vòng tròn là hạng bình, 1 phát trúng vòng tròn là hạng thứ. Mỗi một phát trúng đích, tính chiết làm 2 phát trúng vòng tròn, tính chiết định hạng, còn thì cũng phải đều vào chòi bắn (bia), gián hoặc có 1 phát lạc ra ngoài chòi bắn, phải nên tính chiết suốt cả, đem 1 phát trúng đích hoặc 2 phát trúng vòng tròn, tính trừ 1 phát lạc ra ngoài chòi bắn, còn thừa số trúng được 5 phát trúng vòng tròn, mới được dự vào hạng thứ ; nếu tính trừ chỉ thừa 3 phát trúng vòng tròn, cùng là ra ngoài chòi bắn đến 2 phát, thì cùng trúng đích trúng vòng tròn 3 - 4 phát cũng theo hạng liệt.

- Nghị trước, phép thi phúc hạch, chiếu đem phép thi 3 kỳ theo ngày vào thi phúc hạch, hình như là quá nặng. Nay định : từ nay, phạm thi phúc hạch, chỉ phải một ngày, thi bắn súng 3 phát, trừ người nào đã không trúng đích, trúng vòng tròn mà ra ngoài chòi bắn 1 phát trở lên, phải nên đánh hồng ra, còn thì phạm người dự có 1 - 2 phát hoặc trúng đích, hoặc trúng vòng tròn, cùng là tuy không trúng đích, trúng vòng tròn mà 3 phát cùng vào chòi bắn, và gián hoặc có người 1 phát ra ngoài chòi bắn mà trúng đích hoặc trúng vòng tròn đủ để khấu trừ, đều cho dự vào trúng cách ; trong đó người nào gián hoặc có từng đọc các sách *Vũ kinh*, hoặc 18 ban binh khí, có tài giỏi riêng, tình nguyện trình thi, quan chánh phó chủ khảo xét thực, được kể rõ trong danh sách thi tâu lên chờ Chỉ hậu thưởng.

- Về phép tuyển bổ, từ nay phạm dự trúng kỳ thi võ, trừ những người đứng đầu bảng, tên ở thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, nếu thực có tài vượt hẳn trong bọn, nên cho phẩm chức, đến khi ấy xin Chỉ mà làm theo, còn thì phạm người nguyên trước là biên binh túc vệ được trúng cách, thì sung làm hành tẩu xứ Thị vệ ; người nguyên trước là thân cấm binh và binh dân các trực tỉnh được trúng cách, thì sung làm hành tẩu túc vệ, nhưng đều chiếu cấp lương bổng, do các viên thống quản thường cho diễn tập thêm 1 năm, đủ hạn đều do bộ Binh làm bản tâu lên, xin giao đình thần

tuyển bổ. Về phép tuyển, lấy múa côn gỗ, bắn súng để so sánh một tao, chúc định thứ bậc tâu lên, người trúng tuyển thì do bộ Binh chiếu bổ. Người nào đã là đội trưởng thì nhắc bổ thực thụ đội trưởng suất đội, người nào là cấp bằng ngoại uỷ thì nhắc bổ đội trưởng, quyền chánh đội trưởng suất đội, là binh dân thì nhắc bổ đội trưởng, thí sai chánh đội trưởng suất đội ; còn những người nào kỹ thuật cũng rất am hiểu, không dự trúng tuyển thì cho đình lại 1 năm, vẫn chúc hành tẩu ở chỗ cũ ; đội đủ hạn nếu số hành tẩu hiện tại có nhiều, vẫn do đình thân chiếu lệ chọn tuyển, nếu hiện số chỉ 10 người trở xuống thì do bộ Binh sát hạch tâu lên, xin chiếu chỗ khuyết liệu bổ để được giản tiện.

- Việc thi võ xong, bộ Binh chiếu theo danh sách, chuyển giao cho các thượng ty chúc miễn tạp phái sai dịch. Không cứ ngạch quân, ngạch dân, phạm người dự trúng 3 kỳ mà phúc hạch không trúng cách, được miễn 3 năm ; người trúng 2 kỳ được miễn 2 năm, tất cả công việc tạp phái được miễn trừ để giúp cho sự học tập. Những người ở ngạch quân trong Kinh hay ngoài trấn, khi có bày hàng châu hầu hoặc bất kỳ sai phái đi bất giác, vẫn đều chiếu lệ thường phái ra, không được chúc miễn.

- Phạm võ sinh người nào kỳ thứ nhất mà bị xếp hạng liệt thì không được vào kỳ thứ hai, hoặc kỳ thứ hai mà bị xếp hạng thì không được vào kỳ thứ ba, để trường quy được nghiêm.

- Các người dự trúng kỳ thi võ, không cứ quê nhà xa hay gần, đều do bộ Binh cấp giấy cho nghỉ 1 tháng, ở quê nhà nghỉ ngơi ; hết hạn đều do quan địa phương sở tại cấp dẫn đến kinh, lại ứng chực ở bộ Binh, lượng chiếu phân phái làm hành tẩu.

- Võ sinh đã được vào thi, thuộc về ngạch quân thì do viên quản mỗi tháng 1 lần, thuộc về ngạch dân thì do thượng ty 2 tháng một lần, đều cho đến trường diễn tập, chiếu theo phép thi 3 kỳ sát hạch để xem học nghiệp tiến hay không : người tiến thì ghi tên để khuyến khích, người không tiến thì phạt roi để răn chừa ; lại nhân đó mà hiểu bảo nghĩa lý, để cho biết yên phận, giữ phép, đều tự đốc lòng cố gắng để đội khoa thi. Nếu có tên nào lười biếng bỏ hạch và nét cũ bất chính, phóng túng làm càn, thì cho quản suất và tổng lý sở tại tùy việc mà hạch, quan thượng ty chiếu theo nhẹ nặng quở phạt. Nếu không biết đến, hoặc theo ý mình tha cho, khi bị người khác phát giác, thì ngoài phạm nhân bị trị tội theo luật rồi, quản suất, tổng lý cũng đều bị chiếu theo nhẹ nặng xử tội để ngăn ngừa được nghiêm).

Vua thân hành làm thơ cầm kỳ thư hoạ, ban bảo quản thân rằng : đánh đàn, đánh cờ, viết và vẽ, đều là tài nghệ, trăm cho là bốn tài ; thói đời gọi là “cầm, kỳ, thi, hoạ” là không đúng.

Sai Quản vệ vệ Loan giá là Tôn Thất Hàn chọn tuyển 2 vệ Nhất, Nhị đình Kỳ võ bổ vào 2 đội Nhất, Nhị ty Loan nghi.

Vua bảo quan đại thần viện Cơ mật là bọn Trương Đăng Quế rằng : “Trước đây, Tổng đốc Sơn Tây là Nguyễn Đăng Giai nổi văn hoá đầu bài kỳ thứ hai trường Hương ở Thừa Thiên, lời văn xem ra cũng khá, trăm đã phê và cho kim tiền, đồ dùng văn phòng, mỗi thứ một chút ; nên đem thơ làm để hoạ cho các quan đại thần tuyên đọc cùng nghe.

Phó lãnh binh Bắc Ninh là Trần Đăng Phó chết.

Cho : Chương vệ Nhất vệ Hữu dinh quân Thủy sư ở Kinh kỳ là Nguyễn Doãn thăng quyền Đề đốc ở Kinh thành kiêm làm công việc phủ Thừa Thiên; Lãnh binh Thanh Hoá là Nguyễn Nghĩa Thịnh thăng quyền Chương vệ vệ Nhất dinh Hữu quan Thủy sư ở Kinh kỳ, kiêm trông coi các vệ Nhất, Nhị, Tam, Tứ, Ngũ ; Vệ úy, Phó Lãnh binh Thanh Hoá là Tôn Thất Đắc bổ thụ Lãnh binh Thanh Hoá, Phó lãnh binh Thái Nguyên là Nguyễn Đình Phúc điều bổ Phó lãnh binh ở Thanh Hoá ; Phó vệ úy vệ Túc vũ dinh Hồ oai là Hồ Biểu thăng quyền Phó lãnh binh Thái Nguyên ; Quân cơ cơ Tiền chấn là Hoàng Tuấn thăng quyền Vệ úy vệ Túc vũ, dinh Hồ oai ; Vệ úy vệ Kiện vũ, dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Tam điều bổ Phó lãnh binh quan Bắc Ninh ; Thành thủ úy sung Hiệp quản vệ Minh vũ là Nguyễn Học thăng thụ Phó vệ úy vệ Minh vũ.

Ngày Mậu Ngọ. Vua đến đàn Xã Tắc làm lễ Thu tế. Trước đây, tiết đại khánh, làm lễ xong, vua dụ rằng : “Năm nay trăm được tứ tuần chính thọ, phúc đức to lớn lâu dài, truy nghĩ đức trước, được nhờ xiết bao ! Đến kỳ Thu tế, trăm thân đến đàn Xã Tắc, miếu đế vương các đời và Văn miếu làm lễ, có các việc phải làm, quan bộ Lễ chiếu ngày nghỉ soạn nghi tiết, tâu lên chờ Chi”. Rồi bộ tâu lên, chiếu theo lệ năm Thiệu Trị thứ 3. Vua theo nghị ấy. Đến đây thi hành.

Quyền Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Tổng đốc Hà Nội - Ninh Bình là Tôn Thất Lương chết, vua tiếc lắm, dụ rằng : “Lương kịp thờ Hoàng khảo ta, Thánh tổ Nhân hoàng đế đã lâu năm, trị dân, làm việc, giữ mực thanh cần ; gần đây nhận chức trọng trấn, làm hết tâm lực, rất có công lao. Chuẩn cho thực thụ Hiệp biện Đại học sĩ, chiếu phẩm cấp tước, cho thêm 5 cây gấm Trung Quốc, 10 tấm lụa, 30 tấm vải, 1.000 quan tiền, sai quyền Bố chính Phan Tĩnh đến tế 1 tuần, rồi cất 50 người phu trạm lần lượt đi đường đưa về nhà ở Kinh ; đến ngày an táng, sai quan đến tế 1 tuần đợi sau theo hàng thờ ở đền Hiền Lương, ghi vào tự điển.

Cho Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lễ là Đặng Văn Thiêm gia hàm Thái tử Thiếu bảo, lĩnh Tổng đốc Hà Nội - Ninh Bình ; Tham tri bộ Lễ là Lý Văn Phúc, Thị lang là bọn Tôn Thất Tĩnh, Nguyễn Hường hội đồng tạm giữ ấn triện bộ Lễ.

Quan tỉnh An Giang nghĩ rằng số quân tỉnh ấy có ít, xin cho 500 biên binh đóng trước được ở lại, đóng như cũ, đợi năm sau, theo lệ, thay đổi. Vua y cho.

Quan tỉnh Gia Định cũng vì thấy số quân có ít, xin cho 1.024 biên binh đóng ở An Giang trước được ở lại chỗ đóng, đợi đến kỳ đổi, sẽ lại cho thay đổi. Vua không chuẩn y, sai liệu trích 500 người cho phái đổi trước, còn thì lần lượt phái đi đổi dần, để sự khó nhọc nhàn rồi được đều.

Vua thấy rằng thời tiết đã sang mùa thu, các hải phận đều được yên ổn, cho các hạm quân thuyền ở Kinh đã đi lại tuần tiểu phận biển từ Thừa Thiên trở vào đến Bình Thuận, trở ra Bắc đến Quảng Yên đều triệt về cả, rồi do quân đóng đồn các hạt sở tại theo phận biển đi lại tra xét, đánh dẹp để giặc biển được yên. Lại thưởng cho các quan quân kỷ lục 2 tiền có từng bạc.

Ngày Quý Hợi. Vua đến miếu đế vương các đời làm lễ Thu tế.

Các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh, Nam Định, Hải Dương, Hà Nội, Hưng Yên không mưa ; tỉnh Cao Bằng có sâu cắn lúa. Vua cho làm lễ đảo vũ và trừ sâu.

Thêm điều cấm về làm bạc giả. Dụ rằng : “Vàng bạc là của quý thông dụng, quan hệ đến tiêu dùng của dân. Từ trước đến giờ, bọn càn bậy theo đó làm giả mạo : hoặc có thứ trong làm bằng đồng mà ngoài mạ bạc, hoặc có thứ ngoài bằng bạc mà trong dùi lỗ rót chì vào, đủ các mối tệ ! Năm ngoái đã chuẩn y nghị của bộ, định lại phép mới về bạc, lại thêm nghiêm điều cấm, vì muốn ngăn sự gian, trừ mối tệ và làm cho của dân được nhiều. Gần đây tên thợ bạc ở Hà Tiên là Lê Văn Cơ đúc lại bạc công, dám đem chất đồng pha lẫn, đã có Chỉ xử tội phải thắt cổ, nhưng giam chờ Chỉ. Nhân đó nghĩ rằng pháp luật để răn sự gian, cố nhiên là phép thường của Nhà nước nhưng không dạy mà giết, đâu phải là bản tâm người nhân. Vả lại, nay đúc lại bạc giả, là việc lần đầu, hiện nay các tỉnh đương bắt đầu làm, không thể không dụ lại cho rõ ràng. Nay sai sứ khắp cho nhân dân và bọn thợ trong hạt : Từ nay, phạm đúc ra bạc đĩnh, bạc nén, nếu kẻ nào dám đem đồng, chì pha lẫn thì không cứ tang số nhiều hay ít, tất đem ngay kẻ phạm xử tội tử hình. Lời dụ ban ra, pháp luật theo đấy, chớ bảo là không răn bảo trước”.

Ngày Đinh Mão. Vua đến Văn miếu làm lễ Thu tế.

Bỏ bớt quân canh giữ đồn An Lạc tỉnh An Giang.

Quyển Tả tham tri bộ Binh là Nguyễn Đức Chính được điệu bổ Hữu tham tri bộ Lại. Hữu tham tri bộ Công là Nguyễn Văn Điển do bản chức làm công việc Thủy sư ở Kinh kỳ, vì có Tả tham tri bộ Lại làm công việc Thủy sư ở Kinh kỳ là Nguyễn Đức Hoạt có tang phải về quê.

Dụ rõ về việc bắn súng. Vua dụ rằng : “Gần đây, ở Quảng Trị, Gia Định diễn tập voi trận, quân pháo thủ đều nhờ bắn chết người, đều đã lượng tình định tội. Nhân nghĩ : việc dùng súng rất là quan trọng, khi có sơ hở, dễ đến chết người ! Từ

nay, hễ đến kỳ diễn tập voi trận, quan thượng ty sở tại cần chuyển sức cho các quản suất, phải thân tự kiểm điểm cốt cho đúng phép, không được chuyên uỷ quân pháo thủ tuỳ ý bán ra. Nếu có lỗi lầm như thế, trừ kẻ phạm phải trị tội nặng, quản suất phải chiếu lệ xử phân ra, các thượng ty không biết sức rõ, cũng khó chối tội lỗi. Vậy thông dụ cho biết”.

Hoãn kỳ tuyển duyệt ⁽¹⁾ ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Vua dụ rằng : “Hai hạt này năm ngoái, chính đến kỳ tuyển duyệt, nhưng vì vừa sau nạn bão lụt, nhân dân lại còn bị nhiễm lệ khí, nguồn sống chưa được đầy đủ, nên nhiều lần đã cho triển hạn lại. Cuối mùa xuân năm nay, nhân gặp lúc giáp hạt, giá gạo hơi cao (Nhà nước đã lấy thóc), vừa bán ra, vừa cho vay ; lại gặp khi gió mưa quá độ, thì đã chần cấp cho nhiều. Về thóc thuế phải nộp, lại cho được chiết nạm ; số lĩnh vay trước cũng cho lùi hạn đem nộp. Phàm những kế để giúp cho dân địa phương ấy, không cái gì là không chu đáo. Nhiều lần ban ơn, tưởng đã đều được nghỉ ngơi sinh sống. Lại nghe nói hiện nay tình hình vẫn còn quẫn bách, nếu theo kỳ tuyển duyệt thì đi lại chờ chực, không khỏi phiền nhọc. Vậy nên phải liệu chữa ngay, cho để cứu sống dân. Nay gia ơn lại cho lùi hạn đến năm sau, tuyển chung làm một, để cho đều được lợi lạc. Đó là do lòng trăm yêu dân, không biết thế nào cho cùng. Các người là quan 2 tỉnh ấy đều có trách nhiệm địa phương, cần phải thể theo ý tốt, vỗ về dân địa phương, cốt cho mọi nhà cùng yên, ngày được đông đúc ; đến kỳ tuyển duyệt, theo sự thực đã cung, điển vào, mới là không phụ lòng giao phó của trăm. Nên kính cẩn tuân theo !”.

Ấm thụ Tôn Thất Lộc làm Chủ sự. Lộc trước làm Tri huyện Hà Đông, có tội phải giáng, điều đi nơi khác. Vua nghĩ cha Lộc là Nghị có nhiều công lao, cho nên đặc cách gia ơn.

Đặt chức huấn đạo huyện Tuy Hoà tỉnh Phú Yên. Huyện Tuy Hoà trước thuộc phủ Tuy Yên kiêm lĩnh, đặt riêng 1 viên giáo thụ ; năm Minh Mệnh thứ 18, lập riêng huyện lỵ Tuy Hoà, đặt viên tri huyện. Đến đây quan tỉnh ấy dâng sớ, tâu rằng : “Học trò hạt huyện ấy, theo học khá nhiều, xin đặt một viên huấn đạo”. Vua y cho.

Sai dinh Vũ lâm, dinh Long võ mỗi dinh một vệ đóng ở Gia Định ; vệ Hữu dinh Hồ oai đóng ở Vĩnh Long ; vệ Hữu bảo nhất đóng ở Định Tường.

Sai quan có trách nhiệm làm 7 sở dinh thự ở trong Kinh thành (ở 2 phường Vinh An, Thận Cần) để ban cho hoàng tử, hoàng đệ các tước công và các trưởng công chúa.

Bộ Hộ kính tuân ân chiếu, kê khai số tiền thóc đọng thiếu và cho vay ở các địa phương ; và số bạc tiền còn thiếu về thuộc hộ, khách hộ của người Thanh Minh

(1) *Tuyển duyệt* : duyệt binh và tuyển lính.

Hương, của dân Man, và của dân Thổ. Phàm trước từng điều háo và người chọt bị tai nạn thì tha cho cả ; còn thì đều được khoan miễn 5 thành, phải nộp 5 thành.

Dồn biên binh 6 đội Thường trực vệ Cẩm y làm 6 đội Trường trực.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LXI

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Bính Ngọ, Thiệu Trị năm thứ 6 [1846], mùa thu, tháng 9. Lúa ở Quảng Nam được mùa to.

Cho Thành thủ pháo đài Hải Phòng là Tôn Thất Tường thăng quyền Phó vệ úy vệ Hữu dinh Thân cơ.

Ngày Tân Ty, ở Kinh sư gió to, mưa lớn, nước lụt dâng cao. Vua đem mật đảo ở trong cung, thân làm dụ văn, sai Tả phó đô ngự sử viện Đô sát là Phạm Thế Hiển mang đến miếu Đô thành hoàng tuyên đọc kính đảo. Một lát sau, gió mưa tạnh cả. Phát ngay hương, lụa của kho, tạ lễ. Thưởng cho Thế Hiển được gia 1 cấp và 1 đồng kim tiền. Lại cho rằng miếu Đô thành hoàng linh ứng đã lâu, bèn sai bộ Lễ, bộ Công hội kiểm miếu sở, sửa sang thêm, để đền đáp phúc thần. Ngày hôm ấy, ở Quảng Trị cũng vì mưa gió to quá, nhà của dân bị đổ. Tin báo lên, vua sai khám rõ và chẩn cấp cho dân.

Cho Quang lộc Tự khanh sung Toàn tu Sử quán Phạm Hữu Nghi làm Chủ khảo trường thi Gia Định ; Án sát Phú Yên Nguyễn Hữu Cơ làm Phó chủ khảo. Theo ngạch cũ, lấy đỗ cử nhân 16 người ; khoa này số sĩ tử nhiều hơn, cho lấy thêm 4 người. Quan trường theo như số, lấy đỗ 20 người (Nguyễn Xuân Ý, Lê Văn Loan, Nguyễn Nho Lâm, Phan Văn Uyển, Phùng Tường Văn, Phạm Đăng Xuân, Hoàng Hữu Quang, Trần Văn Chất, Nguyễn Văn Chính, Nguyễn Lương Ngạn, Phạm Hữu Chính,

Lâm Tự, Nguyễn Thế Bính, Nguyễn Tống Minh, Phan Văn Nghi, Đặng Văn Chương, Lê Văn Chất, Nguyễn Văn Khánh, Hồ Quang Cơ, Nguyễn Thành Hiến). Danh sách dâng lên, 3 nha hội đồng kiểm duyệt, xét ra Phan Văn Nghi viết sai đầu bài thơ, giáng xuống hạng tú tài. Quan trường vì chọn lấy không tinh, phải phạt. Lại có Lê Văn Chất ẩn việc cha hấn can án làm giặc, không đem khai thực, việc phát giác phải tội đồ, suốt đời không được đi thi.

Cho : Lang trung ty Tân hưng bộ Lễ là Lê Kinh Tế điều bổ Lang trung ty Điển nghi ; Thị giảng học sĩ Hàn lâm viện sung Biên tu Sử quán là Phan Huy Vịnh thăng bổ Lang trung ty Tân hưng.

Cho : quyền Tả tham tri bộ Công là Trương Quốc Dụng, Hữu thị lang bộ Binh là Nguyễn Quốc Hoan sát hạch tú tài các khoa từ 40 tuổi trở lên ở trường thi Thừa Thiên, lấy 3 người hạng ưu, 32 người hạng bình, phái làm hành tẩu ở Lục bộ, hằng tháng cấp 2 quan tiền, 1 phương gạo.

Sai các cử võ là bọn Nguyễn Toán, Trần Đò 10 người đến quân thứ Trấn Tây, lệ thuộc các quan đại thần tùy tiện sai phái, cấp cho lộ phí mỗi người 10 quan tiền ; ngày đến quân thứ, mỗi người hằng tháng được cấp 3 quan tiền, 3 phương gạo.

Tiết Trùng cửu. Ban yến cho hoàng thân, đình thần văn võ, ấn quan tứ phẩm trở lên ở điện Cấn Chính và hai bên hành lang. Trước đây, quan có trách nhiệm chiếu lệ làm cờ nhỏ viết chữ “cát tường” vàng, có thuộc viên viện Hàn lâm là Lưu Đình Tăng viết ngược hai chữ “cát tường”. Vua ghét, phạt Tăng 80 trượng.

Đầu mục nước Xiêm là Chất Tri sai người đến quân thứ Trấn Tây hỏi về việc khu xử với phiên lieu. Bọn Vũ Văn Giải đáp lại rằng : “Chị em Ngọc Vân là con phiên vương Chấn đã chết, nhờ ơn triều đình vun trồng đã lâu, cha con Nặc Ong Bướm dâng lòng thành theo về, kể đã lâu năm, nay Nặc Ong Giun nếu biết dâng biểu nhận tội, dâng lễ cống, may nhờ Thiên hoàng đế ban ơn cho được chiếu lệ quản trị dân Man, thì Ngọc Vân, Nặc Ong Bướm cũng đều liệu đất cho ở. Còn như thuộc quan, phiên lieu và các thổ mục ở Ô Đông vốn là một bọn, không phải vội hỏi làm gì”. Sứ giả về, các đại thần ở quân thứ lại cho người hỏi lại, Chất Tri mới lại cho người đến quân thứ xin lùi hạn đến tháng 11, giao nộp người Kinh bị bắt, và sai người đến Kinh dâng biểu xưng làm tội, nộp lễ cống ; lại xin cho các cháu Nặc Ong Giun được một nhà đoàn tụ, phiên thổ được theo làm việc một cửa. Bọn Giải cho rằng tình và lời kính thuận, dâng sớ tâu lên xin chiếu Chỉ.

Vua xem tập tâu, dụ rằng : “Xem một tập tâu, đã được biết cả. Và lại, ở quân thứ từ trước tháng 5, phái người đến Ô Đông trách hỏi đầu mục của giặc là Chất Tri về khoản bắt người, nhiều lần cứ chứng cho người sang nói, tình và lời tuy là kính thuận, nhưng một chữ “hoà” chưa thấy thành nghị kéo dài đến nay, đã hơn 3 tháng !

Nay lại hẹn 3 tháng mới đưa trả dân Kinh bị bắt gấn đây, tinh đốt ngón tay, theo kỳ hẹn thì đã đến tháng 11 thuộc tiết mùa đông, quanh co kéo dài ngày như thế, chúng thực hay dối, vẫn chưa thể biết ! Và lại, vợ con tên Giun, không đáng cho là khinh trọng, trước đã sắc cho bộ tư đi quân thứ tùy tiện liệu xử, nếu đến thời tiết ấy, chúng nếu sinh lòng giáo giở, có yêu cầu khác, thì cách đối xử của quân thứ đã có kế định sẵn chưa ? Và lại, ứng biến tuy là tùy cơ, nhưng tính việc cần phải chu đáo, không nên để chúng đánh lừa, kéo dài năm tháng, để quân ta phải đóng lâu. Nên cần thận bàn tính cho được việc, phải xứng đáng với trọng trách ở ngoài biên mới được”.

Vua lại dụ rằng : “Kỳ tháng 11, về phía chúng, thì chiều gió và dòng nước đều thuận lợi, nhưng về phía ta thì tiến lấy hơi khó. Ví phỏng chúng cố ý chậm trễ để làm cái chỗ lúc khác trái ước sinh sự, bọn người có tội cho là kính thuận được không ? Huống chi chúng trước đã xin cho mẹ Nặc Ong Giun, gấn đây lại xin cho vợ con hẳn, đều được như ý muốn cả ; nay lại nói xin cho các cháu được đoàn tụ. Biết đâu đến tháng 11, chúng không lấy cớ đó lại yêu cầu ta chăng ? Kìa liệu đất chia phong, hiện nay chính là việc quan trọng lắm. Nếu các việc đều nghe theo lời xin, thì phạm công việc xếp đặt đều là do Chất Tri làm cả, các quan đại thần chỉ là người đứng xem ở ngoài cuộc, tùy người sai khiến, há chẳng uổng phí công sức từ trước đến giờ ư ? Và lại, Ngọc Vân, Nặc Ong Bướm đã nhận chức quan của triều đình, và các thổ mục cũng nhiều người hưởng nghĩa, hàng phục, nay không sớm để ý đến, sau này bọn chúng tự cùng nghi kỵ, sinh sự ra thì không khỏi không phiền một phen xử trí, biết bao giờ cho xong việc được ! Cần phải ngăn ngừa trước khi xảy việc, cốt nén được lòng chúng, nắm được mạng chúng, cuộc hoà lâu bền, cuộc đánh tất được, mới là kế hoàn toàn. Chớ nên chỉ nghe lời ngọt của chúng, mờ ám mưu xa của ta. Nên tính toán cẩn thận !”.

Sai các tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Định Tường, Gia Định và Biên Hoà sửa chữa các thuyền đi sông biển và thuyền đã tước được của giặc, để phòng cần đến. Các đại thần ở quân thứ là bọn Vũ Văn Giải cho rằng thuyền bè rất quan hệ đến đồ dùng việc quân. Việc dẹp giặc lâu năm phần nhiều bắt thuyền các tỉnh, đôi khi có thuyền bị thủng không thể cho chạy được, nhiều lần đã tư giao cho tiếp tục chữa lại, nhưng xét ra hoặc có thuyền thì thủng phải đem về, hoặc có thuyền nhận ngôi chưa được bao lâu, liền bị nước chảy vào. Đó cũng do lúc bấy giờ làm gấp, vật liệu có khi không đủ, mà công trình chữa thuyền cũng là qua loa nên mới đến nỗi thế ! Việc ấy được đem tâu lên.

Vua dụ rằng : “Việc quan hệ đến đồ dùng của quân, há nên qua loa như thế !” Bèn sai quan các tỉnh ấy phải sửa chữa gấp, cốt phải bền kỹ cả 10 phần. Nếu quân thứ bất thần trung dụng, phải giải giao ngay cho đủ, nếu sơ suất như trước, hoặc đến

hông việc thì cứ bắt tội quan ở tỉnh ấy. Còn các thuyền đã thu được của giặc, thuyền nào nên sửa chữa, do bộ Công chiếu đó làm việc.

Quân thứ lại cho rằng hiện nay chính là thời tiết mùa đông, mà một dải sông Vĩnh Tế cũng là chỗ quan yếu, việc ngăn giữ cố nhiên không thể sơ hở được. Xin chọn để Phó lãnh binh Nguyễn Công Nhân ở lại đồn sở sông ấy, để nhờ tay thao đàn áp nghiêm trị. Vua y cho.

Bắc Kỳ tâu báo đê sông yên ổn.

Cho Hồ Văn Yểm, con Tân Thái tử Hồ Văn Khuê đã chết, được nối phong Tân Thái nam. Văn Khuê, khi Nam Kỳ có việc, nhiều lần đã lập chiến công, bỏ mình vì nước, nên có mệnh lệnh này.

Cho : quyền Đề đốc Kinh thành kiêm làm công việc phủ Thừa Thiên là Nguyễn Doãn diệu bổ quyền Thống chế dinh Kỳ võ ; Chương vệ vệ Hữu dinh Nhất, quân Thủy sư ở Kinh kỳ là Nguyễn Nghĩa Thịnh vẫn quyền Chương vệ, tạm giữ chức Đề đốc ở Kinh thành, kiêm làm công việc phủ Thừa Thiên ; Vệ úy vệ Long thuyền là Phạm Xích thăng quyền Chương vệ vệ Hữu dinh Nhất quân Thủy sư, kiêm trông coi các vệ Nhị Tam, Tứ, Ngũ và vệ Long thuyền ; quyền Vệ úy vệ Tả, dinh Nhất là Lê Chư diệu bổ quyền Vệ úy vệ Long thuyền.

Đồng tri phủ phân phủ Hà Trung là Vũ Duy Hàn dâng cái nghiên cổ, được thưởng 5 lạng bạc, 1 đồng kim tiền. Cái nghiên là của nhà dân trong hạt là Lương Huy Kiên đã chết, Hàn mượn lấy đem dâng, quan Ngự sử Nguyễn Hữu Độ tâu là giả trá. Giao quan tỉnh Thanh điều tra rõ, biết được sự thực. Vua cho là Hàn lòng tham đen tối, cướp điều tốt của người, cầu riêng ơn huệ, bèn sai cách chức ngay, nghiêm truy đồ thưởng chuyển cấp cho Kiên và thưởng thêm cho Kiên 5 lạng bạc.

Bắt đầu đặt hai tấn thủ Đại Giang (thuộc huyện Kiên Giang trước gọi là Cái Lớn), Hợp Phố (thuộc huyện Long Xuyên, trước gọi Bãi Tháp) ở Hà Tiên, bỏ bớt thủ sở Giang Thành. Ở Hà Tiên có 5 cửa biển, 2 cửa thuộc huyện Kiến Giang (tục gọi là Cái Lớn, Cái Bé), 3 cửa thuộc huyện Long Xuyên (Thông Đàm, Cự Môn và tục gọi là Bãi Tháp), người có thuyền phần nhiều ra vào phải qua đấy. Theo như trước, nguyên đặt 3 tấn sở Nghi Giang, Trấn Di, Giang Thành ; đến đây, quan tỉnh ấy là Phan Tùng xin đặt tấn thủ ở hai cửa biển thuộc huyện Kiên Giang và Long Xuyên. Đồn Đại Giang kiêm trông cả cửa biển Tiểu Giang (trước gọi Cái Bé), đồn Hợp Phố kiêm trông cả cửa biển Cự Môn ; đồn Nghi Giang đặt trước kiêm trông cả cửa biển Thông Đàm. Còn thủ sở Giang Thành, đã có đồn Trấn Di có thể xét hỏi, nay xin bỏ bớt. Vua y cho.

Ngày Canh Tý. Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Khang ninh Thái hoàng thái hậu mất. Trước đây, Thái hoàng thái hậu bị bệnh, không được vui, vua ngày đêm

hầu thuốc thang ; viện Thái y vì dâng thuốc có chút công hiệu, nên Quán viện là Vũ Quýnh, Viện sử là Trần Việt Cật đều được thưởng gia 1 cấp chua ở dưới tên, 3 cuốn sa, 10 lạng bạc ; Y chính Hoàng Đức Hạ được 1 đồng kim tiền, 30 lạng bạc, 10 tấm đoạn, 2 cuốn sô sa. Sai bộ Lễ đến tế ở miếu Tiên Y, Hoàng tử Kiến Thụy công Hồng Y đến tế ở đền Thọ Quốc công, Hữu tham tri bộ Lễ là Tôn Thất Tĩnh đến tế ở đền họ Trần.

Ngày mồng một tháng ấy, vua đến lễ tạ ở điện Phụng Tiên, lại sai Hoàng tử An Phong công Hồng Bảo đến lễ tạ ở điện Hiếu Tư, sẽ dụ cho quan bộ Lễ soạn định nghi tiết làm lễ khánh thọ. Sau đó thái hoàng thái hậu bệnh lại nguy kịch, ngày hôm ấy mất ở cung Từ Thọ, thọ 79 tuổi. Vua thương xót mãi. Cái nghị khánh hạ mới không thành. Bọn Vũ Quýnh, Hoàng Đức Hạ cũng vì hầu thuốc không công hiệu, đều cách chức, phát đi làm việc ở Y viện để chuộc tội.

Cho : quyền Thượng thư bộ Hình là Phan Thanh Giản điều bổ quyền Thượng thư bộ Lễ, vẫn sung làm đại thần viện Cơ mật ; Tham tri bộ Hình Bùi Quĩ, quyền Tham tri Trương Văn Uyển, Thị lang Nguyễn Danh Giáp hội đồng tạm giữ ấn triện bộ Hình.

Định phép để tang cho trong Kinh., ngoài các tỉnh.

Vua ở trong cung mặc áo tư thôi ⁽¹⁾ 3 năm ; hoàng thân công mặc áo tư thôi 3 năm, hoàng tử, hoàng đệ, thái trưởng công chúa, trưởng công chúa, hoàng muội mặc áo tư thôi 1 năm ; các cung tần triều trước, phi tần trong cung nhà vua, mặc áo tư thôi 1 năm, hoàng trưởng tôn mặc áo tư thôi 1 năm ; hoàng tôn mặc áo tư thôi 5 tháng ; tôn tước và công tử, công nữ do hoàng thân công sinh ra, mặc áo tư thôi 1 năm ; tôn tước và công tử, công nữ do hoàng đệ sinh ra, mặc áo tư thôi 5 tháng ; các hoàng tử, thiếp ở phủ hoàng thân, mặc áo tư thôi 5 tháng ; quan văn võ từ tam phẩm trở lên được dự là đình thân và ấn quan ở Nội các, mặc áo tư thôi 3 tháng ; các quan tam phẩm và tứ phẩm trở xuống không dự là đình thân, trong 3 tháng có đến chờ ở tang thứ thì đội khăn vải trắng, mặc áo thâm hay trắng, 3 tháng thì thôi ; các mệnh phụ đều để tang theo như chồng ; để đốc, phủ doãn, phủ thừa ở Thừa Thiên và đốc, phủ, bố, án, tuyên phủ, lãnh binh ở các địa phương được miễn may áo để tang, trong 3 tháng có được đến tang thứ châu hầu, được theo quan ở Kinh may áo để tang, khi về lý sở thì miễn áo tang, nhưng dùng khăn vải trắng, đủ 3 tháng thì thôi ; các tự nhân đàn bà hầu trực ở cửa Tiên Thọ thì mặc áo tư thôi 1 năm ; các người họ Tôn thất phải để tang thì đều cho phép để tang của mình may áo để tang, người không phải để tang thì để tang theo phẩm của mình ; Họ Trần làng Văn Xá, người phải để tang thì để tang theo như lễ ; chức quan văn võ ngày thường châu hầu, đều

(1) Tư thôi : áo để tang bằng vải trắng, không sổ gấu.

dùng khăn thâm, áo thì màu chàm hay màu thâm được tùy tiện. Cắm mặc áo màu đỏ, màu tía, âm nhạc hát xướng 6 tháng, cấm gả chồng lấy vợ, tam phẩm trở lên thì 3 tháng, tam phẩm trở xuống thì 1 tháng, các quân và dân thì 15 ngày. Các quan văn võ trong ngoài, gặp khi có các việc như việc quân, việc tế lễ và sai ra trường thi trường tuyển thì được mặt cát phục làm việc. Các địa phương, trong 3 tháng, lễ vọng bái ở hành cung đều được miễn, và hằng năm uỷ viên vào Kinh chờ chiêm bái đều được thôi cả.

Bá cáo khắp trong ngoài về quốc tang : “Thánh tổ mẫu ta, Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Khang ninh Thái hoàng thái hậu, ngày 13 tháng 8, ngài khó ở, không được vui ; trẩm thân đến hầu hạ, sớm chiều thăm hỏi, ăn nằm không yên, khi đó hết lòng cầu khẩn, đến ngày 29 tháng ấy thì ngài gần khỏi. Ngày mồng 1 tháng 9, trẩm thân đem các quan đến làm lễ mặt cáo ở điện Phụng Tiên, bộ Hộ, bộ Hình châm chúc bàn định ân điển, đợi đến ngày 22 tháng ấy làm lễ khánh an, giáng dụ ban ơn khắp cả, để yên lòng tôn kính thân mến của thần dân thiên hạ. Ngờ đâu đến giờ Dần ngày 18 tháng ấy, bệnh ngài lại nguy kịch, đến giờ Dậu thì ngài mất. Than ôi ! Đau đớn thay ! Truy nghĩ Hoàng tổ tể ta, Đại hành Thái hoàng thái hậu, ngũ đại đồng đường, mùa xuân sang năm thọ đến bát tuần, sắp làm lễ lớn, rộng ban ân huệ; bỗng chốc chuyển thành trái với lòng mong muốn, kêu gào không kịp, đau đớn khóc lóc, dậm đất kêu trời ! Trẩm kính theo điển lễ nhà nước, ở trong cung để tang 3 năm, thứ bậc để tang từ hoàng tử, hoàng thân cho đến quan dân trong ngoài, đã dụ sai bộ Lễ bàn định tâu lên, đều theo như thế, tống giao thi hành”.

Sai Hậu quân Đô thống phủ Đô thống Vũ Khê tử Tôn Thất Bật, Tả tham tri bộ Hộ Đào Trí Phú trông coi nghi lễ việc tang ; lại phái thuộc viên các nha ở các bộ, viện và quan quân thị vệ, hộ vệ, vệ Cẩm y phụ thuộc để tùy sai phái.

Thống chế Hữu dực dinh Vũ lâm là Hoàng Văn Hậu chết. Hậu từng theo việc đánh giặc, rất có công lao. Truy tặng Đô thống dinh Tiền phong, gia cấp cho 500 quan tiền, 2 cây gấm Trung Quốc, 3 cây sa, đoạn, vải lụa mỗi thứ 20 tấm.

Cho Thống chế dinh Tiền phong là Bình Thắng nam Nguyễn Lương Nhân điều bổ Thống chế Hữu dực dinh Vũ lâm, kiêm giữ ấn triện dinh Tiền phong.

Ngày Tân Sửu. Đặt ban thờ ở cung Từ Thọ, hằng ngày ba lần cúng. Ngày hôm ấy, cúng buổi sớm, vua thân đến làm lễ ; từ trưa trở đi, sai hoàng tử hoàng thân cất lượt làm lễ. Mỗi ngày đêm, 1 quan đại thân văn võ, 2 quân vệ, 1 quan khoa đạo cất lượt túc trực ; quan ngũ lục phẩm ở Hàn lâm viện, Nội vụ phủ, Vũ khố, Khâm thiên giám mỗi sở 1 người túc trực theo, xem xét các việc tang lễ.

Ngày Đinh Ty. Làm lễ chịu tang. Vua để tang ở điện Dương Tâm. Phàm các đồ chơi bằng châu ngọc, bỏ đi tất cả. Các thuyền vua ngự, đổi làm thếp bạc quang đầu.

Ngày thường ngự điện Văn Minh nghe việc chính sự ; các quan châu hầu theo như lệ ở chính điện. Phàm các quan viên vào yết kiến tạ ơn, phục mệnh, đến lý sở, hoặc được sai đi, đều nhằm ngày lễ đến sân bái yết. Duy sai phái bất kỳ và ban thưởng ngay đấy mà lạy tạ thì không theo lệ này.

Ngày Canh Tuất. Làm nhà lãng ở Thuận Sơn. Khoảng năm Minh Mệnh, Thánh tổ Nhân hoàng đế đã sai đại thần văn võ cùng đi với thái sử đến bên hữu lãng Thiên Thụ chọn sẵn đất lành muôn năm, gọi núi ấy là núi Thuận Sơn. Phàm huyền cung, bảo thành, lãng tẩm, nhà cửa, cần được sửa sang, đã có phép trước cả. Đến đây, vua sai Đô thống phủ Đô thống Tả quân là Ninh Lạc tử Nguyễn Tiến Lâm, Thống chế dinh Thần cơ là Kiều dũng tướng Dương Thai, quyền Thống chế dinh Kỳ võ là Nguyễn Doãn, quyền Hữu tham tri bộ Binh là Hoàng Tế Mỹ sung làm Đồng lý đại thần, 8 quân vệ, 50 suất đội, 2.500 biển binh và thuộc viên các nha môn ở bộ, viện phụ để tùy sai phái. Công việc làm xong, dâng tên hiệu : lãng gọi là lãng Thiên Thụ hữu, điện gọi là điện Gia Thành, cửa gọi là cửa Minh Ý. Thường cho từ đồng lý đến quan quân, lại dịch, lính thợ : gia cấp kỷ lục lương bổng và tiền có từng bạc.

Thự Đề đốc Kinh thành là Nguyễn Nghĩa Thịnh, quyền Phủ doãn là Trần Trứ, Phủ thừa là Nguyễn Trung Nghĩa có tội, phải cách chức. Bắt đầu khởi công làm ở Thuận Sơn, bộ Lễ trước khi ấy tư lự cho phủ nha Thừa Thiên, sửa lễ để kính cáo ; đến ngày ấy, bọn Nghĩa, Thịnh không đi, chỉ cho hai tên lại dịch mang đệ lễ phẩm, gặp mưa không thể đến được, đến nỗi phải hoãn không kịp việc. Việc này bị Đồng lý là bọn Nguyễn Tiến Lâm hặc tâu. Vua giận lắm, sai ngay quân túc vệ đem bọn Nghĩa Thịnh đều đóng gông nặng, giao bộ Hình trị tội. Nghĩa Thịnh, Trứ và Trung Nghĩa đều phải cách chức, phát đi công sở sung tội khổ sai ; sau đó, khởi phục cho Nghĩa Thịnh làm Thành thủ úy, Trứ làm Viên ngoại lang, Trung Nghĩa làm Chủ sự.

Cho quyền Hữu tham tri bộ Lại là Nguyễn Đức Chính tạm giữ ấn triện Hàn lâm viện, vì có Hoàng Tế Mỹ đi việc quan vắng.

Cho : Vệ úy vệ Trung bảo Nhất là Tôn Thất Mậu làm thự Đề đốc Kinh thành, kiêm làm công việc phủ Thừa Thiên ; Hữu thị lang bộ Lại là Lê Khiêm Quang điều bổ Phủ doãn phủ Thừa Thiên ; quyền Án sát Quảng Ngãi là Nguyễn Công Trứ bổ thự Phủ thừa phủ Thừa Thiên ; Trực học sĩ Hàn lâm viện là Đỗ Quang điều bổ Hữu thị lang bộ Lại, vẫn sung chức Toàn tu ở Sử quán ; quyền Lang trung bộ Binh là Mai Đức Thường điều bổ Án sát Quảng Ngãi ; Hình khoa Chương án Cấp sự trung là Vương Hữu Quang bổ thự Thiêm sự phủ Thiếu thiêm sự làm công việc bộ Công ; Hình khoa Cấp sự trung là Giang Văn Hiến thăng quyền Hình khoa Chương án Cấp sự trung.

Sai quan có trách nhiệm lễ tạ miếu Phong Bá, miếu Nam Hải Long vương và đền Thiên Yêu, vì có đoàn thuyền giải nộp vật hạng được thanh thoả.

Tượng dịch phủ Thừa Thiên là Lê Quang nói dối rằng thuộc binh phủ công đoạ nạt lấy tiền của người. Việc phát giác. Bộ xử tội chém, bêu đầu. Vua cho là tang dối không có mấy, sai tạm giam lại chờ Chi. Dân hạt Nam Định là Nguyễn Văn Thu, nói năng cuồng loạn, bị án trước xử tội tử hình. Vua bảo rằng : “Nó lòng tuy đáng ghét, nhưng việc chưa lộ, không nỡ để vào trọng hình ; giảm cho tội chết, đẩy vào trong quân”.

Quan tỉnh Hải Dương là bọn Đặng Đức Thiệm tự tiện tha kẻ buôn gian. Việc giao xuống bộ Lại nghị xử : Thiệm phải phạt trọng, cách chức. Vua bảo rằng : “Bọn Thiệm chuyên quyền, tự tiện, tội không thể chối được ; nhưng nghĩ : chỉ là làm việc sai lầm trong nhất thời. Bọn họ lại bắt được giặc trốn, nên lượng cho tội nhẹ”. Thiệm và BỐ, ÁN là Đinh Văn Minh, Phạm Bạch Như đều phải giáng 2 cấp.

Cho Lại khoa Chương án Cấp sự trung Nguyễn Thuận thăng quyền Lang trung ty Văn tuyển bộ Lại ; Lại khoa Cấp sự trung Nguyễn Quýnh thăng quyền Lại khoa Chương án Cấp sự trung ; Hộ khoa Chương án Cấp sự trung là Vũ Duy Ninh thăng quyền Lang trung ty Trục tỉnh bộ Binh, Giám sát ngự sử đạo Kinh kỳ là Tạ Hữu Khuê thăng quyền Hộ khoa Chương án Cấp sự trung.

Tuần phủ Quảng Nam - Quảng Ngãi là Nguyễn Khắc Tuấn dâng sớ cử Đốc học Quảng Nam là Bùi Quốc Trinh có thể làm được Lang trung. Vua bảo rằng : “Quốc Trinh đã phải tội vì việc tư, được khai phục làm đốc học là may lắm rồi, có tài gì mà vội bảo cử thế ?”. Lờ xin đó không được chuẩn y, mà Tuấn phải phạt bồng 6 tháng.

Bố chính Bắc Ninh là Đỗ Khắc Thư tiến cử Tri huyện Vũ Xuân Ân (cháu Thượng thư Vũ Xuân Cẩn). Vua quả rằng : “Xuân Ân là con em nhà phú quý, sự trạng tầm thường, không hiểu Khắc Thư khen ở chỗ nào ? Cái nghĩa người bề tôi đem người để thờ vua, có nên như thế không ?”. Thư phải phạt bồng 3 tháng, Xuân Ân cũng không được vào yết kiến.

Thự BỐ chính An Giang là Lê Tư Duệ phải cách chức. Duệ trước ở Gia Định, xét lại án cướp ở phủ nha, kẻ phạm tội bồng dối lời cung trước, phải nã tiếp tục bắt được bọn khác, tang việc rõ ràng. Án chưa dâng lên, chợt có án mạng ở An Giang, sự chủ đem việc ấy vượt bậc kêu lên. Vua sai Ngự sử Trương Đình Hội hợp cùng Tổng đốc Trần Văn Trung xét lại, rồi giao cho BỐ, ÁN Biên Hoà là Hà Thúc Lương, Vũ Đĩnh hội lại tra xét. Bọn Thúc Lương nghe dạ tin lời người nói vu, bảo Duệ nhận của lót rồi tha, [do đấy Duệ] cách chức, giao để tra xét. Đến khi Đình Hội bị ốm chết, vua lại phái Chương án Cấp sự trung Giang Văn Hiến, Nguyễn Đức Tuấn xét thay, Duệ biện bạch chống án không phục, án đã mấy năm không giải quyết được ; sau lại đổi cho Tuần phủ An Giang Doãn Uẩn và Ngự sử Nguyễn Cư Sĩ hội lại tra xét, biết hết sự thực, án mới quyết định. Vua cho Duệ được khai phục chức cũ. Rồi, vì ốm, Duệ xin cáo về quê.

Cho : Bó chính Vĩnh Long là Hoàng Thu diệu bó Bó chính An Giang ; Án sát Khánh Hoà là Nguyễn Tường Vĩnh thăng quyền Bó chính Vĩnh Long; quyền Lang trung bộ Lại là Nguyễn Xuân Bảng diệu bó quyền Án sát Khánh Hoà (vẫn lưu lại Kinh, sung làm Khâm điển viên).

Bộ Lễ tâu rằng : “Kính xét trong *Ngũ lễ thông khảo*, có tang thì 3 năm không tế, là bảo không gắn với sự việc ; đã làm lễ Tốt khốc, thì sai người trưởng tôn nhân tế thay là để tỏ lòng kính. Tham khảo các sử sách, thì lúc mới có tang, việc tế tự vẫn phải tạm đình, nhưng điển lễ ở nhà Tôn miếu thì không nên bỏ thiếu quá tuần. Vậy cũng nên theo đó chằm chước để tình và lễ được hợp lẽ phải. Truy chiếu : tháng 9 năm Gia Long thứ 10, kính gặp nghi lễ đại tang Hiếu Khang hoàng hậu, lễ Đông hưởng năm ấy tạm đình. Tháng 12 năm Minh Mệnh thứ 21, kính gặp nghi lễ đại tang Thánh tổ Nhân hoàng đế, lễ Hợp hưởng năm ấy và lễ Xuân hưởng năm sau đều tạm đình, đến lễ hạ, thu, đông hưởng đều sai quan tế thay ; sau khi tiểu tường ⁽¹⁾, hễ gặp ngày lễ ở tôn miếu, đều xin hoàng thượng thân đến làm lễ. Thiết nghĩ : điển lễ quốc triều thực đã hợp lẽ chính đáng. Lễ Đông hưởng năm nay, xin hãy tạm đình ; đến ngày mồng một, dâng tiến như lễ thường. Còn lễ Hợp hưởng và Xuân, Hạ, Thu hưởng sang năm, đều phải tế thay ; sau khi tiểu tường, kính gặp hưởng lễ, đều xin hoàng thượng thân đến làm lễ. Duy trong 3 năm, nhã nhạc chỉ bày mà không tấu nhạc”. Nghị này dâng lên, vua sai đình thân bàn lại. Họ đều nói : “Bộ Lễ đã bàn thực đã thoả đáng”. Vua nghe theo.

Mùa đông, tháng 10, mồng một, ngày Quý Sửu. Vua đến cung Từ Thọ làm lễ an tiến. Từ lễ Tốt khốc trở về trước, ngày mồng một và ngày rằm cũng đều như thế.

Cho : quyền Tả tham tri bộ Công là Trương Quốc Dụng sung làm Chủ khảo trường thi Hà Nội ; Bó chính Nghệ An là Vũ Tuấn làm Phó ; quyền Tuần phủ Hưng Hoá là Nguyễn Trạch sung làm Chủ khảo trường thi Nam Định ; Bó chính Tuyên Quang là Nguyễn Đức Hoan làm Phó. Theo ngạch cũ, trường Hà Nội lấy cử nhân 23 người, trường Nam Định 21 người ; khoa này số sĩ tử nhiều hơn, vua cho lấy thêm mỗi trường 3 cử nhân nữa. Quan trường lấy đỗ cử nhân tất cả là 47 người. (Trường Hà Nội, cử nhân 23 người : Nguyễn Chính, Trịnh Lý Hanh (tên cũ là Đình Thái) ; Phạm Tuyền, Hà Chuẩn, Nguyễn Thanh, Đặng Cao Phong, Nguyễn Đạo, Nguyễn Văn Khanh, Nguyễn Huy Nguyên, Nguyễn Công Lãng, Ngô Quang Diệu, Đặng Văn Khuê, Nguyễn Đức Thân, Lê Văn Thục, Vương Văn Minh, Đặng Hải, Trịnh Xuân Thượng, Trần Duy Hoà, Đinh Văn Bản, Trần Đức Hoàn, Nguyễn Bá Đôn, Phạm Ngọc Nhuận, Đặng Huy Quỳnh. Trường Nam Định cử nhân 24 người : Phạm Vỹ, Trần Văn Thúc, Nguyễn Huy Phan, Trần Huy Côn, Nguyễn Đình Đạo,

(1) Tiểu tường : giỗ đầu.

Tô Văn Thường, Đặng Huy Thanh, Ngô Huy Trác, Nguyễn Văn Đức, Đặng Văn Lang, Vũ Tự, Vũ Xuân Dương, Nguyễn Đăng Khoa, Lê Huy Thái, Nguyễn Danh Bảng, Đào Thế Trinh, Bùi Văn Hanh, Lê Đắc Tín, Nguyễn Đức Học, Tô Khải, Lại Hợp Ngoạn, Quách Khắc Hợp, Đặng Quang Hiến, Tạ Quốc Trinh). Danh sách dâng lên, 3 nha hội đồng kiểm duyệt, xét ra trường Nam Định, cử nhân Quách Khắc Hợp, Đặng Quang Hiến, Tạ Quốc Trinh, quyển văn 3 kỳ đều thứ, giáng xuống hạng tú tài ; quan trường vì chọn lọc không tinh phải phạt bổng.

Triệu : Tuần phủ Quảng Nam - Quảng Ngãi là Nguyễn Khắc Tuấn, quyền Bố chính Phú Yên là Nguyễn Văn Chấn, quyền Án sát Khánh Hoà là Nguyễn Xuân Bảng, Án sát Quảng Trị là Lê Đình Khả, Bố chính Nghệ An là Vũ Tuấn, quyền Phó lãnh binh Thanh Hoá là Nguyễn Đình Phúc, quyền Bố chính Hà Nội là Phan Tĩnh, quyền Tổng đốc Bắc Ninh - Thái Nguyên là Giáp Văn Tân, Bố chính Nam Định là Lê Nguyên Trung, Án sát Hải Dương là Nguyễn Khắc Trạch, Án sát Sơn Tây là Nguyễn Văn Diễm, Án sát Lạng Sơn là Lê Danh Đề, sung làm Khâm điểm viên các đạo, về Kinh, tiến hương. Duy 6 tỉnh Nam Kỳ đương gặp lúc phòng giữ về mùa đông, nên chỉ cho một mình Lãnh binh Vĩnh Long là Nguyễn Đức Chung được sung vào.

Tướng cướp là Trương Trinh bị giết. Trinh xưng liêu là quản áp, nhiều lần chống cự quân lính, giết hại nhiều mạng. Trước bị viên giữ đồn An Giang bắt được, giải tra, dọc đường, Trinh trốn thoát. Vua đã truyền dụ cho 6 tỉnh Nam Kỳ đều phải gia tâm dò bắt. Trước kia bị quan quân tỉnh Định Tường đuổi bắt, Trinh trốn sang tỉnh Vĩnh Long. Quyền tri phủ Hoàng Trị là Trương Công Đạo đem quân dân bắt được và cả đồ đảng 8 - 9 tên. Quyền Tổng đốc Vĩnh Long - Định Tường là Ngô Văn Giai đem việc ấy tâu lên. Vua sai đều giết cả. Thường Công Đạo được thực thụ Tri phủ và gia kỷ lục hai thứ ; Tri phủ phủ Định Viễn là Hoàng Công Tĩnh cũng có hợp lực đi bắt, được thưởng kỷ lục 2 thứ ; phái viên của tỉnh và tổng mục đều được chức hàm có tăng bậc. Các người đi bắt được thưởng chung 300 quan tiền ; thưởng thêm cho chính người bắt được yếu phạm 3 đồng Phi long đại ngân tiền. Quan tỉnh ấy là Ngô Văn Giai và Phan Khắc Thận vì phái uỷ được người, được thưởng gia cấp và kỷ lục.

Ở Kinh sư mưa rét cả tuần. Vua nghĩ : công trình làm ở Thuận Sơn quan trọng to tát, quan quân đi đến làm việc khó nhọc, thương lắm, sai Hữu thị lang bộ Lễ là Tôn Thất Tĩnh đến miếu Đô thành hoàng cầu tạnh, vua ở trong cung cũng ăn chay mật đảo. Ngày hôm sau, tạnh nắng, vua sai đem hương, lụa lễ tạ ; thưởng cho Tôn Thất Tĩnh kỷ lục một thứ và 1 đồng bát bảo kim tiền. Lại sai hoàng tử thứ hai Phúc Tuy công, đi cùng với Thị vệ đại thần là Nguyễn Trọng Tính, quyền Tham tri bộ Hộ

là Phạm Thế Trung, mang bạc tiền kho Tiên Thọ đến công sở, thưởng từ quan đồng lý cho đến lính và thợ có tăng bạc.

Lãnh binh Hải Dương là Nguyễn Văn Sự chết. Cho : Phó lãnh binh Nam Định là Tôn Thất Tuệ thăng quyền Lãnh binh Hải Dương ; Phó lãnh binh Hưng Hoá là Lê Văn Sinh điều bổ Phó lãnh binh Nam Định ; Phó vệ úy vệ Hậu dinh Tiên phong là Lê Vũ điều bổ Phó lãnh binh Hưng Hoá.

Quyền Đốc học Hải Dương là Chu Danh Hiến có đại tang. Cho quyền Tri phủ phủ Trưng Khánh là Nguyễn Danh Vọng thăng quyền Đốc học Hải Dương.

Tuần phủ Quảng Nam - Quảng Ngãi là Nguy Khắc Tuấn tâu rằng : “Thuế tô các hạng ruộng đất cả năm phải nộp của tỉnh hạt ấy, trong đó ruộng công, ruộng tư, và ruộng quan lệ nộp thóc tô mỗi mẫu hạng nhất 40 thung, hạng nhì 30 thung, hạng ba 20 thung, ruộng mùa 10 thung, tiền thập vật đều 3 tiền, lại có hạng mỗi mẫu 35 thung ; nộp thay ruộng công và ruộng tư trồng cói, lệ nộp mỗi mẫu hạng nhất thì tiền công 4 quan, tiền gạo canh giữ 4 tiền ; hạng nhì thì tiền công 3 quan, tiền gạo canh 3 tiền ; hạng ba thì tiền công 2 quan, tiền gạo canh 2 tiền ; ruộng công trồng cói và vườn đất công, lệ nộp mỗi mẫu tiền công 2 quan, tiền gạo canh 2 tiền ; ruộng mùa tư, ruộng tư trồng dưa và đất công, đất tư trồng dâu, đất công, đất tư trại của quan đều theo lệ nộp mỗi mẫu tiền công 1 quan, tiền gạo canh 1 tiền ; đất thuê để làm, theo lệ nộp mỗi sào 1 quan 4 tiền ; đất vườn, nhà ở của quan mỗi sào hơn 4 tiền. Còn ruộng công, ruộng tư làm trại của quan, theo lệ nộp thóc tô, có hạng mỗi mẫu 245 thung, có hạng 98 thung, có hạng 73 thung, có hạng 56 thung, cho đến 40 thung, 30 thung, 20 thung, 10 thung, thực không giống nhau. Lệ nộp tô như thế, chưa khỏi có chỗ quá nhẹ hay quá nặng ! Xin nên một phen chước lượng định lại, đặt ra phép nhất định, cho được quân binh”. Việc này được giao xuống bộ Hộ bàn rồi tâu lên. Bộ cho rằng, ruộng có thứ bậc, thì thuế có cao thấp. Khoảng năm Gia Long, lệ định tiền thóc phải nộp, đều đã châm chước tùy theo đất đai tốt xấu để làm thứ bậc, từ trước đến giờ, các hạt nhất luật tuân theo, sao từng có chỗ không tiện ! Nay nếu cho là thứ bậc thì lắm, số mục lục thì nhiều, mà nhất khải đem cả 2 thứ công, tư hợp lại, tất không khỏi cái lệ hoặc nhẹ hoặc nặng ! Xin theo như lệ cũ, không cần định lại làm gì. Cuối cùng vua theo nghị của bộ.

Cho : Bó chính Nam Định là Lê Nguyên Trung điều bổ Bó chính Hưng Hoá, hội đồng với Án sát Nguyễn Khoa Dục giữ ấn quan phòng tuần phủ ; quyền Tuần phủ Hưng Hoá trước là Nguyễn Trạch, đợi xong việc trường thi Nam Định, về Kinh chờ Chỉ tuyển dụng ; Án sát Thái Nguyên là Trần Thiện thăng quyền Bó chính Nam Định ; Án sát Hà Tĩnh là Hoàng Trọng Từ điều bổ Án sát Thái Nguyên, Lang trung bộ Công là Đỗ Mậu Thường điều bổ Án sát Hà Tĩnh, hội đồng với Bó chính Phạm Huy

giữ ấn quan phòng tuần phủ. Lê Nguyên Trung trước có chiếu Chỉ cho sung làm Khâm điểm viên, nên mới lấy Phó lãnh binh Nam Định là Lê Văn Sinh thay thế.

Sắc rõ về nhiệm vụ của thuộc viên ở bộ, viện, phủ, tự. Dụ rằng : “Các nha ở Lục bộ, trước kia chia ra tào và cục, đặt thêm nhân viên, thiết lập trực xứ chuyên ty, lại có trực ban tá lĩnh. Nhiều lần đã dụ rõ : phạm các viên đương ban ứng trực, tất cả việc của bộ, phải gia tâm kê cứu, biên chép rõ ràng, để phòng khi cần hỏi đến, không được cho là việc ấy có ty chuyên trách, không để ý đến. Hai ba lần dạy bảo, nghiêm túc rõ ràng đến chừng mực nào ! Thế mà gần đây, nhân viên ứng trực, lâu ngày sinh lười, mỗi khi hỏi đến, không biết gì cả. Và lại, bọn chúng là thuộc viên giúp việc ở bộ mà những điều hỏi đến lại là việc hiện làm trước mắt, có số mục nào phiền phức, tất phải kê cứu, việc đó mà không biết, việc khác còn biết sao được ! Chỉ vì bọn chúng ngày thường cầu thả giản lược, an nhàn, không để tâm đến việc của bộ, còn trực ban chỉ là đi đi về về cho xong trách nhiệm một ngày, vì thế mỗi khi hỏi đến thì lờ mờ, lại nói là đợi xét. Thế là hình như ngồi không ăn lương, thì đến chầu làm gì ? Chúc sự ở chỗ nào ? Chuẩn cho truyền dụ cho thuộc viên các nha ở bộ, viện, phủ, tự : phạm công việc trong nha không cứ là ty nào, cục nào đều phải làm sẵn kê kê, không được chia giới hạn ty nào. Còn đương ban ứng trực, gặp khi có trung sứ truyền mệnh hỏi han, nếu việc thuộc về năm tháng đã lâu, số mục phiền phức, thì cho một mặt trả lời Chỉ vua, xin xét, một mặt báo bộ tra kỹ rồi tâu tiếp. Nếu là việc hiện làm trước mắt, phải trả lời ngay ; nếu còn mơ hồ như trước, vin có là việc có phân ty hết thầy cái gì cũng đợi xét, thì trị ngay là tội hèn kém. Và nếu khi cần, phải đi làm việc gì, thì viên được phái đi, phải chính mình xem xét, không được mượn tay người khác, lạo thảo cho xong việc. Nếu dám hơi tỏ ra là lười biếng, thì viên cai quản đem ra nghiêm hặc ngay, chờ chiếu Chỉ trừng phạt, không được che chở chút nào. Và lại, nếu rõ thiện ác, pháp luật của nước rất nghiêm, đốc thúc thuộc ty, là trách nhiệm của trưởng quan. Trưởng quan chăm hay lười, quan hệ đến thuộc viên giỏi hay không giỏi. Phải nên tự mình cố gắng cho thuộc viên theo. Cốt mong nha không có việc để động, quan không có người cầu may, để phép làm quan được nghiêm, sự làm việc của lại dịch được tốt. Nếu đã qua dạy bảo phen này, còn dám lười biếng như trước, trừ thuộc viên phải trị tội nặng ra, đường qua cũng nhất định phải giao đình thân nghị xử, không tha. Lời dụ ban ra, pháp luật đi theo, chớ bảo là răn dạy không sớm”.

Nêu thưởng tiết phụ các tỉnh. (Đạt Thị Tính, 61 tuổi, người huyện Vĩnh Bình, tỉnh Vĩnh Long, lúc bé gả cho người học trò làng khác, chưa cưới, người học trò ốm chết, Thị Tính thân đến chịu tang, sau không đi lấy chồng. Nguyễn Thị Mạo, 56 tuổi, người huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, chồng chết sớm, không có con, Thị Mạo mỗi sáng sớm, ra khóc ở mã chồng ; phụng dưỡng bố mẹ chồng, giữ tiết nghĩa

không đi lấy chồng. Lê Thị Nhuận, 79 tuổi, người Thiên Thi, tỉnh Hưng Yên, lúc trẻ có nhan sắc, quan bình chương nhà Lê là Phạm Công Dữ mua làm nàng hầu, sinh được một con gái ; khi loạn Tây Sơn, theo chồng đi ẩn, ông Dữ chết, về ở với vợ cả, cha mẹ muốn cho đi lấy chồng, người vợ cả cũng khuyên nhủ ; Thị Nhuận đến đến thờ ông Dữ khóc lạy, thể xin chết theo, sau người ta không thể cưỡng ép được. Phạm Thị Thường, 56 tuổi, người huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, sinh được 1 trai, chồng chết, cha mẹ định gả chồng ; đến hôm cưới, Thị Thường lên thất cổ ở trong buồng, được người cứu khỏi, cha mẹ thương về chí ấy, mới thôi. Mấy người trên đây đều được thưởng 20 lạng bạc, 3 tấm sa màu, 1 bức biển. Trương Thị Cận, 49 tuổi, người huyện Địa Linh, tỉnh Quảng Trị, lấy chồng từ lúc còn nhỏ, sau sinh được 1 trai, chồng chết, cắt tóc tự thê, cuối cùng không lấy chồng khác, được thưởng 20 lạng bạc).

Quyền Tổng đốc Nghệ An - Hà Tĩnh là Đặng Đức Thiệm tâu rằng : “Hai địa giới phía tây bắc hạt phủ Trấn Ninh đều giáp giới nước Nam Chưởng. Xin đem súng dân thổ nộp lưu ở phủ, khi có sai phách, sẽ cho lĩnh về dùng. Vua y cho.

Tuần phủ Hải Dương trước là Nguyễn Văn Nhị được công cử về Kinh, cho tạm làm bộ Hình.

Bổ Nguyễn Hữu Diệu làm Vệ úy vệ Sơn Tây.

Án sát Sơn Tây là Nguyễn Văn Diễm chết. Cho : quyền Án sát Khánh Hoà là Nguyễn Xuân Bảng điều bổ quyền Án sát Sơn Tây ; quyền Lang trung bộ Lễ là Nguyễn Hàm Ninh điều bổ quyền Án sát Khánh Hoà ; Hàm Ninh, Xuân Bảng đều ở lại Kinh, sung làm Khâm điểm viên của bản đạo.

Tổng đốc An Giang - Hà Tiên là Tôn Thất Bạch tâu rằng : dân hạt ấy là Nguyễn Văn Dưỡng xin xuất của nhà để cung lương cho quân. (1.300 quan tiền, 100 phương gạo). Vua bảo rằng : “Ngày trước dân cõi Tây có việc, hoặc lương thực của dân hơi khó, dân các hạt bỏ ra giúp cho sự chi phí, chức lượng nghị thưởng, đó là việc tạm nhất thời. Nay ở biên thủy không có việc gì, kho chứa của quân đầy đủ, không phải cần đến quyên nộp, chuẩn cho trả lại”.

Bãi cục Tạo tác ở Hà Nội. Lĩnh Tổng đốc Hà Nội - Ninh Bình là Đặng Văn Thiêm tâu rằng : “Hà Nội nguyên là lý sở cũ ở Bắc thành ; năm trước đặt một sở đồ gia, 6 toà nhà kho, phàm thuế thổ sản và vật công của các hạt thuộc thành ấy, đều do sở ấy thu cất, chế tạo. Lại đặt cai cơ, cai bạ, tri bạ, cai hợp, thủ hợp, thư lại coi làm việc ấy, tượng cục bách công cũng phụ thuộc vào. Năm Minh Mệnh thứ hai, đổi làm cục Tạo tác, đặt lang trung, chủ sự mỗi chức một người và lại dịch làm việc, làm thành một nha. Năm thứ 12, chia đặt tỉnh hạt, phàm các thuế thổ sản và thợ thuyền đều do hạt ấy chiếu xét. Còn sản vật hiện chứa, có thứ đệ nộp vào Kinh,

có thứ chia giao cho các tỉnh, nhà kho làm trước, đã từng bỏ bớt. Duy kho giữa và kho hai bên tả hữu, hằng năm phải suất đội, thư lại, binh dinh sung làm giám thủ, phòng bạ, khổ tử, mỗi khi đến kỳ thanh tra xét công, cho kiểm tra riêng. Nay thuế thổ sản của tỉnh chỉ có lụa, vải, lụa thổ và các hạng giấy, tùy lúc thu nộp. Hai kho ở hai bên tả hữu, hiện nhiều lúc bỏ không, xin di chuyển toà kho giữa đến khu kho thóc để phòng chứa cát. Đồ vật cất trước, hằng năm thu chi, do giám thủ kho ấy trông nom tất cả. Còn hai kho hai bên tả hữu, xin đều triệt bỏ. Súng, đạn, diêm tiêu, lưu hoàng, mang đến cất chung ở kho thuốc lửa, do biên binh đội pháo thủ coi giữ. Còn giám thủ, chủ thủ, phòng bạ, binh dinh đặt trước đều cho về làm việc quan, để được giản tiện. Vua chuẩn y cho.

Cho quyền Phó vệ úy vệ Hữu ở Hà Tĩnh là Tôn Thất Cát thăng quyền Phó vệ úy vệ Trung dinh Tiền phong ; Cai đội vệ Kim ngô là Tôn Thất Cát thăng quyền Phó vệ úy vệ Trung dinh Tiền phong ; Cai đội vệ Kim ngô là Tôn Thất Cúc thăng quyền Phó vệ úy vệ Hữu ở Hà Tĩnh.

Đốc học Quảng Trị là Nguyễn Duy chết. Cho Tri phủ Lạng Giang là Đào Danh Văn thăng Đốc học Quảng Trị.

Cho Lê Quang Dao được khởi phục làm Chủ sự ty Cẩn tín xứ Thị vệ. Dao là bề tôi cũ lúc nhà vua chưa lên ngôi. Quang Dao là con Thượng thư bộ Hộ Lê Quang Định đã chết, theo hầu khi chưa làm vua, sai phải được việc, rồi nhân can án phải cách chức, đến cửa cung xin sai phải để hồng cố sức làm việc chuộc tội, cho nên có mệnh này.

Làm thuyền Đàng Long.

Hủy bỏ bia đá Thiên sư ở Hải Dương. Xã Văn Thai, (thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương gần đây được cái bia đá cổ, ngoa truyền là Tuệ Tĩnh thiên sư giáng thế, (thiên sư người làng Nghĩa Phú, huyện Cẩm Giàng) lấy thuốc nam chữa khỏi bệnh, gần xa tranh nhau đến cầu đảo, hằng ngày kể đến hàng nghìn, hàng trăm, quan tỉnh ấy không thể ngăn cấm được, đem việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng : “Việc ấy thuộc về hoang đường, nên phá bỏ ngay đi, để bỏ sự mê hoặc cho người đời”. Bèn sai đập đổ bia. Đến đây, Án sát Nguyễn Khắc Trạch vào hầu, vua triệu vào hỏi đến việc ấy. Trạch tâu : “Bọn hạ thần kính theo Chỉ vua, mài bỏ bia đá, từ đó, đi lại cầu đảo mới hết”. Vua bảo rằng : “Dân hèn không biết gì, để cho lời ngoa truyền lừa dối được, cốt ở người trên phải răn cấm hiểu dụ”.

Giữ chức Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Đông Khoa dâng sớ tâu xin đặt thêm miếu Hà thần ⁽¹⁾, việc giao xuống bộ Lễ bàn rồi tâu lên. Bộ cho rằng năm Minh Mệnh thứ 9,

(1) Tức là thần sông.

cho đặt miếu Hà thần ở chỗ sông Lô, sông Thao giáp nhau thuộc tỉnh Sơn Tây, vào kỳ lần sóng yên ổn, mang lễ phẩm tạ, đã có nếp sẵn ; năm thứ 18, tỉnh Bắc Ninh xin đặt thêm miếu ở xã Toàn Quan thuộc hạt ấy, cũng không cho làm. Nay nếu theo ý tâu xin, thì thực là không hợp ! Vua sai truyền Chỉ ban quở.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LXII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Bính Ngọ, Thiệu Trị thứ 6 [1846], mùa đông, tháng 11, đình thần dâng bản danh sách của Pháp ty xét án về mùa thu trong năm ấy (gồm 435 tên phạm). Vua gia tâm mở xem, phàm những tội đáng xử tử đều đình lại, sai hầy tạm chiếu án giam cầm ; còn thì tội phát đi các tỉnh, tha cho 196 người.

Vua bảo Nội các rằng : “Những văn ta làm ra, có một thiên tởng luận, xét tất cả các triều đại bên Trung Quốc, từ ngoại kỷ đến nhà Thanh, thế thứ, quốc hiệu, và trị loạn hưng suy, không việc nào là không chép, cho kẻ mới học đọc đến, cũng biết được đại lược, nên in ra nhiều, cấp cho các nhà học của đốc học, giáo huấn, để giúp cho sự học tập”. Bèn sai đem khắc in.

Ngày Bính Tuất, tiết Đông chí. Sai hoàng thân đến các miếu điện thay vua vào tế, có bày nhạc khí mà không tấu nhạc. Còn lệ ban yến ở nội đình và chúc thọ ở ngự tiền đều đình miễn ; duy có việc ban cho “lửa mới”⁽¹⁾, chuẩn như lệ thi hành.

Quan tỉnh Phú Yên phái thuộc viên kính đệ lễ phẩm đến Kinh, thay 2 nước Thủy Xá, Hoả Xá làm lễ tiến hương, vì có sứ thần 2 nước đến chúc khánh mới về.

(1) *Lửa mới* : Hán văn là “tân hoá”. Theo lối cổ, giùi cây lấy lửa, mỗi mùa, lấy lửa ở một thứ cây khác nhau. Đời Đường, Tống, ngày Thanh minh ban “lửa mới” cho bách quan. Đây, Thiệu Trị ban “lửa mới” vào ngày Đông chí.

Ban quế Thanh, Nghệ cho hoàng thân, đình thân và văn từ viên ngoại, các khoa đạo, thị độc, võ từ hiệp quản, đình hầu, thứ bậc khác nhau. Lại cho văn võ đại thân thứ kính đeo mắt của Tây dương.

Bấy giờ trong Kinh thành có xảy nhiều vụ mất trộm. Vua nghe thấy, triệu quan phủ Thừa Thiên là bọn Lê Khiêm Quang và Nguyễn Công Trứ đến hỏi rằng : “Gần đây nghe nói trong Kinh thành có nhiều vụ trộm cắp lén lút phát sinh, tuy nơi phủ đệ cũng không kiêng sợ gì, dưới chỗ vua ở còn như thế, huống chi nhà dân ở ngoài xa ! Và lại về việc xét hỏi những kẻ gian tế, phạm sự các người là phải nên nghiêm sức cho thuộc hạ tìm đường mà lùng bắt, để cho dứt cái thói gian. Nếu cứ ngồi yên mà nhìn thì trách nhiệm ở đâu ?”. Bọn Công Trứ thưa rằng : “Những nhà dân ở trong thành phần nhiều là người ký ngụ, cũng đã xét hỏi, nhưng kiểm tra thì khó !”. Vua nói : “Những chỗ dân ở linh tinh, vẫn có các trưởng mục coi quản, nên buộc phải khám xét để bắt mà chúng còn dám theo ý riêng mà tha, thì bắt tội những kẻ oa trử, và sẽ thưởng cho những người bắt được phạm nhân, thế thì ai không dám hết lòng ? Chúng đã không dung, còn ai dám trộm cắp ? Như vậy có khó gì đâu !”. Lại dụ cho Thống quản dinh Vũ lâm là Mai Công Ngôn rằng : “Trong Kinh thành, cấm binh dinh Vũ lâm phải theo phạm sự tuần phòng. Gần đây, bọn còn đồ ngấm ngấm làm việc trộm cắp, thói ấy không thể để lớn dân ra mãi được. Người phải gia tâm đốc sức lùng bắt cho kỳ được, để dứt mầm ác”.

Trong hạt Thừa Thiên có xảy vụ cướp, việc đến tai vua. Quyền chương Kinh thành Đề đốc Tôn Thất Mậu, Phủ doãn Lê Khiêm Quang, Phủ thừa Nguyễn Công Trứ trước đều phải giáng cấp lạc hạn cho nã bắt. Sau đó Khiêm Quang cùng với viên huyện là Lê Đăng Trạc đem quân dân lùng bắt được bọn cướp 8 tên. Thưởng cho Khiêm Quang 10 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, Đăng Trạc 3 đồng ; khai phục những cấp cho bọn Tôn Thất Mậu đã bị giáng. Thưởng cho quân dân tất cả 100 quan tiền.

Tu bổ đồ thờ ở các miếu.

Bộ Lễ tâu nói : “Sang năm, 3 tiết lớn là Chính đán, Đoan dương và Vạn thọ, xin theo lệ thiết triều ở điện Thái Hoà, các quan đều mặc triều phục chực chầu, do bộ gửi tờ tâu lên, đợi Chỉ, đến năm sau sẽ theo lễ cát như lễ hằng năm”. Vua dụ rằng : “Lễ chầu hầu ở nhà Minh đường, dâng ngọc cung, ngọc cầu trong đồ vương hội⁽¹⁾, là điển lễ lớn của triều đình phô trương văn vật, mà là chí tình của tôi con trông ngóng trời mây, điển lễ không thể để tạm vắng được. Huống chi, năm nay gặp lễ quốc tang, ta ở trong cung làm lễ để tang 3 năm ; các quan trong triều chỉ theo để tang mà thôi. Quan ở bộ tham chức nghĩ xin cũng là có lý. Duy có bậc thánh

(1) Đồ vương hội : bản đồ vẽ các chư hầu đến chầu thiên tử.

nhân đặt ra lễ, một năm, hai năm cứ dần dần chuyển sang lễ cát, những một lòng ngay ngáy nhớ mền xót thương, tự ta coi ra 3 năm cũng như một ngày vậy. Đương khi tang phục chưa hết, đã vội ngự điện nhận lễ mừng, trong lòng có được yên không ? Khoảng năm Gia Long, Minh Mệnh đã có khuôn phép nhất định. Ta trông lên, tuân phép nhà, cúi xuống, theo tình dân ; nên theo chỗ thích trung mà chăm chú cho hợp tình lễ chính đáng. Nay chuẩn định : 2 năm Thiệu Trị thứ 7, thứ 8, phàm 3 tiết lớn Đoan dương, Chính đán và Vạn thọ, các quan có chức trách theo lệ, đặt nghi tượng đại triều ở điện Thái Hoà, nhưng miễn không phải châu mừng. Ngày hôm ấy, ta ngự điện Văn Minh chuẩn cho hoàng tử, hoàng tôn, hoàng thân, văn võ bách quan và úy viên các địa phương, đều mặc áo đẹp, đứng vào từng ban tham bái, để bảo cho biết cái ý vua tôi cùng vui, đối với bên lễ bên tình cũng không hề chi, ví với năm thường tuy không giống nhau, mà coi với ngày thường thì đã hơi khác. Thế cũng đủ tỏ phúc lành mà thư bụng người dưới. Còn các địa phương ngoài, lễ triều bái ở hành cung và úy viên [về Kinh] chúc hồ, đều chuẩn y lệ thi hành.

Bá cáo nhật kỳ làm lễ ninh lăng ⁽¹⁾ cho trong Kinh, ngoài tỉnh đều biết. Dụ rằng : Ngày 18 tháng 9 năm nay, Hoàng tổ tỷ đại hành Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Khang ninh Thái hoàng Thái hậu ta, tiên giá lên phương xa, kêu gào không kịp, ta nhớ lại đức tốt, ngừa trông phúc lành, nghĩ đến công cao thì báo lớn, ơn xa thì lễ trọng, mới xét định tang lễ, phàm việc đều theo lễ chế, đã dụ cho Tôn nhân phủ hội đồng với các thân công, đình thân, tra xét điển thường, soạn ra tôn hiệu, chọn lấy giờ tốt ngày 20 tháng này, ta thân bung sách vàng, ấn vàng, kính dâng tôn hiệu. Sau khi lễ xong, sẽ ban chiếu bá cáo thiên hạ, để tỏ lòng thành hiếu phụng của một mình ta, để yên tấm lòng tôn thân của muôn họ các người. Mới đây, ngược theo thánh mệnh của Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, chọn sẵn chỗ đất đại cát muôn năm ở núi Thuận Sơn, hạp khí tốt của non sông, gần tinh linh lên xuống, rồi sai các quan có chức trách xây dựng bảo trạch ⁽²⁾, các thợ đều làm, kính chọn ngày tốt, cáo các miếu, lấy ngày mồng 2 tháng 12 mùa đông năm nay, kính đến nơi bàn thờ dụ cáo kỳ phát dẫn : ngày mồng 6 làm lễ Khải điện, ngày mồng 7 rước linh giá tiến phát, ngày mồng 9, phụng an táng ở lăng Thiên Thụ hữu, theo dùng 9 lễ tế ngu, ngày 23 làm lễ Tốt khóc. Trong lòng ngay ngáy nhớ mền, khôn xiết thương đau ! Thân thứ các người từ lâu đã nhờ nhân ân của nước nhà ban ơn đến người thân cận, cùng đội phúc đức của hoàng tổ tỷ ta ban cho, tấm lòng thành kính mền đức hiển, hạp nghìn muôn người như một, dù xa nhưng đã có kỳ hẹn, chắc ức triệu dân cũng cùng cảm động cả. Nên tuân lời dụ này !”

(1) *Ninh lăng* : lễ an táng vua chúa, hoặc hậu, phi.

(2) *Bảo trạch* : tiếng tôn xưng về mã của vương, hậu.

Thu lại cáo bằng của Nguyễn Đăng Khánh, Phó lãnh binh tỉnh Tuyên Quang. Cha Đăng Khánh là Đăng Vĩnh trước nhận chức trung uý của bên giặc, năm trước mạo khai cầu cạnh, được dự phong điển. Đến đây, việc phát giác. Đăng Khánh đã chết. Thu lại cáo bằng và sắc tặng phong cho cha mẹ.

Hộ đốc Định - Yên là Phạm Duy Trinh xin sửa đổi làm lại sổ ruộng tỉnh Nam Định. Vua nói : “Sổ ngạch đã xong rồi, nay nếu một phen thay đổi, thì những kẻ lại dịch nhân đó làm gian, lại sinh nhiều việc, ví như thả con hổ đói để bắt đàn dê thực không có lợi cho dân ta !”. Bèn sai bộ Hộ bàn. Chuẩn cho phàm các hạng điền thổ đều để nguyên ngạch cũ, duy có chỗ đất bãi mới thành điền, không cứ ruộng cấy mùa hay cấy chiêm, đều cho tùy từng nơi mà biên cho rõ ràng.

Quận công Ba Xuyên Miên Túc, đem ra ngoài thành chơi bời, bị người quản gia đem việc ấy ra tố giác. Vua sai bộ Hình xét hỏi, thì đều do Phó Trương ty là Trần Văn Bằng tìm đường cầu cạnh, đem con gái quyến rũ làm càn. Vua giận, đòi lại lương 2 năm của Miên Túc, lại sai vệ Cẩm y bắt Văn Bằng khoá tay áp giải đến đầu cửa nhà các hoàng thân, đóng gông 3 tháng, hết hạn, đánh cho 80 côn đò, cách chức, phát đi khổ sai ở sở thợ làm. Lại dụ thân đài chuyển sức cho hoàng tử, hoàng thân, khiến cho đều phải nghiêm răn các quyền thuộc, đừng nghe kẻ phi nhân loại để đến tội lỗi. Chỉ làm luy đến thịnh đức.

Thổ mục phủ Hải Tây một tên gọi Mân Tri (tên là Bèn), một tên gọi Tiệp Bà Đê (tên là Biện) đến pháo đài quân thứ thành Trấn Tây, tình nguyện xin quy thuận, và nói : bọn chúng đều là người phủ Hải Tây, cứ hàng năm giặc Xiêm đòi thu của người Thổ trong phủ ấy mỗi suất dinh phải nộp 8 cân đậu khấu, kỳ này đệ nộp thiếu số, đầu mục Xiêm đã bắt 8 tên thổ mục giam thu, để thổ mục, thổ dân của chúng phải sợ hãi, cùng nhau đem gia quyến chạy trốn, bọn chúng xuyên qua rừng, tìm đường, ngấm đến quân thứ quy thuận, để nhờ giúp đường sinh sống. Đại thần quân thứ ở thành Trấn Tây là bọn Vũ Văn Giải đem việc tâu lên. Vua dụ rằng : các đại thần xét xem thổ mục quả có thực lòng hướng thuận thì nên lượng cấp cho quân áo để khuyến khích chúng, nhưng phải tra hỏi kỹ, sao cho biết được tình hình hư thực ở trong đám giặc, việc nên tâu thì nói thêm vào trong tờ tâu, việc nên tư thì đem việc tư về bộ, để tình hình ngoài biên được thông đạt hết. Bọn Vũ Văn Giải lại đem việc phái người đến ngay đất Ô Đông⁽¹⁾ đem việc chia đặt [các hạt] bảo cho Sá Ong Giun và Chất Tri biết. Chất Tri kêu van xin cho các cháu của Sá Ong Giun được đoàn tụ một nhà. Việc ấy tâu lên. Vua dụ rằng : Chất Tri còn có lòng gian xảo bất trắc. Cái việc xin hoà đã một năm nay, thường thường yêu cầu, quân thứ đem việc tâu lên. Triều đình nghĩ đến quân dân, đều đã gượng theo lời xin. Nay lại đem việc

(1) Ô Đông : là địa điểm thuộc về nước Xiêm.

đoàn tụ nói ngọt kêu xin đi lại phân biện, kéo dài nhật kỳ, để đợi cho tiện chiều gió và dòng nước thì thực hay đối, còn chưa có thể biết. Huống chi, cái việc lượng đất mà chia đặt các hạt, chúng nếu có mượn lời cầu xin, quyết không thể miễn cưỡng mà theo chúng được, nếu theo lời xin ấy, thì rồi ra hoặc chiến hoặc hoà không phải mất một phen trừ tính. Vả lại, từ trước đến giờ, dụ bảo các đại thần ta đã có nói : tất cả việc đánh hay giữ cũng phải trừ biện trước. Lại nói : phương pháp nắm chắc phần được, càng nên gia ý tính kỹ. Lại phê bảo hai chữ “chiến, hoà” cốt phải hợp cơ nghi, dặn dò đến 3 - 4 lần, không phải một lần mà thôi. Thế mà nhiều lần tập tâu dâng lên, chỉ thấy nói có đắp thêm đồn lũy, làm kế tự vệ lấy mình. Đến như một chữ “chiến” thì ta thấy hoặc nói : nếu chúng dám manh tâm giáo giở, đến bấy giờ sẽ lại tính kỹ tấu biện ; hoặc nói : không dùng đại binh lực không xong, thế mà không có một lời nào đề cập đến tình hình bên mình và bên địch, phương lược nắm lấy phần thắng. Thế là ý gì ? Nay, nếu chúng thuận điều khoản của ta chia đặt các hạt, thì cuộc hoà có thể xong, cũng là việc hay, nếu đánh thì lấy gì mà ứng phó ? Nay, những quân tinh binh ở 6 tỉnh Nam Kỳ và những quân rất mạnh từ Bình Định trở ra Bắc ba lần phái đi đóng thú, dùng binh lực ấy, đều có thể nắm được tính mạng của chúng. Các đại thần có trọng trách được phó thác việc biên khốn, phải thử trừ tính xem, đừng để làm sự lầm lẫn thì ở việc không phải là nhỏ. Phải nên tiên cơ, tính từng chi tiết, giữ cho vạn toàn tất thắng là được.

Lại dụ luôn rằng : Chất Tri từ sau khi bị thua kéo về Ô Đông, cái việc cầu hoà do hấn đề khởi ra, thế mà lần nữa kéo dài, khẩn khoản xin hoãn kỳ hạn : một là để dò xem tình hình hư thực của ta, một là để xem tình người Mên theo hay không theo, để nó ở giữa chỉ tìm lấy thế thuận tiện. Nếu thế ta mạnh mà dân Mên lại không chịu để chúng ta khu xử, thì nó không khởi như con thú vẫy đuôi, kêu van người ta thương cho, mà tìm đến chỗ hoà hiếu như cũ. Ta tuy cơ đánh và giữ, mà lòng thổ dân Mên đã oán sự tàn ngược của người Xiêm, lại khinh nước Xiêm không đủ tin cậy, nếu có đại quân tiến đánh, tự khắc đem nhau mà quy thuận. Như thế thì, tình hình chúng với mình, cái thế mạnh hay yếu, và tình dân Mên theo hay không, chắc đã rõ ra ở trước mắt, thế thì cái cuộc chiến hay hoà quyền ở tay ta, sao lại mỗi việc cứ phải nhân nhượng nhau, để cho chúng dòm thấy chỗ nông, chỗ sâu ! Huống chi, không phải đánh mà khuất phục được quân của người, sẽ khiến cho người khuất phục ta, chứ lẽ nào ta chịu khuất với người ? Các đại thần có trách trọng được uỷ thác việc biên khốn, phạm việc phải giữ lấy quốc thể, nhưng trước phải nắm lấy cái thế bất khả phạm, để ngăn tuyệt cái lòng bên giặc dòm ngó, đợi đến kỳ hết tháng 11, nếu chúng có lộ vẻ thua mà phải cầu hoà về mặt chính tất phải tùy phương mà đánh, một mặt phải phi tấu lên ngay, để tiện chỉ bảo cho hợp cơ nghi, thế mới không phụ cái trách nhiệm nhận sự uỷ thác.

Dụ chuẩn cho phái quân ở Kinh và quân ở các tỉnh đến ngay các tỉnh Nam Kỳ để thay phiên đóng thú. Ngày đến tỉnh, cho ở lại 20 ngày để nghỉ ngơi. Quan tỉnh sở tại đều phải xem xét vệ nào cơ nào nên phải đi Trấn Tây, An Giang, thì cấp giấy tờ cho đi trước. Còn biên binh các cơ vệ đi đóng thú từ năm Thiệu Trị thứ 4 đều chuẩn cho về chỗ đóng thú cũ, do tỉnh cấp giấy tờ cho về hàng ngũ trước, để cho sự lao, dật được điều hoà. Rồi sau đó, quân thứ Trấn Tây tâu nói : tỉnh Gia Định chính là hùng phiên, cũng nên thêm quân để trấn áp, bọn thần đã trích ra 220 biên binh thuộc vệ Trung quân Hồ oai, đóng thú từ năm [Thiệu Trị] thứ 4 trước, cho về chỗ đóng thú cũ ở tỉnh ấy để cho nghỉ ngơi, đợi tháng giêng sang năm do tỉnh ấy cấp giấy tờ cho về ngũ nghỉ. Vua y cho.

Dụ quả quân thứ Trấn Tây là bọn Vũ Văn Giải rằng : “Ta mở xem kỹ tập mật tấu trừ tính việc ngoài biên, thấy trong tập đó nói đến nghìn muôn lời chẳng qua muốn bùng bọn Ngọc Văn và phiên mục mà giao cho chúng thôi, ngoài ra không trừ tính được việc gì khác ! Trước kia nói chúng nhờ cậy việc các cháu tên Giun, đã liệu định việc của bọn người làm toán muốn vin lấy cơ Man Lào đoàn tụ, phân đặt các hạt là khó, chỉ mong cho rồi việc, trích ra phê bảo [cho biết] việc ở ngoài nghìn dặm sáng như ở trước mặt, nay quả nhiên thế. Lại còn trừ tính nhiều việc cho khó nhọc làm gì ? Và lại trách trọng ở ngoài biên thủy, phải nên mưu sâu nghĩ xa, nếu làm như thế, sao không nói rõ một thể trước khi bàn đến việc hoà, tất phải đợi sau khi xin được mẹ tên Giun lại xin được vợ lẽ, con gái tên Giun, mới đề cập đến, động làm việc gì bị chúng nói dối, càng vào càng sâu, thế thì đóng quân đã lâu để xếp đặt mọi việc, thế là việc gì ! Ôi, Chát Tri là kẻ giáo quyết, nhiều lần đã từng nói đến rồi, các đại thần lẽ nào không biết ? Việc cầu xin mẹ và vợ lẽ cùng con gái cho tên Giun, thì thằng giặc kia ra mặt nói, hoặc uỷ đầu mục nước Xiêm đi lại nói, khi đã được thoả nguyện rồi thì việc dâng biểu phụng cống và việc khẩn xin đoàn tụ chỉ uỷ cho vài tên Man mục đến nói, y hãy làm một việc bằng quan ngoài cuộc, dò xem ta có thuận nghe hay không, để làm cái kế dụ cho người Man phải sợ. Y nghĩ trong bụng như thế rất là giáo quyết ! Các đại thần không lấy việc ấy làm quan tâm, còn khen y là tình ý và lời lẽ kính thuận ! Sao không nghĩ : việc dất dáy đến một năm đã nhận được bao nhiêu sự kính thuận mà vội tin như thế ư ? Ôi, cái việc cầu hoà, tự y đề khởi ra trước, mà y được việc đã nhiều. Duy có một việc phân cư, quan hệ đến quốc thể là ta còn được đôi chút danh nghĩa, nay lại đem nộp hết cho chúng ! Rồi ra chúng lại yêu cầu ta tất phải phong cho tên Giun, giao cho tổng hạt xứ Trấn Tây, dân đến cả 2 phủ Khai, Quảng ⁽¹⁾ và dãy núi Thất Sơn ⁽²⁾ thì quân thứ chực muốn

(1) Khai Quảng : Khai Biên, Quảng Biên, 2 phủ thuộc tỉnh Hà Tiên.

(2) Thất Sơn : 7 ngọn núi : 1. Trượng Sơn, 2. Tô Sơn, 3. Cấm Sơn, 4. Ốc Nhâm Sơn, 5. Nam Vi Sơn, 6. Nhân Hoà Sơn, 7. Trà Biệt Sơn, đều thuộc tỉnh An Giang.

cho triều đình cứ miễn cưỡng mà theo, có được không ? Hướng chi, sự thế ở Lạp Mên do Chất Tri làm chủ sử, tên Giun không được tự do, thế mà các đại thần không từng hỏi Chất Tri rằng ngày nào lui về nước Xiêm, để tiện cho quan quân rút về, mới là hoà nghị xong. Nếu Chất Tri tất phải muốn cho tên Giun một nhà đoàn tụ, cùng cai quản dân Mên, thì tên Giun và Ngọc Vân cùng làm Mên trưởng sẽ xưng hô thế nào ? Cho là một danh hiệu cùng cai quản dân Mên, thì bọn tên Cao, tên Tiên làm phản nước Xiêm, người Xiêm có còn dám theo hay không ? Tên Bướm quy thuận về ta, tù trưởng người Mên có thể không hiềm nghi cái chỗ đoàn tụ ? Nên cho tên Giun ở đất Ô Đông, Ngọc Vân ở tại thành Nam Vang cùng đi lại với nhau, hay là cùng ở một chỗ ? Và sau khi cùng được đoàn tụ, có thể giữ được không ngờ vực mà sinh hiềm khích ra không ? Vài việc ấy, nếu không có giao ước minh bạch, mà chỉ chăm chăm xin cho đoàn tụ, chỉ sợ trái cái lòng giặc Mên kia, thì kiến thức cũng thấp ! Biết đâu sau khi cho chúng được đoàn tụ, lại chẳng mượn việc kia khác mà cầu xin ư ? Ta chắc là cái việc phân cư, tên Giun không phải không thuận theo, duy có Chất Tri dòm thấy quân thứ thường hay nhũn nhặn mà nghe theo chúng, nên muốn đem hết việc xử trí với Lạp Mên làm ra ơn đều ở mình, rồi lại mượn người Mên đem việc ấy mà nói dóc thôi. Thế mà các đại thần không nghĩ đến chỗ ấy, lại muốn nói hỏi hộ, cho là nếu tụ ta cứ một mực cho phân cư, tất chúng để bụng trông ngóng, chưa chắc việc đã xong xuôi ngay. Thế thì từ trước đến giờ, việc gì cũng theo chúng, có quả được xong xuôi ngay hay không ? Hướng chi, nay mới gặp cái oai thanh thắng luôn [của ta], chúng còn có ý kiến như thế, nếu sau này chúng lại sinh lòng giáo giở, đến lúc ấy mới kể tội chúng ra mà đánh, há chẳng lại phải động đến binh cách ư ? Nay nên đem ngay việc ấy vặn hỏi rõ ràng ngay trước mặt Chất Tri, đòi lấy tờ chữ làm bằng, nếu y thuận nghe thì cuộc hoà xong được, nếu không thì là trái lời ước mà sinh sự tranh giành, là lỗi trái ở y. Thế thì ta phải chinh bị quân lính, sắm sửa giáo mác, chinh đồn việc biên phòng, dần dà tính đường tiến đánh, khiến cho y không dám yêu cầu gì nữa, tự nhiên phải nhụt đi”.

Quân thứ xứ Trấn Tây là bọn Vũ Văn Giải và Nguyễn Tri Phương vì lời ước của người Xiêm đã đến hạn, sai người đến phủ Hải Tây hỏi rõ để xem ý tứ thế nào. Chất Tri nói y đã gửi thư về Xiêm, chừng trong một tháng có thể y ước được, bọn Giải còn chưa tin, nhân tâu lên nói : “Nếu y quả trái lời ước thì xin đến tháng sau, chia đường cất đại binh, kéo thẳng đến Ô Đông, để dẹp bọn nhiễu loạn ở biên giới”.

Vua khen lời xin ấy, dụ rằng : “Các đại thần trước sự cơ mà trừ tính, tùy sự cơ mà tiến thủ, thật là một nước cờ hay để nắm lấy phần thắng. Duy cái đạo hành binh, tất phải trước xem thời tiết của trời, hình thế về sông núi ở mặt đất và sự hoà vui của lòng người, mới có thể dễ làm được. Nay, nếu y quả giữ lời nói trước, trả lại dân, dâng cống khoản, thì cuộc hoà có thể xong, vẫn là hay. Nếu không thế, thế tất

phải dùng binh. Trước phải nhằm một dải địa phương từ sông cái trở xuống Nam, vỗ về lấy người Thổ, dứt đường vận lương của y. Người Thổ tuy ngu, nhưng chán sự tàn ngược của người Xiêm đã lâu, nếu ta bảo rõ cho hai đường hoạ phúc, thế tất người thổ đem nhau mà quy thuận. Nhân đó mà ta thừa cơ, cũng là một cơ hội tốt. Nhưng phải dùng người Mên đánh người Mên, mới là kế hay. Vậy nên chọn lấy những người theo ở trong quân có thể sai phái được, như bọn Mộc Túc, Liêm Đột, đem ít nhiều thổ dân đến trước mà chiêu dụ, rồi quân ta làm thanh ứng theo sau, xem có thể tiến được thì tiến, tự khắc dễ thành công. Duy về binh cơ, dời bước đi hay thay đổi tình hình, chưa tiện ấn định ngay được, cốt phải xét rõ sự thế, động tĩnh cho vừa phải, lấy cái thế nhàn hạ của ta đối lại với cái thế nhọc mệt của kẻ kia : cái thế nhọc mệt, nhàn hạ khác nhau, thì cái cơ được, thua mới quyết định được”.

Đầu mục nước Xiêm là Chất Tri tự cho là nguyệt hạn đã gần hết, mà thư của nước Xiêm và các dân người Kinh chưa thấy giao đến, rất sợ là thất tín, mới uỷ 1 tên đầu mục người Xiêm, 3 tên đầu mục người Mên, đến quân thứ khẩn xin trước cho tên Giun uỷ người kính đệ lễ phẩm đến quân thứ xét duyệt, và chọn uỷ thổ mục đến Kinh xưng làm tôi, dâng lễ cống, hôm nào tù trưởng Xiêm giao dân Kinh đến, sẽ xin nộp sau. Đại thần quân thứ là bọn Vũ Văn Giải cho rằng y đã khẩn xin giả hạn nguyệt kỳ, lại đến uỷ người nói hoặc giải việc đó tù trưởng nước Xiêm trở ngại. Duy có điều là y đã xin trước làm việc dâng lễ cống, rồi sau mới giao dân, cứ nghe lời xin ấy cũng không sao, bèn đem việc tâu lên. Vua cho lời tâu là phải.

Cho : Hữu viện phán viện Thái y là Nguyễn Ý thăng thụ Phó ngự y ; Y chánh là Đoàn Công Loan thăng thụ Hữu viện phán.

Dân Man ở đầu nguồn Tả Trạch phủ Thừa Thiên nghe thấy quốc tang, chọn dâng thứ gỗ dổi nhờ quan ở phủ tiến lên. Vua khen là biết quý mến việc nghĩa, thưởng cho 10 người dân Man áo vải hoa, quần vải hoa ngoại quốc đều 20 ngàn tiền Phi long hạng lớn 20 đồng, hạng nhỏ 30 đồng, sai quan kinh doãn chọn người được việc đem đi ban cho, để tuyên dương đức ý của triều đình.

Trong tập tâu thỉnh an của Án sát tỉnh An Giang là Trần Văn Triệu có nói : “Hai phủ Ba Xuyên, Tỉnh Biên có nhiều đất bỏ không. Vậy xin : phàm những người các tỉnh từ Quảng Bình trở vào Nam phải ấn phát đi sung quân, và bọn tù phạm bị tội phạt trọng, tội đồ, tội khổ sai ở tỉnh An Giang, đều chia giao cho viên ở 2 đồn quản thúc, để khai khẩn những ruộng bỏ không ấy”. Việc giao xuống cho 2 bộ Hộ, Hình bàn. Hai bộ tâu lên đều nói : “Bọn người phát đi sung quân vốn không căn cước, hưởng chi từ đồ khổ sai đều có niên hạn, cùng với người phát đi làm quân không giống nhau, nếu nhất khái phát đi làm quân, chưa chắc đã không có cái tệ bỏ trốn ! Lại, từ tỉnh Phú Yên trở ra Bắc đến tỉnh Quảng Trị, từ tỉnh Khánh Hoà trở vào Nam đến 6 tỉnh Nam Kỳ, những ấn phát đi sung quân, nguyên đã chước lượng tùy

từng nơi xa nơi gần, đã có lệ định, há có thể nhất khái chia giao cho 2 đồn ? Nay xin : từ tỉnh Khánh Hoà trở vào Nam, những người bị án xử phát đi sung quân, và binh dinh lậu ngục ở 6 tỉnh Nam Kỳ, cùng những người can án trốn đi lại ra thú, nếu là quan mà phạm tội, thì vẫn cho lưu ở tỉnh An Giang để tuý việc sai phái ; còn thì do tỉnh chia giao viên coi đồn ở phủ Ba Xuyên và Tỉnh Biên chiêu lính. Ai tình nguyện ra sức khẩn ruộng thì lượng cấp cho trâu cày và đồ làm ruộng, để cho khai khẩn, nhưng phải gia tâm quản thúc, nếu có kẻ nào trốn đi, thì những viên quản suất, cứ đến cuối năm, cũng bị chiếu lệ xử phân ; những quân phát đi mà trốn cũng bị nghị xử. Còn những tù đồ và khổ sai, xin đều chiếu án sung đi phát phối, từ tỉnh Phú Yên trở ra Bắc đến các tỉnh Quảng Bình ; những án xử phát đi sung quân, đều chiếu lệ y trước thi hành, để cho có phân biệt”. Vua ưng cho.

Ngày Tân Sửu, dâng tôn thụy cho Đại hành Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Khang ninh Thái hoàng thái hậu là Thuận thiên Hưng thánh Quang dụ Hoá cơ Nhân tuyên Từ khánh Đức trạch Nguyên công Cao hoàng hậu. Trước kia vua dụ cho Tôn nhân phủ, các tước công và văn võ đình thần rằng : từ cổ, các bậc đế vương hiếu phụng, đối với lễ tôn đáng thân, tất có huy hiệu đẹp để to tát, để bảo rõ cho muôn đời, là điển lễ rất to. Kính nhớ : Hoàng tổ Đại hành Thái hoàng thái hậu ta, như mặt trời được khí sáng của trời, thuận trời sánh với đất, rộng giúp những lúc gian nan, công rất là cao, phúc thừa để thịnh về sau, đức rất là hậu, mặc áo vi y ⁽¹⁾ để dâng lễ tế. Đức hiệu rất long trọng, khuôn pháp đoan chính như ngọc cư, ngọc vũ, cung kính dốc một lòng : gà gáy dậy sớm, tỏ đức cần cù ; thân làm việc nuôi tằm, ương tơ, tỏ đức tiết kiệm, rộng yêu mọi vật, tỏ đức hiền lành. Ban ra sáu cõi, mở rộng ân trạch : cao như trời, muốn đền ơn mà không biết đâu là cùng : dày như đất, nên thuật đức lâu mãi không cùng ! [Các người] nên tra xét điển lệ, bàn việc đặt tên thụy, rồi tâu lên. Đến khi nghị dâng lên, vua nghe theo, sai quan cáo các miếu điện và đền Thọ quốc công ⁽²⁾, đền họ Trần ⁽³⁾. Ngày hôm ấy, vua thân đem các quan đến chỗ ban thờ, dâng sách và ấn. Sách rằng : “Có đức lớn trong thiên hạ, tất được tiếng to trong thiên hạ. Cho nên lễ tôn huy hiệu chép ở kinh mà văn thuật đức để trong sách. Kính nhớ Hoàng tổ tỷ Đại hành Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Khang ninh Thái hoàng thái hậu : nêu đức tốt bao hàm rộng rãi, nổi tiếng tốt chạy kính thân yêu. Đức hiệp đất dày, giúp công thành thịnh cho nhà Hạ ⁽⁴⁾, ấn thần điềm tốt, chịu mệnh trời sinh ra nhà Thương ⁽⁵⁾. Đức sáng lâu dài để ở Xã tắc ; giáo hoá gây dựng, làm phép cho nước nhà. Lòng nhân rộng yêu người mà tiếng thánh thiện

(1) Vi y : áo lễ của hoàng hậu.

(2) Đền Thọ quốc công : ở xã Phú Xuân, bên tây Kinh thành.

(3) Đền họ Trần : ở làng Văn Xá, có tên là đền Dụ Khanh (theo *Cựu nhất thống chí*).

(4) Hạ : vợ Hạ Vũ là con gái họ Đố Sơn, giúp công nghiệp cho Hạ Vũ.

(5) Thương : Giản Địch sinh ra Tiết, tổ nhà Thương.

nghe khắp ; đức hiền hợp hoà khí mà hưởng phúc thọ được tôn vinh. Hợp phúc 3 triều, đồng đường ngũ đại. Đức ban ra khắp tám phương xa cách ; công giúp rập ngang đất chỗ trời che. Suy nguyên diễm lành phúc tốt từ đâu, vô cùng cảm mộ ; ngựa trông đại đức chí nhân khó nói, khôn xứng báo đền ! Tra xét điển thường, hợp lòng công luận ; thỉnh mệnh các miếu, thân đem Tồn nhân phủ và các quan văn võ, kính tiến sách vàng, ấn vàng, dâng tôn thụy là : Thuận thiên Hưng thánh Quang dụ Hoá cơ Nhân tuyên Từ khánh Đức trạch Nguyên công Cao hoàng hậu. Cúi xin sáng tỏ tôn hiệu to, nêu ra phúc lành tốt. Sánh trời cao sáng, cùng dài lâu đến chỗ vô ngần ; hưởng tế cảm thông, mong nối dõi về sau còn mãi”.

Đến ngày mai, ban chiếu cho trong Kinh, ngoài tỉnh. Lời chiếu rằng :

“Ta nghĩ : đáng thánh nhân trọng điển lễ hậu, hiếu không gì bằng tôn đáng thân ; bậc vương giả suy lòng làm con, ơn phải rộng lên đến bậc khác. Cho nên, lễ tôn tên thụy, đại hành thì được đại danh ; ơn ra cho dân, huệ tâm hợp với huệ đức : đều để tỏ phúc lành mà nêu đức lớn”.

“Lớn thay ! Hoàng tổ tỷ Đại hành Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Khang ninh thái hoàng thái hậu : an tĩnh để đức hay, đoan trang làm khuôn mẫu. Giúp nên nghiệp lớn, thuận trời tỏ đạo khôn trình ; diễm báo ấn thân, sông trong ứng diễm sinh thánh. Bất nguồn xa như thơ “Trường phát”⁽¹⁾, bậc vua hiền nhà Thương sinh ra mở diễm. Gây đức tốt như thơ “Quan thư”⁽²⁾, thiên Quốc phong đời Chu chính từ lúc trước. Thánh tính trời sinh, toàn là nhân hậu ; trả lời vua hỏi, tỏ rõ tuyên chiêu. Ôn lành để cho con cháu dưới đến nhân dân ; phúc khánh hậu cho nước nhà, về sau thịnh vượng. Tự trời cho trăm phúc trăm lộc, tính tuổi thọ sáu mươi, bảy mươi. Cùng ở năm đời, suốt muôn thuở trăm vua ít thấy ; nhà vua hợp phúc, khắp chín châu bốn biển cùng vui. Sáng cả rộng dung, đức trạch để lâu muôn thuở ; cao dày vĩnh viễn, công to ngang với hai nghi⁽³⁾. Trong sử sách để lại tiếng hay, như viên ngọc tỏ ra đức tốt.

Ta, kính noi chí trước, hầu trước mặt vui. Nhờ lời dạy thường mỗi ngày một long trọng thêm ; đội đức từ ái, từ trời đã như cho sẵn. Tuổi tiên gồm tám chục, những mong phúc chỉ đương thêm lên ; linh giá bỗng lên trời, không ngờ xe tiên khôn kéo lại ! Đương lúc vui mừng tuổi thọ, bỗng chẳng thấy đâu ! Từ đây, xa thăm xe mây, kêu gào không kịp. Truy nguyên lai tích lũy từ đâu đến, nhờ phúc ấm để noi theo ; ngựa trông lên nhân đức khó nói ra, xét điển lễ mà soạn thuật.

Ngày 17 tháng này, đã thỉnh mệnh liệt miếu, ngày 20, thân đem Tồn nhân phủ và các quan văn võ đến chỗ bàn thờ, kính cẩn dâng sách vàng, ấn vàng, tuyên dâng

(1) Trường phát : một thơ trong thiên “Thương tụng” Kinh Thi.

(2) Quan thư : một thơ trong thiên “Chu nam” Kinh Thi.

(3) Chỉ Trời, Đất.

tôn thuy rằng “Thuận thiên Hưng thánh Quang dụ Hoá cơ Nhân tuyền Từ khánh Đức trạch Nguyên công Cao hoàng hậu. Hiệu to nên tỏ, tôn danh hợp với điển thường, hiếu trị xương long : ban phúc đều cho đậm thắm. Có ban ơn 10 điều như sau :

- Các hoàng tử đã được phong, các thân công, quốc công, quận công cùng các tôn tước, cho đến [các quan] ở trong Kinh ngoài trấn, văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên, mà được chõ biên tên không có đeo chữ “bị giáng”, đều được thưởng gia 1 cấp.

- Quan viên lớn nhỏ ở trong Kinh, ngoài trấn, vì việc công lầm lẫn, ai bị giáng 5 cấp đến bị cách lưu, cho đổi làm giáng 4 cấp lưu ; ai bị giáng 2, 3, 4 cấp thì khai phục cho 1 cấp ; ai bị giáng 1 cấp đều cho khai phục.

- Quan viên lớn nhỏ ở trong Kinh ngoài trấn, nhân việc công lầm lẫn, đã bị xử phân, đều rộng cho miễn.

- Các hạng biền binh chính ngạch ở Kinh, không kể lưu ban hay hạ ban, cứ thực số ở trong quân ngũ, đều được thưởng cho nửa tháng tiền lương.

- Các hạng ngạch thợ ở Kinh, cứ thực số hiện tại, đều thưởng cho nửa tháng lương.

- Từ năm Thiệu Trị thứ 5 [1845] trở về trước, những thuế về tiền, thóc mà các địa phương còn đọng thiếu hoặc triển hoãn lại, chuẩn cho bộ Hộ làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ, sẽ lượng cho tha hay giảm.

- Các quan văn từ tam phẩm, võ từ nhị phẩm trở lên, ở trong Kinh và ngoài tỉnh, nếu có cha mẹ 70 tuổi trở lên, thì quan địa phương sở tại thăm hỏi, lại làm thành danh sách tâu lên, đều gia ban ân điển.

- Các tỉnh : Quảng Trị, Phú Yên, Khánh Hoà, Nghệ An, Hà Nội, Bắc Ninh, mùa thu năm nay và vụ bị hạn trước, lúa ruộng gián hoặc có tổn hại, chuẩn cho bộ Hộ xét từng phân số đã bị tai hại, bàn để tha thuế hoặc giảm thuế cho có thứ bậc.

- Các địa phương nếu có hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ, các viên phủ huyện xét hỏi cho rõ, quan tỉnh làm tờ tâu lên, giáp bộ xét bàn, đợi Chỉ sẽ nêu thưởng.

- Sở dưỡng tế ở các địa phương, quan hữu ty phải lưu tâm bồi dưỡng cho được đầy đủ.

Than ôi, trông tốt mà xung thuật, một mình ta được giải bụng kính thành ; rộng ân trạch để ban ra, muôn dân người cũng yên lòng đợi phúc”.

Vì lễ kính dâng tôn thuy đã xong, thưởng kim tiền và ngân tiền cho các hạng quan viên dự việc có thứ bậc khác nhau ; còn từ suất đội, tư vụ, kiểm thảo, điển hạ, cung phụng cho đến các lại điển và thợ, thưởng tất cả 100 quan tiền.

Vua bảo Tổng hộ thân là bọn Hà Duy Phiên rằng : “Ninh lăng là điển lễ rất long trọng. Những việc khi tiến lên, khi dừng lại và treo các hiệu cờ phải nên

nghiêm chỉnh càng hơn thì mới khỏi thất lễ. Lại, chỗ thượng lưu sông Hương có hơi hẹp, phàm những thuyền đi hộ tòng, tất phải tùy theo khúc sông cứ thứ tự mà đi, để cho được tề chỉnh và thư thả.

Dời công sảnh dinh Kỳ võ đến dựng ở phường Trùng Tĩnh (trước ở phường Nhân Cơ).

Tỉnh Hà Tĩnh bị lụt. Lúa mùa 10 phần tổn hại mất 5 phần, phủ huyện không đem việc thiên tai ấy báo lên. Được hơn một tháng gạo đắt. Dân phải khó khăn về lương thực ăn. Việc đến tai vua. Phủ, huyện là bọn Hồ Mậu Đức 8 người, vì giấu việc thiên tai, bị cách bắt trị, Bớ chính Phạm Huy, Án sát Hoàng Trọng Từ đều bị giáng chức, duy có Án sát Đỗ Mậu Thường vì tiếp làm việc về lúc sau, được miễn. Tỉnh Nghệ An cũng nước mưa lụt làm hại lúa mùa. Cả hai hạt [Nghệ - Tĩnh] số thuế tiền, thóc phải nộp đều tạm cho hoãn.

Lấy Tả tham tri bộ Lại Nguyễn Đức Hoạt sung đại thần viện Cơ mật.

Cấp 6 cái bài ngà cho các đội, ty vệ Loan giá (một mặt khắc 3 chữ “Loan giá vệ”, một mặt khắc 5 chữ suất đội ở ty nào).

Sai bọn Hữu thị lang bộ Hộ Tôn Thất Thường, Lang trung Nguyễn Công Nghĩa đáp thuyền to hiệu Bảo Long chạy sang Giang Lưu Ba ; thự Lang trung bộ Công Vũ Đình Ý, Viên ngoại lang Đỗ Tuấn Đại đáp thuyền to hiệu Thái Loan chạy sang Tân Gia Ba diễn tập về đường thủy, nhân tiện tìm mua các thứ hàng hoá.

Định lệ nghỉ giả hạn cho những quan viên đã làm nghĩa tử khi có tang cha mẹ nuôi. Dụ rằng : “Dạy cho hiếu để làm trung, là chính sách trọng yếu của triều đình. Từ trước đến nay, các văn võ quan viên được nghỉ giả hạn về để tang cha mẹ, đã nhiều lần có nghị định thi hành. Cái chỗ thể tất tình người dưới, trọng đạo hiếu, vẫn đã chu tất lắm rồi. Nhưng tựu trung các quan hiện tại chức, gián hoặc có người đi làm con nuôi người ta, [đối với] cha mẹ sinh trước và cha mẹ nuôi sau, việc để tang nguyên vẫn khác nhau, thì chỗ giả hạn cũng nên có phân biệt. Nếu đi làm con nuôi mà cha mẹ đẻ hãy còn, đã vội cấp giả hạn theo một lệ, thì con nuôi và con đẻ phân biệt thế nào được ? Hướng chi, để tang cha mẹ nuôi và cha mẹ đẻ cùng một lệ cấp giả hạn, thì để tang có hiềm về hai trọng tang. Vậy nên phân biệt chăm chước bàn nói, để tỏ nhất trí. Việc giao xuống cho bộ Lại bàn. Bộ cho rằng : cha mẹ nuôi và cha mẹ đẻ hơi có phân biệt. Khi nghị dâng lên, vua nói rằng : “Làm con nuôi người ta, lấy cha mẹ nuôi là trọng, đối với nghĩa vẫn phải ; nhưng hậu với cha mẹ đẻ, cũng là tình người tất thế. Cha mẹ nuôi và cha mẹ đẻ, hạn tháng cùng cho nghỉ như nhau, mới hết cả hai đường tình nghĩa. Đó cũng là một việc triều đình dạy cho đạo hiếu. Chuẩn giao bộ Lại bàn lại”. Rồi bộ Lại nghị xin : phàm các quan viên gián hoặc có làm con nuôi người ta, khi gặp tang cha mẹ nuôi và tang cha mẹ đẻ thì nhất phẩm

cho giả hạn về quê trông nom đều 3 tháng ; tứ, ngũ phẩm cho đến văn thân lục, thất phẩm và hành tẩu, hậu bổ đều 2 tháng ; đốc học, phủ, huyện và giáo huấn đều 6 tháng. Còn văn từ bát phẩm, võ từ lục phẩm trở xuống, đều cho giả hạn 1 tháng. Vua y cho.

Sai : Trung quân Đô thống phủ Đô thống Chương phủ sự Vũ lao hầu Tạ Quang Cự sung chức Tổng hộ sứ ; Hữu quân Đô thống phủ Đô thống Tân lộc tử Mai Công Ngôn, Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ Hà Duy Phiên sung phó Tổng hộ sứ, Thống chế Hữu dực dinh Vũ lâm Nguyễn Lương Nhân, Tả tham tri bộ Lại Nguyễn Đức Hoạt sung đại thân hành dinh ; Đề đốc Thủy sư Đoàn Kim sung Đề đốc dinh Tiền, Thủy đạo ; Chương vệ Quyền chương ấn triện dinh Hồ oai Nguyễn Phụng sung Đề đốc dinh Hậu, Thủy đạo ; Chương vệ Quyền chương ấn triện dinh Hùng nhuệ Phùng Hữu Hoà sung Đề đốc dinh Tả, Lục bộ ; Chương vệ quân các vệ Kinh tượng Lê Tất Ứng sung Đề đốc dinh Hữu, Lục lộ.

Sai Đông các Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lại Vũ Xuân Cẩn, Hậu quân Đô thống phủ Đô thống Tôn Thất Bật sung đại thân lưu Kinh ; bọn thự Hữu tham tri bộ Lại Nguyễn Đức Chính, Hữu thị lang bộ Lễ Tôn Thất Tĩnh, Trượng ty Kim ngô chấp Kim ngô Nguyễn Nghị, Vệ úy vệ Trung dinh Long võ Trương Phúc Trường, Hiệp lĩnh thị vệ Vũ Văn Trí và Cấp sự trung Lễ khoa Tôn Thất Nghị đều lưu trực Lục bộ ; còn tá nhị 4 viên, quản vệ các dinh 4 viên, túc vệ suất đội 4 viên, khoa đạo viện Đô sát 2 viên đều theo đi sai phái.

Ngày Canh Tuất. Sai quan kính cáo các miếu, các điện và đền Thọ quốc công, đền họ Trần. Lại sắc cho các quan và quân nhân về lễ Ninh lăng : trước 3 ngày ngày chính lễ và sau 1 ngày, cấm hành hình các tội phạm và giết sinh vật, trước 5 ngày ngày chính lễ và sau 4 ngày, cấm sự yến lạc, hát xướng, mặc áo đỏ, tía và cưới gả.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LXIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Bính Ngọ, Thiệu Trị năm thứ 6 [1846], mùa đông, tháng 12, mồng 1, ngày Nhâm Tý. Hoàng thân và các quan đều mặc triều phục làm lễ ban lịch ở trước cửa Ngọ Môn, có đặt nhã nhạc mà không tấu nhạc.

Ngày Quý Sửu. Vua thân đến chỗ bàn thờ, làm lễ ân tiến (vì ngày mồng 1 làm lễ ban lịch, nên hoãn đến hôm sau). Vì lễ cáo kỳ phát dẫn đã làm rồi, các địa phương và nước phụ thuộc là Thủy Xá, Hoả Xá cung kính làm lễ tiến hương. Vua bảo Tôn Thất Bật rằng : “Lần này, người khâm mạng lưu ở Kinh. Về bên hữu hoàng thành, mới mở ra một chỗ cửa khuyết, người phải dự biện với gạch trữ sẵn ở ngoài cửa Chương Đức, đợi đến ngày mồng 7, khi rước linh giá tiến ra rồi, thì đốc súc sửa sang lại ngay, sao cho xong sớm mới được. Lại, ở trước cung Từ Thọ, trần thiết sẵn trước, sao cho được nhất luật tề chỉnh, đợi đến ngày mồng 9, rước thân chủ về cung, để khỏi vội vàng khi việc xảy đến”.

Vua bảo Hà Duy Phiên rằng : “Ngày làm lễ Ninh lăng, phụng yên linh cữu, ta lúc ấy không xiết thương đau, không thể kiểm điểm rõ ràng chỗ phân kim lập hướng được, phàm những người dự vào việc phải mười phần kính cẩn cả mười để cho khỏi sai lầm”. Lại nói rằng : “Lễ Ninh lăng, là kế vạn niên, phải nên từng khoản từng khoản chu đáo rõ ràng. Người nên bàn với dinh kiến đại thần, gia tâm trừ biện, cốt cho được mười phần chắc chắn mới được”.

Ngày Đinh Tỵ, làm lễ cáo từ để rước linh cữu đi. Ngày Canh Thân, trước lễ Ninh lăng 2 ngày, rước linh giá ở cung Từ Thọ ra, vua đi bộ theo sau, đến bến sông trước Kinh thành, rước xuống thuyền, do đường thủy rước đi, đến ngày rước lên đi đường bộ, giờ Tỵ hạ huyết, làm lễ đề thần chủ ở điện Gia Thanh (hoàng tử thứ hai là Phúc Tuy công, hoàng thân là Diên Khánh công Tấn, Thọ Xuân công Miên Định đều vào việc bung thần chủ ; Đại học sĩ Trương Đăng Quế cung đề). Lễ đề chủ xong, rước an vị ở cung Từ Thọ (ngày Canh Thân, làm lễ Sơ ngu ; ngày Quý Hợi làm lễ Tái ngu ; ngày Giáp Tý, làm lễ Tam ngu ; ngày Ất Sửu, làm lễ Tứ ngu ; ngày Bính Dần, làm lễ Ngũ ngu ; ngày Đinh Mão, làm lễ Lục ngu ; ngày Mậu Thìn, làm lễ Thất ngu ; ngày Tân Mùi, làm lễ Bát ngu ; ngày Nhâm Thân, làm lễ Cửu ngu. Từ lễ cáo từ rước linh cữu cho đến lễ đàn tế, hoàng thân, quốc thích, các quan trong Kinh ngoài tỉnh và quý hương quý huyện đều tùy tình dâng lễ phẩm). Từ khi phát dẫn đến khi lễ xong, luôn mấy ngày tạnh nắng. Vua bảo thị thần rằng : ấy đều là tinh linh của Hoàng tổ tỷ ta ở trên trời đó. Bá cáo trong Kinh ngoài tỉnh để cho đều biết”.

Ngày hôm sau, vì đại lễ đã xong, bá cáo cho trong Kinh ngoài tỉnh, thưởng cho quan quân các gia cấp, kỷ lục bạc lạng và có thứ bạc khác nhau (thưởng cho quan Đề chủ là Trương Đăng Quế 2 thứ kỷ lục, 3 cây sa, 20 lạng bạc) ; quan dự việc Đề chủ là Lê Bá Đĩnh 1 thứ kỷ lục, 1 đồng ngân tiền Song long hạng lớn, 2 đồng ngân tiền hạng vừa và 2 đồng hạng nhỏ ; Tổng hộ sứ Tạ Quang Cự 1 cấp kỷ lục, 1 đồng kim tiền, 9 lạng bạc ; Phó tổng hộ Mai Công Ngôn, Hà Duy Phiên, Đồng lý tang lễ là Tôn Thất Bạch, Đào Trí Phú, Đề đốc dinh Tiền là Đoàn Kim, đều 1 cấp kỷ lục, 1 đồng kim tiền hạng nhỏ, 7 lạng bạc, Đề đốc các dinh là Nguyễn Phụng, Phùng Hữu Hoà, Lê Tất Ứng đều 2 thứ kỷ lục, 5 lạng bạc, viên quản suất những người khiêng linh cữu là Phạm Xích 1 cấp, kỷ lục, 1 đồng kim tiền Nhị nghi ; phó vệ uý, thự phó vệ uý và hiệp quản 4 viên đều 2 thứ kỷ lục, 1 đồng ngân tiền Ngũ phúc ; suất đội 8 viên đều 1 thứ kỷ lục, 1 đồng ngân tiền Tam đa ; các người sung vào việc khiêng linh cữu và quân lính thủy sư 300 quan tiền ; những người tùy biện tang lễ và chèo chở thuyền rồng, quan lại, quân lính, thợ thuyền 2.000 quan tiền ; hoàng thân 14 người, theo đi hộ giá, đều thưởng 1 đồng kim tiền, 8 lạng bạc, từ hoàng tử trở xuống đều gia kỷ lục 2 thứ. Còn thì quan viên trong ngoài, ai dự có châu hầu hoặc đi theo hầu, cùng lưu giữ Kinh thành, và tổng lý tang lễ, 2 sở thuyền rồng, vãn từ thất phẩm, võ từ lục phẩm trở lên, mà chưa được dự thưởng cấp, thì thưởng tất cả cho 10.000 quan tiền, giao cho bộ nghị thưởng, nghị tự. Dân hạt Thừa Thiên và những chỗ chùa có đặt hương án chiêm bái, thưởng cho 2.000 quan tiền. Quý hương, quý huyện, họ Trần, xã Văn Xá, họ Lê Xuân, xã Ba Nguyệt, thưởng 300 quan tiền. Dân hạt Thừa Thiên sửa sang những chỗ cầu, đập, đường sá, thưởng cho 300 quan tiền).

Vì lễ Ninh lăng đã làm xong, thưởng cho Đồng lý Đại thần Nguyễn Tiến Lâm, Dương Thai, Nguyễn Doãn, Hoàng Tế Mỹ đều gia tước 1 cấp. Chuẩn cho Tế Mỹ thực thụ Hữu tham tri bộ Binh. Những người quản vệ khoa đạo, bộ và tự làm tước biện, đều được thưởng gia cấp, kỷ lục và tiền có thứ bậc khác nhau. Đường quan bộ Lễ là Phan Thanh Giản, Lý Văn Phúc, Tôn Thất Tĩnh và Nguyễn Hanh đều được thưởng gia 1 cấp. Các người tá nhị, thủ lĩnh chuyên biện đều được thưởng 2 thứ kỷ lục ; lại dịch đều 3 tháng tiền lương.

Sai Tôn nhân phủ cứ hàng tháng hai lần chọn phái 1 viên phẩm quan người họ Tôn thất, hội đồng với khoa đạo và ty viên bộ Lễ đều 1 người, đến Thiên Thụ hữu lăng xem xét : từ những nơi đặt bày đồ tế đến những chỗ đường sá trồng cây tùng, cây thụ, có chỗ nào không hợp thì tham tấu lên.

Vua bảo quan bộ Lễ rằng : “Số đồ thờ bày ở điện Gia Thành có rất nhiều, nên giao cho thủ hộ sử gia tâm kiểm soát, không được chuyên giao cho cung nhân và đây tớ gái già coi quản. Nếu hơi có chút không chu đáo, thì trách cứ vào thủ hộ sử và ty Điện nghi mà hỏi tội”.

Vua bảo Văn Minh điện Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : “Chuyến này đại lễ Ninh lăng, trông nhờ từ phúc sâu dày, quan quân dân thứ được yên lành tất cả. Và lại, may gặp thời tiết tạnh nắng, các việc đều được chỉnh bị. Chỉ nghĩ : luôn mấy ngày tạnh nắng ấy làm cho việc canh nông có khi kém thuận tiện mà thôi”. Lập tức sắc sai quan phủ Thừa Thiên hỏi khắp cả trong hạt xem ruộng nương có chỗ nào bị khô ráo như thế nào. Lê Khiêm Quang tâu rằng : “Gần đây, tuy hơi có tạnh nắng, nhưng nương cày cấy, việc làm ruộng cũng được thuận tiện”. Vua rất vui lòng.

Tha số thóc vay ở kho Tôn nhân phủ. Trước đây, Tôn nhân phủ vay lĩnh bạc kho để sắm sửa lễ vật mừng thọ : đến đây chia phần ra thu lại để nộp trả vào kho. Nội vụ phủ kiểm tra, thấy có bạc giả, đem bạc ra thanh minh, Tôn nhân phủ dâng sớ xin nhận tội. Vua nói rằng : “Khánh tiết năm nay, đã dự bất phải sửa chữa những thói xa hoa, theo lễ tiết kiệm, chức lượng mà tỉnh giảm. Duy có sự làm vui và ban ân thì khắp cả người Kinh, người mọi, hưởng chi là chỗ họ thân lại càng hậu hơn. Không ngờ có sự chia nhau đóng góp như thế, để cho mang tiếng, ta thực không muốn nghe”. Những số bạc tiếp tục nộp vào kho đều mang trả lại.

Lấy thụ Tuấn phủ tỉnh Hưng Hoá là Nguyễn Trạch biện lý công việc bộ Hộ. Trạch trước có Chỉ tuyền triệu, đến đây từ trường thi Nam Định về, sai do bản chức, biện lý công việc bộ Hộ.

Thụ Đốc học tỉnh Bắc Ninh là Đặng Tiến chết.

Làm thêm kho bằng ngói ở các tỉnh Quảng Yên, Hải Dương và Ninh Bình (tỉnh Quảng Yên 1 toà 5 gian 2 chái, tỉnh Hải Dương 2 toà đều 35 gian 2 chái, tỉnh Ninh Bình 1 toà 19 gian 2 chái).

Đắp đê công ở xã Phục Lễ và xã Thiết Trụ thuộc tỉnh Hưng Yên (xã Phục Lễ thuộc huyện Kim Động, đê dài hơn 221 trượng ; xã Thiết Trụ thuộc huyện Đông Yên, đê dài 40 trượng).

Thống chế dinh Long võ là Tôn Thất Đường chết. Cho thêm 300 quan tiền, 2 cây gấm Trung Quốc, 3 cây sa, vải lụa đều 15 tấm. Lấy thự Thống chế dinh Kỳ võ là Nguyễn Doãn bổ sung thự Thống chế dinh Long võ ; Thống chế Tả dục dinh Vũ lâm gia hàm Đô thống là Nguyễn Trọng Tính kiêm quản ấn triện dinh Kỳ võ.

Lấy : thự Tuyên phủ sứ trấn Tây Ninh là Cao Hữu Dục bổ thự hàm Thị lang bộ Binh, thăng thự Tuần phủ tỉnh An Giang ; Án sát tỉnh Vĩnh Long là Phan Khắc Thận thăng thự Tuyên phủ sứ trấn Tây Ninh ; Án sát Bình Thuận là Nguyễn Ba bổ đi Án sát Bình Thuận.

Thự Hậu quân Đô thống phủ Đô thống, kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tả tôn khanh, Vũ Khê tử Tôn Thất Bật cư tang cha mẹ. Lấy Thái tử Thiếu bảo, Hữu quân Đô thống phủ Đô thống, Tân Lộc tử Mai Công Ngôn kiêm quản ấn triện Hậu quân ; Vệ úy vệ Loạn giá Tôn Thất Hàn quyền nhiếp Tôn nhân phủ Tả tôn khanh.

Lấy Hữu thị lang bộ Hình Nguyễn Danh Giáp bổ sang Thị lang Vũ khố, vẫn kiêm biện công việc Khâm thiên giám ; Thiêm sự phủ Thiếu thiêm sự, biện lý bộ Công Vương Hữu Quang biện lý công việc bộ Hình.

Đình một lần duyệt dinh tuyển lính ở các tỉnh biên thủy Bắc Kỳ. Dụ rằng : “Sáu tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hưng Hoá, Quảng Yên thuộc xứ Bắc Kỳ, từ trước chưa làm sổ đình điền, cũng như chưa duyệt tuyển gì. Năm Minh Mệnh thứ 21 [1840] chuẩn y lời bộ bàn, sáu tỉnh đều phải làm lại sổ sách. Đến năm sau, là năm Tân Sửu, sai quan duyệt tuyển, thực để bảo cho biết cái nghĩa đồng điều cộng quan. Đến năm Thiệu Trị thứ nhất [1841], mở xem sổ toát yếu đệ lên, thấy không có bao nhiêu, bèn giáng Chỉ xuống ngay hãy đình duyệt tuyển, rồi do các tỉnh viên biện lý. Đến năm Thiệu Trị thứ 7 [1847] là năm Đinh Mùi, sẽ theo như lệ thi hành. Sang năm chính đến kỳ duyệt tuyển, nhân nghĩ đến các tỉnh biên thủy, sổ đình hiện tại chưa thêm nhiều cho lắm, nếu nhất khái theo như lệ, sai quan duyệt, tuyển thì dân trong hạt đến tỉnh châu chực, chưa khỏi lại khó nhọc phí tổn thêm. Vậy nay hãy tạm đình một lần, đợi đến năm Thiệu Trị thứ 12 [1852] là năm Nhâm Tý sẽ lại y lệ thi hành. Lại, phủ Điện Biên thuộc tỉnh Hưng Hoá gián hữu 7 xã Mãnh Gia, Ba Man, Bình Đôn, Nông Hiệt, Bá Cao, Lai Sâm, Tấu Cư, là những dân xã mới lập, chưa có sổ đình, sổ điền ; nếu vội bắt phải làm sổ ngay, không khỏi đi lại vất vả, cũng cho tạm hoãn 1 khoá, đợi đến khoá sau, cũng phải thi hành ngay như dân các châu huyện.

Kiến Tường quận công Miên Quan chết. Cho đặt tên thụy là Cung Lượng. Sai chi ra vóc lụa trong kho để trị tang, cấp thêm 1.000 quan tiền. Hai con còn nhỏ, cho

con trưởng là Hồng Mục theo lệ công tử 20 tuổi trở lên, con thứ là Hồng Hân theo lệ công tử 11 tuổi trở lên mà cấp lương.

Từ trưởng nước Cao Miên là Sá Ong Giun sai bề tôi là bọn Ốc Nha Lịch, Y Giá Non, Ốc Nha Bò, Na Đốc Côi, Ốc Nha Thôn, Na Tiếp Bà Đê Đột đem tờ biểu và lễ phẩm đến quân thứ Trấn Tây xin dâng biểu đến Kinh, xưng làm tôi, nộp lễ cống. Bọn Phủ biên Tướng quân tiết chế Trấn Tây tổng hạt Vũ Văn Giải, Khâm sai đại thần tụy phủ Trấn Tây Nguyễn Tri Phương ; Tổng thống tiểu phủ quân vụ Lê Văn Phú, Tham tán đại thần Doãn Uẩn, thự Đê đốc quân vụ Nguyễn Văn Hoàng dịch tờ biểu ra, dâng lên, tờ biểu đại lược rằng :

“Từ trưởng Cao Miên là Sá Ong Giun rạp đầu cúi đầu cẩn tấu, xin mong Thiên hoàng đế chiếu giám : Từ trước, ông cha y cho đến anh y, đời làm tôi tớ, từ khi y lưu lạc, nương tựa vào nước Xiêm, cũng đã lâu năm. Từ khi liêu thuộc Mên phiến [đến nước Xiêm] xin y trở về cai quản lấy dân Mên đến khi quan quân tiến đến đất Ô Đông, y tức thì dẫn mình đem bộ lạc thú tội, xin quân thứ đem việc để tâu lên. Quân thứ đã tâu Chỉ dụ truyền bảo, trên đội ơn Thiên hoàng đế cho phúc ra ân, và rộng tha cho, mẹ y cùng vợ lẽ y, con gái y trước đã được nhờ giữ gìn nuôi nấng, lại cho về đoàn tụ. Y và phiến thuộc y trông lên đội ân đức Thiên hoàng đế như trời như đất, từ y cho đến dân Mên, người lớn người nhỏ, từ đó được nhờ bình yên mãi mãi. Tất cả đều cảm kích không biết thế nào là cùng, không biết lấy gì báo đáp được ! Vậy xin ở ngoài biên xa cúi lạy, xin giữ một lòng trung thành làm thần thuộc mãi mãi. Nay kính uỷ liêu thuộc Mên phiến là : thập phẩm Ốc Nha Lịch, Y Giá Non, bát phẩm Ốc Nha Bò, Na Đốc Côi, Ốc Nha Thôn, Na Tiếp Bà Đê Đột sung làm Chánh phó bồi sứ và 10 người tùy hành, thay y kính dâng biểu văn và lễ phẩm, 2 thớt voi đực, 2 cái ngà voi, 2 bộ sừng tê, 50 cân hạt sa nhân, 50 cân đậu khấu, 50 cân cánh kiến, 50 cân trần hoàng, 50 cân sáp ong, 20 nôi sơn sống, đến Kinh, do Lê bộ đường khấn bảm, nay được chiêm bái. Mong cúi xét cho chút lòng thành, để y được nghìn muôn phần xưng làm tôi ; dâng lễ cống, lâu nhờ Thiên hoàng đế thọ khảo muôn muôn năm, như trời như đất. Cẩn tấu”.

Giao xướng cho đình thần và những viên khâm điểm ở các địa phương hội bàn. Họ đều nói : “Nước Cao Miên đời cổ gọi là nước Chân Lạp, tiếp giới với phía nam [nước ta], từ trước làm tôi thờ bản triều, đã trải đời nọ đời kia. Khoảng năm Gia Long [1802-1819] bị nước Xiêm lăng bực. Thế tổ Cao hoàng đế ta sai quan đến bảo hộ, trấn trị cõi đất, yên định nhân dân. Người Xiêm sợ không dám cử động gì. Khoảng năm Minh Mệnh [1820-1840], người Xiêm ngầm mưu đánh úp, Phiến [Mên] vương là Chăn, một mình chạy lạc lõng, đến nương náu ở tỉnh Vĩnh Long. Thánh tổ Nhân hoàng đế ta sai quân đưa về, lại định người nối nghiệp cho nước ấy. Phiến vương là Chăn không có con trai nối nghiệp, chỉ sinh được mấy con gái,

chuẩn cho phong tước để làm chủ việc tông tự, lại đặt quan để vỗ về dân chúng. Thực là cái ơn dựng lại nước đã mất, nối lại tông tự đã hết, có thể gọi là rất nhân, rất nghĩa. Vừa đây, quan ngoài biên vỗ về chế ngự thất sách, thổ dân sinh ra sự, không yên, để dòng dõi Miên là Sá Ong Giun, vì có giặc Xiêm xui khiến làm bậy, nhiều lần xâm nhiễu biên phương, bị quan quân đánh phá, trận đánh ở đất Chân Niêm, đập bằng cả 8 trại, quân Mên vài vạn thua hết, không còn sót một mống nào ! Kẻ kia đã không dám trông thẳng đến nước ta rồi. Tiếp đấy, vì người Thổ khát mong vua ta đến cứu sống cho, cùng đem nhau quy thuận. Quan ở biên cương tâu xin cất quân tiến đánh. Hoàng thượng ta nghĩ đến kế sâu, muốn được yên tĩnh lâu, thì phải ra oai cương quyết, sai tướng ra quân, tuyên bố tội trạng mà đánh, đánh một trận mà các đất như Đảo Sách, Lô Đản, Ba Nam, Đạp Phá, Thiết Thăng đều bình định ngay được. Đầu mục thành Trấn Tây là Chất Tri ôm đầu chạy trốn. Đại binh đuổi vây sát thành Ô Đông : người Thổ ra hàng, ngày kẻ đến hàng vạn, ta đều tha tội khiến cho đều về yên nghiệp. Đương lúc ấy, đem tất cả binh oai thắng trận luôn, thừa thế trường khu, dễ như là chẻ tre đó thôi. Nhưng mà người Xiêm tự đã biết là sức kém, ngoe ngoáy cầu thương, nhiều lần uỷ người đến kêu van xin đợi mệnh lệnh. Tù trưởng nước Mên là Sá Ong Giun cũng bó mình thú tội. Quan ở biên cương đã đem việc tâu xin. Lại đội ơn hoàng thượng mở 3 mặt lưới, cho con đường tự đổi mới, biết ăn năn tội thì chuẩn cho đầu thú ; muốn trao đổi buôn bán thì cho được thông thương. Mẹ con quyến thuộc Ong Giun cũng đều cho được đoàn tụ. Rồi lưu quan quân đóng giữ để yên ủi chiêu tập lấy dân Mên. Tướng huệ trạch đã thấm nhuần và ân uy gồm đã sáng tỏ rồi. Vả lại, đáng vương giả đối với di địch, làm phản thì ra oai, quy phục thì yên ủi, đó là cái đạo thường chế ngự nhưng dịch từ xưa đến giờ. Nay dòng dõi người Mên là Sá Ong Giun, đã biết cảm kích ăn năn tội, quy thành, dâng biểu, nộp lễ cống, các đại thần ở quân thứ đã vì y mà tâu xin, chỉ nên theo lời xin ấy”.

Vua ưng cho, dụ rằng : “Trước đây đem việc tù trưởng nước Mên là Sá Ong Giun khẩn xin sai sứ đến Kinh xin làm tội, dâng lễ cống tâu lên, đã phê giao cho đình thần và các địa phương khám điểm về Kinh hội đồng thoả nghị, tiếp sứ tâu lên, cho là tù trưởng nước Mên đã ăn năn tội, đầu thành, sai sứ phụng cống, tình ý và lời lẽ kính thuận, do ở tấm lòng thành thực khẩn xin, chuẩn cho đến sân rồng chiêm bái, để yên tấm lòng chiêm ngưỡng, đã phê chuẩn y nghị thi hành rồi ; nay chuẩn cho các tướng quân truyền bảo cho tù trưởng Mên biết để yên vui. Nhân nghĩ đến quân thứ ở Trấn Tây, quan quân đóng lâu khó nhọc, nay đã chuẩn cho tù trưởng Mên nội phụ, làm tội tở lâu dài, thì cái việc phòng biên đã hơi thư được mà phạm các việc khu xử xếp đặt cho được hay mãi về sau nên lấy từng thời kỳ mà chinh đốn, thế nào cho được thư thái yên tĩnh lâu dài, biên cương được yên ổn, thì phải

hết lòng trù tính mà tâu lên đợi Chỉ, lần lượt thi hành, để được chóng rút quân về, cùng hưởng cái vui yên nghỉ, là được”.

Đúc ấn Cao Miên quốc vương (ấn bằng chất bạc, cái núm ấn hình con lạc đà bịt vàng, đường kính bề mặt và cao, dày, phân tác đều y như ấn cũ).

Ngày Quý Dậu, làm lễ Hợp hưởng. Sai hoàng tử, hoàng thân đi tế thay vua.

Quốc tử giám Tế tửu Phạm Vũ Phác chết. Lấy tư nghiệp Nguyễn Công Hợp thăng thụ Tế tửu.

Ngày Giáp Tuất. Vua đến cung Từ Thọ, làm lễ Tốt khóc. Ngày 22 tháng ấy, gặp lễ Hợp hưởng ở các miếu, bộ Lễ nghị xin ngày ấy sai quan làm lễ ở cung Từ Thọ, mà tiếp đến ngày 23 làm lễ Tốt khóc. Vua nói rằng : Lễ Hợp hưởng ở trước ngày Tốt khóc, so tình với lễ, đã là không hợp ! Huống chi, cùng kế tiếp làm lễ, thì mâu áo mặc cũng là không phải. Và lại, lễ Tốt khóc xong, mà làm lễ Hợp hưởng, mới hợp nghi văn, rồi lấy ngày 25 là ngày Bính Tý, sai Hoàng tử là Kiến Thụy công Hồng Y đến cung Từ Thọ, thay vua làm lễ Hợp hưởng ; lại sai Hoàng tử là Hoàng Trị công Hồng Tố đến điện Gia Thành kính cẩn làm lễ.

Vua bảo các quan bộ Lễ rằng : “lễ phải châm chước tình và văn, mới là thoả hợp. Và lại, ta ở trong cung, để tang 3 năm, nếu gặp các đại lễ các tôn lăng và các miếu, há lẽ đợi đến sau khi 3 năm hết tang mới thân đến làm lễ ? Sang năm tiết Thanh minh, ta đến Thiên Thụ hữu lăng ⁽¹⁾ làm lễ ; còn Thiên Thụ lăng ⁽²⁾, Hiếu lăng ⁽³⁾ và Hiếu Đông lăng ⁽⁴⁾ thì sai quan làm lễ. Đợi ngoài 1 năm, gặp có lễ Tỉnh yết, sẽ sai quan làm lễ Thiên Thụ hữu lăng, ta thân đến Hiếu lăng làm lễ. Sắp cho quan ở bộ soạn sẵn nghi tiết tiến trình, đợi ta tài định”.

Vua bảo Nội các rằng : “Về lễ khánh hạ tiết Nguyên đán, chuẩn cho đình chỉ đúng việc ban thưởng cứ chiếu lệ trước thi hành. Đối với các quan địa phương được khâm điểm đến Kinh, cũng cho chiếu phẩm cấp phát, để tỏ ra rằng việc ban phúc lúc đầu năm, phải nhuần thấm khắp cả một lượt, mới được”.

Vua lại triệu đại thân Trương Đãng Quế, Vũ Xuân Cẩn bảo rằng : “Sang năm, tiết Nguyên đán, quan ở bộ đã tâu xin, ta ngự điện nhận lễ mừng, ta vì đương có quốc tang, trong bụng có chỗ không được yên, đã phê bảo đình chỉ rồi, nhưng vì đầu năm đón điểm lành, các quan mừng thọ, chắc cũng do tấm lòng thành thực, châm chước trong chỗ đó để cho hợp tình và văn, cũng không hề chi. Ngày hôm ấy, quan viên lớn nhỏ đều mặc triều phục, đặt đủ triều nghi ở trước sân điện Thái Hoà.

(1) Thiên Thụ hữu lăng : lăng Thế Tổ Cao hoàng hậu (vợ Gia Long).

(2) Thiên Thụ lăng : lăng Thế tổ (Gia Long).

(3) Hiếu lăng : lăng Thánh tổ (Minh Mạng).

(4) Hiếu Đông lăng : lăng Thánh tổ Nhân hoàng hậu (vợ Minh Mạng).

Quan bộ Lễ gửi tờ tâu, quan Nội các truyền sắc Chỉ, miễn lễ châu mừng, nhưng đều thay mặc áo đẹp, đến tả hữu vu điện Càn Chính đứng chực đáp, đợi ta ngự điện Càn Chính hoặc điện Văn Minh, cho ban văn từ khoa đạo, viên ngoại lang và uỷ viên các tỉnh, ban võ từ quản vệ trở lên, được dự chiêm bái. Đình chỉ yến tiệc, có ban thưởng bạc tiền theo thứ bậc khác nhau. Đến như đốt ống lệnh và đặt triều nghi ở sân điện Càn Chính đều đình chỉ. Đó cũng đủ thấy trên dưới cùng tin nhau, cùng mừng thời tiết tốt, bất tất làm phiền văn quá, hoặc có điều chưa hợp lẽ”.

Đình việc kiểm duyệt biên binh 2 tỉnh Bình Thuận, Khánh Hoà một lần. Theo lệ, tỉnh Bình Thuận và Khánh Hoà cứ sang năm mới thì sai quan kiểm duyệt biên binh ; đến đây vì biên binh 2 tỉnh đã pháí vào đóng thú ở phương Nam, còn ở chỗ hàng ngũ không được mấy, ra lệnh tạm đình việc kiểm duyệt. Biên binh ở 2 tỉnh Quảng Nam và Bình Định, cũng cho đình một lần việc đến kinh diễn tập, vì có không có nhiều ở chỗ quân ngũ.

Hộ đốc Nam Định Phạm Duy Trinh dâng sớ nói : Cửa biển Ba Lạt thế nước đầy đầy, cát bùn bồi ú lên thành nông ; thuyền buôn khó ra vào. Có lái buôn Trung Quốc là Đặng Trinh Bát xin xuất của riêng để đắp đê ngăn nước ở hai bên cửa biển, khai khẩn ruộng bỏ không, sẽ nộp thuế theo như lệ”. Vua y cho.

Định lại lệ quan viên được tập ấm. Tuần phủ Quảng Nam là Ngụy Khắc Tuấn dâng sớ nói : “Trong thuộc hạt, có nguyên Quốc tử giám Tế tửu tặng Quang lộc Tự khanh là Nguyễn Văn Nhượng đã chết, không có con, xin cho cháu là Nguyễn Văn Tuấn làm hạng quan viên tử, để trông nom việc thờ cúng”. Việc giao xuống cho 2 bộ Lại, Lễ bàn kỹ. Hai bộ đều nói : “Xét trong luật chép : ông cha có công với nước thì con và em mới được thừa ấm, mà chiếu lệ định, phần quan văn võ đến phẩm trật nào đó mới đáng dự hàng được có quan viên tử, mà chỉ nhằm người có con mà nói. Năm trước, Ngô Tông Hoà (cháu họ Ninh Hoà quận công Ngô Tông Chu), Tổng Hồ Thanh (cháu họ Tuấn Nghĩa hầu Tổng Phúc Đạm) được ơn ấm thụ, là do gặp khi ra đặc ân, đâu dám viện vào đó để làm lệ ? Còn Nguyễn Văn Nhượng hành trạng không có công lao gì, thì cháu là Nguyễn Văn Tuấn không thể đặc cách hãnh cầu hưởng ấm được”. Vua y lời tâu và đặt làm lệ.

Cho thự Phó vệ úy vệ Hậu dinh Hồ oai là Trần Quang Cương bổ sung thự Phó vệ úy Tứ vệ dinh Kỳ võ ; gia thự Quản cơ Hữu cơ là Nguyễn Minh bổ thự Phó vệ úy Hậu vệ dinh Hồ oai ; Phó vệ úy vệ Thủy hữu tỉnh Vĩnh Long là Đào Trí bổ thự Phó vệ úy Tiên vệ dinh Hùng nhuệ ; Cai đội Thủy sư là Lê Thuận thăng thự Phó vệ úy vệ Thủy tiền tỉnh Nghệ An ; Quản cơ Hữu cơ tỉnh Định Tường là Hoàng Chiến thăng thự Vệ úy vệ Thủy tả tỉnh ấy.

Phủ Thừa Thiên tâu nói : “Những miếu, đền, dinh thự, cầu, đập ở trong hạt gồm 42 sở, và trường thi Hương thi Hội, trước vì mưa lụt làm hư hỏng, xin đợi đến sang xuân, khởi công tu bổ”. Vua chuẩn y.

Đời công sảng quản vệ Tả bảo đến chỗ đất rộng ở đài Bắc Thuận (trước ở phường Hàm Thanh).

(Định lại phẩm trật của tri bạ các vệ ở các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh là chánh bát phẩm (trước là chánh thất phẩm). Bộ Lại tâu nói : “Lệ định tri bạ ở các vệ Thân binh, Cấm binh, trật chánh thất phẩm, tri bạ ở Tỉnh binh trật chánh bát phẩm, các vệ ở các tỉnh Hà Tĩnh và Thanh, Nghệ tuy lệ thuộc 5 dinh mà quân thì do tỉnh sai phái, phẩm trật quân suất các vệ đã cải định, thì phẩm hàm của tri bạ nên theo lệ vệ binh các tỉnh, xin đổi làm chánh bát phẩm”. Vua ưng cho.

Định lại trình hạn phiếu nghĩ của các nha môn. Dụ rằng : “Đường lối chính trị vẫn có thứ tự cho thích nghi, mà công việc phải làm tất có trình hạn. Năm trước, kính vâng thánh dụ : phàm các bộ tiếp nhận những sớ tấu sớ sách, việc thuộc khẩn yếu và tầm thường để làm phải trong 1 ngày làm phiếu tiến trình. Ngoài ra, việc không khó làm, nhưng cần phải kê cứu, chuẩn cho hạn 3 ngày ; còn sớ mục hơi nhiều và phải tư để tra xét, đều chuẩn cho hạn 10 ngày. Nếu sự lý khó khăn, sớ mục quá nhiều, không thể y hạn làm ngay được, tức thì đem duyên do xin hoãn kỳ hạn lại. Đến như các việc giao cho Nội các duyệt nghĩ, cũng chiếu lệ ý thi hành, lại chuẩn cho định lại trình hạn tuân phụng mà làm. Nghĩ đến bậc đại thánh nhân lập ra pháp độ, cái chỗ công việc làm ra và xét những công việc đã làm, khuôn mẫu then chốt thực đã rõ ràng và đầy đủ cả rồi. Ta từ khi thân chính đến nay, tuân theo pháp độ đã sẵn có, mọi việc chăm lo, ban ngày coi châu đến quá trưa, mãi đến đêm còn phê tập tâu, không dám tự mình nhàn rồi. Phàm các quan viên, dưới chỗ thừa hành, phải hết lòng để cho xong việc mới được. Thế mà gần đây, những sớ tấu của các nha tiếp đến, có chỗ không từng khẩn xét, mà để chậm đến 3 - 4 ngày, có chỗ chỉ nói là khẩn xét mà không nói rõ hạn ngày, kéo dài ngày đến hàng tuần ; đến khi phiếu nghĩ phúc tâu lên, cái chỗ ngày tháng để lâu xa cũng không kiểm xét đến ! Lâu ngày sinh lười là như thế đó. Phải một phen chỉnh đốn lại, để bỏ cái thói lười biếng mà mong cho được việc. Nay chuẩn định : từ giờ về sau, phàm Lục bộ tiếp nhận những sớ tấu sớ sách ở trong Kinh ngoài tỉnh và các nha môn bàn giao cho Nội các làm phiếu nghĩ, trừ ra việc gì khẩn cấp, phải bất kỳ dâng vua xem, hoặc đợi trả lời ngay trước mặt, hoặc tâu bày theo phiếu nghĩ cần phải kê cứu, thì thước lượng việc phiền hay giản, việc khó hay dễ, chuẩn cho chiếu lệ khẩn cứu, trong tờ tâu bày đều phải nói rõ ngày tháng nào tiếp được và cầu xin hoãn cho bao nhiêu ngày, xét xong, làm phiếu tâu trả lời lên. Đến khi phiếu dâng lên mà được Chỉ rồi, sẽ đóng ấn ; còn bản phiếu của Lục bộ do quan đương trực và Nội các, khoa đạo,

bản phiếu của Nội các do quan đương trực và khoa đạo, đều phải tra lấy bản nguyên tâu xem nói thế nào, cứu ngay số ngày đối chiếu xem có thực đúng hạn không. Nếu để quá hạn thì phải nêu ngay tâu hạch, để phòng cái tệ chậm trễ ứ đọng. Lại như khoa đạo, chức giữ việc phong hoá kỹ cương, lại kiêm cả chức trách xét hạch các nha, cùng những nha có quan hệ đến, cũng phải kiểm hạch luôn luôn, nếu xét có tình bỏ giầy và việc khẩn cứu để quá hạn, đều phải giữ pháp luật mà tham tâu để trừng trị ngay. Nếu đã dạy bảo rồi, mà còn dám nể mặt mà che giấu, không những trực thân đương ở ban, Nội các, khoa đạo, phải giao bộ nghị xử. Còn khoa đạo chuyên giữ việc xét hạch cũng phải nghiêm nghị. Chuẩn cho đến mồng 1 tháng giêng, sang năm, bắt đầu thi hành.

Ngày Kỷ Mão, là ngày kỵ ở điện Hiếu Tư. Vua thân đến làm lễ.

Lĩnh Tổng đốc Hà Ninh Đặng Văn Thiêm tâu nói : “Các huyện Phú Xuyên, Thượng Phúc, Duy Tiên, Kim Bảng, Sơn Minh, Chương Đức, Hoài An trong hạt, địa thế trũng thấp, các đê điều trước đã bỏ đi (khoảng năm Minh Mệnh [1820 – 1840] các quan coi việc đê tâu xin các hạt Từ Liêm, Vĩnh Thuận, Thọ Xương ở thượng du, các huyện Nam Sang, Thanh Liêm, Bình Lục ở hạ du, vẫn để đê công ; còn các huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Thượng Phúc, Thanh Oai, Chương Đức, Hoài An, Sơn Minh, Phú Xuyên, Thanh Trì đặt vào hàng bỏ đê đi) để cho nước lụt tràn vào, ruộng mùa cũng bị ngập cả, hoặc không cấy được, một đoạn đường cái quan từ sông Chân Cầu đến trạm Hà Hồi, sóng nước chảy xói, đường đều sụt lở, hằng năm bồi đắp, rồi lại sụt lở ngay. Vả lại, đê nên bỏ hay nên đắp chưa có định nghị, xin hãy tùy nghi tu bổ lại”. Việc giao xuống cho đình thần hội bàn. Họ đều nói : “Xin như thế cũng là nhân lòng người ta muốn ; duy có công việc làm không thể không theo thứ tự hoãn cấp trước sau, xin do quan tỉnh thân hành đến tận nơi khám, chỗ nào không quan yếu lắm, hãy tạm quyền hoãn lại, chỗ nào nên sửa thì bắt dân làm”. Vua nghe theo.

Thuộc ty bộ Hộ có Hồ Văn Dung mạo lĩnh tiền lương, bị người bắt được. Giao bộ Hình trị tội, nghị cho phát di sung quân. Vua nói rằng : “Tiền lương ở kho là quan trọng. Trước kia phát sinh cái án Trần Đình Hưng, đã lập tức trừng phạt nặng ; nay Văn Dung còn cố phạm như thế, tang vật không bao nhiêu, nhưng tội tình thì nặng, không thể phạt như phát di sung quân !. Bèn hạ lệnh đổi làm giam hãm.

Vua bảo Nội các rằng : “Về bản án Trịnh Nho trước đây, là căn cứ vào sự tra nghị của ty Tam pháp. Ôi, đặt dài Ngự sử để đàn hạch, gián hoặc có khi nhân việc công ra đi, thám được dân tình tật khổ tai thương, không ngại gì đem việc tâu lên để lượng làm các việc cứu chữa, thế mới là xứng chức. Trình Nho là người trong khoa đạo, thế mà nhân việc công, giương thanh thế để chế áp người, chực làm cái kẻ vơ đây túi tham, trong bụng đầy những đen tối như thế, rất là đáng ghét ! Sau khi tra

xét, tuy chỉ nhận tang có 2 hốt bạc, nhưng việc nhận 10 hốt bạc của Trần Kim Đĩnh dứt lốt, có đủ lời cung của nhân chứng minh bạch, chiếu luật kể tang mà đoán tội, thì tội quá với luật. Vậy về tội Trịnh Nho, chuẩn cho đổi làm giáo giam hậu, để nghiêm quy chế trong chỗ đài Ngự sử”.

Quan tỉnh An Giang là Tôn Thất Bạch tâu nói : “Trong hạt có nhiều đồn trại, cần phải sai phái nhiều đường. Vậy xin lưu lại những lính thú ở tỉnh và những lính thú tỉnh Gia Định để đủ sai phái”.

Vua quở rằng : “Hạt ngươi tuy là hạt đầu quan yếu, nhưng đã có đại đội binh mã ở thành Trấn Tây có thể nhờ để trấn áp được. Còn lính thú của các tỉnh, phải thả cho về hàng ngũ cũ để được nghỉ ngơi, không được tạ sự xin lưu nhiều quân lại để tự vệ làm gì !”.

Lại sai Phó vệ úy Thuỷ sư Kinh kỳ lĩnh Giám đốc Mộc thương Đinh Văn Quý, Lang trung bộ Công Tôn Thất Ty đến 2 tỉnh Thanh, Nghệ trông coi đóng 2 chiếc thuyền lớn bọc đồng 2 hiệu Thuỷ Hồng, Tường Nhạn. Trước đó đã sai bọn Quản vệ Thuỷ sư Kinh kỳ Lê Công Tịch đi đến chỉ bảo kiểu mẫu. Và lại, thuyền ấy rất quan hệ cho khi dùng vào việc binh, sợ công việc làm chưa được mười phần chu đáo, cho nên lại có mệnh lệnh này.

Người coi giữ ở Lý Sơn bắt được 1 cỗ súng đồng phách sơn (thân dài 3 thước 1 tấc, lòng dài 2 thước 6 tấc 8 phân, đường kính trong lòng 1 tấc 3 phân). Sai thưởng cho 15 quan tiền.

Ngự sử Đặng Minh Trần, Diệp Xuân Huyền tâu nói : “Triều đình đặt khoa thi, lấy nhân tài, vẫn phải cho tinh, nhưng phải lấy chỗ hơn bù chỗ kém, một người không thể cầu cho đủ cả được thế thì nhân tài chỉ có một mặt cũng được. Năm trước điều lệ thi Hương : 3 kỳ đều ưu là hơn cả, thứ đến 2 ưu 1 liệt, lại thứ đến 2 bình 1 liệt và 3 kỳ đều thứ, cũng lấy 2 kỳ ưu bình bỏ cho 1 kỳ liệt ; gần đây, 2 trường Thừa Thiên, Nghệ An, những cử nhân lấy đỗ, gián hoặc có người 3 kỳ đều có liệt, mà 2 kỳ khác văn lý cũng tầm thường, đã đánh xuống hạng tú tài, thực là trong chỗ rộng rãi mà ngụ ý tinh sát. Duy có tài năng của người ta, ít người được gồm đủ, tự trung 3 kỳ tuy có 1 liệt mà 2 kỳ khác văn lý xuất sắc so với 3 kỳ đều thứ cũng không kém mấy, nếu nhất khái vì 1 liệt mà để xuống hạng tú tài, sợ không đáp lại cái ý hay [của triều đình] về việc cất nhắc nhân tài. Vậy xin sắc cho bộ Lễ bàn rõ, để hợp với lệ định”. Vua nói rằng : “Văn hành công khí⁽¹⁾, đã có nhiều lệ. Bọn kia nói, kiến thức còn thấp, không chuẩn cho thi hành”.

(1) Văn hành công khí : chấm quyển thì cân nhắc, quyển nào hay thì phê lấy đỗ, quyển nào kém thì đánh hỏng, theo lẽ công bằng.

Bộ Hộ tâu nói : “Những nơi quan tân ⁽¹⁾ được đặt ra, có quan hệ đến thuế khoá. Quan tân ở Bắc Kỳ thì lấy hoá giá mà định, quan tân ở Nam Kỳ thì lấy thuyền bè làm chuẩn đích. Duy từ Thừa Thiên trở vào Nam đến tỉnh Biên Hoà, trở ra Bắc đến tỉnh Quảng Bình, nguyên đặt ra các sở tuần ty ở những chỗ đầu nguồn để thu thuế các hàng buôn, từ trước đến nay chưa có lệ định ; nay phụng nghĩ 5 tỉnh Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hoà, các chỗ đầu nguồn, hoặc do những tên linh mua tự biến hoá vật trao đổi nộp thuế, hoặc do dân Miên cứ thuế lệ vẫn phải nộp đệ nộp chiếu thu, vẫn không có đánh thuế thu thuế, xin y lệ trước thi hành. Ngoài ra, các hạt như Thừa Thiên, Quảng Trị, Bình Thuận, Phú Yên, Biên Hoà, các sở tuần đều ở nơi đầu nguồn, phàm dân đi buôn hàng hoá chở từ đầu nguồn xuống đi qua các sở tuần, có đem gạo và các vật tầm thường, thì tha không đánh thuế, còn mua các hoá hạng của người Mên hoặc sản vật ở rừng, đều cứ từng thứ hàng mười phần thu một, nếu có tình nguyện nộp tiền cũng cho ; hàng hoá từ hạ lưu chở lên đầu nguồn, xin không đánh thuế cho rõ chế độ nhất định”. Vua ưng cho.

Vua bảo Nội các rằng : “Các tập thơ ngự chế [trong có những bài] lễ tế Giao, lễ Ning lăng, cung, đền, vườn, nương, cho đến các loài chim, muông, sâu, cá, nên phân biệt từng môn, từng loại, để tiện khi mở xem, cho khỏi chồng chập”.

Vua bảo đại thần Trương Đăng Quế rằng : “Đến sang năm thi Hội, cũng cho giáo, huấn được dự thi, số sĩ tử tăng gấp đôi khoá trước. Vả lại, làm người học trò, cũng có người vận mệnh không may thi mãi không đỗ được cử nhân ! Thịnh điển của triều đình là cốt cốt nhắc nhân tài, phải nên lấy cả những người thường tài nữa.

Hướng chi, giáo, huấn là người đã có chức vụ, lại được thi Hội, vì đấy mà học, lại vì đấy mà dạy người, há chẳng nên khuyến khích văn phong cho sĩ phu hay sao ?”. Lại nói rằng : “Phép thi của nhà Thanh, khoa nào cũng lấy đồ cả trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa, cho thế là thường. Đại khái, quán trường ⁽²⁾ là trạng nguyên đó thôi. Ta thường xem văn trạng nguyên nhà Thanh cũng rất hoạt bát, đáng lấy đồ”. Đăng Quế thưa rằng : “Hạ thần cũng thiết tưởng đồ đầu là trạng, chỉ vì về đời cổ Lê cứ tăng bốc lẫn nhau, mới cho là khó được đấy thôi”.

(1) *Quan tân* ; những nơi thuyền bè đậu đóng, buôn bán sầm uất, có đặt ra sở tuần ty để đánh thuế hàng hoá.

(2) *Quán trường* : như “quán quân”. Đây có nghĩa là trội nhất trường thi.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LXIV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Đinh Mùi, Thiệu Trị năm thứ 7 [1847] (năm thứ 27 Đạo Quang nhà Thanh) mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1. Vua ngự điện Văn Minh, các quan mặc cát phục, xếp hàng lạy. Lễ xong, ban thưởng đều có thứ bạc. Quan ở các địa phương khâm điểm về Kinh đều được dự. Ngày hôm ấy, phủ Thừa Thiên tâu lúa má được xanh tốt ; 2 tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình tâu dân gian được yên ổn. Vua nói rằng : “Thóc là của báu sống lâu, dân là căn bản của nước, đầu năm câu phúc, điểm tốt nào lớn hơn thế được !”. Chốc lát, tập tâu của tỉnh Gia Định đến nói : “Năm ngoái, 4 phủ, 9 huyện được mùa to tất cả, so với năm thường hơn gấp đôi, từ trước đến nay chưa có năm nào được mùa tốt như thế”. Vua xem tờ tâu được yên ủi và vui mừng, bảo hộ Hộ rằng : “Nam Kỳ khổ vì việc chinh chiến đã lâu, 4 - 5 năm nay, giá gạo quá cao, nay được tin hay, một hạt như thế, hạt khác có thể biết được, ta rất mừng cho dân địa phương ấy”.

Cấp thêm lương hằng năm cho Duyên Phúc công chúa Tĩnh Hảo. Lương hằng năm của công chúa, lệ định 300 quan tiền, 240 phương gạo, Tĩnh Hảo là con gái trưởng nhà vua, cho nên đặc cách cấp lương năm 600 quan tiền, 300 phương gạo, ngang với 4 người thái trưởng công chúa⁽¹⁾, lệ trước công chúa, trưởng công chúa⁽²⁾

(1) Thái trưởng công chúa : cô vua.

(2) Trưởng công chúa : em gái vua.

lượng đồng niên 300 quan tiền, 240 phương gạo, trong đó 24 phương gạo trắng. Duy có : Bình Thái, Bình Hùng, Bảo Lộc, Bảo Thuận 4 người thái trưởng công chúa, năm Minh Mệnh thứ 11 [1830] cấp thêm 100 quan tiền lương, đến năm Thiệu Trị thứ 3 [1843] lại cấp thêm lương năm 600 quan tiền, 300 phương gạo, đó là đặc cách.

Xa giá đến chơi hồ Tĩnh Tâm giảng võ, lên lầu Trùng Luyện nghỉ một chút, sai hoàng tử, hoàng đệ đi tùy giá làm 4 bài thơ.

Bổ : thự Hữu tham tri bộ Lại là Nguyễn Đức Chính làm thự Tả tham tri bộ Binh ; thự Hữu tham tri bộ Hộ là Phạm Thế Trung làm thự Hữu tham tri bộ Lại ; nguyên thự Tuần phủ Hưng Hoá, biện lý bộ Hộ là Nguyễn Trạch làm Hữu tham tri Hộ bộ ; Bồ chính Nghệ An là Vũ Tuấn làm Tả thị lang bộ Hình.

Thự Tổng đốc Ninh - Thái là Giáp Văn Tân bị giáng chức. Tân do võ biên xuất thân, gặp việc cứ nóng nảy làm liều, trước ở tỉnh lý dăng sơ cử lại dịch là Nguyễn Xuân Duyên có thể làm được kinh lịch, không chuẩn cho ; đến sau được khâm điểm về Kinh, Tân lại bầu cử Duyên làm được việc, bị bộ Lại tham hặc. Vua giao viện Đô sát nghị xử, Tân bị giáng bổ Vệ úy vệ Tiền nhị Hữu dực dinh Vũ lâm.

Lấy Tuần phủ Nam - Ngãi là Ngụy Khắc Tuấn bổ đi Tuần phủ Bắc Ninh, hộ lý án quan phòng Tổng đốc Ninh - Thái ; thự Tuần phủ Trị - Bình là Nguyễn Đình Tân bổ thự Tuần phủ Nam - Ngãi ; quyền hộ án quan phòng Tổng đốc Hải - An là Lê Trường Danh lại làm Tuần phủ Trị - Bình ; quyền biện công việc bộ Hình là Nguyễn Văn Nhị lại làm Tuần phủ Hải Dương, hộ lý án quan phòng Tổng đốc Hải - An.

Dụ Ngụy Khắc Tuấn rằng : “Việc hà phòng ở xứ Bắc Kỳ, là việc lợi hại lớn, quan hệ đến dân sinh. Sông Thiên Đức lại thuộc địa phận tỉnh Bắc Ninh, gần đây bàn khai sâu xuống, chưa biết có hẳn được thuận tiện không ? Một phen dở công việc ra, khó nhọc phí tổn rất nhiều. Người nên gia tâm xét hỏi, đem những phân số lợi hại nhiều hay ít, làm tập tâu lên, đợi Kinh sẽ có phái viên đến hội đồng khám biện”.

Dụ Nguyễn Đình Tân rằng : “Người bị đau mắt, bệnh tình gần đây thế nào ? Ta nghĩ đến người vừa đứng tuổi, thế mà có bệnh ấy, ở Kinh khi lui khi tới có điều hơi nhọc mệt, cho nên để ở địa phương ấy ⁽¹⁾ để giúp về sự điều dưỡng, địa phương ấy phong tục thuần hậu, nằm đấy mà cai trị cũng không khó gì ; duy có cửa biển Đà Nẵng là nơi quan yếu biên cương ở mặt biển, phải cẩn thận đó, để cho xứng đáng với lòng ta, mà người cũng có thể không thẹn với thanh danh nhà”.

Dụ Nguyễn Văn Nhị rằng : “Người chất phác thành thực, trong sạch, chăm chỉ, ta đã biết nên mới lựa chọn, duy gần đây trải qua nhiều công việc, người chưa kiến

(1) *Địa phương ấy* : chỉ Quảng Nam, Quảng Ngãi nói trên.

minh được việc gì. Nay giao cho trọng trấn ⁽¹⁾ ấy, cốt phải giải tỏ mưu lược làm mọi việc, để cho có thành tích”.

Cho Chương vệ Nguyễn Phương thăng thự Thống chế dinh Hồ oai, Chương vệ Phùng Hữu Hoà thăng thự Thống chế dinh Hùng nhuệ ; Vệ úy Tôn Thất Mậu thăng thự Chương vệ, vẫn quyền lĩnh Đề đốc Kinh thành, kiêm lý công việc phủ Thừa Thiên ; Lãnh binh tỉnh Vĩnh Long là Nguyễn Đức Chung bổ làm Vệ úy vệ Tả dinh Hồ oai ; Phó lãnh binh tỉnh Định Tường là Hồ Hậu bổ thự Lãnh binh Vĩnh Long ; thự Phó lãnh binh Định Tường Lê Viên thăng thự Phó lãnh binh tỉnh ấy.

Thự Bớ chính Hà Nội Phan Tĩnh bị mất chức. Tĩnh trước ở Nam Định, hội tra cái án giặc, không biết thế nào là phải trái, bị giáng chức. Lấy thự Tả thị lang bộ Lại sung biện việc Nội các là Nguyễn Cửu Trường làm Bớ chính Hà Nội. Lấy : Hữu thị lang bộ Công kiêm quyền Hữu tôn khanh Tôn nhân phủ là Tôn Thất Cấp sung làm Sự vụ Nội các ; Hữu thị lang bộ Lễ Tôn Thất Tĩnh kiêm nhiếp Hữu tôn khanh Tôn nhân phủ.

Dụ Nguyễn Cửu Trường rằng : “Người ra làm quan đã nhiều năm, chưa từng bỏ ra các tỉnh ngoài, nay làm quan ở địa phương ấy ⁽²⁾, tài hoá tỵ cả ở đấy, bốn phương để mắt vào. Người danh gia là khoa giáp, do quan Nội các đi làm quan một tỉnh to, phải cố gắng lên, không những không phụ với chức mà ta uỷ dụng, mà lại không thẹn với khoa danh, chẳng cũng quý ư !”

Thự Tổng đốc An - Tĩnh là Đặng Đức Thiệm tâu nói : “Số gỗ lim bộ Công tư mua nhiều, mà 3 phủ huyện Quỳnh Châu, Tương Dương, Nghĩa Đường là nơi sản ra, đã phải chịu thuế quế và gỗ lim, lại có những thứ như sáp ong và vải to, mà phần phải gọi lính và đóng thuế thân cũng như huyện khác. Vả lại, số đinh ít, số gỗ nhiều, những nơi gần núi rừng chặt đi gần hết, ở nơi xa thì khó vận tải. Xin do 3 huyện Lương Sơn, Thanh Chương, Quỳnh Châu ở gần sơn cước và 2 huyện Hương Sơn, La Sơn, chiếu số sản bổ, để cho khỏi riêng gánh lệch, rồi bắt các dân sở tại ở vạn ⁽³⁾ dưới sông, mỗi vạn 1 - 2 người hướng dẫn đường thuỷ, ngày cấp cho tiền thuê”.

Vua nói rằng : “Những gỗ lim đặt mua, do quan cho giá, vốn không phải bắt ức gì dân. Nếu như lời tâu, thì 3 phủ, huyện ấy có các hạng thuế khoá khác ; vả lại đặt giá mua là tùy chỗ thổ sản, không có liên quan gì với binh thuế chính cung, không thể lấy thứ nợ mà trừ cho thứ kia. Từ trước đến nay, từ đi mua, không có chuyên chỉ hạn định vào phủ, huyện, xã, thôn nào. Thế thì phạm những nơi có sản gỗ lạt, phải chức lượng chia ra cho mua, là chức sự của quan tỉnh ấy. Nay lại cho là chỗ này

(1) *Trọng trấn* : chỉ Tuấn phủ Hải Dương nói trên.

(2) *Địa phương ấy* : chỉ tỉnh Hà Nội, nơi bổ Nguyễn Cửu Trường đi làm Bớ chính nói trên.

(3) *Vạn* : đơn vị hành chính các dân chài ở trên sông, như thôn, xã trên bộ.

nặng chỗ kia nhẹ, coi là thường mà nói ra cái thuyết san bổ, muốn đem cái số về phần mình phải cho mua, chia nhờ hạt khác làm thay, gặp việc cứ đùn cho người, có được không ? Lời xin ấy đều không chuẩn cho thi hành. Duy đã nói đến 2 huyện Hương Sơn, La Sơn cũng có thứ sản vật ấy, thì chuẩn cho do bộ Công tư mua để đủ dùng”.

Lấy : Án sát Bình Định Tôn Thất Hợp làm Hồng lô Tự khanh, biện lý công việc bộ Công ; Lang trung bộ Hộ là Tôn Thất Phan làm Án sát tỉnh Bình Định, hội đồng với Bố chính Phan Trứ và Lãnh binh Trần Trí hộ lý án quan phòng Tổng đốc Bình - Phú.

Phủ doãn phủ Thừa Thiên là Lê Khiêm Quang chết. Cấp thêm cho 200 quan tiền.

Lấy : Bố chính tỉnh Phú Yên là Nguyễn Văn Chấn (nguyên tên là Hiến) bỏ đi Phủ doãn phủ Thừa Thiên ; Án sát tỉnh Định Tường là Nguyễn Cư Sĩ thăng thụ Bố chính tỉnh Phú Yên, hội đồng với Án sát Nguyễn Hữu Cơ, hộ lý án quan phòng Tuần phủ ; Lang trung bộ Lại là Tôn Thất Bồi bỏ đi Án sát tỉnh Định Tường, hội đồng với Bố chính Trần Văn Thông hộ lý án quan phòng Tuần phủ.

Sai Tả thị lang bộ Binh Nguyễn Quốc Hoan đồng lý công việc thanh tra Vũ khố.

Ngự chế bộ *Lịch đại sử tổng luận* in xong. Ban cho các quan đại thân và học đường các tỉnh đều 1 bộ.

Dụ rằng : “Ta, trước nhân lúc rỗi việc, mở sách ra tìm tòi những trị đạo [của các đời], chợt nhớ lại những ngày ta học trong khi chưa lên ngôi, giảng đọc sử sách, nhớ qua loa được đại khái, trích lấy những đại cương, viết chạy bút thành các bài luận, nhan sách đề là *Ngự chế lịch đại tổng luận*. Quan Nội các xin giáng Chỉ cho khắc in. Nay đã xong, chuẩn ban cho hoàng tử, hoàng tôn, hoàng thân những người còn đến nghe giảng sách ở toà Kinh Diên cùng những người chính học ở trường Quốc học và các học đường các phủ, huyện ở trực tỉnh, mỗi nơi 1 bộ, để giúp ích cho có sách xem”.

Định lệ từ quan lại đến tù phạm được về quê chung dưỡng⁽¹⁾.

(- Quan viên về chung dưỡng đã có lệ định, bất cử phẩm có cha mẹ già chỉ có một mình, cũng chiếu lệ trước cho về quê chung dưỡng ; cử nhân, tú tài, giám sinh, ám sinh tòng sự ở bộ hoặc ở tỉnh, mà đáng được chung dưỡng, cũng như quan chức).

(- Vị nhập lưu thư lại ở trong Kinh, ngoài tỉnh, người nào có ông, bà, cha mẹ, hay đích mẫu, tuổi đã quá 70 mà không có con thứ, đều do chỗ thượng ty sở thuộc trình bày, xét ra là sự thực, thì cho về quê thăm nuôi cho được trọn đạo, xong thì cho ở lại quê hương để chịu sai dịch).

(1) *Chung dưỡng* : về quê để nuôi cho trọn đạo khi có cha mẹ già yếu.

(- Những tù phạm phải phát lưu trong quân và phát phối đi lập dịch, sau đây phạm các nha môn xét hỏi về việc hình, kết những án phát lưu trong quân, phát phối đi lập dịch và sung làm quân, nếu cha mẹ già mà chỉ có một mình, lệ được ở lại để nuôi cha mẹ, xét có sự thực, thì phát giao về bản hạt phối dịch. Lại, phạm các nha ở trong Kinh, ngoài tỉnh tra kết những tử tội, nếu án không phải là phạm tội to trong mười điều ác, mà cha mẹ già chỉ có một mình, lệ đáng được ở nhà nuôi, thì trong án phải nói cả rằng sẽ tâu lên xin Chỉ định đoạt. Hằng năm phát tư tra hỏi việc án, nếu có những loại ấy, thì làm vào bản danh sách có tình đáng thương đáng ngờ. Duy có hạng giảm binh khi tại ngũ có lệ được về quê, và hạng mộ binh có nhiều kẻ chỉ liêu quê quán, đều không nên bàn đến).

Ngày Mậu Tý, làm lễ Xuân hưởng. Sai hoàng tử, hoàng thân thay vua làm chủ tế và thừa tế.

Cùng các quan bàn đến công nghiệp trung hưng, vua bảo Nội các rằng : “*Chính biên, đệ nhất kỷ*, được bao nhiêu quyển ?”. Vũ Phạm Khải tâu rằng : “Gia Long năm thứ nhất [1802] trở về sau, trong khoảng 18 năm, xướng minh chế tác, những chỗ kỹ cương lớn, pháp độ lớn, đều có văn tự có thể xét được. Duy từ năm Tân Dậu [1801] trở về trước, lúc buổi mới kinh dinh, văn tự còn thiếu sót, đã nhiều lần biên soạn, hiện thành bản thảo 60 quyển, từ quyển thứ 1 đến quyển thứ 17, đã dâng lên ngự lãm, sau đó đã lần lượt được giám định, nhưng còn muốn tìm kiếm cho rộng ra, để được rõ ràng chu đáo thêm, thế cho nên đã chậm lại chậm, vì còn có chỗ phải đợi khảo”.

Vua nói : “Sách sử và phép làm sử, cốt ở chỗ tường tất, rõ ràng, rộng mà có yếu ước. Và lại, sử thần có tên ở trong sách, thực là tiếng hay nghìn đời. Vậy nên truyền Chỉ cho các quan ở Sử quán : phải hết lòng biên chép, không thể cho rằng vì bạc đầu vẫn còn phải học mà ngày sinh lười biếng !”.

Bổ : Phó vệ úy vệ Cẩm y là Nguyễn Tiến Song làm Phó lãnh binh tỉnh Nam Định ; Phó vệ úy vệ Tả dinh Hồ oai là Lưu Đạt làm Phó vệ úy vệ Cẩm y, chuyên quản các đội Túc trực ; Phó lãnh binh tỉnh Nam Định là Lê Văn Sinh làm Phó vệ úy vệ Tả dinh Hồ oai.

Cho Thị độc Hàn lâm viện Lê Bá Đĩnh thăng thự Lang trung Thương trường, quyền giữ ấn quan phòng Thương trường.

Giáng bổ Bớ chính tỉnh Hà Tĩnh là Phạm Huy làm Lang trung ty Lương kỳ ở bộ Hộ. Lấy thự Tả tham tri bộ Binh là Nguyễn Đức Chính bổ đi thự Tuần phủ tỉnh Hà Tĩnh, lĩnh sự vụ Bớ chính. Khi Huy ở lý sở, công sảnh bị cháy, dâng sớ xin của kho ra để tu bổ, tự mình không xin lỗi. Vua bảo bộ Lại rằng : “Tuần phủ là quan to một địa phương ; về thành trì, kho tàng, chức trách rất quan hệ. Huy không biết

phòng hoả, để lửa phát ra từ nhà mình cháy lan đến nhà công. Hoả hoạn do người nhà gây ra, đổ cho sao Hôi Lộc ⁽¹⁾, có thể được không ! Trước kia, tỉnh Quảng Bình bị hoả tai chỉ là vì bếp riêng nhà Bố chính, Nguyễn Tự do đẩy phải giáng lưu”. Huy phải giáng đổi đi chỗ khác. Lấy Đức Chính bổ thay vào. Khi Đức Chính vào bệ từ ⁽²⁾, vua dụ rằng : “Tỉnh Hà Tĩnh gần đây, dân khổ về lương thực lại bị tai hại luôn ! Quan tỉnh tấu báo, lại mất sự thực. Ta thường ngày đêm bận lòng về dân con ! Người châu chực bên cạnh, há lẽ không biết ? Nay đến nhận chức, nên xét những đau khổ của dân gian, gia tâm điều tể, nếu có việc gì nên tâu, thì tùy việc mà tâu lên, đừng có giấu giếm mà nói vãn về ra chút nào !”.

Cho : Tôn Thất Cung làm Tổng đốc tỉnh Thanh Hoá ; Ngô Văn Nha làm Tổng đốc Long - Tường ; Trương Đăng Đệ làm Bố chính tỉnh Hà Tĩnh ; Phạm Gia Kỳ làm Bố chính tỉnh Thanh Hoá ; Đinh Văn Minh làm Bố chính tỉnh Hải Dương ; Tạ Vực làm Bố chính tỉnh Nam Định ; Lê Văn Thành làm Án sát tỉnh Gia Định ; Vũ Mẫn làm Lang trung ty Nghi văn bộ Lễ ; Nguyễn Tiến Hội làm Lang trung ty Vũ tuyển bộ Binh.

Cho : Bố chính tỉnh Hưng Hoá là Lê Nguyên Trung thăng thự Tuấn phủ tỉnh ấy, kiêm lĩnh Bố chính ; Án sát tỉnh Quảng Nam là Hoàng Đạo thăng thự Bố chính tỉnh Nghệ An ; nguyên thự Bố chính tỉnh Hà Nội là Phan Tĩnh giáng bổ Án sát tỉnh Quảng Nam ; Lê Thiện Trị thăng thự Quang lộc tự khanh, biện lý công việc bộ Hộ ; Lang trung ty Thù ứng ở bộ Lễ là Tôn Thất Đăng bổ đi Án sát tỉnh Hà Nội ; Lê khoa Cấp sự trung là Tôn Thất Nghi thăng thự Lang trung ty Thù ứng bộ Lễ, kiêm nhiếp Hữu tá lý Tôn nhân phủ.

Cho : Ngô Nghệ làm Phó vệ úy vệ Tiền nhị dinh Vũ lâm ; Hoàng Dương làm Phó vệ úy vệ Hậu nhị dinh Vũ lâm ; Phó vệ úy vệ Kim ngô là Tôn Thất Tuấn thăng thự Vệ úy vệ Hậu nhị dinh Vũ lâm ; Vệ úy vệ Trung dinh Long võ là Trương Phúc Trường bổ sung Tả chấp Kim ngô vệ Kim ngô ; Cai đội vệ Kim ngô là Nguyễn Lương Cát thăng thự Phó vệ úy Trung vệ dinh Long võ ; Phó vệ úy Hậu vệ dinh Hùng nhuệ tước Tín Vũ tử là Phạm Văn Huy thăng thự Vệ úy Trung vệ dinh Tiên phong. Cho : Thành thủ úy sung Hiệp quản Nguyễn Nghĩa Thịnh được khởi phục, thăng thự Phó vệ úy Hậu vệ dinh Hùng nhuệ ; Phó quản cơ sung Hiệp quản vệ Phấn vũ là Mai Công Cẩn thăng thự Vệ úy vệ Phấn vũ thuộc dinh Tiên phong ; Phó quản cơ sung Hiệp quản vệ Trung vũ là Lê Văn Lý thăng thự Phó vệ úy vệ Trung vũ thuộc dinh Tiên phong ; Quản cơ sung Hiệp quản Thừa ân úy vệ Quảng vũ là Tống Phúc Hạnh đổi bổ Phó vệ úy vệ Quảng vũ thuộc dinh Hùng nhuệ.

(1) *Hôi lộc* : sao Hoả.

(2) *Bệ từ* : vào trước mặt vua, cáo từ, xin đi nhận chức.

Sai Thống chế Hữu dục dinh Vũ lâm kiêm giữ ấn triện dinh Tiền phong, tước Bình thắng nam là Nguyễn Lương Nhân đến ngay 3 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh để kiểm duyệt biên binh, xem ai làm được việc thì thưởng cho, ai yếu đuối thì bãi bỏ.

Sai : Tả quân Đô thống phủ Đô thống Nguyễn Tiến Lâm kiêm quản ấn triện dinh Tiền phong ; Thống chế Tả dục dinh Vũ lâm Nguyễn Trọng Tính kiêm quản ấn triện Hữu dục dinh Vũ lâm ; Thống chế dinh Thần cơ Kiêu dũng tướng là Dương Thai kiêm quản ấn triện dinh Kỳ võ (ấn triện dinh Kỳ võ trước Nguyễn Trọng Tính kiêm quản) ; đội Nguyễn Lương Nhân đi việc công về sẽ đều cung chức cũ.

Ngày Giáp Ngọ, duyệt binh. Sai Thống chế Hữu quân Mai Công Ngôn, Thống chế dinh Thần cơ Dương Thai sung Chánh phó tổng duyệt ; Đại học sĩ Trương Đăng Quế truyền Chỉ ra lệnh. Thường từ đội trưởng đến binh dinh chính ngạch mỗi người 1 quan tiền, những người tạp ngạch thì một nửa. Lại sai các thống quản đại viên ở Kinh đều phải thao diễn biên binh thuộc dưới cờ mình.

Đúc ấn quan phòng bằng bạc cho đại học sĩ 4 điện : Cẩn Chính, Văn Minh, Vũ Hiến, Đông Các, mỗi điện một quả (kiểu mẫu đều theo như ấn quan phòng của đô thống phủ các quân).

Triệu Lãn binh tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Đức Tập về Kinh. Lấy Vệ úy vệ Tả dinh Hồ oai là Nguyễn Đức Chung làm Lãnh binh tỉnh Quảng Nam, trú phòng 4 đài thành là Điện, An, Định, Phòng, kiêm quản công việc cửa biển Đà Nẵng. Vì Đức Tập với Nguyễn Đình Tân là thông gia, cho nên đem Đức Chung thay vào.

Cho Hoàng đệ Lạc Biên quận công Miên Khoan, An Bình Miên Ngung làm phủ đệ ở phường Tuyên Hoá trong thành.

Sai quan duyệt binh tuyển lính ở các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên. Lấy Tả thị lang bộ Lễ là Nguyễn Hanh, Tả thị lang bộ Hộ Trương Hảo Hợp, Tuần phủ Lạng Sơn là Trần Ngọc Lãm, Tuần phủ Ninh Bình là Ngô Kim Lân, Bố chính Thái Nguyên là Phạm Bạch Như, thự Bố chính Nghệ An là Hoàng Đạo sung vào việc này.

Cho : Viện sử viện Thái y Trần Viết Cát thăng thự Thái bộc Tự khanh, vẫn lĩnh Viện sử viện Thái y ; Phó ngự y Đặng Văn Chức thăng thự Ngự y ; Nguyễn Ý làm Phó ngự y. Khôi phục Vũ Quýnh làm Thị độc Hàn lâm viện, lĩnh Tả viện phán viện Thái y. Cho Hoàng Đệ Hệ làm Chánh y.

Có bọn Man Lào ngấm xuống trại Thanh Lang thuộc tỉnh Quảng Bình, đốt nhà, bắt người. Thổ hào Trương Văn Thụy đốc suất quân dân đuổi theo, chém được 6 đầu quân Man, cướp được khí giới của chúng, đuổi theo lấy lại được dân [bị bắt]

dem về. Việc đến tai vua. Thường cho Thuy 3 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, áo quần đều 1 chiếc ; những quân dân đi đánh chuyển ấy, thưởng tất cả 30 quan tiền.

Tỉnh Nam Định (2 huyện Chân Định, Thư Trì), tỉnh Hà Tĩnh (huyện Thạch Hà) và tỉnh Biên Hoà có bệnh dịch. Đều sai đem thuốc đến điều trị ; người chết thì được cấp tiền tuất.

Tỉnh Hà Tĩnh, giá gạo đắt. Sai lấy thóc kho ra bán cho dân.

Lấy bát phẩm hành nhân ở ty Hành nhân là Lý Thái thăng bổ Chủ sự ngoại ngạch ty Cẩn tẩn, vẫn lĩnh ty Hành nhân. Thái là người lái buôn Trung Quốc ở tỉnh Quảng Nam, thường được phái sang Trung Quốc chọn mua các hoá vật, đặc lực, nên mới có lệnh này.

Quân thứ Trấn Tây là Vũ Văn Giải tâu nói : “Những người phạm tội về việc công và các tù phạm trước bị phát vãng đến quân thứ để hết sức làm việc chuộc tội, nay việc ở quân thứ đã yên, xin thu những người tinh nhanh khoẻ mạnh vào đội Hướng dũng, ai già yếu tha cho về nguyên quán”. Vua y cho.

Định kiểu mẫu lá cờ vương ở các nơi trong Kinh ngoài tỉnh (trong lòng lá cờ trên đỉnh ngang 2 chữ quân hiệu, dưới đỉnh thẳng 2 chữ tên vệ hoặc tên cơ).

Thống quản quân Thủy sư là Đoàn Kim, Hiệp lý là Nguyễn Văn Điển tâu xin định lệ cấp thêm lương cho vệ binh ở vệ Long thuyền. Vua quở rằng : “ Binh đình ở vệ này chỉ để sai phái những việc tầm thường, không ví như vệ Kim Ngô, vệ Cẩm y ngày đêm ứng trực, sao lại được viện lệ mà mong ơn ?” Bọn Kim đều bị truyền Chi nghiêm quở.

Đồn Hưng Bình ở phủ Thừa Thiên, có dân thuế Man ⁽¹⁾ tên là Lưu Di, vì biện lại tên là Quý lăng ngược, không chịu được, thừa cơ ban đêm đâm chết tên Quý và giết 4 tên quân ở đồn. Quản đồn là Đào Văn Nội nghe tin báo, đem quân đồn đánh bắt được tên Lưu Di, đem giết đi. Việc đến tai vua. Vua sai Phủ thừa Nguyễn Công Trứ đem biên binh dinh Kỳ võ, đến tận nơi, xét hỏi cho ra duyên cớ, biết hết được tình trạng, sai đem tên Lưu Di phanh thây bêu đầu. Đào Văn Nội, lúc bình nhật, cai quản không nghiêm, giáng bổ đội trưởng. Lại sai truyền bảo cho biết uy đức của triều đình, rồi kéo quân về.

Bộ Hình tâu : “Sau khi đã bãi cấm, có 7 tên tù phạm phải giết”. Sai trích ra [những tên nào] tình tội hơi nặng thì giết đi, còn thì hoãn lại chưa giết, đợi đến kỳ thu thẩm ⁽²⁾, sẽ biên vào danh sách thực tình.

(1) Thuế Man : dân Man đã nộp thuế về ta.

(2) Thu thẩm : các việc án đợi đến mùa thu xét lại.

Ngày Đinh Ty, hạt huyện Phong Điền (2 tổng Phù Ninh và Hiền Lương) thuộc phủ Thừa Thiên, lúc giờ Dậu, có một luồng gió mạnh nổi lên, mưa như trút nước xuống. Nhà của nhân dân bị đổ hại đến 21 hộ, 1 người bị đè chết. Sai quan sở tại xét hỏi và cấp cho tiền tuất.

Dân ác Man ở tỉnh Quảng Ngãi lên xuống địa diện 5 cơ, cướp người và súc vật. Suất đội Hoàng Văn Tuyển bỏ đồn về quê. Đội trưởng [mới có] bằng cấp là Đoàn Văn Long đuổi đánh, bắn chết được 1 tên Man, lấy lại người và súc vật mà chúng đã cướp bắt. Việc đến tai vua. Tuyển bị cách chức, phải hết sức làm việc để chuộc tội, Long được bổ thụ Đội trưởng thí sai Chánh đội trưởng suất đội, gia thưởng 2 đồng ngân tiền hạng lớn. Lại dụ cho Án sát Mai Đức Thường phải đến ngay mà dẹp yên dân ngoài biên.

Thự Thị lang Thương trường Trần Đăng Chí chết. Chí là bề tôi cũ khi nhà vua chưa lên ngôi. Đặc cách chuẩn cho thực thụ, gia cấp cho 300 quan tiền, 1 bộ triều phục.

Bố chính tỉnh Khánh Hoà là Ngô Văn Định tâu nói : “Có người dân hoang Man, tên là Chấn, xa mến uy đức, đem 1 thốt voi đực, 2 chiếc ngà voi đến cống”. Vua cho là không phải lệ, sai khước đi ; lại sai lấy lời nói khéo vỗ về cho yên lòng.

Thự Lang trung bộ Lễ Bạch Đông Ôn bị bệnh, khẩn xin về quê. Giáng xuống Chủ sự, bắt về hưu.

Truy tặng Lang trung bộ Binh Cung Văn Đạt hàm Thái bộc Tự khanh, gia cấp 200 quan tiền, 1 bộ triều phục. Đạt là bề tôi cũ khi nhà vua chưa lên ngôi, nên ân điển cấp tuất có khác.

Sai thự Thống chế dinh Hùng nhuệ Phùng Hữu Hoà, Tả thị lang bộ Binh Phạm Quý diễn tập biển binh tỉnh Quảng Trị ở ngoài thành. Thưởng cho Quản vệ là Nguyễn Nhuận kỷ lục một thứ, áo quần đều một chiếc ; từ suất đội đến binh đinh đều 1 tháng lương bằng tiền.

Sai thự Thượng thư bộ Lễ Phan Thanh Giản kiêm quản án vụ ty Tào chính.

Sai Tôn nhân phủ phân phái hoàng đệ có tước công và hoàng đệ tuổi đã trưởng thành, mỗi ban 2 người, cùng với khoa, đạo, bộ mỗi ty 1 người, cứ mỗi tháng 3 lần chia nhau đến cung Từ Thọ, cẩn thận kiểm điểm các đồ thờ. Có chế ra bài ngà “tuần tra” để cấp cho.

Thự Án sát tỉnh Khánh Hoà là Nguyễn Hàm Ninh có tội bị mất chức. Ninh, lúc mới đến nhận chức, có đi lễ [các nơi] chùa cổ, đền thiêng, nghe nói có một chiếc thuyền của người Tây dương đến đỗ ở ngoài bể, trong thuyền chỉ có độ 16 người, Ninh bảo thuộc hạ rằng : “Ta nghe nói người Tây dương rất có lòng tốt, không ngại gì, nhân tiện đến để yên ủi”. Ninh mới uỷ người tìm chúng lên bờ, tặng cho một thanh đoản kiếm, rồi cho thuyền về trước. Kế đó Ninh cùng với thự Phó vệ úy Vũ Thành,

Tri huyện huyện Vĩnh Xương Hoàng Minh và hơn 20 người viên biên, cùng xuống thuyền. Vừa ngồi yên, người Tây dương thốt nhiên cầm dao súng sẵn đến trói cả lại, tra khảo đòi tiền bạc, làm đủ mọi thứ khổ nhục. Ninh thế không làm sao được, đâm đầu xuống biển tự tận. Người Tây dương lại cứu sống lại, giữ hơn 10 ngày, yêu sách không được, mới tha cho về. [Thuyền Tây dương] lại giương buồm mà đi. Việc đến tai vua. Vua than rằng : “Người Tây dương đến đó, chỉ là kiếm củi lấy nước mà thôi. Nguyễn Hàm Ninh là một viên quan to ở tỉnh, không có duyên cớ gì mà khinh thường đến, để mắc mưu chúng ! Thân danh của Ninh vẫn không đáng kể, nhưng còn quốc thể thì sao ?”. Lập tức sai bắt Ninh khoá tay, giải về, giao cho bộ Hình trị tội. Đến khi án dâng lên, Ninh và Vũ Thành, Hoàng Minh đều bị cách chức, phát vắng đến 2 thành Điện Hải, An Hải sung làm quân. Bó chính Ngô Văn Địch, Lãnh binh Đỗ Tiệm không ngăn ngừa trước khi xảy việc, đều phải giáng 1 cấp. Bó Lang trung bộ Binh Đặng Bá Văn làm Án sát tỉnh Khánh Hoà.

Tỉnh Nghệ An giá gạo đắt. Sai phát thóc kho 37.000 học vừa bán vừa cho dân vay. Lại phái Ngự sử Diệp Xuân Huyền đến ngay hội đồng làm việc ấy.

Làm thêm hàng cột ở trước điện Văn Minh. Sai thự Thống chế dinh Hồ oai Nguyễn Phương đốc công làm việc này.

Thự Tổng đốc An - Tĩnh là Đặng Đức Thiêm gặp tang mẹ, chuẩn cho về quê trong nom việc tang 3 tháng. Mẹ Đức Thiêm là Nguyễn Thị Ngữ, khoảng năm Minh Mệnh [1820-1840], vì trinh tiết, được gia ân nêu thưởng (hoành biển ở cửa đề 4 chữ “Đồng quản phương tiêu”⁽¹⁾). Đến đây gia cấp 200 quan tiền, 1 cây gấm Trung Quốc, 5 tấm sa nam, vải lụa đều 10 tấm.

Cho Tả tham tri bộ Lại Nguyễn Đức Hạnh quyền hộ ấn quan phòng Tổng đốc An - Tĩnh.

Sai các quan trong triều bàn rõ về đường đất các sông ở xứ Bắc Kỳ. Trước đây quyền lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh Nguyễn Đăng Giai tâu nói : “Đề điều các huyện Sơn Minh, Hoài An, Thanh Oai, Chương Đức, Thanh Trì, Thượng Phúc, Phú Xuyên, Duy Tiên, Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nội, nên bỏ đi hay nên đắp, gần đây chưa có nghị định, để lúa ruộng thường bị ngập mất, nhân dân sinh ra vất vả. Nay những dân trong hạt xin lại đắp đê công, có chỗ nào mới đắp hay bồi đắp thêm lên, lại chuẩn cho tiền công”.

Vua nói rằng : “Hà Nội là một tỉnh to trong xứ Bắc Kỳ, địa hình đã rộng, đường đất sông lại dài, những hạt ở gần sông to như 3 huyện Thanh Trì, Thượng Phúc, Phú Xuyên, những hạt ở gần sông, vừa như 6 huyện Thanh Oai, Sơn Minh,

(1) Đồng quản phương tiêu : “Đồng quản” là cái quản đò, ví với đức người đàn bà đem tấm lòng son để nêu gương mẫu chính đính cho mọi người. “Phương tiêu” là nêu tỏ đức tốt.

Thượng Đức, Hoài An, Kim Bảng, Duy Tiên, đê điều quanh quất, lại nhiều chỗ sụt thấp xuống, hoặc khi gặp kỳ nước lũ to, gián hoặc có 1 - 2 chỗ thấm lậu, cũng là cái không thể tránh khỏi được. Nay lại sửa đắp như cũ, nếu có thể được lâu dài, việc làm ruộng được yên hàn vững chắc, tuy tiêu của kho đến hàng vạn, hàng nghìn, triều đình cũng không tiếc gì. Duy có điều là, cùng một đê điều ấy, cùng một nhân dân ấy, trước thì cùng một lời xin bỏ đê, nay lại xin bồi đắp lại như cũ, trước sau trái ngược, khiến cho người ta không thể hiểu được là như thế nào ! Việc quan hệ đến lợi hại dân sinh, chuẩn cho lại thân đến tận nơi mà khám xét, rồi sẽ trừ nghĩ, tâu lên”.

Đặng Giai lại dâng sớ nói : “Đầu nguồn sông Nhị Hà, ở tỉnh Tuyên Quang thì có sông Lô, sông Trôi ⁽¹⁾, ở tỉnh Hưng Hoá thì có sông Thao, sông Đà, ở tỉnh Thái Nguyên thì có sông Đáy ⁽²⁾ ; gồm 5 ngọn sông, chảy rớt xuống khoảng giữa tỉnh Sơn Tây, hợp vào sông Nhị Hà, đi qua các tỉnh Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Nam Định mà đổ ra biển. Từ trước, bên hữu sông Nhị Hà thì có 2 con sông hơi nhỏ là sông Hát Môn và sông Tô Lịch chảy qua các huyện Từ Liêm, Thanh Oai, Chương Đức, Sơn Minh, Hoài An, Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm, mà chia dòng đổ ra 6 cửa biển thuộc tỉnh Ninh Bình và Nam Định ; bên tả sông Nhị Hà thì có sông Thiên Đức, sông Nguyệt Đức, sông Hàm Long, sông Nghĩa Trụ, sông Văn Giang, các ngọn nhỏ vừa vừa này đi qua các tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương mà đổ ra 5 cửa biển thuộc tỉnh Hải Dương. Trải từ đời Lạc Long đến đời nhà Lý trở về trước, có đến hàng trăm nghìn năm, chưa có đê điều, mà xét trong quốc sử truyền lại, chưa thấy có nạn sông làm lụt ! Người nhà Trần chỉ lấy ý riêng xuyên tạc, mới đắp đê Đình Nhĩ, có đê là bắt đầu từ đấy. Nhưng, xét ra, đời bấy giờ chỉ vì một việc vệ nông đê, không cao rộng gì mấy. Kế đó, nhà Lê 300 năm, cứ nhân theo đó mà làm, cũng không bỏ đê được. Mãi đến Ngụy Tây : làm việc phân nhiều là bạo nghịch, chỉ biết có đê mà không biết có sông, đắp tất cả các đê điều suốt một dải sông Nhị Hà ; tất cả các cửa cống ở sông nhỏ đem lấp đi hết. Cho nên nước sông ngày một đầy lên, đê càng cao thì nước lại càng lên to, mới thành ra xung kích. Từ đấy, thế nước không đổ sang phía đông được, chỉ do sông Nhị Hà và sông Hát Môn đổ cả về phía nam. Các huyện Thanh Trì, Thượng Phúc, Phú Xuyên, Duy Tiên, Kim Bảng, Thanh Liêm, Chương Đức, Sơn Minh, Hoài An thuộc tỉnh Hà Nội, dưới bốn bên đều bị xung kích, làm cái chỗ chứa nước cho các sông ! Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, biết cái trái lẽ của người đời trước tranh khí với sông, thương nhân dân đắp đê là khổ, đã dụ cho các địa phương phải bàn rõ chỗ nào nên bỏ đê, chỗ nào nên đắp đê. Ở tỉnh Hà Nội thì thử bỏ đê về các huyện Thanh Oai, ở tỉnh Hưng Yên thì thử khai

(1) Tức là sông Cháy.

(2) Hán văn chép là Đễ giang.

đường sông Cửu An, định bỏ cái việc làm trái lẽ đã vài trăm nghìn năm, mà gây nên cái lợi trăm nghìn năm không cùng.

Duy có điều như : nơi mong mưa, nơi mong gió, nguyện vọng không giống nhau ; lại như : chim ở núi, cá ở sông, “tri thức” mỗi đàng mỗi khác. Trong chỗ nghị luận, hai đàng không hợp với nhau, cho nên việc ấy chưa thi hành được. Năm trước, các tỉnh thân, có người bàn bỏ đê, cũng là chán sự đắp đê khó nhọc ; có người bàn đắp đê, cũng chỉ phòng cái tai nạn nước lụt ứ lên. Cả hai đều không phải là không có kiến thức. Nhưng xem ngay trong hạt tôi, các huyện Thanh Trì, Thượng Phúc, Phú Xuyên, Duy Tiên, Kim Bảng, Thanh Oai, Sơn Minh, Hoài An, chỗ ở phần nhiều là trũng thấp. Nếu bàn bỏ đê, thì những nước ở thượng lưu các tỉnh tất lấy các huyện ấy làm cái vựa chứa nước ; nếu cho là nên đắp đê, thì đường sông các huyện chảy đi nhiều ngả, chỉ vài trăm trượng đều đắp một con đê, sức dân đã không kham được, mà nước mưa ở thượng lưu cũng không đường tiêu thoát, đều là chưa tiện cả. Muốn tính mưu kế cho các huyện nếu không khai các sông ở tả ngạn Nhị Hà để cho nước đổ về phía đông, thì cũng không có cách gì hơn nữa. Trộm xét : nguyên sông Nhị Hà : những sông về bên hữu ngạn thì chia dòng đổ xuống nam ; những sông bên tả ngạn thì chia dòng đổ sang đông. Sông Nhị Hà chẳng qua là ở khoảng giữa chứa nước rồi chia dòng đi mà thôi. Thế mà ngăn đường cũ trung giang ở hạ lưu, lại đắp đê để ngăn thượng lưu đại hà, thì thế tất không thể được. Nhân tâu bày việc đắp đê có 12 điều không tiện, nếu đê ấy không bỏ đi, thì những dân có phần đê ở xứ Bắc Kỳ, hằng năm khó nhọc, mong cho được lúa tốt, dân giàu, nước yên, sóng lặng, ôi cũng khó lắm ! Nay lấy một dòng sông nước Nhị Hà chia đổ đi các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định là những đất vuông đến nghìn dặm, cũng ví như lấy 1 chén nước đổ lên 1 cái mâm, thì ở chén sâu mà ở mâm nông, cái thế là như vậy. Hướng chi nước ở thượng lưu đổ xuống hạ lưu, đổ xuống đến đâu, tiêu ngay đến đấy, tất không như chén nước đổ ra mặt mâm, tràn khắp cả đi. Lẽ ấy, rõ ràng lắm : thơ cổ có câu : “Có đê, không bằng không đê thì lợi ; đã có đê rồi, không thể bỏ”. Ôi, đã nói rằng không đê lợi sao lại nói không thể không đê ? Thực cũng chưa xét đến cái nguồn lợi hại, mà nói ra cái thuyết cứ để lẫn lữa mà theo nguyên như thế mà thôi !

Tôi trộm nghĩ : người khéo trị nước, không tranh đường với nước, mà làm vào cái chỗ như là không có việc gì, thì công dễ thành. Vậy nghĩ : nên trước đem sông Nguyệt Đức, sông Thiên Đức và các sông nhỏ như sông Hàm Long, sông Nghĩa Trụ, sông Văn Giang, đều theo đường sông cũ, khởi công từ hạ lưu, chỗ nào nông hẹp thì khai cho sâu rộng ra, chỗ nào bồi lấp thì nạo vét đi, đem tất cả công việc đắp đê, để làm vào việc khơi sông cũ, không cần phải thêm công của gì to tát, những đất cát khơi đào lên, đều đổ rải ra hai bên bờ sông ngoài vài mươi trượng, để

làm cái đường vệ nông, hạn trong 2 năm, đoạn nào đã làm đường vệ nông xong, thì đem những đê điều cũ về các phần sông, tùy từng cửa sông mà khai phá đi, đến kỳ nước lũ, nước sông từ đấy dần dần chảy rớt về các cửa biển phía đông và phía nam, nếu nước lụt có hơi to tràn ngập cả những đê vệ nông, chẳng qua chỉ 1 - 2 ngày rồi cũng tự rút xuống như các hạt từ tỉnh Ninh Bình trở xuống nam mà thôi. Trong khoảng vài năm, nước phù sa tràn khắp đi, chỗ nào cao thì được màu mỡ, chỗ nào sâu thì bồi lên, có thể thành ruộng, mà cửa biển ngày một sâu rộng ra dần dần. Như thế đê không phải đắp mà làm ruộng được tiện lợi, nước không phải phòng hộ mà dân được yên ở, bớt tốn của kho nhà nước, mà thừa của cho dân, cái lợi đó nói không thể hết được”.

Vua nói : “Đời cổ trị thủy, làm vào cái chỗ như không có việc gì, từ người nhà Trần đắp đê ngăn sông tranh lợi với nước, đã là thất sách. Duy thủy thế xứ Bắc Kỳ, đầu nguồn có sông Lô, sông Chảy thuộc tỉnh Tuyên Quang, sông Thao, sông Đà thuộc tỉnh Hưng Hoá, sông Đáy thuộc tỉnh Thái Nguyên, các sông chia từng dòng chảy cả vào sông Nhị Hà ở khoảng giữa, mà đổ tất cả về cửa Liêu là chỗ cuối cùng các ngọn sông tụ cả vào ở tỉnh Nam Định, đường sông đi quanh co, cửa biển xa ra, tiêu thoát hơi chậm, không khỏi vì đó mà nước ứ đầy lên. Đương lúc trước chưa có đê, vẫn có thể không đê, từ sau khi đã có đê, nhân đó mà tu bổ lên, là cái thế không thể không được. Việc ấy thi hành đã gần trăm nghìn năm nay, cho là chính sách cốt yếu về việc hà phòng. Dân sinh ở trong khoảng ấy, chỗ cao chỗ thấp không đều nhau, đều phải tự vệ lấy cả. Một khi bỏ đê, phó mặc cho nước lớn tràn khắp : chỗ cao thì đi thuyền, ở sà, chỗ thấp thì đến nổi làm cái hang chứa nước. Không biết cái thuyết đổ chén nước ra mâm đã hẳn là lời bàn xác đáng chưa ? Còn việc nói về khơi vét lòng sông ; nếu quả có lợi cho dân mà không có tệ, một lần khó nhọc mà yên nghỉ được lâu ; phí tổn qua loa mà yên ổn mãi mãi, thì chất đến hàng vạn hàng nghìn, triều đình cũng không tiếc. Chỉ có điều là thế nước sông Nhị Hà vẫn chảy về phía nam, nay muốn ứ át cái tính nước, bắt phải chảy về phía đông, thì cái nước đổ về phía nam chưa chắc đã rút bớt, mà cái nước đổ về phía đông, sông nhỏ không chảy mạnh được, nhân đó làm tràn đầy đấy, đê vỡ tứ tung, tệ lại càng quá, há chẳng đáng lo xa ư ? Và lại, việc hà phòng, đã phụng Thánh dụ ⁽¹⁾ rộng tìm các lời nói, những đê điều nào nên bỏ, nên đắp, những đường sông nào nên khai, nên lấp, đã giảng thuyết chu tất cả rồi. Ta tuân theo pháp độ đã sẵn có, lo đường sinh hoạt của dân, thường nghĩ : về phép tốt trị hà, không những ngày nay cho là khó, mà từ trước cũng đã khó rồi. Trước kia, nhân khi Bắc tuần, ta đã dụ cho các quan hồ giá và các quan địa phương, đi khắp cả mà khám xét hình thế sông Cửu An, xét kỹ lưỡng, nghĩ

(1) Thánh dụ : chỉ lời dụ của Minh Mệnh trước.

rõ ràng ; gần đây nước sông yên sóng, năm chép được mùa, thực nhờ trời giúp, giữ được không lo ngại gì. Nay Tổng đốc Hà - Ninh trình bày như thế, muốn làm việc quả quyết, không biết có thể làm được không. Việc quan hệ đến tài, lực của dân, nhất cử nhất động phải rất thận trọng. Tất phải có chung trí hợp lại mới làm được mà mới mong được chu đáo. Chuẩn cho đình thần hội đồng duyệt lại. Họ đều nói : “Cái thuyết Đãng Giai tâu bày về việc bỏ đê, đều là ý kiến riêng của một mình, quyết không thể làm được. Hướng chi các sông Hàm Long, Nghĩa Trụ, Văn Giang, thuộc tỉnh Bắc Ninh, đã gần với hai bên bờ hạ lưu đại hà, lại không có đê điều cũ, nay nếu khai các sông ấy, thì khai thêm ra một đường sông, lại đắp thêm ra một con đê, không những không ích gì mà lại có hại. Xin bắt tất phải khai. Duy có sông Thiên Đức hoặc nên tùy thế mà khai, xin phái quan Kinh hội đồng với quan địa phương, khám cho đích xác tâu lên để thi hành”.

Chưa có lệnh xuống, thì Đốc phủ mới tỉnh Bắc Ninh là Ngụy Khắc Tuân lại tâu nói : “Sông Thiên Đức tuy cùng tiếp giáp với sông Nhị Hà, nhưng lâu ngày cát bồi, lòng sông đã nhiều chỗ nông hẹp, cho nên trong khoảng năm Gia Long, Minh Mệnh, hễ khai ra rồi lại bị lấp, nên việc ấy phải đình chỉ. Nay nếu lại khai ra, nước sông cái do đó sung thích, mở 1 đường sông, lại đắp thêm 1 con đê, dòng sông Cái tuy có hơi rút bớt, nhưng cái nạn sông con lại thêm ra, chung quy cũng chưa phải đã ổn thoả và tốt. Lại, một dải đất ở cửa sông con, nếu có khơi cho lưu thông ngay đi bây giờ, cũng khó giữ được sau không bồi lấp”. Vua cho là phải, mới chuẩn đình việc phái khám.

Dời đặt cửa tuần ⁽¹⁾ Mỹ Cảnh tỉnh Thanh Hoá đến xã Thiên Linh, đổi gọi là cửa tuần Thiên Linh.

Các tỉnh Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hoà, Phú Yên, Bắc Ninh không mưa. Sai đều phải tận thành cầu đảo. Sau đó được tin báo mưa luôn.

Sắc cho quan tỉnh Quảng Nam : phàm các hiệu thuyền đồng đỗ ở vụng tàu Trà Sơn phải lập tức tùy tiện dời đi nơi khác. Lại sức cho biên binh chia nhau coi giữ thuyền : phải sửa sang khí giới, sắm đủ buồm, dây, nếu gió im, tạnh nắng, thì mỗi tháng 1 - 2 lần ra biển thao diễn, cốt cho rèn luyện được thành thực. Khi nước lũ dâng lên, thì thu về, đỗ ở vụng, phải che dấy thế nào cho được cẩn mật.

(1) *Cửa tuần* : một sở tuần ty được đặt ở những nơi thuyền bè đậu nhiều, buôn bán đông đúc sầm uất, để đánh thuế hàng hoá.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LXV

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Đinh Mùi, Thiệu Trị năm thứ 7 [1847], mùa xuân, tháng 2, ngày Bính Thìn. Vua ngự điện Cần Chính. Sứ Cao Miên làm lễ triều cống. Trước đây, dụ cho bộ Lễ rằng : “Nước Cao Miên từ khi lập quốc, đã truyền 12 đời, thần phục triều ta. Từ Thái tông Hiếu triết hoàng đế ta, mới ban cho tước và ấn phiên vương. Từ Hoàng tổ, Thế tổ Cao hoàng đế ta, mới làm cho nước đang nguy lại được yên, nước đã mất lại được còn. Triều ta thực có công to xây dựng cho Mên Lạp. Đôn Trấn Tây đặt ra, xếp đặt lâu năm, biến cố gần đây là cái tội của biên thần Dương Văn Phong và Trương Minh Giảng đó. Từ khi sinh ra việc binh, đến nay đã 7 - 8 năm, làm náo động dân ngoài biên ta, nhọc mệt tướng sĩ ta, ăn gió nằm sương, áo giáp mũ trụ cháy rạn sinh ra, lòng ta rất thương. Nay tù trưởng Cao Miên đã biết ăn năn tội, quy thuật với triều đình, nhân chúng đến mà tiếp nhận chúng, để cho quân dân được nghỉ ngơi, cái lo ở ngoài biên có thể hơi thư được. Ôi, khi có việc thì trông vào viên tướng, khi không việc thì trông vào sứ thần. Sứ thần đến đây, mắt trông tai nghe của người xa quan hệ ở chỗ đó. Từ chỗ quân thứ đến Kinh, sự khoản cấp ở dọc đường đều phải nên hậu đãi, để trọng quốc thể mà yên lòng người phương xa, đến như lễ nghi triều cống, cũng phải tham khảo điển lệ, nghĩ soạn ra nghi tiết dâng lên. Khi sứ đến, tới sân rồng, dâng lễ cống, châu mừng đúng như nghi tiết.

Lễ xong, vua bảo đại thần viện Cơ mật rằng : “Đào đảo, diên diên, là thói thường của người Mên Lạp ; hư hư, thực thực, là quyền thuật của nhà dụng binh.

Cho nên ở xa nghìn dặm, khi mà lường đoán. Một lần mắt thấy hơn hẳn trăm lần tai nghe. Muu việc gì không thể không chu đáo, hỏi điều gì không thể không hỏi cho rõ ràng. Tình hình nước Xiêm, nước Lạp, nhân có sứ Cao Miên ở đó, nên hỏi từng việc cho biết hết tình trạng. Thí dụ như : Sá Ong Giun phản anh, bỏ nước, chạy trốn sang Xiêm, một khi trở về thì người trong nước quy phụ ngay, có quả là thực tình không ? Hay là sợ cái oai dữ của người Xiêm ? Nước Xiêm viện trợ cho nước Lạp, tất mong được hậu lợi ; nước Lạp nương tựa vào nước Xiêm, tất có hậu báo. Cái núi đạu khấu là địa sản của nước Lạp, phía tây bắc núi ấy giáp với nước Xiêm, phía đông nam núi ấy giáp với ta, người nước Xiêm thêm thuồng đã lâu rồi, nay núi ấy vẫn còn là của nước Lạp hay là đã về nước Xiêm rồi ? Giun đã vì người trong nước quy thuận, được tôn làm quân trưởng, còn Ngọc Vân, con phiến vương trước, tuy là đàn bà nhưng đã từng làm quận chúa, giữa một người kia và một người này, dân theo ai ? Nếu ngày nay phong tước, chuẩn cho cùng trông coi việc nước, thì chúng sẽ chia đất ra mà ở, một đảng ở Ô Đông, một đảng ở Ba Nam, hay là cũng hội đồng chiếu quản như việc của các Phật vương đời trước ? Nặc Ong Yếm là anh Giun đó, con Yếm là Bướm, tức là cháu Giun đó. Một khi Giun đã được lập lên, thì đối với cha con tên Yếm, có quả là cùng giữ gìn cho nhau, cùng yêu thương nhau được mà không có sự ghen ghét gì không ? Đầu mục nước Xiêm là Chất Tri vốn lấy việc lập Giun lên làm danh nghĩa ; Giun đã được lập thì Chất Tri có sẽ về Xiêm không ? Hay là cũng cứ ở lại Lạp mà nói thác là bảo hộ ? Đại ý như thế, truyền Chỉ ngay cho bộ Lễ, phái thuộc viên ra, ai khéo lời lẽ hỏi han, nếu hỏi được thực tình, thì kẻ kia có lòng thế nào, ta cũng dò biết được, nếu nói dối thì lời lẽ sẽ đi đến chỗ bí tắc.

Sau đó, hỏi đến đâu, sứ Cao Miên nói đến đấy. Không ngần ngại chút nào, đại khái nói : chuyến này đã đội ơn triều đình xây dựng lại cho, lập nước như cũ, thì cái ơn che chở sinh thành đầm thấm đến cây cỏ, góc rừng, bãi biển đều ngửa trông đức hoá, không những may cho Sá Ong Giun, mà cũng là phúc trách không cùng của thần dân cả nước.

Lễ bộ dịch để tâu lên. Vua nói rằng : “Xét lời lẽ của chúng, do tấm lòng chân thành, người Mên đã thản nhiên không ngờ gì nữa rồi. Qua hơn 10 ngày, xa giá chơi cung Bảo Định. Lễ bộ dẫn bồi thân [nước Mên] cúi lạy ở bên đường, thỉnh an, và xin về nước. Vua sai bộ Lễ truyền Chỉ nói rằng : “Thiên hoàng đế bình yên khoẻ mạnh, về bảo dòng dõi nước Cao Miên nhà ngươi là Sá Ong Giun biết : phải gắng sức nghĩ để trị an nước nhà ngươi, ta sẽ cho mệnh lệnh mới khác, ngươi đời đời được phong như cũ, kính tuân lễ độ chừa hầu, vĩnh viễn làm phen giậu cho nước Đại Nam ta !”.

Xa giá đi qua, sắc sai thưởng cho quốc trưởng [Cao Miên] và bồi thân cùng bọn người đi theo các phẩm vật có khác nhau. Duy có quan phục ban cho Quận chúa Ngọc Vân thì do thị vệ mang đến ban cấp.

(- Thường cho 1 viên chánh sứ : nhiều nam màu đen 1 cuốn, áo dài rộng tay bằng thứ lương sa toàn tuyến 3 hoa cúc màu quan lục và màu tuyết bạch đều 1 ; chiếc áo ngắn hẹp tay bằng thứ sa mình băng dệt hoa mẫu đơn cả cảnh toàn tơ màu lam nhạt và bằng vải Tây dương hạng ba, trắng như tuyết, đều 1 chiếc ; quần bằng nhiều nam thật tơ hoa đỏ 1 chiếc ; quần bằng trừu hoa nam hàng Châu Lan 1 chiếc. Hai viên phó bồi sứ : nhiều nam thật tơ màu đen 1 cuốn, áo dài rộng tay bằng thứ sa dệt dày phiêu trách nhuộm màu lam sẫm dệt dây dưa con bướm sợi chìm sợi nổi 1 chiếc, áo ngắn hẹp tay bằng thứ sa thoáng 3 hoa cúc toàn tơ nhuộm màu lam nhạt và thứ vải Tây dương hạng ba trắng như tuyết đều 1 chiếc, quần nhiều nam thật tơ màu cánh kiến 1 chiếc, quần trừu hoa nam màu cánh kiến 1 chiếc.

- Ân thưởng cho Sá Ong Giun : 1 đạo sắc dụ ; gấm đoạn Trung Quốc màu đỏ, màu quan lục, chen hoa mẫu đơn vàng, đều 1 cây ; nhiều hoa nam, màu hoa đỏ, màu ngọc lam, đều 1 cuốn ; sa hoa nam các màu, hạng tốt, 10 tấm ; sa hoa nam các màu, 10 tấm ; trừu nam, hoa chùm đỏ, chùm trắng, đều 5 tấm ; lụa Cao Bộ 20 tấm ; vải hoa các màu của Tây dương 10 tấm, vải hoa Tây dương màu đỏ 5 tấm.

- Thường thêm : đoạn năm đường tơ, các màu, 2 tấm ; vải bông hoa in của Tây dương 2 tấm, nỉ các màu 2 tấm ; vải bông màu quan lục, hiệu Da lang, 1 tấm ; sa lụa nam, hoa đỏ, 5 tấm ; trừu hoa sen, màu tuyết bạch, 5 tấm.

- Ân thưởng, 1 viên chánh sứ : bạc kiểu mới 1 lạng, bạc đỉnh 10 đỉnh ; nhiều nam thật tơ, hoa đỏ, 1 cuốn ; sa nam tốt, đủ các màu, 2 tấm ; trừu hoa, chùm đỏ, chùm trắng, đều 1 tấm ; trừu nam, hoa sen đỏ và trắng, đều 1 tấm ; sa lụa nam, đủ các màu, 10 tấm ; vải hoa Tây dương màu lam 1 tấm, vải Tây dương hoa đỏ 1 tấm ; gia thường : vải bông, màu quan lục, 1 tấm ; 2 đồng ngân tiền hạng lớn hiệu Thiệu Trị hai con rồng, ngân tiền Thiệu Trị hạng lớn hạng nhỏ hiệu Phi long đều 2 đồng. Hai viên phó bồi sứ ; bạc kiểu mới 1 lạng, bạc đỉnh 8 đỉnh ; sa nam thật tơ, màu ngọc lam, 1 cuốn ; sa hoa nam, các màu, 2 tấm ; trừu hoa nam, màu đỏ màu trắng, đều 1 tấm, trừu nam, hoa sen trắng như tuyết, 2 tấm ; sa lụa nam đủ các màu 10 tấm ; vải Tây dương hoa đỏ 2 tấm ; gia thường : vải bông màu lam 1 tấm, ngân tiền Thiệu Trị hạng lớn hai con rồng 1 đồng, ngân tiền Thiệu Trị lớn nhỏ hiệu Phi long đều 2 đồng.

- Ân thưởng cho 10 tên quân đi theo : mỗi tên vải đỏ 1 tấm, áo ngắn hẹp tay bằng nỉ, màu lam, trong vải đỏ, 1 chiếc ; quần bằng sợi nam, màu cánh kiến, 1 chiếc ; ngân tiền Thiệu Trị hạng lớn hạng nhỏ hiệu Phi long đều 1 đồng.

- Ân thưởng cho 2 tên thông dịch : mỗi tên 1 cái áo ngắn hẹp tay, bằng thứ toàn tơ, dệt dây dưa con bướm, màu lam nhạt, và thứ sa thoáng, hoa chùm, hoa nổi ; 1 cái áo hẹp tay bằng thứ vải nhỏ của Tây dương, màu tuyết bạch, hạng 6 ; quần bằng trừu hoa nam, màu cánh kiến, 1 chiếc ; tiền 20 quan. Còn thổ mục, thổ binh lưu ở Gia Định : thưởng mỗi tên thổ mục đều 2 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn hạng

nhỏ ; áo vải, ngoài nỉ đỏ, trong màu lam, đều 1 chiếc ; vải đỏ đều 2 tấm. Thổ bình mỗi tên đều 2 đồng ngàn tiền Phi long hạng nhỏ ; vải đỏ đều 1 tấm. Lại hậu ban cho một tiệc rượu thịt ăn uống).

Phong tù trưởng nước Cao Miên là Sá Ong Giun làm vua nước Cao Miên, Mỹ Lâm quận chúa là Ngọc Vân làm Cao Miên quận chúa. Dụ rằng : “Nước Mên ở xa nơi biên thủy nước Chân Lạp, ông cha các người làm tôi con triều đình ta đã lâu, đời đời dâng lễ cống, triều đình xây dựng cho, vỗ yên cho, không phải là một ngày. Từ khi Nặc Ong Chăn không có con trai, để con gái nối ngôi, trong nước vì đó sinh ra nhiều việc. Trước kia, dòng dõi người Mên còn để bụng ngờ vực sợ hãi, sinh ra nhiều việc. Ta nghĩ đến dân một phương ấy. Không nỡ coi thường như một cõi đất bỏ hoang, cho nên sai tướng đem quân, tùy cơ đánh dẹp, để tỏ ra là ta vâng mệnh trời mà đánh, vỗ yên biên dân của người, không phải là hám lợi vì đất đai. Nay dòng dõi người Mên đã biết ăn năn tội, quy thuận, đến cửa quan dâng lễ cống, chính nên rộng tha cho những điều cũ đã qua để cho tự tìm đường đổi mới. Ôi, dựng lại cho nước đã mất, nối lại cho dòng đã tuyệt, là điều chí nhân của bậc đế vương yêu nước nhỏ. Cho đất làm lễ phong, tất phải lấy chính danh vị làm việc trước nhất. Dòng dõi Mên đã là hệ thuộc dân Mên, và lại nước mới định, nên nhân cơ hội đó mà trao nước cho, chính danh hiệu để cho cai quản lấy dân, yên cái lòng mong muốn quy phụ với mình. Sá Ong Giun chuẩn phong là Quốc vương Cao Miên, ban cho sắc và ấn. Lại, con gái Phiên vương Chăn trước là Ngọc Vân, trước đã phong cho làm Cao Miên quận chúa, rồi vì trong nước có cuộc, cho nên đổi phong làm Mỹ Lâm quận chúa. Nay triều đình dẹp yên nước cho, chuẩn cho lại phong Ngọc Vân làm Cao Miên quận chúa, hiệp đồng với Sá Ong Giun cai quản thổ dân, làm chư hầu ngoài phiên lâu dài, để giữ lấy cơ nghiệp của Phiên vương Chăn trước.

Sau đó, sai Bố chính tỉnh Gia Định là Lê Khắc Nhuận, Lang trung bộ Binh là Nguyễn Tiến Hội sung làm Chánh, phó sứ ; Bố chính tỉnh An Giang là Hoàng Thu sung làm Khâm sứ, làm hiệu cờ “tích phong”. Sứ bộ đi thì giương cờ lên. Từ chánh phó sứ đến viên biên, binh đinh đều cấp cho tiền. (Chánh sứ 1 viên, khâm sứ 1 viên đều 200 quan tiền ; phó sứ 1 viên, 100 quan tiền ; 1 viên thị vệ sắc ấn và cờ hiệu, 30 quan tiền ; tuyên đọc, hộ phủng 6 viên, phái quan tri phủ, tòng ngũ phẩm 25 quan tiền, phái quan tri huyện, thông phán tòng lục phẩm 15 quan tiền ; kinh lịch, 10 quan tiền ; chỉ thị trấn thiết viên biên 2 người, đều 6 quan tiền ; thông ngôn 3 viên, đều 4 quan tiền ; những viên biên quản vệ ở Gia Định đi hộ tống, 2 suất đội, 4 biên binh, 100 quan tiền ; những quản vệ, cơ ở tỉnh An Giang chọn phái đi tùy hậu, 3 suất đội, 6 biên binh, 300 quan tiền ; lại quản vệ, cơ phân phái đi hộ tống, 3 suất

đội, 14 biên binh, 700 quan tiền ; quân vệ đều 20 quan, quân cơ đều 10 quan ; suất đội đều 8 quan, biên binh đều 1 quan).

Đến thành Ô Đông, làm lễ tuyên phong, lại thưởng cấp các thứ vật hạng, sắc phong cho Sá Ong Giun rằng :

“Ta nghĩ : phương xa giữ lễ châu hầu, giải bày lòng đỏ ; vương giả suy ân dưỡng dục, không nệ cách thường. Phép nước vẫn còn đây, dựng nước cho làm phen giầu ; lòng trời có gì lạ, sợ trời giữ được giang sơn. Kính thuận đáng khen, ân quang nên rộng. Hỏi người, Sá Ong Giun, dòng dõi nước Cao Miên : phương trời một góc, đất Man ở xa, ông cha người 200 năm dâng cống kính thành ; dân đất ấy ngoài nghìn dặm lâu dài đội đức. Đất kiêm thủy lục, đi châu cống sẵn có thuyền xe ; biên giáp tây nam, đời thái bình vui trồng cây cỏ. Trước vì anh người phạm tự⁽¹⁾, con gái nối ngôi. Đến nỗi, đất Lạp gặp phải loạn ly, biên cương như bị nọc độc. Nghĩ đến một phương loạn lạc, tìm kế dẹp yên, ra oai chín trận xông pha, chúc cho khỏi nạn. Từ khi Ô Đông theo mệnh, cửa bắc quy thành, gang tấc như gần sân vua. Cống hiến như đồ vương hội. Xét cho lòng thực, thờ nước lớn đã tỏ kính thành ; trước phải chính danh, lễ tích phong làm cho trọng thể. Như trời đất sinh thành muôn vật, vun trồng che chở vốn là vô tâm ; mà triều đình khuyên nhủ phương xa, cử động quanh mình vẫn còn nghĩa lớn. Nay đặc cách phong cho người làm Cao Miên quốc vương, ban cho chế ấn, hiệp đồng với Cao Miên quận chúa là Ngọc Vân, cai quản thổ dân. Vương phải đền đáp mệnh lớn, nhờ cậy uy linh. Theo lễ độ chư hầu, mong yên hàn cho nước. Cỏ tranh, năm đất, cơ nghiệp giữ mãi đến lâu dài ; non nước vững bền, con cháu muôn đời không thay đổi ; kính cần đừng bỏ mệnh ta !”

(- Ân thưởng : gấm đoạn Trung Quốc hoa mẫu đơn chen vàng 1 cây, trừu nam các màu 10 tấm, sa lụa các màu 10 tấm, lụa Cao Bộ già như tuyết trắng 10 tấm, vải Tây dương in hoa đủ các màu 3 tấm, vải tây hoa đỏ 3 tấm.

- Gia thưởng : đoạn năm đường tơ 1 tấm, vải bông Tây dương in hoa 1 tấm, vải bông màu quan lục 1 tấm, trừu nam hoa đỏ 2 tấm).

Phong cho Ngọc Vân, sắc dụ rằng :

“Mỹ Lâm quận chúa Ngọc Vân, là con gái Phiến vương Nặc Ong Chấn trước. Tiên nhân là người làm thần thuộc thiên triều đã lâu, vào hàng địa phương giữ chức cống. Cha người không may phạm tự, người là đàn bà, hiểu được nghĩa lớn, lúc sinh bình, cha người rất quý yêu. Triều đình ta yêu nước nhỏ, thương kẻ mồ côi, đoái nghĩ đến nhiều lắm. Trước đã sắc phong cho người làm Cao Miên quận chúa, rồi vì nước người nhiều việc, sinh ra mối hiểm, vậy đổi phong cho người làm Mỹ Lâm

(1) Phạm tự : thiếu người nối dõi, ý nói không có con trai kế tự.

quận chúa. Nay quân nhà vua kéo sang phương Tây, nước người lại được yên. Chú người là Sá Ong Giun đã ăn năn tội ; quy thành đến cửa quan dâng lễ cống. Ta xét tấm lòng thành, đặc mệnh phong làm Cao Miên quốc vương, để tỏ cho biết tấm lòng nhân đức [của triều đình ta] xây dựng cho nước đã mất, nối cho dòng dõi đã tuyệt, mở rộng cái nghĩa võ về yêu mến đó. Nhân nghĩ đến 2 chữ “ Cao Miên” là hiệu cũ của tiên tổ nhà người trước được thụ phong. Cũng là cái tên hay người mới được phong, nước hầu phiên đã để còn lại từ xưa, tước từng đời cũng nên để lại từ lúc trước. Đặc mệnh cho địa phương các xứ tỉnh An Giang, Thừa tuyên Bố chính ty Bố chính Hoàng Thu sung Khâm sứ mang chế cáo lại phong cho người làm Cao Miên quận chúa, nhưng chuẩn cho hiệp đồng với Cao Miên quốc vương là Sá Ong Giun, cai quản thổ dân, để giữ lấy cơ nghiệp của cha người. Vậy gia sắc giáng dụ và ân thưởng các thứ, phải nên nhận ơn mới này, giữ lấy dân yêu mến ấy, hoà nước nhà người làm vững bền cho phen giậu nước ta, giữ mãi lòng cung kính không dám trái mệnh, vâng nối cái phúc không cùng. Phải kính cẩn đó !”.

(- Ân thưởng các thứ toàn tở : sa mình băng hoa nhỏ 30 hoa chéo 3 cây, lĩnh hoa cúc dệt con bướm cành mẫu đơn màu quan lục 1 tấm, lĩnh hoa rậm 4 hoa chéo màu ngọc lam 1 tấm, là lụa nam đủ các màu 15 tấm, sa nam dệt dày hoa nhỏ đủ các màu 15 tấm).

Sắc cho bộ Lễ, phàm những cáo trực tích phong, tước công, tước hầu dùng đoạn 8 đường tở, tước bá, tước tử, tước nam dùng thứ lĩnh nam thực tở đều có hoa ngũ sắc, duy có màu đen thì lấy màu lam, màu lục thay vào.

Thường cho các quan đại thần ở quân thứ Trấn Tây. Dụ rằng : “Việc biên phòng ở quân thứ Trấn Tây, đã uỷ cho các quan đại viên ở các hạt An Giang, Hà Tiên hội bàn với nhau để trừ tính, đã trải nhiều người, đều không làm xong, phiên đến triều đình phải xếp đặt, trông về phương Nam làm cho bận lòng ! Rồi đó lựa sai Vũ Văn Giải đặc thụ Phủ biên Tướng quân, thống quyền các việc điều độ. Khâm sai đại thần Nguyễn Tri Phương, Tham tán đại thần Doãn Uẩn, thụ Đề đốc Nguyễn Văn Hoàng, một trận đánh ở sông Tiền Giang, phá luôn đất Thiết Thành, bình định ngay được thành Trấn Tây, vây sát đến thành Ô Đông : Xiêm và Lạp đều sợ hãi, đầu mục giặc phải vâng lời hoà ước, tù trưởng Mên phải đầu hàng. Liên phái Lê Văn Phú tổng thống việc đánh dẹp, thương hiệp với các quan đại thần, một lòng một đức, võ về, yên ủi, không phải đánh mà khuất phục được người. Man di thần phục, đến cửa quan dâng lễ cống, phụng tở biểu đến sân vua. Rất là có công đặc biệt, đáng nên ban thưởng.

“Nay trước thưởng cho Vũ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn, Lê Văn Phú : 1 cấp tước dỵ ; Nguyễn Văn Hoàng : 1 cấp tước đới. Lại gia thưởng cho Vũ Văn Giải 1 chiếc nhẫn bằng ngọc kim cương to, chung quanh khảm ngọc trân châu bịt

vàng của nhà vua vẫn dùng, 1 chiếc bài đeo có dây tua xâu ngọc trên châu, san hô thứ tốt, có chữ “Phúc thọ trùng viên”, 1 đồng kim tiền hạng lớn có dây tua đeo có chữ “Vạn thế vĩnh lại” ; Nguyễn Tri Phương 1 chiếc nhẫn ngọc kim cương hạng lớn, chung quanh khảm ngọc trên châu bít vàng của nhà vua thường dùng, 1 cái bài đeo có dây tua xâu ngọc san hô tốt, có chữ “Cát tường phúc trạch”, 1 đồng kim tiền hạng lớn có dây tua có chữ “Vạn thế vĩnh lại”, 1 đồng kim tiền hạng vừa, có dây tua có chữ “Long vân khế hội” ; Lê Văn Phú 1 chiếc nhẫn ngọc kim cương hạng lớn bít vàng, 1 cái bài đeo có dây tua xâu ngọc san hô tốt có chữ “Phúc khánh”, 1 đồng kim tiền hạng vừa có dây tua có chữ “Vạn thế vĩnh lại”, 1 đồng kim tiền “Tam thọ” có dây tua ; Doãn Uẩn 1 chiếc nhẫn ngọc kim cương hạng lớn bít vàng, 1 cái bài đeo có dây tua xâu ngọc san hô tốt, có chữ “Bình an”, 1 đồng kim tiền hạng vừa có dây tua có chữ “Vạn thế vĩnh lại”, 1 đồng kim tiền “Nhị nghi” có dây tua ; Nguyễn Văn Hoàng 1 chiếc nhẫn ngọc kim cương hạng vừa bít vàng, 1 cái bài đeo bằng ngọc san hô tốt có dây tua, có chữ “Ứng dương”, 1 đồng kim tiền có dây tua, có chữ “Tứ mĩ”. Lại nữa, Vũ Văn Giải : nguyên là người được tận tai nghe lời vua truyền dạy ngay ở trước mặt, quyền trọng riêng một quân dinh, nhân có bị bệnh, tuy không xông ra trận tiền, nhưng gượng đau đến chỗ quân dinh, hết lòng điều khiển, hợp với cơ nghi, tiến đóng Vĩnh Long. Vây sát Ô Đông, khiến cho giặc Mên thế cùng, lực khuất, kêu van xin hoà, như ngòi trên trướng, nhận giặc đầu hàng, khuất phục được quân thù mà không phải đánh ; gặp sự cơ dùng quyền biến, đặt yên cho biên cảnh đến chỗ không lo, thực là một viên tướng trung hậu võ lược. Sắc cho 1 cái bài bằng ngọc tốt, có khắc chữ “An tây trung võ tướng”. Nguyễn Tri Phương : trong trù tính quân cơ, ngoài đốc sức quân lính, trận đánh ở Thiết Thàng, do mưu đầu, thừa thế thắng, bình định ngay thành Trấn Tây, tiến sát đến Ô Đông. Mình ở nơi hàng ngũ, đi đánh đâu được đấy, có thể gọi là trí dũng gồm đủ. Sắc cho 1 cái bài vàng có khắc chữ “An tây trí dũng tướng”. Doãn Uẩn : nhiều lần những trận đánh ở Thông Bình, Sách Sò, trước lập được công đầu, cho đến đánh Thiết Thàng, định Trấn Tây, tiến đến Vĩnh Long, sát đến Ô Đông, đều bày mưu chước lạ, nắm phần thắng. Sắc cho 1 cái bài vàng có khắc chữ “An tây mưu lược tướng”. Nguyễn Văn Hoàng : đi đánh nhiều trận, mình đi trước quân lính, xông pha mũi tên hòn đạn, giết giặc lập công, vẫn có tiếng là thông minh khoẻ mạnh. Sắc cho 1 cái bài vàng có khắc chữ “An tây tuấn kiện tướng”, cho đeo vào mình để nêu quân công.

Các tướng nhận phần thưởng rồi, vua lại nhớ đến Đô thống dinh Long võ, tước Long Bình tử Tôn Thất Nghị, làm thơ để viếng. Dự rằng : Nghị là bề tôi thân thuộc, trong việc sang đánh phương Tây, khảng khái xin đi. Từ khi bình đất Lạc Hoá, định đất Ba Xuyên cho đến phá thành đồng, mở lũy sắt, công lao rất nhiều, không may gặp nơi quan ải lam chướng, bị phong sương làm hại đến thân, ngày nay thường

công, duy có Nghị không còn, bồi hồi tưởng nhớ, khiến cho người ta đem lòng nhớ đến tướng mạnh.

Có 2 chiếc quân thuyền của nước Phật Lan Tây đậu ở cửa biển Đà Nẵng, có 5 - 6 người đạo trưởng công nhiên đeo chữ “thập”, đi lại ở nơi cửa biển. Quan tỉnh Quảng Nam xét ra, chúng đến đó có ý kiêu ngạo, đem việc phi tấu lên. Vua sai Tả tham tri bộ Lễ là Lý Văn Phúc đi đến ngay, làm Tác vi đại viên tỉnh Quảng Nam, hội đồng với Tuần phủ Nguyễn Đình Tân, Lãnh binh Nguyễn Đức Chung tùy biện đối đáp. Nguyễn Đức Tập trước đã có Chỉ gọi về Kinh, cũng chuẩn cho tạm lưu lại để bàn với nhau mà làm việc. Khi Phúc đã đến cửa biển, bọn Tây dương dính ngày cùng hội với nhau. Đến ngày, đầu mục Tây dương là Lạp Biệt Nhĩ đem vài mươi tên đồ đảng, đeo gươm, đeo súng, đến thẳng ngay công quán ; ngăn lại không được. Chúng đưa ra một lá thư của nước chúng bằng chữ Hán, lời lẽ phần nhiều ngông càn. Phúc không chịu tiếp nhận, đầu mục Tây dương quát to để dọa nạt, đặt lá thư lên trên ghế rồi đi. Phúc và Đình Tân bàn với nhau rằng : “Nhận lấy thư là có tội, mà đốt thư đi cũng có tội, không gì bằng cho chạy trạm về đệ tấu lên”. Phúc cũng về Kinh để đợi tội. Vua giận là làm mất quốc thể, sai vệ Cẩm y đóng gông đem giam ở Tả đãi lậu, bắt giải chức, giao cho đình thần bàn.

Khi Phúc đã đi [khỏi cửa biển], bọn Tây dương lại càng rông càn, ngày thường lên bờ, đi lại chỗ làng xóm. Những người nước ta vẫn theo tả đạo, phần nhiều đi lại nom dòm, thông tin tức kín. Những thuyền quân đi tuần biển bị chúng bắt giữ lại ở cửa biển. Có 5 chiếc thuyền bọc đồng ở Kinh phái đi Nam (Kim Ứng, Phấn Bằng, Linh Phương, Thọ Hạc, Vân Bằng) chưa ra biển, còn đậu lại ở vụng Trà Sơn cùng đối diện với thuyền Tây dương, cũng bị chúng sấn đến cướp lấy buồm thuyền và dây buộc thuyền. Những người trông coi các hiệu thuyền là thụ Phó vệ úy Lê Văn Pháp, Suất đội Nguyễn Tri, Nguyễn Quyển, Nguyễn Hy, Lê Tấn, đều bỏ neo giữ chặt, báo đến Kinh.

Vua ngự điện Vũ Hiến, sai ngay Đô thống Hữu quân Mai Công Ngôn, Tham tri bộ Hộ Đào Trí Phú đem biên binh 3 vệ Vũ lâm, Hồ oai, Hùng nhuệ đều đến ngay chỗ cửa biển, từ tuần phủ trở xuống đều phải nghe lệnh điều khiển của Mai Công Ngôn. Lại vì quan tỉnh phải ở cửa biển thương biện, thế khó quản cố được cả việc ở tỉnh, sai Tả thị lang bộ Lễ sung biện việc Nội các, Nguyễn Bá Nghi quyền lĩnh Bố chính tỉnh Quảng Nam, Phó vệ úy vệ Hậu dinh Hùng nhuệ Nguyễn Nghĩa Thịnh quyền lĩnh Phó lãnh binh tỉnh Quảng Nam, Phó vệ úy vệ Hậu dinh Tiên phong Mai Điền bổ thụ Phó vệ úy vệ Nhị Hữu bảo ở Hữu quân, Cai đội vệ Cẩm y Phạm Dũng thăng thụ Thành thủ úy, sung Hiệp quản vệ Nhị Hữu bảo ở Hữu quân, theo Mai Công Ngôn đến đóng ở cửa biển Đà Nẵng để phòng thủ, Cai đội vệ Cẩm y Vũ Khoa thăng thụ Thành thủ úy sung Hiệp quản vệ Cẩm y, Phó vệ úy Ngô Khánh, theo

Nguyễn Bá Nghi đến ngay tỉnh Quảng Nam đóng để phòng thủ. Nguyễn Đình Tân, Nguyễn Đức Tập đều phải cách lưu, theo Mai Công Ngôn, Đào Trí Phú ra sức làm việc để chuộc tội. Lại sai thự Chương vệ Thuỷ sư Phạm Xích, thự Lang trung bộ Binh Vũ Duy Ninh quản lĩnh 4 chiếc thuyền đồng chạy đến ngay phạn bể Trà Sơn, để xa làm thanh úng.

Nhân truyền Chỉ cho Mai Công Ngôn và Đào Trí Phú rằng : “Người Tây dương nếu đã sợ uy, thu hình, thì ta không nên tự động thủ trước ; nếu chúng sinh chuyện trước, thì đốc sức thành đài cùng biên binh các hiệu thuyền và thuyền đồng do Kinh phái đi, ngoài hợp, trong úng, lập tức đánh giết không để sót mống nào. Những nơi ven vụng thuyền, phải nghiêm gia phòng thủ, không cho tự tiện vào các thôn xã ; lại nghiêm cấm những người theo đạo Gia tô ở hạt sở tại, không được đi lại dòm ngó để tuyệt tâm hơi”.

Lại bảo đại thân viện Cơ mật rằng : “Thuyền Tây dương đến đây có ý gì ? Bọn Mai Công Ngôn đi chuyến này, các người liệu xem ra thế nào ?”. Trương Đãng Quế thưa rằng : “Người Tây dương sở cầu, chẳng qua chỉ được thông thương mà bỏ điều cấm mà thôi, không có lẽ chỉ có 2 cái thuyền mà dám từ xa đến gây việc, Đào Trí Phú quen biết Man tình, cùng chúng đối đáp, tưởng cũng không phải dùng đến quân. Nếu chúng sinh chuyện ra trước, thì chúng trái, ta phải tiêu diệt cũng không khó gì”. Hà Duy Phiên thưa rằng : “Thuyền của Tây di không đáng lo, duy có thuyền đồng của ta đóng chặt ở nơi vụng thuyền, chỗ ấy là phải để tâm lo nghĩ !” Vua nói rằng : “Nguyễn Đình Tân không nắm vững được tình hình, trong bụng vẫn run sợ, tuy lời tàu không khỏi hoang mang, nhưng không thể không phòng bị được”.

Ngày Canh Ngọ, gặp tiết Thanh minh. Trước ngày ấy, xa giá do đường thuyền khởi hành, đỗ ở hành cung Định Môn. Thuận đường, đến sãn ở nguồn Tả Trạch, dùng súng thân tập bắn, được 1 con dím, 2 con nai. Khi đã thôi sãn rồi, có con nai chạy rông tự đâm mình vào lưới ; dân theo đi sãn bắt được đem dâng. Vua mỉm cười nói rằng : “Lưới mở ra 3 mặt, là cho để cùng sống ; chạy đến đâm đầu vào lưới, là tự mình đến chỗ chết đó. Ví như những bọn giặc cướp tuy ẩn nấp ở nơi hang hố, cũng khó trốn được lưới tội. Lưới trời thưa mà không lọt, việc gì phải đuổi con thú đến cùng rừng !”.

Đến ngày [Thanh minh], vua đến Thiên Thụ hữu lăng ⁽¹⁾ làm lễ ; lại đến điện Minh thành ⁽²⁾, điện Sùng Ân ⁽³⁾, lăng Hiếu Đông ⁽⁴⁾ chiêm bái. Lễ xong, xa giá quay

(1) Thiên Thụ hữu lăng : lăng Thế tổ Cao hoàng hậu (vợ Gia Long).

(2) Điện Minh Thành : điện ở trong lăng Thiên Thụ là lăng Thế tổ Cao hoàng đế (Gia Long).

(3) Điện Sùng Ân : điện ở trong Hiếu lăng là lăng Thánh tổ Nhân hoàng đế (Minh Mệnh).

(4) Lăng Hiếu Đông : lăng Thánh tổ Nhân hoàng hậu (vợ Minh Mệnh).

về. Thường tiền cho quan quân đi hổ giá và cung nhân thủ hộ của tiên triều cùng viên biên binh đình có thứ bậc khác nhau.

Đề thơ 12 cảnh ở cung Bảo Định. Sai văn thần ứng chế.

1. Cung khai phiên ý (Trong cung mở tiệc phiên yến).
2. Điện hội từ thân (Trong điện hội họp các văn thân).
3. Các thưởng hồ sơn (Trên các thưởng cảnh non nước)
4. Tạ lâm thiên thủy (Đứng ở chòi, trông thấy trời, nước).
5. Hiên đàm kinh sử (Ngồi trong hiên, bàn kinh sử).
6. Lang nạp yên hà (Khói và ráng lọt vào hành lang).
7. Nam y cung khuyết (Phía nam tựa vào cung khuyết).
8. Bắc tiếp viên trì (Phía bắc gần với vườn, hồ).
9. Đông quan vạn tỉnh (Phía đông xem muôn cái giếng).
10. Tây lâm thiên phong (Phía tây vợ lấy nghìn ngọn núi).
11. Hạm tĩn khán hoa (Đứng ở bao lơn yên tĩn để xem hoa).
12. Song thanh toạ nguyệt (Ngồi cửa sổ thưởng trăng trong).

Nhân đó vua bảo các đại thần là bọn Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, rằng : “Nhà làm thơ có thể “thuyền liên”, các người xem ra thế nào ?”. Họ đều thưa rằng : “Phép làm thơ của nhà thơ phần nhiều không giống nhau, chúng tôi chưa phân biệt được”. Vua nói : “Thế thơ ấy tương truyền đã lâu rồi, nhưng tìm đến nguồn chưa rõ tự đâu ra. Ta nhân cái tín mà tìm đến cái nghĩa, tra *Truyện Chủ nhạ* trong *Tế thư* nói : đức của hậu phi ràng rịt cả trời đất, thông minh của vua chúa như mặt trời mặt trăng đi liền”. Thơ của Thẩm Đông Mỹ nói : “Ngọc kha ánh sáng ra vỏ, phát đỏ bóng đẹp kéo liền”. Dư Phục Chi đời Hán nói : “Mũ vàng của trung thường thị thêu thêm con ve vào để làm văn hoa, cắm cái đuôi con diều vào để trang sức”. *Truyện Dương Hùng* nói : “Nhà Hữu Chu như con ve phỏ vẻ đẹp”. Thơ của Mộng Đắc nói : “Muốn biết con chim sẽ nhảy là bụng nó thích, chính nên yêu con ve như nói mãi không thôi”. Như vậy thì chữ “thuyền liên” 聯 hay “thuyền liên” 連 đều có nghĩa là cùng nối tiếp đó. Ta xem ra, thể thơ “thuyền liên”, nên đem những chữ có vần ở bộ *Vận phủ* trước, tùy thứ tự mà vận vào thơ (như vần *thất dương*, chữ *dương* 陽, chữ *dương* 揚, chữ *huang* 香, chữ *huang* 鄉, 5 vần cùng đi liền với nhau), không được chọn khó dễ, đối chác đảo lên đảo xuống. Tìm đến cái nghĩa “thuyền liên”, có lẽ gần đúng. Chưa rõ những bậc quân tử sáng suốt cho là thế nào. Lại như thể thơ ở đảo ngược câu dưới lên trên, câu trên xuống dưới, cũng chưa rõ xuất hiện tự bao giờ. Đời gần đây, tập thơ triều Càn Long nhà Thanh, có 2

bài “Ngọc Lan đường”, dùng thể thơ vắn “thuyền liên” ; tập thơ triều Gia Khánh có 2 bài thơ “Thiên tri”, dùng theo đảo ngược cả vắn cả câu. Nay xem thơ của hai vua ấy làm ra, dùng vắn thì cùng một phép, mà về thể cách lại không giống nhau, hoặc giả đều có sở kiến ở chỗ nào, rất chưa thể hiểu được !

Lại bảo Nội các rằng : “Những thơ 3 chữ, 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, 8 chữ, 9 chữ và thể cách của các nhà thơ, các người đã từng xét rõ chưa?”. Nguyễn Bá Nghi, Vũ Phạm Khải thưa rằng : “Chúng tôi chưa học thơ. Trước đây sách sai chúng tôi xét rõ thể cách của các nhà thơ ở các đời, chúng tôi hơi biết được một, hai điều, chứ chưa biết hết được”. Vua ung dung bảo rằng : “Có tình thì có nói ra, có nói ra thì có thơ. Thơ, không phải bắt đầu từ 300 thiên [trong *Kinh Thi*], nhưng cứ trong 300 thiên mà nói, thì câu “chân chân lộ”, thơ 3 chữ trước từ đấy ; câu “quan quan thu cuu”, thơ 4 chữ trước từ đấy ; câu “thuy vị tước vô giác”, thơ 5 chữ trước từ đấy ; câu “ngư lệ vu lự thường lý”, thơ 6 chữ trước từ đấy ; câu “giao giao hoàng điều chỉ vu cúc”, thơ 7 chữ trước từ đấy ; câu “ngã bất cảm hiệu ngã hữu tự dật”, thơ 8 chữ trước từ đấy ; câu “quỳnh chức bỉ hành lạo ấp bi chú tư”, thơ 9 chữ trước từ đấy. Nhắm vào chỗ trước chưa có thơ và sau khi thơ đã mất mà nói, thì từ bài “Hoàng nga ca” của mẹ Thiếu Hiệu đến bài “Ngư phủ từ” của Trần Kế nhà Minh, thơ “thuyền liên” gồm 57 thể, không phải là thơ ư ? Không phải là thể cách thơ ư ? (bài “Hoàng nga ca” của mẹ Thiếu Hiệu, “Bình pháp tứ ngôn thể” của Hoàng đế, “Khánh vân ca” của Đường Nghiêu răn bảo Ngụ Thuấn, “Chú đỉnh do thương minh” của Hạ Vũ, “Quán bàn minh” của Chu Vũ vương, “Thủy tiên thảo” của Bá Nha, “Việt nhân ca”, thể “tam ngôn” của Lỗ Liêu Tử. “Đại phong ca” của Hán Cao đế, “Bách lương” thể của Vũ đế, “Lâm hà ca” của Chiêu đế, “Ngũ ngôn cổ thể” của Tô Vũ, “Tửu bàn minh” của Âu Trọng Khâm nhà Tấn, “Tập số” thể, “Mê tự” thể của Bào Minh Viễn nhà Tống, “Tứ khí” thể của Vương Vi, điệu khúc và “Cửu ngôn” thể của Dữu Ngôn Thương nhà Bắc Chu, “Hồi văn” thể, “Tứ sắc” thể của Vương Sinh nhà Tề, “Quái danh” thể của Giản Văn đế nhà Lương, “Cú cú dụng tử” thể, “Cung điện danh” thể, “Thụ danh” thể, “Điều danh” thể của Nguyên đế, “Kiến trừ” thể của Tuyên đế, “Quận huyện danh” thể của Phạm Văn, “Khẩu tự” thể, “Bát âm” thể, “Lục phủ” thể của Trần Thẩm Quỳnh, “Tam ngũ, thất ngôn” thể, “Hổ lô vận” thể của Lý Bạch nhà Đường, “Cô nhận nhập quân”, “Cô nhận xuất quân” thể của Đỗ Phủ, “Chiết tự” thể, “Tràng đoản cú” thể của Bạch Lạc Thiên ; “Lục ngôn” thể của Cố Hương ; “Diệp vận” thể của Bi Nhật Hưu ; “Toàn bình” thể của Lục Quy Mông ; “Dược danh ly hợp” thể, “Chương kiệt song vận” thể của Trương Tịch, “Thủ vĩ ngâm” của Thiệu Nghiêu Phu nhà Tống, “Phiến đối cách” của Tô Đông Pha, “Tràng tự hồi văn” thể của Tần Quan, “Toàn trắc” thể của Mai Nghiêu Thần, “Diệp tự” thể, “Sư trung tiến thoái” cách của Vương Thập Bằng, “Trùng diệp tự”

thể, “Văn đồng nhất tự chí thập tự” thể, “Hoả diệm” thể, “Phi nhan” thể, “Phật ấn diệp vận”, “Tràng ca” thể của Triệu Cát Sĩ, “Ngư phủ từ” của Trần Kế nhà Minh, thể đảo cú và thể thuyên liên, 57 thể).

“Ngoài ra, lại có 46 thể cách, nhưng không ngoài thơ 4 chữ, 5 chữ, 7 chữ, mà trùng phức khiến cưỡng, không đủ lấy được, chưa có nhưng không thể thiếu, cứ ghi chép để đó cũng được (“Nhị cú ca” thể của Kinh Kha, “Nhất cú ca” thể của Hán thư, “Hậu chương tự tiếp tiền chương” của Tào Tử Kiến, “Tăng tự” thể của Dữu Tín nhà Bắc Chu, “Diên đảo vận” thể của Giản Văn đế nhà Lương, “Tướng quân quan” thể, “Sa danh” thể, “Thuyên danh” thể, “Thảo danh” thể, “Thú danh” thể của Nguyên đế ; “Danh” thể của Phạm Văn Châu, “Lục giáp” thể của Trần Thẩm Quýnh, “Giảm tự” thể của Vương Duy, “Đoạn cú” thể của Lý Bạch ; “Thủ vĩ đối” thể, “Tụ cú đối” thể, “Lộc lư” thể, “Tràng xuân” thể, “Phân triết” thể, “Dao đính” thể, “Hư thực tương gián” thể, “Xong khởi đan kết” thể, “Đan khởi xong kết” thể của Đỗ Phủ ; “Tam vận thi” thể của Lý Ích ; “Thủ vĩ bát đối” thể, “Tá đối” thể của Mạnh Hiệu Nhiên ; “Thượng toàn bình, hạ toàn trắc” thể của Lục Quy Mông” ; “Tứ thanh thi” thể, “Tĩnh danh” thể của Khổng Bình Trọng nhà Tống ; “Dược danh thi” thể của Dới Bính ; “Lưỡng đầu tiêm tiêm” thể, “Cổ ngữ tạp tổ thi” thể, “Tống thi giao cổ đối” thể, “Bôi giai” thể, “Súc cú” thể, “Cấm hoán” thể, “Trắc khởi” thể, “Phong yêu” thể, “Đoạn huyền” thể, “Song thanh diệp vận” thể của Trương Thuấn Dân, “Dao đối” thể của Trịnh Đò Quan ; “Bàn trung” thể của vợ Tô Bá Ngọc ; “Thập nhị thời thần” thể, “Nhất tự chí thất tự” thể, “Nhất tự chí cửu tự” thể, “Thập tự” thể của Hồ Nghiễm nhà Minh, gồm 46 thể).

Các quan đều đứng ra lay tạ. Vua lại dụ rằng : “Này, thơ : ở trong bụng là chí, nói ra là thơ, thơ để tả tính tình, chính giáo hoá, là lòng của trời đất đó. Thánh nhân nói không học Thi không thể nói được”. Vậy, thơ, không thể không học, là rõ ràng lắm. Nhưng thi ở trong thi, tuy gốc ở tính tình, mà thể cách thi cũng không thể không biết rõ, nếu thể cách không biết rõ, thì giới đến 8 lần xoa tay làm thành bài phú ⁽¹⁾, tài rộng đến 7 bước làm được bài thơ ⁽²⁾, cũng khó thố trí được, từ đời xưa các bậc đế vương, các bài thơ to tát không phải là không có nhiều, các nhà thi hào làm ra thơ cũng không ít, một đời có thể cách một đời, một nhà có thể cách một nhà, mà thấy ở thơ *Cổ tuyển* ⁽³⁾ sách *Ngọc hải* ⁽⁴⁾ độ chăm cũng ít. Ta lúc rồi việc,

(1) *Tám lần xoa tay làm xong bài phú* : Ôn Đình Quân mỗi khi vào thi cứ 8 lần xoa tay thì làm được 1 bài phú (theo *Vận phú*, bộ xoa).

(2) *Bảy bước làm xong bài thơ* : Tào Thực con Tào Tháo, đời Tam quốc, có tài mẫn tiếp, thất bộ thành thi.

(3) *Cổ tuyển* : về Chiêu Minh thái tử mà có tên là *Cổ tuyển* (theo *Từ nguyên*).

(4) *Ngọc hải* : là bộ sách quý của Vương Ứng Lân nhà Tống làm ra, tra ở bộ hải : trong *Từ nguyên*.

đọc sách xong lại làm thơ kỹ sự, không ngờ ngày tháng kế tiếp mãi, tích thành một pho sách, những nghĩa mâu nhiệm của thơ, ngày hiểu được càng sâu, suy nguyên đến chỗ gốc nguồn, thực là xem đến biển thì nước không kể vào đâu cả, nhưng xem nước, tất phải xem đến sóng nước. Hãy mong bước lên được thêm nhà mới vào trong nhà được”.

Thường tuân phụng một bài thơ thánh chế nói về tính thi, suy cho rộng ra, theo nguồn dòng từ đời xưa đến đời nay, xét đến chỗ giống nhau chỗ khác nhau của các nhà, tìm hết cả chương pháp, phân biệt thể tài, có bài theo thể cổ, có bài mới làm ra, đều đã biên vào các tập thơ ngự chế rồi. Lại nghĩ : nhà làm thơ có thể cách cũng như nhà dụng binh có trận chính, trận kỳ, tham khảo cả đi mà cùng nhìn cả hai đàng, không bằng hợp cả làm một mà tổng quát lại để tiện xem xét để rõ là làm mới hay là thuật cũ. Các người nên xét rõ ngay trong các tập thơ ngự chế, phạm những chỗ có quan hệ đến thể cách đời xưa và đời nay, đều nên theo trước sau mà lần lượt biên vào, ta sẽ gia ân ban vào chỗ văn thư của sĩ phu, cũng để giúp cho việc muốn xem cho rộng. Đến khi tập thơ biên xong tiến lên ngự lãm, nhan sách để là *Ngự chế cổ kim thể cách thi pháp tập* (gồm hơn 70 thể được 157 bài thơ) : quân thần xin cho khắc in. Vua ưng cho.

Vua thường bảo các đại thần rằng : “Phép làm thơ của đời xưa, đời nay, nhiều đến 120 thể, thể nào là dễ, thể nào là khó?”. Trương Đăng Quế thưa rằng : “Tự chúng tôi xem ra, đều là khó cả!”. Vua nói rằng : “Cổ thể, không dễ học. Đại đế, từ đời Tam đại trở về trước, thể cách đều khó ; từ đời Tam đại trở về sau, xem ra hơi dễ. Đời càng về sau, thể cách thơ càng yếu đi ! Nhà Đường không bằng nhà Hán, nhà Tống không bằng nhà Đường”. Lại hỏi : “Thơ có thể cấm, bắt đầu từ bao giờ?”. Vũ Phạm Khải thưa rằng : “Âu Dương Tu xướng ra, Tô Đông Pha hoạ theo. Vua Càn Long nhà Thanh phần nhiều dùng thể ấy”.

Khâm mệnh điểm duyệt biên binh 3 hạt Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Tĩnh. Nguyễn Lương Nhân về Kinh phục mệnh. Vua hỏi : “Biên binh 3 tỉnh, so sánh ra, hạt nào hơn?”. Lương Nhân thưa rằng : “Tỉnh Thanh Hoá nhiều lính mới tuyển chưa được thành thạo. Nghệ An, Hà Tĩnh hơi hơn”. Vua sai bộ Binh tra lệ phân ra từng hạng để thưởng phạt. Lương Nhân là người võ biên, tiến lui có khi mất thứ tự, vua bảo Trương Đăng Quế rằng : “Lương Nhân cũng là người làm được việc, nhưng tính vẫn khinh nhờn, là vì không có học. Vả lại, dùng người như dùng cây gỗ, bỏ chỗ kém mà lấy chỗ hơn ; nếu tất phải cầu tài đức đều giỏi cả thì chưa dễ có được nhiều người. Lấy từng tiết một, là được”.

Vua bảo Nội các rằng : “Âm vận là quản hạt của bài thơ, tập vận là văn sức của bài thơ. Bộ sách *Văn quy* sẽ để bổ sung những chỗ khuyết lược của bộ *Vận phủ*. Sách *Văn quy* làm xong thì học giả có chỗ bằng cứ mà tra xét, bắt tất tìm ở các sách

Tự điển và *Vận phủ*, mà âm vận chữ nghĩa cũng biết được rõ ràng, là bờ bến cho hậu học, giúp ích được nhiều lắm. Các người phải nên gia tâm đốc sức, người chăm thì khen, người lười thì thúc đẩy, để cho có sự khuyên răn”. Rồi sai đem bản thảo một vấn “nhất đồng” tiến trình. Dụ rằng : “Ấy là đại lược đó, tự trung có chỗ nào còn thiếu sót thì phải bổ thêm, nếu phiền nhũng thì bỏ bớt đi”.

Sắc cho bộ Hộ, Nội các và sở Thị vệ hội đồng với Nội vụ phủ kê khai và tâu lên những thứ bạc đĩnh về các năm Gia Long, Minh Mệnh và Thiệu Trị, phải cho đủ 100 vạn lạng để vào cái quỹ đựng vàng cho cẩn thận (năm Gia Long khâm định số bạc đĩnh 5 vạn đĩnh nặng 40 000 lạng, đĩnh 1 lạng 3 vạn đĩnh nặng 30.000 lạng, đĩnh 5 đồng cân 2 vạn đĩnh, nặng 10.000 lạng. Năm Minh Mệnh khâm định : bạc đĩnh 2.915 dật đĩnh, nặng 6.000 lạng 92 ; bạc kiểu cũ ở các tỉnh : thứ đĩnh khâm định : đĩnh bạc 29.360 dật đĩnh, nặng 200.000 lạng ; bạc các tỉnh ; thứ đĩnh 10 lạng 6 vạn dật, nặng 600.000 lạng, kiểu bạc mới 3 vạn dật, nặng 300.000 lạng, hợp cộng 1.000.000 lạng 9 đồng 2 phân. Lại lấy 40 đĩnh (nặng 400 lạng) tiến vào nội cung.

Phó lãnh binh tỉnh Bắc Ninh là Nguyễn Tam tuổi già, về hưu trí. Lấy Phó vệ úy vệ Tiên dinh Hồ oai là Nguyễn Đông thay vào.

Tỉnh Quảng Yên có giặc biển thường ở ngoài biển cát lên đón cướp những người đánh lưới tôm. Bang trưởng Lư Cấp Hỉ đốc suất thủ hạ dân phu vây bắt được 5 tên giặc Thanh, và thuyền bè khí giới. Việc đến tai vua. Thưởng cho Cấp Hỉ 3 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn ; thủ hạ, dân phu 30 quan tiền. Những tên phạm bị bắt giải giao cho Khâm châu nhận xét.

Bình Thái thái trưởng công chúa Ngọc Châu, Bảo Thuận thái trưởng công chúa Ngọc Xuyên tâu : “Có đền thờ mẹ đẻ ở làng Phù Trạch, phủ Thừa Thiên, xin trích 10 tên dân phu sở tại miễn trừ cho binh đao, để sung vào việc coi giữ đền”. Vua bảo bộ Lễ rằng : “Việc xin đây cũng không phải lệ, nhưng vì 2 công chúa đều không có con, nên tạm chuẩn y cho lời xin. Sau này không được viện để làm lệ”.

Phó vệ úy vệ Tả dinh Hồ oai là Lê Văn Sinh vì mỏi mệt, giáng bổ Cai đội ; thự Phó vệ úy vệ Hữu dinh Thần cơ là Tôn Thất Tường bị bệnh, chuẩn cho ở chỗ trợ dưỡng bệnh. Cho Phó vệ úy vệ Phấn vũ dinh Tiên phong là Mai Công Cảnh thăng thự Phó vệ úy vệ Tả dinh Hồ oai ; Cai đội cơ Trung tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Nhân bổ thự Thành thủ úy, thăng thự Phó vệ úy vệ Phấn vũ dinh Tiên phong ; Cai đội vệ Tả dinh Hồ oai là Hoàng Đức thăng thự Phó vệ úy vệ Hữu dinh Thần cơ. Sai các bảo cấm binh quân Vũ lâm và thống quản đại viên các quân dinh Kỳ võ, Thượng tứ, chọn cử cai đội và suất đội ở dưới cờ : ai thân thể khoẻ mạnh, sai phái đặc lực có thể làm được túc vệ đều phải cử ra 1 người.

Quan ở Quốc tử giám là bọn Nguyễn Công Hợp theo lệ sát hạch các giám sinh học ở Giám, làm danh sách tâu lên. Lại sai Thiêm sự phủ Thiêm sự sung Toàn tu

Sử quán Phạm Hữu Nghi, Hồng lô Tự khanh sung Toàn tu Sử quán Nguyễn Du⁽¹⁾ sung chánh phó chủ khảo, Lang trung Phạm Chi Hương, Nguyễn Hữu Độ, Thị giảng học sĩ Vũ Công Độ, Viên ngoại lang Nguyễn Xuân Thọ sung phân khảo, đến Quốc tử giám chiếu y như phép thi, duyệt lại 3 ngày : ai trúng thì chuẩn cho được dự thi Hội.

Hai người con cháu nhà Lê bị an sát ở tỉnh Quảng Nam, vì nghèo, trốn về nguyên quán, bị bắt, đều phải tội trượng đò. Hết hạn, lại sai an sát như cũ. Quan tỉnh và phủ huyện sở tại cùng người coi giữ đèo Hải Vân và cửa biển Quảng Bình vì không kiểm điểm chặt chẽ, đều phải tra hỏi, ghi chức vụ và tên, phân biệt giáng và phạt.

(1) Nguyễn Du này khác với Nguyễn Du (1765 – 1820), tác giả *Truyện Kiều*.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LXVI

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Đinh Mùi, Thiệu Trị năm thứ 7 [1847], mùa xuân, tháng 3. Ác Man ở tỉnh Quảng Ngãi cướp đồn Bình Bảo. Thự Án sát Mai Đức Thường đi ngay đến tận chỗ ấy, đốc quân để bắt. Hơn 10 tên Man đều chạy trốn. Bắt được 1 tên đầu mục là Duy. Việc đến tai vua. Thường cho Đức Thường kỷ lục một thứ. Những quân dân đi chuyển ấy được 30 quan tiền. Tên Duy phải giam cầm lại, bắt phải dẫn dụ những người cùng bọn ra thú. Sau đó Duy cất lên trốn thoát. Người chủ thư và người coi ngục đều phải tội.

Quân thuyền của người Tây dương sinh sự ở cửa biển Đà Nẵng. Từ khi Mai Công Ngôn đến cửa biển, bố trí quân thủy, quân lục để làm cái thế dựa nhau. Quân dung rất lộng lẫy. Người Tây dương chực muốn lên bờ, bị biển binh ở thuyền Phấn Bằng ngăn lại ; người Tây dương biết là không có thể xâm phạm được, lại về chỗ đỗ thuyền trước.

Vua khen là biết làm cơ ứng biến, thưởng cho viên quản đốc ở thuyền 1 đồng kim tiền Tam thọ, các suất đội mỗi người 1 đồng ngân tiền Song long hạng lớn, biển binh 100 quan tiền. Bọn Công Ngôn mặt ngoài thân thiện với người Tây dương [nhưng bề trong] mật lệnh cho các quân đánh ngày hội đánh. Có 1 tên tiểu biển Vũ Văn Điểm bị bọn Tây dương bắt được. Chúng tìm được bản ước thúc của quân cơ, vì thế hiểu ngầm tình trạng trong quân thứ. Gặp ngay thuyền ở Kinh chạy đến ngoài biển, người Tây dương đến ngay chỗ quân Đào Trí Phú, giả cách xin hoà, Trí Phú

cũng tin, đóng quân không hành động gì. Đến ngày hôm sau, giờ Ngọ, bọn Tây dương tự nhiên nổ súng âm ỹ, dôn bắn cả vào thuyền quan. Quan quân giở tay không kịp, 5 chiếc thuyền đồng chốc lát đều bị đắm mà vỡ cả. Lãnh binh Nguyễn Đức Chung, Hiệp quản Lý Điển đều chết ở trận, binh chết hơn 40 người, bị thương hơn 90 người, còn 104 người không biết trôi giạt đi đâu ; súng và khí giới chìm mất rất nhiều (10 cỗ súng Chu y bằng gang, 3 cỗ súng Chấn hải bằng gang, 15 cỗ súng quá sơn bằng đồng, các khí giới chìm mất rất nhiều). Hôm sau thuyền Tây dương giương buồm chạy đi. Không có một người nào đuổi theo !

Việc đến tai vua. Vua than thở rằng : “5 chiếc thuyền đồng lại bị giặc Tây dương bắn, không ngờ quan quân hèn yếu đến như thế, đáng tiếc lắm, bọn Công Ngôn không nghiêm quân luật để đến tiết lộ quân cơ, là một tội ; sau khi đã lỡ việc, không đốc thúc quan quân hết sức mà đánh, dùng các súng to ở thành đài, đánh dữ giết giặc để giải lòng công phần, thế là hai tội ; thuyền giặc trốn đi rồi mà hai pháo đài Phòng Hải, Định Hải lạng yên, không bắn một phát nào để chặn đường đi của giặc, thế là ba tội !”. Lập tức sai Biện lý bộ Công là Vương Hữu Quang, Cấp sự trung là Trần Gia đi ngay thuyền đến để tra hỏi, biết hết những tình trạng điều khiển thất sách và binh nhút nhát. Vũ Văn Đỉnh phải chém bêu đầu, Lê Văn Pháp, Nguyễn Tri, Nguyễn Quyến, Nguyễn Hi, Lê Tân đều phải trảm giam hậu, thự Lãnh binh Nguyễn Đức Tập phải phát vãng đi nơi thành tấn để ra sức làm việc chuộc tội, Phó vệ úy Tôn Thất Năng, Thành thủ úy Vũ Lực, Nguyễn Liêu bị cách chức, phát về ty Hộ vệ, ra sức làm việc. Mai Công Ngôn giáng xuống chức Chương vệ ; Đào Trí Phú giáng xuống chức Lang trung ; Lý Văn Phúc, Nguyễn Đình tân đều cách chức, phát đi làm quân ở dinh Kỳ võ. Nguyễn Đức Chung, tặng Chương vệ, cấp tuất 30 lạng bạc, lại cho ấm một người con làm Cẩm y thiên hộ ; Lý Điển được truy tặng Phó vệ úy thuộc Thủy sư, cấp cho 20 lạng bạc, lại cho ấm một con làm Cẩm y bá hộ ; 5 người suất đội, đội trưởng, đều truy tặng và cấp bạc cho có khác nhau ; binh đình thì chiếu lệ cấp tuất, lại tha cho một người con hoặc một người cháu không phải bắt lính ; đến ban tế một đàn ở bãi biển. Người bị thương thì cấp cho tiền. Tả vệ úy dinh Thân cơ là Tôn Thất Chu rồi chết vì bị thương, tặng cho hàm Vệ úy.

Từ sau khi cửa biển Đà Nẵng bị lỡ việc, vua rất tức giận, bụng thường không vui. Một đêm, đến chơi Duyệt Thị đường. Quản lĩnh thị vệ Nguyễn Trọng Tính, Hiệp lĩnh Vũ Văn Trí đều mãi ngủ quên mất ; phạt Trí 80 trượng, giáng Tính một cấp. Lại hỏi việc tu bổ thuyền bè, Viên ngoại lang bộ Công đương trực là Dương Văn Trinh không thưa lại được, sai đánh đau 100 trượng. Các bề tôi là Vũ Phạm Khải phiếu nghĩ không hợp ý Chỉ, sai Hình bộ Tham tri Bùi Quý truyền Chỉ đánh 40 roi, một lát lại tha. Dụ rằng : “Tạm để gọi tỉnh đó thôi !” Thuộc viên Nội các là Nguyễn Văn Siêu vì làm phiếu lầm lời nói trong Chỉ dụ, phạt 80 trượng.

Thường khi rồi việc, xa giá đến đình Doãn Vũ, diễn tập bắn súng. Sai các quân bố cỏ vào làm hình người Tây dương, ai bắn trúng thì thưởng cho kim tiền, ngân tiền.

Vua đương triều, hỏi đại thần viện Cơ mật ở trước mặt rằng : “Thuyền Tây dương đến đây, chỉ cần có hai việc là bỏ cấm [đạo Gia tô] và thông thương mà thôi. Thông thương thì được, cấm [đạo], có thể bỏ được không?”. Trương Đăng Quế thưa rằng : “Chúng đã sinh chuyện ra trước, không thể lại mong khoan điển!”. Vua nói : người Tây dương lòng vốn狡詐, nếu cấm [đạo] thì Anh Cát Lợi nghe thấy, cũng sẽ cầu xin bỏ cấm thuốc phiện. Nhưng Địch là giống sài lang, không thể thoả mãn nó được ! Làm thế nào mà việc gì cũng theo gương như chúng sở cầu ? Và lại, đạo Gia tô là tà giáo, cái hại rồi đến bởi chuyện ngoài biên, mở đường chinh chiến. Thuốc phiện là thứ thuốc mê, cái hại rồi đến khuynh gia bại sản, hại tính mệnh người. Hai việc ấy đều là điều nghiêm cấm ở trong nước, ta sẽ giáng dụ để vào quốc sử truyền lại đời sau, để nghiêm tuyệt xa đi mà ngăn chặn mối lo ở ngoài”. Lại bảo các đại thần rằng : “Tây dương vốn không phải một nước. Thí dụ như nước Phật Lan Tây, từ trước đến nay cũng chưa nghe thấy có cái tên Tây dương ấy, xem thư của chúng đưa đến, đã không phải tự quốc vương ra, mà hiệu cờ cũng là cờ mới chế, hay là chúng tự lập ra bộ lạc, cũng chưa thể biết được. Và lại, người nước Phú Lãng Sa từ trước đến nay có phạm cấm, nhiều lần đã được tha cho về, y đáng ơn ta, có thất vọng gì mà sinh ra ý khác. Việc đó hãy đợi thuyền quan phái ra biển về, để hỏi xem tình ý của chúng thế nào. Nếu bọn Nhung Địch quả sinh bụng dạ gì, thì tỉnh Gia Định và Hải Phòng cũng là chỗ quan yếu, không riêng Đà Nẵng mà thôi !”

Chiếu truyền các tướng ở Trấn Tây : xong việc binh rồi, kéo quân chuyển về tỉnh An Giang để nghỉ ngơi. Vũ Văn Giải và Nguyễn Tri Phương tâu nói : “Quân ta từ sau khi bình định được Trấn Tây, nhân cái đất ấy đóng đại binh, để trấn áp và vỗ yên [nhân dân], nhưng đều tùy thế đặt ra đồn trại. Những nhà công ở chỗ núi đất có nhiều, còn cái thành xây bằng gạch mà hạ được cũng tu bổ thêm vào để chứa quân nhu. Chỗ Tiền Giang, Hậu Giang, từ Tâm Vu, sách Cần Đa trở xuống, cũng liên lạc đặt đồn, lưu quân để phòng giữ. Nay chúng đã xin làm tòng, dâng lễ cống, thì quân ta kéo về. Còn ở bên ngoài đồn trấn, nguyên trước đặt ra 3 đồn, triệt huỷ đi một sở pháo đài xây bằng gạch đá, xin giao cho phiên thân Sá Ong Giun đi lại đóng ở đấy ; đến như các đồn trại : Tiền Giang từ Sách Cần cho đến Việt Giang, Hậu Giang từ Tâm Vu cho đến Long Sơn, rồi lần lượt cũng triệt huỷ đi. Duy có tỉnh An Giang tiếp liền với cảnh thổ Chân Lạp, chỗ Hậu Giang xin lấy đồn Bình Di làm địa đầu, chỗ Tiền Giang lấy bãi sông thôn Tiến An làm địa đầu, cùng với đồn trại nguyên đặt ở duyên biên các tỉnh An Giang, Định Tường, Định Biên, nên sửa sang cho thêm rộng ra để lưu quân phòng thủ. Còn các vệ cơ của quân Kinh và các tỉnh đi đóng thú thì cho về để nghỉ ngơi”.

Vua ưng cho lời xin, sai hội đồng với tỉnh An Giang thương lượng để thi hành. Sau đó quan tỉnh An Giang tâu nói : “Trong hạt có 8 đồn như Tân Châu, An Lạc, Vĩnh Thành, Cầu Thăng, Trung Khoan, Tái Xuất, Hưng Nhượng và Ba Xuyên, hoặc bức gần với đất giặc, hoặc xa cách tỉnh thành, đều là chỗ quan yếu, những biên binh trước phái đến, nghĩ nên cứ ở nguyên đây để phòng thủ. Còn 3 đồn Bình Thiên, Long Sơn và Thảo Tham, không quan yếu gì lắm, cùng với các đồn ở một giải sông Vĩnh Tế hiện đã có đạo quân trấn áp, biên binh trước phái đến xin liệu cho rút bớt đi. Lại, những biên binh trước phái đi tuần tiễu ở đường sông và trú phòng ở đồn Đa Phúc, xin cho triệt về”. Vua ưng cho.

Quân thứ Trấn Tây là bọn Tướng quân Vũ Văn Giải, Tổng đốc Lê Văn Phú, Khâm sai đại thần Nguyễn Tri Phương ; Tham tán Doãn Uẩn, Đề đốc Nguyễn Văn Hoàng vì việc quân ở biên cương đã xong, làm tập tâu lên, đại lược rằng :

“Thánh nhân bình định hoạ loạn, đánh dẹp có công tốt để chính định nước nhà ; Vương giả chế ngự Man di, kẻ phản đã quy thành, thì vỗ về ân đức. Bấy đức vũ nói đến yên hoà dân chúng, thôi cả việc binh đao ; chín đạo thường nói đến yên ủi phương xa, chính ở trong phương sách. Nước Cao Miên kia ở phía tây nước ta. Ngoài thanh giáo mà làm tội, lặn suối non để đến cống. Đã giữ chức phận, lại làm phiên thần. Tuy phản phúc vô thường, vẫn thói cũ của bọn Di Địch, mà sinh thành không sót, là chí nhân của đấng cao dày.

“Kính vâng Thế tổ Cao hoàng đế ta : xét bụng thực quy thành rộng ra ơn yên ủi. Trừ giặc Xiêm để yên cho nước. Lập phiên vương để giữ cho còn. Cấp thóc kho cho đủ dùng, đặt quan quân để bảo hộ, xây dựng cho nước phiên kia đã đầy đủ lắm. Nhưng mà, giặc Xiêm lại kéo sang, nước Mên không giữ nổi. Khi phiên vương là Chăn chạy đến tỉnh Vĩnh Long, nước ấy đã không phải là nước rồi.

“Kính vâng Thánh tổ Nhân hoàng đế ta : Nhân ân rộng khắp, giáo hoá thân minh. Nghĩ đến phiên thuộc vẫn đời đời làm tội, ngăn kẻ ngoại xâm mà đưa về nước. Lại phái quan quân đến tổng nhiếp đất ấy. Bờ cõi chấn chỉnh lại, nhân dân vỗ về cho. Đến khi Phiên vương là Chăn chết đi, còn vài con gái cũng được ân phong, cả đến Man thần cũng gia quan tước. Lại cho bổng lộc để cứu nạn đói, cho tên họ đổi chính sự phiên hà. Dân Thổ Man nhờ đó được yên, tôn tự Man nhờ đó không tuyệt. Trông đến chỗ xây dựng của triều ta, lòng hậu biết là chừng nào !

Mới đây, dòng dõi nước kia là Sá Ong Giun : lưu lạc từ thuở nhỏ, nương mình ở cõi xa. Vì bọn Man xuẩn ngu, vô cố mở cửa cho giặc, bị giặc Xiêm càn rỡ, dựa chỗ bụi rậm nắp quân, khiến cho đầu mục nước Xiêm là Phi Nhã Chất Tri nhân lúc rối ren, làm cho bừa bãi ! Lén chiếm đất Man, cướp bóc dân chúng !

“Hoàng thượng ta : khi mới nối ngôi, còn bận bụng việc quân dân, mưu xa chưa kịp nghĩ tới, cũng là quyền nghi một thời, để chăm chú việc trước, việc sau,

việc gốc việc ngọn. Cho nên, cất quân đánh dẹp, làm trọn công việc chưa xong, nghỉ quân yên dân, mong hưởng thái bình thịnh hội ; là còn để đợi về sau đó.

“Kính nghĩ hoàng đế bệ hạ : giữa trời cầm vận, thượng thánh thông tài. Mưu trước kính vàng, đức đời mong kịp. Vận dụng gồm hai văn võ, có cương, có nhu ; kinh luân tri cả trong ngoài, có uy, có tín. Bờ cõi thanh minh gặp hội, muôn dân vui vẻ phụ thành ; biên trù xếp đặt sự nghi, chí hiếu phải cần kế thuật.

“Năm Thiệu Trị thứ nhất, thứ hai [1841-1842], bọn cuồng Hồ không lượng lực, kéo cả nước đến xâm lăng, xui giặc thổ dân, nổi lên nhiều loạn, thường bị quân ta đánh riet : Lần trước đánh phá ở tỉnh Hà Tiên, lần sau đánh phá ở sông Vĩnh Tế. Hai hòn đảo, bảy ngọn núi ⁽¹⁾ bị đánh toi bời, đất Lạc Hoá, đất Ba Xuyên, dẹp yên lần lượt. Nếu đương lúc quân uy lừng lẫy, có thể lập được công dăng bình. Duy lòng vua ngại phiền dân lực, chỉ muốn được yên, nên quân trời không phải đuổi cùng, lui cho 3 xá ⁽²⁾. Nhưng mà dân Man kia khổ với người Xiêm tàn ngược, thích chính sách ta khoan hồng, không chịu được bọn giặc trung cầu, ngày mong cho quân vua đến cứu. Thổ mục thì cùng đến xin cứu viện, thổ dân thì đem gia quyến quy thành. Vua đến, đem lại cuộc sống cho dân, như đại hạn mong mưa rào xuống ; trời đánh kẻ có tội, quân nhân nghĩa kéo đến kịp thời.

“Mới từ năm Thiệu Trị thứ 5 [1845], thắng toán ban tự cứu trùng, hùng binh tiến đi ba lộ. Có oai quyền, có ân trạch, vừa đánh dẹp, vừa vỗ yên. Hạ trại giặc ở Tâm Bôn, Ba Nam, quân thanh lừng lẫy trước, đánh đồn giặc ở Chi Đàm, Vĩnh Bích, thế thắng không ai đương. Thuyền tàu như ngựa chạy ở đầm sông, súng ống như sấm vang ở hang núi. Một quân thẳng trở, đồn Đàm Luỹ đuổi hết tổ chim ; hai đạo giáp công, đồn Sách Sô sát đến lỗ kiến. Luôn mấy tuần, ta đã đánh được ; dựa chỗ hiểm, chúng còn kéo dài. Đồn luỹ thuyền bè kéo liền vài dặm ; Lao, Côi, Xiêm, Lạp tụ họp như rừng ! Khoá sắt ngang sông, tự nghĩ Thạch Đầu ⁽³⁾ đã vững chắc ; Tâm Tông ⁽⁴⁾ chia đất, lại khoe đường Thục khó đánh vào.

“Phụng mệnh hoàng thượng ta, chỉ bảo cơ nghi, đôn đốc tướng sĩ. Thế rồi, ba quân gắng sức, bách thần hiển linh. Nước thu đầy, chiến thuyền tiến nhanh ; gió đông thuận, buồm thuyền đi chóng. Chúng đương không đường tiến thoái, ta đã đánh giáp trước sau. Súng lớn vang đến trời, sóng to sùi cả đất. Một trận đánh đập

(1) *Bảy ngọn núi* : thuộc tỉnh An Giang, đã chua ở trên.

(2) *Ba xá* : hai bên đóng quân đối diện đánh nhau, sau khi điều đình, một bên bằng lòng rút quân lui xa một khoảng cự ly nhất định.

(3) *Thạch Đầu* : chỗ Ngõ Tôn Quyền đóng đô trước. Đến đời Tôn Hiệt, Vương Tuấn nhà Tấn đem quân đến đánh, Tôn Hiệt sai đặt khoá sắt ở lòng sông, tưởng là vững chắc, nhưng Vương Tuấn cũng đánh tan.

(4) *Tâm Tông* : tên một vua nước Thục về thời cổ, vua ở đâu thì chia đất cho dân ở xúm xít xung quanh và đường vào Thục như đường chim, ít người vào được.

bằng lữ sắt, thế như đốt năm lông ; một buổi sáng hạ luôn thành đóng, binh khí không giây máu. Thu được khí giới, chất như núi cao Hùng Nhĩ ; bắt được thuyền quân, chứa ở sông Giang Lăng chật. Bọn giặc nộp đầu hơn 600 đứa, xác chết chôn đầy năm, đầy mô ; Man thổ quy thành hơn hai vạn dân, tranh nhau đón dâng cơm, dâng rượu. Kể từ khi ra quân chưa qua một thời, lấy 5.000 quân thú ngoài biên, phá được vạn quân Xiêm, Lạp. Không phải gọi quân, đã bình được giặc. Võ công như thế không phải sức người. Thực nhờ oai liệt Thánh tổ Nhân hoàng đế ta để lại vẫn hiển linh ở trên trời, mà hoàng thượng ta trí đoán mưu sâu cũng hợp với đời cổ, nên mới được như vậy.

“Đến khi tiến đuổi đến đất Sà Năng, đất Lu Việt, vây sát đến đất Vịnh Long, đất Ô Đông. Giặc như con cọp bị đói, ve vẩy đuôi để chực kêu van ; chúng tựa con thỏ gian ngoan, muốn lánh mình mà không có đất ! Người Man sợ hãi, đưa thư xin hoãn chiến cho ; quân ta tiếng tăm vang lừng, từ trước đã nhận cho giặc xin hàng. Thế là thiên hạ không ai địch được, nổi tiếng chín lần đánh của Vương Lu. Không đánh mà phục được người, thực diệu kế vạn toàn của bậc thánh võ. Thế cho nên người Xiêm La xin cầu hoà trước, cúi đầu sợ uy ; tù trưởng Man nhận tội đưa thư, kêu trời cảm đức.

Trong tháng 12 năm ngoái, Sá Ong Giun kính uỷ sứ thần mang tờ biểu và lễ phẩm đến Kinh xin làm tôi và dâng cống, xin vua ban ân cho được dâng ngọc cung, ngọc cầu, đời làm thần thuộc. Hoàng thượng nghĩ đến nghĩa thời trước là thuộc phiên, suy lòng nhân của đế vương thương nước nhỏ, đã chuẩn cho sứ thần tiến Kinh chiêm bái. Lại ban luôn ân dụ, phong Sá Ong Giun làm Cao Miên quốc vương, ban cho sắc ấn ; con gái Phiên vương Chăn trước là Ngọc Vân, phong cho làm Quận chúa, hiệp đồng với nhau để trông nom cai quản thổ dân, giữ lấy nghiệp của Phiên vương Chăn, mà đời đời làm hầu phục ở ngoài phiên.

“Ngày 30 tháng này, bọn khâm sứ chúng tôi phụng mệnh nhà vua đi đến tuyên phong, khâm ban sắc ấn và thưởng cho các thứ. Chúng tôi thấy sắc mệnh vừa ban ra, biên thủy đều vui vẻ, từ tù trưởng đến dân Miên đều giơ tay lên trán xưng tụng, đều nói : rất lớn thay thiên hoàng đế, ân đức như trời như đất ! Thực đủ thấy oai vua lừng lẫy, thế nước tôn nghiêm, nghĩa lớn rõ ràng, biên dân yên ổn. Từ đây, đồ thêu dệt, áo bằng cỏ, đồ bằng da theo như trong thiên “Vũ cống”⁽¹⁾ ; ngọc minh châu, cánh chim phí, cánh chim thúy, đời đời vàng phục chế độ quân đài. Lại đội ơn hoàng đế bệ hạ : thần võ không giết, đức trời hiếu sinh. Đánh dẹp bốn phương, ra oai cho kẻ không đến châu, cốt để hoàn định an tập ; nối đời đã tuyệt, nhắc lại điển lễ đã bỏ, không tham thổ địa nhân dân. Khu xử thuộc phiên, thực hết lòng nhân nghĩa ;

(1) Vũ cống : một thiên trong *Kinh Thư*.

chế phục ngoại lỗ, đều có cả ân uy. Cho nên, đức vua ban ra mà Hữu miếu ⁽¹⁾ xa đến ; mưu vua tin thực mà Từ phương ⁽²⁾ lại châu. Sẽ thấy tiếng nghĩa truyền ra, nước ngoài nghe khắp ; phương xa triều cống, tập họp minh đường. Rồi thì, ngửa trông đức sáng, nêu tỏ công to, thêm rực rỡ trong sách *Tiểu bình phương lược* ; mà nghĩa cả, nhân to, công lớn, đức thịnh, khắc vào vàng đá, ghi ở Sử thư, để tỏ bảo đến ức muôn năm lâu dài. Thời ôi, tốt lắm thay !

“Chúng tôi, chế khốn không tài, chuyên chính có mệnh. Vâng lời phạt tội, uy trời chuyển đến phương xa ; thu quân kéo về, phúc đức toàn nhờ triều thánh. Xe nguyên nhưng mười cỗ, thơ “Thụ chỉ” ⁽³⁾ hát theo - tuổi thiên tử muôn năm, tụng cáo thành kính chúc”. Vua phê vào tập tấu và khen thưởng.

Thị độc học sĩ viện Hàn lâm lĩnh Khâm thiên giám là Hoàng Công Dương chết (cấp cho 100 quan tiền).

Mở rộng 2 viên trạch Dưỡng Thiện, Cẩn Thiện (ở phía đông Kinh thành, áp Xuân Lộc, An Hội), xây dựng phủ đệ. Nơi nào mở vào nhà cửa của nhân dân đều cấp cho tiền.

Đời đặt đồn Định An ở tỉnh Vĩnh Long. Đồn cũ trước gần sát sông to, bị nước chảy xói. Quan tỉnh là Ngô Văn Nhai xin di sang chỗ bên hữu, liệu mở thêm cho rộng. Vua y cho. (Đồn cũ 4 mặt đều dài 7 trượng 2 thước, cao 4 thước 5 tấc, chân rộng 6 thước ; đến đây gia thêm ra đằng trước đằng sau hai mặt đều dài 12 trượng, bên tả bên hữu hai mặt đều dài 10 trượng).

Bắt đầu đặt chức tổng đốc Nam - Ngãi và bố chính Quảng Nam. Trước kia, Nam - Ngãi đặt một viên tuần phủ, kiêm lĩnh bố chính ; đến đây vua thấy hạt ấy, trên tiếp với dân Man ở nơi núi rừng, dưới liền với đồn cửa biển, công việc rất nhiều, mới bớt chức danh tuần phủ, đổi đặt chức tổng đốc Nam - Ngãi, chức bố chính Quảng Nam đều một viên. Phàm những công việc về biên cương và mặt biển, thì tổng đốc hội đồng với bố chính, lãnh binh, hết lòng trừ tính mà làm ; còn tập tấu thì chuyển dùng án quan phòng tổng đốc, các viên bố chính, lãnh binh đều ký tên ở bên dưới tổng đốc. Còn tất cả các việc trong tỉnh đều chiếu theo lễ cũ thi hành.

Lấy : Chương vệ Tân Lộc tử Mai Công Ngôn thụ Tổng đốc Nam - Ngãi, Lang trung Đào Trí Phú thụ Bố chính Quảng Nam ; Phó vệ uý vệ Nhị Hữu bảo Mai Điền đổi bổ Phó vệ uý vệ Cấm binh, gia hàm Lãnh binh tỉnh Quảng Nam, quản chiếu thành đài quân Thủy sư và công việc đồn cửa Đà Nẵng. Nhân sai bọn Mai Công Ngôn

(1) *Hữu miếu* : một tộc ở thời cổ Trung Quốc, trước chống lại Ngu Thuấn, sau vì cảm đức hoá của Vua Thuấn mà thần phục.

(2) *Từ phương* : một hầu quốc về đời Chu.

(3) *Thụ chỉ* : một thơ ở trong *Kinh Thi*.

đốc đồng với Phó vệ úy vệ Trung dinh Thân cơ là Nguyễn Quý, thự Lang trung bộ Binh là Vũ Duy Ninh xem xét chỗ vụng Trà Sơn, chỗ nào nên dựng pháo đài, lũy đài đặt cỗ súng, mà có thể chế ngự được bọn Tây dương, thì nhất nhất vẽ thành bản đồ, nói cho mình bạch, dán kín lại. Đến khi bản đồ dâng lên, vua bảo bộ Binh rằng : “Cửa biển Đà Nẵng là nơi thuyền Tây dương ra vào, việc phòng bị rất phải nghiêm mật. Nếu đắp một cái lũy đài ở vụng Trà Sơn, chỉ tốn công không, không gì bằng đặt nhiều núi đất để tiện việc bắn súng là đắc sách. Và lại, như trước kia, thuyền Tây dương trốn đi, pháo đài phòng mặt biển cách nhau không xa gì, nếu cho thêm thuốc súng vào mà bắn, há không bắn trúng được một phát ? thế mà bọn Mai Công Ngôn mật trát cho các pháo đài, chôn giấu thuốc súng, đến nỗi lâm thời không kịp bắn được một phát nào, để lỡ mất cơ hội ấy, rất đáng tiếc !”

Triệu Tả Thị lang bộ Lễ sung biện công việc Nội các quyền lĩnh Bộ chính tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Bá Nghi, Phó vệ úy vệ Hậu dinh Hùng nhuệ quyền lĩnh Phó lãnh binh tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Nghĩa Thịnh, thự Chương vệ quân Thủy sư là Phạm Xích về Kinh cung chức. Vệ binh dinh Kỳ võ được triệt về hàng ngũ cũ.

Bộ chính tỉnh Quảng Ngãi là Nguyễn Đức Hộ đã 70 tuổi, dâng sớ xin về hưu. Vua nói rằng : “70 tuổi về hưu là hậu đãi những bề tôi tuổi già. Hộ tuy đã đến niên lệ, nhưng sức chưa yếu, còn gắng gượng làm việc được, có thể lưu lại ở chức, việc gì phải viện vào lệ ?”

Lấy : thự Thượng thư bộ Lễ sung đại thần viện Cơ mật Phan Thanh Giản kiêm quản ấn vụ Thái thường ; Lang trung ty Tân hưng ở bộ Lễ là Phan Huy Vịnh thăng thự Quang lộc tự khanh, biện lý công việc bộ Lễ.

Sai Trung quân Đô thống Chương phủ sự Vũ Lao hầu Tạ Quang Cự kiêm quản ấn triện Hữu quân ; Tả quân Đô thống phủ Đô thống Ninh Lạc tử Nguyễn Tiến Lâm kiêm quản ấn triện Hậu quân, đợi Tôn Thất Bật hết hạn, lại cung chức như cũ. Lại chuẩn định cho đình thần về ban võ : phạm có viên cử võ nào thì đóng ấn đình thần như ban văn.

Sai Chương vệ quân Thủy sư Kinh kỳ là Nguyễn Văn Lưu, Vệ úy là Nguyễn Tô, Nguyễn Văn Ký đốc suất thuyền quan và thuyền vận tải, chở các hoá hạng ở Bắc Kỳ vào Kinh, chợt có thuyền của người nhà Thanh ở ngoài biển sinh sự. Lại thông sức cho những quân thuyền đi tuần ngoài biển do Kinh phái đi, đều phải gia tâm phòng vệ, để giữ cho không xảy việc gì.

Lãnh binh tỉnh Nam Định là Nguyễn Văn Tiến có tội, bị mất chức. Lấy : Phó lãnh binh tỉnh ấy là Nguyễn Tiến Song, thăng thự Lãnh binh quan ; Phó vệ úy vệ Hậu dinh Hồ oai là Nguyễn Minh bỏ đi Phó lãnh binh quan tỉnh Nam Định. Tiến vì ngày khánh tiết, sai người nhà là Nguyễn Văn Chúc đốt ống lệnh, nhằm để phá ra,

làm chết người. Tiến sớ tội, đến tỉnh báo man. Quan tỉnh cũng dựa theo. Khi án đưa lên bị bác. Giao bộ Binh xét lại, biết được hết cả tình trạng. Tiến bị cách, phát đi làm quân ở đồn Đà Nẵng. Chước bị phát lưu hết bạc, bắt phải đền tiền mai táng cho người chết là 10 lạng bạc. Quan tỉnh là Phạm Duy Trinh, Tạ Kim Vực đều bị cách, lưu.

Hoãn việc duyệt tuyển sổ đinh cho tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh. Nhân dân hai hạt bị đau khổ mãi chưa tỉnh lại, quan tỉnh xin hoãn đến khoá sau. Vua y cho.

Định lệ quan viên đem mũ áo triều phục theo với người. Dụ rằng chế độ quan phục, để nêu tỏ người có đức, sống thì được vẻ vang, chết thì được yên, để cho đủ cả lúc vui lúc thương mà tỏ ra cái đạo ưu đãi. Nếu không lập rõ điều lệ thì quan viên ở Kinh, đến ký tấu sớ hay làm việc gì, còn có thể kịp việc ; còn như quan ở địa phương ngoài, đường sá hơi xa, nếu đợi tấu báo trở đi trở lại, kéo dài ngày tháng, thì đối với cái tình thương người chết thật là chưa đáng. Duy quan phẩm có cao thấp, nhân phẩm có hơn kém, bộ triều phục mà cấp cho đó, lại có công cấp và biệt cấp khác nhau, không thể nhất luật coi như nhau được. Nếu viên nào triều phục đã là cấp cho riêng, mà khi làm quan, coi việc chính trị, giữ mình thanh bạch, vì nước lập công, ghi công vào lá cờ, tiếng tăm công trạng hơn mọi người, cùng những người theo thường giữ phận, tuy không có việc làm đặc biệt lỗi lạc, mà cũng giữ được không có lỗi, thế thì cho đem theo triều phục vẫn là phải rồi. Còn những người khi tiến khi lui, không có tiếng tốt, nếu nhất khải cho đem theo triều phục, chẳng hoá ra không tỏ rõ được sự phân biệt ư ? Đó là một điển lệ lớn của triều đình, tự trung tiết mục còn nhiều, chuẩn cho bộ Lễ bàn cho rõ. Đến khi nghị dâng lên, chuẩn theo như nghị thi hành (đình thân văn võ ở Kinh và văn từ tứ phẩm án quan, biện lý việc Bộ, Viện, Các và văn từ chánh tam phẩm, võ từ tòng nhị phẩm trở lên cùng đề đốc, phủ doãn, phủ thừa ở phủ Thừa Thiên ; ở các tỉnh ngoài thì các viên tổng đốc, tuần phủ, đề đốc, tuyên phủ, bố chính, án sát, chánh phó lãnh binh, gián hoặc có khuyết xuất, mà dưới chỗ tên bị giáng luôn từ 5 bậc cho đến cách lưu, và bị kiện có tình tiết tham tang, thì triều phục nguyên cấp cho trước đều không được đem theo người ; còn viên nài dưới chỗ tên có đối giáng từ 1 cấp đến 3 - 4 cấp mà vẫn được lưu chức và giao nghị tẩm thường, thì triều phục cấp cho trước được đem theo người. Từ đây trở lên thự hàm và chính hàm cũng như nhau ; đến như văn tòng tứ phẩm, võ chánh tam phẩm trở xuống, không dự vào đình nghị và quan viên tập ấm, gián hoặc có quan phục cấp cho riêng, vẫn cho đem theo người, ngoài ra đều không được đem theo. Lại như quan viên về hưu trí hữu dưỡng, thì triều phục nguyên cấp không phải là cấp riêng, hoặc đem nộp vào kho, hoặc lưu ở công sở, không được đem về).

Triệu : Phủ biên Tướng quân tiết chế tổng hạt, Tiền quân Đô thống phủ Đô thống, An tây trung vũ tướng là Vũ Văn Giải, Khâm sai đại thần trừ biện trong phủ

Trần Tây ; thự Hiệp biện đại học sĩ An tây trí dũng tướng là Nguyễn Tri Phương ; Tổng thống tiễu quân vụ Tổng đốc Định - Biên là Lê Văn Phú ; An Giang Đề đốc, Bang biện Trần Tây quân vụ, An tây tuấn kiện tướng là Nguyễn Văn Hoàng ; nguyên Lãnh binh quân thứ là Trương Tiến ; Lãnh binh Vĩnh Long là Hồ Hậu ; Phó lãnh binh Định Tường là Lê Viên, đều phải do đường trạm về Kinh châu hầu.

Vua thấy biên thuý mới định ; công việc đặt phải có người trọng thân để trấn tĩnh, mới lấy tham tán đại thân hội làm công việc ninh tập Trấn Tây, thự Thượng thư bộ Binh, An tây mưu lược tướng Doãn Uẩn bỏ đi Tổng đốc An - Hà ; Lãnh binh An Giang Lê Đình Lý quyền chương án quan phòng Đề đốc An Giang, vẫn thự Tổng đốc Bình - Phú ; thự lý Tổng đốc Định - Biên Trần Văn Trung bỏ đi thự Tổng đốc Long - Tường ; Tổng đốc Long - Tường Ngô Văn Nhai bỏ đi Tổng đốc Định - Biên ; Bố chính Gia Định Lê Khắc Nhuận đợi việc sách phong Cao Miên xong, về Kinh phục mệnh ; Bố chính tỉnh Biên Hoà Hà Thúc Lương bỏ đi Bố chính tỉnh Gia Định ; Án sát Biên Hoà Vũ Đĩnh thăng thự Bố chính tỉnh Biên Hoà ; Lang trung bộ Lại Nguyễn Thuận bỏ đi Án sát tỉnh Biên Hoà ; thự Vệ úy tác vi Phó lãnh binh tỉnh Gia Định là Tống Biện bỏ làm Lãnh binh tỉnh Vĩnh Long, lấy thự Phó lãnh binh bổ dụng Đoàn Quang Mật thăng thự Phó lãnh binh tỉnh Gia Định ; Phó lãnh binh tỉnh An Giang là Hồ Đức Tú, Phó lãnh binh Tây Ninh là Nguyễn Công Nhân đều trở về nơi cũ cung chức. Quân ở Kinh và biên binh các tỉnh trước phái đi, lượng lưu lại để đóng giữ, còn thì đều cho về nghỉ ngơi.

Nhân đó, dụ các tướng tây chinh rằng : “Nước Cao Miên đời làm phiên phụ, một thời gian vì biên thân võ về không khéo, dân Miên tự làm những việc nhiễu loạn không yên, động phiên đến triều đình phải sai tướng, ra quân, kể tội mà đánh, trước hạ đồn Sách Sô, rồi phá đồn Thiết Thăng, định ngay thành Trấn Tây, tiến sát đến đất Ô Đông. Quân vua đến đâu, thế như chẻ tre, đầu mục Xiêm là Chất Tri cúi đầu để cầu hoà, tù trưởng Mên là Sá Ong Giun đến cửa quân mà thú phục. Ôi ! quân nhân nghĩa của đế vương đường đường chính chính, làm phản thì đánh để ra oai cho kẻ không đến châu, phục thì tha cho, không truy lại những việc đã qua, đem lòng nhân mở ba mặt lưới ⁽¹⁾ để rộng cho đường cái quá tụt sâu. Nay từ Sá Ong Giun cho đến bọn thổ mục, thổ dân đều đã sợ uy mến đức, kính thuận một lòng, sai sứ tỏ lòng thành, xin làm tôi, dâng lễ cống, trèo non vượt biển đến cửa ải, đưa lễ cống đến sân vua. Nhân xét đến lòng thành, ngừa trông trời cao và mặt trời sáng, làm việc nghĩa, dựng lại nước đã mất, nối lại dòng dõi đã tuyệt, mới sai khâm sứ đem chế cáo, tước ấn, sắc dụ, đến ngay tuyên phong cho Sá Ong Giun làm Cao Miên

(1) Ba mặt lưới : xưa Thành Thang đi đánh lưới chim, vì có lòng nhân đức, nên mở ra ba mặt lưới để con nào muốn bay chạy đi đằng nào thì đi.

quốc vương, lại phong cho Ngọc Vân làm Cao Miên quận chúa, chuẩn cho đoàn tụ, hiệp đồng với nhau mà chiếu quản dân Miên, kính vâng chức cố, làm phen giậu đời đời. Từ đó biên cảnh được yên ổn, không có việc. Nhân nghĩ đến các đại thần cầm quân đi đánh dẹp, khó nhọc ở ngoài ; đến nay đã ba năm cho đến tướng biên binh đồng, hết sức làm việc ở ngoài biên cương, không để thừa sức ; trước đã giáng dụ sắc cho các tướng an tây cái bài đeo bằng vàng bằng ngọc và thưởng những phẩm vật quý báu của vua dùng, gia đẳng cấp đặc biệt, phái thị vệ mang đi ban cấp ; lại phải làm bản danh sách kê những công trạng từ lãnh binh trở xuống, để đợi ban ân, triều đình nên thưởng cho những người có công năng, vốn không có công năng nào nhỏ mà không ghi đến. Nay mừng biên phương đã theo chính hoá, công lớn đã cáo thành, chuẩn truyền dụ cho các đại thần An tây là bọn Vũ Văn Giải, hễ tiếp khâm sứ đến tuyên phong, sau khi làm lễ xong, truyền Chỉ hiệu thị ngay cho Phiên vương, quận chúa và bọn phiên mục, đại lược rằng : “Quốc vương nay đã thực lòng quy phụ, lại đợi ơn triều đình hậu gia phong điển, đời làm tôi con triều đình, những cảnh thổ nhân dân đều thưởng ban cho mà giao trả lại, khiến cho hiệp đồng với nhau mà coi quản, người lớn người nhỏ một lòng, đừng có nghi ngờ nhau, kính tuân chế độ, phụng cống lâu dài, để nhờ mãi ơn phúc. Bản quân môn sẽ đình ngày kéo quân về châu hầu”.

Đại ý nói như thế, để cho biết triều đình làm việc chính đại quang minh, phiên phụ thần dân đều nhớ cảm ân đội đức. Rồi lập tức chọn ngày tốt, đem đại đội quan quân hát bài thắng trận, kéo quân về tỉnh An Giang yên nghỉ ; đợi phụng Chỉ tuyên triệu về Kinh, mở tiệc ăn mừng ghi chép công trạng, để đền công lao, rồi thì đại quân kéo về tỉnh An Giang.

Lại dụ cho thự Tổng đốc tỉnh An Giang là Doãn Uẩn rằng : “Trước kia, phương tây có việc, tình giặc hư, thực, thay bước đổi hình, đã chuẩn cho quân thứ cứ 5 ngày một lần tâu báo ; nay Xiêm La, Cao Miên đã theo phục, việc ngoài biên hơi thư. Duy có dân Lạp mới quy phụ, tù trưởng Mên mới lập lên, buổi đầu hoàn định an tập, nên phải cẩn thận việc phòng giữ mà soi xét cả đến những việc ẩn vi, đừng cho là không có việc gì mà để ngoài ý nghĩ mới được. Gia tâm phòng sát từ Chất Tri, Sá Ong Giun cho đến quận chúa và bọn phiên liêu hiện nay làm những việc gì và tình trạng người Thổ theo hay phản, người Xiêm, người Lào đi lại thế nào, cốt cho được rõ ràng, mỗi tháng hai lần tâu lên, để biết hết tình hình ngoài biên”.

Trước đây, xứ Trấn Tây nhiễu loạn không yên, có 4 người liêu thuộc phiên, theo quan quân đi đánh dẹp, đến khi quan quân kéo về An Giang, đều xin theo về để sai phái. Vua khen là trước sau hướng thuận, đều cho quan chức, gia thưởng cho áo quần tiền bạc. Những thổ dân nước Xiêm, nước Lạp vẫn an sát ở đồn Côn Lôn

trước, cũng sức cho quan tỉnh Vĩnh Long giải về tỉnh hạt tùy nơi cho ở, không để cho bơ vơ.

Dụ : chuẩn cho Tôn Thất Bạch bổ đi Tổng đốc Bình - Phú. Lấy : Phó vệ úy vệ Nhất Tả bảo Tả quân là Hoàng Đắc Bằng bổ làm Phó vệ úy vệ Trung dinh Hùng nhuệ ; Phó vệ úy vệ Nhị Trung bảo Trung quân là Đoàn Thọ bổ làm Phó vệ úy vệ Hậu dinh Hùng nhuệ, thự Vệ úy vệ Nhất Tả bảo Tả quân là Hồ Bích bổ làm thự Vệ úy vệ Trung dinh Hùng nhuệ.

Vua bàn đến công việc ở Nam Kỳ, bảo các đại thần rằng : “Nước Cao Miên đã hàng phục, hơi thư được sự lo nghĩ ở ngoài biên. Nhưng hãy để đó rồi sẽ tính về sau thì được, chứ gạt ra ngoài ý nghĩ thì không nên. Có điều là muốn trị ngoài tất phải trị trong nước. Nay Nam Kỳ sau khi trải qua cuộc binh, những vết đau thương còn chưa hồi phục, ví như người có bệnh liên miên đau đến tận xương, thuốc tất phải cho uống đến trọng tể. Nuôi dân để mạnh quân, yên trong để chế ngự ngoài ; đó là việc đáng cần kíp. Các người đều nên để ý lo xa, từng việc tâu làm. Trương Đăng Quế thưa rằng : “Triều đình xử trí đã có sẵn cơ nghi, hoãn cấp trước sau. Xin đợi sự đi tuyên phong về, xem tình ý bọn kia thế nào, sẽ tùy cơ sắp đặt”.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giai tâu cử : Tri phủ phủ Quốc Oai là Nguyễn Hữu Bình tra xét ra một vụ án, chính tích đáng khen ; đồng Tri phủ Vĩnh Tường là Ngô Lượng làm việc mẫn cán. Sai đều đưa đến bộ, dẫn lên yết kiến. Bình được bạt bổ Thị giảng học sĩ Hàn lâm viện, thăng thự Đại lý tự Thiếu khanh, rồi đổi sang thự Lang trung ty Kinh chương bộ Hình. Lượng được bạt bổ cấp sự trung Hình khoa. Đăng Giai vì bảo cử được người, thưởng cho 3 tấm đoạn màu. Nguyễn Lang trung ty Kinh chương là Phạm Chi Hương được cải bổ Lang trung ty Kiểm duyệt ở bộ Binh.

Thưởng cho Tri châu Vạn Ninh là Bùi Huy Phan 1 tấm lụa, 20 lạng bạc, gia hàm Tri phủ, vẫn lĩnh việc ở châu. Phan làm việc thanh liêm, công bằng, làm cho dân tin yêu. Tuần phủ Quảng Yên là Trần Văn Tuấn nói về tài năng của Phan, nên mới có mệnh lệnh này.

Án sát Thái Nguyên Hoàng Trọng Từ cư tang cha mẹ. Lấy Án sát Nghệ An Vũ Trọng Bình bổ đi Án sát tỉnh Thái Nguyên ; Đại lý tự Thiếu khanh Ngô Bình Đức bổ đi Án sát tỉnh Nghệ An, rồi vì các bản án ở Pháp ty giao cho tra xét phần nhiều chưa xong, lại giữ lại cung chức chỗ cũ.

Cho Dương Đức Sung làm Phó vệ úy vệ Thủy tỉnh Quảng Ngãi ; Nguyễn Thế làm Phó vệ úy vệ Thủy tỉnh Quảng Bình ; Mai Viết làm Phó vệ úy vệ Thủy tả tỉnh Hải Dương ; Đoàn Cơ làm Phó vệ úy vệ Thủy hữu tỉnh Gia Định.

Ngày Giáp Ngọ, tế trời đất ở đàn Nam Giao.

Trước một ngày, xa giá đến trai cung, phù liễn đại thân là Thống chế Nguyễn Doãn, Nguyễn Phụng không kiểm sức sắp đặt sẵn trước, quên mất không tấu “trung nghiêm”⁽¹⁾ thự Phó vệ úy Tạ Quang Tri (con Trung quân Tạ Quang Cự) cố ý làm dưng dằng để chậm việc, Cai đội Đặng Sở trượt chân ở trước mặt vua, bị khoa đạo tham hặc. Bèn đổi phái Đô thống Nguyễn Tiến Lâm, Thống chế Phùng Hữu Hoà sung bồi liễn đại thân. Doãn và Phụng đều phải giáng 2 cấp ; Quang Tri phải giáng 3 cấp, đổi đi nơi khác ; Sở phải giáng 4 cấp, bắt về hưu. Lệ cũ những người chấp sự đi theo hồ giá và các dân xã đặt hương án bái vọng ở bên đường đều có thưởng ; năm nay, vì việc Đà Nẵng, cho nên ân điển đều không có.

Chuẩn định lệ tiến tấu “trung nghiêm”. Từ trước đến nay khi ngự giá khởi hành, trước kỳ ấy các nhà chức trách sửa soạn nghi trượng, còn việc tiến tấu “trung nghiêm”, hoặc do phù liễn đại thân, hoặc do các viên về ban võ, chưa có quy tắc nhất định ; đến đây, chuẩn định : sau này phàm có các lễ to như tế Giao, tế Xã, cày ruộng tịch điền, sai chuẩn bị xa giá cử hành, thì có Chỉ dụ rõ ràng, đại thân được chọn phái vào chân phù liễn, phải chiếu lệ tấu lên. Còn khi xa giá đến các miếu, thân làm các lễ tiết hưởng tự và ngự điện châu mừng, các sự nghi nên đặt đại triều hay thường triều, đều do đương trực đại thân ban võ 2 viên thượng ban tiếp ban tác vi, phù liễn đại thân phải kiểm điểm nghi trượng trước, tiến tấu trung nghiêm, để có chuyên trách.

Đặt thêm nơi giao dịch ở phủ Tây Ninh. Quan ở phủ dâng sớ lên nói, thổ dân phần nhiều muốn đến chỗ đôn trao đổi mua bán, xin đặt thêm một sở Giao dịch ở chỗ đất thôn Vĩnh Cự. Vua y cho.

Lấy : Bố chính Ninh Bình Đỗ Khắc Thư quyền chương Bố chính Hưng Yên ; Hộ đốc Ninh - Thái là Ngụy Khắc Tuấn quyền chương ấn triện Bố chính tỉnh Bắc Ninh.

Thi Hội : Sai : thự Thượng thư bộ Lễ Phan Thanh Giản sung chức Chủ khảo ; thự Tả tham tri bộ Công Trương Quốc Dụng làm Phó chủ khảo ; Sung biện sự vụ Nội các là Lê Chân làm Tri cống sử. Còn ấn triện bộ Lễ thì lấy Thái bảo Trương Đăng Quế kiêm quản, đời Phan Thanh Giản đi việc công về, sẽ đều chiếu cung chức cũ. Khoa ấy trúng cách 8 người : Nguyễn Văn Hiến, Trịnh Lý Hanh, Phan Thúc Trực, Vũ Văn Hiệu, Trịnh Xuân Thường, Hoàng Thiệu Trường, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Đức Tư ; Phó bảng 4 người ; Trương Ý, Nguyễn Huy Dao, Hoàng Học, Trần Mậu ; Trứ là cháu Tổng đốc Đặng Văn Thiêm, kỳ đệ nhất kiêm trị [kinh nghĩa] cả 5 kinh, văn lý đáng lấy ; kỳ đệ nhị, đệ tam dùng chữ khiếm nhã, bị quan trường đánh hồng. Vua sai dâng nguyên quyển lên xem, không nỡ vì một chút tì vết

(1) *Trung nghiêm* : khi ngự giá sắp đi đâu, thì người ta tâu rằng “trung nghiêm, ngoại biện”, nghĩa là trong phải nghiêm chỉnh, ngoài phải sửa soạn.

mà bỏ, đặc cách chuẩn cho dự trúng, vào đình thí để trở hết tài. Trước đây, có cử nhân toạ Giám là Trần Xuân Thực, Vũ Duy Quang, đã án bỏ Kiểm thảo viện Hàn lâm, sung việc biên tập *Thiệu Trị văn quy*, đến kỳ thi cũng kêu xin vào thi. Pháp ty cứ tình đề cử thay cho. Nhà vua hỏi chức quan vào thi có lệ không ? Nội các Lê Chân gượng vì trần thỉnh biện bạch. Vua giận quở rằng : “Chức quan vào thi không phải là lệ. Bọn Thực nếu quả thực quyết chí học để chiếm đại khoa, sao không nói ở trước khi chưa bỏ, nay đã đến nhận chức, thế mà nhân cố để tránh việc, không khỏi có bụng làm xảo trá ! Có điều là ta một bụng yêu quý nhân tài, mở rộng đường khoa cử, triều đình có tiếc gì !”. Lập tức sai bỏ chức hàm kiểm thảo, lui về nguyên ngạch toạ Giám, chuẩn cho nộp quyển vào thi. [Vua lại nói tiếp] : “Vả lại, việc không phải lệ, Pháp ty đã không chiếu lý mà hạch bác đi ; còn Nội các chức vụ giữ mệnh lệnh nhà vua, đến khi ta hỏi đến, Lê Chân lại dám gượng gạo chiết biện ở trước mặt ta, chẳng hoá ra lời mờ mà che chở cho ư ? Pháp quan là Bùi Quỳ, Phạm Thế Hiển, Trương Văn Uyển, Vũ Tuấn, Vương Hữu Quang, Ngô Bình Đức đều phải truyền Chỉ ban quở. Lê Chân phải giáng 2 cấp, không chuẩn cho ta xét để chống cãi lại. Vũ Phạm Khải ở trong ban, không giữ lễ để phúc thẳng, cũng phạt lương một năm”. Đến khi yết bảng, Thực và Quang đều không đỗ. Sai cách cả cử nhân, án bỏ vị nhập lưu thư lại ở các nha môn.

Sai các trực tỉnh thực báo những số thóc lúa được mùa hay mất mùa. Dụ rằng : “Dân là gốc nước, ăn là việc sinh sống của dân. ta từ khi lên ngôi đến nay, đi xem phong tục, xét tình trạng hàng năm, hoặc cho giảm thuế, hoặc tha cho những chỗ thiếu, thường để tâm vào việc dân. Khi các hạt đem thóc đi nộp thuế, tiếp đến tập tấu các địa phương nói về phân số thóc khi thu thành ở trong hạt, ta tất phải hai ba lần mở xem, thực cho rằng dân sinh quý nhất là thóc, để mà nuôi sống dân đó. Thế mà gần đây các hạt tấu báo, gián hoặc có hạt nói chưa được rõ ràng, thực không thể hiểu được ! Vả lại, thường năm được mùa hay mất mùa, nhân dân ăn dùng đầy đủ hay thiếu thốn, đều quan hệ ở đó. Tấu báo phải rõ ràng mười phần, để nghiệm xét công việc trong từng năm. Nay chuẩn cho bộ Hộ phải truyền dụ cho bọn đốc, phủ, bố, án các trực tỉnh : sau đây hễ đến kỳ tấu báo về việc lúa thu gạt được, đều phải xét nghiệm rõ ràng, nếu các dân xã ở các phủ huyện trong toàn hạt đều được phong thu, thì gọi là mười phần được mùa ; nếu chỉ được 8 - 9 phần thì gọi là 8 - 9 phần ; nếu cùng một tỉnh hạt mà mấy phủ huyện được 10 phần phong thu, mấy phủ huyện được 8 - 9 phần phong thu ⁽¹⁾, cùng phủ huyện nào có bao nhiêu xã thôn thực có tổn hại đến 4 - 5 phần, phải đến tận nơi mà khám, cũng cứ sự thực nói rõ từng nơi ở trong tập tấu, không được nói hàm hồ, làm thế nào cho người trên biết hết tình trạng nông dân, để yên tâm lòng ta yên dân và trọng việc làm ruộng”.

(1) Được mùa.

Khoa đạo là bọn Đặng Minh Trân, Phạm Xuân Quế, Vũ Văn Trị tâu xin cấm chỉ đạo Gia tô, nếu kẻ nào thực bụng bỏ đạo thì gia cách thưởng. Vua nói : “Bọn ấy nếu một mực chấp mê, luật pháp nên để vào tội nặng, nếu bỏ đạo thì tha tội chết cho, đã là may lắm rồi, há lại mong được thưởng ?”

Nhân xuống dụ rằng : Gia tô là tả đạo, từ Tây dương đến. Cái đạo của chúng không thờ cha mẹ, không kính quý thần, thác ra cái thuyết Giê-su với thập tự giá để mê hoặc lòng người, đặt ra thuyết thiên đường và nước phép, để người ta nghe đến thì mê. Tả đạo ấy rất hại cho phong hoá ! Khoảng năm Minh Mệnh [1820-1840] nghiêm cấm, phạm những điều nên cấm, lại do qua đài ngự sử bàn rõ lục tống thi hành, để cho rõ chính đạo mà tuyệt dị đoan, phá đường tối mà bỏ tục chướng, phòng việc lớn, chế việc nhỏ, tách từng mối, chia từng điều, đều đã nhất nhất chu đáo, rõ rệt, không sót một chút nào. Chỉ nghĩ : tả đạo ấy đắm đuối vào đã sâu, tiểu dân ngu muội, dễ mê hoặc mà khó hiểu biết. Kẻ theo đạo ấy hoặc u mê không tỉnh, cam chịu hình phạt, hoặc ngoài theo mà trong không theo, chưa thực lòng hối cải. Và lại, lập giáo hoá, tất phải mong được lâu mới nên ; trừ mầm ác phải mong cho hết sạch. Nay hoàng phong truyền khắp, thánh giáo tuyên minh, đó chính là cái buổi nước nhà hoá dân thành tục, mà là cái ngày dân ta hướng đạo hồi tâm. Phải nên ra hiệu lệnh luôn, để mà răn bảo. Nay thông dụ các nha môn lớn nhỏ ở các địa phương, trong Kinh ngoài tỉnh, đều phải kính tuân điều cấm. Người làm quan phải dùng nhiều phương pháp hiểu thị mà kiểm soát luôn luôn, không thể nhân việc bởi nhiều, để sinh ra sự đoan. Kẻ làm dân phải tẩy trừ những thói cũ, biến ác, trở lại làm lương dân, không thể cứ một mực ngu tối ngoan ngạnh để phạm vào pháp luật. Nếu có đạo trưởng Gia tô còn ngấm ngấm ẩn giấu ở địa hạt nào, thì quan sở tại phải thường gia kiểm sát ; nơi nào gần bên cạnh, biết thì phải phát giác ngay, để cho thi hành pháp luật, lập nên giáo hoá, một nền đạo đức, một lối phong tục, kéo lại thói thuần mỹ, cùng hưởng phúc thái bình, há chẳng tốt lắm thay ! Nếu còn kẻ nào phạm pháp, tất bắt tội không tha được”.

Phân phủ Quảng Oai là Trần Ngọc Dao ngấm theo tả đạo, không lo liệu việc tang mẹ, bị người ta cáo giác. Vua giao việc để tra xét. Tổng đốc Sơn tây là Nguyễn Đăng Giai nghị phạt trọng cách chức. Vua nói : “Ngọc Dao không lo liệu đến việc tang mẹ, rõ là đã mất hết lương tâm. Không nên xử tội nhẹ, phải đổi phạt trọng cách chức làm phạt đồ 1 năm. Đăng Giai tra nghị không hợp lẽ, truyền Chỉ ban quở”.

Cho Phó quản cơ sung Hiệp quản vệ Hậu dinh Thân cơ là Phạm Đàm thăng thự Phó vệ úy vệ Tả dinh ấy.

Tổng đốc Bình - Phú mới bổ là Tôn Thất Bạch chết. Trước Bạch ở tỉnh An Giang, bị bệnh, dâng sớ xin về Kinh. Dụ lưu lại, lấy sâm quế trong kho ban cho ; sai con Bạch là Viên ngoại lang lượng đi đường trạm [đem đi] ban cấp. Đến khi

Bạch chết, lại ban cho 3 cây gấm Trung Quốc, 1 tấm lụa trơn, 10 tấm lụa, 200 quan tiền. Công việc thân hậu do tỉnh An Giang trông nom. Hòm thuyền [đưa đám] về, cho tế một lần ; khi đến nhà trọ ở Kinh, gia cấp 300 quan tiền ; đến ngày an táng, lại sai quan cho tế một tuần.

Triệu Lãnh binh tỉnh Thanh Hoá là Tôn Thất Đắc về Kinh. Lấy Phó vệ úy vệ Hậu dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Nghĩa Thịnh thăng thự Lãnh binh tỉnh Thanh Hoá.

Thự Vệ úy vệ Tả nhất dinh Vũ lâm là Trần Lục đi đóng thú ở miền Tây về, chết dọc đường. Truy tặng cho thực hàm.

Đặt thêm chức lãnh binh Thủy sư tỉnh Quảng Nam. Lệ cũ : tỉnh Quảng Nam đặt lãnh binh và phó lãnh binh đều một viên, phó lãnh binh trú phòng ở tỉnh thành, lãnh binh trú phòng ở cửa biển Đà Nẵng. Đến đây, vì việc ở cửa biển rất nhiều, nên đặt thêm một lãnh binh Thủy sư, còn lãnh binh thì chuyên coi công việc ở thành Điện Hải, pháo đài Định Hải và cửa biển Đà Nẵng ; Lãnh binh Thủy sư thì chuyên coi công việc ở thành An Hải, và pháo đài Phòng Hải. Lấy Vệ úy vệ Tiền nhị Hữu dực dinh Vũ lâm là Giáp Văn Tân bổ đi Lãnh binh tỉnh Quảng nam ; Phó vệ úy gia hàm Lãnh binh là Mai Điền làm Thủy sư Lãnh binh tỉnh Quảng Nam.

Có tên đây tở công ở Giám viện lấy trộm vàng là của trong cung cấm, đem bán đi, chia của với nhau. Hạ lệnh đều chém bêu đầu. Cai đội, suất đội trông coi ở cửa Tả Dịch cửa Hiến Nhân, vì sự khám xét sơ hở, đều phạt trọng, cách chức, cho lui về hàng ngũ trước làm quân. Quản vệ Tôn Thất Hàn không cấm trapping được người dưới quyền, bị giáng 1 cấp.

Lại hạ lệnh răn bảo các quân dinh về việc cấm cố những vật hạng của quan. Có Đội trưởng Hoàng Trọng Nghiệm đem cấm cố chiếc áo quân phục của Nhà nước cấp cho. Việc phát giác. Vua nói : “Cấm cố những vật hạng của Nhà nước, từ trước đến nay đã tùy từng việc mà răn bảo rồi. Không ngờ bọn tham lợi còn dám khinh thường phạm pháp, rất là đáng ghét ! Nghiệm phải tội đồ hết bạc. Nhân truyền dụ cho dinh thự các quân, đều phải nghiêm sức cho thuộc hạ không được cấm cố những vật hạng của Nhà nước. Nếu kẻ nào dám cố phạm, thì người cấm cố hoặc lấy đi đều bị gia bạc trị tội ; viên thống quản cũng phải giao nghị, không tha”.

Bắt đầu định lệ về việc quan viên thừa trọng ⁽¹⁾ mà đình gian ⁽²⁾. Bó chính tỉnh Hưng Yên là Nguyễn Đông Khoa gặp tang bà nội ! Sớ tâu xin cấp hạn về quê lo liệu việc tang. Bộ Lại đem việc tâu lên. Vua nói : “Triều đình lấy hiếu trị thiên hạ,

(1) *Thừa trọng* : nói người cháu phải thay cha đã chết trước để làm tang chủ trong việc tang ông hay bà nội.

(2) *Đình gian như đình ưu* : Gặp sự đau buồn vì có tang cha, mẹ hoặc ông bà mà mình phải thừa trọng, tức là có đại tang.

không kiệt tình, không cướp tang của người ta, là để dạy người về đạo hiếu đó. Việc này tuy chưa có quy tắc nhất định, nhưng đã nói là thừa trọng, thì nên theo tình chế lễ, để thuận tấm lòng con thảo cháu hiền. Vậy cấp cho [Khoa] nghỉ hạn 3 tháng. Điều này được ghi làm lệ (phàm quan viên có thừa trọng gặp tang ông bà, quan nhất phẩm cho hạn 6 tháng, nhị phẩm cho hạn 5 tháng, tam phẩm cho hạn 3 tháng, tứ ngũ phẩm trở xuống cho đến văn thân lục thất phẩm và hành tẩu, hậu bổ nhân viên đều cho hạn 2 tháng, đốc học phủ, huyện, giáo huấn nhân viên cho hạn 6 tháng, văn bát phẩm, võ lục phẩm trở xuống cho hạn 1 tháng).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LXVII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Đinh Mùi, Thiệu Trị năm thứ 7 [1847] mùa hạ, tháng 4, ngày mồng một.
 Làm lễ Hạ hưởng. Sai hoàng tử, hoàng thân chia đi tế thay vua.

Lấy : Tuần phủ Bắc Ninh hộ lý Tổng đốc Ninh - Thái là Ngụy Khắc Tuấn thăng thụ Tổng đốc Bình - Phú ; Tuần phủ Nam Định hộ lý Tổng đốc Định - Yên là Phạm Duy Trinh bổ đi Tuần phủ Bắc Ninh, hộ lý án quan phòng Tổng đốc Ninh - Thái ; Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh là Đặng Văn Thiêm bổ đi lĩnh Tổng đốc Định - An ; tước Vũ Khê tử là Tôn Thất Bật thực thụ Đô thống Hậu quân, lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh.

Triệu Đốc học An Giang Bùi Trấn Đàn về Kinh hậu bổ. Lấy thụ Đốc học Bình Định Hồ Quang bổ đi thụ Đốc học An Giang ; vì đồng Tri phủ Quốc Oai có Chỉ bổ đi Đốc học, Hồ Chính Lý án bổ Đốc học Bình Định.

Bắt đầu đặt chức đốc học tỉnh Phú Yên và giáo thụ, huấn đạo các phủ huyện ở những tỉnh duyên biên như Cao Bằng, Lạng Sơn và Thái Nguyên. Trước đây, vua dụ cho 2 bộ Lễ, Lại rằng : “Việc dạy học là chính sự trọng đại của triều đình, cho nên các tỉnh đều đặt chức đốc học, khiến cho dạy dỗ học trò để làm cái kế hay về việc tác thành nhân tài. Duy có các tỉnh Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hoà ở tả kỳ và các tỉnh duyên biên ở Bắc Kỳ, chưa từng đặt chức ấy, thế là còn để tùy theo thời cơ mà xếp đặt cho vừa phải. Nay văn phong ngày một chấn khởi, nên mở rộng việc tác

thành nhân tài, hạt nào nên đặt hoặc chưa nên đặt, đều chiếu theo số học trò nhiều ít thoả nghị tâu lên. Đến khi nghị dâng lên, bèn bắt đầu đặt thêm chức đốc học tỉnh Phú Yên (rời đổi làm đạo Phú Yên, đặt 1 giáo thụ, nhưng bớt chức đốc học) ; còn 2 phủ Hoà An, Trường Khánh ở hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn đều đặt mỗi phủ một chức giáo thụ ; hai huyện Bình Xuyên, Phổ Yên thuộc tỉnh Thái Nguyên đều đặt mỗi huyện một chức huấn đạo.

Vua bảo đại thần viện Cơ mật rằng : nước Cao Miên đã xin phong, thì việc ở miên Tây được yên rồi, vì có gì quân thứ chưa xin kéo quân về, hay là có việc gì còn phải chờ đợi ? Trương Đăng Quế thưa rằng : “Tôi nghe có Chỉ dụ tuyên phong đến, thì cả vua và dân nước kia đều vui mừng nhảy nhót. Tuy đầu mục nước Xiêm là Chất Tri cũng ngầm đến mà xem, nhân tình như thế, người Xiêm xui khiến chúng sao được ? Hoặc giả tướng quân và tham tán muốn đợi sau khi xong lễ tích phong, Sá Ong Giun thân đến quân thứ mà nhận sự điều khiển để cho trọng sự thể đó thôi”.

Lấy : Vệ úy vệ Tiền dinh Hùng nhuệ là Vũ Huy Dung cải thụ Nhất đẳng thị vệ, vẫn sung Hiệp lĩnh Thị vệ trực ban, kiêm quản các vệ đội Dục vũ, Hùng vũ và Thượng thiện.

Kiểm nhiếp Tôn nhân phủ là bọn Hữu tôn chính Thọ Xuân công Miên Định, Tả tôn nhân Ninh Thuận công Miên Nghi và Hữu tôn nhân Phú Bình công Miên An tâu nói : “Năm trước, kính vàng thánh dụ đặt ra thân đài⁽¹⁾ để trông coi hoàng tộc, nay xin chọn hoàng tử để kiêm nhiếp việc phủ, còn thì xin lui về ở nơi phiên phục để chực hầu châu”.

Vua thân dụ rằng : “Hoàng tử kiêm nhiếp chính sự, thực là thánh tâm nghĩ đến mưu mô để lại cho con cháu. Khi ấy anh em chúng ta 4 người được nghe lời dạy bảo, phạm việc đều nhờ chỉ giáo, kính cẩn thừa hành ; đến những việc nhỏ nhặt tầm thường, cũng đều bàn bạc với nhau mà làm, không phải một mình ta tự độc chuyên. Duy có những bản án của đình thần xét về mùa thu tâu lên, Hoàng khảo sai ta và ba thân công duyệt và thẩm lại, đem những sở kiến dâng lên. Ba thân công cho ta là đầu hàng anh em, nên đều khiêm nhượng. Ta vâng ngọc dụ, không dám không giải bày hết sở kiến, bình tĩnh chuẩn lý, đem việc đệ lên. Hoàng khảo ta diện dụ xét nghĩ y hay bác đi đã hợp lý, người nên lấy ngự bút phê thay để cho xong các bản án. Ta sợ toát mồ hôi, lạy xin lấy bút đỏ phê vào, đâu có dám nhờn với ơn cậy là yêu. Các thân công đã từng dự thấy mà biết, cả các quan trong triều ai cũng thấy Hoàng khảo quyến chú đến ta, yêu mến có khác hơn các con. Vả lại ý thánh nhân lập giáo, quốc chính thì có chỗ sở do, mà gia huấn cũng có chỗ sở tại. Các cách *Hiệu hàn, Uyên hàn và Trắc lão* không thể nhòm được một phần trong muôn phần.

(1) *Thân đài* : tức Tôn nhân phủ.

Hướng chi, Hoàng khảo ta, thông minh như trời, phúc lành hơn đời cổ, trăm con trai có tiếng, chúc tụng, hợp phúc tam đa, sinh ra ta và các em trai, em gái 142 người, tất phải có người tiêu biểu, để dạy dỗ anh em trong chỗ tôn nhân. Ta noi theo phép lớn lên nói ngòi cao, kính vâng Hoàng khảo ta, lấy tâm pháp làm lòng, lấy trị pháp làm trị, yêu từ người thân trước, kính từ người trưởng trước, tề gia trị quốc, mở tiệc vui trong gia đình. Ba thân công có chức vụ trông nom hoàng tộc, dạy bảo con em, nên cẩn thận, nên chăm chỉ, hoà với anh em, chỉ dẫn điều lành, răn điều trái, để tuân giữ lấy gia pháp, ta rất mong mỗi lầm ! Thế mà không nghĩ đến sự khích khuyến, lại thác cố lui về nơi an nhàn. Lời nói ấy, ta thực không muốn nghe. Còn cái việc xin cho hoàng tử kiêm nhiếp việc thân đài, hãy đợi hoàng tử học thức ngày một tiến thêm lên, tự khắc có mệnh lệnh triều đình. Bọn hoàng tử cũng không được nắm phần sẵn. Chuẩn cho các thân công đều cung chức như cũ, càng thêm cố gắng để xứng suất con em, ngõ hầu mong được không phụ ơn của Hoàng khảo, mà được hưởng ân vinh của nước lâu dài, đừng để ta phải nói nhiều”.

Đặt 7 đồn Trấn Dương ở ven biển tỉnh Quảng Nam. Từ khi người Tây dương gây chuyện, vua chú ý đến việc phòng thủ mặt biển, sai quan tỉnh Quảng Nam là bọn Mai Công Ngôn xem xét hình thế chỗ vụng Trà Sơn, đặt thêm nữ tường ở dài thành, khen bắn súng ở pháo đài ; lại ở tả hữu nơi Diên Châu và Trà Sơn, xây dựng 7 đồn, sai bọn Lãnh binh Giáp Văn Tân và Mai Điền chuyên đốc việc ấy, Cấp sự trung Nguyễn Thước đến ngay để kiểm biện. Từ lãnh binh, quản vệ, quản cơ đến phủ huyện và biên binh, ai phải đóng lâu để làm việc, đều thưởng trước một tháng lương bằng tiền. Đồn xây dựng xong từ đồn thứ 1 đến đồn thứ 7 kéo liền đặt tên là đồn Trấn Dương.

Thường bảo các đại thần rằng : “Trời sinh ra 5 hành, binh đặt ra đã lâu. Năm thứ binh khí đời cổ chưa dùng đến súng. Từ khi làm ra súng, thì 5 thứ binh khí mà thêm ra một thứ nữa, 5 hành mà dùng có 3 hành, đánh nhau không còn có trận nào mạnh được, đánh thành không còn có thành nào giữ vững được, vật mà có thần, tỏ uy danh ở thiên hạ lâu rồi. Nước nhà ta bờ cõi rất rộng, các hạt trở vào Nam, đất liền với biển lớn. Các cửa biển lớn như Đà Nẵng, Thi Nai, Cần Giờ đều là nơi trọng địa quan yếu. Nay số đồng và gang còn chứa nhiều ở kho, ta muốn đúc thêm thứ súng hạng lớn : 9 khẩu bằng đồng, 9 khẩu bằng gang. Lại sẽ đúc 3 khẩu súng đồng thượng hạng, chia ra để ở các đồn ở mặt biển, truyền để lâu dài, để vững vàng việc phòng thủ ở mặt biển mà nghiên cứu võ bị. Tức thì sai một viên đường quan bộ Hộ và Tả đô ngự sử viện Đô sát là Phạm Thế Hiển, đến ngay Vũ khố, hội đồng với bọn Khâm phái thanh tra đương thứ là Nguyễn Quốc Hoan, Lê Đức, Giám lâm Nguyễn Danh Giáp, khai quật cái hầm để đồng, để gang, cân lấy ba hạng đồng đỏ đã làm giả như hình cái lều bằng đồng 14 vạn cân, các tấm gang 177.000 cân, giao cho kho

chứa riêng một chỗ để cho đủ vật liệu mà đúc. Còn thứ hiện còn ở dưới hầm, cũng hội đồng cân để kiểm lại, rồi lấp đi như cũ, để yên đúng phép. Lại sai 2 bộ Binh, Công trước đem đo những chiều dài chiều ngang và đường kính trung tâm khẩu súng lớn, vẽ thành đồ hình, tiến lên ngự lãm. (Trước đem súng bằng gang đúc thử không thành, đổi đúc đạn gang thứ “chấn địa lôi” 150 viên, giao cho các đồn chòi ở tỉnh Quảng Nam dự bị để dùng).

Lại thông dụ cho các địa phương rằng : “Nước Phật Lan Tây mọi rợ, ngông cuồng, tội không đáng khoan xá, nếu chúng lại đến, không cứ là thuyền buôn hay thuyền quân, các phận cửa biển nơi sở tại lập tức phải đuổi đi, không được cho chúng bỏ neo. Tụ trung tỉnh Gia Định là một trấn lớn ở Nam Kỳ, xa tiếp với cương giới nước Mên, gần tới biển lớn ; các cửa biển nơi ngã ba như Cần Giờ, Phú Mỹ, càng là quan yếu. Quan tỉnh phải nên xét rõ hình thế, đặt thêm đài thành, chia đặt các thứ súng lớn, để nghiên cứu dự bị”.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai dâng sớ nói : “Người Tây dương phần nhiều gian xảo, đem tà giáo mê hoặc người ta. Nay việc Đà Nẵng đã như thế, xin từ nay, những thuyền công phái ra ngoài biển đều nên đình chỉ. Đạo trưởng Gia tô nếu bị bắt để xét xử thì nhất thiết theo pháp luật xử trí, không thể khoan túng cho chút nào”. Vua nói rằng : “Nói như thế cũng có lý, chỉ có về việc Đà Nẵng mà tội đình chỉ ngay đường ra biển thì chưa khỏi tỏ ra là yếu thế. Hướng chỉ Gia tô là tà đạo, làm mê hoặc [lòng người] đã sâu, cốt phải nhiều phương diện mở bảo, cứ từ từ để mặc kệ chúng, để cho làm điều lành, đổi điều lỗi. Nếu nhất khái tội gia ngay hình pháp, chẳng hầu như thêm việc ra ư ?”.

Bộ Hộ dâng nhân số về năm nay : 1.024.388 người.

Vua làm bài ký rằng : “Ôi, kiểm duyệt hộ khẩu, sai lượng sưu thuế, là mối trị của nước, cương kỷ lớn của dân, cho nên vua chúa thời cổ, cung kiệm có tiết độ thì hộ khẩu sinh sôi ra, thuế khoá không có chùng, thì số hộ khẩu sút kém. Nói như thế là phải đó. Phép duyệt tuyển [hộ khẩu] bản triều, xét cái chỗ phân thịnh, chia đều chỗ nhiều, chỗ ít, thực không phải là để ý vào việc đánh thuế. Xem *Thực lục tiền biên* về thời các tiên đế, từ tỉnh Quảng Bình trở vào Nam, đều nhờ được thịnh vượng luôn luôn. Thế tổ Cao hoàng đế ta : trung hưng nghiệp lớn, mở mang dư đồ, non sông nhất thống, văn quỹ ⁽¹⁾ cùng như nhau. Năm Gia Long thứ nhất [1802] là năm Nhâm Tuất, mới làm sổ đình biên kê hộ khẩu, phàm 722.590 người ; đến năm thứ 18 [1819] là năm Kỷ Mão, 613.912 người. Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta : noi làm thông sáng, trị giáo mở mang, đặt ra quan chấn chỉnh mọi việc, chia tỉnh hạt làm 31 địa phương, yên ủi phương xa, thương yêu dân chúng, dân Trấn Ninh

(1) Văn quỹ : văn là văn tự, quỹ là vết bánh xe đi.

phụ thuộc, người và đất ngày một thêm ra, năm Minh Mệnh thứ nhất [1820] là năm Canh Thìn, số hộ khẩu đã biên vào sổ : 620.246 người. Đến năm thứ 21 [1840] là năm Canh Tý, 970.516 người. Ta đức bạc lên nối ngôi, năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] là năm Tân Sửu, sổ đinh chỉ có 925.184 người. Đó vì cuối mùa thu năm Canh Tý, đất Trấn Tây không yên, đến năm Tân Sửu, cũng chưa bình định được. Trừ số người ở Trấn Tây 49.165 người, điều háo như thế là lỗi của ta. Và lại, một người dân, một tấc đất đều do Hoàng tổ, Hoàng khảo ta để lại cho. Ta lúc mới nối ngôi, đức hoá chưa ban, ân uy chưa khắp, sợ toát mồ hôi, gương mặt hổ thẹn khôn xiết ! Ta lên ngôi đến nay đã 7 năm, chỉ nghĩ nối nghiệp gia đình, lòng hiếu thảo không bao giờ hết, càng gắng chăm lo, từng cùng với nguyên lão đại thần, trừ tính việc biên đình, chăm lo đến chính thể. Rồi đến mùa thu, Ất Tị, năm Thiệu Trị thứ 5 [1845], sai tướng võ yên biên cương, đánh lấy lại đất Chân Lạp ở Trấn Tây. Dòng dõi Cao Miên, em Phiên vương Nặc Chăn là Sá Ong Giun, trước vì trong nhà không hoà, chạy sang nước khác, rồi lại vì Nặc Chăn không có con trai, người trong nước đón về, dựa dẫm với người Xiêm La, sinh sự ra từ năm Canh Tý. Năm ngoái là năm Bính Ngọ, quan quân đến cõi, lược định đất đai, giết người trong thành. Đầu mục Xiêm cầu cống, tù trưởng Mên thú tội, dâng tờ biểu, nộp lễ cống, thân phục châu hầu. Tuy không phải là đặt quận huyện ở đất ấy, đem nhân dân biên vào hộ tịch của ta, nhưng chúng đem cả nước để dâng, sung vào hàng địa phương, giữ chức cống, cũng không khỏi là phiên trấn ở ngoài biên. Thực có thể tuân chế độ cũ, bèn cử hành lại cái lệ phiên phong cho Cao Miên, chuẩn cho liệt vào hàng chư hầu. Và lại những tỉnh biên thuỳ Bắc Kỳ như các hạt Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hưng Hoá, Quảng Yên, trước kia thổ ty chen lẫn vào, làm đến nỗi người sinh ra không kể, người chết đi không trừ, cứ theo như thường mà làm sổ ! Đến năm Minh Mệnh thứ 21 [1840], năm Canh Tý, bộ thần tấu nghị, xin làm lại sổ đinh điền, để tỏ ra quân bình. Bắt đầu kể từ năm Tân sừ, liệt vào ngạch thu thuế, gần xa nhất trí đều tuân. Năm Thiệu Trị thứ 1 [1841], năm Tân Sửu, ta chuẩn cho tự tu lấy sổ đinh, bắt tất sai quan duyệt tuyển để tiện cho dân. Năm nay đến khoá, cũng lại chuẩn cho như trước, hãy khoan giả cho. Nay lại gặp lệ tuyển duyệt [sổ đinh], ở các tỉnh lớn Bắc Kỳ đã xong, số hộ khẩu thêm nhiều lên đều do ở đó, tra ở cuối năm Bính Ngọ là năm ngoái, đã được 986.231 người ; năm nay thêm lên 38.157 người. Kể ra các tỉnh :

Thừa Thiên	42.751 người	Quảng Nam	65.468 người
Quảng Ngãi	25.766 người	Bình Định	52.110 người
Phú Yên	9.596 người	Khánh Hoà	10.426 người
Bình Thuận	17.570 người	Biên Hoà	16.949 người

Gia Định	51.788 người	Định Tường	26.799 người
Vĩnh Long	41.336 người	An Giang	22.998 người
Hà Tiên	5.728 người	Quảng Trị	33.169 người
Quảng Bình	22.438 người	Hà Tĩnh	45.678 người
Nghệ An	56.870 người	Thanh Hoá	63.353 người
Ninh Bình	30.350 người	Hà Nội	64.201 người
Hải Dương	49.475 người	Sơn Tây	51.304 người
Bắc Ninh	63.774 người	Nam Định	78.268 người
Hung Yên	20.584 người	Tuyên Quang	6.734 người
Hung Hoá	11.219 người	Quảng Yên	3.639 người
Lạng Sơn	11.224 người	Cao Bằng	11.013 người
Thái Nguyên	11.710 người		

Tổng số năm nay sổ đinh hộ khẩu hiện đang 100 vạn linh 24.388 người, thì năm thứ 1, trừ xứ Trấn Tây 49.165 người, nay cũng đem đất dâng nộp đến châu, không cần trích ra, mà đã hơn năm trước rồi. Như vậy chắc có thể hơi chuộc được lỗi trước, càng nên lưu ý tính đến việc hay về sau. Đó đều là nhờ trời ban phúc cho nước nhà, nhân dân sinh sôi nảy nở, thời tiết thuận, năm được mùa, được no ấm, dân yên, nước thịnh, cùng hưởng hoà vui. Cũng là nhờ uy liệt của tổ khảo ta để lại, nhân sâu, ân hậu, biên cảnh yên ổn, hộ khẩu sinh sôi, bồi dưỡng nghỉ ngơi, yên vui thư thái. Công đó là do thánh nhân trị đạo lâu mà giáo hoá thành, nên mới được như thế. Ta có tài năng gì đâu, chỉ duy đã cố gắng lại càng cố gắng hơn, đã yên lại cầu yên thêm ; lo trước việc lo của thiên hạ, vui sau việc vui của thiên hạ ; để đón mãi diễm lành, cùng dân ta vui hưởng thăng bình hạnh phúc”.

Lãnh binh Quảng Trị Hoàng Đăng Thuận, Án sát Lê Đình Khả bị mất chức. Trước đây, có tên tù phải giam là Phan Văn Phụng, già mà nhà giàu, người coi ngục để lỏng khoá cho được ra vào ; Lê Đình Khả không nỡ phát. Hoàng Đăng Thuận thường có ý muốn ăn tiền của Phụng không được, để bụng, tức thì đem việc ấy phát giác ra. Vua sai khoa đạo Nguyễn Cư hội đồng tra hỏi. Khả với Thuận cùng gièm chê lẫn nhau. Khả trước có Chỉ bổ đi Án sát tỉnh Nghệ An, chưa đi nhận chức, phải triệt lưu lại, cùng với Thuận đều phải giải chức, đổi giao ty Tam pháp hội đồng tra xét. Khi án xong, Thuận bị giáng 3 cấp, bắt về hưu ; Khả bị cách chức, theo vào bộ ra sức làm việc để chuộc tội. Tuần phủ Lê Danh Trường vì không xét ra việc ấy bị giáng 1 cấp.

Bổ Lang trung bộ Binh Lê Văn Vỹ làm Án sát tỉnh Quảng Trị.

Hoàng đế Quảng Ninh công Miên Bật chết. Miên Bật thông minh sớm. Vua rất tiếc, cho tên thuy là Đôn Hoà, sai hữu tư ⁽¹⁾ chỉ của công ra để lo việc tang, lại cho thêm 3.000 quan tiền, ngày an táng tế một tuần.

Đóng một chiếc quân thuyền lớn hiệu Bằng Đoàn (từ mũi thuyền đằng trước đến chỗ bánh lái đằng sau dài 8 trượng 1 thước, ngang 1 trượng 2 thước 3 tấc, sâu 1 trượng 5 thước 3 tấc, đặt 32 cỗ súng các loại : súng đồng hiệu Phấn uy tướng quân 9 khẩu, súng đồng hiệu Chấn hải 2 khẩu, súng đồng hiệu Kích viễn 2 khẩu, súng đồng hiệu Oanh sơn 19 khẩu. Thuyền ván nhỏ bằng gỗ sam 2 chiếc.

Đóng lại thuyền Phi Vụ, đổi làm quân thuyền Chuẩn Kích (từ mũi thuyền đằng trước đến bánh lái đằng sau dài 6 trượng 7 thước, ngang 1 trượng 5 thước, sâu 1 trượng 1 thước 1 tấc, đặt 22 cỗ súng các loại : súng gang hiệu Oanh sơn 8 khẩu, súng đồng hiệu Kích viễn 2 khẩu, súng đồng hiệu Khoá hải 2 khẩu, súng đồng hiệu Quá sơn 10 khẩu. Thuyền ván nhỏ bằng gỗ sam 2 chiếc). Sai Đề đốc Thuỷ sư Đoàn Kim trông coi công việc này. Phàm từ Kinh trở vào Nam hay trở ra Bắc, khi nào đi tuần để do thám thì dùng thuyền ấy. Lại đóng một chiếc quân thuyền hiệu Điều Phi bọc đồng.

Quan ở trong Kinh ngoài tỉnh về ban văn từ tam phẩm trở lên, ai có cha mẹ đã đến 70 tuổi trở lên, được ban cho sâm, quế, bạc và lụa gồm 12 người.

Dụ rằng : “Dạy cho điều hiếu để làm điều trung, là điển lệ lớn của triều đình. Cha mẹ còn kịp nuôi, người làm con ai cũng lấy làm vinh hạnh. Năm ngoái nhân gặp lễ suy tôn là lễ lớn, không ví như lễ thường, nên phải vượt cách suy ân, để trọng việc hiếu trị. Thự Hiệp biện Đại học sĩ Nguyễn Tri Phương, cha là Nguyễn Văn Đăng ; thự Tham tri bộ Công Trương Quốc Dụng, cha là Trương Quốc Hiền ; Tả thị lang bộ Binh Nguyễn Quốc Hoan, cha là Nguyễn Danh Án ; Bố chính Bắc Ninh quyền chương Bố chính Hưng Yên Đỗ Khắc Thư, cha là Đỗ Đình Thữ ; Thự học sĩ sung biện Các vụ Vũ Phạm Khải, cha là Vũ Phạm Đàm ; thự Phủ doãn Thừa Thiên Nguyễn Văn Chấn, cha là Nguyễn Đình Ân ; thự Hữu tham tri bộ Hộ Nguyễn Trạch, mẹ là Nguyễn Thị Độ ; thự Tuần phủ Lạng Sơn Trần Ngọc Lâm, mẹ là Lê Thị Thiểm ; Bố chính An Giang Hoàng Thu, mẹ là Phạm Thị Bẩm ; Bố chính Quảng Bình Trương Đăng Đệ, mẹ là Nguyễn Thị Thục ; sung biện Các vụ Vũ Phạm Khải, mẹ là Phạm Thị Nữ ; đều được ban cho 3 phiến quế Thanh, 8 lạng sâm nam, 3 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn hạng nhỏ, 2 tấm sa màu, để tỏ ý tốt quý mến người tuổi già”.

Án sát tỉnh Quảng Bình là Nguyễn Trọng Nguyên, bị mất chức. Nguyên lúc mới đến tỉnh, cùng với Nguyễn Quỳnh là Ngự sử ở Kinh phái đi hội đồng tra cái án

(1) Hữu tư : quan viên nào chịu trách nhiệm làm việc gì.

về việc gõ lạt. Có 2 người suất đội tự tiện tha tên tù bị giam ; Nguyên ghét là chuyên quyền, bèn khoá tay để quở trách, rồi lại thả. Lại nhân có tang vợ, Nguyên thuê mượn các đồ binh trượng để đưa đám ma ra khỏi cảnh giới, thân biên trong tỉnh hoặc đưa lễ vật phúng viếng hoặc đi đưa đám. Quýnh cũng dự vào đám ấy. Sau bất bình với Nguyên, Quýnh mới bí mật tham hặc về việc đó. Vua sai Thị lang bộ Hình Vũ Tuấn tra hỏi. Khi án đệ lên, vua nói : “Nguyễn Trọng Nguyên thân làm Án sát, không thể nói là không biết pháp luật, thế mà dám tự tiện lấy đồ binh trượng để đưa đám ma vợ, đã làm càn bậy ; huống chi suất đội cũng là một chức quan, muốn giam thì giam, muốn thả thì thả, chả hoá ra tự tiện làm uy phúc ư ?”. Rồi Nguyên phải xử trăm giam hậu. Bộ chính Trương Đăng Đệ, Lãnh binh Nguyễn Văn Thai và thân biên trong tỉnh, vì chỉ ngồi nhìn mà gượng theo ý Nguyên, bị giáng phạt hơn 10 người. Nguyên làm quan hơi nghiêm khắc, cho nên bị gièm chê nhiều để đến hại việc. Sau đó Nguyên vì lo bực mà chết. Bộ Lang trung bộ Binh Phạm Huy làm Án sát tỉnh Quảng Bình.

Lập điểm tuần An Lương ở tỉnh Quảng Yên. Xã An Lương giáp với nhà Thanh, năm ấy châu Khâm, châu Liêm bị đói, có nhiều bọn côn đồ đón đường ăn cướp. Quan tỉnh xin chọn một người thổ hào đốc suất dân phu 50 người, lập điểm để tuần phòng. Vua ưng cho (xã An Lương thuộc châu Vạn Ninh).

Đặt thêm chức Loan giá khanh, trật chánh tam phẩm. Lấy thự Vệ úy vệ Hậu dinh Long võ là Tôn Thất Lập bổ sang thự Loan giá khanh, hiệp đồng với Quản vệ vệ ấy đốc suất các ty Hộ vệ, Cảnh sát, Loan giá và Kỳ cổ trong vệ mình.

Sá Ong Giun nước Cao Miên đã nhận phong, uỷ các phiên mục (thập phẩm 1 người, bát phẩm 1 người) đến chỗ quân thứ dâng biểu xin vào Kinh để tạ ân. Quận chúa Ngọc Vân cũng sẽ dâng biểu trần tạ. Các đại thần ở quân thứ đem việc tâu lên. Dụ rằng : “Nước Cao Miên mới định, quốc vương mới thụ phong, mọi việc còn thuộc về buổi đầu sáng lập. Tuy trông đám mây hướng về mặt trời, là tấm lòng các nước nhỏ phụng thờ nước lớn, nhưng suy tắc thành, thương cho cảnh khó, là cái nghĩa đáng vương giả yêu mến phương xa. Về điều xin sai sứ tạ ân đã xét tấm lòng thành rồi, chuẩn y như lời xin mà làm. Duy có kỳ hạn cống và lễ cống, giao bộ Lễ bàn rồi tâu lên. Khi nghị đệ lên, định 3 năm một lần cống, bắt đầu từ năm Mậu Thân (tạ ân và lễ phẩm đều do sứ cống cùng tiến một thể). Lại cấp cho quan lịch và dân lịch 100 năm, do tỉnh An Giang chuyển giao.

(- Lễ cống, lễ phẩm có : 2 thớt voi đực, 2 chiếc ngà voi, 2 bộ tê giác, sa nhân, đậu khấu, trần hoàng, cánh kiến, sáp ong đều 50 cân, sơn đen 20 vò.

- Lễ phẩm tạ ân có : 2 chiếc ngà voi, 2 bộ tê giác, đậu khấu, sa nhân, trần hoàng, cánh kiến và sáp ong đều 50 cân, sơn đen 20 vò.

- Số người trong sứ bộ : chánh sứ, phó sứ đều một viên, thông ngôn 2 viên, thầy thuốc 2 viên, quân đi theo 9 tên, rồi do quan tỉnh An Giang trước báo nhật kỳ lên đường ; đến trung tuần tháng hai đến An Giang, quan tỉnh xét thực lễ phẩm, rồi trích ra ngựa voi, tê giác và đậu khấu 3 hạng, cho theo đi cùng sứ bộ, do đường bộ phát đệ ; còn các hạng khác cho tùy tiện vận tải : thốt voi giao cho tỉnh Gia Định chăn nuôi. Lượng cho 2 viên chánh phó sứ, 1 viên thông ngôn, 1 viên thầy thuốc, 3 tên quân theo đi, cùng với tỉnh phái thông phán hoặc kinh lịch 1 viên sung chức trưởng tống ⁽¹⁾ và 1 viên thông ngôn, đều cùng với sứ bộ nhất tề khởi hành, do đường bộ lên đường : trung tuần tháng tư đến Kinh, hạ tuần làm lễ triều cống. Rồi lưu lại đợi hai khánh tiết Đoan dương và Vạn thọ, tùy ban chiêm bái. Khi lễ xong, sẽ do bộ tàu xin cho về).

Vua y lời tâu, chuẩn cho quan đốc phủ An - Hà truyền dụ cho quốc vương [Cao Miên] biết.

Thi Đình. Sai : Thống chế Tả dực dinh Vũ lâm là Nguyễn Trọng Tính sung làm giám thí ; Hiệp biện Đại học sĩ Hà Duy Phiên, Hữu tham tri bộ Binh là Hoàng Tế Mỹ, sung việc đọc quyển ; Thượng thư bộ Công Lâm Duy Thiếp sung việc truyền lô ; Hữu thị lang bộ Lại là Đỗ Quang, biện lý bộ Hình Vương Hữu Quang sung duyệt quyển. Vua trực tiếp ra đầu bài văn sách. Chế sách rằng :

“Ta nghe : tiên vương xem đến dân mà đặt ra giáo hoá, dùng những người tài trí thiên hạ, giúp đỡ, vỗ yên, lại chấn khởi đạo đức, phong hoá để cổ động, dạy dỗ để hoá di. Sinh nuôi thoả mãn thì giáo hoá mới thi hành, mà phong tục tốt. Cái đạo trị dân quý ở chỗ đó. Nghiêu, Thuấn quý đạo đức, nhà Hạ quý công, nhà Thương quý người già, nhà Chu quý cùng họ, nhà Tấn quý kẻ lại giữ phép, nhà Tây Hán quý tài mưu, nhà Đông Hán quý kinh thuật, nhà Ngụy quý văn chương, nhà Tấn quý danh lý, nhà Chu, nhà Tuỳ quý họ hàng. Xem chỗ quý thì biết trị thể hơn hay là kém. Nhưng đi sâu đến chỗ việc làm, có thể chỉ ra từng việc mà nói được không ? Thế thì trị đạo của đời Tam đại, thực tỏ rõ như đốt sừng con tê mà soi thấu vậy. Lớn thay, Hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế, Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta ; nên đạo của trời lấy tài của đất, dùng người hiền không câu nệ vào lễ lối nào, hoà dân thì thời thường thu năm phúc để ban cho bốn phương, hỗn hợp cả dư đồ thống nhất, mở mang vận hội thịnh vượng cho nước Đại Nam. Ta kính vàng nghiệp lớn, noi được mưu mô, chỉ nghĩ một lòng chăm lo, dùng nhân tài làm chính sự, cẩn thận như cầm dây cương đã mục mà dong sáu ngựa, lập giáo hoá nuôi dạy dân, sớm chiều sợ hãi, gắng tinh thần để lo toan chính trị, có thể mong cho chính sự mở mang, mà

(1) Trưởng tống : trưởng đoàn dẫn cống bộ Cao Miên vào Kinh.

thêm rạng vẻ cho đời trước. Ôi, Nghiêu hỏi quan tứ nhạc, Thuấn cất nhắc 8 người hiền, để truyền bá năm giáo cho bốn phương. Vũ Lễ người hiền, một lần gội đầu ba lần vẩy tóc, một bữa ăn ba lần đứng dậy, Thành Thang gắng sức đúc ớn, lập đạo trung cho dân, lấy nghĩa xử việc, lấy lễ cảm lòng ; Văn Vương kính người già, yêu người trẻ, coi châu đến muện mà không ăn, để tìm nhân tài bốn phương ; Vũ Vương đặt ra 5 tước, chia ra 3 đất, đặt quan phải người hiền, dùng vào việc phải người có tài, trọng 5 điều dạy cho dân. Đó đều là dùng người hiền dạy dân, mở mọi vật làm nên mọi việc. Thế mà còn có Hứa Do, Sào Phủ, Trùng Quang, Di, Tề, đó là người nào ? Các rợ mọi như Hữu Miêu, Phong Phong, Côn Ngô, Hiểm Doãn, đó biết là dân nào ? Từ đời Tam đại trở xuống, các nhà Hán, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, vua chúa hiền, tướng văn tướng võ giỏi, đời nào mà không có, há không trọng người hiền, đặt giáo hoá để đưa chính sự đến chỗ thịnh trị ? Thế mà những người hiền tài còn bỏ sót, kẻ không hướng hoá, dân còn ngu si, các đời trở xuống đây không thể nói hết được : nào bên đông tường, bên bắc bếp, người đi câu, người uống rượu say, người mặc áo bằng bông lau, người ăn bằng quả cây tùng, người ẩn ở chợ phía nam thành, chí sĩ không thiếu gì, mà chung quy không có tiếng gì ở đời, thực đáng tiếc lắm !

“Năm mộng thấy người vàng mà đạo Phật vào Trung Quốc ; cho pháp hiệu là Ngô sứ mà Đạo giáo bảo được muôn người ; đạo Dương, Mặc đã nổi lên trước, đạo Phật, lại nối theo về sau. Thậm chí đến đảng giặc Hoàng Cân, phương thuật của xã ⁽¹⁾ Bạch Liên, lẫn lộn vào trong khoảng ấy, như là lúa mà có cỏ năn, đều bởi để lỡ việc ra, không ngăn ngừa đi trước, lại không lo liệu sớm để trừ cái hại về sau. Đương những lúc ấy thì lấy gì mà trừ bỏ tà thuyết để mở cửa cho chính đạo, phá chỗ ngu muội mà quy về đại đạo được ? Bản triều sùng Nho, trọng đạo, hậu đãi sĩ phu, thân cận người hiền, lập giáo để hoá dân, mở khoa thi để lấy nhân tài, dựng trường học ở trong Kinh ngoài tỉnh. Khoa thi mở ra có chính khoa, ân khoa ; xuống chiếu cất nhắc những người hiền tài, giáng dụ cầu tìm những người ẩn dật. Thế mà từ khi mở ra khoa thi Hội, thi Đình đến nay, cái ngôi đình nguyên ⁽²⁾ còn đặt không để đợi! Thực là sợ người hiền còn sót ở chỗ thôn quê, nhân tài chưa được tiến đạt, thì làm thế nào mà thu nhặt được mọi hạng người, hiền tài họp cả lại, người thông minh ở chỗ quan trường để cho nước nhà dùng ?.

“Gần đây, các nước bên phương Tây, tà giáo Gia tô ngấm ngấm lấn lướt, vì đâu mà đến nổi mê hoặc, có thể nói cho nghe được không ? Tuy pháp lệnh rất nghiêm, để dẫn người ta vào con đường làm lành, đổi lỗi, nhưng mà như cái chén để rỉ nước, đáy hồ còn sót cạn, bề ngoài thì thuận, bề trong thì không theo, chưa khỏi có một

(1) Xã : một đảng bí mật hoạt động chính trị.

(2) Đình nguyên : người đỗ đầu thi Đình, tức trạng nguyên.

hai nơi thôn quê, kẻ tiểu dân ngu mê ngoan cố, đặt mình ra ngoài đức hoá sinh thành, còn mê mà không tỉnh ! Vậy thế nào để mặt đối, lòng theo, đặt vào nơi chốn chiếu, trở lại thuận phác, vui ở cảnh xuân dài, đều làm lương dân đời thái bình, cùng lên cõi hoà vui ?

“Bọn sĩ phu các người, có sẵn tài học, thì bày tỏ các mưu mô, điều trần tài kinh tế, ta lưu ý xét chọn để dùng”.

Buổi hôm chiều hôm ấy, gặp mưa dầm, đặc ân cho đốt đèn duốc, ăn cơm đêm, để cho đều được giải bày tài học mà thừa lại. Có người ở mãi đến nửa đêm mới ra, ban cho cái bài “ra cửa”, mở khoá đưa về. Việc này được truyền tụng là một chuyện hay. Đến khi quyển thi đệ lên, vua mở xem 2 - 3 lần, bảo các quan đại thần rằng : “Các sĩ tử đối sách, đều chưa hợp với ý đầu bài ; nhưng ở trong chỗ kém mà tìm lấy chỗ hơn, thì có những tiếng kêu xoang xoảng ở trong đám sắt không ? Đặc ân cho Phan Thúc Trực đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ tam danh ; Nguyễn Văn Hiến, Trịnh Lý Hanh đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân ; Hoàng Thiện Lương, Trịnh Xuân Thường, Nguyễn Đức Tư, Vũ Văn Hiệu đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân. Du có Đặng Huy Trứ lời nói có phóng dăng, làm văn lại phạm trường quy (kim văn có câu “hữu hại gia miêu” nghĩa là “cỏ năn làm hại cho lúa tốt”. *Gia miêu* là làng vua). Vua đem bảo các quan đại thần. Trương Đăng Quế tâu rằng : “Trứ ở Hội thí đã bị truất, thi Đình lại như thế ! Quyển thi cần nhắc mà lấy, là cái lẽ công bằng, lẽ đâu phiếm lam như thế !”. Bèn đánh hồng tuột, lại cách luôn cả danh tịch ⁽¹⁾ cử nhân của Trứ, đuổi về học lại. Thi Đình bị đánh hồng là bắt đầu từ Trứ (năm sau Trứ lại thi đỗ Giải nguyên).

Định lại lệ tiến sĩ mới đỗ làm biểu tạ. Lệ cũ, hội tập tấu của tiến sĩ mới tạ ân, do bộ trình tiến ; khoa này chuẩn cho đều phải làm biểu dâng lên. Dụ rằng : “Các tiến sĩ lúc bình nhật, sở học không giống nhau ; đến khi đỗ, cũng đều khác. Hướng chi, lúc bắt đầu bỏ cái áo vải, được dâng biểu trần tạ ngay, thế là cái ý tốt của triều đình hậu đãi khoa giáp, nên đều phải trần tình, để xem học thuật thế nào. Từ nay, phạm khi việc thi Đình xong, những người đỗ tiến sĩ cập đệ, tiến sĩ xuất thân và đồng tiến sĩ xuất thân, đều làm bài biểu tạ ân, do bộ phụng tiến, nhưng phải dẫn đến sân rồng chiêm bái. Việc này được đặt làm lệ.

Lại, từ trước đến nay, thi Đình, chuẩn cho ở hai dãy hành lang bên đông, bên tây đại đình Cần Chính điện. Ta nghĩ điện đình là nơi ngày thường thánh chính, các quan ra vào châu hầu dự vệ phụng thừa chiếu sắc ; gặp ngày thi đình, không khỏi có trình hạn cấm chỉ. Nay cung mới Bảo Định đã làm xong, chính túc doan nghiêm, hơi được rộng rãi chỉnh đốn, sang năm gặp kỳ thi Hội khoa Mậu Thân, chuẩn cho

(1) *Danh tịch* : tên ghi trong sổ thi đỗ. Ngày trước, cử nhân hay tiến sĩ, ngoài danh sách được nêu trên bảng treo tạm thời sau khi đỗ, chỉ được ghi tên trong sổ khoa thi, chứ không phát văn bằng.

bộ ghi nhớ lấy : những tên trúng cách, chuẩn cho thi ở 2 dãy hành lang bên đông bên tây cung ấy”.

Định lại ngay kiểu mẫu bỏ tử cho 3 giáp [tiến sĩ] (nhất giáp : thêu con hạc và đám mây ; nhị giáp : thêu con chim ở nước, màu trắng ; tam giáp : thêu con cò hoặc con chim ở nước).

Vua xem quyển thi của các tiến sĩ mới đỗ. Dụ cho bộ Lễ rằng : “Từ đời Tam đại trở xuống, lấy nhân tài tất phải do khoa mục, nhưng khoa mục cũng chưa đủ lấy hết được nhân tài. Và lại như phép thi, thông quán cả 4 kỳ, được 10 phân trở lên là chánh bảng ; 8 - 9 phân trở xuống, là phó bảng. Từ trước đến nay, các chánh bảng đều trúng cả 4 kỳ mà được đủ phân số như thế, chẳng qua chỉ một hai người, ngoài ra hoặc chỉ được 4, 5 phân. Còn như phó bảng sở trúng, tuy chỉ 2 - 3 kỳ, mà xét phân số ra, cũng có đến 8 - 9 - 10 phân trở lên. Ngay trong một việc ấy đã khó chuẩn định, mới biết khoa cử văn tự cũng có vận mệnh, tuy quân tướng cũng không xoay lại số mệnh cho được”.

Tỉnh Bình Thuận và tỉnh Khánh Hoà có giặc biển cướp những thuyền buôn. Vua bảo bộ Binh rằng : “Nước ta ở liền với nhà Thanh. Gần đây có nhiều giặc Thanh vượt bờ cõi sang sinh việc ; về đường bộ thì dân đói ở Khâm Châu họp đảng đến 600 - 700 người ; về đường thuỷ thì thuyền giặc đi lại đến 15 - 16 chiếc. Trước kia các thuyền buôn ở hải phận các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Ngãi vẫn lấy làm khổ ; nay tỉnh Bình Thuận, tỉnh Khánh Hoà lại thấy kêu lên ! Thế thì những người coi giữ cửa biển đã không làm việc gì, mà những thuyền quân đi tuần ngoài biển do tinh phái ; Kinh phái đi cũng chỉ hư ứng đó thôi !”. Tức thì truyền dụ cho các địa phương theo mặt biển, phàm các thuyền quân do Kinh phái đi và các tỉnh đi tuần ngoài biển, nếu gặp thuyền giặc thì tức khắc phải đánh dẹp ngay, để cho hết những giặc biển ; nếu không có công trạng gì, thì sẽ bị tra xét chức vụ và tên người, phân biệt nghiêm nghị để cho quân chính được nghiêm.

Sai ty Tam pháp duyệt lại điều lệ bản triều. Trước kia, khoảng năm Minh Mệnh, sai quan hiệu chính một bộ sách luật lệ, viết thành bản thảo tiến trình, lại giao Bộ và Nội các chia nhau ra mà duyệt, đã lâu mãi chưa xong ; đến đây bộ Hình lại tâu, xin vẫn do Bộ, Các duyệt lại.

Vua nói : “Hình là một thứ giúp về chính trị, để mà cấm kẻ gian bạo, yên ủi lương dân. Những chỗ hoặc thêm ra hoặc bớt đi, tất phải tham khảo đến công luận. Thế mà từ trước đến nay, các quan ở Bộ, Các cứ nhất vị bỏ bề công việc, thì như làm cái nhà ở bên đường, không bao giờ làm xong ! Phải đem một bộ bản thảo luật lệ ấy, đổi giao cho ty Tam pháp hội đồng kiểm xét cho rõ ràng, thế nào cho được xác đáng ; còn ngoài ra có chỗ nào nên thêm, cũng chuẩn cho biên cả vào, để cho

khởi thiếu sót, hạn 3 tháng làm xong, tâu lên". Sau, Pháp ty vì đầu mối phiền phức, thường thường xin hoãn lại. Bộ luật rồi cũng chưa định được.

Bắt đầu đặt ty Quảng Minh. Trước đây 3 đường (堂) Quảng Học, Quảng Thiện và Minh Thiện, đều đặt viên dịch ; đến đây hợp đặt làm ty Quảng Minh (tư vụ 1 người ; bắt cử phẩm đều 1 người, vị nhập lưu thư lại 15 người) trích số người ở 3 đường (堂) sung vào, thừa số thì triệt về, do bộ án bổ, liệu lưu 30 tên biên binh, chia ban ứng trực cho đủ sai phái.

Nêu thưởng những người dân thợ 100 tuổi ở các tỉnh (Thừa Thiên 1 người, Hà Tĩnh 3 người, Bình Định 5 người, Sơn Tây 1 người).

Làng Hương Cẩn ⁽¹⁾ thuộc tỉnh Nghệ An bị hoả tai, cháy lan đến 856 hộ, nhân dân có người bị chết cháy ! Sai quan tỉnh chi tiền để cấp cho.

Cho nguyên Lãnh binh tỉnh Thanh Hoá là Tôn Thất Đắc thăng thự Chương vệ, vẫn chuyên quản vệ Trung dinh Thần cơ.

Chuẩn định : từ nay về sau, vua ngự điện Văn Minh coi chính sự, chương vệ và thân binh, cấm binh, những quân vệ đương ban ứng trực, chiếu như lệ túc vệ quân vệ theo vào ban châu hầu.

(1) Hương Cẩn : ở làng này (thuộc huyện Quỳnh Lưu) có đền Cẩn Hải thờ Tống hậu và công chúa.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LXVIII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Đinh Mùi, Thiệu Trị năm thứ 7 [1847], mùa hạ, tháng 5. Bọn Vũ Văn Giải là tướng suý đi đánh miền Tây, kiểm điểm quân sĩ kéo về Kinh. Bọn Văn Giải khó nhọc lâu ở ngoài, khi sắp đến Kinh, vua sai Nội các và Thị vệ đều một viên, chực sẵn ở Nam Trường đình để đón tiếp, truyền Chỉ úy lạo. Khi đến Kinh, triệu ngay vào chỗ điện thường, trước thưởng cho áo dài mặc mát và quạt ngự, đề bài thơ “Tây chinh sự bình”⁽¹⁾ để ban thưởng cho khác với mọi người.

Vua nhân bảo thị thần rằng : “Khi quân đi đánh giặc về, cáo nhà tôn miếu, làm tiệc uống rượu để ghi công, đó là lễ đời cổ. Khoảng năm Minh Mệnh [1820-1840], sai tướng ra quân, đánh giặc xong kéo quân về, như Tân Long hầu Nguyễn Xuân, Tân Phúc hầu Phạm Hữu Tâm, Tín Vũ hầu Phạm Văn Điển, Vũ Lao hầu Tạ Quang Cự, Ân Quang tử Lê Văn Đức, đều được Hoàng khảo ngự ra cửa, cho làm lễ ôm chân, ân lễ hậu gia ; nay nên làm lễ trọng thể để đáp lại tướng giỏi có công, nhưng vì ta còn ở trong 27 tháng⁽²⁾, chưa tiện đóng mũ áo, ra ngự ở cửa, châm chúc nghi văn mà làm cũng không hề chi, có thể hợp được tình lễ là được.

Đến ngày hôm sau, vua ngự điện Cần Chính, bọn Vũ Văn Giải đến sân rồng, phục mệnh, nộp lại tướng ấn. Vua sai bộ Lễ và Thị vệ tuyên triệu Vũ Văn Giải,

(1) *Tây chinh sự bình* : việc đánh giặc ở miền Tây đã yên.

(2) *27 tháng* : ý nói còn có đại tang, đang để trở bà nội.

Nguyễn Tri Phương, Lê Văn Phú đến ngự tiền, thân rót rượu ban cho để ứ lạo. Hồi lâu, lại triệu thụ Đê đốc Nguyễn Văn Hoàng, Lãnh binh Trương Tiến, Hồ Hậu, Phó lãnh binh Lê Viên đến chỗ tấu sự, sai hoàng tử là Gia Hưng công Hồng Hựu, Hoàng Trị quận công Hồng Tố rót rượu ban cho. Rồi đều gia thưởng cho các thứ vàng và ngọc tốt. Dụ rằng : “Tướng quân Vũ Văn Giải, mình nhận mao việt ⁽¹⁾, vâng mệnh chuyên chính, thực là túc tướng can thành ⁽²⁾, hổ thần ⁽³⁾ dực vệ, ban cho 1 cái chén bằng ngọc tốt, 1 con hổ dữ bằng vàng, tỏ ra uy thanh mạnh như hổ gầm. Khâm sai đại thần Nguyễn Tri Phương, trân trọng vâng mệnh, đi giữ biên khốn, lấy trí mưu mà định đất Trấn Tây, thực là có tài gánh vác việc nặng, khuất phục được người phương xa, ban cho một cái chén bằng ngọc tốt, 1 con lạc đà bằng vàng, tỏ ra trí lực phục được người Ba Đà (*Phong tục ký* của nước Chân Lạp gọi người Thổ là Ba Đà). Tổng thống Lê Văn Phú, gọi quân kế tiếp, ngựa đến thì thành công, ban cho 1 cái chén bằng ngọc tốt, một con ngựa khoẻ bằng vàng, tỏ ra cái công cưỡi ngựa đáng ghi chép. Đê đốc Nguyễn Văn Hoàng, một trận đánh dữ dội ở Tiền Giang, làm nổi bật quân thanh, thực là hăng hái đi trước, hết sức làm việc, cảm ân mà cố gắng, ban cho một cái nhẫn vàng mặt đá quý, 1 con gấu mạnh bằng vàng, tỏ ra như con gấu mạnh đi như bay đáng khen. Trương Tiến, Hồ Hậu, Lê Viên đều ban cho 1 cái bài “Thưởng công” bằng vàng, một cái nhẫn vàng mặt thủy tinh, tỏ ra là tỳ tướng mà đua chen sức mạnh để biên cảnh được thanh bình.

Lại sai trung sứ đi đường trạm đến ban thưởng cho thụ Đốc An - Hà là Doãn Uẩn : 1 cái quạt ngự, 1 chuỗi ngọc san hô, 1 bài thơ đầu đề là “Bình định Xiêm Lạp”, 1 tập giấy rồng ngự chế “Tây chinh kỷ tiếp” ⁽⁴⁾, 1 chén đựng rượu bằng thứ ngọc tốt, tỏ ra quang nhuận cứng rắn ôn hoà như hòn ngọc, 1 con báo có vằn bằng vàng, để nêu ra là người có bản lĩnh, có công trạng, biết cả văn lẫn võ. Lại cho 3 bài thơ ngự chế, chuẩn cho theo vần hoạ lại. Lại thưởng cho quyền lĩnh đê đốc tỉnh An Giang là Lê Đình Lý 1 cái bài “Thưởng công” bằng vàng, 1 cái nhẫn vàng mặt ngọc kim cương liên châu, 1 đồng kim tiền hạng hai có chữ “Vạn thế vĩnh lại” có dây thao đeo. Lại cấp trả lại cho Phó lãnh binh Tây Ninh là Nguyễn Công Nhân 1 cái bài bằng vàng có chữ “Hùng dũng tướng”, gia ban cho 1 cái nhẫn vàng mặt thủy tinh ; cấp trả lại cho Phó lãnh binh tỉnh An Giang là Hồ Đức Tú 1 cái bài bằng vàng. (Công Nhân và Đức Tú trước có chiến công được thưởng bài vàng, sau bị tội, đều phải truy thu lại, đến đây lại cấp trả cho). Tướng hiệu và binh đồng đều được thưởng có thứ bậc khác nhau. Nguyễn Văn Hoàng trước làm Quán cơ cơ Tiền chấn,

(1) *Mao* : cờ lệnh. *Việt* : cái búa lớn.

(2) *Can* : cái mọc. *Thành* : thành lũy. Ý nói lực lượng bảo vệ hùng mạnh.

(3) *Hổ thần* : người bề tôi mạnh như con hổ

(4) *Tây chinh kỷ tiếp* : đi đánh giặc ở miền Tây, ghi công thắng trận.

Chương phủ Tạ Quang Cự cho là người được việc, mới đề cử lên. Đến đây, vua cho Quang Cự là người biết người, bảo Nội các rằng : “Tiến cử người để thờ vua là chức trách của quan đại thần. Tiến người hiền mà được thưởng, là lẽ thường của chế độ trong nước. Khoảng năm Minh Mệnh [1820-1840], Quang Cự được cố Hậu quân Phạm Văn Thuý cử lên, đến khi Quang Cự thường lập được quân công, Văn Thuý cũng vì tiến người hiền mà được thưởng. Nay Quang Cự cử Văn Hoàng, chính gọi là cất nhắc được người làm quan xứng đáng là cái hay của người, có thể theo lệ thưởng Văn Thuý mà thưởng cho [Quang Cự]”. Rồi ban cho Quang Cự the và đoạn mỗi thứ 3 tấm.

Hoàng tử, thân phiến, Tôn nhân phủ và các quan văn võ thấy võ công đã cáo thành, xin thiết triều nhận mừng. Vua thân dụ rằng : “Cối xa ở phía tây nam, đời cổ gọi là Thuý Chân Lạp, Lục Chân Lạp, sau hợp làm một nước Cao Miên, truyền đến 12 đời, đều làm tôi thờ bản triều. [Bản triều] hậu gia vun trồng cho, không việc gì là không chu đáo. Hướng chi, khi nước Xiêm La ăn hiệp, thì [quan quân] đuổi đi cho ; khi nước Đô Bà lại xâm lấn, và những khi các tù trưởng người Mên đến Nam Kỳ nương tựa, thì các tiên đế ta rộng ra ơn huệ, xây dựng lại cho và tỏ được cái đức võ yên các nước nhỏ. Rồi đến Nặc Ong Chân một lòng kính thuận, nghìn dặm lặn suối trèo non, Hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế ta phong cho làm Cao Miên quốc vương, đời giữ chức cống. Năm Gia Long Tân Mùi [1811], nước Xiêm La lại cậy mạnh hiệp yếu, Ong Chân sợ chạy, đến nương náu ở tỉnh Gia Định, mang cái roi đến xin chịu tội, ngậm cỏ cầu ơn. Hoàng tổ ta sai Thượng tư bộ Binh Ngô Nhân Tĩnh đem vạn quân đến sát cối, truyền hịch đẩy lùi được người Xiêm ; Ong Chân lại trở về nước cũ. Năm Minh Mệnh Quý Tỵ [1833], người Xiêm La 3 lần lại xua đuổi ; Ong Chân bốn ba đến tỉnh Vĩnh Long, chiếc thân nương tựa. Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta sai bọn Bình khấu tướng quân Lương Tài hầu Trần Văn Năng đánh tan người Xiêm La, đón phiến vương về nước. Chưa bao lâu, Ong Chân chết, chỉ có con gái là Ngọc Vân lên nối ngôi nhưng không thể trông coi được việc nước. Liêu thuộc phiến xin mệnh lệnh ở triều đình, được đội ơn vua phong Ngọc Vân làm Cao Miên quận chúa để giữ lấy cơ nghiệp. Rồi [Hoàng khảo ta] sai Trương Minh Giảng lưu trấn đất ấy, để vỗ về dân Mên. Các con gái phiến vương cũng đều được phong làm huyện quân ; các người Phiến mục cũng đều được bổ cho quan chức. Liêu thuộc Phiến lại xin đổi thổ quan mà bổ lưu quan đến. Nhân đó đặt tên là thành Trấn Tây. Khi ấy đã không có nước Cao Miên rồi, mới đổi phong Ngọc Vân là Mỹ Lâm quận chúa. Ân trách của triều đình chu chuần biết là chừng nào ! Thế mà quan ngoài biên là Trương Minh Giảng và Dương Văn Phong lại chấp nhậ những việc nhỏ trong tờ thư để lại, gây ra mối hiềm khích. Không ngờ cái tính căm thù khó dạy, cái thói rợ

mọi hung tợn, cần trả lại, đưa đến chỗ mở cửa rước giặc, cùng bọn giặc Xiêm dựa dẫm nhau ! Năm Canh Tý [1840], sinh sự ở chốn biên thuỳ, giở giáo can phạm mệnh lệnh, chợt lại xảy ra việc to ! Vừa lúc ta mới lên ngôi, đức hoá chưa ban, ân uy chưa khắp, ngoài thì người Chân Lạp chưa bị tội cứ nấp quân nơi bụi rậm, trong thì phủ Ba Xuyên, phủ Lạc Hoá, bắt chước mà để quân trong rừng ? Sợ hãi khôn xiết, ta tự xét mình để trừ tính công việc, kíp lo toan công việc ngoài biên. Bọn Minh Giảng giữ không một chỗ đất hoang, không biết làm thế nào, dảng sợ tự kể tội mình, xin rút quân về. Việc giao xuống cho đình thần bàn. Họ đều nói : hãy tạm cho yên, xin triệt quân về để nghỉ ngơi. Ta nghĩ : làm việc khó, trước phải tính việc dễ, yên mình rồi mới lo đến người. Hai phủ Ba Xuyên, Lạc Hoá thứ đệ dẹp yên, nước Chân Lạp, thành Trấn Tây lại mở mang ra cũng chưa lấy gì làm muộn. Hãy tạm y lời xin, triệt quân ở An Giang về, rồi lại trừ tính sẽ bàn. Năm Thiệu Trị Nhâm Dần [1842], giặc Xiêm dám bằng đường thuỷ vào cướp tỉnh Hà Tiên, bằng đường bộ lại lấn khu vực sông Vĩnh Tế ! Ta sai Anh dũng tướng Đoàn Văn Sách dẫn lui được đường thuỷ, tỉnh Hà Tiên được thanh bình ; sai Hùng dũng tướng Nguyễn Công Nhà đánh giết ở đường bộ, nơi Vĩnh Tế được yên ổn. Năm thứ 5 [1845] năm Ất Tỵ, đất Tây Ninh đợi nhà vua đến, đem lòng thực hướng theo đức hoá. Nhân cơ hội này, ta mới cất quân đánh nước địch, bèn cho Đô thống phủ Đô thống Hậu quân là Vũ Văn Giải lĩnh Tổng đốc Định - Biên điều khiển quân cơ, phát ngay lính thú tỉnh An Giang ; sai Tuấn phủ Doãn Uẩn và Chương đề tiêu Nguyễn Văn Hoàng, Lãnh binh Nguyễn Công Nhân chia làm ba đường, cất quân đánh dẹp. Ba trận được luôn, các đồn Ba Nam, Vĩnh Bích, Đàm Luỹ, Sách Sô, quân uy lừng lẫy. Nhưng địa thế rất rộng rãi, đồn Thiết Thành là nơi ách yếu, quan quân đánh dẹp loanh quanh ! Thiên thời thực không thể để lỡ, nắm được thắng toán⁽¹⁾ ; triều đình cương quyết định đoạt, chỗ sa mạc đã chiếm được địa lợi, đón đưa cơm rượu, lại được lòng người hoà, tức thì phi dụ giục Tổng đốc An - Hà Nguyễn Tri Phương, lại truyền Chỉ phái Đề đốc Vĩnh Long Tôn Thất Nghị, hợp với các đạo quân để tiến công, quyết không trận nào là không được. Một dải đồn Trường Luỹ, Lạp Mên đào hào sâu để giữ vững ngang sông đồn Thiết Thành, giặc Xiêm dựa nơi hiểm để đóng quân. Quan quân ra sức mạnh, tướng sĩ cùng căm thù. Thuyền bè như xâu cá đàn chim, súng ống sấm vang muôn dặm ; quân ngũ như đàn ve hàng nhận, tinh kỳ mây phủ nghìn non. Một trận đập tan, ruổi sang phương Bắc ; ba quân đánh phá, bình ngay Trấn Tây. Lạp tức cho Vũ Văn Giải làm Phủ biên tướng quân, đổi thăng Đô thống phủ Đô thống Tiền quân, tiết chế cả toàn hạt Trấn Tây ; lại cho Nguyễn Tri Phương làm Khâm sai đại thần, thự Hiệp biện Đại học sĩ, tụy phủ Trấn Tây biên vụ ; lại cho

(1) *Thắng toán* : sự mưu tính tài giỏi của cấp trên.

Doãn Uẩn làm Tham tán đại thần, thụ Thượng thư bộ Binh, hội bàn để dẹp yên công việc Trấn Tây ; lại cho Nguyễn Văn Hoàng thụ Đề đốc An Giang, trú phòng bang biện quân vụ ở Trấn Tây ; lại cho thêm Tổng đốc Định – Biên là Lê Văn Phú làm Tổng thống tiểu phủ quân vụ : đến ngay hội bàn, tuy cơ tiểu phủ. Đạo quân lớn như mây kéo đến, tiến đóng Vĩnh Long ; đánh bốn mặt như sao từng hàng, thọc vào sào huyệt. Đến gần đất Ô Đông là nơi thành giặc tụ họp, người Xiêm, Lạp phải sợ, nên giặc Hồ rã tan. Hàng muôn sĩ tốt đều đầu hàng ; mở lưới ba mặt, không trị những người bị ép theo. Đại đầu mục giặc Xiêm là Phi Nhã Chất Tri sợ lưới trời khó trốn, đến cửa quân kêu van xin lỗi. Tù trưởng Mên là Sá Ong Giun, em ruột Nặc Chấn, đón quân nhà vua mà phủ phục, dẫn lieu thuộc thú tội về hàng, đang tờ biểu xin làm tôi, sai sứ nộp lễ cống. Tướng quân lên tướng, thu nhận những thư xin hàng. Tờ lộ bố, trạm truyền đi, thỉnh cầu thay cho để xin sắc Chỉ. Thương anh em người và những người thân cận về dòng dõi Mên, triều đình không hám lợi vì thổ địa, nhân dân ; đánh dẹp để yên lương dân mà trừ kẻ tàn bạo, cất quân nhân nghĩa, yêu mến người xa. Nhà Hán lên đài Thuyền Vu ⁽¹⁾, vốn không phải tính đường báo phục. Nhà Đường lược định đất Cao Ly, nguyên không phải ở chỗ có hay không. [Mên đã] sợ uy mến đức mà lại châu đổi lỗi sửa mình mà hướng hoá, [ta bèn] kéo quân về để cho dân yên chân chiếu, không đánh mà khuất phục được người. Chuẩn cho sứ bộ tiến Kinh, xét lòng thành thực có thể cho tập phong, mới theo lễ chế cũ, sai tuyên phong Ong Giun làm Cao Miên quốc vương, truy niệm nghiệp nhà ; lại nguyên phong Ngọc Văn làm Cao Miên quận chúa. Nước người dựng lại, trả cả thổ địa, nhân dân. Phiên thuộc phong cho vào hàng Yên, Hoang, Hậu, Diện ⁽²⁾. Làm việc nghĩa, dựng lại một nước đã mất ; ra cái ơn, nối lại tôn ti không còn. [Cho Cao Miên] lâu giữ cõi xa, kính dâng lễ cống. Mới xuống chiếu kéo quân về tàu khúc nhạc khải hoàn, mở tiệc rượu mừng để ghi chép công trạng. Ban tước vinh phong, uỷ lạo quân tướng : sắc cho An tây Trung vũ tướng Vũ Văn Giải, An tây Trí dũng tướng Nguyễn Tri Phương, An tây Muu lược tướng Doãn Uẩn, An tây Tuấn kiện tướng Nguyễn Văn Hoàng, cho đến Tổng thống tiểu bộ quân vụ Lê Văn Phú và lãnh binh, tì tướng, sĩ tốt, tất cả đều hậu thưởng lạo. Đó là toàn nhờ trời đất cho phúc, nước nhà được ơn, bờ cõi thanh bình, nhân dân yên nghỉ. Nhờ Tổ khảo để cho uy liệt, muôn nước đức thánh vũ tuyên ra ; gọi nhân ân ngấm đến thịt xương, nghìn thuở công thánh thần còn mãi. Cho nên, yên dân, hoà chúng, giữ nghiệp lớn, định công to, vì thế mà được ; dưới thì tướng suý tài mưu, quân lữ dũng cảm, đánh đâu được đấy, rục rở oai linh, đến đâu cũng tấn công, yên biên cảnh, phục phương xa, vì

(1) *Thuyền vu* : chúa Hung nô thường vào quấy nhiễu nhà Hán.

(2) *Yên, Hoang, Hậu, Diện* : các cõi chư hầu ở nơi xa.

thế mà được. Ta có tài năng gì đâu, nhân những việc chưa xong, một ngày khêu ngại bụng nghĩ ; nhớ đến công chưa trọn, 3 năm may được cáo thành. Ta chỉ trông lên đức sáng, nêu tỏ công to, chăm lo hơn nữa, ngõ hầu mưu tính việc sau, chuộc lại lỗi trước, trưa sớm càng chăm, sợ không có đức để cảm cách được tiên nhân, chưa đủ thì giờ chăm lo cố gắng, đâu dám tự khoe khoang mà làm những điều rối rãi vui mừng. Về việc xin thiết triều khánh hạ, chuẩn cho đình miễn đi.

Các người là công hầu khanh tể, tư mục tuần lương, đều nên giải tỏ tài mưu, lo việc dân, giúp chính sự, đã yên lại cầu yên hơn, cố gắng lại cố gắng thêm, khiến cho bốn biển thăng bình, muôn phương vui vẻ, để đều lên cõi nhân thọ, cùng vui cảnh hoà bình, mong cho muôn dân được yên, không phải vui lấy một mình. Chuẩn cho đem lời dụ này bá cáo cho trong Kinh ngoài tỉnh đều nghe biết”.

Tiết Đoan dương. Vì có quốc tang, miễn lễ châu mừng. Cho các quan : quạt, khăn tay, chè, hoa quả, như lệ thường. Dụ rằng : “Rộng ban bố nhân phong, là việc cũ của Văn hoàng nhà Đường đó”.

Đầu sỏ giặc là bọn Nguyễn Hữu Chính hợp đảng ở địa phương Bắc Ninh, Thái Nguyên, xưng riêng nguy chức, rèn luyện khí giới, tống lương thực, bắt dân phu. Tỉnh Thái Nguyên đem quân đi dẹp, bắt được cờ và ấn của giặc. Việc đến tai vua. Vua nói : “Hạt ấy từ trước đến nay vẫn được yên ổn, nay mới có bọn rông càn, mưu làm việc phi pháp, không ngờ dưới bóng sáng mặt trời, bọn ma quỷ còn dám lẩn hình, rất lấy làm lạ !”. Bớ chính Phạm Bạch Như, Án sát Vũ Trọng Bình đón trước sự cơ mà thám bắt được, đều thưởng cho gia cấp kỷ lục ; người đi tố giác và những quân đi bắt, thưởng cho 100 quan tiền. Sai biện lý sự vụ bộ Hình là Vương Hữu Quang cùng đi với khoa đạo, bộ, ty, hội đồng tra hỏi để trị tội, đến khi Vương Hữu Quang được bổ đi nơi khác thì đổi phái Bớ chính Sơn Tây là Trần Quang Chung thay thế. Lúc án đã thành, tội phạm rất trọng yếu là bọn Nguyễn Hữu Chính 10 tên đều phải tội lăng trì ; bọn yếu phạm 7 tên đều phải tội trảm giam hậu. Quan tỉnh Bắc Ninh vì không đến bắt giặc ngay, đều bị giáng chức.

Bổ : Bớ chính tỉnh Gia Định là Lê Khắc Nhượng làm Hữu thị lang bộ Lại ; nguyên Hữu thị lang Đỗ Quang chuyển sang Tả thị lang, vẫn sung Toàn tu Sử quán. Nhượng sau khi đi làm tuyên phong sứ trở về, được viện Cơ mật vâng mệnh vua hỏi về tình hình Xiêm, Lạp ; Nhượng làm tờ tâu lên trình lẫm.

Kỳ đại kế⁽¹⁾ quan viên trong Kinh ngoài tỉnh. Dụ rằng : “Ba năm một kỳ đại kế, xét công trạng cho các quan là một chính sự lớn của nước nhà. Kỳ đại kế năm nay, bộ Lại, bộ Binh làm danh sách tiến lẫm ; ta đã duyệt lại kỹ càng : Trung quân Đờ thống

(1) Đại kế : Kỳ xét thành tích quan viên trong Kinh ngoài tỉnh để thăng thưởng sau một hạn làm việc được một năm hay vài năm.

phủ Đô thống Chương phủ sự Tạ Quang Cự, Đông các Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lại Vũ Xuân Cẩn, một người là huân cựu lao năng, một người là thuần thành luyện đạt, đều tuổi đã 70 - 80, lui tới chăm việc, đều thường mỗi người một quả bàn đào bằng vàng, để tỏ diêm có người hay ở triều thịnh trị. Văn minh điện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Binh Trương Đăng Quế, ra sức trừ tính cơ mưu ; hết lòng phụ chính, thường cho con linh thú sừng thẳng bằng vàng để nêu lên là người hiền lương ngay thẳng. Tiên quân Đô thống phủ Đô thống Vũ Văn Giải, cho làm Phủ biên tướng quân, điều độ quân cơ, có công khó nhọc ở ngoài bờ cõi, chuyên đi đánh dẹp yên được phương xa. Thự Hiệp biện đại học sĩ Nguyễn Tri Phương, trước giao cho chuyên một địa phương, yên định được 2 phủ Lạc Hoá và Ba Xuyên, lại cho làm Khâm sai đại thần, giữ yên ngoài biên, phục được người xa. Nguyên Tổng đốc Định - Biên Lê Văn Phú, triệu cho làm Tổng thống tiểu bộ quân vụ, tuy việc đến lúc gần xong, mà còn trừ tính mọi việc để cho bọn mọi rợ đến châu, quân dân được nghỉ ngơi. Thự Tổng đốc An - Hà Doãn Uẩn, trong việc đánh Trấn Tây, cho làm Tham tán đại thần, cắt ngay quân đi, làm vang dậy tiếng tâm quân sĩ, hết giặc thì về, chiêu hàng được nước ngoài. Thự đề đốc An - Hà Nguyễn Văn Hoàng, thân trải nơi hàng trận, buộc vết thương để giết giặc, cắt nhắc cho những người thuộc quyền, đi đầu quân sĩ, ra sức đánh khoẻ. Cả 5 người này vâng mệnh đi đánh giặc ở miền tây, thế mà tuyên y phủ ngự, đặt biên cảnh vào chỗ không lo, ghi công to vào lá cờ. Vậy thường thụ : Vũ Văn Giải làm Tiên quân Đô thống phủ Đô thống Chương phủ sự, sung Thống chương thị vệ đại thần ; Nguyễn Tri Phương làm Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Công, sung đại thần viện Cơ mật ; Lê Văn Phú làm Đô thống Thuỷ sư Kinh kỳ sung quản lĩnh Thị vệ đại thần ; Doãn Uẩn làm Tổng đốc An - Hà ; Nguyễn Văn Hoàng làm Đề đốc An Giang. Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ Hà Duy Phiên, Thượng thư bộ Công sung quản lĩnh đại thần thị vệ Lâm Duy Thiếp, thự Thượng thư bộ Lễ Phan Thanh Giản : thừa phụng những việc cơ yếu, bàn bạc trừ tính việc ngoài biên, hộ vệ nơi cấm đình, xong xuôi các việc công cán. Vậy thường Hà Duy Phiên, gia hàm Thái tử Thiếu bảo, vẫn sung đại thần viện Cơ mật ; Lâm Duy Thiếp, gia 1 cấp, đổi bổ Thượng thư bộ Lễ, vẫn sung quản lĩnh đại thần thị vệ ; Phan Thanh Giản, thăng thụ Thượng thư bộ Hình, vẫn sung đại thần viện Cơ mật. Hữu dực Thống chế dinh Vũ làm Nguyễn Lương Nhân, lập công ở nơi biên thuỳ, mình giữ thân binh, cho thăng thụ Đô thống dinh Tiên phong. Hiệp biện đại học sĩ, lĩnh Tổng đốc Định - Biên là Đặng Văn Thiêm, Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đăng Giai, nhận chức ở biên phiên ⁽¹⁾, chính thanh rõ rệt đã lâu ; Tả quân Đô thống phủ Đô thống Nguyễn Tiến Lâm, Tổng đốc Định - Biên là Ngô Văn Giai, làm Tả tham tri bộ Lại, quyền hộ ấn quan phòng Tổng đốc An - Tĩnh là

(1) *Biên phiên* : địa phương ở biên cương, làm binh phong che đỡ cho nội địa.

Nguyễn Đức Hoạt, Tuần phủ Hải Dương hộ lý án quan phòng Tổng đốc Hải Dương là Nguyễn Văn Nhị, Hữu tham tri bộ Binh Hoàng Tế Mỹ, Tả tham tri bộ Công Nguyễn Văn Điển, Hữu thị lang bộ Công sung biện sự vụ Nội các Tôn Thất Cáp : đều cảm kích cố gắng làm những việc nên làm, chăm chỉ chức phận ; vậy đều giao bộ bàn để xét công. Tả thị lang bộ Lễ sung biện sự vụ Nội các Nguyễn Bá Nghi, trước làm Bố chính tỉnh An Giang, ngày dự bàn việc quân, vận tải quân lương, tiếp tế được đủ, đến khi vào Nội các, vâng lời sắc dụ, được tường tất cẩn thận : thường cho lương theo tòng nhị phẩm. Thụ Bố chính Thái Nguyên Phạm Bạch Như, phát giác kẻ gian, trích ra những kẻ còn ẩn nấp đáo án để nghiêm trị, chuẩn cho được thực thụ. Còn thụ Thống chế dinh Long võ Nguyễn Doãn, người lỗ độn, không có tài năng, làm việc ươn hèn, giáng xuống làm Vệ úy, giao bộ án bổ. Tuần phủ Quảng Yên Trần Văn Tuấn, già yếu suy đồi, làm việc hay lậm, dưới chỗ tên đeo giáng 7 cấp, chuẩn cho chiếu những cấp phải giáng, bắt phải về hưu trí. Án sát Định Tường Tôn Thất Bồi, bệnh cũ chưa chữa được, không thể kham được chức đề hình, triệt ngay về bộ, sẽ xét bổ cho chức tá nhị ở các nha môn. Còn các quan trong quan ngoài tùy việc mà thưởng phạt, việc gì phải đợi đến 3 năm, đều chiếu theo như cũ để cung chức”.

Dụ đã ban ra, lại sai Nội các đem bài thơ ngự chế “*Chí sự*” để tuyên đọc, bảo các quan rằng : “Kỳ đại kế năm nay, từ các đại thần trong Kinh cho đến các quan giữ chức các địa phương, được dự thưởng 23 người. Còn ở Tôn Thất Bật, Tôn Thất Cung, Trần Văn Trung, Ngụy Khắc Tuấn, Nguyễn Đức Chính 5 người, hoặc lập công ở chốn cương trường, hoặc thanh cần chính tích, xét những công việc làm, tiếng hay cũng nên ghi chép, để hợp vào sổ “4 lần 7”⁽¹⁾. Đối với các quan mới được thăng bổ thăng thụ, đây ta giữ một lòng chí công, không phải vì ơn riêng mà thưởng cho luôn. Đáng tiếc rằng có kẻ trà trộn vào đám thối kèn ở cửa vua Tê⁽²⁾, còn có Nguyễn Doãn, Trần Văn Tuấn, Tôn Thất Bồi 3 người bê tôi kia. Cho nên đời cổ có câu nói : “Một việc biết người, Nghiêu, Thuấn còn lấy làm khó”, chính là thế. (Trong bài thơ [ngự chế] có câu rằng : “*Thử thứ trấp tam giai mậu thưởng, Bản ung tứ thất tịnh phương danh*”, nghĩa là *Chuyến này hăm ba ân thưởng khắp : Đáng nên bốn bảy tiếng thom đều*).

Lại vì các quan chưởng vệ, lãnh binh ở trong Kinh ngoài tỉnh, hoặc tại chức 3 năm, hoặc 1 - 2 năm không giống nhau, sai bộ Binh đem các tập trần bày, chia ra từng hạng, chăm chức định sự thưởng phạt, hạng ưu thường gia một cấp, hạng

(1) $4 \times 7 : 4 \text{ lần } 7 \text{ là } 28$. Vua chúa đời cổ lấy các quan văn thân hoặc công thân 28 người liệt vào Tao đàn hoặc vẽ hình vào các, gọi là 4 lần 7 là 28 vì sao.

(2) *Thối kèn* : ngày trước vua Tê cho thi thối kèn, có một người không biết thối cũng trà trộn vào trong đám ấy, sau bắt ai nấy phải thối riêng, thì người không biết thối trốn mất.

bình kỹ lục 2 thứ, hạng thứ chiếu chỗ cũ cung chức. Duy có Chương vệ cai quản đội Kinh tượng Lê Tất Ứng, thự Chương vệ sung quản biện thị vệ Lê Chỉ Tín, thự chánh Phó lãnh binh là bọn Phạm Phi, Đỗ Tiệm, Nguyễn Văn Do đều ở hạng liệt, phải giáng 1 cấp, lưu lại 3 năm, đình việc thăng chức.

Xa giá chơi cửa bể Thuận An, lên lầu Lương Kiêm, để xem những thuyền bọc đồng có máy đốt lửa xếp thành từng đội chạy thi ; đến ngày hôm sau, xa giá trở về.

Mới định lễ chế cho công chúa để tang bố mẹ chồng. Dụ bộ Lễ rằng : “Phò mã Đô úy Nguyễn Ninh lấy Duyên Phúc công chúa Tĩnh Hảo, nay Ninh gập tang mẹ, công chúa phải vì mẹ Ninh để tang, tuy thân không địch được quý, nhưng lễ bởi ở tình, ta làm chủ thiên hạ, dạy người đem điều hiếu làm điều trung, để cho hậu phong hoá, nên tra kỹ điển lễ, tâu lên”. Bộ Lễ tâu lên nói : “Ở trong lễ, công chúa đi lấy chồng, vì bố mẹ chồng, để tang theo 1 năm, để tang theo là chồng để tang cha mẹ 3 năm, mà theo chồng để tang thì là 1 năm. Mẹ sinh ra Nguyễn Ninh là vợ thứ Hoàng Ninh hầu Nguyễn Văn Trọng, phận kém vợ cả. Duyên Phúc công chúa là con gái trưởng nhà vua, có phân biệt với con gái thứ nhà vua ; xin nên vì mẹ sinh ra Phò mã Nguyễn Ninh mà để tang tư thôi 5 tháng (khi châu chực trong nội đình, dùng cát phục ; lễ tiết, khánh hạ đều được dự ban. Duy lúc ở nhà riêng thì dùng thường phục, không mặc áo đỏ, áo tía, hết 5 tháng lại chiếu như thường).

Làng Bình Ngô tỉnh Bắc Ninh bị cháy, lan 113 nhà. Sai quan tỉnh chi tiền công cấp cho (làng Bình Ngô thuộc huyện Gia Bình).

Khai mỏ sắt Bá Sơn thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Chuẩn định tích phong ấp ăn lộc cho các công thần. Từ trước đến nay, các công thần được tích phong, hoặc lấy tên phủ huyện, hoặc lấy tên tổng, xã, thôn, chùa từng chép ra quy tắc nhất định. Đến đây vua dụ rằng : “Triều đình đặt ra 5 tước, đã có công, hầu, bá, tử, nam khác nhau, thì ở trong đó lấy tên đất làm đầu, cũng nên có tên phủ, huyện, tổng, xã, thôn để phân biệt. Chuẩn định : Từ nay về sau, tích phong cho các công thần, tước quốc công, quận công thì lấy tên phủ, tước hầu lấy tên huyện, tước bá lấy tên tổng, tước tử lấy tên xã, tước nam lấy tên thôn, để cho có thứ bậc khác nhau. Nếu có tiến phong lên, cũng vẫn dùng tên đất lúc mới phong, không được viện cớ xin đổi phong lại”

Đặt thêm chức lãnh binh Thủy sư tỉnh Gia Định. Tỉnh Gia Định trước đặt chức lãnh binh và phó lãnh binh đều 1 viên ; đến đây, vì số quân Thủy sư hơi nhiều, cho nên đặt thêm chức lãnh binh để chia nhau cai quản (lãnh binh cai quản 5 cơ Gia trung, Gia tiên, Gia tả, Gia hữu, Gia hậu trong quân chính tiêu cả toàn hạt ; lãnh binh quan Thủy sư cai quản 2 vệ Thủy tả, Thủy hữu trong Thủy sư tiêu binh toàn hạt và 2 cơ Định trung, Định tiền ; phó lãnh binh quan cai quản 3 cơ Định tả, Định

hữu, Định hậu trong phó tiêu binh toàn hạt và đội Gia tượng). Lấy Lãnh binh Gia Định là Trương Cẩm bổ đi Lãnh binh quan Thủy sư tỉnh Gia Định ; Phó lãnh binh tỉnh Định Tường là Lê Viên thăng thụ Lãnh binh quan tỉnh Gia Định.

Chế thêm các ấn : “Khâm phái tra nghị án kiện quan phòng”, “Kinh phái quan phòng”, và “Khâm phái hội đồng tra nghị quan phòng”, đều bằng ngà (kiểu mẫu đề theo như Khâm phái quan phòng : dài 1 tấc 5 phân, ngang 1 tấc 5 li). Phạm nhân viên được đi sai phái, gặp có việc phải tâu, phải tư, đều chuẩn cho được dùng.

Cho : Thống chế dinh Thần cơ Kiêu dũng tướng Dương Thai bổ đi Thống chế Hữu dục dinh Vũ lâm ; thụ Chương vệ Tôn Thất Đắc thực thụ Chương vệ, quyền lĩnh ấn vụ dinh Thần cơ, kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tả tôn khanh ; nguyên quân thứ Lãnh binh Trương Tiến thăng thụ Chương vệ quyền Chương ấn vụ dinh Long võ ; nguyên Lãnh binh Vĩnh Long Hồ Hậu, thăng thụ Chương vệ, quyền Chương ấn vụ dinh Kỳ võ, đều được dự đình nghị ; lấy Tiền quân Đô thống phủ Đô thống chương phủ sự sung Thống chương thị vệ đại thần Vũ Văn Giải cai quản các bọn thái giám ở viện, cung, giám. Cho : Phó lãnh binh tỉnh Quảng Ngãi Hoàng Lý thăng thụ Lãnh binh tỉnh Quảng Trị ; Phó vệ úy vệ Cẩm y Tống Phúc Minh bổ đi Phó lãnh binh tỉnh Quảng Ngãi ; Phó vệ úy vệ Tiên nhị dinh Vũ lâm Ngô Nghê bổ sang Phó vệ úy vệ Cẩm y, chuyên quản các đội Trường trực, thụ Vệ úy vệ Thủy tả tỉnh Định Tường Hoàng Chiến bổ thụ Phó vệ úy vệ Tiên nhị dinh Vũ lâm ; Thành thủ úy sung Hiệp quản vệ Nhất, Hậu bảo Nguyễn Thành thăng thụ Phó vệ úy vệ Tiên doan Thần cơ. Giáng bổ nguyên thụ Thống chế dinh Long võ Nguyễn Doãn làm Vệ úy vệ Nhất, Hậu bảo.

Tiết Vạn thọ. Quả ấn bằng ngọc khắc xong. Năm Thiệu Trị thứ 6 [1846], gặp tiết Vạn thọ đại khánh, có người trình dâng một viên ngọc quý rất to, sai thợ ngọc giữa khắc thành quả ấn. Năm nay, ngày lễ tế Giao, vua đem việc ấy mật cáo, lấy ngay ngày ấy bắt đầu làm, khắc mấy chữ “Đại Nam thụ thiên vĩnh mệnh truyền quốc tỳ”⁽¹⁾. Qua tháng sau thì quả ấn khắc xong, Nội các tâu lên nói : “Viên ngọc tốt hiện ra, ứng vào năm tốt, quả ấn thần khắc xong, lại gặp khánh điển, làm tập tấu bung lên tiến trình”. Vua khen và hài lòng, bảo Nội các rằng : “Quả ấn này, năm về rục rở, chín triệu thành văn, nay khắc xong, gặp ngày vạn thọ khánh tiết của ta, mà việc đi đánh miền Tây đã tâu thắng trận, kéo quân về, lại chính gặp thời, đã hợp với lời chúc 3 lần tung hô⁽²⁾, lại bày đủ cả 7 đức⁽³⁾ của Nhạc Vũ. Nhờ trời, nhờ Tổ khảo,

(1) Quả ấn truyền quốc của nước Đại Nam chịu mệnh trời ban cho lâu dài.

(2) Tung hô : khi có việc chúc mừng nhà vua, thì quan dân đều chúc muôn tuổi 3 lần, tiếng hoan hô vang vào đến núi.

(3) Bảy đức : nhạc Vũ có 7 đức tốt là cấm bạo, trấp binh, bảo đại, định công, an dân, hoà chúng, phong tài, chép trong *Tả truyện* đời Lê Tuyên công năm thứ 12.

giúp cho nước nhà ta, cái phúc thiêng liêng lâu dài báo điểm ở đây. Và lại, báu lớn của nước rất là tôn trọng, lúc bắt đầu khởi công làm, ta đã mật cáo với trời ; đến khi làm xong, lại phải kính cáo nhà Tôn miếu, là lễ đó. Vậy sai quan thái sử chọn ngày tốt, bộ Lễ tra xét điển lệ để tâu lên”. Ngày hôm ấy, miễn lễ châu mừng, vì có quốc tang. Trước khi ấy, bộ Lễ tấu nghị : trước một ngày, xa giá đến điện Hiếu Tư, kính cáo ; các quan mặc thường phục, đứng chực. Chính ngày hôm ấy, việc ban yến xin đình. Vua nói rằng : “Sự thể năm nay tuy cùng với năm thường có hơi khác, duy có tiết lệnh đản ngày sinh, lễ trọng kính cáo, ta nhớ đến đức lớn, cảm cách kính cẩn, nên theo lễ thường hằng năm ; hướng chi thường phục với đại triều cũng đều là cát phục, chỗ kia chỗ ấy có gì khác đâu. Đến ngày (tức là trước một ngày), ta thân ngự đến làm lễ, các quan đều mũ áo đại triều, chực sẵn, như là lễ các năm thường. Còn việc ban yến ở đại đình, tuy không mở tiệc, nhưng chuẩn cho đều ban tiền bạc thay cho ban yến để tỏ phúc lành. Quan viên trong Kinh ngoài tỉnh, ai bị giáng 5 cấp cho đến cách lưu, đổi làm giáng 4 cấp ; ai bị giáng 2, 3, 4 cấp thì cho khai phục một cấp ; ai bị giáng 1 cấp và phạt bổng thì khoan miễn cho. Quân ở các trực tỉnh và các nhà trạm cũng đều cấp thêm cho lương tháng, lại thưởng thêm cho lương và tiền, để cùng vui khắp cả”.

Lại dụ các đại thần rằng : “Khoảng năm Minh Mệnh, gặp ngày sinh nhật của ta, đội ơn Hoàng khảo, chuẩn cho ở trong nội đình, bày tiệc ngự yến, mặc áo đẹp múa để mua vui, cất chén rượu chúc mừng, thường lấy làm lệ. Đến khi ta được đội ơn phong cho nhiếp chính ở Tôn nhân phủ, thì chỉnh tề mũ áo, đến cửa Kim Môn lạy tâu, được [Hoàng khảo] thương yêu về vàng, ban cho các vật hạng, dạy bảo ân cần. Trong khoảng vua tôi, cha con, tình lễ chu đáo, thương yêu khác hẳn. Bóng mặt trời qua trước mắt, đã chia ra đời xưa đời nay, nói đến phải rơi nước mắt, kể sao cho xiết được ! Duy có điều là gặp năm tốt này, lại gặp khánh tiết, nếu ban ơn rộng khắp, cũng là để nêu tỏ ơn trên, không phải lấy cái ngày cha, mẹ khó nhọc mà bày ra sự yến lạc”.

Hồ đàng sau, sen 3 hoa nở đầy cả. Vua bảo thị thần rằng : “Khoảng năm Minh Mệnh, ở chỗ hồ sau lầu Vô Hận Ý có 3 hoa sen cùng một giò, ta theo hầu giá, đi chơi. Các người ở bên cạnh đều cho rằng khí hoà sinh ra diêm hay là diêm trùng hoa. Hoàng khảo ta diện dụ rằng : “Năm được mùa muôn dân được say no ân trạch, thế mới là cái diêm hay của ta. Cỏ linh chi và cỏ đỏ có ích gì đến việc mà cho là diêm lành ! Đó là lời nịnh hót không đáng kể !”. Trông lên đức khiêm quang của Hoàng khảo, 72 vị vua hiền ở các đời cũng chưa thấy nói diêm ấy là diêm hay. Nhưng cái diêm hoa sen như thế cũng ít khi thấy, cũng sai đem phơi khô cái chùm sen đi, để xem rộng về địa lý. Hiện nay còn để ở điện Cao Minh trung chính. Ta thường xem đến, càng nghĩ đến sự nối dõi tiền nhân, há có phải lấy ba cái hoa,

ngành cái lá, hình thái xinh đẹp làm điếm lành mà không khuyên răn cho kẻ hiếu sự đâu ?”.

Cho : Tả thị lang bộ Lại Đỗ Quang thăng thự Hữu tham tri bộ Lễ, vẫn sung Toàn tu Sử quán ; Hữu thị lang bộ Lễ Tôn Thất Tĩnh bổ Tả thị lang bộ Lại, kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Hữu tôn khanh ; Hồng lô Tự khanh biện lý sự vụ bộ Công Tôn Thất Hợp thăng thự Tả thị lang bộ Công.

Cho : thự Phủ doãn Thừa Thiên Nguyễn Văn Chấn bổ thự Bố chính tỉnh Quảng Yên, hội đồng với Án sát Hồ Trọng Tuấn hộ lý án quan phòng Tuấn phủ Quảng Yên ; Phủ thừa phủ Thừa Thiên là Nguyễn Công Trứ thăng thự Phủ doãn Thừa Thiên ; thự Lang trung Trương trường Lê Bá Đĩnh thăng thự Phủ thừa Thừa Thiên ; Bố chính tỉnh Bắc Ninh quyền Chương án triệu Bố chính tỉnh Hưng Yên Đỗ Khắc Thư bổ Bố chính tỉnh Hưng Yên ; Án sát tỉnh Hà Nội là Tôn Thất Cận thăng thự Bố chính tỉnh Bắc Ninh ; thự Án sát tỉnh Sơn Tây là Nguyễn Xuân Bằng bổ thự Án sát tỉnh Hà Nội ; Án sát tỉnh Hưng Yên là Nguyễn Hữu Tố bổ Án sát Sơn Tây ; thự Lang trung bộ Binh là Vũ Duy Ninh bổ Án sát tỉnh Hưng Yên, hội đồng với Đỗ Khắc Thư hộ lý án quan phòng tuần phủ ; Án sát tỉnh Gia Định là Lê Văn Thành bổ Án sát tỉnh Định Tường, hội đồng với Bố chính Trần Văn Thông hộ lý án quan phòng Tuần phủ ; Lễ khoa Cấp sự trung Lê Quang Nguyên thăng thự Án sát tỉnh Gia Định.

Cho Vũ Đình Ý làm Lang trung bộ Công, Đỗ Danh Thiếp làm Lễ khoa Chương án Cấp sự trung ; Lê Đức làm Công khoa Chương án Cấp sự trung ; thự Lang trung bộ Hộ Phan Bá Ngạn bổ thự Lang trung Thương trường ; Viên ngoại lang Đỗ Tuấn Đại thăng thự Lang trung bộ Lễ ; Thị độc Hàn lâm viện Mai Anh Tuấn thăng thự Thị giảng học sĩ, vẫn sung Hành tẩu sở bí thư toà Nội các.

Cho : Đô chỉ huy sứ vệ Cẩm y là Nguyễn Tuấn thăng thự Chương vệ, vẫn chuyên quản Túc trực các đội ; Chỉ huy sứ vệ Cẩm y là Trần Kim thăng thự Đô chỉ huy sứ, vẫn chuyên quản Trường trực các đội, kiêm quản ty Trấn phủ ; Kim ngô trượng ty Hữu chấp kim ngô vệ Kim ngô là Trương Phúc Trường thăng thự Chương vệ, vẫn lĩnh Kim ngô trượng ty Hữu chấp kim ngô ; Phó vệ úy vệ Trung dinh Thân cơ là Nguyễn Quý, Phó vệ úy vệ Hậu dinh Hùng nhuệ là Đoàn Thọ, Phó vệ úy vệ Tả bảo là Hoàng Bá Bằng đều thăng thự Vệ úy.

Cho : Đô Phó làm Vệ úy vệ Hữu nhất dinh Vũ lâm, vẫn kiêm lĩnh viện khanh viện Vũ bị, Nguyễn Văn Tĩnh làm Vệ úy vệ Trung dinh Hồ oai ; Hồ Bích làm Vệ úy vệ Trung dinh Hùng nhuệ ; Nguyễn Nhâm làm Phó vệ úy vệ Tả dinh Long võ.

Lấy : Phó lãnh binh tỉnh Biên Hoà là Lê Công Đức thăng thự Lãnh binh tỉnh Bình Thuận ; Phó vệ úy vệ Tả dinh Hùng nhuệ là Trần Ô bổ làm Phó lãnh binh tỉnh

Biên Hoà, ngay sau đó Ô chết. Lấy Phó vệ úy vệ Hữu dinh Hùng nhuệ là Nguyễn Viết Ngôn thay vào.

Ngày Giáp Ngọ. Vua chơi cửa biển Thuận An, lên lầu Lương Kiêm, xem duyệt thuỷ trận, xa giá về ngay hôm ấy. Đến ngày hôm sau, ra 8 bài thơ 8 cảnh ở cửa biển Thuận An, để bảo cho các bề tôi :

1. Viên thành trấn hải (Bức thành tròn trấn ngoài biển).
2. Kiêu các quan lan (Trên gác cao xem sóng nước).
3. Cao lầu lưỡng đắc (Lầu cao thưởng ngoạn cả nước và trăng)
4. Hành điện song thanh (Hai bên hành điện trong mát)
5. Cáp châu biểu tấn (Bãi nước có giống sò tỏ ra là cửa biển).
6. Giải chử nhàn dân (Dân nhàn rãi ra bến nước bắt cua)
7. Sa cương bảo chương (Côn cát như cái đôn chắn ngang)
8. Da thụ thanh âm. (Những cây dừa xanh um).

Ngày Bính Thân. Sai quan Kinh doãn làm lễ cày ruộng tịch điền.

Sai thự Lang trung bộ Hộ Nguyễn Hữu Hàm, Hộ khoa Cấp sự trung Tôn Thất Quán thanh tra các thứ của kho ở cửa Tiên Thọ môn.

Có người dâng con ngựa hạng lớn ngày chạy nghìn dặm của Tây dương, cho đặt tên là “Đại uyển Long môi” (hai chữ “Long môi” thấy ở bài “*Thiên mã ca*” trong sách *Hán chí*).

Các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Hà Nội, Nam Định, đều tâu lên nói : “Thuế chính cung vụ hạ năm nay và thuế thóc năm trước còn thiếu, đều xin cho chiết nộp bằng tiền để tiện cho dân”. Vua y cho.

Lại dụ bộ Hộ rằng : “Vụ hạ năm nay các tỉnh ở Bắc Kỳ có nơi 10 phần được mùa, có nơi 8 - 9 phần, hơn kém tuy có khác nhau, nhưng đều có thể gọi là năm được mùa. Gần đây, cứ 4 tỉnh Nam Định, Bắc Ninh, Hà Nội và Sơn Tây tâu xin cho dân chiết nộp bằng tiền, đều đã cho như lời xin, khiến dân đều được lạc lợi, chứ không kể đến phân số thu gặt được nhiều hay ít. Nhân nghĩ : tiền dân không biết gì, đều cùng trông ngóng về tương lai, hoặc có kẻ giấu giếm phân số đi, để mong ăn cách không thể không huấn sức trước. Vậy truyền dụ cho thượng ty các tỉnh đều chuyển sức cho dân trong hạt : từ nay hễ đến mùa gặt thóc lúa về, phải căn cứ vào phân số hiện thu gặt được, cứ thực khai báo, phủ huyện sở tại theo lệ đi khám, các quan tỉnh lại xét nghiệm cho được minh xác, làm tập tấu đệ lên, để cho bề trên biết được tình trạng nhà nông, đền đáp lòng tốt yêu dân trọng nông của ta”.

Thự Thái bộc Tự khanh lĩnh Viện sứ viện Thái y Trần Viết Cật chết. Truy tặng thực hàm, cho thêm 200 quan tiền.

Lại cho Đặng Đức Thiệm thự Tổng đốc An - Tĩnh. Thiệm trước đình gian⁽¹⁾, về quê. Sai Tả tham tri bộ Lại Nguyễn Đức Hoạt thay. Đến đây Thiệm hết hạn nghỉ phép, phải đến chỗ chức cũ ; Hoạt lại về bộ cung chức.

Triệu Bớ chính Quảng Bình là Phan Trứ về Kinh để đợi lựa bổ. Lấy thự Bớ chính Định Tường Trần Văn Thông bổ làm Bớ chính tỉnh Bình Định ; Bớ chính tỉnh An Giang Hoàng Thu thăng thự Tuần phủ tỉnh Định Tường, kiêm lĩnh ấn triện Bớ chính ; Án sát tỉnh An Giang Trần Văn Triện thăng thự Bớ chính tỉnh ấy ; thự Lang trung bộ Lễ Tôn Thất Nghị bổ thự Án sát tỉnh An Giang.

Lấy : thự Đô thống dinh Tiền Phong, tước Bình Thắng nam Nguyễn Lương Nhân bổ thự Hữu quân Đô thống phủ Đô thống ; An tây Tuần kiện tướng Nguyễn Văn Hoàng (đổi là Nguyễn Hoàng) bổ thự Thống chế dinh Tiền phong ; Lãnh binh tỉnh An Giang là Lê Đình Lý thăng thự Chương vệ, hộ lý ấn quan phòng Đề đốc tỉnh ấy ; Lãnh binh tỉnh Gia Định là Lê Viên bổ thự Lãnh binh tỉnh An Giang ; Phó lãnh binh phủ Tây Ninh Hùng dũng tướng Nguyễn Công Nhân thăng thự Lãnh binh Gia Định ; thự Vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh Gia Định Trần Hoàng bổ thự Phó lãnh binh phủ Tây Ninh ; Phó vệ úy vệ Trung nhất dinh Vũ lâm Phan Thai bổ Phó lãnh binh tỉnh Định Tường; thự Vệ úy vệ Hữu thủy tỉnh Định Tường, Phi kỵ úy Nguyễn Đức bổ thự Phó vệ úy vệ Trung nhất dinh Vũ lâm ; thự Chương vệ vệ Cẩm y Nguyễn Tuấn quyền Chương ấn vụ dinh Hùng nhuệ ; thự Chương vệ lĩnh Hữu chấp kim ngô vệ Kim ngô Trương Phúc Trường bổ thự Chương vệ sự vệ Cẩm y, chuyên quản Túc trực các đội ; thự Vệ úy vệ Hậu dinh Hùng nhuệ Đoàn Văn Thọ (đổi là Đoàn Thọ) bổ thự Hữu chấp kim ngô vệ Kim ngô ; thự Vệ úy vệ Thủy hữu Vĩnh Long Trần Khả bổ thự Phó vệ úy vệ Hậu dinh Hùng nhuệ.

Sai bọn Viên ngoại lang Đỗ Văn Hải và Nhị đẳng thị vệ Hồ Đắc Tuyên chiếu lĩnh của công, đáp thuyền buôn Trung Quốc đi sang Trung Quốc để tìm mua các hàng hoá.

Tỉnh Quảng Yên có vài mươi tên giặc Thanh cướp bóc phố An Lương (thuộc châu Vạn Ninh). Tri châu Vạn Ninh là Bùi Huy Phan đánh lui được. Giặc Thanh lại tụ họp ở ải Long Lâm (thuộc địa giới Khâm Châu) vài trăm tên toan cướp phố Cha Mang (thuộc châu Vạn Ninh). Việc đến tai vua. Vua hạ lệnh cho các địa phương theo địa hạt mà phòng triệt ; lại tư cho Khâm Châu hiệp lực bắt giặc để cho yên nơi ngoài biên.

(1) Đình gian : như “đình ưu”, nghĩa là gặp tang cha mẹ.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LXIX

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Đinh Mùi, Thiệu Trị năm thứ 7 [1847], mùa hạ, tháng 6, mồng 1 ngày Mậu Thân. Vua đến Thế miếu làm lễ cáo về việc ấn ngọc đã chế xong. Lại sai hoàng tử, hàng thân chia nhau đến các miếu, kính cáo về việc ấy. Lễ xong, thưởng cho các quan khánh vàng và kim tiền, ngân tiền có khác nhau. Nhân đó các quan xin thiết lễ đại triều, dâng biểu chúc mừng. Vua thân làm bài văn dụ rằng : “Đời Hoàng đế có rồng vàng đội đô, trong có dấu như cái ấn, có chữ “Thiên vương phù tử”. Tỷ là ấn của thiên vương đó. Cho nên chế độ đời cổ, ấn lớn của đế vương có 6 thứ, ấn thường có 8 thứ, Lễ nhà Hán, thiên tử có ấn lớn truyền quốc và 8 thứ ấn thường, đều làm bằng ngọc. Ấn thân để trấn trụ quốc, để đó mà không dùng đến. Nhà Đường khắc ngọc tỷ rằng : “Hoàng thiên cảnh mệnh, hữu đức giả xương” ⁽¹⁾ ; lại có ấn thường viết rằng : “Thừa thiên đại bảo” ⁽²⁾. Nhà Tống chế quả ấn có chữ “Hoàng đế cung ung thiên mệnh” ⁽³⁾ ; lại có bảo triện có chữ “Phạm vi thiên địa, u tán quý thân, bảo hợp thái hoà, vạn thọ vô cương” ⁽⁴⁾. Nhà Minh làm 24 thứ, nhà Thanh làm 25 thứ, bảo tỷ truyền nối nhau, đời nào có chế độ đời ấy, nhưng đều là bảo, tỉ cùng dùng, truyền mãi đến lâu đời. Lớn thay nước nhà ta ! Trên trời giáng phúc, phát ra điềm

(1) Trời cho mệnh lớn, người có đức thì được hưng thịnh.

(2) Ngôi báu vàng chịu từ trời.

(3) Vua chịu mệnh trời.

(4) Phạm vi bao gồm cả trời đất, giúp ngầm quý thân, giữ lấy thái hoà, sống lâu muôn tuổi không ngần.

lành, lần lượt hưởng phúc. Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta : vâng chịu mệnh trời, để vỗ yên trong nước, đức sánh với trời đất, có công gây dựng nên nước nhà. Các thánh nối nhau, như trời vận hành đi mạnh. Hiến tông Hiếu Minh hoàng đế ta : chế ra ấn vàng có chữ “Quốc triều vĩnh trấn”, ban cho thiên hạ, làm tin cho quan dân, rộng ban nhân huệ, dựng nên đạo đức, mở nên luật lệ để lại nghiệp trù trì hi. Hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế ta : từ trời ban mệnh, có cả bốn biển, mở nghiệp trung hưng, trải nhiều công to, lên được ngôi báu, mệnh trời hướng về, chín châu theo phục, ngôi báu quy về, muôn phương bình định. Nam, bắc cùng một văn tự và lối bánh xe ; đông, tây đều thuộc vào hàng hầu ụ. Cứu vớt dân sinh, có nhiều ích lợi ; dựng nên đất nước, có lắm công to. Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta : hưởng được lòng trời, chịu mệnh sáng của trời, sửa sang lễ nhạc, làm cả việc trời, việc người ; chế trị giữ nước, đặt quan coi chính sự ; thường lấy một đức, thi thố mọi việc làm. Vũ uy lừng lẫy, định phương lược 2 kỳ, điển chương văn vật, làm nên trị pháp cho muôn đời. Chín vạc khắc công, muôn nước thành tích. Giữ gìn ấn vàng, đặt lâu cơ nghiệp. Phúc trời đội lâu, truyền lại quốc bảo. Chính hợp như lời cổ ngữ đã nói : thánh nhân ra đời, muôn vật trông vào, thần linh thêm phúc, trăm thứ báu đều dùng, thế là công hiệu. Vận nước Đại Nam ta, thịnh lớn hoà vui, ức muôn năm rộng lớn. Ta vâng thuận mệnh trời, vỗ yên bốn phương, mô liệt vàng noi Tổ khảo để lại ; nối nghiệp không dám để thiếu chức phận, giữ mãi lòng hiếu. May sao ! Mọi công việc đều sáng tỏ, toàn nhờ hiến pháp để lại cho tuân theo. Năm Thiệu Trị thứ 6 [1846], Bình Ngô, ta được tứ tuần, bớt sự xa xỉ, giữ đức tiết kiệm, đọc đi đọc lại những điển thường ; thiên hạ thần dân, các nước phiên thuộc ở ngoài đều thấy nghe mà cũng biết cả. Nhưng vẫn giữ tính thường, tôn thân một dạ, trèo non vượt biển đến châu, lễ vật giữ chức cống. Nay có viên ngọc tốt rất to mà đẹp, chắc là sản vật ở núi ngọc thuộc huyện Hoà Điền, mới sai quan hữu tư giữa làm thành quả ấn, năm nay thợ làm xong, đo được vương 3 tấc 1 phân. Thế là để chiều bằng, còn bề cao từ táng thứ hai liền lên đến cái núm có con rồng uốn khúc, thông được 3 tấc, 2 phân, kể cả bề vương và bề cao là kiểu mẫu nhất định. Thế là cái tượng thiên thành địa bình. Xem kỹ quả ấn, cứng rắn, đẹp đẽ, ôn nhuận sáng sủa. Thực là thứ ngọc tốt, là vật ít khi thấy, mà là của quý trong nước, nhân nghĩ khắc vàng làm bảo, khắc ngọc làm tỷ, ban mệnh cho chư hầu, ban bố cho thiên hạ, đều dùng truyền mãi lâu dài, làm điều hay trên đời. Bèn chọn ngày tốt, lấy mùa xuân tháng 3 ngày 15, ta thân làm lễ đại tự, thỉnh mệnh trời đất, giúp nên nước đến chỗ vô cùng, kính yết Tổ khảo, giúp vận nước đến chỗ lâu dài, xin khắc chữ vào quả ấn lớn rằng : “Đại Nam thụ thiên vĩnh mệnh truyền quốc tỷ”⁽¹⁾ để tỏ sự giúp đỡ rạng vẻ ở đời trước, để bảo cho công

(1) Quả ấn truyền quốc của nước Đại Nam chịu mệnh trời lâu dài.

nghiệp để lại lâu dài về sau. Nay gặp tiết Vạn thọ, ấn ngọc chế xong, quẻ Kiền hợp điềm lành, cửa Kim Môn hiệp khánh ; quẻ Chấn hợp nhiều phúc, chính báo đến việc bình định phương Tây, nước Xiêm, nước Lạp sợ uy mến đức, điềm ứng năm được mùa, nhân dân làm ruộng, nhờ ân trạch được no nê. Khánh tiết đến mà lễ Vạn thọ làm xong ; võ công định mà văn đức được thành tựu, càng thấy rõ hoàng thiên giúp mệnh, liệt thánh để phúc cho. Kính cẩn lấy ngày mồng 1 tháng này, sai chính bị lễ văn, ta thân bung ngọc tử, kính cáo miếu liệt thánh, để cẩn thận ở cung Càn Thành, cùng coi trọng như truyền quốc bảo, để mong ngự trị lâu dài mãi mãi. Con cháu trăm đời ta, nên nghĩ sáng nghiệp rất khó, càng sợ thủ thành không phải là dễ. Lo toan tác thuận, cố gắng kế thừa. Cẩn thận lúc trước để trọn vẹn lúc sau, gìn giữ lúc đây cho được yên định. Như vậy mới có thể giữ mãi cơ nghiệp lớn mà truyền lâu về muôn đời. Than ôi ! Tốt lắm thay ! Nay lễ lớn khánh thành, tình dân hoan hợp, hoàng tử, thân phiên, các công hầu và trăm quan đồng thanh cùng tâu, liên danh hợp hàm ⁽¹⁾, khẩn xin thiết triều, dâng biểu chúc mừng, để tỏ đức tốt ở triều thịnh trị và nêu lễ thịnh ở đời nay. Ta rất muốn nêu tỏ phúc nước, cùng yên ủi nhân tình, lễ phải nên làm, việc đều thoả thiện, nhưng ta chính ở lúc chăm lo, những mong đời bình nước trị, nghĩ đến trong khi răn sợ, cầu cho nước thịnh, dân yên. Lần này các quan viên xin thiết triều dâng biểu chúc mừng, ta đã xét tấm lòng thành thực rồi. Các khoản đặt lễ đại triều, ngự điện Thái Hoà để các quan dâng biểu chúc mừng, đều miễn cho cả để bớt phiền văn. Chuẩn cho đem lời dụ này chia viết ra 3 bản, cẩn thận để ở nơi bảo tử trong điện Càn thành và Nội các cùng Sử quán. Lại sao lục ra ban cấp cho đại viên các nha trong Kinh ngoài tỉnh giữ cẩn thận lấy, để cho biết phúc to của nước nhà đến trăm nghìn năm, phúc to của xã tắc đến muôn đời”.

Ban 10 bài thơ thập thành cho các địa phương. Trước đây việc chế ngọc tử xong, việc đánh dẹp phương Tây đã thắng trận kéo quân về, nhân gặp lúc các tỉnh Bắc Kỳ tâu lên báo lúa chiêm thu hoạch được nhiều, vua nhân làm 10 bài thơ để ký sự :

1. Phú đắc ⁽²⁾ : “Ngọc tử thập thành trung cát thuy. Dao đồ vạn thế ứng gia tường”. Nghĩa là : Ấn ngọc mười thành báo cho điềm tốt. Dao đồ muôn đời ứng với điềm lành.

2. Phú đắc : “Thiên hoà thời nhược phồn vinh toại”. Nghĩa là : Thời trời hoà thuận, phồn vinh thoả mãn.

3. Phú đắc : “Địa lợi niên phong phú thứ chương”. Nghĩa là : Lợi đất được mùa : rõ là giàu và nhiều người.

(1) Cùng ký tên vào một bản tâu và để chung trong một hộp.

(2) Phú đắc : một lối thơ Hán văn. Bắt đầu bằng 2 chữ “Phú đắc”, rồi lấy câu thơ có sẵn hoặc tự đặt để làm đầu đề bài thơ mới ra.

4. Phú đắc : “Hà thuận hương thôn hân án đồ”. Nghĩa là : Nước sông thuận dòng, chốn hương thôn được yên ổn.

5. Phú đắc : “Hải diêm chu tiếp lạc thương dương”. Nghĩa là : Biển yên, thuyền bè được vui vẻ nhộn nhạo.

6. Phú đắc : “Luân tài khảo tích xâm hiền phụ”. Nghĩa là : Kén chọn nhân tài và xét công quan chức thì nhiều người hiền phụ.

7. Phú đắc : “Cảm hoá lại tân phủ Lạp Khương”. Nghĩa là : Cảm hoá lại châu, võ yên được Mên Lạp.

8. Phú đắc : “Bảo định võ công thanh viễn duệ”. Nghĩa là : Bảo định võ công quét sạch được phương xa.

9. Phú đắc : “Chấn hưng văn trị ngự quân phương”. Nghĩa là : Chấn hưng văn trị, chế ngự được muôn phương.

10. Phú đắc : “Dân Khang hộ tịch tăng phồn thịnh ; quốc thái bang cơ vĩnh cửu trường”. Nghĩa là : Dân yên, hộ khẩu thêm phồn thịnh, nước trị cơ nghiệp được lâu dài.

Lại tổng đề một bài thơ (chép rõ ở 4 tập thơ ngự chế) sai lục tống các địa phương để cho đều biết cả.

Phó sứ toà Thông chính sung biện việc Nội các là Lê Chân có tội, bị mất chức. Trước đây, vua ngự chế các bài thơ 8 cảnh đẹp, lần lượt đề vịnh. Chân tự tiện đem ý riêng thay đổi thứ tự chương nọ câu kia. Việc phát giác, vua ghét cái thói chuyên quyền, khinh nhờn, sai đánh đau 100 trượng, cách chức, phát giao vào trường đúc súng, ra sức làm việc để chuộc tội.

Ghi công các tướng về việc Trấn Tây, phong tước cho có thứ bậc. Dụ rằng : “Nay nước Cao Miên lại châu, võ công cáo thành, các tướng sĩ đi đánh miền Tây, thắng trận, kéo quân về, đều đã hậu gia ban thưởng. Nhân nghĩ : việc biên viễn ở Trấn Tây, triều đình xếp đặt, đã đến nhiều năm, tướng sĩ đi đánh đến nay đã 3 năm, có công to thì được thưởng lớn, tất phải ghi công vào lá cờ, ban ơn cho lâu dài như sông núi, mới tỏ được đặc ân. Chế độ của tiên vương đặt tước có 5 bậc⁽¹⁾, chia đất ra 3 hạng, tước cao hay thấp là tùy theo công to hay nhỏ mà chia bậc khác nhau. An tây Trung vũ tướng Vũ Văn Giải : mình nhận trách nhiệm trọng đại, gượng bệnh để coi quân, đặt biên cảnh vào chỗ không phải lo, không đánh mà khuất phục được quân người, chuyên chinh, bình định phương xa, chấn phục cả nước Xiêm, nước Lạp, thực có công to, tấn phong tước An Viễn bá. An tây Trí dũng tướng

(1) Tước 5 bậc : công, hầu, bá, tử, nam. Đất ba hạng : tước công, tước hầu thì phong cho 100 dặm tước bá thì phong cho 70 dặm ; tước tử, tước nam thì phong cho 50 dặm (Thiên “Vương chế” Kinh Lễ).

Nguyễn Tri Phương : mới nhận trách nhiệm ký thác biên khốn, lịch duyệt nơi cương trường, một lần cất quân mà bình được đồn Thiết Lộỹ. Vây 2 lần, tiến sát đến đất Ô Đông, khiến cho tù trưởng Man mất vía, cỡi xa quy thành. Thực là văn thân, mạnh thay công võ ! Đáng phong cho tước Tráng Liệt tử. An tây Mưu lược tướng Doãn Uẩn : mình ở đội trước, lập được công đầu, phá đồn Thông Bình, hạ đồn Sách Sô, tiến đến đất Vĩnh Long, vây sát đất Ô Đông, đều ra mưu lạ, nắm phần thắng, võ về biên cảnh, bình định nơi xa, ra sức rất nhiều. Đáng phong cho tước Tuy Tĩnh tử. An tây Tuấn kiện tướng Nguyễn Hoàng : xuất thân từ chỗ quân ngũ, thường đi đánh dẹp, trận đánh gian khổ ở Tiền Giang, trở sức mạnh như gấu, tiến đánh đất Lạp, mình đi trước quân hùng, lập công bình hung. Đáng khen là tướng mạnh, nên phong tước Vũ Xá tử. Tổng thống tiểu phủ quân vụ Lê Văn Phú : giữ lâu trách nhiệm ở địa phương, nhiều lần gọi quân, gọi lương đều tiếp tế được ; tuy lên ngựa đi Ô Đông, việc đã gần xong, nhưng hội biện dẹp yên được, làm việc đúng khớp, hết lòng trung, ra sức [vì nước], cũng đáng khen. Đáng phong cho tước Vĩnh Trung nam. Nguyên Lãnh binh, nay thăng Chương vệ quyền Chương án vụ dinh Long võ là Trương Tiến, Chương vệ quyền Chương án vụ dinh Kỳ võ là Hồ Hậu, Chương vệ hộ lý án quan phòng Đề đốc An Giang là Lê Đình Lý, Lãnh binh Thừa ân úy là Trần Tri, Lãnh binh An Giang là Lê Viên, Lãnh binh Gia Định Hùng dũng tướng là Nguyễn Công Nhân : hoặc trước sau theo đi đánh dẹp, hoặc lần lượt được tiếp tục phái đi, đều đi đầu quân sĩ, ra sức mạnh tiến lên trước, làm vang quân thanh như sấm sét, biên tái được yên ; làm mạnh sĩ khí như hùng bi, cỡi xa sợ hãi. Công lao cũng ngang nhau, nên phong : Trương Tiến tước Vũ Dũng nam, Hồ Hậu tước Bình Điện nam, Lê Đình Lý tước Thắng Công nam, Trần Tri tước An Khương nam, Lê Viên tước Kiêu Dũng nam, Nguyễn Công Nhân tước Trí Thắng nam. Lãnh binh tỉnh Định Tường là Nguyễn Sáng, những trận đánh ở các đồn Thông Bình, Vĩnh Bích cho đến Sách Sô, đều dự có quân công, nên cho 1 con được ấm Cẩm y thiên hộ. Thự Chương vệ quyền Chương Kinh thành Đề đốc Tôn Thất Mậu, thự Phó lãnh binh Gia Định Đoàn Quang Mật : tuy không th uỷ chung trong việc, nhưng đều dự theo quân thứ, có chút công lao, đều cho thực thụ.

Ngày mồng 10, xa giá chơi cung Bảo Định, khao thưởng cho tất cả tướng sĩ đi đánh miền Tây, dụ rằng : “Vũ công cáo thành, nhân ân ban ra, tuy sự thể năm nay có khác với năm thường, nhưng nghĩ đến tướng sĩ khó nhọc lâu năm ở ngoài, cũng nên đặt một tiệc to để cho cùng vui, từ tướng quân, tham tán, một tước bá, 3 tước tử, 7 tước nam cho đến suất đội đều được ban ăn một lần ở nhà Vũ Vệ trước cung. Gia thưởng khánh vàng, kim tiền, nhẫn vàng, và ngân tiền hạng lớn đều có thứ bạc. Vũ Văn Giải, Nguyễn Hoàng, Hồ Hậu đều vì bị bệnh, không đến dự được. Sai cho bạc

tiền thay vào tiệc yến, lại thưởng thêm kim tiền, ngân tiền có dây tua đeo và các hạng sâm, quế, phái viện Thái y chia đi chữa cho. Nguyễn Tri Phương, nhà có cha mẹ già, chuẩn cho nghỉ giả hạn 10 ngày để về quê thăm hỏi ; lại cho thêm 3 chi nhân sâm hiệu Khánh trực của nhà vua dùng. Ngày hôm ấy, những hoàng tử, hoàng thân, các quan văn võ đi tùy giá, và các viên nhân tá nhị ở túc vệ, bộ, các, viện, tự đều được thưởng hà bao bằng gấm đoạn, ở sảnh Văn Trục.

Đến ngày hôm sau, sai đại thần 3 bộ Hộ, Lễ, Binh truyền Chỉ cho các quân ở Kinh đi đánh miền Tây thắng trận về, đều họp cả ở xưởng Tướng quân, ban một tiệc to và thưởng cho các tiền bạc của kho. Các quân luôn mấy ngày bái ân, vui vẻ nhảy múa, đều hô muôn tuổi, lại truyền dụ cho các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Biên Hoà, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, Hà Tiên, An Giang, gồm 13 tỉnh, các biên binh đã đi dự trận, đều tề tập cả ở tỉnh thành, ban cho ăn tiệc một lần. Lại sắc cho 2 bộ Lại, Binh : từ nay, quan hàm của các tướng đi đánh miền Tây bớt đi 2 chữ “An tây”.

Tha thuế thân cho dân đồng ở các tỉnh Nam Kỳ có khác nhau. Dụ rằng : “Trước vì thổ dân xứ Trấn Tây tự làm nhiều loạn, quan quân chia đường tiến đánh, các tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Gia Định, Biên Hoà phải đòi gọi hương đồng, hoặc phái đi quân thứ cho dày quân lực, hoặc vẫn lưu ở tỉnh để cho đủ những khi gọi đến, đó là việc quyền nghi không thể dừng được ; gần đây, đầu mục Xiêm La xin hoà, tù trưởng Cao Miên nhận tội, công việc bắt giặc ở quân thứ hơi thư, đã cho [hương đồng] về yên nghiệp làm ăn ngay. Hiện nay nước Cao Miên lại châu, ngoài biên cương yên tĩnh ; tướng suý đi đánh miền Tây, đã trước có tiệc rượu ghi công, các hạng biên binh cũng đã hậu gia yến lạc. Sửa đồ binh khí ở sông, chính là cái ngày mà quân và dân cùng vui nghỉ ngơi. Bọn hương đồng các người, bỏ cày bừa mà đến nơi giáo mác, là người dân khoẻ mạnh ở trong làng, chuyến ấy được đòi gọi, nhật kỳ tuy không bao nhiêu, nhưng đường sá đi lại cũng hơi khó nhọc. Vậy nên lượng gia ân cách để cho đều được nhớ ơn. Thuế thân năm nay chia làm 10 thành : ai có đi quân thứ thì 10 phần miễn cho 7 phần, ai lưu ở tỉnh thì 10 phần miễn cho 5 phần. Các đốc, phủ, bố, án, đều phải khéo thể tất mà làm, cốt sao cho danh và thực được phù hợp với nhau để mong cho ân trạch xuống đến người dưới”.

Mới đúc 9 cỗ súng bằng đồng, đặt hiệu là “Thần uy phục viễn đại tướng quân”⁽¹⁾.

- (1. Cỗ thứ nhất nặng 10.312 cân 8 lạng.
2. Cỗ thứ hai, nặng 10.222 cân 12 lạng.
3. Cỗ thứ ba, nặng 10.389 cân 6 lạng.

(1) *Thần uy phục viễn Đại tướng quân* : Viên đại tướng có oai thần phục được phương xa.

4. Cổ thứ tư, nặng 10.380 cân 10 lạng.
5. Cổ thứ năm, nặng 10.495 cân
6. Cổ thứ sáu, nặng 10.509 cân.
7. Cổ thứ bảy, nặng 10.706 cân linh.
8. Cổ thứ tám, nặng 10.510 cân.
9. Cổ thứ chín, nặng hơn 10.504 cân.

Cộng tất cả nặng 93.829 cân 4 lạng, cổ súng dài 8 thước 6 tấc, bệ tròn mà to ở ngoài 5 thước 2 tấc 1 phân, lòng súng dài 7 thước 2 tấc, miệng súng rộng 4 tấc 2 phân).

Ba cổ súng hiệu “Bảo đại định công an dân hoà chúng thượng tướng quân”⁽¹⁾.

- (1. Cổ thứ nhất nặng 14.560 cân.
2. Cổ thứ hai nặng 14.540 cân.
3. Cổ thứ ba nặng 14.520 cân.

Cộng tất cả nặng 43.620 cân, thân súng đều dài 10 thước 4 tấc, lòng súng dài 8 thước 9 tấc 4 phân, miệng súng đường kính 4 tấc 7 phân).

Dụ rằng : “Việc ngoài biên ở xứ Trấn Tây, triều đình đã từng xếp đặt, đánh dẹp và vỗ về đều làm cả hai đường. Quân nhà vua đi đến đâu, oai thanh lừng lẫy, đầu mục nước Xiêm là Chất Tri sức yếu phải cầu hoà ; dòng dõi Cao Miên là Sá Ong Giun bó mình xin giữ phục, xưng làm tôi, dâng lễ cống, đứng vào hàng chức cống địa phương lâu dài. Từ đây, biên cảnh thanh bình, cùng yên với nhau không có việc gì. Thực nhờ Tôn miếu xã tắc thiêng liêng, oai vua rộng khắp, nên mới được thế. Ta đã hạ chiếu cho các tướng sĩ đi đánh ở miền Tây, thắng trận, kéo quân về, làm tiệc rượu mừng, ghi công trạng, vũ công cáo thành rồi. Nhân nghĩ : đời cổ khi đã đánh được giặc, tất đặt tên cho các vũ khí, để bảo cho đời sau không quên được võ công. Thí dụ như : cờ tiết mao nhà Thương, phủ việt nhà Chu, gươm nhà Hán, cung nhà Đường, các thứ tuy không giống nhau mà cái ý bảo cho không quên thì là một. Trước kia Hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế ta tỏ rõ đức thành võ công, gây dựng nên nghiệp lớn, sau năm Gia Long đại định [1802], đã sai đúc 9 cổ súng đồng hiệu “Thần uy vô địch thượng tướng quân”. Đến khoảng năm Minh Mệnh, Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta sai đúc 3 cổ súng hiệu “Bảo quốc an dân đại tướng quân”, đều để vào trong nhà lớn, để ghi nhớ lâu dài oai linh của nhà vua. Nay ta noi uy liệt đời trước, nối được võ công, phải nên bắt chước đời trước mà làm để lưu lại cho đời sau. Chuẩn cho quan thái sử chọn ngày tốt, quan hữu tư tìm thợ khởi công

(1) Bảo đại định công an dân hoà chúng thượng tướng quân : viên thượng tướng giữ nghiệp lớn, định công nghiệp, yên dân, hoà vui mọi người.

làm, chọn chỗ rộng rãi ở đất núi Dương Xuân làm trường đúc súng, trước đúc 9 cỗ súng đồng hạng lớn, sắc cho tên là “Thần uy phục viễn đại tướng quân”, rồi đúc thêm 3 cỗ súng đồng thượng hạng, sắc cho tên là “Bảo đại định công an dân hoà chúng thượng tướng quân”. Buổi đầu khởi công đúc, công trình rất nặng, chuẩn cho thợ Chuồng vệ quyền án vụ dinh Hùng nhưê Nguyễn Tuấn, Hữu thị lang bộ Công Tôn Thất Hợp đôn đốc việc ấy, 3 bộ Hộ, Binh, Công và viện Đô sát đều phái sở thuộc lang trung khoa đạo lấy một người giỏi việc, hội đồng với bọn giám công, giám đốc, đúc đúng như kiểu mẫu. Các đại thần 3 bộ cũng phải thời thường đi lại xem xét quản đốc thợ thuyền chỗ làm việc, chuẩn cho thêm giá mà thuê mượn người, cho kịp làm việc. Bên ngoài trường đúc súng, đặt một cái vọng lâu, đợi khi rồi việc, ta sẽ sai sửa soạn xa giá đến xem.

Lĩnh Tổng đốc Định - Yên là Đặng Văn Thiêm tâu nói : “Các phủ thuộc hạt, mỗi phủ nguyên phái 1 quản cơ, 3 suất đội, 20 giản binh, 100 mộ binh theo phủ đóng đồn coi giữ. Hiện nay địa phương yên ổn, đều không có việc gì, đổi phái 1 suất đội giản binh, 50 tên binh đinh, do viên tri phủ ở các phủ cai quản, còn các viên quản cơ nguyên phái, cho triệt về quân ngũ ở tỉnh. Lại thuộc hạt nguyên đặt 6 đồn, phái binh đi đóng đồn coi giữ, chi phí quân lương, lại làm ngăn trở cho người đi lại. Vậy 2 đồn Biên Hàn, Sơn Phán đều tiếp giáp những nơi ách yếu, xin cứ để phòng thủ như cũ, còn 4 đồn Độc Bộ, Liêu Đông, Vị Lại và Ninh Cách, những biên binh nguyên phái đi trước đều cho triệt về hàng ngũ ở tỉnh”. Vua y cho.

Xây dựng trường thi Gia Định.

Các tỉnh Quảng Nam, Quảng Bình, Hà Tĩnh không mưa, thóc lúa thu hoạch được ít. Sai đều phải khám thực tâu báo. Đến khi tấu lên, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Bình thuế chính cung năm nay và thuế thóc thiếu năm ngoái, đều cho chiết nộp bằng tiền ; duy có hạt Hà Tĩnh, đau khổ đã lâu, chưa tỉnh lại, số thuế phải nộp về năm nay, cho triển hoãn lại 2 năm và những số đọng thiếu từ năm Thiệu Trị thứ 5 [1845] trở về trước, đều tha cho về.

Tỉnh Hà Nội, đê vỡ (đê công 2 huyện Thanh Liên, Thanh Oai, đê tư 2 huyện Phú Xuyên, Duy Tiên) : người và súc vật bị chết đuối nhiều. Sai chi thóc gạo ra để phát chẩn và bán cho dân. Lại sai Cấp sự trung Phạm Xuân Quế đến ngay để hội đồng mà làm việc.

Tỉnh Bắc Ninh cũng vỡ một đoạn đê tư. Tỉnh Ninh Bình cũng bị nước lên to, lúa ruộng bị ngập mất cả ! Sai tùy thế mà khơi cho nước tiêu đi. Lúc trước đê vỡ, quan sở tại đều bị phân biệt giáng chức hoặc cách chức. Khi đã hạ long được, đều khai phục cho, lại gia thưởng cho quân dân ứng dịch.

Đặt thêm đại thần xứ Thị vệ. Xứ Thị vệ nguyên đặt 1 thống quản thị vệ đại thân, 2 quản lĩnh thị vệ đại thân ; đến đây, vì công việc rất nhiều, đặt thêm 1 thống chưởng thị vệ đại thân. Lấy : Trung vũ tướng An Viễn bá Vũ Văn Giải vẫn sung Thống chưởng thị vệ đại thân ; Thượng thư bộ Lễ Lâm Duy Thiếp vẫn sung quản lĩnh thị vệ đại thân. Lại lấy : Đô thống Thủy sư Kinh kỳ Vĩnh Trung nam Lê Văn Phú sung Thống quản thị vệ đại thân ; Tả tham tri bộ Lại Nguyễn Đức Hoạt thăng thự Thượng thư bộ Lại sung quản lĩnh thị vệ đại thân ; nguyên lĩnh Thượng thư bộ Lại Vũ Xuân Cẩn hàm Thái tử Thiếu bảo, Đông các Đại học sĩ, quản lý công việc bộ Lại, vẫn sung Tổng tài Sử quán, kiêm quản Quốc tử giám, sẽ chế ấn quan phòng Đông các Đại học sĩ và bài đeo cấp cho.

Lấy : Hữu thị lang bộ Hộ Tôn Thất Thường thăng thự Tả tham tri bộ Hộ ; Quang lộc Tự khanh Lê Thiện Trị cải thự Phó sứ ty Thông chính, vẫn biện lý sự vụ bộ Hộ, Phan Huy Vịnh thực thự Quang lộc Tự khanh, vẫn biện lý sự vụ bộ Lễ ; Án sát Ninh Bình Phạm Bá Thiệu bổ Án sát tỉnh Nghệ An ; Lang trung bộ Lễ Vũ Mẫn bổ Án sát tỉnh Ninh Bình ; thự Lang trung bộ Hộ Trần Ngọc Diễm bổ thự Lang trung bộ Lễ ; Thị giảng học sĩ Hàn lâm viện sung Biên tu Sử quán Vũ Công Độ thăng thự Lang trung bộ Hộ.

Hữu thị Lang bộ Lại Lê Khắc Nhượng bị mất chức. Lấy nguyên Bố chính Bình Định Phan Trứ bổ vào Hữu thị lang bộ Lại. Nhượng trước ở tỉnh Gia Định, riêng uỷ cho thuộc lại chuyên đi thu thuế thuỷ lợi, tiêu mất 1.000 quan tiền thuế, Nhượng mật sai đem dâng vào, đến đây, việc phát giác, Nhượng bị cách chức giao đình nghị. Sau, án tâu lên, Nhượng không có tình tiết quan thông gì, được khởi phục chức Chủ sự.

Cho : Bố chính tỉnh Hà Nội Nguyễn Cửu Trường bổ Hữu thị lang bộ Hộ sung biện Sự vụ Nội các ; Thiếu thiêm sự phủ Thiêm sự biện lý sự vụ bộ Hình Vương Hữu Quang thăng thự Bố chính Hà Nội.

Bổ Án sát Gia Định Lê Quang Nguyên làm Án sát Bình Định ; Án sát Vĩnh Long Nguyễn Ba bổ làm Án sát Gia Định ; Án sát Bình Thuận Tôn Thất Chính làm Án sát Vĩnh Long. Quang Nguyên về Gia Định là quê hương vợ, dâng sớ xin hồi tị, nên có mệnh này.

Cho : Vũ Trí làm Phó vệ úy vệ Nhị Tả bảo vẫn sung Hiệp lĩnh thị vệ trực ban ; Phó vệ úy vệ Chấn vũ dinh Thân cơ là Phan Bách thăng thự Phó vệ úy vệ Hữu nhất dinh Vũ lâm.

Định điều lệ thông thương cho dân Chân Lạp. Dụ rằng : “Nước Cao Miên đời làm tôi con triều đình, nhờ ơn vun trồng cho đã lâu, trước kia những thuyền riêng của nước Cao Miên đều được cùng dân Kinh đi lại thông thương, duy có muối và gạo là thứ cần dùng của dân, cho nên đặt ra lệnh cấm. Khoảng năm Minh Mệnh,

nước Cao Miên chột bị người Xiêm La xâm nhiễu, ăn dùng không nhờ vào đâu được ! Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta suy rộng lòng nhân, coi với [dân ta] như một, không nỡ để dân một phương ấy quay vào xó tối một mình, chuẩn cho rộng bỏ điều cấm trước, thuyền buôn người Kinh, người Thổ đều được chở gạo muối đi trao đổi, để cho nhân dân nước Miên đều có chỗ nương nhờ. Mới đây, giặc Xiêm phiến dụ thổ dân, tự làm những việc rối loạn, đã giáng dụ cho 6 tỉnh ở Nam Kỳ nghiêm cấm những dân buôn trong hạt, không được chở riêng gạo muối đi trao đổi với nhau, rồi chuẩn cho ở địa đầu phủ Tây Ninh thuộc tỉnh An Giang đều đặt trường giao dịch, cho thổ dân đi lại thông thương, để thu lấy lòng mà vỗ về dân. Đó là việc quyền nghi một thời, không dùng được mà phải làm. Rồi dân nước Miên khổ về sự bạo ngược của người Xiêm, mến nhân đức ân trạch của ta, thổ mục thì đem lòng thành để cầu viện, thổ dân thì đem gia quyến để quy thành. Ta bèn sai tướng đem quân tùy cơ đánh dẹp và vỗ yên, để tỏ ra là đánh kẻ có tội, vỗ yên dân ngoài biên của nước kia, chứ không phải nhòm lợi về đất đai. Nay Sá Ong Giun đã sai sứ đem lòng thành, xưng làm tôi, dâng lễ cống. Một phen khu xử, chắc người nước kia không ai là không được yên nghiệp. Duy nghĩ đến dân Mên mới sum họp lại, sinh kế chưa được dồi dào, nay chuẩn cho được cùng dân Kinh thông thương như trước, cũng là cái đạo làm cho tài hoá lưu thông, nhân dân dư dật. Duy có nước Cao Miên, địa thế rộng rãi, người Kinh ngấm đến buôn bán, hoặc có kẻ sinh xăng bày ra trong ấy, mà những bọn du thủ du thực, nhòm thấy nước Miên rừng rú thung lũng nhiều lối ngang tắt, dễ cho sự trốn tránh, không khỏi đến tụ ngụ ở đây, để mong cho khỏi chịu binh đao. Phải nên nêu rõ ước cấm để phòng kẻ gian. Bèn sai bọn Tổng đốc An - Hà là Doãn Uẩn, Tuần phủ An Giang là Cao Hữu Dực, nghị định điều lệ để thi hành. Từ đó người Kinh, người Thổ lại thông thương như cũ (phàm bọn dân Mên, cho được cùng dân Kinh thông thương như cũ. Còn người Kinh đến buôn bán ở thành Nam Vang, phải lĩnh tờ bằng chứng do quan tỉnh sở tại cấp cho, hết hạn phải đem nộp ; nếu người nào cố ý yếm lưu thì án quán trị tội. Nếu dân Kinh còn có người lưu lại liên kết, thì quan tỉnh An Giang chiếu hội với quốc vương Cao Miên, sẽ bắt giao để trừng trị. Đợi 1 - 2 năm sau, lại định rõ điều lệ cấm và châm chước quy định thuế lệ cho người đi buôn).

Có thổ mục là bọn tên Cao, tên Kế 6 người đem gia quyến đến tỉnh An Giang. Quan tỉnh xin cấp cho lương tháng. Vua nói rằng : “Lấy lương ở kho cấp cho, là để xứng đáng với việc làm. Không làm việc gì mà có ăn, có thể được không ? Bọn kia đã đến với ta thì để cho ở chỗ đất không khoáng, khiến cho hết sức làm ăn, làm lấy mà sống. Người sinh tụ đông mà đất mở rộng, há chẳng thuận tiện cả hai đường ? Nếu trông vào cửa công mà ăn, thì hư phí mà không thể được, vì khó kế tiếp được mãi. Nhưng quan ở bên tỉnh đã vì chúng mà xin, thì hãy lượng cho 200 phương gạo”.

Đê tư ở 2 huyện Mỹ Lộc và Thư Trì thuộc tỉnh Nam Định bị vỡ. Vài ngày hap long được. Tổng đốc Đặng Văn Thiêm mới đem việc tâu lên, bị bộ Công tham hặc. Vua nói : “Bộ tham hặc là phải rồi. Việc hà phòng quan hệ đến lợi hại về dân sinh, tuy đê tư, cũng là một kế sách vệ nông. Năm nay nước sông to hơn các năm thường, ta đã lo trước cho các địa phương có sông to, đã ân cần huấn sức ngay, muốn hết sức giữ cho vững chắc. Không ngờ quan sở tại coi là thường, bỏ trễ biếng : Đương khi đê chưa vỡ, không đê phòng sẵn trước, đến khi đê đã vỡ, lại không phi tấu lên ngay, trước sau lầm lỗi, đó là tội của phủ huyện, lỗi của quan tỉnh địa phương. Tuy ngay bấy giờ đã ra sức sang hộ hap long được sớm, những dân bị lụt, nhà cửa, súc sản không đến nỗi bị thiệt hại như Hà Nội, nhưng trải qua cảnh lụt, những dân đinh bản cùng không khỏi có tình hình gieo neo vất vả ! Quan tỉnh phải thân đến, xem xét tận nơi, phân biệt bị hại nhiều hay bị hại vừa, rồi đem tiền gạo để chẩn cấp cho. Về những việc làm không hợp phép trước, ta gia ân miễn cho không phải xử phân”. Dụ đã phát đi, gặp tập tâu của tỉnh Bắc Ninh đến nói nước sông đã rút được 2 - 3 thước rồi. Vua rất mừng nói : “Bắc Ninh như thế thì các tỉnh Hà Nội, Nam Định và Ninh Bình có thể biết được. Rất lấy làm may cho dân ta !”.

Vua lưu ý vào văn chương sách vở, xem rộng các sách cổ kim, tuy ở trong chốn cung cấm, tay cũng chưa từng bỏ quyển sách. Mỗi ngày ra coi châu tâu việc xong, lại cùng các Nho thần giảng bàn nghĩa sách, bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : “Sách ngoài có nói Thần nông có thi ca, người có tìm thấy không ?”. Đăng Quế thưa rằng : “Chưa !”. Vua nói : “Câu ấy ta cũng thường lấy làm ngờ. Đây, Thuấn và Cao Dao canh ca là khuôn mẫu trước cho 300 thiên [của Kinh Thi]. Về văn chương của Đế Nghiêu, cũng chỉ nghe thấy có một thiên “Nghiêm giới” ; hướng chi lại ở trước đời Đường đời Ngu ? Đó chắc là do người đời sau hiểu sự làm ra, cũng như loại sách thuốc nói lời của Hoàng đế, Hứa Hành đặt ra lời nói của Thần Nông đó thôi”. Lại bảo Nội các rằng : “Về nước sông Hoàng Hà trong”, có hai thuyết : sách *Thập di ký* nói “nghìn năm một lần trong” ; *Khánh Thủy Đồ* nói : “500 năm một lần trong”. Thuyết nào là phải ? Người đời cổ chép ngày, tất phối hợp với can chi, hay là dùng lẻ một can hoặc một chi, có minh văn không ? 12 trực⁽¹⁾ ở trong lịch, khởi đầu tự đời nào ?”. Vũ Phạm Khải thưa rằng : “Sách của các nhà nói, có chỗ khác nhau, có chỗ giống nhau ; chúng tôi là hạng tục học, không đủ biết đến những chỗ ấy. Lấy Kinh sách mà xét, Mạnh Tử nói “500 năm có vương giả ra đời” ; cái chỗ lịch thuật đạo thống của đế vương, từ Nghiêu đến Thang, từ Thang đến Văn vương, đều 500 năm ! Thiết nghĩ *Khánh Thủy Đồ* nói, chừng bắt gốc ở đó. Còn năm và ngày chép cả can chi, thì *Trương Thư* và *Xuân Thu* đều thế, chỉ có

(1) 12 trực : trong âm lịch, ngày nào cũng có nói đến trực như trực khai, trực bế, trực bình, trực thành...

những loại như thiên Nguyệt lệnh trong *Lễ ký* nói “ngày ấy là ngày Giáp, Ất”, thiên Tiểu nhã trong *Kinh Thi* nói “ngày tốt là ngày Mậu”, thì lấy riêng một can mà nói. Cái thuyết 12 trực chưa rõ bắt đầu từ đâu, nhưng *Truyện Triệu Sung quốc và truyện Vương Mãng* trong *Hán thư* có nói trực thành, trực bình, chúng tôi ngờ rằng, phép ấy chính ở vào cuối đời Đông Chu và khoảng Tần, Hán”.

Vua nói : “Nước sông Hoàng Hà trong, thánh nhân ra đời”, là nói cái lý đó thôi, một nghìn, nửa nghìn, cũng cứ ra đại số như thế. Còn vua tôi như Nghiêu, Thuấn, Vũ, cha con như Văn, Vũ, Chu, cùng một nhà, cùng một đời, có câu nệ gì vào số năm đâu. Danh nghĩa can chi, trong sách *Hán thư* phần “Luật lịch chi” và sách *Hoài Nam tử* nói rõ rồi, can là gốc, chi là cành, trời lấy số 5 làm hạn định, đất lấy số 6 làm tiết độ, 5 và 6 là chỗ trời đất hợp lại ; cùng lấy cả can chi là chính, chỉ lấy có một bên là lấy nghĩa tương giao đó thôi. Đời gần đây, Trần Thẩm Quỳnh có đặt ra thể “*Lục giáp*”, toàn dùng thiên can mà không dùng địa chi. Phép xem bói Dã Hạc lại trọng ở địa chi. Xem ra có chỗ nghiệm, có chỗ không nghiệm, đều không phải là lẽ chính trong kinh sử. 12 trực ở trong quyển lịch còn có thuyết khác như : Hồ Nghiễm nhà Minh đặt ra thể 12 giờ, lấy con chuột làm giờ Tý, con trâu làm giờ Sửu, con hổ làm giờ Dần, con thỏ làm giờ Mão, con rồng làm giờ Thìn, con rắn làm giờ Ty, con ngựa làm giờ Ngọ, con dê làm giờ Mùi, con khỉ làm giờ Thân, con gà làm giờ Dậu, con chó làm giờ Tuất, con lợn làm giờ Hợi. Thế là lý gì ? Tự cổ đến giờ thơ văn ít nói đến, không nên dùng. Cái thuyết 12 cảm tinh của nhà địa lý chính cũng như thế. Sách *Luận ngữ* nói : “Tuy cái đạo nhỏ cũng có thể quan sát được. Tuy xét mãi đến nghĩa xa, sợ thành ra câu nệ. Mạnh Tử cũng nói : “Sách nào cũng tin, không bằng không có sách”, là nói về những loại sách ấy. Nay, học cốt phải rộng rãi, mà đọc sách trọng ở chỗ biết lẽ, đọc đến văn mà rõ được nghĩa thì là được. Ta muốn việc ở mình, dù lúc mặt trời đã xế bóng, hay ban đêm, chưa lúc nào được nhàn rỗi, còn ở những lúc chính sự thư thả, không lúc nào bỏ việc học, hướng chi các người ? Người đời xưa học sách cổ rồi ra làm quan, nghiên cứu kinh điển đến cùng để sẽ dùng vào việc đời. Các người phải nên gắng sức, để phòng khi ta có hỏi đến”. Các quan bái tạ, rồi lui về.

Quan tỉnh Gia Định - Định Tường tâu nói : “Trước kia, thổ phỉ xuẩn động, các đồn trại trong hạt đều có phái binh phòng triệt ; nay phủ Trấn Tây không có việc gì, việc ngoài biên hơi thư, những biên binh nguyên phái đi trước, xin lượng cho lưu lại để phòng thủ, còn thì đều triệt về hàng ngũ ở tỉnh”. Vua ưng cho (tỉnh Gia Định : 2 trại Tây Ninh và Đại Liêu, 2 đồn Quang Phong và Đôn Thuận ; tỉnh Định Tường : 5 đồn Thông Bình, Cửu Yên, Hùng Ngự, Trấn Nguyên, và Tuyên Oai).

Đồn 2 cơ Định tả, Định hữu tỉnh Nam Định lại làm cơ Nam Định ; thu những binh đình mới tuyển làm 3 đội Định oai Tứ, Ngũ, Lục. Lĩnh Tổng đốc Định - Yên

là Đặng Văn Thiêm tâu nói : các phủ huyện trong tỉnh có 36 ấp, lý, trại, giáp (thuộc huyện Giao Thủy 15, thuộc huyện Tiền Hải 21) trước đã cho hoãn niên hạn, chưa phải tuyển lính, nay hết hạn, xin chiếu số dân trong sổ đinh, cứ 7 suất đinh lấy 1 lính, chiết vào sổ binh đinh tuyển ra là 175 tên, thu vào làm 3 đội rồi theo như lệ tuyển lính 10 cơ chia làm 3 ban, tháng cấp cho tiền, gạo, để sung vào sổ quân. Lại đồn 2 đội Nhất, đội Nhị tỉnh Thanh Hoá lại làm cơ Thanh Hoá.

Tôn nhân phủ tâu hạch hoàng đệ là Trần Tính quận công Miên Dân chơi cờ bạc, lại cùng với Hải Ninh quận công Miên Tăng cùng ở mà bất hoà với nhau. Vua quở rằng : “Miên Dân năm trước chỉ chơi cờ phóng đãng, đã bị lột cả mũ áo ; nhưng nghĩ khi ấy còn là tuổi trẻ, hoặc giả đến khi trưởng thành, có hối cải được chăng. Năm ngoái đã cấp trả lại mũ áo, cho được dự ban triều tham. Thế là ta nghiêm lấy phép mà rộng lấy ơn, bỏ những việc đã qua mà khuyến miễn cho về sau. Không ngờ như cây gỗ mục khó chạm trở được, hấn không nghĩ xét mình để răn chừa, cam tâm cùng bọn vô lại tụ họp cờ bạc chơi đồi, lại không hoà thuận với anh em. Hạnh kiểm thiếu sót, rất là trái với phép nhà. Vậy cách bỏ ngay tước Quận công, giáng làm Kỳ nội hầu, không cho theo vào ban châu, để đóng cửa ở nhà mà xét lại những điều lỗi. Những kẻ thuộc hạ trong phủ dụ dỗ ra ngoài làm sự phi pháp và không cản ngăn, đều phải tội. Ngân sách vẫn cấp cho trước và mũ áo đều thu lại giao cho hữu tư giữ lấy, cất đi”.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LXX

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Đình Mùi, Thiệu Trị năm thứ 7 [1847], mùa thu, tháng 7, ngày mồng một, làm lễ Thu hưởng.

12 cỗ súng quý đã đúc xong. Đại thần 3 bộ Hộ, Binh, Công là bọn Trương Đăng Quế dâng biểu tâu lên. Vua phê vào tập tâu, lại dụ rằng : “Khoảng năm Gia Long, đúc 9 cỗ súng đồng, là nghĩa *cửu hũ* ⁽¹⁾ ; khoảng năm Minh Mệnh, đúc 3 cỗ súng đồng, là nghĩa *tam đồng* ⁽²⁾. Nay gồm cả nghĩa 9 và 3 rồi. Đời cổ ghi chép vào cờ, vẽ đồ vào các, để nêu tỏ người bề tôi có công, khắc vào *thiết khoán* ⁽³⁾, viết vào *đan thư* ⁽⁴⁾, để nêu tỏ võ công, có đã từ lâu rồi. Mười hai cỗ súng quý này đều phải có bài ngự minh ghi chép vào để làm kỷ niệm.

(- Sắc ban lời ngự minh vào cỗ súng thứ nhất là “Bảo đại định công an dân hoà chúng thượng tướng quân”, sắc rằng : Ta chịu mệnh trời đất Tổ khảo, cai trị nước Đại Nam. Năm trước, đất miền Tây chưa mở mang ra, thường lấy làm thẹn. Năm Thiệu Trị, Ất Ty [1845], cát quân đánh nước Chân Lạp, dẹp được ; năm Bính Ngọ,

(1) *Cửu hũ* : nhà vua có 9 châu.

(2) *Tam đồng* : chữ ở sách Trung Dung : “Xa đồng quỹ”, nghĩa là bánh xe cùng lối đi, “Thư đồng văn”, nghĩa là viết cùng một lối chữ, “Hạnh đồng luân”, nghĩa là đúc hạnh cùng giữ thứ bậc như nhau.

(3) *Thiết khoán* : khoán ước bằng sắt.

(4) *Đan thư* : quyển sách đỏ để ghi chép công trạng.

ta lên thọ 40 tuổi, đến 30 lần ân dụ ban ra, năm ấy nước Xiêm phục, nước Miên hàng, nộp lễ cống, châu hầu. Năm nay tướng quân kéo quân về, tàu thắng trận, thôi không đi đánh, võ công cáo thành. Bảy đức ⁽¹⁾ võ có thể đi đến chỗ yên thịnh, hạ con tính, nắm phần thắng, sai công thần trông nom chế ra 3 cỗ súng đồng thượng tướng quân, truyền đến con cháu, giữ thứ bảo khí ấy lâu dài, không say mê tửu sắc, nghĩ làm việc mới, noi việc cũ, theo noi mưu mô công liệt, trọng văn, tạp vũ, ước muôn năm làm mạnh nước Đại Nam ta. Vả lại, ngự ban cho cố mệnh lương thân, Thái bảo, Tuy Thịnh bá Trương Đăng Quế, trước kia vâng cố mệnh của tiên đế khi gần thăng hà để lại, cùng ta trừ tính việc biên cương, rồi thành tựu được vũ công, giúp rập đức tốt, thực không phụ ơn to tri ngộ. Vạy cho khắc vào vàng.

(- Sắc ban lời ngự minh vào cỗ súng thứ hai là “Bảo đại định công an dân hoà chúng thượng tướng quân”. Sắc rằng : Rực rỡ rõ ràng, mạnh cho mọi người truy vũ. Nước Cao Miên bất kính, người phải đi đánh, mang phủ việt, cầm tiết mao, cất quân nhân nghĩa, thương dân, đánh kẻ có tội, linh thanh lừng lẫy, điều khiển quân cơ, lập định Tây thành, tiến đến sào huyết, nước Xiêm, nước Lạp cầu đường sống, bèn lên quân trưởng, nhận cho ra hàng, khiến cho lại châu, sợ uy mến đức, thần phục dâng nộp lòng thành, không phụ chức trách phủ biên tướng quân, phong cho tước An Viễn bá vẻ vang, trọng người khắc vào đồ vật, đan thư, thiết khoản, tiếng thom truyền đến muôn đời, muôn năm nước nhà lâu hưởng thăng bình. Sắc cho An tây Trung vũ tướng, An Viễn bá Vũ Văn Giải.

(- Sắc ban lời ngự minh vào cỗ súng thứ 3 là “Bảo đại định công an dân hoà chúng thượng tướng quân”. Sắc rằng : “Nước Lạp Mên quên ơn, tự đặt mình ra ngoài đức hoá, công trước chưa làm trọn, thức ngủ không yên, chọn sai biên thân, những người có trí có dũng, đương một địa phương đi đánh giặc, một lần phá được đồn Thiết Thành, định luôn được đất Trấn Tây, lừng lẫy uy thanh, tiến bực đất Ô Đông. Man mạch tan hôn, đem quân trăm vạn đầu hàng, thần vũ không giết, cống hiến sần vua, thực là văn thân vũ liệt, cho áp ăn lộc, cho tước, không bỏ ân vinh. Vạy đức khẩu súng lớn để ghi công vũ thành, tỏ ra trông lên đức sáng, nêu rõ công liệt, giữ lâu được thái hoà thịnh mãn. Sắc ban cho An tây Trí dũng tướng, Tráng Liệt tử Nguyễn Tri Phương.

(1 - Sắc ban lời ngự minh vào cỗ súng thứ nhất là “Thần uy phục viễn ⁽²⁾ Đại tướng quân”. Sắc rằng : Dân mong vua đến, chính là lúc nên cất quân, trở sức mạnh để đánh trước. Ba lần thắng trận, được công đầu, mưu lược của văn thân, tấn công

(1) *Bảy đức* : Chử trong *Tả truyện* : vũ có 7 đức là : cấm bạo, tráp binh, bảo đại, định công, an dân, hoà chúng. Phong tài nghĩa là cấm sự bạo ngược, nghĩ việc binh đao, giữ cơ nghiệp lớn, định vũ công, yên dân hoà với mọi người, làm cho giàu của.

(2) Thần uy phục viễn : có oai thiêng liêng phục được phương xa.

to sớm, đem uy trời để vỗ yên, phục phương xa, khắc công vào bảo vật, truyền ức muôn năm rất trọng. Sắc cho An tây Muu lược tướng, Tuy Tĩnh tử Doãn Uẩn.

2 - Sắc ban lời ngự minh vào cổ súng thứ hai là “Thần uy phục viễn đại tướng quân”. Sắc rằng : Làm khuôn phép cho bốn phương, từ cõi đất ta, nên ra quân trước, mạnh mẽ dẹp giặc, rồi yên được biên cương, quét sạch giặc ngoài, công của Vũ Xá, nên biên thủy được yên tĩnh. Sắc cho An tây Tuấn kiện tướng Vũ Xá tử Nguyễn Hoàng.

3 - Sắc ban lời ngự minh vào cổ súng thứ ba là : “Thần ứ phục viễn đại tướng quân”. Sắc rằng : Tiến đến bến sông Hoài, nơi quân vua đến, dẹp trừ những kẻ không theo chính hoá, đem can qua đi, họp mọi trí mưu lại, làm thành được cuộc bình Man. Vĩnh Truy góp mưu mô, chín công ⁽¹⁾ có thứ tự. [Sắc cho] Vĩnh Truy nam Lê Văn Phú.

4 - Sắc ban lời ngự minh vào cổ súng thứ tư là : “Thần uy phục viễn đại tướng quân”. Sắc rằng : Một viên tướng hùng dũng, toàn là trí thắng, dẹp phục được Man di, cho thiên hạ được yên : Hùng dũng tướng, Trí Thắng nam Nguyễn Công Nhân.

5 - Sắc ban lời ngự minh vào cổ súng thứ 5 là : “Thần uy phục viễn đại tướng quân”. Sắc rằng : Trước sau không biến tiết, là nếp trong nhà của Thắng Công. Cấm kẻ tàn bạo, quản trị binh nhung, yên định được thiên hạ. [Sắc cho] Thắng Công nam Lê Đình Lý.

6 - Sắc ban lời ngự minh vào cổ súng thứ 6 là : “Thần uy phục viễn đại tướng quân”. Sắc rằng : Quân uy quét cả sang bên tả, chỉ có An Khương người ; dôn cả mọi nước đều vào hàng xưng thần, dâng cống : An Khương nam Trần Tri.

7 - Sắc ban lời ngự minh vào cổ súng thứ 7 là : “Thần uy phục viễn đại tướng quân”. Sắc rằng : Võ phu mạnh mẽ, vũ dũng hơn người, chế ngự giặc mà bình định được, thiên hạ đại trị : [Sắc cho] Vũ Dũng tướng Trương Tiến.

8 - Sắc ban lời ngự minh vào cổ súng thứ 8 là : “Thần uy phục viễn đại tướng quân”. Sắc rằng : Chiến xe đã sửa soạn, đem quân đi đánh dẹp, yên được bờ cõi, bình được Man di, để cho vững bền cương vực : Bình Điện nam Hồ Hậu.

9 - Sắc ban lời ngự minh vào cổ súng thứ 9 là : “Thần uy phục viễn đại tướng quân”. Sắc rằng : Võ phu đầy đủ, cứng bền, mạnh mẽ, định được Man di, quân có thể trăm năm không dùng, không thể một ngày không có quân. Đúc súng để tỏ vũ liệt, luyện quân để dẹp giặc. Khắc bài minh để mãi lâu dài cho con cháu ta : yên

(1) Chín công : chữ ở thiên “Cao Dao mô” trong Kinh Thư : 6 phủ và 3 huyện là 9 công, đều thuận lẽ và có thứ tự, 6 phủ là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, cốc ; ba việc là chính dân đức, lợi dân dụng và hậu dân sinh.

việc võ, trừ tính công việc, chớ quên việc võ bị, để yên thiên hạ, ức muôn năm giữ mãi được cơ đồ lớn. [Sắc cho] Kiêu Dũng nam Lê Viên).

Trước kỳ [vua đến], sai Thống chế dinh Thân cơ là Tôn Thất Đắc thí nghiệm đúng phép. Xa giá đến chơi xem, thưởng cho bọn Nguyễn Tuấn, Tôn Thất Hợp được thực thụ, lại gia thưởng cho kim tiền “Bát bảo” mỗi người 1 đồng, ngân tiền chạm rồng mây mỗi người 5 đồng. Đại học sĩ Trương Đăng Quế, Hà Duy Phiên, Nguyễn Tri Phương, Tham tri Hoàng Tế Mỹ, Nguyễn Văn Điển, Tôn Thất Thường, Nguyễn Trạch, Trương Quốc Dụng, Thị lang Phạm Quỳ, đều được thưởng gia 1 cấp và kim tiền, ngân tiền hạng lớn hạng nhỏ. Từ giám đốc Hoàng Văn Lịch, Vũ Duy Trinh đến các viên biên binh lính và thợ, đều được phân biệt ban thưởng.

Thự tổng đốc Bình - Phú là Ngụy Khắc Tuấn mặt dăng sớ nói : “Đối với những kẻ buôn gian xướng biển, phép nước rất nghiêm. Gần đây, các tỉnh thuộc Nam Kỳ, thường thường phát giác những vụ án ấy. Quan lại xét hỏi, buộc vào pháp luật, sợ phạm nhân sợ tội lại trốn đi xa, đem thân làm nô lệ cho bọn man di Tây dương. Vậy xin hãy nối tay, bãi bỏ điều cấm ấy”.

Vua nói : “Cấm kẻ buôn gian, đã có điều luật rất nghiêm. Triều đình lập ra pháp luật, có ý sâu xa là phòng từ chỗ ẩn nấp, ngăn chặn dần dần. Nếu lo về Tây dương mà bỏ điều cấm ấy đi, chẳng hoá ra vì ghen mà bỏ ăn ư ? Vả lại, khiến cho gian dân được lén vượt cửa biển, chớ trộm ra khơi, hoặc đem thuốc phiện, hoặc dắt người Tây dương đến, không những thả cho nó theo người Tây dương, mà cái tệ còn đến gọi người Tây dương đến nữa, hại không phải là nhỏ ! Xin như thế quyết không thể thi hành được”. Nhân phê vào tập tấu, sắc cho viện Cơ mật lục tống đi.

Bố chính tỉnh Bình Định là Trần Văn Thông dâng sớ nói về việc biên cương ở Nam Kỳ. Vua xem tập tấu, bảo đại thân Trương Đăng Quế rằng : “Trần Văn Thông là người thế nào, xem tập tấu của y, đại lược nói tỉnh Định Tường, dân lưu tán đi, chỉ còn độ hơn 20 xã thôn ; ở tỉnh chưa từng khám biện, chỉ cứ nguyên số dân mà trưng thu. Thế mà văn lý chi li, không kém trăm nghìn lời, luẩn quẩn, không thể nào hiểu được ! Vả lại, Thông trước ở tỉnh Định Tường nếu có tình hình như thế sao không tâu ngay khi đương làm quan ở đấy ; nay đã đổi bổ đi nơi khác, lại nói với lại, càng biết là không ra làm sao ! Thông thật là người đáng bị ! Nhưng việc dân không thể hoãn được, khoản này chuẩn giao cho Tuấn phủ Định Tường mới đến là Hoàng Thu khám cho xác thực, rồi nghị tâu lên, sẽ lượng mà điều tể cho. Tập sớ này vớt trả lại, không nên phê gì, cũng không nên lấy văn tự mà bắt tội người. Hãy truyền Chỉ sức lại”.

Sai : Thị lang bộ Lại Đỗ Quang sung Chủ khảo trường thi Thừa Thiên, thự Thị lang bộ Hộ Trương Hảo Hợp làm Phó ; thự Chương viện Hàn lâm viện Tô Trân sung Chủ khảo trường thi Nghệ An ; Bố chính Quảng Yên Nguyễn Văn Chấn làm Phó.

Tăng số ngạch lấy đỗ ở Trường Thừa Thiên. Trước kỳ thi, sai bộ Lễ đem số giải ngạch các khoa ở trường Thừa Thiên và sĩ số đi thi khoa này làm tờ phiến tấu tiến trình. Vua nói : “Triều đình đặt khoa thi, kén nhân tài, chính muốn được nhiều nhân tài để cho Nhà nước dùng. Kinh sư là đất đứng đầu tất cả, gần đây văn phong ngày một chán khởi, sĩ số thêm nhiều lên, đã chuẩn cho giải ngạch lấy 38 tên, nay thêm 12 tên, cho đủ số 50. Và lại, khoa thi về mùa thu, là một thịnh điển nhà nước. Khoảng năm Minh Mệnh, thánh giá đã đến chơi xem ; đến nay truyền làm vận sự. Vậy sai quan hữu tư xem ngay bên ngoài trường, chỗ nào cao ráo rộng rãi, dựng vọng lâu, đến kỳ đệ nhị, ta sẽ thân đến coi. Đến khi quan trường ra bài thơ “Cúc thủy, nguyệt tại thử” ⁽¹⁾. Vua nói rằng : “Đó là cái cảnh hư huyền, rất khó làm ra bài, không biết sĩ tử cấu tứ thế nào cho hay”. Trương Đăng Quế tâu rằng : “Đầu bài ấy, dù sĩ tử ở ngoài đến 2 - 3 ngày làm cũng không đủ khả quan được”. Vua nói: “Chủ khảo Đỗ Quang cũng không biết làm thơ, dù cho chính tay y làm, chưa chắc đã hay, hướng chỉ là sĩ tử ! Truyền Chỉ cho quan trường : đợi sau khi chấm quyển xong, chọn những quyển văn có thể xem được, lấy dăm ba quyển, phong kín tiến lãm”. Khoa ấy trường Thừa Thiên lấy đỗ 46 người (Đặng Huy Trứ, Lê Hữu Lệ, Phan Hiến Đạo, Nguyễn Văn Điều, Nguyễn Mẫn, Nguyễn Đình Chiêu, Trần Ngọc Riêu, Trần Thường Cửu, Nguyễn Chính, Lê Đức Mậu, Nguyễn Văn Nhuận, Nguyễn Tuyển, Ông Ích Khiêm, Hà Thế Khiêm, Lê Thanh Bạch, Đỗ Văn Đạo, Nguyễn Văn Phan, Phạm Mẫn, Trần Doãn Thăng, Vũ Thành Doãn, Nguyễn Văn Nhã, Trương Văn Ngôn, Phạm Bá Bích, Hoàng Văn Giảng, Nguyễn Văn Cơ, Pháp Danh, Nguyễn Tăng Doãn, Lê Văn Nguyên, Nguyễn Văn Lý, Đỗ Hữu Tiến, Vũ Xuân Sai, Phạm Ngọc Huân, Hoàng Luyện, Nguyễn Chân Kiệt, Trần Minh Hương, Lê Huy Tuân, Biện Vĩnh, Dương Thế Tuyển, Trần Văn Kinh, Phan Thế Khoa, Nguyễn Lập, Mai Văn Phái, Trương Văn Phác, Phan Trinh, Nguyễn Lâm, (tên cũ là Thế Trâm). Có cử nhân Ông Ích Khiêm, người tỉnh Quảng Nam, mới 15 tuổi, vua xem danh sách, bảo Thị vệ đại thân là Nguyễn Đức Hoạt rằng : “Tú tài các khoá, đều có người già về trường ọc ! Một chàng tuổi trẻ kia sao dễ như vậy ?” Sai đòi ngay [Ích Khiêm] đến xứ Thị vệ, nự ra bài thi, đầu đề một bài thơ luật là : “Thiếu niên đăng cao khoa” (tuổi trẻ đỗ cao). Đến khi quyển dâng lên, vua nói : Tuổi trẻ hơi có tài, tuy ý thơ chưa thông hoạt cho lắm. Có thể lấy được. Chỉ có điều là tuổi còn ít, chưa thể cho ra làm quan, làm hại cả tư chất tốt. Hãy chuẩn cho về quê học tập, đợi sau trường thành tiến lên cũng chưa lấy gì làm muộn”.

Trường Nghệ An lấy đỗ 24 người (Vũ Nhung, Đỗ Quýnh, Trần Văn Tiến, Phạm Tự Cường, Phan Trọng Du, Phạm Hữu Túc, Hoàng Khắc Nhuận, Phạm Quang Địch,

(1) *Cúc thủy, nguyệt tại thử* : nghĩa là vốc nước, trông thấy mặt trăng ở lòng bàn tay.

Nguyễn Thái, Đỗ Văn Hương, Nguyễn Lương Quý, Trần Văn Kiêm, Đinh Văn Yên, Phạm Huy Thiệu, Nguyễn Đức Đạt, Đỗ Huy Tế, Phan Văn Siếm, Cao Trọng Dĩnh, Lê Văn Nghi, Nguyễn Văn Bình, Hồ Trọng Đĩnh, Lương Như Đĩnh, Nguyễn Văn Thường, Lê Khánh).

Có cử nhân Lương Như Đĩnh, người tỉnh Thanh Hoá, quyển làm văn phạm trường quy, bị 3 nha hạch ra. Vua nói : “Văn hành công khí⁽¹⁾, phép trong trường rất nghiêm, không thể khe khát quá, cũng không thể để cho lỏng lẻo bừa bãi”. Bèn hạ lệnh xoá danh tịch [cử nhân] của Đĩnh (sau, đến năm Tự Đức thứ 5 [1852] Đĩnh lại thi đỗ Giải nguyên trường Thanh Hoá). Quan nội trường và ngoại trường đều phải phạt.

Sắc cho bộ Lễ : từ nay về sau, cử nhân các trường thi, phạm những con các quan, không cứ là quan lớn hay nhỏ, còn hay mất, đều do bộ làm thành danh sách chưa rõ để ngự lãm.

Sắc cho bộ Lại : phạm các viên về ban văn, nhiều lần theo đi làm việc bắt giặc ở Trấn Tây, không cứ đã bỏ thụ chức hàm hay chưa, đều kê tên tâu lên, đợi lục bộ có thứ bậc.

Tỉnh Quảng Nam dâng sớ xin dựng thêm kho thuốc súng và nhà cho quân ở tại các đồn Trấn Dương. Vua nói : “Những nơi ấy, nên xét kỹ hình thế, dựa vào núi mà làm, để phòng những sự quan ngại khác”. Lại chuẩn cho vát 4.000 cân thuốc súng ở Kinh, tải đến giao cho các đồn ấy chứa sẵn. Trước kia, cửa biển Đà Nẵng xảy việc lở làng, các thứ súng phần nhiều bị chìm mất, lặn mò để tìm cũng không được mấy ! Quan tỉnh đổ cho là thuyền ngoại quốc đã lấy trộm đem đi. Vua nói : “Mai Công Ngôn sau khi lạc phách, sao đủ bằng cứ mà tin được ! Nhưng cũng không lặn mò làm gì. 7 đồn hiện đã đặt ra, nên để 31 cỗ súng ; nơi sở tại nếu không đủ súng thì đem ở Kinh đến sung vào”.

Lại cho lĩnh trung 2 sở thu thuế thủy lợi ở lạch sông Châu Đốc thượng và Tân Ý, trước vì lạc vào đất giặc, đến đây ngoài biên được yên ổn, lại cho dân lĩnh trung.

Đổi định những thuộc viên trong Nội các. Dự rằng : “Nội các đặt ra, đi lại chực hầu gần cung cấm. Vâng nhận chiếu sắc ngay ở trước mặt, tất phải người trong đám khoa mục, vốn có văn học, mới có thể sung vào được. Trước đã chia đặt ra từng sở từng chương, vẫn đã tùy chỗ nhiều việc hay ít mà chức định số nhân viên. Duy các hàm điển bạ, đãi chiếu, phẩm trật hơi thấp. Gần đây gặp khuyết, không khỏi lấy những lại dịch viết thảo mà điền bổ chỗ khuyết. Bọn ấy đều do lại điển xuất thân, học thức nông hẹp, dùng vào việc thư toán, mỗi sở 1 - 2 người đủ rồi, cần gì phải đặt nhiều ra ? Phải nên chăm chức định lại, bỏ khoa mục vào mà bớt lại điển, để

(1) *Văn hành công khí* : chăm văn, ai cũng phải công bằng không có ý kiến thiên lệch.

phân biệt ra đường văn học. Trừ ra từ các hàm thị độc, thừa chỉ trước tác, tu soạn cho đến sở Thượng bảo nguyên đặt biên tu, kiểm thảo, điển bạ, dải chiếu đều 1 chức, thì cứ theo đặt như trước, còn thì 2 sở Tỷ luận và Bí thư, mỗi sở nguyên đặt biên tu, kiểm thảo đều 1 chức, điển bạ, dải chiếu đều 2 chức, nay đặt thêm 1 biên tu, 1 kiểm thảo, bớt đi 1 điển bạ, 1 dải chiếu ; sở Bản chuyên nguyên đặt 1 biên tu, 1 kiểm thảo, và 3 chương coi về việc 6 bộ Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công, mỗi chương 1 điển bạ, 1 dải chiếu, nay đặt thêm 1 biên tu, 3 kiểm thảo, bớt đi 2 điển bạ, 2 dải chiếu. Việc này được đặt làm lệ lâu dài”.

Sau đó, bộ Lại tâu xin bổ 7 người. Vua sai đòi đến sở Tả dải lậu, thi một đầu bài thơ luật, lấy chữ “chùa ở trên núi tiếng chuông nhà thuyền”, dùng thể thất chính. Lại chuẩn cho cả đường quan và thuộc viên ở Nội các ứng chế ⁽¹⁾. Đến đêm thơ mới xong, vua mở quyển ra xem, cười bảo Đại học sĩ Trương Đăng Quế rằng : “Thơ nay, có Vũ Phạm Khải và Vũ Văn Lý hơi khá, còn thì hoặc tả chùa ở núi mà không có chuông nhà thuyền, hoặc tả chuông nhà thuyền mà không có chùa ở núi, vì cứ đều bó buộc vào cấm thể, cho nên khó mà hạ bút được”.

Đặt một đàn chay to ở chùa Thiên Mục. Trước lễ sơn lăng Thuận Thiên Cao hoàng hậu đã xong, vua nhớ mền mãi không nguôi lòng ; đến đây, gặp tiết Trung nguyên, chuẩn cho đặt một đàn chay to ở chùa Thiên Mục để tụng kinh. Sai : Thống chế dinh Vũ lâm Nguyễn Trọng Tính, Hữu thị lang bộ Lễ Tôn Thất Tĩnh trông coi công việc này ; nhà vua xa giá đến xem. Ngày khai sinh, sai hoàng tử, hoàng thân và tôn thất, các chức quan lần lượt vào làm lễ. Đã đến tuần ba bảy 21 ngày, lại sai đặt thêm 1 đàn 7 ngày nữa để siêu độ cho tướng sĩ trận vong ở thành Trấn Tây. Dụ rằng : “Từ khi miền Tây có việc, tướng sĩ khó nhọc ở ngoài, đến nay đã 6 - 7 năm, nay võ công đã cáo thành, tâu thắng trận, kéo quân về, những người sống ở trong đất nước, đã đều được nhờ ơn trạch. Chỉ nghĩ những người ở nơi quan ải lâu năm, khi đi khi về, hoặc chết vì phong sương, hoặc chết vì giá rét, làm ma trôi ở nơi chiến trường, vùi nắm xương ở nơi bãi cát. Người chết im tiếng, không được ngậm một giọt rượu nào, thương đến trung hồn, rất là đau xót ! Từ năm Minh Mệnh thứ 21 [1840] đến nay, phàm những người từng theo đi đánh miền Tây, các tướng sĩ ốm chết và các quan quân lỡ việc ở cửa biển Đà Nẵng gần đây, đều đặt bàn thờ ở nơi trai đàn (quan từ tam phẩm trở lên viết rõ chức tên từng người, còn ngoài ra viết bài vị chung. Thân thuộc các quan viên ấy có tình nguyện đến đàn trai làm lễ cũng cho) họp các nhà sư tụng kinh cầu siêu độ, để yên ủi linh hồn ở mười phương đất, siêu thăng lên cõi vui vẻ chín phương trời. Ngày khai sinh, sai hoàng tử cùng Thị vệ đại thần là Lê Văn Phú đến ngay ban 1 tuần rượu. Ngày tụng kinh xong, sai Hiệp biện

(1) Ứng chế : vua ra bài cho làm thi, rồi nhà vua lại chấm.

Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Công là Nguyễn Tri Phương đem hương, rượu và phẩm vật trong kho, ban tế một tuần ; lại thân chế một bài trường thiên than viếng, sai bề tôi Nội các là Nguyễn Cửu Trường kính vàng phụng đọc rồi đốt đi.

Trước đây, những sổ điệp do viện Hàn lâm nghĩ soạn, 2 - 3 lần dâng lên đều không vừa ý vua. Vua giận quát rằng : “Viện Hàn lâm là nơi chọn những người văn học, từ trước đến nay tất phải lấy văn học khoa mục sung vào. Ta có ý rất trọng văn ngày một bồi dưỡng thêm vào, thực muốn cho họ có chỗ mài gọt, rục rờ thành văn chương, để ngõ hầu không phụ với chức phận. Không ngờ, gần đây, những văn từ nghĩ ra, không thể lấy được một bài nào, làm phiền cho ta phải nhất nhất phê mà chữa đi, thậm chí nghĩ soạn những sổ điệp ở dàn chay để cầu siêu độ cho trần vong tướng sĩ, văn lý chi ly, đặt lời lại nhiều chỗ không nhã, mới giao cho bộ Lễ duyệt và sửa lại, thì bộ Lễ cũng chỉ theo nguyên như thế . Vậy là viện Hàn lâm đã có phụ cái tiếng hão, bộ Lễ cũng lạo thảo cho rồi việc, đều là làm việc suất lược ! Bọn Đình Viết Thận đều phải giáng 1 cấp, bọn viện trưởng là Hoàng Tế Mỹ, đường quan bộ Lễ là Phan Huy Vịnh đều phải phạt 6 tháng lương”.

Sai đình thần bàn định công trạng An tây, khắc vào đá, dựng bia. Dụ rằng : “Từ đời cổ, đế vương dựng công to, lập nghiệp lớn, đối với những người bề tôi có công, chép vào sách đỏ, truyền vào bức vẽ, để tỏ ra bất hủ. Khoảng năm Minh Mệnh, bình định 2 kỳ, quét sạch quân Xiêm, quân Lạp, phạm những người khó nhọc vì nước, lập công ở chốn biên thủy, thì có bia ở Vũ miếu còn có. Nay miền Tây, việc đã định, võ công cáo thành, những tướng suý An tây như nguyên Phủ biên tướng quân, Tiết chế tổng hạt Trấn Tây, nay thăng Tiên quân Đô thống phủ Đô thống Chương phủ sự, sung Thống chương thị vệ đại thân, Trung vũ tướng, An Viễn bá Vũ Văn Giải, nguyên Khâm phái đại thân, trừ biện tụy phủ Trấn Tây, nay thăng Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Công bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện đại thân, Trí dũng tướng, Tráng Liệt tử Nguyễn Tri Phương, nguyên Tham tán đại thân, Hội biện ninh tập Trấn Tây, nay thăng An - Hà Tổng đốc Muu lược tướng, Tuy Tĩnh tử Doãn Uẩn, nguyên thự An Giang Đề đốc, Bang biện Trấn Tây quân vụ, nay thăng Tiên phong dinh Thống chế, Tuấn kiện tướng, Vũ Xá tử Nguyễn Hoàng, nguyên Định - Biên Tổng đốc, Tổng thống tiễu bộ quân vụ, nay thăng Knh kỳ Thủy sư Đô thống, sung Thống quản thị vệ đại thân ; Vinh Trung nam Lê Văn Phú, cho đến các viên : nguyên lãnh binh nay được ban tước vinh phong, việc binh ở vùng sông Vĩnh Tế, đánh tan giặc Xiêm ở đường bộ, rõ có công lao, nay thăng thự Hữu quân Đô thống phủ Đô thống, Bình Thắng nam Nguyễn Lương Nhân, Vũ lâm dinh Hữu dục Thống chế, Kiêu dũng tướng Dương Thai. Và việc Hà Tiên, đánh lui được giặc Xiêm ở đường thủy, nguyên Vĩnh Long Đề đốc, tặng Tiên phong dinh Đô thống, Anh dũng tướng, Duyên Hựu bá Đoàn Văn Sách. Lại nguyên Thống chế trú phòng Trấn Tây,

sung Tán lý cơ vụ đại thân, tặng Long võ dinh Đô thống, Long Bình tử Tôn Thất Nghị. Tất cả đều chuẩn giao đình thần xét sự trạng và công lao, ai đáng được khắc vào đá, dựng bia ở Võ miếu, và lâu năm có việc ở biên thủy, ngoài ra còn có người nào có công lao đáng ghi, cũng chuẩn cho tra cứu tất cả công trạng, bàn định từng thứ bậc, đem quan hàm và họ tên kê vào danh sách tâu lên, đợi ta định đoạt thi hành, để làm thịnh điển nêu tỏ người trung, thoả mãn người giỏi, ghi chép người có công, biểu dương người có đức (đến năm Tự Đức thứ 4 [1851] nghị định mới dựng bia).

Thuyền Bảo long phái đi ra ngoài biển đã trở về. Thường cho phái viên là bọn Tôn Thất Thường cấp bậc có khác nhau. Viên biên tùy phái, cũng giao bộ xét hạch, chia từng hạng nghị thưởng. Trước kia, Thường sang miền đông, có cấp riêng cho người buôn nhà Thanh ở hiệu thuyền Dụ hưng một tờ giới thiệu đến buôn ở tỉnh Gia Định. Quan tỉnh hạch là trái lệ. Vua nói : “Thường phụng mệnh phái đi ngoại dương, chỉ chiếu chức vụ làm xong việc thì thôi, sao được tự tiện cấp giấy giới thiệu cho người buôn khác, mà tập tấu nhật ký không có nói đến ! Phạt Thường 3 tháng lương”.

Tu bỏ thuyền Bảo long. Dụ bộ Công rằng : “Thuyền Bảo long mới đóng năm ngoái, mới một lần vượt biển làm sao đã có nhiều chỗ sứt vỡ thủng lậu, đều do lúc mới chế tạo lạo thảo suất lược nên mới đến thế. Bây giờ tu bỏ lại, nên làm phương pháp thế nào cho được mười phần chắc chắn ; nếu không thế, đã tội lại tội thêm, chỉ cứ vào những người chế tạo trước để hỏi tội”.

Bình Thái thái trưởng công chúa ⁽¹⁾ Ngọc Châu chết. Sai chi vật liệu của công ra để lo liệu việc tang, lại cho thêm 3.000 quan tiền, 50 cân sáp ong, 200 cân dậu.

Dời Văn miếu tỉnh Sơn Tây dựng ở nơi khác (trước dựng ở xã Cam Giá thịnh, nay dời đến xã Mông Phụ).

Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Hộ Hà Duy Phiên vì có tang con, cáo xin giả hạn về quê. Sai Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Công Nguyễn Tri Phương kiêm quản cả công việc bộ Hộ.

Định lại điều cấm trên đường xe kiệu vua đi. Trước đây, xa giá đến chơi vườn Thường Mậu. Biên binh đi dần đường đằng trước không được chỉnh tề, và đến khi xa giá đến thăm chùa Thiên Mụ, có kẻ ở ngoài đến phạm tất ⁽²⁾, quân túc vệ không bắt chặn lại được. Vua nhân dụ cho Nội các rằng : “Đặt ra túc vệ ở trước xa giá, để phụng loan dư mà nghiêm sự hộ vệ. Từ trước đến nay, phạm những lễ trọng như tế Nam Giao, cày ruộng tịch điền, thăm yết các sơn lăng và đi chơi để xem xét nơi bờ cõi ngoài bể, đều có xuống dụ rõ ràng, chọn phái quan đại thân phù giá hành dinh,

(1) Thái trưởng công chúa : bà cô nhà vua.

(2) Phạm tất : khi xa giá nhà vua ra đi, thì tất cả mọi hạng người phải tránh, không được đi qua đi lại ở đằng trước ; nếu trái lệnh là “phạm tất”.

gặp việc đã có chuyên trách. Duy có bất kỳ mệnh giá đến chơi các sở, những xe kiệu và đồ nghi trượng ở trước loan giá, chỉ do các viên quản suất tự hành kiểm biện, nên trong khi đi ở đường, lúc tiến, lúc dừng, so le không đều. Và lại, loan giá đi chơi ; xét xem sự thể rất nghiêm, phải có quan đại thân kiểm soát trông coi. Sau đây, nếu bất kỳ có đến chơi cung quán nào khác hoặc đến coi xem các sở có việc công trình, chuẩn cho 2 viên văn võ đại thân đương ở ban trực sung làm tác vi phù liên đại thân, phàm biên binh theo hầu trong khi đi ấy, cho đến tất cả các việc tiến lên hay dừng lại, đều phải thân tự kiểm điểm đốc thúc ; hai viên văn võ tiếp trực ở ban dưới, thì lưu trực ở tả hữu vu điện Cần Chính. Nếu có trú tất ở nơi hành tại, hoặc đóng lại đến một đêm, thì các việc phân ra phòng tuần hộ vệ ở dinh hành tại, đều do 2 viên phù liên đại thân kiểm điểm thi hành ; còn then khoá ở cửa thành khi đóng khi mở và các việc diễn hộ thì do 2 viên lưu trực theo như lệ phụng hành. Lại, một việc phạm tất, có điều luật rất nghiêm, thế mà gần đây biên binh túc vệ đã sơ phòng, quan có trách nhiệm nói ở đài Ngự sử cũng không đem việc ra đàn hạch, đều coi là thường ! Từ nay hễ đường loan giá đi qua đâu, không cứ là đường thuỷ hay đường bộ, cốt phải mười phân tinh túc. Bộ binh có chức vụ giữ về quân chính, phải trước kỳ thông sức cho các quân dinh, nghiêm minh kỷ luật, không được buông thả cho người ngoài xung đột phạm tất. Kẻ nào dám trái lệnh, thì chính phạm bị xử trị theo luật nặng ; các viên quản suất thất sát, cũng bị giao nghiêm nghị. Bộ Hình có chức vụ giữ về hình danh, phàm gặp những án như thế, cũng phải giữ pháp luật gia đẳng trọng phạt, không được theo luật nhẹ luật tội. Đài ngự sử, khoa đạo có trách nhiệm chép từng việc, biên từng lời, không được tự tiện vắng mặt ở trong ban. Nếu trong khi đi tùy giá, thấy có chỗ nào không hợp thì chỉ ra từng việc mà tham hạch ngay, không được trông ngóng, thiên vị, che chở. Sau đây ai còn dám cứ khinh thường trái phạm như thế, chuẩn do 2 viên văn võ đương ban tùy giá, tự phải kiểm điểm mà nêu ra, đợi Chỉ xử phân”.

Cho : Chương vệ vệ Nhất dinh Hữu, quân Thuỷ sư Kinh kỳ là Phạm Xích bổ sung Chương vệ vệ Nhất dinh Trung, kiêm quản vệ Long thuyền và các vệ Nhị, Tam, Tứ, Ngũ dinh Trung ; Vệ úy vệ Tứ dinh Hữu Nguyễn Ký thăng thự Chương vệ vệ Nhất dinh Hữu kiêm quản các vệ Nhị, Tam, Tứ, Ngũ ; Phó vệ úy vệ Thuỷ Quảng Ngãi Dương Đức Lung thăng thự Phó vệ úy vệ Nhị dinh Tả ; thự Phó vệ úy vệ Nhất dinh Trung Nguyễn Thế bổ sang Phó vệ úy vệ Ngũ ; Vệ úy vệ Thuỷ Hà Tiên Phạm Sĩ dinh Tả bổ làm Phó vệ úy vệ Hữu dinh Hùng nhuệ ; Quản cơ cơ Tả Ninh Bình Dương Đức Thạc thăng thự Phó vệ úy vệ Tả dinh Hồ oai ; Thành thủ úy Lê Nguyên thăng thự Phó vệ úy Trung dinh Hùng nhuệ ; Quản cơ cơ Tiềm kiên Nguyễn Sơn thăng thự Phó vệ úy vệ Nhị Trung bảo Trung quân.

Lấy : Phó sứ ty Thông chính biên lý bộ Hộ, Lê Thiện Trị biên lý sự vụ bộ Hình ; Bố chính tỉnh Khánh Hoà là Ngô Văn Dịch bổ làm Hữu thị lang bộ Hộ ; Án sát tỉnh Quảng Nam là Phan Tĩnh thăng thụ Bố chính tỉnh Khánh Hoà ; nguyên Án sát tỉnh Thái Nguyên là Hoàng Trọng Từ bổ làm Án sát tỉnh Quảng Nam ; nguyên Án sát tỉnh Định Tường triệt hồi là Tôn Thất Bôi án bổ làm Lang trung ty Thường lục bộ Hộ.

Cho : Y chính Hoàng Đức Hạ thăng thụ Tả viện phán ; Y chính Ngô Đình Trí thăng thụ Hữu viện phán, phạm việc chuẩn cho hội đồng với Ngự y Nguyễn Ý thi hành ; Thị độc viện Hàn lâm lĩnh Tả viện phán viện Thái y Vũ Quýnh lại về viện Hàn lâm cung chức.

Tha thuế ruộng bị tai hại về vụ hạ cho các tỉnh Thanh Hoá, Hà Tĩnh và Hà Nội. Về tỉnh Nghệ An, những tiền, thóc đã lĩnh hoặc được bán, hoặc được vay, cũng đều cho hoãn đến năm sau sẽ truy thu.

Bộ Hộ làm danh sách kê những thuế về tiền hoặc thóc còn đọng thiếu và được triển hạn từ năm Thiệu Trị thứ 5 [1845] trở về trước của các địa phương. Khi danh sách đệ lên, những nơi nào điều háo quá thì khoan miễn cho, điều háo vừa thì miễn cho 5 thành.

Vua bảo Nội các rằng : “Gần đây, biên tập bộ *Văn quy*, sách có thể làm xong sớm được không ?”. Vũ Phạm Khải thưa rằng : “Vạn học rất nhiều, mà bộ *Văn phủ* là đầy đủ, đã có bản cũ, bản thêm vào, lại có bản thêm ở trong bản thêm ở ngoài, cộng 106 quyển, hơn 18.000 tờ. Nay sách này làm ra, lại để bổ sung những chỗ không đủ của *Văn phủ*, nếu không cho khoan hạn đến hàng năm, để tìm tòi mà thêm vào, thì chưa dễ đã xong được !”

Vua nói rằng : “Một bộ sách lớn ấy có quan hệ đến cách dạy làm thơ rất lớn. Ta trong khi rồi việc chính sự, một tiếng, một nghĩa, dạy bảo cho các người, không tiếc khó nhọc hằng ngày. Nay, làm sách tuy cốt phải rộng, nhưng lấy chữ nào, bỏ chữ nào, càng phải tinh tế. Người đời xưa đối với sách, sức rất chăm mà ý rất chuyên, cho nên có quyển sách đến 3 - 4 lần đổi bản thảo, hoặc đến vài mươi năm, thí dụ như : bộ *Khang Hy văn phủ*, cũng trải đến 8 năm mới làm xong. Ta không phải cần lấy chóng, chỉ lo các bề tôi cầm bút viết lâu ngày, sinh trễ nải, bỏ phí cả ngày giờ, thì không có ích gì cho việc !”. Khải nhân tâu nói : “Nơi làm sách, nguyên phái sung vào hơn 30 người, gần đây hoặc thăng bổ hoặc cải bổ đi nơi khác, chỉ còn lại hơn 10 người. Vậy xin lấy thêm những văn viên bị giáng hoặc bị cách mà có chân khoa mục để sung vào làm việc”. Vua ưng cho.

Khởi phục những viên bị cách. Cho : Hàn lâm viện Thị độc Lý Văn Phúc, Nguyễn Đình Tân ; Hàn lâm viện Thừa chỉ Lê Chân ; Hàn lâm viện Trước tác Nguyễn Hàm Ninh, đều sung vào biên tập trong sở Tu thư. Nguyên Kiểm thảo Trần

Xuân Thực, Vũ Duy Quang trước vì thi Hội không đỗ, giáng bổ Thư lại, nay cũng phát vào sở Tu thư để ra sức làm việc ; cấp thêm cho mỗi tháng 2 quan tiền và 1 phương gạo.

Đời gần đây, có người làm các bài thơ để xem bói rút thẻ, thường ở trước chỗ thờ thần, xóc ống thẻ, thấy đâu thẻ thò lên thì rút ra. Vua trông thấy, mỉm cười rằng : “Bói toán có thần, là vì không nghĩ ngại gì, không làm gì. Xóc ống thẻ mà thẻ vọt ra, là có sức người ở đó rồi. Đã có sức người thì không thiêng liêng, làm sao cho thông suốt những cơ vi mầu nhiệm được?”. Bèn chế ra 2 quả thiên cầu, chữ đỏ, chữ trắng đều một quả, trên quả cầu khắc 10 can 5 thường⁽¹⁾ và 5 phương, cộng 20 chữ, để yên trong cái hộp. Nhân ngoài giờ coi việc, đêm ngự điện Đông Các, lần lượt cố gắng làm các bài thơ. Sai quan ở Nội các là bọn Nguyễn Cửu Trường, Vũ Phạm Khải viết ra, được 200 bài thơ, chia làm 2 quyển, gọi là *Tiên thiên*, *Hậu thiên*, đều 100 chương, định làm phép xem bói : có việc thì đặt hương án, bung cái hộp để quả thiên cầu, mặt đảo 3 lần, rồi mở hộp ra xem, những chữ đỏ chữ trắng ứng thế nào, thì lấy cái chỗ thuộc vào thiên nào chương nào mà xem ; suy can chi làm quẻ biến đi, lại thành 400 quẻ để mà chiêm chước. Bảo các quan Nội các rằng : “Ta làm các bài thơ này, xuất tự nhiên, chưa từng có tìm ý tứ, các người đã thần thấy đó. Nếu tất phải câu kỳ một câu khéo, một chữ lạ, thì đều do người làm ra, không gọi là thần được. Người xem bói nếu sẵn có lòng thành để cầu, có thành thì có thần, muôn lần cầu thì muôn lần ứng, đừng cho là thơ nói phiếm, chỉ sợ đoán không rõ mà thôi”. Sách chép thơ ấy làm xong, nhan đề là “*Ngự chế Tài thành Phụ tướng, Tiên thiên, Hậu thiên thi tập*”.

Thự Phủ doãn phủ Thừa Thiên là Nguyễn Công Trứ lấy niên lệ xin về quê hưu trí. Vua quở rằng : Trứ, trước kia không có công trạng gì về việc ngoài biên, đến khi lui về tỉnh An Giang, không thi thố được một kế sách gì, lại can về khoản nặng tham tang riêng, án nghĩ phạt trượng và tội đồ, gia ân cho đổi cải làm sung quân. Nhân nghĩ là bề tôi cũ, nên bỏ vết xấu đi mà thu dụng, nhắc lên đến chức hàm bảy giờ, thế mà không biết cảm kích, cam tự bỏ mình đi ! Hãy chuẩn cho cung chức như cũ”.

Tỉnh thần tỉnh Quảng Yên là Hồ Trọng Tuấn dâng sớ nói : “Đồn Chàng Sơn thuộc tỉnh, nguyên phái 2 đội Nhất, Nhị đi tuần ngoài biển đóng ở đấy để phòng thủ. Hằng năm phái ra một viên quản vệ, cơ thay đổi nhau để quản biện. Và lại, đồn Chàng Sơn ở xa mãi ngoài biển lớn, 2 đội biển binh phục tập lâu ngày, xin cho cai đội Trần Tri cứ lưu ở đồn ấy để chuyên trách cai quản 2 đội ấy, còn quản vệ, cơ hằng năm thay nhau phái ra thì xin nên đình bớt đi”. Vua ưng cho.

(1) Tức ngũ thường : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Lãnh binh tỉnh Quảng Yên là Trần Bảo Thu ra ngoài biển tuần phòng do thám chia việc, uỷ cho tòng cửu phẩm bá hộ Đỗ Tấn Thân bắt phu để đi tuần thám. Bổng gặp 2 chiếc thuyền của giặc, [Tấn Thân] đánh nhau gian giá, chém được 3 đầu giặc, bắt được thuyền và khí giới của giặc. Việc đến tai vua. Thương cho Tấn Thân 3 đồng ngàn tiền, dân phu 30 quan tiền. Chưa bao lâu, có 3 chiếc thuyền nhỏ nhà Thanh bị thuyền quân Khâm Châu đuổi riết, trốn lạc vào địa phận châu Vạn Ninh. Dân sở tại hợp sức lại để bắt, chém được 3 đầu giặc, bắt sống được 1 tên. Thương cho dân phu 30 quan tiền. Tên phạm bị bắt, giao cho Khâm Châu xử trị.

Chế tạo các ấn “Khâm sai quan phòng”, “Khâm sai công cán quan phòng”, (đều dài 1 tấc 8 phân, ngang 1 tấc 3 phân), “Kinh phái tra biện quan phòng”, “Kinh phái tra nghị quan phòng”, “Khâm phái biện sự quan phòng”, “Kinh phái khâm biện quan phòng”, “Khâm phái hội biện quan phòng” (đều dài 1 tấc 5 phân, ngang 1 tấc 3 ly), đều làm bằng ngà.

Định lại lệ chiết nạp bằng thổ ngân⁽¹⁾ cho tỉnh Cao Bằng. Quan tỉnh dâng sớ nói : “Thứ thổ ngân ở trong hạt, nguyên không phải do trong hạt sản xuất, mà chỉ căn cứ vào người buôn nhà Thanh đem đến mua bán. Dân trong hạt đổi mua để nộp thuế, nhiều lần xét nghiệm rõ ràng, chỉ được có hơn 7 thành. Nếu cứ thu thuế như cũ, thì bọn người chuyên biện không khỏi phải đền. Sau đây, phàm dân trong hạt đem thổ ngân đến nộp, xin định là 7 thành. Mỗi một lạng bạc tốt, chuẩn cho nộp thứ thổ ngân là 1 lạng 4 đồng 3 phân mới có thể được thoả tiện”. Việc giao xuống cho bộ Hộ bàn lại. [Bộ cho rằng] thứ thổ ngân mà tỉnh Cao Bằng phải nộp từ năm Thiệu Trị thứ 4 [1844] trở về trước, đều được 8 thành, duy từ năm thứ 5 đến nay, chỉ có 7 thành, thế thì chất bạc ngày một giảm đi, do ở cái xảo quyết của con buôn người Thanh, chứ không phải dân trong hạt lấy được ở đâu hay làm ra được. Nay nếu chỉ bắt phải được thứ bạc 8 thành, thì những kỳ nộp thuế, nhân dân không khỏi có vẻ gieo neo ! Vậy thứ thổ ngân mà tỉnh Cao Bằng nộp, xin theo như nguyên lời định là thứ bạc 8 thành, cứ 10 lạng thì ngang với 8 lạng bạc tốt. Nếu có thứ bạc 7 thành, xin cũng cho nộp, nhưng cứ 1 lạng bạc tốt thì ăn thứ thổ ngân là 1 lạng 4 đồng linh 2 phân, chiết trừ vào ngạch thuế”. Vua ưng cho.

Dân hạt phủ Hàm Thuận là Trần Long có mướn người làm thuê, rồi nó trốn đi, mẹ người làm thuê doạ bắt đền không xong, đi kiện vu là bị Long đánh chết. Tri phủ Nguyễn Bá Nhạ tra tấn dữ, Long nhận liều án nghị giảo giam hậu. Đến sau, người làm thuê ấy lại về. Thự Tuần phủ Nguyễn Đăng Uẩn đem việc tâu lên. Vua lấy làm lạ nói : “Mạng người rất trọng, sống chết quan hệ ở đó. Từ trước đến nay, đối với việc hình ngục, ta thường lấy tấm lòng không nỡ mà làm chính sự không nỡ.

(1) Thứ bạc do dân gian đúc lấy.

Các nha môn xét hỏi về việc hình, phải gia tâm thẩm thận mới được. Không ngờ ở dưới ánh sáng mặt trời, bọn ma quỷ còn dám trá hình như thế ! Nếu bấy giờ mà đem xử tử ngay Trần Long, thì kẻ vô tội há chẳng ngậm oan ở dưới đất ?” Lại sai Đãng Uẩn xét lại : tên Long được tha, kẻ vu cáo phải phản toạ ; Bá Nhạ bị cách.

Sai Tả quân Đô thống phủ Đô thống Ninh Lạc tử Nguyễn Tiến Lâm kiêm quản án triện dinh Long võ.

Triệu thụ Lãnh binh Quảng Trị Hoàng Lý, Lãnh binh Bình Định Trần Tri, Án sát Thanh Hoá Trần Tiên Thành, thụ Bố chính An Giang Trần Văn Truyện, thụ Bố chính Sơn Tây Trần Quang Chung về Kinh, sung làm Khâm điểm viên cho các tỉnh Nam Bắc trực, Tả Hữu kỳ và Nam, Bắc kỳ để cung hậu lễ Tiểu tường cung Từ Thọ. Truyện liên triệt lưu lại. Lấy Lãnh binh tỉnh Định Tường là Nguyễn Nhâm thay vào.

Thụ Tổng đốc Long - Tường là Trần Văn Trung tâu xin về kinh chiêm cạm. Vua nói : “Tấm lòng thành của ngươi, ta đã soi xét đến rồi. Có điều là Án sát Tôn Thất Chính là một người lạ việc mới đến, ngươi hãy tạm lưu lại làm việc, đợi sau sẽ tuyên triệu về, cũng chưa muộn gì !”

Quan tỉnh Bình Định tâu nói : “Huyện Bồng Sơn trong tỉnh, số đinh, số điền gấp bội (nhân đinh hơn 11.200 người, điền thổ hơn 20.900 mẫu). Xin chiếu theo tình hình thuận tiện, chia làm 2 huyện Bồng Sơn và Bồng Đảo”. Việc giao xướng cho bộ Hộ bàn lại. Bộ nói đinh số huyện ấy so với các huyện ở Nam Bắc 2 kỳ cũng không hơn mấy, mà số điền không bằng, cũng không thể đổ cho là đất rộng mà tình thế khó khăn được. Từ trước đến nay, tất cả các việc công, các xã, các thôn đều chiếu thường cung ứng, chưa từng có lo đến nặng đàng nọ nhẹ đàng kia ; hưởng chi ngạch tịch đã định rồi, bất tất phải chia tách ra làm gì. Rồi vua theo như lời bộ bàn.

Cho cấp thêm giá cước thuyền vận tải vào Nam. Trước đây, sở vận tải đường thủy tâu lên nói : “Những đoàn thuyền vận tải vào Nam, nguyên ngạch có 300 chiếc, khoảng năm Gia Long [1802-1819] chia làm 2 ban : một ban vận tải về việc công, một ban đi buôn. Đến năm Minh Mệnh thứ 17 [1836], bộ Hộ tập tấu bàn, vẫn y lệ trước mà chia ban, chiếu cho giá cước, hiện nay đoàn thuyền chỉ có hơn 20 chiếc, năm nào cũng vận tải hết sức, mà giá cước so với giá cước vận tải ra Bắc, lại kém đi 2/3, hoặc kém đi quá nửa, lái thuyền và chân sào chi dùng không đủ”. Việc giao xướng cho bộ Hộ. Bộ châm chước bàn định : Hàng năm kỳ vận tải vào Nam, hiện tại có bao nhiêu đều bắt phải ứng tải, nhưng chiếu theo đường xa hay gần cấp thêm cho giá cước :

Từ tỉnh Quảng Nam đến Kinh, nguyên cấp 100 phương gạo, 1 quan tiền, xin nên cấp cho 2 quan 5 tiền.

Từ tỉnh Quảng Ngãi đến, nguyên cấp 1 quan 7 tiền, xin nên cấp 3 quan 5 tiền.

Từ tỉnh Bình Định đi, nguyên cấp 2 quan 4 tiền, xin nên cấp 4 quan 5 tiền.

Từ tỉnh Phú Yên đi, nguyên cấp 3 quan 1 tiền, xin nên cấp 5 quan 5 tiền.

Từ Khánh Hoà đi, nguyên cấp 3 quan 8 tiền, xin nên cấp 6 quan 5 tiền.

Từ tỉnh Bình Thuận đi, nguyên cấp 4 quan 5 tiền, xin nên cấp 7 quan 5 tiền.

Từ 6 tỉnh Nam Kỳ đi, nguyên cấp 5 quan 2 tiền, xin nên cấp 8 quan 5 tiền.

Bất đầu kể từ sang năm, đợi sau thuyền vận tải có nhiều lên, hoặc giả nên chiếu lệ trước mà phân ban. Đến kỳ do nha môn vận tải đường thuỷ tâu để thi hành. Vua ưng cho.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LXXI

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Đinh Mùi, Thiệu Trị năm thứ 7 [1847], mùa thu, tháng 8. Ngọc điệp làm xong. Thường cho Chánh phó tổng tài là Lâm Duy Thiếp, Tôn Thất Cáp và bọn toàn tu, đăng lục : sa, trừu, bạc lạng có thứ bạc khác nhau.

Sai Thông chính phó sứ, biện lý bộ Hình Lê Thiện Trị sung Chủ khảo trường thi Gia Định ; Quốc tử giám Tế tửu Nguyễn Công Hợp làm Phó. Trường Gia Định nguyên ngạch lấy đỗ 16 cử nhân ; khoa này vì sĩ số hơn lên nhiều, chuẩn cho lấy thêm 4 tên nữa. Quan trường lấy đỗ 20 cử nhân (Nguyễn Công Hải, Cố Khắc Kiệm, Lê Duy Ninh, Lưu Tiến Thiện, Trương Hoài Cận, Bùi Hiếu Thuận, Tôn Thận Đức, Lê Quang Thận, Nguyễn Tiến Ích, Cố Khắc Cần, Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Văn Thư, Nguyễn Gia Hội, Đỗ Hữu Tâm, Trần Hữu Quang, Phạm Cử, Mai Đình Thực, Hồ Văn Phong, Lý Duy Phan, Lê Công Đạo).

Vua bảo bộ Lễ rằng : “Từ khi ta lên ngôi đến nay, chấn hưng văn trị, mở rộng khoa thi, trong khoảng 7 năm mở luôn 11 khoa thi Hội, thi Hương.

(- Năm Minh Mệnh thứ 21 [1840] là năm Canh Tý, có ân chiếu, lấy lệ khoa thi Hương, năm Canh Tý làm ân khoa ; lại lấy lệ khoa thi Hội năm Tân Sửu làm ân khoa, hoãn lệ khoa thi Hội năm Tân Sửu đến năm Nhâm Dần mới mở.

- Năm Thiệu Trị thứ nhất [1841], có ân chiếu, lấy nguyên lệ khoa thi hương năm Canh Tý làm ân khoa, lại hoãn nguyên lệ khoa thi Hương năm Canh Tý đến

năm thứ hai là năm Nhâm Dần mới mở ; lại lấy năm thứ hai là năm Nhâm Dần nguyên lệ khoa thi Hội Tân Sửu làm ân khoa ; lại hoãn nguyên lệ khoa thi Hội Tân Sửu đến năm thứ ba là năm Quý Mão mới mở. Năm thứ ba là năm Quý Mão chính gặp lệ khoa thi Hương, năm thứ tư là năm Giáp Thìn chính gặp lệ khoa thi Hội, duy có năm thứ năm là năm Ất Ty không có đặt khoa, ân chiếu năm thứ sáu là năm Bính Ngọ lại lấy lệ khoa thi Hương Bính Ngọ làm ân khoa, hoãn lệ khoa thi Hương năm Bính Ngọ đến mùa thu năm Đinh Mùi mới mở, lệ khoa thi Hội năm Đinh Mùi là ân khoa, hoãn lệ khoa đến mùa xuân năm Mậu Thân là năm thứ tám mới mở. Hợp cả ân khoa và lệ khoa gồm 11 khoa).

Các đời cũng ít thấy có, Lâm Duy Thiếp thưa rằng : “Từ đời cổ, đặt chế độ mở khoa thi lấy nhân tài, không đời nào thịnh bằng đời nay, cho nên đời nay, những người làm học trò đều muốn quyết thi cho đỗ, mà không muốn làm lại viên, 6 bộ và các nha phải cần đến người làm việc. Có thể biết được văn phong đời nay là thịnh”.

Năm Tân Mão, Kinh sư mưa gió to. Nước lụt hơn mực thường đến 8 thước. Nhà cửa, thuyền bè đổ nát chìm đắm khá nhiều. Dân cũng có người chết đuối ! Các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, tâu báo lên cũng thế. Vua sai đều phải khám thực trạng, chiếu lệ chấn cấp. Ngày hôm trước, tỉnh Bắc Ninh cũng bị gió bão to, nhà cửa phần nhiều bị đổ hoặc hư hại. Tỉnh thần là Phạm Duy Trinh đem việc tâu lên. Vua nói : “Tỉnh Bắc Ninh có gió bão, các tỉnh khác ở Bắc Kỳ, sao không được tin báo ? Truyền sắc dụ đi hỏi”. Đến khi báo lên, các hạt đều có, duy có tỉnh Hà Nội thì to hơn. Đặc sai chia ra từng hạng để chấn cấp cũng như các nơi ở gần Kinh.

Khoa đạo Đỗ Danh Thiếp tâu : “Nghe nói tỉnh hạt Bắc Ninh từ mùa đông năm ngoài đến mùa hạ năm nay chết dịch đến hơn 300 người mà tỉnh thần không tâu lên !”. Vua hạ lệnh cho thự Tổng đốc Phạm Duy Trinh phải tâu ngay về. Duy Trinh tâu nói : “Ngẫu nhiên có 1 - 2 người vì ốm mà chết, đều không phải là bệnh dịch khí truyền nhiễm, nay đã yên rồi”. Vua nói rằng : “Có 1 - 2 người cảm nhiễm bị bệnh, chỗ nào là chỗ không có, hướng chi đã khỏi, đã yên rồi. Thật may cho dân địa phương ấy ! Tỉnh thần cũng khỏi phải thẩm cứu”.

Bộ Công tâu nói : “Năm nay những bọn thuyền chở hoá vật đến các tỉnh ngoài Kinh, số rất nhiều nhưng hỏng việc chỉ có 3 chiếc, còn thì đều được thanh thoả cả (năm ấy phàm các thuyền vận tải ra Bắc mà tích ở tỉnh Quảng Bình, đến thứ sau tải đi, cho đến chỗ gần chứa vào kho ở tỉnh Quảng Bình). Vua nói rằng : “Đó là nhờ thần lực !”. Bèn phát hương lụa trong nội cung, sắm đủ lễ phẩm, sai quan chia nhau đến miếu thần Gió, miếu Nam Hải Long vương và đền Thiên phi để lễ tạ.

Tha những tù bị giam ở Kinh. Dụ rằng : “Thương xót cẩn thận việc hình ngục, nhân chính đặt việc đó lên hàng đầu. Thiên “*Nguyệt lệnh*” nói thả những tù nhẹ,

sách *Tả truyện* nói tha những tù bị trói, đều là thuận thời ra lệnh, tùy việc ban ân. Nay ba tháng thu đến nơi, ta trông lên thể đức hiếu sinh của trời, đã sai bộ Hình đem những tù hiện giam ở Kinh kê vào tấu tập tiến trình, ta gia tâm mở xem rõ ràng : những tình tội của bọn kia đã có nặng nhẹ khác nhau, năm tháng ở chỗ giam lại có lâu chóng khác nhau, nên lượng tha ra, để rộng nhân chính”. Rồi chiếu án tha ra hơn 10 người. Còn những án tình chưa kết mà tội có hơi nhẹ cũng chiếu xử lý qua cho hết cả những việc hình ngục đình trệ.

Sai bộ Binh bàn rõ việc binh chính tỉnh Hà Nội. Tỉnh Hà Nội theo như lệ cũ thì : 4 phủ Lý Nhân, Thường Tín, Ứng Hoà, Hoài Đức, đều phái 1 quản vệ, cơ, 2 suất đội, 100 biên binh đóng để phòng thủ ; 4 đồn Đoan Vĩ, Khả Phong, Do Lễ, Hạ Mỗ đều phái đi 1 suất đội, 50 biên binh để phòng thủ ; cục Thông bảo ⁽¹⁾, phái đi 1 quản cơ, 2 suất đội, 100 biên binh để canh giữ ; Trung quân 10 cơ Chấn, Định, và Hà Thanh 2 đội Nhất, Nhị, cùng đội thứ 2 quân pháo thủ, hàng năm chia làm 3 ban, cứ 2 ban nghỉ ngơi thì 1 ban làm việc. Trước kia lĩnh Tổng đốc Đặng Văn Thiêm tâu xin mỗi phủ, liệu lưu 1 suất đội, 50 biên binh ; 2 đồn Đoan Vĩ và Hạ Mỗ cùng cục Thông bảo đều lưu 1 suất đội, 30 binh đình ; còn 2 đồn Khả Phong, Do Lễ hơi gần với phủ thành, xin triệt đi ; nguyên phái quản vệ, cơ và biên binh mà thừa ra thì triệt về quân ngũ ở tỉnh. Từ tháng giêng đến tháng 6 chia làm 3 ban như cũ ; từ tháng 7 đến tháng 12 đổi chia làm 4 ban : 3 ban nghỉ, một ban làm việc, đã có Chỉ chuẩn cho thi hành. Đến khi Tôn Thất Bật tiếp biện lại nói : “Hà Nội là trọng địa của xứ Bắc Kỳ, nên đóng trọng binh để trấn áp. Những chỗ đồn trại ở các phủ đóng để phòng thủ và trông coi cục Thông bảo, cùng việc phân ban hàng năm, đều xin theo lệ cũ”.

Vua thấy mỗi người giữ một thuyết, bèn giao xuống bộ Binh bàn cho rõ. Nhân đó, bộ nói : “Quân trú phòng đặt ra chuyên việc dẹp giặc cướp, quản vệ, cơ cùng suất đội, phẩm trật tuy có khác nhau, mà đều có trách nhiệm tuần phòng. Và lại, đặc lực hay không đặc lực, cốt ở như người, chứ không vì là quản vệ, cơ hay suất đội mà có chỗ hơn kém. Đặng Văn Thiêm thì chủ ở đổi phái suất đội, Tôn Thất Bật thì chủ ở vẫn phái quản vệ, cơ : đều là chưa khỏi chỉ trông lệch về một chiều. Phải nên tông trung châm chước mới có thể làm đến nơi đến chốn được. Hai phủ Hoài Đức và Thường Tín gần tiếp với tỉnh thành, xin đều phái 2 suất đội, 70 - 80 biên binh. Hai phủ Lý Nhân, Ứng Hoà xa cách tỉnh thành, lại là địa đầu quan yếu, xin theo như cũ, đều phái 1 quản vệ, cơ, 2 suất đội, 100 binh đình đóng giữ. Cục Thông bảo là chỗ của công quan hệ ở đó, xin phái 2 suất đội, 100 biên binh coi giữ lấy hoá vật công. Còn biên binh phân ban, xin y như nguyên nghĩ của Đặng Văn Thiêm.

(1) *Cục Thông bảo* : xưởng đúc tiền.

Lại, Bắc Kỳ từ trước đến giờ, đều được yên ổn tất cả, sự thể các tỉnh cũng hơi giống nhau, nếu theo như cũ chia làm 3 ban, thì cái số ở ngũ nhiều, tướng cũng không có việc gì, xin do các tỉnh thân chúc lượng tiếp tục tâu lên”. Sau đó Hải Dương và Nam Định, có người nói việc công ngang ngửa nhiều, xin theo như cũ, phân ra 3 ban. Tỉnh Bắc Ninh thì xin từ tháng giêng đến cuối năm, chia làm 4 ban (1 ban làm việc, 3 ban nghỉ).

Vua thấy việc công ở các tỉnh, nơi có nhiều việc, nơi có ít việc, không đều nhau, đều chuẩn y cho thi hành. Duy có Tổng đốc Sơn – Hưng – Tuyên Nguyễn Đăng Giai dâng sớ nói : “Quân là nanh vuốt của nước để trấn áp mọi nơi có động, mà ra oai cho những kẻ không phục tùng ; nhưng phải quý là ở chỗ tinh nhuệ, không quý ở chỗ nhiều, cho nên không thể chỉ phò trương hư số ra được. Triều đình đặt ra quân, khi có việc thì gọi ra, khi không việc thì chia về ban, thế cũng là cái ý của cổ nhân ngụ quân ở trong chỗ làm ruộng. Duy có các tỉnh thuộc Bắc Kỳ từ đời Lê trở về trước, thường tình người ta cứ sợ ra làm quân, một khi đã tuyển điểm rồi, thường hay suy tị với nhau, cho nên đặt ra khoán ở làng, lấy 3 năm hoặc 5 năm làm hạn, thì trước khi chưa thành ngạch quân mà khoán ở làng đã không thay đổi được rồi, đến sau, tên Giáp ở quân về thì tên Ất thế vào, thói quen cho thế là thường, ai chịu làm quân suốt đời, nếu có người vui lòng ở chỗ quân, cũng nhất khải lấy lệ làng đòi về mà cấp cho người khác. Thế là khoán của làng không thể đổi được. Đó là một điều tệ. Ở dân, công điền không có mấy, không đủ để cấp lương điền, không thể không đặt ra cái lệ nuôi thêm, để cho người đi lính vui lòng mà theo việc quân, khỏi phải trốn tránh, tuy trọng cấm ở trước mắt, cũng khó ngăn cản. Ấy là cái lệ nuôi thêm không thể đổi đi được. Đó là 2 điều tệ. Người làm quân chỉ lấy niên hạn, chỉ sống cầu thả, nếu có thân thể khoẻ mạnh, cũng không chịu chăm thao diễn ; quản suất cũng không đốc thúc được, vả lại, sợ bọn kia sau khi trốn đi, cạy tài làm việc trái phép. Kỹ thuật [quân sự] vì thế mà không tinh. Đó là 3 điều tệ. Cái lệ nuôi thêm đã không bỏ đi được, không cứ người dương ban hay người hạ ban đều có phụ cấp tiền : mỗi tháng 2 - 3 quan hoặc 4 - 5 quan khác nhau. Kẻ này thế vào, kẻ kia trốn về, cái phí tổn về sự đòi gọi điền cấp lại gấp hai thế ! Như vậy, dân đã phải thế quân ra, lại phải nuôi thêm, ngày tháng chứa góp lại, không phải là một món nhỏ. Cái tệ ấy không thể đổi bỏ được. Đó là 4 điều tệ. Quân đã theo khoán của làng, tuy hạn mà trốn về, quản suất thường phạm vào cái lệ phải xử phân, lương bổng không đủ ăn, vợ con đói rét, không thể không cho nghỉ để giúp vào sự chi tiêu, thành thử cái tệ quản suất nhiều riêng, không ngăn cấm được. Đó là 5 điều tệ. Nhân dân xứ Bắc Kỳ, nghề nghiệp nào chuyên nghề nghiệp ấy : người đi học, người làm ruộng không thể làm thợ hay đi buôn, không như người trong Nam chịu khó tập luyện cho quen. Cho nên người làm quân, một khi có việc công tác gì, tất bỏ tiền ra thuê

người. Lúc ngày thường thì cầu thả, thuê người làm để tìm đường sinh nhai ; lúc có việc thì bỏ khí giới trốn về , để cầu tự tiện. Tiếng là có quân mà thực thì không ích gì. Đó là 6 điều tệ. Nay nước nhà gặp lúc nhàn hạ, trong đất nước được thanh bình, đáng nên một phen sửa chữa những mối tệ hại để nghiêm quân chính. Thiết nghĩ : tỉnh tôi, xin phái ra quân Kinh 1 vệ, quân Thanh, Nghệ 1 vệ hoặc nửa vệ, như lệ tỉnh Hà Nội và Nam Định, và các vệ đội quân mộ ở tỉnh chỉ để giữ tỉnh thành và trú phòng các phủ mà thôi. Những quân tuyển ra, trừ phái đi đóng thú ở tỉnh Hưng, tỉnh Tuyên để coi giữ kho tàng, vẫn phái bắt như trước ; còn thì tha cho về để làm ăn sinh sống. Hằng năm, cứ đến kỳ tháng 2 đòi cả ra thao diễn 1 tháng, xong lại cho về, bắt tất phải phân ban, cũng bắt tất phải gọi, phải thế luôn luôn. Nhưng cứ lấy 6 năm làm hạn, mỗi khi đến kỳ kiểm duyệt, những người già yếu hoặc chết thì chiếu lệ bù vào ; có việc gọi ra, thì chọn những người đặc lực, cấp cho áo quần, tiền lương, khí giới, xong việc lại cho về làm ruộng như cũ, không được viện lệ là quân mà yêu sách đến dân. Cứ làm như thế độ vài mươi năm, quân không phiền phải đến hàng ngũ, dân không khổ về nuôi quân. Khoán ở làng không cấm mà tự phải bỏ, việc nuôi thêm không bớt đi mà tự phải thôi, những người lại dịch và quân suất cũng không được tòng truy, mà những tệ, cái lợi cho cả công và tư to lắm. Nếu cái tệ cũ chưa bỏ đi được, thì đặt ra quân chỉ có tiếng hão, mà chia làm 2 - 3 hay 4 ban chẳng qua chỉ cung ứng các việc tạp phái tầm thường, có quan hệ gì đến binh chính ! Huống chi triều đình lập ra pháp luật vẫn có thường, sao được người nào cũng lấy ý kiến riêng mà bàn cãi sự thay đổi ! Xin để bộ thần chước nghị, nhất luật tuân hành”.

Vua nói rằng : “Quân để phòng thủ cho dân, là một chính sự lớn trong nước. Các tỉnh Bắc Kỳ, đã định ra lệ tuyển quân, đầu xuân thì hội duyệt, cuối năm thì phân ban, lại định mệnh lệnh nghiêm bắt tội những lính đào ngũ để cho rõ quân chính ; cấm sự nuôi thêm để cho hậu dân sinh. Cái kế mưu tính cho quân và dân đã rõ ràng và đầy đủ rồi. Từ trước đến nay những quân tuyển ra gặp việc sai phái, đều làm nên công nên việc, rõ ràng có thực hiệu. Hiện nay dân yên, giặc cướp im bật, tất cả đều được yên hàn. Thế là có cái lợi về quân tuyển ra mà chưa nghe thấy có cái hại về quân tuyển ra. Duy có một tỉnh Hà Nội, đốc thân trước sau ý kiến không giống nhau, mới giao cho bộ Binh bàn, tâu lên. Đến khi tờ tấu dâng lên, đã chuẩn y như nghị của bộ để thi hành, lại chuẩn cho các tỉnh Nam Định, Bắc Ninh, Hải Dương, Sơn Tây, chiếu theo tình hình hiện tại trừ nghị tâu lên thi hành, cũng là châm chước vào chỗ sự thế vừa phải thế nào cho quân và dân đều được tiện lợi. Nay lại sinh ra nghị luận khác, chỉ ra việc tuyển quân ở xứ Bắc Kỳ có 6 điều tệ, cứ đem quân tuyển ở trong hạt xin đều tha cho về, không phải chia ban, không phải gọi quân hay bù thế, mà lại không hợp với lẽ phải ư ? Huống chi muốn đem quân nơi khác đến để phòng thủ cho mình, mà quân ở tỉnh đều cho về làng hết, sao chỉ biết

nhàn hạ cho mình mà để cái khó nhọc cho người, phép trị binh của đời xưa nay có như thế chăng ! Đại khái Đãng Giai chỉ muốn tìm cách nói khoan hồng để mua ơn với người ta đó thôi. Thử nghĩ xem : quân không ở trong hàng ngũ thì dễ rông càn, không huấn luyện nhiều thì càng sinh sơ hở, một chỗ khuyết mà không điền, rồi đến nhiều chỗ khuyết thì dân không thể điền được. Thế là giả làm sửa đổi thói tệ mà thói tệ lại càng quá. Xin như thế, đều là kiến thức thấp ! Chuẩn cho truyền Chỉ sức rõ lại. Vả lại, Đãng Giai là một viên quan to ở địa phương, lại có chuyên trách về đề đốc quân vụ, nay đã nêu ra những hồ tề về việc tuyển binh, thì phải làm thế nào sức rõ điều cấm, sửa đổi những mối tệ hại, sao cho bỏ được cái khoán của các làng, trừ được cái tục nuôi thêm cho quân, quân thường đủ ngạch, có mạnh mà biết đường biết lối. Đó là việc trong chức phận, dùng nên bàn phiếm làm gì !”

Sau đó Giai dâng sớ xin lỗi, nhân nói : “Người bề tôi thờ vua, biết được đến đâu phải nói đến đấy, đã nói không thể không nói hết lời, tôi đương chức một phương đã lâu, trông thấy tình quân việc dân, cho nên nhân có nghị này, đánh bạo giải bày để tình hình lợi hại ở ngoài may đạt được đến chỗ cao minh soi xét, không ngờ câu lo vào chỗ ấy lại sinh tệ ra chỗ khác ! Thế là tôi, kiến thức sai, đâu dám có một chút lòng riêng để mua ơn với người. Duy có đất trong hạt tôi, phần nhiều là rừng rậm, khi giáp mùa thu mùa đông, ruộng nương khổ cả ; những bọn càn bậy thường thường lén lút nổi lên vì đó. Hướng chi những đề điều ở hai bên bờ chỗ sông Lô sông Đà hợp lưu, sang họ rất khó khăn, sự thế so với hai tỉnh Hà Nội, Nam Định cũng hơi có khác. Những quân tuyển ra ở trong tỉnh, xin hàng năm cứ vào kỳ tháng 2 thì thao diễn, từ tháng ấy đến cuối tháng 6, phân làm 4 ban (3 ban cho về, 1 ban ở hàng ngũ), từ mồng 1 tháng 7 đến cuối tháng giêng năm sau, phân làm 3 ban như trước”. Triều đình cho rằng tình hình sở tại, quan địa phương đã hiểu hết, bèn cho thi hành như lời xin.

Bộ Lại làm bản danh sách kê những người mãn lệ 3 năm của văn thân trong Kinh, ngoài tỉnh, có Lang trung Nguyễn Tiến Hội, Nguyễn Huy Lịch nhiều lần can án, phải xử phân, để vào hạng thứ. Vua thấy họ công không ngang được lỗi, đổi làm hạng liệt, đều giáng 1 cấp, đình thăng 3 năm ; còn thì đều chiếu tuý công quá chức định, thưởng phạt có khác nhau.

Tập thơ *Vũ công* do vua sáng tác đã xong, viện Cơ mật và toà Nội các dâng biểu xin khắc để in, đại lược biểu viết : “Từ xưa, thánh đế minh vương dựng công to, lập nghiệp lớn, không bao giờ không thường dùng đến võ bị, ghi chép bằng văn từ. Thường dùng đến vũ bị thì đức văn càng sáng ra, ghi chép bằng văn từ thì võ công càng tỏ mãi. Cho nên *Tả truyện* nói vũ có bảy đức⁽¹⁾, bảo cho để không quên ;

(1) *Vũ bảy đức* : đã chua nghĩa ở trên.

Kinh Thư nói chín công ⁽¹⁾, hát lên để không mất. Thực là văn hợp với võ, công gốc ở ngôn, đạo cùng đi đôi với nhau, không phải là hai đường.

“Kính nghĩ hoàng đế bệ hạ : đức cao hơn những đời chuộng văn, đạo thịnh hơn những đời trọng võ, từ khi lên ngôi đến nay, phong hoá ban khắp, đạo trị quang minh, trong thì nhân dân nhảy múa mừng xuân, ngoài thì phương xa lặn lội đến cống, dùn dùn như mây Đường Nghiêu bay, sang sáng như đàn Ngu Thuấn gảy, tiếng như vàng ngọc, phát làm thơ văn, vốn đều là lễ nhạc chính sự của triều đình thể hiện ra, kinh vĩ tâm tư của thánh nhân biểu lộ tới, mà vũ công lại càng rõ rệt.

“Truy nguyên lại từ năm Minh Mệnh thứ 21 [1840], mùa thu năm Canh Tý, thổ mục thổ dân nước Lạp Mên tự sinh sự nhiễu loạn, dựa vào sức cứu viện của Xiêm La, hai bên làm ý giốc cho nhau. Thánh tổ Nhân hoàng đế ta bùng bùng nổi giận, sai tướng đi đánh một trận ở Hải Đông, dời quân đến Hồ Hữu, việc chưa bình được, mà một bài thơ trừ tính việc ngoài biên, chưa kịp ra đề mục, mà lại là tuyệt bút. Thiên hạ muôn đời đọc đến bài thơ ấy, không ai là không ngửa trông thấy lòng tiên đế chỉ nghĩ đến chỗ yên dân. Gốc giặc có mầm mống, đất miền Tây để lại việc gian lao, thế là trời dành một đoạn lo lắng ấy, để làm điều hiếu của bậc đại thánh nhân nối noi mà làm cho vẻ vang rõ rệt.

“Năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] là năm Tân Sửu, hoàng thượng ta khi bắt đầu nối ngôi, ngừa theo chí trước, ban rõ đức âm, cho rằng nước Cao Miên thuộc quốc, đời làm phiên thân ở miền Tây nước ta, yên tính việc võ công, không dám không cố gắng, ngày coi châu đến trưa, bận bụng nhìn sang phương Nam, nửa đêm còn phê tập tâu, chú ý việc phòng bị miền Tây, an uy đều dùng, cương nhu vừa phải. Phàm những việc mưu tính ở chốn miếu đường để nắm lấy phần thắng không sót một phương lược gì. Đương lúc tả quân thứ ở tỉnh An Giang, nghỉ quân nghỉ dân, lấy việc lùi làm việc thắng, để việc đánh vào chỗ giữ, mở ba mặt cửa lưới Thương Thang, múa can vũ ở hai thềm Ngu Thuấn, chỉ chăm an tín, không cần lấy sức tranh, như thế là rộng rãi lắm. Đến khi biên phòng đã vững, thế giặc đã kém, thư ngoài biên chiếu đến, tờ hịch truyền đêm đưa, cất Liêm Pha, Lý Mục ở trong cung cấm, đặt Tôn Tấn, Ngô Khởi ở ngoài quân dinh, quân không phải họp lại mà vẫn điều khiển được, đánh không phải thể quân mà quân vẫn một lòng, thế như gió như sấm ở trên trời xuống, vừa nhanh vừa chóng đến như thế. Sau khi đồn Ba Nam, đồn Sách Sơn thẳng trận luôn, [đất giặc như] khoá sắt ở sông Ngô, nơi Tầm Tông ở đường Thục ⁽²⁾ như con hổ phụ vào cái gò làm chậm việc chinh phạt của ta lại, mưu như Lương, Bình chưa tính được tất thắng, mạnh như Bôn, Dục, cũng còn phải tùy

(1) *Chín công* : gồm 6 phủ và 3 việc, 6 phủ là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, cốc ; 3 việc là chính đức, lợi dụng, hậu sinh.

(2) *Khoá sắt sông Ngô, Tầm Tông đường Thục* : đã chưa nghĩa ở trên.

nghi, nhưng mà hạp gạo lại làm hình núi sông, trước sự cơ đã sáng suốt, truyền tờ thư đi muôn dặm, quân đánh giặc quyết đem đi. Quả nhiên trước sau giáp công, đập bằng đồn Thiết Luỹ, đất Trấn Tây bình ngay được, tiến bực đến đất Ô Đông, đi đến đâu như không có ai ở đằng trước, thế như chẻ tre. Thực đủ thấy đáng thánh nhân làm việc, hễ làm thì được vẹn toàn, không đánh thì thôi, hễ đánh thì tất được. Tổ giặc đã đổ, chuột nhất hết nghề, đầu mục Xiêm là Chất Tri như vẫy đuôi mà xin thương, tù tướng Lạp là Sá Ong Giun bỏ mình mà quy thuận. Chúng vẫn ngơm ngớp cho rằng tất làm cho đất phải bỏ không, dân phải dời đi nơi khác, lửa cháy núi Côn Cương không quay ngọn gió lại, tổ đã phá không có cái trứng nào toàn ; biết đến việc thương dân, đánh kẻ có tội, cốt ở yên dân, quân nhân nghĩa không phải lợi về đất cát. Phong cho Sá Ong Giun làm Cao Miên quốc vương, để giữ dòng dõi Chân Lạp, lại phong Ngọc Vân làm Cao Miên quận chúa, để bảo tồn nghiệp cũ Phiên vương. Sau cơn sấm sét rưới xuống trận mưa nhuần, rợ mọi mặc áo rơm lại vào hàng chức cống. *Kinh* nói “Đi đánh chỉ cần cho yên định” ; *Truyện* nói “Dụng lại nước đã mất, nối lại dòng dõi đã tuyệt”. Nghĩa kiêm cả đôi đường. Nước Cao Miên được yên định, tập đờ tàu công, tướng sĩ khải ca kéo về, sân rồng triều cận. Các quan to và các viên chức đều vui mừng nói [đó là] công của thiên tử, đức của thiên tử, cùng nhau dâng sớ xin chúc mừng, xa gần cùng một lời, nhưng nhà vua nhún nhường, khước đi mà không nhận, công khắp bốn biển mà không lấy làm công, đức đến sinh linh mà không lấy làm đức. Trong *Kinh Dịch* nói : “Quẻ Kiền mới lấy mỹ lợi, lợi cho thiên hạ mà không nói cái chỗ lợi”. Lớn lắm thay ! Lấy chữ hiếu làm gốc, làm dân thì rất sáng suốt, làm việc thì rất quả quyết, ban ra cho dân thì rất nhân, giữ mình thì rất khiêm nhượng. Làm việc mưu tính từ lúc bắt đầu chu đáo như thế ; tính việc xa, xử trí lúc xong việc cẩn thận như thế. Ngay một việc đó, không những cái lợi thu quân, chỉ ở một buổi, mà cái lợi nghỉ việc quân đến mãi muôn đời. Nếu không phải bậc cơ mưu rất sâu trong thiên hạ mà là thần vũ không giết người, thì ai được thế ? Trông lên văn từ sáng suốt soi về, thì biết thánh vũ tập minh là từ đây. Đàn Nam Giao kính thuận, tỏ ra là đánh kẻ có tội ; tổ miếu kính lễ, là trông lên công đời trước, kén tướng suý, chọn sư đồ, là văn tự trong thơ Cát nhật, thơ Xa công ⁽¹⁾, khao 6 quân, yên ủi người đi làm việc, là lời lẽ trong thơ Thái Vi, thơ Thái Dĩ ⁽²⁾ ; mùa xuân lên lầu, mùa hạ đề vào quạt, đêm mùa thu hỏi trăng, mùa đông rét cho áo, hoặc xúc cảnh mà thành thơ, hoặc cầm bút mà chép việc, đều để thương người khó nhọc lâu ở ngoài quan ải, người khổ mãi ở nơi lam chướng. Mừng trăng trạn trở về thì như thơ Giang Hán ⁽³⁾ cáo thành công ; bày tỏ những người cần

(1) Hai thơ trong *Kinh Thi* nói Chu Tuyên vương đem quân đi săn bắn và hội chư hầu.

(2) Hai thơ trong *Kinh Thi*. Thơ Thái Vi nói Tuyên vương sai quân đi đánh giặc, thơ Thái Dĩ nói Tuyên vương điều động tướng suý.

(3) Một thơ ở *Kinh Thi* nói Tuyên vương sai Thiệu Mục công bình Hoài Nam.

lao thì như thơ Đễ Đổ ⁽¹⁾ yên ủi người đi thú dịch về ; vàng ngọc đến công, khắp ân úy như thơ Đồng Cung, thơ Trạ Lộ ⁽²⁾ ; đất và cỏ tranh cho trước, chính phong điền như thơ Hàn Dịch, thơ Tùng Cao ; súng đồng khắc công ghi ân linh của vua, lấy nghĩa ở Tam Đông cửu hữu ⁽³⁾ ; ấn ngọc ứng điềm, tỏ ra trời cho phúc, đều rõ ràng ở thập vịnh một chương. Còn như trường thiên, đoản thiên, cổ thể, cận thể, những mưu lược hành quân, những cơ nghi chế thắng, thưởng phạt thì công bằng, hiệu lệnh thì tin thực. Và thể thứ truyền tập của nước Cao Miên, tình Man trước sau theo hay không theo, chỗ nào cũng đầy đủ. Bởi vì thành công rất khó, cho nên nghĩ ngợi phải lâu ; nghĩ ngợi lâu, cho nên tự sự rõ. Tìm ở trong 300 thiên cổ thi, thiên Phong có việc đánh dẹp ở Đông Sơn, thiên Nhã có việc đánh dẹp ở đất Hoài, đất Từ, thiên Tung có việc đánh dẹp ở nước Kinh, nước Sở, nhưng những chỗ chép việc ghi công, chưa có chỗ nào được tinh vi khúc chiết như thế. Hướng chi trong khoảng 5 - 6 năm, như trời mở, đất đóng, thi thổ to tát : tỉnh Sơn Tây có giặc trốn, dùng uy để dẹp, bỏ gươm dao trở lại, đánh giặc cỏ lâu năm một ngày thanh bình ; nước Nam Chương nhóm ngó ngoài biên, đem quân ra ngăn, như sấm sét, giúp uy, quân mọi rợ vài muôn, một đêm quét sạch ; dân ác Man ở tỉnh Quảng Ngãi thường làm tai hại cho dân Kinh, thế rồi có quân tuần biên, ân uy đều dùng, thú rừng phải vào phép ; giặc Thanh ở ngoài biển khơi, thường làm cản trở đường biển, thế rồi có việc tuần biển, oai linh lẫm liệt, cá biển phải tắt hơi ! Phàm những việc như thế, đều do cương minh quyết đoán, mưu lược sâu xa, sự cơ tính trước, không vì tính việc gần mà quên mưu xa, không vì lo việc phòng thủ mà bỏ sót đám giặc nhỏ. Cứu cánh Nam Bắc hai kỳ, muôn dân yên tĩnh, bên rừng góc biển, một loạt thanh bình. Công lớn An tây tiếp tục cáo thành, phải tỏ ra ở thi chương, trước sau thứ tự đều là chép sự thực cả. Cúi đọc thơ ngự chế tùy bút có câu rằng :

*“Ly hào giai kỷ sự,
Tả vịnh diệc trừ biên”.*

Dịch : Đặt bút đều ghi công việc nước,
Ngâm thơ cũng tính kế phòng biên.

Lại có câu :

*“Hứa đa văn nhĩ thập,
Tận thị vũ công thư”*

Dịch : Biết mấy thiên văn nhĩ
Đều là sách vũ công.

(1) Một thơ ở Kinh Thi, uỷ lạo những người đi thú trở về.

(2) Hai thơ ở Kinh Thi, nói Tuyên vương ban yến cho chư hầu có công.

(3) Đã chua nghĩa ở trên.

Ngược trông hoàng thượng : lòng dạ như một, lời lẽ quý báu, mưu mô như thế, thực là đức vua ; lời dạy ban ra, đều là khuôn mẫu. Thực đáng là một bộ *Vũ thành thực lục*. Cung chiếu : khoảng năm Minh Mệnh, phụng ngự chế tập thơ “*Tiểu bình lương kỳ phi khẩu*”⁽¹⁾ khắc in, ban hành rục rở ở đời xưa, tốt đẹp đến đời nay, để lại về sau. Nay hoàng thượng ta nối văn trị xưa, có vũ công như thế. Bọn chúng tôi châu hầu nơi cung cấm, kính phụng ngồi bút son, mừng gặp khi rửa đồ binh khí, xin theo nghĩa đối dương mệnh vua, kính cẩn kiểm xét tập thơ ngự chế, từ năm Thiệu Trị thứ nhất [1841] đến nay, phàm những việc quan hệ đến phương lược bình định Xiêm La, Chân Lạp, có 129 bài thơ. Thêm vào đó 12 chương các bài minh, biên ra làm 7 quyển. Những việc quan hệ về phương lược dẹp bình giặc núi, giặc biển và giặc thổ, có 12 bài thơ, biên ra thành một quyển, và 2 quyển mục lục, cộng là 10 quyển, đã phụng tiến trình ngự lãm, nhan đề là *Ngự chế vũ công thi tập*. Nay biên soạn đã xong, trang hoàng thành pho, xong cho đem khắc in, đợi lệnh ban hành, khiến cho thiên hạ thần dân đều biết võ của thánh nhân giữ nghiệp lớn, định công to, gốc ở văn ngang trời dọc đất ; công đức vẻ vang, đường lối như một, lập nền gốc lớn ức năm vẫn vững. Để tiếng hay muôn đời không cùng. Như thế tốt vậy thay ! Thịnh lắm thay ! Đó không những là tấm lòng mong muốn của chúng tôi, mà cũng là tấm lòng của bốn biển cùng mong muốn. Vậy dám đồng thanh tâu xin, cúi mong chuẩn y thi hành”.

Tờ biểu dâng lên, châu phê “khả” (được).

Cho hoàng tử thứ hai là Phúc Tuy công⁽²⁾ một bộ *Ngự chế Chỉ thiện đường hội tập*. Trước kia, hoàng tử thứ hai lên đậu mùa, phát nhiều chứng bệnh nguy hiểm. Vua rất lấy làm lo, thường mật đảo ở trong cung, lại sai các thị vệ chia nhau đến kêu cầu ở các đền thiêng. Phái Thái y viện Nguyễn Ý, Hữu viện phán Nguyễn Hạnh, thự Vệ uý vệ Trung dinh Thân cơ Nguyễn Quý (người biết làm thuốc) ngày đêm châu chực thuốc thang. Một tuần thì [hoàng tử thứ hai] lành mạnh. Vua rất mừng, thưởng cho bọn Ý rất hậu (bọn Ý và Hạnh đều gia 1 cấp, lại cho ngân tiền và áo quần, rồi cất ngay Ý lên chức thự Ngự y). Khi đã lại được như cũ, hoàng tử đến sân rồng lạy tạ, vua gọi đến trước mặt, yên ủi hỏi han, cho bộ sách *Chỉ thiện tập*⁽³⁾ và bảo cho biết rằng : “Khi ta chưa lên ngôi, đợi ơn Hoàng khảo diện dụ rằng : “Đạo của sách *Đại học*, ba cương lĩnh, tám điều mục, cốt yếu ở chỗ “chí thiện”. Ta bái lĩnh lời dạy, nhân đặt tên nhà đọc sách là “*Chỉ thiện đường*”⁽⁴⁾ để khuyến việc tu tỉnh, thánh mô đây đây là tâm pháp truyền thụ cho đó. Phải kính cẩn đấy ! Chư

(1) Dẹp yên giặc 2 kỳ.

(2) Tên là Hồng Nhậm, tức là vua Tự Đức sau này.

(3) Tức là *Ngự chế chỉ thiện đường hội tập* gọi tắt.

(4) Lấy chữ tọng sách *Đại học* : “Chí u chí thiện” (giữ vững lập trường ở chỗ chí thiện).

không những chỉ là học phép làm thơ mà thôi”. Hoàng tử thứ hai toan sụp lạy, vua dụ miễn cho, chuẩn cho gior tay lên trán nhận sách ban.

Hoàng tử thứ hai thông minh sớm, ngay từ thuở mới đặt tên cho. Một hôm, gọi vào hầu, vua hỏi rằng : “Con có biết ý ta đặt tên cho con là nghĩa gì không ?” Hoàng tử thưa rằng : “[Nghĩa là] gánh chịu những việc nặng”. Vua lấy làm lạ lắm ! Sau đó, khi ra cung các đọc sách, hoàng tử không ham muốn gì, chỉ thích ngâm vịnh. Vua thường gọi vào nội điện, khi rồi việc một lát, hoặc khi đương tấu nhạc, hoặc đương lúc hầu cơm, sai làm thơ để xem có nhanh không. Rồi sai cung tần mang văn phòng tứ bảo của ngự dụng, cho phép được lấy mà dùng. Hoàng tử thứ hai khiếm tốn không dám vượt lễ, chỉ biết vâng mệnh nghĩ ngay thơ, hạ bút làm xong ngay. Vua khen là thông minh, có khi thưởng cho cái nhẫn lớn bằng ngọc kim cương, có khi ban cho cái bát cơm bằng thứ ngọc quý mà nhà vua đương ăn, dụ rằng : “Ăn thứ thừa này để chịu lấy phúc thừa”. Cận kề dạy bảo, yêu quý đặc biệt khác cả.

Đổi định lại phẩm hàm cho chức phòng thủ úy và chức tấn thủ, dụ cho bộ Binh rằng : “Quan chế về ban võ nguyên đặt chức phòng thủ úy, trật tòng tứ phẩm ; và việc coi giữ tỉnh thành các tỉnh, hiện đặt chức thành thủ úy, trật tòng tứ phẩm ; còn phòng thủ úy là hư hàm. Các nơi đầu nguồn, cửa biển, nguyên đặt chức tấn thủ, trật tòng tứ phẩm ; chức thủ ngự, trật chánh lục phẩm : phẩm trật hơi xa cách nhau. Từ trước, hoặc lấy cai đội, suất đội án bổ, hoặc lấy chức cũ bổ nhiệm, đều là chưa ổn thoả ! Chuẩn cho đổi định lại : phòng thủ úy, trật chánh ngũ phẩm ; tấn thủ, trật tòng ngũ phẩm. Phàm các chỗ đặt đồn như những nơi đầu nguồn, cửa biển, chuẩn cho đều đặt chức phòng thủ úy hoặc chức tấn thủ, đều chiếu nguyên phẩm trật đã được mà cải bổ, bất tất đeo theo quân hiệu cũ. Còn chức danh “thủ ngự” đặt trước thì bỏ bớt đi ngay. Những ai, từ trước nguyên thụ phòng thủ úy, trật tòng tứ phẩm, đều được trích ra đổi bổ làm thành thủ úy để tỏ ra nhất trí”.

Tỉnh Quảng Nam có bọn ác Man hơn 100 tên lên xuống nguồn Chiên Đàn, cướp bắt dân Kinh, kháng cự với biên binh giữ việc bắt giặc : quan quân có người bị chết hại ! Việc đến tai vua. Những quân giữ việc bắt giặc đều phải tội. Lại sai quan tỉnh là bọn Mai Công Ngôn nghiêm đốc để đánh dẹp.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TAM KỶ - QUYỂN LXXII

THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

Đình Mùi, Thiệu Trị, năm thứ 7 [1847], mùa thu, tháng 9, mồng một, ngày Đình Sửu, có nhật thực.

Ban 9 thiên “*Hoàng huấn*”. Vua thường nhân lúc rỗi việc, phỏng theo cổ thể *Kinh Thi*, làm ra thơ, có 9 thiên (Cao minh, Bác hậu, Sùng tuy, Trung lương, Từ ái, Hiếu để, Tào đoan, Hữu vu, Chỉ tín, gồm 9 thiên) ; sai đường quan và thuộc viên Nội các là bọn Nguyễn Bá Nghi, Tống Thất Hợp, Nguyễn Cửu Trường, Vũ Phạm Khải, Mai Anh Tuấn, Nguyễn Văn Siêu và Thân Văn Nhiếp chú giải biên tập. Dự rằng : “Trời cao, đất dày, che chở mọi sinh vật ; tam cương ngũ thường, giữ tính thường muốn đức. Chín thiên này làm ra, ta sẽ ban cho các giảng đường để tu tiến thêm. Các người nên theo phép chú giảng kinh, lần lượt giảng giải từng chữ, từng câu, cốt để phát minh chỗ quy thú, mà không mất bản chỉ, để hợp với ý ta”. Đến khi biên tập xong, họ dâng sớ lên nói :

“Từ đời cổ, Thánh đế minh vương hoá dân thành tục, có khi lấy mình mà dạy, có khi lấy lời nói mà dạy. Lấy mình mà dạy, nghĩa là lời nói việc làm chính sự đều có thể làm khuôn phép ; lấy lời nói mà dạy nghĩa là tuyên dương những lời phúng tụng để cho cảm thông và tin tưởng. Cho nên đức vua Thuấn rộng khắp mà chín công ⁽¹⁾ có thứ tự nên hát, đức nhà Chu nối sáng mà sáu thơ có dạy, hợp vào âm

(1) *Chín công* : tức là 6 phủ và 3 việc. “*Chín công* có thứ tự nên hát”, xuất xứ ở thiên “*Thuấn điển*” ở *Kinh Thu*, đã chú giải ở trên.

luật, phá vào đàn hát dùng ở triều đình, phổ cập đến từng làng từng ngõ, rạng rỡ mà đều chính đính. Từ đời Hán, đời Đường trở xuống, không nghe thấy có giáo hoá, tìm đến cái gọi là sáng đức sáng của mình, làm mới đức sáng cho dân, xem dân phong đặt ra giáo hoá, việc làm có thể đời đời làm phép cho thiên hạ, lời nói có thể đời đời làm khuôn mẫu cho thiên hạ thì chưa có. Ôi ! Đạo gốc ở khoảng trời đất, rõ rệt ở chỗ vua tôi có nghĩa, cha con có thân, vợ chồng có phân biệt, anh em có thứ tự, bầu bạn có tin thực, đều là chí lý rất giản dị. Sự vật quy tắc phải như thế. Người ta sinh ta, không thể ngoài trời đất mà sinh sống, cũng không thể ngoài cái tính ngũ thường. Bạc thánh nhân nhân cái chỗ có sẵn, chỉ đường để cho đi, mở cửa để cho vào. Thế gọi là tu đạo, là dạy. Khoảng năm Minh Mệnh, kính phụng thánh huấn 10 điều, ban bố trong Kinh ngoài tỉnh và cả thiên hạ, đến nay nhà truyền người đọc, về cái lòng giữ lễ thường, muốn đức ai cũng giống nhau, mà luân thường là thiết yếu. Lại thấy 9 thiên trong thơ ngự chế, nhân tấm lòng bảo cho lời dạy, phát ra lời nói làm thành sách, sâu xa thiết yếu rõ ràng, quan hệ cho giáo hoá ở đời rất lớn. Vua ban lời nói ra, là đạo thường, là dạy dỗ, xin đem khắc in, ban hành rộng rãi để mở nguồn giáo hoá mà sáng tỏ văn trị”. Vua cho lời tâu là phải.

Nhân bảo Nội các rằng : “Ngự chế tập thơ *Vũ công*, cùng tập *Cổ kim thể cách thi pháp* và tập thơ *Tài thành phụ tướng tiên thiên hậu thiên*, ba bộ sách này phải sai thuộc viên trong Nội các, mang giao cho 2 tỉnh Nam Định, Sơn Tây đem khắc bản in : ở Nam Định thì do Đặng Văn Thiêm Giám đốc công việc, ở Sơn Tây thì do Nguyễn Đăng Giai Giám đốc công việc, chuẩn cho sau tờ biểu trong tập thơ đều phải ký tên.

Vua lại bảo Nội các rằng : “Các tập thơ văn ngự chế, đều đã có biểu chép ở đầu quyển, duy có tập thơ *Phụ tướng Tài thành tiên thiên hậu thiên*, chuẩn cho các người làm bài “bạt” chép ở cuối sách để cho phân biệt. Thế rồi các thân dâng lên nói rằng:

“Trộm nghe : bói toán không có sách nào cổ hơn *Kinh Dịch*, tượng số toàn theo về trời. Đồ tiên thiên trước từ Phục Hy mà quẻ liệt ra từng vị. Đồ hậu thiên trước từ Văn vương mà quẻ biến thông đi. Có Hệ từ để đoán tốt xấu, tỏ những điều gì nên theo, điều gì nên tránh, thì lại là tinh ý của Văn vương, Chu Công, Khổng Tử : hoặc nhân tượng để lập nghĩa, hoặc nguyên đạo để dẫn trước cho dân. Mà *Thoán truyện* ⁽¹⁾ thì lời nói phần nhiều hợp vẫn, thế là đã gần như thơ rồi. Và lại, từ vô cực ⁽²⁾ trở về trước, âm hàm hỗn với dương, hai nghi ⁽³⁾ gây ra là dương phân chia với âm. Người sinh ra mà tính là tính của trời, cảm mọi vật mà động, là cái đục vọng của

(1) *Thoán truyện* : một truyện trong *Kinh Dịch* do Văn Vương làm.

(2) *Vô cực* : khi còn đời hỗn mang, chưa phân ra trời đất.

(3) *Hai nghi* : Trời và Đất.

tính. Đạo *Kinh Dịch* sinh ra ở chỗ động tĩnh. Cốt yếu đến chỗ theo đường tốt mà tránh đường xấu. Đạo *Kinh Thi* gốc ở tính tình, cốt yếu đến chỗ khuyên người làm thiện mà răn người làm ác. Thánh nhân ở trong thiên hạ, muôn sự muôn vật gặp chỗ nào cũng là thơ, tức là muôn sự muôn vật ở trong thiên hạ đều có thể làm được *Kinh Dịch*. Nhân *Kinh Dịch* để hợp với *Kinh Thi*, do *Kinh Thi* để rõ nghĩa *Kinh Dịch*, làm việc gì cũng đời đời làm đạo cho thiên hạ, nói điều nào cũng đời đời làm khuôn phép cho thiên hạ, nếu không phải bậc rất tinh vi rất sâu xa, thì ai được như thế ?

Hoàng thượng ta : nhiều tài trời cho, thể mạnh như trời đi, hợp cả tâm nguyện của Hi, Văn, trọng đạo giáo của Chu, Khổng, sáng kiến do tự trí mình hợp với cơ vi mâu nhiệm, lấy quả thiên cầu thay cho cỏ thi ⁽¹⁾, lấy màu đỏ màu trắng làm trước sau, đặt ra quẻ thì dựa vào số âm dương, xem biến tượng vào số lẻ số chẵn, mười can ở trời, năm phương ở đất, ngũ thường ở người, tham khảo mà đặt ra từng hàng, tóm lại mà bày lại, tức là đạo *Kinh Dịch* gồm cả 3 tài, mà 3 tài cùng một năm hành, năm hành cùng một âm dương đó. Số trời đất bắt đầu từ số 1, rồi sau đến số 10, 10 số mười tích lại mà sinh ra số 100. 1 thường sinh ra 2 mà thành 200, 200 lại thành 400. Cái ngày xem bói cùng biến đi cùng sinh ra, tức là *Dịch* có hối có trinh ⁽²⁾, một quẻ có thể biến làm 64 quẻ, 64 quẻ có thể biến làm 4.096 quẻ. Còn lời xem nói thì *Kinh Dịch* có lời quẻ ⁽³⁾, có lời hào ⁽⁴⁾ có truyện Thoán, có truyện Tượng ⁽⁵⁾. Sách này thì rút gọn lại làm tuyệt cú 7 chữ. Một quẻ hệ lấy 1 chương, thuộc về tiên thiên gồm 100 chương, thuộc về hậu thiên gồm 100 chương, lấy tiếng và vần để hạn tiết, lấy : âm luật để hợp vào, tức là lấy chính giáo của *Kinh Thi* làm lời trong quẻ của *Kinh Dịch*, lấy vịnh ca của *Kinh Thi* làm bói toán của *Kinh Dịch*, lấy nghĩa rất sâu, dùng chữ rất lạ, ý thì xa mà lời văn hoa. Lấy 3 cực ⁽⁶⁾ muôn việc làm kinh kỹ, làm then máy cho lễ, nhạc, hình, chính, chỉ đường xu hướng cho sĩ, nông, công, thương, cùng cứu lưu ⁽⁷⁾ trăm vật giao thác thành chương, thể tính tình trong *Kinh Thi*, hết biến thông của lẽ *Kinh Dịch*. Mong cho người xem bói giữ mình và lòng trong sạch, đem cái lòng hỏi *Kinh Dịch* mà cầu, thì quả thiên cầu có hay bày ra từng quẻ, nghiêm nhiên như những cái thẻ bồng cỏ thi, xem đến lời quẻ lấy ý mà đón chỉ, lấy phép nói *Kinh Thi* để thông đi thì những câu thơ xem bói rõ là một lời “Hào” trong *Kinh Dịch*, thần minh mà suy xét thêm ra, để xem việc được, việc hỏng, để phân

(1) *Cỏ thi* : thứ cỏ dùng để xem bói.

(2) *Hối, trinh* : trong *Kinh Dịch* “hối” là có lỗi thì phải ăn năn, “trinh” là chính mà vững bền.

(3) *Quẻ* : như quẻ Kiền, quẻ Khôn trong *Kinh Dịch*.

(4) *Hào* : tức “Hào từ” trong *Kinh Dịch*, nên nghĩa chuyển biến của mọi vật mà trong quẻ đã nói đến.

(5) *Thoán, Tượng* : hai truyện trong *Kinh Dịch*, “Thoán” do Văn vương làm ra, “Tượng” do Khổng Tử làm ra.

(6) *3 cực* : tức là 3 tác.

(7) *Cứu lưu* : chín phái : 1. Nho gia, 2. Đạo gia, 3. Âm dương gia, 4. Pháp gia, 5. Danh gia, 6. Mặc gia, 7. Tung hoành gia, 8. Tạp gia, 9. Nông gia.

biện quẻ tốt, quẻ xấu, để phát minh nghĩa tinh vi của tạo hoá, để sánh với công hoá dục của trời đất, là ở chỗ đó chăng ? Lời “Văn ngôn” ở quẻ Kiền có nói rằng : “Này, bậc đại nhân cùng hợp đức với trời đất, cùng hợp sáng với mặt trời, mặt trăng, hợp tiết tự với bốn mùa, hợp tốt xấu với quỷ thần, trước trời mà trời không trái, sau trời mà vâng theo thời trời ; trời còn không trái hướng chi đối với người ? Hướng chi đối với quỷ thần ?”. “Đại tượng” quẻ “Thái” nói : “Đất trời là tượng quẻ Thái, những vị vua chúa dùng tượng quẻ ấy để sửa sang đạo trời đất, giúp những việc chính đáng của trời đất, để giúp đỡ dân”. Thánh nhân ở hai quẻ Kiền và Thái trong *Kinh Dịch* phát minh ra hai nghĩa lớn ấy, vì tất phải có đức như quẻ Kiền, rồi sau mới hợp cả tiên thiên và hậu thiên làm đại thành, lại có thời như quẻ Thái, rồi sau có thể hợp cả công việc sửa sang giúp đỡ vào đạo trung.

“Hoàng thượng ta lấy đức thánh nhân, được thời thánh nhân, thể theo quẻ Kiền, suy xét đến quẻ Thái, vốn từ trong dân, để dạy cho đời. Và lại, ở trong tập này, lời lẽ mâu nhiệm, nghĩa lý uyên thâm, ngầm để bảo người, quẻ hệ lấy tiên thiên hậu thiên, tên gọi là “Tài thành phụ tướng”, ngược thấy thánh nhân ký hững sâu và mâu nhiệm xa và to lớn, tiến lên xem tập thơ *Thiên cơ dự triệu* của thánh chế, đạo và lý cùng liên lạc phối hợp với nhau, không còn phải ngờ nữa. Đạo lý ấy đều ở trong *Kinh Dịch*, đã được phát minh rất lớn”.

Tờ tấu dâng lên, vua khen là phải. Tức thì sai lục giao để khắc rồi in dính vào cuối tập.

Sắc cho bộ Hộ tư dân phái viên sang Trung Quốc : “Hễ thấy các sách lạ trong thiên hạ, tuy không do Nội các kê tên, cũng cho thu nhật mà mua lấy. Và lại, ta vốn thích sách vở, thường muốn xem rộng cả sách đời xưa và sách đời nay, cho nên hễ nghe thấy ở nhân gian có sách gì lạ, tuy đem nghìn vàng mua về cũng không tiếc”.

Vua bảo bộ Hình Phan Thanh Giản rằng : “Hình là thành ; đã thành thì không thể đổi đi được. Ta đối với việc dựng hình càng gia tâm cẩn thận. Gần đây, các nha môn xét hỏi việc hình, phần nhiều sơ suất, tức như vừa rồi, tri phủ Hàm Thuận là Nguyễn Bá Nhạ kết án rồi đệ lên một vụ án mạng lấy người sống làm người chết, buộc người ta vào tội ! Cái lầm về hình án không ví như cái lầm tầm thường mà người ta đã phạm được. Phải thông dụ ngay cho các nha môn lớn nhỏ ở trong kinh, ngoài tỉnh : từ nay, phàm tra xét việc án mạng, cốt phải 10 phần chính xác, đừng để cho kẻ không có tội mà bị oan, như cái án ở Bình Thuận đó ! Lại như vụ án nguy ở Thái Nguyên, nguy mục nhiều đến 13 - 14 tên mà tông đảng chỉ có 4 - 5 tên ! Nguyên cái việc của chúng làm, giống như phường múa rối. Và lại, cái tên gọi là “Lê thị chân nhân”, đã xét, không biết quẻ quán ở đâu, thế là chắc không có người, chỉ là do bọn vô lại giả phác danh hiệu để lừa dối ngu đó thôi. Kẻ thủ phạm về án này đã bị xử tử ngay rồi, hình pháp như thế là đủ. Nếu chỉ lấy một chữ “nguy” liên

luy lan mãi ra, vợ cả vô số lương dân, lòng ta rất không nở ! Đến như những kẻ phạm đem quân đi trốn tránh, tình tiết cũng nhẹ, nên do những địa phương bắt được tra xét, tội có gia lên hay không gia lên là tùy ở chỗ kẻ phạm có tái phạm hay không tái phạm. Điều ấy từ trước đến nay chưa có định lệ. Cho nên thi hành phần nhiều không giống nhau. Bộ phải nghị tấu, nhất luật thi hành : kẻ nào tái phạm thì gia đẳng lên, kẻ nào không tái phạm thì cứ y như bản tội”.

Bán thóc ở kho tỉnh Hà Nội cho dân. Dụ rằng : “Tỉnh Hà Nội vừa gặp tai nạn riêng, là đê sông vỡ ! Tuy hiện nay thế nước hơi xuống, lúa ruộng lục đục cấy lại được, ta hơi được yên lòng, nhưng nghĩ đến dân ta trải qua nạn lụt ấy, 10 nhà túng thiếu đến 9, tình hình quần bách không thể tránh khỏi được ! Vậy sai quan tỉnh cho lấy thóc kho 65.000 hộc, giảm giá bán ra cho dân (chiếu giá gạo kỳ tháng 8, đều giảm 2 tiền) để thư nổi cấp bách cho dân. Điều tể phen này nếu nhất luật khởi sắc được, cố nhiên là tốt ; nếu cấy tục giá mà muộn quá, khó mong được mùa, thì nổi túng thiếu phải nên chu cấp cho, cũng phải cứ thực làm từ tâu lên, đợi ban ơn ra. Ta một lòng lo lắng cho dân, tuy đến hàng nghìn, hàng vạn cũng không tiếc”. Trước kia, khi nước lụt mới lui, quan tỉnh tâu nói những dân xã bị nạn lụt, không thiệt hại cho lắm. Vua bảo bộ Công rằng : “Nhiều chỗ đê vỡ như thế, ta ngờ dân gian không khỏi đắm đuối, lúa ruộng không khỏi tổn hại, quan tỉnh tâu như thế, có thực hay không ? Hay là nói cho vui tai đó thôi ? Ngoài ấy nếu có người tỉnh Hà Nội đến hoặc người Kinh phái đi việc công về, hỏi cho rõ ràng, tâu lên ta xem, để biết hết được tình trạng”. Sau đó, có Tri phủ Hoà An là Bùi Ái từ Bắc đến, nói : “Từ tỉnh Hà Nội đến tỉnh Ninh Bình, trông suốt một làn nước trắng, thực tình bị lụt rất là thiệt hại !”. Bộ Công đem việc tâu lên. Vua tái người đi, nói rằng : “Khúc đê nghìn trượng vỡ vì chỗ tổ kiến, cái hại [dấp đê đắp] tranh với sông đến như thế đấy ! Đáng thương lắm !”. Nguyễn Văn Điển nhân nói : “Lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh là Tôn Thất Bật về nộp lên chữ châu phê không có làm tập tâu ; chiếu lệ thế là không hợp”. Vua quả rằng : “Bật có tính cạy mình như loài thú dữ, tấu đối đã như thế, làm việc lại như thế ! Phạt bổng 6 tháng, để răn cho chừa đi”.

Thưởng cho quan địa phương Sơn Tây và Hưng Yên. Vua thấy năm nay thế nước khác thường, các tỉnh Hà Nội, Bắc Ninh và Nam Định đều có vỡ đê, tỉnh Sơn Tây ở thượng lưu sông Nhị Hà, tỉnh Hưng Yên cũng là một nơi xung yếu của sông Nhị Hà, thế mà đê điều sở tại đều giữ được vững chắc, mới sai quan ở bộ chước lượng nghị thưởng gia cấp và kỷ lục có thứ bậc cho từ quan tỉnh đến phủ huyện.

Sắc cho bộ Hộ hội đồng làm bản danh sách tổng kê số điền địa, số đình, số tiền thóc, số vàng bạc, về năm Minh Mệnh thứ 21 [1840] và năm Thiệu Trị thứ 7 [1847], tháng 8 trở về trước, số hao đi, số còn lại là bao nhiêu.

(- Năm Minh Mệnh thứ 21 :

Số đinh 970.516 người

Ruộng đất 4.063.892 mẫu.

Thóc 2.804.744 hộc ⁽¹⁾

Tiền 2.852.462 quan.

Vàng hơn 1.470 lạng.

Bạc 121.114 lạng.

Năm ấy chỉ còn :

Thóc gạo 6.544.376 hộc phương ⁽²⁾.

Số tiền 14.335.337 quan.

Vàng và các hạng tiền hơn 37.480 lạng, trong đó cất kỹ đi hơn 31.261 lạng 2 đồng cân. Các hạng bạc hơn 2.506.670 lạng, trong đó cất kỹ đi hơn 2.000.169 lạng.

- Năm Thiệu Trị thứ 7 :

Nhân đinh 1.029.501 người.

Điền thổ 4.278.013 mẫu.

Thóc 2.960.134 hộc.

Số tiền 3.108.162 quan.

Vàng 1.608 lạng.

Bạc 128.773 lạng.

Trừ ra tháng 8 trở về trước, tiêu hao đi rồi, chỉ còn :

Thóc, gạo 9.466.460 hộc phương.

Tiền 12.234.358 quan.

Số vàng 48.741 lạng 1 đồng 1 phân, trong số đó cất kỹ đi 42.709 lạng 4 đồng 8 phân. Bạc hơn 3.265.346 lạng 9 đồng 7 phân, trong số đó lưu lại và cất kỹ đi hơn 3.000.169 lạng 3 đồng).

Từ khi biên thủy miền Tây có việc, trong 3 tỉnh Gia Định, Vĩnh Long và An Giang, ruộng đất ở các xã, thôn, phường phần nhiều bỏ hoang, quân dân thiếu ngạch ; các tỉnh thân tâu xin điều tể. Vua cho là việc quan hệ đến chính sự lớn của dân sinh, giao xuống cho đình thân nghị, tâu lên.

Cho hoàng tử có tước công, hoàng tử, hoàng tôn, hoàng đệ và văn võ đình thân các hạng quế có khác nhau.

(1), (2) Thóc gạo số nguyên ít mà số chỉ còn lại nhiều hơn, ngờ là sách in lầm, không biết số trên sai hay số dưới sai.

Nhắc lại điều cấm theo tả đạo cho các quan chức trong kinh ngoài tỉnh. Dụ rằng : “Đạo Gia tô là tà giáo, làm mê hoặc lòng người rất sâu, không những cấm đồ làm cho tiểu dân u mê, mà đến cả người trong quan chức, cũng có kẻ say mê không tỉnh ! Gần đây như việc Đà Nẵng ở tỉnh Quảng Nam, Suất đội Vũ Văn Điển vì Dương di ⁽¹⁾ mà ngầm đưa tờ ước thúc, làm tiết lộ quân cơ ! Lại như Phan phủ Trần Quang Giao ở tỉnh Sơn Tây ngầm theo tả đạo, không lo liệu việc tang mẹ. Những hạng người như thế, kẻ cũng có nhiều, không thể để cho nó lớn dần lên mãi được. Vậy hạ lệnh cho các thượng ty ở trong Kinh ngoài tỉnh phải gia tâm kiểm sát những thân biên thuộc dưới quyền, nếu có người nào không gột bỏ sách đi được, thì trích ra tham hặc, trị tội, để tuyệt cái rễ xấu.

Sai : Thị lang bộ Lại Phan Trứ sung Chủ khảo trường thi Hà Nội ; thự Bó chính Nghệ An Hoàng Đạo làm Phó ; thự Phủ doãn Thừa Thiên Nguyễn Công Trứ sung Chủ khảo trường thi Nam Định, Thiêm sự phủ Thiêm sự Phạm Hữu Nghi làm Phó. Lấy đồ 47 cử nhân.

Trường Hà Nội 26 người : Nguyễn Du, Hoàng Xuân Hợp, Nguyễn Mai, Đoàn Duy Thực, Trần Hồ, Nguyễn Phiền, Nguyễn Huy Tân, Nguyễn Nho Du, Nguyễn Bá, Đỗ Trọng Đại, Ngô Mẫn, Lô Đình Tuyển, Trịnh Phấn, Nguyễn Văn Nho, Đặng Trần Chuyên, Phan Hưng, Nguyễn Trọng Thiện, Vũ Đình Thoa, Nghiêm Ứng, Đồng Danh Vọng, Lê Hữu Tá, Đào Văn Du, Nguyễn Quang Lăng, Khương Bá Khanh, Ngô Xuân Mỹ, Lê Quang.

Trường Nam Định 21 người : Trần Đình Mỹ, Nguyễn Huyền, Phạm Huy Bằng, Trần Văn Soạn, Phạm Đăng Đệ, Đặng Xuân Thống, Trần Thế Kinh, Nguyễn Hữu Thuận, Phạm Tảo, Đặng Phác, Phạm Chính Nghi, Vũ Huy Cơ, Nguyễn Đình Thản, Đặng Toán, Phạm Tuấn, Nguyễn Huy Khanh, Mai Quang Nhuận, Nguyễn Văn Trinh, Chu Phương Quế, Nguyễn Huyền, Nguyễn Tuấn Khanh).

Đốc học tỉnh Vĩnh Long là Lại Thế Mỹ bị mất chức. Lấy Viên ngoại lang bộ Lại Hoàng Văn Minh thay vào.

Định rõ lại điều lệ ty Tam pháp ⁽²⁾ :

(- Phạm người nào đến công đường đệ đơn kiện, mình phải viết lấy đơn, có chữ quan cai quản nhận thực. Còn người nào không viết được chữ, ở gần chung quanh Kinh kỳ, cho đem theo người viết đơn thay để hỏi ; ở các địa phương xa cho người viết thay biên cả họ tên quê quán vào cuối đơn. Nếu xét ra là bói chuyện đi kiện thì cứ nhằm người viết đơn, chiếu quê quán ở cuối đơn bắt để trị tội. Nếu không có người viết hộ đơn mà tự người đi kiện biên liêu người viết hộ vào đơn thì gia đẳng

(1) Dương di : mọi rợ ở Tây dương (tiếng dương thời dùng chỉ người Tây dương).

(2) Tam pháp : Hình bộ, Đại lý tự, Đô sát viện.

trị tội người đi kiện. Còn những người ở gần Kinh kỳ hoặc xa ở các tỉnh ngoài, mà đem đơn đi kiện phải đánh trống lên để đệ đơn, thì không cứ có người viết hộ đơn hay không đều do Pháp ty thu nhận, chiếu lệ tâu lên để sẽ bàn. Tựu trung những đơn án từng kỳ đệ đến ở gần quanh Kinh kỳ đã đem người viết hộ đơn đi để đổi chất, xa ở các địa phương, đã có họ tên quê quán người viết hộ đơn, thì chiếu xem nên tra xét hay nên bác đi, bàn cho ổn thoả, tâu lên để tiến hành. Nếu ở gần Kinh kỳ, không đem theo người viết hộ đơn ; ở ngoài xa, không biên rõ họ tên quê quán người viết hộ đơn, thì Pháp ty giao trả ngay ở trước mặt người đi kiện, không nhận.

- Những người quân, dân nếu có tình trạng oan khuất, sẽ cho đến ngay Pháp ty để đệ đơn kiện. Ai trái lệnh sẽ chiếu điều lệ khâm định năm Minh Mệnh thứ 9 [1828] mà trị tội : Người viết hộ đơn và người phạm tội, tội cũng như nhau. Nếu xét ra là người xui người đi kiện, lập tâm xui bậy người ta, thì lấy người xui đi kiện làm thủ phạm, người nghe xui giục mà đi kiện là tòng phạm.

- Từ sau, phạm những con quan văn đệ đơn kêu xin vào Bộ hoặc Giám, con quan võ xin vào trường Anh danh, Giáo dưỡng, và những thợ được chi lương, xin miễn trừ [binh dịch], chuẩn cho theo lệ năm Minh Mệnh thứ 19 [1838], đều đầu đơn kêu ở bộ. Đến như nhân viên bị cách, bãi, tình nguyện theo vào bộ, hoặc đầu quân, hoặc nộp quyển đi thi hoặc theo phái đi biển để hiệu lực, cùng là các việc tranh trung, tranh lĩnh ruộng đất, hoặc nơi cửa tuần, nơi bến sông ; thợ thuyền nếu có kêu xin chức miễn sai dịch : đều do Pháp ty thu nhận đơn kêu, chiếu lệ nghị xử.

- Phạm dân các hạt, đàn ông từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, cùng những người bị bệnh thành cố tật và các phụ nữ đều không được đến công chính đường đầu đơn kêu, trừ ra ngoài nào có tình trạng oan uổng thiết thực và nhà không có chồng hoặc người đàn ông thân thuộc nào có thể đi kêu thay, mới chuẩn cho đầu đơn kêu. Ai trái luật thì đuổi ra.

- Từ sau, phạm Pháp ty thu nhận những đơn kêu, đơn nào tra cứu không khó khăn lắm, chỉ ở các nha môn Kinh thành trong hạn 10 ngày phải xét nghị tâu lên, gián hoặc có đơn nào việc đã lâu, hay là số mục nhiều, tình lý rắc rối, và phải tư đi xét hỏi ở địa phương, thì do Pháp ty chức lượng xin triển hạn nhật kỳ, cốt sao cho y hạn làm xong, nhưng ở trong bản tập nghị phải nói rõ ngày các địa phương phúc đáp đến để cho đủ tra xét ; nếu viên chức thừa hành tự ý để chậm lại đến ngoài hạn thì do Pháp ty chỉ rõ từng tên mà hặc tâu lên, đợi Chỉ trừng trị).

Định lệ tu bổ tàu thuyền. Phạm những thuyền bọc đồng, kể bắt đầu từ năm mới đóng, 5 năm một lần tu bổ, thuyền không bọc đồng thì 3 năm một lần tu bổ. Đã trải 2 - 3 lần tu bổ rồi mà tài liệu có hư hỏng, cho tháo ra từng tấm ván để đóng lại ; nếu không hư hỏng, thì chỉ hoá vật công ra để tu bổ, không buộc vào niên hạn, cứ hàng năm lau dầu và sửa sang lại một lần.

Lấy Hình khoa thự Chương án Giang Văn Hiến án bổ thự Chương án Ngự sử đạo Kinh kỳ, xem xét cả công việc Tôn nhân phủ.

Cho Lãnh binh tỉnh Bình Định, Thừa an úy, An Khương nam Trần Tri thăng thự Chương vệ, quyền Chương án vụ dinh Kỳ võ, được dự đình nghi ; vệ úy vệ Nhi Trung bảo là Nguyễn Hoá bổ làm Lãnh binh tỉnh Bình Định ; thự Phó vệ úy vệ Trung dinh Hùng nhuệ Lê Nguyên bổ thự Phó vệ úy vệ Tả dinh Long võ.

Có 2 chiếc quân thuyền nước Anh đến cửa biển Đà Nẵng. Tỉnh thân Quảng Nam là Mai Công Ngôn đem việc tâu lên. Sai thự Tham tri bộ Hộ Tôn Thất Thường, đến ngay hỏi rõ tình ý đến đây. Thuyền trưởng là Đức Huệ Lư nói : Đến đây là vãng mệnh của quốc trưởng hần, muốn được đến Kinh chiêm cận, mới chịu trình quốc thư lên. Tôn Thất Thường cho là xin như thế không hợp lệ, khước đi ; cùng nhau tranh biện đến hơn 10 ngày, hậu gia khoản đãi, rồi thường cho vật hạng chiếu lệ năm Thiệu Trị thứ 5 [1845], châm chúc nghĩ biện. Rồi thuyền Tây dương nhỏ neo đi.

Vua không được mạnh : từ đầu tháng 8, hơi trở trời. Vài ngày sau lại khởi dần, gượng bệnh coi việc chính trị, số tấu bốn phương đều chuẩn cho mỗi ngày tiến trình, tuy từng việc mà phê trả lời. Rồi nhân nhọc mệt, bệnh tình chuyển thành trầm trọng. Đến ngày Quý Ty, tuyên triệu cố mệnh lương thân Trương Đăng Quế, đại thần Vũ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Thiếp vào hầu. Vua đợi vắng 2 bên, bảo rằng : “Ta nối nghiệp lớn, đến nay 7 năm, sớm tối chăm lo, không dám nhàn rỗi. Gần đây bị bệnh, nay mệt lắm rồi, nghĩ đến nghiệp lớn của tổ tông giao phó vào mình, ta không thể không nghĩ sẵn chí kế của xã tắc. Các con ta, Hồng Bảo tuy lớn, nhưng là con vợ thứ, mà lại ngu độn, ít học, chỉ ham vui chơi, không thể để cho kế thừa nghiệp lớn được. Hoàng tử thứ hai là Phúc Tuy công⁽¹⁾ thông minh, nhanh nhẹn, chăm học, giống như ta, có thể nối ngôi hoàng đế. Trước đây ta đã tay phê vào di chiếu để trong cái ống rỗng, nay giao cho các người kính cẩn phong kín, vạn nhất ta có mệnh hệ nào, thì tuyên bố ngay để cho thần dân trong ngoài đều biết ta sở dĩ cẩn thận chọn người nguyên lương là cái ý lo sâu nghĩ xa. Các người đều là đại thần của nước, chịu ân sâu nghĩa nặng, nên đem tấm lòng giúp ta mà giúp tự quân. Phải kính cẩn thay, chớ bỏ mệnh lệnh của ta !”. Các đại thần đều chảy nước mắt khóc, rồi lui ra. Ngoài triều đình không ai biết. Rồi viện Thái y ngày dâng thuốc thang, không khỏi. Hoàng tử thứ hai là Phúc Tuy công và các hoàng tử sớm hôm châu chực hai bên ; đại thần Trương Đăng Quế chực ở Tả hữu vu để thỉnh an. Ngày Quý Mão, bệnh rất nặng, vua mất ở chính điện cung Càn Thành, thọ 41 tuổi : Hoàng tử, hoàng nữ tất cả 54 người (hoàng tử 29, hoàng nữ 25), ngày hôm ấy,

(1) Phúc Tuy công : dưới 3 chữ này nguyên thư xoá đen đi, là do kiêng tên Tự Đức.

hoàng thân và các quan văn võ đều ở đấy. Tuyên di chiếu ở điện Cần Chính. Chiếu rằng :

“Từ đời cổ, những bậc thánh đế, minh vương, hiền chúa, không ai là không cẩn thận về việc chọn đặt chủ tể thừa tự, trong lúc để lại những việc to lớn gian nan, trọng xã tắc ở chỗ làm rõ ràng đời trước, yêu thiên hạ ở chỗ để pháp độ cho đời sau. Ta là người bạc đức, chịu mệnh trời cho, Tổ khảo để lại, thống trị nước Đại Nam đến nay đã 7 năm : nghiêm cẩn như dây cương đã mục mà kìm 6 ngựa, ngày một cẩn thận hơn, không dám rời rãi vui chơi. May nhờ trời và tổ tiên giúp cho, ghi nhớ trong lòng những lời Hoàng khảo dạy bảo. Sửa sang mọi việc, một bụng chăm lo, muốn dân được yên. Nói được vũ cống : nước Chân Lạp đến châu, nộp lễ cống ; chấn hưng văn trị : hai khoa thi Hương thi Hội cùng mở luôn năm. Thanh giáo chiêu tuyên : hai nước Thủy Xá, Hoả Xá vào hàng phiên phục. Lấy ân lễ hậu đãi những người hiền lương, các quan đầy cả triều đình. Trong ấm ngoài yên, năm được mùa, nước sông thuận. Thế mà năm nay nước lũ về mùa thu, sông Nhị Hà ở về các tỉnh Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định, những việc nguy hiểm kế tiếp nhau xảy ra, đe sông vỡ lở ! Ta nghĩ đến tình cảnh của dân, khôn xiết lo sợ ! Trù tính nghĩ ngợi, may mà dân ở xa chỗ đe vỡ, lại hạp long được ngay. Không đến nỗi tai hại, dân được yên ở. Nhưng ta vì dân phải lo liệu trước. Phái ngự sử đến ngay hội đồng với quan địa phương khám rõ, tùy từng nơi mà phát chẩn hoặc bán thóc gạo cho dân, để đỡ cho dân ăn. Và lại, mấy năm việc biên phong phương Nam hơi thư được lo nghĩ, thì ngày nay nạn nước lụt ở phương Bắc, càng thiết tình hoài. Lại tưởng nhớ Dao Cung⁽¹⁾ đức tốt, ngày một thương tâm. Gắng tinh thần nghĩ đến dân nham⁽²⁾, càng thêm mỗi mệ ! Ngày mồng 5 tháng 8, ta không được mạnh, đến mồng 9 hơi đỡ, mồng 10 ngự điện coi chính trị xong, khi về cung, bệnh lại tăng ! Luôn đến tháng 9 đây, chuyển thành trầm trọng ! Nhưng mà ngày ngày các quan tâu việc đều chuẩn cho tiến trình, gương bệnh tùy phê từng việc, không để động lại chút nào. Và lại, nhận trách nhiệm trị nước yên dân, còn hơi thờ ngày nào thì việc nước tình dân đều phải thoả biện ngày ấy, có dám dựa vào cái gối để làm ra mỗi mệ không chăm việc được đâu ! Chỉ duy lòng trời khó tin, vâng mệnh không thường, cho nên sợ uy trời mà phải giữ gìn. Ngày hôm ấy bệnh chuyển nặng dần lên ! Sau khi ta muốn tuổi, để tờ di chiếu lại, lấy Hoàng tử thứ hai, Phúc Tuy công là người có học mà giống như ta, có thể nối được nghiệp lớn lên ngôi hoàng đế. Tự quân, người nên nghĩ đến liệt tổ mở mang ra nghiệp trung hưng khó nhọc, liệt tông giữ thành nghiệp chấn hưng trị đạo không phải là dễ, kính trời, bắt chước tổ tông, chăm chính sự, yên dân, thân người hiền, lo toan việc trị nước, giữ lấy điều thiện, hậu với người thân, đừng cho

(1) *Dao Cung* : cung Hoàng thái hậu.

(2) *Dân nham* : lòng nham hiểm của dân.

điều thiện là nhỏ mà không làm, đừng cho điều ác là nhỏ mà cứ làm ; phạm việc phải theo pháp độ trước, giữ lâu không trái lỗi gì. Lại chuẩn cho cố mệnh lương thần là Trương Đăng Quế, đại thần là Vũ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Thiếp đều sung làm phụ chính đại thần. Và lại, Trương Thái bảo hai lần nhận mệnh lệnh khi nhà vua tựa ghé gần mất, giúp ta mưu tính việc chính trị, đã lâu năm đến nay, dân yên, nước trị, văn thịnh, vũ thành, nên đem lòng trung lương ấy giúp nước yêu vua để thờ ta cũng đem lòng ấy giúp tự quân làm kế trị an lâu dài. Vũ, Lâm, Nguyễn ba người tri ngộ với ta, báo nước giúp vua, giải tỏ lòng trung thành cần mẫn, làm chân, làm tay, các người nên trên giúp tự quân những chỗ thiếu sót, dưới chính kỷ cương triều đình, khiến cho thiên hạ yên như thái sơn bàn thạch. Thật là không phụ lời dặn ân cần trong lúc hơi tàn mà lo toan để báo ơn nước đó. Thân nhân và bọn con cháu ta, đều đội ơn trời và tổ tôn để phúc cho, đều nên hết lòng trung để báo ơn sâu tác thành của Hoàng tổ, Hoàng khảo ta, mong không thẹn cho dòng dõi nhà vua. Trong thì khanh tế, bộ, viện, ngoài thì tuần tuyên, tư mục các quan văn võ lớn nhỏ đều phải giữ chức sự của mình, quan to thì giữ phép, quan nhỏ thì thanh liêm, trị nước lo việc cho vua, yên dân giúp trị, để hưởng phúc nước nhà lâu dài. Vậy bá cáo rộng ra để đều được nghe biết. Thiệu Trị năm thứ 7 [1847] tháng... ngày..." (chỗ ngày tháng còn để trống).

Hoàng tử thứ hai là Phúc Tuy công khóc lay văng mệnh, lại đến điện Càn Thành, lay nhận ấn vàng, ấn ngọc truyền quốc và áo hoàng bào muôn năm nối ngôi. Lễ xong, hoàng thân, Tôn nhân phủ, văn võ các quan dâng tờ khuyến tiến. Ngày Giáp Thìn đem lệnh Chỉ bá cáo trong Kinh ngoài tỉnh rằng :

“Đại hành hoàng đế ⁽¹⁾ se mình, ngày 17, tuyên triệu cố mệnh lương thần là Trương Đăng Quế, đại thần là bọn Vũ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Thiếp vào hầu, thân ban tờ di chiếu châu phê, cho ta nối ngôi hoàng đế, tựa ghé ngọc ban mệnh lệnh, tính đến xã tắc trước, nên ngày tháng trong tờ chiếu chưa viết rõ. Ngờ đâu giờ Sửu ngày 27, Tiên đế lên châu trời. Than ôi ! Đau lắm thay ! Ngày hôm ấy, quần công và các quan đều ở đó, phụng mệnh tuyên tờ di chiếu ở điện Càn Chính. Ta còn tuổi trẻ, khóc lay văng nhận. Lễ xong, Tôn nhân phủ và văn võ bách quan cùng lời khuyến tiến. Ta lo thương ở nơi tang tóc, ruột đau như cắt, chỉ nghĩ sự phó thác là trọng, nên không dám chối từ, trông lên tuân theo mệnh lệnh để lại, bớt sự đau thương, thuận việc quyền biến, dưới theo lòng dân, chọn ngày tốt, lấy ngày mồng 3 tháng 10 lên ngôi hoàng đế. Rồi theo lễ chế đời cổ, làm lễ để tang 3 năm. Chế độ để tang có thứ bậc khác nhau. Những công việc nên làm sẽ do đình thần và bộ Lễ nghị chuẩn thi hành”.

(1) Đại hành hoàng đế: một vua vừa mất đi mà chưa đặt tên thụy và miếu hiệu thì gọi chung là “Đại hành hoàng đế”.

Ngày Canh Tuất, làm lễ Thành phục. Ngày Canh Thân, để tử cung ⁽¹⁾ ở điện Long An. Tháng 11, ngày Nhâm Dần, dâng tôn hiệu là Thiệu thiên Long vạn, Chí thiện Thuần hiếu, Hoan minh, Tuệ đoán, Văn trị Vũ công, Thánh triết Chương hoàng đế, duệ hiệu ở nhà tôn miếu là Hiến Tổ.

Năm Tự Đức thứ 1 [1848], tháng 5, ngày Bính Thân, Ninh lăng ⁽²⁾ ở núi Thuận Đạo, làm toại lễ ⁽³⁾, gọi là Xương lăng. Năm thứ hai, tháng 11, ngày Mậu Thân rước thần chủ lên làm lễ phụ ⁽⁴⁾ vào nhà thế miếu ; khi thần vị đã rước lên, làm lễ phụ vào điện Phụng Tiên ⁽⁵⁾.

Nhà vua ⁽⁶⁾, với tư chất thánh minh, giữ vận hội thịnh trị, chăm lo một lòng, sửa sang trăm việc, kính vâng giao miếu, thừa hoan chốn đình vi, lấy ơn hoà tôn tộc, lấy lễ đãi quần thần, chia ra tào, cục, phân biệt đẳng uy mà nghiêm chỉnh chỗ quan kỹ, ức chế ngoại gia, răn kẻ hầu cận mà trong sạch chính sự trong cung, lấy thêm giải ngạch để nâng văn phong, mở khoa thi võ để khuyến sĩ khí, làm việc khánh tiết ban ân huệ, lần lượt đến hơn trăm điều, công bằng việc ngục, khoan việc hình, toàn hạt kể đến nghìn vạn, cho nên văn giáo tràn rộng đến bốn biển, vũ công phục cả Man hoang, diêm lành ứng cả mười phần, hộ khẩu lên đến 100 vạn. Ôi, tốt lắm thay ! Những khi rối việc, lưu ý đến nghệ văn, trong khoảng 7 năm làm ra 4 tập thơ thánh chế, 2 tập văn, cùng các tập *Cổ kim thể cách*, *Tài thành phụ tướng*, đều để giải tỏ những nghĩa ẩn vi, phát triển những nghĩa huyền diệu, không phải những người chương cú tầm thường dòm được một phần muôn. Đến khi tựa ghế ngọc truyền mệnh lệnh lại, ân cần dạy bảo, một thiên di chiếu, an tường tĩnh định, tuy những ý của thánh đế minh vương đời cổ truyền thụ tinh vi cũng không hơn được.

(1) *Tử cung* : quan tài liệm xác vua.

(2) *Ninh lăng* : tiếng tôn trọng ngày trước quen dùng để chỉ việc an táng vua chúa.

(3) *Toại lễ* : lăng nhà vua, bên ngoài cái hầm để quan tài có làm đường bánh xe đi gọi là “toại đạo”..., khi đặt quan tài lên toại đạo thì đẩy vào trong hầm.

(4) *Lễ phụ* : rước thần vị những vị mất sau lên phụ thờ vào tổ miếu.

(5) *Phụng Tiên* : điện đã thờ Gia Long và Minh Mệnh.

(6) *Nhà vua* : đây chỉ Thiệu Trị. Nói lại các công đức của Thiệu Trị khi còn sống.

BẢNG SÁCH DẪN

ĐẠI NAM THỰC LỤC - CHÍNH BIÊN - ĐỆ TAM KỶ

A

- A Nặc Nhĩ (nước) : 670
 A Nhân (trại) : 499, 620
 A Sơn (trại) : 500
 A Uyển (nước) : 670
 Ác Man (bộ lạc) : 643
 Ai Lao : 147, 163, 352, 415, 599, 751
 Ái Tử (sông) : 292, 416, 417
 An Ba (nguồn) : 510
 An Bắc (huyện) : 618, 639
 An Bài (bảo) : 188, 511, 680
 An Bảo (mỏ vàng) : 379
 An Bằng (hành cung) : 157, 375, 434, 470
 An Bằng (núi) : 470
 An Bằng (xã) : 51, 269
 An Bình quận công : 756
 An Bình Miên Ngung : 960
 An Châu (tổng) : 618, 750
 An Cư (trại) : 620
 An Cư (tràng) : 620
 An Cựu (sông) : 836
 An Dương (huyện) : 662
 An Dương (thuyền hiệu) : 304, 727
 An Diêm (xã, tổng) : 620
 An Định (sông) : 903
 An Đồ (xã) : 620
 An Giang (tỉnh) : 46, 47, 58, 69, 70, 71, 93,
 94, 96, 97, 98, 101, 117, 123, 129, 139,
 141, 171, 173, 177, 183, 194, 196, 199,
 200, 214, 215, 218, 219, 220, 221, 222,
 224, 232, 236, 237, 245, 246, 248, 249,
 250, 251, 252, 259, 274, 275, 276, 279,
 280, 281, 283, 288, 289, 302, 303, 304,
 311, 313, 316, 323, 324, 326, 336, 345,
 346, 349, 352, 355, 356, 363, 364, 366,
 367, 370, 371, 374, 379, 380, 381, 384,
 385, 390, 396, 404, 410, 418, 419, 425,
 429, 432, 437, 441, 451, 452, 453, 454,
 456, 457, 478, 479, 480, 481, 494, 495,
 496, 499, 502, 516, 532, 534, 535, 544,
 548, 560, 568, 571, 574, 587, 589, 592,
 593, 602, 611, 614, 619, 622, 633, 634,
 642, 649, 655, 662, 663, 671, 675, 679,
 680, 689, 699, 703, 713, 718, 719, 720,

- 721, 726, 735, 736, 738, 743, 748, 757,
758, 760, 761, 765, 766, 767, 770, 771,
774, 775, 780, 787, 789, 821, 832, 833,
835, 842, 856, 861, 867, 868, 869, 872,
875, 882, 898, 905, 910, 911, 916, 921,
922, 923, 926, 934, 936, 937, 945, 952,
971, 973, 985, 986, 992, 993, 997, 998,
1000, 1005, 1006, 1007, 1008, 1014,
1016, 1017, 1019, 1020, 1026, 1031,
1032, 1036, 1047, 1051, 1053, 1061, 1071
- An Giáo (xã) : 393
- An Hải (đài, thành) : 117, 655, 963, 998
- An Hải (thuyền hiệu) : 292, 347, 647, 727,
758
- An Hoà (thành) : 565, 568
- An Khoái (đồn) : 722
- An Khánh công Quang : 174, 507, 578, 733,
810, 848
- An Khương nam : 1031, 1042, 1074
- An Lạc (đồn, huyện) : 222, 281, 311, 316,
326, 364, 366, 367, 372, 495, 511, 593,
620, 627, 636, 650, 662, 680, 911, 986
- An Lăng : 650
- An Lão (huyện) : 662
- An Lộc (xã) : 389
- An Lương (cửa) : 695
- An Lương (điểm tuần, xã) : 1007
- An Lương (phố) : 1026
- An Nhân (trại) : 500
- An Nhân quận công : 380
- An Ninh (đồn) : 511, 680
- An Ninh (tổng, xã) : 620
- An Ninh (tràng) : 209, 620
- An Phong công : 449, 485, 579, 745, 782,
852, 857, 864, 918
- An Phong đình hầu : 286, 449
- An Phủ : 68, 616, 670
- An Phủ Danh Gia : 670
- An Tân (đền) : 469
- An Tây (phủ) : 639
- An Thiết (núi) : 476
- An Tĩnh (thôn) : 279
- An Trạch (tổng, thôn, xã) : 620
- An Trinh (thôn, trại) : 620
- An Viễn bá : 1030, 1035, 1041, 1047
- An Xá (thôn) : 570
- Anh (nước) : 768, 1074
- Anh Cát Lợi (nước) : 410, 708, 768
- Anh danh (sở) : 814, 856
- Anh danh (trường) : 1073
- Anh duệ Hoàng thái tử : 274, 507
- Ân Quang (đồn) : 558
- Ân Quang (xã) : 558, 600, 653, 706, 728, 744
- Ân Quang tử : 87, 304, 372, 384, 430, 1013

B

- Ba Đà (người) : 1014
- Ba Lan (châu) : 349, 599
- Ba Lạt (cửa biển) : 170, 626, 642, 949
- Ba Lạt (đồn) : 626, 744
- Ba Lạt (tấn) : 170
- Ba Lạt Đột : 236

- Ba Lâm (huyện) : 101
 Ba Lệnh (thôn) : 259
 Ba Lô : 670, 671
 Ba My (đồn) : 789
 Ba Nam (đồn) : 283, 303, 720, 737, 741, 742, 743, 748, 759, 872, 947, 969, 987, 1016, 1061
 Ba Nam (sông) : 282, 364
 Ba Nam Đà (đồn trại) : 490
 Ba nạng (thợ) : 123
 Ba Nghiêm (chùa) : 123
 Ba Phong (huyện) : 101
 Ba quốc công : 122
 Ba Tê (trại) : 644
 Ba Thứ : 325
 Ba Xuyên (phủ) : 57, 58, 70, 71, 94, 96, 97, 101, 102, 117, 138, 140, 141, 159, 160, 161, 179, 205, 213, 249, 250, 252, 274, 279, 280, 282, 289, 301, 303, 304, 311, 323, 355, 361, 396, 425, 437, 495, 670, 936, 937, 974, 986, 987, 1016, 1019
 Ba Xuyên quận công : 755, 932
 Bà Đề : 248, 932
 Bà Đề Đột : 946
 Bá Sơn (mỏ sắt) : 1021
 Ba Khê (huyện) : 101
 Bạc Liêu (sách) : 457
 Bạch Đằng (cửa biển) : 331
 Bạch Đông Ôn : 47, 80, 166, 604, 610, 962
 Bạch Mã (núi) : 303
 Bạch Thông (châu) : 367, 615, 639, 744, 750
 Bài thơ vịnh 14 cảnh : 602
 Bãi Sao : 212
 Bãi Sao (chợ) : 57
 Bãi Tháp : 917
 Bạ Bôi : 721
 Ban hành kỷ luật hành quân : 257
 Bàn Thạch (trại) : 679, 844
 Bang Chích : 742
 Bao đao bính (thợ) : 123
 Bàn Đa (sóc) : 181
 Bào Xuy : 83
 Bảo công : 149
 Bảo đại định công an dân hoà chúng thượng tướng quân (súng) : 1033, 1034, 1040, 1041
 Bảo Định (cung) : 707, 752, 777, 778, 836, 748, 859, 860, 863, 864, 870, 886, 969, 977, 1031
 Bảo Định (sông) : 903
 Bảo Lạc (châu) : 600
 Bảo long (thuyền) : 752, 758, 940, 1048
 Bảo Lộc : 130, 450, 620, 955
 Bảo Nang (mỏ vàng) : 715
 Bảo sang (súng) : 608
 Bảo Thanh : 320, 330, 332, 333, 334
 Bảo Thành : 185, 190, 647
 Bảo Thành (cửa) : 723
 Bảo Thuần : 955
 Bảo Thuận : 130, 450, 677
 Bảo tuyền (cục) : 101
 Bát bảo (tiền) : 73, 137, 237, 247, 290, 339, 343, 385, 391, 485, 486, 594, 738, 1043
 Bát Ca (đồn) : 494, 872, 875
 Bát Tràng (xã) : 64

- Bắc Kỳ : 26, 89, 90, 123, 155, 228, 256, 287, 306, 308, 318, 319, 320, 330, 333, 335, 338, 374, 381, 382, 387, 402, 409, 429, 431, 433, 456, 465, 468, 488, 508, 569, 596, 615, 642, 663, 682, 684, 690, 710, 724, 747, 770, 786, 802, 804, 810, 830, 835, 842, 873, 885, 887, 917, 945, 953, 955, 963, 965, 966, 990, 1000, 1004, 1025, 1029, 1053, 1056, 1057, 1058, 1059
- Bắc Ninh : 64, 72, 83, 101, 110, 121, 123, 127, 141, 153, 155, 162, 171, 182, 195, 197, 198, 216, 228, 234, 239, 240, 253, 276, 291, 295, 307, 312, 315, 317, 318, 320, 321, 327, 329, 330, 331, 332, 335, 336, 347, 357, 361, 382, 388, 418, 426, 432, 441, 451, 460, 461, 477, 482, 490, 499, 519, 536, 530, 547, 588, 593, 594, 614, 618, 650, 651, 653, 657, 695, 699, 728, 729, 732, 750, 802, 804, 806, 806, 807, 810, 811, 815, 835, 847, 850, 866, 870, 874, 910, 911, 921, 923, 925, 928, 939, 944, 955, 960, 964, 965, 967, 981, 995, 1000, 1005, 1006, 1018, 1021, 1024, 1025, 1034, 1037, 1056, 1058, 1059, 1070, 1075
- Bắc Đệ (đôn) : 161
- Bắc tào : 802
- Bắc tào (thuyền) : 89, 196, 802
- Bắc Tâm Bồn (xứ) : 42, 43, 93, 204, 670, 765, 777, 788
- Bắc Trang (đôn) : 203, 249
- Bắc tuần ân diên : 334
- Bằng đoàn (thuyền hiệu) : 1006
- Bằng Thành (mỏ vàng) : 715
- Bất Bạt (huyện) : 548, 598, 662
- Bế Kim Mậu : 327
- Bế Văn Cán : 652
- Bế Văn Chiêu : 749
- Bế Văn Đĩnh : 327
- Bế Văn Hựu : 327
- Bí thư (sở) : 712, 1024, 1046
- Bích Đào (động) : 339
- Bích Động : 83
- Bích Đồng (lò cá) : 869
- Bích-tô-ri : 768
- Biên Hoà (tỉnh) : 47, 49, 69, 82, 98, 102, 147, 152, 165, 171, 193, 194, 200, 215, 220, 224, 232, 251, 263, 304, 305, 357, 358, 366, 374, 395, 404, 406, 420, 425, 429, 432, 452, 456, 479, 491, 496, 516, 530, 532, 533, 535, 536, 573, 815, 835, 838, 883, 902, 916, 921, 953, 961, 992, 1004, 1024, 1025, 1032
- Biên Lễ : 147, 148
- Biên Lộc : 147
- Biện Hải : 739
- Biện Sơn (cửa biển) : 539, 544
- Biện Sơn (đảo) : 539
- Biện Sơn (tấn sở) : 414
- Bình An (huyện) : 660, 902
- Bình An (trại) : 643
- Bình Bảo (đôn) : 983
- Bình Cách (xã) : 723
- Bình Chính (huyện) : 506, 668, 838, 905
- Bình Dương (huyện) : 68
- Bình dương (thuyền hiệu) : 421, 430, 629, 647, 727, 758

- Bình Điện nam : 1031, 1042
- Bình Định (tỉnh) : 49, 66, 67, 78, 82, 92, 94, 126, 129, 134, 135, 170, 171, 193, 195, 205, 246, 252, 273, 312, 318, 344, 345, 346, 352, 353, 358, 366, 371, 393, 395, 399, 400, 401, 405, 413, 425, 429, 441, 462, 481, 486, 491, 496, 509, 510, 511, 514, 522, 530, 532, 537, 547, 561, 562, 564, 656, 574, 588, 593, 614, 615, 618, 623, 625, 634, 637, 651, 655, 670, 672, 680, 699, 712, 715, 716, 723, 728, 732, 733, 750, 761, 774, 803, 830, 831, 833, 835, 837, 851, 862, 866, 867, 873, 874, 878, 899, 933, 949, 953, 957, 967, 1000, 1004, 1012, 1026, 1032, 1035, 1043, 1053, 1054, 1074
- Bình Hải : 744
- Bình Hải (bảo) : 170
- Bình Hải (đội quân) : 744
- Bình Hải (đồn) : 421, 626, 744
- Bình hải (thuyền) : 166, 487, 727, 758
- Bình Hưng : 130, 450
- Bình Lâm (tổng) : 902
- Bình Long (huyện) : 68
- Bình Ngô (làng) : 1021
- Bình Quý (thôn) : 68
- Bình Sơn (huyện) : 203, 205
- Bình Sơn (núi) : 190, 252, 607
- Bình Thái (công chúa) : 981, 1048
- Bình Thịnh (tổng) : 68
- Bình Thổ (tổng) : 902
- Bình Thuận : 60, 64, 78, 102, 121, 131, 165, 171, 194, 215, 233, 240, 246, 301, 345, 347, 358, 366, 370, 374, 395, 425, 429, 432, 491, 498, 504, 509, 523, 568, 572, 574, 600, 614, 615, 616, 618, 619, 624, 634, 635, 637, 655, 665, 670, 672, 688, 699, 761, 768, 774, 775, 807, 835, 838, 856, 861, 863, 911, 945, 949, 953, 1000, 1004, 1011, 1024, 1032, 1035, 1054, 1069
- Bình Thuận (bờ biển) : 768
- Bình Tiêm (phủ) : 641
- Bình Tuyên (huyện) : 101
- Bình Xiêm xung tiêu pháo : 324
- Bình Xuyên (huyện) : 101, 639, 1001
- Bồ Sơn (thôn, xã) : 386
- Bố Trạch (huyện) : 506, 710, 838, 905
- Bối Khê (xã) : 570
- Bông Bọt (sông chính) : 222
- Bông Bốc (đồn) : 118
- Bông Ngân (mỏ bạc) : 715
- Bông Nguyên (xứ) : 83, 494
- Bồng Đảo : 1053
- Bồng Sơn (huyện) : 170, 514, 715, 1053
- Bùi Bá Bằng : 129
- Bùi Công Huyền : 56, 87, 94, 96, 97, 117, 124, 125, 140, 148, 158, 159, 178, 179, 181, 183, 212, 213, 214, 530, 769, 863
- Bùi Duy Kỳ : 343
- Bùi Duy Phan : 119, 163, 233, 583
- Bùi Duy Phiên : 604
- Bùi Huy Chương : 530
- Bùi Huy Phan : 994, 1026
- Bùi Nhật Tiến : 28, 49, 92, 130, 192, 278, 329, 333, 388, 564, 690
- Bùi Phác : 621
- Bùi Phụ Hữu : 511

- Bùi Phụ Phong : 28, 39, 306, 329, 331, 375, 452, 540
 Bùi Quốc Trinh : 582, 861, 921
 Bùi Quĩ : 16, 48, 78, 192, 199, 216, 217, 291, 318, 333, 359, 601, 786, 815, 825, 882, 918, 984, 996
 Bùi Tuấn : 119, 163
 Bùi Văn An : 102
 Bùi Văn Đãi : 634
 Bùi Văn Đạo : 405
 Bùi Văn Đôn : 377
 Bùi Văn Đức : 127, 460
 Bùi Văn Hải : 514
 Bùi Văn Hanh : 923
 Bùi Văn Lạn : 199
 Bùi Văn Lý : 380
 Bùi Văn Phan : 530
 Bùi Văn Thạc : 805
 Bùi Văn Thát : 226
 Bùi Văn Thế : 594
 Bùi Văn Thuý : 418
 Bùi Văn Thuy : 395
 Bùi Văn Trung : 711
 Bùi Văn Uy : 392
 Bùi Viết Đức : 709
 Bút Lê (đất) : 94
 Bút Tô Kê : 323

C

- Ca La Hâm : 302
 Cà Ho Ba Chú (sách) : 165
 Cà Ho Ba Con (sách) : 165
 Cà Ho Ba Liêu (sách) : 165
 Cà Ho Ba Linh (sách) : 165
 Cà Ho Ba Nền (sách) : 165
 Cà Ho Ba Tạc (sách) : 165
 Cà Ho Ba Tốt (sách) : 165
 Các minh tứ chiếu : 543, 602
 Cái Bé : 917
 Cái Cao (lạch) : 869
 Cái Di : 274, 279
 Cái Hươu (lạch) : 94, 869
 Cái Lân (sông nhánh) : 245, 274
 Cái Lớn : 917
 Cam Cát (huyện) : 173, 295, 340
 Cam Giá Thịnh (xã) : 811, 1048
 Cam Lộ (châu phủ) : 118, 173, 291, 302, 348, 422, 424, 480, 520, 538, 574, 576, 599, 678, 690, 813, 858, 863
 Cam Luân (sông chính) : 148
 Cam Môn (huyện) : 173, 295, 340
 Cẩm Ân đình hầu : 831
 Cẩm Hoá (huyện) : 367
 Cẩm Lạc (mỏ chì) : 715
 Càn Chông (sốc) : 124
 Càn Đông (cung) : 197, 201
 Càn Thành (điện) : 286, 447, 515
 Càn Thành (cung) : 596, 1074
 Canh Nông (tổng) : 440
 Cao Bá Quát : 216, 552
 Cao Bằng : 78, 98, 102, 123, 135, 154, 171, 176, 195, 196, 199, 216, 251, 307, 321,

- 327, 336, 359, 382, 423, 429, 432, 476,
482, 516, 546, 547, 570, 574, 600, 608,
637, 638, 639, 640, 652, 653, 657, 663,
696, 699, 728, 744, 745, 774, 777, 811,
835, 849, 858, 911, 945, 1000, 1001,
1004, 1005, 1052
- Cao Bằng (ấn đồng vương) : 154
- Cao hoàng hậu : 20, 114, 937, 938, 939, 1046
- Cao Hữu Dực : 56, 71, 87, 161, 218, 220, 221,
288, 289, 352, 390, 432, 456, 494, 535,
559, 572, 575, 593, 601, 616, 633, 671,
689, 717, 718, 719, 720, 721, 736, 741,
744, 767, 945, 1036
- Cao La Hâm Mộc : 641, 670
- Cao lâu thặng thưởng* : 502
- Cao Miên : 43, 71, 80, 84, 85, 86, 93, 117,
160, 245, 670, 761, 771, 946, 948, 968,
969, 971, 972, 973, 986, 988, 992, 993,
994, 1001, 1004, 1007, 1008, 1015, 1017,
1030, 1032, 1033, 1035, 1036, 1041,
1062, 1063
- Cao Miên quận chúa : 971, 972, 973, 993,
1015, 1017, 1062
- Cao Miên quốc vương : 972, 973, 988, 1015,
1017, 1062
- Cao Miên quốc vương (ấn) : 948
- Cao Miên thuộc quốc : 1061
- Cao Miên trưởng : 71
- Cao Tất Đạt : 179, 180
- Cao Trì : 392, 393, 601
- Cao Văn Đạc : 392
- Cao Văn Hiến : 96, 97
- Cao Văn Học : 514
- Cao Văn Sĩ : 392
- Cao Văn Thần : 901
- Cao Văn Tuấn : 902
- Cao Văn Vận : 377
- Cao Uẩn Phác : 708
- Cát Văn (đình) : 433, 608
- Cầm Nhân Tư : 566
- Cầm Khê (núi) : 51
- Cầm Khê (huyện) : 101, 389, 662
- Cầm Lý (nguồn) : 576, 849
- Cầm Thủy : 174
- Cầm Xuyên (huyện) : 101, 317, 723
- Cần Chính (điện) : 29, 32, 37, 39, 141, 228,
254, 256, 286, 340, 409, 442, 447, 484,
485, 498, 532, 533, 545, 573, 634, 646,
658, 659, 663, 674, 754, 756, 785, 814,
838, 848, 853, 854, 857, 868, 886, 915,
949, 968, 1013, 1049, 1075, 1076
- Cần Chông (đồn) : 159, 183, 203
- Cần Giờ (cửa biển) : 427, 1002, 1003
- Cần Sư : 44
- Cần Thăng (đồn) : 280, 282, 316, 366, 571
- Cần Thơ (cửa biển) : 629
- Cần Thơ (đồn) : 636
- Cần Thiện : 989
- Câu An : 68
- Câu Thăng : 986
- Cây Trâm (xứ) : 69
- Cây vải : 417
- Cổ Am (chùa) : 338
- Cổ Bồng : 522
- Cổ kim thể cách, Tài thành phụ tướng* : 1077
- Cổ kim thể cách thi pháp* (tập thơ) : 980,
1067

- Cổ Man (thành) : 44
 Cổ Thơm : 46
 Cổ Tiêu : 160
 Cổ Lê chiếu lệnh : 253
 Cổ Lê hội điển : 253
 Cổ Lê sự tích : 253
 Cốc Thốc (xứ) : 823
 Côn Lôn (đảo, đồn) : 348, 539, 612, 868, 993
 Côn Nhục (trại) : 644
 Công quán (nhà) : 141, 234, 768, 891, 892
 Cơ Hạ (vườn) : 542, 553, 564, 572, 602, 603, 609, 819, 825, 846
 Cơ Hạ đường : 343, 542, 603
 Cơ mật (viện) : 15, 16, 21, 24, 26, 29, 32, 39, 40, 48, 105, 136, 203, 204, 218, 223, 266, 364, 381, 383, 410, 430, 440, 456, 459, 518, 523, 531, 550, 552, 553, 564, 573, 579, 593, 609, 618, 657, 659, 664, 666, 669, 677, 686, 708, 711, 719, 731, 778, 814, 816, 830, 832, 841, 860, 868, 881, 882, 885, 910, 918, 940, 968, 976, 985, 990, 1001, 1018, 1019, 1043, 1047, 1060
 Cơ Thánh (lăng) : 99, 842
 Cù Hoá (xứ) : 69
 Cung Văn Đạt : 217, 732, 862, 962
 Cung Văn Nghị : 552
 Cửa Liêu : 421, 966
 Cửu An (đồn) : 311, 326
 Cửu An (huyện) : 68, 620, 871
 Cửu An (sông) : 53, 305, 330, 331, 332, 347, 423, 520, 570, 869, 965, 966
 Cửu Lại : 688
 Cửu Yên (đồn) : 1038

CH

- Chàm (người) : 64, 592
 Chàng Sơn : 677, 845
 Chàng Sơn (đồn) : 414, 691, 1051
 Chàng Sơn (hải phận) : 539, 774
 Chàng Sơn (núi) : 120
 Chăn Cản (xứ) : 302
 Chân Bôn (phủ) : 410
 Chân Chiêm (núi) : 44
 Chân Lạp (người, nước) : 8, 10, 30, 178, 214, 571, 762, 764, 771, 789, 854, 875, 946, 971, 985, 1004, 1014, 1015, 1016, 1035, 1040, 1062, 1064, 1075
 Chân Rơm (xứ) : 883
 Chân Sâm (núi) : 248, 282
 Chân Thả Bông : 821
 Chân Thành (đất, đồn) : 305, 634
 Chân Vũ (đền) : 417
 Chân Vũ (quán) : 417
 Chấn hải (súng đồng, gang) : 394, 984, 1006
 Chất Tri : 30, 42, 71, 90, 93, 129, 138, 139, 161, 178, 221, 274, 364, 372, 410, 455, 571, 592, 641, 670, 671, 719, 761, 763, 765, 767, 768, 771, 775, 776, 787, 789, 820, 821, 834, 847, 868, 871, 872, 875, 883, 884, 915, 916, 932, 933, 934, 935, 936, 969, 992, 993, 1001, 1033, 1062
 Châu Chiên (xã) : 620

- Châu Đốc : 45, 93, 1045
 Châu Đốc Thượng (sông) : 1045
 Châu Lộc (huyện) : 572
 Châu Xuyên (xã) : 620
 Chế Hưng : 58
 Chi Lan (xã) : 618
 Chi Trinh : 455
 Chi Ty (xứ) : 310, 311
 Chỉ Thiện (nhà) : 20, 733, 754, 1064
Chỉ Thiện đường hội tập : 1064
Chỉ Thiện đường thi văn hội tập : 731
Chỉ Thiện tập : 1064
 Chí Khánh viên : 210
Chí sự (thơ ngụ chế) : 1020
 Chí Thiện đường : 501, 532
 Chia định những tào cục trong các cơ quan :
 681
 Chiêm Đức (thôn) : 620
 Chiêm hậu sinh : 658
 Chiêm Khê (đồn) : 200
 Chiêm Thành : 80, 92, 205, 244, 738, 739
 Chiên Đàn (đồn) : 740, 741
 Chiên Đàn (nguồn) : 301, 368, 535, 592, 1065
 Chiên Đàn (tên xã) : 752
Chính biên : 6, 7, 241, 360, 394, 579, 580
Chính biên Đệ nhất kỷ : 5, 958
Chính biên Đệ nhị kỷ : 5
Chính biên Đệ tam kỷ : 6
 Chính Đôn (sóc) : 310
 Chính Đôn (sông) : 326
 Chính Mỹ Hạ (tổng) : 883
Chính yếu : 105, 107, 268, 446
 Chông Sách : 159, 221
 Chu (thuyền) : 692
 Chu Doãn Mại : 197
 Chu Doãn Trí : 197
 Chu Giang (đồn phủ) : 222, 593, 611
 Chu Giang (sông) : 593
 Chu Hữu Đức : 748, 817, 826, 827
 Chu Nham (đồn) : 102, 123, 251, 279, 303,
 313
 Chu Phú (thôn) : 220, 587
 Chu Tước (cửa) : 141, 307, 332, 334
 Chu Văn : 268
 Chu Văn Công : 127
 Chu Văn Linh : 435
 Chu Văn Tuyên : 57, 58, 95, 97
 Chuẩn kích (thuyền) : 1006
 Chức ty (thợ) : 123

D

- Danh Bang : 616
 Dâm Đàm (hồ) : 318
 Dân Thăng : 83
 Di-nê-ô : 863
 Diêm Phố (xã) : 393
 Diên Hựu bá : 345
 Diên Hựu nam : 345, 502, 702
 Diên Hựu tử : 87, 313
 Diên Khánh (phủ) : 806

- Diên Khánh (thân công) : 66, 174, 333, 450, 578, 705, 766, 785, 848, 943
 Diệp Xuân Huyền : 842, 952, 963
 Diệu Giác (chùa) : 123, 201
 Diệu Đế (chùa) : 20, 581, 582, 617, 873
 Do Lễ (đôn) : 1057
 Do Lễ (xã) : 522
 Doãn Khuê : 405
 Doãn Uẩn : 56, 78, 89, 90, 112, 126, 129, 143, 218, 221, 232, 238, 281, 348, 391, 462, 465, 611, 616, 633, 636, 641, 649, 670, 671, 672, 675, 689, 699, 700, 719, 720, 721, 735, 736, 737, 738, 741, 742, 743, 748, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 774, 775, 776, 777, 780, 787, 788, 789, 921, 946, 973, 974, 986, 992, 993, 1014, 1016, 1017, 1019, 1031, 1036, 1042, 1047
 Doãn Vũ (đình) : 985
 Dục Thúy (núi) : 300
 Duệ Vũ chi ti (ấn) : 904
 Duy Tiên (huyện) : 791, 951, 963, 964, 965, 1034
 Duyên Phúc công chúa : 860, 954, 1021
 Duyệt Thị (nhà) : 228, 404, 423, 485, 555, 565, 569, 584, 609, 610, 754, 766, 814, 858, 886, 984
 Dực Thất (nhà) : 32
 Dực Lang (nhà) : 596
 Dương Đình Du : 903
 Dương Đình Lâm : 251, 253, 368, 369
 Dương Đình Loan : 226
 Dương Phúc Tứ : 199, 200
 Dương Quan Thảo : 126, 129
 Dương Quang Tô : 574
 Dương Thai : 323, 325, 350, 387, 391, 435, 452, 460, 501, 502, 564, 633, 841, 842, 857, 920, 944, 960, 1022, 1047
 Dương Trung : 624
 Dương Văn Hựu : 237
 Dương Văn Phong : 41, 44, 57, 60, 71, 95, 96, 97, 126, 129, 223, 968, 1015
 Dương Văn Sách : 734
 Dương Văn Thuận : 123, 124
 Dương Văn Thước : 253, 360
 Dương Văn Trinh : 984
 Dương Xuân : 403, 418
 Dương Xuân (núi) : 1034
 Dương Xuân (xã) : 80, 359, 565
 Dưỡng An (xã) : 752
 Dưỡng tế (sở) : 146, 939
 Dưỡng Thiện (viên trạch) : 989

Đ

- Đa Hoà (huyện) : 165
 Đa Phúc (đôn) : 282, 316, 321, 323, 366, 372, 494, 495, 571, 592, 986
 Đà (sông) : 330, 964, 966, 1060
 Đà Bắc : 164, 639, 676, 750
 Đà Càng : 494
 Đà Nẵng : 995, 1003, 1072
 Đà Nẵng (bến) : 453

- Đà Nẵng (cửa biển) : 418, 489, 621, 655, 727, 728, 735, 741, 768, 792, 803, 955, 960, 975, 983, 984, 985, 989, 990, 998, 1002, 1045, 1046, 1074
 Đà Nẵng (đồn, tấn) : 244, 323, 415, 421, 991
 Đà Nẵng (kho) : 421
 Đà Nẵng (cửa biển) : 670
 Đại Áp (cửa) : 457
 Đại Chiêm (đảo) : 487
 Đại Cung (cửa) : 28, 39, 228, 407, 409, 533, 569, 658, 659, 721, 846, 847, 886
 Đại Đàm (cửa) : 348
 Đại Đông (phường) : 180
 Đại Giang (đồn, tấn) : 917
 Đại Hồng (cửa) : 191
 Đại Nại (sông) : 296, 621
 Đại Nam (nước) : 61, 103, 264, 269, 308, 459, 566, 568, 580, 581, 607, 688, 969, 1008, 1028, 1040, 1041, 1075
 Đại Nam hoàng đế (ấn) : 617, 632
 Đại Nam hội điển : 507
 Đại Nam nhất thống chí : 352
 Đại Nam sự lệ hội điển : 508, 900
 Đại Nam thiên tử (ấn) : 310, 617
 Đại Nam thực lục Tiền biên, Chính biên : 360
 Đại Quan (bãi) : 426
 Đại Thành (thôn, xã) : 620
 Đại uyển Long tuần (ngựa) : 767
 Đại uyển Long môi (ngựa) : 1025
 Đàm Quang Tú : 536
 Dạm Đà : 83
 Đào Danh Văn : 119, 163, 927
 Đào Duy Thanh : 568
 Đào Duy Từ : 293, 352
 Đào Lâm (huyện) : 101
 Đào Tiến Toàn : 434
 Đào Trí Phú : 219, 239, 284, 315, 333, 376, 483, 529, 552, 627, 635, 636, 674, 769, 825, 864, 919, 943, 975, 976, 983, 984, 989
 Đạt Thị Tính : 925
 Đáy (sông) : 964, 966
 Đàng Lâm (xứ) : 234
 Đàng long (thuyền) : 927
 Đặng Công Tuấn : 82
 Đặng Dao : 184
 Đặng Đức Thiệm : 78, 112, 125, 134, 135, 217, 218, 290, 291, 340, 375, 423, 424, 537, 642, 815, 835, 864, 867, 883, 899, 921, 926, 956, 963, 1026
 Đặng Huy Quỳnh : 922
 Đặng Huy Thuật : 28, 49, 78, 252, 414, 418, 523, 864
 Đặng Huy Trinh : 18
 Đặng Huy Trứ : 514, 995, 1010, 1044
 Đặng Kham : 397, 423, 522, 564, 612, 636, 667, 679
 Đặng Kim Giám : 451, 523, 708, 722
 Đặng Minh Trân : 636, 842, 867, 873, 952, 997
 Đặng Quang Hiển : 923
 Đặng Quốc Lang : 66, 79, 80, 166, 174, 175, 178, 244, 278, 536, 732, 734, 815
 Đặng Quốc Lương : 329, 393, 427, 787
 Đặng Thái : 679
 Đặng Tiến : 750, 944
 Đặng Trinh Bát : 949

- Đặng Trinh Cát : 786
 Đặng Văn Chức : 413, 960
 Đặng Văn Cường : 315
 Đặng Văn Chương : 915
 Đặng Văn Đình : 98, 460
 Đặng Văn Khải : 901
 Đặng Văn Khuê : 922
 Đặng Văn Kiều : 11, 16
 Đặng Văn Hải : 119
 Đặng Văn Hoạt : 93
 Đặng Văn Lang : 923
 Đặng Văn Luật : 140
 Đặng Văn Tá : 216
 Đặng Văn Thái : 216, 478
 Đặng Văn Thiêm : 67, 162, 180, 181, 188,
 192, 205, 245, 304, 367, 375, 387, 395,
 396, 486, 499, 505, 532, 564, 598, 708,
 786, 816, 825, 860, 873, 882, 900, 910,
 926, 951, 995, 1000, 1019, 1034, 1037,
 1039, 1057, 1067
 Đâu Mâu (núi) : 293
 Đâu đảng : 158, 262, 526, 703
 Đèo Chính Định: 565
 Đê-du-ni-mô : 115
 Để Định (huyện) : 104, 108, 380, 415, 558,
 600, 638, 639, 653
 Đế giám đồ thuyết : 385
 Dịch Lộng (núi) : 338
 Điểm dương (thuyền) : 515, 636, 758
 Điện Bàn công Phố : 174, 450, 507, 578, 691,
 766, 845, 848
 Điện Biên (phủ) : 163, 164, 373, 549, 565,
 639, 676, 945
 Điện Hải (thành) : 117, 202, 655, 963, 998
 Điện hải (thuyền) : 692
 Điện khai văn yến : 543, 602
 Điện phi (thuyền) : 628, 629, 648, 758
 Điện quốc công : 65, 756
 Điển lệ miêu Hội đồng : 865
 Điển lệ tùy bái trong lễ hưởng tự : 657
 Điều Chính Định : 549
 Điều cấm làm bạc giả : 911
 Điều cấm mua trộm gạo : 803
 Điều cấm về các nhà trạm : 420
 Điều cấm về súng điều sang : 725
 Điều lệ bất kể phạm tội : 793
 Điều lệ đặt việc binh : 827
 Điều lệ đóng ấn : 651
 Điều lệ thi Hương : 555, 595, 699, 700, 907,
 952
 Điều lệ thông thương : 1035
 Điều lệ trường thi võ : 888
 Điều lệ tuần tra cung thành và hoàng thành :
 406
 Điều lệ ty Tam pháp : 1072
 Điều lệ về thăm cha mẹ và cư tang cha mẹ của
 quan viên : 804
 Điều lệ về tội hoà gian : 172
 Điều Ngự (đình) : 190
 Đình Công Phượng : 199
 Đình Công Tĩnh : 568, 821
 Đình Công Trọng : 327
 Đình Công Trung : 199
 Đình Diên : 509
 Đình Doãn Trung : 305, 343, 506, 528, 578,
 674, 733

- Định Duy Trì : 311
 Định Lãi : 509
 Định Lê : 509
 Định Sừ : 509
 Định Thế Đội : 199
 Định Thế Đức : 199
 Định Tuân : 45
 Định Văn Bản : 922
 Định Văn Kiên : 216
 Định Văn Huy : 31, 45, 71, 87, 124, 141, 182, 200, 221, 245, 288, 289, 313, 314, 345, 435, 502
 Định Văn Minh : 373, 451, 461, 530, 594, 615, 620, 643, 690, 724, 921, 959
 Định Văn Quý : 589, 629, 630, 759, 774, 952
 Định Văn Yên : 1045
 Định Viết Thận : 528, 1047
 Định Xương : 509
 Đình Hế (trại) : 644
 Đình An (đồn) : 989
 Đình An (tấn) : 124
 Đình An (trạm) : 773
 Đình Bắc trường thành : 293, 416, 417
 Đình Châu : 226, 615, 620, 639
 Đình chữ hiệu phong tặng bách thần : 275
 Đình dương (thuyền hiệu) : 421, 430, 629, 727, 758
 Đình Hải (đội) : 744
 Đình Hải (thành) : 117
 Đình hải (pháo đài) : 655, 984, 998
 Đình hải (thuyền) : 292, 629, 636, 727, 758
 Định lệ bổ thụ tiến sĩ, phó bảng : 645
 Định lệ các địa phương tâu báo về giá gạo : 663
 Định lệ chánh phó lãnh binh chuyên trách : 654
 Định lệ hao của bạc và thiếc khi làm thành khố : 370
 Định lệ tạ biểu của các địa phương : 661
 Định lệ túc trực tuần kiểm : 658
 Định Liêu (đồn) : 494, 559, 575
 Định màu sắc về mũ áo của các quan viên : 38
 Định ngạch thuế vàng quỳ của làng Kiều Kỵ : 182
 Định những việc nên làm trong khi vua đi tuần du ra Bắc : 254
 Định phẩm phục quan văn, quan võ : 712
 Định thứ bậc tước tôn và triều phục : 729
 Định Tường : 45, 47, 69, 83, 98, 101, 165, 171, 174, 175, 183, 194, 195, 215, 224, 246, 251, 278, 279, 280, 281, 283, 289, 298, 304, 310, 323, 336, 366, 367, 374, 380, 384, 385, 410, 418, 419, 424, 425, 429, 432, 451, 456, 479, 481, 491, 494, 495, 532, 533, 535, 546, 571, 572, 573, 593, 594, 612, 614, 619, 622, 633, 637, 641, 642, 646, 651, 655, 662, 672, 678, 689, 697, 699, 716, 718, 720, 723, 725, 727, 736, 737, 743, 748, 758, 759, 761, 765, 771, 780, 735, 742, 856, 861, 869, 873, 903, 905, 912, 916, 923, 949, 956, 957, 985, 992, 1005, 1020, 1022, 1024, 1026, 1031, 1032, 1038, 1043, 1050, 1053
 Định việc thờ tự công thần : 876
 Định Viễn (phủ) : 441, 923

- Định Viễn công : 66, 174, 273, 332, 333, 442, 450, 507, 578, 705, 766, 848, 872, 904
 Doan hoà (viện) : 835
 Doan Hùng (phủ) : 158, 328, 347, 411, 421, 437, 438, 461, 518, 752
 Doan Hùng tử : 165
 Doan thuận (viện) : 438
 Doan trang (viện) : 23, 831
 Doan tường (viện) : 831
 Đoàn Huy Diệu : 396, 563, 710
 Đoàn Huy Diệu : 710
 Đoàn Kim : 83, 287, 290, 418, 588, 589, 647, 673, 727, 752, 759, 862, 941, 943, 961, 1006,
 Đoàn Quang Mật : 47, 68, 162, 246, 251, 275, 288, 289, 323, 324, 325, 371, 391, 418, 501, 502, 568, 611, 713, 774, 992, 1031
 Đoàn Văn Bình : 901
 Đoàn Văn Cải : 405
 Đoàn Văn Dư : 648
 Đoàn Văn Đào : 847
 Đoàn Văn Học : 321, 342, 349, 435, 534, 743, 775
 Đoàn Văn Hoán : 514
 Đoàn Văn Long : 962
 Đoàn Văn Ngạch : 140
 Đoàn Văn Quận : 611
 Đoàn Văn Sách : 63, 64, 82, 86, 87, 161, 162, 218, 220, 221, 236, 237, 248, 249, 251, 252, 274, 279, 280, 283, 288, 289, 302, 303, 312, 313, 314, 316, 322, 345, 378, 383, 502, 702, 1016, 1047
 Đoàn Văn Suất : 405
 Đoàn Văn Thạch : 94
 Đoàn Văn Thọ : 290, 1026
 Đoàn Văn Thu : 702
 Đoàn Việt Tâm : 439
 Đô-ni-mi-cô : 668, 735
 Đô-ráp-lăng : 735
 Đô Trúc (rừng) : 734
 Đô Bà (nước) : 1015
 Đô Sơn (cửa biển) : 331
 Đô thư (sở) : 685, 712
 Đỗ Chú (sông) : 557
 Đỗ Anh Vũ (đền thờ) : 903
 Đỗ Cao Mai : 166, 240, 302, 451, 468, 488
 Đỗ Công Dụng : 418
 Đỗ Công Hoà : 424
 Đỗ Danh Thiếp : 832, 1024, 1056
 Đỗ Huy Cảnh : 232, 251, 496, 633, 659, 660
 Đỗ Huy Lương : 530
 Đỗ Huy Tế : 902, 1045
 Đỗ Huy Uyển : 119
 Đỗ Khắc Thư : 121, 295, 432, 732, 921, 995, 1006, 1024
 Đỗ Quang : 48, 241, 286, 343, 374, 513, 579, 711, 751, 920, 1008, 1018, 1024, 1043, 1044
 Đỗ Thiện Khanh : 514
 Đỗ Tấn Thân : 1052
 Đỗ Tuấn Đại : 55, 651, 733, 815, 818, 820, 887, 940, 1024
 Đỗ Văn Đạo : 1044
 Đỗ Văn Hải : 1026
 Đỗ Văn Hứa : 343
 Đỗ Văn Hương : 1045
 Đỗ Văn Lân : 377

Đỗ Văn Phúc : 342, 534
 Đỗ Văn Sửu : 64, 78, 131, 196, 460, 835
 Độc Bộ (đồn) : 1034
 Đổi mới các hiệu cờ : 429
 Đôn Hoà (tên thụy) : 1006
 Đôn Thuận : 494, 718, 1038
 Đông An (hành cung) : 339
 Đông An (huyện) : 570
 Đông Ba (cầu, phố) : 88
 Đông Gia (cầu, phố) : 88
 Đông Gia (trường) : 881
 Đông Ngàn (huyện) : 618, 620, 874, 875
 Đông Sơn (chùa) : 423

Đông Sơn (huyện) : 363, 810, 1063
 Đông Thành : 170, 340, 397
 Đông Thành (huyện) : 419, 431, 539, 540, 810
 Đông Hoà (phường) : 620
 Đồng Lâm (bộ) : 509
 Đồng Lâm (trại) : 644
 Đồng Mô (sông) : 331
 Đồng Mô (cửa) : 695
 Đồng Mô (phường) : 620
 Động Hải (thôn) : 293
 Đức Hoá (núi) : 190
 Đức Huệ Lư : 1074

G

Ghềnh Chá Mang : 708
 Ghềnh Xây : 94
 Gia Bằng nam : 344
 Gia Định (bảo) : 427
 Gia Định (tỉnh) : 47, 68, 69, 83, 84, 85, 98, 101, 102, 125, 129, 134, 147, 148, 152, 162, 171, 176, 178, 183, 193, 194, 196, 205, 211, 215, 220, 232, 233, 240, 251, 262, 265, 275, 279, 280, 282, 283, 284, 288, 289, 302, 303, 304, 312, 322, 326, 327, 336, 345, 358, 364, 366, 369, 374, 380, 384, 385, 393, 396, 401, 403, 404, 418, 419, 420, 424, 425, 427, 429, 432, 434, 454, 455, 456, 478, 481, 490, 491, 494, 495, 504, 517, 530, 531, 532, 535, 544, 548, 552, 555, 571, 572, 576, 593, 594, 614, 618, 619, 620, 622, 625, 629, 637, 641, 642, 655, 659, 662, 663, 664, 672, 689, 699, 710, 713, 718, 724, 725,

727, 732, 735, 736, 737, 750, 761, 765, 766, 771, 774, 789, 807, 835, 838, 861, 863, 867, 868, 871, 873, 877, 878, 879, 911, 912, 914, 916, 921, 934, 952, 954, 959, 970, 971, 985, 992, 994, 1003, 1005, 1008, 1015, 1018, 1021, 1022, 1024, 1031, 1032, 1034, 1035, 1038, 1048, 1055, 1071
 Gia Định (trường thi) : 211, 215, 232, 233, 262, 403, 420, 530, 531, 555, 914, 1034, 1055
 Gia Hưng công : 846, 852, 857, 864, 1014
 Gia Long (tiền) : 123, 402
 Gia Miêu (làng) : 133
 Gia Miêu (trang) : 110, 133, 298, 1010
 Gia Nguyễn (mỏ vàng) : 165
 Gia Quát (nhà công quán) : 234
 Gia Thành (điện) : 920, 944, 948
 Gia Thụy : 142

- Gia Thụy (nhà công quán) : 234, 317, 330, 332
 Gia tô (đạo) : 318, 441, 499, 882, 976, 985, 997, 1003, 1009, 1072
 Giác Hoàng (chùa) : 192, 413, 586, 852
 Giang Á Vượng : 415
 Giang Lưu Ba : 219, 253, 431, 538, 552, 553, 674, 940
 Giang Thành : 44, 46, 47, 94, 141, 871, 875, 917
 Giang Văn Hiến : 284, 542, 595, 845, 873, 904, 920, 921, 1074
 Giao Khẩu (đồn) : 427
 Giao Thủy (huyện) : 170, 480, 642, 1039
 Giáo Liêm (xã) : 618
 Giáp Văn Tân : 127, 460, 650, 724, 815, 874, 923, 955, 998, 1002
 Giông Tượng : 593
 Gò Độc : 122

H

- Hà Âm (huyện) : 44, 322, 323, 346, 363, 364, 381, 410, 425, 426, 490, 634, 884
 Hà Ba : 101
 Hà Duy Phiên : 23, 41, 51, 52, 99, 128, 153, 181, 185, 203, 218, 232, 235, 277, 286, 287, 315, 343, 352, 356, 373, 399, 435, 443, 490, 505, 517, 523, 534, 579, 604, 618, 647, 669, 707, 708, 736, 778, 790, 847, 850, 860, 864, 873, 877, 882, 885, 900, 902, 939, 941, 942, 943, 976, 1008, 1019, 1043, 1048
 Hà Dương (huyện) : 44, 46, 141, 322, 323, 346, 363, 381, 634, 675
 Hà Đông (huyện lỵ) : 587, 620, 752, 791, 912
 Hà Đông Chính : 542, 595, 689, 817, 826, 827, 838, 839, 885
 Hà Đức : 499, 500
 Hà Hoàng : 122, 693
 Hà Huy Niếp : 514
 Hà La Bôn : 500
 Hà Lạn (cửa biển, tấn) : 236, 457
 Hà Nghi (thôn) : 395
 Hà Nội : 28, 72, 78, 89, 90, 101, 123, 127, 134, 136, 141, 142, 149, 168, 171, 194, 195, 197, 198, 211, 215, 216, 233, 234, 247, 248, 251, 254, 255, 256, 264, 276, 286, 292, 298, 305, 306, 307, 311, 312, 315, 317, 318, 320, 321, 326, 328, 329, 330, 331, 333, 334, 335, 336, 340, 341, 347, 358, 360, 361, 363, 378, 381, 397, 399, 402, 417, 418, 421, 423, 426, 427, 438, 439, 441, 77, 479, 490, 521, 522, 525, 530, 532, 537, 538, 544, 548, 555, 565, 573, 574, 575, 610, 614, 625, 642, 651, 656, 670, 689, 699, 709, 714, 728, 734, 747, 750, 757, 786, 802, 804, 806, 811, 814, 823, 830, 831, 835, 836, 838, 843, 850, 861, 866, 868, 873, 882, 910, 911, 922, 923, 926, 939, 956, 959, 960, 963, 964, 965, 1005, 1024, 1025, 1034, 1035, 1037, 1050, 1056, 1057, 1059, 1060, 1070, 1072, 1075

- Hà Nội (trường thi) : 215, 216, 233, 418, 423, 530, 532, 922, 1072
- Hà Tân (cửa sông) : 594
- Hà Thanh (phủ) : 101, 514
- Hà Thanh quận công : 449, 755
- Hà Thần (miếu) : 927, 928
- Hà Thúc Lương : 53, 54, 228, 263, 264, 307, 317, 318, 331, 432, 434, 486, 542, 558, 566, 573, 590, 621, 633, 634, 660, 662, 709, 713, 883, 902, 921, 992
- Hà Tiên : 44, 46, 47, 69, 71, 93, 94, 96, 98, 101, 102, 123, 124, 141, 162, 171, 176, 182, 194, 196, 198, 199, 200, 215, 218, 221, 222, 233, 240, 244, 245, 246, 247, 250, 251, 252, 274, 276, 279, 280, 282, 283, 288, 289, 302, 303, 304, 312, 313, 316, 322, 323, 326, 328, 336, 345, 346, 353, 356, 363, 366, 367, 370, 371, 372, 374, 384, 385, 404, 410, 418, 419, 425, 429, 432, 454, 456, 479, 480, 481, 491, 501, 502, 526, 527, 535, 547, 560, 561, 569, 593, 594, 608, 611, 612, 614, 616, 633, 634, 637, 656, 662, 663, 672, 675, 699, 717, 719, 720, 721, 723, 725, 735, 736, 737, 749, 765, 767, 769, 770, 806, 832, 833, 835, 842, 847, 849, 861, 869, 871, 883, 898, 911, 917, 926, 973, 987, 1005, 1016, 1032, 1047, 1049
- Hà Tĩnh : 64, 83, 101, 117, 122, 127, 134, 142, 149, 155, 169, 171, 173, 182, 194, 200, 216, 259, 261, 263, 275, 283, 291, 295, 297, 308, 312, 317, 319, 335, 340, 346, 347, 358, 369, 398, 399, 405, 414, 415, 417, 419, 420, 451, 476, 482, 488, 491, 530, 573, 574, 587, 588, 594, 621, 625, 656, 668, 672, 676, 688, 692, 693, 699, 716, 723, 753, 773, 774, 783, 802, 804, 807, 816, 817, 832, 835, 850, 861, 863, 866, 867, 883, 899, 902, 905, 912, 924, 926, 927, 940, 950, 958, 959, 960, 961, 980, 991, 1005, 1012, 1034, 1050
- Hà Trung (đám) : 872
- Hà Trung (eo biển) : 738, 739
- Hà Trung (phủ) : 388, 594, 917
- Hà Trung (trạm) : 358
- Hà Trường (sông) : 339, 693
- Hà Văn Cù : 124
- Hà Văn Hạnh : 552
- Hạ Ba (huyện) : 101
- Hạ Bái (xã) : 440
- Hạ Châu : 72, 253, 538
- Hạ Hoa : 101
- Hải Dương : 39, 72, 98, 123, 126, 149, 162, 166, 171, 180, 195, 196, 198, 216, 219, 228, 239, 244, 252, 262, 264, 276, 307, 312, 315, 321, 331, 336, 347, 361, 369, 382, 395, 415, 423, 432, 437, 453, 460, 461, 477, 482, 486, 488, 499, 515, 519, 521, 531, 534, 537, 547, 548, 614, 618, 621, 642, 657, 662, 670, 690, 695, 699, 724, 751, 769, 774, 802, 803, 804, 811, 815, 831, 835, 836, 861, 866, 872, 873, 875, 911, 921, 923, 924, 926, 927, 944, 955, 959, 960, 964, 965, 994, 1005, 1020, 1058, 1059
- Hải Đông : 31, 43, 56, 63, 64, 69, 70, 71, 82, 86, 93, 94, 137, 221, 289, 313, 345, 453, 469, 1061
- Hải Đông (bảo) : 64

- Hải Ninh (phủ) : 639, 722
 Hải Ninh quận công : 846, 1039
 Hải Tây : 30, 31, 43, 56, 63, 69, 71, 81, 86, 93, 129, 161, 251, 453, 641, 670, 765, 767, 768, 932, 935
 Hải Tĩnh niên phong các : 766
 Hải Vân (đèo) : 982
 Hải Vân (núi) : 336
 Hải Vân quan : 336
 Hải vân (thuyền) : 727
 Hải Yến (xưởng thuyền) : 83
 Hàm Long (sông) : 964, 965, 967
 Hàm Thuận (phủ) : 1052, 1069
 Hàm Thuận quận công : 769
 Hàn (cửa) : 262
 Hán Thọ đình hầu : 315
 Hãn Môn (núi) : 738
 Hào Châu : 524
 Hát Môn (sông) : 964
 Hâu Diện (cửa sông) : 637, 869
 Hâu Diện Hạ : 869
 Hâu Diện Thượng (lò cá) : 869
 Hâu Đức (thôn) : 620
 Hâu Giang : 159, 162, 183, 222, 251, 274, 282, 302, 303, 311, 316, 321, 323, 326, 366, 367, 372, 490, 872, 875, 882, 985
 Hâu Giang (sông) : 490
 Hiền lan hoa lộ : 502
 Hiền sinh thi tứ : 543, 602
 Hiền Lương (đền) : 822, 823, 910
 Hiền Lương (tổng) : 962
 Hiền Đức (cửa) : 190
 Hiền Nhân (cửa) : 345, 543, 609, 610, 998
 Hiền Trung (miếu) : 876, 877, 878, 879
 Hiệp Hoà : 175
 Hiệp kỹ (lịch) : 73, 261, 351, 710
 Hiệp Lễ (xã) : 620
 Hiệp Thuận (xã) : 620
 Hiếu Đông (lăng) : 98, 99, 244, 254, 257, 269, 281, 287, 314, 359, 401, 470, 504, 576, 647, 714, 842, 948, 976
 Hiếu lăng : 182, 187, 190, 192, 208, 235, 243, 253, 254, 255, 257, 262, 264, 269, 281, 287, 314, 359, 401, 434, 470, 576, 647, 714, 842, 948
 Hiếu Sơn : 42, 51, 101, 186, 269
 Hiếu Sơn (lăng) : 99, 128, 157, 185
 Hiếu Tư (điện) : 25, 154, 155, 186, 190, 192, 209, 210, 214, 223, 254, 255, 257, 276, 277, 281, 340, 341, 358, 376, 413, 416, 428, 441, 442, 443, 444, 515, 556, 610, 647, 702, 847, 853, 887, 918, 951, 1023
 Hiếu Văn (thôn) : 619
 Hoa danh (sổ) : 123
 Hoa đăng (thợ) : 123
 Hoa triều (tiết) : 462
 Hoà Điền (huyện) : 1028
 Hoà Đông (tổng) : 68
 Hoà Lạc : 68, 276
 Hoà quốc công : 701, 756
 Hoà Thịnh (phủ) : 68
 Hoà Thịnh quận công : 449
 Hoà Thịnh (thôn) : 869
 Hoà Vinh (núi) : 738
 Hoả cơ (thuyền) : 758
 Hoả Lựu : 371
 Hoả pháo (đội) : 42, 123, 193

- Hoà pháo (ty) : 702, 814
 Hoà Xá (nước) : 92, 93, 172, 198, 515, 688, 811, 830, 841, 847, 848, 853, 858, 864, 929, 942, 1075
 Hoá Di (phủ) : 875, 883
 Hoài Đức (phủ) : 253, 1057
 Hoài Đức quận công : 846
 Hoàng Bá Bằng : 87, 135, 137, 139, 248, 342, 480, 775, 1024
 Hoàng Công Thư : 163
 Hoàng Công Tùng : 495
 Hoàng Đạo : 593, 768, 820, 835, 959, 960, 1072
 Hoàng Đăng Thận : 23, 147, 163, 184, 187, 262, 281, 285, 308, 342, 351, 443, 452, 515, 635, 680, 769, 1005
 Hoàng Đăng Thuận : 1005
 Hoàng Đức : 481, 570, 643, 713, 981
 Hoàng Đức Hạ : 82, 128, 918, 1050
 Hoàng Đức Hệ : 960
 Hoàng Đức Trị : 18
 Hoàng Hà (sông) : 1037, 1038
 Hoàng Hữu Quang : 124, 125, 914
 Hoàng Khuê : 542, 667, 668
 Hoàng Mẫn Đạt : 123, 222, 245, 313, 314, 345, 353, 385, 594, 616, 767
 Hoàng Minh : 216, 217, 963
 Hoàng Nho Nhã : 849
 Hoàng Phúc (điện) : 23, 203, 447
 Hoàng Quỳnh : 178, 293, 731
 Hoàng Sa : 749
 Hoàng Tế Mỹ : 28, 39, 116, 180, 181, 244, 329, 333, 375, 437, 444, 497, 504, 505, 538, 583, 614, 641, 669, 709, 727, 810, 814, 816, 825, 838, 882, 903, 920, 944, 1008, 1020, 1047
 Hoàng Thị Hân : 807
 Hoàng Thị Nghĩa : 547
 Hoàng Thiện Lương : 1010
 Hoàng Thu : 49, 137, 149, 192, 197, 260, 359, 374, 423, 481, 533, 576, 587, 604, 646, 720, 722, 971, 973, 1006, 1026, 1043
 Hoàng Trạch (cửa) : 190
Hoàng triều ngọc phả : 223
 Hoàng Trọng Nghiêm : 998
 Hoàng Trọng Từ : 748, 814, 861, 883, 924, 940, 994, 1050
 Hoàng Trung bá : 281
 Hoàng Trung nam : 758
 Hoàng Huy Triết : 537
 Hoàng Văn An : 395
 Hoàng Văn Cấp : 392
 Hoàng Văn Diễn : 202, 445, 860, 882
 Hoàng Văn Dục : 199
 Hoàng Văn Đản : 380
 Hoàng Văn Đức : 251
 Hoàng Văn Giảng : 1044
 Hoàng Văn Hạnh : 342
 Hoàng Văn Hậu : 42, 290, 314, 342, 349, 452, 515, 542, 564, 582, 633, 705, 749, 835, 857, 919
 Hoàng Văn Học : 901
 Hoàng Văn Khuê : 376
 Hoàng Văn Lịch : 356, 629, 630, 873, 1043
 Hoàng Văn Lộc : 630, 631
 Hoàng Văn Lợi : 576, 745
 Hoàng Văn Minh : 1072

- Hoàng Văn Nghị : 902
 Hoàng Văn Ninh : 903
 Hoàng Văn nông : 489
 Hoàng Văn Quý : 44, 95
 Hoàng Văn Sĩ : 377
 Hoàng Văn Thái : 343
 Hoàng Văn Thư : 776
 Hoàng Văn Thư : 902
 Hoàng Văn Tế : 118
 Hoàng Văn Tuyển : 962
 Hoàng Văn Trắng : 392
 Hoàng Văn Trần : 42
 Hoàng Văn Văn : 124, 125
 Hoàng Vĩnh Xuân : 252
 Hoàng Sơn (núi) : 291, 340, 417
 Hoàng Sơn quan : 295, 416
 Hoàng Ân (chùa) : 247, 311
 Hoàng Hoá (huyện) : 203
 Hoàng Hoá quận công : 846
 Hoàng Trị quận công : 846, 852, 857, 1014
 Hoàng Trung bá : 344
 Hoè Ất : 117, 118
 Hòn Cỏ : 49
 Hồ Bình : 348, 773
 Hồ Đắc Huyền : 155, 179
 Hồ Đắc Tuyên : 1026
 Hồ Đình Hi : 732, 823
 Hồ Đức Tú : 250, 547, 589, 593, 737, 741,
 742, 743, 759, 760, 762, 764, 775, 776,
 867, 992, 1014
 Hồ Hậu : 419, 553, 573, 678, 748, 759, 760,
 775, 956, 992, 1014, 1022, 1031, 1042
 Hồ Hựu : 277, 296, 369, 378, 432, 451, 452,
 523, 577, 583, 600, 610, 653, 706, 729
 Hồ Như Đống : 135
 Hồ tân liễu lăng : 543, 603
 Hồ Thị An : 601
 Hồ Thiện : 252, 523
 Hồ Trọng Tuấn : 216, 542, 699, 708, 709,
 722, 845, 1051
 Hồ Văn Bích : 199
 Hồ Văn Bôi : 113, 151
 Hồ Văn Cáo : 179
 Hồ Văn Dung : 951
 Hồ Văn Lưu : 42, 244, 287, 315, 343, 349,
 351, 450, 452, 504, 542, 564, 664, 665
 Hồ Văn Nghĩa : 200, 499, 701, 818, 847
 Hồ Văn Phúc : 135
 Hồ Văn Thập : 23, 42, 136, 192, 290, 317,
 349, 563, 596, 664, 665
 Hồ Văn Trị : 119, 163
 Hồ Văn Yểm : 917
 Hồ Xuân Huyền : 667, 668
 Hộ Thành (sông) : 115, 590
 Hộ Thành sơn : 300, 301, 416, 417
 Hộ thành (ty) : 428
 Hộ thành binh mã (ty) : 429, 814
 Hối Hạc (núi) : 301
 Hội điển : 8, 472, 874, 885, 900, 901
 Hội đồng (miếu) : 173, 174, 489, 540, 543,
 740, 865
 Hội Hoan (mỏ vàng) : 903
 Hội Thị : 317

- Hồng Bảo : 100, 217, 286, 287, 289, 300, 314, 315, 343, 412, 449, 485, 504, 579, 627, 745, 782, 852, 857, 864, 918, 1074
- Hồng Hưu : 315, 317, 674, 818, 846, 852, 857, 864
- Hồng Hựu : 1014
- Hồng Lĩnh : 296, 417
- Hồng Lĩnh (núi) : 296, 417
- Hồng Nhâm : 1064
- Hồng Phó : 314, 315, 818, 846, 852
- Hồng Tố : 532, 818, 846, 852, 857, 948, 1014
- Hồng Trúc vương : 734
- Hồng Tuấn : 755, 831
- Hồng Tự : 831
- Hồng ty (thợ) : 123
- Hồng ty hoa (thợ) : 123
- Hồng Y : 324, 485, 532, 818, 846, 852, 857, 918, 948
- Hợp Phố : 917
- Huân phi (thuyền) : 636
- Húc Hạm : 874
- Hùng Chương (đảo) : 279
- Hùng Ngự (đồn) : 251, 281, 311, 326, 366, 1038
- Huy Nhu công chúa : 825
- Huyền Thiên Chân Vũ đế quân : 317, 318
- Hứa Văn Tài : 217
- Hưng Hoá : 49, 82, 101, 123, 130, 135, 163, 165, 171, 182, 195, 196, 199, 216, 239, 247, 251, 276, 307, 321, 327, 336, 373, 382, 389, 415, 429, 432, 451, 461, 476, 477, 482, 513, 519, 526, 530, 549, 676, 835, 854, 858, 861, 866, 903, 922, 924, 944, 945, 955, 959, 964, 966, 1004, 1005
- Hưng Nguyên (huyện) : 419, 536, 572, 669
- Hưng Nhân (huyện) : 260, 314, 458, 511, 570, 679
- Hưng Nhượng (đồn) : 355, 363, 986
- Hưng Yên (tỉnh) : 24, 48, 49, 53, 66, 72, 101, 123, 142, 147, 165, 166, 168, 171, 194, 196, 216, 228, 253, 264, 305, 312, 330, 331, 332, 334, 335, 336, 347, 382, 405, 423, 427, 440, 441, 451, 460, 482, 488, 490, 520, 521, 523, 524, 535, 536, 570, 610, 623, 642, 650, 651, 656, 670, 676, 690, 694, 699, 710, 714, 724, 734, 747, 769, 803, 804, 805, 806, 811, 814, 831, 835, 866, 869, 911, 926, 927, 945, 960, 964, 965, 995, 998, 1005, 1006, 1024, 1070
- Hương (sông) : 157, 185, 190, 290, 498, 529, 544, 607, 708, 843, 940
- Hương Cần (làng) : 1012
- Hương Chiên (xã) : 620
- Hương Giang (sông) : 529
- Hương Mặc (xã) : 620
- Hương Nguyễn (đình) : 582
- Hương phi (thuyền) : 627, 636
- Hương Tích (chùa) : 296
- Hương Trà (huyện) : 844
- Hương Trà (thôn) : 620
- Hướng Hoá (châu) : 538, 539
- Hướng Hoá (huyện) : 302, 481, 647, 678, 690, 722
- Hướng Nghĩa (đội) : 713
- Hữu Bang : 301
- Hữu Bật (cầu) : 190
- Hữu Bình (pháo đài) : 427

Hữu Hồng (cửa) : 191

Hữu Lũng (huyện) : 618

Hữu Trạch (nguồn) : 375, 415, 470

K

Kết chinh truy (thợ) : 123

Kiên Giang : 68, 69, 371, 917

Kiên Hồng : 159, 236, 238

Kiến An công Đài : 332, 450, 484, 486, 506,
507, 578, 766, 785, 819, 848

Kiến Minh (lâu) : 190

Kiến Thụy công : 846, 852, 857, 918, 948

Kiến Tường quận công : 756, 945

Kiều Dũng nam : 1031, 1043

Kiên Thanh : 680

Kiều Đức Trường : 689

Kiểu mẫu bài nga : 88

Kiệu Mộc : 172, 198, 515, 847, 853

Kim Anh (huyện) : 101

Kim Ba (huyện) : 101

Kim Dur (cửa bể) : 302

Kim Dữ đài : 102, 200, 245, 283, 313, 322,
502

Kim đỉnh (thuyền) : 142, 187, 326

Kim Động (huyện) : 53, 330, 336, 520, 570,
734, 945

Kim Hỷ (mỏ vàng) : 715

Kim hoa (thuyền) : 262

Kim Hồng : 159, 249

Kim Kết : 159

Kim Linh (điện) : 192, 381

Kim Minh : 159

Kim Ngọc (xã) : 506

Kim Nhị Kỳ : 415, 504

Kim Phảng : 262

Kim Sâm : 249

Kim Sơn (chùa) : 123, 584

Kim Tháp (đôn) : 161

Kim Thế Hợp : 836

Kim Ứng : 758

Kim ung (thuyền) : 710, 975

Kinh Khê (xã) : 570

Kính Thiên (điện) : 141, 276, 292, 766

Kỳ Anh (huyện) : 101

Kỳ Ba (huyện) : 101

Kỳ đạo (thần) : 50, 254, 281

Kỳ Tô (phủ) : 641, 737

Kỳ Ân lâu : 225

KH

Kha Đốc (xứ) : 741, 742

Kha Đốt : 742

Kha Quân : 499, 500

Khả Lê : 386

Khai Biên (huyện) : 147, 221, 250, 768

Khải Thánh (đền) : 233

Khải Trạch (núi) : 190

- Khánh Hoà : 49, 94, 123, 161, 162, 165, 168, 171, 193, 214, 215, 240, 251, 263, 305, 358, 366, 396, 403, 413, 420, 424, 429, 451, 481, 482, 487, 491, 498, 499, 523, 547, 573, 574, 820, 835, 866, 878, 904, 922, 923, 926, 936, 937, 939, 949, 953, 962, 963, 967, 1000, 1004, 1011, 1032, 1050, 1054
- Khánh Ninh (cung) : 23, 25, 28, 133, 172, 173, 185, 187, 190, 191, 192, 262, 315, 444, 476, 716, 752
- Khánh Ninh (cửa) : 443
- Khánh Ninh (điện) : 25
- Khâm (huyện) : 297, 640, 807, 864
- Khâm Châu : 492, 598, 677, 708, 831, 874, 981, 1007, 1011, 1026, 1052
- Khâm văn chi ti ấn : 904
- Khâu Trị : 380
- Khiếu Ca : 744
- Khoái Châu (phủ) : 82, 253, 488, 535
- Khoan Hồng (thôn) : 620
- Khoan Tế (thôn) : 620
- Khôn Thái : 445, 469
- Khu Phong (người Phú Lăng Sa) : 116

L

- La Học (nước) : 204
- La Kết : 30, 45, 160
- La Kiên : 84, 264, 437, 455
- La Lưu (trại) : 644
- La Phong nam : 721, 863
- La Tru : 643
- La Vạn (trại) : 499, 500
- Lác (cửa biển) : 170, 492, 626, 744
- Lạc An (huyện) : 351, 639, 750
- Lạc Biên : 149
- Lạc Biên quận công : 755, 960
- Lạc Giang (bến sông) : 317
- Lạc Hoá (đội) : 195
- Lạc Hoá (phủ) : 117, 118, 124, 138, 140, 148, 158, 159, 160, 179, 183, 202, 205, 220, 221, 236, 238, 249, 250, 252, 262, 279, 289, 345, 560, 974, 987, 1016, 1019
- Lạc Hoá (phủ lý) : 279
- Lạc Hoá (quân thứ) : 203
- Lạc Thành (xã) : 620
- Lai Bôn : 500
- Lai Châu : 163, 164, 165, 549, 565, 566, 568, 638, 641, 750, 869
- Lại Thế Mỹ : 774, 1072
- Làm bài ngà : 101, 192
- Làm đại giá và lỗ bộ : 27
- Lang Cáp : 594
- Lang Chánh : 174, 618, 639, 750
- Lang Huy (trại) : 644
- Lang tập quân phương* : 543, 602
- Làng Sen (tổng) : 576
- Làng Thìn : 538
- Làng Xanh (trại) : 644
- Làng Y (trại) : 644
- Lăng Bạc : 318
- Lăng Tượng (xứ) : 69

- Lạng Sơn : 39, 101, 116, 123, 127, 135, 141, 142, 162, 166, 171, 195, 196, 199, 216, 234, 240, 254, 256, 291, 307, 315, 321, 331, 334, 335, 336, 382, 429, 432, 451, 460, 476, 482, 533, 546, 574, 586, 618, 634, 638, 639, 653, 657, 663, 670, 678, 696, 699, 724, 728, 835, 858, 863, 866, 871, 903, 923, 945, 1000, 1001, 1004, 1005, 1006
- Lào Man : 165
- Lạp (nước) : 204, 736, 969, 993, 1029, 1030, 1041, 1061
- Lạp Man (nước) : 365, 491, 765
- Lạp Man quận chúa : 587
- Lạt (sông) : 170
- Lâm Chương : 491, 492
- Lâm Duy Thiếp : 16, 29, 49, 52, 55, 120, 121, 192, 203, 235, 239, 241, 342, 373, 382, 387, 429, 430, 454, 455, 490, 492, 504, 515, 563, 582, 633, 673, 697, 728, 766, 785, 814, 825, 826, 857, 860, 873, 882, 900, 1008, 1019, 1035, 1055, 1056, 1074, 1076
- Lâm Hải (cửa) : 642
- Lâm Hải (tấn) : 228
- Lâm Mục : 214, 215
- Lâm Sâm : 117, 158, 19, 181, 183, 212, 234, 236, 252, 262
- Lâm Tham : 262
- Lâm Thao (phủ) : 158, 228, 328, 411, 437, 438, 461, 518, 526
- Lập Bạo : 292
- Lâu thường Bồng châu : 543, 602
- Lê (thuyền) : 692
- Lê Bá Đĩnh : 197, 247, 278, 445, 452, 504, 505, 552, 616, 635, 636, 943, 958, 1024
- Lê Bá Sĩ : 635
- Lê Bá Tú : 49, 101, 185, 333, 342, 382, 517, 521, 566, 633
- Lê bồng (thuyền) : 360
- Lê Chân : 81, 125, 159, 197, 217, 260, 282, 344, 363, 403, 493, 495, 546, 646, 678, 758, 825, 861, 882, 995, 996, 1030, 1050
- Lê Chất : 49, 872
- Lê Công Bão : 244, 369, 415
- Lê Công Chất : 94
- Lê Công Đạo : 1055
- Lê Công Đức : 379, 406, 1024
- Lê Công Hội : 347
- Lê Công Suý : 392, 393
- Lê Công Tịch : 838, 952
- Lê Công Tự : 819
- Lê Danh Thừa : 568
- Lê Di : 465, 542, 550, 636, 642, 646, 667, 677, 690, 699, 814, 906
- Lê Diễn : 261, 598
- Lê Duy Trung : 131, 815
- Lê Đại Cương : 197, 234, 264, 382, 427, 583
- Lê Đăng Doanh : 23, 41, 52, 185, 192, 200, 201, 203, 218, 220, 232, 238, 239, 260, 308, 329, 332, 347, 380, 403, 404, 448, 483, 485, 566, 632, 633, 701, 740, 818, 847
- Lê Đăng Trạc : 377, 583, 930
- Lê Đặng : 568
- Lê Diễn : 361, 647
- Lê Đình Bọt : 199
- Lê Đình Hoan : 166

- Lê Đình Khản : 576, 861, 923, 1005
 Lê Đình Lý : 321, 637, 737, 738, 742, 759, 760, 775, 780, 821, 992, 1014, 1026, 1031, 1042
 Lê Đoàn : 691
 Lê Đức : 119, 163, 233, 250, 264, 356, 842, 875, 1002, 1024
 Lê Đức Mậu : 1044
 Lê Đức Tuấn : 709
 Lê Hiến Thọ : 859, 860
 Lê Huy Tự : 869
 Lê Hữu Hương : 402, 723, 767, 846
 Lê Khánh Trinh : 125, 202, 214, 249, 284, 289, 348, 359, 369, 384, 432, 493, 575, 594, 627, 633, 715, 731, 736, 814, 844
 Lê Khắc Nhượng : 202, 212, 213, 214, 227, 278, 304, 343, 346, 355, 363, 364, 369, 385, 480, 593, 861, 971, 992, 1018, 1035
 Lê Khiêm Quang : 49, 92, 387, 529, 651, 669, 676, 706, 860, 920, 930, 944, 957
 Lê Lộc : 128
 Lê Lượng Bạt : 16
 Lê Nãi : 817
 Lê Ngọc Chấn : 420
 Lê Nguyên Giám : 197, 260, 380, 423, 480, 556, 557, 583, 668
 Lê Nguyên Trung : 49, 228, 427, 536, 610, 689, 806, 923, 924, 925, 959
 Lê Nhượng : 361
 Lê Quang : 921
 Lê Quang Dao : 927
 Lê Quang Định : 511, 880, 927
 Lê Quang Gia : 514
 Lê Quang Giám : 286
 Lê Quang Huân : 339
 Lê Quang Huyền : 44, 46, 68, 124, 182
 Lê Quang Khiêm : 57, 58, 670, 675, 820
 Lê Quang Nguyên : 69, 147, 371, 385, 390, 568, 738, 1024, 1035
 Lê Quang Quảng : 117, 159, 246, 251, 371
 Lê Quang Tạ : 643
 Lê Quang Thận : 1055
 Lê Quang Thắng : 110, 483
 Lê Quang Trứ : 233
 Lê Quốc Hương : 42, 93, 392, 487
 Lê Quốc Trinh : 282, 288, 289, 385, 432, 433, 480, 526, 611, 612
 Lê Tân : 975, 984
 Lê Tập : 162, 192, 239
 Lê Thị Nhuận : 926
 Lê Thị Tề : 83
 Lê Thiện Trị : 441, 711, 757, 759, 1035, 1050, 1055
 Lê Thiếu : 216, 217, 583
 Lê Thuật : 484
 Lê Tô : 202, 282, 491, 492
 Lê Trọng Bá : 135
 Lê Trường Danh : 264, 347, 451, 587, 678, 778, 815, 835, 864, 872, 955
 Lê Tư Duệ : 402, 451, 504, 576, 921
 Lê Từ : 78
 Lê Vạn Hạnh : 78, 552
 Lê Văn Bột : 526, 752
 Lê Văn Chất : 915
 Lê Văn Du : 24, 48, 134, 197, 251, 600, 708
 Lê Văn Dũng : 237, 246, 352
 Lê Văn Duyệt : 49, 511

- Lê Văn Dự : 690
 Lê Văn Hữu : 487, 488
 Lê Văn Khiêm : 199, 214
 Lê Văn Khoa : 174
 Lê Văn Khoan : 315
 Lê Văn Kỳ : 124, 125
 Lê Văn Lai : 261
 Lê Văn Lãm : 94
 Lê Văn Lâm : 390
 Lê Văn Linh : 298
 Lê Văn Loan : 914
 Lê Văn Long : 373
 Lê Văn Luyện : 55
 Lê Văn Lượng : 343
 Lê Văn Lưu : 377
 Lê Văn Lý : 959
 Lê Văn Pháp : 126, 592, 975, 984
 Lê Văn Phú : 23, 41, 52, 136, 185, 187, 233, 238, 286, 304, 313, 343, 346, 353, 354, 355, 364, 367, 372, 381, 384, 404, 427, 455, 456, 478, 490, 493, 494, 548, 575, 625, 660, 710, 718, 735, 766, 774, 776, 777, 780, 787, 788, 789, 884, 946, 973, 974, 986, 992, 1014, 1017, 1019, 1031, 1035, 1042, 1046, 1047
 Lê Văn Thảo : 147, 152, 187, 239, 281, 287, 343, 451
 Lê Văn Trọng : 601
 Lê Văn Vỹ : 166, 564, 862, 1005
 Lê Viên : 743, 775, 776, 821, 956, 992, 1014, 1022, 1026, 1031, 1043
 Lê Viết : 647
 Lê Viết Bích : 360
 Lê Viết Ca : 453
 Lê Viết Chuyên : 201, 290, 322, 342, 382
 Lê Viết Đăng : 524
 Lê Viết Lân : 527
 Lê Khê : 522
 Lê tiến hương : 78, 89, 93, 929, 942
 Lệ cấp áo mùa xuân cho các công tử : 390
 Lệ cấp miếu phu ở miếu thờ đế vương các đời : 810
 Lệ dùng ấn vàng : 904
 Lệ để tang : 22
 Lệ đi đứng khi vào châu hầu : 705
 Lệ Sam : 248
 Lệ Sơn : 389
 Lệ thăng bổ, ở lại của quan ngoài : 725
 Lệ thu thuế quan tân (cửa ải bến đò) : 692
 Lệ thưởng phạt về khai khẩn ruộng ở Nam Kỳ : 809
 Lệnh Cấm (ải, cửa) : 102, 696
 Lệnh Cấm (phố) : 102
 Lệnh Sơn (núi) : 738
 Lịch Bồn Nha Trắc : 760
 Lịch đại đế vương (miếu) : 529
 Lịch đại tổng luận : 957
 Liêm (huyện) : 640, 674, 864
 Liêm Đột : 736, 936
 Liên Kiên : 764
 Liệt Diệt (xứ) : 44
 Liệp Đức (sông) : 538
 Liêu (cửa biển) : 170, 421, 492, 626, 744, 966
 Liêu (huyện) : 640
 Liêu (sông) : 170
 Liêu Đông (đôn) : 1034
 Liêu Lác (cửa biển) : 492, 626, 744

- Liễu Hạnh công chúa : 227
 Linh Chiểu (làng, thôn, xã) : 37, 146, 152, 674, 858
 Linh Giang (bến đò ngang) : 294, 319, 417, 607
 Linh Hựu (quán) : 586
 Linh phượng (thuyền) : 253, 431, 538, 552, 674, 733, 758, 818, 975
 Linh Thái (núi) : 517, 738, 872
 Linh Thủy (lạch) : 361
 Lò Ngâu (sóc) : 124
 Long An (đồn) : 511, 680, 707, 721, 1077
 Long An (sông) : 593
 Long Ân : 247
 Long bát (thuyền) : 468, 505
 Long Bình nam : 502, 766, 803
 Long Châu (xã) : 321
 Long Châu (thuyền) : 629
 Long Khánh (huyện) : 721
 Long Lâm (ái) : 1026
 Long Phúc (chùa) : 291
 Long Sơn : 160, 985, 986
 Long thất (thuyền) : 468, 505
 Long Thiên (điện) : 276, 332
 Long Tôn (thành) : 93, 139, 161
 Long Trưng : 160
 Long Xuyên (huyện) : 94, 435, 547, 593, 917
 Lô (sông) : 476, 571, 928, 964, 966, 1060
 Lô An : 490
 Lô Khê : 303, 313, 352
 Lô Khu : 282, 571
 Lộc Giác (núi) : 245, 251, 303, 313
 Lộc Trĩ (núi) : 123
 Lỗi Tử (bộ) : 509
 Lợi Nông (hành cung) : 457
 Lợi Nông (sông) : 457, 570, 673, 723, 836
Luận về đạo vua tôi : 204
 Lục Chân Lạp : 1015
 Lục Đầu (sông) : 331, 695
 Lục Ngạn (huyện) : 83, 618
 Lục Vân (động) : 339
 Lục Vân (trại) : 722
 Lũng Chiền (thôn) : 620
 Lũng Khê (thôn) : 620
 Luột (cửa) : 369
 Lư Cấp Hỷ : 677, 874, 981
 Lương Đình Thiêm : 327
 Lương kha (thuyền) : 202
 Lương Như Đĩnh : 1045
 Lương Quốc Quang : 134, 162, 180, 233, 328, 411, 452
Lương tạ tình ba : 503
 Lương Văn Liễu : 117, 124, 141, 198, 244, 245, 250, 279, 288, 289, 312, 313, 314, 336, 384, 418, 502, 728
 Lương Văn Nhã : 514
 Lương Văn Tuấn : 379
 Lương Văn Tư : 556
 Lưu Di : 961
 Lưu Đông Bảo : 831
 Lưu Hoà Chương : 535
 Lưu Quỹ : 58, 63, 80, 81, 82, 166, 178, 229, 234
 Lý Cát (phường) : 610
 Lý Điển : 984
 Lý Khai Ba : 526

Lý Mậu Giai : 544

Lý Nhân (bảo) : 253

Lý Nhân (hành cung) : 142, 305

Lý Nhân (phủ) : 548, 750, 1057

Lý Sơn : 487, 952

Lý Thái : 179, 180, 961

Lý thuận (viện) : 23

Lý Văn Phúc : 23, 28, 39, 116, 306, 310, 329, 333, 388, 432, 513, 514, 539, 617, 633, 634, 728, 814, 816, 820, 825, 837, 846, 864, 866, 873, 882, 910, 944, 975, 984, 1050

M

Ma Chân : 500

Ma Doãn Bồi : 327

Ma Doãn Chấn : 745

Ma Doãn Dưỡng : 558, 749

Ma la Vi La Xá : 565

Ma Phí : 499, 500

Ma Thất : 92, 93

Ma Văn (cửa biển) : 670

Mã Cảnh (núi) : 323

Mã Hà : 163

Mã Tộc (xứ) : 95, 221

Mạc Cảnh Hương : 751

Mạc Ha Bà Già : 432

Mạc Mậu Sơn : 414, 415

Mạc Thiên Tứ : 717

Mạc Văn Phong : 717

Mai Anh Tuấn : 497, 501, 561, 1024, 1066

Mai Châu (châu) : 640, 641, 750

Mai Công Cẩn : 959, 981

Mai Công Nghiêm : 732

Mai Công Ngôn : 149, 153, 162, 187, 196, 231, 238, 260, 277, 296, 290, 308, 310, 330, 332, 349, 351, 362, 381, 522, 574, 633, 689, 709, 835, 850, 860, 864, 903,

930, 941, 943, 945, 960, 975, 976, 983, 984, 989, 990, 1002, 1045, 1065, 1074

Mai Công Trì : 395

Mai Đức Thường : 576, 622, 666, 675, 690, 710, 733, 920, 962, 983

Mai Khắc Mẫn : 66, 79, 175, 343, 380, 451, 452, 509, 510, 601, 623, 624, 643, 644, 679

Mai Mậu Xuân : 415

Mai Sơn (châu) : 565, 639, 750

Mai Văn Điền : 250

Mai Văn Đồng : 95, 96, 97

Mai Văn Ngôn : 285

Mai Văn Phái : 1044

Mai Văn Tích : 47, 69, 246, 250, 289, 313, 314, 336, 371, 384, 637

Mai Văn Thạch : 611

Mai Văn Trí : 18

Man Lào : 570, 582, 602, 678, 934, 960

Man Soạn (huyện) : 640, 674, 752, 821, 822

Mán (người) : 45, 173, 475

Mang hiện (tiết) : 786

Mang thân : 27

Mang thực (tiết) : 786

- Mặc Cẩn : 248
 Mãn Tri : 432
 Mật Thường Thủ : 93
 Mẫu bản tàu : 169
 Mê Sở (xã) : 142, 149, 168, 334, 524, 694
 Mê Sở (làng) : 168
 Mên (quán) : 947
 Mịch Danh Lộ : 326
 Miên An : 332, 449, 450, 701, 755, 857, 400, 1001
 Miên Bảo : 332, 450, 485, 755, 864
 Miên Bạt : 1006
 Miên Bửu : 449
 Miên Cấp : 380
 Miên Cầu : 537, 538, 756
 Miên Cung : 449, 495, 496, 761, 755
 Miên Dân : 574, 756, 1039
 Miên Định : 114, 191, 214, 332, 334, 449, 485, 701, 733, 755, 762, 824, 831, 846, 857, 859, 900, 943, 1001
 Miên Gia : 449, 755
 Miên Khoan : 755, 960
 Miên Kiên : 756, 818, 846
 Miên Lang : 65
 Miên Lâm : 756, 818, 846
 Miên Liêu : 449, 872
 Miên Mật : 450, 755
 Miên Nghi : 449, 485, 669, 670, 701, 755, 831, 857, 900, 1001
 Miên Ngô : 756, 818
 Miên Ngung : 756, 960
 Miên Ninh : 846
 Miên Phong : 147, 229, 755
 Miên Phú : 26, 450
 Miên Quan : 756, 945
 Miên Quán : 701, 756
 Miên Sạ : 818
 Miên Sùng : 380, 756
 Miên Tăng : 1039
 Miên Tế : 65, 669, 755, 810, 848
 Miên Thẩm : 755, 756, 769, 818, 846
 Miên Thủ : 769
 Miên Thực : 65, 755
 Miên Tĩnh : 65
 Miên Tông : 20, 21, 77
 Miên Tống : 449, 755, 846, 881
 Miên Tranh : 756, 818, 846
 Miên Trữ : 449, 755
 Miên Tuấn : 449, 756
 Miên Túc : 755, 932
 Miến Điện (nước) : 565, 566, 568
 Minh Chính (huyện) : 90, 190, 506, 581, 838, 905
 Minh hương (người) : 173, 212, 275, 276, 380, 475, 496, 535, 574, 675, 856
 Minh Hương (xã) : 496, 574
 Minh Long (bộ) : 509
 Minh Long (trại) : 643, 644
Minh lương kỷ khởi tập : 529
 Minh Mệnh : 7, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 28, 29, 34, 35, 39, 40, 47, 50, 60, 65, 66, 80, 89, 90, 91, 92, 101, 110, 111, 115, 117, 123, 127, 136, 152, 164, 175, 176, 186, 204, 209, 211, 212, 223, 225, 240, 241, 243, 247, 253, 261, 269, 275, 287, 291, 292, 293, 299, 305, 312, 318, 319, 330, 338, 341, 345, 348, 351, 377, 379, 382, 388,

390, 397, 401, 402, 406, 412, 419, 429,
430, 433, 434, 445, 448, 469, 471, 475,
485, 487, 503, 507, 508, 510, 511, 542,
554, 555, 558, 567, 579, 580, 581, 585,
598, 603, 612, 616, 618, 621, 623, 627,
634, 637, 638, 640, 648, 652, 658, 663,
664, 665, 669, 678, 681, 688, 689, 691,
693, 694, 695, 696, 697, 700, 701, 703,
706, 725, 738, 739, 750, 752, 754, 774,
778, 786, 803, 808, 816, 817, 829, 831,
836, 844, 853, 859, 867, 873, 874, 876,
878, 883, 898, 900, 904, 906, 912, 920,
922, 923, 927, 931, 945, 946, 951, 955,
963, 937, 981, 997, 1004, 1011, 1013,
1015, 1023, 1033, 1035, 1040, 1044,
1046, 1047, 1053, 1055, 1061, 1064,
1067, 1070, 1073

Minh Mệnh chính yếu : 240, 241

Minh Thành (điện) : 443, 976

Minh Thành (lâu) : 152

Minh Thận (điện) : 731

Mo Xâm (xứ) : 883

Móng Tay (đảo) : 279

Móng Xước Chích : 565, 567

Mộ Ba (huyện) : 101

Mộ Đức (huyện) : 101, 203, 844

Mộc thương (kho) : 64, 81, 169, 441, 689,
690, 762, 733, 759

Mộc thương (sở) : 686, 690, 692, 702

Mộc thương (ty) : 537, 741, 814, 815, 906

Mộc Túc : 361, 363, 425, 426, 592, 853, 936

Mộc Xá Na Lăng : 741

Mông Ân đình hầu : 831

Mông Phụ (xã) : 811, 1048

Mộng Sơn (bản) : 902

Mười bài thơ Thập thành : 1029

Mười bài thơ vịnh cảnh ở Thường Mậu viên :
502

Mười hai điều ân điển : 145

Mười hai điều ban ân : 109, 446

Mười một điều ban ơn : 210, 474

Mười việc điều trần : 58

Mường Bồng : 349, 599, 690

Mường Nhuận : 163

Mường Vang (châu) : 302, 348, 538, 599

Mỹ Cảnh (cửa tuần) : 967

Mỹ Điền (bảo) : 202, 361

Mỹ Lâm : 31, 56, 57, 641

Mỹ Lâm quận chúa : 846, 971, 972, 1015

Mỹ Lộc (huyện) : 511, 676, 679, 810, 1037

Mỹ Lương : 476, 477, 522, 548, 706

Mỹ Thanh : 102

Mỹ Thành (thôn) : 620, 707

Mỹ Thịnh Đông (thôn) : 871

N

Na Bôn (châu) : 349, 538, 539, 570, 599, 690

Na Đốc Côi : 946

Na Lạn (ải) : 102

Na Lăng : 718, 741

Na Lũng : 721

Na Phần (châu) : 165

- Na Tiếp Bà Đề Đột : 946
 Na Tĩnh : 744
 Nam Bàn (nước) : 92
 Nam Bắc tuần dương (thuyền) : 120
 Nam Chưởng (nước) : 130, 163, 373, 565,
 674, 676, 721, 807, 821, 864, 926, 1063
 Nam Đài : 283
 Nam Định : 72, 78, 115, 123, 131, 142, 171,
 175, 193, 194, 196, 211, 215, 216, 228,
 233, 236, 247, 263, 264, 305, 307, 308,
 312, 315, 317, 318, 321, 326, 330, 331,
 334, 336, 347, 369, 382, 395, 414, 418,
 421, 434, 440, 450, 453, 457, 477, 482,
 486, 488, 490, 492, 496, 499, 521, 524,
 530, 531, 532, 537, 539, 544, 555, 574,
 575, 583, 596, 598, 610, 614, 621, 626,
 629, 634, 642, 651, 656, 669, 676, 694,
 699, 700, 706, 709, 714, 723, 732, 734,
 735, 744, 769, 802, 804, 805, 806, 810,
 811, 814, 823, 831, 835, 838, 847, 866,
 868, 873, 885, 906, 911, 921, 922, 923,
 924, 925, 932, 944, 949, 956, 958, 959,
 960, 961, 964, 965, 966, 990, 1000, 1005,
 1025, 1037, 1038, 1058, 1059, 1060,
 1067, 1070, 1072, 1075
 Nam Định (trường thi) : 215, 216, 233, 263,
 418, 530, 531, 922, 923, 924, 944, 1072,
 Nam Đường (huyện) : 419, 572, 669, 810
 Nam Giao (đàn) : 91, 236, 265, 278, 397, 471,
 472, 473, 578, 711, 722, 843, 852, 994,
 1048, 1062
 Nam hải Long vương (miếu) : 530, 545, 575,
 629, 920, 1056
 Nam Kỳ : 84, 87, 98, 118, 129, 161, 167, 180,
 203, 205, 218, 219, 220, 223, 228, 240,
 273, 281, 288, 304, 314, 364, 365, 367,
 370, 371, 372, 374, 375, 381, 383, 384,
 396, 404, 427, 429, 430, 431, 432, 435,
 456, 464, 465, 479, 490, 491, 492, 493,
 501, 516, 532, 535, 561, 614, 619, 627,
 641, 649, 650, 663, 671, 672, 680, 682,
 684, 692, 697, 710, 726, 735, 736, 747,
 761, 767, 773, 774, 788, 803, 809, 810,
 813, 873, 917, 923, 933, 934, 936, 937,
 953, 954, 994, 1003, 1015, 1032, 1036,
 1043, 1054
 Nam Ninh (phủ) : 45, 71, 83, 280, 289, 346,
 363, 364, 365, 372, 455, 492, 494, 559,
 641, 670, 737
 Nam Thái (huyện) : 31, 45, 71, 83, 346, 363,
 364, 365, 372, 455, 492, 494, 559, 687,
 717, 718
 Nam Vang (thành) : 274, 280, 641, 718, 719,
 736, 743, 748, 759, 787, 788, 935, 1036
 Nặc Chấn : 1004, 1017
 Nặc Ong Chấn : 971, 972, 1015
 Nặc Ong Giun : 43, 71, 80, 129, 571, 670,
 749, 763, 772, 788, 789, 915, 916
 Nặc Ong Em : 43
 Nặc Ong Yếm : 969
 Nặc Yếm : 249
 Niêm Sơn (xã) : 380
 Ninh Biên (bảo) : 49, 130, 163, 165
 Ninh Biên (châu) : 163, 164, 639
 Ninh Biên (đội) : 196
 Ninh Bình : 66, 72, 78, 104, 115, 116, 123,
 134, 142, 157, 171, 193, 194, 195, 198,

- 199, 216, 253, 263, 291, 300, 301, 312, 317, 329, 335, 338, 348, 351, 357, 358, 361, 417, 429, 432, 451, 452, 460, 475, 521, 571, 573, 587, 594, 610, 625, 627, 633, 638, 639, 656, 699, 750, 803, 804, 810, 811, 816, 861, 866, 882, 910, 926, 944, 960, 964, 966, 995, 1005, 1034, 1035, 1037, 1049, 1070
- Ninh Cách : 1034
- Ninh Lạc nam : 87, 372, 384, 419, 443, 633, 705, 860
- Ninh Lạc tử : 860, 920, 990, 1053
- Ninh quốc công : 450
- Ninh Thuận (phủ) : 774
- Ninh Thuận công : 449, 485, 669, 701, 755, 831, 857, 900, 1001
- Nô Anh : 500
- Nô Điểm : 500
- Nô Động (sốc) : 124
- Nô Dương : 499, 500
- Nô Giới : 500
- Nô Kết : 722
- Nô Suy : 500, 501
- Nô Thái : 500
- Nô Tiểu : 722
- Nô Úc : 500
- Nô Vành : 499, 500, 501
- Nô Viên : 500
- Nội các : 24, 28, 29, 30, 32, 40, 48, 52, 53, 55, 56, 66, 82, 105, 120, 121, 122, 125, 127, 154, 157, 168, 189, 197, 198, 203, 206, 223, 235, 239, 241, 262, 266, 306, 310, 318, 319, 328, 336, 338, 342, 347, 349, 353, 356, 357, 361, 373, 382, 387, 388, 396, 400, 402, 412, 413, 416, 422, 429, 436, 437, 442, 452, 458, 461, 480, 486, 497, 503, 504, 505, 514, 515, 523, 528, 532, 536, 540, 552, 553, 563, 564, 569, 573, 575, 576, 582, 585, 591, 592, 593, 594, 603, 604, 605, 607, 608, 609, 611, 613, 615, 617, 621, 627, 628, 633, 635, 636, 649, 651, 657, 659, 664, 673, 675, 678, 681, 685, 691, 704, 705, 709, 711, 712, 715, 722, 727, 730, 731, 732, 736, 745, 746, 752, 754, 756, 757, 758, 759, 762, 775, 778, 781, 786, 787, 791, 807, 814, 816, 817, 818, 820, 824, 825, 830, 832, 836, 838, 841, 842, 848, 857, 860, 861, 877, 878, 881, 882, 885, 886, 887, 900, 902, 918, 929, 948, 949, 950, 951, 953, 956, 957, 958, 975, 978, 980, 981, 984, 990, 995, 996, 1011, 1013, 1015, 1020, 1024, 1029, 1030, 1035, 1037, 1045, 1046, 1047, 1048, 1050, 1051, 1060, 1066, 1067, 1069
- Nội Trị (xã) : 317
- Nông Hùng Thạc : 600, 734, 823
- Nông Quảng Khải : 158
- Nông Thạc : 158, 199
- Nông Văn Vân : 519, 526
- Nùng (người) : 130, 173
- Nùng Trí Hậu : 327
- Nước Dương (trại) : 644
- Nước Khâm (trại) : 644
- Nước Tà (trại) : 644
- Ny Sai Đi : 302

NG

- Ngải Am (cửa biển) : 331
 Ngân Sơn (mỏ bạc) : 715
Nghe kiều tế nguyệt : 543, 602
 Nghệ An : 28, 39, 49, 64, 66, 72, 78, 98, 120,
 126, 137, 142, 149, 153, 155, 166, 169,
 171, 183, 194, 195, 200, 203, 211, 215,
 216, 233, 240, 241, 251, 253, 260, 265,
 275, 277, 291, 295, 296, 297, 298, 312,
 326, 335, 340, 346, 347, 348, 349, 357,
 358, 362, 369, 376, 377, 378, 382, 397,
 399, 400, 401, 405, 415, 417, 419, 427,
 431, 432, 447, 451, 452, 460, 475, 481,
 482, 483, 491, 513, 514, 515, 521, 522,
 525, 536, 537, 539, 540, 544, 549, 550,
 555, 572, 573, 587, 588, 592, 614, 621,
 625, 636, 638, 639, 640, 646, 650, 651,
 653, 654, 656, 672, 676, 693, 699, 710,
 721, 723, 725, 732, 738, 750, 752, 786,
 804, 807, 810, 811, 814, 819, 821, 835,
 836, 837, 838, 842, 845, 850, 861, 863,
 864, 866, 867, 868, 873, 883, 889, 901,
 902, 912, 922, 923, 926, 939, 940, 949,
 950, 952, 955, 959, 960, 963, 980, 991,
 994, 1005, 1011, 1012, 1035, 1043, 1044,
 1050, 1072
 Nghệ An (hải phận) : 587, 1011
 Nghệ An (trường thi) : 120, 215, 216, 233,
 376, 377, 513, 514, 901, 902 1043, 1044
 Nghênh Lương (quán) : 190
 Nghi Hoà (phủ) : 31, 249, 364, 494
 Nghi Hoà quận công : 65
 Nghĩa Đường (huyện) : 183, 639, 956
 Nghĩa Hoà thái trưởng công chúa : 863
 Nghĩa quốc công : 669, 755, 810, 848
 Nghĩa Trụ (sông) : 964, 965, 967
 Nghiêm Phong (huyện) : 101
 Ngọc Biện : 43, 84, 126, 264, 726
 Ngọc Châu : 981, 1048
 Ngọc Cửu : 872
 Ngọc diện tượng cục : 652
Ngọc điệp : 223, 243, 244, 437, 711
 Ngọc Giáp (sông) : 417
 Ngọc Hân : 389
 Ngọc Nguyên : 68, 84, 219, 587, 858
 Ngọc Nguyệt : 434, 435, 863
 Ngọc Sơn (bờ biển) : 203, 414
 Ngọc Sơn (huyện) : 899
 Ngọc Thu : 68, 84, 219, 587, 858
 Ngọc Tú : 247
 Ngọc Vân : 425, 426, 587, 602, 764, 772,
 787, 789, 846, 858, 868, 915, 916, 934,
 935, 969, 971, 972, 988, 993, 1007, 1015,
 1017, 1062
 Ngọc Xuyên : 981
 Ngô Bình Đức : 58, 80, 166, 229, 405, 465,
 523, 542, 636, 643, 677, 732, 786, 814,
 820, 861, 994, 996
 Ngô Cao Lãng : 253, 360
 Ngô Điền : 119, 163
 Ngô Đồng (cửa sông) : 457
 Ngô Đức Chính : 339
 Ngô Hội Hưng (người Thanh) : 849

- Ngô Kim Lân : 162, 180, 192, 228, 264, 382, 405, 437, 537, 543, 690, 724, 744, 823, 835, 861, 864, 960
- Ngô Lương : 994
- Ngô Thế Chu : 536
- Ngô thị (đền thờ) : 450
- Ngô Tông Chu : 949
- Ngô Tông Hoà : 949
- Ngô Tông Nho : 901
- Ngô Trí Thục : 318
- Ngô Trọng Phú : 149
- Ngô Văn Bẩm : 527
- Ngô Văn Địch : 125, 217, 232, 240, 311, 374, 432, 499, 516, 630, 711, 768, 963, 1050
- Ngô Văn Giai : 83, 251, 289, 303, 380, 384, 418, 454, 455, 559, 593, 601, 761, 780, 789, 833, 842, 923, 1019
- Ngô Văn Lý : 601
- Ngô Văn Nhai : 490, 493, 494, 495, 535, 572, 575, 989, 992
- Ngô Văn Thế : 289, 380, 432
- Ngô Văn Trạch : 55, 198
- Ngô Xá (xã) : 714
- Ngũ Hành (núi) : 803
- Ngũ lễ thông khảo : 132, 922
- Nguy Khắc Tuấn : 82, 130, 163, 182, 239, 432, 451, 453, 466, 467, 518, 535, 555, 861, 884, 923, 924, 949, 955, 967, 995, 1000, 1020, 1043
- Nguyễn Ái Quyền : 709
- Nguyễn Bá Đôn : 922
- Nguyễn Bá Hựu : 602, 717, 718, 719
- Nguyễn Bá Nghi : 49, 192, 197, 402, 412, 436, 452, 504, 505, 538, 573, 575, 604, 611, 670, 671, 761, 771, 835, 861, 864, 882, 975, 976, 978, 990, 1020, 1066
- Nguyễn Bá Nha : 233, 478, 497, 1052, 1069
- Nguyễn Bá Thuận : 903
- Nguyễn Bá Tĩnh : 432, 564, 647, 835
- Nguyễn Bá Trụ : 530
- Nguyễn Bảo : 239
- Nguyễn Bật Lương : 147
- Nguyễn Chân Kiệt : 1044
- Nguyễn Chấn : 392, 393, 725, 727, 838
- Nguyễn Chiếm : 462
- Nguyễn Chinh : 922
- Nguyễn Chính : 530, 583, 604, 724, 1044
- Nguyễn Chính Xuân : 534
- Nguyễn Chiêu : 530
- Nguyễn Chung : 481
- Nguyễn Chương : 901
- Nguyễn Công Đức : 770
- Nguyễn Công Hoán : 78, 158, 165, 239, 253, 264, 307, 311, 328, 329, 452, 561
- Nguyễn Công Hợp : 688, 786, 816, 948, 981, 1055
- Nguyễn Công Nghĩa : 426, 431, 552, 622, 860, 940
- Nguyễn Công Nhân : 63, 64, 82, 139, 161, 162, 199, 218, 220, 220, 221, 236, 237, 250, 251, 274, 279, 280, 289, 303, 311, 313, 316, 322, 323, 324, 325, 326, 346, 349, 350, 353, 354, 355, 363, 364, 367, 372, 383, 384, 396, 425, 453, 455, 481, 490, 501, 502, 516, 532, 548, 560, 568, 571, 592, 611, 680, 720, 723, 737, 738, 741, 744, 748, 759, 760, 762, 764, 772,

- 775, 848, 917, 992, 1014, 1016, 1026, 1031, 1042
- Nguyễn Công Quỳnh : 527
- Nguyễn Công Trứ : 30, 45, 46, 63, 69, 71, 78, 86, 87, 102, 137, 138, 139, 160, 161, 178, 218, 220, 221, 228, 236, 237, 248, 249, 250, 251, 252, 274, 275, 279, 280, 282, 288, 289, 302, 303, 311, 316, 352, 361, 367, 384, 396, 425, 453, 481, 490, 499, 516, 548, 571, 593, 611, 612, 722, 768, 904, 905, 920, 930, 961, 1024, 1051, 1072
- Nguyễn Cư Sĩ : 234, 264, 312, 328, 360, 504, 538, 583, 692, 697, 748, 759, 805, 861, 869, 921, 957
- Nguyễn Cửu Đức : 64, 130, 153, 163, 168, 315, 382, 403, 452, 461, 480, 526, 615, 618, 633, 653, 706, 728, 729, 744
- Nguyễn Cửu Trường : 125, 163, 192, 373, 402, 504, 505, 538, 583, 711, 732, 825, 861, 882, 956, 1035, 1047, 1051, 1066
- Nguyễn Cửu Tường : 124, 125
- Nguyễn Doãn : 460, 481, 594, 651, 835, 910, 917, 920, 944, 945, 995, 1020, 1022
- Nguyễn Doãn Nguyên : 530
- Nguyễn Doãn Tác : 738
- Nguyễn Doãn Văn : 216
- Nguyễn Doãn Vũ : 638
- Nguyễn Danh Giáp : 197, 286, 395, 532, 690, 786, 860, 902, 918, 945, 1002
- Nguyễn Du : 19, 982, 1072
- Nguyễn Duy : 216, 583, 927
- Nguyễn Duy Cần : 216, 217, 356, 357, 373
- Nguyễn Duy Doãn : 403
- Nguyễn Duy Quang : 530
- Nguyễn Duy Thành : 418
- Nguyễn Duy Tân : 376
- Nguyễn Duy Tự : 514, 583
- Nguyễn Duy Tráng : 44, 57, 58, 95
- Nguyễn Đạc : 526, 863
- Nguyễn Đắc Mân : 392
- Nguyễn Đắc Trí : 726
- Nguyễn Đăng Dương : 226
- Nguyễn Đăng Đệ : 233
- Nguyễn Đăng Giai : 153, 155, 162, 180, 192, 197, 198, 238, 264, 307, 318, 320, 331, 333, 385, 386, 418, 424, 438, 439, 441, 452, 453, 461, 476, 477, 514, 518, 519, 522, 526, 527, 548, 549, 556, 558, 559, 560, 561, 565, 566, 583, 596, 597, 598, 600, 613, 633, 637, 638, 650, 653, 666, 667, 668, 690, 721, 724, 734, 744, 752, 785, 811, 823, 835, 869, 903, 910, 963, 994, 997, 1003, 1019, 1058, 1067
- Nguyễn Đăng Giao : 489
- Nguyễn Đăng Hoá : 817
- Nguyễn Đăng Hành : 514, 613
- Nguyễn Đăng Khải : 64, 110, 613
- Nguyễn Đăng Khánh : 423, 547, 583, 932
- Nguyễn Đăng Khiêm : 253
- Nguyễn Đăng Khoa : 923
- Nguyễn Đăng Lý : 530
- Nguyễn Đăng Sĩ : 379
- Nguyễn Đăng Tiếp : 233, 598
- Nguyễn Đăng Tuấn : 53, 188, 200, 201, 287, 305, 343, 379, 412, 612, 613, 690, 712
- Nguyễn Đăng Tuyển : 17
- Nguyễn Đăng Uẩn : 49, 78, 134, 289, 345, 425, 451, 523, 588, 615, 775, 1052

- Nguyễn Đình Ân : 1006
 Nguyễn Đình Đạo : 922
 Nguyễn Đình Chiêu : 636, 1044
 Nguyễn Đình Giản : 176
 Nguyễn Đình Hỉ : 815
 Nguyễn Đình Hựu : 489
 Nguyễn Đình Khuê : 902
 Nguyễn Đình Lương : 519
 Nguyễn Đình Lượng : 519
 Nguyễn Đình Phúc : 391, 460, 910, 923
 Nguyễn Đình Sĩ : 902
 Nguyễn Đình Tân : 28, 39, 55, 116, 187, 198, 307, 331, 382, 451, 488, 520, 523, 536, 633, 732, 884, 955, 960, 975, 976, 984, 1050
 Nguyễn Đình Thản : 1072
 Nguyễn Đình Thiệu : 902
 Nguyễn Đình Thanh : 600, 638
 Nguyễn Đình Trụ : 462
 Nguyễn Đôn : 561
 Nguyễn Đôn Quỳnh : 342
 Nguyễn Đông : 669, 862, 981
 Nguyễn Đông Khoa : 48, 122, 260, 295, 399, 420, 451, 593, 806, 869, 927, 998
 Nguyễn Đức Chính : 48, 286, 343, 347, 375, 395, 437, 504, 564, 628, 745, 791, 817, 825, 861, 882, 899, 911, 920, 941, 955, 958, 1020
 Nguyễn Đức Chung : 117, 126, 248, 418, 713, 723, 956, 960, 975, 984
 Nguyễn Đức Hạnh : 963
 Nguyễn Đức Hoan : 405, 406, 451, 540, 732, 861, 922
 Nguyễn Đức Hoàn : 149
 Nguyễn Đức Hoạt : 28, 39, 306, 310, 342, 349, 374, 564, 570, 634, 636, 649, 667, 669, 709, 711, 727, 825, 882, 911, 940, 941, 1020, 1026, 1035, 1044
 Nguyễn Đức Hộ : 121, 232, 283, 302, 374, 509, 510, 601, 615, 623, 679, 681, 815, 835, 843, 990
 Nguyễn Đức Hội : 905
 Nguyễn Đức Hựu : 435
 Nguyễn Đức Khuê : 531
 Nguyễn Đức Lâm : 531
 Nguyễn Đức Tập : 381, 728, 960, 975, 976, 984
 Nguyễn Đức Thịnh : 439
 Nguyễn Đức Tư : 514, 995, 1010
 Nguyễn Đức Xuyên : 435
 Nguyễn Giáo : 641
 Nguyễn Hàm Ninh : 48, 861, 866, 926, 962
 Nguyễn Hanh : 240, 499, 630, 711, 781, 820, 830, 837, 861, 873, 899, 944, 960
 Nguyễn Hoàng : 1026, 1031, 1042, 1047
 Nguyễn Hồ : 806
 Nguyễn Huy Chiêu : 445
 Nguyễn Huy Lịch : 17, 435, 465, 536, 542, 748, 1060
 Nguyễn Hưng : 259, 260, 552
 Nguyễn Hương : 598, 753
 Nguyễn Hữu Bình : 785, 994
 Nguyễn Hữu Chính : 127, 1018
 Nguyễn Hữu Cơ : 420, 712, 833, 835, 861, 914, 957
 Nguyễn Hữu Dật : 352
 Nguyễn Hữu Diện : 392

- Nguyễn Hữu Diệu : 329, 367, 389, 438, 452,
 526, 527, 549, 723, 926
 Nguyễn Hữu Dục : 17
 Nguyễn Hữu Độ : 628, 659, 660, 699, 712,
 842, 846, 917, 982
 Nguyễn Hữu Hoà : 710
 Nguyễn Hữu Lễ : 51, 233
 Nguyễn Hữu Phú : 638
 Nguyễn Hữu Thành : 867, 905
 Nguyễn Hy : 975
 Nguyễn Khánh : 216, 217, 743
 Nguyễn Khắc Điều : 660
 Nguyễn Khắc Khoan : 327
 Nguyễn Khắc Trạch : 348, 399, 420, 621,
 774, 815, 923, 927
 Nguyễn Kim Chung : 715, 775
 Nguyễn Kim Giám : 229, 711, 901
 Nguyễn Kim Phẩm : 343
 Nguyễn Kim Uy : 434
 Nguyễn Lâm : 450, 542, 1044
 Nguyễn Lập : 217, 583, 604, 1044
 Nguyễn Lương Nhân : 64, 78, 98, 117, 140,
 141, 179, 250, 251, 274, 289, 301, 311,
 316, 322, 323, 324, 325, 326, 349, 384,
 410, 418, 501, 502, 526, 614, 633, 634,
 717, 720, 749, 767, 833, 835, 847, 848,
 861, 919, 941, 960, 980, 1019, 1026, 1047
 Nguyễn Nghị : 122, 202, 231, 342, 460, 669,
 740, 941
 Nguyễn Nghĩa : 460, 487, 592, 593, 634, 644,
 680
 Nguyễn Nghĩa Phong : 650
 Nguyễn Nghĩa Thịnh : 391, 393, 460, 738,
 910, 917, 920, 959, 975, 990, 998
 Nguyễn Ngọc : 163, 264, 418, 730
 Nguyễn Ngọc Cảnh : 173
 Nguyễn Ngọc Dịch : 233
 Nguyễn Ngọc Hoán : 505
 Nguyễn Ngọc Huyền : 457
 Nguyễn Ngọc Lô : 392, 393
 Nguyễn Ngọc Lựu : 392
 Nguyễn Ngọc Nghĩa : 339, 348
 Nguyễn Nhật Điểm : 57
 Nguyễn Nhật Thanh : 177, 703
 Nguyễn Như Chương : 547, 815
 Nguyễn Như Khuê : 56
 Nguyễn Như Ngữ : 135
 Nguyễn Như Thăng : 776
 Nguyễn Như Thọ : 343
 Nguyễn Như Ý : 342, 529
 Nguyễn Nhược Sơn : 181, 544, 565, 582, 710
 Nguyễn Ninh : 825, 1021
 Nguyễn Phúc Liệu : 591
 Nguyễn Phúc Quận : 591
 Nguyễn Phúc Tường : 377
 Nguyễn Phương : 707, 724, 815, 831, 941,
 943, 956, 963, 995
 Nguyễn Quán : 19
 Nguyễn Quán Thục : 822
 Nguyễn Quang : 592, 847
 Nguyễn Quang Bích : 530
 Nguyễn Quang Huy : 376, 901
 Nguyễn Quang Khuê : 403
 Nguyễn Quang Lân : 1072
 Nguyễn Quang Trạch : 514
 Nguyễn Quảng Khải : 600, 750
 Nguyễn Quảng Ký : 199

- Nguyễn Quốc Hoan : 264, 308, 317, 334, 488,
 516, 530, 593, 610, 723, 815, 861, 873,
 915, 957, 1002, 1006
 Nguyễn Quốc Uyển : 901
 Nguyễn Quý Minh : 709
 Nguyễn Quý Tân : 356, 373, 816
 Nguyễn Quyển : 975, 984
 Nguyễn Quỳnh : 68, 392, 393
 Nguyễn Quýnh : 435, 827, 921, 1006
 Nguyễn Sái : 169
 Nguyễn Sáng : 88, 98, 131, 246, 289, 385,
 419, 678, 720, 737, 738, 741, 742, 743,
 748, 1031
 Nguyễn Sĩ Đăng : 117, 124, 178, 202
 Nguyễn Sĩ Phú : 668, 716
 Nguyễn Sĩ Phú (đền thờ) : 668
 Nguyễn Sùng : 311
 Nguyễn Tam : 910, 981
 Nguyễn Tăng Minh : 41, 187, 218, 219, 232,
 281
 Nguyễn Thạch : 476, 903
 Nguyễn Thanh Lộc : 468
 Nguyễn Thế An : 514
 Nguyễn Thế Bảo : 339
 Nguyễn Thế Bính : 915
 Nguyễn Thế Đạo : 550
 Nguyễn Thế Khả : 339
 Nguyễn Thế Nho : 376
 Nguyễn Thế Tạo : 395
 Nguyễn Thế Tính : 451
 Nguyễn Thế Tình : 530
 Nguyễn Thế Thường : 823
 Nguyễn Thế Trạch : 640
 Nguyễn Thế Trị : 177, 214, 222, 289, 516
 Nguyễn Thế Vinh : 168
 Nguyễn Thế Vĩnh : 902
 Nguyễn Thị Bình : 515
 Nguyễn Thị Hợp : 601
 Nguyễn Thị Huyền : 389
 Nguyễn Thị Khiết : 259
 Nguyễn Thị Liễu : 771
 Nguyễn Thị Linh : 424
 Nguyễn Thị Lưu : 601
 Nguyễn Thị Mạo : 925
 Nguyễn Thị Ngữ : 963
 Nguyễn Thị Nương : 547
 Nguyễn Thị Phán : 363
 Nguyễn Thị Quyên : 363
 Nguyễn Thị Tân : 388
 Nguyễn Thị Thục : 836
 Nguyễn Thị Tư : 363
 Nguyễn Thịnh : 125
 Nguyễn Thuận : 748, 832, 850, 921, 992
 Nguyễn Thuộc : 1002
 Nguyễn Tích : 259
 Nguyễn Tiến Hội : 614, 712, 959, 971, 1060
 Nguyễn Tiến Lâm : 30, 45, 46, 63, 69, 71, 72,
 86, 87, 137, 140, 148, 158, 159, 181, 183,
 184, 203, 212, 214, 221, 222, 234, 236,
 237, 249, 250, 252, 274, 289, 301, 303,
 311, 354, 355, 371, 372, 382, 384, 419,
 443, 475, 551, 564, 582, 633, 675, 705,
 707, 736, 831, 860, 920, 944, 960, 990,
 995, 1019, 1053
 Nguyễn Tiến Phúc : 246, 251, 395

- Nguyễn Tiến Song : 42, 125, 148, 181, 213, 678, 743, 775, 904, 958, 990
 Nguyễn Tiến Tá : 405
 Nguyễn Tiến Thái : 901
 Nguyễn Tiến Thủ : 392
 Nguyễn Tiến Tuyên : 64, 500, 728, 862
 Nguyễn Tô : 587, 653, 862, 990
 Nguyễn Tốn : 233, 596, 915
 Nguyễn Trạch : 48, 67, 192, 233, 333, 374, 462, 544, 564, 633, 674, 825, 861, 922, 924, 944, 955, 1006, 1043
 Nguyễn Tri Phương : 24, 48, 51, 66, 96, 97, 140, 141, 159, 177, 179, 183, 184, 200, 212, 214, 222, 234, 236, 237, 250, 251, 252, 262, 280, 281, 288, 289, 310, 311, 313, 326, 354, 355, 363, 364, 372, 375, 384, 481, 546, 548, 569, 591, 611, 612, 616, 622, 636, 641, 649, 670, 671, 672, 675, 677, 678, 689, 697, 699, 719, 720, 721, 735, 736, 737, 738, 742, 743, 748, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 774, 775, 776, 787, 788, 789, 883, 884, 935, 946, 973, 974, 985, 986, 992, 1006, 1014, 1016, 1017, 1019, 1031, 1032, 1041, 1043, 1047, 1048, 1074, 1076
 Nguyễn Trị : 375, 376
 Nguyễn Trọng Nguyên : 451, 468, 709, 885, 1006, 1007
 Nguyễn Trọng Tĩnh : 23, 50, 52, 187, 192, 208, 285, 286, 308, 332, 342, 363, 388, 419, 452, 491, 551, 599, 736, 767, 923, 945, 963, 984, 1008, 1046
 Nguyễn Trung Mậu : 41, 119, 153, 173, 181, 187, 208, 218, 225, 231, 241, 297, 333, 373, 401, 459, 490, 515, 521, 539, 579, 605, 622, 704, 708, 711, 714, 785, 816, 837
 Nguyễn Trung Nghĩa : 651, 732, 733, 740, 899, 920
 Nguyễn Tự : 162, 198, 293, 294, 530, 576, 582, 827, 959
 Nguyễn Ư Dĩ : 751
 Nguyễn Văn Bài : 519, 867
 Nguyễn Văn Bằng : 901
 Nguyễn Văn Biểu : 558, 653, 706
 Nguyễn Văn Chấn : 81, 82, 229, 252, 260, 369, 392, 518, 610, 615, 820, 923, 957, 1006, 1024, 1043
 Nguyễn Văn Chính : 96, 97, 537, 914
 Nguyễn Văn Công : 72, 431, 489, 537, 674, 733, 741
 Nguyễn Văn Diễm : 536, 542, 564, 649, 709, 861, 923, 926
 Nguyễn Văn Do : 69, 371, 372, 481, 767, 770, 871, 883, 1021
 Nguyễn Văn Dưỡng : 926
 Nguyễn Văn Đạc : 131, 305, 347
 Nguyễn Văn Đạm : 817
 Nguyễn Văn Đạt : 24, 49, 253, 290, 291, 344, 451, 564, 582, 690, 817, 826
 Nguyễn Văn Điển : 48, 187, 244, 278, 356, 401, 504, 534, 542, 564, 565, 628, 647, 673, 711, 815, 825, 846, 873, 885, 911, 961, 1020, 1043, 1070
 Nguyễn Văn Đức : 56, 118, 126, 246, 251, 252, 317, 349, 355, 435, 499, 644, 679, 723, 724, 740, 864, 905, 923
 Nguyễn Văn Giai : 392

- Nguyễn Văn Giao : 169, 611
 Nguyễn Văn Hiến : 901, 995, 1010
 Nguyễn Văn Hoà : 246, 251, 326, 371, 382,
 383, 384, 526, 527
 Nguyễn Văn Hoá : 689
 Nguyễn Văn Hoán : 321
 Nguyễn Văn Hoàng : 56, 57, 118, 148, 159,
 181, 212, 213, 232, 234, 246, 250, 280,
 289, 384, 481, 571, 592, 593, 641, 721,
 736, 737, 741, 742, 743, 748, 759, 760,
 761, 762, 763, 766, 780, 788, 789, 875,
 884, 946, 973, 974, 986, 992, 1014, 1016,
 1017, 1019, 1026
 Nguyễn Văn Hựu : 179, 552
 Nguyễn Văn Ký : 244, 727, 990
 Nguyễn Văn Lịch : 514
 Nguyễn Văn Liễn : 122
 Nguyễn Văn Lương : 17, 83, 93, 355, 363
 Nguyễn Văn Lượng : 468
 Nguyễn Văn Lưu : 379, 589, 647, 862, 990
 Nguyễn Văn Lý : 49, 92, 232, 433, 487, 630,
 631, 1044
 Nguyễn Văn Nghi : 753
 Nguyễn Văn Nhân : 158, 199, 519, 559
 Nguyễn Văn Nhị : 78, 116, 134, 301, 338,
 339, 375, 432, 451, 521, 594, 610, 633,
 861, 872, 875, 926, 955, 1020
 Nguyễn Văn Nhiên : 259
 Nguyễn Văn Nhuận : 531, 1044
 Nguyễn Văn Nhung : 96, 97
 Nguyễn Văn Nhung : 379, 949
 Nguyễn Văn Pháp : 342, 402, 611
 Nguyễn Văn Quý : 424
 Nguyễn Văn Quyền : 93, 750, 805
 Nguyễn Văn Siêu : 216, 243, 984, 1066
 Nguyễn Văn Tài : 321, 392
 Nguyễn Văn Thạch : 158, 199
 Nguyễn Văn Thái : 246, 314, 360, 371, 634
 Nguyễn Văn Thành : 226, 431
 Nguyễn Văn Thao : 149
 Nguyễn Văn Thắng : 424
 Nguyễn Văn Thất : 735
 Nguyễn Văn Thiệu : 487, 733, 842, 860
 Nguyễn Văn Thịnh : 438
 Nguyễn Văn Thư : 921, 1055
 Nguyễn Văn Thường : 852, 1045
 Nguyễn Văn Tiến : 78, 530, 634, 706, 835,
 990, 1055
 Nguyễn Văn Tồn : 117
 Nguyễn Văn Trang : 158
 Nguyễn Văn Trí : 124, 125
 Nguyễn Văn Trị : 377
 Nguyễn Văn Trinh : 1072
 Nguyễn Văn Trọng : 45, 71, 83, 162, 180,
 187, 192, 198, 218, 219, 231, 238, 281,
 284, 285, 286, 290, 294, 308, 330, 344,
 378, 758, 825, 1021
 Nguyễn Văn Trung : 405
 Nguyễn Văn Tú : 434
 Nguyễn Văn Tuấn : 57, 58, 95, 97, 199, 259,
 758, 949
 Nguyễn Văn Tường : 216, 377
 Nguyễn Văn Tựu : 487
 Nguyễn Văn Văn : 57, 58
 Nguyễn Văn Văn : 165
 Nguyễn Văn Vi : 169, 262
 Nguyễn Viết Du : 56, 262

- Nguyễn Vĩnh : 623, 624, 644
 Nguyễn Vĩnh Trinh : 488, 514
 Nguyễn Xuân : 85
 Nguyễn Xuân Bảng : 121, 343, 388, 604, 845, 922, 923, 926, 1024
 Nguyễn Xuân Chính : 733
 Nguyễn Xuân Duyên : 955
 Nguyễn Xuân Đường : 716
 Nguyễn Xuân Huân : 233
 Nguyễn Xuân Thọ : 119, 163, 982
 Nguyễn Xuân Thường : 769
 Nguyễn Xuân Thường : 120
 Nguyễn Xuân Tùng : 233
 Nguyễn Xuân Tự : 622, 623
 Nguyễn Xuân Văn : 514
 Nguyễn Xuân Ý : 914
 Nguyễn Ý : 936, 960, 1050, 1064
 Nguyệt Anh : 407, 409, 489, 609
 Nguyệt Biểu (trường thi) : 180
 Nguyệt Đức (sông) : 331, 964, 965
 Nguyệt Lăng (đồn) : 124, 148
 Ngự chế : 267, 298, 416, 417, 458, 459, 499, 502, 508, 514, 516, 542, 579, 592, 602, 605, 606, 635, 664, 686, 724, 752, 754, 781, 953, 957, 980, 1014, 1020, 1030, 1063, 1064, 1067
 Ngự chế Bắc tuần : 608, 614
 Ngự chế Chi Thiện đường hội tập : 1064
 Ngự chế Cổ kim thể cách thi pháp tập : 980, 1067
 Ngự chế lịch đại tổng luận : 664, 957
 Ngự chế Tài thành phụ tướng, Tiên thiên, Hậu thiên thi tập : 1051, 1067
 Ngự chế thi tập : 603
 Ngự chế vũ công thi tập : 1064, 1067
 Ngự đình (thuyền) : 202
 Ngự Hà (sông) : 590
 Ngự Mam (đồn) : 480, 481

NH

- Nha Nhị Lạp (nước) : 670
 Nhân Yên công chúa : 825
 Nhân Sơn : 369
 Nhâm Lịch (câu) : 45, 46, 63
 Nhâm Vu : 84, 264, 437, 455, 495, 592, 602, 761
 Nhân Cơ (phường) : 940
 Nhân hoàng hậu : 20, 114, 115, 144, 209, 210, 269, 428, 444, 446
 Nhật Lệ (cửa biển) : 838
 Nhị Hà (sông) : 312, 330, 331, 332, 524, 642, 964, 965, 966, 967, 1070, 1075
 Nhật Thành (lâu) : 716
 Nhật thực : 362, 545, 1066
 Nhật Tinh (cửa) : 407, 409, 489, 609, 705
 Nhĩ Dữ (đảo) : 303
 Nho Lâm (xã) : 570
 Nhu Viễn (bảo) : 161
 Nhu Viễn (đất) : 160
 Nhu Viễn (đồn) : 161
 Nhướ Dương : 142, 330, 334

Nhuệ Sơn (núi) : 506

Như Lệ : 60

Như Cương : 869

O

Oanh sơn (súng đồng) : 1006

Ô (thuyền) : 692

Ô Cốc (xứ) : 883

Ô Đông : 764, 771, 775, 777, 787, 788, 789,
820, 834, 847, 915, 932, 933, 935, 946,
947, 972, 973, 974, 988, 992, 1017, 1031,
1041, 1062

Ô Long (cửa biển) : 739

Ô long (voi) : 598, 599

Ô Mai (hòn) : 250

Ô Mai Lam (đảo) : 279

Ô Môn (huyện) : 126, 140

Ô Môn (sông) : 117, 118

Ô Thiệt : 410

Ô Thiệt vương : 303, 312, 736

Ốc Dâm (núi) : 325

Ốc Nha Bò : 946

Ốc Nha Lịch : 946

Ốc Nha Sô Phì : 760

Ốc Nha Thôn : 946

Ốc Tầm : 84

Ôn (châu) : 545, 618, 639

Ôn Xi Ma : 250

Ông Hải : 739

Ông Ích Khiêm : 1044

P

Pha-ba-ly-e : 863

Pha Nho (nước) : 115

Phả Lợi (sông) : 723

Phách sơn (súng đồng) : 324, 833, 952

Phạm Bá Bích : 1044

Phạm Bá Đệ : 530

Phạm Bá Điển : 530

Phạm Bá Phẩm : 530

Phạm Bá Thiệu : 278, 857, 750, 835, 1035

Phạm Bá Tuệ : 119, 163

Phạm Bá Tùng : 691

Phạm Chi Hương : 16, 711, 905, 982, 994

Phạm Công Đề : 377

Phạm Công Dữ : 926

Phạm Công Hợp : 547, 843

Phạm Huy Bằng : 1072

Phạm Huy Bích : 6, 9, 16

Phạm Huy Bình : 514

Phạm Huy Cận : 418

Phạm Duy Hàn : 233

Phạm Duy Lộc : 18

Phạm Huy Thanh : 514

Phạm Huy Thiệu : 1045

Phạm Huy Thực : 82

- Phạm Duy Trinh : 90, 248, 283, 432, 451, 513, 523, 535, 536, 610, 623, 690, 724, 747, 805, 806, 885, 932, 949, 991, 1000, 1056
- Phạm Đình Ái : 360
- Phạm Đình Hành : 328
- Phạm Đình Hồ : 360
- Phạm Đình Nghị : 774
- Phạm Đình Toái : 377
- Phạm Đình Trạc : 339, 774, 849
- Phạm Đức Cồn : 668, 716, 817
- Phạm Đức Sáng : 903, 906
- Phạm Gia Chuyên : 668, 716, 817
- Phạm Gia Kỳ : 251, 564, 711, 959
- Phạm Gia Tề : 530
- Phạm Hoà : 140
- Phạm Huy : 16, 232, 240, 451, 461, 513, 627, 709, 722, 835, 845, 861, 883, 924, 940, 958, 1007
- Phạm Hữu Chính : 914
- Phạm Hữu Nghị : 16, 137, 241, 579, 860, 914, 982, 1072
- Phạm Hữu Tâm : 40, 41, 78, 89, 90, 112, 117, 129, 153, 187, 191, 198, 232, 238, 301, 307, 310
- Phạm Hữu Túc : 1044
- Phạm Hữu Tứ : 373
- Phạm Hữu Xuân : 378
- Phạm Khắc Trạch : 339, 359, 432
- Phạm Khắc Tuy : 328
- Phạm Khôi : 92, 130, 147, 156, 180, 192, 289, 400, 403, 451, 825, 842, 873, 884, 901
- Phạm Phi : 162, 180, 480, 529, 582, 721, 863, 1021
- Phạm Phúc Minh : 323, 641
- Phạm Quỳ : 343, 345, 517, 521, 962, 1043
- Phạm Thanh : 902
- Phạm Thanh Chân : 216
- Phạm Thanh Nhã : 901
- Phạm Thế Hiển : 48, 125, 192, 197, 497, 506, 564, 582, 593, 605, 607, 709, 752, 814, 825, 841, 847, 882, 914, 996, 1002
- Phạm Thế Húc : 478
- Phạm Thế Trung : 253, 376, 451, 530, 565, 732, 835, 861, 864, 882, 901, 924, 955
- Phạm Thế Vĩnh : 418
- Phạm Thị Thường : 926
- Phạm Văn Ái : 253
- Phạm Văn Cẩn : 524
- Phạm Văn Đạt : 315
- Phạm Văn Điển : 31, 45, 46, 69, 71, 84, 86, 87, 93, 137, 138, 139, 161, 162, 196, 218, 220, 221, 236, 237, 249, 250, 251, 280, 282, 288, 289, 311, 313, 321, 322, 323, 324, 326, 346, 372, 378, 501, 502, 807, 1013
- Phạm Văn Huy : 196, 232, 347, 452, 807, 959
- Phạm Văn Khâm : 537
- Phạm Văn Xích : 191
- Phạm Vũ Phác : 582, 587, 948
- Phạm Xích : 629, 836, 917, 943, 976, 990, 1049
- Phạm Xuân Bích : 176
- Phạm Xuân Quế : 119, 997, 1034
- Phan Bá Đạt : 24, 55, 92, 134, 209, 218, 239, 241, 244, 260, 278, 333, 359, 380, 468, 497, 499, 596, 615, 621, 626, 633, 734, 735, 744, 805, 906

- Phan Bá Đình : 643
 Phan Bá Ngạn : 121, 445, 1024
 Phan Cử : 561
 Phan Đình Ba : 260
 Phan Đình Du : 199
 Phan Đình Dương : 17, 356, 373
 Phan Đình Đích : 903
 Phan Đình Hội : 643
 Phan Đình Thực : 377
 Phan Đình Viên : 418
 Phan Đình Vinh : 64, 140
 Phan Đức Chiêu : 57
 Phan Đức Khoa : 573
 Phan Đức Liệu : 821
 Phan Hiến Đạt : 179, 329, 331, 452, 540
 Phan Huy Thực : 41, 120, 127, 134, 169, 181, 188, 239, 247, 316, 577
 Phan Huy Vịnh : 16, 247, 359, 419, 452, 746, 862, 915, 990, 1035, 1047
 Phan Hữu Liễm : 903
 Phan Hữu Phú : 565, 566, 567
 Phan Hữu Từ : 356
 Phan Khắc Thận : 45, 343, 521, 564, 593, 732, 923, 945
 Phan Ngọc Lương : 130, 652, 678
 Phan Nhạ : 216, 552
 Phan Phái : 251, 406, 509, 510, 601, 643, 644
 Phan Thanh Giản : 16, 24, 48, 163, 173, 192, 203, 218, 233, 238, 356, 363, 464, 465, 478, 566, 618, 633, 669, 708, 825, 841, 846, 854, 858, 882, 900, 901, 918, 944, 962, 977, 990, 995, 1019, 1069
 Phan Thành : 757, 826, 827, 884
 Phan Thế Trung : 368
 Phan Thị Chục : 836
 Phan Thúc Trực : 995, 1010
 Phan Tiến Kế : 441, 599
 Phan Tiến Long : 415
 Phan Tĩnh : 28, 81, 134, 247, 451, 622, 623, 651, 806, 910, 923, 956, 959, 1050
 Phan Trí Hoà : 80, 143
 Phan Trứ : 387, 396, 530, 957, 1026, 1035, 1072
 Phan Tùng : 339, 348, 369, 452, 547, 596, 609, 669, 724, 774, 835, 861, 869, 883, 917
 Phan Văn Búa : 438
 Phan Văn Đạt : 131
 Phan Văn Đậu : 758
 Phan Văn Hứa : 395
 Phan Văn Nghi : 915
 Phan Văn Nhã : 16, 217, 419, 576, 643, 738
 Phan Văn Như : 424
 Phan Văn Phụng : 1005
 Phan Văn Quế : 140
 Phan Văn Thi : 353, 354, 355
 Phan Văn Thịnh : 125
 Phan Văn Xưởng : 58, 78, 79, 80, 87, 96, 97, 102, 125, 126, 197, 212, 214, 311, 329, 452, 456, 659, 660
 Phan Văn Yết : 158
 Phần Hà : 102
 Phần Bằng (thuyền) : 72, 515, 552, 627, 635, 674, 758, 975, 983
 Phấn uy (súng đồng) : 1006
 Phật Lan Tây (nước) : 975, 985, 1003

- Phật Tích : 311
 Phép thi văn : 906
 Phê-đô-sa-đê-y : 228
 Phi Hồng (thuyền) : 421, 430, 545
 Phi Nhã : 788
 Phi Nhã Chất Tri : 453, 986, 1017
 Phi Nhã Đầu Long : 670, 672
 Phi Tà La Oan Sản : 410
 Phi vụ (thuyền) : 454, 1006
 Phi Phật : 302
 Phià Chính : 674, 752
 Phià Kiệu : 807
 Phià Xây : 752
 Phiên vương Chân : 161, 915, 971, 988
 Phong Công (cửa) : 152
 Phong Điền (huyện) : 678, 962
 Phong Hoả (đài) : 245
 Phong Nhân : 606
 Phong Nhuệ : 511, 680
 Phong Nhung : 249, 364
 Phong Phú : 117
 Phong quốc công : 846
 Phong Trạch (vườn) : 752
Phong tục ký : 1014
 Phòng Hải (pháo đài) : 655, 728, 984, 998
 Phổ Lợi (sông) : 508
 Phu Văn (lầu) : 32, 99, 498, 847
 Phù An (huyện) : 101
 Phù Ba (huyện) : 101
 Phù Cát (huyện) : 486, 565
 Phù Cừ (huyện) : 53, 101, 330, 336, 520, 619
 Phù Hoàn : 539
 Phù Lưu (xã) : 668
 Phù Mỹ (huyện) : 170
 Phù Ninh (huyện) : 328, 367, 662
 Phù Ninh (tổng) : 962
 Phù Ninh (xã) : 388, 389
 Phù Trạch (làng) : 981
 Phù Tương Quạt ; 599
 Phù Yên (châu) : 639, 640, 641, 750
 Phủ Lật : 43
 Phủ mị (ban) : 601
 Phủ Phủ Lịch Đột : 641
 Phú An : 733
 Phú Bình công : 332, 449, 450, 701, 755, 857, 900, 1001
 Phú Hoà (thôn) : 148
 Phú Hữu (thôn) : 179
 Phú Lăng Sa (nước) : 116, 248, 441, 453, 985
 Phú Lương : 226, 639
 Phú Mỹ tây (thôn) : 427
 Phú Quốc (đảo, sò) : 244, 279, 322, 329, 336, 527, 576, 769
 Phú Vinh (huyện) : 609, 619
 Phú Xuyên (huyện) : 120, 511, 951, 963, 964, 965, 1034
 Phú Yên : 48, 49, 92, 93, 166, 171, 193, 232, 240, 251, 326, 357, 358, 366, 380, 381, 387, 396, 400, 405, 413, 429, 432, 433, 441, 462, 480, 487, 491, 498, 502, 509, 515, 529, 562, 573, 574, 614, 615, 618, 630, 634, 635, 636, 641, 655, 670, 672, 688, 699, 711, 712, 725, 761, 774, 781, 811, 820, 830, 833, 835, 837, 842, 860, 861, 866, 874, 878, 899, 905, 912, 914, 923, 929, 936, 937, 939, 953, 957, 967, 1000, 1001, 1004, 1032, 1054

- Phụ An (nguồn) : 510
 Phúc Âm (núi) : 191
 Phúc Bình (huyện) : 533, 721, 883
 Phúc Chính (huyện) : 883
 Phúc Duyên (bảo tháp) : 505, 647, 653
 Phúc Hàng (thuyền) :
 Phúc Hạnh : 959
 Phúc Sơn (đồn, mỏ bạc) : 92, 715
 Phúc Thịnh (thôn) : 869
 Phúc Tuy công : 449, 485, 532, 545, 571, 614,
 852, 857, 923, 943, 1064, 1074, 1075,
 1076
 Phúc Tường : 377, 468
 Phục Lễ (xã) : 570, 945
 Phùng Hữu Hoà : 317, 334, 530, 852, 941,
 943, 956, 962, 995
 Phùng Nghĩa Phương : 200, 220, 282, 352,
 353, 361, 611
 Phụng Thần (núi) : 190
 Phụng Tiên (điện) : 38, 134, 185, 214, 254,
 257, 269, 287, 413, 443, 44, 445, 446,
 515, 543, 556, 647, 691, 918, 919, 1077
 Phương Linh (tổng) : 620
 Phương Linh (xã) : 620
 Phương Ngạn (thợ) : 123
 Phương triều (tiết) : 462, 463
 Phương Vĩ (xã) : 620

Q

- Qua Qua Linh Thu (thần) : 292
 Quá sơn (súng) : 68, 96, 141, 324, 346, 348,
 353, 354, 421, 500, 670, 767, 833, 984,
 1006
 Quách Công Lộc : 594
 Quách Công Quế : 594
 Quách Hữu Bức (người Thanh) : 874
 Quách Khắc Hợp : 923
 Quách Tất Tế : 199
 Quan công (đền thờ) : 427, 728
 Quan Hoá : 174
 Quan Lan (sở) : 190
 Quan thánh Đế quân : 315
 Quảng Cư (nhà) : 197
 Quán Nhân (nhà) : 197
 Quan Hoá : 174
 Quang Hoá : 71, 83, 367, 374, 494, 535, 559
 Quang Lễ (xã) : 262
 Quang Liệt (tổng) : 619
 Quang Liệt (xã) : 619
 Quảng Biên (đảo) : 336
 Quảng Biên (đồn) : 147, 410
 Quảng Biên (phận biển) : 282, 316
 Quảng Biên (phủ) : 69, 147, 233, 234, 245,
 245, 302, 303, 390, 765, 768
 Quảng Biên quận công : 449, 755
 Quảng Bình : 53, 88, 101, 134, 142, 162, 171,
 172, 175, 182, 194, 195, 198, 214, 218,
 255, 280, 288, 291, 292, 293, 319, 326,
 335, 340, 349, 358, 359, 361, 376, 389,
 393, 399, 400, 405, 412, 413, 417, 451,
 460, 462, 469, 475, 491, 506, 509, 522,
 528, 530, 547, 550, 564, 573, 576, 582,

- 598, 602, 610, 614, 624, 625, 634, 636, 646, 651, 656, 666, 668, 669, 672, 690, 699, 703, 710, 715, 716, 723, 724, 725, 728, 741, 745, 750, 757, 773, 778, 814, 815, 817, 819, 823, 826, 835, 838, 849, 850, 852, 866, 872, 873, 874, 884, 885, 891, 899, 905, 936, 937, 953, 954, 959, 960, 967, 982, 994, 1003, 1005, 1006, 1007, 1026, 1034, 1056
- Quảng Bình (cửa biển) : 982
- Quảng Bố (phường) : 247
- Quảng Địa : 174, 176, 177, 618, 639, 750
- Quảng Đông : 28, 115, 180, 395, 456, 488, 538, 544, 733, 866
- Quảng hạ đàm văn : 502
- Quảng Hoá (phủ) : 176, 177, 618, 639
- Quảng Hoá quận công : 756
- Quảng Học (nhà) : 757, 846, 847
- Quảng Khai (xứ) : 47, 245
- Quảng Miến : 641
- Quảng Minh : 1012
- Quảng Nam : 49, 50, 90, 101, 102, 117, 122, 123, 124, 126, 134, 153, 162, 171, 175, 193, 192, 198, 201, 218, 225, 246, 248, 251, 252, 253, 273, 275, 280, 283, 287, 288, 301, 304, 336, 356, 358, 366, 368, 374, 380, 390, 400, 405, 413, 415, 418, 821, 425, 429, 431, 434, 457, 460, 462, 469, 475, 487, 489, 490, 491, 499, 502, 506, 509, 510, 511, 514, 516, 518, 522, 550, 562, 572, 574, 582, 587, 588, 592, 610, 614, 615, 628, 634, 636, 637, 644, 646, 655, 666, 669, 670, 672, 680, 697, 699, 723, 728, 735, 738, 740, 761, 769, 778, 791, 803, 807, 820, 823, 830, 831, 833, 835, 861, 862, 867, 874, 879, 884, 885, 891, 904, 905, 914, 921, 923, 924, 949, 953, 959, 960, 961, 967, 975, 976, 981, 982, 989, 990, 998, 1002, 1003, 1004, 1032, 1034, 1044, 1045, 1050, 1053, 1056, 1065, 1072, 1074
- Quảng Ngãi : 55, 78, 101, 112, 123, 125, 129, 134, 171, 188, 193, 195, 198, 201, 203, 218, 232, 240, 273, 280, 283, 301, 302, 304, 326, 358, 366, 374, 379, 388, 394, 401, 405, 406, 420, 421, 429, 434, 441, 451, 452, 462, 469, 475, 491, 509, 510, 522, 528, 530, 532, 534, 550, 572, 574, 587, 501, 612, 614, 615, 623, 624, 626, 636, 644, 646, 647, 654, 655, 666, 672, 679, 697, 699, 713, 723, 724, 732, 735, 749, 761, 778, 803, 807, 815, 830, 831, 833, 835, 837, 843, 844, 861, 874, 884, 903, 904, 905, 920, 921, 923, 924, 953, 962, 983, 990, 994, 1004, 1011, 1022, 1032, 1049, 1053, 1056, 1063
- Quảng Ngãi (xưởng thuyền) : 903
- Quảng Ninh công : 450, 1006
- Quảng Tây : 28, 320, 565, 653
- Quảng Thiện (nhà) : 231, 537, 1012
- Quảng Thịnh (kho) : 154
- Quảng Trị : 48, 49, 60, 78, 83, 88, 134, 135, 142, 166, 171, 173, 182, 194, 195, 202, 217, 218, 225, 234, 247, 253, 255, 256, 259, 265, 275, 280, 288, 290, 291, 297, 302, 308, 329, 333, 335, 340, 344, 346, 357, 358, 359, 363, 374, 377, 393, 399, 400, 403, 405, 415, 417, 419, 423, 424, 425, 432, 452, 460, 462, 469, 475, 480,

481, 482, 491, 495, 506, 509, 522, 528,
533, 538, 539, 543, 550, 570, 573, 574,
576, 582, 587, 588, 599, 614, 636, 643,
646, 648, 649, 652, 656, 660, 661, 666,
672, 690, 699, 706, 710, 713, 732, 769,
777, 778, 815, 830, 831, 835, 852, 861,
866, 867, 872, 873, 874, 884, 886, 891,
911, 914, 923, 926, 927, 936, 939, 953,
954, 962, 1005, 1022, 1032, 1053, 1056

Quảng Uyên (huyện) : 640

Quảng Yên : 78, 101, 115, 120, 121, 123,
127, 135, 171, 195, 196, 216, 219, 239,
244, 252, 275, 281, 307, 321, 336, 347,
382, 395, 396, 414, 429, 479, 482, 488,
492, 523, 539, 572, 598, 638, 639, 642,
657, 663, 674, 677, 695, 699, 708, 709,
722, 725, 750, 759, 778, 803, 815, 831,
835, 845, 861, 866, 872, 873, 874, 883,
911, 944, 945, 981, 994, 1004, 1005,
1007, 1020, 1024, 1026, 1043, 1051, 1052

Quần Liêu (xã) : 626

Quền (đồn) : 166

Quế Sơn (xã) : 618

Quốc huý (chữ) : 73

Quốc Lang : 67, 536

Quốc sử quán : 6, 9, 78, 240, 241

Quốc tử giám : 16, 19, 120, 137, 150, 168,
169, 180, 185, 211, 239, 242, 278, 377,
428, 429, 441, 448, 474, 499, 574, 587,
608, 620, 686, 687, 730, 746, 814, 816,
864, 873, 874, 948, 949

Quy Hợp : 415, 594, 902

Quy Lai (đê) : 609

Quy Sơn (núi) : 738

Quy Tông (chùa) : 123

Quy Châu : 176, 177, 415, 549, 639, 956

Quy Châu quận công : 449, 872

Quý Châu quận công : 755

Quyển Côi (huyện) : 260, 440

Quyển Lưu (huyện) : 203, 539, 540

S

Sa An : 138, 641

Sa An (sông) : 160

Sa Cương : 728

Sa Kỳ (cửa biển) : 487

Sa Lăng : 687

Sa Lung (bộ) : 509

Sa Mai : 509

Sa Man (xứ) : 234

Sa Tồn (bảo) : 43, 63, 69, 137, 345, 455, 501,
612

Sà Tồn : 353, 354, 355

Sá Na Lăng : 763

Sá Nai : 161

Sá Ong Giun : 820, 821, 875, 883, 932, 946,
947, 969, 970, 971, 972, 973, 985, 986,
988, 992, 993, 1001, 1004, 1007, 1017,
1033, 1036, 1062

Sá Xâm Điền : 868

Sách Sò (sông) : 742

- Sách Sô (đồn, xứ) : 280, 325, 345, 346, 352, 355, 356, 363, 364, 367, 742, 743, 748, 759, 767, 872, 974, 987, 992, 1016, 1031, 1061
- Sam bản hoa bông (thuyền) : 262
- Sáng Mộc (mỏ vàng) : 715
- Sắc mệnh ngọc bài : 707
- Sâm Đăng (núi) : 248
- Sâm Đô : 236, 262
- Sâm Nhân Trắng : 565
- Sâm Nưa : 298, 640
- Sen (làng) : 481, 576
- Si Gia : 46, 47
- Sòi My (sông) : 494, 572
- Song kiều giá nguyệt : 503
- Sò Phì Phủ Đăng : 453
- Sốc Dục : 213
- Sốc Lam : 83
- Sốc Lò : 183
- Sốc Sam : 250
- Sốc Trần : 95, 96, 97, 140, 159, 221, 250
- Sơn Âm : 49, 104, 108, 638
- Sơn Bốc (sốc) : 56
- Sơn Châu (bảo, thôn) : 202
- Sơn Châu (đồn) : 202, 361
- Sơn đình mai vũ : 503
- Sơn Định quận công : 449, 495, 701, 755
- Sơn Đô : 159
- Sơn lăng : 42, 51, 52, 99, 104, 132, 147, 153, 184, 185, 186, 192, 208, 506, 1046, 1048
- Sơn Mậu : 202, 262
- Sơn Minh : 747, 951, 963, 964, 965
- Sơn Phán (đồn) : 1034
- Sơn Súc : 159, 202, 262
- Sơn Tây : 47, 72, 78, 83, 101, 123, 127, 131, 134, 158, 162, 165, 171, 180, 195, 196, 199, 216, 226, 228, 233, 244, 307, 311, 312, 315, 321, 327, 328, 329, 330, 331, 336, 347, 352, 361, 367, 368, 382, 389, 398, 437, 450, 452, 461, 465, 476, 477, 482, 490, 499, 519, 522, 523, 525, 526, 527, 547, 548, 549, 556, 558, 559, 560, 561, 565, 566, 577, 598, 600, 610, 614, 620, 627, 653, 657, 662, 668, 670, 694, 699, 709, 723, 734, 745, 752, 757, 773, 802, 804, 810, 811, 814, 835, 849, 861, 866, 869, 901, 903, 910, 923, 926, 928, 960, 964, 965, 997, 1005, 1012, 1018, 1024, 1025, 1048, 1053, 1059, 1063, 1067, 1070, 1072
- Sơn Thái : 172, 198, 515, 847, 853
- Sơn tuỷ tùng đình : 602
- Sơn Tĩnh : 30, 31, 56, 57, 69, 70, 71, 94, 137, 200, 252
- Sơn Tĩnh (bảo) : 118
- Sơn Tĩnh quận công : 65, 755
- Sơn Tốt : 57
- Sơn Vi (huyện) : 328, 603, 650, 662, 810
- Sùng Ân (chùa) : 135
- Sùng Ân (điện) : 173, 186, 190, 192, 210, 214, 247, 269, 278, 281, 428, 543, 844, 976
- Sùng Công (cửa) : 152
- Sưởi Tía (trại) : 643, 644
- Suy Đa Bông : 539
- Suy Tốn : 46

Sử quán : 6, 7, 104, 121, 240, 241, 266, 352, 360, 376, 394, 452, 501, 513, 523, 579, 580, 581, 582, 615, 616, 620, 642, 663, 665, 711, 746, 748, 751, 768, 774, 860, 861, 862, 880, 914, 915, 920, 958, 982, 1018, 1024, 1029, 1035

T

- Tả Định (pháo đài) : 427
 Tả Hồng (cửa) : 191
 Tả Phù (cầu) : 190
 Tả Trạch (nguồn) : 936, 976
 Tá Bang (châu) : 302
 Tạ Ngọc Pha : 173
 Tạ Quang Ân : 632
 Tạ Quang Cự : 23, 25, 37, 41, 51, 52, 99, 130, 149, 173, 185, 218, 219, 231, 235, 281, 286, 287, 315, 343, 349, 373, 485, 490, 497, 578, 632, 647, 707, 740, 772, 778, 819, 825, 857, 860, 941, 943, 990, 995, 1013, 1019
 Tạ Quang Tri : 849, 995
 Tạ Quốc Trinh : 923
 Tạ Văn Linh : 45, 83, 251, 326
 Tài Ba (đội) : 123
 Tài Hoa (đội) : 123
Tài thành phụ tướng : 1067, 1069, 1077
Tài thành phụ tướng tiên thiên, hậu thiên (tập thơ) : 1051
 Tài Thu (đội) : 42, 123, 193, 814, 849, 862
 Tam Điệp (núi) : 253, 300, 417
 Tam Kỳ (xã) : 695, 752, 786
 Tam Nông (huyện) : 382, 639
Tam Phong sáp vân : 503
 Tam Tài (núi) : 190
 Tam Vạn (thành) : 163, 373
 Tam Xoa : 122, 693
 Tấn Viên (núi) : 317, 548
 Tang Châu : 389
 Tạo tác (cục) : 625, 926
 Tắc Suất (đồn) : 905
 Tâm Bôn : 737, 833, 987
 Tâm Bôn (châu) : 424
 Tâm Linh (nguồn) : 539
 Tâm Lý (lò cá) : 869
 Tâm Nạp (sông) : 775
 Tâm Vu : 95, 96, 985
 Tân An quận công : 449, 756
 Tân Bình (phủ) : 68, 511, 680
 Tân Bình quận công : 147, 229, 755
 Tân Châu (đồn) : 222, 281, 311, 326, 364, 366, 367, 372, 495, 548, 592, 593, 636, 670, 737, 986
 Tân Châu (sông) : 571, 593
 Tân Di Yểm : 599
 Tân Định (huyện) : 806
 Tân Gia Ba : 431, 553, 674, 940
 Tân Hoà (huyện) : 68
 Tân Hựu (thôn) : 611, 612
 Tân Long (huyện) : 68, 511, 680
 Tân Long hầu : 1013
 Tân Lộc nam : 633, 835, 860
 Tân Mỹ (thôn) : 659

- Tân Nguyệt (hồ) : 190
 Tân Nghĩa : 117, 547
 Tân Phú (thôn) : 323
 Tân Phúc hầu : 40, 41, 378, 1013
 Tân Phúc quận công : 378
 Tân Thái (thôn) : 68
 Tân Thái nam : 917
 Tân Thái tử : 917
 Tân Thịnh (huyện) : 68
 Tân Thuận : 83, 496
 Tân Xuyên : 869
 Tân Ý (sông) : 1045
Tập đầu văn vua làm : 870
Tập thơ ngự chế : 267, 499, 514, 542, 605
Tập thơ vua làm : 864, 870
Tập thơ vua làm có vẽ tranh : 732
Tây chinh sự bình (thơ) : 1013
 Tây Di : 323, 976
 Tây dương : 93, 115, 116, 127, 203, 228, 279, 301, 324, 326, 361, 375, 410, 466, 485, 668, 863, 930, 962, 963, 970, 972, 975, 976, 983, 984, 985, 990, 997, 1002, 1003, 1025, 1043, 1074
 Tây Đàm : 328
 Tây Hồ : 318, 528, 577
 Tây Ninh (phủ) : 12, 45, 83, 251, 279, 280, 367, 374, 455, 490, 492, 493, 494, 495, 535, 536, 552, 559, 575, 593, 601, 602, 633, 671, 689, 713, 717, 718, 719, 720, 721, 723, 736, 737, 738, 741, 744, 748, 767, 945, 992, 995, 1014, 1016, 1026, 1036, 1038
 Tây Sơn : 264, 300, 317, 360, 565, 665
 Tế Xuyên (thuyền) : 276
 Tiêm Xích Mao : 566
Tiền động phương tung : 543, 603
 Tiên Hưng (phủ) : 82, 488, 535, 716
 Tiên Lê (xã) : 269, 389
 Tiên Lữ (huyện) : 53, 330, 336, 520, 570
 Tiên Ly : 304
 Tiên Mỹ (đồn) : 279, 749
 Tiên Nông : 50, 141, 248, 274, 282, 316, 323, 325, 675
Tiền biên : 6, 7, 241, 579, 580, 581, 1003
 Tiền Cẩm (tên người) : 462
 Tiền Giang : 282, 302, 316, 326, 366, 367, 372, 737, 741, 742, 875, 985, 1014, 1031
 Tiền Giang (sông) : 281, 311, 364, 490, 593, 737, 759
 Tiền Hải (huyện) : 170, 615, 620, 642, 1039
 Tiền Nam : 734
 Tiệp Bà Đề : 932
 Tiêu Lục (bến) : 279
Tiểu bình : 105, 268
Tiểu bình lương kỳ nghịch phi phương lược : 268
Tiểu bình lương kỳ phi khẩu (tập thơ) : 1064
Tiểu bình Nam Bắc Xiêm khẩu nghịch phi : 29
 Tín Vũ hầu : 87, 321, 322, 346, 372, 501, 502, 807, 1013
 Tín Vũ tử : 807, 959
 Tĩnh Bắc (lâu) : 315, 317, 318, 417
 Tĩnh Biên : 44, 57, 141, 248, 274, 316, 363, 495, 634, 671, 675, 936, 937
 Tĩnh Dương : 304, 647, 758
 Tĩnh Gia (phủ) : 414, 750
 Tĩnh Gia (thành) : 899

- Tĩnh Hải (thuyền) : 166, 347, 629, 758
 Tĩnh Hải công chúa : 820, 825, 860, 954, 1021
 Tĩnh quan (viện) : 450, 466
 Tĩnh Sa (hành cung) : 142, 291, 295, 358
 Tĩnh Sơn (núi) : 190
 Tĩnh Tâm (hồ) : 553, 885, 955
 Tĩnh Tuyên (đồn) : 558
 Toàn vũ (súng) : 433, 608
 Toàn Vũ sang : 433
 Tông Hoá quận công : 449
 Tông Lý : 389
 Tô Châu (núi) : 123, 252
 Tô Lão Tứ : 415
 Tô Lịch (sông) : 352, 964
 Tô Môn : 303
 Tô Sơn : 353, 354, 355, 934
 Tô Trân : 16, 241, 376, 579, 582, 860, 1043
 Tô Văn Hương : 126
 Tôn Ly : 57
Tôn phá : 266, 711
 Tôn Thất Bá : 620
 Tôn Thất Bạch : 25, 49, 52, 174, 185, 223, 239, 244, 286, 287, 315, 343, 398, 403, 419, 440, 443, 459, 475, 566, 633, 701, 708, 711, 714, 716, 726, 735, 738, 743, 748, 760, 761, 762, 763, 765, 766, 780, 788, 789, 842, 898, 926, 943, 952, 994, 997
 Tôn Thất Bật : 78, 198, 232, 238, 239, 263, 285, 286, 290, 310, 332, 342, 349, 356, 374, 388, 401, 419, 430, 454, 455, 490, 515, 551, 573, 644, 679, 680, 697, 705, 727, 766, 769, 772, 814, 854, 858, 869, 919, 941, 942, 990, 1000, 1020, 1057, 1070
 Tôn Thất Cáp : 291, 396, 499, 500, 523, 956, 1020, 1055
 Tôn Thất Cận : 55, 674, 1024
 Tôn Thất Châu : 117
 Tôn Thất Chính : 523, 540, 610, 703, 757, 773, 902, 1035, 1053
 Tôn Thất Cung : 88, 165, 174, 182, 305, 343, 356, 375, 468, 506, 575, 634, 740, 749, 815, 844, 852, 861, 864, 868, 899, 959, 1020
 Tôn Thất Đàm : 47, 147, 174, 181, 252, 290, 295, 317, 329, 347, 389, 438, 452, 453, 573, 713
 Tôn Thất Đạo : 757
 Tôn Thất Đắc : 339, 482, 491, 522, 534, 651, 691, 732, 863, 910, 998, 1012, 1022, 1043
 Tôn Thất Điền : 875
 Tôn Thất Đoàn : 757
 Tôn Thất Đường : 51, 55, 174, 185, 197, 285, 330, 33, 340, 342, 362, 369, 378, 398, 539, 540, 621, 669, 674, 835, 844, 850, 861, 864, 945
 Tôn Thất Hàn : 165, 174, 231, 295, 342, 396, 401, 593, 671, 689, 717, 718, 719, 720, 724, 737, 767, 835, 863, 864, 909, 945, 998
 Tôn Thất Hợp : 723, 732, 739, 749, 766, 852, 860, 873, 957, 1024, 1034, 1043
 Tôn Thất Khương : 147, 232, 593, 780, 835, 867
 Tôn Thất Lang : 153, 166, 238, 544
 Tôn Thất Lãng : 691

- Tôn Thất Lộc : 587, 912
- Tôn Thất Lương : 118, 308, 332, 339, 388, 391, 414, 432, 594, 633, 641, 726, 835, 845, 861, 910
- Tôn Thất Mậu : 139, 162, 246, 251, 288, 289, 385, 404, 419, 436, 499, 529, 651, 669, 689, 728, 767, 774, 863, 920, 930, 956, 1031
- Tôn Thất Năng : 69, 202, 252, 342, 356, 487, 506, 529, 635, 904, 984
- Tôn Thất Nghị : 140, 141, 159, 179, 183, 184, 203, 222, 234, 236, 237, 250, 274, 289, 301, 303, 311, 316, 323, 324, 325, 326, 349, 353, 354, 363, 364, 379, 384, 452, 480, 501, 502, 564, 582, 617, 626, 691, 701, 716, 728, 736, 738, 743, 748, 759, 760, 763, 766, 774, 803, 974, 1016, 1026, 1048
- Tôn Thất Phan : 197, 223, 550, 957
- Tôn Thất Phiên : 252, 395
- Tôn Thất Quỳ : 63, 592
- Tôn Thất Quý : 182, 375, 451, 489
- Tôn Thất Quỳnh : 404
- Tôn Thất Thường : 219, 431, 610, 732, 741, 768, 860, 940, 1035, 1043, 1048, 1074
- Tôn Thất Tĩnh : 121, 395, 432, 452, 523, 650, 757, 773, 837, 852, 873, 910, 918, 923, 941, 944, 956, 1024, 1046
- Tôn Thất Trật : 712
- Tôn Thất Trúc : 182, 489, 506, 597
- Tôn Thất Tường : 47, 174, 181, 187, 197, 287, 304, 313, 345, 353, 355, 421, 594, 728, 914, 981
- Tôn Thất Ty : 952
- Tôn Thất Vị : 703, 706, 732
- Tôn Thọ Tôn : 775
- Tống Hồ Thanh : 949
- Tống Phúc Đạm : 949
- Tống Phúc Minh : 624, 680, 1022
- Tống Phúc Trị : 751
- Tống Sơn (huyện) : 110, 133, 174, 175, 298, 299, 533, 619, 899
- Tống Tinh (mò) : 715
- Tu Phúc (thuyền) : 515
- Tụ Long (núi) : 469, 557
- Tuân Nghĩa (huyện) : 159, 279, 359, 622, 949
- Tuân Giáo (châu) : 163, 164, 165, 549, 639, 750
- Tuân Hải : 120, 196, 219, 487, 647, 657
- Tuần Lộc (hiên) : 190
- Tuần sát điển hộ : 42
- Tuệ Tĩnh thiền sư : 927
- Tuy An quận công : 380, 756
- Tuy Biên quận công : 380, 756
- Tuy Thịnh bá : 860, 882, 1041
- Tuy Thịnh tử : 342, 432, 632
- Tuy Tĩnh tử : 1031, 1042, 1047
- Tuy Viễn (huyện) : 170, 619
- Tuyên Hoá (phường) : 489, 960
- Tuyên Quang : 78, 104, 123, 135, 158, 171, 193, 195, 196, 199, 216, 239, 240, 276, 307, 321, 327, 336, 357, 380, 382, 415, 418, 423, 429, 441, 452, 457, 476, 477, 480, 482, 527, 546, 547, 549, 550, 556, 557, 558, 566, 574, 583, 600, 610, 619, 637, 638, 639, 653, 657, 663, 668, 670, 695, 696, 699, 706, 723, 724, 728, 744,

- 745, 749, 823, 835, 849, 854, 858, 861,
903, 922, 932, 945, 966, 1004, 1005
- Tư Dung (cửa biển) : 88, 739
- Tư Hiến (cửa biển) : 88, 517, 652, 739, 871
- Tư Khách (cửa) : 739
- Tư Lập (trạm) : 427
- Tư Nghĩa quận công : 65, 669
- Tư Qua : 641
- Từ Nhân (tháp) : 582, 749
- Từ Nhân (thôn) : 620
- Từ Nhân (xã) : 620
- Từ Quang (chùa) : 123, 738
- Từ Thiện (thôn) : 620
- Từ Thọ (cung) : 21, 23, 24, 27, 29, 34, 38,
104, 114, 144, 154, 155, 185, 204, 214,
254, 257, 277, 287, 340, 341, 353, 413,
433, 442, 444, 472, 498, 515, 563, 571,
584, 585, 610, 674, 704, 782, 812, 837,
852, 853, 918, 919, 922, 942, 943, 948,
962, 1053
- Từ Thọ cung bảo (ấn) : 728
- Từ Tường (xã) : 620
- Từ Văn (xã) : 620
- Từ Quất (đê) : 330
- Tứ thư Ngũ kinh đại toàn : 873, 874
- Tự Đức : 7, 9, 11, 15, 19, 80, 152, 431, 1045,
1048, 1077
- Tương An (phủ) : 332, 450, 485, 600, 639, 745
- Tương An công : 755, 864
- Tương Dương (huyện) : 415, 469, 549, 588,
639, 845, 956
- Tương Đắc (thuyền) : 202
- Tương quốc công : 450
- Tường Hạc (thuyền) : 147, 279, 431
- Tường Kha (thuyền) : 136
- Tường Long tam (thuyền) : 136, 187
- Tường Nhân (thuyền) : 819, 952
- Tượng Chính : 435
- Tượng Sơn (núi) : 141, 221, 346, 559

TH

- Thạch Bi (núi) : 92
- Thạch Đột : 236
- Thạch Thành (châu) : 92, 174, 176, 177, 618,
620, 639, 640, 750
- Thai Dương phu nhân (đền) : 387, 629
- Thái Bình : 333
- Thái Bình (cửa biển) : 331
- Thái Bình (phủ) : 315, 476
- Thái bình tượng (voi) : 709
- Thái Hoà (điện) : 32, 33, 34, 37, 39, 154, 261,
287, 445, 471, 472, 486, 498, 812, 852,
854, 868, 930, 931, 948, 1029
- Thái Loan (thuyền) : 589, 752, 758, 759, 940
- Thái miếu : 132, 133, 186, 287, 299, 341,
341, 376, 411, 416, 475, 484, 515, 751,
808, 822, 853, 855
- Thái Nguyên : 78, 101, 120, 123, 127, 135,
165, 171, 175, 195, 197, 201, 216, 233,
241, 251, 264, 276, 307, 319, 321, 327,
336, 367, 379, 382, 410, 429, 460, 482,

- 518, 546, 564, 587, 615, 621, 638, 639, 653, 657, 663, 670, 695, 699, 714, 744, 745, 750, 774, 778, 815, 831, 835, 861, 866, 874, 910, 911, 923, 924, 945, 960, 964, 966, 994, 1000, 1001, 1004, 1005, 1018, 1020, 1050, 1069
- Thái quốc công : 846, 852
- Thái Văn Bá : 720
- Thái y (viện) : 112, 128, 129, 136, 252, 413, 488, 516, 614, 732, 774, 807, 814, 918, 936, 960, 1026, 1032, 1050, 1064, 1074
- Tham Đãng : 44
- Thanh (người) : 57, 64, 102, 173, 236, 275, 276, 354, 355, 361, 410, 425, 426, 457, 496, 504, 524, 539, 557, 592, 641, 675, 676, 912, 1052
- Thanh Ân (thuyền) : 498, 515
- Thanh Ba (huyện hạt) : 368
- Thanh Ba (tỉnh) : 101, 328, 368, 389, 734, 735, 905
- Thanh bình (nhạc công) : 195, 253, 405, 815, 830, 853, 862
- Thanh Chương (huyện) : 419, 572, 669, 676, 956
- Thanh Dương (thuyền) : 304, 491
- Thanh Hà quận công : 881
- Thanh Hạ (sách) : 596
- Thanh Hải : 629, 636
- Thanh Hải (thuyền) : 629, 636
- Thanh Hoa : 515
- Thanh Hoá : 40, 47, 49, 64, 66, 72, 88, 142, 153, 166, 171, 180, 203, 291, 298, 300, 308, 312, 317, 326, 329, 332, 335, 339, 340, 344, 348, 349, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 369, 382, 388, 391, 393, 399, 413, 414, 417, 432, 447, 451, 480, 481, 482, 489, 509, 515, 521, 522, 523, 533, 534, 539, 544, 547, 561, 573, 815, 819, 831, 835, 841, 845, 859, 861, 862, 863, 866, 868, 874, 899, 910, 923, 950, 959, 960, 967, 980, 998, 1005, 1011, 1012, 1039, 1045, 1050, 1053
- Thanh Hoá (phân biệt) : 414
- Thanh Lang (trại) : 960
- Thanh Liêm (huyện) : 122, 147, 239, 259, 264, 640, 951, 964, 994, 1076
- Thanh Liệt (tổng) : 619
- Thanh Liệt (xã) : 619
- Thanh Loan (thuyền) : 279, 356, 421, 425, 430, 487, 504, 505, 538, 573, 583
- Thanh Lưu : 83, 494
- Thanh Oai (huyện) : 951, 963, 964, 965, 1034
- Thanh Phong (đạo) : 164, 509, 601
- Thanh Phong (xã) : 130
- Thanh Quang : 570
- Thanh Tĩnh : 101, 142, 193
- Thanh Tĩnh (thuyền) : 235, 399, 602
- Thanh Trà (thôn) : 620
- Thanh Trì (huyện) : 363, 619, 714, 747, 951, 963, 964, 965
- Thanh Trì hương lỵện* : 503
- Thanh Trúc (thôn) : 874
- Thanh Yên (thuyền) : 362, 738
- Thành hoàng (miếu) : 25, 35, 173, 185, 359, 387, 444, 445, 474, 709, 813, 914, 923
- Thành Sơn (núi) : 142, 291, 358, 639
- Thánh chế Bắc tuần thi tập* : 339
- Thánh chế thi (sơ tập)* : 385, 430

- Thánh chế thi văn : 448
 Thánh Duyên (chùa) : 586, 739
 Thánh đức thần công (bia) : 190
 Thao (sông) : 330, 476, 928, 964, 966
 Thảo Đà (lò cá) : 869
 Thát Bái (bãi) : 430
 Thăng Ba (phủ) : 101
 Thăng Bình (phủ) : 101
 Thăng Công nam : 1031, 1042
 Thân Văn Nhiếp : 216, 1066
 Thân giao (thuyền) : 304, 674, 758
 Thân hàn (ấn) : 243, 286, 617
 Thân uy phục viễn đại tướng quân (súng) :
 1032, 1034, 1041, 1042
 Thân Cẩn (phường) : 912
 Thận Trai tiên sinh : 198, 514, 612, 690
 Thập Bát (bến tàu) : 539
 Thát Sơn : 248, 249, 274, 275, 279, 280, 282,
 288, 302, 314, 322, 325, 346, 352, 354,
 355, 361, 371, 372, 396, 425, 934
 Thát Tuyên (huyện) : 101
 Thế lệ về những người theo hầu hoàng thân,
 công chúa : 609
 Thi Đình : 163, 357, 373, 477, 497, 604, 906,
 907, 1008, 1009, 1010
 Thi Hội : 35, 54, 120, 169, 211, 267, 356,
 357, 374, 431, 477, 478, 544, 582, 595,
 604, 699, 700, 701, 813, 856, 881, 897,
 905, 906, 907, 950, 953, 982, 995, 1009,
 1010, 1051, 1055, 1056, 1075
 Thi Hương : 35, 54, 120, 169, 211, 267, 357,
 374, 474, 513, 530, 544, 555, 595, 699,
 700, 813, 881, 906, 907, 950, 952, 1055,
 1056, 1075
 Thi Nại (cửa biển) : 878, 1002
 Thi tập : 125
 Thị Đạm (đôn) : 737, 742
 Thị Lâu : 868
 Thị Mai : 868
 Thị Triều (diện) : 141, 256, 333
 Thị Vạn (sông) : 456
 Thị Vệ (xứ) : 841, 906, 908, 927, 1035, 1044
 Thiên cơ dự triệu (tập thơ) : 29, 55, 189, 203,
 448, 1069
 Thiên Đức (sông) : 331, 955, 964, 965, 967
 Thiên Linh (cửa tuần, xã) : 967
 Thiên Mục (chùa) : 192, 340, 388, 582, 586,
 602, 728, 749, 852, 1046, 1048
 Thiên Nam dư hạ tập : 154, 458
 Thiên Nam thế hệ : 223
 Thiên Phi (diễn thờ) : 728, 871, 1056
 Thiên Phúc (huyện) : 175
 Thiên Phúc (phủ) : 561
 Thiên Thụ (lăng) : 99, 359, 461, 723, 848,
 920, 931, 944, 948, 976
 Thiên Tôn (núi) : 299, 300
 Thiên thượng tướng : 45
 Thiển Môn : 279
 Thiện (thuyền) : 505
 Thiện Hồng (thuyền) : 136
 Thiết Cảng : 298, 417
 Thiết Thành (đôn) : 741, 748, 759, 776, 788,
 820, 833, 947, 973, 974, 992, 1016, 1041
 Thiết Trụ (xã) : 570, 945
 Thiệu Hoá quận vương : 209, 538
 Thiện Phiến (xã) : 570, 714
 Thiệu Phương (vườn) : 23, 125, 203

- Thiệu Trị (tiền) : 137, 970
 Thiệu Trị (40 thứ tiền đồng) : 839
 Thiệu Trị chế tiền : 468
 Thiệu Trị thánh chế thi : 401
 Thiệu Trị thần hàn : 243, 286
 Thiệu Trị thông bảo (tiền) : 89
 Thiệu Trị văn quy : 730, 836, 882, 996
 Thiệu Trị văn quy tự vận hội tập : 705, 730
 Thiệu Vũ (thuyền) : 505
 Thịnh Hội (tổng) : 68
 Thịnh Mục (tổng) : 68
 Thọ Chiển (thôn, xã) : 620
 Thọ Đức (xã) : 620
 Thọ Hạc (thuyền) : 561, 712, 758, 774, 975
 Thọ Khang (điện) : 844
 Thọ Mai (bảo) : 202
 Thọ quốc công : 122, 918, 937, 941
 Thọ Xuân công : 114, 191, 214, 332, 334, 449, 485, 701, 733, 755, 762, 824, 831, 857, 859, 900, 943, 1001
 Thọ Xương (huyện) : 136, 248, 421, 574, 951
 Thổ (người) : 64, 84, 129, 130, 159, 165, 173, 183219, 221, 236, 327, 354, 355, 361, 363, 363, 372, 396, 425, 426, 453, 480, 492, 493, 494, 526, 527, 539, 549, 558, 592, 599, 610, 622, 637, 638, 640, 718, 719, 736, 745, 759, 763, 768, 822, 875, 932, 936, 947, 993, 1014, 1036
 Thốc Sơn (tổng) : 618
 Thông bảo (cục) : 89, 101, 734, 1057
 Thông Bình : 71, 83, 278, 366, 494, 974
 Thông Bình (bảo) : 83, 117
 Thông Bình (đồn) : 251, 263, 280, 281, 310, 311, 366, 720, 737, 1031, 1038
 Thông minh chính trực (câu) : 190
 Thơ ngự chế, tập đầu : 458
 Thơm Linh (tổng, xã) : 620
 Thu Tu (sông) : 212, 213
 Thụ Chiển (tổng, xã) : 620
 Thụ Phúc (tổng, xã) : 620
 Thuận Mang (mỏ vàng) : 715
 Thuận Mỹ : 262, 537, 695
 Thuận An công : 469
 Thuận An (cửa biển) : 431, 505, 517, 587, 628, 629, 692, 727, 728, 739, 871, 872, 875, 887, 1021, 1025
 Thuận An (đồn, trấn) : 117, 195, 511, 680
 Thuận An (phủ) : 441, 618, 619
 Thuận An (thôn) : 200
 Thuận Cảng : 43, 220, 364, 366
 Thuận Châu : 165, 549, 750
 Thuận Đạo (núi) : 1077
 Thuận Nghĩa (thôn) : 68
 Thuận Sơn : 208, 920, 923
 Thuận Sơn (lăng) : 920
 Thuận Sơn (núi) : 920, 931
 Thuận Tĩnh (đảo) : 301
 Thuận Trạch (bến) : 142, 292
 Thuận Trạch (phường) : 852
 Thục An Dương vương (miếu) : 297, 317, 522, 810, 811
 Thuộc Vinh : 509, 643, 644
 Thủy các hà phong : 503
 Thủy Chân Lạp : 1015
 Thủy Cung : 300
 Thủy tạ phong quang : 543
 Thủy Vĩ (châu) : 451, 587, 639, 640, 641, 750

- Thủy Xá (nước) : 92, 93, 172, 198, 515, 688, 811, 841, 847, 848, 853, 858, 864, 929, 942, 1075
- Thủy Ba (núi) : 88
- Thủy Vân (huyện) : 176, 177
- Thủy Vân (núi) : 88, 517, 871
- Thủy Hồng (thuyền) : 468, 819, 952
- Thủy Khánh (lăng) : 175, 184
- Thủy Lịch (thuyền) : 505
- Thủy Long (thuyền hiệu) : 253, 515
- Thủy Thánh (điện) : 152
- Thủy Thánh (lăng) : 99, 848
- Thuyết Nột : 160, 875
- Thuyết Nột (đôn) : 64, 527
- Thư Quang viên : 228, 497, 542, 603
- Thư Trì (huyện) : 318, 676, 961, 1037
- Thừa An : 286, 290
- Thừa Đức (thôn) : 619
- Thừa Hoan lâu : 224
- Thừa Mỹ : 290
- Thừa Phong (thuyền) : 262
- Thừa Thiên (phủ) : 25, 27, 35, 37, 49, 64, 88, 92, 120, 134, 141, 142, 163, 171, 176, 177, 181, 182, 191, 193, 195, 197, 204, 211, 216, 218, 244, 256, 275, 277, 278, 280, 287, 290, 304, 305, 335, 346, 347, 357, 359, 376, 377, 378, 383, 388, 397, 403, 439, 447, 451, 457, 462, 463, 466, 469, 475, 480, 488, 489, 491, 498, 499, 506, 509, 513, 514, 522, 524, 537, 544, 545, 550, 555, 570, 572, 573, 574, 578, 586, 590, 608, 609, 610, 614, 618, 619, 623, 624, 625, 633, 636, 645, 646, 647, 648, 649, 661, 665, 666, 672, 676, 678, 682, 684, 686, 699, 706, 707, 711, 722, 723, 733, 740, 745, 746, 778, 820, 823, 824, 833, 843, 844, 847, 849, 860, 864, 866, 870, 873, 874, 882, 886, 888, 890, 891, 892, 895, 897, 901, 902, 910, 911, 915, 917, 918, 920, 921, 930, 936, 943, 944, 950, 952, 953, 954, 956, 957, 961, 962, 981, 991, 1004, 1006, 1012, 1024, 1027, 1043, 1044, 1051, 1072
- Thừa Thiên (trường thi) : 211, 216, 376, 377, 513, 514, 544, 555, 833, 901, 902, 915, 952, 1043, 1044
- Thực lục : 7, 240, 241, 270, 437, 579, 580, 664, 751, 901
- Thực lục Chính biên : 6, 7, 9, 10, 579, 580
- Thực lục (sở) : 38
- Thực lục Tiền biên : 5, 7, 579, 580, 663, 664, 1003
- Thực lục Tiền biên và Chính biên : 6, 394
- Thương Nhữ (núi) : 432
- Thường Mậu viên : 224, 411, 475, 497, 501, 502, 529, 532, 553, 674, 707, 1048
- Thường Thanh viên : 224, 859
- Thường Tín (công) : 66, 174, 450, 507, 578
- Thường Tín (phủ) : 1057
- Thường Xuân (châu) : 174, 618, 639, 750
- Thượng (thôn) : 619, 620, 626
- Thượng Kế (châu) : 165, 349, 570, 582, 599, 690
- Thượng Nguyên : 434, 740
- Thượng tứ (vệ) : 564
- Thượng tứ (viện) : 55, 352, 449, 452, 665, 669, 689, 767, 843, 850, 863, 904

TR

- Trà Bông : 303
 Trà Bông (rừng) : 279
 Trà Cầu : 83
 Trà Cú (sông chánh) : 183
 Trà Cú (xứ) : 117, 183, 212, 213, 234, 236
 Trà Điều (sốc) : 222
 Trà La : 102
 Trà Long : 84, 264, 437, 545, 455, 495, 592, 602, 761
 Trà Lý (đồn canh) : 170
 Trà Mạt (sông) : 742
 Trà Nhu : 457
 Trà Nục (xứ) : 141
 Trà Sơn (núi) : 670
 Trà Sơn (vụng) : 248, 759, 967, 975, 976, 990, 1002
 Trà Tâm (sốc) : 95, 124, 140, 221, 250
 Trà Thiết (sốc) : 124
 Trà Tri Mê : 641, 736
 Trà Vinh (đồn) : 117, 124, 148, 158, 159, 181, 183, 212, 213, 236, 279, 359, 622, 668
 Trai ung : 91, 236, 578, 995
 Trai dũ tịch hà : 502
 Trai tả thư hoài : 543, 602
 Tràm (hòn) : 372
 Trang Nghiêm (chùa) : 738
 Trang Tường : 468
 Tráng Liệt tử : 1031, 1041, 1047
 Tráng Tiệp (ấp) : 852
 Trạng Siêu : 734
 Tranh Xuyên (sông) : 537
 Trần Bản : 392, 393, 435
 Trần Bảo Thu : 1052
 Trần Bảo Thư : 396
 Trần Bảo Thứ : 479
 Trần Bưu : 200
 Trần Công Bình : 343
 Trần Công Điều : 405
 Trần Công Kế : 556
 Trần Công Phúc : 157
 Trần Công Soạn : 514, 583
 Trần Dật : 516, 689, 728, 734
 Trần Di : 582
 Trần Duy Đĩnh : 741
 Trần Duy Hoà : 922
 Trần Đại Bản : 48, 395
 Trần Đại Cư : 805
 Trần Đại Hoan : 179, 180
 Trần Đăng Chí : 48, 499, 545, 599, 962
 Trần Đình Ân : 738
 Trần Đình Cẩm : 903
 Trần Đình Côn : 514
 Trần Đình Điều : 903
 Trần Đình Giảng : 738
 Trần Đình Hưng : 420, 951
 Trần Đình Mỹ : 1072
 Trần Đình Ngạn : 434
 Trần Đình Ngử : 902
 Trần Đình Túc : 376

- Trần Đình Tráng : 903
 Trần Đức : 184
 Trần Đức Hoà : 353, 354
 Trần Đức Hoàn : 922
 Trần Đức Sĩ : 903
 Trần Đức Tế : 118, 126
 Trần Đức Vượng : 418
 Trần Hiến Doãn : 183, 213, 214
 Trần Hồng : 158, 159, 181, 236
 Trần Huy : 18
 Trần Huy Côn : 922
 Trần Huy Phác : 28, 78, 182, 294, 359, 388, 431
 Trần Huy Sán : 17
 Trần Hưng : 140
 Trần Hưng Biểu : 64, 158, 476, 832
 Trần Hưng Đạt : 122
 Trần Hưng Khanh : 244
 Trần Hưng Lý : 832
 Trần Hưng Sơn : 244
 Trần Hưng Thái : 389
 Trần Hữu Lê : 187, 285, 329, 330, 347, 368, 389, 411, 437, 452, 477, 582, 713
 Trần Hữu Thiện : 202
 Trần Hữu Thiệu : 117, 165, 311, 343
 Trần Hữu Thụy : 216, 604
 Trần Hữu Nhâm : 709
 Trần Khắc Tuấn : 514
 Trần Khắc Tuy : 328
 Trần Khoa : 819
 Trần Kim : 321, 322, 534, 708, 740, 815, 1024
 Trần Kim Đĩnh : 952
 Trần Kim Giám : 901
 Trần Kim Long : 499
 Trần Kinh Vĩ : 311, 327, 328, 523, 564, 709, 806
 Trần Lâm : 57, 58, 221, 252
 Trần Long : 1052, 1053
 Trần Lục : 669, 904, 998
 Trần Ngọc Dao : 402, 452, 459, 478, 505, 539, 565, 569, 593, 611, 997
 Trần Ngọc Diễm : 714, 899, 1035
 Trần Ngọc Dư : 404
 Trần Ngọc Giao : 307, 315, 320, 347, 633, 651
 Trần Ngọc Lâm : 78, 127, 158, 239, 306, 374, 387, 451, 530, 587, 1006
 Trần Ngọc Linh : 337
 Trần Ngọc Riêu : 1044
 Trần Ngọc Thu : 235
 Trần Như Thị : 491, 492
 Trần Quang Chiêu : 233
 Trần Quang Chung : 523, 536, 651, 757, 901, 1018, 1053
 Trần Quang Cương : 753, 949
 Trần Quang Giao : 488, 1072
 Trần Quang Quyền : 376
 Trần Quang Quýnh : 18
 Trần Quang Tiến : 263, 621
 Trần Quang Tú : 598, 643, 815
 Trần Quang Trọng : 418
 Trần Quý Kiệt : 343, 388
 Trần Thiện : 229, 263, 329, 343, 397, 399, 451, 537, 835, 861, 924
 Trần Thịnh Trạch : 708

- Trần Thủ Độ (dền thờ) : 903
 Trần Tín : 437
 Trần Tri : 44, 325, 326, 678, 741, 742, 743, 775, 835, 863, 1031, 1042, 1051, 1053, 1074
 Trần Trứ : 301, 339, 357, 387, 615, 714, 715, 774, 787, 820, 844, 864, 920
 Trần Tú Dĩnh : 431, 552, 635, 636
 Trần Tuyên : 117, 124, 125, 178, 202, 249, 769
 Trần Văn Bằng : 932
 Trần Văn Duyên : 196
 Trần Văn Đạo : 451, 528
 Trần Văn Hội : 278
 Trần Văn Lạp : 537
 Trần Văn Luận : 78, 127, 158, 328, 368, 389, 438, 547, 549, 723
 Trần Văn Năng : 85, 740, 1015
 Trần Văn Nguyên : 197, 599, 623, 689, 709, 734, 741, 815, 861
 Trần Văn Ổn : 817
 Trần Văn Tập : 68, 69, 371, 372
 Trần Văn Thịnh : 725, 901
 Trần Văn Thông : 64, 221, 288, 289, 313, 314, 371, 384, 480, 502, 630, 635, 835, 861, 957, 1024, 1026, 1043
 Trần Văn Triện : 102, 163, 253, 395, 568, 761, 771, 1026
 Trần Văn Triệu : 56, 425, 936
 Trần Văn Trung : 78, 157, 198, 264, 307, 330, 331, 375, 423, 451, 459, 486, 630, 732, 774, 871, 921, 992, 1020, 1053
 Trần Văn Tuấn : 197, 264, 319, 382, 518, 587, 594, 621, 676, 753, 832, 850, 883, 994, 1020
 Trần Văn Tuấn : 102, 404, 406, 516
 Trần Văn Tự : 598
 Trần Viết Cát : 732, 960
 Trần Viết Cật : 112, 343, 815, 918, 1026
 Trần Viết Khai : 18
 Trần Vỹ : 119, 163
 Trần Xuân Hoà : 233
 Trần Xuân Khánh : 903
 Trần Xuân Phê : 392, 393, 646, 862
 Trần Xuân Quang : 233, 530
 Trần Xuân Thực : 996
 Trấn Bắc (chùa) : 311
 Trấn Biên (phủ) : 173, 297, 640, 674, 858
 Trấn Biên quận công : 756
 Trấn Bình (cửa) : 895
 Trấn Bình (đài) : 259, 340, 351, 382, 824, 888
 Trấn Dương (đồn) : 1002, 1045
 Trấn Định (phủ) : 173
 Trấn Định quận công : 537, 756
 Trấn Hải (thành) : 403, 506, 545, 872
 Trấn Nam (phủ) : 173
 Trấn Ninh (phủ) : 173, 297, 362, 415, 588, 638, 639, 674, 721, 821, 845, 858, 926, 1003
 Trấn Quốc (chùa) : 311
 Trấn Tây : 21, 31, 35, 46, 47, 48, 49, 56, 57, 63, 64, 69, 71, 72, 78, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 89, 92, 94, 96, 98, 101, 102, 104, 112, 117, 126, 129, 135, 137, 139, 140, 160, 161, 163, 166, 167, 178, 196, 197, 200, 211, 215, 218, 219, 220, 221, 224, 233,

- 240, 245, 246, 264, 282, 288, 304, 352, 363, 364, 365, 367, 371, 372, 373, 382, 383, 410, 453, 454, 455, 465, 490, 491, 492, 493, 516, 575, 576, 611, 616, 641, 670, 671, 689, 713, 726, 729, 735, 736, 759, 760, 761, 762, 763, 765, 766, 767, 771, 772, 774, 775, 776, 780, 789, 803, 821, 832, 833, 834, 835, 842, 846, 848, 853, 858, 864, 867, 868, 871, 872, 875, 882, 883, 884, 885, 915, 932, 934, 935, 946, 947, 961, 968, 973, 974, 985, 986, 992, 993, 1004, 1005, 1014, 1015, 1016, 1017, 1019, 1030, 1032, 1033, 1038, 1041, 1045, 1046, 1047, 4062
- Trần Tây (thành) : 30, 45, 69, 80, 87, 92, 97, 101, 117, 123, 129, 135, 139, 160, 161, 194, 196, 214, 218, 233, 410, 571, 884, 932, 947, 952, 973, 974, 992, 1015, 1016, 1046
- Trần Tây (biên giới) : 200, 204, 765
- Trần Thủy (đảo) : 190
- Trần Tĩnh (phủ) : 149, 173
- Trần Tĩnh quận công : 574, 756, 1039
- Trần Uy (đôn) : 161, 199
- Tre (hòn) : 372
- Tri Khê : 747
- Tri lưu liên phương* : 543, 602
- Trí Thắng nam : 1031, 1042
- Triển chinh truy (thợ) : 123
- Triển đao binh (thợ) : 123
- Triển ti (thợ) : 123
- Triển Thân (đền) : 469
- Triều Châu : 437, 638
- Triều Châu (bang) : 457, 821
- Triệu Tấn : 767, 770
- Triệu Tường (làng) : 118
- Triệu Tường (núi) : 298, 299
- Triệu Tường (thành) : 299, 841, 899
- Trình Nữ (xã) : 317
- Trình Thuận (thôn) : 619
- Trình Thụy : 468
- Trình Tường (xã) : 620
- Trình Lạn (mỏ đồng) : 587
- Trình Nho : 536, 542, 569, 622, 642, 649, 681, 753, 951
- Trình Văn Châu : 432
- Trịnh Đình Thanh : 638
- Trịnh Lý Hanh : 922, 995, 1010
- Trịnh Ngọc Lâm : 162, 403, 420, 499, 547, 573, 711, 820, 864, 873
- Trịnh Nho :
- Trịnh Quang Khanh : 116, 162, 170228, 263, 318, 540, 564, 703
- Trịnh Thế Dự : 805
- Trịnh Thị Niên : 388
- Trịnh Văn Nho : 112, 136, 252
- Trịnh Xuân Thường : 17, 530, 922, 995, 1010
- Trôi (sông) : 964
- Tru Khê (trại) : 644
- Trúc Thành (cửa) : 529
- Truy Tư (trại) : 191
- Trung Đan : 142, 290
- Trung Đạo (cầu) : 28, 190
- Trung Hưng (miếu) : 591, 876, 877, 878, 879
- Trung Lạp : 616
- Trung nghĩa (đền) : 823

- Trung Quốc: 132, 209, 220, 221, 318, 319, 333, 344, 363, 402, 451, 476, 529, 538, 541, 573, 583, 687, 710, 818, 837, 866, 910, 919, 929, 945, 949, 961, 963, 970, 972, 998, 1009, 1026, 1069
 Trung Thăng (ải) : 102, 696
 Trung Tiết (miếu) : 876, 877, 879
 Trung Trinh (tên thụy) : 751
 Trung Túc (tên thụy) : 378
 Trùng Khánh (phủ) : 476, 639, 640, 652, 924
 Trục Kỳ : 155, 173, 211, 301, 486, 537, 619, 676, 682, 684, 776, 873
 Trùng quốc công (miếu thờ) : 48, 256, 298, 339, 522
 Trùng Tâm (hồ) : 190
 Trùng Tĩnh (phường) : 940
 Trương Cẩm : 253, 343, 380, 716, 1022
 Trương Công Bình : 770
 Trương Công Cẩm : 392
 Trương Công Đạo : 923
 Trương Công Mật : 392
 Trương Đăng Đệ : 49, 396, 564, 577, 600, 635, 774, 817, 826, 827, 905, 959, 1006, 1007
 Trương Đăng Quế : 15, 21, 29, 37, 39, 40, 50, 52, 55, 91, 99, 119, 125, 127, 128, 129, 130, 135, 153, 163, 178, 179, 187, 191, 201, 204, 205, 209, 216, 218, 219, 223, 232, 233, 238, 241, 243, 244, 260, 261, 285, 286, 289, 294, 296, 298, 318, 330, 332, 342, 351, 352, 362, 373, 374, 378, 379, 381, 389, 394, 395, 399, 401, 410, 417, 432, 442, 444, 445, 460, 485, 490, 497, 518, 534, 543, 559, 570, 572, 576, 578, 579, 581, 604, 616, 624, 626, 632, 633, 663, 664, 704, 717, 731, 740, 760, 785, 790, 816, 819, 825, 843, 848, 853, 857, 860, 864, 868, 874, 875, 877, 882, 900, 910, 943, 944, 948, 953, 960, 976, 977, 980, 985, 994, 995, 1001, 1010, 1019, 1037, 1040, 1041, 1043, 1044, 1046, 1074, 1076
 Trương Đăng Trinh : 216, 217, 356, 373
 Trương Đăng Trụ : 632, 633
 Trương Đình Hội : 921
 Trương Đình Nghi : 342
 Trương Đình Quang : 734
 Trương Đức Bản : 528
 Trương Đức Lân : 901
 Trương Đức Phổ : 592
 Trương Hán Siêu : 300
 Trương Hảo Hợp : 179, 217, 329, 333, 388, 393, 414, 450, 504, 538, 583, 711, 905, 960, 1043
 Trương Hoà Sát : 851
 Trương Minh Đức : 216
 Trương Minh Giảng : 41, 42, 45, 46, 56, 63, 64, 69, 71, 84, 85, 87, 93, 95, 126, 129, 137, 139, 178, 218, 220, 726, 968, 1015
 Trương Minh Thi : 220
 Trương Phúc Ân : 360
 Trương Phúc Công : 415
 Trương Phúc Lý : 588
 Trương Phúc Thuý : 367
 Trương Phúc Trường : 391, 460, 534, 836, 941, 959, 1024, 1026
 Trương Quốc Dụng : 16, 24, 48, 147, 240, 244, 286, 295, 315, 340, 343, 374, 387,

- 397, 418, 478, 488, 516, 530, 531, 543,
569, 620, 633, 716, 825, 860, 873, 882,
915, 922, 995, 1006, 1043
- Trương Quốc Hiền : 295, 1006
- Trương Thái Bảo : 1076
- Trương Thấu : 233
- Trương Thế Hiển : 594
- Trương Thiên Sự : 317
- Trương Thị Cận : 926
- Trương Thị Khách : 380
- Trương Thuấn Dân : 979
- Trương Tịch : 978
- Trương Tiến : 159, 212, 234, 250, 534, 651,
673, 771, 775, 992, 1014, 1022, 1031
- Trương Tiến Sĩ : 48, 82, 121, 137, 139, 163,
216, 217, 348
- Trương Tiến Trung : 736
- Trương Tín : 903, 906
- Trương Tuấn Khải : 901
- Trương Trịnh : 923
- Trương Văn Tài : 135
- Trương Văn Thụy : 960
- Trương Văn Tri : 594
- Trương Văn Tùng : 633, 790
- Trương Văn Uyển : 45, 71, 83, 251, 278, 280,
289, 380, 384, 451, 456, 546, 572, 594,
620, 708, 722, 732, 806, 906, 918, 996
- Trường An (phủ nha) : 293, 744
- Trường An (xã) : 810
- Trường Cơ (lăng) : 147, 157
- Trường Diên : 147
- Trường Dục (lũy, xã) : 352
- Trường Định (phủ lý) : 545, 639, 716
- Trường Khánh : 545, 639, 1001
- Trường Khánh công : 20, 21, 24
- Trường Lộc (thôn) : 147, 148
- Trường Mậu : 147
- Trường Ninh (cung) : 572, 844
- Trường Phong : 147, 506
- Trường Phụ (thuyền) : 505
- Trường Thái : 147
- Trường Thanh (lăng) : 184
- Trường thi võ ở Kinh đô : 881, 888, 903
- Trường Thiệu : 147
- Trường Thu (cung) : 145

U

- Uy Dương (xứ) : 234, 236
- Uy quốc công : 751, 755
- Uy Viên (đôn) : 117
- Uyên Trưng : 389
- Ứng Phúc : 754, 782
- Ứng Hoà (phủ) : 1057
- Ứng Lôi : 570, 714
- Ứng Trị Tượng : 424

V

- Vạn Ninh (châu) : 488, 598, 639, 694, 708,
 750, 803, 994, 1007, 1026, 1052
 Vạn Ninh (thuế quan) : 709
 Vạn Phúc (lâu) : 511, 680, 839, 844
 Vạn thọ vô cương (ấn) : 265
 Văn Bàn (châu) : 639, 640, 641, 750
 Văn Chính : 690
 Văn Giang (kho) : 441
 Văn Giang (sông) : 964, 965
 Văn kiến tùng thoại : 293
 Văn miếu : 50, 233, 474, 521, 529, 809, 813,
 910, 911, 1048
 Văn Minh (điền) : 23, 24, 133, 156, 228, 233,
 235, 277, 353, 357, 442, 448, 516, 528,
 541, 552, 596, 617, 791, 831, 841, 920,
 931, 949, 954, 963, 1012
 Văn quy : 781, 882, 883, 980, 1050
 Văn quy tự vận : 705, 715, 730
 Văn thơ vua làm : 749
 Văn Thai (xã) : 927, 1007
 Văn Trương : 537, 565
 Văn vua làm (bản khắc) : 838, 864, 870
 Văn Xá (làng, xã) : 37, 112, 152, 785, 858,
 918
 Văn Ý (kho) : 569, 687
 Văn Bằng (thuyền) : 975
 Văn Điều (thuyền) : 431, 758
 Văn Phi (thuyền) : 628, 629, 758
 Văn Trung : 431, 558, 638, 729, 744
 Vạn phủ : 704, 705, 715, 781, 882, 977, 980,
 981, 1050
 Vĩ Liệt (xã) : 619
 Vị Hoàng (bến, cửa) : 149, 694
 Vị Lại : 1034
 Vị Phi : 758
 Vị Thủy : 371
 Vị Xuyên (châu, huyện) : 441, 639
 Viên Quang (tổng) : 619
 Viên Sơn (chùa) : 123
 Viên Tôn (chùa) : 201
 Viên Tông (chùa) : 123
 Việt âm toàn tập : 458
 Việt Đông (tỉnh) : 759
 Vinh An (phường) : 912
 Vinh Bích (đồn) : 737, 742, 987, 1016, 1031
 Vinh Ấm (vườn) : 137, 543, 820
 Vinh Châu (phố) : 437
 Vinh Diên (lăng) : 831
 Vinh Diển (đồn) : 282, 323
 Vinh Điện (huyện) : 600, 639, 653
 Vinh Định (huyện) : 57, 179, 393
 Vinh Định (sông) : 291, 416, 417, 495
 Vinh Gia : 141, 248
 Vinh Giai : 773
 Vinh Hà (sông) : 162
 Vinh Hải (thuyền) : 292
 Vinh Hậu (sông) : 568
 Vinh Hoà : 549, 588, 639
 Vinh Lệ (vườn) : 542, 820
 Vinh Liệt : 92, 688
 Vinh Long : 47, 56, 98, 117, 123, 125, 139,
 171, 194, 196, 205, 214, 215, 220, 221,
 222, 224, 232, 237, 246, 248, 249, 251,
 252, 279, 281, 289, 303, 304, 305, 312,
 322, 323, 336, 345, 348, 350, 359, 366,
 367, 369, 374, 379, 384, 385, 410, 424,

- 425, 429, 431, 432, 465, 479, 480, 481,
490, 491, 516, 530, 532, 535, 546, 550,
560, 572, 593, 598, 610, 614, 619, 622,
637, 641, 642, 655, 662, 668, 672, 697,
699, 713, 723, 724, 725, 732, 736, 737,
750, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 767,
768, 769, 771, 774, 775, 780, 787, 789,
803, 820, 821, 835, 842, 856, 863, 912,
916, 922, 923, 925, 945, 946, 949, 956,
986, 989, 992, 994, 1005, 1015, 1016,
1017, 1022, 1026, 1032, 1035, 1047,
1071, 1072
- Vĩnh Lộc (bảo) : 202
- Vĩnh Tế (sông) : 141, 159, 248, 250, 251,
252, 274, 280, 282, 288, 289, 303, 304,
311, 316, 322, 323, 324, 325, 326, 356,
366, 372, 375, 501, 502, 612, 675, 833,
884, 917, 986, 987, 1016, 1047
- Vĩnh Thái (lăng) : 184
- Vĩnh Thanh : 147
- Vĩnh Thành (đôn) : 636, 986
- Vĩnh Thịnh (thôn) : 869
- Vĩnh Thọ (thôn) : 620
- Vĩnh Thọ hầu : 511
- Vĩnh Thông (bảo, đôn, quân thứ) : 141, 162,
179, 199, 247, 248, 251, 252, 274, 280,
303, 316, 322, 323, 372, 884
- Vĩnh Thuận (huyện) : 136, 248, 574, 620,
951
- Vĩnh Trạch (vườn) : 23, 476, 752
- Vĩnh Trị (huyện) : 124, 125, 148, 159, 622
- Vĩnh Trinh (thôn) : 620
- Vĩnh Trung nam : 1031, 1035, 1047
- Vĩnh Truy nam : 1042
- Vĩnh Trường (thôn) : 148, 279
- Vĩnh Tú (vườn) : 542, 820
- Vĩnh Tuy (huyện) : 441, 557, 639, 721
- Vĩnh Tư (điền) : 115, 133, 136, 151, 155,
157, 185, 209, 210
- Vĩnh Tường (phủ) : 131, 994
- Vĩnh Tường quận vương : 755
- Vĩnh Xương : 806, 963
- Vọng Các (thành) : 410
- Vũ công (tập thơ) : 1060, 1067
- Vũ Công (huyện) : 583
- Vũ Công Độ : 620, 982, 1035
- Vũ công lương khí (súng) : 608
- Vũ Danh Thạc : 240
- Vũ Danh Thiện : 805
- Vũ Danh Trì : 79, 175, 375, 451, 556, 557,
583
- Vũ Danh Tứ : 668
- Vũ Doãn Cung : 49, 78, 233, 339, 382, 451,
523, 708, 722
- Vũ Doãn Thanh : 216
- Vũ Duy Cẩn : 417
- Vũ Duy Hàn : 388, 917
- Vũ Duy Ninh : 815, 846, 921, 976, 990, 1024
- Vũ Duy Quang : 403, 996, 1051
- Vũ Duy Tân : 131, 573
- Vũ Duy Thanh : 530
- Vũ Duy Thành : 583
- Vũ Duy Trinh : 1043
- Vũ Duy Tư : 620
- Vũ Duy Ý : 530
- Vũ Đăng Khoa : 817
- Vũ Đình : 620

- Vũ Đình Đàm : 181, 232, 280, 326, 348, 379, 385, 441
 Vũ Đình Thanh : 149
 Vũ Đình Thoa : 1072
 Vũ Đình Uyên : 240, 646
 Vũ Đình Ý : 343, 873, 940, 1024
 Vũ Đức Khuê : 197, 317, 334, 348
 Vũ Đức Nhu : 182, 295, 296, 308, 347, 375, 413, 488, 489, 498, 506, 570, 590, 711
 Vũ Đức Trung : 93, 137
 Vũ Đức Vọng : 19
 Vũ Gia Hội : 565, 566
 Vũ giang thắng tích : 603
 Vũ Hữu Quýnh : 197, 252, 413
 Vũ khố (kho, sở, ty) : 64, 78, 134, 169, 197, 253, 370, 380, 394, 405, 441, 468, 469, 480, 521, 526, 545, 599, 600, 608, 622, 623, 627, 741, 778, 779, 780, 814, 841, 860, 902, 919, 945, 957, 1002
 Vũ Kim Đĩnh : 478
 Vũ Lao hầu : 41, 281, 373, 632, 860, 941, 990, 1013
 Vũ Nhai (châu) : 615, 639
 Vũ Phạm Châu : 403
 Vũ Phạm Đàm : 295, 1006
 Vũ Phạm Khải : 16, 48, 78, 122, 163, 192, 199, 241, 286, 295, 343, 579, 615, 731, 751, 781, 825, 861, 882, 887, 902, 958, 978, 980, 984, 996, 1006, 1037, 1046, 1050, 1051, 1066
 Vũ Quýnh : 516, 732, 918, 960, 1050
 Vũ Thành : 309, 753, 962, 963
 Vũ Thành Doãn : 1044
 Vũ Thành Phong : 82
 Vũ thành thực lục : 1064
 Vũ Trọng Bình : 79, 119, 263, 343, 420, 451, 465, 620, 642, 692, 697, 815, 817, 861, 994, 1018
 Vũ Tuấn : 49, 233, 260, 277, 296, 369, 378, 382, 398, 621, 635, 723, 861, 922, 923, 955, 996, 1007
 Vũ Văn Bằng : 527
 Vũ Văn Cán : 849
 Vũ Văn Công : 342
 Vũ Văn Dao : 344
 Vũ Văn Dật : 514
 Vũ Văn Duệ : 392
 Vũ Văn Đàn : 392
 Vũ Văn Đầu : 126
 Vũ Văn Đàng : 488
 Vũ Văn Điểm : 983, 984
 Vũ Văn Điển : 1072
 Vũ Văn Giải : 41, 119, 136, 187, 192, 233, 238, 244, 285, 286, 297, 298, 310, 332, 342, 349, 381, 418, 426, 469, 504, 505, 515, 563, 581, 588, 589, 604, 627, 628, 629, 633, 647, 673, 696, 705, 707, 735, 738, 743, 748, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 771, 774, 820, 821, 833, 835, 871, 872, 875, 883, 884, 915, 916, 932, 934, 935, 936, 946, 961, 973, 974, 985, 986, 991, 993, 1013, 1014, 1016, 1017, 1019, 1022, 1030, 1031, 1035, 1041, 1047, 1074, 1076
 Vũ Văn Hiệu : 901, 995, 1010
 Vũ Văn Hoàng : 787
 Vũ Văn Kỳ : 424
 Vũ Văn Lý : 119, 163, 1046

- Vũ Văn Phương : 424
 Vũ Văn Trí : 349, 431, 543, 564, 941, 984
 Vũ Văn Trị : 997
 Vũ Văn Tô : 571
 Vũ Văn Tuấn : 17, 478, 497
 Vũ Văn Từ : 83, 187, 285, 310, 343, 344, 426, 581
 Vũ Vĩ (xã) : 620
 Vũ Viết Kiểm : 538
 Vũ Viết Sĩ : 78, 127, 244, 550
 Vũ Vịnh : 328, 452, 527
 Vũ Xá tử : 1031, 1042, 1047
 Vũ Xuân Ân : 921
 Vũ Xuân Cẩn : 37, 41, 78, 91, 119, 149, 168, 172, 178, 191, 192, 199, 201, 217, 218, 219, 223, 231, 238, 239, 241, 261, 277, 329, 332, 333, 368, 375, 380, 399, 403, 404, 428, 442, 445, 490, 527, 598, 632, 633, 711, 740, 751, 810, 819, 844, 857, 860, 874, 900, 921, 941, 948, 1019, 1035
 Vũ Xuân Dương : 923
 Vũ Xuân Sai : 1044
 Vụ phi (thuyền) : 627
 Vững Biệt (xứ) : 158, 181
 Vững Liên (sóc) : 181
 Vương Hữu Quang : 121, 239, 307, 418, 423, 504, 538, 573, 711, 905, 920, 945, 984, 996, 1008, 1018, 1035
 Vương mệnh bài : 408, 707
 Vương Phục Hưng (người Thanh) : 849
 Vương Quang Mỹ : 149

X

- Xa Hồ (huyện) : 640, 821
 Xa Lý (xã) : 618
 Xa Văn Chấn : 199, 549
 Xà Bàn : 309, 371
 Xà Nộn : 102
 Xà Năng (tấn) : 45, 93, 94, 138
 Xế chuyên (thợ) : 123
 Xích Mao (nước Anh) : 115, 345, 456, 566, 670
 Xích Thổ (nước) : 204
 Xiêm (nước) : 10, 21, 30, 31, 40, 42, 43, 46, 69, 71, 84, 85, 86, 90, 93, 94, 96, 108, 129, 139, 161, 163, 167, 178, 204, 205, 214, 220, 221, 240, 250, 252, 267, 274, 279, 280, 289, 302, 303, 312, 313, 314, 316, 321, 322, 323, 324, 345, 346, 365, 366, 372, 375, 383, 410, 453, 454, 455, 456, 469, 490, 491, 493, 501, 571, 616, 641, 642, 670, 671, 672, 678, 689, 718, 719, 720, 726, 736, 742, 743, 759, 760, 761, 762, 763, 765, 767, 768, 771, 772, 775, 787, 789, 819, 820, 821, 833, 834, 868, 871, 872, 875, 883, 915, 932, 933, 934, 935, 936, 946, 947, 969, 973, 986, 987, 988, 993, 1001, 1004, 1015, 1016, 1017, 1018, 1029, 1030, 1033, 1036, 1040, 1041, 1047, 1062
 Xiêm La (nước) : 8, 104, 204, 611, 854, 988, 993, 1004, 1015, 1032, 1036, 1061, 1064

Xiêm La Hộc (nước) : 204
 Xiêm Lạp : 161
 Xiêm Lạp : 516, 1014
 Xiêm Man : 221, 364, 372
 Xiêm Thổ : 324, 352

Xoài Bột : 184
 Xoài Lau : 184
 Xoài Tốn : 248
 Xoài Xiêm : 183, 184, 212
 Xước Mít : 565

Y

Y (giặc) : 69
 Y Bích (cửa biển) : 572, 641
 Y Giá Non : 946
 Y Lê Viết Ca : 453
 Ý La : 158
 Ý Sơn (núi) : 190
 Yêm : 355, 361, 364, 366, 425, 761
 Yêm La Kiên : 455
 Yếm : 84, 85, 160, 161, 178, 214, 218, 219,
 249, 264, 426

Yên Kinh : 28, 306, 905
 Yên Mỹ (bãi) : 426
 Yên Ninh (phủ) : 457
 Yên Phi (thuyền) : 627, 628, 629, 758
 Yên Sơn (bạn) : 902
 Yên Sơn (đồn) : 680
 Yên Sơn (huyện) : 902
 Yết (giặc) : 69

MỤC LỤC

CHÍNH BIÊN - ĐỆ TAM KỶ THỰC LỤC VỀ HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

	<i>Trang</i>
- Quyển thủ	5
- Quyển I (1841).....	20
- Quyển II (1841)	33
- Quyển III (1841).....	51
- Quyển IV (1841).....	73
- Quyển V (1841).....	89
- Quyển VI (1841).....	113
- Quyển VII (1841)	132
- Quyển VIII (1841)	151
- Quyển IX (1841).....	171
- Quyển X (1841)	189
- Quyển XI (1841).....	208
- Quyển XII (1841).....	227
- Quyển XIII (1841)	243
- Quyển XIV (1841).....	260

- Quyển XV (1842)	277
- Quyển XVI (1842)	295
- Quyển XVII (1842)	306
- Quyển XVIII (1842)	320
- Quyển XIX (1842)	338
- Quyển XX (1842)	351
- Quyển XXI (1842)	362
- Quyển XXII (1842)	376
- Quyển XXIII (1842)	391
- Quyển XXIV (1842)	403
- Quyển XXV (1842)	416
- Quyển XXVI (1842)	428
- Quyển XXVII (1843)	442
- Quyển XXVIII (1843)	458
- Quyển XXIX (1843)	470
- Quyển XXX (1843)	484
- Quyển XXXI (1843)	497
- Quyển XXXII (1843)	513
- Quyển XXXIII (1843)	525
- Quyển XXXIV (1843)	541
- Quyển XXXV (1843)	552
- Quyển XXXVI (1844)	563
- Quyển XXXVII (1844)	578
- Quyển XXXVIII (1844)	590
- Quyển XXXIX (1844)	604

- Quyển XL (1844)	617
- Quyển XLI (1844)	632
- Quyển XLII (1844).....	645
- Quyển XLIII (1844).....	661
- Quyển XLIV (1844).....	673
- Quyển XLV (1844).....	688
- Quyển XLVI (1844)	704
- Quyển XLVII (1845)	717
- Quyển XLVIII (1845)	731
- Quyển XLIX (1845)	747
- Quyển L (1845).....	763
- Quyển LI 91845).....	773
- Quyển LII (1845)	782
- Quyển LIII (1845)	793
- Quyển LIV (1846)	812
- Quyển LV (1846)	826
- Quyển LVI (1846)	847
- Quyển LVII (1846)	852
- Quyển LVIII (1846)	866
- Quyển LIX (1846)	881
- Quyển LX (1846)	900
- Quyển LXI (1846)	914
- Quyển LXII (1846)	929
- Quyển LXIII (1846)	942
- Quyển LXIV (1847)	954

- Quyển LXV (1847)	968
- Quyển LXVI (1847)	983
- Quyển LXVII (1847)	1000
- Quyển LXVIII (1847)	1013
- Quyển LXIX (1847)	1027
- Quyển LXX (1847)	1040
- Quyển LXXI (1847)	1055
- Quyển LXXII (1847)	1066
Bảng sách dẫn	1078

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại Tp. Đà Nẵng HUỖNH BÁ VÂN
Viện trưởng Viện Sử học TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Biên tập nội dung :

TRẦN THÁI HÀ – BÙI TUYẾT HƯƠNG

Trình bày bìa :

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in và phụ trách phân chữ Hán :

NGUYỄN ĐỨC NHUỆ – NGUYỄN HỮU TÂM

Phụ trách phân Sách dẫn :

NGÔ VŨ HẢI HẰNG

Chế bản :

VIỆN SỬ HỌC

ĐẠI NAM THỰC LỤC - TẬP SÁU

Mã số : 7X409N6-CNB

In 1.200 bản, khổ 16x24cm, tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam-
260 Hùng Vương, Tam Kỳ. Số XB : 67-2006/CXB/5-56/GD. In xong và
nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2007.



50 NĂM
THÀNH LẬP
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

ĐẠI NAM
THỰC LỤC

大南實錄



8 934980 638910



Giá : 189.000đ